Table of Contents – Mục lục

Commentaries and Interpretations by MDR, unless otherwise noted.

Các phần bình giảng và diễn giải do MDR thực hiện, trừ khi có ghi chú khác.

Nguyên văn và Bình giảng về Các Huấn Thị Nhóm dành cho các Đệ tử DINA	(#11 & #12 là các buổi ôn tập)
Text and Commentary of Group Instructions to the DINA Disciples	*(#11 & #12 were review sessions)*
Nguyên văn & Bình giảng #1 về Lời nói đầu của Bà AAB	Nguyên văn và Bình giảng #13 Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử
Text & Commentary #1 on the Forward, by AAB	*Text and Commentary #13 Six Stages of Discipleship*
Nguyên văn & Bình giảng #2 Giới thiệu về cuộc thử nghiệm nhóm	Nguyên văn và Bình giảng #14 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử
Text & Commentary #2 Introduction to group experiment	*Text and Commentary #14 Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship*
Nguyên văn & Bình giảng #3 Huấn thị về công việc, nhật ký tinh thần	Nguyên văn và Bình giảng #15 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử
Text & Commentary #3 Instruction to work, the spiritual diary	*Text and Commentary #15 Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship*

Nguyên văn & Bình giảng #4 Các cấp bậc của người hoạt động, nhu cầu, các ảo cảm	Nguyên văn và Bình giảng #16 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử
Text & Commentary #4 *Grades of workers, need, glamours*	*Text and Commentary #16* *Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship*
Nguyên văn & Bình giảng #5 về các Nhóm hạt giống	Nguyên văn và Bình giảng #17 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử; Giai đoạn II
Text & Commentary #5 *on the Seed Groups*	*Text and Commentary #17* *Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship: Stage II*
Nguyên văn & Bình giảng #6 Các phẩm chất cần có của đệ tử, các câu hỏi	Nguyên văn và Bình giảng #18 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử: Giai đoạn III
Text & Commentary #6 *Disciple qualification, questions*	*Text and Commentary #18* *Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship: Stage III*
Nguyên văn & Bình giảng #7 Công việc và Trách nhiệm của các Đệ tử	Nguyên văn và Bình giảng #19 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử: Giai đoạn IV
Text & Commentary #7 *Work and Responsibility of Disciples*	*Text and Commentary #19* *Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship: Stage IV*
Nguyên văn & Bình giảng #8 Viễn cảm và phụng sự thế gian	Nguyên văn và Bình giảng #20 Tiếp tục Thảo luận về Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử: Giai đoạn V
Text & Commentary #8 *Telepathy and world service*	*Text and Commentary #20* *Continued Discussion on the Six Stages of Discipleship: Stage V*

Nguyên văn & Bình giảng #9 Các mục tiêu chính, mục tiêu nhóm và mục tiêu cá nhân, cùng những điều liên quan đến điểm đạo nhóm	Nguyên văn và Bình giảng #21 Tiếp tục thảo luận về các cấp độ
Text & Commentary #9 *Main, group, and individual objectives and what group initiation involves*	*Text and Commentary #21* *Continued discussion of levels*
Nguyên văn & Bình giảng #10 Tham thiền, sự hình dung, đức khiêm nhường . . .	Nguyên văn và Bình giảng #22 Tổng kết về Công việc của Chân sư Tây Tạng
Text & Commentary #10 *Meditation, visualization, humility . . .*	*Text and Commentary #22* *Summary of Tibetan's Work*
(#11 & #12 là các buổi ôn tập)	#23 Buổi ôn tập
(#11 & #12 were review sessions)	*#23 Review session*

DISCIPLESHIP IN THE NEW AGE - VOLUME I – ĐƯỜNG ĐẠO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI - TẬP I

BY ALICE A. BAILEY

TÁC GIẢ: ALICE A. BAILEY

DEDICATED TO REGINA KELLER

THÂN TẶNG REGINA KELLER

a fellow-disciple who for more than twenty years has walked with me upon the Way

một đệ tử đồng môn đã cùng tôi bước trên Đường Đạo hơn hai mươi năm qua

Regina Keller was the disciple whose initials were RSU (*Restraint* — Strength — Understanding). It was she who was responsible for organizing and overseeing the publication of so many of the A. A. B books. RSU was, in many ways, a very

Regina Keller là người đệ tử có tên viết tắt là RSU (*Tự chế* — Sức mạnh — Thấu hiểu). Chính bà chịu trách nhiệm tổ chức và giám sát việc xuất bản rất nhiều cuốn sách của A. A. B. Về nhiều phương diện, RSU là một đệ tử rất được Chân sư Tây Tạng tin cậy. Sau khi

trusted disciple of the Tibetan. After the death of AAB, she continued active work in the esoteric field, serving as one of the founders of the School for Esoteric Studies. She was influential, as well, in relation to Meditation Mount.

AAB qua đời, bà tiếp tục hoạt động tích cực trong lĩnh vực huyền bí, với tư cách một trong những người sáng lập Trường Nghiên Cứu Nội Môn. Bà cũng có ảnh hưởng đối với Núi Tham Thiền.

Along with AAB, FCD, JWK-P, DHB and RSW, she could be considered a relatively senior disciple, in fact, an advanced disciple. These particular individuals had either taken the third initiation (AAB and FCD with certainty) or were candidates for that initiation.

Cùng với AAB, FCD, JWK-P, DHB và RSW, bà có thể được xem là một đệ tử tương đối cao niên, thực ra là một đệ tử tiến bộ. Những cá nhân này hoặc đã trải qua lần điểm đạo thứ ba (chắc chắn là AAB và FCD), hoặc là ứng viên cho lần điểm đạo ấy.

The rays of RSU were 23-117. Her astrological sign was Capricorn. The Moon was either in Taurus or Aries (most probably Taurus, given some of her physical problems, upon which the Tibetan focussed considerable attention in the attempt to help her achieve freedom). There is a strong possibility that Cancer was her Rising Sign. We will examine her life closely when we undertake the study of her personal instructions.

Các cung của RSU là 23-117. Dấu hiệu hoàng đạo của bà là Ma Kết. Mặt Trăng nằm ở Kim Ngưu hoặc Bạch Dương (rất có thể là Kim Ngưu, xét một số vấn đề về thể xác của bà mà Chân sư Tây Tạng đã dành nhiều sự chú ý nhằm giúp bà thoát khỏi chúng). Rất có thể Cự Giải là Dấu hiệu mọc của bà. Chúng ta sẽ xem xét kỹ cuộc đời bà khi nghiên cứu những huấn thị riêng dành cho bà.

1. FOREWORD – 1. LỜI NÓI ĐẦU

[ix]

[ix]

This book is in many ways unique. Nothing like it has before been published, as far as I know. It contains two series of talks by one of the Masters of the Wisdom to some members of His inner group, and also a series of personal instructions, given by Him to a group of His disciples. Many of these people were unknown to me when they were brought to my notice; some of them I have since met; others I have never met; some I knew well and could understand why they

Về nhiều phương diện, cuốn sách này là độc nhất. Theo tôi được biết, trước đây chưa từng có cuốn sách nào như thế được xuất bản. Sách gồm hai loạt bài nói chuyện của một trong các Chân sư Minh Triết với một số thành viên trong nhóm nội môn của Ngài, cùng một loạt huấn thị riêng mà Ngài dành cho một nhóm đệ tử của Ngài. Nhiều người trong số này tôi chưa hề biết khi họ được giới thiệu cho tôi; về sau tôi đã gặp một số người; những người khác tôi chưa từng gặp; có

had been chosen, knowing that their dedication to the life of the spirit and their love of humanity warranted the choice; one or two were regarded by me as most unsuitable choices but later I altered my point of view and recognised that a wiser mind than mine was responsible for their inclusion in the Ashram. I learnt also that ancient relationships, established in other lives, were also conditioning factors and that some had earned the right to inclusion, even if their spiritual attainments seemed inadequate to the onlooker.

những người tôi biết rõ và có thể thấu hiểu vì sao họ được chọn, vì biết rằng sự tận hiến của họ cho đời sống tinh thần và tình thương của họ đối với nhân loại xứng đáng với sự lựa chọn ấy; có một hoặc hai người tôi từng cho là những lựa chọn hết sức không phù hợp, nhưng sau đó tôi đã thay đổi quan điểm và nhận ra rằng một trí tuệ sáng suốt hơn tôi đã quyết định việc tiếp nhận họ vào ashram. Tôi cũng học được rằng những mối quan hệ từ xa xưa, được thiết lập trong các kiếp sống khác, cũng là những yếu tố tạo ảnh hưởng, và rằng một số người đã giành được quyền gia nhập, dù những thành tựu tinh thần của họ có vẻ chưa đủ trong mắt người ngoài.

1. AAB begins her introduction on a note of humility. One can, however, feel the directness or her first ray mind.

1. AAB mở đầu phần giới thiệu với một âm điệu khiêm nhường. Tuy nhiên, người ta có thể cảm nhận tính thẳng thắn của thể trí cung một của Bà.

2. Long before their work together in the 20th century, the Tibetan (as a guiding and senior disciple) had supervised AAB in an earlier incarnation when she was a Chela in the Light. At the time of the writing of the "Blue Books", the Tibetan had become a Master of the Wisdom (1875) and AAB a senior disciple in the Ashram of the Master K. H. —the Chohan Who is also the Tibetan's Master.

2. Rất lâu trước khi hai vị cùng làm việc trong thế kỷ 20, Chân sư Tây Tạng (với tư cách một đệ tử cao niên và người hướng dẫn) đã giám sát AAB trong một kiếp trước, khi Bà là một Đệ tử trong Ánh sáng. Vào thời điểm biên soạn bộ "Sách Xanh", Chân sư Tây Tạng đã trở thành một Chân sư Minh Triết (1875), còn AAB là một đệ tử cao niên trong ashram của Chân sư KH—vị Đế Quân cũng là Chân sư của Chân sư Tây Tạng.

3. When studying the AAB books (eighteen by the Tibetan, four by AAB, and one book, *The Light of the Soul*, a combined labor), one realizes clearly that two distinct psyches are at work—one far more experienced than the other, and each qualified by different ray energies. AAB's scope of understanding (though great compared to that of the average disciple) could not possibly be as comprehensive as that of the Master.

3. Khi nghiên cứu các sách AAB (mười tám cuốn của Chân sư Tây Tạng, bốn cuốn của AAB, và một cuốn, *Ánh Sáng của Linh Hồn*, là công trình chung), người ta nhận ra rõ ràng rằng có hai tâm trí riêng biệt đang hoạt động—một bên có kinh nghiệm hơn bên kia rất nhiều, và mỗi bên đều mang phẩm tính của những năng lượng cung khác nhau. Phạm vi thấu hiểu của AAB (dù rộng lớn so với một đệ tử trung bình) không thể nào bao quát bằng phạm vi thấu hiểu của Chân sư.

4. AAB begins by recognizing the Tibetan's greater insight into the lives of those He had chosen to be part of His outer "groups-of-nine". The lesson to us is clear: it is unwise to judge by appearances. At our present stage of development, we cannot understand the full depth of the human soul—either our 'own' soul or that of 'another' (though, in fact, the Soul is *one.*) Some students whom AAB judged as "most unsuitable" for entry into the Tibetan's outer groups were, in fact, proven to be suitable. The Tibetan simply saw into their natures with greater insight and understanding—as might be expected of a Master of the Wisdom.

4. AAB mở đầu bằng việc thừa nhận Chân sư Tây Tạng thấu suốt hơn về cuộc đời những người mà Ngài đã chọn vào các "nhóm chín người" bên ngoài của Ngài. Bài học dành cho chúng ta rất rõ ràng: phán xét qua vẻ ngoài là thiếu sáng suốt. Ở giai đoạn phát triển hiện nay, chúng ta không thể thấu hiểu trọn vẹn chiều sâu của linh hồn con người—dù là linh hồn của 'chính mình' hay của 'người khác' (dù thực ra Linh Hồn là *một.*) Một số đạo sinh mà AAB đánh giá là "hết sức không phù hợp" để gia nhập các nhóm bên ngoài của Chân sư Tây Tạng, trên thực tế, đã chứng tỏ là phù hợp. Đơn giản là Chân sư Tây Tạng nhìn thấu bản chất của họ với sự sáng suốt và thấu hiểu sâu sắc hơn—đúng như người ta có thể mong đợi ở một Chân sư Minh Triết.

5. Note that AAB speaks of "inclusion in the Ashram". The *Discipleship in the New Age* books, whatever their usefulness to those readers who came later, are essentially communications between a Master and certain junior members of His Ashram (whether *true* members of His Ashram or temporarily "on loan" from the Ashrams of other Masters for the sake of instruction and/or sensitization to the second ray or, simply, service to His Ashram).

5. Hãy lưu ý rằng AAB nói đến việc "gia nhập ashram". Bộ sách *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới* , dù hữu ích đến đâu đối với những độc giả đến sau, về cơ bản vẫn là những trao đổi giữa một Chân sư với một số thành viên sơ cấp trong ashram của Ngài (dù họ là thành viên *thực sự* của ashram Ngài hay tạm thời được "cho mượn" từ ashram của các Chân sư khác để được hướng dẫn và/hoặc trở nên nhạy cảm với cung hai, hoặc đơn giản là để phụng sự ashram của Ngài).

6. We must remember, then, that when reading these books, we are being given a glimpse of *ashramic living*—on several levels. Some communications deal with matters which are central to the functioning of the Ashram, and some with the relatively unimportant task of dealing with a disciple's personal problems, in order to assist him/her to become a more useful member of the Ashram.

6. Vì vậy, chúng ta phải nhớ rằng khi đọc những cuốn sách này, chúng ta đang có được một cái nhìn thoáng qua về *đời sống ashram*—ở nhiều cấp độ. Một số trao đổi đề cập đến những vấn đề cốt yếu đối với hoạt động của ashram, còn một số khác đề cập đến nhiệm vụ tương đối ít quan trọng là xử lý các vấn đề cá nhân của một đệ tử, nhằm giúp người ấy trở thành một thành viên hữu ích hơn của ashram.

7. The role of "ancient relationships" in ashramic inclusion is also interesting. Those

7. Vai trò của "những mối quan hệ từ xa xưa" trong việc gia nhập ashram cũng rất đáng

who were deeply related in former incarnations often continue to be still more deeply related as incarnations come and go. What begin as biological families, may later evolve into 'families' of a different kind—spiritual groups and Ashrams. The quality of relationships established in ancient times is often elevated as incarnations elapse. Those who stand around us now, may in the future do the same, though all will be standing on a considerably higher turn of the evolutionary spiral.

quan tâm. Những người từng gắn bó sâu sắc trong các kiếp trước thường tiếp tục gắn bó sâu sắc hơn nữa khi các kiếp lâm phàm nối tiếp nhau. Những gì khởi đầu là các gia đình có quan hệ huyết thống về sau có thể tiến hoá thành những 'gia đình' thuộc một dạng khác—các nhóm tinh thần và các ashram. Phẩm tính của những mối quan hệ được thiết lập từ xa xưa thường được nâng cao qua các kiếp lâm phàm. Những người hiện đang đứng quanh chúng ta có thể vẫn như thế trong tương lai, dù tất cả sẽ đứng ở một vòng cao hơn đáng kể trên đường xoắn ốc tiến hoá.

8. One of Master D. K.'s disciples, with whom I had many conversations, was entirely convinced that He had been her grandfather in a recent incarnation. One or two things He said to her in her personal instructions make this disciple's presumption at least plausible.

8. Một nữ đệ tử của Chân sư DK, người mà tôi đã trò chuyện nhiều lần, hoàn toàn tin chắc rằng Ngài từng là ông của bà trong một kiếp lâm phàm gần đây. Một hoặc hai điều Ngài nói với bà trong những huấn thị riêng ít nhất cũng khiến giả định của người đệ tử này có vẻ hợp lý.

A good deal of the teaching given is new in form and some of it is new in fact. One point emerges with clarity and that is: the old rules to which disciples have been subjected down the centuries still hold good, but are susceptible of fresh and often different interpretations. The training to be given during the coming New Age will be fitted to their more advanced development. The evolutionary progress—from century to century—presents a steadily ripening and developing human mind upon which the Master can work. The standard of discipleship is consequently as steadily rising. This, in itself, demands a new approach, a wider presentation of truth and the permitting of a greater freedom of action upon the part of the disciple. The time element is also different. In the old days, the Master gave His disciple a hint or a point upon which to ponder and meditate or He

Phần lớn giáo huấn được đưa ra là mới về hình thức, và một phần trong đó thực sự là mới. Có một điểm nổi lên rõ ràng, đó là: những quy luật xưa mà các đệ tử phải tuân theo suốt nhiều thế kỷ vẫn còn hiệu lực, nhưng có thể được diễn giải theo những cách mới mẻ và thường là khác biệt. Sự huấn luyện trong Kỷ Nguyên Mới sắp tới sẽ phù hợp với mức phát triển tiến bộ hơn của họ. Qua từng thế kỷ, tiến bộ trong quá trình tiến hoá mang đến một thể trí con người ngày càng chín muồi và phát triển, để Chân sư có thể tác động lên đó. Do vậy, tiêu chuẩn của địa vị đệ tử cũng không ngừng được nâng cao. Chính điều này đòi hỏi một cách tiếp cận mới, một sự trình bày chân lý rộng hơn và việc cho phép người đệ tử được tự do hành động nhiều hơn. Yếu tố thời gian cũng khác. Ngày xưa, Chân sư cho đệ tử của Ngài một gợi ý hoặc một điểm để suy ngẫm và tham thiền, hoặc Ngài có thể chỉ ra nhu cầu thay

might indicate some need for changed habits of thought. Then the disciple went away—[x] sometimes for years or an entire lifetime—and reflected and thought and attempted to alter his attitudes without any particular sense of pressure. Today, in our speedier times and when the demand of humanity for help is so outstanding, the hint has given place to explanation and the disciple is trusted with information, hitherto withheld. He is regarded as having reached a stage in his unfoldment at which he can make his own decisions and proceed with rapidity, if he so chooses.

đổi một số thói quen tư duy. Sau đó, người đệ tử rời đi—[x] đôi khi trong nhiều năm hoặc cả một kiếp sống—để suy ngẫm, tư duy và cố gắng thay đổi thái độ của mình mà không cảm thấy có áp lực đáng kể nào. Ngày nay, trong thời đại có nhịp sống nhanh hơn của chúng ta, khi nhu cầu được giúp đỡ của nhân loại trở nên hết sức cấp thiết, gợi ý đã nhường chỗ cho sự giải thích, và người đệ tử được tin cậy trao cho những thông tin trước đây chưa được tiết lộ. Y được xem là đã đạt đến một giai đoạn khai mở mà ở đó y có thể tự quyết định và tiến bước nhanh chóng, nếu y lựa chọn như vậy.

1. We come to understand that approaches to spiritual development must remain fluid. While there may be truths which are invariably *true* at all times in all places, approaches to the apprehension and assimilation of those truths will vary with changing civilizations, cultures, eras and the cyclic availability of different astro-rayological energies and forces.

1. Chúng ta dần thấu hiểu rằng các cách tiếp cận sự phát triển tinh thần phải luôn linh hoạt. Dù có thể có những chân lý luôn *đúng* ở mọi lúc, mọi nơi, nhưng các cách tiếp cận để lĩnh hội và tiếp thu những chân lý ấy sẽ thay đổi theo những nền văn minh, văn hoá, thời đại đang biến đổi và theo sự hiện diện theo chu kỳ của những năng lượng và mãnh lực chiêm tinh–cung khác nhau.

2. The attitude of the New Group of World Servers is here emphasized: accept what is good from the past and link it to the new and emerging good. The NGWS, of which all true disciples are members, is a *linking, bridging* group.

2. Ở đây, thái độ của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian được nhấn mạnh: đón nhận những gì tốt đẹp từ quá khứ và liên kết chúng với điều tốt đẹp mới đang xuất hiện. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, mà mọi đệ tử chân chính đều là thành viên, là một nhóm *liên kết, bắc cầu*.

3. Humanity is constantly evolving. Recently its mental nature has undergone considerable stimulation. Methods of spiritual training suitable even a century or two ago are no longer so. The Masters of the Wisdom (adepts) are *adaptable*. The Purpose which animates Them remains constant; their plans, however, often change, coinciding with necessary changes in the Divine Plan and unforeseen changes in

3. Nhân loại không ngừng tiến hoá. Gần đây, bản chất trí tuệ của nhân loại đã nhận được sự kích thích đáng kể. Những phương pháp huấn luyện tinh thần từng phù hợp chỉ một hoặc hai thế kỷ trước nay không còn phù hợp nữa. Các Chân sư Minh Triết (các chân sư) có khả năng *thích ứng*. Thiên Ý thúc đẩy Các Ngài vẫn không đổi; tuy nhiên, các kế hoạch của Các Ngài thường thay đổi, tương ứng với những thay đổi cần thiết trong Thiên Cơ và

humanity.

những thay đổi không lường trước trong nhân loại.

4. Disciples of the modern era have greater independence and individual responsibility than their counterparts of the past. This is a natural outgrowth of the increasing sophistication of the mind.

4. Các đệ tử thời hiện đại có tính độc lập và trách nhiệm cá nhân lớn hơn những đệ tử tương ứng trong quá khứ. Đây là kết quả tự nhiên của việc thể trí ngày càng tinh tế.

5. AAB points to a changing attitude toward time. She tells us that we now live in "speedier" times than did the disciples of past centuries. These remarks by AAB were written in the early 1940's. How much speedier still are our 'times' today! Discipleship training has to *keep pace* with the general acceleration of human living. Fundamentally, it is what we might call the 'planetary tempo' which is increasing, and humanity is simply responding to causative factors affecting the whole in which it is a relatively tiny part.

5. AAB chỉ ra một thái độ đang thay đổi đối với thời gian. Bà cho chúng ta biết rằng hiện nay chúng ta sống trong một thời đại "có nhịp độ nhanh hơn" so với các đệ tử trong những thế kỷ trước. Những nhận xét này của AAB được viết vào đầu thập niên 1940. Ngày nay, 'thời đại' của chúng ta còn có nhịp độ nhanh hơn biết bao! Việc huấn luyện đệ tử phải *theo kịp* sự gia tăng tốc độ chung của đời sống nhân loại. Về cơ bản, điều đang gia tăng là cái mà chúng ta có thể gọi là 'nhịp độ hành tinh', và nhân loại đơn giản đang đáp ứng với những yếu tố nguyên nhân tác động lên toàn thể mà nhân loại chỉ là một phần tương đối nhỏ bé trong đó.

6. As disciples in the modern era, we are presented with a very evident opportunity. Historically, the Christ made the most rapid spiritual progress of all the Sons of Men. Today, however, some are moving as fast as He did. It becomes clear that rapid (yet safe) spiritual development is absolutely necessary if the overpowering need of humanity is to be met.

6. Là những đệ tử trong thời hiện đại, chúng ta đang đứng trước một cơ hội hết sức rõ ràng. Trong lịch sử, Đức Christ đã tiến bộ về tinh thần nhanh nhất trong tất cả những người con của nhân loại. Tuy nhiên, ngày nay có một số người đang tiến nhanh như Ngài đã từng. Rõ ràng, sự phát triển tinh thần nhanh chóng (nhưng an toàn) là tuyệt đối cần thiết nếu muốn đáp ứng nhu cầu vô cùng lớn lao của nhân loại.

7. As part of the new approach to discipleship training, the technique of the "hint" has given way to direct "explanation". Disciples are now trusted with information which hitherto was withheld. There is obviously a risk in this procedure, as information can be misused, and not all who

7. Trong cách tiếp cận mới đối với việc huấn luyện đệ tử, kỹ thuật "gợi ý" đã nhường chỗ cho sự "giải thích" trực tiếp. Giờ đây, các đệ tử được tin cậy trao cho những thông tin trước kia chưa được tiết lộ. Rõ ràng cách làm này có rủi ro, vì thông tin có thể bị sử dụng sai mục đích, và không phải tất cả những

are informed are necessarily entirely stable. So pressing is the need, however, that the risk must be taken.

8. The time equation of disciplic development, therefore, is now very much in the "hands" of the disciple or discipleship group. Our individual progress (and our group progress) can be rapid or slow depending upon our own will, aspiration, intelligence and love—and that of the group.

9. Note the prominence of the energies of Libra and Saturn in AAB's thoughts. The modern disciple can *choose* the intensity of his/her application and his/her rate of speed, whereas disciples of former times were less free to do so.

10. We are told that Saturn is one of the major planets of discipleship. The conditions of discipleship in the New Age make Saturn even more powerful and prominent. This is fitting, as disciples are entering the Aquarian Age through the decanate ruled by Saturn.

11. Because of Saturn's prominence, the "*pressure* is on" in the life of the modern disciple. The times are critical. Discipleship training—never an *easy* process—is, today, far less so.

Certain definite reasons have prompted me to make these instructions available for aspirants everywhere after requesting permission from those who received them. One is the need to bring to the attention of the general public the fact that the Hierarchy exists, that its Members are interested in human progress and that there

người nhận thông tin đều nhất thiết hoàn toàn vững vàng. Tuy nhiên, nhu cầu cấp bách đến mức phải chấp nhận rủi ro ấy.

8. Vì vậy, giờ đây yếu tố thời gian trong sự phát triển của đệ tử phần lớn nằm trong "tay" người đệ tử hoặc nhóm đệ tử. Sự tiến bộ của cá nhân chúng ta (và sự tiến bộ của nhóm chúng ta) có thể nhanh hay chậm tuỳ thuộc vào ý chí, khát vọng, trí thông minh và tình thương của chính chúng ta—cũng như của nhóm.

9. Hãy lưu ý sự nổi bật của các năng lượng Thiên Bình và Sao Thổ trong tư tưởng của AAB. Người đệ tử thời hiện đại có thể *lựa chọn* mức độ chuyên tâm thực hành và tốc độ tiến bộ của mình, trong khi các đệ tử thời trước ít được tự do hơn trong việc này.

10. Chúng ta được cho biết rằng Sao Thổ là một trong những hành tinh chủ yếu của địa vị đệ tử. Những điều kiện của địa vị đệ tử trong Kỷ Nguyên Mới khiến Sao Thổ càng thêm mạnh mẽ và nổi bật. Điều này là phù hợp, vì các đệ tử đang bước vào Kỷ Nguyên Bảo Bình qua thập độ do Sao Thổ cai quản.

11. Do vai trò nổi bật của Sao Thổ, "*áp lực* đang gia tăng" trong đời sống của người đệ tử thời hiện đại. Thời cuộc đang ở giai đoạn then chốt. Việc huấn luyện đệ tử—vốn chưa bao giờ là một tiến trình *dễ dàng*—ngày nay lại càng khó khăn hơn nhiều.

Một số lý do cụ thể đã thúc đẩy tôi công bố những huấn thị này cho những người chí nguyện khắp nơi, sau khi xin phép những người đã nhận chúng. Một lý do là cần giúp công chúng biết đến sự thật rằng Thánh đoàn hiện hữu, rằng các Thành Viên của Thánh đoàn quan tâm đến sự tiến bộ của nhân loại và rằng Các Ngài cung cấp một hệ

is a definitely planned system of training offered by Them which can lead a man out of the human kingdom into the Kingdom of God; that this moving forward upon the Path of Evolution out of the fourth kingdom into the fifth can be brought about consciously, scientifically and with the full consent and cooperation of the aspirant. The day has now come when belief can (and does) give place to knowledge—a knowledge gained through the acceptance of a hypothesis in the first place, a conviction that this hypothesis is backed by adequate testimony and planned experience. The reasoning mind of the disciple can then take the successes and failures he encounters in his training and learn the intended lessons; he finds that progress upon the Path brings a man into closer, conscious touch with Those Who have walked this Way before and that the Way into the Hierarchy is a way of discipline, of increasing enlightenment, of service to his fellowmen and of a growing responsiveness to contacts and to individuals of which the average human being knows nothing.

thống huấn luyện được hoạch định rõ ràng, có thể dẫn dắt con người ra khỏi giới nhân loại để bước vào Thiên Giới; rằng bước tiến này trên Con Đường Tiến Hoá, từ giới thứ tư sang giới thứ năm, có thể diễn ra một cách có ý thức, khoa học, với sự đồng thuận và hợp tác trọn vẹn của người chí nguyện. Nay đã đến lúc niềm tin có thể (và thực sự đang) nhường chỗ cho tri thức—một tri thức có được nhờ trước hết chấp nhận một giả thuyết, với niềm xác tín rằng giả thuyết ấy có đầy đủ bằng chứng và trải nghiệm theo kế hoạch làm cơ sở. Khi đó, thể trí biết suy luận của người đệ tử có thể dựa vào những thành công và thất bại gặp phải trong quá trình huấn luyện để học các bài học đã định; y nhận thấy rằng sự tiến bộ trên Đường Đạo đưa con người đến chỗ tiếp xúc hữu thức và gần gũi hơn với Những Vị đã đi trên Đường Đạo này trước đó, và rằng con đường đi vào Thánh đoàn là con đường của kỷ luật, của sự giác ngộ ngày càng tăng, của việc phụng sự đồng loại và của khả năng đáp ứng ngày càng lớn đối với những sự tiếp xúc và những cá nhân mà người bình thường không biết gì đến.

1. We note that is was AAB who was “prompted” to make the Tibetan’s personal instructions to His disciples available to the general public.

1. Chúng ta lưu ý rằng chính AAB đã được “thúc đẩy” công bố cho công chúng những huấn thị riêng của Chân sư Tây Tạng dành cho các đệ tử của Ngài.

2. Permission was of course asked of the disciples in the various groups-of-nine, and it can be assumed that no one refused. The benefit to future disciples would be far too evident for a conscionable refusal. There were, however, some sensitive matters dealt with by the Tibetan, and some disciples in the group must have had to weigh the preservation of their personal, emotional-psychological comfort against the need of future disciples for the guidance and

2. Dĩ nhiên, các đệ tử trong những nhóm chín người đã được hỏi ý kiến, và có thể cho rằng không ai từ chối. Lợi ích dành cho các đệ tử tương lai quá rõ ràng để một người có lương tâm có thể từ chối. Tuy nhiên, Chân sư Tây Tạng có đề cập đến một số vấn đề nhạy cảm, và một số đệ tử trong nhóm hẳn đã phải cân nhắc giữa việc duy trì sự thoải mái về cảm xúc và tâm lý cá nhân với nhu cầu của các đệ tử tương lai đối với sự hướng dẫn và soi sáng mà việc tiếp cận những huấn thị

illumination which access to their personal instructions would provide.

3. These disciples of the Tibetan were, therefore, presented with *choice;* it appears that the *selfless* choice was made. In any case, anonymity was preserved at the time. Now that the names of some of these disciples are available, there is still no reason to emphasize the person rather than the principle. It is far more meaningful to refer to the disciples by the *initials* which signify their life *keynotes* than by their actual names.

4. We note that one of AAB's reasons for making these instructions more widely available was to bring the Hierarchy to the attention of the general public. The Tibetan always wished that AAB would speak more of the Hierarchy and bring the fact of the Hierarchy more definitely forward. In publishing these instructions, AAB seems to be responding to His wish.

5. Another and most valuable reason for publishing these instructions was to inform people of the sane and systematic discipleship training offered to humanity by the Spiritual Hierarchy. There is so much glamor and illusion surrounding the question of spiritual development. AAB saw the great need to demonstrate that discipleship training is, indeed, a science, and can be pursued wisely and successfully by those who are willing to undertake the needed disciplines and subject themselves to an unavoidable spiritual pressure. (Many of these disciples were, in a sense, overconfident, and found that their ability to withstand the pressure of relatively direct association with a Master was far less than they had imagined.)

riêng của họ sẽ mang lại.

3. Vì vậy, những đệ tử này của Chân sư Tây Tạng đã đứng trước một *sự lựa chọn;* dường như họ đã đưa ra lựa chọn *vô ngã*. Dù sao đi nữa, vào thời điểm ấy, danh tính của họ vẫn được giữ kín. Giờ đây, dù tên của một số đệ tử này đã được biết đến, vẫn không có lý do gì để nhấn mạnh cá nhân thay vì nguyên khí. Việc nhắc đến các đệ tử bằng *những chữ viết tắt* biểu thị các *chủ âm* trong cuộc đời họ có ý nghĩa hơn nhiều so với việc dùng tên thật.

4. Chúng ta lưu ý rằng một trong những lý do của AAB khi phổ biến rộng rãi hơn những huấn thị này là giúp công chúng biết đến Thánh đoàn. Chân sư Tây Tạng luôn mong AAB nói nhiều hơn về Thánh đoàn và nêu bật rõ ràng hơn sự thật về sự hiện hữu của Thánh đoàn. Khi xuất bản những huấn thị này, dường như AAB đang đáp ứng mong muốn của Ngài.

5. Một lý do khác, hết sức có giá trị, để xuất bản những huấn thị này là giúp mọi người biết đến việc huấn luyện đệ tử hợp lý và có hệ thống mà Thánh đoàn cung cấp cho nhân loại. Có quá nhiều ảo cảm và ảo tưởng bao quanh vấn đề phát triển tinh thần. AAB thấy nhu cầu lớn lao phải chứng minh rằng việc huấn luyện đệ tử thực sự là một khoa học, và những ai sẵn lòng thực hành các kỷ luật cần thiết, chấp nhận một áp lực tinh thần không thể tránh khỏi, đều có thể theo đuổi việc huấn luyện ấy một cách sáng suốt và thành công. (Theo một nghĩa nào đó, nhiều đệ tử này đã quá tự tin và nhận thấy khả năng chịu đựng áp lực từ mối liên hệ tương đối trực tiếp với một Chân sư của mình kém xa những gì họ từng hình dung.)

6. The major opportunity presented to humanity today is the opportunity for transition from the fourth kingdom of nature into the fifth—the Kingdom of Souls.

6. Cơ hội lớn lao dành cho nhân loại ngày nay là cơ hội chuyển tiếp từ giới thứ tư trong tự nhiên sang giới thứ năm—Giới Linh Hồn.

The DINA books present a *realistic* approach to this transition, undertaken under the supervision of a true Master of the Wisdom (though neither Master DK nor AAB wished for people to accept the methods presented because a "Master" was supposedly responsible for them).

Bộ sách DINA trình bày một cách tiếp cận *thực tế* đối với sự chuyển tiếp này, được thực hiện dưới sự giám sát của một Chân sư Minh Triết đích thực (dù cả Chân sư DK lẫn AAB đều không muốn mọi người chấp nhận các phương pháp được trình bày chỉ vì cho rằng một "Chân sư" chịu trách nhiệm về chúng).

7. The DINA books are at once realistic and inspiring. Their note of spiritual authority is unmistakable, but it is not an *imposed* authority. The disciple must recognize the truth presented and act accordingly. Any imposition of authority would run counter to the spirit of the new kind of discipleship training.

7. Bộ sách DINA vừa thực tế vừa khơi nguồn cảm hứng. Âm điệu uy quyền tinh thần của bộ sách là điều không thể nhầm lẫn, nhưng đó không phải là một uy quyền *áp đặt*. Người đệ tử phải nhận ra chân lý được trình bày và hành động theo đó. Bất kỳ sự áp đặt uy quyền nào cũng sẽ đi ngược lại tinh thần của hình thức huấn luyện đệ tử mới này.

8. As we examine AAB's presentation of the reasons which prompter her to publish these books, we see an unmistakable appeal to the illumined, reasoning mind, even to the scientific method of hypothesis, experimentation and confirmation. A number of contemporary modes of spiritual training discount the value of the mind. The methods promoted by Master DK and AAB, however, emphasize the mind as the "revealer of the real" rather than the "slayer of the real".

8. Khi xem xét cách AAB trình bày những lý do thúc đẩy Bà xuất bản các sách này, chúng ta thấy một lời kêu gọi rõ ràng hướng đến thể trí được soi sáng và biết suy luận, thậm chí hướng đến cả phương pháp khoa học gồm giả thuyết, thực nghiệm và xác nhận. Một số hình thức huấn luyện tinh thần đương thời xem nhẹ giá trị của thể trí. Tuy nhiên, các phương pháp mà Chân sư DK và AAB đề xướng nhấn mạnh thể trí như "kẻ vén mở cái thực" hơn là "kẻ sát hại cái thực".

A second reason for publishing this book is the need to change the point of view of the general public as to the nature of these Masters Who take pupils and Who, whilst giving them the training needed to enable them to take initiation (as it is called), reach the mass of men through their means. So much stupidity has been demonstrated in

Lý do thứ hai để xuất bản cuốn sách này là nhu cầu thay đổi quan điểm của công chúng về bản chất của các Chân sư nhận môn sinh này, Các Ngài vừa cung cấp sự huấn luyện cần thiết để họ có thể trải qua điều được gọi là điểm đạo, vừa thông qua họ tiếp cận đông đảo nhân loại. Có quá nhiều điều ngu muội đã bộc lộ trong những gì người ta viết và nói

writing and talking about the relationship of Master and disciple that it was felt both by [xi] me and this group of disciples that the sanity, the breadth of vision, the lack of authority, and the understanding evidenced by a Member of the Hierarchy could do nothing but good. We found also that He was quite ready for His instructions to be made public.

về mối quan hệ giữa Chân sư và đệ tử, đến mức cả [xi] tôi lẫn nhóm đệ tử này đều cảm thấy rằng sự sáng suốt, tầm nhìn rộng mở, thái độ không áp đặt uy quyền và sự thấu hiểu mà một Thành Viên của Thánh đoàn thể hiện chỉ có thể mang lại điều tốt đẹp. Chúng tôi cũng nhận thấy Ngài hoàn toàn sẵn lòng cho công bố các huấn thị của Ngài.

1. One can easily and reasonably imagine that Master DK foresaw the future value to the public of His personal instructions to His disciples. Under the Law of Economy, a Master seeks for every expenditure of His energy to do the greatest good for the greatest number. After a while, AAB and the groups of disciples under instruction (so it would seem) came to precisely the same conclusion.

1. Người ta có thể dễ dàng và hợp lý hình dung rằng Chân sư DK đã thấy trước giá trị tương lai đối với công chúng của những huấn thị riêng Ngài dành cho các đệ tử. Theo Định luật Tiết Kiệm, một Chân sư tìm cách để mỗi lần sử dụng năng lượng của Ngài đều mang lại điều tốt đẹp lớn nhất cho số đông nhất. Sau một thời gian, dường như AAB và các nhóm đệ tử đang được hướng dẫn cũng đi đến chính kết luận ấy.

2. AAB describes the quality and value of DK's approach: it possessed "sanity", "breadth of vision", "lack of authority" and "understanding". Contemporary views of the Masters are often so distorted. In DINA I, p. 788, DK, speaking of the Masters, says, "They are not the spectacular and ill-bred people portrayed by the mediocre leaders of many groups…". The Masters are far more humane (and urbane) than even the most highly developed human beings. All virtues appearing in the human family find their flowering in these illustrious individuals.

2. AAB mô tả phẩm tính và giá trị trong cách tiếp cận của Chân sư DK: cách tiếp cận ấy có "sự sáng suốt", "tầm nhìn rộng mở", "thái độ không áp đặt uy quyền" và "sự thấu hiểu". Những quan điểm đương thời về các Chân sư thường bị bóp méo đến vậy. Trong DINA I, tr. 788, khi nói về các Chân sư, Chân sư DK nói: "Các Ngài không phải là những người phô trương và thiếu giáo dưỡng như các lãnh đạo tầm thường của nhiều nhóm mô tả…". Các Chân sư nhân hậu (và nhã nhặn) hơn nhiều so với cả những con người phát triển cao nhất. Mọi đức hạnh xuất hiện trong gia đình nhân loại đều nở rộ nơi những cá nhân kiệt xuất này.

3. Thus, we can say that the appearance of the DINA books, were meant to dissipate glamor and dispel illusion evidenced by prevailing conceptions of the Masters of the Wisdom.

3. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng sự ra đời của bộ sách DINA nhằm làm tiêu tan ảo cảm và xua tan ảo tưởng bộc lộ trong những quan niệm phổ biến về các Chân sư Minh Triết.

4. It is important for people to see *both* the similarities and differences between themselves and the Masters. Usually, they emphasize only the differences. If they see the *similarities*, they will understand that the Masters were once as they are now, and that a sane and proper training will, normally and over time, develop them spiritually until Mastership has been achieved. If people see the *differences* between themselves and the Masters, they will be motivated to *strive* towards Mastership. The "Road" is long, and, without fiery striving, cannot be successfully trodden, nor the goal reached.

4. Điều quan trọng là mọi người phải thấy *cả* những điểm tương đồng lẫn khác biệt giữa chính họ và các Chân sư. Thông thường, họ chỉ nhấn mạnh những điểm khác biệt. Nếu thấy những *điểm tương đồng*, họ sẽ thấu hiểu rằng các Chân sư từng giống như họ hiện nay, và rằng một sự huấn luyện hợp lý, đúng đắn, theo tiến trình thông thường và qua thời gian, sẽ giúp họ phát triển về tinh thần cho đến khi đạt quả vị Chân sư. Nếu thấy những *điểm khác biệt* giữa chính họ và các Chân sư, họ sẽ có động lực *nỗ lực* hướng đến quả vị Chân sư. "Đường Đạo" còn dài, và nếu thiếu sự nỗ lực cháy bỏng thì không thể bước đi thành công trên đó, cũng không thể đạt đến mục tiêu.

A third reason was the desire to make clear a point which is continually emphasised by the Tibetan as it is by all Masters and which is of major importance to every aspirant. Only those who are beginning to come under the influence and the control of their own souls and are, therefore, mentally focussed and attuned, are eligible for the training offered by the Hierarchy. Devotion, emotional reactions and sentiment are not enough. Esoteric training is also an impersonal matter; it is concerned with the development of soul consciousness and with the expansion of that consciousness to include, and not exclude, all forms of life through which pulses the life and love of God. The true disciple is ever inclusive and never exclusive. It is this inclusiveness which is the hallmark of all true esotericists. Where it is lacking you may have an aspirant but you do not have a true disciple. There is far too much exclusiveness extant today among esotericists and in occult schools and too much theological separativeness. It has been felt that this Book of Instructions may do much to offset this

Lý do thứ ba là mong muốn làm sáng tỏ một điểm mà Chân sư Tây Tạng, cũng như mọi Chân sư, liên tục nhấn mạnh và có tầm quan trọng lớn đối với mọi người chí nguyện. Chỉ những ai đang bắt đầu chịu ảnh hưởng và sự kiểm soát của chính linh hồn mình, do đó có sự tập trung và hoà điệu về trí tuệ, mới đủ điều kiện tiếp nhận sự huấn luyện của Thánh đoàn. Lòng sùng tín, những phản ứng cảm xúc và tình cảm thôi chưa đủ. Huấn luyện nội môn cũng là một vấn đề phi cá nhân; việc này liên quan đến sự phát triển tâm thức linh hồn và sự mở rộng tâm thức ấy để bao gồm, chứ không loại trừ, mọi hình thái sự sống mà sự sống và tình thương của Thượng đế đang tuôn chảy qua đó. Người đệ tử chân chính luôn bao gồm và không bao giờ loại trừ. Chính tính bao gồm này là dấu hiệu đặc trưng của mọi nhà bí truyền học chân chính. Khi thiếu điều ấy, có thể đó là một người chí nguyện, nhưng chưa phải một đệ tử chân chính. Ngày nay, có quá nhiều tính loại trừ trong giới bí truyền học và các trường huyền bí, cùng quá nhiều tính chia rẽ về thần học. Người ta cảm thấy rằng Cuốn Sách Huấn Thị này có thể góp phần đáng kể

evil tendency and may help to open the door still wider into the Kingdom of God

vào việc hóa giải khuynh hướng tai hại ấy và giúp mở rộng hơn nữa cánh cửa vào Thiên Giới

1. The third major reason for offering the DINA books to the general public was to emphasize the qualifications necessary for those who seek to avail themselves of the spiritual training offered by Hierarchy.

1. Lý do lớn thứ ba để đưa bộ sách DINA đến với công chúng là nhấn mạnh những phẩm chất cần thiết đối với những ai muốn tận dụng sự huấn luyện tinh thần mà Thánh đoàn cung cấp.

2. Again we come to the necessity for mental focussing and attunement. This is sometimes called "mental polarization". Mistakenly, it is often presumed that one has to be an "intellectual type" to be a true disciple. In fact, many intellectuals are presently unfit for this type of training. Though their minds may be sharp, many are still motivated by powerful unconscious desires, and are astrally polarized rather than mentally polarized. True mental polarization is the ability to hold the mind steady in the light of the soul.

2. Một lần nữa, chúng ta trở lại với sự cần thiết của việc tập trung và hoà điệu về trí tuệ. Điều này đôi khi được gọi là "sự phân cực trí tuệ". Người ta thường lầm tưởng rằng phải thuộc "mẫu người trí thức" mới có thể là một đệ tử chân chính. Thực ra, hiện nay nhiều trí thức chưa phù hợp với loại hình huấn luyện này. Dù thể trí của họ có thể sắc bén, nhiều người vẫn bị những dục vọng vô thức mạnh mẽ thúc đẩy, và phân cực cảm dục hơn là phân cực trí tuệ. Sự phân cực trí tuệ đích thực là khả năng giữ thể trí vững vàng trong ánh sáng của linh hồn.

3. During the Piscean Age, devotion has been highly regarded, and indeed, it is essential. With our passing into the Age of Aquarius, however, it is not devotion that will be emphasized, but the soul-illumined mind. The seventh and fifth rays are coming into prominence rather than the emotional sixth of the Piscean Age, now waning.

3. Trong Kỷ Nguyên Song Ngư, lòng sùng tín được đề cao, và quả thực, đó là điều thiết yếu. Tuy nhiên, khi chúng ta bước vào Kỷ Nguyên Bảo Bình, điều được nhấn mạnh sẽ là thể trí được linh hồn soi sáng thay vì lòng sùng tín. Cung bảy và cung năm đang trở nên nổi bật, thay cho cung sáu thiên về cảm xúc của Kỷ Nguyên Song Ngư hiện đang suy tàn.

4. Then AAB emphasizes the need for *impersonality* and *inclusivity*. To a superficial estimation, these two qualities may seem contradictory, but a little thought will reveal that the attitude of the soul is both loving and impersonal, conducing to a truer appreciation of all human beings and various forms of life. Likes and dislikes (personal matters) play a diminishing role in the attitude of the disciple. The Oneness of

4. Tiếp đó, AAB nhấn mạnh sự cần thiết của *tính vô ngã* và *tính bao gồm*. Thoạt nhìn, hai phẩm tính này có vẻ mâu thuẫn, nhưng chỉ cần suy nghĩ đôi chút sẽ thấy rằng thái độ của linh hồn vừa đầy tình thương vừa vô ngã, giúp chúng ta nhìn nhận đúng đắn hơn về mọi con người và các hình thức sự sống khác nhau. Những điều ưa thích và không ưa thích (những vấn đề cá nhân) ngày càng ít chi phối thái độ của người đệ tử. Tính Nhất

Life is realized; it is an *impersonal* (or, shall we say, a *transpersonal*) realization.

Thể của Sự Sống được nhận ra; đó là một nhận thức *vô ngã* (hay có thể nói là *siêu cá nhân*).

5. AAB is rather strong in discriminating between the aspirant (on the one hand) and the true disciple or esotericist (on the other). It is the degree of *inclusiveness* which is the discriminating factor. A key to inclusivity is the ability to see *likeness, commonality* and *kinship.* An overpowering sense of distinction or difference leads to cleavage and rebuff, and renders the would-be disciple subject to the one great heresy—the "great heresy of separativeness". When "That" which all forms of life have *in common* is understood, seen and *felt,* then inclusiveness has been achieved and true discipleship and esotericism become possible.

5. AAB phân biệt khá dứt khoát giữa một bên là người chí nguyện và bên kia là đệ tử chân chính hoặc nhà bí truyền học chân chính. Chính mức độ *bao gồm* là yếu tố phân biệt. Một chìa khóa dẫn đến tính bao gồm là khả năng nhận thấy *sự tương đồng, điểm chung* và *mối thân thuộc.* Cảm nhận quá mạnh về sự khác biệt hay bất đồng dẫn đến chia rẽ và khước từ, khiến người mong trở thành đệ tử rơi vào một đại tà thuyết duy nhất—"Đại Tà thuyết của tính chia rẽ". Khi "Cái Đó" mà mọi hình thức sự sống đều *cùng có* được thấu hiểu, thấy rõ và *cảm nhận,* thì tính bao gồm đã đạt được, và địa vị đệ tử cùng huyền bí học chân chính trở nên khả hữu.

6. As the major teacher of a prominent school of occultism, AAB knew whereof she spoke when describing the evils of the separativeness existing between the various 'spiritual' schools and organizations. The Masters, we are told, *deplore* this separative attitude. It blocks their work and delays the Reappearance of the Christ.

6. Là huấn sư chủ chốt của một trường huyền bí học nổi tiếng, AAB biết rõ điều mình nói khi mô tả những tác hại của tính chia rẽ giữa các trường phái và tổ chức 'tinh thần' khác nhau. Chúng ta được biết rằng các Chân sư *lấy làm tiếc về* thái độ chia rẽ này. Nó cản trở công việc của Các Ngài và trì hoãn sự Tái Lâm của Đức Christ.

7. Destructive theology is not dead; it did not die with the passing Piscean religions. It is alive and well among so-called progressive esotericists and students of occultism. Of course, it must be eliminated, and an *inclusive* attitude would help tremendously. May we say that *fear* works against *inclusivity.* Perfect Love, we are told, "casteth out all fear".

7. Thần học mang tính hủy hoại chưa chết; nó không chết theo các tôn giáo Song Ngư đang suy tàn. Nó vẫn sống mạnh giữa những nhà bí truyền học và đạo sinh huyền bí học tự cho mình là tiến bộ. Dĩ nhiên, cần loại bỏ nó, và một thái độ *bao gồm* sẽ giúp ích rất nhiều. Có thể nói rằng *nỗi sợ hãi* chống lại *tính bao gồm.* Chúng ta được dạy rằng Tình Thương hoàn hảo "xua tan mọi sợ hãi".

8. We can see how AAB seeks to see the second ray virtues of love and inclusiveness cultivated by those who would call

8. Chúng ta có thể thấy AAB mong muốn những người tự nhận là đệ tử hoặc nhà bí truyền học vun bồi các đức tính cung hai là

themselves disciples or esotericists.

Much in this book is new. Much is very old, tried and proved. None of the people chosen for instruction and for inclusion in the Ashram of the Master are saints or perfect. All are, however, true aspirants and will go on to the very end in spite of pain and sorrow, discipline, success, failure, joy and a spiritual recognition of almost unattainable goals. Some have been on this Path of Accepted Discipleship (technically understood) for many lives. Some are venturing for the first time—consciously and with deliberate effort—to tread the Way to God. All are mystics, learning to be occultists. All are normal people, living useful, modern lives in many different countries in the world. Some are orthodox Protestant Christians by profession; others are Roman Catholics; still others are Christian Scientists or belong to one or other of the more mental cults; [xii] some are quite unattached and free from affiliations. None of them regards his particular brand of faith or his particular religious background as essential to salvation; he knows that the only essential is belief in the spiritual realities and in the essential divinity of mankind. This belief necessarily involves a heart full of love, a mind open and illumined by right orientation to truth and a life dedicated to service and to the alleviation of human sufferings. This is the determined goal of all whose instructions are found in this book—a goal which they have not yet attained and a mode of life which they have not yet perfected. They are, nevertheless, unalterably upon their way and that way is the WAY. Christ said "I am the Way, the Truth and the Life"; these aspirants, working under a great Disciple of the Christ, are beginning to grasp some of the significances

tình thương và tính bao gồm.

Nhiều điều trong sách này là mới. Nhiều điều rất cổ xưa, đã được thử nghiệm và chứng minh. Không ai trong số những người được chọn để huấn luyện và thu nhận vào ashram của Chân sư là thánh nhân hay người hoàn hảo. Tuy nhiên, tất cả đều là những người chí nguyện chân chính và sẽ đi đến tận cùng, bất chấp đau đớn và buồn khổ, kỷ luật, thành công, thất bại, sự hoan hỉ và sự nhận biết về mặt tinh thần đối với những mục tiêu gần như không thể đạt tới. Một số người đã đi trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận này (hiểu theo nghĩa chuyên môn) trong nhiều kiếp. Một số người lần đầu tiên dấn bước—một cách có ý thức và với nỗ lực có chủ đích—trên Con Đường đến Thượng đế. Tất cả đều là những nhà thần bí đang học để trở thành nhà huyền bí học. Tất cả đều là những người bình thường, sống cuộc đời hiện đại, hữu ích tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới. Một số người theo Kitô giáo Tin Lành chính thống; những người khác là tín hữu Công giáo La Mã; những người khác nữa theo giáo phái Khoa Học Kitô hoặc thuộc một trong những giáo phái thiên về trí tuệ hơn; [xii] một số hoàn toàn độc lập, không gắn bó với tổ chức nào. Không ai trong số họ xem tín ngưỡng riêng hay nền tảng tôn giáo riêng của mình là điều thiết yếu cho sự cứu rỗi; người ấy biết rằng điều thiết yếu duy nhất là niềm tin vào các thực tại tinh thần và thiên tính cốt yếu của nhân loại. Niềm tin này tất yếu bao hàm một trái tim đầy tình thương, một thể trí cởi mở và được soi sáng nhờ định hướng đúng đắn về chân lý, cùng một cuộc đời tận hiến cho phụng sự và làm vơi bớt khổ đau của con người. Đây là mục tiêu kiên định của tất cả những người có các huấn thị được trình bày trong sách này—một mục tiêu họ chưa đạt tới và một lối sống họ chưa hoàn thiện. Tuy

and implications of that statement which holds true for all time and for all disciples, because "as He is, so are we in this world."

nhiên, họ vẫn kiên định bước trên con đường của mình, và con đường ấy chính là ĐƯỜNG ĐẠO. Đức Christ đã nói: "Ta là Con Đường, là Chân Lý và là Sự Sống"; những người chí nguyện này, đang làm việc dưới sự hướng dẫn của một Đệ Tử vĩ đại của Đức Christ, bắt đầu nắm bắt một phần thâm nghĩa và hàm ý của lời tuyên bố ấy, vốn đúng trong mọi thời đại và đối với mọi đệ tử, bởi vì "Ngài như thế nào thì chúng ta cũng như thế ấy trong thế gian này."

1. AAB immediately attacks a prevalent glamor—that a person worthy of a Master's attention must be in some way exceptional, perfect or saintly. Life is not that way.

1. AAB lập tức công kích một ảo cảm phổ biến—cho rằng một người xứng đáng được Chân sư chú ý thì phải có điều gì đó phi thường, hoàn hảo hoặc thánh thiện. Cuộc sống không như vậy.

2. She does not call these students true disciples; rather she states that *all* of them are at least "true aspirants". This means that they will persist, regardless of evident personality and environmental fluctuations.

2. Bà không gọi những đạo sinh này là đệ tử chân chính; thay vào đó, bà nói rằng *tất cả* họ ít nhất đều là "những người chí nguyện chân chính". Điều này có nghĩa là họ sẽ kiên trì, bất chấp những biến động rõ rệt của phàm ngã và hoàn cảnh.

3. Not all these people were of equal spiritual "rank". Some were experienced disciples, even accepted disciples for a number of lives. Others were, relatively, beginners. Still they were members of the same large group and were expected to make progress *together.*

3. Không phải tất cả những người này đều có cùng "cấp bậc" về tinh thần. Một số là những đệ tử giàu kinh nghiệm, thậm chí đã là đệ tử được chấp nhận trong nhiều kiếp. Những người khác tương đối mới bắt đầu. Dù vậy, họ vẫn là thành viên của cùng một nhóm lớn và được kỳ vọng sẽ tiến bộ *cùng nhau.*

4. AAB points to the *mystical* background of all in the "groups of nine". There is a difference between mysticism and occultism, the first focussed in a highly refined astral body, and the second required the illumination of the mind. In the Western world, we are making the transition from mysticism to occultism. Most of these disciples (and many of us) have already spent one or two lives in the monasteries or

4. AAB chỉ ra nền tảng *thần bí* của tất cả những người trong các "nhóm chín người". Có sự khác biệt giữa thần bí học và huyền bí học: thần bí học tập trung trong một thể cảm dục hết sức tinh luyện, còn huyền bí học đòi hỏi sự soi sáng của thể trí. Trong thế giới phương Tây, chúng ta đang chuyển từ thần bí học sang huyền bí học. Phần lớn những đệ tử này (và nhiều người trong chúng ta) đã từng sống một hoặc hai kiếp trong các tu

nunneries of the East or West—so the Tibetan informs us,

viện nam hoặc nữ ở phương Đông hay phương Tây—Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết như vậy,

5. The normality of these disciples is emphasized. This is important. Probably, if we knew them personally, we would find that they were/are very much like ourselves. It is best for any aspirant or disciple to consider himself/herself *normal, average.* DK often refers to the "average disciple", and by this term, He indicates most of those for whom He is writing. There is always the danger of succumbing to the "glamor of special selection" (a sixth ray, Piscean glamor), still, however, very prevalent. To consider oneself normal or average is part of a very necessary decentralization process, and leads safely towards the establishment of group consciousness.

5. Tính bình thường của những đệ tử này được nhấn mạnh. Điều này rất quan trọng. Có lẽ, nếu quen biết họ ngoài đời, chúng ta sẽ thấy họ đã và đang rất giống chúng ta. Đối với bất kỳ người chí nguyện hay đệ tử nào, tốt nhất là xem mình *bình thường, ở mức trung bình.* Chân sư DK thường nhắc đến "người đệ tử trung bình", và với thuật ngữ này, Ngài muốn chỉ phần lớn những người mà Ngài viết cho. Luôn có nguy cơ sa vào "ảo cảm được đặc biệt tuyển chọn" (một ảo cảm cung sáu, thuộc Song Ngư), hiện vẫn rất phổ biến. Xem mình bình thường hay ở mức trung bình là một phần của tiến trình phi tập trung vào bản thân rất cần thiết, và dẫn một cách an toàn đến việc thiết lập tâm thức nhóm.

6. The diversity of religions professed by the disciples is also mentioned. A number were Jewish, although that group is not mentioned here. None of them, it seems, had very much attachment to conventional religion. They had outgrown it. For these people, the foundational principles of love, light and service had taken the place of theology. I think we can safely say the same of ourselves.

6. Sự đa dạng trong các tôn giáo mà những đệ tử này theo cũng được đề cập. Một số người theo Do Thái giáo, dù nhóm ấy không được nhắc đến ở đây. Dường như không ai trong số họ quá gắn bó với tôn giáo truyền thống. Họ đã vượt qua giai đoạn ấy. Đối với những người này, các nguyên lý nền tảng về tình thương, ánh sáng và phụng sự đã thay thế thần học. Tôi nghĩ chúng ta có thể vững tin nói điều tương tự về chính mình.

7. AAB is realistic about the disciples gathered into DK's outer groups. They knew the ideal, but they had not attained it. They were not completely loving, illumined or selflessly serving. Neither are we, I suspect.

7. AAB nhìn nhận một cách thực tế về những đệ tử quy tụ trong các nhóm bên ngoài của Chân sư DK. Họ biết lý tưởng, nhưng chưa đạt tới lý tưởng ấy. Họ chưa hoàn toàn tràn đầy tình thương, được soi sáng hay phụng sự một cách vô vị kỷ. Tôi cho rằng chúng ta cũng vậy.

8. The important thing was that they were "upon the way" or "on the way". The

8. Điều quan trọng là họ đã "bước trên con đường" hay "đang trên đường". Chúng ta

disciple, we are told, must take himself/herself as he/she *is,* and work from there, refusing to bewail his/her fate or criticize others. How many there are who short-circuit the good they could do by obsessing about their own shortcomings. An old teacher told me to "make my short-comings 'long-goings'" and I have never forgotten it.

được dạy rằng người đệ tử phải chấp nhận bản thân đúng như mình *đang là,* và từ đó tiến hành công việc, không than vãn số phận hay chỉ trích người khác. Biết bao người tự ngăn trở những điều tốt đẹp mình có thể làm chỉ vì cứ ám ảnh về những thiếu sót của bản thân. Một người thầy trước đây từng bảo tôi "biến những chỗ còn hụt bước của mình thành 'những bước tiến dài'" và tôi chưa bao giờ quên điều ấy.

9. We note that AAB calls the Master DK "a great disciple of the Christ". So He is, from our perspective. From Master DK's perspective, He has something else to say.

9. Chúng ta lưu ý rằng AAB gọi Chân sư DK là "một đệ tử vĩ đại của Đức Christ". Theo góc nhìn của chúng ta, quả đúng như vậy. Theo góc nhìn của Chân sư DK, Ngài lại nói một điều khác.

"In all reverence, and as one of His humblest friends and personal workers, I am permitted to tell you a little of His position as He nears the great event in May of this year." (EXH 433)

"Với tất cả lòng tôn kính, và với tư cách một trong những người bạn và cộng sự trực tiếp khiêm nhường nhất của Ngài, Tôi được phép nói với các bạn đôi chút về vị thế của Ngài khi Ngài tiến gần đến sự kiện trọng đại vào tháng Năm năm nay." (EXH 433)

We see the contrast in estimation, do we not?

Chúng ta thấy sự tương phản trong cách đánh giá, phải không?

10. How important it is to realize that in working with Master DK, we are, thereby, working with the Christ. The unity of effort must be understood, and no artificial separations (based on ashramic distinction) be entertained.

10. Thật quan trọng biết bao khi nhận ra rằng, làm việc với Chân sư DK cũng chính là làm việc với Đức Christ. Cần thấu hiểu sự thống nhất trong nỗ lực và không nuôi dưỡng những phân chia giả tạo (dựa trên sự khác biệt giữa các ashram).

11. It is said of the Christ, "as He is, so are we in this world". This certainly sets the ideal. When we are possessed of "the mind that is in Christ", this statement will be completely true of us.

11. Có lời nói về Đức Christ rằng: "Ngài như thế nào thì chúng ta cũng như thế ấy trong thế gian này". Điều này chắc chắn đặt ra lý tưởng. Khi chúng ta có được "thể trí ở trong Đức Christ", lời tuyên bố này sẽ hoàn toàn đúng với chúng ta.

The work with this particular group began twelve years ago. Each person's instructions

Công việc với nhóm cụ thể này bắt đầu cách đây mười hai năm. Các huấn thị dành cho

are given in their ordered sequence, year by year, so that a real picture of the person concerned, of his problems and his achievement or lack of achievement, emerges clearly. This book is encouraging in that it offsets the idea that to be a pledged disciple one is, therefore, set apart by perfection of character and isolated by the aspiration which inspires the life. These are people with problems, struggling to solve them; with character limitations which they are endeavouring to overcome; they are true instances of any man or woman who turns his back upon the usual approach to the world of material affairs and takes up his cross in order to find his way back to the Father's home; they picture for us the man who, having "put his hand to the plough," turns not back but presses forward "towards the prize of his high calling in Christ. "

từng người được trình bày theo đúng trình tự, năm này qua năm khác, để một bức tranh chân thực về người ấy, về những vấn đề cùng những thành tựu hay sự chưa thành tựu của họ, hiện ra rõ ràng. Cuốn sách này mang lại sự khích lệ vì nó hóa giải ý tưởng cho rằng một người, khi trở thành đệ tử đã cam kết, thì nhờ tính cách hoàn hảo mà trở nên khác biệt và vì khát vọng truyền cảm hứng cho cuộc đời mình mà tách biệt với mọi người. Đây là những con người có vấn đề và đang nỗ lực giải quyết chúng; có những giới hạn về tính cách mà họ đang cố gắng vượt qua; họ là những hình ảnh chân thực của bất kỳ người nam hay người nữ nào quay lưng với cách tiếp cận thông thường đối với thế giới sự vụ vật chất và vác lấy thập giá của mình để tìm đường trở về nhà Cha; họ cho chúng ta thấy hình ảnh con người đã "đặt tay vào cày" thì không quay lại, mà tiến lên "hướng tới phần thưởng của tiếng gọi cao cả trong Đức Christ. "

1. This introduction by AAB was written in 1943. If we do the math, we shall see that DK's work with this group of His disciples began in 1931, and, indeed, the first letters to the disciples are dated 1931.

1. AAB viết phần giới thiệu này vào năm 1943. Nếu tính ra, chúng ta sẽ thấy công việc của Chân sư DK với nhóm đệ tử này của Ngài bắt đầu vào năm 1931, và quả thực, những lá thư đầu tiên gửi cho các đệ tử đều đề năm 1931.

2. AAB tells us that the personal instructions to each disciple are presented in order, and from this sequential order (revealing, as life unfolds, various problems, achievements, and apparent failures) we may learn.

2. AAB cho chúng ta biết rằng những huấn thị riêng dành cho từng đệ tử được trình bày theo thứ tự, và chúng ta có thể học hỏi từ trình tự ấy (vốn bộc lộ những vấn đề, thành tựu và những thất bại bề ngoài khác nhau khi cuộc đời diễn tiến).

3. Some horoscopes for these disciples do exist. By combining a study of the personal instructions in sequence with an examination of the progressing horoscope of the disciples, much anent their individual psycho-spiritual process may be

3. Quả có một số lá số chiêm tinh của những đệ tử này. Kết hợp việc nghiên cứu các huấn thị riêng theo trình tự với việc xem xét lá số chiêm tinh tiến trình của các đệ tử, chúng ta có thể xác định nhiều điều về tiến trình tâm lý và tinh thần của từng người. Nhưng nhiều

determined. But much may also remain hidden, as we do not *live* within their psyches, as can a Master. No horoscope (or temporary ray structure) embodies all that an individual is. Horoscopes and ray-formulas pertain to a *particular* incarnation and not to *all* incarnations. Yet, using the presented rays and the reasonably accurate horoscope (in many cases not *totally* accurate), we can enter more deeply into an understanding of their developmental process.

điều cũng có thể vẫn ẩn kín, vì chúng ta không *sống* trong tâm hồn họ như một Chân sư có thể làm. Không lá số chiêm tinh nào (hay cấu trúc cung tạm thời nào) thể hiện trọn vẹn một cá nhân. Các lá số chiêm tinh và công thức cung liên quan đến một kiếp sống *cụ thể* chứ không phải *tất cả* các kiếp sống. Tuy nhiên, khi sử dụng các cung đã được nêu cùng lá số chiêm tinh tương đối chính xác (trong nhiều trường hợp không *hoàn toàn* chính xác), chúng ta có thể thấu hiểu sâu hơn tiến trình phát triển của họ.

4. From what is said, we come to understand that all of these disciples are not only "true aspirants" (refusing to turn back), but also "pledged disciples". Since all of them but one, were at least initiates of the first degree, this would necessarily be the case. A pledged disciple has made a promise to his/her soul and to the Master, and intends to keep that promise. The *will* is involved and mental conviction.

4. Từ những điều đã nói, chúng ta hiểu rằng tất cả những đệ tử này không chỉ là "những người chí nguyện chân chính" (không chịu quay lại), mà còn là "những đệ tử đã cam kết". Vì tất cả họ, trừ một người, ít nhất đều là điểm đạo đồ bậc một, nên tất yếu phải như vậy. Một đệ tử đã cam kết là người đã hứa với linh hồn mình và với Chân sư, và có ý định giữ lời hứa ấy. Điều này có sự tham gia của *ý chí* và niềm xác tín trí tuệ.

5. In the concluding sentences of this paragraph, one feels the inspiring touch of AAB. She is given a second ray astral body by the Tibetan, but there are sections within her *Unfinished Autobiography*, and in her writings (such as this section) which show a powerful, if latent, sixth ray.

5. Trong những câu cuối của đoạn này, người ta cảm nhận được nét truyền cảm hứng của AAB. Chân sư Tây Tạng xác định bà có thể cảm dục cung hai, nhưng có những phần trong cuốn *Tự Truyện Chưa Hoàn Tất* của bà, cũng như trong các tác phẩm của bà (chẳng hạn phần này), cho thấy một cung sáu mạnh mẽ, dù còn tiềm ẩn.

6. In any case, what is being emphasized again is the *normality* of these people. These are people with problems, struggles, good intentions, and many life difficulties (compounded in some respects by their energetic association with the Master).

6. Dù sao, điều được nhấn mạnh một lần nữa là *tính bình thường* của những người này. Đây là những người có vấn đề, có những cuộc vật lộn, những ý định tốt đẹp và nhiều khó khăn trong cuộc sống (xét ở một vài phương diện, những khó khăn ấy càng tăng thêm do mối liên hệ năng lượng của họ với Chân sư).

7. Because these people are as they are, it is

7. Chính vì những người này là như vậy, nên

so easy *to find ourselves* within the pages of these DINA books. It may be that none of the disciples instructed by DK has *exactly* the same ray structure or astrological chart as we may have, and yet we will be able to *find ourselves.* The problems they have to deal with are so universal, that we will certainly recognize our problems as well, and benefit from what was said to them.

chúng ta rất dễ *tìm thấy chính mình* trong những trang sách DINA này. Có thể không một đệ tử nào được Chân sư DK huấn luyện có *chính xác* cùng cấu trúc cung hay lá số chiêm tinh như chúng ta, thế nhưng chúng ta vẫn có thể *tìm thấy chính mình.* Những vấn đề họ phải xử lý mang tính phổ quát đến mức chúng ta chắc chắn cũng sẽ nhận ra những vấn đề của mình và hưởng lợi từ những lời dành cho họ.

8. The majority of these disciples found themselves between the first and second degree. Some may have been in preparation for the second initiation. Certainly not all were—at least not in their present incarnation.

8. Phần lớn những đệ tử này ở giữa bậc điểm đạo thứ nhất và thứ hai. Một số có thể đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai. Chắc chắn không phải tất cả đều như vậy—ít nhất là trong kiếp sống hiện tại của họ.

9. Many were still fighting within the realm of "character", with "character limitations" and personality flaws. Master DK will sometimes deal with these, but He does not overemphasize the personal factor. Enough is given, however, to name the flaw and point the way to its correction.

9. Nhiều người vẫn đang đấu tranh trong phạm vi "tính cách", với những "giới hạn về tính cách" và những khuyết điểm của phàm ngã. Đôi khi Chân sư DK sẽ đề cập đến những điều này, nhưng Ngài không quá nhấn mạnh yếu tố cá nhân. Tuy nhiên, Ngài nói đủ để chỉ rõ khuyết điểm và hướng sửa chữa.

10. Perhaps a Master will not usually trouble himself with such personal matters. But Master DK is a second ray Master, and so may have come a bit closer to the personal in order to facilitate the necessary personal corrections, the faster to see the disciples qualified for true ashramic work and service.

10. Có lẽ một Chân sư thường không bận tâm đến những vấn đề cá nhân như vậy. Nhưng Chân sư DK là một Chân sư cung hai, nên có thể Ngài đã đến gần phương diện cá nhân hơn đôi chút để giúp thực hiện những điều chỉnh cá nhân cần thiết, nhờ đó sớm thấy các đệ tử có đủ tư cách đảm nhận công việc và phụng sự ashram chân chính.

Some of these people have worked as students in the Arcane School; others have never done so; still others (when they heard of the school through their affiliation with the Tibetan) worked in it in order to help the students. Their names will not be divulged. The initials at the head of the various instructions and the dates assigned carry no

Một số người trong nhóm đã học tại Trường Arcane; những người khác chưa từng học ở đó; những người khác nữa (khi biết đến trường qua mối liên hệ với Chân sư Tây Tạng) đã làm việc tại trường để giúp đỡ các đạo sinh. Tên của họ sẽ không được tiết lộ. Các chữ viết tắt ở đầu những huấn thị khác nhau và ngày tháng được ghi kèm không

information; the [xiii] instructions were probably not received on the dates given and the initials are none of them correct. No information will be given by any of us who know the relation between the initials and the disciple. Questions as to identity will not be answered at any time. It is the subject matter of the teaching which is of importance and not the name of the disciple for what is said is applicable to all aspirants.

cung cấp thông tin nào; các [xiii] huấn thị có lẽ không được tiếp nhận vào những ngày tháng đã ghi, và không bộ chữ viết tắt nào là chính xác. Không ai trong chúng tôi, những người biết mối liên hệ giữa các chữ viết tắt và người đệ tử, sẽ cung cấp bất kỳ thông tin nào. Những câu hỏi về danh tính sẽ không bao giờ được trả lời. Chính nội dung giáo huấn mới quan trọng, chứ không phải tên người đệ tử, vì những điều được nói đều áp dụng cho mọi người chí nguyện.

1. AAB was a disciple of the Master KH more than she was a disciple of the Tibetan's. In a way, she was, instead, a humble *co-worker* of the Tibetan, both of whom had Master KH as their Master.

1. AAB là đệ tử của Chân sư KH hơn là đệ tử của Chân sư Tây Tạng. Theo một nghĩa nào đó, đúng hơn, bà là một *cộng sự* khiêm nhường của Chân sư Tây Tạng; cả hai đều có Chân sư KH làm Chân sư của mình.

2. The Arcane School was AAB's project for KH's Ashram, and Master DK assisted her.

2. Trường Arcane là dự án của AAB dành cho ashram của Chân sư KH, và Chân sư DK đã trợ giúp bà.

3. In a way, the Arcane School was independent of Master D. K. 's work with His "groups-of-nine". Yet we can see the affiliation of the two projects, for some of His disciples came into the groups-of-nine through the ArcaneSchool

3. Theo một nghĩa nào đó, Trường Arcane độc lập với công việc của Chân sư DK với các "nhóm chín người" của Ngài. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy mối liên hệ giữa hai dự án, vì một số đệ tử của Ngài đã gia nhập các nhóm chín người thông qua Trường Arcane

, and others within the groups-of-nine sought to help within the School once they learned of it.

, và những người khác trong các nhóm chín người đã tìm cách giúp đỡ Trường sau khi biết đến trường.

4. It is interesting to see AAB doing a bit of "occult blinding". At the time of the publishing of *Discipleship in the New Age, Vol. I*, it was important for the names of the individual disciples to remain concealed. A number of them were alive when the book was published, and the last one died only in 1988. Neither AAB nor DK sought to promote interest in the personalities of these people. The instructions are about a soul-

4. Thật thú vị khi thấy AAB thực hiện đôi chút việc "che giấu theo lối huyền bí". Vào thời điểm xuất bản *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I*, việc giữ kín tên từng đệ tử là điều quan trọng. Một số người trong nhóm vẫn còn sống khi sách xuất bản, và người cuối cùng chỉ qua đời vào năm 1988. Cả AAB lẫn Chân sư DK đều không tìm cách khơi dậy sự quan tâm đến phàm ngã của những người này. Các huấn thị nói về một tiến trình đặt

based process; the personal details (so unwholesomely interesting to many) meant relatively little.

nền tảng nơi linh hồn; những chi tiết cá nhân (vốn khiến nhiều người tò mò một cách không lành mạnh) có ý nghĩa tương đối nhỏ.

5. The same is true today. I cannot see too much value in seeking to do much research into the personhood of the various group members. Many of them were so obscure, relatively, that it would be very difficult. Even people who knew them rather well have, most of them, passed on, and in any case, their reports were rarely reliable and often superficial.

5. Ngày nay cũng vậy. Tôi không thấy có nhiều giá trị trong việc cố nghiên cứu sâu về con người riêng tư của các thành viên khác nhau trong nhóm. Nhiều người trong số họ tương đối ít được biết đến, nên việc ấy sẽ rất khó khăn. Ngay cả những người từng biết họ khá rõ phần lớn cũng đã qua đời, và dù sao, những lời kể của họ hiếm khi đáng tin cậy và thường hời hợt.

6. I would say that, in His instructions, DK has given us most of the information we need for a rather deep psycho-spiritual understanding of the developmental process of the disciples in His groups. In fact, the information He gives is far deeper and more occult than would be possible to assess with even a thorough knowledge of their personality tendencies and circumstances.

6. Tôi cho rằng, trong các huấn thị của Ngài, Chân sư DK đã cung cấp cho chúng ta phần lớn thông tin cần thiết để thấu hiểu khá sâu sắc về mặt tâm lý và tinh thần đối với tiến trình phát triển của các đệ tử trong những nhóm của Ngài. Thực ra, thông tin Ngài cung cấp sâu sắc và huyền bí hơn nhiều so với những gì chúng ta có thể nhận định, ngay cả khi hiểu biết tường tận về các khuynh hướng phàm ngã và hoàn cảnh của họ.

7. AAB was never a great friend of conventional astrology. I think it is for this reason that she says “the dates carry no information”. She knew what kind of enquiry the average interested astrologer would pursue. Probably the dates do not, in fact, carry much information; probably they are approximations, indicating only more or less when the letters were sent. Usually only the month and year appear at the beginning of each letter, and not the day.

7. AAB chưa bao giờ đặc biệt ủng hộ chiêm tinh học thông thường. Tôi nghĩ chính vì lý do này mà bà nói “ngày tháng không cung cấp thông tin nào”. Bà biết một nhà chiêm tinh thông thường có quan tâm sẽ theo đuổi kiểu tìm hiểu nào. Có lẽ trên thực tế, ngày tháng không cung cấp nhiều thông tin; có lẽ chúng chỉ mang tính ước chừng, cho biết đại khái thời điểm những lá thư được gửi đi. Thông thường, đầu mỗi lá thư chỉ ghi tháng và năm, không ghi ngày.

8. What AAB says about the initials of the disciples is a blind. The initials *do* carry information to those who know how to read them. Some researchers have determined the meaning of the initials simply by

8. Điều AAB nói về các chữ viết tắt của những đệ tử là một cách che giấu. Các chữ viết tắt ấy *quả có* cung cấp thông tin cho những ai biết cách đọc chúng. Một số nhà nghiên cứu đã xác định ý nghĩa của các chữ

carefully reading the disciples' instructions.

viết tắt chỉ bằng cách đọc kỹ các huấn thị dành cho những đệ tử ấy.

9. She says the initials are "none of them correct". This is true, in a way, for they certainly do not represent either the given name or the surname of any disciple. But they do represent *qualities* and *keynotes* which Master DK suggested for cultivation. It is upon these that we shall focus, and from them we can learn much.

9. Bà nói rằng các chữ viết tắt "không bộ nào là chính xác". Theo một nghĩa nào đó, điều này là đúng, vì chúng chắc chắn không đại diện cho tên riêng hay họ của bất kỳ đệ tử nào. Nhưng chúng quả có đại diện cho những *phẩm tính* và *chủ âm* mà Chân sư DK đề nghị vun bồi. Chúng ta sẽ tập trung vào những điều này, và có thể học hỏi nhiều từ đó.

10. One can understand why AAB was so cautious, knowing the personalizing tendency of most disciples and their tendency to emphasize the non-essential over that which is truly significant.

10. Có thể hiểu vì sao AAB thận trọng đến vậy, khi bà biết khuynh hướng cá nhân hóa của phần lớn các đệ tử và khuynh hướng đề cao điều không thiết yếu hơn điều thực sự có thâm nghĩa.

11. We shall proceed as if AAB's advice is important just as she said it.

11. Chúng ta sẽ tiếp tục trên cơ sở xem lời khuyên của AAB là quan trọng, đúng như bà đã nói.

"It is the subject matter of the teaching which is of importance and not the name of the disciple for what is said is applicable to all aspirants."

"Chính nội dung giáo huấn mới quan trọng, chứ không phải tên người đệ tử, vì những điều được nói đều áp dụng cho mọi người chí nguyện."

One other reason might be mentioned here as indicative of the value of this book. In every case, the disciple is told what are the types of energy to which he most easily responds and upon which ray or divine emanation he finds himself. He, therefore, becomes aware of what constitutes his line of least resistance and where the major point of his life conflict is to be found.

Ở đây có thể nêu thêm một lý do cho thấy giá trị của cuốn sách này. Trong mọi trường hợp, người đệ tử đều được cho biết những loại năng lượng mà y dễ đáp ứng nhất và cung hay phát xạ thiêng liêng mà y thuộc về. Do đó, y nhận biết điều gì tạo nên con đường ít trở ngại nhất của mình và điểm xung đột chủ yếu trong cuộc đời mình nằm ở đâu.

1. It is in the matter of elucidating the ray structure of these disciples, that the DINA books demonstrate one of their greatest values.

1. Chính trong việc làm sáng tỏ cấu trúc cung của những đệ tử này, các sách DINA thể hiện một trong những giá trị lớn nhất của chúng.

2. The disciples involved in this experiment are perhaps the only individuals in the world who can be absolutely *sure* of their ray structure. Of course, now they have passed on, and only the soul ray will most probably remain the same in their next incarnation (though even it may change under certain rules).

2. Những đệ tử tham gia cuộc thử nghiệm này có lẽ là những cá nhân duy nhất trên thế giới có thể tuyệt đối *chắc chắn* về cấu trúc cung của mình. Dĩ nhiên, giờ đây họ đã qua đời, và rất có thể chỉ cung linh hồn sẽ giữ nguyên trong kiếp sống kế tiếp của họ (dù ngay cả cung này cũng có thể thay đổi theo một số quy luật nhất định).

3. Master DK is the Sage who brought the Science of the Seven Rays to humanity in its most coherent and understandable form. He is, shall we say, the "expert" in ray evaluation and ray assignment. When He offers a ray formula to a disciple, we can be quite certain of its accuracy—*completely* certain, really.

3. Chân sư DK là Bậc Hiền Triết đã mang Khoa Học về Bảy Cung đến cho nhân loại dưới hình thức mạch lạc và dễ thấu hiểu nhất. Có thể nói, Ngài là "chuyên gia" trong việc đánh giá và xác định các cung. Khi Ngài đưa ra một công thức cung cho một đệ tử, chúng ta có thể rất chắc chắn về tính chính xác của nó—*hoàn toàn* chắc chắn, quả thực là vậy.

4. Some of us have assessed our own rays and those of others. We may have every reason in the world to *believe* in the accuracy of our assessments, and our intuition may be alive and acute. But we cannot *know* with certainty. Perhaps, when we stand at the degree of Master of the Wisdom, and can see into the soul of another, we will have the certainty which now escapes us, however correct we may *think* we are in these matters.

4. Một số người trong chúng ta đã đánh giá các cung của bản thân và của những người khác. Chúng ta có thể có mọi lý do để *tin* vào tính chính xác của những đánh giá ấy, và trực giác của chúng ta có thể đang sống động, nhạy bén. Nhưng chúng ta không thể *biết* một cách chắc chắn. Có lẽ khi đạt đến cấp bậc Chân sư Minh Triết và có thể nhìn vào linh hồn người khác, chúng ta sẽ có được sự chắc chắn mà hiện giờ chưa thể có, dù chúng ta có thể *nghĩ* mình đúng đến đâu trong những vấn đề này.

5. The "ray or divine emanation" upon which "he finds himself" is, in this instance, the *soul* ray. In only a few cases is the monadic ray mentioned (or implied) to any of the disciples, and this for special purposes. The soul ray is the ray to discover and express, and DK placed great emphasis upon it.

5. Cái "cung hay phát xạ thiêng liêng" mà "y thuộc về" trong trường hợp này chính là cung *linh hồn*. Chỉ trong một vài trường hợp, cung chân thần mới được đề cập (hoặc ngụ ý) với các đệ tử, và điều này nhằm những mục đích đặc biệt. Cung linh hồn là cung cần khám phá và biểu lộ, và Chân sư DK rất nhấn mạnh điều đó.

6. If all of us could become aware of our "line of least resistance" and also "the major point

6. Nếu tất cả chúng ta có thể nhận biết "con đường ít trở ngại nhất" của mình, cũng như

of [our] life conflict", our life problem would certainly be clarified, and we could live the life of discipleship more scientifically.

"điểm xung đột chủ yếu trong cuộc đời [chúng ta]", thì vấn đề cuộc đời chúng ta chắc chắn sẽ sáng tỏ hơn, và chúng ta có thể sống đời đệ tử một cách khoa học hơn.

7. I think we will all be amazed how a close study of the ray structures of the various disciples in these books will help us clarify our own ray structure. Such clarification is never an easy matter as there are many complexities and lesser energic and force factors which may masquerade as greater ones. A consideration of astrological factors may also complicate the evaluation of rays, for the two systems interpenetrate and affect each other at many points.

7. Tôi nghĩ tất cả chúng ta sẽ kinh ngạc khi thấy việc nghiên cứu kỹ lưỡng cấu trúc cung của các đệ tử khác nhau trong những cuốn sách này giúp chúng ta làm sáng tỏ cấu trúc cung của chính mình đến mức nào. Việc làm sáng tỏ ấy không bao giờ dễ dàng, vì có nhiều điều phức tạp cùng những yếu tố năng lượng và mãnh lực thứ yếu có thể mang dáng vẻ của những yếu tố chủ yếu. Việc xem xét các yếu tố chiêm tinh cũng có thể làm phức tạp thêm việc đánh giá các cung, vì hai hệ thống này thâm nhập lẫn nhau và tác động qua lại ở nhiều điểm.

8. Still, for a practical understanding of ray structure and how these rays may manifest in the life of discipleship, there is no better source than *Discipleship in the New Age, Vols. I and II.*

8. Tuy vậy, để thấu hiểu một cách thực tiễn về cấu trúc cung và cách các cung này có thể biểu hiện trong đời sống đệ tử, không có nguồn tài liệu nào tốt hơn *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, các tập I và II.*

We are taught in the esoteric philosophy that seven great divine Emanations, Aeons or Spirits (in Whom we live and move and have our being) came forth from God at the time of the Creation. The same teaching can also be traced in the Holy Bible. Upon one or other of these seven Rays, the souls of all forms of life are to be found as well as the forms themselves. These seven rays produce the seven major psychological types. These seven rays or emanations are:

Triết học nội môn dạy chúng ta rằng bảy Xuất lộ thiêng liêng vĩ đại, các Đấng Vĩnh Cửu hay các Đấng Tinh Thần (trong Các Ngài, chúng ta sống, vận động và hiện tồn) đã xuất phát từ Thượng đế vào thời Sáng Tạo. Cũng có thể tìm thấy giáo lý ấy trong Kinh Thánh. Linh hồn của mọi hình tướng sự sống, cũng như chính các hình tướng ấy, đều thuộc một trong bảy Cung này. Bảy cung này tạo nên bảy loại hình tâm lý chủ yếu. Bảy cung hay các phát xạ này là:

1. In brief, the philosophy of the Seven Rays is presented. Terms like "Emanations", "Aeons" and "Spirits" ("before the Throne") point to a number of traditions in which the Seven Rays, called by other names, are prominent.

1. Triết học về Bảy Cung được trình bày vắn tắt. Những thuật ngữ như "các Xuất lộ", "các Đấng Vĩnh Cửu" và "các Đấng Tinh Thần" ("trước Thánh Ngai") gợi đến một số truyền thống trong đó Bảy Cung, với những tên gọi khác, giữ vị trí nổi bật.

2. The key to esoteric psychology is found in the study of the seven rays. It is through esoteric psychology that a knowledge of occultism will reach the general public. These DINA books are a very good source for the transmission of this knowledge.

2. Chìa khóa của Tâm Lý Học Nội Môn nằm trong việc nghiên cứu bảy cung. Chính thông qua Tâm Lý Học Nội Môn mà tri thức về huyền bí học sẽ đến với công chúng. Những cuốn sách DINA này là một nguồn tài liệu rất tốt để truyền đạt tri thức ấy.

1. The first Ray of Will or Power. Many great world rulers are found on this ray, such as Julius Caesar.

1. Cung một của Ý Chí hay Quyền Năng. Nhiều nhà cai trị thế giới vĩ đại thuộc cung này, chẳng hạn như Julius Caesar.

2. The second Ray of Love-Wisdom. The Christ and the Buddha are to be found on this ray. It is the great teaching ray.

2. Cung hai của Bác Ái – Minh Triết. Đức Christ và Đức Phật thuộc cung này. Đây là cung giảng dạy vĩ đại.

3. The third Ray of Active Intelligence. The mass of intelligent humanity are found on this ray.

3. Cung ba của Trí Tuệ Hoạt Động. Đông đảo nhân loại thông minh thuộc cung này.

4. The fourth Ray of Harmony through Conflict. Aspirants. Struggling, well-meaning people. Workers for unity emerge along this line.

4. Cung bốn của Hài Hòa thông qua Xung Đột. Những người chí nguyện. Những người đang phấn đấu, có thiện ý. Những người hoạt động vì sự hợp nhất xuất hiện theo đường hướng này.

5. The fifth Ray of Concrete Knowledge or Science. Scientists and people who are purely mental and governed only by the mind.

5. Cung năm của Tri Thức Cụ Thể hay Khoa Học. Các nhà khoa học và những người thuần trí tuệ, chỉ chịu sự chi phối của thể trí.

6. The sixth Ray of Devotion or Idealism. Many Christian people. Fanatics. Numbers of earnest Churchmen of all the world religions. [xiv]

6. Cung sáu của Sùng Tín hay Lý Tưởng. Nhiều tín đồ Cơ Đốc giáo. Những người cuồng tín. Nhiều người tận tâm với giáo hội thuộc mọi tôn giáo trên thế giới. [xiv]

7. The seventh Ray of Ceremonial Order or Magic. Masons. Financiers. Great businessmen and organisers of all kinds. Executives are found with these energies in their equipment.

7. Cung bảy của Trật Tự Nghi Lễ hay Huyền Thuật. Những người thuộc Hội Tam Điểm. Các nhà tài chính. Những doanh nhân lớn và các nhà tổ chức thuộc mọi lĩnh vực. Các nhà điều hành có những năng lượng này trong bộ máy của họ.

1. A brief summary of the seven ray types is

1. Một bản tóm lược ngắn gọn về bảy loại

given.

2. If we study the summary carefully, we will see that it reveals not only differing qualities as they affect people who stand at relatively the same level of evolution, but, most interestingly, that it points to the rays as differentiators of evolutionary level

3. Indeed, some rays do not appear in certain vehicles until a certain stage of evolution has been reached.

4. It would seem that the third ray characterizes the mass of "intelligent humanity", who stand, so it would seem, on a higher evolutionary level than "struggling, well-meaning people" characterized by the fourth ray.

5. Perhaps among those who are only moderately developed from the evolutionary perspective, the fourth ray is more frequently found than the third, but we should not assume that to be qualified by the fourth ray means that one is less intelligent than an individual found upon the third ray.

6. There are both horizontal and vertical dimensions to ray analysis, and these must be considered carefully.

7. In general, the descriptions in the paragraph under consideration are very useful and help us form mental "pegs" for the proper association of related thoughts.

8. Note that under the seventh ray, AAB speaks about "these energies" in their equipment. She seems to be saying that a ray is not simply a monolithic energy, but is a

hình cung được đưa ra.

2. Nếu nghiên cứu kỹ bản tóm lược này, chúng ta sẽ thấy nó không chỉ cho thấy những phẩm tính khác nhau tác động lên những người ở cấp độ tiến hoá tương đối giống nhau, mà điều thú vị nhất là nó còn chỉ ra rằng các cung là những yếu tố phân biệt cấp độ tiến hoá

3. Thật vậy, một số cung chỉ xuất hiện trong một số hiện thể khi đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá nhất định.

4. Dường như cung ba là đặc trưng của số đông "nhân loại thông minh", những người dường như ở một cấp độ tiến hoá cao hơn "những người đang phấn đấu, có thiện ý" mang đặc trưng của cung bốn.

5. Có lẽ trong số những người chỉ phát triển ở mức vừa phải xét từ góc độ tiến hoá, cung bốn thường gặp hơn cung ba; nhưng chúng ta không nên cho rằng việc mang phẩm tính cung bốn có nghĩa là một người kém thông minh hơn một cá nhân thuộc cung ba.

6. Việc phân tích cung có cả chiều ngang lẫn chiều dọc, và cần xem xét kỹ lưỡng cả hai chiều này.

7. Nhìn chung, những mô tả trong đoạn văn đang xét rất hữu ích và giúp chúng ta hình thành những "điểm tựa" trong trí để liên kết đúng đắn các tư tưởng có liên quan.

8. Hãy lưu ý rằng ở phần cung bảy, AAB nói đến "những năng lượng này" trong bộ máy của họ. Dường như Bà muốn nói rằng một cung không chỉ đơn thuần là một năng

diversified demonstration, a plurality. We should hold this thought in mind when analyzing ray structure and when seeking to detect the presence of a given ray in individuals and groups. A given ray may come in seven subray demonstrations—each subray of a given ray may be quite distinct from other subrays. For instance, there are three prominent second ray types (DINA II 518) (though probably there are seven). Each of these three is quite distinct for the other two, and could even be mistaken for a ray quality *other* than that of the second ray. Much circumspection is required for accurate analysis.

lượng đồng nhất, mà là một biểu hiện đa dạng, một tập hợp nhiều thành phần. Chúng ta nên ghi nhớ điều này khi phân tích cấu trúc cung và khi tìm cách nhận biết sự hiện diện của một cung nhất định trong các cá nhân và các nhóm. Một cung nhất định có thể biểu hiện qua bảy cung phụ—mỗi cung phụ của cung ấy có thể rất khác với các cung phụ khác. Chẳng hạn, có ba loại người cung hai nổi bật (DINA II 518) (dù có lẽ có đến bảy loại). Mỗi loại trong ba loại này đều rất khác hai loại còn lại, và thậm chí có thể bị nhầm là mang phẩm tính của một cung *khác* với cung hai. Cần hết sức thận trọng để phân tích chính xác.

However, only when a man is highly developed and nearing the Path of Discipleship is it possible for the esoteric student accurately to surmise what his ray may be. People of all kinds and professions are found on all the rays. The conflict in a disciple's life is found to lie in the fact that the ray of his soul and the ray of his integrated personality are posed against each other. At the same time, his emotional nature, his mental equipment and his physical brain are also controlled by some one or other of the rays and in this fivefold relationship lies hid much of the problem of the evolving human being. The Tibetan tells the members of His group which five rays condition them and students will learn much by a study of what He says. In the cases where I happen to know the disciple concerned personally and something of his problems, it was amazingly interesting to me to note how infallibly right the Tibetan was in His diagnosis of the rays involved. In reading these instructions will you please remember that though the Tibetan usually speaks of the soul, He also uses the word "ego" interchangeably, meaning thereby the

Tuy nhiên, chỉ khi một người đã phát triển cao và đang đến gần Con Đường Đệ Tử, đạo sinh nội môn mới có thể phỏng đoán chính xác người ấy có thể thuộc cung nào. Những người thuộc mọi loại hình và nghề nghiệp đều hiện diện trên tất cả các cung. Xung đột trong đời sống một đệ tử nằm ở chỗ cung linh hồn và cung phàm ngã tích hợp của y đối lập với nhau. Đồng thời, bản chất cảm xúc, bộ máy trí tuệ và bộ não hồng trần của y cũng chịu sự kiểm soát của một cung nào đó; chính trong mối quan hệ ngũ phân này ẩn giấu phần lớn vấn đề của con người đang tiến hoá. Chân sư Tây Tạng cho các thành viên trong nhóm của Ngài biết năm cung nào tác động lên họ, và các đạo sinh sẽ học được nhiều điều qua việc nghiên cứu những gì Ngài nói. Trong những trường hợp tôi tình cờ quen biết trực tiếp người đệ tử liên quan và biết phần nào những vấn đề của người ấy, tôi vô cùng thích thú khi nhận thấy Chân sư Tây Tạng luôn chẩn đoán đúng các cung liên quan một cách không sai lệch. Khi đọc những huấn thị này, xin các bạn nhớ rằng tuy Chân sư Tây Tạng thường nói đến linh hồn, Ngài cũng dùng từ "chân ngã" thay thế cho từ ấy, qua đó muốn nói đến chân ngã

spiritual ego and not the personal ego of the psychologists.

1. AAB sounds a warning. A study of the seven rays may not be for all—at least not in its completeness. One needs to be "highly developed" and "nearing the Path of Discipleship" before the soul ray will emerge and be detectable.

2. Then another problem, corroborated elsewhere by DK: namely that "people of all kinds and professions are found on all rays". That certain professions may attract more of some ray types than others is probably statistically true, but one cannot allow profession alone to be the sole discriminator of ray type. Profession, however, cannot be ignored when pursuing ray analysis.

3. The main reason for conflict in a disciple's life is given: the soul ray is posed against the personality ray. This is not a new idea to most of us, but to see it working out may be a revelation.

4. AAB points to the fivefold ray formula which characterizes each of us. In this ray formula is hidden much of our present problem and potential.

5. AAB remarks about her own amazement when considering the problems of disciples known to her vis-à-vis their ray formula as diagnosed by the Tibetan. Clearly, we are being given a very important interpretive tool for S/self-understanding. However, *we*, per se, are not literally being 'given' the tool as it was given to the disciples in Master DK's

tinh thần chứ không phải phàm ngã theo cách hiểu của các nhà tâm lý học.

1. AAB đưa ra một lời cảnh báo. Việc nghiên cứu bảy cung có thể không dành cho tất cả mọi người—ít nhất là khi nghiên cứu một cách toàn diện. Một người cần phải "phát triển cao" và "đang đến gần Con Đường Đệ Tử" thì cung linh hồn mới xuất hiện và có thể được nhận biết.

2. Tiếp đó là một vấn đề khác, mà Chân sư DK cũng xác nhận ở nơi khác: đó là "những người thuộc mọi loại hình và nghề nghiệp đều hiện diện trên tất cả các cung". Một số nghề nghiệp có thể thu hút người thuộc một số loại hình cung nhiều hơn những loại khác; điều này có lẽ đúng về mặt thống kê, nhưng không thể chỉ dùng nghề nghiệp làm tiêu chí duy nhất để phân biệt loại hình cung. Tuy nhiên, cũng không thể bỏ qua nghề nghiệp khi tiến hành phân tích cung.

3. Lý do chính gây xung đột trong đời sống của một đệ tử được nêu ra: cung linh hồn đối lập với cung phàm ngã. Đây không phải là một ý tưởng mới đối với phần đông chúng ta, nhưng việc thấy nó diễn ra trong thực tế có thể là một sự mặc khải.

4. AAB chỉ ra công thức cung ngũ phân đặc trưng cho mỗi chúng ta. Trong công thức cung này ẩn giấu phần lớn vấn đề và tiềm năng hiện tại của chúng ta.

5. AAB nói về sự kinh ngạc của chính Bà khi xem xét những vấn đề của các đệ tử mà Bà quen biết trong mối liên hệ với công thức cung của họ theo chẩn đoán của Chân sư Tây Tạng. Rõ ràng, chúng ta đang được trao một công cụ diễn giải rất quan trọng để thấu hiểu Chân ngã/bản thân. Tuy nhiên, *chính chúng ta* không thực sự được 'trao' công cụ ấy như

groups. Rather, we are being *informed* that it exists, and have to ascertain its nature ourselves. Fortunately, we have many hints on which to proceed.

các đệ tử trong những nhóm của Chân sư DK đã được trao. Thay vào đó, chúng ta được *cho biết* rằng công cụ ấy tồn tại, và phải tự xác định bản chất của nó. May thay, chúng ta có nhiều gợi ý để dựa vào đó mà tiếp tục.

6. AAB also calls our attention to the use of the word "ego". In the teaching it is used in three ways: as the lower personal ego (rarely); as the spiritual ego or higher self (frequently); and as the monadic Ego (again, rarely, but actually).

6. AAB cũng lưu ý chúng ta về cách dùng từ "chân ngã". Trong giáo lý, từ này được dùng theo ba nghĩa: phàm ngã cá nhân thấp kém (hiếm khi); chân ngã tinh thần hay Bản Ngã Cao Siêu (thường xuyên); và Chân ngã chân thần (cũng hiếm khi, nhưng thực sự có).

7. The Tibetan must be read carefully. He is most cautious with the use of words, and much can be hidden from the enquiring student who reads inattentively. One may read a given sentence in the teaching for many years using a certain interpretation, only to discover that it has not been correct; a word, or the use of a word, had been understood incorrectly. We must proceed with caution. Master DK hides much in His sentences (though He simultaneously discloses much to those who know how to read).

7. Cần đọc kỹ những gì Chân sư Tây Tạng viết. Ngài hết sức thận trọng trong cách dùng từ, và nhiều điều có thể vẫn ẩn kín đối với đạo sinh đang tìm hiểu nhưng đọc thiếu chú tâm. Một người có thể đọc một câu nào đó trong giáo lý suốt nhiều năm theo một cách diễn giải nhất định, rồi mới phát hiện rằng cách hiểu ấy không đúng; một từ, hoặc cách dùng một từ, đã bị hiểu sai. Chúng ta phải tiến bước thận trọng. Chân sư DK ẩn giấu nhiều điều trong các câu văn của Ngài (dù đồng thời Ngài cũng hé lộ nhiều điều cho những ai biết cách đọc).

We have not felt it wise to give the meditations assigned or the breathing exercises, except in a few cases. They were strictly individual and suited to the person and his peculiar problems. In one or two cases, however, after due consideration, we have inserted some of the meditations with slight changes. It was obvious that they could be only helpful.

Chúng tôi thấy rằng không nên công bố các bài thiền được giao hay các bài tập thở, ngoại trừ một vài trường hợp. Chúng hoàn toàn mang tính cá nhân và phù hợp với từng người cùng những vấn đề riêng của họ. Tuy nhiên, trong một hai trường hợp, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, chúng tôi đã đưa vào một số bài thiền với những thay đổi nhỏ. Rõ ràng, những bài ấy chỉ có thể đem lại lợi ích.

1. We see something of the responsibility which falls to those who seek to distributed esoteric knowledge. Knowledge is power *and*, in many cases, *danger*.

1. Chúng ta thấy được phần nào trách nhiệm đặt lên những người tìm cách phổ biến tri thức nội môn. Tri thức là quyền năng *và*, trong nhiều trường hợp, cũng là *mối nguy hiểm*.

2. People are so eager for rapid progress, or what they *think* to be rapid progress.

2. Người ta quá háo hức muốn tiến bộ nhanh chóng, hoặc đạt điều mà họ *nghĩ* là tiến bộ nhanh chóng.

3. Breathing exercises would be eagerly pursued by the ambitious, and simple principles like service and occult obedience would be neglected. By not giving out certain breathing exercises, AAB is saving us from ourselves, for in many, eagerness overcomes discretion, and much damage can be done.

3. Những người nhiều tham vọng sẽ hăng hái theo đuổi các bài tập thở, trong khi bỏ bê những nguyên tắc đơn giản như phụng sự và tuân phục huyền môn. Bằng việc không công bố một số bài tập thở, AAB đang cứu chúng ta khỏi chính mình, vì ở nhiều người, sự háo hức lấn át tính thận trọng, và điều đó có thể gây ra nhiều tổn hại.

4. So, a fine discrimination has been used to present meditations and exercises which are only useful and cannot be harmful, if rightly followed.

4. Vì vậy, Bà đã vận dụng khả năng phân biện tinh tế để trình bày những bài thiền và bài tập chỉ đem lại lợi ích, không thể gây hại nếu thực hành đúng cách.

5. We can understand how thoroughly the Teacher or Master must understand the individual nature of His student. The Master's ability for such knowledge far transcends our own. But only with such knowledge, is it safe to assign breathing exercises (exercises which manipulate the fires. of the etheric-physical body). In this field, "less is more". Above all, we seek to do no harm. As yet we know little. We must reserve judgment and wait for the time when we are better informed.

5. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng Huấn sư hay Chân sư phải thấu hiểu bản chất riêng của môn sinh mình tường tận đến mức nào. Khả năng của Chân sư trong việc biết rõ như vậy vượt xa khả năng của chúng ta. Nhưng chỉ với sự hiểu biết như thế, việc giao các bài tập thở mới an toàn (những bài tập điều khiển các ngọn lửa của thể dĩ thái–thể xác). Trong lĩnh vực này, "ít lại là nhiều". Trên hết, chúng ta tìm cách không gây tổn hại. Cho đến nay, chúng ta còn biết rất ít. Chúng ta phải tạm chưa phán đoán và chờ đến khi có hiểu biết đầy đủ hơn.

At the end of each instruction, we have put a sentence or two which gives information as to the work of the disciple in the Ashram. This will prove particularly enlightening as, for instance, in the cases of P. D. W. and K. E. S. where the Tibetan shows definite prevision and the knowledge that both these men would die a few years later. He is obviously preparing them for that great transition.

Ở cuối mỗi huấn thị, chúng tôi đã thêm một hai câu cung cấp thông tin về công việc của người đệ tử trong ashram. Điều này sẽ đặc biệt giúp làm sáng tỏ, chẳng hạn trong các trường hợp của P. D. W. và K. E. S., khi Chân sư Tây Tạng cho thấy sự tiên kiến rõ ràng và biết rằng cả hai người nam này sẽ qua đời vài năm sau đó. Hiển nhiên, Ngài đang chuẩn bị cho họ đón nhận sự chuyển tiếp lớn lao ấy.

1. The Tibetan is a Master in the use of language, and of the Eastern Masters with Whom we are most familiar, knew English the best.

1. Chân sư Tây Tạng là một Chân sư về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, và trong số các Chân sư phương Đông mà chúng ta quen thuộc nhất, Ngài thông thạo tiếng Anh hơn cả.

2. As we read *what* DK has to say, we will grow in our appreciation of *how* He says it. He is a master of tact, firmness and illumination. Words can be so dangerous, especially the words coming from a Master. He seeks to bring about important changes in the lives of His disciples. He knows things about them which could or would arouse in them adverse reactions. Somehow, He must present the knowledge which must reach them in such a way that it arouses good response rather than bad reaction.

2. Khi đọc *những điều* Chân sư DK nói, chúng ta sẽ ngày càng trân trọng *cách* Ngài nói những điều ấy. Ngài là bậc thầy về sự khéo léo, tính kiên định và khả năng soi sáng. Lời nói có thể rất nguy hiểm, nhất là lời nói từ một Chân sư. Ngài tìm cách đem lại những thay đổi quan trọng trong đời sống các đệ tử của Ngài. Ngài biết những điều về họ có thể hoặc sẽ khơi dậy trong họ những phản ứng bất lợi. Bằng cách nào đó, Ngài phải trình bày những hiểu biết cần truyền đến họ sao cho khơi dậy sự đáp ứng tốt đẹp thay vì phản ứng tiêu cực.

3. Sometimes, however, despite His best efforts, the adverse reaction came, and a number of disciples quit the project because they felt "misunderstood by the Tibetan". In fact they were not misunderstood at all, but understood only too well. They were not ready for the revelation which the presence of the Master inevitably brings.

3. Tuy nhiên, đôi khi, bất chấp mọi nỗ lực của Ngài, phản ứng bất lợi vẫn xảy ra, và một số đệ tử đã rời bỏ dự án vì cảm thấy "Chân sư Tây Tạng hiểu lầm mình". Thực ra, Ngài hoàn toàn không hiểu lầm họ, mà hiểu họ quá rõ. Họ chưa sẵn sàng đón nhận sự mặc khải mà sự hiện diện của Chân sư tất yếu đem lại.

4. AAB speaks of the prophetic power of the Tibetan—in at least two cases, to predict impending death.

4. AAB nói về quyền năng tiên tri của Chân sư Tây Tạng—ít nhất trong hai trường hợp, Ngài đã tiên đoán cái chết sắp đến.

5. In the case of PDW, DK closed His remarks with these words:

5. Trong trường hợp của PDW, Chân sư DK kết thúc những lời nhận xét của Ngài bằng những lời sau:

"Your field of service is around you and embraces all who come your way, and the path of this service leads straight to me, my brother. . . ."

"Lĩnh vực phụng sự của em ở quanh em và bao gồm tất cả những ai đến với em; con đường phụng sự này dẫn thẳng đến Tôi, hỡi huynh đệ của Tôi. . . ."

6. In the case of KES, the Tibetan said, in His

6. Trong trường hợp của KES, Chân sư Tây

closing instruction,

"You could do much for F. C. D. from the quiet of your room. I might add, that he is seeking to help you physically and to strengthen you with life (where'er you live that life)." (DINA I 551)

7. The Tibetan has the task of preparing his disciples for great changes without alarming them or causing adverse reaction. We shall study how He does this.

In closing, I would like to thank all these disciples who have so kindly placed their personal instructions at my disposal [xv] in an effort to be of service to the coming generation of disciples. In many cases, they helped prepare them for the press. I would like also to thank those who helped me to get the text ready for publication, particularly Joseph Lovejoy who gave days of labour to the book; he has for years helped me prepare the Tibetan's books for publication.

1. Words of gratitude follow. Indeed we can all be grateful to these disciples who opened themselves to public scrutiny for the benefit of the disciples who were to follow them.

2. None of us is really and essentially an individual personality. We are all an emanation of the One Life, and we do not 'belong to ourselves alone'. This attitude is, of course, impersonal, and demonstrates that necessary 'distance' from the personal which will allow the personality to be used as an instrument and not as an end in itself.

Tạng nói trong huấn thị cuối cùng của Ngài:

"Em có thể làm nhiều điều cho F. C. D. từ sự tĩnh lặng trong căn phòng của em. Tôi có thể nói thêm rằng người ấy đang tìm cách giúp em về mặt thể chất và củng cố em bằng sự sống (dù ở bất cứ đâu em sống sự sống ấy)." (DINA I 551)

7. Chân sư Tây Tạng có nhiệm vụ chuẩn bị cho các đệ tử của Ngài đón nhận những thay đổi lớn lao mà không làm họ lo sợ hay gây ra phản ứng bất lợi. Chúng ta sẽ nghiên cứu cách Ngài thực hiện điều này.

Để kết thúc, tôi muốn cảm ơn tất cả những đệ tử này, những người đã hết lòng trao cho tôi quyền sử dụng các huấn thị riêng của họ [xv] nhằm phụng sự thế hệ đệ tử sắp đến. Trong nhiều trường hợp, họ đã giúp chuẩn bị những huấn thị ấy để đưa đi in. Tôi cũng muốn cảm ơn những người đã giúp tôi chuẩn bị bản thảo để xuất bản, đặc biệt là Joseph Lovejoy, người đã dành nhiều ngày làm việc cho cuốn sách; trong nhiều năm, ông đã giúp tôi chuẩn bị các sách của Chân sư Tây Tạng để xuất bản.

1. Tiếp theo là những lời tri ân. Thật vậy, tất cả chúng ta đều có thể biết ơn những đệ tử này, những người đã để công chúng xem xét kỹ lưỡng chính mình vì lợi ích của các đệ tử đến sau.

2. Thực sự và xét về bản chất, không ai trong chúng ta là một phàm ngã riêng lẻ. Tất cả chúng ta đều là một phát xạ của Sự Sống Duy Nhất, và chúng ta không 'chỉ thuộc về riêng mình'. Dĩ nhiên, thái độ này mang tính phi cá nhân và thể hiện 'khoảng cách' cần thiết đối với những gì thuộc cá nhân, nhờ đó phàm ngã có thể được sử dụng như một công cụ chứ không phải một mục đích tự nó.

I hope all who read this book will receive the inspiration that we who have prepared it have received; I hope also that their confidence in the Hierarchy and in the existence of Christ and His Disciples, the Masters, may receive such an impetus that many more will attempt to tread the Way and join the great number of aspirants in every country who are seeking to tread the Path by becoming the Path Itself.

Tôi hy vọng tất cả những ai đọc cuốn sách này sẽ đón nhận nguồn cảm hứng mà chúng tôi, những người đã chuẩn bị cuốn sách, đã nhận được; tôi cũng hy vọng niềm tin của họ vào Thánh đoàn và vào sự hiện hữu của Đức Christ cùng các Đệ tử của Ngài, tức các Chân sư, sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ đến mức có thêm nhiều người cố gắng bước trên Đường Đạo và gia nhập đông đảo những người chí nguyện ở mọi quốc gia, những người đang tìm cách bước trên Đường Đạo bằng cách trở thành chính Đường Đạo.

1. We see the service which this book (DINA I) was intended to provide.

1. Chúng ta thấy mục đích phụng sự mà cuốn sách này (DINA I) hướng đến.

2. AAB ends with an inspiring exhortation, as DK so often does.

2. AAB kết thúc bằng một lời khích lệ đầy cảm hứng, như Chân sư DK vẫn thường làm.

3. Inspiration is a 'breathing in' of a living fire. It uplifts and gives the energy to go on. There is much inertia to be overcome. "Sloth" is the "major liability of the average initiate"—not just the average disciple! Inspiration overcomes sloth.

3. Cảm hứng là sự 'hít vào' một ngọn lửa sống động. Nó nâng chúng ta lên và đem lại năng lượng để tiếp tục. Có rất nhiều tính trì trệ cần phải vượt qua. "Sự lười biếng" là "nhược điểm lớn nhất của điểm đạo đồ trung bình"—chứ không chỉ của đệ tử trung bình! Cảm hứng khắc phục sự lười biếng.

4. Surely we must see that what was possible for these disciples, chosen to be members of DK's outer groups, is also possible for us—at some time, whether in the immediate future or some time afterwards. Surely we feel a keen incentive to make ourselves worthy of such training so that we may rapidly join the ranks of those who are really equipped to serve.

4. Chắc hẳn chúng ta phải thấy rằng những gì đã có thể xảy ra với các đệ tử này, những người được chọn làm thành viên các nhóm bên ngoài của Chân sư DK, cũng có thể xảy ra với chúng ta—vào một lúc nào đó, dù trong tương lai gần hay về sau. Chắc hẳn chúng ta cảm thấy một động lực mạnh mẽ thôi thúc mình trở nên xứng đáng với sự huấn luyện ấy, để có thể nhanh chóng gia nhập hàng ngũ những người thực sự có đủ khả năng phụng sự.

5. AAB is calling out to the "band of brothers", asking that their ranks be swelled as they tread the Way together.

5. AAB đang kêu gọi "đoàn huynh đệ", mong hàng ngũ của họ ngày càng đông đảo khi cùng nhau bước trên Đường Đạo.

6. She ends by asking us to tread the Path by "becoming the Path Itself". Upon this injunction each of us must ponder. To fulfill it, would change us from theoretical esotericists into the genuine item—the practical esotericist.

7. May we be inspired by our study of the DINA books, and may we move on—together—"out of the fire, into the cold and towards a newer tension"

October 1943

ALICE A. BAILEY

To the next commentary

6. Bà kết thúc bằng lời đề nghị chúng ta bước trên Đường Đạo bằng cách "trở thành chính Đường Đạo". Mỗi chúng ta phải suy ngẫm về huấn lệnh này. Thực hiện được điều ấy sẽ chuyển đổi chúng ta từ những nhà bí truyền học lý thuyết thành những nhà bí truyền học đích thực—những người thực hành huyền bí học.

7. Cầu mong chúng ta được truyền cảm hứng qua việc nghiên cứu các sách DINA, và cầu mong chúng ta cùng nhau tiến bước—"ra khỏi ngọn lửa, đi vào giá lạnh và hướng đến một điểm tập trung nhất tâm mới hơn"

Tháng Mười năm 1943

ALICE A. BAILEY

Sang phần bình giảng tiếp theo

SECTION ONE
TALKS TO DISCIPLES, – PHẦN MỘT
NHỮNG BÀI NÓI CHUYỆN VỚI CÁC ĐỆ TỬ,

2. PART I – 2. PHẦN I

[3]

MY BROTHERS:

It is of importance that you realise that today something new is happening. There is the emergence of a new kingdom in nature, the fifth kingdom; this is the Kingdom of God on earth or the kingdom of souls. It is precipitating on earth and will be composed of those who are becoming group-conscious and who can work in group formation. This

[3]

CÁC HUYNH ĐỆ CỦA TÔI:

Điều quan trọng là các bạn nhận ra rằng ngày nay có một điều mới mẻ đang diễn ra. Một giới mới trong thiên nhiên đang xuất hiện, giới thứ năm; đây là Thiên Giới trên Trái Đất hay giới của các linh hồn. Giới ấy đang ngưng tụ trên Trái Đất và sẽ gồm những người đang trở nên có tâm thức nhóm và có thể làm việc theo đội hình

will be possible, because these people will have achieved a self-initiated perfection (even if relative in nature) and will be identified with certain group expansions of consciousness. It will also be because they have arrived at love of their fellowmen, just as they have loved themselves in the past. Think on this with clarity, my brothers, and grasp, if you can, the full significance of this last sentence.

nhóm. Điều này sẽ khả thi vì những người ấy sẽ đạt được một sự hoàn thiện do chính mình khởi xướng (dù về bản chất chỉ là tương đối) và sẽ đồng hoá với một số sự mở rộng tâm thức nhóm. Điều đó cũng sẽ khả thi vì họ đã đạt đến chỗ yêu thương đồng loại như đã từng yêu thương chính mình trong quá khứ. Hỡi các huynh đệ của Tôi, hãy suy nghĩ thật sáng suốt về điều này và, nếu có thể, hãy nắm bắt trọn vẹn thâm nghĩa của câu cuối ấy.

1. The Tibetan begins with the essential — the reason for which He and all the Masters are working and one of the main reasons for which the Christ is 'Reappearing'. A major emergence is underway.

1. Chân sư Tây Tạng bắt đầu bằng điều cốt yếu—lý do mà Ngài cùng tất cả các Chân sư đang làm việc, và một trong những lý do chính khiến Đức Christ đang 'Tái Lâm'. Một sự xuất hiện trọng đại đang diễn ra.

2. The fifth kingdom of nature, the kingdom of souls *already* exists, but it is the forthcoming *precipitation* of that kingdom on earth which is of moment.

2. Giới thứ năm của thiên nhiên, giới của các linh hồn, *đã* hiện hữu, nhưng chính sự *ngưng tụ* sắp tới của giới ấy trên Trái Đất mới là điều có ý nghĩa trọng đại.

3. Participation in that kingdom begins with the first initiation. Therefore, we can understand that the initiate of the first degree is *becoming* group conscious. One can be a member of that kingdom (though, perhaps, not a *full* member) before one is completely group conscious.

3. Việc tham gia vào giới ấy bắt đầu từ lần điểm đạo thứ nhất. Do đó, chúng ta có thể thấu hiểu rằng điểm đạo đồ bậc một *đang trở nên* có tâm thức nhóm. Một người có thể là thành viên của giới ấy (dù có lẽ chưa phải là thành viên *trọn vẹn*) trước khi hoàn toàn có tâm thức nhóm.

4. What is a "self-initiated perfection"? What is the *self* that initiates that perfection? The dedicated personality is certainly involved. Although the soul is constantly sending its streams of elevating energy to the personality, the personality must aspire towards soul-life and to the relative perfection that supervenes when the state of soul-infusion develops.

4. Thế nào là một "sự hoàn thiện do chính mình khởi xướng"? *Bản ngã* nào khởi xướng sự hoàn thiện ấy? Chắc chắn phàm ngã tận hiến có dự phần. Dù linh hồn không ngừng gửi những dòng năng lượng nâng cao của nó đến phàm ngã, phàm ngã vẫn phải khát vọng hướng đến đời sống linh hồn và sự hoàn thiện tương đối nảy sinh khi trạng thái được linh hồn thấm nhuần phát triển.

5. Perfection is another word for "completion". If one's soul nature is not a

5. Hoàn thiện là một từ khác để chỉ "sự hoàn tất". Nếu bản chất linh hồn của một người

part of one's personality demonstration, there is no completion. There is not even "integration".

không là một phần trong biểu hiện phàm ngã của người ấy, thì không có sự hoàn tất. Thậm chí còn chưa có "sự tích hợp".

6. What are the "expansions of consciousness" which characterize those who are members of the fifth kingdom? Perhaps one is the ability to 'hold the group in the heart'. The group becomes strongly present in the individual's consciousness; life is lived and decisions made with the group in heart and mind.

6. Những "sự mở rộng tâm thức" nào là đặc trưng của các thành viên thuộc giới thứ năm? Có lẽ một trong số đó là khả năng 'giữ nhóm trong tim'. Nhóm hiện diện mạnh mẽ trong tâm thức của cá nhân; người ấy sống và đưa ra quyết định với nhóm luôn ở trong tâm và trí.

7. A key discriminator for those who would be members of this kingdom is to love one's fellowman just as one has loved himself/herself in the past.

7. Một tiêu chí phân biệt then chốt đối với những người muốn trở thành thành viên của giới này là yêu thương đồng loại của mình như đã từng yêu thương chính mình trong quá khứ.

"Let the disciple search within the heart's deep cave. If there the fire burns bright, warming his brother, yet heating not himself, the hour has come for making application to stand before the door". (Rule I for Applicants)

"Hãy để đệ tử tìm kiếm trong hang sâu của trái tim. Nếu ngọn lửa nơi ấy cháy sáng, sưởi ấm huynh đệ của y mà không làm nóng chính y, thì giờ đã đến để thỉnh cầu được đứng trước cánh cửa." (Quy luật I dành cho Những Người Thỉnh Nguyện)

8. Life experience eventually transfers one's focus to others and their welfare. Pain is the great sensitizer, and over millennia, the experience of pain makes it possible to *feel* what another feels (as if the feeling were one's own). Pain 'softens the Cancerian shell', as it were. This participation in the energy states of another is the beginning of love. Selfishness "builds up a wall of separation". The wall has to be broken so that the individual can participate in energy states outside his/her own ring-pass-not.

8. Kinh nghiệm sống cuối cùng chuyển sự tập trung của mỗi người sang người khác và phúc lợi của họ. Đau khổ là tác nhân lớn làm tăng sự nhạy cảm, và qua hàng thiên niên kỷ, trải nghiệm đau khổ khiến con người có thể *cảm nhận* điều người khác cảm nhận (như thể cảm giác ấy là của chính mình). Có thể nói, đau khổ 'làm mềm lớp vỏ Cự Giải'. Sự cùng dự phần vào các trạng thái năng lượng của người khác này là khởi đầu của tình thương. Tính ích kỷ "dựng lên một bức tường ngăn cách". Bức tường phải bị phá vỡ để cá nhân có thể dự phần vào các trạng thái năng lượng bên ngoài vòng-giới-hạn của chính mình.

"The selfish words, sent forth with strong

"Những lời ích kỷ, phát ra với ý định mạnh mẽ,

intent, build up a wall of separation. Long time it takes to break that wall and so release the stored-up, selfish purpose. See to thy motive, and seek to use those words which blend the little life with the large purpose of the will of God. " (Fifteen Counsels, TWM, 474)

dựng lên một bức tường ngăn cách. Phải mất nhiều thời gian mới phá vỡ được bức tường ấy và nhờ đó giải phóng mục đích ích kỷ đã tích tụ. Hãy xem xét động cơ của ngươi, và tìm cách dùng những lời hòa quyện sự sống nhỏ bé với mục đích rộng lớn của Ý Chí của Thượng Đế. " (Mười Lăm Lời Khuyên, Luận về Chánh Thuật, 474)

9. For those who are ready to enter the fifth kingdom, ego boundaries have been challenged — penetrated, melted, shattered, vaporized, even pulverized (the work of certain great trans-Saturnian planets). The candidate for the fifth kingdom no longer lives unto himself alone.

9. Đối với những người đã sẵn sàng bước vào giới thứ năm, các ranh giới phàm ngã đã chịu thử thách — bị xuyên thủng, làm tan chảy, đập vỡ, hóa hơi, thậm chí nghiền nát (công việc của một số hành tinh lớn nằm ngoài quỹ đạo Sao Thổ). Ứng viên vào giới thứ năm không còn chỉ sống cho riêng mình.

10. Understanding the New Discipleship is or real importance. DK's teachings on this subject were second in importance only to His teachings on Shamballa. (R&I 251)

10. Việc thấu hiểu Địa Vị Đệ Tử Mới có tầm quan trọng thực sự. Giáo huấn của Chân sư DK về chủ đề này chỉ đứng sau giáo huấn của Ngài về Shamballa về tầm quan trọng. (Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo, 251)

11. A new method of spiritual approach is being enunciated. We wish to avail ourselves of the opportunity being offered — do we not?

11. Một phương pháp tiếp cận tinh thần mới đang được trình bày. Chúng ta muốn tận dụng cơ hội đang được trao cho mình — phải vậy không?

Their work will largely be to summarise and make effective the work of those two great Sons of God, the Buddha and the Christ. As you know, One of Them brought illumination to the world and embodied the principle of wisdom, and the Other brought love to the world and embodied in Himself a great cosmic principle — the principle of love.

Công việc của họ phần lớn sẽ là tổng kết và làm cho công việc của hai Người Con vĩ đại ấy của Thượng đế, Đức Phật và Đức Christ, phát huy hiệu quả. Như các bạn biết, một trong hai Ngài đã mang sự soi sáng đến cho thế giới và là hiện thân của nguyên khí minh triết, còn Ngài kia mang tình thương đến cho thế giới và thể hiện nơi chính Ngài một nguyên khí vũ trụ vĩ đại — nguyên khí bác ái.

1. Those who are presently entering the fifth kingdom of nature have as their exemplars the Christ and the Buddha — the two great Brothers Who, together, reflect the Love-

1. Những người hiện đang bước vào giới thứ năm trong thiên nhiên lấy Đức Christ và Đức Phật làm gương mẫu — hai Huynh đệ vĩ đại cùng nhau phản ánh bản chất Bác Ái – Minh

Wisdom nature of both our Planetary Logos and (to a much lesser degree) our Solar Logos.

2. The modern disciple, then, must be familiar with the work of these two great Sons of God. He/she must know at least the *essence* of that work, and, as it were, summarize that essence in his/her approach to living.

3. The Buddha is the "Lord of Light" and conveys "Mind-Wisdom". His planet is Mercury.

4. The Christ is the "Lord of Love" and conveys "Love-Wisdom". His planet is Venus.

5. The Buddha experienced a touch of the *cosmic* mental plane — a feat almost inconceivable to the normal human consciousness.

6. The Christ was the embodiment of the *cosmic* principle of Love.

7. We see, therefore, that both were channels for types of energy which originated 'above' and 'beyond' the cosmic physical plane. Thus Their extraordinary impact on world affairs and humanity, in particular.

How can the effectiveness of Their work be brought about? The process will follow three lines:

1. Individual effort, made by the individual disciple, using the technique of detachment, of dispassion and of discrimination which the Buddha taught.

Triết của cả Hành Tinh Thượng đế chúng ta lẫn Thái dương Thượng đế chúng ta (ở mức độ thấp hơn nhiều).

2. Vì vậy, người đệ tử hiện đại phải am hiểu công việc của hai Người Con vĩ đại này của Thượng đế. Người đệ tử ấy ít nhất phải biết *tinh túy* của công việc ấy và, có thể nói, thể hiện cô đọng tinh túy đó trong cách sống của mình.

3. Đức Phật là "Chúa Tể Ánh Sáng" và truyền đạt "Trí Tuệ – Minh Triết". Hành tinh của Ngài là Sao Thủy.

4. Đức Christ là "Chúa Tể Bác Ái" và truyền đạt "Bác Ái – Minh Triết". Hành tinh của Ngài là Sao Kim.

5. Đức Phật đã trải nghiệm một thoáng tiếp xúc với *cõi trí* vũ trụ — một thành tựu gần như không thể hình dung đối với tâm thức con người thông thường.

6. Đức Christ là hiện thân của *nguyên khí Bác Ái* vũ trụ.

7. Do đó, chúng ta thấy cả hai Ngài đều là những kênh dẫn cho các loại năng lượng bắt nguồn từ 'bên trên' và 'vượt ngoài' cõi hồng trần vũ trụ. Vì thế, Các Ngài có ảnh hưởng phi thường đến các sự vụ thế giới và đặc biệt là nhân loại.

Làm thế nào để công việc của Các Ngài phát huy hiệu quả? Tiến trình này sẽ theo ba hướng:

1. Nỗ lực cá nhân do từng đệ tử thực hiện, sử dụng kỹ thuật tách rời, không đam mê và phân biện mà Đức Phật đã dạy.

2. Group initiation, made possible by the self-initiated effort of individual disciples, following out the injunctions of the Christ and leading to a complete subordination of the personality and of the unit to group interest and group good [4].

2. Điểm đạo nhóm, trở nên khả thi nhờ nỗ lực do từng đệ tử tự khởi xướng, tuân theo những huấn thị của Đức Christ và dẫn đến sự hoàn toàn đặt phàm ngã và đơn vị cá nhân dưới lợi ích và điều thiện của nhóm [4].

3. Group endeavour, carried forward as a group, to love all beings and to apprehend and understand the true significance of the Aquarian technique of group love and work.

3. Nỗ lực nhóm, do cả nhóm cùng thực hiện, để yêu thương mọi sinh linh và nắm bắt, thấu hiểu thâm nghĩa đích thực của kỹ thuật Bảo Bình về tình thương và công việc nhóm.

1. It is not that humanity does not *know* what is to be done. It is simply that there has been a cleavage between knowledge and performance. This cleavage must at last be overcome by the modern disciple.

1. Không phải nhân loại không *biết* điều cần làm. Chỉ đơn giản là đã có một khoảng cách giữa tri thức và thực hành. Cuối cùng, người đệ tử hiện đại phải vượt qua khoảng cách này.

2. If, in the Aquarian Age, the combined Ways of the Buddha and the Christ are instituted, that Age will have been a spiritual success. The culture of the Aquarian Age must be made to express the major quality of these two great Exemplars — Love and Wisdom.

2. Nếu trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, các Con Đường kết hợp của Đức Phật và Đức Christ được thiết lập, thì Kỷ Nguyên ấy sẽ thành công về mặt tinh thần. Phải làm cho nền văn hóa của Kỷ Nguyên Bảo Bình biểu lộ phẩm tính chủ yếu của hai Đấng Gương Mẫu vĩ đại này — Bác Ái và Minh Triết.

3. How shall Their work be rendered effective?

3. Làm thế nào để công việc của Các Ngài phát huy hiệu quả?

a. Individual effort. The Buddha taught "self-reliance" and emphasized it decisively in His "Last Sermon". The "three D's" which the Buddha taught led to the spiritual preparation of the individual for accepted discipleship: dispassion in relation to the emotional body, discrimination in relation to the mental body, and detachment in relation to the entire personality. Discipline (for the physical body) and decentralization, again for the entire personality, might also be added.

a. Nỗ lực cá nhân. Đức Phật dạy "tự lực" và nhấn mạnh điều ấy một cách dứt khoát trong "Bài Thuyết Pháp Cuối Cùng". "Ba điều bắt đầu bằng chữ D" mà Đức Phật đã dạy dẫn đến sự chuẩn bị tinh thần của cá nhân cho địa vị đệ tử được chấp nhận: không đam mê đối với thể cảm xúc, phân biện đối với thể trí, và tách rời đối với toàn bộ phàm ngã. Cũng có thể thêm vào kỷ luật (đối với thể xác) và phi tập trung vào bản thân, một lần nữa đối với toàn bộ phàm ngã.

b. Successful individual effort leads to the

b. Nỗ lực cá nhân thành công dẫn đến khả

possibility of participating correctly in the process of group initiation. Unless the members of a group which is a candidate for initiation are, themselves, self-motivated and self-propelling disciples, group initiation is not possible, for a real group could not exist. Such a group requires the participation of *strong individuals* who are willing to subordinate their individual strength to group good, without vitiating that strength.

năng tham gia đúng đắn vào tiến trình điểm đạo nhóm. Trừ khi chính các thành viên của một nhóm ứng viên điểm đạo là những đệ tử có động lực và sức thúc đẩy từ bên trong, điểm đạo nhóm không thể xảy ra, vì một nhóm thực sự sẽ không thể tồn tại. Một nhóm như vậy đòi hỏi sự tham gia của *những cá nhân mạnh mẽ* sẵn lòng đặt sức mạnh cá nhân của mình dưới điều thiện của nhóm mà không làm suy yếu sức mạnh ấy.

c. Notice that the Tibetan calls for "complete" subordination of the personality to group interest and group good. The requirements are uncompromising, and many will be the tests on the way to perfection. Members of the Hierarchy have achieved this kind of subordination. A refined sense of values (soul values) is required if the personality or unit is to willingly consent to such subordination.

c. Hãy lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng kêu gọi đặt phàm ngã "hoàn toàn" dưới lợi ích và điều thiện của nhóm. Những yêu cầu này không chấp nhận sự thỏa hiệp, và trên con đường đi đến sự hoàn thiện sẽ có nhiều thử thách. Các thành viên của Thánh đoàn đã đạt được sự phục tùng như thế. Cần có một ý thức tinh tế về các giá trị (các giá trị linh hồn) để phàm ngã hay đơn vị cá nhân sẵn lòng chấp thuận sự phục tùng ấy.

d. The group works *as a group*. It moves forward in love (the love of *all* beings). Group love and (real) group work are completely interdependent. It is impossible to have one without the other — at least not in spiritual groups.

d. Nhóm hoạt động *với tư cách một nhóm*. Nhóm tiến lên trong tình thương (tình thương dành cho *mọi* sinh linh). Tình thương nhóm và công việc nhóm (đích thực) hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau. Không thể có điều này mà thiếu điều kia — ít nhất là trong các nhóm tinh thần.

e. *Group* endeavor *could* be carried forward by *individuals*. Older types of groups have done this. Such individual spoke for the entire group and mobilized the entire group according to their will. Therefore, it is important that group endeavor be carried forward "as a *group*". This means an end to crude forms of unilateralism, acting, instead, with the other members of the group in mind and heart. At least the imagined *presence* of all group members will be *present* in any significant decision. This

e. *Nỗ lực nhóm có thể* do *các cá nhân* thực hiện. Các loại nhóm trước đây đã làm như vậy. Những cá nhân như thế lên tiếng thay cho toàn nhóm và huy động toàn nhóm theo ý chí của mình. Do đó, điều quan trọng là nỗ lực nhóm phải được thực hiện "với tư cách một *nhóm*". Điều này có nghĩa là chấm dứt những hình thức đơn phương thô thiển, thay vào đó hành động với các thành viên khác của nhóm trong tâm trí và trái tim mình. Trong bất kỳ quyết định quan trọng nào, ít nhất *sự hiện diện* trong hình dung của

does not necessarily mean that every little matter will be discussed in person, but that the one who must decide will do so *as if* the others were part of the decision. Such an attitude will temper individualism.

mọi thành viên nhóm sẽ *hiện hữu* . Điều này không nhất thiết có nghĩa là mọi chuyện nhỏ đều phải được thảo luận trực tiếp, mà là người phải quyết định sẽ làm như vậy *như thể* những người khác cùng tham gia vào quyết định ấy. Một thái độ như thế sẽ điều hòa chủ nghĩa cá nhân.

I have felt that a linking up of your minds in connection with the work of the Buddha and of the Christ might serve a useful purpose and give you all a glimpse and an indication of Their two systems of unfoldment — one preparatory to accepted discipleship and the other to initiation — which would be sequential and inter-related. The synthesis of Their work is easily seen by us who work with a fuller vision and a less impeded outlook than is as yet possible to you.

Tôi cảm thấy rằng việc kết nối các thể trí của các bạn quanh công việc của Đức Phật và Đức Christ có thể phục vụ một mục đích hữu ích, cho tất cả các bạn thoáng thấy và nhận được một chỉ dấu về hai hệ thống khai mở của Các Ngài — một hệ thống chuẩn bị cho địa vị đệ tử được chấp nhận, hệ thống kia chuẩn bị cho điểm đạo — vốn nối tiếp và liên hệ với nhau. Chúng tôi, những người làm việc với tầm nhìn đầy đủ hơn và cách nhìn ít bị cản trở hơn mức hiện nay các bạn có thể đạt được, dễ dàng thấy sự tổng hợp trong công việc của Các Ngài.

1. The Masters must certainly deplore the way in which so many Christians and Buddhists perceive their religions as entirely different from each other and, even, opposed.

1. Các Chân sư hẳn phải lấy làm tiếc trước cách rất nhiều tín đồ Kitô giáo và Phật giáo xem tôn giáo của mình hoàn toàn khác biệt, thậm chí đối lập với tôn giáo kia.

2. The Great Brothers of the East and West function in the closest unity, and work as if one.

2. Các Huynh đệ Vĩ đại của phương Đông và phương Tây hoạt động trong sự hợp nhất mật thiết nhất và làm việc như một.

3. It is clear that, in the new discipleship, the ways and systems of the Buddha and the Christ are to be *linked* as if they were part of One Great Work, which, indeed, they are.

3. Rõ ràng, trong địa vị đệ tử mới, các con đường và hệ thống của Đức Phật và Đức Christ phải được *kết nối* như thể chúng là những phần của Một Công Việc Vĩ Đại, mà quả thực chúng chính là như vậy.

4. To link the East and West through an appreciation of the interrelated work of the Buddha and the Christ is an act of religio-philosophical inclusion suitable to Aquarian consciousness.

4. Kết nối phương Đông và phương Tây qua việc trân trọng công việc tương liên của Đức Phật và Đức Christ là một hành động bao gồm về mặt tôn giáo và triết học, phù hợp với tâm thức Bảo Bình.

5. Can we understand how the Buddha's work was preparatory to *accepted discipleship* and the Christ's, to *initiation*? Naturally, those who worked closely with the Buddha also took initiation, and some who followed the Christ's way found themselves stepping on the path of accepted discipleship. But the principle of the statement is correct.

5. Chúng ta có thể thấu hiểu công việc của Đức Phật đã chuẩn bị cho *địa vị đệ tử được chấp nhận*, còn công việc của Đức Christ chuẩn bị cho *điểm đạo* như thế nào không? Dĩ nhiên, những người làm việc gần gũi với Đức Phật cũng được điểm đạo, và một số người đi theo con đường của Đức Christ nhận thấy mình đang bước trên con đường dẫn đến địa vị đệ tử được chấp nhận. Nhưng về nguyên tắc, phát biểu ấy là đúng.

6. A simple way of understanding the two systems is that the Buddha's Teaching led to an ability to detach from a desire for "life in the three worlds". Once that detachment was in place, it became possible to "give all" under the injunction of the Christ, Who taught service to the world through complete sacrifice. This complete giving leads directly to initiation.

6. Một cách đơn giản để thấu hiểu hai hệ thống là Giáo Huấn của Đức Phật dẫn đến khả năng tách rời khỏi dục vọng về "sự sống trong ba cõi giới". Một khi đã có sự tách rời ấy, con người có thể "hiến dâng tất cả" theo huấn thị của Đức Christ, Đấng đã dạy phụng sự thế gian qua sự hi sinh trọn vẹn. Sự hiến dâng trọn vẹn này dẫn thẳng đến điểm đạo.

7. One gathers that the Tibetan is preparing the way for the New World Religion which will emphasize *both* the Buddha's and the Christ's approaches.

7. Có thể hiểu rằng Chân sư Tây Tạng đang chuẩn bị con đường cho Tân Tôn Giáo Thế Giới, vốn sẽ nhấn mạnh *cả hai* cách tiếp cận của Đức Phật và Đức Christ.

I am, therefore, dividing my disciples into groups so that they may work on different aspects of the Plan, and also laying the ground for group work which will greatly help the individual but which will also — above everything else — forward the work of the New Age.

Do đó, Tôi đang chia các đệ tử của mình thành những nhóm để họ có thể làm việc trên các phương diện khác nhau của Thiên Cơ, đồng thời đặt nền móng cho công việc nhóm sẽ giúp ích rất nhiều cho cá nhân nhưng cũng sẽ — trên hết mọi điều — thúc đẩy công việc của Kỷ Nguyên Mới.

1. Here the Tibetan speaks of His plan to divide His students into the "groups-of-nine", although in this reference He is not explicit about exact numbers within the intended groups nor about the details of their functioning.

1. Ở đây, Chân sư Tây Tạng nói về kế hoạch chia các đạo sinh của Ngài thành "các nhóm chín người", mặc dù trong đoạn này Ngài không nói rõ số lượng chính xác trong các nhóm dự kiến, cũng như chi tiết về cách hoạt động của họ.

2. The Tibetan's plan (only partially fulfilled) was to form a number of "groups-of-nine" —

2. Kế hoạch của Chân sư Tây Tạng (chỉ được thực hiện một phần) là thành lập một số

perhaps only seven, but perhaps ten.

3. These groups of nine would focus on the familiar seed-group areas of service:

a. Telepathy

b. Glamor

c. Healing

d. Education

e. Politics

f. Religion

g. Science

h. Psychology

i. Economics

j. Creative Manifestation

4. It may have been the intention to form the last three seed-groups from those who were participating in the first seven. We cannot be sure. Probably group eight and nine would have had nine members, and group ten, perhaps twenty-seven members, drawing three from each of the previous nine groups of nine. .

5. These groups were intended to result in four types of benefit:

a. individual benefit for the group participants

b. benefit for those the group served

"nhóm chín người" — có lẽ chỉ bảy nhóm, nhưng cũng có lẽ là mười nhóm.

3. Những nhóm chín người này sẽ tập trung vào các lĩnh vực phụng sự quen thuộc của nhóm hạt giống:

a. Viễn cảm

b. Ảo cảm

c. Trị liệu

d. Giáo dục

e. Chính trị

f. Tôn giáo

g. Khoa học

h. Tâm lý học

i. Kinh tế học

j. Biểu hiện Sáng tạo

4. Có thể ý định là thành lập ba nhóm hạt giống cuối cùng từ những người đang tham gia bảy nhóm đầu tiên. Chúng ta không thể chắc chắn. Có lẽ nhóm tám và nhóm chín mỗi nhóm sẽ có chín thành viên, còn nhóm mười có lẽ có hai mươi bảy thành viên, lấy ba người từ mỗi nhóm trong chín nhóm chín người trước đó. .

5. Những nhóm này được dự định sẽ mang lại bốn loại lợi ích:

a. lợi ích cá nhân cho những người tham gia nhóm

b. lợi ích cho những người mà nhóm phụng

sự

c. benefit *for the group as a group*.

c. lợi ích *cho nhóm với tư cách một nhóm*.

d. benefit for humanity as a whole

d. lợi ích cho toàn thể nhân loại

However, the main purpose of these three was, as will be clear, a *group* purpose, and was intended to have a role in forwarding the work of the New Age.

Tuy nhiên, như sẽ thấy rõ, mục đích chính của ba điều này là mục đích *nhóm*, và nhằm giữ một vai trò trong việc thúc đẩy công việc của Kỷ Nguyên Mới.

6. The first volume of the discipleship books — *Discipleship in the New Age, Vol. I,* deals with the work done while the groups-of-nine were extant. They were disbanded in 1940 prior to reorganization under different groupings.

6. Tập đầu tiên của bộ sách về địa vị đệ tử — *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập I,* bàn đến công việc đã thực hiện khi các nhóm chín người còn tồn tại. Các nhóm này giải thể vào năm 1940 trước khi được tổ chức lại theo những cách phân nhóm khác.

It is, therefore, my intention to write a little in detail in connection with these groups. My time is very limited and I shall have to put a great deal of information into these talks and into any individual instructions which I may be led to give (probably at widely separated intervals) to my disciples. I am not basically writing for any of you at all but in order to lay the foundation for the group work to be done in the world during the coming years. What I say should be read with care, for the written word may contain several meanings and these can be sensed, according to the intuition — awakened or otherwise — of the aspirant.

Do đó, Tôi có ý định viết đôi chút chi tiết về các nhóm này. Thời gian của Tôi rất hạn hẹp, và Tôi sẽ phải đưa rất nhiều thông tin vào những bài nói chuyện này cũng như vào bất kỳ huấn thị cá nhân nào mà Tôi có thể thấy cần trao cho các đệ tử của mình (có lẽ vào những thời điểm cách nhau rất xa). Về cơ bản, Tôi hoàn toàn không viết cho riêng bất kỳ ai trong các bạn, mà để đặt nền móng cho công việc nhóm sẽ được thực hiện trên thế giới trong những năm sắp tới. Những điều Tôi nói cần được đọc kỹ, vì lời văn có thể chứa nhiều tầng nghĩa, và người chí nguyện có thể cảm nhận những tầng nghĩa ấy tùy theo trực giác của mình — đã thức tỉnh hay chưa.

1. The Tibetan states His intention to write about the groups which would come to be known as the "Seed Groups".

1. Chân sư Tây Tạng nêu ý định viết về các nhóm về sau sẽ được biết đến với tên gọi "Các Nhóm Hạt Giống".

2. One can only imagine what the 'schedule' of a Master would be like. If He says His time is very limited He means it. We have to remember the historical period in which the

2. Người ta chỉ có thể hình dung 'lịch làm việc' của một Chân sư sẽ như thế nào. Nếu Ngài nói thời gian của Ngài rất hạn hẹp thì đúng là như vậy. Chúng ta phải nhớ đến giai

DINA experiment occurred; it took place in the years prior to the outset of World War II. From the Masters' perspective, the imminent danger could already be seen. DK was, thus, writing to these students at a time of gathering world crisis when the masters were doing everything possible to prevent world disaster. Nevertheless, Master DK took time from His pressing schedule to attend to the relatively unimportant task of writing to a group of disciples whom He had accepted. He did this for the sake of their future group usefulness, not for their welfare as personalities.

đoạn lịch sử diễn ra cuộc thử nghiệm Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới; đó là những năm trước khi Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ. Từ góc nhìn của các Chân sư, đã có thể thấy mối nguy hiểm cận kề. Như vậy, Chân sư DK viết cho những đạo sinh này vào lúc cuộc khủng hoảng thế giới đang tích tụ, khi các Chân sư đang làm mọi điều có thể để ngăn chặn thảm họa thế giới. Tuy nhiên, Chân sư DK vẫn dành thời gian trong lịch làm việc dồn dập của Ngài để lo việc tương đối ít quan trọng là viết cho một nhóm đệ tử mà Ngài đã chấp nhận. Ngài làm điều này vì khả năng hữu ích của họ trong công việc nhóm tương lai, chứ không vì phúc lợi của họ với tư cách các phàm ngã.

3. A Master is capable of conveying much in little. This is one way to economize on time.

3. Một Chân sư có khả năng truyền đạt nhiều điều qua ít lời. Đây là một cách tiết kiệm thời gian.

4. His words to his disciples are immediately decentralizing. They are told that the Master is not writing for any of them, really, but for larger purposes. The potentials for glamorous response were considerable, and Master DK seeks always to offset such a possibility. He begins the *group approach* immediately.

4. Những lời Ngài nói với các đệ tử lập tức giúp họ phi tập trung vào bản thân. Ngài cho họ biết rằng thực ra Chân sư không viết cho riêng bất kỳ ai trong số họ, mà vì những mục đích lớn lao hơn. Khả năng xuất hiện những đáp ứng mang ảo cảm là đáng kể, và Chân sư DK luôn tìm cách hóa giải khả năng ấy. Ngài lập tức bắt đầu *cách tiếp cận nhóm*.

5. Here, He gives sound advice concerning how to read a Master's words — *with care.* The Master is fully aware of the several levels of interpretation of His words that may be possible. In fact, He is consciously writing for several levels of apprehension simultaneously.

5. Ở đây, Ngài đưa ra lời khuyên xác đáng về cách đọc những lời của một Chân sư — *một cách cẩn trọng.* Chân sư hoàn toàn biết rõ có thể có nhiều cấp độ diễn giải những lời của Ngài. Thực ra, Ngài chủ ý viết đồng thời cho nhiều cấp độ lĩnh hội.

6. He challenges His students to use their intuition if they are to get the most out of what He may say.

6. Ngài thách thức các đạo sinh của mình sử dụng trực giác nếu muốn thu nhận được nhiều nhất từ những điều Ngài có thể nói.

I, your Tibetan Brother, am supposing upon

Tôi, Huynh đệ Tây Tạng của các bạn, giả

the part of each of my disciples, one basic essential at least and that is a persevering earnestness which nothing will deter. Each of you starts upon this work with certain fundamental characteristics; each of you is beginning this definite enterprise of training for initiation with certain defects which act as deterrents and as handicaps; each of you has been recognised by his light and for his potentialities and with these we must perforce do the best we can. Note, therefore, the difficult problem confronting Those Who are guiding world evolution and looking for those who can aid in Their work [5].

định rằng mỗi đệ tử của Tôi ít nhất đều có một điều cốt yếu căn bản, đó là lòng nhiệt thành bền bỉ mà không gì có thể làm thoái chí. Mỗi người trong các bạn bắt đầu công việc này với những đặc điểm nền tảng nhất định; mỗi người trong các bạn bắt đầu công cuộc huấn luyện cụ thể để chuẩn bị cho điểm đạo này với những khuyết điểm nhất định gây cản trở và bất lợi; mỗi người trong các bạn đã được nhận biết qua ánh sáng và các tiềm năng của mình, và với những điều ấy, chúng ta nhất thiết phải làm hết sức có thể. Do đó, hãy lưu ý vấn đề khó khăn mà Các Đấng đang hướng dẫn sự tiến hoá thế giới và tìm kiếm những người có thể trợ giúp công việc của Các Ngài phải đối diện [5].

1. In a factual manner, Master DK points to the *sina qua non* of the training He is proposing to give — "a persevering earnestness which nothing will deter". At the very least, those in His groups must *not give up*. Of course, a number of them did precisely that, and some few were discontinued by DK and AAB.

1. Một cách thực tế, Chân sư DK chỉ ra *điều kiện không thể thiếu* của sự huấn luyện mà Ngài dự định trao cho — "lòng nhiệt thành bền bỉ mà không gì có thể làm thoái chí". Ít nhất, những người trong các nhóm của Ngài phải *không bỏ cuộc*. Dĩ nhiên, một số người trong họ đã làm đúng điều ấy, và một số ít đã được Chân sư DK và Bà AAB cho ngừng tham gia.

2. DK is nothing if not realistic in His assessment of His students' abilities and liabilities. He studies their character — probably for hours (though at a distance, and not just once, but, perhaps, every time He has writes them a letter). He knows somewhat the kind of responses He may expect. He sees their light, its potential and promise; He also sees their defects and, really, is far more aware of such defects than the students are. So often we are blind to our own liabilities, more easily seen by another — especially by a Master of the Wisdom.

2. Chân sư DK hết sức thực tế khi đánh giá những khả năng và nhược điểm của các đạo sinh của Ngài. Ngài nghiên cứu tính cách của họ — có lẽ hàng giờ liền (dù từ xa, và không chỉ một lần, mà có lẽ mỗi lần Ngài viết thư cho họ). Ngài biết phần nào những loại đáp ứng mà Ngài có thể trông đợi. Ngài thấy ánh sáng của họ, tiềm năng và triển vọng của ánh sáng ấy; Ngài cũng thấy các khuyết điểm của họ và thực sự biết rõ những khuyết điểm ấy hơn các đạo sinh rất nhiều. Chúng ta rất thường không thấy những nhược điểm của chính mình, trong khi người khác dễ thấy chúng hơn — đặc biệt là một Chân sư Minh Triết.

3. He knows He faces no easy task. The 'material' with which He has to work is what it is, and with it, He will do the best he can.

3. Ngài biết mình đang đối diện một nhiệm vụ không hề dễ dàng. 'Chất liệu' mà Ngài phải làm việc cùng vốn là như vậy, và với chất liệu ấy, Ngài sẽ làm hết sức có thể.

4. The Tibetan, no doubt, "looked up" a number of significant past lives of His proposed group members. Perhaps He, Himself, was present in those lives (for He so often addresses the disciples as "Brother of Old") and readily remembered what was significant. In any case, it would be necessary for Him to evaluate whether the spiritual potentials of his would-be disciples outweighed their liabilities. Probably, if He felt this were *not* the case, He would not have invited these disciples to become participants in His outer groups. Probably, in some cases He gave a disciple the benefit of the doubt, realizing that, for the spirit, anything is possible, and a new level of functioning *could possibly* be reached, however improbable it might seem.

4. Chắc hẳn Chân sư Tây Tạng đã "tra cứu" một số kiếp sống quá khứ quan trọng của những người Ngài dự định đưa vào nhóm. Có lẽ chính Ngài đã hiện diện trong những kiếp sống ấy (vì Ngài rất thường gọi các đệ tử là "Huynh Đệ của Ngày Xưa") và dễ dàng nhớ lại những điều quan trọng. Dù sao, Ngài cũng cần đánh giá xem các tiềm năng tinh thần của những người có thể trở thành đệ tử của Ngài có lớn hơn những nhược điểm của họ hay không. Có lẽ, nếu Ngài cảm thấy điều này *không* đúng, Ngài đã không mời những đệ tử ấy tham gia các nhóm bên ngoài của Ngài. Có lẽ trong một số trường hợp, Ngài đã tin tưởng dành cho một đệ tử cơ hội dù còn nghi ngại, vì nhận ra rằng đối với tinh thần, mọi điều đều có thể, và một cấp độ hoạt động mới *có thể có khả năng* đạt tới, dù điều ấy dường như khó xảy ra đến đâu.

5. The Tibetan's remarks may have produced in some of His students an attitude of humility; that would have been a desirable response. It is always a good sign when a disciple appreciates (at least a little) the problem with which his/her Master is confronted.

5. Những nhận xét của Chân sư Tây Tạng có thể đã khơi dậy thái độ khiêm nhường nơi một số đạo sinh của Ngài; đó hẳn là một đáp ứng đáng mong muốn. Luôn là một dấu hiệu tốt khi một đệ tử nhận thức được (ít nhất đôi chút) vấn đề mà Chân sư của mình đang đối diện.

6. It is only a developed sense of spiritual values which will see the disciple through, as the many inevitable difficulties involved in such training descend. Venus (for values) and Vulcan (for persistence) are both required. We can see that Taurus (the sign of Wisdom and Enlightenment) must be involved in such training, and, indeed, it is the ruler of the New Group of World Servers. I have often suspected that the Tibetan's

6. Chỉ một ý thức phát triển về các giá trị tinh thần mới giúp người đệ tử vượt qua khi nhiều khó khăn tất yếu trong sự huấn luyện như thế ập đến. Cả Sao Kim (về các giá trị) lẫn Vulcan (về sự kiên trì) đều cần thiết. Chúng ta có thể thấy Kim Ngưu (dấu hiệu của Minh Triết và Giác Ngộ) hẳn phải có liên quan đến sự huấn luyện như thế, và quả thực, đó là chủ tinh của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Tôi thường nghi rằng lá

astrology contains much Taurus (as well as Gemini — the "Messenger").

I will teach you. Whether or not you profit by the teaching is entirely your own affair; that is something that the disciples of the New Age need to learn. There is no such thing as occult obedience as usually taught by the current occult schools. In the olden days in the East, the Master exacted from His disciple that implicit obedience which actually made the Master responsible and placed upon His shoulders the destiny or the karma of the disciple. That condition no longer holds good. The intellectual principle in the individual is now too much developed to warrant this type of expectancy. Therefore, this condition no longer holds good. In the coming New Age, the Master is responsible for the offering of opportunity and for the right enunciation of the truth but for no more than that. In these more enlightened days, no such position is assumed by the teacher as in the past, and I do not assume it. I shall with frankness speak. I know my disciples, for no disciple is admitted into an Ashram without deep consideration on the part of the teacher. I shall convey by hint and symbol that which should be apprehended and it will be noted and understood by those among my disciples who have the opened, inner ear and true humility of heart. If it is not recognised, time will pursue its onward course and revelation will ultimately come. I exact, therefore, no blind obedience. But, however, if advice and suggestion are accepted and you choose — of your own free will — to follow my instructions, those instructions must be followed accurately. Also, there must be none of that constant looking for results and for phenomena which has

số chiêm tinh của Chân sư Tây Tạng có nhiều ảnh hưởng của Kim Ngưu (cũng như Song Tử — "Sứ Giả").

Tôi sẽ dạy các bạn. Các bạn có tiếp thu được lợi ích từ giáo huấn hay không hoàn toàn là việc của chính các bạn; đó là điều mà các đệ tử của Kỷ Nguyên Mới cần học. Không có sự tuân phục huyền bí theo cách các trường phái huyền bí hiện nay thường dạy. Thuở trước ở phương Đông, Chân sư đòi hỏi đệ tử phải tuyệt đối tuân phục, điều thực sự khiến Chân sư phải chịu trách nhiệm và đặt lên vai Ngài vận mệnh hay nghiệp quả của đệ tử. Điều kiện ấy không còn thích hợp nữa. Nguyên khí trí tuệ nơi cá nhân hiện đã phát triển quá cao để còn có thể biện minh cho sự kỳ vọng như vậy. Vì thế, điều kiện ấy không còn thích hợp nữa. Trong Kỷ Nguyên Mới sắp đến, Chân sư chịu trách nhiệm tạo cơ hội và trình bày chân lý một cách đúng đắn, nhưng không hơn thế. Trong thời đại sáng suốt hơn này, huấn sư không còn đảm nhận vị thế như trong quá khứ, và Tôi cũng không đảm nhận vị thế ấy. Tôi sẽ nói thẳng thắn. Tôi biết các đệ tử của mình, vì không một đệ tử nào được thu nhận vào một ashram mà không qua sự cân nhắc sâu sắc của huấn sư. Qua gợi ý và biểu tượng, Tôi sẽ truyền đạt những điều cần được lĩnh hội; và những đệ tử nào của Tôi có nội nhĩ khai mở cùng lòng khiêm nhường chân thật sẽ nhận biết và thấu hiểu những điều ấy. Nếu chưa nhận ra, thời gian vẫn tiếp tục trôi và sự mặc khải cuối cùng sẽ đến. Vì thế, Tôi không đòi hỏi sự tuân phục mù quáng. Tuy nhiên, nếu các bạn chấp nhận lời khuyên và sự gợi ý, và tự nguyện lựa chọn làm theo những huấn thị của Tôi, thì phải tuân theo những huấn thị ấy một cách chính xác. Ngoài ra, không được liên tục tìm kiếm kết quả và hiện tượng, điều đã cản trở bước đường và sự tiến bộ của nhiều người mong trở thành đệ tử.

deterred the course and the progress of many would-be disciples.

1. Master DK begins on a note or real frankness. He is always frank; that is undeniable. But at various moments (found in the personal instructions), He seems to soften His tone — always, so it would seem, *purposefully*.

1. Chân sư DK mở đầu bằng một âm điệu thực sự thẳng thắn. Ngài luôn thẳng thắn; đó là điều không thể phủ nhận. Nhưng vào những lúc khác nhau (như thấy trong các huấn thị riêng), Ngài dường như làm dịu giọng — và dường như lúc nào cũng *có chủ đích*.

2. Responsibility for progress is immediately placed upon the shoulders of the participating disciples. The purpose of doing so is to correct old and inapplicable ideas concerning obedience to the Master — and, therefore, *dependence* upon the Master. The Masters wish to see people become Masters, and, therefore, They must strengthen them rather than cultivate over-reliance.

2. Trách nhiệm về sự tiến bộ lập tức được đặt lên vai các đệ tử tham gia. Mục đích của việc này là sửa lại những ý tưởng cũ và không còn thích hợp về sự tuân phục Chân sư — và do đó, về sự *phụ thuộc* vào Chân sư. Các Chân sư muốn thấy con người trở thành những Chân sư, vì thế Các Ngài phải củng cố sức mạnh nơi họ thay vì nuôi dưỡng sự lệ thuộc quá mức.

3. DK clearly defines *His* responsibilities as compared with the kind of responsibility for students that Masters used to assume when working in older systems of training. He informs His students that He will not assume that kind of responsibility. His approach will be of a new order: new for Him and new for the disciples.

3. Chân sư DK xác định rõ những trách nhiệm *của Ngài* so với loại trách nhiệm đối với môn sinh mà các Chân sư từng đảm nhận khi làm việc trong những hệ thống huấn luyện trước đây. Ngài cho các môn sinh biết rằng Ngài sẽ không đảm nhận loại trách nhiệm ấy. Cách tiếp cận của Ngài sẽ thuộc một kiểu mới: mới đối với Ngài và mới đối với các đệ tử.

4. Master DK knows He is dealing with a more intelligent, independent type of disciple than existed in former days. He wishes to see that independence grow, accompanied by a *new* form of obedience — *occult* obedience — a willingness to obey the inner impulses of the soul at all costs. And of course, a willingness to follow the instructions of the Master with accuracy.

4. Chân sư DK biết Ngài đang làm việc với một kiểu đệ tử thông minh và độc lập hơn những đệ tử thuở trước. Ngài muốn thấy tính độc lập ấy phát triển, đi kèm với một hình thức tuân phục *mới* — sự tuân phục *huyền bí* — sự sẵn lòng tuân theo những thôi thúc bên trong của linh hồn bằng mọi giá. Và dĩ nhiên, sự sẵn lòng làm theo các huấn thị của Chân sư một cách chính xác.

5. He lets the disciples know that He knows them well, having studied them carefully.

5. Ngài cho các đệ tử biết rằng Ngài hiểu rõ họ, vì đã nghiên cứu họ kỹ lưỡng. Ngài nói

He tells something of how He will teach — through hint and symbol — which will require for understanding the "opened, inner ear and true humility of heart".

6. There is no question but that Master DK is being *firm* here. He knows He *may* succeed; the experiment, however, *may* fail (as indeed, from one perspective, it did). But, as is characteristic of a second ray Master, He assures His disciples that even the liability of present non-recognition of that which He imparts, will give way someday to recognition and understanding.

7. There is no question that the disciples gathered here will *one day* be enlightened. It is only a question of *when*. For the purposes of the immediate experiment it was hoped that the necessary enlightenment would come sooner rather than later.

8. DK wants His students to follow His advice with accuracy. This is a reasonable expectation, as He knows so much of what is supposed to be accomplished and how, and they know so little. It became a disappointing fact that a number of these disciples did *not* follow the instruction He gave with accuracy; in fact, a number (at a certain point in the process) ceased doing the work he assigned and discontinued their work with Him altogether. He assured them, of course, that the Ashramic link remained inwardly unbroken.

9. The notes of freewill, truth and responsibility resound through this paragraph. The disciples are assumed to be mature men and women who do not have to be handled with "kid gloves". This was the ideal, at least. Some, in fact, proved to be

đôi điều về cách Ngài sẽ dạy — qua gợi ý và biểu tượng — mà để thấu hiểu sẽ cần có "nội nhĩ khai mở cùng lòng khiêm nhường chân thật".

6. Không nghi ngờ gì, ở đây Chân sư DK tỏ ra *kiên quyết*. Ngài biết Ngài *có thể* thành công; tuy nhiên, cuộc thử nghiệm *có thể* thất bại (như thực tế đã xảy ra, xét từ một góc độ). Nhưng, đúng với đặc trưng của một Chân sư cung hai, Ngài bảo đảm với các đệ tử rằng ngay cả tình trạng bất lợi hiện thời là chưa nhận ra những điều Ngài truyền đạt, một ngày kia cũng sẽ nhường chỗ cho sự nhận biết và thấu hiểu.

7. Không nghi ngờ gì, các đệ tử quy tụ nơi đây *một ngày kia* sẽ giác ngộ. Vấn đề chỉ là *khi nào*. Vì mục đích của cuộc thử nghiệm trước mắt, người ta hy vọng sự giác ngộ cần thiết sẽ đến sớm hơn là muộn.

8. Chân sư DK muốn các môn sinh làm theo lời khuyên của Ngài một cách chính xác. Đây là một kỳ vọng hợp lý, vì Ngài biết rất nhiều về những gì cần hoàn thành và cách hoàn thành, còn họ biết rất ít. Một sự thật đáng thất vọng đã xuất hiện: một số đệ tử này đã *không* làm theo chính xác huấn thị Ngài ban; thực tế, một số người (vào một thời điểm nhất định trong tiến trình) đã ngừng làm công việc Ngài giao và hoàn toàn chấm dứt việc cộng tác với Ngài. Dĩ nhiên, Ngài bảo đảm với họ rằng mối liên kết ashram vẫn không đứt đoạn ở bên trong.

9. Những âm điệu của ý chí tự do, chân lý và trách nhiệm vang lên xuyên suốt đoạn này. Các đệ tử được xem là những người nam và nữ trưởng thành, không cần phải đối xử một cách "quá nâng niu, dè dặt". Ít nhất, đó là lý tưởng. Thực tế, một số người tỏ ra khá "dễ tự

rather “thin-skinned” and oversensitive. It is amazing to see how Master DK functioned in such situations — so full of love and yet completely truthful and firm.

ái” và quá nhạy cảm. Thật đáng kinh ngạc khi thấy cách Chân sư DK hành xử trong những tình huống như vậy — tràn đầy tình thương mà vẫn hoàn toàn chân thật và kiên quyết.

10. He closes the paragraph with the request that there be no searching for phenomena (psychic phenomena) as evidence of successful group work. Such phenomena pertain to the personality and not to the soul. He sounds a note of warning; interest in phenomena deters progress. As might be suspected, some *did* look for phenomena. One disciple was dismissed largely for pursuing this orientation — in his case, the orientation of an astral magician.

10. Ngài kết thúc đoạn văn bằng lời yêu cầu đừng tìm kiếm các hiện tượng (hiện tượng thông linh) làm bằng chứng cho sự thành công của công việc nhóm. Những hiện tượng ấy thuộc về phàm ngã chứ không thuộc về linh hồn. Ngài cất lên một âm điệu cảnh báo; sự quan tâm đến các hiện tượng cản trở tiến bộ. Như có thể dự đoán, một số người *quả đã* tìm kiếm các hiện tượng. Một đệ tử đã bị cho rời nhóm chủ yếu vì theo đuổi khuynh hướng này — trong trường hợp của ông, đó là khuynh hướng của một nhà huyền thuật cảm dục.

11. We can see Master DK laying out the principles by which the work would proceed. It is always good to be clear at the outset. An experiment unlike any that these individuals had ever attempted was about to commence. A clear statement of principles helps to prevent a reversion to the habitual.

11. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đề ra những nguyên khí mà công việc sẽ dựa vào đó để tiến hành. Rõ ràng ngay từ đầu luôn là điều tốt. Một cuộc thử nghiệm khác hẳn mọi điều những cá nhân này từng thử làm sắp bắt đầu. Việc trình bày rõ ràng các nguyên khí giúp ngăn ngừa sự quay về với lối quen thuộc.

This is also for me an experiment, for those of us who are members of some degree of the Hierarchy are necessarily changing the old ways and adapting the old methods to the newer circumstances and to the advance of evolution. Many tried disciples and aspirants (should I have said “tired,” brother of mine, for I surmise that both words are true?) are to be subjected to experiments which will involve the application of the ancient rules in a modern way. Disciples in the olden days were the product of more peaceful times. The “chitta” (or mind-stuff as Patanjali calls it in his famous Book of Rules) was neither

Đối với Tôi, đây cũng là một cuộc thử nghiệm, vì những người trong chúng tôi là thành viên ở một cấp bậc nào đó của Thánh đoàn tất yếu phải thay đổi những lối cũ và điều chỉnh các phương pháp cũ cho phù hợp với hoàn cảnh mới hơn và bước tiến của tiến hoá. Nhiều đệ tử và người chí nguyện đã qua thử thách (huynh đệ của tôi, có lẽ Tôi nên nói là “mệt mỏi”, vì Tôi đoán cả hai từ đều đúng?) sẽ trải qua những cuộc thử nghiệm liên quan đến việc áp dụng các quy luật cổ xưa theo cách hiện đại. Các đệ tử thuở trước là sản phẩm của những thời đại thanh bình hơn. “Chất trí” (hay chất liệu trí tuệ, như

so highly developed nor was it tinctured by so [6] much thought or potentially so illumined. Today, knowledge is widespread and many, many people are already thinking for themselves.

Patanjali gọi trong tác phẩm nổi tiếng Sách Các Quy Luật của ông) chưa phát triển cao đến thế, cũng chưa nhuốm màu bởi nhiều [6] tư tưởng đến thế, hay có tiềm năng được soi sáng đến mức ấy. Ngày nay, tri thức phổ biến rộng rãi và rất, rất nhiều người đã tự suy nghĩ.

1. DK sounds the note of experimentation. To assume assured success would produce the wrong attitude in the participants.

1. Chân sư DK cất lên âm điệu của sự thử nghiệm. Việc cho rằng chắc chắn sẽ thành công sẽ tạo ra thái độ sai lầm nơi những người tham gia.

2. The Masters, ever seeking to adapt Plan to Purpose, utilize the experimental method. They are very Uranian in this respect.

2. Các Chân sư, luôn tìm cách điều chỉnh Thiên Cơ cho phù hợp với Thiên Ý, sử dụng phương pháp thử nghiệm. Về phương diện này, Các Ngài mang đậm tính chất Sao Thiên Vương.

3. We learn that the Hierarchy is attempting to employ new methods. If disciples have been sufficiently "tried" and tested, they might be chosen to participate in these methods. A little of the Master's humor emerges here. He knows His "tried" disciples well enough to know that they are "tired" too!

3. Chúng ta biết rằng Thánh đoàn đang cố gắng sử dụng những phương pháp mới. Nếu các đệ tử đã được "thử thách" và kiểm nghiệm đầy đủ, họ có thể được chọn để tham gia thực hành những phương pháp này. Một chút nét hài hước của Chân sư bộc lộ ở đây. Ngài hiểu rõ các đệ tử đã qua "thử thách" của mình đủ để biết rằng họ cũng "mệt mỏi" nữa!

4. The note of so much of DK's teaching is here sounded: an ancient teaching is given a modern presentation. Eastern esotericism is being adapted to the Western consciousness.

4. Âm điệu xuyên suốt phần lớn giáo huấn của Chân sư DK vang lên ở đây: một giáo huấn cổ xưa được trình bày theo cách hiện đại. Huyền bí học phương Đông đang được điều chỉnh cho phù hợp với tâm thức phương Tây.

5. DK recognizes the turbulence of the times — a factor which has militated against the successful growth of occultism in the West. The peace of the ancient East had its advantages but also its liabilities. In the West the mind has been assiduously cultivated and has presented an entirely different type of discipleship material to a

5. Chân sư DK nhận ra sự biến động của thời đại — một yếu tố đã cản trở sự phát triển thành công của huyền bí học ở phương Tây. Sự thanh bình của phương Đông cổ xưa có những ưu điểm nhưng cũng có những bất lợi. Ở phương Tây, trí tuệ đã được chuyên cần trau dồi, đem đến một nguồn đệ tử hoàn toàn khác cho một Chân sư sẵn lòng huấn

Master willing to offer occult training.

6. The potentials for the growth of occultism in the West are considerable — as are the *complications*. But, essentially, it is a good thing that people in the West are "thinking for themselves". They will come closer to achieving the kind of self-exertion which the Path of Initiation requires.

luyện huyền bí.

6. Tiềm năng phát triển của huyền bí học ở phương Tây rất đáng kể — và những *phức tạp cũng vậy*. Nhưng về cơ bản, việc người phương Tây "tự suy nghĩ" là một điều tốt. Họ sẽ tiến gần hơn đến việc đạt được sự tự nỗ lực mà Con Đường Điểm Đạo đòi hỏi.

The material for discipleship with which the Masters have to deal and the type of person which has to be developed and led on towards illumination is of a higher quality and grade, if I may employ so inadequate a term. The experiment of changing methods and of implementing the new technique of group work has to be carried out, likewise, in the midst of the stress and strain of Western civilisation. This imposes on all chosen to participate in this work an undue effort, but if continuance is found possible and success ensues, it tempers the material to a finer degree of power. As has been said, the jungles of the Occident are of a different kind to those within the Eastern zone. They call for peace in turmoil; for power in fatigue; for persistence in spite of bad health; for understanding in spite of the clamour of Western life. Progress is, therefore, made in spite of, and not because of, existing conditions. For disciples, such as those I am now going to attempt to teach, there is no retiring from the world. There is no condition of physical peace and of quiet wherein the soul may be invoked and in which work — potent in results — may be achieved in the calm of silence and the rest of what the Hindu calls samadhi — complete detachment from the calls of the body and the emotions. The work has to go forward in clamour. The point of peace must be found in the midst of riot. Wisdom must be

Chất liệu dành cho địa vị đệ tử mà các Chân sư phải làm việc cùng, và kiểu người cần được phát triển, dẫn dắt tiến đến sự soi sáng, có phẩm tính và cấp bậc cao hơn, nếu Tôi có thể dùng một cách diễn đạt thiếu thỏa đáng đến thế. Cuộc thử nghiệm thay đổi phương pháp và triển khai kỹ thuật mới của công việc nhóm cũng phải tiến hành giữa những căng thẳng và áp lực của nền văn minh phương Tây. Điều này đòi hỏi tất cả những người được chọn tham gia công việc phải nỗ lực quá mức, nhưng nếu có thể tiếp tục và đạt thành công, nó sẽ tôi luyện chất liệu ấy đến một mức quyền năng tinh tế hơn. Như đã nói, những khu rừng rậm của phương Tây khác với những khu rừng rậm ở phương Đông. Chúng đòi hỏi sự bình an giữa hỗn loạn; quyền năng trong mệt mỏi; sự kiên trì bất chấp sức khỏe kém; sự thấu hiểu bất chấp tiếng huyên náo của đời sống phương Tây. Vì thế, sự tiến bộ đạt được bất chấp những điều kiện hiện hữu, chứ không phải nhờ những điều kiện ấy. Với những đệ tử như các bạn mà giờ đây Tôi sắp cố gắng chỉ dạy, không có chuyện rút lui khỏi thế gian. Không có điều kiện thanh bình và yên tĩnh về mặt hồng trần để khẩn cầu linh hồn, và để thực hiện công việc — đem lại những kết quả mạnh mẽ — trong sự bình lặng của im lặng và sự an nghỉ của trạng thái mà người Ấn Độ giáo gọi là thiền định — hoàn toàn tách rời khỏi những đòi hỏi của thân thể và cảm xúc. Công việc phải tiến hành giữa huyên náo.

attained in the very midst of intellectual turmoil and the work of cooperation with the Hierarchy on the inner side of life must proceed amidst the devastating racket of modern life in the great cities. Such is your problem and such is my problem as I seek to aid you.

Phải tìm thấy điểm bình an giữa náo loạn. Phải đạt được minh triết ngay giữa những xáo động trí tuệ, và công việc hợp tác với Thánh đoàn ở phía bên trong của sự sống phải tiếp tục giữa tiếng ồn ào tàn phá của đời sống hiện đại nơi các thành phố lớn. Đó là vấn đề của các bạn, và cũng là vấn đề của Tôi khi Tôi tìm cách trợ giúp các bạn.

1. So, the "material" with which the Master has to work (note the objectivity in the use of the word "material") is of a "higher quality and grade". Thus, the potentials are considerable, for occultism is destined to move its focus from the East to the West.

1. Vì vậy, "chất liệu" mà Chân sư phải làm việc cùng (hãy lưu ý tính khách quan trong cách dùng từ "chất liệu") có "phẩm tính và cấp bậc cao hơn". Do đó, tiềm năng rất đáng kể, vì huyền bí học có vận mệnh chuyển trọng tâm từ phương Đông sang phương Tây.

2. The stress and strain of Western living, however, present a real difficulty. Again, great effort and "continuance" hold the solution to the problem.

2. Tuy nhiên, những căng thẳng và áp lực của đời sống phương Tây tạo ra một khó khăn thực sự. Một lần nữa, nỗ lực lớn lao và sự "tiếp tục bền bỉ" chứa đựng lời giải cho vấn đề.

3. Because the obstacles are greater in the West, the results may be more potent.

3. Vì những trở ngại ở phương Tây lớn hơn, kết quả có thể mạnh mẽ hơn.

4. DK acknowledges are there are "jungles" in both the East and the West. He names the qualities which are required for success in the 'Western jungle'.

4. Chân sư DK thừa nhận rằng có những "khu rừng rậm" ở cả phương Đông lẫn phương Tây. Ngài nêu những phẩm tính cần có để thành công trong 'rừng rậm phương Tây'.

5. As all of us are, to a degree, immersed in the 'Western-jungle', we can ponder the extent to which we are achieving or have achieved the requirements. One fact emerges — the environment will not *assist* the esoteric way of life. One has to make progress *despite* the environment.

5. Vì tất cả chúng ta, ở một mức độ nào đó, đều đắm mình trong 'rừng rậm phương Tây', chúng ta có thể suy ngẫm xem mình đang đáp ứng hoặc đã đáp ứng những yêu cầu ấy đến mức nào. Một sự thật hiện rõ — môi trường sẽ không *hỗ trợ* lối sống huyền bí. Mỗi người phải tiến bộ *bất chấp* môi trường.

6. Many of us may have been spiritually trained in relative seclusion during former centuries. That type of quiet, seclusion and

6. Nhiều người trong chúng ta có thể đã được huấn luyện tinh thần trong sự ẩn cư tương đối vào những thế kỷ trước. Kiểu yên tĩnh,

removal from the world is no longer possible, and we should not expect it or long for it. The 'game' has changed.

7. The West is said to have a ray four personality. Accordingly, we see the contradictions pile up. There must be achievement in the very midst of circumstances seemingly designed to vigorously resist that achievement.

8. The Tibetan does not mince words: "intellectual turmoil", "devastating racket". If the modern disciple can brave such opposition and still triumph, something real and lasting is achieved.

9. In a way, the West is 'occultly unsubdued'. We disciples, with our knowledge of inner patterns, are meant to impose those patterns on chaotic patterns which resist the imposition. It will be a long process; this imposition is part of creating "a new heaven and a new earth". It is nothing if not a "Herculean labor".

10. For this type of labor, we have enlisted, and it will surely be with us for centuries to come. Do we imagine that we will experience our last incarnation before the end of the Aquarian Age? We might, but the odds are very much against it.

11. We can see that Master DK is not at all minimizing the difficulties of His experiment as He talks to his disciples. He is preparing them for what they will encounter. This type of providential approach forestalls complaint, which only inhibits the way.

ẩn cư và xa rời thế gian ấy không còn khả thi nữa, và chúng ta không nên kỳ vọng hay khao khát điều đó. 'Cuộc chơi' đã thay đổi.

7. Người ta nói phương Tây có phàm ngã cung bốn. Theo đó, chúng ta thấy những mâu thuẫn chồng chất. Phải đạt thành tựu ngay giữa những hoàn cảnh dường như được tạo ra để chống lại mạnh mẽ chính thành tựu ấy.

8. Chân sư Tây Tạng nói thẳng, không né tránh: "xáo động trí tuệ", "tiếng ồn ào tàn phá". Nếu đệ tử hiện đại có thể đương đầu với sự chống đối như vậy mà vẫn chiến thắng, thì một thành tựu thực sự và bền vững đã được đạt đến.

9. Theo một nghĩa nào đó, phương Tây vẫn 'chưa được thuần phục về mặt huyền bí'. Chúng ta, những đệ tử có tri thức về các mô hình bên trong, có nhiệm vụ áp đặt những mô hình ấy lên các mô hình hỗn loạn đang chống lại sự áp đặt đó. Đây sẽ là một tiến trình lâu dài; sự áp đặt này là một phần của việc tạo dựng "một trời mới và một đất mới". Đó quả thực là một "kỳ công của Hercules".

10. Chúng ta đã tình nguyện đảm nhận loại công việc này, và chắc chắn nó sẽ còn đồng hành cùng chúng ta trong nhiều thế kỷ tới. Chúng ta có hình dung rằng mình sẽ trải qua kiếp lâm phàm cuối cùng trước khi Kỷ Nguyên Bảo Bình kết thúc không? Có thể, nhưng khả năng ấy rất thấp.

11. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK hoàn toàn không giảm nhẹ những khó khăn của cuộc thử nghiệm khi nói với các đệ tử. Ngài đang chuẩn bị cho họ đối diện với những gì sẽ gặp. Cách tiếp cận có sự trù liệu này ngăn ngừa lời phàn nàn, vốn chỉ gây cản trở trên đường.

12. The disciple must be, above all, *realistic* if he/she hopes to fulfill his/her full potential.

For me, there is also the problem of excessive expenditure of force as I attempt to reach each of you and to study each of you at certain intervals. There is the work, at long range, of reading your minds, of seeing your light, and of vitalising your auras. This has not hitherto been the problem of the Eastern Teachers, except in very rare cases. Those who are now working in the modern world under the Masters of the Wisdom have undergone a preliminary tuning-up process and a training in receptivity during an earlier incarnation or incarnations. [7] Forget not, therefore, that I also have a problem which I am willing to undertake for the sake of a needy world and as my contribution to hastening the coming in of the new and more fruitful era. Let us, therefore, facilitate each others' efforts.

12. Trên hết, đệ tử phải *thực tế* nếu mong phát huy trọn vẹn tiềm năng của mình.

Đối với Tôi, còn có vấn đề tiêu hao mãnh lực quá mức khi Tôi cố gắng tiếp cận từng người trong các bạn và nghiên cứu từng người vào những khoảng thời gian nhất định. Có công việc đọc thể trí các bạn, nhìn thấy ánh sáng của các bạn và tiếp sinh lực cho hào quang của các bạn từ khoảng cách xa. Cho đến nay, đây chưa từng là vấn đề của các Huấn sư phương Đông, ngoại trừ những trường hợp rất hiếm. Những người hiện đang làm việc trong thế giới hiện đại dưới sự hướng dẫn của các Chân sư Minh Triết đã trải qua một tiến trình điều chỉnh sơ bộ và sự huấn luyện về khả năng tiếp nhận trong một hay nhiều kiếp lâm phàm trước. [7] Vì thế, đừng quên rằng Tôi cũng có một vấn đề mà Tôi sẵn lòng đảm nhận vì một thế giới đang cần được trợ giúp, và xem đó là phần đóng góp của Tôi nhằm thúc đẩy sự xuất hiện của kỷ nguyên mới, phong phú thành quả hơn. Vì vậy, chúng ta hãy tạo thuận lợi cho những nỗ lực của nhau.

1. Master DK uses the teaching technique of informing the student about the *teacher's* problem. This takes the student out of his/her usual perspective, which cares little about what the teacher faces.

1. Chân sư DK sử dụng kỹ thuật giảng dạy bằng cách cho môn sinh biết vấn đề của *huấn sư*. Điều này đưa môn sinh ra khỏi góc nhìn thông thường của mình, vốn ít quan tâm đến những gì huấn sư phải đối diện.

2. Master DK was working at a distance and had to use occult means to reach His students. Under the Law of Economy, only so much expenditure of force is warranted for any task. Apparently reaching some of these students/disciples called for considerable force — so many were the auric barriers.

2. Chân sư DK làm việc từ xa và phải sử dụng những phương tiện huyền bí để tiếp cận các môn sinh của Ngài. Theo Định luật Tiết Kiệm, mỗi nhiệm vụ chỉ cho phép tiêu hao một lượng mãnh lực nhất định. Dường như việc tiếp cận một số môn sinh/đệ tử này đòi hỏi mãnh lực đáng kể — vì có quá nhiều rào cản trong hào quang.

3. DK clearly states the kind of occult work necessitated on His part to make the

3. Chân sư DK nêu rõ loại công việc huyền bí mà Ngài phải thực hiện để cuộc thử nghiệm

experiment a success: reading minds, seeing light and vitalizing auras (all at a great distance). Only a Master could do this successfully.

thành công: đọc thể trí, nhìn thấy ánh sáng và tiếp sinh lực cho hào quang (tất cả đều từ khoảng cách rất xa). Chỉ một Chân sư mới có thể thực hiện thành công điều này.

4. Thus, the potentials for significant achievement are great, but so are the challenges presented.

4. Như vậy, tiềm năng đạt thành tựu đáng kể rất lớn, nhưng những thách thức đặt ra cũng lớn không kém.

5. The Masters lay Their plans far ahead. That these particular disciples were involved in this experiment is no matter of chance or caprice. Some of the necessary work had been done during their previous incarnations. This work had, to a degree, been foreseen and training for it had been undertaken.

5. Các Chân sư hoạch định kế hoạch của Các Ngài từ rất lâu trước đó. Việc những đệ tử cụ thể này tham gia cuộc thử nghiệm không phải là chuyện ngẫu nhiên hay tùy hứng. Một phần công việc cần thiết đã được thực hiện trong những kiếp lâm phàm trước của họ. Ở một mức độ nào đó, công việc này đã được thấy trước và việc huấn luyện cho công việc ấy đã được tiến hành.

6. We are assured, therefore, that the participants had the necessary sensitivity; they had cultivated it in times past. Still, it was, at times, hard to get through to them.

6. Vì thế, chúng ta được bảo đảm rằng những người tham gia có sự nhạy cảm cần thiết; họ đã vun bồi điều đó trong quá khứ. Dẫu vậy, đôi lúc vẫn khó truyền đạt đến họ.

7. Master DK clearly states His problem, so that His students can assume a helpful and cooperative attitude. He calls for collaboration and mutual facilitation, mutual helpfulness.

7. Chân sư DK nêu rõ vấn đề của Ngài để các môn sinh có thể có thái độ trợ giúp và hợp tác. Ngài kêu gọi sự cộng tác, tạo thuận lợi và trợ giúp lẫn nhau.

8. DK's motives are clear — they are not personal. They have to do with "hastening the coming in of a new and more fruitful era". He invites these disciples to be part of a great impersonal objective. He seeks to induce the 'group attitude' in their thinking, seeking to decentralize them at every turn.

8. Những động cơ của Chân sư DK rất rõ ràng — chúng không mang tính cá nhân. Chúng liên quan đến việc "thúc đẩy sự xuất hiện của một kỷ nguyên mới, phong phú thành quả hơn". Ngài mời các đệ tử này góp phần vào một mục tiêu lớn lao, vô ngã. Ngài tìm cách khơi dậy 'thái độ nhóm' trong tư duy của họ, tìm cách giúp họ phi tập trung vào bản thân ở mọi bước.

9. How would you, how would I, respond if we were invited in this manner? Probably, we could not resist. Would we have the

9. Các bạn sẽ đáp ứng thế nào, tôi sẽ đáp ứng thế nào, nếu được mời theo cách này? Có lẽ chúng ta không thể cưỡng lại. Liệu chúng ta

wisdom to soberly assess what was in store? We might answer, "Yes", just as these disciples did; and we might be wrong, just as they were.

có đủ minh triết để tỉnh táo đánh giá những gì đang chờ đợi không? Chúng ta có thể trả lời "Có", giống như các đệ tử này đã làm; và chúng ta có thể sai, cũng như họ đã sai.

I promise no quick results. I undertake to provide no spectacular unfoldments. The results rest entirely with you. They depend upon your patience, your exactness in detail, the discipline which you are willing to impose upon your lives and your self-forgetfulness. May I beg of you to leave results alone and to work without attachment for you know not with exactitude what are my goals for you; may I beg you to desist from that constant self-analysis which is such an outstanding characteristic of the introspective, yet ambitious Occidental mystic. . . .

Tôi không hứa hẹn kết quả nhanh chóng. Tôi không cam kết mang lại những sự khai mở ngoạn mục. Kết quả hoàn toàn tùy thuộc vào các bạn. Chúng phụ thuộc vào sự kiên nhẫn, tính chính xác trong từng chi tiết, kỷ luật mà các bạn sẵn lòng áp đặt lên đời sống mình và khả năng quên mình. Tôi tha thiết xin các bạn hãy để kết quả sang một bên và làm việc không chấp trước, vì các bạn không biết chính xác những mục tiêu Tôi dành cho các bạn là gì; Tôi tha thiết xin các bạn hãy thôi liên tục tự phân tích, điều vốn là một đặc điểm nổi bật của nhà thần bí phương Tây hay hướng nội nhưng lại đầy tham vọng. . . .

1. The Master seeks to establish a sense of proportion, and again, the assumption of personal responsibility.

1. Chân sư tìm cách thiết lập một Ý thức về tỉ lệ, và một lần nữa, sự đảm nhận trách nhiệm cá nhân.

2. Four necessary qualities are put forward:

2. Bốn phẩm tính cần thiết được nêu ra:

a. patience,

a. sự kiên nhẫn,

b. exactness in detail,

b. tính chính xác trong từng chi tiết,

c. discipline and

c. kỷ luật và

d. self-forgetfulness.

d. khả năng quên mình.

These are not qualities common to an emotional aspirant. They require a growing mental polarization and a degree of detachment from the life of the personality.

Đây không phải là những phẩm tính thường thấy nơi một người chí nguyện thiên về cảm xúc. Chúng đòi hỏi sự phân cực trí tuệ ngày càng tăng cùng một mức độ tách rời khỏi đời sống phàm ngã.

3. Note the use of the word "impose" with its first ray implications. Anyone transiting from the Path of Discipleship to the Path of

3. Hãy lưu ý việc sử dụng từ "áp đặt" cùng những hàm ý về cung một của nó. Bất cứ ai chuyển từ Con Đường Đệ Tử sang Con Đường

Initiation will have to utilize the first ray. In this process, all is not comfortably accomplished, and the soul and personality will fight — this we are assured, as unpleasant as may be the prospect. A higher pattern will be, and must be, imposed on a lower one. Will this be done by *others* or by ourselves? Better ourselves.

Điểm Đạo đều sẽ phải sử dụng cung một. Trong tiến trình này, không phải mọi việc đều được hoàn thành một cách dễ chịu, và linh hồn cùng phàm ngã sẽ giao tranh — chúng ta được bảo đảm về điều ấy, dù viễn cảnh đó có khó chịu đến đâu. Một mô hình cao hơn sẽ, và phải, được áp đặt lên một mô hình thấp hơn. Điều này sẽ do *người khác* thực hiện hay do chính chúng ta? Tốt hơn là chính chúng ta.

4. Master DK *implores* His students to "leave results alone". When He uses such terms as "May I beg of you" (which He quite frequently does), one senses a deep experience at work, and also a realization that the normal tendency of His disciples would be to do exactly the opposite of what He hopes.

4. Chân sư DK *tha thiết khẩn khoản* với các môn sinh hãy "để kết quả sang một bên". Khi Ngài dùng những cách nói như "Tôi tha thiết xin các bạn" (điều Ngài khá thường xuyên làm), người ta cảm nhận được một kinh nghiệm sâu sắc đang phát huy tác dụng, đồng thời là sự nhận biết rằng khuynh hướng thông thường của các đệ tử sẽ là làm hoàn toàn ngược với những gì Ngài mong muốn.

5. So, He wants them/us to work without attachment to results and to cease from constant self-analysis and introspection, which often are but indications of our own spiritual ambition.

5. Vì vậy, Ngài muốn họ/chúng ta làm việc mà không chấp trước vào kết quả, và ngừng liên tục tự phân tích, tự xét mình, những điều thường chỉ là dấu hiệu của chính tham vọng tinh thần nơi chúng ta.

6. In short, He is asking us to trust Him and to forget ourselves (our *little* selves).

6. Nói ngắn gọn, Ngài đang yêu cầu chúng ta tin cậy Ngài và quên mình đi (những bản ngã *nhỏ bé* của chúng ta).

7. Have we learned the lesson of "taking ourselves as we find ourselves" and, thus, making the best of what we are? We are not better than we are. We are what we are. Can we realistically accept our present condition and move forward without morbidly wishing, ever wishing, that we were better than we are? It is an initial test. The true server will succeed in this test because he/she loves his/her fellow human beings enough.

7. Chúng ta đã học được bài học "chấp nhận chính mình như mình hiện có" và nhờ đó tận dụng tốt nhất những gì mình có chưa? Chúng ta không tốt đẹp hơn con người hiện tại của mình. Chúng ta là chính con người hiện tại của mình. Liệu chúng ta có thể thực tế chấp nhận tình trạng hiện tại và tiến lên mà không cứ mãi ao ước một cách bệnh hoạn rằng mình tốt đẹp hơn hiện tại không? Đó là một thử thách ban đầu. Người phụng sự chân chính sẽ vượt qua thử thách này vì đủ

yêu thương đồng loại.

What, therefore, is the position I take? That I, one of a great group of disciples who — from the humblest aspirant up to the highest Member of the Hierarchy link humanity with the spiritual kingdom — can teach you the ancient rules and give suggestions to you so that you may travel more rapidly along the Path and arrive at greater usefulness to your fellowmen. There is not the slightest suggestion of authoritative pronouncement by a member of the Hierarchy who must be obeyed and whose word is infallible. Let this be remembered, otherwise work will not be possible, elements of danger may enter in and the present effort come to naught. My anonymity has always been preserved and will continue to be so though members of this group of disciples know me for who I am. You know me as a teacher, as a Tibetan disciple and as an initiate of a certain degree — what degree being of no importance to you at all. It is the teaching that I shall give you which will matter. I am an initiate into the mysteries of being. That statement in itself conveys information to those who know. You know also that I am in a human body, and am a resident of northern India

Vậy, lập trường của Tôi là gì? Đó là Tôi, một người trong đoàn thể đệ tử đông đảo — những người, từ người chí nguyện khiêm tốn nhất đến Thành viên cao nhất của Thánh đoàn, liên kết nhân loại với giới tinh thần — có thể dạy các bạn những quy luật cổ xưa và đưa ra những gợi ý để các bạn tiến nhanh hơn trên Đường Đạo, trở nên hữu ích hơn cho đồng loại. Hoàn toàn không có hàm ý rằng đây là lời tuyên bố đầy uy quyền của một thành viên Thánh đoàn mà người ta phải tuân phục và có lời nói không thể sai lầm. Hãy ghi nhớ điều này, nếu không, công việc sẽ không thể tiến hành, những yếu tố nguy hiểm có thể xen vào và nỗ lực hiện tại sẽ thành vô ích. Danh tính của Tôi luôn được giữ kín và sẽ tiếp tục như vậy, dù các thành viên của nhóm đệ tử này biết Tôi là ai. Các bạn biết Tôi như một huấn sư, một đệ tử Tây Tạng và một điểm đạo đồ ở một cấp bậc nhất định — cấp bậc nào hoàn toàn không quan trọng đối với các bạn. Điều quan trọng là giáo huấn mà Tôi sẽ truyền cho các bạn. Tôi là một điểm đạo đồ đã được khai mở vào những huyền nhiệm của hiện tồn. Chính lời khẳng định ấy truyền đạt thông tin cho những người hiểu biết. Các bạn cũng biết rằng Tôi đang sống trong một thân thể người và cư trú ở miền bắc Ấn Độ

. Let that suffice and let not curiosity blind you to the teaching.

. Như vậy là đủ, và đừng để tính tò mò khiến các bạn mù quáng trước giáo huấn.

1. Master DK does not call Himself a Master, merely a member of a “great group of disciples”. His position is one of *identification* with all spiritual aspirants and disciples. He is simply a link between the spiritual kingdom and humanity.

1. Chân sư DK không tự xưng là một Chân sư, mà chỉ là một thành viên của một “nhóm đệ tử lớn”. Lập trường của Ngài là *đồng hoá* với tất cả những người chí nguyện tinh thần và các đệ tử. Ngài chỉ là một mắt xích giữa giới tinh thần và nhân loại.

2. This statement bears the stamp of true

2. Lời tuyên bố này mang dấu ấn của sự

humility. The promise given to His disciples is not one of spiritual advancement, but of "greater usefulness" in service "to your fellowmen".

3. Master DK eschews an authoritative stance. He immediately sets Himself counter to the attitude which has tainted the pronouncements of so many teachers of the past. He does not invoke 'hierarchical authority' so that He may be heard. He does not demand obedience and does not claim infallibility for what He says. This approach is a safeguard.

4. We can understand that if authority or infallibility were invoked, the disciple/student would be weakened, and would simply fall back into the normal Piscean attitude of obedience and thoughtless silence. Any attempt to get the student to think for himself/herself would be frustrated. Certainly, the kind of group work with the Masters seek to see developed would not be possible with a collection of wrongly-obedient, submissive students.

5. DK emphasizes that His anonymity will be preserved as it had been preserved. These instructions were written in 1931 and so He had been working with some of these disciples for some ten years.

6. Contemporary students of the Tibetan now know that He is a Master. It is easy to see the several hints as to His true status which He conveys in this paragraph. When He states that He is an "initiate into the mysteries of being", we realize that He is an initiate into the realm of the *monad*, the source of *being*. The soul body has been destroyed for such initiates. They are free to

khiêm nhường chân chính. Lời hứa dành cho các đệ tử của Ngài không phải là sự tiến bộ tinh thần, mà là "sự hữu ích lớn hơn" trong việc phụng sự "đồng loại của các bạn".

3. Chân sư DK tránh lập trường mang tính áp đặt thẩm quyền. Ngay lập tức, Ngài đặt mình đối lập với thái độ đã làm hoen ố những lời tuyên bố của biết bao huấn sư trong quá khứ. Ngài không viện đến 'thẩm quyền của Thánh đoàn' để người khác lắng nghe mình. Ngài không đòi hỏi sự tuân phục và không khẳng định những điều mình nói là không thể sai lầm. Cách tiếp cận này là một biện pháp bảo vệ.

4. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng nếu viện đến thẩm quyền hoặc tính không thể sai lầm, người đệ tử/đạo sinh sẽ trở nên yếu đi và chỉ quay về thái độ tuân phục cùng sự im lặng không suy nghĩ vốn thường thấy ở Song Ngư. Mọi nỗ lực nhằm khiến đạo sinh tự suy nghĩ đều sẽ bị cản trở. Chắc chắn, một tập hợp những đạo sinh phục tùng và tuân phục sai cách sẽ không thể thực hiện loại công việc nhóm mà các Chân sư mong muốn thấy phát triển.

5. Chân sư DK nhấn mạnh rằng danh tính của Ngài sẽ tiếp tục được giữ kín như trước đây. Những huấn thị này được viết vào năm 1931, nên khi ấy Ngài đã làm việc với một số đệ tử này được khoảng mười năm.

6. Ngày nay, các đạo sinh theo học Chân sư Tây Tạng biết rằng Ngài là một Chân sư. Có thể dễ dàng nhận thấy một số gợi ý về địa vị thực sự của Ngài mà Ngài truyền đạt trong đoạn này. Khi Ngài nói rằng Ngài là một "điểm đạo đồ đã được khai mở vào những huyền nhiệm của bản thể", chúng ta nhận ra rằng Ngài là một điểm đạo đồ đã được khai mở vào lĩnh vực của *chân thần*, cội nguồn

focus within the world of being — without obstruction.

của *bản thể*. Đối với những điểm đạo đồ như thế, thể linh hồn đã bị huỷ diệt. Các Ngài tự do tập trung trong Thế Giới Bản Thể — không còn chướng ngại.

7. Nonetheless, He insists that His degree is not important. Indeed, it is not. If disciples and students accepted what He said simply *because* He was a Master, they would be accepting for the wrong reason. His statements would not have made an appeal to their intuitive understanding and their reason; they would have fallen victim to the glamor of authority. Obviously, the Master would not want such an outcome; it would defeat His purpose — the impartation of *new* modes of discipleship training.

7. Tuy nhiên, Ngài khẳng định rằng cấp độ của mình không quan trọng. Quả thực là như vậy. Nếu các đệ tử và đạo sinh chấp nhận những điều Ngài nói chỉ *vì* Ngài là một Chân sư, thì họ đang chấp nhận vì một lý do sai lầm. Những lời Ngài nói khi ấy đã không khơi dậy sự thấu hiểu bằng trực giác và lý trí của họ; họ đã trở thành nạn nhân của ảo cảm về thẩm quyền. Hiển nhiên, Chân sư không mong muốn một kết quả như thế; điều đó sẽ làm thất bại mục đích của Ngài — truyền đạt những phương thức *mới* trong việc huấn luyện đệ tử.

8. The important point conveyed is that the *teaching comes first*. All other matters (His name, His residence, His initiatory degree, etc.) are peripheral and could become distractions from the true recognition and assimilation of the Teaching.

8. Điểm quan trọng được truyền đạt là *giáo huấn phải được đặt lên hàng đầu*. Mọi vấn đề khác (tên Ngài, nơi cư trú của Ngài, cấp độ điểm đạo của Ngài, v.v.) đều là thứ yếu và có thể khiến người ta sao lãng việc thực sự nhận biết và đồng hoá Giáo Huấn.

9. If we think about the problem clearly, we shall see many naïve aspirants in the modern world accepting anything their teacher says simply because their teacher says it. No real evaluation is given to their teacher's statements; the mind is not engaged. Only *belief* is engaged. Such aspirants cannot become Aquarian disciples. The mind is insufficiently illumined.

9. Nếu suy nghĩ rõ ràng về vấn đề này, chúng ta sẽ thấy nhiều người chí nguyện ngây thơ trong thế giới hiện đại chấp nhận bất cứ điều gì huấn sư của họ nói, chỉ vì huấn sư của họ nói như vậy. Không có sự đánh giá thực sự nào dành cho những phát biểu của huấn sư họ; thể trí không tham gia. Chỉ có *niềm tin* tham gia. Những người chí nguyện như thế không thể trở thành đệ tử Bảo Bình. Thể trí chưa được soi sáng đầy đủ.

10. For the true disciple or discipleship group, everything said must be tested against the intuition and the Law of Correspondences. If one does not fully understand, one must simply say so. The ability to admit incomplete comprehension

10. Đối với người đệ tử chân chính hoặc nhóm đệ tử chân chính, mọi điều được nói ra đều phải được kiểm chứng bằng trực giác và định luật tương ứng. Nếu chưa thấu hiểu đầy đủ, người ta chỉ cần nói rõ như vậy. Khả năng thừa nhận mình chưa hiểu trọn vẹn và

and to await greater light is much to be desired.

11. There are some who think they have traced the Tibetan's particular monastery and they may be correct. It is curious to see the Tibetan speaking of Himself as a "resident of Northern India

" rather than of Tibet

. One day these matters will be understood, just to set the record straight. It will not be immediately, as the Tibetan was very cautious to cover His tracks.

12. Today, we find the Dalai Lama's Center in Northern India

. No coincidence, perhaps.

We stand together in spiritual enterprise. All of you have voluntarily and without pressure stated your willingness to go forward into a more intensive spiritual life. This you must do in the freedom of your own souls and through the power of [8] your own intellects. You will follow such instructions as seem to you reasonable and right but — when you do choose to follow them — you will attempt to fulfil the requirements with exactitude. You will analyse and question the requirements which from time to time come from me and you will accept no belief in their verbal inspiration. Language ever handicaps and limits. You will also be guided in your work by health and circumstance, and you will ever remember that Masters are made through the achieving of mastery and not through obedience to any person. You will

chờ đợi ánh sáng lớn hơn là điều rất đáng mong muốn.

11. Có những người nghĩ rằng họ đã tìm ra tu viện cụ thể của Chân sư Tây Tạng, và có thể họ đúng. Thật thú vị khi thấy Chân sư Tây Tạng tự nói về mình là một "người cư trú tại miền Bắc Ấn Độ

" thay vì tại Tây Tạng

. Một ngày nào đó, những vấn đề này sẽ được hiểu rõ, chỉ để xác lập sự thật cho chính xác. Điều đó sẽ không xảy ra ngay, vì Chân sư Tây Tạng đã rất thận trọng che giấu dấu vết của Ngài.

12. Ngày nay, chúng ta thấy Trung tâm của Đức Đạt Lai Lạt Ma ở miền Bắc Ấn Độ

. Có lẽ đây không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Chúng ta cùng đứng vững trong sự nghiệp tinh thần. Tất cả các bạn đều đã tự nguyện và không chịu áp lực nào khi bày tỏ sự sẵn lòng tiến vào một đời sống tinh thần chuyên sâu hơn. Các bạn phải làm điều này trong sự tự do của chính linh hồn mình và qua quyền năng của [8] chính trí năng mình. Các bạn sẽ tuân theo những huấn thị mà các bạn thấy hợp lý và đúng đắn, nhưng — khi đã chọn tuân theo — các bạn sẽ cố gắng đáp ứng các yêu cầu một cách chính xác. Các bạn sẽ phân tích và chất vấn những yêu cầu mà thỉnh thoảng Tôi đưa ra, và các bạn sẽ không chấp nhận niềm tin rằng từng lời trong đó đều do cảm hứng thiêng liêng truyền đến. Ngôn ngữ luôn gây trở ngại và giới hạn. Trong công việc, các bạn cũng sẽ căn cứ vào sức khoẻ và hoàn cảnh, và các bạn sẽ luôn nhớ rằng các Chân sư trở thành Chân sư nhờ đạt được khả năng làm chủ, chứ không phải nhờ tuân

bear in mind that I, your teacher, am not constantly aware of your physical condition or daily doings. I concern not myself with the affairs of the personality and those misguided aspirants who claim that the Masters are forever telling them what to do and are guiding them in their personal affairs are still far from the grade of accepted discipleship. You will remember that the light will shine into a mind that is self-controlled and free from the mental dominance of another mind. With these provisos clearly understood, let us pass on to the enunciation of certain principles and to a consideration of what it may be possible to do.

phục bất kỳ ai. Các bạn sẽ ghi nhớ rằng Tôi, huấn sư của các bạn, không thường xuyên biết rõ tình trạng thể xác hoặc những việc làm hằng ngày của các bạn. Tôi không quan tâm đến những chuyện của phàm ngã, và những người chí nguyện lầm lạc tuyên bố rằng các Chân sư luôn bảo họ phải làm gì và hướng dẫn họ trong những chuyện riêng tư vẫn còn cách rất xa cấp độ đệ tử được chấp nhận. Các bạn sẽ nhớ rằng ánh sáng sẽ chiếu vào một thể trí tự chủ và thoát khỏi sự thống trị về trí tuệ của một thể trí khác. Khi đã thấu hiểu rõ những điều kiện này, chúng ta hãy chuyển sang trình bày một số nguyên khí và xem xét những gì có thể thực hiện.

1. The Tibetan sounds the note of *will.* The symbol of *standing* is a will-symbol. The Tibetan is an expert at exhortation — at inspiring speech.

1. Chân sư Tây Tạng xướng lên âm điệu của *ý chí.* Biểu tượng *đứng vững* là một biểu tượng của ý chí. Chân sư Tây Tạng rất giỏi khích lệ — rất giỏi dùng lời nói truyền cảm hứng.

2. Note how often the formula "You will…. " is used in this paragraph. He is fortifying His disciples with a kind of *bracing* energy.

2. Hãy lưu ý mẫu câu "Các bạn sẽ…. " được dùng thường xuyên đến mức nào trong đoạn này. Ngài đang củng cố các đệ tử của mình bằng một loại năng lượng *tiếp thêm sức mạnh*.

3. The freewill of the participants is being emphasized and they are being encouraged to stand in the strength of their freely dedicated will.

3. Ý chí tự do của những người tham gia đang được nhấn mạnh, và họ được khuyến khích đứng vững trong sức mạnh của ý chí mà họ đã tự do hiến dâng.

4. Again the note of "exactitude" is sounding. DK expects that His instructions will be *exactly* followed by those who, though an act of their own freewill and accord, have allied themselves with this enterprise.

4. Một lần nữa, âm điệu của "sự chính xác" lại vang lên. Chân sư DK kỳ vọng những người đã tự nguyện và đồng lòng tham gia sự nghiệp này sẽ tuân theo các huấn thị của Ngài *một cách chính xác*.

5. The injunctions here given are realistic. No impractical ideals are offered. Health and circumstance are important in the life of

5. Những chỉ dẫn được đưa ra ở đây mang tính thực tế. Không có lý tưởng thiếu thực tiễn nào được đề ra. Sức khoẻ và hoàn cảnh

discipleship; they are to be taken into consideration and mastered.

6. A sense of proportion is introduced. The teacher is not *always* aware of what His student or disciple may be doing — in fact, rarely so. Many of us have seen such a glamor at work — some disciples claiming to 'check in' with the Master to see if they can eat what is being served!

7. The Master points to certain childish practices involved in following so-called *guidance*. He lets us know that the Masters are not really all that interested in our personal affairs. We know that there are many who say They are. Such people, the Tibetan assures us, are still very far from the rank of "accepted disciple". We can infer that accepted discipleship is for responsible, self-determining, mature people and not at all for dependent persons who imagine that the Master is forever telling them what to do.

8. The new discipleship is not the discipleship of the Piscean Age — the 'Age of Faith, Authority and Obedience'. In telling His disciples what He will *not* do, He is using the sword of discrimination to separate the new way from the old. Much repetition is required as old habits die hard, and as so many of us have been Piscean aspirants and disciples for a number of centuries.

9. Master DK's pedagogical technique is clear; He tells what He will *not* do and why He will *not*. Then He tells also what He *will* do, and, again, why.

rất quan trọng trong đời sống đệ tử; cần xem xét và làm chủ chúng.

6. Một ý thức về tỉ lệ được đưa vào. Huấn sư không phải *lúc nào cũng* biết rõ đạo sinh hoặc đệ tử của mình đang làm gì — thực ra, điều đó hiếm khi xảy ra. Nhiều người trong chúng ta đã thấy một ảo cảm như thế đang tác động — một số đệ tử tuyên bố rằng họ 'hỏi ý kiến' Chân sư để xem họ có thể ăn món đang được dọn ra hay không!

7. Chân sư chỉ ra một số cách hành xử trẻ con trong việc làm theo điều được gọi là *sự hướng dẫn*. Ngài cho chúng ta biết rằng các Chân sư thực sự không quan tâm đến chuyện riêng tư của chúng ta đến thế. Chúng ta biết có nhiều người nói rằng Các Ngài có quan tâm. Chân sư Tây Tạng khẳng định với chúng ta rằng những người như thế vẫn còn cách rất xa hàng ngũ "đệ tử được chấp nhận". Chúng ta có thể suy ra rằng địa vị đệ tử được chấp nhận dành cho những người có trách nhiệm, tự quyết và trưởng thành, hoàn toàn không dành cho những người lệ thuộc, tưởng rằng Chân sư luôn bảo họ phải làm gì.

8. Địa vị đệ tử mới không phải là địa vị đệ tử của Kỷ Nguyên Song Ngư — 'Kỷ Nguyên của Đức Tin, Thẩm Quyền và Sự Tuân Phục'. Khi nói với các đệ tử điều Ngài sẽ *không* làm, Ngài đang dùng thanh kiếm phân biện để tách con đường mới khỏi con đường cũ. Cần phải lặp lại nhiều lần vì thói quen cũ khó bỏ, và vì rất nhiều người trong chúng ta đã là những người chí nguyện và đệ tử Song Ngư suốt nhiều thế kỷ.

9. Phương pháp sư phạm của Chân sư DK rất rõ ràng; Ngài nói điều Ngài sẽ *không* làm và vì sao Ngài sẽ *không* làm. Sau đó, Ngài cũng nói điều Ngài *sẽ* làm, và một lần nữa, nói rõ vì sao.

First: Let it be constantly remembered that the new discipleship is primarily an experiment in group work and that its main objective is not the perfecting of the individual disciple in the group. I regard this statement as basic and essential. The individuals are intended to supplement each other and complement each other and in the aggregate of their qualities should eventually provide a group capable of useful, spiritual expression and one through which spiritual energy can flow for the helping of humanity. The work to be done is on the mental plane. The spheres of service of individual disciples remain the same as before but to their differing fields of individual endeavour there will be added a group activity and life which will become more clear as time elapses. The first objective is, therefore, to weld and unify the group so that each person in it can work in close mental rapport and spiritual cooperation with the others. This inevitably takes time and the success of this new effort on the part of the Hierarchy will depend upon a non-critical attitude and the outpouring of a spirit of love on the part of each member of the group. This [9] will be fairly easy for some disciples to achieve but very difficult for others. So many high-grade people today have an over-development of the analytical mind. As time goes on, however, and if real effort is made, the welding process will make much progress. This, therefore, is our first effort, as it is the first effort of the group of every Master and the achievement of the Hierarchy itself — group unity.

Thứ nhất: Hãy luôn ghi nhớ rằng địa vị đệ tử mới trước hết là một cuộc thử nghiệm về công việc nhóm, và mục tiêu chính của nó không phải là hoàn thiện từng đệ tử trong nhóm. Tôi xem lời tuyên bố này là cơ bản và thiết yếu. Các cá nhân cần bổ sung và bổ túc cho nhau, và sự tổng hợp các phẩm tính của họ cuối cùng phải tạo thành một nhóm có khả năng biểu đạt tinh thần một cách hữu ích, một nhóm mà năng lượng tinh thần có thể tuôn chảy qua để trợ giúp nhân loại. Công việc cần thực hiện nằm trên cõi trí. Phạm vi phụng sự của từng đệ tử vẫn giữ nguyên như trước, nhưng bên cạnh các lĩnh vực nỗ lực cá nhân khác nhau của họ sẽ có thêm một hoạt động và đời sống nhóm, điều này sẽ trở nên rõ ràng hơn theo thời gian. Vì vậy, mục tiêu đầu tiên là gắn kết và hợp nhất nhóm để mỗi người trong đó có thể làm việc trong sự tương thông trí tuệ chặt chẽ và hợp tác tinh thần với những người khác. Điều này tất yếu cần thời gian, và thành công của nỗ lực mới này từ phía Thánh đoàn sẽ phụ thuộc vào thái độ không chỉ trích cùng tinh thần bác ái tuôn tràn từ mỗi thành viên trong nhóm. Điều này [9] sẽ khá dễ đạt được đối với một số đệ tử nhưng lại rất khó đối với những người khác. Ngày nay, rất nhiều người có trình độ cao có thể trí phân tích phát triển quá mức. Tuy nhiên, theo thời gian, nếu có nỗ lực thực sự, tiến trình gắn kết sẽ đạt nhiều tiến bộ. Vì vậy, đây là nỗ lực đầu tiên của chúng ta, cũng như đó là nỗ lực đầu tiên của nhóm thuộc mỗi Chân sư và là thành tựu của chính Thánh đoàn — sự hợp nhất nhóm.

1. The Master offers a “basic and essential” statement. He and His disciples are engaged in an experiment in *group* work. The purpose is *not* the perfecting of the individual

1. Chân sư đưa ra một lời tuyên bố “cơ bản và thiết yếu”. Ngài và các đệ tử của mình đang tham gia một cuộc thử nghiệm về công việc *nhóm*. Mục đích *không phải* là hoàn thiện

disciple in the group. (Of course, incidentally, if all goes well, this perfecting occurs as a collateral effect.)

2. DK speaks of supplementation and complementation. We can see why it is important for the members of a group to know their own ray(s) and astrological qualities and the qualities of their co-workers. With this knowledge in place, they can better supplement and complement each other.

3. We see that DK is seeking for His groups the Aquarian virtue of "unity in diversity".

4. The work to be done is on the *mental* plane. The disciples continue their already established line of service, but the new group work enriches it.

5. The first order of business is the welding and unifying of the group with the purpose of achieving "close mental rapport and spiritual cooperation with others". What are these qualities?

6. Through "close mental rapport" the members of a group will understand each other and be able to reinforce each other's thoughts and efforts. There will not be that (kama-manasically based) tendency towards misunderstanding which is so productive of schisms and cleavages within a group.

7. "Spiritual cooperation" can be thought of soul-harmony and soul-reinforcement. It is necessary to deal with the fact that the group members are independent human beings who are, for the most part, geographically separated. They cannot

từng đệ tử trong nhóm. (Dĩ nhiên, nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, sự hoàn thiện này cũng xuất hiện như một hiệu quả đi kèm.)

2. Chân sư DK nói về sự bổ sung và bổ túc. Chúng ta có thể thấy vì sao các thành viên trong nhóm cần biết cung hoặc các cung của chính mình, các phẩm tính chiêm tinh của mình và các phẩm tính của những người cùng làm việc. Khi có được sự hiểu biết này, họ có thể bổ sung và bổ túc cho nhau tốt hơn.

3. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang tìm kiếm cho các nhóm của Ngài đức tính Bảo Bình là "hợp nhất trong đa dạng".

4. Công việc cần thực hiện nằm trên cõi *trí*. Các đệ tử tiếp tục đường hướng phụng sự đã được xác lập của mình, nhưng công việc nhóm mới làm phong phú thêm đường hướng ấy.

5. Việc đầu tiên cần làm là gắn kết và hợp nhất nhóm nhằm đạt được "sự tương thông trí tuệ chặt chẽ và hợp tác tinh thần với những người khác". Những phẩm tính này là gì?

6. Thông qua "sự tương thông trí tuệ chặt chẽ", các thành viên trong nhóm sẽ thấu hiểu nhau và có thể củng cố những tư tưởng cùng nỗ lực của nhau. Sẽ không còn khuynh hướng hiểu lầm (dựa trên trí-cảm) vốn thường gây ra những chia rẽ và rạn nứt trong nhóm.

7. "Hợp tác tinh thần" có thể được xem là sự hoà hợp và củng cố lẫn nhau giữa các linh hồn. Cần xử lý thực tế rằng các thành viên trong nhóm là những con người độc lập, phần lớn sống cách xa nhau về địa lý. Họ không thể lúc nào cũng trò chuyện với nhau

always be talking to each other (at least not in those days) and physically working with each other. Yet still, they must be spiritually cooperative. Might we say that to do so, they can give the powers of the soul to each other, and be present to each other in a spirit of love and unity? They can learn to work with each other *as souls,* if not always as personalities.

(ít nhất là vào thời ấy) và cùng nhau làm việc trên cõi hồng trần. Dẫu vậy, họ vẫn phải hợp tác với nhau về mặt tinh thần. Liệu chúng ta có thể nói rằng để làm được điều đó, họ có thể trao cho nhau những quyền năng của linh hồn và hiện diện bên nhau trong tinh thần bác ái và hợp nhất không? Họ có thể học cách làm việc với nhau *như những linh hồn,* dù không phải lúc nào cũng như những phàm ngã.

8. The Master is clear about the process — it takes time to achieve the desired welding and unity. Success depends upon *non-criticism* and "the outpouring of a spirit of love on the part of each member of the group".

8. Chân sư nói rõ về tiến trình này — cần thời gian để đạt được sự gắn kết và hợp nhất mong muốn. Thành công phụ thuộc vào *việc không chỉ trích* và "tinh thần bác ái tuôn tràn từ mỗi thành viên trong nhóm".

9. These thoughts are so important. If we group members could only adhere to them (constantly), so much good would be achieved in our group life. The instructions are simple but so few disciples succeed in performing them. Of course, to succeed we would have to overcome the ancient habit of selfishness. We would have to negate the ancient Martian vibration, and transcend the undesirable tendency of lower Saturn to fortify the lower ego. No wonder why (though these two requirements are easy to understand) they are not easily achieved.

9. Những tư tưởng này vô cùng quan trọng. Giá như chúng ta, những thành viên trong nhóm, có thể tuân theo chúng (một cách liên tục), thì biết bao điều tốt đẹp sẽ thành tựu trong đời sống nhóm của chúng ta. Các huấn thị rất đơn giản, nhưng rất ít đệ tử thực hiện thành công. Dĩ nhiên, để thành công, chúng ta phải vượt qua thói quen ích kỷ từ xa xưa. Chúng ta phải vô hiệu hoá rung động Sao Hỏa từ xa xưa, và vượt lên trên khuynh hướng không mong muốn của Sao Thổ ở cấp thấp là củng cố phàm ngã. Không có gì lạ khi hai yêu cầu này tuy dễ hiểu nhưng lại không dễ đạt được.

10. The personnel of any group are diversified. Some are highly developed in the mind, and excessively analytical. Some have greater heart development and are in need of mental stimulation. Regardless of the imbalances, *group love is the way for all*, and a refraining from belittlement. To bless where one once criticized — this would indicate real progress.

10. Thành phần của bất kỳ nhóm nào cũng đa dạng. Một số người có thể trí phát triển cao và thiên về phân tích quá mức. Một số người khác có tâm phát triển hơn và cần sự kích thích trí tuệ. Dù có những mất cân bằng ấy, *tình thương trong nhóm là con đường dành cho tất cả mọi người*, cùng với việc tránh hạ thấp người khác. Ban phúc lành ở nơi trước kia mình từng chỉ trích — điều này sẽ cho thấy sự tiến bộ thực sự.

11. Again the Master puts first things first. He know the *first* task with this new group of disciples — the achievement of *group unity.*

12. This task can be approached in a number of ways:

a. meditatively,

b. through the cultivation of right thought,

c. through work pursued in common,

d. through persistence.

The group members learn each others *quality.* They learn to absorb each other and, especially, to absorb inharmonies. No words about *how* to do this will suffice. Each member of the group and the group as a whole, learns by doing.

13. The principle is clear: when a group is filled with cleavages, group consciousness is not possible. When welding, harmonization, unification have occurred, great strides can be made.

Every disciple has to learn to subordinate his own ideas of personal growth to the group requirements, for — in order to have a coordinated group, functioning as a serviceable unit — some disciples will have to hasten their progress in certain directions and others will have to slow down theirs temporarily to the pace of the majority. This will happen automatically, if the group identity is the dominant factor in the thoughts of each disciple, and desire for personal growth and for spiritual satisfaction is relegated to a secondary place.

11. Một lần nữa, Chân sư đặt những việc quan trọng nhất lên hàng đầu. Ngài biết nhiệm vụ *đầu tiên* đối với nhóm đệ tử mới này — đạt được *sự hợp nhất nhóm.*

12. Có thể tiếp cận nhiệm vụ này bằng nhiều cách:

a. qua tham thiền,

b. qua việc vun bồi tư tưởng đúng đắn,

c. qua công việc cùng theo đuổi,

d. qua sự kiên trì.

Các thành viên trong nhóm học cách nhận biết *phẩm tính của nhau.* Họ học cách đón nhận nhau và đặc biệt là dung nạp những điều bất hoà. Không lời nào nói về *cách* thực hiện điều này là đủ. Mỗi thành viên trong nhóm và toàn thể nhóm đều học qua thực hành.

13. Nguyên khí ở đây rất rõ ràng: khi một nhóm đầy những rạn nứt, tâm thức nhóm không thể hình thành. Khi đã có sự gắn kết, hài hoà và hợp nhất, nhóm có thể đạt những bước tiến lớn.

Mỗi đệ tử phải học cách đặt những ý tưởng riêng về sự phát triển cá nhân dưới các yêu cầu của nhóm, vì — để có một nhóm phối hợp nhịp nhàng, hoạt động như một đơn vị phụng sự hữu ích — một số đệ tử sẽ phải đẩy nhanh sự tiến bộ theo những hướng nhất định, còn những người khác sẽ phải tạm thời chậm lại để theo nhịp của số đông. Điều này sẽ tự động xảy ra nếu bản sắc nhóm là yếu tố chủ đạo trong tư tưởng của mỗi đệ tử, và ham muốn phát triển cá nhân cùng sự thoả mãn tinh thần được đặt vào hàng thứ yếu. Các nhóm trong mỗi ashram cuối cùng cần

The groups within each Ashram are intended to work together eventually just as the various departments of some great organisation work together effectively as a unit. They must function smoothly and intelligently. This will be possible when the individual members in the groups and the individual groups lose sight of their own identities in an effort to make this experiment of the Hierarchy successful. The feelings, reactions, wishes and successes of the individual most emphatically do not count.

làm việc cùng nhau, giống như các ban khác nhau của một tổ chức lớn cùng làm việc hiệu quả như một đơn vị. Các nhóm phải hoạt động trôi chảy và sáng suốt. Điều này sẽ khả thi khi từng thành viên trong các nhóm và từng nhóm không còn chú mục vào bản sắc riêng của mình, trong nỗ lực giúp cuộc thử nghiệm này của Thánh đoàn thành công. Cần đặc biệt nhấn mạnh rằng những cảm xúc, phản ứng, mong muốn và thành công của cá nhân hoàn toàn không đáng kể.

1. Some of the first sacrifices required by group work are stated. Comfort is involved. We all have our own rhythms, some relatively fast, some relatively slow. But group requirements are to be understood and our own 'habits of motion' made to adjust, for the sake of the whole. This may not always be easy, as the habits of a lifetime (or more) may have to be challenged.

1. Một số hi sinh đầu tiên mà công việc nhóm đòi hỏi đã được nêu ra. Sự thoải mái cũng nằm trong đó. Tất cả chúng ta đều có nhịp điệu riêng, có nhịp tương đối nhanh, có nhịp tương đối chậm. Nhưng chúng ta cần thấu hiểu các yêu cầu của nhóm và điều chỉnh những 'thói quen vận động' của chính mình vì lợi ích của toàn thể. Điều này có thể không phải lúc nào cũng dễ dàng, vì có thể phải thách thức những thói quen của cả một đời người (hoặc lâu hơn).

2. Need there necessarily be a struggle over these adaptations? Not if "the group identity is the dominant factor in the thoughts of the disciple".

2. Có nhất thiết phải đấu tranh với những sự thích nghi này không? Không, nếu "bản sắc nhóm là yếu tố chủ đạo trong tư tưởng của người đệ tử".

3. Of course, this is not always the case. Many disciples are very "full of themselves" and fail to think of the group and the Ashram in any practical and immediate way.

3. Dĩ nhiên, không phải lúc nào cũng như vậy. Nhiều đệ tử rất "tự mãn về bản thân" và không nghĩ đến nhóm cùng ashram theo bất kỳ cách nào thiết thực và trực tiếp.

4. It is "desire for personal growth and spiritual satisfaction" which makes us discontent over the approach of our fellow group members. The selfish group member will often see the others as "getting in *his/her* way" or in some manner "inhibiting *his/her* progress".

4. Chính "ham muốn phát triển cá nhân và sự thoả mãn tinh thần" khiến chúng ta bất mãn với cách tiếp cận của các thành viên đồng nhóm. Thành viên ích kỷ trong nhóm thường xem những người khác là đang "cản đường *mình*" hoặc theo một cách nào đó đang "kìm hãm sự tiến bộ của *mình*".

5. In this paragraph there are a number of "hard sayings" — especially for the individualistic, ambitious disciple. Individual identities are to be sacrificed to group good, and yet the individual must remain in full integrity (unlike the process in groups which seek to standardized the rank and file and render them obedient to a leader).

6. What *is* important is that the group, like the Ashram which inspires it, works together effectively as a unit, functioning smoothly and intelligently, like the fingers on one hand. This *can* happen, and when it does there is a burst of joyous realization and accomplishment.

7. DK becomes emphatic about the usual personal sensitivities: "The feelings, reactions, wishes and successes of the individual most emphatically do not count."

8. Clearly, a certain level of spiritual maturity would have to be achieved before a modern individual could willingly accept such a statement.

9. But such group work as the Tibetan has proposed is for those who are *outgrowing* their customary preoccupation with the personality. They long for a larger life, and that life can only be found *in loving group cooperation with others.*

10. Many seek "God-consciousness" but they do so in a rather individualistic way. They seem to avoid the necessary intermediate stage of "group-consciousness". It is a bit like trying to reach the monad directly from the personality and by-passing the soul. It can

5. Trong đoạn này có một số "lời khó chấp nhận" — đặc biệt đối với người đệ tử có tham vọng và nặng tính cá nhân. Phải hi sinh bản sắc cá nhân vì lợi ích của nhóm, nhưng cá nhân vẫn phải giữ trọn sự toàn vẹn của mình (khác với tiến trình trong những nhóm tìm cách đồng nhất hoá các thành viên thông thường và khiến họ tuân phục một người lãnh đạo).

6. Điều *thực sự* quan trọng là nhóm, cũng như ashram truyền cảm hứng cho nó, cùng làm việc hiệu quả như một đơn vị, hoạt động trôi chảy và sáng suốt như những ngón tay trên cùng một bàn tay. Điều này *có thể* xảy ra, và khi ấy sẽ bùng lên niềm hoan hỉ của sự nhận biết và thành tựu.

7. Chân sư DK nhấn mạnh về những nhạy cảm cá nhân thường gặp: "Cần đặc biệt nhấn mạnh rằng những cảm xúc, phản ứng, mong muốn và thành công của cá nhân hoàn toàn không đáng kể."

8. Rõ ràng, một cá nhân hiện đại phải đạt đến một mức độ trưởng thành tinh thần nhất định mới có thể sẵn lòng chấp nhận lời tuyên bố như thế.

9. Nhưng loại công việc nhóm mà Chân sư Tây Tạng đề xuất dành cho những người đang *vượt lên trên* sự bận tâm quen thuộc về phàm ngã của mình. Họ khao khát một đời sống rộng lớn hơn, và đời sống ấy chỉ có thể tìm thấy *trong sự hợp tác nhóm đầy tình thương với những người khác.*

10. Nhiều người tìm kiếm "tâm thức Thượng đế" nhưng lại làm điều đó theo một cách khá nặng tính cá nhân. Dường như họ né tránh giai đoạn trung gian cần thiết là "tâm thức nhóm". Điều này hơi giống việc cố gắng đi thẳng từ phàm ngã đến chân thần mà bỏ qua

be done, but there are considerable dangers and something of value is often lost.

11. So, how do we "lose sight of our own identities"? Well, we have to learn to value something more than we value our customary selves. Some dissatisfaction or divine discontent must enter as we ponder the force center with which we have been for so long identified — namely, the personality. Some distinct realization of the limitation which personality represents must have dawned upon us, and some flash of greater possibilities. Much experience of an individual kind may be needed before real group work becomes possible. If group involvement occurs before the personality has been sufficiently outlived, then many personality weaknesses will be dragged into the group militating against successful group process.

12. Questions of maturity and readiness are ever present on the Occult Path.

Only that is regarded as of moment which will further group effort and enrich the group consciousness. Only that, for instance, attracts my attention which brings more spiritual power to my group of disciples or which increases its light or dims its radiance. You need to remember that I look at my groups of disciples always subjectively and as a group. It is the total radiance which I see; it is the united rhythm which I note and the united tone and colour; it is the sound they collectively emit which I hear. May I reiterate that in one sense your individualities are of no interest or moment to me, except in so far as you raise or lower the group vibration. As personalities, you

linh hồn. Có thể làm được điều đó, nhưng có những nguy hiểm đáng kể và thường mất đi một điều gì đó có giá trị.

11. Vậy, làm thế nào chúng ta "không còn chú mục vào bản sắc riêng của mình"? Chúng ta phải học cách coi trọng một điều gì đó hơn những bản ngã quen thuộc của mình. Một sự bất mãn hay bất mãn thiêng liêng nào đó phải xuất hiện khi chúng ta suy ngẫm về trung tâm mãnh lực mà từ lâu mình đã đồng hoá với — tức là phàm ngã. Hẳn chúng ta đã bắt đầu nhận ra rõ rệt giới hạn mà phàm ngã biểu thị, đồng thời thoáng thấy những khả năng lớn lao hơn. Có thể cần nhiều kinh nghiệm cá nhân trước khi công việc nhóm đích thực trở nên khả thi. Nếu tham gia nhóm trước khi đã vượt qua đầy đủ lối sống phàm ngã, chúng ta sẽ kéo theo nhiều nhược điểm của phàm ngã vào nhóm, cản trở tiến trình thành công của nhóm.

12. Những vấn đề về sự trưởng thành và mức độ sẵn sàng luôn hiện diện trên Đường Đạo Huyền Bí.

Chỉ những gì thúc đẩy nỗ lực nhóm và làm phong phú tâm thức nhóm mới được xem là quan trọng. Chẳng hạn, chỉ những gì đem thêm quyền năng tinh thần đến nhóm đệ tử của Tôi, hoặc làm tăng ánh sáng hay làm mờ ánh huy hoàng của nhóm, mới thu hút sự chú ý của Tôi. Các bạn cần nhớ rằng Tôi luôn nhìn các nhóm đệ tử của mình từ phương diện chủ quan và như một nhóm. Điều Tôi thấy là tổng thể ánh huy hoàng; điều Tôi ghi nhận là nhịp điệu hợp nhất cùng âm sắc và màu sắc hợp nhất; điều Tôi nghe là âm thanh họ cùng phát ra. Xin cho Tôi nhắc lại rằng, theo một nghĩa nào đó, những cá tính riêng của các bạn không thu hút sự quan tâm hay có tầm quan trọng đối với Tôi, ngoại trừ

matter not to us, the teachers on the inner side. As souls you are of vital moment. Each disciple in the group of any Master may have many weaknesses and limitations. These act as hindrances to others in the group. But, as souls, such disciples [10] are somewhat awakened and alive and have achieved a certain measure of alignment. So it is with all of you in my group. As souls, I cherish you and seek to aid and lift, to expand and enlighten.

trong chừng mực các bạn nâng cao hay hạ thấp rung động nhóm. Với tư cách phàm ngã, các bạn không có tầm quan trọng đối với chúng tôi, những huấn sư ở phía bên trong. Với tư cách linh hồn, các bạn có tầm quan trọng thiết yếu. Mỗi đệ tử trong nhóm của bất kỳ Chân sư nào cũng có thể có nhiều nhược điểm và giới hạn. Những điều này gây trở ngại cho những người khác trong nhóm. Nhưng với tư cách linh hồn, những đệ tử ấy [10] đã phần nào thức tỉnh, sống động và đạt được một mức độ chỉnh hợp nhất định. Tất cả các bạn trong nhóm của Tôi cũng vậy. Với tư cách linh hồn, Tôi trân quý các bạn và tìm cách trợ giúp, nâng đỡ, mở rộng và soi sáng cho các bạn.

1. The ideal attitudes for members of new discipleship groups are here stated. Group values are constantly reiterated, individual values minimized.

1. Ở đây nêu rõ những thái độ lý tưởng dành cho các thành viên của các nhóm đệ tử mới. Các giá trị nhóm liên tục được nhắc lại, còn các giá trị cá nhân được giảm nhẹ.

2. The enrichment of the group consciousness; the increase of spiritual power in the group; the increase of group light — these are the factors of moment. Any other happenings and developments are peripheral.

2. Làm phong phú tâm thức nhóm; gia tăng quyền năng tinh thần trong nhóm; gia tăng ánh sáng nhóm — đó là những yếu tố quan trọng. Mọi sự việc và diễn biến khác đều là thứ yếu.

3. Will there not come a time when excessive preoccupation with the little self will give way to a real concern with the welfare of one's group? Probably this attitude cannot be forced and is a matter of growth. At length, however, it must come.

3. Chẳng lẽ sẽ không đến lúc sự bận tâm quá mức đến bản ngã nhỏ bé nhường chỗ cho mối quan tâm thực sự đến phúc lợi của nhóm mình sao? Có lẽ không thể cưỡng ép thái độ này, vì đó là vấn đề trưởng thành. Tuy nhiên, cuối cùng thái độ ấy phải xuất hiện.

4. Attending carefully to the Master's words as He describes the manner in which He views His groups can facilitate that growth, at least giving a heightened incentive to outgrow personality-centeredness.

4. Chú tâm lắng nghe lời Chân sư khi Ngài mô tả cách Ngài nhìn các nhóm của mình có thể thúc đẩy sự trưởng thành ấy, ít nhất cũng tạo thêm động lực để vượt qua sự tập trung vào phàm ngã.

5. This is such an important paragraph. It certainly applies to us in all our group endeavors. The Master is speaking in strong terms. He is devaluing our personal selves and emphasizing our value as souls.

5. Đây là một đoạn văn rất quan trọng. Chắc chắn nó áp dụng cho chúng ta trong mọi nỗ lực nhóm. Chân sư đang dùng những lời lẽ mạnh mẽ. Ngài đang hạ thấp giá trị những bản ngã cá nhân của chúng ta và nhấn mạnh giá trị của chúng ta với tư cách linh hồn.

6. Is there something in us that resents this? Or feels that DK is failing to recognize who 'we' are? If so, the implications are clear: we are still centered in our personality and not really ready for the group work of the kind here proposed.

6. Có điều gì trong chúng ta bất bình về việc này không? Hoặc cảm thấy Chân sư DK không nhận ra 'chúng ta' là ai? Nếu có, hàm ý đã rõ: chúng ta vẫn tập trung trong phàm ngã và chưa thực sự sẵn sàng cho loại công việc nhóm được đề xuất ở đây.

7. Some important questions could arise from the Master's statements: "Am I raising or lowering the group vibration"? "Am I dimming or enhancing the group radiation of light?"

7. Một số câu hỏi quan trọng có thể nảy sinh từ những phát biểu của Chân sư như sau: "Tôi đang nâng cao hay hạ thấp rung động nhóm"? "Tôi đang làm mờ hay tăng cường sự tỏa chiếu ánh sáng của nhóm?"

8. What the Master is really doing is emphasizing who we *are* and withdrawing His attention from who we are *not*. In fact, rather than showing disinterest in *us*, He is showing a profound interest in who we *really* are. Upon the Path of Occultism one must overcome the distortions of the "astral inversion" which inclines us to value that which is relatively worthless and despise that which is really of true value. Under this inversion we 'sell' our real self to the lunar lords and reject the Angel Who seeks to see us on familiar terms with our Higher Self.

8. Điều Chân sư thực sự đang làm là nhấn mạnh chúng ta *là ai* và rút sự chú ý của Ngài khỏi những gì chúng ta *không phải*. Thực ra, thay vì tỏ ra không quan tâm đến *chúng ta*, Ngài đang thể hiện mối quan tâm sâu sắc đến con người *đích thực* của chúng ta. Trên Con Đường Huyền Bí Học, người ta phải vượt qua những biến dạng của sự "đảo ngược cảm dục" vốn khiến chúng ta coi trọng những gì tương đối vô giá trị và xem thường những gì thực sự có giá trị đích thực. Dưới ảnh hưởng của sự đảo ngược này, chúng ta 'bán' bản ngã đích thực của mình cho các nguyệt tinh quân và khước từ Thiên Thần đang tìm cách đưa chúng ta vào mối quan hệ thân thiết với chân ngã của mình.

9. This paragraph is so typical of the way in which the Master shows His love. He uses many contrasts, setting that which is undesirable to one side and countering it with that which is profoundly desirable. In fact, very often He uses the fourth ray of

9. Đoạn văn này rất tiêu biểu cho cách Chân sư biểu lộ tình thương của Ngài. Ngài dùng nhiều sự tương phản, đặt những gì không đáng mong muốn sang một bên và đối lại bằng những gì vô cùng đáng mong muốn. Thực ra, Ngài rất thường sử dụng cung bốn

Harmony through Conflict.

10. To the superficial reader, it could seem as if the Master did not care about 'us'. To the reader who reads with the eyes of the soul, we learn that not only does the Master care, but that He *cherishes* us — as *souls.*

11. It is certain that the Master's love is profound, but His experience is also great and He cannot lavish value on that which is relatively valueless, ignoring the best in us simply to preserve our comfortable habits of consciousness.

I would like here to emphasise one point as we consider the individual in the group and his group relations. Watch with care your thoughts anent each other, and kill out at once all suspicion, all criticism and seek to hold each other unwaveringly in the light of love. You have no idea of the potency of such an effort or of its power to release each other's bonds and to lift the group to an exceedingly high place. By the pure light of love for each other, you can draw nearer to me and to the teachers on the subjective side of life and arrive more rapidly at that Gate which opens on the lighted Way. You have the opportunity to demonstrate to each other the scientific value and power of love, regarded as a force in nature. Make this demonstration your endeavour. You will thus release for each other all that is needed to bring about potent and vital changes in the life patterns and purpose of the group members.

1. This paragraph offers one of the major keys to successful group work. The three

Hài Hòa qua Xung Đột.

10. Với người đọc hời hợt, dường như Chân sư không quan tâm đến 'chúng ta'. Khi đọc bằng đôi mắt linh hồn, chúng ta hiểu rằng Chân sư không chỉ quan tâm, mà Ngài còn *trân quý* chúng ta — với tư cách *linh hồn.*

11. Chắc chắn tình thương của Chân sư rất sâu sắc, nhưng kinh nghiệm của Ngài cũng rất rộng lớn, và Ngài không thể đề cao quá mức những gì tương đối vô giá trị, bỏ qua điều tốt đẹp nhất trong chúng ta chỉ để duy trì những thói quen tâm thức dễ chịu của chúng ta.

Ở đây, Tôi muốn nhấn mạnh một điểm khi chúng ta xem xét cá nhân trong nhóm và các mối quan hệ nhóm của người ấy. Hãy cẩn thận quan sát những tư tưởng của các bạn về nhau, lập tức diệt trừ mọi nghi ngờ, mọi chỉ trích, và tìm cách kiên định giữ nhau trong ánh sáng tình thương. Các bạn không biết nỗ lực như vậy có hiệu lực đến mức nào, hay có quyền năng tháo gỡ những ràng buộc cho nhau và nâng nhóm lên một vị trí vô cùng cao cả đến đâu. Nhờ ánh sáng thuần khiết của tình thương dành cho nhau, các bạn có thể đến gần Tôi và các huấn sư ở phía chủ quan của sự sống hơn, và nhanh chóng đến được Cánh Cổng mở vào Con Đường được Soi Sáng ấy. Các bạn có cơ hội chứng minh cho nhau thấy giá trị khoa học và quyền năng của tình thương, khi xem đó là một mãnh lực trong tự nhiên. Hãy nỗ lực thực hiện sự chứng minh này. Như vậy, các bạn sẽ giải phóng cho nhau tất cả những gì cần thiết để tạo ra những thay đổi mạnh mẽ và đầy sinh lực trong các mô hình sống và mục đích của các thành viên nhóm.

1. Đoạn văn này đưa ra một trong những chìa khóa chính cho công việc nhóm thành

major sources of glamor are criticism, suspicion and self-pity. Here the Master discusses two of them (criticism and suspicion) and asks us to kill them out. Instead, we are to hold each other "in the light of love", which is equivalent to saying, 'in the revelatory vibration of love'.

công. Ba nguồn chính của ảo cảm là chỉ trích, nghi ngờ và tự thương hại. Ở đây, Chân sư bàn về hai trong số đó (chỉ trích và nghi ngờ) và yêu cầu chúng ta diệt trừ chúng. Thay vào đó, chúng ta phải giữ nhau "trong ánh sáng tình thương", điều này tương đương với cách nói 'trong rung động mặc khải của tình thương'.

2. To hold each other thus, is a tremendous *releasing* factor. Why should this be so? Each criticism, each suspicion is like a theft from the one to whom they are directed. They are 'forces of diminishment'; they never exalt but only tear down. They fail to strengthen the soul and only weaken the personality.

2. Giữ nhau như vậy là một yếu tố *giải phóng* vô cùng mạnh mẽ. Vì sao lại như vậy? Mỗi lời chỉ trích, mỗi sự nghi ngờ đều giống như lấy cắp một điều gì đó từ người mà chúng nhắm đến. Chúng là 'những mãnh lực làm suy giảm'; chúng không bao giờ nâng cao mà chỉ hạ thấp. Chúng không củng cố linh hồn mà chỉ làm suy yếu phàm ngã.

3. Love, on the other hand, brings out the best in us; it swells the good and helps us overflow our limitations. Through love, we restore the other to ourselves and ourselves to each other. Under the regime of selfishness, we are *bound* by separatism and cleavage. We are disempowered by the limitations caused by artificial ego boundaries. The power of the whole is vastly greater than the part, yet such forces as criticism and suspicion imprison us in the part. They do not see and reinforce the good.

3. Ngược lại, tình thương khơi dậy điều tốt đẹp nhất trong chúng ta; nó làm tăng trưởng điều thiện và giúp chúng ta vượt qua các giới hạn của mình. Qua tình thương, chúng ta đưa người khác trở về với mình và đưa mình trở về với nhau. Dưới sự thống trị của tính ích kỷ, chúng ta *bị trói buộc* vì tính chia rẽ và sự phân ly. Chúng ta mất đi sức mạnh do những giới hạn mà các ranh giới bản ngã giả tạo gây ra. Quyền năng của toàn thể lớn hơn vô cùng so với bộ phận, thế nhưng những mãnh lực như chỉ trích và nghi ngờ lại giam hãm chúng ta trong bộ phận. Chúng không nhìn thấy và củng cố điều thiện.

4. One day there will be groups which love with a liberating love of the kind the Tibetan writes. So simple a thing He asks, and yet where are the groups in which this kind of love flows freely? Perhaps somewhere they exist. Surely, they must come to exist.

4. Một ngày kia sẽ có những nhóm yêu thương bằng thứ tình thương giải phóng mà Chân sư Tây Tạng viết đến. Ngài yêu cầu một điều thật đơn giản, vậy mà đâu là những nhóm trong đó thứ tình thương này tuôn chảy tự do? Có lẽ chúng tồn tại ở đâu đó. Chắc chắn chúng phải xuất hiện.

5. Why does the "pure light of love" draw us closer to the teachers on the inner side?

5. Vì sao "ánh sáng thuần khiết của tình thương" đưa chúng ta đến gần hơn với các

Theirs is a world of harmony, of freely flowing, uninterrupted harmonious interchange. They live in a world of pure patterns, unobstructed by the ugly constructs which humanity has managed to create through wrong thought. The pure light of love instantly dissolves the ugly maze and restores the power of the archetype through which there can be free flow. It is *we* who prevent contact with the Master by our unfit vibratory patterns; on His side, He is ever ready, when our patterns are ready.

huấn sư ở phía bên trong? Thế giới của Các Ngài là một thế giới hài hòa, nơi sự giao lưu hài hòa tuôn chảy tự do, không gián đoạn. Các Ngài sống trong một thế giới của những mô hình thuần khiết, không bị cản trở bởi những cấu trúc xấu xí mà nhân loại đã tạo ra qua tư tưởng sai lầm. Ánh sáng thuần khiết của tình thương lập tức làm tan mê cung xấu xí ấy và khôi phục quyền năng của nguyên mẫu, qua đó dòng lưu chuyển có thể diễn ra tự do. Chính *chúng ta* ngăn cản sự tiếp xúc với Chân sư bằng những mô hình rung động không thích hợp của mình; về phía Ngài, Ngài luôn sẵn sàng khi những mô hình của chúng ta đã sẵn sàng.

6. “The scientific value and power of love, regarded as a force in nature” — this, the Tibetan invites us to demonstrate. How difficult it is to encourage men to love! They have so much to gain — eventually the freedom of the whole — and yet they refuse to love. It is amazing that we almost habitually refuse the benefit of this great force.

6. “Giá trị khoa học và quyền năng của tình thương, khi xem đó là một mãnh lực trong tự nhiên” — đó là điều Chân sư Tây Tạng mời gọi chúng ta chứng minh. Khuyến khích con người yêu thương khó biết bao! Họ có thể đạt được rất nhiều — cuối cùng là sự tự do của toàn thể — vậy mà họ vẫn khước từ yêu thương. Thật đáng kinh ngạc khi chúng ta gần như theo thói quen khước từ lợi ích của mãnh lực vĩ đại này.

7. Of course, times are now changing. The Hierarchy is drawing nearer, the Aquarian energies are drawing closer (emphasizing the powers of Venus and Jupiter among others). The Christ is nearing His humanity. It should become easier to love and demonstrate love. The Aquarian Age will be a scientific Age, and love will studied as a scientific force, as is here suggested.

7. Dĩ nhiên, thời thế hiện đang thay đổi. Thánh đoàn đang đến gần hơn, các năng lượng Bảo Bình đang tiến đến gần hơn (nhấn mạnh quyền năng của Sao Kim và Sao Mộc cùng những hành tinh khác). Đức Christ đang đến gần nhân loại của Ngài. Việc yêu thương và biểu lộ tình thương hẳn sẽ trở nên dễ dàng hơn. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ là một Kỷ Nguyên khoa học, và tình thương sẽ được nghiên cứu như một mãnh lực khoa học, như gợi ý ở đây.

8. It is clear that if we do not love, we hold each other in bondage. How we see the other is often what the other becomes. The story of Don Quixote is an admirable example. We

8. Rõ ràng, nếu không yêu thương, chúng ta giữ nhau trong sự trói buộc. Cách chúng ta nhìn người khác thường trở thành điều mà người ấy sẽ trở nên. Câu chuyện Don Quixote

should remember the good we can do each other simply through the genuine expression of love. We have only to think of Christ's love for us to realize what can be accomplished when love is strong and pure. There is so much talk about this energy, and so little realization of what it is. Yet its day is coming.

là một ví dụ đáng ngưỡng mộ. Chúng ta nên nhớ điều tốt đẹp mình có thể làm cho nhau chỉ bằng cách chân thành biểu lộ tình thương. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến tình thương của Đức Christ dành cho mình để nhận ra những gì có thể thành tựu khi tình thương mạnh mẽ và thuần khiết. Người ta nói quá nhiều về năng lượng này, nhưng lại nhận biết quá ít về bản chất của nó. Tuy vậy, thời đại của nó đang đến.

Love is not a sentiment or an emotion nor is it desire or a selfish motive for right action in daily life. Love is the wielding of the force which guides the worlds and which leads to the integration, unity and inclusiveness which impels Deity itself to action. Love is a hard thing to cultivate — such is the inherent selfishness of human nature; it is a difficult thing to apply to all conditions of life and its expression will demand of you the utmost you have to give and the stamping out of your selfish personal activities.

Tình thương không phải là một cảm tình hay một cảm xúc, cũng không phải dục vọng hay một động cơ ích kỷ thúc đẩy hành động đúng đắn trong đời sống hằng ngày. Tình thương là việc vận dụng mãnh lực hướng dẫn các thế giới và dẫn đến sự tích hợp, hợp nhất và tính bao gồm, vốn thôi thúc chính Thượng đế hành động. Tình thương là điều khó vun bồi — tính ích kỷ vốn có trong bản chất con người lớn đến thế; đó là điều khó áp dụng vào mọi hoàn cảnh của đời sống, và sự biểu lộ của nó sẽ đòi hỏi các bạn dốc hết những gì mình có thể trao đi và diệt trừ những hoạt động cá nhân ích kỷ của mình.

1. DK goes on to tell us what love it not. It is not a sentiment — an unclear thought tinged with a pleasant feeling.

1. Chân sư DK tiếp tục cho chúng ta biết tình thương không phải là gì. Nó không phải là một cảm tình — một tư tưởng không rõ ràng nhuốm một cảm giác dễ chịu.

2. It is not an emotion moving us through strong desire.

2. Nó không phải là một cảm xúc thúc đẩy chúng ta qua dục vọng mạnh mẽ.

3. It is not a desire, for it wants nothing for itself. It is a *giving* rather than a taking or getting.

3. Nó không phải là dục vọng, vì nó không muốn gì cho riêng mình. Nó là sự *cho đi* hơn là lấy hay nhận về.

4. Nor is love a "selfish motive for right action in daily life". For instance, one might selfishly think that if all were peaceful and loving, one could more easily gratify one's desires.

4. Tình thương cũng không phải là một "động cơ ích kỷ thúc đẩy hành động đúng đắn trong đời sống hằng ngày". Chẳng hạn, người ta có thể ích kỷ nghĩ rằng nếu mọi thứ đều an bình và đầy tình thương, mình có thể

dễ dàng thỏa mãn những dục vọng của mình hơn.

5. These states (familiar definitions of love) are a limitation upon the true nature of love.

5. Những trạng thái này (những định nghĩa quen thuộc về tình thương) giới hạn bản chất đích thực của tình thương.

6. Then, DK (echoing Dante) says something extraordinary: "Love is the wielding of the force with guides the worlds". He seems to be saying that all that is moving is moving because of Love. Love is the cohesive, attractive force which ensures that the God-intended Archetype is realized, materialized and fulfilled.

6. Rồi Chân sư DK (nhắc lại ý của Dante) nói một điều phi thường: "Tình thương là việc vận dụng mãnh lực hướng dẫn các thế giới". Dường như Ngài đang nói rằng tất cả những gì chuyển động đều chuyển động nhờ Tình thương. Tình thương là mãnh lực cố kết, thu hút, bảo đảm rằng Nguyên Mẫu theo ý định của Thượng đế được hiện thực hóa, hiện hình và hoàn thành.

7. Somehow, when a certain unity, integration and inclusiveness are achieved, this achievement is recognized as the 'Field of Love'. When this field is realized, one is impelled to do everything possible to bring all creation into that 'Field of Love'.

7. Theo một cách nào đó, khi đạt được một mức độ hợp nhất, tích hợp và tính bao gồm nhất định, thành tựu này được nhận biết là 'Trường Tình Thương'. Khi chứng nghiệm trường này, người ta được thôi thúc làm mọi điều có thể để đưa toàn thể tạo vật vào 'Trường Tình Thương'.

8. Love is not what people usually say it is. It is a Force so stupendous that it is forever surprising. It is the Force forgotten again and again under the spell of illusion, and yet re-emerges insistently, ever-new, demanding the total allegiance of the consciousness.

8. Tình thương không phải là điều người ta thường nói về nó. Đó là một Mãnh Lực lớn lao đến mức luôn gây kinh ngạc. Đó là Mãnh Lực hết lần này đến lần khác bị lãng quên dưới sức mê hoặc của ảo tưởng, nhưng vẫn kiên trì tái xuất hiện, luôn mới mẻ, đòi hỏi sự tận hiến trọn vẹn của tâm thức.

9. Then comes DK's realism: "Love is a hard thing to cultivate". As magnificent as is this Energy, established human nature resists the experience and presence of Love.

9. Rồi đến nhận định thực tế của Chân sư DK như sau: "Tình thương là điều khó vun bồi". Dù Năng Lượng này tráng lệ đến đâu, bản chất con người đã định hình vẫn chống lại trải nghiệm và sự hiện diện của Tình thương.

10. Clearly, DK is calling for the development of the "Will-to-Love", so that the difficulty in cultivation may at length be

10. Rõ ràng, Chân sư DK đang kêu gọi phát triển "Ý Chí-Yêu Thương", để cuối cùng có thể vượt qua khó khăn trong việc vun bồi

overcome.

11. Why is Love so difficult to cultivate and apply? Might it be said that, as personalities, we are built of forces the very nature of which opposes love. Rotary motion rules, long cultivated during and since the last solar system. Spiral cyclic motion has yet to win the day. Therefore, two types of universal motion are opposed and contend with each other.

12. Matter of the present kind does not yet easily 'hold the presence of Love'. It has to be trained to do so. Master DK is asking His disciples to train themselves in this direction.

13. Selfishness is the given; love is the rarity.

Disciples in the group of a Master have to love each other with intelligence and an abiding strength and thus release that light and power which will eventually make the group of effective value in the world. As I work with you in the future, I shall not wait to wrap up the truths I have to say to each of you in such a way that they cannot hurt. I shall not in the future consider your personality feelings and reactions because I count upon the sincerity of your purpose.

1. We are here given the way in which we must love each other (if we are to be in a Master's group) — i. e. , with intelligence and an abiding strength.

2. Over and over the idea is repeated: *love brings release.* We free each other through

tình thương.

11. Vì sao Tình thương lại khó vun bồi và áp dụng đến vậy? Có thể nói rằng, với tư cách phàm ngã, chúng ta được cấu thành từ những mãnh lực mà chính bản chất của chúng chống lại tình thương chăng. Chuyển động quay đang chi phối, sau một thời gian dài được vun bồi trong hệ mặt trời trước và kể từ đó đến nay. Chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ vẫn chưa giành được ưu thế. Do đó, hai loại chuyển động phổ quát đối lập và tranh đấu với nhau.

12. Loại vật chất hiện nay vẫn chưa dễ dàng 'lưu giữ sự hiện diện của Tình thương'. Nó phải được rèn luyện để làm như vậy. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài tự rèn luyện theo hướng này.

13. Tính ích kỷ là điều sẵn có; tình thương là điều hiếm hoi.

Các đệ tử trong nhóm của một Chân sư phải yêu thương nhau bằng trí tuệ và sức mạnh bền bỉ, nhờ đó giải phóng ánh sáng và quyền năng cuối cùng sẽ khiến nhóm có giá trị hữu hiệu trong thế gian. Khi làm việc với các bạn trong tương lai, Tôi sẽ không trì hoãn để bọc những chân lý cần nói với từng người trong các bạn sao cho chúng không thể gây tổn thương. Trong tương lai, Tôi sẽ không lưu tâm đến những cảm giác và phản ứng phàm ngã của các bạn, vì Tôi tin vào sự chân thành trong mục đích của các bạn.

1. Ở đây, chúng ta được chỉ cho cách phải yêu thương nhau (nếu muốn ở trong nhóm của một Chân sư) — nghĩa là, bằng trí tuệ và sức mạnh bền bỉ.

2. Ý tưởng này được nhắc đi nhắc lại: *tình thương đem lại sự giải phóng.* Chúng ta giải

love. We strengthen each other through love. We bring fulfillment to each other through love. So great is the promise, that one would think love would be practiced ceaselessly. Perhaps people simply do not know how.

phóng nhau qua tình thương. Chúng ta củng cố sức mạnh cho nhau qua tình thương. Chúng ta đem lại sự viên mãn cho nhau qua tình thương. Triển vọng ấy lớn lao đến mức người ta hẳn sẽ nghĩ rằng tình thương phải được thực hành không ngừng. Có lẽ người ta chỉ đơn giản là không biết cách.

3. DK moves immediately from love to frankness. Having stated how we should love each other (which is very much the way *He* loves us), He assures us that He will not "wrap up the truth[s]" that He has to share with us in such a way "that they cannot hurt". At least this is His intention. My impression, however, is that on a number of occasions (out of compassion) He did exactly that. He certainly buffered the impact of some strong thoughts He had to convey. His approach is 'masterful'.

3. Chân sư DK lập tức chuyển từ tình thương sang sự thẳng thắn. Sau khi nêu rõ chúng ta nên yêu thương nhau như thế nào (rất giống cách *Ngài* yêu thương chúng ta), Ngài bảo đảm với chúng ta rằng Ngài sẽ không "bọc chân lý [những chân lý]" mà Ngài phải chia sẻ với chúng ta sao cho "chúng không thể gây tổn thương". Ít nhất đó là ý định của Ngài. Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng rằng trong một số trường hợp (vì lòng từ bi), Ngài đã làm đúng như vậy. Chắc chắn Ngài đã làm dịu tác động của một số tư tưởng mạnh mẽ mà Ngài phải truyền đạt. Cách tiếp cận của Ngài thật 'bậc thầy'.

4. But at least at the beginning of this experimental enterprise, He takes the entirely impersonal point of view, discounting the value of feelings, and asserting that the sincerity of the student makes it unnecessary to be artificially gentle in conveying the truth.

4. Nhưng ít nhất vào lúc khởi đầu công cuộc thử nghiệm này, Ngài giữ quan điểm hoàn toàn vô tư, giảm nhẹ giá trị của các cảm giác và khẳng định rằng sự chân thành của đạo sinh khiến việc dịu dàng một cách giả tạo khi truyền đạt chân lý trở nên không cần thiết.

5. This paragraph seems to say that love and directness go hand in hand — that if one loves enough, one can be completely truthful and direct.

5. Đoạn văn này dường như nói rằng tình thương và sự thẳng thắn đi đôi với nhau — rằng nếu yêu thương đủ sâu sắc, người ta có thể hoàn toàn chân thật và thẳng thắn.

6. The corollary is that *feelings,* per se, are illusory and no guide to truth. One should not have to tiptoe around such unrealities.

6. Hệ quả là chính *các cảm giác* mang tính ảo tưởng và không phải là kim chỉ nam dẫn đến chân lý. Người ta không nên phải rón rén né tránh những điều không thực như vậy.

It is perhaps wise to remember here that, as a general rule, no one believes what others

Ở đây, có lẽ nên nhớ rằng, theo lẽ thường, không ai tin điều người khác nói với mình —

may tell him — no matter how apparent [11] the truth or how much the person may protest that he accepts that truth. Only those truths which are wrought out individually in the crucible of experience really penetrate into the living consciousness and bear fruit. But in this group effort which we are undertaking, the fact that all in the group are made aware of what is said to the individual may prove most useful and produce much more rapid adjustments than could otherwise be the case — provided that, unitedly and in love, they will then help their fellow disciple to change the undesirable condition. I count on one thing only, my brothers, and that is your deep sincerity. It is not a negative thing (as some claim) to point out a fault or error. As the clear light of the soul pours in, it reveals the personality for what it is. If true dispassion is practised, this group of disciples can see things as they are and remain untouched by the revelation of the desirable or the undesirable qualities. If you are depressed or irritated or hurt by such revelation, it indicates a basic lack of dispassion and proves attachment to the personality and to the opinions of others.

dù chân lý có hiển nhiên [11] đến đâu, hay người ấy có khẳng định mạnh mẽ đến mức nào rằng mình chấp nhận chân lý đó. Chỉ những chân lý mà mỗi cá nhân tự mình rèn đúc trong lò luyện kinh nghiệm mới thực sự thấm vào tâm thức sống động và đơm hoa kết trái. Nhưng trong nỗ lực nhóm mà chúng ta đang thực hiện, việc tất cả thành viên trong nhóm đều biết những điều nói với từng cá nhân có thể tỏ ra hết sức hữu ích và tạo ra những điều chỉnh nhanh hơn nhiều so với trường hợp khác — với điều kiện sau đó họ cùng nhau, trong tình thương, giúp người đệ tử đồng môn thay đổi tình trạng không đáng mong muốn ấy. Các huynh đệ của Tôi, Tôi chỉ trông cậy vào một điều, đó là sự chân thành sâu sắc của các bạn. Chỉ ra một khuyết điểm hay sai lầm không phải là điều tiêu cực (như một số người khẳng định). Khi ánh sáng trong sáng của linh hồn tuôn vào, nó phơi bày phàm ngã đúng như bản chất của nó. Nếu thực hành sự bình thản không vướng mắc đích thực, nhóm đệ tử này có thể thấy sự vật đúng như chúng là và không bị tác động khi những phẩm tính đáng mong muốn hay không đáng mong muốn hiển lộ. Nếu các bạn chán nản, bực bội hay tổn thương vì sự mặc khải ấy, điều đó cho thấy các bạn thiếu căn bản sự bình thản không vướng mắc và chứng tỏ sự gắn bó với phàm ngã cùng những ý kiến của người khác.

1. The Tibetan opens with a surprising statement and many of us would protest that He is incorrect. “Of course”, we might say, “we can accept the truth from another when it seems obvious and agrees with what we consider true and accurate”.

1. Chân sư Tây Tạng mở đầu bằng một phát biểu gây ngạc nhiên, và nhiều người trong chúng ta sẽ phản đối rằng Ngài không đúng. “Dĩ nhiên”, chúng ta có thể nói, “chúng ta có thể chấp nhận chân lý từ người khác khi nó có vẻ hiển nhiên và phù hợp với những gì mình cho là đúng và chính xác”.

2. Ultimately, however, we realize that He is correct. There is a kind of protective mechanism within the human being which

2. Tuy nhiên, cuối cùng chúng ta nhận ra rằng Ngài đúng. Trong con người có một loại cơ chế bảo vệ nhất quyết đòi *kiểm chứng* các

insists on *verifying* beliefs — especially in matters which lie within the believer's range of provability.

niềm tin — nhất là trong những vấn đề nằm trong phạm vi mà người tin có thể chứng minh.

3. In the Tibetan's experiment, *all* disciples in any group-of-nine received the personal instruction sent to *each* disciple in that group. The value of this approach is here emphasized; DK tells us that the resultant mutual awareness may produce "much more rapid adjustments than might otherwise be the case". It is obvious that a certain potential vulnerability is created by this kind of sharing within a group. Therefore, an attitude of united group love is required of those who are made aware of their brothers' weaknesses. Such awareness is a tremendous responsibility.

3. Trong cuộc thử nghiệm của Chân sư Tây Tạng, *tất cả* đệ tử trong bất kỳ nhóm chín người nào đều nhận được huấn thị cá nhân gửi cho *từng* đệ tử trong nhóm đó. Ở đây nhấn mạnh giá trị của cách tiếp cận này; Chân sư DK cho chúng ta biết rằng sự nhận biết lẫn nhau do đó tạo ra có thể dẫn đến "những điều chỉnh nhanh hơn nhiều so với trường hợp khác". Rõ ràng, kiểu chia sẻ này trong một nhóm tạo ra một khả năng dễ bị tổn thương nhất định. Do đó, những người được biết các nhược điểm của huynh đệ mình cần có thái độ yêu thương hợp nhất của nhóm. Sự nhận biết như vậy là một trách nhiệm vô cùng lớn lao.

4. Basically, the Tibetan is relying upon one or two foundational conditions within His disciples: *persistence* and *sincerity*. Without strong commitment, success would not be possible.

4. Về cơ bản, Chân sư Tây Tạng đang dựa vào một hoặc hai điều kiện nền tảng nơi các đệ tử của Ngài: *sự kiên trì* và *sự chân thành*. Không có sự cam kết mạnh mẽ thì không thể thành công.

5. As a teacher of the Ageless Wisdom and the Master the Ashram, the Tibetan is obliged to point out faults or errors when He deems it necessary for the welfare of the group or the individual. He is trying to help His disciples develop the right attitude towards such revelations.

5. Là một huấn sư của Minh Triết Ngàn Đời và là Chân sư của ashram, Chân sư Tây Tạng có bổn phận chỉ ra những khuyết điểm hay sai lầm khi Ngài thấy điều đó cần thiết cho phúc lợi của nhóm hay cá nhân. Ngài đang cố gắng giúp các đệ tử của mình phát triển thái độ đúng đắn đối với những sự mặc khải như vậy.

6. Even if the Tibetan refrained from revealing faults and errors, the intensifying light of the soul, pouring into the disciple's consciousness, would bring revelation of the undesirable — not only to an individual disciple in whom the difficulty might exist, but to the disciple's co-workers. "Each sees and knows the villainy of each".

6. Ngay cả khi Chân sư Tây Tạng không phơi bày các khuyết điểm và sai lầm, ánh sáng ngày càng mạnh của linh hồn tuôn vào tâm thức người đệ tử vẫn sẽ làm hiển lộ điều không đáng mong muốn — không chỉ cho cá nhân đệ tử có thể đang mang khó khăn ấy, mà còn cho những người cộng sự của người đệ tử ấy. "Mỗi người đều thấy và biết sự xấu

xa của từng người khác".

7. Responding to such inevitable revelations in the right way requires dispassion and detachment, and, essentially, a disidentification from the 'field of error'. After all, the disciple is *not* the personality. The personality is the disciple's instrument, and if the disciple is identified with a center of being (the soul) *other* than that instrument, he/she will be able to respond to constructive correction in the right way.

7. Đáp ứng đúng cách trước những sự mặc khải tất yếu như vậy đòi hỏi sự bình thản không vướng mắc và sự buông bỏ, và về cơ bản là không còn đồng hoá với 'trường sai lầm'. Xét cho cùng, người đệ tử *không phải* là phàm ngã. Phàm ngã là công cụ của người đệ tử, và nếu người đệ tử đồng hoá với một trung tâm hiện tồn (linh hồn) *khác* với công cụ ấy, người đệ tử ấy sẽ có thể đáp ứng đúng cách trước sự sửa chữa mang tính xây dựng.

8. In the final sentence of the paragraph DK speaks of the possible reactions of depression, irritation and hurt (i. e. , "hurt feelings"). He seeks to avoid such undesirable responses, but, as we can imagine, a number of the disciples did respond at times in this undesirable manner. To know beforehand that a certain type of response is undesirable is useful should that response arise. It can then be recognized for what it is and dealt with more effectively. There is much of pain, sorrow and suffering in the disidentification process. It seems that human consciousness has almost to be 'pried loose' from identification with what it is *not.*

8. Trong câu cuối của đoạn văn, Chân sư DK nói đến những phản ứng có thể xảy ra như chán nản, bực bội và tổn thương (tức là , "cảm thấy bị tổn thương"). Ngài muốn tránh những đáp ứng không mong muốn ấy, nhưng như chúng ta có thể hình dung, đôi khi một số đệ tử quả đã đáp ứng theo cách không mong muốn này. Biết trước rằng một kiểu đáp ứng nào đó là không mong muốn sẽ hữu ích nếu đáp ứng ấy xuất hiện. Khi đó, chúng ta có thể nhận diện đúng bản chất của nó và xử lý hiệu quả hơn. Tiến trình thôi đồng hoá chứa đựng nhiều đau đớn, buồn khổ và thống khổ. Dường như gần như phải 'cạy cho tâm thức con người rời ra' khỏi sự đồng hoá với những gì vốn *không phải là nó.*

9. The process of establishing a basic humility is filled with moments of perceived humiliation. This can be difficult to take — for the *personality*. There is, however, no escape. The lower ego must be humbled and inevitably experiences pain in the process, *until* the soul understands what is happening and participates more joyfully in the 'game'

9. Tiến trình thiết lập lòng khiêm nhường căn bản chứa đầy những khoảnh khắc mà người ta cảm thấy mình bị hạ nhục. Điều này có thể khó chịu đựng — đối với *phàm ngã*. Tuy nhiên, không có lối thoát. Phàm ngã phải học cách hạ mình và tất yếu trải nghiệm đau đớn trong tiến trình ấy, *cho đến khi* linh hồn thấu hiểu điều đang diễn ra và tham gia một cách hoan hỉ hơn vào 'trò chơi'

Secondly, it is essential that all disciples in an Ashram should be contemplatives, but contemplatives in the occult sense and not

Thứ hai, điều thiết yếu là mọi đệ tử trong một ashram đều phải là những người chiêm ngưỡng, nhưng là những người chiêm

the mystical. In any meditation work which you are doing or may in the future do, your aim should be to achieve as rapidly as possible the highest point in the meditation process, passing quickly through the stages of concentration, alignment and meditation to contemplation. Having achieved that high point, you should strive to preserve it and should learn thus to function as a soul in its own world, contemplating the world of energies in which all initiates work and in which you each must some day — in this life or another — take your place. This status (if I may call it by such a name) must be carefully striven for, accurately observed when in any way attained, and an exact record of impressions kept. You should, therefore, constitute a group of active contemplatives, and the result will be facilitated if you will ponder upon and struggle for the first condition of your group existence — group unity. [[12]]

ngưỡng theo nghĩa huyền bí, chứ không theo nghĩa thần bí. Trong bất kỳ công việc tham thiền nào mà các bạn đang thực hiện hoặc có thể thực hiện trong tương lai, mục tiêu của các bạn phải là đạt đến điểm cao nhất trong tiến trình tham thiền càng nhanh càng tốt, nhanh chóng đi qua các giai đoạn tập trung, chỉnh hợp và tham thiền để đến chiêm ngưỡng. Khi đã đạt đến điểm cao ấy, các bạn phải nỗ lực duy trì nó và qua đó học cách hoạt động như một linh hồn trong thế giới riêng của linh hồn, chiêm ngưỡng thế giới năng lượng nơi mọi điểm đạo đồ hoạt động và nơi mỗi người trong các bạn một ngày kia — trong kiếp này hay một kiếp khác — phải đảm nhận vị trí của mình. Các bạn phải nỗ lực một cách cẩn trọng để đạt đến trạng thái này (nếu Tôi có thể gọi như vậy), quan sát chính xác mỗi khi đạt được nó theo bất cứ cách nào, và ghi chép chính xác các ấn tượng. Vì vậy, các bạn phải hợp thành một nhóm những người chiêm ngưỡng tích cực, và kết quả sẽ thuận lợi hơn nếu các bạn suy ngẫm và nỗ lực đạt đến điều kiện đầu tiên cho sự hiện hữu của nhóm mình — sự hợp nhất nhóm. [[12]]

1. The Tibetan emphasizes the value of contemplation. His students are to learn to contemplate and become, therefore, "a group of active contemplatives". Contemplation is a rather high stage in the meditative process and means, essentially, that the meditator can enter the dimension of the soul at will, and function *as a soul* in the world of soul.

1. Chân sư Tây Tạng nhấn mạnh giá trị của sự chiêm ngưỡng. Các môn sinh của Ngài phải học cách chiêm ngưỡng và do đó trở thành "một nhóm những người chiêm ngưỡng tích cực". Chiêm ngưỡng là một giai đoạn khá cao trong tiến trình tham thiền và về thực chất có nghĩa là người hành thiền có thể tuỳ ý đi vào chiều kích của linh hồn, và hoạt động *như một linh hồn* trong thế giới linh hồn.

2. This is another way of saying that student/disciples in His groups are no longer to meditate *as personalities*. During the meditation process, they are to see their identity change into that of the soul. One

2. Đây là một cách nói khác rằng các môn sinh/đệ tử trong những nhóm của Ngài không còn được tham thiền *như những phàm ngã*. Trong tiến trình tham thiền, họ phải nhận thấy bản sắc của mình chuyển thành

day in the future, they are to make the transition from being able to *meditate* as a soul to being able to *live* as a soul, focussed constantly in that dimension which they entered by means of contemplation.

bản sắc của linh hồn. Một ngày nào đó trong tương lai, họ phải chuyển từ khả năng *tham thiền* như một linh hồn sang khả năng *sống* như một linh hồn, luôn tập trung trong chiều kích mà họ đã đi vào nhờ chiêm ngưỡng.

3. Here the Tibetan speaks of the cultivation of the subjective life. Contemplation is not a naturally-achieved state of consciousness. The necessary stages of concentration, alignment and meditation precede it. DK wants His students to recognize the contemplative stage when it is achieved — presumably, so the experience can be more readily repeated.

3. Ở đây, Chân sư Tây Tạng nói đến việc vun bồi đời sống chủ quan. Chiêm ngưỡng không phải là một trạng thái tâm thức tự nhiên mà đạt được. Các giai đoạn cần thiết gồm tập trung, chỉnh hợp và tham thiền phải đi trước trạng thái ấy. Chân sư DK muốn các môn sinh của Ngài nhận biết giai đoạn chiêm ngưỡng khi đạt đến nó — có lẽ để trải nghiệm ấy có thể dễ dàng lặp lại hơn.

4. A fascinating idea is offered: if group unity is achieved, contemplation is facilitated. A condition of group unity ends the many distractions that continue to force the human consciousness back into personality identification. The soul is group conscious and the soul state is entered by those who can slip easily into group consciousness.

4. Một ý tưởng hấp dẫn được nêu ra: nếu đạt được sự hợp nhất nhóm, việc chiêm ngưỡng sẽ thuận lợi hơn. Trạng thái hợp nhất nhóm chấm dứt nhiều sự xao lãng vốn liên tục buộc tâm thức con người trở lại đồng hoá với phàm ngã. Linh hồn có tâm thức nhóm, và những ai có thể dễ dàng đi vào tâm thức nhóm sẽ đi vào trạng thái linh hồn.

5. Group love and contemplation are closely related. Two astrological sources (Libra and Venus) are related to the contemplative stage of consciousness. These astrological factors are also related to group consciousness and especially to the *second* Law of the Soul (the Law of Magnetic Impulse or Polar Union).

5. Tình thương nhóm và sự chiêm ngưỡng có quan hệ mật thiết. Hai nguồn chiêm tinh (Thiên Bình và Sao Kim) có liên hệ với giai đoạn chiêm ngưỡng của tâm thức. Những yếu tố chiêm tinh này cũng liên hệ với tâm thức nhóm và đặc biệt với Định luật *thứ hai* của Linh hồn (Định luật Xung Động Từ Tính hay Hợp Nhất Đối Cực).

6. In the contemplative state there is an appreciation (Venus) of group soul-union (Libra) — embracing all personalities within the group as well.

6. Trong trạng thái chiêm ngưỡng, có sự trân trọng (Sao Kim) đối với sự hợp nhất linh hồn trong nhóm (Thiên Bình) — đồng thời bao hàm mọi phàm ngã trong nhóm.

7. On the Path of Occultism we so often find that the cultivation of a particular virtue

7. Trên Con Đường Huyền Bí Học, chúng ta rất thường thấy rằng việc vun bồi một đức

strengthens another ability or virtue which, hitherto, had seemed unrelated.

tính cụ thể làm tăng cường một khả năng hay đức tính khác mà trước đó dường như không có liên hệ.

Third: This group unity which will have its roots in united group meditation or in the contemplative life (wherein the soul knows itself to be one with all souls) must work out in some form of group activity. This should demonstrate at once in the group itself and later on — when the unification is more complete — in the world at large. It is in this way that the Masters' Ashrams will be externalised on earth and the Hierarchy function openly on the physical plane and not behind the scenes as hitherto. Then will come the restoration of the Mysteries.

Thứ ba: Sự hợp nhất nhóm này, vốn sẽ bắt rễ trong việc tham thiền nhóm hợp nhất hoặc trong đời sống chiêm ngưỡng (nơi linh hồn biết mình là một với mọi linh hồn), phải biểu hiện thành một hình thức hoạt động nhóm nào đó. Điều này phải thể hiện ngay trong chính nhóm, rồi về sau — khi sự hợp nhất hoàn thiện hơn — trong thế giới nói chung. Chính bằng cách này, các ashram của các Chân sư sẽ ngoại hiện trên Trái Đất và Thánh đoàn sẽ hoạt động công khai trên cõi hồng trần, thay vì ở hậu trường như từ trước đến nay. Khi ấy, các Bí Pháp sẽ được phục hồi.

1. This last paragraph is full of the promise of better times to come. The cultivation of the internal states of group unity and contemplative realization will have very practical and beneficial effects in the coming civilization.

1. Đoạn cuối này tràn đầy hứa hẹn về những thời kỳ tốt đẹp hơn sẽ đến. Việc vun bồi các trạng thái nội tâm của sự hợp nhất nhóm và sự chứng nghiệm qua chiêm ngưỡng sẽ đem lại những tác động rất thiết thực và hữu ích trong nền văn minh sắp tới.

2. Group unity is not achieved simply by *willing* group unity. Rather, it grows out of meditative realization, and especially from the contemplative state.

2. Không thể đạt được sự hợp nhất nhóm chỉ bằng cách *dùng ý chí mong muốn* sự hợp nhất nhóm. Đúng hơn, nó nảy sinh từ sự chứng nghiệm qua tham thiền, và đặc biệt từ trạng thái chiêm ngưỡng.

3. We have here a 'virtuous circle': contemplation reinforces group unity; group unity reinforces the ability to contemplate as a soul. We should ponder on the connection between these two until we are clear about their mutual interplay.

3. Ở đây, chúng ta có một 'vòng tương hỗ tích cực': chiêm ngưỡng củng cố sự hợp nhất nhóm; sự hợp nhất nhóm củng cố khả năng chiêm ngưỡng như một linh hồn. Chúng ta nên suy ngẫm về mối liên hệ giữa hai điều này cho đến khi hiểu rõ sự tương tác qua lại của chúng.

4. Group unity is a beneficial state of consciousness for all individuals in the group and for the group as a whole. From such unity, constructive service activity will

4. Sự hợp nhất nhóm là một trạng thái tâm thức có lợi cho mọi cá nhân trong nhóm và cho toàn thể nhóm. Từ sự hợp nhất ấy, hoạt động phụng sự mang tính xây dựng sẽ phát

grow — first within the group and then in relation to the world at large.

5. What we see is that group unity and achieved contemplation are important factors in producing the Externalization of the Hierarchy and the eventual "restoration of the Mysteries".

To the next commentary

triển — trước hết trong nhóm, rồi trong mối liên hệ với thế giới nói chung.

5. Điều chúng ta thấy là sự hợp nhất nhóm và việc đạt đến chiêm ngưỡng là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn và cuối cùng là "sự phục hồi các Bí Pháp".

Sang phần bình giảng tiếp theo

3. PART II – 3. PHẦN II

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

The question might here be asked: How can this work out practically in a group of disciples — all of them individuals but all sincerely anxious to cooperate and aid in this work? Let me try and give a clear reply.

Ở đây có thể đặt câu hỏi: Làm thế nào điều này có thể được thực hiện trên thực tế trong một nhóm đệ tử — tất cả đều là những cá nhân, nhưng tất cả đều chân thành tha thiết hợp tác và trợ giúp công việc này? Để Tôi thử đưa ra một câu trả lời rõ ràng.

1. We begin with the premise: we, as disciples, are all "individuals".

1. Chúng ta bắt đầu với tiền đề: là những đệ tử, tất cả chúng ta đều là "những cá nhân".

2. This means, obviously, we are not yet *group* conscious. The Tibetan undertakes to work with us, helping us move our consciousness out of the usual Leo centralization into the higher meaning of Aquarius.

2. Hiển nhiên, điều này có nghĩa là chúng ta chưa có tâm thức *nhóm*. Chân sư Tây Tạng đảm nhận việc làm việc với chúng ta, giúp chúng ta đưa tâm thức ra khỏi sự tập trung vào bản thân thông thường của Sư Tử để đi vào ý nghĩa cao hơn của Bảo Bình.

3. The attitude of the disciple — "sincerely anxious". This attitude is characterized by focus and an eagerness to do well. There is even some apprehension that one may not do well. There is the desire to live up to the expectations presented by the Master.

3. Thái độ của người đệ tử — "chân thành tha thiết". Thái độ này có đặc điểm là sự tập trung và lòng hăng hái muốn làm tốt. Thậm chí còn có chút lo ngại rằng mình có thể không làm tốt. Có lòng mong muốn đáp ứng những kỳ vọng mà Chân sư đặt ra.

You have undertaken voluntarily to work

Các bạn đã tự nguyện đảm nhận việc làm

together when proffered the opportunity by me. You are aiming towards a group solidarity which will be based upon the fact of your being souls. This should eventually manifest itself subjectively and essentially in the form of a group telepathic inter-communication, as group understanding also of each other's problems and difficulties and, therefore, as a group opportunity to aid and help one another. This helping should not and must not come through personality effort or contact, or through the stating of problems related to circumstance and character, or through the tendering of advice and suggestion. We deal not with personalities in connection with each other in a Master's group. At the same time, it should be possible for each of you to learn to strengthen and aid each other, avoiding always any intrusion of the personality. You can each learn to transmit your soul ray quality to a fellow disciple, stimulating him to greater courage, to finer purity of motive and to deeper love, yet avoiding the vitalisation of his personality characteristics. You should learn always to think of each other as souls and not as limited human beings. [[13]]

việc cùng nhau khi Tôi trao cơ hội. Các bạn đang hướng đến sự đoàn kết nhóm dựa trên sự thật rằng các bạn là những linh hồn. Cuối cùng, điều này phải biểu hiện về mặt chủ quan và thực chất dưới hình thức giao tiếp viễn cảm qua lại trong nhóm, cũng như sự thấu hiểu của nhóm đối với những vấn đề và khó khăn của nhau, và do đó trở thành cơ hội để nhóm hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau. Sự giúp đỡ này không nên và không được đến qua nỗ lực hay sự tiếp xúc của phàm ngã, qua việc trình bày những vấn đề liên quan đến hoàn cảnh và tính cách, hoặc qua việc đưa ra lời khuyên và đề nghị. Trong một nhóm của Chân sư, chúng ta không bàn đến các phàm ngã trong mối liên hệ với nhau. Đồng thời, mỗi người trong các bạn phải có thể học cách củng cố và trợ giúp lẫn nhau, luôn tránh mọi sự xen vào của phàm ngã. Mỗi người trong các bạn có thể học cách truyền phẩm tính cung linh hồn của mình đến một đệ tử đồng môn, khơi dậy nơi người ấy lòng can đảm lớn hơn, động cơ thanh khiết hơn và tình thương sâu sắc hơn, đồng thời tránh tiếp sinh lực cho những đặc điểm phàm ngã của người ấy. Các bạn phải học cách luôn nghĩ về nhau như những linh hồn, thay vì như những con người hữu hạn. [[13]]

1. A number of these disciples, for both karmic and dharmic reasons, were drawn to the Arcane School, and the Tibetan (intuitively knowing their past and their immediate possibilities), selected them. From much that He says to them, it seems many if not all of them had been associated with him before, for He begins many letters with, "Brother of Old". Thus the magnet works.

1. Vì những lý do liên quan đến cả nghiệp quả lẫn bổn phận, một số đệ tử này đã được thu hút đến Trường Arcane, và Chân sư Tây Tạng (với trực giác biết được quá khứ cùng những khả năng trước mắt của họ) đã tuyển chọn họ. Qua nhiều điều Ngài nói với họ, dường như nhiều người, nếu không phải tất cả, đã có liên hệ với Ngài từ trước, vì Ngài mở đầu nhiều bức thư bằng lời "Huynh Đệ của Ngày Xưa". Nam châm hoạt động như thế.

2. It may be that others were not known to AAB personally and were contacted and included under the Tibetan's suggestion.

2. Có thể một số người khác không quen biết trực tiếp với Bà AAB và đã được liên lạc, đưa vào nhóm theo đề nghị của Chân sư Tây

Tạng.

3. All, however, had been offered opportunity, and all, according to their own free will and accord, had agreed to work *together.*

3. Tuy nhiên, tất cả đều đã nhận được cơ hội, và tất cả đều tự do, tự nguyện đồng ý làm việc *cùng nhau.*

4. DK describes the nature of the "group solidarity" they are attempting to achieve. They can do this if they function "as souls". If all goes well, they will become telepathic towards each other, have *group* understanding of each other's problems and difficulties, and be presented with a *group* opportunity to help each other.

4. Chân sư DK mô tả bản chất của "sự đoàn kết nhóm" mà họ đang cố gắng đạt đến. Họ có thể làm được điều này nếu họ hoạt động "như những linh hồn". Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, họ sẽ giao tiếp viễn cảm với nhau, có sự thấu hiểu của *nhóm* đối với những vấn đề và khó khăn của nhau, và có một cơ hội ở cấp độ *nhóm* để giúp đỡ lẫn nhau.

5. Then, DK tells us how such help should *not* come — not through the usual kind of *personality* helpfulness. He states an important principle which resounds throughout this work: "We deal not with personalities in connection with each other in a Master's group".

5. Tiếp đó, Chân sư DK cho chúng ta biết sự giúp đỡ ấy *không nên* đến bằng cách nào — không qua kiểu giúp đỡ thông thường của *phàm ngã.* Ngài nêu một nguyên khí quan trọng vang vọng xuyên suốt tác phẩm này: "Trong một nhóm của Chân sư, chúng ta không bàn đến các phàm ngã trong mối liên hệ với nhau".

6. So, we ask ourselves, how do we strengthen and aid each other and yet keep our personalities from intruding, which intrusion would only vitalize personality characteristics? The wrong kind of blending feeds the fires of the lower life.

6. Vì vậy, chúng ta tự hỏi: làm thế nào để củng cố và trợ giúp lẫn nhau mà vẫn ngăn phàm ngã xen vào, vì sự xen vào ấy chỉ tiếp sinh lực cho những đặc điểm phàm ngã? Kiểu hoà trộn sai lầm nuôi dưỡng những ngọn lửa của đời sống thấp.

7. Another important hint is given: we have to learn to transmit our soul ray and quality to each other. What applied to those disciples then, applies to us now.

7. Một gợi ý quan trọng khác được đưa ra: chúng ta phải học cách truyền cung linh hồn và phẩm tính của mình cho nhau. Điều từng áp dụng cho những đệ tử ấy khi đó cũng áp dụng cho chúng ta lúc này.

8. How do you, how do I, transmit our soul ray and quality to a brother? It would seem that we have to be *in alignment with that ray* to ensure that its qualities are permeating us. When we think of a brother, write to a

8. Các bạn và tôi truyền cung linh hồn và phẩm tính của mình đến một huynh đệ bằng cách nào? Dường như chúng ta phải *chỉnh hợp với cung ấy* để bảo đảm các phẩm tính của nó đang thấm nhuần chúng ta. Khi

brother, speak to a brother, the quality of energy which permeates our process must be recognizably that of the soul. One might say, "How can it help be anything but that of the soul?" A little experience, however, will reveal that many different kinds of energy may be pouring through us at any one time. Only the highest one is to be selected, and to it we must attune.

chúng ta nghĩ đến một huynh đệ, viết thư cho một huynh đệ, nói chuyện với một huynh đệ, phẩm tính của năng lượng thấm nhuần tiến trình ấy phải rõ ràng là phẩm tính của linh hồn. Có người có thể nói: "Làm sao nó có thể là phẩm tính nào khác ngoài phẩm tính của linh hồn?" Tuy nhiên, chỉ cần một chút kinh nghiệm cũng sẽ cho thấy rằng vào bất kỳ thời điểm nào, nhiều loại năng lượng khác nhau có thể đang tuôn qua chúng ta. Chúng ta chỉ được chọn loại cao nhất, và phải hoà điệu với nó.

9. If we *do* manage to transmit our soul ray and quality to a brother we will, says the Tibetan, stimulate "him to greater courage, to finer purity of motive and to deeper love". It seems that being reached by *any* soul ray will do this. Being reached by personality energy is at once wrongly vitalizing *and* devitalizing. These are certainly worthy objectives, and so, a question for the day, and for many days might be, "Have I transmitted my soul ray and its quality to my brothers and sisters today?" "How do I know I have done so?" "How did I go about doing so?"

9. Nếu chúng ta *thực sự* truyền được cung linh hồn và phẩm tính của mình đến một huynh đệ thì, như Chân sư Tây Tạng nói, chúng ta sẽ khơi dậy "nơi người ấy lòng can đảm lớn hơn, động cơ thanh khiết hơn và tình thương sâu sắc hơn". Dường như khi *bất kỳ* cung linh hồn nào chạm đến một người, điều này cũng sẽ xảy ra. Khi năng lượng phàm ngã chạm đến, nó vừa tiếp sinh lực sai cách *vừa* làm hao tổn sinh lực. Đây chắc chắn là những mục tiêu xứng đáng, vì vậy, câu hỏi cho hôm nay và cho nhiều ngày có thể là: "Hôm nay tôi đã truyền cung linh hồn và phẩm tính của nó đến các huynh đệ và tỉ muội của mình chưa?" "Làm sao tôi biết mình đã làm như vậy?" "Tôi đã làm điều đó bằng cách nào?"

10. This is why we have sometimes called the soul ray the 'ray of contribution', and the personality ray, the 'ray of acquisition'.

10. Đây là lý do đôi khi chúng ta gọi cung linh hồn là 'cung đóng góp', còn cung phàm ngã là 'cung thu nhận'.

11. DK closes this most pregnant paragraph with the advice that we should learn to think of each other as souls and not as limited human beings. This makes sense of course, but *how* do we do it?

11. Chân sư DK kết thúc đoạn văn hết sức hàm súc này bằng lời khuyên rằng chúng ta nên học cách nghĩ về nhau như những linh hồn, thay vì như những con người hữu hạn. Dĩ nhiên, điều này hợp lý, nhưng *làm thế nào* để chúng ta thực hiện?

12. Might we say that we 'look through',

12. Liệu chúng ta có thể nói rằng mình 'nhìn

'look beyond', 'look within' a brother? That we are not fooled by the first thing to meet our eye, nor misled by mere appearances? Probably this is not as easy as it may sound. Probably our consciousness is captivated by many superficialities, and deeper things go unnoticed.

xuyên qua', 'nhìn vượt ra ngoài', 'nhìn vào bên trong' một huynh đệ? Rằng chúng ta không để điều đầu tiên đập vào mắt đánh lừa, cũng không để những vẻ ngoài đơn thuần dẫn lạc? Có lẽ điều này không dễ như lời nói gợi ra. Có lẽ tâm thức chúng ta bị nhiều điều hời hợt thu hút, còn những điều sâu xa hơn thì không được nhận thấy.

13. So the question is, "Who or what is the *limited human being*?" "Who or what is the *soul*?"

13. Vì vậy, câu hỏi là: "Ai hay điều gì là *con người hữu hạn*?" "Ai hay điều gì là *linh hồn*?"

14. Probably we should approach each other very cautiously so as not to be deceived. DK asks healers to concentrate for five hours upon prospective patients/clients before attempting any healing.

14. Có lẽ chúng ta nên tiếp cận nhau thật thận trọng để không bị đánh lừa. Chân sư DK yêu cầu những người chữa lành tập trung trong năm giờ vào những bệnh nhân/thân chủ dự kiến trước khi thực hiện bất kỳ việc chữa lành nào.

15. What if we were to spend just one day looking for the soul in everyone we met? What qualities would be revealed? And what would we learn about our ordinarily superficial and, perhaps, judgmental approach?

15. Nếu chúng ta dành chỉ một ngày để tìm kiếm linh hồn trong mọi người mình gặp thì sao? Những phẩm tính nào sẽ hiển lộ? Và chúng ta sẽ học được gì về cách tiếp cận thường vốn hời hợt và có lẽ hay phán xét của mình?

16. One very sound method of approach is to focus on people's *possibilities* rather than their *limitations,* though, in truth, there must be a balanced apprehension of *both* if one is to become a wise mentor (as Master DK is).

16. Một phương pháp tiếp cận rất vững chắc là tập trung vào những *khả năng* của mọi người thay vì những *giới hạn của họ,* dù trên thực tế, cần nhận thức cân bằng về *cả hai* nếu muốn trở thành một người cố vấn minh triết (như Chân sư DK).

We have, therefore, the following three objectives before us:

Vì vậy, trước mắt chúng ta có ba mục tiêu sau:

1. Group unity . . . through thought, exoteric knowledge of each other and a constant sending forth of love.

1. Sự hợp nhất nhóm . . . qua tư tưởng, sự hiểu biết ngoại môn về nhau và việc liên tục toả gửi tình thương.

2. Group meditation . . . as a group of contemplatives, thus rooting this group

2. Tham thiền nhóm . . . như một nhóm những người chiêm ngưỡng, qua đó giúp

within the kingdom of the soul and strengthening all the individuals involved.

3. Group activity . . . resulting in the aiding of each other in specific problems of character but not of circumstance. Ponder on this distinction, my brothers.

1. These are the three objectives to be kept constantly in mind. Every group must develop these three — our group and groups included.

2. Note that *group unity* may be facilitated by an *exoteric* knowledge of each other. Knowing each other, even in an outer sense, is an ingredient to achieving this. (Of course, outer knowing may also act as a deterrent to the achievement of group unity).

3. Most essential, however, simplest and most difficult, is this "constant sending forth of love". Each has to find his/her own way to doing this.

4. DK repeats the theme of contemplation, which can be thought of as 'meditating as the soul meditates'.

5. What are the *roots* of a group? An interesting question. Where do they go for sustenance? We all have to learn to 'take root upwards', and this will be the source of our strength.

6. Often we may ask, how do we really strengthen the personnel of the group? The hint is given — in fact more than a hint — *draw strength from meditation*.

7. Then, an interesting distinction is offered.

nhóm này bắt rễ trong giới linh hồn và củng cố mọi cá nhân tham gia.

3. Hoạt động nhóm . . . dẫn đến việc trợ giúp nhau trong những vấn đề cụ thể về tính cách, chứ không về hoàn cảnh. Các huynh đệ của Tôi, hãy suy ngẫm về sự phân biệt này.

1. Đây là ba mục tiêu cần luôn ghi nhớ. Mọi nhóm đều phải phát triển ba điều này — bao gồm cả nhóm và các nhóm của chúng ta.

2. Hãy lưu ý rằng *sự hợp nhất nhóm* có thể thuận lợi hơn nhờ sự hiểu biết *ngoại môn* về nhau. Biết nhau, ngay cả theo nghĩa bên ngoài, là một yếu tố góp phần đạt đến điều này. (Dĩ nhiên, sự hiểu biết bên ngoài cũng có thể cản trở việc đạt đến sự hợp nhất nhóm).

3. Tuy nhiên, điều thiết yếu nhất, đơn giản nhất và khó khăn nhất là "việc liên tục toả gửi tình thương". Mỗi người phải tìm ra cách riêng để thực hiện điều này.

4. Chân sư DK nhắc lại chủ đề chiêm ngưỡng, có thể xem là 'tham thiền như linh hồn tham thiền'.

5. Những *rễ* của một nhóm là gì? Một câu hỏi thú vị. Chúng tìm nguồn nuôi dưỡng ở đâu? Tất cả chúng ta đều phải học cách 'bắt rễ hướng lên trên', và đây sẽ là nguồn sức mạnh của chúng ta.

6. Chúng ta có thể thường hỏi: làm thế nào để thực sự củng cố các thành viên trong nhóm? Gợi ý đã được đưa ra — thật ra còn hơn cả một gợi ý — *hãy rút sức mạnh từ tham thiền*.

7. Tiếp đó, một sự phân biệt thú vị được nêu

We are to help each other with specific problems of character but not of circumstance. Character is qualitative and belongs to the second aspect of divinity. Circumstances (that which 'surrounds') belongs to the third aspect. Disciples can handle circumstances by themselves *if* they are oriented correctly in the realm of character. To help in the realm of character is to assist in the building in of soul quality. Then effect will follow cause and the new pattern (being *positive* to circumstances) will rearrange such circumstances according to inner requirements.

ra. Chúng ta phải giúp nhau trong những vấn đề cụ thể về tính cách, chứ không về hoàn cảnh. Tính cách mang tính phẩm tính và thuộc về phương diện thứ hai của thiên tính. Hoàn cảnh (những gì 'bao quanh') thuộc về phương diện thứ ba. Các đệ tử có thể tự xử lý hoàn cảnh *nếu* họ có định hướng đúng đắn trong lĩnh vực tính cách. Giúp đỡ trong lĩnh vực tính cách là hỗ trợ việc bồi đắp phẩm tính linh hồn. Khi đó, quả sẽ theo nhân và mô hình mới (ở thế *chủ động* đối với hoàn cảnh) sẽ sắp xếp lại những hoàn cảnh ấy theo các yêu cầu bên trong.

Later, when the group is really established, it should begin to function outwardly and its life should begin to make its presence felt. It should steadily tend to increase the spiritual potency of all groups with which the group members are related and with which they may be associated. I refer to all groups which belong to the New Age and are working along spiritual lines. The eventual effect will be along the line of healing the various ills of mankind — physical, mental, psychological and emotional.

Về sau, khi nhóm thực sự được thiết lập, nhóm phải bắt đầu hoạt động ra bên ngoài, và sự sống của nhóm phải bắt đầu khiến người ta cảm nhận được sự hiện diện của nó. Nhóm phải bền bỉ hướng đến việc gia tăng sức mạnh tinh thần của mọi nhóm mà các thành viên có liên hệ và có thể cộng tác. Tôi muốn nói đến mọi nhóm thuộc Kỷ Nguyên Mới và đang hoạt động theo các đường hướng tinh thần. Tác động cuối cùng sẽ hướng đến việc chữa lành những chứng bệnh khác nhau của nhân loại — về thể chất, trí tuệ, tâm lý và cảm xúc.

1. It takes time to establish a group. Those upon the second ray really understand this, as do those upon the seventh. Inward integration must always precede outward functioning, although outward activity, rightly pursued, is, itself, integrative.

1. Việc thiết lập một nhóm cần có thời gian. Những người thuộc cung hai thực sự thấu hiểu điều này, cũng như những người thuộc cung bảy. Sự tích hợp bên trong luôn phải đi trước hoạt động bên ngoài, mặc dù chính hoạt động bên ngoài, khi được thực hiện đúng đắn, cũng có tác dụng tích hợp.

2. There is the inevitable process of "growing into each other". This need not take place in person. In subtle ways this "growing together" occurs.

2. Có một tiến trình tất yếu là "ngày càng hoà nhập vào nhau". Điều này không nhất thiết phải diễn ra qua gặp gỡ trực tiếp. Sự "cùng nhau phát triển" này diễn ra theo những cách tinh tế.

3. Note that it is the group "life" that is making its presence felt. If the word is being used precisely and on purpose, then it is the *first* aspect of the group that is being referenced — the *life* aspect.

3. Hãy lưu ý rằng chính "sự sống" của nhóm đang khiến người ta cảm nhận được sự hiện diện của nó. Nếu từ này được dùng một cách chính xác và có chủ ý, thì đây là phương diện *thứ nhất* của nhóm đang được đề cập — phương diện *sự sống*.

4. Notice that a rightly functioning group strengthens all other groups in which its members participate, or which they contact. It can be done it two ways. One can carry the strength of one's group to individuals in other groups. Strengthening such individuals, one inevitably strengthens those other groups. Or one can carry strength to other groups as a whole even without specific contact to the individuals in such groups.

4. Hãy lưu ý rằng một nhóm hoạt động đúng đắn sẽ củng cố mọi nhóm khác mà các thành viên của nó tham gia hoặc tiếp xúc. Có thể thực hiện điều này theo hai cách. Một người có thể mang sức mạnh của nhóm mình đến những cá nhân trong các nhóm khác. Khi củng cố những cá nhân ấy, người đó tất yếu củng cố các nhóm khác ấy. Hoặc người ta có thể mang sức mạnh đến toàn thể các nhóm khác, ngay cả khi không có sự tiếp xúc cụ thể với những cá nhân trong các nhóm ấy.

5. The principle is again clear: if we lift ourselves and our groups, we lift, to some extent, all those who are in any way resonant with us — in this case "all groups which belong to the New Age and are working along spiritual lines".

5. Một lần nữa, nguyên khí này rất rõ ràng: nếu nâng cao bản thân và các nhóm của mình, thì ở một mức độ nào đó, chúng ta cũng nâng cao tất cả những ai cộng hưởng với mình theo bất kỳ cách nào — trong trường hợp này là "mọi nhóm thuộc Kỷ Nguyên Mới và đang hoạt động theo các đường hướng tinh thần".

6. Master DK takes the long-range vision here. What begins simply as mutual assistance between individuals and their groups becomes, at length, a movement in the direction of "healing the various ills of mankind". Master DK is a master-healer, and, when He seeks to cultivate the groups with which He works, He has eventual global objectives in mind.

6. Ở đây, Chân sư DK có tầm nhìn xa. Điều khởi đầu đơn giản là sự trợ giúp lẫn nhau giữa các cá nhân và các nhóm của họ, cuối cùng trở thành một phong trào hướng đến "việc chữa lành những chứng bệnh khác nhau của nhân loại". Chân sư DK là một bậc thầy chữa lành, và khi tìm cách vun bồi các nhóm mà Ngài làm việc cùng, Ngài luôn hướng đến những mục tiêu cuối cùng trên toàn cầu.

7. A principle emerges — harmony, love and unity can be transferred, can spread widely, and they *heal*.

7. Một nguyên khí hiện rõ — sự hài hoà, tình thương và hợp nhất có thể được chuyển dịch, có thể lan rộng, và chúng *chữa lành*.

There are certain simple but definite rules which should govern the interior spiritual life of neophytes in training for the various stages of discipleship. Let me here outline to you my suggestions for this simple and immediate work.

Có một số quy luật đơn giản nhưng rõ ràng phải chi phối đời sống tinh thần bên trong của những người sơ cơ đang được huấn luyện cho các giai đoạn khác nhau của địa vị đệ tử. Ở đây, hãy để Tôi phác thảo cho các bạn những đề nghị của Tôi về công việc đơn giản và trước mắt này.

1. The Master speaks to his disciples as if they were neophytes. Indeed they are and so are we (relatively).

1. Chân sư nói với các đệ tử của Ngài như thể họ là những người sơ cơ. Quả thật, họ là như vậy, và chúng ta cũng thế (xét một cách tương đối).

2. It would seem that one is not ready for instruction from a Master unless a requisite humility has been achieved. Disciples have "seen a few things" and have made certain adjustments in their consciousness which result in a reasonable sense of proportion.

2. Dường như một người chưa sẵn sàng tiếp nhận sự chỉ dạy của một Chân sư nếu chưa đạt được sự khiêm nhường cần thiết. Các đệ tử đã "thấy được đôi điều" và đã thực hiện những điều chỉnh nhất định trong tâm thức, nhờ đó có được một ý thức hợp lý về tỉ lệ.

First of all, all disciples practise regular and daily meditation. These meditations are each individually suited to the disciple concerned and vary according to ray, point in evolution and the stage of discipleship which is the immediate objective. These cannot be given here. These meditations will be given to you as suggestions for your use and acceptance. Endeavour at some stage in your meditation to link up with me but let this linking up take place after you have worked at and brought about an alignment with your soul. The reason that it is essential that you link up after alignment is that you can then avoid the glamours and the illusions of the astral plane whereon thoughtforms and masquerading entities personalise the teachers and the Masters and do so in their myriads. Add also to your meditation a short period wherein you will try and link up with your co-disciples, sending them love, soul force, and help.

Trước hết, mọi đệ tử đều thực hành tham thiền đều đặn hằng ngày. Mỗi bài thiền này đều phù hợp riêng với đệ tử liên quan và thay đổi tùy theo cung, điểm tiến hoá và giai đoạn của địa vị đệ tử đang là mục tiêu trước mắt. Không thể trình bày những bài thiền ấy ở đây. Những bài thiền này sẽ được trao cho các bạn như những gợi ý để các bạn sử dụng và chấp nhận. Vào một giai đoạn nào đó trong buổi tham thiền, hãy cố gắng liên kết với Tôi, nhưng hãy để sự liên kết này diễn ra sau khi các bạn đã nỗ lực và đạt được sự chỉnh hợp với linh hồn mình. Sở dĩ các bạn nhất thiết phải liên kết sau khi chỉnh hợp là vì khi ấy các bạn có thể tránh những ảo cảm và ảo tưởng của cõi cảm dục, nơi vô số hình tư tưởng và thực thể giả dạng khoác lấy nhân dạng của các huấn sư và các Chân sư. Cũng hãy thêm vào buổi tham thiền một khoảng thời gian ngắn, trong đó các bạn cố gắng liên kết với các đệ tử đồng môn, gửi đến họ tình thương, mãnh lực linh hồn và sự trợ

[[14]]

1. Meditation is fundamental. It must be regular, practised daily.

2. Here we learn that DK devised individual meditations for His disciples. He was in a position to do this because he knew their ray(s), their point in evolution, and the stage of discipleship which was for them the immediate objective.

3. How many teachers today are in a position to do this? Very few, I would say. Approximations can be made by a sufficiently experienced teacher or by a disciple himself/herself, but that *touch of certainty* will be missing. They do not know enough.

4. Some of the meditations to individual students have been scattered throughout the DINA books, as they are of general value and are not dangerous if practiced even by those for whom they were not originally intended. Others were withheld for obvious reasons. Less knowledge is often less dangerous than more knowledge. Without a Master's supervision, an overly earnest student applying himself/herself to an unsuitable meditation could do himself/herself real damage.

5. Notice that even though the meditations were given by a Master (although He did not say He was so, at that point), they are offered only as suggestions. A free-will response is expected and the free-will of the chela is respected.

6. Something fundamental is said here; link up with the soul before attempting to link up with the Master. Today a visit to the Internet

giúp. [[14]]

1. Tham thiền là nền tảng. Phải thực hành đều đặn hằng ngày.

2. Ở đây, chúng ta biết rằng Chân sư DK đã soạn những bài thiền riêng cho các đệ tử của Ngài. Ngài có thể làm điều này vì Ngài biết cung hoặc các cung của họ, điểm tiến hoá của họ và giai đoạn của địa vị đệ tử đang là mục tiêu trước mắt đối với họ.

3. Ngày nay có bao nhiêu huấn sư có thể làm được điều này? Tôi cho rằng rất ít. Một huấn sư đủ kinh nghiệm hoặc chính người đệ tử có thể đưa ra những bài thiền gần đúng, nhưng sẽ thiếu *nét chắc chắn* ấy. Họ chưa biết đủ.

4. Một số bài thiền dành cho từng đạo sinh được đưa rải rác trong các sách DINA, vì chúng có giá trị chung và không nguy hiểm ngay cả khi những người vốn không phải là đối tượng ban đầu của các bài thiền ấy thực hành chúng. Những bài khác không được công bố vì những lý do hiển nhiên. Biết ít thường ít nguy hiểm hơn biết nhiều. Nếu thiếu sự giám sát của một Chân sư, một đạo sinh quá nhiệt thành chuyên tâm vào một bài thiền không phù hợp có thể thực sự gây tổn hại cho bản thân.

5. Hãy lưu ý rằng dù các bài thiền do một Chân sư trao truyền (mặc dù vào thời điểm ấy Ngài không nói mình là Chân sư), chúng vẫn chỉ được đưa ra như những gợi ý. Ngài mong đợi một sự đáp ứng từ ý chí tự do và tôn trọng ý chí tự do của đệ tử.

6. Ở đây có một điều căn bản: hãy liên kết với linh hồn trước khi cố gắng liên kết với Chân sư. Ngày nay, lên Internet có lẽ sẽ thấy

will reveal perhaps thirty people channeling 'Master DK'. Others 'specialize' in channeling other 'Masters'. Why this glamor? Because the channelers failed to link up with their own soul before pursuing contact with the Master.

khoảng ba mươi người đang làm trung gian truyền thông điệp của 'Chân sư DK'. Những người khác 'chuyên' làm trung gian truyền thông điệp của các 'Chân sư'. Tại sao có ảo cảm này? Vì những người làm trung gian ấy đã không liên kết với linh hồn mình trước khi tìm cách tiếp xúc với Chân sư.

7. Indeed they found the 'Master', but it was the kind of 'Master' which DK here describes — "thoughtforms and masquerading entities [which] personalise the teachers and the Masters and do so in their myriads". The problem may also be one of *impersonation*.

7. Quả thật, họ đã tìm được 'Chân sư', nhưng đó là loại 'Chân sư' mà Chân sư DK mô tả ở đây — "vô số hình tư tưởng và thực thể giả dạng [vốn] khoác lấy nhân dạng của các huấn sư và các Chân sư". Vấn đề cũng có thể là sự *mạo danh*.

8. It is not a very 'glamorous' thing to link up with ones own soul. It seems ordinary, mundane — not *special* at all. Many (with insufficient "ego strength") wish to be special. They do not know they have this wish, but they do, and they find their 'specialness' in becoming a channel for this 'Master' or that, or (in the case of some) for the whole 'Hierarchy'.

8. Việc liên kết với chính linh hồn mình không có vẻ 'hào nhoáng' cho lắm. Nó có vẻ bình thường, tầm thường — chẳng *đặc biệt* chút nào. Nhiều người (chưa có đủ "sức mạnh phàm ngã") mong muốn mình trở nên đặc biệt. Họ không biết mình có mong muốn này, nhưng thực sự là có, và họ tìm thấy 'sự đặc biệt' của mình khi trở thành trung gian truyền thông điệp của 'Chân sư' này hay Chân sư khác, hoặc (trong một số trường hợp) của toàn thể 'Thánh đoàn'.

9. The simple expedient of soul-culture would avoid this self-deceiving, unfortunate waste of time which misleads others who are gullible.

9. Biện pháp đơn giản là vun bồi đời sống linh hồn sẽ giúp tránh sự lãng phí thời gian đáng tiếc do tự lừa dối mình này, vốn còn dẫn lầm những người cả tin khác.

10. It is amazingly true that higher spiritual contact is always possible for the human being, and that which is spurious does, at least, hint at the possibility of the real. Eventually, all misguided ones (and surely you and I have been among them — and to an extent still are) will "come 'round" and choose a line of development which, however slow, will lead to real progress.

10. Một sự thật đáng kinh ngạc là con người luôn có khả năng tiếp xúc tinh thần cao hơn, và điều giả mạo ít nhất cũng gợi ra khả năng tồn tại của điều chân thật. Cuối cùng, tất cả những người lầm đường (và chắc chắn các bạn cùng tôi đã từng ở trong số họ — và ở một mức độ nào đó vẫn còn như vậy) sẽ "tỉnh 'ra" và chọn một hướng phát triển, dù chậm đến đâu, cũng sẽ dẫn đến sự tiến bộ thực sự.

11. So, first the soul, then the thought of the Master, then the thought of one's co-disciples to whom one sends love. The formula is simple.

11. Vì vậy, trước hết là linh hồn, rồi đến ý nghĩ về Chân sư, tiếp đó là ý nghĩ về các đệ tử đồng môn mà mình gửi tình thương đến. Công thức thật đơn giản.

12. Is there any other way to learn except through mistakes? Perhaps, under the fourth ray of Harmony through Conflict (humanity's ray) there is not. But surely, at this stage of our development, we do not have to make *so many* mistakes. Our long and often bitter experience should now save us from the worst glamors and illusions.

12. Có cách học nào khác ngoài việc học qua những sai lầm chăng? Có lẽ, dưới cung bốn Hài Hòa qua Xung Đột (cung của nhân loại), không có cách nào khác. Nhưng chắc chắn, ở giai đoạn phát triển này, chúng ta không cần phải phạm *quá nhiều* sai lầm. Giờ đây, kinh nghiệm lâu dài và thường cay đắng của chúng ta hẳn phải giúp chúng ta tránh những ảo cảm và ảo tưởng tồi tệ nhất.

13. Always, wariness is required (and, yet, *trust*). Such are some of the paradoxes of the occult Path.

13. Luôn cần sự thận trọng (tuy vậy, cũng cần *lòng tin*). Đó là một vài nghịch lý của Đường Đạo huyền bí.

You would find it useful to keep what might be called a spiritual diary. This does not involve the daily entering of the day's events and has no relation to the happenings which may concern the personality. Note this. In this diary you should record the following:

Các bạn sẽ thấy hữu ích khi giữ một cuốn sổ có thể gọi là nhật ký tinh thần. Điều này không có nghĩa là hằng ngày ghi lại các sự kiện trong ngày, và cũng không liên quan đến những diễn biến có thể thuộc về phàm ngã. Hãy lưu ý điều này. Trong nhật ký ấy, các bạn nên ghi lại những điều sau:

1. Probably many of us have filled many journals with our musings.

1. Có lẽ nhiều người trong chúng ta đã ghi đầy nhiều cuốn nhật ký bằng những suy tư của mình.

2. DK tells us how it *should* be done. Ever is there the required discrimination between that which is strictly personal and that which carries evidence of the soul or its presence.

2. Chân sư DK cho chúng ta biết *nên* thực hiện việc ấy như thế nào. Luôn cần phân biện giữa điều hoàn toàn mang tính cá nhân và điều mang dấu hiệu của linh hồn hoặc sự hiện diện của linh hồn.

3. We are being weaned away from the third aspect of divinity, or at least being taught how to interpret it in light of the second aspect.

3. Chúng ta đang dần được dẫn ra khỏi phương diện thứ ba của thiên tính, hoặc ít nhất đang được dạy cách diễn giải phương diện ấy dưới ánh sáng của phương diện thứ hai.

1. Any spiritual experience which may come to you, such as contact with some Presence, either that of your own soul, the angel of the Presence, contact with some disciple and eventually — when your life and work and discipline warrant it — contact with one of the Masters. Record this in an impartial way, preserving the scientific attitude and seeking ever a practical explanation before accepting a mystical one. A spirit of agnosticism (not of atheism) is of real value to the beginner and preserves him from the snares of the world illusion and of lower psychism.

1. Bất kỳ trải nghiệm tinh thần nào đến với các bạn, chẳng hạn như tiếp xúc với một Hiện Diện nào đó, dù là linh hồn của chính các bạn, Thiên Thần của Hiện Diện, tiếp xúc với một đệ tử nào đó, và cuối cùng — khi đời sống, công việc và kỷ luật của các bạn đủ để bảo chứng cho điều ấy — tiếp xúc với một trong các Chân sư. Hãy ghi lại điều này một cách vô tư, giữ thái độ khoa học và luôn tìm một cách giải thích thực tế trước khi chấp nhận một cách giải thích thần bí. Tinh thần bất khả tri (chứ không phải vô thần) có giá trị thực sự đối với người mới bắt đầu và giúp người ấy tránh những cạm bẫy của ảo tưởng thế gian và năng lực thông linh bậc thấp.

1. Again, the Master lets us know we are beginners. In this whole question of "real group work", we are simply beginners no matter how great our "individual" accomplishments may be.

1. Một lần nữa, Chân sư cho chúng ta biết mình là những người mới bắt đầu. Trong toàn bộ vấn đề "công việc nhóm thực sự" này, chúng ta chỉ là những người mới bắt đầu, dù những thành tựu "cá nhân" của chúng ta có lớn lao đến đâu.

2. What is a "Presence"? Is it not something *real* and yet, intangible? A Presence, as here described, will have no outer form, but it will have quality and a certain kind of energy. It is the touch of an entity of some kind (in this case a positive entity — for there are also negative presences).

2. Một "Hiện Diện" là gì? Chẳng phải đó là một điều *có thật* mà vẫn vô hình sao? Một Hiện Diện, như mô tả ở đây, không có hình tướng bên ngoài, nhưng có phẩm tính và một loại năng lượng nhất định. Đó là sự chạm đến của một thực thể nào đó (trong trường hợp này là một thực thể tích cực — vì cũng có những hiện diện tiêu cực).

3. The true "Presence" as far as we are concerned is the monad — the spirit which is at one with God the Father.

3. Đối với chúng ta, "Hiện Diện" chân thật là chân thần — tinh thần vốn hợp nhất với Thượng đế Ngôi Cha.

4. The soul is a kind of 'veil' upon that Presence. The Angel of the Presence *veils* the deeper Presence (which is, on this planet, the Presence of the "King", Sanat Kumara, with Whom we, as monads, are at-one).

4. Linh hồn là một loại 'tấm màn' phủ lên Hiện Diện ấy. Thiên Thần của Hiện Diện *che phủ* Hiện Diện sâu xa hơn (trên hành tinh này, đó là Hiện Diện của "Đức Vua", Sanat Kumara, Đấng mà chúng ta, với tư cách các chân thần, hợp nhất với Ngài).

5. Every time a new and higher form of energy is contacted, it can seem as a *presence.* Every dimension of the spiritual triad, when really contacted, can seem as a presence. The monad is the Presence to which initiates aspire. And even the presence of the "Angel of the Presence" can, indeed, seem as a *presence.*

5. Mỗi khi tiếp xúc với một dạng năng lượng mới và cao hơn, chúng ta có thể cảm nhận nó như một *hiện diện.* Mỗi chiều kích của Tam Nguyên Tinh Thần, khi thực sự tiếp xúc được, đều có thể đem lại cảm nhận như một hiện diện. Chân thần là Hiện Diện mà các điểm đạo đồ khát vọng vươn tới. Và quả thật, ngay cả sự hiện diện của "Thiên Thần của Hiện Diện" cũng có thể đem lại cảm nhận như một *hiện diện.*

6. On the Path of Occultism we are dealing with the 'progressive revelation of the unseen'. Such revelations come as 'presences' of entities and/or dimensions which has not previously been detected.

6. Trên Con Đường Huyền Bí Học, chúng ta đang đề cập đến 'sự mặc khải dần dần về những gì chưa thấy'. Những sự mặc khải ấy đến như các 'hiện diện' của những thực thể và/hoặc những chiều kích mà trước đó chúng ta chưa phát hiện.

7. On the Path of Occultism, all progress is gradual. When we seek to leap and run instead of walk, we can get into trouble. Even the true presence of the Solar Angel is not all that commonly experienced in a manner sufficiently vivid.

7. Trên Con Đường Huyền Bí Học, mọi tiến bộ đều diễn ra dần dần. Khi tìm cách nhảy vọt và chạy thay vì bước đi, chúng ta có thể gặp rắc rối. Ngay cả hiện diện chân thật của Thái dương Thiên Thần cũng không phải là điều người ta thường trải nghiệm đủ sống động.

8. The contacts discussed here can be *vertical* (the soul, the Master), or *horizontal,* one's fellow disciple.

8. Những sự tiếp xúc được bàn đến ở đây có thể theo *chiều dọc* (linh hồn, Chân sư), hoặc theo *chiều ngang,* với đệ tử đồng môn của mình.

9. Note that contact with a Master is based upon *merit* — one's "life and work and discipline" must "warrant it". If we saw to fitting ourselves for the true requirements, contact with the Master would come sooner.

9. Hãy lưu ý rằng sự tiếp xúc với một Chân sư dựa trên *sự xứng đáng* — chính "đời sống, công việc và kỷ luật" của mỗi người phải "đủ để bảo chứng cho điều ấy". Nếu chúng ta chú tâm làm cho mình đáp ứng những yêu cầu thực sự, sự tiếp xúc với Chân sư sẽ đến sớm hơn.

10. We note the fifth ray attitude; an "agnostic" approach is encouraged. This is the approach of one who does not know with certainty. An attitude of agnosticism in one

10. Chúng ta lưu ý thái độ của cung năm; một cách tiếp cận "bất khả tri" được khuyến khích. Đây là cách tiếp cận của người chưa biết chắc. Thái độ bất khả tri ở một người

who, really, does *not* know, is a sign of humility and incipient wisdom.

11. DK wishes to disabuse us of euphoric, exaggerative attitudes. It is better to see with accuracy from a somewhat detached position than to prematurely and enthusiastically embrace that which is not worthy of the embrace — namely the "world illusion" and "lower psychism".

12. Truth comes first; its pursuit precedes accomplishment. Those too eager for the result will fall into snares. The one who wishes to run must first learn to walk. He who would walk must be sure than he can crawl. Probably, only the experience of falling into the snares which await the unwary can instill in us, eventually, a respect for the "wise use of slow action".

2. Any illumination which may come to you, throwing a flood of light upon a problem and revealing the way that you or the group should go. Any intuition which — corroborated by the reason — carries one forward into knowledge and evokes the wisdom of the soul and its registration by the brain, via the mind.

1. Illuminations are more than psychic hunches. They carry the quality of true realization and they "illumine the way" with the "light of the soul". Higher illuminations from the spiritual triad and monad are also possible at sufficient points of development.

2. An illumination is more trustworthy when it involves a larger context, for instance a *group* context. The soul, at first, is the source of illumination and it thinks in

thực sự *chưa* biết là dấu hiệu của sự khiêm nhường và minh triết mới chớm nở.

11. Chân sư DK muốn giúp chúng ta từ bỏ những thái độ hưng phấn, cường điệu. Quan sát chính xác từ một vị thế có phần tách rời thì tốt hơn là vội vàng và nhiệt tình đón nhận những gì không đáng đón nhận — cụ thể là "ảo tưởng thế gian" và "năng lực thông linh bậc thấp".

12. Chân lý đứng hàng đầu; việc theo đuổi chân lý đi trước sự thành tựu. Những ai quá nóng lòng đạt kết quả sẽ rơi vào cạm bẫy. Người muốn chạy trước hết phải học đi. Người muốn đi phải chắc rằng mình có thể bò. Có lẽ chỉ kinh nghiệm rơi vào những cạm bẫy đang chờ người thiếu thận trọng mới có thể khiến chúng ta cuối cùng biết tôn trọng "việc vận dụng một cách minh triết lối hành động chậm rãi".

2. Bất kỳ sự soi sáng nào đến với các bạn, chiếu rọi một vấn đề và mặc khải con đường mà các bạn hoặc nhóm nên đi. Bất kỳ trực giác nào — có lý trí xác chứng — đưa người ta tiến vào tri thức, khơi dậy minh triết của linh hồn và khiến bộ não ghi nhận minh triết ấy qua thể trí.

1. Những sự soi sáng vượt trên các linh cảm thông linh. Chúng mang phẩm tính của sự chứng nghiệm chân thật và "soi sáng con đường" bằng "ánh sáng của linh hồn". Ở những mức phát triển đủ cao, cũng có thể có những sự soi sáng cao hơn từ Tam Nguyên Tinh Thần và chân thần.

2. Một sự soi sáng đáng tin cậy hơn khi liên quan đến một bối cảnh rộng lớn hơn, chẳng hạn bối cảnh *nhóm*. Ban đầu, linh hồn là nguồn soi sáng, và linh hồn suy nghĩ trên

terms of the group. One may also find one's personal way clarified, but that clarification relates, principally, to the progress of one's group.

bình diện nhóm. Mỗi người cũng có thể thấy con đường riêng của mình trở nên sáng tỏ, nhưng sự sáng tỏ ấy chủ yếu liên quan đến sự tiến bộ của nhóm mình.

3. What is the difference between an illumination and an intuition? In actual practice, maybe not much. Technically, an intuition is higher than an illumination. Illuminations can come from the soul focussed, at this time, on the higher mental plane. Intuitions are not accessed until the buddhic plane can be tapped. True intuitions are more embracing than the *first* order of illuminations. They also carry, perhaps, more of the quality of the heart (which is not the same as sentiment). "Illumination" can also be used in a higher sense and may relate to that "Enlightenment" which involved atmic realization and even monadic.

3. Sự khác biệt giữa một sự soi sáng và một trực giác là gì? Trong thực hành thực tế, có lẽ không nhiều. Xét về chuyên môn, trực giác cao hơn sự soi sáng. Những sự soi sáng có thể đến từ linh hồn, hiện đang tập trung trên cõi thượng trí. Chỉ khi có thể tiếp cận cõi Bồ đề, người ta mới tiếp cận được các trực giác. Những trực giác chân thật bao quát hơn cấp độ soi sáng *đầu tiên*. Có lẽ chúng cũng mang nhiều phẩm tính của trái tim hơn (phẩm tính này khác với tình cảm). "Sự soi sáng" cũng có thể được dùng theo một nghĩa cao hơn và có thể liên quan đến "Giác ngộ", bao hàm sự chứng nghiệm atma và thậm chí cả sự chứng nghiệm chân thần.

4. So it is no real use to split hairs; we are interested in registering higher contacts, from whatever plane they may originate.

4. Vì vậy, việc chẻ sợi tóc làm tư thực sự chẳng ích gì; chúng ta quan tâm đến việc ghi nhận những sự tiếp xúc cao hơn, bất kể chúng bắt nguồn từ cõi nào.

5. We note that any registered intuition must be "corroborated by the reason". If an intuition is a *true* intuition it will not be unreasonable, but the type of reason here referenced may be more related to what has been called "pure reason" or "inclusive reason" than to strict logic. Of course, given sufficient understanding of any context, logic, too, should corroborate reason. The word "logic" and "logos" have similar roots. Intuition should reveal a "divine order" which is '*logoical*'.

5. Chúng ta lưu ý rằng bất kỳ trực giác nào được ghi nhận cũng phải có "lý trí xác chứng". Nếu một trực giác là trực giác *chân thật*, nó sẽ không phi lý, nhưng loại lý trí được nói đến ở đây có lẽ liên quan nhiều hơn đến điều được gọi là "lý trí thuần túy" hay "lý trí bao gồm" hơn là lôgic chặt chẽ. Dĩ nhiên, khi có đủ sự thấu hiểu về một bối cảnh nào đó, lôgic cũng phải xác chứng cho lý trí. Từ "lôgic" và "logos" có nguồn gốc tương tự nhau. Trực giác phải mặc khải một "trật tự thiêng liêng" mang tính '*thuộc về Thượng đế*'.

6. The reign of the apparently inspired yet untested 'hunch' presumed to be truth has gone on long enough. Knowledge pertaining to the spiritual fields will never be credited

6. Sự thống trị của những 'linh cảm' có vẻ được truyền cảm hứng nhưng chưa qua kiểm chứng mà vẫn được xem là chân lý đã kéo dài đủ lâu rồi. Trí tuệ nhân loại sẽ không bao giờ

by the mind of humanity as long as we refuse to test our apprehensions.

tin nhận tri thức thuộc các lĩnh vực tinh thần chừng nào chúng ta còn từ chối kiểm nghiệm những điều mình lĩnh hội.

7. Note that DK gives us a formula for manifestation. An intuition must be revelatory, increasing knowledge, evoking the wisdom of the soul, and must make its way into the brain via the mind. It should not remain as a vague 'feeling' or impression but must be concretized somehow.

7. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK cho chúng ta một công thức để biểu hiện. Một trực giác phải có tính mặc khải, gia tăng tri thức, khơi dậy minh triết của linh hồn và phải đi vào bộ não qua thể trí. Nó không nên chỉ dừng lại ở một 'cảm giác' hay ấn tượng mơ hồ, mà phải được cụ thể hóa bằng cách nào đó.

8. We are very much working upon the link between mind and intuition. We call it "buddhi-manas" — it is a bridge to the higher worlds; it is the antahkarana.

8. Chúng ta đang tập trung rất nhiều vào mối liên kết giữa thể trí và trực giác. Chúng ta gọi đó là "Bồ đề–manas" — đó là cây cầu dẫn đến các cõi cao; đó là antahkarana.

9. To tread the Path of Occultism is to create *bridges* from one dimension to another. The way through must be cleared and 'travel up and down' easily accomplished.

9. Bước trên Con Đường Huyền Bí Học là tạo ra những *cây cầu* từ chiều kích này sang chiều kích khác. Phải khai thông lối đi và khiến việc 'đi lên đi xuống' diễn ra dễ dàng.

3. Any telepathic happenings between you and your fellow disciples. This telepathic interplay should be cultivated but it must be most carefully checked and counterchecked and the strictest accuracy preserved. Thus we shall have the fostering of the spirit of Truth, which is the governing principle of all true telepathic communication. An Ashram functions telepathically when fully and rightly organised.

3. Bất kỳ sự việc viễn cảm nào giữa các bạn và các đệ tử đồng môn. Cần vun bồi sự tương tác viễn cảm này, nhưng phải kiểm tra và đối chiếu hết sức cẩn thận, đồng thời giữ độ chính xác nghiêm ngặt nhất. Như vậy, chúng ta sẽ vun bồi tinh thần Chân Lý, vốn là nguyên khí chi phối mọi giao tiếp viễn cảm chân thật. Một ashram hoạt động bằng viễn cảm khi được tổ chức đầy đủ và đúng đắn.

1. Telepathic registrations are to be noted. All kinds of these are possible. Any chakra can be involved telepathically with another.

1. Cần ghi lại những điều ghi nhận qua viễn cảm. Có thể có đủ loại ghi nhận như thế. Bất kỳ luân xa nào cũng có thể liên hệ viễn cảm với một luân xa khác.

2. We are largely interested here in telepathy between the higher centers and the aspects or vehicles they represent. The ajna center, the heart center, the head center — these are the major centers involved.

2. Ở đây, chúng ta chủ yếu quan tâm đến viễn cảm giữa các trung tâm cao hơn và những phương diện hay hiện thể mà chúng đại diện. Trung tâm ajna, trung tâm tim, trung tâm đầu — đó là những trung tâm

chính tham gia.

3. The ajna center is particularly involved at first. It is ruled by Venus and the fifth ray. Beyond the third initiation (after Venus has been 'fulfilled') it is ruled by Mercury and the fourth ray. Perhaps at such a time, this center becomes actively telepathic, for Mercury is a great intermediary.

3. Ban đầu, trung tâm ajna đặc biệt tham gia vào tiến trình này. Sao Kim và cung năm cai quản trung tâm ấy. Sau lần điểm đạo thứ ba (sau khi Sao Kim đã 'hoàn tất vai trò'), Sao Thủy và cung bốn cai quản trung tâm ấy. Có lẽ vào thời điểm đó, trung tâm này trở nên tích cực hoạt động viễn cảm, vì Sao Thủy là một trung gian vĩ đại.

4. DK is calling for the use of the fifth ray to check and countercheck all transmissions and receptions. Imagination is to ready to supply what fact does not.

4. Chân sư DK kêu gọi sử dụng cung năm để kiểm tra và đối chiếu mọi sự truyền và nhận. Sự tưởng tượng quá sẵn sàng cung cấp những gì thực tế không cung cấp.

5. So, we are looking for *real* telepathic events and the internal orientations or outer conditions which led to them.

5. Vì vậy, chúng ta tìm kiếm những sự kiện viễn cảm *có thật* cùng những định hướng bên trong hoặc điều kiện bên ngoài đã dẫn đến chúng.

6. The "spirit of Truth is the governing principle of all true telepathic communication". What this seems to say is that if the life is governed by *truth,* telepathic interplay will be a natural result. It is as if *truth* opens the door. So does love, I think. If we could love and think truthfully, telepathy would result.

6. "Tinh thần Chân Lý là nguyên khí chi phối mọi giao tiếp viễn cảm chân thật". Điều này dường như muốn nói rằng nếu đời sống do *chân lý* chi phối, sự tương tác viễn cảm sẽ là kết quả tự nhiên. Dường như *chân lý* mở cánh cửa ấy. Tôi nghĩ tình thương cũng vậy. Nếu chúng ta có thể yêu thương và suy nghĩ một cách chân thật, viễn cảm sẽ xuất hiện.

7. Then comes another one of those foundational statements: "An Ashram functions telepathically when fully and rightly organised. " We are probably dealing with the phenomenon of resonance. A chord of music sung by a choir will be 'liberated' when there is perfect harmony between the notes of the chord. Something is released which was imprisoned by inharmony. Thus discord is a 'prison' and freedom comes with harmony. A harmonious chord is a perfectly organized chord. An Ashram fully and rightly organized has achieved perfect

7. Tiếp đó lại là một phát biểu nền tảng nữa: "Một ashram hoạt động bằng viễn cảm khi được tổ chức đầy đủ và đúng đắn. " Có lẽ chúng ta đang đề cập đến hiện tượng cộng hưởng. Một hợp âm do ca đoàn hát sẽ được 'giải phóng' khi có sự hòa hợp hoàn hảo giữa các nốt của hợp âm ấy. Một điều gì đó vốn bị giam hãm trong sự bất hòa được giải phóng. Như vậy, sự bất hòa là một 'nhà tù' và tự do đến cùng sự hòa hợp. Một hợp âm hài hòa là một hợp âm được tổ chức hoàn hảo. Một ashram được tổ chức đầy đủ và đúng đắn đã đạt đến sự hòa hợp hoàn hảo trong chính

harmony within itself and all parts of it are 'free to communicate with each other'.

8. Another way to see this is that 'dissonance is disruption', and inharmony blocks communication. We all know the experience of "being on the same wavelength as another" and therefore, "understanding him/her immediately". The converse is also true; there are people with whom we "do not see eye to eye" and, therefore, we "just cannot *get through* to them".

9. When ray four and ray seven work in union, we shall see the beautiful harmonization and organization of not only Ashrams, but outer groups representing them.

10. The moment when a chord flies free — that moment of perfect harmony is akin to the moment of received telepathic transmission. Impediment is "out of the way" and Mercury is free to make all links immediately and spontaneously.

4. Any phenomena of a mystical and spiritual kind should also be noted. The seeing of the light in the head comes under this category. Its brilliance should be noted, its growth and dimming; the hearing of the Voice of the Silence which is the voice of the soul but not of the subconscious; the registering of messages from the soul or from other disciples and world Servers; expansions of consciousness which initiate you into the conscious life of [15] God, as it manifests through any forms and the hearing of the note of all beings. A close study of the third part of The Light of the Soul (the Yoga Sutras of Patanjali) will indicate the type of phenomena which should find its place in this diary.

mình, và mọi thành phần của ashram ấy đều 'tự do giao tiếp với nhau'.

8. Một cách nhìn khác về điều này là 'sự nghịch âm gây gián đoạn', và sự bất hòa ngăn trở giao tiếp. Tất cả chúng ta đều biết trải nghiệm "cùng tần số với một người khác" và do đó, "thấu hiểu người ấy ngay lập tức". Điều ngược lại cũng đúng; có những người mà chúng ta "không cùng quan điểm" và vì vậy, chúng ta "hoàn toàn không thể *truyền đạt* cho họ hiểu".

9. Khi cung bốn và cung bảy phối hợp hoạt động, chúng ta sẽ thấy sự hòa hợp và tổ chức tốt đẹp không chỉ trong các ashram mà còn trong các nhóm bên ngoài đại diện cho các ashram ấy.

10. Khoảnh khắc một hợp âm ngân lên tự do — khoảnh khắc hòa âm hoàn hảo ấy tương tự khoảnh khắc tiếp nhận sự truyền đạt viễn cảm. Chướng ngại đã "được dẹp khỏi đường đi" và Sao Thủy được tự do thiết lập mọi mối liên kết ngay tức khắc và tự phát.

4. Cũng cần ghi lại mọi hiện tượng có tính chất thần bí và tinh thần. Việc thấy ánh sáng trong đầu thuộc loại này. Cần ghi lại độ rực rỡ của ánh sáng ấy, sự tăng trưởng và mờ đi của nó; việc nghe Tiếng Nói của Im Lặng, vốn là tiếng nói của linh hồn chứ không phải của tiềm thức; việc ghi nhận các thông điệp từ linh hồn hoặc từ những đệ tử và Người Phụng Sự Thế Gian khác; những sự mở rộng tâm thức đưa các bạn vào đời sống hữu thức của [15] Thượng đế, khi đời sống ấy biểu hiện qua mọi hình tướng, và việc nghe âm điệu của mọi sinh linh. Việc nghiên cứu kỹ phần thứ ba của Ánh Sáng của Linh Hồn (Kinh Yoga của Patanjali) sẽ cho biết loại hiện tượng cần có chỗ trong nhật ký này.

1. DK calls for the registration of "phenomena". Usually one does not wish to become embroiled in such registrations, but to the impartial observer, any kind of registration is appropriate for the spiritual diary.

2. The light in the head is a natural development. One does not "work at" creating it. It arises when soul infusion is sufficiently strong and when the quality of the atoms of the brain is sufficiently high. What is noted, however, can be tuned or intensified, and eventually *used* rather than simply registered.

3. Perhaps the *voice* will be heard before sights are seen. Hearing develops before sight. However, much will depend upon the ray type.

4. The Technique of Fusion from EP II (in the 380's) should be studied. A relevant quotation is as follows:

"It will interest students to note how the first ray disciple, when employing this first ray technique of fusion, ends by producing second ray characteristics of which illumination, producing understanding love and sympathetic cooperation, is the predominant note. The second ray disciple, through rightly applied technique, produces curiously enough, third ray results, of which the use of the creative imagination is the outstanding characteristic. The third ray disciple through the development of the 'power to inspire' adds to his innate qualities certain definitely first ray potencies. All are, however, subordinated to the second ray nature of the divine expression in this solar system." (EP II 387)

1. Chân sư DK yêu cầu ghi nhận các "hiện tượng". Thông thường, người ta không muốn bị cuốn vào những việc ghi nhận như thế, nhưng đối với người quan sát vô tư, bất kỳ điều gì ghi nhận được cũng đều thích hợp để đưa vào nhật ký tinh thần.

2. Ánh sáng trong đầu là một sự phát triển tự nhiên. Người ta không "ra sức" tạo ra nó. Nó xuất hiện khi sự thấm nhuần của linh hồn đủ mạnh và khi phẩm tính của các nguyên tử trong bộ não đủ cao. Tuy nhiên, điều đã ghi nhận được có thể được tinh chỉnh hoặc tăng cường, và cuối cùng được *sử dụng* thay vì chỉ đơn thuần ghi nhận.

3. Có lẽ *tiếng nói* sẽ được nghe trước khi những hình ảnh xuất hiện. Thính giác phát triển trước thị giác. Tuy nhiên, nhiều điều sẽ tùy thuộc vào loại cung.

4. Cần nghiên cứu Kỹ Thuật Dung Hợp trong EP II (các trang 380–389). Một đoạn trích liên quan như sau:

"Các đạo sinh sẽ thấy thú vị khi lưu ý rằng người đệ tử cung một, khi vận dụng kỹ thuật dung hợp của cung một này, cuối cùng lại tạo ra những đặc điểm của cung hai, trong đó sự soi sáng — tạo ra tình thương thấu hiểu và sự hợp tác đồng cảm — là âm điệu nổi trội. Điều khá lạ là qua việc áp dụng kỹ thuật đúng đắn, người đệ tử cung hai tạo ra những kết quả của cung ba, trong đó việc sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo là đặc điểm nổi bật. Qua sự phát triển 'quyền năng khơi nguồn cảm hứng', người đệ tử cung ba bổ sung vào những phẩm tính bẩm sinh của mình một số tiềm năng rõ rệt thuộc cung một. Tuy nhiên, tất cả đều phụ thuộc vào bản chất cung hai của sự biểu hiện thiêng liêng trong hệ mặt trời này." (EP II 387)

5. Third ray types are connected to the voice (but also, the creative imagination is here mentioned). Second ray types are related to light. First ray types to inspiration and the access of power.

5. Những người cung ba có liên hệ với tiếng nói (nhưng ở đây cũng đề cập đến sự tưởng tượng sáng tạo). Những người cung hai có liên hệ với ánh sáng. Những người cung một có liên hệ với cảm hứng và sự gia tăng quyền năng.

6. So the kinds of phenomena we register will have much to do with our ray patterns, which selectively evoke the presence of distinct phenomena.

6. Vì vậy, các loại hiện tượng mà chúng ta ghi nhận sẽ liên quan mật thiết đến mô hình các cung của chúng ta, vốn khơi gợi có chọn lọc sự hiện diện của những hiện tượng riêng biệt.

7. What is the difference between the Voice of the Silence (or Voice of the Soul) and the voice of the subconscious? Most of the many voices we hear are voices of the subconscious. These are voices of the past repeating themselves in the present. The Voice of the Soul is a "still small voice". It does not clamor for the attention of the disciple. It has a quality all its own and must come to be recognized by each one for himself/herself.

7. Tiếng Nói của Im Lặng (hay Tiếng Nói của Linh Hồn) khác với tiếng nói của tiềm thức như thế nào? Phần lớn trong số nhiều tiếng nói mà chúng ta nghe là tiếng nói của tiềm thức. Đó là những tiếng nói của quá khứ đang lặp lại trong hiện tại. Tiếng Nói của Linh Hồn là một "tiếng nói nhỏ nhẹ, tĩnh lặng". Nó không ồn ào đòi hỏi sự chú ý của người đệ tử. Nó có một phẩm tính hoàn toàn riêng biệt, và mỗi người phải tự mình học cách nhận ra phẩm tính ấy.

8. DK begins referring to some rather high registrations — some of which are discussed in the Yoga Sutras.

8. Chân sư DK bắt đầu đề cập đến một số sự ghi nhận khá cao — một vài sự ghi nhận trong số đó được bàn đến trong Kinh Yoga.

9. All these expansions of consciousness are suitable for entry into the spiritual diary.

9. Tất cả những sự mở rộng tâm thức này đều thích hợp để ghi vào nhật ký tinh thần.

10. Perhaps we could say that entries should relate to unusual perceptions or realizations of meaning and significance.

10. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng những điều ghi chép nên liên quan đến các tri giác khác thường hoặc những nhận biết về ý nghĩa và thâm nghĩa.

5. Any experiences of a psychic kind which do not come under any of the above headings. Those mentioned above come under the heading of the higher psychism and concern the higher psychic faculties, spiritual perception, intuitive knowledge,

5. Mọi trải nghiệm có tính chất thông linh không thuộc bất kỳ đề mục nào ở trên. Những trải nghiệm đã đề cập ở trên thuộc phạm trù thông linh bậc cao và liên quan đến các năng lực thông linh cao cấp, tri giác tinh thần, tri thức trực giác, viễn cảm trí tuệ

mental telepathy (and not the telepathy which is based upon the solar plexus activity). The lower psychic experiences can also be noted — whether pleasant or unpleasant. Once noted, however, they should be forgotten for they are of no moment.

(chứ không phải viễn cảm dựa trên hoạt động của tùng thái dương). Cũng có thể ghi lại những trải nghiệm thông linh bậc thấp — dù dễ chịu hay khó chịu. Tuy nhiên, một khi đã ghi lại thì nên quên chúng đi, vì chúng không có gì quan trọng.

1. DK does not avoid that which is low. The scientific attitude towards impression demands that note be taken of *any* kind of registration, even if of a relatively low order.

1. Chân sư DK không né tránh những gì thấp kém. Thái độ khoa học đối với ấn tượng đòi hỏi phải lưu ý đến *bất kỳ* loại ghi nhận nào, ngay cả khi thuộc một cấp độ tương đối thấp.

2. So the world of "lower psychism" is also included when listing the sources of possible entries into the diary.

2. Vì vậy, thế giới của "thông linh bậc thấp" cũng được bao gồm khi liệt kê các nguồn có thể cung cấp nội dung để ghi vào nhật ký.

3. The lower centers are also potentially telepathic and attune the disciple to areas of potential registration which have nothing to do with living the higher life. Yet nothing can be avoided, and all must be understood.

3. Các trung tâm thấp cũng có tiềm năng viễn cảm và điều chỉnh người đệ tử cho hòa nhịp với những lĩnh vực có thể ghi nhận, vốn không liên quan gì đến việc sống đời sống cao cả hơn. Tuy nhiên, không thể né tránh điều gì, và tất cả đều phải được thấu hiểu.

4. DK simply advises not to dwell upon them. They mean little and are simply to be noted and then forgotten.

4. Chân sư DK chỉ khuyên đừng bận tâm mãi về chúng. Chúng không có mấy ý nghĩa, chỉ cần ghi lại rồi quên đi.

5. Presences, illuminations, intuitions, telepathic registrations, mystical realizations and expansions of consciousness, and psychic registrations of both a higher and lower kind — these are the impressions which are to be entered into the spiritual diary.

5. Những sự hiện diện, những sự soi sáng, những trực giác, những ghi nhận viễn cảm, những chứng nghiệm thần bí và sự mở rộng tâm thức, cùng những ghi nhận thông linh thuộc cả bậc cao lẫn bậc thấp — đó là những ấn tượng cần ghi vào nhật ký tinh thần.

6. What is the purpose of a spiritual diary anyway? Perhaps to help us become more conscious of the subtle worlds and of registrations which, otherwise, might be noticed for a moment and then forgotten — their possible significance lost.

6. Rốt cuộc, mục đích của nhật ký tinh thần là gì? Có lẽ là giúp chúng ta có ý thức rõ hơn về các thế giới tinh tế và về những điều ghi nhận được, vốn nếu không có nhật ký thì có thể chỉ được chú ý trong chốc lát rồi bị quên đi — khiến thâm nghĩa tiềm tàng của chúng mất theo.

7. Eventually, after weeks, months or years of keeping the diary properly, patterns might begin to appear. One might begin to know how and why certain impressions occur. One might be able to approach the sources of such impression more consciously.

7. Cuối cùng, sau nhiều tuần, nhiều tháng hoặc nhiều năm ghi nhật ký đúng cách, những mô hình có thể bắt đầu xuất hiện. Người ta có thể bắt đầu biết những ấn tượng nhất định xuất hiện như thế nào và vì sao. Người ta có thể tiếp cận các nguồn của những ấn tượng ấy một cách hữu thức hơn.

8. Normally, ordinary states of consciousness cover or overwhelm 'newer' types of states which are trying to emerge. The spiritual diary 'saves the new from reabsorption into oblivion'.

8. Thông thường, các trạng thái tâm thức thông thường che phủ hoặc lấn át những loại trạng thái 'mới hơn' đang cố gắng xuất hiện. Nhật ký tinh thần 'giữ cho cái mới khỏi bị nuốt trở lại vào quên lãng'.

9. Thus, the spiritual diary is a *tool* to facilitate the growth of consciousness.

9. Như vậy, nhật ký tinh thần là một *công cụ* giúp tâm thức phát triển thuận lợi hơn.

Days may go by and weeks with no record. Let this in no way disconcert you. The sensitivity of the mechanism of the soul to spiritual vibration has to be cultivated and existing sensitivity to lower psychic impressions has to be tuned out; so many voices clamour for attention, so many impressions — emanating from the physical and astral forms around us — register upon our consciousness, that the vibrations and sounds coming from the subjective and spiritual world are lost and not registered and recorded. You will find it interesting to note, at the end of a few years, the difference in the data recorded and the development of sensitivity to the right kind of impression. This can only be realised after much time has elapsed and much spurious material has been eliminated, after being recognised for what it is: astralism, spurious claims and thoughtforms.

Nhiều ngày, nhiều tuần có thể trôi qua mà không có gì để ghi lại. Đừng để điều này khiến các bạn chút nào bối rối. Cần trau dồi sự nhạy cảm của bộ máy linh hồn đối với rung động tinh thần, đồng thời cần ngừng bắt nhịp với những ấn tượng thông linh bậc thấp mà bộ máy ấy hiện đang nhạy cảm; có quá nhiều tiếng nói ồn ào đòi hỏi sự chú ý, quá nhiều ấn tượng — phát ra từ các hình tướng hồng trần và cảm dục quanh chúng ta — ghi dấu lên tâm thức chúng ta, đến nỗi những rung động và âm thanh đến từ thế giới chủ quan và tinh thần bị lấn át, không được ghi nhận và ghi chép lại. Sau vài năm, các bạn sẽ thấy thú vị khi nhận ra sự khác biệt trong dữ liệu đã ghi chép và sự phát triển của độ nhạy cảm đối với loại ấn tượng đúng đắn. Chỉ có thể nhận ra điều này sau khi nhiều thời gian đã trôi qua và nhiều nội dung giả tạo đã được loại bỏ, sau khi nhận diện đúng bản chất của chúng: hiện tượng cảm dục, những lời khẳng định giả mạo và các hình tư tưởng.

1. DK gives a word of encouragement. In the beginning of their spiritual unfoldment,

1. Chân sư DK đưa ra một lời khích lệ. Khi mới bắt đầu sự khai mở tinh thần, các đạo

students are eager for any experience which is out of the ordinary. They are tired of the habitual vibrations of life and seek some evidence that they are growing into new dimensions.

sinh háo hức đón nhận bất kỳ trải nghiệm nào khác thường. Họ chán những rung động quen thuộc của cuộc sống và tìm kiếm một bằng chứng nào đó cho thấy mình đang phát triển vào những chiều kích mới.

2. Because of this eagerness, truth may be sacrificed and no true progress occur.

2. Vì sự háo hức này, sự thật có thể bị hi sinh và không có tiến bộ thực sự nào diễn ra.

3. Registration of the new and subtle proceeds in two ways: sensitization to that which is high and de-sensitization to that which is low (the "tuning out" of lower psychic impressions). It becomes clear that in this kind of training we are learning what to listen to and what to observe, and the converse. There is a jungle of impressions awaiting the newly attentive disciple. That which is truly meaningful and significant has to be separated from the thousands of potential, and often useless, impressions.

3. Việc ghi nhận cái mới và tinh tế tiến triển theo hai cách: tăng độ nhạy cảm với những gì cao và giảm độ nhạy cảm với những gì thấp (việc "ngừng bắt nhịp" với các ấn tượng thông linh bậc thấp). Rõ ràng là trong loại huấn luyện này, chúng ta đang học điều gì cần lắng nghe và điều gì cần quan sát, cũng như điều gì không nên lắng nghe và quan sát. Cả một khu rừng ấn tượng đang chờ đón người đệ tử vừa bắt đầu chú tâm. Cần tách những gì thực sự có ý nghĩa và thâm nghĩa ra khỏi hàng nghìn ấn tượng có thể xuất hiện, vốn thường vô ích.

4. A discriminative 'sieve' is at work. First attempts may be crude and relatively non-discriminating. The registrations of a beginner will probably be of far lesser value than the registrations of one who is experienced in this process of 'sensitive notation'.

4. Một 'chiếc sàng' phân biện đang hoạt động. Những nỗ lực đầu tiên có thể còn thô sơ và tương đối thiếu phân biện. Những điều một người mới bắt đầu ghi nhận có lẽ sẽ có giá trị thấp hơn nhiều so với những điều một người giàu kinh nghiệm ghi nhận trong tiến trình 'ghi chép nhạy bén'.

5. Really, we are sorting the true from the false, the nuggets of real gold from the claims of "fools gold", the precious ore from the dross, the pearls of truth from the trash of unchecked astrality.

5. Thực ra, chúng ta đang phân loại cái thật với cái giả, những hạt vàng thật với những lời tự nhận của "vàng giả", quặng quý với cặn bã, những viên ngọc chân lý với rác rưởi của trạng thái cảm dục không được kiểm soát.

6. DK is warning us against "astralism, spurious claims and thoughtforms". The average channel accepts whatever comes along as real and does not put it to the test. It is a naïve approach and leads only to bewilderment.

6. Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta về "hiện tượng cảm dục, những lời khẳng định giả mạo và các hình tư tưởng". Người làm trung gian truyền đạt thông thường chấp nhận bất cứ điều gì đến với mình là thật và không kiểm chứng nó. Đó là một cách tiếp

cận ngây thơ và chỉ dẫn đến hoang mang.

7. When panning for gold how much dirt and grit must appear in the pan and be discarded before the gold appears. A disciple is one who is certainly learning the difference between what is true and what is false. Thus, glamor and illusion are eventually conquered.

7. Khi đãi vàng, biết bao đất cát phải xuất hiện trong chảo đãi và bị loại bỏ trước khi vàng lộ ra. Người đệ tử chắc chắn là người đang học cách phân biệt giữa cái thật và cái giả. Nhờ đó, cuối cùng ảo cảm và ảo tưởng được chinh phục.

Another question might here be asked: What should disciples in a Master's group look for as evidence of successful group work? First and foremost, as you well know, group integrity and cohesion. Nothing can be done without this. The subjective linking of the disciples with each other in their own group, and the linking of the group with other groups occupied with special work within the Ashram and the emergence (as a result of this) of a group and an ashramic consciousness are vital objectives. It is hoped that this will also [16] eventuate in a telepathic interplay which will bring potent results and successful outer work. From these activities will emerge a group circulation of energy which will be of service in world salvage.

Ở đây có thể đặt thêm một câu hỏi: Các đệ tử trong nhóm của một Chân sư nên tìm kiếm điều gì làm bằng chứng cho công việc nhóm thành công? Trước hết và trên hết, như các bạn biết rõ, là tính toàn vẹn và sự cố kết của nhóm. Không thể làm được gì nếu thiếu điều này. Sự liên kết chủ quan giữa các đệ tử trong chính nhóm của họ, sự liên kết của nhóm với những nhóm khác đảm nhiệm công việc chuyên biệt trong ashram, và sự xuất hiện (như kết quả của điều này) của tâm thức nhóm và tâm thức ashram là những mục tiêu thiết yếu. Hy vọng rằng điều này cũng sẽ [16] dẫn đến một sự tương tác viễn cảm mang lại những kết quả mạnh mẽ và công việc bên ngoài thành công. Từ các hoạt động này sẽ nảy sinh một sự lưu chuyển năng lượng trong nhóm, góp phần cứu vãn thế gian.

1. If group work is successful there will be "group integrity and cohesion". The road to this is often long and hard, but, no doubt, *working together* on something *other* than group cohesion helps. When a group *serves* together (and does sit around wondering whether it has achieved cohesion yet), the cohesion and integration come all the faster.

1. Nếu công việc nhóm thành công, sẽ có "tính toàn vẹn và sự cố kết của nhóm". Con đường dẫn đến điều này thường dài và gian nan, nhưng chắc chắn việc *cùng nhau làm việc* về một điều gì *khác* ngoài sự cố kết của nhóm sẽ có ích. Khi một nhóm cùng nhau *phụng sự* (và quả có ngồi lại tự hỏi liệu mình đã đạt được sự cố kết hay chưa), thì sự cố kết và sự tích hợp đến càng nhanh hơn.

2. Hence the value of service undertaken in common.

2. Do đó, việc cùng nhau thực hiện công việc phụng sự có giá trị.

3. We are given the indication that when telepathic work eventuates because of right cohesion and integration, there is a greater probability of potent, successful outer work. Telepathic rapport is a means to an end. That end is perfect ashramic coordination in the manifestation of the intended ashramic service. The same is true (though to a far lesser extent) of outer groups which reflect the Ashram.

3. Chúng ta nhận được chỉ dẫn rằng khi công việc viễn cảm hình thành nhờ sự cố kết và tích hợp đúng đắn, khả năng công việc bên ngoài đạt được hiệu quả mạnh mẽ và thành công sẽ lớn hơn. Sự giao cảm viễn cảm là phương tiện để đạt một mục đích. Mục đích ấy là sự phối hợp hoàn hảo trong ashram để biểu hiện công việc phụng sự mà ashram dự định thực hiện. Điều này cũng đúng (dù ở mức độ thấp hơn nhiều) đối với những nhóm bên ngoài phản ánh ashram.

4. It is a certain "group circulation of energy" which DK hopes to see eventuate. This, we may realize, is an Aquarian ideal, and indeed, the new groups in process of formation are intended to be Aquarian groups — responsive to that intensifying constellational energy. Aquarius, we may remember, is the sign particularly associated with "circulation", and more specifically, in this context, with *right* circulation of energy and the health and "well being" (a Shamballic quality) which it brings.

4. Chân sư DK hy vọng sẽ thấy một "sự lưu chuyển năng lượng trong nhóm" nhất định hình thành. Chúng ta có thể nhận ra đây là một lý tưởng Bảo Bình, và quả thực, các nhóm mới đang hình thành được dự định sẽ là những nhóm Bảo Bình — đáp ứng với năng lượng đang ngày càng mạnh lên của chòm sao ấy. Chúng ta có thể nhớ rằng Bảo Bình là dấu hiệu đặc biệt gắn liền với "sự lưu chuyển", và cụ thể hơn trong ngữ cảnh này, với sự lưu chuyển năng lượng *đúng đắn* cùng sức khỏe và "sự an lạc" (một phẩm tính của Shamballa) mà sự lưu chuyển ấy mang lại.

Each of you should remember that purity of body, control of the emotions and stability of mind are fundamental necessities and should be daily the attempted achievement. Again and again, I come back to these prime character requirements and — tiresome as the reiteration may be — I urge upon you the cultivation of these qualities. I would like to remind you also that you are adult and mature men and women who need not specific statements as to faults and characteristics. I seek only to make suggestion as to trends of thought. Note here the word suggestion, for that is all I seek to give. The disciple must be left free to follow a suggestion or a hint as seems wise to him. This entire work might be termed an

Mỗi người trong các bạn nên nhớ rằng sự thanh khiết của thân thể, việc kiểm soát cảm xúc và sự ổn định của thể trí là những điều cần thiết căn bản và phải là những thành tựu mà các bạn nỗ lực đạt tới hằng ngày. Hết lần này đến lần khác, Tôi trở lại với những yêu cầu hàng đầu này về tính cách và — dù sự nhắc lại có thể gây nhàm chán — Tôi vẫn thúc giục các bạn trau dồi những phẩm tính ấy. Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng các bạn là những người nam và nữ đã trưởng thành và chín chắn, không cần những lời chỉ rõ từng khuyết điểm và đặc điểm. Tôi chỉ tìm cách gợi ý về những khuynh hướng tư tưởng. Ở đây, hãy lưu ý từ gợi ý, vì đó là tất cả những gì Tôi tìm cách đưa ra. Người đệ tử phải được tự do làm theo một gợi ý hay một

experiment in esoteric commonsense and in willingness to accept suggestion. It is a trial of the intuition and a test in discrimination. This work to which I have called you is also an experiment in impersonality, in willingness to work and learn, in freedom to choose or reject, in observation and in techniques. All have their value.

lời hé mở tùy theo điều y thấy là khôn ngoan. Toàn bộ công việc này có thể được gọi là một thử nghiệm về lẽ thường trong huyền bí học và về sự sẵn lòng tiếp nhận gợi ý. Đó là một cuộc thử thách trực giác và một phép thử về sự phân biện. Công việc mà Tôi đã kêu gọi các bạn tham gia cũng là một thử nghiệm về tính vô ngã, về sự sẵn lòng làm việc và học hỏi, về quyền tự do lựa chọn hay từ chối, về sự quan sát và về các kỹ thuật. Tất cả đều có giá trị riêng.

1. The Tibetan is not wasting His time emphasizing and re-emphasizing the fundamentals. We too, should remind ourselves of these things, rudimentary though they seem. Without them, all hope of real progress is lost, because without them, the lunar lords will still remain in control, shutting out the light of the 'solar sun' (the Solar Angel).

1. Chân sư Tây Tạng không hề lãng phí thời gian của Ngài khi liên tục nhấn mạnh những điều căn bản. Chúng ta cũng nên tự nhắc mình về những điều này, dù chúng có vẻ sơ đẳng. Thiếu chúng, mọi hy vọng tiến bộ thực sự đều mất đi, vì thiếu chúng, các nguyệt tinh quân vẫn tiếp tục nắm quyền kiểm soát, ngăn chặn ánh sáng của 'mặt trời thái dương' (Thái dương Thiên Thần).

2. The pyramid of initiation is build upon the square of sound character. One may fail to give this fact enough attention. How often does it happen that the structure built by a disciple comes crashing down because of a flaw in character. Each of us has surely experienced this in big or little ways. Sound character is the foundation. The word "sound" should be pondered.

2. Kim tự tháp điểm đạo được xây trên nền vuông của tính cách vững vàng. Người ta có thể chưa chú ý đủ đến sự thật này. Biết bao lần công trình do một đệ tử xây dựng đã đổ sụp vì một khiếm khuyết trong tính cách. Chắc chắn mỗi người trong chúng ta đều từng trải qua điều này ở mức độ lớn hay nhỏ. Tính cách vững vàng là nền tảng. Cần suy ngẫm về từ "vững vàng" này.

3. DK throws His chelas back on themselves. They are to know their faults. These things are already precipitated and to a degree crystallized. But He can and will point out "trends of thought" which can be changed and lead to precipitations which are assets and not liabilities. DK, therefore, tells us that He will be focusing upon the plane of mind.

3. Chân sư DK buộc các đệ tử của Ngài phải dựa vào chính mình. Họ phải biết những khuyết điểm của mình. Những điều này đã ngưng tụ và kết tinh đến một mức độ nào đó. Nhưng Ngài có thể và sẽ chỉ ra "những khuynh hướng tư tưởng" có thể thay đổi và dẫn đến những sự ngưng tụ trở thành ưu điểm thay vì gánh nặng. Vì vậy, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Ngài sẽ tập trung vào cõi trí.

4. Again He emphasizes the chela's freedom. Suggestions are given; hints are given. But there is no compulsion. The freewill is left intact.

4. Một lần nữa, Ngài nhấn mạnh quyền tự do của đệ tử. Ngài đưa ra những gợi ý và những lời hé mở. Nhưng không có sự cưỡng ép. Ý chí tự do được giữ nguyên vẹn.

5. A most arresting phrase is offered when describing His intended work with His chosen disciples: He calls it "an experiment in esoteric commonsense" and "in willingness to accept suggestion". These are simple and deglamorizing ideas related to a new type of spiritual training. The "glory" is taken out of it; it is practical and down to earth. The planet Saturn (the chief planet of discipleship) is in evidence.

5. Khi mô tả công việc dự định thực hiện với các đệ tử đã chọn, Ngài đưa ra một cụm từ rất đáng chú ý: Ngài gọi đó là "một thử nghiệm về lẽ thường trong huyền bí học" và "về sự sẵn lòng tiếp nhận gợi ý". Đây là những ý tưởng giản dị, giúp làm tiêu tan ảo cảm, liên quan đến một loại huấn luyện tinh thần mới. Vẻ "hào nhoáng" được gỡ bỏ khỏi công việc ấy; nó thiết thực và gần gũi với thực tế. Ảnh hưởng của Sao Thổ (hành tinh chủ yếu của địa vị đệ tử) thể hiện rõ.

6. The work offered by DK is also "a trial of the intuition and a test in discrimination". Here Mercury (the other planet of discipleship) is added to Saturn.

6. Công việc mà Chân sư DK đưa ra cũng là "một cuộc thử thách trực giác và một phép thử về sự phân biện". Ở đây, Sao Thủy (hành tinh còn lại của địa vị đệ tử) được bổ sung vào Sao Thổ.

7. Then the following: "This work to which I have called you is also an experiment in impersonality, in willingness to work and learn, in freedom to choose or reject, in observation and in techniques". All the principles are laid out from the beginning. The approach sounds almost scientific. Saturn, Mercury, Venus (the planet of the soul) and the fifth ray are all involved. We realize that we are engaged in the "science" of occultism and that we are attempting to following age-old laws and rules (based upon those laws) — rules which *work*. But our approach is up to us.

7. Tiếp theo là câu: "Công việc mà Tôi đã kêu gọi các bạn tham gia cũng là một thử nghiệm về tính vô ngã, về sự sẵn lòng làm việc và học hỏi, về quyền tự do lựa chọn hay từ chối, về sự quan sát và về các kỹ thuật". Tất cả các nguyên khí đều được trình bày ngay từ đầu. Cách tiếp cận này nghe gần như mang tính khoa học. Sao Thổ, Sao Thủy, Sao Kim (hành tinh của linh hồn) và cung năm đều có liên quan. Chúng ta nhận ra rằng mình đang tham gia vào "khoa học" huyền bí học và đang cố gắng tuân theo những định luật có từ ngàn xưa cùng những quy luật (dựa trên các định luật ấy) — những quy luật *có hiệu quả*. Nhưng cách tiếp cận là tùy ở chúng ta.

8. Would we not say that this is a "mature" approach to discipleship? We no longer have the guru assuming complete responsibility for the chela and expecting complete

8. Chẳng phải chúng ta sẽ nói rằng đây là một cách tiếp cận "trưởng thành" đối với địa vị đệ tử sao? Chúng ta không còn có vị đạo sư đảm nhận hoàn toàn trách nhiệm đối với đệ

obedience to his every demand. Things have changed. The mental factor has entered far more prominently and the responsibility of the chela is much augmented.

tử và mong đợi sự tuân phục tuyệt đối trước mọi yêu cầu của mình. Mọi việc đã thay đổi. Yếu tố trí tuệ đã giữ vai trò nổi bật hơn nhiều, và trách nhiệm của đệ tử gia tăng đáng kể.

9. Do we prefer this approach to discipleship? If so why? If not, why not? Would the former approach (a rather dependent approach) be more suitable to us or not?

9. Chúng ta có thích cách tiếp cận địa vị đệ tử này hơn không? Nếu có, vì sao? Nếu không, vì sao không? Cách tiếp cận trước đây (một cách tiếp cận khá lệ thuộc) có phù hợp với chúng ta hơn hay không?

10. Probably sincere students of DK could no longer return to the old way, much as various tendencies within them might long for that return. They have been on that road, perhaps for a number of lives. Now something new is offered, and it is the truly "Aryan" way — involving self-knowledge and Self-responsibility.

10. Có lẽ các đạo sinh chân thành của Chân sư DK không còn có thể quay lại cách thức cũ, dù những khuynh hướng khác nhau bên trong họ có thể khao khát sự trở lại ấy đến đâu. Họ đã đi trên con đường đó, có lẽ trong nhiều kiếp sống. Giờ đây, một điều mới mẻ được đưa ra, và đó là cách thức thực sự "Arya" — bao hàm sự tự hiểu biết và trách nhiệm đối với Bản Ngã.

11. We can see how clearly DK laid out the requirements. For all His clarity, there were still problems. Ancient character tendencies surfaced during the training, and people fell into just the very traps against which they were warned.

11. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đã trình bày các yêu cầu rõ ràng đến mức nào. Dù Ngài đã hết sức rõ ràng, vẫn có những vấn đề. Những khuynh hướng tính cách lâu đời trỗi dậy trong quá trình huấn luyện, và người ta rơi đúng vào những cạm bẫy mà họ đã được cảnh báo.

12. Can we see how carefully one must 'walk' this Path if we are to be successful?

12. Chúng ta có thấy mình phải thận trọng đến mức nào khi 'bước đi' trên Đường Đạo này nếu muốn thành công không?

This is an experiment likewise for me. I have worked hitherto with only three occidental chelas, of whom A. A. B. is one. I other two are totally unknown to any of you. I ask for your aid and cooperation during these early stages of the work as far as the reaching of conclusions is concerned. I ask you to stand together — no matter what eventuates or what forces may seek to separate you. I ask

Đối với Tôi, đây cũng là một thử nghiệm. Cho đến nay, Tôi chỉ làm việc với ba đệ tử phương Tây, trong đó A. A. B. là một người. Hai người còn lại hoàn toàn xa lạ với tất cả các bạn. Tôi mong các bạn trợ giúp và hợp tác trong những giai đoạn đầu của công việc này về phương diện đi đến các kết luận. Tôi yêu cầu các bạn đứng vững bên nhau — bất kể điều gì xảy ra hay những mãnh lực nào có

my disciples to love each other in spite of character and ray differences and to work loyally together for group coherence and integrity — no matter what diverse opinions you may hold or what may occur as time elapses. If you can hold together down the years and throughout this life cycle, then the group can carry forward into the future and work together on other planes, thus conserving energy. Can you persist and carry on? Can such a telepathic interplay be set up that the barrier of death will eventually prove no barrier at all and continuity of communication persist? [17]

thể tìm cách chia rẽ các bạn. Tôi yêu cầu các đệ tử của Tôi yêu thương nhau bất chấp những khác biệt về tính cách và cung, đồng thời cùng nhau làm việc trung thành vì sự gắn kết và tính toàn vẹn của nhóm — bất kể các bạn có những ý kiến khác nhau ra sao hay điều gì có thể xảy ra theo thời gian. Nếu các bạn có thể gắn bó với nhau qua nhiều năm và suốt chu kỳ sống này, thì nhóm có thể tiếp tục tiến vào tương lai và cùng làm việc trên các cõi khác, nhờ đó bảo toàn năng lượng. Các bạn có thể kiên trì và tiếp tục không? Liệu có thể thiết lập một sự tương tác viễn cảm đến mức cuối cùng rào cản của cái chết hoàn toàn không còn là rào cản, và sự giao tiếp vẫn liên tục duy trì không? [17]

1. DK says a surprising thing; He gives His background in relation to the West and it is not extensive.

1. Chân sư DK nói một điều đáng ngạc nhiên; Ngài cho biết kinh nghiệm của mình trong mối liên hệ với phương Tây, và kinh nghiệm ấy không nhiều.

2. Everything is an experiment. The planet Uranus is strongly involved. The fifth ray with its "trial and error" approach will be followed. We are to learn as we go and refrain from premature conclusions.

2. Mọi thứ đều là một thử nghiệm. Sao Thiên Vương có liên hệ mạnh mẽ. Cách tiếp cận "thử và sai" của cung năm sẽ được áp dụng. Chúng ta phải vừa tiến bước vừa học hỏi và tránh đưa ra kết luận quá sớm.

3. Foreseeing all the dangers which almost inevitably will arise, DK tries to counter these impending eventualities.

3. Thấy trước mọi nguy cơ gần như chắc chắn sẽ phát sinh, Chân sư DK cố gắng đối phó với những tình huống sắp xảy ra ấy.

4. He asks for the reservation of judgment, for unity in the face of the forces of separation, for love despite many differences caused by character and ray, and for loyal work towards group coherence and integrity. Really He is asking for the application of the second ray rather than capitulation to the usual tendencies of the third.

4. Ngài yêu cầu tạm hoãn phán xét, hợp nhất trước các mãnh lực chia rẽ, yêu thương bất chấp nhiều khác biệt do tính cách và cung gây ra, và trung thành làm việc hướng đến sự gắn kết cùng tính toàn vẹn của nhóm. Thực ra, Ngài đang yêu cầu vận dụng cung hai thay vì đầu hàng trước những khuynh hướng thông thường của cung ba.

5. The Master has long range plans; He

5. Chân sư có những kế hoạch lâu dài; Ngài

would like to keep this group together even on the inner planes. In terms of energy conservation it would be economical. What an amazing incentive is here offered! Continued work together down the years. Perhaps some of this work is going on even now with those who, in part, succeeded, even though the experiment as a whole was not successful — at least with respect to the precipitation of its *full* potential.

muốn giữ nhóm này gắn bó với nhau ngay cả trên các cõi bên trong. Xét về việc bảo toàn năng lượng, điều đó sẽ tiết kiệm. Thật là một động lực đáng kinh ngạc được đưa ra ở đây! Tiếp tục cùng nhau làm việc qua nhiều năm. Có lẽ một phần công việc này vẫn đang diễn ra ngay lúc này với những người đã thành công phần nào, dù xét toàn bộ thì cuộc thử nghiệm đã không thành công — ít nhất là về việc ngưng tụ *toàn bộ* tiềm năng của nó.

6. What DK is calling for is such a high quality of work that the result will be, essentially, a *group transcendence of death.* In asking this, He is virtually promising that the chelas assembled may anticipate working with each other for many more years and, even, for a number of future lives. It is clear that an ashramic group is gathering on the outer planes. If possible, it is meant to persist with integrity.

6. Điều Chân sư DK kêu gọi là một phẩm chất công việc cao đến mức kết quả, về căn bản, sẽ là *sự vượt thoát cái chết của cả nhóm.* Khi yêu cầu điều này, Ngài gần như đang hứa rằng các đệ tử đã quy tụ có thể trông đợi sẽ cùng nhau làm việc thêm nhiều năm nữa, và thậm chí trong một số kiếp sống tương lai. Rõ ràng một nhóm ashram đang quy tụ trên các cõi bên ngoài. Nếu có thể, nhóm ấy được kỳ vọng sẽ tiếp tục tồn tại mà vẫn giữ được tính toàn vẹn.

7. Probably such hopes will be accomplished the next time such an attempt is made. An initial failure is often the harbinger of a future success — providing the lessons of that failure have been learned.

7. Có lẽ những hy vọng ấy sẽ thành hiện thực vào lần tới khi một nỗ lực như thế được thực hiện. Thất bại ban đầu thường báo trước thành công trong tương lai — miễn là những bài học từ thất bại ấy đã được lĩnh hội.

Many such questions arise and time alone will give the answer. If there is persistence in effort, if there is the loyal link of love, if there is adherence to the group ideal and if there is mutual forbearance and understanding and patience, it may be possible that this group can be welded into a unit which will indeed be a living atom in the hierarchical body. You are all on the Path of Discipleship at some stage or another; in this lies opportunity.

Nhiều câu hỏi như thế nảy sinh, và chỉ thời gian mới đưa ra câu trả lời. Nếu có sự kiên trì trong nỗ lực, nếu có mối liên kết trung thành của tình thương, nếu có sự gắn bó với lý tưởng nhóm, và nếu có lòng bao dung, sự thấu hiểu cùng tính kiên nhẫn đối với nhau, thì có lẽ nhóm này có thể gắn kết thành một đơn vị thực sự là một nguyên tử sống trong cơ thể của Thánh đoàn. Tất cả các bạn đều đang ở một giai đoạn nào đó trên Con Đường Đệ Tử; chính trong điều này có cơ hội.

1. The vision is offered. The necessary second ray virtues are urged upon the group

1. Tầm nhìn được đưa ra. Các thành viên nhóm được thúc giục trau dồi những đức

members: love, forbearance, understanding, patience. These are not first ray virtues (as valuable as such virtues may be). Rather it is the quality of the second ray that is needed in this kind of group work, and, perhaps, in *all* group work.

tính cần thiết của cung hai: tình thương, lòng bao dung, sự thấu hiểu, tính kiên nhẫn. Đây không phải là những đức tính của cung một (dù những đức tính ấy có giá trị đến đâu). Đúng hơn, chính phẩm tính của cung hai mới cần thiết trong loại công việc nhóm này, và có lẽ trong *mọi* công việc nhóm.

2. As we attempt to create, in our own way, that which can endure in the good, these qualities present themselves to us for serious contemplation.

2. Khi chúng ta cố gắng tạo dựng, theo cách riêng của mình, điều có thể trường tồn trong cái thiện, những phẩm tính này hiện ra trước chúng ta để chúng ta nghiêm túc chiêm ngưỡng.

3. DK's group was presented with the opportunity (Saturn) to become a "living atom in the hierarchical body". An atom is not a very big structure. Perhaps, He was introducing, with the proffered opportunity, a sense of proportion.

3. Nhóm của Chân sư DK được trao cơ hội (Sao Thổ) trở thành một "nguyên tử sống trong cơ thể của Thánh đoàn". Một nguyên tử không phải là một cấu trúc lớn lắm. Có lẽ cùng với cơ hội được trao, Ngài đang đưa vào một ý thức về tỉ lệ.

4. The idea emerges however: discipleship means opportunity.

4. Tuy nhiên, một ý tưởng nổi lên: địa vị đệ tử hàm nghĩa cơ hội.

This is a body (small indeed) of disciples who — through devotion to truth, through their attempt to do their duty, and their mutual karmic relation both to each other and to me — have been chosen (in spite of limitations and faulty development) to work together towards the specific end of forming a nucleus of spiritual power and energy for the helping of humanity. But above all else, it is a group formed to inaugurate the methods of the New Age as regards group work, and the training of disciples and their preparation for initiation, along with other groups all over the world who have caught the new vision and are working under the inspiration and the impression of the Masters. The foundation of these schools of the Mysteries which will later be restored to the world and to which I referred in *Letters*

Đây là một đoàn đệ tử (quả thực là nhỏ) mà — nhờ lòng tận tụy với chân lý, nhờ nỗ lực làm tròn bổn phận, cùng mối quan hệ nghiệp quả giữa họ với nhau và với Tôi — đã được chọn (bất chấp những giới hạn và sự phát triển còn khiếm khuyết) để cùng làm việc hướng tới mục tiêu cụ thể là hình thành một hạt nhân quyền năng và năng lượng tinh thần nhằm trợ giúp nhân loại. Nhưng trên hết, đây là một nhóm được thành lập để khởi xướng các phương pháp của Kỷ Nguyên Mới về công việc nhóm, về việc huấn luyện đệ tử và chuẩn bị cho họ điểm đạo, cùng với những nhóm khác trên khắp thế giới đã nắm bắt tầm nhìn mới và đang làm việc dưới cảm hứng cùng ấn tượng truyền đến từ các Chân sư. Việc đặt nền móng cho những trường Bí Pháp này, vốn sau này sẽ được khôi phục cho thế gian và Tôi đã đề cập trong *Thư Về Tham*

on Occult Meditation may be possible if all of you measure up to opportunity. This should be borne in mind. The experiment may fail. Whether it does or not, real profit will in any case eventuate. . . . That you may one and all measure up to the opportunity and carry the work forward in the three worlds and in the kingdom where the light of the soul streams forth is my earnest wish and desire.

thiền Huyền môn , có thể trở thành hiện thực nếu tất cả các bạn đều đáp ứng xứng đáng với cơ hội. Cần ghi nhớ điều này. Cuộc thử nghiệm có thể thất bại. Dù có thất bại hay không, trong mọi trường hợp, lợi ích thực sự vẫn sẽ nảy sinh. . . . Mong rằng mỗi người và tất cả các bạn đều đáp ứng xứng đáng với cơ hội và đưa công việc tiến lên trong ba cõi giới cũng như trong giới nơi ánh sáng linh hồn tuôn chiếu — đó là niềm mong ước và nguyện vọng tha thiết của Tôi.

1. Again the sense of proportion. The group was small — very small when measured against the world's need. But we have seen that small groups have done amazing damage. Likewise, they could become powerful for the good.

1. Một lần nữa, ý thức về tỉ lệ. Nhóm này nhỏ — rất nhỏ khi so với nhu cầu của thế giới. Nhưng chúng ta đã thấy những nhóm nhỏ gây ra thiệt hại kinh khủng. Tương tự, họ có thể trở thành một sức mạnh vì điều thiện.

2. The reasons for the choice of these chelas is given; they have devotion to truth; they attempt to do their duty; they have a karmic relation to each other and to DK, Himself (no negligible factor).

2. Những lý do chọn các đệ tử này đã được nêu rõ: họ tận tụy với chân lý; họ cố gắng làm tròn bổn phận; họ có quan hệ nghiệp quả với nhau và với chính Chân sư DK (một yếu tố không hề nhỏ).

3. They are to work together to "form a nucleus of spiritual power and energy for the helping of humanity". This reminds one of Ramakrishna's hope for His own disciples; perhaps, in some sense, he succeeded, especially through Swami Vivekananda.

3. Họ phải cùng nhau làm việc để "hình thành một hạt nhân quyền năng và năng lượng tinh thần nhằm trợ giúp nhân loại". Điều này gợi nhớ đến kỳ vọng của Ramakrishna đối với các đệ tử của chính Ngài; có lẽ, theo một nghĩa nào đó, Ngài đã thành công, đặc biệt qua Swami Vivekananda.

4. The major reason for the formation of the group, however, is "to inaugurate the methods of the New Age as regards group work, and the training of disciples and their preparation for initiation". We can relate to this purpose, can we not? It is a purpose which has hardly been fulfilled. We are at the very beginning of such inaugurations. The Aquarian Age has not even dawned. Our

4. Tuy nhiên, lý do chính để thành lập nhóm là "khởi xướng các phương pháp của Kỷ Nguyên Mới về công việc nhóm, về việc huấn luyện đệ tử và chuẩn bị cho họ điểm đạo". Chúng ta có thể thấy mình gắn bó với mục đích này, phải không? Đó là một mục đích hầu như chưa được hoàn thành. Chúng ta mới ở bước khởi đầu của những sự khởi xướng như thế. Kỷ Nguyên Bảo Bình thậm

work together is the merest anticipation of the full glory of the 'Group Age' (perhaps to be realized when the Venus decanate of Aquarius is in full expression some sixteen or seventeen hundred years from now).

chí còn chưa ló rạng. Công việc chung của chúng ta chỉ mới hé báo đôi chút về toàn bộ vẻ huy hoàng của 'Kỷ Nguyên Nhóm' (có lẽ sẽ thành hiện thực khi thập độ Sao Kim của Bảo Bình biểu hiện trọn vẹn, vào khoảng một nghìn sáu trăm hoặc một nghìn bảy trăm năm nữa).

5. DK also connects the group training which He offering to the preliminary work of preparing for the new Schools of Initiation, the Schools of the Mysteries. We can see how all this work is interrelated and how we are definitely in preparation not only for the new modes of group work but for the new modes of occult education.

5. Chân sư DK cũng liên kết việc huấn luyện nhóm mà Ngài đang thực hiện với công việc sơ bộ nhằm chuẩn bị cho các Trường Điểm Đạo mới, các Trường Bí Pháp. Chúng ta có thể thấy toàn bộ công việc này liên hệ với nhau như thế nào, và rõ ràng chúng ta đang chuẩn bị không chỉ cho những phương thức công việc nhóm mới mà còn cho những phương thức giáo dục huyền bí mới.

6. Realistically, the possible failure is noted. It is a passing remark. The real point is Master DK's exhortation at the close of this paragraph. It is at once a blessing and a call to rise to the occasion. The field of work is outlined — both the three worlds and the world of the soul. The Master calls for his chelas to "measure up to the opportunity" in *both* worlds.

6. Với cái nhìn thực tế, khả năng thất bại được ghi nhận. Đó chỉ là một nhận xét thoáng qua. Điểm chính thực sự là lời khuyến nhủ của Chân sư DK ở cuối đoạn này. Đó vừa là lời ban phúc vừa là lời kêu gọi vươn lên đáp ứng thời cơ. Lĩnh vực công việc được phác họa — cả ba cõi giới lẫn thế giới linh hồn. Chân sư kêu gọi các đệ tử của Ngài "đáp ứng xứng đáng với cơ hội" trong *cả hai* thế giới.

7. He was speaking to certain disciples at that time, some seventy years ago, but is He not speaking to us as well? I think He is. May we also rise to the occasion and measure up to the presented opportunity!

7. Khi ấy, khoảng bảy mươi năm trước, Ngài đang nói với một số đệ tử, nhưng chẳng phải Ngài cũng đang nói với chúng ta sao? Tôi nghĩ là có. Mong rằng chúng ta cũng vươn lên đáp ứng thời cơ và xứng đáng với cơ hội được trao!

To the next commentary

Sang phần bình giảng tiếp theo

4. PART III – 4. PHẦN III

commentary by Michael D. Robbins

As you face this opportunity in a world which is passing through a major crisis, I would like to state that it is necessary for all working brothers and disciples to have three things in mind if they are to work efficiently and as desired.

First: Disciples should know that the Masters have three grades of workers. There are those doing the difficult work in the outer world. They materialise the forms through which the Hierarchy can express its intentions and they make the [18] human contacts. There are many such disciples and they are doing this work from their own free choice and because they have realised the immediate and coming need of humanity and have pledged themselves to serve. There are, secondly, those who act as links between the Elder Brothers of the race, the Masters of the Wisdom Who embody the divine plan and the workers mentioned above. I do not say that they act as links between the disciple and his Master for that is a direct relationship which none may touch, particularly in the more advanced stages. This second group of working disciples, however, act as intermediaries in the working out of the plan in the world and they hold themselves in readiness to go anywhere when requested, thus aiding with their wisdom and experience and supplementing the capacities of the field workers, conferring with them. There are several such that are being sent expressly into the field at this time to hasten the work whenever possible and to increase the magnetic attraction of those centres through which the spiritual force of the New

bình giảng của Michael D. Robbins

Khi các bạn đối diện với cơ hội này trong một thế giới đang trải qua một cuộc khủng hoảng lớn, Tôi muốn nói rằng tất cả các huynh đệ và đệ tử đang làm việc cần ghi nhớ ba điều nếu muốn làm việc hiệu quả và đúng như mong đợi.

Thứ nhất: Các đệ tử nên biết rằng các Chân sư có ba cấp người hoạt động. Có những người đang thực hiện công việc khó khăn ở thế giới bên ngoài. Họ hiện hình các hình tướng mà qua đó Thánh đoàn có thể biểu lộ ý định của mình, và họ thiết lập các [18] mối tiếp xúc với con người. Có nhiều đệ tử như thế, và họ làm công việc này do tự nguyện lựa chọn, vì họ đã nhận ra nhu cầu trước mắt và sắp tới của nhân loại, đồng thời đã cam kết phụng sự. Thứ hai, có những người làm cầu nối giữa các Huynh Trưởng của nhân loại, các Chân sư Minh Triết hiện thân cho Thiên Cơ, với những người hoạt động nói trên. Tôi không nói rằng họ làm cầu nối giữa đệ tử và Chân sư của y, vì đó là một mối quan hệ trực tiếp mà không ai được can dự, đặc biệt ở những giai đoạn tiến bộ hơn. Tuy nhiên, nhóm đệ tử hoạt động thứ hai này làm trung gian trong việc thực hiện Thiên Cơ trên thế giới, và họ luôn sẵn sàng đi bất cứ đâu khi được yêu cầu, nhờ đó trợ giúp bằng minh triết và kinh nghiệm của mình, bổ sung năng lực cho những người hoạt động tại thực địa và trao đổi ý kiến với họ. Hiện nay, một số người như thế đang được đặc biệt phái đến thực địa để đẩy nhanh công việc bất cứ khi nào có thể, và gia tăng sức hút từ tính của những trung tâm mà qua đó mãnh lực tinh thần của Kỷ Nguyên Mới có thể tuôn chảy.

Age can flow.

1. Master DK begins by clarifying three grades of workers. The first group consists of the most materially active workers. They are related to the third, or matter aspect of divinity and to the third ray.

1. Chân sư DK bắt đầu bằng việc làm rõ ba cấp người hoạt động. Nhóm thứ nhất gồm những người hoạt động tích cực nhất về mặt vật chất. Họ liên hệ với phương diện thứ ba, tức phương diện vật chất của thiên tính, và với cung ba.

2. A hint is here given: it would appear that this group consists of pledged disciples.

2. Ở đây có một gợi ý: dường như nhóm này gồm những đệ tử đã lập nguyện.

3. Among the group of Masters Who serve humanity, it would appear that Master DK finds Himself in an analogous position. He is the Messenger and is involved in field work, and from the perspective of the Hierarchy, is surely involved in building the forms through which Hierarchy may express. This may be yet another indication that the Master DK has quite a bit of the third ray in His nature.

3. Trong nhóm các Chân sư phụng sự nhân loại, dường như Chân sư DK thấy mình ở một vị trí tương tự. Ngài là Sứ Giả và tham gia công việc tại thực địa; xét từ góc nhìn của Thánh đoàn, chắc chắn Ngài đang tham gia xây dựng những hình tướng mà qua đó Thánh đoàn có thể biểu lộ. Đây có thể là một dấu hiệu nữa cho thấy bản chất của Chân sư DK mang khá nhiều phẩm tính cung ba.

4. The second group of disciples are related to the second aspect of divinity, the love-wisdom aspect. The second ray is a *linking* ray, linking spirit and matter. Disciples on all the rays are in this group; overall, however, it is qualified by the second ray.

4. Nhóm đệ tử thứ hai liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính, phương diện bác ái–minh triết. Cung hai là một cung *liên kết*, liên kết tinh thần và vật chất. Các đệ tử thuộc mọi cung đều có mặt trong nhóm này; tuy nhiên, xét tổng thể, nhóm mang phẩm tính của cung hai.

5. The members of the second group respond to an inner behest. They are meditatively attuned are ready to respond to need. They learn of this need through their inner contacts but also from their outer sensitivity.

5. Các thành viên của nhóm thứ hai đáp ứng một mệnh lệnh bên trong. Họ hòa điệu qua tham thiền và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu. Họ biết được nhu cầu này qua những tiếp xúc bên trong, đồng thời qua sự nhạy cảm với bên ngoài.

6. Such workers strengthen and supplement the field workers. They are inspirers and carriers of quality.

6. Những người hoạt động như thế củng cố và bổ trợ cho những người hoạt động tại thực địa. Họ là những người khơi nguồn cảm hứng và mang phẩm tính đến.

7. Perhaps there are a fair number of such workers in the second group, but Master DK speaks of just a few. Their job is to hasten and magnetize.

7. Có lẽ có khá nhiều người hoạt động như thế trong nhóm thứ hai, nhưng Chân sư DK chỉ nói đến một vài người. Công việc của họ là đẩy nhanh tiến độ và tạo sức hút từ tính.

8. Clearly, they are responsive to a will higher than their own. They are, perhaps, what Master M. would call the nomads, for their readiness to go anywhere according to need.

8. Rõ ràng, họ đáp ứng một ý chí cao hơn ý chí của chính mình. Có lẽ họ là những người mà Chân sư M. sẽ gọi là những người du mục, vì họ sẵn sàng đi bất cứ đâu theo nhu cầu.

9. It seems that Mercury is very much their major planet. They are a kind of antahkarana between the directing Hierarchy and the outer workers.

9. Dường như Sao Thủy rõ ràng là hành tinh chủ yếu của họ. Họ là một dạng antahkarana giữa Thánh đoàn chỉ đạo và những người hoạt động bên ngoài.

This is all being done preparatory to a supreme effort which the Hierarchy of Masters plans to make. Should all of you in the field at this time work with complete surrender and devotion giving of all your time and interest to the cause it may be possible to prepare the ground in such a manner that the coming effort of the Masters may prove adequate to the emergency.

Tất cả những điều này đang được thực hiện để chuẩn bị cho một nỗ lực tối cao mà Thánh đoàn các Chân sư dự định thực hiện. Nếu tất cả các bạn hiện đang làm việc tại thực địa đều làm việc với sự hiến dâng và lòng tận tụy hoàn toàn, dành toàn bộ thời gian và sự quan tâm cho chính nghĩa này, thì có thể chuẩn bị nền tảng sao cho nỗ lực sắp tới của các Chân sư đủ sức đáp ứng tình trạng khẩn cấp.

1. DK makes it clear that the disciples whom He is addressing are field workers.

1. Chân sư DK nói rõ rằng những đệ tử mà Ngài đang nói với là những người hoạt động tại thực địa.

2. The supreme effort of the Hierarchy of Masters lies ahead. It has not happened yet. It almost certainly relates to the intention to *externalize.*

2. Nỗ lực tối cao của Thánh đoàn các Chân sư vẫn còn ở phía trước. Nó chưa diễn ra. Gần như chắc chắn nó liên quan đến ý định *ngoại hiện.*

3. There was certainly an emergency related to World War II. At the time this was written, it was not at all certain that there would be a World War.

3. Chắc chắn đã có một tình trạng khẩn cấp liên quan đến Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Vào thời điểm những lời này được viết ra, việc một cuộc Thế chiến sẽ xảy ra hoàn toàn chưa phải là điều chắc chắn.

4. Probably, the emergency here discussed,

4. Có lẽ tình trạng khẩn cấp được bàn đến ở

relates to the general condition of humanity and the need for the externalizing Hierarchy to help ensure human progress.

đây liên quan đến tình trạng chung của nhân loại và nhu cầu Thánh đoàn ngoại hiện để giúp bảo đảm sự tiến bộ của con người.

5. DK asks a great deal at least the personality would think so. He asks the field workers to work with complete surrender and devotion. He asks them to give *all* their time and interest to the cause.

5. Chân sư DK yêu cầu rất nhiều, ít nhất phàm ngã sẽ nghĩ như thế. Ngài yêu cầu những người hoạt động tại thực địa làm việc với sự hiến dâng và lòng tận tụy hoàn toàn. Ngài yêu cầu họ dành *toàn bộ* thời gian và sự quan tâm cho chính nghĩa này.

6. The word all is a strong word. We may say that those days were especially dangerous, as the Black Lodge was on the attack. We might say that such complete surrender, such devotion and consecration of time is not required of us today. Can we be so sure? Todays world is extremely dangerous and we are hovering on the brink of a potential war which DK says humanity must avoid at all costs. This must be a way that is not fought on the physical plane, however much it may demand of humanity on the subtle levels.

6. Từ "toàn bộ" là một từ mạnh. Chúng ta có thể nói rằng những ngày ấy đặc biệt nguy hiểm, vì Hắc đoàn đang tấn công. Chúng ta có thể nói rằng ngày nay chúng ta không cần phải hiến dâng hoàn toàn, tận tụy và thánh hiến thời gian đến như thế. Chúng ta có thể chắc chắn như vậy không? Thế giới ngày nay cực kỳ nguy hiểm, và chúng ta đang chênh vênh bên bờ một cuộc chiến có thể xảy ra mà Chân sư DK nói rằng nhân loại phải tránh bằng mọi giá. Đây phải là một con đường không có giao tranh trên cõi hồng trần, dù nó có thể đòi hỏi nhân loại đến đâu trên các cấp độ vi tế.

7. How much of our time, interest, devotion and surrender is required of us? Let us assess the situation and decide.

7. Chúng ta cần dành bao nhiêu thời gian, sự quan tâm, lòng tận tụy và sự hiến dâng? Chúng ta hãy đánh giá tình hình và quyết định.

The third group is that of the Masters Themselves and Their cooperating initiates. They work primarily upon the inner side. Their activities are confined largely to the mental plane and to the scientific use of thought. Thus They guide Their workers and helpers and influence and direct Their working disciples and the world disciples.

Nhóm thứ ba gồm chính các Chân sư và những điểm đạo đồ cộng tác với Các Ngài. Các Ngài làm việc chủ yếu ở phía bên trong. Hoạt động của Các Ngài phần lớn giới hạn ở cõi trí và việc sử dụng tư tưởng một cách khoa học. Nhờ vậy, Các Ngài hướng dẫn những người hoạt động và những người trợ giúp của mình, đồng thời tác động và chỉ đạo các đệ tử đang làm việc dưới quyền cùng các đệ tử thế gian.

1. The third group of workers is highly

1. Nhóm người hoạt động thứ ba mang tính

esoteric. All of them have taken at least the third initiation.

2. Probably we have very little notion of how the Masters work with the scientific use of thought. We are just learning the ABCs of this science.

3. We can understand, however, how effective it must be to work correctly upon those levels. It is not stated whether the work is with the higher or lower mental plane. But the Masters *do* stimulate souls and, therefore, their work must be related to the higher mental plane to some degree.

4. Do any of us have any sense of being guided or influenced by these streams of thought? We know that we respond to certain potent ideas and thoughtforms. Perhaps we do not realize how these stimulating factors are maintained as a sustaining presence in our lives.

5. Perhaps some of us have the experience of working inwardly, in the world of thought, and seeing the emergence of that for which we have worked. Our role is certainly a relatively outer one, yet increasingly we have to learn the kind of inward work which the Masters and Their high initiates have *mastered.*

There is at this time an inner intention of blending the occidental and the oriental approaches to the ancient wisdom and to the Hierarchy. Cooperation and the mutual interchange of wisdom and of knowledge are essential if this is to be perfected. The

nội môn rất cao. Tất cả Các Ngài đều đã trải qua ít nhất lần điểm đạo thứ ba.

2. Có lẽ chúng ta có rất ít khái niệm về cách các Chân sư làm việc bằng việc sử dụng tư tưởng một cách khoa học. Chúng ta mới chỉ đang học những điều sơ đẳng của khoa học này.

3. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấu hiểu rằng làm việc đúng cách trên những cấp độ ấy hẳn phải hiệu quả đến mức nào. Không có lời xác định rằng công việc ấy diễn ra trên cõi thượng trí hay cõi hạ trí. Nhưng các Chân sư *quả thực* kích thích các linh hồn, và do đó, công việc của Các Ngài hẳn phải liên hệ với cõi thượng trí ở một mức độ nào đó.

4. Có ai trong chúng ta cảm nhận được rằng những luồng tư tưởng này đang hướng dẫn hay tác động đến mình không? Chúng ta biết rằng mình đáp ứng một số ý tưởng và hình tư tưởng đầy sức mạnh. Có lẽ chúng ta không nhận ra cách những yếu tố kích thích ấy được duy trì như một sự hiện diện nâng đỡ trong đời sống của chúng ta.

5. Có lẽ một số người trong chúng ta đã có trải nghiệm làm việc bên trong, trong thế giới tư tưởng, và thấy điều mình đã nỗ lực tạo dựng bắt đầu xuất hiện. Chắc chắn vai trò của chúng ta tương đối thiên về bên ngoài, tuy nhiên, chúng ta ngày càng phải học loại công việc bên trong mà các Chân sư và những điểm đạo đồ cao cấp của Các Ngài đã *thành thạo.*

Hiện nay, ở phía bên trong có ý định hòa trộn cách tiếp cận của phương Tây và phương Đông đối với minh triết cổ xưa và Thánh đoàn. Sự hợp tác cùng việc trao đổi minh triết và tri thức giữa hai bên là thiết yếu để hoàn thiện điều này. Mục tiêu của cả

objectives of both methods the mystic and the occult are the same. [19]

1. Master DK, writing in the early 1930s, points to a process which we all witnesses in the 1960s and 70s. It still continues today.

2. Wisdom has come from the East and taken root in the West. The major fields for this impregnation has been the Americas (including Australia and New Zealand) and Europe.

3. We can gather here that the East is seen as the seat of mysticism and the West of occultism. There have been significant contacts of Uranus and Neptune during the late twentieth century. Mysticism (Neptune) and occultism (Uranus) have joined together in the consciousness of many.

4. We can imagine that the Buddha of the East and the Christ of the West are working together more closely than ever before. They have work to do during the Aquarian Age. In Them, the East and West are being integrated. As well male and female are approaching each other in a more balanced fashion. The strengthening of Libra in planetary horoscope will bring about many significant unions, blendings and mergings.

5. Under the impact of Shamballa, we find ourselves in a time of *general synthesis.* Aquarius is a sign of universalism, and the seventh ray links all factors. Globalism and internationalism are emerging for the first time in recorded history (we cannot know

hai phương pháp — thần bí và huyền bí — đều như nhau. [19]

1. Khi viết vào đầu thập niên 1930, Chân sư DK chỉ ra một tiến trình mà tất cả chúng ta đều chứng kiến trong các thập niên 1960 và 1970. Tiến trình ấy vẫn tiếp tục đến ngày nay.

2. Minh triết đã đến từ phương Đông và bén rễ ở phương Tây. Những địa bàn chủ yếu của sự thấm nhuần này là châu Mỹ (kể cả Úc và New Zealand) và châu Âu.

3. Từ đây, chúng ta có thể suy ra rằng phương Đông được xem là nơi khởi nguồn của Thần bí học, còn phương Tây là nơi khởi nguồn của huyền bí học. Đã có những sự tiếp xúc đáng kể giữa Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương vào cuối thế kỷ hai mươi. Thần bí học (Sao Hải Vương) và huyền bí học (Sao Thiên Vương) đã kết hợp trong tâm thức của nhiều người.

4. Chúng ta có thể hình dung rằng Đức Phật của phương Đông và Đức Christ của phương Tây đang cùng làm việc mật thiết hơn bao giờ hết. Các Ngài có công việc phải thực hiện trong Kỷ Nguyên Bảo Bình. Trong Các Ngài, phương Đông và phương Tây đang được tích hợp. Nam và nữ cũng đang tiến lại gần nhau theo một cách cân bằng hơn. Ảnh hưởng ngày càng mạnh của Thiên Bình trong lá số chiêm tinh hành tinh sẽ đem lại nhiều sự kết hợp, hòa trộn và hòa nhập đầy thâm nghĩa.

5. Dưới tác động của Shamballa, chúng ta thấy mình đang sống trong một thời kỳ *tổng hợp trên mọi phương diện.* Bảo Bình là một dấu hiệu của tinh thần phổ quát, và cung bảy liên kết mọi yếu tố. Tinh thần toàn cầu và tinh thần quốc tế đang xuất hiện lần đầu

what transpired at the height of earlier civilizations, such as the Atlantean). The times are unique for the coming together of hitherto disparate influences.

tiên trong lịch sử được ghi chép (chúng ta không thể biết điều gì đã diễn ra ở đỉnh cao của những nền văn minh trước đó, chẳng hạn nền văn minh Atlantis). Thời đại này độc đáo ở chỗ những ảnh hưởng trước nay vốn tách biệt đang hội tụ.

Second: It is necessary for working disciples at this time to appreciate the immediate emergency. There is a crisis in the affairs of men. This crisis must be viewed in terms of opportunity and not in terms of cataclysm or catastrophe. Just as in the life of an aspirant to discipleship, there comes a life or a series of lives wherein there is direct conflict between the soul and the lower nature, so there is now an analogous crisis upon our planet. The object in both cases is that the soul may assume an increasing control over the form aspect.

Thứ hai: Các đệ tử đang làm việc vào thời điểm này cần nhận thức đầy đủ tình trạng khẩn cấp trước mắt. Có một cuộc khủng hoảng trong các vấn đề của nhân loại. Phải nhìn cuộc khủng hoảng này dưới góc độ cơ hội, thay vì tai biến hay thảm họa. Cũng như trong cuộc đời của một người chí nguyện hướng tới địa vị đệ tử, sẽ đến một kiếp sống hoặc một chuỗi kiếp sống có sự xung đột trực tiếp giữa linh hồn và bản chất thấp, hiện nay trên hành tinh chúng ta cũng có một cuộc khủng hoảng tương tự. Trong cả hai trường hợp, mục tiêu là để linh hồn ngày càng nắm quyền kiểm soát phương diện hình tướng.

1. DK alerts us to our opportunity, warning us away from a negative apprehension of the situation.

1. Chân sư DK lưu ý chúng ta về cơ hội của mình, đồng thời cảnh báo chúng ta tránh cách nhìn nhận tiêu cực về tình hình.

2. At the time of the writing, war was an imminent possibility. At least the Hierarchy realized this possibility.

2. Vào thời điểm những lời này được viết ra, chiến tranh là một khả năng có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ít nhất Thánh đoàn đã nhận ra khả năng này.

3. An analogy of the social macrocosm to the microcosm is offered. Everyone can understand the process of human development. It makes sense that there should arrive certain lives during which the soul and personality of man will battle for supremacy.

3. Ở đây có một phép so sánh tương đồng giữa đại thiên địa xã hội và tiểu thiên địa. Mọi người đều có thể thấu hiểu tiến trình phát triển của con người. Hợp lý khi cho rằng sẽ đến những kiếp sống mà trong đó linh hồn và phàm ngã của con người giao tranh để giành quyền làm chủ.

4. DK simply extends the analogy to humanity considered as the macrocosm of the individual case. I think we can all

4. Chân sư DK chỉ đơn giản mở rộng phép so sánh ấy sang nhân loại, xem nhân loại là đại thiên địa so với trường hợp cá nhân. Tôi nghĩ

acknowledge that we live in times when the soul and personality of humanity are contending for position within the consciousness of the human race. The greater potency is on the side of the soul (so great is the potency of the assisting forces) but the personality is putting up a tremendous struggle. We are living through what has been called the last ditch fight of materialism. This fight is not related to a single century or millennium; it concerns the entirety of the planetary process. This is the prophesied era for which the Hierarchy has waiting since its inception. That is a startling thought. A great decision is currently being made by and within humanity. On its outcome the immediate progress of humanity depends.

tất cả chúng ta đều có thể thừa nhận rằng mình đang sống trong thời kỳ linh hồn và phàm ngã của nhân loại đang tranh giành vị thế trong tâm thức nhân loại. Sức mạnh lớn hơn thuộc về phía linh hồn (vì sức mạnh của các mãnh lực trợ giúp lớn lao đến thế), nhưng phàm ngã đang kháng cự vô cùng quyết liệt. Chúng ta đang trải qua điều được gọi là cuộc chiến đấu cố thủ cuối cùng của chủ nghĩa duy vật. Cuộc chiến này không chỉ liên quan đến một thế kỷ hay một thiên niên kỷ; nó liên quan đến toàn bộ tiến trình hành tinh. Đây là thời đại đã được tiên báo mà Thánh đoàn chờ đợi từ khi thành lập. Đó là một ý nghĩ gây sửng sốt. Hiện nay, nhân loại đang đưa ra một quyết định lớn, và quyết định ấy đang hình thành ngay trong lòng nhân loại. Sự tiến bộ trước mắt của nhân loại tùy thuộc vào kết quả của quyết định ấy.

5. We can help with this battle by making sure that in our own little microcosmic situation, the soul is winning the battle and emerging into the dominating position. World salvation begins with the salvation of oneself not the selfish salvation, but the redemption of the lunar vehicles and their consecration to service.

5. Chúng ta có thể góp sức vào cuộc chiến này bằng cách bảo đảm rằng trong hoàn cảnh tiểu thiên địa nhỏ bé của chính mình, linh hồn đang thắng trận và vươn lên nắm vị trí chi phối. Việc cứu rỗi thế giới bắt đầu từ việc cứu rỗi chính mình — không phải sự cứu rỗi ích kỷ, mà là cứu chuộc các hiện thể thái âm và thánh hiến chúng cho việc phụng sự.

Looking at it from another angle, this planetary soul functioning as a Hierarchy of Masters is in direct conflict with the forces of evil. It should, however, be borne in mind that those forces also constitute a hierarchy of entities, constituting the material forms and, therefore, in their place, true and correct. It is a question, in reality, of what is the objective in any particular time cycle. The present objective is that the human family should now, as a whole, do three things and anything which militates against this is evil.

Nhìn từ một góc độ khác, linh hồn hành tinh này, hoạt động như một Thánh đoàn các Chân sư, đang trực tiếp xung đột với các mãnh lực của cái ác. Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng những mãnh lực ấy cũng hợp thành một Huyền Giai các thực thể cấu thành những hình tướng vật chất, và vì thế, trong vị trí thích hợp của mình, chúng là chân thực và đúng đắn. Thực ra, vấn đề là mục tiêu của bất kỳ chu kỳ thời gian cụ thể nào là gì. Mục tiêu hiện nay là toàn thể gia đình nhân loại cần làm ba điều, và bất cứ điều gì chống lại mục tiêu này đều là ác.

1. Is the Spiritual Hierarchy the same as the planetary soul? No. In fact the planetary soul is an aspect of the being of the Planetary Logos. The foremost vehicle for this planetary soul is found on the third subplane of the cosmic mental plane.

2. It is the second ray planetary soul which is attempting to emerge at this time in planetary history. This emergence must occur in and through the physical vehicle of the Planetary Logos. It is in this manifestation that our Spiritual Hierarchy (attuned to that planetary soul and representative of it) is assisting.

3. Evil is the good which should have been outlived. What was good once may no longer be so, depending upon the objective of any particular time cycle.

4. The forces of evil do not keep pace with the Divine Plan. They willfully refuse to move on, to take the risk of entering a new pattern of relationship in which their former power would almost certainly be much reduced. They wish to preserve their own selfish prerogatives in an era when their methods must give way to something better, more in keeping with the themes of the second solar system.

5. The battle, in the last analysis, is a *power struggle.* The Hierarchy has ranged itself on the side of the Solar Logos and of all that makes our Planetary Logos (in expression) more like Venus, more responsive to the influence of the Solar God. The counterforce seeks to evade the effects of these higher influences. No doubt they have their own sources to which they would like our planet

1. Thánh đoàn có đồng nhất với linh hồn hành tinh không? Không. Thực ra, linh hồn hành tinh là một phương diện trong sự hiện hữu của Hành Tinh Thượng đế. Hiện thể chủ yếu của linh hồn hành tinh này nằm trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ.

2. Chính linh hồn hành tinh cung hai đang cố gắng xuất hiện vào thời điểm này trong lịch sử hành tinh. Sự xuất hiện này phải diễn ra trong và qua hiện thể hồng trần của Hành Tinh Thượng đế. Chính trong sự biểu hiện này, Thánh đoàn của chúng ta (hòa điệu với linh hồn hành tinh ấy và đại diện cho linh hồn ấy) đang trợ giúp.

3. Cái ác là cái thiện mà lẽ ra người ta đã phải vượt qua. Điều từng là thiện có thể không còn là thiện nữa, tùy theo mục tiêu của từng chu kỳ thời gian cụ thể.

4. Các mãnh lực của cái ác không theo kịp Thiên Cơ. Chúng cố tình từ chối tiến bước, từ chối chấp nhận rủi ro khi bước vào một mô hình quan hệ mới mà trong đó quyền lực trước kia của chúng gần như chắc chắn sẽ giảm đi rất nhiều. Chúng muốn bảo toàn những đặc quyền ích kỷ của mình trong một thời đại mà các phương pháp của chúng phải nhường chỗ cho điều tốt đẹp hơn, phù hợp hơn với những chủ đề của hệ mặt trời thứ hai.

5. Xét cho cùng, cuộc chiến này là một *cuộc tranh giành quyền lực.* Thánh đoàn đã đứng về phía Thái dương Thượng đế và tất cả những gì khiến Hành Tinh Thượng đế của chúng ta (trong sự biểu lộ) trở nên giống Sao Kim hơn, đáp ứng nhiều hơn với ảnh hưởng của Thượng đế Thái Dương. Mãnh lực đối kháng tìm cách né tránh tác động của những ảnh hưởng cao hơn này. Chắc chắn chúng có những nguồn riêng mà chúng muốn hành

to become more responsive.

6. Much time has been spent attempting to catalogue the hierarchy of evil; the last number of centuries have produced their demonologists who have named and arranged the different orders of negative entities. Probably there is something to their classifications, but, finally, it may be a rather profitless (and dangerous) venture. In *Esoteric Astrology* DK has the following to say:

Humanity and cosmic evil, focussed for many millennia of years in what has been called the Black Lodge. Speculation anent this Lodge and its activities is both fruitless and dangerous.

But human beings are fascinated, almost titillated, but such speculation and they ignore the warning. From speculation can arise the wish for contact with these dark entities (magicians have often been thus tempted) and the result often is disastrous.

7. Perhaps Hierarchy, so directly concerned with frontal confrontation, knows the names and ranks of the adversary. One day, when it concerns us, we will also, but at the moment it is glamor to think that we, as individuals and small groups, can range ourselves against such forces. First we have to made sure that anything within us which is resonant to those forces is eliminated, otherwise we would not have a ghost of a chance in battle.

8. Shamballa and Hierarchy together stand against the great evil, protecting humanity from what has been called the intention to destroy. Our task, for the moment, is to build

tinh chúng ta đáp ứng nhiều hơn.

6. Người ta đã dành nhiều thời gian để cố lập danh mục hệ thống thứ bậc của cái ác; trong vài thế kỷ gần đây đã xuất hiện những nhà nghiên cứu quỷ học đặt tên và sắp xếp các cấp bậc khác nhau của những thực thể tiêu cực. Có lẽ những cách phân loại ấy cũng có phần cơ sở, nhưng rốt cuộc đây có thể là một việc làm khá vô ích (và nguy hiểm). Trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn* Chân sư DK nói như sau:

Nhân loại và cái ác vũ trụ, tập trung suốt nhiều thiên niên kỷ trong cái được gọi là Hắc đoàn. Suy đoán về đoàn thể này và các hoạt động của nó vừa vô ích vừa nguy hiểm.

Nhưng con người lại bị những suy đoán như thế cuốn hút, gần như kích thích, và họ phớt lờ lời cảnh báo. Từ suy đoán có thể nảy sinh mong muốn tiếp xúc với những thực thể hắc ám này (các nhà huyền thuật thường bị cám dỗ như thế), và kết quả thường là thảm khốc.

7. Có lẽ Thánh đoàn, vốn trực tiếp tham gia cuộc đối đầu, biết tên và cấp bậc của đối phương. Một ngày nào đó, khi điều ấy liên quan đến chúng ta, chúng ta cũng sẽ biết; nhưng hiện nay, nghĩ rằng chúng ta, với tư cách những cá nhân và nhóm nhỏ, có thể đứng lên chống lại những mãnh lực như thế là ảo cảm. Trước hết, chúng ta phải bảo đảm loại bỏ bất cứ điều gì bên trong mình cộng hưởng với những mãnh lực ấy, nếu không, chúng ta sẽ chẳng có chút cơ may nào trong cuộc chiến.

8. Shamballa và Thánh đoàn cùng đứng lên chống lại cái ác lớn lao, bảo vệ nhân loại khỏi điều được gọi là ý đồ hủy diệt. Lúc này, nhiệm vụ của chúng ta là xây dựng với tinh

with positivity, creating the vessel for the New Age. By asserting the *good* we can assist best in the battle for mens souls.

9. The Tibetan outlines for us that which we may do to counter the evil against which they so frontally fight. (Even in the Second World War, the Allies were but fighting the reflections of the Hierarchys dark enemies. One suspects that the Hierarchy had a much fiercer battle on their hands.)

1. **Manifest the nature of the soul, through the integrated personality.** The nature of the soul is love and the will-to-good.

1. The first requirement for those who would aid in the contest with evil seems simple enough. It is oft repeated to students of esotericism and is one of the main objectives of their labors. The nature of the soul is to be manifested through an integrated personality. This, of course, requires understanding what the soul really is, knowing how to contact it in meditation, knowing how to be translucent to its downpouring and ensuring that the personality is integrated. The sentence is easily written but entails all labors up to and including the third initiation. Still, a beginning must be made.

2. Soul is variously and extensively described throughout DKs works. Here He simply describes soul as love and the will-to-good emphasizing the second and first ray aspects of the soul rather than its nature as light.

thần tích cực, tạo nên vận cụ cho Kỷ Nguyên Mới. Bằng cách khẳng định *điều thiện*, chúng ta có thể trợ giúp hữu hiệu nhất trong cuộc chiến giành linh hồn con người.

9. Chân sư Tây Tạng phác thảo cho chúng ta những gì chúng ta có thể làm để chống lại cái ác mà Các Ngài đang trực diện chiến đấu. (Ngay cả trong Thế Chiến Thứ Hai, phe Đồng Minh cũng chỉ chiến đấu với những hình ảnh phản chiếu của các kẻ thù hắc ám của Thánh đoàn. Có thể ngờ rằng Thánh đoàn đã phải đương đầu với một trận chiến khốc liệt hơn nhiều.)

1. **Biểu lộ bản chất của linh hồn qua phàm ngã tích hợp.** Bản chất của linh hồn là tình thương và Ý Chí-hướng Thiện.

1. Yêu cầu đầu tiên đối với những ai muốn góp sức trong cuộc đấu tranh với cái ác có vẻ khá đơn giản. Yêu cầu này thường được nhắc lại với các đạo sinh huyền bí học và là một trong những mục tiêu chính trong nỗ lực của họ. Bản chất của linh hồn phải biểu lộ qua một phàm ngã tích hợp. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi phải thấu hiểu linh hồn thực sự là gì, biết cách tiếp xúc với linh hồn trong tham thiền, biết cách trở nên trong suốt để đón nhận dòng tuôn đổ của linh hồn, và bảo đảm rằng phàm ngã đã được tích hợp. Câu này viết ra thì dễ, nhưng bao hàm mọi nỗ lực cho đến và kể cả lần điểm đạo thứ ba. Dẫu vậy, vẫn phải bắt đầu.

2. Linh hồn được mô tả theo nhiều cách và rất sâu rộng trong khắp các tác phẩm của Chân sư DK. Ở đây, Ngài chỉ mô tả linh hồn là tình thương và Ý Chí-hướng Thiện, nhấn mạnh các phương diện cung hai và cung một của linh hồn hơn là bản chất ánh sáng của linh hồn.

2. **Transfer the energy, now turned to the vitalising of the physical body and physical creation, to the nurturing of the creative faculty upon the mental plane**; thus the entire human family will be transmuted into a dynamic, self-conscious, creative agency.

2. **Chuyển dịch năng lượng hiện đang hướng vào việc tiếp sinh lực cho thể xác và hoạt động sáng tạo trên cõi hồng trần sang việc nuôi dưỡng năng lực sáng tạo trên cõi trí**; nhờ đó, toàn thể gia đình nhân loại sẽ được chuyển hoá thành một tác nhân sáng tạo năng động, có ngã thức.

1. This requirement is reminiscent of the eleventh Rule for Applicants: Let the disciple transfer the fire from the lower triangle to the higher, and preserve that which is created through the fire at the midway point.

1. Yêu cầu này gợi nhớ đến Quy luật thứ mười một dành cho Ứng Viên: Hãy để đệ tử chuyển lửa từ tam giác thấp lên tam giác cao, và bảo tồn điều được tạo ra qua lửa tại điểm ở giữa.

2. There is no way to elevate humanity without raising the energies of the etheric-physical body towards the vitalization of the higher chakras and glands.

2. Không thể nâng cao nhân loại nếu không nâng các năng lượng của thể dĩ thái–hồng trần lên để tiếp sinh lực cho các luân xa và các tuyến cao hơn.

3. Essentially, DK is asking the human family as a whole (and disciples as leading members of that family) to raise the energy of the sacral center to the throat center and thus become creative instead of merely procreative.

3. Về căn bản, Chân sư DK đang yêu cầu toàn thể gia đình nhân loại (và các đệ tử với tư cách là những thành viên dẫn đầu của gia đình ấy) nâng năng lượng của trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng, nhờ đó trở nên sáng tạo thay vì chỉ sinh sản.

4. Humanity is meant to be the throat center of the Planetary Logos (or at least the throat center of the globe lord in whose energy system our physical Earth and its various vehicles are included). Sometimes, however, humanity functions more like a solar plexus center or even a sacral center.

4. Nhân loại có vai trò trở thành trung tâm cổ họng của Hành Tinh Thượng đế (hoặc ít nhất là trung tâm cổ họng của chúa tể bầu hành tinh, mà Trái Đất hồng trần của chúng ta cùng các hiện thể khác nhau của nó đều nằm trong hệ thống năng lượng của Ngài). Tuy nhiên, đôi khi nhân loại hoạt động giống một trung tâm tùng thái dương, hoặc thậm chí một trung tâm xương cùng hơn.

5. DK is asking that the lowest part of the higher triangle (head, heart and throat) be vitalized and that humanity become creative eventually in line with the Divine Plan.

5. Chân sư DK đang yêu cầu tiếp sinh lực cho phần thấp nhất của tam giác cao (đầu, tim và cổ họng), và yêu cầu nhân loại trở nên sáng tạo, để cuối cùng phù hợp với Thiên Cơ.

6. This creative cannot occur if too much of

6. Sự sáng tạo này không thể diễn ra nếu quá

humanitys disposable energy is downwardly directed.

3. **Usher in a period of spiritual unfoldment in every kingdom in nature.** At the close of this period, the door into the animal kingdom will again be opened and opportunity offered to waiting embryonic souls. Many also, at this time, can take initiation and hence the balancing of forces at either end of the human line of unfoldment. This is to be brought about by the renewed cyclic activity of the Great White Lodge and will be carried forward through the medium of those energies which are ushering in the New Age. This crisis is upon us almost prematurely, owing to the exceedingly rapid advance made by humanity since 1850. Through the driving [20] urge of men themselves, a new realm and a new dimension has been contacted. Humanity has loosed energies hitherto unknown and the effects are of a dual kind, producing both bad as well as good results.

1. Master DK is looking a long way ahead, for the door into the animal kingdom will not be re-opened until some point in the fifth round.

2. He is calling our attention to the responsibility of humanity to consciously become the macrocosm to the three lower kingdoms. Many human beings today are scientifically attending to the needs or development of those kingdoms, thus the process is underway.

3. How humanity treats the lower kingdoms will affect the intended future process of individualization whereby opportunity will be offered to waiting embryonic souls. Among those souls are, perhaps, many who

nhiều năng lượng mà nhân loại có thể sử dụng lại hướng xuống dưới.

3. **Mở ra một thời kỳ khai mở tinh thần trong mọi giới của tự nhiên.** Vào cuối thời kỳ này, cánh cửa vào giới động vật sẽ lại mở ra và cơ hội sẽ đến với những linh hồn phôi thai đang chờ đợi. Vào lúc này, nhiều người cũng có thể được điểm đạo, nhờ đó tạo nên sự quân bình mãnh lực ở hai đầu tiến trình khai mở của nhân loại. Hoạt động theo chu kỳ được đổi mới của Thánh đoàn sẽ mang lại điều này, và những năng lượng đang mở ra Kỷ Nguyên Mới sẽ tiếp tục thúc đẩy tiến trình ấy. Cuộc khủng hoảng này đến với chúng ta gần như quá sớm, do nhân loại đã tiến bộ cực kỳ nhanh chóng kể từ năm 1850. Nhờ thôi thúc [20] mãnh liệt của chính con người, nhân loại đã tiếp xúc với một lĩnh vực mới và một chiều đo mới. Nhân loại đã giải phóng những năng lượng trước đây chưa từng biết đến, và các tác động mang tính nhị nguyên, tạo ra cả kết quả xấu lẫn tốt.

1. Chân sư DK đang nhìn rất xa về phía trước, vì cánh cửa vào giới động vật sẽ chỉ mở lại vào một thời điểm nào đó trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

2. Ngài đang lưu ý chúng ta về trách nhiệm của nhân loại là trở thành đại thiên địa đối với ba giới thấp một cách có ý thức. Ngày nay, nhiều người đang chăm lo một cách khoa học cho nhu cầu hoặc sự phát triển của các giới ấy, vì vậy tiến trình này đang diễn ra.

3. Cách nhân loại đối xử với các giới thấp sẽ ảnh hưởng đến tiến trình biệt ngã hóa dự kiến trong tương lai, qua đó cơ hội sẽ đến với những linh hồn phôi thai đang chờ đợi. Trong số những linh hồn ấy, có lẽ nhiều linh

are now the domestic animals and who are under the care and supervision of human beings who love and nurture them.

4. DK is speaking of issues of planetary balance. If the door from the animal kingdom to the human is to be opened, it will be necessary for many in the human kingdom to move into the kingdom of souls through the process of initiation.

5. How will initiation within the human kingdom be promoted? The strenuous effort of the Great White Lodge will stimulate the initiatory possibilities in humanity (and also in the other kingdoms, for there are those Masters Who attend to the needs of kingdoms other than the human).

6. The present world crisis was precipitated, in part, by humanitys rapid advance into new realms of energy. Perhaps the Shamballa Impact of 1825 was unusually powerful, for by 1850 (according to this paragraph) humanity was making very rapid progress.

7. It is difficult to know why the year 1850 is signaled out by DK. Neptune had been discovered in 1846, but no particular cycle of which we know began in 1850 (though there are a great many cycles of which we have no knowledge). Perhaps 1850 is a conventionalized date related to the Great Decision of 1854. Such Chohanic decisions have a tremendous impact upon humanity. The means of advance was probably the Industrial Revolution the rapid advance of technology and scientific discovery. While Hierarchy and Shamballa were making Their Presence felt in powerful ways, it was humanitys unexpectedly swift and powerful response to the proffered stimulation which,

hồn hiện là các con vật nuôi, đang được những người yêu thương và nuôi dưỡng chúng chăm sóc và trông nom.

4. Chân sư DK đang nói về những vấn đề quân bình hành tinh. Nếu cánh cửa từ giới động vật sang giới nhân loại sẽ mở ra, thì nhiều người trong giới nhân loại cần bước vào giới linh hồn qua tiến trình điểm đạo.

5. Việc điểm đạo trong giới nhân loại sẽ được thúc đẩy như thế nào? Nỗ lực mạnh mẽ của Thánh đoàn sẽ kích thích những khả năng điểm đạo trong nhân loại (và cả trong các giới khác, vì có những Chân sư chăm lo nhu cầu của các giới ngoài giới nhân loại).

6. Một phần nguyên nhân làm bùng phát cuộc khủng hoảng thế giới hiện nay là việc nhân loại tiến nhanh vào những lĩnh vực năng lượng mới. Có lẽ Tác Động Shamballa năm 1825 mạnh mẽ khác thường, vì đến năm 1850 (theo đoạn văn này), nhân loại đã tiến bộ rất nhanh.

7. Khó biết tại sao Chân sư DK đặc biệt nêu năm 1850. Sao Hải Vương đã được phát hiện vào năm 1846, nhưng không có chu kỳ cụ thể nào mà chúng ta biết lại bắt đầu vào năm 1850 (dù có rất nhiều chu kỳ mà chúng ta chưa biết). Có lẽ năm 1850 là một mốc quy ước liên quan đến Quyết Định Vĩ Đại năm 1854. Những quyết định như vậy của các Đấng Chohan có tác động vô cùng lớn lao đối với nhân loại. Phương tiện thúc đẩy sự tiến bộ có lẽ là cuộc Cách Mạng Công Nghiệp, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và các khám phá khoa học. Trong khi Thánh đoàn và Shamballa đang khiến nhân loại cảm nhận sự Hiện Diện của Các Ngài một cách mạnh mẽ, thì chính sự đáp ứng nhanh

shall we say, almost caught the Hierarchy by surprise. This is what lead Master DK to speak of a crisis which is upon us almost prematurely

chóng và mạnh mẽ ngoài dự kiến của nhân loại trước kích thích được đưa đến đã gần như khiến Thánh đoàn bất ngờ. Đây là điều đã khiến Chân sư DK nói đến một cuộc khủng hoảng đến với chúng ta gần như quá sớm

8. Probably the incoming fifth ray cycle in 1775 combined with the Great Decisions of 1805 and 1854, and the Shamballa Impact of 1825 were enough to give humanity an unusually potent stimulation to which it responded in an unanticipated way. The 1825 Shamballa Impact was the first such direct impact upon humanity since Atlantean times. Perhaps that was the reason for its tremendously powerful effect.

8. Có lẽ chu kỳ cung năm bắt đầu đi vào năm 1775, kết hợp với các Quyết Định Vĩ Đại năm 1805 và 1854 cùng Tác Động Shamballa năm 1825, đã đủ để đem đến cho nhân loại một kích thích mạnh mẽ khác thường, mà nhân loại đã đáp ứng theo cách không ai dự liệu. Tác Động Shamballa năm 1825 là tác động trực tiếp đầu tiên như vậy lên nhân loại kể từ thời Atlantis. Có lẽ đó là lý do khiến tác động ấy có hiệu lực mạnh mẽ đến thế.

9. In other parts of the teaching we are told that atomic energy was to have been discovered in the Age of Capricorn, some 2300 years ahead of its discovery. The rapid developments of the Industrial Revolution set the stage for this discovery.

9. Trong những phần giáo huấn khác, chúng ta được cho biết rằng năng lượng nguyên tử lẽ ra chỉ được khám phá vào Kỷ Nguyên Ma Kết, khoảng 2300 năm sau thời điểm thực tế khám phá ra nó. Những bước phát triển nhanh chóng của cuộc Cách Mạng Công Nghiệp đã tạo tiền đề cho khám phá này.

10. Thus, one of the greatest crises ever facing humanity has been precipitated, and we are all involved in it whether in the body or out of the body. The possible outcomes are extremely promising for humanitys development or the reverse. Hence the importance, at this time, for all disciples to take planetary evolution very seriously. The crisis is *planetary*. Individual, national and international crises are all part of it, but it is the welfare of our globe which is now at stake.

10. Như vậy, một trong những cuộc khủng hoảng lớn nhất mà nhân loại từng đối mặt đã bùng phát, và tất cả chúng ta đều dự phần trong đó, dù đang ở trong thân thể hay ngoài thân thể. Những kết quả có thể xảy ra hứa hẹn vô cùng tốt đẹp cho sự phát triển của nhân loại, hoặc ngược lại. Vì vậy, vào lúc này, việc tất cả các đệ tử hết sức coi trọng sự tiến hoá hành tinh là điều quan trọng. Cuộc khủng hoảng mang tầm *hành tinh*. Các cuộc khủng hoảng cá nhân, quốc gia và quốc tế đều là những phần của cuộc khủng hoảng ấy, nhưng hiện nay chính sự an lành của bầu hành tinh chúng ta đang bị đe dọa.

Third: Disciples must now organise for a steady united effort. This must take the

Thứ ba: Giờ đây, các đệ tử phải tổ chức để cùng nhau nỗ lực bền bỉ. Điều này phải thể

form of a closer cooperation between all groups and a standing together in a closer relationship, thus strengthening each others' hands and, where possible, pooling resources. It should result also in a united push forward of all spiritual and occult agencies and the carrying of the truth along all possible lines, down among the masses of men. Just as in Atlantean days, spiritual forces were subordinated to the selfish desires of men, so today, they are being subordinated to the minds and the ambitions of men and the results will be profoundly evil. The world situation today demonstrates this. For though material benefit and physical prosperity might eventually emerge from certain countries where great experiments are being undertaken, they will only exemplify the triumph of the form and will finally come to naught. Just as every human being struggles through in some one life to personality achievement so it is among the nations. Yet at the heart of every nation lies latent the mystical soul and eventually after dire struggle and distress all will be well. Tendencies towards materialism and towards personality achievement must, under the larger plan and the will-to-good, be offset by a counter move of spiritual living and this must be the objective of all working disciples.

hiện thành sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa tất cả các nhóm và sự sát cánh trong một mối quan hệ gần gũi hơn, qua đó tăng cường sức mạnh cho nhau và, ở nơi nào có thể, góp chung nguồn lực. Điều này cũng phải dẫn đến một sự thúc đẩy thống nhất để mọi tổ chức tinh thần và huyền bí cùng tiến lên, và đưa chân lý đến với quần chúng bằng mọi con đường có thể. Cũng như vào thời Atlantis, các mãnh lực tinh thần đã bị đặt dưới sự chi phối của những dục vọng ích kỷ của con người, ngày nay chúng đang bị đặt dưới sự chi phối của thể trí và tham vọng con người, và kết quả sẽ vô cùng tai hại. Tình hình thế giới ngày nay chứng tỏ điều này. Bởi dù lợi ích vật chất và sự thịnh vượng trên cõi hồng trần cuối cùng có thể xuất hiện ở một số quốc gia đang tiến hành những thử nghiệm lớn, chúng cũng chỉ minh chứng cho chiến thắng của hình tướng và cuối cùng sẽ trở thành hư không. Cũng như mỗi con người phải phấn đấu vượt qua khó khăn trong một kiếp sống nào đó để đạt thành tựu phàm ngã, các quốc gia cũng vậy. Tuy nhiên, trong lòng mỗi quốc gia đều tiềm ẩn linh hồn thần bí, và cuối cùng, sau những cuộc đấu tranh khốc liệt và đau khổ, mọi sự sẽ tốt đẹp. Theo Thiên Cơ rộng lớn hơn và Ý Chí-hướng Thiện, các khuynh hướng duy vật và hướng đến thành tựu phàm ngã phải được hóa giải bằng một chuyển động đối ứng của đời sống tinh thần, và đây phải là mục tiêu của tất cả các đệ tử đang hoạt động.

1. First, DK calls for *united effort.* We are all to help each other: individuals, other individuals; groups, other groups. Under the Law of Economy we are to pool our resources so that we may *all* progress.

1. Trước hết, Chân sư DK kêu gọi *nỗ lực hợp nhất.* Tất cả chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau: cá nhân giúp những cá nhân khác; nhóm giúp những nhóm khác. Theo Định luật Tiết Kiệm, chúng ta phải góp chung các nguồn lực để *tất cả* chúng ta đều có thể tiến bộ.

2. Humanity, itself, is called upon for a great pooling of resources. This would mean

2. Chính nhân loại được kêu gọi thực hiện một sự góp chung nguồn lực lớn lao. Điều

sharing the wealth rather than cornering the market.

này hàm ý chia sẻ của cải thay vì thâu tóm thị trường.

3. The spiritual groups should cooperate with each other rather than fighting each other. Spiritual truths have to reach the masses of human beings in ways they can assimilate.

3. Các nhóm tinh thần nên hợp tác với nhau thay vì chống đối nhau. Các chân lý tinh thần phải đến được với quần chúng bằng những cách mà họ có thể tiếp thu.

4. DK issues a warning. In Atlantean days spiritual forces were subordinated to rampant, selfish desire. Today, these same forces run the risk of being subordinated to the minds and ambitions of selfish personalities. The results could be even worse than in Atlantean days. As a matter of fact, DK tells us this is already happening.

4. Chân sư DK đưa ra một lời cảnh báo. Vào thời Atlantis, các mãnh lực tinh thần bị đặt dưới sự chi phối của dục vọng ích kỷ, không kiềm chế. Ngày nay, chính những mãnh lực ấy có nguy cơ bị đặt dưới sự chi phối của thể trí và tham vọng của những phàm ngã ích kỷ. Kết quả có thể còn tồi tệ hơn cả thời Atlantis. Thực ra, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng điều này đã và đang xảy ra.

5. Material prosperity must not be seen as an end in itself (as it is in some of todays wealthier countries). It is not the triumph of the national personality which is sought by Hierarchy, but the emergence of the national soul expressive of the soul quality of each nation.

5. Không được xem sự thịnh vượng vật chất là mục đích tối hậu (như cách nhìn ở một số quốc gia giàu có hơn ngày nay). Thánh đoàn tìm kiếm sự xuất hiện của linh hồn quốc gia biểu lộ phẩm tính linh hồn của mỗi quốc gia, chứ không phải chiến thắng của phàm ngã quốc gia.

6. DK almost promises dire struggle and distress. It certainly occurred during World War II, and it may have been of this struggle that He was speaking. From another perspective there may be even greater struggles imminent for humanity, though perhaps they will not have to be precipitated onto the physical plane as war.

6. Chân sư DK gần như báo trước chắc chắn rằng sẽ có đấu tranh khốc liệt và đau khổ. Điều đó quả đã xảy ra trong Thế Chiến Thứ Hai, và có thể Ngài đang nói đến chính cuộc đấu tranh ấy. Từ một góc nhìn khác, có thể những cuộc đấu tranh còn lớn hơn đang cận kề nhân loại, dù có lẽ chúng sẽ không phải biểu hiện trên cõi hồng trần thành chiến tranh.

7. DK takes note of the tendencies towards materialism and personality achievement not essentially bad but wrong for this time in human history. He calls for the offsetting of these tendencies by spiritual living.

7. Chân sư DK lưu ý đến các khuynh hướng duy vật và hướng đến thành tựu phàm ngã—về căn bản không xấu, nhưng không phù hợp với thời điểm này trong lịch sử nhân loại. Ngài kêu gọi hóa giải những khuynh hướng ấy bằng đời sống tinh thần.

8. The disciples of the world are to be part of this offsetting process. This means, of course, that we have to learn to offset tendencies towards materialism and self-glorifying personality achievement in our own natures.

8. Các đệ tử trên thế giới phải góp phần vào tiến trình hóa giải này. Dĩ nhiên, điều này hàm ý rằng chúng ta phải học cách hóa giải các khuynh hướng duy vật và hướng đến thành tựu phàm ngã nhằm tôn vinh bản thân ngay trong bản chất của chính mình.

9. This might seem easy to do until the subtleties of the process are recognized.

9. Điều này có vẻ dễ thực hiện cho đến khi chúng ta nhận ra những khía cạnh tinh tế của tiến trình ấy.

10. The principle which emerges is that if we really wish to be of help in offsetting the world crisis now engulfing all of humanity, we must accomplish within our own microcosm (our individual energy system) that which we would see accomplished with the macrocosm (the pan-human and planetary energy systems).

10. Nguyên khí nổi lên ở đây là: nếu thực sự muốn góp sức hóa giải cuộc khủng hoảng thế giới hiện đang nhấn chìm toàn thể nhân loại, chúng ta phải thực hiện trong tiểu thiên địa của chính mình (hệ thống năng lượng cá nhân) điều mà chúng ta muốn thấy được thực hiện trong đại thiên địa (các hệ thống năng lượng của toàn thể nhân loại và của hành tinh).

Let such working disciples see to it, therefore, that their love for all beings deepens and that the growth of their love comes through their tapping the group love which lies back of all world happenings. My brothers, when will the time come when the world will realise that the love aspect of the Logos as it affects the human kingdom is focussed through the inner subjective group of workers? That love is now in the stage of anchoring itself physically through the new groups (such as this group) which are in process of forming all over the world. These new groups are centres (or should be) of divine love, magnetic, constructive and pure. See to it, therefore, that your conformity to the requirement is met in the measure of your [21] physical strength, bearing ever in mind that you are equal to more effort and to greater strain than ever before.

Vì vậy, hãy để những đệ tử đang hoạt động như thế bảo đảm rằng tình thương của họ đối với mọi sinh linh ngày càng sâu đậm, và tình thương ấy tăng trưởng nhờ họ tiếp nhận tình thương nhóm nằm sau mọi diễn biến trên thế giới. Các huynh đệ của Tôi, đến bao giờ thế giới mới nhận ra rằng phương diện bác ái của Thượng đế, khi tác động đến giới nhân loại, tập trung qua nhóm người hoạt động chủ quan bên trong? Tình thương ấy hiện đang trong giai đoạn neo giữ trên cõi hồng trần qua các nhóm mới (như nhóm này) đang hình thành khắp thế giới. Các nhóm mới này là những trung tâm (hoặc nên là như thế) của tình thương thiêng liêng, mang từ tính, có tính xây dựng và thuần khiết. Vì vậy, hãy bảo đảm rằng các bạn đáp ứng yêu cầu theo mức sức mạnh thể chất của mình [21], luôn ghi nhớ rằng các bạn có khả năng nỗ lực nhiều hơn và chịu sức căng lớn hơn bao giờ hết.

1. How many injunctions are offered by the Master! Things are not as they should be and must be changed. Therefore, we must change our behavior and He is constantly reminding us of this.

1. Chân sư đưa ra biết bao huấn thị! Mọi sự chưa được như cần phải có và phải thay đổi. Vì vậy, chúng ta phải thay đổi cách hành xử của mình, và Ngài không ngừng nhắc nhở chúng ta về điều này.

2. Love is the great weapon. No matter how much we may know, if we do not love, there is no use pretending we are disciples of the Great White Lodge.

2. Tình thương là vũ khí vĩ đại. Dù biết nhiều đến đâu, nếu không yêu thương, chúng ta cũng chẳng ích gì khi giả vờ rằng mình là đệ tử của Thánh đoàn.

3. And it is love for all beings that is called for not just love for those we like and who are like us.

3. Và điều được đòi hỏi là tình thương dành cho mọi sinh linh, chứ không chỉ dành cho những người chúng ta thích và giống chúng ta.

4. This love is to be strengthened by accessing the group love which lies back of all world happenings (the love which underlies the happenings of the time *The Mantram of Unification*). But to do this, we must actually *sense* this love, perceive and feel this love. This may not be easy to do because it is so much covered over by events which seem entirely other than loving.

4. Tình thương này phải được tăng cường bằng cách tiếp cận tình thương nhóm nằm sau mọi diễn biến trên thế giới (tình thương làm nền tảng cho những diễn biến của thời đại—*Mantram Hợp Nhất*). Nhưng để làm được điều này, chúng ta phải thực sự *cảm nhận* tình thương ấy, nhận biết và cảm thấy tình thương ấy. Điều này có thể không dễ thực hiện, vì tình thương ấy bị che lấp quá nhiều bởi những sự kiện dường như hoàn toàn trái với tình thương.

5. Then comes a great exhortation. DK asks us when the world will realize the power and method of expression of the Logos love nature. Really, He is also asking when *we* (disciples) will realize the same things. That love nature is focussed in the inner groups of workers (of which the Hierarchy is the great Example).

5. Tiếp đó là một lời khuyến giục mạnh mẽ. Chân sư DK hỏi chúng ta bao giờ thế giới mới nhận ra quyền năng và phương thức biểu lộ bản chất bác ái của Thượng đế. Thực ra, Ngài cũng đang hỏi bao giờ *chúng ta* (các đệ tử) mới nhận ra những điều ấy. Bản chất bác ái ấy tập trung trong các nhóm người hoạt động bên trong (mà Thánh đoàn là Tấm Gương vĩ đại).

6. The new groups, such as the group of disciples to whom He was addressing these instructions (and such as our groups) are to become anchor points for this descending Logoic Love. But *are* they? Are we working

6. Các nhóm mới, như nhóm đệ tử mà Ngài đang gửi những huấn thị này đến (và như các nhóm của chúng ta), phải trở thành những điểm neo giữ cho Tình Thương đang giáng xuống của Thượng đế. Nhưng các

through centers of divine love which are magnetic, constructive and pure. DK wanted this for His immediate group of chelas and, no doubt, He wants it for groups such as ours.

nhóm ấy *đã thực sự là như vậy* chưa? Chúng ta có đang hoạt động qua những trung tâm tình thương thiêng liêng mang từ tính, có tính xây dựng và thuần khiết không. Chân sư DK mong muốn điều này cho nhóm đệ tử trực tiếp của Ngài, và chắc chắn Ngài cũng mong muốn điều ấy cho những nhóm như của chúng ta.

7. The message is clear: unless the energy of Divine Love is pouring through such groups they are not true representatives of the Spiritual Hierarchy and of the Planetary Logos Who stands behind and within Hierarchy.

7. Thông điệp rất rõ ràng: nếu năng lượng Tình Thương Thiêng Liêng không tuôn chảy qua những nhóm như thế, họ không phải là những đại diện chân chính của Thánh đoàn và của Hành Tinh Thượng đế, Đấng đứng sau và hiện diện bên trong Thánh đoàn.

8. Then, this potent statement:

8. Tiếp đó là lời khẳng định đầy uy lực này:

See to it, therefore, that your conformity to the requirement is met in the measure of your physical strength, bearing ever in mind that you are equal to more effort and to greater strain than ever before.

Vì vậy, hãy bảo đảm rằng các bạn đáp ứng yêu cầu theo mức sức mạnh thể chất của mình, luôn ghi nhớ rằng các bạn có khả năng nỗ lực nhiều hơn và chịu sức căng lớn hơn bao giờ hết.

He is demanding from us a total commitment according to the measure of our physical strength. He might well have included reference to our mental and emotional strength. A very great effort by Hierarchy is now in process. That effort is evoking an effort, similar in kind but not in intensity, from Hierarchys chelas. Basically, the Master is asking us to intensify our effort.

Ngài đang đòi hỏi chúng ta dấn thân trọn vẹn theo mức sức mạnh thể chất của mình. Hẳn Ngài cũng có thể đề cập đến sức mạnh trí tuệ và cảm xúc của chúng ta. Thánh đoàn hiện đang thực hiện một nỗ lực vô cùng lớn lao. Nỗ lực ấy đang gợi lên từ các đệ tử của Thánh đoàn một nỗ lực tương tự về tính chất, dù không cùng cường độ. Về căn bản, Chân sư đang yêu cầu chúng ta tăng cường nỗ lực.

9. For our encouragement, He tells us something uplifting about our capacity: we are stronger than ever before and can bear more strain than ever before. In short, we can do far more than we normally think we can, and should get about the business of doing it.

9. Để khích lệ chúng ta, Ngài nói một điều nâng đỡ tinh thần về khả năng của chúng ta: chúng ta mạnh mẽ hơn bao giờ hết và có thể chịu sức căng lớn hơn bao giờ hết. Nói ngắn gọn, chúng ta có thể làm được nhiều hơn hẳn mức mình thường nghĩ, và nên bắt tay vào thực hiện.

10. When we hear words like this, do we feel that the Master is addressing us? Do we take these injunctions to heart and are we ready and willing to act upon them? I hope this is the case, because the great hierarchical effort needs more committed workers than ever before functioning at the peak of their strength and efficiency, and in the fullest expression of love-wisdom possible for them.

10. Khi nghe những lời như thế, chúng ta có cảm thấy Chân sư đang nói với mình không? Chúng ta có khắc ghi những huấn thị này trong lòng và sẵn sàng, tự nguyện hành động theo đó không? Tôi hy vọng là có, vì nỗ lực lớn lao của Thánh đoàn cần nhiều người hoạt động tận tâm hơn bao giờ hết, vận dụng tối đa sức mạnh và hiệu quả của mình, đồng thời biểu lộ Bác Ái – Minh Triết trọn vẹn nhất trong khả năng của họ.

This experiment which I have instituted and to which you have voluntarily and willingly submitted yourselves is one undertaken for group purposes. The Hierarchy seeks to discover how sensitive groups are, as a whole, to subjective guidance and instruction, and how free the channels of communication are between the various individuals in the group and the Master, and between the various groups within the Ashram of a Master. A Master's group of disciples, upon the inner side of life, forms an integrated organism, characterised by mutual life, love and interplay. The relationships in such a group are entirely on mental and astral levels and hence the limitations of the etheric force body and of the physical brain are not felt. Needless to say the fundamental relation is on soul levels. The fact that the etheric body and the physical brain lie outside these basic relations where the Ashram is concerned leads to greater facility in understanding and to reciprocal interplay.

Thử nghiệm mà Tôi đã khởi xướng và các bạn đã tự nguyện, sẵn lòng tham gia là một thử nghiệm được tiến hành vì những mục đích nhóm. Thánh đoàn tìm cách khám phá xem các nhóm, xét như một toàn thể, nhạy cảm đến đâu đối với sự hướng dẫn và huấn thị chủ quan, và các kênh giao tiếp thông suốt đến đâu giữa những cá nhân khác nhau trong nhóm với Chân sư, cũng như giữa những nhóm khác nhau trong ashram của một Chân sư. Ở phía bên trong của sự sống, nhóm đệ tử của một Chân sư tạo thành một cơ thể sống tích hợp, mang đặc trưng của sự sống chung, tình thương và sự tương tác. Các mối quan hệ trong một nhóm như thế hoàn toàn diễn ra trên các cấp độ trí tuệ và cảm dục, nên họ không cảm thấy những giới hạn của thể mãnh lực dĩ thái và bộ não hồng trần. Không cần nói cũng rõ, mối quan hệ nền tảng nằm trên các cấp độ linh hồn. Đối với ashram, việc thể dĩ thái và bộ não hồng trần nằm ngoài các mối quan hệ căn bản này giúp việc thấu hiểu trở nên dễ dàng hơn và tạo thuận lợi cho sự tương tác qua lại.

1. DK re-enunciates the *group* theme. Reminding all that they knew what they were getting into, He reaffirms the group nature of the experiment, placing the whole experiment in relation to a project undertaken by Hierarchy as a whole.

1. Chân sư DK nhắc lại chủ đề *nhóm*. Nhắc mọi người rằng họ biết mình đang tham gia điều gì, Ngài tái khẳng định bản chất nhóm của thử nghiệm, đặt toàn bộ thử nghiệm trong mối liên hệ với một dự án do toàn thể Thánh đoàn thực hiện.

2. Hierarchy wants to get through and needs sensitive groups (not just sensitive individuals) in order to be successful.

2. Thánh đoàn muốn truyền đạt thông suốt và cần những nhóm nhạy cảm (không chỉ những cá nhân nhạy cảm) để thành công.

3. The Master seeks closer communication with sensitive individuals within these groups. As well, there is to be increasing sensitivity and free communication between the individuals which such groups and between the various groups related to the Master.

3. Chân sư tìm kiếm sự giao tiếp gần gũi hơn với những cá nhân nhạy cảm trong các nhóm này. Đồng thời, cần ngày càng có sự nhạy cảm và giao tiếp thông suốt giữa các cá nhân trong những nhóm ấy, cũng như giữa những nhóm khác nhau có liên hệ với Chân sư.

4. Hierarchy is ruled by all planets and all signs. In this case, the Hierarchy is involved in an Aquarian/Uranian/Jupiterian experiment, and groups are being tested out for their fitness.

4. Tất cả các hành tinh và các dấu hiệu hoàng đạo đều cai quản Thánh đoàn. Trong trường hợp này, Thánh đoàn đang thực hiện một thử nghiệm mang tính Bảo Bình/Sao Thiên Vương/Sao Mộc, và các nhóm đang được thử nghiệm về mức độ thích hợp của họ.

5. DK describes the nature of the interplay existing within inner groups. Life and love characterize this interplay freed from the limits of the etheric force body and physical body. The main relationship in such groups are mental/astral, and even more fundamentally, of the soul.

5. Chân sư DK mô tả bản chất của sự tương tác hiện hữu trong các nhóm bên trong. Sự sống và tình thương là đặc trưng của sự tương tác này, vốn thoát khỏi những giới hạn của thể mãnh lực dĩ thái và thể xác. Các mối quan hệ chính trong những nhóm như thế thuộc về trí tuệ/cảm dục, và ở mức căn bản hơn nữa, thuộc về linh hồn.

6. The outer groups are not as free and work under the burden of the etheric and physical bodies.

6. Các nhóm bên ngoài không được tự do như thế và hoạt động dưới gánh nặng của thể dĩ thái và thể xác.

7. Hence the difficulty is preparing outer groups to mirror, as much as possible, the kind of vital interplay which occurs between members of the inner group when such members are focussed on the subtle planes (many of them, out of the body).

7. Vì vậy, khó khăn nằm ở việc chuẩn bị các nhóm bên ngoài để phản chiếu, trong mức độ tối đa có thể, kiểu tương tác đầy sức sống diễn ra giữa các thành viên của nhóm bên trong khi họ tập trung trên các cõi vi tế (nhiều người trong số họ ở ngoài thân thể).

It is wise to remember, however, that the astral potency is far more strongly felt on the physical plane than elsewhere and hence

Tuy nhiên, nên nhớ rằng uy lực cảm dục được cảm nhận trên cõi hồng trần mạnh hơn nhiều so với ở nơi khác; do đó, mọi khảo luận

the major emphasis laid upon emotional-desire control in all treatises on discipleship or on preparation for that state. It is not easy for the average beginner on the Path of Discipleship to grasp this or to see the necessity for the rules and suggestions made. For some people to conform to rule and discipline is not easy unless it is entirely self-initiated. The suggestions which I make to you, my brothers, are only suggestions but it is surely the part of wisdom to follow them as long as you have voluntarily put yourselves under my tuition. Your working under me has been entirely of your own free will and choice. You are subjected to no compulsion. Other types of disciples evince willingness to follow instructions but their real difficulty consists in bringing the life into conformity with the desired rhythms. The narrow path, which all disciples have to tread, requires obedience to the ancient rules for disciples. This is given willingly and with eyes open, though no rigid adherence to such rules is ever expected. The disciple grows through intelligently adapting his life to these requirements as far as is reasonably possible and not by adapting the requirements [22] to his life. Flexibility within certain limits is always needed but that flexibility must not be set in motion by any personality inertia or mental questioning.

về địa vị đệ tử hoặc về việc chuẩn bị cho trạng thái ấy đều đặc biệt nhấn mạnh việc kiểm soát cảm xúc–dục vọng. Người mới bước vào Con Đường Đệ Tử thông thường không dễ nắm bắt điều này hoặc thấy được sự cần thiết của các quy luật và những đề nghị được đưa ra. Đối với một số người, việc tuân theo quy luật và kỷ luật không dễ dàng, trừ khi hoàn toàn do chính họ khởi xướng. Các huynh đệ của Tôi, những đề nghị Tôi đưa ra cho các bạn chỉ là những đề nghị, nhưng chắc chắn làm theo chúng là điều khôn ngoan, chừng nào các bạn đã tự nguyện đặt mình dưới sự chỉ dạy của Tôi. Việc các bạn hoạt động dưới sự hướng dẫn của Tôi hoàn toàn xuất phát từ ý chí tự do và sự lựa chọn của chính các bạn. Các bạn không chịu bất kỳ sự ép buộc nào. Những kiểu đệ tử khác tỏ ra sẵn lòng làm theo huấn thị, nhưng khó khăn thực sự của họ nằm ở việc đưa đời sống vào sự phù hợp với những nhịp điệu mong muốn. Con đường hẹp mà mọi đệ tử phải bước đi đòi hỏi sự tuân thủ các quy luật cổ xưa dành cho đệ tử. Họ tự nguyện tuân thủ với sự hiểu biết sáng suốt, dù không bao giờ có đòi hỏi phải bám chặt một cách cứng nhắc vào những quy luật ấy. Đệ tử trưởng thành bằng cách điều chỉnh đời sống của mình một cách thông minh cho phù hợp với những yêu cầu này trong chừng mực hợp lý có thể, chứ không phải bằng cách điều chỉnh các yêu cầu [22] cho phù hợp với đời sống của mình. Luôn cần sự linh hoạt trong những giới hạn nhất định, nhưng sự linh hoạt ấy không được xuất phát từ bất kỳ tính trì trệ nào của phàm ngã hay sự chất vấn nào của thể trí.

1. DK calls our attention to the strength of the astral potency. The members of the outer groups feel it far more strongly than those in the inner groups. The astral potency can act as a deterrent to group love and right group functioning, hence the need for its control a

1. Chân sư DK lưu ý chúng ta về sức mạnh của uy lực cảm dục. Các thành viên của những nhóm bên ngoài cảm nhận uy lực ấy mạnh hơn nhiều so với những người trong các nhóm bên trong. Uy lực cảm dục có thể cản trở tình thương nhóm và sự hoạt động

need not easily appreciated, especially by beginners. Are *we* beginners? He often seems to say so.

đúng đắn của nhóm, vì thế cần phải kiểm soát nó—một nhu cầu không dễ nhận thức đầy đủ, nhất là đối với người mới bắt đầu. Có phải *chúng ta* là những người mới bắt đầu không? Ngài thường có vẻ nói như vậy.

2. DK refers to people who do not wish to conform to rule and discipline unless it is self-initiated. These would be, primarily, first ray types, or those in whom the Sun (as an astrological indicator) is very strong, or those for whom Leo or Aries are prominent.

2. Chân sư DK đề cập đến những người không muốn tuân theo quy luật và kỷ luật trừ khi đó là điều do chính họ khởi xướng. Chủ yếu, đây là những người thuộc cung một, hoặc những người có Mặt Trời (xét như một chỉ báo chiêm tinh) rất mạnh, hoặc những người có Sư Tử hay Bạch Dương nổi trội.

3. But DK asks us to think of the wise course of action. Is it not wise for those who have willingly placed themselves under the Masters tuition, to attempt to conform to His suggestions? The answer, of course, is obvious, but there will always be those who will rebel in various ways even against the Master such is the strength of the self-reinforcing personality.

3. Nhưng Chân sư DK yêu cầu chúng ta suy nghĩ về cách hành động khôn ngoan. Đối với những người đã sẵn lòng đặt mình dưới sự chỉ dạy của Chân sư, cố gắng làm theo những đề nghị của Ngài chẳng phải là điều khôn ngoan sao? Dĩ nhiên, câu trả lời rất rõ ràng, nhưng sẽ luôn có những người chống đối theo nhiều cách, ngay cả với Chân sư—sức mạnh của phàm ngã tự củng cố chính nó lớn đến thế.

4. DK is a second ray Master and so He does not use force as a first ray Master might. For instance in *Leaves of Moryas Garden*, the Master says:

4. Chân sư DK là một Chân sư cung hai, nên Ngài không dùng sức ép như một Chân sư cung một có thể làm. Chẳng hạn, trong *Những Chiếc Lá trong Vườn Chân sư Morya*, Chân sư nói:

When I say act, exhaust all the resources of action.

Khi Tôi nói hãy hành động, hãy vận dụng đến cùng mọi nguồn lực của hành động.

When I say silence, seek all the means of silence. (LMG 375)

Khi Tôi nói hãy im lặng, hãy tìm mọi phương cách để im lặng. (LMG 375)

A command is given, a directive, and the Master expects compliance. This is not the second ray way.

Một mệnh lệnh, một chỉ thị được đưa ra, và Chân sư mong đợi sự tuân thủ. Đây không phải là cách của cung hai.

5. Nevertheless, with silent will and deep

5. Tuy nhiên, với ý chí thầm lặng và sự thấu

understanding, DK does express the expectation that His students will be sensible enough to conform to His suggestions; it would certainly be in their best interests and is necessary for the work within any Ashram. The Masters wishes must be obeyed.

hiểu sâu sắc, Chân sư DK quả có bày tỏ sự mong đợi rằng các đạo sinh của Ngài sẽ đủ sáng suốt để làm theo những đề nghị của Ngài; điều đó chắc chắn mang lại lợi ích tốt nhất cho họ và là điều cần thiết cho công việc trong bất kỳ ashram nào. Phải tuân theo ý nguyện của Chân sư.

6. The first type of disciple the kind who seeks to impose his own discipline, not easily accepting discipline from others, will often have a strong first ray. DK now speaks of another type. This other type would gladly follow instructions, but cannot seem to bring the life into conformity with the desired rhythms. This type would have more of the soft-line rays in his/her makeup.

6. Kiểu đệ tử thứ nhất—kiểu người tìm cách áp đặt kỷ luật của riêng mình, không dễ chấp nhận kỷ luật từ người khác—thường có cung một mạnh. Giờ đây, Chân sư DK nói đến một kiểu khác. Kiểu người này sẵn lòng làm theo huấn thị, nhưng dường như không thể đưa đời sống vào sự phù hợp với những nhịp điệu mong muốn. Trong cấu tạo của kiểu người này, các cung thuộc tuyến mềm chiếm phần nhiều hơn.

7. Disciples are treading a narrow path we are told; after all, the Path of Discipleship is ruled, in part, by Saturn and Saturn is strict. On this Path obedience to the ancient rules for disciples is required.

7. Chúng ta được cho biết rằng các đệ tử đang bước trên một con đường hẹp; xét cho cùng, Con Đường Đệ Tử chịu sự cai quản một phần của Sao Thổ, mà Sao Thổ thì nghiêm khắc. Trên Đường Đạo này, cần tuân thủ các quy luật cổ xưa dành cho đệ tử.

8. We live in very Uranian times. We are on the brink of what might be understood as an Age of Freedom. Aquarius and Uranus, at length, confer this freedom. Perhaps the concept of obedience seems old fashioned, a relic of the Piscean Age which we are now rapidly leaving behind.

8. Chúng ta đang sống trong thời đại chịu ảnh hưởng rất mạnh của Sao Thiên Vương. Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của điều có thể được hiểu là một Kỷ Nguyên Tự Do. Cuối cùng, Bảo Bình và Sao Thiên Vương ban cho chúng ta sự tự do này. Có lẽ khái niệm tuân phục có vẻ lỗi thời, một tàn tích của Kỷ Nguyên Song Ngư mà giờ đây chúng ta đang nhanh chóng bỏ lại phía sau.

9. Should this be our attitude we would be mistaken. The requirement for obedience becomes ever more strict, the higher we ascend. Can one imagine disobedience to the Lord of the World? Fortunately, an increasing identification with the higher Will, makes the necessary obedience almost

9. Nếu có thái độ ấy, chúng ta sẽ lầm. Càng tiến lên cao, yêu cầu tuân phục càng trở nên nghiêm ngặt. Liệu có thể hình dung việc bất tuân Đức Chúa Tể Thế Giới chăng? May thay, sự đồng hoá ngày càng sâu sắc với Ý Chí cao cả khiến sự tuân phục cần thiết gần như trở thành bản chất thứ hai, nhưng ngay cả Đức

second nature, but even the Christ had to demonstrate His acquiescence in the Garden of Gethsemene.

Christ cũng phải thể hiện sự thuận phục của Ngài trong Vườn Gethsemene.

10. The obedience expected is not rigid; some flexibility there must be, and it is allowed. But concerning this flexibility an important statement is made:

10. Sự tuân phục được mong đợi không mang tính cứng nhắc; cần phải có một mức độ linh hoạt, và điều đó được cho phép. Nhưng về sự linh hoạt này, có một phát biểu quan trọng:

The disciple grows through intelligently adapting his life to these requirements as far as is reasonably possible and not by adapting the requirements to his life. Flexibility within certain limits is always needed but that flexibility must not be set in motion by any personality inertia or mental questioning.

Người đệ tử trưởng thành qua việc điều chỉnh đời sống của mình một cách thông minh theo những yêu cầu này trong phạm vi hợp lý có thể thực hiện, chứ không phải bằng cách điều chỉnh các yêu cầu cho phù hợp với đời sống của mình. Sự linh hoạt trong những giới hạn nhất định luôn cần thiết, nhưng sự linh hoạt ấy không được xuất phát từ bất kỳ tính trì trệ nào của phàm ngã hay sự chất vấn nào của thể trí.

11. The principles are to be held firm. The disciple is to have sufficient intuition to recognize their value. There is an attitude of mental questioning which, really, is nothing but a ploy to avoid commitment. As well, personality inertia sometimes rules and encourages us to question the value of rules to which we know we should conform. The personality must not be in control, demanding flexibility in the fulfillment of the ancient rules in order to preserve its own comfort. Let us examine ourselves closely to see if we ever fall into this trap.

11. Các nguyên khí phải được giữ vững. Người đệ tử cần có đủ trực giác để nhận ra giá trị của chúng. Có một thái độ chất vấn của thể trí mà thực ra chỉ là một thủ thuật nhằm né tránh sự cam kết. Đồng thời, tính trì trệ của phàm ngã đôi khi chi phối và thúc đẩy chúng ta nghi ngờ giá trị của những quy luật mà chúng ta biết mình cần tuân theo. Không được để phàm ngã nắm quyền kiểm soát, đòi hỏi sự linh hoạt trong việc thực hiện các quy luật cổ xưa nhằm bảo toàn sự thoải mái của chính nó. Chúng ta hãy tự xem xét kỹ lưỡng để biết liệu mình có bao giờ rơi vào cái bẫy này hay không.

12. The Hierarchy is an adaptable body of Servers; the Divine Plan itself is an *adaptation* of Divine Purpose. Hierarchy realizes the necessity of right adaptation. What is not allowed, however, is the attempt to adapt the requirements of the ancient rules to the comforts and expediencies of

12. Thánh đoàn là một tập thể những Người Phụng Sự có khả năng thích ứng; chính Thiên Cơ là một *sự điều chỉnh* của Thiên Ý. Thánh đoàn nhận ra sự cần thiết của việc thích ứng đúng đắn. Tuy nhiên, điều không được phép là cố điều chỉnh những yêu cầu của các quy luật cổ xưa theo sự thoải mái và

one's personal life.

13. One example of this arises when students of the Teaching disagree with what the books say, assuming it must be AAB who wrote the sections with which they disagree. In fact they have some vested interest in the world which they would find uncomfortable to relinquish. They refuse to obey but escape from the implications of this refusal by insisting that the rules proposed are not *real* rules because they were not written down by the *Tibetan* (but, rather, by AAB).

14. At length one learns to see through this kind of self-deception and finally decides simply to *obey* no matter what might be the cost to the personality. None of us shall escape this necessity.

15. A pledged disciple is already on the Path of No Return and an accepted disciple is expected to be occultly obedient.

A change in this relationship between disciples is now being made. An attempt is being set on foot to see if a group activity and interplay can now be set up upon the physical plane, involving consequently the use of the etheric body and the brain. The difficulties confronting you are, therefore, great and I am anxious that you should realise this. Will you realise, for instance, that any differences of opinion which may occur in the relations of this group of disciples will be caused by astral-brain reactions and, therefore, must not be considered of any importance whatsoever? They must be immediately eliminated and wiped from the slate of the mind and of the memory and classed as entirely personality

tiện lợi trong đời sống cá nhân của mình.

13. Một ví dụ về điều này xuất hiện khi các đạo sinh nghiên cứu Giáo Huấn không đồng ý với những điều sách nói, rồi cho rằng hẳn Bà AAB là người đã viết những phần mà họ không đồng ý. Thực ra, họ có những quyền lợi riêng trong thế gian mà họ sẽ cảm thấy khó chịu nếu phải từ bỏ. Họ từ chối tuân phục nhưng né tránh những hệ quả của sự từ chối này bằng cách khăng khăng cho rằng các quy luật được đề ra không phải là những quy luật *thật sự* vì người ghi lại chúng không phải là *Chân sư Tây Tạng* (mà là Bà AAB).

14. Cuối cùng, người ta học cách nhìn thấu kiểu tự lừa dối này và rốt cuộc quyết định đơn giản là *tuân phục* bất kể phàm ngã có thể phải trả giá ra sao. Không ai trong chúng ta tránh được sự cần thiết này.

15. Một đệ tử đã lập nguyện thì đã bước trên Con Đường Không Trở Lại, và một đệ tử được chấp nhận cần phải tuân phục theo nghĩa huyền bí.

Hiện nay, mối quan hệ này giữa các đệ tử đang có một sự thay đổi. Một nỗ lực đang được khởi xướng để xem liệu giờ đây có thể thiết lập hoạt động và sự tương tác nhóm trên cõi hồng trần hay không, do đó kéo theo việc sử dụng thể dĩ thái và bộ não. Vì vậy, những khó khăn mà các bạn đang đối diện là rất lớn, và Tôi tha thiết mong các bạn nhận ra điều này. Chẳng hạn, liệu các bạn có nhận ra rằng bất kỳ khác biệt ý kiến nào có thể nảy sinh trong các mối quan hệ của nhóm đệ tử này đều do những phản ứng giữa thể cảm dục và bộ não gây ra, và do đó hoàn toàn không nên coi chúng là quan trọng chút nào? Phải lập tức loại bỏ chúng, xoá sạch chúng khỏi thể trí và ký ức, đồng thời xem chúng hoàn toàn là những giới hạn của

limitations and unworthy of hindering group integrity.

1. The inner groups within the Masters Ashrams, as stated, have an easier time communicating livingly and lovingly than will outer groups, encumbered as they are by the etheric and physical vehicles.

2. But as part of the process of externalizing the Hierarchy, the attempt is being made to form *outer* groups representing the Ashram.

3. DK realizes the difficulty of this process but most chelas involved in these new groups do not.

4. Many groups are broken apart by differences of opinion. It is fascinating to realize that these differences are attributable to astral-brain reactions and, really, are of no moment. We have all been in groups involved, in some way or another, with conflict. The fights have been, perhaps, over relatively petty issues. Probably all of them have been based upon astral-brain reactions.

5. DK enjoins us to set all such things aside. He is very assertive in His statement:

They must be immediately eliminated and wiped from the slate of the mind and of the memory and classed as entirely personality limitations and unworthy of hindering group integrity.

6. This is certainly the Law of Repulse in action. He asks us to adopt the attitude of the soul towards personality limitations. He

phàm ngã, không đáng để cản trở sự toàn vẹn của nhóm.

1. Như đã nói, các nhóm bên trong các ashram của các Chân sư giao tiếp với nhau một cách sống động và đầy tình thương dễ dàng hơn các nhóm bên ngoài, vốn chịu sự vướng víu của các hiện thể dĩ thái và hồng trần.

2. Nhưng như một phần của tiến trình ngoại hiện Thánh đoàn, một nỗ lực đang được thực hiện nhằm thành lập các nhóm *bên ngoài* đại diện cho ashram.

3. Chân sư DK nhận ra sự khó khăn của tiến trình này, nhưng phần lớn các đệ tử tham gia những nhóm mới này thì không.

4. Nhiều nhóm tan rã vì những khác biệt ý kiến. Thật thú vị khi nhận ra rằng những khác biệt này bắt nguồn từ các phản ứng giữa thể cảm dục và bộ não, và thực ra chẳng có gì quan trọng. Tất cả chúng ta đều từng ở trong những nhóm có xung đột theo cách này hay cách khác. Có lẽ những cuộc tranh cãi ấy chỉ xoay quanh các vấn đề tương đối nhỏ nhặt. Có lẽ tất cả đều bắt nguồn từ những phản ứng giữa thể cảm dục và bộ não.

5. Chân sư DK yêu cầu chúng ta gạt tất cả những điều như thế sang một bên. Ngài phát biểu rất dứt khoát:

Phải lập tức loại bỏ chúng, xoá sạch chúng khỏi thể trí và ký ức, đồng thời xem chúng hoàn toàn là những giới hạn của phàm ngã, không đáng để cản trở sự toàn vẹn của nhóm.

6. Đây chắc chắn là Định luật Đẩy Lùi đang tác động. Ngài yêu cầu chúng ta có thái độ của linh hồn đối với những giới hạn của

asks for swift detachment from unworthy patterns. He does not temporize; He does not delay.

phàm ngã. Ngài yêu cầu nhanh chóng tách rời khỏi những mô hình không xứng đáng. Ngài không chần chừ; Ngài không trì hoãn.

7. The group integrity is so important that nothing must be allowed to threaten it. Again, we are called to examine ourselves.

7. Sự toàn vẹn của nhóm quan trọng đến mức không được để bất cứ điều gì đe doạ nó. Một lần nữa, chúng ta được kêu gọi tự xem xét mình.

This experiment, being attempted by a group within my Ashram, is one in mental relations and in soul contact, with the emphasis and attention placed basically there. The astral- physical brain reactions should be regarded as non-existent and as illusion and should be allowed to lapse below the threshold of the group consciousness there to die for lack of attention. This type of group work is a new venture and unless something definitely new emerges as a result of this experiment, the time and effort are not warranted.

Cuộc thử nghiệm này, do một nhóm trong ashram của Tôi đang thực hiện, là một thử nghiệm về các mối quan hệ trí tuệ và sự tiếp xúc linh hồn, với trọng tâm và sự chú ý về cơ bản đặt vào đó. Cần xem những phản ứng giữa thể cảm dục và bộ não hồng trần là không tồn tại, là ảo tưởng, và để chúng chìm xuống dưới ngưỡng tâm thức nhóm, rồi tàn lụi ở đó vì không được chú ý. Loại công việc nhóm này là một bước thử nghiệm mới, và nếu cuộc thử nghiệm không mang lại điều gì rõ ràng mới mẻ, thì thời gian và công sức bỏ ra sẽ không xứng đáng.

1. DK tells us how we are to relate to each other. We are still, reverberatorily, part of this experiment.

1. Chân sư DK cho chúng ta biết phải quan hệ với nhau như thế nào. Chúng ta vẫn là một phần của cuộc thử nghiệm này qua những dư âm của nó.

2. Our relations to each other, primarily through the Internet, facilitates this kind of mental/soul contact. At least we are spared the usual personality distractions.

2. Các mối quan hệ giữa chúng ta, chủ yếu qua Internet, tạo thuận lợi cho kiểu tiếp xúc trí tuệ/linh hồn này. Ít nhất, chúng ta tránh được những điều gây xao lãng thông thường của phàm ngã.

3. There are not many astral-brain reactions with which we have to deal. But in our more local group relations we probably have significant opportunity to regard astral-brain reactions as non-existent and, then, allow them to die of attrition.

3. Không có nhiều phản ứng giữa thể cảm dục và bộ não mà chúng ta phải xử lý. Nhưng trong các mối quan hệ nhóm tại địa phương, có lẽ chúng ta có nhiều cơ hội để xem những phản ứng giữa thể cảm dục và bộ não là không tồn tại, rồi để chúng dần tiêu vong vì hao mòn.

4. One of the ways we do this is to keep

4. Một trong những cách chúng ta thực hiện

focussed on *purpose.* There are many habitual distractions and they compete for attention which should be placed on other, more worthy things. If the fundamentals are kept constantly before our eyes, we will not stoop to involvement with patterns of the past which need to be transcended.

điều này là giữ sự tập trung vào *mục đích.* Có nhiều điều gây xao lãng đã thành thói quen, và chúng tranh giành sự chú ý lẽ ra phải dành cho những điều khác xứng đáng hơn. Nếu luôn giữ những điều căn bản trước mắt, chúng ta sẽ không hạ mình vướng vào những mô hình của quá khứ cần phải vượt qua.

5. Experiments are about the new. DK was surely hoping that something new would emerge from His efforts with His outer chelas. His work was part of *advancing* the Plan. It was not about teaching a few people for the sake of their individual improvement.

5. Các cuộc thử nghiệm hướng đến cái mới. Chắc chắn Chân sư DK đã hy vọng rằng điều gì đó mới mẻ sẽ xuất hiện từ những nỗ lực của Ngài với các đệ tử bên ngoài. Công việc của Ngài là một phần trong việc *thúc đẩy* Thiên Cơ tiến lên. Công việc ấy không nhằm dạy dỗ một vài người chỉ vì sự tiến bộ cá nhân của họ.

You must not imagine that the particular line of work on which you may be engaged is the factor of main interest. It is not primarily the unfoldment of the intuition, or of the power to heal, or of telepathic efficiency which is of importance. That which counts with the Hierarchy as the Ashrams function is the establishing subjectively of such a potent group interplay and group relation that an emerging world unity can be seen in embryo. A joint power to be telepathic or a group capacity to intuit truth is of value and somewhat novel. It is the functioning of groups who have the ability to work as a unity, whose ideals are one, whose personalities are merged into one forward swing, whose rhythm is one and whose unity is so firmly established that naught can produce in the group the purely human characteristics of separation, of personal isolation and [23] selfish seeking, that is new.

Các bạn không được tưởng rằng lĩnh vực công việc cụ thể mà mình có thể đang tham gia là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Điều quan trọng trước hết không phải là sự khai mở trực giác, quyền năng chữa lành hay khả năng viễn cảm hữu hiệu. Đối với Thánh đoàn, khi các ashram hoạt động, điều có ý nghĩa là thiết lập trên phương diện chủ quan sự tương tác và mối quan hệ nhóm mạnh mẽ đến mức có thể thấy trong đó mầm mống của một sự hợp nhất thế giới đang hình thành. Quyền năng viễn cảm chung hay khả năng của nhóm trong việc trực nhận chân lý đều có giá trị và phần nào mới lạ. Điều mới mẻ chính là sự hoạt động của những nhóm có khả năng làm việc như một thể thống nhất, có chung lý tưởng, có các phàm ngã hoà vào một đà tiến chung, có chung nhịp điệu và có sự hợp nhất vững chắc đến mức không gì có thể làm nảy sinh trong nhóm những đặc tính thuần tuý con người như chia rẽ, cô lập cá nhân và [23] mưu cầu ích kỷ.

1. DK emphasizes that, as desirable as new

1. Chân sư DK nhấn mạnh rằng, dù những sự

unfoldments may be, they are not the main factor of the Hierarchys interest where these new modes of training are concerned.

khai mở mới có đáng mong muốn đến đâu, chúng cũng không phải là yếu tố chính mà Thánh đoàn quan tâm trong những phương thức huấn luyện mới này.

2. What is desired is a model (in embryo) of an emerging world unity If unity could be created within a small group or groups, it could be created in a much larger, global context.

2. Điều được mong muốn là một mô hình ở dạng phôi thai của sự hợp nhất thế giới đang hình thành. Nếu có thể tạo ra sự hợp nhất trong một nhóm nhỏ hoặc một số nhóm nhỏ, thì cũng có thể tạo ra điều đó trong một bối cảnh toàn cầu rộng lớn hơn nhiều.

3. His remarks are completely decentralizing; His chelas are not in training for their own benefit at all; rather they are seeking to help a far more important *group* objective emerge.

3. Những lời nhận xét của Ngài hoàn toàn hướng đến việc phi tập trung vào bản thân; các đệ tử của Ngài tuyệt nhiên không được huấn luyện vì lợi ích riêng của họ; đúng hơn, họ đang tìm cách giúp một mục tiêu *nhóm* quan trọng hơn nhiều trở thành hiện thực.

4. The really *new* as DK and the Hierarchy conceive it has little to do with the demonstration of certain higher powers. Such a demonstration is here called novel.

4. Điều thật sự *mới mẻ* theo quan niệm của Chân sư DK và Thánh đoàn ít liên quan đến việc thể hiện một số quyền năng cao siêu. Ở đây, sự thể hiện như thế được gọi là mới lạ.

5. It is *true group functioning* which is really *new*, and for which the Hierarchy seeks. Such qualities as group unity, united group idealism, the merging of all personalities into progressive action, a united rhythm, and the avoidance of the usual negative qualities of separation, personal isolation and selfish seeking.

5. Chính *sự hoạt động nhóm đích thực* mới thật sự *mới mẻ* và là điều Thánh đoàn tìm kiếm. Những phẩm tính như sự hợp nhất nhóm, lý tưởng chung thống nhất của nhóm, sự hoà nhập mọi phàm ngã vào hành động tiến bộ, một nhịp điệu thống nhất và việc tránh những phẩm tính tiêu cực thông thường như chia rẽ, cô lập cá nhân và mưu cầu ích kỷ.

6. If DK has to spend so much time repeating Himself on these points, the resistance against what He is trying to cultivate must be very firmly entrenched in human nature.

6. Nếu Chân sư DK phải dành nhiều thời gian đến thế để nhắc đi nhắc lại những điểm này, thì sự chống đối những gì Ngài đang cố vun bồi hẳn đã ăn sâu bám rễ trong bản chất con người.

Unselfish people are not rare. Unselfish groups are very rare. Pure detached devotion in a human being is not rare but to

Những người không vị kỷ không hiếm. Những nhóm không vị kỷ rất hiếm. Lòng tận hiến thanh khiết, không vướng mắc ở

find it in a group is rare indeed. The submergence of personal interests in the good of the family or in that of another person is often to be found, for the beauty of the human heart has manifested itself down the ages. To find such an attitude in a group of people and to see such a point of view maintained with an unbroken rhythm and demonstrating spontaneously and naturally this will be the glory of the New Age.

một con người không phải là hiếm, nhưng tìm thấy điều đó trong một nhóm thì quả thật hiếm. Người ta thường thấy việc gác lợi ích cá nhân sang một bên vì điều tốt đẹp cho gia đình hoặc cho một người khác, bởi vẻ đẹp của trái tim con người đã biểu lộ qua bao thời đại. Tìm thấy một thái độ như thế trong một nhóm người, thấy quan điểm ấy được duy trì với một nhịp điệu không gián đoạn và biểu hiện một cách tự phát, tự nhiên—đó sẽ là vinh quang của Kỷ Nguyên Mới.

1. Another noteworthy statement is made: Unselfish people are not rare. Unselfish groups are very rare. DK wants to create something which, thus far in human evolution, is a very rare occurrence the *unselfish group.*

1. Một phát biểu đáng chú ý khác được đưa ra: Những người không vị kỷ không hiếm. Những nhóm không vị kỷ rất hiếm. Chân sư DK muốn tạo ra một điều mà cho đến nay vẫn rất hiếm gặp trong tiến hoá nhân loại: *nhóm không vị kỷ.*

2. As we are moving from the age of the individual into the age of the group, the virtues of the individual must be transferred to the larger dimension of group functioning.

2. Khi chúng ta đang chuyển từ thời đại cá nhân sang thời đại nhóm, các đức tính của cá nhân phải được chuyển dịch sang phạm vi rộng lớn hơn của hoạt động nhóm.

3. This is really a very great change of emphasis. We have had many experiments during the twentieth century which have exalted the group at the complete expense of the participating individuals. Sovietism and Fascism have been two notable examples of abuse in this regard. Both of these are examples of totalitarianism a state-absolutism which treats the individual as if he/she were of no consequence.

3. Đây quả thật là một thay đổi trọng tâm rất lớn. Trong thế kỷ hai mươi, chúng ta đã có nhiều cuộc thử nghiệm tôn nhóm lên cao bằng cách hy sinh hoàn toàn những cá nhân tham gia. Chủ nghĩa Xô viết và chủ nghĩa phát xít là hai ví dụ nổi bật về sự lạm dụng trong phương diện này. Cả hai đều là những ví dụ của chủ nghĩa toàn trị—một hình thức tuyệt đối hoá nhà nước, đối xử với cá nhân như thể họ chẳng có ý nghĩa gì.

4. Such abuses are found whenever there is a transition towards a new form of social patterning. The abuses, however, guarantee that a truer model will emerge.

4. Những sự lạm dụng như thế xuất hiện bất cứ khi nào có sự chuyển tiếp sang một hình thức tổ chức xã hội mới. Tuy nhiên, những sự lạm dụng ấy bảo đảm rằng một mô hình chân thực hơn sẽ xuất hiện.

5. DK knows that a group can achieve the

5. Chân sư DK biết rằng thỉnh thoảng một

desirable positive attitudes and behavior now and then, but He is seeking that such a group point of view will be maintained with an unbroken rhythm, demonstrating spontaneously and naturally. We can see that in the eyes of Master DK, His attempt to train these groups of disciples was no ordinary undertaking. Rather it was intended as a *seed* which, germinating, could contribute to the glory of the New Age.

nhóm có thể đạt được những thái độ và hành vi tích cực đáng mong muốn, nhưng Ngài muốn quan điểm nhóm như thế được duy trì với một nhịp điệu không gián đoạn, biểu hiện một cách tự phát và tự nhiên. Chúng ta có thể thấy rằng trong mắt Chân sư DK, nỗ lực huấn luyện những nhóm đệ tử này của Ngài không phải là một công việc thông thường. Đúng hơn, Ngài dự định đó là một *hạt giống* mà khi nảy mầm có thể góp phần vào vinh quang của Kỷ Nguyên Mới.

6. So often we human beings think in individualistic terms, and might be quite happy if some special teaching came to us rather in advance of the rest of humanity. Such thoughts, however, though *human* enough, are completely unworthy when compared the purpose behind Master DKs intended enterprise. We have a long way to go before we can think and envision as a Master does.

6. Con người chúng ta rất thường suy nghĩ theo quan điểm cá nhân chủ nghĩa, và có thể khá vui mừng nếu một giáo huấn đặc biệt nào đó đến với mình sớm hơn phần còn lại của nhân loại. Tuy nhiên, những ý nghĩ như thế, dù rất đỗi *con người*, vẫn hoàn toàn không xứng đáng khi so với mục đích đằng sau công trình mà Chân sư DK dự định thực hiện. Chúng ta còn một chặng đường dài trước khi có thể suy nghĩ và hình dung như một Chân sư.

To see the link of pure love and of soul relation, realised and utilised in group form and work is indeed new and the attainment of this is the ideal which I set before this group of my disciples. If this group measures up to the vision as it exists in my mind, there will be established upon the physical plane focal points of specialised force through which the Hierarchy can work with greater surety than heretofore. There will (through this and analogous groups) be set in motion on earth a network of spiritual energies which will facilitate the regeneration of the world. The influence of these groups when permanently established and potently working will have a wider objective than just the elevation of humanity.

Thấy mối dây liên kết của tình thương thanh khiết và mối quan hệ linh hồn được nhận biết và vận dụng trong hình thức cùng công việc nhóm quả thật là điều mới mẻ, và việc đạt được điều này là lý tưởng mà Tôi đặt ra trước nhóm đệ tử này của Tôi. Nếu nhóm này đáp ứng được tầm nhìn như nó hiện hữu trong thể trí Tôi, thì trên cõi hồng trần sẽ hình thành những tiêu điểm của mãnh lực chuyên biệt, qua đó Thánh đoàn có thể làm việc với sự chắc chắn lớn hơn trước đây. Qua nhóm này và những nhóm tương tự, một mạng lưới năng lượng tinh thần sẽ được đưa vào hoạt động trên Trái Đất, tạo thuận lợi cho sự tái sinh của thế giới. Khi những nhóm này được thiết lập bền vững và hoạt động mạnh mẽ, ảnh hưởng của chúng sẽ hướng đến một mục tiêu rộng lớn hơn việc chỉ nâng cao nhân loại.

1. DK continues presenting the requirements for doing something really new in group formation.

1. Chân sư DK tiếp tục trình bày những yêu cầu để thực hiện điều gì đó thật sự mới mẻ trong việc hình thành nhóm.

2. The Master sets the link of pure love and soul relation, realised and utilised in group form and work as an ideal before His group. The successful achievement of this objective would have led directly into the Seed Group work. Physical plane focal points of specialized force could have been established, and through these the Hierarchy could have worked.

2. Chân sư đặt ra trước nhóm của Ngài một lý tưởng: mối dây liên kết của tình thương thanh khiết và mối quan hệ linh hồn được nhận biết và vận dụng trong hình thức cùng công việc nhóm. Việc đạt được thành công mục tiêu này hẳn đã dẫn thẳng vào công việc Nhóm hạt giống. Những tiêu điểm của mãnh lực chuyên biệt hẳn đã có thể hình thành trên cõi hồng trần, và qua đó Thánh đoàn có thể làm việc.

3. DKs vision of the possibilities was both beautiful and practical. He envisioned the setting in motion of a network of spiritual energies which will facilitate the regeneration of the world.

3. Tầm nhìn của Chân sư DK về những khả năng ấy vừa đẹp đẽ vừa thiết thực. Ngài hình dung việc đưa vào hoạt động một mạng lưới năng lượng tinh thần sẽ tạo thuận lợi cho sự tái sinh của thế giới.

4. A Master will not present to His chelas *all* that is in His mind. To do so might prevent the process for going forward a He desires. Chelas might become preoccupied with the distant vision and fail to take the immediately required steps.

4. Một Chân sư sẽ không trình bày với các đệ tử của Ngài *tất cả* những gì có trong thể trí Ngài. Làm như vậy có thể ngăn tiến trình tiến lên như Ngài mong muốn. Các đệ tử có thể mải mê với tầm nhìn xa xôi mà không thực hiện những bước cần thiết ngay trước mắt.

5. The Seed-Group work was designed to create upon the Earth groups which are adept at the reception and transmission of particular qualities of energy and force. Once established, they could be nourished by DK or by any Master Who wished to stimulate them. As seeds they would lead to the development of group-energy structures of far greater scope and significance than their humble origins would suggest.

5. Công việc Nhóm hạt giống được thiết kế nhằm tạo ra trên Trái Đất những nhóm thành thạo việc tiếp nhận và truyền dẫn những phẩm tính cụ thể của năng lượng và mãnh lực. Một khi được thiết lập, các nhóm ấy có thể nhận sự nuôi dưỡng từ Chân sư DK hoặc bất kỳ Chân sư nào muốn kích thích chúng. Là những hạt giống, chúng sẽ dẫn đến sự phát triển của các cấu trúc năng lượng nhóm có phạm vi và thâm nghĩa lớn lao hơn nhiều so với những gì nguồn gốc khiêm tốn của chúng có thể gợi ra.

6. DK, in passing, hinted at the future

6. Nhân đó, Chân sư DK đã hé lộ tầm quan

importance of such groups (and of that which could develop from them). He said that they will have a wider objective than just the elevation of humanity. Apparently the groups, when firmly established and potently working could be influential in a *planetary* sense and in relation to the various kingdoms of nature.

trọng trong tương lai của những nhóm như thế (và của những gì có thể phát triển từ chúng). Ngài nói rằng chúng sẽ có một mục tiêu rộng lớn hơn việc chỉ nâng cao nhân loại. Dường như khi được thiết lập vững chắc và hoạt động mạnh mẽ, các nhóm có thể tạo ảnh hưởng ở quy mô *hành tinh* và trong mối quan hệ với các giới khác nhau trong thiên nhiên.

7. Eventually, the Earth is to become a great station of light. Groups of this nature (as they unfold) can contribute to that highly desirable, though distant, objective.

7. Cuối cùng, Trái Đất sẽ trở thành một trạm ánh sáng vĩ đại. Những nhóm có bản chất này, khi khai mở, có thể góp phần vào mục tiêu rất đáng mong muốn ấy, dù còn xa xôi.

8. On the Path of Occultism, however, the necessary steps are never taken all at once. A slow and gradual process of building is required, and it is here that the groups-of-nine failed to measure up to opportunity. They did not follow the Masters advice step by step. They could appreciate sufficiently the objective set before them.

8. Tuy nhiên, trên Con Đường Huyền Bí Học, những bước cần thiết không bao giờ được thực hiện tất cả cùng một lúc. Cần có một tiến trình xây dựng chậm rãi và tuần tự, và chính ở đây các nhóm chín người đã không đáp ứng được cơ hội. Họ đã không từng bước làm theo lời khuyên của Chân sư. Họ có thể đánh giá đầy đủ mục tiêu đặt ra trước mình.

9. The Seed Group opportunity is not forever past. Perhaps the experiment will be renewed under DKs expert guidance at a future time, and perhaps it will stand a better chance of succeeding now that the lessons of temporary failure are firmly impressed upon the minds of the participants (who, for the most part, are still associated with His Ashram). The effort is an *ashramic* one. An externalization of the Hierarchy is underway, and Master DK and His ashramic groups have their role to play.

9. Cơ hội Nhóm hạt giống chưa vĩnh viễn trôi qua. Có lẽ cuộc thử nghiệm sẽ được tái khởi động dưới sự hướng dẫn lão luyện của Chân sư DK vào một thời điểm trong tương lai, và có lẽ nó sẽ có cơ hội thành công tốt hơn, giờ đây khi những bài học từ thất bại tạm thời đã in sâu vào thể trí của những người tham gia, phần lớn trong số họ vẫn còn gắn bó với ashram của Ngài. Nỗ lực ấy thuộc về *ashram* của Ngài. Sự ngoại hiện của Thánh đoàn đang diễn ra, và Chân sư DK cùng các nhóm ashram của Ngài có vai trò phải đảm nhiệm.

The potent rhythm which animates the inner Brotherhood of the Lodge of Masters will make itself felt everywhere on earth and these groups, if successful, may be regarded as the first step toward the emergence into manifestation of the Great White Lodge. But

Nhịp điệu mạnh mẽ làm sinh động Huynh đệ Đoàn bên trong của Hội các Chân sư sẽ khiến ảnh hưởng của nó được cảm nhận khắp nơi trên Trái Đất, và nếu thành công, những nhóm này có thể được xem là bước đầu tiên hướng đến sự xuất hiện trong biểu

remember this: the keynote of the Lodge is not attainment or degree. It is stable relationship, unity of thought, plus diversity of method, of effort and of function and its quality is friendship in its purest sense. The Brotherhood is a community of souls who are swept by the desire to serve, urged by a spontaneous impulse to love, illumined by one pure Light, devotedly fused and blended into groups of serving Minds, and energised by one Life. Its Members are organised to further the Plan which They consciously contact and with which They deliberately cooperate.

hiện của Thánh đoàn. Nhưng hãy nhớ điều này: chủ âm của Hội không phải là thành tựu hay cấp bậc. Đó là mối quan hệ ổn định, sự thống nhất tư tưởng cùng với sự đa dạng về phương pháp, nỗ lực và chức năng; phẩm tính của Hội là tình bằng hữu theo nghĩa thanh khiết nhất. Huynh đệ Đoàn là một cộng đồng linh hồn tràn đầy ước muốn phụng sự, được thôi thúc bởi xung lực yêu thương tự phát, được một Ánh Sáng thanh khiết soi sáng, tận hiến dung hợp và hoà quyện thành những nhóm Thể Trí phụng sự, và nhận sinh lực từ một Sự Sống duy nhất. Các Thành Viên của Huynh đệ Đoàn được tổ chức để thúc đẩy Thiên Cơ mà Các Ngài tiếp xúc một cách hữu thức và chủ tâm hợp tác.

1. Here the Master emphasizes that the formation of these groups is really an aspect of the Externalization of the Hierarchy. Their emergence can be considered the first step toward the emergence into manifestation of the Great White Lodge.

1. Ở đây, Chân sư nhấn mạnh rằng việc hình thành những nhóm này thật sự là một phương diện của Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn. Sự xuất hiện của chúng có thể được xem là bước đầu tiên hướng đến sự xuất hiện trong biểu hiện của Thánh đoàn.

2. Thus, we see that the Seed Groups are experiments in group-facilitated redemption; they are part of the emergence of the Mystery Schools; and they are also an aspect of the process called the Externalization of the Hierarchy.

2. Như vậy, chúng ta thấy các Nhóm hạt giống là những thử nghiệm về sự cứu chuộc được thúc đẩy qua nhóm; chúng là một phần trong sự xuất hiện của các Trường Huyền Nhiệm; và cũng là một phương diện của tiến trình gọi là Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn.

3. DK uses the occasion to clarify the keynote of the Hierarchy. That keynote is not about status not about attainment or degree. It is stable relationship, unity of thought, plus diversity of method, of effort and of function and its quality is friendship in its purest sense.

3. Chân sư DK nhân dịp này làm sáng tỏ chủ âm của Thánh đoàn. Chủ âm ấy không liên quan đến địa vị, thành tựu hay cấp bậc. Đó là mối quan hệ ổn định, sự thống nhất tư tưởng cùng với sự đa dạng về phương pháp, nỗ lực và chức năng; phẩm tính của Thánh đoàn là tình bằng hữu theo nghĩa thanh khiết nhất.

4. The note of unity in diversity is sounded. In all the stability and unity of Hierarchy, a definite diversity of method proceeds.

4. Âm điệu hợp nhất trong đa dạng được xướng lên. Trong toàn bộ sự ổn định và hợp nhất của Thánh đoàn, vẫn có sự đa dạng rõ rệt về phương pháp.

5. Perhaps the most important statement concerning the quality of Hierarchy is that it is friendship in its purest sense. Well might we ponder on this magnificent phrase! Pythagoras said a friend is another self. One wonders if His sign in that incarnation was Gemini. Friendship, according to this thought, is *pure altruism,* and it behooves us to think of the Hierarchy as a *society of selfless altruists.*

5. Có lẽ phát biểu quan trọng nhất về phẩm tính của Thánh đoàn là: đó là tình bằng hữu theo nghĩa thanh khiết nhất. Chúng ta thật nên suy ngẫm về câu nói tuyệt diệu này! Pythagoras nói rằng một người bạn là một bản ngã khác. Người ta tự hỏi liệu dấu hiệu hoàng đạo của Ngài trong lần lâm phàm ấy có phải là Song Tử hay không. Theo tư tưởng này, tình bằng hữu là *lòng vị tha thuần khiết,* và chúng ta nên nghĩ về Thánh đoàn như một *cộng đồng những người vị tha quên mình.*

6. This paragraph is so important for its descriptions of Hierarchy:

6. Đoạn văn này rất quan trọng vì những mô tả về Thánh đoàn:

The Brotherhood is a community of souls who are swept by the desire to serve, urged by a spontaneous impulse to love, illumined by one pure Light, devotedly fused and blended into groups of serving Minds, and energised by one Life. Its Members are organised to further the Plan which They consciously contact and with which They deliberately cooperate.

Huynh đệ Đoàn là một cộng đồng linh hồn tràn đầy ước muốn phụng sự, được thôi thúc bởi xung lực yêu thương tự phát, được một Ánh Sáng thanh khiết soi sáng, tận hiến dung hợp và hoà quyện thành những nhóm Thể Trí phụng sự, và nhận sinh lực từ một Sự Sống duy nhất. Các Thành Viên của Huynh đệ Đoàn được tổ chức để thúc đẩy Thiên Cơ mà Các Ngài tiếp xúc một cách hữu thức và chủ tâm hợp tác.

When we read the description, we immediately realize that we are speaking of a *higher kingdom of nature.* All virtues toward which humanity can aspire are here enumerated as the achieved qualities of Hierarchy.

Khi đọc phần mô tả này, chúng ta lập tức nhận ra rằng mình đang nói về một *giới cao hơn trong thiên nhiên.* Tất cả những đức tính mà nhân loại có thể khao khát vươn tới đều được liệt kê ở đây như những phẩm tính Thánh đoàn đã đạt được.

7. Community, service, spontaneous love, illumination, fusion and blending into serving groups, livingness these qualities exemplify the Spiritual Hierarchy of our planet. Nowhere are there division and separation; nowhere withholdingness; nowhere darkness; everywhere vitality and spiritual *life.* .

7. Tinh thần cộng đồng, sự phụng sự, tình thương tự phát, sự soi sáng, sự dung hợp và hoà quyện thành những nhóm phụng sự, sức sống—những phẩm tính này tiêu biểu cho Thánh đoàn của hành tinh chúng ta. Không nơi nào có sự phân chia và chia rẽ; không nơi nào có sự giữ lại cho riêng mình; không nơi nào có bóng tối; khắp nơi đều có sinh lực và *sự sống tinh thần.* .

8. It is clear that Master DK is offering His groups the opportunity to become affiliated with this great group of illumined Servers. He wants them to understand the *true* nature of Hierarchy, quite different from the many distorted presentations.

8. Rõ ràng Chân sư DK đang trao cho các nhóm của Ngài cơ hội gắn kết với tập thể vĩ đại gồm những Người Phụng Sự được soi sáng này. Ngài muốn họ thấu hiểu bản chất *đích thực* của Thánh đoàn, rất khác với nhiều cách trình bày sai lệch.

It will be apparent to you, therefore, that the purpose of these groups is to unfold in time the three major powers of all illumined minds: [24]

Vì vậy, các bạn sẽ thấy rõ rằng mục đích của những nhóm này là dần dần khai mở ba quyền năng chủ yếu của mọi thể trí được soi sáng: [24]

1. The new groups are composed of those who are mentally polarized.

1. Các nhóm mới gồm những người phân cực trí tuệ.

2. The group members are striving to become more and more like the members of Hierarchy.

2. Các thành viên nhóm đang nỗ lực ngày càng trở nên giống các thành viên của Thánh đoàn.

3. Hierarchy is the Society of Organized and Illumined Minds.

3. Thánh đoàn là Cộng Đồng những Thể Trí Có Tổ Chức và Được Soi Sáng.

First: **the power to work in and with all thought substance**. The Hierarchy of Illumined Minds is a group Whose telepathic powers enable Them to be sensitive to the mind currents and to register the thoughts of Those Who personify the Mind of God, the Universal Mind, and to register the thoughtforms of Those Who are as far beyond the Hierarchy of Masters as They, in Their turn, are beyond the disciples of the world.

Thứ nhất: **quyền năng làm việc trong và với mọi chất liệu tư tưởng**. Thánh đoàn những Thể Trí Được Soi Sáng là một nhóm mà quyền năng viễn cảm cho phép Các Ngài nhạy cảm với những dòng tư tưởng và ghi nhận tư tưởng của các Đấng hiện thân cho Trí của Thượng đế, Vũ Trụ Trí, đồng thời ghi nhận những hình tư tưởng của các Đấng vượt xa Thánh đoàn các Chân sư cũng như chính Các Ngài vượt xa các đệ tử trên thế gian.

1. Unless we learn, really, to work in thought substance we cannot be affiliated with Hierarchy. To be truly human is to *think*. In relation to human incarnation, this power originates, really, on the higher mental plane ruled, generically, by Venus.

1. Nếu không học cách thật sự làm việc trong chất liệu tư tưởng, chúng ta không thể gắn kết với Thánh đoàn. Làm người đúng nghĩa là *suy nghĩ*. Trong mối liên hệ với sự lâm phàm của con người, quyền năng này thật sự bắt nguồn trên cõi thượng trí, mà xét một cách tổng quát là do Sao Kim cai quản.

2. Venus (illumined thought) is to triumph

2. Sao Kim (tư tưởng được soi sáng) phải

over Mars (desire and irrational passion).

chiến thắng Sao Hỏa (dục vọng và đam mê phi lý trí).

3. Hierarchy can be understood as a Group of *Thinkers*. Hierarchy telepathically receives directives from the Mind of God (the Planetary Logos) and to some extent from the Universal Mind (which can be understood as the mind of the Mind of the Solar Logos).

3. Có thể hiểu Thánh đoàn là một Nhóm *những Nhà Tư Tưởng*. Thánh đoàn tiếp nhận các chỉ thị bằng viễn cảm từ Trí của Thượng đế (Hành Tinh Thượng đế), và ở một mức độ nào đó từ Vũ Trụ Trí, vốn có thể được hiểu là thể trí của Trí của Thái dương Thượng đế.

4. Mind is the medium of expression. The Masters are not at all beyond mind as some who are interested in spirituality seem to think. Every great Being has a mind. Mind is, in a way, the great intermediary. Of course *mind* has a number of dimensions or vibratory strata.

4. Thể trí là phương tiện biểu đạt. Các Chân sư hoàn toàn không vượt ngoài thể trí như một số người quan tâm đến tinh thần dường như vẫn nghĩ. Mỗi Sinh Mệnh vĩ đại đều có một thể trí. Theo một nghĩa nào đó, thể trí là trung gian vĩ đại. Dĩ nhiên, *thể trí* có nhiều chiều kích hay tầng rung động.

5. Mind is the medium for the reception of telepathic directives. The very first group-of-nine organized by the Tibetan was the group of Telepathic Communicators. This meant not so much that they could communicate with each telepathically, but that they could receive (individually and as a group) impressions relating to the Divine Plan.

5. Thể trí là phương tiện tiếp nhận các chỉ thị viễn cảm. Nhóm chín người đầu tiên do Chân sư Tây Tạng tổ chức là nhóm Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm. Điều này chủ yếu không hàm ý rằng họ có thể giao tiếp với nhau bằng viễn cảm, mà là họ có thể tiếp nhận những ấn tượng liên quan đến Thiên Cơ (với tư cách cá nhân và cả nhóm).

6. To be a true worker with the Plan, a highly developed mind is, therefore, needed, though this is not the same as being an intellectual.

6. Do đó, để thực sự là một người hoạt động cùng Thiên Cơ, cần có một thể trí phát triển cao, dù điều này không đồng nghĩa với việc là một nhà trí thức.

Those Lives Who carry out the ideas of the Divine Mind, exist in Their graded orders, and with the detail of Their groupings we are not concerned, except with the fact that the planetary Brotherhood is in telepathic rapport with Those Who are responsible for the planetary conditions in the solar system, with the Great Council, therefore, at Shamballa. They are also in immediate

Các Sự Sống thực hiện những ý tưởng của Trí Tuệ Thiêng Liêng tồn tại trong những hàng ngũ có cấp bậc của Các Ngài; chúng ta không quan tâm đến chi tiết về cách Các Ngài phân nhóm, ngoại trừ sự kiện Huynh đệ Đoàn hành tinh có sự giao cảm viễn cảm với Các Đấng chịu trách nhiệm về những điều kiện hành tinh trong hệ mặt trời, tức là với Đại Hội Đồng tại Shamballa. Các Ngài cũng giao

telepathic rapport with each other. The slowly manifesting powers of the radio and the sensitive workings of the perfecting radio mechanisms and of television are but the response in physical matter of the perfected telepathic powers and television of the minds of the Masters of the Wisdom. Forget not, that such powers are inherent in all men.

cảm viễn cảm trực tiếp với nhau. Những khả năng đang dần biểu hiện của vô tuyến điện, cùng hoạt động nhạy bén của các bộ máy vô tuyến điện và truyền hình đang ngày càng hoàn thiện, chỉ là sự đáp ứng trong vật chất hồng trần đối với những quyền năng viễn cảm và viễn thị đã hoàn thiện trong thể trí của các Chân sư Minh Triết. Đừng quên rằng những quyền năng ấy vốn có trong mọi người.

1. Here DK elaborates a little on the telepathic powers of Hierarchy. We learn that there is an extensive Hierarchy of Lives (ascending and descending) Who are in telepathic rapport with each other for the purpose of carrying out the Divine Plan. Many Creative Hierarchies are part of this Ladder of Telepathic Rapport.

1. Ở đây, Chân sư DK giải thích thêm đôi chút về các quyền năng viễn cảm của Thánh đoàn. Chúng ta biết rằng có một hệ thống Huyền Giai rộng lớn gồm các Sự Sống (thăng và giáng), Các Ngài giao cảm viễn cảm với nhau nhằm thực hiện Thiên Cơ. Nhiều Huyền Giai Sáng Tạo là thành phần của Chiếc Thang Giao Cảm Viễn Cảm này.

2. DK does not bother with the detail of enumerating these Hierarchies. Suffice it to say that, by telepathic impression, all things on the planet and in our solar system are *ordered.*

2. Chân sư DK không đi vào chi tiết liệt kê các Huyền Giai này. Chỉ cần nói rằng, nhờ ấn tượng viễn cảm, mọi sự trên hành tinh và trong hệ mặt trời của chúng ta đều *được sắp đặt theo trật tự.*

3. Telepathic rapport is primarily vertical, but instrumentally horizontal. Not only are members of Hierarchy in touch with their superiors in the process of manifesting the Divine Plan, but They are in telepathic rapport with each other.

3. Sự giao cảm viễn cảm chủ yếu diễn ra theo chiều dọc, nhưng vận hành theo chiều ngang. Trong tiến trình biểu hiện Thiên Cơ, các thành viên của Thánh đoàn không chỉ liên lạc với những Đấng cao hơn mình, mà Các Ngài còn giao cảm viễn cảm với nhau.

4. We have seen a tremendous outpicturing of telepathic rapport in the development of modern telecommunications systems. Writing some seventy years ago, DK, when discussing the potential growth of telepathy, speaks in terms of the radio and the nascent television of that time. Today those early examples of telepathy seem primitive, and in a few years the most advanced and amazing techniques available today will

4. Chúng ta đã thấy sự giao cảm viễn cảm biểu hiện ra bên ngoài một cách mạnh mẽ qua sự phát triển của các hệ thống viễn thông hiện đại. Khi viết cách đây khoảng bảy mươi năm và bàn về tiềm năng phát triển của viễn cảm, Chân sư DK nói đến vô tuyến điện và truyền hình còn phôi thai vào thời ấy. Ngày nay, những ví dụ ban đầu ấy về viễn cảm có vẻ thô sơ; và chỉ vài năm nữa, những kỹ thuật tiên tiến, kỳ diệu nhất hiện

seem, comparatively, primitive. The wonder of instant, complete and undistorted telepathic communication between human beings is prefigured by our telecommunication advances in the material sphere. For Hierarchy, however, the telepathic powers are (from our point of view) complete.

có cũng sẽ có vẻ tương đối thô sơ. Những tiến bộ viễn thông trong lĩnh vực vật chất báo trước điều kỳ diệu của giao tiếp viễn cảm tức thời, trọn vẹn và không sai lệch giữa con người với nhau. Tuy nhiên, đối với Thánh đoàn, các quyền năng viễn cảm đã hoàn thiện (theo quan điểm của chúng ta).

5. DK reminds us that telepathic powers are inherent in all men, lest we think of the possibilities He discusses as unattainable. The wonders of the New Age are resident within us; we have but to release them.

5. Chân sư DK nhắc chúng ta rằng các quyền năng viễn cảm vốn có trong mọi người, để chúng ta không nghĩ những khả năng Ngài bàn đến là điều không thể đạt được. Những điều kỳ diệu của Kỷ Nguyên Mới nằm ngay trong chúng ta; chúng ta chỉ cần giải phóng chúng.

The inner group of Masters with Whom I am associated work telepathically also with Their disciples and the disciples with each other in lesser degree. The power to "see" the Master which has been the misguided impulse of the devotees of the world who substitute this desire for aspiration towards soul contact is but their response to the "television" of Those Who seek to guide them into the light of their own souls. They are only reacting to one of the demonstrated divine powers of the Master but not to soul action.

Nhóm Chân sư nội tại mà Tôi liên kết cũng làm việc bằng viễn cảm với các đệ tử của Các Ngài, và các đệ tử cũng làm việc như vậy với nhau ở mức độ thấp hơn. Khả năng "thấy" Chân sư—vốn là thôi thúc lầm lạc của những người sùng tín trên thế gian, những người lấy dục vọng này thay cho khát vọng tiếp xúc với linh hồn—chỉ là sự đáp ứng của họ đối với khả năng "viễn thị" của Các Đấng đang tìm cách dẫn họ vào ánh sáng của chính linh hồn họ. Họ chỉ đang phản ứng với một trong những quyền năng thiêng liêng mà Chân sư biểu lộ, chứ không đáp ứng với hoạt động của linh hồn.

1. DK speaks of a practical aspect of the Masters telepathic abilities. These abilities are utilized to work with Their disciples. Disciples also have some access to such powers and work in this manner with disciples of lower degree.

1. Chân sư DK nói đến một phương diện thực tiễn trong các khả năng viễn cảm của các Chân sư. Các Ngài sử dụng những khả năng này để làm việc với các đệ tử của mình. Các đệ tử cũng tiếp cận được phần nào những quyền năng ấy và làm việc theo cách này với các đệ tử ở cấp độ thấp hơn.

2. The Masters have a kind of tele-vision which is, for them, an operative psychic power. The quest to see the Master can be

2. Các Chân sư có một dạng viễn thị; đối với Các Ngài, đó là một quyền năng thông linh đang hoạt động. Ước muốn thấy Chân sư có

fulfilled (when the motive and approach are correct), but it is far less important than achieving real soul contact and interplay.

thể thành hiện thực (khi động cơ và cách tiếp cận đúng đắn), nhưng điều ấy kém quan trọng hơn nhiều so với việc đạt được sự tiếp xúc và tương tác thực sự với linh hồn.

3. All manner of psychic powers can be cultivated and utilized, but until the foundation of soul-infusion has been achieved, these psychic abilities can even retard spiritual progress.

3. Mọi loại quyền năng thông linh đều có thể được vun bồi và sử dụng, nhưng chừng nào chưa thiết lập được nền tảng của sự thấm nhuần linh hồn, những khả năng thông linh này thậm chí có thể làm chậm sự tiến bộ tinh thần.

4. There comes a time when the possibility of acquiring psychic powers becomes a temptation. Even high souls can be tempted to develop powers instead of a true and living contact with the Soul of all things.

4. Sẽ đến lúc khả năng đạt được các quyền năng thông linh trở thành một cám dỗ. Ngay cả những linh hồn cao cả cũng có thể bị cám dỗ phát triển các quyền năng thay vì một sự tiếp xúc chân thực và sống động với Linh Hồn của vạn vật.

5. We are faced with the harbinger of such advanced discriminations early in our spiritually developmental process. Shall we attempt to engage with our own soul (Solar Angel) or shall we run after the image of the Master (registering, most probably, some illusory astral thoughtform we take as a reality)? This is one of the first tests concerning the glamors of the Path, and many choose incorrectly.

5. Ngay từ đầu tiến trình phát triển tinh thần, chúng ta đã đối diện với dấu hiệu báo trước những sự phân biện cao cấp như thế. Chúng ta sẽ cố gắng kết nối với chính linh hồn mình (Thái dương Thiên Thần), hay sẽ chạy theo hình ảnh của Chân sư (rất có thể đang ghi nhận một hình tư tưởng cảm dục hư ảo nào đó mà chúng ta cho là thực)? Đây là một trong những thử thách đầu tiên liên quan đến các ảo cảm trên Đường Đạo, và nhiều người lựa chọn sai.

Your response to such stimulation as I can give you and an earnest endeavour on your part to love with unselfishness will gradually perfect in you a similar relation to other workers. This will work out in three directions:

Sự đáp ứng của các bạn đối với sự kích thích mà Tôi có thể mang lại, cùng nỗ lực chân thành của các bạn để yêu thương một cách vô vị kỷ, sẽ dần hoàn thiện nơi các bạn một mối quan hệ tương tự với những người hoạt động khác. Điều này sẽ biểu hiện theo ba hướng:

1. In a demonstrated ability to be in telepathic rapport with me and with Those with Whom I am associated.

1. Qua khả năng biểu lộ rõ rệt trong việc giao cảm viễn cảm với Tôi và với Các Đấng mà Tôi liên kết.

2. In power to communicate with each other at any time.

3. In sensitivity to the thoughts of humanity as a whole.

1. DK offers the newly forming groups some possibilities, *if* they love with unselfishness. Doing so, they will come into an entirely new relation to each other.

2. The telepathy developed will develop in three directions: above, horizontal and below.

3. The Master can be reached (and other Masters as well); ones fellow disciples can be reached; and humanity can be reached.

4. Telepathy is a two-way street receptivity and transmission. A disciple needs six modes of interplay resulting from the three directions, with each of them considered from the perspective of both reception and transmission.

5. Is it not interesting that unselfish love is the method of establishing telepathic sensitivity?

6. If we study the qualities of the planet Venus (ruling the ajna center, which is involved in so much telepathy) we will find, ideally, both unselfishness and love.

7. Mercury/Venus are two planets (ruing the ajna center at different times of human development) much involved with the telepathic process. As the disciple begins to respond to the higher influences of these

2. Qua khả năng giao tiếp với nhau vào bất cứ lúc nào.

3. Qua sự nhạy cảm với tư tưởng của toàn thể nhân loại.

1. Chân sư DK nêu ra một số khả năng cho các nhóm đang mới hình thành, *nếu* họ yêu thương một cách vô vị kỷ. Làm như vậy, họ sẽ bước vào một mối quan hệ hoàn toàn mới với nhau.

2. Khả năng viễn cảm được vun bồi sẽ phát triển theo ba hướng: lên trên, ngang và xuống dưới.

3. Có thể tiếp xúc với Chân sư (và cả các Chân sư khác); có thể tiếp xúc với các đệ tử đồng môn; và có thể tiếp xúc với nhân loại.

4. Viễn cảm là một con đường hai chiều: tiếp nhận và truyền đi. Một đệ tử cần sáu phương thức tương tác phát sinh từ ba hướng ấy, khi xét mỗi hướng từ cả góc độ tiếp nhận lẫn truyền đi.

5. Chẳng phải thật thú vị sao khi tình thương vô vị kỷ là phương pháp thiết lập sự nhạy cảm viễn cảm?

6. Nếu nghiên cứu các phẩm tính của Sao Kim (cai quản trung tâm ajna, vốn tham gia rất nhiều vào hoạt động viễn cảm), chúng ta sẽ thấy, trong biểu hiện lý tưởng, cả tính vô vị kỷ lẫn tình thương.

7. Sao Thủy/Sao Kim là hai hành tinh (cai quản trung tâm ajna vào những thời kỳ khác nhau trong sự phát triển của con người) có liên hệ sâu sắc với tiến trình viễn cảm. Khi đệ tử bắt đầu đáp ứng với những ảnh hưởng cao hơn của các hành tinh này, các quyền năng

planets, the telepathic powers develop.

8. It should also be said that Jupiter, Uranus and Neptune have their part to play in bringing the telepathic process to fruition.

9. While Saturn rules the Plan, it does not specifically promote sensitivity to contact. Because Saturn does, however, clear and order the field of consciousness, it does, in its own way, contribute to telepathic reception.

Can you not see, therefore, how a miniature replica of the Brotherhood can be established on earth and how in decades [25] to come the working disciples of the world, the isolated initiates in the many world organisations and the personnel of the New Group of World Servers will automatically respond to the telepathic sensitivity of such groups as will be found working in the many Ashrams of the Masters? The result of this success will not be the recognition of any particular group but it will lead to the recognition of a universal power and the state of mind of disciples of all degrees. This will establish in time and without controversy the unity of all beings. The revelation of unity through the power of thought is the glorious consummation of the work of the Brotherhood and to this you do, as do all disciples, respond in your highest moments. It can, in a smaller way and according to the measure of your consecration, be your glory and your goal also if you hold the thought of oneness, of service and above all else of love.

1. Master DK is involved in the process of

viễn cảm sẽ phát triển.

8. Cũng cần nói rằng Sao Mộc, Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương đều góp phần đưa tiến trình viễn cảm đến chỗ thành tựu.

9. Dù Sao Thổ cai quản Thiên Cơ, hành tinh này không đặc biệt thúc đẩy sự nhạy cảm trong tiếp xúc. Tuy nhiên, vì Sao Thổ làm trong sáng và sắp đặt trường tâm thức theo trật tự, nên theo cách riêng của mình, hành tinh này cũng góp phần vào sự tiếp nhận viễn cảm.

Vì vậy, các bạn không thấy được sao, rằng một mô hình thu nhỏ của Huynh đệ Đoàn có thể được thiết lập trên Trái Đất như thế nào, và trong những thập niên [25] sắp tới, các đệ tử đang hoạt động trên thế gian, các điểm đạo đồ đơn lẻ trong nhiều tổ chức thế giới, cùng những thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian sẽ tự động đáp ứng với sự nhạy cảm viễn cảm của những nhóm đang làm việc trong nhiều ashram của các Chân sư như thế nào? Kết quả của thành công này sẽ không phải là sự công nhận một nhóm cụ thể nào, mà sẽ dẫn đến sự công nhận một quyền năng phổ quát và trạng thái thể trí của các đệ tử ở mọi cấp độ. Theo thời gian, điều này sẽ xác lập sự hợp nhất của mọi sinh linh mà không gây tranh cãi. Sự mặc khải về hợp nhất qua quyền năng tư tưởng là thành tựu huy hoàng tột đỉnh trong công việc của Huynh đệ Đoàn, và cũng như mọi đệ tử, các bạn quả thực đáp ứng với điều này trong những thời khắc cao cả nhất của mình. Ở quy mô nhỏ hơn và tùy theo mức độ thánh hiến của các bạn, điều ấy cũng có thể là vinh quang và mục tiêu của các bạn, nếu các bạn giữ vững tư tưởng về tính nhất thể, về phụng sự, và trên hết là về tình thương.

1. Chân sư DK đang tham gia vào tiến trình

attempting to build a miniature replica of the Brotherhood one earth.

nỗ lực xây dựng một mô hình thu nhỏ của Huynh đệ Đoàn trên Trái Đất.

2. If this can be done, those who are working in the field will have a much sounder source of guidance than heretofore. Telepathic groups working in the many Ashrams of the Masters will help guide by the power and clarity of their thought those who (more isolated) are attempting to serve humanity and carry out the Hierarchys will.

2. Nếu thực hiện được điều này, những người đang hoạt động trong lĩnh vực ấy sẽ có một nguồn hướng dẫn vững chắc hơn nhiều so với trước đây. Các nhóm viễn cảm làm việc trong nhiều ashram của các Chân sư sẽ dùng sức mạnh và sự sáng rõ của tư tưởng mình để giúp hướng dẫn những người đang nỗ lực phụng sự nhân loại và thực hiện ý chí của Thánh đoàn trong hoàn cảnh đơn lẻ hơn.

3. Telepathy is part of a general linking up which is necessary for the full expression of the Divine Plan.

3. Viễn cảm là một phần của sự liên kết tổng thể cần thiết cho sự biểu đạt trọn vẹn của Thiên Cơ.

4. We can see how the Triangles Work (in both of its divisions) is very useful in developing telepathy. It may be one of the reasons that Master DK considers the Triangles Project so important.

4. Chúng ta có thể thấy Công Tác Tam Giác (ở cả hai phân bộ) rất hữu ích trong việc phát triển viễn cảm. Đó có thể là một trong những lý do khiến Chân sư DK xem Dự Án Tam Giác là quan trọng đến thế.

5. A widespread telepathic sensitivity will not bring any particular group to recognition, but there will be a general acknowledgement of the reality and importance of telepathic power and of that state of mind which can properly be called disciplic.

5. Sự nhạy cảm viễn cảm lan rộng sẽ không khiến một nhóm cụ thể nào được công nhận, nhưng sẽ có sự thừa nhận rộng rãi về tính hiện thực và tầm quan trọng của quyền năng viễn cảm, cũng như trạng thái thể trí mà ta có thể gọi một cách xác đáng là trạng thái của đệ tử.

6. The growing telepathic sensitivity of disciples and, eventually, humanity will be one of the proofs of the unity of all beings. One can talk about such things forever, but unless one sees for oneself, such talk will simply consist of platitudinous words unsupported by realization.

6. Sự nhạy cảm viễn cảm ngày càng tăng của các đệ tử và cuối cùng là của nhân loại sẽ là một trong những bằng chứng về sự hợp nhất của mọi sinh linh. Người ta có thể nói mãi về những điều ấy, nhưng nếu không tự mình thấy được, những lời nói ấy sẽ chỉ là những lời sáo rỗng thiếu nền tảng chứng nghiệm.

7. Another wonderful statement is offered: The revelation of unity through the power of thought is the glorious consummation of the work of the Brotherhood and to this you do,

7. Một phát biểu tuyệt vời khác được đưa ra: Sự mặc khải về hợp nhất qua quyền năng tư tưởng là thành tựu huy hoàng tột đỉnh trong công việc của Huynh đệ Đoàn, và cũng như

as do all disciples, respond in your highest moments.

mọi đệ tử, các bạn quả thực đáp ứng với điều này trong những thời khắc cao cả nhất của mình.

8. How will humanity come to realize the *reality of unity*? We are here being told that the power of thought will reveal it especially the power of *telepathically transmitted* thought.

8. Nhân loại sẽ đi đến chỗ nhận ra *thực tại của sự hợp nhất* như thế nào? Ở đây, chúng ta được cho biết rằng quyền năng tư tưởng sẽ mặc khải điều ấy, đặc biệt là quyền năng của tư tưởng *được truyền bằng viễn cảm*.

9. Human beings will not change their behavior unless their consciousness indicates that change is desirable and even necessary. Through the sequence of love, telepathy and realized unity, human consciousness can and will change. We see that some apparently simple, innocuous advice from the Master can have extraordinarily far-reaching consequences of a positive kind.

9. Con người sẽ không thay đổi hành vi trừ khi tâm thức cho họ thấy rằng sự thay đổi là điều đáng mong muốn và thậm chí cần thiết. Qua trình tự tình thương, viễn cảm và sự hợp nhất được chứng nghiệm, tâm thức con người có thể và sẽ thay đổi. Chúng ta thấy rằng một lời khuyên có vẻ đơn giản, nhẹ nhàng của Chân sư có thể đem lại những hệ quả tích cực sâu rộng phi thường.

10. DK asks that certain thoughts dominate our consciousness: thoughts of oneness, of service, and above all else of love. It is a great misapprehension that power comes only through complex means. Quite the opposite is usually the case. Simple advice is being offered as a means to achieve amazingly potent results. Can we cut through all the complexities of the Teaching (sometimes unavoidable complexities) in order to institute in our lives the simple fundamentals (based on love) which will make of us true telepathic workers telepathically attuned to both Hierarchy and humanity?

10. Chân sư DK yêu cầu chúng ta để những tư tưởng nhất định chi phối tâm thức mình: tư tưởng về tính nhất thể, về phụng sự, và trên hết là về tình thương. Cho rằng quyền năng chỉ đến qua những phương tiện phức tạp là một ngộ nhận lớn. Thông thường, thực tế lại hoàn toàn ngược lại. Lời khuyên đơn giản đang được đưa ra như một phương tiện để đạt những kết quả có sức mạnh đáng kinh ngạc. Liệu chúng ta có thể xuyên qua mọi điều phức tạp của Giáo Huấn (đôi khi là những điều phức tạp không thể tránh khỏi) để thiết lập trong đời sống mình những nền tảng đơn giản (dựa trên tình thương), vốn sẽ khiến chúng ta trở thành những người hoạt động viễn cảm đích thực, hòa điệu bằng viễn cảm với cả Thánh đoàn lẫn nhân loại?

Second: **the power of the intuition**, which is the goal of much of the work which disciples must do, requires the unfoldment of another faculty in man. The intuition is a function of

Thứ hai: **quyền năng trực giác**, vốn là mục tiêu của phần lớn công việc mà các đệ tử phải làm, đòi hỏi sự khai mở một năng lực khác nơi con người. Trực giác cũng là một chức

the mind also and, when rightly used, it enables man to grasp reality with clarity and to see that reality free from glamour and the illusions of the three worlds. When the intuition functions in any human being, he is enabled to take direct and correct action for he is in touch with the Plan, with pure and unadulterated fact and undistorted ideas free from illusion and coming direct from the divine or universal Mind. The unfoldment of this faculty will bring about a world recognition of the Plan and this is the greatest achievement of the intuition in this present world cycle. When that Plan is sensed, there comes the realisation of the unity of all beings, of the synthesis of world evolution and of the unity of the divine objective. All life and all forms are seen then in their true perspective; a right sense of values and of time then eventuates. When the Plan is truly intuited and at first hand, then constructive effort becomes inevitable and there is no lost motion. It is the partial realisation of the Plan and its interpretation at second or third hand by the ignorant which is responsible for the wasted effort and the foolish impulses which characterise the present occult and world organisations. [26]

năng của thể trí và, khi được sử dụng đúng đắn, nó giúp con người nắm bắt thực tại một cách sáng rõ và thấy thực tại ấy không còn ảo cảm cùng những ảo tưởng của ba cõi giới. Khi trực giác hoạt động nơi một người, y có thể hành động trực tiếp và đúng đắn, vì y tiếp xúc với Thiên Cơ, với sự thật thuần khiết, không pha tạp, cùng những ý tưởng không sai lệch, thoát khỏi ảo tưởng và đến trực tiếp từ Trí Tuệ Thiêng Liêng hay Vũ Trụ Trí. Sự khai mở năng lực này sẽ đưa đến sự công nhận Thiên Cơ trên toàn thế giới, và đây là thành tựu lớn nhất của trực giác trong chu kỳ thế giới hiện tại. Khi cảm nhận được Thiên Cơ ấy, con người sẽ nhận ra sự hợp nhất của mọi sinh linh, sự tổng hợp của tiến hoá thế giới và sự thống nhất của mục tiêu thiêng liêng. Khi ấy, mọi sự sống và mọi hình tướng đều được nhìn nhận trong tương quan đích thực của chúng; từ đó nảy sinh một ý thức đúng đắn về các giá trị và thời gian. Khi thực sự trực nhận Thiên Cơ qua trải nghiệm trực tiếp, nỗ lực xây dựng tất yếu sẽ diễn ra và không có hoạt động nào uổng phí. Chính việc chỉ nhận biết một phần Thiên Cơ và sự diễn giải gián tiếp qua người thứ hai hay thứ ba của những người thiếu hiểu biết đã gây ra những nỗ lực lãng phí và những thôi thúc dại dột vốn là đặc điểm của các tổ chức huyền bí và thế giới hiện nay. [26]

1. A most important point is brought forward: the development of intuition depends upon the clarification and deglamorization of the mind.

1. Một điểm hết sức quan trọng được nêu ra: sự phát triển trực giác tùy thuộc vào việc làm trong sáng thể trí và giải trừ ảo cảm khỏi thể trí.

2. Disciples are to cultivate the intuition, but they must not put the cart before the horse. Intuition can not emerge unless the foundation of a clear mentality is in place.

2. Các đệ tử phải vun bồi trực giác, nhưng không được đặt cái cày trước con trâu. Trực giác không thể xuất hiện nếu chưa có nền tảng là một trí tuệ sáng rõ.

3. Intuition is far more than we usually think it is. It ensures the correctness of

3. Trực giác vượt xa những gì chúng ta thường nghĩ về nó. Nó bảo đảm tính đúng

action because the correctly intuiting individual is in direct, undistorted touch with the Divine Plan.

đắn của hành động, vì người trực nhận đúng đắn tiếp xúc trực tiếp, không sai lệch với Thiên Cơ.

4. The reason it is so important for intuition to be cultivated on a broad scale is that its unfoldment will bring a world-recognition of the Plan. This, obviously, is very much lacking in todays world and hence the many misguided ventures and initiatives.

4. Việc vun bồi trực giác trên quy mô rộng lớn quan trọng đến vậy là vì sự khai mở của nó sẽ đem lại sự công nhận Thiên Cơ trên toàn thế giới. Hiển nhiên, thế giới ngày nay rất thiếu điều này, do đó mới có nhiều công cuộc và sáng kiến sai lầm.

5. There are great benefits to sensing the Plan as it is. A review of these benefits should cause us to redouble our efforts to rightly apprehend the Plan. But, it would seem, only the *intuition* will lead to correct apprehension.

5. Việc cảm nhận Thiên Cơ đúng như thực có những lợi ích lớn lao. Việc xem xét lại những lợi ích này hẳn sẽ khiến chúng ta tăng gấp đôi nỗ lực để lĩnh hội Thiên Cơ một cách đúng đắn. Nhưng dường như chỉ *trực giác* mới dẫn đến sự lĩnh hội đúng đắn.

6. A truer sense of values is being developed. The light of Taurus rightly applied will lead to the dissipation of glamor and a consequent correction of the sense of values (to which Taurus is also connected).

6. Một ý thức chân thực hơn về các giá trị đang phát triển. Ánh sáng của Kim Ngưu, khi được vận dụng đúng đắn, sẽ dẫn đến việc làm tiêu tan ảo cảm và từ đó điều chỉnh ý thức về các giá trị (vốn cũng liên hệ với Kim Ngưu).

7. DK points to the wasted effort and foolish impulses which are typical of many occult and world organizations. This misuse of energy would disappear if the intuition were functioning properly.

7. Chân sư DK chỉ ra những nỗ lực lãng phí và những thôi thúc dại dột vốn là đặc trưng của nhiều tổ chức huyền bí và thế giới. Việc sử dụng sai năng lượng này sẽ biến mất nếu trực giác hoạt động đúng đắn.

8. It becomes clear that one of the major functions of Seed Group 2 (the Observers of Reality) is the cultivation of the intuition based upon deglamorization and disillusionment (occultly considered).

8. Rõ ràng, một trong những chức năng chính của Nhóm hạt giống 2 (Các Nhà Quan Sát Thực Tại) là vun bồi trực giác dựa trên việc giải trừ ảo cảm và ảo tưởng (xét theo nghĩa huyền bí).

9. We can see how Point 2 (the development of the intuition) is based upon the cultivation of the ability to work in thought substance (Point 1)

9. Chúng ta có thể thấy Điểm 2 (sự phát triển trực giác) đặt nền tảng trên việc vun bồi khả năng làm việc trong chất liệu tư tưởng (Điểm 1)

10. We can speak endlessly of the reality of

10. Chúng ta có thể nói mãi về thực tại của

the Divine Plan, but only the intuition will apprehend it directly and convincingly. Hence the importance of ridding the world of glamor and illusion so that the way towards the development of intuition can be cleared.

Thiên Cơ, nhưng chỉ trực giác mới lĩnh hội được Thiên Cơ một cách trực tiếp và đầy sức thuyết phục. Vì thế, việc giải thoát thế giới khỏi ảo cảm và ảo tưởng là điều quan trọng, để có thể dọn đường cho sự phát triển trực giác.

The various groups in a Master's Ashram can fulfil certain functions and provide laboratories for specified work. Some can provide a demonstration laboratory of the trained observers of the world and can handle world glamour and illusion. Other groups can focus on the development of the telepathic faculty and become trained communicators. The objective before the Hierarchy at this time is to break and dissipate the world glamour. This has to happen on a world scale just as it happens in the life of every disciple. Just as a man shifts his focus of consciousness (when on the Path of Discipleship) on to the mental plane and learns to smash the glamour which has hitherto held him on the astral plane, so the problem before the Hierarchy today is to bring about a similar happening in the life of humanity as a whole, for humanity is at the crossroads and its consciousness is being rapidly focussed on the mental plane. A death blow must be struck at the world illusion for it holds the sons of men in thrall. By learning to break through the glamour in their own lives and to live in the light of the intuition, disciples can strengthen the hands of Those Whose task it is to awaken the intuition in man.

Các nhóm khác nhau trong ashram của một Chân sư có thể đảm nhiệm những chức năng nhất định và cung cấp các phòng thí nghiệm cho những công việc cụ thể. Một số nhóm có thể cung cấp một phòng thí nghiệm minh chứng cho các nhà quan sát lão luyện trên thế giới và có thể xử lý ảo cảm cùng ảo tưởng của thế giới. Những nhóm khác có thể tập trung phát triển năng lực viễn cảm và trở thành các nhà giao tiếp lão luyện. Mục tiêu trước mắt của Thánh đoàn vào lúc này là phá vỡ và làm tiêu tan ảo cảm thế giới. Điều này phải xảy ra trên quy mô thế giới, cũng như xảy ra trong đời sống của mỗi đệ tử. Cũng như một người chuyển sự tập trung tâm thức của mình lên cõi trí (khi ở trên Con Đường Đệ Tử) và học cách đập tan ảo cảm vốn từ trước đến nay giam giữ y trên cõi cảm dục, vấn đề trước mắt của Thánh đoàn ngày nay là tạo ra một diễn biến tương tự trong đời sống của toàn thể nhân loại, vì nhân loại đang đứng trước ngã đường và tâm thức của nhân loại đang nhanh chóng tập trung lên cõi trí. Phải giáng một đòn chí tử vào ảo tưởng thế giới, vì nó đang giam hãm những người con của nhân loại. Bằng cách học xuyên phá ảo cảm trong chính đời sống mình và sống trong ánh sáng trực giác, các đệ tử có thể tiếp sức cho Các Đấng có nhiệm vụ đánh thức trực giác nơi con người.

1. Laboratories are needed to accomplish on a small scale what must later be accomplished in relation to humanity as a whole. Groups related to the Masters' Ashrams are excellent crucibles for such

1. Cần có những phòng thí nghiệm để thực hiện ở quy mô nhỏ điều mà về sau phải thực hiện đối với toàn thể nhân loại. Các nhóm liên hệ với ashram của các Chân sư là những môi trường tuyệt vời cho việc thử nghiệm

experimentation.

2. We see that Master DK is laying the foundation for the discussion of the specialized "Seed Groups". He has entered into a discussion of the need for telepathic sensitivity, and now He is focussing on the need for "trained observers".

3. Another prominent objective of Hierarchy is stated: Hierarchy is intent on breaking and dissipating world glamor. We (humanity) must be made to see the "error of our ways" and the realization must be so impressive that we will not fall into similar self-deceptions again.

4. We are told that "humanity is at the crossroads". It is possible to help humanity achieve a greater mental polarization and, with it, an end to the kinds of glamors which now hold it in thrall.

5. Hierarchy is working to bring about the end of glamor in the life of humanity as a whole. It is a very daunting objective.

6. In this task, we understand that Hierarchy is fighting for the *life* of humanity. Consequently "a death blow" must be struck at that which is imprisoning the life and thus bringing spiritual death. We can understand that Hierarchy must involve Pluto (just as the Black Lodge did, for its own purposes). The Plutonic influence, rightly directed will not mean the destruction and death of humanity (as the Black Lodge hopes) but the destruction and death of the world illusion which is slowly strangling humanity. The same energy can be used for benevolent or malevolent purposes.

như thế.

2. Chúng ta thấy Chân sư DK đang đặt nền tảng cho việc bàn luận về những "Nhóm hạt giống" chuyên biệt. Ngài đã bắt đầu bàn về nhu cầu có sự nhạy cảm viễn cảm, và giờ đây Ngài đang tập trung vào nhu cầu có "các nhà quan sát lão luyện".

3. Một mục tiêu nổi bật khác của Thánh đoàn được nêu ra: Thánh đoàn quyết tâm phá vỡ và làm tiêu tan ảo cảm thế giới. Chúng ta (nhân loại) phải được giúp để thấy "những sai lầm trong cách sống của mình", và sự nhận biết ấy phải sâu sắc đến mức chúng ta sẽ không lại rơi vào những sự tự lừa dối tương tự.

4. Chúng ta được cho biết rằng "nhân loại đang đứng trước ngã đường". Có thể giúp nhân loại đạt đến sự phân cực trí tuệ cao hơn, và cùng với đó là chấm dứt những loại ảo cảm hiện đang giam hãm nhân loại.

5. Thánh đoàn đang làm việc để chấm dứt ảo cảm trong đời sống của toàn thể nhân loại. Đây là một mục tiêu vô cùng khó khăn.

6. Trong nhiệm vụ này, chúng ta hiểu rằng Thánh đoàn đang chiến đấu vì *sự sống* của nhân loại. Do đó, "một đòn chí tử" phải giáng xuống điều đang giam cầm sự sống và qua đó đem lại cái chết tinh thần. Chúng ta có thể hiểu rằng Thánh đoàn phải huy động ảnh hưởng của Sao Diêm Vương (cũng như Hắc đoàn đã làm vì những mục đích riêng của họ). Ảnh hưởng của Sao Diêm Vương, khi được định hướng đúng đắn, sẽ không mang lại sự hủy diệt và cái chết cho nhân loại (như Hắc đoàn mong muốn), mà sẽ hủy diệt và chấm dứt ảo tưởng thế giới đang từ từ bóp nghẹt nhân loại. Cùng một năng lượng có thể được sử dụng cho những mục đích thiện

lành hoặc độc ác.

7. The responsibility is put squarely on our shoulders. If we want to help Hierarchy deal a death blow to the world glamor, we have to kill glamor in our own lives. First, however, we have to *recognize* what we hope to *expunge*.

7. Trách nhiệm được đặt thẳng lên vai chúng ta. Nếu muốn giúp Thánh đoàn giáng một đòn chí tử vào ảo cảm thế giới, chúng ta phải tiêu diệt ảo cảm trong chính đời sống mình. Tuy nhiên, trước hết chúng ta phải *nhận diện* điều mình hy vọng *loại bỏ*.

8. It is hard to recognize one's own glamors because they are so close to us, so much a part of how we are and what we do. It is here that group work proves invaluable, because others can see our flaws whereas, often, we cannot, or if we see them, we find clever ways to justify them (saying, perhaps, "Well, that's just the way I am", as if the glamor were the most natural thing in the world).

8. Khó nhận ra những ảo cảm của chính mình, vì chúng quá gần gũi với chúng ta, gắn quá chặt với cách chúng ta sống và những gì chúng ta làm. Chính ở đây, công việc nhóm chứng tỏ giá trị vô cùng lớn, vì người khác có thể thấy những khuyết điểm của chúng ta, trong khi chúng ta thường không thấy được; hoặc nếu có thấy, chúng ta lại tìm những cách khéo léo để biện minh cho chúng (có lẽ nói rằng: "Tôi vốn là như thế", như thể ảo cảm là điều tự nhiên nhất trên đời).

9. Notice that DK speaks of "breaking through" the glamor in our own lives. It is as if a shell of illusion has to be shattered so that the light, previously walled without, can enter.

9. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK nói đến việc "xuyên phá" ảo cảm trong chính đời sống chúng ta. Dường như phải đập vỡ một lớp vỏ ảo tưởng để ánh sáng, trước đó bị ngăn ở bên ngoài, có thể đi vào.

10. It is safe to say that all that prevents us from resembling the members of the Hierarchy are glamors. If we could isolate the ways in which we are *unlike* those highly developed souls Who serve the planet by participation in the Spiritual Hierarchy, we would know our task.

10. Có thể khẳng định rằng mọi điều ngăn chúng ta trở nên giống các thành viên của Thánh đoàn đều là ảo cảm. Nếu có thể xác định riêng những phương diện mà chúng ta *khác với* những linh hồn phát triển cao đang phụng sự hành tinh bằng việc tham gia Thánh đoàn, chúng ta sẽ biết nhiệm vụ của mình.

11. To end glamor, however, is not the task of a single day. The cloud of glamor (though suffocating) is not easily seen and many glamors within the general 'swirl' are elusive and hard to confront.

11. Tuy nhiên, chấm dứt ảo cảm không phải là công việc của một ngày. Đám mây ảo cảm (dù gây ngạt thở) không dễ nhận thấy, và nhiều ảo cảm trong 'vòng xoáy' chung ấy rất khó nắm bắt và khó đối diện.

12. The naming of some of the myriad

12. Tuy nhiên, việc gọi tên một số trong vô

glamors can, however, be useful for, perhaps, we will notice some of these glamors within our own nature or in those close to us. Perhaps taking notice will lead to a realization of the best methods to counter the effect. We cannot fight an enemy we do not understand.

vàn ảo cảm có thể hữu ích, vì có lẽ chúng ta sẽ nhận thấy một vài ảo cảm ấy trong chính bản chất mình hoặc nơi những người gần gũi với mình. Có lẽ việc chú ý nhận ra sẽ dẫn đến sự nhận biết những phương pháp tốt nhất để chống lại tác động ấy. Chúng ta không thể chiến đấu với một kẻ thù mà mình không thấu hiểu.

There are many and different kinds of glamour and disciples are frequently surprised when they learn what is regarded as glamour by the Masters. I will enumerate a few of the more general glamours for you, leaving you to make any needed application and expansion of the idea from the individual to humanity as a whole. Here are the names of some of these glamours:

Có nhiều loại ảo cảm khác nhau, và các đệ tử thường ngạc nhiên khi biết điều gì được các Chân sư xem là ảo cảm. Tôi sẽ liệt kê cho các bạn một vài ảo cảm phổ biến hơn, để các bạn tự thực hiện mọi sự áp dụng cần thiết và mở rộng ý tưởng từ cá nhân đến toàn thể nhân loại. Sau đây là tên của một số ảo cảm ấy:

1. One of the problems with the elimination of glamor is that it is elusive and hard to detect. It is difficult to separate from the background of the normal living process.

1. Một trong những khó khăn khi loại bỏ ảo cảm là nó rất khó nắm bắt và khó phát hiện. Khó tách nó ra khỏi bối cảnh của tiến trình sống bình thường.

2. Glamor is so often an unrecognizable part of our conditioning. Our habits come to seem normal, and the normal, acceptable. Yet correction is required and it will be the Master's task to point of certain glamors which escape the corrective attention of the chela.

2. Ảo cảm rất thường là một phần khó nhận ra trong những ảnh hưởng đã định hình chúng ta. Những thói quen của chúng ta dần có vẻ bình thường, và điều bình thường lại trở thành điều có thể chấp nhận. Tuy nhiên, vẫn cần sự sửa chữa, và nhiệm vụ của Chân sư sẽ là chỉ ra những ảo cảm nhất định mà đệ tử chưa chú ý sửa chữa.

3. We are asked to generalize from the individual to the group and, thence, to humanity.

3. Chúng ta được yêu cầu khái quát từ cá nhân đến nhóm, rồi từ đó đến nhân loại.

1. The glamour of destiny. This is a glamour which indicates to the one whom it controls that he has important work to do and that he must speak and work as destined. This feeds a pride which has no foundation in fact.

1. Ảo cảm về vận mệnh. Đây là một ảo cảm khiến người bị nó chi phối tin rằng y có công việc quan trọng phải làm và phải nói năng, hành động theo điều đã được định sẵn. Nó nuôi dưỡng một niềm kiêu hãnh không có nền tảng thực tế.

1. Every glamor is a distortion of an acceptable attitude.

2. Every soul has a destiny. Every monad does, especially.

3. In this case, however, the personality is attempting to model itself on some external pattern resulting in inauthentic action. There is wrong-self-estimation and, thus, lack of co-measurement of the disciple with his/her environment. He/she values himself/herself too much relative to confreres and this exalted self-valuation has no basis in truth.

4. The result will be inharmonious and non-productive action, causing trouble among the co-workers and a side-tracking of energy from a constructive objective.

2. The glamour of aspiration. Those thus conditioned are completely satisfied and pre-occupied with their aspiration towards the light and rest back upon the fact that they are aspirants. Such people need to move onward on to the Path of Discipleship and cease their preoccupation and satisfaction with their spiritual ambitions and goals.

1. This is often the glamor of those who are inwardly afraid of the work (and pain) entailed by treading the Path of Discipleship.

2. Aspiration is exciting, and excitement masquerades as a sense of livingness. One enjoys the simulation without having to "set one's hand to the plough".

3. Aspiration is a means to an end, but when under the spell of this glamor, one settles for

1. Mỗi ảo cảm đều là sự biến dạng của một thái độ có thể chấp nhận được.

2. Mỗi linh hồn đều có một vận mệnh. Đặc biệt, mỗi chân thần đều như vậy.

3. Tuy nhiên, trong trường hợp này, phàm ngã đang cố khuôn mình theo một mô hình bên ngoài nào đó, dẫn đến hành động thiếu chân thực. Có sự tự đánh giá sai lầm và do đó thiếu sự đánh giá đúng tương quan giữa người đệ tử với môi trường của mình. Người đệ tử đánh giá bản thân quá cao so với các đồng môn, và sự tự đánh giá quá cao này không có cơ sở trong sự thật.

4. Kết quả sẽ là hành động bất hài hòa và không mang lại thành quả, gây rắc rối giữa những người cùng hoạt động và làm năng lượng chệch khỏi một mục tiêu xây dựng.

2. Ảo cảm của khát vọng. Những người chịu ảnh hưởng như vậy hoàn toàn thỏa mãn và mải mê với khát vọng hướng tới ánh sáng của mình, rồi an phận với việc mình là người chí nguyện. Những người như thế cần tiến lên Con Đường Đệ Tử và thôi mải mê, thỏa mãn với những tham vọng và mục tiêu tinh thần của mình.

1. Đây thường là ảo cảm của những người trong thâm tâm sợ công việc (và nỗi đau) mà việc bước trên Con Đường Đệ Tử đòi hỏi.

2. Khát vọng đem lại sự phấn khích, và sự phấn khích khoác lấy dáng vẻ của một cảm giác sống động. Người ta thích thú với sự mô phỏng ấy mà không phải "bắt tayvào công việc".

3. Khát vọng là phương tiện để đạt đến một mục đích, nhưng khi chịu sự mê hoặc của ảo cảm này, người ta bằng lòng với phương tiện

the means.

4. In fact, what we have here is a refusal to move on and do the *real* thing.

5. If we compare the signs Sagittarius (generically, the sign of aspiration) and Capricorn (generically, the sign of initiation) we see a necessary contrast. While it could not possibly be true in all cases, we find in many Sagittarians a tendency to envision, dream and speculate rather than work. In Capricorn (the sign of initiation) the real work begins. (There are, of course, many outstanding exceptions, and Sagittarius is also the sign of the "one pointed disciple" working his/her way towards the goal.)

6. Of course, conversely, Capricorn may be "all work "(of a very mundane and non-progressive kind — "nose to the grindstone", "shoulder to the wheel") and Sagittarius may, at least, lift the sight to something higher.

7. There is no zodiacal sign which is greater or lesser; much depends upon the point of evolution of the form through which the sign is expressing.

8. Another way of conceiving the difference between aspiration and accomplishment is by viewing the manner in which Jupiter and Saturn affect many of those who are spiritually inclined. Jupiter (like Sagittarius) inclines towards vision rather than labor (the speciality of Saturn — ruler of Capricorn).

3. The glamour of self-assurance or of what might be called the astral principles of the

ấy.

4. Thực ra, điều chúng ta thấy ở đây là sự từ chối tiến lên và thực hiện điều *thực sự* cần làm.

5. Nếu so sánh các dấu hiệu Nhân Mã (nói chung là dấu hiệu của khát vọng) và Ma Kết (nói chung là dấu hiệu của điểm đạo), chúng ta thấy một sự tương phản cần thiết. Dù điều này không thể đúng trong mọi trường hợp, chúng ta nhận thấy ở nhiều người thuộc dấu hiệu Nhân Mã một khuynh hướng hình dung, mơ mộng và suy đoán hơn là làm việc. Ở Ma Kết (dấu hiệu của điểm đạo), công việc thực sự bắt đầu. (Dĩ nhiên, có nhiều ngoại lệ nổi bật, và Nhân Mã cũng là dấu hiệu của "người đệ tử nhất tâm" đang nỗ lực tiến tới mục tiêu.)

6. Dĩ nhiên, ngược lại, Ma Kết có thể "chỉ biết làm việc "(thuộc loại rất trần tục và không đem lại tiến bộ — "cắm cúi làm lụng", "gồng vai gánh việc"), còn Nhân Mã ít nhất có thể nâng tầm mắt hướng tới điều gì đó cao hơn.

7. Không có dấu hiệu hoàng đạo nào cao hơn hay thấp hơn; phần lớn tùy thuộc vào điểm tiến hoá của hình tướng mà dấu hiệu ấy đang biểu lộ qua đó.

8. Một cách khác để quan niệm sự khác biệt giữa khát vọng và thành tựu là xem xét cách Sao Mộc và Sao Thổ tác động đến nhiều người có khuynh hướng tinh thần. Sao Mộc (giống Nhân Mã) thiên về tầm nhìn hơn là lao động (sở trường của Sao Thổ — chủ tinh của Ma Kết).

3. Ảo cảm của sự tự tin chắc chắn, hay của điều có thể gọi là các nguyên khí cảm dục

disciple. This is the belief, [27] in plain language, that the disciple regards that his point of view is entirely right. This again feeds pride and tends to make the disciple believe himself to be an authority and infallible. It is the background of the theologian.

của người đệ tử. Nói một cách đơn giản, đây là niềm tin, [27] theo đó người đệ tử cho rằng quan điểm của mình hoàn toàn đúng. Điều này lại nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh và có khuynh hướng khiến người đệ tử tin rằng mình là người có thẩm quyền và không thể sai lầm. Đó là nền tảng của nhà thần học.

1. It is interesting that self-assurance is connected here with the *astral* principle. If the mental principle were more involved, the factor of doubt (in this case a healthy doubt) might enter in.

1. Điều thú vị là ở đây sự tự tin chắc chắn lại gắn với nguyên khí *cảm dục*. Nếu nguyên khí trí tuệ tham gia nhiều hơn, yếu tố hoài nghi (trong trường hợp này là sự hoài nghi lành mạnh) có thể xuất hiện.

2. This attitude is a self-protection against the disturbance of uncertainty. It is an emotional demand for certainty and thus a refusal to consider evidence against one's cherished (and, apparently, *certain*) point of view.

2. Thái độ này là một cách tự bảo vệ trước sự xáo trộn do tình trạng không chắc chắn gây ra. Đó là một đòi hỏi về mặt cảm xúc muốn có sự chắc chắn, và do đó là sự từ chối xem xét bằng chứng chống lại quan điểm mà mình trân quý (và dường như *chắc chắn*).

3. Integration (even a false integration) unites energies (rather than dividing them), and it becomes possible for newly integrated individuals to become emphatic about their position.

3. Sự tích hợp (ngay cả một sự tích hợp sai lệch) hợp nhất các năng lượng (thay vì chia rẽ chúng), và những cá nhân vừa đạt được sự tích hợp có thể trở nên quả quyết về lập trường của mình.

4. Again, there is a distortion — an overvaluation of a particular point of view at the expense of other points of view of equal or greater value. When under the spell of a distorted perspective there is no way for correct thought and action to result, and thus the pattern of action emerging in the disciple's life will be distorted and, thus, in dissonance with the Divine Plan.

4. Một lần nữa, có sự méo mó — đánh giá quá cao một quan điểm cụ thể, làm tổn hại đến những quan điểm khác có giá trị ngang bằng hoặc lớn hơn. Khi chịu sự mê hoặc của một góc nhìn méo mó, không thể nảy sinh tư tưởng và hành động đúng đắn; do đó, mô hình hành động xuất hiện trong đời sống của người đệ tử sẽ méo mó và vì vậy bất hòa với Thiên Cơ.

5. What we have is a self-assuring fixation upon a certain point of view and a rigidity which makes it impossible to change that point of view. Truth is sacrificed for emotional comfort.

5. Điều chúng ta thấy là sự cố chấp vào một quan điểm nhất định nhằm tự trấn an, cùng một sự cứng nhắc khiến người ta không thể thay đổi quan điểm ấy. Chân lý bị hy sinh để đổi lấy sự dễ chịu về cảm xúc.

6. Wherever there is glamor, we have to find the seed of fear.

6. Bất cứ nơi đâu có ảo cảm, chúng ta đều phải tìm ra hạt giống của nỗi sợ.

4. The glamour of duty. This leads to an over-emphasis of the sense of responsibility, producing lost motion and the emphasis of the non-essential.

4. Ảo cảm của bổn phận. Điều này dẫn đến việc nhấn mạnh quá mức tinh thần trách nhiệm, tạo ra những nỗ lực vô ích và sự chú trọng vào điều không thiết yếu.

1. A fixed thoughtform of what are regarded as duties runs the life of the disciple, and to it, he/she conforms.

1. Một hình tư tưởng cố định về những gì được xem là bổn phận điều khiển đời sống người đệ tử, và người đệ tử tuân theo nó.

2. The disciple becomes a 'bowed' creature, bent by the fulfillment of that which is imagined as necessary, but which is often non-essential given the real needs to which the disciple is obliged to respond.

2. Người đệ tử trở thành một sinh linh 'còng lưng', oằn xuống vì thực hiện những điều mình tưởng là cần thiết, nhưng thường lại không thiết yếu khi xét đến những nhu cầu thực sự mà người đệ tử có bổn phận đáp ứng.

3. Rather than attune intuitively with presented need, the thoughtform presenting a pattern of imagined duties commands the disciple, and he/she responds to it rather than to a living reality which would call for adaptability.

3. Thay vì hòa nhịp bằng trực giác với nhu cầu đang hiện ra, người đệ tử chịu sự sai khiến của hình tư tưởng đưa ra một mô hình gồm những bổn phận tưởng tượng, và đáp ứng nó thay vì đáp ứng một thực tại sống động vốn đòi hỏi khả năng thích ứng.

4. Under the pressure of imagined duty, the personality becomes a poor, dead and rigid thing, working without inspiration as it repetitively "goes through the motions" which are accepted as aligned with that which is necessary and required.

4. Dưới áp lực của bổn phận tưởng tượng, phàm ngã trở thành một thứ nghèo nàn, chết cứng và cứng nhắc, làm việc không có cảm hứng khi cứ lặp đi lặp lại việc "làm cho đủ lệ" mà người ta chấp nhận là chỉnh hợp với những gì cần thiết và được đòi hỏi.

5. The disciple loses his/her center and becomes increasingly conditioned by external factors.

5. Người đệ tử đánh mất trung tâm của mình và ngày càng chịu ảnh hưởng của những yếu tố bên ngoài.

6. Joy leaves the life and the sense of being a 'living origin' diminishes.

6. Sự hoan hỉ rời khỏi đời sống, và cảm giác mình là một 'nguồn khởi sinh sống động' suy giảm.

7. Sometimes an ambition to rise makes one overly dutiful. "If I fulfill my duty, I shall rise". Sometimes, it might be a sense of

7. Đôi khi tham vọng vươn lên khiến người ta quá câu nệ bổn phận. "Nếu tôi làm tròn bổn phận, tôi sẽ vươn lên". Đôi khi, đó có thể

essential unworthiness; "If I fulfill my duty, at least I will be worthy".

là cảm giác bản thân vốn không xứng đáng; "Nếu tôi làm tròn bổn phận, ít nhất tôi sẽ xứng đáng".

8. The result of all this is that the disciple is controlled from 'without' rather than Self-controlled from 'within'.

8. Kết quả của tất cả những điều này là người đệ tử chịu sự kiểm soát từ 'bên ngoài' thay vì chịu sự kiểm soát của Chân Ngã từ 'bên trong'.

9. Could we say that this glamor is rooted in a 'fear of self-determination'?

9. Liệu chúng ta có thể nói rằng ảo cảm này bắt nguồn từ 'nỗi sợ tự quyết'?

5. The glamour of environing conditions, leading frequently to a sense of frustration, or of futility or of importance.

5. Ảo cảm của những điều kiện xung quanh, thường dẫn đến cảm giác thất vọng, vô ích hoặc thấy mình quan trọng.

1. The Sun (representing S/selfhood) is *positive* to environing conditions. Saturn (defining the outer limits of the solar system as it was generally conceived during the pre-scientific era) represents conditions, and all that contains the being within a ring-pass-not.

1. Mặt Trời (đại diện cho Chân ngã/phàm ngã) giữ vai trò *chủ động* đối với những điều kiện xung quanh. Sao Thổ (xác định giới hạn bên ngoài của hệ mặt trời theo quan niệm phổ biến trong thời kỳ tiền khoa học) đại diện cho các điều kiện, và tất cả những gì giữ sinh linh trong một vòng-giới-hạn.

2. If one is overly concerned with conditions, one forgets the originative Self which is meant to be the creator and controller of conditions.

2. Nếu quá bận tâm đến các điều kiện, người ta quên đi Chân Ngã khởi tạo, vốn có vai trò sáng tạo và kiểm soát các điều kiện.

3. As disciples, we are to work as correctly as we can without attachment to results. The realm of *results* is the realm of environing conditions.

3. Là đệ tử, chúng ta phải làm việc đúng đắn hết khả năng của mình mà không chấp trước vào kết quả. Lĩnh vực của *kết quả* là lĩnh vực của những điều kiện xung quanh.

4. According to the quality of the results upon which we become fixated, the condition of our astral body is depressed or rises inordinately. We allow the 'condition of conditions' to determine our psychological state.

4. Tùy theo phẩm tính của những kết quả mà chúng ta bám chặt vào, trạng thái thể cảm dục của chúng ta trở nên suy sụp hoặc hưng phấn quá mức. Chúng ta để cho 'tình trạng của các điều kiện' quyết định trạng thái tâm lý của mình.

5. Gradually we become more and more concerned with externals losing our Self as

5. Dần dần, chúng ta ngày càng bận tâm đến những điều bên ngoài, đánh mất Chân Ngã

center — in fact, losing ourselves as *soul.*

6. Anything that inclines the disciple to become *outwardly-determined* rather that *inwardly-determined* is a glamor.

7. For every glamor here listed there could be created what we might call a 'mantram of release' — a mantram defining a necessary corrective attitude.

6. The glamour of the mind and of its efficiency and its capacity to deal with any or every problem. This leads inevitably to isolation and loneliness.

1. This is a third ray glamor. At least many third ray types are given to the "glamor of efficiency". One could see certain first and seventh ray types falling into this problem as well.

2. Many lives of inadequacy finally give place to a life or lives when the disciple thinks that he/she "can handle it".

3. This glamor, however, exemplifies a narrow attitude. There might be other and better ways to handle a problem, but the disciple wants to take everything into his/her own hands (and as a result, compensatorily, feel like "more").

4. It is good to feel adequate to many challenges and to have the power to adapt intelligently and efficiently to many circumstances, but the glamor enters when one feels that he or she must do everything (and, perhaps, that others are far less capable of "doing it right").

vốn là *trung tâm* — thực ra là đánh mất chính mình với tư cách *linh hồn.*

6. Bất cứ điều gì khiến người đệ tử có khuynh hướng *chịu sự định đoạt từ bên ngoài* thay vì *được định đoạt từ bên trong* đều là một ảo cảm.

7. Với mỗi ảo cảm được liệt kê ở đây, có thể tạo ra điều chúng ta gọi là một 'mantram giải thoát' — một mantram xác định thái độ điều chỉnh cần thiết.

6. Ảo cảm của thể trí, của hiệu quả và khả năng xử lý bất kỳ hay mọi vấn đề của nó. Điều này tất yếu dẫn đến sự cô lập và cô đơn.

1. Đây là một ảo cảm của cung ba. Ít nhất, nhiều người cung ba dễ mắc "ảo cảm của hiệu quả". Cũng có thể thấy một số người cung một và cung bảy rơi vào vấn đề này.

2. Nhiều kiếp sống thiếu năng lực cuối cùng nhường chỗ cho một hay nhiều kiếp sống mà người đệ tử nghĩ rằng mình "có thể xử lý được".

3. Tuy nhiên, ảo cảm này biểu hiện một thái độ hạn hẹp. Có thể có những cách khác tốt hơn để xử lý một vấn đề, nhưng người đệ tử muốn tự mình nắm lấy mọi việc (và kết quả là, như một sự bù đắp, cảm thấy mình "lớn lao hơn").

4. Cảm thấy mình đủ năng lực đối phó với nhiều thử thách và có khả năng thích ứng thông minh, hiệu quả với nhiều hoàn cảnh là điều tốt, nhưng ảo cảm xuất hiện khi người ta cảm thấy mình phải làm tất cả mọi việc (và có lẽ cho rằng những người khác kém khả năng hơn mình rất nhiều trong việc

"làm cho đúng").

5. One can see how this glamor could feed pride.

5. Có thể thấy ảo cảm này nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh như thế nào.

6. Meanwhile other potential cooperators are shut out of the process. Finding no way to work with the individual preoccupied with this glamor, they go elsewhere and do other things. The glamored disciple, obsessed with his/her overbearing sense of adequacy to all eventualities, is left alone, later to discover that there are many things which could be "handled" or "dealt with" better by others.

6. Trong khi đó, những người khác có khả năng cộng tác lại bị gạt khỏi tiến trình. Không tìm được cách làm việc với cá nhân đang mải mê trong ảo cảm này, họ đi nơi khác và làm những việc khác. Người đệ tử mắc ảo cảm, bị ám ảnh bởi cảm giác tự phụ rằng mình đủ năng lực ứng phó với mọi tình huống, bị bỏ lại một mình, để rồi sau đó khám phá ra rằng có nhiều việc mà người khác có thể "đảm đương" hoặc "xử lý" tốt hơn.

7. Under this glamor, true group work cannot be achieved. Members of a group cannot work together harmoniously and constructively. There is no true esoteric "division of labor" (because the glamored disciple has taken all labor to himself/herself) — or advises others exactly, in the smallest detail, how things are to be done.

7. Dưới ảnh hưởng của ảo cảm này, không thể thực hiện công việc nhóm đích thực. Các thành viên trong nhóm không thể cùng nhau làm việc hài hòa và có tính xây dựng. Không có sự "phân công lao động" đích thực theo nghĩa huyền bí (vì người đệ tử mắc ảo cảm đã ôm lấy mọi công việc) — hoặc chỉ dẫn cho người khác chính xác đến từng chi tiết nhỏ nhất về cách phải làm mọi việc.

7. The glamour of devotion, leading to an undue stimulation of the astral body. The man or woman thus glamoured sees only one idea, one person, one authority and one aspect of truth. It feeds fanaticism and spiritual pride.

7. Ảo cảm Sùng tín, dẫn đến sự kích thích quá mức thể cảm dục. Người nam hay nữ mắc ảo cảm như thế chỉ thấy một ý tưởng, một người, một thẩm quyền và một phương diện của chân lý. Nó nuôi dưỡng sự cuồng tín và lòng kiêu hãnh tinh thần.

1. Focus intensifies energy. If any field within the energy system is fed too much energy at the expense of the other fields within the same system, imbalance results accompanied by a growing inharmony between the fields. Finally, the trend ends in a disintegration of relationship between the previously related fields.

1. Sự tập trung làm năng lượng tăng cường. Nếu bất kỳ trường nào trong hệ thống năng lượng nhận quá nhiều năng lượng, làm thiệt hại đến các trường khác trong cùng hệ thống, thì sự mất cân bằng sẽ xuất hiện, kèm theo tình trạng bất hài hòa ngày càng tăng giữa các trường. Cuối cùng, khuynh hướng ấy dẫn đến sự tan rã của mối quan hệ giữa những trường trước đó từng liên hệ với

nhau.

2. The undue intensification of the astral body caused by the narrow focus of devotion creates a distorted picture of life. The object of devotion looms too large until it covers the entire field of vision and all other possibilities and objectives are shut out.

2. Sự tập trung hạn hẹp của lòng sùng tín làm thể cảm dục tăng cường quá mức, tạo nên một bức tranh méo mó về đời sống. Đối tượng sùng tín trở nên quá lớn, cho đến khi che phủ toàn bộ trường nhìn, và mọi khả năng cùng mục tiêu khác đều bị gạt ra ngoài.

3. It may create a comforting feeling of security to see and value *only one,* but it prevents a wise participation in all the variety of life. One becomes separated from natural and necessary life-processes by the narrow focus of devotion. One "does not care" about anything else, and begins to neglect other equally necessary "people, places and things".

3. Việc nhìn thấy và coi trọng *chỉ một điều duy nhất,* có thể tạo ra cảm giác an toàn dễ chịu, nhưng lại ngăn cản sự tham gia sáng suốt vào toàn bộ tính đa dạng của đời sống. Sự tập trung hạn hẹp của lòng sùng tín tách người ta khỏi các tiến trình sống tự nhiên và cần thiết. Người ta "không quan tâm" đến bất cứ điều gì khác, và bắt đầu bỏ bê những "con người, nơi chốn và sự vật" khác cũng cần thiết không kém.

4. "Everything else" is devalued and the object of devotion is overvalued. The energy concentrated in devotion is intense and seems exiting, living and thus self-justifying. The object of devotion is exalted in an unwarranted manner and the disciple (by association with this exalted object) begins to feel exalted himself/herself. Thus, pride develops and a further separation from other people, place and things (the real value of which is progressively minimized by the narrowly devoted disciple).

4. "Mọi thứ khác" đều bị hạ thấp giá trị, còn đối tượng sùng tín thì được đánh giá quá cao. Năng lượng tập trung trong lòng sùng tín rất mãnh liệt và có vẻ gây phấn khích, sống động, do đó dường như tự chứng minh cho tính chính đáng của mình. Đối tượng sùng tín được tôn cao một cách thiếu cơ sở, và người đệ tử (qua mối liên hệ với đối tượng được tôn cao này) bắt đầu cảm thấy bản thân cũng cao quý. Vì vậy, lòng kiêu hãnh phát triển, cùng với sự tách biệt sâu hơn khỏi những con người, nơi chốn và sự vật khác (mà người đệ tử sùng tín hạn hẹp ngày càng xem nhẹ giá trị thực sự của chúng).

5. The eventual result of all this is a separative and destructive attitude which works against harmonious and constructive relationship within the broader context.

5. Kết quả cuối cùng của tất cả những điều này là một thái độ chia rẽ và phá hoại, chống lại mối quan hệ hài hòa và có tính xây dựng trong bối cảnh rộng lớn hơn.

6. The basic fear is of "standing alone" and of independent existence.

6. Nỗi sợ căn bản là sợ "đứng một mình" và sợ sự hiện tồn độc lập.

7. There is a correlative fear which seeks to avoid the demanding process of developing one's own capacities to handle variety and complexity. Secretly, the overly devoted one hopes to avoid responsibility.

7. Có một nỗi sợ tương ứng khiến người ta tìm cách tránh né tiến trình đòi hỏi nhiều nỗ lực để phát triển năng lực của chính mình nhằm xử lý sự đa dạng và phức tạp. Trong thâm tâm, người quá sùng tín hy vọng tránh được trách nhiệm.

8. The glamour of desire with its reflex action upon the physical body. This leads to a constant condition of fighting and of turmoil. It negates all peace and fruitful work and must some day be brought to an end.

8. Ảo cảm của dục vọng cùng tác động phản hồi của nó lên thể xác. Điều này dẫn đến một tình trạng đấu tranh và xáo trộn không ngừng. Nó phủ nhận mọi sự bình an và công việc sinh thành quả, và một ngày nào đó phải chấm dứt.

1. Desire is a driving force. It is associated much with the planet Mars (thus producing fighting and turmoil).

1. Dục vọng là một mãnh lực thúc đẩy. Nó liên hệ mật thiết với hành tinh Sao Hỏa (do đó tạo ra đấu tranh và xáo trộn).

2. Intense desires do have an immediate effect upon the physical body. They translate into action almost instantaneously. Both the physical body and the astral body, especially, are generically ruled by Mars. The lower mind and the personality are also associated with this planet.

2. Những dục vọng mãnh liệt quả thực có tác động tức thời lên thể xác. Chúng chuyển thành hành động gần như ngay lập tức. Nói chung, Sao Hỏa cai quản cả thể xác lẫn thể cảm dục, đặc biệt là thể cảm dục. Hạ trí và phàm ngã cũng liên hệ với hành tinh này.

3. This instantaneous translation of desire into action produces *maya* (what DK calls "that unthinking emotional mess".

3. Sự chuyển tức thời dục vọng thành hành động này tạo ra *ảo lực* (điều Chân sư DK gọi là "mớ cảm xúc hỗn độn, không suy nghĩ ấy".

4. When driven by desires, one fights for the fulfillment of those desires. In such turmoil it is impossible to *see,* and where one cannot see, one cannot think, act, or work correctly.

4. Khi dục vọng thúc đẩy, người ta đấu tranh để thỏa mãn những dục vọng ấy. Trong sự xáo trộn như thế, không thể *thấy,* và khi không thể thấy, người ta không thể suy nghĩ, hành động hay làm việc đúng đắn.

5. Desire (ever insistent) does not respect the wise and necessary rhythms of life. These rhythms are needed if plans are to come to fruition. Otherwise all constructive process will be *disrupted* (Mars again).

5. Dục vọng (luôn đòi hỏi dai dẳng) không tôn trọng những nhịp điệu sáng suốt và cần thiết của đời sống. Những nhịp điệu này là cần thiết để các kế hoạch có thể thành tựu. Nếu không, mọi tiến trình xây dựng đều sẽ *bị*

phá vỡ (lại là Sao Hỏa).

6. A disciple is one who is assisting in the manifestation of the Divine Plan. A disciple cannot constantly be disrupting his/her own work and that of others.

6. Đệ tử là người đang trợ giúp sự biểu hiện của Thiên Cơ. Người đệ tử không thể liên tục phá vỡ công việc của chính mình và của người khác.

7. What is needed here is *distance* from one's desires, and the choosing of precisely which desires one will entertain and allow as motivating forces. The qualities of the planet Saturn (discrimination and choice) must be applied.

7. Điều cần thiết ở đây là *giữ khoảng cách* với những dục vọng của mình, và lựa chọn chính xác những dục vọng nào mình sẽ nuôi dưỡng và cho phép làm các mãnh lực thúc đẩy. Cần vận dụng những phẩm tính của hành tinh Sao Thổ (sự phân biện và lựa chọn).

9. The glamour of personal ambition.

9. Ảo cảm của tham vọng cá nhân.

1. This glamor is based upon a false sense of identity. One sees only the "little self" and does not evaluate the *real* relation of that self to the larger context.

1. Ảo cảm này dựa trên một cảm nhận sai lầm về bản sắc. Người ta chỉ thấy "cái ngã nhỏ bé" và không đánh giá mối quan hệ *thực sự* của cái ngã ấy với bối cảnh rộng lớn hơn.

2. The objectives pursued will tend to exaggerate the importance of the little self in relation to its environing context. This self will attempt to become 'bigger' than it really is. The welfare of the whole will thus be sacrificed for the welfare of the part.

2. Những mục tiêu được theo đuổi sẽ có khuynh hướng phóng đại tầm quan trọng của cái ngã nhỏ bé so với bối cảnh xung quanh nó. Cái ngã này sẽ cố trở nên 'lớn hơn' so với thực chất của nó. Do đó, phúc lợi của toàn thể sẽ bị hy sinh cho phúc lợi của bộ phận.

3. This attitude obviously causes delay in the progress of the whole.

3. Rõ ràng, thái độ này làm chậm sự tiến bộ của toàn thể.

4. One can, however, be constructively 'ambitious' for the welfare of the whole, but a decentralized attitude with respect to one's own personality is required.

4. Tuy nhiên, người ta có thể có 'tham vọng' mang tính xây dựng vì phúc lợi của toàn thể, nhưng điều đó đòi hỏi một thái độ phi tập trung vào bản thân đối với phàm ngã của chính mình.

There are many other glamours, both individual and world-wide, but these will serve to indicate a general tendency.

Còn nhiều ảo cảm khác, cả ở cá nhân lẫn trên toàn thế giới, nhưng những ảo cảm này đủ để chỉ ra một khuynh hướng chung.

1. What is the tendency? Is there a common denominator at the root of all these glamors?

1. Khuynh hướng ấy là gì? Có một mẫu số chung nằm ở gốc rễ của tất cả những ảo cảm này không?

2. Might we say that *false self-estimation* is one of the major roots? Glamors are problems which exist as the individual attempts to see himself/herself within an environing context. Somehow, in the glamor process, there is always a lack of co-measurement. One fails to see the individual and the enfolding context in the proper proportion.

2. Liệu chúng ta có thể nói rằng *sự tự đánh giá sai lầm* là một trong những gốc rễ chính? Ảo cảm là những vấn đề tồn tại khi cá nhân cố nhìn nhận bản thân trong một bối cảnh xung quanh. Bằng cách nào đó, trong tiến trình ảo cảm luôn có sự thiếu đánh giá đúng tương quan. Người ta không nhìn thấy cá nhân và bối cảnh bao quanh trong tỉ lệ thích đáng.

3. From this distorted estimation, wrong attitudes and wrong actions develop. If we could "observe reality with clarity" the glamors would cease. But only intuition can provide this kind of reliably clear vision. Intuition will only operate when we have freed ourselves from low desire (a desire which distorts perception).

3. Từ sự đánh giá méo mó này, những thái độ sai lầm và hành động sai lầm phát triển. Nếu chúng ta có thể "quan sát thực tại một cách rõ ràng" thì các ảo cảm sẽ chấm dứt. Nhưng chỉ trực giác mới có thể đem lại tầm nhìn rõ ràng đáng tin cậy như thế. Trực giác chỉ hoạt động khi chúng ta đã giải thoát mình khỏi dục vọng thấp hèn (một dục vọng làm méo mó tri giác).

4. Desire, itself, is based upon inadequacy. The tiny unit (instinctually or, later, consciously) knows it 'needs' something 'else' — something other than itself. It is born that way. Desire is natural and unavoidable. Basically and metaphysically, desire arises because the part is apparently not the whole and needs to re-become the whole. There is a primal fear associated with not being the whole. Desire can only end when the lasting perception of *oneness* is achieved

4. Chính dục vọng dựa trên sự thiếu hụt. Đơn vị nhỏ bé biết (theo bản năng hoặc về sau một cách có ý thức) rằng nó 'cần' một điều gì 'khác' — một điều gì khác với chính nó. Nó sinh ra đã như vậy. Dục vọng là tự nhiên và không thể tránh khỏi. Về căn bản và xét theo siêu hình học, dục vọng nảy sinh vì bộ phận dường như không phải là toàn thể và cần trở lại thành toàn thể. Có một nỗi sợ nguyên sơ gắn với việc không phải là toàn thể. Dục vọng chỉ có thể chấm dứt khi đạt được sự tri giác bền vững về *tính nhất thể*

5. The more one refines one's desires, the more intuition can enter. The more intuition enters, the more one can refine one's desires. Gradually, when desire no longer has a strangling hold upon the field of consciousness, the intuition of oneness can

5. Càng tinh luyện dục vọng của mình, trực giác càng có thể đi vào. Trực giác càng đi vào, người ta càng có thể tinh luyện dục vọng của mình. Dần dần, khi dục vọng không còn siết chặt trường tâm thức, trực giác về tính nhất thể có thể bén rễ trong trường ấy. Điều này

plant itself in that field. This signals the beginning of the end of desire (as we know it). (Of course, Desire, is a cosmic principle, so even when overcome in the human sphere, must be faced on ever higher turns of the spiral. But the process will be different than that confronting the human being.)

báo hiệu sự khởi đầu của hồi kết đối với dục vọng (theo cách chúng ta biết về nó). (Dĩ nhiên, Dục vọng là một nguyên khí vũ trụ, nên ngay cả khi đã được khắc phục trong phạm vi nhân loại, người ta vẫn phải đối diện với nó ở những vòng xoắn ốc ngày càng cao hơn. Nhưng tiến trình ấy sẽ khác với tiến trình mà con người đang đối diện.)

Those who are in preparation for initiation must learn to work consciously with glamour; they must work effectively with the presented truth, ignoring any pain or suffering or mental questioning which is incident to personality rebellion and limitation; they must cultivate that "divine indifference" to personal considerations which is the outstanding hallmark of the trained initiate.

Những ai đang chuẩn bị cho điểm đạo phải học cách làm việc một cách hữu thức với ảo cảm; họ phải làm việc hiệu quả với chân lý được trình bày, không để tâm đến bất kỳ đau đớn, khổ sở hay những câu hỏi trong thể trí nào đi kèm với sự phản kháng và giới hạn của phàm ngã; họ phải vun bồi "Điềm nhiên thiêng liêng" trước những mối quan tâm cá nhân, vốn là dấu ấn nổi bật của điểm đạo đồ đã qua huấn luyện.

1. We see that Master DK offers these insights into glamor because of their importance to those who are treading the Path of Initiation (and all true disciples are treading that Path, even if in its earlier stages).

1. Chúng ta thấy Chân sư DK đưa ra những sự thấu hiểu sâu sắc này về ảo cảm vì chúng quan trọng đối với những ai đang bước trên Con Đường Điểm Đạo (và mọi đệ tử chân chính đều đang bước trên Con Đường ấy, dù chỉ mới ở những giai đoạn đầu).

2. Glamor, essentially, is a *lie*. The life of the initiate is inherently *truthful*. The presented truth reveals the lies in which the glamorized person habitually lives.

2. Về bản chất, ảo cảm là một *sự dối trá*. Đời sống của điểm đạo đồ vốn *chân thật*. Chân lý được trình bày phơi bày những điều dối trá mà người chịu ảo cảm thường sống trong đó.

3. The personality protects its prerogative and comforts through lies or distortions of the truth. Thus, the personality will rebel when its protective glamors are threatened.

3. Phàm ngã bảo vệ đặc quyền và những tiện nghi của mình bằng sự dối trá hoặc sự xuyên tạc chân lý. Do đó, phàm ngã sẽ phản kháng khi những ảo cảm che chở cho nó bị đe dọa.

4. When the truth is presented, and when the disciple makes the effort to act upon it, there is will pain, suffering and mental questioning caused by personality rebellion. This must be lived through. If one cares enough about realities, one can treat such

4. Khi chân lý được trình bày và đệ tử nỗ lực hành động theo chân lý ấy, sẽ có đau đớn, khổ sở và những câu hỏi trong thể trí do sự phản kháng của phàm ngã gây ra. Người ta phải sống qua những điều này. Nếu đủ quan tâm đến những thực tại, người ta có thể xem

suffering as secondary and incidental to the major issues.

5. Another potent sentence is offered': " 'divine indifference' to personal considerations…is the outstanding hallmark of the trained initiate". Note, the DK did not say "the disciple", the "trained disciple" or "the initiate". He said the "*trained* initiate"; so we see that the achievement of this attitude is a fairly lengthy process.

6. When troubles and sorrows beset the disciple, a simple review of the pages found in this introduction to *Discipleship in the New Age* should restore a sense of proportion.

I shall not deal further with the subject of glamour as it affects or might affect this particular group of disciples in my Ashram. The times are urgent and the need of humanity so great that there is no "space in consciousness" (to use an ancient occult phrase) for the reiteration of the known ideal, or to tell you again what needs to be done. [28]

1. The Master works under the Law of Economy. He seeks not to waste energy.

2. He expects that His chelas are mature men and women who are responsible enough to undertake the changes in their nature which are seen as necessary.

3. The term "space in consciousness" is worthy pondering. It correlates to the concept of "the contents of consciousness". One has to choose which "contents of consciousness" one will entertain. Not all

nỗi khổ ấy là thứ yếu và chỉ là điều đi kèm những vấn đề chính yếu.

5. Một câu đầy sức mạnh khác được đưa ra: " 'Điềm nhiên thiêng liêng' trước những mối quan tâm cá nhân…là dấu ấn nổi bật của điểm đạo đồ đã qua huấn luyện". Hãy lưu ý, Chân sư DK không nói "đệ tử", "đệ tử đã qua huấn luyện" hay "điểm đạo đồ". Ngài nói "*đã qua huấn luyện* là điểm đạo đồ ấy"; vì vậy, chúng ta thấy việc đạt được thái độ này là một tiến trình khá lâu dài.

6. Khi những khó khăn và buồn phiền bủa vây đệ tử, chỉ cần đọc lại những trang trong phần dẫn nhập này của *Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới* cũng đủ giúp khôi phục Ý thức về tỉ lệ.

Tôi sẽ không bàn thêm về chủ đề ảo cảm, xét theo cách nó ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến nhóm đệ tử cụ thể này trong ashram của Tôi. Thời cuộc cấp bách và nhu cầu của nhân loại lớn lao đến mức không còn "không gian trong tâm thức" (dùng một cụm từ huyền bí cổ xưa) để nhắc lại lý tưởng đã biết, hoặc nói lại với các bạn những gì cần làm. [28]

1. Chân sư làm việc theo Định luật Tiết Kiệm. Ngài tìm cách tránh lãng phí năng lượng.

2. Ngài kỳ vọng các đệ tử của Ngài là những người nam và nữ trưởng thành, có đủ tinh thần trách nhiệm để thực hiện những thay đổi trong bản chất của mình mà họ nhận thấy là cần thiết.

3. Cụm từ "không gian trong tâm thức" đáng để suy ngẫm. Nó có mối tương quan với khái niệm "những nội dung của tâm thức". Người ta phải lựa chọn những "nội dung của tâm thức" mà mình sẽ lưu tâm đến. Không phải

"contents" are in the 'front room'; many are stored or hidden away. The disciple is to be engaged with 'vital contents' and not with secondary contents. Otherwise the non-essential will clutter the 'space' and there will be no correct performance.

mọi "nội dung" đều nằm ở 'gian phòng phía trước'; nhiều nội dung được cất giữ hoặc giấu kín. Đệ tử cần chú tâm vào 'những nội dung thiết yếu' chứ không phải những nội dung thứ yếu. Nếu không, những điều không thiết yếu sẽ làm chật 'không gian' và công việc sẽ không được thực hiện đúng đắn.

4. As a sidelight, it is interesting to ponder whether "space" exists *except* "in consciousness".

4. Xét thêm một khía cạnh liên quan, thật thú vị khi suy ngẫm liệu "không gian" có tồn tại ở đâu *ngoài* "trong tâm thức".

I would have you realise that there is no haste in the work which a Master carries on in connection with His disciples. There is no hurry in the work which I am proposing that we do together, but neither should there be any waste time or lost motion. It will become apparent to you that much that I seek to accomplish is related to thought control and to the activity of the creative imagination. The Hierarchy produces its effects upon the plane of appearances through the potency of its unified, conscious thinking. The establishing of such a condition of unified thinking within the New Group of World Servers is part of my major effort at this time; we can achieve little until that has been brought about.

Tôi muốn các bạn nhận ra rằng không có sự vội vã trong công việc mà một Chân sư thực hiện với các đệ tử của Ngài. Không có sự hấp tấp trong công việc mà Tôi đề nghị chúng ta cùng làm, nhưng cũng không nên có bất kỳ sự lãng phí thời gian hay hành động thừa nào. Các bạn sẽ thấy rõ rằng phần lớn những gì Tôi tìm cách hoàn thành đều liên quan đến việc kiểm soát tư tưởng và hoạt động của Sự tưởng tượng sáng tạo. Thánh đoàn tạo ra những tác động trên cõi hiện tượng nhờ sức mạnh của tư duy hợp nhất, hữu thức. Việc thiết lập trạng thái tư duy hợp nhất như thế trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là một phần nỗ lực chính của Tôi vào lúc này; chúng ta chỉ có thể đạt được rất ít cho đến khi điều đó thành hiện thực.

1. "There is no rush, no hurry. And yet there is no time to lose" (Rules of the Road III — DINA I 584).

1. "Không có sự vội vã, không có sự hấp tấp. Tuy nhiên, cũng không có thời gian để lãng phí" (Các Quy Luật của Đường Đạo III — DINA I 584).

2. The Tibetan is aware that throughout these instructions He has created a sense of urgency. He seeks, however, to offset a customary human response to urgency — a mindless rushing about. His great concern is that *good work* in line with the Plan shall be done.

2. Chân sư Tây Tạng biết rằng xuyên suốt những huấn thị này, Ngài đã tạo ra một ý thức về tính cấp bách. Tuy nhiên, Ngài tìm cách hóa giải một đáp ứng thường thấy của con người trước tính cấp bách — sự tất tả thiếu suy nghĩ. Mối quan tâm lớn của Ngài là phải thực hiện *công việc tốt đẹp* phù hợp với Thiên Cơ.

3. It is not rapid action upon the physical plane (with the many possibilities for waste and accident that such action may entail) that is needed. Rapid thought is need, and wise, deliberate action.

3. Điều cần thiết không phải là hành động nhanh chóng trên cõi hồng trần (với nhiều khả năng lãng phí và tai nạn mà hành động như thế có thể kéo theo). Điều cần thiết là tư duy nhanh nhạy cùng hành động sáng suốt, có cân nhắc.

4. The Tibetan seeks to draw the chela's attention away from physical plane effects, and center that attention upon dimensions which are causative to the physical plane — namely the realm of mind wherein thought control and creative imagination can be exercised. It is *occult* work He is proposing, and He reminds us of this.

4. Chân sư Tây Tạng tìm cách chuyển sự chú ý của đệ tử khỏi những hiệu quả trên cõi hồng trần và tập trung sự chú ý ấy vào những chiều kích tạo nguyên nhân cho cõi hồng trần — tức lĩnh vực trí tuệ, nơi có thể thực hành việc kiểm soát tư tưởng và Sự tưởng tượng sáng tạo. Công việc Ngài đề nghị là công việc *huyền bí*, và Ngài nhắc chúng ta nhớ điều này.

5. Thus, one of the Tibetan's main objectives is emerging here: He is attempting to create a coherent thought field within the New Group of World Servers.

5. Như vậy, một trong những mục tiêu chính của Chân sư Tây Tạng đang hiện rõ ở đây: Ngài đang cố gắng tạo ra một trường tư tưởng nhất quán trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

6. Probably we do not much think about how Hierarchy *really* works. It works through "unified conscious thinking". The Tibetan is seeking to produce a reflection of such thinking in His groups. If He succeeds, it will mean that His groups will be capable of *occultly effective group thinking.*

6. Có lẽ chúng ta ít suy nghĩ về cách Thánh đoàn *thực sự* hoạt động. Thánh đoàn hoạt động thông qua "tư duy hợp nhất, hữu thức". Chân sư Tây Tạng đang tìm cách tạo ra sự phản ánh của lối tư duy ấy trong các nhóm của Ngài. Nếu Ngài thành công, điều đó có nghĩa là các nhóm của Ngài sẽ có khả năng *tư duy nhóm có hiệu quả về mặt huyền bí.*

7. We should pause to realize how much of the work to be done originates on the plane of mind. A certain trust is required in the idea that the proper results are inevitable if the quality and potency of thought is sufficient.

7. Chúng ta nên dừng lại để nhận ra rằng rất nhiều công việc cần làm bắt nguồn trên cõi trí. Cần có một mức độ tin tưởng nhất định vào ý tưởng rằng những kết quả đúng đắn tất yếu sẽ đến nếu phẩm tính và sức mạnh của tư tưởng đạt mức đầy đủ.

So I summon you to a new phase of intense, inner living and dynamic thinking, but this time with a group objective — the objective of group fusion, group united thinking and

Vì vậy, Tôi kêu gọi các bạn bước vào một giai đoạn mới của đời sống nội tâm mãnh liệt và tư duy năng động, nhưng lần này với một mục tiêu nhóm — mục tiêu dung hợp nhóm,

group relation. . . . It is the inner life of reflection, the cultivated recognition of the soul and the reflective alignment of soul and personality which will determine the success of this work.

tư duy hợp nhất của nhóm và mối liên hệ nhóm. . . . Chính đời sống suy ngẫm bên trong, sự nhận biết linh hồn được vun bồi và sự chỉnh hợp giữa linh hồn với phàm ngã thông qua suy ngẫm sẽ quyết định thành công của công việc này.

1. DK directs the group toward the necessity for intense action — but the intensity is to occur primarily upon the *inner* planes.

1. Chân sư DK hướng nhóm đến sự cần thiết của hành động mãnh liệt — nhưng sự mãnh liệt ấy phải diễn ra chủ yếu trên các cõi *bên trong* ấy.

2. He is seeking to promote *intension* rather than *extension.* Power lies at the center rather than the periphery. "Give me a point on which to stand and I will move the world" — so Archimedes, reputedly, said.

2. Ngài tìm cách thúc đẩy sự *tập trung vào chiều sâu* hơn là sự *mở rộng ra bên ngoài.* Quyền năng nằm ở trung tâm hơn là ở ngoại vi. "Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ lay chuyển thế giới" — tương truyền Archimedes đã nói như vậy.

3. "Dynamic thinking" is both powerful and active. One will consecrate this thinking to the welfare of the group. The subjects of such dynamic thought will be "group fusion, group united thinking and group relation".

3. "Tư duy năng động" vừa mạnh mẽ vừa tích cực. Người ta sẽ thánh hiến tư duy này cho phúc lợi của nhóm. Những chủ đề của tư duy năng động ấy sẽ là "sự dung hợp nhóm, tư duy hợp nhất của nhóm và mối liên hệ nhóm".

4. Success in the work that DK proposes will come only with certain inner actions. What is the "reflective alignment of soul and personality"? It is an alignment, first of all, which is *noticed* by the disciple. The soul in incarnation (another name for the disciple) will take advantage of this alignment and act as an intermediary.

4. Chỉ qua những hành động nội tâm nhất định, công việc mà Chân sư DK đề nghị mới có thể thành công. Thế nào là "sự chỉnh hợp giữa linh hồn với phàm ngã thông qua suy ngẫm"? Trước hết, đó là một sự chỉnh hợp mà đệ tử *nhận biết* được. Linh hồn đang nhập thể (một tên gọi khác của đệ tử) sẽ tận dụng sự chỉnh hợp này và hành động như một trung gian.

5. Chelas are to be Self-directed and self-directing individuals. The soul as Solar Angel is the Guide, and by the "inner life of reflection" the behests of the Solar Angel are registered and understood. The disciple (as the soul-in-incarnation) then directs his/her life according to the direction offered by the

5. Các đệ tử phải là những cá nhân do Chân ngã dẫn dắt và có khả năng tự định hướng. Linh hồn, với tư cách Thái dương Thiên Thần, là Đấng Hướng Dẫn, và qua "đời sống suy ngẫm bên trong", những chỉ thị của Thái dương Thiên Thần được ghi nhận và thấu hiểu. Bấy giờ, đệ tử (với tư cách linh hồn

Solar Angel.

đang nhập thể) định hướng đời sống của mình theo sự hướng dẫn của Thái dương Thiên Thần.

6. DK is calling His chelas to an inner life of *soul culture.* The cultivation of soul responsiveness is a Venusian process (considering Venus as the planet of the light and love of the Solar Angel).

6. Chân sư DK đang kêu gọi các đệ tử của Ngài hướng đến một đời sống nội tâm *vun bồi linh hồn.* Việc vun bồi khả năng đáp ứng với linh hồn là một tiến trình thuộc Sao Kim (xét Sao Kim là hành tinh của ánh sáng và tình thương của Thái dương Thiên Thần).

Third: There is another great mind power which has to be unfolded. It is one which characterises all liberated souls, no matter what their ray. This is the power to heal. This work is as yet in embryo and the group consciousness is as yet so young and unpolarised that it is needless for me to enlarge upon the possibilities ahead. When men can be trained to be unselfishly and divinely magnetic and radio-active, then there will be poured out upon the world certain divine forces which will vivify and reconstruct, which will eliminate the evil and heal the sick. Hitherto the attempts of men in the field of medicine, of healing and of the various forms of therapy have been the result of impulses to respond to these hovering forces, but that is all as yet.

Thứ ba: Có một quyền năng lớn lao khác của trí tuệ cần được khai mở. Đó là quyền năng đặc trưng cho mọi linh hồn đã giải thoát, bất kể họ thuộc cung nào. Đây là quyền năng chữa lành. Công việc này hiện vẫn còn phôi thai, và tâm thức nhóm vẫn còn quá non trẻ, chưa phân cực, nên Tôi không cần trình bày thêm về những khả năng phía trước. Khi con người có thể được huấn luyện để trở nên vô tư, có từ tính và khả năng phát xạ một cách thiêng liêng, bấy giờ một số mãnh lực thiêng liêng sẽ tuôn đổ xuống thế gian, tiếp thêm sức sống và tái thiết, loại bỏ điều ác và chữa lành người bệnh. Cho đến nay, những nỗ lực của con người trong lĩnh vực y học, chữa lành và các hình thức trị liệu khác nhau đều là kết quả của những thôi thúc đáp ứng với các mãnh lực đang hiện diện bên trên ấy, nhưng hiện thời chỉ mới có vậy.

1. We find DK outlining the agenda for the first three Seed Groups. The first group consists of the Telepathic Communicators; the second group is composed of Observers of Reality; the third group is focussed upon Esoteric Healing (on three levels).

1. Chúng ta thấy Chân sư DK đang phác thảo chương trình hoạt động cho ba Nhóm hạt giống đầu tiên. Nhóm thứ nhất gồm Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm; nhóm thứ hai gồm những Người Quan Sát Thực Tại; nhóm thứ ba tập trung vào Trị Liệu Huyền Môn (trên ba cấp độ).

2. Group consciousness can be "young" (or immature) and "unpolarised" (which means, not yet focussed upon and sustained at the necessary vibratory level).

2. Tâm thức nhóm có thể "non trẻ" (hay chưa trưởng thành) và "chưa phân cực" (nghĩa là chưa tập trung vào và duy trì ở cấp độ rung động cần thiết).

3. DK assures us that there are healing forces available for the elimination of all sickness and the reconstruction of the world. Accessing these forces, however, requires than those who would heal be unselfish, "divinely magnetic and radioactive". Presumably the training offered will help in the achievement of these desirable objectives.

3. Chân sư DK bảo đảm với chúng ta rằng có sẵn những mãnh lực chữa lành để loại bỏ mọi bệnh tật và tái thiết thế giới. Tuy nhiên, việc tiếp cận những mãnh lực này đòi hỏi những người muốn chữa lành phải vô tư, "có từ tính và khả năng phát xạ một cách thiêng liêng". Có lẽ sự huấn luyện được đưa ra sẽ giúp đạt được những mục tiêu đáng mong muốn này.

4. We being to understand that all that humanity has thus far achieved is but a prelude to an era of real wonder. Solutions to the direst human problems exist, but humanity must be in a proper condition to be the instrument for the application of such solutions. So much of Master DK's work is the attempt to help His chelas become "fit". This is called *training.*

4. Chúng ta bắt đầu thấu hiểu rằng tất cả những gì nhân loại đã đạt được cho đến nay chỉ là khúc dạo đầu cho một kỷ nguyên kỳ diệu thực sự. Có những giải pháp cho các vấn đề nghiêm trọng nhất của con người, nhưng nhân loại phải ở trong trạng thái thích hợp để trở thành công cụ áp dụng những giải pháp ấy. Phần lớn công việc của Chân sư DK là nỗ lực giúp các đệ tử của Ngài trở nên "đủ khả năng". Điều này được gọi là *huấn luyện.*

These are the three major faculties which the spiritual man can unfold; other faculties and developing capacities are only expansions of these three — telepathic thought, receiving and transmitting; intuitive recognition of truth and its formulation into concepts by the mind, plus the later process of materialising that which has been intuited, the highest form of creative work; healing, with its understanding of energy and forces which will lead later to the rebirth of humanity. [29]

Đây là ba năng lực chính mà con người tinh thần có thể khai mở; những năng lực khác và những khả năng đang phát triển chỉ là sự mở rộng của ba năng lực này — tư tưởng viễn cảm, tiếp nhận và truyền đạt; sự nhận biết chân lý bằng trực giác và việc thể trí diễn đạt chân lý ấy thành các khái niệm, cộng với tiến trình về sau đưa những gì đã được trực giác nhận biết thành hiện thực vật chất, hình thức cao nhất của công việc sáng tạo; chữa lành, với sự thấu hiểu về năng lượng và các mãnh lực, mà về sau sẽ dẫn đến sự tái sinh của nhân loại. [29]

1. The first three Seed Groups are fundamental to the other seven.

1. Ba Nhóm hạt giống đầu tiên là nền tảng cho bảy nhóm còn lại.

2. Here, DK summarizes the essence of the three approaches.

2. Ở đây, Chân sư DK tóm tắt tinh túy của ba cách tiếp cận.

3. The second formulation is unusually

3. Cách diễn đạt thứ hai mô tả rõ ràng một

descriptive:

"intuitive recognition of truth and its formulation into concepts by the mind, plus the later process of materialising that which has been intuited, the highest form of creative work"

In this description He connects the recognition of truth with the materializing of that which has been recognized. One might question whether all these functions pertain to the second seed group or whether some of the later groups are involved in materializing the recognized truth.

4. It is also important to realize the connection between esoteric healing and the "rebirth of humanity". The right use of esoteric energies and forces will lead to an unparalleled liberation of vitality which can be focussed upon the creative emergence of the human soul.

5. Humanity is facing amazing new opportunities. Humanity's energies and forces have been imprisoned and unavailable for real soul culture and soul expression. This is about to change. When the seed groups take root, germinate and flower, inlets for hierarchical forces will be anchored on the planet and will express in beneficence. A new *life* will pour through humanity and that which all men dream in their highest moments will emerge as possible of fulfillment.

Little by little, the picture of the possibilities and of the Plan will unfold before you as your minds increase in sensitivity and your

cách khác thường:

"sự nhận biết chân lý bằng trực giác và việc thể trí diễn đạt chân lý ấy thành các khái niệm, cộng với tiến trình về sau đưa những gì đã được trực giác nhận biết thành hiện thực vật chất, hình thức cao nhất của công việc sáng tạo"

Trong sự mô tả này, Ngài nối kết việc nhận biết chân lý với việc đưa những gì đã được nhận biết thành hiện thực vật chất. Người ta có thể đặt câu hỏi liệu tất cả những chức năng này đều thuộc về nhóm hạt giống thứ hai, hay một số nhóm về sau cũng tham gia vào việc đưa chân lý đã được nhận biết thành hiện thực vật chất.

4. Cũng cần nhận ra mối liên hệ giữa Trị Liệu Huyền Môn và "sự tái sinh của nhân loại". Việc sử dụng đúng đắn các năng lượng và mãnh lực huyền bí sẽ dẫn đến sự giải phóng sinh lực chưa từng có, và sinh lực ấy có thể được tập trung vào sự xuất hiện đầy sáng tạo của linh hồn nhân loại.

5. Nhân loại đang đứng trước những cơ hội mới kỳ diệu. Các năng lượng và mãnh lực của nhân loại đã bị giam hãm và không thể được sử dụng để thực sự vun bồi và biểu lộ linh hồn. Điều này sắp thay đổi. Khi các nhóm hạt giống bén rễ, nảy mầm và nở hoa, những cửa ngõ đón nhận mãnh lực của Thánh đoàn sẽ được neo giữ trên hành tinh và biểu lộ thành điều lành. Một *sự sống* mới sẽ tuôn chảy qua nhân loại, và những gì mọi người mơ ước trong những khoảnh khắc cao cả nhất sẽ hiện ra như những điều có thể thành tựu.

Từng chút một, bức tranh về những khả năng và về Thiên Cơ sẽ khai mở trước các bạn khi thể trí của các bạn gia tăng tính nhạy

brains become more responsive to mental impulses. Little by little, the disciples of the world will work at the reproduction — on the physical plane — of that which exists subjectively. Little by little, there will appear all over the earth, groups of illumined souls who can cooperate with the Masters with perfect freedom of intercourse because their responsiveness has been scientifically trained and developed. Their power to work in tune with or in unison with the Hierarchy, to cooperate with the group life of many other groups of disciples and to communicate light and revelation to the world of men will later be an accomplished fact and is already much more actively present and potent than you think. A little vision, brother of mine, makes the way of the disciple easier and hence I have enlarged somewhat upon the possibilities which we, with our prevision, regard as already facts in manifestation. Nothing can stop the eventual success of the Plan; it is simply a question of time.

cảm và bộ não trở nên đáp ứng hơn với những xung lực trí tuệ. Từng chút một, các đệ tử trên thế giới sẽ làm việc để tái tạo — trên cõi hồng trần — những gì tồn tại ở phương diện chủ quan. Từng chút một, trên khắp Trái Đất sẽ xuất hiện những nhóm linh hồn được soi sáng, có thể hợp tác với các Chân sư trong sự giao tiếp hoàn toàn tự do, vì khả năng đáp ứng của họ đã được huấn luyện và phát triển một cách khoa học. Khả năng làm việc hòa nhịp hoặc đồng điệu với Thánh đoàn, hợp tác với sự sống nhóm của nhiều nhóm đệ tử khác và truyền đạt ánh sáng cùng sự mặc khải đến thế giới loài người về sau sẽ trở thành một thực tế đã thành tựu, và ngay lúc này đã hiện diện tích cực và mạnh mẽ hơn nhiều so với các bạn nghĩ. Hỡi huynh đệ của Tôi, một chút tầm nhìn khiến con đường của đệ tử trở nên dễ dàng hơn, và vì thế Tôi đã trình bày thêm đôi chút về những khả năng mà, với khả năng tiên kiến của mình, chúng tôi xem là những thực tế đã hiện hữu trong biểu hiện. Không gì có thể ngăn cản thành công sau cùng của Thiên Cơ; đó chỉ là vấn đề thời gian.

1. This is an inspiring paragraph. Master DK is sharing a little of His vision (something which He and other Masters "regard as already facts in manifestation"). He does this for our upliftment and vitalization.

1. Đây là một đoạn văn khơi nguồn cảm hứng. Chân sư DK đang chia sẻ một chút tầm nhìn của Ngài (điều mà Ngài và các Chân sư khác "xem là những thực tế đã hiện hữu trong biểu hiện"). Ngài làm điều này để nâng cao và tiếp sinh lực cho chúng ta.

2. Note the gradualism emphasized in this paragraph. Thought along this line induces patience in the disciple and in discipleship groups. Everything occurs "little by little". This attitude of gradualism prevents the feelings of both impatience and futility.

2. Hãy lưu ý tính tiệm tiến được nhấn mạnh trong đoạn văn này. Suy nghĩ theo hướng này khơi dậy lòng kiên nhẫn nơi đệ tử và trong các nhóm đệ tử. Mọi việc đều diễn ra "từng chút một". Thái độ chấp nhận tính tiệm tiến này ngăn ngừa cả cảm giác nôn nóng lẫn cảm giác vô ích.

3. We can see that a much closer communication with Hierarchy is on the

3. Chúng ta có thể thấy rằng sự giao tiếp gần gũi hơn nhiều với Thánh đoàn đang đến, và

way, and, in fact, already existent in certain instances. A general illumination is on its way, and in this process we are being asked to cooperate.

thực ra đã hiện hữu trong một số trường hợp. Một sự soi sáng rộng khắp đang đến, và chúng ta được yêu cầu hợp tác trong tiến trình này.

4. The success of the Plan is a certainty. Nothing can stop that success. The "time equation" is somewhat in the hands of the disciples of the world. We are working to bring the next intended aspect of the Divine Plan into manifestation as rapidly, and yet as soundly, as possible, in order to relieve unnecessary human suffering and, in general, unnecessary suffering upon this planet.

4. Thành công của Thiên Cơ là điều chắc chắn. Không gì có thể ngăn cản thành công ấy. "Phương trình thời gian" phần nào nằm trong tay các đệ tử trên thế giới. Chúng ta đang làm việc để đưa phương diện tiếp theo mà Thiên Cơ dự định thực hiện vào biểu hiện nhanh nhất và đồng thời vững chắc nhất có thể, nhằm giảm bớt những đau khổ không cần thiết của con người và, nói chung, những đau khổ không cần thiết trên hành tinh này.

5. Joy is one of the qualities of successful discipleship; it is a primary quality of the soul. When we read something revealed by the Masters' "prevision", perhaps the flame of joy within our hearts and minds burns a little brighter. A new and better world is on its way, and is now appearing — "little by little"

5. Sự hoan hỉ là một trong những phẩm tính của địa vị đệ tử thành công; đó là một phẩm tính chủ yếu của linh hồn. Khi chúng ta đọc một điều do khả năng "tiên kiến" của các Chân sư mặc khải, có lẽ ngọn lửa hoan hỉ trong tâm và thể trí chúng ta cháy sáng hơn đôi chút. Một thế giới mới và tốt đẹp hơn đang đến, và hiện đang xuất hiện — "từng chút một"

One of the steps in training which lies ahead of you is the establishing of a closer contact with me, your Tibetan Teacher. This you must attempt with no formulated ideas as to what the results will be — if any are to be objectively realised. The results may be sensed by me alone on my side, or they may work out in certain specific realisations and even phenomena on your side. I indicate not the results of such an activity for the power of suggestion and the response of the creative imagination is a fruitful source of glamour.

Một trong những bước huấn luyện đang chờ đợi các bạn là thiết lập sự tiếp xúc gần gũi hơn với Tôi, huấn sư Tây Tạng của các bạn. Các bạn phải cố gắng thực hiện điều này mà không định sẵn bất kỳ ý tưởng nào về những kết quả sẽ có — nếu có kết quả nào biểu hiện một cách khách quan. Có thể chỉ riêng Tôi cảm nhận được kết quả từ phía mình, hoặc chúng có thể biểu lộ thành những nhận biết cụ thể nào đó, thậm chí thành các hiện tượng ở phía các bạn. Tôi không chỉ ra những kết quả của hoạt động ấy, vì sức mạnh của sự ám thị và sự đáp ứng của Sự tưởng tượng sáng tạo là một nguồn dồi dào sinh ra ảo cảm.

1. Master DK seeks a closer contact with His

1. Chân sư DK tìm kiếm sự tiếp xúc gần gũi

disciples. If this is achieved, they will represent the Ashram more effectively and their service will be of a far higher quality.

hơn với các đệ tử của Ngài. Nếu đạt được điều này, họ sẽ đại diện cho ashram hiệu quả hơn và công việc phụng sự của họ sẽ có phẩm tính cao hơn rất nhiều.

2. He is cautious, however, not to tell them what they might expect as a result of such contact. If he told them, they would begin to imagine it, and the imagining would take the place of the reality. On a lower turn of the spiral this phenomenon is often seen between psychologists and their clients. A suggestion by the psychologist becomes a psychic reality for the client and imagination takes the place of truth and fact.

2. Tuy nhiên, Ngài thận trọng tránh nói với họ những gì họ có thể trông đợi từ sự tiếp xúc ấy. Nếu Ngài nói, họ sẽ bắt đầu tưởng tượng về điều đó, và sự tưởng tượng sẽ thay thế thực tại. Ở một vòng xoắn ốc thấp hơn, hiện tượng này thường thấy giữa các nhà tâm lý học và thân chủ của họ. Một sự ám thị của nhà tâm lý học trở thành một thực tại thông linh đối với thân chủ, và sự tưởng tượng thay thế chân lý cùng sự thật.

3. Sometimes it might seem that the Master seeks to discourage His students from trying to make contact with Him. This is not really the case. Rather, He gives the proper sequence for such contact: mental polarization, communion with the soul, absorption in service and, *only then,* contact with the Master.

3. Đôi khi, dường như Chân sư tìm cách làm các môn sinh của Ngài nản lòng trong việc cố gắng tiếp xúc với Ngài. Thực ra không phải như vậy. Đúng hơn, Ngài đưa ra trình tự thích hợp cho sự tiếp xúc ấy: phân cực trí tuệ, hiệp thông với linh hồn, chuyên tâm phụng sự và *chỉ sau đó,* mới tiếp xúc với Chân sư.

4. We can see that one of the key discriminations is to tell the difference between that which actually had occurred or is occurring, and that which is *imagined* to have occurred, or is *imagined* to be occurring.

4. Chúng ta có thể thấy rằng một trong những sự phân biện then chốt là nhận ra sự khác biệt giữa điều thực sự đã xảy ra hoặc đang xảy ra và điều được *tưởng tượng* là đã xảy ra, hoặc được *tưởng tượng* là đang xảy ra.

5. While the imagination can be a conduit to the intuition, it can also mask, distort and even replace the truth.

5. Dù sự tưởng tượng có thể là một kênh dẫn đến trực giác, nó cũng có thể che khuất, bóp méo và thậm chí thay thế chân lý.

I would, therefore, ask all of you who are my disciples to endeavour to make a contact with me at the time of the Full Moon each month. Make sacrifice in order to establish this monthly relation as I will make my adjustments to contact you. May I emphasise

Vì vậy, Tôi muốn yêu cầu tất cả các bạn, những đệ tử của Tôi, nỗ lực tiếp xúc với Tôi vào thời điểm Trăng Tròn mỗi tháng. Hãy hi sinh để thiết lập mối liên hệ hằng tháng này, vì Tôi cũng sẽ điều chỉnh để tiếp xúc với các bạn. Tôi xin nhấn mạnh sự cần thiết phải giữ

the necessity for holding the thought of that contact for three whole days prior to the Full Moon itself, with aspiration and with confidence and then for three days afterwards with expectancy. May I point out the prime importance of making this a group activity and not a personal contact. Enter upon the work with the realisation of your group relation with your fellow disciples and with me, for only in so far as [30] you seek to contact me as a disciple in my group will the measure of your success be rated. This contact is not of the same nature as that direct and individual contact between a chela and his Master.

tư tưởng về sự tiếp xúc ấy suốt ba ngày trước chính thời điểm Trăng Tròn, với khát vọng và lòng tin, rồi trong ba ngày sau đó với niềm mong đợi. Tôi xin chỉ ra tầm quan trọng hàng đầu của việc biến điều này thành một hoạt động nhóm thay vì một sự tiếp xúc cá nhân. Hãy bắt đầu công việc với sự nhận biết về mối liên hệ nhóm của các bạn với những đệ tử đồng môn và với Tôi, vì mức độ thành công của các bạn sẽ chỉ được đánh giá theo mức độ [30] các bạn tìm cách tiếp xúc với Tôi với tư cách một đệ tử trong nhóm của Tôi. Sự tiếp xúc này không có cùng bản chất với sự tiếp xúc trực tiếp và cá nhân giữa một đệ tử với Chân sư của mình.

1. Master DK emphasizes the importance of the Full Moon work. We now call the Full Moon Festivals, "Solar Fire Festivals".

1. Chân sư DK nhấn mạnh tầm quan trọng của công việc Trăng Tròn. Hiện nay, chúng ta gọi các Lễ hội Trăng Tròn là "Lễ hội Lửa Thái dương".

2. He asks for *seven* days of work each month. Elsewhere, He occasionally asks for five days and some have narrowed the process down to three. In any case, we are presented with a rhythmically occurring monthly responsibility.

2. Ngài yêu cầu *bảy* ngày làm việc mỗi tháng. Ở những nơi khác, đôi khi Ngài yêu cầu năm ngày, và một số người đã rút gọn tiến trình xuống còn ba ngày. Dù thế nào, chúng ta cũng được giao một trách nhiệm diễn ra hằng tháng theo nhịp điệu.

3. Sacrifice is required, for the necessary "space in consciousness" must be cleared and the exact moment of the Full Moon be honored. The physical body may not always appreciate this.

3. Cần có sự hi sinh, vì phải dọn ra "không gian trong tâm thức" cần thiết và tuân thủ chính xác thời điểm Trăng Tròn. Thể xác có thể không phải lúc nào cũng hài lòng với điều này.

4. Contact with the Master is especially facilitated at the times of the Full Moon. We are to think of contact with the Master for the three days preceding the Full Moon. An attitude of "aspiration and confidence" is to characterize the three days of preparation, and an attitude of "expectancy" the three days following.

4. Sự tiếp xúc với Chân sư đặc biệt thuận lợi vào những kỳ Trăng Tròn. Chúng ta cần hướng tư tưởng đến việc tiếp xúc với Chân sư trong ba ngày trước kỳ Trăng Tròn. Thái độ "khát vọng và tin tưởng" phải là nét đặc trưng của ba ngày chuẩn bị, còn thái độ "mong đợi" là nét đặc trưng của ba ngày tiếp theo.

5. The *group approach* is emphasized. Contact with the Master is not to be pursued as an individual. Individual contact is to occur within the context of the Master's group. A strictly individual attitude will not lead to success.

6. There is another kind of contact with the Master. It *is* individual and has its place. But the kind of *approach* requested here is of a group nature. It is my impression that much more could be done along these lines and with greater consistency.

Many of you are linked with your own Master, though temporarily working in my Ashram; your contact with me is intended to be a group contact and, as a group, you will seek to strengthen the tie between us. This, therefore, is an act of group service to be rendered selflessly and with no personal expectancy. Owing to the pressure of time and of urgency in service, I am one of several teachers who have pledged themselves for the next few years to keep the twelve hours prior to the Full Moon of each month open for contacts with their disciples, so that at any time during that twelve hours, the world servers and disciples can make an attempt to reach us. This will somewhat facilitate your work for you need not, therefore, keep the exact hour of the Full Moon, unless this is easily possible. Service in the world these days requires constant pressure and attention and the work is strenuous. It may not always be possible for you to make your approach at the exact hour of the Full Moon, though you can at that hour always — silently and interiorly — lift up your heart and eyes to the Eternal. But at some hour during the preceding twelve hours, you can make your approach. When

5. Việc *tiếp cận theo nhóm* được nhấn mạnh. Không nên tìm cách tiếp xúc với Chân sư với tư cách cá nhân riêng lẻ. Sự tiếp xúc cá nhân phải diễn ra trong khuôn khổ nhóm của Chân sư. Một thái độ thuần túy cá nhân sẽ không dẫn đến thành công.

6. Có một loại tiếp xúc khác với Chân sư. Loại tiếp xúc ấy *quả thực mang* tính cá nhân và có vị trí thích hợp của nó. Nhưng cách *tiếp cận* được yêu cầu ở đây mang bản chất nhóm. Tôi có cảm tưởng rằng có thể làm được nhiều hơn nữa theo hướng này và với sự nhất quán cao hơn.

Nhiều người trong các bạn có liên kết với Chân sư riêng của mình, dù tạm thời làm việc trong ashram của Tôi; sự tiếp xúc của các bạn với Tôi nhằm tạo nên một sự tiếp xúc nhóm, và với tư cách một nhóm, các bạn sẽ tìm cách củng cố mối dây liên kết giữa chúng ta. Vì vậy, đây là một hành động phụng sự nhóm cần được thực hiện một cách vô kỷ và không có mong đợi cá nhân nào. Do áp lực thời gian và tính cấp bách của việc phụng sự, Tôi là một trong số các huấn sư đã cam kết trong vài năm tới sẽ dành mười hai giờ trước kỳ Trăng Tròn mỗi tháng để tiếp xúc với các đệ tử của mình, nhờ đó, vào bất cứ lúc nào trong mười hai giờ ấy, những người phụng sự thế gian và các đệ tử đều có thể cố gắng tiếp cận chúng tôi. Điều này sẽ phần nào giúp công việc của các bạn thuận lợi hơn, vì do đó các bạn không nhất thiết phải giữ đúng giờ Trăng Tròn, trừ khi có thể dễ dàng làm được như vậy. Việc phụng sự trên thế gian trong những ngày này đòi hỏi nỗ lực và sự chú tâm liên tục, và công việc rất vất vả. Không phải lúc nào các bạn cũng có thể thực hiện sự tiếp cận vào đúng giờ Trăng Tròn, dù vào giờ ấy, các bạn luôn có thể — một cách thầm lặng và từ bên trong — nâng tâm và hướng mắt lên Đấng

you do so rightly, you will find me waiting. Go to your work with clear vision, a loving heart and an understanding love. Much can then be accomplished.

Vĩnh Cửu. Nhưng vào một giờ nào đó trong mười hai giờ trước đó, các bạn có thể thực hiện sự tiếp cận. Khi làm điều ấy đúng cách, các bạn sẽ thấy Tôi đang chờ đợi. Hãy bắt tay vào công việc với tầm nhìn rõ ràng, một trái tim yêu thương và một tình thương thấu hiểu. Khi ấy, nhiều điều có thể được hoàn thành.

1. The contact with the Master pursued at the time of the Full Moon is to be considered an "act of group service". Nothing is expected or asked for the personal self.

1. Sự tiếp xúc với Chân sư mà chúng ta tìm kiếm vào kỳ Trăng Tròn cần được xem là một "hành động phụng sự nhóm". Không mong đợi hay cầu xin điều gì cho bản ngã cá nhân.

2. This instruction was written some seventy years ago. At that time the Master (with several other teachers) was making Himself available for the twelve hours prior to the Full Moon). The attempts of His students to reach Him could then be more readily registered and response made.

2. Huấn thị này được viết cách đây khoảng bảy mươi năm. Vào thời điểm ấy, Chân sư (cùng một số huấn sư khác) dành mười hai giờ trước kỳ Trăng Tròn để sẵn sàng tiếp xúc). Nhờ đó, Ngài có thể dễ dàng ghi nhận và đáp ứng những nỗ lực tiếp cận Ngài của các môn sinh hơn.

3. Whether Master DK or the others are still making Themselves available in this way may be questioned. Perhaps, or perhaps not. But it does not really make any difference. We can follow His instructions and nothing will be lost. In fact, there is much to be gained.

3. Có thể đặt câu hỏi liệu Chân sư DK hay các Ngài khác vẫn còn dành thời gian để sẵn sàng tiếp xúc theo cách này hay không. Có thể có, cũng có thể không. Nhưng điều đó thực sự không tạo nên khác biệt nào. Chúng ta có thể làm theo các huấn thị của Ngài mà chẳng mất gì. Thực ra, có nhiều điều để đạt được.

4. In this paragraph He offers the disciples the option of *not* keeping the exact moment of the Full Moon ("unless it is easily possible"). Elsewhere, He speaks of the great importance of keeping the Full Moon moment.

4. Trong đoạn này, Ngài cho các đệ tử quyền lựa chọn *không* giữ đúng thời điểm Trăng Tròn ("trừ khi có thể dễ dàng làm được như vậy"). Ở nơi khác, Ngài nói về tầm quan trọng lớn lao của việc giữ đúng thời điểm Trăng Tròn.

5. It is my impression that it is always better to be available in consciousness at the exact moment of the Full Moon. Mediation at that time can be unusually effective. Further, one

5. Tôi có cảm tưởng rằng việc sẵn sàng trong tâm thức vào đúng thời điểm Trăng Tròn luôn tốt hơn. Tham thiền vào thời điểm ấy có thể mang lại hiệu quả khác thường. Hơn nữa,

knows that the Masters honor that moment in meditation, and so one will definitely be participating with Them.

6. DK asks that at the moment of the Full Moon we "lift [our] hearts to the Eternal". How one would go about doing this is entirely up to him/her, but is has something to do with the disciple's ongoing attempt to "Living in the Eternal" and "know the Self as One".

7. One senses that the Master DK is so very generous in offering Himself for this type of service. The Masters are extraordinarily occupied with service. They are *busy* spiritual executives. But They do care about the condition of Their chelas, especially about the *group potentials* of Their chelas. This Full Moon work can be a time of great strengthening for those potentials.

8. The Full Moon work is to be approached with "clear vision, a loving heart and understanding love". The last two are different though related. In "understanding love" mind and heart are linked.

9. Do we begin to understand how great an opportunity is every Full Moon Opportunity? Part of the Externalization of the Hierarchy is an ever-closer relation between Master and chela or group of chelas. DK is giving us the means whereby this desirable objective can be facilitated. Let us take full advantage of it.

To the next commentary

chúng ta biết rằng các Chân sư tôn vinh thời điểm ấy bằng việc tham thiền, nên chắc chắn chúng ta sẽ cùng tham gia với Các Ngài.

6. Chân sư DK yêu cầu rằng vào thời điểm Trăng Tròn, chúng ta "nâng tâm [của chúng ta] lên Đấng Vĩnh Cửu". Thực hiện điều này như thế nào hoàn toàn tùy mỗi người, nhưng điều ấy có liên quan đến nỗ lực không ngừng của người đệ tử nhằm "Sống trong Vĩnh Cửu" và "biết Bản Ngã là Duy Nhất".

7. Chúng ta cảm nhận rằng Chân sư DK vô cùng rộng lượng khi tự nguyện đảm nhận loại công việc phụng sự này. Các Chân sư vô cùng bận rộn với việc phụng sự. Các Ngài là những nhà điều hành tinh thần *bận rộn*. Nhưng Các Ngài quả thực quan tâm đến tình trạng của các đệ tử mình, đặc biệt là *những tiềm năng nhóm* của họ. Công việc Trăng Tròn này có thể là một thời gian củng cố mạnh mẽ những tiềm năng ấy.

8. Cần tiếp cận công việc Trăng Tròn với "tầm nhìn rõ ràng, một trái tim yêu thương và tình thương thấu hiểu". Hai điều sau khác nhau dù có liên quan với nhau. Trong "tình thương thấu hiểu", trí tuệ và trái tim liên kết với nhau.

9. Chúng ta đã bắt đầu thấu hiểu mỗi Cơ Hội Trăng Tròn là một cơ hội lớn lao đến mức nào chưa? Một phần của Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn là mối quan hệ ngày càng gần gũi giữa Chân sư và đệ tử hoặc nhóm đệ tử. Chân sư DK đang trao cho chúng ta phương tiện giúp thúc đẩy mục tiêu đáng mong muốn này. Chúng ta hãy tận dụng trọn vẹn điều ấy.

Chuyển sang bài bình giảng tiếp theo

5. PART IV – 5. PHẦN IV

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

Dear Brothers and Sisters,

There is a lot of material to study in this commentary. The Tibetan is presenting the foundational structure of the Seed Groups. Given this fact, the commentary is brief and inadequate, but does give us a start on a deeper approach to this great subject.

All of us will find ourselves working, whether consciously or unconsciously, in relation to one or other of the Seed Groups. As we find ourselves, our best focus of service will also clarify and our cooperation with the Divine Plan will become more useful to humanity and Hierarchy.

Love and Many Blessings,

Michael

Các huynh đệ và tỉ muội thân mến,

Có rất nhiều tài liệu để nghiên cứu trong bài bình giảng này. Chân sư Tây Tạng đang trình bày cấu trúc nền tảng của các Nhóm hạt giống. Trước thực tế này, bài bình giảng tuy ngắn gọn và chưa đầy đủ, nhưng cũng giúp chúng ta khởi đầu một cách tiếp cận sâu hơn với chủ đề lớn lao này.

Tất cả chúng ta sẽ thấy mình đang làm việc, dù có ý thức hay vô thức, trong mối liên hệ với một trong các Nhóm hạt giống. Khi tìm thấy vị trí của mình, trọng tâm phụng sự tốt nhất của chúng ta cũng sẽ trở nên rõ ràng, và sự hợp tác của chúng ta với Thiên Cơ sẽ trở nên hữu ích hơn cho nhân loại và Thánh đoàn.

Với tình thương và nhiều phúc lành,

Michael

As these groups of disciples become active in the world and their inner integration and group relationship become securely established, we shall have the germ of those characteristics which will dignify the New Age groups. I would ask you all never to forget that this group work you are attempting to do is in reality pioneer work and hence has all the difficulties which pioneer work inevitably and necessarily has. Thereby strength to grow is gained. As the number of these groups increases and the personnel is gradually supplied, the skeleton framework of a future structure will slowly emerge. How that structure [31] will appear

Khi các nhóm đệ tử này trở nên tích cực hoạt động trên thế gian, và sự tích hợp bên trong cùng mối quan hệ nhóm của họ được thiết lập vững chắc, chúng ta sẽ có mầm mống của những đặc tính sẽ làm nên phẩm giá của các nhóm Kỷ Nguyên Mới. Tôi mong tất cả các bạn đừng bao giờ quên rằng công việc nhóm mà các bạn đang cố gắng thực hiện thực ra là công việc tiên phong, do đó mang tất cả những khó khăn vốn tất yếu và nhất thiết đi cùng công việc tiên phong. Qua đó, sức mạnh để phát triển được bồi đắp. Khi số lượng các nhóm này gia tăng và nhân sự dần được bổ sung, bộ khung của một cấu trúc tương lai sẽ từ từ xuất hiện. Chỉ tầm nhìn

when completed is known only to the inspired vision of the architects. But the foundations must be set sure and deep; the framework must be true and rightly adjusted. These two requirements are all that any of you will see materialise in this present lifetime.

đầy cảm hứng của những nhà kiến trúc mới biết cấu trúc ấy [31] sẽ như thế nào khi hoàn tất. Nhưng nền móng phải được đặt vững chắc và sâu; bộ khung phải chuẩn xác và được điều chỉnh đúng đắn. Hai yêu cầu này là tất cả những gì mỗi người trong các bạn sẽ thấy trở thành hiện thực trong kiếp sống hiện tại.

1. The Tibetan is speaking of the seminal value of the groups He is seeking to establish. They are to be "the germ" or the seed from which the best characteristics of true New Age groups will grow. If all went well, then those following the progress of the various Seed Groups and their effects would see demonstrated exemplary group relationships and values.

1. Chân sư Tây Tạng đang nói về giá trị gieo mầm của các nhóm mà Ngài tìm cách thành lập. Các nhóm ấy phải là "mầm mống" hay hạt giống mà từ đó những đặc tính tốt đẹp nhất của các nhóm Kỷ Nguyên Mới đích thực sẽ phát triển. Nếu mọi việc diễn ra tốt đẹp, những người theo dõi sự tiến triển của các Nhóm hạt giống khác nhau và tác động của chúng sẽ thấy những mối quan hệ và giá trị nhóm mẫu mực được thể hiện.

2. The new groups were *pioneering* groups and, therefore, subject to certain difficulties. Among such difficulties we might number:

2. Các nhóm mới là những nhóm *tiên phong*, do đó phải chịu những khó khăn nhất định. Trong số những khó khăn ấy, chúng ta có thể kể đến:

a. Incomplete understanding amongst the membership.

a. Sự thấu hiểu chưa đầy đủ giữa các thành viên.

b. Resistance from within the habit nature of the members.

b. Sự kháng cự từ bản chất thói quen bên trong các thành viên.

c. Resistance from the environment.

c. Sự kháng cự từ môi trường.

d. Uncertainty based upon lack of precedent.

d. Sự bất định do thiếu tiền lệ.

e. Uncertainty in modes of procedure due to lack of established vision.

e. Sự bất định về phương thức tiến hành do thiếu một tầm nhìn đã được xác lập.

3. Pioneering work is related to the astrological sign Aries, which strengthens the will in those it conditions. The Tibetan expects that the pioneering conditions to which the membership is subjected will

3. Công việc tiên phong có liên quan đến dấu hiệu chiêm tinh Bạch Dương, vốn củng cố ý chí nơi những người chịu ảnh hưởng của nó. Chân sư Tây Tạng kỳ vọng rằng những hoàn cảnh tiên phong mà các thành viên phải trải

strengthen them.

4. DK is asking his disciples to proceed without knowing the final structural outlines of the process in which they are engaged. The "architects" (of which DK is one) know the outlines with accuracy; such knowledge is not yet possible to the participants. This is true of many methods which the Master suggests. He asks us to faithfully follow the instructions; if we do so, progress is certain, because the instructions are based upon occult law.

5. DK is putting the whole Seed Group Project in proportion. Participants cannot expect a finished product. Their task is to participate in the laying of a firm and deep foundation and the building of a true and rightly adjusted framework.

6. The membership is subject to the age-old requirement: to work without attachment to results. Progress along the Path of Discipleship is slow and sure. The personality, eager for results, considers it slow. The soul (consciousness (illumined by the Solar Angel) sees that the progress is of adequate speed.

Have you realised, however, my brothers, what occult progress in the world you have been permitted to see during this present lifetime? Have you glimpsed the magnitude of the present push that is being made by the Masters and have you recognised Their plans taking shape before your eyes? Have you grasped the essentials of what the Great White Lodge has done during the past twenty-five years and the extent of the work in which disciples and aspirants everywhere

qua sẽ khiến họ mạnh mẽ hơn.

4. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài tiếp tục tiến bước mà chưa biết những nét cấu trúc cuối cùng của tiến trình họ đang tham gia. Các "nhà kiến trúc" (trong đó có Chân sư DK) biết chính xác những nét ấy; những người tham gia chưa thể có được sự hiểu biết như vậy. Điều này đúng với nhiều phương pháp mà Chân sư đề xuất. Ngài yêu cầu chúng ta trung thành tuân theo các huấn thị; nếu làm như vậy, chắc chắn sẽ có tiến bộ, vì các huấn thị ấy dựa trên định luật huyền bí.

5. Chân sư DK đang đặt toàn bộ Dự Án Nhóm Hạt Giống vào đúng tỉ lệ của nó. Những người tham gia không thể mong đợi một sản phẩm hoàn chỉnh. Nhiệm vụ của họ là tham gia đặt một nền móng vững chắc và sâu, đồng thời xây dựng một bộ khung chuẩn xác và được điều chỉnh đúng đắn.

6. Các thành viên phải tuân theo yêu cầu có từ ngàn xưa: làm việc mà không chấp trước vào kết quả. Sự tiến bộ trên Con Đường Đệ Tử diễn ra chậm rãi và chắc chắn. Phàm ngã, vốn nóng lòng mong có kết quả, cho rằng sự tiến bộ ấy là chậm. Linh hồn (tâm thức (được Thái dương Thiên Thần soi sáng) thấy rằng sự tiến bộ ấy có tốc độ thích hợp.

Tuy nhiên, các huynh đệ của Tôi, các bạn đã nhận ra những tiến bộ huyền bí trên thế gian mà các bạn có cơ hội chứng kiến trong kiếp sống hiện tại này chưa? Các bạn đã thoáng thấy tầm vóc của nỗ lực thúc đẩy hiện nay mà các Chân sư đang thực hiện, và đã nhận ra các kế hoạch của Các Ngài đang thành hình trước mắt mình chưa? Các bạn đã nắm được những nét cốt yếu trong những gì Thánh đoàn đã làm suốt hai mươi lăm năm qua, cùng quy mô của công việc mà các đệ tử

have been permitted to share? I would like briefly to enlarge somewhat upon this so as to make the picture clearer to your eyes in order that you may cooperate with greater intelligence, for this is above everything else group work.

và người chí nguyện khắp nơi được phép tham gia chưa? Tôi muốn nói rộng thêm đôi chút về điều này một cách ngắn gọn để bức tranh trở nên rõ ràng hơn trước mắt các bạn, nhờ đó các bạn có thể hợp tác với trí tuệ sáng suốt hơn, vì trên hết, đây là công việc nhóm.

1. DK is indicating that occult progress in the early part of the twentieth century has been rapid. He is suggesting that great (though, perhaps, unrecognized) strides have been taken.

1. Chân sư DK đang chỉ ra rằng sự tiến bộ huyền bí vào đầu thế kỷ hai mươi đã diễn ra nhanh chóng. Ngài gợi ý rằng đã có những bước tiến lớn lao (dù có lẽ chưa được nhận ra).

2. We note the word, "push", as applied to the Masters' efforts. A "push" is a concerted and focussed drive forward, counteracting the inertia of circumstance.

2. Chúng ta lưu ý từ "thúc đẩy" khi dùng để nói về nỗ lực của các Chân sư. Một "nỗ lực thúc đẩy" là một sự tiến lên đồng tâm và tập trung, chống lại tính trì trệ của hoàn cảnh.

3. According to DK's suggestions, those with eyes to see might recognize the Masters' plans taking shape within the three worlds. Thus, He is challenging the membership of His groups to greater recognition.

3. Theo những gợi ý của Chân sư DK, những ai có mắt để thấy có thể nhận ra các kế hoạch của các Chân sư đang thành hình trong ba cõi giới. Như vậy, Ngài đang thách thức các thành viên trong các nhóm của Ngài nhận biết sâu rộng hơn.

4. The Master is asking for deeper understanding of the Masters' efforts on the part of Their disciples. He is also suggesting that disciples have been permitted to share in those efforts to an unprecedented degree. Sometimes momentous things are happening all around us and, still, we fail to notice — so obtuse is the customary human consciousness.

4. Chân sư đang yêu cầu các đệ tử thấu hiểu sâu sắc hơn những nỗ lực của các Chân sư mình. Ngài cũng gợi ý rằng các đệ tử đã được phép tham gia những nỗ lực ấy ở mức độ chưa từng có. Đôi khi những điều trọng đại đang diễn ra khắp quanh chúng ta mà chúng ta vẫn không nhận thấy — tâm thức thông thường của con người trì độn đến thế.

5. DK is calling this progress to the attention of His chelas so that they may be alert to what is really happening and, therefore, may cooperate with greater understanding — together.

5. Chân sư DK đang hướng sự chú ý của các đệ tử Ngài đến sự tiến bộ này để họ có thể tỉnh táo nhận biết những gì thực sự đang diễn ra và nhờ đó cùng nhau hợp tác với sự thấu hiểu sâu sắc hơn.

Slowly and gradually, as far as you are all concerned, I have gathered together a band

Đối với tất cả các bạn, Tôi đã chậm rãi và từng bước tập hợp một đoàn đệ tử trên cõi

of disciples upon the outer plane. As the group thoughtform integrated and disciples responded to my call, found each other and began to work together, it became possible for me to go forward with my chosen work and carry forward the plans which I set myself when I took a certain initiation.

bên ngoài. Khi hình tư tưởng nhóm được tích hợp và các đệ tử đáp ứng lời kêu gọi của Tôi, tìm thấy nhau và bắt đầu làm việc cùng nhau, Tôi mới có thể tiến tới với công việc đã chọn và thực hiện các kế hoạch mà Tôi tự đặt ra khi trải qua một lần điểm đạo nhất định.

1. The Master's work in gathering together a band of disciples may have appeared a slow and gradual process. This gathering, however, may have been long planned, and from the Masters' perspective, may have occurred with relative rapidity once the process was set in motion upon the physical plane.

1. Công việc tập hợp một đoàn đệ tử của Chân sư có thể đã có vẻ là một tiến trình chậm rãi và từng bước. Tuy nhiên, việc tập hợp này có thể đã được hoạch định từ lâu, và từ góc nhìn của các Chân sư, có thể đã diễn ra tương đối nhanh chóng một khi tiến trình khởi động trên cõi hồng trần.

2. We note the importance of the "group thoughtform". Unless disciples share a resonance and allegiance to the coordinating group thoughtform, they have no occult basis for their affiliation. Groups such as those the Tibetan was gathering at that time are held together by an "inner structure of thought" (cf. TEV 32 and EP II 183). This applies also to contemporary spiritual/esoteric groups in which we may be participating.

2. Chúng ta lưu ý tầm quan trọng của "hình tư tưởng nhóm". Nếu các đệ tử không cùng cộng hưởng và trung thành với hình tư tưởng điều phối nhóm, thì mối liên kết của họ không có nền tảng huyền bí nào. Những nhóm như các nhóm mà Chân sư Tây Tạng đang tập hợp vào thời điểm ấy gắn kết với nhau nhờ một "cấu trúc tư tưởng bên trong" (xem TEV 32 và EP II 183). Điều này cũng áp dụng cho các nhóm tinh thần/huyền bí đương thời mà chúng ta có thể đang tham gia.

3. How do disciples find each other? They respond to a note, to the Master's "call", subtle though it be and, perhaps, unrecognized as a "note" by the human units responding to it.

3. Các đệ tử tìm thấy nhau bằng cách nào? Họ đáp ứng một âm điệu, đáp ứng "lời kêu gọi" của Chân sư, dù lời kêu gọi ấy tinh tế và có lẽ những đơn vị nhân loại đáp ứng nó không nhận ra đó là một "âm điệu".

4. At this point in the process, Master DK had not revealed that He was a Master of the Wisdom. He had simply stated that He was an "initiate into the mysteries of being" (DINA I 7), which, to those who understand this phrase, is revealing enough.

4. Vào thời điểm này trong tiến trình, Chân sư DK chưa tiết lộ rằng Ngài là một Chân sư Minh Triết. Ngài chỉ nói rằng Ngài là một "điểm đạo đồ trong những huyền nhiệm của hiện tồn" (DINA I 7), điều mà đối với những người thấu hiểu cụm từ này cũng đã đủ sức tiết lộ.

5. It seems likely that the plans laid by the Master were initiated after 1875, when, according to His own words, He took the fifth initiation (cf. IHS 57).

5. Có vẻ nhiều khả năng các kế hoạch do Chân sư vạch ra đã được khởi sự sau năm 1875, khi, theo chính lời Ngài, Ngài trải qua lần điểm đạo thứ năm (xem IHS 57).

First of all, the books were published and they came out in ordered sequence and provide a body of teaching and of truth which will serve the needs of the coming generation. It is for my disciples to safeguard this presentation of truth during this century and to see to it that the books are sent forth steadily upon their mission, until they are finally superseded next century by a newer and more adequate teaching.

Trước hết, các sách đã được xuất bản theo một trình tự có trật tự, cung cấp một hệ thống giáo huấn và chân lý sẽ đáp ứng nhu cầu của thế hệ sắp tới. Các đệ tử của Tôi có trách nhiệm bảo vệ cách trình bày chân lý này trong thế kỷ này và bảo đảm rằng các sách được đều đặn đưa ra để thực hiện sứ mệnh của chúng, cho đến khi cuối cùng chúng được thay thế vào thế kỷ tới bằng một giáo huấn mới hơn và đầy đủ hơn.

1. DK discusses the inception of His work for the public. The dissemination of the Teaching for which He made Himself responsible occurred through an ordered sequence of books.

1. Chân sư DK bàn về sự khởi đầu công việc của Ngài dành cho công chúng. Việc phổ biến Giáo Huấn mà Ngài tự nhận trách nhiệm đã diễn ra thông qua một loạt sách theo trình tự có trật tự.

2. He speaks of the books fulfilling the needs of the "coming generation". It is difficult to know exactly what He means by this — presumably not a period of a mere twenty-five or so years. I tend to think of that "generation" as a group of students of esotericism working during the last half of the twentieth century. Students of spirituality also have many current needs which these books are more than adequate to fulfill — far more adequate than then present spate of mediocre channeled transmissions which claim to originate from the Tibetan.

2. Ngài nói rằng các sách đáp ứng nhu cầu của "thế hệ sắp tới". Khó biết chính xác Ngài muốn nói gì qua điều này — có lẽ không phải một khoảng thời gian chỉ chừng hai mươi lăm năm. Tôi thiên về cách hiểu "thế hệ" ấy là một nhóm đạo sinh huyền bí học làm việc trong nửa sau thế kỷ hai mươi. Các đạo sinh nghiên cứu đời sống tinh thần cũng có nhiều nhu cầu hiện tại mà những sách này dư sức đáp ứng — đầy đủ hơn nhiều so với làn sóng các thông điệp tầm thường được truyền qua đồng tử hiện nay, vốn tự nhận có nguồn gốc từ Chân sư Tây Tạng.

3. Note that the Master presents His disciples with a duty: they are to "safeguard this presentation of truth during this century" (the twentieth century). How does a disciple

3. Hãy lưu ý rằng Chân sư giao cho các đệ tử Ngài một bổn phận: họ phải "bảo vệ cách trình bày chân lý này trong thế kỷ này" (thế kỷ hai mươi). Một đệ tử góp phần vào việc

contribute to this safeguarding?

a. By knowing and understanding the teaching with as much depth and accuracy as possible.

b. By recognizing the Master's note and where is it *not* found. Thus a wholesome discrimination is fostered and the disciple is saved from confusion and delusion.

c. By applying the Teaching as thoroughly as possible and thus verifying its usefulness.

d. By setting a fitting example before the world. Thus, the value of the teaching is impressed upon human consciousness through the medium of those who exemplify it.

4. At the time these instructions were written, there was no certainty that the Second World War (with all its terror, its liberations and delays) would occur. Given the value of the great Teaching presented through Master DK, there is no reason why disciples of this Teaching should not continue to safeguard it during the twenty-*first* century, even after the new dispensation appears, presumably after the year 2025.

5. Through the steadfast work of the Lucis Trust, the books have indeed been "sent forth steadily upon their mission". Now they are distributed throughout the world. Appearing in an electronic edition (the AAB CDRom) they have achieved a necessary ubiquity and are thus safeguarded from any possibility of obscuration.

bảo vệ này bằng cách nào?

a. Bằng cách biết và thấu hiểu giáo huấn sâu sắc và chính xác hết mức có thể.

b. Bằng cách nhận ra âm điệu của Chân sư và những nơi *không* có âm điệu ấy. Nhờ đó, khả năng phân biện lành mạnh được bồi dưỡng và người đệ tử tránh được sự nhầm lẫn và mê lầm.

c. Bằng cách áp dụng Giáo Huấn triệt để hết mức có thể và qua đó kiểm chứng tính hữu ích của nó.

d. Bằng cách nêu một tấm gương thích hợp trước thế gian. Nhờ đó, giá trị của giáo huấn được ghi sâu vào tâm thức nhân loại thông qua những người thể hiện giáo huấn ấy bằng chính đời sống của mình.

4. Vào thời điểm những huấn thị này được viết ra, chưa có gì chắc chắn rằng Chiến tranh Thế giới thứ Hai (với tất cả sự kinh hoàng, những giải phóng và trì hoãn của nó) sẽ xảy ra. Xét giá trị của Giáo Huấn vĩ đại được trình bày thông qua Chân sư DK, không có lý do gì để các đệ tử của Giáo Huấn này không tiếp tục bảo vệ nó trong thế kỷ hai mươi *mốt*, ngay cả sau khi giáo huấn mới xuất hiện, có lẽ sau năm 2025.

5. Nhờ công việc bền bỉ của Quỹ Lucis, các sách quả thực đã được "đều đặn đưa ra để thực hiện sứ mệnh của chúng". Hiện nay, chúng được phân phối khắp thế giới. Với sự xuất hiện dưới dạng ấn bản điện tử (đĩa CD-ROM AAB), chúng đã đạt được sự hiện diện rộng khắp cần thiết, nhờ đó được bảo vệ trước mọi khả năng rơi vào quên lãng.

6. We are told that a "new and more adequate teaching" is on its way, to appear in the twenty-first century. That century is now with us, and predictably, the so-called 'new teaching' of the Tibetan is everywhere to be found, coursing through the inauthentic transmissions of many tens of mediums who profess to bring to us the new thoughts of the Master.

6. Chúng ta được cho biết rằng một "giáo huấn mới và đầy đủ hơn" đang đến và sẽ xuất hiện trong thế kỷ hai mươi mốt. Chúng ta hiện đã ở trong thế kỷ ấy, và đúng như có thể dự đoán, cái gọi là 'giáo huấn mới' của Chân sư Tây Tạng có thể được tìm thấy khắp nơi, tuôn chảy qua những thông điệp không xác thực của hàng chục đồng tử tự nhận mang đến cho chúng ta những tư tưởng mới của Chân sư.

7. That there is nothing of real value in the vast majority of these channelings and transmissions is a certainty to anyone who recognizes Master DK's note and who has cultivated a modicum of the necessary discrimination to separate the real from the unreal. This mostly pitiable demonstration of subconscious fluidity serves nothing but the ego of the enthusiastic but occultly naïve channels, and leads thousands of gullible seekers astray. Therein lies its real potential damage to the authentic and most necessary disciplic work inspired by Master DK.

7. Đại đa số những lời truyền qua đồng tử và các thông điệp này không có gì thực sự giá trị — đó là điều chắc chắn đối với bất cứ ai nhận ra âm điệu của Chân sư DK và đã trau dồi được dù chỉ đôi chút khả năng phân biện cần thiết để tách biệt điều chân thực với điều không chân thực. Sự phô diễn phần lớn đáng thương này của tính linh động tiềm thức chẳng phụng sự điều gì ngoài phàm ngã của những đồng tử nhiệt tình nhưng ngây thơ về huyền bí học, đồng thời dẫn hàng nghìn người tìm đạo cả tin đi lạc. Chính trong đó có nguy cơ gây tổn hại thực sự cho công việc đệ tử chân chính và vô cùng cần thiết do Chân sư DK truyền cảm hứng.

8. The authentic third installment of the Teaching is due most probably following the year 2025.

8. Phần thứ ba đích thực của Giáo Huấn rất có thể sẽ xuất hiện sau năm 2025.

"I can, however, attempt to give you certain concepts, relationships and parallels which may serve to close this section on astrology and lay a foundation for future teaching around the year 2025." (EA 589)

"Tuy nhiên, Tôi có thể cố gắng trao cho các bạn một số khái niệm, mối quan hệ và điểm tương đồng có thể giúp khép lại phần chiêm tinh học này và đặt nền tảng cho giáo huấn tương lai vào khoảng năm 2025." (EA 589)

9. The word, "around" gives us some latitude, but the year 2025 is given as a signpost.

9. Từ "khoảng" cho chúng ta một biên độ linh hoạt, nhưng năm 2025 được đưa ra như một cột mốc chỉ dẫn.

10. Before that time, that which the Master has *already* given should be carefully

10. Trước thời điểm ấy, những gì Chân sư *đã* trao cần được tiếp thu cẩn thận. Nếu sự tiếp

assimilated. If the assimilation had been deeper and more thorough, there would not be such a tendency to race towards the acceptance of patently counterfeit transmissions which are mediocre at best and usually sad (and even laughable) misrepresentations of the very Master whose words they purport to offer. For the most part these transmissions are nothing but the welling up of the channel's subconscious mind (schooled to some small degree in various spiritual teachings) — hence the 'ring of authenticity' noticed by the gullible and the deluded.

thu đã sâu sắc và thấu đáo hơn, hẳn sẽ không có khuynh hướng vội vã chấp nhận những thông điệp giả mạo hiển nhiên, vốn cùng lắm chỉ ở mức tầm thường và thường là những sự trình bày sai lệch đáng buồn (thậm chí nực cười) về chính Chân sư mà chúng tự nhận đang truyền đạt lời Ngài. Phần lớn những thông điệp này chẳng qua là những gì trào dâng từ thể trí tiềm thức của đồng tử (vốn đã được học đôi chút về các giáo huấn tinh thần khác nhau) — do đó mới có 'âm hưởng chân thực' mà những người cả tin và mê lầm nhận thấy.

11. If the future Teaching is to be "more adequate" (as DK states above) one can only imagine the exceedingly high vibration of the note it must sound. No transmissions to date have come even close to that which is so brilliantly offered by the Tibetan's present texts.

11. Nếu Giáo Huấn tương lai sẽ "đầy đủ hơn" (như Chân sư DK nêu ở trên), chúng ta chỉ có thể hình dung mức rung động vô cùng cao của âm điệu mà giáo huấn ấy phải xướng lên. Cho đến nay, chưa có thông điệp nào thậm chí tiến gần được đến những gì các văn bản hiện nay của Chân sư Tây Tạng trình bày một cách xuất sắc đến thế.

12. The rash of channelings purportedly of the Tibetan (and many other Masters), is based upon ego, ignorance, occult naïveté, and sheer laziness — a refusal to think through and adequately assimilate the genuine Teaching which has already been so abundantly offered. Such material is thoroughly pervaded by glamor and illusion.

12. Sự bùng phát những lời truyền qua đồng tử được cho là của Chân sư Tây Tạng (và nhiều Chân sư khác) dựa trên phàm ngã, sự vô minh, sự ngây thơ về huyền bí học và sự lười biếng thuần túy — một sự từ chối suy xét thấu đáo và tiếp thu đầy đủ Giáo Huấn chân chính vốn đã được trao một cách vô cùng phong phú. Những tài liệu như vậy hoàn toàn thấm đẫm ảo cảm và ảo tưởng.

Next came a happening of vital moment — of more moment than you can perhaps appreciate. An instruction upon the New Group of World Servers was sent out and given wide distribution by means of the pamphlet entitled The Next Three Years. This signalised the anchoring — if so I might call it — of the New Group of World Servers upon the physical plane. They are now in

Tiếp đó đã xảy ra một sự kiện có tầm quan trọng thiết yếu — quan trọng hơn mức các bạn có lẽ có thể nhận thức. Một huấn thị về Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian đã được ban hành và phổ biến rộng rãi qua tập sách nhỏ mang tên Ba Năm Tới. Điều này đánh dấu sự neo giữ — nếu Tôi có thể gọi như vậy — của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian trên cõi hồng trần. Giờ đây, Đoàn đang hiện

active existence. The group is slowly integrating and slowly making its influence felt in the primary [32] work of educating public opinion — the only potent means of work and of far more potency and ultimate value than any legislation or emphasis upon authority.

hữu và hoạt động tích cực. Nhóm đang dần tích hợp và dần tạo ảnh hưởng trong công việc chủ yếu [32] là giáo dục công luận — phương thức hoạt động hữu hiệu duy nhất, có hiệu lực và giá trị sau cùng vượt xa mọi biện pháp lập pháp hay sự nhấn mạnh vào quyền lực.

1. In a letter dated October 10, 1934, the Tibetan states that the pamphlet, "The Next Three Years" "is going forth today upon its mission" (EXH 22). This suggests that the pamphlet was distributed during that year, or, at earliest, immediately before.

1. Trong một bức thư đề ngày 10 tháng 10 năm 1934, Chân sư Tây Tạng nói rằng tập sách nhỏ "Ba Năm Tới" "hôm nay đang lên đường thực hiện sứ mệnh của mình" (EXH 22). Điều này gợi ý rằng tập sách nhỏ đã được phân phát trong năm đó, hoặc sớm nhất là ngay trước đó.

2. In DINA I, p. 165, it is suggested that one three year cycle of the New Group of World Servers came to an end in May, 1936, implying that it had begun during 1933, probably at the time of Wesak, since the NGWS is ruled by the sign Taurus which is so prominent at Wesak.

2. Trong DINA I, tr. 165, có gợi ý rằng một chu kỳ ba năm của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian đã kết thúc vào tháng 5 năm 1936, hàm ý rằng chu kỳ ấy bắt đầu trong năm 1933, có lẽ vào dịp Wesak, vì Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian chịu sự cai quản của dấu hiệu Kim Ngưu, vốn rất nổi bật vào dịp Wesak.

3. This group may be been in existence even earlier, probably taking its original impulse from the Centennial Conclave of Shamballa and the Hierarchy in 1925. The years 1924, 1927, 1930 or 1933 are possible for its inception, but the years following 1925 are more probable. The year 1924, however, did provide a significant fourth ray impulse and the NGWS is ruled by the fourth ray.

3. Nhóm này có thể đã hiện hữu từ trước đó nữa, có lẽ nhận xung lực ban đầu từ Mật Nghị Bách Niên của Shamballa và Thánh đoàn vào năm 1925. Nhóm có thể đã khởi đầu vào các năm 1924, 1927, 1930 hoặc 1933, nhưng những năm sau 1925 có khả năng cao hơn. Tuy nhiên, năm 1924 quả thực đã mang lại một xung lực cung bốn đáng kể, và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian chịu sự cai quản của cung bốn.

4. There is a possibility that the NGWS was anchored in 1933, a year which numerically sums to "7". In that case, the pamphlet "The Next Three Years" had followed its anchoring.

4. Có khả năng Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian đã được neo giữ vào năm 1933, một năm có tổng các chữ số bằng "7". Trong trường hợp đó, tập sách nhỏ "Ba Năm Tới" đã ra đời sau sự neo giữ ấy.

5. The work of the NGWS is involved with

5. Công việc của Đoàn Người Mới Phụng Sự

"educating public opinion". This group, therefore, is aligned with the "Forces of Enlightenment" which are in prominent expression at the time of the Taurus Full Moon. As the group is ruled by Taurus, this naturally makes sense.

Thế Gian gắn liền với việc "giáo dục công luận". Do đó, nhóm này chỉnh hợp với "Các Mãnh Lực Giác Ngộ" vốn biểu lộ nổi bật vào thời điểm Trăng Tròn Kim Ngưu. Vì nhóm chịu sự cai quản của Kim Ngưu nên điều này đương nhiên là hợp lý.

6. DK says something quite amazing. He calls the educating of public opinion "the only potent means of work" — far more potent and valuable than legislation or emphasis upon authority. This should give us pause when we try to think of methods of service which will be truly effective.

6. Chân sư DK nói một điều khá đáng kinh ngạc. Ngài gọi việc giáo dục công luận là "phương thức hoạt động hữu hiệu duy nhất" — hữu hiệu và có giá trị hơn nhiều so với việc lập pháp hay nhấn mạnh vào quyền lực. Điều này hẳn phải khiến chúng ta dừng lại suy ngẫm khi cố tìm những phương pháp phụng sự thực sự hiệu quả.

Growing out of the integration of this new group, there is being formed in the world that "bridge of souls and servers" which will make possible the merging of the inner subjective Hierarchy of souls and the outer world of humanity. This will constitute an actual fusion or blending and will mark the initiation of the human family through the achievement of its foremost pioneering members. This is the true "marriage in the Heavens " of which mystical Christianity speaks and the result of this fusion will be the manifestation of the fifth kingdom in nature, the kingdom of God. In the past history of the race, a great event occurred which brought into manifestation the fourth kingdom in nature, the human kingdom. We stand now on the verge of a similar but still more momentous event — the appearance of the fifth kingdom, as a result of the planned activity of the New Group of World Servers, working in collaboration with the Hierarchy of perfected souls, and under the guidance of the Christ Himself. This will usher in the New Age wherein five kingdoms in nature will be recognised as existing side by side

Từ sự tích hợp của nhóm mới này, trong thế gian đang hình thành "cây cầu của các linh hồn và những người phụng sự", sẽ tạo điều kiện cho sự hợp nhất giữa Thánh đoàn linh hồn nội tại, chủ quan và thế giới nhân loại bên ngoài. Điều này sẽ tạo nên một sự dung hợp hay hòa quyện thực sự và đánh dấu cuộc điểm đạo của gia đình nhân loại thông qua thành tựu của những thành viên tiên phong xuất sắc nhất. Đây chính là "cuộc hôn phối trên các Cõi Trời" mà Kitô giáo thần bí nói đến, và kết quả của sự dung hợp này sẽ là sự biểu hiện của giới thứ năm trong thiên nhiên, tức Thiên Giới. Trong lịch sử quá khứ của nhân loại, một sự kiện vĩ đại đã xảy ra, đưa giới thứ tư trong thiên nhiên, tức giới nhân loại, vào biểu hiện. Giờ đây, chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của một sự kiện tương tự nhưng còn trọng đại hơn — sự xuất hiện của giới thứ năm, là kết quả của hoạt động theo kế hoạch của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, cộng tác với Thánh đoàn các linh hồn đã hoàn thiện và dưới sự hướng dẫn của chính Đức Christ. Điều này sẽ mở ra Kỷ Nguyên Mới, trong đó người ta sẽ công nhận năm giới trong thiên nhiên cùng tồn tại bên nhau trên Trái Đất.

upon earth.

1. The NGWS is associated with the fourth ray — a *bridging* ray. Taurus (during this world cycle) is largely ruled by the fourth ray, hence the appropriateness of calling the NGWS that a "bridge of souls and servers".

1. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian gắn liền với cung bốn — một cung *bắc cầu*. Trong chu kỳ thế giới này, Kim Ngưu phần lớn chịu sự cai quản của cung bốn, vì vậy việc gọi Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là "cây cầu của các linh hồn và những người phụng sự" là thích hợp.

2. Right now, Hierarchy and humanity are *not* merged. The majority of humanity is barely conscious of the Spiritual Hierarchy. There are certain moments of the year (Christmas, Easter and Wesak to name three) when, in the East or West, the sense of this merging may be more palpable.

2. Ngay lúc này, Thánh đoàn và nhân loại *chưa* hợp nhất. Phần lớn nhân loại hầu như chưa biết đến Thánh đoàn. Có những thời điểm nhất định trong năm — như Giáng Sinh, Phục Sinh và Wesak, kể ra ba dịp — khi ở phương Đông hoặc phương Tây, cảm nhận về sự hợp nhất này có thể rõ rệt hơn.

3. We are reminded that Hierarchy is truly a "subjective" body of servers. In this day when Hierarchy is moving towards greater objectivity, its essentially *subjective* nature must be remembered, lest the concept of Hierarchy become unduly materialized.

3. Chúng ta được nhắc rằng Thánh đoàn thực sự là một đoàn thể những người phụng sự mang tính "chủ quan". Ngày nay, khi Thánh đoàn đang tiến tới sự hiện diện khách quan rõ rệt hơn, cần nhớ đến bản chất cốt yếu mang tính *chủ quan* của Thánh đoàn, để khái niệm về Thánh đoàn không bị vật chất hóa quá mức.

4. The merging and blending here discussed is no small matter, for it represents the "initiation of the human family" — not the initiation of *all* members of that family, but of the foremost members of humanity, thus elevating the whole. Though not all members of the human family can possibly be initiated in the immediate future, a new note and tone can be set which will represent considerable progress for the whole.

4. Sự hợp nhất và hòa quyện đang được bàn đến ở đây không phải là chuyện nhỏ, vì nó biểu thị "cuộc điểm đạo của gia đình nhân loại" — không phải cuộc điểm đạo của *tất cả* các thành viên trong gia đình ấy, mà của những thành viên xuất sắc nhất của nhân loại, qua đó nâng cao toàn thể. Dù trong tương lai trước mắt, không thể có chuyện tất cả thành viên của gia đình nhân loại đều được điểm đạo, vẫn có thể xác lập một âm điệu và sắc thái mới, biểu thị sự tiến bộ đáng kể cho toàn thể.

5. DK speaks of the "marriage in the Heavens" — a term derived from Mystical Christianity. Usually this concept is

5. Chân sư DK nói đến "cuộc hôn phối trên các Cõi Trời" — một thuật ngữ bắt nguồn từ Kitô giáo thần bí. Thông thường, khái niệm

associated with the potency of the sign Libra (the sign of marriage and soul-personality union). We note that the NGWS, being ruled by Taurus, is influenced by the planet Venus (the foremost planet of the soul). Venus orthodoxly rules both Taurus and Libra. It is also considered one of the major planets of marriage.

này gắn liền với uy lực của dấu hiệu Thiên Bình, dấu hiệu của hôn nhân và sự hợp nhất linh hồn–phàm ngã. Chúng ta lưu ý rằng vì chịu sự cai quản của Kim Ngưu, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian chịu ảnh hưởng của Sao Kim, hành tinh hàng đầu của linh hồn. Về mặt ngoại môn, Sao Kim cai quản cả Kim Ngưu lẫn Thiên Bình. Sao Kim cũng được xem là một trong những hành tinh chủ yếu của hôn nhân.

6. The "marriage in the Heavens" will bring into manifestation the fifth kingdom of nature — a very great planetary event, of even greater importance than the appearance of humanity (the fourth kingdom) some 21 million years ago.

6. "Cuộc hôn phối trên các Cõi Trời" sẽ đưa giới thứ năm trong thiên nhiên vào biểu hiện — một sự kiện hành tinh vô cùng vĩ đại, còn quan trọng hơn cả sự xuất hiện của nhân loại, tức giới thứ tư, cách đây khoảng 21 triệu năm.

7. We are given an amazing vision of the importance of the New Group of World Severs, as it cooperates with the Spiritual Hierarchy, all under the guidance of the Christ. The NGWS is, thus, to be instrumental (literally) in the birthing of the fifth kingdom.

7. Chúng ta được trao một tầm nhìn đáng kinh ngạc về tầm quan trọng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian khi Đoàn cộng tác với Thánh đoàn, tất cả đều dưới sự hướng dẫn của Đức Christ. Như vậy, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian sẽ đóng vai trò công cụ, theo nghĩa đen, trong sự ra đời của giới thứ năm.

8. The Age of Aquarius is ruled in large part by the fifth Ray of Science. Its number *five* correlates with the establishment of the fifth kingdom, and with the simultaneous recognition of *five* kingdoms of nature. A little thought will reveal that today humanity recognizes only four kingdoms with itself as the head and crown. An adjustment towards humility is required of humanity if its foremost members are to enter the fifth kingdom.

8. Kỷ Nguyên Bảo Bình phần lớn chịu sự cai quản của cung năm, Cung Khoa Học. Con số *năm* của cung này tương ứng với sự thiết lập giới thứ năm và với việc đồng thời công nhận *năm* giới trong thiên nhiên. Chỉ cần suy nghĩ đôi chút sẽ thấy rằng ngày nay nhân loại chỉ công nhận bốn giới, với chính mình là giới đứng đầu và là đỉnh cao. Nhân loại cần điều chỉnh theo hướng khiêm nhường nếu những thành viên xuất sắc nhất của mình muốn bước vào giới thứ năm.

You have, therefore, been permitted to share in and watch the work of the Hierarchy to the extent of your individual spiritual contact and have seen the following

Do đó, các bạn đã được phép tham gia và quan sát công việc của Thánh đoàn trong phạm vi tiếp xúc tinh thần riêng của mỗi người, và đã thấy những sự kiện tinh thần

spiritual events taking place:

1. The Tibetan is calling to the attention of his chelas their factual participation in the real work of the Hierarchy.

2. Their registration of the momentous events occurring all around them is, of course, dependent on the extent of their *real* spiritual contact. Amazing happenings may be transpiring before our very eyes, but if our spiritual contact is insufficient, we will blind to them. Increasing sensitization is required.

1. The sending forth of the teaching for the New Age. This deals with the new psychology and with the control of the personality and with the Mysteries of the Kingdom of God.

1. There are many teachings. Some are of considerable value and others practically worthless or worse.

2. DK is making a bold statement here, because He says that His disciples have witnessed the sending forth of *the* teaching for the New Age. There is nothing personal in this statement. He is one of the foremost "Messengers" of the Hierarchy, and His Teaching is not strictly His own, but presents information emanating from a number of the Ashrams in Hierarchy.

3. It is interesting to see the focal importance of "esoteric psychology", leading as it does to the understanding and control of the personality. Psychology will be a science of increasing importance during the New Age, and the nature and value of occultism may be appreciated through psychology.

sau đây diễn ra:

1. Chân sư Tây Tạng đang lưu ý các đệ tử của Ngài về việc họ thực sự tham gia vào công việc đích thực của Thánh đoàn.

2. Dĩ nhiên, việc họ ghi nhận những sự kiện trọng đại đang diễn ra khắp quanh mình tùy thuộc vào mức độ tiếp xúc tinh thần *thực sự* của họ. Những sự kiện đáng kinh ngạc có thể đang diễn ra ngay trước mắt chúng ta, nhưng nếu sự tiếp xúc tinh thần của chúng ta chưa đủ, chúng ta sẽ không thấy được chúng. Cần gia tăng sự nhạy cảm.

1. Việc ban hành giáo huấn cho Kỷ Nguyên Mới. Giáo huấn này đề cập đến tâm lý học mới, việc kiểm soát phàm ngã và các Huyền Nhiệm của Thiên Giới.

1. Có nhiều giáo huấn. Một số có giá trị đáng kể, còn những giáo huấn khác thì hầu như vô giá trị hoặc tệ hơn nữa.

2. Ở đây, Chân sư DK đưa ra một khẳng định mạnh mẽ, vì Ngài nói rằng các đệ tử của Ngài đã chứng kiến việc ban hành *chính* giáo huấn dành cho Kỷ Nguyên Mới. Khẳng định này không mang tính cá nhân. Ngài là một trong những "Sứ Giả" hàng đầu của Thánh đoàn, và Giáo Huấn của Ngài không hoàn toàn là của riêng Ngài, mà trình bày thông tin phát ra từ một số ashram trong Thánh đoàn.

3. Thật thú vị khi thấy tầm quan trọng trung tâm của "Tâm Lý Học Nội Môn", vì môn học này dẫn đến sự thấu hiểu và kiểm soát phàm ngã. Tâm lý học sẽ là một khoa học ngày càng quan trọng trong Kỷ Nguyên Mới, và thông qua tâm lý học, người ta có thể nhận thức được bản chất và giá trị của huyền bí học.

4. Another aspect of the "teaching for the New Age" deals with the "Mysteries of the Kingdom of God". Presumably, this deals with the nature of the higher mental plane and the planes of the Spiritual Triad. Such understanding can be approached through a study of the Science of Initiation.

4. Một phương diện khác của "giáo huấn cho Kỷ Nguyên Mới" đề cập đến "các Huyền Nhiệm của Thiên Giới". Có lẽ điều này đề cập đến bản chất của Cõi thượng trí và các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần. Có thể tiến đến sự thấu hiểu ấy thông qua việc nghiên cứu Khoa Học Điểm Đạo.

5. It can be realized that there will be no real approach to the Mysteries of the Kingdom of God unless a control of the personality is developed, because the personality cannot enter that "Kingdom" (though, of course, it can and must be influenced *by* that Kingdom).

5. Có thể nhận ra rằng sẽ không có sự tiếp cận thực sự nào với các Huyền Nhiệm của Thiên Giới nếu chưa phát triển khả năng kiểm soát phàm ngã, bởi phàm ngã không thể bước vào "Giới" ấy, dù dĩ nhiên phàm ngã có thể và phải chịu ảnh hưởng *từ* Giới ấy.

2. The founding in embryo of those schools of esotericism which will embody the teaching for the new discipleship and make it practical in application. There are several of these schools and the Arcane School is one of the first. They prepare the way for the greater foundations, outlined in my book, *Letters on Occult Meditation.*

2. Việc thành lập ở dạng phôi thai những trường huyền bí học sẽ hiện thân cho giáo huấn về địa vị đệ tử mới và đưa giáo huấn ấy vào ứng dụng thực tiễn. Có một số trường như vậy, và Trường Arcane là một trong những trường đầu tiên. Các trường này chuẩn bị con đường cho những cơ sở lớn hơn mà Tôi đã phác thảo trong cuốn sách *Thư Về Tham thiền Huyền môn.*

1. Schools of esotericism have been founded during the twentieth century, and that founding is an important part of the Hierarchy's Plan.

1. Các trường huyền bí học đã được thành lập trong thế kỷ hai mươi, và việc thành lập ấy là một phần quan trọng trong Thiên Cơ của Thánh đoàn.

2. Note, however, that the schools founded are founded "in embryo". They have not been full-blown schools of esotericism but only the promise of that which is to come.

2. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng các trường ấy được thành lập "ở dạng phôi thai". Đó chưa phải là những trường huyền bí học phát triển đầy đủ, mà chỉ là lời hứa hẹn về điều sẽ đến.

3. Note that these schools offer "teaching for the new discipleship". They do not profess to offer training for *initiation*, though such training may grow subtly as the school become established and reach a sufficient

3. Hãy lưu ý rằng các trường này cung cấp "giáo huấn về địa vị đệ tử mới". Các trường không tuyên bố cung cấp sự huấn luyện để *điểm đạo*, dù sự huấn luyện ấy có thể phát triển một cách tinh tế khi trường đứng vững

quality of functioning.

4. The important thing is that the disciplines of discipleship are applied in a practical manner. The goal is humble enough, though difficult.

5. The value and status of the Arcane School is affirmed. It is one of several such esoteric schools "in embryo".

6. DK looks ahead to the kinds of schools discussed in *Letters on Occult Meditation.* Such schools will be what He calls, "greater foundations". Much depends upon how successfully the schools-in-embryo do their work. The founding of the newer esoteric schools (the "greater foundations") can now begin (modestly and earnestly) by those who are willing to slowly work at fulfilling the requirements which the Master has detailed in *LOM.*

7. Does any *true* esoteric school of the newer sort yet exist? Almost certainly not. The requirements are too steep and the tenacity of the would-be founders largely untested. But a beginning can been made, and, in some cases, *is* being made.

3. The recognition on a fairly large scale of the New Group of World Servers and their work. [33]

1. The Tibetan has brought the NGWS to the attention of humanity, or at least to the attention of those men and women of goodwill who can be influenced by His

và đạt đủ phẩm tính trong hoạt động.

4. Điều quan trọng là các kỷ luật của địa vị đệ tử phải được áp dụng một cách thiết thực. Mục tiêu ấy khá khiêm tốn, dù khó thực hiện.

5. Giá trị và vị thế của Trường Arcane được khẳng định. Đây là một trong số những trường huyền bí học như vậy đang "ở dạng phôi thai".

6. Chân sư DK hướng tới những loại trường được bàn đến trong *Thư Về Tham thiền Huyền môn.* Những trường ấy sẽ là cái mà Ngài gọi là "những cơ sở lớn hơn". Nhiều điều tùy thuộc vào mức độ thành công trong công việc của các trường đang ở dạng phôi thai. Giờ đây, những ai sẵn lòng kiên trì từng bước đáp ứng các yêu cầu mà Chân sư đã trình bày chi tiết có thể bắt đầu thành lập những trường huyền bí học kiểu mới ấy, tức "những cơ sở lớn hơn", một cách khiêm tốn và nghiêm túc, theo những điều Ngài đã nêu trong *LOM.*

7. Liệu hiện nay đã có trường huyền bí học *đích thực* nào thuộc loại hình mới hơn ấy chưa? Gần như chắc chắn là chưa. Các yêu cầu quá cao, và lòng kiên trì của những người có ý định sáng lập phần lớn vẫn chưa được thử thách. Nhưng có thể khởi đầu, và trong một số trường hợp, việc khởi đầu *quả thực* đang diễn ra.

3. Sự công nhận trên một quy mô khá lớn đối với Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và công việc của Đoàn. [33]

1. Chân sư Tây Tạng đã khiến nhân loại chú ý đến Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, hoặc ít nhất cũng khiến những người nam và nữ có thiện chí, những người có thể chịu ảnh

writings.

hưởng từ các tác phẩm của Ngài, chú ý đến Đoàn.

2. What does He mean by "on a fairly large scale"? Perhaps the NGWS is recognized by a significant number of humanity under other names and categories — such as "Cultural Creatives", and "People of Goodwill".

2. Ngài muốn nói gì qua cụm từ "trên một quy mô khá lớn"? Có lẽ một số lượng đáng kể người trong nhân loại nhận biết Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian dưới những tên gọi và cách phân loại khác — chẳng hạn như "Những Người Sáng Tạo Văn Hóa" và "Những Người Có Thiện Chí".

3. It would seem that the existence of this serving body, at least, for the moment, is not very broadly recognized, but we have no way of knowing the "scale" of which the Tibetan is speaking. The formation of new political parties which are not divided by polarizing attitudes is an imminent and desirable possibility, and may well occur when the men and women of goodwill scattered throughout the world (but concentrated in the Western-style democracies) have finally had enough of the divisiveness brought to them by the habitual animosity and competition which characterize present political groups so locked in their polarized battles.

3. Dường như sự hiện hữu của đoàn thể phụng sự này, ít nhất vào lúc này, chưa được công nhận rộng rãi cho lắm, nhưng chúng ta không có cách nào biết được "quy mô" mà Chân sư Tây Tạng đang nói đến. Sự hình thành những đảng chính trị mới không bị chia rẽ bởi các thái độ phân cực là một khả năng gần kề và đáng mong muốn, và rất có thể sẽ xảy ra khi những người nam và nữ có thiện chí rải rác khắp thế giới, nhưng tập trung trong các nền dân chủ kiểu phương Tây, cuối cùng đã quá chán ngán sự chia rẽ do thói thù địch và cạnh tranh mang lại — những đặc điểm của các nhóm chính trị hiện nay đang mắc kẹt trong các cuộc đấu tranh phân cực.

4. In various countries those voters known as "independents" may also become a group which can be influenced by the NGWS and from whose ranks new members of the NGWS may be drawn.

4. Tại nhiều quốc gia, những cử tri được gọi là "độc lập" cũng có thể trở thành một nhóm có khả năng chịu ảnh hưởng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, và từ hàng ngũ của họ có thể tuyển thêm những thành viên mới cho Đoàn.

4. The emergence — as yet only in symbolic indication — of the fifth or spiritual kingdom.

4. Sự xuất hiện của giới thứ năm, tức giới tinh thần — cho đến nay mới chỉ qua những dấu hiệu mang tính biểu tượng.

1. The *full* emergence of the fifth kingdom of nature will be a climactic event not yet to be expected. It would seem that the Christ's work during the Aquarian Age will be a

1. Sự xuất hiện *trọn vẹn* của giới thứ năm trong thiên nhiên sẽ là một sự kiện đỉnh cao mà hiện chưa thể trông đợi. Dường như công việc của Đức Christ trong Kỷ Nguyên Bảo

precursor of a fuller establishment of this kingdom.

2. Right now, the disciples and initiates of the world (relatively small in number) are the nucleus of this emerging kingdom. They stand as the symbol of that which is certainly on its way, and by a study of their lives and their modes of service, the characteristics of the new kingdom can be somewhat understood.

3. It is the duty of disciples and initiates to create *in miniature* a structure which one day will be characteristic of far larger numbers of human beings. Much, however, remains to be done even among the ranks of those who purport to understand the nature of the fifth kingdom and the requirements for membership.

5. The forming of the skeleton structure of the new groups of disciples, the externalisation in embryo of the inner Ashrams. These in the New Age will multiply and so carry forward the work of integrating the inner and the outer groups and fostering the growth of the Kingdom of God on earth. This will bring to public attention the fact of the restoration of the Mysteries of Initiation.

1. Much of spiritual value being done today occurs "in embryo" or appears in the form of a "skeleton structure". True *indications* are possible; completeness is not.

2. An important phrase is offered: "the externalisation in embryo of the inner Ashrams". This is what the new groups of disciples ("Seed Groups") are to become.

Bình sẽ mở đường cho sự thiết lập đầy đủ hơn của giới này.

2. Ngay lúc này, các đệ tử và điểm đạo đồ trên thế giới, với số lượng tương đối ít, là hạt nhân của giới đang xuất hiện này. Họ là biểu tượng của điều chắc chắn đang đến, và qua việc nghiên cứu cuộc đời cùng các phương thức phụng sự của họ, có thể phần nào thấu hiểu những đặc điểm của giới mới.

3. Bổn phận của các đệ tử và điểm đạo đồ là tạo dựng *ở quy mô thu nhỏ* một cấu trúc mà một ngày kia sẽ là đặc trưng của những tập hợp người đông đảo hơn nhiều. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc phải làm ngay cả trong hàng ngũ những người tự cho là thấu hiểu bản chất của giới thứ năm và các yêu cầu để trở thành thành viên.

5. Sự hình thành cấu trúc khung của các nhóm đệ tử mới, tức sự ngoại hiện ở dạng phôi thai của các ashram bên trong. Trong Kỷ Nguyên Mới, các nhóm này sẽ gia tăng và nhờ đó tiếp tục công việc tích hợp các nhóm bên trong với các nhóm bên ngoài, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của Thiên Giới trên Trái Đất. Điều này sẽ khiến công chúng chú ý đến sự thật về việc phục hồi các Huyền Nhiệm Điểm Đạo.

1. Phần lớn những việc có giá trị tinh thần đang được thực hiện ngày nay đều diễn ra "ở dạng phôi thai" hoặc xuất hiện dưới dạng một "cấu trúc khung". Có thể có những *dấu hiệu* đích thực; chưa thể có sự hoàn chỉnh.

2. Một cụm từ quan trọng được đưa ra: "sự ngoại hiện ở dạng phôi thai của các ashram bên trong". Đây là điều mà các nhóm đệ tử mới, tức "Các Nhóm hạt giống", sẽ trở thành.

3. We may wonder how the Externalization of the Hierarchy is to proceed. One of the methods of externalization is here offered. It is a very natural process; there is nothing spectacular or grandiose about it.

3. Chúng ta có thể tự hỏi Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn sẽ diễn tiến như thế nào. Ở đây, một trong những phương thức ngoại hiện đã được nêu ra. Đó là một tiến trình rất tự nhiên; không có gì ngoạn mục hay phô trương trong tiến trình ấy.

4. Such new groups will multiply during the New Age, but their structure has to be clear and effective, otherwise such multiplication would be more a detriment to the Plan than assistance.

4. Những nhóm mới như vậy sẽ gia tăng trong Kỷ Nguyên Mới, nhưng cấu trúc của chúng phải rõ ràng và hiệu quả; nếu không, sự gia tăng ấy sẽ gây tổn hại cho Thiên Cơ nhiều hơn là trợ giúp.

5. Rightly formulated groups are connected to their "inner groups". The proliferation of such inwardly-linked groups will precipitate the growth of the fifth kingdom on Earth.

5. Các nhóm được tổ chức đúng đắn kết nối với "các nhóm bên trong". Sự gia tăng của những nhóm có liên kết nội tại như vậy sẽ làm ngưng tụ sự phát triển của giới thứ năm trên Trái Đất.

6. This short paragraph is prophetic. The mode is given whereby the general public will become aware of the "fact of the restoration of the Mysteries of Initiation".

6. Đoạn văn ngắn này mang tính tiên tri. Đoạn văn đưa ra phương thức để công chúng nói chung nhận biết "sự thật về việc phục hồi các Huyền Nhiệm Điểm Đạo".

7. The first step in this awareness of restoration will not involve the ceremonies we have become used to considering as characteristic of the process of initiation. The members of such groups (and the groups themselves) will be known for the high quality/vibration of their lives, and will signal the appearance of a new type of human being. The qualities characteristic of those who are members of the fifth kingdom will radiate from them; they will be noticed for the *quality* of their life.

7. Bước đầu tiên trong việc nhận biết sự phục hồi này sẽ không liên quan đến những nghi lễ mà chúng ta đã quen xem là đặc trưng của tiến trình điểm đạo. Các thành viên của những nhóm ấy, và chính các nhóm ấy, sẽ được biết đến nhờ phẩm tính/rung động cao trong đời sống của họ, và sẽ báo hiệu sự xuất hiện của một kiểu người mới. Những phẩm tính đặc trưng của các thành viên thuộc giới thứ năm sẽ tỏa ra từ họ; người ta sẽ chú ý đến họ vì *phẩm tính* trong đời sống của họ.

8. Initially, the Mysteries will be restored through the life-demonstration of those who are somewhat privy to those Mysteries — i. e. , through those who have already passed through one or other of the various initiations. Such initiates *will not proclaim*

8. Ban đầu, các Huyền Nhiệm sẽ được phục hồi thông qua sự thể hiện trong đời sống của những người phần nào đã được biết các Huyền Nhiệm ấy — tức là thông qua những người đã trải qua một trong các lần điểm đạo khác nhau. Những điểm đạo đồ như vậy *sẽ*

themselves. Their point of attainment will not allow them to do so. The quality of their lives will proclaim who they are. Any attempt to claim initiate status would negate the validity of the claim. Let modern claimants remember this.

không tự xưng danh. Trình độ thành tựu của họ sẽ không cho phép họ làm như thế. Phẩm tính trong đời sống của họ sẽ cho biết họ là ai. Bất kỳ nỗ lực nào nhằm tự nhận địa vị điểm đạo đồ đều sẽ phủ nhận tính xác thực của lời tự nhận ấy. Mong những người tự xưng ngày nay hãy ghi nhớ điều này.

The production of the outer form on earth, through the medium of books, of esoteric schools and the educating of public opinion has been committed to a group of us who form a part of the inner world government — disciples and initiates — and to this group, I play the part of secretary and of organising contact man — if I may use words which will mean something to your ears, versed as you are in physical plane organisation work; they mean little or nothing to us, versed as we are in the work of producing living organisms. This group to which I refer is composed of two oriental initiates (of whom I am one) and of five occidental initiates.

Việc tạo dựng hình tướng bên ngoài trên Trái Đất, thông qua sách vở, các trường huyền bí học và việc giáo dục công luận, đã được giao phó cho một nhóm chúng tôi, gồm các đệ tử và điểm đạo đồ, là thành phần của chính quyền thế giới nội tại. Trong nhóm này, Tôi giữ vai trò thư ký và người tổ chức liên lạc — nếu Tôi có thể dùng những từ ngữ có ý nghĩa đối với các bạn, vốn thông thạo công việc tổ chức trên cõi hồng trần; những từ ấy ít có hoặc chẳng có ý nghĩa gì đối với chúng tôi, vốn thông thạo công việc tạo dựng những cơ thể sống. Nhóm mà Tôi nói đến gồm hai điểm đạo đồ phương Đông, trong đó Tôi là một, và năm điểm đạo đồ phương Tây.

1. Three modes of outer esoteric work are here mentioned — the production of books, esoteric schools and the educating of public opinion.

1. Ở đây có nhắc đến ba phương thức hoạt động huyền bí học bên ngoài — biên soạn sách, thành lập các trường huyền bí học và giáo dục công luận.

2. The Tibetan describes His role in relation to the "inner world government" — "secretary" and "organising contact man". He is thus responsible for organizing and implementing the intentions of Masters Who are senior to Him, and of contacting humanity on Their behalf and His.

2. Chân sư Tây Tạng mô tả vai trò của Ngài trong mối quan hệ với "chính quyền thế giới nội tại" — "thư ký" và "người tổ chức liên lạc". Do đó, Ngài chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện các ý định của những Chân sư có thâm niên cao hơn Ngài, đồng thời thay mặt Các Ngài và chính Ngài tiếp xúc với nhân loại.

3. When He describes His work in this way it is impossible not to think of the qualities of the sign Gemini and the planet Mercury.

3. Khi Ngài mô tả công việc của mình theo cách này, chúng ta không thể không nghĩ đến những phẩm tính của dấu hiệu Song Tử và hành tinh Sao Thủy.

4. DK uses this paragraph to call our attention to the difference between an organization and an *organism*.

4. Chân sư DK dùng đoạn văn này để lưu ý chúng ta về sự khác biệt giữa một tổ chức và một *cơ thể sống*.

5. One can imagine that the concept of "role" is quite different in relation to an organism than it is in relation to an organization. For one thing, the factor of what might be called 'intuitive fluidity' would be greatly increased for those adept at producing "living organisms". Organisms live from within and do not constantly have to be stimulated from without. Permeability is characteristic of an organism; encapsulation of an organization.

5. Có thể hình dung rằng khái niệm "vai trò" trong một cơ thể sống rất khác với khái niệm ấy trong một tổ chức. Trước hết, yếu tố có thể gọi là 'tính linh hoạt trực giác' sẽ gia tăng đáng kể nơi những người thành thạo việc tạo dựng "những cơ thể sống". Các cơ thể sống vận hành từ bên trong và không cần liên tục nhận kích thích từ bên ngoài. Tính thẩm thấu là đặc trưng của một cơ thể sống; sự khép kín là đặc trưng của một tổ chức.

6. DK writes of the work of advancing the work of externalization of the Ashrams, largely through educational work. He states that seven initiates are involved — two from the East and five from the West. This is a different kind of enumeration than is given elsewhere — the proportion of Western initiates is greater. We note however, that He includes not only initiates but disciples, and so it is possible that some who are not yet Masters are involved in the effort — perhaps disciple-initiates such as Alice Bailey.

6. Chân sư DK viết về việc thúc đẩy công cuộc ngoại hiện các ashram, phần lớn thông qua công việc giáo dục. Ngài nói rằng có bảy điểm đạo đồ tham gia — hai vị từ phương Đông và năm vị từ phương Tây. Cách nêu số lượng này khác với những gì được trình bày ở nơi khác — tỷ lệ điểm đạo đồ phương Tây lớn hơn. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng Ngài kể đến không chỉ các điểm đạo đồ mà cả các đệ tử, vì vậy có thể một số người chưa phải là Chân sư cũng tham gia nỗ lực này — có lẽ là những đệ tử–điểm đạo đồ như Bà Alice Bailey.

7. It would seem that Master KH and Master M cannot *both* be members of this group (if *either* of Them is, at all) since both are oriental initiates. Yet both of Them have demonstrated that They are, in significant ways, involved in such work.

7. Dường như Chân sư KH và Chân sư M không thể *cả hai cùng* là thành viên của nhóm này (nếu quả thực *một trong hai* Ngài là thành viên), vì cả hai đều là những điểm đạo đồ phương Đông. Tuy nhiên, cả hai Ngài đều đã chứng tỏ rằng Các Ngài tham gia công việc như thế trên những phương diện đáng kể.

8. We are probably dealing here with an enumeration that is different from the usual list of Masters interested in the Hierarchy's educational work. The usual enumeration

8. Có lẽ ở đây chúng ta đang bàn đến một danh sách khác với danh sách thông thường gồm các Chân sư quan tâm đến công tác giáo dục của Thánh đoàn. Danh sách thông

includes Master H, Master R and an English Master, as well as the Master M, KH and DK.

thường bao gồm Chân sư H, Chân sư R và một Chân sư người Anh, cùng với các Chân sư M, KH và DK.

We will leave now the consideration of this general picture and return to the subject of the specific work that this particular group of my disciples can do. You must avoid the idea that you are working in a unique way and alone. This is not so. There are many today working intelligently with our plans, often isolated and alone.

Giờ đây, chúng ta sẽ tạm gác việc xem xét bức tranh tổng quát này và trở lại với chủ đề về công việc cụ thể mà nhóm đệ tử này của Tôi có thể thực hiện. Các bạn phải tránh ý nghĩ rằng mình đang làm việc theo một cách độc nhất và đơn độc. Thực tế không phải vậy. Ngày nay, có nhiều người đang làm việc một cách sáng suốt theo những kế hoạch của chúng tôi, thường biệt lập và đơn độc.

The main requirement in the group work which I seek at this time to emphasise is the most difficult one of a true impersonality. On two points, disciples in the past have ever been emphatic. They have seen and felt the need for reticence, where there is any inner spiritual experience, and have felt that the relating or the discussion of the spiritual and the higher psychic events in their lives produced a sense of loss and was against the occult law. They have equally demanded reticence about their personality lives, about their mistakes and failings, and have demanded it more loudly than the permission to be silent about their soul life. Their demand has been based on a true recognition that the discussion of a spiritual happening with those who do not understand [34] has in it a great deal of danger — the danger of misinterpretation, of glamour and of illusion. The desire for reticence in the personality life is based usually on pride, on a fear of criticism, on terror of being derided, misunderstood and judged; these are all unworthy motives.

Yêu cầu chính trong công việc nhóm mà lúc này Tôi muốn nhấn mạnh là yêu cầu khó khăn nhất: tính phi cá nhân đích thực. Trước đây, các đệ tử luôn nhấn mạnh hai điểm. Họ đã thấy và cảm nhận sự cần thiết phải kín tiếng khi có bất kỳ trải nghiệm tinh thần bên trong nào, và cảm thấy rằng việc thuật lại hay thảo luận về những sự kiện tinh thần và thông linh cao cấp trong cuộc đời mình gây ra cảm giác mất mát và trái với định luật huyền bí. Họ cũng đòi hỏi phải kín tiếng về đời sống phàm ngã của mình, về những sai lầm và thiếu sót của mình, và đòi hỏi điều này còn mạnh mẽ hơn cả việc xin phép được giữ im lặng về đời sống linh hồn. Đòi hỏi ấy dựa trên sự nhận biết đúng đắn rằng việc thảo luận một sự kiện tinh thần với những người không thấu hiểu [34] chứa đựng rất nhiều nguy hiểm — nguy cơ diễn giải sai, ảo cảm và ảo tưởng. Mong muốn kín tiếng về đời sống phàm ngã thường bắt nguồn từ lòng kiêu hãnh, nỗi sợ bị chỉ trích, nỗi khiếp sợ bị chế giễu, hiểu lầm và phán xét; tất cả đều là những động cơ không xứng đáng.

1. The Tibetan is now returning to specificities. He reemphasizes a more important caution: His disciples must not

1. Giờ đây, Chân sư Tây Tạng trở lại với những điều cụ thể. Ngài nhấn mạnh lại một lời cảnh báo quan trọng hơn: các đệ tử của

think they are working "in a unique way and alone". The "glamor of special selection" would then enter and the value of their work would be negated by pride and separation.

Ngài không được nghĩ rằng mình đang làm việc "theo một cách độc nhất và đơn độc". Khi ấy, "ảo cảm về việc được đặc biệt tuyển chọn" sẽ len vào, và lòng kiêu hãnh cùng sự chia rẽ sẽ triệt tiêu giá trị công việc của họ.

2. *Many* are working with the plans of the Hierarchy, often isolated and alone. The sense of "group work" is most necessary even if the vast majority of those affiliated are personally unknown to each other. Having the many in mind is one of the methods of ensuring impersonality in the work.

2. *Nhiều người* đang làm việc theo những kế hoạch của Thánh đoàn, thường biệt lập và đơn độc. Ý thức về "công việc nhóm" là hết sức cần thiết, ngay cả khi đại đa số những người cùng tham gia chưa từng biết nhau ngoài đời. Luôn nghĩ đến nhiều người khác là một trong những phương pháp bảo đảm tính phi cá nhân trong công việc.

3. DK lists "impersonality" as the main requirement for the group work which He seeks to emphasize. It is so difficult because the personality is ever craving the feeding energy of attention in one way or another. Impersonality is so necessary because a personal attitude short-circuits true group work by emphasizing the part over the whole.

3. Chân sư DK nêu "tính phi cá nhân" là yêu cầu chính đối với công việc nhóm mà Ngài muốn nhấn mạnh. Điều này khó khăn đến thế vì phàm ngã luôn khao khát năng lượng nuôi dưỡng từ sự chú ý, dưới hình thức này hay hình thức khác. Tính phi cá nhân hết sức cần thiết vì thái độ cá nhân làm gián đoạn công việc nhóm đích thực khi đề cao bộ phận hơn toàn thể.

4. DK discusses a true and false "reticence". He seems to sanction the idea that the unwise discussion of higher spiritual or psychic events produces a sense of loss and is against occult law. Elsewhere, He definitely states that the claiming of initiate status is against occult law.

4. Chân sư DK bàn về "sự kín tiếng" đúng đắn và sai lầm. Dường như Ngài tán thành quan điểm rằng việc thảo luận thiếu sáng suốt về những sự kiện tinh thần hay thông linh cao cấp gây ra cảm giác mất mát và trái với định luật huyền bí. Ở nơi khác, Ngài khẳng định rõ rằng việc tự nhận địa vị điểm đạo đồ là trái với định luật huyền bí.

5. Why this mysterious "sense of loss"? Perhaps these inner spiritual and psychic events serve as a source of inspiration which, revealed, lose their power to inspire. It is as if a concentration of force is weakened and dissipated. As if a contact given for impulsion is vitiated by being made common property. Perhaps the thoughtforms generated by the unready

5. Tại sao lại có "cảm giác mất mát" bí ẩn này? Có lẽ những sự kiện tinh thần và thông linh bên trong ấy đóng vai trò như một nguồn cảm hứng, nhưng khi được tiết lộ thì mất đi sức truyền cảm hứng. Dường như một khối mãnh lực tập trung bị suy yếu và tiêu tan. Dường như một sự tiếp xúc được ban để tạo xung lực lại bị mất hiệu lực khi trở thành tài sản chung. Có lẽ những hình tư

(when they hear of these things) in some way attack the revealing disciple's thoughtforms surrounding the event and weaken those thoughtforms.

tưởng do những người chưa sẵn sàng tạo ra (khi họ nghe về những điều này) bằng cách nào đó tấn công các hình tư tưởng mà người đệ tử tiết lộ đã tạo nên quanh sự kiện ấy, và làm suy yếu chúng.

6. Probably the prohibition against unwisely speaking about 'sacred things' can only be directly experienced. Unless the prohibition is upon one, one will not know the reason for its existence.

6. Có lẽ lệnh cấm nói thiếu sáng suốt về 'những điều thiêng liêng' chỉ có thể được thấu hiểu qua trải nghiệm trực tiếp. Nếu chưa chịu sự ràng buộc của lệnh cấm ấy, người ta sẽ không biết lý do nó tồn tại.

7. A less desirable form of reticence is also cited — the demand for reticence about one's personality mistakes and foibles — the *embarrassments* of the Spiritual Path. This second kind of reticence is unworthy and is based upon fear and pride. Yet, "each sees and knows the villainy of each", and no disciple is allow to wear "a hood, a veil which hides his face from others" (Rules of the Road).

7. Một hình thức kín tiếng kém đáng mong muốn hơn cũng được nêu ra — đòi hỏi kín tiếng về những sai lầm và nhược điểm của phàm ngã mình — những *điều gây hổ thẹn* trên Đường Đạo Tinh Thần. Loại kín tiếng thứ hai này không xứng đáng và bắt nguồn từ nỗi sợ cùng lòng kiêu hãnh. Tuy nhiên, "mỗi người đều thấy và biết sự xấu xa của nhau", và không đệ tử nào được phép đội "một chiếc mũ trùm, một tấm màn che khuôn mặt mình khỏi người khác" (Các Quy Luật của Đường Đạo).

8. DK discusses the very real danger of discussing deeply personal spiritual happenings with those who do not and (as yet) cannot understand. The dangers of misinterpretation, of glamor and illusion are cited. Such discussion (even if well-intended) will lead to a *decrease* in the light of understanding rather than an increase. Distortion will be the result. Refraction (glamor) and fragmentation (illusion) will be the consequences. The first kind of reticence, therefore, is not only justifiable but necessary. Those who discuss these matters with those who are unready (and who are not brothers of like degree) reveal, through their lack of restraint and discrimination, the fact that they are *not* that which they claim to be. If claims are not

8. Chân sư DK bàn đến nguy hiểm rất thực của việc thảo luận những sự kiện tinh thần mang tính cá nhân sâu sắc với những người không thấu hiểu và (hiện thời) chưa thể thấu hiểu. Ngài nêu những nguy cơ diễn giải sai, ảo cảm và ảo tưởng. Sự thảo luận như thế (dù có thiện ý) sẽ khiến ánh sáng của sự thấu hiểu *giảm đi* thay vì tăng lên. Kết quả sẽ là sự bóp méo. Hệ quả sẽ là sự khúc xạ (ảo cảm) và sự phân mảnh (ảo tưởng). Do đó, loại kín tiếng thứ nhất không chỉ chính đáng mà còn cần thiết. Những người bàn luận các vấn đề này với những người chưa sẵn sàng (và không phải những huynh đệ cùng cấp độ), qua sự thiếu kiềm chế và phân biện của mình, cho thấy rằng họ *không phải* là những gì họ tự nhận. Ngay cả khi không có sự tự nhận nào, họ vẫn chịu mất mát qua việc tiết

involved, they still lose through such revelation, for they reduce the inner power of their experiences and contribute to misunderstanding.

lộ như thế, vì họ làm giảm quyền năng bên trong của những trải nghiệm ấy và góp phần gây hiểu lầm.

9. The second type of reticence, the desire for reticence about the personality life is entirely another matter. People do not want to be revealed for what they truly are; they would rather hide their weaknesses than expose them to the "Light of Day" (Scorpio's light). In such reticence we find a fundamental lack of courage — a weakness which will prevent progress on the Path of Initiation.

9. Loại kín tiếng thứ hai, mong muốn kín tiếng về đời sống phàm ngã, lại là một chuyện hoàn toàn khác. Người ta không muốn bộc lộ con người thật của mình; họ muốn che giấu những điểm yếu hơn là phơi bày chúng dưới "Ánh Sáng Ban Ngày" (ánh sáng của Hổ Cáp). Trong sự kín tiếng như thế, chúng ta thấy sự thiếu can đảm căn bản — một nhược điểm sẽ ngăn cản sự tiến bộ trên Con Đường Điểm Đạo.

Among the disciples of the New Age groups and ever in a Master's inner Ashram, there is no need for this theory of reticence. You are co-disciples and co-workers. If any of you have in the past or may in the future become initiates, it will not affect your relation to your fellow-disciples in these groups. The knowledges of initiation cannot be passed on by word of mouth within the initiate ranks, for they are not communicated in speech or by letters**. Only those who possess certain transcendental senses can take initiation and should they try to communicate the secrets and mysteries of initiation in symbol or form, you would fail to react to or to understand their meaning.**

Giữa các đệ tử thuộc những nhóm Kỷ Nguyên Mới, và luôn luôn trong ashram bên trong của một Chân sư, không cần đến lý thuyết kín tiếng này. Các bạn là những đệ tử đồng môn và những người cộng sự. Nếu có ai trong các bạn đã trở thành điểm đạo đồ trong quá khứ hoặc có thể trở thành điểm đạo đồ trong tương lai, điều đó sẽ không ảnh hưởng đến mối quan hệ của các bạn với những đệ tử đồng môn trong các nhóm này. Những tri thức về điểm đạo không thể truyền miệng trong hàng ngũ điểm đạo đồ, vì chúng không được truyền đạt bằng lời nói hay chữ viết**. Chỉ những người sở hữu một số giác quan siêu việt mới có thể thọ nhận điểm đạo, và nếu họ cố truyền đạt những bí mật và huyền nhiệm của điểm đạo bằng biểu tượng hay hình tướng, các bạn sẽ không thể đáp ứng hoặc thấu hiểu ý nghĩa của chúng.**

1. DK does away with the need for reticence among established co-workers — especially, I would say, the need for reticence about personality shortcomings.

1. Chân sư DK bác bỏ sự cần thiết phải kín tiếng giữa những người cộng sự đã gắn bó vững chắc — đặc biệt, tôi muốn nói, là sự cần thiết phải kín tiếng về những thiếu sót của phàm ngã.

2. We note that He calls it a "theory" of reticence, perhaps suggesting that the disciples who practice it are not solidly established in a good reason for doing so.

2. Chúng ta lưu ý rằng Ngài gọi đó là một "lý thuyết" về sự kín tiếng, có lẽ hàm ý rằng các đệ tử thực hành điều ấy chưa có một lý do vững chắc, chính đáng để làm như vậy.

3. Master DK, however (in His personal instructions to His chelas) is often reticent in discussing the particular initiation for which a disciple is being prepared. In one or two cases He does mention it, as in the case of ISG-L (the second) or DHB (the third). Usually, however, He leaves it unspecified, as He seeks, I would think, to prevent an unwholesome curiosity about the spiritual status of fellow disciples. It is probably when there is a very strong teaching point involved that He discusses the particular trials, challenges (or opportunities) surrounding a particular initiation.

3. Tuy nhiên, Chân sư DK (trong những huấn thị riêng cho các đệ tử của Ngài) thường kín tiếng khi bàn đến lần điểm đạo cụ thể mà một đệ tử đang được chuẩn bị để thọ nhận. Trong một hoặc hai trường hợp, Ngài có đề cập đến điều ấy, như trường hợp ISG-L (lần thứ hai) hay DHB (lần thứ ba). Tuy nhiên, thông thường Ngài không nói rõ, vì tôi nghĩ Ngài muốn ngăn chặn sự tò mò không lành mạnh về địa vị tinh thần của các đệ tử đồng môn. Có lẽ chỉ khi có một điểm huấn luyện hết sức quan trọng cần làm rõ, Ngài mới bàn đến những thử thách, thách thức (hay cơ hội) cụ thể gắn với một lần điểm đạo nhất định.

4. DK states that the fact of having become or of becoming an initiate will not affect the relation to one's fellow disciples. The whole matter is to be approached with impersonality.

4. Chân sư DK khẳng định rằng việc đã hay sẽ trở thành một điểm đạo đồ không ảnh hưởng đến mối quan hệ của người ấy với các đệ tử đồng môn. Cần tiếp cận toàn bộ vấn đề với tính phi cá nhân.

5. Then, come some very important statements, which should give pause to those who state that they are training disciples for initiation. Alice Bailey never said more than that she (and the Arcane School in general) was offering training for *discipleship*.

5. Tiếp đó là một số phát biểu hết sức quan trọng, đáng để những người tuyên bố rằng mình đang huấn luyện đệ tử cho điểm đạo phải dừng lại suy ngẫm. Alice Bailey chưa bao giờ nói gì hơn ngoài việc Bà (và Trường Arcane nói chung) đang cung cấp sự huấn luyện cho *địa vị đệ tử*.

6. Knowledge of initiation cannot be passed on by conventional means — i.e., by word, speech or letters. Transcendental senses (which ones, could be discussed with profit — for they are not the usual psychic senses) are required. Should initiates possessed of such senses attempt to convey the secrets and mysteries of initiation, they would fail

6. Tri thức về điểm đạo không thể truyền đạt bằng những phương tiện thông thường — nghĩa là, bằng từ ngữ, lời nói hay chữ viết. Cần có những giác quan siêu việt (đó là những giác quan nào là một vấn đề đáng bàn luận — vì chúng không phải những giác quan thông linh thông thường). Nếu những điểm đạo đồ sở hữu các giác quan ấy cố

because of the inadequate response of the unprepared.

truyền đạt những bí mật và huyền nhiệm của điểm đạo, họ sẽ thất bại vì những người chưa được chuẩn bị không thể đáp ứng đầy đủ.

7. In statements of this kind, the Master is protecting the entire process from the claims of charlatans who purport to offer initiation to others — through word, symbol, gesture, sound, etc. Only the Initiator (the Christ or the Lord of the World) can truly initiate, and They initiate only those who are *already initiate!*

7. Qua những phát biểu như thế, Chân sư bảo vệ toàn bộ tiến trình trước những lời tự nhận của những kẻ bịp bợm cho rằng mình có thể ban điểm đạo cho người khác — bằng từ ngữ, biểu tượng, cử chỉ, âm thanh, v.v.. Chỉ Đấng Điểm đạo (Đức Christ hay Đức Chúa Tể Thế Giới) mới có thể thực sự điểm đạo, và Các Ngài chỉ điểm đạo cho những người *đã là điểm đạo đồ!*

8. The secrets of initiation are safely sealed away from the meddling of the profane. The process is thereby safeguarded and pretence exposed for what it is.

8. Những bí mật của điểm đạo được niêm kín an toàn trước sự can thiệp của những người phàm tục. Nhờ đó, tiến trình được bảo vệ và sự giả mạo bị phơi bày đúng bản chất.

9. Those who have eyes to see will see. Those who have ears to hear will hear. Others, though eager for sight and sound, will neither see nor hear.

9. Những ai có mắt để thấy sẽ thấy. Những ai có tai để nghe sẽ nghe. Những người khác, dù háo hức muốn thấy và nghe, cũng sẽ chẳng thấy hay nghe được gì.

So, in this group of my disciples, let there be the recognition of unity of thought. Experience, thought, difficulties and problems can be shared, and the cultivation of a sympathetic understanding and of mutual aid in the spiritual life can be developed. Disciples are people of mature years from the standpoint of the soul, and, therefore, the pettinesses of life and small frictional difficulties will not be shared by you with each other. There should be no temptation to waste each other's time in idle talk. It is the broad and general outline of the plan for the outer work of these groups of disciples which should engage your thoughts and communications with each other.

Vì vậy, trong nhóm đệ tử này của Tôi, hãy nhận biết sự thống nhất tư tưởng. Có thể chia sẻ trải nghiệm, tư tưởng, khó khăn và vấn đề, đồng thời vun bồi sự thấu hiểu đầy cảm thông và sự tương trợ trong đời sống tinh thần. Xét từ góc độ linh hồn, các đệ tử là những người đã trưởng thành, và do đó, các bạn sẽ không chia sẻ với nhau những chuyện vụn vặt trong đời sống cùng những khó khăn do va chạm nhỏ nhặt. Không nên có sự thôi thúc lãng phí thời gian của nhau vào chuyện phiếm. Chính những nét khái quát, tổng thể của Thiên Cơ dành cho công việc bên ngoài của các nhóm đệ tử này mới là điều các bạn nên suy nghĩ và trao đổi với nhau.

1. The disciples in groups like the ones being formed by the Master are united by "unity of thought". On this basis they can take their stand, no matter what may be their ray and astrological differences and their differences in spiritual status.

1. Các đệ tử trong những nhóm như các nhóm mà Chân sư đang thành lập gắn kết với nhau nhờ "sự thống nhất tư tưởng". Họ có thể đứng vững trên nền tảng này, bất kể những khác biệt về cung, chiêm tinh và địa vị tinh thần.

2. Legitimate areas of sharing are here given. All such sharings are for the purpose sympathetic understanding and mutual assistance. There is never an attempt to put someone in his/her place, nor to proudly assert one's imagined spiritual status. All sharing is done in a spirit of helpfulness and in a brotherly manner — not casually, but purposefully.

2. Ở đây, những lĩnh vực chia sẻ chính đáng đã được nêu ra. Mọi sự chia sẻ như thế đều nhằm mục đích thấu hiểu đầy cảm thông và tương trợ. Không bao giờ có ý định đặt ai vào đúng vị trí của họ, hay kiêu hãnh khẳng định địa vị tinh thần mà mình tưởng là có. Mọi sự chia sẻ đều diễn ra trong tinh thần giúp đỡ và tình huynh đệ — có chủ đích chứ không tùy tiện.

3. Disciples are spiritually mature men and women; therefore, the sharing of petty details and frictions is not suitable. DK is offering clear guidelines concerning disciplic behavior within His groups. Personality happenings are not shared for their own sake. Only if such details have utility to advance the process of discipleship and group well-being are they offered. To the disciple, time is utterly precious and must not be wasted. Most discussion of personality affairs is simply a waste of time.

3. Các đệ tử là những người nam và nữ đã trưởng thành về tinh thần; do đó, việc chia sẻ những chi tiết và va chạm nhỏ nhặt là không thích hợp. Chân sư DK đưa ra những chỉ dẫn rõ ràng về cách ứng xử của đệ tử trong các nhóm của Ngài. Những sự việc thuộc phàm ngã không được chia sẻ chỉ vì bản thân chúng. Chỉ khi những chi tiết ấy hữu ích cho việc thúc đẩy tiến trình của địa vị đệ tử và sự an lạc của nhóm, người ta mới nêu chúng ra. Đối với đệ tử, thời gian vô cùng quý báu và không được lãng phí. Phần lớn những cuộc thảo luận về chuyện phàm ngã chỉ là sự lãng phí thời gian.

4. The Divine Plan is the most legitimate topic of discussion. The disciple is especially concerned with the understanding and application of that Plan. The methods, opportunities and difficulties involved in this application offer more than enough to engage disciples when they converse.

4. Thiên Cơ là chủ đề thảo luận chính đáng nhất. Đệ tử đặc biệt quan tâm đến việc thấu hiểu và áp dụng Thiên Cơ ấy. Những phương pháp, cơ hội và khó khăn liên quan đến việc áp dụng này cung cấp quá đủ nội dung để các đệ tử tập trung trao đổi khi trò chuyện.

"Speak not of self. Pity not thy fate. The thoughts of self and of thy lower destiny prevent the inner voice of thine own soul from

"Đừng nói về bản thân. Đừng thương hại số phận ngươi. Những tư tưởng về bản thân và vận mệnh thấp kém của ngươi ngăn tiếng nói

striking upon thine ear. Speak of the soul; enlarge upon the plan; forget thyself in building for the world. Thus is the law of form offset. Thus can the rule of love enter upon that world." (TWM 474-475)

bên trong của chính linh hồn ngươi đến tai ngươi. Hãy nói về linh hồn; hãy trình bày sâu rộng về Thiên Cơ; hãy quên mình trong công cuộc xây dựng cho thế gian. Như thế, định luật hình tướng được hóa giải. Như thế, quy luật bác ái có thể đi vào thế gian ấy." (TWM 474-475)

The groups planned will be of many different kinds and their work will be diversified and varied. I have for some time desired to write a little more fully about the groups which are forming in the world today, under direction of the Masters. They will gradually make their appearance in the world and fulfil their destined mission. Four of these groups are already formed or in process of forming and the others will gradually be created to meet advancing need.

Các nhóm được dự kiến sẽ thuộc nhiều loại khác nhau, và công việc của họ sẽ đa dạng, phong phú. Từ một thời gian nay, Tôi đã mong muốn viết đầy đủ hơn đôi chút về những nhóm đang hình thành trên thế giới ngày nay dưới sự chỉ đạo của các Chân sư. Họ sẽ dần xuất hiện trên thế giới và hoàn thành sứ mệnh đã định. Bốn trong số những nhóm này đã được thành lập hoặc đang trong quá trình hình thành, và những nhóm khác sẽ dần được tạo lập để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.

1. The Tibetan begins to enter into the diversity of the Seed Groups.

1. Chân sư Tây Tạng bắt đầu đi vào tính đa dạng của các Nhóm hạt giống.

2. We note, incidentally, that He has "desired" to write more fully about such groups. Perhaps the term "desire" means something different to a Master than it does to us, yet, after all, Masters are still human beings, and the Principle of Desire is ubiquitous in cosmos.

2. Nhân đây, chúng ta lưu ý rằng Ngài đã "mong muốn" viết đầy đủ hơn về những nhóm như thế. Có lẽ thuật ngữ "ham muốn" mang ý nghĩa khác đối với một Chân sư so với chúng ta; tuy nhiên, xét cho cùng, các Chân sư vẫn là những con người, và Nguyên khí Ham muốn hiện diện khắp vũ trụ.

3. We note that these groups are impulsed and directed by the Masters. They are not the result of some bright idea seized upon by a well-meaning disciple, though disciples can respond to direction coming from the Masters.

3. Chúng ta lưu ý rằng các Chân sư tạo xung lực và chỉ đạo những nhóm này. Chúng không phải là kết quả của một ý tưởng sáng giá nào đó mà một đệ tử có thiện ý nắm lấy, dù các đệ tử có thể đáp ứng sự chỉ đạo đến từ các Chân sư.

4. DK speaks of the gradual appearance of these groups. Perhaps that appearance was scheduled over a period of one or two decades. At present it is impossible to tell, as

4. Chân sư DK nói về sự xuất hiện dần dần của những nhóm này. Có lẽ sự xuất hiện ấy đã được dự kiến diễn ra trong một hoặc hai thập niên. Hiện nay, không thể xác định

during 1939, the first phase of the experiment was discontinued.

5. At the time DK's writing of this group instruction, the first four groups were either formed or in process of formation. This included the group of Telepathic Workers, the Trained Observers, the group of Magnetic Healers and the group of Educators.

6. We judge that the groups were precipitated in the order of their importance and *priority.* Need ever grows, and the later groups would meet this growing ("advancing") need. The earliest groups, however, were apparently the most essential.

It is essential that members of these groups have a wider vision than they now have; their membership in any of the [35] groups constitutes an act of service which they are rendering to the work which I and other members of the Hierarchy are carrying forward under the Plan. The individual disciple must not look upon his work as a marvellous opportunity for his own spiritual advancement. All true disciples are equally distinguished by a determination to make the groups successful and all are longing to get as much out of the group work as possible. All are genuinely animated by a desire to serve but also by a general satisfaction over the interest and opportunity offered by the group work. Along with these most normal and right reactions are to be found much ignorance as to the true significance of the work, a good deal of selfish pleasure and some ambition. This is natural, for no perfection is yet to be expected among disciples. If perfection

được, vì trong năm 1939, giai đoạn đầu của cuộc thử nghiệm đã bị ngừng lại.

5. Vào thời điểm Chân sư DK viết huấn thị nhóm này, bốn nhóm đầu tiên đã được thành lập hoặc đang trong quá trình hình thành. Các nhóm ấy gồm nhóm Những Người Hoạt Động Viễn Cảm, Các Nhà Quan Sát Lão Luyện, nhóm Những Người Chữa Lành Bằng Từ Tính và nhóm Các Nhà Giáo Dục.

6. Chúng ta cho rằng các nhóm đã ngưng tụ theo thứ tự tầm quan trọng và *mức độ ưu tiên.* Nhu cầu luôn gia tăng, và những nhóm ra đời sau sẽ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ("tiến triển") này. Tuy nhiên, những nhóm đầu tiên dường như là những nhóm thiết yếu nhất.

Điều thiết yếu là các thành viên của những nhóm này phải có tầm nhìn rộng hơn hiện nay; việc họ tham gia bất kỳ [35] nhóm nào cũng là một hành động phụng sự mà họ cống hiến cho công việc do Tôi và những thành viên khác của Thánh đoàn đang tiến hành theo Thiên Cơ. Mỗi đệ tử không được xem công việc của mình là một cơ hội tuyệt vời cho sự tiến bộ tinh thần của riêng mình. Tất cả các đệ tử chân chính đều nổi bật như nhau ở quyết tâm làm cho các nhóm thành công, và tất cả đều mong mỏi thu nhận được nhiều nhất có thể từ công việc nhóm. Tất cả đều thực sự được thôi thúc bởi mong muốn phụng sự, nhưng cũng bởi sự hài lòng chung trước sức hấp dẫn và cơ hội mà công việc nhóm mang lại. Cùng với những phản ứng hết sức bình thường và đúng đắn ấy, còn có nhiều sự thiếu hiểu biết về thâm nghĩa thực sự của công việc, khá nhiều niềm vui ích kỷ và một phần tham vọng. Điều này là tự nhiên, vì chưa thể mong đợi sự hoàn hảo nơi các đệ tử. Nếu đã có sự hoàn hảo, tất cả các

existed, you would all be found working in a different relation to the Great White Lodge.

bạn sẽ đang làm việc trong một mối quan hệ khác với Thánh đoàn.

1. The true motive for membership in such groups is set forward. Membership is an act of service, whether to Master DK or to other Masters.

1. Động cơ đích thực để trở thành thành viên của những nhóm như thế đã được nêu ra. Việc tham gia là một hành động phụng sự, dù đối với Chân sư DK hay các Chân sư khác.

2. A dominating desire for spiritual advancement must not enter in; it cannot be the principle motive, for, if so, it would only prove the unfitness of the disciple for inclusion.

2. Không được để ham muốn tiến bộ tinh thần chi phối; nó không thể là động cơ chính, vì nếu vậy, nó chỉ chứng tỏ rằng người đệ tử không thích hợp để được thu nhận.

3. It is desirable for members to seek to make the groups successful, but it is also realistically expected that they will wish to "get as much out of the group work as possible". This latter motive is very human, but reasonable and acceptable. The desire to serve, however, must be stronger than the desire for personal spiritual satisfaction.

3. Việc các thành viên tìm cách làm cho các nhóm thành công là điều đáng mong muốn, nhưng nhìn một cách thực tế, cũng có thể trông đợi rằng họ sẽ muốn "thu nhận được nhiều nhất có thể từ công việc nhóm". Động cơ thứ hai này rất con người, nhưng hợp lý và chấp nhận được. Tuy nhiên, mong muốn phụng sự phải mạnh hơn mong muốn thỏa mãn tinh thần cá nhân.

4. DK carefully assesses the psychological condition of His groups. He sees the ignorance, the selfish pleasure and ambition which characterize some of the members. He is, however, a realist. He does not expect perfection, for, among disciples, it does not exist.

4. Chân sư DK đánh giá cẩn trọng tình trạng tâm lý của các nhóm của Ngài. Ngài thấy sự thiếu hiểu biết, niềm vui ích kỷ và tham vọng là những đặc điểm của một số thành viên. Tuy nhiên, Ngài là người thực tế. Ngài không mong đợi sự hoàn hảo, vì điều đó chưa tồn tại nơi các đệ tử.

5. DK hints that if perfection existed, one would be a true member of the Hierarchy — a relation to Hierarchy quite different to the one which presently characterizes those He has chosen for inclusion within these groups.

5. Chân sư DK ngụ ý rằng nếu đã có sự hoàn hảo, người ta sẽ là một thành viên đích thực của Thánh đoàn — một mối quan hệ với Thánh đoàn hoàn toàn khác với mối quan hệ hiện có của những người Ngài đã chọn để thu nhận vào các nhóm này.

In order to clarify this group work which the Hierarchy plans and enable you to grasp the intent clearly, I will tell you something of the purpose which lies behind the groups

Để làm sáng tỏ công việc nhóm mà Thánh đoàn dự kiến và giúp các bạn nắm rõ ý định ấy, Tôi sẽ cho các bạn biết đôi điều về mục đích đằng sau các nhóm và về Thiên Cơ tổng

and of the general plan into which it is desired that they fit. In the early stages of any hierarchical experiment, much difficulty is encountered, owing to the material with which the initiating agents (such as myself) have to work. Any new idea, especially if it embodies a purpose which can only materialise later when the Plan is further perfected, fails naturally to meet with full comprehension in the early stages.

thể mà các nhóm được mong muốn sẽ hòa nhập vào. Trong những giai đoạn đầu của bất kỳ cuộc thử nghiệm nào của Thánh đoàn, đều gặp nhiều khó khăn do chất liệu mà những tác nhân khởi xướng (như Tôi) phải làm việc cùng. Bất kỳ ý tưởng mới nào, đặc biệt nếu nó thể hiện một mục đích chỉ có thể hiện hình về sau khi Thiên Cơ được hoàn thiện hơn nữa, đương nhiên đều chưa thể nhận được sự thấu hiểu trọn vẹn trong những giai đoạn đầu.

1. Note that Master DK calls Himself an "initiating agent". This is an interesting slant on His initiatory status. It suggests that Masters (relatively high initiates that They are), must undertake initiatives on behalf of Hierarchy and humanity.

1. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK gọi chính Ngài là một "tác nhân khởi xướng". Đây là một góc nhìn thú vị về địa vị điểm đạo của Ngài. Điều ấy gợi ý rằng các Chân sư (vốn là những điểm đạo đồ có cấp độ tương đối cao) phải thực hiện những sáng kiến thay mặt Thánh đoàn và nhân loại.

2. The reason for the Master's difficulty vis-à-vis the projects He would initiate is the inadequacy of the "material" with which He has to work. *We* are that inadequate material! Perhaps, this should give us pause. Yet, withal, we must respond to such an idea impersonally. The Master is speaking factually and we have simply to recognize the fact and continue our attempt to measure up.

2. Lý do khiến Chân sư gặp khó khăn với những dự án Ngài muốn khởi xướng là sự chưa đáp ứng yêu cầu của "chất liệu" mà Ngài phải làm việc cùng. *Chúng ta* chính là chất liệu chưa đáp ứng yêu cầu ấy! Có lẽ điều này nên khiến chúng ta dừng lại suy ngẫm. Dẫu vậy, chúng ta phải đáp ứng ý tưởng ấy một cách phi cá nhân. Chân sư đang nói đúng sự thật, và chúng ta chỉ cần thừa nhận sự thật ấy rồi tiếp tục nỗ lực đáp ứng yêu cầu.

3. DK recognizes the lack of comprehension which will greet His plans, even from the disciples He includes within the groups. The groups will play an important part in the precipitation of the Divine Plan, but *not yet.* Hence, the full meaning of the groups cannot yet appear. Comprehension will be but partial. This is inevitable.

3. Chân sư DK nhận biết rằng những kế hoạch của Ngài sẽ gặp sự thiếu thấu hiểu, ngay cả từ những đệ tử Ngài thu nhận vào các nhóm. Các nhóm sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự ngưng tụ Thiên Cơ, nhưng *chưa phải lúc này.* Do đó, toàn bộ ý nghĩa của các nhóm chưa thể hiển lộ. Sự thấu hiểu sẽ chỉ là một phần. Điều này là tất yếu.

4. The whole endeavor is an "experiment" undertaken under difficult conditions. Yet,

4. Toàn bộ nỗ lực này là một "cuộc thử nghiệm" được thực hiện trong những điều

there is no other way.

kiện khó khăn. Tuy nhiên, không có cách nào khác.

5. On our own and smaller level, we should realize that our undertakings under the impression of Hierarchy and for the sake of humanity will also meet with unavoidable difficulties. How we respond to these difficulties will be the measure of our merit as disciples.

5. Ở cấp độ riêng nhỏ hơn của mình, chúng ta nên nhận ra rằng những việc chúng ta thực hiện dưới ấn tượng từ Thánh đoàn và vì nhân loại cũng sẽ gặp những khó khăn không thể tránh khỏi. Cách chúng ta đáp ứng những khó khăn ấy sẽ là thước đo phẩm giá của chúng ta với tư cách đệ tử.

I have said that these groups constitute an experiment. This experiment is fourfold in nature and a concise statement about it may prove helpful.

Tôi đã nói rằng những nhóm này tạo thành một cuộc thử nghiệm. Cuộc thử nghiệm này có bản chất tứ phân, và một trình bày súc tích về nó có thể hữu ích.

1. An experiment has an uncertain conclusion.

1. Một cuộc thử nghiệm có kết quả chưa chắc chắn.

2. This uncertainty exists because, although a desirable outcome is understood and foreseen, the experimenter does not know how the material will react. We are reminded that even the Christ does not know exactly how humanity will react to presented opportunity.

2. Sự không chắc chắn này tồn tại vì, dù đã hiểu và dự kiến một kết quả đáng mong muốn, người thử nghiệm vẫn không biết chất liệu sẽ phản ứng ra sao. Chúng ta được nhắc rằng ngay cả Đức Christ cũng không biết chính xác nhân loại sẽ phản ứng ra sao trước cơ hội được đưa đến.

3. Master DK discusses the fourfold nature of the experiment in concise terms which we should register. In many ways, we are still associated with this experiment. We may not be under His direct supervision, but we are training ourselves according to the instruction which He has offered, and much of what He said to His groups still applies directly to us.

3. Chân sư DK bàn về bản chất tứ phân của cuộc thử nghiệm bằng những lời súc tích mà chúng ta nên ghi nhận. Trên nhiều phương diện, chúng ta vẫn có liên hệ với cuộc thử nghiệm này. Có thể chúng ta không ở dưới sự giám sát trực tiếp của Ngài, nhưng chúng ta đang tự rèn luyện theo huấn thị mà Ngài đã đưa ra, và phần lớn những điều Ngài nói với các nhóm của Ngài vẫn áp dụng trực tiếp cho chúng ta.

I. They are an experiment in founding or starting focal points of energy in the human family through which certain energies can flow into the entire race of men.

I. Các nhóm này là một cuộc thử nghiệm nhằm thiết lập hay khởi tạo những tiêu điểm năng lượng trong gia đình nhân loại, qua đó một số năng lượng có thể tuôn chảy vào toàn thể nhân loại.

1. Occultism is the Science of Subtle Energy. During the Aquarian Age, relations within the human kingdom and between that kingdom and other kingdoms will be understood in terms of energy dynamics.

2. New types of energies are needed by humanity and they must be assimilated.

3. All correct distribution begins with focalization. The groups formulated concentrate the certain qualities of energy which are cultivated for distribution.

4. Master DK was involving Himself with the formation of "focal points". These focal points had to reach a certain purity, quality and intensity before they could be utilized by Hierarchy in the process of human redemption.

II. They are an experiment in inaugurating certain new techniques in work and in modes of communication. I would point out that in these last three words are summed up the whole story. These groups are intended to facilitate interrelation or communication as follows:

1. The New Age will have its *new* methods, and largely, they will be *group* methods.

2. A technique is a means of achievement. Hierarchy has many unsuspected techniques at its disposal, and is now ready to share with humanity some of the less dangerous ones.

3. DK focuses on the words, "modes of communication". Hierarchy is characterized by certain modes of communication which

1. Huyền bí học là Khoa Học về Năng Lượng Tinh Tế. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, các mối quan hệ trong giới nhân loại và giữa giới ấy với các giới khác sẽ được thấu hiểu theo động lực học năng lượng.

2. Nhân loại cần những loại năng lượng mới và phải đồng hóa chúng.

3. Mọi sự phân phối đúng đắn đều bắt đầu từ sự quy tụ vào tiêu điểm. Các nhóm được thiết lập tập trung những phẩm tính năng lượng nhất định, vốn được vun bồi để phân phối.

4. Chân sư DK đã đích thân tham gia việc hình thành những "tiêu điểm". Những tiêu điểm này phải đạt đến một mức độ thanh khiết, phẩm tính và cường độ nhất định trước khi Thánh đoàn có thể sử dụng chúng trong tiến trình cứu chuộc nhân loại.

II. Các nhóm này là một cuộc thử nghiệm nhằm khai mở một số kỹ thuật mới trong công việc và trong các phương thức giao tiếp. Tôi muốn chỉ rõ rằng ba từ cuối này tóm lược toàn bộ câu chuyện. Những nhóm này nhằm tạo thuận lợi cho sự tương liên hay giao tiếp như sau:

1. Kỷ Nguyên Mới sẽ có những phương pháp *mới*, và phần lớn sẽ là những phương pháp *nhóm*.

2. Kỹ thuật là một phương tiện để thành tựu. Thánh đoàn có trong tay nhiều kỹ thuật mà nhân loại chưa hề nghĩ tới, và hiện nay sẵn sàng chia sẻ với nhân loại một số kỹ thuật ít nguy hiểm hơn.

3. Chân sư DK tập trung vào những từ "các phương thức giao tiếp". Thánh đoàn có những phương thức giao tiếp đặc trưng, cho

allow its membership to achieve *unanimity of vision and understanding.* The Masters have Their inner 'television' and 'radio'. They are possessed of modes of communication which are immediate and fully revelatory. These modes are subjective and essentially occult. Humanity is now ready to be taught ways of reaching each other that are far superior to anything heretofore possible.

phép các thành viên đạt được *sự nhất trí trong tầm nhìn và sự thấu hiểu.* Các Chân sư có 'truyền hình' và 'truyền thanh' nội tại của Các Ngài. Các Ngài sở hữu những phương thức giao tiếp tức thời và có khả năng mặc khải trọn vẹn. Những phương thức này mang tính chủ quan và về bản chất là huyền bí. Giờ đây, nhân loại đã sẵn sàng học những cách kết nối với nhau vượt xa bất cứ điều gì trước nay có thể thực hiện.

4. The result of the correct exercise of these modes of communication will be *enhanced relations,* leading to Right Human Relations on Earth. Without correct communication there can be no correct relations.

4. Việc vận dụng đúng đắn những phương thức giao tiếp này sẽ mang lại *những mối quan hệ tốt đẹp hơn,* dẫn đến những Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người trên Trái Đất. Không có giao tiếp đúng đắn thì không thể có những mối quan hệ đúng đắn.

5. When studying what is said about the Ten Seed Groups below, it must be remembered that the Tibetan has described these groups in other ways in other references, especially in *The Externalisation of the Hierarchy,* in an article called *The Work of the Seed Groups,* beginning p. 46. To gather a more complete idea of what Master DK intended in relation to these groups, this additional study must be undertaken.

5. Khi nghiên cứu những điều được nói dưới đây về Mười Nhóm Hạt Giống, cần nhớ rằng Chân sư Tây Tạng đã mô tả các nhóm này theo những cách khác trong các tài liệu tham khảo khác, đặc biệt trong *Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn,* ở một bài viết có tên *Công Việc của Các Nhóm Hạt Giống,* bắt đầu ở tr. 46. Để có được ý niệm đầy đủ hơn về những gì Chân sư DK dự định đối với các nhóm này, cần tiến hành nghiên cứu bổ sung ấy.

1. There is a group of what we might call Telepathic Communicators. These people are receptive to impression from the Masters and from each other; they are the [36] custodians of group purpose and, therefore, closely related to all the other types of groups. Their work is largely on the mental plane and they work in and with thought matter and with the reception and direction of thought currents. They are also working at the facilitation of communication between individuals so that the rules and methods whereby speech can be

1. Có một nhóm mà chúng ta có thể gọi là Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm. Những người này có khả năng tiếp nhận ấn tượng từ các Chân sư và từ nhau; họ là những [36] người gìn giữ mục đích của nhóm và do đó có quan hệ mật thiết với mọi loại nhóm khác. Công việc của họ chủ yếu diễn ra trên cõi trí, và họ hoạt động trong và với vật chất tư tưởng, cũng như tiếp nhận và định hướng các dòng tư tưởng. Họ cũng đang tạo thuận lợi cho việc giao tiếp giữa các cá nhân, để mọi người có thể biết đến những quy luật và phương pháp giúp vượt qua giới hạn của ngôn từ, và

transcended may become known and the new way of intercourse be brought about.

1. The fundamental group is the group of Telepathic Communicators.

2. The source of impression they receive is primarily the Master. Impression from the Solar Angel ("the first Master") should also be included.

3. Impression from the Master will always have to do with Ashramic Purpose, and will, therefore, reflect to some degree the Purpose of Hierarchy and, however faintly, of Sanat Kumara

4. Members of this group also receive impression from each other, *as souls,* focussed upon the mental plane. There are many kinds of telepathy, but solar plexus telepathy will not be the focus of the members this group. The soul is to be involved in the transmission.

5. The responsibility of being a custodian of group purpose is onerous. This is a *directing* group, having much of the first ray. Interestingly, those who formed its membership, had much of the first ray, either in their soul or as the personality ray. Three had minds upon the first ray. Three were focussed in their soul upon the first ray, and one was a first ray personality (Alice Bailey, herself).

6. Just as the number one is divisible into all other numbers, so this group was related to all the ten Seed Groups.

7. Purpose is essentially a *divinely energized pattern of destined relationships*. The members of this group and the group as a

một cách thức giao tiếp mới có thể hình thành.

1. Nhóm nền tảng là nhóm Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm.

2. Nguồn ấn tượng mà họ tiếp nhận chủ yếu là Chân sư. Cũng cần kể đến ấn tượng từ Thái dương Thiên Thần ("Chân sư đầu tiên").

3. Ấn tượng từ Chân sư luôn liên quan đến Mục Đích của ashram, và do đó sẽ phản ánh ở một mức độ nào đó Mục Đích của Thánh đoàn và, dù rất mờ nhạt, Mục Đích của Sanat Kumara

4. Các thành viên của nhóm này cũng tiếp nhận ấn tượng từ nhau, *với tư cách là những linh hồn,* tập trung trên cõi trí. Có nhiều loại viễn cảm, nhưng viễn cảm qua tùng thái dương sẽ không phải là trọng tâm của các thành viên nhóm này. Linh hồn phải tham gia vào sự truyền đạt.

5. Trách nhiệm gìn giữ mục đích của nhóm là một trọng trách. Đây là một nhóm *chỉ đạo*, mang nhiều năng lượng cung một. Điều đáng chú ý là những người từng là thành viên của nhóm mang nhiều năng lượng cung một, hoặc ở linh hồn, hoặc ở cung phàm ngã. Ba người có thể trí thuộc cung một. Ba người tập trung trong linh hồn thuộc cung một, và một người có phàm ngã cung một (chính Bà Alice Bailey).

6. Cũng như mọi số khác đều chia hết cho số một, nhóm này có liên hệ với cả mười Nhóm hạt giống.

7. Về bản chất, mục đích là một *mô hình các mối quan hệ đã được định sẵn, được tiếp năng lượng thiêng liêng*. Các thành viên của nhóm

whole were to be sensitive to the reception and transmission of pattern.

8. Their work was largely upon the mental plane, and they had to learn not only to *receive* but to *send.* Reception is related to inhalation, and sending to exhalation.

9. The idea of "new modes of communication" applies most particularly to this first group. The transcendence of speech was the goal. One can see that the first and second rays were intended to supersede the third (so intimately connected with the throat center).

10. The advantages of the new ways of intercourse which this group was to bring about could be listed as: immediacy, accuracy, intensified impulsion, and congruence with the intended pattern. Perhaps other advantages could be found.

Communication will eventually be:

a. Soul to soul on the higher levels of the mental plane. This involves complete alignment, so that soul-mind-brain are completely at-one.

1. This is a high form of telepathy.

2. It could be called "spiritual telepathy" because the soul is involved.

3. Such telepathy will carry the conviction of *unity,* a soul realization.

4. For most disciples, soul, mind and brain are, from time to time, fleetingly at-one. A steady and reliable alignment of all three is

này và toàn thể nhóm phải nhạy cảm với việc tiếp nhận và truyền đạt mô hình.

8. Công việc của họ chủ yếu diễn ra trên cõi trí, và họ phải học không chỉ cách *tiếp nhận* mà còn cả cách *truyền đi.* Tiếp nhận liên quan đến hít vào, còn truyền đi liên quan đến thở ra.

9. Ý tưởng về "những phương thức giao tiếp mới" đặc biệt áp dụng cho nhóm thứ nhất này. Mục tiêu là vượt qua giới hạn của ngôn từ. Có thể thấy rằng cung một và cung hai được dự định sẽ thay thế cung ba (vốn có liên hệ mật thiết với trung tâm cổ họng).

10. Có thể liệt kê những ưu điểm của các cách thức giao tiếp mới mà nhóm này phải mang lại như sau: tính tức thời, tính chính xác, sức thúc đẩy mạnh hơn, và sự phù hợp với mô hình dự định. Có lẽ còn có thể tìm thấy những ưu điểm khác.

Cuối cùng, sự giao tiếp sẽ diễn ra:

a. Từ linh hồn đến linh hồn trên các cấp độ cao của cõi trí. Điều này đòi hỏi sự chỉnh hợp hoàn toàn, để linh hồn–thể trí–bộ não hoàn toàn hợp nhất.

1. Đây là một hình thức viễn cảm cao cấp.

2. Có thể gọi đây là "viễn cảm tinh thần" vì có sự tham gia của linh hồn.

3. Viễn cảm như thế sẽ mang lại niềm xác tín về *sự hợp nhất,* một chứng nghiệm của linh hồn.

4. Đối với phần lớn đệ tử, linh hồn, thể trí và bộ não thỉnh thoảng hợp nhất trong thoáng chốc. Ở đây cần có sự chỉnh hợp ổn định và

here needed if soul to soul telepathy is to become a reality.

5. We can understand that the Law of Magnetic Impulse would be related to this form of telepathy. This Soul Law (the Law of Polar Union, occultly called), involved the relation between the crown and ajna centers.

6. Clearly, all parties concerned would possess soul-mind-brain alignment, otherwise transmission of this kind is not possible.

7. The attempt to think the kinds of thoughts impulsed by the Solar Angel, will promote this kind of telepathy. Thoughts about the personal self will not be useful.

b. Mind to mind on the lower levels of the mental plane. This involves the complete integration of the personality or lower self, so that mind and brain are at-one.

1. This is a lower form of telepathy than the first variety.

2. It occurs within the strictly human realm and may be spiritual or not, depending upon the quality of the personality concerned.

3. A relatively high degree of advancement is required for success with this form of telepathy, for the transmitters and receivers must be integrated personalities. The antahkarana need not, however, be built. The focus is within the mental unit, and the ajna center may be quite sufficient as in instrument without the involvement of the crown.

đáng tin cậy của cả ba nếu viễn cảm từ linh hồn đến linh hồn muốn trở thành hiện thực.

5. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng Định luật Xung Động Từ Tính có liên quan đến hình thức viễn cảm này. Định Luật Linh Hồn này (theo cách gọi huyền bí là Định luật Hợp Nhất Các Cực) liên quan đến mối quan hệ giữa trung tâm đỉnh đầu và trung tâm ajna.

6. Rõ ràng, tất cả các bên tham gia đều phải có sự chỉnh hợp linh hồn–thể trí–bộ não, nếu không thì sự truyền đạt loại này không thể diễn ra.

7. Nỗ lực suy nghĩ những loại tư tưởng do Thái dương Thiên Thần thúc đẩy sẽ phát triển loại viễn cảm này. Những tư tưởng về bản ngã cá nhân sẽ không hữu ích.

b. Từ thể trí đến thể trí trên các cấp độ thấp của cõi trí. Điều này đòi hỏi sự tích hợp hoàn toàn của phàm nhân hay phàm ngã, để thể trí và bộ não hợp nhất.

1. Đây là một hình thức viễn cảm thấp hơn loại thứ nhất.

2. Nó diễn ra hoàn toàn trong phạm vi nhân loại và có thể mang tính tinh thần hoặc không, tùy theo phẩm tính của phàm ngã liên quan.

3. Muốn thành công với hình thức viễn cảm này cần có trình độ phát triển tương đối cao, vì người truyền và người nhận phải là những phàm ngã tích hợp. Tuy nhiên, không nhất thiết phải xây dựng antahkarana. Trọng tâm nằm trong đơn vị hạ trí, và trung tâm ajna có thể hoàn toàn đủ làm công cụ mà không cần sự tham gia của trung tâm đỉnh đầu.

Disciples must remember these two distinctive contacts and bear in mind also that the greater contact need not necessarily include the lesser. Telepathic communication between the different aspects of the human being is entirely possible at varying stages of unfoldment.

Các đệ tử phải ghi nhớ hai sự tiếp xúc riêng biệt này, đồng thời cũng lưu ý rằng sự tiếp xúc cao hơn không nhất thiết bao hàm sự tiếp xúc thấp hơn. Giao tiếp viễn cảm giữa các phương diện khác nhau của con người hoàn toàn có thể diễn ra ở những giai đoạn khai mở khác nhau.

1. DK offers an interesting thought — "the greater contact need not necessarily include the lesser", though it may. The reverse is, obviously, also true. Facility with telepathy does not necessarily indicate high soul achievement. Solar plexus telepathy (and perhaps sacral center telepathy) may occur at an early stage of development.

1. Chân sư DK đưa ra một tư tưởng đáng chú ý — "sự tiếp xúc cao hơn không nhất thiết bao hàm sự tiếp xúc thấp hơn", dù có thể bao hàm. Hiển nhiên, điều ngược lại cũng đúng. Sự thành thạo về viễn cảm không nhất thiết cho thấy thành tựu cao của linh hồn. Viễn cảm qua tùng thái dương (và có lẽ cả viễn cảm qua trung tâm xương cùng) có thể diễn ra ở một giai đoạn phát triển ban đầu.

2. Perhaps mating rituals (even in the animal kingdom) are indications of sacral-telepathy. The relation of mother and child may be considered of a solar plexus variety. Heart-to-heart telepathy must also be possible, and may indicate soul contact, for the heart is a group-conscious organ.

2. Có lẽ những nghi thức giao phối (ngay cả trong giới động vật) là những dấu hiệu của viễn cảm qua trung tâm xương cùng. Mối quan hệ giữa mẹ và con có thể được xem là thuộc loại viễn cảm qua tùng thái dương. Viễn cảm từ tim đến tim hẳn cũng có thể diễn ra, và có thể cho thấy sự tiếp xúc với linh hồn, vì tim là một cơ quan có tâm thức nhóm.

3. The whole matter needs to be studied systematically as the constitution of man (described by occultists) becomes more widely understood.

3. Toàn bộ vấn đề cần được nghiên cứu một cách có hệ thống khi cấu tạo của con người (như các nhà huyền bí học mô tả) ngày càng được thấu hiểu rộng rãi hơn.

2. Another group is that of the Trained Observers. Their objective is to see clearly through all events, through space and time by means of the cultivation and use of the intuition. They work very largely on the astral plane at the dissipation of glamour, thus bringing in illumination to mankind. Thus another type of energy is brought into play, producing another type of inter-relation and communication. This

2. Một nhóm khác là nhóm Các Nhà Quan Sát Lão Luyện. Mục tiêu của họ là nhìn thấu mọi sự kiện, xuyên qua không gian và thời gian, bằng cách trau dồi và sử dụng trực giác. Họ hoạt động chủ yếu trên cõi cảm dục để làm tiêu tan ảo cảm, qua đó mang sự soi sáng đến cho nhân loại. Như vậy, một loại năng lượng khác được đưa vào hoạt động, tạo ra một loại tương quan và giao tiếp khác. Sự giao tiếp này diễn ra giữa cõi soi sáng và lý trí thuần

communication is between the plane which is the plane of illumination and pure reason (the buddhic plane) and the plane of illusion and glamour, which is the astral plane. The Trained Observers are asked to remember that their great task is to dispel the world illusion through the pouring in of light. When there are a sufficient number of groups, working along these lines, there will be found — upon the physical plane — certain channels of communication which will act as the mediators between the world of light and the world [37] of illusion. They will be transmitters of that form of energy which will break up the existing glamours and illusions, and so dissipate the ancient deceptive thoughtforms. They will release the light and peace which will illumine the astral plane and dispel the illusory nature of its life.

khiết (cõi Bồ đề) với cõi ảo tưởng và ảo cảm, tức cõi cảm dục. Các Nhà Quan Sát Lão Luyện được yêu cầu ghi nhớ rằng nhiệm vụ lớn lao của họ là xua tan ảo tưởng thế gian bằng cách tuôn đổ ánh sáng vào. Khi có đủ số nhóm hoạt động theo hướng này, trên cõi hồng trần sẽ xuất hiện những kênh giao tiếp nhất định, đóng vai trò trung gian giữa thế giới ánh sáng và thế giới [37] ảo tưởng. Họ sẽ là những người truyền dẫn hình thức năng lượng có khả năng phá tan những ảo cảm và ảo tưởng hiện hữu, qua đó làm tiêu tan những hình tư tưởng lừa dối từ xa xưa. Họ sẽ giải phóng ánh sáng và sự bình an để soi sáng cõi cảm dục và xua tan bản chất ảo tưởng của sự sống nơi đó.

1. This Seed Group requires the cultivation of an occult sense of *sight.* Intuition is a high expression of this sense (though it may also be related to the sense of taste).

1. Nhóm hạt giống này đòi hỏi việc trau dồi *thị giác huyền bí.* Trực giác là một biểu hiện cao của giác quan này (dù nó cũng có thể liên quan đến vị giác).

2. How does one “see through” all events and through time and space by using the intuition? The question invites contemplation.

2. Làm thế nào để “nhìn thấu” mọi sự kiện và xuyên qua thời gian cùng không gian bằng trực giác? Câu hỏi này mời gọi sự chiêm ngưỡng.

3. Events, time and space are all aspects of the Great Illusion. They are related to the Third Aspect of Divinity, rather than the second (to which sight and intuition are related).

3. Các sự kiện, thời gian và không gian đều là những phương diện của Ảo Tưởng Vĩ Đại. Chúng liên quan đến Phương Diện Thứ Ba của Thiên Tính, hơn là phương diện thứ hai (vốn liên quan đến thị giác và trực giác).

4. To “see through” means to see into the world of causes lying behind apparencies. Thus to see, is to avoid being deluded or misled by the obvious. It requires a penetrating ‘vision’ and a highly cultivated “esoteric sense”.

4. Việc “nhìn thấu” có nghĩa là nhìn vào thế giới nguyên nhân nằm sau những vẻ ngoài. Nhìn như thế là tránh bị những gì hiển hiện trước mắt đánh lừa hoặc dẫn sai đường. Điều này đòi hỏi một ‘tầm nhìn’ xuyên thấu và một “giác quan nội môn” được trau dồi cao

độ.

5. Obviously, some type of buddhic connection is required of the Trained Observers, for buddhi is necessitated in the dispelling of illusion. Time and space are categories of illusion. Time and space present to the consciousness many forms. The Trained Observers see the *quality* behind and within the forms, as well as the *purpose*, *significance* and *meaning* of those forms. They are equipped to know whether forms faithfully reflect a higher archetype or are distortions of such archetypes, or have no relation at all to the foundational archetypes.

5. Hiển nhiên, Các Nhà Quan Sát Lão Luyện cần có một dạng kết nối nào đó với cõi Bồ đề, vì việc xua tan ảo tưởng đòi hỏi Bồ đề. Thời gian và không gian là những phạm trù của ảo tưởng. Thời gian và không gian trình hiện trước tâm thức nhiều hình tướng. Các Nhà Quan Sát Lão Luyện nhìn thấy *phẩm tính* đằng sau và bên trong các hình tướng, cũng như *mục đích*, *thâm nghĩa* và *ý nghĩa* của những hình tướng ấy. Họ có khả năng nhận biết liệu các hình tướng có phản ánh trung thực một nguyên mẫu cao hơn, hay là những biến dạng của các nguyên mẫu ấy, hoặc hoàn toàn không có liên hệ với những nguyên mẫu nền tảng.

6. A deep sense of archetypal attunement (buddhically induced) is necessary for the Trained Observers, for they must have a 'feel for distortion'. They must know the archetype to which the distortion is related, and have the ability to re-attune an aberrant form to the archetype it is meant to reflect — or, if that is impossible, to destroy the aberrant form.

6. Các Nhà Quan Sát Lão Luyện cần có một cảm thức sâu sắc về sự hòa điệu với nguyên mẫu (do Bồ đề khơi dậy), vì họ phải có 'khả năng cảm nhận sự méo lệch'. Họ phải biết nguyên mẫu mà sự méo lệch ấy có liên hệ, và có khả năng đưa một hình tướng sai lệch trở lại hòa điệu với nguyên mẫu mà nó phải phản ánh — hoặc, nếu điều đó không thể thực hiện, thì hủy bỏ hình tướng sai lệch ấy.

7. When working with human beings, they must be able to see through a glamorous or illusory presentation of self, to the pattern which the self is meant to embody. Always, they see beyond and through the obvious.

7. Khi làm việc với con người, họ phải có khả năng nhìn xuyên qua cách biểu hiện bản thân đầy ảo cảm hoặc ảo tưởng để thấy mô hình mà bản ngã ấy phải hiện thân. Họ luôn nhìn vượt ra ngoài và xuyên qua những gì hiển hiện trước mắt.

8. We can understand how Neptune and Pluto would both be useful to such group members, and Venus, with its luminous clarity, as well.

8. Chúng ta có thể thấu hiểu cả Sao Hải Vương lẫn Sao Diêm Vương hữu ích như thế nào đối với những thành viên nhóm này, và cả Sao Kim với sự trong sáng rạng ngời của nó cũng vậy.

9. Members of this group know how to wield the light, and they can easily detect the

9. Các thành viên của nhóm này biết cách vận dụng ánh sáng, và họ có thể dễ dàng

glamorous and illusory forms in relation to which the light has to be wielded. They have a strong sense of the 'beauty within' and learn the techniques of restoring beauty — reintroducing that beauty into all false presentations of itself.

nhận ra những hình tướng ảo cảm và ảo tưởng cần đến sự vận dụng ánh sáng. Họ có cảm thức mạnh mẽ về 'vẻ đẹp bên trong' và học những kỹ thuật khôi phục vẻ đẹp — đưa vẻ đẹp ấy trở lại mọi cách biểu hiện sai lạc của nó.

10. The buddhic plane is the plane of *pure reason*, and it has a special relation to the astral plane. Neptune, interestingly, is involved in relation to *both* planes, promoting illusion on the astral plane and identificatory, intuitive clarification on the buddhic.

10. Cõi Bồ đề là cõi của *lý trí thuần khiết*, và có một mối quan hệ đặc biệt với cõi cảm dục. Điều đáng chú ý là Sao Hải Vương có liên quan đến *cả hai* cõi, thúc đẩy ảo tưởng trên cõi cảm dục và sự sáng tỏ nhờ đồng hóa và trực giác trên cõi Bồ đề.

11. The buddhic plane is considered the "world of light" and the astral plane, in general, the "world of illusion". The task of the mediators between these two planes is to 'reconfigure' the astral plane so that it reflects, without distortion or excessive refraction, the ideational nature of the buddhic plane.

11. Cõi Bồ đề được xem là "thế giới ánh sáng" và nhìn chung, cõi cảm dục là "thế giới ảo tưởng". Nhiệm vụ của những người trung gian giữa hai cõi này là 'tái cấu trúc' cõi cảm dục để nó phản ánh bản chất ý tưởng của cõi Bồ đề mà không bị méo lệch hay khúc xạ quá mức.

12. The astral plane is the plane of what we might call 'false magnetisms'. Due to the energies and forces of that plane, the valueless is valued and the valuable is not sought. On the buddhic plane (of *harmony*), all values are rightly and beautifully adjusted and magnetism is devoid "wrong allure" — so common a condition on the astral plane. Therefore, relations are as God intended them to be.

12. Cõi cảm dục là cõi của những gì chúng ta có thể gọi là 'những từ điện sai lạc'. Do các năng lượng và mãnh lực của cõi ấy, những gì vô giá trị lại được coi trọng, còn những gì có giá trị thì không được tìm kiếm. Trên cõi Bồ đề (cõi của *sự hài hòa*), mọi giá trị đều được điều chỉnh đúng đắn và đẹp đẽ, và từ điện không có "sức quyến rũ sai lạc" — một tình trạng rất phổ biến trên cõi cảm dục. Do đó, các mối quan hệ diễn ra đúng như Thượng đế dự định.

13. Members of this group are sensitive to the aesthetics of the Divine Pattern, and are 'at peace with the buddhically reflected Pattern of the Plan'. They are sensitive to all magnetic distortions of this Pattern and understand the method of bringing right magnetism (the magnetism of love or pure

13. Các thành viên của nhóm này nhạy cảm với vẻ đẹp của Mô Hình Thiêng Liêng, và 'an hòa với Mô Hình của Thiên Cơ được phản chiếu qua Bồ đề'. Họ nhạy cảm với mọi méo lệch về từ điện của Mô Hình này và thấu hiểu phương pháp đưa từ điện đúng đắn (từ điện của tình thương hay lý trí thuần khiết) vào

reason) to the astral plane, which plane, in effect disappears, becoming the reflection of the buddhic level.

cõi cảm dục; cõi này thực sự biến mất, trở thành sự phản chiếu của cấp độ Bồ đề.

14. Theirs is a tremendous task and may not be fully undertaken before several centuries have elapsed. They will be engaged in one aspect of the cleansing of the Augean Stables — the psychological aspect of this cleansing.

14. Nhiệm vụ của họ vô cùng lớn lao và có lẽ phải qua vài thế kỷ nữa mới có thể được đảm nhận trọn vẹn. Họ sẽ tham gia vào một phương diện của việc dọn sạch chuồng ngựa Augeas — phương diện tâm lý của công cuộc thanh tẩy này.

15. Today, those who are cultivating a discerning sensitivity to glamor and illusion are qualifying themselves to be members of this kind of group. We note that quite a number of groups of this kind must at length appear.

15. Ngày nay, những người đang trau dồi sự nhạy cảm có khả năng phân biện đối với ảo cảm và ảo tưởng đang tự chuẩn bị đủ tư cách để trở thành thành viên của loại nhóm này. Chúng ta lưu ý rằng cuối cùng phải xuất hiện khá nhiều nhóm thuộc loại này.

16. They will, to a degree, wield a particular energy of destruction, contributing to the breaking up of existing glamors and illusions and the dissipation of "ancient deceptive thoughtforms". Their ability to 'see the true' will contribute to their power to destroy. They will be possessed of the power to disorganize distorted forms through the application of light. They will also vitiate such forms by asserting the presence of better and more wholesome forms into which the energy trapped in the false forms which will directed (once released and purified).

16. Ở một mức độ nào đó, họ sẽ vận dụng một năng lượng hủy diệt đặc thù, góp phần phá tan những ảo cảm và ảo tưởng hiện hữu và làm tiêu tan "những hình tư tưởng lừa dối từ xa xưa". Khả năng 'thấy điều chân thật' sẽ góp phần vào quyền năng hủy diệt của họ. Họ sẽ có quyền năng làm tan rã những hình tướng méo lệch thông qua việc áp dụng ánh sáng. Họ cũng sẽ làm suy yếu những hình tướng ấy bằng cách xác lập sự hiện diện của những hình tướng tốt đẹp và lành mạnh hơn, mà năng lượng bị giam giữ trong các hình tướng sai lạc sẽ được hướng vào đó (một khi đã được giải phóng và thanh lọc).

17. It is clear that workers in this field must be free from glamor and illusion themselves if they are to avoid the pitfalls of strengthening their own glamors and illusions. One must resonate to the true before one can be effective in disorganizing, destroying and replacing that which misrepresents the true.

17. Rõ ràng, chính những người hoạt động trong lĩnh vực này phải thoát khỏi ảo cảm và ảo tưởng nếu muốn tránh cạm bẫy củng cố những ảo cảm và ảo tưởng của chính mình. Mỗi người phải cộng hưởng với điều chân thật trước khi có thể làm tan rã, hủy bỏ và thay thế một cách hiệu quả những gì trình bày sai lệch điều chân thật.

18. The methods used will be most occult

18. Những phương pháp được sử dụng sẽ

and some of them are offered in the book, *Glamor: A World Problem*

mang tính huyền bí sâu sắc, và một số phương pháp được trình bày trong cuốn *Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới*

19. These workers will release "light and peace", illuminating the astral plane and dissipating the illusory nature of its life. It is clear that such workers should have achieved at least the second initiation, at which time the attainment of an illumined mind and spiritual intelligence are confirmed, otherwise they could not access the necessary light.

19. Những người hoạt động này sẽ giải phóng "ánh sáng và sự bình an", soi sáng cõi cảm dục và làm tiêu tan bản chất ảo tưởng của sự sống nơi đó. Rõ ràng, những người hoạt động như thế phải đạt ít nhất lần điểm đạo thứ hai, khi việc đạt được một thể trí được soi sáng và trí thông minh tinh thần được xác nhận; nếu không, họ không thể tiếp cận ánh sáng cần thiết.

20. Peace is related to harmony and to the buddhic plane. Ultimately it is related to Shamballa and the monad. The turmoil of desire which, under Mars, usually characterizes the astral plane is subdued and the energy of harmonizing, illuminating, placating Venus is applied. Divisiveness based on wrong perception is reduced. Peace is based upon the right and proportionate expression of True Patterns (found within the monad). Access to the buddhic plane of pure reason is a form of initial alignment with the monadic plane whereon the 'Original Patterns of Peace' can be found.

20. Sự bình an liên quan đến sự hài hòa và cõi Bồ đề. Xét đến cùng, nó liên quan đến Shamballa và chân thần. Sự náo động của dục vọng, vốn thường là đặc trưng của cõi cảm dục dưới ảnh hưởng của Sao Hỏa, được làm dịu xuống, và năng lượng của Sao Kim mang tính hài hòa, soi sáng và xoa dịu được áp dụng. Sự chia rẽ dựa trên nhận thức sai lầm giảm bớt. Sự bình an dựa trên sự biểu hiện đúng đắn và cân xứng của những Mô Hình Chân Thật (nằm trong chân thần). Việc tiếp cận cõi Bồ đề của lý trí thuần khiết là một hình thức chỉnh hợp ban đầu với cõi chân thần, nơi có thể tìm thấy 'Những Mô Hình Nguyên Thủy của Sự Bình An'.

21. Every sort of astrological energy may have its application in this process, but one thinks of Libra, as agent of peace and of 'proportional vision', ideal for the overcoming of glamor. The illumination of Taurus ("Mother of Illumination" and second sign associated with the second initiation) is also exceedingly useful. Vulcan smashes wrongly conceived and sustained astral and mental forms, and forges new ones illustrative of truer patterns. Mercury senses discrepancies and unravels the skeins of glamor and illusion. Venus shines its

21. Mọi loại năng lượng chiêm tinh đều có thể được ứng dụng trong tiến trình này, nhưng người ta nghĩ đến Thiên Bình như tác nhân của sự bình an và của 'tầm nhìn cân xứng', lý tưởng cho việc khắc phục ảo cảm. Sự soi sáng của Kim Ngưu ("Mẹ của Sự Soi Sáng" và là dấu hiệu thứ hai, gắn với lần điểm đạo thứ hai) cũng vô cùng hữu ích. Vulcan đập tan những hình tướng cảm dục và trí tuệ được quan niệm và duy trì sai lạc, đồng thời rèn nên những hình tướng mới thể hiện các mô hình chân thật hơn. Sao Thủy cảm nhận những điều bất tương hợp và gỡ

potent light into the dense fog, and Neptune dissolves the cables of wrong magnetism. Pluto steals the wrongly bound energy. Uranus reveals the archetype behind the illusion. Saturn binds anew according to law.

rối những cuộn sợi ảo cảm và ảo tưởng. Sao Kim chiếu ánh sáng mạnh mẽ vào màn sương mù đậm đặc, và Sao Hải Vương làm tan những dây cáp của từ điện sai lạc. Sao Diêm Vương lấy đi năng lượng bị ràng buộc sai lạc. Sao Thiên Vương mặc khải nguyên mẫu đằng sau ảo tưởng. Sao Thổ tái lập những ràng buộc theo định luật.

3. The third group is that of the Magnetic Healers. These healers have no relation to the work of the so-called magnetic healers of today. They work intelligently with the vital forces of the etheric body. Much of their work is dealt with in the fourth volume of A Treatise on the Seven Rays. This group of healers must bring about the right healing of the personalities of individuals in all aspects of their nature. The work to be done is that of the intelligent transmission of energy to various parts of the nature — mental, emotional and physical — through the right organisation and circulation of force. Present day healers should endeavour to break loose from the modern and traditional ideas as to healing; they should recognise the stupendous fact that healing must eventually be carried forward by groups which will act as the intermediaries between the plane of spiritual energy (either soul energy, intuitional energy or will energy) and the patient or group of patients. Note this last point. The group idea must always be remembered by the students as they work; they must not work as individuals but as units in a coherent whole. This will distinguish the New Age methods from the past, for the work will be group work and, usually, for a group. Magnetic healers must learn to work as souls and not as individuals. They must learn to communicate healing energy from the reservoir of living force to the patient or patients.

3. Nhóm thứ ba là nhóm Các Nhà Trị Liệu Từ Tính. Những nhà trị liệu này không có liên hệ với công việc của những người ngày nay được gọi là nhà trị liệu từ tính. Họ làm việc một cách thông minh với các mãnh lực sinh lực của thể dĩ thái. Phần lớn công việc của họ được bàn đến trong tập thứ tư của bộ Luận về Bảy Cung. Nhóm các nhà trị liệu này phải mang lại sự chữa lành đúng đắn cho phàm ngã của các cá nhân trên mọi phương diện bản chất của họ. Công việc cần thực hiện là truyền dẫn năng lượng một cách thông minh đến các phần khác nhau trong bản chất — trí tuệ, cảm xúc và hồng trần — thông qua việc tổ chức và lưu chuyển mãnh lực đúng đắn. Các nhà trị liệu ngày nay nên nỗ lực thoát khỏi những ý tưởng hiện đại và truyền thống về việc chữa lành; họ nên nhận ra sự thật lớn lao rằng cuối cùng, việc chữa lành phải do các nhóm thực hiện, những nhóm này sẽ đóng vai trò trung gian giữa cõi năng lượng tinh thần (dù là năng lượng linh hồn, năng lượng trực giác hay năng lượng ý chí) và bệnh nhân hoặc nhóm bệnh nhân. Hãy lưu ý điểm cuối cùng này. Các đạo sinh phải luôn ghi nhớ ý tưởng nhóm khi làm việc; họ phải làm việc với tư cách là những đơn vị trong một tổng thể gắn kết. Điều này sẽ phân biệt những phương pháp của Kỷ Nguyên Mới với các phương pháp trong quá khứ, vì công việc sẽ là công việc nhóm và thường là dành cho một nhóm. Các nhà trị liệu từ tính phải học cách làm việc với tư cách là những linh hồn, thay vì những cá

nhân. Họ phải học cách truyền dẫn năng lượng chữa lành từ nguồn dự trữ mãnh lực sống động đến bệnh nhân hoặc các bệnh nhân.

1. The Tibetan draws a sharp distinction between the true Magnetic Healers and those known as magnetic healers today. The implication is that modern, so-called magnetic healers do not work *intelligently* and are ignorant of the forces of the etheric body.

1. Chân sư Tây Tạng phân biệt rõ ràng giữa Các Nhà Trị Liệu Từ Tính chân chính và những người ngày nay được gọi là nhà trị liệu từ tính. Hàm ý ở đây là những người hiện nay được gọi là nhà trị liệu từ tính không làm việc *một cách thông minh* và không biết gì về các mãnh lực của thể dĩ thái.

2. In the book *Esoteric Healing,* the Tibetan indicates that there are Radiatory Healers as well as Magnetic Healers. Both techniques — magnetic and radiatory — are needed by the true esoteric healer. Perhaps for the sake of brevity, both types of healers are listed under the name of "Magnetic Healers".

2. Trong cuốn *Trị Liệu Huyền Môn,* Chân sư Tây Tạng cho biết có Các Nhà Trị Liệu Bức Xạ cũng như Các Nhà Trị Liệu Từ Tính. Nhà trị liệu nội môn chân chính cần cả hai kỹ thuật — từ tính và bức xạ. Có lẽ để ngắn gọn, cả hai loại nhà trị liệu đều được xếp dưới tên gọi "Các Nhà Trị Liệu Từ Tính".

3. We note that Magnetic Healers deal with *all* aspects of the personality, and not just the physical body and vital body.

3. Chúng ta lưu ý rằng Các Nhà Trị Liệu Từ Tính làm việc với *mọi* phương diện của phàm ngã, chứ không chỉ với thể xác và thể sinh lực.

4. Again, the term "intelligent" is used, when describing the type of transmission of energies for which such healers are responsible. Their task is rightly to transmit, organize and circulate the various healing forces. The forces are directed to the mental, emotional and physical natures depending upon the need of the patient or group of patients. These considerations immediately expand the concept of the scope of esoteric healing.

4. Một lần nữa, thuật ngữ "thông minh" được dùng khi mô tả loại hình truyền dẫn năng lượng mà những nhà trị liệu ấy đảm trách. Nhiệm vụ của họ là truyền dẫn, tổ chức và lưu chuyển đúng cách các mãnh lực trị liệu khác nhau. Các mãnh lực này được hướng đến bản chất trí tuệ, cảm xúc và hồng trần tùy theo nhu cầu của bệnh nhân hoặc nhóm bệnh nhân. Những điều này lập tức mở rộng quan niệm về phạm vi của trị liệu huyền môn.

5. The contemporary healer is encouraged to break loose from *both* modern and traditional ideas concerning the nature of healing.

5. Nhà trị liệu đương đại được khuyến khích thoát khỏi *cả* những ý tưởng hiện đại lẫn truyền thống về bản chất của việc trị liệu.

6. The *group idea* is emphasized. Not only will individual healers heal individuals and perhaps groups of individuals, but groups of individuals will heal other groups, as well as individuals. There are four such modes by which relations between healers and patients may be organized.

6. Điều được nhấn mạnh là *ý tưởng nhóm* này. Không chỉ các nhà trị liệu riêng lẻ chữa lành cho từng cá nhân và có lẽ cả các nhóm cá nhân, mà các nhóm cá nhân cũng sẽ chữa lành cho những nhóm khác cũng như cho từng cá nhân. Có bốn phương thức như thế để tổ chức mối quan hệ giữa các nhà trị liệu và bệnh nhân.

7. We note that the healer will have access to what DK calls the plane of spiritual energy, and will be an intermediary between the energy there found and those who may be in need of that energy.

7. Chúng ta lưu ý rằng nhà trị liệu sẽ tiếp cận được điều mà Chân sư DK gọi là cõi năng lượng tinh thần, và sẽ làm trung gian giữa năng lượng hiện hữu ở đó với những người có thể đang cần năng lượng ấy.

8. It becomes clear that when the Master speaks of the "plane" of spiritual energy, He is referring to *more than one such plane,* for soul energy, intuitional energy and will energy may all be accessed.

8. Rõ ràng là khi Chân sư nói đến "cõi" năng lượng tinh thần, Ngài đang đề cập đến *nhiều hơn một cõi như thế,* vì có thể tiếp cận cả năng lượng linh hồn, năng lượng trực giác và năng lượng ý chí.

9. These three kinds of energy may technically be found within the Egoic Lotus on the higher mental plane, but their true sources are three planes of the Spiritual Triad — the manasic (especially the highest subplane), the buddhic and the atmic.

9. Về mặt chuyên môn, có thể tìm thấy ba loại năng lượng này trong Hoa Sen Chân Ngã trên cõi thượng trí, nhưng nguồn cội thực sự của chúng là ba cõi của Tam Nguyên Tinh Thần — cõi manas (đặc biệt là cõi phụ cao nhất), cõi Bồ đề và cõi atma.

10. Hence, we understand that the true esoteric healer will have built the antahkarana and will be accessing the energies of the Spiritual Triad in the healing process. These are the energies which are modified and transmitted through the Egoic Lotus, or which can be directly accessed via the antahkarana.

10. Do đó, chúng ta thấu hiểu rằng nhà trị liệu huyền môn đích thực sẽ phải xây dựng được antahkarana và sẽ tiếp cận các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần trong tiến trình trị liệu. Đây là những năng lượng được biến đổi và truyền dẫn qua Hoa Sen Chân Ngã, hoặc có thể được tiếp cận trực tiếp qua antahkarana.

11. We might ask ourselves how such high spiritual energies can heal problems within the personality, but we must remember that there are psychological deficiencies which only the energies of the higher mind, the intuition and the will can rehabilitate.

11. Chúng ta có thể tự hỏi những năng lượng tinh thần cao như thế làm sao có thể chữa lành các vấn đề trong phàm ngã, nhưng phải nhớ rằng có những khiếm khuyết tâm lý mà chỉ các năng lượng của thượng trí, trực giác và ý chí mới có thể khắc phục. Mỗi lĩnh vực

Fallibilities exist in each of these three areas, and for the higher types of patients or groups of patients, perhaps access to such higher energies is necessary for a higher type of healing. The energies of the Spiritual Triad will not be necessary for *all* kinds of healing.

trong ba lĩnh vực này đều có những bất toàn, và đối với những bệnh nhân hoặc nhóm bệnh nhân thuộc loại cao hơn, có lẽ cần tiếp cận những năng lượng cao hơn như thế để thực hiện một loại hình trị liệu cao hơn. Các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần sẽ không cần thiết cho *mọi* loại hình trị liệu.

12. The Spiritual Triad, however, is focussed within what can be understood as the "higher ethers" of the human energy system; these are *cosmic etheric* ethers, having a direct connection with the ethers of the etheric-physical plane. When the lower ethers are rightly directed and manipulated, they carry with them a resonance to their higher etheric sources and a resonant interplay between the two levels becomes possible.

12. Tuy nhiên, Tam Nguyên Tinh Thần tập trung trong những gì có thể được hiểu là "các dĩ thái cao hơn" của hệ thống năng lượng con người; đây là những dĩ thái *thuộc dĩ thái vũ trụ*, có liên hệ trực tiếp với các dĩ thái của cõi hồng trần–dĩ thái. Khi các dĩ thái thấp hơn được điều hướng và vận dụng đúng cách, chúng mang theo sự cộng hưởng với những nguồn dĩ thái cao hơn của mình, và sự tương tác cộng hưởng giữa hai cấp độ trở nên khả thi.

13. When we consider the group work to be done by esoteric healers, we come to understand that unless they can learn to identify *as a group,* rather than as separate individuals (even if in group formation), they cannot achieve the kind of healing capacity desired. It is obvious, then, that a considerable degree of soul-infusion is required of the true esoteric healer, otherwise group-identification will not be possible.

13. Khi xem xét công việc nhóm mà các nhà trị liệu huyền môn phải thực hiện, chúng ta đi đến chỗ thấu hiểu rằng trừ khi họ có thể học cách đồng hoá với nhau *như một nhóm,* thay vì như những cá nhân riêng biệt (ngay cả khi tập hợp thành nhóm), họ không thể đạt được năng lực trị liệu mong muốn. Vì vậy, rõ ràng nhà trị liệu huyền môn đích thực cần được linh hồn thấm nhuần ở một mức độ đáng kể; nếu không, việc đồng hoá với nhóm sẽ không thể thực hiện được.

14. The true Magnetic Healer will work as a soul. What does this mean? That the identification *with* soul and *as* soul will be appreciable. Such healers will work suffused by a sense of harmonious unity, and they will be instruments are harmonization. Their task is to reduce dissonance within the individual or group system they attempt to heal, thus they, themselves, must be reasonably harmonized (individually and as a group).

14. Nhà Trị Liệu Từ Tính đích thực sẽ làm việc như một linh hồn. Điều này có nghĩa gì? Nghĩa là sự đồng hoá *với* linh hồn và *như* linh hồn sẽ đạt đến mức rõ rệt. Những nhà trị liệu ấy sẽ làm việc trong cảm thức thấm đẫm sự hợp nhất hài hòa, và họ sẽ là những khí cụ tạo sự hài hòa. Nhiệm vụ của họ là giảm bớt sự bất hòa trong hệ thống của cá nhân hoặc nhóm mà họ cố gắng chữa lành; vì vậy, chính họ phải đạt được sự hài hòa ở mức tương đối (về mặt cá nhân cũng như với tư

cách một nhóm).

15. We can understand that the true esoteric healer must be purged of egoism, otherwise he/she could only work as an individual and not identified as soul and group. The selflessness of the true Radiatory Healer must be considerable.

15. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng nhà trị liệu huyền môn đích thực phải loại bỏ tính vị kỷ; nếu không, người ấy chỉ có thể làm việc như một cá nhân, chứ không đồng hoá với linh hồn và nhóm. Nhà Trị Liệu Bức Xạ đích thực phải có lòng vị tha đáng kể.

16. There is, the Tibetan informs us, "a reservoir of living force". This may be etheric in nature, or it may be etheric in a higher sense. The true Radiatory Healer has eliminated all blockages within himself/herself to the inflow of such vital and vitalizing force. Within the individual or group system of the individual or group adept at Radiatory Healing, the Divine Circulatory Flow is unimpeded, and, thus, no blockage within the individual or group system will prevent access to the reservoir.

16. Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết rằng có "một kho dự trữ mãnh lực sống động". Kho này có thể mang bản chất dĩ thái, hoặc có thể là dĩ thái theo một ý nghĩa cao hơn. Nhà Trị Liệu Bức Xạ đích thực đã loại bỏ mọi chướng ngại trong bản thân đối với dòng chảy vào của mãnh lực sống động và tiếp sinh lực ấy. Trong hệ thống cá nhân hoặc nhóm của người hay nhóm thành thạo về Trị Liệu Bức Xạ, Dòng Lưu Chuyển Thiêng Liêng không bị cản trở; do đó, không có chướng ngại nào trong hệ thống cá nhân hoặc nhóm ngăn cản việc tiếp cận kho dự trữ ấy.

17. A very great cleansing is thus required of such individuals and groups.

17. Do đó, những cá nhân và nhóm ấy cần trải qua một sự thanh lọc rất lớn.

18. Pluto must surely do its cleansing work. Vulcan must empower. Jupiter must relate to the source of abundant vitality and Venus must contribute to the harmonization of internal energies. Uranus, the planet of electrification and vitalization, also plays it transformational role. The Earth and the Sun as pranic sources cannot be ignored.

18. Chắc chắn Sao Diêm Vương phải thực hiện công việc thanh lọc của mình. Vulcan phải trao quyền năng. Sao Mộc phải kết nối với nguồn sinh lực dồi dào, và Sao Kim phải góp phần hài hòa hóa các năng lượng bên trong. Sao Thiên Vương, hành tinh của sự điện hóa và tiếp sinh lực, cũng đóng vai trò chuyển đổi của mình. Không thể bỏ qua Trái Đất và Mặt Trời với tư cách các nguồn prana.

19. Just as all rays can be involved in the healing process, so the same is true of all planes and zodiacal signs. While emphasis may be put upon a few of them, *all* can and must contribute to the healing process.

19. Cũng như mọi cung đều có thể tham gia vào tiến trình trị liệu, mọi cõi và dấu hiệu hoàng đạo cũng vậy. Dù có thể chỉ nhấn mạnh một vài cung, cõi và dấu hiệu, *tất cả* đều có thể và phải góp phần vào tiến trình trị liệu.

20. Aquarius, of course, is the sign of service and of all the newer modes of healing. Virgo and Pisces are, traditionally, the healer's signs, whereas Taurus gives great access to the necessary prana, and Libra to the necessary easy and balance contributing to harmonization. As stated, however, all signs may be constructively involved and their benefits justified.

20. Dĩ nhiên, Bảo Bình là dấu hiệu của sự phụng sự và của mọi phương thức trị liệu mới hơn. Theo truyền thống, Xử Nữ và Song Ngư là những dấu hiệu của nhà trị liệu, trong khi Kim Ngưu tạo khả năng tiếp cận rộng rãi với prana cần thiết, còn Thiên Bình tạo khả năng tiếp cận sự thư thái và quân bình cần thiết, góp phần tạo nên sự hài hòa. Tuy nhiên, như đã nói, mọi dấu hiệu đều có thể tham gia một cách xây dựng và những lợi ích của chúng đều có cơ sở.

21. It is interesting to note the Tibetan's use of the word, "communicate". The Magnetic Healers are not to transfer energies from the reservoir of living force but to "*communicate* healing energy" from that reservoir. Some subtlety is suggested, and a means of transmission which may involve various of the chakras. The word "communicate" suggests the importance of the communicating and transmitting planet, Mercury.

21. Thật thú vị khi lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng đã sử dụng từ "truyền đạt". Các Nhà Trị Liệu Từ Tính không chuyển dịch năng lượng từ kho dự trữ mãnh lực sống động, mà phải "*truyền đạt* năng lượng trị liệu" từ kho dự trữ ấy. Điều này gợi ý một sự tinh tế nào đó, cùng một phương thức truyền dẫn có thể liên quan đến nhiều luân xa khác nhau. Từ "truyền đạt" gợi lên tầm quan trọng của hành tinh truyền đạt và truyền dẫn, Sao Thủy.

22. There are many kinds of healing energy and many portals of transmission. Hence the necessity for that Mercurian intelligence which selects and directs the right energy/force to the right part of the patient's energy system (or to the collective energy system of the group).

22. Có nhiều loại năng lượng trị liệu và nhiều cửa ngõ truyền dẫn. Do đó, cần có trí thông minh mang phẩm tính Sao Thủy để lựa chọn và hướng đúng năng lượng/mãnh lực đến đúng bộ phận trong hệ thống năng lượng của bệnh nhân (hoặc đến hệ thống năng lượng tập thể của nhóm).

23. Love there must be if such healing is to be successful, but without intelligence the process will fail. Interestingly, however, the *will* is to be held in leash. This does not mean, however, that will energy may not be communicated to those who are to be healed. It is the forcing, insistent, personal will of the healer which has no place in the process.

23. Phải có tình thương thì việc trị liệu ấy mới thành công, nhưng thiếu trí thông minh, tiến trình sẽ thất bại. Tuy nhiên, điều thú vị là *ý chí* phải được kiềm chế. Tuy vậy, điều này không có nghĩa là không được truyền đạt năng lượng ý chí đến những người cần được chữa lành. Chính ý chí cá nhân mang tính ép buộc, khăng khăng của nhà trị liệu mới không có chỗ trong tiến trình này.

24. The whole subject is as vast as it is profound. It is the intention of the Master DK (as one of the externalizing Masters) to instruct humanity in some of the ancient techniques of occult healing. As the healer is himself/herself the *instrument* of healing, it is clear that much work needs to be done upon the instrument if the whole process is to be successful.

24. Toàn bộ chủ đề này vừa bao la vừa sâu sắc. Chân sư DK (với tư cách một trong những Chân sư đang ngoại hiện) có ý định chỉ dạy nhân loại một số kỹ thuật cổ xưa về trị liệu huyền bí. Vì chính nhà trị liệu là *khí cụ* trị liệu, rõ ràng cần phải rèn luyện khí cụ ấy rất nhiều thì toàn bộ tiến trình mới thành công.

4. The Educators of the New Age will come next. Their service is along the line of culture and they will work to bring in the new type of education. Their emphasis will be upon the building of the antahkarana and upon the use of the mind in meditation. Again — much of this new educational science will be given in the fifth volume of the series. They will act as communicators and [38] transmitters of two aspects of divine energy — knowledge and wisdom. These must be thought of in terms of energy. This fourth group (whose work is concerned with the education of the masses) is a direct intermediary between the higher mind and the lower mind. They are concerned with the building of the antahkarana and their task is that of linking the three points of mental focus — the higher mind, the soul and the lower mind — so that there may be established a group antahkarana between the kingdom of souls and the world of men.

4. Tiếp theo sẽ là Các Nhà Giáo Dục của Kỷ Nguyên Mới. Họ phụng sự theo đường hướng văn hóa và sẽ làm việc để đưa vào một loại hình giáo dục mới. Họ sẽ chú trọng việc xây dựng antahkarana và sử dụng thể trí trong tham thiền. Một lần nữa — phần lớn khoa học giáo dục mới này sẽ được trình bày trong tập thứ năm của bộ sách. Họ sẽ đóng vai trò những người truyền đạt và [38] truyền dẫn hai phương diện của năng lượng thiêng liêng — tri thức và minh triết. Cần xem hai phương diện này là năng lượng. Nhóm thứ tư này (có công việc liên quan đến việc giáo dục quần chúng) là trung gian trực tiếp giữa thượng trí và hạ trí. Họ quan tâm đến việc xây dựng antahkarana, và nhiệm vụ của họ là liên kết ba điểm tập trung trí tuệ — thượng trí, linh hồn và hạ trí — để có thể thiết lập một antahkarana nhóm giữa giới linh hồn và thế giới loài người.

1. We note that in Master DK's writings, the term "New Age" is used in a uniformly positive sense. Recently, because of exploitation and a general leveling effect, the term has become partially identified with a relatively superficial approach to spirituality.

1. Chúng ta lưu ý rằng trong các tác phẩm của Chân sư DK, thuật ngữ "Kỷ Nguyên Mới" luôn được dùng theo nghĩa tích cực. Gần đây, do sự khai thác trục lợi và tác động cào bằng nói chung, thuật ngữ này đã phần nào bị đồng nhất với một cách tiếp cận tương đối hời hợt đối với đời sống tinh thần.

2. We are told that these servers work "along the line of culture". Culture represents the

2. Chúng ta được cho biết rằng những người phụng sự này làm việc "theo đường hướng

essential and most cherished values of any civilization. In the Agni Yoga Teaching, culture is equated with the cult of *light* ("Ur"). The culture of any human being is, in a way, the totality of the content of his/her causal body. Culture is the harvested treasury of incarnational experience. For a national society, it is the best that has been extracted from the nation's collective life. We are on our way, perhaps, to generating a *world* culture.

văn hóa". Văn hóa đại diện cho những giá trị cốt yếu và được trân trọng nhất của bất kỳ nền văn minh nào. Trong Giáo Huấn Hợp Nhất Qua Lửa, văn hóa được đồng nhất với sự tôn thờ *ánh sáng* ("ánh sáng"). Theo một nghĩa nào đó, văn hóa của mỗi con người là toàn bộ nội dung trong thể nguyên nhân của người ấy. Văn hóa là kho báu thu hoạch được từ kinh nghiệm lâm phàm. Đối với xã hội của một quốc gia, đó là những gì tốt đẹp nhất được chắt lọc từ đời sống tập thể của quốc gia ấy. Có lẽ chúng ta đang trên đường tạo dựng một nền văn hóa *thế giới* như thế.

3. Culture is associated with the planet of Venus, which represents the 'causal harvest' (the 'harvest' of the causal body). Venus is a planet of refinement and of the refining process. Only that is stored in the causal body which has been distilled down to its 'fifth essence' (quintessence).

3. Văn hóa gắn liền với Sao Kim, hành tinh đại diện cho 'thành quả thu hoạch của thể nguyên nhân' (tức 'thành quả thu hoạch' của thể nguyên nhân). Sao Kim là hành tinh của sự tinh luyện và tiến trình tinh luyện. Chỉ những gì đã được chưng cất đến 'tinh chất thứ năm' (tinh túy) mới được lưu giữ trong thể nguyên nhân.

4. The Educators of the New Age must thus inculcate an ever-finer sense of values.

4. Do đó, Các Nhà Giáo Dục của Kỷ Nguyên Mới phải vun bồi một ý thức ngày càng tinh tế hơn về các giá trị.

5. Education is a process of "drawing out" or "drawing forth" ('e-ducare'). Clearly, it is the soul which must be drawn forth in the education process. The causal body is built and the accumulated causal treasury is drawn forth into expression (all this under the inspiration of the Solar Angel, which whom alignment has been achieved according to sanctioned occult methods).

5. Giáo dục là một tiến trình "khơi ra" hoặc "dẫn ra" ('dẫn từ bên trong ra ngoài'). Rõ ràng, chính linh hồn phải được khơi lộ trong tiến trình giáo dục. Thể nguyên nhân được xây dựng, và kho báu tích lũy trong thể nguyên nhân được khơi ra để biểu lộ (tất cả đều dưới cảm hứng của Thái dương Thiên Thần, với Ngài sự chỉnh hợp đã được thiết lập theo những phương pháp huyền bí được chấp thuận).

6. We can understand that each one of these Seed Groups is the seed of an extensive rehabilitative pattern or progressive movement within human civilization. Such patterns have always existed and have

6. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng mỗi Nhóm Hạt Giống này là hạt giống của một mô hình phục hồi rộng lớn hoặc một phong trào tiến bộ trong nền văn minh nhân loại. Những mô hình như thế luôn tồn tại và đã thực hiện

served their functions, but their form has not usually been in alignment with hierarchical intention, and, thus, true periods of general usefulness have been intermittent at best, the usual condition being one of distortion.

chức năng của mình, nhưng hình tướng của chúng thường không chỉnh hợp với ý định của Thánh đoàn; do đó, ngay cả trong trường hợp tốt nhất, những giai đoạn thực sự hữu ích cho toàn thể cũng chỉ xuất hiện gián đoạn, còn tình trạng thường thấy là sự lệch lạc.

7. The emphasis of the Educators will be upon the building of the antahkarana and the use of the mind in meditation. That which is to be drawn forth *already exists.* Correct meditation and the use of the antahkarana (in later stages of meditation) are the means of accessing that which waits to precipitate — either the stored content of many lives, or the ideas and patterns in the psyche of God-the-Planetary-Logos.

7. Các Nhà Giáo Dục sẽ chú trọng việc xây dựng antahkarana và sử dụng thể trí trong tham thiền. Điều cần được khơi lộ *đã hiện hữu.* Tham thiền đúng cách và sử dụng antahkarana (trong những giai đoạn tham thiền về sau) là phương tiện tiếp cận những gì đang chờ ngưng tụ — hoặc nội dung tích lũy qua nhiều kiếp sống, hoặc những ý tưởng và mô hình trong tâm hồn của Thượng đế, tức Hành Tinh Thượng đế.

8. Each student must learn that he/she *is,* actually, the bridge to the needed light. Teachers are necessary, but mostly to teach students how to become their own teacher. Masters supervise the making of Masters.

8. Mỗi đạo sinh phải học để biết rằng thực sự chính mình *là* cây cầu dẫn đến ánh sáng cần thiết. Cần có các huấn sư, nhưng chủ yếu là để dạy đạo sinh cách trở thành huấn sư của chính mình. Các Chân sư giám sát việc đào tạo các Chân sư.

9. It is the higher reaches of thought which are to be accessed in the new educational process. The normal methods of memory training and the cultivation of the concrete mind may still be useful, but will slip more and more into the background, as the higher human faculties receive the majority of attention.

9. Chính những tầm cao hơn của tư tưởng là điều cần được tiếp cận trong tiến trình giáo dục mới. Những phương pháp thông thường để rèn luyện trí nhớ và trau dồi trí cụ thể vẫn có thể hữu ích, nhưng sẽ ngày càng lùi về phía sau khi các năng lực cao hơn của con người nhận được phần lớn sự chú ý.

10. It is interesting to see that the *fifth* volume of a Treatise on the Seven Rays (namely, *The Rays and the Initiations*), is essentially a treatise on *education.* The number *five,* related as it is to light and to the mind, is significant in this respect. The new education will be training for entry into the fifth kingdom in nature. The fifth ray

10. Thật thú vị khi thấy rằng tập *thứ năm* của bộ Luận về Bảy Cung (tức *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo*), về thực chất, là một khảo luận về *giáo dục.* Con số *năm,* với mối liên hệ của nó với ánh sáng và thể trí, có thâm nghĩa trong phương diện này. Nền giáo dục mới sẽ là sự huấn luyện để bước vào giới thứ năm trong thiên nhiên. Cung năm sẽ rất

will be very important in this work, but not alone in its lower expression, but more in the expression related to higher mind and the planet Venus.

11. The new educators will act as transmitters of knowledge and wisdom — these two being considered aspects of energy.

12. Knowledge, as we usually understand it, is related specifically to the concrete mind, but there are knowledges to be gathered from much higher dimensions. Knowledge relates to the accurate registration of that which exists on any level of potential perception. It is the registration or perception of 'things as they are'.

13. Wisdom requires entry into the world of meaning and, even more, into the world of significance. Really, four 'worlds', relate to wisdom; the worlds of meaning, causes, significance and of *being.* There is a kind of wisdom which the human being accumulates through many lives of incarnational experience. This can be called 'personal wisdom', or more accurately, 'trans-personal wisdom'. It is augmented by the innate wisdom of the Solar Angel.

14. There is also a higher type of wisdom which resides in the Spiritual Triad and is not derived from *human* experience, though it may be derived from the 'experience' of the Planetary Logos in Whom we live and move and have our being.

15. Knowledge can be transmitted through speech, word, sound, letter and symbol (to name several media of transmission). Wisdom cannot be directly transmitted, but

quan trọng trong công việc này, nhưng không chỉ trong biểu lộ thấp của nó, mà còn nhiều hơn trong biểu lộ liên quan đến thượng trí và Sao Kim.

11. Các nhà giáo dục mới sẽ đóng vai trò những người truyền dẫn tri thức và minh triết — cả hai được xem là những phương diện của năng lượng.

12. Tri thức, theo cách chúng ta thường hiểu, có liên hệ đặc biệt với trí cụ thể, nhưng còn có những tri thức cần thu nhận từ những chiều kích cao hơn nhiều. Tri thức liên quan đến việc ghi nhận chính xác những gì hiện hữu ở bất kỳ cấp độ nào mà tri giác có thể vươn tới. Đó là sự ghi nhận hoặc tri giác về 'sự vật đúng như chúng là'.

13. Minh triết đòi hỏi phải bước vào Thế giới của ý nghĩa và, hơn thế nữa, vào Thế giới của thâm nghĩa. Thực ra, có bốn 'thế giới' liên quan đến minh triết: các thế giới của ý nghĩa, nguyên nhân, thâm nghĩa và *Bản Thể.* Có một loại minh triết mà con người tích lũy qua kinh nghiệm lâm phàm trong nhiều kiếp sống. Có thể gọi đó là 'minh triết cá nhân', hoặc chính xác hơn là 'minh triết siêu cá nhân'. Minh triết này được tăng cường nhờ minh triết vốn có của Thái dương Thiên Thần.

14. Cũng có một loại minh triết cao hơn nằm trong Tam Nguyên Tinh Thần và không bắt nguồn từ kinh nghiệm của *con người*, dù nó có thể bắt nguồn từ 'kinh nghiệm' của Hành Tinh Thượng đế, trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện tồn.

15. Tri thức có thể được truyền dẫn qua lời nói, từ ngữ, âm thanh, chữ viết và biểu tượng (đó là một vài phương tiện truyền dẫn). Minh triết không thể được truyền dẫn trực

grows through soul contact (of teacher with student), a kind of "darshan". It also grows within the student when knowledge is continually presented within a broad context and from a sufficiently great perspective. Wisdom will grow as the antahkarana becomes more reliable, for the wisdom of the Spiritual Triad is accessed by the personality consciousness.

tiếp, mà tăng trưởng qua sự tiếp xúc linh hồn (giữa huấn sư với đạo sinh), một hình thức "diện kiến thiêng liêng". Minh triết cũng tăng trưởng trong đạo sinh khi tri thức liên tục được trình bày trong một bối cảnh rộng lớn và từ một tầm nhìn đủ bao quát. Minh triết sẽ tăng trưởng khi antahkarana trở nên đáng tin cậy hơn, vì tâm thức phàm ngã tiếp cận được minh triết của Tam Nguyên Tinh Thần.

16. The education here discussed is not simply occult education, though, increasingly, it will contain elements which heretofore have been the objective of those participating in occult training.

16. Nền giáo dục được bàn đến ở đây không chỉ đơn thuần là giáo dục huyền bí, dù nó sẽ ngày càng chứa đựng những yếu tố mà trước đây vốn là mục tiêu của những người tham gia huấn luyện huyền bí.

17. True occult training in the present necessitates the assimilation of much knowledge, but its real objective is the growth of wisdom. The term "growth" is appropriate, because whereas certain types of knowledge can be acquired immediately, wisdom never can. It is the product of many incarnations and increases through the right *application of knowledge*.

17. Việc huấn luyện huyền bí đích thực hiện nay đòi hỏi phải đồng hóa nhiều tri thức, nhưng mục tiêu thực sự của nó là sự tăng trưởng minh triết. Thuật ngữ "tăng trưởng" là thích hợp, vì trong khi có thể tiếp thu ngay một số loại tri thức, minh triết thì không bao giờ như vậy. Minh triết là thành quả của nhiều kiếp lâm phàm và gia tăng qua việc *vận dụng tri thức* đúng cách.

18. We note that the Educators of the New Age are the *fourth* group and, hence, their task is related to the number *four* as well as to the number *five.* The two planets most closely associated with the mind and its cultivation are Mercury and Venus, and the rays they emit are the fourth and the fifth.

18. Chúng ta lưu ý rằng Các Nhà Giáo Dục của Kỷ Nguyên Mới là nhóm *thứ tư*, và do đó nhiệm vụ của họ liên quan đến con số *bốn* cũng như con số *năm.* Hai hành tinh gắn bó mật thiết nhất với thể trí và việc trau dồi thể trí là Sao Thủy và Sao Kim, và các cung mà chúng phát ra là cung bốn và cung năm.

19. Mercury has traditionally been associated with all matters pertaining to education. Its soul ray is most probably the fourth. Certainly the fourth ray is the ray which the Tibetan emphasizes in relation to Mercury. The fourth ray is a bridging, linking ray. The antahkarana is a *bridge* and the fourth ray and Mercury are intimately

19. Theo truyền thống, Sao Thủy gắn liền với mọi vấn đề liên quan đến giáo dục. Rất có thể cung linh hồn của hành tinh này là cung bốn. Chắc chắn cung bốn là cung mà Chân sư Tây Tạng nhấn mạnh trong mối liên hệ với Sao Thủy. Cung bốn là một cung bắc cầu, liên kết. Antahkarana là một *cây cầu*, và cung bốn cùng Sao Thủy có liên hệ mật thiết với

involved in its construction and utilization.

20. As well, Mercury is associated with *both* knowledge and wisdom. In its relation to the concrete mind and even to the abstract mind, it is the purveyor of knowledge. In its relation to the buddhic plane, the plane of intuition, it is the purveyor of wisdom.

21. There are three levels of mind which will engage the attention of the Educators of the New Age. A link between them must be established. Thus will "Three Minds Unite". The third, fourth and fifth rays are all involved, and these three rays can reasonably be considered the rays of Mercury, beginning with the personality ray and working up to the ray of the monad. This Word of Power is for those focused upon the *fifth* ray. That there are *three* minds suggests the presence of the number *three*. The linking process necessitates the *fourth* ray.

22. Establishing links between the higher mind, soul and lower mind creates a triangle and three distinct links. Firstly, there is a link between the lower mind (mental unit) and the center of the Egoic Lotus. Then, there is a link between the center of the Egoic Lotus and the manasic permanent atom on the first subplane of the higher mental plane. Finally there is built a direct link between the mental unit on the fourth subplane of the mental plane and the manasic permanent atom. This latter link, it will be recognized, is what we usually call the antahkarana.

23. We thus find that the Educators of the New Age are far more a *bridging group* than may have been expected, and the province of their focus is much wider and higher than

việc xây dựng và sử dụng nó.

20. Ngoài ra, Sao Thủy còn gắn liền với *cả* tri thức lẫn minh triết. Trong mối liên hệ với trí cụ thể và ngay cả với trí trừu tượng, hành tinh này là nguồn cung cấp tri thức. Trong mối liên hệ với cõi Bồ đề, cõi của trực giác, hành tinh này là nguồn cung cấp minh triết.

21. Có ba cấp độ của trí tuệ sẽ thu hút sự chú ý của Các Nhà Giáo Dục của Kỷ Nguyên Mới. Cần thiết lập một mối liên kết giữa chúng. Như vậy, "ba trí hợp nhất". Cung ba, cung bốn và cung năm đều tham gia, và có thể xem ba cung này một cách hợp lý là các cung của Sao Thủy, bắt đầu từ cung phàm ngã rồi đi lên đến cung chân thần. Quyền năng từ này dành cho những người tập trung vào cung *năm* ấy. Việc có *ba* trí gợi lên sự hiện diện của con số *ba*. Tiến trình liên kết đòi hỏi cung *bốn* này.

22. Việc thiết lập những mối liên kết giữa thượng trí, linh hồn và hạ trí tạo nên một tam giác và ba mối liên kết riêng biệt. Trước hết, có một mối liên kết giữa hạ trí (đơn vị hạ trí) và trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã. Tiếp đó, có một mối liên kết giữa trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã và nguyên tử trường tồn manas trên cõi phụ thứ nhất của cõi thượng trí. Cuối cùng, một mối liên kết trực tiếp được xây dựng giữa đơn vị hạ trí trên cõi phụ thứ tư của cõi trí và nguyên tử trường tồn manas. Có thể nhận ra rằng mối liên kết sau cùng này chính là điều chúng ta thường gọi là antahkarana.

23. Do đó, chúng ta thấy rằng Các Nhà Giáo Dục của Kỷ Nguyên Mới là một *nhóm bắc cầu* ở mức độ lớn hơn nhiều so với điều có thể đã được dự liệu, và phạm vi tập trung của họ

has been the case for those who have called themselves educators.

5. The fifth group will be that of the Political Organisers and will concern itself with political factors in every nation. They will work in the world of human government, dealing with the problems of civilisation and with the relationships existing between nations. The bringing about of international understanding will be their major objective. This group communicates the "quality of imposition," and an authority that is lacking in the other branches of this divine group activity. This work is largely first ray work. It will embody the method whereby the divine Will works out in the consciousness of races and nations. Members of this group will have much first ray energy in their equipment. Their work is to act as channels of communication between the department of the Manu and the race of men. It is a noble task, my brothers, to be channels for the will of God.

1. We note that the Tibetan discusses this fifth group not as "Politicians" but as "Political *Organisers*", suggesting the importance of the factor of organization — one of the three qualities which typifies the Energy of Shamballa.

2. It is interesting that it is the *fifth* group, suggesting that those who work in this area are to be inspired by the Fifth Creative Hierarchy and are to work under *soul* impression emanating from this Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels.

3. There are three great Departments of Hierarchy, led by the Manu, the Bodhisattva and the Mahachohan respectively. The

rộng lớn hơn, cao hơn nhiều so với những người từng tự gọi mình là nhà giáo dục.

5. Nhóm thứ năm sẽ là nhóm Các Nhà Tổ Chức Chính Trị và sẽ quan tâm đến các yếu tố chính trị trong mọi quốc gia. Họ sẽ làm việc trong lĩnh vực quản trị của nhân loại, xử lý những vấn đề của nền văn minh và các mối quan hệ hiện hữu giữa các quốc gia. Mục tiêu chính của họ sẽ là tạo nên sự thấu hiểu quốc tế. Nhóm này truyền đạt "phẩm tính áp đặt" và một uy quyền mà các nhánh khác trong hoạt động nhóm thiêng liêng này còn thiếu. Công việc này phần lớn là công việc của cung một. Nó sẽ thể hiện phương pháp mà qua đó Ý Chí thiêng liêng được thực thi trong tâm thức của các chủng tộc và quốc gia. Các thành viên của nhóm này sẽ có nhiều năng lượng cung một trong cơ cấu của mình. Công việc của họ là làm những kênh truyền đạt giữa ban của Đức Manu và nhân loại. Các huynh đệ của Tôi, làm những kênh dẫn Ý Chí của Thượng Đế là một nhiệm vụ cao quý.

1. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng bàn về nhóm thứ năm này như những "Nhà Chính Trị" thì không, mà như những "Nhà *Tổ Chức*" Chính Trị, qua đó gợi lên tầm quan trọng của yếu tố tổ chức — một trong ba phẩm tính đặc trưng cho Năng Lượng của Shamballa.

2. Điều thú vị là đây là nhóm *thứ năm*, gợi ý rằng những người hoạt động trong lĩnh vực này cần nhận cảm hứng từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm và hoạt động dưới ấn tượng của *linh hồn* phát ra từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm này, gồm các Thái dương Thiên Thần.

3. Thánh đoàn có ba Ban lớn, lần lượt do Đức Manu, Đức Bồ Tát và Đức Mahachohan lãnh đạo. Ban Chính Trị do Đức Manu lãnh đạo.

Department of Government is led by the Manu.

4. Interestingly this Department is closely related to the Department of Civilization, led by the Mahachohan, just as the first and third rays are easily related.

5. Solutions to the "problems of civilization" (some of which have been discussed by the Tibetan in His *Problems of Humanity*), are, therefore, under the supervision of both the Manu and the Mahachohan, though many of their other functions differ.

6. Today there is a strong focus on right international relations, and this can only increase under the universalism of the sign Aquarius. Nationalism is egoism on a national level. Just as the ego has to be trained and refined in the case of the individual aspirant and disciple to fit them for group consciousness, so the 'national-ego' must be similarly trained and refined to fit a nation for correct participation in that group called the "international community". There are many statesmen working in relation to the Department of Government to whom the gradual improvement of international relations is entrusted.

7. We note that the bringing about of "international understanding" is the major objective of this fifth group. It is clear that the qualities of the second ray of "loving understanding" must be combined with those of the first ray of will and power.

8. Those who work in this fifth group work with the first aspect of divinity, the will. They must never forget, however, that the first ray is, in this solar system and on this

4. Điều thú vị là Ban này liên hệ mật thiết với Ban Văn Minh do Đức Mahachohan lãnh đạo, cũng như cung một và cung ba dễ dàng liên hệ với nhau.

5. Vì vậy, những giải pháp cho "các vấn đề của nền văn minh" (một số vấn đề này đã được Chân sư Tây Tạng bàn đến trong tác phẩm *Những Vấn Đề của Nhân Loại* của Ngài), đều nằm dưới sự giám sát của cả Đức Manu lẫn Đức Mahachohan, dù nhiều chức năng khác của Các Ngài có sự khác biệt.

6. Ngày nay, các mối quan hệ quốc tế đúng đắn đang được chú trọng mạnh mẽ, và điều này chỉ có thể gia tăng dưới tinh thần phổ quát của dấu hiệu Bảo Bình. Chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa vị kỷ ở cấp độ quốc gia. Cũng như phàm ngã của từng người chí nguyện và đệ tử phải được rèn luyện và tinh luyện để họ thích hợp với tâm thức nhóm, 'phàm ngã quốc gia' cũng phải được rèn luyện và tinh luyện tương tự để một quốc gia có thể tham gia đúng đắn vào nhóm được gọi là "cộng đồng quốc tế". Có nhiều chính khách hoạt động trong mối liên hệ với Ban Chính Trị, được giao phó nhiệm vụ từng bước cải thiện các mối quan hệ quốc tế.

7. Chúng ta lưu ý rằng việc tạo nên "sự thấu hiểu quốc tế" là mục tiêu chính của nhóm thứ năm này. Rõ ràng, những phẩm tính của cung hai về "sự thấu hiểu đầy tình thương" phải kết hợp với những phẩm tính của cung một về ý chí và quyền năng.

8. Những người hoạt động trong nhóm thứ năm này làm việc với phương diện thứ nhất của thiên tính, tức ý chí. Tuy nhiên, họ không bao giờ được quên rằng, trong hệ mặt

planet, the servant of the second ray of love-wisdom. If this fact is remembered, their work will proceed along right lines. It is fortunate that a significant number of first ray workers are on the first subray of the primary second ray.

trời này và trên hành tinh này, cung một là người phụng sự của cung hai, cung Bác Ái – Minh Triết. Nếu ghi nhớ sự thật này, công việc của họ sẽ tiến triển đúng hướng. Điều may mắn là một số lượng đáng kể những người hoạt động thuộc cung một nằm trên cung phụ thứ nhất của cung hai chủ yếu.

9. We note that the group works with the "quality of imposition". A higher, soul-inspired pattern is to be imposed upon a lower pattern. In this imposition lies much occasion for friction and, even, destruction, for the old personality-conditioned ways will resist the imposition.

9. Chúng ta lưu ý rằng nhóm này làm việc với "phẩm tính áp đặt". Một mô hình cao hơn, do linh hồn truyền cảm hứng, phải được áp đặt lên một mô hình thấp hơn. Chính trong sự áp đặt này có nhiều cơ hội nảy sinh va chạm và thậm chí cả sự hủy diệt, vì những lề lối cũ do phàm ngã định hình sẽ chống lại sự áp đặt ấy.

10. It is in the *mode* of imposition that much wisdom is required and, especially, an acute sense of timing. There may be ideas whose time has come, and the first ray workers in this fifth group may be telepathically attuned to those ideas and function as agents for their precipitation, but the form also has its requirements and these must be honored to some degree if excessive and *unnecessary* destruction is to be avoided.

10. Chính *cách thức* áp đặt đòi hỏi nhiều minh triết và đặc biệt là khả năng nhạy bén trong việc xác định thời điểm. Có thể có những ý tưởng đã đến thời điểm thực hiện, và những người hoạt động thuộc cung một trong nhóm thứ năm này có thể hòa điệu bằng viễn cảm với các ý tưởng ấy và làm tác nhân cho sự ngưng tụ của chúng, nhưng hình tướng cũng có những yêu cầu riêng, và cần tôn trọng các yêu cầu này đến một mức độ nào đó nếu muốn tránh sự hủy diệt quá mức và *không cần thiết*.

11. The fifth group carries a certain "authority" missing from the other groups. It is important that such authority be *impersonal.* There is no personal authority suggested, and any attempt to impose personal authority (rather than 'authority based on spiritual principle') will be out of keeping with the dharma of this group.

11. Nhóm thứ năm mang một "thẩm quyền" nhất định mà các nhóm khác không có. Điều quan trọng là thẩm quyền ấy phải *phi cá nhân.* Ở đây không hề hàm ý thẩm quyền cá nhân, và bất kỳ nỗ lực nào nhằm áp đặt thẩm quyền cá nhân (thay vì 'thẩm quyền dựa trên nguyên khí tinh thần') đều sẽ không phù hợp với bổn phận thiêng liêng của nhóm này.

12. We can see that the fifth group is aligned with the first group, for the Telepathic Communicators receive the *impression* of

12. Chúng ta có thể thấy nhóm thứ năm chỉnh hợp với nhóm thứ nhất, vì Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm tiếp nhận *ấn tượng* về

that which must be *imposed* by the fifth group.

điều mà nhóm thứ năm phải *áp đặt*.

13. Again, we note that these workers do not work with the form alone. They are to work with the *consciousness* of races and nations, for if the Divine Will does not work itself into that consciousness, any strictly outward imposition will be superficial and will fail. Once more, then, we see how these workers must unite the heart to the head, and the second ray to the first. This must not be forgotten. Consciousness, after all, is most closely related to the *second* aspect of divinity.

13. Một lần nữa, chúng ta lưu ý rằng những người hoạt động này không chỉ làm việc với hình tướng. Họ phải làm việc với *tâm thức* của các dân tộc và quốc gia, vì nếu Ý Chí thiêng liêng không thấm vào tâm thức ấy, thì bất kỳ sự áp đặt nào chỉ thuần túy từ bên ngoài cũng sẽ hời hợt và thất bại. Vậy một lần nữa, chúng ta thấy những người hoạt động này phải kết hợp trái tim với đầu, và cung hai với cung một như thế nào. Không được quên điều này. Xét cho cùng, tâm thức liên hệ mật thiết nhất với phương diện *thứ hai* của thiên tính.

14. The Tibetan had only begun to organize the fifth group-of-nine. Only three workers had been chosen, and all of them had first ray souls. It would have been interesting to see the ray equipment of the remaining personnel, had the process moved to completion. But, unfortunately, the Groups-of-Nine experiment had to be discontinued for internal and external reasons. The fifth group was left incomplete and none of the remaining groups (of the intended ten groups) were formed.

14. Chân sư Tây Tạng mới chỉ bắt đầu tổ chức nhóm chín người thứ năm. Chỉ mới chọn được ba người hoạt động, và cả ba đều có linh hồn thuộc cung một. Hẳn sẽ rất thú vị nếu được thấy cấu hình cung của những thành viên còn lại, nếu tiến trình ấy đã đi đến hoàn tất. Nhưng đáng tiếc, cuộc thử nghiệm Các Nhóm Chín Người đã phải ngừng lại vì những lý do bên trong và bên ngoài. Nhóm thứ năm vẫn chưa hoàn chỉnh, và không nhóm nào trong số các nhóm còn lại (thuộc mười nhóm dự kiến) được thành lập.

15. We are reminded that all the Seed Groups were experiments in “modes of communication”. The specialized type of communication to be practiced by the fifth group was to have been communication between the Department of the Manu and the race of men. The Manu’s Department has its plans just as all other Departments and Ashrams. The formation of the United States was all part of the Manu’s Plan and within this formation the Master R. cooperated. Many nations, so it seems, are ruled by

15. Chúng ta được nhắc rằng tất cả các Nhóm hạt giống đều là những cuộc thử nghiệm về “các phương thức giao tiếp”. Loại hình giao tiếp chuyên biệt mà nhóm thứ năm lẽ ra sẽ thực hành là sự giao tiếp giữa Ban của Đức Manu và nhân loại. Ban của Đức Manu cũng có những kế hoạch riêng, như tất cả các Ban và ashram khác. Sự hình thành Hoa Kỳ hoàn toàn là một phần trong Thiên Cơ của Đức Manu, và trong quá trình hình thành ấy, Chân sư R. đã cộng tác. Dường như nhiều quốc gia đang chịu sự cai trị của

power-hungry personalities who have no respect either for their people or the international community. This aberration, however, will at length be overcome as the strength of the souls of nations begins to emerge. Then the dim outlines of the Manu's very real plans will begin to emerge with greater clarity. Certain great statesmen are already attuned (either unconsciously or consciously) with such plans, and can expedite the process of emergence in what is usually a very troubled field.

những phàm ngã khát quyền lực, không tôn trọng người dân của mình cũng chẳng tôn trọng cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, sự lệch lạc này cuối cùng sẽ được khắc phục khi sức mạnh linh hồn của các quốc gia bắt đầu xuất hiện. Khi ấy, những đường nét mờ nhạt trong các kế hoạch rất thực của Đức Manu sẽ bắt đầu hiện ra rõ ràng hơn. Một số chính khách vĩ đại đã hòa điệu (dù vô thức hay có ý thức) với những kế hoạch ấy, và có thể đẩy nhanh tiến trình xuất hiện trong một lĩnh vực thường rất nhiều bất ổn.

16. The Tibetan closes this paragraph with an inspiring statement: "It is a noble task, my brothers, to be channels for the will of God. " He is certainly calling for *nobility* among the Political Organisers. In this virtue, both courage and selflessness are combined. There is suggested an ability to live according to the higher aspects of one's nature and to avoid all temptation towards baseness (which has so characterized many cruel leaders of the past). A loving impersonality is one of the main requirements.

16. Chân sư Tây Tạng kết thúc đoạn này bằng một lời đầy cảm hứng: "Các huynh đệ của Tôi, làm những kênh dẫn cho Ý Chí của Thượng Đế là một nhiệm vụ cao quý. " Chắc chắn Ngài đang kêu gọi *lòng cao quý* ở những Người Tổ Chức Chính Trị. Trong đức tính này, cả lòng can đảm lẫn tính vị tha đều kết hợp với nhau. Điều này hàm ý khả năng sống theo những phương diện cao hơn trong bản chất của mỗi người và tránh mọi cám dỗ hướng tới sự thấp hèn (vốn đã là đặc điểm nổi bật của nhiều nhà lãnh đạo tàn ác trong quá khứ). Một thái độ phi cá nhân đầy tình thương là một trong những yêu cầu chính.

17. It must be remembered that these Seed Groups (no matter what may be their predominating ray) are *soul groups,* and, thus, have a direct connection with the *second aspect of divinity.* No Seed Group can be successfully grown and proliferated unless the Love-Wisdom ray is shining through.

17. Cần nhớ rằng những Nhóm hạt giống này (bất kể cung nào chiếm ưu thế) đều là *các nhóm linh hồn,* và do đó có mối liên hệ trực tiếp với *phương diện thứ hai của thiên tính.* Không Nhóm hạt giống nào có thể phát triển và nhân rộng thành công nếu cung Bác Ái – Minh Triết không tỏa chiếu xuyên qua.

6. The workers in the Field of Religion form this group. Their work is to formulate the universal platform of the new world religion. It is a work of loving synthesis and it will emphasize the unity and the fellowship of the spirit. This group is, in a

6. Những người hoạt động trong Lĩnh Vực Tôn Giáo hợp thành nhóm này. Công việc của họ là xây dựng nền tảng phổ quát cho tôn giáo thế giới mới. Đó là công việc tổng hợp đầy tình thương, và công việc ấy sẽ nhấn mạnh sự hợp nhất và tình huynh đệ của tinh

pronounced sense, a channel for the activity of the second Ray of Love-Wisdom, that of the World Teacher — an office held at present by the Christ. The platform of the new world religion will be built by the many groups, working under the inspiration of the Christ and the influence of the second ray and these — in their totality — will constitute this sixth group. [39]

thần. Theo một ý nghĩa rõ nét, nhóm này là kênh dẫn cho hoạt động của cung hai, cung Bác Ái – Minh Triết, cung của Đức Chưởng Giáo — một chức vị hiện do Đức Christ đảm nhiệm. Nhiều nhóm hoạt động dưới cảm hứng của Đức Christ và ảnh hưởng của cung hai sẽ xây dựng nền tảng cho tôn giáo thế giới mới, và toàn thể các nhóm ấy sẽ hợp thành nhóm thứ sáu này. [39]

1. The sixth group is related to the formation of the New World Religion. The workers in the Field of Religion work not only with the sixth ray (which qualifies so many of the present religions in the world) but, especially, with the second Ray of Love-Wisdom. It is this latter ray which will guarantee the success of the enterprise. Otherwise, divisiveness and separativeness would thwart the intended unity.

1. Nhóm thứ sáu liên quan đến việc hình thành Tôn Giáo Thế Giới Mới. Những người hoạt động trong Lĩnh Vực Tôn Giáo không chỉ làm việc với cung sáu (cung tạo nên phẩm tính cho rất nhiều tôn giáo hiện nay trên thế giới), mà đặc biệt còn với cung hai, cung Bác Ái – Minh Triết. Chính cung sau này sẽ bảo đảm thành công cho công cuộc ấy. Nếu không, tính chia rẽ và chia cách sẽ cản trở sự hợp nhất dự định đạt tới.

2. Their work is to formulate the "universal platform of the new world religion". We see that the members of the sixth group are to deal with *broad spiritual principles*, especially at first.

2. Công việc của họ là xây dựng "nền tảng phổ quát của tôn giáo thế giới mới". Chúng ta thấy các thành viên của nhóm thứ sáu phải bàn đến *những nguyên khí tinh thần bao quát*, đặc biệt là lúc ban đầu.

3. In a field riven by discord and acrimony, principles must be found which can hold some reasonable appeal to all parties.

3. Trong một lĩnh vực bị xâu xé vì bất hòa và cay nghiệt, cần tìm ra những nguyên khí có sức thuyết phục hợp lý nhất định đối với tất cả các bên.

4. In His book, *The Reappearance of the Christ,* the Tibetan details the foundational principles for a New World Religion. They are all based upon tolerance and a realization of a continuity of revelation. It is the presumption on the part of the fearful, that the revelation to which they ascribe is the *final* revelation (and, usually, the *only true revelation*) which has caused so much of the trouble ever found in this fractious field.

4. Trong tác phẩm *Sự Tái Lâm của Đức Christ,* Chân sư Tây Tạng trình bày chi tiết những nguyên khí nền tảng cho một Tôn Giáo Thế Giới Mới. Tất cả đều dựa trên lòng khoan dung và sự nhận biết tính liên tục của sự mặc khải. Chính sự tự cho là đúng của những người sợ hãi, cho rằng sự mặc khải mà họ tin theo là sự mặc khải *cuối cùng* (và thường là *sự mặc khải chân thực duy nhất*), đã gây ra biết bao rắc rối luôn hiện diện trong lĩnh vực đầy bất hòa này.

5. The quality of "loving synthesis" must pervade the work of this sixth group. When we consider this quality, we note that it is a combination of the second and first rays. Synthesis can be considered the *second* aspect of the Divine Will.

5. Phẩm tính "tổng hợp đầy tình thương" phải thấm nhuần công việc của nhóm thứ sáu này. Khi xem xét phẩm tính này, chúng ta lưu ý rằng đó là sự kết hợp của cung hai và cung một. Có thể xem sự tổng hợp là phương diện *thứ hai* của Ý Chí thiêng liêng.

6. We note, also, that DK speaks of the "unity and fellowship of the spirit". When He speaks of spirit, he is speaking of the first aspect of divinity — not the second (the soul aspect). Perhaps (given immediately possible objectives) it would have been more accurate to say (as He discusses elsewhere) the 'unity of the *soul*' and the "fellowship of the *spirit*".

6. Chúng ta cũng lưu ý rằng Chân sư DK nói đến "sự hợp nhất và tình huynh đệ của tinh thần". Khi nói về tinh thần, Ngài đang nói về phương diện thứ nhất của thiên tính — chứ không phải phương diện thứ hai (phương diện linh hồn). Có lẽ (xét những mục tiêu có thể đạt được trước mắt), sẽ chính xác hơn nếu nói (như Ngài bàn ở nơi khác) đến 'sự hợp nhất của *linh hồn*' và "tình huynh đệ của *tinh thần*".

7. Irrespective of the distinction, both soul and spirit stand far above the divisions engendered by the functioning of the analytical lower mind and strengthened by a fearful and intense emotional nature. When religion truly functions from a soul perspective, it functions within a field of soul-love, and the commonalties of the religious experience are sought. Separative religious dogmatisms fade into the background.

7. Bất kể sự phân biệt ấy, cả linh hồn lẫn tinh thần đều vượt xa những chia rẽ do hoạt động của hạ trí phân tích tạo ra và được bản chất cảm xúc sợ hãi, mãnh liệt củng cố. Khi tôn giáo thực sự hoạt động từ góc nhìn của linh hồn, nó hoạt động trong trường tình thương của linh hồn, và người ta tìm kiếm những điểm chung trong trải nghiệm tôn giáo. Những chủ nghĩa giáo điều tôn giáo mang tính chia rẽ dần lui vào hậu cảnh.

8. Brotherhood and fellowship are two very similar terms, and, interestingly, both are based upon the *spirit.* As monads (spirits) we are all "brothers" and have among ourselves an unbreakable "fellowship of the spirit". On that level we are all equals and all very much identical. The spirit is the source of the realization of synthesis. Perhaps we are being told that the New World Religion must eventually address the reality of the *spirit*, and reveal a commonalty — even a homogeneity — which cannot be broken by any assertion of difference. In a way, if the

8. Tình huynh đệ và tình đồng đạo là hai thuật ngữ rất gần nhau, và điều thú vị là cả hai đều đặt nền tảng trên *tinh thần.* Là các chân thần (các tinh thần), tất cả chúng ta đều là "huynh đệ" và giữa chúng ta có một "tình đồng đạo của tinh thần" không thể phá vỡ. Ở cấp độ ấy, tất cả chúng ta đều bình đẳng và hết sức đồng nhất. Tinh thần là nguồn cội của sự chứng nghiệm tính tổng hợp. Có lẽ chúng ta đang được cho biết rằng Tôn Giáo Thế Giới Mới cuối cùng phải đề cập đến thực tại của *tinh thần*, và mặc khải một tính chung — thậm chí một tính đồng nhất

universal platform of a New World Religion is based upon *spirit*, it will unite all human beings beyond any possibility of separation due to even to *quality* (a second ray factor). The separations due to form (the third ray factor) are, of course, more obvious.

— mà không lời khẳng định về sự khác biệt nào có thể phá vỡ. Theo một nghĩa nào đó, nếu nền tảng phổ quát của một Tôn Giáo Thế Giới Mới đặt trên *tinh thần*, nó sẽ hợp nhất mọi con người, vượt khỏi mọi khả năng chia cách, ngay cả sự chia cách do *phẩm tính* (một yếu tố thuộc cung hai). Dĩ nhiên, những chia cách do hình tướng (yếu tố thuộc cung ba) thì rõ rệt hơn.

9. We can see how much of the second ray must be infused into the Field of Religion. We can also see how, in our present civilization, this Ray of Love-Wisdom is dominated by the sixth Ray of Devotion and Idealism.

9. Chúng ta có thể thấy Lĩnh Vực Tôn Giáo cần được thấm nhuần cung hai nhiều đến mức nào. Chúng ta cũng có thể thấy trong nền văn minh hiện nay, cung Bác Ái – Minh Triết này chịu sự lấn át của cung sáu, cung Sùng Tín và Lý Tưởng.

10. The World Teacher, the Christ, is behind all efforts to create a universal spirituality. This fact might become a source of satisfaction to Christians and a point of repudiation for those of other faiths, but a deeper understanding of the Hierarchy, the Christ and our Planetary Government will make the acceptance of the Christ and His Spirit a natural and inevitable development. The Christ, after all, is *not* a Christian. No form of religion is sufficient to contain Him, though all forms can learn to reflect Him.

10. Đức Chưởng Giáo, Đức Christ, đứng sau mọi nỗ lực tạo dựng một đời sống tinh thần phổ quát. Sự thật này có thể trở thành nguồn mãn nguyện cho các tín đồ Kitô giáo và là điều khiến những người thuộc các tín ngưỡng khác bác bỏ, nhưng sự thấu hiểu sâu sắc hơn về Thánh đoàn, Đức Christ và Chính Quyền Hành Tinh của chúng ta sẽ khiến việc chấp nhận Đức Christ và Tinh Thần của Ngài trở thành một bước phát triển tự nhiên và tất yếu. Xét cho cùng, Đức Christ *không* phải là một tín đồ Kitô giáo. Không hình thức tôn giáo nào đủ sức dung chứa Ngài, dù mọi hình thức đều có thể học cách phản ánh Ngài.

11. We can see that the New World Religion will not be *imposed* on humanity, but that it will be "built by many groups" — probably groups of many different initial religious persuasions. Together they will find the principles and experiences which unite them, and these commonalties will become so strong in their consciousness, that their fusion will become inevitable, though enriching cultural differences may be preserved. We can see that much

11. Chúng ta có thể thấy Tôn Giáo Thế Giới Mới sẽ không bị *áp đặt* lên nhân loại, mà sẽ "do nhiều nhóm xây dựng" — có lẽ là những nhóm ban đầu theo nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Cùng nhau, họ sẽ tìm ra những nguyên khí và trải nghiệm hợp nhất họ, và những điểm chung này sẽ trở nên mạnh mẽ đến mức sự dung hợp của họ sẽ là tất yếu, dù vẫn có thể giữ gìn những khác biệt văn hóa làm phong phú thêm đời sống. Chúng ta có thể thấy cần thực hiện nhiều

interpretive and correlational work will have to be undertaken in order to demonstrate the similarities between the various religions of the world. In *Isis Unveiled* and *The Secret Doctrine*, H. P. B. has made an impressive beginning.

công việc diễn giải và đối chiếu để chứng minh những điểm tương đồng giữa các tôn giáo khác nhau trên thế giới. Trong *Isis Vén Màn* và *Giáo Lý Bí Nhiệm*, Bà H. P. B. đã tạo nên một bước khởi đầu đầy ấn tượng.

12. The Christ, however, will be the inspiration behind the growing amalgamation of the world religions. The work will probably be slow and unforced. Realization will come, and love will promote a growing field of unity.

12. Tuy nhiên, Đức Christ sẽ là nguồn cảm hứng đứng sau sự hòa hợp ngày càng tăng của các tôn giáo trên thế giới. Công việc này có lẽ sẽ diễn ra chậm rãi và không cưỡng ép. Sự nhận biết sẽ đến, và tình thương sẽ thúc đẩy một trường hợp nhất ngày càng mở rộng.

13. In this line of work, the contribution of the Master Jesus will be significant, especially with respect to the three major religions of the West — Christianity, Judaism and Islam.

13. Trong lĩnh vực công tác này, sự đóng góp của Chân sư Jesus sẽ rất đáng kể, đặc biệt đối với ba tôn giáo lớn của phương Tây — Kitô giáo, Do Thái giáo và Hồi giáo.

14. This sixth group will, at length, be very large. The "grass-roots participation" of the many religious groups and sects will be necessary. Many little groups may not want to participate in the growing tide of amalgamation, but there will be a sufficient number of groups to make the tide irresistible.

14. Cuối cùng, nhóm thứ sáu này sẽ rất lớn. Sự "tham gia từ cơ sở" của nhiều nhóm và giáo phái tôn giáo sẽ là điều cần thiết. Nhiều nhóm nhỏ có thể không muốn tham gia vào làn sóng hòa hợp đang dâng lên, nhưng sẽ có đủ số nhóm để khiến làn sóng ấy trở nên không thể cưỡng lại.

15. The discoveries of science (as it is influenced by occult science) will contribute to the reasonableness of the coming amalgamation. Science is on the way to proving the unity of what may loosely be called 'the religious experience'. It is hard to argue with that which is scientifically proven.

15. Những khám phá của khoa học (khi khoa học chịu ảnh hưởng của khoa học huyền bí) sẽ góp phần làm sáng tỏ tính hợp lý của sự hòa hợp sắp tới. Khoa học đang tiến tới việc chứng minh tính hợp nhất của điều có thể gọi một cách khái quát là 'trải nghiệm tôn giáo'. Thật khó tranh luận với điều đã được khoa học chứng minh.

16. The word "platform" is used twice, indicating the initially foundational nature of this sixth group. A "common ground" or an ability to stand together must be found,

16. Từ "nền tảng" xuất hiện hai lần, cho thấy bản chất đặt nền móng ban đầu của nhóm thứ sáu này. Cần tìm ra một "cơ sở chung" hay một khả năng cùng đứng chung với

and this will be the initial work of the members of the sixth group. If the uniting principles can be found and affirmed, the necessary platform can be built.

nhau, và đây sẽ là công việc ban đầu của các thành viên nhóm thứ sáu. Nếu có thể tìm ra và khẳng định những nguyên khí hợp nhất, thì có thể xây dựng nền tảng cần thiết.

7. The seventh group is that of the Scientific Servers. They will reveal the essential spirituality of all scientific work which is motivated by love of humanity and its welfare, which relates science and religion and brings to light the glory of God through the medium of His tangible world and His works. They have a most interesting function but one which will not become evident for a long time — not until the building forces of the universe are better understood. This will be co-incident with the development of etheric vision. This group will act as a channel of communication or intermediary between the energies which constitute the forces which construct the forms and fabricate the outer garment of Deity and the human spirits. You will note here, consequently, the possibility that this group's main initial work will be concerned with the problem of reincarnation. That problem deals with the taking of an outer garment or form under the Law of Rebirth.

7. Nhóm thứ bảy là nhóm những Người Phụng Sự Khoa Học. Họ sẽ mặc khải tính tinh thần cốt yếu của mọi công việc khoa học được thúc đẩy bởi tình thương dành cho nhân loại và phúc lợi của nhân loại, công việc liên kết khoa học với tôn giáo và làm sáng tỏ vinh quang của Thượng đế qua thế giới hữu hình và các công trình của Ngài. Họ có một chức năng rất thú vị, nhưng còn lâu chức năng ấy mới trở nên rõ ràng — chỉ khi người ta thấu hiểu hơn những mãnh lực kiến tạo của vũ trụ. Điều này sẽ đồng thời diễn ra với sự phát triển của thị giác dĩ thái. Nhóm này sẽ đóng vai trò một kênh giao tiếp hay trung gian giữa những năng lượng cấu thành các mãnh lực xây dựng hình tướng và tạo nên lớp áo bên ngoài của Thượng đế với các tinh thần con người. Do đó, ở đây các bạn sẽ nhận thấy khả năng công việc chính ban đầu của nhóm này sẽ liên quan đến vấn đề luân hồi. Vấn đề ấy đề cập đến việc khoác lấy một lớp áo bên ngoài hay một hình tướng theo Định luật Tái Sinh.

1. The seventh group is called by the name "Scientific *Servers*", emphasizing the soul quality of service. They might have been called the 'Scientific Researchers', emphasizing only the quality of mind rather than the combined qualities of mind and heart.

1. Nhóm thứ bảy mang tên "Những Người *Phụng Sự* Khoa Học", nhấn mạnh phẩm tính phụng sự của linh hồn. Họ cũng có thể được gọi là 'Những Nhà Nghiên Cứu Khoa Học', chỉ nhấn mạnh phẩm tính trí tuệ thay vì những phẩm tính kết hợp của trí tuệ và trái tim.

2. It is significant that the seventh group follows the sixth, for the Tibetan states that science and religion will be cooperative ventures (just as they have been bitter antagonists in the past).

2. Việc nhóm thứ bảy tiếp sau nhóm thứ sáu có ý nghĩa quan trọng, vì Chân sư Tây Tạng khẳng định rằng khoa học và tôn giáo sẽ trở thành những lĩnh vực hợp tác (cũng như trước kia chúng từng là những đối thủ gay

gắt).

3. The *motive* for scientific work is strongly emphasized; it is to be the "love of humanity and its welfare". Clearly the enquiring mind will be infused by the illuminating soul.

3. *Động cơ* của công việc khoa học được nhấn mạnh rõ rệt; đó phải là "tình thương dành cho nhân loại và phúc lợi của nhân loại". Rõ ràng, linh hồn soi sáng sẽ thấm nhuần thể trí ham tìm hiểu.

4. The scientists will reveal the strong link between God and nature ("His [God's] tangible world and His works". The "Glory of God" revealed though His "Garment" will bring religion and science into cooperative enterprise.

4. Các nhà khoa học sẽ mặc khải mối liên hệ chặt chẽ giữa Thượng đế và thiên nhiên ("thế giới hữu hình của Ngài [Thượng đế] và các công trình của Ngài". "Vinh Quang của Thượng đế" hiển lộ qua "Lớp Áo" của Ngài sẽ đưa tôn giáo và khoa học vào một công cuộc hợp tác.

5. DK only hints at one of the interesting functions of this seventh group. That function will depend upon the revelation of the deva kingdom and its modes of building. The *seventh* group works with the *seventh* ray as well as the fifth. Of some of the work undertaken by this group, the Tibetan says the following:

5. Chân sư DK chỉ gợi ý về một trong những chức năng thú vị của nhóm thứ bảy này. Chức năng ấy sẽ tùy thuộc vào sự mặc khải về giới thiên thần và các phương thức kiến tạo của giới này. Nhóm *thứ bảy* làm việc với cung *bảy* cũng như cung năm. Về một phần công việc mà nhóm này đảm nhận, Chân sư Tây Tạng nói như sau:

"It will be carried forward by first ray workers, assisted by seventh ray aspirants, but using fifth ray methods." (EXH 56)

"Công việc ấy sẽ do những người hoạt động thuộc cung một tiến hành, với sự trợ giúp của những người chí nguyện thuộc cung bảy, nhưng sử dụng các phương pháp của cung năm." (EXH 56)

To understand and work with the deva kingdom much seventh ray will be required.

Để thấu hiểu và làm việc với giới thiên thần, sẽ cần rất nhiều ảnh hưởng của cung bảy.

6. The development of etheric vision is required for a more complete understanding of the potentials of this seventh group. Interestingly, vision, as a whole, is related to the *fifth* ray. Aquarius is a sign much related to the etheric body and it transmits the fifth ray powerfully. The Aquarian Age will be qualified principally by the seventh ray, the ray correlated to the etheric vehicle. We can

6. Cần phát triển thị giác dĩ thái để thấu hiểu đầy đủ hơn những tiềm năng của nhóm thứ bảy này. Điều thú vị là thị giác nói chung liên quan đến cung *năm*. Bảo Bình là một dấu hiệu liên hệ nhiều với thể dĩ thái và truyền dẫn cung năm một cách mạnh mẽ. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ chủ yếu mang phẩm tính của cung bảy, cung tương ứng với hiện thể dĩ thái. Vì vậy, chúng ta có thể thấy Kỷ

see, therefore, how the coming Age is most suitable for the development of etheric vision, and for the scientific advancements which depend upon the presence of this type of vision.

Nguyên sắp tới hết sức thích hợp cho sự phát triển thị giác dĩ thái và những tiến bộ khoa học phụ thuộc vào sự hiện diện của loại thị giác này.

7. The seventh group also has its peculiar mode of communication, uniting the "human spirits" to the forces which construct and fabricate the outer forms within the "Garment of God". The Fifth Ray Lord has, interestingly, been called the "Divine Intermediary" (EP I 77), but so has the Fourth Ray Lord (EP I 71). The 'distance' between the fabricating forces and the soul on its own plane is considerable, but that 'distance' is even greater between the fabricating forces and the human monad.

7. Nhóm thứ bảy cũng có phương thức giao tiếp đặc thù, liên kết "các tinh thần con người" với những mãnh lực xây dựng và tạo nên các hình tướng bên ngoài trong "Lớp Áo của Thượng đế". Điều thú vị là Đấng Chúa Tể Cung năm đã được gọi là "Đấng Trung Gian Thiêng Liêng" (EP I 77), nhưng Đấng Chúa Tể Cung bốn cũng được gọi như vậy (EP I 71). 'Khoảng cách' giữa những mãnh lực tạo tác và linh hồn trên cõi riêng của nó là đáng kể, nhưng 'khoảng cách' ấy còn lớn hơn nữa giữa những mãnh lực tạo tác và chân thần con người.

8. The task of these workers will be to ensure that the construction of the outer form conforms to the soul-intended pattern (which determines the nature of any given incarnation) and eventually to the spirit-intended pattern. Knowledge of the methods of many building forces on various planes (and of the words of power which control these forces) will eventually be necessary. One can understand that the full capacities of such groups will only slowly develop as the powers involved are dangerous in the hands of all except those who are tested servants of the Divine Plan.

8. Nhiệm vụ của những người hoạt động này sẽ là bảo đảm việc xây dựng hình tướng bên ngoài phù hợp với mô hình mà linh hồn chủ định (mô hình quyết định bản chất của bất kỳ kiếp lâm phàm cụ thể nào), và cuối cùng là với mô hình mà tinh thần chủ định. Cuối cùng, sẽ cần có tri thức về các phương pháp của nhiều mãnh lực kiến tạo trên những cõi khác nhau (và về các quyền năng từ kiểm soát những mãnh lực ấy). Có thể thấu hiểu rằng toàn bộ năng lực của những nhóm như thế chỉ phát triển chậm rãi, vì những quyền năng liên quan sẽ nguy hiểm trong tay bất kỳ ai, ngoại trừ những người phụng sự Thiên Cơ đã vượt qua thử thách.

9. The rapidly developing field of genetic engineering is related to the future work of the seventh group. Genetic engineering, at present, takes only the physical mechanism into consideration. It is ignorant of the quality of psyche which underlies the form and of the presence of soul/spirit which

9. Lĩnh vực kỹ thuật di truyền đang phát triển nhanh chóng có liên hệ với công việc tương lai của nhóm thứ bảy. Hiện nay, kỹ thuật di truyền chỉ xem xét bộ máy hồng trần. Lĩnh vực này chưa biết đến phẩm tính của đời sống tâm lý nằm bên dưới hình tướng, cũng như sự hiện diện của linh

underlies the human psyche. We can see that much psychological sophistication will be required of those Scientific Servers who seek to serve in a divinely intended manner. The outer forms cannot be constructed according to strictly human ideas and preferences. Desire is no reliable guide in this matter. It is the will of the soul and spirit which determines the pattern according to which the deva forces must build. It will be no easy matter to determine the nature of this occultly recessed will.

hồn/tinh thần nằm bên dưới đời sống tâm lý con người. Chúng ta có thể thấy rằng những Người Phụng Sự Khoa Học muốn phụng sự theo ý định thiêng liêng sẽ cần có sự am hiểu sâu sắc và tinh tế về tâm lý. Không thể kiến tạo các hình tướng bên ngoài chỉ theo những ý tưởng và sở thích của con người. Dục vọng không phải là sự dẫn dắt đáng tin cậy trong vấn đề này. Chính ý chí của linh hồn và tinh thần quyết định mô hình mà các mãnh lực thiên thần phải theo đó kiến tạo. Xác định bản chất của ý chí ẩn sâu trong cõi huyền bí này sẽ không phải là việc dễ dàng.

10. Today, as a race, we run the risk of interfering with divinely-intended processes and of meddling with forces which were better let alone. As our mentality grows, out potential for meddlesome damage will increase dramatically. Thus, a genuine and accurate soul-contact will be required of such Scientific Servers if they are not to do more damage than good.

10. Ngày nay, với tư cách nhân loại, chúng ta có nguy cơ can thiệp vào những tiến trình theo ý định thiêng liêng và xen vào những mãnh lực mà tốt hơn nên để yên. Khi trí tuệ của chúng ta phát triển, khả năng gây tổn hại do sự can thiệp tùy tiện sẽ gia tăng mạnh mẽ. Do đó, những Người Phụng Sự Khoa Học ấy cần có sự tiếp xúc chân thực và chính xác với linh hồn, nếu họ muốn tránh gây hại nhiều hơn làm lợi.

8. The Psychologists will form this next group and they will be concerned with the revelation of the fact of the soul and with the new psychology which will be based upon the seven ray types and the new esoteric astrology. Their major task will be to relate, through approved techniques, the soul and the personality, leading to the revelation of divinity through the medium of humanity. They will act also as transmitters of illumination between groups of thinkers and as illuminators of group thought. They transmit energy from one thought centre to another and, above everything else, they transmit the energy of ideas. The world of ideas is a world of dynamic force centres. Let this not be forgotten. These ideas have to be contacted

8. Các Nhà Tâm Lý Học sẽ hợp thành nhóm kế tiếp này, và họ sẽ quan tâm đến việc mặc khải sự thật về linh hồn cùng nền tâm lý học mới dựa trên bảy loại cung và chiêm tinh học nội môn mới. Nhiệm vụ chính của họ sẽ là liên kết linh hồn với phàm ngã bằng những kỹ thuật đã được chấp thuận, dẫn đến sự mặc khải thiên tính qua trung gian nhân loại. Họ cũng sẽ đóng vai trò truyền sự soi sáng giữa các nhóm tư tưởng gia và soi sáng tư tưởng nhóm. Họ truyền năng lượng từ trung tâm tư tưởng này sang trung tâm tư tưởng khác, và trên hết, họ truyền năng lượng của các ý tưởng. Thế giới ý tưởng là một thế giới của các trung tâm mãnh lực năng động. Đừng quên điều này. Cần tiếp xúc và ghi nhận những ý tưởng ấy, đồng thời cần đồng hóa và truyền năng lượng của

and noted and their energy has to be assimilated and transmitted.

chúng.

1. With the field of esoteric psychology there is much presumed familiarity. Everywhere there are students of the seven rays, esoteric astrology, and the chakric system.

1. Nhiều người tự cho mình đã quen thuộc với lĩnh vực Tâm Lý Học Nội Môn. Khắp nơi đều có những đạo sinh nghiên cứu bảy cung, chiêm tinh học nội môn và hệ thống luân xa.

2. It is interesting that the Psychologists constitute the *eighth* group, relating them to the Christ-Principle (the number of which is *eight*). The soul principle is also the Christ-Principle, and thus, the number *eight* is completely suitable. In the design of the figure-eight we see the flowing, serpentine union of a higher sphere and a lower. Thus is the Great Work accomplished.

2. Điều thú vị là các Nhà Tâm Lý Học hợp thành nhóm *thứ tám*, qua đó liên hệ họ với Nguyên khí Christ (có con số là *tám*). Nguyên khí linh hồn cũng là Nguyên khí Christ, và do đó, con số *tám* hoàn toàn thích hợp. Trong hình số tám, chúng ta thấy sự hợp nhất uốn lượn, tuôn chảy giữa một khối cầu cao hơn và một khối cầu thấp hơn. Như vậy, Công Trình Vĩ Đại được hoàn thành.

3. The new psychology is equipped to explain the differences between the many types of human beings, as well as the modes of achieving right relations through the emphasis of points in common.

3. Nền tâm lý học mới có đủ khả năng giải thích những khác biệt giữa nhiều loại người, cũng như những phương thức thiết lập các mối quan hệ đúng đắn bằng cách nhấn mạnh những điểm chung.

4. It is no easy matter for the Solar Angel/soul to express through the personality mechanism. Fundamentally, soul and personality are two very different orders of life, functioning according to their own natures. Esoteric psychology (with its accurate knowledge of the energies and forces involved in both spheres) holds the secrets of right relations between these two periodic vehicles, and, eventually, engineers pervasion of the lower by the higher.

4. Đối với Thái dương Thiên Thần/linh hồn, biểu hiện qua bộ máy phàm ngã không phải là việc dễ dàng. Về căn bản, linh hồn và phàm ngã là hai cấp loại sự sống rất khác nhau, hoạt động theo bản chất riêng của mỗi bên. Tâm Lý Học Nội Môn (với tri thức chính xác về những năng lượng và mãnh lực liên quan trong cả hai lĩnh vực) nắm giữ các bí mật về mối quan hệ đúng đắn giữa hai hiện thể có tính chu kỳ này, và cuối cùng tạo nên sự thấm nhuần của cái cao vào cái thấp.

5. If the "fact of the soul" could be easily revealed, it would already be revealed, because for ages man has known of the higher aspects of his nature. There are, however, so many blockages to soul expression in the lower nature, that only an intimate understanding of both soul and

5. Nếu "sự thật về linh hồn" có thể dễ dàng hiển lộ, thì nó hẳn đã hiển lộ rồi, bởi từ bao thời đại, con người đã biết đến những phương diện cao hơn trong bản chất mình. Tuy nhiên, trong bản chất thấp có quá nhiều chướng ngại đối với sự biểu hiện của linh hồn, đến nỗi chỉ sự thấu hiểu sâu sắc cả linh

personality and their interplay can clear the way for the true revelation of the fact of the soul. Right now, the soul, though suspected by many and contacted by some, is not an established *fact* in the consciousness of humanity. This establishment will probably fall to workers in France (with its fifth ray, spiritually-sensitive Piscean soul). A new form of scientific, esoteric psychology can be expected to emerge from that nation — eventually.

hồn lẫn phàm ngã cùng sự tương tác giữa chúng mới có thể dọn đường cho sự mặc khải chân thực về sự thật của linh hồn. Ngay lúc này, dù nhiều người phỏng đoán sự tồn tại của linh hồn và một số người đã tiếp xúc với linh hồn, linh hồn vẫn chưa phải là một *sự thật* đã được xác lập trong tâm thức nhân loại. Việc xác lập này có lẽ sẽ thuộc về những người hoạt động tại Pháp (với linh hồn cung năm thuộc Song Ngư, nhạy cảm về tinh thần của quốc gia này). Có thể kỳ vọng rằng một hình thức Tâm Lý Học Nội Môn mới mang tính khoa học cuối cùng sẽ xuất hiện từ quốc gia ấy.

6. We see that the functions of this eighth group are several and diverse. "They will act also as transmitters of illumination between groups of thinkers and as illuminators of group thought". Their Mercurial function (also correlated with the number eight) is quite clear, for it is Mercury that transmits illumination. When similarities between two previously unrelated factors are noticed, then light breaks forth. One can see that the fourth ray will also be involved in the functioning of the Psychologists, for it is the fourth ray (emitted by Mercury) which reveals unsuspected similarities between different things.

6. Chúng ta thấy rằng nhóm thứ tám này có nhiều chức năng đa dạng. "Họ cũng sẽ đóng vai trò truyền sự soi sáng giữa các nhóm tư tưởng gia và soi sáng tư tưởng nhóm". Chức năng mang tính Sao Thủy của họ (cũng tương ứng với con số tám) khá rõ ràng, vì chính Sao Thủy truyền sự soi sáng. Khi nhận thấy những điểm tương đồng giữa hai yếu tố trước đây chưa có liên hệ, ánh sáng liền bừng lên. Có thể thấy rằng cung bốn cũng sẽ tham gia vào hoạt động của các Nhà Tâm Lý Học, vì chính cung bốn (do Sao Thủy phát ra) làm hiển lộ những điểm tương đồng chưa từng được nghĩ tới giữa những sự vật khác nhau.

7. Groups of thinkers are characterized by different qualities of energy and force. When light comes to a group from another group, it not only enhances the relations between the two groups, but illumines the understanding of the group receiving the light. Their understanding of the greater pattern enlarges, and their place within that pattern is more fully understood. Their own qualities of energy and force are seen in relation to the qualities of energies and forces which characterize different groups.

7. Các nhóm tư tưởng gia mang những phẩm tính năng lượng và mãnh lực khác nhau. Khi ánh sáng từ một nhóm đến với nhóm khác, nó không chỉ tăng cường mối quan hệ giữa hai nhóm mà còn soi sáng sự thấu hiểu của nhóm tiếp nhận ánh sáng. Sự thấu hiểu của họ về mô hình lớn hơn được mở rộng, và họ thấu hiểu đầy đủ hơn vị trí của mình trong mô hình ấy. Họ nhìn nhận những phẩm tính năng lượng và mãnh lực của chính mình trong mối liên hệ với những phẩm tính năng lượng và mãnh lực đặc trưng cho các nhóm

Thus intelligent and loving relations between groups are facilitated through an increasing understanding of how to interact skillfully — based upon an exact knowledge of energy and force.

Như vậy, các mối quan hệ thông minh và đầy tình thương giữa các nhóm trở nên thuận lợi hơn nhờ sự thấu hiểu ngày càng tăng về cách tương tác khéo léo — dựa trên tri thức chính xác về năng lượng và mãnh lực.

8. How is group thought to be illumined? In every group thought exists, but unless such thought is *seen within a broader context*, its 'light value' remains at a relatively low level. It is by understanding the relations between the thought of one group and the thought of other groups within the larger whole, that light flashes forth. The Psychologists understand the energy and force qualities of the various groups and of the parts of the whole in general. Thus the Psychologists can connect one group with another, promoting the flow of light through this connection. We are dealing with "Mercury who, as the Messenger of the Gods or the 'divine Intermediary, carries messages between the poles with speed and light'. "

8. Làm thế nào để soi sáng tư tưởng nhóm? Mỗi nhóm đều có tư tưởng, nhưng nếu tư tưởng ấy không được *nhìn nhận trong một bối cảnh rộng lớn hơn*, thì 'giá trị ánh sáng' của nó vẫn ở mức tương đối thấp. Chính nhờ thấu hiểu các mối quan hệ giữa tư tưởng của một nhóm với tư tưởng của những nhóm khác trong tổng thể lớn hơn mà ánh sáng lóe lên. Các Nhà Tâm Lý Học thấu hiểu những phẩm tính năng lượng và mãnh lực của các nhóm khác nhau, và của các bộ phận trong tổng thể nói chung. Do đó, các Nhà Tâm Lý Học có thể kết nối nhóm này với nhóm khác, thúc đẩy dòng ánh sáng tuôn chảy qua sự kết nối ấy. Chúng ta đang bàn đến "Sao Thủy, Đấng với vai trò Sứ Giả của các Thượng đế hay 'Đấng Trung Gian thiêng liêng, chuyển các thông điệp giữa hai cực bằng tốc độ và ánh sáng'. "

9. In general when thought of a certain quality is analyzed for its energy and force content (by utilizing the sciences of the seven rays and esoteric astrology) the light content of that thought is significantly enhanced. The principle involved here is that 'right relationship produces light'.

9. Nhìn chung, khi phân tích thành phần năng lượng và mãnh lực của tư tưởng mang một phẩm tính nhất định (bằng cách vận dụng các khoa học về bảy cung và chiêm tinh học nội môn), hàm lượng ánh sáng của tư tưởng ấy gia tăng đáng kể. Nguyên khí liên quan ở đây là 'mối quan hệ đúng đắn tạo ra ánh sáng'.

10. The Psychologists, we come to understand, transmit energy from one thought center to another. In this way their work is related to the work of the Telepathic Communicators. They can accomplish this transmission because they understand the energy patterns which characterize the

10. Chúng ta dần thấu hiểu rằng các Nhà Tâm Lý Học truyền năng lượng từ trung tâm tư tưởng này sang trung tâm tư tưởng khác. Theo cách này, công việc của họ liên hệ với công việc của Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm. Họ có thể thực hiện sự truyền dẫn này vì họ thấu hiểu những mô hình năng lượng đặc

various thought centers. They can 'speak the language' (the 'energy language') of various thoughts centers. They are, in fact, 'energy translators', adapting and qualifying the energies and forces of thought patterns so they can be received by thought centers organized along their own unique lines.

trưng cho các trung tâm tư tưởng khác nhau. Họ có thể 'nói ngôn ngữ' (tức 'ngôn ngữ năng lượng') của các trung tâm tư tưởng khác nhau. Thực ra, họ là những 'người phiên dịch năng lượng', điều chỉnh và phú cho những năng lượng cùng mãnh lực của các mô hình tư tưởng những phẩm tính thích hợp, để các trung tâm tư tưởng được tổ chức theo những đường hướng riêng biệt có thể tiếp nhận chúng.

11. Christ and the Buddha (both supremely gifted as esoteric psychologists) could speak to anyone. This gift is characteristic of many members of Hierarchy who understand the nature of energy and what people of various kinds are equipped to 'hear' and understand.

11. Đức Christ và Đức Phật (cả hai đều có tài năng xuất chúng với tư cách các nhà tâm lý học nội môn) có thể nói chuyện với bất kỳ ai. Tài năng này là đặc trưng của nhiều thành viên Thánh đoàn, những Đấng thấu hiểu bản chất của năng lượng và biết các loại người khác nhau có khả năng 'nghe' và thấu hiểu những gì.

12. The Psychologists also transmit the "energy of ideas". Ideas are incorporeal, but they give form and figure to shapeless substance. In *Glamor: A World Problem,* p. 14, Plutarch is quoted for a definition of the term, "Idea":

12. Các Nhà Tâm Lý Học cũng truyền "năng lượng của các ý tưởng". Các ý tưởng không có thân thể, nhưng chúng tạo hình tướng và hình dạng cho chất liệu chưa định hình. Trong *Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới,* tr. 14, một câu của Plutarch được trích dẫn để định nghĩa thuật ngữ "Ý tưởng":

"An idea is a Being incorporeal, which has no subsistence of itself, but gives figure and form unto shapeless matter and becomes the cause of the manifestation."

"Một ý tưởng là một Thực Thể không có thân thể, không tự tồn tại độc lập, nhưng tạo hình dạng và hình tướng cho vật chất chưa định hình và trở thành nguyên nhân của sự biểu hiện."

Every idea has its own inherent 'pattern of energy', though such patterns are not spatial and temporal (as we commonly understand those terms).

Mỗi ý tưởng đều có 'mô hình năng lượng' vốn có của riêng mình, dù những mô hình ấy không thuộc không gian và thời gian (theo cách chúng ta thường hiểu các thuật ngữ đó).

13. Ideas reside upon the buddhic plane (though they are derived from the highest subplanes of the cosmic physical plane —

13. Các ý tưởng hiện hữu trên cõi Bồ đề (dù chúng bắt nguồn từ những cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ — tức cõi chân thần

namely, the monadic and logoic). Their origin, in fact, is even higher.

và cõi Thượng đế). Thực ra, nguồn gốc của chúng còn cao hơn nữa.

14. A true Esoteric Psychologist has access to the buddhic plane via the antahkarana, and is not limited to the world of thought — strictly speaking, the mental plane. . Rather, he/she penetrates the world of intuition and both knows and 'feels' the 'energy value' of the ideas contacted. Again, the planet Mercury is involved in the process.

14. Một Nhà Tâm Lý Học Nội Môn chân chính có thể tiếp cận cõi Bồ đề qua antahkarana, và không bị giới hạn trong thế giới tư tưởng — nói chính xác là cõi trí. . Thay vào đó, người ấy thâm nhập thế giới trực giác, vừa biết vừa 'cảm nhận' được 'giá trị năng lượng' của những ý tưởng mà mình tiếp xúc. Một lần nữa, hành tinh Sao Thủy tham gia vào tiến trình này.

15. Thus, the Psychologists are "sensitives" and truly psychic in the higher sense, but they also possess an acute mentality which can understand and describe the quality of that which they intuitively contact. They blend the second, fourth and fifth rays in their work. It is interesting to understand that the hierarchical Department of Psychology is much under the supervision of an unnamed fourth ray Master, the Master "P.". These facts further emphasize the importance of the planet Mercury and of buddhic contact.

15. Do đó, các Nhà Tâm Lý Học là những "người nhạy cảm" và thực sự có tính thông linh theo nghĩa cao hơn, nhưng họ cũng sở hữu một trí tuệ sắc bén, có thể thấu hiểu và mô tả phẩm tính của những gì họ tiếp xúc bằng trực giác. Họ hòa phối cung hai, cung bốn và cung năm trong công việc của mình. Điều thú vị là Ban Tâm Lý Học của Thánh đoàn phần lớn chịu sự giám sát của một Chân sư cung bốn chưa được nêu danh, Chân sư "P.". Những sự thật này càng nhấn mạnh tầm quan trọng của hành tinh Sao Thủy và của sự tiếp xúc với cõi Bồ đề.

16. We might say that the Psychologists can understand and contact 'qualified points of ideation' as they exist on the buddhic plane. They understand these points or "force centers" both in themselves and in relation to other points or force centers. It is said of the Master DK that "He is profoundly learned, and knows more about the rays and planetary Hierarchies of the solar system than anyone else in the ranks of the Masters". This type of knowledge qualifies Him as an esoteric psychologist and is, perhaps, the major reason why He was responsible for introducing this esoteric science to the modern world.

16. Chúng ta có thể nói rằng các Nhà Tâm Lý Học có thể thấu hiểu và tiếp xúc với 'những điểm tạo ý tưởng mang phẩm tính xác định' như chúng hiện hữu trên cõi Bồ đề. Họ thấu hiểu những điểm hay "trung tâm mãnh lực" này cả ở chính chúng lẫn trong mối quan hệ với những điểm hay trung tâm mãnh lực khác. Có lời nói về Chân sư DK rằng "Ngài uyên bác sâu rộng, và hiểu biết về các cung cùng các Huyền Giai hành tinh của hệ mặt trời nhiều hơn bất kỳ ai khác trong hàng ngũ các Chân sư". Loại tri thức này khiến Ngài có đủ khả năng làm một nhà tâm lý học nội môn, và có lẽ là lý do chính khiến Ngài đảm trách việc giới thiệu khoa học nội môn này với thế giới hiện đại.

17. We note also that the Psychologists not only contact these force centers ('ideational points') but *assimilate* them as well as *transmit* the energy emanating from such centers. A true Esoteric Psychologist is an energy recipient, transformer and transmitter — all of these actions proceeding in a conscious manner.

17. Chúng ta cũng lưu ý rằng các Nhà Tâm Lý Học không chỉ tiếp xúc với những trung tâm mãnh lực này ('những điểm tạo ý tưởng') mà còn *đồng hóa* chúng cũng như *truyền* năng lượng phát xạ từ những trung tâm ấy. Một Nhà Tâm Lý Học Nội Môn chân chính là người tiếp nhận, chuyển đổi và truyền năng lượng — tất cả những hoạt động này đều diễn ra một cách có ý thức.

9. This ninth group will be composed of Financiers and Economists. They will work with the energies and forces which express themselves through the interchange and the values of commerce; they will deal with the Law of Supply and Demand and with the great principle of Sharing which ever governs divine purpose. They will +[40] be the great psychometrical workers, for a psychometrist is one whose soul is sensitive to the soul in others and in all forms of life. The principle of Sharing which must govern economic relations in the future is a soul quality or energy and hence their work of relating soul with soul. They also evoke the soul of the past, linking it with the present and finding it likewise indicative of the future.

9. Nhóm thứ chín này sẽ gồm các Nhà Tài Chính và các Nhà Kinh Tế Học. Họ sẽ làm việc với những năng lượng và mãnh lực biểu hiện qua sự trao đổi và các giá trị thương mại; họ sẽ xử lý Định luật Cung và Cầu cùng nguyên khí Chia Sẻ vĩ đại luôn chi phối Thiên Ý. Họ sẽ +[40] là những người hoạt động trắc tâm vĩ đại, vì người thực hành thuật trắc tâm là người có linh hồn nhạy cảm với linh hồn nơi người khác và trong mọi hình tướng của sự sống. Nguyên khí Chia Sẻ, vốn phải chi phối các mối quan hệ kinh tế trong tương lai, là một phẩm tính hay năng lượng linh hồn, và do đó công việc của họ là liên kết linh hồn với linh hồn. Họ cũng gợi lên linh hồn của quá khứ, liên kết nó với hiện tại và nhận thấy nó cũng chỉ dấu cho tương lai.

1. The number nine is associated with the third ray of Active Intelligence — a ray that has much to do with the handling of that which is called "money".

1. Con số chín gắn với cung ba của Thông Tuệ Hoạt Động — một cung liên quan rất nhiều đến việc xử lý thứ được gọi là "tiền".

2. **Financiers supply money for the purposes of manifestation. Economists are those who understand the patterns involved in the flow of money**.

2. **Các Nhà Tài Chính cung cấp tiền cho những mục đích biểu hiện. Các Nhà Kinh Tế Học là những người thấu hiểu các mô hình liên quan đến dòng lưu chuyển của tiền**.

3. Mercury again is involved, for He is the "God of Commerce".

3. Một lần nữa, Sao Thủy có liên quan, vì Ngài là "Thượng đế của Thương Mại".

4. The members of this group are involved in supervising an exchange of goods and services. This exchange is based upon a knowledge of relative values.

4. Các thành viên của nhóm này tham gia giám sát việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Sự trao đổi này dựa trên tri thức về các giá trị tương đối.

5. The more they know about the Divine Plan, the more accurately they will be able to determine the value of that which is exchanged. It is clear that **the principle of intelligence must be highly developed in them, as one would expect, because of the importance of the third ray within this group.**

5. Càng biết nhiều về Thiên Cơ, họ càng có thể xác định chính xác giá trị của những gì được trao đổi. Rõ ràng, **nguyên khí thông tuệ phải phát triển cao độ nơi họ, đúng như người ta có thể dự kiến, vì tầm quan trọng của cung ba trong nhóm này.**

6. **The purpose of commerce is to ensure that that which is needed reaches those in whom the need exists**. Goods and services are distributed (hopefully in accordance with the Divine Plan) so that the various needs of various units of life may be fulfilled. The archetypal pattern behind all this distribution is the "Divine Circulatory Flow". Aquarius is the sponsor of this flow and the Aquarian ideal of right sharing will make much progress as the work of this group advances and as the Aquarian energy strengthens.

6. **Mục đích của thương mại là bảo đảm những gì cần thiết đến được với những người có nhu cầu**. Hàng hóa và dịch vụ được phân phối (hy vọng là phù hợp với Thiên Cơ) để đáp ứng những nhu cầu khác nhau của các đơn vị sự sống khác nhau. Mô hình nguyên mẫu đằng sau toàn bộ sự phân phối này là "Dòng Tuần Hoàn Thiêng Liêng". Bảo Bình bảo trợ dòng lưu chuyển này, và lý tưởng chia sẻ đúng đắn của Bảo Bình sẽ tiến triển đáng kể khi công việc của nhóm này tiến lên và năng lượng Bảo Bình tăng cường.

7. **The Principle of Sharing governs the work of this group**. Of course, it must be a sharing based upon correct knowledge of the Plan and of those among whom the sharing occurs. Sharing must be characterized by a wise appropriateness. All goods and services are not to be distributed with exact equality, as the needs of the units within any system are various and are to be intelligently met. A strictly equal distribution will not meet those needs. Some organs of the body, for instance, need more blood than others. **A strictly equal distribution of blood to all organs irrespective of their capacity and needs would not serve the welfare of the**

7. **Nguyên khí Chia Sẻ chi phối công việc của nhóm này**. Dĩ nhiên, đó phải là sự chia sẻ dựa trên tri thức đúng đắn về Thiên Cơ và về những người tham gia vào sự chia sẻ ấy. Sự chia sẻ phải có tính thích hợp sáng suốt. Không nên phân phối mọi hàng hóa và dịch vụ hoàn toàn đồng đều, vì nhu cầu của các đơn vị trong bất kỳ hệ thống nào cũng khác nhau và cần được đáp ứng một cách thông minh. Sự phân phối hoàn toàn đồng đều sẽ không đáp ứng được những nhu cầu ấy. Chẳng hạn, một số cơ quan trong cơ thể cần nhiều máu hơn những cơ quan khác. **Phân phối máu hoàn toàn đồng đều cho mọi cơ quan, bất kể khả năng và nhu cầu của**

body.

chúng, sẽ không phục vụ sức khỏe của cơ thể

8. The "relations between the part and the whole" is a philosophical subject which may engage the thought of the members of this group. In a way, they are *systems analysts*, who must have an overview of the entire system if they are to understand how the Principle of Sharing may best be applied. Probably, no economist today (other than a hierarchical economist) has such a vision.

8. Các "mối quan hệ giữa bộ phận và tổng thể" là một chủ đề triết học có thể thu hút sự suy tư của các thành viên nhóm này. Theo một nghĩa nào đó, họ là những *nhà phân tích hệ thống*, những người phải có cái nhìn bao quát toàn bộ hệ thống nếu muốn thấu hiểu cách áp dụng Nguyên khí Chia Sẻ tốt nhất. Có lẽ ngày nay không nhà kinh tế học nào (ngoài một nhà kinh tế học thuộc Thánh đoàn) có được tầm nhìn như thế.

9. It is interesting to consider that **the worker in group nine will be "psychometrical workers" sensitive to the soul in all forms**. Why may this be? **Perhaps in order to determine the true needs of all units of life — the physical *and* spiritual needs**. DK tells us that the Principle of Sharing is a "soul quality" and, thus, the need of understanding the soul dimension in those among whom sharing is to occur. Only an *understanding of real soul values* will illuminate the best way to share.

9. Thật thú vị khi suy xét rằng **người hoạt động trong nhóm chín sẽ là "những người hoạt động trắc tâm" nhạy cảm với linh hồn trong mọi hình tướng**. Vì sao có thể như vậy? **Có lẽ để xác định những nhu cầu đích thực của mọi đơn vị sự sống — những nhu cầu hồng trần *và* tinh thần**. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Nguyên khí Chia Sẻ là một "phẩm tính linh hồn", và do đó cần thấu hiểu chiều kích linh hồn nơi những người sẽ tham gia vào sự chia sẻ. Chỉ *sự thấu hiểu những giá trị linh hồn đích thực* mới soi sáng cách chia sẻ tốt nhất.

10. We can see that **the work of this ninth group is not strictly material, though they deal with the distribution of the things by which men live. They, too, are asked to have a knowledge of esoteric psychology, and their connection with their own soul is indispensable**. The problem with modern economics is that it is not a 'soul-based-economics' and most modern economists and financiers lack sufficient soul contact to wisely oversee the responsibilities which have fallen to them.

10. Chúng ta có thể thấy rằng **công việc của nhóm thứ chín này không hoàn toàn mang tính vật chất, dù họ xử lý việc phân phối những thứ con người cần để sống. Họ cũng được yêu cầu có tri thức về Tâm Lý Học Nội Môn, và sự kết nối với linh hồn của chính họ là điều không thể thiếu**. Vấn đề của kinh tế học hiện đại là nó chưa phải một nền 'kinh tế học dựa trên linh hồn', và phần lớn các nhà kinh tế học cùng các nhà tài chính hiện đại chưa có đủ sự tiếp xúc với linh hồn để sáng suốt quán xuyến những trách nhiệm đã được giao phó cho họ.

11. When **psychometry reveals what might**

11. Khi **thuật trắc tâm làm hiển lộ điều có**

be called 'soul value', then the more material values will be properly adjusted and distribution will proceed guided by an enhanced sense of the needs of every soul.

thể gọi là 'giá trị linh hồn', thì những giá trị thiên về vật chất hơn sẽ được điều chỉnh thích đáng, và sự phân phối sẽ tiến hành dưới sự dẫn dắt của nhận thức sâu sắc hơn về nhu cầu của mỗi linh hồn.

12. Curiously, we learn of this group that "They also evoke the soul of the past, linking it with the present and finding it likewise indicative of the future". Civilization is in constant flux and progression. Old values are either preserved or discarded. Present values reflect the values the have been and those which are anticipated. Future values arise both from established values and the impending values which intuition reveals. That which is valued in society depends upon a relation between the values of the past, present and future.

12. Điều đáng chú ý là chúng ta được biết về nhóm này rằng "Họ cũng gợi lên linh hồn của quá khứ, liên kết nó với hiện tại và nhận thấy nó cũng chỉ dấu cho tương lai". Nền văn minh không ngừng biến đổi và tiến triển. Những giá trị cũ hoặc được giữ gìn, hoặc bị loại bỏ. Những giá trị hiện tại phản ánh các giá trị đã từng tồn tại và những giá trị đang được mong đợi. Những giá trị tương lai phát sinh từ cả các giá trị đã được xác lập lẫn các giá trị sắp đến mà trực giác làm hiển lộ. Những gì xã hội coi trọng tùy thuộc vào mối quan hệ giữa các giá trị của quá khứ, hiện tại và tương lai.

13. In a very practical manner, the Financiers and Economists are involved in determining which materialized values of the past should be preserved, and which manifestations (to embody emerging values) should be precipitated. Their work in relation to values can become extremely tangible. They often determine, for instance, which buildings from the past will be preserved and which of many possible new buildings will be built. All this depends upon the prevalent balance of values in society.

13. Theo một cách rất thực tế, các Nhà Tài Chính và các Nhà Kinh Tế Học tham gia xác định những giá trị nào của quá khứ đã hiện hình cần được gìn giữ, và những biểu hiện nào (để hiện thân cho các giá trị đang xuất hiện) cần được ngưng tụ. Công việc của họ liên quan đến các giá trị có thể trở nên hết sức cụ thể. Chẳng hạn, họ thường quyết định những công trình nào từ quá khứ sẽ được bảo tồn và những công trình mới nào trong số nhiều khả năng sẽ được xây dựng. Tất cả những điều này tùy thuộc vào thế cân bằng hiện hành giữa các giá trị trong xã hội.

14. It is instructive to realize how much of soul culture is required if the workers in this apparently materialistic field are to perform their duties properly.

14. Thật hữu ích khi nhận ra cần phải vun bồi linh hồn đến mức nào để những người hoạt động trong lĩnh vực có vẻ thiên về vật chất này có thể thực hiện đúng đắn bổn phận của mình.

10. This is the group of Creative Workers. They are communicators between the third

10. Đây là nhóm những Người Hoạt Động Sáng Tạo. Họ là những người truyền đạt giữa

aspect of Divinity, the Creative Aspect — as it expresses itself through the creative work and in response to the thought world — and the first aspect, Life. **They link and blend life and form creatively**. They are closely related to the ninth group because today, unknowingly and without any true understanding, they are bringing about a concretisation of the energy of desire; this in its turn brings about the creation of things. **Incidentally, therefore, they are concerned with the concretisation of money.** Their work is also largely philosophical and concerned with the task of relating — factually and scientifically — the other nine types of groups **so that they may work creatively upon the physical plane and the divine Plan may clearly appear as a result of this synthesis which they bring about.**

phương diện thứ ba của Thiên tính, Phương diện Sáng Tạo — khi phương diện này biểu hiện qua công việc sáng tạo và đáp ứng với thế giới tư tưởng — với phương diện thứ nhất, Sự Sống. **Họ liên kết và hòa phối sự sống với hình tướng một cách sáng tạo**. Họ liên hệ mật thiết với nhóm thứ chín vì ngày nay, một cách vô thức và không có sự thấu hiểu thực sự, họ đang tạo ra sự cụ thể hóa năng lượng dục vọng; đến lượt nó, điều này dẫn đến việc tạo ra các sự vật. **Do đó, họ cũng đồng thời liên quan đến việc cụ thể hóa tiền.** Công việc của họ cũng phần lớn mang tính triết học và liên quan đến nhiệm vụ liên kết — một cách thực tế và khoa học — chín loại nhóm kia **để các nhóm ấy có thể hoạt động sáng tạo trên cõi hồng trần và Thiên Cơ có thể hiển lộ rõ ràng như kết quả của sự tổng hợp mà họ tạo nên.**

1. We come at last to the tenth and most synthetic group. Whereas the other groups are to have, initially, nine members**, the final group is to have twenty-seven — three from each of the former groups.**

1. Cuối cùng, chúng ta đến với nhóm thứ mười, nhóm có tính tổng hợp cao nhất. Trong khi các nhóm khác ban đầu sẽ có chín thành viên**, nhóm cuối cùng sẽ có hai mươi bảy — ba người từ mỗi nhóm trước đó.**

2. **This group links the third and first aspects of divinity**.

2. **Nhóm này liên kết phương diện thứ ba và phương diện thứ nhất của thiên tính**.

3. Artistic work may be included within the scope of group ten, but **the creativity here discussed is much wider than artistic work, strictly speaking.**

3. Công việc nghệ thuật có thể nằm trong phạm vi của nhóm mười, nhưng **sự sáng tạo được bàn đến ở đây rộng lớn hơn nhiều so với công việc nghệ thuật theo nghĩa chặt chẽ.**

4. The group is concerned with the creative linking and blending of life and form**. One of the planes of importance in relation to their work is the atmic plane, being a plane through which both the first and third aspects of divinity naturally express**.

4. Nhóm này quan tâm đến việc liên kết và hòa phối sự sống với hình tướng một cách sáng tạo**. Một trong những cõi có tầm quan trọng đối với công việc của họ là cõi atma, vì đây là cõi mà cả phương diện thứ nhất lẫn phương diện thứ ba của thiên tính đều biểu hiện một cách tự nhiên**.

5. This group is closely linked to the ninth group, but, in a way, has a more concrete and precipatory function. **This tenth group is a vehicle of expression for the seventh ray (as well as the third), and its power to precipitate depends upon this ray which links the "highest" and the "lowest**".

5. Nhóm này liên kết mật thiết với nhóm thứ chín, nhưng theo một nghĩa nào đó, có chức năng cụ thể hơn và thiên về sự ngưng tụ hơn. **Nhóm thứ mười này là một hiện thể biểu hiện của cung bảy (cũng như cung ba), và quyền năng ngưng tụ của nó tùy thuộc vào cung này, cung liên kết cái "cao nhất" với cái "thấp nhất**".

6. Members of this group bring about a "concretisation of the energy of desire" which, today, works out in the "creation of things". **Desire may remain fluid and unspecified in its aim, but under the influence of the seventh ray, its objectives become more specific and its attractive power is directed towards materialization**.

6. Các thành viên của nhóm này tạo ra "sự cụ thể hóa năng lượng dục vọng", mà ngày nay biểu hiện thành "việc tạo ra các sự vật". **Dục vọng có thể vẫn linh động và chưa xác định rõ mục tiêu, nhưng dưới ảnh hưởng của cung bảy, các mục tiêu của nó trở nên cụ thể hơn và sức thu hút của nó hướng đến sự hiện hình**.

7. Through the concretization of money, Group Ten is related to Group Nine (which, it seems, is **more concerned with issues of soul values and the assessment of energy patterns which determine sharing**). Group Ten, however, is involved in the magical process which *actually* brings things into precipitation.

7. Qua việc cụ thể hóa tiền, Nhóm Mười liên hệ với Nhóm Chín (nhóm dường như **quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề về giá trị linh hồn và việc đánh giá các mô hình năng lượng quyết định sự chia sẻ**). Tuy nhiên, Nhóm Mười tham gia vào tiến trình huyền thuật *thực sự* đưa các sự vật vào sự ngưng tụ.

8. **The philosophical duties of Group Ten relate it to the third ray**. The "Factor of Synthesis" (usually connected with the first ray) is of considerable importance in the functioning of this group. **Members of the tenth group are to organize, coordinate, and synthesize the interplay of the other nine groups, bringing the fruits of this synthesized interplay into manifestation**. If this can be done, a miniature replica of the Divine Plan will appear on Earth.

8. **Các nhiệm vụ triết học của Nhóm Mười liên kết nhóm này với cung ba**. Yếu tố "Tổng Hợp" (thường gắn với cung một) có tầm quan trọng đáng kể trong hoạt động của nhóm này. **Các thành viên của nhóm thứ mười phải tổ chức, phối hợp và tổng hợp sự tương tác của chín nhóm còn lại, đưa thành quả của sự tương tác đã được tổng hợp này vào biểu hiện**. Nếu có thể thực hiện điều này, một bản sao thu nhỏ của Thiên Cơ sẽ xuất hiện trên Trái Đất.

9. We can see, therefore, that the task of Group Ten is one of *consummation,* and, indeed, the seventh ray is the

9. Do đó, chúng ta có thể thấy rằng nhiệm vụ của Nhóm Mười là *hoàn tất,* và quả thật, cung bảy là cung mang lại sự hoàn tất.

consummatory ray.

10. We may expect that the other groups must be well into the expression of their duties and qualities before the full task of the Creative Workers can be expressed.

10. Chúng ta có thể dự liệu rằng các nhóm khác phải tiến khá xa trong việc thể hiện các nhiệm vụ và phẩm tính của mình trước khi toàn bộ nhiệm vụ của Những Người Hoạt Động Sáng Tạo có thể được thể hiện.

11. **It should be especially important for the Laws of White Magic to be in the possession of the Creative Workers,** for **their task is a coordinated, creative precipitation of that which all Ashrams and their representative groups intend in concert**.

11. **Việc Những Người Hoạt Động Sáng Tạo nắm vững các Định luật Chánh Thuật hẳn phải đặc biệt quan trọng,** vì **nhiệm vụ của họ là thực hiện sự ngưng tụ có phối hợp và sáng tạo đối với những gì mà tất cả các ashram cùng các nhóm đại diện của mình đồng lòng dự định**.

12. In relation to this group, "The Highest and the Lowest Meet". The Creative Workers must not only be cognizant of Divine Purpose (broadly considered as it manifests through all Ashrams), but sufficiently practical to bring the intended patterns into manifestation despite the resistance of the "ancient fires". This will require considerable *magical* skill in action.

12. Trong mối liên hệ với nhóm này, "Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất Gặp Nhau". Những Người Hoạt Động Sáng Tạo không chỉ phải nhận biết Thiên Ý (xét theo nghĩa rộng qua sự biểu hiện của Thiên Ý xuyên qua tất cả các ashram), mà còn phải đủ thực tế để đưa những mô hình đã dự định vào biểu hiện bất chấp sự kháng cự của "những ngọn lửa cổ xưa". Điều này đòi hỏi kỹ năng *huyền thuật* đáng kể trong hành động.

III. These groups are also an externalisation of an inner existing condition. They are an effect and not a cause. That they themselves may have an initiatory effect (as they work out into manifestation upon the physical plane) is no doubt true; but they are themselves the product of an inner activity and of a subjective aggregation of forces which must perforce become objective. The work of the disciples who find their place in these various groups is to keep in close rapport with ten inner groups which form, nevertheless, one large active group.

III. Các nhóm này cũng là sự ngoại hiện của một tình trạng hiện hữu bên trong. Chúng là một kết quả chứ không phải một nguyên nhân. Chính chúng có thể tạo ra tác động khởi phát (khi dần biểu hiện trên cõi hồng trần), điều đó hẳn là đúng; nhưng bản thân chúng là sản phẩm của một hoạt động bên trong và của một sự tập hợp các mãnh lực mang tính chủ quan vốn tất yếu phải trở thành khách quan. Công việc của các đệ tử tìm được vị trí của mình trong những nhóm khác nhau này là duy trì sự giao cảm mật thiết với mười nhóm bên trong, vốn vẫn hợp thành một nhóm hoạt động lớn duy nhất.

1. The Seed Groups are considered in relation

1. Các Nhóm hạt giống được xem xét trong

to cause and effect.

2. That they are causative is doubtlessly true, for their appearance will bring about great changes in humanity's approach to the spiritual realities of life.

3. However, the groups are a precipitation of 'inner groups' already existent. Within the various Ashrams, inner groups which are the prototypes of the outer Seed Groups are already organized and potent.

4. Therefore, the Seed Groups do not have to be *invented* or *creatively designed*; their prototypes exist. What is required of Seed Group members is alignment with those inner Ashramic groups, and faithful precipitation of the patterns which already inwardly exist.

5. The inner personnel far outnumber the disciples on the outer plane who are trying to assist in the emergence of the Seed Groups. The outer disciples' task of precipitation requires a close meditative alignment with the inner groups so that that which is precipitated may be faithful to the inner pattern.

6. It is interesting to realize that, just as the first nine Seed Groups are synthesized by the tenth, so all the inner groups are really but "one large active group", subjectively existent. This large inner group is a kind of subjective replica of the entirety of the Spiritual Hierarchy. The many lines of service emanating from Hierarchy can find rather full expression in this large inner group which expresses through ten inner groups which, in turn, express through ten

mối liên hệ với nguyên nhân và kết quả.

2. Các nhóm này có vai trò tạo nguyên nhân là điều chắc chắn đúng, vì sự xuất hiện của chúng sẽ mang lại những thay đổi lớn trong cách nhân loại tiếp cận các thực tại tinh thần của sự sống.

3. Tuy nhiên, các nhóm là sự ngưng tụ của 'những nhóm bên trong' vốn đã hiện hữu. Trong các ashram khác nhau, những nhóm bên trong vốn là nguyên mẫu của các Nhóm hạt giống bên ngoài đã được tổ chức và có quyền năng mạnh mẽ.

4. Do đó, không cần phải *phát minh* hay *thiết kế một cách sáng tạo* các Nhóm hạt giống; các nguyên mẫu của chúng đã hiện hữu. Điều đòi hỏi ở các thành viên Nhóm hạt giống là chỉnh hợp với những nhóm ashram bên trong ấy, và ngưng tụ một cách trung thực những mô hình vốn đã hiện hữu bên trong.

5. Số nhân sự bên trong vượt xa số đệ tử trên cõi bên ngoài đang cố gắng hỗ trợ sự xuất hiện của các Nhóm hạt giống. Các đệ tử bên ngoài có nhiệm vụ ngưng tụ, và nhiệm vụ này đòi hỏi sự chỉnh hợp mật thiết qua tham thiền với các nhóm bên trong, để những gì ngưng tụ có thể trung thực với mô hình bên trong.

6. Thật thú vị khi nhận ra rằng, cũng như chín Nhóm hạt giống đầu tiên được nhóm thứ mười tổng hợp, tất cả các nhóm bên trong thực ra cũng chỉ là "một nhóm hoạt động lớn duy nhất", hiện hữu một cách chủ quan. Nhóm lớn bên trong này là một dạng bản sao chủ quan của toàn thể Thánh đoàn. Nhiều đường hướng phụng sự phát xuất từ Thánh đoàn có thể tìm được sự biểu hiện khá đầy đủ trong nhóm lớn bên trong này; nhóm này biểu hiện qua mười nhóm bên trong, rồi

outer groups — the Seed Groups upon the physical plane. (The Seed Groups, considered as complete units, are composed of *both* inner and outer workers.)

đến lượt mình, các nhóm ấy biểu hiện qua mười nhóm bên ngoài — các Nhóm hạt giống trên cõi hồng trần. (Xét như những đơn vị hoàn chỉnh, các Nhóm hạt giống bao gồm *cả* những người hoạt động bên trong lẫn bên ngoài.)

7. The important thing to realize is that the model exists and the outlines of the model are clear. The entire Seed Group Project is a hierarchical project, and the human beings involved in it are simply taking their place within a pre-conceived *design* which is part of the Divine Plan.

7. Điều quan trọng cần nhận ra là mô hình đã hiện hữu và những đường nét của mô hình đã rõ ràng. Toàn bộ Dự Án Nhóm hạt giống là một dự án của Thánh đoàn, và những người tham gia chỉ đơn giản đảm nhận vị trí của mình trong một *thiết kế* đã được hình thành từ trước, vốn là một phần của Thiên Cơ.

This group force will then pour through all the various groups just in so far as the disciples in the groups do the following things as a group:

Khi ấy, mãnh lực nhóm này sẽ tuôn qua tất cả các nhóm khác nhau, tùy theo mức độ các đệ tử trong các nhóm cùng thực hiện những điều sau đây với tư cách một nhóm:

1. Keep en rapport with the inner source of power.

1. Duy trì sự giao cảm với nguồn quyền năng bên trong.

1. We are here speaking of the methods of empowerment of the outer groups. Inner groups exist, but their effect upon the outer groups has certain requirements.

1. Ở đây, chúng ta đang nói về những phương pháp tiếp truyền quyền năng cho các nhóm bên ngoài. Các nhóm bên trong hiện hữu, nhưng để tạo tác động lên các nhóm bên ngoài thì cần đáp ứng một số yêu cầu nhất định.

2. We must not forget from whence originates the *power* which animates the outer Seed Groups. No Seed Group lives unto itself, nor is any human being, per se, *directing* the formation and development of a Seed Group. These groups are hierarchically sponsored and the power to sustain them comes from Hierarchy.

2. Chúng ta không được quên nguồn gốc của *quyền năng* làm sinh động các Nhóm hạt giống bên ngoài. Không Nhóm hạt giống nào sống chỉ cho riêng mình, cũng không phải chính một người nào *chỉ đạo* sự hình thành và phát triển của một Nhóm hạt giống. Thánh đoàn bảo trợ các nhóm này, và quyền năng duy trì chúng đến từ Thánh đoàn.

3. The methods of rapport necessarily involve visualization, meditation and the use of the antahkarana. The attempt to

3. Các phương pháp giao cảm tất yếu bao gồm sự hình dung, tham thiền và việc sử dụng antahkarana. Nỗ lực thực hiện một

faithfully carry out the objectives of the outer Seed Group (as conceived within the inner groups) will also strengthen the rapport.

cách trung thực các mục tiêu của Nhóm hạt giống bên ngoài (như đã được hình thành trong các nhóm bên trong) cũng sẽ củng cố sự giao cảm.

2. Never lose sight of the group objective. [41]

2. Không bao giờ quên mục tiêu của nhóm. [41]

1. In all group work, many distractions are possible. The members must avoid all tendencies to descend into individualism.

1. Trong mọi công việc nhóm, có thể xảy ra nhiều sự xao lãng. Các thành viên phải tránh mọi khuynh hướng sa vào chủ nghĩa cá nhân.

2. There is a hierarchically intended purpose at the core of each of the ten Seed Groups. This purpose must become, for each group member, the overweening super-objective. When the 'eye' is taken off the project, the project falls apart. The integrity of the entire process requires the focussed eye — the individual eye and the 'group eye'.

2. Cốt lõi của mỗi Nhóm trong mười Nhóm hạt giống đều có một mục đích do Thánh đoàn định ra. Đối với mỗi thành viên nhóm, mục đích này phải trở thành mục tiêu tối cao, bao trùm tất cả. Khi 'con mắt' rời khỏi dự án, dự án sẽ tan rã. Tính toàn vẹn của toàn bộ tiến trình đòi hỏi con mắt tập trung — con mắt cá nhân và 'con mắt nhóm'.

3. Cultivate the dual capacity to apply the laws of the soul to the individual life and the laws of the group to group life.

3. Trau dồi năng lực kép: áp dụng các định luật của linh hồn vào đời sống cá nhân và các định luật của nhóm vào đời sống nhóm.

1. Two sets of laws guide the group member, just as there are two sets of Rules for approach to initiation.

1. Hai hệ thống định luật hướng dẫn thành viên nhóm, cũng như có hai bộ Quy Luật để tiếp cận điểm đạo.

2. Members of the Seed Groups are not absolved of their responsibilities as individuals simply because their understanding and application of group laws becomes increasingly important. Both are required.

2. Các thành viên của các Nhóm hạt giống không được miễn những trách nhiệm cá nhân chỉ vì việc thấu hiểu và áp dụng các định luật nhóm ngày càng trở nên quan trọng. Cả hai đều cần thiết.

3. In a way, the members of the Seed Groups must become proficient in the understanding and application of *all 28 Rules.* As well, the seven Laws of the Soul are to be mastered and applied.

3. Theo một nghĩa nào đó, các thành viên của các Nhóm hạt giống phải trở nên thành thạo trong việc thấu hiểu và áp dụng *tất cả 28 Quy Luật.* Đồng thời, họ cũng phải nắm vững và áp dụng bảy Định luật của Linh Hồn.

4. There are two levels of responsibility: one pertains to the third aspect and is individual; the other pertains to the second aspect and relates to group life and group progress.

4. Có hai cấp độ trách nhiệm: một thuộc phương diện thứ ba và mang tính cá nhân; cấp độ kia thuộc phương diện thứ hai và liên quan đến đời sống nhóm cùng sự tiến bộ của nhóm.

5. Just as on our planet the third and second aspect are slowly merging, so in the life of the disciple, the responsibility to understand the requirements of both aspects of divinity (the third and the second) continues to exist and demand attention.

5. Cũng như trên hành tinh chúng ta, phương diện thứ ba và thứ hai đang dần hòa nhập, trong đời sống của đệ tử, trách nhiệm thấu hiểu các yêu cầu của cả hai phương diện thiên tính (thứ ba và thứ hai) vẫn tiếp tục tồn tại và đòi hỏi sự chú tâm.

4. Use all the forces which may flow into the group in service; they must learn, therefore, to register those forces and use them correctly. The hints given below as to the centres which these ten groups will use must be studied. The right use of these centres will take place only when there is a greater group unity established among the members of the individual groups and among the groups as a whole. You ask why is this so, my brothers? Because the force flowing in might prove too strong for the individual disciple to handle alone, but the force is shared by the group if there is complete group at-one-ment.

4. Sử dụng mọi mãnh lực có thể tuôn vào nhóm để phụng sự; do đó, họ phải học cách ghi nhận những mãnh lực ấy và sử dụng chúng đúng đắn. Cần nghiên cứu những gợi ý dưới đây về các trung tâm mà mười nhóm này sẽ sử dụng. Chỉ khi các thành viên trong từng nhóm và toàn thể các nhóm thiết lập được sự hợp nhất nhóm lớn hơn thì mới có thể sử dụng các trung tâm này một cách đúng đắn. Các huynh đệ của Tôi, các bạn hỏi vì sao lại như vậy? Vì mãnh lực tuôn vào có thể quá mạnh, khiến một đệ tử riêng lẻ không thể tự mình xử lý, nhưng nếu nhóm đạt sự nhất thể hoàn toàn thì cả nhóm sẽ cùng chia sẻ mãnh lực ấy.

1. Forces will flow into the group and they must be correctly handled. The first step (after detecting the inflowing forces) is to ensure that they are used *in service.*

1. Các mãnh lực sẽ tuôn vào nhóm và cần được xử lý đúng đắn. Bước đầu tiên (sau khi phát hiện các mãnh lực đang tuôn vào) là bảo đảm sử dụng chúng *để phụng sự.*

2. DK offers some "hints" concerning what kinds of forces flow into the various groups through the chakras of the individuals in the group. Why are DK's statements concerning the chakras involved considered "hints"? Probably because they subtly imply so much about the functioning of each of the groups.

2. Chân sư DK đưa ra một số "gợi ý" về những loại mãnh lực tuôn vào các nhóm khác nhau qua các luân xa của những cá nhân trong nhóm. Vì sao những phát biểu của Chân sư DK về các luân xa liên quan lại được xem là "gợi ý"? Có lẽ vì chúng hàm ý một cách tinh tế rất nhiều điều về hoạt động của từng nhóm.

3. The right flow of energy between the indicated chakras will not simply occur as a matter of course. Group unity and harmony are prerequisites, and each group member has his/her responsibility in the production of that group unity and harmony.

4. Not only must the members of the various groups be unified and harmonized with each other, but the *groups themselves* must be unified and harmonized with the other groups among the ten. Only then will right adjustment be possible and will energy and force flow correctly and safely.

5. There is a factor of safety to be considered. Inflowing forces might overwhelm the individual group member if the Law of Group Sharing were not in effect. But it is not enough simply for the group members to *desire* to share the incoming forces. They must do the necessary work upon themselves — both microcosmically and in relation to the entire group. A condition of "complete group at-one-ment" must supervene if the resultant sharing is to be both correct and safe. This, obviously, will take time and must proceed through several stages, beginning with the microcosmic stages. The Tibetan took plenty of time with the education of the personnel He gathered into the initial groups. When the experiment was disbanded, the groups had not yet reached a point of *group usefulness,* although the individual members of the various groups may have made some individual progress and increased their *individual* usefulness.

6. We can see what patience and wise supervision are needed if Seed Groups, as here detailed, are to become a serviceable

3. Dòng năng lượng đúng đắn giữa các luân xa được chỉ ra sẽ không đơn giản tự nhiên diễn ra. Sự hợp nhất và hài hòa của nhóm là những điều kiện tiên quyết, và mỗi thành viên nhóm đều có trách nhiệm tạo nên sự hợp nhất và hài hòa ấy.

4. Không chỉ các thành viên của những nhóm khác nhau phải hợp nhất và hài hòa với nhau, mà *chính các nhóm* cũng phải hợp nhất và hài hòa với những nhóm khác trong mười nhóm. Chỉ khi ấy mới có thể có sự điều chỉnh đúng đắn, và năng lượng cùng mãnh lực mới tuôn chảy đúng đắn và an toàn.

5. Có một yếu tố an toàn cần xem xét. Các mãnh lực tuôn vào có thể lấn át từng thành viên nhóm nếu Định luật Chia Sẻ Nhóm không có hiệu lực. Nhưng việc các thành viên nhóm chỉ đơn thuần *mong muốn* chia sẻ những mãnh lực đang tuôn vào là chưa đủ. Họ phải thực hiện công việc cần thiết đối với bản thân — cả ở cấp tiểu thiên địa lẫn trong mối liên hệ với toàn thể nhóm. Một trạng thái "nhất thể hoàn toàn của nhóm" phải hình thành để sự chia sẻ từ đó trở nên vừa đúng đắn vừa an toàn. Hiển nhiên, điều này sẽ cần thời gian và phải tiến qua nhiều giai đoạn, bắt đầu từ các giai đoạn tiểu thiên địa. Chân sư Tây Tạng đã dành rất nhiều thời gian để giáo dục những nhân sự mà Ngài tập hợp vào các nhóm ban đầu. Khi cuộc thử nghiệm chấm dứt, các nhóm vẫn chưa đạt đến mức *hữu dụng với tư cách nhóm,* dù từng thành viên trong các nhóm khác nhau có thể đã tiến bộ phần nào về mặt cá nhân và gia tăng tính hữu dụng *cá nhân* của mình.

6. Chúng ta có thể thấy cần đến sự kiên nhẫn và giám sát minh triết đến mức nào để các Nhóm hạt giống, như được trình bày chi tiết ở đây, trở thành một thực tại có khả năng

reality in the life of humanity.

phụng sự trong đời sống nhân loại.

7. There is little that we can do to reform the Seed Groups. In fact, the Tibetan asked that we not do so. But we can study their nature and understand their value, and learn to build thoughts in relation to their objectives. These thoughts may one day contribute to the reactivation of the Seed Groups under the correct hierarchical supervision.

7. Chúng ta có thể làm rất ít để tái lập các Nhóm hạt giống. Thực ra, Chân sư Tây Tạng đã yêu cầu chúng ta đừng làm như vậy. Nhưng chúng ta có thể nghiên cứu bản chất của chúng, thấu hiểu giá trị của chúng và học cách xây dựng những tư tưởng liên quan đến các mục tiêu của chúng. Một ngày nào đó, những tư tưởng này có thể góp phần tái kích hoạt các Nhóm hạt giống dưới sự giám sát đúng đắn của Thánh đoàn.

In this way, each disciple can serve the group and his objective eventually becomes:

Bằng cách này, mỗi đệ tử có thể phụng sự nhóm, và cuối cùng mục tiêu của y trở thành:

a. At-one-ment with his group brothers.

a. Nhất thể với các huynh đệ trong nhóm.

b. Alignment with his soul and with the inner group which is the subjective cause of the outer groups.

b. Chỉnh hợp với linh hồn của mình và với nhóm bên trong vốn là nguyên nhân chủ quan của các nhóm bên ngoài.

c. The expression of the particular technique which his group should eventually embody.

c. Biểu hiện kỹ thuật đặc thù mà nhóm của y cuối cùng phải thể hiện.

1. The requirements are simple though exacting: at-one-ment, alignment and expression.

1. Các yêu cầu tuy đơn giản nhưng khắt khe: nhất thể, chỉnh hợp và biểu hiện.

2. Love and wisdom are required for at-one-ment. Alignment with one's own soul is required before there can be right alignment with the inner groups.

2. Sự nhất thể đòi hỏi tình thương và minh triết. Sự chỉnh hợp với chính linh hồn mình là điều cần thiết trước khi có thể chỉnh hợp đúng đắn với các nhóm bên trong.

3. As for the techniques, the Tibetan was in process of teaching some of them when He saw fit to terminate the experiment. A number of them were exceedingly occult, and we would not "happen upon them" simply by using our normal powers of thought. We can imagine what such techniques might be, but the true techniques

3. Về các kỹ thuật, Chân sư Tây Tạng đang giảng dạy một số kỹ thuật ấy thì Ngài thấy cần chấm dứt cuộc thử nghiệm. Một số kỹ thuật mang tính huyền bí rất sâu sắc, và chúng ta sẽ không "tình cờ tìm ra chúng" chỉ bằng cách sử dụng những năng lực tư duy thông thường của mình. Chúng ta có thể hình dung những kỹ thuật ấy có thể là gì,

must be hierarchically imparted, for they reflect the inner ashramically-related groups from which the outer groups derive. The creative imagination may be useful when Seed Group members try to understand what they may do, but in relation to the assimilation and utilization of occult techniques, *direct hierarchical instruction* is the safest and most reliable procedure.

nhưng Thánh đoàn phải truyền dạy các kỹ thuật chân thực, vì chúng phản ánh những nhóm bên trong có liên hệ với ashram mà từ đó các nhóm bên ngoài phát sinh. Sự tưởng tượng sáng tạo có thể hữu ích khi các thành viên Nhóm hạt giống cố gắng thấu hiểu những gì họ có thể làm, nhưng đối với việc tiếp thu và sử dụng các kỹ thuật huyền bí, *sự huấn thị trực tiếp của Thánh đoàn* là phương thức an toàn và đáng tin cậy nhất.

The groups will use the following centres in their work:

Các nhóm sẽ sử dụng những trung tâm sau đây trong công việc:

1. It will be obvious that the individual members of each of the following groups work with *all* the chakras.

1. Hiển nhiên, từng thành viên của mỗi nhóm sau đây đều làm việc với *tất cả* các luân xa.

2. The chakras listed for each group, however, have a distinct connection with the most characteristic tasks of that particular group.

2. Tuy nhiên, những luân xa được liệt kê cho mỗi nhóm có mối liên hệ rõ rệt với các nhiệm vụ đặc trưng nhất của nhóm cụ thể ấy.

3. In some cases the choice of the chakras involved is obvious. In other cases, the choice may seem more subtle, and we may wonder why other chakras were not chosen.

3. Trong một số trường hợp, việc lựa chọn các luân xa liên quan là hiển nhiên. Trong những trường hợp khác, sự lựa chọn có thể dường như tinh tế hơn, và chúng ta có thể tự hỏi vì sao những luân xa khác không được chọn.

Group 1. — The head, heart and throat centres.

Nhóm 1. — Các trung tâm đầu, tim và cổ họng.

1. We note that **the head center is always involved, no matter what may be the group under discussion**.

1. Chúng ta lưu ý rằng **trung tâm đầu luôn tham gia, bất kể đang bàn đến nhóm nào**.

2. When the head center is indicated**, it must be assumed that the twelve-petalled "heart within in the head" is also involved**.

2. Khi trung tâm đầu được chỉ ra**, phải hiểu rằng trung tâm mười hai cánh "tim trong đầu" cũng tham gia**.

3. **The type of meditation undertaken in the Seed Group work is always *occult***

3. **Loại tham thiền được thực hành trong công việc Nhóm hạt giống luôn là tham**

meditation which **requires the use of the crown chakra.**

4. The Telepathic Communicators require the use of the first three rays — willing, unifying and communicating. **The centers most associated with these three rays are head, heart and throat, respectively.**

5. **The throat center will relate to *mental* telepathy; the heart center to *soul* telepathy; the head center to *soul* and *triadal* telepathy (through which the Divine Plan may be impressed).** (Of what monadic telepathy might be, it would be difficult to speak. Perhaps there is no need for it as all monads are essentially one.)

6. Head, heart and throat are the archetypal centers and thus it is not surprising to see them represented in this first and most archetypal of the ten groups.

7. We may wonder why the ajna center is not involved, for clearly, it is indicated in the telepathic process — both in the reception and transmission of thought. We do know it cannot be eliminated.

8. A definitive answer to this question will, therefore, have to be deferred.

Group 2. — The head, heart and solar plexus centres.

1. The second group is that of the Trained Observers.

2. Their task is to overcome glamor and illusion, and to link the plane of pure reason, the buddhic plane, with the astral plane.

thiền *huyền bí* và **đòi hỏi sử dụng luân xa đỉnh đầu.**

4. Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm cần sử dụng ba cung đầu tiên — vận dụng ý chí, hợp nhất và giao tiếp. **Các trung tâm gắn bó mật thiết nhất với ba cung này lần lượt là đầu, tim và cổ họng.**

5. **Trung tâm cổ họng sẽ liên quan đến viễn cảm *trí tuệ*; trung tâm tim liên quan đến viễn cảm *linh hồn*; trung tâm đầu liên quan đến viễn cảm *linh hồn* và *Tam nguyên tinh thần* (qua đó Thiên Cơ có thể được truyền ấn tượng).** (Khó có thể nói viễn cảm chân thần có thể là gì. Có lẽ không cần đến nó, vì về bản chất mọi chân thần đều là một.)

6. Đầu, tim và cổ họng là các trung tâm nguyên mẫu, vì thế không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy chúng hiện diện trong nhóm đầu tiên và mang tính nguyên mẫu nhất trong mười nhóm này.

7. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao trung tâm ajna không tham gia, vì rõ ràng trung tâm này có vai trò trong tiến trình viễn cảm — cả trong việc tiếp nhận lẫn truyền tư tưởng. Chúng ta biết chắc rằng không thể loại bỏ nó.

8. Do đó, câu trả lời dứt khoát cho câu hỏi này sẽ phải chờ lại sau.

Nhóm 2. — Các trung tâm đầu, tim và tùng thái dương.

1. Nhóm thứ hai là nhóm Các Nhà Quan Sát Lão Luyện.

2. Nhiệm vụ của họ là khắc phục ảo cảm và ảo tưởng, đồng thời liên kết cõi lý trí thuần khiết, tức cõi Bồ đề, với cõi cảm dục.

3. Apart from the obligatory head center, the heart center (and especially the heart within the head) is the chakra linked with buddhi and the plane of intuition. **The solar plexus center (normally associated with the sixth ray) is, of course, related to the astral plane which is the major plane of glamor.**

4. We can understand that the interplay between heart and solar plexus (representing the interplay between the buddhic and astral planes) is required in this group.

Group 3. — The head, heart and ajna centres.

1. The Magnetic Healers constitute the third group.

2. **The heart center is necessarily involved because healing is the great second ray art, despite the fact that those upon each ray have particular healing techniques suitable for their use**.

3. A number of healing techniques given by the Tibetan involve the ajna center, but it is listed, in general, because is that particular chakra through which energy is *directed* to particular areas within the energy system. The healer's art consists of knowing which centers are to be vitalized and towards and from which centers energy is to be directed. The art of visualization related to the ajna center is obviously involved.

Group 4. — The head, ajna and throat centres.

1. The fourth group is composed of the

3. Ngoài trung tâm đầu vốn bắt buộc phải tham gia, trung tâm tim (và đặc biệt là tim trong đầu) là luân xa liên kết với Bồ đề và cõi trực giác. **Dĩ nhiên, trung tâm tùng thái dương (thường gắn với cung sáu) liên quan đến cõi cảm dục, vốn là cõi chủ yếu của ảo cảm.**

4. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng nhóm này cần đến sự tương tác giữa tim và tùng thái dương (đại diện cho sự tương tác giữa cõi Bồ đề và cõi cảm dục).

Nhóm 3. — Các trung tâm đầu, tim và ajna.

1. Các Nhà Trị Liệu Từ Tính hợp thành nhóm thứ ba.

2. **Trung tâm tim tất yếu phải tham gia vì trị liệu là nghệ thuật vĩ đại của cung hai, dù những người thuộc mỗi cung đều có những kỹ thuật trị liệu đặc thù thích hợp để sử dụng**.

3. Một số kỹ thuật trị liệu do Chân sư Tây Tạng truyền dạy có sử dụng trung tâm ajna, nhưng nhìn chung, trung tâm này được liệt kê vì đó chính là luân xa qua đó năng lượng được *định hướng* đến những khu vực cụ thể trong hệ thống năng lượng. Người trị liệu thực hành nghệ thuật của mình bằng cách biết những trung tâm nào cần được tiếp sinh lực, và năng lượng cần được định hướng đến và từ những trung tâm nào. Hiển nhiên, nghệ thuật hình dung liên quan đến trung tâm ajna cũng tham gia.

Nhóm 4. — Các trung tâm đầu, ajna và cổ họng.

1. Nhóm thứ tư gồm Các Nhà Giáo Dục của

Educators of the New Age.

Kỷ Nguyên Mới.

2. **This is one of two groups in which the ajna center is involved, and also one of two groups in which the heart center is *not.*** (The group of Scientific Servers is the other.) It cannot be said, however, that an activated heart center is not useful to the new type of educator.

2. **Đây là một trong hai nhóm có trung tâm ajna tham gia, đồng thời cũng là một trong hai nhóm mà trung tâm tim *không tham gia.*** (Nhóm Những Người Phụng Sự Khoa Học là nhóm còn lại.) Tuy nhiên, không thể nói rằng một trung tâm tim đã được kích hoạt lại không hữu ích đối với kiểu nhà giáo dục mới.

3. **The main occult procedure for this group involves the building and utilization of the antahkarana from the fourth subplane of the lower mental plane** (whereon is located the "mental unit") to the manasic permanent atom on the first subplane of the higher mental plane.

3. **Phương thức huyền bí chủ yếu của nhóm này bao gồm việc xây dựng và sử dụng antahkarana từ cõi phụ thứ tư của cõi hạ trí** (nơi có "đơn vị hạ trí") đến nguyên tử trường tồn manas trên cõi phụ thứ nhất của Cõi thượng trí.

4. Both Mercury and Venus are involved in this process. In various ways and at various times, both Mercury and Venus can be understood as either ruling or significantly related to the throat and ajna centers.

4. Cả Sao Thủy lẫn Sao Kim đều tham gia vào tiến trình này. Theo những cách khác nhau và vào những thời điểm khác nhau, có thể hiểu rằng cả Sao Thủy lẫn Sao Kim hoặc cai quản, hoặc có mối liên hệ đáng kể với các trung tâm cổ họng và ajna.

5. In this particular case **the head center will represent the first ray, the ajna center the second and the throat center the third**.

5. Trong trường hợp cụ thể này, **trung tâm đầu sẽ đại diện cho cung một, trung tâm ajna cho cung hai và trung tâm cổ họng cho cung ba**.

6. In the newer type of educational procedure **the creative imagination has an important role to play as a linking and transmitting agent**. Whereas the throat center is related definitely to the mental plane, the ajna center links to the Spiritual Triad and is important in creating the bridge from the lower mind to the Triad.

6. Trong phương thức giáo dục mới hơn, **sự tưởng tượng sáng tạo đóng vai trò quan trọng như một tác nhân liên kết và truyền dẫn**. Trong khi trung tâm cổ họng có mối liên hệ rõ rệt với cõi trí, trung tâm ajna liên kết với Tam Nguyên Tinh Thần và có vai trò quan trọng trong việc tạo nên cây cầu từ Hạ trí đến Tam nguyên tinh thần.

7. That which is accessed through the bridging process (the flow of intuitions and ideas) must be *rendered into word* in the

7. Những gì được tiếp cận qua tiến trình bắc cầu (dòng trực giác và ý tưởng) phải được *diễn đạt thành lời* trong các tiến trình giáo

processes of education. The throat center provides the form-building aspect, and is used to 'clothe' in thought and speech the energies of the formless worlds accessed by the antahkarana. A little thought will reveal how completely the normal processes of education rely upon the throat center.

dục. Trung tâm cổ họng cung cấp phương diện xây dựng hình tướng, và được sử dụng để 'khoác áo' tư tưởng và lời nói cho các năng lượng của những thế giới vô hình tướng mà antahkarana tiếp cận. Chỉ cần suy nghĩ đôi chút sẽ thấy các tiến trình giáo dục thông thường hoàn toàn dựa vào trung tâm cổ họng đến mức nào.

Group 5. — The head and heart centres and the centre at the base of the spine.

Nhóm 5. — Các trung tâm đầu và tim cùng trung tâm ở đáy cột sống.

1. **The fifth group of Political Organizers must, of course, access the will as it is transmitted through the head center. For them, the head center as a center of occult power, purpose and will is very important**.

1. **Dĩ nhiên, nhóm thứ năm gồm các Nhà Tổ Chức Chính Trị phải tiếp cận ý chí khi ý chí được truyền qua trung tâm đầu. Đối với họ, trung tâm đầu rất quan trọng vì đó là một trung tâm của quyền năng huyền bí, mục đích và ý chí**.

2. The heart, however, must not be neglected, as Divine Will is to be applied in love and with full knowledge of its group implications.

2. Tuy nhiên, không được bỏ quên trung tâm tim, vì Ý Chí thiêng liêng phải được vận dụng trong tình thương và với sự hiểu biết đầy đủ về những hàm ý của nó đối với nhóm.

3. The center at the base of the spine is an interesting designation and occurs in only one other group — that of the Creative Workers. **Through this center flow the forces of Pluto (on the first ray). It, like the head center, is a center of will and endurance. Further it provides anchorage in form for the willed purposes of divinity**.

3. Việc chỉ định trung tâm ở đáy cột sống là điều thú vị, và chỉ xuất hiện ở một nhóm khác nữa — nhóm những Người Hoạt Động Sáng Tạo. **Các mãnh lực của Sao Diêm Vương (thuộc cung một) tuôn chảy qua trung tâm này. Cũng như trung tâm đầu, đây là một trung tâm của ý chí và sức bền bỉ. Hơn nữa, trung tâm này tạo nơi neo giữ trong hình tướng cho những mục đích của thiên tính được ý chí xác lập**.

4. The Manu and His Department (although working upon the abstract and abstracting first Ray of Will and Power), also work with the creation and sustainment of the racial forms to be used by incarnating human beings. There is something very concrete about their functioning, and the members of this Department also raise and lower

4. Đức Manu và Ban của Ngài (mặc dù hoạt động trên cung một của Ý Chí và Quyền Năng, vốn có tính trừu tượng và trừu xuất) cũng làm việc với sự sáng tạo và duy trì các hình tướng giống dân dành cho những con người đang lâm phàm. Hoạt động của Các Ngài có một khía cạnh rất cụ thể, và các thành viên của Ban này còn nâng lên và hạ

continents — a type of act which can easily be related to the Plutonic/Uranian function of the base center.

xuống các lục địa — một loại hành động có thể dễ dàng liên hệ với chức năng của Sao Diêm Vương/Sao Thiên Vương nơi trung tâm đáy cột sống.

5. Those in the political sphere are, above all, the survivors and they endure in their expression of the will while others of lesser intensity fade from sight.

5. Trên hết, những người trong lĩnh vực chính trị là những người trụ vững, và họ bền bỉ biểu lộ ý chí trong khi những người có cường độ thấp hơn dần khuất khỏi tầm mắt.

6. **God's Will is Law and that Law must find full expression in material form. This expression is guaranteed by the potency of the base center in the group of Political Organisers.**

6. **Ý Chí của Thượng đế là Định luật, và Định luật ấy phải được biểu lộ trọn vẹn trong hình tướng vật chất. Uy lực của trung tâm đáy cột sống trong nhóm các Nhà Tổ Chức Chính Trị bảo đảm sự biểu lộ này.**

7. The alignment of the base and crown in this group relate it more directly to Shamballa than the other groups — perhaps with the exception of the group of Creative Workers, which also has the base center (and crown) activated.

7. Sự chỉnh hợp giữa trung tâm đáy cột sống và trung tâm đỉnh đầu trong nhóm này liên hệ nhóm trực tiếp với Shamballa hơn các nhóm khác — có lẽ ngoại trừ nhóm những Người Hoạt Động Sáng Tạo, vốn cũng có trung tâm đáy cột sống (và trung tâm đỉnh đầu) được kích hoạt.

Group 6. — The head, heart and solar plexus centres. This is necessarily the same as in Group 2.

Nhóm 6. — Các trung tâm đầu, tim và tùng thái dương. Điều này tất yếu giống như ở Nhóm 2.

1. The sixth group relates to the workers in the Field of Religion. Interestingly, the Religious Workers are related to the Trained Observers. This suggests that there is much glamor in the religious field and that it must be seen and dissipated.

1. Nhóm thứ sáu liên quan đến những người hoạt động trong Lĩnh Vực Tôn Giáo. Điều thú vị là những Người Hoạt Động Tôn Giáo có liên hệ với Các Nhà Quan Sát Lão Luyện. Điều này gợi ý rằng trong lĩnh vực tôn giáo có nhiều ảo cảm, và cần nhận diện rồi làm tiêu tan chúng.

2. The key to successful work in the Field of Religion is the production of a loving synthesis and a field of unity in which all the major religions can find their rightful place.

2. Chìa khóa để làm việc thành công trong Lĩnh Vực Tôn Giáo là tạo ra một sự tổng hợp đầy tình thương và một trường hợp nhất, trong đó mọi tôn giáo lớn đều có thể tìm được vị trí chính đáng của mình.

3. This will require the lifting of solar plexus

3. Điều này sẽ đòi hỏi nâng các năng lượng

energies into the heart center. The solar plexus center is, we are told, dual. **The lower solar plexus is the seat of divisive desires and emotions. The higher solar plexus is the focus of uplifting aspirations**. All solar plexus activity is destined for resolution within the heart center. If divisive and separative religious approaches are to be transformed into a loving and unified approach to one New World Religion, solar plexus activity must give way to a heart-centered focus.

tùng thái dương lên trung tâm tim. Chúng ta được cho biết rằng trung tâm tùng thái dương có tính kép. **Phần thấp của tùng thái dương là nơi trú ngụ của những dục vọng và cảm xúc gây chia rẽ. Phần cao của tùng thái dương là tiêu điểm của những khát vọng hướng thượng**. Mọi hoạt động của tùng thái dương đều hướng đến sự hóa giải trong trung tâm tim. Để những cách tiếp cận tôn giáo gây chia rẽ và chia cách chuyển đổi thành một cách tiếp cận đầy tình thương và hợp nhất hướng đến một Tân Tôn Giáo Thế Giới duy nhất, hoạt động của tùng thái dương phải nhường chỗ cho sự tập trung vào trung tâm tim.

4. Further, the glamors of the astral plane must be dissipated by the clear perceptions impulsed from the plane of intuition (to which the heart center connects). The work of the Trained Observers would be most fruitful if applied to the Field of Religious Work, and, no doubt, one day it will be.

4. Hơn nữa, những tri giác sáng rõ do cõi trực giác (mà trung tâm tim kết nối với) thúc đẩy phải làm tiêu tan các ảo cảm của cõi cảm dục. Công việc của Các Nhà Quan Sát Lão Luyện sẽ mang lại kết quả tốt đẹp nhất nếu được áp dụng vào Lĩnh Vực Hoạt Động Tôn Giáo, và chắc chắn một ngày nào đó điều này sẽ xảy ra.

Group 7. — The head, throat and sacral centres.

Nhóm 7. — Các trung tâm đầu, cổ họng và xương cùng.

1. A keen mind is need by the Scientific Servers. Their work is largely within the realm of matter and matter is the product of the third aspect of divinity and the third ray. The third ray expresses principally through the throat center, which, as well, is a chakra much associated with thought reception, transmission and thoughtform building.

1. Những Người Phụng Sự Khoa Học cần có trí tuệ sắc bén. Công việc của họ phần lớn nằm trong lĩnh vực vật chất, và vật chất là sản phẩm của phương diện thứ ba của thiên tính và của cung ba. Cung ba biểu lộ chủ yếu qua trung tâm cổ họng, vốn cũng là một luân xa gắn liền với việc tiếp nhận, truyền đạt tư tưởng và xây dựng hình tư tưởng.

2. The mental elemental has its seat within the sacral center.

2. Hành khí trí tuệ có nơi trú ngụ trong trung tâm xương cùng.

"1. The sacral centre the mental elemental life

"1. Trung tâm xương cùng — sự sống hành khí trí tuệ

Transferred later to the throat centre." (EP II 304)

3. As well, **the sacral center**, ruled by Uranus and the seventh ray (and in some respects by Mars and also by the third ray) **connects directly with the substantiality of matter. In short, the activation of this center gives a direct rapport with the material element which is the principal sphere of investigation for the Scientific Servers**.

4. We realize that the processes of incarnation will be one of the major fields of investigation for such workers. The sacral center, of course, is directly involved in the processes of incarnation, for by its means material vehicles are provided for reincarnating human souls.

Group 8. [Psychologists] — The head, heart, solar plexus and throat centres. This group of disciples will be the first to use four centres in their work as they are in a curious sense, the mediators of thought between the other groups. They are peculiarly a linking group. [42]

1. **The eighth, ninth and tenth groups each have four centers active.** Numerologically, **four is a number of grounding and establishment.**

2. Interestingly, the eighth group will have its personnel selected from the other groups. The Tibetan says the following:

"Owing to the difficulty of this task, the members of this eighth group will be chosen from the personnel of the other groups, for

Về sau chuyển dịch lên trung tâm cổ họng." (EP II 304)

3. Ngoài ra, **trung tâm xương cùng**, do Sao Thiên Vương và cung bảy cai quản (và ở một vài phương diện còn do Sao Hỏa cũng như cung ba cai quản), **kết nối trực tiếp với tính chất liệu của vật chất. Nói ngắn gọn, sự kích hoạt trung tâm này tạo mối tương thông trực tiếp với nguyên tố vật chất, vốn là lĩnh vực khảo cứu chủ yếu của những Người Phụng Sự Khoa Học**.

4. Chúng ta nhận ra rằng các tiến trình lâm phàm sẽ là một trong những lĩnh vực khảo cứu chính của những người hoạt động như thế. Dĩ nhiên, trung tâm xương cùng tham gia trực tiếp vào các tiến trình lâm phàm, vì nhờ trung tâm này mà các linh hồn nhân loại tái lâm phàm có được những vận cụ vật chất.

Nhóm 8. [Các Nhà Tâm Lý Học] — Các trung tâm đầu, tim, tùng thái dương và cổ họng. Nhóm đệ tử này sẽ là nhóm đầu tiên sử dụng bốn trung tâm trong công việc, vì theo một ý nghĩa đặc biệt nào đó, họ là những người trung gian về tư tưởng giữa các nhóm khác. Họ là một nhóm liên kết mang tính đặc thù. [42]

1. **Các nhóm thứ tám, thứ chín và thứ mười, mỗi nhóm đều có bốn trung tâm hoạt động.** Theo số học, **bốn là con số của sự bám rễ và xác lập.**

2. Điều thú vị là nhân sự của nhóm thứ tám sẽ được tuyển chọn từ các nhóm khác. Chân sư Tây Tạng nói như sau:

"Do nhiệm vụ này khó khăn, các thành viên của nhóm thứ tám này sẽ được chọn từ nhân sự của các nhóm khác, vì họ sẽ có được một

they will have had a fair measure of training in their preliminary work. Two groups will then be interlocking groups — that which is formed of the key people in all the groups, and this one." (EXH 59)

mức độ huấn luyện khá đầy đủ trong công việc sơ bộ của mình. Khi ấy sẽ có hai nhóm đan kết — nhóm gồm những người chủ chốt trong tất cả các nhóm, và nhóm này." (EXH 59)

3. The other group consisting of "key people" will be that of the Creative Workers, Group Ten.

3. Nhóm kia, gồm những "người chủ chốt", sẽ là nhóm những Người Hoạt Động Sáng Tạo, Nhóm Mười.

4. We note that the Psychologists have the same centers active as do the Telepathic Communicators, plus the addition of the solar plexus, allowing them to come en rapport with the present mass consciousness of humanity.

4. Chúng ta lưu ý rằng các Nhà Tâm Lý Học có cùng những trung tâm hoạt động như Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm, cộng thêm tùng thái dương, cho phép họ thiết lập mối tương thông với tâm thức quần chúng hiện nay của nhân loại.

5. The Psychologists also work in the realm of ideas and with thought-centers, just as do the Telepathic Communicators. Their task, however, involves working that which is received from the buddhic plane into the substance of humanity (to which the solar plexus center gives access).

5. Các Nhà Tâm Lý Học cũng làm việc trong lĩnh vực ý tưởng và với các trung tâm tư tưởng, giống như Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm. Tuy nhiên, nhiệm vụ của họ bao gồm việc đưa những gì tiếp nhận từ cõi Bồ đề vào chất liệu của nhân loại (mà trung tâm tùng thái dương mở lối tiếp cận).

6. The group of Psychologists is peculiarly a "linking group" and consequently the linking, bridging fourth ray will be of importance. **It is also not surprising, therefore, to find the Psychologists as the first group in which *four* centers are utilized**.

6. Nhóm các Nhà Tâm Lý Học là một "nhóm liên kết" mang tính đặc thù, và do đó cung bốn có chức năng liên kết, bắc cầu sẽ giữ vai trò quan trọng. **Vì vậy, cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy các Nhà Tâm Lý Học là nhóm đầu tiên sử dụng *bốn* trung tâm**.

7. **The heart center is, of course, important to them in order to facilitate soul-rapport with many types of human beings. The solar plexus puts them in touch with the personality condition of these human beings. The throat center allows them to interpret, formulate and intelligently communicate that which they discover through heart center and solar plexus rapport**.

7. **Dĩ nhiên, trung tâm tim quan trọng đối với họ để tạo thuận lợi cho mối tương thông linh hồn với nhiều loại người. Tùng thái dương giúp họ tiếp xúc với trạng thái phàm ngã của những người này. Trung tâm cổ họng cho phép họ diễn giải, trình bày thành hệ thống và truyền đạt một cách thông minh những gì họ khám phá qua mối tương thông của trung tâm tim và tùng thái dương**.

Group 9. [Financiers and Economists] — The head, heart, throat and sacral centres.

1. The ninth group of Financiers and Economists utilizes very much the same centers as the Scientific Servers, with the addition of the heart center.

2. Like the Scientists, **this group is also closely connected to the third aspect of divinity and to matter, hence the use of the throat and sacral centers.** The throat center distributes the third ray in the triangle of chakras above the diaphragm (excluding the ajna center) and **the sacral center serves as the third ray center for the triangle of centers below the diaphragm.**

3. **Whereas the Scientific Servers are deeply engrossed in understanding the ways of matter as it must serve the soul, the Financiers and Economists must be sensitive to soul in all forms, thus allowing them to arrange for right distribution according to soul need.** Hence the heart center is added, placing them en rapport with the larger whole, for the heart is a "group conscious" organ.

4. When contrasting the centers active for the Psychologists with those active for the Financiers and Economists, we find three centers the same (head, heart and throat) and two which contrast — the solar plexus in the case of the Psychologists and the sacral center for the Economists and Financiers. **The work of the Psychologists, of course, is related more to the second aspect of divinity (of which the solar plexus is a representative) and the sacral**

Nhóm 9. [Các Nhà Tài Chính và Kinh Tế Học] — Các trung tâm đầu, tim, cổ họng và xương cùng.

1. Nhóm thứ chín gồm các Nhà Tài Chính và Kinh Tế Học sử dụng hầu như cùng những trung tâm như những Người Phụng Sự Khoa Học, cộng thêm trung tâm tim.

2. Giống như các Nhà Khoa Học, **nhóm này cũng liên hệ mật thiết với phương diện thứ ba của thiên tính và với vật chất, do đó sử dụng các trung tâm cổ họng và xương cùng.** Trung tâm cổ họng phân phối cung ba trong tam giác các luân xa phía trên cơ hoành (không kể trung tâm ajna), và **trung tâm xương cùng đóng vai trò trung tâm cung ba trong tam giác các trung tâm phía dưới cơ hoành.**

3. **Trong khi những Người Phụng Sự Khoa Học chuyên tâm sâu sắc vào việc thấu hiểu các phương thức hoạt động của vật chất khi vật chất phải phụng sự linh hồn, các Nhà Tài Chính và Kinh Tế Học phải nhạy cảm với linh hồn trong mọi hình tướng, nhờ đó có thể sắp xếp việc phân phối đúng đắn theo nhu cầu của linh hồn.** Do đó, trung tâm tim được bổ sung, đưa họ vào mối tương thông với toàn thể rộng lớn hơn, vì tim là một cơ quan "có tâm thức nhóm".

4. Khi đối chiếu các trung tâm hoạt động ở các Nhà Tâm Lý Học với những trung tâm hoạt động ở các Nhà Tài Chính và Kinh Tế Học, chúng ta thấy có ba trung tâm giống nhau (đầu, tim và cổ họng) cùng hai trung tâm khác nhau — tùng thái dương ở các Nhà Tâm Lý Học và trung tâm xương cùng ở các Nhà Kinh Tế Học và Tài Chính. **Dĩ nhiên, công việc của các Nhà Tâm Lý Học liên quan nhiều hơn đến phương diện thứ hai của thiên tính (mà tùng thái dương là một**

center to the third aspect (of so great importance to the Financiers and Economists).

5. **The sacral center is not usually involved in the sharing process because of its grasping nature.** Thus, in this group, it is important to involve it in relation to the heart center through which unselfish impulses usually flow.

Group 10. — The head, heart, sacral centres and the centre at the base of the spine.

1. **The tenth group consists of the Creative Workers. We find that its centers are closely related to group five, that of the Political Organisers**. The numerology is interesting, as ten is twice five.

2. **In both of these groups, the head, heart and base of the spine are active, but the Creative Workers work with the sacral center as well.**

3. Because of the use of the sacral center, the group of Creative Workers is related to the groups of Scientific Servers and to the Economists and Financiers. Three groups, therefore, utilize the sacral center, whereas two groups utilize the ajna center and two groups the base of the spine.

4. We might wonder **why the Creative Workers do not utilize the throat center** (of course, really, they do). The Ray of Creative Intelligence, the third ray, works principally through the throat center and only secondarily through the sacral center.

đại diện), còn trung tâm xương cùng liên quan đến phương diện thứ ba (vốn có tầm quan trọng rất lớn đối với các Nhà Tài Chính và Kinh Tế Học).

5. **Trung tâm xương cùng thường không tham gia vào tiến trình chia sẻ vì bản chất nắm giữ của nó.** Do đó, trong nhóm này, điều quan trọng là đưa trung tâm ấy vào hoạt động trong mối liên hệ với trung tâm tim, nơi các xung lực vô kỷ thường tuôn chảy qua.

Nhóm 10. — Các trung tâm đầu, tim, xương cùng và trung tâm ở đáy cột sống.

1. **Nhóm thứ mười gồm những Người Hoạt Động Sáng Tạo. Chúng ta thấy rằng các trung tâm của nhóm này liên hệ mật thiết với nhóm thứ năm, nhóm các Nhà Tổ Chức Chính Trị**. Khía cạnh số học ở đây thật thú vị, vì mười là hai lần năm.

2. **Ở cả hai nhóm này, các trung tâm đầu, tim và đáy cột sống đều hoạt động, nhưng những Người Hoạt Động Sáng Tạo còn làm việc với trung tâm xương cùng.**

3. Do sử dụng trung tâm xương cùng, nhóm những Người Hoạt Động Sáng Tạo có liên hệ với nhóm những Người Phụng Sự Khoa Học và nhóm các Nhà Kinh Tế Học và Tài Chính. Vì vậy, có ba nhóm sử dụng trung tâm xương cùng, trong khi hai nhóm sử dụng trung tâm ajna và hai nhóm sử dụng trung tâm đáy cột sống.

4. Chúng ta có thể tự hỏi **vì sao những Người Hoạt Động Sáng Tạo không sử dụng trung tâm cổ họng** (dĩ nhiên, trên thực tế họ có sử dụng). Cung Trí Tuệ Sáng Tạo, cung ba, hoạt động chủ yếu qua trung tâm cổ họng và chỉ thứ yếu qua trung tâm xương cùng.

5. Perhaps it is **because this tenth group is so much involved in the *materialization* and *precipitation* of the Divine Plan**. In this group, more than any other, the "Highest and the Lowest Meet". We have therefore the two lowest centers, sacral and base of spine brought into relations with the two highest centers (head and heart — considered from a *ray* perspective). **The first two aspects of divinity are found active above the diaphragm, and centers which represent the third aspect (and, as well, perhaps the first aspect in the case of the base center) active below the diaphragm**.

5. Có lẽ đó là **vì nhóm thứ mười này tham gia rất sâu vào sự *hiện hình* và *ngưng tụ* của Thiên Cơ**. Trong nhóm này, hơn bất cứ nhóm nào khác, "Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất Gặp Nhau". Vì vậy, chúng ta có hai trung tâm thấp nhất, xương cùng và đáy cột sống, được đưa vào mối liên hệ với hai trung tâm cao nhất (đầu và tim — xét từ góc độ *cung*). **Hai phương diện đầu tiên của thiên tính hoạt động phía trên cơ hoành, còn các trung tâm đại diện cho phương diện thứ ba (và có lẽ cả phương diện thứ nhất trong trường hợp trung tâm đáy cột sống) hoạt động phía dưới cơ hoành**.

6. The involvement of the sacral center, ruled by Uranus**, confers a definitely magical impulse to this tenth group**.

6. Sự tham gia của trung tâm xương cùng, do Sao Thiên Vương cai quản**, mang đến cho nhóm thứ mười này một xung lực mang tính huyền thuật rõ rệt**.

7. In relation to the functioning of the tenth group, the Tibetan has the following interesting thoughts:

7. Về hoạt động của nhóm thứ mười, Chân sư Tây Tạng có những suy nghĩ thú vị sau đây:

"We will not take time to consider the tenth, which will be composed of the key people in the other groups, beyond stating that when its twenty-seven members (three from each group) are chosen and put in rapport with each other, there should come to all the groups such a quickening of their life that they will become one living vibrant organism." (EXH 47)

"Chúng ta sẽ không dành thời gian xem xét nhóm thứ mười, vốn sẽ gồm những người chủ chốt trong các nhóm khác, ngoài việc nói rằng khi hai mươi bảy thành viên của nhóm (ba người từ mỗi nhóm) được chọn và thiết lập mối tương thông với nhau, sức sống của tất cả các nhóm sẽ được khơi dậy đến mức họ trở thành một cơ thể sống duy nhất, tràn đầy rung động." (EXH 47)

8. The functioning of the tenth group is occult in its nature and involves the synthesis and vitalization of all the other groups. The number twenty-seven is also not without significance, for it is a number of completion with respect to the third aspect. It derives from the cubing of the number three.

8. Hoạt động của nhóm thứ mười mang bản chất huyền bí và bao gồm việc tổng hợp cũng như tiếp sinh lực cho tất cả các nhóm khác. Con số hai mươi bảy cũng không phải không có thâm nghĩa, vì đó là con số của sự hoàn tất xét theo phương diện thứ ba. Nó được tạo ra bằng cách lập phương số ba.

9. In the advanced esoteric schools of the future, the number of personnel will be twenty-seven — twenty-four of whom will be students with an additional three guides or instructors.

9. Trong các trường nội môn cao cấp của tương lai, số nhân sự sẽ là hai mươi bảy — trong đó hai mươi bốn người là đạo sinh, cùng với ba người hướng dẫn hoặc giảng huấn.

I wonder, my brothers, if the following sequence of statements will convey anything to your minds? It is a statement of fact and is not the least symbolic in its terminology — except in so far as all words are inadequate symbols of inner truths.

Các huynh đệ của Tôi, Tôi tự hỏi liệu chuỗi phát biểu sau đây có truyền đạt được điều gì đến thể trí của các bạn chăng? Đây là một sự trình bày thực tế, và thuật ngữ được dùng hoàn toàn không mang tính biểu tượng — ngoại trừ ở chỗ mọi ngôn từ đều là những biểu tượng bất toàn của các chân lý bên trong.

1. This is the straight summary of all that has gone before.

1. Đây là phần tóm lược trực tiếp tất cả những gì đã trình bày trước đó.

2. The Tibetan is attempting to speak in terms of facts rather than symbolically. He seeks to impress us with the essence of His thought with respect to the new Seed Groups.

2. Chân sư Tây Tạng đang cố gắng trình bày bằng những sự kiện thực tế thay vì bằng biểu tượng. Ngài tìm cách khắc sâu vào chúng ta tinh túy tư tưởng của Ngài về các Nhóm hạt giống mới.

1. Each group has its inner counterpart.

1. Mỗi nhóm đều có đối phần bên trong của mình.

1. We must think with an “esoteric sense”.

1. Chúng ta phải tư duy với một “giác quan nội môn”.

2. The members of the Seed Groups are intended to be occultists, and for them the inner worlds must be appreciated as more real than the outer worlds.

2. Các thành viên của những Nhóm hạt giống được kỳ vọng sẽ là những nhà huyền bí học, và đối với họ, các thế giới bên trong phải được nhìn nhận là thực hơn các thế giới bên ngoài.

2. This inner counterpart is a completed whole. The outer results are still only partial.

2. Đối phần bên trong này là một toàn thể đã hoàn tất. Các kết quả bên ngoài vẫn chỉ là từng phần.

1. It is startling to realize that the inner groups are already complete.

1. Thật đáng kinh ngạc khi nhận ra rằng các nhóm bên trong đã hoàn tất.

2. What we can achieve on the outer plane is, as yet, but an incomplete precipitation of the prototype. This is a cause for humility and patience.

2. Cho đến nay, những gì chúng ta có thể đạt được trên cõi bên ngoài chỉ là sự ngưng tụ chưa trọn vẹn của nguyên mẫu. Điều này là lý do để khiêm nhường và kiên nhẫn.

3. These ten inner groups, forming one group, are related to the Ashrams of the Masters and are each of them expressive of or governed by ten laws, embodying the controlling factors in group work. **A law is an expression or manifestation of force applied, under the power of thought, by a thinker or group of thinkers**.

3. Mười nhóm bên trong này, hợp thành một nhóm, có liên hệ với các ashram của các Chân sư; mỗi nhóm đều biểu lộ hoặc chịu sự chi phối của mười định luật, hiện thân cho những yếu tố điều khiển công việc nhóm. **Một định luật là sự biểu lộ hay biểu hiện của mãnh lực mà một người tư duy hoặc một nhóm người tư duy vận dụng dưới quyền năng của tư tưởng**.

1. We are not told *how* the ten inner groups are related to the seven Ashrams (and their various subdivisions), but with a little focussed thought we could find direct relations between at least some of the groups and some of the Ashrams. There may be others of the groups, however, which could relate to more than one Ashram, to several or even to all.

1. Chúng ta không được cho biết *bằng cách nào* mười nhóm bên trong liên hệ với bảy ashram (và các phân bộ khác nhau của các ashram ấy), nhưng chỉ cần tập trung suy nghĩ đôi chút, chúng ta có thể tìm ra những mối liên hệ trực tiếp giữa ít nhất một vài nhóm và một vài ashram. Tuy nhiên, có thể có những nhóm khác liên hệ với hơn một ashram, với nhiều ashram hoặc thậm chí với tất cả.

2. **This is the first we hear that each of the ten inner groups (and, presumably their outer extensions) is related to one of ten different laws**. What these laws may be is not given. **There are Laws of Healing, Laws of Magic, Laws of the Soul, Laws of the Solar System and Cosmic Laws, and others as well**. Probably, the Tibetan is speaking of yet another collection of laws. Only by studying the essential purpose of each group, might it be possible to intuit a law which could be related to it. A speculative formulation of such laws might be educationally instructive, though confirmation of the accuracy of the speculation would not be immediately

2. **Đây là lần đầu tiên chúng ta nghe nói rằng mỗi nhóm trong mười nhóm bên trong (và có lẽ cả những phần mở rộng bên ngoài của chúng) đều liên hệ với một trong mười định luật khác nhau**. Những định luật này là gì thì chưa được cho biết. **Có các Định luật Trị Liệu, các Định luật Huyền Thuật, các Định luật của Linh Hồn, các Định luật của Hệ Mặt Trời và các Định luật Vũ Trụ, cùng những định luật khác nữa**. Có lẽ Chân sư Tây Tạng đang nói đến một tập hợp định luật khác nữa. Chỉ bằng cách nghiên cứu mục đích cốt yếu của mỗi nhóm, chúng ta mới có thể dùng trực giác nhận ra một định luật có thể liên hệ với nhóm ấy. Việc thử trình bày những định luật như thế dựa trên suy đoán có thể mang lại giá trị học hỏi, dù

forthcoming.

chưa thể xác nhận ngay tính chính xác của sự suy đoán ấy.

3. While we cannot immediately determine the ten laws, we can understand how, for instance, the Laws of Healing would relate to the Group of Magnetic Healers, or how the Laws of White Magic could relate to the Group Ten, the Group of Creative Workers. It is also obvious that the Laws of the Soul would be important for the Group of Psychologists and **the Law of Economy for the Financiers, Economists and the Creative Workers as well.**

3. Dù chưa thể xác định ngay mười định luật, chúng ta có thể thấu hiểu, chẳng hạn, các Định luật Trị Liệu sẽ liên hệ thế nào với Nhóm các Nhà Trị Liệu Từ Tính, hoặc các Định luật Chánh Thuật có thể liên hệ thế nào với Nhóm Mười, Nhóm những Người Hoạt Động Sáng Tạo. Cũng hiển nhiên rằng các Định luật của Linh Hồn sẽ quan trọng đối với Nhóm các Nhà Tâm Lý Học, và **Định luật Tiết Kiệm cũng sẽ quan trọng đối với các Nhà Tài Chính, Kinh Tế Học và những Người Hoạt Động Sáng Tạo.**

4. The Tibetan defines a law as "an expression or manifestation of force applied, under the power of thought, by a thinker or group of thinkers". Law, then, is *willfully focussed thought*. It is the *sustained, intelligent will of a thinker or group of thinkers.*

4. Chân sư Tây Tạng định nghĩa một định luật là "sự biểu lộ hay biểu hiện của mãnh lực mà một người tư duy hoặc một nhóm người tư duy vận dụng dưới quyền năng của tư tưởng". Vậy, định luật là *tư tưởng được tập trung bằng ý chí*. Đó là *ý chí thông minh, được duy trì liên tục của một người tư duy hoặc một nhóm người tư duy.*

5. It is likely that at the heart of each of these inner groups a high initiate or Master is to be found. The law governing a particular inner group will very likely be the will of that initiate or Master as supported by the intelligent thought and will power of the initiates and disciples assembled within the inner group.

5. Có khả năng ở trung tâm của mỗi nhóm bên trong này là một điểm đạo đồ cao cấp hoặc một Chân sư. Định luật chi phối một nhóm bên trong cụ thể rất có thể là ý chí của điểm đạo đồ hoặc Chân sư ấy, với sự hỗ trợ từ tư tưởng thông minh và quyền năng ý chí của các điểm đạo đồ và đệ tử tập hợp trong nhóm bên trong đó.

4. These ten inner groups, embodying ten types of force and working synthetically to express ten laws, are an effort to bring in new and different conditions, and hence produce a new and better civilisation. The Aquarian Age will see consummation.

4. Mười nhóm bên trong này, hiện thân cho mười loại mãnh lực và làm việc một cách tổng hợp để biểu lộ mười định luật, là một nỗ lực nhằm đưa vào những điều kiện mới và khác biệt, từ đó tạo nên một nền văn minh mới và tốt đẹp hơn. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ chứng kiến sự thành tựu viên mãn.

1. Each group works, probably, with a

1. Có lẽ mỗi nhóm làm việc với một số năng

number of energies and forces, but the Tibetan speaks of "ten types of force" and the expression of ten laws.

2. Probably as the groups develop and individuals participate in them successfully, there will be clarification regarding the nature of the ten forces and ten laws.

3. For the time being, it is enough to realize that the groups are intended as *change agents,* and are to aid in the elevation of human culture and civilization.

4. We might consider this tenfold effort as the structural heart and soul of the New Group of World Servers. Many members of the NGWS have no training in occultism and cannot be aware of occult structures which underlie their humanitarian efforts, but service to humanity proceeds especially along these ten lines, and the occult underpinnings of the various modes of humanitarian service will one day be revealed.

5. As the energy of Aquarius is relatively universal in its nature, the Aquarian Age will naturally see consummation along many lines.

5. The outer groups are a tentative and experimental effort to see how far humanity is ready for such an endeavour.

1. Hierarchy is at once realistic and hopeful. Even They do not know how humanity will respond to proffered opportunity.

2. Hierarchy's Uranian approach will consistently offer experiments to test and try humanity as to its fitness.

lượng và mãnh lực, nhưng Chân sư Tây Tạng nói đến "mười loại mãnh lực" và sự biểu lộ của mười định luật.

2. Có lẽ khi các nhóm phát triển và các cá nhân tham gia thành công vào các nhóm ấy, bản chất của mười mãnh lực và mười định luật sẽ trở nên rõ ràng hơn.

3. Hiện tại, chỉ cần nhận ra rằng các nhóm được dự định làm những *tác nhân thay đổi,* và sẽ góp phần nâng cao văn hóa và văn minh nhân loại.

4. Chúng ta có thể xem nỗ lực thập phân này là trái tim và linh hồn về mặt cấu trúc của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Nhiều thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian chưa được huấn luyện về huyền bí học và không thể nhận biết những cấu trúc huyền bí làm nền tảng cho các nỗ lực nhân đạo của họ, nhưng việc phụng sự nhân loại diễn ra đặc biệt theo mười đường hướng này, và một ngày nào đó những nền tảng huyền bí của các phương thức phụng sự nhân đạo khác nhau sẽ được tiết lộ.

5. Vì năng lượng của Bảo Bình mang bản chất tương đối phổ quát, Kỷ Nguyên Bảo Bình đương nhiên sẽ chứng kiến sự thành tựu viên mãn theo nhiều đường hướng.

5. Các nhóm bên ngoài là một nỗ lực thăm dò và thử nghiệm để xem nhân loại đã sẵn sàng đến đâu cho một công cuộc như thế.

1. Thánh đoàn vừa thực tế vừa đầy hy vọng. Ngay cả Các Ngài cũng không biết nhân loại sẽ đáp ứng thế nào trước cơ hội được trao.

2. Cách tiếp cận của Thánh đoàn theo tính chất Sao Thiên Vương sẽ liên tục đưa ra những thử nghiệm để kiểm tra và thử thách

mức độ thích hợp của nhân loại.

3. While this experiment apparently failed with respect to its original intentions, it may have laid the ground-work for a new experiment after the year 2025, when, it can be reasonably presumed, the Tibetan will again be working with a reliable and adequate amanuensis.

3. Mặc dù thử nghiệm này dường như đã thất bại xét theo những ý định ban đầu, nó có thể đã đặt nền móng cho một thử nghiệm mới sau năm 2025, khi có thể giả định một cách hợp lý rằng Chân sư Tây Tạng sẽ lại làm việc với một người thư ký ghi chép đáng tin cậy và có đủ năng lực.

4. It is our task as disciples of the Great White Lodge to contribute to humanity's readiness and to our own.

4. Là những đệ tử của Thánh đoàn, nhiệm vụ của chúng ta là góp phần vào sự sẵn sàng của nhân loại và của chính chúng ta.

IV. These groups are also an experiment which has for its objective the manifestation of certain types of energy which will, when effectively functioning, produce cohesion or at-one-ment upon earth. The present distraught condition in the world, the international cataclysm and apparent impasse, the religious dissatisfaction, the economic and social upheaval and the appalling effects of war are all the results of energies that are so potent — owing to their immense momentum — that they can only be brought into rhythmic activity by the imposition of stronger and more definitely directed energies.

IV. Các nhóm này cũng là một thử nghiệm nhằm biểu hiện một số loại năng lượng nhất định, những năng lượng khi hoạt động hiệu quả sẽ tạo ra sự cố kết hay sự hợp nhất trên Trái Đất. Tình trạng rối loạn hiện nay trên thế giới, cơn đại biến động quốc tế và thế bế tắc rõ rệt, sự bất mãn về tôn giáo, những biến động kinh tế và xã hội cùng các hậu quả kinh hoàng của chiến tranh, tất cả đều là kết quả của những năng lượng mạnh mẽ đến mức — do đà vận động vô cùng lớn của chúng — chỉ có thể đưa chúng vào hoạt động nhịp nhàng bằng cách áp đặt những năng lượng mạnh hơn và được định hướng rõ ràng hơn.

1. The soul ray of Earth is the second Ray of Love-Wisdom. It is the "Ray of Attractive Coherency" (EA 411).

1. Cung linh hồn của Trái Đất là cung hai Bác Ái – Minh Triết. Đó là "Cung của Sự Cố Kết Hấp Dẫn" (EA 411).

2. Cohesion and at-one-ment are very much the product of the interplay between the second and fourth rays, emitted by Jupiter and Mercury, the two rulers of the Mutable Cross in the heavens. Through the use of these two rays, humanity is being prepared for its transfer to the Fixed Cross, and the assumption of the duties of discipleship. Humanity is to become the World Disciple,

2. Sự cố kết và sự nhất thể hóa phần lớn là kết quả của sự tương tác giữa cung hai và cung bốn, do Sao Mộc và Sao Thủy phát ra, hai chủ tinh của Thập Giá Biến đổi trên bầu trời. Thông qua việc sử dụng hai cung này, nhân loại đang được chuẩn bị để chuyển dịch sang Thập Giá Cố Định và đảm nhận các bổn phận của địa vị đệ tử. Nhân loại sẽ trở thành Đệ Tử Thế Gian, và ngày càng nhiều

and an increasing number will take the first initiation.

người sẽ tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất.

3. DK takes a look at the present distraught condition of the world. He understands the distress in terms of the maladjustment of energies and forces. It seems that only now can some rhythmic order be brought into the field by the "imposition of stronger and more definitely directed energies". The New Seed Groups are intended to be a process which will make such ordinating energies increasingly available to a field in which chaos presently prevails.

3. Chân sư DK xem xét tình trạng rối ren hiện nay của thế giới. Ngài thấu hiểu nỗi khốn khổ này dưới góc độ sự thiếu điều hòa giữa các năng lượng và mãnh lực. Dường như chỉ đến lúc này mới có thể đưa một trật tự nhịp nhàng nào đó vào lĩnh vực ấy bằng cách "áp đặt những năng lượng mạnh hơn và được định hướng rõ ràng hơn". Các Nhóm Hạt giống Mới được dự định sẽ tạo nên một tiến trình khiến những năng lượng lập lại trật tự như thế ngày càng sẵn có cho một lĩnh vực hiện đang chìm trong hỗn loạn.

4. All the Ashrams are at work attempting to bring some peace and order to the situation. The ten inner groups are directly connected to the Ashrams and the ten outer groups to the ten inner. Each of us, serving in connection with one or other of the ten outer groups, can play our part in restoring the Earth and its humanity to better conditions.

4. Tất cả các ashram đều đang hoạt động, cố gắng mang lại phần nào sự bình an và trật tự cho tình hình này. Mười nhóm bên trong trực tiếp liên kết với các ashram, còn mười nhóm bên ngoài liên kết với mười nhóm bên trong. Mỗi người chúng ta, khi phụng sự trong mối liên hệ với một trong mười nhóm bên ngoài, đều có thể góp phần đưa Trái Đất và nhân loại trên đó trở lại những điều kiện tốt đẹp hơn.

5. A precise knowledge of occult energies and forces (as taught in occultism, rayology and astrology) will help us be of greater use in bringing relief.

5. Tri thức chính xác về các năng lượng và mãnh lực huyền bí (như được giảng dạy trong huyền bí học, cung học và chiêm tinh học) sẽ giúp chúng ta hữu ích hơn trong việc mang lại sự xoa dịu.

The groups are intended to work together eventually just as the various departments of a great organisation work effectively together as a unit. They must function smoothly and intelligently within themselves and also in their inter-relation with [43] each other. This will become possible when the individual members in the groups and the individual groups of disciples lose sight of their own identities in

Các nhóm được dự định cuối cùng sẽ cùng nhau hoạt động, cũng như các ban khác nhau của một tổ chức lớn phối hợp hiệu quả thành một đơn vị thống nhất. Các nhóm phải hoạt động trôi chảy và thông minh trong nội bộ cũng như trong mối tương quan [43] với nhau. Điều này sẽ trở nên khả thi khi từng thành viên trong các nhóm và từng nhóm đệ tử không còn chú trọng đến bản sắc riêng của mình, trong nỗ lực tạo điều kiện

an effort to make this hierarchical work possible. In this type of group work, the feelings, reactions, wishes and successes of the individual most emphatically do not count. Only that is regarded as of importance which will further group effort and enrich the group consciousness.

cho công việc này của Thánh đoàn. Trong loại công việc nhóm này, những cảm xúc, phản ứng, mong muốn và thành công của cá nhân hoàn toàn không đáng kể đến. Chỉ những gì thúc đẩy nỗ lực nhóm và làm phong phú tâm thức nhóm mới được xem là quan trọng.

1. The Tibetan offers us a vision of the possibilities, and states the requirements.

1. Chân sư Tây Tạng cho chúng ta một tầm nhìn về những khả năng và nêu rõ các yêu cầu.

2. If we want these groups to appear and fulfill their intended mission, we are to lose sight of ourselves — personally — and consider only the welfare of the groups as a whole.

2. Nếu muốn các nhóm này xuất hiện và hoàn thành sứ mệnh đã định, chúng ta phải quên đi bản thân mình — về mặt cá nhân — và chỉ quan tâm đến lợi ích của toàn thể các nhóm.

3. To become a true hierarchical worker requires sacrifice of the personal life. There seems to be no way around this fact. A greater Will is at work in all hierarchically inspired projects, and that Will calls for the obedience and even negation of the lower personal will.

3. Để trở thành một người hoạt động đích thực của Thánh đoàn, cần phải hi sinh đời sống cá nhân. Dường như không có cách nào tránh được sự thật này. Một Ý Chí lớn lao hơn đang hoạt động trong mọi dự án do Thánh đoàn khơi nguồn cảm hứng, và Ý Chí ấy đòi hỏi ý chí cá nhân thấp kém phải tuân phục, thậm chí phải tự phủ định.

4. If disciples are inspired by a vision of what their group or groups may become, they will have a sufficiently elevated level of identification to negate the normal, obstructive personality reactions. The first step is to acquire a broad and deep understanding of what Hierarchy intends to accomplish through the formation of such Seed Groups. This will require study, meditation and much reflection.

4. Nếu các đệ tử được khơi nguồn cảm hứng từ tầm nhìn về những gì nhóm hoặc các nhóm của mình có thể trở thành, họ sẽ đạt đến một cấp độ đồng hóa đủ cao để phủ định những phản ứng thông thường, gây cản trở của phàm ngã. Bước đầu tiên là đạt được sự thấu hiểu sâu rộng về những gì Thánh đoàn dự định hoàn thành thông qua việc hình thành các Nhóm Hạt giống như thế. Điều này đòi hỏi việc học hỏi, tham thiền và suy ngẫm nhiều.

5. We cannot, at this time, reformulate the Ten Seed Groups according to the Tibetan's original intended, nor should be try. If, as one of the externalizing Masters, He chooses

5. Hiện nay, chúng ta không thể tái lập Mười Nhóm Hạt giống theo ý định ban đầu của Chân sư Tây Tạng, và chúng ta cũng không nên thử làm vậy. Nếu, với tư cách một trong

to do so, He will have the expertise to reanimate and reorganize the effort. We are not equipped for the task.

các Chân sư đang ngoại hiện, Ngài chọn làm điều đó, Ngài sẽ có chuyên môn cần thiết để tiếp sinh khí và tổ chức lại nỗ lực ấy. Chúng ta chưa có đủ khả năng cho nhiệm vụ này.

6. We can, however, deepen our understanding of His original intentions, remembering that the prototypes of the Seed Groups already exist as inner groups on the inner planes. The ten inner groups exist *now*, and, inevitably, their purpose and quality must be expressed in service on the more tangible planes. It is only a matter of time. When that time comes, perhaps we will have made ourselves ready to cooperate intelligently, lovingly and with power.

6. Tuy nhiên, chúng ta có thể đào sâu sự thấu hiểu về những ý định ban đầu của Ngài, đồng thời nhớ rằng các nguyên mẫu của những Nhóm Hạt giống đã tồn tại dưới dạng các nhóm bên trong trên các cõi bên trong. Mười nhóm bên trong hiện hữu *ngay lúc này*, và tất yếu, mục đích cùng phẩm tính của các nhóm ấy phải biểu lộ qua việc phụng sự trên những cõi hữu hình hơn. Đó chỉ là vấn đề thời gian. Khi thời điểm ấy đến, có lẽ chúng ta đã chuẩn bị sẵn sàng để hợp tác một cách thông minh, đầy tình thương và quyền năng.

To the next commentary

Sang phần bình giảng tiếp theo

6. PART V – 6. PHẦN V

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

The Hierarchy sanctioned the starting of these groups in the year 1931. The members of these groups have been slowly chosen since then and are endeavouring, since their inclusion in this ashramic work, to work together in complete unity of purpose and of relationship. It may be of interest to you to know a little of how we approached the subject.

Thánh đoàn đã chấp thuận việc khởi lập các nhóm này vào năm 1931. Kể từ đó, các thành viên của những nhóm này đã được lựa chọn dần dần, và từ khi tham gia công việc ashram này, họ đang nỗ lực cùng nhau hoạt động trong sự hợp nhất hoàn toàn về mục đích và mối quan hệ. Có lẽ các bạn sẽ quan tâm muốn biết đôi chút về cách chúng tôi đã tiếp cận vấn đề này.

1. We note that it was the *Hierarchy* that sanctioned the starting of the groups in 1931. Even though this initiative concerned the Ashram of Master DK, the commencement was no arbitrary initiative

1. Chúng ta lưu ý rằng chính *Thánh đoàn* đã chấp thuận việc khởi lập các nhóm vào năm 1931. Mặc dù sáng kiến này liên quan đến ashram của Chân sư DK, việc khởi xướng không phải là một sáng kiến tùy ý của Ngài.

on His part. There is a kind of "occult obedience" established in Hierarchy before which the kind of occult obedience we attempt to practice would pale.

Trong Thánh đoàn đã hình thành một loại "sự tuân phục huyền bí" mà trước nó, loại tuân phục huyền bí chúng ta cố gắng thực hành sẽ trở nên mờ nhạt.

2. The choosing of the members of the groups was not rapid or sudden. DK has told us that the success of any initiate's projects will depend upon the choice of co-workers. As the groups were meant to abide, for perhaps 300 years, the laying of the foundation had to be carefully undertaken.

2. Việc lựa chọn thành viên cho các nhóm không diễn ra nhanh chóng hay đột ngột. Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng sự thành công trong các dự án của bất kỳ điểm đạo đồ nào cũng sẽ tùy thuộc vào việc lựa chọn các cộng sự. Vì các nhóm được dự định sẽ tồn tại lâu dài, có lẽ suốt 300 năm, nên việc đặt nền móng phải được tiến hành cẩn trọng.

3. The individuals who were chosen were definitely joining "ashramic work"; the choice brought them, in most cases, into closer rapport with the Ashram.

3. Những cá nhân được lựa chọn rõ ràng là đang tham gia "công việc ashram"; trong hầu hết các trường hợp, sự lựa chọn ấy đưa họ vào mối giao hòa gần gũi hơn với ashram.

4. We hear the words, "complete unity of purpose and of relationship". Perhaps we can somewhat imagine the meaning of complete unity of purpose. The Master's purposes must be paramount and all members must acquiesce to these purposes.

4. Chúng ta nghe những lời "sự hợp nhất hoàn toàn về mục đích và mối quan hệ". Có lẽ chúng ta có thể phần nào hình dung ý nghĩa của sự hợp nhất hoàn toàn về mục đích. Các mục đích của Chân sư phải là tối thượng, và mọi thành viên phải thuận theo những mục đích ấy.

5. As for "complete unity of relationship", an attitude of loving-unity will be required. The normal personality attitudes (often based on criticism and desire) will be suspended, and the group members will succeed in working harmoniously and as one.

5. Về "sự hợp nhất hoàn toàn trong mối quan hệ", cần có một thái độ hợp nhất đầy tình thương. Những thái độ thông thường của phàm ngã (thường dựa trên sự chỉ trích và dục vọng) sẽ tạm ngừng, và các thành viên nhóm sẽ thành công trong việc hoạt động hài hòa như một thể thống nhất.

6. We can see that from the normal human perspective, these are no small requirements.

6. Chúng ta có thể thấy rằng, từ góc nhìn thông thường của con người, đây là những yêu cầu không hề nhỏ.

As you all know, I am a second ray disciple, an initiate of a certain standing — the grade of which in no way concerns you, though

Như tất cả các bạn đều biết, Tôi là một đệ tử cung hai, một điểm đạo đồ ở một trình độ nhất định — cấp bậc ấy hoàn toàn không liên

many of you have personally and interiorly ascertained who I am. If the teaching which I have given you and the books which I have given to the world do not suffice to win your confidence and your attention, then knowing that I am an initiate of the third degree, or a Master, or a Boddhisattva or one of the Buddhas close to the Throne of God will in no way aid your comprehension and will only hinder your development. For many lives I have been close to the Master K. H. ; in discussion with Him, we have often wondered how we should aid in the inauguration upon earth of those newer types of work which will be distinctive of the New Age and yet would be close enough to the comprehension of the advanced aspirants and the world disciples so that their cooperation would be evoked and their intelligent help forthcoming. What were the requirements for which we should look and what should be the technique to be applied in the New Age for the raising of the consciousness of men? We decided that four things must, first of all, distinguish the group work which should be done and should characterise the disciples to be chosen for training. These were: Sensitivity, Impersonality, Psychic Gifts, Mental Polarisation. I do not make mention of aspiration, of selflessness [44] or of the desire to serve. They are fundamentals and basic essentials and, where they do not exist, there is no use in proffering the type of assistance which we are seeking to give.

quan đến các bạn, dù nhiều người trong các bạn đã đích thân xác định trong nội tâm Tôi là ai. Nếu giáo huấn Tôi đã trao cho các bạn và những cuốn sách Tôi đã trao cho thế giới không đủ để giành được sự tin cậy và chú tâm của các bạn, thì việc biết Tôi là một điểm đạo đồ bậc ba, hay một Chân sư, một vị Bồ Tát hoặc một trong các vị Phật gần Thánh Ngai của Thượng đế cũng chẳng giúp các bạn thấu hiểu thêm chút nào, mà chỉ cản trở sự phát triển của các bạn. Qua nhiều kiếp sống, Tôi đã gần gũi với Chân sư KH; khi thảo luận với Ngài, chúng tôi thường tự hỏi nên giúp khởi xướng trên Trái Đất những loại công việc mới như thế nào, để chúng vừa mang nét đặc trưng của Kỷ Nguyên Mới, vừa đủ gần với tầm thấu hiểu của những người chí nguyện tiến bộ và các đệ tử thế gian, nhờ đó khơi dậy sự hợp tác và nhận được sự trợ giúp thông minh của họ. Chúng tôi nên tìm kiếm những yêu cầu nào, và nên áp dụng kỹ thuật nào trong Kỷ Nguyên Mới để nâng cao tâm thức con người? Chúng tôi quyết định rằng, trước hết, bốn điều phải tạo nên nét đặc trưng cho công việc nhóm cần thực hiện và cho những đệ tử sẽ được chọn để huấn luyện. Đó là: Tính Nhạy Cảm, Tính Phi Cá Nhân, Năng Khiếu Thông Linh, Sự Phân Cực Trí Tuệ. Tôi không đề cập đến khát vọng, lòng vị tha [44] hay mong muốn phụng sự. Đó là những điều nền tảng và thiết yếu căn bản; nơi nào không có những điều ấy thì việc đề nghị loại trợ giúp mà chúng tôi đang tìm cách trao cũng chẳng có ích gì.

1. Setting the right tone, the Master (long before the general group personnel knew He was a Master) calls Himself a “disciple”. This is the proper word to use, and among the disciples of the world today, there should be no temptation to call oneself “an initiate”.

1. Để xác lập tinh thần đúng đắn, Chân sư (từ rất lâu trước khi các thành viên trong nhóm nói chung biết Ngài là một Chân sư) tự gọi mình là một “đệ tử”. Đây là từ thích hợp để sử dụng, và trong số các đệ tử trên thế giới ngày nay, không ai nên bị cám dỗ tự gọi mình là “một điểm đạo đồ”.

2. DK does call Himself an initiate simply because it is obvious that anyone who could write such books would have to be initiate.

2. Chân sư DK quả có tự gọi mình là một điểm đạo đồ, đơn giản vì hiển nhiên bất kỳ ai có thể viết những cuốn sách như thế đều phải là một điểm đạo đồ.

3. In the first sentence, He adequately demonstrates that every *initiate* is, in fact, a *disciple*.

3. Trong câu đầu tiên, Ngài cho thấy đầy đủ rằng mọi *điểm đạo đồ* thực ra đều là một *đệ tử*.

4. DK is both earnest and humorous. He goes through the possible ranks He might hold — all the way from a humble third degree initiate to an exalted Shamballic Life known as a "Buddha of Activity". In this way He negated the frequently expressed attitude of curiosity (an attitude often based on ambition) about Himself and His rank; He simply states that His Teaching must stand on its own merits. This, again, is the right and constructive attitude. Otherwise devotionalism could easily take the place of the cultivation of discrimination and mental illumination.

4. Chân sư DK vừa nghiêm túc vừa hài hước. Ngài lần lượt nêu những cấp bậc mà Ngài có thể nắm giữ — từ một điểm đạo đồ bậc ba khiêm nhường cho đến một Sự Sống Shamballa cao cả được biết đến như một "Đức Phật Hoạt Động". Bằng cách này, Ngài phủ định thái độ tò mò thường xuyên được bộc lộ (một thái độ thường dựa trên tham vọng) về bản thân Ngài và cấp bậc của Ngài; Ngài chỉ đơn giản khẳng định rằng Giáo Huấn của Ngài phải đứng vững bằng chính giá trị của nó. Một lần nữa, đây là thái độ đúng đắn và có tính xây dựng. Nếu không, khuynh hướng sùng tín có thể dễ dàng thay thế việc trau dồi sự phân biện và sự soi sáng trí tuệ.

5. DK speaks of His close relationship with the Master KH. Those who would later read His writings on the Six Stages of Discipleship, would come to realize that He must be, at least, a "Chela within the Aura" of a Master — a relatively high rank.

5. Chân sư DK nói về mối quan hệ gần gũi của Ngài với Chân sư KH. Những người về sau đọc các bài viết của Ngài về Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử sẽ nhận ra rằng ít nhất Ngài phải là một "Đệ tử trong hào quang" của một Chân sư — một cấp bậc tương đối cao.

6. The motivation of these two initiates, DK and KH is revealed. They seek to aid humanity by bringing forward new types of spiritual work in a way that present day advanced aspirants and disciples would be able to understand and respond to constructively. Their deep concern for humanity is clear.

6. Động cơ của hai điểm đạo đồ này, Chân sư DK và Chân sư KH, được hé lộ. Các Ngài tìm cách trợ giúp nhân loại bằng việc đưa ra những loại công việc tinh thần mới theo cách mà những người chí nguyện tiến bộ và các đệ tử ngày nay có thể thấu hiểu và đáp ứng một cách xây dựng. Mối quan tâm sâu sắc của Các Ngài đối với nhân loại thật rõ

ràng.

7. We notice the "target population" for the initiatives They undertook. The work is for "*advanced* aspirants" and disciples, thus, obviously, not really for complete beginners on the spiritual Path. Too much mental focussing and commitment are required.

7. Chúng ta lưu ý đến "đối tượng hướng đến" của những sáng kiến mà Các Ngài đã thực hiện. Công việc dành cho "*những người chí nguyện* tiến bộ" và các đệ tử, vì vậy hiển nhiên không thực sự dành cho những người hoàn toàn mới bước vào Đường Đạo tinh thần. Công việc đòi hỏi mức độ tập trung trí tuệ và sự cam kết quá lớn.

8. Every initiate *initiates,* and these two initiates spoke often of what They might *inaugurate.* We are now in the midst of studying certain aspects of that which They inaugurated. They sought not only to evoke our interest but our *cooperation.* The advanced aspirants and disciples of the world were to become, in effect, *co-workers* in the inaugurated projects.

8. Mỗi điểm đạo đồ đều *khởi xướng,* và hai điểm đạo đồ này thường nói về những gì Các Ngài có thể *khởi lập.* Hiện nay, chúng ta đang nghiên cứu một số phương diện của những gì Các Ngài đã khởi lập. Các Ngài không chỉ tìm cách khơi dậy sự quan tâm mà còn cả sự *hợp tác.* Thực tế, những người chí nguyện tiến bộ và các đệ tử trên thế giới sẽ trở thành *cộng sự* trong những dự án đã được khởi lập.

9. There would be rather strict requirements; discrimination had to be exercised as not all who might be willing would be suitable for the project.

9. Sẽ có những yêu cầu khá nghiêm ngặt; cần vận dụng sự phân biện vì không phải ai sẵn lòng cũng đều phù hợp với dự án.

10. *Four* essential requirements were determined: *Sensitivity, Impersonality, Psychic Gifts* and *Mental Polarization.* These will be discussed in the succeeding paragraphs. Considered simultaneously the requirements look demanding, and (unless deep thought is given to these qualities) somewhat mutually contradictory.

10. *Bốn* yêu cầu thiết yếu đã được xác định: *Tính Nhạy Cảm, Tính Phi Cá Nhân, Năng Khiếu Thông Linh* và *Sự Phân Cực Trí Tuệ.* Những điều này sẽ được bàn đến trong các đoạn tiếp theo. Khi xét đồng thời, những yêu cầu này có vẻ khắt khe và (trừ khi suy ngẫm sâu sắc về những phẩm tính ấy) phần nào mâu thuẫn với nhau.

11. As for the more normal requirements — *aspiration, selflessness* and *the desire to serve* — they were considered fundamental and necessary for each and all. The whole work depended on a sincere orientation toward the soul and a deep urge to be helpful. Where selfishness exists in any great measure, there is no use offering occult training, as it

11. Còn những yêu cầu thông thường hơn — *khát vọng, lòng vị tha* và *mong muốn phụng sự* — được xem là nền tảng và cần thiết cho từng người cũng như tất cả mọi người. Toàn bộ công việc tùy thuộc vào sự chân thành hướng về linh hồn và một thôi thúc sâu xa muốn giúp ích. Nơi nào tính ích kỷ còn hiện diện ở mức độ đáng kể thì việc trao sự huấn

could easily be misused, and would do more harm than good.

luyện huyền bí cũng vô ích, vì sự huấn luyện ấy có thể dễ dàng bị lạm dụng và sẽ gây hại nhiều hơn mang lại lợi ích.

You will note that, as you look back over the spiritual history of the race of men during the past two thousand years (which is far enough for our purpose), that the following methods have been consecutively used to reach men's minds spiritually:

Khi nhìn lại lịch sử tinh thần của nhân loại trong hai nghìn năm qua (khoảng thời gian đủ xa cho mục đích của chúng ta), các bạn sẽ lưu ý rằng những phương pháp sau đây đã lần lượt được sử dụng để tiếp cận thể trí con người về mặt tinh thần:

1. The method of raising the consciousness of an individual so that he became a Knower. Individual salvation and the emergence of outstanding individuals with spiritual sense, vision and achievement to their credit has characterised the mystical history of the past. Some of these people emerged along the way of the heart, the mystical way; such were Shri Krishna, St. Francis of Assisi, and all those Knowers whose way was the Way of Love. To these can be added Milarepa of Tibet and Lao Tze of China. Such also have been many of the saints of the church in the West. The Bhagavad Gita has been the book which has embodied this way superlatively.

1. Phương pháp nâng cao tâm thức của một cá nhân để y trở thành một thức giả. Sự cứu rỗi cá nhân và sự xuất hiện của những cá nhân xuất chúng, với cảm thức, tầm nhìn và thành tựu tinh thần, đã tạo nên nét đặc trưng cho lịch sử thần bí trong quá khứ. Một số người trong số này xuất hiện theo con đường của trái tim, con đường thần bí; đó là Shri Krishna, Thánh Francis thành Assisi và tất cả những thức giả có con đường là Con Đường Tình Thương. Có thể kể thêm Milarepa của Tây Tạng và Lão Tử của Trung Hoa. Nhiều vị thánh của giáo hội phương Tây cũng thuộc số này. Bhagavad Gita là cuốn sách đã thể hiện con đường ấy một cách tuyệt vời nhất.

1. Humanity is millions of years old, but something new is now in process (for which the Hierarchy has been waiting since its inception). The appearance of Christ in Palestine (at the end of a 250,000 year cycle probably of a Pleiadian/Solar nature) started a fundamentally new approach to spiritual training — one based very much upon the principle of *love* rather than as heretofore, upon the principle of *light* (though, naturally, no divine aspect can be excluded from training upon the Path).

1. Nhân loại đã có hàng triệu năm tuổi, nhưng hiện nay một điều mới mẻ đang diễn ra (điều mà Thánh đoàn đã chờ đợi từ khi thành lập). Sự xuất hiện của Đức Christ tại Palestine (vào cuối một chu kỳ 250.000 năm, có lẽ mang bản chất của cụm sao Thất Nữ và Thái dương) đã khởi đầu một cách tiếp cận căn bản mới đối với việc huấn luyện tinh thần — chủ yếu dựa trên nguyên khí *bác ái* thay vì dựa trên nguyên khí *ánh sáng* như trước đây (dĩ nhiên, không một phương diện thiêng liêng nào có thể bị loại khỏi việc huấn luyện trên Đường Đạo).

2. In academic circles, planetary history is

2. Trong giới học thuật, lịch sử hành tinh

taught from an amazingly limited perspective — or so occultists would think. Intellectual history is also taught — the history of ideas. One day the *true spiritual history of humanity* will be written in a compelling manner. The Tibetan has given us glimpses of this history through HPB in *The Secret Doctrine,* but continuity still lacks. Major religious and philosophical movements are noted, but the chronology is not entirely clear and the developmental interrelationships insufficiently detailed.

được giảng dạy từ một góc nhìn hạn hẹp đến kinh ngạc — ít nhất các nhà huyền bí học hẳn sẽ nghĩ như vậy. Lịch sử trí tuệ cũng được giảng dạy — lịch sử của các ý tưởng. Một ngày kia, *lịch sử tinh thần đích thực của nhân loại* sẽ được viết lại một cách đầy sức thuyết phục. Thông qua Bà HPB, Chân sư Tây Tạng đã cho chúng ta những cái nhìn thoáng qua về lịch sử này trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* nhưng vẫn thiếu tính liên tục. Các phong trào tôn giáo và triết học lớn đã được ghi nhận, nhưng trình tự thời gian chưa hoàn toàn rõ ràng và các mối tương quan trong quá trình phát triển chưa đủ chi tiết.

3. Methods of raising consciousness are discussed. The objective of such consciousness -raising is to produce the true "Knower" — really a "Thinker", a conscious soul able to work from the higher mental subplanes planes and sensitive to planes above.

3. Các phương pháp nâng cao tâm thức đang được bàn đến. Mục tiêu của việc nâng cao tâm thức như thế là tạo nên một "thức giả" đích thực — thực sự là một "Chủ Thể Tư Duy", một linh hồn hữu thức có khả năng hoạt động từ các cõi phụ thượng trí và nhạy cảm với những cõi cao hơn.

4. During the Age of Aquarius, the true Knower will increasingly be produced. Such an individual will have mastered certain inner processes of registration and impression, and will be identified with vibrational domains 'outside' and 'above' the personality altogether.

4. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, ngày càng có nhiều thức giả đích thực xuất hiện. Một cá nhân như thế sẽ làm chủ một số tiến trình ghi nhận và tiếp nhận ấn tượng bên trong, đồng thời sẽ đồng hóa với những miền rung động hoàn toàn 'bên ngoài' và 'bên trên' phàm ngã.

5. DK speaks of the "mystical history of the past" with its focus on "individual salvation". He is speaking largely of the Piscean Age and perhaps of the last few hundred years of the Age of Aries.

5. Chân sư DK nói đến "lịch sử thần bí trong quá khứ" với trọng tâm là "sự cứu rỗi cá nhân". Ngài chủ yếu nói đến Kỷ Nguyên Song Ngư và có lẽ cả vài trăm năm cuối của Kỷ Nguyên Bạch Dương.

6. The mystical way is the "way of the heart". The Age of Pisces was ruled by the second and sixth rays — both on the soft or "heart-line". Moreover, this method of development began in Atlantis and carried the vibration of that fourth-ray/sixth-ray

6. Con đường thần bí là "con đường của trái tim". Kỷ Nguyên Song Ngư do cung hai và cung sáu cai quản — cả hai đều thuộc tuyến mềm hay "tuyến trái tim". Hơn nữa, phương pháp phát triển này bắt đầu ở Atlantis và mang rung động của nền văn minh cung

civilization. The Christ is the great Product of that method of spiritual development.

7. Knowers such as Sri Krishna and St. Francis were not really products of the Aryan method of spiritual development.

8. It is surprising so see Lao Tze and Milarepa numbered among those who followed the Way of the Heart, for there was much that was occult or philosophical in their approach. But DK's perspective upon them is certainly more schooled than our own, and so these great individuals should be studied from the view-point suggested.

9. The Western Saint typifies this heart approach. DK suggests elsewhere that they are a special group of monads having some affiliation with the planet Neptune.

"The mystics of the Occident who have come into incarnation during the past one thousand years are a peculiar group of Egos whose impulse is towards this type of cosmic energy. In this system they have developed certain basic recognitions and the "ecstasy" of the occidental mystic is the germ, latent within him, which will some day flower forth into that cosmic rapture for which we have as yet no name." (CF 1259)

10. The Bhagavad Gita is considered one of the fundamental texts to be in the possession of all true students of spirituality. In that great "Song Celestial" one learns many things about spirit and form — especially about detachment from form and identification as spirit.

11. We remember that Krishna was the

bốn/cung sáu ấy. Đức Christ là Thành Quả vĩ đại của phương pháp phát triển tinh thần ấy.

7. Những thức giả như Sri Krishna và Thánh Francis không thực sự là thành quả của phương pháp phát triển tinh thần Arya.

8. Thật ngạc nhiên khi thấy Lão Tử và Milarepa được xếp vào số những vị đi theo Con Đường Trái Tim, vì cách tiếp cận của Các Ngài chứa đựng nhiều yếu tố huyền bí hoặc triết học. Nhưng góc nhìn của Chân sư DK về Các Ngài chắc chắn uyên thâm hơn góc nhìn của chúng ta, vì vậy nên nghiên cứu những nhân vật vĩ đại này từ quan điểm đã được gợi ý.

9. Vị Thánh phương Tây là hình mẫu tiêu biểu cho cách tiếp cận bằng trái tim này. Ở một nơi khác, Chân sư DK gợi ý rằng các vị ấy là một nhóm chân thần đặc biệt, có mối liên hệ nào đó với Sao Hải Vương.

"Các nhà thần bí phương Tây đã lâm phàm trong một nghìn năm qua là một nhóm Chân ngã đặc biệt có xung lực hướng đến loại năng lượng vũ trụ này. Trong hệ này, họ đã phát triển một số nhận biết căn bản, và trạng thái "ngây ngất" của nhà thần bí phương Tây là mầm mống tiềm ẩn trong y, một ngày kia sẽ nở rộ thành niềm hân hoan xuất thần vũ trụ mà hiện nay chúng ta chưa có tên gọi." (CF 1259)

10. Bhagavad Gita được xem là một trong những văn bản nền tảng mà mọi đạo sinh chân chính nghiên cứu về tinh thần đều phải có. Trong "Thiên Ca" vĩ đại ấy, người ta học được nhiều điều về tinh thần và hình tướng — đặc biệt là việc tách rời khỏi hình tướng và đồng hóa mình là tinh thần.

11. Chúng ta nhớ rằng Krishna là Huấn sư

Teacher of Arjuna (the warrior). The Krishna of that great Epic is probably not the Sri Krishna of 5000 years ago, because the great Battle of Kurukshetra is said to have taken place in mid-Atlantean times, some millions of years ago. Though such names as Krishna are used generically by many, there must nevertheless be a connection between Sri Krishna, Who was one of the great exemplars of the "Way of the Heart", and the Lord Krishna Who instructed Arjuna in the Bhagavad Gita.

của Arjuna (người chiến binh). Krishna trong bản sử thi vĩ đại ấy có lẽ không phải là Sri Krishna cách đây 5.000 năm, vì Trận Chiến Kurukshetra vĩ đại được cho là đã diễn ra vào giữa thời Atlantis, cách đây vài triệu năm. Mặc dù nhiều người dùng những tên như Krishna như một danh xưng chung, vẫn phải có mối liên hệ giữa Sri Krishna, một trong những tấm gương vĩ đại của "Con Đường Trái Tim", và Đức Krishna, Đấng đã giáo huấn Arjuna trong Bhagavad Gita.

Others emerged along the way of the mind and were the intellectual Knowers. Theirs is the more strictly occult way and it has become increasingly the way of our present day aspirants. The reason for this is that the polarisation of the race is shifting ever more steadily on to the mental plane. Some of the individuals on this way of the mind were Sankaracharya, the Apostle Paul, and Meister Eckhart. Today, many are coming out along this way under the name of science. There were also those outstanding individuals, such as the Christ and the Buddha, Who combined both ways in their perfection and Who towered above Their fellowmen from the heights of Their achievement. They swayed hemispheres and centuries, whereas the lesser sons of God swayed countries, specific types of mind and lesser periods of time.

Những vị khác xuất hiện theo con đường trí tuệ và là những thức giả thiên về trí tuệ. Con đường của họ mang tính huyền bí rõ rệt hơn và ngày càng trở thành con đường của những người chí nguyện thời nay. Lý do là sự phân cực của nhân loại đang ngày càng chuyển dịch vững chắc hơn lên cõi trí. Một số cá nhân đi trên con đường trí tuệ này là Sankaracharya, Tông đồ Paul và Meister Eckhart. Ngày nay, nhiều người đang xuất hiện trên con đường này dưới danh nghĩa khoa học. Cũng có những cá nhân xuất chúng, như Đức Christ và Đức Phật, đã kết hợp cả hai con đường trong sự hoàn thiện và, từ đỉnh cao thành tựu của mình, Các Ngài vượt xa những người đồng loại. Các Ngài tạo ảnh hưởng đến những bán cầu và nhiều thế kỷ, trong khi những người con của Thượng đế ở tầm vóc nhỏ hơn chỉ tạo ảnh hưởng đến các quốc gia, những loại hình trí tuệ cụ thể và những khoảng thời gian ngắn hơn.

1. DK is discussing the creation of "Knowers" through processes of individual spiritual training. He now discusses the "*intellectual* Knowers" rather that 'Knowers of the Heart'.

1. Chân sư DK đang bàn về việc tạo nên những "thức giả" thông qua các tiến trình huấn luyện tinh thần cá nhân. Giờ đây, Ngài bàn đến những "*thức giả* thiên về trí tuệ" thay vì 'những thức giả của Trái Tim'.

2. Because of the type of civilization in which we live and the prominence of the

2. Do loại hình văn minh mà chúng ta đang sống và sự nổi trội của cung năm trong giống

fifth ray during the fifth subrace of the fifth root-race, the way of the intellectual Knower (the occultist) is increasingly the way of the modern aspirant or disciple.

dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm, con đường của thức giả thiên về trí tuệ (nhà huyền bí học) ngày càng trở thành con đường của người chí nguyện hoặc đệ tử hiện đại.

3. Every root-race and subrace will have its preferred way of achieving consciousness of the divine. For the Aryan Age, and the Teutonic subrace of that Age, the way is largely through the mind. The sixth subrace of the Aryan Race (now slowly forming) will augment that approach, by including more of the abstract mind and the intuition.

3. Mỗi giống dân gốc và giống dân phụ sẽ có con đường ưu tiên riêng để đạt đến tâm thức về điều thiêng liêng. Đối với Thời Đại Arya và giống dân phụ Teuton của thời đại ấy, con đường chủ yếu đi qua trí tuệ. Giống dân phụ thứ sáu của Giống dân Arya (hiện đang dần hình thành) sẽ mở rộng cách tiếp cận ấy bằng việc đưa thêm nhiều yếu tố của trí trừu tượng và trực giác vào.

4. It is interesting to see who the Tibetan regards as *intellectual* Knowers. The great Sankaracharya was considered the counterpart of the Buddha. He was the foremost exponent of Adwaita Vedanta (the Vedantic Philosophy of Non-Dualism). For all his passion and apparent fanaticism, the initiate Paul is considered an intellectual Knower. Fittingly, He is presently the Chohan who heads the Fifth Ray Ashram. Meister Eckhart is commonly regarded as a great German mystic (but DK calls him an occultist).

4. Thật thú vị khi xem Chân sư Tây Tạng coi những ai là các *thức giả* thiên về trí tuệ. Sankaracharya vĩ đại được xem là đối phần của Đức Phật. Ngài là người diễn giải lỗi lạc nhất về Adwaita Vedanta (Triết Học Vedanta về Bất Nhị). Dù đầy nhiệt huyết và có vẻ cuồng tín, điểm đạo đồ Paul vẫn được xem là một thức giả thiên về trí tuệ. Phù hợp với điều đó, hiện nay Ngài là vị Chohan đứng đầu ashram Cung Năm. Meister Eckhart thường được xem là một nhà thần bí vĩ đại người Đức (nhưng Chân sư DK gọi ông là một nhà huyền bí học).

5. St. Paul was upon the fifth and first rays, and Sankaracharya (according to the Tibetan) a representative of the second ray.

5. Thánh Paul thuộc cung năm và cung một, còn Sankaracharya (theo Chân sư Tây Tạng) là một đại diện của cung hai.

"Such Avatars were Plato, the first Patanjali and Sankaracharya; they emerge upon the second ray line of energy, in the department of the Christ and are expressions of hierarchical force". (EXH 298)

"Những Đấng Hoá Thân như thế là Plato, Patanjali thứ nhất và Sankaracharya; Các Ngài xuất hiện trên tuyến năng lượng cung hai, trong ban của Đức Christ, và là những biểu hiện của mãnh lực Thánh đoàn". (EXH 298)

The rays of Meister Eckhart are not given.

Các cung của Meister Eckhart không được nêu ra.

6. It is interesting to find an "intellectual Knower" largely characterized by the *second* ray. One might expect to find such second ray types only in relation to the "Way of the Heart". The rays have to be studied closely so that false generalizations are not indulged.

6. Thật thú vị khi thấy một "thức giả thiên về trí tuệ" lại chủ yếu mang đặc trưng của cung *hai* như vậy. Người ta có thể nghĩ rằng chỉ tìm thấy những người cung hai như thế trong mối liên hệ với "Con Đường Trái Tim". Cần nghiên cứu kỹ các cung để không sa vào những khái quát hóa sai lầm.

7. The present Christ — the Lord Maitreya — (a later incarnation of Sri Krishna) and the Buddha are considered to tower above the other great Teachers. The power of a Teacher is measured by the scope of His influence. Christ and Buddha swayed hemispheres. The other Teachers influenced countries, specific types of mind and lesser periods of time.

7. Đức Christ hiện tại — Đức Maitreya — (một kiếp nhập thể về sau của Sri Krishna) và Đức Phật được xem là vượt xa các Huấn sư vĩ đại khác. Quyền năng của một Huấn sư được đo bằng phạm vi ảnh hưởng của Ngài. Đức Christ và Đức Phật đã tác động sâu rộng đến các bán cầu. Các Huấn sư khác ảnh hưởng đến những quốc gia, những kiểu thể trí cụ thể và những khoảng thời gian ngắn hơn.

8. Probably few of us who are not Masters of the Wisdom can appreciate the real contribution of the Christ and the Buddha — Beings Who rank above Masters and above even the Chohans of the sixth initiation. But so universal were these two Teachers (with respect to humanity, at least) that They gave something comprehensible by all — even by many of the humblest.

8. Có lẽ ít ai trong chúng ta, những người chưa phải là Chân sư Minh Triết, có thể nhận thức đúng sự đóng góp thực sự của Đức Christ và Đức Phật — những Đấng có cấp bậc cao hơn các Chân sư và thậm chí cao hơn cả các Đế Quân ở lần điểm đạo thứ sáu. Nhưng hai Huấn sư này có tính phổ quát đến mức (ít nhất là đối với nhân loại), Các Ngài đã trao truyền điều mà tất cả mọi người đều có thể thấu hiểu — ngay cả nhiều người thuộc hàng thấp kém nhất.

9. We understand that the Masters of the Wisdom "bend the knee" to the Christ. Do we have a real appreciation of *why* They do this? Perhaps it has something to do with the primacy of the Love in our solar system, and the fact that the Christ is the greatest demonstration of systemic (and, even, cosmic) Love which humanity has, thus far, produced.

9. Chúng ta hiểu rằng các Chân sư Minh Triết "quỳ gối" trước Đức Christ. Chúng ta có thực sự hiểu *vì sao* Các Ngài làm như vậy không? Có lẽ điều này có liên quan đến vị trí tối thượng của Bác ái trong hệ mặt trời của chúng ta, và việc Đức Christ là sự biểu hiện vĩ đại nhất của Bác ái thuộc hệ mặt trời (và thậm chí thuộc vũ trụ) mà nhân loại đã sản sinh cho đến nay.

10. A little contemplation on the real nature

10. Một chút chiêm ngưỡng về bản chất thực sự của Đức Christ có thể mang lại những kết

of the Christ may yield astounding results.

quả đáng kinh ngạc.

11. Through these two, the Christ and the Buddha, the cosmic astral plane and cosmic mental plane touch humanity. No wonder They are so extraordinary.

11. Thông qua hai Đấng này, Đức Christ và Đức Phật, cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ tiếp xúc với nhân loại. Chẳng lạ gì khi Các Ngài phi thường đến vậy.

2. The second method employed for raising the consciousness of the race was through groups, gathered around a [45] teacher who (to a greater or less degree) was a focal point of energy either

2. Phương pháp thứ hai dùng để nâng cao tâm thức nhân loại là thông qua các nhóm, quy tụ quanh một [45] huấn sư, người (ở mức độ nhiều hay ít) là một tiêu điểm năng lượng, hoặc

1. The first method of raising consciousness was *individual.* Effective though it was, its day has run its course. Not only is a New Age virtually upon us, but a new Platonic Year (a 25,000 year cycle ruled by Aquarius) is about to dawn. The Era of the Group is emerging, and methods of spiritual training must reflect the prevailing energies.

1. Phương pháp đầu tiên để nâng cao tâm thức là phương pháp *cá nhân.* Dù hữu hiệu, thời kỳ của phương pháp này đã đi hết chặng đường của nó. Không chỉ một Kỷ Nguyên Mới hầu như đã đến với chúng ta, mà một Năm Plato mới (một chu kỳ 25.000 năm do Bảo Bình cai quản) cũng sắp khởi đầu. Kỷ Nguyên của Nhóm đang xuất hiện, và các phương pháp huấn luyện tinh thần phải phản ánh những năng lượng đang chiếm ưu thế.

2. Even in the past the group method was employed. We recognize that the groups gathered around the Buddha (the Arhats), and those around the Christ (the Twelve Disciples), were amazingly influential. More recently, there was a group gathered around Sri Ramakrishna (including Swami Vivekananda) and this group was very influential in bringing Vedanta to the Western world. Probably there have been a number such groups which have impacted humanity in a positive spiritual manner.

2. Ngay cả trong quá khứ, người ta cũng đã sử dụng phương pháp nhóm. Chúng ta nhận ra rằng những nhóm quy tụ quanh Đức Phật (các vị La Hán), và quanh Đức Christ (Mười Hai Đệ Tử), đã có ảnh hưởng lớn lao đáng kinh ngạc. Gần đây hơn, có một nhóm quy tụ quanh Sri Ramakrishna (bao gồm Swami Vivekananda), và nhóm này đã có ảnh hưởng rất lớn trong việc đưa Vedanta đến thế giới phương Tây. Có lẽ đã có một số nhóm như vậy tác động tích cực đến nhân loại về mặt tinh thần.

a. By the power of his soul contact or

a. Nhờ quyền năng từ sự tiếp xúc với linh hồn của người ấy, hoặc

b. By that contact and being also a channel through which some member of the

b. Nhờ sự tiếp xúc ấy và đồng thời là một kênh dẫn để một thành viên nào đó của

Hierarchy could work.

1. Every group has to have a focal point. That is the way Hierarchy works. Every Hierarchy is, in fact, a *Hierarchy* with a leader at its head.

2. Those who have gathered groups have either been powerful expressions of the soul in their own right, or have been "overshadowed" or 'over-lighted' by members of the Hierarchy. There have been a number of experiments — probably more than we know. We are told that Jeddu Krishnamurti was overshadowed for a time by the Christ. Those who heard him speak during a certain period when the experiment was in effect remarked on the tremendous energy he evidenced.

Through the example of these teachers, through their teaching, through their successes and their failures, those whom they gathered to them could be taught, their vibration could be increased, their consciousness expanded and the group could become a magnetised centre of force, of purpose and of spiritual light — the degree of this being dependent upon the purity of the note sounded and the selflessness of the lives shown. The mental calibre of the group also had its effect, for the average vibration and polarisation established the note for the group as a whole.

1. The individuals first discussed, Sri Krishna, St. Francis, Milarepa, Lao Tze, St. Paul, Meister Eckhart, Sankaracharya — were not products of *group* instruction. Some had no outward teachers of whom we know. If an outward teacher was involved, that teacher seemed to work with them on a

Thánh đoàn có thể hoạt động thông qua.

1. Mỗi nhóm đều phải có một tiêu điểm. Đó là cách Thánh đoàn hoạt động. Thực ra, mọi hệ thống thứ bậc đều là một *hệ thống thứ bậc* có một người lãnh đạo đứng đầu.

2. Những người đã quy tụ các nhóm hoặc vốn là những biểu hiện mạnh mẽ của linh hồn, hoặc đã được "phủ bóng" hay 'soi sáng từ trên' nhờ các thành viên của Thánh đoàn. Đã có một số cuộc thử nghiệm — có lẽ nhiều hơn chúng ta biết. Chúng ta được cho biết rằng Đức Christ đã phủ bóng Jeddu Krishnamurti trong một thời gian. Những người từng nghe ông diễn thuyết trong một giai đoạn nhất định khi cuộc thử nghiệm đang diễn ra đã nhận xét về năng lượng vô cùng mạnh mẽ mà ông biểu lộ.

Thông qua tấm gương của những huấn sư này, thông qua giáo huấn, những thành công và thất bại của họ, những người quy tụ quanh họ có thể được dạy dỗ, rung động của họ có thể được nâng cao, tâm thức của họ có thể mở rộng, và nhóm có thể trở thành một trung tâm được từ hóa của mãnh lực, của mục đích và của ánh sáng tinh thần — mức độ này tùy thuộc vào sự tinh khiết của âm điệu được xướng lên và tính vô ngã thể hiện trong những cuộc đời ấy. Trình độ trí tuệ của nhóm cũng có tác động, vì rung động và sự phân cực trung bình xác lập âm điệu cho toàn nhóm.

1. Những cá nhân được bàn đến đầu tiên, Sri Krishna, Thánh Francis, Milarepa, Lão Tử, Thánh Paul, Meister Eckhart, Sankaracharya — không phải là sản phẩm của việc giảng dạy theo *nhóm* . Một số vị không có huấn sư bên ngoài nào mà chúng ta biết đến. Nếu có một huấn sư bên ngoài tham gia, huấn sư ấy

one-to-one basis.

2. Other, perhaps less notable individuals, have been taught over the centuries in group form. The teachers have taught not only through their teaching, but through example, success and failure.

3. Different types of groups were produced, of varying light, love and potency.

4. It is interesting to see that the strength of the group depends upon "purity" and "selflessness". Purity and selflessness create a channel for power.

5. These are two points on which we can question ourselves as we assess the potency of our present group formations. Always, I suspect, there will be room for improvement.

6. Mental calibre is not without its significance. DK speaks of how the "note for the group as a whole" is established. The *average* vibration and polarization establishes the note.

7. The Masters can perceive these subtle energy dynamics and know the *quality of groups.* Our task is to attempt to enhance the quality of any worthy group with which we may be associated — bearing these three factors in mind: *purity, selflessness* and *mental calibre.*

An experiment is now being made to shift the focus of the groups inwards and yet, at the same time, to increase their potency by permitting no individual leader to be found at the group centre upon the outer plane. All in the group are to be gathered together as

dường như làm việc riêng với từng vị.

2. Qua nhiều thế kỷ, những cá nhân khác, có lẽ ít nổi bật hơn, đã được giảng dạy theo hình thức nhóm. Các huấn sư không chỉ dạy bằng giáo huấn, mà còn bằng tấm gương, thành công và thất bại.

3. Những loại nhóm khác nhau đã hình thành, với ánh sáng, tình thương và sức mạnh ở những mức độ khác nhau.

4. Thật thú vị khi thấy rằng sức mạnh của nhóm tùy thuộc vào "sự tinh khiết" và "tính vô ngã". Sự tinh khiết và tính vô ngã tạo nên một kênh dẫn cho quyền năng.

5. Đây là hai điểm mà chúng ta có thể tự chất vấn khi đánh giá sức mạnh của những nhóm hiện tại của mình. Tôi cho rằng lúc nào cũng sẽ còn chỗ để cải thiện.

6. Trình độ trí tuệ cũng có thâm nghĩa của nó. Chân sư DK nói về cách xác lập "âm điệu cho toàn nhóm" . Chính rung động và sự phân cực *trung bình* xác lập âm điệu ấy.

7. Các Chân sư có thể nhận biết những động thái năng lượng tinh tế này và biết *phẩm tính của các nhóm.* Nhiệm vụ của chúng ta là cố gắng nâng cao phẩm tính của bất kỳ nhóm xứng đáng nào mà mình có thể tham gia — ghi nhớ ba yếu tố này: *sự tinh khiết, tính vô ngã* và *trình độ trí tuệ.*

Hiện nay, một cuộc thử nghiệm đang được tiến hành nhằm chuyển trọng tâm của các nhóm vào bên trong, đồng thời gia tăng sức mạnh của họ bằng cách không để một cá nhân lãnh đạo nào hiện diện tại trung tâm nhóm trên cõi bên ngoài. Tất cả thành viên

free souls. Together, they will learn; together, they will stand with impersonality; together, they will render service to the world. You must remember, however, that any person who takes the position that the work to be done is only upon the inner planes and that he is working solely from mental or spiritual levels of consciousness is not right in his conception of the process. Inner work which does not work out into objective activity upon the physical plane is wrongly oriented and inspired.

trong nhóm phải quy tụ như những linh hồn tự do. Họ sẽ cùng nhau học hỏi; cùng nhau đứng vững trong tính vô ngã; cùng nhau phụng sự thế gian. Tuy nhiên, các bạn phải nhớ rằng bất kỳ ai cho rằng công việc cần làm chỉ ở trên các cõi bên trong và rằng mình chỉ hoạt động từ những cấp độ tâm thức trí tuệ hoặc tinh thần, thì người ấy đang quan niệm sai về tiến trình này. Công việc bên trong không dẫn đến hoạt động khách quan trên cõi hồng trần là công việc có định hướng và cảm hứng sai lệch.

1. The nature of the present group experiment is given. The groups in training are to have a more intensely inward focus, but no individual leader will be found at the group center *upon the outer plane.*

1. Bản chất của cuộc thử nghiệm nhóm hiện tại đã được trình bày. Các nhóm đang được huấn luyện phải tập trung mãnh liệt hơn vào bên trong, nhưng sẽ không có một cá nhân lãnh đạo nào tại trung tâm nhóm *trên cõi bên ngoài.*

2. This, interestingly, is for the purpose of increasing the potency of the groups. We can understand that *outer* leaders are capable of mobilizing group energies, but, may also confine such energies or short-circuit them.

2. Điều thú vị là việc này nhằm gia tăng sức mạnh của các nhóm. Chúng ta có thể hiểu rằng những người lãnh đạo *bên ngoài* có khả năng huy động năng lượng của nhóm, nhưng cũng có thể hạn chế những năng lượng ấy hoặc làm chúng bị đoản mạch.

3. This approach must be carefully studied because it is not being said that the *group has no leader.* It is simply that the leader is not to be found *on the outer plane.* It is a Master or some initiate who is the true inner leader of such groups. Such was the case for the groups-of-nine which the Tibetan was organizing. Alice Bailey was simply the transcribing secretary for the groups, relaying to them that which the Tibetan wanted to convey. She had no authority over the groups or their personnel. While it may have seemed that the instruction was coming *from* her, in fact is was coming *through* her. She was not personally involved

3. Cần nghiên cứu kỹ cách tiếp cận này, vì điều đang được nói đến không phải là *nhóm không có người lãnh đạo.* Chỉ đơn giản là người lãnh đạo không hiện diện *trên cõi bên ngoài.* Một Chân sư hoặc một điểm đạo đồ nào đó mới là người lãnh đạo thực sự ở bên trong của những nhóm như vậy. Đó là trường hợp của những nhóm chín người mà Chân sư Tây Tạng đang tổ chức. Bà Alice Bailey chỉ là thư ký ghi chép cho các nhóm, chuyển đến họ những điều Chân sư Tây Tạng muốn truyền đạt. Bà không có quyền hành đối với các nhóm hay các thành viên của họ. Dù có vẻ như giáo huấn đến *từ* Bà, nhưng thực ra giáo huấn được truyền *qua* Bà.

(though she was always ready to help).

Bà không can dự với tư cách cá nhân (dù Bà luôn sẵn sàng giúp đỡ).

4. The factor of *freedom* is very important in the new kinds of Aquarian groups. Aquarius is, after all, a sign ruled by Uranus, the planet of freedom, and, increasingly, personnel in such groups must assemble as "free souls" — self-determining, yet acknowledging the same purpose and fully cooperative.

4. Yếu tố *tự do* rất quan trọng trong những loại nhóm Bảo Bình mới. Xét cho cùng, Bảo Bình là một dấu hiệu do Sao Thiên Vương, hành tinh của tự do, cai quản, và các thành viên trong những nhóm như vậy ngày càng phải quy tụ như những "linh hồn tự do" — tự quyết, nhưng cùng thừa nhận một mục đích và hợp tác trọn vẹn.

5. The Tibetan is always careful to strike a balancing note, lest someone, in this case, take the idea of subjectivity too far. In the process we call the Externalization of the Hierarchy there is always a simultaneous inwardly-tending and outwardly-tending movement. Hierarchy is not only approaching Shamballa (a deeply subjective matter), it is emerging into increasingly physical presence. Likewise, the responsibility of modern disciples is twofold and involves deepening subjective activity accompanied by the precipitation of subjective activities upon the physical plane.

5. Chân sư Tây Tạng luôn thận trọng đưa ra một âm điệu cân bằng, để trong trường hợp này không ai đẩy ý tưởng về tính chủ quan đi quá xa. Trong tiến trình mà chúng ta gọi là Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn, luôn có sự vận động đồng thời hướng vào trong và hướng ra ngoài. Thánh đoàn không chỉ đang tiến gần đến Shamballa (một vấn đề mang tính chủ quan sâu xa), mà còn đang xuất hiện với sự hiện diện ngày càng rõ trên cõi hồng trần. Tương tự, trách nhiệm của các đệ tử hiện đại mang tính nhị phân, bao gồm việc đào sâu hoạt động chủ quan, đồng thời làm cho những hoạt động chủ quan ấy ngưng tụ trên cõi hồng trần.

6. There is no way we can avoid our responsibility to *every* dimension of the three worlds. We are physical, emotional and mental beings and have to serve on all three levels (though our particular focus may be more towards one than the others).

6. Chúng ta không thể nào tránh né trách nhiệm của mình đối với *mọi* chiều kích của ba cõi giới. Chúng ta là những sinh linh hồng trần, cảm xúc và trí tuệ, nên phải phụng sự trên cả ba cấp độ (dù trọng tâm riêng của chúng ta có thể nghiêng về một cấp độ hơn những cấp độ khác).

These new types of groups will work together under the conscious guidance and suggestion of a member of the Great White Lodge. Note the word "suggestion," my brothers. If these groups were subjected to the authority of such a member, then the objective of all the work undertaken would

Những loại nhóm mới này sẽ cùng làm việc dưới sự hướng dẫn hữu thức và gợi ý của một thành viên Thánh đoàn. Các huynh đệ của Tôi, hãy lưu ý từ "gợi ý". Nếu những nhóm này chịu sự áp đặt quyền hành của một thành viên như vậy, thì mục tiêu của toàn bộ công việc đang thực hiện sẽ không thành

fail to materialize. An occult law would have been broken. Free, intelligent assistance is what we are asking from all our disciples today, and we leave them free to render it or not as they like and in the manner which may seem best to them. I am your teacher. I make suggestion. I offer instruction. I indicate [46] the way to the goal and to the field of service. I point out to you what we, the Teachers upon the inner side, seek to see accomplished. Temporarily and of your own free will, you have indicated your willingness to serve and to cooperate in my plans. Beyond thus indicating the way and the service, I will not go. It is for all of you, my disciples, to work out in joint collaboration and in the closest understanding the way that my suggestions and my hints should be utilised. I do not interfere.

hiện thực. Một định luật huyền bí hẳn đã bị vi phạm. Ngày nay, điều chúng tôi yêu cầu ở tất cả các đệ tử là sự trợ giúp tự do và sáng suốt, và chúng tôi để họ tự do trợ giúp hay không, tùy ý họ, theo cách mà họ thấy là tốt nhất. Tôi là huấn sư của các bạn. Tôi đưa ra gợi ý. Tôi trao giáo huấn. Tôi chỉ [46] con đường đến mục tiêu và đến lĩnh vực phụng sự. Tôi chỉ cho các bạn thấy điều mà chúng tôi, những Huấn sư ở phía bên trong, mong thấy được hoàn thành. Trong một thời gian và hoàn toàn do ý chí tự do của mình, các bạn đã bày tỏ sự sẵn lòng phụng sự và hợp tác trong những kế hoạch của Tôi. Tôi sẽ không đi xa hơn việc chỉ ra con đường và công việc phụng sự như vậy. Chính tất cả các bạn, những đệ tử của Tôi, phải cùng hợp tác và thấu hiểu nhau sâu sắc nhất để tìm ra cách vận dụng những gợi ý và những lời hé lộ của Tôi. Tôi không can thiệp.

1. The Tibetan clarifies the matter of leadership and the way in which the new groups will work.

1. Chân sư Tây Tạng làm sáng tỏ vấn đề lãnh đạo và cách thức các nhóm mới sẽ hoạt động.

2. “Conscious guidance” and “suggestion” will come from a member of the Great While Lodge.

2. “Sự hướng dẫn hữu thức” và “gợi ý” sẽ đến từ một thành viên của Thánh đoàn.

3. We remember earlier that the Tibetan was speaking of His possible rank as a disciple or initiate. A little reasoning would have revealed to those intent on discerning His spiritual status, that He was attempting to work with groups in the manner here described and, therefore, must have been “a member of the Great White Lodge”.

3. Chúng ta nhớ rằng trước đó Chân sư Tây Tạng đã nói đến cấp bậc có thể có của Ngài là một đệ tử hoặc điểm đạo đồ. Chỉ cần suy luận đôi chút, những người muốn phân biện địa vị tinh thần của Ngài hẳn đã nhận ra rằng Ngài đang cố gắng làm việc với các nhóm theo cách được mô tả ở đây, và do đó, Ngài hẳn phải là “một thành viên của Thánh đoàn”.

4. DK reemphasizes the word “suggestion”. He does not say that *only second ray Masters* work with conscious guidance and suggestion; He seems to imply that *all*

4. Chân sư DK nhấn mạnh lại từ “gợi ý”. Ngài không nói rằng *chỉ các Chân sư cung hai* mới làm việc bằng sự hướng dẫn hữu thức và gợi ý; dường như Ngài hàm ý rằng *tất cả* các

Masters or initiates in a guiding position will work with suggestion.

Chân sư hoặc điểm đạo đồ ở cương vị hướng dẫn đều sẽ làm việc bằng gợi ý.

5. If a group were subjected to authority, why would it fail? DK tells us that "an occult law would have been broken". The implication is that breaking occult law guarantees failure. This we must ponder in relation to many of our own processes.

5. Nếu một nhóm chịu sự áp đặt quyền hành, vì sao nhóm ấy sẽ thất bại? Chân sư DK cho chúng ta biết rằng "một định luật huyền bí hẳn đã bị vi phạm". Điều này hàm ý rằng vi phạm định luật huyền bí thì chắc chắn sẽ thất bại. Chúng ta phải suy ngẫm điều này trong mối liên hệ với nhiều tiến trình của chính mình.

6. When we ponder the use of suggestion rather than command, we recognize the Hierarchy's intent to respect the *principle of freewill*. That freewill is the seed of growth for any self-conscious entity. If he/she is deprived of its exercise, the building of capacity falters and fails; the learning process stops; the organism is weakened. Something is stolen from another every time that other is denied the use of his/her freewill.

6. Khi suy ngẫm về việc dùng gợi ý thay cho mệnh lệnh, chúng ta nhận ra Thánh đoàn có ý định tôn trọng *nguyên lý ý chí tự do*. Ý chí tự do ấy là hạt giống tăng trưởng của bất kỳ thực thể có ngã thức nào. Nếu người ấy bị tước quyền sử dụng ý chí tự do, việc xây dựng năng lực sẽ chao đảo và thất bại; tiến trình học hỏi sẽ dừng lại; cơ thể sẽ suy yếu. Mỗi khi một người bị khước từ quyền sử dụng ý chí tự do của mình, người ấy lại bị lấy mất một điều gì đó.

7. The Spiritual Hierarchy knows this and respects it utterly. The black lodge does not respect the principle of freewill at all. Freewill is the one thing they seek to crush. They care not for the growth of the soul and the expression of the spirit.

7. Thánh đoàn biết điều này và tôn trọng nó một cách tuyệt đối. Hắc đoàn hoàn toàn không tôn trọng nguyên lý ý chí tự do. Ý chí tự do chính là điều họ tìm cách nghiền nát. Họ không quan tâm đến sự tăng trưởng của linh hồn và sự biểu hiện của tinh thần.

8. Mentally polarized disciples are increasingly self-determining. Mind and will are related, and the egoic lotus, is, after all, found upon the higher *mental* plane. It may dawn upon us how much more we disciples of the present era are responsible for our own evolution than in the past. The Teacher will no longer *take responsibility for us* as has often been the case in previous modes of spiritual/occult training. Our occult obedience is now of a different order — principally to the soul and to the Plan. Of

8. Các đệ tử phân cực trí tuệ ngày càng có khả năng tự quyết. Thể trí và ý chí có liên hệ với nhau, và xét cho cùng, Hoa Sen Chân Ngã nằm trên cõi thượng *trí* . Chúng ta có thể dần nhận ra rằng những đệ tử trong thời đại hiện nay như chúng ta phải chịu trách nhiệm về sự tiến hoá của chính mình nhiều hơn trước kia đến mức nào. Huấn sư sẽ không còn *chịu trách nhiệm thay cho chúng ta* như thường thấy trong những phương thức huấn luyện tinh thần/huyền bí trước đây. Giờ đây, sự tuân phục huyền bí của chúng ta thuộc một

course, if we are real members of an Ashram, we will recognize that the Master's Will reflects the Plan, and we will do all we can to fulfill it.

dạng khác — chủ yếu là tuân phục linh hồn và Thiên Cơ. Dĩ nhiên, nếu thực sự là thành viên của một ashram, chúng ta sẽ nhận ra rằng Ý Chí của Chân sư phản ánh Thiên Cơ, và chúng ta sẽ làm tất cả những gì có thể để thực hiện Ý Chí ấy.

9. DK lays out what He will do and how he will do it. He writes, it would seem, for mature, self-determining individuals who must *decide*, of their own free will and accord, whether or not they will cooperate. We see the Master setting limits upon His own probable responses. He will only go so far. The rest is up to us.

9. Chân sư DK trình bày những điều Ngài sẽ làm và cách Ngài sẽ thực hiện. Dường như Ngài viết cho những cá nhân trưởng thành, tự quyết, những người phải *quyết định* bằng ý chí tự do và sự tự nguyện của mình rằng họ có hợp tác hay không. Chúng ta thấy Chân sư đặt ra giới hạn cho những đáp ứng có thể có của chính Ngài. Ngài sẽ chỉ đi đến một mức độ nhất định. Phần còn lại tùy thuộc vào chúng ta.

10. It is clear that we are not studying these instructions as if they relate only to *other* disciples who were involved in a spiritual experiment some seventy years ago. These instructions, for all intents and purposes, are *written to us and for us,* and indicate ways with which we may cooperate with the hierarchical enterprise.

10. Rõ ràng chúng ta không nghiên cứu những huấn thị này như thể chúng chỉ liên quan đến những đệ tử *khác* từng tham gia một cuộc thử nghiệm tinh thần khoảng bảy mươi năm trước. Xét về mọi phương diện thực tế, những huấn thị này *được viết gửi đến chúng ta và dành cho chúng ta,* và chỉ ra những cách chúng ta có thể hợp tác với công cuộc của Thánh đoàn.

11. Notice that DK uses the word "temporarily". He does not expect that the disciples who have volunteered to cooperate will cooperate in this manner forever. He also knows that there is a term to his *objective* work with AAB. He tells us elsewhere that thirty years' work was planned. That work would be coming to an end some fifteen or sixteen years after the writing of this instruction. The time equation is not being left to chance.

11. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK dùng từ "trong một thời gian". Ngài không trông đợi những đệ tử đã tự nguyện hợp tác sẽ mãi mãi hợp tác theo cách này. Ngài cũng biết rằng công việc *khách quan* của Ngài với Bà AAB có một thời hạn. Ở nơi khác, Ngài cho chúng ta biết rằng ba mươi năm làm việc đã được dự tính. Công việc ấy sẽ kết thúc khoảng mười lăm hoặc mười sáu năm sau khi huấn thị này được viết ra. Yếu tố thời gian không được phó mặc cho ngẫu nhiên.

12. The Master is placing heavy responsibility directly upon the shoulders of His disciples. He will make suggestions, but

12. Chân sư đang đặt trách nhiệm nặng nề trực tiếp lên vai các đệ tử của Ngài. Ngài sẽ đưa ra gợi ý, nhưng trong "sự thấu hiểu

in “joint understanding” and in “closest collaboration” they are to work out the manner in which the Teacher’s hints and suggestions should be utilized.

chung” và trong “sự hợp tác chặt chẽ nhất”, họ phải tìm ra cách vận dụng những lời hé lộ và gợi ý của Huấn sư ấy.

13. As time would show, they somewhat failed in that regard.

13. Như thời gian sau này cho thấy, họ đã phần nào thất bại về phương diện ấy.

14. We can see that DK was attempting something really new, a clean break with past methods, and an attempt to institute quite a new method of discipleship training. That type of training naturally still applies to our times, and when the Masters again reappear in more physically tangible form, the methods suggested will probably be instituted on rather a larger scale. Perhaps, we, who now study these instructions and attempt to apply them, are in training for those times and opportunities.

14. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang thử nghiệm một điều thực sự mới, dứt khoát rời bỏ những phương pháp quá khứ và cố gắng thiết lập một phương pháp hoàn toàn mới để huấn luyện đệ tử. Dĩ nhiên, kiểu huấn luyện ấy vẫn áp dụng cho thời đại của chúng ta, và khi các Chân sư tái xuất hiện trong hình tướng hữu hình hơn trên cõi hồng trần, những phương pháp được gợi ý có lẽ sẽ được triển khai trên quy mô lớn hơn khá nhiều. Có lẽ chúng ta, những người hiện đang nghiên cứu các huấn thị này và cố gắng áp dụng chúng, đang được huấn luyện để chuẩn bị cho những thời điểm và cơ hội ấy.

15. Freedom and responsibility complement each other. Freedom is Uranian and responsibility, Saturnian. These planets are often considered to function in ways diametrically opposed. Yet their relationship can easily be seen. Both Uranian and Saturnian attitudes we expected of the DINA disciples (and of us). This had to be challenging, and still is.

15. Tự do và trách nhiệm bổ sung cho nhau. Tự do thuộc về Sao Thiên Vương, còn trách nhiệm thuộc về Sao Thổ. Hai hành tinh này thường được xem là hoạt động theo những cách hoàn toàn đối lập. Tuy nhiên, có thể dễ dàng thấy mối liên hệ giữa chúng. Các đệ tử DINA (và chúng ta) đều được kỳ vọng có cả thái độ của Sao Thiên Vương lẫn Sao Thổ. Điều này hẳn đã đầy thách thức, và đến nay vẫn vậy.

First of all, I call for a deeper love and comprehension between the members of the group. This is necessary in order that the internal structure of the group may be more firmly and closely integrated.

Trước hết, Tôi kêu gọi một tình thương và sự thấu hiểu sâu sắc hơn giữa các thành viên trong nhóm. Điều này cần thiết để cấu trúc bên trong của nhóm có thể được tích hợp vững chắc và chặt chẽ hơn.

1. DK begins listing requirements. Always and ever “deeper love and comprehension” will be useful. The integration and

1. Chân sư DK bắt đầu liệt kê các yêu cầu. Luôn luôn và mãi mãi, “tình thương và sự thấu hiểu sâu sắc hơn” đều sẽ hữu ích. Sự

unification of the larger group (as a whole), and of the various groups within that larger group are to proceed apace in a more loving, understanding atmosphere.

tích hợp và hợp nhất của nhóm lớn hơn (xét như một toàn thể), cũng như của các nhóm khác nhau bên trong nhóm lớn ấy, phải tiến triển nhanh chóng trong một bầu không khí giàu tình thương và sự thấu hiểu hơn.

2. As a Master occultist, DK sees "from the inside out". He judges according to the nature of the "internal structure" — something we are only learning how to do (and just a little).

2. Là một Chân sư huyền bí học, Chân sư DK nhìn "từ trong ra ngoài". Ngài phán đoán theo bản chất của "cấu trúc bên trong" — điều mà chúng ta chỉ mới đang học cách thực hiện (và mới được đôi chút).

3. If a firm and close integration exists, there will be power and efficiency. Energy will not be wasted or blocked, and the group can serve as a true instrument for world service.

3. Nếu có sự tích hợp vững chắc và chặt chẽ, sẽ có quyền năng và hiệu quả. Năng lượng sẽ không bị lãng phí hoặc ngăn trở, và nhóm có thể trở thành một công cụ thực sự để phụng sự thế gian.

4. In all our labors, loving-understanding will clear the way to success. Let us remember this, no matter what may be our rays or the rays of the group with which we seek to function.

4. Trong mọi nỗ lực của chúng ta, sự thấu hiểu đầy tình thương sẽ mở đường đến thành công. Chúng ta hãy ghi nhớ điều này, bất kể các cung của mình hay các cung của nhóm mà chúng ta muốn cùng hoạt động là gì.

Next, you must learn to work on the levels of meditation with greater clarity and power. So much of your meditation work is selfish. Do you realise that? Is not your attitude very often to be expressed in the following terms: When I am meditating, what will the Tibetan give me at this time? Will he give me something which will make me a better disciple? Will the meditation which he may give me interest me more than the one I am now doing? Will a change in meditation bring me better results (probably of a phenomenal kind!) or a new revelation or fresh enlightenment and enable me to achieve my goal? Few of you in this particular group in my Ashram as yet really work in meditation upon those levels where creative work is done. May I point out that

Tiếp theo, các bạn phải học cách làm việc trên các cấp độ tham thiền với sự rõ ràng và quyền năng lớn hơn. Phần lớn công việc tham thiền của các bạn mang tính ích kỷ. Các bạn có nhận ra điều đó không? Chẳng phải thái độ của các bạn rất thường được diễn đạt như sau hay sao: Khi tôi tham thiền, lần này Chân sư Tây Tạng sẽ ban cho tôi điều gì? Ngài có ban cho tôi điều gì giúp tôi trở thành một đệ tử tốt hơn không? Bài thiền mà Ngài có thể giao cho tôi liệu có khiến tôi hứng thú hơn bài tôi đang thực hành không? Việc thay đổi bài thiền có mang lại cho tôi những kết quả tốt hơn (có lẽ thuộc loại hiện tượng!), hay một sự mặc khải mới hoặc sự giác ngộ mới mẻ, và giúp tôi đạt mục tiêu của mình không? Cho đến nay, trong nhóm đặc biệt này thuộc ashram của Tôi, rất ít người

until you can begin to do this, the work which I seek to do through all of you is largely at a standstill. The object of any meditation which I may assign to you is to enable you to have power in meditation so that you will no longer be pre-occupied with yourselves and your own problems but you will become unified with your group for group work and eventually for still wider group purposes — my purposes, as your teacher and a world worker and server.

trong các bạn thực sự làm việc trong tham thiền trên những cấp độ diễn ra công việc sáng tạo. Tôi xin chỉ rõ rằng chừng nào các bạn chưa bắt đầu làm được điều này, công việc mà Tôi tìm cách thực hiện thông qua tất cả các bạn phần lớn vẫn còn đình trệ. Mục tiêu của bất kỳ bài thiền nào Tôi có thể giao cho các bạn là giúp các bạn có quyền năng trong tham thiền, để các bạn không còn bận tâm đến bản thân và những vấn đề riêng của mình, mà sẽ hợp nhất với nhóm để thực hiện công việc nhóm, rồi cuối cùng hướng đến những mục đích nhóm còn rộng lớn hơn — những mục đích của Tôi, với tư cách là huấn sư của các bạn và một người hoạt động, phụng sự thế gian.

1. It may be expected that the disciples would have to learn to meditate with "greater clarity and power", but perhaps the assessment of much of their mediation as "selfish" may have come as something of a shock. Probably, they did *not* realize that. Yet, from the Tibetan's perspective, so it appeared.

1. Có thể dự liệu rằng các đệ tử sẽ phải học tham thiền với "sự rõ ràng và quyền năng lớn hơn", nhưng có lẽ việc phần lớn công việc tham thiền của họ bị đánh giá là "ích kỷ" đã khiến họ phần nào sửng sốt. Có lẽ họ đã *không* nhận ra điều đó. Tuy nhiên, từ góc nhìn của Chân sư Tây Tạng thì quả là như vậy.

2. As the Tibetan describes the attitude of some of His disciples, it is one of *acquisition* rather than of *contribution.* Moreover, it is superficial rather than deep and creative.

2. Theo cách Chân sư Tây Tạng mô tả thái độ của một số đệ tử của Ngài, đó là thái độ *thu nhận* hơn là *đóng góp.* Hơn nữa, thái độ ấy hời hợt thay vì sâu sắc và sáng tạo.

3. What are the "levels where creative work is done"? Would this involve the building and utilization of the antahkarana? Probably so. Impression would be gained with respect to the Plan, and creative thoughtform building would be employed to clothe the impressions worthily.

3. Những "cấp độ diễn ra công việc sáng tạo" là gì? Điều này có liên quan đến việc xây dựng và sử dụng antahkarana không? Có lẽ là vậy. Người ta sẽ tiếp nhận những ấn tượng liên quan đến Thiên Cơ, rồi vận dụng việc xây dựng hình tư tưởng một cách sáng tạo để khoác cho những ấn tượng ấy hình tướng xứng đáng.

4. The Tibetan is stating a major obstacle — one that, apparently, slowed His intended project He is intending to a "stand still".

4. Chân sư Tây Tạng đang nêu ra một trở ngại lớn — một trở ngại dường như đã làm chậm dự án Ngài dự định thực hiện đến mức

"đình trệ".

5. The disciples apparently lack an impersonal attitude and are not ready to work creatively — as those who can access something of the Divine Plan and bring that which is accessed through into expression. All this confirms that a group of the kind that DK is envisioning is not a collection of "persons" but of *conscious souls* who approach their cooperation with the Plan in an impersonal manner.

5. Dường như các đệ tử thiếu thái độ vô ngã và chưa sẵn sàng làm việc một cách sáng tạo — như những người có thể tiếp cận phần nào Thiên Cơ và đưa những gì mình tiếp cận được vào biểu hiện. Tất cả những điều này xác nhận rằng một nhóm thuộc loại mà Chân sư DK đang hình dung không phải là một tập hợp các "cá nhân" mà là những *linh hồn hữu thức* hợp tác với Thiên Cơ theo cách vô ngã.

6. We can see that in this paragraph DK is really setting things straight. Self-preoccupation has frustrated the intended group efforts. The meditation work has not achieved its intended results. The disciples must release their concern about themselves and their problems. Such issues are *not* to be taken into group meditation. There are personal meditations which can, as necessary, focus on some of those matters. The group meditation is to be focussed upon "group work" and "wider group purposes".

6. Chúng ta có thể thấy rằng trong đoạn này, Chân sư DK thực sự đang chấn chỉnh mọi việc. Sự bận tâm về bản thân đã cản trở những nỗ lực nhóm theo dự định. Công việc tham thiền chưa đạt được những kết quả dự định. Các đệ tử phải buông bỏ sự lo nghĩ về bản thân và những vấn đề của mình. Những vấn đề như thế *không* được đưa vào tham thiền nhóm. Có những bài thiền cá nhân có thể tập trung vào một số vấn đề ấy khi cần thiết. Tham thiền nhóm phải tập trung vào "công việc nhóm" và "những mục đích nhóm rộng lớn hơn".

7. "Whose purposes?" the Tibetan seems to ask. "My purposes", He says. His wording seems to hold an implied rebuke and the suggestion that the Master's purposes have not been foremost in the mind of these disciples on the periphery off His Ashram.

7. "Những mục đích của ai?" dường như Chân sư Tây Tạng đang hỏi. "Những mục đích của Tôi", Ngài nói. Cách diễn đạt của Ngài dường như hàm chứa một lời khiển trách và gợi ý rằng những mục đích của Chân sư chưa chiếm vị trí hàng đầu trong thể trí của các đệ tử này ở ngoại vi ashram của Ngài.

8. DK reminds them that He is, after all, their teacher, a "world worker and server". He is trying to put things into perspective so that they may place first things first.

8. Chân sư DK nhắc họ rằng, xét cho cùng, Ngài là huấn sư của họ, một "người hoạt động và phụng sự thế gian". Ngài đang cố gắng đặt mọi việc vào đúng tầm nhìn để họ có thể dành ưu tiên cho những điều quan trọng nhất.

9. Those who are preoccupied with their personal natures cannot hope to see world problems in their true perspective. DK's remarks are meant, it would seem, to de-personalize the approach of His disciples and release them for more real service.

9. Những người mải bận tâm về bản chất cá nhân của mình không thể hy vọng nhìn nhận những vấn đề thế giới theo đúng tầm nhìn. Những nhận xét của Chân sư DK dường như nhằm loại bỏ tính cá nhân trong cách tiếp cận của các đệ tử Ngài và giải phóng họ để phụng sự thực chất hơn.

10. This paragraph holds in it something rather stern, and applies to us as well.

10. Đoạn này hàm chứa một điều khá nghiêm khắc và cũng áp dụng cho chúng ta.

With what kind of instrument, therefore, can I now work? Every true teacher asks himself this question as he studies the grouping of souls with which he has associated himself and which he seeks to serve and aid. As integration of the group takes place, the pre-dispositions and the basic tendencies of the massed group qualities emerge and can be studied; weaknesses can then be offset and right indications fostered. . . . [47]

Vậy giờ đây Tôi có thể làm việc với loại khí cụ nào? Mỗi huấn sư chân chính đều tự hỏi câu này khi nghiên cứu tập hợp những linh hồn mà mình đã gắn kết, những linh hồn mà mình tìm cách phụng sự và trợ giúp. Khi sự tích hợp của nhóm diễn ra, những thiên hướng sẵn có và các khuynh hướng căn bản của những phẩm tính tập hợp trong nhóm bộc lộ và có thể được nghiên cứu; khi ấy có thể hóa giải những nhược điểm và vun bồi những dấu hiệu đúng đắn. . . . [47]

1. It is a moment of searching assessment. DK is studying the nature of the group instrument He has been trying to cultivate and it seems that He is not entirely pleased by what He sees. Certainly, He is being realistic.

1. Đây là lúc đánh giá một cách sâu sát. Chân sư DK đang nghiên cứu bản chất của khí cụ nhóm mà Ngài đã cố gắng vun bồi, và dường như Ngài chưa hoàn toàn hài lòng với những gì mình thấy. Chắc chắn Ngài đang nhìn nhận một cách thực tế.

2. There has been sufficient time for group patterns to emerge rather clearly. Weaknesses have emerged and He is trying to see how they may be offset.

2. Đã có đủ thời gian để các mô hình của nhóm bộc lộ khá rõ ràng. Những nhược điểm đã bộc lộ và Ngài đang cố gắng xem có thể hóa giải chúng như thế nào.

3. Probably, there is a deleted section following the word "fostered..." in which He goes on to analyze individual weaknesses.

3. Có lẽ có một phần đã bị lược bỏ sau từ "vun bồi...", trong đó Ngài tiếp tục phân tích những nhược điểm của từng cá nhân.

4. DK has suggested elsewhere that the success of one's projects rise or fall with the quality of the co-workers chosen. There is also the familiar idea (promoted by AAB

4. Ở một nơi khác, Chân sư DK đã gợi ý rằng mức độ thành công trong các dự án của một người tăng hay giảm tùy theo phẩm chất của những cộng sự được lựa chọn. Cũng có một ý

herself) that instead of being able to work with "first best" or "second best", the Masters are often forced (for various reasons) to work with "third best". AAB was suggesting that she, herself, was "third best", and surely this same idea can be applied to those whom DK saw fit to associate with Himself in this enterprise.

tưởng quen thuộc (do chính Bà AAB đề xướng) rằng thay vì có thể làm việc với "lựa chọn tốt nhất" hay "lựa chọn tốt thứ nhì", các Chân sư thường buộc phải (vì nhiều lý do) làm việc với "lựa chọn tốt thứ ba". Bà AAB đã gợi ý rằng chính Bà là "lựa chọn tốt thứ ba", và chắc chắn cũng có thể áp dụng ý tưởng này cho những người mà Chân sư DK thấy thích hợp để cùng Ngài tham gia công cuộc này.

5. Moments of evaluation always have something Saturnian in their nature: realism, objectivity, dispassionate assessment — all these are involved.

5. Những lúc đánh giá luôn mang đôi nét bản chất của Sao Thổ: tính thực tế, tính khách quan, sự thẩm định không thiên lệch — tất cả đều hiện diện.

I have earlier pointed out to you that the basic qualities for which we look are sensitivity, impersonality, psychic capacity and mental polarisation. Upon these I would like very briefly to enlarge and then I will lay before you (for your understanding interest and possible collaboration) the plans for future group activity. These plans can materialise if you can make the necessary adjustments and submit yourselves to the discipline and the training which will make greatly increased usefulness possible.

Trước đây, Tôi đã chỉ ra cho các bạn rằng những phẩm tính căn bản mà chúng tôi tìm kiếm là sự nhạy cảm, tính vô ngã, năng lực thông linh và sự phân cực trí tuệ. Tôi muốn bàn rộng thêm thật ngắn gọn về những phẩm tính này, rồi sẽ trình bày trước các bạn những kế hoạch hoạt động nhóm trong tương lai (để các bạn quan tâm với sự thấu hiểu và có thể cộng tác). Những kế hoạch này có thể thành hiện thực nếu các bạn có thể thực hiện những điều chỉnh cần thiết và tự đặt mình dưới kỷ luật cùng sự huấn luyện sẽ giúp gia tăng đáng kể tính hữu ích.

1. DK now launches into a brief description of the four qualities which He and Master KH decided were requirements for those who would be members in the newer types of groups They were trying to form.

1. Giờ đây, Chân sư DK bắt đầu mô tả ngắn gọn bốn phẩm tính mà Ngài và Chân sư KH đã xác định là những yêu cầu đối với những người sẽ trở thành thành viên của các loại nhóm mới hơn mà Các Ngài đang cố gắng hình thành.

2. He presents these qualities to His disciples for "understanding interest and possible collaboration". He seeks not only interest but *understanding* interest. He is asking them to penetrate the real meaning of what He says. Depending upon whether they are

2. Ngài trình bày những phẩm tính này với các đệ tử để họ "quan tâm với sự thấu hiểu và có thể cộng tác". Ngài không chỉ tìm kiếm sự quan tâm mà là sự quan tâm có *thấu hiểu*. Ngài đang yêu cầu họ thâm nhập ý nghĩa thực sự của những điều Ngài nói. Tùy theo

able to do this, their collaboration (co-working) may become *possible* — but probably not otherwise.

3. Adjustments and discipline are required. People, in general, do not much like to change. Many of these chelas found they could not or would not change even when the Master requested it and showed them the way. But a number tried sincerely to do so, and it is effort (not results) for which the Master looks.

4. Always, DK is practical. He has a group-instrument at His disposal. He can do only so much with it right now — really, not much, in terms of His original intentions. He wants it to be more useful.

việc họ có thể làm được điều này hay không, sự cộng tác (cùng làm việc) của họ có thể trở nên *khả thi* — còn nếu không thì có lẽ là không.

3. Cần có những điều chỉnh và kỷ luật. Nhìn chung, con người không thích thay đổi cho lắm. Nhiều đệ tử trong số này nhận thấy mình không thể hoặc không muốn thay đổi, ngay cả khi Chân sư yêu cầu và chỉ đường cho họ. Nhưng một số người đã chân thành cố gắng làm như vậy, và điều Chân sư tìm kiếm là nỗ lực (chứ không phải kết quả).

4. Chân sư DK luôn thực tế. Ngài có một khí cụ nhóm để sử dụng. Ngay lúc này, Ngài chỉ có thể làm được đến một mức nhất định với khí cụ ấy — thực ra là không nhiều, xét theo những ý định ban đầu của Ngài. Ngài muốn khí cụ ấy hữu ích hơn.

I have stated that the first requirement is sensitivity. What exactly is this? It does not mean primarily that you are a "sensitive soul" — the connotation of which usually means that you are thin-skinned, self-centred and always on the defensive! Rather do I refer to the capacity whereby you are enabled to expand your consciousness so that you become aware of ever- widening ranges of contact. I refer to the ability to be alive, alert, keen to recognise relationships, quick to react to need, mentally, emotionally and physically attentive to life and rapidly developing the power to observe upon all three planes in the three worlds simultaneously. I am not interested in your personal relations where they concern your wrong personality sensitivity to depression, to self-pity, your defenses, your so-called sensitivity to slights, to misunderstandings, your dislike of your environing conditions, your hurt pride and qualities of this kind.

Tôi đã nói rằng yêu cầu đầu tiên là sự nhạy cảm. Chính xác thì đó là gì? Trước hết, điều này không hàm ý rằng các bạn là một "linh hồn nhạy cảm" — một cách nói thường hàm ý rằng các bạn dễ tự ái, tập trung vào bản thân và luôn ở thế phòng thủ! Đúng hơn, Tôi muốn nói đến năng lực giúp các bạn mở rộng tâm thức để nhận biết những phạm vi tiếp xúc ngày càng rộng lớn hơn. Tôi muốn nói đến khả năng sống động, tỉnh táo, nhạy bén nhận ra các mối quan hệ, nhanh chóng phản ứng trước nhu cầu, chú tâm đến sự sống về mặt trí tuệ, cảm xúc và hồng trần, đồng thời nhanh chóng phát triển năng lực quan sát cùng lúc trên cả ba cõi trong ba cõi giới. Tôi không quan tâm đến những mối quan hệ cá nhân của các bạn khi chúng liên quan đến sự nhạy cảm sai lầm của phàm ngã trước nỗi chán nản, sự tự thương hại, những phản ứng phòng vệ, cái gọi là sự nhạy cảm của các bạn trước những điều coi thường, những sự hiểu lầm, sự bất mãn với hoàn cảnh xung quanh,

These all cause you bewilderment and let loose in you the floodgates of compassion for yourself. But you do not need me to deal with them; of them you are well aware and can handle them if you choose. These faults are interesting only in so far as they affect the life of your group; they must be handled by you with care and with the open eye that senses danger from afar and seeks to avoid it. The sensitivity which I want to see developed is alertness to soul contact, impressionability to the "voice of the Teacher," an aliveness to the impact of new ideas and to the delicacy of intuitional responsiveness. These are ever the hallmark of the true disciple. It is spiritual sensitivity which must be cultivated; this is only truly possible when you learn to work through the centres above the diaphragm and to transmute solar plexus activity (which is so [48] dominant in the average person), turning it into heart activity and the service of your fellowmen.

lòng kiêu hãnh bị tổn thương và những phẩm tính thuộc loại này. Tất cả những điều ấy khiến các bạn hoang mang và mở toang trong các bạn những cửa đập của lòng thương cảm dành cho bản thân. Nhưng các bạn không cần Tôi xử lý chúng; các bạn biết rõ chúng và có thể giải quyết nếu muốn. Những khuyết điểm này chỉ đáng quan tâm trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến đời sống nhóm của các bạn; các bạn phải xử lý chúng một cách cẩn trọng và với con mắt rộng mở, nhận biết nguy hiểm từ xa và tìm cách tránh nó. Sự nhạy cảm mà Tôi muốn thấy được phát triển là sự tỉnh táo trước tiếp xúc linh hồn, khả năng tiếp nhận ấn tượng từ "tiếng nói của Huấn sư", sự nhạy bén trước tác động của những ý tưởng mới và sự tinh tế trong đáp ứng trực giác. Đây luôn là dấu hiệu đặc trưng của người đệ tử chân chính. Sự nhạy cảm tinh thần là điều cần được vun bồi; điều này chỉ thực sự khả thi khi các bạn học cách làm việc qua những trung tâm phía trên cơ hoành và chuyển hoá hoạt động của tùng thái dương (vốn chiếm ưu thế rất [48] mạnh ở người bình thường), biến nó thành hoạt động của tim và việc phụng sự đồng loại.

1. The Master is often handicapped by words. He must offset the usual interpretations given to certain words in order to make His meaning clear.

1. Ngôn từ thường gây trở ngại cho Chân sư. Ngài phải hóa giải những cách diễn giải thông thường dành cho một số từ để làm rõ điều Ngài muốn nói.

2. Again, we find some humor. Sensitivity is not to mean that one is "thin-skinned, self-centered and always on the defensive". One can imagine that He was describing just the qualities which characterized too many of His chelas.

2. Một lần nữa, chúng ta thấy đôi chút hài hước. Sự nhạy cảm không hàm ý rằng một người "dễ tự ái, tập trung vào bản thân và luôn ở thế phòng thủ". Có thể hình dung rằng Ngài đang mô tả chính những phẩm tính đặc trưng cho quá nhiều đệ tử của Ngài.

3. Here we can see Him almost frustrated by the personality qualities which continue to obtrude themselves into the proposed work.

3. Ở đây, chúng ta có thể thấy Ngài gần như nản lòng vì những phẩm tính phàm ngã cứ tiếp tục chen vào công việc dự kiến.

4. The desirable "Sensitivity" of which He speaks relates to acuity and vividness of perception, making the expansion of consciousness possible. A real alertness to need is indicated, and a capacity for simultaneous response on (and to) all three planes of the three lower worlds. He wants His chelas to notice more and respond correctly to what they notice.

4. "Sự nhạy cảm" đáng mong muốn mà Ngài nói đến liên quan đến tính nhạy bén và sống động của tri giác, giúp tâm thức có thể mở rộng. Điều được nêu ra là sự tỉnh táo thực sự trước nhu cầu và khả năng đáp ứng đồng thời trên (và với) cả ba cõi của ba cõi thấp. Ngài muốn các đệ tử của mình nhận thấy nhiều hơn và đáp ứng đúng đắn với những gì họ nhận thấy.

5. Again He points to the results of the wrong kind of sensitivity — *personality* sensitivity. Basically, this failing results in an attitude of self-pity opening the floodgates of compassion not for *others* but for *oneself*! This is certainly a vivid image, and was no doubt designed to arrest the attention of those habitually indulging in such attitudes.

5. Một lần nữa, Ngài chỉ ra những kết quả của loại nhạy cảm sai lầm — sự nhạy cảm *phàm ngã*. Về căn bản, khuyết điểm này dẫn đến thái độ tự thương hại, mở toang những cửa đập của lòng thương cảm không phải dành cho *người khác* mà cho *chính mình*! Đây chắc chắn là một hình ảnh sống động, và hẳn nhằm thu hút sự chú ý của những người có thói quen đắm mình trong các thái độ như thế.

6. Such failings are for the disciple to deal with, using the power of the soul. DK suggests that they can be dealt with provided the chela *wishes* to do so. Implied is the idea that the some of the chelas man *not* wish to do so.

6. Người đệ tử phải dùng quyền năng của linh hồn để xử lý những khuyết điểm như thế. Chân sư DK gợi ý rằng có thể xử lý chúng, miễn là người đệ tử <i§>muốn làm như vậy. Điều này hàm ý rằng một số đệ tử có thể *không* muốn làm như vậy.

7. If such undesirable conditions do exist, DK is interested in them only to the extent that that they affect the group life. He is asking his disciples to see these attitudes "coming", and to avert them.

7. Nếu những tình trạng không mong muốn ấy thực sự tồn tại, Chân sư DK chỉ quan tâm đến chúng trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến đời sống nhóm. Ngài đang yêu cầu các đệ tử nhận thấy những thái độ ấy "sắp xuất hiện" và ngăn ngừa chúng.

8. It is a different kind of sensitivity which DK seeks and expects. It is a *soul* sensitivity. Alertness to soul contact, impressionability to the "voice of the Teacher", aliveness to the impact of new ideas, delicacy of intuitional response — all these are entirely impersonal, high and light compared with the litany of rather 'moist' (i. e. , astrally-based)

8. Chân sư DK tìm kiếm và mong đợi một loại nhạy cảm khác. Đó là sự nhạy cảm *linh hồn*. Sự tỉnh táo trước tiếp xúc linh hồn, khả năng tiếp nhận ấn tượng từ "tiếng nói của Huấn sư", sự nhạy bén trước tác động của những ý tưởng mới, sự tinh tế của đáp ứng trực giác — tất cả đều hoàn toàn vô ngã, cao cả và nhẹ nhàng so với một loạt dài những trạng thái

personality states (all of them undesirable) detailed above.

phàm ngã khá 'ướt át' (tức là dựa trên cảm dục), tất cả đều không đáng mong muốn, đã được trình bày chi tiết ở trên.

9. We can see that a reasonable degree of soul infusion and a reasonable development of the antahkarana are both necessary in order to acquire the type of sensitivity of which DK speaks. Neither of these desirable developments can be accomplished when an individual is too alive to his personality concerns.

9. Chúng ta có thể thấy rằng cả mức độ thấm nhuần linh hồn thích đáng lẫn sự phát triển antahkarana thích đáng đều cần thiết để đạt được loại nhạy cảm mà Chân sư DK nói đến. Không sự phát triển đáng mong muốn nào trong hai điều này có thể thành tựu khi một cá nhân quá nhạy với những mối bận tâm phàm ngã của mình.

10. As DK suggests, solar plexus activity must be transmuted into heart-sensitivity. Too many of His disciples were focussed in the solar plexus, rendering the higher sensitivities impossible.

10. Như Chân sư DK gợi ý, hoạt động của tùng thái dương phải chuyển hoá thành sự nhạy cảm của tim. Quá nhiều đệ tử của Ngài tập trung ở tùng thái dương, khiến những khả năng nhạy cảm cao hơn không thể phát triển.

11. His chelas were, perhaps, too much like ordinary people (whom, it is expected, would be focussed in the solar plexus). "Heart activity" and the "service of your fellowmen" is an entirely different matter. It would require the relative defeat of selfishness (something accomplished, in a degree, at the second initiation). Of course, so many of these chelas had *not* taken the second initiation. Still, they should have been learning the lessons pertaining to that initiation.

11. Có lẽ các đệ tử của Ngài quá giống những người bình thường (những người mà ta có thể cho là tập trung ở tùng thái dương). "Hoạt động của tim" và việc "phụng sự đồng loại" là một chuyện hoàn toàn khác. Điều đó đòi hỏi phải khắc phục tương đối tính ích kỷ (một điều thành tựu ở mức độ nào đó tại lần điểm đạo thứ hai). Dĩ nhiên, rất nhiều đệ tử trong số này *chưa* trải qua lần điểm đạo thứ hai. Dù vậy, lẽ ra họ phải đang học những bài học liên quan đến lần điểm đạo ấy.

12. There is the sense here that the Master is calling His group "to order".

12. Ở đây có cảm giác rằng Chân sư đang yêu cầu nhóm của Ngài "trở lại kỷ cương".

Impersonality, particularly for high grade integrated people, is peculiarly difficult to achieve. There is a close relation between impersonality and detachment. Study this. Many cherished ideas, many hard won qualities, many carefully nurtured righteousnesses and many powerfully

Tính vô ngã đặc biệt khó đạt được, nhất là đối với những người tích hợp ở trình độ cao. Có mối liên hệ mật thiết giữa tính vô ngã và sự tách rời. Hãy nghiên cứu điều này. Nhiều ý tưởng được trân quý, nhiều phẩm tính phải khó nhọc mới đạt được, nhiều điều được cho là chính đáng mà người ta cẩn thận vun

formulated beliefs militate against impersonality. It is hard for the disciple — during the process of his early training — to hold earnestly to his own ideals and to pursue forcefully his own spiritual integration, and yet remain impersonally oriented towards other people. He seeks recognition of his struggle and achievement; he longs to have the light which he has kindled draw forth a reaction from others; he wants to be known as a disciple; he aches to show his power and his highly developed love nature so that he may evoke admiration or, at least, challenge. But nothing happens. He is looked upon as no better than all the rest of his brothers. Life, therefore, proves dissatisfying.

bồi và nhiều niềm tin được xác lập mạnh mẽ đều chống lại tính vô ngã. Trong quá trình huấn luyện ban đầu, người đệ tử khó vừa tha thiết giữ vững những lý tưởng của riêng mình và mạnh mẽ theo đuổi sự tích hợp tinh thần của bản thân, vừa duy trì định hướng vô ngã đối với người khác. Y tìm kiếm sự công nhận đối với cuộc đấu tranh và thành tựu của mình; y mong mỏi ánh sáng mà mình đã khơi lên sẽ gợi ra phản ứng từ người khác; y muốn được biết đến như một đệ tử; y khao khát phô bày quyền năng và bản chất bác ái đã phát triển cao của mình để gợi lên sự ngưỡng mộ hoặc ít nhất là sự thách thức. Nhưng chẳng có gì xảy ra. Người ta xem y chẳng hơn gì tất cả những huynh đệ còn lại. Vì vậy, cuộc sống hóa ra không làm y thỏa mãn.

1. When attention is focussed in the solar plexus, there is no real impersonality. The heart, however, is, as strange as it may seem, an *impersonal* organ.

1. Khi sự chú ý tập trung ở tùng thái dương, không có tính vô ngã thực sự. Tuy nhiên, dù nghe có vẻ lạ lùng, tim là một cơ quan *vô ngã*.

2. DK is dealing with "high grade integrated people" and impersonality is difficult for them.

2. Chân sư DK đang làm việc với "những người tích hợp ở trình độ cao" và tính vô ngã là điều khó đạt đối với họ.

3. He asks them to ponder the relation between impersonality and detachment, and we might ponder it too. It makes little sense to attempt to be impersonal unless one's attitude is sufficiently detached. This means that one is reasonably disidentified from the personality, and centers one's sense of identity 'outside' the personality vehicles altogether.

3. Ngài yêu cầu họ suy ngẫm về mối liên hệ giữa tính vô ngã và sự tách rời, và chúng ta cũng có thể suy ngẫm về điều ấy. Cố gắng sống vô ngã chẳng có mấy ý nghĩa nếu thái độ của một người chưa đủ tách rời. Điều này có nghĩa là người ấy đã thôi đồng hoá với phàm ngã ở mức độ thích đáng và đặt cảm thức về bản sắc của mình hoàn toàn 'bên ngoài' các hiện thể phàm ngã.

4. DK discusses the rather good qualities which militate against impersonality. Not only the faulty structures within one's personality, but the *sound* structures may make impersonality difficult of

4. Chân sư DK bàn về những phẩm tính khá tốt nhưng lại chống lại tính vô ngã. Không chỉ những cấu trúc khiếm khuyết trong phàm ngã của một người mà cả những cấu trúc *lành mạnh* cũng có thể khiến tính vô

achievement. If one hugs one's virtues close and fears to relinquish them, the larger good is lost to sight. Thus, the achievement of impersonality demands not only that we release the *bad* in our nature, but hold not too tightly to the achieved *good*, lest, in holding, our hands are not free to serve where service is needed.

ngã trở nên khó đạt. Nếu một người ôm chặt những đức tính của mình và sợ buông bỏ chúng, người ấy sẽ không còn thấy điều thiện lớn lao hơn. Vì vậy, để đạt được tính vô ngã, chúng ta không chỉ phải buông bỏ điều *xấu* trong bản chất của mình mà còn không được nắm giữ quá chặt điều *tốt* đã đạt được, kẻo vì nắm giữ mà đôi tay chúng ta không còn tự do phụng sự nơi cần phụng sự.

5. DK is reminding His chelas that they are early in the process of their training. They are subject to these difficulties because they lack experience. He asks that chelas do what is right for them without expecting a self-gratifying response from others. The problem is a basically second ray glamor — "the love of being loved". The disciple who has acquired various virtues and qualities longs to have them appreciated. He craves recognition of some kind. This craving is essentially a request for reinforcement from without, whereas every disciple must learn that his real strengthening comes from within. This does *not* mean that the disciple is constantly expecting that the Master will notice him and strengthen him. His alignment with soul and spirit are to be his strength. What of real worth can the disciple ever expect from the outer world?

5. Chân sư DK đang nhắc các đệ tử của Ngài rằng họ mới ở giai đoạn đầu của quá trình huấn luyện. Họ gặp những khó khăn này vì thiếu kinh nghiệm. Ngài yêu cầu các đệ tử làm điều đúng đắn đối với mình mà không mong đợi người khác đáp ứng theo cách làm thỏa mãn bản thân. Về căn bản, vấn đề này là một ảo cảm cung hai — "sự yêu thích được yêu". Người đệ tử đã đạt được nhiều đức tính và phẩm tính mong mỏi người khác trân trọng chúng. Y khao khát một hình thức công nhận nào đó. Về thực chất, niềm khao khát này là sự cầu xin củng cố từ bên ngoài, trong khi mỗi đệ tử phải học rằng sức mạnh thực sự của mình đến từ bên trong. Điều này *không* hàm ý rằng người đệ tử luôn mong đợi Chân sư chú ý đến mình và tăng sức mạnh cho mình. Sự chỉnh hợp của y với linh hồn và tinh thần phải là sức mạnh của y. Người đệ tử có thể mong đợi điều gì thực sự có giá trị từ thế giới bên ngoài?

6. Humor again. DK is recounting something He knows very well — probably from His own experience. The kind of virtuous disciple here discussed is still rather petty. He secretly longs for the admiration of others, but "nothing happens". Probably the other people are too selfish and too preoccupied to admire him — as they themselves are *also* seeking admiration. The self-revealing result — "Life…proves dissatisfying".

6. Lại có sự hài hước. Chân sư DK đang kể lại một điều Ngài biết rất rõ — có lẽ từ chính kinh nghiệm của Ngài. Kiểu đệ tử có đức hạnh được bàn đến ở đây vẫn còn khá nhỏ nhen. Y thầm mong người khác ngưỡng mộ mình, nhưng "chẳng có gì xảy ra". Có lẽ những người khác quá ích kỷ và quá bận tâm để ngưỡng mộ y — vì chính họ *cũng* đang tìm kiếm sự ngưỡng mộ. Kết quả bộc lộ rõ bản thân y — "Cuộc sống… hóa ra không làm y thỏa mãn".

7. A teacher can only successfully teach what he/she has been through. DK is an experienced disciple — not "old", but not "young" either. It is always refreshing to see Him share His experiences in direct or oblique ways. This sharing lends an air of experiential reality and proves convincing for disciples, who immediately recognize themselves and their foibles.

7. Một huấn sư chỉ có thể giảng dạy thành công những gì bản thân đã trải qua. Chân sư DK là một đệ tử giàu kinh nghiệm — không "già", nhưng cũng không "trẻ". Thật luôn mang lại cảm giác mới mẻ khi thấy Ngài chia sẻ kinh nghiệm một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Sự chia sẻ này mang lại cảm giác chân thực từ trải nghiệm và có sức thuyết phục đối với các đệ tử, những người lập tức nhận ra chính mình cùng những nhược điểm của mình.

8. In Rule XI of the Rules for Disciples and Initiates, we learn that the disciple must learn to work without any desire for recognition. Outer fires cannot take the place of inner fires. One must 'recognize *oneself*'; there is really no one else to do the job. Of course, there will come moments of "acceptance" from higher sources. These are a *kind* of recognition, but they only come to those (and to groups) who have learned not to seek it for ego-gratifying motives. The inner Self accords recognition and knows exactly the state of the one it recognizes.

8. Trong Quy luật XI thuộc Các Quy Luật Dành Cho Đệ Tử Và Điểm Đạo Đồ, chúng ta biết rằng người đệ tử phải học cách làm việc mà không có bất kỳ mong muốn được công nhận nào. Những ngọn lửa bên ngoài không thể thay thế những ngọn lửa bên trong. Mỗi người phải 'công nhận *chính mình*'; thực sự không có ai khác làm thay việc ấy. Dĩ nhiên, sẽ đến những lúc có sự "chấp nhận" từ những nguồn cao hơn. Đây là một *hình thức* công nhận, nhưng chỉ đến với những người (và những nhóm) đã học cách không tìm kiếm nó vì những động cơ làm thỏa mãn phàm ngã. Chân ngã bên trong ban sự công nhận và biết chính xác trạng thái của người mà nó công nhận.

9. The usual personal desire is to *shine* in some way. This all relates to the third aspect of divinity and not to the second or soul aspect. Leo (as it emerges from the mass consciousness) seeks to stand out and be noticed. This kind of attitude can persist for many, many lives, and even subtly infect the attitudes of disciples and chelas (where it does not belong at all).

9. Mong muốn cá nhân thông thường là được *tỏa sáng* theo cách nào đó. Tất cả điều này liên quan đến phương diện thứ ba của thiên tính, chứ không phải phương diện thứ hai hay phương diện linh hồn. Sư Tử (khi vươn ra khỏi tâm thức quần chúng) tìm cách nổi bật và được chú ý. Loại thái độ này có thể kéo dài trong rất nhiều kiếp sống và thậm chí còn tinh vi len lỏi vào thái độ của các đệ tử (nơi nó hoàn toàn không nên hiện diện).

10. Our intended transition is into the second aspect of divinity from the third. When behaviors and attitudes characteristic

10. Sự chuyển tiếp mà chúng ta hướng tới là từ phương diện thứ ba sang phương diện thứ hai của thiên tính. Khi những hành vi và thái

of the regime of the personality ray assert themselves, we must be alert to the danger. This assertion is an especial danger for the group process. Those who have passed through and learned from the pain of disruptive personal assertion (however subtle) will be alert and take steps to avoid its onset.

độ đặc trưng cho sự chi phối của cung phàm ngã tự khẳng định, chúng ta phải cảnh giác trước nguy hiểm. Sự khẳng định này là một mối nguy đặc biệt đối với tiến trình nhóm. Những người đã trải qua và học hỏi từ nỗi đau do sự tự khẳng định cá nhân gây chia rẽ (dù tinh vi đến đâu) sẽ cảnh giác và có biện pháp ngăn ngừa sự khởi phát của nó.

These truths of self-analysis are seldom definitely faced or formulated by any of you and, therefore (because I seek to help you) I formulate them for you and face you with them. It is hard for intelligent men and women to see others closely associated with them dealing with life and problems from a totally different angle to their own — handling them in a weak or stupid way (from the angle of the disciple) and making apparently serious errors in judgment or technique. Yet, brother of old, why are you so sure that you are right and that your point of view is necessarily correct? It may be that your slant on life and your interpretation of a situation needs readjustment and that your motives and attitudes could be more elevated or purer. And even if they are — for you — the highest and the best that you can achieve at any given time, then pursue your way and leave your brother to pursue his. "Better a man's own dharma, than the dharma of another. " Thus does the Bhagavad Gita express this truth, telling the disciple to mind his own business.

Hiếm khi bất kỳ ai trong các bạn thực sự đối diện hay trình bày rõ những sự thật này trong việc tự phân tích; vì vậy (bởi Tôi tìm cách giúp các bạn), Tôi trình bày chúng cho các bạn và đưa các bạn đối diện với chúng. Những người nam và nữ thông minh khó chấp nhận việc những người gắn bó mật thiết với mình lại ứng xử với cuộc sống và các vấn đề từ một góc nhìn hoàn toàn khác với mình — xử lý chúng một cách yếu kém hay ngu ngốc (theo góc nhìn của người đệ tử) và mắc những sai lầm có vẻ nghiêm trọng trong phán đoán hoặc phương pháp. Tuy nhiên, hỡi Huynh Đệ của Ngày Xưa, vì sao bạn lại chắc chắn đến thế rằng mình đúng và quan điểm của mình nhất thiết là chính xác? Có thể cách bạn nhìn cuộc sống và diễn giải một tình huống cần được điều chỉnh lại, và những động cơ cùng thái độ của bạn có thể cao cả hơn hoặc thuần khiết hơn. Và ngay cả khi chúng — đối với bạn — là những gì cao nhất và tốt nhất mà bạn có thể đạt được tại một thời điểm nhất định, thì hãy đi theo con đường của mình và để huynh đệ của bạn đi theo con đường của người ấy. "Làm tròn bổn phận của mình tốt hơn làm bổn phận của người khác." Chí Tôn Ca diễn đạt chân lý này như vậy, khuyên người đệ tử hãy lo việc của mình.

1. It does seem that DK is forcing the issue. This letter offers a kind of confrontation with reality. Because His chelas will not analyze themselves accurately and see

1. Quả thật, dường như Chân sư DK đang buộc vấn đề phải được đối diện. Bức thư này đưa đến một hình thức đối diện với thực tế. Vì các đệ tử của Ngài không chịu tự phân

clearly, He will help them do it.

tích chính xác và nhìn nhận rõ ràng, Ngài sẽ giúp họ làm điều đó.

2. One of the areas where it is difficult to maintain impersonality is in the face of apparently inadequate or "stupid" actions on the part of those close to us. Our detachment is severely challenged. Usually, we wish to intervene and "set them straight".

2. Một trong những tình huống khó duy trì tính vô ngã là khi đối diện với những hành động có vẻ không thỏa đáng hoặc "ngu ngốc" của những người thân cận với chúng ta. Sự tách rời của chúng ta chịu thử thách nghiêm trọng. Thông thường, chúng ta muốn can thiệp và "chấn chỉnh họ".

3. We are dealing here with the "mote and the beam". We see the mote in our bother's eye and not the beam in our own.

3. Ở đây, chúng ta đang bàn đến "cái rác và cái xà". Chúng ta thấy cái rác trong mắt huynh đệ mình mà không thấy cái xà trong mắt chính mình.

4. DK is seeking to unsettle His chelas. They are too sure of the correctness of their own personality attitudes; and correspondingly unsure of themselves as souls.

4. Chân sư DK đang tìm cách lay chuyển các đệ tử của Ngài. Họ quá chắc chắn về tính đúng đắn của những thái độ phàm ngã của mình; và tương ứng lại thiếu tự tin về chính mình với tư cách linh hồn.

5. He asks them to have attitudes which are more elevated and more pure. He is helping them remove their projections.

5. Ngài yêu cầu họ có những thái độ cao cả hơn và thuần khiết hơn. Ngài đang giúp họ loại bỏ những sự phóng chiếu của mình.

6. There may have been an outbreak of criticism at this time. We are told that the third group-of-nine (the Group of Magnetic Healers) was particularly prone to criticism, even as Group Two could not easily rid itself of glamor. These attitudes were inhibiting progress.

6. Có thể vào lúc này đã bùng phát một đợt chỉ trích. Chúng ta được biết rằng nhóm chín người thứ ba (Nhóm Những Người Chữa Lành Bằng Từ Tính) đặc biệt dễ sa vào chỉ trích, cũng như Nhóm Hai không dễ thoát khỏi ảo cảm. Những thái độ này đang cản trở sự tiến bộ.

7. DK is really asking His chelas to mind their own business. Why is this so important? Perhaps because the "glamor of interference" is very dear to those who have undertaken their spiritual training during the sixth ray Age. Perhaps because unity and freedom are disrupted when people spend too much time assuming responsibility for other and not for themselves. There is a

7. Chân sư DK thực sự đang yêu cầu các đệ tử của Ngài lo việc của chính mình. Vì sao điều này lại quan trọng đến vậy? Có lẽ vì "ảo cảm can thiệp" rất được những người đã trải qua sự huấn luyện tinh thần trong Kỷ Nguyên cung sáu ưa chuộng. Có lẽ vì sự hợp nhất và tự do bị phá vỡ khi người ta dành quá nhiều thời gian để gánh trách nhiệm thay cho người khác mà không chịu trách nhiệm về

basic *trust* that is necessary in any discipleship group. When this trust exists, when one has confidence in one's brother, then love will flow and unity supervene. DK seeks the firm integrity of His groups and the various attitudes He names — personal oversensitivity, criticism as well as entering unwanted into the business of others — have to be corrected if His plans are to succeed.

chính mình. Trong bất kỳ nhóm đệ tử nào cũng cần có một *niềm tin* căn bản. Khi có niềm tin này, khi người ta tin tưởng vào huynh đệ của mình, thì tình thương sẽ tuôn chảy và sự hợp nhất sẽ xuất hiện. Chân sư DK mong muốn các nhóm của Ngài có sự toàn vẹn vững chắc, và những thái độ khác nhau mà Ngài nêu ra — sự quá nhạy cảm của cá nhân, sự chỉ trích cũng như việc xen vào chuyện của người khác khi không được mong muốn — phải được sửa đổi nếu các kế hoạch của Ngài muốn thành công.

8. Clearly, the group was receiving a real "talking to"!

8. Rõ ràng, nhóm đang nhận một lời "khiển trách" thực sự!

This attitude of non-interference and the refusal to criticise, in no way prevents service to each other or constructive group relations. It does not negate the expression of love or happy [49] group cooperation. There is ever much opportunity for the practice of impersonality in all group relations. In every group there is usually one group member (and perhaps several) who constitute a problem to themselves and to their group brothers. Perhaps you yourself are such an one and know it not. Perhaps you know who, among your co-servers, provides a testing for his fellows. Perhaps you can see clearly what is the group weakness and who it is that is keeping the group back from finer activity. That is well and good, provided that you continue to love and serve and to refrain from criticism. It is a wrong attitude to seek assiduously to straighten out your brother, to chide him or seek to impose your will on him or your point of view, though it is always legitimate to express ideas and make suggestion. Groups of disciples are groups of free and independent souls who submerge their personal interests in service and who seek

Thái độ không can thiệp và việc từ chối chỉ trích này hoàn toàn không ngăn cản việc phụng sự lẫn nhau hay những mối quan hệ nhóm mang tính xây dựng. Nó không phủ nhận sự biểu lộ tình thương hay sự hợp tác [49] vui vẻ trong nhóm. Trong mọi mối quan hệ nhóm, luôn có nhiều cơ hội để thực hành tính vô ngã. Trong mỗi nhóm thường có một thành viên (và có lẽ vài người) gây khó khăn cho chính mình và cho các huynh đệ trong nhóm. Có lẽ chính các bạn là người như vậy mà không biết. Có lẽ các bạn biết ai trong số những người cùng phụng sự với mình đang tạo ra thử thách cho các bạn đồng môn. Có lẽ các bạn thấy rõ điểm yếu của nhóm là gì và ai đang kìm hãm nhóm, khiến nhóm chưa thể hoạt động tốt đẹp hơn. Điều đó hoàn toàn tốt, miễn là các bạn tiếp tục yêu thương, phụng sự và kiềm chế sự chỉ trích. Ra sức uốn nắn huynh đệ của mình, quở trách người ấy hoặc tìm cách áp đặt ý chí hay quan điểm của mình lên người ấy là một thái độ sai lầm, dù việc bày tỏ ý tưởng và đưa ra đề nghị luôn là chính đáng. Các nhóm đệ tử là những nhóm linh hồn tự do và độc lập, đặt lợi ích cá nhân của mình trong việc phụng sự và tìm kiếm sự liên kết bên trong sẽ dung

that inner linking which will fuse the group into an instrument for the service of humanity and of the Hierarchy. Continue with your own soul discipline and leave your brothers to continue theirs.

hợp nhóm thành một công cụ phụng sự nhân loại và Thánh đoàn. Hãy tiếp tục việc rèn luyện linh hồn của chính mình và để các huynh đệ tiếp tục việc rèn luyện của họ.

1. Now the balancing remark is being offered. Always there is the danger of taking advice (especially the Teacher's advice) to extremes.

1. Giờ đây, Ngài đưa ra lời nhận xét nhằm tạo sự quân bình. Luôn có nguy cơ đẩy lời khuyên (đặc biệt là lời khuyên của huấn sư) đến chỗ cực đoan.

2. DK is deliberatively trying to deprive His group of the 'false joy of criticism and interference'! He assures them that they may be quite happy and joyful without indulging in these destructive attitudes. So perverted can human nature become.

2. Chân sư DK đang có chủ ý lấy đi khỏi nhóm của Ngài 'niềm vui giả tạo của sự chỉ trích và can thiệp'! Ngài bảo đảm với họ rằng họ vẫn có thể hoàn toàn hạnh phúc và hoan hỉ mà không buông mình theo những thái độ phá hoại này. Bản chất con người có thể trở nên lệch lạc đến như vậy.

3. The expression of love and happy group relations are entirely permissible, even desirable. It is so easy to misinterpret impersonality, allowing this misinterpretation to turn one grey, lifeless and non-responsive to life's variety and beauty. After removing a number of glamors pertaining to the sixth (interference) third (criticism) and second (over-sensitivity) rays, DK seeks a normal, sane group relation expressing a sense of well-being.

3. Việc biểu lộ tình thương và những mối quan hệ vui vẻ trong nhóm là hoàn toàn được phép, thậm chí còn đáng mong muốn. Người ta rất dễ hiểu sai tính vô ngã, để sự hiểu sai này khiến mình trở nên tẻ nhạt, thiếu sức sống và không đáp ứng với sự đa dạng cùng vẻ đẹp của cuộc sống. Sau khi loại bỏ một số ảo cảm thuộc các cung sáu (can thiệp), ba (chỉ trích) và hai (quá nhạy cảm), Chân sư DK mong muốn một mối quan hệ nhóm bình thường, lành mạnh, biểu lộ cảm thức an lạc.

4. A lesson on how to practice impersonality is given. The group, we are told, presents many opportunities for the practice of impersonality. Someone in the group will always be seen by most as a challenge. Shall the group members try to straighten this person out, scold or correct him; shall they silently criticize him and hold an attitude of superiority? Not at all. Group members are to *see* and *understand* the difficulty, yet nevertheless are to refrain from criticism

4. Ngài đưa ra một bài học về cách thực hành tính vô ngã. Chúng ta được cho biết rằng nhóm mang lại nhiều cơ hội để thực hành tính vô ngã. Luôn có một người trong nhóm mà đa số xem là một thử thách. Liệu các thành viên trong nhóm có nên cố uốn nắn người này, mắng mỏ hay sửa sai cho người ấy; liệu họ có nên âm thầm chỉ trích người ấy và giữ thái độ tự cho mình cao hơn? Hoàn toàn không. Các thành viên trong nhóm cần *thấy* và *thấu hiểu* khó khăn ấy, nhưng vẫn

and are to *continue to love.*

phải kiềm chế sự chỉ trích và *tiếp tục yêu thương.*

5. Can the group members learn to work subjectively upon such group tests and challenges, building what has been called the "thoughtform of solution"? It would be a more effective approach than usually used.

5. Liệu các thành viên trong nhóm có thể học cách làm việc ở phương diện chủ quan với những thử thách và thách thức như vậy của nhóm, xây dựng điều được gọi là "hình tư tưởng về giải pháp" hay không? Đó sẽ là một cách tiếp cận hiệu quả hơn cách thường dùng.

6. DK is seeking to emphasize the freedom and independence of the souls who have chosen to work together for service purposes. So many attitudes favored by group members infringe this freedom and independence. Yet, these two qualities must be preserved or the group process will fail. It is so easy to fall back into old authoritarian methods of the leader and his automatons.

6. Chân sư DK đang tìm cách nhấn mạnh sự tự do và độc lập của những linh hồn đã chọn cùng làm việc vì mục đích phụng sự. Rất nhiều thái độ được các thành viên trong nhóm ưa chuộng lại xâm phạm sự tự do và độc lập này. Tuy nhiên, phải bảo tồn hai phẩm tính này, nếu không tiến trình nhóm sẽ thất bại. Người ta rất dễ quay lại những phương pháp độc đoán cũ của người lãnh đạo và những người phục tùng như máy móc của ông ta.

7. DK closes with this statement, again, a version of "mind your own business": "Continue with your own soul discipline and leave your brothers to continue theirs. " In relation to this statement we must recall that the Solar Angel is a "Master" and has its human being under supervision and training. Surely, such a "Master" (though of the angelic type) is equal to the task of guiding its own human being successfully. Do we think we could do any better?

7. Chân sư DK kết thúc bằng lời này, một lần nữa là một cách diễn đạt của câu "hãy lo việc của chính mình": "Hãy tiếp tục việc rèn luyện linh hồn của chính mình và để các huynh đệ tiếp tục việc rèn luyện của họ." Liên quan đến lời này, chúng ta phải nhớ rằng Thái dương Thiên Thần là một "Chân sư" và đang giám sát, huấn luyện con người thuộc về Ngài. Chắc chắn một "Chân sư" như vậy (dù thuộc loại thiên thần) có đủ khả năng dẫn dắt thành công con người của chính Ngài. Chúng ta có nghĩ rằng mình có thể làm tốt hơn không?

8. There has to be more trust in our fellow-chelas' inner spiritual resources (i. e. , in their relationship with their Solar Angel). Reason will show the advisability of this approach, but perhaps we rarely remind ourselves that our brother is really "in good

8. Cần tin tưởng hơn vào những nguồn lực tinh thần bên trong của các đệ tử đồng môn (nghĩa là, vào mối quan hệ của họ với Thái dương Thiên Thần của mình). Lý trí sẽ cho thấy cách tiếp cận này là hợp lẽ, nhưng có lẽ chúng ta hiếm khi tự nhắc mình rằng huynh

hands". As DK has often suggested, 'leave them to their souls'. To do so is an act of sacrifice and one that benefits the entire group.

đệ của chúng ta thực sự đang "được dẫn dắt chu đáo". Như Chân sư DK đã thường gợi ý, 'hãy để họ cho linh hồn của họ dẫn dắt'. Làm như vậy là một hành động hi sinh, đem lại lợi ích cho toàn nhóm.

"Once the fact of the soul is admitted, we shall see an increasing tendency to leave people to the directing purpose and guidance of their own souls, provided that they understand what is happening to them" (EP II 439)

"Một khi sự hiện hữu của linh hồn được thừa nhận, chúng ta sẽ thấy khuynh hướng ngày càng tăng là để mọi người dưới mục đích chỉ đạo và sự hướng dẫn của linh hồn họ, miễn là họ thấu hiểu điều đang xảy đến với mình" (EP II 439)

The question of psychic powers is not so easy to explain. I do not refer to the lower psychic powers which may or may not develop as time goes on and the need for them arises. I refer to the following capacities, inherent in the soul, which must be developed in all of you if you are to do your share in meeting world need, and work for the Hierarchy in the field of world service. Let us briefly enumerate them:

Vấn đề các quyền năng thông linh không dễ giải thích như vậy. Tôi không đề cập đến các quyền năng thông linh thấp, vốn có thể phát triển hoặc không khi thời gian trôi qua và nhu cầu sử dụng chúng nảy sinh. Tôi đề cập đến những năng lực sau đây, vốn có sẵn trong linh hồn và phải được phát triển nơi tất cả các bạn nếu các bạn muốn góp phần đáp ứng nhu cầu thế giới, và làm việc cho Thánh đoàn trong lĩnh vực phụng sự thế giới. Chúng ta hãy liệt kê ngắn gọn các năng lực ấy:

1. It is interesting and important that in Trans-Himalayan Occultism the lower psychic powers are not highly valued. They are seen as states of awareness belonging most properly to early phases of humanity's development (at which time they were common and perfectly natural). We are told that the Atlantean Race was a psychic race. The Aryan Race is not to be.

1. Một điều thú vị và quan trọng là trong Huyền Bí Học Xuyên Hy Mã Lạp Sơn, các quyền năng thông linh thấp không được đánh giá cao. Chúng được xem là những trạng thái nhận biết vốn phù hợp nhất với các giai đoạn đầu trong sự phát triển của nhân loại (vào thời ấy, chúng phổ biến và hoàn toàn tự nhiên). Chúng ta được cho biết rằng nhân loại Atlantis là một nhân loại thông linh. Nhân loại Arya sẽ không như vậy.

2. Recovery of the earlier psychic powers is possible and can be desirable once the disciple knows how not to be ensnared by them. When the ajna center is stimulated in a new way at the time of the third initiation,

2. Việc khôi phục những quyền năng thông linh trước kia là điều có thể và có thể đáng mong muốn một khi đệ tử biết cách không để chúng gài bẫy mình. Khi trung tâm ajna được kích thích theo một cách mới vào lần

these earlier powers may be reclaimed (but it is certainly not necessary to do so).

điểm đạo thứ ba, những quyền năng trước kia này có thể được khôi phục (nhưng chắc chắn không nhất thiết phải làm vậy).

3. For Master DK the higher psychic powers do not pertain so much to the eighteen lower subplanes. Not only are these higher powers desirable, but they must necessarily be developed in the advancing disciple so that he/she may play a fuller role in the service of humanity.

3. Đối với Chân sư DK, các quyền năng thông linh cao ít liên quan đến mười tám cõi phụ thấp. Những quyền năng cao này không chỉ đáng mong muốn mà còn nhất thiết phải được phát triển nơi người đệ tử đang tiến bước, để người ấy có thể đóng vai trò đầy đủ hơn trong việc phụng sự nhân loại.

4. How we define the psychic powers depends very much on how we define the *psyche* of a human being. Many people consider their lower and familiar psychological nature to be their psyche; this area of human experience is the province of the ordinary psychologist who addresses himself to various problems which arise within the human mind and emotional nature — the psyche, as commonly considered.

4. Cách chúng ta định nghĩa các quyền năng thông linh phụ thuộc rất nhiều vào cách chúng ta định nghĩa *tâm hồn* của một con người. Nhiều người xem bản chất tâm lý thấp và quen thuộc của mình là tâm hồn của mình; lĩnh vực trải nghiệm này của con người thuộc phạm vi của nhà tâm lý học thông thường, người xử lý những vấn đề khác nhau nảy sinh trong thể trí và bản chất cảm xúc của con người — tức tâm hồn theo cách hiểu thông thường.

5. But for those who consider the psyche to be the *soul* (more on its own plane than 'in immersion'), psychic powers represent an altogether higher field of awareness and understanding.

5. Nhưng đối với những người xem tâm hồn là *linh hồn* (ở trên cõi riêng của linh hồn hơn là 'đang chìm trong các cõi thấp'), các quyền năng thông linh biểu thị một lĩnh vực nhận biết và thấu hiểu hoàn toàn cao hơn.

6. Master DK details what He considers to be the psychic powers which every advancing disciple must cultivate.

6. Chân sư DK trình bày chi tiết những gì Ngài xem là các quyền năng thông linh mà mọi đệ tử đang tiến bước đều phải vun bồi.

1. Intuitional response to ideas.

1. Đáp ứng bằng trực giác với các ý tưởng.

1. This particular psychic power does not belong to the eighteen lower subplanes — not even to the twenty-one lower subplanes (three of which are found in the higher mind).

1. Quyền năng thông linh đặc biệt này không thuộc về mười tám cõi phụ thấp — thậm chí cũng không thuộc về hai mươi mốt cõi phụ thấp (ba trong số đó nằm trong thượng trí).

2. In fact we see, in its purity, that it pertains

2. Thực ra, chúng ta thấy rằng, ở trạng thái

to the fourth subplane of the buddhic plane. (cf. TCF 188)

3. An idea is not a thoughtform; this is a fundamental concept.

"An idea is a being incorporeal, which has no subsistence by itself, but gives figure and form unto shapeless matter, and becomes the cause of the manifestation. " (from Plutarch in COA 55)

It is *ideas* that advance the Divine Plan, far more than thoughts. In fact, the Divine Plan consists of ideas of which many related thoughtforms are but embodiments.

4. There are many who can respond *indirectly* to ideas once they are embodied as thoughtforms. But, can the disciple respond *directly* to that energy current which is an idea? This is the question.

5. It becomes clear that if such response is possible, it then becomes possible to relate *directly* to the Ashram (found, in the case of second ray Ashrams) on buddhic levels, rather than in a *mediated* manner. The Master, in this case, is a source of ideas (though really, they emanate from far higher planes). Who is to determine the final emanating point of an Idea? Divine *Ideation* created the cosmos.

2. Sensitiveness to the impression which some member of the Hierarchy may seek to make upon the mind of the disciple. It is for this reason that I am training you to utilise the Full Moon contact.

1. This ability (sensitiveness to hierarchical

thuần khiết, nó thuộc về cõi phụ thứ tư của cõi Bồ đề. (xem TCF 188)

3. Ý tưởng không phải là hình tư tưởng; đây là một khái niệm nền tảng.

"Ý tưởng là một sinh linh không có thân thể, không có sự tồn tại độc lập, nhưng đem lại đường nét và hình tướng cho vật chất vô định hình, và trở thành nguyên nhân của sự biểu hiện." (trích Plutarch trong COA 55)

Chính các *ý tưởng* thúc đẩy Thiên Cơ tiến triển, hơn hẳn các tư tưởng. Thực ra, Thiên Cơ gồm những ý tưởng mà nhiều hình tư tưởng liên quan chỉ là sự hiện thân của chúng.

4. Có nhiều người có thể đáp ứng *gián tiếp* với các ý tưởng một khi chúng đã hiện thân thành những hình tư tưởng. Nhưng liệu đệ tử có thể đáp ứng *trực tiếp* với dòng năng lượng vốn là một ý tưởng hay không? Đó là câu hỏi.

5. Rõ ràng là nếu có thể đáp ứng như vậy, thì cũng có thể liên hệ *trực tiếp* với ashram (trong trường hợp các ashram cung hai, nằm trên các cấp độ Bồ đề), thay vì theo cách *qua trung gian*. Trong trường hợp này, Chân sư là một nguồn ý tưởng (dù thực ra chúng phát xạ từ những cõi cao hơn rất nhiều). Ai có thể xác định điểm phát xạ tối hậu của một Ý Tưởng? Sự *Hình Thành Ý Tưởng* thiêng liêng đã tạo ra vũ trụ.

2. Sự nhạy cảm với ấn tượng mà một thành viên nào đó của Thánh đoàn có thể tìm cách truyền vào thể trí của đệ tử. Chính vì lý do này mà Tôi đang huấn luyện các bạn tận dụng sự tiếp xúc vào dịp Trăng Tròn.

1. Năng lực này (sự nhạy cảm với ấn tượng

impression) is the *sine qua non* of all authentic ashramic participation. One can be *told* what is happening within the Ashram and what is needed. This is an earlier phase and through it, all chelas must pass. But the accepted disciple who is now "on the thread" is in a position to receive impulses directly from the Master without the mediation earlier necessary. This will, of course, lead to efficiency and reliability in the task of rendering ashramic service. The possibilities of distortion and misinterpretation will be greatly reduced.

từ Thánh đoàn) là *điều kiện không thể thiếu* của mọi sự tham gia đích thực vào ashram. Người ta có thể được *cho biết* điều gì đang diễn ra trong ashram và điều gì là cần thiết. Đây là một giai đoạn trước đó mà mọi đệ tử đều phải trải qua. Nhưng người đệ tử được chấp nhận, hiện đang "trên đường dây", có khả năng trực tiếp tiếp nhận các xung lực từ Chân sư mà không cần sự trung gian từng cần thiết trước kia. Dĩ nhiên, điều này sẽ đem lại hiệu quả và sự đáng tin cậy trong công việc phụng sự ashram. Khả năng xuyên tạc và diễn giải sai sẽ giảm đi rất nhiều.

2. Many hope for direct contact with the Master, but as Master DK tells us, this will, minimally, be found upon the plane of mind — which means the plane of *higher mind* whereon the Egoic Lotus can is 'located'. We realize, however, that the impression emanates (in most cases) from still higher planes. There are few Ashrams (along the scientific line) inspired by Arhats of the fourth degree and focussed on the plane of higher mind. The remainder of the Ashrams is focussed, minimally, on the buddhic plane.

2. Nhiều người mong được tiếp xúc trực tiếp với Chân sư, nhưng như Chân sư DK cho chúng ta biết, sự tiếp xúc này ít nhất phải diễn ra trên cõi trí — tức cõi *thượng trí*, nơi Hoa Sen Chân Ngã 'tọa lạc'. Tuy nhiên, chúng ta nhận ra rằng ấn tượng phát xạ (trong hầu hết các trường hợp) từ những cõi còn cao hơn nữa. Có một vài ashram (theo đường hướng khoa học) do các vị La Hán bậc bốn truyền cảm hứng và tập trung trên cõi thượng trí. Các ashram còn lại tập trung ít nhất trên cõi Bồ đề.

3. The Master is giving us a strong hint here. The Full Moon contact is *ashramically important,* as it offers the disciple a prime opportunity for communion with the Head of the disciple's particular Ashram. It is also an opportunity for the Master Who is seeking to work out His projects through the medium of His disciples.

3. Ở đây, Chân sư đang cho chúng ta một gợi ý rõ rệt. Sự tiếp xúc vào dịp Trăng Tròn *có tầm quan trọng đối với ashram,* vì nó đem lại cho đệ tử một cơ hội đặc biệt thuận lợi để hiệp thông với Vị Đứng Đầu ashram riêng của mình. Đó cũng là một cơ hội cho Chân sư, Đấng đang tìm cách thực hiện các dự án của Ngài thông qua các đệ tử của Ngài.

4. There are many Plan-related ideas which are distorted 'on the way down' into the lower worlds. Direct impression from a member of Hierarchy to the consciousness of a disciple lessens the possibility of distortion (unless it enters as the disciple

4. Có nhiều ý tưởng liên quan đến Thiên Cơ bị xuyên tạc 'trên đường đi xuống' các cõi thấp. Ấn tượng trực tiếp từ một thành viên của Thánh đoàn truyền vào tâm thức của đệ tử làm giảm khả năng xuyên tạc (trừ khi sự xuyên tạc nảy sinh lúc đệ tử cố 'chuyển dịch'

attempts to 'translate' his impression into words and other symbols).

ấn tượng mình nhận được thành lời nói và các biểu tượng khác).

5. We are coming to understand that 'sensitivity to ashramic impression' is a valued psychic power. We must ask ourselves, "To what extent does this power exist within us?" Certainly, if we are personally preoccupied, it cannot exist.

5. Chúng ta đang dần thấu hiểu rằng 'sự nhạy cảm với ấn tượng từ ashram' là một quyền năng thông linh được coi trọng. Chúng ta phải tự hỏi: "Quyền năng này hiện hữu trong chúng ta đến mức nào?" Chắc chắn, nếu chúng ta mải bận tâm đến những chuyện cá nhân, quyền năng ấy không thể hiện hữu.

6. If we realize that the Full Moon Period presents a significant opportunity to contact the Hierarchy *directly*, perhaps we shall develop a new attitude towards these monthly periods of potentially heightened rapport.

6. Nếu nhận ra rằng Thời Kỳ Trăng Tròn đem lại một cơ hội đáng kể để tiếp xúc với Thánh đoàn *trực tiếp*, có lẽ chúng ta sẽ phát triển một thái độ mới đối với những thời kỳ hằng tháng có tiềm năng tăng cường sự giao cảm này.

7. The question of motive, however, will enter. "Why do I wish to contact the Master or be impressed by Him?" If the answer is, "So that the Divine Plan may be more successfully fulfilled through me", we are on the right track.

7. Tuy nhiên, vấn đề động cơ sẽ được đặt ra. "Vì sao tôi muốn tiếp xúc với Chân sư hoặc tiếp nhận ấn tượng từ Ngài?" Nếu câu trả lời là: "Để Thiên Cơ có thể được thực hiện thành công hơn thông qua tôi", thì chúng ta đang đi đúng hướng.

3. Quick response to real need. You had not regarded this as one of the psychic powers, my brother, had you? I refer not here to a solar plexus reaction but to heart knowledge. Ponder on this distinction.

3. Đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu thực sự. Huynh đệ của Tôi, các bạn chưa từng xem đây là một trong những quyền năng thông linh, phải không? Ở đây, Tôi không đề cập đến phản ứng của tùng thái dương mà đến sự hiểu biết của trái tim. Hãy suy ngẫm về sự khác biệt này.

1. This is an unusual psychic power, and the Master remarks on its surprising nature — surprising, at least, to many disciples.

1. Đây là một quyền năng thông linh khác thường, và Chân sư nhận xét về bản chất gây ngạc nhiên của nó — ít nhất là gây ngạc nhiên cho nhiều đệ tử.

2. We are asked to ponder the distinction between "solar plexus reaction" (a common response and a form of sensitivity) and "heart knowledge".

2. Chúng ta được yêu cầu suy ngẫm về sự khác biệt giữa "phản ứng của tùng thái dương" (một đáp ứng thông thường và một dạng nhạy cảm) với "sự hiểu biết của trái

tim".

3. We note that the word "reaction" is related to the solar plexus. It suggests an 'unenlightened automaticism'. We all know how solar-plexus-based arguments have a life of their own and lead those involved, almost helplessly, into greater inharmony and unpleasantness. The lunar lords are "having their way".

3. Chúng ta lưu ý rằng từ "phản ứng" có liên quan đến tùng thái dương. Nó gợi đến 'tính tự động chưa được soi sáng'. Tất cả chúng ta đều biết những cuộc tranh cãi dựa trên tùng thái dương dường như có sức sống riêng và cuốn những người liên quan, gần như bất lực, vào tình trạng ngày càng bất hòa và khó chịu. Các nguyệt tinh quân đang "làm theo ý mình".

4. The word, "knowledge", however, is associated with the heart. This response of the heart is filled with *light.* Something new is seen and understood about the 'other person'. One does not simply *react* to him/her (a mode of response which usually adds 'heat' but not 'light').

4. Tuy nhiên, từ "hiểu biết" lại gắn với trái tim. Đáp ứng này của trái tim tràn đầy *ánh sáng.* Một điều mới mẻ về 'người kia' được nhìn thấy và thấu hiểu. Người ta không chỉ đơn thuần *phản ứng* với người ấy (một cách đáp ứng thường thêm 'sức nóng' mà không thêm 'ánh sáng').

5. Solar-plexus reaction is superficial compared with "heart knowledge". Via heart-knowledge, the deeper nature of the other is touched, and "real need" can be appreciated and met (quickly). The heart is a *need-detector.* The solar plexus is usually only alert to one's own needs, though it can resonate to the distress of others.

5. Phản ứng của tùng thái dương là hời hợt so với "sự hiểu biết của trái tim". Qua sự hiểu biết của trái tim, người ta chạm đến bản chất sâu xa hơn của người khác, và có thể nhận biết, đáp ứng (nhanh chóng) "nhu cầu thực sự". Trái tim là một *bộ phận phát hiện nhu cầu.* Tùng thái dương thường chỉ nhạy với những nhu cầu của chính mình, dù nó có thể cộng hưởng với nỗi khổ của người khác.

6. When we respond to another, are we deep or superficial? The intensity of our response is not necessarily an indication of its depth.

6. Khi đáp ứng với người khác, chúng ta sâu sắc hay hời hợt? Cường độ đáp ứng của chúng ta không nhất thiết biểu thị chiều sâu của nó.

7. We can see that if a disciple has developed a "quick response to real need", he/she is developing the esoteric sense, based on soul perception.

7. Chúng ta có thể thấy rằng nếu một đệ tử đã phát triển "sự đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu thực sự", thì người ấy đang phát triển giác quan nội môn, dựa trên tri giác của linh hồn.

8. Service is accomplished when *real* need is detected and rightly met. This suggests that

8. Việc phụng sự được thực hiện khi nhu cầu *thực sự* được phát hiện và đáp ứng đúng đắn.

often we *feel* or *think* that we have perceived a need, but that perceived need has actually originated from the *outer* nature of the one perceived. Through the heart/soul we perceive the *deeper* nature of the other and what is needed for *real* or *spiritual* fulfillment and growth. This type of perception is entirely more subtle and the response far more effective for good.

Điều này cho thấy chúng ta thường *cảm thấy* hoặc *nghĩ* rằng mình đã nhận thấy một nhu cầu, nhưng nhu cầu được nhận thấy ấy thực ra bắt nguồn từ bản chất *bên ngoài* của người mà chúng ta quan sát. Qua trái tim/linh hồn, chúng ta nhận biết bản chất *sâu xa hơn* của người khác và điều cần thiết cho sự thành tựu cùng tăng trưởng *thực sự* hoặc về mặt *tinh thần*. Loại tri giác này tinh tế hơn hẳn, và sự đáp ứng đem lại hiệu quả tốt đẹp hơn nhiều.

9. In the process of raising the energy of the solar plexus to the heart, light is thrown on the distinction we are asked to ponder.

9. Trong tiến trình nâng năng lượng của tùng thái dương lên trái tim, sự khác biệt mà chúng ta được yêu cầu suy ngẫm được soi sáng.

4. Right observation of reality upon the soul plane. This leads to right mental perception, to freedom from illusion and glamour and to the illumination of the brain. [50]

4. Quan sát đúng đắn thực tại trên cõi linh hồn. Điều này dẫn đến tri giác trí tuệ đúng đắn, sự thoát khỏi ảo tưởng và ảo cảm, cùng sự soi sáng bộ não. [50]

1. The "soul plane" (as here described) encompasses the higher three subplanes of the mental plane.

1. "Cõi linh hồn" (như được mô tả ở đây) bao gồm ba cõi phụ cao của cõi trí.

2. What is "reality"? Each dimension of life has its reality. It is questionable whether any ultimate reality can be found upon the plane of soul, though upon those subplanes a higher degree of reality exists than on any of eighteen subplanes of the three lower worlds.

2. Thế nào là "thực tại"? Mỗi chiều kích của sự sống đều có thực tại riêng. Liệu có thể tìm thấy một thực tại tối hậu nào trên cõi linh hồn hay không vẫn là điều đáng đặt câu hỏi, dù trên những cõi phụ ấy có một mức độ thực tại cao hơn bất kỳ cõi nào trong mười tám cõi phụ của ba cõi thấp.

3. We come to understand that "right mental perception" cannot be achieved without soul focus. It is as if the qualities of the higher mind must permeate the lower mine before the lower mind can really be trusted (because illumined).

3. Chúng ta dần thấu hiểu rằng "tri giác trí tuệ đúng đắn" không thể đạt được nếu thiếu sự tập trung nơi linh hồn. Dường như những phẩm tính của thượng trí phải thấm nhuần hạ trí trước khi hạ trí thực sự đáng tin cậy (vì đã được soi sáng).

4. The light of the soul-illumined mind dissipates glamor. This is well known.

4. Ánh sáng của thể trí được linh hồn soi sáng làm tiêu tan ảo cảm. Điều này được biết

đến rộng rãi.

5. Complete freedom from illusions, however, requires the intervention of the buddhic intuition; the light of the soul, alone, will not accomplish the task. Freedom from illusion requires an impersonal perspective which cannot be fully achieved under the influence of the causal body.

5. Tuy nhiên, sự hoàn toàn thoát khỏi các ảo tưởng đòi hỏi sự can thiệp của trực giác Bồ đề; chỉ riêng ánh sáng của linh hồn sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ ấy. Sự thoát khỏi ảo tưởng đòi hỏi một cách nhìn vô ngã mà dưới ảnh hưởng của thể nguyên nhân, người ta không thể đạt được trọn vẹn.

6. The illumination of the brain relates to the ability of the normal personality consciousness to carry light. The illumined brain can sustain an awareness of the higher worlds and bring the energy from those worlds into the everyday transactions in the worlds where the five normal senses rule.

6. Sự soi sáng bộ não liên quan đến khả năng mang ánh sáng của tâm thức phàm ngã bình thường. Bộ não được soi sáng có thể duy trì sự nhận biết về các cõi cao và đưa năng lượng từ những cõi ấy vào các hoạt động giao tiếp hằng ngày trong những cõi mà năm giác quan thông thường cai quản.

7. Usually, it is the illumination of the *mind* that is discussed (not of the *brain*). We should think about the difference. A certain vivid, alert quality of interaction with the environment will be the result of an illumined brain. This illumination will necessarily relate to the "light in the head". With an illumined brain it becomes possible to *perceive* matter as *light*. The illumined mind may *know* this is so, but the illumined brain *perceives* the fact — etherically.

7. Thông thường, người ta bàn đến sự soi sáng *thể trí* (không phải *bộ não*). Chúng ta nên suy nghĩ về sự khác biệt này. Một phẩm tính tương tác sống động, nhạy bén nhất định với môi trường sẽ là kết quả của một bộ não được soi sáng. Sự soi sáng này tất yếu sẽ liên quan đến "ánh sáng trong đầu". Với một bộ não được soi sáng, người ta có thể *nhận biết* vật chất là *ánh sáng*. Thể trí được soi sáng có thể *biết* điều này là như vậy, nhưng bộ não được soi sáng *nhận biết* sự thật ấy — trên phương diện dĩ thái.

5. Correct manipulation of force, involving, therefore, an understanding of the types and qualities of force and their right creative weaving into service upon the outer plane.

5. Vận dụng mãnh lực đúng đắn, do đó bao hàm sự thấu hiểu các loại và phẩm tính của mãnh lực, cùng việc đan kết chúng một cách sáng tạo và đúng đắn vào công việc phụng sự trên cõi bên ngoài.

1. This psychic power necessitates the third and fifth rays. Energies and forces have to be identified (which requires keen discrimination), then they have to be properly used — applied in a correct direction and with exactitude. A fifth ray

1. Năng lực thông linh này đòi hỏi cung ba và cung năm. Cần nhận diện các năng lượng và mãnh lực (điều này đòi hỏi khả năng phân biện sắc bén), rồi sử dụng chúng đúng cách — vận dụng theo đúng hướng và thật chính xác. Một mantram cung năm thích hợp ở

mantram is applicable here:

"Let the three forms of energy electric pass upward to the Place of Power. Let the forces of the head and heart and all the nether aspects blend. Then let the Soul look out upon the inner world of light divine. Let the word triumphant go forth: "I mastered energy for I am energy itself. The Master and the mastered are but One'. " (EP II 84)

2. A Master of the Wisdom is a 'Master of Energy', thus this particular psychic power cannot be fully mastered by disciples, probationary initiates and even initiates.

3. Once the forces are discriminated, they must be *manipulated — creatively* manipulated, utilizing the Ray of Creative Intelligence, or "the acute energy of divine mental perception".

4. Right creative manipulation can only be achieved in relation to *service*. If it occurs for any other reason than the advancement and progression of humanity and the planet, it will be selfish and spiritually useless — or worse.

5. The Tibetan, therefore, is asking us to understand the many energies, to be able to discriminate one from another, and to be able to apply them in service — either through thought, through sentient expression or through physical action (and preferably, in all three ways simultaneously).

6. Naturally some of the previously listed psychic powers will be useful when it comes to creatively weaving the various energies and forces into service on the outer plane".

đây:

"Hãy để ba dạng năng lượng điện đi lên Nơi Quyền Năng. Hãy để các mãnh lực của đầu và tim cùng mọi phương diện thấp hòa quyện. Rồi hãy để Linh Hồn nhìn ra thế giới ánh sáng thiêng liêng bên trong. Hãy để linh từ chiến thắng vang lên: "Tôi đã làm chủ năng lượng vì chính Tôi là năng lượng. Chân sư và điều được làm chủ chỉ là Một'. " (EP II 84)

2. Một Chân sư Minh Triết là một 'Chân sư Năng Lượng', vì vậy các đệ tử, các điểm đạo đồ dự bị và ngay cả các điểm đạo đồ cũng chưa thể hoàn toàn làm chủ năng lực thông linh đặc biệt này.

3. Một khi đã phân biện các mãnh lực, cần *điều dụng chúng — một cách sáng tạo*, bằng cách sử dụng Cung Trí Tuệ Sáng Tạo, hay "năng lượng sắc bén của tri giác trí tuệ thiêng liêng".

4. Chỉ trong mối liên hệ với việc *phụng sự* mới có thể điều dụng sáng tạo đúng đắn. Nếu sự điều dụng ấy diễn ra vì bất kỳ lý do nào khác ngoài sự tiến bộ và tiến triển của nhân loại cùng hành tinh, thì nó sẽ ích kỷ và vô ích về mặt tinh thần — hoặc còn tệ hơn.

5. Vì vậy, Chân sư Tây Tạng yêu cầu chúng ta thấu hiểu nhiều năng lượng, có thể phân biện năng lượng này với năng lượng khác, và có thể vận dụng chúng trong phụng sự — qua tư tưởng, qua biểu lộ cảm nhận hoặc qua hành động hồng trần (và tốt nhất là đồng thời bằng cả ba cách).

6. Dĩ nhiên, một số năng lực thông linh đã liệt kê trước đây sẽ hữu ích khi cần đan kết một cách sáng tạo các năng lượng và mãnh lực khác nhau để phụng sự trên cõi bên

ngoài".

7. If we can detect another's real need, of we are intuitive and able to receive the Master's direct impression, and if we are unglamored and 'dis-illusioned' — in the positive sense — our prospects for mastering the creative weaving of multiple esoteric forces are far improved.

7. Nếu chúng ta có thể nhận biết nhu cầu thực sự của người khác, nếu chúng ta có trực giác và có thể tiếp nhận ấn tượng trực tiếp của Chân sư, và nếu chúng ta thoát khỏi ảo cảm và 'thoát khỏi ảo tưởng' — theo nghĩa tích cực — thì triển vọng làm chủ việc đan kết sáng tạo nhiều mãnh lực nội môn của chúng ta sẽ được cải thiện rất nhiều.

8. The perfection of this psychic power will require considerable study and observation of life. The various subtle energies and forces are always and everywhere present in various intensities of expression; we have to recognize them and be able to *assume them.*

8. Việc hoàn thiện năng lực thông linh này sẽ đòi hỏi nhiều nghiên cứu và quan sát cuộc sống. Các năng lượng và mãnh lực tinh tế khác nhau luôn hiện diện ở mọi nơi, với cường độ biểu lộ khác nhau; chúng ta phải nhận ra chúng và có thể *mang chúng vào trong mình.*

9. How do you go about manipulating an energy? First you have to *feel* it. The energy has to imbue you. You have to be able to speak with its words and shape your thoughts according to its nature. I would suggest that one of the first methods preparatory to effective manipulation of an energy is the cultivation of the *ability to be pervaded by an energy or force* — to feel its presence palpably. Probably we should identify the ray and astrological quality of our thoughts, feelings and behaviors at various moments so we can learn which forces most frequently imbue us.

9. Các bạn tiến hành điều dụng một năng lượng như thế nào? Trước hết, các bạn phải *cảm nhận* nó. Năng lượng ấy phải thấm nhuần các bạn. Các bạn phải có thể nói bằng lời của nó và định hình tư tưởng của mình theo bản chất của nó. Tôi xin đề nghị rằng một trong những phương pháp đầu tiên để chuẩn bị cho việc điều dụng hiệu quả một năng lượng là trau dồi *khả năng để một năng lượng hay mãnh lực thấm khắp mình* — cảm nhận rõ rệt sự hiện diện của nó. Có lẽ chúng ta nên nhận diện cung và phẩm tính chiêm tinh của tư tưởng, cảm xúc và hành vi của mình vào những thời điểm khác nhau, để có thể biết những mãnh lực nào thường xuyên thấm nhuần chúng ta nhất.

10. If we want to summon or invoke energies and forces with which we have less natural familiarity, there are symbols, words of power, gestures, etc. , which will place us within the stream of such energies and forces. Experiment is required.

10. Nếu muốn triệu gọi hay khẩn cầu những năng lượng và mãnh lực mà chúng ta vốn ít quen thuộc hơn, thì có những biểu tượng, quyền năng từ, cử chỉ, v.v. , có thể đưa chúng ta vào dòng chảy của những năng lượng và mãnh lực ấy. Cần phải thử nghiệm.

6. A true comprehension of the time element, with its cyclic ebb and flow and the right seasons for action — a most difficult psychic power to master, my brothers, but one which can be mastered through the use of patient waiting and the elimination of hurry.

6. Sự thấu hiểu thực sự yếu tố thời gian, với những đợt lên xuống theo chu kỳ và những thời điểm thích hợp để hành động — các huynh đệ của Tôi, đây là một năng lực thông linh rất khó làm chủ, nhưng có thể làm chủ nhờ kiên nhẫn chờ đợi và loại bỏ sự vội vàng.

1. Much consideration should be given to this sixth psychic power. Its relative mastery involves the control of the astral body and the subduing of the planets Mars (and lower Neptune) by Vulcan (the planet of the *will*). (Really, there is no 'lower Neptune', but there are lower ways of responding to the energy of any planet, and these are distinctly different from the higher ways.)

1. Cần suy xét kỹ năng lực thông linh thứ sáu này. Việc làm chủ năng lực này ở mức tương đối bao hàm việc kiểm soát thể cảm dục và để Vulcan (hành tinh của *ý chí*) chế ngự Sao Hỏa (và Sao Hải Vương bậc thấp). (Thực ra, không có 'Sao Hải Vương bậc thấp', nhưng có những cách đáp ứng thấp hơn với năng lượng của bất kỳ hành tinh nào, và những cách ấy khác biệt rõ rệt với những cách đáp ứng cao hơn.)

2. We can understand that sensitivity to the planets Saturn and Uranus are both involved in the development of this psychic power. Saturn determines cycles which shall be no longer or shorter than the "Law" degrees. Uranus determines the intuitively correct moment for the "heavenly pattern" to present itself. (In astrology, Uranus is considered an 'exact timer'. Events correlated with its aspects occur very close to the time of exactitude of the aspects.)

2. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng sự nhạy cảm với cả Sao Thổ lẫn Sao Thiên Vương đều góp phần vào sự phát triển năng lực thông linh này. Sao Thổ ấn định các chu kỳ không dài hơn hay ngắn hơn mức mà "Định luật" quy định. Sao Thiên Vương xác định qua trực giác thời điểm đúng đắn để "mô hình thiên giới" hiển lộ. (Trong chiêm tinh học, Sao Thiên Vương được xem là một 'hành tinh định thời chính xác'. Những sự kiện tương ứng với các góc hợp của hành tinh này xảy ra rất gần thời điểm các góc hợp ấy đạt độ chính xác tuyệt đối.)

3. We can see that if this power of correct timing is to be mastered, Saturn and Uranus will have to master the rather emotionally stimulative planets, Mars and Neptune. The astral body violates correct timing because of personal desire. If personal desire is subdued and if a more impersonal attitude is developed, there will be sufficient patience to act during the "right seasons for action".

3. Chúng ta có thể thấy rằng để làm chủ năng lực xác định đúng thời điểm này, Sao Thổ và Sao Thiên Vương sẽ phải chế ngự những hành tinh kích thích cảm xúc khá mạnh là Sao Hỏa và Sao Hải Vương. Thể cảm dục làm sai lệch việc xác định đúng thời điểm vì dục vọng cá nhân. Nếu dục vọng cá nhân được chế ngự và một thái độ vô ngã hơn được phát triển, thì sẽ có đủ kiên nhẫn để hành động vào những "thời điểm thích

hợp để hành động".

4. Why is this psychic power so difficult to master? Perhaps because human beings are yet so *personal*, their vision of larger possibilities so limited, and their astral body so strong.

4. Vì sao năng lực thông linh này lại khó làm chủ đến vậy? Có lẽ vì con người vẫn còn quá *nặng tính cá nhân*, tầm nhìn của họ về những khả năng rộng lớn hơn còn quá hạn hẹp, và thể cảm dục của họ còn quá mạnh.

5. The one "who asks nothing for the personal self" will be able to wait until reason and intuition reveal the correct moment for action. The one who sees all things in terms of the Divine Plan, thinks in larger cycles and sees how these cycles contribute to the unfoldment of larger patterns and objectives.

5. Người "không cầu xin điều gì cho phàm ngã" sẽ có thể chờ đợi cho đến khi lý trí và trực giác chỉ ra thời điểm đúng đắn để hành động. Người nhìn mọi sự theo Thiên Cơ sẽ suy nghĩ theo những chu kỳ lớn hơn và thấy cách các chu kỳ ấy góp phần vào sự khai mở những mô hình và mục tiêu lớn hơn.

6. It is obvious that a narrow point of view will never be found in those who comprehend the time element, its cyclic ebbs and flows. A profound study of the Ageless Wisdom in its broad outlines, thus, contributes to the development of this power. Most people think of certain processes which are underway, but the processes are relatively personal, or involve groups in which the value of the personal point of view is pronounced. If an individual or group begins to think in terms of much larger processes — affecting humanity and the planet as a whole, the *perspective is entirely changed.* Such an individual seeks the best for the larger group, and knows that that best cannot emerge if hasty personal action is taken. With the distant and desirable pattern ever in mind, there comes an understanding of what kinds of actions lead to that pattern and what kind do not. There comes an understanding of which types of energies and forces lead to that pattern and which do not. Most importantly, in this context, there comes the understanding of when such propitious

6. Hiển nhiên, những ai thấu hiểu yếu tố thời gian cùng những đợt lên xuống theo chu kỳ của nó sẽ không bao giờ có quan điểm hẹp hòi. Do đó, việc nghiên cứu sâu sắc Minh Triết Ngàn Đời trong những đường nét lớn sẽ góp phần phát triển năng lực này. Đa số mọi người nghĩ đến một số tiến trình đang diễn ra, nhưng những tiến trình ấy tương đối mang tính cá nhân, hoặc liên quan đến những nhóm trong đó giá trị của quan điểm cá nhân được đề cao. Nếu một cá nhân hay nhóm bắt đầu suy nghĩ theo những tiến trình lớn hơn nhiều — tác động đến toàn thể nhân loại và hành tinh, thì *tầm nhìn sẽ hoàn toàn thay đổi.* Một cá nhân như thế tìm kiếm điều tốt nhất cho nhóm lớn hơn, và biết rằng điều tốt nhất ấy không thể xuất hiện nếu hành động cá nhân diễn ra vội vã. Khi luôn giữ trong trí mô hình xa vời và đáng mong muốn ấy, người ta sẽ thấu hiểu những loại hành động nào dẫn đến mô hình ấy và những loại nào không. Người ta sẽ thấu hiểu những loại năng lượng và mãnh lực nào dẫn đến mô hình ấy và những loại nào không. Quan trọng nhất trong bối cảnh này là sự thấu hiểu khi nào có thể sử dụng những

energies and forces are available and when they are not. The Plan-intent-individual awaits the presence of those forces so that the desirable supra-personal pattern may emerge.

năng lượng và mãnh lực thuận lợi ấy, và khi nào không. Cá nhân chuyên tâm vào Thiên Cơ chờ đợi sự hiện diện của những mãnh lực ấy để mô hình vượt trên cá nhân đáng mong muốn có thể xuất hiện.

7. It is clear that a knowledge of astrological and rayological cycles helps one cultivate this particular psychic power. The realization of the right moment may be intuitive, but a knowledge of the objective subtle-energy cycles schools the intuition.

7. Rõ ràng, kiến thức về các chu kỳ chiêm tinh và các chu kỳ cung giúp người ta trau dồi năng lực thông linh đặc biệt này. Việc nhận biết thời điểm đúng đắn có thể đến từ trực giác, nhưng kiến thức về các chu kỳ năng lượng tinh tế khách quan sẽ rèn luyện trực giác.

8. We have to realize that "patient waiting" *is* action; it is not inaction. "Hurry" on the other hand, is simply "motion" — and no directed action at all. It is clear that the onset of a true mental polarization will assist with the mastery of this sixth psychic power.

8. Chúng ta phải nhận ra rằng "kiên nhẫn chờ đợi" *chính là* hành động; đó không phải là không hành động. "Sự vội vàng", trái lại, chỉ đơn thuần là "chuyển động" — hoàn toàn không phải hành động có định hướng. Rõ ràng, sự khởi đầu của một sự phân cực trí tuệ thực sự sẽ giúp làm chủ năng lực thông linh thứ sáu này.

All these powers, the disciple must eventually develop, but the process is necessarily slow.

Cuối cùng, đệ tử phải phát triển tất cả những năng lực này, nhưng tiến trình ấy tất yếu phải chậm.

1. We can see that Master DK is giving us an entirely different sense of what constitute psychic powers; it is a most wholesome paradigm He is presenting. This paradigm forces disciples to 'look above' for the acquisition of such powers, rather than 'below while thinking they are looking above'!

1. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đang mang đến cho chúng ta một nhận thức hoàn toàn khác về những gì thực sự là năng lực thông linh; Ngài đang trình bày một mô hình nhận thức hết sức lành mạnh. Mô hình nhận thức này buộc các đệ tử phải 'nhìn lên trên' để đạt được những năng lực ấy, thay vì 'nhìn xuống dưới trong khi tưởng rằng mình đang nhìn lên trên'!

2. The process is as slow as the cultivation of soul-infusion and the building of the antahkarana. We can be sure however that service to the Divine Plan and humanity will set up the proper conditions for the development of these powers.

2. Tiến trình này cũng chậm như việc vun bồi sự thấm nhuần của linh hồn và xây dựng antahkarana. Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn rằng việc phụng sự Thiên Cơ và nhân loại sẽ tạo ra những điều kiện thích hợp cho sự phát triển các năng lực này.

3. It is service that draws these powers forth. The powers are natural soul abilities and the soul/Solar Angel in us, seeks to serve. If we place ourselves heartfully in the stream of service, the powers will be drawn forth.

3. Chính việc phụng sự khơi dậy những năng lực này. Những năng lực ấy là các khả năng tự nhiên của linh hồn, và linh hồn/Thái dương Thiên Thần trong chúng ta tìm cách phụng sự. Nếu hết lòng hòa mình vào dòng phụng sự, những năng lực ấy sẽ được khơi dậy.

Next comes the quality of mental polarisation. What exactly is this power or quality? For you (at this time) it must express itself in two ways:

Tiếp đến là phẩm tính phân cực trí tuệ. Chính xác thì năng lực hay phẩm tính này là gì? Đối với các bạn (vào lúc này), nó phải biểu lộ theo hai cách:

1. Through the life of meditation.

1. Qua đời sống tham thiền.

2. Through the control of the astral body.

2. Qua việc kiểm soát thể cảm dục.

1. Mental polarisation is not simply the ability to be an "intellectual". This ability can be present with very little soul-infusion of the mind.

1. Sự phân cực trí tuệ không đơn thuần là khả năng trở thành một "trí thức". Khả năng này có thể hiện diện khi thể trí chỉ được linh hồn thấm nhuần rất ít.

2. True mental polarization is achieved midway between the second and third initiations. If this is so, it must be clear that *most students of spirituality are not yet mentally polarized.*

2. Sự phân cực trí tuệ thực sự đạt được ở khoảng giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba. Nếu đúng như vậy, thì phải thấy rõ rằng *đa số đạo sinh nghiên cứu về tinh thần vẫn chưa phân cực trí tuệ.*

"Illusion is, in the last analysis, the control of the mental processes by great and massive thoughtforms; this conflict persists from the moment that the disciple has achieved **mental polarisation** (at a midway point between the second and the third initiations)... (R&I 600)

"Xét cho cùng, ảo tưởng là tình trạng các hình tư tưởng lớn lao và đồ sộ kiểm soát các tiến trình trí tuệ; cuộc xung đột này kéo dài kể từ lúc đệ tử đạt được **sự phân cực trí tuệ** (ở khoảng giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba)... (R&I 600)

3. An ability to focus mentally is a precursor of this development. The control of the astral body is also necessitated, because if the astral body is too strong, it will always be attracting the attention which, then, will not be held at a mental point of tension.

3. Khả năng tập trung trí tuệ là tiền đề của sự phát triển này. Việc kiểm soát thể cảm dục cũng là điều cần thiết, vì nếu thể cảm dục quá mạnh, nó sẽ luôn thu hút sự chú ý, khiến sự chú ý không thể duy trì tại một điểm tập trung nhất tâm trên cõi trí.

4. But, the quality of higher mind is also required of the truly mentally polarized individual. This individual has taken the second initiation and has thus achieved "mental illumination" and is characterized by "spiritual intelligence".

4. Nhưng cá nhân thực sự phân cực trí tuệ cũng cần có phẩm tính của thượng trí. Cá nhân này đã trải qua lần điểm đạo thứ hai và do đó đã đạt được "sự soi sáng trí tuệ", đồng thời có đặc trưng là "trí thông minh tinh thần".

5. Many intellectuals are still ruled by their emotions. The truly mentally polarized individual can never be thus ruled.

5. Nhiều trí thức vẫn chịu sự chi phối của cảm xúc. Cá nhân thực sự phân cực trí tuệ không bao giờ có thể chịu sự chi phối như vậy.

Increasingly must your inner life be lived upon the mental plane. Steadily and without descent must the attitude of meditation be held — not for a few minutes each morning or at specific moments throughout the day, but constantly, all day long. It infers a constant orientation to life and the handling of life from the angle of the soul. This does not refer to what is so often referred to as "turning one's back upon the world. " The disciple faces the world but he faces it from the level of the soul, looking clear-eyed upon the world of human affairs. "In the world, yet not of the world" is the right attitude — expressed for us by the Christ.

Các bạn phải ngày càng sống đời sống bên trong của mình trên cõi trí. Phải duy trì thái độ tham thiền một cách vững vàng và không sa xuống — không chỉ trong vài phút mỗi sáng hay vào những thời điểm nhất định trong ngày, mà liên tục, suốt cả ngày. Điều đó hàm ý một sự định hướng không ngừng đối với cuộc sống và xử lý cuộc sống từ góc độ linh hồn. Điều này không nói đến điều người ta thường gọi là "quay lưng với thế gian. " Đệ tử đối diện với thế gian, nhưng y đối diện từ cấp độ linh hồn, nhìn thế giới các sự việc của nhân loại bằng đôi mắt sáng suốt. "Ở trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian" là thái độ đúng đắn — Đức Christ đã thể hiện thái độ ấy cho chúng ta.

1. The Tibetan sets forth an important requirement — one that is rejected today by many as too cold and lifeless. He asks that the "inner life" be lived upon the mental plane. We note that He is not asking for withdrawal from the world, nor is He condoning physical plane ineffectiveness. He is calling attention to the quality of the psychological life and asking that it be supervised by an illumined mentality.

1. Chân sư Tây Tạng nêu ra một yêu cầu quan trọng — một yêu cầu mà ngày nay nhiều người bác bỏ vì cho là quá lạnh lùng và thiếu sức sống. Ngài yêu cầu chúng ta sống "đời sống bên trong" trên cõi trí. Chúng ta lưu ý rằng Ngài không yêu cầu rút lui khỏi thế gian, cũng không dung túng sự kém hiệu quả trên cõi hồng trần. Ngài lưu ý đến phẩm tính của đời sống tâm lý và yêu cầu để một trí tuệ được soi sáng giám sát đời sống ấy.

2. What does it mean to hold an attitude of meditation, "steadily and without descent"? Everyone has the experience of reaching a

2. Duy trì thái độ tham thiền "một cách vững vàng và không sa xuống" có nghĩa là gì? Ai cũng từng trải qua việc đạt đến một điểm

high point of contact in the meditation only to lose that contact a few minutes later. The continuity of the meditative attitude is interrupted; *descent* occurs. Descent, in this case, means that the "Attitude of the Observer" is compromised and that emotional reactivity takes the place of a more serene focus within the mind.

tiếp xúc cao trong tham thiền, rồi chỉ vài phút sau lại mất đi sự tiếp xúc ấy. Tính liên tục của thái độ tham thiền bị gián đoạn; *sự sa xuống* xảy ra. Trong trường hợp này, sa xuống có nghĩa là "Thái Độ của Người Quan Sát" bị suy giảm, và tính phản ứng cảm xúc thay thế cho sự tập trung tĩnh lặng hơn trong thể trí.

3. The Tibetan is calling for a kind of 'continuity of soul consciousness'. One of the important contributants to this state is emotional poise and serenity.

3. Chân sư Tây Tạng đang yêu cầu một dạng 'liên tục của tâm thức linh hồn'. Một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên trạng thái này là sự quân bình và tĩnh lặng về cảm xúc.

4. It is also possible to 'descend' into lower manas, and become preoccupied with the modifications of the mental vehicle. Although this type of activity is occurring on the mental plane, the *perspective* of the higher mental plane is not involved. Whenever the perspective of the higher mental plane is sacrificed, there is "descent".

4. Người ta cũng có thể 'sa xuống' hạ trí, rồi mải mê với những biến đổi của thể trí. Dù loại hoạt động này diễn ra trên cõi trí, nó không bao hàm *tầm nhìn* của cõi thượng trí. Bất cứ khi nào tầm nhìn của cõi thượng trí bị hy sinh, đều có "sự sa xuống".

5. DK ensures that His advice is taken in a balanced manner. After two thousand years of Pisceanism, it is too easy to fall into the attitude of "turning one's back upon the world" — an attitude which is undesirable in terms of developing Aquarian objectives.

5. Chân sư DK bảo đảm rằng lời khuyên của Ngài được tiếp nhận một cách quân bình. Sau hai nghìn năm chịu ảnh hưởng của Song Ngư, người ta rất dễ rơi vào thái độ "quay lưng với thế gian" — một thái độ không thích hợp cho việc phát triển các mục tiêu của Bảo Bình.

6. "In the world, yet not of the world". This is the attitude we must cultivate, and it was expressed for us by the Christ. Such an attitude allows us to be effective in service without becoming entrapped by the world which we intend to serve. Our attitude is one of "contribution" (a soul impulse) and not "acquisition" (involving desire).

6. "Ở trong thế gian, nhưng không thuộc về thế gian". Đây là thái độ chúng ta phải trau dồi, và Đức Christ đã thể hiện thái độ ấy cho chúng ta. Thái độ như vậy giúp chúng ta phụng sự hiệu quả mà không bị mắc kẹt trong thế gian mà chúng ta muốn phụng sự. Thái độ của chúng ta là "đóng góp" (một thôi thúc của linh hồn), chứ không phải "thu nhận" (gắn với dục vọng).

7. The term "clear-eyed" is used; it is a

7. Cụm từ "đôi mắt sáng suốt" được sử dụng;

quality of perception possessed by those who see into the world from the perspective of the soul. The forces of the astral plane blur and distort vision; glamor is precisely a form of unclarity. The Tibetan uses this term, "clear-eyed" when speaking of the manner in which the initiate faces the possibility of the fourth initiation. We can associate such clarity with buddhic perception — never with astral sentiency.

"Think not that this indicates the fourth initiation, the Crucifixion. That initiation has to be faced clear-eyed, free from glamour, with a heart full of love and a mind released from all criticism. For this, the second initiation prepares the disciple. " (DINA II 527)

đó là một phẩm tính tri giác của những người nhìn vào thế gian từ góc độ linh hồn. Các mãnh lực của cõi cảm dục làm mờ và bóp méo tầm nhìn; ảo cảm chính là một dạng thiếu sáng rõ. Chân sư Tây Tạng dùng cụm từ "đôi mắt sáng suốt" khi nói về cách điểm đạo đồ đối diện với khả năng trải qua lần điểm đạo thứ tư. Chúng ta có thể liên hệ sự sáng rõ ấy với tri giác Bồ đề — tuyệt nhiên không phải với cảm nhận cảm dục.

"Đừng nghĩ rằng điều này chỉ lần điểm đạo thứ tư, sự Đóng Đinh trên Thập Giá. Phải đối diện với lần điểm đạo ấy bằng đôi mắt sáng suốt, thoát khỏi ảo cảm, với trái tim đầy tình thương và thể trí thoát khỏi mọi sự chỉ trích. Lần điểm đạo thứ hai chuẩn bị cho đệ tử điều này. " (DINA II 527)

Increasingly must the normal and powerful life of the emotional, astral, desire and glamorous nature be controlled and rendered quiescent by the life of the soul, functioning through the mind. The emotions which are normally self-centred and personal must be transmuted into the realisations of universality and impersonality; the astral body must become the organ through which the love of the soul can pour; desire must give place to aspiration and that, in its turn, must be merged in the group life and the group good; glamour must give place to reality, and the pure light of the mind must pour into all the dark places of the lower nature. [51] These are the results of mental polarisation and are brought about by definite meditation and the cultivation of the meditative attitude. This is not new information for you, but it is something which as yet remains unexpressed practically. If you will ask yourselves the following questions and courageously and truthfully make reply

Đời sống của linh hồn, hoạt động qua thể trí, phải ngày càng kiểm soát và làm lắng dịu đời sống thông thường và mạnh mẽ của bản chất cảm xúc, cảm dục, dục vọng và ảo cảm. Những cảm xúc vốn thường tập trung vào bản thân và mang tính cá nhân phải được chuyển hoá thành những nhận biết về tính phổ quát và tính vô ngã; thể cảm dục phải trở thành cơ quan để tình thương của linh hồn có thể tuôn chảy qua; dục vọng phải nhường chỗ cho khát vọng, rồi đến lượt khát vọng phải hòa nhập vào đời sống nhóm và lợi ích nhóm; ảo cảm phải nhường chỗ cho thực tại, và ánh sáng tinh khiết của thể trí phải tuôn vào mọi nơi tối tăm của bản chất thấp. [51] Đây là những kết quả của sự phân cực trí tuệ, do việc tham thiền có chủ đích và trau dồi thái độ tham thiền mang lại. Đây không phải là thông tin mới đối với các bạn, nhưng đến nay vẫn chưa được thể hiện trong thực hành. Nếu các bạn tự đặt cho mình những câu hỏi sau đây và can đảm, trung thực trả lời trước tòa phán xét của chính linh hồn mình, các bạn sẽ học được nhiều điều và

before the bar of your own soul, you will learn much and greatly aid your development:

1. Normally, the astral plane is powerful in its reactions. This type of functioning — *normal* for most human beings — must be offset by the disciple and initiate.

2. We do note that the soul (regardless of its ray) has a quieting effect upon the astral vehicle and its associated forces and phenomena. We note that the instrument which the soul uses to achieve the necessary quietude is the *mind*.

3. Emotional response is associated with the solar plexus, which like all sub-diaphragmatic chakras, relates to the *personal* life. The feelings and resultant emotions are largely designed to preserve comfort and equilibrium within the personal energy system.

4. A major transmutation must occur; emotion must be transmuted into "realizations of universality and impersonality". Personal sensitivity must give place to a sensitivity which responds to the welfare of the larger whole. This is all part of a necessary decentralizing process.

5. The term "realizations" is important. Realization does not occur on the astral plane. At the very least it involves the higher mind, and actually dimensions far beyond that. The siddhi of *realization* occurs on the fifth subplane of the *atmic* plane.

6. It is important to understand that normal astral functioning and reactivity prevents

giúp ích rất nhiều cho sự phát triển của mình:

1. Thông thường, cõi cảm dục có những phản ứng mạnh mẽ. Đệ tử và điểm đạo đồ phải hóa giải kiểu hoạt động này — vốn là *bình thường* đối với đa số con người.

2. Chúng ta quả có nhận thấy rằng linh hồn (bất kể thuộc cung nào) có tác dụng làm lắng dịu thể cảm dục cùng những mãnh lực và hiện tượng liên quan. Chúng ta nhận thấy công cụ mà linh hồn sử dụng để đạt được sự tĩnh lặng cần thiết là *thể trí*.

3. Sự đáp ứng cảm xúc gắn với tùng thái dương, trung tâm này, cũng như mọi luân xa dưới cơ hoành, liên quan đến đời sống *cá nhân*. Các cảm nhận và những cảm xúc phát sinh từ đó phần lớn nhằm duy trì sự dễ chịu và quân bình trong hệ thống năng lượng cá nhân.

4. Một sự chuyển hoá lớn phải diễn ra; cảm xúc phải được chuyển hoá thành "những nhận biết về tính phổ quát và tính vô ngã". Sự nhạy cảm cá nhân phải nhường chỗ cho một sự nhạy cảm đáp ứng với phúc lợi của tổng thể lớn hơn. Tất cả điều này là một phần của tiến trình phi tập trung vào bản thân cần thiết.

5. Thuật ngữ "những nhận biết" rất quan trọng. Sự chứng nghiệm không diễn ra trên cõi cảm dục. Ít nhất, nó liên quan đến thượng trí, và thực ra còn liên quan đến những chiều kích vượt xa hơn nữa. Quyền năng *chứng nghiệm* diễn ra trên cõi phụ thứ năm của cõi *atma*.

6. Điều quan trọng là phải thấu hiểu rằng hoạt động và tính phản ứng cảm dục thông

such higher realizations. The seas must be quieted before they become capable of reflecting higher soul and triadal states.

thường ngăn cản những chứng nghiệm cao hơn như thế. Các biển nước phải lắng yên trước khi có thể phản chiếu những trạng thái cao hơn của linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần.

7. The Tibetan indicates the astral body is not a useless organ, simply to be negated and forgotten. Rather, the astral body "must become the organ through which the love of the soul can pour". All organs have a function within the system of which they are a part; here the Tibetan shares with us the intended use of this vehicle which normally causes people so much difficulty.

7. Chân sư Tây Tạng chỉ ra rằng thể cảm dục không phải là một cơ quan vô dụng, chỉ cần phủ nhận rồi lãng quên. Đúng hơn, thể cảm dục "phải trở thành cơ quan để tình thương của linh hồn có thể tuôn chảy qua". Mọi cơ quan đều có một chức năng trong hệ thống mà nó là thành phần; ở đây, Chân sư Tây Tạng chia sẻ với chúng ta công dụng dự định của hiện thể vốn thường gây cho con người rất nhiều khó khăn này.

8. Naturally, we wish to question ourselves. Is our own astral body in such a desirable condition? Is the astral vehicle of the group capable of functioning as an "organ" for the expression of love?

8. Dĩ nhiên, chúng ta muốn tự vấn. Thể cảm dục của chính chúng ta có ở trong trạng thái đáng mong muốn như vậy không? Thể cảm dục của nhóm có khả năng hoạt động như một "cơ quan" để biểu lộ tình thương không?

9. No astral body can serve in this desirable manner if it is afflicted by glamors and various desires which bind consciousness to the lower planes.

9. Không thể cảm dục nào có thể phụng sự theo cách đáng mong muốn này nếu chịu sự quấy nhiễu của các ảo cảm và những dục vọng khác nhau trói buộc tâm thức vào các cõi thấp.

10. An important sequence is given: from desire to aspiration, from aspiration to "group life" and "group good". The quality of desires is elevated, and the individual no longer desires the welfare of the personal self. The very first Rule for Applicants speaks of a necessary triumph over personal desire to be found in any sincere candidate for initiation. Heart response is superseding solar plexus reactivity. The man no longer lives for himself alone; his sense of identity is increasingly invested in the group. He is just as sensitive — even more so — but it is sensitivity (a *heart* sensitivity) which seeks

10. Một trình tự quan trọng được nêu ra: từ dục vọng đến khát vọng, từ khát vọng đến "đời sống nhóm" và "lợi ích nhóm". Phẩm tính của dục vọng được nâng cao, và cá nhân không còn mong muốn phúc lợi cho phàm ngã. Ngay Quy Luật đầu tiên dành cho Người Dự Tuyển đã nói đến sự chiến thắng dục vọng cá nhân cần phải có ở bất kỳ ứng viên điểm đạo chân thành nào. Sự đáp ứng của trái tim đang thay thế tính phản ứng của tùng thái dương. Con người không còn chỉ sống cho riêng mình; ý thức về bản sắc của y ngày càng gắn bó với nhóm. Y vẫn nhạy cảm như trước — thậm chí còn hơn — nhưng đó

to preserve "group good" (the welfare of the larger whole in which he is a part).

là sự nhạy cảm (sự nhạy cảm của *trái tim*) tìm cách gìn giữ "lợi ích nhóm" (phúc lợi của tổng thể lớn hơn mà y là một thành phần).

11. We are being shown the benefits of mental polarization, among which is the following: "the pure light of mind must pour into all the dark places of the lower nature". "Alignment — Crisis — *Light* — Revelation — Integration". Ancient patterns are revealed for what they are, and their exposure weakens them, bringing about the possibility of re-patterning.

11. Chúng ta đang được chỉ cho thấy những lợi ích của sự phân cực trí tuệ, trong đó có điều sau đây: "ánh sáng tinh khiết của thể trí phải tuôn vào mọi nơi tối tăm của bản chất thấp". "Chỉnh hợp — Khủng hoảng — *Ánh sáng* — Mặc khải — Tích hợp". Những mô hình lâu đời bộc lộ đúng bản chất của chúng, và việc phơi bày ấy làm chúng suy yếu, mở ra khả năng tái định hình.

12. We can see how great is the reconditioning of the astral body through which humanity must pass. The desire nature of man is the seat of the vast majority of problems which plague humanity. A major focus will have to be placed upon purifying this "body of sentiency" and re-patterning its responses.

12. Chúng ta có thể thấy tiến trình tái định hình thể cảm dục mà nhân loại phải trải qua lớn lao đến mức nào. Bản chất dục vọng của con người là nơi phát sinh phần lớn những vấn đề đang giày vò nhân loại. Cần đặc biệt tập trung vào việc thanh lọc "thể cảm nhận" này và tái định hình những đáp ứng của nó.

13. Meditation and the meditative attitude assist with the general astral transformation. But this type of work is not easy, and people fail to apply themselves to it. Perhaps other things seem more interesting. The Tibetan tells His disciples that they have failed to undertake the kind of emotional transformation which should result from mental polarization. What have *we* done in this regard?

13. Tham thiền và thái độ tham thiền hỗ trợ sự chuyển đổi toàn diện của thể cảm dục. Nhưng công việc này không dễ dàng, và người ta không chuyên tâm thực hiện. Có lẽ những việc khác có vẻ thú vị hơn. Chân sư Tây Tạng nói với các đệ tử của Ngài rằng họ đã không thực hiện sự chuyển đổi cảm xúc vốn phải là kết quả của sự phân cực trí tuệ. Về phương diện này, *chúng ta* đã làm được gì?

14. We are being asked to face ourselves, before "the bar of [our] soul". There we can judge impartially (Libra) what has been the result of the process of transmuting and transforming the lunar vehicles — and especially, the astral body.

14. Chúng ta được yêu cầu đối diện với chính mình, trước "tòa phán xét của linh hồn [chúng ta]". Ở đó, chúng ta có thể đánh giá một cách công bằng (Thiên Bình) những kết quả của tiến trình chuyển hoá và chuyển đổi các hiện thể thái âm — đặc biệt là thể cảm dục.

15. The problem of pursuing ever-new

15. Vấn đề theo đuổi thông tin ngày càng

information (without applying it) is presented to us. Such an attitude may delight the mind, but does not lead to those changes without which no real spiritual progress can be made. Mastership is built upon a purified, reorganized personality life. There is no escape from this requirement, howevermuch we might "look the other way".

mới mẻ (mà không áp dụng) được đặt ra trước chúng ta. Thái độ ấy có thể làm thể trí thích thú, nhưng không dẫn đến những thay đổi thiết yếu cho bất kỳ sự tiến bộ tinh thần thực sự nào. Quả vị Chân sư được xây dựng trên một đời sống phàm ngã đã thanh lọc và tái tổ chức. Không thể né tránh yêu cầu này, dù chúng ta có cố "ngoảnh mặt làm ngơ" đến đâu.

16. DK asks us to fact the questions He poses "courageously and truthfully". Of what use is it for us to delude ourselves (often quite skillfully, so that we hardly know we are doing so)? We would only delay the inevitable reckoning and waste years, perhaps lifetimes. We must start with ourselves "*where* we are" and "*as* we are". From that acknowledged state we can build.

16. Chân sư DK yêu cầu chúng ta đối diện với những câu hỏi Ngài đặt ra một cách "can đảm và trung thực". Tự lừa dối mình thì có ích gì (thường khá khéo léo, đến mức chúng ta hầu như không biết mình đang làm vậy)? Chúng ta chỉ trì hoãn cuộc đối diện không thể tránh khỏi và lãng phí nhiều năm, có lẽ cả nhiều kiếp sống. Chúng ta phải bắt đầu từ chính mình "*ngay nơi* mình đang đứng" và "*đúng như* mình hiện là". Từ trạng thái đã được thừa nhận ấy, chúng ta có thể xây dựng.

17. Below, DK is asking His chelas to assess the degree to which they have fulfilled the four requirements He and Master KH determined as important for all those who would participate in this newer form of group work. A courageous and truthful approach to these questions would induce a much-needed humanity in the chelas, and in all of us.

17. Dưới đây, Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài đánh giá mức độ họ đã đáp ứng bốn yêu cầu mà Ngài và Chân sư KH xác định là quan trọng đối với tất cả những ai muốn tham gia hình thức công việc nhóm mới hơn này. Một cách tiếp cận can đảm và trung thực đối với những câu hỏi này sẽ khơi dậy tính nhân bản rất cần thiết nơi các đệ tử, và nơi tất cả chúng ta.

1. What do you understand by spiritual sensitivity?

1. Các bạn hiểu sự nhạy cảm tinh thần là gì?

1. One must determine which aspect or aspects of his nature are sensitive.

1. Mỗi người phải xác định phương diện nào hay những phương diện nào trong bản chất của mình có sự nhạy cảm.

2. One can have a sensitive mind, emotional body or physical body, but these types of sensitivities will not confer "spiritual"

2. Một người có thể có thể trí, thể cảm xúc hoặc thể xác nhạy cảm, nhưng những loại nhạy cảm này không đem lại sự nhạy cảm

sensitivity.

3. We can ask ourselves, "When I know that I am identified as a soul, to what am I sensitive"?

4. "How often do I preserve the kind of identification that allows me to be spiritually sensitive?" "How often is such sensitivity clouded-over by other, lower, personality states?" "What induces such beclouding states?"

5. It becomes clear that to answer these questions, one must be able to observe the energy-force changes within the various layer of one's aura. Only the detached Observer can do this.

6. Only he can be detached who cares more about the soul than the personality.

a. Have you ever truthfully felt my vibration?

1. This is a fascinating question and confronts us to inquire of ourselves: "A much as we may talk about Master DK, to what extent is He a *presence* to us?"

2. Of course, He comes through to us in His words taken down by AAB, and a presence of a kind can be felt. But here, in this question, we are talking about *immediacy* — a *living presence* unquestionably 'felt'. Note that the word "felt" is used, but one can 'feel' in more vehicles than the astral.

3. When we consider this question, the

"tinh thần".

3. Chúng ta có thể tự hỏi: "Khi biết mình đang đồng hoá với linh hồn, tôi nhạy cảm với điều gì"?

4. "Tôi duy trì sự đồng hoá cho phép mình nhạy cảm về tinh thần ấy thường xuyên đến mức nào?" "Sự nhạy cảm ấy bị những trạng thái phàm ngã khác, thấp hơn, che mờ thường xuyên đến mức nào?" "Điều gì gây ra những trạng thái che mờ ấy?"

5. Rõ ràng, để trả lời những câu hỏi này, mỗi người phải có khả năng quan sát những biến đổi của năng lượng–mãnh lực trong các lớp khác nhau của hào quang của mình. Chỉ Người Quan Sát đã tách rời mới có thể làm được điều này.

6. Chỉ người quan tâm đến linh hồn hơn phàm ngã mới có thể tách rời.

a. Các bạn đã bao giờ thực sự cảm nhận được rung động của Tôi chưa?

1. Đây là một câu hỏi hấp dẫn, buộc chúng ta phải tự vấn: "Dù chúng ta nói về Chân sư DK nhiều đến đâu, Ngài là một *sự hiện diện* đối với chúng ta đến mức nào?"

2. Dĩ nhiên, Ngài đến với chúng ta qua những lời của Ngài do Bà AAB ghi lại, và chúng ta có thể cảm nhận một dạng hiện diện nào đó. Nhưng ở đây, trong câu hỏi này, chúng ta đang nói đến *tính trực tiếp* — một *sự hiện diện sống động* mà chắc chắn chúng ta 'cảm nhận được'. Hãy lưu ý rằng từ "cảm nhận" được sử dụng, nhưng người ta có thể 'cảm nhận' qua nhiều hiện thể khác ngoài thể cảm dục.

3. Khi xem xét câu hỏi này, toàn bộ vấn đề

whole problem of 'wishful thinking' is up for consideration. There are many who certainly 'think' they are experiencing not only Master DK's vibration, but are taking down His words. Clearly, the vast majority are neither feeling His presence nor taking down His ideas, thoughts and words.

'suy nghĩ theo điều mình mong muốn' cần được cân nhắc. Có nhiều người quả quyết 'nghĩ' rằng họ không chỉ đang trải nghiệm rung động của Chân sư DK, mà còn đang ghi lại những lời của Ngài. Rõ ràng, đại đa số họ không cảm nhận sự hiện diện của Ngài, cũng không ghi lại những ý tưởng, tư tưởng và lời nói của Ngài.

4. Many 'sources' from the higher worlds can *apparently* be felt, but the supposed sources are not the genuine source and so the feelings, too, are not what the recipients imagine them to be.

4. Nhiều 'nguồn' từ các cõi cao *dường như* có thể được cảm nhận, nhưng những nguồn được cho là như vậy lại không phải nguồn đích thực, nên những cảm nhận ấy cũng không phải như người tiếp nhận tưởng tượng.

5. We see that we are faced with a tremendous task of discrimination. Different kinds of impressions have to be compared, both as to source and quality. This is not a task for the inexperienced. If someone new to the whole idea of Hierarchy or the various Masters suddenly (and willfully) decides, "Now I will contact Master DK; now I will offer myself as a channel for Master DK and He will surely begin to speak through me because of my sincerity", then the door is open for almost certain glamor and illusion. I use the word "almost" as it is impossible to state that genuine contact and transmission cannot happen, but the odds are overwhelmingly against it, as, in almost every instant, the would-be recipient has not been properly *trained,* as Alice Bailey was in former incarnations of close rapport with DK (and, probably, as Helena Roerich had been through long association with Master M.).

5. Chúng ta thấy mình đang đối diện với một nhiệm vụ phân biện vô cùng lớn lao. Cần so sánh các loại ấn tượng khác nhau, cả về nguồn gốc lẫn phẩm tính. Đây không phải nhiệm vụ dành cho người thiếu kinh nghiệm. Nếu một người mới làm quen với toàn bộ ý niệm về Thánh đoàn hay các Chân sư đột nhiên quyết định (theo ý riêng): "Bây giờ tôi sẽ tiếp xúc với Chân sư DK; bây giờ tôi sẽ hiến mình làm kênh truyền cho Chân sư DK, và Ngài chắc chắn sẽ bắt đầu nói qua tôi vì lòng chân thành của tôi", thì cánh cửa đã mở cho ảo cảm và ảo tưởng gần như chắc chắn sẽ xảy ra. Tôi dùng từ "gần như" vì không thể khẳng định rằng sự tiếp xúc và truyền đạt đích thực không thể xảy ra, nhưng khả năng ấy vô cùng nhỏ, bởi trong hầu hết mọi trường hợp, người muốn tiếp nhận chưa được *huấn luyện* đúng cách như Bà Alice Bailey trong những kiếp trước, khi Bà có mối giao cảm mật thiết với Chân sư DK (và có lẽ Bà Helena Roerich cũng đã được huấn luyện qua mối liên hệ lâu dài với Chân sư M.).

6. So let us review the kinds of impressions we receive and when we receive them. Let us

6. Vì vậy, chúng ta hãy xem xét lại những loại ấn tượng mình tiếp nhận và thời điểm

compare their 'vibratory elevation' and their quality. Let us try a number of ways to explain what they might be so that we do not jump to unwarranted conclusions.

tiếp nhận chúng. Hãy so sánh 'độ cao rung động' và phẩm tính của chúng. Hãy thử nhiều cách giải thích xem chúng có thể là gì, để chúng ta không vội đi đến những kết luận thiếu căn cứ.

7. One thing may be said: when most engaged in the kind of work sanctioned by Master DK and His Ashram, the probability of experiencing His vibration is greatest. Of course, He, Himself, explains how, unknown to the disciple, He has at times entered to strengthen them (in fatigue, illness or moments of special need), so His interventions cannot be limited to special moments when the disciple is engaged in consecrated ashramically related work. However, it stands to reason that when a disciple is most expressive of ashramic quality, the Master's presence stands the greatest chance of being evoked due the shared resonance between disciple and the Ashram.

7. Có thể nói một điều: khi chuyên tâm nhất vào loại công việc mà Chân sư DK và ashram của Ngài chuẩn thuận, chúng ta có khả năng trải nghiệm rung động của Ngài cao nhất. Dĩ nhiên, chính Ngài giải thích rằng đôi khi Ngài đã đến tăng sức cho các đệ tử mà họ không hề hay biết (khi mệt mỏi, đau ốm hoặc vào những lúc đặc biệt cần đến), nên không thể giới hạn sự can thiệp của Ngài vào những thời điểm đặc biệt khi người đệ tử đang thực hiện công việc thánh hiến liên quan đến ashram. Tuy nhiên, có thể suy ra hợp lý rằng khi một đệ tử biểu lộ phẩm tính ashram rõ nhất, sự hiện diện của Chân sư có khả năng được gợi lên cao nhất, nhờ sự cộng hưởng chung giữa người đệ tử và ashram.

b. Do you respond more rapidly to the quality of a brother's faults than to his divine characteristics?

b. Các bạn có đáp ứng với tính chất những khuyết điểm của một huynh đệ nhanh hơn với những đặc tính thiêng liêng của người ấy không?

1. This is a most pointed question and one which needs to be asked of the vast majority of students of esotericism. Such students are rapidly developing the mind and with this development, the tendency towards criticism.

1. Đây là một câu hỏi hết sức sắc bén, cần đặt ra cho đại đa số đạo sinh huyền bí học. Những đạo sinh ấy đang nhanh chóng phát triển thể trí, và cùng với sự phát triển này là khuynh hướng chỉ trích.

2. A rule-of-thumb may here be offered: when we are most identified with our own personality, we are most likely to tune in on the personality of our brother and the faults of that personality. When we are most identified as a soul, we are most likely to see our brother as a soul, and his/her spiritual

2. Ở đây có thể đưa ra một chỉ dẫn thực hành: khi đồng hoá sâu nhất với phàm ngã của chính mình, chúng ta dễ bắt nhịp nhất với phàm ngã của huynh đệ mình và những khuyết điểm của phàm ngã ấy. Khi đồng hoá sâu nhất với linh hồn, chúng ta dễ nhìn huynh đệ mình như một linh hồn nhất, và

virtues and potentials will stand out with increasingly clarity.

những đức tính cùng tiềm năng tinh thần của người ấy sẽ ngày càng nổi bật rõ ràng hơn.

3. So, if we find ourselves always critical of others (and especially of our brothers on the Spiritual Path) we should immediately question the focus of our own identification. Chances are, we are not living in soul consciousness, that we are not seeing life as the soul would see it.

3. Vì vậy, nếu thấy mình luôn chỉ trích người khác (đặc biệt là các huynh đệ trên Con Đường Tinh Thần), chúng ta nên lập tức tự hỏi sự đồng hoá của chính mình đang tập trung vào đâu. Rất có thể chúng ta đang không sống trong tâm thức linh hồn, không nhìn cuộc sống như linh hồn nhìn.

4. It is here that the 'method of appreciation' can assist. There is always something to appreciate about our brother. If we cannot find something worthy of appreciation, it is a sad commentary on our own state of spiritual identification (not on his or hers).

4. Chính ở đây, 'phương pháp trân trọng' có thể trợ giúp. Luôn có điều gì đó đáng trân trọng nơi huynh đệ của chúng ta. Nếu không tìm thấy điều gì đáng trân trọng, thì điều ấy phản ánh đáng buồn về trạng thái đồng hoá tinh thần của chính chúng ta (chứ không phải của người ấy).

5. We remember that Venus is the planet which rules "appreciation" and Venus is also the planet of the light and love of the soul.

5. Chúng ta nhớ rằng Sao Kim là hành tinh cai quản "sự trân trọng", và Sao Kim cũng là hành tinh của ánh sáng và tình thương của linh hồn.

6. I am always touched by the memory of Ebenezer Scrooge on Christmas morning. After a harrowing night of confronting his own cruelty, his own meanness and inhumanity to his fellowmen, he awakens to realize that the karmic stream that he has been setting in motion need not lead to the terrible results shown to him by the "spirits" who visited him — especially by the "Ghost of Christmas Future". He realizes that the future can change if only *he* will change, and change he does — remarkably, dramatically, and literally, "over-night". The first evident part of this change is that he begins to *appreciate* the good in everyone. Suddenly alive to the soul in himself, he sees the soul in all — even *ordinary* people and things. Charles Dickens knew something about the

6. Tôi luôn xúc động khi nhớ đến Ebenezer Scrooge vào buổi sáng Giáng sinh. Sau một đêm kinh hoàng đối diện với sự tàn nhẫn, nhỏ nhen và vô nhân đạo của chính mình đối với đồng loại, ông thức dậy và nhận ra rằng dòng nghiệp quả ông đã khởi động không nhất thiết phải dẫn đến những kết quả khủng khiếp mà các "hồn ma" đến thăm đã cho ông thấy — đặc biệt là "Hồn Ma Giáng Sinh Tương Lai". Ông nhận ra rằng tương lai có thể thay đổi chỉ cần *chính ông* chịu thay đổi, và ông quả thực đã thay đổi — một cách phi thường, mạnh mẽ và, theo nghĩa đen, "chỉ sau một đêm". Biểu hiện rõ ràng đầu tiên của sự thay đổi này là ông bắt đầu *trân trọng* điều tốt đẹp nơi mọi người. Đột nhiên cảm nhận sống động linh hồn trong chính mình, ông nhìn thấy linh hồn trong tất cả —

soul and shared it most evocatively in this story of human redemption and salvation. The good is there; it can be seen; the soul sees it; when we are soul we see it and *appreciate* it. It is all very simple. It simply remains to be done.

ngay cả những *con người và sự vật bình thường*. Charles Dickens biết đôi điều về linh hồn và đã chia sẻ điều ấy thật gợi cảm trong câu chuyện về sự cứu chuộc và cứu rỗi con người này. Điều thiện hiện hữu ở đó; có thể nhìn thấy nó; linh hồn nhìn thấy nó; khi là linh hồn, chúng ta nhìn thấy và *trân trọng* nó. Tất cả đều rất đơn giản. Chỉ còn việc thực hiện mà thôi.

c. In what way does criticism interfere with true spiritual sensitivity?

c. Sự chỉ trích cản trở sự nhạy cảm tinh thần chân chính như thế nào?

1. This requires thought. The Tibetan is obviously meaning *destructive* criticism and not an impartial analysis of conditions.

1. Điều này đòi hỏi suy ngẫm. Rõ ràng, Chân sư Tây Tạng muốn nói đến sự chỉ trích *mang tính phá hoại* chứ không phải sự phân tích công bằng về các tình trạng.

2. Each will have his/her own way of answering the question. The Tibetan does not say, "*Does* criticism interfere with spiritual sensitivity?" He begins with the *fact* that it does and asks us, "How".

2. Mỗi người sẽ có cách riêng để trả lời câu hỏi này. Chân sư Tây Tạng không hỏi: "*Liệu* sự chỉ trích có cản trở sự nhạy cảm tinh thần không?" Ngài bắt đầu từ *sự thật* rằng nó có cản trở, rồi hỏi chúng ta: "Như thế nào".

3. A few thoughts in this regard: criticism stops the flow of information. Criticism rivets itself to the personality of the one criticized, which, then, looms overly large, blocking the vision of the 'subtle self' of the other (the soul). The qualities of the relatively unimportant personality fill the field of consciousness of the criticizer and there is no room left for soul impression.

3. Một vài suy nghĩ về vấn đề này: sự chỉ trích ngăn chặn dòng thông tin. Sự chỉ trích bám chặt vào phàm ngã của người bị chỉ trích, khiến phàm ngã ấy trở nên lớn quá mức, che khuất 'bản ngã vi tế' của người kia (linh hồn). Những phẩm tính của phàm ngã tương đối không quan trọng ấy lấp đầy trường tâm thức của người chỉ trích, không còn chỗ cho ấn tượng từ linh hồn.

4. Criticism mobilizes and strengthens the lower thoughts of the lower mind. This strengthening creates a 'field of distortion' contributing to the misinterpretation and rejection of the subtle good emanating from the person, place or thing criticized.

4. Sự chỉ trích huy động và củng cố những tư tưởng thấp kém của hạ trí. Sự củng cố này tạo ra một 'trường sai lệch', góp phần khiến người ta hiểu sai và bác bỏ điều thiện vi tế tỏa ra từ con người, nơi chốn hoặc sự vật bị chỉ trích.

5. Criticism can be a kind of 'willful blindness to the good'. There is nothing

5. Sự chỉ trích có thể là một dạng 'cố tình nhắm mắt trước điều thiện'. Không có điều

about *essence* which can be criticized, because (as *spirit*), essence is perfect. To the mind locked in persistent destructive criticism, *essence is invisible* — hence *the good,* which is based upon essence — is invisible.

gì trong *tinh túy* có thể bị chỉ trích, vì tinh túy (với tư cách là *tinh thần*) vốn hoàn hảo. Đối với thể trí bị giam hãm trong sự chỉ trích phá hoại dai dẳng, *tinh túy là vô hình* — do đó, *điều thiện,* vốn dựa trên tinh túy — cũng vô hình.

6. Further, criticism is based upon *incomplete sight,* for the *good aspects* of that which is criticized are ignored. As well, criticism (as it persists) reinforces this incomplete sight, and hardens the mind against the unitive factors of life. When one is in the state of unity with self and others, the 'distancing dynamic' of criticism becomes impossible.

6. Hơn nữa, sự chỉ trích dựa trên *cái nhìn không trọn vẹn,* vì *những phương diện tốt đẹp* của đối tượng bị chỉ trích đã bị bỏ qua. Đồng thời, khi kéo dài, sự chỉ trích củng cố cái nhìn không trọn vẹn này và khiến thể trí khép cứng trước những yếu tố hợp nhất của sự sống. Khi một người ở trong trạng thái hợp nhất với chính mình và những người khác, 'động lực gây xa cách' của sự chỉ trích không thể tồn tại.

7. Criticism withdraws energy from the heart center, the activity of which is needed if one is to respond with '*soul* sensitivity'.

7. Sự chỉ trích rút năng lượng khỏi trung tâm tim, mà hoạt động của trung tâm này là cần thiết nếu một người muốn đáp ứng bằng '*sự nhạy cảm của linh hồn*'.

8. Vibrationally, destructive criticism kills love and love reveals (as so oft we have been told and perhaps, experience).

8. Về mặt rung động, sự chỉ trích phá hoại giết chết tình thương, còn tình thương thì mặc khải (như chúng ta thường được dạy và có lẽ đã trải nghiệm).

9. Life *is* One and all souls are, essentially, *in unity.* Destructive criticism ignores these *internal facts,* and thus prevents the Truth from reaching consciousness. Impression is a substance, and does not flow as easily when barriers and cleavages exist as when they do not. Criticism builds these barriers and creates cleavages; it blocks the way. And, it *calcifies* the receptive mechanism, rendering it less sensitive.

9. Sự sống *là* Một, và về bản chất, mọi linh hồn đều *hợp nhất.* Sự chỉ trích phá hoại phớt lờ những *sự thật bên trong* này, và do đó ngăn Chân Lý đến với tâm thức. Ấn tượng là một chất liệu, và khi có những rào cản cùng sự chia rẽ, nó không lưu chuyển dễ dàng như khi không có chúng. Sự chỉ trích dựng lên những rào cản này và tạo ra sự chia rẽ; nó chặn đường. Và nó *làm xơ cứng* bộ máy tiếp nhận, khiến bộ máy ấy kém nhạy cảm hơn.

10. In a way, love and destructive criticism are opposites. Love *softens* the receptive mechanism rendering it more sensitive.

10. Theo một phương diện nào đó, tình thương và sự chỉ trích phá hoại đối lập nhau. Tình thương *làm mềm mại* bộ máy tiếp nhận, khiến bộ máy ấy nhạy cảm hơn.

11. Let each find the ways in which criticism is inimical to spiritual sensitivity.

d. What do you feel personally hinders your development of this required sensitivity?

1. We each must answer before the bar of our soul.

2. Any of our three personality vehicles can hinder the required sensitivity. A sluggish physical vehicle, emotions in turmoil, a chaotic mind or disjointed thinking process — these and many other states characterizing the eighteen lower fires can bar the way to impression from the soul, the Ashram, the Master and Hierarchy — the *real sources* to which we must learn to be sensitive.

2. Define impersonality.

1. This is another of the great words of importance to students of occultism. There is so much misunderstanding about true spiritual impersonality.

2. As I see it, **a true spiritual impersonality is based upon the achievement of identification as a soul**. Soul *is impersonal*. The soul persists even as the 'person' cyclically disintegrates.

3. There is no way for one who is identified as a personality to be impersonal. He has not the proper *vantage point* available only to those who have distanced themselves from personal identification. One must be *in* soul to *see* personality, and realize that personality is *not oneself*.

11. Mỗi người hãy tìm ra những cách mà sự chỉ trích gây hại cho sự nhạy cảm tinh thần.

d. Về phần mình, các bạn cảm thấy điều gì cản trở sự phát triển tính nhạy cảm cần thiết này?

1. Mỗi chúng ta đều phải trả lời trước tòa phán xét của linh hồn mình.

2. Bất kỳ hiện thể nào trong ba hiện thể phàm ngã của chúng ta cũng có thể cản trở sự nhạy cảm cần thiết ấy. Một thể xác uể oải, những cảm xúc hỗn loạn, một thể trí rối ren hoặc một tiến trình suy nghĩ rời rạc — những trạng thái này cùng nhiều trạng thái khác đặc trưng cho mười tám ngọn lửa thấp có thể chặn đường tiếp nhận ấn tượng từ linh hồn, ashram, Chân sư và Thánh đoàn — những *nguồn đích thực* mà chúng ta phải học cách nhạy cảm với.

2. Hãy định nghĩa tính vô ngã.

1. Đây là một thuật ngữ lớn khác có tầm quan trọng đối với các đạo sinh huyền bí học. Có quá nhiều hiểu lầm về tính vô ngã tinh thần chân chính.

2. Theo tôi thấy, **tính vô ngã tinh thần chân chính dựa trên việc đạt được sự đồng hoá với linh hồn**. Linh hồn *vốn vô ngã*. Linh hồn vẫn tồn tại ngay cả khi 'con người cá nhân' tan rã theo chu kỳ.

3. Một người đang đồng hoá với phàm ngã không thể nào vô ngã. Y không có *điểm nhìn* thích hợp mà chỉ những ai đã tách mình khỏi sự đồng hoá với cá nhân mới có được. Người ta phải ở *trong* linh hồn để *nhìn thấy* phàm ngã và nhận ra rằng phàm ngã *không phải chính mình*.

4. Impersonality arises though the attainment of a sufficiently elevated point of tension. The "Law of Repulse" must have done its work before a true spiritual impersonality is possible. "Not this". "Not that". The ancient method of rejecting the not-Self must be skillfully put into effect.

4. Tính vô ngã nảy sinh khi đạt được một điểm tập trung nhất tâm đủ cao. "Định luật Đẩy Lùi" phải hoàn thành công việc của nó thì tính vô ngã tinh thần chân chính mới có thể xuất hiện. "Không phải cái này". "Không phải cái kia". Phương pháp cổ xưa nhằm bác bỏ cái phi ngã phải được thực hành một cách khéo léo.

5. As well, the persistent affirmation of the *achieved point of spiritual polarization* will strengthen the necessary perspective for understanding impersonality as a *fact* and as a desirable state of consciousness.

5. Đồng thời, việc kiên trì khẳng định *điểm phân cực tinh thần đã đạt được* sẽ củng cố góc nhìn cần thiết để thấu hiểu tính vô ngã như một *sự thật* và một trạng thái tâm thức đáng mong muốn.

6. In a way, **impersonality is the attitude of the one who knows himself/herself to *be* the soul.**

6. Theo một phương diện nào đó, **tính vô ngã là thái độ của người biết mình *là* linh hồn.**

7. A higher stage of impersonality (and, hence, of disidentification from lower 'fields of confinement') occurs when one known himself/herself to *be* the Spiritual Triad.

7. Một giai đoạn cao hơn của tính vô ngã (và do đó, của việc thôi đồng hoá với những 'trường giam hãm' thấp hơn) xuất hiện khi một người biết mình *là* Tam Nguyên Tinh Thần.

8. A still higher state of impersonality is achieved in one who knows himself/herself to *be* the monad. And so forth.

8. Một trạng thái vô ngã còn cao hơn nữa đạt được nơi người biết mình *là* chân thần. Và cứ thế tiếp tục.

9. If I believe myself to be the personality, I can never be impersonal. So, in short, an *occult change of identity* is required of all who would become truly impersonal. The higher aspects of our nature are *already* impersonal. It is only the human soul immersed in form that is plagued[1] by 'misidentifications'. These have to be ended before we can speak

9. Nếu tin mình là phàm ngã, tôi không bao giờ có thể vô ngã. Vì vậy, nói ngắn gọn, một *sự thay đổi căn tính về mặt huyền bí* là điều cần thiết đối với tất cả những ai muốn trở nên thực sự vô ngã. Những phương diện cao của bản chất chúng ta *vốn đã* vô ngã. Chỉ linh hồn con người chìm đắm trong hình tướng mới bị giày vò[2] vì 'những sự đồng hoá sai

1 gây bệnh dịch cho; làm mắc bệnh dịch hạch; gây đau đớn cho (ai/cái gì); gây khó khăn cho (ai/cái gì)

[2] gây bệnh dịch cho; làm mắc bệnh dịch hạch; gây đau đớn cho (ai/cái gì); gây khó khăn cho (ai/cái gì)

of the achievement of true spiritual impersonality.

lầm'. Phải chấm dứt những sự đồng hoá này thì chúng ta mới có thể nói đến việc đạt được tính vô ngã tinh thần chân chính.

a. Do you know the distinction between the impersonality of the first ray type and true spiritual impersonality?

a. Các bạn có biết sự khác biệt giữa tính vô ngã của người cung một và tính vô ngã tinh thần chân chính không?

1. When people learn that impersonality is a desirable quality, they strive forcefully to achieve it.

1. Khi biết tính vô ngã là một phẩm tính đáng mong muốn, người ta nỗ lực mạnh mẽ để đạt được nó.

2. First ray types (and motivated people employing first ray attitudes) can suppress that which is considered undesirable. If they learn that the personality is undesirable they simply suppress it. They simply say, "No", to the normal personality responses. They "control themselves" more easily than others. It would seem, then, that they do not "care" about the personality and are, thus, *impersonal.*

2. Những người thuộc cung một (và những người có động cơ thúc đẩy, vận dụng thái độ của cung một) có thể đè nén những gì họ cho là không đáng mong muốn. Nếu biết rằng phàm ngã là điều không đáng mong muốn, họ chỉ đơn giản đè nén nó. Họ chỉ đơn giản nói "Không" với những đáp ứng thông thường của phàm ngã. Họ "kiểm soát bản thân" dễ dàng hơn những người khác. Vậy thì dường như họ không "quan tâm" đến phàm ngã và do đó có tính *phi cá nhân.*

3. But impersonality achieved in this way is *false* because the suppressing and controlling ones are *still identified with that which they suppress and attempt to control.* Their actions and attitudes only *appear* to be impersonal, but inwardly, they are not working from a sufficiently high vantage point to allow them to *know* that they are *not* the personality they are suppressing and controlling.

3. Nhưng tính phi cá nhân đạt được theo cách này là *giả tạo* vì những người đè nén và kiểm soát ấy *vẫn đồng hoá với những gì họ đè nén và cố gắng kiểm soát.* Hành động và thái độ của họ chỉ *có vẻ* phi cá nhân, nhưng bên trong, họ chưa hoạt động từ một vị thế quan sát đủ cao để có thể *biết* rằng họ *không phải* là phàm ngã mà họ đang đè nén và kiểm soát.

4. The truly impersonal individual need not strenuously suppress and control. When a sufficiently high vantage point in consciousness and identification is achieved, the lack of interest in the personality and its tendencies, withdraws the "feeding power of attention" from the personality. The rebellious attitude of the

4. Người thực sự có tính phi cá nhân không cần gắng sức đè nén và kiểm soát. Khi đạt đến một vị thế quan sát đủ cao trong tâm thức và sự đồng hoá, việc không còn quan tâm đến phàm ngã cùng các khuynh hướng của nó sẽ rút "quyền năng nuôi dưỡng của sự chú tâm" khỏi phàm ngã. Thái độ nổi loạn của phàm ngã lắng dịu; phần lớn năng lượng

personality is quieted; the major share of energy and force is focussed 'above' the personality level. Divinely 'robbed' of the energy and force which were sustaining its rebellion against the soul and spirit, personality stimulation subsides, gradually occupying less and less 'space in consciousness'. The personality is no longer seen and felt to be the *center.* It becomes ex-centric to the identity and merely instrumental.

và mãnh lực tập trung 'bên trên' cấp độ phàm ngã. Theo cách thiêng liêng, khi bị 'tước đi' năng lượng và mãnh lực từng duy trì sự nổi loạn chống lại linh hồn và tinh thần, sự kích thích của phàm ngã giảm xuống, dần dần chiếm ngày càng ít 'không gian trong tâm thức'. Phàm ngã không còn được nhìn nhận và cảm nhận là *trung tâm.* Nó nằm ngoài trung tâm của bản sắc và chỉ còn đóng vai trò công cụ.

5. The truly impersonal individual no longer *cares* so much about the personality, and through this "divine indifference" releases himself from a long-dominant personalism.

5. Người thực sự có tính phi cá nhân không còn *quan tâm* quá nhiều đến phàm ngã, và qua sự "Điềm nhiên thiêng liêng" này, tự giải thoát khỏi khuynh hướng lấy cá nhân làm trọng vốn đã thống trị từ lâu.

b. When somebody disagrees with you or you do not like a person's attitude, ideas or proposals, what is the first thing you do? Do you love him? Do you keep silent? Do you discuss him with others? Do you endeavour to put him right? How do you try to do this?

b. Khi ai đó bất đồng với các bạn hoặc các bạn không thích thái độ, ý tưởng hay đề xuất của một người, điều đầu tiên các bạn làm là gì? Các bạn có yêu thương người ấy không? Các bạn có giữ im lặng không? Các bạn có bàn về người ấy với những người khác không? Các bạn có cố gắng sửa sai cho người ấy không? Các bạn cố gắng làm điều này như thế nào?

1. There are many questions here. By attempting to answer them we can discover the degree to which we are convinced of our own rectitude and the rectitude of our thoughts and opinions.

1. Ở đây có nhiều câu hỏi. Qua việc cố gắng trả lời chúng, chúng ta có thể khám phá mình tin chắc đến mức nào vào sự đúng đắn của bản thân cũng như của những tư tưởng và ý kiến của mình.

2. Many of us, as aspirants and disciples, have the tendency to adjust the world according to our own perspective. Since our own point of view is 'closest' to us, we come to think of it as infallibly correct simply because it is the most familiar. This, of course, is a fundamental error: *closest* is not necessarily *best.*

2. Nhiều người trong chúng ta, với tư cách là người chí nguyện và đệ tử, có khuynh hướng điều chỉnh thế giới theo góc nhìn riêng của mình. Vì quan điểm riêng là điều 'gần gũi nhất' với chúng ta, chúng ta dần cho rằng nó đúng đắn tuyệt đối chỉ vì nó quen thuộc nhất. Dĩ nhiên, đây là một sai lầm căn bản: *gần gũi nhất* không nhất thiết là *tốt nhất.*

3. Our tendencies will be revealed if we are

3. Các khuynh hướng của chúng ta sẽ bộc lộ

honest about our responses. Perhaps we will see that the *loving response* is not so often the *first* response.

nếu chúng ta thành thật về những đáp ứng của mình. Có lẽ chúng ta sẽ thấy rằng *đáp ứng yêu thương* không thường xuyên là đáp ứng *đầu tiên* đến thế.

4. To respond first through love would be to affirm soul-unity as the fundamental fact, regardless of difference of opinion — based mostly upon the limitations of the brain, and energy/force differences (ray and astrological energy).

4. Đáp ứng trước tiên bằng tình thương là khẳng định sự hợp nhất linh hồn như một sự thật căn bản, bất kể những khác biệt về ý kiến — vốn chủ yếu dựa trên các giới hạn của bộ não và những khác biệt về năng lượng/mãnh lực (năng lượng cung và chiêm tinh).

5. It is clear from the way the questions are posed, that a *loving* response as the *first* response is correct from the hierarchical perspective. The degree to which we consciously *live in the unity* will be the degree to which the loving response will be the first response.

5. Từ cách đặt câu hỏi, rõ ràng rằng đáp ứng *yêu thương* như đáp ứng *đầu tiên* là đúng đắn theo quan điểm của Thánh đoàn. Chúng ta có ý thức *sống trong sự hợp nhất* đến mức nào thì đáp ứng yêu thương sẽ là đáp ứng đầu tiên đến mức ấy.

6. The thoughts, emotions and behaviors of others may even be *worthy* of reproof, but if the factual inner unity is violated in the attempt at correction, a lesser value will have been substituted for soul values — which should be continuously sustained.

6. Những tư tưởng, cảm xúc và hành vi của người khác thậm chí có thể *đáng* khiển trách, nhưng nếu sự hợp nhất có thật bên trong bị xâm phạm trong nỗ lực sửa sai, thì một giá trị thấp hơn đã thay thế các giá trị của linh hồn — những giá trị cần được duy trì liên tục.

c. If you are impersonal is it the result of training or is it natural to you? Is it simple self-defense? or is it the easiest way to attain peace? or is it a spiritual attainment?

c. Nếu các bạn có tính phi cá nhân, đó là kết quả của sự rèn luyện hay là điều tự nhiên đối với các bạn? Đó có đơn thuần là sự tự vệ không? Hay đó là cách dễ nhất để đạt được bình an? Hay đó là một thành tựu tinh thần?

1. Not only have we to define impersonality, but we must determine the *kind* of impersonality we have achieved — *if* we have achieved.

1. Chúng ta không chỉ phải định nghĩa tính phi cá nhân mà còn phải xác định *loại* tính phi cá nhân mình đã đạt được — *nếu* chúng ta đã đạt được.

2. There are a number of possible methods of attainment. There are also various motives for attainment.

2. Có một số phương pháp khả dĩ để đạt được điều này. Cũng có nhiều động cơ khác nhau để đạt được điều này.

3. Perhaps impersonality has been achieved in former lives through arduous effort or else through the wisdom growing through long experience. In this case it would be natural.

3. Có lẽ tính phi cá nhân đã đạt được trong những kiếp trước qua nỗ lực gian khổ, hoặc qua minh triết phát triển từ kinh nghiệm lâu dài. Trong trường hợp này, nó sẽ là điều tự nhiên.

4. The hard-line ray types also find impersonality more natural, but in such cases, the *quality* of the impersonality must always be questioned.

4. Những người thuộc các cung theo tuyến cứng rắn cũng thấy tính phi cá nhân tự nhiên hơn, nhưng trong những trường hợp ấy, luôn phải xem xét *phẩm tính* của tính phi cá nhân đó.

5. Through strenuous soul-culture and the building of the antahkarana (which connects to manifestly impersonal 'spaces' within the human energy system), impersonality can be attained, and the achievement can be rightly called a "spiritual attainment". If, however, we hug the attainment to ourselves too closely, it will demonstrate that the so-called attainment was not *real.* The personality can seize upon emerging attainments to aggrandize itself.

5. Qua việc chuyên tâm trau dồi linh hồn và xây dựng antahkarana (vốn kết nối với những 'không gian' rõ ràng có tính phi cá nhân trong hệ thống năng lượng con người), người ta có thể đạt được tính phi cá nhân, và thành tựu ấy có thể được gọi một cách đúng đắn là một "thành tựu tinh thần". Tuy nhiên, nếu chúng ta ôm giữ thành tựu ấy cho riêng mình quá chặt, điều đó sẽ cho thấy cái gọi là thành tựu ấy không *thực.* Phàm ngã có thể chiếm lấy những thành tựu đang nảy nở để đề cao bản thân.

6. Unworthy motives for impersonality are also suggested. Impersonality can be "self-defense". If one doesn't have to deal with his personality or that of others, one can spare oneself much *personal* pain. Life has taught that harm comes often from the personalities of others. Negate those personalities and harm cannot come. Of course, this approach is forced, superficial and necessarily temporary. Those who practice it are not identified as soul, but as persons. Hence the futility.

6. Những động cơ không xứng đáng để đạt tính phi cá nhân cũng được gợi ra. Tính phi cá nhân có thể là "sự tự vệ". Nếu một người không phải xử lý phàm ngã của mình hay của người khác, người ấy có thể tránh cho mình nhiều đau khổ *cá nhân*. Cuộc sống đã dạy rằng tổn hại thường đến từ phàm ngã của người khác. Phủ nhận những phàm ngã ấy thì tổn hại không thể đến. Dĩ nhiên, cách tiếp cận này gượng ép, hời hợt và tất yếu chỉ là tạm thời. Những người thực hành cách ấy không đồng hoá với linh hồn mà với cá nhân. Vì thế, cách ấy vô ích.

7. If one negates a source of disturbance, one can prevent oneself from becoming disturbed. People who do not know how to deal with personality problems (or do not

7. Nếu phủ nhận một nguồn gây xáo trộn, người ta có thể ngăn mình rơi vào xáo trộn. Những người không biết cách xử lý các vấn đề của phàm ngã (hoặc không muốn) có thể

want to) can spare themselves much turmoil by negating the significance of that which disturbs the peace — namely, the personality. There are many causes for this. The peace pursued, however, is simply an 'astral peace'. The deep problems of personality are *not* solved; nor will they go away.

tránh cho mình nhiều rối loạn bằng cách phủ nhận thâm nghĩa của điều làm xáo trộn sự bình an — tức là phàm ngã. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến điều này. Tuy nhiên, sự bình an được theo đuổi chỉ đơn thuần là một 'sự bình an cảm dục'. Những vấn đề sâu xa của phàm ngã *không* được giải quyết; chúng cũng sẽ không biến mất.

8. Again and again we are asked to define that which we are trying to achieve and to know its quality. This will take work. It is not enough to be *impersonal*. The *quality* of one's impersonality has to be spiritually adequate.

8. Hết lần này đến lần khác, chúng ta được yêu cầu định nghĩa điều mình đang cố gắng đạt được và biết phẩm tính của nó. Điều này đòi hỏi công sức. Chỉ có tính *phi cá nhân thì chưa đủ. Phẩm tính* của tính phi cá nhân ở mỗi người phải tương xứng về mặt tinh thần.

9. So, then, brother — what is *your* method of achieving impersonality? Probably, we will find our method of achievement according to predominating ray type. In general, it can be said that the elevation of consciousness and its polarization in an 'elevated vibratory domain' will go a long way towards inducing a "true spiritual impersonality', rather than an inhibited interaction with a potential field of trouble.

9. Vậy thì, hỡi huynh đệ — phương pháp đạt tính phi cá nhân của *huynh đệ* là gì? Có lẽ chúng ta sẽ tìm ra phương pháp đạt được điều ấy theo loại cung chiếm ưu thế. Nói chung, có thể nói rằng việc nâng cao tâm thức và sự phân cực của nó trong một 'miền rung động cao' sẽ góp phần rất lớn vào việc khơi dậy một "tính phi cá nhân tinh thần chân thực', thay vì một sự tương tác bị ức chế với một lĩnh vực tiềm ẩn rắc rối.

3. I have defined for you the psychic powers. I listed six of them. Please study them and then make a clear, concise statement to yourself as to your own capacity:

3. Tôi đã định nghĩa cho các bạn những quyền năng thông linh. Tôi đã liệt kê sáu quyền năng ấy. Xin hãy nghiên cứu chúng rồi tự đưa ra một nhận định rõ ràng, súc tích về khả năng của chính mình:

a. To demonstrate them.

a. Biểu hiện những quyền năng ấy.

b. To develop them, outlining your method of so doing.

b. Phát triển những quyền năng ấy, phác thảo phương pháp các bạn dùng để làm điều đó.

1. We remind ourselves of the desirable psychic powers:

1. Chúng ta tự nhắc lại những quyền năng thông linh đáng mong muốn:

a. Intuitional response to ideas.

b. Sensitiveness to the impression which some member of the Hierarchy may seek to make upon the mind of the disciple.

c. Quick response to real need.

d. Right observation of reality upon the soul plane.

e. Correct manipulation of forces.

f. A true comprehension of the time element.

2. Firstly, I think it is important that we memorize the six psychic capacities and note when and how they might emerge in the course of our daily life.

3. Each will have his/her own way. We will not go wrong however if:

a. We build the antahkarana

b. We study the Hierarchy, its Masters, Ashrams and purposes and learn how to attune along certain ray lines which may be most natural to us.

c. We love those we encounter and look for the good that is trying to emerge. If we love that emerging good, we will become aware of something which is *needed* to facilitate the emergence.

d. We maintain soul identification which will promote 'soul-sight'

e. We know the various energies and forces,

a. Đáp ứng bằng trực giác với các ý tưởng.

b. Nhạy cảm với ấn tượng mà một thành viên nào đó của Thánh đoàn có thể tìm cách tạo ra trên thể trí của người đệ tử.

c. Đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu thực sự.

d. Quan sát đúng đắn thực tại trên cõi linh hồn.

e. Vận dụng đúng đắn các mãnh lực.

f. Thấu hiểu thực sự yếu tố thời gian.

2. Trước hết, tôi nghĩ điều quan trọng là chúng ta ghi nhớ sáu khả năng thông linh này và lưu ý khi nào, cũng như bằng cách nào, chúng có thể xuất hiện trong cuộc sống hằng ngày của mình.

3. Mỗi người sẽ có cách riêng của mình. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không đi sai nếu:

a. Chúng ta xây dựng antahkarana

b. Chúng ta nghiên cứu Thánh đoàn, các Chân sư, các ashram và những mục đích của Thánh đoàn, đồng thời học cách hoà điệu theo một số tuyến cung có thể tự nhiên nhất đối với mình.

c. Chúng ta yêu thương những người mình gặp và tìm kiếm điều thiện đang cố gắng xuất hiện. Nếu yêu thương điều thiện đang xuất hiện ấy, chúng ta sẽ nhận biết điều gì là *cần thiết* để tạo thuận lợi cho sự xuất hiện đó.

d. Chúng ta duy trì sự đồng hoá với linh hồn, điều này sẽ thúc đẩy 'khả năng thấy của linh hồn'

e. Chúng ta biết các năng lượng và mãnh lực

feel them, become *imbued by* them, and *act within the pervasion.* If for instance, while *feeling* pervaded by second ray energy/force, I can act, feel, or think *without losing the sense of pervasion,* chances are my acting, feeling or thinking will be expressive of the second ray energy/force. If I am successful, I am manipulating energy or force of a certain quality.

khác nhau, *cảm nhận* chúng, trở nên *thấm nhuần nhờ* chúng, và *hành động trong sự thấm nhuần ấy.* Chẳng hạn, nếu trong khi *cảm thấy* năng lượng/mãnh lực cung hai thấm nhuần mình, tôi có thể hành động, cảm nhận hoặc suy nghĩ *mà không đánh mất cảm giác được thấm nhuần ấy,* thì rất có thể hành động, cảm nhận hoặc suy nghĩ của tôi sẽ biểu lộ năng lượng/mãnh lực cung hai. Nếu thành công, tôi đang vận dụng năng lượng hoặc mãnh lực mang một phẩm tính nhất định.

f. We understand the Divine Plan "en large", comparing various time cycles of accomplishment. If we know how long various objectives really require, we will be more realistic as we perform within those cycles. A broad consciousness is required.

f. Chúng ta thấu hiểu Thiên Cơ "trên quy mô rộng lớn", so sánh những chu kỳ thời gian khác nhau để hoàn thành công việc. Nếu biết những mục tiêu khác nhau thực sự đòi hỏi bao lâu, chúng ta sẽ thực tế hơn khi thực hiện công việc trong những chu kỳ ấy. Điều này đòi hỏi một tâm thức rộng mở.

g. Let each devise his/her own method. DK is asking for definition, cultivation and performance. He wants us to be quite concrete. Do we wish to take the time so that we can focus our thought sufficiently to be so?

g. Mỗi người hãy tự đề ra phương pháp riêng của mình. Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta xác định, trau dồi và thực hành. Ngài muốn chúng ta thật cụ thể. Chúng ta có muốn dành thời gian để tập trung tư tưởng đủ mức nhằm làm được như vậy không?

4. Just how do you feel that you succeed in keeping a mental grip on life? [52]

4. Các bạn cảm thấy mình thành công như thế nào trong việc dùng trí tuệ để nắm vững cuộc sống? [52]

1. A "mental grip" involves such planets as Mercury, Saturn, Vulcan and Venus. Vulcan, particularly, is the planet of the "grip", and Saturn regulates. Mercury and Venus have to do with all things mental.

1. Sự "nắm vững bằng trí tuệ" liên quan đến những hành tinh như Sao Thủy, Sao Thổ, Vulcan và Sao Kim. Đặc biệt, Vulcan là hành tinh của sự "nắm giữ", còn Sao Thổ điều tiết. Sao Thủy và Sao Kim liên quan đến mọi điều thuộc trí tuệ.

2. We are reminded that we are not to "descend" from our mental polarization. How do we prevent descent?

2. Chúng ta được nhắc nhở rằng không được "hạ xuống" khỏi sự phân cực trí tuệ của mình. Chúng ta ngăn sự hạ xuống ấy bằng cách nào?

3. Further, *what* is *gripped?* Is the mind gripped? Do we have our astral nature in a mental grip?

3. Hơn nữa, *điều gì* đang được *nắm giữ?* Có phải thể trí đang được nắm giữ không? Chúng ta có dùng trí tuệ để nắm giữ bản chất cảm dục của mình không?

4. What is the relation of a "grip" to a sustained point of tension?

4. Mối quan hệ giữa sự "nắm giữ" và một điểm tập trung nhất tâm được duy trì là gì?

5. Do mantrams come to our aid is maintaining this grip, or images from the creative imagination? Do "Words of Power" assist us? What is our method?

5. Các mantram có giúp chúng ta duy trì sự nắm giữ này không, hay những hình ảnh từ sự tưởng tượng sáng tạo? Các "Quyền năng từ" có trợ giúp chúng ta không? Phương pháp của chúng ta là gì?

6. In this attempt, do we sometimes refuse to feel and become willfully insensitive? Do we thus separate mind from emotion and mind from soul?

6. Trong nỗ lực này, đôi khi chúng ta có từ chối cảm nhận và cố tình trở nên vô cảm không? Như vậy, chúng ta có tách thể trí khỏi cảm xúc và tách thể trí khỏi linh hồn không?

7. To what extent is this "grip" involving the higher mind, and not alone the lower?

7. Sự "nắm giữ" này có sự tham gia của thượng trí đến mức nào, chứ không chỉ riêng hạ trí?

8. Are the higher aspects of our nature called in as the "grip" is practiced?

8. Các phương diện cao hơn trong bản chất của chúng ta có được huy động khi thực hành sự "nắm giữ" này không?

9. I think we can see how searching and practical are the questions being asked in this section of the chapter. Whatever our state of development may be, DK wants us to face it truthfully.

9. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy những câu hỏi trong phần này của chương sâu sát và thiết thực đến mức nào. Dù chúng ta đang ở trạng thái phát triển nào, Chân sư DK cũng muốn chúng ta đối diện với trạng thái ấy một cách trung thực.

a. In an emotional stress do you transmute the condition through love?

a. Khi căng thẳng về cảm xúc, các bạn có chuyển hoá tình trạng ấy qua tình thương không?

1. This might take a little 'breathing' of a special kind.

1. Điều này có thể cần một chút 'hít thở' theo một cách đặc biệt.

2. Emotion is not love; the solar plexus is not

2. Cảm xúc không phải là tình thương; tùng

the heart.

3. The 'blinding' solar plexus will often shut off the possibility of higher solutions. Can we remember and apply the desirable approach when in the midst of emotional stress? It is invariably an interesting experiment with energy and force.

b. Do you inhibit the display of emotion and why?

1. If we do inhibit emotion (habitually) it will lead to disease — cancer being one of the major undesirable results, frequently encountered.

2. Inhibition, we realize, is not transmutation and transformation.

3. We ask ourselves, if we choose the path of inhibition, why do we do so? Does it seem to work? Does it cause discomfort? Are there any gains or are the liabilities greater than the gains?

4. We must be aware that a "damming up" will cause a later outburst of even greater intensity. Further, that

"All disease is the result of inhibited soul life, and that is true of all forms in all kingdoms. The art of the healer consists in releasing the soul, so that its life can flow through the aggregate of organisms which constitute any particular form." (EH 5)

This should give us pause if we propose to follow the path of inhibition for any length of time. Yet, something must be done about

thái dương không phải là trái tim.

3. Tùng thái dương 'gây mù quáng' thường sẽ ngăn chặn khả năng tìm ra những giải pháp cao hơn. Chúng ta có thể nhớ và áp dụng cách tiếp cận đáng mong muốn khi đang ở giữa sự căng thẳng cảm xúc không? Đây luôn là một thử nghiệm thú vị với năng lượng và mãnh lực.

b. Các bạn có kìm hãm sự biểu lộ cảm xúc không, và tại sao?

1. Nếu chúng ta thực sự kìm hãm cảm xúc (thành thói quen), điều đó sẽ dẫn đến bệnh tật — ung thư là một trong những hậu quả nghiêm trọng, không đáng mong muốn và thường gặp.

2. Chúng ta nhận ra rằng sự kìm hãm không phải là chuyển hoá và chuyển đổi.

3. Chúng ta tự hỏi: nếu chọn con đường kìm hãm, tại sao chúng ta lại làm thế? Cách ấy có vẻ hiệu quả không? Nó có gây khó chịu không? Có lợi ích nào không, hay những bất lợi lớn hơn lợi ích?

4. Chúng ta phải nhận biết rằng việc "ngăn dòng tích tụ" sẽ gây ra một sự bùng phát sau này với cường độ còn lớn hơn. Hơn nữa, rằng

"Mọi bệnh tật đều là kết quả của sự sống linh hồn bị ngăn trở. Điều đó đúng với mọi hình tướng trong mọi giới. Nghệ thuật của nhà trị liệu là giải phóng linh hồn để sự sống của linh hồn có thể tuôn chảy qua tập hợp các cơ cấu sống cấu thành bất kỳ hình tướng cụ thể nào." (EH 5)

Điều này cần khiến chúng ta dừng lại suy xét nếu định đi theo con đường kìm hãm trong bất kỳ khoảng thời gian nào. Tuy vậy, vẫn

disruptive emotional displays.

5. The ancient authority of the powerful emotional body must be ended so that the ancient authority of the personality can give way to the authority of the Solar Lord. We cannot underestimate the value of a persistently broadening consciousness as the mastery of the emotional nature proceeds.

c. Do you call in the mind and handle your problems from the mental level?

1. This is a method preferable to inhibition, but the mind may also participate in inhibition.

2. There is also, however, a factor of mind which participates in *transmutation*.

3. A mentally polarized individual will handle problems from the mental level, but if there is *true mental polarization,* the higher mind will be actively illuminating the lower mind. The soul-illumined mind is a powerful instrument for transmutation and transformation.

d. Do you know what glamour is and can you recognise it when it displays itself to you?

1. This is a good question. One of the Tibetan's disciples, LTS-K, apparently did *not* know what glamor is. Although the Tibetan spoke to him constantly of glamor and his glamors, the advice was not meaningful to him. He did not really grasp the nature of glamor.

2. We, should (should we not?) define the nature of glamor, thereby developing our

phải làm điều gì đó đối với những biểu lộ cảm xúc gây xáo trộn.

5. Quyền uy lâu đời của thể cảm xúc đầy sức mạnh phải chấm dứt, để quyền uy lâu đời của phàm ngã có thể nhường chỗ cho quyền uy của nhật tinh quân. Chúng ta không thể đánh giá thấp giá trị của một tâm thức không ngừng mở rộng trong tiến trình làm chủ bản chất cảm xúc.

c. Các bạn có huy động thể trí và xử lý những vấn đề của mình từ cấp độ trí tuệ không?

1. Đây là một phương pháp thích hợp hơn sự kìm hãm, nhưng thể trí cũng có thể tham gia vào việc kìm hãm.

2. Tuy nhiên, cũng có một yếu tố của thể trí tham gia vào sự *chuyển hoá*.

3. Một người phân cực trí tuệ sẽ xử lý các vấn đề từ cấp độ trí tuệ, nhưng nếu có *sự phân cực trí tuệ thực sự,* thì thượng trí sẽ tích cực soi sáng hạ trí. Thể trí được linh hồn soi sáng là một công cụ mạnh mẽ cho sự chuyển hoá và chuyển đổi.

d. Các bạn có biết ảo cảm là gì và có thể nhận ra nó khi nó biểu lộ trước các bạn không?

1. Đây là một câu hỏi hay. Một trong những đệ tử của Chân sư Tây Tạng, LTS-K, dường như đã *không* biết ảo cảm là gì. Mặc dù Chân sư Tây Tạng liên tục nói với ông về ảo cảm và những ảo cảm của ông, lời khuyên ấy không có ý nghĩa đối với ông. Ông không thực sự nắm bắt được bản chất của ảo cảm.

2. Chúng ta nên định nghĩa bản chất của ảo cảm (chẳng phải nên như vậy sao?), qua đó

own working definition.

xây dựng một định nghĩa thực dụng cho riêng mình.

3. I have always thought of glamor as distortion and untruth. Glamor involves the dominance of lesser values over greater, and an incorrect magnetic condition which attracts the immersed human soul towards that which is of lesser value rather than that which is of greater value. Glamor is a distorted fabrication rather than reality. Glamors only *seem* to be real, but they are not, and, at length, their insubstantiality will be proven — to the sadly disillusioned consciousness.

3. Tôi luôn nghĩ về ảo cảm như sự bóp méo và điều sai sự thật. Ảo cảm bao hàm sự thống trị của những giá trị thấp hơn đối với những giá trị cao hơn, và một trạng thái từ tính sai lệch thu hút linh hồn con người đang chìm đắm về phía những gì có giá trị thấp hơn thay vì những gì có giá trị cao hơn. Ảo cảm là một sự tạo tác méo mó chứ không phải thực tại. Những ảo cảm chỉ *có vẻ* có thật, nhưng chúng không có thật, và cuối cùng, tính hư ảo của chúng sẽ được chứng minh — trước tâm thức đau buồn vì vỡ mộng.

4. How would you define “glamor”?

4. Các bạn sẽ định nghĩa “ảo cảm” như thế nào?

5. When glamor emerges, there is the ‘feeling’ of unreality. There may be allure, even excitement and enthusiasm, but ‘resonance with reality’ is missing. Can we detect the absence of this resonance?

5. Khi ảo cảm xuất hiện, có một ‘cảm giác’ về sự không thực. Có thể có sức quyến rũ, thậm chí cả sự phấn khích và nhiệt tình, nhưng thiếu ‘sự cộng hưởng với thực tại’. Chúng ta có thể nhận ra sự vắng mặt của sự cộng hưởng này không?

6. Glamor does not accord the ‘Structure of Creation’. Things are as they *really* are — not as glamor would have them be.

6. Ảo cảm không phù hợp với ‘Cấu trúc của Sáng Tạo’. Vạn vật tồn tại đúng như *thực sự* là — chứ không như ảo cảm muốn chúng phải là.

7. The names of glamors are legion. We swim in a veritable “sea of glamor”. Do we recognize how completely we are surrounded by glamorous thoughts and feelings?

7. Tên gọi của các ảo cảm nhiều vô kể. Chúng ta bơi trong một “biển ảo cảm” thực sự. Chúng ta có nhận ra mình bị những tư tưởng và cảm xúc nhuốm ảo cảm bao vây hoàn toàn đến mức nào không?

8. We are liable to think we can detect glamor quite easily “out there” and in others. If we think so, we should perhaps look closely at our own nature. Perhaps that which is so easily detected is a *projection.* The dissipation of glamors is advanced by

8. Chúng ta dễ nghĩ rằng mình có thể phát hiện ảo cảm khá dễ dàng “ngoài kia” và ở người khác. Nếu nghĩ như vậy, có lẽ chúng ta nên xem xét kỹ bản chất của chính mình. Có lẽ điều dễ dàng phát hiện đến thế lại là một *sự phóng chiếu.* Việc làm tiêu tan các ảo cảm

the 'owning of our own projections'.

These questions have a twofold purpose. They will, if you answer them truthfully and face them clearly, lead you to deal with yourself as a group member and so ascertain the measure of your contribution to the group need and to our need of workers. If you will write down and answer these questions and share the replies with your co-disciples, it will give them an opportunity to know each other better.

1. We see the Tibetan's motive for proposing the questions we have just considered. It is not only so that an individual may "straighten himself out" with respect to various liabilities, but so that the quality of his *group* functioning may be increased.

2. As well, since our knowledge of each other is generally more superficial than we might like to think, such honesty with oneself (when shared with co-workers) may give them a rare and important insight into our character — thus facilitating true group cooperation. Naturally, a certain measure of trust is required for those would participate in such a sharing. In groups of this nature, however, that trust should exist.

3. The Tibetan is trying to produce 'true group members'. This is a different thing from being, simply 'an advancing disciple'.

4. The entire process we have been discussing is meant to produce in one's consciousness, *true self knowledge.* The questions, however, may not be faced

tiến triển nhờ 'thừa nhận những phóng chiếu của chính mình là của mình'.

Những câu hỏi này có mục đích nhị phân. Nếu các bạn trả lời trung thực và đối diện rõ ràng với chúng, chúng sẽ dẫn các bạn đến việc xem xét bản thân với tư cách thành viên nhóm, qua đó xác định mức độ đóng góp của mình vào nhu cầu của nhóm và nhu cầu về người hoạt động của chúng tôi. Nếu các bạn viết ra và trả lời những câu hỏi này, rồi chia sẻ câu trả lời với các đệ tử đồng môn, điều đó sẽ cho họ cơ hội hiểu nhau hơn.

1. Chúng ta thấy động cơ của Chân sư Tây Tạng khi đề xuất những câu hỏi mà chúng ta vừa xem xét. Mục đích không chỉ là để một cá nhân có thể "tự chấn chỉnh" những điểm yếu khác nhau, mà còn để nâng cao phẩm tính hoạt động của người ấy trong *nhóm*.

2. Hơn nữa, vì sự hiểu biết của chúng ta về nhau thường hời hợt hơn mình tưởng, nên sự thành thật với bản thân như thế (khi chia sẻ với những người cùng làm việc) có thể giúp họ có được một cái nhìn sâu sắc hiếm có và quan trọng về tính cách của chúng ta — qua đó tạo thuận lợi cho sự hợp tác nhóm đích thực. Đương nhiên, những người muốn tham gia sự chia sẻ như vậy cần có một mức độ tin cậy nhất định. Tuy nhiên, trong những nhóm có bản chất này, sự tin cậy ấy phải hiện hữu.

3. Chân sư Tây Tạng đang cố gắng đào tạo 'những thành viên nhóm đích thực'. Điều này khác với việc chỉ đơn thuần là 'một đệ tử đang tiến bước'.

4. Toàn bộ tiến trình mà chúng ta đang bàn luận nhằm tạo ra trong tâm thức của mỗi người *sự hiểu biết đích thực về bản thân.* Tuy nhiên, có thể người ta không đối diện với

truthfully. Even if one has the will for this *truthful facing,* one's inability to see oneself may compromise the factuality of what is reported. Yet, one begins where one is, and with the best self-perception one possesses. Its accuracy will surely increase with practice.

những câu hỏi ấy một cách *trung thực.* Ngay cả khi có ý chí để *đối diện trung thực như vậy,* việc không thể nhìn thấy bản thân mình có thể làm suy giảm tính xác thực của những điều được trình bày. Dẫu vậy, mỗi người bắt đầu từ chỗ mình đang đứng, với khả năng tự nhận thức tốt nhất mà mình có. Độ chính xác của khả năng ấy chắc chắn sẽ tăng lên qua thực hành.

There is an occult process which reaches its culmination in one of the higher initiations — with which initiation you have as yet no concern. It is called "a bringing forth into the light. " An accepted disciple is one who is in process of preparation for initiation and that is one of the tasks with which I am engaged at this time. I have, therefore, to begin to lay the foundation for this esoteric "unearthing" or "revelation of that which is hidden. " I am consequently proffering to you, through these questions, the opportunity to practise early in your training this "distressing revelation" which will later take place in a higher state of consciousness.

Có một tiến trình huyền bí đạt đến đỉnh điểm trong một trong những cuộc điểm đạo cao — cuộc điểm đạo mà hiện nay các bạn chưa cần quan tâm. Tiến trình ấy được gọi là "đưa ra ánh sáng." Một đệ tử được chấp nhận là người đang trong tiến trình chuẩn bị cho điểm đạo, và đó là một trong những nhiệm vụ mà hiện nay Tôi đang đảm nhận. Vì vậy, Tôi phải bắt đầu đặt nền móng cho việc "khai quật" hay "mặc khải những gì ẩn giấu" mang tính nội môn này. Do đó, qua những câu hỏi này, Tôi trao cho các bạn cơ hội thực hành ngay từ đầu quá trình huấn luyện "sự mặc khải gây đau khổ" này, vốn về sau sẽ diễn ra trong một trạng thái tâm thức cao hơn.

1. That higher initiation may be Mastership — the "Revelation" as it is called. If so, it is an initiation which cannot concern those of us who are students of DK's books.

1. Cuộc điểm đạo cao hơn ấy có thể là cuộc điểm đạo đạt quả vị Chân sư — "Mặc Khải" như tên gọi của nó. Nếu vậy, đó là một cuộc điểm đạo mà những người nghiên cứu sách của Chân sư DK như chúng ta chưa thể quan tâm đến.

2. We are involved on a lower turn of the spiral with self-revelations which will, eventually, lead to the great Revelation which the fifth degree represents.

2. Trên một vòng xoắn thấp hơn, chúng ta đang trải qua những sự tự mặc khải mà cuối cùng sẽ dẫn đến sự Mặc Khải vĩ đại do cấp độ thứ năm biểu trưng.

3. DK is playing the role of Pluto in this context, and the power of Mercury is strongly present as well. We are probing our own hidden natures. We are going into our 'personal earth' and discovering what may

3. Trong ngữ cảnh này, Chân sư DK đang đóng vai trò của Sao Diêm Vương, và quyền năng của Sao Thủy cũng hiện diện mạnh mẽ. Chúng ta đang thăm dò bản chất ẩn giấu của chính mình. Chúng ta đang đi vào 'mảnh đất

be 'buried' by time and denial.

cá nhân' của mình và khám phá những gì có thể đã 'bị chôn vùi' qua thời gian và sự phủ nhận.

4. The coming revelations will *certainly* be distressing. We often imagine that we are farther along than we are, and that we have purified our nature more than we have. The discovery of what *remains to be seen* is almost unavoidably shocking. The shocked chela (upon seeing undisclosed aspects of his nature) cries to his Master in distress: "A horrid sight, O Master of my life. I like it not. It is not true. I am not this or that. This evil selfish thing, it is not me. I am *not* this. " (R&I 302)

4. Những sự mặc khải sắp tới *chắc chắn* sẽ gây đau khổ. Chúng ta thường tưởng mình đã tiến xa hơn thực tế và đã thanh luyện bản chất của mình nhiều hơn những gì mình thực sự làm được. Việc khám phá những gì *vẫn còn chưa thấy* gần như không tránh khỏi gây chấn động. Người đệ tử bị chấn động (khi nhìn thấy những phương diện chưa bộc lộ trong bản chất của mình) đau khổ kêu lên với Chân sư của mình: "Một cảnh tượng khủng khiếp, ôi Chân sư của đời con. Con không thích cảnh tượng ấy. Điều đó không đúng. Con không phải thế này hay thế kia. Cái xấu xa ích kỷ này không phải là con. Con *không* phải là cái này. " (R&I 302)

5. DK tells us that He is preparing us for great and distressing revelations to come. If we are "both God and the Devil", one can only imagine what we will see. If we cannot truthfully face these minor revelations of 'personal squalor', how ever will we face the fundamental revelation of inherent evil? An important philosophical point is here raised.

5. Chân sư DK nói với chúng ta rằng Ngài đang chuẩn bị cho chúng ta đón nhận những sự mặc khải lớn lao và gây đau khổ sắp tới. Nếu chúng ta "vừa là Thượng đế vừa là Ác Quỷ", người ta chỉ có thể hình dung những gì chúng ta sẽ thấy. Nếu không thể trung thực đối diện với những sự mặc khải nhỏ bé này về 'sự nhơ nhuốc cá nhân', thì làm sao chúng ta có thể đối diện với sự mặc khải căn bản về cái ác vốn có? Ở đây, một vấn đề triết học quan trọng được nêu lên.

6. The enthusiastic aspirant/disciple (carried away by beautiful motives and high visions) may wish to overlook such things, but they are awaiting their day. "The Light of Day" (under Scorpio) inevitably dawns, and the initiate knows "what evil lurks in the hearts of men" (even the *best* men).

6. Người chí nguyện/đệ tử nhiệt thành (bị cuốn theo những động cơ đẹp đẽ và những tầm nhìn cao cả) có thể muốn bỏ qua những điều ấy, nhưng chúng đang chờ đến ngày của mình. "Ánh sáng Ban Ngày" (dưới ảnh hưởng của Hổ Cáp) tất yếu bừng lên, và điểm đạo đồ biết "cái ác nào ẩn náu trong lòng người" (ngay cả những người *tốt nhất*).

What is it that I and Those Who are working on the inner side are seeking to do with these

Tôi và Các Ngài đang hoạt động ở phía bên trong tìm cách làm gì với những nhóm này?

groups? What is the larger objective? The groups have not been formed to train individuals. They have been formed (each of them) as seed groups for a definite and specific end. They are organised to provide channels in the world for the distribution of certain peculiar types of force which will work out into manifestation in specific ways. Energy has always been manipulated by the Hierarchy and distributed in the world of men. I refer to the energies used in relation to the awakening of the human consciousness, to the integration of the world of souls with the world of men; I refer to the activities whereby the human kingdom can become a great station of light and a powerhouse [53] of spiritual force, distributing it to the other kingdoms in nature.

Mục tiêu lớn hơn là gì? Các nhóm không được thành lập để huấn luyện cá nhân. Mỗi nhóm được thành lập như một nhóm hạt giống nhằm một mục đích rõ ràng và cụ thể. Các nhóm được tổ chức để tạo ra những kênh dẫn trong thế gian nhằm phân phối một số loại mãnh lực đặc thù sẽ đi vào biểu hiện theo những cách cụ thể. Thánh đoàn luôn vận dụng năng lượng và phân phối năng lượng ấy trong thế giới loài người. Tôi nói đến những năng lượng dùng để khơi dậy tâm thức nhân loại, để tích hợp thế giới linh hồn với thế giới loài người; Tôi nói đến những hoạt động nhờ đó giới nhân loại có thể trở thành một trạm ánh sáng lớn và một trung tâm phát sinh [53] mãnh lực tinh thần, phân phối mãnh lực ấy đến các giới khác trong thiên nhiên.

1. The purpose of the groups-of-nine (and of other kinds of groups formed in relation to other Ashrams) is restated. Spiritual training for individual is incidental. The groups are *seeds* to grow energy-centers designed to promote the distribution of certain peculiar types of force".

1. Mục đích của các nhóm chín người (và của những loại nhóm khác được thành lập trong mối liên hệ với các ashram khác) được nêu lại. Việc huấn luyện tinh thần cho cá nhân là điều thứ yếu. Các nhóm là những *hạt giống* để phát triển thành các trung tâm năng lượng nhằm thúc đẩy việc phân phối một số loại mãnh lực đặc thù".

2. The Spiritual Hierarchy has always manipulated and distributed forces useful to humanity and the planet. Now some of the responsibility is being shifted to humanity itself. Humanity, the "world disciple", is coming of age.

2. Thánh đoàn luôn vận dụng và phân phối những mãnh lực hữu ích cho nhân loại và hành tinh. Giờ đây, một phần trách nhiệm đang được chuyển sang chính nhân loại. Nhân loại, "đệ tử thế giới", đang trưởng thành.

3. A vital statement is offered: "the human kingdom can become a great station of light and a powerhouse of spiritual force, distributing it to the other kingdoms in nature".

3. Một phát biểu thiết yếu được đưa ra: "giới nhân loại có thể trở thành một trạm ánh sáng lớn và một trung tâm phát sinh mãnh lực tinh thần, phân phối mãnh lực ấy đến các giới khác trong thiên nhiên".

4. The seed groups are, as it were, 'seeds of

4. Có thể nói, các nhóm hạt giống là những

light'. Humanity as a whole is to benefit from their existence. A selfless attitude is required of all seed-group members.

5. The Master is thinking far ahead and knows things about the process which the participants cannot possibly know. The Master has to be trusted. It is impossible for Him to convey every detail; the participants know too little and would only become distracted from their immediate task.

6. We may work with a Master "of our own free will and accord", but it makes sense to follow His suggestions as exactly as possible. This is a lesson in humility and occult obedience.

The statement is of vital importance; it expresses our immediate objectives and the nature of the field of service in which you — as a group and not as individuals — can function. This manipulation of energies has (for centuries) been carried forward by us but its effects have only been registered unconsciously by man. We have (speaking symbolically) rayed forth the light and distributed the water of life in a wide and general distribution with here and there (and rarely) some one isolated individual, responding actively and consciously. He thus became a tiny focal point of spiritual energy and light. Now it has seemed to us possible to focus the light and knowledge much more definitely and to form groups on earth — composed of the isolated, responding individuals — so that more light and more knowledge can be spread abroad.

1. The group-service of humanity as a whole

'hạt giống ánh sáng'. Toàn thể nhân loại sẽ hưởng lợi từ sự hiện hữu của các nhóm ấy. Mọi thành viên của các nhóm hạt giống đều cần có thái độ vô ngã vị tha.

5. Chân sư suy tính cho tương lai rất xa và biết những điều về tiến trình mà những người tham gia không thể nào biết được. Cần tin cậy Chân sư. Ngài không thể truyền đạt mọi chi tiết; những người tham gia biết quá ít và điều đó chỉ khiến họ xao lãng nhiệm vụ trước mắt.

6. Chúng ta có thể làm việc với một Chân sư "hoàn toàn do ý chí tự do và sự tự nguyện của mình", nhưng việc làm theo những đề nghị của Ngài một cách chính xác nhất có thể là hợp lý. Đây là một bài học về sự khiêm nhường và sự tuân phục huyền bí.

Phát biểu ấy có tầm quan trọng thiết yếu; nó thể hiện những mục tiêu trước mắt của chúng tôi và bản chất của lĩnh vực phụng sự mà các bạn — với tư cách một nhóm chứ không phải những cá nhân — có thể hoạt động. Suốt nhiều thế kỷ, chúng tôi đã tiến hành việc vận dụng các năng lượng này, nhưng con người chỉ ghi nhận những tác động của nó một cách vô thức. Nói theo nghĩa biểu tượng, chúng tôi đã phát tỏa ánh sáng và phân phối nước của sự sống một cách rộng rãi, bao quát, trong khi đây đó chỉ có một vài cá nhân riêng lẻ (và hiếm hoi) đáp ứng một cách tích cực và có ý thức. Nhờ vậy, người ấy trở thành một tiêu điểm nhỏ bé của năng lượng tinh thần và ánh sáng. Giờ đây, chúng tôi thấy có thể tập trung ánh sáng và tri thức một cách rõ rệt hơn nhiều và thành lập các nhóm trên Trái Đất — gồm những cá nhân riêng lẻ có khả năng đáp ứng — để có thể lan tỏa nhiều ánh sáng và tri thức hơn.

1. Việc phụng sự theo nhóm của toàn thể

will be directed to lower kingdoms, even as humanity (again, as a whole) is being helped by higher kingdoms — the Kingdom of Souls and the Kingdom of Planetary Lives.

2. It is so important to hold a vision of *group* destiny. DK, it seems, must always be reminding His group members (and us) of the *group* idea.

3. DK tells of Hierarchy's silent service (in energy manipulation) over the centuries. Hierarchy has acted as Aquarius — symbolically raying forth the light and distributing the "water of life". In the past, so it seems, only *individuals* here and there responded. Much labor was expended for a relatively small result.

4. But now there are new possibilities. Hierarchy believes that *groups* can respond to the hierarchical stimulation/radiation just as, in former days, certain potentially luminous individuals have responded. This is the judgment of the Great Ones, and They have begun experimenting to see whether Their assessment is correct.

5. Hierarchy's purpose for focussing on groups and their radiatory potential is clear: planetary need is great and far more light is needed. The responsive, isolated individuals are being gathered into groups where the light can be concentrated and augmented for the sake of human and planetary welfare.

6. Aquarius is the 'Age of Distribution'. Accordingly, if the group-experiment works, a much greater distribution of the light (and of hierarchical quality, in general) will be

nhân loại sẽ hướng đến các giới thấp hơn, cũng như toàn thể nhân loại đang nhận sự trợ giúp từ các giới cao hơn — Giới Linh Hồn và Giới Các Sự Sống Hành Tinh.

2. Việc giữ vững một tầm nhìn về vận mệnh *nhóm* là hết sức quan trọng. Dường như Chân sư DK luôn phải nhắc nhở các thành viên nhóm của Ngài (và chúng ta) về ý tưởng *nhóm*.

3. Chân sư DK nói về sự phụng sự thầm lặng của Thánh đoàn (trong việc vận dụng năng lượng) qua nhiều thế kỷ. Thánh đoàn đã hành động như Bảo Bình — theo nghĩa biểu tượng, phát tỏa ánh sáng và phân phối "nước của sự sống". Dường như trong quá khứ, chỉ có những *cá nhân* đây đó đáp ứng. Rất nhiều công sức đã được bỏ ra để đạt một kết quả tương đối nhỏ.

4. Nhưng giờ đây có những khả năng mới. Thánh đoàn tin rằng các *nhóm* có thể đáp ứng với sự kích thích/bức xạ của Thánh đoàn, cũng như trước đây một số cá nhân có tiềm năng tỏa sáng đã đáp ứng. Đó là nhận định của Các Đấng Cao Cả, và Các Ngài đã bắt đầu thử nghiệm để xem sự đánh giá của mình có đúng hay không.

5. Mục đích của Thánh đoàn khi tập trung vào các nhóm và tiềm năng bức xạ của họ rất rõ ràng: nhu cầu của hành tinh rất lớn và cần nhiều ánh sáng hơn nữa. Những cá nhân riêng lẻ có khả năng đáp ứng đang được tập hợp thành các nhóm, nơi ánh sáng có thể tập trung và tăng cường vì phúc lợi của nhân loại và hành tinh.

6. Bảo Bình là 'Kỷ Nguyên Phân Phối'. Do đó, nếu thử nghiệm nhóm thành công, sẽ có thể phân phối ánh sáng (và phẩm tính của Thánh đoàn nói chung) rộng rãi hơn nhiều.

possible.

This we decided to do in two ways:

1. Through the collaboration of all the Masters of the Great White Lodge, working through Their Own disciples.

1. We see on a higher turn of the spiral, that of which the New Group of World Servers is a reflection.

2. Under buddhic stimulation, the various Ashrams have become more permeable to each other.

3. A vast cooperative, inter-ashramic process is underway. This represents a new method of functioning on both hierarchical and human levels.

2. Through the specifically focussed activity of the Masters Morya and Koot Hoomi and myself, Their servant and disciple.

1. The NGWS is a broad organization. The more focussed efforts of the Masters M. KH and DK, are smaller and more concentrated. The groups-of-nine were part of this latter effort.

Through the first method, the New Group of World Servers came into being and the disciples and aspirants of the world, working on all the rays and under the guidance — consciously or unconsciously recognised — of the Masters Who are specifically pledged to help humanity. Thus a vast powerhouse and station of light has been formed. It is a diffused and widespread

Chúng tôi quyết định thực hiện điều này theo hai cách:

1. Thông qua sự cộng tác của tất cả các Chân sư thuộc Thánh đoàn, hoạt động qua các đệ tử của chính Các Ngài.

1. Trên một vòng xoắn cao hơn, chúng ta thấy thực tại mà Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là sự phản ánh của thực tại ấy.

2. Dưới sự kích thích Bồ đề, các ashram khác nhau đã trở nên dễ thẩm nhập lẫn nhau hơn.

3. Một tiến trình hợp tác rộng lớn giữa các ashram đang diễn ra. Điều này thể hiện một phương thức hoạt động mới ở cả cấp độ Thánh đoàn lẫn nhân loại.

2. Thông qua hoạt động tập trung chuyên biệt của các Chân sư Morya và Koot Hoomi cùng Tôi, người phụng sự và đệ tử của Các Ngài.

1. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là một tổ chức rộng lớn. Những nỗ lực tập trung hơn của các Chân sư M. Chân sư KH và Chân sư DK có quy mô nhỏ hơn và tập trung hơn. Các nhóm chín người là một phần của nỗ lực sau này.

Thông qua phương pháp thứ nhất, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian ra đời cùng các đệ tử và người chí nguyện trên thế giới, hoạt động trên tất cả các cung và dưới sự hướng dẫn — được nhận biết một cách có ý thức hoặc vô thức — của các Chân sư đã đặc biệt cam kết trợ giúp nhân loại. Như vậy, một trung tâm phát lực và trạm ánh sáng rộng lớn đã hình thành. Đó là ánh sáng

light and its channels are to be found all over the world, in every country and in every major city. This you know and with this branch of the work (to which I am personally pledged) you are actively cooperating and should cooperate.

khuếch tán và lan rộng, với những kênh dẫn hiện diện khắp thế giới, trong mọi quốc gia và mọi thành phố lớn. Các bạn biết điều này, và các bạn đang tích cực hợp tác, cũng như nên hợp tác, với nhánh công việc này (mà đích thân Tôi đã cam kết thực hiện).

1. We begin to see just how important the New Group of World Servers is. DK earlier speaks of forming "a great station of light and a powerhouse of spiritual force" Here He speaks of the NGWS as "a vast powerhouse and station of light". We see that the NGWS has *real planetary significance* and is a stage in preparing humanity's destiny with respect to the lower three kingdoms of nature.

1. Chúng ta bắt đầu thấy Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian quan trọng đến mức nào. Trước đó, Chân sư DK nói đến việc hình thành "một trạm ánh sáng lớn và một trung tâm phát sinh mãnh lực tinh thần" Ở đây, Ngài nói về Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian như "một trung tâm phát lực và trạm ánh sáng rộng lớn". Chúng ta thấy rằng Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có *thâm nghĩa thực sự đối với hành tinh* và là một giai đoạn chuẩn bị cho vận mệnh của nhân loại trong mối liên hệ với ba giới thấp của thiên nhiên.

2. We note that disciples and aspirants on *all the rays* are involved in the NGWS, just as are all Ashrams the Masters of which are specifically pledged to help humanity.

2. Chúng ta lưu ý rằng các đệ tử và người chí nguyện trên *tất cả các cung* đều tham gia Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, cũng như tất cả các ashram có các Chân sư đã đặc biệt cam kết trợ giúp nhân loại.

3. The light of the NGWS is "diffused and widespread". We gather that it will become more concentrated, and emerge as a powerful force in the world. Subjectively, it already is "a vast powerhouse and station of light".

3. Ánh sáng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian "khuếch tán và lan rộng". Chúng ta hiểu rằng ánh sáng ấy sẽ trở nên tập trung hơn và xuất hiện như một mãnh lực mạnh mẽ trên thế giới. Về mặt chủ quan, Đoàn đã là "một trung tâm phát lực và trạm ánh sáng rộng lớn".

4. Master DK is specifically connected with the formation and growth of the NGWS. Disciples in His Ashram, therefore, are also related to this task.

4. Chân sư DK có mối liên hệ đặc biệt với sự hình thành và phát triển của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Do đó, các đệ tử trong ashram của Ngài cũng có liên hệ với nhiệm vụ này.

5. I have sometimes speculated whether the sign of illumination and enlightenment, Taurus, is related to Master DK and His

5. Đôi khi tôi đã suy đoán liệu Kim Ngưu, dấu hiệu của sự soi sáng và giác ngộ, có liên hệ với Chân sư DK và ashram của Ngài hay

Ashram. Given His relation to the light and to the NGWS, this is a possibility.

Ashram. Xét mối liên hệ của Ngài với ánh sáng và với Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, đây là một khả năng.

But it was felt that it should also be possible to focus the light still more intensively through smaller and more carefully chosen and selected groups. Through these much smaller groups of disciples, the phenomenal appearance of certain types of energy could be expressed; certain powers could be unfolded and a more specialised experiment be possible. Peculiar powers [54] could be studied and focussed, intensified light and power could be so clearly demonstrated that the sons of men would come to recognise the influence and to give proof of the supernormal which is the heritage of future centuries.

Nhưng chúng tôi cảm thấy cũng có thể tập trung ánh sáng mạnh mẽ hơn nữa thông qua những nhóm nhỏ hơn, được lựa chọn và tuyển chọn cẩn thận hơn. Thông qua những nhóm đệ tử nhỏ hơn nhiều này, một số loại năng lượng có thể biểu lộ thành hiện tượng; một số quyền năng có thể khai mở và một thử nghiệm chuyên biệt hơn có thể trở thành khả thi. Những quyền năng đặc thù [54] có thể được nghiên cứu và tập trung; ánh sáng và quyền năng được tăng cường có thể biểu lộ rõ ràng đến mức những người con của nhân loại sẽ nhận ra ảnh hưởng ấy và đưa ra bằng chứng về những năng lực siêu thường vốn là di sản của các thế kỷ tương lai.

1. Immediately above, the reason for the formation of the groups-of-nine is given: to focus the light more intensively though more select and less diffused groups.

1. Ngay ở trên, lý do thành lập các nhóm chín người đã được nêu ra: tập trung ánh sáng mạnh mẽ hơn thông qua những nhóm được tuyển chọn kỹ hơn và ít phân tán hơn.

2. The groups-of-nine are a specialized experiment. The cultivation and expression of certain definite energies could be far more successfully undertaken than in larger-group formation.

2. Các nhóm chín người là một thử nghiệm chuyên biệt. Việc phát triển và biểu lộ một số năng lượng xác định có thể được thực hiện thành công hơn nhiều so với trong hình thức nhóm lớn hơn.

3. We can see that the groups-of-nine were to have a destiny involving the expression and manipulation of various subtle energies of a supernormal kind. They were to prove the existence of such energies. They were to be able to demonstrate the existence of "Nature's finer forces". Naturally, the training would necessarily be intense and the degree of refinement required considerable.

3. Chúng ta có thể thấy rằng các nhóm chín người được dự định sẽ có một vận mệnh gắn với việc biểu lộ và vận dụng nhiều năng lượng tinh tế thuộc loại siêu thường. Họ sẽ chứng minh sự tồn tại của những năng lượng ấy. Họ sẽ có khả năng chứng tỏ sự tồn tại của "những mãnh lực tinh tế hơn của Thiên nhiên". Đương nhiên, việc huấn luyện tất yếu phải chuyên sâu và mức độ tinh luyện cần đạt cũng đáng kể.

4. We can, therefore, understand the groups-

4. Do đó, chúng ta có thể hiểu các nhóm chín

of-nine as an intensification and concentration of the Light within the more nebulous luminosity of the New Group of World Servers.

người là sự tăng cường và tập trung Ánh sáng bên trong ánh huy hoàng còn mờ tỏa hơn của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

To this particular branch of hierarchical work, I pledged myself; it would provide the nucleus for the coming types of civilisation and the characteristics and activities which could be unfolded under the incoming new major influences. These have always interested me and I have specialised in them. Naturally, I looked around among those whose lives I have been watching — sometimes for several incarnations. Among these were those of you who are now working with me. These groups constitute the germ of a great experiment. If successful, they will, in the course of the next 275 years:

Tôi đã cam kết đảm nhận nhánh công việc đặc thù này của Thánh đoàn; nhánh công việc ấy sẽ cung cấp hạt nhân cho các loại hình văn minh sắp tới, cùng những đặc tính và hoạt động có thể khai mở dưới các ảnh hưởng lớn mới đang đi vào. Những điều này luôn thu hút sự quan tâm của Tôi, và Tôi đã chuyên sâu về chúng. Đương nhiên, Tôi tìm kiếm trong số những người mà Tôi đã theo dõi cuộc đời — đôi khi suốt nhiều kiếp lâm phàm. Trong số đó có những người trong các bạn hiện đang làm việc với Tôi. Các nhóm này tạo thành mầm mống của một thử nghiệm lớn. Nếu thành công, trong vòng 275 năm tới, các nhóm sẽ:

1. The Tibetan is naming Himself as a *specialist* in the manipulation and expression of the newer subtle energy influences — certain supernormal powers.

1. Chân sư Tây Tạng tự xác định mình là một *chuyên gia* trong việc vận dụng và biểu lộ các ảnh hưởng năng lượng tinh tế mới hơn — một số quyền năng siêu thường.

2. We see that members of the groups-of-nine were chosen partially because the Tibetan believed (after studying some of them for a number of lives) that they could be useful in the cultivation and expression of such powers. We see that it was no accident that they were drawn into His groups.

2. Chúng ta thấy rằng các thành viên của những nhóm chín người được lựa chọn một phần vì Chân sư Tây Tạng tin rằng (sau khi nghiên cứu một số người trong họ qua nhiều kiếp sống) họ có thể hữu ích trong việc phát triển và biểu lộ những quyền năng ấy. Chúng ta thấy rằng việc họ được thu hút vào các nhóm của Ngài không phải là ngẫu nhiên.

3. The Seed Groups “constitute the germ of a great experiment”. The Tibetan seemed to be aiming for the year 2200 — approximately 275 years forward from the time He began the specialized instruction (1931) of those He had gathered into groups.

3. Các Nhóm hạt giống “tạo thành mầm mống của một thử nghiệm lớn”. Dường như Chân sư Tây Tạng đang hướng đến năm 2200 — khoảng 275 năm kể từ thời điểm Ngài bắt đầu huấn thị chuyên biệt (1931) cho những người mà Ngài đã tập hợp thành các nhóm.

1. Anchor on earth certain types of the higher forces which the race needs and which are not yet active.

2. Develop the six supernormal powers to which I have referred above.

3. Train the group members in that synthetic relation which characterises the Hierarchy and so prepare them for initiation.

1. Neo giữ trên Trái Đất một số loại mãnh lực cao hơn mà nhân loại cần và hiện chưa hoạt động.

2. Phát triển sáu quyền năng siêu thường mà Tôi đã đề cập ở trên.

3. Huấn luyện các thành viên nhóm trong mối liên hệ tổng hợp vốn là đặc trưng của Thánh đoàn, qua đó chuẩn bị cho họ điểm đạo.

1. The work was to have lasted 275 years. Naturally, a larger inner group would be drawn into incarnation to supply the necessary incarnated personnel. The disciples in the first group formations would probably be drawn into outer plane participation at least twice more during the 275 years. In this way, their capacities would be refined and DK's objectives would be furthered through the use of more refined 'material'.

1. Công việc ấy đã được dự định kéo dài 275 năm. Đương nhiên, một nhóm bên trong lớn hơn sẽ được thu hút vào lâm phàm để cung cấp nhân sự nhập thể cần thiết. Các đệ tử thuộc những nhóm đầu tiên có lẽ sẽ được thu hút trở lại tham gia trên cõi bên ngoài ít nhất hai lần nữa trong suốt 275 năm ấy. Bằng cách này, năng lực của họ sẽ được tinh luyện và các mục tiêu của Chân sư DK sẽ được thúc đẩy nhờ sử dụng 'chất liệu' tinh luyện hơn.

2. Perhaps this experiment will continue. It is too early to tell, and, anyway, such intentions are hidden in the mind of the Master.

2. Có lẽ thử nghiệm này sẽ tiếp tục. Còn quá sớm để biết, và dù sao những ý định ấy vẫn ẩn kín trong thể trí của Chân sư.

3. Surely, the objectives are still desirable. But it is impossible to tell whether the necessary discontinuation of the process damaged it, or merely placed it in a kind of 'suspended animation'.

3. Chắc chắn những mục tiêu ấy vẫn đáng theo đuổi. Nhưng không thể biết liệu việc buộc phải ngừng tiến trình đã gây tổn hại cho nó hay chỉ đưa nó vào một dạng 'tạm ngưng sự sống'.

4. DK has drawn the six supernormal powers to the attention of His group members. It is clear that, as regards their cultivation, only a beginning could be made. Greater perfection would come over the 275 year period.

4. Chân sư DK đã lưu ý các thành viên nhóm của Ngài đến sáu quyền năng siêu thường. Rõ ràng, đối với việc phát triển những quyền năng ấy, họ chỉ có thể khởi đầu. Sự hoàn thiện cao hơn sẽ đến trong suốt thời kỳ 275 năm.

5. The group members had an *anchoring*

5. Các thành viên nhóm có trách nhiệm *neo*

responsibility, a *developmental* responsibility (with respect to the six psychic powers) and also a responsibility to submit themselves to a mode of training which would make of them a kind of "miniature Hierarchy".

giữ, trách nhiệm *phát triển* (đối với sáu quyền năng thông linh), đồng thời có trách nhiệm tự đặt mình dưới một phương thức huấn luyện sẽ biến họ thành một dạng "Thánh đoàn thu nhỏ".

6. It is clear that the groups-in-training were to be welded into DK's Ashram — *as groups.* In the early years, they still had a long way to go even to achieve a relative group integration. But DK speaks of the future and of the "synthetic relation" which characterizes Hierarchy. Obviously, much time would be required. Had He planned to continue His communications through another amanuensis after AAB's passing? It does not seem so. A period of assimilation was allowed. And yet, the Seed Groups (had they been successful) would have to have continued, and this would have required supervision.

6. Rõ ràng, các nhóm đang được huấn luyện sẽ được gắn kết vào ashram của Chân sư DK — *với tư cách các nhóm.* Trong những năm đầu, họ vẫn còn một chặng đường dài ngay cả để đạt đến sự tích hợp nhóm tương đối. Nhưng Chân sư DK nói về tương lai và về "mối liên hệ tổng hợp" vốn là đặc trưng của Thánh đoàn. Hiển nhiên, sẽ cần rất nhiều thời gian. Liệu Ngài đã dự định tiếp tục truyền đạt qua một người chấp bút khác sau khi Bà AAB qua đời? Dường như không phải vậy. Một khoảng thời gian đã được dành cho việc đồng hóa. Tuy nhiên, các Nhóm hạt giống (nếu đã thành công) hẳn phải tiếp tục, và điều này sẽ đòi hỏi sự giám sát.

7. In any case, the Seed Groups did *not* continue, but because the lessons learned during those approximately seventeen years are being assimilated by earnest students of the process, new life may be breathed into the process when DK later takes up the third installment of the Teaching.

7. Dù sao đi nữa, các Nhóm hạt giống đã *không* tiếp tục, nhưng vì những đạo sinh nghiêm túc nghiên cứu tiến trình này đang đồng hóa các bài học rút ra trong khoảng mười bảy năm ấy, một sức sống mới có thể được thổi vào tiến trình khi sau này Chân sư DK tiếp tục phần thứ ba của Giáo Huấn.

Out of these groups will be picked those who can be definitely prepared for certain expansions of consciousness and who can be trusted to contact aspects of the Plan, hitherto not revealed. As you make progress in this work and as you seek to understand the group implications, it will become ever more clear to you what the Plan really is. It is as difficult for me to explain the underlying purpose of this group work to you as it would be to explain decimal fractions to a seven year old child, no matter how brilliant

Từ các nhóm này, những người có thể được chuẩn bị một cách rõ rệt cho những sự mở rộng tâm thức nhất định và đáng tin cậy để tiếp xúc với những phương diện của Thiên Cơ cho đến nay chưa được tiết lộ sẽ được tuyển chọn. Khi các bạn tiến bộ trong công việc này và tìm cách thấu hiểu những hàm ý đối với nhóm, các bạn sẽ ngày càng thấy rõ Thiên Cơ thực sự là gì. Tôi khó giải thích cho các bạn mục đích nền tảng của công việc nhóm này cũng như khó giải thích phân số thập phân cho một đứa trẻ bảy tuổi, dù em

he might be. But if you have the needed patience, the willingness to work impersonally and proceed with love, if you will submerge your personalities in the group life, you will know, you will perceive and the light will break in; the power to work will come to you. We shall then have radiant focal points or light bearers and channels for the planned distribution of force — a thing which has never yet been, upon the scale which we now contemplate. [55]

có thông minh đến đâu. Nhưng nếu các bạn có sự kiên nhẫn cần thiết, sẵn lòng làm việc một cách phi ngã và tiến bước với tình thương, nếu các bạn hòa chìm phàm ngã của mình vào sự sống nhóm, các bạn sẽ biết, sẽ nhận thức và ánh sáng sẽ bừng chiếu vào; quyền năng làm việc sẽ đến với các bạn. Khi ấy, chúng ta sẽ có những tiêu điểm tỏa sáng hay những người mang ánh sáng và những kênh phân phối mãnh lực theo kế hoạch— điều chưa từng có trên quy mô mà giờ đây chúng ta đang chiêm ngưỡng. [55]

1. The text above is being written before the disbanding of the groups-of-nine. DK is offering an incentive to earnest labor. Some members of the groups will be specially selected for expansions and initiations which He does not specify.

1. Đoạn văn trên được viết trước khi các nhóm chín người giải tán. Chân sư DK đang đưa ra một động lực khích lệ sự nỗ lực chân thành. Một số thành viên của các nhóm sẽ được tuyển chọn đặc biệt cho những sự mở rộng và những cuộc điểm đạo mà Ngài không nêu cụ thể.

2. This is an amazing paragraph, for something of the vision intended by DK and KH is unfolded. It would seem that Master M. should be included in the plans; the Three work in some ways as a Triangle.

2. Đây là một đoạn văn đáng kinh ngạc, vì phần nào tầm nhìn mà Chân sư DK và Chân sư KH dự định thực hiện đã được khai mở. Dường như Chân sư M. cũng hẳn tham gia vào các kế hoạch ấy; theo một số phương diện, ba Ngài làm việc như một Tam Giác.

3. DK dwells on the limited consciousness of the participants. They are to learn about the meaning of the Divine Plan, but as yet, do not have a sufficiently equipped consciousness to do so. Clearly, what DK hopes to see accomplished within them is *presently beyond them.*

3. Chân sư DK nhấn mạnh tâm thức còn hạn chế của những người tham gia. Họ cần học về ý nghĩa của Thiên Cơ, nhưng cho đến nay, tâm thức của họ vẫn chưa được trang bị đầy đủ để làm điều đó. Rõ ràng, điều Chân sư DK hy vọng thấy thành tựu nơi họ *hiện vượt quá khả năng của họ.*

4. Yet hope is offered if there is patience, persistence, love, impersonality, and personality submergence in group life. The apprehension of wisdom cannot be forced. It must slowly dawn. The light must break in and the power to work in a new way slowly emerge.

4. Tuy vậy, vẫn có hy vọng nếu có sự kiên nhẫn, bền bỉ, tình thương, tính phi ngã và sự hòa chìm phàm ngã vào sự sống nhóm. Không thể cưỡng ép việc lĩnh hội minh triết. Sự lĩnh hội ấy phải từ từ ló rạng. Ánh sáng phải bừng chiếu vào và quyền năng làm việc theo một cách mới phải dần xuất hiện.

5. The vision of possibilities is a beautiful one and one that is unprecedented in the history of humanity.

5. Tầm nhìn về những khả năng ấy thật đẹp đẽ và chưa từng có trong lịch sử nhân loại.

6. The cultivated groups are to become "focal points or light bearers and channels of the planned distribution of force". The scale of this distribution is significant. We may hope that Master DK has not abandoned such plans, and that, given whatever adjustment may be necessitated, He will be in a position to try again to bring this hierarchical conception (shared with Him by Master KH and probably Master M) to fruition.

6. Các nhóm được đào luyện phải trở thành "những tiêu điểm hay những người mang ánh sáng và những kênh phân phối mãnh lực theo kế hoạch". Quy mô của sự phân phối này có ý nghĩa lớn. Chúng ta có thể hy vọng rằng Chân sư DK chưa từ bỏ những kế hoạch ấy, và sau bất kỳ sự điều chỉnh cần thiết nào, Ngài sẽ có thể thử một lần nữa để đưa ý tưởng này của Thánh đoàn đến chỗ thành tựu—một ý tưởng mà Chân sư KH và có lẽ cả Chân sư M cùng chia sẻ với Ngài.

7. We can see that we are dealing with occultism, and are speaking in the 'Language of Energy and Force'. During the seventh ray, Aquarian Age, new patterns of energy are to be created for the sake of planetary redemption. We can be a part of these plans if we study carefully, adjust our values and follow what is required with obedience. One can get the sense of an externalized Master DK guiding such a process more closely in centuries ahead.

7. Chúng ta có thể thấy rằng mình đang bàn đến huyền bí học và đang nói bằng 'Ngôn Ngữ của Năng Lượng và Mãnh Lực'. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình thuộc cung bảy, những mô hình năng lượng mới phải được tạo ra vì sự cứu chuộc hành tinh. Chúng ta có thể góp phần vào những kế hoạch này nếu nghiên cứu cẩn thận, điều chỉnh các giá trị của mình và tuân theo những điều được yêu cầu. Người ta có thể cảm nhận hình ảnh Chân sư DK đã ngoại hiện đang hướng dẫn tiến trình ấy một cách sát sao hơn trong những thế kỷ sắp tới.

8. For now, our task is one of understanding and appreciation. There is something distinctly hierarchical about the Seed Group Plan. There was nothing casual in its formulation. Something of this type, representing the various Ashrams, their rays and their tasks, must again emerge. If, as we study and meditate today, we can think of the long-term possibilities, we shall study harder and meditate with greater depth and penetration.

8. Hiện nay, nhiệm vụ của chúng ta là thấu hiểu và nhận thức giá trị. Thiên Cơ về Nhóm Hạt Giống có điều gì đó mang dấu ấn rõ rệt của Thánh đoàn. Việc hình thành Thiên Cơ ấy hoàn toàn không hời hợt. Một điều thuộc loại này, đại diện cho các ashram khác nhau, các cung và nhiệm vụ của Các Ngài, phải lại xuất hiện. Nếu hôm nay, khi nghiên cứu và tham thiền, chúng ta có thể nghĩ đến những khả năng lâu dài, chúng ta sẽ nghiên cứu chuyên cần hơn và tham thiền sâu sắc, thấu suốt hơn.

To the next commentary

Sang phần bình giảng tiếp theo

7. PART VI – 7. PHẦN VI

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

Friends,

Perhaps, through a close study of what the Master has said, we can gain a sense of participating with Him in His most important experiment (though from a world-perspective, we can be sure that He had to find other matters of far greater importance).

We are in a process of Self-training, and we are trying to benefit from all the Master has said, even if He has not said it to us, personally. The modern way for the modern disciple to receive hints is to discover them in the voluminous text he/she studies. Sometimes a word or a phrase will "jump off the page" and seem of unusual significance. Another reader might not experience the same. When this happens, perhaps you have received a hint which must be pondered and developed into a revelation. The text we are studying is so rich, that many hints are likely to occur.

I do not intend to continue giving you only reiterated advice upon the treading of the Path of Discipleship. You are adult men and women and know the Way. The practical application of the ancient Rules is your personal responsibility. What you do is your own affair. You have reached maturity and should be ready for the next step. That step

Các bạn thân mến,

Có lẽ qua việc nghiên cứu kỹ những gì Chân sư đã nói, chúng ta có thể cảm nhận rằng mình đang cùng Ngài tham gia cuộc thử nghiệm quan trọng nhất của Ngài (dù xét từ góc độ thế giới, chúng ta có thể chắc chắn rằng Ngài đã phải thấy có những vấn đề khác quan trọng hơn nhiều).

Chúng ta đang trong một tiến trình tự rèn luyện và đang cố gắng học hỏi từ tất cả những gì Chân sư đã nói, ngay cả khi Ngài không nói riêng với chúng ta. Cách thức hiện đại để người đệ tử hiện đại tiếp nhận những gợi ý là khám phá chúng trong khối văn bản đồ sộ mà người ấy nghiên cứu. Đôi khi một từ hay một cụm từ sẽ "bật ra khỏi trang sách" và dường như mang thâm nghĩa khác thường. Một độc giả khác có thể không trải nghiệm điều tương tự. Khi điều này xảy ra, có lẽ các bạn đã nhận được một gợi ý cần được suy ngẫm và phát triển thành một sự mặc khải. Văn bản chúng ta đang nghiên cứu phong phú đến mức nhiều gợi ý có thể xuất hiện.

Tôi không có ý định tiếp tục chỉ đưa ra cho các bạn những lời khuyên lặp đi lặp lại về việc bước đi trên Con Đường Đệ Tử. Các bạn là những người nam và nữ trưởng thành và biết Đường Đạo. Việc áp dụng các quy luật cổ xưa vào thực tiễn là trách nhiệm cá nhân của các bạn. Các bạn làm gì là việc riêng của các bạn. Các bạn đã trưởng thành và hẳn phải

will be taken when you have transmuted knowledge and theory into wisdom, practice and expression.

sẵn sàng cho bước tiếp theo. Các bạn sẽ thực hiện bước ấy khi đã chuyển hoá tri thức và lý thuyết thành minh triết, thực hành và biểu hiện.

1. The Master places responsibility squarely on the shoulders of His disciples. One can feel a detached attitude in His statements, which does not mean that He is not interested or deeply concerned.

1. Chân sư đặt trách nhiệm thẳng lên vai các đệ tử của Ngài. Người ta có thể cảm nhận một thái độ tách rời trong những lời phát biểu của Ngài, nhưng điều đó không có nghĩa là Ngài không quan tâm hay không quan tâm sâu sắc.

2. The new type of discipleship is for mature, adult men and women; it is not for dependent, spiritual aspirants who tend to rely excessively on the guru, even in matters which could and should be handled by themselves.

2. Loại hình địa vị đệ tử mới dành cho những người nam và nữ chín chắn, trưởng thành; nó không dành cho những người chí nguyện tinh thần có tính lệ thuộc, có khuynh hướng dựa dẫm quá mức vào đạo sư, ngay cả trong những việc mà chính họ có thể và nên tự xử lý.

3. As an incentive, Master DK reminds His chelas that He is sharing with them “ancient Rules”. This suggests that the Rules will lead to success if followed.

3. Để khích lệ, Chân sư DK nhắc các đệ tử của Ngài rằng Ngài đang chia sẻ với họ “các quy luật cổ xưa”. Điều này gợi ý rằng các quy luật sẽ dẫn đến thành công nếu được tuân theo.

4. Knowledge and theory must be transmuted into wisdom, practice and expression if there is to be any real practice. We all know for ourselves whether a gap exists between theory and practice. There is an almost painful dissonance when this is the case. The lunar vehicles (all of them) must express what the mind accepts as theoretically true. Only thus, does real soul-infusion proceed.

4. Tri thức và lý thuyết phải được chuyển hoá thành minh triết, thực hành và biểu hiện thì mới có sự thực hành thực sự. Mỗi chúng ta đều tự biết liệu có khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành hay không. Khi có khoảng cách ấy, sự bất hòa gần như gây đau đớn. Các hiện thể thái âm (tất cả các hiện thể ấy) phải biểu hiện điều mà thể trí chấp nhận là đúng về mặt lý thuyết. Chỉ như thế, sự thấm nhuần thực sự của linh hồn mới diễn ra.

5. One may be learned, indeed, and yet soul-infusion fails to be an accomplished fact. This would not be a long-tolerable condition for a sincere disciple.

5. Quả thực, người ta có thể uyên bác mà sự thấm nhuần của linh hồn vẫn chưa trở thành một sự kiện đã thành tựu. Một đệ tử chân thành không thể chịu đựng tình trạng này lâu dài.

It is only in a spirit of real detachment that the best work of a disciple is done. The disciple comes to realise that because of this detachment he is (for the remainder of his life) simply a worker — one of a great army of hierarchical workers — with supposedly no personality inclinations, objectives, or wishes. There is for him nothing but constant work and constant association with other people. He may be a naturally isolated person, with a deep craving for solitude but that matters not. It is the penalty he must pay for the opportunity to meet the need of the hour. The hardest organised push of the Hierarchy is now taking place and its objective is to offset the tendency of the race to crystallise into separativeness, for separation is the line of least resistance to people and nations at this time. Hence the formation of these working groups of disciples, giving an expression of group work and group cohesion and of non-separativeness.

Chỉ trong tinh thần tách rời thực sự, người đệ tử mới thực hiện được công việc tốt nhất. Người đệ tử dần nhận ra rằng nhờ sự tách rời này, trong suốt phần đời còn lại, y chỉ đơn giản là một người hoạt động—một người trong đạo quân đông đảo những người hoạt động của Thánh đoàn—được cho là không có những khuynh hướng, mục tiêu hay mong muốn của phàm ngã. Đối với y, không có gì ngoài công việc liên tục và sự giao tiếp liên tục với người khác. Y có thể vốn là người sống biệt lập, có một niềm khao khát sâu sắc đối với sự tĩnh cư, nhưng điều đó không quan trọng. Đó là cái giá y phải trả cho cơ hội đáp ứng nhu cầu của thời điểm. Hiện nay, Thánh đoàn đang thực hiện nỗ lực thúc đẩy có tổ chức mạnh mẽ nhất, nhằm hóa giải khuynh hướng của nhân loại kết tinh thành tính chia rẽ, vì lúc này sự chia rẽ là con đường ít trở ngại nhất đối với con người và các quốc gia. Do đó, những nhóm đệ tử hoạt động này được thành lập để biểu hiện công việc nhóm, sự cố kết nhóm và tính không chia rẽ.

1. DK states an important principle. “Only in a spirit of real detachment” is “the best work of a disciple” done. Why should this be so?

1. Chân sư DK nêu một nguyên khí quan trọng. “Chỉ trong tinh thần tách rời thực sự” thì “công việc tốt nhất của một đệ tử” mới được thực hiện. Tại sao lại như vậy?

2. The “best work” is the work most clearly reflective and expressive of the soul; such reflection and expression will be blocked, side-tracked or distorted by an instrument conditioned by personality attachments. The disciple will fail to be objective and the nature of the soul will not be successfully transmitted to the instrument.

2. Cái gọi là “công việc tốt nhất” là công việc phản chiếu và biểu hiện linh hồn rõ ràng nhất; một công cụ chịu ảnh hưởng của những sự ràng buộc phàm ngã sẽ ngăn chặn, làm chệch hướng hoặc làm méo mó sự phản chiếu và biểu hiện ấy. Người đệ tử sẽ không giữ được tính khách quan và không thể truyền đạt thành công bản chất của linh hồn đến công cụ ấy.

3. Perhaps it would be wise for us to become aware (if possible) of the personality attachments which (in our own personal

3. Có lẽ điều khôn ngoan là chúng ta nhận biết (nếu có thể) những sự ràng buộc phàm ngã vốn làm sai lệch sự thể hiện trung thực

case) skew a faithful representation of soul impulses within the personality.

4. DK offers a deglamorizing perspective; we are to become simply "workers". It is the perspective of one who works under the influence of Virgo (in relation to which the source served is other than oneself) and Saturn, the "task-master".

5. We are to have no "personality inclinations, objectives, or wishes". This is an exacting requirement, and each may examine himself/herself for deviation. Perhaps such deviations can be found if we compare our vision of the Divine Plan with 'what *else*' we would like to be thinking, feeling and doing.

6. Work is "constant" as is association with other people; otherwise, how could the Ageless Wisdom be spread to those it must reach?

7. There are sacrifices to be made. Our particular, long-cultivated tendencies "matter not", even if there is nothing inherently wrong with them; even if, in less stressful times, such tendencies would be considered productive.

8. The "need of the hour" is paramount, and all must be measured against it. Perhaps this is the real difference between working from one's own causal body as the source of one's inspiration, and (more maturely) working under the spiritual will of the Spiritual Triad.

9. Note that Master DK uses the word,

các xung lực linh hồn trong phàm ngã (ở trường hợp riêng của chính mình).

4. Chân sư DK đưa ra một góc nhìn giúp làm tiêu tan ảo cảm; chúng ta phải trở thành những "người hoạt động". Đó là góc nhìn của người làm việc dưới ảnh hưởng của Xử Nữ (trong mối liên hệ này, nguồn được phụng sự không phải là bản thân mình) và Sao Thổ, "người đốc công".

5. Chúng ta phải không có "những khuynh hướng, mục tiêu hay mong muốn của phàm ngã". Đây là một yêu cầu nghiêm ngặt, và mỗi người có thể tự xem xét những sai lệch của mình. Có lẽ chúng ta có thể tìm ra những sai lệch ấy nếu so sánh tầm nhìn của mình về Thiên Cơ với 'những điều *khác*' mà chúng ta muốn nghĩ, cảm nhận và làm.

6. Công việc là "liên tục", cũng như sự giao tiếp với người khác; nếu không, làm sao Minh Triết Ngàn Đời có thể được truyền bá đến những người cần tiếp nhận?

7. Có những hi sinh cần phải thực hiện. Những khuynh hướng riêng mà chúng ta đã vun bồi lâu dài "không quan trọng", ngay cả khi chúng vốn không có gì sai; ngay cả khi trong những thời kỳ ít căng thẳng hơn, những khuynh hướng ấy có thể được xem là hữu ích.

8. Điều gọi là "nhu cầu của thời điểm" có tầm quan trọng tối cao, và mọi điều đều phải được cân nhắc theo nhu cầu ấy. Có lẽ đây là sự khác biệt thực sự giữa việc làm việc từ chính thể nguyên nhân của mình như nguồn cảm hứng của mình, và việc làm việc (một cách trưởng thành hơn) dưới ý chí tinh thần của Tam Nguyên Tinh Thần.

9. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK dùng từ "cái

"penalty". We usually think that penalties arise due to infringements of the law. They also arise (so it appears) when special ventures with their special demands are undertaken. In this case, something quite "natural" is not allowed expression so that something more important may manifest.

giá phải trả". Chúng ta thường nghĩ rằng những hình phạt phát sinh do vi phạm định luật. Dường như những cái giá phải trả cũng phát sinh khi tiến hành những công cuộc đặc biệt với những đòi hỏi đặc biệt. Trong trường hợp này, một điều khá "tự nhiên" không được phép biểu hiện để một điều quan trọng hơn có thể biểu hiện.

10. Master DK speaks of the "hardest organised push of the Hierarchy". These instructions were written after the mid 1930's when Hierarchy hoped to offset the precipitation of what became World War II. When Hierarchy was working so hard, with such determination, one would think that the disciples of the time would do likewise, within the natural limitation of their capacities.

10. Chân sư DK nói đến "nỗ lực thúc đẩy có tổ chức mạnh mẽ nhất của Thánh đoàn". Những huấn thị này được viết sau giữa thập niên 1930, khi Thánh đoàn hy vọng hóa giải sự ngưng tụ của những gì về sau trở thành Thế Chiến thứ hai. Khi Thánh đoàn làm việc nỗ lực đến thế, quyết tâm đến thế, người ta hẳn nghĩ rằng các đệ tử thời ấy cũng sẽ làm như vậy, trong giới hạn tự nhiên của năng lực mình.

11. Today (2004) there is a period of significant preparation leading to the Shamballic/Hierarchical Conclave of 2025. It is, very reasonably, the most intensive phase of the approximately eighty-year Period of the Forerunner. The dangers to humanity are increasingly evident and Hierarchy's concern must be great. The disciples and initiates of the world are again under great pressure and will respond to the fullest extent possible if they are wise.

11. Ngày nay (2004), đang có một giai đoạn chuẩn bị quan trọng dẫn đến Mật Nghị Shamballa/Thánh đoàn năm 2025. Hoàn toàn có cơ sở để xem đây là giai đoạn tập trung mãnh liệt nhất trong Thời Kỳ của Đấng Tiền Phong kéo dài khoảng tám mươi năm. Những hiểm nguy đối với nhân loại ngày càng rõ rệt, và mối quan tâm của Thánh đoàn hẳn phải rất lớn. Các đệ tử và điểm đạo đồ trên thế giới lại chịu áp lực lớn và sẽ đáp ứng đến mức tối đa có thể nếu họ khôn ngoan.

12. Separation is still the line of least resistance for the peoples and nations of the world, though a growing internationalism is present to help offset the tendency. Organized selfishness, however, is now replacing individual selfishness and it is a considerable political, economic and religious danger.

12. Sự chia rẽ vẫn là con đường ít trở ngại nhất đối với các dân tộc và quốc gia trên thế giới, dù tinh thần quốc tế ngày càng phát triển đang góp phần hóa giải khuynh hướng này. Tuy nhiên, hiện nay tính ích kỷ có tổ chức đang thay thế tính ích kỷ cá nhân, và đó là một mối nguy đáng kể về chính trị, kinh tế và tôn giáo.

13. In our groups and in the relations

13. Trong các nhóm của mình và trong

between group and group, we (disciples of the world) should at least manage to offset the selfishness and separatism which has too often characterized our own interplay. This is the very least that should be done, otherwise, how can we stand before the world as any kind of example of a new civilization in embryo.

những mối quan hệ giữa nhóm này với nhóm khác, ít nhất chúng ta (các đệ tử trên thế giới) phải tìm cách hóa giải tính ích kỷ và khuynh hướng chia rẽ vốn quá thường xuyên đặc trưng cho sự tương tác của chính chúng ta. Đây là điều tối thiểu cần làm; nếu không, làm sao chúng ta có thể đứng trước thế giới như một tấm gương nào đó về một nền văn minh mới đang phôi thai.

14. Loving, non-separative behavior among the disciples of the worlds (especially in those groups most closely linked to the Master DK and other Masters) is an urgent necessity.

14. Cách ứng xử đầy tình thương và không chia rẽ giữa các đệ tử trên thế giới (đặc biệt trong những nhóm gắn bó mật thiết nhất với Chân sư DK và các Chân sư khác) là một nhu cầu cấp thiết.

A few — relatively a very few — of the disciples and intuitives of the world today are standing together in a twofold activity: one activity is to sense and touch with greater accuracy the steadily unfolding subjective plan; the other is to speak and teach with greater clarity and to choose with wiser exactitude the right words (written and spoken) by which to express the truth. The presentation of the sensed realities will then lead the thinking people of the world to arrest their present trend of thought and to cooperate more fully and freely in the enlightenment of the world. I use the word "enlightenment" in its occult sense. The full measure of what can be done depends (as far as the individual disciple is concerned) upon his inner power to live [56] each day as a soul — free from fear, free from self-consciousness and free from those reactions which stir the astral or emotional body into organised activity, based on ancient habits. For the disciple and for the success of his work, an astral body of stillness and of acquiescence, sensitive to impressions from the soul and from the Master, and reflecting the vision with as much purity of outline as

Ngày nay, một số ít—tương đối mà nói là rất ít—các đệ tử và những người có trực giác trên thế giới đang cùng nhau đứng vững trong một hoạt động nhị phân: một hoạt động là cảm nhận và tiếp xúc chính xác hơn với Thiên Cơ chủ quan đang đều đặn khai mở; hoạt động kia là nói và giảng dạy rõ ràng hơn, đồng thời lựa chọn một cách minh triết và chính xác hơn những từ ngữ đúng đắn (viết và nói) để biểu đạt chân lý. Khi ấy, việc trình bày những thực tại đã cảm nhận sẽ khiến những người biết suy nghĩ trên thế giới dừng lại dòng tư tưởng hiện thời của mình và hợp tác đầy đủ hơn, tự do hơn trong công cuộc giác ngộ thế gian. Tôi dùng từ "giác ngộ" theo nghĩa huyền bí. Toàn bộ mức độ những gì có thể thực hiện tùy thuộc (xét về phía cá nhân người đệ tử) vào quyền năng bên trong của y để sống [56] mỗi ngày như một linh hồn—thoát khỏi sợ hãi, thoát khỏi ngã thức và thoát khỏi những phản ứng khuấy động thể cảm dục hay thể cảm xúc vào hoạt động có tổ chức dựa trên những thói quen lâu đời. Đối với người đệ tử và sự thành công trong công việc của y, mục tiêu là một thể cảm dục tĩnh lặng và thuận nhận, nhạy cảm với những ấn tượng từ linh hồn và

may be possible, is the goal. It should be remembered that when the disciple is fully occupied in living the life of service on all three planes, there is little that can be said or should be said to him. But a thought may be of aid.

Chân sư, đồng thời phản chiếu tầm nhìn với đường nét thuần khiết nhất có thể. Cần nhớ rằng khi người đệ tử hoàn toàn chuyên tâm sống đời phụng sự trên cả ba cõi, thì có rất ít điều có thể nói hoặc nên nói với y. Nhưng một tư tưởng có thể hữu ích.

1. DK speaks of a desirable stance which should characterize the disciples and intuitives of the world. If they adopt this stance, they will, inevitably, stand "together" — cooperatively and non-separatively.

1. Chân sư DK nói về một lập trường đáng mong muốn mà các đệ tử và những người có trực giác trên thế giới nên có. Nếu tiếp nhận lập trường này, tất yếu họ sẽ đứng "cùng nhau"—trong tinh thần hợp tác và không chia rẽ.

2. Note the importance Master DK places upon accuracy, clarity and exactitude. There is so much possibility for distortion and vagueness — both in the reception of the higher ideas and thoughts and in their presentation to the public. How can the light shine if there is so much unclarity?

2. Hãy lưu ý tầm quan trọng mà Chân sư DK dành cho sự chính xác, rõ ràng và chuẩn xác. Có quá nhiều khả năng xảy ra sự méo mó và mơ hồ—cả trong việc tiếp nhận những ý tưởng và tư tưởng cao siêu lẫn trong việc trình bày chúng với công chúng. Làm sao ánh sáng có thể tỏa chiếu khi có quá nhiều điều thiếu rõ ràng?

3. We are often teaching and speaking of the Teaching, correct? It behooves us to attend to DK's suggestions, and thus see to the *quality* of our reception and impartation. We note that the "right words" are very important, for the world is largely ignorant of an undistorted perspective upon the Ageless Wisdom; the establishing of this perspective will create a saner, wiser public opinion — that great force for change.

3. Chúng ta thường giảng dạy và nói về Giáo Huấn, đúng không? Chúng ta cần chú ý đến những gợi ý của Chân sư DK, và qua đó chăm lo đến *phẩm tính* của sự tiếp nhận và truyền đạt của mình. Chúng ta lưu ý rằng "những từ ngữ đúng đắn" rất quan trọng, vì phần lớn thế giới chưa biết đến một cách nhìn không méo mó về Minh Triết Ngàn Đời; việc xác lập cách nhìn này sẽ tạo nên một dư luận lành mạnh hơn, minh triết hơn—mãnh lực to lớn ấy của sự thay đổi.

4. It is the *thoughts* of human beings that must be changed; correct action will follow. Changing the clarity and quality of human thought is part of a great battle taking place upon the mental plane. In this battle we are all, perforce, engaged — some more consciously and skillfully than others.

4. Chính *tư tưởng* của con người phải thay đổi; hành động đúng đắn sẽ theo sau. Việc thay đổi độ rõ ràng và phẩm tính của tư tưởng con người là một phần của trận chiến lớn đang diễn ra trên cõi trí. Tất cả chúng ta tất yếu đều tham gia trận chiến này—một số người tham gia có ý thức và khéo léo hơn những người khác.

5. Our objective is the "enlightenment of the world" — the *occult* enlightenment. This means the bringing forth of the now-hidden nature of reality and the infusion of the human mind by the now-largely-hidden Soul of Humanity.

5. Mục tiêu của chúng ta là "sự giác ngộ thế gian"—sự giác ngộ theo nghĩa *huyền bí* ấy. Điều này có nghĩa là đưa bản chất hiện đang ẩn giấu của thực tại ra ánh sáng và để Linh Hồn Nhân Loại, hiện phần lớn vẫn ẩn giấu, thấm nhuần thể trí nhân loại.

6. The Forces of Enlightenment are very powerful at the time of Wesak, and are, in many ways, correlated to the second Ray of Love Wisdom, which ever seeks to see the "Greatest Light". We are "light bearers" and that is an onerous responsibility. We, obviously, do not seek to add to the confusion already existing. Thus the manner of our presentation is very important.

6. Các Mãnh Lực Giác Ngộ rất mạnh mẽ vào thời điểm Wesak và, theo nhiều phương diện, có tương quan với cung hai Bác Ái – Minh Triết, vốn luôn tìm cách thấy "Ánh Sáng Vĩ Đại Nhất". Chúng ta là "những người mang ánh sáng", và đó là một trách nhiệm nặng nề. Hiển nhiên, chúng ta không tìm cách làm tăng thêm sự rối loạn vốn đã tồn tại. Vì vậy, cách trình bày của chúng ta rất quan trọng.

7. DK tells us how we can best carry forth this responsibility to *enlighten.* Each day we are to live as souls, free from fear, without undue self-consciousness (in the lower sense), and without astral reaction (so often based upon ancient habit). The requirements seem straightforward and, perhaps, not too difficult, but, though simple, are highly demanding for most of us.

7. Chân sư DK cho chúng ta biết cách tốt nhất để thực hiện trách nhiệm *giác ngộ.* Mỗi ngày, chúng ta phải sống như những linh hồn, thoát khỏi sợ hãi, không quá bận tâm đến bản thân (ngã thức theo nghĩa thấp), và không có phản ứng cảm dục (vốn rất thường dựa trên thói quen lâu đời). Những yêu cầu này có vẻ rõ ràng và có lẽ không quá khó, nhưng dù đơn giản, chúng vẫn đòi hỏi rất cao đối với phần lớn chúng ta.

8. DK addresses the ideal condition of the disciple's astral body — stillness, acquiescence, sensitivity, purity, and soul-reflective. The astral body, too, receives impression from the soul and Master (not alone the mind). As well, the astral body may receive impression from the harmonious, unitive buddhic plane.

8. Chân sư DK đề cập đến trạng thái lý tưởng của thể cảm dục của người đệ tử—tĩnh lặng, thuận nhận, nhạy cảm, thuần khiết và phản chiếu linh hồn. Thể cảm dục cũng tiếp nhận ấn tượng từ linh hồn và Chân sư (không chỉ riêng thể trí). Ngoài ra, thể cảm dục có thể tiếp nhận ấn tượng từ cõi Bồ đề hài hòa và hợp nhất.

9. When a disciple is well into the process of transferring solar-plexus energy to the heart, the condition of his/her astral body will be approaching the ideal.

9. Khi một đệ tử đã tiến xa trong tiến trình chuyển dịch năng lượng tùng thái dương lên tim, trạng thái thể cảm dục của người đệ tử ấy sẽ tiến gần đến lý tưởng.

10. As the personality, the astral body and the solar plexus are all related, we can see that Master DK is emphasizing, in yet another way, the need for an impersonal life if the disciple is to be truly effective as a server.

10. Vì phàm ngã, thể cảm dục và tùng thái dương đều có liên hệ với nhau, chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang nhấn mạnh, theo một cách khác nữa, sự cần thiết của một đời sống phi ngã nếu người đệ tử muốn thực sự phụng sự hiệu quả.

11. It is interesting to consider that when a disciple is actively and rightly serving on all three planes of the lower worlds, he/she is largely Self-directed. Little outside advice may be offered. The "Inner Monitor" is at work. Still the Master is in a position to offer some useful counsel.

11. Thật thú vị khi suy xét rằng lúc một đệ tử tích cực phụng sự đúng đắn trên cả ba cõi của các thế giới thấp, người ấy phần lớn chịu sự hướng dẫn của Chân Ngã. Có thể chỉ có rất ít lời khuyên từ bên ngoài. Vị "Giám Sát Bên Trong" đang hoạt động. Tuy vậy, Chân sư vẫn có thể đưa ra một vài lời khuyên hữu ích.

Let him seek, in the strenuousness of his life, to preserve the synthesis of the personality and the integration of all parts of his equipment. Often in the stress of activity in one body or another and on one plane or another, the emphasis may be temporarily so strong in some one direction that he may lose sight for a moment of the synthetic point of view of both the Plan and the group. Physically, he is working under great pressure; emotionally, he may be learning the difficult lesson of detachment and may consequently be full of a temporary rebellion. Yet on the mental plane, he is aware of a mental clarity and of a power to think which keeps him incessantly and constructively active. The following three terms, therefore, express quite frequently the disciple's situation where his lower nature is concerned: excessive fatigue, emotional rebellion and mental lucidity. How must he deal with this problem? Physical fatigue need not necessarily impair in any way his usefulness. With many people, physical conditions impair their work for their attention becomes focussed on the undesirable physical situation; disciples, however, often have a curious

Giữa những nỗ lực căng thẳng của cuộc sống, người đệ tử hãy tìm cách giữ gìn sự tổng hợp của phàm ngã và sự tích hợp mọi thành phần trong hệ thống trang bị của mình. Thường trong sự căng thẳng khi hoạt động trong thể này hay thể khác và trên cõi này hay cõi khác, sự nhấn mạnh theo một hướng nào đó có thể tạm thời mạnh đến mức y nhất thời quên mất quan điểm tổng hợp về cả Thiên Cơ lẫn nhóm. Về thể chất, y đang làm việc dưới áp lực lớn; về cảm xúc, y có thể đang học bài học khó khăn về sự tách rời, và do đó có thể tràn đầy sự phản kháng nhất thời. Tuy nhiên, trên cõi trí, y nhận biết sự sáng suốt trí tuệ và một quyền năng tư duy khiến y không ngừng hoạt động một cách xây dựng. Vì vậy, ba thuật ngữ sau đây khá thường xuyên diễn tả tình trạng của người đệ tử xét về bản chất thấp của y: mệt mỏi quá mức, phản kháng cảm xúc và sáng suốt trí tuệ. Y phải xử lý vấn đề này như thế nào? Sự mệt mỏi thể chất không nhất thiết phải làm suy giảm tính hữu ích của y theo bất kỳ cách nào. Với nhiều người, tình trạng thể chất làm suy giảm công việc của họ vì sự chú ý của họ tập trung vào tình trạng thể chất không mong muốn; tuy nhiên, các đệ tử thường có một khả năng kỳ lạ là tiếp tục

capacity to continue with their work no matter what may be happening to them physically. The physical brain can be so much the reflector of the mental life that he will remain essentially unaffected by any outer conditions. The disciple learns to live with his physical liabilities under adverse conditions and his work maintains its usual high level.

công việc bất kể điều gì đang xảy đến với thân thể mình. Bộ não hồng trần có thể phản chiếu đời sống trí tuệ đến mức về cơ bản y vẫn không chịu ảnh hưởng của bất kỳ điều kiện bên ngoài nào. Người đệ tử học cách sống với những hạn chế thể chất của mình trong các điều kiện bất lợi, và công việc của y vẫn duy trì mức độ cao như thường lệ.

1. This is a piece of practical advice. Under strain, personality synthesis and integration are often challenged. Weaknesses appear and balance is sometimes forgotten.

1. Đây là một lời khuyên thực tiễn. Dưới sự căng thẳng, sự tổng hợp và tích hợp của phàm ngã thường gặp thử thách. Những điểm yếu xuất hiện và đôi khi người ta quên mất sự quân bình.

2. Probably the disciple must practice moments of 'self-distancing' or dis-identification so that the synthetic point of view may be preserved.

2. Có lẽ người đệ tử phải thực hành những khoảnh khắc 'tạo khoảng cách với bản thân' hay ngừng đồng hoá, để có thể giữ gìn quan điểm tổng hợp.

3. DK speaks as an experienced realist. He knows, directly, the physical and emotional strains of discipleship. The suggestion of a likely personality rebellion is very interesting since our Planetary Logos is characterized by the psychology of a "Divine Rebel". Upon this planet there is presently occurring a great detachment from the desire body. This macrocosmic process works out in the little life of microcosmic man.

3. Chân sư DK nói như một người thực tế giàu kinh nghiệm. Ngài trực tiếp biết những căng thẳng thể chất và cảm xúc của địa vị đệ tử. Gợi ý về khả năng phàm ngã phản kháng rất thú vị, vì Hành Tinh Thượng đế của chúng ta có đặc trưng tâm lý của một "Đấng Phản Kháng Thiêng Liêng". Hiện nay, trên hành tinh này đang diễn ra một sự tách rời lớn lao khỏi thể dục vọng. Tiến trình đại thiên địa này diễn ra trong đời sống nhỏ bé của con người tiểu thiên địa.

4. We can see why mental polarization is so desirable; the lucid, thoughtful, illumined mind is the instrument by which the tired body and rebellious emotional nature may be kept in line, and their disruptive influences somewhat offset.

4. Chúng ta có thể thấy tại sao sự phân cực trí tuệ lại đáng mong muốn đến vậy; thể trí sáng suốt, biết suy nghĩ và được soi sáng là công cụ có thể giữ cho thân thể mệt mỏi và bản chất cảm xúc phản kháng đi đúng hướng, đồng thời phần nào hóa giải những ảnh hưởng gây rối của chúng.

5. DK gives three terms to sum up the condition in which the disciple frequently is

5. Chân sư DK đưa ra ba thuật ngữ để tóm tắt tình trạng mà người đệ tử thường trải qua:

found: "physical fatigue, emotional rebellion, mental lucidity". Who is to say that He is inaccurate?

6. In these three terms we are dealing with the Mercury/Venus mind, the Mars/Neptune astral body and the Saturnian/Lunar brain and body.

7. Sound advice is given for the counteracting of physical fatigue and other physical conditions. The mental-etheric link is to be developed and exploited. This interplay can become so strong as to negate outer conditions which inhibit the normal individual. That a disciple is "in the world" but "not of it" comes into play. The inner life becomes *positive* to the outer, and mind, indeed, does triumph over matter.

8. Note that Master DK speaks of this "curious capacity" which characterizes the disciple — the ability to work no matter what may be happening to him/her outwardly. We can realize that this capacity has something to do with the ability to "work from a point of tension" — an *intensifying* one.

9. The physical plane liabilities, apparently so important and so distracting to the average individual, are relatively discounted by the disciple who is actively engaged in his/her work. He/she knows the negligible value and place of the physical plane relative to the other (more real) inner worlds, and puts first things first. Each of us, no doubt, has been or will be tested in this regard. One works with that with which on has been presented, as long as the 'presentation' lasts.

"mệt mỏi thể chất, phản kháng cảm xúc, sáng suốt trí tuệ". Ai có thể nói rằng Ngài không chính xác?

6. Trong ba thuật ngữ này, chúng ta đang bàn đến thể trí thuộc Sao Thủy/Sao Kim, thể cảm dục thuộc Sao Hỏa/Sao Hải Vương, cùng bộ não và thân thể thuộc Sao Thổ/Mặt Trăng.

7. Một lời khuyên xác đáng được đưa ra để khắc phục sự mệt mỏi thể chất và những tình trạng thể chất khác. Mối liên kết giữa thể trí và thể dĩ thái cần được phát triển và khai thác. Sự tương tác này có thể trở nên mạnh đến mức vô hiệu hóa những điều kiện bên ngoài vốn cản trở người bình thường. Ở đây, sự thật rằng người đệ tử "ở trong thế gian" nhưng "không thuộc về thế gian" bắt đầu phát huy tác dụng. Đời sống bên trong trở nên *chủ động chi phối* đời sống bên ngoài, và quả thực trí tuệ chiến thắng vật chất.

8. Lưu ý rằng Chân sư DK nói đến "năng lực kỳ lạ" đặc trưng của người đệ tử này — khả năng làm việc bất kể điều gì có thể đang xảy đến với họ ở bên ngoài. Chúng ta có thể nhận ra rằng năng lực này có liên quan đến khả năng "làm việc từ một điểm tập trung nhất tâm" — một điểm *gia tăng cường độ* liên tục.

9. Những trở ngại trên cõi hồng trần, dường như rất quan trọng và dễ gây xao lãng đối với người bình thường, lại tương đối ít được người đệ tử đang tích cực dấn thân vào công việc của mình coi trọng. Người đệ tử biết rằng giá trị và vị trí của cõi hồng trần là không đáng kể so với các thế giới bên trong khác (chân thực hơn), nên đặt những điều quan trọng lên trước. Chắc chắn mỗi người chúng ta đều đã hoặc sẽ chịu thử thách về phương diện này. Chúng ta làm việc với

những gì được đặt trước mình, chừng nào ‘hoàn cảnh được đặt ra ấy’ còn tiếp diễn.

The emotional problem may be the hardest. But only the disciple can handle his own self-pity and free himself from the inner emotional storm in which he finds himself living. He [57] must recognise that his integration is weak, for he is working in two phases or sections:

Vấn đề cảm xúc có lẽ là khó khăn nhất. Nhưng chỉ người đệ tử mới có thể xử lý lòng thương thân của mình và tự giải thoát khỏi cơn bão cảm xúc bên trong mà y thấy mình đang sống giữa đó. Y [57] phải nhận ra rằng sự tích hợp của mình còn yếu, vì y đang hoạt động trong hai giai đoạn hay hai phần:

1. We realize that the emotional body is *unified* whereas the physical and mental bodies are not.

1. Chúng ta nhận ra rằng thể cảm xúc đã <i>thống nhất trong khi thể xác và thể trí thì chưa.

2. This unification makes of it a formidable opponent — or, later, ally.

2. Sự thống nhất này khiến nó trở thành một đối thủ đáng gờm — hoặc, về sau, một đồng minh.

3. DK throws the disciple back upon himself, referencing the “emotional storm” in which many disciples habitually live. Is this true of us? If so, why? Or has the storm somewhat abated? If so, again, why?

3. Chân sư DK buộc người đệ tử phải quay về tự giải quyết vấn đề của mình khi đề cập đến “cơn bão cảm xúc” mà nhiều đệ tử thường xuyên sống trong đó. Điều này có đúng với chúng ta không? Nếu đúng, thì vì sao? Hay cơn bão đã phần nào lắng dịu? Nếu vậy, một lần nữa, vì sao?

Physical . . . . . emotional.

and

Mental . . . . . soul.

Hồng trần . . . . . cảm xúc.

và

Trí tuệ . . . . . linh hồn.

He is sometimes one and sometimes the other and usually very thoroughly in either case. This duality must be brought into a closer relation and this is the point to which he must attend as he seeks to establish and preserve the needed synthesis and personality-soul integration. When will disciples learn that the attitude which involves a certain “don’t care” reaction and a form of indifference is one of the quickest

Y lúc thì ở phía này, lúc thì ở phía kia, và thường hoàn toàn ở trong mỗi phía. Hai mặt của tính nhị nguyên này phải đi vào một mối quan hệ mật thiết hơn, và đây là điểm y phải chú tâm khi tìm cách thiết lập và duy trì sự tổng hợp cùng sự tích hợp phàm ngã–linh hồn cần thiết. Khi nào các đệ tử mới học được rằng thái độ bao hàm một phản ứng “không bận tâm” nhất định cùng một dạng điềm nhiên là một trong những cách nhanh

ways by which to release the Self from personality claims? This is not the "don't care" spirit which will affect the disciple's attitude to other people. It is the attitude of the integrated thinking personality of the disciple towards the astral or emotional body. It leads him to assume the position that not one single thing which produces any reaction of pain or distress in the emotional body matters in the very least. These reactions are simply recognised, lived through, tolerated and not permitted to produce any limitation. All disciples would do well to ponder what I have just said. The whole process is based on a deep-seated belief in the persistence of the immortal Being within the forms of soul and personality.

nhất để giải phóng Bản Ngã khỏi những đòi hỏi của phàm ngã? Đây không phải là tinh thần "không bận tâm" làm ảnh hưởng đến thái độ của người đệ tử đối với người khác. Đó là thái độ của phàm ngã biết tư duy, đã tích hợp của người đệ tử đối với thể cảm dục hay thể cảm xúc. Thái độ ấy dẫn y đến lập trường rằng không một điều gì gây ra bất kỳ phản ứng đau đớn hay khổ sở nào trong thể cảm xúc lại có chút quan trọng nào. Những phản ứng này chỉ được nhận biết, trải qua, dung nạp và không được phép tạo ra bất kỳ giới hạn nào. Mọi đệ tử đều nên suy ngẫm điều Tôi vừa nói. Toàn bộ tiến trình dựa trên niềm tin sâu xa vào sự trường tồn của Sinh Mệnh bất tử bên trong các hình tướng của linh hồn và phàm ngã.

1. The Master points to a fundamental dis-integration, a split between the 'rational' and 'irrational' aspects of man-the-disciple.

1. Chân sư chỉ ra một sự thiếu tích hợp căn bản, một sự chia rẽ giữa các phương diện 'hữu lý' và 'phi lý' của con người trong vai trò đệ tử.

2. It is also a rather Geminian condition, indicating the split between the "Twins". The physical and emotional life represent the personality; the mind, somewhat illuminated by the soul, represents the will of the soul.

2. Đây cũng là một trạng thái khá mang tính Song Tử, biểu thị sự chia rẽ giữa "Cặp Song Sinh". Đời sống hồng trần và cảm xúc đại diện cho phàm ngã; thể trí, được linh hồn soi sáng phần nào, đại diện cho ý chí của linh hồn.

3. Gemini and Mercury ("Star of Conflict") indicate the split. Venus, in its spiritually-magnetic aspect, must enter, and also the influence of Libra — to draw the two aspects together. We are speaking here of the fundamental processes of personality integration and soul-personality fusion.

3. Song Tử và Sao Thủy ("Ngôi Sao Xung Đột") biểu thị sự chia rẽ. Sao Kim, trong phương diện từ tính tinh thần của nó, phải tham gia, cùng với ảnh hưởng của Thiên Bình — để thu hút hai phương diện lại với nhau. Ở đây, chúng ta đang nói đến các tiến trình căn bản của sự tích hợp phàm ngã và sự dung hợp linh hồn–phàm ngã.

4. Master DK offers a simple palliative — the "don't care" attitude. The personality makes its claims upon the imprisoned Self. The

4. Chân sư DK đưa ra một biện pháp xoa dịu đơn giản — thái độ "không bận tâm" ấy. Phàm ngã đưa ra những đòi hỏi đối với Bản

"don't care" attitude releases the Self from those claims; this attitude negates and dismisses the claims. One must be, however, quite identified with the soul-mind aspect of the duality to be effective in employing this technique.

Ngã đang bị giam hãm. Thái độ "không bận tâm" giải phóng Bản Ngã khỏi những đòi hỏi ấy; thái độ này phủ nhận và gạt bỏ chúng. Tuy nhiên, muốn vận dụng kỹ thuật này một cách hiệu quả, chúng ta phải đồng hoá khá sâu với phương diện linh hồn–thể trí của tính nhị nguyên ấy.

5. As with all techniques, one must be careful not to misinterpret or lose one's balance. We do, indeed, care about other people as souls. We do not dismiss others, but are sensitive to their needs.

5. Cũng như với mọi kỹ thuật, chúng ta phải cẩn thận để không hiểu sai hoặc đánh mất sự quân bình của mình. Quả thực, chúng ta quan tâm đến người khác với tư cách những linh hồn. Chúng ta không gạt bỏ người khác, mà nhạy cảm với nhu cầu của họ.

6. The right attitude requires that we identify with the higher aspect of the duality we have become, and view the lower aspect of that duality from a higher perspective.

6. Thái độ đúng đắn đòi hỏi chúng ta đồng hoá với phương diện cao của tính nhị nguyên mà chúng ta đã trở thành, và nhìn phương diện thấp của tính nhị nguyên ấy từ một góc nhìn cao hơn.

7. Then comes a very important statement: "not one single thing which produces any reaction of pain or distress in the emotional body matters in the very least". This covers a wide range of reactions, and some of them might seem more than justified. DK tells us, however, "not one single thing"; it is a radically dismissive attitude to the astral vehicle. One must practice this to see if what the Master says is correct.

7. Tiếp đến là một phát biểu rất quan trọng: "không một điều gì gây ra bất kỳ phản ứng đau đớn hay khổ sở nào trong thể cảm xúc lại có chút quan trọng nào". Điều này bao quát một phạm vi phản ứng rất rộng, và một số phản ứng có vẻ còn hết sức chính đáng. Tuy nhiên, Chân sư DK nói với chúng ta rằng "không một điều gì"; đó là một thái độ gạt bỏ triệt để đối với hiện thể cảm dục. Chúng ta phải thực hành điều này để xem những gì Chân sư nói có đúng hay không.

8. There are times, perhaps, when a difficult condition in the astral body is a matter of conscience or of a recognized impact by the intuition. DK is not, I think, talking of such instances, but of those rebellions which arise when the disciple (identified with the higher parts of his/her nature) seeks to serve continuously as an agent of the Divine Plan. The 'forces of retrogression' within us so often use the astral body as the staging

8. Có lẽ có những lúc một tình trạng khó khăn trong thể cảm dục là vấn đề của lương tâm hoặc của một tác động từ trực giác mà chúng ta đã nhận biết. Tôi nghĩ Chân sư DK không nói đến những trường hợp như vậy, mà nói đến những sự nổi loạn nảy sinh khi người đệ tử (đã đồng hoá với những phần cao hơn trong bản chất của mình) tìm cách phụng sự liên tục với tư cách một tác nhân của Thiên Cơ. Những 'mãnh lực thoái bộ' bên

ground for their contra-progressive 'offensives' (really, reactions). Of this we must be aware.

trong chúng ta rất thường dùng thể cảm dục làm địa bàn tập kết cho các 'cuộc tấn công' chống lại sự tiến bộ (thực ra là những phản ứng) của chúng. Chúng ta phải nhận biết điều này.

9. The disciple animated by the "will-to-love" and possessed *by* the spiritual will, will have little trouble negating the obstructive influence of the astral body, though much 'personal' pain may be experienced before this desirable attitude/'altitude' is reached.

9. Người đệ tử được thôi thúc bởi "Ý Chí-Yêu Thương" và được chiếm lĩnh *do* ý chí tinh thần sẽ ít gặp khó khăn trong việc vô hiệu hoá ảnh hưởng cản trở của thể cảm dục, dù có thể phải trải qua nhiều đau đớn 'cá nhân' trước khi đạt được thái độ/'tầm cao' đáng mong muốn này.

10. It is all a question of *what matters.* We have lived very many lives during which the condition of our astral body has mattered much. Now, new values have grown within our consciousness and we have begun to care far more about other and higher things. We are always put to the test to see whether these new values are firmly and unshakably established. When they are, we can be trusted.

10. Toàn bộ vấn đề nằm *ở điều gì là quan trọng.* Chúng ta đã sống rất nhiều kiếp mà trong đó tình trạng của thể cảm dục có ý nghĩa rất lớn đối với mình. Giờ đây, những giá trị mới đã phát triển trong tâm thức chúng ta, và chúng ta bắt đầu quan tâm nhiều hơn hẳn đến những điều khác, cao hơn. Chúng ta luôn chịu thử thách để xem liệu những giá trị mới này đã được xác lập vững chắc và không thể lay chuyển hay chưa. Khi chúng đã được xác lập như vậy, chúng ta có thể được tin cậy.

11. That trust is accorded once a disciple is midway between the second and third initiations and has achieved mental polarization. Does it seem like a long time to wait before one is worthy of trust?

11. Sự tin cậy ấy được trao khi một đệ tử đã đi đến điểm giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba, đồng thời đạt được sự phân cực trí tuệ. Có phải dường như phải chờ rất lâu mới xứng đáng được tin cậy không?

12. Reactions will arise, of course. Our success depends upon how we '*respond* to the reactions". To "respond" is other than to "react", for response carries the note of self-consciousness and of the will.

12. Dĩ nhiên, những phản ứng sẽ nảy sinh. Thành công của chúng ta tuỳ thuộc vào cách chúng ta '*đáp ứng* với các phản ứng". Việc "đáp ứng" khác với việc "phản ứng", vì sự đáp ứng mang âm điệu của ngã thức và ý chí.

13. We can be successful in achieving the necessary attitude if we are in process of achieving identification with and as *spirit* — "the immortal Being within the forms of

13. Chúng ta có thể thành công trong việc đạt được thái độ cần thiết nếu đang tiến tới sự đồng hoá với tinh thần và nhận mình chính là *tinh thần* — "Sinh Mệnh bất tử bên

soul and personality". We see then, that *victory* is related to *spirit* and not to soul alone.

trong các hình tướng của linh hồn và phàm ngã". Như vậy, chúng ta thấy rằng *chiến thắng* có liên quan đến *tinh thần* chứ không chỉ riêng linh hồn.

14. Spirit is a great *fulness* and requires naught. It is sufficient unto 'its-Self'. The desired attitude here presented is based upon a realization that there will be no ultimate *loss* if one negates the importunities of the desire body. In fact, the real loss (however temporary) would occur if one failed to assume the "don't care" attitude. Higher values would be sacrificed for lesser ones.

14. Tinh thần là một sự <i>viên mãn lớn lao và không cần gì cả. Tinh thần tự đầy đủ nơi 'Bản Ngã của chính mình'. Thái độ đáng mong muốn được trình bày ở đây dựa trên sự nhận biết rằng sẽ không có *mất mát* rốt ráo nào nếu chúng ta bác bỏ những đòi hỏi dai dẳng của thể dục vọng. Thực ra, mất mát thật sự (dù chỉ tạm thời) sẽ xảy ra nếu chúng ta không giữ thái độ "không bận tâm" ấy. Những giá trị cao hơn sẽ bị hi sinh cho những giá trị thấp hơn.

This inner realisation grows with the development of power in meditation whether it is individual meditation or group work. Meditation is essential for establishing a freer inner spiritual interplay — again whether as a soul in relation to the personality or a group of disciples in relation to their Master or each other. You might here well ask: Why is this sensitive interplay between the disciples in a Master's group regarded as necessary? Is not life complicated enough without too much awareness of the conditions, the personalities and the soul contacts of those with whom we are associated and with whom we seek to walk as fellow disciples? I would like here to remind you that, as disciples, you are in preparation for initiation and that impending condition of consciousness implies three things: [58]

Sự nhận biết bên trong này tăng trưởng cùng với sự phát triển năng lực trong tham thiền, dù là tham thiền cá nhân hay công việc nhóm. Tham thiền là thiết yếu để thiết lập sự tương tác tinh thần bên trong tự do hơn — một lần nữa, dù là với tư cách linh hồn trong quan hệ với phàm ngã, hay một nhóm đệ tử trong quan hệ với Chân sư của họ hoặc với nhau. Ở đây, các bạn có thể hỏi một cách xác đáng: Vì sao sự tương tác nhạy cảm này giữa các đệ tử trong nhóm của một Chân sư lại được xem là cần thiết? Chẳng phải cuộc sống đã đủ phức tạp rồi sao, mà còn phải nhận biết quá nhiều về hoàn cảnh, phàm ngã và những tiếp xúc linh hồn của những người chúng ta gắn bó và cùng tìm cách bước đi với tư cách đệ tử đồng môn? Ở đây, Tôi muốn nhắc các bạn rằng, với tư cách đệ tử, các bạn đang chuẩn bị cho điểm đạo, và trạng thái tâm thức sắp đến ấy hàm ý ba điều: [58]

1. If we wish to know how we will develop a genuine "don't' care" attitude, based upon identification with the higher member of an inevitable developmental duality, then, meditation is the key.

1. Nếu muốn biết làm thế nào để phát triển một thái độ "không bận tâm" đích thực, dựa trên sự đồng hoá với thành phần cao hơn của tính nhị nguyên tất yếu trong quá trình phát triển, thì tham thiền chính là chìa khoá.

2. The correct approach to meditation polarizes us within soul-mind (the higher aspect of the split).

2. Cách tiếp cận đúng đắn với tham thiền khiến chúng ta phân cực trong linh hồn–thể trí (phương diện cao hơn của sự chia rẽ).

3. Again and again we return to the necessity for meditation, without which one cannot live a conscious occult life. Of course, methods of meditation are various and do not have to be pursued in a manner proposed in academic occult study.

3. Hết lần này đến lần khác, chúng ta lại trở về với sự cần thiết của tham thiền; thiếu nó, chúng ta không thể sống một đời sống huyền bí hữu thức. Dĩ nhiên, các phương pháp tham thiền rất đa dạng, và không nhất thiết phải thực hành theo cách được đề xuất trong việc nghiên cứu huyền bí học mang tính học thuật.

4. Meditation also promotes right interplay between a group of disciples and their Master or each other.

4. Tham thiền cũng thúc đẩy sự tương tác đúng đắn giữa một nhóm đệ tử với Chân sư của họ hoặc với nhau.

5. DK will now address the necessity for the interplay of the disciples in a Master's group. This interplay is necessitated during the process of preparation for initiation — individual or group initiation.

5. Giờ đây, Chân sư DK sẽ bàn đến sự cần thiết của sự tương tác giữa các đệ tử trong nhóm của một Chân sư. Sự tương tác này là cần thiết trong tiến trình chuẩn bị cho điểm đạo — điểm đạo cá nhân hoặc điểm đạo nhóm.

6. May it not be that awareness of the condition of our brothers (both personal and soul conditions) helps us 'grow beyond ourselves'? Will such awareness not help us in realizing that 'I am the group'?

6. Chẳng phải việc nhận biết tình trạng của các huynh đệ chúng ta (cả tình trạng phàm ngã lẫn linh hồn) có thể giúp chúng ta 'phát triển vượt khỏi chính mình' hay sao? Chẳng phải sự nhận biết ấy sẽ giúp chúng ta nhận ra rằng 'Tôi là nhóm' hay sao?

1. Increased awareness and sensitivity to experience and to life in all forms.

1. Gia tăng sự nhận biết và tính nhạy cảm đối với kinh nghiệm và sự sống trong mọi hình tướng.

2. The power to do for others what I have attempted to do for you, at present on a lesser scale and later, in other lives, as I now do it.

2. Năng lực làm cho người khác những gì Tôi đã cố gắng làm cho các bạn, hiện tại ở quy mô nhỏ hơn, rồi về sau, trong những kiếp khác, như Tôi đang làm lúc này.

3. The courage and the strength to know all, to realise all and to love with patient wisdom

3. Lòng can đảm và sức mạnh để biết tất cả, nhận biết tất cả và yêu thương bằng minh triết nhẫn nại cùng lòng chân thành không

and unchanging sincerity.

This must surely be apparent to you. In the group work in which disciples are now called to participate, you have an opportunity offered which can aid in the inducing of all the qualities which are needed by you as candidates for initiation, at no such very distant date, as we view time on the inner side.

1. Master DK presents us with the reason that our growing sensitivity to each other (both personally and spiritually) is important.

2. The soul is essentially sensitive, and as we become the conscious soul in incarnation, our sensitivity to all-as-souls must necessarily increase. Soul and life underlies the form. In form-consciousness we remain relatively oblivious to what is going on 'within' other forms. Once we identify as soul, that oblivion is overcome; our ring-pass-not expands and we no longer live-unto-ourselves alone.

3. We realize, do we not, what a tremendous gift Master DK offered His chelas? From whom, except a Master, could one ever receive such a gift? The incentive is offered to us to do for others (in the future) what the Master has done for us (for, even if we are not receiving letters from Him at this time, the letters He has already written are a great service to His present readers).

4. Even today, with all our limitations, we can help others somewhat as DK helped

đổi.

Hẳn điều này phải rõ ràng đối với các bạn. Trong công việc nhóm mà các đệ tử hiện được kêu gọi tham gia, các bạn có một cơ hội có thể giúp khơi dậy mọi phẩm tính cần thiết cho mình với tư cách những ứng viên điểm đạo, vào một thời điểm không xa lắm theo cách chúng tôi nhìn nhận thời gian từ phía bên trong.

1. Chân sư DK trình bày cho chúng ta lý do vì sao sự nhạy cảm ngày càng tăng của chúng ta đối với nhau (cả về phàm ngã lẫn tinh thần) lại quan trọng.

2. Về bản chất, linh hồn vốn nhạy cảm, và khi chúng ta trở thành linh hồn hữu thức đang lâm phàm, sự nhạy cảm của chúng ta đối với tất cả mọi người như những linh hồn tất yếu phải gia tăng. Linh hồn và sự sống nằm bên dưới hình tướng. Trong tâm thức hình tướng, chúng ta vẫn tương đối không hay biết về những gì đang diễn ra 'bên trong' các hình tướng khác. Một khi đồng hoá mình là linh hồn, chúng ta vượt qua sự không hay biết ấy; vòng-giới-hạn của chúng ta mở rộng và chúng ta không còn chỉ sống cho riêng mình.

3. Chúng ta nhận ra món quà lớn lao mà Chân sư DK đã trao cho các đệ tử của Ngài, phải không? Ngoài một Chân sư, còn ai có thể trao một món quà như vậy? Chúng ta được khích lệ để làm cho người khác (trong tương lai) những gì Chân sư đã làm cho chúng ta (vì ngay cả khi lúc này chúng ta không nhận được thư từ Ngài, những bức thư Ngài đã viết vẫn là một sự phụng sự lớn lao đối với những độc giả hiện nay của Ngài).

4. Ngay hôm nay, với tất cả những giới hạn của mình, chúng ta vẫn có thể giúp người

those to whom He wrote (though, of course, on a lesser scale). We are interested in helping relieve the Masters of some of Their work with Their chelas, just as DK has done — especially for Masters M. and KH.

khác phần nào như Chân sư DK đã giúp những người Ngài viết thư cho (dĩ nhiên, ở quy mô nhỏ hơn). Chúng ta quan tâm đến việc giúp các Chân sư giảm bớt phần nào công việc của Các Ngài với các đệ tử, giống như Chân sư DK đã làm — đặc biệt là cho Chân sư M. và Chân sư KH.

5. If we are not aware of our co-disciples as both personalities and souls, we cannot hope to fulfill this kind of service, which is, is it not, intensely psychological.

5. Nếu không nhận biết các đệ tử đồng môn của mình vừa là những phàm ngã vừa là những linh hồn, chúng ta không thể hy vọng hoàn thành loại hình phụng sự này, vốn mang tính tâm lý học sâu sắc, phải không?.

6. Yet another reason is offered for the desirability of apparently complicating our own lives through a sensitivity to our co-disciples' personal and spiritual process; we are to develop the strength to "know all, to realise all and to love with patient wisdom and unchanging sincerity". This is no small matter, for it is not what most of us do all the time. Human progress can seem unbelievably slow, and Masters must be, above all, patiently loving beings. Somehow, we have to develop an awareness of what others are passing through. In this way, light is shed upon our own process and we learn to see all in the light of loving-understanding.

6. Một lý do nữa được đưa ra để giải thích vì sao chúng ta nên làm điều dường như khiến cuộc sống của mình thêm phức tạp: nhạy cảm với tiến trình phàm ngã và tinh thần của các đệ tử đồng môn; chúng ta phải phát triển sức mạnh để "biết tất cả, nhận biết tất cả và yêu thương bằng minh triết nhẫn nại cùng lòng chân thành không đổi". Đây không phải là chuyện nhỏ, vì phần lớn chúng ta không phải lúc nào cũng làm được như vậy. Sự tiến bộ của con người có thể dường như chậm đến khó tin, và trên hết, các Chân sư phải là những Đấng yêu thương nhẫn nại. Bằng cách nào đó, chúng ta phải phát triển sự nhận biết về những gì người khác đang trải qua. Bằng cách này, tiến trình của chính chúng ta được soi sáng, và chúng ta học nhìn mọi sự trong ánh sáng của sự thấu hiểu đầy tình thương.

7. Therefore, to be sensitively aware of our brothers' conditions and struggles is a great spiritual gift — to us. And if our attitude is right, a gift to them as well, for our support will be forthcoming and will assist them.

7. Vì vậy, việc nhận biết một cách nhạy cảm hoàn cảnh và những cuộc đấu tranh của các huynh đệ là một món quà tinh thần lớn lao — dành cho chúng ta. Và nếu thái độ của chúng ta đúng đắn, đó cũng là một món quà dành cho họ, vì chúng ta sẽ sẵn sàng hỗ trợ và giúp đỡ họ.

8. Master DK's chelas of those days (as we are

8. Các đệ tử của Chân sư DK vào thời ấy

now) are candidates preparing for eventual initiation — most probably either the second or third initiation (one day). There are many necessary qualities to be developed and such development is not easy. Through exposure to the psyche of our brothers, many of those qualities (and a number of liabilities) are vividly demonstrated. Our acquisition of the desirable qualities is facilitated, and our avoidance of undesirable liabilities is encouraged: "There but for you, go I". We become object-lessons to each other, and the lives of each of us become a cautionary tale to our observant brothers, who, by our example, are prevented from making the mistakes we have made. Thus (by both positive and negative example) do we help each other become qualified.

(cũng như chúng ta hiện nay) là những ứng viên đang chuẩn bị để cuối cùng được điểm đạo — rất có thể là lần điểm đạo thứ hai hoặc lần điểm đạo thứ ba (vào một ngày nào đó). Có nhiều phẩm tính cần thiết phải phát triển, và sự phát triển ấy không dễ dàng. Qua việc tiếp xúc với đời sống tâm lý của các huynh đệ, chúng ta thấy rõ nhiều phẩm tính ấy (cùng một số nhược điểm). Việc tiếp thu những phẩm tính đáng mong muốn trở nên thuận lợi hơn, và chúng ta được khuyến khích tránh những nhược điểm không đáng mong muốn: "Nếu không nhờ bạn, tôi cũng đã rơi vào hoàn cảnh ấy". Chúng ta trở thành những bài học sống cho nhau, và cuộc đời của mỗi người trở thành một câu chuyện cảnh tỉnh đối với những huynh đệ biết quan sát; nhờ tấm gương của chúng ta, họ tránh được những sai lầm chúng ta đã mắc phải. Như vậy, bằng cả tấm gương tích cực lẫn tiêu cực, chúng ta giúp nhau hội đủ phẩm tính cần thiết.

The teaching has always been given that the disciple or the initiate must adapt himself to, and learn from, the conditions in which he finds himself and from the setting and environment with which his physical plane life puts him in daily touch. This is one of the initial platitudes of the Path. It was, however, at one time as new a concept to the aspirant and the disciple under training as is the teaching which I seek to give this group of my disciples and the opportunity which I would have you seize. The training, hitherto carried forward upon the inner planes, and unrealised oft in the waking consciousness of the accepted disciple, has now to be grasped, used and mastered in his waking consciousness and physical brain. The disciple in the past sought to establish harmonious relations with his environment — harmony being one of the liberating

Giáo huấn từ trước đến nay vẫn dạy rằng người đệ tử hay điểm đạo đồ phải thích nghi và học hỏi từ những hoàn cảnh mình đang ở trong đó, cũng như từ khung cảnh và môi trường mà đời sống trên cõi hồng trần đưa y tiếp xúc hằng ngày. Đây là một trong những điều hiển nhiên sơ khởi của Đường Đạo. Tuy nhiên, đã có một thời, đối với người chí nguyện và người đệ tử đang được huấn luyện, khái niệm ấy cũng mới mẻ như giáo huấn mà Tôi tìm cách truyền cho nhóm đệ tử này của Tôi, cùng cơ hội mà Tôi muốn các bạn nắm lấy. Sự huấn luyện từ trước đến nay diễn ra trên các cõi bên trong, và người đệ tử được chấp nhận thường không nhận biết trong tâm thức tỉnh thức, giờ đây phải được y nắm bắt, sử dụng và làm chủ trong tâm thức tỉnh thức cùng bộ não hồng trần. Trước kia, người đệ tử tìm cách thiết lập những mối quan hệ hài hoà với môi trường của mình —

forces which must precede the release of energy for use after initiation. He practised patience and forbearance and helpfulness and rendered service and this was worked out through the process of right external conduct based upon right inner orientation and attitude.

sự hài hoà là một trong những mãnh lực giải phóng phải có trước khi năng lượng được giải phóng để sử dụng sau điểm đạo. Y thực hành lòng nhẫn nại, sự nhẫn nại khoan dung và tinh thần giúp đỡ, đồng thời phụng sự; điều này được thực hiện thông qua tiến trình ứng xử đúng đắn bên ngoài dựa trên định hướng và thái độ đúng đắn bên trong.

1. Wherever we are, there we learn. With whomever we find ourselves associated — from them we learn.

1. Ở bất cứ đâu, chúng ta đều học hỏi tại đó. Gắn bó với bất cứ ai — chúng ta đều học hỏi từ họ.

2. Master DK points out the relatively of the teaching. What seems today but an occult platitude was one day, long ago, a new teaching. The methods of discipleship are constantly evolving and ever there are fresh presentations of the age-old truth.

2. Chân sư DK chỉ ra tính tương đối của giáo huấn. Điều ngày nay dường như chỉ là một lẽ hiển nhiên trong huyền bí học, từ lâu đã từng là một giáo huấn mới. Các phương pháp của địa vị đệ tử không ngừng tiến triển, và chân lý ngàn đời luôn có những cách trình bày mới mẻ.

3. DK is somewhat urgent in His presentation. He does not wish for His chelas to be passive. He would have them "seize" the new concepts with which He is presenting them. We remember that He wished they were both younger (physically) and more courageous.

3. Trong cách trình bày của mình, Chân sư DK có phần khẩn thiết. Ngài không muốn các đệ tử của mình thụ động. Ngài muốn họ "nắm lấy" những khái niệm mới mà Ngài đang trình bày với họ. Chúng ta nhớ rằng Ngài đã mong họ vừa trẻ hơn (về thể chất), vừa can đảm hơn.

4. There have been many changes in 'occult tuition'. It is interesting to realize that much former teaching was given on the inner planes and was not consciously registered by the disciple. All this is now changing. Registration in the "waking consciousness and physical brain" is necessitated. This registration is part of the "Externalization of the Hierarchy".

4. Đã có nhiều thay đổi trong 'việc giảng dạy huyền bí học'. Thật thú vị khi nhận ra rằng trước kia, phần lớn giáo huấn được truyền trên các cõi bên trong, và người đệ tử không ghi nhận một cách có ý thức. Giờ đây, tất cả điều này đang thay đổi. Việc ghi nhận trong "tâm thức tỉnh thức và bộ não hồng trần" trở nên cần thiết. Sự ghi nhận này là một phần của "Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn".

5. DK is discussing old and new approaches. Harmony was important to the former disciples. We can presume that the Master is speaking, often, of disciples in the East,

5. Chân sư DK đang bàn về những cách tiếp cận cũ và mới. Sự hài hoà từng quan trọng đối với các đệ tử trước kia. Chúng ta có thể cho rằng Chân sư thường nói đến các đệ tử ở

where His experience is the most extensive. The soul ray of the East is the fourth, emphasizing this need for harmony. The disciple of former days had to emphasize forbearance — still a needed quality, but much has changed for the more intellectually active Western disciple.

phương Đông, nơi Ngài có kinh nghiệm sâu rộng nhất. Cung linh hồn của phương Đông là cung bốn, nhấn mạnh nhu cầu hài hoà này. Người đệ tử thời trước phải chú trọng sự nhẫn nại khoan dung — một phẩm tính vẫn cần thiết, nhưng nhiều điều đã thay đổi đối với người đệ tử phương Tây có hoạt động trí tuệ mạnh mẽ hơn.

6. We have to ask how it is that *harmony* is a liberating force. We realize that much energy is wasted through needless conflict and dissonance. Just as a chord of music is 'liberated' when it is, at last, in tune, so a disciple's energies are liberated when he/she has achieved inner and outer harmony. Dissonance consumes energy; harmony is efficient and takes much less energy to sustain. It may even be proven that harmony actually produces more energy that is required to sustain it.

6. Chúng ta phải tự hỏi vì sao *sự hài hoà* lại là một mãnh lực giải phóng. Chúng ta nhận ra rằng nhiều năng lượng bị lãng phí do những xung đột và bất hoà không cần thiết. Cũng như một hợp âm được 'giải phóng' khi cuối cùng đã đúng âm, các năng lượng của người đệ tử cũng được giải phóng khi người ấy đạt được sự hài hoà bên trong và bên ngoài. Sự bất hoà tiêu hao năng lượng; sự hài hoà có hiệu quả và cần ít năng lượng hơn nhiều để duy trì. Thậm chí có thể chứng minh rằng sự hài hoà thực sự tạo ra nhiều năng lượng hơn mức cần thiết để duy trì nó.

But under the new system (made necessary by achieved racial progress) this process of right external adjustments must be paralleled in the New Age by right inner relations, consciously established and consciously held and recognised for what they are by the conscious mind and brain of the disciple. This, therefore, involves true knowledge of the disciple's inner group relation, spiritual penetration to the inner life of a brother disciple and the consequent fusion in the heart-mind-brain [59] of the disciple, simultaneously, of all that is known on both the outer and the inner planes. This has not hitherto been the case. It is one of the major reasons for the forming of these groups as far as the individual group members are concerned. It will be brought about gradually and safely by the daily use of the group meditations which I may assign

Nhưng trong hệ thống mới (trở nên cần thiết do sự tiến bộ mà nhân loại đã đạt được), tiến trình điều chỉnh đúng đắn bên ngoài này, trong Kỷ Nguyên Mới, phải đi đôi với những mối quan hệ đúng đắn bên trong, được thiết lập và duy trì một cách có ý thức, đồng thời được thể trí và bộ não hữu thức của người đệ tử nhận biết đúng bản chất. Vì vậy, điều này bao hàm sự hiểu biết chân thực về mối quan hệ nhóm bên trong của người đệ tử, sự thâm nhập tinh thần vào đời sống bên trong của một đệ tử đồng môn, và sự dung hợp do đó diễn ra đồng thời trong tâm–thể trí–bộ não [59] của người đệ tử đối với tất cả những gì được biết trên cả các cõi bên ngoài lẫn bên trong. Cho đến nay, điều này chưa từng xảy ra. Đối với từng thành viên nhóm, đây là một trong những lý do chính để thành lập các nhóm này. Điều ấy sẽ dần dần diễn ra một cách an toàn nhờ việc sử dụng hằng ngày các

you, by a renewed interest in the subject of telepathic work and by a closer and deeper love, cultivated by all of you.

bài thiền nhóm mà Tôi có thể giao cho các bạn, nhờ sự quan tâm mới đối với chủ đề công việc viễn cảm, và nhờ tình thương gần gũi hơn, sâu sắc hơn mà tất cả các bạn cùng vun bồi.

1. The new approach to discipleship demands conscious *inner* as well as outer adjustments.

1. Cách tiếp cận mới đối với địa vị đệ tử đòi hỏi những điều chỉnh có ý thức ở *bên trong* cũng như bên ngoài.

2. The disciple has always had "inner group relations" but has, very often, remained unaware of them. Today, the modern disciple must be conscious of them, and "penetration to the inner life of a brother disciple" is part of establishing this awareness.

2. Người đệ tử luôn có "những mối quan hệ nhóm bên trong" nhưng rất thường không nhận biết chúng. Ngày nay, người đệ tử hiện đại phải có ý thức về chúng, và việc "thâm nhập vào đời sống bên trong của một đệ tử đồng môn" là một phần của việc thiết lập sự nhận biết này.

3. These are days in which the spiritual will is being activated and a greater appreciation of the Divine Plan and Purpose is coming into the conscious possession of disciples. We can realize the heightening of consciousness (inner and outer) which is required for the fulfillment of greater responsibilities (inner and outer).

3. Đây là thời kỳ ý chí tinh thần đang được khơi hoạt, và các đệ tử đang có ý thức nắm bắt sâu sắc hơn Thiên Cơ cùng Thiên Ý. Chúng ta có thể nhận ra rằng việc đảm đương những trách nhiệm lớn hơn (bên trong và bên ngoài) đòi hỏi sự nâng cao tâm thức (bên trong và bên ngoài).

4. We are often told that there must be established a direct connection between soul-mind-brain in the disciple. Here the Tibetan discusses "heart-mind-brain" (which, effectively, may amount to the same, as, occultly, the "heart" is the "soul").

4. Chúng ta thường được dạy rằng phải thiết lập một mối liên hệ trực tiếp giữa linh hồn–thể trí–bộ não trong người đệ tử. Ở đây, Chân sư Tây Tạng bàn về "tâm–thể trí–bộ não" (điều này trên thực tế có thể cũng tương đương, vì theo huyền bí học, "tâm" chính là "linh hồn").

5. It is the "heart", of course, that is sensitive to one's fellow disciple. If we are to work *together*, within the Ashram, we can hardly avoid sensitivity to the other members of the Ashram.

5. Dĩ nhiên, chính "trái tim" mới nhạy cảm với người đệ tử đồng môn của mình. Nếu chúng ta muốn làm việc *cùng nhau* trong ashram, chúng ta khó có thể tránh việc nhạy cảm với các thành viên khác của ashram.

6. Through the expedience of group meditation, we are 'growing into each other',

6. Thông qua phương tiện tham thiền nhóm, chúng ta đang 'ngày càng hòa nhập vào

and our inner affiliations are being revealed. This cannot happen all at once. The group meditations make the process safe.

nhau', và những mối liên kết bên trong của chúng ta đang hiển lộ. Điều này không thể diễn ra ngay một lúc. Các bài thiền nhóm giúp tiến trình này diễn ra an toàn.

7. We are entering a "group Age". The group has both its outer and inner aspects. Under the universalizing energy of Aquarius, both of these aspects must be included in the disciples' awareness. Naturally, a good deal of impersonal love will assist the process. We cannot *react* personally to what we discover about each other, and yet, we must *respond* as a soul would respond.

7. Chúng ta đang bước vào một "Kỷ nguyên nhóm". Nhóm có cả phương diện bên ngoài lẫn bên trong. Dưới tác động của năng lượng phổ quát hóa của Bảo Bình, cả hai phương diện này đều phải nằm trong phạm vi nhận biết của các đệ tử. Đương nhiên, tình thương phi cá nhân sâu rộng sẽ hỗ trợ tiến trình này. Chúng ta không thể *phản ứng* theo lối cá nhân trước những gì mình khám phá về nhau; tuy nhiên, chúng ta phải *đáp ứng* như một linh hồn đáp ứng.

8. The great expedient of *thinking towards each other in love* is suggested. This will facilitate telepathic sensitivity between us and will promote the growth of "ashramic intimacy" — based on loving-understanding and shared Purpose.

8. Ở đây gợi ý một phương tiện hữu hiệu: *hướng tư tưởng về nhau trong tình thương*. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho sự nhạy cảm viễn cảm giữa chúng ta và thúc đẩy sự phát triển của "tình thân mật trong ashram" — dựa trên sự thấu hiểu đầy tình thương và Thiên Ý chung.

9. A change is occurring from preoccupation with the third aspect of divinity to the second. Under the second aspect, we are all consciously related to each other and, in fact, *parts* of each other as a 'Group Being'. Hence the need for us to share each others burdens (in this case psychically).

9. Một sự chuyển đổi đang diễn ra, từ việc chú tâm vào phương diện thứ ba của thiên tính sang phương diện thứ hai. Dưới phương diện thứ hai, tất cả chúng ta đều có ý thức về mối liên hệ với nhau và, trên thực tế, là những *phần* của nhau trong một 'Sinh Mệnh Nhóm'. Vì vậy, chúng ta cần chia sẻ gánh nặng của nhau (trong trường hợp này là về mặt thông linh).

Three things are of great importance and constitute your individual responsibility:

Ba điều có tầm quan trọng lớn lao và tạo thành trách nhiệm cá nhân của các bạn:

1. Facility of rapport. As a member of my group, it is essential that you cultivate two aspects of the "art of rapport" which is based, eternally, on loving attraction.

1. Khả năng giao cảm dễ dàng. Là thành viên trong nhóm của Tôi, các bạn nhất thiết phải vun bồi hai phương diện của "nghệ thuật giao cảm", vốn vĩnh viễn đặt nền tảng trên sức thu hút đầy tình thương.

a. Rapport or contact with the soul through a cultivated alignment and correct meditation.

b. Rapport or contact with your group brothers; this lays the foundation for constructive, united work.

1. DK now presents a list of His chelas' responsibilities.

2. Rapport between them is to be cultivated and made both natural and easy. Eternally (we are taught), the "art of rapport" is based on "loving attraction". In short, there will be no real rapport between us, unless we love each other with soul love. Personal love, per se, is inadequate to the task.

3. A *dual* rapport is required: Vertically, soul-rapport is necessitated. Correct alignment and meditation will bring this about.

4. Horizontally, rapport between all group brothers is necessitated. How else can there be constructive and united work?

5. Always we see the appearance of the "even-armed Cross" of the Aquarian Age.

6. We can begin to see how very much Master DK sought to cultivate the presence of the second aspect of divinity amongst His chelas. Probably, we do not realize it, but we are excessively conditioned by the third aspect and are relatively unconscious of our deficiencies along second ray lines. Yet the "Attractive Coherency" of the second ray is

a. Giao cảm hay tiếp xúc với linh hồn thông qua sự chỉnh hợp được vun bồi và việc tham thiền đúng đắn.

b. Giao cảm hay tiếp xúc với các huynh đệ trong nhóm; điều này đặt nền tảng cho công việc mang tính xây dựng và hợp nhất.

1. Giờ đây, Chân sư DK trình bày danh sách những trách nhiệm của các đệ tử của Ngài.

2. Cần vun bồi sự giao cảm giữa họ, khiến sự giao cảm ấy trở nên vừa tự nhiên vừa dễ dàng. Chúng ta được dạy rằng, từ muôn đời, "nghệ thuật giao cảm" luôn đặt nền tảng trên "sức thu hút đầy tình thương". Nói ngắn gọn, giữa chúng ta sẽ không có sự giao cảm thực sự, trừ khi chúng ta yêu thương nhau bằng tình thương của linh hồn. Chính tình thương cá nhân không đủ để thực hiện nhiệm vụ này.

3. Cần có sự giao cảm *kép*: theo chiều dọc, cần giao cảm với linh hồn. Sự chỉnh hợp và tham thiền đúng đắn sẽ mang lại điều này.

4. Theo chiều ngang, cần có sự giao cảm giữa tất cả các huynh đệ trong nhóm. Nếu không, làm sao có thể có công việc mang tính xây dựng và hợp nhất?

5. Chúng ta luôn thấy sự xuất hiện của "Thập Giá có các nhánh bằng nhau" của Kỷ nguyên Bảo Bình.

6. Chúng ta có thể bắt đầu thấy Chân sư DK đã hết sức tìm cách vun bồi sự hiện diện của phương diện thứ hai của thiên tính giữa các đệ tử của Ngài. Có lẽ chúng ta không nhận ra điều đó, nhưng chúng ta chịu ảnh hưởng quá mức của phương diện thứ ba và tương đối không nhận biết những thiếu sót của mình theo đường hướng cung hai. Tuy nhiên,

that which promotes light, unity and real group work. We have much to learn during the next two thousand years.

chính "Tính Gắn Kết Đầy Sức Thu Hút" của cung hai thúc đẩy ánh sáng, sự hợp nhất và công việc nhóm thực sự. Chúng ta còn nhiều điều phải học trong hai nghìn năm tới.

2. Impersonality. Is there aught more that I can say on this theme? You must learn to view what is said or suggested by any group brother with a complete and carefully developed "divine indifference. " Note the use of the word "divine," for it holds the clue to the needed attitude. It is a different thing to the indifference of not caring, or the indifference of a psychologically developed "way of escape" from that which is not pleasant; nor is it the indifference of superiority. It is the indifference which accepts all that is offered, uses what is serviceable, learns what can be learnt but is not held back by personality reactions. It is the normal attitude of the soul or self to the not-self. It is the negation of prejudice, of all narrow preconceived ideas, of all personality tradition, influence or background. It is the process of detachment from "the world, the flesh and the devil" of which The New Testament speaks.

2. Tính phi cá nhân. Tôi còn có thể nói thêm điều gì về chủ đề này nữa chăng? Các bạn phải học cách nhìn nhận những gì bất kỳ huynh đệ nào trong nhóm nói hoặc gợi ý với một sự "điềm nhiên thiêng liêng" trọn vẹn, được vun bồi cẩn thận. Hãy lưu ý việc dùng từ "thiêng liêng", vì từ này chứa chìa khóa dẫn đến thái độ cần có. Đây là điều khác với sự thờ ơ do không quan tâm, hoặc sự dửng dưng của một "lối thoát" được phát triển về mặt tâm lý để tránh những điều khó chịu; cũng không phải sự dửng dưng do tự cho mình cao hơn người khác. Đó là sự điềm nhiên chấp nhận mọi điều được đưa đến, sử dụng những gì hữu ích, học những gì có thể học, nhưng không để các phản ứng của phàm ngã cản trở. Đó là thái độ bình thường của linh hồn hay bản ngã đối với phi ngã. Đó là sự phủ nhận thành kiến, mọi ý tưởng định sẵn hẹp hòi, mọi truyền thống, ảnh hưởng hay nền tảng của phàm ngã. Đó là tiến trình tách rời khỏi "thế gian, xác thịt và ma quỷ" mà Tân Ước nói đến.

1. DK, we realize, has spoken much and often on the subject of "impersonality". He seems here to be asking His chelas to finally realize the nature of what He has said and to absorb it.

1. Chúng ta nhận ra rằng Chân sư DK đã nói nhiều và thường xuyên về chủ đề "tính phi cá nhân". Ở đây, dường như Ngài đang yêu cầu các đệ tử của Ngài cuối cùng phải nhận ra bản chất những điều Ngài đã nói và thấm nhuần những điều ấy.

2. "Divine indifference" and the "don't care attitude" are closely related, though the first of these two seems a more dignified presentation.

2. "Điềm nhiên thiêng liêng" và "thái độ không bận tâm" có liên hệ chặt chẽ với nhau, mặc dù cách diễn đạt thứ nhất có vẻ trang trọng hơn.

3. DK focuses our attention on the word "divine" when considering "divine

3. Chân sư DK hướng sự chú ý của chúng ta vào từ "thiêng liêng" khi xem xét "điềm

indifference". The "divine" part of "indifference" has much to do with our *level of identification.* To be divinely indifferent one must be identified as soul or spirit. A consciousness focussed within the personality cannot be divinely indifferent.

nhiên thiêng liêng". Yếu tố "thiêng liêng" trong sự "điềm nhiên" liên quan mật thiết đến *cấp độ đồng hóa của chúng ta.* Để điềm nhiên một cách thiêng liêng, người ta phải đồng hóa mình với linh hồn hay tinh thần. Một tâm thức tập trung trong phàm ngã không thể điềm nhiên một cách thiêng liêng.

4. DK lists the kinds of 'indifferences' which "divine indifference" is not. It is not "not caring"; it is not a "way of escape" from the unpleasant; it is not the indifference of superiority. All these are personality versions of indifference and have the protection or buttressing of the personality as an objective.

4. Chân sư DK liệt kê những dạng 'dửng dưng' mà "điềm nhiên thiêng liêng" không phải là chúng. Đó không phải là "không quan tâm"; không phải là một "lối thoát" khỏi những điều khó chịu; không phải sự dửng dưng do tự cho mình cao hơn người khác. Tất cả những điều này đều là các dạng dửng dưng của phàm ngã, lấy việc bảo vệ hoặc củng cố phàm ngã làm mục tiêu.

5. It is the indifference which continues to learn through all presentations and personality reactions, yet is not held back by these.

5. Đó là sự điềm nhiên vẫn tiếp tục học hỏi qua mọi điều được đưa đến và mọi phản ứng của phàm ngã, nhưng không để những điều ấy cản trở.

6. Divine indifference is clearly defined:

6. Điềm nhiên thiêng liêng được định nghĩa rõ ràng:

"It is the normal attitude of the soul or self to the not-self. It is the negation of prejudice, of all narrow preconceived ideas, of all personality tradition, influence or background. It is the process of detachment from 'the world, the flesh and the devil' of which The New Testament speaks. "

"Đó là thái độ bình thường của linh hồn hay bản ngã đối với phi ngã. Đó là sự phủ nhận thành kiến, mọi ý tưởng định sẵn hẹp hòi, mọi truyền thống, ảnh hưởng hay nền tảng của phàm ngã. Đó là tiến trình tách rời khỏi 'thế gian, xác thịt và ma quỷ' mà Tân Ước nói đến. "

It is not a personality-conditioned indifference, nor does it judge by narrow personality standards. It cares more for the soul than the personality, and thus, can hold the reactions of the personality more lightly.

Đó không phải là sự dửng dưng chịu ảnh hưởng của phàm ngã, cũng không phán xét theo những tiêu chuẩn hẹp hòi của phàm ngã. Thái độ ấy quan tâm đến linh hồn nhiều hơn phàm ngã, do đó có thể xem nhẹ hơn những phản ứng của phàm ngã.

7. "Personality tradition, influence and background" have much to do with our past

7. "Truyền thống, ảnh hưởng và nền tảng của phàm ngã" liên quan mật thiết đến

conditioning, which, because of many years of familiarity, we are liable to judge as quite 'holy'. But familiarity is not holiness. In fact, our glamors lurk in that which has become so familiar as to become unnoticed.

những ảnh hưởng đã định hình chúng ta trong quá khứ; vì đã quen thuộc qua nhiều năm, chúng ta dễ xem những điều ấy là rất 'thánh thiện'. Nhưng sự quen thuộc không phải là tính thánh thiện. Trên thực tế, những ảo cảm của chúng ta ẩn náu trong những gì đã trở nên quá quen thuộc đến mức không còn được chú ý.

8. "Divine indifference" does not really care for the personality and its reactions. The personality is regarded simply as an instrument for higher purposes. One is no longer so sensitive to its preferences, because the identity is 'felt' as other than the personality.

8. "Điềm nhiên thiêng liêng" thực sự không bận tâm đến phàm ngã và những phản ứng của nó. Phàm ngã chỉ được xem là một công cụ phục vụ những mục đích cao hơn. Người ta không còn quá nhạy cảm với những điều phàm ngã ưa thích, vì căn tính được 'cảm nhận' là khác với phàm ngã.

9. It takes a long time before the 'most familiar self' (the personal self) is seen rather more as a 'stranger' than as one's very self; at length, however, it happens. Thus does consciousness slip out of its prison, and we discover ourselves to be detached, luminous intelligences (essentially members of the fifth kingdom of nature), rather than encapsulated human beings.

9. Phải mất một thời gian dài trước khi 'bản ngã quen thuộc nhất' (phàm ngã) được nhìn nhận như một 'người xa lạ' hơn là chính mình; tuy nhiên, cuối cùng điều đó cũng xảy ra. Như vậy, tâm thức thoát khỏi ngục tù của nó, và chúng ta khám phá ra mình là những trí tuệ sáng ngời, không vướng mắc (về bản chất là thành viên của giới thứ năm trong thiên nhiên), thay vì những con người bị giam hãm trong lớp vỏ.

10. The theory is simple and the doing hard.

10. Lý thuyết thì đơn giản, thực hành lại khó.

3. Love. Love is that inclusive, non-critical, magnetic comprehension and attitude which (in group work) preserves the group integrity, fosters the group rhythm and permits no secondary personality happenings or attitudes to mar the group work. [60]

3. Tình thương. Tình thương là sự lĩnh hội và thái độ mang tính bao gồm, không chỉ trích và có từ tính; trong công việc nhóm, tình thương gìn giữ tính toàn vẹn của nhóm, nuôi dưỡng nhịp điệu nhóm và không để bất kỳ sự việc hay thái độ thứ yếu nào của phàm ngã làm tổn hại công việc nhóm. [60]

Contact, impersonality and love — these three constitute the individual objectives which I set before each and all of you.

Tiếp xúc, tính phi cá nhân và tình thương — ba điều này tạo thành những mục tiêu cá nhân mà Tôi đặt ra cho từng người và tất cả các bạn.

1. Here is one of the finest definitions of love to be found in the Teaching. Long and well should it be pondered.

1. Đây là một trong những định nghĩa hay nhất về tình thương có thể tìm thấy trong Giáo Huấn. Cần suy ngẫm kỹ lưỡng và lâu dài về định nghĩa này.

2. Three words stand out: "inclusive", "non-critical", "magnetic".

2. Ba từ nổi bật là: "bao gồm", "không chỉ trích", "từ tính".

3. The mental attitude is there as well, for we speak not only of magnetism, but of "magnetic comprehension". The inference is that one comprehends because the magnetism is correct. This is another way of saying that "love reveals".

3. Thái độ trí tuệ cũng hiện diện ở đây, vì chúng ta không chỉ nói đến từ điện, mà còn nói đến "sự lĩnh hội mang từ tính". Điều này hàm ý rằng người ta lĩnh hội được vì từ điện ấy đúng đắn. Đây là một cách khác để nói rằng "tình thương làm hiển lộ".

4. Love is also "of the essence" for it does not allow the interference of "secondary personality happenings or attitudes" to hurt the group work. In an attitude of love, secondary things are revealed for what they are and can be more easily set aside.

4. Tình thương cũng "thuộc về cốt yếu" vì không để sự can thiệp của "những sự việc hay thái độ thứ yếu của phàm ngã" làm tổn hại công việc nhóm. Trong thái độ yêu thương, những điều thứ yếu hiển lộ đúng bản chất của chúng và có thể được gạt sang một bên dễ dàng hơn.

5. As these objectives are set before DK's immediate chelas, so they are set before us. It will require a re-conditioning for many of us. The three — "contact, impersonality, and love" — are not *personality* attitudes. The process is slow but sure. We are becoming souls in expression, after millions of years of expressing otherwise.

5. Những mục tiêu này được đặt ra cho các đệ tử trực tiếp của Chân sư DK như thế nào thì cũng được đặt ra cho chúng ta như thế ấy. Đối với nhiều người trong chúng ta, điều này đòi hỏi phải định hình lại bản thân. Ba điều — "tiếp xúc, tính phi cá nhân và tình thương" — không phải là những thái độ của *phàm ngã*. Tiến trình này chậm nhưng chắc chắn. Chúng ta đang trở thành những linh hồn biểu lộ ra ngoài, sau hàng triệu năm biểu lộ theo cách khác.

6. DK's expectations are simply stated, and every disciple should have no trouble remembering them. Of course, they require constant practice.

6. Những điều Chân sư DK mong đợi được trình bày đơn giản, và mọi đệ tử hẳn đều có thể ghi nhớ dễ dàng. Dĩ nhiên, những điều ấy đòi hỏi sự thực hành thường xuyên.

The group requirements which must be met and preserved by the group, as a group, are

Những yêu cầu mà nhóm, với tư cách một nhóm, phải đáp ứng và duy trì như sau:

as follows:

1. Group integrity. This grows out of right integration and refers to the delicate balance which must be preserved amongst the members of the group. This is of such a nature that there emerges eventually a group steadiness and a group freedom from "oscillation" which will permit of uninterrupted group work and interplay. It will come if each of the group members will simply mind his own business and permit his group brothers to mind theirs; it will come if you keep your personality affairs, your private concerns and troubles out of the group life; it will come if you refrain from discussion of each other and of each other's affairs and attitudes. This is of supreme importance at this stage of the group work; it will mean — if you can achieve success in this — that you will be able to keep your minds clear of all lesser things which concern the personality life. This means that your minds will be free, therefore, for group work.

1. Tính toàn vẹn của nhóm. Điều này phát sinh từ sự tích hợp đúng đắn và đề cập đến sự cân bằng tinh tế cần duy trì giữa các thành viên trong nhóm. Bản chất của sự cân bằng này là cuối cùng sẽ xuất hiện sự vững vàng của nhóm và trạng thái nhóm thoát khỏi "dao động", cho phép công việc và sự tương tác của nhóm diễn ra liên tục. Điều đó sẽ đến nếu mỗi thành viên trong nhóm chỉ lo công việc của mình và để các huynh đệ trong nhóm lo công việc của họ; điều đó sẽ đến nếu các bạn giữ những chuyện của phàm ngã, những mối bận tâm và khó khăn riêng tư bên ngoài đời sống nhóm; điều đó sẽ đến nếu các bạn tránh bàn luận về nhau cũng như về những chuyện và thái độ của nhau. Điều này có tầm quan trọng tối cao ở giai đoạn hiện nay của công việc nhóm; nếu thành công trong việc này, các bạn sẽ có thể giữ cho thể trí mình không vướng bận mọi chuyện nhỏ nhặt liên quan đến đời sống phàm ngã. Vì vậy, điều này có nghĩa là thể trí của các bạn sẽ tự do để làm công việc nhóm.

1. Individual requirements have been presented: "contact, impersonality and love".

1. Những yêu cầu đối với cá nhân đã được trình bày: "tiếp xúc, tính phi cá nhân và tình thương".

2. Now Master DK presents "group requirement" which must be met by the group and preserved by the group *as a group*. This is a different matter.

2. Giờ đây, Chân sư DK trình bày "yêu cầu đối với nhóm" mà nhóm phải đáp ứng và duy trì *với tư cách một nhóm*. Đây là một vấn đề khác.

3. Master DK is interested in group steadiness, a freedom from "oscillation" which interrupts the group work.

3. Chân sư DK quan tâm đến sự vững vàng của nhóm, đến việc thoát khỏi "dao động" làm gián đoạn công việc nhóm.

4. The method of achieving that "delicate balance" which results in group steadiness is perhaps surprising. Essentially, it is for each disciple to "mind his own business". Much

4. Phương pháp đạt đến "sự cân bằng tinh tế" mang lại sự vững vàng của nhóm có lẽ khiến người ta ngạc nhiên. Về cốt yếu, đó là mỗi đệ tử phải "lo công việc của mình". Nhiều sự

imbalance arises through the tendency to be thinking of other group members in ways which do not help them.

mất cân bằng nảy sinh từ khuynh hướng nghĩ về các thành viên khác trong nhóm theo những cách không giúp ích cho họ.

5. There is also the need to keep our personality affairs out of the group life. Each is to handle those matters himself/herself. Immediate friends may also assist.

5. Chúng ta cũng cần giữ những chuyện của phàm ngã bên ngoài đời sống nhóm. Mỗi người phải tự giải quyết những vấn đề ấy. Những người bạn gần gũi cũng có thể giúp đỡ.

6. We can see that Master DK is very interested in keep the consciousness of His chelas free from secondary preoccupations. The normal psyche tends to think quite personally, and disciples are not immune from this tendency.

6. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK rất quan tâm đến việc giữ cho tâm thức các đệ tử của Ngài không vướng bận những mối bận tâm thứ yếu. Tâm lý thông thường có khuynh hướng suy nghĩ khá nặng tính cá nhân, và các đệ tử cũng không tránh khỏi khuynh hướng này.

7. Working in affiliation with Hierarchy demands *prioritization* within the field of consciousness. Normal tendencies, though natural, cannot forever be indulged, because an entirely new order of life is being instituted.

7. Làm việc trong sự liên kết với Thánh đoàn đòi hỏi phải *xác lập thứ tự ưu tiên* trong trường tâm thức. Những khuynh hướng thông thường, dù tự nhiên, cũng không thể mãi được chiều theo, vì một trật tự sống hoàn toàn mới đang được thiết lập.

8. We have to begin regarding each other in entirely new ways; we are not essentially personalities and should not be so regarded. If I think of you as a personality, I do not help the emergence of you as a soul; the same is true if you think of me similarly.

8. Chúng ta phải bắt đầu nhìn nhận nhau theo những cách hoàn toàn mới; về bản chất, chúng ta không phải là những phàm ngã và không nên bị nhìn nhận như vậy. Nếu tôi nghĩ về các bạn như những phàm ngã, tôi không giúp các bạn hiển lộ như những linh hồn; điều tương tự cũng đúng nếu các bạn nghĩ về tôi như vậy.

9. If we could all learn to "put first things first" (by no means an easy matter) our progress and our usefulness would greatly increase. This requires, of course, the power of *elimination* and, therefore, the good offices of some of the harsher planets — Saturn and Pluto especially.

9. Nếu tất cả chúng ta đều có thể học cách "đặt những điều quan trọng nhất lên hàng đầu" (điều hoàn toàn không dễ), sự tiến bộ và tính hữu ích của chúng ta sẽ gia tăng rất nhiều. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi năng lực *loại bỏ* và do đó cần sự hỗ trợ của một số hành tinh khắc nghiệt hơn — đặc biệt là Sao Thổ và Sao Diêm Vương.

10. Right action in this regard would leave us far freer for group work. Personality preoccupation (whether physical or psychological) consumes far too much energy. An initiate has freed himself from this.

10. Hành động đúng đắn về phương diện này sẽ giúp chúng ta tự do hơn nhiều để làm công việc nhóm. Sự bận tâm về phàm ngã (dù về mặt hồng trần hay tâm lý) tiêu tốn quá nhiều năng lượng. Một điểm đạo đồ đã tự giải thoát khỏi điều này.

2. Fusion. By this I mean the ability of the group to work as a unit. This is dependent upon the achieving of right individual attitudes and (when working) the attainment of the capacity to lose sight of everything except the work to be done and a deeply sensed love of your brothers.

2. Sự dung hợp. Với từ này, Tôi muốn nói đến khả năng của nhóm làm việc như một đơn vị. Điều này tùy thuộc vào việc đạt được những thái độ cá nhân đúng đắn và (khi làm việc) đạt đến khả năng quên đi mọi sự, chỉ còn công việc cần làm và tình thương sâu sắc dành cho các huynh đệ của các bạn.

1. Fusion is yet another step beyond group integrity.

1. Sự dung hợp là một bước nữa vượt lên trên tính toàn vẹn của nhóm.

2. A group is not an assemblage of individuals, but a merging into effective unity of a number of individuals driven by the same purpose and plan.

2. Một nhóm không phải là một tập hợp các cá nhân, mà là sự hòa nhập thành một thể thống nhất hoạt động hữu hiệu của một số cá nhân cùng được thúc đẩy bởi một mục đích và Thiên Cơ chung.

3. One may still have a nominally personal life (for we are persons in this world as well as souls) but when working spiritually, only the work to be done and a “deeply sense love of your brothers” are of moment.

3. Người ta vẫn có thể có một đời sống gọi là riêng tư (vì chúng ta vừa là những con người trong thế gian này, vừa là những linh hồn), nhưng khi làm việc về mặt tinh thần, chỉ công việc cần làm và “tình thương sâu sắc dành cho các huynh đệ của các bạn” mới là điều quan trọng.

4. Our approach to group work is greatly simplified by these words, but the eliminations required are rather drastic.

4. Những lời này giúp cách chúng ta tiếp cận công việc nhóm trở nên đơn giản hơn rất nhiều, nhưng những điều cần loại bỏ lại khá triệt để.

5. Group members who have achieved in accordance with the above are driven by spiritual will and spiritual love. They are working somewhat in rapport with the Spiritual Triad, and not only from their accumulated fund of desirable qualities

5. Những thành viên nhóm đã đạt được những điều nêu trên được thúc đẩy bởi ý chí tinh thần và tình thương tinh thần. Họ đang làm việc trong sự giao cảm phần nào với Tam Nguyên Tinh Thần, chứ không chỉ dựa vào vốn phẩm tính đáng quý đã tích lũy (lưu

(stored in the causal body).

6. We can see that group members will have had to work together for some time (as intelligently, lovingly and as purposefully as they can) before real fusion can supervene. Many group processes stop short of this objective.

3. Understanding. I use this word in reference to your comprehension of the work to be undertaken. I do not use the word in reference to your attitude to yourself or to your group brothers. It means that each group works wisely and understandingly at its own appointed task, knowing that it contributes to a whole which exists in the mind of the Master.

1. The word "understanding", as here used, focusses more on the mental plane than in relation to individual and group psychology.

2. In an Ashram there is a fine division of labor and each member is to know exactly what he is doing and why he is doing it.

3. A vision of the whole is, to some extent, required, so that there may be an understanding of the part that each is to play within that whole.

4. We may ask: do we truly understand what the Ashram with which we may be affiliated is attempting to achieve — as a whole? It would be important to grasp such a vision with some measure of accuracy, otherwise, how can we co-measure our activity in relation to the Ashram?

giữ trong thể nguyên nhân).

6. Chúng ta có thể thấy các thành viên nhóm phải cùng làm việc trong một thời gian (với tất cả trí tuệ, tình thương và ý thức mục đích mà họ có thể có) trước khi sự dung hợp thực sự có thể xuất hiện. Nhiều tiến trình nhóm dừng lại trước khi đạt đến mục tiêu này.

3. Sự thấu hiểu. Tôi dùng từ này để nói đến sự lĩnh hội của các bạn về công việc cần đảm nhận. Tôi không dùng từ này để nói đến thái độ của các bạn đối với bản thân hoặc các huynh đệ trong nhóm. Điều này có nghĩa là mỗi nhóm làm nhiệm vụ được giao một cách khôn ngoan và thấu hiểu, biết rằng mình đóng góp vào một tổng thể hiện hữu trong thể trí của Chân sư.

1. Từ "thấu hiểu", theo cách dùng ở đây, tập trung vào cõi trí nhiều hơn là vào tâm lý cá nhân và nhóm.

2. Trong một ashram có sự phân công lao động tinh tế, và mỗi thành viên phải biết chính xác mình đang làm gì và vì sao mình làm điều đó.

3. Ở một mức độ nào đó, cần có tầm nhìn về tổng thể để có thể thấu hiểu vai trò mà mỗi người phải đảm nhận trong tổng thể ấy.

4. Chúng ta có thể hỏi: liệu chúng ta có thực sự thấu hiểu điều mà ashram chúng ta có thể đang liên kết đang cố gắng đạt được — xét như một tổng thể — hay không? Việc nắm bắt tầm nhìn ấy với một mức độ chính xác nào đó hẳn là quan trọng; nếu không, làm sao chúng ta có thể điều chỉnh hoạt động của mình cho tương xứng trong mối liên hệ với ashram?

5. We are, however, speaking not only of what the individual within the group must perform, but what the *group as a whole* must perform in relation to other groups affiliated with the Ashram and in relation to the Ashram as a whole.

5. Tuy nhiên, chúng ta không chỉ nói về những gì cá nhân trong nhóm phải thực hiện, mà còn về những gì *toàn thể nhóm* phải thực hiện trong mối liên hệ với các nhóm khác cùng liên kết với ashram và với toàn thể ashram.

6. The specialized groups-of-nine (Telepathic Communicators, Trained Observers, Magnetic Healers, etc.) had each a very specific task set before them, even though the details of that task were not yet fully presented by the Master. These tasks were to emerge as time passed, but unfortunately (as misfortune seems to the disciple) the groups had to be brought to a close.

6. Các nhóm chuyên biệt gồm chín người (Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm, Các Nhà Quan Sát Lão Luyện, Các Nhà Trị Liệu Từ Tính, v.v.) mỗi nhóm đều có một nhiệm vụ rất cụ thể đặt ra trước mình, dù Chân sư chưa trình bày đầy đủ các chi tiết của nhiệm vụ ấy. Những nhiệm vụ này sẽ dần hiển lộ theo thời gian, nhưng không may (theo cách người đệ tử nhìn nhận sự bất hạnh), các nhóm đã phải chấm dứt hoạt động.

7. We are perhaps engaged in the labors of a number of groups — the 28 Rules Group, the LAWS Group, the AAMP Meditation Group, to name a few among many. The place and purpose of such groups must be eventually clarified so that the exact contribution to humanity and the Ashram may be accurately perceived.

7. Có lẽ chúng ta đang tham gia công việc của một số nhóm — Nhóm 28 Quy Luật, Nhóm LAWS, Nhóm Tham Thiền AAMP, chỉ kể vài nhóm trong số rất nhiều nhóm. Cuối cùng, vị trí và mục đích của những nhóm như vậy phải được làm rõ để có thể nhận biết chính xác sự đóng góp cụ thể của chúng cho nhân loại và ashram.

8. In general, were I to judge the nature of these groups, I would say that they are designed to "teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom" wherever a response may be found. They are largely educational, and, I suspect, many of their members, are engaged in tasks related to esoteric education.

8. Nhìn chung, nếu phải đánh giá bản chất của những nhóm này, tôi cho rằng chúng được lập ra để "giảng dạy và phổ biến tri thức về Minh Triết Ngàn Đời" ở bất cứ nơi nào có thể tìm thấy sự đáp ứng. Các nhóm này phần lớn mang tính giáo dục, và tôi phỏng đoán rằng nhiều thành viên của chúng đang đảm nhận những nhiệm vụ liên quan đến giáo dục huyền bí.

9. Within this general educational thrust, there are also a large variety of other esoteric orientations and tasks — worthy and important.

9. Trong định hướng giáo dục chung này, còn có rất nhiều định hướng và nhiệm vụ huyền bí khác — đáng quý và quan trọng.

Integrity, fusion and understanding — this

Tính toàn vẹn, sự dung hợp và sự thấu hiểu

is the order of the work and the sequence of development. All groups, working in the outer world in relation to the Ashrams of the Masters, will follow certain initial and final stages in their work and [61] these will be uniform for all the groups, no matter what their specific and individual group work may be. Thus there will be brought about an inter-group relation and a consequent strengthening of the individual groups. The third stage of the work to be done will be special and particular, differing for each group and to be followed by the group with meticulous care. I would ask all the various groups which may be working under my direction to attend to their own individual group business and not to speculate as to the nature of the work being done by the other groups.

— đó là thứ tự công việc và trình tự phát triển. Tất cả các nhóm hoạt động ở thế giới bên ngoài trong mối liên hệ với các ashram của các Chân sư sẽ trải qua những giai đoạn khởi đầu và kết thúc nhất định trong công việc, và [61] những giai đoạn này sẽ thống nhất đối với mọi nhóm, bất kể công việc riêng biệt và cụ thể của từng nhóm là gì. Như vậy, mối liên hệ giữa các nhóm sẽ hình thành, và nhờ đó từng nhóm được củng cố. Giai đoạn thứ ba của công việc cần làm sẽ mang tính chuyên biệt và riêng biệt, khác nhau đối với mỗi nhóm, và nhóm phải thực hiện với sự cẩn trọng tỉ mỉ. Tôi đề nghị tất cả các nhóm khác nhau có thể đang làm việc dưới sự chỉ dẫn của Tôi hãy chú tâm vào công việc riêng của nhóm mình và đừng suy đoán về bản chất công việc mà các nhóm khác đang thực hiện.

1. DK is trying to be very clear. His groups have now been working for some time, and He has had His doubts about the success of the experiment (judging from things said elsewhere).

1. Chân sư DK đang cố gắng trình bày thật rõ ràng. Đến nay, các nhóm của Ngài đã hoạt động được một thời gian, và Ngài đã có những hoài nghi về sự thành công của cuộc thử nghiệm (xét theo những điều được nói ở những chỗ khác).

2. DK points out the uniformity of certain stages of group work. He is attempting to establish a structure in the minds of His chelas.

2. Chân sư DK chỉ ra tính thống nhất của một số giai đoạn trong công việc nhóm. Ngài đang cố gắng thiết lập một cấu trúc trong thể trí các đệ tử của Ngài.

3. Groups must be related to other similarly motivated groups. A knowledge of the process to be followed by each and every group, will facilitate this group-interrelation.

3. Các nhóm phải liên hệ với những nhóm khác có động cơ tương tự. Việc hiểu biết tiến trình mà mỗi nhóm đều phải tuân theo sẽ tạo thuận lợi cho mối tương quan giữa các nhóm này.

4. At the time of this writing, each group-of-nine was intentionally isolated from other such groups. In general, the personnel of the various groups were unknown to each other, and this on purpose — to keep the

4. Vào thời điểm viết những dòng này, mỗi nhóm chín người đều được chủ ý cách ly với những nhóm tương tự khác. Nhìn chung, thành viên các nhóm khác nhau không biết nhau, và điều này là có chủ đích — để giữ cho

thoughtform of each group clear and its progress subject to as little interference as possible.

hình tư tưởng của mỗi nhóm được rõ ràng và để sự tiến bộ của nhóm chịu ít sự can thiệp nhất có thể.

5. Nevertheless, speculation concerning which chela was in which group was frequently to be seen despite Master DK's admonitions against such speculation. Human curiosity was at work; it was not the curiosity of the soul.

5. Tuy nhiên, người ta vẫn thường thấy những suy đoán về việc đệ tử nào thuộc nhóm nào, bất chấp những lời khuyên răn của Chân sư DK về việc không nên suy đoán như thế. Tính hiếu kỳ của con người đang hoạt động; đó không phải là sự hiếu kỳ của linh hồn.

6. A bit earlier we learned that group members were to "mind their own business" with respect to each other. Now we see that all members of a specific group are, essentially, to do the same — attending to the business of *their particular group* and not inquire about the business of other groups. Master DK wanted to prevent a premature mixing of thought and energy — especially since none of the groups was yet very stable, integrated or fused.

6. Ở phần trước, chúng ta đã biết rằng trong quan hệ với nhau, các thành viên nhóm phải "lo việc của mình" mà thôi. Giờ đây, chúng ta thấy rằng về cơ bản, mọi thành viên của một nhóm cụ thể đều phải làm như vậy — chú tâm vào công việc của *nhóm riêng của mình* và không dò hỏi công việc của các nhóm khác. Chân sư DK muốn ngăn ngừa sự pha trộn tư tưởng và năng lượng quá sớm — nhất là vì chưa nhóm nào thật sự ổn định, tích hợp hay dung hợp.

7. Early instructions would pertain to *all* groups. Later, differentiated processes would be followed with "meticulous care". The groups did not really reach the stage where the "third stage of the work" could eventuate.

7. Những huấn thị ban đầu sẽ áp dụng cho *tất cả* các nhóm. Về sau, các nhóm sẽ tuân theo những tiến trình đã biến phân với "sự cẩn trọng tỉ mỉ". Các nhóm đã không thực sự đạt đến mức mà "giai đoạn thứ ba của công việc" có thể diễn ra.

8. We can see, however, that the occult method was being followed — moving as it does from the general to the particular — from purpose, through cohesion, to carefully articulated process.

8. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy rằng phương pháp huyền bí đã được tuân theo — đi từ cái chung đến cái riêng, như đặc tính của phương pháp này — từ mục đích, qua sự cố kết, đến tiến trình được xác định rõ ràng và cẩn thận.

9. Group members, therefore, had to be aware of those aspects of their work which were uniformly shared with personnel of other groups, and such aspects as would be specifically particular to their own group.

9. Do đó, các thành viên nhóm phải nhận biết những phương diện công việc mà họ cùng chia sẻ một cách thống nhất với thành viên các nhóm khác, cũng như những phương diện sẽ là đặc thù riêng của nhóm

mình.

10. A little thought about the nature of these Seed Groups will reveal how very much Master DK had yet to teach when world circumstances (and group failure) necessitated the termination of the groups-of-nine. Much very refined instruction had yet to be offered. Perhaps He had planned that He would be physically present to oversee the instruction. From *Initiation: Human and Solar,* we read that the Christ may have been intending to appear towards the middle of the twentieth century. As the Christ would necessarily be preceded by certain Masters, Master DK may well have been one of the externalizing Masters slated to appear.

10. Chỉ cần suy nghĩ đôi chút về bản chất của các Nhóm hạt giống này, chúng ta sẽ thấy Chân sư DK vẫn còn biết bao điều phải giảng dạy khi hoàn cảnh thế giới (và sự thất bại của các nhóm) buộc phải chấm dứt các nhóm chín người. Vẫn còn nhiều huấn thị rất tinh tế chưa được truyền dạy. Có lẽ Ngài đã dự định hiện diện trong thể xác để giám sát việc giảng dạy. Trong *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương,* chúng ta đọc thấy rằng Đức Christ có thể đã có ý định xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ hai mươi. Vì nhất thiết phải có một số Chân sư xuất hiện trước Đức Christ, nên rất có thể Chân sư DK là một trong các Chân sư đang ngoại hiện đã được dự định sẽ xuất hiện.

11. World War II called for a major revision of plans, and I suspect that the Seed Group Work, in the form intended, will have to be deferred until some date later in this twenty-first century.

11. Chiến tranh Thế giới thứ hai đòi hỏi phải sửa đổi lớn các kế hoạch, và tôi cho rằng Công Việc Nhóm Hạt Giống, theo hình thức đã dự định, sẽ phải hoãn đến một thời điểm muộn hơn trong thế kỷ hai mươi mốt này.

Let me outline for you the stages to be followed:

Để Tôi phác thảo cho các bạn những giai đoạn cần tuân theo:

STAGE ONE. Alignment. Soul contact. Spiritual poise. Poise is the steady holding of the achieved soul contact.

GIAI ĐOẠN MỘT. Chỉnh hợp. Tiếp xúc với linh hồn. Quân bình tinh thần. Quân bình là duy trì vững vàng sự tiếp xúc với linh hồn đã đạt được.

a. Then, the conscious relinquishing of personality reactions.

a. Sau đó, có ý thức từ bỏ những phản ứng của phàm ngã.

b. Next, the recognition of the fact of love as an expression of that soul contact — expressed through the medium of the personality.

b. Tiếp theo, nhận biết thực tại của tình thương như một biểu hiện của sự tiếp xúc với linh hồn ấy — biểu lộ qua trung gian phàm ngã.

c. Finally, the imaginative fusion of the egoic and personality rays.

c. Cuối cùng, dung hợp cung chân ngã và cung phàm ngã bằng sự tưởng tượng.

This constitutes the vertical stage.

1. An important meditation to achieve some of the objectives stated above is offered.

2. Personality reactions are consciously relinquished.

3. Love is recognized as a soul factor and expressed through the personality.

4. And, imaginatively, soul and personality rays are fused.

5. The individual personality is seen as an instrument of the soul.

STAGE TWO. The above is followed by group integration and group fusion, carried forward consciously:

a. By bringing each group member into conscious rapport through naming and loving.

b. By seeing all the group members as a circle of living points of light along with yourself in the circle, but not at the centre of the circle.

c. By imagining all these points of light as fusing and blending to make a radiant sun, with rays of light going out towards the four corners of the earth.

This constitutes the horizontal stage.

1. "Naming and loving" is an important phase of in the process of group integration. *Each group member is actually named and a stream of love is sent from the meditator to each.* This is a simple but effective method of

Điều này tạo thành giai đoạn theo chiều dọc.

1. Một bài thiền quan trọng được đưa ra để đạt một số mục tiêu đã nêu trên.

2. Người hành thiền có ý thức từ bỏ những phản ứng của phàm ngã.

3. Tình thương được nhận biết là một yếu tố của linh hồn và được biểu lộ qua phàm ngã.

4. Và, bằng sự tưởng tượng, cung linh hồn và cung phàm ngã được dung hợp.

5. Phàm ngã cá nhân được nhìn nhận là một công cụ của linh hồn.

GIAI ĐOẠN HAI. Tiếp theo phần trên là sự tích hợp nhóm và sự dung hợp nhóm, được tiến hành một cách có ý thức:

a. Bằng cách đưa từng thành viên nhóm vào mối giao cảm có ý thức qua việc gọi tên và yêu thương.

b. Bằng cách thấy mọi thành viên nhóm như một vòng tròn gồm những điểm sáng sống động, cùng với chính mình ở trong vòng tròn, nhưng không ở tâm vòng tròn.

c. Bằng cách tưởng tượng tất cả những điểm sáng này dung hợp và hòa quyện thành một mặt trời rực rỡ, với những tia sáng tỏa ra bốn phương Trái Đất.

Điều này tạo thành giai đoạn theo chiều ngang.

1. "Gọi tên và yêu thương" là một bước quan trọng trong tiến trình tích hợp nhóm. *Người hành thiền thực sự gọi tên từng thành viên nhóm và gửi một dòng tình thương đến từng người.* Đây là một phương pháp đơn giản

achieving loving, lighted group interplay.

nhưng hiệu quả để đạt được sự tương tác nhóm đầy tình thương và ánh sáng.

2. The simple beauty of this meditation is clear. Each of us can practice this in relation to the groups with which we may be participating.

2. Vẻ đẹp giản dị của bài thiền này thật rõ ràng. Mỗi người chúng ta đều có thể thực hành điều này trong mối liên hệ với những nhóm mà mình có thể đang tham gia.

3. The Sun is the symbol of synthesis, and in this case, it synthesizes the cross (the four corners of the earth). This involves the elements and the deva kingdom.

3. Mặt Trời là biểu tượng của sự tổng hợp, và trong trường hợp này, nó tổng hợp thập giá (bốn phương Trái Đất). Điều này liên quan đến các nguyên tố và giới thiên thần.

4. We note that this group process is considered a "horizontal" phase of the work. There is, indeed, a kind of 'lateral expansiveness' which can be sensed in terms of the instructions for the second stage.

4. Chúng ta lưu ý rằng tiến trình nhóm này được xem là một giai đoạn "theo chiều ngang" của công việc. Quả thật, có một dạng 'mở rộng sang hai bên' mà chúng ta có thể cảm nhận qua những huấn thị dành cho giai đoạn thứ hai.

STAGE THREE. There follows next a careful consideration of group purpose and technique. This technique will be different for each group; by a dynamic, unremitting [62] following of the particular, indicated technique will the results be achieved. This technique must not be changed by anyone except myself.

GIAI ĐOẠN BA. Tiếp theo là việc xem xét cẩn thận mục đích và kỹ thuật của nhóm. Mỗi nhóm sẽ có kỹ thuật khác nhau; chính nhờ việc tuân theo một cách năng động, không ngừng nghỉ [62] kỹ thuật riêng đã được chỉ định mà các kết quả sẽ đạt được. Ngoài chính Tôi, không ai được thay đổi kỹ thuật này.

1. Group purpose was, at this time, rather clear.

1. Vào thời điểm này, mục đích nhóm đã khá rõ ràng.

2. Group technique was more intricate and had not yet been fully revealed, though a general statement describing each had been given.

2. Kỹ thuật nhóm phức tạp hơn và chưa được tiết lộ đầy đủ, dù đã có một lời trình bày khái quát mô tả kỹ thuật của từng nhóm.

3. We note that Master DK is indeed the *Director* of these groups and responsible for their correct guidance.

3. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK quả thực là *Đấng Chỉ Đạo* các nhóm này và chịu trách nhiệm hướng dẫn họ đúng đắn.

Stages I and II should be rapidly effective and almost instantaneous in their results,

Sau ba tháng thực hành cẩn thận, các Giai đoạn I và II phải nhanh chóng có hiệu quả và

after three months' careful work has been done. I request that you give careful, patient attention to them so that they develop eventually into stable habits and so give you no trouble and further difficulty. The initial stages in this type of work are of paramount importance.

mang lại kết quả gần như tức thời. Tôi yêu cầu các bạn chú tâm thực hành chúng một cách cẩn thận, kiên nhẫn, để cuối cùng chúng trở thành những thói quen ổn định, nhờ đó không gây cho các bạn trở ngại và khó khăn nào thêm nữa. Những giai đoạn ban đầu trong loại công việc này có tầm quan trọng hàng đầu.

1. DK works to make the first stages of the meditation routine.

1. Chân sư DK cố gắng làm cho những giai đoạn đầu của bài thiền trở thành nếp thực hành quen thuộc.

2. Much training had already preceded the giving of this meditation. The meditation represents a stage of consolidation of considerable training.

2. Trước khi bài thiền này được trao, đã có nhiều sự huấn luyện. Bài thiền thể hiện một giai đoạn củng cố quá trình huấn luyện đáng kể ấy.

STAGE FOUR. Having finished the special group work under Stage III, the members of the group will then endeavour to link up with the other groups in the same manner in which they linked up with the members of their own group. In this case, however, disciples will not concern themselves with the personnel of any of the groups, including their own, but only — as a group — link their group with the other groups. Thus the concepts of illusion and of separateness, and the realisation of fusion, will assume correct proportions in your minds.

GIAI ĐOẠN BỐN. Sau khi hoàn thành công việc nhóm đặc biệt trong Giai đoạn III, các thành viên nhóm sẽ cố gắng liên kết với các nhóm khác theo cùng cách họ đã liên kết với các thành viên trong nhóm mình. Tuy nhiên, trong trường hợp này, các đệ tử sẽ không quan tâm đến thành viên của bất kỳ nhóm nào, kể cả nhóm mình, mà chỉ — với tư cách một nhóm — liên kết nhóm mình với các nhóm khác. Như vậy, các khái niệm về ảo tưởng và sự chia rẽ, cùng với sự chứng nghiệm về dung hợp, sẽ có được tỉ lệ đúng đắn trong thể trí các bạn.

1. It appears that the "special group work" has not been included in these instructions. These are the particulars in which many may be interested, but for which they would be unprepared unless they had successfully completed the earlier stages.

1. Dường như "công việc nhóm đặc biệt" chưa được đưa vào những huấn thị này. Đây là những chi tiết mà nhiều người có thể quan tâm, nhưng họ sẽ chưa sẵn sàng đón nhận nếu chưa hoàn thành thành công các giai đoạn trước.

2. Perhaps, if Master DK decides to re-animate these Seed Groups, such special techniques will again be applied — under His supervision.

2. Có lẽ, nếu Chân sư DK quyết định khôi phục hoạt động của các Nhóm hạt giống này, những kỹ thuật đặc biệt ấy sẽ lại được áp dụng — dưới sự giám sát của Ngài.

3. A further horizontal approach is to be utilized, this time between the groups (irrespective of their personnel), just as previously between the personnel in any particular group.

3. Một cách tiếp cận thêm nữa theo chiều ngang sẽ được sử dụng, lần này là giữa các nhóm (không xét đến thành viên của họ), cũng như trước đó là giữa các thành viên trong một nhóm cụ thể.

4. The Seed Group Work was to be *one organic whole*. The need of each Seed Group for initial insulation was a preliminary requirement. Later the interdependence of all such groups and their essential fusion would be experienced.

4. Công Việc Nhóm Hạt Giống phải là *một toàn thể hữu cơ duy nhất*. Nhu cầu cách ly ban đầu của mỗi Nhóm hạt giống là một yêu cầu sơ bộ. Về sau, các nhóm sẽ trải nghiệm sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả những nhóm ấy và sự dung hợp cốt yếu giữa họ.

5. DK is teaching His chelas to think in terms of the group as a whole; the personnel, really, are incidental.

5. Chân sư DK đang dạy các đệ tử của Ngài suy nghĩ về nhóm như một toàn thể; thực ra, thành phần thành viên chỉ là thứ yếu.

a. Next, as a group, say the Great Invocation three times:

a. Tiếp theo, với tư cách một nhóm, hãy đọc Đại Khấn Nguyện ba lần:

"Let the Forces of Light bring illumination to mankind.

Let the Spirit of Peace be spread abroad.

May Men of Goodwill everywhere meet in a spirit of cooperation.

Let Power attend the efforts of the Great Ones."

"Cầu xin các Mãnh Lực Ánh Sáng đem sự soi sáng đến cho nhân loại.

Cầu xin Tinh thần Hòa Bình lan tỏa khắp nơi.

Cầu mong những người thiện chí ở khắp nơi gặp nhau trong tinh thần hợp tác.

Cầu xin Quyền Năng hỗ trợ những nỗ lực của Các Đấng Cao Cả."

b. Then sound the Sacred Word, the O. M. three times.

b. Sau đó xướng Linh từ Thiêng liêng, O. M., ba lần.

c. Close with the prayer of the personality to the soul:

c. Kết thúc bằng lời cầu nguyện của phàm ngã với linh hồn:

"May the words of my mouth and the meditation of my heart be always acceptable in thy sight, Oh Soul, my Lord and my Redeemer." [63]

"Cầu mong những lời từ miệng con và sự tham thiền trong tâm con luôn được Ngài chấp nhận, hỡi Linh Hồn, Chúa Tể và Đấng Cứu Chuộc của con." [63]

1. The Great Invocation referenced is really

1. Đại Khấn Nguyện được nhắc đến thực ra là

Stanza I of a three-part Great invocation.

Bài kệ I của một Đại Khấn Nguyện gồm ba phần.

2. Stanza II was given in 1940 and Stanza III in 1945 (the Great Invocation as we normally think of it and sound it).

2. Bài kệ II được ban vào năm 1940 và Bài kệ III vào năm 1945 (Đại Khấn Nguyện mà chúng ta thường nghĩ đến và xướng lên).

3. The meditation closes with ancient words which hearken back to the Old Testament. This is really a prayer of the suppliant personality to the over-lighting Solar Angel.

3. Bài thiền kết thúc bằng những lời cổ xưa gợi về Cựu Ước. Đây thực sự là lời cầu nguyện của phàm ngã khẩn cầu Thái dương Thiên Thần đang soi sáng từ bên trên.

4. If we wish to approach the Solar Angel, we have been given the right means for doing so.

4. Nếu muốn tiếp cận Thái dương Thiên Thần, chúng ta đã được trao phương tiện đúng đắn để làm điều đó.

To the next commentary

Sang phần bình giảng tiếp theo

8. PART VII – 8. PHẦN VII

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

The need for telepathic sensitivity in every group, composed of disciples, is based upon three necessities; I would like you to understand this more clearly.

Nhu cầu về sự nhạy cảm viễn cảm trong mỗi nhóm gồm các đệ tử dựa trên ba điều cần thiết; Tôi muốn các bạn thấu hiểu điều này rõ hơn.

1. The cultivation of an inter-relation of a telepathic nature upon the mental plane is essential. This has always been an established fact or condition in the case of a Master and His disciple and between the senior disciples in any group of accepted disciples. The time has now come when this group quality must — for the sake of a needy world — be developed by disciples of lesser attainment in the group.

1. Việc vun bồi mối tương quan có bản chất viễn cảm trên cõi trí là điều thiết yếu. Đây luôn là một thực tế hay một điều kiện đã được xác lập trong quan hệ giữa một Chân sư với đệ tử của Ngài, và giữa các đệ tử cao niên trong bất kỳ nhóm đệ tử được chấp nhận nào. Giờ đây đã đến lúc các đệ tử có thành tựu thấp hơn trong nhóm phải phát triển phẩm tính nhóm này — vì một thế giới đang cần trợ giúp.

1. We understand that the development of telepathic sensitivity is not an *option,* but a

1. Chúng ta thấu hiểu rằng việc phát triển sự nhạy cảm viễn cảm không phải là một *lựa*

need in every group of disciples which is to be associated with Hierarchy.

2. Such disciples are related to each other primarily on the plane of soul, but the plane of soul is (at this time) the higher mental plane. This is the kind of "mental telepathy" which is to be cultivated — higher mind to higher mind. Such higher telepathy will, of course, have its reflection in the normal form of mental telepathy — which includes 'concrete' mental content.

3. A familiar theme is enunciated: that which earlier was the prerogative of the Masters, initiates and senior disciples in groups of accepted disciples, must now become the prerogative of disciples of lesser attainment — all for the sake of a needy world.

4. The Tibetan is again letting us know that we (and all of Hierarchy) are in the midst of a "forcing process" with both its opportunities and attendant discomforts.

5. Telepathic sensitivity is of the utmost importance so that there may be *unanimity* among the group brothers — one luminous soul-infused mind. Within an Ashram, all participants must be impressed by how the Master "sees things". No argument and divisive, divergent points of view are then possible though illuminating discussion and the contribution of each ashramic member are always possible.

2. This telepathic unfoldment will lead to a greater sensitivity to others. This is the secret of a Master's work and the factor which enables Him to work through His

chọn, mà là một *nhu cầu* trong mọi nhóm đệ tử sẽ liên kết với Thánh đoàn.

2. Những đệ tử như thế liên hệ với nhau chủ yếu trên cõi linh hồn, nhưng cõi linh hồn (vào thời điểm này) là cõi thượng trí. Đây là loại "viễn cảm trí tuệ" cần được vun bồi — từ thượng trí đến thượng trí. Dĩ nhiên, loại viễn cảm cao hơn ấy sẽ có sự phản chiếu trong hình thức viễn cảm trí tuệ thông thường — vốn bao gồm nội dung trí tuệ 'cụ thể' trong đó.

3. Một chủ đề quen thuộc được nêu lên: điều trước kia là đặc quyền của các Chân sư, điểm đạo đồ và đệ tử cao niên trong các nhóm đệ tử được chấp nhận, giờ đây phải trở thành đặc quyền của những đệ tử có thành tựu thấp hơn — tất cả đều vì một thế giới đang cần trợ giúp.

4. Chân sư Tây Tạng một lần nữa cho chúng ta biết rằng chúng ta (và toàn thể Thánh đoàn) đang ở giữa một "tiến trình thúc đẩy mạnh mẽ" với cả những cơ hội lẫn những khó chịu đi kèm.

5. Sự nhạy cảm viễn cảm có tầm quan trọng tối cao để có thể có *sự nhất trí* giữa các huynh đệ trong nhóm — một thể trí sáng ngời duy nhất được linh hồn thấm nhuần. Trong một ashram, tất cả những người tham gia đều phải tiếp nhận ấn tượng từ cách Chân sư "nhìn nhận mọi việc". Khi ấy, không thể có tranh cãi và những quan điểm khác biệt gây chia rẽ, dù vẫn luôn có thể thảo luận để làm sáng tỏ và đón nhận sự đóng góp của từng thành viên ashram.

2. Sự khai mở viễn cảm này sẽ dẫn đến sự nhạy cảm lớn hơn với người khác. Đây là bí quyết trong công việc của một Chân sư và là yếu tố giúp Ngài hoạt động thông qua các đệ

disciples, using them as outposts of His consciousness. To do this with exactitude, He must be able to know their condition (mental, psychical and physical) when He chooses so to know. He can thus discover whether they are available or not for any specific service, whether they can be safely used or not and whether their sensitivity is such and their interpretation of what they sense is of sufficient accuracy so that they will respond intelligently to the need. Have I not had to study all of you this way? Think this out and ponder upon the implications.

tử, sử dụng họ như những tiền đồn của tâm thức Ngài. Để làm điều này một cách chính xác, Ngài phải có khả năng biết được tình trạng của họ (về trí tuệ, thông linh và hồng trần) khi Ngài muốn biết. Nhờ đó, Ngài có thể xác định họ có sẵn sàng cho một công việc phụng sự cụ thể nào đó hay không, có thể sử dụng họ một cách an toàn hay không, và liệu sự nhạy cảm của họ cùng cách họ diễn giải những gì mình cảm nhận có đủ chính xác để họ đáp ứng một cách thông minh trước nhu cầu hay không. Chẳng phải Tôi đã phải tìm hiểu tất cả các bạn theo cách này sao? Hãy suy nghĩ thấu đáo điều này và suy ngẫm về những hàm ý của nó.

1. “Creation” is coalescing through the sensitivity of all parts to each other. Sensitivity it is which reduces isolation and leads to the re-amalgamation of the apparently separated parts.

1. “Công cuộc sáng tạo” đang kết tụ nhờ sự nhạy cảm của mọi bộ phận đối với nhau. Chính sự nhạy cảm làm giảm sự cô lập và dẫn đến sự tái hợp nhất của những bộ phận có vẻ tách biệt.

2. The Tibetan speaks of the possibility of knowing another’s thoughts, feelings and physical condition — all through telepathic sensitivity. Such sensitivity, we see, is not limited to the mental realms. The condition of any vehicle or body can be ‘carried’ (“tele”) to a similar vehicle or body (“path”) in another. All aspects of a human being can communicate with similar such aspects in others, and be sensitively registered.

2. Chân sư Tây Tạng nói về khả năng biết được tư tưởng, cảm xúc và tình trạng thể xác của người khác — tất cả đều thông qua sự nhạy cảm viễn cảm. Chúng ta thấy rằng sự nhạy cảm ấy không chỉ giới hạn trong các cõi trí tuệ. Tình trạng của bất kỳ hiện thể hay thân thể nào cũng có thể được ‘truyền đi’ (“viễn”) đến một hiện thể hay thân thể tương tự (“cảm”) ở người khác. Mọi phương diện của một con người đều có thể giao tiếp với những phương diện tương tự ở người khác, và được ghi nhận một cách nhạy cảm.

3. The very important phrase “outposts of His consciousness” is used. What does this really mean? An “outpost” can be considered a sensitive sensing device. Just as a human being uses instruments to enhance his states of awareness, so the Master can use His chela as a kind of sensing devise; He can, as it were, ‘see through His chelas eyes’.

3. Cụm từ rất quan trọng “những tiền đồn của tâm thức Ngài” được sử dụng. Điều này thực sự hàm ý gì? Một “tiền đồn” có thể được xem là một thiết bị cảm nhận nhạy bén. Cũng như con người sử dụng các công cụ để nâng cao những trạng thái nhận biết của mình, Chân sư có thể sử dụng đệ tử của Ngài như một loại thiết bị cảm nhận; có thể nói,

Ngài có thể 'nhìn qua đôi mắt các đệ tử của Ngài'.

4. Consciousness is a 'permeable substance'; it can subtly enter and infuse a substance like unto itself. The Master's consciousness can subtly enter the consciousness of His chela. By so doing, the Master 'sees' not only what the chela 'sees', but understands with profound intimacy the internal subjective condition of the chela.

4. Tâm thức là một 'chất liệu có khả năng thẩm thấu'; nó có thể đi vào và thấm nhuần một cách tinh tế một chất liệu tương tự chính nó. Tâm thức của Chân sư có thể đi vào tâm thức đệ tử của Ngài một cách tinh tế. Qua đó, Chân sư 'thấy' không chỉ những gì đệ tử 'thấy', mà còn thấu hiểu một cách sâu sắc và tường tận tình trạng chủ quan bên trong của người đệ tử ấy.

5. It is clear that Master DK studied His chelas in this intimate, subjective way, and based His decisions on what He discovered. Perhaps the Master has, unobtrusively, discovered some of us in this way too. Do we think we might notice when such subjective study was occurring? Perhaps, perhaps not. Perhaps there are moments when we think we feel His presence. At such times, study may be occurring.

5. Rõ ràng Chân sư DK đã tìm hiểu các đệ tử của Ngài theo cách chủ quan và tường tận này, rồi căn cứ vào những gì Ngài khám phá để đưa ra quyết định. Có lẽ Chân sư cũng đã âm thầm khám phá một số người trong chúng ta theo cách này. Chúng ta có nghĩ rằng mình có thể nhận ra khi sự tìm hiểu chủ quan như thế đang diễn ra không? Có lẽ có, có lẽ không. Có lẽ có những khoảnh khắc chúng ta nghĩ mình cảm thấy sự hiện diện của Ngài. Vào những lúc ấy, có thể sự tìm hiểu đang diễn ra.

6. The intimate study occurs for three reasons: to determine *availability, safety* and *sensitivity*. Disciples are not always in a condition to be used; it is not always safe to use them; they will not always have sufficient sensitivity to guarantee intelligent response to what the Master may seek to impart. The Master takes few chances in this regard. He will not undertake a process which He knows is doomed to failure.

6. Sự tìm hiểu tường tận này diễn ra vì ba lý do: để xác định *mức độ sẵn sàng, sự an toàn* và *sự nhạy cảm*. Các đệ tử không phải lúc nào cũng ở trong tình trạng có thể được sử dụng; không phải lúc nào cũng an toàn khi sử dụng họ; họ không phải lúc nào cũng đủ nhạy cảm để bảo đảm đáp ứng thông minh trước những gì Chân sư có thể muốn truyền đạt. Chân sư ít khi mạo hiểm về phương diện này. Ngài sẽ không tiến hành một tiến trình mà Ngài biết chắc chắn sẽ thất bại.

7. DK asks His chelas to ponder the implications of the kind of study to which He has subjected them. What (do we think) are those implications?

7. Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài suy ngẫm về những hàm ý của cách thức Ngài đã tìm hiểu họ. Theo chúng ta, những hàm ý ấy là gì?

a. Surely, that the Master knows them *very* well — certainly better than they know themselves.

a. Chắc chắn là Chân sư biết họ *rất* rõ — chắc chắn rõ hơn họ tự biết mình.

b. Trust in the Master is advisable, even indispensable. The accuracy of His internal perception and His vast experience ensure that the measures He proposes will be exactly co-measured to the condition He has discovered through intimate investigation. Yet, many of the disciples seemed to distrust (or, at least, resist) His advice and did not follow it.

b. Nên tin cậy Chân sư, thậm chí điều này là không thể thiếu. Sự chính xác trong tri giác nội tâm và kinh nghiệm rộng lớn của Ngài bảo đảm rằng những biện pháp Ngài đề xuất sẽ hoàn toàn tương xứng với tình trạng Ngài đã khám phá qua sự khảo sát tường tận. Tuy nhiên, nhiều đệ tử dường như không tin tưởng (hoặc ít nhất là chống lại) lời khuyên của Ngài và đã không làm theo.

c. Knowing that such internal study has occurred is a strong invitation to "occult obedience". It is a humbling experience to be known with utter intimacy. A type of wise acquiescence is required of the disciple and discipleship group in such cases.

c. Biết rằng sự tìm hiểu nội tâm như thế đã diễn ra là một lời mời gọi mạnh mẽ hướng đến "sự tuân phục huyền bí". Việc được thấu biết đến tận cùng là một trải nghiệm khiến ta trở nên khiêm nhường. Trong những trường hợp như thế, người đệ tử và nhóm đệ tử cần có một sự thuận theo sáng suốt.

8. I wonder if we have realized how much *selflessness* it takes to be truly telepathic. The little ego must be entirely out of the way if there is to be truly accurate registration of the condition of another human being. If the would-be sensitive is focussed on himself *along with* the object of sensitive registration, there will be a 'conflict-of-interest' in arena of perception.

8. Tôi tự hỏi liệu chúng ta đã nhận ra cần có biết bao *sự vô ngã* để thực sự có khả năng viễn cảm hay chưa. Phàm ngã nhỏ bé phải hoàn toàn lùi sang một bên thì mới có thể ghi nhận thật sự chính xác tình trạng của một con người khác. Nếu người muốn trở nên nhạy cảm lại tập trung vào bản thân *đồng thời với* đối tượng cần ghi nhận một cách nhạy cảm, thì sẽ có một 'xung đột lợi ích' trong lĩnh vực tri giác.

3. This telepathic sensitivity will also lead to the new science of inter-communication which, in the New Age, will reach general use and comprehension. Of this condition, the radio is the outer physical symbol.

3. Sự nhạy cảm viễn cảm này cũng sẽ dẫn đến khoa học mới về giao tiếp qua lại, mà trong Kỷ Nguyên Mới, người ta sẽ sử dụng và thấu hiểu rộng rãi. Máy thu thanh là biểu tượng hồng trần bên ngoài của trạng thái này.

1. The great science of "inter-communication" is well on its way. It has flourished externally in a manner probably

1. Khoa học vĩ đại về "giao tiếp qua lại" đang tiến triển mạnh mẽ. Ở bên ngoài, nó đã phát triển rực rỡ theo một cách mà có lẽ không ai

unforeseen by all except the most advanced seers.

2. The radio now seems primitive compared to that which the modern television and the Internet can do.

3. What is the value of this inter-communication?

a. The rapid illumination of the mind of humanity.

b. The end of that form of ignorance based upon lack of contact and perception.

c. The ability to 'be there' and thus participate in the experiences of one and all. This will promote an identification with all of humanity and the planet.

d. Thus, the breaking down of limited ego consciousness, and the coming of the realization that "I am humanity"; "I am the world".

4. Humanity is on its way to a pan-human, soul-infused group mind. Significant advances towards this will be noted during the Aquarian Age, with its emphasis upon *universality*.

Certain questions now arise and it might be well to formulate the answers to some of them. It could be wisely asked if anyone has the right to work telepathically upon the mind of any person? The answer is that you are doing it all the time, consciously or unconsciously, and without skill or purpose or — if there is a purpose — it is usually a personality purpose. It is through telepathy

lường trước được, ngoại trừ những nhà thông nhãn tiến bộ nhất.

2. Giờ đây, máy thu thanh có vẻ thô sơ so với những gì truyền hình hiện đại và mạng toàn cầu có thể làm được.

3. Giá trị của sự giao tiếp qua lại này là gì?

a. Sự soi sáng nhanh chóng trí tuệ của nhân loại.

b. Sự chấm dứt dạng vô minh bắt nguồn từ việc thiếu tiếp xúc và tri giác.

c. Khả năng 'có mặt ở đó' và nhờ vậy tham dự vào những trải nghiệm của từng người và của tất cả mọi người. Điều này sẽ thúc đẩy sự đồng hoá với toàn thể nhân loại và hành tinh.

d. Nhờ đó, tâm thức phàm ngã hạn hẹp sẽ tan rã, và sự nhận biết sẽ xuất hiện rằng "Tôi là nhân loại"; "Tôi là thế giới".

4. Nhân loại đang tiến đến một thể trí nhóm bao trùm toàn thể nhân loại, được linh hồn thấm nhuần. Những bước tiến đáng kể theo hướng này sẽ được ghi nhận trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, với sự nhấn mạnh vào *tính phổ quát*.

Giờ đây, một số câu hỏi nảy sinh, và có lẽ nên đưa ra câu trả lời cho một vài câu trong số đó. Một câu hỏi xác đáng có thể là: liệu bất kỳ ai có quyền tác động bằng viễn cảm lên thể trí của người khác hay không? Câu trả lời là các bạn luôn làm điều đó, một cách hữu thức hoặc vô thức, thiếu kỹ năng hay mục đích — hoặc nếu có mục đích thì thường là mục đích của phàm ngã. Chính qua viễn cảm, các ý

that ideas have been disseminated in the world by the process of mentally impressing the mind of some [64] disciple or sensitive person. It is then their task to find and direct the mind and activities of those individuals whose task is not only to be responsive to this impression but to bring it out into the consciousness of the world thinkers. Have you ever asked yourselves what are the aspects of the work, in connection with telepathy, which raise questions in your mind? Is it not distrust of personality intention or point of view and a questioning also as to your own sincerity or motives? Unless this work is carried forward selflessly and with complete freedom from personal prejudice and personal choices — political or religious — there can be no safe work along this line. That is why I emphasise to you the need of doing this work at the highest united point of meditation and with complete obedience to my decisions in the matter.

tưởng đã được phổ biến trên thế giới bằng tiến trình dùng trí tuệ tạo ấn tượng lên thể trí của một [64] đệ tử hoặc một người nhạy cảm nào đó. Khi ấy, nhiệm vụ của họ là tìm kiếm và định hướng thể trí cùng các hoạt động của những cá nhân có nhiệm vụ không chỉ đáp ứng với ấn tượng này mà còn đưa nó vào tâm thức của các nhà tư tưởng trên thế giới. Các bạn đã bao giờ tự hỏi những phương diện nào của công việc liên quan đến viễn cảm khiến các bạn đặt câu hỏi chưa? Chẳng phải đó là sự thiếu tin tưởng vào ý định hay quan điểm của phàm ngã, đồng thời cũng là sự hoài nghi về lòng chân thành hay động cơ của chính mình sao? Trừ khi công việc này được tiến hành một cách vô ngã và hoàn toàn thoát khỏi thành kiến cá nhân cùng những lựa chọn cá nhân — về chính trị hay tôn giáo — thì không thể có công việc an toàn theo đường hướng này. Đó là lý do Tôi nhấn mạnh với các bạn sự cần thiết phải thực hiện công việc này tại điểm hợp nhất cao nhất trong tham thiền và hoàn toàn tuân theo những quyết định của Tôi về vấn đề này.

1. The Tibetan poses the dilemma of privacy and intrusion. Is telepathic sensitivity an intrusion into the mind of another? And, if so, is this intrusion justifiable?

1. Chân sư Tây Tạng nêu lên tình thế khó xử giữa quyền riêng tư và sự xâm nhập. Liệu sự nhạy cảm viễn cảm có phải là sự xâm nhập vào thể trí của người khác không? Và nếu vậy, sự xâm nhập này có chính đáng không?

2. Master DK's answer to this concern is surprising; apparently we are working upon each other's minds *all the time* and, usually, without skill or purpose. If purpose exists, it is usually selfish, personality purpose. Since, because of our very nature, we cannot help but influence others, we had best do it in the right manner.

2. Câu trả lời của Chân sư DK trước mối quan ngại này thật đáng ngạc nhiên; dường như chúng ta đang tác động lên thể trí của nhau *mọi lúc* và thường thiếu kỹ năng hay mục đích. Nếu có mục đích thì thường đó là mục đích ích kỷ của phàm ngã. Vì chính bản chất của chúng ta khiến chúng ta không thể không ảnh hưởng đến người khác, tốt hơn hết là chúng ta nên làm điều đó đúng cách.

3. The entire process of manifestation works

3. Toàn bộ tiến trình biểu hiện vận hành qua

through mental telepathy. Ideas or thoughts descend from 'above', inspired by higher spiritual sources. These ideas impress lesser minds, and the lesser minds impress still lesser minds. It is all one great hierarchy of impression and response to impression.

viễn cảm trí tuệ. Các ý tưởng hay tư tưởng giáng xuống từ 'trên cao', nhận cảm hứng từ những nguồn tinh thần cao hơn. Những ý tưởng này tạo ấn tượng lên các thể trí thấp hơn, và các thể trí thấp hơn lại tạo ấn tượng lên những thể trí còn thấp hơn nữa. Tất cả hợp thành một hệ thống thứ bậc rộng lớn duy nhất của sự tạo ấn tượng và đáp ứng với ấn tượng.

4. We, as disciples, have the task not only to be receptive to impression from the Masters and higher 'impressive agencies', but to *find* and *impress* other minds who are suitable for carrying out in some useful and practical manner that with which we have been impressed.

4. Là các đệ tử, chúng ta có nhiệm vụ không chỉ tiếp nhận ấn tượng từ các Chân sư và những 'tác nhân tạo ấn tượng' cao hơn, mà còn phải *tìm kiếm* và *tạo ấn tượng lên* những thể trí khác thích hợp để thực hiện, theo một cách hữu ích và thiết thực nào đó, những gì đã tạo ấn tượng lên chúng ta.

5. Since telepathy is such an inevitability the Tibetan asks his disciples to question themselves about their uneasiness when the subject of telepathy is raised.

5. Vì viễn cảm là điều tất yếu như vậy, Chân sư Tây Tạng yêu cầu các đệ tử của Ngài tự vấn về sự bất an của họ khi đề cập đến chủ đề viễn cảm.

6. DK tells his disciples that their concerns are based upon distrust and personality attitudes. Perhaps, knowing their own occasionally undesirable thoughts, they suspect that others may also have equally undesirable thought content. The disciples do not wish to be influenced by their fellow disciples; nor do they feel sufficiently purified to be deliberately influencing their fellow disciples. Clearly, an attitude of greater love and trust would resolve this inhibitory attitude.

6. Chân sư DK nói với các đệ tử của Ngài rằng những mối quan ngại của họ bắt nguồn từ sự thiếu tin tưởng và các thái độ của phàm ngã. Có lẽ, vì biết đôi khi chính mình có những tư tưởng không đáng có, họ nghi ngờ rằng người khác cũng có thể có nội dung tư tưởng không đáng có như vậy. Các đệ tử không muốn chịu ảnh hưởng của các đệ tử đồng môn; họ cũng không cảm thấy mình đã đủ thanh luyện để chủ ý ảnh hưởng đến các đệ tử đồng môn. Rõ ràng, một thái độ giàu tình thương và lòng tin hơn sẽ hóa giải thái độ gây cản trở này.

7. DK informs His disciples that unless the telepathic work is to be carried forward "selflessly and with complete freedom from personal prejudice and personal choices — political or religious — there can be no safe work along this line".

7. Chân sư DK cho các đệ tử của Ngài biết rằng trừ khi công việc viễn cảm được tiến hành "một cách vô ngã và hoàn toàn thoát khỏi thành kiến cá nhân cùng những lựa chọn cá nhân — về chính trị hay tôn giáo — thì không thể có công việc an toàn theo

đường hướng này".

8. During such work, therefore, there is to be no attention at all on the little personal self. The concrete, judgmental mind is to be suspended, and no points of view are to be forced upon another. Those working thus are to render themselves open to the higher, selfless currents which represent the Divine Plan. We might say that this kind of work can only be well and safely accomplished by those who are "soul-infused".

8. Vì vậy, trong công việc như thế, tuyệt nhiên không được chú tâm vào cái tôi cá nhân nhỏ bé. Phải tạm ngưng hoạt động của trí cụ thể hay phán xét, và không được áp đặt bất kỳ quan điểm nào lên người khác. Những người làm việc theo cách này phải mở lòng đón nhận các dòng năng lượng cao hơn, vô ngã, tiêu biểu cho Thiên Cơ. Chúng ta có thể nói rằng chỉ những người "được linh hồn thấm nhuần" mới có thể hoàn thành tốt đẹp và an toàn loại công việc này.

9. Deliberate telepathic work is not to be undertaken casually, but only from a high point in meditation.

9. Không được tiến hành công việc viễn cảm có chủ ý một cách tùy tiện, mà chỉ được thực hiện từ một điểm cao trong tham thiền.

10. The Tibetan's call for complete obedience to His instructions and decisions should chasten all of us. We do not know so much that we can afford to intrude our own points of view in an occult experiment the full nature of which we do not understand. When one trusts a great Teacher, it makes sense, also, to trust His advice.

10. Lời kêu gọi của Chân sư Tây Tạng về việc hoàn toàn tuân theo các huấn thị và quyết định của Ngài hẳn phải khiến tất cả chúng ta khiêm nhường hơn. Chúng ta chưa hiểu biết đến mức có thể tùy ý đưa quan điểm riêng của mình vào một cuộc thử nghiệm huyền bí mà chúng ta chưa thấu hiểu đầy đủ bản chất. Khi tin tưởng một Huấn sư vĩ đại, việc tin tưởng cả lời khuyên của Ngài cũng là điều hợp lý.

11. Of course, we find ourselves in a rather different position than did the disciples whom Master DK chose to comprise His various experimental groups, yet there are many occasions when the Master's advice is offered to *all* His readers. It is no suspension of our individual rights to attend very carefully to what He says and carry it out (if we can) as scrupulously as possible.

11. Dĩ nhiên, chúng ta ở trong một hoàn cảnh khá khác với các đệ tử mà Chân sư DK đã chọn để hợp thành những nhóm thử nghiệm khác nhau của Ngài, tuy nhiên, có nhiều trường hợp lời khuyên của Chân sư dành cho *tất cả* độc giả của Ngài. Việc hết sức chú tâm đến những gì Ngài nói và thực hiện những điều ấy chu đáo hết mức có thể (nếu chúng ta làm được) không hề đình chỉ các quyền cá nhân của chúng ta.

Another question could well be: What is the difference between this work which I am suggesting to you and the work of the Lodge

Một câu hỏi khác cũng có thể là: Đâu là sự khác biệt giữa công việc Tôi đang đề nghị các bạn thực hiện với công việc của Hội đoàn các

of the Lords of Form?

None whatsoever, except in motive and the point from which you must endeavour to work. The Lords of Form work entirely on and from the lower levels of the mental plane and with the energy of knowledge. The love aspect of the soul itself is inactive and, therefore, from the angle and vision of the Great White Lodge, motives are wrong and the objectives are selfish ones. This is true both of individuals and groups. Forget not that these Lords of Form are souls of great age and unique blindness. But that later, in some far distant cycle, and when karma has worked upon them and the Great Law has exacted full payment for all wrong done, that they too will begin to develop the love aspect and to transmute their motives. You too must work from mental levels but knowledge and love must be called into play together, producing only those results which are harmoniously and intelligently in line with the Plan. Disciples are not permitted to call into play and functioning activity the Will aspect of the soul, unless they are initiates of the third degree. Prior to that, they seldom realise the distinction between the imposition of the will and the directed impression of ideas. There is too much desire (which is embryonic will) in their equipment for them to be trusted as yet with this higher aspect of mental activity. I would ask you to get clearly in your minds in connection [65] with any telepathic work which these groups (working under me) should do, that it is the impression of ideas and not imposed direction which is the group ideal — a very different thing, my brother.

1. The Tibetan poses another question which may well have been in the minds of His

Chúa Tể Hình Tướng?

Hoàn toàn không có sự khác biệt nào, ngoại trừ động cơ và điểm xuất phát mà các bạn phải nỗ lực làm việc từ đó. Các Chúa Tể Hình Tướng làm việc hoàn toàn trên và từ những cấp độ thấp của cõi trí, bằng năng lượng tri thức. Phương diện bác ái của chính linh hồn không hoạt động và vì vậy, theo góc nhìn và tầm nhìn của Thánh đoàn, động cơ của họ là sai trái và các mục tiêu đều ích kỷ. Điều này đúng với cả cá nhân lẫn các nhóm. Đừng quên rằng các Chúa Tể Hình Tướng này là những linh hồn có tuổi đời rất lâu và sự mù quáng độc nhất. Nhưng về sau, trong một chu kỳ xa xôi nào đó, khi nghiệp quả đã tác động lên họ và Định Luật Vĩ Đại đã buộc họ thanh toán đầy đủ mọi điều sai trái đã gây ra, họ cũng sẽ bắt đầu phát triển phương diện bác ái và chuyển hoá động cơ của mình. Các bạn cũng phải làm việc từ các cấp độ trí tuệ, nhưng phải huy động cả tri thức lẫn bác ái, chỉ tạo ra những kết quả phù hợp với Thiên Cơ một cách hài hòa và sáng suốt. Các đệ tử không được phép huy động phương diện Ý Chí của linh hồn vào hoạt động, trừ khi họ là điểm đạo đồ bậc ba. Trước đó, họ hiếm khi nhận ra sự khác biệt giữa việc áp đặt ý chí và việc tạo ấn tượng bằng các ý tưởng có định hướng. Trong hệ thống năng lực của họ còn quá nhiều dục vọng (vốn là ý chí ở dạng phôi thai), nên chưa thể tin cậy giao cho họ phương diện cao hơn này của hoạt động trí tuệ. Tôi muốn các bạn hiểu rõ trong thể trí mình, về [65] bất kỳ công việc viễn cảm nào mà các nhóm này (làm việc dưới sự hướng dẫn của Tôi) nên thực hiện, rằng lý tưởng của nhóm là tạo ấn tượng bằng các ý tưởng chứ không phải áp đặt sự chỉ đạo — hai điều rất khác nhau, huynh đệ của Tôi.

1. Chân sư Tây Tạng nêu lên một câu hỏi khác có lẽ đã có trong thể trí các đạo sinh của

students: "What is the difference between this work which I am suggesting to you and the work of the Lodge of the Lords of Form?" And again, He offers a surprising answer. There is no difference — *except* in the realm of motive and point of departure.

Ngài: "Đâu là sự khác biệt giữa công việc Tôi đang đề nghị các bạn thực hiện với công việc của Hội đoàn các Chúa Tể Hình Tướng?" Và một lần nữa, Ngài đưa ra một câu trả lời đáng ngạc nhiên. Không có sự khác biệt nào — *ngoại trừ* về động cơ và điểm xuất phát.

2. We learn of the great intelligence of the Lords of Form, but, in them, the love aspect is "inactive". The Tibetan did not say it was missing, for in the distant future (after much balancing suffering) love will be accessed and utilized, and redemption will come.

2. Chúng ta biết được trí thông minh lớn lao của các Chúa Tể Hình Tướng, nhưng ở họ, phương diện bác ái "không hoạt động". Chân sư Tây Tạng không nói rằng phương diện ấy vắng thiếu, bởi trong tương lai xa xôi (sau nhiều đau khổ để tái lập sự cân bằng), họ sẽ tiếp cận và vận dụng bác ái, rồi sự cứu chuộc sẽ đến.

3. The Lords of Form are concentrated on the concrete levels of the mental plane. In their particular case, the love of the soul does not infuse these levels as it should and must in the case of a disciple of the Great White Lodge. It is interesting to realize that, in the case of a "Dark Brother", the lower mind has separated itself from soul influence forming a kind of "eighth sphere" — a happening which the Tibetan considers an unqualified disaster.

3. Các Chúa Tể Hình Tướng tập trung vào các cấp độ cụ thể của cõi trí. Trong trường hợp riêng của họ, bác ái của linh hồn không thấm nhuần các cấp độ này như đáng lẽ phải có và nhất thiết phải có nơi một đệ tử của Thánh đoàn. Thật thú vị khi nhận ra rằng, trong trường hợp của một "huynh đệ bóng tối", hạ trí đã tách khỏi ảnh hưởng của linh hồn, hình thành một loại "khối cầu thứ tám" — một diễn biến mà Chân sư Tây Tạng coi là một thảm họa hoàn toàn.

4. A selfish objective is one which fulfills the limited and limiting desire of the *part* rather than the good of the *whole*. The Brothers of Form (in an unusually descriptive phrase) are called "souls of great age and unique blindness". They were highly developed even in the first solar system and were considered initiates of that system. They sought to perpetuate in this solar system the successes they achieved in the former system. The methods they chose were against the laws of this system, and especially against the Law of Love.

4. Một mục tiêu ích kỷ là mục tiêu thỏa mãn dục vọng hữu hạn và gây giới hạn của *bộ phận* thay vì lợi ích của *toàn thể*. Các Huynh Đệ Hình Tướng được gọi (bằng một cụm từ giàu sức mô tả khác thường) là "những linh hồn có tuổi đời rất lâu và sự mù quáng độc nhất". Họ đã phát triển cao ngay từ hệ mặt trời thứ nhất và được xem là các điểm đạo đồ của hệ ấy. Họ tìm cách duy trì trong hệ mặt trời này những thành công đã đạt được trong hệ trước. Những phương pháp họ chọn đi ngược lại các định luật của hệ này, đặc biệt là Định luật Bác Ái.

5. The term "unique blindness" is quite

5. Thuật ngữ "sự mù quáng độc nhất" khá

interesting. It suggests a very unusual form of blindness which is not simply the result of ordinary ignorance. It suggests what might be called 'willful blindness', a *refusal* to see that which is obvious to most self-conscious units of life in the second solar system. It is not that the Lords of Form *could not see*. Rather, they do not *want to* and do not *will to*. To see as see those of more loving heart, would compromise their single-minded intent to achieve power for themselves. They have justified their course of action thoroughly and choose to eject any perception which would compromise the self-centered ferocity of their chosen world-view.

thú vị. Nó gợi lên một dạng mù quáng rất khác thường, không đơn thuần là kết quả của sự vô minh thông thường. Nó gợi lên điều có thể gọi là 'sự mù quáng cố ý', một sự *khước từ* nhìn thấy những gì hiển nhiên đối với phần lớn các đơn vị sự sống có ngã thức trong hệ mặt trời thứ hai. Không phải các Chúa Tể Hình Tướng *không thể thấy*. Mà đúng hơn, họ không *muốn thấy* và không *chí nguyện thấy*. Nhìn thấy như những người có trái tim giàu tình thương hơn nhìn thấy sẽ làm suy yếu ý định nhất tâm giành quyền lực cho chính mình của họ. Họ đã biện minh cặn kẽ cho đường lối hành động của mình và chọn loại bỏ bất kỳ nhận thức nào có thể làm suy yếu sự quyết liệt tập trung vào bản thân trong thế giới quan họ đã chọn.

6. The far-distant cycle which offers them redemption may well be a future solar system. It is impossible for students of our kind to know with certainty. The point to be grasped is that love will eventually enter their lives after the Great Law has been justly fulfilled, and their stupendous karmic debts have been repaid.

6. Chu kỳ xa xôi mang lại sự cứu chuộc cho họ rất có thể là một hệ mặt trời tương lai. Những đạo sinh như chúng ta không thể biết chắc điều đó. Điểm cần nắm bắt là cuối cùng tình thương sẽ đi vào cuộc sống của họ sau khi Định Luật Vĩ Đại đã được thực thi công minh và những món nợ nghiệp quả khổng lồ của họ đã được hoàn trả.

7. DK's chelas are told that they also must work from mental levels, but the mind will be joined to love; in other words, the mind will become soul infused and will not engage in selfish purposings. Thoughts will be created which are intelligently harmonious in relation to the Divine Plan.

7. Các đệ tử của Chân sư DK được dạy rằng họ cũng phải làm việc từ các cấp độ trí tuệ, nhưng thể trí sẽ kết hợp với bác ái; nói cách khác, thể trí sẽ được linh hồn thấm nhuần và sẽ không theo đuổi những mục đích ích kỷ. Họ sẽ tạo ra những tư tưởng hài hòa một cách sáng suốt với Thiên Cơ.

8. Master DK points to a very important restraint upon His disciples: they may not use the power of their *will* to impose direction upon others. Only initiates of the third degree are allowed to call the will into play. After that degree has been experienced, the entire personality has been flooded with love-wisdom, and the will can be wisely

8. Chân sư DK chỉ ra một giới hạn rất quan trọng đối với các đệ tử của Ngài: họ không được dùng quyền năng của *ý chí* để áp đặt đường hướng lên người khác. Chỉ các điểm đạo đồ bậc ba mới được phép huy động ý chí. Sau khi đã trải qua bậc điểm đạo ấy, toàn bộ phàm ngã đã tràn ngập bác ái – minh triết, và ý chí có thể được sử dụng một cách minh

used. Even then, the will is not allowed to determine the direction of others. The Brother of Light is not allowed to compromise or violate the freewill of his fellow human beings.

triết. Ngay cả khi ấy, cũng không được dùng ý chí để quyết định đường hướng của người khác. Huynh Đệ Ánh Sáng không được làm tổn hại hay vi phạm ý chí tự do của đồng loại.

9. The distinction which Master DK calls to our attention is that between the "imposition of the will" and the "directed impression of ideas". He tells us that it is not easy for disciples to make the distinction.

9. Sự phân biệt mà Chân sư DK lưu ý chúng ta là giữa "việc áp đặt ý chí" và "việc tạo ấn tượng bằng các ý tưởng có định hướng". Ngài nói với chúng ta rằng các đệ tử không dễ phân biệt được điều này.

10. What, then, *is* the distinction? When will is imposed, direction is *pre-determined.* The faculty of choice is neutralized in the one upon whom the will is imposed. That individual is no longer self-determining. When, however, *ideas* are directed *towards* an individual, the 'center of choice' is never the target. The person toward whom ideas are directed is allowed to remain *free.* Directed ideas may be strongly present and readily available because they are directed, but directed ideas *do not compel.* Rather, they *impel.* There is an old saying about the "stars" which carries the same thought: "the stars impel, they do not compel". It might be said, in this context, that the "stars" know the law.

10. Vậy sự khác biệt *là* gì? Khi ý chí bị áp đặt, đường hướng đã *được định trước.* Khả năng lựa chọn của người chịu sự áp đặt ý chí bị vô hiệu hóa. Cá nhân ấy không còn tự quyết nữa. Tuy nhiên, khi *các ý tưởng* được hướng *đến* một cá nhân, 'trung tâm lựa chọn' không bao giờ là mục tiêu nhắm tới. Người tiếp nhận các ý tưởng được hướng đến mình vẫn giữ *tự do.* Các ý tưởng có định hướng có thể hiện diện mạnh mẽ và sẵn có để tiếp nhận vì chúng được định hướng, nhưng các ý tưởng có định hướng *không cưỡng ép.* Đúng hơn, chúng *thúc đẩy.* Có một câu nói xưa về "các vì sao" mang cùng tư tưởng ấy: "các vì sao thúc đẩy, chứ không cưỡng ép". Trong ngữ cảnh này, có thể nói rằng "các vì sao" biết định luật.

11. Desire is not will, though it is embryonic will. One who has not passed the third degree is still desire-driven, or, in any case, has too much of desire present to be trusted with what the Tibetan calls "this higher aspect of mental activity" — presumably, the power to wield the will aspect of the soul.

11. Dục vọng không phải là ý chí, dù nó là ý chí ở dạng phôi thai. Người chưa vượt qua bậc điểm đạo thứ ba vẫn chịu sự thúc đẩy của dục vọng, hoặc trong mọi trường hợp, vẫn còn quá nhiều dục vọng nên chưa thể được tin cậy giao cho điều mà Chân sư Tây Tạng gọi là "phương diện cao hơn này của hoạt động trí tuệ" — có lẽ là quyền năng vận dụng phương diện ý chí của linh hồn.

12. Very simply, we are not allowed to *force* with our minds. Our task is to make rightly directed thought available to those who may

12. Nói thật đơn giản, chúng ta không được phép *cưỡng ép* bằng thể trí của mình. Nhiệm vụ của chúng ta là làm cho tư tưởng được

need it, and through the luminosity of that thought, to clarify the way of those who are uncertain about the implications of various lines of possible action. We envision a positive issue to troubled circumstances, and we, thereby, help others see the possibility of that positive issue, but we do not *force actions on any level.* Otherwise, we rob another human being of the *autonomy of his center.* This is a form of spiritual 'theft' and is not permitted under the Good Law. All men must "return to God" *willingly.*

định hướng đúng đắn sẵn có đối với những người có thể cần đến nó, và qua ánh sáng của tư tưởng ấy, làm sáng tỏ con đường cho những người còn chưa chắc chắn về hệ quả của các đường lối hành động khả dĩ khác nhau. Chúng ta hình dung một kết cục tích cực cho những hoàn cảnh khó khăn, qua đó giúp người khác thấy khả năng đạt được kết cục tích cực ấy, nhưng chúng ta không *cưỡng ép hành động trên bất kỳ cấp độ nào.* Nếu làm thế, chúng ta tước đoạt của một người khác *quyền tự chủ nơi trung tâm của y.* Đây là một hình thức 'trộm cắp' về mặt tinh thần và Thiện Luật không cho phép điều đó. Mọi người phải "trở về với Thượng đế" một cách *tự nguyện.*

You might also ask: How can this collective impressing go on and yet leave a man free?

Các bạn cũng có thể hỏi: Làm thế nào việc tạo ấn tượng tập thể này có thể diễn ra mà vẫn để một người được tự do?

Because it will be kept clear of all directed will-force; all that workers and disciples in my groups will seek to do is to impress certain minds with the outlines or suggestions as to the Plan; these ideas will deal particularly with the concept that separation is a thing of the past and that unity is the goal of the immediate future; that hatred is retro-active and undesirable and that goodwill is the touchstone which will transform the world.

Bởi vì công việc ấy sẽ hoàn toàn không có mãnh lực ý chí có định hướng; tất cả những gì các người hoạt động và đệ tử trong các nhóm của Tôi sẽ tìm cách thực hiện là tạo ấn tượng lên một số thể trí bằng những nét phác thảo hoặc gợi ý về Thiên Cơ; những ý tưởng này sẽ đặc biệt đề cập đến quan niệm rằng sự chia rẽ là chuyện của quá khứ và sự hợp nhất là mục tiêu của tương lai trước mắt; rằng hận thù mang tính thụt lùi và không đáng có, còn thiện chí là đá thử vàng sẽ chuyển đổi thế giới.

1. The Tibetan asks the question we have just been considering. How can there be strongly directed impression (even "collective" impression) which leaves free those who are impressed?

1. Chân sư Tây Tạng đặt câu hỏi mà chúng ta vừa xem xét. Làm thế nào có thể có sự tạo ấn tượng được định hướng mạnh mẽ (thậm chí là sự tạo ấn tượng "tập thể") mà vẫn để những người tiếp nhận ấn tượng được tự do?

2. The answer is that all such impression will be "kept clear of all directed will-force". The moment we think (when exercising

2. Câu trả lời là mọi sự tạo ấn tượng như thế sẽ "hoàn toàn không có mãnh lực ý chí có định hướng". Ngay khi chúng ta nghĩ (trong

mental telepathy), "you *will* do what I think", we have violated the law.

3. We note that the Tibetan uses the word "suggestions". He often tells us that a Master will never command but only *suggest*. It may be that seem that this would be truer of a second ray Master, but, according to DK, it is true of all. "God" must emerge in all units of life, and God is free.

4. Master DK shares with us the kind of suggestions which directed thought impression should carry — suggestions concerning the uselessness of separation, the retrogressiveness of hatred and the value of unity and goodwill. All of these suggestions relate to the nature of the Divine Plan. God-as-Sanat-Kumara is attempting to impress all within His sphere of influence with the nature of the Plan. We who are in the flow of that directed impression simply seek to pass the impression along at our own level of possible influence.

5. The more clearly we formulate thoughts which convey these understandings, the more readily will the mind of humanity be influenced positively.

6. When a mind is impressed by a disciple, initiate or Master of the Great White Lodge, what happens? A current of benevolently directed thought enters the mental field and there abides vividly and in strength. The one impressed sees more through the presence of that thought, and the direction of his thinking is potentially illumined. It is as if points of light had been implanted in the mental aura; these points act as beacons

lúc thực hành viễn cảm trí tuệ), "người ấy *phải* làm theo điều tôi nghĩ", chúng ta đã vi phạm định luật.

3. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng dùng từ "gợi ý". Ngài thường nói với chúng ta rằng một Chân sư sẽ không bao giờ ra lệnh mà chỉ *gợi ý*. Có vẻ điều này đúng hơn với một Chân sư cung hai, nhưng theo Chân sư DK, điều đó đúng với tất cả các Ngài. "Thượng đế" phải hiển lộ trong mọi đơn vị sự sống, và Thượng đế vốn tự do.

4. Chân sư DK chia sẻ với chúng ta loại gợi ý mà việc tạo ấn tượng bằng tư tưởng có định hướng nên truyền tải — những gợi ý về sự vô ích của chia rẽ, tính thụt lùi của hận thù và giá trị của sự hợp nhất cùng thiện chí. Tất cả những gợi ý này đều liên quan đến bản chất của Thiên Cơ. Thượng đế trong cương vị Sanat Kumara đang tìm cách tạo ấn tượng về bản chất của Thiên Cơ lên tất cả những gì nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài. Chúng ta, những người ở trong dòng ấn tượng có định hướng ấy, chỉ tìm cách truyền tiếp ấn tượng trong phạm vi ảnh hưởng mà mình có thể tạo ra.

5. Chúng ta càng hình thành rõ ràng những tư tưởng truyền tải các hiểu biết này, thể trí nhân loại càng dễ đón nhận ảnh hưởng tích cực.

6. Khi một đệ tử, điểm đạo đồ hoặc Chân sư của Thánh đoàn tạo ấn tượng lên một thể trí, điều gì xảy ra? Một dòng tư tưởng được định hướng một cách thiện lành đi vào trường trí tuệ và lưu lại đó một cách sống động, mạnh mẽ. Người tiếp nhận ấn tượng thấy được nhiều hơn nhờ sự hiện diện của tư tưởng ấy, và đường hướng tư duy của y có khả năng được soi sáng. Như thể những điểm sáng đã được cấy vào hào quang trí tuệ; các điểm

toward a more positive future, offering a wider range of choice to the one who (on his own) must decide — determining his own direction through his own choice.

sáng này đóng vai trò như những ngọn hải đăng hướng đến một tương lai tích cực hơn, mở ra phạm vi lựa chọn rộng hơn cho người phải tự mình quyết định — xác định đường hướng của chính mình qua sự lựa chọn của chính mình.

How then can you keep your minds free from your own desires and from your own interpretations? By achieving that poised and positive negativity on the part of the two lower aspects of the personality — the astral body and the brain as well as the etheric brain; these determine the reactions of the lower centres, particularly of the solar plexus centre.

Vậy làm thế nào các bạn có thể giữ cho thể trí của mình thoát khỏi những dục vọng và cách diễn giải của chính mình? Bằng cách đạt được tính âm quân bình và tích cực nơi hai phương diện thấp của phàm ngã — thể cảm dục và bộ não, cũng như bộ não dĩ thái; những yếu tố này quyết định các phản ứng của những trung tâm thấp, đặc biệt là trung tâm tùng thái dương.

1. The Tibetan becomes very practical. If desire (especially personal desire) is an obstacle to rightly motivated telepathy in line with the Divine Plan, how does the chela remain free from such desire, and from his own mental interpretations and formulations which also obstruct the correct process?

1. Chân sư Tây Tạng đi vào những điều rất thiết thực. Nếu dục vọng (đặc biệt là dục vọng cá nhân) là một trở ngại đối với viễn cảm có động cơ đúng đắn, phù hợp với Thiên Cơ, thì làm thế nào người đệ tử giữ mình thoát khỏi dục vọng ấy, cũng như những cách diễn giải và hình thành tư tưởng của riêng mình vốn cũng cản trở tiến trình đúng đắn?

2. A specific occult suggestion is offered: the chela is to achieve a "poised and positive negativity on the part of the two lower aspects of the personality". There is something enigmatical about this phrase, for the Tibetan speaks of a "*positive* negativity". It is clear that the focus of the disciple is to be 'above' the astral body and the etheric and physical brains. These three factors in the disciple's makeup are not to assume a positive, impulsive position. With positive vigilance, the disciple is to ensure that they remain receptive (thus, negative), and do not interfere with the motive and direction of the telepathic process.

2. Một gợi ý huyền bí cụ thể được đưa ra: người đệ tử phải đạt được "tính âm quân bình và tích cực nơi hai phương diện thấp của phàm ngã". Cụm từ này có điều gì đó bí ẩn, bởi Chân sư Tây Tạng nói đến "*tính âm* tích cực". Rõ ràng, trọng tâm của người đệ tử phải ở 'bên trên' thể cảm dục cùng bộ não dĩ thái và bộ não hồng trần. Ba yếu tố này trong cấu tạo của người đệ tử không được giữ vai trò chủ động, phát động xung lực. Với sự tỉnh giác tích cực, người đệ tử phải bảo đảm rằng chúng luôn ở trạng thái tiếp nhận (do đó, mang tính âm), và không can thiệp vào động cơ cùng đường hướng của tiến trình viễn cảm.

3. An interesting piece of occultism is offered for our consideration: the astral body and etheric and physical brains "determine the reactions of the lower centres, particularly of the solar plexus center". In this type of mental telepathy, the solar plexus and the lower centers are not to be active — at least they are not to interfere with the direction of higher thought, though they may be eventually *impressed* as a result of that higher thought.

3. Một điểm thú vị trong huyền bí học được đưa ra để chúng ta xem xét: thể cảm dục cùng bộ não dĩ thái và bộ não hồng trần "quyết định các phản ứng của những trung tâm thấp, đặc biệt là trung tâm tùng thái dương". Trong loại viễn cảm trí tuệ này, tùng thái dương và các trung tâm thấp không được hoạt động — ít nhất chúng không được can thiệp vào đường hướng của tư tưởng cao hơn, dù cuối cùng chúng có thể tiếp nhận *ấn tượng* như một kết quả của tư tưởng cao hơn ấy.

4. The kind of telepathic activity suggested by the Tibetan does not, therefore, involve the 'irrational' aspects of the energy system. When we reach the level of mind, we enter the realm of rationality.

4. Vì vậy, loại hoạt động viễn cảm mà Chân sư Tây Tạng đề nghị không liên quan đến những phương diện 'phi lý tính' của hệ thống năng lượng. Khi đạt đến cấp độ thể trí, chúng ta bước vào lĩnh vực lý tính.

The mind will then be left free to fulfil three functions:

Khi ấy, thể trí sẽ được tự do thực hiện ba chức năng:

1. That of soul contact; this will result in illumination and a working knowledge of the immediate aspects of the Plan.

1. Tiếp xúc với linh hồn; điều này sẽ mang lại sự soi sáng và hiểu biết thực hành về những phương diện trước mắt của Thiên Cơ.

2. That of thought formulation and thoughtform creation. Then a clear thoughtform can be constructed with definiteness, and it can be positively directed.

2. Hình thành tư tưởng và sáng tạo hình tư tưởng. Khi ấy, có thể xây dựng một hình tư tưởng rõ ràng, xác định, và chủ động định hướng nó.

3. That of working on mental levels with your group brothers so that your thoughtform is a part of their thoughtform and you can, therefore, unitedly produce a living, embodied form which can be directed as I may determine.

3. Làm việc trên các cấp độ trí tuệ cùng những huynh đệ trong nhóm, để hình tư tưởng của các bạn là một phần trong hình tư tưởng của họ, và do đó, các bạn có thể cùng nhau tạo ra một hình tướng sống động, đã có hiện thân, có thể được định hướng theo quyết định của Tôi.

1. Master DK outlines how the mind of the disciple is to be used in the telepathic process, and how that mind is to be related

1. Chân sư DK phác thảo cách sử dụng thể trí của người đệ tử trong tiến trình viễn cảm, và cách thể trí ấy phải liên hệ với nhóm các thể

to the group of disciplic minds of which it forms a part.

trí đệ tử mà nó là một thành phần.

2. The mind is to be receptive to the soul; this will produce illumination and a practical knowledge of the Plan. This receptivity is related to the second aspect of divinity.

2. Thể trí phải tiếp nhận linh hồn; điều này sẽ mang lại sự soi sáng và hiểu biết thực tiễn về Thiên Cơ. Khả năng tiếp nhận này liên quan đến phương diện thứ hai của thiên tính.

3. The mind is also to be creatively active; clear, definite thoughtforms are to be built and positively directed (but by whom?). This type of creativity is related to the third aspect.

3. Thể trí cũng phải hoạt động sáng tạo; phải xây dựng những hình tư tưởng rõ ràng, xác định và chủ động định hướng chúng (nhưng ai định hướng?). Loại sáng tạo này liên quan đến phương diện thứ ba.

4. We note that the telepathic disciple is to be aware of the thoughtforms produced by his fellow disciples. He is to contribute to the unification of thoughtforms produced by himself and his brothers. The result of the amalgamation of such thoughtforms is the production of a "living, embodied form".

4. Chúng ta lưu ý rằng người đệ tử thực hành viễn cảm phải nhận biết các hình tư tưởng do những đệ tử đồng môn tạo ra. Y phải góp phần hợp nhất những hình tư tưởng do chính mình và các huynh đệ tạo ra. Kết quả của sự hòa nhập những hình tư tưởng như thế là tạo ra một "hình tướng sống động, đã có hiện thân".

5. Very interestingly, in this instance, it is the Tibetan Who assumes the role of *directing* the united form, and that direction proceeds according to *His* determination.

5. Điều rất thú vị là trong trường hợp này, chính Chân sư Tây Tạng đảm nhận vai trò *định hướng* hình tướng đã hợp nhất, và sự định hướng ấy diễn ra theo quyết định của *Ngài*.

6. The chelas, therefore, are working principally with the second and third aspects of divinity. The Master assumes responsibility for the application of the first aspect.

6. Vì vậy, các đệ tử làm việc chủ yếu với phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính. Chân sư đảm nhận trách nhiệm áp dụng phương diện thứ nhất.

7. How can a disciple facilitate the blending of his thoughtform with the thoughtforms created by his fellow disciples? Perhaps, by offering up his thought to the group pool of lighted thought, and 'seeing' it merge harmoniously with similar thoughts produced by his brothers.

7. Làm thế nào một đệ tử có thể tạo thuận lợi cho việc hòa trộn hình tư tưởng của mình với các hình tư tưởng do những đệ tử đồng môn tạo ra? Có lẽ bằng cách dâng tư tưởng của mình vào nguồn tư tưởng tràn đầy ánh sáng chung của nhóm, và 'thấy' nó hòa nhập một cách hài hòa với những tư tưởng tương

tự do các huynh đệ tạo ra.

8. We note that the unified form produced must be both "living" and "embodied". Simply, it must be animated by the soul and infused by the soul. The thoughtforms must 'live with love'. Then they will be truly constructive, for love is the great constructive force. One can hardly offer up separative thoughtforms to the Master for His use!

8. Chúng ta lưu ý rằng hình tướng hợp nhất được tạo ra phải vừa "sống động" vừa "có hình hài". Nói đơn giản, linh hồn phải truyền sự sống cho hình tướng ấy và thấm nhuần nó. Các hình tư tưởng phải 'sống bằng tình thương'. Khi đó, chúng mới thực sự mang tính xây dựng, vì tình thương là mãnh lực xây dựng vĩ đại. Khó có thể dâng những hình tư tưởng chia rẽ lên Chân sư để Ngài sử dụng!

9. We see that correct procedure in this telepathic process requires that the lower man be 'out of the way' and that the mind be infused by the 'higher man' — the soul/Solar Angel, as that may be contacted in meditation.

9. Chúng ta thấy rằng cách tiến hành đúng trong tiến trình viễn cảm này đòi hỏi phàm nhân phải 'không còn cản trở' và thể trí phải thấm nhuần 'con người cao siêu' — tức linh hồn/Thái dương Thiên Thần, mà người ta có thể tiếp xúc trong khi tham thiền.

10. Sensitivity, creativity, clarity, definiteness, humility, and the suspension of the directing will — all these are needed if the telepathic process is to proceed correctly. To these qualities must be added that of love.

10. Sự nhạy cảm, tính sáng tạo, sự sáng rõ, tính xác định, lòng khiêm nhường và việc tạm ngưng ý chí chỉ đạo — tất cả đều cần thiết để tiến trình viễn cảm diễn ra đúng đắn. Bên cạnh những phẩm tính này, còn phải có tình thương.

11. We learn here that the Master knows best how to *direct* that which has been created by His chelas. Here is where humility enters the picture. Constructive thought energy is made available to the Master for *His* wise use.

11. Ở đây, chúng ta biết rằng Chân sư hiểu rõ nhất cách *chỉ đạo* những gì các đệ tử của Ngài đã tạo ra. Đây chính là lúc lòng khiêm nhường có vai trò. Năng lượng tư tưởng mang tính xây dựng được dâng lên Chân sư để *Ngài* sử dụng một cách minh triết.

Another question might here arise: Are there any specific and brief rules which should be obeyed?

Đến đây có thể nảy sinh một câu hỏi khác: Có những quy luật cụ thể và ngắn gọn nào cần tuân theo không?

The following might be given, but I would remind you that it is what you are that counts in this work more powerfully than anything else. The controlling factor is harmlessness in thought and word; the practice of this, with proper observation,

Có thể đưa ra những điều sau đây, nhưng Tôi muốn nhắc các bạn rằng trong công việc này, chính con người các bạn có sức nặng hơn bất cứ điều gì khác. Yếu tố chi phối là tính vô tổn hại trong tư tưởng và lời nói; thực hành điều này cùng với sự quan sát

will greatly help all of you. Next comes a refusal to think unkindly or with criticism; [66] this is essential in connection with those whose minds you seek to impress. Silence, complete and unbroken as to what you are doing, is also a vital factor; the utterance of words in connection with this most subtle and confidential work (or even discussion of the work with a fellow disciple) can shatter the delicate thoughtform which you are attempting to build. It can render the work of weeks abortive. A balanced attitude in relation to those in power throughout the world must also be cultivated; they need above all else the inspiration which can be brought to them from the Hierarchy.

đúng đắn sẽ giúp ích rất nhiều cho tất cả các bạn. Tiếp đến là việc khước từ những suy nghĩ thiếu tử tế hoặc mang tính chỉ trích; [66] điều này thiết yếu khi liên quan đến những người mà các bạn tìm cách tạo ấn tượng lên thể trí của họ. Sự im lặng hoàn toàn và liên tục về những gì các bạn đang làm cũng là một yếu tố sống còn; nói ra những lời liên quan đến công việc hết sức tinh tế và kín mật này (hoặc thậm chí bàn luận công việc với một đệ tử đồng môn) có thể phá vỡ hình tư tưởng tinh tế mà các bạn đang cố gắng xây dựng. Điều đó có thể khiến công sức nhiều tuần trở nên vô ích. Cũng cần vun bồi một thái độ quân bình đối với những người nắm quyền trên khắp thế giới; trên hết, họ cần cảm hứng mà Thánh đoàn có thể mang đến cho họ.

1. The Tibetan becomes increasingly practical as He proceeds to answer the questions which might arise in the minds of those He instructs.

1. Chân sư Tây Tạng ngày càng đi vào thực tiễn khi Ngài tiếp tục giải đáp những câu hỏi có thể nảy sinh trong thể trí của những người Ngài chỉ dạy.

2. Each of us should take to heart the following: "I would remind you that it is what you *are* [ital. MDR] that counts in this work more powerfully than anything else". It is not *action* so much as *quality* that counts. In a way, 'quality *is* action'. Master DK is hoping that those who participate in this work will be persons of *quality*. This means that they will be soul-infused, since the soul is the "quality of life".

2. Mỗi chúng ta nên ghi lòng điều sau đây: "Tôi muốn nhắc các bạn rằng chính con người các bạn *đang là* [chữ nghiêng: MDR] có sức nặng trong công việc này hơn bất cứ điều gì khác". Điều có sức nặng không hẳn là *hành động* mà là *phẩm tính*. Theo một cách nào đó, 'phẩm tính *chính là* hành động'. Chân sư DK hy vọng rằng những người tham gia công việc này sẽ là những người có *phẩm tính*. Điều này có nghĩa là họ sẽ được linh hồn thấm nhuần, vì linh hồn là "phẩm tính của sự sống".

3. The great factor of "harmlessness" is accentuated as the "controlling factor". It is not always possible to be constructively helpful, but at least one can attempt carefully to do no harm. We note that we are dealing not only with harmlessness of

3. Yếu tố lớn lao là "tính vô tổn hại" được nhấn mạnh như "yếu tố chi phối". Không phải lúc nào cũng có thể giúp ích theo cách xây dựng, nhưng ít nhất người ta có thể thận trọng cố gắng không gây tổn hại. Chúng ta lưu ý rằng ở đây không chỉ nói đến tính vô

"word" but of "thought" — a more subtle and more foundational matter.

tổn hại của "lời nói" mà còn của "tư tưởng" — một vấn đề tinh tế hơn và có tính nền tảng hơn.

4. The right to impress another mind exists only within the current of love. Unkind, critical thoughts are easily summoned, but they are not allowed, especially in relation to the mind of the one who is to be impressed. It is easy to be in violation of this rule and much vigilance is required, as thought is both swift and conditioned by habit.

4. Quyền tạo ấn tượng lên thể trí người khác chỉ tồn tại trong dòng tình thương. Những tư tưởng thiếu tử tế, mang tính chỉ trích rất dễ nảy sinh, nhưng không được phép nuôi dưỡng chúng, nhất là đối với thể trí của người sẽ tiếp nhận ấn tượng. Người ta rất dễ vi phạm quy luật này, nên cần hết sức tỉnh giác, vì tư tưởng vừa nhanh chóng vừa chịu ảnh hưởng của thói quen.

5. What happens when we think unkindly and critically of someone? We produce subjective inharmony and barriers. We are no longer 'on their wave-length'; we occultly 'rupture' the lines of communication. We can understand and benevolently influence others because we are *like* them — i. e. , 'kindred souls'. One can not be *kin* to those to whom one is un-*kind.* Our internal criticism causes an almost unconscious defensive reaction in the one criticized. Such a one begins to protect himself/herself from the critical agent. Thus, a barrier is created and the thought directed for impression does not get through. Probably, it is better that it does not, as it could carry the poison of criticism. Without the right use of loving-understanding, there is no way to reach another telepathically

5. Điều gì xảy ra khi chúng ta nghĩ về ai đó một cách thiếu tử tế và đầy chỉ trích? Chúng ta tạo ra sự bất hòa và những rào cản chủ quan. Chúng ta không còn 'cùng bước sóng với họ'; xét về mặt huyền bí, chúng ta 'cắt đứt' các đường giao tiếp. Chúng ta có thể thấu hiểu và ảnh hưởng đến người khác một cách thiện lành vì chúng ta *giống* họ — tức là, 'những linh hồn đồng điệu'. Người ta không thể có sự *thân tình* với những người mà mình đối xử thiếu *tử tế.* Sự chỉ trích trong nội tâm của chúng ta gây ra một phản ứng tự vệ gần như vô thức ở người bị chỉ trích. Người ấy bắt đầu tự bảo vệ mình trước người chỉ trích. Như vậy, một rào cản hình thành, và tư tưởng được hướng đến để tạo ấn tượng không thể xuyên qua. Có lẽ tốt hơn là nó không xuyên qua, vì nó có thể mang theo chất độc của sự chỉ trích. Nếu không vận dụng đúng đắn sự thấu hiểu đầy tình thương, thì không có cách nào tiếp cận người khác bằng viễn cảm

6. DK shares His knowledge of occult law. Silence has its protective purpose; it guards the subtle work undertaken. This work proceeds in the realm of *thought,* in comparison to which the realm of speech is crude. The carefully constructed

6. Chân sư DK chia sẻ tri thức của Ngài về định luật huyền bí. Sự im lặng có mục đích bảo vệ; nó gìn giữ công việc tinh tế đang được thực hiện. Công việc này diễn ra trong lĩnh vực *tư tưởng,* mà so với nó, lĩnh vực lời nói còn thô sơ. Những hình tư tưởng được

thoughtforms are delicate, fragile. They must be respected as such, and, so, much caution and restraint are needed. The occultist is a refined individual, well aware of the fragility of inner structures.

xây dựng cẩn thận đều tinh tế, mong manh. Phải tôn trọng đặc tính ấy của chúng, và vì thế cần hết sức thận trọng và tiết chế. Nhà huyền bí học là một người tinh tế, nhận biết rõ tính mong manh của những cấu trúc bên trong.

7. The minds of leaders are obviously among the minds to be influenced. No fanatical, unbalanced approach will serve. Disciples who are seeking to direct and impress thought are agents of hierarchical inspiration, which the leaders of the world badly need. The telepathic communicator must think of himself as an 'agent for inspiration', rather than one who forces issues on the inner planes. Forcing (which pertains to the realm of Mars, Pluto and Vulcan) is of less value in this process (given the average disciple's incomplete stage of development) than the offering of light through the planets of illumination (Mercury and Venus) and the planet of loving-understanding (Jupiter).

7. Hiển nhiên, thể trí của các nhà lãnh đạo nằm trong số những thể trí cần được tác động. Không cách tiếp cận cuồng tín, mất quân bình nào có thể giúp ích. Những đệ tử đang tìm cách định hướng tư tưởng và dùng tư tưởng để tạo ấn tượng là những tác nhân truyền cảm hứng của Thánh đoàn, điều mà các nhà lãnh đạo thế giới rất cần. Người giao tiếp viễn cảm phải xem mình là một 'tác nhân truyền cảm hứng', thay vì một người cưỡng ép các vấn đề trên những cõi bên trong. Trong tiến trình này, sự cưỡng ép (thuộc lĩnh vực của Sao Hỏa, Sao Diêm Vương và Vulcan) có ít giá trị hơn (xét giai đoạn phát triển còn chưa hoàn thiện của người đệ tử trung bình) so với việc trao tặng ánh sáng thông qua những hành tinh của sự soi sáng (Sao Thủy và Sao Kim) và hành tinh của sự thấu hiểu đầy tình thương (Sao Mộc).

8. One could spend at least a month on this paragraph. The instructions are simple but important in the extreme. Much retraining of the readily critical mind is required.

8. Người ta có thể dành ít nhất một tháng cho đoạn văn này. Những huấn thị này đơn giản nhưng vô cùng quan trọng. Cần rèn luyện lại rất nhiều đối với thể trí vốn dễ chỉ trích.

I would ask you, therefore, to practise purging the content of your minds of all critical and unkind thoughts so that you can achieve an attitude of divine indifference to the ephemeral and fleeting personalities and to the chaos everywhere to be seen and so endeavour to tune in on the attitude of the Hierarchy. This involves the emphasis of the consciousness-aspect and the careful observation of all that goes on beneath the

Vì vậy, Tôi muốn yêu cầu các bạn thực hành thanh lọc nội dung thể trí, loại bỏ mọi tư tưởng chỉ trích và thiếu tử tế để có thể đạt được thái độ điềm nhiên thiêng liêng trước những phàm ngã phù du, thoáng qua và cảnh hỗn loạn hiện diện khắp nơi, qua đó cố gắng hòa nhịp với thái độ của Thánh đoàn. Điều này bao hàm việc nhấn mạnh phương diện tâm thức và cẩn thận quan sát mọi diễn biến bên dưới bề mặt — đánh thức, khơi dậy

surface — awakening, arousing and stimulating to a pronounced mental activity, the hitherto unconscious masses. The events which are happening in every country are bringing this about with much rapidity; humanity is coming alive and its consciousness is awakening to the subjective values. The Hierarchy is sore beset to meet humanity's emerging need of guidance. The sensitivity of the human race (as the result of economic insufficiency, of war, anxiety and pain) is becoming so acute that we who work on the inner side must hasten to impress sensitive, awakening psychics with the right impression. Hence our effort to create these groups, and to use people like yourselves who are (theoretically) harmless but actually full of prejudice and hasty judgments. We have to use the material which lies to hand and are greatly handicapped at all times.

và kích thích quần chúng vốn cho đến nay còn vô thức bước vào hoạt động trí tuệ rõ rệt. Những sự kiện đang diễn ra ở mọi quốc gia đang nhanh chóng mang lại điều này; nhân loại đang trở nên sống động và tâm thức của nhân loại đang thức tỉnh trước các giá trị chủ quan. Thánh đoàn đang vô cùng chật vật để đáp ứng nhu cầu hướng dẫn mới nảy sinh của nhân loại. Sự nhạy cảm của nhân loại (do thiếu thốn kinh tế, chiến tranh, lo âu và đau khổ) đang trở nên sắc bén đến mức chúng tôi, những người hoạt động ở phía bên trong, phải khẩn trương truyền ấn tượng đúng đắn đến những người thông linh nhạy cảm đang thức tỉnh. Do đó, chúng tôi nỗ lực tạo lập những nhóm này và sử dụng những người như các bạn, những người (về lý thuyết) là vô tổn hại nhưng thực tế lại đầy thành kiến và phán xét vội vàng. Chúng tôi phải sử dụng chất liệu sẵn có trong tay và lúc nào cũng gặp những trở ngại lớn.

1. The Master asks for a drastic disciplining — a purging, an elimination of the kind that must occur (generally) under the influence of Scorpio and Pluto.

1. Chân sư yêu cầu một sự rèn luyện kỷ luật quyết liệt — một sự thanh lọc, một sự loại trừ thuộc loại phải diễn ra (nói chung) dưới ảnh hưởng của Hổ Cáp và Sao Diêm Vương.

2. As many of those in His group were first degree initiates preparing (in this or in immediately future lives) for the second initiation (ruled by Scorpio, and thus influenced by eliminative Pluto) the Master's request for a kind, uncritical attitude can be understood as necessary not only for group requirements but for the spiritual progress possible to them at their individual stage of development.

2. Vì nhiều người trong nhóm của Ngài là những điểm đạo đồ bậc một đang chuẩn bị (trong kiếp này hoặc những kiếp ngay sau đó) cho lần điểm đạo thứ hai (do Hổ Cáp cai quản, nên chịu ảnh hưởng của Sao Diêm Vương với tác dụng loại trừ), yêu cầu của Chân sư về một thái độ tử tế, không chỉ trích có thể được hiểu là cần thiết không chỉ cho các yêu cầu của nhóm mà còn cho sự tiến bộ tinh thần khả hữu đối với họ ở giai đoạn phát triển cá nhân.

3. As student-occultists we must become convinced of the tremendous power of thought. Through the nature and quality of our thoughts we have an unsuspected

3. Là những đạo sinh huyền bí học, chúng ta phải xác tín về quyền năng to lớn của tư tưởng. Thông qua bản chất và phẩm tính tư tưởng của mình, chúng ta có một khả năng

capacity to help (or hurt) others.

giúp đỡ (hoặc làm tổn thương) người khác mà chúng ta chưa ngờ tới.

4. The usual stimulants to criticism are considered — namely the behavior of personalities and the "chaos everywhere to be seen". But the Hierarchy has a very different attitude towards such things, rightly judging personalities and conditions as "fleeting and ephemeral". This attitude promotes "divine indifference", for personalities and conditions are seen as of no great moment. One can more easily let such things "be" if they are understood as relatively inconsequential.

4. Những tác nhân thường kích thích sự chỉ trích được xem xét ở đây — cụ thể là hành vi của các phàm ngã và "cảnh hỗn loạn hiện diện khắp nơi". Nhưng Thánh đoàn có một thái độ rất khác đối với những điều ấy, khi nhận định đúng đắn rằng các phàm ngã và hoàn cảnh đều "thoáng qua và phù du". Thái độ này thúc đẩy "điềm nhiên thiêng liêng", vì các phàm ngã và hoàn cảnh được nhìn nhận là không có tầm quan trọng lớn. Người ta dễ để những điều ấy "như chúng vốn vậy" hơn nếu hiểu rằng chúng tương đối ít hệ trọng.

5. So we see that a spiritually adjusted sense of values contributes to the development of a kind and uncritical attitude of mind based on divine indifference.

5. Như vậy, chúng ta thấy rằng một ý thức về các giá trị được điều chỉnh theo tinh thần góp phần phát triển một thái độ trí tuệ tử tế, không chỉ trích, dựa trên điềm nhiên thiêng liêng.

6. These chelas in training are either approaching Master DK's Ashram or can be considered as incorporated into it, though standing, relatively, on the its periphery. Therefore it is suitable for them to develop the "attitude of Hierarchy".

6. Những đệ tử đang được huấn luyện này hoặc đang tiến đến ashram của Chân sư DK hoặc có thể được xem là đã gia nhập ashram ấy, dù xét tương đối vẫn đứng ở ngoại vi. Vì vậy, việc họ phát triển "thái độ của Thánh đoàn".

7. Master DK is asking for a specific type of focussing — on the "consciousness aspect" and not on evanescent phenomena. The chelas He is addressing are to become "Trained Observers". Thus we see that they are to develop capacity *both* as "Telepathic Communicators" *and* as "Trained Observers". We recognize in these two titles the first two Seed Groups among the ten.

7. Chân sư DK đang yêu cầu một cách tập trung cụ thể — vào "phương diện tâm thức" chứ không vào những hiện tượng thoáng qua. Những đệ tử mà Ngài đang nói với phải trở thành "Các Nhà Quan Sát Lão Luyện". Như vậy, chúng ta thấy rằng họ phải phát triển năng lực *vừa* với tư cách "Các Nhà Giao Tiếp Viễn Cảm" *vừa* với tư cách "Các Nhà Quan Sát Lão Luyện". Trong hai danh xưng này, chúng ta nhận ra hai Nhóm hạt giống đầu tiên trong số mười nhóm.

8. The developing occultist can have no

8. Nhà huyền bí học đang phát triển không

superficial mental attitude. All members of Hierarchy are, fundamentally, esoteric psychologists and must see beneath the phantasmagoria of life.

thể có một thái độ trí tuệ hời hợt. Về căn bản, mọi thành viên của Thánh đoàn đều là những nhà tâm lý học nội môn và phải nhìn thấu bên dưới những cảnh tượng huyễn hóa của cuộc sống.

9. DK points the fact that humanity is rapidly (very rapidly) awakening to the subjective values. It is both interesting and compelling that Hierarchy is "sore beset" to meet humanity's need for guidance. Indeed it is a *need,* as will be revealed to those who, closely observing human trends, see humanity's tendency towards 'misguidance'.

9. Chân sư DK chỉ ra sự thật rằng nhân loại đang nhanh chóng (rất nhanh chóng) thức tỉnh trước các giá trị chủ quan. Việc Thánh đoàn đang "vô cùng chật vật" để đáp ứng nhu cầu được hướng dẫn của nhân loại vừa thú vị vừa thôi thúc chúng ta chú ý. Quả thật, đó là một *nhu cầu,* như sẽ trở nên rõ ràng đối với những người quan sát kỹ các xu hướng của con người và thấy khuynh hướng của nhân loại dễ bị 'dẫn dắt sai đường'.

10. Master DK speaks of the acute sensitivity of the human race, due to many distressing factors. Reading between the lines, one can infer that such sensitivity could be an open door to wrong direction as well as to more wholesome types of impression. It would seem that humanity *will be impressed,* inevitably, and it is up to the Hierarchy to do all it can to ensure that the impression is a sound one. Hence the need to train disciples (such as those here addressed) in the methods of the constructive direction of idea and thought for purposes of impressing the mind of humanity.

10. Chân sư DK nói về sự nhạy cảm sắc bén của nhân loại do nhiều yếu tố gây đau khổ. Đọc giữa các dòng, người ta có thể suy ra rằng sự nhạy cảm ấy có thể mở cửa cho cả sự dẫn dắt sai lầm lẫn những loại ấn tượng lành mạnh hơn. Dường như nhân loại tất yếu *sẽ tiếp nhận ấn tượng,* và Thánh đoàn có trách nhiệm làm mọi điều có thể để bảo đảm rằng ấn tượng ấy là đúng đắn. Do đó, cần huấn luyện các đệ tử (như những người đang được nói tới ở đây) về các phương pháp định hướng ý tưởng và tư tưởng một cách xây dựng nhằm tạo ấn tượng lên thể trí của nhân loại.

11. Many psychics (and by that term, we may mean astrally sensitive people) are today receiving many erroneous impressions. They are tuning into the astral plane and accepting all they receive as reality. This is a dangerous and misleading situation. If they were better trained, they would exercise more discrimination, and the likelihood of misguiding error would be greatly reduced. Modern disciples who, increasingly, are achieving mental

11. Ngày nay, nhiều người thông linh (và với thuật ngữ ấy, chúng ta có thể muốn nói đến những người nhạy cảm về mặt cảm dục) đang tiếp nhận nhiều ấn tượng sai lầm. Họ đang hòa nhịp với cõi cảm dục và chấp nhận mọi điều mình tiếp nhận là thực tại. Đây là một tình trạng nguy hiểm và dễ dẫn đến lầm lạc. Nếu được huấn luyện tốt hơn, họ sẽ vận dụng sự phân biện nhiều hơn, và khả năng mắc sai lầm dẫn đến lạc hướng sẽ giảm đi rất nhiều. Các đệ tử hiện đại, những người ngày

polarization, have a role to play in this training.

12. DK offers some humbling thoughts: those He is forced to work with are not entirely suitable. In fact, they are not really harmless, but are filled with prejudices and hasty judgments. Human minds are not to be impressed by such negative qualities, and would not be, were harmlessness a fact in the consciousness of those who impress others (both consciously and unconsciously).

13. Disciples are simply "material" and, often, material which handicaps the intentions of the greater beings who would use it. Let us seek to present as few handicaps to the Masters as we possibly can. Let us seek to be "material" suitable to Their Plans and Purposes.

After you have worked consciously at the purification of the mind and after you have attempted to free yourselves from prejudice, from preconceived ideas and hasty judgments and determinations (based upon your own background, tradition, social and racial status), you will then brood consciously on the process of thoughtform making; you will remember that — for group purposes and for simplicity — the following three stages are of importance: [67]

1. First comes purification of the mind. This is a detaching and eliminative process.

2. Prejudice is a type of habitual thought which is incognizant of presented reality. Preconceived ideas are prejudices.

càng đạt được sự phân cực trí tuệ, có một vai trò trong việc huấn luyện này.

12. Chân sư DK đưa ra một vài ý tưởng khiến chúng ta phải khiêm nhường: những người mà Ngài buộc phải làm việc cùng không hoàn toàn thích hợp. Thực tế, họ chưa thực sự vô tổn hại mà còn đầy thành kiến và phán xét vội vàng. Thể trí con người không nên tiếp nhận ấn tượng từ những phẩm tính tiêu cực ấy, và điều đó sẽ không xảy ra nếu tính vô tổn hại là một thực tại trong tâm thức của những người tạo ấn tượng lên người khác (cả một cách hữu thức lẫn vô thức).

13. Các đệ tử chỉ đơn thuần là "chất liệu" và thường là chất liệu cản trở ý định của những sinh mệnh cao cả hơn muốn sử dụng chất liệu ấy. Chúng ta hãy cố gắng gây ra ít trở ngại nhất có thể cho các Chân sư. Chúng ta hãy cố gắng trở thành "chất liệu" thích hợp với các Thiên Cơ và Mục Đích của Các Ngài.

Sau khi đã có ý thức nỗ lực thanh lọc thể trí và cố gắng giải thoát mình khỏi thành kiến, khỏi những ý tưởng định sẵn cùng những phán xét và kết luận vội vàng (dựa trên bối cảnh riêng, truyền thống, địa vị xã hội và vị thế chủng tộc của mình), các bạn sẽ có ý thức suy ngẫm về tiến trình tạo lập hình tư tưởng; các bạn sẽ nhớ rằng — vì mục đích của nhóm và để đơn giản hóa — ba giai đoạn sau đây có tầm quan trọng: [67]

1. Trước hết là sự thanh lọc thể trí. Đây là một tiến trình tách rời và loại trừ.

2. Thành kiến là một kiểu tư tưởng theo thói quen, không nhận biết thực tại đang hiện diện. Những ý tưởng định sẵn chính là thành kiến.

3. Hasty judgments also prevent the clear-seeing of the truth, for they fail to draw correct conclusions.

3. Những phán xét vội vàng cũng ngăn cản việc thấy rõ chân lý, vì chúng không rút ra được những kết luận đúng đắn.

4. Judgments and determinations are fixed thoughtforms which are based upon a limited, personal point of view and are, therefore, inaccurate.

4. Những phán xét và kết luận là các hình tư tưởng cố định dựa trên một quan điểm cá nhân hạn hẹp, và vì vậy không chính xác.

5. All these mental conditions are so much clutter and obstruction and would taint the 'stream of impressive energy' with negativity. Over and over again we see why purification must precede real occult work and that the purification must address increasingly subtle layers within the individual.

5. Tất cả những trạng thái trí tuệ này đều là những thứ ngổn ngang và chướng ngại, sẽ làm vẩn đục 'dòng năng lượng tạo ấn tượng' bằng tính tiêu cực. Hết lần này đến lần khác, chúng ta thấy vì sao sự thanh lọc phải đi trước công việc huyền bí thực sự và vì sao sự thanh lọc ấy phải hướng đến những lớp ngày càng tinh tế bên trong cá nhân.

6. After purification has been effected, practical knowledge of the "process of thoughtform making" must be developed. There is a skill to be developed and it will not be developed without reflection.

6. Sau khi đã thanh lọc, cần phát triển tri thức thực hành về "tiến trình tạo lập hình tư tưởng". Có một kỹ năng cần phát triển, và kỹ năng ấy sẽ không phát triển nếu thiếu suy ngẫm.

1. The stage of pondering over the idea which is to be impressed upon the mind of some individual. This pondering and carefully directed thinking produces construction; it is a creative activity and is the first real stage in our work. I do not want you to endeavour to build thoughtforms. I want you to think clearly along lines which I may indicate. Then the desired thoughtform will automatically take shape and all of you will have contributed something to it.

1. Giai đoạn suy ngẫm về ý tưởng sẽ được truyền ấn tượng lên thể trí của một cá nhân nào đó. Sự suy ngẫm này cùng với tư duy được định hướng cẩn thận tạo nên sự xây dựng; đó là một hoạt động sáng tạo và là giai đoạn thực sự đầu tiên trong công việc của chúng ta. Tôi không muốn các bạn cố gắng xây dựng các hình tư tưởng. Tôi muốn các bạn tư duy rõ ràng theo những đường hướng mà Tôi có thể chỉ ra. Khi đó, hình tư tưởng mong muốn sẽ tự động thành hình và tất cả các bạn đều sẽ đóng góp điều gì đó vào hình tư tưởng ấy.

1. The magical process and the telepathic process have points in common, for a white magician begins very much as DK is here instructing those who are to be engaged in

1. Tiến trình huyền thuật và tiến trình viễn cảm có những điểm chung, vì một nhà huyền thuật chánh đạo khởi đầu rất giống với cách Chân sư DK đang chỉ dạy ở đây cho những người sẽ tham gia tiến trình truyền

the process of telepathic impression.

2. The work is definitely to impress the mind of an individual or individuals but not compel the will. DK tells how preparation may be made.

3. Firstly, the idea to be impressed is to be pondered by the agent of impression. What is the value of this pondering? Pondering is, essentially, a *constructive* process. The second ray is the Ray of Cohesion, an attractive, building ray, and "pondering" is a process directly related to the second ray. Through the focus generated through the 'staying with' of pondering, the intuition is invoked. The plane of intuition is the plane of "pure reason"; in the state of pure reason, ideas cohere with faithfulness to their archetypes.

4. Pondering, thus, *enriches the idea being pondered* and infuses the idea with the increasing reality and truth characteristic of the buddhic plane.

5. To simply build thoughtforms (without due reference to archetypal pattern) is to enter prematurely into thought manipulation. The chela may feel an eagerness to build, but such a probably unenlightened eagerness could prevent success.

6. Rather, if the chela engages in *clear thinking*, the "desired thoughtform will automatically take shape". This thoughtform appears to be a *group-generated* thoughtform, to which every thinker in the group makes his or her contribution.

7. Rather than engaging in immediate thought-manipulation, we see instead a

ấn tượng bằng viễn cảm.

2. Công việc rõ ràng là tạo ấn tượng lên thể trí của một hay nhiều cá nhân, nhưng không cưỡng ép ý chí. Chân sư DK chỉ dẫn cách chuẩn bị.

3. Trước hết, tác nhân truyền ấn tượng phải suy ngẫm về ý tưởng cần truyền đạt. Sự suy ngẫm này có giá trị gì? Về căn bản, suy ngẫm là một tiến trình *xây dựng*. Cung hai là Cung Cố Kết, một cung thu hút và xây dựng, và "suy ngẫm" là một tiến trình liên hệ trực tiếp với cung hai. Thông qua sự tập trung do việc 'kiên trì ở lại với đối tượng' trong suy ngẫm tạo ra, trực giác được khẩn cầu. Cõi trực giác là cõi của "lý trí thuần khiết"; trong trạng thái lý trí thuần khiết, các ý tưởng gắn kết với nhau mà vẫn trung thành với những nguyên mẫu của chúng.

4. Như vậy, sự suy ngẫm *làm phong phú ý tưởng đang được suy ngẫm* và thấm nhuần ý tưởng ấy bằng thực tại và chân lý ngày càng sâu sắc, vốn là đặc trưng của cõi Bồ đề.

5. Chỉ đơn thuần xây dựng các hình tư tưởng (mà không tham chiếu thích đáng đến mô hình nguyên mẫu) là bước vào việc thao tác tư tưởng quá sớm. Người đệ tử có thể háo hức xây dựng, nhưng sự háo hức có lẽ chưa được soi sáng ấy có thể ngăn cản thành công.

6. Thay vào đó, nếu người đệ tử thực hành *tư duy rõ ràng*, thì "hình tư tưởng mong muốn sẽ tự động thành hình". Hình tư tưởng này dường như là một hình tư tưởng *do nhóm tạo ra*, mà mỗi người tư duy trong nhóm đều đóng góp phần mình vào đó.

7. Thay vì lập tức thao tác tư tưởng, ở đây chúng ta thấy một tiến trình 'cho phép' một

process of 'allowing' a thoughtform to 'self-originate', which, according to law, it will necessarily do if there is clear thinking along lines indicated by the Master. It is as if clear thinking allows for the entry of a *reliable structuring force* which works upon thought. The utilization of this procedure points to the principle that there is much to do along the second ray line before the third ray and, later, the first can be engaged.

hình tư tưởng 'tự hình thành', điều mà theo định luật, nó tất yếu sẽ thực hiện nếu có tư duy rõ ràng theo những đường hướng Chân sư chỉ ra. Dường như tư duy rõ ràng cho phép một *mãnh lực tạo cấu trúc đáng tin cậy* đi vào và tác động lên tư tưởng. Việc sử dụng phương thức này chỉ ra nguyên khí rằng có nhiều điều phải làm theo đường hướng cung hai trước khi có thể vận dụng cung ba, rồi sau đó là cung một.

2. When the thoughtform is thus built in your mind, there will follow a period wherein it comes alive. It slowly becomes the living embodiment of the desired idea — vibrant, active and ready for service.

2. Khi hình tư tưởng đã được xây dựng như vậy trong thể trí các bạn, tiếp theo sẽ là một thời kỳ nó trở nên sống động. Nó dần trở thành hiện thân sống động của ý tưởng mong muốn — rung động, hoạt động và sẵn sàng phụng sự.

1. The next phase involves the vitalization of the constructed thoughtform. This phase in the preparation for telepathic work corresponds well to the stage in the magical-constructive process of animating a thoughtform with emotional quality.

1. Giai đoạn tiếp theo bao hàm việc tiếp sinh lực cho hình tư tưởng đã được xây dựng. Giai đoạn này trong việc chuẩn bị cho công việc viễn cảm tương ứng rõ rệt với giai đoạn truyền sự sống cho một hình tư tưởng bằng phẩm tính cảm xúc trong tiến trình xây dựng bằng huyền thuật.

2. We note that that, again, the one constructing the thoughtform is apparently *not* the animator of the thoughtform. Just as in phase one there is no deliberate attempt to *build* thoughtforms, so in this stage, there is no attempt to *animate* them. The accomplished white magician, however, might proceed with more direct, manipulative power.

2. Một lần nữa, chúng ta lưu ý rằng người xây dựng hình tư tưởng dường như *không* phải là người truyền sự sống cho hình tư tưởng ấy. Cũng như ở giai đoạn một không có sự cố ý cố gắng *xây dựng* các hình tư tưởng, thì ở giai đoạn này cũng không có sự cố gắng *truyền sự sống* cho chúng. Tuy nhiên, nhà huyền thuật chánh đạo thành thạo có thể tiến hành bằng quyền năng thao tác trực tiếp hơn.

3. The process of rendering the thoughtform "the living embodiment of the desired idea" seems to take place automatically — presumably if correct focus and purpose are sustained.

3. Tiến trình làm cho hình tư tưởng trở thành "hiện thân sống động của ý tưởng mong muốn" dường như diễn ra tự động — có lẽ với điều kiện duy trì sự tập trung và mục đích đúng đắn.

3. When this stage is reached, you can then — as a group — proceed with the stage of direction. Having carefully in mind the person to be impressed and the fact of your group as the impressing agency (thus providing the two poles between which interplay is desired), you will try to see the living embodied idea, playing back and forth between the two poles. You will send it out on the wings of love, impelled by the wise desire to serve and in obedience to my directions. Time and again, it may return to you for revivifying and enrichment before its task is satisfactorily accomplished.

3. Khi đạt đến giai đoạn này, các bạn có thể — với tư cách một nhóm — tiến hành giai đoạn định hướng. Ghi nhớ cẩn thận người sẽ tiếp nhận ấn tượng và việc nhóm các bạn là tác nhân truyền ấn tượng (qua đó tạo ra hai cực mà giữa chúng cần có sự tương tác), các bạn sẽ cố gắng thấy ý tưởng sống động đã có hình hài di chuyển qua lại giữa hai cực. Các bạn sẽ gửi nó đi trên đôi cánh tình thương, được thúc đẩy bởi ước muốn phụng sự đầy minh triết và tuân theo những chỉ dẫn của Tôi. Hết lần này đến lần khác, nó có thể trở lại với các bạn để được tiếp thêm sức sống và làm phong phú trước khi hoàn thành nhiệm vụ một cách thỏa đáng.

1. Careful attention to this paragraph will reveal it to be a noteworthy elucidation of an occult technique of telepathic transfer.

1. Chú tâm cẩn thận vào đoạn văn này sẽ cho thấy đây là một sự giải thích đáng chú ý về một kỹ thuật huyền bí trong việc chuyển dịch bằng viễn cảm.

2. Earlier, we found the Master taking the role of the one who directed the thought-content provided by the group. Here, at least part of the responsibility for thought-direction is left to the chelas.

2. Trước đó, chúng ta thấy Chân sư đảm nhận vai trò định hướng nội dung tư tưởng do nhóm cung cấp. Ở đây, ít nhất một phần trách nhiệm định hướng tư tưởng được giao cho các đệ tử.

3. In this process, two poles are to be clearly visualized — the person (or, presumably, group) to be impressed, and the *group* which acts as the "impressing agency".

3. Trong tiến trình này, cần hình dung rõ ràng hai cực — người (hoặc có lẽ là nhóm) sẽ tiếp nhận ấn tượng, và *nhóm* đóng vai trò "tác nhân truyền ấn tượng".

4. The process is a somewhat Geminian/Mercurian one, as an interplay between these two poles is to be set up.

4. Tiến trình này phần nào mang tính chất Song Tử/Sao Thủy, vì cần thiết lập sự tương tác giữa hai cực này.

5. The art of visualization enters. The impressing agent (the disciple seeking to impress the idea or thought) visualizes "the living embodied idea playing back and forth between the two poles". The well-constructed idea (which has taken shape as a result of clear thinking) is to be seen as

5. Nghệ thuật hình dung bắt đầu tham gia. Tác nhân tạo ấn tượng (người đệ tử tìm cách ghi khắc ý tưởng hoặc tư tưởng) hình dung "ý tưởng sống động đã thành hình đang chuyển động qua lại giữa hai cực". Cần thấy ý tưởng được xây dựng vững chắc (đã thành hình nhờ tư duy rõ ràng) như một sinh thể

vibrantly alive and oscillating between the 'sender' and the one who is to 'receive' — whether consciously, or more likely, unconsciously.

6. The mode of sending is specific. The idea or thought is to be sent forth "on the wings of love" (this is indispensable). The sender is also to be animated by "the wise desire to serve", and the Master's instructions are to be obediently followed.

7. What could be more explicit than these simple directions!

8. A further important phase of the process of sending is indicated, for the sent thoughtform will not necessarily fulfill its task immediately. The thoughtform will likely need constant revivification and enrichment. Each time the thoughtform seems to 'return' to the sender, there is presented an opportunity to revivify and enrich it. We might suppose that when the thoughtform contains a certain *saturation of quality and vibrancy* it will complete its task — unless there is tremendous resistance in the aura of the one who is (or ones who are) to be impressed.

The externalised groups of disciples are all of them intended to be expressions of a type of group relation which will be better known and understood when the world has entered into the next cycle and era of peace. Certain types of force are, as you know, to be later utilised by the groups for specific group ends and for world service. The motive for all such service must not be forgotten by you, as you study and work in a Master's group. The objective is not your individual assistance and unfoldment but your training in certain group alignments and

đầy sức sống đang dao động giữa 'người gửi' và người sẽ 'tiếp nhận' — dù có ý thức, hay nhiều khả năng hơn là không có ý thức.

6. Phương thức gửi có tính đặc thù. Ý tưởng hoặc tư tưởng phải được gửi đi "trên đôi cánh tình thương" (đây là điều không thể thiếu). Người gửi cũng phải được thúc đẩy bởi "ước muốn phụng sự sáng suốt", và phải tuân thủ các huấn thị của Chân sư.

7. Còn gì có thể rõ ràng hơn những chỉ dẫn đơn giản này!

8. Một giai đoạn quan trọng nữa của tiến trình gửi được chỉ ra, vì hình tư tưởng đã gửi đi không nhất thiết sẽ hoàn thành nhiệm vụ ngay lập tức. Hình tư tưởng ấy có lẽ cần liên tục được phục hồi sức sống và làm phong phú thêm. Mỗi lần hình tư tưởng dường như 'trở về' với người gửi, một cơ hội lại xuất hiện để phục hồi sức sống và làm phong phú thêm cho nó. Chúng ta có thể giả định rằng khi hình tư tưởng đạt đến một mức độ *bão hòa nhất định về phẩm tính và sức sống*, nó sẽ hoàn thành nhiệm vụ — trừ khi có sự kháng cự mãnh liệt trong hào quang của người (hoặc những người) sẽ tiếp nhận ấn tượng.

Tất cả các nhóm đệ tử đã ngoại hiện đều nhằm biểu lộ một kiểu quan hệ nhóm mà người ta sẽ biết đến và thấu hiểu rõ hơn khi thế giới bước vào chu kỳ tiếp theo và kỷ nguyên hòa bình. Như các bạn biết, về sau các nhóm sẽ sử dụng một số loại mãnh lực cho những mục đích nhóm cụ thể và để phụng sự thế gian. Khi nghiên cứu và làm việc trong nhóm của một Chân sư, các bạn không được quên động cơ của mọi sự phụng sự như thế. Mục tiêu là huấn luyện các bạn trong một số sự chỉnh hợp và hoạt động nhóm, qua đó giúp các nhóm đệ tử này làm

activities which will enable these groups of disciples to work in a definite and specific manner. The fact, however, that one group will work with one type of force and another group of disciples will employ a different kind must not in any sense be deemed to indicate separate activity or separative interests. All [68] will be working towards one objective or goal and all will work with the same divine energy, differentiated into varying forces for the purposes of service in one department of life or another. I would ask you to ponder deeply upon the various aspects of the outlined plan or system of group work which I have brought to you, for it is a tentative endeavour to externalise upon earth, certain phases of hierarchical endeavour.

việc theo một cách thức rõ ràng và cụ thể, chứ không nhằm trợ giúp và phát triển riêng từng cá nhân các bạn. Tuy nhiên, việc một nhóm làm việc với một loại mãnh lực còn một nhóm đệ tử khác sử dụng một loại khác tuyệt nhiên không được xem là dấu hiệu của hoạt động riêng rẽ hay những mối quan tâm mang tính chia rẽ. Tất cả [68] sẽ cùng hướng tới một mục tiêu hay đích đến, và tất cả sẽ làm việc với cùng một năng lượng thiêng liêng, được biến phân thành các mãnh lực khác nhau nhằm phụng sự trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác của đời sống. Tôi muốn các bạn suy ngẫm sâu sắc về những phương diện khác nhau của kế hoạch hay hệ thống công việc nhóm đã được phác thảo mà Tôi đã trình bày với các bạn, vì đây là một nỗ lực thử nghiệm nhằm ngoại hiện trên Trái Đất một số giai đoạn trong nỗ lực của Thánh đoàn.

1. The groups which the Tibetan organized were pioneering groups. They were to experiment with the utilization of certain types of subtle energy which would later be more common.

1. Các nhóm do Chân sư Tây Tạng tổ chức là những nhóm tiên phong. Các nhóm ấy sẽ thử nghiệm việc sử dụng một số loại năng lượng tinh tế mà về sau sẽ trở nên phổ biến hơn.

2. On a number of occasions, Master DK finds it necessary to remind His disciples that the work they are undertaking is not for their own, individual assistance, but for wider objectives. Once a certain measure of decentralization has taken hold in the consciousness of the disciple, there would be no further need for reminders of this kind.

2. Nhiều lần, Chân sư DK thấy cần phải nhắc các đệ tử của Ngài rằng công việc họ đang đảm nhận hướng đến những mục tiêu rộng lớn hơn, chứ không nhằm trợ giúp riêng từng cá nhân họ. Một khi sự phi tập trung vào bản thân đã bén rễ đến một mức độ nhất định trong tâm thức của người đệ tử, sẽ không còn cần đến những lời nhắc nhở như thế nữa.

3. In this type of work, *differentiated* forces were to be used and transmitted by the various groups. The Tibetan stresses the idea that all groups are working with essentially the "same divine energy", despite the apparent differences.

3. Trong loại công việc này, các nhóm khác nhau sẽ sử dụng và truyền dẫn những mãnh lực đã *biến phân*. Chân sư Tây Tạng nhấn mạnh ý tưởng rằng về bản chất, tất cả các nhóm đều đang làm việc với "cùng một năng lượng thiêng liêng", bất chấp những khác

biệt bề ngoài.

4. *Differentiation* is one thing; *separation* another. DK seeks to eliminate any possibility of separative thinking in His chelas. The work is *one;* the energies, though differentiated, are *one.*

4. *Biến phân* là một chuyện; *chia rẽ* lại là chuyện khác. Chân sư DK tìm cách loại bỏ mọi khả năng tư duy chia rẽ nơi các đệ tử của Ngài. Công việc là *một;* các năng lượng, dù đã biến phân, vẫn là *một.*

5. The requirement is to see "unity in diversity". The Master is adept at such perception and chelas must learn to be so.

5. Yêu cầu là thấy được "sự hợp nhất trong đa dạng". Chân sư thành thạo cách nhận thức ấy, và các đệ tử phải học để cũng được như vậy.

6. Again we learn that the work assigned by DK is part of a tentative effort to externalize an aspect of His Ashram. Such an externalization process proceeds, however, by slow and graded steps, each of which must be accomplished with some degree of success before the next one can be attempted.

6. Một lần nữa, chúng ta biết rằng công việc Chân sư DK giao là một phần trong nỗ lực thử nghiệm nhằm ngoại hiện một phương diện của ashram của Ngài. Tuy nhiên, một tiến trình ngoại hiện như thế diễn ra qua những bước chậm rãi và tuần tự; mỗi bước phải đạt một mức độ thành công nhất định trước khi có thể thử thực hiện bước tiếp theo.

7. Each of us is engaged in a certain types of spiritual activity. Our challenge to see the organic relation between 'our' type of spiritual activity and the type of equally spiritual activity pursued by others. This would lead to that sense of synthesis which is so important a quality in those who can participate successfully in the newer types of esoteric groups.

7. Mỗi người chúng ta đều tham gia vào một loại hoạt động tinh thần nhất định. Thách thức của chúng ta là thấy được mối quan hệ hữu cơ giữa loại hoạt động tinh thần 'của chúng ta' và loại hoạt động cũng mang tính tinh thần mà những người khác theo đuổi. Điều này sẽ dẫn đến ý thức tổng hợp, một phẩm tính hết sức quan trọng ở những người có thể tham gia thành công vào các loại nhóm nội môn mới hơn.

The energy used in the telepathic work is the "chitta" (as the Hindus call it) or the mind-stuff which underlies and is the very substance of manifestation itself. God, the planetary Life or Logos, however, works with the higher correspondence of this mind-stuff and the forces of the mental plane are the reflection or rather the densification of this higher mental substance. These forces, this mind-stuff, is

Năng lượng được sử dụng trong công việc viễn cảm là "chất trí" (theo cách gọi của người Ấn Độ), tức chất liệu trí tuệ làm nền tảng và chính là chất liệu của sự biểu hiện. Tuy nhiên, Thượng đế, Sự Sống hay Thượng đế hành tinh, làm việc với đối phần tương ứng cao hơn của chất trí này, và các mãnh lực của cõi trí là sự phản chiếu, hay đúng hơn là sự cô đặc của chất liệu trí tuệ cao hơn ấy. Các mãnh lực này, chất trí này, liên tục

constantly in flux and in motion. This produces that thoughtform-making activity of the mental world which is set in motion by minds — working either individually or in group formation. In true telepathic work (carried forward without error and correctly and from a poised point of action) the currents of this mind-stuff are set in motion between certain points by the will and the carefully expressed and formulated idea in the mind of the thinker. A certain portion of this mind-stuff (already in motion) is built into form and then travels along the current, as set up between the two points. The telepathic worker, such as, for instance, myself, works from the angle of the mind of the transmitter and that of the recipient, establishing first of all a current of rapport (which you sometimes call "sensing the Tibetan's vibration"); along that current, I send the impression, the idea or the thoughtform which I seek to see impinging first of all upon your minds and then — if you are capable of such alignment — upon your brains. This process can be either rapid or slow. Where the alignment is good, there can be an almost immediate response to my thought; where it is not good, it may take days and even weeks for the impression to be finally realised and consciously registered on the disciple's mind and brain.

biến động và chuyển động. Điều này tạo ra hoạt động kiến tạo hình tư tưởng của thế giới trí tuệ, do các thể trí khởi động — hoạt động riêng lẻ hoặc theo đội hình nhóm. Trong công việc viễn cảm đích thực (được tiến hành chính xác, không sai sót và từ một điểm hành động quân bình), ý chí cùng ý tưởng được diễn đạt và định hình cẩn thận trong thể trí của người tư duy khơi chuyển các dòng chất trí này giữa những điểm nhất định. Một phần chất trí ấy (vốn đã chuyển động) được xây dựng thành hình tướng rồi di chuyển theo dòng đã thiết lập giữa hai điểm. Người hoạt động viễn cảm, chẳng hạn như chính Tôi, làm việc từ góc độ thể trí của người truyền lẫn thể trí của người nhận, trước hết thiết lập một dòng giao cảm (mà đôi khi các bạn gọi là "cảm nhận rung động của Chân sư Tây Tạng"); theo dòng ấy, Tôi gửi ấn tượng, ý tưởng hoặc hình tư tưởng mà Tôi muốn trước hết tác động lên thể trí của các bạn, rồi — nếu các bạn có khả năng chỉnh hợp như thế — lên bộ não của các bạn. Tiến trình này có thể nhanh hoặc chậm. Khi sự chỉnh hợp tốt, tư tưởng của Tôi có thể nhận được đáp ứng gần như tức thì; khi sự chỉnh hợp chưa tốt, có thể mất nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần, trước khi người đệ tử cuối cùng nhận biết và ghi nhận ấn tượng một cách có ý thức trong thể trí và bộ não.

1. More fascinating technicalities concerning the process of thought-transference are conveyed.

1. Thêm nhiều chi tiết kỹ thuật hấp dẫn về tiến trình truyền tư tưởng được trình bày.

2. The "chitta" or "mind-stuff" is the substance of the lower mental plane, the substance of thought.

2. "Chất trí" hay "chất liệu trí tuệ" là chất liệu của cõi hạ trí, chất liệu của tư tưởng.

3. When thinking of the higher correspondence to man's "mind-stuff", one can think of the substance-energy of the

3. Khi suy nghĩ về đối phần tương ứng cao hơn của "chất trí" của con người, chúng ta có thể nghĩ đến chất liệu–năng lượng của cõi

atmic plane (which is the third systemic plane of the cosmic physical plane), or one can think even more deeply of the concrete levels of the cosmic mental plane. Since the Planetary Logos has a causal body upon the higher levels of the cosmic mental plane, He naturally is able to engage in thought processes which involve the concrete levels of that cosmic plane. The correspondence between the levels of concrete mind on the systemic mental plane and those same levels on the cosmic mental plane is exact.

atma (là cõi thứ ba của hệ mặt trời trong cõi hồng trần vũ trụ), hoặc có thể suy xét sâu hơn nữa về các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ. Vì Hành Tinh Thượng đế có một thể nguyên nhân trên các cấp độ cao của cõi trí vũ trụ, nên đương nhiên Ngài có thể tham gia vào các tiến trình tư duy liên quan đến những cấp độ cụ thể của cõi vũ trụ ấy. Sự tương ứng giữa các cấp độ của trí cụ thể trên cõi trí của hệ mặt trời và chính những cấp độ ấy trên cõi trí vũ trụ là hoàn toàn chính xác.

4. The chitta, we learn, is set into motion by the will, and by "carefully expressed and formulated ideas[s] in the mind of the thinker". With respect to the chitta, there are the attractive, manipulative forces with organize thoughtforms; these forces pertain to the second and third rays. The will and the energy of the first ray hold the thoughtforms in coherence and also *propel them through mental 'space'.*

4. Chúng ta biết rằng ý chí khơi chuyển chất trí, cùng với "các ý tưởng[s] được diễn đạt và định hình cẩn thận trong thể trí của người tư duy". Đối với chất trí, có những mãnh lực thu hút và điều khiển giúp tổ chức các hình tư tưởng; những mãnh lực này thuộc cung hai và cung ba. Ý chí và năng lượng của cung một duy trì sự cố kết của các hình tư tưởng, đồng thời *thúc đẩy chúng đi qua 'không gian trí tuệ'.*

5. The volatility of the chitta is worth noting. It is in constant motion, which says something about the devic and elemental lives involved. We can imagine the chitta as ultra responsive to a number of forces — will, other thoughts, desires, and also, perhaps, intuitions and the general influences of the spiritual triad.

5. Tính dễ biến động của chất trí là điều đáng lưu ý. Nó liên tục chuyển động, điều này cho thấy đôi nét về các sự sống thiên thần và hành khí có liên quan. Chúng ta có thể hình dung chất trí cực kỳ nhạy bén trong việc đáp ứng với nhiều mãnh lực — ý chí, những tư tưởng khác, các dục vọng, và có lẽ cả trực giác cùng những ảnh hưởng tổng quát của Tam Nguyên Tinh Thần.

6. Again the Geminian process is indicated, for "two points" are to be considered, and between these two points currents of mind-stuff are set in motion in the manner suggested.

6. Một lần nữa, tiến trình mang tính Song Tử được chỉ ra, vì cần xem xét "hai điểm", và giữa hai điểm này, các dòng chất trí được khơi chuyển theo cách thức đã gợi ý.

7. Organized mind-stuff (a thoughtform, for instance) travels along the current set up between the two points. As described in the

7. Chất trí đã được tổ chức (chẳng hạn một hình tư tưởng) di chuyển theo dòng được thiết lập giữa hai điểm. Như đã mô tả trong

paragraph above, such a thoughtform will travel towards the receiver and return to the sender numerous times.

đoạn trên, một hình tư tưởng như thế sẽ nhiều lần đi về phía người nhận rồi trở lại với người gửi.

8. The telepathic worker must establish a "current of rapport". It is in the establishing of this current that harmlessness is so important. Unkind and critical thought will inhibit the current of rapport or destroy it, if it has been created.

8. Người hoạt động viễn cảm phải thiết lập một "dòng giao cảm". Chính trong việc thiết lập dòng này, tính vô tổn hại có vai trò hết sức quan trọng. Tư tưởng thiếu thiện ý và chỉ trích sẽ cản trở dòng giao cảm, hoặc phá hủy dòng ấy nếu nó đã được tạo ra.

9. When disciples sense the Tibetan's vibration, it may mean that a current of rapport has been established between Him and them.

9. Khi các đệ tử cảm nhận rung động của Chân sư Tây Tạng, điều đó có thể có nghĩa là một dòng giao cảm đã được thiết lập giữa Ngài và họ.

10. Along the current of rapport, the Tibetan, for instance, sends the ideas or thoughts which He seeks to impress upon the minds of His chelas. Perhaps, as well, He can reach their brains, but to do so a clear alignment between mind and brain must be established in the chela.

10. Chẳng hạn, theo dòng giao cảm ấy, Chân sư Tây Tạng gửi những ý tưởng hoặc tư tưởng mà Ngài muốn ghi khắc vào thể trí của các đệ tử của Ngài. Có lẽ Ngài cũng có thể tiếp cận bộ não của họ, nhưng để làm được điều đó, người đệ tử phải thiết lập sự chỉnh hợp rõ ràng giữa thể trí và bộ não.

11. A number of valuable impressions from the Master may be in our mental aura presently, but we (focussed in our brain consciousness) may not have noticed them. As our alignment between mind and brain improves, registering that which has already been 'sent' (and is presently 'resident within the mind') will occur with much greater rapidity.

11. Hiện nay, một số ấn tượng quý giá từ Chân sư có thể đang hiện diện trong hào quang trí tuệ của chúng ta, nhưng chúng ta (đang tập trung trong tâm thức bộ não) có thể chưa nhận thấy chúng. Khi sự chỉnh hợp giữa thể trí và bộ não của chúng ta được cải thiện, việc ghi nhận những gì đã được 'gửi đến' (và hiện đang 'lưu trú trong thể trí') sẽ diễn ra nhanh hơn nhiều.

12. It is interesting and perhaps alarming to see how much time can pass before the recipient disciple registers the impression which may already be lodged within his aura.

12. Thật thú vị, và có lẽ đáng lo ngại, khi thấy có thể mất bao lâu trước khi người đệ tử tiếp nhận ghi nhận được ấn tượng vốn có lẽ đã nằm trong hào quang của mình.

13. If we wish to become a useful telepathic worker, we take the hint; we see to the alignment between mind and brain. A

13. Nếu muốn trở thành một người hoạt động viễn cảm hữu ích, chúng ta tiếp thu gợi ý ấy và chú trọng sự chỉnh hợp giữa thể trí

certain type of mental alertness will facilitate this alignment. Also, when we 'think before we speak', the alignment is facilitated.

và bộ não. Một loại tỉnh thức trí tuệ nhất định sẽ tạo thuận lợi cho sự chỉnh hợp này. Ngoài ra, khi chúng ta 'suy nghĩ trước khi nói', sự chỉnh hợp cũng diễn ra thuận lợi hơn.

14. Obviously, we wish to cultivate immediate registration and response to the Master's directed thought.

14. Hiển nhiên, chúng ta muốn vun bồi khả năng ghi nhận và đáp ứng tức thì với tư tưởng được định hướng của Chân sư.

There are other groups which are consciously working with the energy which can dispel glamour and illusion. This is the energy of the highest level of the astral plane. This level is [69] susceptible to reaction or response to that type of energy which we call the energy of the intuition or of buddhi, if you like the oriental terminology. It is the energy of wisdom. This wisdom energy is the only type of force which is adequate to dispel the miasmas, the fogs and the mists of the world of glamour. Those disciples who are working in these groups have to learn to use this energy, to work wisely, to think with wisdom and to realise that wisdom itself is a force. It is this realisation which makes a person seek out another person with wisdom when he is in trouble and difficulty and is anxious to see with clarity the way that he should go. It is this realisation which drives the members of the human family to the Masters of the Wisdom.

Có những nhóm khác đang làm việc một cách có ý thức với năng lượng có thể xua tan ảo cảm và ảo tưởng. Đây là năng lượng của cấp độ cao nhất trên cõi cảm dục. Cấp độ này [69] có khả năng phản ứng hoặc đáp ứng với loại năng lượng mà chúng ta gọi là năng lượng của trực giác, hay của Bồ đề nếu các bạn thích thuật ngữ phương Đông. Đó là năng lượng của minh triết. Năng lượng minh triết này là loại mãnh lực duy nhất đủ sức xua tan những chướng khí, những đám sương mù và màn sương của thế giới ảo cảm. Những đệ tử đang làm việc trong các nhóm này phải học cách sử dụng năng lượng ấy, làm việc sáng suốt, suy nghĩ với minh triết và nhận ra rằng chính minh triết là một mãnh lực. Chính sự nhận biết này khiến một người tìm đến một người khác có minh triết khi y gặp rắc rối, khó khăn và mong mỏi thấy rõ con đường mình nên đi. Chính sự nhận biết này thúc đẩy các thành viên của gia đình nhân loại tìm đến các Chân sư Minh Triết.

1. We see that the Tibetan is giving instruction which pertains to the work of the first two Seed groups.

1. Chúng ta thấy rằng Chân sư Tây Tạng đang đưa ra huấn thị liên quan đến công việc của hai Nhóm hạt giống đầu tiên.

2. He begins to focus on the groups which work at dispelling glamor and illusion.

2. Ngài bắt đầu tập trung vào các nhóm làm công việc xua tan ảo cảm và ảo tưởng.

3. In this dispelling process, the energy of the highest levels of the astral plane is

3. Trong tiến trình xua tan này có sự tham gia của năng lượng thuộc các cấp độ cao nhất

involved. The connection between the buddhic plane and this highest astral level is significant.

4. Buddhi here is called the "energy of wisdom", though it might equally be called the energy of "loving-understanding", of "love-wisdom", of "pure reason", or "inclusive reason" or of "harmonization".

5. A powerful and important statement is made relative to the dispelling of glamour. The "wisdom energy" is the only type of force which is adequate to dispel glamor. Thus, glamor gives way to those possessed by a broad and deep perspective.

6. Elsewhere, we learn that the clear light of the focussed mind also plays a role in the dispelling process.

7. Wisdom clarifies and reveals the way which one in bewilderment may go.

8. Divine Wisdom *pre-exists* experience in the three worlds, but extensive experience in the lower worlds facilitates the practical application of Divine Wisdom to those worlds.

9. Wisdom is a blend of a.) sensitivity to archetypal structure; b.) the registration of pure-reason; c.) much experience in the lower worlds; d.) and divinely inspired foresight; e.) heart. The definitions of wisdom are many and varied, but these factors are all related to it.

10. Perhaps all of us should focus within and see if we can detect the 'substance of wisdom'. When do we note in our consciousness the presence of wisdom?

trên cõi cảm dục. Mối liên hệ giữa cõi Bồ đề và cấp độ cảm dục cao nhất này có ý nghĩa quan trọng.

4. Ở đây, Bồ đề được gọi là "năng lượng minh triết", dù cũng có thể gọi đó là năng lượng của "sự thấu hiểu đầy tình thương", của "Bác Ái – Minh Triết", của "lý trí thuần túy", hoặc "lý trí bao gồm" hay của "sự hài hòa hóa".

5. Một khẳng định mạnh mẽ và quan trọng được đưa ra về việc xua tan ảo cảm. "Năng lượng minh triết" là loại mãnh lực duy nhất đủ sức xua tan ảo cảm. Vì vậy, ảo cảm phải nhường bước trước những người có tầm nhìn rộng và sâu.

6. Ở nơi khác, chúng ta biết rằng ánh sáng trong trẻo của thể trí tập trung cũng đóng một vai trò trong tiến trình xua tan ấy.

7. Minh triết làm sáng tỏ và hé lộ con đường mà người đang hoang mang có thể đi.

8. Minh Triết Thiêng Liêng *hiện hữu trước* kinh nghiệm trong ba cõi giới, nhưng kinh nghiệm phong phú trong các cõi thấp tạo thuận lợi cho việc áp dụng Minh Triết Thiêng Liêng vào thực tiễn của những cõi ấy.

9. Minh triết là sự hòa quyện của a.) sự nhạy cảm với cấu trúc nguyên mẫu; b.) sự ghi nhận lý trí thuần túy; c.) kinh nghiệm phong phú trong các cõi thấp; d.) tầm nhìn xa được khơi nguồn từ cảm hứng thiêng liêng; e.) tâm. Có nhiều định nghĩa đa dạng về minh triết, nhưng tất cả những yếu tố này đều liên quan đến minh triết.

10. Có lẽ tất cả chúng ta nên tập trung vào bên trong và xem liệu mình có thể nhận ra 'chất liệu của minh triết'. Khi nào chúng ta nhận thấy sự hiện diện của minh triết trong

When do we apply wisdom? What facilitates or inhibits its application?

tâm thức mình? Khi nào chúng ta áp dụng minh triết? Điều gì tạo thuận lợi hoặc cản trở việc áp dụng minh triết?

11. Wisdom is as a beacon guiding the lost. Spiritual instinct is innate in man; he knows, even if unconsciously, that there is a way through. He is magnetized towards wisdom, as it will release him from the "Samsara", the "Great Maya", the "World Illusion".

11. Minh triết như một ngọn hải đăng dẫn đường cho những người lạc lối. Bản năng tinh thần vốn có sẵn trong con người; y biết, dù không có ý thức, rằng có một con đường để vượt qua. Y được thu hút về phía minh triết, vì minh triết sẽ giải thoát y khỏi "Luân Hồi", khỏi "Ảo Lực Vĩ Đại", khỏi "Ảo Tưởng Thế Gian".

12. Why do we seek the presence and advice of the Masters of the Wisdom? Perhaps, because the wisdom latent within us reaches towards the wisdom which is fully developed and manifest in them.

12. Vì sao chúng ta tìm đến sự hiện diện và lời khuyên của các Chân sư Minh Triết? Có lẽ vì minh triết tiềm ẩn trong chúng ta vươn tới minh triết đã phát triển trọn vẹn và biểu lộ nơi Các Ngài.

13. We gather from all the above that to be a member of the group of "Trained Observers", a well-developed wisdom is, at length, necessary.

13. Từ tất cả những điều trên, chúng ta rút ra rằng để trở thành thành viên của nhóm "Các Nhà Quan Sát Lão Luyện", cuối cùng cần phải có minh triết phát triển vững vàng.

14. We might ponder on the thought that there is no true wisdom without the activation of the heart.

14. Chúng ta có thể suy ngẫm về ý tưởng rằng không có minh triết đích thực nếu tâm chưa được khơi hoạt.

In Atlantean days (I am here telling you something of interest and something which should evoke a sense of responsibility), the major task of the Masters of the Wisdom was with the great world illusion or rather, glamour. They worked then primarily upon the astral plane and had They not done so, human life and conditions would not be so good as they are — for they are in reality full of beauty, the beauty of potentiality, hovering upon the verge of immediacy of expression.

Vào thời Atlantis (ở đây Tôi đang kể cho các bạn một điều thú vị và một điều nên khơi dậy ý thức trách nhiệm), nhiệm vụ chủ yếu của các Chân sư Minh Triết là xử lý ảo tưởng lớn lao của thế gian, hay đúng hơn là ảo cảm. Khi ấy, Các Ngài làm việc chủ yếu trên cõi cảm dục, và nếu Các Ngài không làm như vậy, đời sống và hoàn cảnh của nhân loại hẳn sẽ không tốt đẹp như hiện nay — vì trên thực tế, chúng tràn đầy vẻ đẹp, vẻ đẹp của tiềm năng đang ở ngưỡng cửa biểu lộ tức thì.

1. Master DK calls glamour the "great world illusion". When He is teaching technically,

1. Chân sư DK gọi ảo cảm là "ảo tưởng lớn lao của thế gian". Khi giảng dạy về mặt kỹ thuật,

He relates illusion to the mental plane and glamour to the astral plane. The Atlantean civilization was predominantly astral in its nature.

Ngài liên hệ ảo tưởng với cõi trí và ảo cảm với cõi cảm dục. Về bản chất, nền văn minh Atlantis chủ yếu mang tính cảm dục.

2. Just as children cannot possibly realize all that their parents do for them, so we cannot fathom the many ways in which hierarchical workers clear the way for us. Apparently, we owe a debt of gratitude to the hierarchical workers of Atlantean days who worked to reduce the miasmic conditions then so prevalent.

2. Cũng như trẻ em không thể nhận biết tất cả những gì cha mẹ làm cho mình, chúng ta cũng không thể hiểu thấu vô số cách mà những người hoạt động trong Thánh đoàn dọn đường cho chúng ta. Hiển nhiên, chúng ta mang ơn những người hoạt động trong Thánh đoàn thời Atlantis, những người đã nỗ lực giảm bớt tình trạng chướng khí vốn rất phổ biến khi ấy.

3. What is the responsibility which should be evoked in us as we learn of the previous work of the Masters of the Wisdom? Perhaps we should realize that, as we work today to reduce the world-glamor (and, as well, the illusions of the mental plane) we are serving unborn generations, just as we have been served by workers in the distant past.

3. Trách nhiệm nào nên được khơi dậy trong chúng ta khi biết về công việc trước kia của các Chân sư Minh Triết? Có lẽ chúng ta nên nhận ra rằng khi ngày nay nỗ lực giảm bớt ảo cảm thế gian (cũng như những ảo tưởng của cõi trí), chúng ta đang phụng sự những thế hệ chưa ra đời, cũng như những người hoạt động trong quá khứ xa xưa đã phụng sự chúng ta.

4. Hierarchy (the Great Parent) has been humanity's unseen Benefactor. We are told that this is true, even though we do not recognize those who have benefited us. We are told (in Rule XI of *The Rays and the Initiations*) to learn to work without attachment to recognition. We can see why. We will be called upon to work for the welfare of those who will never know we have thus worked. Our motive cannot possibly be *recognition* from those we serve, for often that recognition either cannot be given or will not be given. Our love of the Divine Plan, of humanity, and of Those who are the Major Agents of the Plan must be sufficient motivation.

4. Thánh đoàn (Đấng Sinh Thành Vĩ Đại) từ lâu đã là Ân Nhân vô hình của nhân loại. Chúng ta được cho biết rằng điều này là đúng, dù chúng ta không nhận biết những vị đã mang lại lợi ích cho mình. Trong Quy luật XI của *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo*, chúng ta được dạy phải học cách làm việc mà không chấp trước vào sự công nhận. Chúng ta có thể thấy vì sao. Chúng ta sẽ được kêu gọi làm việc vì phúc lợi của những người sẽ không bao giờ biết rằng chúng ta đã làm như vậy. Động cơ của chúng ta tuyệt nhiên không thể là *sự công nhận* từ những người mình phụng sự, vì thường họ không thể hoặc sẽ không dành cho chúng ta sự công nhận ấy. Tình thương của chúng ta đối với Thiên Cơ, đối với nhân loại và đối với Các Ngài, những Tác Nhân Chủ Yếu của Thiên Cơ, phải là động lực

đầy đủ.

5. Master DK and the other Masters can see beneath the 'surface ugliness' of the times to the imminent beauty on "the verge of immediacy of expression". If we are to stand strong in all the stress and turmoil prevalent today, we too must develop an insight into the emerging beauty just beneath the surface of circumstance. The sight of the beautiful always strengthens the heart and the ability to endure through the power of love.

5. Chân sư DK và các Chân sư khác có thể nhìn xuyên qua 'vẻ xấu xí bề ngoài' của thời đại để thấy vẻ đẹp sắp xuất hiện, đang ở "ngưỡng cửa biểu lộ tức thì". Nếu muốn đứng vững giữa mọi căng thẳng và biến động phổ biến ngày nay, chúng ta cũng phải phát triển khả năng thấy sâu vào vẻ đẹp đang xuất hiện ngay bên dưới bề mặt hoàn cảnh. Việc nhìn thấy cái đẹp luôn củng cố tâm và khả năng bền bỉ chịu đựng nhờ quyền năng của tình thương.

Today, They are working primarily upon the mental plane, dealing with ideas and with their impression upon the minds of Their disciples and advanced humanity; it is the problem of humanity itself, as a whole, to work in the world glamour; it is the responsibility of the aspirants of the world to guide humanity out of the valley of glamour. Men must learn to understand it and eventually — aided by the senior disciples of the world, trained by the Masters of the Wisdom — to transmute and dispel it.

Ngày nay, Các Ngài làm việc chủ yếu trên cõi trí, xử lý các ý tưởng và việc ghi khắc chúng vào thể trí của các đệ tử của Các Ngài cùng những người tiến bộ trong nhân loại; làm việc trong ảo cảm thế gian là vấn đề của chính nhân loại xét như một tổng thể; dẫn dắt nhân loại ra khỏi thung lũng ảo cảm là trách nhiệm của những người chí nguyện trên thế giới. Con người phải học cách thấu hiểu ảo cảm và cuối cùng — với sự trợ giúp của các đệ tử cao niên trên thế giới, những người đã được các Chân sư Minh Triết huấn luyện — chuyển hóa và xua tan nó.

1. Today the emphasis of Hierarchy has shifted. Their work within the "great world illusion" (considered as glamour) has come to an end. Their focus is now, necessarily, higher — upon the mental plane for, as humanity becomes more intelligent, a very great problem is looming on that plane.

1. Ngày nay, trọng tâm của Thánh đoàn đã chuyển dịch. Công việc của Các Ngài trong "ảo tưởng lớn lao của thế gian" (được xem là ảo cảm) đã kết thúc. Hiện nay, tất yếu trọng tâm của Các Ngài ở cao hơn — trên cõi trí, vì khi nhân loại trở nên thông minh hơn, một vấn đề rất lớn đang dần hiện ra trên cõi ấy.

2. Average humanity will necessarily work in the world of glamor. They have not yet escaped it and are surrounded by it.

2. Tất yếu, những người bình thường trong nhân loại sẽ làm việc trong thế giới ảo cảm. Họ chưa thoát khỏi nó và vẫn bị nó bao quanh.

3. Now it is the task of aspirants and disciples to help "guide humanity out of the

3. Giờ đây, nhiệm vụ của những người chí nguyện và các đệ tử là giúp "dẫn dắt nhân

valley of glamour". Notice the word, "valley". Similarly, the term "vale of illusion" has been used and, also, the "veil" of illusion. Glamor is a soul-depressive state. It offers no true perspective, unlike the "peaks" of realization. Humanity's task is to emerge from the valleys, rapidly cross the planes of mentally directed life whereon vision is gradually clarified and head rapidly towards the mountain, the climbing of which will lead to the "peak of realization" (initiation)

loại ra khỏi thung lũng ảo cảm". Hãy chú ý từ "thung lũng". Tương tự, thuật ngữ "thung lũng ảo tưởng" cũng đã được sử dụng, cùng với "bức màn" ảo tưởng. Ảo cảm là một trạng thái đè nén linh hồn. Nó không đem lại một tầm nhìn đích thực nào, khác với những "đỉnh cao" của sự chứng nghiệm. Nhiệm vụ của nhân loại là thoát khỏi các thung lũng, nhanh chóng băng qua những bình nguyên của đời sống do trí tuệ định hướng, nơi tầm nhìn dần trở nên rõ ràng, rồi nhanh chóng tiến về phía ngọn núi mà việc leo lên đó sẽ dẫn tới "đỉnh cao chứng nghiệm" (điểm đạo)

4. Several different actions are suggested in this paragraph. Humanity dwells within the valley (or vale) of glamor; aspirants help to guide humanity out of that vale; senior disciples (trained by the Masters of the Wisdom) teach men to understand, transmute and dispel glamor. To be personally free of surrounding glamor is one thing, but to actually contribute to its disappearance in a larger sense is quite another. The counsel of senior disciples is necessary if humanity (standing with "massed intent") is eventually to dissipate the world glamor. This may lie some centuries ahead and even then will not be a completed process (though a significant banishing of glamor will occur).

4. Đoạn này gợi ra một số hành động khác nhau. Nhân loại sống trong thung lũng ảo cảm; những người chí nguyện giúp dẫn dắt nhân loại ra khỏi thung lũng ấy; các đệ tử cao cấp (do các Chân sư Minh Triết huấn luyện) dạy con người thấu hiểu, chuyển hoá và xua tan ảo cảm. Bản thân thoát khỏi ảo cảm bao quanh là một việc, nhưng thực sự góp phần làm cho ảo cảm biến mất trên phạm vi rộng lớn hơn lại là một việc hoàn toàn khác. Lời chỉ dẫn của các đệ tử cao cấp là điều cần thiết nếu nhân loại (đứng vững với "ý định tập thể tập trung") cuối cùng muốn làm tiêu tan ảo cảm thế gian. Điều này có thể còn cách chúng ta vài thế kỷ, và ngay cả khi ấy, tiến trình này vẫn chưa hoàn tất (dù ảo cảm sẽ bị xua đuổi đáng kể).

You should, therefore, bear in mind that the task before the modern disciple is to carry forward into the New Age the idea of the bringing of glamour and of the great illusion into the light. In the light, it will disappear. In this age, we have mastered, too well perhaps, the forces of nature and have brought out for our own benefit the material resources of the physical plane. We have conquered them and bent them to our will and use, often selfishly, yet sometimes with

Vì vậy, các bạn nên ghi nhớ rằng nhiệm vụ trước mắt người đệ tử hiện đại là mang vào Kỷ Nguyên Mới ý tưởng đưa ảo cảm và đại ảo tưởng ra ánh sáng. Trong ánh sáng, chúng sẽ biến mất. Trong thời đại này, chúng ta đã làm chủ các mãnh lực của tự nhiên, có lẽ quá thành thạo, và đã khai thác các tài nguyên vật chất của cõi hồng trần để phục vụ lợi ích của mình. Chúng ta đã chinh phục chúng, bắt chúng tuân theo ý chí và phục vụ mục đích sử dụng của mình, thường một cách ích

good and pure intent. In the New Age, a paralleling control will take place [70] over the world of astral phenomena and over the forces of glamour and illusion. We seek to control them today mentally and theoretically. But only the energy of wisdom will suffice to dispel the forces of the world glamour and the world illusion. Practise wisdom, my brothers, and thus aid humanity and shorten its astral struggle.

kỷ, nhưng đôi khi với ý định tốt đẹp và thanh khiết. Trong Kỷ Nguyên Mới, một sự kiểm soát tương tự sẽ diễn ra [70] đối với thế giới các hiện tượng cảm dục và các mãnh lực của ảo cảm và ảo tưởng. Ngày nay, chúng ta tìm cách kiểm soát chúng bằng trí tuệ và trên lý thuyết. Nhưng chỉ năng lượng minh triết mới đủ sức xua tan các mãnh lực của ảo cảm thế gian và ảo tưởng thế gian. Hỡi các huynh đệ của Tôi, hãy thực hành minh triết, qua đó trợ giúp nhân loại và rút ngắn cuộc đấu tranh của nhân loại trên cõi cảm dục.

1. It is the light of wisdom that will bring glamor and the great illusion to an end. When glamor is brought into the light it disappears.

1. Chính ánh sáng minh triết sẽ chấm dứt ảo cảm và đại ảo tưởng. Khi được đưa ra ánh sáng, ảo cảm biến mất.

2. Ours is the task to shine the light of knowledge, and better, the light of wisdom upon the glamor of which we may be aware.

2. Nhiệm vụ của chúng ta là chiếu ánh sáng tri thức, và tốt hơn nữa là ánh sáng minh triết, vào những ảo cảm mà chúng ta có thể nhận biết.

3. Glamor and illusion are often differentiated in the Teaching of the Tibetan, but, really, they constitute one obstructive force.

3. Giáo huấn của Chân sư Tây Tạng thường phân biệt ảo cảm và ảo tưởng, nhưng thực ra, chúng hợp thành một mãnh lực cản trở duy nhất.

4. A suggestion is given that humanity has, perhaps, progressed too fast in the mastery of the forces of nature, for these forces have been applied selfishly by many. Yet an effort by humanity as a whole led to the conquering of many of these forces.

4. Có một gợi ý rằng có lẽ nhân loại đã tiến quá nhanh trong việc làm chủ các mãnh lực của tự nhiên, vì nhiều người đã sử dụng những mãnh lực này một cách ích kỷ. Tuy nhiên, nỗ lực của toàn thể nhân loại đã dẫn đến việc chinh phục nhiều mãnh lực trong số đó.

5. The Tibetan speaks of a future effort which will involve all of humanity and its will — the further control and conquering of the forces of glamor and illusion. This will be a task for humanity during the Aquarian Age, once that Age with its healing and dissipative energies is thoroughly

5. Chân sư Tây Tạng nói về một nỗ lực trong tương lai sẽ huy động toàn thể nhân loại cùng ý chí của nhân loại — tiếp tục kiểm soát và chinh phục các mãnh lực của ảo cảm và ảo tưởng. Đây sẽ là nhiệm vụ của nhân loại trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, một khi Kỷ Nguyên ấy, cùng các năng lượng chữa lành

established.

và làm tiêu tan của nó, đã được thiết lập vững chắc.

6. The Tibetan informs us that we do not yet control astral phenomena, glamor and illusion. We but *seek* to control such forces and our control is largely mental and theoretical, which means that it is not yet real and practical.

6. Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết rằng chúng ta chưa kiểm soát được các hiện tượng cảm dục, ảo cảm và ảo tưởng. Chúng ta chỉ *tìm cách* kiểm soát những mãnh lực ấy, và sự kiểm soát của chúng ta phần lớn vẫn thuộc về trí tuệ và lý thuyết, nghĩa là chưa thực sự có hiệu lực trong thực tiễn.

7. The astral plane threatens to overrun the world of physical plane consciousness. It would be a great disaster if the astral ocean deluged the world of the senses before humanity knew how to handle it. Hierarchy must guard the etheric web which poses a barrier between the astral plane and the physical brain, while at the same time encouraging the controlled attenuation of this web for those who are demonstrating readiness to handle the consequences.

7. Cõi cảm dục đe doạ tràn ngập thế giới tâm thức trên cõi hồng trần. Sẽ là một thảm hoạ lớn nếu đại dương cảm dục nhấn chìm thế giới giác quan trước khi nhân loại biết cách ứng phó với nó. Thánh đoàn phải bảo vệ lưới dĩ thái, vốn tạo thành một hàng rào giữa cõi cảm dục và bộ não hồng trần, đồng thời khuyến khích việc làm mỏng lưới này một cách có kiểm soát nơi những người đang chứng tỏ mình sẵn sàng ứng phó với các hệ quả.

8. Only wisdom, however, will be effective in dispelling the negative influences of the astral plane. Why might this be so? Astralism and glamor are *distortions of reality*. Wisdom, however, allied to pure reason, presents reality *as it is*. Wisdom "gives the lie" to the illusory astral presentation, offering the necessary contrast against which the astral presentation can be seen as *false*.

8. Tuy nhiên, chỉ minh triết mới có hiệu quả trong việc xua tan những ảnh hưởng tiêu cực của cõi cảm dục. Vì sao có thể như vậy? Hiện tượng cảm dục và ảo cảm là *những sự xuyên tạc thực tại*. Tuy nhiên, minh triết, kết hợp với lý trí thuần khiết, trình bày thực tại *đúng như nó vốn là*. Minh triết "vạch trần sự giả dối" trong những gì cõi cảm dục trình hiện một cách hư ảo, đem lại sự tương phản cần thiết để có thể thấy rằng những gì cõi cảm dục trình hiện là *sai lệch*.

9. Wisdom is an energy which 'sees through and behind' delusive astral phenomena. Wisdom carries the "ring of truth" which exposes the false tones of astralism. Unless there is some *true standard,* how is one to distinguish the false from the true? Wisdom as pure-reason offers such a standard.

9. Minh triết là một năng lượng 'nhìn xuyên thấu và thấy được phía sau' các hiện tượng cảm dục gây mê lầm. Minh triết mang "âm vang chân lý", qua đó phơi bày những âm điệu giả dối của các hiện tượng cảm dục. Nếu không có một *chuẩn mực chân thực* nào đó, làm sao người ta phân biệt được giả với chân? Minh triết, với tư cách là lý trí thuần

khiết, đem lại một chuẩn mực như thế.

10. The Tibetan advises us to "practice wisdom" and thereby shorten humanity's astral struggle. How does one actually practice wisdom? Here are some suggestions.

10. Chân sư Tây Tạng khuyên chúng ta "thực hành minh triết" và nhờ đó rút ngắn cuộc đấu tranh trên cõi cảm dục của nhân loại. Thực sự thực hành minh triết bằng cách nào? Sau đây là một số gợi ý.

a. Retain soul-infusion consistently to the degree possible.

a. Duy trì sự thấm nhuần của linh hồn một cách nhất quán trong mức độ có thể.

b. Become practically familiar with the content of your causal body, through meditation and a just appraisal of your virtues.

b. Qua tham thiền và việc đánh giá đúng đắn các đức tính của mình, hãy làm quen bằng trải nghiệm thực tế với những gì chứa đựng trong thể nguyên nhân của các bạn.

c. Build the antahkarana and sustain its presence in consciousness.

c. Xây dựng antahkarana và duy trì sự hiện diện của nó trong tâm thức.

d. Do not act with undue haste, but consult the soul and the spiritual triad before taking action.

d. Đừng hành động quá vội vàng, mà hãy tham vấn linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần trước khi hành động.

e. Reflect upon your own personal experience *before* taking important action.

e. Suy ngẫm về trải nghiệm cá nhân của chính mình *trước khi* thực hiện hành động quan trọng.

f. Envision the Divine Plan and refer to it when preparing to take action.

f. Hình dung Thiên Cơ và đối chiếu với Thiên Cơ khi chuẩn bị hành động.

g. Breathe 'inwards' and 'upwards', seeking inspiration. Elevate energies from below the diaphragm before taking action.

g. Thở 'hướng vào trong' và 'hướng lên trên', tìm kiếm cảm hứng. Nâng các năng lượng từ bên dưới cơ hoành lên trước khi hành động.

Other groups have the task of working with the energy which is the well known and much discussed prana or life energy — the energy of vitality. The right use of the pranic energies (and they are seven in number) will most assuredly dissipate disease and bodily ills and will cure the pains of the human physical vehicle. But in connection with this, two things are essential and these are

Các nhóm khác có nhiệm vụ làm việc với năng lượng được biết đến rộng rãi và được bàn luận nhiều, đó là prana hay năng lượng sự sống — năng lượng sinh lực. Việc sử dụng đúng đắn các năng lượng prana (có bảy loại) chắc chắn sẽ làm tiêu tan bệnh tật cùng những chứng đau yếu của thân thể và chữa lành những đau đớn của hiện thể hồng trần nơi con người. Nhưng liên quan đến điều

seldom found together:

1. The energy of the soul — like the energy of the universal mind and the energy of buddhi, or the intuition — has to be set in action upon the physical plane by the one to be healed and by the healer. Both have to work in cooperation.

2. There must be right understanding of the disease and its cause, plus the karmic status of the patient and the condition of his centres, his alignment and his point in evolution.

1. The Tibetan continues His discussion of the function of the major three Seed Groups.

2. The group here under discussion is the group of Magnetic Healers.

3. Healers are to work with prana or vitality. There are a number of such pranas or "vital airs". In the Yoga Sutras some five are listed. Here the Tibetan numbers them as seven.

4. The ordinary pranic energies emanate from the physical-etheric plane. When it comes, however, to enumerating the pranas as *seven*, some pranas emanating from the spiritual triad may be under discussion, for the higher three levels of the cosmic physical plane on which the spiritual triad is focussed, are the cosmic etheric levels, and, by analogy, are possessed of pranas just as are the lower ethers.

5. From another perspective, the energies of the atomic subplane of each systemic plane can be considered pranic, because they carry the purest, vitalizing energy of that plane.

này, có hai điều thiết yếu mà hiếm khi cùng hiện diện:

1. Năng lượng linh hồn — cũng như năng lượng của Vũ Trụ Trí và năng lượng Bồ đề, hay trực giác — phải được cả người cần được chữa lành lẫn người chữa lành đưa vào hoạt động trên cõi hồng trần. Cả hai phải hợp tác với nhau.

2. Phải thấu hiểu đúng đắn căn bệnh và nguyên nhân của nó, cùng với tình trạng nghiệp quả của bệnh nhân, tình trạng các trung tâm, sự chỉnh hợp và điểm tiến hoá của người ấy.

1. Chân sư Tây Tạng tiếp tục bàn về chức năng của ba Nhóm hạt giống chính.

2. Nhóm đang được bàn đến ở đây là nhóm Các Nhà Chữa Lành Từ Tính.

3. Những người chữa lành phải làm việc với prana hay sinh lực. Có một số loại prana, hay "sinh khí". Kinh Yoga liệt kê khoảng năm loại. Ở đây, Chân sư Tây Tạng nêu số lượng là bảy.

4. Các năng lượng prana thông thường phát xạ từ cõi hồng trần–dĩ thái. Tuy nhiên, khi nói đến việc liệt kê prana thành *bảy loại*, có thể một số prana phát xạ từ Tam Nguyên Tinh Thần cũng đang được bàn đến, vì ba cấp độ cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ, nơi Tam Nguyên Tinh Thần tập trung, là các cấp độ dĩ thái vũ trụ và, theo phép tương đồng, cũng có prana như các cõi dĩ thái thấp.

5. Từ một góc nhìn khác, có thể xem năng lượng của cõi phụ nguyên tử trên mỗi cõi thuộc hệ mặt trời là năng lượng prana, vì chúng mang năng lượng tiếp sinh lực thuần

khiết nhất của cõi ấy.

6. This paragraph is interesting. Is it calling upon the healer to release the energies of the universal mind and intuition as well as the energies of the soul? Probably, DK is comparing the three groups and the energies which must be released through these groups.

6. Đoạn này thật thú vị. Phải chăng đoạn này đang kêu gọi người chữa lành giải phóng các năng lượng của Vũ Trụ Trí và trực giác, cũng như các năng lượng linh hồn? Có lẽ Chân sư DK đang so sánh ba nhóm và những năng lượng phải được giải phóng thông qua các nhóm ấy.

a. The Telepathic Workers must eventually access the energy of universal mind, which, in this case, pertains to the atmic plane.

a. Những Người Hoạt Động Viễn Cảm cuối cùng phải tiếp cận được năng lượng của Vũ Trụ Trí, mà trong trường hợp này thuộc về cõi atma.

b. The Trained Observers or Observers of Reality must access the energy of intuition or buddhi, found upon the buddhic plane.

b. Các Nhà Quan Sát Lão Luyện, hay Những Người Quan Sát Thực Tại, phải tiếp cận được năng lượng trực giác hay Bồ đề trên cõi Bồ đề.

c. The Magnetic Healers are to access the energy of the soul which includes, it would seem, the lowest or manasic aspect of the spiritual triad.

c. Các Nhà Chữa Lành Từ Tính phải tiếp cận được năng lượng linh hồn, dường như bao gồm phương diện thấp nhất, hay phương diện manas, của Tam Nguyên Tinh Thần.

7. It is important to note that the effective energy (in the case of the each of the three principal Seed Groups) descends from the levels of the spiritual triad.

7. Cần lưu ý rằng năng lượng có hiệu lực (trong trường hợp của từng nhóm thuộc ba Nhóm hạt giống chính) đi xuống từ các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần.

8. If these seven pranas are so effective in healing bodily ills, why is not such healing more common?

8. Nếu bảy loại prana này có hiệu quả đến thế trong việc chữa lành những chứng đau yếu của thân thể, vì sao việc chữa lành như vậy lại chưa phổ biến hơn?

9. Two requirements (seldom found together) are given.

9. Hai yêu cầu được nêu ra (hiếm khi cùng hiện diện).

a. The energy of the soul has to be set in motion upon the physical plane, not only by the healer *but by the one to be healed.* This task may seem somewhat easier of accomplishment for the healer than the one

a. Năng lượng linh hồn phải được đưa vào hoạt động trên cõi hồng trần, không chỉ nhờ người chữa lành *mà còn nhờ người cần được chữa lành.* Nhiệm vụ này có vẻ dễ thực hiện hơn phần nào đối với người chữa lành so với

to be healed, for the ordinary patient may be quite ignorant of the soul and its presence. Still, under proper instruction by the healer, it must be possible

người cần được chữa lành, vì bệnh nhân thông thường có thể hoàn toàn không biết gì về linh hồn và sự hiện diện của linh hồn. Dẫu vậy, với sự hướng dẫn đúng đắn của người chữa lành, điều này hẳn phải khả thi

b. Much technical knowledge of disease and man's occult anatomy and physiology is needed. There are few healers who not only understand the presented disease thoroughly but can divine the "karmic status of the patient and the condition of his centres, his alignment and his point in evolution". One would have to be a high initiate or Master to know these factors with exactitude.

b. Cần có nhiều kiến thức chuyên môn về bệnh tật, cũng như về giải phẫu học và sinh lý học huyền bí của con người. Rất ít người chữa lành vừa thấu hiểu tường tận căn bệnh biểu hiện trước mắt, vừa có thể trực nhận "tình trạng nghiệp quả của bệnh nhân, tình trạng các trung tâm, sự chỉnh hợp và điểm tiến hoá của người ấy". Phải là một điểm đạo đồ cao cấp hoặc một Chân sư mới biết chính xác những yếu tố này.

As yet we are only dealing with the a. b. c. of these relatively new sciences and much of our initial work must be of a clarifying nature because there is so much distorted sensing of these occult systems of energy utilisation and so much misuse of these powers.

Cho đến nay, chúng ta mới chỉ bàn đến những điều sơ đẳng của các ngành khoa học tương đối mới này, và phần lớn công việc ban đầu của chúng ta phải nhằm làm sáng tỏ vấn đề, vì có quá nhiều cảm nhận sai lệch về những hệ thống huyền bí sử dụng năng lượng này, cùng quá nhiều sự lạm dụng những quyền năng ấy.

1. A note inducing humility is introduced. Constantly the Tibetan is reminding us that, for all the apparent difficulty of the Teaching which He imparts, it is merely the "a. b. c. " of the more advanced material that might be imparted.

1. Một lời nhắc gợi sự khiêm nhường được đưa ra. Chân sư Tây Tạng không ngừng nhắc chúng ta rằng, dù Giáo huấn Ngài truyền đạt có vẻ khó đến đâu, đó cũng chỉ là những điều "a. b. c. " sơ đẳng của nội dung cao cấp hơn có thể được truyền đạt.

2. Eager, aspiring humanity is seeking to sense the nature of the inner and higher worlds, but, as yet, so much of the sensing is distorted and therefore, unreliable. There is not sufficient checking and verifying of that which is contacted. *Mere contact proves nothing*, for that which is contacted may be entirely illusory, though seemingly real. If real, that which is contacted may be brought through in a distorted manner.

2. Nhân loại, đầy háo hức và khát vọng, đang tìm cách cảm nhận bản chất của các cõi bên trong và cao hơn, nhưng cho đến nay, rất nhiều cảm nhận vẫn sai lệch và do đó không đáng tin cậy. Những gì được tiếp xúc chưa được kiểm tra và xác minh đầy đủ. *Chỉ riêng sự tiếp xúc không chứng minh được điều gì*, vì đối tượng được tiếp xúc có thể hoàn toàn là ảo tưởng, dù có vẻ chân thực. Nếu là chân thực, những gì được tiếp xúc vẫn có thể được

truyền đạt lại một cách sai lệch.

3. The Masters dare not give too much, as humanity is still very selfish and is inclined to misuse for personal purposes much that is given.

3. Các Chân sư không dám trao truyền quá nhiều, vì nhân loại vẫn còn rất ích kỷ và có khuynh hướng lạm dụng phần lớn những gì được trao truyền để phục vụ mục đích cá nhân.

Other groups are associated in a peculiar manner with the number four, and they are occupied with the bridging work carried forward between the personality and the Monad (the triple lower man and the Spiritual Triad) and also between the lower mind, the soul and the higher mind — thus linking that relatively lower triplicity with the unity, the Spiritual Triad. The fourth kingdom in nature is, in its turn, a bridging kingdom between the three superhuman kingdoms and the three subhuman. Again, the fourth plane (which must be reached by the bridge of light, the antahkarana) is the link between the three higher worlds of spiritual being and the three lower [71] worlds of human endeavour and experience. The energy with which the group of disciples along this line of activity has to work is the Light of the soul, remembering ever that light is substance; their effort is to create — as individuals and also as a group of disciples — a great pathway of light between the personality and the Spiritual Triad (atma-buddhi-manas or spiritual will, intuitive understanding and the higher mind).

Các nhóm khác có mối liên hệ đặc biệt với số bốn, và đảm nhiệm công việc bắc cầu giữa phàm ngã và Chân thần (phàm nhân tam phân và Tam Nguyên Tinh Thần), cũng như giữa hạ trí, linh hồn và thượng trí — qua đó liên kết bộ ba tương đối thấp này với thể hợp nhất là Tam Nguyên Tinh Thần. Đến lượt mình, giới thứ tư trong tự nhiên là một giới bắc cầu giữa ba giới siêu nhân loại và ba giới dưới nhân loại. Một lần nữa, cõi thứ tư (phải đạt tới bằng cây cầu ánh sáng, antahkarana) là mắt xích giữa ba cõi cao hơn của sự hiện tồn tinh thần và ba cõi thấp [71] của nỗ lực và trải nghiệm con người. Năng lượng mà nhóm đệ tử theo đường hướng hoạt động này phải làm việc cùng là Ánh sáng linh hồn, luôn ghi nhớ rằng ánh sáng là chất liệu; nỗ lực của họ là tạo ra — với tư cách từng cá nhân và cả một nhóm đệ tử — một con đường ánh sáng rộng lớn giữa phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần (atma–Bồ đề–manas, hay ý chí tinh thần, sự thấu hiểu trực giác và thượng trí).

1. The Master continues His enumeration of the tasks of the various Seed Groups.

1. Chân sư tiếp tục liệt kê các nhiệm vụ của những Nhóm hạt giống khác nhau.

2. He now appears to be focussing on the Group of Educators — the Fourth Seed Group. Interestingly, this group is resonant to the bridging number “four”.

2. Giờ đây, dường như Ngài đang tập trung vào Nhóm Các Nhà Giáo Dục — Nhóm hạt giống thứ tư. Điều thú vị là nhóm này cộng hưởng với con số bắc cầu “bốn”.

3. The bridges which they are responsible for making are several, and span the chasm between the highest and lowest periodical vehicles (monad and personality) as well as the apparently separated aspects of mind — the concrete mind, the "Son of Mind"/soul-mind, and the abstract mind.

3. Họ có trách nhiệm xây dựng một số cây cầu, bắc qua vực ngăn cách giữa các hiện thể mang tính chu kỳ cao nhất và thấp nhất (chân thần và phàm ngã), cũng như giữa những phương diện dường như tách biệt của trí tuệ — trí cụ thể, "Con của Trí Tuệ"/trí tuệ linh hồn, và trí trừu tượng.

4. The importance of the number *four* is explored. This number is especially important to humanity as humanity is the *fourth* kingdom of nature.

4. Tầm quan trọng của số *bốn* được khảo sát. Con số này đặc biệt quan trọng đối với nhân loại, vì nhân loại là giới *thứ tư* trong tự nhiên.

5. This fourth group is Mercurial, relating it thus to the fourth ray (and the fifth, for Mercury has much fifth ray in it).

5. Nhóm thứ tư này mang tính chất Sao Thủy, vì thế có liên hệ với cung bốn (và cung năm, vì Sao Thủy mang rất nhiều tính chất cung năm).

6. The fourth Seed Group of Educators is composed of "bridge builders", and bridge building is a *creative* process. The fourth ray of Harmony through Conflict is, as is easily recognized, one of the major rays of *creativity* (the seventh and third rays being the others).

6. Nhóm hạt giống thứ tư gồm Các Nhà Giáo Dục là những "người xây cầu", và việc xây cầu là một tiến trình *sáng tạo* . Cung bốn, Hài Hoà qua Xung Đột, như có thể dễ dàng nhận thấy, là một trong những cung chính của *năng lực sáng tạo* (hai cung còn lại là cung bảy và cung ba).

7. We see that the role of Educators in the New Age is not so much to teach humanity to access knowledge as to access the wisdom of the spiritual triad through correct bridge-building and correct utilization of that which has been built.

7. Chúng ta thấy rằng vai trò của Các Nhà Giáo Dục trong Kỷ Nguyên Mới chủ yếu là dạy nhân loại tiếp cận minh triết của Tam Nguyên Tinh Thần thông qua việc xây cầu đúng đắn và sử dụng đúng đắn những gì đã xây dựng, hơn là chỉ dạy cách tiếp cận tri thức.

8. The educator *draws forth* the knowledge and wisdom latent within the student. Via the antahkarana, this drawing forth is facilitated.

8. Nhà giáo dục *khơi dậy* tri thức và minh triết tiềm ẩn trong môn sinh. Antahkarana tạo thuận lợi cho việc khơi dậy này.

9. To this group is given the task of creating great pathways of light.

9. Nhóm này được giao nhiệm vụ tạo ra những con đường ánh sáng rộng lớn.

I have not dealt with some of the activities of

Tôi không bàn đến một số hoạt động của các

these groups of disciples in the New Age or pointed out the energies with which they must work in order to emphasise again to you the plans for my own groups of disciples. These groups with which I am engaged as part of the activity of my Ashram are essentially Seed Groups. They are intended to be outposts of the hierarchical consciousness as it focusses itself through me in the same sense as an individual accepted disciple is an outpost of his Master's consciousness in the world. That is the connection which I seek to emphasise — the externalisation of the inner work of the planetary Hierarchy for the first time in history and a precipitation (if you like that term) of an inner and ready condition. The New Age is upon us and the integration of humanity in the three worlds warrants definite changes in technique though not in the basic plans.

nhóm đệ tử này trong Kỷ Nguyên Mới, hay chỉ ra những năng lượng mà họ phải làm việc cùng, nhằm một lần nữa nhấn mạnh với các bạn các kế hoạch dành cho những nhóm đệ tử của riêng Tôi. Những nhóm mà Tôi đang làm việc cùng, như một phần hoạt động của ashram của Tôi, về căn bản là các Nhóm hạt giống. Các nhóm ấy được dự định làm những tiền đồn của tâm thức Thánh đoàn khi tâm thức ấy tập trung qua Tôi, cũng theo ý nghĩa mà một đệ tử được chấp nhận là tiền đồn của tâm thức Chân sư mình trên thế giới. Đó là mối liên hệ Tôi muốn nhấn mạnh — lần đầu tiên trong lịch sử, công việc bên trong của Thánh đoàn hành tinh được ngoại hiện, và một trạng thái bên trong đã sẵn sàng được ngưng tụ (nếu các bạn thích thuật ngữ ấy). Kỷ Nguyên Mới đã đến với chúng ta, và sự tích hợp của nhân loại trong ba cõi giới cho phép thực hiện những thay đổi rõ rệt về kỹ thuật, dù các kế hoạch căn bản vẫn giữ nguyên.

1. The Tibetan is seeking that His disciples interpret the information just given in a wider context. He is not simply repeating explanations He has given earlier.

1. Chân sư Tây Tạng mong các đệ tử của Ngài diễn giải thông tin vừa được cung cấp trong một bối cảnh rộng hơn. Ngài không chỉ đơn thuần lặp lại những giải thích đã đưa ra trước đó.

2. An important hint concerning the relation of Master DK to the Seed Groups is offered for the first time. These groups are intended to be, He says, "outposts of the hierarchical consciousness as it focusses itself through me in the same sense as an individual accepted disciple is an outpost of his Master's consciousness in the world".

2. Lần đầu tiên, một gợi ý quan trọng về mối quan hệ giữa Chân sư DK và các Nhóm hạt giống được đưa ra. Ngài nói rằng những nhóm này được dự định làm "những tiền đồn của tâm thức Thánh đoàn khi tâm thức ấy tập trung qua Tôi, cũng theo ý nghĩa mà một đệ tử được chấp nhận là tiền đồn của tâm thức của Chân sư mình trên thế giới".

3. We begin to see that the Seed Group project is very much under the supervision of Master DK. The hierarchical consciousness focusses through Master DK, and the Seed Groups are the result. A

3. Chúng ta bắt đầu thấy rằng dự án Nhóm hạt giống chịu sự giám sát rất chặt chẽ của Chân sư DK. Tâm thức Thánh đoàn tập trung qua Chân sư DK, và các Nhóm hạt giống là kết quả. Tâm thức của một Chân sư tập

Master's consciousness focusses through the consciousness of an accepted disciple, and that disciple creates certain vehicles of expression through which the Master's consciousness can work.

trung qua tâm thức của một đệ tử được chấp nhận, và người đệ tử ấy tạo ra những hiện thể biểu đạt nhất định mà qua đó tâm thức của Chân sư có thể hoạt động.

4. Given Master DK's special relation to the Seed Groups (which He began to formulate but did not complete), it would seem that the experiment may well continue at a future time.

4. Xét mối quan hệ đặc biệt của Chân sư DK với các Nhóm hạt giống (mà Ngài đã bắt đầu định hình nhưng chưa hoàn tất), dường như cuộc thử nghiệm rất có thể sẽ tiếp tục vào một thời điểm trong tương lai.

5. The factor of moment, we are told, is that the Seed Groups really represent (for the first time in history) and "externalization of the inner work of the planetary Hierarchy". On the inner side of nature, the counterparts of these Seed Groups already exist in a "ready condition". The Hierarchy is, indeed, moving outwards.

5. Chúng ta được cho biết rằng yếu tố quan trọng là các Nhóm hạt giống thực sự thể hiện (lần đầu tiên trong lịch sử) một sự "ngoại hiện công việc bên trong của Thánh đoàn hành tinh". Ở phía bên trong của tự nhiên, các đối phần của những Nhóm hạt giống này đã tồn tại trong một "trạng thái sẵn sàng". Quả thực, Thánh đoàn đang tiến ra bên ngoài.

6. The line of descending inspiration from Hierarchy, through Master DK, to the Seed Groups and to the individual accepted disciples involved in them can thus be seen. Probably, the whole process emanates in some sanctioned way from Sanat Kumara in Shamballa. Master DK need permission, of course, to start them.

6. Như vậy, có thể thấy dòng cảm hứng đi xuống từ Thánh đoàn, qua Chân sư DK, đến các Nhóm hạt giống và từng đệ tử được chấp nhận tham gia những nhóm ấy. Có lẽ toàn bộ tiến trình phát xuất từ Sanat Kumara tại Shamballa theo một cách thức đã được chuẩn thuận. Dĩ nhiên, Chân sư DK cần được cho phép để khởi lập các nhóm ấy.

All this is, however, an experiment and I would remind you that it is an experiment which I and several other initiates are carrying forward as members of a great spiritual organisation. If it is successful and if the spiritual momentum set up by all of you is adequate to the effort made and if you can carry on with persistence and with untiring effort and interest, it may be possible to bring the experimental stage to an end; the Hierarchy can then recognise (as effectively established upon earth) certain

Tuy nhiên, tất cả những điều này đều là một cuộc thử nghiệm, và Tôi muốn nhắc các bạn rằng đây là cuộc thử nghiệm mà Tôi cùng một số điểm đạo đồ khác đang tiến hành với tư cách thành viên của một tổ chức tinh thần lớn. Nếu cuộc thử nghiệm thành công, nếu động lực tinh thần do tất cả các bạn tạo ra tương xứng với nỗ lực đã bỏ ra, và nếu các bạn có thể tiếp tục với lòng kiên trì, nỗ lực và sự quan tâm không mệt mỏi, thì có thể chấm dứt giai đoạn thử nghiệm; khi ấy, Thánh đoàn có thể công nhận một số điểm tập

focal points of energy which can constitute magnetic centres or rallying points for the new religion, the new medicine, the new psychology and education and the new politics. The potentialities are great. The difficulties are not insuperable, otherwise I would not have been permitted to make this great experiment. We enter into no activities which are obviously fore-ordained to failure. Many experiments are being carried forward today in the world by the various Members of the Hierarchy in Their differing grades and with Their [72] special groups. This effort can prove successful only in so far as the disciples of the world desire it, make the needed sacrifices and think the various objectives into being.

trung năng lượng (đã thực sự được thiết lập trên Trái Đất), có khả năng tạo thành những trung tâm từ tính hay những điểm quy tụ cho tôn giáo mới, y học mới, tâm lý học và giáo dục mới, cùng nền chính trị mới. Tiềm năng rất lớn. Những khó khăn không phải là không thể vượt qua, nếu không, Tôi đã không được phép tiến hành cuộc thử nghiệm lớn lao này. Chúng Tôi không tham gia những hoạt động rõ ràng đã định sẵn là sẽ thất bại. Ngày nay, trên thế giới, các Thành viên khác nhau của Thánh đoàn, ở những cấp bậc khác nhau và cùng với các nhóm riêng [72] của Các Ngài, đang tiến hành nhiều cuộc thử nghiệm. Nỗ lực này chỉ có thể thành công trong chừng mực các đệ tử trên thế giới mong muốn điều đó, thực hiện những hi sinh cần thiết và dùng tư tưởng đưa các mục tiêu khác nhau vào hiện hữu.

1. Master DK may be referring to the initiates who are members of His Ashram. We have been told that He has five or so Masters working *within* His Ashram!

1. Chân sư DK có thể đang nói đến những điểm đạo đồ là thành viên trong ashram của Ngài. Chúng ta đã được cho biết rằng có khoảng năm Chân sư đang làm việc *bên trong* ashram của Ngài!

2. The Seed Group Project held (holds) great promise, but it requires the persistence and "untiring effort and interest" of those involved.

2. Dự án Nhóm hạt giống từng mang (và vẫn mang) triển vọng lớn lao, nhưng đòi hỏi lòng kiên trì cùng "nỗ lực và sự quan tâm không mệt mỏi" của những người tham gia.

3. The Seed Group work as DK was supervising it in those early days was "experimental". If requirements were met, that stage could come to an end and Hierarchy would be enabled to "recognise (as effectively established upon earth) certain focal points of energy which can constitute magnetic centres or rallying points for the new religion, the new medicine, the new psychology and education and the new politics".

3. Công việc của các Nhóm hạt giống dưới sự giám sát của Chân sư DK trong những ngày đầu ấy mang tính "thử nghiệm". Nếu các yêu cầu được đáp ứng, giai đoạn ấy có thể chấm dứt, và Thánh đoàn sẽ có thể "công nhận một số điểm tập trung năng lượng (đã thực sự được thiết lập trên Trái Đất), có khả năng tạo thành những trung tâm từ tính hay những điểm quy tụ cho tôn giáo mới, y học mới, tâm lý học và giáo dục mới, cùng nền chính trị mới".

4. A “magnetic center” or “rallying point” would act as a source of strength or inspiration to all world work related to that Seed Group.

4. Một “trung tâm từ tính” hay “điểm quy tụ” sẽ đóng vai trò nguồn sức mạnh hoặc cảm hứng cho mọi công việc trên thế giới có liên hệ với Nhóm hạt giống ấy.

5. We know today that the work (as DK conceived it) did not succeed. The promise (at that time) was not fulfilled, but perhaps those early efforts can be seen as a rehearsal for later efforts far more likely to succeed.

5. Ngày nay, chúng ta biết rằng công việc ấy (theo hình dung của Chân sư DK) đã không thành công. Triển vọng (vào thời điểm ấy) đã không thành hiện thực, nhưng có lẽ có thể xem những nỗ lực ban đầu ấy là cuộc tập dượt cho những nỗ lực về sau có khả năng thành công cao hơn nhiều.

6. Of one thing we should take special note: the plans of the Masters do not succeed unless the disciples who are cooperating with them are willing to make sacrifices. In all that we know of the universe, there is no ascent without sacrifice; this is especially so on our planet, Earth, which demands disengagement from all that would hold a man in the lower worlds.

6. Có một điều chúng ta cần đặc biệt lưu ý: các kế hoạch của các Chân sư sẽ không thành công trừ khi những đệ tử hợp tác với Các Ngài sẵn lòng hi sinh. Trong tất cả những gì chúng ta biết về vũ trụ, không có sự thăng tiến nào mà không cần hi sinh; điều này đặc biệt đúng trên hành tinh của chúng ta, Trái Đất, vốn đòi hỏi con người phải thoát khỏi tất cả những gì có thể giữ mình lại trong các cõi thấp.

7. The very first Law of the Soul is the Law of Sacrifice.

7. Định luật đầu tiên của Linh hồn chính là Định luật Hi sinh.

I am mentioning this at this time because in the press of world affairs, in the struggles of your own individual existence and in the fatigue which is incident to daily work and the consequent physical liabilities, there inevitably comes the cooling down of the earlier ardours and enthusiasm, the tired recognition of the monotony of the demanded effort (with frequent staleness and unenterprising aspiration), which untiring spiritual work demands.

Tôi đề cập đến điều này vào lúc này vì giữa sức ép của các sự vụ thế giới, những cuộc vật lộn trong đời sống riêng của các bạn, sự mệt mỏi do công việc hằng ngày và những suy yếu thể chất kéo theo, nhiệt tâm và lòng hăng hái ban đầu tất yếu sẽ nguội dần, nhường chỗ cho sự nhận ra đầy mệt mỏi tính đơn điệu của nỗ lực mà công việc tinh thần không ngừng đòi hỏi (thường đi kèm cảm giác trì trệ và khát vọng thiếu tinh thần chủ động).

1. The Tibetan is speaking from long experience. Ardor and enthusiasm for spiritual work (as for any other new and apparently exciting enterprise) *cool* after a

1. Chân sư Tây Tạng đang nói từ kinh nghiệm lâu năm. Nhiệt tâm và lòng hăng hái đối với công việc tinh thần (cũng như đối với bất kỳ công việc mới nào khác có vẻ hào

time. How often has it been seen that those apparently most excited at the outset of an endeavor are the first to leave it when there inevitably comes the "tired recognition of the monotony of the demanded effort".

hứng) sẽ *nguội dần* sau một thời gian. Biết bao lần người ta đã thấy những người có vẻ hào hứng nhất khi mới bắt đầu một công việc lại là những người đầu tiên rời bỏ nó, khi tất yếu xuất hiện "sự nhận ra đầy mệt mỏi tính đơn điệu của nỗ lực được đòi hỏi".

2. The willingness to sacrifice does not arise only from desire, but from the stimulation of the will under contact with the Divine Plan. Only then can a disciple (or group of disciples) be relied upon to persist, as personal desire is fitful and inconstant.

2. Sự sẵn lòng hi sinh không chỉ nảy sinh từ dục vọng, mà còn từ sự kích thích ý chí khi tiếp xúc với Thiên Cơ. Chỉ khi ấy mới có thể tin cậy rằng một đệ tử (hay một nhóm đệ tử) sẽ kiên trì, vì dục vọng cá nhân vốn thất thường và không bền vững.

The disciple learns to pay no attention to these recurring cycles and interludes between the pairs of opposites for he recognises their intermittency. I do, however, seek to point out this point of danger — for danger it is — and ask you to go on with the work just "as if" it were entirely new and fascinating.

Người đệ tử học cách không chú ý đến những chu kỳ tái diễn và những khoảng chuyển tiếp giữa các cặp đối cực này, vì nhận ra tính gián đoạn của chúng. Tuy nhiên, Tôi muốn chỉ ra điểm nguy hiểm này — vì đây thực sự là một nguy hiểm — và yêu cầu các bạn tiếp tục công việc cứ "như thể" nó hoàn toàn mới mẻ và hấp dẫn.

1. The true disciple cannot rise and fall with cycles of enthusiasm and deflated recognition of inevitable monotony — both of which are, to a degree, *astral* reactions. The disciple knows that *he* is *not* these fluctuations. He allows the rise and fall to occur, but stands detached in a state of divine indifference based upon his understanding of true spiritual values.

1. Người đệ tử chân chính không thể thăng trầm theo những chu kỳ nhiệt tâm rồi chán nản khi nhận ra sự đơn điệu không thể tránh khỏi — cả hai, ở một mức độ nào đó, đều là những phản ứng *cảm dục*. Người đệ tử biết rằng *y không phải* là những dao động ấy. Y để những thăng trầm ấy diễn ra, nhưng vẫn tách rời trong trạng thái điềm nhiên thiêng liêng, dựa trên sự thấu hiểu các giá trị tinh thần chân thực.

2. However, it is difficult to disidentify from enthusiasm and deflation; in fact there is a danger that even seasoned disciples will not succeed in this disidentification. Thus the Tibetan warns of a "point of danger".

2. Tuy nhiên, rất khó thôi đồng hoá mình với nhiệt tâm và sự chán nản; thực tế, có nguy cơ ngay cả những đệ tử từng trải cũng không thành công trong việc chấm dứt sự đồng hoá này. Vì vậy, Chân sư Tây Tạng cảnh báo về một "điểm nguy hiểm".

3. Master DK wishes us to work "just 'as if'" our spiritual work were always "entirely

3. Chân sư DK muốn chúng ta làm việc "cứ 'như thể'" công việc tinh thần của chúng ta

new and fascinating". How are we to do this? Perhaps by a penetrating attitude of mind which re-defines what we are doing as if in an ever-deepening context. The action may be the same, but the *perception of its meaning* can always deepen and expand. To act "as if" in this way and to endure the responsibilities one has undertaken is a field for the exercise for the will.

luôn "hoàn toàn mới mẻ và hấp dẫn". Chúng ta phải làm điều này như thế nào? Có lẽ bằng một thái độ trí tuệ sâu sắc, xác định lại điều chúng ta đang làm như thể trong một bối cảnh ngày càng sâu rộng. Hành động có thể vẫn như cũ, nhưng *sự nhận thức về ý nghĩa của hành động ấy* luôn có thể sâu sắc và mở rộng hơn. Hành động "như thể" theo cách này và kiên trì gánh vác những trách nhiệm mình đã nhận là một lĩnh vực để rèn luyện ý chí.

4. What a disciple *says* means little; if he/she succeeds in persisting with intention through all fluctuations and vicissitudes; such persistence means much.

4. Những gì một đệ tử *nói* không có mấy ý nghĩa; nếu người đệ tử ấy thành công trong việc kiên trì giữ vững chủ định qua mọi dao động và thăng trầm, thì sự kiên trì ấy có ý nghĩa rất lớn.

5. Such a simple attitude as 'faith in the future' — a vivid faith, accompanied by the faculty of *comparison* — the ability to compare the content of one's vision with the quality of circumstances in which one is immersed will also help. Some might become depressed by such a comparison, but others, knowing that "faith is the substance of things hoped for", will already *feel* the "substance" of that which is promised for man as individual, group and for humanity as an 'entirety'.

5. Một thái độ đơn giản như 'niềm tin vào tương lai' — một niềm tin sống động, đi cùng năng lực *so sánh* — khả năng so sánh nội dung trong tầm nhìn của một người với phẩm tính của những hoàn cảnh mà người ấy đang sống trong đó, cũng sẽ giúp ích. Một số người có thể chán nản khi so sánh như vậy, nhưng những người khác, biết rằng "đức tin là chất liệu của những điều được hy vọng", sẽ ngay lúc này *cảm nhận* được "chất liệu" của điều đã được hứa hẹn cho con người với tư cách cá nhân, nhóm và cho nhân loại như một 'toàn thể'.

It is necessary here for you also to remember that though these groups are intended to be Seed groups of the New Age, two factors in connection with them should be remembered:

Ở đây, các bạn cũng cần nhớ rằng mặc dù các nhóm này được dự định là những Nhóm hạt giống của Kỷ Nguyên Mới, vẫn cần ghi nhớ hai yếu tố liên quan đến các nhóm ấy:

1. They constitute a unique experiment in the sense that — knowing the possibilities and understanding somewhat the forces which are slowly emerging into prominence in a world rapidly adjusting itself to the new

1. Các nhóm ấy tạo thành một cuộc thử nghiệm độc đáo theo nghĩa sau: dù biết những khả năng và phần nào thấu hiểu các mãnh lực đang dần nổi lên trong một thế giới nhanh chóng tự điều chỉnh theo những

rhythms — yet they are primarily an experiment undertaken by me, your Tibetan teacher and a member of a certain standing in the Hierarchy, with the cooperation of certain other initiates. I am not, as I have already told you, the only worker along these lines and these seed groups are not the only units to be found today in the world. There are, for instance, several seed units working out into being within the framework of the Catholic Church, under the inspiration of the Master Jesus. These are, however, somewhat more subjective than are the groups in which I am particularly interested and their emergence is slower but they do exist. There are, also, two such seed groups in China and four in India. I mention this in order to safeguard you against the sense of uniqueness which is the subtle seed of the great heresy of separateness. [73]

nhịp điệu mới, các nhóm ấy trước hết vẫn là một cuộc thử nghiệm do Tôi, huấn sư Tây Tạng của các bạn và là một thành viên có vị trí nhất định trong Thánh đoàn, tiến hành với sự hợp tác của một số điểm đạo đồ khác. Như Tôi đã nói với các bạn, Tôi không phải là người hoạt động duy nhất theo những hướng này, và các Nhóm hạt giống này cũng không phải là những đơn vị duy nhất hiện có trên thế giới. Chẳng hạn, có một số đơn vị hạt giống đang hình thành trong khuôn khổ Giáo hội Công giáo, dưới cảm hứng của Chân sư Jesus. Tuy nhiên, các đơn vị này có phần mang tính chủ quan hơn những nhóm mà Tôi đặc biệt quan tâm, và sự xuất hiện của họ chậm hơn, nhưng họ quả thực hiện hữu. Cũng có hai Nhóm hạt giống như vậy ở Trung Quốc và bốn nhóm ở Ấn Độ. Tôi đề cập điều này để bảo vệ các bạn khỏi cảm giác mình là duy nhất, vốn là hạt giống tinh vi của Đại Tà thuyết chia rẽ. [73]

1. While the Seed Groups constitute a unique experiment, the particular Seed Groups organized by Master DK are not unique. The Master thinks it important for His chelas to know this; otherwise they could inadvertently become proud and separative — despite their best intentions. It is important that these chelas feel a *sense of relationship* with the members of other Seed Groups (sponsored by other Masters) even though such other groups and the personnel in them will remain unknown.

1. Mặc dù các Nhóm hạt giống tạo thành một cuộc thử nghiệm độc đáo, những Nhóm hạt giống cụ thể do Chân sư DK tổ chức không phải là những nhóm duy nhất. Chân sư cho rằng điều quan trọng là các đệ tử của Ngài phải biết điều này; nếu không, họ có thể vô tình trở nên kiêu hãnh và chia rẽ — bất chấp những ý định tốt đẹp nhất. Điều quan trọng là các đệ tử này cảm nhận được *mối liên hệ* với các thành viên của những Nhóm hạt giống khác (do những Chân sư khác bảo trợ), mặc dù họ sẽ không biết những nhóm khác ấy và các thành viên trong đó.

2. We see that at the time of this writing, Master DK had not yet revealed that He was the Tibetan Master Djwhal Khul. He calls Himself a "Tibetan teacher and a member of a certain standing in the Hierarchy".

2. Chúng ta thấy rằng vào thời điểm viết những lời này, Chân sư DK vẫn chưa tiết lộ rằng Ngài là Chân sư Tây Tạng Djwhal Khul. Ngài tự gọi mình là một "huấn sư Tây Tạng và là một thành viên có vị trí nhất định trong Thánh đoàn".

3. Again, Master DK mentions the other initiates who are cooperating with Him — some of them, or perhaps all, being Masters.

4. We gather that there is much promise for the Catholic Church under the Master Jesus, and that a great reformation is in process. Some of this we have already seen, but the good that has happened in relation to that great ecclesiastical body cannot yet be seen as conclusive. The influence of Master Jesus must become far more prominent.

5. It is intriguing to think of two seed groups in Chins and four in India. Perhaps we can relate these to the "Chinese School" and to the "Southern Indian School" which, with the "Trans-Himalayan School " are outposts of the One Fundamental School of Occultism in Shamballa. A "European School" is yet to form in the future.

6. Who may be the Masters involved we do not know, but it is heartening to realize that tentative efforts at externalizing are already underway (especially in those two very populous nations with their many social problems). The Hierarchy lays it plans far into the future.

2. These groups of disciples are all passing through the formative stage and change and adjustment is going on. Their pattern is still fluid because too many disciples are receptive to the words of the Masters and are less receptive to the ideas upon which They found Their work. This comment warrants your attention. Later, when the needed adjustments are made and groups of disciples can work together without criticism or misunderstanding, then they

3. Một lần nữa, Chân sư DK đề cập đến những điểm đạo đồ khác đang hợp tác với Ngài — một số, hoặc có lẽ tất cả, đều là các Chân sư.

4. Chúng ta có thể suy ra rằng Giáo hội Công giáo có nhiều triển vọng dưới sự dẫn dắt của Chân sư Jesus, và một cuộc cải cách lớn đang diễn ra. Chúng ta đã thấy một phần điều này, nhưng những điều tốt đẹp đã xảy ra liên quan đến tổ chức giáo hội lớn ấy vẫn chưa thể được xem là kết quả cuối cùng. Ảnh hưởng của Chân sư Jesus phải trở nên nổi bật hơn nhiều.

5. Thật thú vị khi nghĩ đến hai Nhóm hạt giống ở Trung Quốc và bốn nhóm ở Ấn Độ. Có lẽ chúng ta có thể liên hệ các nhóm này với "Trường Trung Quốc" và "Trường Nam Ấn", vốn cùng với "Trường Xuyên Himalaya " là những tiền đồn của Trường Huyền Bí Học Nền Tảng Duy Nhất tại Shamballa. Một "Trường Châu Âu" còn phải hình thành trong tương lai.

6. Chúng ta không biết những Chân sư nào có thể tham gia, nhưng thật phấn chấn khi nhận ra rằng những nỗ lực ngoại hiện ban đầu đã được tiến hành (đặc biệt tại hai quốc gia rất đông dân ấy với nhiều vấn đề xã hội). Thánh đoàn hoạch định các kế hoạch của mình cho một tương lai rất xa.

2. Tất cả những nhóm đệ tử này đều đang trải qua giai đoạn hình thành, và những thay đổi, điều chỉnh vẫn đang diễn ra. Mô hình của họ vẫn linh động vì có quá nhiều đệ tử dễ tiếp nhận lời của các Chân sư nhưng lại ít tiếp nhận những ý tưởng mà Các Ngài lấy làm nền tảng cho công việc. Nhận xét này đáng để các bạn chú ý. Về sau, khi đã thực hiện những điều chỉnh cần thiết và các nhóm đệ tử có thể làm việc cùng nhau mà không chỉ trích hay hiểu lầm, họ có thể tiến

can pass on to organised group work. This is necessarily dependent upon the general level of the group endeavour, upon their aspiration and their applied persistence. The willingness to work through these groups exists on our side and is found, therefore, upon the inner planes. The providing of an adequate instrument through which we can work must come from you.

tới công việc nhóm có tổ chức. Điều này tất nhiên phụ thuộc vào cấp độ chung của nỗ lực nhóm, vào khát vọng và sự kiên trì mà họ thực sự vận dụng. Về phía chúng tôi, sự sẵn lòng làm việc thông qua các nhóm này đã có, và do đó hiện diện trên các cõi bên trong. Việc cung cấp một công cụ thích hợp để chúng tôi có thể làm việc thông qua đó phải đến từ các bạn.

1. The experiments with Seed Groups are not much advanced, but neither have we entered the Aquarian Age.

1. Những cuộc thử nghiệm với các Nhóm hạt giống chưa tiến xa, nhưng chúng ta cũng chưa bước vào Kỷ Nguyên Bảo Bình.

2. DK points to the fluidity of the pattern of these groups, largely because of the deficiencies of the disciples composing them. Words are not ideas; they are more superficial. It is up to the disciples in such groups to deeply appreciate the foundational principles of the founding Master. DK tells us that we are to pay attention to the difference between words and ideas. This means that we can never take the Masters' words at face value, but must try to detect the *deeper ideational pattern* behind those words. Such an attempt will take us, eventually, into buddhic realization.

2. Chân sư DK chỉ ra tính linh động trong mô hình của các nhóm này, phần lớn là do những thiếu sót của các đệ tử hợp thành nhóm. Ngôn từ không phải là ý tưởng; chúng hời hợt hơn. Các đệ tử trong những nhóm như vậy phải thấu hiểu sâu sắc các nguyên khí nền tảng của Chân sư sáng lập. Chân sư DK bảo chúng ta phải chú ý đến sự khác biệt giữa ngôn từ và ý tưởng. Điều này có nghĩa là chúng ta không bao giờ được tiếp nhận lời của các Chân sư chỉ theo nghĩa bề mặt, mà phải cố gắng nhận ra *mô hình ý tưởng sâu xa hơn* đằng sau những lời ấy. Cuối cùng, một nỗ lực như vậy sẽ đưa chúng ta đến sự chứng nghiệm Bồ đề.

3. We should be impressed by the fact that such groups of disciples cannot really do "organized group work" unless they are free from criticism and misunderstanding. Group energy must flow harmoniously, and criticism and misunderstanding are always inhibitory factors.

3. Chúng ta nên ghi khắc sự thật rằng những nhóm đệ tử như vậy không thể thực sự thực hiện "công việc nhóm có tổ chức" trừ khi họ thoát khỏi sự chỉ trích và hiểu lầm. Năng lượng nhóm phải lưu chuyển hài hoà, và sự chỉ trích cùng hiểu lầm luôn là những yếu tố cản trở.

4. The Master is again laying responsibility squarely on the shoulders of the group members. The Master is surely not going to do everything for the group; He cannot; it is against the law.

4. Một lần nữa, Chân sư đặt trách nhiệm trực tiếp lên vai các thành viên trong nhóm. Chắc chắn Chân sư sẽ không làm mọi việc cho nhóm; Ngài không thể làm như vậy; điều đó trái với định luật.

5. “Group endeavor”, aspiration and persistence are all requirements; they must be kept at a high level and not allowed to ‘simmer down’ to a stale and repetitive approach.

5. “Nỗ lực nhóm”, khát vọng và sự kiên trì đều là những yêu cầu; phải duy trì chúng ở mức cao và không để chúng ‘nguội dần’ thành một cách tiếp cận cũ mòn và lặp đi lặp lại.

6. When one thinks about the handicapping limitations upon the Masters as they work with disciples, and Their probable frustration at the slowness and inadequacy of disciplic response, it is clear that They have to remain in touch with high sources of inspiration to keep Them working at Their task with freshness and enthusiasm.

6. Khi nghĩ về những giới hạn gây trở ngại cho các Chân sư trong lúc Các Ngài làm việc với đệ tử, và sự thất vọng mà có lẽ Các Ngài cảm thấy trước những đáp ứng chậm chạp và chưa đầy đủ của đệ tử, rõ ràng Các Ngài phải duy trì sự tiếp xúc với những nguồn cảm hứng cao cả để tiếp tục công việc của mình với sự mới mẻ và nhiệt tâm.

7. The Masters have the willingness to work through such groups, but the adequacy of the outer instrument is left to the care of the disciples gathered for labor. The instrument is an *outer* instrument because is consists of the minds, sentiency and etheric-physical nature of the group.

7. Các Chân sư sẵn lòng làm việc thông qua những nhóm như vậy, nhưng việc bảo đảm công cụ bên ngoài thích hợp được giao cho các đệ tử đã tụ họp để làm việc. Công cụ này là một công cụ *bên ngoài* vì nó bao gồm các thể trí, khả năng cảm nhận và bản chất dĩ thái–hồng trần của nhóm.

The time must come, however, when the work of each group of disciples must definitely integrate and thus change from the theoretical and the experimental to the definite and the practical. Then the period of group usefulness will arrive. This will naturally depend upon two things:

Tuy nhiên, phải đến lúc công việc của mỗi nhóm đệ tử được tích hợp rõ ràng, qua đó chuyển từ lý thuyết và thử nghiệm sang xác định và thực tiễn. Khi ấy, thời kỳ hữu ích của nhóm sẽ đến. Điều này tất nhiên phụ thuộc vào hai điều:

1. When the group reaches a certain stage of synthesis, then it will become possible for the group to work as a group with power.

1. Khi nhóm đạt đến một giai đoạn tổng hợp nhất định, nhóm sẽ có thể làm việc với tư cách một nhóm có quyền năng.

2. If the group fails to integrate and to take advantage of group opportunity and the particular call to service, then a re-arrangement of the personnel will be essential. Certain disciples will then have to drop out and those who have not measured up to the requirements, which their souls have set for them, and to the point of

2. Nếu nhóm không tích hợp được và không tận dụng cơ hội của nhóm cùng lời kêu gọi phụng sự cụ thể, thì việc sắp xếp lại các thành viên sẽ là điều thiết yếu. Khi ấy, một số đệ tử sẽ phải rời nhóm, và những người chưa đáp ứng được các yêu cầu mà linh hồn họ đã đặt ra cho họ, cũng như chưa đạt đến mức thành tựu mà Tôi đang kỳ vọng, sẽ được

attainment towards which I am expectantly looking, will be absorbed into other groups or form the nucleus of a re-organised unit.

đưa vào các nhóm khác hoặc tạo thành hạt nhân của một đơn vị được tổ chức lại.

1. The groups are to be practical and not remain indefinitely in a theoretical state. There are, however, requirements for this transition.

1. Các nhóm phải hoạt động thực tiễn và không thể mãi ở trong trạng thái lý thuyết. Tuy nhiên, sự chuyển tiếp này có những yêu cầu.

2. A certain stage of *synthesis* is required of the group; there are many steps along the way to this 'holistic' state: clarification of group purpose and adherence to it, elimination of cleavages between group members; the harmonization of group members and of their efforts; the integration and unification of the group; the building of the group antahkarana (based upon the building of the individual antahkaranas) — only then can inspiration of the spiritual triad descend conveying the sense of synthesis.

2. Nhóm cần đạt đến một giai đoạn *tổng hợp* nhất định; có nhiều bước trên con đường đi tới trạng thái 'toàn diện' này: làm rõ mục đích của nhóm và trung thành với mục đích ấy; loại bỏ những chia rẽ giữa các thành viên trong nhóm; điều hoà các thành viên và những nỗ lực của họ; tích hợp và hợp nhất nhóm; xây dựng antahkarana của nhóm (dựa trên việc xây dựng các antahkarana cá nhân) — chỉ khi ấy, cảm hứng từ Tam Nguyên Tinh Thần mới có thể giáng xuống, mang theo ý thức về sự tổng hợp.

3. DK is looking ahead; He already sees that a reorganization of the group effort may be needed, and, indeed, in 1940, it was reorganized.

3. Chân sư DK đang nhìn về phía trước; Ngài đã thấy rằng có thể cần tổ chức lại nỗ lực của nhóm, và quả thực, vào năm 1940, nỗ lực ấy đã được tổ chức lại.

4. We note the important fact that it is primarily the *soul* which sets the requirements which the human being must fulfill. The Master is cognizant of the level of attainment projected by the soul and bases His own expectations upon that level.

4. Chúng ta lưu ý sự thật quan trọng rằng chủ yếu chính *linh hồn* đặt ra những yêu cầu mà con người phải đáp ứng. Chân sư biết rõ cấp độ thành tựu mà linh hồn phóng chiếu và đặt những kỳ vọng của Ngài trên cơ sở cấp độ ấy.

5. The Masters do not retain forms which are proving profitless in expression. Using the third and seventh rays, they rearrange the members. This is the first expedient before taking the more drastic step of disbanding the group altogether.

5. Các Chân sư không duy trì những hình tướng đang tỏ ra không mang lại lợi ích trong sự biểu lộ. Vận dụng cung ba và cung bảy, Các Ngài sắp xếp lại các thành viên. Đây là biện pháp đầu tiên trước khi thực hiện bước quyết liệt hơn là giải tán hoàn toàn nhóm.

6. One senses that Master DK was leaving His own plans fluid. A major consolidation lay immediately ahead — the transforming of several groups into *one* group, but He did not, at the time of this writing, offer any specifics.

6. Có thể cảm nhận rằng Chân sư DK vẫn để các kế hoạch của Ngài ở trạng thái linh động. Một sự hợp nhất lớn sắp diễn ra — chuyển đổi một số nhóm thành *một* nhóm, nhưng vào thời điểm viết những lời này, Ngài chưa đưa ra chi tiết cụ thể nào.

7. The Masters (especially second ray Masters) are involved in the process of *salvage.* They will not throw away a form unless its present potential has decreased beyond the possibility of immediate usefulness.

7. Các Chân sư (đặc biệt là các Chân sư cung hai) tham gia vào tiến trình *cứu vãn.* Các Ngài sẽ không loại bỏ một hình tướng trừ khi tiềm năng hiện tại của nó đã suy giảm đến mức không còn khả năng hữu ích ngay lúc này.

All the teaching on the groups of disciples, functioning in the New Age, is intended for all the groups and for general distribution later on. The teaching upon specific group work will be given up to the point where conscious use of it can be made and the knowledge given can be turned to practical purpose in world service. And, my brothers, it is world service that today is needed. [74]

Toàn bộ giáo huấn về các nhóm đệ tử hoạt động trong Kỷ Nguyên Mới đều dành cho tất cả các nhóm và để phổ biến rộng rãi về sau. Giáo huấn về công việc nhóm cụ thể sẽ được truyền dạy đến mức có thể vận dụng một cách có ý thức và chuyển tri thức được trao thành mục đích thực tiễn trong việc phụng sự thế gian. Và, các huynh đệ của Tôi, phụng sự thế gian chính là điều cần thiết hôm nay. [74]

1. At first the teaching for each group-of-nine was concentrated within each such group. This was a way of preserving as distinct the outlines of such specific teaching. A premature mixing leads to unclarity, reduction of potency and eventual failure. DK alerts us to the stage of "general distribution" to be undertaken later — a stage in which all specific teaching is to be for all. The many "blue books" have been long since published, and we are in that phase when all teaching is for all.

1. Ban đầu, giáo huấn dành cho mỗi nhóm chín người được tập trung trong phạm vi từng nhóm ấy. Đây là một cách giữ cho những đường nét của giáo huấn cụ thể ấy được phân biệt rõ ràng. Sự pha trộn quá sớm dẫn đến tình trạng thiếu rõ ràng, suy giảm sức mạnh và cuối cùng là thất bại. Chân sư DK lưu ý chúng ta về giai đoạn "phổ biến rộng rãi" sẽ được thực hiện về sau — một giai đoạn mà mọi giáo huấn cụ thể đều dành cho tất cả mọi người. Nhiều "cuốn sách bìa xanh" đã được xuất bản từ lâu, và chúng ta đang ở trong giai đoạn mọi giáo huấn đều dành cho tất cả mọi người.

2. This fact places upon us the responsibility of attempting to achieve synthesis. We are in a position to see that which was offered

2. Sự thật này đặt lên chúng ta trách nhiệm cố gắng đạt đến sự tổng hợp. Chúng ta có điều kiện nhìn những gì đã được trao từ một

with greater perspective, but our process is not (in some ways) as *intensive,* as the Master is not immediately supervising the personnel of our groups.

3. DK tells us just how far He will go in the instruction of any of these individual groups — only up to the "point where conscious use of it can be made and the knowledge given can be turned to practical purpose in world service". The Masters are great "spiritual executives". They have no time for the dispensation of teaching which is used only for the mental delectation of the students. To do so would be a serious violation of the Law of Economy, and would do the students no good either.

4. In own lives, we ask ourselves what we can *apply*. What we simply *know* without *applying* simply increases our responsibility (for later application).

5. The modern disciple is a *practical* disciple. The treasures of wisdom conveyed to us by Master DK are meant for application in whatever constructive ways we can conceive.

6. The constant question for us is, "How can I *apply* that which I *know*, or that of which I have become *convinced* — through faith, reason and intuition?"

7. Master DK closes this section of DINA I with a call to service — *world* service. He defines for us the broad arena of our efforts. Service in our immediate environments is, of course, continually necessary, but we must learn to think in terms of the *whole* — for, indeed, we are *humanity* and, more

tầm nhìn rộng hơn, nhưng về một số mặt, tiến trình của chúng ta không *chuyên sâu* bằng, vì Chân sư không trực tiếp giám sát các thành viên trong nhóm của chúng ta.

3. Chân sư DK cho chúng ta biết chính xác Ngài sẽ đi xa đến đâu trong việc huấn thị bất kỳ nhóm riêng lẻ nào trong số này — chỉ đến "mức có thể vận dụng một cách có ý thức và chuyển tri thức được trao thành mục đích thực tiễn trong việc phụng sự thế gian". Các Chân sư là những "nhà điều hành tinh thần" vĩ đại. Các Ngài không có thời gian để truyền trao giáo huấn chỉ nhằm thoả mãn thú vui trí tuệ của các đạo sinh. Làm như vậy sẽ vi phạm nghiêm trọng Định luật Tiết Kiệm, và cũng không đem lại lợi ích gì cho các đạo sinh.

4. Trong cuộc sống của chính mình, chúng ta tự hỏi mình có thể *áp dụng điều gì.* Những gì chúng ta chỉ *biết* mà không *áp dụng* chỉ làm tăng trách nhiệm của chúng ta (đối với việc áp dụng về sau).

5. Người đệ tử hiện đại là một đệ tử *thực tiễn*. Những kho tàng minh triết mà Chân sư DK truyền cho chúng ta là để áp dụng theo bất kỳ cách xây dựng nào mà chúng ta có thể nghĩ ra.

6. Câu hỏi thường trực đối với chúng ta là, "Làm thế nào tôi có thể *áp dụng* những gì tôi *biết*, hoặc những điều mà tôi đã *tin chắc* — qua đức tin, lý trí và trực giác?"

7. Chân sư DK kết thúc phần này của DINA I bằng một lời kêu gọi phụng sự — phụng sự *thế gian*. Ngài xác định cho chúng ta phạm vi rộng lớn của những nỗ lực của chúng ta. Dĩ nhiên, việc phụng sự trong môi trường gần gũi quanh chúng ta luôn cần thiết, nhưng chúng ta phải học cách suy nghĩ theo *toàn*

broadly, we are the *world.*

thể — vì quả thực, chúng ta là *nhân loại* và, rộng hơn nữa, chúng ta là *thế giới.*

8. Although He spoke to us some sixty years ago, let us, today, answer His call to *service.*

8. Mặc dù Ngài đã nói với chúng ta cách đây khoảng sáu mươi năm, hôm nay chúng ta hãy đáp lại lời kêu gọi *phụng sự của Ngài.*

To the next commentary

Sang bài bình giảng tiếp theo

9. PART VIII – 9. PHẦN VIII

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

The Hierarchy is deeply concerned over world happenings. When the war is over, our work must go forward at any and every cost and in the face of every imaginable obstacle. The New Group of World Servers must preserve its integrity and work steadily and undismayed. The steadiness of those who know God's plan will help humanity and aid the efforts of the Hierarchy. These do not hate and they work for unity — both subjective and eventually objective.

Thánh đoàn hết sức quan tâm đến những diễn biến trên thế giới. Khi chiến tranh kết thúc, công việc của chúng ta phải tiến lên bằng mọi giá và trước mọi trở ngại có thể hình dung. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian phải giữ vững tính toàn vẹn của mình và làm việc kiên định, không nao núng. Sự kiên định của những người biết Thiên Cơ của Thượng đế sẽ giúp nhân loại và hỗ trợ những nỗ lực của Thánh đoàn. Những người này không thù ghét và họ làm việc cho sự hợp nhất — cả về mặt chủ quan lẫn, cuối cùng, về mặt khách quan.

It is wise for human beings to realise that mankind is free. Even the Hierarchy Itself does not know which forces — those of good or those of evil — will ultimately prevail because even if the forces of good triumph where the war is concerned, will they triumph where the peace is concerned? Good must ultimately triumph but the Hierarchy does not know what the immediate future holds for humanity because men determine their own destiny. The Law of Cause and Effect cannot be offset. In those cases where it has been offset, it has required the

Con người nên nhận ra rằng nhân loại có tự do. Ngay cả chính Thánh đoàn cũng không biết những mãnh lực nào — của điều thiện hay của điều ác — cuối cùng sẽ thắng thế, bởi dù các mãnh lực thiện chiến thắng trong chiến tranh, liệu họ có chiến thắng trong hoà bình không? Cuối cùng, điều thiện phải chiến thắng, nhưng Thánh đoàn không biết tương lai trước mắt dành cho nhân loại điều gì, vì con người tự quyết định vận mệnh của mình. Không thể hoá giải Định luật Nhân Quả. Trong những trường hợp định luật này đã được hoá giải, cần có sự can thiệp của

intervention of Forces, greater than those available at this time upon our planet. These greater Forces can intervene if the world aspirants and disciples make their voices adequately penetrating. . . .

những Mãnh Lực lớn hơn các mãnh lực hiện có trên hành tinh chúng ta vào lúc này. Những Mãnh Lực lớn hơn ấy có thể can thiệp nếu những người chí nguyện và đệ tử trên thế giới khiến tiếng nói của mình có sức thấu đạt đủ mạnh. . . .

1. When it comes to the survival of humanity, Hierarchy is never neutral. During WWII, They chose sides for the "Allies" and against the "Axis" powers.

1. Khi liên quan đến sự sống còn của nhân loại, Thánh đoàn không bao giờ trung lập. Trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, Các Ngài đã chọn đứng về phía "Đồng Minh" và chống lại các cường quốc "phe Trục".

2. This letter could have been written no later than 1939 for the groups-of-nine were disbanded by November, 1939 and the New Seed Group was formed. The first instructions for the New Seed Group were send out in January 1940.

2. Bức thư này hẳn được viết không muộn hơn năm 1939, vì đến tháng Mười Một năm 1939, các nhóm chín người đã giải tán và Nhóm hạt giống Mới đã hình thành. Những huấn thị đầu tiên dành cho Nhóm hạt giống Mới được gửi đi vào tháng Một năm 1940.

3. Master DK is looking ahead to the end of the war, foreseeing that the Forces of Light would be triumphant. Or perhaps, He did not know whether this would be the case, but sought to inspire His chelas against fear. In late 1942 Hierarchy was not so optimistic, thinking it might be necessary for Them to withdraw, for it looked like humanity would go down to defeat. This is a chilling thought.

3. Chân sư DK đang nhìn về lúc chiến tranh kết thúc, thấy trước rằng các Mãnh Lực Ánh Sáng sẽ chiến thắng. Hoặc có lẽ Ngài không biết liệu điều này có xảy ra hay không, nhưng tìm cách khích lệ các đệ tử của Ngài vượt qua sợ hãi. Vào cuối năm 1942, Thánh đoàn không lạc quan đến thế, cho rằng Các Ngài có thể phải rút lui, vì dường như nhân loại sẽ thất bại. Đây là một ý nghĩ khiến người ta lạnh gáy.

4. Here the Master stresses the importance of the NGWS and their role after the war. In the future they are to work with integrity and undismayed by the many and constant obstacles with which they will be beset. The Master's words are intended to strengthen.

4. Ở đây, Chân sư nhấn mạnh tầm quan trọng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và vai trò của họ sau chiến tranh. Trong tương lai, họ phải làm việc với tính toàn vẹn và không nao núng trước vô số trở ngại liên tục bủa vây. Những lời của Chân sư nhằm củng cố sức mạnh.

5. Concerning the manner in which the NGWS works — they "do not hate". This is of vital importance. They are workers for unity (subjective and objective) and do not utilize

5. Về cách thức Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian làm việc — họ "không thù ghét". Điều này có tầm quan trọng sống còn. Họ là những người hoạt động cho sự hợp nhất

the methods of those who oppose human progress.

(chủ quan và khách quan) và không sử dụng các phương pháp của những kẻ chống lại sự tiến bộ của nhân loại.

6. Responsibility is placed squarely on our shoulders. We are told what many devotees of Hierarchy would like *not* to hear: that we are *free,* and that even Hierarchy does not know the true outcome of the war. It looks to Them as if humanity will triumph in the war, but will humanity be triumphant in the peace? As we review the happenings of the almost sixty years since the conclusion of the war, we might well ask the same question: "has humanity triumphed where peace is concerned?"

6. Trách nhiệm được đặt trực tiếp lên vai chúng ta. Chúng ta được cho biết điều mà nhiều người sùng kính Thánh đoàn muốn *không* phải nghe: rằng chúng ta *có tự do,* và ngay cả Thánh đoàn cũng không biết kết quả thực sự của cuộc chiến. Theo Các Ngài, dường như nhân loại sẽ chiến thắng trong chiến tranh, nhưng liệu nhân loại có chiến thắng trong hoà bình không? Khi nhìn lại những diễn biến trong gần sáu mươi năm kể từ khi chiến tranh kết thúc, chúng ta hoàn toàn có thể đặt cùng câu hỏi: "nhân loại đã chiến thắng trong hoà bình hay chưa?"

7. About the *ultimate* triumph of good there is no question, but the short-term results were, at that time, undecided. Perhaps, they still are (2004).

7. Về chiến thắng *cuối cùng* của điều thiện thì không có gì phải nghi ngờ, nhưng vào thời điểm ấy, những kết quả trước mắt vẫn chưa ngã ngũ. Có lẽ chúng vẫn như vậy (2004).

8. First He tells us that the "Law of Cause and Effect" cannot be offset. Humanity has set certain causes it motion and their effects will work out. But then the possibility of what can only be called "divine intervention" is raised. For the preservation of humanity and the planet the otherwise inexorable Law of Karma *can* be offset or at least temporarily delayed. This sometimes happens in relation to individuals as well. Here DK is speaking of humanity's collective karma.

8. Trước hết, Ngài bảo chúng ta rằng "Định luật Nhân Quả" không thể được hoá giải. Nhân loại đã khởi động những nguyên nhân nhất định và các hệ quả của chúng sẽ diễn ra. Nhưng rồi khả năng về điều chỉ có thể gọi là "sự can thiệp thiêng liêng" được nêu lên. Để bảo toàn nhân loại và hành tinh, Định luật Nghiệp Quả, vốn trong hoàn cảnh khác không thể lay chuyển, *có thể* được hoá giải hoặc ít nhất tạm thời trì hoãn. Điều này đôi khi cũng xảy ra đối với các cá nhân. Ở đây, Chân sư DK đang nói về nghiệp quả tập thể của nhân loại.

9. Master DK hints at the possibility of intervention (and indeed such intervention by the Lords of Liberation *did* occur during the Second World War), but when speaking of the possibility, He tells us that such Forces are not presently available (at least at the

9. Chân sư DK gợi ý về khả năng can thiệp (và quả thực, sự can thiệp như vậy của các Đấng Giải Thoát *đã* xảy ra trong Chiến tranh Thế giới thứ hai), nhưng khi nói đến khả năng ấy, Ngài cho chúng ta biết rằng những Mãnh Lực như vậy hiện chưa sẵn có (ít nhất

time of the writing).

10. The door to hope is, however, left open as still more responsibility is laid upon the shoulders of His disciples (and, in fact, of all disciples). The world aspirants and disciples must make their voices "adequately penetrating". This cannot refer only to the spoken word but the 'voice of thought'.

11. We see here, that He said more but it has been deleted by the editor.

In this time of stress and strain, my brothers, I would remind you that there is no need for the sense of futility or for the registration of littleness. The new groups of disciples are Seed Groups; they are in the dark or growing stage and in the process of expansion — growing silently. This stage is most important for, according to the healthiness of the seed and its ability to cast strong roots downwards and to penetrate slowly and steadily upwards towards the light, so will be the adequacy of the contribution to the New Age which is upon us. I would emphasise that fact to you. The New Age is upon us and we are witnessing the birth pangs of the new culture and the new civilisation. That which is old and undesirable must go and of these undesirable things, hatred and the spirit of separateness must be the first to disappear.

1. It is the task of the Master to inspire and strengthen. The times were unusually stressful, especially for those disciples living in Europe

2. A normal human reaction to the

là vào thời điểm viết những lời này).

10. Tuy nhiên, cánh cửa hy vọng vẫn mở khi trách nhiệm lớn hơn nữa được đặt lên vai các đệ tử của Ngài (và thực ra là tất cả các đệ tử). Những người chí nguyện và đệ tử trên thế giới phải khiến tiếng nói của mình "có sức thấu đạt đủ mạnh". Điều này không thể chỉ nói đến lời nói thành tiếng mà còn là 'tiếng nói của tư tưởng'.

11. Ở đây, chúng ta thấy rằng Ngài đã nói thêm, nhưng người biên tập đã lược bỏ phần ấy.

Các huynh đệ của Tôi, trong thời kỳ căng thẳng và áp lực này, Tôi muốn nhắc các bạn rằng không cần cảm thấy vô ích hay ghi nhận sự nhỏ bé của mình. Những nhóm đệ tử mới là các Nhóm hạt giống; họ đang ở trong giai đoạn tối tăm hay sinh trưởng và trong tiến trình mở rộng — âm thầm lớn lên. Giai đoạn này hết sức quan trọng, vì mức độ thích hợp của sự đóng góp cho Kỷ Nguyên Mới đang đến với chúng ta sẽ tuỳ thuộc vào sức khoẻ của hạt giống, khả năng đâm những rễ khoẻ xuống sâu và vươn chậm rãi, kiên định lên phía ánh sáng. Tôi muốn nhấn mạnh sự thật ấy với các bạn. Kỷ Nguyên Mới đang đến với chúng ta, và chúng ta đang chứng kiến những cơn đau chuyển dạ của nền văn hoá mới và nền văn minh mới. Những gì cũ kỹ và không đáng mong muốn phải ra đi, và trong số những điều không đáng mong muốn ấy, lòng thù hận và tinh thần chia rẽ phải biến mất trước tiên.

1. Nhiệm vụ của Chân sư là truyền cảm hứng và củng cố sức mạnh. Thời cuộc căng thẳng khác thường, nhất là đối với những đệ tử sống ở châu Âu

2. Phản ứng thông thường của con người

descending and seemingly overpowering threat would be the sense of futility and the registration of littleness. DK lifts the sights, saying there is no need for such negative reactions. Disciples under the influence of such states of mind would truly limit their capacity to serve.

3. DK points to the accomplishments of the Seed Groups, even though they are passing through a stage of slow growth in the darkness. He seeks for His disciples to register their achievement.

4. All of us who are engaged in the starting of occult groups should reflect upon the Master's patient approach when He considers the health and welfare of the Seed Groups He originated.

5. The second ray moves slowly and wisely and Master DK is here emphasizing the importance of that type of approach.

6. The Master is interpreting the horrific happenings of the times in the light of human progress. It is important that His disciples do not descend into the common consciousness. If they see and understand the *meaning* of the dire stress through which humanity is passing, they can act as strong hands in the dark. We see then, that the Master attempts to fortify the consciousness of His disciples with perspective and meaning.

The main objective of our joint work is still group integration and the setting up of that inter-communication between [75] the group members which will result in the needed interplay and telepathic communication; this will finally establish that golden network of light which will

trước mối đe dọa đang ập xuống và dường như không thể chống đỡ là cảm giác bất lực và nhận thấy mình nhỏ bé. Chân sư DK nâng tầm nhìn, nói rằng không cần có những phản ứng tiêu cực như thế. Những đệ tử chịu ảnh hưởng của các trạng thái trí tuệ ấy thực sự sẽ hạn chế khả năng phụng sự của mình.

3. Chân sư DK chỉ ra những thành tựu của các Nhóm hạt giống, dù họ đang trải qua giai đoạn tăng trưởng chậm chạp trong bóng tối. Ngài mong các đệ tử của Ngài ghi nhận thành tựu của mình.

4. Tất cả chúng ta, những người đang tham gia khởi lập các nhóm huyền môn, nên suy ngẫm về cách tiếp cận kiên nhẫn của Chân sư khi Ngài xem xét sức khỏe và sự an lành của các Nhóm hạt giống do Ngài khởi xướng.

5. Cung hai tiến bước chậm rãi và minh triết, và ở đây Chân sư DK đang nhấn mạnh tầm quan trọng của cách tiếp cận ấy.

6. Chân sư đang diễn giải những biến cố kinh hoàng của thời cuộc dưới ánh sáng của sự tiến bộ nhân loại. Điều quan trọng là các đệ tử của Ngài không hạ mình xuống tâm thức thông thường. Nếu họ thấy và thấu hiểu *ý nghĩa* của tình trạng căng thẳng khủng khiếp mà nhân loại đang trải qua, họ có thể trở thành những bàn tay vững chãi trong bóng tối. Như vậy, chúng ta thấy Chân sư cố gắng củng cố tâm thức các đệ tử của Ngài bằng tầm nhìn bao quát và ý nghĩa.

Mục tiêu chính của công việc chung của chúng ta vẫn là sự tích hợp nhóm và thiết lập sự giao tiếp qua lại giữa [75] các thành viên nhóm, để từ đó có được sự tương tác và giao tiếp viễn cảm cần thiết; cuối cùng, điều này sẽ thiết lập mạng lưới ánh sáng vàng kim ấy, giúp tạo nên một tiêu điểm mạnh mẽ; tiêu

serve to create a powerful focal point; this focal point will be the agent for the revitalisation spiritually of the etheric body of humanity — as a whole. This is an essential and important statement. This focal point will, in its turn, aid in the revitalising of the etheric body of the planet with new power and with fresh impulse.

điểm này sẽ là tác nhân tái tiếp sinh lực về mặt tinh thần cho thể dĩ thái của toàn thể nhân loại. Đây là một phát biểu thiết yếu và quan trọng. Đến lượt mình, tiêu điểm này sẽ giúp tái tiếp sinh lực cho thể dĩ thái của hành tinh bằng quyền năng mới và xung lực mới.

1. After interpreting the world situation in a hierarchical light, DK returns to the work at hand. Group integration has not yet been sufficiently achieved, and the inter-communication between group members leaves something to be desired.

1. Sau khi diễn giải tình hình thế giới dưới ánh sáng của Thánh đoàn, Chân sư DK trở lại công việc trước mắt. Sự tích hợp nhóm vẫn chưa đạt mức đầy đủ, và sự giao tiếp qua lại giữa các thành viên nhóm vẫn còn những điều cần cải thiện.

2. The Master suggests that if right integration and inter-communication can be established, this desirable state will contribute to establishing "that golden network of light" which as a powerful focal point can be used by the higher agencies for the revitalization spiritually of the etheric body of humanity as a whole.

2. Chân sư gợi ý rằng nếu có thể thiết lập sự tích hợp và giao tiếp qua lại đúng đắn, trạng thái đáng mong muốn này sẽ góp phần thiết lập "mạng lưới ánh sáng vàng kim ấy", mà các tác nhân cao cả có thể sử dụng như một tiêu điểm mạnh mẽ để tái tiếp sinh lực về mặt tinh thần cho thể dĩ thái của toàn thể nhân loại.

3. Thus, the wider issues at stake are brought to the attention of the disciples.

3. Như vậy, các đệ tử được lưu ý đến những vấn đề rộng lớn hơn đang được đặt ra.

4. Is DK speaking here only to His group of Telepathic Workers? It would seem that His intention is broader and that *all* members of all the groups-of-nine are to telepathically en rapport to some degree.

4. Ở đây, phải chăng Chân sư DK chỉ nói với nhóm Người Hoạt Động Viễn Cảm của Ngài? Dường như ý định của Ngài rộng hơn, và *tất cả* thành viên của mọi nhóm chín người đều cần có sự giao cảm viễn cảm ở một mức độ nào đó.

5. We see the Master relating the humble processes within the groups to greater *planetary* consequences.

5. Chúng ta thấy Chân sư liên hệ những tiến trình khiêm tốn trong các nhóm với những hệ quả lớn lao hơn ở cấp độ *hành tinh* .

6. Revitalization can come to humanity and the planet through the etheric body of humanity and the etheric body of the planet. To this extremely desirable possibility, the

6. Nhân loại và hành tinh có thể được tái tiếp sinh lực thông qua thể dĩ thái của nhân loại và thể dĩ thái của hành tinh. Các nhóm chín người có thể góp phần hiện thực hóa khả

groups-of-nine can contribute.

I have for several years attempted to be your teacher, your Master and, I think I may say, your friend. There has been established between us a very strong link of love and understanding upon my part and a proved sincerity and a definite wish to cooperate on yours.

1. DK lists the three ways He has approached His disciples — as teacher, Master and (more intimately) as friend.

2. A teacher informs; a Master sets a tone which must be followed, inspiring and protecting. A friend walks the path with his friends; a friend does not abandon a friend, but "stays with".

3. It is interesting to see Master DK describing His attitude towards His chelas: "a very strong link of love and understanding". Naturally, a second ray Master would approach in this way and it is heartening and humbling to be reminded that He does.

4. His chelas, however, are not animated by the fullness of the energy the Master expresses. Instead, theirs is the energy of "sincerity and a definite wish to cooperate". The attitude is one of the "earnest aspirant", but not of those who have achieved soul-infusion.

What is my attitude towards you?

As individuals, you may be of small

năng vô cùng đáng mong muốn này.

Trong nhiều năm qua, Tôi đã cố gắng làm huấn sư, Chân sư của các bạn và, Tôi nghĩ có thể nói, là người bạn của các bạn. Giữa chúng ta đã hình thành một mối liên kết rất bền chặt: về phía Tôi là tình thương và sự thấu hiểu; về phía các bạn là lòng chân thành đã được chứng tỏ và một ước muốn hợp tác rõ rệt.

1. Chân sư DK liệt kê ba cách Ngài đã tiếp cận các đệ tử của Ngài — với tư cách huấn sư, Chân sư và, thân mật hơn, là người bạn.

2. Một huấn sư truyền đạt tri thức; một Chân sư xác lập một âm điệu mà đệ tử phải noi theo, đồng thời truyền cảm hứng và che chở. Một người bạn cùng bước trên đường với các bạn mình; một người bạn không bỏ rơi bạn, mà "ở lại bên bạn".

3. Thật thú vị khi thấy Chân sư DK mô tả thái độ của Ngài đối với các đệ tử của Ngài: "một mối liên kết rất bền chặt của tình thương và sự thấu hiểu". Dĩ nhiên, một Chân sư cung hai sẽ tiếp cận theo cách này, và việc được nhắc rằng Ngài thực sự làm như vậy vừa khích lệ chúng ta vừa khiến chúng ta khiêm nhường.

4. Tuy nhiên, các đệ tử của Ngài chưa được thúc đẩy bằng trọn vẹn năng lượng mà Chân sư biểu lộ. Thay vào đó, năng lượng của họ là năng lượng của "lòng chân thành và một ước muốn hợp tác rõ rệt". Đó là thái độ của "người chí nguyện thiết tha", chứ chưa phải của những người đã đạt được sự thấm nhuần của linh hồn.

Thái độ của Tôi đối với các bạn là gì?

Với tư cách cá nhân, các bạn có thể không

importance; as units in the group which I am preparing and training for definite service in future lives even more than in this, you are of sufficient moment to warrant my interest. A group is no more powerful than its weakest link and a group suffers esoterically and as a whole and its power is definitely curtailed when one member fails to measure up to opportunity or recedes into the glamours of the personality. This you have seen happen. As individuals I seek to help you but only with a view to your group integration, to your group influence and understanding and your group love, plus the strength which you can each bring to the whole.

mấy quan trọng; với tư cách những đơn vị trong nhóm mà Tôi đang chuẩn bị và huấn luyện cho một công việc phụng sự xác định trong những kiếp sống tương lai, còn nhiều hơn cả trong kiếp này, các bạn đủ quan trọng để Tôi quan tâm. Một nhóm không thể mạnh hơn mắt xích yếu nhất của nó; và khi một thành viên không đáp ứng được cơ hội hoặc lui trở lại vào những ảo cảm của phàm ngã, toàn nhóm chịu tổn hại về mặt huyền bí và sức mạnh của nhóm rõ rệt bị hạn chế. Các bạn đã thấy điều này xảy ra. Với tư cách cá nhân, Tôi tìm cách giúp đỡ các bạn, nhưng chỉ nhằm hướng đến sự tích hợp của các bạn vào nhóm, ảnh hưởng và sự thấu hiểu mang tính nhóm của các bạn, tình thương nhóm của các bạn, cùng với sức mạnh mà mỗi người có thể mang lại cho toàn thể.

1. We notice that Master DK, having assured His chelas of His love and understanding, speaks with frankness. Individually, they are of small importance.

1. Chúng ta nhận thấy rằng sau khi bảo đảm với các đệ tử về tình thương và sự thấu hiểu của Ngài, Chân sư DK nói một cách thẳng thắn. Xét riêng từng cá nhân, họ không mấy quan trọng.

2. As group members preparing for definite service in future lives, they are “of sufficient moment to warrant my interest”. It is hardly a gushing assessment; rather, it is closely co-measured.

2. Với tư cách các thành viên nhóm đang chuẩn bị cho một công việc phụng sự xác định trong những kiếp sống tương lai, họ “đủ quan trọng để Tôi quan tâm”. Đây khó có thể là một lời đánh giá nồng nhiệt; đúng hơn, đó là một nhận định được cân nhắc rất kỹ cho đúng mức.

3. Again the Master places responsibility on each and all. No one wants to be the “weakest link”, for such an individual would hold the group back. DK points to ‘esoteric suffering’ which descends upon a group through the influence of weak links. Not all reasons for group retardation are necessarily obvious.

3. Một lần nữa, Chân sư đặt trách nhiệm lên từng người và tất cả mọi người. Không ai muốn là “mắt xích yếu nhất”, vì một cá nhân như thế sẽ kìm hãm nhóm. Chân sư DK chỉ ra ‘sự tổn hại về mặt huyền bí’ giáng xuống một nhóm do ảnh hưởng của những mắt xích yếu. Không phải mọi nguyên nhân khiến nhóm chậm tiến đều nhất thiết hiển nhiên.

4. He calls for all to measure up to opportunity and avoid the temptation to recede into the glamors of personality; to do so would be to move backwards.

4. Ngài kêu gọi tất cả mọi người đáp ứng xứng đáng với cơ hội và tránh cám dỗ lui trở lại vào những ảo cảm của phàm ngã; làm như thế tức là thụt lùi.

5. DK sounds the important notes of *group* integration, *group* influence, *group* understanding, *group* love, and the strength which each may offer to the whole.

5. Chân sư DK xướng lên những âm điệu quan trọng về sự tích hợp *nhóm*, ảnh hưởng *nhóm* , sự thấu hiểu *nhóm* , tình thương *nhóm*, và sức mạnh mà mỗi người có thể hiến tặng cho toàn thể.

6. He has reiterated His approach on a number of occasions, so the chelas cannot be tempted to think that they are of any real *personal* importance, either to Him or to the greater project. We see, do we not, how firmly the Master insists of the necessity of Aquarian values, so decentralizing in their effect?

6. Ngài đã nhắc lại cách tiếp cận của Ngài nhiều lần, để các đệ tử không bị cám dỗ nghĩ rằng về mặt *cá nhân*, họ thực sự có tầm quan trọng nào đó đối với Ngài hoặc đối với công trình lớn hơn. Chúng ta thấy rõ, phải không, Chân sư nhấn mạnh kiên quyết đến mức nào về sự cần thiết của những giá trị Bảo Bình, vốn có tác dụng giúp con người phi tập trung vào bản thân?

I, therefore, appeal to you, as a group, for an intensification of your group love, purpose and service so that the inner, subjective integration may proceed apace. I have three things to say to you today as a group:

Vì vậy, Tôi kêu gọi các bạn, với tư cách một nhóm, tăng cường tình thương, mục đích và sự phụng sự mang tính nhóm, để sự tích hợp nội tâm, chủ quan có thể tiến triển nhanh chóng. Hôm nay, Tôi có ba điều muốn nói với các bạn với tư cách một nhóm:

First of all, the strength or the weakness of this group of disciples will lie in the fact that the individuals who compose it are not only egoically linked but that there is also a strong personality tie (with all the weaknesses which that may entail) and a deep, if unrealised, affection between each and all of you, even if you have not met each other. The strength of this situation is found in the fact that this condition of unconscious friendship is to be found as the result of many lives of close association in the work and also in past personality relations and family ties. The weakness exists in the fact that this situation [76] is apt to make the

Trước hết, sức mạnh hay sự yếu kém của nhóm đệ tử này nằm ở chỗ những cá nhân hợp thành nhóm không chỉ liên kết với nhau về mặt chân ngã, mà còn có một mối ràng buộc phàm ngã mạnh mẽ (cùng mọi yếu kém mà điều ấy có thể kéo theo), và một tình cảm sâu đậm giữa từng người với tất cả mọi người trong các bạn, dù chưa nhận ra và dù các bạn chưa từng gặp nhau. Sức mạnh của tình trạng này nằm ở chỗ tình bằng hữu chưa được ý thức ấy là kết quả của nhiều kiếp sống gắn bó mật thiết trong công việc, cũng như của những quan hệ phàm ngã và mối dây gia đình trong quá khứ. Sự yếu kém nằm ở chỗ tình trạng này [76] dễ khiến

group personal in its reactions. This group of disciples is intrinsically an entity on all the three levels of the three worlds — physical, emotional and mental — and there is a soul tie as well.

nhóm phản ứng theo tình cảm cá nhân. Nhóm đệ tử này vốn là một thực thể trên cả ba cấp độ của ba cõi giới — hồng trần, cảm xúc và trí tuệ — đồng thời còn có một mối dây linh hồn.

1. An "appeal" is made, and when the Master appeals, He is in great earnest, and seeking to evoke from His chelas that which can be forthcoming through no other means.

1. Một "lời kêu gọi" được đưa ra, và khi Chân sư kêu gọi, Ngài hết sức tha thiết, tìm cách khơi dậy nơi các đệ tử của Ngài điều mà không phương cách nào khác có thể làm xuất hiện.

2. Group love, group purpose and group service will facilitate the needed subjective integration. It is for these three qualities that He appeals.

2. Tình thương nhóm, mục đích nhóm và sự phụng sự nhóm sẽ tạo thuận lợi cho sự tích hợp chủ quan cần thiết. Chính ba phẩm tính này là điều Ngài kêu gọi.

3. A most interesting assessment concerning group strengths and weaknesses is made. Strength and weakness are all based upon the kind of links which relate the group members to each other.

3. Ngài đưa ra một đánh giá hết sức thú vị về những điểm mạnh và điểm yếu của nhóm. Sức mạnh và sự yếu kém đều dựa trên loại liên kết nối các thành viên nhóm với nhau.

4. There is the egoic link, of course, but the personality ties present certain types of problems.

4. Dĩ nhiên có mối liên kết chân ngã, nhưng những ràng buộc phàm ngã gây ra một số loại vấn đề.

5. The Master points to a surprising quality: "a deep, if unrealised, affection between each and all of you, even if you have not met each other".

5. Chân sư chỉ ra một phẩm tính đáng ngạc nhiên: "một tình cảm sâu đậm giữa từng người với tất cả mọi người trong các bạn, dù chưa nhận ra và dù các bạn chưa từng gặp nhau".

6. Affection and a "condition of unconscious friendship" — these qualities can be used to the good.

6. Tình cảm và một "tình bằng hữu chưa được ý thức" — những phẩm tính này có thể được sử dụng cho điều thiện.

7. These groups are not simply formed of those who are unrelated to each other. Many lives of "close association", even of family ties, have preceded this newer from of association based upon group ideals.

7. Các nhóm này không đơn thuần gồm những người chẳng có liên hệ gì với nhau. Nhiều kiếp sống "gắn bó mật thiết", thậm chí cả những mối dây gia đình, đã có trước hình thức liên kết mới hơn này, vốn dựa trên các lý tưởng nhóm.

8. The closeness based on past ties is both good and bad, for it increases the personalism of the group members in relation to each other.

8. Sự gần gũi dựa trên các mối dây quá khứ vừa tốt vừa xấu, vì nó làm gia tăng tính thiên về cá nhân trong quan hệ giữa các thành viên nhóm.

9. DK is having His chelas take a good, close look of what a group really is. He emphasizes the importance of the soul connection, but does not ignore the mental, emotional and physical connections either. It is clear that His disciples need a better appreciation of their problem — and His.

9. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài xem xét thật kỹ một nhóm thực sự là gì. Ngài nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kết nối linh hồn, nhưng cũng không bỏ qua những kết nối trí tuệ, cảm xúc và hồng trần. Rõ ràng, các đệ tử của Ngài cần nhận thức rõ hơn về vấn đề của họ — và của Ngài.

I would like also to impress upon you a second point. It is of apt application in the strenuous conditions which prevail at this time. In the stress and strain of your group work let each of you bear in mind, for your encouragement, joy and dedicatory incentive, that you are in this particular group of disciples for preparatory training for initiation. I am entering upon an experiment in group initiation and this is somewhat a new enterprise for the Hierarchy to undertake, though in line with evolutionary development. In futures ages, men and women will pass through the Portal of Initiation together, instead of alone and singly as has hitherto been the case. Group progress can, therefore, in this connection be furthered or held back by the effort of the individual group member. A member's difficulties can be enhanced by the united group stimulation; his strength and effectiveness can be increased by the strength, the power and the understanding of the group. Your united responsibility is, therefore, great and your opportunity for rapid progress is real and definitely unusual. When together you pass through the Portal and I present you to Those Whose task it is to lead you on your next step, there should eventuate such an enhancement of your

Tôi cũng muốn khắc sâu nơi các bạn một điểm thứ hai. Điều này rất thích hợp với những hoàn cảnh gian nan đang diễn ra hiện nay. Giữa những căng thẳng và áp lực trong công việc nhóm, mỗi người trong các bạn hãy ghi nhớ, để được khích lệ, hoan hỉ và có động lực hiến dâng, rằng các bạn ở trong nhóm đệ tử đặc biệt này để được huấn luyện chuẩn bị cho điểm đạo. Tôi đang bắt đầu một cuộc thử nghiệm về điểm đạo nhóm, và đây là một công việc phần nào mới mẻ mà Thánh đoàn đảm nhận, dù phù hợp với sự phát triển tiến hoá. Trong những thời đại tương lai, những người nam và nữ sẽ cùng nhau đi qua Cổng Điểm Đạo, thay vì một mình, riêng lẻ như từ trước đến nay. Vì vậy, xét về phương diện này, nỗ lực của từng thành viên có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự tiến bộ của nhóm. Sự kích thích hợp nhất của nhóm có thể làm gia tăng những khó khăn của một thành viên; sức mạnh, quyền năng và sự thấu hiểu của nhóm có thể gia tăng sức mạnh và hiệu quả của người ấy. Do đó, trách nhiệm chung của các bạn rất lớn, và cơ hội tiến bộ nhanh chóng của các bạn là có thật và rõ ràng khác thường. Khi các bạn cùng nhau đi qua Cổng và Tôi trình diện các bạn trước những Đấng có nhiệm vụ dẫn dắt các bạn trên bước tiếp theo, năng lực yêu thương, trực giác và phụng sự của các bạn sẽ

powers to love, to intuit and to serve, that life will never again appear to be the same thing. You will grasp with surety then what now you dimly sense, and realise the wonder of group love, of group intuition and of group service; you will thus undergo a joint illumination, a shared response and a united effort. You will comprehend then that a line of exclusion may spiritually exist, indicating those who can pass on to the preparatory stage of group initiation and those who must approach that great event singly and alone. These latter belong predominantly to the Piscean Age. They take initiation as separate identities; you can take initiation in group formation.

được nâng cao đến mức cuộc sống sẽ không bao giờ còn hiện ra như trước nữa. Khi ấy, các bạn sẽ nắm bắt chắc chắn điều mà hiện nay chỉ cảm nhận lờ mờ, và nhận ra sự kỳ diệu của tình thương nhóm, trực giác nhóm và sự phụng sự nhóm; nhờ đó, các bạn sẽ cùng trải qua sự soi sáng, cùng chia sẻ sự đáp ứng và cùng hợp nhất nỗ lực. Khi ấy, các bạn sẽ thấu hiểu rằng về mặt tinh thần có thể tồn tại một ranh giới loại trừ, phân định những người có thể tiến đến giai đoạn chuẩn bị cho điểm đạo nhóm và những người phải tiếp cận biến cố trọng đại ấy một mình, riêng lẻ. Những người sau này chủ yếu thuộc về Thời Đại Song Ngư. Họ tiếp nhận điểm đạo với tư cách những bản sắc riêng biệt; các bạn có thể tiếp nhận điểm đạo theo đội hình nhóm.

1. The Master knows how difficult are the times. He offers a most encouraging thought. The disciples gathered into the group are gathered "for preparatory training for initiation".

1. Chân sư biết thời cuộc khó khăn đến mức nào. Ngài đưa ra một ý tưởng hết sức khích lệ. Các đệ tử tập hợp thành nhóm là "để được huấn luyện chuẩn bị cho điểm đạo".

2. Why does the Master reveal this? For the purposes of encouragement, joy and "dedicatory incentive". To relate this piece of information is meant to strengthen His disciples.

2. Vì sao Chân sư tiết lộ điều này? Nhằm đem lại sự khích lệ, hoan hỉ và "động lực hiến dâng". Việc truyền đạt thông tin này nhằm củng cố sức mạnh cho các đệ tử của Ngài.

3. One of the chief reasons for forming the groups-of-nine is revealed; they are partially *experiments in group initiation*. This is really a pioneering effort indicative of processes which will be more common in the future.

3. Một trong những lý do chính để thành lập các nhóm chín người được tiết lộ; một phần, đó là những *cuộc thử nghiệm về điểm đạo nhóm*. Đây thực sự là một nỗ lực tiên phong, báo hiệu những tiến trình sẽ trở nên phổ biến hơn trong tương lai.

4. The newer methods are suggested and the mode of passing before the initiator — in *groups*, rather than alone in singly.

4. Ngài gợi ra những phương pháp mới hơn và cách thức đến trước Đấng Điểm đạo — theo *nhóm*, thay vì một mình, riêng lẻ.

5. And, again, the placement of responsibility, for one group member can

5. Và một lần nữa, trách nhiệm được đặt ra, vì một thành viên nhóm có thể củng cố sức

strengthen or retard his brothers.

mạnh hoặc làm chậm bước các huynh đệ của mình.

6. The main point is expressed precisely: "Your united responsibility is, therefore, great and your opportunity for rapid progress is real and definitely unusual". What more incentive could be offered for re-consecration, for this, I believe, is what Master DK had in mind — a final effort to achieve success.

6. Điểm chính được diễn đạt chính xác: "Do đó, trách nhiệm chung của các bạn rất lớn, và cơ hội tiến bộ nhanh chóng của các bạn là có thật và rõ ràng khác thường". Còn động lực nào lớn hơn cho việc tái thánh hiến có thể được đưa ra, vì Tôi tin rằng đây chính là điều Chân sư DK nghĩ đến — một nỗ lực cuối cùng để đạt thành công.

7. Usually the subject of group initiation is approached theoretically and in terms of its wider purpose. Here the approach is immediate and practical. The Master is talking directly to those who are to experience this newer form of initiation.

7. Chủ đề điểm đạo nhóm thường được tiếp cận về mặt lý thuyết và xét theo mục đích rộng lớn hơn của nó. Ở đây, cách tiếp cận mang tính trực tiếp và thực tiễn. Chân sư đang nói trực tiếp với những người sẽ trải nghiệm hình thức điểm đạo mới hơn này.

8. It is His task to *present the group* to "Those Whose task it is to lead you on to your next step". Thus, the Master outlines the purpose of the preparatory training work He has been undertaking with this collection of chelas.

8. Nhiệm vụ của Ngài là *trình diện nhóm* trước "những Đấng có nhiệm vụ dẫn dắt các bạn trên bước tiếp theo". Như vậy, Chân sư phác họa mục đích của công việc huấn luyện chuẩn bị mà Ngài đang thực hiện với tập hợp đệ tử này.

9. The Master promises a beautiful future (should the group succeed). Group initiation, experienced together, will provide a "joint illumination, a shared response and a united effort". When presented with these thoughts, the chelas must have been forced to realize how very closely related they were to each other, and how very important was their mutual reinforcement.

9. Chân sư hứa hẹn một tương lai tươi đẹp (nếu nhóm thành công). Điểm đạo nhóm, khi cùng nhau trải nghiệm, sẽ đem lại "sự soi sáng chung, sự đáp ứng được chia sẻ và nỗ lực hợp nhất". Khi tiếp nhận những ý tưởng này, hẳn các đệ tử đã buộc phải nhận ra họ liên hệ mật thiết với nhau đến mức nào, và việc củng cố sức mạnh cho nhau quan trọng biết bao.

10. Group initiation is an experiment in the Aquarian Age. Those who, in consciousness, belong to that Age can take group initiation together. Those belonging in consciousness to the Piscean Age still pass before the Initiator *alone*. These thoughts should give us pause to reflect.

10. Điểm đạo nhóm là một cuộc thử nghiệm trong Thời Đại Bảo Bình. Những người có tâm thức thuộc về Thời Đại ấy có thể cùng nhau tiếp nhận điểm đạo nhóm. Những người thuộc về Thời Đại Song Ngư xét theo tâm thức vẫn đến trước Đấng Điểm đạo *một mình*. Những ý tưởng này nên khiến chúng

ta dừng lại suy ngẫm.

11. The Master seems to suggest that it is better and more empowering to pass before the Initiator *together.*

11. Dường như Chân sư gợi ý rằng việc đến trước Đấng Điểm đạo *cùng nhau sẽ tốt hơn và đem lại nhiều sức mạnh hơn.*

None of us who do the work of preparing candidates for initiation are in a position to pronounce as to time; that has to be determined by each individual aspirant. See to it, however, [77] as individuals, that your group is not held back through your inability to see, by your personal glamours, by your individual problem or by your slow reactions to known truth.

Không ai trong chúng Tôi, những người làm công việc chuẩn bị các ứng viên cho điểm đạo, có thể đưa ra lời xác định về thời điểm; điều đó phải do mỗi người chí nguyện quyết định. Tuy nhiên, [77] với tư cách cá nhân, các bạn hãy bảo đảm rằng nhóm của mình không bị kìm hãm vì các bạn không thể thấy, vì những ảo cảm cá nhân, vì vấn đề riêng của các bạn hoặc vì các bạn chậm đáp ứng với chân lý đã biết.

1. As the Master continues His instructions, the responsibility places upon the individual group members only increases.

1. Khi Chân sư tiếp tục huấn thị, trách nhiệm đặt lên từng thành viên nhóm chỉ càng tăng thêm.

2. An important principle is enunciated: the Master cannot "pronounce as to time". There are too many variables. Only general trends can be indicated.

2. Một nguyên khí quan trọng được nêu rõ: Chân sư không thể "đưa ra lời xác định về thời điểm". Có quá nhiều yếu tố biến đổi. Chỉ có thể chỉ ra những xu hướng chung.

3. The time equation is in the hands of the individual aspirant, and by extension, presumably in the hands of the '*group* aspirant'.

3. Yếu tố thời gian nằm trong tay từng người chí nguyện, và suy rộng ra, có lẽ nằm trong tay '*nhóm* chí nguyện'.

4. The Master lists several ways that the individual can retard the group: inability to see, personal glamors, individual problems and slow reactions to the known truth. We see a collection of faults relating to blindness, bondage, self-interest and inertia.

4. Chân sư liệt kê một số cách mà cá nhân có thể làm nhóm chậm tiến: không thể thấy, những ảo cảm cá nhân, những vấn đề riêng và sự đáp ứng chậm chạp với chân lý đã biết. Chúng ta thấy một tập hợp những khuyết điểm liên quan đến sự mù quáng, trói buộc, tư lợi và tính trì trệ.

5. In the process of preparing for group initiation, there is considerable "peer pressure".

5. Trong tiến trình chuẩn bị cho điểm đạo nhóm, có một "áp lực từ những người đồng đẳng" đáng kể.

The third thing that I want to say is that whatever your particular status on the Path at this time, I shall seek to help you as in the past. I shall speak the truth as I see it from my particular vantage point. Upon your blindness in certain directions, I shall seek to throw a light. I shall point out your weaknesses — if I can get your sincere attention. These weaknesses exist. You are not yet initiate, and you have faults, limitations, points of darkness and much inertia and at the same time self-satisfaction. The tendency to self-defence is strong in some of you and this produces an unwillingness to recognise faults or even to admit, hypothetically, that faults may be present. The tendency to self-depreciation is strong in others and it produces that over-emphasis of the personality and that constant thought about the personality which is so detrimental to real progress. In these tendencies (which are so usual) there lies real danger for the would-be initiate. I warn you to watch for the indications of these conditions and to assume an attitude of willingness to listen and to admit the possibility of failure in the one case and of self-forgetfulness in the other. Look yourselves and life squarely in the face and fearlessly see things as they are in truth. Do this not because it is I who am suggesting to you that a situation may be thus or so but because you are willing to face up to facts and are ready for unexpected discoveries about yourselves. One of the first lessons which a disciple needs to learn is that where he thinks he is strongest and where he finds the most satisfaction is very frequently the point of greatest danger and of weakness. Astral conditions are oft seen reversed; hence the glamour which often overcomes a disciple.

Điều thứ ba Tôi muốn nói là dù hiện nay vị trí cụ thể của các bạn trên Đường Đạo là gì, Tôi vẫn sẽ tìm cách giúp đỡ các bạn như trước đây. Tôi sẽ nói lên chân lý như Tôi thấy từ góc nhìn riêng của mình. Tôi sẽ tìm cách soi sáng những phương diện mà các bạn còn mù quáng. Tôi sẽ chỉ ra những yếu kém của các bạn — nếu Tôi có thể có được sự chú tâm chân thành của các bạn. Những yếu kém này hiện hữu. Các bạn chưa là điểm đạo đồ, và các bạn có những khuyết điểm, giới hạn, những điểm tối, nhiều tính trì trệ, đồng thời cả sự tự mãn. Khuynh hướng tự biện hộ rất mạnh ở một số người trong các bạn, khiến họ không sẵn lòng nhận ra khuyết điểm, hay thậm chí thừa nhận như một giả thuyết rằng khuyết điểm có thể hiện hữu. Ở những người khác, khuynh hướng tự hạ thấp mình rất mạnh, và nó tạo ra sự quá nhấn mạnh vào phàm ngã cùng việc không ngừng nghĩ về phàm ngã, vốn rất có hại cho sự tiến bộ thực sự. Chính trong những khuynh hướng này (vốn rất thông thường) có mối nguy thực sự đối với người mong trở thành điểm đạo đồ. Tôi cảnh báo các bạn hãy để ý những dấu hiệu của các tình trạng này, và trong trường hợp thứ nhất, hãy có thái độ sẵn lòng lắng nghe và thừa nhận khả năng thất bại; trong trường hợp thứ hai, hãy có thái độ quên mình. Hãy thẳng thắn đối diện với chính mình và cuộc sống, và không sợ hãi nhìn mọi sự đúng như thực trạng. Hãy làm điều này không phải vì chính Tôi đang gợi ý với các bạn rằng tình trạng có thể là thế này hay thế khác, mà vì các bạn sẵn lòng đối diện với sự thật và sẵn sàng đón nhận những khám phá bất ngờ về chính mình. Một trong những bài học đầu tiên mà một đệ tử cần học là nơi y nghĩ mình mạnh nhất và nơi y thấy mãn nguyện nhất rất thường chính là điểm nguy hiểm nhất và yếu kém nhất. Những tình trạng cảm dục thường được nhìn thấy theo cách đảo ngược; do đó có ảo cảm thường chế

ngự một đệ tử.

1. Master DK assures His chelas of His continuing helpfulness. But He explains ever more clearly the mode and manner of that helpfulness.

1. Chân sư DK bảo đảm với các đệ tử của Ngài rằng Ngài sẽ tiếp tục giúp đỡ họ. Nhưng Ngài giải thích ngày càng rõ hơn phương thức và cách thức giúp đỡ ấy.

2. The Master does not say He shall speak the absolute truth as it is, but only the truth as seen from His "particular vantage point". He knows that in His disciples there are areas of blindness and weakness of which they are unaware. It is His task to make there aware, which is not easy. There is much in the human psyche which wishes to avoid looking at such areas; He needs their sincere attention.

2. Chân sư không nói Ngài sẽ trình bày chân lý tuyệt đối đúng như thực trạng, mà chỉ là chân lý được nhìn từ "góc nhìn riêng" của Ngài. Ngài biết rằng nơi các đệ tử của Ngài có những vùng mù quáng và yếu kém mà họ không nhận biết. Nhiệm vụ của Ngài là giúp họ nhận biết, một việc không dễ dàng. Trong tâm lý con người có nhiều điều muốn tránh nhìn vào những vùng như thế; Ngài cần sự chú tâm chân thành của họ.

3. The Master points to the fact that these disciples are "not yet initiate". This means (perhaps with the exception of one or two) that they have not yet taken the *third* initiation. All of them but one are probationary initiates of either the first or second degree.

3. Chân sư chỉ ra sự thật rằng những đệ tử này "chưa là điểm đạo đồ". Điều này có nghĩa là (có lẽ ngoại trừ một hoặc hai người) họ chưa trải qua lần điểm đạo *thứ ba* . Ngoại trừ một người, tất cả họ đều là những điểm đạo đồ dự bị ở cấp độ thứ nhất hoặc thứ hai.

4. The faults are fairly numerous and include self-satisfaction and inertia. We can see why Master DK would have to break these if His disciples (and the groups-of-nine as a whole) are to make progress.

4. Các khuyết điểm khá nhiều, bao gồm sự tự mãn và tính trì trệ. Chúng ta có thể thấy vì sao Chân sư DK phải phá bỏ những điều này nếu các đệ tử của Ngài (và toàn thể các nhóm chín người) muốn tiến bộ.

5. Other liabilities (self-defense and self-depreciation) are cited. The first of these correlates, perhaps, with the hard line rays and the second with rays on the soft line. Either, however, is undesirable and the maintenance of either or both attitudes signal that the disciple is more invested in himself/herself than in the Divine Plan and its manifestation.

5. Những trở ngại khác (tự biện hộ và tự hạ thấp mình) cũng được nêu ra. Có lẽ khuynh hướng thứ nhất tương ứng với các cung thuộc tuyến cứng, còn khuynh hướng thứ hai với các cung thuộc tuyến mềm. Tuy nhiên, cả hai đều không đáng mong muốn, và việc duy trì một hoặc cả hai thái độ cho thấy người đệ tử quan tâm đến bản thân nhiều hơn đến Thiên Cơ và sự biểu hiện của Thiên Cơ.

6. In these paragraphs, DK is alerting His disciples to the fact that He is preparing them for group initiation. The two tendencies just mentioned are dangers for the would-be initiate (and these tendencies are quite common). Why are they dangers? Essentially, the initiate is self-forgetful (not self-oblivious or self-engrossed). Without self-forgetfulness and the objective handling of the instrument, the greater energies released at initiation cannot be received and distributed properly. If released into an instrument beset by these attitudes, the initiatory energies would only worsen personality reactivity.

6. Trong những đoạn này, Chân sư DK đang lưu ý các đệ tử của Ngài rằng Ngài đang chuẩn bị họ cho điểm đạo nhóm. Hai khuynh hướng vừa đề cập là những mối nguy đối với người mong trở thành điểm đạo đồ (và những khuynh hướng này khá phổ biến). Vì sao chúng là những mối nguy? Về căn bản, điểm đạo đồ biết quên mình (không phải không nhận biết bản thân hay mải mê với bản thân). Nếu thiếu sự quên mình và cách sử dụng công cụ một cách khách quan, những năng lượng lớn lao hơn được giải phóng khi điểm đạo sẽ không thể được tiếp nhận và phân phối đúng đắn. Nếu được giải phóng vào một công cụ bị những thái độ này vây hãm, các năng lượng điểm đạo chỉ làm trầm trọng thêm tính phản ứng của phàm ngã.

7. DK looks for two different attitudes which seem reasonable enough: a willingness to listen (to the Master!) and to admit the possibility of failure, and a willingness to be self-forgetful. The Master's insight is rare and extremely useful to the *sincere* disciple. If the disciple is overly-identified with the personality, he/she has a vested interest to protect. Disciples are mostly unconscious of such attitudes.

7. Chân sư DK mong có hai thái độ khác nhau, dường như đều khá hợp lý: sẵn lòng lắng nghe (Chân sư!) và thừa nhận khả năng thất bại, cùng với sẵn lòng quên mình. Sự thấu suốt của Chân sư là hiếm có và cực kỳ hữu ích đối với người đệ tử *chân thành* . Nếu người đệ tử đồng hoá quá mức với phàm ngã, người ấy có một quyền lợi riêng cần bảo vệ. Phần lớn các đệ tử không ý thức được những thái độ như thế.

8. Considerable courage is required of the disciple who would be a true chela. A fearless facing of the self is perhaps not so common. Socrates emphasized this trend when he asked that people "know thyself". For that insistence, he was killed as a corrupter of the morals of society and of the Athenian youth!

8. Người đệ tử muốn trở thành một đệ tử chân chính cần có lòng can đảm đáng kể. Việc không sợ hãi đối diện với chính mình có lẽ không phổ biến lắm. Socrates đã nhấn mạnh chiều hướng này khi ông yêu cầu mọi người "hãy biết chính mình". Vì sự khẳng định ấy, ông đã bị xử tử với tội danh làm băng hoại đạo đức xã hội và thanh niên Athens!

9. The Master plays many roles. Here He is assisting the working of the planet Pluto which brings many unsuspected conditions

9. Chân sư đảm nhiệm nhiều vai trò. Ở đây, Ngài đang hỗ trợ hoạt động của Sao Diêm Vương, hành tinh đưa nhiều tình trạng chưa

to the surface, there to be discovered.

10. Really, Saturn and Pluto are involved in the requirements here presented. In a Saturnian manner, chelas have to face up to the facts about themselves, and often these are *hidden* facts, revealed by Pluto.

11. A very important principle is here enunciated and one which all of us should take to heart through careful examination:

"One of the first lessons which a disciple needs to learn is that where he thinks he is strongest and where he finds the most satisfaction is very frequently the point of greatest danger and of weakness".

If this is true, it will catch many of us by surprise, because in such areas of presumed strength, we do not imagine that weaknesses may lurk. But our vices, we are told, may simply be exaggerations of our strengths. Vice appears when the balance is lost.

12. DK calls our attention to the 'astral reversal'. It is always an *unsuspected factor* and subtly admits glamor.

13. It would be good practice to name one of our supposed strengths, perhaps one in which we even have a tinge of pride, and then to see if within that apparent strength a weakness is lurking. This would require acute self-observation.

In this connection, my brothers, I will admit

từng được ngờ tới lên bề mặt để chúng được khám phá.

10. Thực ra, Sao Thổ và Sao Diêm Vương đều liên quan đến những yêu cầu được trình bày ở đây. Theo cách thức của Sao Thổ, các đệ tử phải đối diện với những sự thật về bản thân, và thường đó là những sự thật *ẩn giấu* mà Sao Diêm Vương làm hiển lộ.

11. Ở đây, một nguyên khí rất quan trọng được nêu ra, và tất cả chúng ta nên suy xét cẩn thận để ghi khắc trong lòng:

"Một trong những bài học đầu tiên mà một đệ tử cần học là nơi y nghĩ mình mạnh nhất và nơi y cảm thấy mãn nguyện nhất rất thường lại chính là điểm nguy hiểm nhất và yếu kém nhất".

Nếu điều này đúng, nhiều người trong chúng ta sẽ bất ngờ, vì trong những lĩnh vực được cho là thế mạnh ấy, chúng ta không hình dung rằng những điểm yếu có thể ẩn nấp. Nhưng chúng ta được cho biết rằng những tật xấu của mình có thể chỉ là những điểm mạnh bị đẩy đến mức thái quá. Tật xấu xuất hiện khi sự cân bằng mất đi.

12. Chân sư DK lưu ý chúng ta đến 'sự đảo ngược cảm dục'. Đó luôn là một *yếu tố không ai ngờ tới* và âm thầm mở đường cho ảo cảm xâm nhập.

13. Một cách thực hành tốt là gọi tên một trong những điểm mạnh mà chúng ta cho rằng mình có, có lẽ là một điểm mạnh khiến chúng ta thậm chí có chút tự hào, rồi xem liệu bên trong điểm mạnh bề ngoài ấy có một điểm yếu đang ẩn nấp hay không. Điều này đòi hỏi khả năng tự quan sát tinh nhạy.

Về điều này, các huynh đệ của Tôi, Tôi sẽ kể

you into a piece of personal history and one which is quite ordinary in the life of a disciple. It may serve to carry its lesson and its warning. Several lives ago, my Master saw in me a weakness. It was one of which I was quite unaware and it was in fact a quality which I regarded as a strength and which I hugged to myself as a virtue. I was then a young man, anxious to help my Master and humanity but, in the last analysis, I was very keen about myself as an aspirant and very pleased with myself — cloaking this satisfaction under the garb of a reiterated humility. The Master poured into me His strength and energy and so stimulated me that what I thought was a virtue and what I had denied and repudiated as a vice, proved my undoing. I symbolically crashed to earth through the very weight of my weakness. You might well ask what this weakness was? It was my love for my Master which was my undoing. He pointed out to me after the failure that my love for Him was in reality based upon pride in myself and a profound satisfaction with myself as an aspirant and a disciple. This I violently denied and was grieved that He should so misunderstand me. I proved Him to be right, eventually, through a life of failure and the depth of my egotism. I learnt through that failure but I lost much time from the standpoint of useful service. I found that I was really serving myself and not humanity. From similar mistakes, I seek to save you, for time is a great factor in service. For the masses of humanity, time is not of very great importance; but for the servers of the race, it matters much. Lose not time, therefore, in undue self-analysis, self-depreciation or self-defence. Go forward with discrimination where your unfoldment is concerned, and with love and understanding where your group is

cho các bạn một phần chuyện đời riêng, một chuyện khá bình thường trong đời sống của một đệ tử. Câu chuyện ấy có thể mang đến bài học và lời cảnh báo. Cách đây vài kiếp, Chân sư của Tôi nhận thấy nơi Tôi một điểm yếu. Tôi hoàn toàn không biết đến điểm yếu ấy; thực ra, đó là một phẩm tính mà Tôi xem là điểm mạnh và ôm giữ như một đức hạnh. Khi ấy, Tôi là một thanh niên, tha thiết giúp đỡ Chân sư của Tôi và nhân loại, nhưng xét cho cùng, Tôi rất coi trọng bản thân với tư cách một người chí nguyện và rất hài lòng về mình — che đậy sự hài lòng ấy dưới lớp áo khiêm nhường được nhắc đi nhắc lại. Chân sư tuôn đổ sức mạnh và năng lượng của Ngài vào Tôi, kích thích Tôi đến mức điều Tôi tưởng là một đức hạnh, điều mà Tôi đã phủ nhận và bác bỏ khi bị xem là một tật xấu, lại trở thành nguyên nhân khiến Tôi suy sụp. Theo nghĩa biểu tượng, Tôi đã rơi xuống đất dưới chính sức nặng của điểm yếu nơi mình. Hẳn các bạn có thể hỏi điểm yếu ấy là gì? Chính tình thương Tôi dành cho Chân sư đã khiến Tôi suy sụp. Sau thất bại ấy, Ngài chỉ cho Tôi thấy rằng tình thương Tôi dành cho Ngài thực ra dựa trên lòng tự hào về bản thân và sự mãn nguyện sâu sắc về mình với tư cách một người chí nguyện và một đệ tử. Tôi kịch liệt phủ nhận điều này và đau buồn vì Ngài lại hiểu lầm Tôi đến thế. Cuối cùng, qua một kiếp sống thất bại và lòng vị ngã sâu nặng của mình, Tôi đã chứng tỏ rằng Ngài đúng. Tôi đã học được từ thất bại ấy, nhưng xét về sự phụng sự hữu ích, Tôi đã mất nhiều thời gian. Tôi nhận thấy rằng thực ra Tôi đang phụng sự chính mình chứ không phải nhân loại. Tôi tìm cách giúp các bạn tránh những sai lầm tương tự, vì thời gian là một yếu tố quan trọng trong phụng sự. Đối với quần chúng nhân loại, thời gian không quá quan trọng; nhưng đối với những người phụng sự nhân loại, thời gian có ý nghĩa rất lớn. Vì vậy, đừng lãng phí thời gian vào việc

concerned. Where I, your teacher, am concerned, give to my words the attention which is due and endeavour to cooperate with me. I shall then some day have the joy of welcoming you to the "Secret Place " where all true servers and initiates must eventually meet and unite.

tự phân tích quá mức, tự hạ thấp hay tự biện hộ. Hãy tiến bước với sự phân biện khi xét đến sự khai mở của chính mình, và với tình thương cùng sự thấu hiểu khi xét đến nhóm của các bạn. Đối với Tôi, huấn sư của các bạn, hãy dành cho lời Tôi sự chú ý thích đáng và cố gắng hợp tác với Tôi. Khi ấy, một ngày nào đó, Tôi sẽ có sự hoan hỉ được đón các bạn vào "Chốn Bí Mật ", nơi cuối cùng tất cả những người phụng sự chân chính và các điểm đạo đồ đều phải gặp gỡ và hợp nhất.

1. The Master shares a bit of personal history. We can see that He is trying very hard to help His chelas avoid the consequences of their limiting personality tendencies (should these tendencies remain unconscious or unchecked).

1. Chân sư chia sẻ một phần chuyện đời riêng. Chúng ta có thể thấy Ngài đang hết sức cố gắng giúp các đệ tử của Ngài tránh những hậu quả do các khuynh hướng phàm ngã gây giới hạn nơi họ mang lại (nếu những khuynh hướng ấy vẫn nằm ngoài nhận biết hoặc không được kiềm chế).

2. DK speaks of a time in His evolutionary history which took place "several lives ago". This can mean perhaps three to five lives ago.

2. Chân sư DK nói về một thời điểm trong lịch sử tiến hoá của Ngài, diễn ra "cách đây vài kiếp". Điều này có lẽ có nghĩa là cách đây từ ba đến năm kiếp.

3. Master DK's Master, let us remember, is Master KH.

3. Chân sư của Chân sư DK, chúng ta hãy nhớ, là Chân sư KH.

4. It seems the task of all Masters to point out weaknesses in Their chelas. Master DK has been doing this and discusses how He would continue to do so. He is now demonstrating how this was done for Him some time ago during an earlier phase in His development.

4. Dường như nhiệm vụ của tất cả các Chân sư là chỉ ra những điểm yếu nơi các đệ tử của Các Ngài. Chân sư DK đã và đang làm điều này, đồng thời bàn về cách Ngài sẽ tiếp tục làm như vậy. Giờ đây, Ngài đang minh hoạ cách người ta từng làm điều này cho Ngài vào một thời gian trước, trong một giai đoạn phát triển trước đây của Ngài.

5. Master DK had a weakness. His Master pointed it out, but DK could not see the weakness; in fact, he regarded it as a strength!

5. Chân sư DK từng có một điểm yếu. Chân sư của Ngài đã chỉ ra điều đó, nhưng Chân sư DK không thấy được điểm yếu ấy; thực ra, Ngài còn xem đó là một điểm mạnh!

6. There is a hint when He says that He

6. Có một gợi ý khi Ngài nói rằng Ngài xem

regarded the indicated quality "as a strength which I hugged to myself as a virtue". This 'hugging to oneself' is a subtle form of self-emphasis and self-reinforcement. It demonstrates that the consciousness of the personal ego is still very strong and that the "eyes are not off the little self".

phẩm tính được chỉ ra ấy "là một điểm mạnh mà Tôi ôm giữ như một đức hạnh". Việc 'ôm giữ cho riêng mình' này là một hình thức tinh vi của việc đề cao và củng cố bản thân. Nó cho thấy tâm thức phàm ngã vẫn còn rất mạnh và "đôi mắt vẫn chưa rời khỏi cái tôi nhỏ bé".

7. The Master says that at that time he was a "young man". This, perhaps, tells us something of His initiatory status. He does not say that He was a "rich young man". Rather He seems to indicate that He stood then where many of His disciples stand now.

7. Chân sư nói rằng vào thời điểm ấy, Ngài là một "thanh niên". Có lẽ điều này cho chúng ta biết đôi điều về cấp bậc điểm đạo của Ngài. Ngài không nói rằng Ngài là một "thanh niên giàu có". Đúng hơn, dường như Ngài muốn nói rằng khi ấy Ngài ở vào vị trí mà nhiều đệ tử của Ngài hiện đang đứng.

8. Earlier the Tibetan pointed out that amongst His disciples there was much self-satisfaction. Now He is telling a story about a time in which He was truly self-satisfied — keen about himself, pleased with himself and disguising these attitudes from himself by insisting on his humility.

8. Trước đó, Chân sư Tây Tạng đã chỉ ra rằng trong số các đệ tử của Ngài có nhiều sự tự mãn. Giờ đây, Ngài đang kể một câu chuyện về thời điểm Ngài thực sự tự mãn — coi trọng bản thân, hài lòng về mình và che giấu những thái độ ấy với chính mình bằng cách khăng khăng khẳng định sự khiêm nhường của mình.

9. It appears His Master, KH, moved to demonstrate the truth of what He had brought to DK's attention, for He poured strength and energy into Him revealing the true nature of the indicated vice — pride and self-satisfaction instead of a true humility.

9. Dường như Chân sư của Ngài, Chân sư KH, đã hành động để chứng minh sự thật của điều Ngài đã lưu ý cho Chân sư DK, vì Ngài tuôn đổ sức mạnh và năng lượng vào Chân sư DK, làm lộ rõ bản chất thực sự của tật xấu đã được chỉ ra — lòng kiêu hãnh và sự tự mãn thay vì sự khiêm nhường chân thật.

10. DK reveals the indicated quality almost as a surprise: it was his love for His Master. But was it a real love, or was it "pride in myself and a profound satisfaction with myself as an aspirant and a disciple"? We learn that it was very difficult for DK to see His Master's point of view and that He protested "violently" when KH offered that point of view. DK was aggrieved that He should be so misunderstood by One He so

10. Chân sư DK tiết lộ phẩm tính được chỉ ra ấy gần như một điều bất ngờ: đó là tình thương Ngài dành cho Chân sư của mình. Nhưng đó có phải là tình thương chân thật, hay là "lòng tự hào về bản thân và sự mãn nguyện sâu sắc về mình với tư cách một người chí nguyện và một đệ tử"? Chúng ta biết rằng Chân sư DK rất khó nhìn nhận quan điểm của Chân sư mình và Ngài đã phản đối "kịch liệt" khi Chân sư KH nêu ra

loved — i. e. , by His Master.

quan điểm ấy. Chân sư DK đau buồn vì một Đấng mà Ngài hết lòng yêu thương lại hiểu lầm Ngài đến thế — nghĩa là chính Chân sư của Ngài.

11. We see that His situation was very close to the situation of some in His present group. It is a cautionary tale revealed to those standing on the periphery of His Ashram. Surely, in ourselves, we can find some of the same qualities, or at least, pride and self-satisfaction hiding behind an apparent humility.

11. Chúng ta thấy rằng hoàn cảnh của Ngài rất gần với hoàn cảnh của một số người trong nhóm hiện tại của Ngài. Đây là một câu chuyện cảnh tỉnh được kể cho những người đang đứng ở ngoại vi ashram của Ngài. Chắc chắn, trong chính mình, chúng ta có thể tìm thấy một vài phẩm tính tương tự, hoặc ít nhất là lòng kiêu hãnh và sự tự mãn ẩn sau vẻ khiêm nhường bề ngoài.

12. The eventual results, Master DK recounts, were spiritually dire. The life referenced proved to be a "life of failure" and the cause was the "depth of [His] egotism". This is a very frank confession and should be pondered.

12. Chân sư DK kể lại rằng những kết quả cuối cùng rất nghiêm trọng về mặt tinh thần. Kiếp sống được nhắc đến ấy hoá ra là một "kiếp sống thất bại" và nguyên nhân là "lòng vị ngã sâu nặng [của Ngài]". Đây là một lời thú nhận rất thẳng thắn và cần được suy ngẫm.

13. Master DK has shared deeply. His main reason for doing so is to save His present disciples from similar mistakes. Though He learnt much through the painful lesson, He lost much time in service and He seeks that a similar loss not befall His chelas. Unfortunately, for some of them, a similar loss was later to occur, for various reasons in the case of each disciple.

13. Chân sư DK đã chia sẻ những điều sâu kín. Lý do chính khiến Ngài làm vậy là để giúp các đệ tử hiện tại tránh những sai lầm tương tự. Dù đã học được nhiều điều qua bài học đau đớn ấy, Ngài đã mất nhiều thời gian phụng sự và muốn các đệ tử của mình tránh một sự mất mát tương tự. Đáng tiếc là về sau, một số người trong họ vẫn chịu sự mất mát tương tự, vì những lý do khác nhau trong trường hợp của từng đệ tử.

14. The Master focusses on the importance of time. Time matters much for disciples — much more than for the masses of people.

14. Chân sư tập trung vào tầm quan trọng của thời gian. Thời gian có ý nghĩa rất lớn đối với các đệ tử — lớn hơn nhiều so với đối với quần chúng.

15. The bottom line is that the usual modes of self-analysis, and the attitudes of self-defense and self-depreciation are *wastes of time*. DK wants His chelas to drop these self-

15. Điểm cốt yếu là những cách tự phân tích thông thường cùng các thái độ tự biện hộ và tự hạ thấp đều *lãng phí thời gian*. Chân sư DK muốn các đệ tử của Ngài từ bỏ những cách

defeating approaches simply for that reason.

16. DK wants His disciples to move forward and there is a particular, correct way of doing so. With respect to themselves, they are to move forward "with discrimination". The factor of a keen, discriminating intelligence is to be applied to their own process. They are to discriminate between lines of activity which are worthy of a disciple and useful and those which are not.

17. With respect to their group, the disciples are to move forward with love and understanding; discriminative analysis is for the individual disciple to apply to himself/herself as prompted by his/her soul. In all this advice we can see the Master attempting to induce and establish in His chelas a healthy and goal-fit attitude. All of this instruction, we remember, is occurring during the onset of the Second World War.

18. DK asks for due attention to His words and for cooperation. He seems to link such attention and cooperation with a future time of achievement when He will have the "joy" of welcoming His chelas into the "Secret Place " as true servers and initiates.

19. That "Secret Place" may relate to the "chamber of initiation", but also to a state of being which is characteristic of the Hierarchy.

20. We note that it will be the Master's "joy" to welcome them. The greatest joy of all teachers is to see their students succeed.

tiếp cận tự gây trở ngại ấy chỉ vì lý do đó.

16. Chân sư DK muốn các đệ tử của Ngài tiến bước, và có một cách cụ thể, đúng đắn để làm điều ấy. Đối với chính mình, họ phải tiến bước "với sự phân biện". Họ cần vận dụng trí thông minh sắc bén, có khả năng phân biện vào tiến trình của chính mình. Họ phải phân biện giữa những hướng hoạt động xứng đáng với một đệ tử và hữu ích với những hướng hoạt động không có các phẩm tính ấy.

17. Đối với nhóm của mình, các đệ tử phải tiến bước với tình thương và sự thấu hiểu; việc phân tích có phân biện là điều mỗi đệ tử cần áp dụng cho chính mình theo sự thôi thúc của linh hồn mình. Trong tất cả những lời khuyên này, chúng ta có thể thấy Chân sư đang cố gắng khơi dậy và thiết lập nơi các đệ tử của Ngài một thái độ lành mạnh, phù hợp với mục tiêu. Chúng ta hãy nhớ rằng tất cả những lời huấn thị này được đưa ra vào thời kỳ đầu của Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

18. Chân sư DK yêu cầu sự chú ý thích đáng đối với lời Ngài và sự hợp tác. Dường như Ngài liên kết sự chú ý và hợp tác ấy với một thời điểm thành tựu trong tương lai, khi Ngài sẽ có "sự hoan hỉ" được đón các đệ tử của Ngài vào "Chốn Bí Mật " với tư cách những người phụng sự chân chính và các điểm đạo đồ.

19. "Chốn Bí Mật" ấy có thể liên quan đến "điện điểm đạo", nhưng cũng liên quan đến một trạng thái hiện tồn đặc trưng của Thánh đoàn.

20. Chúng ta lưu ý rằng việc đón tiếp họ sẽ là niềm "hoan hỉ" của Chân sư. Niềm hoan hỉ lớn nhất của mọi huấn sư là thấy các môn sinh của mình thành công.

21. The Master's words are so clear, rational and full of incentive that one wonders how they could be resisted. Consciously, they probably were not resisted, but it is the unconscious factors within every one of us which throw up the resistance, and of such resistance we must be made aware. Otherwise, we will resist and not realize that we are resisting, and our possibilities for progress will be greatly reduced.

21. Lời của Chân sư rõ ràng, hợp lý và đầy sức khích lệ đến mức người ta tự hỏi làm sao lại có thể cưỡng lại những lời ấy. Có lẽ họ không chủ ý cưỡng lại, nhưng chính những yếu tố vô thức bên trong mỗi người chúng ta làm nảy sinh sự kháng cự, và chúng ta phải nhận biết sự kháng cự ấy. Nếu không, chúng ta sẽ kháng cự mà không nhận ra mình đang kháng cự, và khả năng tiến bộ của chúng ta sẽ giảm đi rất nhiều.

I have revealed to you, my disciples, my true name. The necessity for eradicating all reason for the speculative questioning of some of you as to my identity and of spurring others of you on to renewed and consecrated effort are two of my reasons for relinquishing my anonymity. Another reason is that I would have you recognise the fact that you are accepted disciples with all that that status necessarily implies of responsibility and opportunity. Still another deciding factor with me is to test out your ability to keep silent until it is no longer necessary to do so. Silence is one of the prime prerequisites for initiation and something which every disciple must perforce learn. There is, therefore, the necessity for the test. Many of [79] you are already interiorly convinced of my identity. You have not voiced your belief in this connection except to A. A. B. who has not responded with any corroborating evidence or comments. If you cannot be trusted to keep silence and to preserve a detached and independent attitude, then you are not ready for that which I have to give and the sooner we discover this the better. If you are unable to retain a silent tongue — even among yourselves — then you are unfit to be trusted and that I should dislike to believe.

Các đệ tử của Tôi, Tôi đã tiết lộ cho các bạn tên thật của Tôi. Hai lý do khiến Tôi từ bỏ sự ẩn danh là nhu cầu loại bỏ mọi nguyên do dẫn đến những câu hỏi suy đoán của một số bạn về danh tính của Tôi, và thúc đẩy những bạn khác đổi mới nỗ lực trong tinh thần thánh hiến. Một lý do khác là Tôi muốn các bạn nhận ra sự thật rằng các bạn là những đệ tử được chấp nhận, cùng với tất cả trách nhiệm và cơ hội mà địa vị ấy tất yếu bao hàm. Một yếu tố quyết định nữa đối với Tôi là thử thách khả năng giữ im lặng của các bạn cho đến khi không còn cần phải làm vậy. Im lặng là một trong những điều kiện tiên quyết hàng đầu cho điểm đạo và là điều mà mọi đệ tử nhất thiết phải học. Vì vậy, thử thách này là cần thiết. Nhiều người trong [79] số các bạn đã có sự xác tín nội tâm về danh tính của Tôi. Các bạn chưa bày tỏ niềm tin ấy với ai ngoài A. A. B., và Bà không đáp lại bằng bất kỳ bằng chứng xác nhận hay lời bình luận nào. Nếu các bạn không đáng tin cậy trong việc giữ im lặng và duy trì một thái độ tách rời, độc lập, thì các bạn chưa sẵn sàng đón nhận điều Tôi phải trao, và chúng ta càng sớm phát hiện điều này càng tốt. Nếu các bạn không thể giữ kín lời — ngay cả giữa các bạn với nhau — thì các bạn chưa xứng đáng để được tin cậy, và Tôi không muốn tin điều ấy.

1. In the year 1939, Master DK revealed His

1. Vào năm 1939, Chân sư DK tiết lộ "tên

"true name" to those disciples who were to continue with Him in the New Seed Group experiment. Master DK goes by a number of names, and the name Djwhal Khul is a composite name containing hints for those who are alert. It is certainly not His only name, and was almost certainly not the name by which He was known in Tibet and Northern India.

thật" của Ngài cho những đệ tử sẽ tiếp tục cùng Ngài trong cuộc thử nghiệm Nhóm Hạt Giống Mới. Chân sư DK được biết đến dưới nhiều tên gọi, và tên Djwhal Khul là một tên ghép chứa những gợi ý dành cho người tinh ý. Đó chắc chắn không phải tên duy nhất của Ngài, và gần như chắc chắn không phải tên mà người ta dùng để biết đến Ngài ở Tây Tạng và miền Bắc Ấn Độ.

2. There had been much speculation as to the real identity of the initiate teaching through AAB. This "speculative questioning" was becoming a distraction and needed to be eliminated.

2. Đã có nhiều suy đoán về danh tính thực sự của vị điểm đạo đồ giảng dạy thông qua AAB. Những "câu hỏi suy đoán" này đang gây phân tâm và cần được loại bỏ.

3. Another reason for the revelation was the incentive to "renewed and consecrated effort" which the revelation would obviously bring to some.

3. Một lý do khác cho sự tiết lộ này là sự khích lệ hướng đến "nỗ lực được đổi mới trong tinh thần thánh hiến" mà sự tiết lộ ấy rõ ràng sẽ mang đến cho một số người.

4. Another reason is that those preparing to enter the New Seed Group were considered as "accepted disciples". Accepted disciples are to know the Master by Whom they are accepted. The revelation of the DK's "true name" establishes the fact of the accepted discipleship of the remaining chelas.

4. Một lý do khác là những người đang chuẩn bị gia nhập Nhóm Hạt Giống Mới được xem là "những đệ tử được chấp nhận". Những đệ tử được chấp nhận cần biết Chân sư đã chấp nhận họ. Việc Chân sư DK tiết lộ "tên thật" xác lập sự thật rằng những đệ tử còn lại đã đạt địa vị đệ tử được chấp nhận.

5. Still another reason for the revelation is to serve as a "test" of the disciples' ability to keep silence. "Silence is one of the prime prerequisites for initiation", we are told. Why should this be so? The secrets of initiation cannot be shared indiscriminately or irresponsibly. They come as a special charge to the one initiated, and can only be communicated by the initiator. So often the breaking of silence is an egotistic act, a calling attention to oneself and to one's special knowledge or status. This is plainly not allowed.

5. Một lý do nữa cho sự tiết lộ này là để làm một "thử thách" đối với khả năng giữ im lặng của các đệ tử. "Im lặng là một trong những điều kiện tiên quyết hàng đầu cho điểm đạo", chúng ta được cho biết như vậy. Vì sao lại như thế? Những bí mật của điểm đạo không thể được chia sẻ một cách tuỳ tiện hay vô trách nhiệm. Đó là một sự uỷ thác đặc biệt dành cho người được điểm đạo, và chỉ Đấng Điểm đạo mới có thể truyền đạt những bí mật ấy. Rất thường, việc phá vỡ sự im lặng là một hành động vị ngã, nhằm thu hút sự chú ý đến bản thân và tri thức hay địa vị đặc biệt của mình. Điều này rõ ràng không được

phép.

6. The test of silence, in this case, is not only considered desirable but *necessary*. Master DK is seeing which of His chelas can truly be trusted.

6. Trong trường hợp này, thử thách về sự im lặng không chỉ được xem là đáng mong muốn mà còn *cần thiết*. Chân sư DK đang xem ai trong số các đệ tử của Ngài thực sự đáng tin cậy.

7. The Master continues to give the necessity for silence considerable emphasis, indicating its importance.

7. Chân sư tiếp tục nhấn mạnh đáng kể sự cần thiết phải giữ im lặng, cho thấy tầm quan trọng của điều ấy.

8. A further test relates to the degree of His chela's detachment and independence. The revelation of the Master's true name could promote in some, attachment and dependency. These tendencies, also, would be unsuitable for those in training for group initiation.

8. Một thử thách nữa liên quan đến mức độ tách rời và độc lập của đệ tử Ngài. Việc tiết lộ tên thật của Chân sư có thể thúc đẩy sự quyến luyến và lệ thuộc nơi một số người. Những khuynh hướng này cũng không phù hợp với những người đang được huấn luyện cho điểm đạo nhóm.

If, when you have discovered who I am, you question the wisdom of my decision to reveal myself to you and hold that I should have withheld my identity, then that too will be revealing and will guide me in all my future approaches to you. If knowledge of who I am leads you into the dangerous path of the devotee, it will be good for you to discover that tendency within yourself; if you henceforth over-emphasise the importance of my words and if you fall into the dangerous habit of accepting authority, your weakness will stand revealed to me, to yourself, and to your group brothers. We shall all profit thereby. You will have discovered an innate weakness which discovery of my identity will have drawn forth; if you are burdened by the knowledge, then you must learn to carry burdens or else you will be of no use as a world server. The fact that I am a Master alters me not. I am still your Tibetan Teacher and the same Instructor who has taught you for many

Nếu sau khi biết Tôi là ai, các bạn nghi ngờ tính minh triết trong quyết định của Tôi khi tiết lộ mình với các bạn và cho rằng Tôi lẽ ra nên giữ kín danh tính, thì điều ấy cũng sẽ bộc lộ nhiều điều và định hướng mọi cách Tôi tiếp cận các bạn trong tương lai. Nếu việc biết Tôi là ai dẫn các bạn vào con đường nguy hiểm của người sùng tín, thì việc phát hiện khuynh hướng ấy trong chính mình sẽ có ích cho các bạn; nếu từ nay các bạn quá đề cao tầm quan trọng của lời Tôi và rơi vào thói quen nguy hiểm là chấp nhận uy quyền, thì điểm yếu của các bạn sẽ hiển lộ trước Tôi, trước chính các bạn và trước các huynh đệ trong nhóm. Tất cả chúng ta đều sẽ được lợi từ đó. Các bạn sẽ phát hiện một điểm yếu cố hữu mà việc biết danh tính của Tôi đã khơi lộ; nếu hiểu biết ấy trở thành gánh nặng cho các bạn, thì các bạn phải học cách mang gánh nặng, nếu không, các bạn sẽ chẳng có ích gì với tư cách một Người Phụng Sự Thế Gian. Sự thật rằng Tôi là một Chân sư không làm Tôi thay đổi. Tôi vẫn là Huấn sư Tây

years. I remain the same individual and am in no wise different. Any reaction upon your part will be a personality reaction and, therefore, to be recognised, dealt with and finally subdued.

Tạng của các bạn, vẫn là Người Huấn Dạy đã dạy các bạn suốt nhiều năm. Tôi vẫn là cá nhân ấy và không khác đi chút nào. Bất kỳ phản ứng nào từ phía các bạn cũng sẽ là phản ứng của phàm ngã, và vì vậy cần được nhận biết, xử lý rồi cuối cùng chế ngự.

1. DK continues to emphasize the importance of the test. Different types of undesirable responses to the revelation of His "name" are possible, and He reviews them.

1. Chân sư DK tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của thử thách. Có thể xuất hiện nhiều kiểu đáp ứng không mong muốn trước việc tiết lộ "tên" của Ngài, và Ngài xem xét những kiểu đáp ứng ấy.

2. Some disciples might question the wisdom of the Master's revelation. What would such an attitude disclose to the Master? That such disciples distrusted themselves and their fellow disciples? That they doubted that they and their fellow disciples could respond properly? This would be a lack of faith and love. DK does not really elaborate upon what such an attitude would reveal in those assuming it, but it is clear that it is not a desirable attitude. It would further indicate an interior challenging of the Master's judgment.

2. Một số đệ tử có thể nghi ngờ tính minh triết trong việc tiết lộ của Chân sư. Một thái độ như thế sẽ bộc lộ điều gì với Chân sư? Rằng những đệ tử ấy không tin tưởng chính mình và các đệ tử đồng môn? Rằng họ nghi ngờ khả năng đáp ứng đúng đắn của mình và các đệ tử đồng môn? Điều này cho thấy sự thiếu đức tin và tình thương. Chân sư DK không thực sự giải thích chi tiết thái độ ấy sẽ bộc lộ điều gì nơi những người có thái độ đó, nhưng rõ ràng đây không phải một thái độ đáng mong muốn. Nó còn cho thấy trong nội tâm họ đang chất vấn sự phán đoán của Chân sư.

3. DK calls the path of the devotee "dangerous". The habit of "accepting authority" is also "dangerous". Some disciples in His group might fall into such patterns. If so, they need to see their tendencies in this regard and correct them.

3. Chân sư DK gọi con đường của người sùng tín là "nguy hiểm". Thói quen "chấp nhận uy quyền" cũng "nguy hiểm". Một số đệ tử trong nhóm của Ngài có thể rơi vào những khuôn mẫu như vậy. Nếu thế, họ cần nhận ra những khuynh hướng của mình về mặt này và sửa đổi chúng.

4. It is clear that the revelation of the "true name" will promote self-revelation. Innate weaknesses will be revealed by the chelas' responses.

4. Rõ ràng, việc tiết lộ "tên thật" sẽ thúc đẩy sự bộc lộ bản thân. Những điểm yếu cố hữu sẽ hiển lộ qua các đáp ứng của những đệ tử.

5. Another possible response is to feel "burdened by the knowledge". There is no

5. Một đáp ứng khác có thể xảy ra là cảm thấy "hiểu biết ấy trở thành gánh nặng".

avoiding such burdens and special knowledge *is* a burden. DK's advice is simply to learn to carry burdens, as all servers must.

Không thể tránh những gánh nặng như vậy, và tri thức đặc biệt *quả là* một gánh nặng. Lời khuyên của Chân sư DK đơn giản là học cách mang gánh nặng, như mọi người phụng sự đều phải làm.

6. We can see Master DK working to manage the consequences which might result in His chelas as a result of the revelation. He offers an interpretive framework at a time when the consequences were, no doubt, already beginning to emerge.

6. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đang cố gắng điều chỉnh những hệ quả có thể nảy sinh nơi các đệ tử của Ngài từ sự tiết lộ ấy. Ngài đưa ra một khuôn khổ diễn giải vào lúc những hệ quả ấy chắc hẳn đã bắt đầu xuất hiện.

7. We have become very used to the idea that DK is a Master, but those earlier chelas did not have our perspective. Indeed, the revelation was a test.

7. Chúng ta đã rất quen với ý tưởng rằng Chân sư DK là một Chân sư, nhưng những đệ tử thuở trước ấy không có góc nhìn của chúng ta. Quả thực, sự tiết lộ ấy là một thử thách.

8. Essentially, the Master is asking His chelas not to *react,* as any reaction would be a *personality* reaction. His approach is very *executive.* If reaction comes, it has to be recognized, dealt with and subdued. He is clearly interested in avoiding glamorous exaggerations. He wants the work to go on without disruption. He is looking for a balanced and wise *response* to the revelation, and offers a context of understanding which will promote such a response.

8. Về cơ bản, Chân sư đang yêu cầu các đệ tử của Ngài đừng *phản ứng,* vì bất kỳ phản ứng nào cũng sẽ là phản ứng của *phàm ngã.* Cách tiếp cận của Ngài rất *quyết đoán trong điều hành.* Nếu phản ứng xuất hiện, cần nhận biết, xử lý và chế ngự nó. Rõ ràng, Ngài quan tâm đến việc tránh những sự cường điệu nhuốm ảo cảm. Ngài muốn công việc tiếp diễn mà không bị gián đoạn. Ngài mong có một *đáp ứng* cân bằng và minh triết trước sự tiết lộ ấy, đồng thời đưa ra một bối cảnh giúp thấu hiểu để thúc đẩy đáp ứng như vậy.

Let us go forward together, my brothers and chelas, along the path of service; let us together enter into the Light and tread the way to world peace and not to personal illumination — illumination is inevitable but incidental.

Các huynh đệ và các đệ tử của Tôi, chúng ta hãy cùng nhau tiến bước trên con đường phụng sự; chúng ta hãy cùng nhau bước vào Ánh sáng và đi trên con đường dẫn đến hoà bình thế giới chứ không phải sự soi sáng cá nhân — sự soi sáng là điều tất yếu nhưng chỉ là kết quả đi kèm.

1. Words about His revelation conclude with a group exhortation to move forward *together.*

1. Những lời nói về sự tiết lộ của Ngài kết thúc bằng lời kêu gọi cả nhóm *cùng nhau tiến bước.*

2. The forward movement is “into the Light” and toward “world peace”. Personal illumination is not the goal. It will occur along the way and is an incidental.

2. Sự tiến bước ấy là “vào Ánh sáng” và hướng đến “hoà bình thế giới”. Sự soi sáng cá nhân không phải là mục tiêu. Nó sẽ diễn ra trên đường đi và là một kết quả đi kèm.

3. DK wants His chelas to think in broader terms, and is interested in inducing the sense of ‘progressive ashramic fellowship’, enhanced by (rather than disturbed by) His revelation of His “true name”.

3. Chân sư DK muốn các đệ tử của Ngài suy nghĩ rộng hơn và quan tâm đến việc khơi dậy ý thức về ‘tình huynh đệ ngày càng phát triển trong ashram’, được củng cố nhờ (thay vì bị xáo trộn vì) việc Ngài tiết lộ “tên thật”.

As regards all of you — with what have I to deal? An untested group, a static group, a critical group and a group subject to pronounced glamours — such is the material with which I must carry forward my work. What can I do in such a situation, my brothers? I can trust your devotion to humanity, your willingness to learn and your determination to proceed along the path of service at any cost. This I will most certainly do. [80]

Về tất cả các bạn — Tôi phải làm việc với những gì? Một nhóm chưa qua thử thách, một nhóm đình trệ, một nhóm hay chỉ trích và một nhóm chịu sự chi phối của những ảo cảm rõ rệt — đó là chất liệu mà Tôi phải dùng để tiếp tục công việc của mình. Các huynh đệ của Tôi, trong hoàn cảnh như vậy, Tôi có thể làm gì? Tôi có thể tin tưởng vào lòng tận tuỵ của các bạn đối với nhân loại, sự sẵn lòng học hỏi và quyết tâm tiến bước trên con đường phụng sự bằng bất cứ giá nào. Chắc chắn Tôi sẽ làm như vậy. [80]

1. Master DK is most frank in His assessment. His words will surely have a deglamorizing effect. We can hardly consider this assessment a complaint; it is simply a sobering view of reality which the Master is sharing in order to bring increased ‘spiritual sobriety’ to His chelas.

1. Chân sư DK hết sức thẳng thắn trong sự đánh giá của Ngài. Lời Ngài chắc chắn sẽ có tác dụng làm tiêu tan ảo cảm. Chúng ta khó có thể xem sự đánh giá này là một lời than phiền; đó đơn giản là một cái nhìn tỉnh táo về thực tại mà Chân sư chia sẻ nhằm gia tăng ‘sự tỉnh táo về tinh thần’ nơi các đệ tử của Ngài.

2. We might be able to apply the various assessments to each of the four groups-of-nine then in existence. The Group of Educators was so new that it was “untested”; the Group of Healers was subject to a tendency towards criticism; the Trained Observers (the “Glamour Group”) was, as might be expected, “subject to pronounced glamours”. This leaves the Group of Telepathic Workers and the implication is

2. Có lẽ chúng ta có thể áp dụng các đánh giá khác nhau ấy cho từng nhóm trong bốn nhóm, mỗi nhóm chín người, hiện hữu khi đó. Nhóm Các Nhà Giáo Dục còn mới đến mức “chưa qua thử thách”; Nhóm Các Nhà Trị Liệu chịu ảnh hưởng của khuynh hướng chỉ trích; Các Nhà Quan Sát Lão Luyện (“Nhóm Ảo Cảm”), như có thể dự đoán, “chịu sự chi phối của những ảo cảm rõ rệt”. Như vậy còn lại Nhóm Những Người Hoạt Động

that they were “static”.

3. The evaluation is not heartening, but DK reveals that certain attitudes will assist the difficult situation.

a. Devotion to humanity

b. Willingness to learn

c. Willingness to proceed along the path of service at any cost.

These can ameliorate the situation. We note that the devotion is not to the Master but to “humanity”. One would think that there would always be a “willingness to learn” (though this proved not to be the case in a number of instances). The last of the requirements would see the group through, for it would be based on sacrifice, and where there is sacrifice there is inevitable progress.

4. The Master says He will trust in these three attitudes. The fact that He offers that trust is a stimulant to the very attitudes He seeks to see unalterably established.

I would like to deal, first of all, with the objectives that I have in mind for all of you:

1. The main present objective.

I seek to bring about a much needed group integration. The polarisation of this group — as a unity upon the mental plane — is not yet accomplished. It is most needed and until this integration has been achieved, the united group inter-communication will not be possible or the desired group work

Viễn Cảm, và hàm ý là họ “đình trệ”.

3. Sự đánh giá này không đem lại nhiều khích lệ, nhưng Chân sư DK cho biết rằng một số thái độ nhất định sẽ giúp cải thiện tình hình khó khăn ấy.

a. Lòng tận tụy với nhân loại

b. Sự sẵn lòng học hỏi

c. Sự sẵn lòng tiến bước trên con đường phụng sự bằng bất cứ giá nào.

Những điều này có thể cải thiện tình hình. Chúng ta lưu ý rằng lòng tận tụy ấy không hướng đến Chân sư mà hướng đến “nhân loại”. Người ta hẳn sẽ nghĩ rằng lúc nào cũng có “sự sẵn lòng học hỏi” (dù thực tế đã cho thấy điều này không đúng trong một số trường hợp). Yêu cầu cuối cùng sẽ giúp nhóm vượt qua mọi khó khăn, vì yêu cầu ấy dựa trên sự hi sinh, và ở đâu có sự hi sinh thì ở đó tất yếu có tiến bộ.

4. Chân sư nói rằng Ngài sẽ đặt niềm tin vào ba thái độ này. Việc Ngài trao niềm tin ấy chính là một sự khích lệ đối với những thái độ mà Ngài mong thấy được xác lập vững bền.

Trước hết, Tôi muốn bàn đến những mục tiêu mà Tôi dự định cho tất cả các bạn:

1. Mục tiêu chính hiện nay.

Tôi tìm cách thực hiện sự tích hợp nhóm rất cần thiết. Nhóm này vẫn chưa đạt được sự phân cực — như một thể thống nhất trên cõi trí. Điều ấy hết sức cần thiết, và cho đến khi đạt được sự tích hợp này, sự giao tiếp qua lại trong nhóm hợp nhất sẽ chưa thể diễn ra, cũng như công việc nhóm mong muốn sẽ

capable of accomplishment. Several of you need to do some careful thinking and should align yourselves in love with your fellow disciples, eliminating all sense of criticism and personal self-satisfaction in your own judgment and rectitude.

chưa thể hoàn thành. Một số bạn cần suy nghĩ cẩn thận và nên chỉnh hợp với các đệ tử đồng môn trong tình thương, loại bỏ mọi ý thức chỉ trích và sự tự mãn cá nhân về óc phán đoán cũng như sự ngay chính của mình.

1. Again, the Master offers a clarification of objectives. The first and main objective is "group integration". It is "much needed"

1. Một lần nữa, Chân sư làm sáng tỏ các mục tiêu. Mục tiêu đầu tiên và chủ yếu là "sự tích hợp nhóm". Điều ấy "rất cần thiết"

2. To which group is He talking? Perhaps to the members of all four. The four groups, though differentiated in their outer focus, are intended to be "a unity upon the mental plane". That mental polarization is not yet accomplished.

2. Ngài đang nói với nhóm nào? Có lẽ với các thành viên của cả bốn nhóm. Bốn nhóm, dù có trọng tâm hoạt động bên ngoài khác nhau, đều nhằm trở thành "một thể thống nhất trên cõi trí". Sự phân cực trí tuệ ấy vẫn chưa thành tựu.

3. The flow between group members depends upon soul-infusion. This is not achieved. It seems that there are several group members who need more love, less criticism and less personal self-satisfaction. Love will promote the integration and the elimination of criticism and personal self-satisfaction will lift barriers to "united group inter-communication".

3. Dòng lưu chuyển giữa các thành viên nhóm tùy thuộc vào sự thấm nhuần của linh hồn. Điều này vẫn chưa đạt được. Dường như có một số thành viên nhóm cần thêm tình thương, bớt chỉ trích và bớt tự mãn cá nhân. Tình thương sẽ thúc đẩy sự tích hợp, và việc loại bỏ sự chỉ trích cùng sự tự mãn cá nhân sẽ gỡ bỏ những rào cản đối với "sự giao tiếp qua lại trong nhóm hợp nhất".

4. It is amazing how often the Master has to repeat the fundamentals.

4. Thật đáng ngạc nhiên khi Chân sư phải thường xuyên nhắc lại những điều căn bản đến thế.

2. The future objective of these ashramic groups.

2. Mục tiêu tương lai của các nhóm ashram này.

It is fundamentally necessary that the new groups which are inaugurating the new discipleship should eventually establish a telepathic rapport with each other. Later, when there is a closer individual inter-relation, it will be possible to give definite teaching which will make this increasingly possible, but in the meantime a hint will

Điều cần thiết về căn bản là những nhóm mới đang mở đầu địa vị đệ tử mới này cuối cùng phải thiết lập mối giao cảm viễn cảm với nhau. Về sau, khi mối tương quan giữa các cá nhân trở nên mật thiết hơn, có thể truyền dạy những giáo huấn cụ thể giúp điều này ngày càng khả thi; nhưng trong lúc này, một gợi ý sẽ phải tạm đủ. Gợi ý ấy có

have to suffice. It is foundational in nature and will have to be accepted and somewhat understood prior to successful work in all these pioneering groups. Think outwardly towards each other in love. Just simply that, my brothers — simply and humbly that and no more than that at present. Can you accept such a simple rule — apparently simple? In this way the etheric body of this group of disciples will be animated by the golden energy and the light of love and thus a network of light will be established which will form a focal point of energy in the etheric body of humanity itself and eventually in the planetary etheric body also.

tính nền tảng, cần được chấp nhận và thấu hiểu phần nào trước khi có thể làm việc thành công trong tất cả những nhóm tiên phong này. Hãy hướng tư tưởng ra ngoài đến với nhau trong tình thương. Chỉ đơn giản như thế thôi, các huynh đệ của Tôi — đơn giản và khiêm nhường như thế, và hiện nay không cần gì hơn thế. Các bạn có thể chấp nhận một quy luật đơn giản như vậy — có vẻ đơn giản như vậy — chăng? Bằng cách này, năng lượng vàng kim và ánh sáng của tình thương sẽ làm cho thể dĩ thái của nhóm đệ tử này trở nên sống động; nhờ đó, một mạng lưới ánh sáng sẽ hình thành, tạo nên một tiêu điểm năng lượng trong thể dĩ thái của chính nhân loại, và cuối cùng cả trong thể dĩ thái hành tinh nữa.

1. Telepathic rapport is of considerable importance for *all* the groups. This will help the new ashramic groups work with coordination — with each other and with the guiding Master.

1. Mối giao cảm viễn cảm có tầm quan trọng đáng kể đối với *tất cả* các nhóm. Điều này sẽ giúp các nhóm ashram mới phối hợp làm việc — với nhau và với Chân sư hướng dẫn.

2. There are definite techniques to promote telepathic rapport, but DK cannot give them yet. Instead He gives a short and simple hint which is foundational to the impartation of any more precise techniques.

2. Có những kỹ thuật cụ thể để thúc đẩy mối giao cảm viễn cảm, nhưng Chân sư DK chưa thể truyền dạy. Thay vào đó, Ngài đưa ra một gợi ý ngắn gọn và đơn giản, làm nền tảng cho việc truyền dạy bất kỳ kỹ thuật nào chính xác hơn.

3. That hint is, "Think outwardly towards each other in love". Do so "simply" and "humbly"; this for the present, and nothing more. In some ways, the entire Triangles Work is based upon this simple approach.

3. Gợi ý ấy là, "Hãy hướng tư tưởng ra ngoài đến với nhau trong tình thương". Hãy làm như vậy một cách "đơn giản" và "khiêm nhường"; hiện nay chỉ như thế, không cần gì hơn. Theo một vài phương diện, toàn bộ Công Việc Tam Giác đều dựa trên cách tiếp cận đơn giản này.

4. The advice is so foundational that each of us should take it to heart. "Harmless mind" is one of our first prerequisites to all successful work.

4. Lời khuyên này có tính nền tảng đến mức mỗi người chúng ta đều nên ghi lòng. "Thể trí vô tổn hại" là một trong những điều kiện tiên quyết đầu tiên của chúng ta đối với mọi

công việc thành công.

5. DK explains the occult result of following this simple rule. The etheric body of the group of disciples will be "animated by the golden energy and the light of love", and a "network of light will be established which will form a focal point of energy in the etheric body of humanity itself and eventually in the planetary etheric body also". We see that possibility that great developments can result from humble beginnings. The foundation must be correct.

5. Chân sư DK giải thích kết quả huyền bí của việc tuân theo quy luật đơn giản này. Thể dĩ thái của nhóm đệ tử sẽ "trở nên sống động nhờ năng lượng vàng kim và ánh sáng của tình thương", và một "mạng lưới ánh sáng sẽ hình thành, tạo nên một tiêu điểm năng lượng trong thể dĩ thái của chính nhân loại, và cuối cùng cả trong thể dĩ thái hành tinh nữa". Chúng ta thấy khả năng những sự phát triển lớn lao có thể bắt nguồn từ những khởi đầu khiêm tốn. Nền tảng phải đúng đắn.

6. I would say that for all group work being attempted in the world (and especially esoteric, subjective group work) the injunction to "Think outwardly towards each other in love" is *indispensable.*

6. Tôi cho rằng đối với mọi công việc nhóm đang được nỗ lực thực hiện trên thế giới (đặc biệt là công việc nhóm nội môn, chủ quan), huấn thị "Hãy hướng tư tưởng ra ngoài đến với nhau trong tình thương" là *không thể thiếu.*

3. The general group objective.

3. Mục tiêu chung của nhóm.

This is the shifting of consciousness of all integrated human beings in increasingly large numbers on to the etheric levels of consciousness and activity. This entails conscious work on those levels as energy units, each contributing his individual share and his special quota of energy to the sum total of available etheric energy and doing this both consciously and intelligently. When this is done, the man is then ready for the first initiation [81] and is a true occultist — working with energy under hierarchical guidance.

Đó là sự chuyển dịch tâm thức của tất cả những con người đã tích hợp, với số lượng ngày càng đông, lên các cấp độ dĩ thái của tâm thức và hoạt động. Điều này đòi hỏi làm việc có ý thức trên những cấp độ ấy với tư cách các đơn vị năng lượng, mỗi người đóng góp phần riêng và lượng năng lượng đặc thù của mình vào tổng năng lượng dĩ thái sẵn có, đồng thời thực hiện điều này một cách có ý thức và thông minh. Khi làm được như vậy, con người lúc ấy đã sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ nhất [81] và là một nhà huyền bí học chân chính — làm việc với năng lượng dưới sự hướng dẫn của Thánh đoàn.

1. The Master speaks of the growing etheric awareness of all integrated human beings.

1. Chân sư nói về sự nhận biết dĩ thái ngày càng tăng của tất cả những con người đã tích hợp.

2. Here He speaks of "etheric levels of

2. Ở đây, Ngài nói về "các cấp độ dĩ thái của

consciousness and activity". Elsewhere He seems to say that there is no such thing as "etheric consciousness". He is speaking, however, of an emerging awareness in humanity of the etheric body.

tâm thức và hoạt động". Ở nơi khác, dường như Ngài nói rằng không có cái gọi là "tâm thức dĩ thái". Tuy nhiên, Ngài đang nói về sự nhận biết thể dĩ thái đang xuất hiện trong nhân loại.

3. Disciples are to learn to work *etherically*. Disciples are to consider themselves as "energy units", contributing a special quota of etheric energy to the sum total of available etheric energy. We understand that the advance of telepathy depends upon this growing capacity to work etherically.

3. Các đệ tử phải học cách làm việc *trên các cấp độ dĩ thái.* Các đệ tử phải xem mình là "những đơn vị năng lượng", đóng góp một lượng năng lượng dĩ thái đặc thù vào tổng năng lượng dĩ thái sẵn có. Chúng ta thấu hiểu rằng sự tiến bộ của viễn cảm tùy thuộc vào khả năng làm việc trên các cấp độ dĩ thái ngày càng tăng này.

4. Of which initiation is the Master speaking? Is an initiate of the first degree a "true occultist"? It would seem not to be the case. It might be said that an initiate of the third degree is the true occultist. First degree initiates can, however, work under hierarchical guidance. As well, the etheric body is of much importance to those taking the first initiation. In general however, it does not seem that we can interpret these statements unless we think primarily of the third initiation.

4. Chân sư đang nói đến lần điểm đạo nào? Một điểm đạo đồ bậc một có phải là một "nhà huyền bí học chân chính" không? Dường như không phải vậy. Có thể nói rằng một điểm đạo đồ bậc ba mới là nhà huyền bí học chân chính. Tuy nhiên, các điểm đạo đồ bậc một có thể làm việc dưới sự hướng dẫn của Thánh đoàn. Ngoài ra, thể dĩ thái có tầm quan trọng lớn đối với những người trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Tuy nhiên, nhìn chung, dường như chúng ta không thể diễn giải những phát biểu này nếu không chủ yếu nghĩ đến lần điểm đạo thứ ba.

4. The individual objective.

4. Mục tiêu cá nhân.

This necessitates the preparation of the life and consciousness for this new process of group initiation. This group initiation is itself of real import and is dependent upon the unit in the group fitting himself for initiation and at the same time learning to subordinate his spiritual ambition and desires to the group pace and to the necessity of right timing where his fellow disciples are concerned. It involves, therefore, a dual attitude towards the processes of initiation: the adapting of

Điều này đòi hỏi chuẩn bị đời sống và tâm thức cho tiến trình điểm đạo nhóm mới này. Chính sự điểm đạo nhóm này có tầm quan trọng thực sự và tùy thuộc vào việc mỗi đơn vị trong nhóm tự chuẩn bị cho mình đủ điều kiện điểm đạo, đồng thời học cách đặt tham vọng và những mong muốn tinh thần của mình dưới nhịp tiến của nhóm và dưới sự cần thiết phải chọn đúng thời điểm khi có liên quan đến các đệ tử đồng môn. Do đó, điều này bao hàm một thái độ kép đối với các tiến trình điểm đạo: tự thích ứng với sự tích

oneself to the needed integration and, secondly, to the development of spiritual responsiveness to impressions from the level of the soul and of the spiritual Hierarchy. It also involves the cultivation of judgment and of wisdom in the establishment of a right inter-relation with the group of disciples so that the group — in this case my group of disciples and definitely a group entity — may move on together. This necessitates the same conditions for the group as always exist for the individual: right integration on the three personality levels and also on soul levels, plus right group impression or responsiveness to the spiritual and higher psychic "gift waves" — as Tibetan occultists call them.

hợp cần thiết và, thứ hai, phát triển khả năng đáp ứng tinh thần đối với những ấn tượng từ cấp độ linh hồn và từ Thánh đoàn. Điều này cũng bao hàm việc trau dồi óc phán đoán và minh triết trong việc thiết lập mối tương quan đúng đắn với nhóm đệ tử, để nhóm — trong trường hợp này là nhóm đệ tử của Tôi và rõ ràng là một thực thể nhóm — có thể cùng nhau tiến bước. Điều này đòi hỏi nhóm phải có những điều kiện vốn luôn cần thiết đối với cá nhân: sự tích hợp đúng đắn trên ba cấp độ phàm ngã cũng như trên các cấp độ linh hồn, cộng với sự tiếp nhận ấn tượng đúng đắn của nhóm, hay khả năng đáp ứng với những "làn sóng ân ban" tinh thần và thông linh cao cấp — theo cách gọi của các nhà huyền bí học Tây Tạng.

1. The individual objective involves preparation for the new process of group initiation.

1. Mục tiêu cá nhân bao hàm sự chuẩn bị cho tiến trình điểm đạo nhóm mới.

2. It is not the responsibility of the group to prepare the individual. Each individual has the responsibility of fitting himself for initiation.

2. Việc chuẩn bị cho cá nhân không phải là trách nhiệm của nhóm. Mỗi cá nhân có trách nhiệm tự chuẩn bị cho mình đủ điều kiện điểm đạo.

3. There is as well the additional responsibility of learning to subordinate spiritual ambition and desire to the "group pace". This involves a develop considerateness with respect to one's fellow disciples, especially in matters of timing.

3. Còn có thêm trách nhiệm học cách đặt tham vọng và mong muốn tinh thần dưới "nhịp tiến của nhóm". Điều này đòi hỏi phát triển sự quan tâm chu đáo đối với các đệ tử đồng môn của mình, đặc biệt trong những vấn đề về thời điểm.

4. Each individual is to have a dual attitude towards initiation. There is a group integration occurring and each disciple must adapt himself to it.

4. Mỗi cá nhân phải có một thái độ kép đối với điểm đạo. Một sự tích hợp nhóm đang diễn ra, và mỗi đệ tử phải tự thích ứng với sự tích hợp ấy.

5. There is also the need to remain responsive to Hierarchy.

5. Cũng cần duy trì khả năng đáp ứng với Thánh đoàn.

6. The first of these requirements is horizontal and the second vertical.

6. Yêu cầu thứ nhất thuộc chiều ngang, còn yêu cầu thứ hai thuộc chiều dọc.

7. As well, judgment and wisdom are required and right inter-relation with the group of disciples. Why? So that there may be a moving forward *together.* It is *group* progress that is important.

7. Ngoài ra, cần có óc phán đoán, minh triết và mối tương quan đúng đắn với nhóm đệ tử. Tại sao? Để có thể tiến bước *cùng nhau.* Chính sự tiến bộ của *nhóm* mới là điều quan trọng.

8. We see that there are a number of requirements to which the individual disciple must attend, and no one can fulfill such requirements but himself. Group success is built upon the fulfillment of individual responsibility.

8. Chúng ta thấy rằng người đệ tử có một số yêu cầu phải chú tâm thực hiện, và không ai ngoài chính người ấy có thể hoàn thành những yêu cầu đó. Thành công của nhóm được xây dựng trên việc hoàn thành trách nhiệm cá nhân.

9. There is an exact parallel between individual process and group process. The group must pass through the same developmental stages as the individual.

9. Có sự tương đồng chính xác giữa tiến trình cá nhân và tiến trình nhóm. Nhóm phải trải qua cùng những giai đoạn phát triển như cá nhân.

10. There are "spiritual and higher psychic 'gift waves'". These are present as a result of the mediation of high beings who bestow them upon humanity and the planet. The rightly integrated, soul-aligned group can become responsive to these waves, but it must be "right *group* impression or responsiveness".

10. Có những "làn sóng 'ân ban' tinh thần và thông linh cao cấp". Những làn sóng này hiện diện nhờ sự trung gian của các Đấng cao cả, là những Đấng ban chúng cho nhân loại và hành tinh. Nhóm tích hợp đúng đắn và chỉnh hợp với linh hồn có thể trở nên đáp ứng với những làn sóng này, nhưng đó phải là "sự tiếp nhận ấn tượng hay khả năng đáp ứng đúng đắn của *nhóm*".

This will take many years and the work of achieving finished group attitudes and relationships through individual understanding and true impersonality can go forward upon the physical plane whilst in incarnation, or it can go on out of incarnation with the same facility. You must always bear in mind that the consciousness remains the same, whether in physical incarnation or out of incarnation, and that development can be carried on with even greater ease than when limited and

Điều này sẽ mất nhiều năm, và công việc đạt đến những thái độ cùng các mối quan hệ nhóm hoàn thiện thông qua sự thấu hiểu của cá nhân và tính phi cá nhân chân thực có thể tiến hành trên cõi hồng trần khi đang lâm phàm, hoặc có thể tiếp tục ngoài kiếp lâm phàm với cùng mức độ thuận lợi. Các bạn phải luôn ghi nhớ rằng tâm thức vẫn như nhau, dù đang lâm phàm trong thể xác hay ngoài kiếp lâm phàm, và sự phát triển có thể tiếp tục thậm chí còn dễ dàng hơn khi chịu sự giới hạn và tác động của tâm thức bộ

conditioned by the brain consciousness.

1. The Master is taking the long-range view and hoping to instill that view in the consciousness of His chelas.

2. Not all needs to be done here and now and whilst in physical incarnation. The work on "achieving finished group attitudes and relationships" can also go forward whilst out of incarnation and with the same facility. This bears pondering. Transition from the body is not a relief from responsibility for the true disciple.

3. We also see that "impersonality" is a fundamental requirement if the correct group attitudes and relationships are to be completed. Such relationships are not *personal* but are of the soul.

4. In fact the development may be more rapidly promoted once the disciple is unencumbered by the physical body and brain consciousness.

5. It is as if Master DK is contracted to work with these chelas over a period of centuries. He wishes them to understand the endurance required and the scope of their ongoing work together and with Him.

The attainment of these objectives will involve clear vision and a keen and intelligent understanding; it will require the steady and conscious intensification of group love and group interplay; it will lead all disciples to live lives full of wise purpose and planned spiritual objectives and, at the same time, the service rendered will assume a definite and an automatic technique of

não.

1. Chân sư đang nhìn theo tầm xa và hy vọng thấm nhuần cách nhìn ấy vào tâm thức các đệ tử của Ngài.

2. Không phải mọi việc đều cần hoàn thành ngay tại đây, ngay lúc này và trong khi đang lâm phàm trong thể xác. Công việc "đạt đến những thái độ cùng các mối quan hệ nhóm hoàn thiện" cũng có thể tiếp tục ngoài kiếp lâm phàm với cùng mức độ thuận lợi. Điều này đáng để suy ngẫm. Đối với người đệ tử chân chính, việc rời khỏi thân thể không có nghĩa là được miễn trách nhiệm.

3. Chúng ta cũng thấy rằng "tính phi cá nhân" là một yêu cầu căn bản để hoàn thiện những thái độ và mối quan hệ nhóm đúng đắn. Những mối quan hệ như thế không mang tính *cá nhân* mà thuộc về linh hồn.

4. Thực ra, sự phát triển có thể được thúc đẩy nhanh hơn một khi người đệ tử không còn vướng bận vì thể xác và tâm thức bộ não.

5. Dường như Chân sư DK đã cam kết làm việc với những đệ tử này trong một khoảng thời gian kéo dài hàng thế kỷ. Ngài muốn họ thấu hiểu sự bền bỉ cần có và phạm vi công việc mà họ đang tiếp tục thực hiện cùng nhau và cùng với Ngài.

Việc đạt được những mục tiêu này sẽ đòi hỏi tầm nhìn sáng rõ và sự thấu hiểu sắc bén, thông minh; đòi hỏi tăng cường tình thương nhóm và sự tương tác nhóm một cách đều đặn, có ý thức; dẫn dắt mọi đệ tử sống những cuộc đời đầy mục đích minh triết và những mục tiêu tinh thần có hoạch định; đồng thời, việc phụng sự sẽ mang một kỹ thuật biểu đạt rõ ràng và tự động. [82]

expression. [82]

1. This is a beautiful paragraph of summation. The requirements upon these disciples (and upon all of us) could not be clearer.

1. Đây là một đoạn tổng kết đẹp đẽ. Những yêu cầu đặt ra cho các đệ tử này (và cho tất cả chúng ta) không thể rõ ràng hơn nữa.

2. There is always a danger that the 'good words' may be repeated and, through that repetition, lose their impact. Let us pause with each of these requirements and make sure we understand them.

2. Luôn có nguy cơ những 'lời hay' được lặp đi lặp lại và mất đi sức tác động qua sự lặp lại ấy. Chúng ta hãy dừng lại ở từng yêu cầu này và bảo đảm rằng mình thấu hiểu chúng.

3. If we examine our own lives and see, where, for instance, we have "clear vision", and "intelligent understanding" and "group love", the requirements will work themselves into our nature and shall not be lost to us through familiarity.

3. Nếu xem xét cuộc sống của chính mình và nhận ra, chẳng hạn, ở đâu chúng ta có "tầm nhìn sáng rõ", cùng "sự thấu hiểu thông minh" và "tình thương nhóm", thì những yêu cầu ấy sẽ dần thấm vào bản chất chúng ta và sẽ không mất đi ý nghĩa đối với chúng ta vì quá quen thuộc.

4. We note that, by the time these requirements are being fulfilled, service will have become an "automatic technique of expression". One's ready and immediate form of expression *will be* service.

4. Chúng ta lưu ý rằng khi những yêu cầu này đang được hoàn thành, việc phụng sự sẽ trở thành một "kỹ thuật biểu đạt tự động". Hình thức biểu đạt tự nhiên và tức thời của mỗi người *sẽ là* phụng sự.

You might here ask me if there is one single mode or means whereby a disciple can begin to approximate this seemingly impossible goal. I would reply: By the steady practice of impersonality with its subsidiary attitude of indifference where personal desires, contacts and goals are concerned. Such an impersonality is little understood and even when cultivated by well-intentioned aspirants has a selfish basis. Ponder on this and endeavour to achieve impersonality through self-forgetfulness and through the decentralisation of the focus of consciousness from the personality (where it is usually centred) into the living, loving soul.

Đến đây, các bạn có thể hỏi Tôi liệu có một phương thức hay phương tiện duy nhất nào để một đệ tử có thể bắt đầu tiến gần đến mục tiêu dường như bất khả thi này hay không. Tôi sẽ đáp: Bằng việc kiên trì thực hành tính phi cá nhân, cùng với thái độ điềm nhiên phụ trợ đối với những ham muốn, sự tiếp xúc và mục tiêu cá nhân. Tính phi cá nhân như thế ít được thấu hiểu, và ngay cả khi những người chí nguyện có thiện ý vun bồi nó, nó vẫn có một nền tảng ích kỷ. Hãy suy ngẫm điều này và nỗ lực đạt đến tính phi cá nhân bằng cách quên mình và phi tập trung tiêu điểm tâm thức khỏi phàm ngã (nơi tâm thức thường tập trung), chuyển vào linh hồn sống động, đầy tình thương.

1. DK knows that the requirements He is enunciating are not easy of attainment — "this seemingly impossible goal".

2. The requirements are many and so the Master seeks to focus the mind upon a "single mode or means" that will assist with their fulfillment. He focuses upon "impersonality" as that mode or means.

3. Impersonality is primary and with it comes a "subsidiary attitude of indifference where personal desires, contacts and goals are concerned".

4. As we have often repeated, an attitude of true spiritual impersonality cannot be achieved when the primary identification is with the personality. Only the soul can be impersonal, and the spirit even moreso. So we ask ourselves about our true and normal 'resting level' of identification.

5. The first efforts to cultivate impersonality are invariably selfish because these efforts are performed by those who are still identified as personalities.

6. The ways to true impersonality are through "self-forgetfulness" and "through the decentralisation of the focus of consciousness from the personality (where it is usually centered) into the living, loving soul". Thus, there is no impersonality unless that which we call soul is a living and vibrant reality in the disciple's consciousness. For how many is this factually true? DK tells us our consciousness is usually centered in the personality. Do we find this to be the case?

1. Chân sư DK biết rằng những yêu cầu Ngài đang nêu ra không dễ đạt được — "mục tiêu dường như bất khả thi này".

2. Có nhiều yêu cầu, nên Chân sư tìm cách tập trung thể trí vào một "phương thức hay phương tiện duy nhất" có thể giúp hoàn thành những yêu cầu ấy. Ngài tập trung vào "tính phi cá nhân" như phương thức hay phương tiện đó.

3. Tính phi cá nhân là điều chủ yếu, và đi cùng với nó là một "thái độ điềm nhiên phụ trợ đối với những ham muốn, sự tiếp xúc và mục tiêu cá nhân".

4. Như chúng ta thường nhắc lại, không thể đạt được thái độ phi cá nhân tinh thần chân thực khi sự đồng hoá chủ yếu vẫn là với phàm ngã. Chỉ linh hồn mới có thể phi cá nhân, và tinh thần còn hơn thế nữa. Vì vậy, chúng ta tự hỏi về 'cấp độ an trú' thực sự và thường lệ của sự đồng hoá nơi mình.

5. Những nỗ lực đầu tiên nhằm vun bồi tính phi cá nhân luôn mang tính ích kỷ, vì người thực hiện những nỗ lực ấy vẫn còn đồng hoá mình là phàm ngã.

6. Những con đường dẫn đến tính phi cá nhân chân thực là thông qua "sự quên mình" và "thông qua việc phi tập trung tiêu điểm tâm thức khỏi phàm ngã (nơi tâm thức thường tập trung), chuyển vào linh hồn sống động, đầy tình thương". Do đó, không có tính phi cá nhân trừ khi điều chúng ta gọi là linh hồn là một thực tại sống động và đầy sức sống trong tâm thức của người đệ tử. Điều này thực sự đúng với bao nhiêu người? Chân sư DK cho chúng ta biết rằng tâm thức chúng ta thường tập trung trong phàm ngã. Chúng ta có thấy đúng là như vậy không?

7. If so, the reaffirmation of the spiritual facts may elevate the level at which our consciousness is centralized. That which is subtle is often overcome by that which is more obvious. The obvious must be deemphasized and the subtle brought into increasing prominence through the power of thought and the 'assertion of the *fact* of the intangible'.

7. Nếu đúng như vậy, việc tái khẳng định những sự thật tinh thần có thể nâng cao cấp độ mà tâm thức chúng ta tập trung vào. Điều tinh tế thường bị điều hiển nhiên hơn lấn át. Cần giảm sự chú trọng vào điều hiển nhiên và làm cho điều tinh tế ngày càng nổi bật qua quyền năng của tư tưởng và 'sự khẳng định *sự thật* về cái vô hình'.

There are four things which frequently hold back a group of disciples from achievement and from satisfactory work:

Có bốn điều thường ngăn cản một nhóm đệ tử đạt thành tựu và làm việc một cách thỏa đáng:

1. Lack of vision, incident to a lack of mental keenness.

1. Thiếu tầm nhìn, do thiếu sự sắc bén trí tuệ.

2. Personal glamour. This involves the astral plane.

2. Ảo cảm cá nhân. Điều này liên quan đến cõi cảm dục.

3. Individual problems, involving a pronounced preoccupation upon the physical plane with its circumstances and difficulties — in this most difficult of worlds.

3. Những vấn đề cá nhân, bao hàm sự bận tâm quá mức đến cõi hồng trần với những hoàn cảnh và khó khăn của nó — trong cõi khó khăn nhất này.

4. Inertia or slow reactions to the imparted teaching and to the presented opportunity.

4. Tính trì trệ hoặc sự phản ứng chậm chạp trước giáo huấn được truyền dạy và cơ hội được đưa đến.

1. The Master enters on a description of inhibitions.

1. Chân sư bắt đầu mô tả những điều cản trở.

2. A sharp or keen mind is a requirement. Where it is missing, spiritual vision will suffer.

2. Một thể trí sắc sảo hay nhạy bén là một yêu cầu. Khi thiếu điều ấy, tầm nhìn tinh thần sẽ suy giảm.

3. What, to us, is the vision? What is the 'truth content' of our vision? Have we taken the time to clarify the actual nature of our vision and the manner in which it motivates us?

3. Đối với chúng ta, tầm nhìn là gì? 'Nội dung chân lý' trong tầm nhìn của chúng ta là gì? Chúng ta đã dành thời gian làm sáng tỏ bản chất thực sự của tầm nhìn ấy và cách nó thúc đẩy chúng ta chưa?

4. What shall we do to sharpen the mind and render it keener? We can avoid moving in well-established thought patterns and thus, as it were, '*think* before we think' [sic]. We are always told to think before we speak, but there is an earlier and necessary step. A greater degree of discriminating selectivity is needed in the thought process of most; it will require a process of retraining. As well, we can, of course, choose our words with greater care and formulate them with greater precision. Such care exerted will eventually sharpen thought. All of us may reflect on the probability that 'customary thought is not keen thought'. We need more to 'think on the edge', ever seeking the truer word to express the subtleties of ideas.

4. Chúng ta sẽ làm gì để rèn giũa thể trí và khiến nó nhạy bén hơn? Chúng ta có thể tránh đi theo những khuôn mẫu tư tưởng đã định hình vững chắc và nhờ đó, có thể nói là, '*suy nghĩ* trước khi suy nghĩ' [nguyên văn]. Chúng ta luôn được nhắc phải suy nghĩ trước khi nói, nhưng còn có một bước cần thiết trước đó. Tiến trình tư tưởng của phần đông cần có mức độ chọn lọc mang tính phân biện cao hơn; điều này đòi hỏi một tiến trình rèn luyện lại. Dĩ nhiên, chúng ta cũng có thể lựa chọn từ ngữ cẩn thận hơn và diễn đạt chính xác hơn. Sự cẩn trọng như thế cuối cùng sẽ làm cho tư tưởng sắc bén hơn. Tất cả chúng ta đều có thể suy ngẫm về khả năng rằng 'tư tưởng theo thói quen không phải là tư tưởng sắc bén'. Chúng ta cần 'tư duy ở ranh giới mới' nhiều hơn, luôn tìm kiếm từ ngữ chân xác hơn để diễn đạt những nét tinh tế của các ý tưởng.

5. Of personal glamor there is an abundance to say and yet, very little to say. All of us have our distortions — our exaggerations and minimizations. We all have ways in which we do not see the whole picture truly and in proportion. It is all a question of 'wrong patterning' (on whatever level of the personality. But if wrong patterning is habitual (which it usually is) it is not easily noticed. It often takes another individual or group to point out that which is untrue about our patterned responses.

5. Về ảo cảm cá nhân, có rất nhiều điều để nói, mà cũng có rất ít điều để nói. Tất cả chúng ta đều có những sự bóp méo của mình — những điều chúng ta phóng đại và giảm nhẹ. Tất cả chúng ta đều có những cách nhìn khiến mình không thấy toàn cảnh một cách chân thực và đúng tỉ lệ. Tất cả đều là vấn đề 'tạo khuôn mẫu sai lệch' (trên bất kỳ cấp độ nào của phàm ngã. Nhưng nếu việc tạo khuôn mẫu sai lệch đã thành thói quen (như thường thấy), thì không dễ nhận ra nó. Thường cần một cá nhân hay một nhóm khác chỉ ra điều không đúng trong những đáp ứng theo khuôn mẫu của chúng ta.

6. It is hard to remain a victim of glamor when there is identification with and as the soul. Personal glamors are legion, but they can be radically corrected by truly (not just theoretically) changing the level of identification. *Conscious* souls are not beset by the customary glamors (even though

6. Khó có thể tiếp tục là nạn nhân của ảo cảm khi có sự đồng hoá với linh hồn và nhận mình là linh hồn. Ảo cảm cá nhân nhiều vô kể, nhưng có thể sửa chữa tận gốc bằng việc thực sự (chứ không chỉ trên lý thuyết) thay đổi cấp độ đồng hoá. *Có ý thức*, các linh hồn không bị những ảo cảm thông thường vây

from a higher perspective the state of soul-identification is a limitation and hence, illusion-bound).

hãm (dù nhìn từ một góc độ cao hơn, trạng thái đồng hoá với linh hồn là một giới hạn và do đó vẫn bị ràng buộc bởi ảo tưởng).

7. Point three cites the problem of being beset with "individual problems". We all have them, do we not? It is a question of whether we are preoccupied with them, embroiled in them. Excessive immersion in such problems keeps us tied to earth and circumstance and we fail to develop a greater, broader perspective. The care-worn individual rarely has the opportunity to 'look up' or to 'look down from above'. What shall we truly *care* about? Is it possible to handle difficulties without taking them personally? If we are mentally polarized we can do so.

7. Điểm ba nêu lên vấn đề bị bủa vây bởi "những vấn đề cá nhân". Tất cả chúng ta đều có những vấn đề ấy, phải không? Vấn đề là liệu chúng ta có quá bận tâm với chúng, bị cuốn vào chúng hay không. Việc chìm đắm quá mức trong những vấn đề như thế khiến chúng ta bị ràng buộc với cuộc sống trần thế và hoàn cảnh, không phát triển được một tầm nhìn lớn hơn, rộng hơn. Người bị lo âu làm cho hao mòn hiếm khi có cơ hội 'ngước nhìn lên' hoặc 'nhìn xuống từ trên cao'. Chúng ta thực sự nên *quan tâm* đến điều gì? Liệu có thể xử lý những khó khăn mà không xem chúng là chuyện riêng của mình không? Nếu phân cực trí tuệ, chúng ta có thể làm được điều đó.

8. The last obstacle has to do with *inertia,* or slow response to presented spiritual opportunities. Human nature is uneven; there may be rapid response to some stimuli and tardy response to others. Probably many of us are unnecessarily slow in our response to spiritual impression but we do not realize that we are. One of the disciples, RVB, had as the first term in his 'Developmental Formula', "Rapid Reaction". Since time is "of the essence" and the disciple's use of time so critical to his/her success, then inertia and unresponsiveness are definitely undesirable, as, in the last analysis, they account for loss of time. Time is the very substance of achievement. When deprived of the necessary time, no achievement is possible.

8. Trở ngại cuối cùng liên quan đến *tính trì trệ,* hay sự đáp ứng chậm chạp với những cơ hội tinh thần được đưa đến. Bản chất con người không đồng đều; chúng ta có thể đáp ứng nhanh chóng với một số kích thích và chậm chạp với những kích thích khác. Có lẽ nhiều người trong chúng ta đáp ứng với ấn tượng tinh thần chậm hơn mức cần thiết nhưng lại không nhận ra điều đó. Một trong các đệ tử, RVB, có yếu tố đầu tiên trong 'Công Thức Phát Triển' là "Phản Ứng Nhanh Chóng". Vì thời gian có "tầm quan trọng cốt yếu" và cách sử dụng thời gian của người đệ tử có tính quyết định đối với sự thành công của người ấy, nên tính trì trệ và sự thiếu đáp ứng chắc chắn là những điều không mong muốn, vì xét cho cùng, chúng gây lãng phí thời gian. Thời gian chính là chất liệu của thành tựu. Khi thiếu thời gian cần thiết, không thành tựu nào có thể đạt được.

9. Do we have an increasingly enlightened

9. Liệu chúng ta có ngày càng thấu hiểu sáng

understanding of the problems which Master DK faces as He considers the "material" with which He has to work? The Master is, in a way, *all planets* to His chelas. In this case, He is Vulcan, the "Fashioner", working crude material into a reflection of soul-intended design.

suốt hơn những vấn đề mà Chân sư DK phải đối mặt khi Ngài xem xét "vật liệu" mà Ngài phải làm việc với hay không? Theo một nghĩa nào đó, đối với các đệ tử của mình, Chân sư là *tất cả các hành tinh*. Trong trường hợp này, Ngài là Vulcan, "Đấng Tạo Tác", gia công vật liệu thô thành hình ảnh phản chiếu thiết kế mà linh hồn chủ định.

A deep reflection upon the urgency of the times and a sympathetic recognition of the unhappy plight of humanity are much needed by many disciples and aspirants in the world today, particularly by those who are not close to the world situation but who are looking at it from a distance. It is so simple to give a facile expression of sympathy but at the same time to avoid too great an expenditure of energy in service and too intense an effort to be of assistance.

Nhiều đệ tử và người chí nguyện trên thế giới ngày nay rất cần suy ngẫm sâu sắc về tính cấp bách của thời đại và nhận biết với lòng cảm thông tình cảnh bất hạnh của nhân loại, đặc biệt là những người không tiếp cận sát tình hình thế giới mà chỉ nhìn từ xa. Thật dễ dàng biết bao khi bày tỏ đôi lời cảm thông hời hợt, đồng thời lại tránh tiêu hao quá nhiều năng lượng để phụng sự và tránh nỗ lực quá mạnh mẽ để trợ giúp.

1. What the Master says here applies to all of us today as well. Humanity, as a whole, is still "unhappy" and many disciples are still distant from the worst of its distress.

1. Những điều Chân sư nói ở đây cũng áp dụng cho tất cả chúng ta ngày nay. Nhìn chung, nhân loại vẫn "bất hạnh" và nhiều đệ tử vẫn còn ở xa những nỗi khốn khổ tột cùng của nhân loại.

2. Just recently we were studying the instructions of the disciple, SCP, who was a member of the higher social and economic classes in Britain

2. Mới đây, chúng ta đã nghiên cứu những huấn thị dành cho người đệ tử SCP, một người thuộc tầng lớp thượng lưu về xã hội và kinh tế ở Anh

. The Tibetan took her to task for avoiding direct and immediate involvement in the fate of her countrymen during war conditions.

. Chân sư Tây Tạng đã khiển trách bà vì tránh trực tiếp và tức thời dấn thân vào vận mệnh của đồng bào mình trong hoàn cảnh chiến tranh.

3. There is no possible evasion of responsibility in the life of the true disciple. If service is given, then more will be demanded, and still more. The life of the initiate is all-exacting and 'all-*extracting*'.

3. Trong cuộc đời của người đệ tử chân chính, không thể có sự trốn tránh trách nhiệm. Nếu đã phụng sự, thì sẽ có những đòi hỏi cao hơn, rồi cao hơn nữa. Cuộc đời của điểm đạo đồ đòi hỏi tất cả và 'tất cả đều phải *dốc ra*'.

4. Why should Master DK be easy upon His chelas? It would do them no good. He subjects them to incessant demands (however reasonable). Never does He allow them to subside unchallenged into self-satisfaction.

4. Tại sao Chân sư DK lại phải dễ dãi với các đệ tử của Ngài? Điều đó chẳng mang lại lợi ích gì cho họ. Ngài liên tục đặt ra những yêu cầu đối với họ (dù các yêu cầu ấy đều hợp lý). Không bao giờ Ngài để họ chìm vào sự tự mãn mà không bị thách thức.

The hallmark of the pledged disciple and a quality which should increasingly dominate his life is the capacity to identify himself with the part or with the whole — as seems needed at any particular time. Such an attitude involves a comprehensive sweep of love, and this leads to inclusiveness and to the pledging of the life service to the greatest number and to the most needy. If I were asked to specify the outstanding fault of the majority of groups of disciples at this time, I would say that it is the expression of the wrong kind of indifference, leading to an almost immovable preoccupation with their personal ideas [83] and undertakings. These militate against the group integration and tend to block the work.

Dấu hiệu đặc trưng của người đệ tử đã cam kết, đồng thời là một phẩm tính cần ngày càng chi phối cuộc đời y, là khả năng đồng hoá với bộ phận hoặc với toàn thể — tùy theo điều có vẻ cần thiết vào từng thời điểm cụ thể. Một thái độ như thế bao hàm tình thương trải rộng khắp, và điều này dẫn đến tính bao gồm cùng sự cam kết dành trọn đời phụng sự cho số đông nhất và những người cần giúp đỡ nhất. Nếu có ai yêu cầu Tôi chỉ rõ khuyết điểm nổi bật của đa số các nhóm đệ tử vào lúc này, Tôi sẽ nói rằng đó là sự biểu lộ của một kiểu điềm nhiên sai lầm, dẫn đến việc họ gần như bất lay chuyển trong sự bận tâm với những ý tưởng cá nhân [83] và những công việc riêng của mình. Những điều này chống lại sự tích hợp nhóm và có xu hướng cản trở công việc.

1. There is a facility of identification which is required of a pledged disciple. He must be able to identify himself with the part or the whole according to need.

1. Người đệ tử đã cam kết cần có khả năng đồng hoá một cách dễ dàng. Y phải có khả năng đồng hoá với bộ phận hoặc với toàn thể tùy theo nhu cầu.

2. This will require a fluid consciousness and an ability to expand or narrow the focus of attention.

2. Điều này đòi hỏi một tâm thức linh động và khả năng mở rộng hoặc thu hẹp tiêu điểm chú ý.

3. This capacity so to identify necessitates “a comprehensive sweep of love”. It is this *love which can detect need* (whether in the macrocosm or the microcosm).

3. Khả năng đồng hoá như thế đòi hỏi “tình thương trải rộng khắp”. Chính *tình thương này có thể nhận biết nhu cầu* (dù trong đại thiên địa hay tiểu thiên địa).

4. The requirements are demanding. The pledged disciple pledges his/her life service to the “greatest number and to the most

4. Những yêu cầu này rất khắt khe. Người đệ tử đã cam kết nguyện dành trọn đời phụng sự cho “số đông nhất và những người cần

needy". There are so many different levels of need. Who are the "most needy"? The pledged disciple must choose who he/she can serve. All levels of need cannot be met by any one disciple. But among those who have great need, there will be those whom the pledged disciple can *best* serve. This choice requires considerable self-knowledge and a keen discrimination.

giúp đỡ nhất". Có rất nhiều cấp độ nhu cầu khác nhau. Ai là những người "cần giúp đỡ nhất"? Người đệ tử đã cam kết phải lựa chọn những người mình có thể phụng sự. Không một đệ tử nào có thể đáp ứng mọi cấp độ nhu cầu. Nhưng trong số những người có nhu cầu lớn, sẽ có những người mà đệ tử đã cam kết có thể phụng sự *tốt nhất*. Sự lựa chọn này đòi hỏi mức độ hiểu biết đáng kể về bản thân và khả năng phân biện sắc bén.

5. DK looks at many disciples and groups of disciples in today's world and judges them wrongly indifferent — immovably preoccupied with their personal ideas and undertakings. This renders them impervious to the crying need all around them.

5. Chân sư DK nhìn vào nhiều đệ tử và nhóm đệ tử trong thế giới ngày nay và nhận định rằng họ điềm nhiên một cách sai lầm — bám chặt không lay chuyển vào những ý tưởng cá nhân và những công việc riêng của mình. Điều này khiến họ không cảm nhận được nhu cầu thống thiết ở khắp xung quanh.

6. It is incumbent upon each of us to make an accurate and heart-felt determination of those whom we can best serve. If the disciple's actions are not meeting a real need, then those actions are not service.

6. Mỗi người trong chúng ta có bổn phận xác định chính xác và bằng cả tấm lòng những người mà mình có thể phụng sự tốt nhất. Nếu những hành động của người đệ tử không đáp ứng một nhu cầu thực sự, thì những hành động ấy không phải là phụng sự.

One of the things most needed by every disciple is to apply the teaching given to the idea of promoting and increasing their world service, thus rendering practical and effective in their environment the knowledge that has been imparted and the stimulation to which they have been subjected. This is a suggestion to which I would have you pay real attention.

Một trong những điều mỗi đệ tử cần nhất là áp dụng giáo huấn đã nhận để thúc đẩy và gia tăng việc phụng sự thế gian của mình, qua đó làm cho tri thức đã được truyền đạt và sự kích thích đã tiếp nhận trở nên thiết thực và hữu hiệu trong môi trường của họ. Đây là một gợi ý mà Tôi mong các bạn thực sự chú tâm.

1. We are told what we must do. We have been given much. That which has been given (the teaching) is to be applied to promoting and increasing our world service. The outcome must be practical and effective in our environment.

1. Chúng ta đã được chỉ cho biết điều mình phải làm. Chúng ta đã nhận được rất nhiều. Những gì đã được trao cho chúng ta (giáo huấn) phải được áp dụng để thúc đẩy và gia tăng việc phụng sự thế gian của chúng ta. Kết quả phải thiết thực và hữu hiệu trong

môi trường của chúng ta.

2. Have we questioned ourselves, "How may I increase my service rendering it more practical and effective?" This is another of those questions which bears daily pondering.

2. Chúng ta đã tự hỏi mình chưa: "Làm thế nào tôi có thể gia tăng việc phụng sự, khiến nó thiết thực và hữu hiệu hơn?" Đây lại là một câu hỏi đáng suy ngẫm hằng ngày.

I would like also at this point to bring to your attention the fact that an accepted disciple is not in reality one who has been accepted by a Master for training. This is the distortion of a true idea which, in its progress from the mental plane to the physical, has achieved a complete reversal or distortion.

Lúc này, Tôi cũng muốn các bạn chú ý đến sự thật rằng một đệ tử được chấp nhận thực ra không phải là người đã được một Chân sư chấp nhận để huấn luyện. Đây là sự xuyên tạc một ý tưởng chân thực; trong tiến trình đi từ cõi trí xuống cõi hồng trần, ý tưởng ấy đã bị đảo ngược hoặc bóp méo hoàn toàn.

1. As Master DK is speaking to a group of accepted disciples, a truer understanding of the term "accepted disciple" is necessary.

1. Vì Chân sư DK đang nói với một nhóm đệ tử được chấp nhận, nên cần có sự thấu hiểu đúng đắn hơn về thuật ngữ "đệ tử được chấp nhận".

2. On different occasions, He seems to say different things about accepted discipleship. There *is* one component of acceptance which is, indeed, "acceptance by a Master", but the emphasis, He tells us, is incorrect.

2. Vào những dịp khác nhau, dường như Ngài nói những điều khác nhau về địa vị đệ tử được chấp nhận. Quả thực *có* một thành phần của sự chấp nhận là "được một Chân sư chấp nhận", nhưng Ngài cho chúng ta biết rằng việc đặt trọng tâm vào đó là không đúng.

3. DK reverses the normal idea, placing His emphasis upon the "accepting disciple" rather than the "accepted disciple". The degree of the disciple's acceptance (and fulfillment) of the requirements is the degree of the Master's acceptance of the disciple.

3. Chân sư DK đảo ngược ý tưởng thông thường, đặt trọng tâm vào "đệ tử chấp nhận" thay vì "đệ tử được chấp nhận". Mức độ chấp nhận (và đáp ứng) các yêu cầu của người đệ tử chính là mức độ chấp nhận người đệ tử ấy của Chân sư.

An accepted disciple is one who:

Một đệ tử được chấp nhận là người:

1. Has accepted the fact of the Hierarchy with the implications of loyalty and cooperation which that acceptance involves.

1. Đã chấp nhận sự thật về Thánh đoàn, cùng những hàm ý về lòng trung thành và sự hợp tác mà sự chấp nhận ấy đòi hỏi.

2. Has accepted the fact that all souls are one and who has, therefore, pledged himself to seek expression as a soul. The service to be rendered is the awakening and stimulation of all souls contacted.

2. Đã chấp nhận sự thật rằng mọi linh hồn đều là một, và do đó đã cam kết tìm cách biểu lộ như một linh hồn. Việc phụng sự cần thực hiện là đánh thức và kích thích mọi linh hồn mà mình tiếp xúc.

3. Has accepted the occult technique of service. His service to humanity determines all his activities and subordinates his personality to the need of the time. Note that phrase. Cultivate insight and a fluid response to the immediate need and not a sensitive reaction to a distant goal.

3. Đã chấp nhận kỹ thuật phụng sự huyền bí. Việc phụng sự nhân loại quyết định mọi hoạt động của y và khiến phàm ngã của y phục tùng nhu cầu của thời đại. Hãy lưu ý cụm từ ấy. Hãy vun bồi sự thấu triệt và khả năng đáp ứng linh động với nhu cầu trước mắt, thay vì phản ứng nhạy cảm với một mục tiêu xa xôi.

4. Has accepted the Plan, as indicated by the Teachers of the race. He seeks to understand the nature of that Plan and to facilitate its manifestation.

4. Đã chấp nhận Thiên Cơ, theo sự chỉ dẫn của các Huấn sư của nhân loại. Y tìm cách thấu hiểu bản chất của Thiên Cơ ấy và tạo thuận lợi cho sự biểu hiện của nó.

1. This is a most important section outlining the requirements for acceptance. We have already seen that the pledged disciple is committed to meet group and individual need through a capacity to identify with the whole or with the part.

1. Đây là một phần hết sức quan trọng, phác thảo những yêu cầu để được chấp nhận. Chúng ta đã thấy rằng người đệ tử đã cam kết nguyện đáp ứng nhu cầu của nhóm và cá nhân thông qua khả năng đồng hoá với toàn thể hoặc với bộ phận.

2. For the accepting/accepted disciple the Hierarchy is a *fact,* not a theory. The factuality of Hierarchy is proven interiorly by the intuition. Loyalty and cooperation are the result. One who thinks the Hierarchy *may* exist cannot commit himself/herself fully. When the conviction as to the reality of Hierarchy is present, full loyalty and cooperation are offered — *if* the disciple is an accepting/accepted disciple.

2. Đối với đệ tử chấp nhận/được chấp nhận, Thánh đoàn là một *sự thật,* không phải một lý thuyết. Trực giác xác chứng từ bên trong tính xác thực của Thánh đoàn. Lòng trung thành và sự hợp tác là kết quả của điều đó. Người cho rằng Thánh đoàn *có thể* tồn tại thì không thể cam kết trọn vẹn. Khi có niềm xác tín về thực tại của Thánh đoàn, người đệ tử sẽ thể hiện trọn vẹn lòng trung thành và sự hợp tác — *nếu* đó là một đệ tử chấp nhận/được chấp nhận.

3. There is a point at which the attitude acceptance becomes *true knowledge.*

3. Có một thời điểm mà thái độ chấp nhận trở thành *đích thực* là *tri thức.*

4. The true accepted disciple accepts that all

4. Người đệ tử được chấp nhận chân chính

souls are one. He/she can no longer use the thought "my soul and thine". Such a disciple is *pledged* to seek expression as a soul. An accepted disciple is increasingly the soul-in-expression.

chấp nhận rằng mọi linh hồn đều là một. Người ấy không còn có thể sử dụng ý nghĩ "linh hồn của tôi và linh hồn của bạn". Một đệ tử như thế *cam kết* tìm cách biểu lộ như một linh hồn. Người đệ tử được chấp nhận ngày càng là linh hồn đang biểu lộ.

5. A certain type of service grows from this expression as a soul; it is the obligation to awaken and stimulate all souls contacted. Of course, if one is expressing as a soul, this awakening and stimulation will be an automatic result.

5. Một loại phụng sự nhất định nảy sinh từ sự biểu lộ như một linh hồn này; đó là bổn phận đánh thức và kích thích mọi linh hồn mà mình tiếp xúc. Dĩ nhiên, nếu một người đang biểu lộ như một linh hồn, thì sự đánh thức và kích thích ấy sẽ là kết quả tự nhiên.

6. An accepting-thus-accepted disciple is committed to the utilization of "the occult technique of service". His service to humanity subordinates the personality and its desires. Paramount in his vision is the "need of the times". Humanity has many needs, but not all such needs are equally pressing or demanding immediate fulfillment.

6. Một đệ tử chấp nhận và do đó được chấp nhận cam kết sử dụng "kỹ thuật phụng sự huyền bí". Việc phụng sự nhân loại của y khiến phàm ngã cùng những dục vọng của nó phải phục tùng. Điều tối quan trọng trong tầm nhìn của y là "nhu cầu của thời đại". Nhân loại có nhiều nhu cầu, nhưng không phải tất cả đều cấp bách như nhau hoặc đều đòi hỏi được đáp ứng tức thời.

7. The true server is not working on the fulfillment of distant goals and distantly-eventual needs. It is the pressing needs of the moment which arrest his attention. Otherwise he finds himself the victim of illusion — doing something that must be done *eventually* at a time which is unsuitable. Thus, the accepting/accepted disciple has a sense of 'co-measurement in time'. This is another way of calling attention to the *practicality* of the true accepted disciple. One cannot build the roof before one has built the foundation. Service which is not time-relevant is motivated in some way by selfishness; such as server is serving himself and his own preferences rather than present need.

7. Người phụng sự chân chính không làm việc để thực hiện những mục tiêu xa xôi và đáp ứng những nhu cầu chỉ sẽ xuất hiện trong tương lai xa. Chính những nhu cầu cấp bách của hiện tại thu hút sự chú ý của y. Nếu không, y sẽ trở thành nạn nhân của ảo tưởng — làm một việc *rốt cuộc* phải làm, nhưng vào thời điểm không thích hợp. Do đó, người đệ tử chấp nhận/được chấp nhận có ý thức về 'sự cân xứng với thời điểm'. Đây là một cách khác để lưu ý đến *tính thiết thực* của người đệ tử được chấp nhận chân chính. Không thể xây mái nhà trước khi xây nền móng. Việc phụng sự không phù hợp với thời điểm chịu sự thúc đẩy của tính ích kỷ dưới một hình thức nào đó; người phụng sự như thế đang phụng sự bản thân và những sở thích riêng thay vì nhu cầu hiện tại.

8. Another vital acceptance is the acceptance of the Plan. The true accepted disciple is driven by the Divine Plan (as he/she understands it). Such an acceptance will rapidly eliminate the strictly personal attitude. The Plan is triadally based and efforts at manifesting a portion of that Plan call for the impersonality of the spiritual triad. Perhaps we are saying that the true accepting/accepted disciple has *built the antahkarana*

8. Một sự chấp nhận thiết yếu khác là chấp nhận Thiên Cơ. Người đệ tử được chấp nhận chân chính được Thiên Cơ thúc đẩy (theo mức độ người ấy thấu hiểu Thiên Cơ). Sự chấp nhận như thế sẽ nhanh chóng loại bỏ thái độ thuần túy cá nhân. Thiên Cơ đặt nền tảng nơi Tam Nguyên Tinh Thần, và những nỗ lực nhằm biểu hiện một phần của Thiên Cơ ấy đòi hỏi tính vô ngã của Tam Nguyên Tinh Thần. Có lẽ chúng ta đang nói rằng người đệ tử chấp nhận/được chấp nhận chân chính đã *xây dựng antahkarana*

9. 'Down' the antahkarana come those convictions which make such acceptances whole-heartedly possible. Real *acceptance* is not *theoretical* acceptance. There is something more, based upon faith, contact, growing intuitive knowledge and subsequent conviction.

9. 'Xuôi xuống' theo antahkarana là những niềm xác tín khiến những sự chấp nhận ấy có thể diễn ra một cách toàn tâm toàn ý. Sự *chấp nhận* thực sự không phải là sự chấp nhận *trên lý thuyết*. Còn có điều gì đó hơn thế, dựa trên đức tin, sự tiếp xúc, tri thức trực giác ngày càng phát triển và niềm xác tín theo sau.

Other points (of a more individual nature) could be enumerated, but I would have you lay the emphasis upon the acceptances which have or should have motivated your attitude and I would ask you not to emphasise so unduly in your private thoughts this idea of being "accepted by a Master. " This thought and its teaching by many esoteric groups has been productive of much error, much misunderstanding, much pain and much disillusionment. A disciple is trained in certain important [84] matters and not in his relation to a Master.

Có thể liệt kê những điểm khác (mang tính cá nhân hơn), nhưng Tôi muốn các bạn đặt trọng tâm vào những sự chấp nhận đã hoặc lẽ ra phải thúc đẩy thái độ của các bạn, và Tôi đề nghị các bạn đừng quá nhấn mạnh trong những suy nghĩ riêng tư ý tưởng được "một Chân sư chấp nhận. " Ý nghĩ này cùng việc nhiều nhóm huyền bí giảng dạy nó đã gây ra nhiều sai lầm, nhiều sự hiểu lầm, nhiều đau khổ và nhiều nỗi vỡ mộng. Một đệ tử được huấn luyện về một số vấn đề quan trọng [84] chứ không phải về mối quan hệ của y với một Chân sư.

1. DK wants a readjustment of His chelas' ideas. The selfish emphasis upon being "accepted by a Master" is to be removed. It is a passive and non-progressive approach.

1. Chân sư DK muốn điều chỉnh lại những ý tưởng của các đệ tử của Ngài. Cần loại bỏ sự chú trọng ích kỷ vào việc được "một Chân sư chấp nhận". Đó là một cách tiếp cận thụ động và không thúc đẩy tiến bộ.

2. Instead the disciple is to work upon the

2. Thay vào đó, người đệ tử cần nỗ lực thực

acceptances outlined which, once established, will lead automatically, by law, to that which has been called acceptance by a Master.

hiện những sự chấp nhận đã được phác thảo; một khi được xác lập, chúng sẽ tự động dẫn đến điều được gọi là sự chấp nhận của một Chân sư, theo định luật.

3. The longing after contact with Master is almost invariably selfishly based. The sorry results of inaccurate instruction along these lines is recounted.

3. Niềm khao khát tiếp xúc với Chân sư hầu như luôn bắt nguồn từ tính ích kỷ. Những hậu quả đáng buồn của sự chỉ dạy thiếu chính xác theo hướng này đã được kể lại.

4. The disciple keeps his/her mind upon "certain important matters" over which he/she has some control. When the correct fulfillments are achieved, a growing intimacy with the Master and His Ashram is inevitable.

4. Người đệ tử tập trung thể trí vào "một số vấn đề quan trọng" mà mình có thể kiểm soát ở một mức độ nào đó. Khi đáp ứng đúng những yêu cầu, sự gần gũi ngày càng tăng với Chân sư và ashram của Ngài là điều tất yếu.

5. We can see Master DK working to change certain non-productive assumptions concerning discipleship and the relation of the disciple to the Master. He has set Himself against the strictly devotional approach — at least when it comes to training disciples in the newer ways.

5. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK đang nỗ lực thay đổi một số giả định không mang lại kết quả về địa vị đệ tử và mối quan hệ của người đệ tử với Chân sư. Ngài đã phản đối cách tiếp cận thuần túy sùng tín — ít nhất là khi huấn luyện các đệ tử theo những phương thức mới hơn.

These factors of importance to a disciple are:

Những yếu tố quan trọng đối với một đệ tử là:

1. The whole subject of humanity — its present status, its problems and the opportunity immediately presented. A disciple is one who seeks at all times to aid humanity and to further the processes of evolution as well as to develop that deep love of mankind which is the distinguishing mark of the initiate and of the Master.

1. Toàn bộ chủ đề về nhân loại — tình trạng hiện tại, những vấn đề của nhân loại và cơ hội đang hiện ra trước mắt. Một đệ tử là người luôn tìm cách trợ giúp nhân loại và thúc đẩy các tiến trình tiến hoá, cũng như phát triển tình thương sâu sắc dành cho nhân loại vốn là dấu hiệu phân biệt của điểm đạo đồ và Chân sư.

1. The factors over which the disciple has some real control and which should magnetize his interest are offered.

1. Ở đây nêu ra những yếu tố mà người đệ tử thực sự có thể kiểm soát ở một mức độ nào đó và cần thu hút sự quan tâm của y.

2. Disciples are servers of humanity. They must study the present state of humanity so

2. Các đệ tử là những người phụng sự nhân loại. Họ phải nghiên cứu tình trạng hiện tại

as to be able to bring aid intelligently and effectively.

3. The disciple's attention is not *on the Master,* but upon humanity's need and the ways open to him to meet that need.

4. We note that a Master (no matter what His ray) is distinguished by a "deep love of mankind". This, all true disciples strive to develop.

2. The subject of initiation. A study of this subject will lead to a consideration of its secondary development and its basic objective of a progressive identification with the soul of the disciple, with the soul of the group, with the soul of humanity as a whole and with the soul in all forms.

1. It is of moment for disciples to study the process of initiation. In this way they can be empowered to serve more potently and effectively.

2. DK frames the process of initiation in terms of *identification.* Initiation connotes a progressive series of identifications with the soul of the disciple, the soul of the group, the soul of humanity as a whole, and with soul in all forms. The process of initiation is a progression into ever-heightening *soul-sensitivity.*

3. The subject of service. This is not service as it is usually understood. The ordinary connotation has largely lost its significance through wrong emphasis. The initiate considers service as the spontaneous, easy expression of a definite soul contact, brought down on to the physical plane and

của nhân loại để có thể trợ giúp một cách sáng suốt và hữu hiệu.

3. Sự chú ý của người đệ tử không đặt *vào Chân sư,* mà vào nhu cầu của nhân loại và những phương cách y có thể sử dụng để đáp ứng nhu cầu ấy.

4. Chúng ta lưu ý rằng một Chân sư (bất kể Ngài thuộc cung nào) có dấu hiệu đặc trưng là "tình thương sâu sắc dành cho nhân loại". Tất cả các đệ tử chân chính đều nỗ lực phát triển điều này.

2. Chủ đề điểm đạo. Việc nghiên cứu chủ đề này sẽ dẫn đến việc xem xét sự phát triển thứ yếu của nó và mục tiêu căn bản là sự đồng hoá ngày càng sâu với linh hồn của người đệ tử, với linh hồn của nhóm, với linh hồn của toàn thể nhân loại và với linh hồn trong mọi hình tướng.

1. Việc nghiên cứu tiến trình điểm đạo có ý nghĩa quan trọng đối với các đệ tử. Bằng cách này, họ có thể có thêm quyền năng để phụng sự mạnh mẽ và hữu hiệu hơn.

2. Chân sư DK trình bày tiến trình điểm đạo theo nghĩa *đồng hoá.* Điểm đạo hàm ý một chuỗi đồng hoá ngày càng sâu với linh hồn của người đệ tử, linh hồn của nhóm, linh hồn của toàn thể nhân loại và với linh hồn trong mọi hình tướng. Tiến trình điểm đạo là sự tiến vào *tính nhạy cảm với linh hồn ngày càng cao.*

3. Chủ đề phụng sự. Đây không phải là phụng sự theo cách người ta thường hiểu. Ý nghĩa thông thường của từ này phần lớn đã mất đi thâm nghĩa do đặt trọng tâm sai chỗ. Điểm đạo đồ xem phụng sự là sự biểu lộ tự phát, dễ dàng của một sự tiếp xúc rõ rệt với linh hồn, được đưa xuống cõi hồng trần và

giving insight, practicality and inspiration to the disciple as he works on the outer plane of expression. Most disciples are occupied vaguely with achieving inspiration but know nothing of the earlier stages of insight, leading to the practical and wise expression of the met need upon the level of daily living. One of the major undertakings of the accepted disciple (or, as I would prefer to term it, the accepting disciple) is to transform himself from a well-intentioned idealist into a man of action on behalf of humanity.

đem lại sự thấu triệt, tính thiết thực và cảm hứng cho người đệ tử khi y hoạt động trên cõi biểu lộ bên ngoài. Đa số đệ tử chỉ mơ hồ bận tâm đến việc đạt được cảm hứng, nhưng không biết gì về những giai đoạn thấu triệt trước đó, vốn dẫn đến sự biểu lộ thiết thực và minh triết qua việc đáp ứng nhu cầu ở cấp độ đời sống hằng ngày. Một trong những công việc chính của người đệ tử được chấp nhận (hay, theo cách Tôi thích gọi hơn, người đệ tử chấp nhận) là chuyển đổi bản thân từ một người lý tưởng có thiện chí thành một người hành động vì nhân loại.

1. DK continues with His listing of the subjects which should arrest the attention of disciples.

1. Chân sư DK tiếp tục liệt kê những chủ đề cần thu hút sự chú ý của các đệ tử.

2. The Master, as elsewhere, seeks to redefine service. The definition offered is important: "The initiate considers service as the spontaneous, easy expression of a definite soul contact, brought down on to the physical plane and giving insight, practicality and inspiration to the disciple as he works on the outer plane of expression".

2. Cũng như ở những chỗ khác, Chân sư tìm cách định nghĩa lại sự phụng sự. Định nghĩa được đưa ra rất quan trọng: "Điểm đạo đồ xem phụng sự là sự biểu lộ tự phát, dễ dàng của một sự tiếp xúc rõ rệt với linh hồn, được đưa xuống cõi hồng trần và đem lại sự thấu triệt, tính thiết thực và cảm hứng cho người đệ tử khi y hoạt động trên cõi biểu lộ bên ngoài".

3. If there is no "definite soul contact" there is no service; many imitations of service exist however due to the "monkey-like" nature of the personality. Such service, however, is inauthentic because it does not arise within the soul and under the influence of the soul.

3. Nếu không có "sự tiếp xúc rõ rệt với linh hồn" thì không có phụng sự; tuy nhiên, có nhiều sự mô phỏng phụng sự do bản chất "bắt chước như khỉ" của phàm ngã. Tuy nhiên, sự phụng sự như thế không chân thực vì nó không khởi sinh trong linh hồn và dưới ảnh hưởng của linh hồn.

4. We note that true service is both "spontaneous" and "easy" — it is not a labored effort full of strain.

4. Chúng ta lưu ý rằng sự phụng sự chân chính vừa "tự phát" vừa "dễ dàng" — đó không phải là một nỗ lực nhọc nhằn đầy căng thẳng.

5. *Inspiration* depends upon *insight*; consciousness precedes the energy

5. *Cảm hứng* phụ thuộc vào *sự thấu triệt*; tâm thức có trước năng lượng mà tâm thức ấy

stimulated by that consciousness. Right understanding promotes an influx of higher energy. We see, then, that access to subtle energy cannot be forced, just as thoughtforms of solution cannot be "built" unless there is clear thinking about the problem to be alleviated by the thoughtforms.

kích thích. Sự thấu hiểu đúng đắn thúc đẩy dòng năng lượng cao hơn tuôn vào. Vì vậy, chúng ta thấy rằng không thể cưỡng ép việc tiếp cận năng lượng vi tế, cũng như không thể "xây dựng" những hình tư tưởng về giải pháp nếu không suy nghĩ rõ ràng về vấn đề mà những hình tư tưởng ấy sẽ giúp làm giảm nhẹ.

6. We should remember that the Tibetan *prefers* the term "accepting disciple". Elsewhere He grades the terms: "accepting disciple" preceding "pledged disciple", preceding "accepted disciple".

6. Chúng ta nên nhớ rằng Chân sư Tây Tạng *ưa dùng* thuật ngữ "đệ tử chấp nhận". Ở nơi khác, Ngài sắp xếp các thuật ngữ theo cấp độ: "đệ tử chấp nhận" đi trước "đệ tử đã cam kết", rồi mới đến "đệ tử được chấp nhận".

7. The modern disciple is a practical mystic. He is no longer strictly a "well-intentioned idealist"; he knows how to *do* something for humanity. He becomes a "man of action". We can see that the days of strictly contemplative life for disciples is over.

7. Người đệ tử hiện đại là một nhà thần bí thiết thực. Y không còn thuần túy là một "người lý tưởng có thiện chí"; y biết cách *làm* điều gì đó cho nhân loại. Y trở thành một "người hành động". Chúng ta có thể thấy rằng thời kỳ sống thuần túy chiêm ngưỡng của các đệ tử đã qua.

When a group can think unanimously along these lines and work in unison, then the first step will have been taken towards group initiation which is the goal of the new discipleship.

Khi một nhóm có thể suy nghĩ đồng lòng theo những hướng này và làm việc thống nhất, thì bước đầu tiên hướng tới điểm đạo nhóm, vốn là mục tiêu của địa vị đệ tử mới, đã được thực hiện.

1. The three subjects of humanity, initiation and service deserve concerted individual and group thought.

1. Ba chủ đề nhân loại, điểm đạo và phụng sự đáng được cá nhân và nhóm cùng tập trung suy ngẫm.

2. When the group members can "think unanimously along these lines and work in unison", then a foundation is firmly laid for group initiation — the goal of the new discipleship.

2. Khi các thành viên nhóm có thể "suy nghĩ đồng lòng theo những định hướng này và làm việc đồng bộ", thì một nền tảng vững chắc được thiết lập cho điểm đạo nhóm — mục tiêu của địa vị đệ tử mới.

3. Group initiation is such a new approach. Master DK must present the steps toward its achievement.

3. Điểm đạo nhóm quả là một cách tiếp cận mới. Chân sư DK phải trình bày các bước tiến đến việc thành tựu điều đó.

4. Some requirements for group initiation are listed.

Group initiation involves:

1. The possession and recognition of a united vision to which the individual in the group subordinates himself.

1. A united vision. Each disciple has his/her own vision or visions. But there is a type of vision which must be shared by all in the group.

2. Moreover, the personalities of all concerned, and the group personality must be subordinated to that vision.

3. Have we noticed how often the factor of *subordination* is mentioned? It is not usually a popular word in these highly individualistic times. People refuse to subordinate themselves to that which is greater than they are. If they persist in this attitude they immediately prove their unsuitability for cooperation with the Hierarchy (and even for cooperation with their own soul).

2. The simultaneous rapport of the group members with the soul on its own level (that composite group soul which is composed of the soul of each individual member). This leads to group integration on soul levels.

1. This is one of the few places where DK speaks of "group soul" — "that composite group soul which is composed of the soul of the each individual member".

2. Apart from the technicalities concerning how the various causal bodies may be

4. Một số yêu cầu đối với điểm đạo nhóm được liệt kê.

Điểm đạo nhóm bao hàm:

1. Có và nhận biết một tầm nhìn thống nhất mà mỗi cá nhân trong nhóm tự đặt mình dưới sự dẫn dắt của tầm nhìn ấy.

1. Một tầm nhìn thống nhất. Mỗi đệ tử có tầm nhìn hoặc những tầm nhìn riêng. Nhưng có một loại tầm nhìn mà tất cả mọi người trong nhóm phải cùng chia sẻ.

2. Hơn nữa, phàm ngã của tất cả những người liên quan và phàm ngã nhóm phải phục tùng tầm nhìn ấy.

3. Chúng ta có nhận thấy yếu tố *phục tùng* được nhắc đến thường xuyên đến mức nào không? Trong thời đại đề cao cá nhân như hiện nay, đây thường không phải là một từ được ưa chuộng. Người ta từ chối phục tùng điều gì lớn lao hơn mình. Nếu cứ giữ thái độ này, họ lập tức chứng tỏ mình không thích hợp để hợp tác với Thánh đoàn (và ngay cả để hợp tác với chính linh hồn mình).

2. Sự giao cảm đồng thời của các thành viên nhóm với linh hồn trên chính cấp độ của linh hồn (hồn nhóm tổng hợp ấy được cấu thành từ linh hồn của từng thành viên riêng biệt). Điều này dẫn đến sự tích hợp nhóm trên các cấp độ linh hồn.

1. Đây là một trong số ít nơi Chân sư DK nói đến "hồn nhóm" — "hồn nhóm tổng hợp ấy được cấu thành từ linh hồn của từng thành viên riêng biệt".

2. Ngoài những chi tiết chuyên môn về cách các thể nguyên nhân khác nhau có thể liên

related and arranged, we can think of group soul as a greater and more inclusive consciousness which includes the proper consciousness of each 'individual' soul participating in group soul.

3. It is conceivable to slip out of one's 'own' soul experience, into a type of perception which includes the soul perspectives of all group members.

4. This group-soul-whole, will be greater than the sum of its parts. The ability to merge and blend with group soul is one of the spiritual rewards of subordinating the personal consciousness to the purpose and vision which *animates* the group.

5. We note that the rapport of the group members is to be "simultaneous"; in this simultaneity lies united perception.

hệ và sắp xếp với nhau, chúng ta có thể xem hồn nhóm là một tâm thức rộng lớn hơn, có tính bao gồm hơn, bao gồm tâm thức riêng của mỗi linh hồn 'cá nhân' tham gia vào hồn nhóm.

3. Có thể hình dung việc bước ra khỏi trải nghiệm linh hồn của 'riêng mình', để đi vào một loại tri giác bao gồm các góc nhìn linh hồn của tất cả các thành viên nhóm.

4. Toàn thể hồn nhóm này sẽ lớn hơn tổng số các thành phần của nó. Khả năng hòa nhập và hòa quyện với hồn nhóm là một trong những phần thưởng tinh thần của việc đặt tâm thức cá nhân dưới mục đích và tầm nhìn vốn *truyền sức sống cho* nhóm.

5. Chúng ta lưu ý rằng sự giao cảm của các thành viên nhóm phải diễn ra "đồng thời"; chính trong tính đồng thời này có sự tri giác thống nhất.

3. The blended consecrated contact of the group personalities upon the three levels of personality expression — the [85] mental, astral and etheric levels of awareness. Some group members contact each other on one level and some on another, but the aim should be a close contact on all three levels at will and all together when the group, as a group, demands it. This is a hard saying but later a clearer understanding will come of what this means and what it brings about.

3. Sự tiếp xúc hòa quyện, thánh hiến của các phàm ngã trong nhóm trên ba cấp độ biểu hiện của phàm ngã — các [85] cấp độ nhận biết trí tuệ, cảm dục và dĩ thái. Một số thành viên nhóm tiếp xúc với nhau trên một cấp độ, còn một số khác trên một cấp độ khác, nhưng mục tiêu phải là sự tiếp xúc mật thiết trên cả ba cấp độ theo ý muốn và đồng loạt khi nhóm, với tư cách một nhóm, đòi hỏi điều đó. Đây là một lời khó hiểu, nhưng về sau sẽ có sự thấu hiểu rõ ràng hơn về ý nghĩa và những kết quả mà điều này mang lại.

1. When considering the requirements for group initiation, the personalities of the group members must also be involved.

2. There is to be contact between the personalities of all group members, but it is to be *consecrated* contact; therein lies all the

1. Khi xem xét các yêu cầu đối với điểm đạo nhóm, phàm ngã của các thành viên nhóm cũng phải tham gia.

2. Phải có sự tiếp xúc giữa phàm ngã của tất cả các thành viên nhóm, nhưng đó phải là sự tiếp xúc *thánh hiến*; chính ở đó có toàn bộ sự

difference.

khác biệt.

3. Already this contact exists to a degree between the various personality aspects of various group members. It is however to be a general contact on all levels between all group members.

3. Sự tiếp xúc này đã hiện hữu ở một mức độ nào đó giữa các phương diện phàm ngã khác nhau của các thành viên khác nhau trong nhóm. Tuy nhiên, đó phải là sự tiếp xúc bao quát trên mọi cấp độ giữa tất cả các thành viên nhóm.

4. This would mean mental, emotional and *etheric* contact. Note that the etheric body is the true physical body. Physical contact, per se, is not required, but the proximity of physical bodies may facilitate etheric contact.

4. Điều này hàm ý sự tiếp xúc trí tuệ, cảm xúc và *dĩ thái*. Hãy lưu ý rằng thể dĩ thái mới là thể xác đích thực. Không đòi hỏi chính sự tiếp xúc thể xác, nhưng sự gần gũi giữa các thể xác có thể tạo thuận lợi cho sự tiếp xúc dĩ thái.

5. The personality contact is to be "close" and producible when there is a need for it. Part of the Externalization of the Hierarchy is the pervasion of all aspects of the personality by soul presence.

5. Sự tiếp xúc phàm ngã phải "mật thiết" và có thể thiết lập khi cần. Một phần của Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn là sự hiện diện của linh hồn thấm khắp mọi phương diện của phàm ngã.

6. DK speaks in rather veiled terms about a "hard saying" which will be clarified at a later time. It would seem that in the Externalization process, Ashramic intimacy must be reproducible on all levels of expression; it is not strictly a matter pertaining to the higher planes.

6. Chân sư DK nói bằng những lời khá kín đáo về một "lời khó hiểu" sẽ được làm sáng tỏ về sau. Dường như trong tiến trình Hiển Lộ, sự thân thiết trong ashram phải có thể tái hiện trên mọi cấp độ biểu hiện; đây không chỉ là vấn đề thuộc về các cõi cao.

4. The ability of the group to stand united and with no barriers between the group members of any kind. This will necessarily involve the sacrifice of personality reactions, ideals and plans. At present the varying ideals, attitudes and points of view separate disciples from each other. These must go.

4. Khả năng của nhóm đứng vững trong sự hợp nhất, không có bất kỳ rào cản nào giữa các thành viên nhóm. Điều này tất yếu bao hàm việc hi sinh các phản ứng, lý tưởng và kế hoạch của phàm ngã. Hiện nay, những lý tưởng, thái độ và quan điểm khác nhau chia cách các đệ tử với nhau. Những điều này phải được loại bỏ.

1. Group initiation cannot occur in an atmosphere of separatism. The barriers between group members must be eliminated.

1. Điểm đạo nhóm không thể diễn ra trong một bầu không khí chia rẽ. Phải loại bỏ các rào cản giữa các thành viên nhóm.

2. Barriers are caused by personality reactions, ideals and plans.

3. Each group intent on the process of group initiation must discover for itself those personality factors which are contributing to separation between group members and, thus, the short-circuiting of energy which should flow through the entire group in a unified manner.

4. Another way of addressing this problem is to say that there is necessarily a high value placed upon 'group harmony'. "Let no discord enter our building".

5. It makes no difference that a disciple may think he is "right" and another "wrong". The whole group suffers a reduction of its potential if barriers (whether mental, emotional or etheric) cannot be eliminated.

2. Các phản ứng, lý tưởng và kế hoạch của phàm ngã gây ra những rào cản.

3. Mỗi nhóm quyết tâm theo đuổi tiến trình điểm đạo nhóm phải tự khám phá những yếu tố phàm ngã đang góp phần chia cách các thành viên nhóm và do đó gây đoản mạch cho năng lượng lẽ ra phải lưu chuyển một cách thống nhất qua toàn nhóm.

4. Một cách khác để đề cập đến vấn đề này là nói rằng nhất thiết phải hết sức coi trọng 'sự hòa hợp nhóm'. "Đừng để bất hòa xâm nhập vào công trình chúng ta xây dựng".

5. Việc một đệ tử có thể nghĩ mình "đúng" còn người khác "sai" chẳng làm thay đổi điều gì. Toàn nhóm sẽ bị giảm tiềm năng nếu không thể loại bỏ các rào cản (dù là trí tuệ, cảm xúc hay dĩ thái).

There are, of course, other requirements but if you can understand the above and seek — to the best of your ability — to meet them, that is all that I ask at present. One of the great needs of all disciples and aspirants is the detached relinquishing of pet theories as to life, discipleship and the Plan; the preserving of that open mind which is ever ready for the unexpected presentation and able (when the spiritual vision is strong enough) to achieve a quick reversal of all preconceived ideals. This must be done when it is deemed spiritually wise and it involves also that waiting attitude which expects the new vision to appear, the newer truths to emerge into formulated clarity and the new potencies to become increasingly effective. Such attitudes are peculiarly difficult for those disciples who have the sixth Ray of Devotion and Idealism dominant in their energy equipment, for the

Dĩ nhiên còn có những yêu cầu khác, nhưng nếu các bạn có thể thấu hiểu những điều trên và cố gắng đáp ứng chúng trong khả năng tốt nhất của mình, thì đó là tất cả những gì Tôi yêu cầu vào lúc này. Một trong những điều hết sức cần thiết đối với mọi đệ tử và người chí nguyện là buông bỏ, với thái độ tách rời, những lý thuyết ưa thích về sự sống, địa vị đệ tử và Thiên Cơ; giữ một thể trí cởi mở, luôn sẵn sàng đón nhận điều bất ngờ xuất hiện và có khả năng (khi tầm nhìn tinh thần đủ mạnh) nhanh chóng đảo ngược mọi lý tưởng đã định sẵn. Phải làm điều này khi xét thấy đó là điều minh triết về mặt tinh thần, và điều này cũng bao hàm thái độ chờ đợi, trông mong tầm nhìn mới xuất hiện, những chân lý mới hơn hiện ra thành những diễn đạt rõ ràng, và những tiềm lực mới ngày càng phát huy hiệu quả. Những thái độ như vậy đặc biệt khó đối với các đệ tử có cung sáu Sùng Tín và Lý Tưởng chiếm ưu thế trong hệ

ideals of a sixth ray aspirant crystallise most rapidly and are quickly distorted thereby. The temporary ideal (intended to guide the undeveloped aspirant) can become a barrier, separating him from truth and from the realisation of a truer vision.

thống năng lượng của mình, vì các lý tưởng của một người chí nguyện cung sáu kết tinh nhanh nhất và do đó nhanh chóng bị bóp méo. Lý tưởng tạm thời (vốn nhằm hướng dẫn người chí nguyện chưa phát triển) có thể trở thành một rào cản, chia cách y với chân lý và với việc nhận biết một tầm nhìn chân thực hơn.

1. DK does not ask for all possible fulfillments. Four are given and, if fulfilled, will bring the possibility of group initiation close to reality.

1. Chân sư DK không yêu cầu phải đáp ứng mọi điều có thể đặt ra. Bốn yêu cầu đã được đưa ra và nếu đáp ứng được, khả năng điểm đạo nhóm sẽ tiến gần đến hiện thực.

2. One additional requirement from group initiation seems to be flexibility of mind — detachment from one's own thoughts about life, discipleship and the Plan (one's "pet theories"). Our minds are very limited and that which we may 'hug to ourselves' as correct has often been strengthened more by repetition than by access to light. Many reversals of point of view are not only possible but probable.

2. Một yêu cầu bổ sung đối với điểm đạo nhóm dường như là sự linh hoạt của thể trí — tách rời khỏi những suy nghĩ của chính mình về sự sống, địa vị đệ tử và Thiên Cơ (những "lý thuyết ưa thích" của mình). Thể trí của chúng ta rất hạn hẹp, và điều mà chúng ta có thể 'ôm giữ cho riêng mình' như điều đúng đắn thường được củng cố nhờ sự lặp lại nhiều hơn là nhờ tiếp cận ánh sáng. Nhiều sự đảo ngược quan điểm không chỉ có thể xảy ra mà còn rất có khả năng xảy ra.

3. As many of these pet thoughts carry an emotional charge, the detachment required is not focussed only on the mental plane but on the emotional, and especially in relation to kama-manasic formulations.

3. Vì nhiều suy nghĩ ưa thích này mang sức nặng cảm xúc, sự tách rời cần có không chỉ tập trung trên cõi trí mà còn trên cõi cảm xúc, đặc biệt liên quan đến những cách diễn đạt trí-cảm.

4. The 'facts of the Path' are not necessarily as we imagine them to be even in our best formulations. It is humbling, but we must be ready to let our best formulations go when a truer pattern appears. The personality has built its reputation upon such formulations and is reluctant to relinquish them. We have seen how often and doggedly people have held to outworn 'truths' and even complete fallacies because they were threatened by the thought of relinquishing them. The

4. Những 'sự thật của Đường Đạo' không nhất thiết giống như chúng ta tưởng tượng, ngay cả trong những cách diễn đạt tốt nhất của mình. Điều này khiến chúng ta khiêm nhường, nhưng chúng ta phải sẵn sàng buông bỏ những cách diễn đạt tốt nhất của mình khi một mô hình chân thực hơn xuất hiện. Phàm ngã đã xây dựng danh tiếng dựa trên những cách diễn đạt như thế và miễn cưỡng buông bỏ chúng. Chúng ta đã thấy người ta thường xuyên và ngoan cố bám giữ

history of the Church with respect to emerging science is one case in point.

những 'chân lý' lỗi thời, thậm chí những điều hoàn toàn sai lầm, vì ý nghĩ phải buông bỏ chúng khiến họ cảm thấy bị đe dọa. Lịch sử của Giáo hội trong mối quan hệ với nền khoa học đang xuất hiện là một ví dụ điển hình.

5. Relinquishment of cherished formulations is easier when there is "faith in the new" and patience. Through faith one touches the descending archetype even before it has 'arrived'. Through such prescient faith one always knows that there will be something better ahead. It is fear that causes the refusal to relinquish that which has been outlived.

5. Việc buông bỏ những cách diễn đạt được trân quý sẽ dễ dàng hơn khi có "niềm tin vào cái mới" và sự kiên nhẫn. Nhờ niềm tin, người ta chạm đến nguyên mẫu đang giáng xuống ngay cả trước khi nó 'đến nơi'. Nhờ niềm tin có khả năng biết trước như vậy, người ta luôn biết rằng phía trước sẽ có điều tốt đẹp hơn. Chính nỗi sợ khiến người ta từ chối buông bỏ những gì đã qua thời hữu dụng.

6. We remember that there were many Theosophists who thought that the *Secret Doctrine* was the last word in occultism. They could not relinquish that idea and thus, repudiated AAB's books even when the inspiration had come from the same member of the Hierarchy.

6. Chúng ta nhớ rằng từng có nhiều nhà Thông Thiên Học nghĩ rằng *Giáo Lý Bí Nhiệm* là lời cuối cùng về huyền bí học. Họ không thể buông bỏ ý tưởng ấy và do đó đã bác bỏ sách của Bà AAB, ngay cả khi cảm hứng đến từ cùng một thành viên của Thánh đoàn.

7. Thus we have reviewed several requirements for group initiation:

7. Như vậy, chúng ta đã xem xét một số yêu cầu đối với điểm đạo nhóm:

a. United vision

a. Tầm nhìn thống nhất

b. Simultaneous soul rapport between group members

b. Sự giao cảm linh hồn đồng thời giữa các thành viên nhóm

c. Blended consecrated contact of the group personalities

c. Sự tiếp xúc hòa quyện, thánh hiến của các phàm ngã trong nhóm

d. No barriers between group members

d. Không có rào cản giữa các thành viên nhóm

e. Flexibility of mind with respect to pre-conceived formulations

e. Sự linh hoạt của thể trí đối với những cách diễn đạt đã định sẵn

8. It is rare for present groups to fulfill even one of these requirements let alone all simultaneously

So I would beg you, my disciples, to aim at a wide open simplicity which waits expectant of that new thing which is so ready today to precipitate but which is being hindered from so doing by the idealists of the world far more than by the man in the street. The latter is simpler in his reactions and more ready to grasp and see a way out of the immediate impasse than the mystic or the occultist because he thinks in terms of [86] humanity. The disciples of the world (with their nicely formulated ideals and their neatly expressed idealistic concepts) are oft glamoured by the future beauty because they are oblivious of the present opportunity. Many of them will find out later that they have been left behind as far as registering the new truths is concerned. To this Christ referred when He said that it was not possible to put new wine into old bottles for that which is old will be destroyed by the expanding new life.

1. When the Master begs, beseeches, conjures or implores, the urgency of His hope is evident.

2. As disciples long familiar with the "books" our minds may have become overly complicated. DK asks for that "wide open simplicity" which will be open to the new which is about to precipitate. This attitude would be one in which the intuition could flourish.

3. DK reminds us that the idealists of the world (and presumably the esotericists) hinder the coming of the new more than

8. Hiếm khi các nhóm hiện nay đáp ứng được dù chỉ một trong những yêu cầu này, huống chi đồng thời đáp ứng tất cả

Vì vậy, Tôi tha thiết mong các bạn, những đệ tử của Tôi, hướng đến một sự giản dị rộng mở, đầy trông đợi điều mới mẻ hiện nay đã rất sẵn sàng ngưng tụ, nhưng các nhà lý tưởng trên thế giới đang cản trở điều ấy nhiều hơn hẳn người bình thường. Người bình thường có những phản ứng giản dị hơn và sẵn sàng hơn trong việc nắm bắt, nhìn thấy một lối thoát khỏi bế tắc trước mắt so với nhà thần bí hay nhà huyền bí học, vì y suy nghĩ theo góc độ [86] nhân loại. Các đệ tử trên thế giới (với những lý tưởng được định hình tinh tế và những quan niệm lý tưởng được diễn đạt gọn ghẽ) thường bị vẻ đẹp tương lai gây ảo cảm vì họ không nhận biết cơ hội hiện tại. Về sau, nhiều người trong số họ sẽ nhận ra rằng mình đã bị bỏ lại phía sau trong việc ghi nhận những chân lý mới. Đức Christ đã đề cập đến điều này khi Ngài nói rằng không thể đổ rượu mới vào bầu da cũ, vì sự sống mới đang mở rộng sẽ phá hủy cái cũ.

1. Khi Chân sư tha thiết mong mỏi, khẩn khoản, nài xin hay van nài, tính cấp thiết trong niềm hy vọng của Ngài trở nên rõ ràng.

2. Là những đệ tử từ lâu đã quen thuộc với "sách vở", thể trí của chúng ta có thể đã trở nên quá phức tạp. Chân sư DK yêu cầu "sự giản dị rộng mở" ấy, để đón nhận cái mới sắp ngưng tụ. Đây là một thái độ trong đó trực giác có thể phát triển mạnh mẽ.

3. Chân sư DK nhắc chúng ta rằng các nhà lý tưởng trên thế giới (và có lẽ cả các nhà bí truyền học) cản trở sự xuất hiện của cái mới

does the man in the street.

4. The suggestion is that the man in the street is more ready to see the solution to problems because he thinks in terms of humanity. The mystic and occultist (so often selfish in subtle ways) are also asked to learn to think in terms of humanity.

5. Disciples have to be more attentive to the immediate opportunity rather than be glamored by the possibility of future beauty.

6. Again, DK seems to be touching on the theme of self-satisfaction (an attitude all too common to disciples). So many disciples of esotericism smugly assume that they are privy to the newest truths — far more so than the more ordinary individual. Master DK warns of some surprises in this regard.

7. Do we sense that the Master is trying to "shake up" his chelas? They will remain static if they cannot be more flexible and expectant of the new. Having worked so much in the mind, they have a ready formulation with which to meet any life experience, but the formulation may be old, and *lifeless.* A disciple of esotericism can suffocate from the weight of his own thoughtforms.

8. The disciples in DK's groups were not especially young; some of their earlier dynamism had faded. The Master is attempting to inspire them to new approaches rather than have them settle into customary and non-progressive attitudes.

The initiate, therefore, stands ready, for

nhiều hơn người bình thường.

4. Điều được gợi ra là người bình thường sẵn sàng hơn trong việc nhìn thấy giải pháp cho các vấn đề vì y suy nghĩ theo góc độ nhân loại. Nhà thần bí và nhà huyền bí học (vốn rất thường ích kỷ theo những cách tinh vi) cũng được yêu cầu học cách suy nghĩ theo góc độ nhân loại.

5. Các đệ tử phải chú tâm hơn đến cơ hội trước mắt thay vì bị khả năng về vẻ đẹp tương lai gây ảo cảm.

6. Một lần nữa, dường như Chân sư DK đang đề cập đến chủ đề tự mãn (một thái độ quá phổ biến ở các đệ tử). Rất nhiều đệ tử huyền bí học tự mãn cho rằng mình biết được những chân lý mới nhất — nhiều hơn hẳn những người bình thường hơn. Chân sư DK cảnh báo về một số điều bất ngờ trong phương diện này.

7. Chúng ta có cảm thấy Chân sư đang cố "lay tỉnh" các đệ tử của Ngài không? Họ sẽ tiếp tục trì trệ nếu không thể linh hoạt hơn và trông đợi cái mới. Vì đã hoạt động quá nhiều trong thể trí, họ có sẵn một cách diễn đạt để đối diện với bất kỳ trải nghiệm sống nào, nhưng cách diễn đạt ấy có thể đã cũ và *không còn sức sống.* Một đệ tử huyền bí học có thể ngạt thở dưới sức nặng của chính những hình tư tưởng của mình.

8. Các đệ tử trong những nhóm của Chân sư DK không còn đặc biệt trẻ; một phần tính năng động trước kia của họ đã phai nhạt. Chân sư đang cố gắng khơi cảm hứng cho họ hướng đến những cách tiếp cận mới, thay vì để họ an vị trong những thái độ quen thuộc và không tiến bộ.

Vậy điểm đạo đồ luôn sẵn sàng cho điều gì?

what? For the instant recognition of what is new, for its immediate grasp and the treading of the new step in the unfoldment of the pioneering human consciousness, for the revelation — steadily and constantly presented — of the new and superseding concepts. These concepts possess a dynamic expulsive power and satisfactorily meet human need in the immediate cycle. He is ready for the instant relinquishing of all that seems futile and unnecessary and inadequate to the need of the hour, and for the reception of the power from on high which breaks and destroys that which has become crystallised, which has served its purpose and become old and useless; he is ready to work as a practical occultist (and not only as a mystical idealist) upon the levels of vision as well as upon the levels of practical human affairs.

Cho việc tức thì nhận biết cái mới, lập tức nắm bắt nó và bước một bước mới trong sự khai mở tâm thức tiên phong của nhân loại, cho sự mặc khải — được trình bày đều đặn và liên tục — về những quan niệm mới thay thế các quan niệm cũ. Những quan niệm này có một quyền năng tống xuất mạnh mẽ và đáp ứng thỏa đáng nhu cầu nhân loại trong chu kỳ trước mắt. Y sẵn sàng tức thì buông bỏ mọi điều có vẻ vô ích, không cần thiết và không thích hợp với nhu cầu hiện thời, cũng như tiếp nhận quyền năng từ trên cao, quyền năng phá vỡ và hủy diệt những gì đã kết tinh, đã hoàn thành mục đích, trở nên cũ kỹ và vô dụng; y sẵn sàng làm việc như một nhà huyền bí học thực hành (chứ không chỉ như một nhà lý tưởng thần bí) trên các cấp độ tầm nhìn cũng như trên các cấp độ công việc thực tiễn của nhân loại.

1. It is clear that the initiate's attitude is related to the work of the planet Uranus, the planet of the "new". The factor of "instant recognition" is truly Uranian.

1. Rõ ràng thái độ của điểm đạo đồ có liên quan đến công việc của Sao Thiên Vương, hành tinh của "cái mới". Yếu tố "tức thì nhận biết" thực sự mang tính chất Sao Thiên Vương.

2. While the regulating aspects of Saturn can and should be used by the disciple, he/she will not become an initiate unless he/she can step beyond the conditioning represented by Saturn.

2. Mặc dù đệ tử có thể và nên vận dụng các phương diện điều tiết của Sao Thổ, người ấy sẽ không trở thành điểm đạo đồ nếu không thể vượt qua ảnh hưởng định hình mà Sao Thổ đại diện.

3. The invocative, intuitive mind of the initiate is trained (via the antahkarana) on the *new.*

3. Thể trí có tính khẩn cầu và trực giác của điểm đạo đồ hướng (qua antahkarana) vào *cái mới.*

4. These ideas presented by the Tibetan give fresh access to *life.* They possess, says DK, a "dynamic expulsive power". True ideas are powerful entities and they are, to the apprehending consciousness, ever fresh and new. It is *thoughtforms* of ideas that become

4. Những ý tưởng mà Chân sư Tây Tạng trình bày mở ra một lối tiếp cận mới mẻ với *sự sống.* Chân sư DK nói rằng chúng có một "quyền năng tống xuất mạnh mẽ". Những ý tưởng chân thực là những thực thể đầy quyền năng, và đối với tâm thức nắm bắt

stale and old.

chúng, chúng luôn tươi mới. Chính các *hình tư tưởng* của ý tưởng mới trở nên cũ kỹ và lỗi thời.

5. The operative words are "instant", "immediate", "dynamic", "expulsive", "pioneering", etc. I think we get the picture of what is required. Those who can function in this way are truly *alive*. They cannot do so unless they can actually access the buddhic plane — the first plane of cosmic etheric *livingness.*

5. Những từ then chốt là "tức thì", "lập tức", "mạnh mẽ", "tống xuất", "tiên phong", v.v. Tôi nghĩ chúng ta đã hình dung được điều cần có. Những ai có thể hoạt động theo cách này đều thực sự *sống động.* Họ không thể làm như vậy trừ khi thực sự tiếp cận được cõi Bồ đề — cõi đầu tiên của *sức sống dĩ thái vũ trụ.*

6. Another Uranian sentence is given: the initiate is ready "for the reception of the power from on high which breaks and destroys that which has become crystallised, which has served its purpose and become old and useless".

6. Một câu khác mang tính chất Sao Thiên Vương được đưa ra: điểm đạo đồ sẵn sàng "tiếp nhận quyền năng từ trên cao, quyền năng phá vỡ và hủy diệt những gì đã kết tinh, đã hoàn thành mục đích, trở nên cũ kỹ và vô dụng".

7. We will not adopt such attitudes unless the antahkarana is anchored on the 'other side' of the "gap in consciousness". If the realm of descending ideas is a reality to the disciple/initiate, then the powers here discussed can be his/hers.

7. Chúng ta sẽ không có những thái độ như thế trừ khi antahkarana đã neo vững ở 'bờ bên kia' của "khoảng trống trong tâm thức". Nếu lĩnh vực của những ý tưởng đang giáng xuống là một thực tại đối với đệ tử/điểm đạo đồ, thì những quyền năng được bàn đến ở đây có thể thuộc về người ấy.

8. The contrast is given in no uncertain terms. One can be a "practical occultist" or a "mystic idealist". Interestingly, it is the completing of the "bridge" to the higher worlds which makes it possible to become the practical occultist. Penetration into the higher ethers means effectiveness in the use of the lower ethers.

8. Sự tương phản được trình bày hết sức rõ ràng. Người ta có thể là một "nhà huyền bí học thực hành" hoặc một "nhà lý tưởng thần bí". Điều thú vị là chính việc hoàn tất "cây cầu" đến các cõi cao giúp người ta có thể trở thành nhà huyền bí học thực hành. Thâm nhập vào các tầng dĩ thái cao hàm ý hiệu quả trong việc sử dụng các tầng dĩ thái thấp.

9. DK has been emphasizing the wise mobility of a member of the Hierarchy. We can examine our rigidities and fixations to see where movement is needed. The life described is a *dynamic* one. Wherein do we prevent our own participation in such

9. Chân sư DK đã nhấn mạnh tính động minh triết của một thành viên Thánh đoàn. Chúng ta có thể xem xét những điểm cứng nhắc và cố chấp của mình để thấy nơi nào cần chuyển động. Sự sống được mô tả là một sự sống *năng động.* Ở đâu chúng ta đang tự

dynamism?

ngăn mình tham gia vào tính năng động như vậy?

I would suggest that your meditation process should be divided into two parts. There should be a definitely planned individual and group meditation and also a methodical cultivation of the life of spiritual reflection. This spiritual reflection will foster the dual life — objective and subjective — of the disciple whilst the more formal meditation would aid in the process of focussing the light of the soul in the brain and thus lay the foundation for living, enlightened, soul service.

Tôi đề nghị tiến trình tham thiền của các bạn nên chia thành hai phần. Cần có sự tham thiền cá nhân và nhóm được hoạch định rõ ràng, cùng với việc vun bồi một cách có phương pháp đời sống suy ngẫm tinh thần. Sự suy ngẫm tinh thần này sẽ nuôi dưỡng đời sống kép — khách quan và chủ quan — của đệ tử, trong khi sự tham thiền theo khuôn thức rõ ràng hơn sẽ hỗ trợ tiến trình tập trung ánh sáng linh hồn trong bộ não, từ đó đặt nền tảng cho sự phụng sự của linh hồn đầy sức sống và sáng suốt.

1. Meditation instructions are given. Two approaches are suggested.

1. Các huấn thị tham thiền được đưa ra. Hai cách tiếp cận được đề nghị.

2. One meditative approach is more formal, definitely planned, and applies to both individual and the group meditations. These formal meditations focus the light of the soul in the brain.

2. Một cách tiếp cận tham thiền có khuôn thức rõ ràng hơn, được hoạch định cụ thể, và áp dụng cho cả tham thiền cá nhân lẫn tham thiền nhóm. Những bài thiền theo khuôn thức này tập trung ánh sáng linh hồn trong bộ não.

3. The other approach is called “the life of spiritual reflection”; it fosters the “dual life” of the disciple.

3. Cách tiếp cận kia được gọi là “đời sống suy ngẫm tinh thần”; nó nuôi dưỡng “đời sống kép” của đệ tử.

This service is only the expression upon the physical plane of soul attitudes and activities — as the soul evidences them on its own level of consciousness. One phase of this dual work, the reflective, works out in an increasing realisation and expression of intentional living or of “life with a purpose.” It leads to a mode of living which is built upon a planned programme which approximates itself, as far as possible, to the hierarchical Plan and to hierarchical life impulses. The second phase, which is embodied in the formal meditation, is that

Sự phụng sự này chỉ là biểu hiện trên cõi hồng trần của các thái độ và hoạt động của linh hồn — như linh hồn thể hiện chúng trên chính cấp độ tâm thức của mình. Một phương diện của công việc kép này, phương diện suy ngẫm, dẫn đến sự nhận biết và biểu hiện ngày càng tăng của lối sống có chủ đích, hay “sự sống có mục đích.” Nó dẫn đến một lối sống được xây dựng trên một chương trình đã hoạch định, sao cho chương trình ấy gần với Thiên Cơ của Thánh đoàn và những xung lực sống của Thánh đoàn hết mức có thể. Phương diện thứ hai, được thể hiện

of a definite and [87] conscious withdrawal. If this is carried out correctly and with deliberation, plus regularity, it will eventually bring about a most productive telepathic interplay between the disciples in a group and between the individual disciple, the Master and the larger Ashram. It will also make the disciple sensitive to the higher "gift waves." The entire meditation (in its two parts) involves, therefore, the linking up of heart and head, of the mystic and the occult approach, and also of feeling and knowledge.

trong sự tham thiền theo khuôn thức, là sự rút lui rõ ràng và [87] có ý thức. Nếu thực hiện điều này đúng cách, có chủ đích và đều đặn, cuối cùng nó sẽ mang lại sự tương tác viễn cảm hết sức hiệu quả giữa các đệ tử trong một nhóm, cũng như giữa từng đệ tử, Chân sư và ashram rộng lớn hơn. Nó cũng sẽ khiến đệ tử trở nên nhạy cảm với những "làn sóng ban tặng" cao hơn. Do đó, toàn bộ sự tham thiền (trong hai phần của nó) bao hàm việc liên kết trái tim với đầu, cách tiếp cận thần bí với cách tiếp cận huyền bí, cũng như cảm nhận với tri thức.

1. The Master elaborates on the meaning of "soul service". Soul attitudes (as they appear on the plane of soul) are to be expressed upon the physical plane.

1. Chân sư giải thích thêm về ý nghĩa của "sự phụng sự của linh hồn". Các thái độ của linh hồn (như chúng xuất hiện trên cõi linh hồn) phải biểu hiện trên cõi hồng trần.

2. He continues contrasting reflection with more formal meditation. Reflection leads to "intentional living" and to living "life with a purpose". By its means, the individual is able to devise a program which is an approximation of the Divine Plan as he understands it.

2. Ngài tiếp tục đối chiếu sự suy ngẫm với sự tham thiền theo khuôn thức rõ ràng hơn. Sự suy ngẫm dẫn đến "lối sống có chủ đích" và việc sống một "sự sống có mục đích". Nhờ đó, cá nhân có thể xây dựng một chương trình gần với Thiên Cơ theo sự thấu hiểu của mình.

3. Formal meditation (accompanied by conscious withdrawal) leads eventually to "telepathic interplay" in a number of ways.

3. Tham thiền theo bài bản (đi kèm với sự triệt thoái có ý thức) cuối cùng dẫn đến "sự tương tác viễn cảm" theo nhiều cách.

4. The Tibetan seems to be referencing a meditation which does not accompany these instructions. Perhaps it is to be found elsewhere in the books.

4. Dường như Chân sư Tây Tạng đang đề cập đến một bài thiền không được đính kèm với những huấn thị này. Có lẽ có thể tìm thấy bài thiền ấy ở nơi khác trong các sách.

5. The purpose of the meditation is to blend the head and heart, the occult and mystic approaches.

5. Mục đích của bài thiền là hòa hợp đầu và tim, các cách tiếp cận huyền bí và thần bí.

Only from the heart centre can stream, in reality, those lines of energy which link and bind together. It was for this reason that I

Thực ra, chỉ từ trung tâm tim mới có thể tuôn chảy những đường năng lượng nối kết và gắn bó với nhau. Chính vì lý do này, Tôi

have assigned certain meditations which stimulated the heart into action, linking the heart centre (between the shoulder blades) to the head centre, through the medium of the higher correspondence to the heart centre, found within the head centre (the thousand petalled lotus). This heart centre, when adequately radiatory and magnetic, relates disciples to each other and to all the world. It will also produce that telepathic interplay which is so much to be desired and which is so constructively useful to the spiritual Hierarchy — provided it is established within a group of pledged disciples, dedicated to the service of humanity. They can then be trusted.

đã giao một số bài thiền kích thích trung tâm tim hoạt động, nối kết trung tâm tim (giữa hai bả vai) với trung tâm đầu, thông qua phần tương ứng cao hơn của trung tâm tim nằm trong trung tâm đầu (hoa sen nghìn cánh). Khi có đủ khả năng phát xạ và từ tính, trung tâm tim này nối kết các đệ tử với nhau và với toàn thế giới. Nó cũng sẽ tạo ra sự tương tác viễn cảm rất đáng mong muốn và rất hữu ích về mặt xây dựng đối với Thánh đoàn—với điều kiện sự tương tác ấy được thiết lập trong một nhóm đệ tử đã cam kết, tận hiến cho việc phụng sự nhân loại. Khi ấy, có thể tin cậy họ.

1. The emphasis of this paragraph is upon the heart center and certain meditations which stimulate that center.

1. Đoạn này nhấn mạnh trung tâm tim và một số bài thiền kích thích trung tâm ấy.

2. There is to be an alignment between the heart center, the head center and the heart center within the head.

2. Cần có sự chỉnh hợp giữa trung tâm tim, trung tâm đầu và trung tâm tim bên trong đầu.

3. The importance of the higher heart center (within the head) is discussed. At least, so it seems, when the Tibetan says, "*This* heart center…" When properly stimulated and radiatory it "relates disciples to each other and to all the world". This higher center is also involved in "telepathic interplay". The normal heart center must necessarily also be involved, otherwise it would not be necessary to "Think outwardly toward each other in love" in order to promote telepathy.

3. Tầm quan trọng của trung tâm tim cao hơn (bên trong đầu) được bàn đến. Ít nhất, dường như là như vậy khi Chân sư Tây Tạng nói: "*Trung tâm tim* này…" Khi được kích thích đúng cách và có khả năng phát xạ, nó "nối kết các đệ tử với nhau và với toàn thế giới". Trung tâm cao hơn này cũng tham gia vào "sự tương tác viễn cảm". Trung tâm tim thông thường tất yếu cũng phải tham gia, nếu không thì đã chẳng cần "Hướng tư tưởng ra ngoài về phía nhau trong tình thương" để thúc đẩy viễn cảm.

4. We learn that telepathic interplay is highly desirable and highly useful to the Spiritual Hierarchy, but only if it is established within a group of pledged disciples dedicated to the service of

4. Chúng ta được biết rằng sự tương tác viễn cảm rất đáng mong muốn và rất hữu ích đối với Thánh đoàn, nhưng chỉ khi nó được thiết lập trong một nhóm đệ tử đã cam kết, tận hiến cho việc phụng sự nhân loại.

humanity.

5. We read much of trust and learn that trust is accorded a disciple *after* he/she is mentally polarized and has passed the midway point between the second and third initiations.

6. One important thing to grasp is that the activation of the heart centers (between the shoulder blades and within the head center) is a requirement if a disciple or group of disciples is to be trusted.

One of the tasks of all disciples is the evocation of the will aspect of the soul; the will is usually quiescent in its higher aspects until a man treads the Path of Discipleship. . . .

1. The lesser aspects of the soul have been evoked during ages of development.

2. The *will* aspect of the soul is usually not available until an individual treads the Path of Discipleship.

3. What may be these higher aspects of the will? They surely do not relate specifically to the management of the personality life, nor even to the transpersonal individual in the causal body. They relate, rather, to the meeting of planetary need through the carrying out of the Divine Plan. The soul-infused personality is purely *instrumental* to this higher will.

4. There has been an editorial deletion here. Perhaps there was instruction touching upon the will aspect of the soul.

You might ask, my brothers, of what use are

5. Chúng ta đọc thấy nhiều điều về sự tin cậy và được biết rằng một đệ tử nhận được sự tin cậy *sau khi* người ấy đã phân cực trí tuệ và đã vượt qua điểm ở giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba.

6. Một điều quan trọng cần nắm bắt là việc hoạt hóa các trung tâm tim (giữa hai bả vai và bên trong trung tâm đầu) là một yêu cầu để một đệ tử hay một nhóm đệ tử có thể được tin cậy.

Một trong những nhiệm vụ của mọi đệ tử là gợi lên phương diện ý chí của linh hồn; ý chí thường ở trạng thái tĩnh tại trong các phương diện cao hơn của nó cho đến khi một người bước trên Con Đường Đệ Tử. . . .

1. Các phương diện thấp hơn của linh hồn đã được gợi lên qua nhiều thời đại phát triển.

2. Phương diện *ý chí* của linh hồn thường chưa sẵn có để sử dụng cho đến khi một cá nhân bước trên Con Đường Đệ Tử.

3. Những phương diện cao hơn này của ý chí có thể là gì? Chắc chắn chúng không liên quan riêng đến việc quản lý đời sống phàm ngã, thậm chí cũng không liên quan riêng đến cá nhân siêu phàm ngã trong thể nguyên nhân. Đúng hơn, chúng liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu hành tinh thông qua việc thực hiện Thiên Cơ. Phàm ngã được linh hồn thấm nhuần thuần túy đóng vai trò *công cụ* cho ý chí cao hơn này.

4. Ở đây có một phần đã bị lược bỏ khi biên tập. Có lẽ đã có huấn thị đề cập đến phương diện ý chí của linh hồn.

Các huynh đệ của Tôi, các bạn có thể hỏi

these analogies and these items of information? They are of little technical use to you and really increase your responsibility. If, however, they serve to establish a true recognition of reality, of synthesis and of relation in the disciple's consciousness, they are then of real value. Those three words — reality, synthesis, relation — indicate the goal and the problem of the disciple, plus the resultant effect of conscious, intelligent, spiritual work, motivated by love.

những sự tương đồng và những thông tin này có ích gì? Về mặt kỹ thuật, chúng ít có ích cho các bạn và thực sự làm tăng trách nhiệm của các bạn. Tuy nhiên, nếu chúng giúp thiết lập trong tâm thức đệ tử sự nhận biết chân thực về thực tại, sự tổng hợp và mối liên hệ, thì chúng có giá trị thực sự. Ba từ ấy—thực tại, tổng hợp, liên hệ—chỉ ra mục tiêu và vấn đề của đệ tử, cùng với hiệu quả phát sinh từ công việc tinh thần có ý thức, sáng suốt, được thúc đẩy bởi tình thương.

1. There is much technical instruction in this installment VIII of the Tibetan's DINA instructions. Many of the imparted items of information cannot yet be used, even though they increase the readers' responsibility.

1. Có nhiều huấn thị kỹ thuật trong phần VIII này thuộc các huấn thị DINA của Chân sư Tây Tạng. Nhiều thông tin được truyền đạt vẫn chưa thể sử dụng, dù chúng làm tăng trách nhiệm của người đọc.

2. The real use of such instruction is to establish in the disciple's consciousness a recognition of reality, synthesis and relation.

2. Công dụng thực sự của những huấn thị như vậy là thiết lập trong tâm thức của đệ tử sự nhận biết về thực tại, sự tổng hợp và mối liên hệ.

3. Reality relates to *being,* as it *is*.

3. Thực tại liên quan đến *bản thể,* như nó *vốn là*.

4. Synthesis is a higher octave of relation; it is relation within the field of an indivisible homogeneity.

4. Sự tổng hợp là một quãng tám cao hơn của mối liên hệ; đó là mối liên hệ trong trường đồng nhất không thể phân chia.

5. Relation, per se, is the manner in which all things touch, aspect or affect each other. Such relation exists because unity exists — first archetypally and then in demonstration.

5. Chính mối liên hệ là cách thức vạn vật tiếp xúc, biểu hiện phương diện của nhau hoặc tác động lẫn nhau. Mối liên hệ như vậy tồn tại vì sự hợp nhất tồn tại—trước hết ở dạng nguyên mẫu, rồi trong sự biểu lộ.

6. From these recognitions or realizations will emerge "the resultant effect of conscious, intelligent, spiritual work, motivated by love".

6. Từ những nhận biết hay chứng nghiệm này sẽ nảy sinh "hiệu quả phát sinh từ công việc tinh thần có ý thức, sáng suốt, được thúc đẩy bởi tình thương".

7. The first three factors (reality, synthesis, relation) belong to the realm of the spiritual triad. Intelligent spiritual work motivated by love is executed by the soul-infused personality.

7. Ba yếu tố đầu tiên (thực tại, tổng hợp, liên hệ) thuộc về lĩnh vực của Tam Nguyên Tinh Thần. Phàm ngã được linh hồn thấm nhuần thực hiện công việc tinh thần sáng suốt được thúc đẩy bởi tình thương.

8. We see the Tibetan attempting to integrate all aspects of the disciple's being — from the highest to the lowest.

8. Chúng ta thấy Chân sư Tây Tạng đang cố gắng tích hợp mọi phương diện trong bản thể của đệ tử—từ cao nhất đến thấp nhất.

In the New Age, as I have earlier pointed out, the keynote of the aspirant's progress will be love of humanity; this will indicate the awakening of the heart centre. In the past and up until the last few years, the keynote has been service because (if selflessly rendered) it embodied a technique which automatically [88] brought the heart centre into activity. It is love of humanity which is the major lack in the character of many disciples today. They love those with whom they may be associated, or they love the work connected with the group endeavour, or they love their own nation; they may also love an ideal or theoretical assumption, but they do not really love humanity as a whole. There are limits to their capacity to love and it is the transcending of those limits which constitutes their main problem at this time; they have to learn that it is humanity which calls for their allegiance, their loyalty and service. I would ask you all to ponder deeply on the above statements, for they embody the task ahead for you also as you seek to fit yourselves for the first or the second initiation.

Trong Kỷ Nguyên Mới, như Tôi đã chỉ ra trước đây, chủ âm cho sự tiến bộ của người chí nguyện sẽ là tình thương nhân loại; điều này sẽ cho thấy sự thức tỉnh của trung tâm tim. Trong quá khứ và mãi cho đến vài năm gần đây, chủ âm là phụng sự, vì việc phụng sự (nếu được thực hiện một cách vô ngã) bao hàm một kỹ thuật tự động [88] đưa trung tâm tim vào hoạt động. Chính tình thương nhân loại là điều thiếu sót lớn trong tính cách của nhiều đệ tử ngày nay. Họ yêu thương những người có quan hệ với mình, hoặc yêu công việc gắn với nỗ lực của nhóm, hoặc yêu quốc gia của mình; họ cũng có thể yêu một lý tưởng hay một giả định lý thuyết, nhưng họ không thực sự yêu thương toàn thể nhân loại. Khả năng yêu thương của họ có những giới hạn, và chính việc vượt qua những giới hạn ấy là vấn đề chủ yếu của họ lúc này; họ phải học rằng chính nhân loại đòi hỏi sự tận trung, lòng trung thành và việc phụng sự của họ. Tôi muốn tất cả các bạn suy ngẫm sâu sắc về những phát biểu trên, vì chúng cũng bao hàm nhiệm vụ phía trước của các bạn khi các bạn tìm cách chuẩn bị cho mình đủ điều kiện để trải qua lần điểm đạo thứ nhất hoặc lần điểm đạo thứ hai.

1. The aspirant progresses as his love of humanity progresses. Love of humanity indicates that the heart center is awakening.

1. Người chí nguyện tiến bộ khi tình thương nhân loại của y tiến triển. Tình thương nhân loại cho thấy trung tâm tim đang thức tỉnh.

2. In the past, the keynote for aspirants had

2. Trong quá khứ, chủ âm đối với những

been “service”. Service also awakened the heart center. We see the importance of the awakening of the heart center.

người chí nguyện là “phụng sự”. Việc phụng sự cũng đánh thức trung tâm tim. Chúng ta thấy tầm quan trọng của sự thức tỉnh trung tâm tim.

3. The Master focuses on the “love of humanity”; this love appears to be missing from the consciousness of many modern disciples.

3. Chân sư tập trung vào “tình thương nhân loại”; tình thương này dường như còn thiếu trong tâm thức của nhiều đệ tử hiện đại.

4. Frank words are written. The many ‘loves’ of the modern disciple are cited, but the “love of humanity as a whole” is missing. Where do we stand with respect to this love and why?

4. Những lời thẳng thắn đã được viết ra. Nhiều ‘tình yêu’ của đệ tử hiện đại được nêu ra, nhưng lại thiếu “tình thương toàn thể nhân loại” ấy. Chúng ta đang ở đâu xét về tình thương này, và vì sao?

5. It is easy to love one’s associates, or one’s work, or nation, one’s ideals or theories. It is much harder to love humanity as a whole because there is so much that is gross and obvious that must be overlooked, and so much that is subtle and subjective that must be brought to the forefront of consciousness.

5. Thật dễ yêu thương những người cộng sự của mình, hoặc công việc của mình, hoặc quốc gia, các lý tưởng hay lý thuyết của mình. Yêu thương toàn thể nhân loại khó hơn nhiều, vì có quá nhiều điều thô thiển và hiển nhiên phải bỏ qua, cùng quá nhiều điều tinh tế và chủ quan phải đưa lên hàng đầu trong tâm thức.

6. The statements written are important reading for anyone who says that he/she loves Hierarchy. There is no love of Hierarchy without love of humanity.

6. Những phát biểu đã viết ra này là nội dung quan trọng cần đọc đối với bất kỳ ai nói rằng mình yêu thương Thánh đoàn. Không thể có tình thương Thánh đoàn nếu không có tình thương nhân loại.

7. Limitation in the capacity to love is a problematic limitation needing attention in the lives of many disciples.

7. Giới hạn trong khả năng yêu thương là một giới hạn gây trở ngại cần được chú ý trong đời sống của nhiều đệ tử.

8. Many have spoken of their allegiance, loyalty and service to Hierarchy. How many have spoken of their allegiance, loyalty and service to humanity? Yet, Hierarchy, itself, has such an allegiance, loyalty and service.

8. Nhiều người đã nói về sự tận trung, lòng trung thành và việc phụng sự của họ đối với Thánh đoàn. Có bao nhiêu người đã nói về sự tận trung, lòng trung thành và việc phụng sự của họ đối với nhân loại? Tuy nhiên, chính Thánh đoàn cũng có sự tận trung, lòng trung thành và việc phụng sự như vậy.

9. DK asks for deep pondering. He has outlined a task relating to the love of humanity. His disciples are to fit themselves for initiation, and the love of humanity is a necessary requirement, as we learn even from Rule I for Applicants to Initiation.

9. Chân sư DK yêu cầu suy ngẫm sâu sắc. Ngài đã phác thảo một nhiệm vụ liên quan đến tình thương nhân loại. Các đệ tử của Ngài phải chuẩn bị cho mình đủ điều kiện để điểm đạo, và tình thương nhân loại là một yêu cầu thiết yếu, như chúng ta được biết ngay từ Quy luật I dành cho những Người Xin Điểm Đạo.

10. We may note with some surprise DK's mention of the "first or second initiation". Most of His disciples were preparing for the second initiation. There was at least one who had not succeeded in facing the initiator at the first degree.

10. Chúng ta có thể hơi ngạc nhiên khi thấy Chân sư DK đề cập đến "lần điểm đạo thứ nhất hoặc thứ hai". Phần lớn các đệ tử của Ngài đang chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai. Có ít nhất một người đã không thành công trong việc đối diện với Đấng Điểm đạo ở cấp độ thứ nhất.

11. But could the Master mean the third and fourth initiations? Elsewhere, He said He was not training people for the third initiation, so He certainly would not be training people for the fourth. This bears pondering.

11. Nhưng liệu Chân sư có thể muốn nói đến lần điểm đạo thứ ba và thứ tư chăng? Ở nơi khác, Ngài nói rằng Ngài không huấn luyện người nào cho lần điểm đạo thứ ba, nên chắc chắn Ngài cũng sẽ không huấn luyện người nào cho lần điểm đạo thứ tư. Điều này đáng suy ngẫm.

12. The Hierarchy is the "Hierarchy of Love" and its members are graded by the degree of their essential Love. Every disciple needs greater love. In this matter much close self-questioning is required, as we ask ourselves, "Who do we really love? And why?" If we discover that we truly love humanity, it can be taken as an indication that although our deficiencies may be many, our foundation is secure.

12. Thánh đoàn là "Thánh đoàn Bác ái" và các thành viên của Thánh đoàn được phân cấp theo mức độ Bác ái cốt yếu của Các Ngài. Mọi đệ tử đều cần tình thương lớn hơn. Trong vấn đề này, cần tự chất vấn thật kỹ khi chúng ta tự hỏi: "Chúng ta thực sự yêu thương ai? Và vì sao?" Nếu khám phá ra rằng mình thực sự yêu thương nhân loại, chúng ta có thể xem đó là dấu hiệu cho thấy dù còn nhiều thiếu sót, nền tảng của chúng ta vẫn vững chắc.

I would remind you also that the life of the disciple is ever a life of risks and of dangers, entered into willingly and deliberately in the cause of spiritual unfoldment and the service of humanity. But I would ask each of you to watch your emotional life and

Tôi cũng muốn nhắc các bạn rằng đời sống đệ tử luôn là một đời sống đầy rủi ro và nguy hiểm, mà người đệ tử tự nguyện và chủ tâm bước vào vì sự khai mở tinh thần và việc phụng sự nhân loại. Nhưng Tôi muốn mỗi người trong các bạn theo dõi đời sống cảm

reactions with greatly increased care; I would ask you to watch particularly for the least outcropping of glamour. I would call your attention to the fact that the emergence of emotional conditions or of glamour in your life-expression need not necessarily indicate failure. There is only failure if there is identification with these astral conditions and a succumbing to old rhythms. The success of the meditation work assigned and regularly followed may be proved to you by the appearance of these undesirable conditions; they must be then recognised for what they are, and evoke in you that "divine indifference" which permits the emotion or the glamour to die of attrition, because deprived of the "feeding-power" of the attention. The whole history of true emotional control is to be found in the sentence just given. The process of achieving this control constitutes one of the most difficult periods in the life of the disciple and quite one of the longest from the angle of time. For this you should be prepared. Particularly is it difficult at this time to triumph over emotion because of the intense emotional condition of the entire human family and the widespread fear and terror for which the energy of the Black Lodge of Adepts is responsible. This definitely complicates your problem and that of all disciples: it tends to foster a most potent glamour. [89] So I beg of you to proceed with courage, joy, understanding, extreme caution and — at the same time — with speed.

xúc và các phản ứng của mình cẩn thận hơn rất nhiều; Tôi muốn các bạn đặc biệt lưu ý đến cả biểu hiện nhỏ nhất của ảo cảm. Tôi muốn các bạn chú ý rằng sự xuất hiện của những trạng thái cảm xúc hay ảo cảm trong cách các bạn biểu hiện đời sống không nhất thiết là dấu hiệu thất bại. Chỉ có thất bại khi các bạn đồng hóa với những trạng thái cảm dục này và khuất phục trước các nhịp điệu cũ. Sự xuất hiện của những trạng thái không mong muốn này có thể chứng tỏ với các bạn rằng công phu tham thiền đã giao và được thực hành đều đặn đã thành công; khi ấy, phải nhận biết chúng đúng như bản chất của chúng và để chúng khơi dậy trong các bạn sự "điềm nhiên thiêng liêng", nhờ đó cảm xúc hay ảo cảm dần tiêu vong vì hao mòn, do không còn nhận được "sức nuôi dưỡng" của sự chú ý. Toàn bộ lịch sử của việc kiểm soát cảm xúc thực sự nằm trong câu vừa nêu. Tiến trình đạt được sự kiểm soát này tạo thành một trong những giai đoạn khó khăn nhất trong đời sống đệ tử, và xét về thời gian, cũng thuộc những giai đoạn dài nhất. Các bạn cần chuẩn bị cho điều này. Đặc biệt vào lúc này, việc chiến thắng cảm xúc rất khó khăn vì trạng thái cảm xúc mãnh liệt của toàn thể gia đình nhân loại, cùng nỗi sợ hãi và kinh hoàng lan rộng do năng lượng của Hắc đoàn các Chân sư gây ra. Điều này rõ ràng làm vấn đề của các bạn và của mọi đệ tử trở nên phức tạp hơn: nó có xu hướng nuôi dưỡng một ảo cảm cực kỳ mạnh mẽ. [89] Vì vậy, Tôi khẩn thiết mong các bạn tiến bước với lòng can đảm, sự hoan hỉ, sự thấu hiểu, sự thận trọng tột độ và—đồng thời—sự nhanh chóng.

1. Probably all true disciples realize that discipleship entails unseen and subtle risks and dangers. The disciple subjects himself/herself to these risks and dangers for the sake of the service of humanity and

1. Có lẽ mọi đệ tử chân chính đều nhận ra rằng địa vị đệ tử kéo theo những rủi ro và nguy hiểm vô hình, tinh tế. Người đệ tử tự đặt mình trước những rủi ro và nguy hiểm này vì việc phụng sự nhân loại và "vì sự khai

"in the cause of spiritual unfoldment".

2. Perhaps we should recount the risks or dangers we have noticed during the course of our disciplic life. It might make an interesting list.

3. Glamor is surely one of the dangers and it is often not readily detectible (when first it 'creeps' in).

4. The Master is calling for vigilance. He has no tolerance for glamor and wants us to be aware of the "least outcropping" of this ancient scourge.

5. It is often the unruly emotional body which needs watching. The arising of difficult emotional conditions may not indicate failure (but rather a purging) as long as one does not succumb to the ancient astral rhythms.

6. We are confirmed in the thought that successful meditation may lead to the emergence of undesirable emotional conditions and an awareness of latent glamors.

7. What to do if successful meditation is followed by a distressing awareness of such conditions? Of these conditions DK states, "they must be then recognised for what they are, and evoke in you that 'divine indifference' which permits the emotion or the glamour to die of attrition, because deprived of the 'feeding-power' of the attention" . *This sentence is of the utmost importance.* "The whole history of true emotional is to be found in the sentence just given".

mở tinh thần".

2. Có lẽ chúng ta nên kể lại những rủi ro hay nguy hiểm mà mình đã nhận thấy trong suốt đời sống đệ tử. Điều đó có thể tạo thành một danh sách thú vị.

3. Ảo cảm chắc chắn là một trong những nguy hiểm ấy, và thường không dễ phát hiện (khi nó mới 'len lỏi' vào).

4. Chân sư đang kêu gọi sự cảnh giác. Ngài không dung thứ ảo cảm và muốn chúng ta nhận biết cả "biểu hiện nhỏ nhất" của tai họa lâu đời này.

5. Thường thì chính thể cảm xúc khó kiểm soát cần được theo dõi. Sự xuất hiện của những trạng thái cảm xúc khó khăn có thể không phải là dấu hiệu thất bại (mà đúng hơn là một sự thanh lọc), miễn là người ta không khuất phục trước những nhịp điệu cảm dục lâu đời.

6. Chúng ta được xác nhận trong nhận định rằng tham thiền thành công có thể dẫn đến sự xuất hiện của những trạng thái cảm xúc không mong muốn và sự nhận biết những ảo cảm tiềm ẩn.

7. Phải làm gì nếu sau khi tham thiền thành công lại xuất hiện sự nhận biết đáng khổ tâm về những trạng thái như vậy? Về các trạng thái này, Chân sư DK nói: "khi ấy, phải nhận biết chúng đúng như bản chất của chúng và để chúng khơi dậy trong các bạn sự 'điềm nhiên thiêng liêng', nhờ đó cảm xúc hay ảo cảm dần tiêu vong vì hao mòn, do không còn nhận được 'sức nuôi dưỡng' của sự chú ý" . *Câu này có tầm quan trọng tột bậc.* "Toàn bộ lịch sử của cảm xúc chân thực nằm trong câu vừa nêu".

8. Well and long should we ponder this sentence, for it gives the hint to the control of the formidable astral nature. With the eyes upon the essential, and refusing to be "taken in" by that which arises, the disciple may triumph.

8. Chúng ta nên suy ngẫm kỹ lưỡng và lâu dài về câu này, vì nó đưa ra gợi ý để kiểm soát bản chất cảm dục đáng gờm. Khi hướng mắt vào điều cốt yếu và không để mình "bị đánh lừa" trước những gì nảy sinh, người đệ tử có thể chiến thắng.

9. The main period of developing emotional control occurs between the first and second initiation. DK calls this period "quite the longest from the angle of time" and one of the most difficult. The period between the first and second degree is longer than that between any of the other normal five initiations.

9. Giai đoạn chủ yếu để phát triển khả năng kiểm soát cảm xúc diễn ra giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai. Chân sư DK gọi giai đoạn này là "dài nhất xét về thời gian" và là một trong những giai đoạn khó khăn nhất. Khoảng thời gian giữa cấp độ thứ nhất và thứ hai dài hơn khoảng thời gian giữa bất kỳ hai lần điểm đạo nào khác trong năm lần điểm đạo thông thường.

10. Triumphing over emotion and thus taking the second degree is extremely difficult at this time (the time of the Second World War). The Black Lodge was responsible for stimulating so much fear and terror that the entire astral plane was in turmoil. Note that DK calls them the "Black Lodge of Adepts", indicating their high level of attainment.

10. Chiến thắng cảm xúc và nhờ đó đạt cấp độ thứ hai là điều cực kỳ khó khăn vào lúc này (thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ Hai). Hắc đoàn đã gây ra quá nhiều sợ hãi và kinh hoàng đến mức toàn bộ cõi cảm dục chìm trong hỗn loạn. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK gọi họ là "Hắc đoàn các Chân sư", cho thấy trình độ thành tựu cao của họ.

11. The occasion was severe. DK instructed His disciples how they were to proceed — with courage, joy, understanding, extreme caution and speed. A tall order! A true disciple is an individual of no mean attainment. Proceeding thus in the face of turbulent, glamorous conditions requires great self-composure and a sure and steady contact with the soul.

11. Tình thế khi ấy rất nghiêm trọng. Chân sư DK đã chỉ dẫn các đệ tử của Ngài cách tiến bước—với lòng can đảm, sự hoan hỉ, sự thấu hiểu, sự thận trọng tột độ và sự nhanh chóng. Một yêu cầu thật khó thực hiện! Một đệ tử chân chính là một cá nhân có thành tựu đáng kể. Tiến bước như vậy giữa những trạng thái hỗn loạn đầy ảo cảm đòi hỏi sự tự chủ lớn lao và sự tiếp xúc chắc chắn, ổn định với linh hồn.

I would point out also that the intention of all true disciples is to stand by their group brothers in love and understanding. Upon this fact you can count. I would also assure you that the protective love of your Master is

Tôi cũng muốn chỉ ra rằng ý định của mọi đệ tử chân chính là sát cánh cùng các huynh đệ trong nhóm bằng tình thương và sự thấu hiểu. Các bạn có thể tin chắc vào điều này. Tôi cũng muốn bảo đảm với các bạn rằng

around you and that I shall not fail you at any time. . . . But, in the last analysis, the battle is yours.

tình thương che chở của Chân sư các bạn luôn bao quanh các bạn và Tôi sẽ không bao giờ phụ lòng các bạn. . . . Nhưng xét đến cùng, trận chiến này là của các bạn.

1. True disciples stand by their group brothers in love and understanding. DK assures His chelas of His protective love. He has raised such a picture of the subtle dangers, that a note of reassurance may have been required.

1. Các đệ tử chân chính sát cánh cùng các huynh đệ trong nhóm bằng tình thương và sự thấu hiểu. Chân sư DK bảo đảm với các đệ tử của Ngài về tình thương che chở của Ngài. Ngài đã vẽ nên một bức tranh về những nguy hiểm tinh tế đến mức có lẽ cần có một lời trấn an.

2. Another editorial deletion is encountered. Perhaps a method is given for calling upon the Master is moments of great need.

2. Chúng ta lại gặp một phần bị lược bỏ khi biên tập. Có lẽ một phương pháp đã được đưa ra để khẩn cầu Chân sư trong những lúc vô cùng cần thiết.

3. All is done to protect the disciple when and as possible, but the Master does not assume a responsibility which is not His. He hands the responsibility to His chelas, telling them that "the battle is yours".

3. Mọi điều đều được thực hiện để bảo vệ đệ tử khi có thể và trong chừng mực có thể, nhưng Chân sư không nhận một trách nhiệm không thuộc về Ngài. Ngài trao trách nhiệm cho các đệ tử của mình, nói với họ rằng "trận chiến này là của các bạn".

4. This is as it should be, for we become Masters by mastering our circumstances, especially those that are difficult.

4. Điều này là đúng đắn, vì chúng ta trở thành Chân sư bằng cách làm chủ hoàn cảnh của mình, đặc biệt là những hoàn cảnh khó khăn.

5. This has been an intense instruction written at a very difficult time of human history. DK has worked from many angles to warn, inspire and protect. We can get some small sense of the kind of pressure under which these disciples labored. Is the pressure to which we are now subjected equal to theirs? Perhaps, perhaps not.

5. Đây là một huấn thị mạnh mẽ, được viết vào một thời điểm vô cùng khó khăn trong lịch sử nhân loại. Chân sư DK đã làm việc từ nhiều góc độ để cảnh báo, truyền cảm hứng và bảo vệ. Chúng ta có thể phần nào cảm nhận được loại áp lực mà các đệ tử này phải chịu đựng khi làm việc. Áp lực mà hiện nay chúng ta đang chịu có ngang bằng với áp lực của họ không? Có lẽ có, có lẽ không.

6. In any case, regardless of the pressures which come upon us from without or from within, the correct mode of facing them is

6. Dù sao đi nữa, bất kể những áp lực từ bên ngoài hay bên trong tác động lên chúng ta, huấn thị vô cùng phong phú này đã chỉ ra

given in this very rich instruction.

cách đúng đắn để đối diện với chúng.

To the next commentary

Đến bài bình giảng tiếp theo

10. PART IX – 10. PHẦN IX

commentary by Michael D. Robbins

Bình giảng của Michael D. Robbins

The secret of all true meditation work in its earlier stages is the power to visualise. This is the first stage to be mastered. Disciples should lay the emphasis upon this process; in it lies eventually the ability to use the creative powers of the imagination, plus mental energy, as a measure to further the ends of the Hierarchy and to carry out the Divine Plan.

Bí quyết của mọi công phu tham thiền chân chính trong những giai đoạn đầu là năng lực hình dung. Đây là giai đoạn đầu tiên cần thành thạo. Các đệ tử nên chú trọng tiến trình này; chính trong đó, cuối cùng sẽ hình thành khả năng sử dụng những quyền năng sáng tạo của sự tưởng tượng, cùng với năng lượng trí tuệ, làm phương tiện thúc đẩy các mục tiêu của Thánh đoàn và thực hiện Thiên Cơ.

1. Master DK states that visualization is the secret of all true meditation work.

1. Chân sư DK khẳng định rằng sự hình dung là bí quyết của mọi công phu tham thiền chân chính.

2. We note, however, that this secret applies to the “earlier stages” of meditation work, suggesting that there are other secrets for the later stages.

2. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng bí quyết này áp dụng cho “những giai đoạn đầu” của công phu tham thiền, gợi ý rằng còn có những bí quyết khác cho các giai đoạn sau.

3. DK tells us that if disciples lay their emphasis upon this process they will eventually develop “the ability to use the creative powers of the imagination, plus mental energy” and will find themselves in a position to “further the ends of the Hierarchy and to carry out the Divine Plan”.

3. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng nếu các đệ tử chú trọng tiến trình này, cuối cùng họ sẽ phát triển “khả năng sử dụng những quyền năng sáng tạo của sự tưởng tượng, cùng với năng lượng trí tuệ” và sẽ có khả năng “thúc đẩy các mục tiêu của Thánh đoàn và thực hiện Thiên Cơ”.

4. We can think of visualization (as that term applies to the sense of sight) as the power to assemble and configure astral

4. Chúng ta có thể xem sự hình dung (khi thuật ngữ này áp dụng cho thị giác) là năng lực tập hợp và tạo cấu hình cho vật chất cảm

matter so that internally registered images are produced. Visualization is the power to create and arrange images which are intended to be manifested or wrought out upon the etheric-physical plane.

dục để tạo ra những hình ảnh được ghi nhận bên trong. Sự hình dung là năng lực tạo ra và sắp xếp những hình ảnh nhằm biểu hiện hoặc hiện thực hóa chúng trên cõi dĩ thái–hồng trần.

5. A little thought on the matter will demonstrate that visualization is related to memory (whether that memory was generated in this or in former life cycles).

5. Chỉ cần suy nghĩ đôi chút về vấn đề này sẽ thấy rằng sự hình dung có liên quan đến ký ức (dù ký ức ấy hình thành trong chu kỳ sống này hay trong những chu kỳ sống trước).

6. Memory provides a repository of impressed and retained images which the power of visualization can access, arrange and rearrange according to the intent of the one who visualizes. But memory (to a large degree) provides the "raw material" upon which the visualizer draws when undertaking the visualization process.

6. Ký ức cung cấp một kho chứa những hình ảnh đã được ghi dấu và lưu giữ mà năng lực hình dung có thể tiếp cận, sắp xếp và tái sắp xếp theo ý định của người hình dung. Nhưng ở mức độ lớn, ký ức cung cấp "nguyên liệu thô" mà người hình dung sử dụng khi thực hiện tiến trình hình dung.

7. What is it that makes the visualization process "creative", so that the "creative powers of the imagination can be exercised"?

7. Điều gì làm cho tiến trình hình dung mang tính "sáng tạo", để "những quyền năng sáng tạo của sự tưởng tượng có thể được vận dụng"?

a. One factor is the facility with which images can be arranged and rearranged.

a. Một yếu tố là khả năng dễ dàng sắp xếp và tái sắp xếp các hình ảnh.

b. Vividness and clarity of image are also factors.

b. Sự sống động và rõ nét của hình ảnh cũng là những yếu tố.

c. Most important is the degree to which images can be configured according to an objective or subjective template. The template need not be, per se, "in form", but can be a subtle archetype to which the visualizer attunes and according to which he arranges and articulates the images.

c. Quan trọng nhất là mức độ có thể tạo cấu hình cho các hình ảnh theo một khuôn mẫu khách quan hoặc chủ quan. Chính khuôn mẫu ấy không nhất thiết phải "có hình tướng", mà có thể là một nguyên mẫu tinh tế mà người hình dung hòa điệu với nó, rồi theo đó sắp xếp và kết nối các hình ảnh.

8. The creative imagination is to be used to change the configuration of conditions. Conditions as they exist on the physical

8. Cần sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo để thay đổi cách sắp xếp các điều kiện. Các điều kiện hiện hữu trên cõi hồng trần chỉ đơn

plane are simply 'materialized images'. Such conditions can be changed by direct application of force and energy existing on the same 'level' as the conditions; for instance, hands or their extensions can move objects around in 'space' causing a rearrangement of conditions (the materialized images). A subtle form of manipulation (through the power of visualization) can also cause a reconfiguration of conditions. The energy/force of the subtle images (visualized) will work (by yet unknown occult means) eventually upon the outer images and bring about a change. In the magical process this working of subtle upon gross is direct. It is also possible that subtle images will influence human beings and other creators to apply their own energies and forces in order to 're-image' outer conditions.

giản là 'những hình ảnh đã vật chất hóa'. Có thể thay đổi những điều kiện ấy bằng cách trực tiếp vận dụng mãnh lực và năng lượng hiện hữu trên cùng 'cấp độ' với chúng; chẳng hạn, đôi tay hoặc những công cụ nối dài đôi tay có thể di chuyển các vật trong 'không gian', khiến các điều kiện (những hình ảnh đã vật chất hóa) được sắp xếp lại. Một hình thức tác động tinh tế (thông qua quyền năng hình dung) cũng có thể khiến các điều kiện được sắp xếp lại. Cuối cùng, năng lượng/mãnh lực của những hình ảnh tinh tế (được hình dung) sẽ tác động lên các hình ảnh bên ngoài (bằng những phương thức huyền bí còn chưa được biết đến) và tạo ra sự thay đổi. Trong tiến trình huyền thuật, tác động này của cái tinh tế lên cái thô trược diễn ra trực tiếp. Cũng có thể những hình ảnh tinh tế sẽ ảnh hưởng đến con người và các chủ thể sáng tạo khác, khiến họ vận dụng năng lượng và mãnh lực của chính mình để 'tái tạo hình ảnh' của các điều kiện bên ngoài.

9. The result of all this will be *creative* activity, a re-shaping, reconditioning, re-configuring of outer conditions by means of the application of subtle images. As stated, that application will either be *direct* as in magical processes, or *mediated* through the agency of some human or other 're-creator'.

9. Kết quả của tất cả những điều này sẽ là hoạt động *sáng tạo*, là việc tái tạo hình dáng, tái định hình và sắp xếp lại các điều kiện bên ngoài thông qua việc vận dụng những hình ảnh tinh tế. Như đã nêu, sự vận dụng ấy sẽ diễn ra *trực tiếp* như trong các tiến trình huyền thuật, hoặc *qua trung gian* là một con người hay một 'chủ thể tái sáng tạo' nào khác.

10. We note that in order to further the ends of Hierarchy and to carry out the Divine Plan, mental energy must also be applied along with the creative powers of the imagination.

10. Chúng ta lưu ý rằng để thúc đẩy các mục tiêu của Thánh đoàn và thực hiện Thiên Cơ, cũng phải vận dụng năng lượng trí tuệ cùng với các quyền năng sáng tạo của sự tưởng tượng.

11. The purpose of mental energy is to assure that the *correct image* is visualized and that it is applied to the right 'place' and

11. Mục đích của năng lượng trí tuệ là bảo đảm rằng *hình ảnh đúng đắn* được hình dung và được vận dụng đúng 'nơi' và đúng lúc. Sự

at the right time. Creative imagination is not a random and unregulated process. Many kinds of images may be created, but only certain kinds of images, of a certain quality, color, consistency, clarity, etc. , and built upon a certain Plan-conforming subjective template will serve to further the ends of the Hierarchy and help to carry out the Divine Plan at any particular time and in relation to any particular place.

tưởng tượng sáng tạo không phải là một tiến trình ngẫu nhiên và không có sự điều tiết. Có thể tạo ra nhiều loại hình ảnh, nhưng chỉ một số loại hình ảnh nhất định, có phẩm tính, màu sắc, tính nhất quán, độ rõ nét nhất định, v.v. , và được kiến tạo trên một khuôn mẫu chủ quan nhất định phù hợp với Thiên Cơ, mới giúp thúc đẩy các mục tiêu của Thánh đoàn và góp phần thực hiện Thiên Cơ vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào và trong mối liên hệ với bất kỳ nơi chốn cụ thể nào.

12. We might say that mental energy guides, regulates and adjusts the formation of the created images. Without the right use of this energy in association with the processes of the creative imagination, that imagination cannot be used as a tool for service and is of no real use to Hierarchy.

12. Chúng ta có thể nói rằng năng lượng trí tuệ dẫn dắt, điều tiết và điều chỉnh sự hình thành của những hình ảnh được tạo ra. Nếu không vận dụng đúng đắn năng lượng này kết hợp với các tiến trình của sự tưởng tượng sáng tạo, thì không thể dùng sự tưởng tượng ấy làm công cụ phụng sự, và nó không thực sự hữu ích cho Thánh đoàn.

All the new processes in meditation techniques (for which the New Age may be responsible) must and will embody visualisation as a primary step for the following reasons:

Mọi tiến trình mới trong các kỹ thuật tham thiền (mà Kỷ Nguyên Mới có thể làm nảy sinh) đều phải và sẽ bao hàm sự hình dung như một bước chủ yếu vì những lý do sau:

1. Visualisation is the initial step in the demonstration of the occult law that “energy follows thought.” This, of course, everyone interested in occult study recognises theoretically. One of the tasks confronting disciples is to achieve factual knowledge of this. Pictorial visualisation (which is a definite feature of the work in many esoteric schools) is simply an exercise to bring about the power to visualise. In the work of those disciples who are being trained for initiation, this external aspect of visualisation must give place to an interior process which is the first step towards the direction of energy. The visualising of pictures is intended to focus the aspirant

1. Sự hình dung là bước đầu tiên trong việc biểu hiện định luật huyền bí rằng “năng lượng theo sau tư tưởng.” Dĩ nhiên, mọi người quan tâm đến việc nghiên cứu huyền bí đều thừa nhận điều này về mặt lý thuyết. Một trong những nhiệm vụ mà các đệ tử phải đối diện là đạt được tri thức thực chứng về điều này. Sự hình dung bằng hình ảnh (vốn là một đặc điểm rõ rệt trong công việc của nhiều trường phái nội môn) chỉ đơn giản là một bài tập nhằm tạo ra quyền năng hình dung. Trong công việc của những đệ tử đang được huấn luyện để điểm đạo, phương diện bên ngoài này của sự hình dung phải nhường chỗ cho một tiến trình nội tại, vốn là bước đầu tiên hướng tới việc điều hướng

within the head at a point midway between the pituitary body and the pineal gland. In that area, he draws pictures and paints scenes and thus acquires facility to see—in large and in detail—that which he desires and for which he intends to work. The visualising of what might be called "directed process" goes on in a more focussed manner and in the area directly around the pineal gland. The pineal [90] gland then becomes the centre of a magnetic field which is set in motion—in the first place—by the power of visualisation. At that point, energy is gathered by the disciple and then directed with intention to one or other of the centres. This focussed thought produces inevitable effects within the etheric body and thus two aspects of the creative imagination are brought into play.

năng lượng. Việc hình dung các hình ảnh nhằm tập trung người chí nguyện vào bên trong đầu, tại một điểm nằm giữa tuyến yên và tuyến tùng. Trong vùng ấy, y vẽ nên những hình ảnh và tô màu các cảnh tượng, nhờ đó dần có khả năng nhìn thấy—ở quy mô lớn và trong từng chi tiết—điều y mong muốn và dự định nỗ lực thực hiện. Việc hình dung điều có thể gọi là "tiến trình được điều hướng" diễn ra với sự tập trung cao hơn và trong vùng ngay quanh tuyến tùng. Khi ấy, tuyến [90] tùng trở thành trung tâm của một từ trường mà trước hết quyền năng hình dung khởi động. Tại điểm ấy, đệ tử tập hợp năng lượng rồi dùng chủ định điều hướng năng lượng đến một trung tâm nào đó. Tư tưởng tập trung này tạo ra những tác động tất yếu trong thể dĩ thái, và nhờ đó hai phương diện của sự tưởng tượng sáng tạo được đưa vào hoạt động.

1. There will be new meditation techniques—this is clear. During the New Age they will emerge and visualization will be a primary step in their emergence

1. Sẽ có những kỹ thuật tham thiền mới—điều này đã rõ. Chúng sẽ xuất hiện trong Kỷ Nguyên Mới, và sự hình dung sẽ là một bước chủ yếu trong sự xuất hiện của chúng

2. We must remember that the Aquarian Age will be a very *creative* Age in which a "new Heaven and a new Earth" will take shape. Much concerning the "old world" will have to be 're-imaged' under the seventh ray (re-patterning), fourth ray (beauty and balance) and second ray (attractive coherency). This re-imaging must be in accordance with the patterns of the Divine Plan or else the re-creation intended for the Aquarian Age will not be fulfilled.

2. Chúng ta phải nhớ rằng Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ là một Kỷ Nguyên hết sức *sáng tạo*, trong đó một "Trời mới và một Trái Đất mới" sẽ thành hình. Nhiều điều thuộc về "thế giới cũ" sẽ phải được 'tái tạo hình ảnh' dưới tác động của cung bảy (tái lập mô hình), cung bốn (vẻ đẹp và sự cân bằng) và cung hai (tính gắn kết nhờ sức hút). Việc tái tạo hình ảnh này phải phù hợp với các mô hình của Thiên Cơ, nếu không thì công cuộc tái sáng tạo dành cho Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ không thể hoàn thành.

3. When we say that "energy follows thought" what do we mean? There is a danger that when a truism is oft repeated its meaning will be lost. Quite simply, if we

3. Khi nói rằng "năng lượng theo sau tư tưởng", chúng ta muốn nói gì? Có một nguy cơ là khi một chân lý hiển nhiên được lặp lại thường xuyên, ý nghĩa của nó sẽ mất đi. Rất

think in a certain direction (whether the focus of that direction is within the microcosm or within the larger environment), a flow of energy/force will be directed to that focus. For example, if I think of my throat center, there will be a flow of energy/force directed to my throat center. The same is true for any of the chakras. If I think towards another person, energy/force will be directed to that person. If I think of a location, such as the White House or the General Assembly within the United Nations, energy/force will be directed to those destinations, those 'targets'.

đơn giản, nếu chúng ta *suy nghĩ* theo một hướng nhất định (dù tiêu điểm của hướng ấy nằm trong tiểu thiên địa hay trong môi trường rộng lớn hơn), thì một dòng năng lượng/mãnh lực sẽ được hướng đến tiêu điểm ấy. Chẳng hạn, nếu tôi nghĩ đến trung tâm cổ họng của mình, sẽ có một dòng năng lượng/mãnh lực hướng đến trung tâm cổ họng của tôi. Điều tương tự cũng đúng với bất kỳ luân xa nào. Nếu tôi hướng tư tưởng đến một người khác, năng lượng/mãnh lực sẽ hướng đến người ấy. Nếu tôi nghĩ đến một địa điểm, chẳng hạn như Nhà Trắng hay Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc, năng lượng/mãnh lực sẽ hướng đến những đích đến ấy, những 'mục tiêu' ấy.

4. Visualization is a prime method of directing that energy/force, for through a visualized image which replicates the proposed destination of the energy/force (for instance an image of a chakra, a person, the White House or General Assembly) the visualized image is brought into resonance with the destination or target. This has been called "sympathetic magic". The more closely the visualized image replicates the 'original', the more in resonance they will be. Energy/force visualized as directed towards the image will also (due to resonances in the etheric field and in other subtle fields) find its way to the 'original'. The exact mechanism of this will probably take centuries to explicate, but we can count on the validity of the occult law of which we have been informed. "Energy follows thought". Energy will follow (pursue its way to) that which is imagined through thought/visualization.

4. Sự hình dung là một phương pháp chủ yếu để điều hướng năng lượng/mãnh lực ấy, vì khi một hình ảnh được hình dung tái hiện đích đến dự kiến của năng lượng/mãnh lực (chẳng hạn hình ảnh của một luân xa, một người, Nhà Trắng hay Đại Hội đồng), hình ảnh ấy sẽ cộng hưởng với đích đến hay mục tiêu đó. Điều này được gọi là "huyền thuật tương cảm". Hình ảnh được hình dung càng tái hiện sát 'nguyên bản', chúng càng cộng hưởng mạnh với nhau. Năng lượng/mãnh lực được hình dung là hướng đến hình ảnh ấy cũng sẽ (nhờ những cộng hưởng trong trường dĩ thái và các trường tinh tế khác) tìm đường đến 'nguyên bản'. Có lẽ phải mất nhiều thế kỷ mới giải thích được chính xác bộ máy vận hành của điều này, nhưng chúng ta có thể tin tưởng vào tính đúng đắn của định luật huyền bí mà chúng ta đã được biết. "Năng lượng theo sau tư tưởng". Năng lượng sẽ theo sau (tìm đường đến) điều được tưởng tượng thông qua tư tưởng/sự hình dung.

5. We should not overlook the fact that it is possible to direct energy/force to an *actual*

5. Chúng ta không nên bỏ qua thực tế rằng có thể điều hướng năng lượng/mãnh lực đến

object within the field of vision. In this case the object need not be visualized because it is tangibly present and can be *seen* through the sense of sight, but the *energy* which is directed may be visualized as pursuing its way to the tangible, sensorially revealed object.

một *vật thể thực sự* trong trường nhìn. Trong trường hợp này, không cần hình dung vật thể ấy vì nó hiện diện một cách hữu hình và có thể được *nhìn thấy* bằng thị giác, nhưng có thể hình dung *năng lượng* được điều hướng đang tìm đường đến vật thể hữu hình mà giác quan cho thấy.

6. The Tibetan is suggesting that we are all familiar with the adage "energy follows thought" but must make the theory a factual realization.

6. Chân sư Tây Tạng đang gợi ý rằng tất cả chúng ta đều quen thuộc với châm ngôn "năng lượng theo sau tư tưởng", nhưng phải biến lý thuyết ấy thành sự chứng nghiệm thực tế.

7. The Tibetan seems to be distinguishing between "pictorial visualisation" and the "power to visualise". Pictorial visualization is simply a beginning step, and may involve the utilization of memory to promote the clear holding of an image. But such work would simply be a "warm-up" for the real act of visualization.

7. Dường như Chân sư Tây Tạng đang phân biệt giữa "sự hình dung bằng hình ảnh" và "quyền năng hình dung". Sự hình dung bằng hình ảnh chỉ đơn giản là bước khởi đầu, và có thể bao gồm việc sử dụng trí nhớ để giúp giữ vững một hình ảnh rõ nét. Nhưng công việc như thế chỉ là một bước "khởi động" cho hành động hình dung thực sự.

8. We are interested in what may be that "interior process which is the first step towards the direction of energy". Obviously, the holding of a clear image is not sufficient. The method of *activating* the held image in relation to its destination/target must be found. If the image held is different from the 'target image' (the concretized condition which the held image is meant to transform) then there must be found a method of 'seeing' the 'target image' transformed into the 'held image'. A kind of *rapport* must be established between the new pattern (embodied in the held image) and the old pattern or target image which ideally will be reconfigured so that it reflects the held image. Probably, those who work in this way will be able to note the moment when the two images come en rapport.

8. Chúng ta quan tâm xem điều gì có thể là "tiến trình nội tại, vốn là bước đầu tiên hướng tới việc điều hướng năng lượng" ấy. Hiển nhiên, chỉ giữ vững một hình ảnh rõ nét là chưa đủ. Phải tìm ra phương pháp *kích hoạt* hình ảnh đang được giữ vững trong mối liên hệ với đích đến/mục tiêu của nó. Nếu hình ảnh được giữ vững khác với 'hình ảnh mục tiêu' (điều kiện đã được cụ thể hóa mà hình ảnh được giữ vững nhằm chuyển đổi), thì phải tìm ra một phương pháp để 'nhìn thấy' 'hình ảnh mục tiêu' chuyển đổi thành 'hình ảnh được giữ vững'. Phải thiết lập một dạng *giao cảm* giữa mô hình mới (hiện thân trong hình ảnh được giữ vững) và mô hình cũ hay hình ảnh mục tiêu; theo lý tưởng, hình ảnh mục tiêu sẽ được sắp xếp lại để phản ánh hình ảnh được giữ vững. Có lẽ những người làm việc theo cách này sẽ có thể nhận biết thời điểm hai hình ảnh đi vào

giao cảm với nhau.

9. One way of promoting such rapport would be the capacity to hold both images in the mind's eye simultaneously, and note the transformation of the target image into a close or closer replication of the image held. Obviously, much practice and much inner, visual steadiness are needed until success crowns the efforts of the visualizer.

9. Một cách thúc đẩy sự giao cảm ấy là khả năng giữ đồng thời cả hai hình ảnh trong tâm nhãn và nhận biết sự chuyển đổi của hình ảnh mục tiêu thành một bản tái hiện gần giống hoặc ngày càng giống hơn với hình ảnh được giữ vững. Hiển nhiên, cần thực hành nhiều và có sự ổn định lớn trong việc nhìn thấy hình ảnh bên trong, cho đến khi những nỗ lực của người hình dung đạt được thành công.

10. In all this kind of work, however, it is necessary to work without attachment to results, as, even if sympathetic rapport is established between the visualizer, his held image and the target image, it may take a long while before the target image *actually* begins to reflect the configuration of the held image.

10. Tuy nhiên, trong mọi công việc thuộc loại này, cần làm việc mà không chấp trước vào kết quả, vì ngay cả khi đã thiết lập được sự giao cảm tương ứng giữa người hình dung, hình ảnh người ấy giữ vững và hình ảnh mục tiêu, vẫn có thể phải mất một thời gian dài trước khi hình ảnh mục tiêu *thực sự* bắt đầu phản ánh cách sắp xếp của hình ảnh được giữ vững.

11. The Tibetan becomes anatomical in his description of the 'place' where visualization is to occur—"within the head at a point midway between the pituitary body and the pineal gland". In this 'location' we are told to "draw pictures", "paint scenes" and "acquire the power to see". Students should consult an anatomy book to ensure (in a fifth ray/seventh ray manner) that they 'place' their images in the proper location.

11. Chân sư Tây Tạng chuyển sang mô tả về mặt giải phẫu 'nơi' sự hình dung phải diễn ra—"bên trong đầu, tại một điểm nằm giữa tuyến yên và tuyến tùng". Tại 'vị trí' này, chúng ta được chỉ dạy hãy "vẽ nên những hình ảnh", "tô màu các cảnh tượng" và "đạt được quyền năng nhìn thấy". Các đạo sinh nên tham khảo một cuốn sách giải phẫu để bảo đảm (theo cách của cung năm/cung bảy) rằng họ 'đặt' những hình ảnh của mình vào đúng vị trí.

12. We have been given enough to begin our *practice*. One may simply begin with familiar and simple images, practice reconfiguring them, changing their shape, color, the relative proportion of their parts, and their *size*—for the Tibetan tells us that we must be able to see "in large and in detail". Anything a modern "Photoshop" computer program

12. Chúng ta đã được chỉ dạy đủ để bắt đầu *thực hành*. Có thể đơn giản bắt đầu bằng những hình ảnh quen thuộc và đơn giản, thực hành sắp xếp lại chúng, thay đổi hình dạng, màu sắc, tỉ lệ tương đối giữa các bộ phận và *kích thước* của chúng—vì Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết rằng chúng ta phải có khả năng nhìn thấy "ở quy mô lớn và

can do, we should be able to do with our inner imaging apparatus and more. It may, however, take years to develop sufficient skill to work in this manner. Still, the capacity to do so *must* be developed, as all our future usefulness to Hierarchy depends upon it.

trong từng chi tiết". Bất cứ điều gì một chương trình máy tính "Photoshop" hiện đại có thể làm, chúng ta cũng phải có khả năng làm được bằng bộ máy tạo hình ảnh bên trong của mình, và còn hơn thế nữa. Tuy nhiên, có thể phải mất nhiều năm để phát triển đủ kỹ năng làm việc theo cách này. Dẫu vậy, khả năng ấy *phải* được phát triển, vì toàn bộ sự hữu ích của chúng ta đối với Thánh đoàn trong tương lai đều tùy thuộc vào nó.

13. Let us realize the importance of the teaching we are now being given. Specific locations in the head are being proposed for the "visualising of pictures" and a *different location* for the visualization of "directed process". The pineal gland has a significance associated with the crown center and the first ray, and so it is the suitable 'locus' for the visualization of *directed* process. The term "directed" belongs to the first ray. The pituitary body has (depending upon the context of consideration) either a second ray or third ray meaning. When the carotid gland is considered, the pituitary takes on a second ray meaning. The visualization of images, per se, is related to the form-building second ray. The *directing* of these images relates to the first ray of will, power and *direction.*

13. Chúng ta hãy nhận ra tầm quan trọng của giáo huấn hiện đang được truyền dạy. Những vị trí cụ thể trong đầu đang được đề xuất cho "việc hình dung các hình ảnh", và một *vị trí khác* cho việc hình dung "tiến trình được điều hướng". Tuyến tùng có một thâm nghĩa gắn với trung tâm đỉnh đầu và cung một, vì thế nó là 'vị trí' thích hợp cho việc hình dung tiến trình *được điều hướng*. Thuật ngữ "được điều hướng" thuộc về cung một. Tuyến yên có ý nghĩa thuộc cung hai hoặc cung ba (tùy theo ngữ cảnh xem xét). Khi xét đến tuyến cảnh, tuyến yên mang ý nghĩa thuộc cung hai. Chính việc hình dung các hình ảnh có liên hệ với cung hai kiến tạo hình tướng. Việc *điều hướng* những hình ảnh này có liên hệ với cung một của ý chí, quyền năng và *sự điều hướng.*

14. The functioning of the pineal gland (in this specific instance) is clarified for us. The process of visualization stimulates it. When stimulated, it serves as a magnetic center—the "centre of a magnetic field". Through this magnetism energies to be directed are first gathered, then focussed, then directed.

14. Chức năng của tuyến tùng (trong trường hợp cụ thể này) đã được làm sáng tỏ cho chúng ta. Tiến trình hình dung kích thích tuyến này. Khi được kích thích, nó hoạt động như một trung tâm từ tính—"trung tâm của một từ trường". Thông qua từ điện này, những năng lượng cần điều hướng trước hết được tập hợp, rồi được tập trung, sau đó được điều hướng.

15. Master DK is talking here about what

15. Ở đây, Chân sư DK đang nói về điều có

might be called 'microcosmic direction' (to the chakras within one's own system), but they can be directed to the chakra system of others (provided one is sufficiently initiate to know what one is doing—thus, unless very well informed, we should not) or, in general, into the macrocosmic environment.

thể gọi là 'sự điều hướng trong tiểu thiên địa' (đến các luân xa trong hệ thống của chính mình), nhưng những năng lượng ấy cũng có thể được điều hướng đến hệ thống luân xa của người khác (với điều kiện người thực hiện đã đạt trình độ điểm đạo đủ để biết mình đang làm gì—vì vậy, trừ khi hiểu biết rất rõ, chúng ta không nên làm điều đó), hoặc nói chung, vào môi trường đại thiên địa.

16. The major point is that two aspects of the creative imagination have been brought to our attention, and the manner of bringing them into play has been suggested. Now we must practice.

16. Điểm chính là chúng ta đã được lưu ý đến hai phương diện của sự tưởng tượng sáng tạo, và cách đưa chúng vào hoạt động cũng đã được gợi ra. Giờ đây, chúng ta phải thực hành.

2. The power to visualise is the form-building aspect of the creative imagination. This process falls into three parts, corresponding somewhat to the creative process followed by Deity Itself:

2. Quyền năng hình dung là phương diện kiến tạo hình tướng của sự tưởng tượng sáng tạo. Tiến trình này chia thành ba phần, phần nào tương ứng với tiến trình sáng tạo mà chính Thượng đế thực hiện:

a. The gathering of qualified energy within a ring-pass-not.

a. Tập hợp năng lượng mang phẩm tính trong một vòng-giới-hạn.

b. The focussing of this energy under the power of intention, i. e. , at a point in the neighbourhood of the pineal gland. The energy is now focussed and not diffused.

b. Tập trung năng lượng này dưới quyền năng của chủ định, tức là tại một điểm gần tuyến tùng. Giờ đây, năng lượng tập trung và không khuếch tán.

c. The dispatch of this focussed energy by means of a pictorial process (not by an act of the will at this time) in any desired direction—that is, to certain centres in a certain order.

c. Phát đi năng lượng đã tập trung này bằng một tiến trình hình ảnh (vào lúc này, không phải bằng một hành động của ý chí) theo bất kỳ hướng mong muốn nào—nghĩa là đến những trung tâm nhất định theo một thứ tự nhất định.

1. DK becomes specific about the "power to visualise"; He calls it "the form-building" aspect of the creative imagination. There are obviously other aspects of work with the creative imagination. It can also be used for

1. Chân sư DK trình bày cụ thể về "quyền năng hình dung"; Ngài gọi đó là phương diện "kiến tạo hình tướng" của sự tưởng tượng sáng tạo. Hiển nhiên, công việc với sự tưởng tượng sáng tạo còn có những phương diện

energy direction and for the ascertainment of truth or falsity. Perhaps there are other modes as well

khác. Cũng có thể sử dụng nó để điều hướng năng lượng và xác định điều chân thật hay giả dối. Có lẽ còn có những phương thức khác nữa

2. Form-building comes under the second ray, and so the power to visualize, as well, comes most specifically under the second ray. The power to rearrange and reconfigure that which is visualized and the power to direct that which is visualized come under the third and first rays respectively.

2. Việc kiến tạo hình tướng thuộc về cung hai, vì vậy quyền năng hình dung cũng thuộc về cung hai một cách đặc thù nhất. Quyền năng sắp xếp lại và tái định hình điều được hình dung, cùng quyền năng điều hướng điều được hình dung, lần lượt thuộc về cung ba và cung một.

3. DK offers us a sequence of steps entailed in visualization.

3. Chân sư DK đưa ra cho chúng ta một trình tự các bước trong sự hình dung.

4. The first step involves "the gathering of qualified energy within a ring-pass-not". We note that not just *any* energy will do, but only that energy the quality of which is suited to the purpose of the building. Further, there must be a ring-pass-not or the gathered energy cannot be managed; it will disperse and cannot be 'grasped' for directing.

4. Bước đầu tiên bao gồm "việc tập hợp năng lượng mang phẩm tính trong một vòng-giới-hạn". Chúng ta lưu ý rằng không phải *bất kỳ* năng lượng nào cũng thích hợp, mà chỉ năng lượng có phẩm tính phù hợp với mục đích kiến tạo mới thích hợp. Hơn nữa, phải có một vòng-giới-hạn, nếu không thì không thể quản lý năng lượng đã tập hợp; nó sẽ phân tán và không thể được 'nắm giữ' để điều hướng.

5. *Gathering* is one phase and *focussing* another. One focusses by 'attending intently' to that which has been gathered. The attention is applied to gathered energy, and not to the energies/forces surrounding the gathered energy.

5. *Tập hợp* là một giai đoạn, còn *tập trung* là một giai đoạn khác. Người ta tập trung bằng cách 'chú tâm mãnh liệt' vào điều đã được tập hợp. Sự chú tâm hướng vào năng lượng đã tập hợp, chứ không hướng vào những năng lượng/mãnh lực bao quanh năng lượng ấy.

6. We ask ourselves, "What *is* the power of intention?" It is a power which derives from purpose, and it executes a certain series of actions rather than others. Intention is extremely selective, choosing a preferred pattern to emphasize, and removing emphasis from all others.

6. Chúng ta tự hỏi, "Quyền năng của chủ định *là* gì?" Đó là một quyền năng phát sinh từ mục đích, và nó thực hiện một chuỗi hành động nhất định thay vì những hành động khác. Chủ định có tính chọn lọc rất cao, lựa chọn một mô hình ưu tiên để nhấn mạnh và rút sự nhấn mạnh khỏi mọi mô hình khác.

7. We note that the focussing is to occur in the "neighborhood" of the pineal gland. Approximation is sufficient. DK does not want us to become too minutely exacting in the anatomical sense, as such an attempt could distract from the purpose of the process.

8. In point "b", we see that focussing prevents diffusion; diffusion would lead to a concentration of energy insufficient for impact. There must be a certain 'occult density' of energy if anything impactful is to be done with it. In this respect, 'intensification is densification'. We can think of that stage in the process of building the antahkarana called "Intention" and realize that a certain concentration/densification of energies is being achieved.

9. DK now speaks of step three, "c"—the "dispatch of this focussed energy". The term "dispatch" means a *sending forth,* and implies a process which has some speed.

10. We note that the will is ("at this time") to be held in leash, just as it is in the healing process. A pictorial process will execute the dispatch and *not* the force of will. Later, when more is known about the will, it too, apparently, may be brought into the service of this sending forth of energy/force. A Master does this.

11. DK does not here enlarge upon the pictorial process, but it can be assumed that once the energy/force is gathered and focussed, reasonably appropriate images arise spontaneously (and can be 'edited' by the mental energy).

7. Chúng ta lưu ý rằng sự tập trung phải diễn ra trong "vùng lân cận" của tuyến tùng. Vị trí gần đúng là đủ. Chân sư DK không muốn chúng ta quá khắt khe về độ chính xác đến từng chi tiết giải phẫu, vì một nỗ lực như thế có thể làm chúng ta xao lãng mục đích của tiến trình.

8. Ở điểm "b", chúng ta thấy rằng sự tập trung ngăn ngừa sự khuếch tán; sự khuếch tán sẽ khiến mức độ tập trung năng lượng không đủ để tạo tác động. Năng lượng phải có một 'mật độ huyền bí' nhất định nếu muốn dùng nó để làm điều gì có sức tác động. Về phương diện này, 'tăng cường độ chính là tăng mật độ'. Chúng ta có thể nghĩ đến giai đoạn trong tiến trình kiến tạo antahkarana được gọi là "Chủ định" và nhận ra rằng các năng lượng đang đạt đến một mức độ tập trung/tăng mật độ nhất định.

9. Giờ đây, Chân sư DK nói đến bước thứ ba, "c"—"phát đi năng lượng đã tập trung này". Thuật ngữ "phát đi" có nghĩa là *gửi ra,* và hàm ý một tiến trình có tốc độ nhất định.

10. Chúng ta lưu ý rằng ý chí ("vào lúc này") cần được kiềm chế, cũng như trong tiến trình trị liệu. Một tiến trình hình ảnh sẽ thực hiện việc phát đi, *chứ không phải* mãnh lực của ý chí. Về sau, khi chúng ta hiểu biết nhiều hơn về ý chí, dường như cũng có thể đưa nó vào phụng sự việc phát đi năng lượng/mãnh lực này. Một Chân sư thực hiện điều này.

11. Ở đây, Chân sư DK không trình bày thêm về tiến trình hình ảnh, nhưng có thể giả định rằng một khi năng lượng/mãnh lực đã được tập hợp và tập trung, những hình ảnh tương đối thích hợp sẽ tự phát xuất hiện (và năng lượng trí tuệ có thể 'chỉnh sửa' chúng).

12. In all simplicity, the sequence is gather, focus, dispatch.

12. Nói thật đơn giản, trình tự là tập hợp, tập trung, phát đi.

13. What is the act of will in which we are not to be engaged at this time? Perhaps it means that we are not to forcefully *insist* on the impact of the pictorially directed energies/forces. The process will be self-regulating according to the nature of the pictorial process. We are not to *impose additional force* upon the pictorial image *insisting* that the 'target' of the pictorial process change and change now.

13. Hành động của ý chí mà chúng ta không được thực hiện vào lúc này là gì? Có lẽ điều đó có nghĩa là chúng ta không được cưỡng ép *khăng khăng đòi hỏi* những năng lượng/mãnh lực được điều hướng bằng hình ảnh phải tạo ra tác động. Tiến trình sẽ tự điều tiết theo bản chất của tiến trình hình ảnh. Chúng ta không được *áp đặt thêm mãnh lực* lên hình ảnh, *khăng khăng đòi hỏi* rằng 'mục tiêu' của tiến trình hình ảnh phải thay đổi và thay đổi ngay bây giờ.

14. These are subtle matters and will require practice. Probably mistakes will be made, but an 'inner monitor' will advise us when this is the case.

14. Đây là những vấn đề tinh tế và sẽ đòi hỏi sự thực hành. Có lẽ chúng ta sẽ mắc sai lầm, nhưng một 'người giám sát bên trong' sẽ báo cho chúng ta biết khi điều đó xảy ra.

15. We note that the dispatch is microcosmically directed—to certain chakras and in a certain order. This process needs a Master's guidance, and, indeed, He has offered us, in His various meditations, some patterns and sequences we may follow.

15. Chúng ta lưu ý rằng việc phát đi được điều hướng trong tiểu thiên địa—đến những luân xa nhất định và theo một thứ tự nhất định. Tiến trình này cần sự hướng dẫn của một Chân sư, và quả thật, trong các bài thiền khác nhau của Ngài, Ngài đã đưa ra cho chúng ta một số mô hình và trình tự mà chúng ta có thể noi theo.

16. Dispatch, however, is also possible in relation to the macrocosm (or the greater environment). The main thing to bear in mind is that we are not *forcing* anyone to do anything. To force in this manner is the method used by the 'powers of opposition' and with this technique we cannot involve ourselves.

16. Tuy nhiên, việc truyền gửi cũng có thể thực hiện đối với đại thiên địa (hay môi trường rộng lớn hơn). Điều chính yếu cần ghi nhớ là chúng ta không *ép buộc* bất kỳ ai làm bất cứ điều gì. Ép buộc theo cách này là phương pháp mà 'các quyền năng đối kháng' sử dụng, và chúng ta không thể tham gia sử dụng kỹ thuật này.

This process of energy direction can become a spiritual habit if disciples would begin to do it slowly and gradually. At first, the visualising process may seem to you to be laboured and profitless but, if you persevere,

Tiến trình định hướng năng lượng này có thể trở thành một thói quen tinh thần nếu các đệ tử bắt đầu thực hiện một cách chậm rãi và từ từ. Thoạt đầu, tiến trình hình dung có thể có vẻ nhọc nhằn và vô ích đối với các bạn,

you will find eventually that it becomes effortless and effective. This is one of the most important ways in which a Master works; it is essential, therefore, that you begin to master the technique. The stages are:

nhưng nếu kiên trì, cuối cùng các bạn sẽ thấy nó trở nên nhẹ nhàng và hiệu quả. Đây là một trong những phương thức làm việc quan trọng nhất của một Chân sư; vì vậy, điều thiết yếu là các bạn phải bắt đầu làm chủ kỹ thuật này. Các giai đoạn gồm:

a. A process of energy gathering.

a. Tiến trình thu gom năng lượng.

b. A process of focalisation.

b. Tiến trình tập trung năng lượng.

c. A process of distribution or direction.

c. Tiến trình phân phối hoặc định hướng năng lượng.

1. DK combines the idea of visualization with energy direction. We visualize so that energy may be beneficently directed. He wishes for us that this method of energy direction will become a "spiritual habit". It is important that it become entirely natural to us so that it may be wielded with skill. Thus, our capacity to cooperate with Hierarchy in Their service to humanity will grow.

1. Chân sư DK kết hợp ý tưởng về sự hình dung với việc định hướng năng lượng. Chúng ta hình dung để có thể định hướng năng lượng một cách hữu ích. Ngài mong rằng phương pháp định hướng năng lượng này sẽ trở thành một "thói quen tinh thần". Điều quan trọng là phương pháp ấy phải trở nên hoàn toàn tự nhiên đối với chúng ta, để chúng ta có thể vận dụng một cách thành thạo. Nhờ đó, khả năng hợp tác của chúng ta với Thánh đoàn trong công cuộc Các Ngài phụng sự nhân loại sẽ tăng trưởng.

2. We note that we are not to dive in precipitously and expect instantaneous results. The power to visualize is essentially a second ray process and the second ray moves slowly and deliberately (through the wise use of slow action).

2. Chúng ta lưu ý rằng không nên hấp tấp lao vào và mong đợi kết quả tức thì. Quyền năng hình dung về cơ bản là một tiến trình thuộc cung hai, và cung hai vận hành chậm rãi, có chủ đích (thông qua việc sử dụng minh triết hành động chậm rãi).

3. The thoughts suggested are simple. Results will not occur immediately and at first all efforts may seem labored and relatively profitless, but if there is persistence, the work of visualization (and the direction of the visualized images) will become "effortless and effective".

3. Những tư tưởng được gợi ra đều đơn giản. Kết quả sẽ không xuất hiện ngay lập tức, và thoạt đầu mọi nỗ lực có thể có vẻ nhọc nhằn và tương đối vô ích, nhưng nếu kiên trì, công việc hình dung (và định hướng những hình ảnh đã hình dung) sẽ trở nên "nhẹ nhàng và hiệu quả".

4. We may at times wonder how the Masters

4. Đôi khi chúng ta có thể tự hỏi các Chân sư

work. Here, DK tells us. Visualization is "one of the most important ways" in which They work.

làm việc như thế nào. Ở đây, Chân sư DK cho chúng ta biết. Sự hình dung là "một trong những phương thức quan trọng nhất" mà Các Ngài dùng để làm việc.

5. Therefore, it is not only desirable that we master the technique of visualization but "essential". These "words to the wise" should be sufficient.

5. Vì vậy, việc chúng ta làm chủ kỹ thuật hình dung không chỉ là điều đáng mong muốn mà còn "thiết yếu". Những "lời nhắc dành cho người biết suy xét" này hẳn đã đủ.

6. DK reiterates the sequence we have been studying above.

6. Chân sư DK nhắc lại trình tự mà chúng ta đã nghiên cứu ở trên.

The disciple learns to do this within himself and later to direct the energy (some chosen and particular kind, according to the demand of the occasion) to that which lies without himself. This constitutes, for example, one of the major healing techniques of the future. It is also used by the Master in awakening His disciple to certain [91] states of consciousness, but with these you have naught to do.

Đệ tử học cách thực hiện điều này bên trong chính mình, rồi sau đó định hướng năng lượng (một loại cụ thể được lựa chọn theo nhu cầu của hoàn cảnh) đến những gì ở bên ngoài mình. Chẳng hạn, điều này tạo thành một trong những kỹ thuật trị liệu chủ yếu của tương lai. Chân sư cũng sử dụng kỹ thuật ấy để đánh thức đệ tử của Ngài vào một số [91] trạng thái tâm thức, nhưng các bạn không có phận sự gì với những trạng thái này.

1. Here Master DK addresses the question of microcosmic and macrocosmic *direction.*

1. Ở đây, Chân sư DK đề cập đến vấn đề *định hướng trong tiểu thiên địa và đại thiên địa.*

2. Our first work with the "power of visualization" is to be within ourselves and upon ourselves.

2. Công việc đầu tiên của chúng ta với "quyền năng hình dung" phải diễn ra bên trong chính mình và tác động lên chính mình.

3. The directing of energy to "people, places and things" outside ourselves is to come later, and there are specifics to be observed. The energy to be directed is to be well chosen and of a particular kind, and there must be a demand for this energy which depends upon the requirements of particular occasions.

3. Việc định hướng năng lượng đến "con người, nơi chốn và sự vật" bên ngoài chúng ta phải đến sau, và có những điều cụ thể cần tuân thủ. Năng lượng cần định hướng phải được lựa chọn kỹ và thuộc một loại cụ thể, đồng thời phải có nhu cầu về năng lượng này, tùy theo những đòi hỏi của từng hoàn cảnh cụ thể.

4. It is obvious that groups of healers are

4. Hiển nhiên, các nhóm người trị liệu có

involved in the directing of such energies and forces. Already there are those who are practicing in this manner, but they must be sure that, microcosmically, they are pure, clear, organized, alert, and soul-aligned otherwise they may do damage rather than good.

tham gia định hướng những năng lượng và mãnh lực như thế. Đã có những người đang thực hành theo cách này, nhưng họ phải bảo đảm rằng, xét về tiểu thiên địa, họ thanh khiết, trong sáng, có tổ chức, tỉnh táo và chỉnh hợp với linh hồn; nếu không, họ có thể gây hại thay vì mang lại lợi ích.

5. DK hints at the use of such energy direction by a Master for purposes of "awakening His disciple to certain states of consciousness". Obviously, He knows how to do this and has probably done it with respect to the groups He has been training. Such work, however, is not open to us as we do not yet know enough.

5. Chân sư DK gợi ý về việc một Chân sư sử dụng cách định hướng năng lượng như thế nhằm "đánh thức đệ tử của Ngài vào một số trạng thái tâm thức". Hiển nhiên, Ngài biết cách thực hiện điều này và có lẽ đã làm như vậy với các nhóm mà Ngài đang huấn luyện. Tuy nhiên, chúng ta chưa thể thực hiện công việc như thế, vì chưa biết đủ.

6. We must begin slowly, putting first things first. The demands of the times may assist in rendering more rapid our progress with these techniques.

6. Chúng ta phải bắt đầu chậm rãi, ưu tiên những điều cần làm trước. Những đòi hỏi của thời đại có thể giúp chúng ta tiến bộ nhanh hơn trong các kỹ thuật này.

3. The power to visualise correctly is one definite mode of ascertaining truth or falsity. This is a statement difficult for you to comprehend. Visualisation is literally the building of a bridge between the emotional or astral plane and the mental level and is, therefore, a personality correspondence to the building of the antahkarana. The astral plane, the second aspect of the personality, is the correspondence to the form-building aspect of the Trinity, the second aspect. The creative imagination "pictures a form" through the ability to visualise and the thought energy of the mind gives life and direction to this form. It embodies purpose. Thereby a rapport or line of energy is constructed between the mind and the astral vehicle and it becomes a triple line of energy when the soul of the disciple is utilising this creative process in some planned and definitely constructive manner.

3. Quyền năng hình dung chính xác là một phương thức xác định rõ ràng điều gì chân thật hay sai lầm. Đây là một phát biểu khó lĩnh hội đối với các bạn. Theo nghĩa đen, sự hình dung là việc xây dựng một cây cầu giữa cõi cảm xúc hay cõi cảm dục và cấp độ trí tuệ; vì vậy, trong phàm ngã, nó tương ứng với việc xây dựng antahkarana. Cõi cảm dục, phương diện thứ hai của phàm ngã, tương ứng với phương diện kiến tạo hình tướng của Ba Ngôi, tức phương diện thứ hai. Sự tưởng tượng sáng tạo "phác họa một hình tướng" thông qua khả năng hình dung, còn năng lượng tư tưởng của thể trí đem lại sự sống và định hướng cho hình tướng này. Hình tướng ấy hiện thân cho mục đích. Nhờ đó, một mối giao cảm hay tuyến năng lượng được xây dựng giữa thể trí và hiện thể cảm dục, và nó trở thành một tuyến năng lượng tam phân khi linh hồn của đệ tử sử dụng tiến trình sáng tạo này theo một cách có hoạch định và

rõ ràng mang tính xây dựng.

1. Of Goodness, Beauty and Truth, Truth belongs to the third ray (though it is not unrelated to the other two rays).

1. Trong Thiện, Mỹ và Chân, Chân thuộc về cung ba (dù vẫn có liên hệ với hai cung kia).

2. DK suggests for us a very occult use of the visualization process as a "definite mode of ascertaining truth or falsity".

2. Chân sư DK gợi ý cho chúng ta một cách sử dụng tiến trình hình dung rất huyền bí như một "phương thức xác định rõ ràng điều gì chân thật hay sai lầm".

3. DK enters into more technicalities regarding the visualization process. An important definition of visualization is given: "Visualisation is literally the building of a bridge between the emotional or astral plane and the mental level and is, therefore, a personality correspondence to the building of the antahkarana".

3. Chân sư DK đi sâu hơn vào những chi tiết kỹ thuật của tiến trình hình dung. Ngài đưa ra một định nghĩa quan trọng về sự hình dung: "Theo nghĩa đen, sự hình dung là việc xây dựng một cây cầu giữa cõi cảm xúc hay cõi cảm dục và cấp độ trí tuệ; vì vậy, trong phàm ngã, nó tương ứng với việc xây dựng antahkarana".

4. We have seen that mental energy must accompany the power to visualize if this process is to be of use to the Hierarchy in Their service of the Divine Plan.

4. Chúng ta đã thấy rằng năng lượng trí tuệ phải đi cùng quyền năng hình dung thì tiến trình này mới hữu ích cho Thánh đoàn trong công cuộc Các Ngài phụng sự Thiên Cơ.

5. We learn, regarding the visualization process, of the "division of labor" between the astral body and the mental body. The astral body "pictures a form" and "the thought energy of the mind gives life and direction to this form". We remember that the mind is in close resonance to the will, which is the directing power.

5. Về tiến trình hình dung, chúng ta biết được sự "phân công" giữa thể cảm dục và thể trí. Thể cảm dục "phác họa một hình tướng" và "năng lượng tư tưởng của thể trí đem lại sự sống và định hướng cho hình tướng này". Chúng ta nhớ rằng thể trí cộng hưởng chặt chẽ với ý chí, vốn là quyền năng định hướng.

6. DK does not want the work of the astral and mental bodies to remain unattended by the soul. The soul must link, creating thereby a triple "line of energy"—soul, mind, astral vehicle. In this manner the visualization process can become the instrument of the soul's "creative process" on behalf of the Divine Plan. When the soul links to the other two fields (mind and

6. Chân sư DK không muốn công việc của thể cảm dục và thể trí tiếp tục thiếu sự chăm nom của linh hồn. Linh hồn phải kết nối, qua đó tạo nên một "tuyến năng lượng" tam phân—linh hồn, thể trí, hiện thể cảm dục. Theo cách này, tiến trình hình dung có thể trở thành công cụ cho "tiến trình sáng tạo" của linh hồn nhằm phụng sự Thiên Cơ. Khi linh hồn kết nối với hai lĩnh vực kia (thể trí

emotions), the factor of *purpose* enters, and the process turns spiritually constructive.

và cảm xúc), yếu tố *mục đích* xuất hiện, và tiến trình trở nên có tính xây dựng về mặt tinh thần.

This visualising process and this use of the imagination form the first two steps in the activity of thoughtform building. It is with these self-created forms—embodying spiritual ideas and divine purpose—that the Masters work and hierarchical purpose takes shape. Therefore, my disciples, it is essential that you begin with deliberation and slowly to work in this manner and to use the above information constructively and creatively. The need of the times is increasingly great and the utmost of work and of purpose is desired.

Tiến trình hình dung này và cách sử dụng sự tưởng tượng này tạo thành hai bước đầu tiên trong hoạt động xây dựng hình tư tưởng. Chính với những hình tướng tự tạo này—hiện thân cho các ý tưởng tinh thần và mục đích thiêng liêng—mà các Chân sư làm việc và mục đích của Thánh đoàn thành hình. Vì vậy, hỡi các đệ tử của Tôi, điều thiết yếu là các bạn phải bắt đầu làm việc theo cách này một cách có cân nhắc và chậm rãi, đồng thời sử dụng thông tin trên một cách có tính xây dựng và sáng tạo. Nhu cầu của thời đại ngày càng lớn, đòi hỏi nỗ lực làm việc cao nhất cùng sự chuyên tâm cao nhất vào mục đích.

1. We are acquainted with the idea that we are to build thoughtforms in service of the Divine Plan. DK gives us the first two steps in this process of thoughtform building: "the visualising process and this use of the imagination". In "this use of the imagination" presumably the mind is involved, giving life and direction to the visualized form.

1. Chúng ta đã quen với ý tưởng rằng mình phải xây dựng các hình tư tưởng để phụng sự Thiên Cơ. Chân sư DK cho chúng ta hai bước đầu tiên trong tiến trình xây dựng hình tư tưởng này: "tiến trình hình dung và cách sử dụng sự tưởng tượng này". Trong "cách sử dụng sự tưởng tượng này", có lẽ thể trí tham gia, đem lại sự sống và định hướng cho hình tướng đã hình dung.

2. Master DK speaks of "self-created forms", reminding us that it is the task of any creator to evolve something from himself/herself and not merely *replicate present conditions.* We are told that the Masters' work and hierarchical planning and purpose depend upon this visualization process.

2. Chân sư DK nói đến "những hình tướng tự tạo", nhắc chúng ta rằng nhiệm vụ của bất kỳ người sáng tạo nào cũng là phát triển một điều gì đó từ chính mình, chứ không chỉ *sao chép những điều kiện hiện tại.* Chúng ta được cho biết rằng công việc của các Chân sư cùng việc hoạch định và mục đích của Thánh đoàn đều phụ thuộc vào tiến trình hình dung này.

3. Again, Master DK enjoins His disciples (including, let us presume, ourselves) to "begin with deliberation and slowly to work in this manner and to use the above

3. Một lần nữa, Chân sư DK căn dặn các đệ tử của Ngài (hãy giả định là bao gồm cả chúng ta) phải "bắt đầu làm việc theo cách này một cách có cân nhắc và chậm rãi, đồng thời sử

information constructively and creatively".

dụng thông tin trên một cách có tính xây dựng và sáng tạo".

4. He suggests that by working in this manner we may play some role in meeting the increasingly great need of the times. He also is suggesting that unless we rightly utilize the power of visualization we shall not be engaging in "the utmost of work" nor be guided by the utmost of purpose.

4. Ngài gợi ý rằng bằng cách làm việc như thế, chúng ta có thể góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của thời đại. Ngài cũng gợi ý rằng nếu không sử dụng đúng quyền năng hình dung, chúng ta sẽ không thực hiện "nỗ lực làm việc cao nhất", cũng không có sự chuyên tâm cao nhất vào mục đích để dẫn dắt mình.

5. It takes no unusual act of imagination to understand the importance of what has been given in the last several paragraphs.

5. Không cần vận dụng sự tưởng tượng khác thường nào để thấu hiểu tầm quan trọng của những điều đã được trình bày trong vài đoạn vừa qua.

The goal of initiation is held out by the Masters to all Their disciples and They stand ready to give the needed instruction. I would remind you at this early stage that only that which you know for yourself and experience consciously within yourself is of importance and constitutes the truth for you. That which may be told you by others, even by me, serves no vital purpose, except to enhance or corroborate an already known truth, or to create illusions or responsibility until it is either rejected or experienced by you in your own consciousness. Do you understand what I mean?

Các Chân sư nêu mục tiêu điểm đạo cho tất cả các đệ tử của Các Ngài, và Các Ngài luôn sẵn sàng ban những huấn thị cần thiết. Ngay ở giai đoạn đầu này, Tôi muốn nhắc các bạn rằng chỉ những gì các bạn tự biết và trải nghiệm một cách có ý thức bên trong chính mình mới có tầm quan trọng và tạo thành chân lý đối với các bạn. Những gì người khác có thể nói với các bạn, kể cả Tôi, đều không phục vụ một mục đích thiết yếu nào, ngoại trừ việc làm sâu sắc thêm hoặc xác nhận một chân lý đã biết, hay tạo ra những ảo tưởng hoặc trách nhiệm cho đến khi các bạn bác bỏ hoặc trải nghiệm điều ấy trong tâm thức của chính mình. Các bạn có thấu hiểu điều Tôi muốn nói không?

1. The detailed discussion on visualization leads naturally into a consideration of the process of initiation. During this process the Master uses visualization to help awaken His disciples to certain states of consciousness, as indicated several paragraphs above.

1. Phần thảo luận chi tiết về sự hình dung dẫn một cách tự nhiên đến việc xem xét tiến trình điểm đạo. Trong tiến trình này, Chân sư sử dụng sự hình dung để giúp đánh thức các đệ tử của Ngài vào một số trạng thái tâm thức, như đã nêu trong vài đoạn ở trên.

2. The art of visualization is naturally a part of the process of preparing for initiation.

2. Nghệ thuật hình dung đương nhiên là một phần của tiến trình chuẩn bị cho điểm đạo.

Visualization will assist with the correct vivification of the chakric system as a part of preparation.

3. Although the Masters "stand ready to give the needed instruction" anent initiation, they cannot do so unless there is the proper *invocation.* It is against the Law of Economy to pour forth that which is not invoked, as it would be wasted on those who do not yet *want* it. Fortunately, humanity on a large scale, has become invocative and hence the great hierarchical push beginning in the late 19th century.

4. DK reminds us of the importance of the *experiential* approach to occultism. That which we can know for ourselves and experience consciously is important to us and constitutes for us *truth*; imparted information (even from a Master) is not of equal value. It may serve to corroborate that which we already know or, if misunderstood, may create illusions. If merely understood and not applied, it will create responsibility, for those who know about correct action must take correct action.

5. Knowledge is responsibility. When knowledge is imparted to consciousness, an imbalance is created requiring action. Imparted knowledge demands an attempt at application, during which process it is proven to be either true or false. Certainly, knowledge cannot simply 'sit in consciousness' with no ill effect. That which is stored, is stored to be applied (even though the application may be subtle, as in the teaching process). Knowledge unapplied burdens and dulls the consciousness.

6. Master DK realizes that He has poured

Sự hình dung sẽ hỗ trợ việc tiếp sinh lực đúng cách cho hệ thống luân xa như một phần của sự chuẩn bị.

3. Mặc dù các Chân sư "luôn sẵn sàng ban những huấn thị cần thiết" về điểm đạo, Các Ngài không thể làm như vậy nếu thiếu sự *khẩn cầu thích hợp*. Việc tuôn đổ những gì không được khẩn cầu là trái với Định luật Tiết Kiệm, vì điều ấy sẽ bị lãng phí nơi những người chưa *mong muốn* nó. May thay, nhân loại trên quy mô rộng lớn đã bắt đầu khẩn cầu, và do đó, sự thúc đẩy mạnh mẽ của Thánh đoàn đã khởi đầu vào cuối thế kỷ 19.

4. Chân sư DK nhắc chúng ta về tầm quan trọng của cách tiếp cận *qua trải nghiệm* đối với huyền bí học. Những gì chúng ta có thể tự biết và trải nghiệm một cách có ý thức đều quan trọng đối với chúng ta và tạo thành *chân lý* đối với chúng ta; thông tin được truyền đạt (kể cả từ một Chân sư) không có giá trị tương đương. Thông tin ấy có thể xác nhận những gì chúng ta đã biết, hoặc nếu bị hiểu sai, có thể tạo ra những ảo tưởng. Nếu chỉ thấu hiểu mà không áp dụng, thông tin ấy sẽ tạo ra trách nhiệm, vì những người biết về hành động đúng phải hành động đúng.

5. Tri thức là trách nhiệm. Khi tri thức được truyền vào tâm thức, một sự mất cân bằng xuất hiện, đòi hỏi phải hành động. Tri thức được truyền đạt đòi hỏi một nỗ lực áp dụng; trong tiến trình đó, nó được chứng minh là đúng hoặc sai. Chắc chắn, tri thức không thể chỉ 'nằm trong tâm thức' mà không gây tác động bất lợi. Những gì được tích lũy là để áp dụng (dù việc áp dụng có thể tinh tế, như trong tiến trình giảng dạy). Tri thức không được áp dụng sẽ đè nặng và làm trì độn tâm thức.

6. Chân sư DK nhận ra rằng Ngài đã tuôn đổ

forth a great abundance of potential knowledge in His many books. There is a tendency among second ray students to simply garner knowledge until the 'storehouse' becomes overfull. He is warning against the ill effects of what can be understood as the 'hoarding of knowledge'.

một lượng tri thức tiềm năng hết sức phong phú trong nhiều cuốn sách của Ngài. Các đạo sinh cung hai có khuynh hướng chỉ thu gom tri thức cho đến khi 'kho chứa' trở nên quá đầy. Ngài đang cảnh báo về những tác động bất lợi của điều có thể được hiểu là 'sự tích trữ tri thức'.

Initiation might be defined at this point as the moment of crisis wherein the consciousness hovers on the very border-line [92] of revelation. The demands of the soul and the suggestions of the Master might be regarded as in conflict with the demands of time and space, focussed in the personality or the lower man. You will have, therefore, in this situation a tremendous pull between the pairs of opposites; the field of tension or the focus of the effort is to be found in the disciple "standing at the midway point." Will he respond and react consciously to the higher pull and pass on to new and higher areas of spiritual experience? Or will he fall back into the glamour of time and space and into the thraldom of the personal life? Will he stand in a static quiescent condition in which neither the higher trend nor the lower pull will affect him? One or other of these three conditions must distinguish him and must succeed upon an earlier and vacillating experience wherein the disciple vibrates between the higher and the lower decisions. It is at this process, the Master presides. He is able to do nothing because it is the disciple's own problem. He can only endeavour to enhance the desire of the soul by the power of His directed thought. The personality can also do nothing, for at this point both the physical body and the astral vehicle are simply automatons, waiting responsively for the decision of the disciple, functioning in his mental body. Only the disciple can act

Ở điểm này, có thể định nghĩa điểm đạo là thời khắc khủng hoảng khi tâm thức chênh vênh ngay trên ranh giới [92] của sự mặc khải. Có thể xem những đòi hỏi của linh hồn và những gợi ý của Chân sư là đang xung đột với những đòi hỏi của thời gian và không gian, vốn tập trung trong phàm ngã hay phàm nhân. Vì vậy, trong tình thế này, các bạn sẽ có một sức giằng kéo mãnh liệt giữa các cặp đối cực; trường căng thẳng hay tiêu điểm của nỗ lực nằm trong người đệ tử đang "đứng tại điểm ở giữa". Liệu y sẽ đáp ứng và phản ứng một cách có ý thức với sức kéo cao hơn, rồi tiến vào những lĩnh vực trải nghiệm tinh thần mới mẻ và cao hơn? Hay y sẽ rơi trở lại vào ảo cảm của thời gian và không gian, vào sự nô dịch của đời sống cá nhân? Liệu y sẽ đứng yên trong một trạng thái tĩnh tại, bất động, trong đó cả xu hướng cao hơn lẫn sức kéo thấp hơn đều không tác động đến y? Một trong ba trạng thái này phải trở thành đặc điểm của y và phải tiếp nối một trải nghiệm dao động trước đó, khi đệ tử chao đảo giữa những quyết định cao hơn và thấp hơn. Chân sư chủ trì chính tiến trình này. Ngài không thể làm gì vì đây là vấn đề của chính đệ tử. Ngài chỉ có thể cố gắng tăng cường dục vọng của linh hồn bằng quyền năng tư tưởng được định hướng của Ngài. Phàm ngã cũng không thể làm gì, vì ở điểm này, cả thể xác lẫn hiện thể cảm dục chỉ là những bộ máy tự động, sẵn sàng đáp ứng và chờ đợi quyết định của đệ tử đang hoạt động trong thể trí của y. Ở điểm nỗ lực này, chỉ đệ tử mới có thể hành động trên cấp độ tâm

upon the mental level of consciousness at this point of endeavour. Once he does so, the die is cast. He either moves forward towards the door of light where the Master takes his hand and the Angel of the Presence becomes potent and active in a way which I may not describe to you, or he drops back temporarily into the life condition of the lower man; glamour and maya settle down anew upon him and the Dweller on the Threshold inserts himself between the disciple and the light from the open door and renews activity. The disciple either awakens suddenly to a wider grasp of reality and a deeper understanding of the Plan and his part in it, or the "veils of earth" close over his head; the vision fades and he reverts into the life of an ordinary human being, probably for the period of the incarnation wherein the opportunity was offered to him.

thức trí tuệ. Một khi y làm như vậy, quyết định đã được định đoạt. Hoặc y tiến về phía cánh cửa ánh sáng, nơi Chân sư nắm tay y và Thiên Thần của Hiện Diện trở nên đầy quyền năng và hoạt động theo một cách mà Tôi không được phép mô tả cho các bạn, hoặc y tạm thời lùi trở lại vào trạng thái sống của phàm nhân; ảo cảm và ảo lực lại bao phủ y, còn Kẻ Chận Ngõ chen mình vào giữa đệ tử và ánh sáng từ cánh cửa đang mở, rồi hoạt động trở lại. Hoặc đệ tử đột nhiên thức tỉnh, nắm bắt thực tại rộng lớn hơn và thấu hiểu sâu sắc hơn về Thiên Cơ cùng phần việc của mình trong đó, hoặc những "bức màn trần thế" phủ kín đầu y; tầm nhìn phai mờ và y trở lại đời sống của một người bình thường, có lẽ trong suốt kiếp lâm phàm mà cơ hội ấy đã được trao cho y.

1. Master DK offers a temporary definition of initiation: "the moment of crisis wherein the consciousness hovers on the very border-line of revelation".

1. Chân sư DK đưa ra một định nghĩa tạm thời về điểm đạo: "thời khắc khủng hoảng khi tâm thức chênh vênh ngay trên ranh giới của sự mặc khải".

2. The words "crisis" and "hovers" are revelatory. In a crisis, there are no foregone conclusions; results may tend in a positive or negative direction.

2. Những từ "khủng hoảng" và "chênh vênh" mang tính mặc khải. Trong một cuộc khủng hoảng, không có kết luận nào được định sẵn; kết quả có thể nghiêng theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

3. The term "hovers" suggests a degree of impermanence and instability. There may be progress into the next 'area of revelation' or there may be a falling back.

3. Từ "chênh vênh" gợi lên một mức độ vô thường và bất ổn. Có thể có sự tiến vào 'lĩnh vực mặc khải' kế tiếp, hoặc có thể có sự thoái lui.

4. We note that initiation is defined as a "*moment* of crisis". There is an interval of time in which tensions (caused by the interplay of higher and lower) are acute. That moment is a moment of decision which leads on to broadened consciousness (a more

4. Chúng ta lưu ý rằng điểm đạo được định nghĩa là một "*thời khắc* khủng hoảng". Có một khoảng thời gian trong đó những căng thẳng (do sự tương tác giữa cái cao và cái thấp gây ra) trở nên gay gắt. Thời khắc ấy là thời khắc quyết định, dẫn đến tâm thức mở

solar realm) or back to the familiar 'prison' (a more *lunar* realm—as the Moon represents the "prison of the soul").

rộng hơn (một cảnh giới mang tính *thái dương* hơn), hoặc trở lại 'nhà tù' quen thuộc (một cảnh giới mang tính *thái âm* hơn—vì Mặt Trăng tượng trưng cho "nhà tù của linh hồn").

5. On the 'higher side' we have the demands of the soul and the suggestions of the Master in alliance. On the 'lower side', the demands of time and space focussed in the personality or the lower man. The term, "demands" is interesting. From the personality come certain 'pressing urges'—for the satisfaction of appetites, for the acquisition of that which is desired, for the accumulation of that which can be known, and for the persistence of the sense of individual, separative identity (the demand of that composite elemental we call the personality).

5. Ở 'phía cao hơn', chúng ta có những đòi hỏi của linh hồn kết hợp với những gợi ý của Chân sư. Ở 'phía thấp hơn' là những đòi hỏi của thời gian và không gian tập trung trong phàm ngã hay phàm nhân. Từ "đòi hỏi" rất đáng chú ý. Từ phàm ngã xuất hiện một số 'thôi thúc bức bách'—nhằm thỏa mãn những ham muốn, sở hữu những gì mình khao khát, tích lũy những gì có thể biết, và duy trì cảm nhận về bản sắc cá nhân riêng rẽ (đòi hỏi của hành khí tổng hợp mà chúng ta gọi là phàm ngã).

6. It is implied that the world of the Master and of the soul is outside the normal time/space world. These higher demands do not pertain to 'matters of form'; rather, they are what might be called '*qualitative* demands'.

6. Điều này hàm ý rằng thế giới của Chân sư và linh hồn nằm ngoài thế giới thời gian/không gian thông thường. Những đòi hỏi cao hơn này không liên quan đến 'những vấn đề về hình tướng'; đúng hơn, chúng là những gì có thể gọi là '*những đòi hỏi về phẩm tính*'.

7. Master DK is describing the tensions immediately prior to the initiation process. He speaks of a "tremendous pull" and, as He is not given to exaggeration, we realize that the lead-up to the process of initiation is *testing* in the extreme.

7. Chân sư DK đang mô tả những căng thẳng ngay trước tiến trình điểm đạo. Ngài nói đến một "sức giằng kéo mãnh liệt", và vì Ngài không có thói quen phóng đại, chúng ta nhận ra rằng giai đoạn dẫn đến tiến trình điểm đạo mang tính *thử thách* đến tột độ.

8. Within the disciple is a "field of tension or focus", and the contending 'counterpulls' are vividly and wrenchingly experienced.

8. Bên trong đệ tử có một "trường căng thẳng hay tiêu điểm", và những 'sức kéo ngược chiều' đang tranh chấp được trải nghiệm một cách sống động và giằng xé.

9. The disciple stands "at the midway point", meaning that he/she has a decision to make,

9. Đệ tử đứng "tại điểm ở giữa", nghĩa là người đệ tử ấy phải đưa ra một quyết định, vì

for the counterpulls may be so equally balanced that no conclusion can be accurately predicted.

10. From a certain perspective we might consider the ajna center (with its suggestion of the Libran Scales) to be the "midway point", with the crown center representing the Master and the soul and the throat center (associated with the third ray, Saturn and Earth) representing the demands of the time and space and the personality.

11. DK presents three possible responses. The disciple (in the throes of opposing magnetisms) may move forward into freedom, fall back into the glamor of time and space, or remain in a static and quiescent condition, neither advancing or retreating. The three signs Scorpio (advance to *triumph*), Virgo (falling back into *reigning* matter) and Libra (quiescent *indecision*) are symbolically involved.

12. A fourth type of condition is also mentioned—one of vacillation[3] between the higher and lower alternatives. This condition is said to precede the three possibilities above mentioned

13. We are told that the Master "presides" during this difficult period of decision, but that, basically, He can do little since the correct decision is the disciple's choice.

14. We are, however, given an important hint regarding how the Master works: He endeavors to "enhance the desire of the soul

những sức kéo ngược chiều có thể cân bằng đến mức không thể dự đoán chính xác bất kỳ kết cục nào.

10. Từ một góc nhìn nào đó, chúng ta có thể xem trung tâm ajna (với hình ảnh gợi nhắc đến Cán Cân Thiên Bình) là "điểm ở giữa", trong đó trung tâm đỉnh đầu tượng trưng cho Chân sư và linh hồn, còn trung tâm cổ họng (gắn với cung ba, Sao Thổ và Trái Đất) tượng trưng cho những đòi hỏi của thời gian, không gian và phàm ngã.

11. Chân sư DK trình bày ba cách đáp ứng có thể xảy ra. Đệ tử (đang chịu sự giằng xé của những từ điện đối nghịch) có thể tiến vào tự do, rơi trở lại vào ảo cảm của thời gian và không gian, hoặc ở yên trong một trạng thái tĩnh tại và bất động, không tiến cũng không lùi. Ba dấu hiệu Hổ Cáp (tiến đến *chiến thắng*), Xử Nữ (rơi trở lại vào vật chất đang *thống trị*) và Thiên Bình (trạng thái *do dự* bất động) có liên quan về mặt biểu tượng.

12. Một trạng thái thứ tư cũng được nhắc đến—trạng thái dao động[4] giữa những lựa chọn cao hơn và thấp hơn. Trạng thái này được cho là xảy ra trước ba khả năng đã nêu ở trên

13. Chúng ta được cho biết rằng Chân sư "chủ trì" trong giai đoạn quyết định khó khăn này, nhưng về cơ bản, Ngài chỉ có thể làm được rất ít, vì việc quyết định đúng là sự lựa chọn của đệ tử.

14. Tuy nhiên, chúng ta nhận được một gợi ý quan trọng về cách Chân sư làm việc: Ngài cố gắng "tăng cường dục vọng của linh hồn

3 sự dao động (giữa các ý kiến, giải pháp..)

4 sự dao động (giữa các ý kiến, giải pháp..)

by the power of His directed thought". Is He focussing on the soul on its own plane or on the incarnated human soul? Certainly, He is not focussing on the Solar Angel (Who, already a "returning Nirvani", needs no enhancement of correct desire). Most probably, the Master works upon the "soul in incarnation" which is another name for the disciple himself.

bằng quyền năng tư tưởng được định hướng của Ngài". Ngài đang tập trung vào linh hồn trên cõi riêng của linh hồn, hay vào linh hồn con người đã lâm phàm? Chắc chắn Ngài không tập trung vào Thái dương Thiên Thần (Đấng vốn đã là một "nirvani trở lại", không cần tăng cường dục vọng đúng đắn). Rất có thể Chân sư tác động lên "linh hồn đang nhập thể", một tên gọi khác của chính đệ tử.

15. We note that the Master does not *compel* by means of will. Rather, He works with magnetic energy related to aspirational desire, sending thoughts promotive of the Will-to-Freedom and expanded consciousness.

15. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư không *cưỡng ép* bằng ý chí. Thay vào đó, Ngài làm việc với năng lượng từ tính liên quan đến dục vọng hướng thượng, gửi đi những tư tưởng thúc đẩy Ý Chí-hướng Tự Do và tâm thức mở rộng.

16. We are told that the personality, too, can do nothing. A special meaning of personality is here indicated, and it is one of which we should take note. The personality is considered the irrational aspect of man—his astral and physical vehicles. They are, compared to the mental vehicle, automatons (though the lower part of the mind, left unguided, can also be considered automatic in its functioning).

16. Chúng ta được cho biết rằng phàm ngã cũng không thể làm gì. Ở đây, một ý nghĩa đặc biệt của phàm ngã được nêu ra, và đó là điều chúng ta cần lưu ý. Phàm ngã được xem là phương diện phi lý trí của con người—các hiện thể cảm dục và hồng trần của y. So với thể trí, chúng là những bộ máy tự động (mặc dù phần thấp của thể trí, nếu không được hướng dẫn, cũng có thể được xem là vận hành một cách tự động).

17. Three different types of consciousness are involved: personality consciousness (which is irrational and mostly unconscious); soul consciousness which hovers above the process; and the consciousness of the disciple focussed in the mental body. The disciple *is* the soul in incarnation.

17. Có ba loại tâm thức khác nhau tham gia vào tiến trình này: tâm thức phàm ngã (phi lý trí và phần lớn là vô thức); tâm thức linh hồn lơ lửng bên trên tiến trình; và tâm thức của đệ tử tập trung trong thể trí. Đệ tử *chính là* linh hồn đang nhập thể.

18. The decision of "which way to go" belongs to the disciple. His is a Libran process and he weighs the incentives offered by the soul and personality in opposition. If Libra is strong in the natal horoscope, he may weigh the options for quite a while.

18. Quyết định "đi theo hướng nào" thuộc về đệ tử. Tiến trình của y mang tính Thiên Bình, và y cân nhắc những động lực đối lập mà linh hồn và phàm ngã đưa ra. Nếu Thiên Bình mạnh trong lá số chiêm tinh bản mệnh, y có thể cân nhắc các lựa chọn trong một

thời gian khá lâu.

19. The action taken by the disciple is *decisive.* Once action is taken there is no return to the stage of deliberation.

19. Hành động của đệ tử có tính *quyết định.* Một khi đã hành động, y không còn quay lại giai đoạn cân nhắc.

20. If the motion is spiritually 'forward' he moves "towards the door of light where the Master takes his hand and the Angel of the Presence becomes potent and active in a way which I may not describe to you".

20. Nếu chuyển động ấy là sự 'tiến tới' về mặt tinh thần, y đi "về phía cánh cửa ánh sáng, nơi Chân sư nắm lấy tay y và Thiên Thần của Hiện Diện trở nên đầy uy lực và hoạt động theo một cách mà Tôi không được phép mô tả cho các bạn".

21. The Master taking his hand is symbolic of a new relationship with the Master and His Ashram. There is, as a result, a much stronger and more direct relationship with the higher spiritual sources.

21. Việc Chân sư nắm lấy tay y tượng trưng cho một mối quan hệ mới với Chân sư và ashram của Ngài. Kết quả là có một mối quan hệ mạnh mẽ và trực tiếp hơn nhiều với những nguồn tinh thần cao hơn.

22. There seems to be a mystery here implied, for the Solar Angel does something unexpected in a potent and active manner. Perhaps a further degree of *soul infusion* is experienced. Soul-infusion is not a vague generality but is probably accompanied by 'changes of position' (and, in general, of relationship and orientation) of the Solar Angel with respect to the disciple-initiate to be infused. Implied are the dynamics of a very occult and technical matter: how the Solar Angel *grips* the personality and brings it into acquiescence. Thus the Tibetan's reticence to discuss the exact nature of the Solar Angel's potent new activity.

22. Dường như ở đây có hàm ý về một điều huyền nhiệm, vì Thái dương Thiên Thần thực hiện một điều bất ngờ theo cách đầy uy lực và chủ động. Có lẽ đệ tử trải nghiệm một mức độ *thấm nhuần của linh hồn* sâu hơn. Sự thấm nhuần của linh hồn không phải là một khái niệm chung chung mơ hồ, mà có lẽ đi kèm với những 'thay đổi vị trí' (và nói chung là những thay đổi về quan hệ và định hướng) của Thái dương Thiên Thần đối với người đệ tử–điểm đạo đồ sắp được thấm nhuần. Điều được hàm ý là cơ chế vận động của một vấn đề rất huyền bí và mang tính kỹ thuật: cách Thái dương Thiên Thần *nắm chặt* phàm ngã và khiến nó thuận phục. Do đó, Chân sư Tây Tạng dè dặt khi bàn về bản chất chính xác của hoạt động mới đầy uy lực của Thái dương Thiên Thần.

23. The other less desirable alternative is as follows: "he drops back temporarily into the life condition of the lower man; glamour and maya settle down anew upon him and the Dweller on the Threshold inserts himself

23. Khả năng còn lại, ít đáng mong muốn hơn, là như sau: "y tạm thời rơi trở lại tình trạng sống của phàm nhân; ảo cảm và ảo lực lại phủ xuống y, Kẻ Chận Ngõ chen vào giữa đệ tử và ánh sáng từ cánh cửa đang mở, rồi

between the disciple and the light from the open door and renews activity".

hoạt động trở lại".

24. The disciple had been hovering on the borderland of revelation, but if unsuccessful, old forms and patterns dim the light of the beckoning door. The Dweller on the Threshold (temporarily and occultly 'out of the way' while the decision is being made), again becomes obtrusive. The failed candidate to initiation once again 'sees' his 'old self' as himself, and the light-filled energies, formerly so inviting, are obscured.

24. Đệ tử đã chập chờn nơi ranh giới của sự mặc khải, nhưng nếu không thành công, những hình tướng và mô hình cũ làm mờ ánh sáng của cánh cửa đang vẫy gọi. Kẻ Chận Ngõ (tạm thời 'không còn cản đường' theo nghĩa huyền bí trong khi quyết định đang được đưa ra) lại trở nên vướng víu. Ứng viên điểm đạo thất bại một lần nữa 'nhìn thấy' 'bản ngã cũ' của mình là chính mình, và những năng lượng tràn đầy ánh sáng, trước kia vô cùng hấp dẫn, nay bị che khuất.

25. Probably, this re-confinement occurs once or twice to every disciple, stimulating in him, at last, a sufficient incentive (fed by spiritual desperation) to break through.

25. Có lẽ mỗi đệ tử đều trải qua sự giam hãm trở lại này một hoặc hai lần, để cuối cùng khơi dậy trong y một động lực đủ mạnh (được nuôi dưỡng bằng nỗi tuyệt vọng về mặt tinh thần) nhằm đột phá.

26. We note that "glamour and maya settle down anew" upon the disciple. In the words, "settle down", there is a suggested a downward trend and a lowering of vibration. The familiar takes the place of the possible, and defeat is registered internally (and perhaps unconsciously) rather than consciously and definitely.

26. Chúng ta lưu ý rằng "ảo cảm và ảo lực lại phủ xuống" đệ tử. Những từ "phủ xuống" gợi ra một xu hướng đi xuống và sự hạ thấp rung động. Điều quen thuộc thay thế cho điều có thể đạt tới, và thất bại được ghi nhận bên trong (có lẽ một cách vô thức) thay vì được nhận biết một cách hữu thức và rõ ràng.

27. In Master DK's language about success and failure something of the dynamics of the initiation process may be revealed. We note that the successful disciple-initiate "awakens suddenly" suggesting the power of Uranus and possibly the Rod of Initiation called the "Flaming Diamond" and wielded by the Lord of the World in the position of Uranian Hierophant.

27. Trong cách diễn đạt của Chân sư DK về thành công và thất bại, phần nào cơ chế vận động của tiến trình điểm đạo có thể được hé lộ. Chúng ta lưu ý rằng người đệ tử–điểm đạo đồ thành công "đột nhiên thức tỉnh", gợi lên quyền năng của Sao Thiên Vương và có thể cả Thần Trượng Điểm đạo mang tên "Kim Cương Rực Lửa" do Đức Chúa Tể Thế Giới sử dụng trong cương vị Đấng Chủ Lễ Điểm Đạo mang tính Sao Thiên Vương.

28. One who becomes initiate finds himself possessed by "a wider grasp of reality and a

28. Người trở thành điểm đạo đồ nhận thấy mình có "một sự nắm bắt thực tại rộng lớn

deeper understanding of the Plan and his part in it". These are sufficient incentives for any true server of the race.

hơn và sự thấu hiểu sâu sắc hơn về Thiên Cơ cùng vai trò của mình trong đó". Đó là những động lực đầy đủ đối với bất kỳ người phụng sự nhân loại chân chính nào.

29. If unsuccessful the " 'veils of earth' close over his head; the vision fades and he reverts into the life of an ordinary human being, probably for the period of the incarnation wherein the opportunity was offered to him".

29. Nếu không thành công, " 'những bức màn trần thế' khép lại trên đầu y; tầm nhìn phai mờ và y quay trở lại cuộc sống của một con người bình thường, có lẽ trong suốt kiếp sống mà cơ hội đã được trao cho y".

30. This is not a very appealing picture. The phrase "over his head" is an occult hint and tells us something about head center radiation which failed to 'break through' into a higher dimension or vibratory access. Something which was supposed to 'ascend' did not meet that which was 'descending' to meet it. Probably, a clairvoyant could see the "veils of earth" closing over and closing in.

30. Đây không phải là một viễn cảnh hấp dẫn. Cụm từ "trên đầu y" là một gợi ý huyền bí, cho chúng ta biết đôi điều về bức xạ của trung tâm đầu đã không thể 'đột phá vào một chiều kích cao hơn hoặc mở ra lối tiếp cận bằng rung động. Một điều gì đó lẽ ra phải 'thăng lên' đã không gặp được điều đang 'giáng xuống' để gặp nó. Có lẽ một người thông nhãn có thể thấy "những bức màn trần thế" đang khép phủ lên trên và vây kín lại.

31. The vision which fades may also have something to do with the "veils of earth" closing over the head. The "veils of earth" is a phrase which names a particular type of (relatively lower) vibration which could have been penetrated and set aside had the energy-propelling the possibility of initiation been sufficiently strong.

31. Tầm nhìn phai mờ cũng có thể liên quan phần nào đến việc "những bức màn trần thế" khép lại trên đầu. "Những bức màn trần thế" là cụm từ gọi tên một loại rung động cụ thể (tương đối thấp hơn) mà y đã có thể xuyên qua và gạt sang một bên nếu năng lượng thúc đẩy khả năng điểm đạo đủ mạnh.

32. There is something depressing in the phrase "reverts into the life of an ordinary human being". An initiate is *not* an ordinary human being with very limited possibilities. Retrogression is never an appealing thought to the advancing aspirant to initiation. We must be very alert to ensure that we do not, unwittingly, miss presented opportunities.

32. Có điều gì đó gây nản lòng trong cụm từ "quay trở lại cuộc sống của một con người bình thường". Một điểm đạo đồ *không phải* là một con người bình thường với những khả năng rất hạn hẹp. Đối với người chí nguyện đang tiến tới điểm đạo, thoái lui không bao giờ là một ý nghĩ hấp dẫn. Chúng ta phải hết sức tỉnh táo để bảo đảm mình không vô tình bỏ lỡ những cơ hội được trao.

33. The consequences of failing are rather oppressive. Opportunity for initiation is probably deferred for the duration of at least an incarnation. Opportunity was offered once and not taken; *even if* the aspiration to meet such an opportunity successfully is rekindled, it *probably* is not offered again in the same incarnation. At least this seems to be the general trend. Let us be warned.

33. Hậu quả của thất bại khá nặng nề. Cơ hội điểm đạo có lẽ bị trì hoãn ít nhất trong suốt một kiếp sống. Cơ hội đã được trao một lần nhưng không được nắm lấy; *ngay cả khi* khát vọng đón nhận thành công một cơ hội như thế lại bùng lên, cơ hội ấy *có lẽ* cũng không được trao lại trong cùng kiếp sống. Ít nhất, đó dường như là xu hướng chung. Chúng ta hãy ghi nhớ lời cảnh báo này.

Should he, however, go forward through that door, then (according to the initiation which becomes possible) will be the revelation and its attendant consequences. The revelation will not be the [93] revelation of possibilities. It is a factual experience, resulting in the evocation of new powers and capacities and the recognition of new modes and fields of service. These powers are conditioned by past developments and the presence of these capacities, plus a freedom of movement "within the bounds of the Hierarchy" which lie far beyond anything which he may have dreamed, become his. New hierarchical contacts are now possible to him; new responsibility is laid upon his shoulders and new "fields of potency" become available for his use in world service.

Tuy nhiên, nếu y tiến qua cánh cửa ấy, thì sự mặc khải cùng những hệ quả đi kèm sẽ tương ứng với cuộc điểm đạo trở nên khả thi. Sự mặc khải ấy sẽ không phải là [93] sự mặc khải về những khả năng. Đó là một trải nghiệm thực tế, dẫn đến việc gợi lên những quyền năng và năng lực mới, cùng sự nhận biết những phương thức và lĩnh vực phụng sự mới. Những quyền năng này chịu ảnh hưởng của các bước phát triển trước đây, và y có được những năng lực ấy cùng với sự tự do hoạt động "trong phạm vi của Thánh đoàn", vượt xa bất cứ điều gì y có thể từng mơ tưởng. Giờ đây, y có thể thiết lập những mối tiếp xúc mới với Thánh đoàn; trách nhiệm mới đặt lên vai y, và những "lĩnh vực uy lực" mới mở ra để y sử dụng trong việc phụng sự thế gian.

1. Apparently what is said is true for *any* of the possible initiations.

1. Dường như điều được nói ở đây đúng với *bất kỳ* cuộc điểm đạo nào có thể diễn ra.

2. Opportunity is always presented by the soul and under the recommendation of the Master, but first the "application" of the candidate must be submitted (as we have discussed in the Commentary on Rule I for Applicants.

2. Linh hồn luôn đưa ra cơ hội theo sự đề nghị của Chân sư, nhưng trước hết ứng viên phải nộp "đơn xin" (như chúng ta đã bàn trong phần Bình giảng Quy luật I dành cho các Ứng viên.

3. A successful passing through the "door of light" is attended by *revelation.* The Master suggests what revelation is and it not. It is

3. Việc vượt qua thành công "cánh cửa ánh sáng" đi kèm với *sự mặc khải.* Chân sư gợi cho chúng ta biết sự mặc khải là gì và không

not a presentation of *theoretical possibilities*. "It is a factual experience, resulting in the evocation of new powers and capacities and the recognition of new modes and fields of service".

phải là gì. Đó không phải là việc trình bày *những khả năng trên lý thuyết*. "Đó là một trải nghiệm thực tế, dẫn đến việc gợi lên những quyền năng và năng lực mới, cùng sự nhận biết những phương thức và lĩnh vực phụng sự mới".

4. True revelation is a lifting of a veil, the removal of a 'filter' will allows into consciousness the apprehension of that which has ever been. Of course, a revelation will not and cannot lift *all* veils and remove *all* filters. That would be impossible. To put it with extreme mildness, it would be "too much, too fast" and would destroy the candidate utterly. The revelation is, we may say, appropriate to the level of the initiation undergone—no more, no less.

4. Sự mặc khải chân thực là việc vén một bức màn, gỡ bỏ một 'bộ lọc', cho phép tâm thức nhận biết điều vốn luôn hiện hữu. Dĩ nhiên, một sự mặc khải sẽ không và không thể vén *mọi* bức màn và gỡ bỏ *mọi* bộ lọc. Điều đó là bất khả. Nói một cách hết sức nhẹ nhàng, như thế sẽ là "quá nhiều, quá nhanh" và sẽ hủy diệt hoàn toàn ứng viên. Có thể nói, sự mặc khải tương ứng với cấp độ của cuộc điểm đạo đã trải qua—không hơn, không kém.

5. With new realization come new powers and capacities. The candidate-now-initiate sees new ways to serve and finds himself possessed of new powers and capacities to do so. Thus he enters into a period of relatively unrestricted service (when the scope of that service is compared to what he could do *before* revelation occurred). He has entered into a new 'vibratory domain' hitherto sealed to him. The result is exhilarating and productive of new modes of creative response to the Divine Plan.

5. Cùng với sự chứng nghiệm mới là những quyền năng và năng lực mới. Ứng viên nay đã trở thành điểm đạo đồ nhìn thấy những cách phụng sự mới và nhận thấy mình có những quyền năng cùng năng lực mới để thực hiện điều đó. Do đó, y bước vào một thời kỳ phụng sự tương đối ít bị hạn chế (khi so sánh phạm vi phụng sự ấy với những gì y có thể làm *trước khi* sự mặc khải diễn ra). Y đã bước vào một 'miền rung động' mới mà trước đó vẫn khép kín đối với y. Kết quả mang lại niềm phấn khởi và tạo ra những phương thức đáp ứng sáng tạo mới đối với Thiên Cơ.

6. The Master paints an inspiring picture. While the candidate-now-initiate does not escape his own conditioning, his new state is relatively unfettered and results in a new "freedom of movement" "within the bounds of the Hierarchy". One practical result will be a far easier access to high and inspiring energies which he may now share judiciously.

6. Chân sư phác họa một viễn cảnh đầy cảm hứng. Dù ứng viên nay đã trở thành điểm đạo đồ chưa thoát khỏi những ảnh hưởng định hình chính mình, trạng thái mới của y tương đối ít bị ràng buộc và mang lại một sự "tự do hoạt động" mới "trong phạm vi của Thánh đoàn". Một kết quả thiết thực là y sẽ dễ dàng tiếp cận hơn nhiều với những năng lượng cao cả, đầy cảm hứng mà giờ đây y có thể chia sẻ một cách sáng suốt.

7. The idea is again presented that that which is now encountered is of greater magnitude that anything he may have dreamed. Of his new possibilities he had no *real* conception. That which he may have dreamed or imagined about the state of being initiated was but a pale anticipation of powers and capacities with which he is now presented and which have become his own. At every level of initiatory possibility it becomes true: "eye hath not seen, ear hath not heard..."

7. Một lần nữa, ý tưởng được nêu ra là điều y đang gặp có tầm vóc lớn lao hơn bất cứ điều gì y có thể từng mơ tưởng. Y chưa có một quan niệm *thực sự* nào về những khả năng mới của mình. Những gì y có thể từng mơ tưởng hoặc hình dung về trạng thái được điểm đạo chỉ là một sự dự cảm mờ nhạt về những quyền năng và năng lực giờ đây được trao cho y và đã trở thành của chính y. Ở mỗi cấp độ mà điểm đạo trở nên khả thi, lời này đều trở thành sự thật: "mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe..."

8. What all this tells us is that the would-be initiate is ever faced with the unknown, and when the unknown becomes the known, surprise is ever an initial result.

8. Tất cả những điều này cho chúng ta biết rằng người mong trở thành điểm đạo đồ luôn đối diện với điều chưa biết, và khi điều chưa biết trở thành điều đã biết, sự ngạc nhiên luôn là kết quả ban đầu.

9. We should not overlook the fact that with new capacities come new responsibilities. No increase in spiritual power is ever conferred without the attendant obligation to use such power in service. So we see that expansion and freedom of movement are conferred, accompanied by a demand for right application. "I look above, I help below". (DINA I 561)

9. Chúng ta không nên bỏ qua sự thật rằng những năng lực mới đi kèm với những trách nhiệm mới. Không bao giờ có sự gia tăng quyền năng tinh thần nào được ban cho mà không kèm theo nghĩa vụ sử dụng quyền năng ấy để phụng sự. Vì vậy, chúng ta thấy rằng sự mở rộng và tự do hoạt động được ban cho cùng với yêu cầu vận dụng đúng đắn. "Tôi hướng nhìn lên trên, tôi trợ giúp bên dưới". (DINA I 561)

You have often heard that the Guru, or Teacher, in the East would teach His disciple by the giving of a hint. If you have read and studied the ancient writings of India (and who today has not read at least some of them?) you will have noted that these hints fall into two categories:

Các bạn thường nghe nói rằng ở phương Đông, Đạo sư, hay huấn sư, dạy đệ tử của Ngài bằng cách đưa ra một gợi ý. Nếu các bạn đã đọc và nghiên cứu những trước tác cổ của Ấn Độ (và ngày nay ai lại chưa đọc ít nhất một vài trước tác ấy?), các bạn hẳn đã nhận thấy rằng những gợi ý này thuộc hai loại:

1. Hints anent personal character in relation to reality and preparation for initiation.

1. Những gợi ý về tính cách cá nhân trong mối quan hệ với thực tại và sự chuẩn bị cho điểm đạo.

2. Hints anent the Oneness of Deity and

2. Những gợi ý về tính Duy Nhất của Thượng

man's relation to an ascertained and gained unity.

1. DK discusses the important matter of "hints" used so frequently in the methods of spiritual instruction originating in the East.

2. Discussing the writings of ancient India, He speaks of two kinds of hints: those pertaining to personal character and those anent the "Oneness of Deity" and man's relation to the Oneness.

3. We can see that hints, therefore, customarily bear on the microcosm and macrocosm.

4. The two occult curricula we are studying in the 28 Rules Group are thus suggested, for the first Fourteen Rules deal with the microcosm and with the individual requirements demanded of the candidate as he/she prepares for initiation. The second set of Fourteen Rules is, by comparison, *macrocosmic* and deals with possible group relations to the spiritual triad and monad. The best writings of India are famous for this second variety of hints, of which the *Upanishads* are an unforgettable example.

To these were later added teachings concerning the creative process when God made the worlds, and much concerning energy and the development of the centres (laya-yoga, as it is technically called). These four lines of teaching are practically all that is given and all the training offered was of an exoteric nature. You can see for yourselves that it was preparatory in nature and that the training for initiation was so deeply hidden in the emphasis laid upon the

đế và mối quan hệ của con người với sự hợp nhất đã được xác định và đạt tới.

1. Chân sư DK bàn về vấn đề quan trọng là những "gợi ý" được sử dụng rất thường xuyên trong các phương pháp huấn luyện tinh thần bắt nguồn từ phương Đông.

2. Khi bàn về các trước tác của Ấn Độ cổ đại, Ngài nói đến hai loại gợi ý: những gợi ý liên quan đến tính cách cá nhân và những gợi ý về "tính Duy Nhất của Thượng đế" cùng mối quan hệ của con người với tính Duy Nhất ấy.

3. Do đó, chúng ta có thể thấy rằng các gợi ý thường liên quan đến tiểu thiên địa và đại thiên địa.

4. Như vậy, hai chương trình học huyền bí mà chúng ta đang nghiên cứu trong Nhóm 28 Quy luật được gợi ra, vì Mười bốn Quy luật đầu tiên đề cập đến tiểu thiên địa và những yêu cầu đối với từng ứng viên khi chuẩn bị cho điểm đạo. So với bộ thứ nhất, bộ Mười bốn Quy luật thứ hai mang tính *đại thiên địa* và đề cập đến những mối quan hệ nhóm có thể có với tam nguyên tinh thần và chân thần. Những trước tác ưu tú nhất của Ấn Độ nổi tiếng về loại gợi ý thứ hai này, trong đó *Áo Nghĩa Thư* là một ví dụ không thể quên.

Về sau, người ta bổ sung vào đó những giáo huấn liên quan đến tiến trình sáng tạo khi Thượng đế tạo ra các thế giới, cùng nhiều giáo huấn về năng lượng và sự phát triển của các trung tâm (thuật ngữ chuyên môn gọi là phép hợp nhất qua sự tan hòa). Trên thực tế, bốn hướng giáo huấn này gần như là toàn bộ những gì được truyền dạy, và mọi sự huấn luyện được cung cấp đều mang bản chất ngoại môn. Các bạn có thể tự thấy rằng sự huấn luyện ấy mang bản chất chuẩn bị, còn

relation of Guru and disciple that it did not find expression in words and was not, therefore, revealed in any way. The few possible symbolic hints and meanings have been investigated and the erudite esotericist has already drained these sources of information dry.

sự huấn luyện cho điểm đạo thì ẩn sâu trong việc nhấn mạnh mối quan hệ giữa Đạo sư và đệ tử đến mức không được diễn đạt bằng lời và do đó không được tiết lộ dưới bất kỳ hình thức nào. Số ít những gợi ý và ý nghĩa biểu tượng có thể có đều đã được khảo cứu, và nhà bí truyền học uyên bác đã khai thác cạn kiệt những nguồn thông tin này.

1. DK speaks of a third category of hints which have much to do with the "creative process" which is essentially a magical process.

1. Chân sư DK nói đến một loại gợi ý thứ ba, liên quan nhiều đến "tiến trình sáng tạo", mà về bản chất là một tiến trình huyền thuật.

2. As well, teaching and hints anent the development of the chakras emerged as yet another category. .

2. Ngoài ra, giáo huấn và những gợi ý về sự phát triển các luân xa xuất hiện như một loại khác nữa. .

3. Thus, the four categories are hints concerning:

3. Như vậy, bốn loại là những gợi ý liên quan đến:

a. character and the microcosm

a. tính cách và tiểu thiên địa

b. Oneness and the macrocosm

b. tính Duy Nhất và đại thiên địa

c. the creative process

c. tiến trình sáng tạo

d. the cultivation of the chakric system

d. sự phát triển hệ thống luân xa

4. Even though, as we can see, such teaching would necessarily touch on deep matters, the Tibetan calls it "exoteric".

4. Mặc dù, như chúng ta có thể thấy, giáo huấn như thế tất yếu phải chạm đến những vấn đề sâu xa, Chân sư Tây Tạng vẫn gọi đó là "ngoại môn".

5. The implication is that true teaching on initiation was missing from these presentations, "hidden in the emphasis laid upon the relation of the Guru and disciple".

5. Hàm ý là giáo huấn chân thực về điểm đạo đã vắng mặt trong những phần trình bày này, "ẩn giấu trong việc nhấn mạnh mối quan hệ giữa Đạo sư và đệ tử".

6. We are dealing with four preparatory modes of teaching and hinting leading to a fifth stage concerning initiation itself. It is fitting that the *fifth* stage concern initiation

6. Chúng ta đang bàn đến bốn phương thức giáo huấn và gợi ý mang tính chuẩn bị, dẫn tới giai đoạn thứ năm liên quan đến chính điểm đạo. Thật thích hợp khi giai đoạn *thứ*

which is so much associated with the number *five*.

7. The secrets of initiation are necessarily very-well guarded and are not released for exoteric consideration until it is truly timely to do so. We are living in such a time and the "secrets of the Kingdom of Heaven are being shouted from the roof-tops".

8. DK is suggesting that there is, indeed, a need for new teaching on initiation, as the few symbolic hints which were offered have been drained dry by erudite esoteric investigators. Always the Hierarchy is ready to give more once that which has been given has be rightly assimilated and used. This tells us something about the phase of the Period of the Forerunner through which we are living. Very much has been given and it remains largely unassimilated. Thus our responsibility.

What I am seeking to do is to carry the teaching another stage outward and make exoteric what the Master taught His disciple in the ancient days when the fundamental truths anent the universal consciousness had been somewhat grasped by the disciple and the particular had been also successfully worked out in its rightful place and manner by the disciple. The old rule ever remains an unalterable rule that all true esoteric teaching begins with the universal and ends with the particular; [94] this you must ever and always bear in mind. It is my difficult task to put into modern language and into symbolic forms these hitherto unwritten rules. Much that has been given out since the time that H. P. B. struggled and worked has been truth, including information anent initiation. Much has been fanciful and grievously distorted.

năm liên quan đến điểm đạo, vốn gắn bó mật thiết với số *năm*.

7. Các bí mật điểm đạo tất yếu được gìn giữ hết sức cẩn mật và chỉ được công bố cho sự khảo cứu ngoại môn khi thời điểm thực sự thích hợp. Chúng ta đang sống trong một thời đại như thế, và "những bí mật của Thiên Giới đang được hô vang từ các mái nhà".

8. Chân sư DK gợi ý rằng quả thực cần có giáo huấn mới về điểm đạo, vì số ít những gợi ý biểu tượng đã được đưa ra đều đã được các nhà khảo cứu huyền bí uyên bác khai thác cạn kiệt. Thánh đoàn luôn sẵn sàng trao thêm một khi những gì đã được trao đã được tiếp thu và sử dụng đúng đắn. Điều này cho chúng ta biết đôi điều về giai đoạn thuộc Thời kỳ của Đấng Tiền Phong mà chúng ta đang sống. Rất nhiều điều đã được trao, nhưng phần lớn vẫn chưa được tiếp thu. Do đó mà có trách nhiệm của chúng ta.

Điều Tôi đang tìm cách thực hiện là đưa giáo huấn tiến thêm một bước ra bên ngoài và công khai hóa những gì Chân sư đã dạy đệ tử của Ngài vào thời cổ, khi người đệ tử đã phần nào nắm bắt những chân lý căn bản về tâm thức phổ quát, đồng thời cũng đã xử lý thành công cái cá biệt đúng vị trí và đúng cách. Quy luật xưa vẫn mãi là một quy luật bất biến: mọi giáo huấn nội môn chân thực đều bắt đầu từ cái phổ quát và kết thúc ở cái cá biệt; [94] các bạn phải luôn luôn ghi nhớ điều này. Nhiệm vụ khó khăn của Tôi là diễn đạt bằng ngôn ngữ hiện đại và những hình thức biểu tượng các quy luật từ trước đến nay chưa từng được ghi chép này. Nhiều điều được công bố kể từ thời H. P. B. nỗ lực đấu tranh và làm việc là chân lý, kể cả thông tin về điểm đạo. Nhiều điều khác lại mang tính tưởng tượng và bị bóp méo nghiêm trọng.

1. We find, therefore, that Master DK is intending to disclose some of that which was conferred by the Master to His disciple in ancient days. Apparently He is giving us some of that which was *orally* conferred.

1. Do đó, chúng ta thấy rằng Chân sư DK dự định tiết lộ một phần những gì Chân sư đã truyền cho đệ tử của Ngài vào thời cổ. Dường như Ngài đang trao cho chúng ta một phần những gì đã được truyền dạy *bằng lời nói*.

2. We see that in order for Him to do this, certain fundamental truths about the universal and the particular (in relation to the universal) must be grasped by His disciples. Further, the "particular" (pertaining, we may justifiably think, to the disciple-as-microcosm) must be worked out and applied. The Master cannot relay more and more to disciples who do not understand and have not applied certain fundamental truths to their own nature.

2. Chúng ta thấy rằng để Ngài thực hiện điều này, các đệ tử của Ngài phải nắm bắt một số chân lý căn bản về cái phổ quát và cái cá biệt (trong mối quan hệ với cái phổ quát). Hơn nữa, "cái cá biệt" (mà chúng ta có cơ sở để cho rằng liên quan đến đệ tử xét như tiểu thiên địa) phải được triển khai và vận dụng. Chân sư không thể truyền đạt ngày càng nhiều cho những đệ tử không thấu hiểu và chưa vận dụng một số chân lý căn bản vào chính bản chất của mình.

3. DK reminds us of an old, unalterable rule: the study of occultism begins with the universal and ends with a study of the particular and the application of universal principles to particular instances.

3. Chân sư DK nhắc chúng ta về một quy luật xưa, bất biến: việc nghiên cứu huyền bí học bắt đầu từ cái phổ quát và kết thúc bằng việc nghiên cứu cái cá biệt cùng sự vận dụng các nguyên khí phổ quát vào những trường hợp cụ thể.

4. This *deductive* rather than inductive mode of procedure is wise. It demands an intuitive access to wisdom and ensures that spirit/soul eventually become fully 'invested' in matter. It promotes a 'grasp of the whole' rather than the more fragmentary approach resultant upon following the inductive method.

4. Phương thức tiến hành theo lối *diễn dịch* thay vì quy nạp này là sáng suốt. Nó đòi hỏi sự tiếp cận minh triết bằng trực giác và bảo đảm rằng tinh thần/linh hồn cuối cùng sẽ hoàn toàn 'nhập vào' vật chất. Nó thúc đẩy sự 'nắm bắt cái toàn thể' thay vì cách tiếp cận phân mảnh hơn do đi theo phương pháp quy nạp.

5. Of course, induction has its place when the fundamental principles of wisdom are not intuitively apprehended. Induction is a way of 'rising into truth', of arriving at principles through the piecing together of evidence. It is a corrective to incorrect premises and is promoted by the presence of the fifth ray.

5. Dĩ nhiên, quy nạp có vai trò của nó khi người ta chưa nắm bắt bằng trực giác những nguyên khí căn bản của minh triết. Quy nạp là một cách 'vươn lên tới chân lý', đạt tới các nguyên khí bằng cách kết hợp những bằng chứng. Nó là phương tiện sửa chữa những tiền đề sai lầm và được sự hiện diện của cung năm thúc đẩy.

6. But the true occultist is intuitively certain of his premises. They are not just theories, and thus the application of these premises (or universal principles) to specific instances will inevitably be promotive of 'that which should be'.

6. Nhưng nhà huyền bí học chân chính có sự chắc chắn bằng trực giác về những tiền đề của mình. Chúng không chỉ là những lý thuyết, và do đó, việc vận dụng những tiền đề này (hay các nguyên khí phổ quát) vào những trường hợp cụ thể tất yếu sẽ thúc đẩy 'điều phải hiện hữu'.

When a neophyte first of all applies to the Master for the training needed prior to initiation, what would you say was the Master's problem? I am assuming that the Master knows His disciple well, is convinced of his sincerity and of the appropriateness of his appeal. I am also assuming that you realise that the so-called "appeal" is the quality of the life lived, the service rendered and the presence of an illumined mind—illumined through some definite measure of soul contact.

Khi một người sơ cơ lần đầu xin Chân sư ban cho sự huấn luyện cần thiết trước điểm đạo, theo các bạn, vấn đề của Chân sư là gì? Tôi giả định rằng Chân sư hiểu rõ đệ tử của Ngài, tin chắc vào sự chân thành của y và tính thích đáng của lời thỉnh cầu ấy. Tôi cũng giả định rằng các bạn nhận ra cái gọi là "lời thỉnh cầu" chính là phẩm tính của cuộc sống đã sống, sự phụng sự đã thực hiện và sự hiện diện của một thể trí được soi sáng—được soi sáng nhờ một mức độ tiếp xúc xác định với linh hồn.

1. So much esoteric literature is written from the perspective of the *disciple's* problem. Master DK here reverses the perspective and this reversal will be illuminating.

1. Rất nhiều tài liệu nội môn được viết từ góc nhìn về vấn đề của *người đệ tử*. Ở đây, Chân sư DK đảo ngược góc nhìn, và sự đảo ngược này sẽ đem lại sự soi sáng.

2. DK is not speaking of the question of the disciple's sincerity or the appropriateness of the appeal for training. These are assumed.

2. Chân sư DK không bàn đến vấn đề người đệ tử có chân thành hay không, hoặc lời thỉnh cầu được huấn luyện có thích đáng hay không. Những điều này đã được mặc nhiên thừa nhận.

3. The Master reiterates for us the nature of a true "appeal" or "application"—it is the "quality of the life lived, the service rendered and the presence of an illumined mind". Application is a certain 'quality of vibration' which characterizes the applicant's life, and evidence that that vibration is being bestowed to elevate areas of the divine life where a lower vibration is to be found. This is *service* expressed in terms of vibration.

3. Chân sư nhắc lại cho chúng ta bản chất của một "lời thỉnh cầu" hay "lời xin được thu nhận" đích thực—đó là "phẩm tính của đời sống đã sống, sự phụng sự đã thực hiện và sự hiện diện của một thể trí được soi sáng". Lời xin được thu nhận là một 'phẩm tính rung động' nhất định, đặc trưng cho đời sống của người xin được thu nhận, cùng bằng chứng cho thấy rung động ấy đang được ban rải để nâng cao những lĩnh vực của sự sống thiêng

Service is all that which "elevates vibration". This is different from thoughtless promotion of "overstimulation". Well-intended disciples who would be effective in service must know the difference.

liêng nơi còn có rung động thấp hơn. Đây là *sự phụng sự* được diễn đạt bằng rung động. Phụng sự là tất cả những gì "nâng cao rung động". Điều này khác với việc thiếu suy xét mà thúc đẩy "sự kích thích quá mức". Những đệ tử có thiện ý, muốn phụng sự hữu hiệu, phải biết sự khác biệt này.

4. The Master cannot respond to an application if there is not the necessary measure of soul contact. In fact, without such contact, the "appeal" cannot be considered a valid "application".

4. Chân sư không thể đáp ứng lời xin được thu nhận nếu chưa có mức độ tiếp xúc với linh hồn cần thiết. Thật vậy, nếu thiếu sự tiếp xúc ấy, "lời thỉnh cầu" không thể được xem là một "lời xin được thu nhận" hợp lệ.

The Master's problem is to teach him the stabilisation of the relation between soul and body so that, at will, contact can be established between them; the astral body provides no hindrance that amounts to anything, and through that soul contact a facile relation to the Hierarchy, its purposes and resources can be made. Secondly, the nature of energy and its wise utilisation through the medium of an integrated personality is indicated.

Vấn đề của Chân sư là dạy đệ tử ổn định mối quan hệ giữa linh hồn và thân thể, sao cho có thể tùy ý thiết lập sự tiếp xúc giữa cả hai; thể cảm dục không gây trở ngại nào đáng kể, và qua sự tiếp xúc với linh hồn ấy, có thể dễ dàng thiết lập mối quan hệ với Thánh đoàn, với các mục đích và nguồn lực của Thánh đoàn. Thứ hai, Ngài chỉ dạy về bản chất của năng lượng và cách sử dụng năng lượng một cách minh triết thông qua một phàm ngã tích hợp.

1. We see that the Master's "problem" is to teach His disciple certain things. That teaching must result in:

1. Chúng ta thấy rằng "vấn đề" của Chân sư là dạy đệ tử của Ngài một số điều. Sự chỉ dạy ấy phải đem lại:

a. the stabilization of the relation between the disciple's soul and body, *at will*. The connection to soul must become a natural and easy mode of approach, not an occasional, desirable happening which cannot be easily reproduced.

a. sự ổn định mối quan hệ giữa linh hồn và thân thể của người đệ tử, *theo ý muốn*. Sự kết nối với linh hồn phải trở thành một cách tiếp cận tự nhiên và dễ dàng, thay vì một điều đáng mong muốn chỉ thỉnh thoảng xảy ra và khó tái lập.

b. astral tranquillity so that the astral body proves to be no real hindrance

b. sự an tĩnh về cảm dục, sao cho thể cảm dục không thực sự gây trở ngại

c. a "facile relation to the Hierarchy" through a stable and easily achieved soul contact. Thus hierarchical purposes will be

c. một "mối quan hệ dễ dàng với Thánh đoàn" thông qua sự tiếp xúc ổn định và dễ đạt được với linh hồn. Nhờ đó, các mục đích

revealed and hierarchical resources be made available.

2. Have you sensed these developments occurring in your own nature and do you think the Master may be contributing to the appearance of these necessary achievements?

3. The Master's second "problem" is to teach the disciple what energy really is and how to use it rightly. This requires an "integrated personality". It is not possible to become a candidate for initiation unless the personality is in process of integration. Every initiation demands a certain degree of integration. By the time the third degree may be taken, the personality, for all practical purposes is *thoroughly* integrated, though intensifications of that integration (accompanied by increasing soul infusion) will continue until the fourth degree.

It is essential that one thing be grasped by all of you, prior to undertaking work with me. It is that in a group of disciples such as this, the large majority have already taken the first initiation and are being prepared for one of the later initiations. There is nothing surprising in this statement or any particular cause for elation[5] or for pleasure. An immense number of the world aspirants evidence—through their aliveness to the spiritual issues, through the intensity of their aspiration and through their struggles to be good, self-sacrificing and wise—that the life of the indwelling Christ is most definitely moving in them and is present in

của Thánh đoàn sẽ được mặc khải và các nguồn lực của Thánh đoàn sẽ trở nên sẵn có để sử dụng.

2. Các bạn có cảm nhận được những bước phát triển này đang diễn ra trong bản chất của chính mình, và có nghĩ rằng Chân sư có thể đang góp phần làm xuất hiện những thành tựu cần thiết ấy không?

3. "Vấn đề" thứ hai của Chân sư là dạy đệ tử năng lượng thực sự là gì và cách sử dụng nó đúng đắn. Điều này đòi hỏi một "phàm ngã tích hợp". Không thể trở thành ứng viên điểm đạo nếu phàm ngã chưa ở trong tiến trình tích hợp. Mỗi cuộc điểm đạo đều đòi hỏi một mức độ tích hợp nhất định. Đến khi có thể tiếp nhận điểm đạo bậc ba, xét về mọi mặt thực tiễn, phàm ngã đã tích hợp *hoàn toàn*, dù sự tích hợp ấy sẽ tiếp tục được tăng cường (đi kèm với mức độ thấm nhuần của linh hồn ngày càng gia tăng) cho đến bậc bốn.

Trước khi bắt đầu làm việc với Tôi, tất cả các bạn cần nắm rõ một điều. Đó là trong một nhóm đệ tử như nhóm này, đại đa số đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất và đang được chuẩn bị cho một trong những lần điểm đạo tiếp theo. Lời khẳng định này không có gì đáng ngạc nhiên, cũng không phải là lý do đặc biệt nào để phấn khởi[6] hay vui thích. Vô số người chí nguyện trên thế giới cho thấy—qua sự nhạy bén của họ trước các vấn đề tinh thần, qua cường độ khát vọng và qua những nỗ lực trở nên tốt lành, biết hi sinh bản thân và minh triết—rằng sự sống của Đức Christ nội tại chắc chắn đang hoạt động trong họ và hiện diện trong trái tim họ. Hàng ngàn người

5 (sự) hân hoan; (sự) hoan hỉ; niềm vui

6 (sự) hân hoan; (sự) hoan hỉ; niềm vui

their hearts. The initiation of "spiritual fixation upon the physical plane" (as the birth at Bethlehem, the first initiation, is sometimes called) has already been undergone by thousands, and they are sincerely and definitely moving forward upon the Way. I would remind you here that many, many lives can elapse between the first initiation and the second—long, long interludes of silent and almost unapparent [95] growth. You are in no way unique or far ahead of the senior world aspirants. In that lies cause for encouragement and humility. It is naturally not my intention to state who is being prepared for any particular initiation. That is a matter for each of you to discover for himself. It is a matter of interior orientation and not a matter of outside information.

đã trải qua cuộc điểm đạo "cố định tinh thần trên cõi hồng trần" (như đôi khi người ta gọi sự giáng sinh tại Bethlehem, tức lần điểm đạo thứ nhất), và họ đang chân thành, dứt khoát tiến bước trên Đường Đạo. Ở đây, Tôi muốn nhắc các bạn rằng rất nhiều, rất nhiều kiếp sống có thể trôi qua giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần thứ hai—những khoảng thời gian dài, rất dài của sự tăng trưởng thầm lặng và gần như không thể nhận thấy [95]. Các bạn hoàn toàn không phải là những người độc nhất hay tiến xa hơn hẳn những người chí nguyện lâu năm trên thế giới. Chính trong đó có lý do để được khích lệ và giữ lòng khiêm nhường. Dĩ nhiên, Tôi không có ý định nói ai đang được chuẩn bị cho một lần điểm đạo cụ thể nào. Đó là điều mỗi bạn phải tự khám phá. Đó là vấn đề định hướng nội tâm, chứ không phải thông tin từ bên ngoài.

1. Master DK offers important information on the initiatory status of the members of His groups. The "large majority" of them have undergone the first initiation. By this it is apparent that He means the "Initiation of Birth" and not the Transfiguration.

1. Chân sư DK cung cấp thông tin quan trọng về trình độ điểm đạo của các thành viên trong những nhóm của Ngài. "Đại đa số" họ đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Qua đó, rõ ràng Ngài muốn nói đến "Cuộc Điểm Đạo Giáng Sinh" chứ không phải cuộc Biến hình.

2. It becomes apparent that it is possible to be in a Master's outer group and still not have taken the first initiation (though *most* in a Master's group will have done so).

2. Có thể thấy rõ rằng một người có thể thuộc nhóm bên ngoài của một Chân sư mà vẫn chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất (dù *phần lớn* những người trong nhóm của một Chân sư đều đã trải qua lần điểm đạo ấy).

3. To be an "accepted disciple" it is usually a requirement that the first initiation has been taken. Not all disciples in these early groups-of-nine were "accepted disciples", but later (as the New Seed Group was formed by DK) *all* disciples under that particular mode of training were considered by Him as "accepted disciples". In one case, **probably that of LTS-K, there is evidence to indicate**

3. Để trở thành một "đệ tử được chấp nhận", thông thường cần phải trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Không phải tất cả đệ tử trong những nhóm chín người ban đầu này đều là "đệ tử được chấp nhận", nhưng về sau (khi Chân sư DK thành lập Nhóm Hạt Giống Mới), *tất cả* đệ tử theo phương thức huấn luyện đặc biệt ấy đều được Ngài xem là "đệ tử được chấp nhận". Trong một trường hợp, **có lẽ là**

that he was *not* an initiate of the first degree even though He was accepted. DK tells us that the main reason for His acceptance was for his own protection and, as well, the outgrowth of the Master's gratitude for work which he had done in relation to the publishing of AAB's books. The Masters, we are told, are *not* ungrateful.

trường hợp của LTS-K, có bằng chứng cho thấy người đệ tử ấy *chưa* phải là điểm đạo đồ bậc một dù đã được chấp nhận. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng lý do chính khiến Ngài chấp nhận người đệ tử ấy là để bảo vệ chính người ấy, đồng thời cũng xuất phát từ lòng biết ơn của Chân sư đối với công việc người ấy đã thực hiện liên quan đến việc xuất bản sách của Bà AAB. Chúng ta được cho biết rằng các Chân sư *không* vô ơn.

4. We always find the Master protecting His chelas from any tendency towards "self-congratulation". To be an initiate of the first degree is a mark of achievement, but, in today's world, not an *unusual* achievement.

4. Chúng ta luôn thấy Chân sư bảo vệ các đệ tử của Ngài trước mọi khuynh hướng "tự mãn". Trở thành điểm đạo đồ bậc một là dấu hiệu của một thành tựu, nhưng trong thế giới ngày nay, đó không phải là một thành tựu *khác thường*.

5. Then, there follows a description which can be useful in helping to identify those who have taken the first initiation. First degree initiates are—

5. Tiếp đó là một phần mô tả hữu ích, giúp nhận diện những người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Các điểm đạo đồ bậc một là những người—

a. alive to spiritual issues

a. nhạy bén trước các vấn đề tinh thần

b. are intense in their aspiration

b. có khát vọng mãnh liệt

c. aspire and struggle to be good, self-sacrificing and wise

c. khát khao và nỗ lực trở nên tốt lành, biết hi sinh bản thân và minh triết

6. If we look around, we will find many of our acquaintances and co-workers characterized by such qualities.

6. Nếu nhìn quanh, chúng ta sẽ thấy nhiều người quen và cộng sự của mình có những phẩm tính như thế.

7. In *The Rays and the Initiations,* the following is said of those who have undergone the first initiation: "…all those who truly love their fellowmen, who are interested in the esoteric teaching, and who seek to discipline themselves in order to attain greater beauty of life, are initiate and have undergone the first initiation.

7. Trong *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo,* có lời sau đây về những người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất: "…tất cả những ai thực sự yêu thương đồng loại, quan tâm đến giáo huấn nội môn và tìm cách rèn luyện bản thân để đạt đến vẻ đẹp lớn lao hơn trong đời sống, đều là điểm đạo đồ và đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

8. First degree initiates are those in whom "the life of the indwelling Christ is most definitely moving…and is present in their hearts".

8. Các điểm đạo đồ bậc một là những người mà trong họ "sự sống của Đức Christ nội tại chắc chắn đang hoạt động…và hiện diện trong trái tim họ".

9. A very interesting name for the first initiation is given: "spiritual fixation upon the physical plane". We can see how the seventh ray (the ray which most characterizes the processes of the first initiation) would be involved in this "fixation". Vulcan (also prominent at the first degree and a planet with very physical and material associations) is also implicated, as is the "Law of Fixation" on the fifth ray, for the fifth energy (of the Solar Angels) becomes involved with the human personality at the first degree in a new way.

9. Một tên gọi rất thú vị dành cho lần điểm đạo thứ nhất được nêu ra: "cố định tinh thần trên cõi hồng trần". Chúng ta có thể thấy cung bảy (cung đặc trưng rõ nhất cho các tiến trình của lần điểm đạo thứ nhất) tham gia như thế nào vào sự "cố định" này. Vulcan (cũng nổi bật ở bậc một và là một hành tinh có những liên hệ rất rõ với cõi hồng trần và vật chất) cũng có liên quan, cũng như "Định luật Cố Định" thuộc cung năm, vì ở bậc một, năng lượng thứ năm (của các Thái dương Thiên Thần) bắt đầu liên hệ với phàm ngã con người theo một cách mới.

10. At the time of this writing (in the 1930's) thousands had taken the first initiation. By now, many, many thousands more have no doubt done so. The numbers will soon be in the millions, if this is not already the case.

10. Vào thời điểm viết những lời này (trong thập niên 1930), hàng ngàn người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Đến nay, chắc chắn đã có thêm rất nhiều, rất nhiều ngàn người trải qua lần điểm đạo ấy. Con số này sẽ sớm lên đến hàng triệu, nếu hiện nay chưa đạt mức đó.

11. Another important description of those who have taken the first degree is given: "they are sincerely and definitely moving forward upon the Way". As we study these words **we see the importance of the sixth ray in the life of the aspirant to the *second* initiation.**

11. Một mô tả quan trọng khác về những người đã đạt bậc một được nêu ra: "họ đang chân thành, dứt khoát tiến bước trên Đường Đạo". Khi chúng ta nghiên cứu những lời này, **chúng ta thấy tầm quan trọng của cung sáu trong đời sống của người chí nguyện hướng đến lần điểm đạo *thứ hai*.**

12. DK reminds us of the many lives that may elapse between the first and second degrees. In fact, He uses the phrase, "many, many lives". Just how many may this mean? Thirty? Twenty? Ten or less? Probably **there is no set number and much depends upon the intensity of the aspirant's effort and**

12. Chân sư DK nhắc chúng ta về nhiều kiếp sống có thể trôi qua giữa bậc một và bậc hai. Thật vậy, Ngài dùng cụm từ "rất nhiều, rất nhiều kiếp sống". Điều này có thể hàm ý chính xác bao nhiêu kiếp? Ba mươi? Hai mươi? Mười hay ít hơn? Có lẽ **không có con số cố định nào, và phần lớn tùy thuộc vào cường độ nỗ lực của người chí nguyện cùng**

the correctness of the choices made.

13. Master DK is emphasizing the length of the period between the first and second degrees by phrases like "many, many" and "long, long". This is His way of inducing a sense of proportion in the consciousness of the eager aspirant. We are not to look for spectacular growth in the interim between these initiations, for growth may be "silent and almost unapparent".

14. DK assures His chelas that they are in no way unique or "far ahead of the senior world aspirants", though apparently they are somewhat ahead. A prideful and separative reaction in the minds of chelas is always a danger and leads to later retardation.

15. Master DK ever takes a balanced point of view. His mode of imparting information about the spiritual status of His chelas both *encourages* and *induces humility*. These chelas *are* somewhat advanced, but *not especially* advanced. In fact, the Master is helping His chelas know exactly where they stand.

16. However, He does not tell which chela is being prepared for which initiation; to do so would be counterproductive (given the usual psychological state of the average chela), and further, would rob the chela of an important 'intuitive opportunity'. Chelas must discover *for themselves* where they stand on the Path, and in the attempt to discover their standing they will necessarily learn much, not only about themselves but about others.

sự đúng đắn của những lựa chọn đã thực hiện.

13. Chân sư DK nhấn mạnh độ dài của thời kỳ giữa bậc một và bậc hai bằng những cụm từ như "rất nhiều, rất nhiều" và "dài, rất dài". Đây là cách Ngài khơi dậy ý thức về tỉ lệ trong tâm thức của người chí nguyện nhiệt thành. Chúng ta không nên mong đợi sự tăng trưởng ngoạn mục trong khoảng thời gian giữa những lần điểm đạo này, vì sự tăng trưởng có thể "thầm lặng và gần như không thể nhận thấy".

14. Chân sư DK bảo đảm với các đệ tử của Ngài rằng họ hoàn toàn không phải là những người độc nhất hay "tiến xa hơn hẳn những người chí nguyện lâu năm trên thế giới", dù rõ ràng họ có phần đi trước. Một phản ứng kiêu hãnh và chia rẽ trong thể trí của các đệ tử luôn là mối nguy và dẫn đến sự chậm tiến về sau.

15. Chân sư DK luôn giữ một quan điểm quân bình. Cách Ngài truyền đạt thông tin về trình độ tinh thần của các đệ tử vừa *khích lệ* vừa *khơi dậy lòng khiêm nhường*. Những đệ tử này *quả có* phần tiến bộ, nhưng *không đặc biệt* tiến bộ. Thật vậy, Chân sư đang giúp các đệ tử của Ngài biết chính xác mình đang ở đâu.

16. Tuy nhiên, Ngài không nói đệ tử nào đang được chuẩn bị cho lần điểm đạo nào; làm như vậy sẽ phản tác dụng (xét trạng thái tâm lý thường thấy của một đệ tử trung bình), và hơn nữa, sẽ tước đi của đệ tử một 'cơ hội trực giác' quan trọng. Các đệ tử phải *tự mình* khám phá vị trí của mình trên Đường Đạo, và trong nỗ lực khám phá vị trí ấy, họ tất yếu sẽ học được nhiều điều, về cả bản thân lẫn những người khác.

17. The following about discovering one's standing is an important occult hint: "It is a matter of interior orientation and not a matter of outside information". Which 'Sun of revelation' is a chela facing? What, really, are the spiritual tasks with which he/she is engaged? One learns to estimate properly by estimating, to evaluate properly by evaluating.

17. Điều sau đây về việc khám phá vị trí của bản thân là một gợi ý huyền bí quan trọng: "Đó là vấn đề định hướng nội tâm, chứ không phải thông tin từ bên ngoài". Người đệ tử đang hướng về 'Mặt Trời mặc khải' nào? Thực sự, những nhiệm vụ tinh thần mà người ấy đang đảm nhận là gì? Qua việc ước định, người ta học cách ước định đúng đắn; qua việc đánh giá, người ta học cách đánh giá đúng đắn.

18. If we could see with real clarity the next task before us, we might know the initiation for which we are being prepared (if not for this life cycle then for a subsequent one in the not-too-distant future).

18. Nếu có thể thấy thật rõ nhiệm vụ tiếp theo trước mắt, chúng ta có thể biết mình đang được chuẩn bị cho lần điểm đạo nào (nếu không phải trong chu kỳ sống này thì trong một chu kỳ tiếp theo ở tương lai không quá xa).

One point anent the taking of the first three major initiations, I would like to refer to at this point. It is that they have always to be taken when in a physical body and upon the physical plane, thus demonstrating initiate consciousness through both mind and brain. **This is a point not oft emphasised and sometimes contradicted**.

Ở đây, Tôi muốn đề cập một điểm liên quan đến việc tiếp nhận ba cuộc điểm đạo chính đầu tiên. Đó là luôn phải tiếp nhận những cuộc điểm đạo này khi đang ở trong một thể xác và trên cõi hồng trần, qua đó biểu lộ tâm thức điểm đạo đồ thông qua cả thể trí lẫn bộ não. **Đây là một điểm ít được nhấn mạnh và đôi khi còn bị phủ nhận**.

1. DK offers important information about the first three initiations—information that, presumably, *may* not apply to the fourth and fifth: the first three initiations are to be taken in a physical body so that the initiate consciousness may be demonstrated "through both mind and brain". From this perspective, the initiation process is part of the "Externalization of the Hierarchy" and is involved in bringing "Heaven to Earth".

1. Chân sư DK cung cấp thông tin quan trọng về ba lần điểm đạo đầu tiên—thông tin mà có lẽ *có thể* không áp dụng cho lần thứ tư và thứ năm: ba lần điểm đạo đầu tiên phải được tiếp nhận trong một thể xác để tâm thức điểm đạo đồ có thể biểu lộ "thông qua cả thể trí lẫn bộ não". Từ góc nhìn này, tiến trình điểm đạo là một phần của "Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn" và có liên quan đến việc đưa "Thiên Đàng xuống Trái Đất".

2. DK says that this piece of important information is "sometimes contradicted" (presumably by other writers) but in one or two instances, the Master, Himself, suggests

2. Chân sư DK nói rằng thông tin quan trọng này "đôi khi bị phủ nhận" (có lẽ từ các tác giả khác), nhưng trong một hoặc hai trường hợp, chính Chân sư cũng gợi ý rằng có thể

that initiation may be taken on other planes.

"As you know, it is not my intention to give you any more personal instructions; you no longer need them during the rest of this life, because if you carry out those already given [70] there will be nothing to hinder your taking the initiation which is for you the next step forward. Do you realise the import of what I am saying? This initiation which confronts you can be taken either during the remaining years which are left to you; this, in the majority of cases is not probable, though a small minority—a very small minority—may achieve the goal. Or initiation may be taken in the interim period between incarnations, or else immediately upon return to physical plane life. This latter is the most probable for those who are not taking initiations higher than the third; and, at present, for that initiation I am not preparing disciples. It is usually regarded as essential that disciples who are taking the second or third initiations should register them in their brain consciousness. As I have often told you, the initiate consciousness is not the factor which requires to be thus recorded; it is seldom so. Recognition of it comes when the candidate is participating in the "esoteric installation" of a candidate into the ranks of the Great White Lodge. What the disciple undergoing initiation (and I choose the word "undergoing" with deliberation) must and eventually does record are the crises which brought about his fitness to take initiation, as it is erroneously called in theosophical circles. These, correctly handled and surmounted, will result in his being an initiate—a very different interpretation to the current theosophical one. As I often told you, a man is an initiate, prior to any initiation ceremony. The ceremony concerns

tiếp nhận điểm đạo trên những cõi khác.

"Như các bạn biết, Tôi không có ý định ban thêm cho các bạn bất kỳ huấn thị cá nhân nào; trong phần còn lại của kiếp sống này, các bạn không còn cần chúng nữa, vì nếu thực hiện những huấn thị đã được ban [70], sẽ không có gì cản trở các bạn tiếp nhận cuộc điểm đạo vốn là bước tiến tiếp theo của mình. Các bạn có nhận ra ý nghĩa quan trọng của điều Tôi đang nói không? Cuộc điểm đạo đang ở trước mặt các bạn có thể được tiếp nhận trong những năm còn lại của đời mình; trong đa số trường hợp, điều này khó xảy ra, dù một thiểu số nhỏ—một thiểu số rất nhỏ—có thể đạt được mục tiêu. Hoặc có thể tiếp nhận điểm đạo trong giai đoạn giữa các kiếp lâm phàm, hoặc ngay khi trở lại đời sống trên cõi hồng trần. Khả năng sau cùng này là dễ xảy ra nhất đối với những ai chưa tiếp nhận các cuộc điểm đạo cao hơn lần thứ ba; và hiện nay, Tôi không chuẩn bị đệ tử cho lần điểm đạo ấy. Thông thường, người ta xem việc các đệ tử tiếp nhận lần điểm đạo thứ hai hoặc thứ ba phải ghi nhận những lần điểm đạo ấy trong tâm thức bộ não là điều thiết yếu. Như Tôi đã thường nói với các bạn, tâm thức điểm đạo đồ không phải là yếu tố cần được ghi nhận theo cách ấy; điều đó hiếm khi xảy ra. Sự nhận biết tâm thức ấy xuất hiện khi ứng viên tham dự việc "tiếp nhận theo nghi thức nội môn" một ứng viên vào hàng ngũ Thánh đoàn. Điều mà người đệ tử đang trải qua điểm đạo (và Tôi có chủ ý khi chọn từ "trải qua") phải ghi nhận, và cuối cùng thực sự ghi nhận, là những cuộc khủng hoảng đã khiến y hội đủ điều kiện để tiếp nhận điểm đạo, theo cách gọi sai lầm trong giới Thông Thiên Học. Những cuộc khủng hoảng này, khi được xử lý đúng đắn và vượt qua, sẽ khiến y trở thành một điểm đạo đồ—một cách diễn giải rất khác với cách diễn giải hiện hành của Thông Thiên Học. Như Tôi đã

hierarchical recognition of the disciple and does not concern the candidate's fitness. I find it needful to reiterate this fact. (DINA II 70)

thường nói với các bạn, một người đã là điểm đạo đồ trước khi có bất kỳ nghi lễ điểm đạo nào. Nghi lễ liên quan đến việc Thánh đoàn công nhận người đệ tử, chứ không liên quan đến việc ứng viên có hội đủ điều kiện hay không. Tôi thấy cần phải nhắc lại sự thật này. (DINA II 70)

3. It is important that we do not think of initiation as an 'otherworldly' event. It is a very practical matter and involves the redemption of that form of matter which is residual from an earlier solar system, hence the need for its physical demonstration.

3. Điều quan trọng là chúng ta đừng nghĩ điểm đạo là một sự kiện 'thuộc thế giới bên kia'. Đó là một vấn đề rất thực tiễn, liên quan đến việc cứu chuộc dạng vật chất còn sót lại từ một hệ mặt trời trước, vì thế cần có sự biểu lộ của nó trên cõi hồng trần.

I would like also to point out with all the clarity and power at my disposal, the very deep necessity for humility and its constantly recurring expression. I refer not to an inferiority complex but to that adjusted sense of right proportion which equips its possessor with a balanced point of view as to himself, his responsibilities and his life work. This, when present, will enable him to view himself dispassionately and his presented opportunities with equal dispassion. Undoubtedly all disciples, you among them, have speculated upon your status and standing upon the Path and upon the status of your co-disciples. That is, after all, both natural and human. Some of you are too humble in the personal sense and not in the sense of true humility. By that I mean that you are so afraid of pride and bombast[7] and an over-estimation of your capacities that you are untrue to the realities and belittle the power of your souls. R. S. U. is a case in point and needs to walk humbly in the spiritual life which involves a correct

Tôi cũng muốn dùng tất cả sự sáng tỏ và quyền năng mình có để chỉ ra nhu cầu hết sức sâu xa về lòng khiêm nhường và việc thường xuyên biểu lộ lòng khiêm nhường ấy. Tôi không nói đến một phức cảm tự ti, mà nói đến ý thức đúng đắn về tỉ lệ đã được điều chỉnh, giúp người có ý thức ấy giữ một quan điểm quân bình về bản thân, trách nhiệm và công việc của đời mình. Khi hiện diện, ý thức này sẽ giúp y nhìn bản thân một cách không thiên lệch và nhìn những cơ hội đến với mình cũng bằng sự không thiên lệch ấy. Chắc chắn mọi đệ tử, trong đó có các bạn, đều đã suy đoán về trình độ và vị trí của mình trên Đường Đạo, cũng như về trình độ của các đệ tử đồng môn. Xét cho cùng, điều đó vừa tự nhiên vừa hợp với con người. Một số bạn quá khiêm nhường theo nghĩa cá nhân, chứ không theo nghĩa khiêm nhường đích thực. Qua đó, Tôi muốn nói rằng các bạn quá sợ sự kiêu hãnh, khoa trương[8] và việc đánh giá quá cao năng lực của mình, đến mức không trung thực với thực tế và xem nhẹ quyền năng của linh hồn mình. R.

7 lời nói khoa trương; giọng văn khoa trương

8 lời nói khoa trương; giọng văn khoa trương

recognition of place and opportunity and not this constant emphasis upon her inability to measure up. She owes it to my group of disciples and to me to see herself as she truly is—a disciple in preparation for a certain initiation and with much wisdom at her disposal. W. D. S. suffers from an inferiority complex which drives him to an exterior enforcement of his personality upon others and expresses itself in a subtle, spiritual jealousy of those who impress themselves upon his consciousness as his spiritual superiors. He needs to accept himself as he is, to be glad that there are those who guarantee to him the possibility of future [96] unfoldment, because they have already achieved more than he has, and then to forget about himself as he accepts discipleship and finds himself so busy in true service that he has no time for ceaseless comparisons with others.

S. U. là một trường hợp điển hình và cần bước đi khiêm nhường trong đời sống tinh thần, điều này bao hàm việc nhận biết đúng đắn vị trí và cơ hội, thay vì không ngừng nhấn mạnh rằng bà không đủ khả năng đáp ứng. Bà có bổn phận với nhóm đệ tử của Tôi và với Tôi là nhìn bản thân đúng như thực trạng—một đệ tử đang được chuẩn bị cho một cuộc điểm đạo nhất định và có nhiều minh triết để sử dụng. W. D. S. mắc một phức cảm tự ti khiến ông áp đặt phàm ngã của mình lên người khác trong quan hệ bên ngoài, và phức cảm ấy biểu lộ thành sự ganh tị tinh vi về mặt tinh thần đối với những người mà trong tâm thức ông có trình độ tinh thần cao hơn mình. Ông cần chấp nhận bản thân như hiện tại, vui mừng vì có những người bảo đảm cho ông về khả năng khai mở [96] trong tương lai, vì họ đã thành tựu nhiều hơn ông; rồi quên bản thân khi chấp nhận địa vị đệ tử và thấy mình bận rộn với sự phụng sự đích thực đến mức không còn thời gian không ngừng so sánh mình với người khác.

1. The Master is making an emphatic point when He calls for humility. We have often seen how easily the little ego appropriates imagined initiatory possibilities for its own aggrandizement.

1. Chân sư đang nhấn mạnh một điểm khi Ngài kêu gọi lòng khiêm nhường. Chúng ta thường thấy phàm ngã nhỏ bé dễ dàng chiếm lấy những khả năng điểm đạo do mình tưởng tượng để tự tôn mình lên như thế nào.

2. The Master would not speak of using "all the clarity and power at my disposal" and of the *deep* necessity for humility were there only a small danger of going astray in these matters.

2. Chân sư hẳn sẽ không nói đến việc dùng "tất cả sự sáng tỏ và quyền năng mình có" và nhu cầu *sâu xa* về lòng khiêm nhường nếu nguy cơ đi chệch hướng trong những vấn đề này chỉ là nhỏ.

3. But DK is not calling for the adoption of an attitude of false humility or an "inferiority complex" (into which some of His chelas had already fallen). The term "adjusted sense of right proportion" is again used as a

3. Nhưng Chân sư DK không kêu gọi các đệ tử có thái độ khiêm nhường giả tạo hay một "phức cảm tự ti" (mà một số đệ tử của Ngài đã rơi vào). Cụm từ "ý thức đúng đắn về tỉ lệ đã được điều chỉnh" một lần nữa được dùng

definition for humility and should be pondered by each of us. It is the "balanced point of view" the Master seeks for us, so that we may properly evaluate ourselves, our responsibilities and our life's work. Are we *humble* in the sense here suggested? Perhaps one must have seen much of life and many instances of both foolishness and correct evaluation to arrive at a state of mind which can be called "humble" in the true sense.

làm định nghĩa cho lòng khiêm nhường, và mỗi người chúng ta nên suy ngẫm về cụm từ ấy. Chính "quan điểm quân bình" là điều Chân sư mong chúng ta có được, để chúng ta có thể đánh giá đúng bản thân, trách nhiệm và công việc của đời mình. Chúng ta có *khiêm nhường* theo nghĩa được gợi ra ở đây không? Có lẽ người ta phải từng trải nhiều trong cuộc sống và chứng kiến nhiều trường hợp vừa thiếu sáng suốt vừa đánh giá đúng đắn mới đạt đến một trạng thái trí tuệ có thể gọi là "khiêm nhường" theo nghĩa đích thực.

4. We are to look upon our selves with dispassion and consider our spiritual status with equal dispassion. If we love the truth more than our own little ego we will be able to do this. If we become convinced of the uselessness of inflation or minimization, the dispassionate attitude will not be foreign to us.

4. Chúng ta cần nhìn bản thân một cách không thiên lệch và xem xét trình độ tinh thần của mình cũng bằng sự không thiên lệch ấy. Nếu yêu chân lý hơn phàm ngã nhỏ bé của mình, chúng ta sẽ có thể làm được điều này. Nếu tin chắc rằng việc tự thổi phồng hay tự hạ thấp đều vô ích, thái độ không thiên lệch sẽ không còn xa lạ với chúng ta.

5. DK tells is that it is natural for us to speculate about our spiritual status, but, at the same time, suggests the manner in which it is safe and sane to do so.

5. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng việc suy đoán về trình độ tinh thần của mình là tự nhiên, nhưng đồng thời cũng gợi ý cách làm điều ấy một cách an toàn và sáng suốt.

6. DK becomes specific as He considers the tendencies of certain disciples—both of whom have an inferiority complex. In one case the inferiority complex leads to constant self-belittlement[9]. In the other case (WDS—a ray one personality) the opposite reaction is produced, and the disciple forces his personality upon others, as if to minimize his sense of inferiority by overpowering them. We find DK very astute[10] (as a Master must be) in the

6. Chân sư DK đi vào chi tiết khi Ngài xem xét khuynh hướng của một số đệ tử—cả hai đều có phức cảm tự ti. Trong một trường hợp, phức cảm tự ti dẫn đến việc không ngừng tự hạ thấp bản thân[11]. Trong trường hợp còn lại (WDS—một phàm ngã cung một), phản ứng ngược lại xuất hiện, và người đệ tử áp đặt phàm ngã của ông lên người khác, như thể muốn giảm nhẹ cảm giác tự ti bằng cách lấn át họ. Chúng ta thấy Chân sư DK rất tinh tường[12] (như một Chân sư tất

9 sự xem nhẹ; sự xem thường; sự coi thường; sự hạ thấp giá trị

10 sắc sảo, tinh khôn

detection of subtle conditions in His chelas' psyches.

7. Further comments to WDS are very revealing. He should be grateful to more advanced disciples for guaranteeing the existence of spiritual achievements which are not yet his. This is an interesting perspective, is it not? Through the use of this perspective subtle jealousy can be transformed into gratitude.

8. DK also gives WDS a hint about "accepted discipleship" telling him that he should "forget about himself as he *accepts discipleship*" [ital. MDR]. We do not know if, at this point, WDS was already an accepted disciple. Since he became, for a time, a member of the New Seed Group, he was, de facto, an accepted disciple, but perhaps, at the time of this writing, he was receiving a hint which, if followed, could lead him into the stage of accepted discipleship, technically considered.

9. DK's comments both elevate and chasten[13] RSU, for she, like some others, is so afraid of pride, bombast and over-estimation that she resorts to the other extreme—a constant assertion of incapability to measure up. This is the wrong kind of humility (entirely too personal) and does not contribute to the 'truth content' of her group's self-perception. A group must understand itself as it *is;* this will be facilitated when the disciples within such a group, each of them,

phải thế) trong việc phát hiện những trạng thái tinh vi trong tâm lý các đệ tử của Ngài.

7. Những lời nhận xét tiếp theo dành cho WDS hé lộ nhiều điều. WDS nên biết ơn những đệ tử tiến bộ hơn vì họ xác chứng sự hiện hữu của những thành tựu tinh thần mà WDS chưa đạt được. Đây là một góc nhìn thú vị, phải không? Nhờ góc nhìn này, lòng đố kỵ tinh vi có thể chuyển đổi thành lòng biết ơn.

8. Chân sư DK cũng gợi ý cho WDS về "địa vị đệ tử được chấp nhận" khi nói rằng WDS nên "quên bản thân mình khi *chấp nhận địa vị đệ tử*" [chữ nghiêng: MDR]. Chúng ta không biết liệu vào thời điểm này, WDS đã là một đệ tử được chấp nhận hay chưa. Vì từng có một thời gian là thành viên của Nhóm Hạt Giống Mới, trên thực tế WDS là một đệ tử được chấp nhận; nhưng có lẽ, vào thời điểm những lời này được viết ra, WDS đang nhận một gợi ý mà nếu làm theo, có thể đưa người đệ tử ấy vào giai đoạn đệ tử được chấp nhận, xét theo nghĩa chuyên môn.

9. Những lời nhận xét của Chân sư DK vừa nâng đỡ vừa nghiêm khắc uốn nắn[14] RSU, vì bà, cũng như một số người khác, sợ lòng kiêu hãnh, sự khoa trương và việc tự đánh giá quá cao đến mức đi sang cực đoan đối lập—không ngừng khẳng định rằng mình không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu. Đây là kiểu khiêm nhường sai lầm (hoàn toàn quá thiên về cá nhân) và không góp phần làm tăng 'hàm lượng chân thực' trong sự tự nhận thức của nhóm bà. Một nhóm phải thấu hiểu

---

[11] sự xem nhẹ; sự xem thường; sự coi thường; sự hạ thấp giá trị

[12] sắc sảo, tinh khôn

13 uốn nắn;

[14] uốn nắn;

see themselves as they truly are. Otherwise there is glamor and distortion.

chính mình đúng như mình *vốn có;* điều này sẽ thuận lợi hơn khi từng đệ tử trong nhóm ấy nhìn nhận bản thân đúng như thực trạng của mình. Nếu không, sẽ có ảo cảm và sự sai lệch.

10. DK is perhaps hinting at the initiation for which RSU is being prepared when He says that she has "much wisdom at her disposal". Later in her career she was transferred back into the Ashram of her Master, KH. This, too, may be a hint as to her initiatory status.

10. Có lẽ Chân sư DK đang gợi ý về cuộc điểm đạo mà RSU đang được chuẩn bị để trải qua khi Ngài nói rằng bà có "nhiều minh triết để vận dụng". Về sau trên hành trình của mình, bà được chuyển trở lại ashram của Chân sư của bà, Chân sư KH. Điều này cũng có thể là một gợi ý về cấp độ điểm đạo của bà.

11. It is curious that AAB, a high disciple who probably had taken the third initiation at some point in her career, for much of her discipleship life also suffered from self-minimization (though probably not from an inferiority complex, per se). AAB probably wanted to be loved and appreciated, thus avoiding the sense of isolation, and, hence, did not act readily from the level of her true spiritual status. DK asked her to do so.

11. Điều đáng chú ý là AAB, một đệ tử cao cấp có lẽ đã trải qua lần điểm đạo thứ ba vào một thời điểm nào đó trên hành trình của mình, cũng từng tự hạ thấp bản thân trong phần lớn đời sống đệ tử của Bà (dù có lẽ không mắc chính phức cảm tự ti). Có lẽ AAB muốn được yêu thương và trân trọng để tránh cảm giác cô lập, và vì thế Bà chưa sẵn sàng hành động từ cấp độ tương ứng với vị thế tinh thần thực sự của mình. Chân sư DK đã yêu cầu Bà làm như vậy.

12. A strong hint is given to all jealous disciples (even those who are subtly jealous of the status of others). They are to become so busy in service that they have no time for ceaseless (and unwholesome) comparisons with others. Labor refines.

12. Một gợi ý rõ ràng được đưa ra cho mọi đệ tử có lòng đố kỵ (kể cả những người đố kỵ một cách tinh vi với vị thế của người khác). Họ cần trở nên bận rộn phụng sự đến mức không còn thời gian để không ngừng so sánh mình với người khác (một việc không lành mạnh). Lao động giúp tinh luyện.

True humility is based on fact, on vision and on time pressures. Here I give you a hint and would ask you to think deeply on these three foundations of a major personality attitude which must be held and demonstrated before each initiation. I would remind you that there must always be humility in the presence of true vision.

Sự khiêm nhường chân chính dựa trên sự thật, tầm nhìn và áp lực thời gian. Ở đây Tôi đưa ra cho các bạn một gợi ý và muốn các bạn suy nghĩ sâu sắc về ba nền tảng này của một thái độ quan trọng nơi phàm ngã, thái độ mà các bạn phải duy trì và thể hiện trước mỗi cuộc điểm đạo. Tôi muốn nhắc các bạn rằng trước tầm nhìn chân thực, luôn phải có sự khiêm nhường.

1. Another hint is given: "true humility is based on fact, on vision and on time pressures".

2. True humility must be demonstrated before each initiation. Otherwise it is not safe for the Hierophant to approach: He would only stimulate a distortion causing a warping in the nature.

3. Why these particular "three foundations" as a necessary personality attitude preceding the possibility of initiation?

4. The truly humble person faces *facts* and loves truth. He sees through the disadvantages of any form of egoistic self-delusion. This is the first ray aspect of the three foundations.

5. The second ray aspect is "vision". When there is true vision, the disciple sees with accuracy an aspect of the Plan and the part which he/she may play. With true vision (the vision of things as they *are* and as they are 'becoming') it is impossible to inflate or minimize one's role. There is a beauty in what is seen that militates against the tendency to exaggerate or minimize one's role within the visioned Plan and thus introduce distortion (in all its ugliness).

6. As for "time pressures", they represent the third aspect. DK has already told us how time pressures relate to humility. One becomes too busy in service to waste time with fruitless comparisons to others. The earnest worker demonstrates humility through real work. He puts the work before his own self-image and thereby grows. One recognizes one's nature, one's attainment,

1. Một gợi ý khác được đưa ra: "sự khiêm nhường chân chính dựa trên sự thật, tầm nhìn và áp lực thời gian".

2. Trước mỗi cuộc điểm đạo, phải thể hiện sự khiêm nhường chân chính. Nếu không, việc Đấng Chủ Lễ đến gần sẽ không an toàn: Ngài sẽ chỉ kích thích một sự sai lệch, khiến bản chất trở nên méo mó.

3. Vì sao chính "ba nền tảng" này lại tạo nên thái độ cần thiết của phàm ngã trước khi có thể điểm đạo?

4. Người thực sự khiêm nhường đối diện với *sự thật* và yêu chân lý. Y nhìn thấu những bất lợi của mọi hình thức tự huyễn hoặc do vị kỷ. Đây là phương diện cung một của ba nền tảng.

5. Phương diện cung hai là "tầm nhìn". Khi có tầm nhìn chân thực, người đệ tử thấy chính xác một phương diện của Thiên Cơ và vai trò mình có thể đảm nhận. Với tầm nhìn chân thực (tầm nhìn về sự vật đúng như chúng *đang là* và như chúng đang 'trở thành'), không thể phóng đại hay hạ thấp vai trò của bản thân. Vẻ đẹp trong những gì được nhìn thấy chống lại khuynh hướng phóng đại hay hạ thấp vai trò của bản thân trong Thiên Cơ đã được nhìn thấy, rồi qua đó đưa vào sự sai lệch (với tất cả vẻ xấu xí của nó).

6. Còn về "áp lực thời gian", chúng đại diện cho phương diện thứ ba. Chân sư DK đã cho chúng ta biết áp lực thời gian liên hệ với sự khiêm nhường như thế nào. Người ta trở nên quá bận rộn phụng sự nên không còn thời gian lãng phí vào những so sánh vô ích với người khác. Người hoạt động tận tâm thể hiện sự khiêm nhường qua công việc thực sự. Y đặt công việc lên trước hình ảnh về bản

and one's place and then "gets to work". This is the only way to grow and improve.

thân và nhờ đó trưởng thành. Người ta nhận biết bản chất của mình, thành tựu của mình và vị trí của mình, rồi "bắt tay vào việc". Đây là cách duy nhất để trưởng thành và tiến bộ.

7. If humility is "an adjusted sense of right proportion", then a *true* vision will reveal oneself in a proper and proportionate relation to all things. If the vision is untrue, pride or self-depreciation may enter. Let us, therefore, see to the validity of our vision.

7. Nếu sự khiêm nhường là "một ý thức về tỉ lệ đúng đắn đã được điều chỉnh", thì một tầm nhìn *chân thực* sẽ cho thấy bản thân mình trong mối tương quan thích đáng và cân xứng với vạn vật. Nếu tầm nhìn không chân thực, lòng kiêu hãnh hoặc sự tự hạ thấp có thể len vào. Vì vậy, chúng ta hãy chú tâm bảo đảm tính xác thực của tầm nhìn mình.

This experiment which I am undertaking has its dangers. The disciples in a Master's Ashram upon the inner planes know somewhat the status of their co-disciples, but they do not always carry this knowledge through into the brain consciousness. This is very largely a protective factor because they could not be trusted to handle the knowledge correctly upon the physical plane. They might be super-critical of a fellow disciple who was, temporarily, not living up to his initiation objective; they might be subtly jealous or unduly self-depreciative; they might treat the disciple who is ahead of them upon the Path of Initiation as someone superior and set apart and thereby complicate his problem and his effort; they might lose a sense of proportion as to initiation itself, as to its processes and its states, and this through too close an approach to, or a misunderstanding of, another struggling initiate-disciple. The pitfalls are many and I tell you to beware. Attend to your own life and your own business. Speculate not as to the status of the other disciples in my group who are your close cooperators and co-sharers in my experiment. Cultivate the humility which is based on understanding and vision and so

Cuộc thử nghiệm mà Tôi đang tiến hành này có những nguy hiểm của nó. Các đệ tử trong ashram của một Chân sư trên các cõi bên trong biết phần nào về vị thế của những đệ tử đồng môn, nhưng không phải lúc nào họ cũng đưa sự hiểu biết này vào tâm thức bộ não. Điều này phần lớn là một yếu tố bảo vệ, vì chưa thể tin cậy rằng họ sẽ xử lý đúng đắn sự hiểu biết ấy trên cõi hồng trần. Họ có thể phê phán quá mức một đệ tử đồng môn đang tạm thời chưa sống đúng với mục tiêu điểm đạo của mình; họ có thể đố kỵ một cách tinh vi hoặc tự hạ thấp quá mức; họ có thể đối xử với người đệ tử đi trước mình trên Con Đường Điểm Đạo như một người cao hơn và tách biệt, qua đó làm phức tạp thêm vấn đề và nỗ lực của người ấy; họ có thể mất ý thức về tỉ lệ đối với chính sự điểm đạo, các tiến trình và trạng thái của nó, do tiếp cận quá gần hoặc hiểu sai một đệ tử-điểm đạo đồ khác cũng đang phấn đấu. Có nhiều cạm bẫy, và Tôi bảo các bạn hãy cảnh giác. Hãy chăm lo đời sống và công việc của chính mình. Đừng suy đoán về vị thế của những đệ tử khác trong nhóm Tôi, những người đang cộng tác mật thiết với các bạn và cùng chia sẻ cuộc thử nghiệm của Tôi. Hãy vun bồi sự khiêm nhường dựa trên sự thấu hiểu và tầm nhìn, và nhờ đó phụng sự thế gian, các đệ tử

serve the world, your fellow disciples and serve me also—as the major point of your contact with the Hierarchy.

đồng môn, đồng thời phụng sự cả Tôi—điểm tiếp xúc chính của các bạn với Thánh đoàn.

1. The Master speaks of the subtle dangers associated with His experiment.

1. Chân sư nói về những nguy hiểm tinh vi gắn liền với cuộc thử nghiệm của Ngài.

2. We learn that disciples (in the Ashram upon the inner planes) know somewhat their spiritual status but do not necessarily carry this knowledge into their brain consciousness. This 'forgetfulness' is protective, as they could not necessarily be trusted to handle the information properly on the physical plane. We can understand that disciples (not yet free from ego-concern) might exaggerate (or minimize) their importance and thus produce separation and cleavage (which would hamper the growth of right group relations).

2. Chúng ta biết rằng các đệ tử (trong ashram trên các cõi bên trong) biết phần nào về vị thế tinh thần của mình, nhưng không nhất thiết đưa sự hiểu biết này vào tâm thức bộ não. Sự 'quên lãng' này có tác dụng bảo vệ, vì chưa chắc có thể tin cậy rằng họ sẽ xử lý thông tin ấy đúng cách trên cõi hồng trần. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng các đệ tử (chưa thoát khỏi mối bận tâm về phàm ngã) có thể phóng đại (hoặc hạ thấp) tầm quan trọng của mình, qua đó tạo ra sự chia cách và rạn nứt (cản trở sự phát triển của những mối quan hệ đúng đắn trong nhóm).

3. DK goes into the dangers: super-criticism, subtle jealousy, undue self-depreciation, devotion, separativeness, loss of proportion. The possible problems concerning an incorrect approach to one's initiatory status and the status of others are many, and DK warns His disciples to beware. There are many disciples who correctly infer their own status and that of others, and so must guard against the kinds of dangers here enumerated.

3. Chân sư DK đi sâu vào những nguy hiểm ấy: phê phán quá mức, đố kỵ tinh vi, tự hạ thấp quá mức, sùng tín, tính chia rẽ, mất ý thức về tỉ lệ. Có nhiều vấn đề có thể nảy sinh từ cách tiếp cận sai lầm đối với cấp độ điểm đạo của bản thân và vị thế của người khác, và Chân sư DK cảnh báo các đệ tử của Ngài phải cảnh giác. Có nhiều đệ tử suy ra đúng vị thế của chính mình và của người khác, nên phải đề phòng những loại nguy hiểm liệt kê ở đây.

4. The whole problem is based upon 'ego-concern' (which is another way of saying that their eyes are focussed on the little self). An attitude of true love and an illumined understanding of the greater whole will be corrective of these tendencies. We are not only ourselves, but everyone else too. This is a mystery until experienced.

4. Toàn bộ vấn đề bắt nguồn từ 'mối bận tâm về phàm ngã' (đó là một cách khác để nói rằng mắt họ đang tập trung vào cái ngã nhỏ bé). Một thái độ yêu thương chân chính và sự thấu hiểu được soi sáng về tổng thể lớn hơn sẽ điều chỉnh những khuynh hướng này. Chúng ta không chỉ là chính mình mà còn là tất cả mọi người khác. Điều này vẫn là một huyền nhiệm cho đến khi được trải nghiệm.

5. DK offers straight and even rather stern advice: we are to mind our own business and refrain from speculating about the spiritual status of others. I have not seen this warning much obeyed.

5. Chân sư DK đưa ra lời khuyên thẳng thắn, thậm chí khá nghiêm khắc: chúng ta phải lo công việc của chính mình và tránh suy đoán về vị thế tinh thần của người khác. Tôi chưa thấy lời cảnh báo này được tuân theo nhiều.

6. If we remember our fellow disciples as "close cooperators and co-sharers" we will be less inclined to filter our understanding of them through our own 'ego-concern'.

6. Nếu chúng ta nhớ rằng các đệ tử đồng môn là những "người cộng tác mật thiết và cùng chia sẻ", chúng ta sẽ ít có khuynh hướng nhìn nhận họ qua lăng kính 'bận tâm về phàm ngã'.

7. We are to cultivate a humility which is based upon understanding and vision. One cannot force humility upon oneself and others with the unthinking injunction "be humble"! Humility grows as the perspective widens. The best way to promote humility is to help others (and oneself) broaden and deepen consciousness.

7. Chúng ta phải vun bồi sự khiêm nhường dựa trên sự thấu hiểu và tầm nhìn. Không thể ép bản thân và người khác phải khiêm nhường bằng mệnh lệnh thiếu suy nghĩ "hãy khiêm nhường"! Sự khiêm nhường tăng trưởng khi góc nhìn mở rộng. Cách tốt nhất để nuôi dưỡng sự khiêm nhường là giúp người khác (và chính mình) mở rộng và đào sâu tâm thức.

8. An order of service seems to be suggested, and to it we should attend; we are to serve the world, then our fellow disciples, and then the Master who may be our major point of contact with Hierarchy.

8. Dường như ở đây có gợi ý về một thứ tự phụng sự mà chúng ta nên chú ý: chúng ta phải phụng sự thế gian, rồi đến các đệ tử đồng môn, sau đó là Chân sư, Đấng có thể là điểm tiếp xúc chính của chúng ta với Thánh đoàn.

9. When an attitude of love-in-service is established, there seems to be little room for the problems which arise through a wrong approach to the issue of spiritual status.

9. Khi thái độ yêu thương trong phụng sự được thiết lập, dường như còn rất ít chỗ cho những vấn đề nảy sinh từ cách tiếp cận sai lầm đối với vấn đề vị thế tinh thần.

I have often pointed out that a disciple is known by his influence upon his environment, and an initiate by the wide scope of his world service. How does it happen then that a few of you (not all) are not distinguished by such service and are of relatively small importance in world affairs? Several things could explain this. First of all, a disciple may be called to work off certain

Tôi thường chỉ ra rằng người ta nhận biết một đệ tử qua ảnh hưởng của y đối với môi trường xung quanh, và một điểm đạo đồ qua phạm vi phụng sự thế gian rộng lớn của y. Vậy tại sao một số ít các bạn (không phải tất cả) lại chưa nổi bật nhờ sự phụng sự như thế và có tầm quan trọng tương đối nhỏ trong các công việc thế gian? Có thể giải thích điều này bằng một số nguyên nhân. Trước hết,

karmic relationships, to fulfil certain obligations [97] of very ancient origin and thus "clear the decks" for more complete and uninterrupted service to humanity at a later date. This occurs quite frequently between the first and second initiations. Sometimes a disciple may be doing effective service upon the inner planes and on a large scale and yet there may be no evidence of this upon the physical plane, except in the beauty of a life lived. Others may be learning certain techniques of psychological relationships and of energy distribution and may have dedicated some particular life to the acquiring of these esoteric sciences. One life is but a short moment in the long cycle of the soul. The true disciple will never fall back on the reasons given above as alibis for lack of effort. I would remind you that world influence alone does not always imply discipleship. There are many groups—well known and magnetic—which have at their centre some dominant personality who is not necessarily a disciple.

một đệ tử có thể được kêu gọi giải quyết dứt điểm một số mối quan hệ nghiệp quả, hoàn thành một số nghĩa vụ [97] có nguồn gốc rất xa xưa, qua đó "dọn đường" cho việc phụng sự nhân loại trọn vẹn và liên tục hơn vào một thời điểm sau này. Điều này xảy ra khá thường xuyên giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai. Đôi khi một đệ tử có thể đang phụng sự hữu hiệu trên các cõi bên trong với quy mô lớn, nhưng trên cõi hồng trần lại không có bằng chứng nào về điều này, ngoại trừ vẻ đẹp của đời sống mà y sống. Những người khác có thể đang học một số kỹ thuật về các mối quan hệ tâm lý và việc phân phối năng lượng, và có thể đã dành riêng một kiếp sống nào đó để lĩnh hội những khoa học huyền bí này. Một kiếp sống chỉ là khoảnh khắc ngắn ngủi trong chu kỳ dài lâu của linh hồn. Người đệ tử chân chính sẽ không bao giờ viện những lý do nêu trên để biện hộ cho sự thiếu nỗ lực. Tôi muốn nhắc các bạn rằng chỉ riêng ảnh hưởng trên thế gian không phải lúc nào cũng hàm ý địa vị đệ tử. Có nhiều nhóm—nổi tiếng và có sức thu hút từ tính—mà ở trung tâm là một phàm ngã chi phối, người ấy không nhất thiết là một đệ tử.

1. The Tibetan distinguishes between the spheres of influence of disciples and initiates. The disciple has an impact upon his environment and an initiate a much wider impact which can be described as "world service".

1. Chân sư Tây Tạng phân biệt các phạm vi ảnh hưởng của đệ tử và điểm đạo đồ. Người đệ tử tác động lên môi trường xung quanh mình, còn một điểm đạo đồ có ảnh hưởng rộng lớn hơn nhiều, có thể gọi là "phụng sự thế gian".

2. DK seeks to help His chelas evaluate themselves according to these standards.

2. Chân sư DK tìm cách giúp các đệ tử của Ngài tự đánh giá theo những tiêu chuẩn này.

3. Obviously, all DK's chelas are disciples and so He seeks to help explain why some of them may be so little involved in service and have but small importance in world affairs.

3. Hiển nhiên, tất cả những người theo học với Chân sư DK đều là đệ tử, vì vậy Ngài tìm cách giúp giải thích vì sao một số người trong họ có thể tham gia phụng sự ít đến thế và chỉ có tầm quan trọng nhỏ trong các công việc thế gian.

4. Some disciples (especially between the first and second degrees) may be "clearing the decks", working off old karma, so that future service to humanity may be "more complete and uninterrupted".

4. Một số đệ tử (đặc biệt trong khoảng giữa cấp điểm đạo thứ nhất và thứ hai) có thể đang "dọn đường", giải quyết dứt điểm nghiệp quả cũ để việc phụng sự nhân loại trong tương lai có thể "trọn vẹn và liên tục hơn".

5. Others may be serving widely and effectively on the inner planes, but their life upon the outer plane shows no signs of this service—*except* (and this is an arresting thought) "in the beauty of a life lived".

5. Những người khác có thể đang phụng sự rộng rãi và hữu hiệu trên các cõi bên trong, nhưng đời sống của họ trên cõi bên ngoài không cho thấy dấu hiệu nào của sự phụng sự ấy—*ngoại trừ* (và đây là một ý tưởng đáng chú ý) "trong vẻ đẹp của đời sống mà họ sống".

6. Still others may be mastering certain esoteric techniques relating to the building of psychological relationships and the development of the capacity for energy distribution.

6. Lại có những người khác có thể đang làm chủ một số kỹ thuật huyền bí liên quan đến việc xây dựng các mối quan hệ tâm lý và phát triển khả năng phân phối năng lượng.

7. DK is probably surveying His disciples and seeking to shed light upon their particular situations.

7. Có lẽ Chân sư DK đang xem xét các đệ tử của Ngài và tìm cách làm sáng tỏ hoàn cảnh riêng của họ.

8. The Master enjoins upon us a sense of proportion: one life is but a short moment in the soul's history.

8. Chân sư khuyên chúng ta phải có ý thức về tỉ lệ: một kiếp sống chỉ là khoảnh khắc ngắn ngủi trong lịch sử của linh hồn.

9. In offering this information about how one may be a disciple and yet of little apparent moment in world affairs or even in the local environment, DK is offering important explanations but no incentives for falling back, for excuses or alibis[15]. He seems to be suggesting that the disciple should, at least, gradually widen and deepen his/her area of service even if subject to one or more of the three conditions described.

9. Khi cung cấp thông tin giải thích vì sao một người có thể là đệ tử mà bề ngoài vẫn ít có tầm quan trọng trong các công việc thế gian, thậm chí ngay trong môi trường địa phương, Chân sư DK đưa ra những lời giải thích quan trọng nhưng không khuyến khích sự thoái lui, viện cớ hay biện hộ[16]. Dường như Ngài đang gợi ý rằng ít nhất người đệ tử nên dần mở rộng và đào sâu phạm vi phụng sự của mình, ngay cả khi

15 cớ để cáo lỗi

16 cớ để cáo lỗi

chịu một hay nhiều hoàn cảnh trong số ba hoàn cảnh đã mô tả.

10. DK reminds his disciples that prominence does not always imply discipleship. Through the advanced stage reached by our telecommunications network, we notice many prominent people and groups who are not characterized by the quality of discipleship. In present times, our standard for detecting disciples must become increasingly sophisticated. Fame, popularity and prominence can hardly service as all-sufficient indicators. One must always use the touchstone of *quality*. What is the quality of the work done? Whether the work is especially noticeable or unnoticeable, let us always ask, what is the quality of that work and of the individual or groups performing it? The quality may be high, low or indifferent, but it determinant of the *value* of the work performed. We have learned that quality *is* essentially *service*, for quality cannot help but radiate into the environment and there do good.

10. Chân sư DK nhắc các đệ tử của Ngài rằng sự nổi bật không phải lúc nào cũng hàm ý địa vị đệ tử. Nhờ mạng lưới viễn thông đã đạt đến giai đoạn phát triển cao, chúng ta biết đến nhiều cá nhân và nhóm nổi bật nhưng không có phẩm tính của địa vị đệ tử. Trong thời đại hiện nay, tiêu chuẩn nhận diện đệ tử của chúng ta phải ngày càng tinh tế. Danh tiếng, sự nổi tiếng và sự nổi bật khó có thể đóng vai trò những dấu hiệu tự chúng đã đầy đủ. Luôn phải dùng thước đo *phẩm tính*. Công việc đã thực hiện có phẩm tính như thế nào? Dù công việc đặc biệt dễ thấy hay không dễ thấy, chúng ta hãy luôn hỏi: phẩm tính của công việc ấy và của cá nhân hay những nhóm thực hiện nó là gì? Phẩm tính có thể cao, thấp hoặc bình thường, nhưng chính nó quyết định *giá trị* của công việc đã thực hiện. Chúng ta đã học rằng về bản chất, phẩm tính *chính là phụng sự*, vì phẩm tính tất yếu phải tỏa vào môi trường xung quanh và làm điều tốt lành ở đó.

In connection with this group of my disciples and with this experiment which I am undertaking, you need to arrive at a point in group experience wherein you are not so intensely preoccupied with your own development, status and service; you all need to learn to decentralise yourselves so that the work to be done becomes the factor of main importance. When this is the case, then the intense self-interest with some aspect of the personality expression, some weakness of character, some dear objective, or some physical condition will cease. You will find the cultivation of a "divine indifference" (as I have told you several times) of great assistance in forgetting the little self; this frequently looms so large

Liên quan đến nhóm đệ tử này của Tôi và cuộc thử nghiệm mà Tôi đang tiến hành, các bạn cần đạt tới một điểm trong trải nghiệm nhóm mà tại đó các bạn không còn quá mải bận tâm về sự phát triển, vị thế và việc phụng sự của riêng mình; tất cả các bạn cần học cách phi tập trung vào bản thân để công việc cần làm trở thành yếu tố quan trọng nhất. Khi đó, sự quan tâm quá mức đến bản thân qua một phương diện biểu hiện nào đó của phàm ngã, một nhược điểm nào đó trong tính cách, một mục tiêu yêu quý nào đó, hay một tình trạng thể chất nào đó sẽ chấm dứt. Các bạn sẽ thấy việc vun bồi "điềm nhiên thiêng liêng" (như Tôi đã nói với các bạn nhiều lần) giúp ích rất nhiều cho việc quên đi cái ngã nhỏ bé; do thói quen, cái ngã này

(from habit) that it shuts out the higher self; it comes between the disciple and the Master and prevents contact with his co-disciples, thus negating effective service.

thường trở nên lớn đến mức che khuất chân ngã; nó chen vào giữa đệ tử và Chân sư, ngăn cản sự tiếp xúc với các đệ tử đồng môn, qua đó làm mất hiệu quả phụng sự.

1. DK offers immediate advice to His chelas. They need to deepen their sense of the group. If they do so, they will no longer find themselves so preoccupied with their own individual development, their status and their service. These preoccupations signal a consciousness still self-focussed and subject to 'ego-concern'.

1. Chân sư DK đưa ra lời khuyên trực tiếp cho các đệ tử của Ngài. Họ cần đào sâu ý thức về nhóm. Nếu làm vậy, họ sẽ không còn thấy mình quá bận tâm về sự phát triển cá nhân, vị thế và việc phụng sự của riêng mình. Những mối bận tâm này cho thấy một tâm thức vẫn tập trung vào bản thân và chịu sự chi phối của 'mối bận tâm về phàm ngã'.

2. A disciple *works*. This differentiates him from an aspirant, who does not *necessarily* work. Always, the work comes first. When one is preoccupied with work and service on behalf of the Plan and humanity, there is little time for succumbing to the various hazards related to 'ego-concern'. Decentralization is required; it is an Aquarian attitude which reduces the power of the lower phases of Leonian influence. One takes one's eyes off the little self.

2. Một đệ tử *làm việc*. Điều này phân biệt y với một người chí nguyện, người *không nhất thiết* làm việc. Công việc luôn đứng hàng đầu. Khi chuyên tâm làm việc và phụng sự vì Thiên Cơ và nhân loại, người ta có rất ít thời gian để sa vào những nguy cơ khác nhau liên quan đến 'mối bận tâm về phàm ngã'. Cần phi tập trung vào bản thân; đó là một thái độ Bảo Bình làm giảm sức mạnh của các giai đoạn thấp trong ảnh hưởng Sư Tử. Người ta chuyển ánh nhìn của mình khỏi cái ngã nhỏ bé.

3. DK lists certain personality preoccupations which can be offset through decentralization:

3. Chân sư DK liệt kê một số mối bận tâm của phàm ngã có thể hóa giải bằng việc phi tập trung vào bản thân:

a. intense self-interest with some aspect of personality expression

a. sự quan tâm quá mức đến bản thân qua một phương diện biểu hiện nào đó của phàm ngã

b. concern about some weakness of character

b. bận tâm về một nhược điểm nào đó trong tính cách

c. concern about some "dear objective"

c. bận tâm về một "mục tiêu yêu quý"

d. concern about some physical condition

d. bận tâm về một tình trạng thể chất nào đó

4. We can see that discipleship very much

4. Chúng ta có thể thấy rằng địa vị đệ tử đòi

involves the setting aside of the non-essential in favor of the essential. We can apply this 'touchstone of essentiality' to the many thoughts, words and acts of our life. To do so will bring us rapidly into state of disciplic effectiveness.

hỏi rất nhiều ở việc gạt sang một bên những gì không thiết yếu để ưu tiên điều thiết yếu. Chúng ta có thể áp dụng 'thước đo tính thiết yếu' này cho nhiều tư tưởng, lời nói và hành động trong đời sống mình. Làm như vậy sẽ nhanh chóng đưa chúng ta đến trạng thái hoạt động hữu hiệu của người đệ tử.

5. The basic disadvantage of concern with the "little self" is discussed. That little self looms so large that it comes between the disciple and all advantageous spiritual contacts—with the higher self, with the Master and with one's co-disciples.

5. Ở đây bàn đến bất lợi căn bản của việc bận tâm về "cái ngã nhỏ bé" ấy. Cái ngã nhỏ bé ấy trở nên lớn đến mức chen vào giữa đệ tử và mọi sự tiếp xúc tinh thần hữu ích—với chân ngã, với Chân sư và với các đệ tử đồng môn của mình.

6. Interestingly, it is said that this "little self" looms large because of *habit.* For millions of years we have been preoccupied with that which, only *apparently*, is the self. It is a case of mistaken identity, as is all egoistic preoccupation.

6. Điều thú vị là người ta nói "cái ngã nhỏ bé" này trở nên lớn lao vì *thói quen.* Suốt hàng triệu năm, chúng ta đã mải bận tâm về điều chỉ *có vẻ* là bản ngã. Đây là một trường hợp nhận lầm bản ngã, cũng như mọi sự bận tâm mang tính vị kỷ.

7. The antidote to this preoccupation with the non-essential little self, is *divine indifference,* based upon the emphasis of spiritual essentials. At a sufficient point of tension, divine indifference is established.

7. Phương thuốc hóa giải sự bận tâm về cái ngã nhỏ bé không thiết yếu này là *điềm nhiên thiêng liêng,* dựa trên việc đặt trọng tâm vào những điều thiết yếu về tinh thần. Khi đạt đến một điểm tập trung nhất tâm đủ mức, điềm nhiên thiêng liêng được thiết lập.

There is one more point which I would like to take up with you so that there may be complete understanding. There come periods in the life of the disciple when there appears to be no contact with the Master and as if all relationship had been, at least, temporarily severed. Where accepted disciples are concerned, I would like to emphasise that any such severance is not possible. Occultly, it cannot happen and the Master's love for the disciple makes it again impossible. There is only one condition [98] which can result in severance and that is deliberate and conscious effort by the

Còn một điểm nữa Tôi muốn bàn với các bạn để có sự thấu hiểu trọn vẹn. Trong đời sống đệ tử có những giai đoạn dường như không có sự tiếp xúc với Chân sư, như thể mọi mối quan hệ đều đã đứt đoạn, ít nhất là tạm thời. Đối với các đệ tử được chấp nhận, Tôi muốn nhấn mạnh rằng không thể có bất kỳ sự đứt đoạn nào như vậy. Về mặt huyền bí, điều đó không thể xảy ra, và tình thương của Chân sư dành cho đệ tử lại càng khiến điều đó không thể xảy ra. Chỉ có một điều kiện [98] có thể dẫn đến sự đứt đoạn: người đệ tử cố ý và có ý thức nỗ lực gây ra điều ấy trong một thời gian rất dài. Một Chân sư không dễ dàng

disciple, carried over a very long period of time, to bring it about. A Master does not lightly admit a disciple to His group and once having done so, the situation is irrevocable from the standpoint of the Master. Any delay in progress and any final severance comes entirely from the pupil. There may be a temporary suspension of communication and this may last throughout one life; that, however, is not long from the angle of the soul; it is but a flash of small moment and significance in the long career of the soul. It looms as large and important in the personality life but may signify only the grasping of opportunity in the eternal now of the soul.

thu nhận một đệ tử vào nhóm của Ngài, và một khi đã làm vậy thì, từ quan điểm của Chân sư, tình thế ấy không thể đảo ngược. Mọi sự chậm trễ trong tiến bộ và mọi sự đứt đoạn cuối cùng đều hoàn toàn xuất phát từ người học trò. Có thể có sự tạm ngưng giao tiếp kéo dài suốt một kiếp sống; tuy nhiên, từ góc nhìn của linh hồn, đó không phải là một thời gian dài; nó chỉ là một thoáng chớp ít quan trọng và ít thâm nghĩa trong hành trình dài lâu của linh hồn. Trong đời sống phàm ngã, nó hiện ra như một điều lớn lao và quan trọng, nhưng có thể chỉ hàm ý việc nắm bắt cơ hội trong hiện tại vĩnh cửu của linh hồn.

1. DK taking up a number of important points with His disciples. In doing so He is answering questions which may have arisen in their minds.

1. Chân sư DK đang bàn với các đệ tử của Ngài về một số điểm quan trọng. Qua đó, Ngài trả lời những câu hỏi có thể đã nảy sinh trong thể trí của họ.

2. Some of His disciples may have been distressed by the apparent lack of direct contact with the Master. To them this may have seemed a kind of "severance". DK assures His disciples of the impossibility of such a state. The Master's great *love* for His disciple would militate against this. It must be difficult for us to fathom the Master's love for those He has admitted to His group or Ashram. Perhaps if we think of the love we bear a beloved child and multiply it many-fold, we can gain some small idea of the Master's love for His disciples.

2. Một số đệ tử của Ngài có thể đã đau khổ vì dường như thiếu sự tiếp xúc trực tiếp với Chân sư. Đối với họ, điều này có thể giống như một sự "đứt đoạn". Chân sư DK bảo đảm với các đệ tử của Ngài rằng trạng thái như vậy không thể xảy ra. Chân sư dành cho đệ tử của Ngài *tình thương* lớn lao đến mức tình thương ấy sẽ chống lại điều này. Hẳn chúng ta khó lòng thấu tỏ tình thương của Chân sư dành cho những người Ngài đã thu nhận vào nhóm hay ashram của Ngài. Có lẽ nếu nghĩ đến tình thương chúng ta dành cho một đứa con yêu quý rồi nhân lên nhiều lần, chúng ta có thể phần nào hình dung tình thương của Chân sư dành cho các đệ tử của Ngài.

3. We are soberly reminded that the Master is not the one to sever connection with a disciple; the severance is the result of a disciple's prolonged and deliberate effort to bring it about. We see that the love extended

3. Chúng ta nhận được lời nhắc nhở nghiêm túc rằng Chân sư không phải là người cắt đứt mối liên hệ với một đệ tử; sự đứt đoạn là kết quả của những nỗ lực mà người đệ tử cố ý thực hiện trong thời gian dài để gây ra điều

from ‘above’ is far greater than that upreaching from ‘below’.

ấy. Chúng ta thấy rằng tình thương vươn xuống từ ‘trên’ lớn lao hơn rất nhiều so với tình thương vươn lên từ ‘dưới’.

4. We are also reminded that admittance into a Master’s group is no casual affair. The master considers His relation to His admitted disciple irrevocable once admittance has occurred. It is an indissoluble bond the loyalty upon which we should ponder.

4. Chúng ta cũng được nhắc nhở rằng việc gia nhập nhóm của một Chân sư không phải là chuyện tùy tiện. Một khi đã thu nhận đệ tử, Chân sư xem mối quan hệ của Ngài với người đệ tử ấy là không thể đảo ngược. Đó là một mối ràng buộc không thể tan rã; chúng ta nên suy ngẫm về lòng trung thành trong mối ràng buộc ấy.

5. Responsibility is laid squarely on our shoulders for any delay in development we may experience. We do not have to wait for the Master; He is always ready to respond if rightly invoked. Delays are of our own making.

5. Chúng ta phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi sự chậm trễ trong phát triển mà mình có thể trải qua. Chúng ta không phải chờ đợi Chân sư; Ngài luôn sẵn sàng đáp ứng nếu được khẩn cầu đúng cách. Chính chúng ta tạo ra những sự chậm trễ.

6. Temporary suspensions of communication from a Master to His chela may arise, and these may last for even a lifetime. DK counsels us to think of such a period as short when compared to the long history of the soul’s evolution. From the angle of the soul, such a period is but “a flash of small moment and significance”.

6. Sự giao tiếp từ một Chân sư đến đệ tử của Ngài có thể tạm thời gián đoạn, thậm chí kéo dài suốt một kiếp sống. Chân sư DK khuyên chúng ta xem một thời kỳ như thế là ngắn ngủi khi so với lịch sử lâu dài tiến hoá của linh hồn. Từ góc nhìn của linh hồn, một thời kỳ như thế chỉ là “một thoáng chớp có tầm quan trọng và thâm nghĩa nhỏ bé”.

7. Then follows a rather enigmatical statement: “It looms as large and important in the personality life but may signify only the grasping of opportunity in the eternal now of the soul”. We may ask, *who* is it that is grasping opportunity—the soul on its own plane or the temporarily ‘ex-communicated’ disciple? Perhaps the temporary lack of communication from the Master to disciple may be an *opportunity in disguise*, an opportunity for the disciple to utilize His *own* resources and to acquire, apparently unaided, even greater resources. We must never forget that the soul/Solar Angel is the

7. Tiếp theo là một phát biểu khá bí ẩn: “Điều ấy hiện ra lớn lao và quan trọng trong đời sống phàm ngã, nhưng có thể chỉ hàm ý việc nắm bắt cơ hội trong hiện tại vĩnh cửu của linh hồn”. Chúng ta có thể hỏi, *ai* đang nắm bắt cơ hội—linh hồn trên cõi riêng của nó hay người đệ tử tạm thời ‘bị ngắt liên lạc’? Có lẽ sự thiếu vắng giao tiếp tạm thời từ Chân sư đến đệ tử là một *cơ hội dưới hình thức khác*, một cơ hội để người đệ tử sử dụng những nguồn lực của *chính mình* và đạt được những nguồn lực lớn lao hơn nữa, dường như không có sự trợ giúp. Chúng ta không bao giờ được quên rằng linh hồn/Thái dương Thiên Thần

"first Master", and that disciples must learn to be soul-reliant before they can safely be placed en rapport with a human Master.

là "Chân sư đầu tiên", và các đệ tử phải học cách nương tựa vào linh hồn trước khi có thể an toàn thiết lập sự giao cảm với một Chân sư thuộc nhân loại.

I have, therefore, been near you and watched at intervals the tide of life roll over you; I have noted your progress and your delay. I have watched you succeed and I have seen you fail. This I do through noting the pulsation of your light—not in watching the detail of your daily living. That is not warranted in this time of crisis, and owing to the evolutionary development of disciples will never again be warranted. You are still within my group aura, within my Ashram. Your position there is determined by yourself and not by me. There exists at times something which resembles a pulsation in the relation between teacher and pupil—a withdrawing and a coming forward where the probationary disciple is concerned and a standing with steadfastness and expectancy on the part of the teacher. When the fluctuations of contact are ended and the pupil is stabilised and becomes a "steadily approaching point of energy," then he becomes an accepted disciple. Some in my group of disciples are stabilising; some are retreating; some few are approaching and I watch with interest the waxing and the waning of their light.

Vì vậy, Tôi đã ở gần các bạn và từng lúc quan sát làn sóng cuộc đời tràn qua các bạn; Tôi đã ghi nhận sự tiến bộ và sự chậm trễ của các bạn. Tôi đã quan sát các bạn thành công và đã thấy các bạn thất bại. Tôi làm điều này bằng cách ghi nhận nhịp đập ánh sáng của các bạn—không phải bằng cách theo dõi những chi tiết trong đời sống hằng ngày của các bạn. Điều đó không thích đáng trong thời kỳ khủng hoảng này, và do sự phát triển tiến hoá của các đệ tử, sẽ không bao giờ còn thích đáng nữa. Các bạn vẫn ở trong hào quang nhóm của Tôi, trong ashram của Tôi. Vị trí của các bạn ở đó do chính các bạn quyết định chứ không phải do Tôi. Đôi khi có một điều gì đó giống như nhịp đập trong mối quan hệ giữa huấn sư và môn sinh—về phía đệ tử dự bị là sự rút lui và tiến tới, còn về phía huấn sư là sự đứng vững với lòng kiên định và chờ đợi. Khi những dao động trong sự tiếp xúc chấm dứt và môn sinh trở nên ổn định, thành một "điểm năng lượng đều đặn tiến gần", thì y trở thành đệ tử được chấp nhận. Một số người trong nhóm đệ tử của Tôi đang trở nên ổn định; một số đang rút lui; một số ít đang tiến gần, và Tôi quan tâm theo dõi ánh sáng của họ tăng lên hay suy giảm.

1. Master DK seems to be preparing certain of these disciples for the suspension of communication between Him and them which occurred in late 1939. Perhaps the plan to suspend communication (and reorganize the manner of His future communication with certain selected disciples) was already in His mind.

1. Chân sư DK dường như đang chuẩn bị cho một số đệ tử này trước sự tạm ngừng giao tiếp giữa Ngài và họ, diễn ra vào cuối năm 1939. Có lẽ Ngài đã nghĩ đến kế hoạch tạm ngừng giao tiếp (và tổ chức lại cách thức giao tiếp trong tương lai của Ngài với một số đệ tử được tuyển chọn).

2. The image of the supervising Master is put

2. Hình ảnh Chân sư giám sát được đưa ra;

forward; the Master has supervised (albeit at a distance) the lives of His chelas-to-be perhaps for a number of lives.

Chân sư đã giám sát cuộc đời của những người sẽ trở thành đệ tử của Ngài (dù từ xa), có lẽ suốt một số kiếp sống.

3. The mode of detecting a disciple's success or failure is given; it is through the "pulsation of [his/her] light". It is decentralizing to realize that the Master has not time to observe the detail of His chela's life. Moreover, the level of development of today's disciples will mean that such close observation will never again be warranted. Although this lack of close personal observation is now generally the case, and will be in the future, Master DK has demonstrated, by things He has said, that He has been aware of some details in His chela's lives; the intimacy of His care for them was, however, unusual.

3. Phương thức nhận biết sự thành công hay thất bại của một đệ tử được nêu rõ; đó là qua "nhịp đập ánh sáng [của người ấy]". Việc nhận ra rằng Chân sư không có thời gian quan sát những chi tiết trong cuộc đời đệ tử của Ngài giúp chúng ta phi tập trung vào bản thân. Hơn nữa, trình độ phát triển của các đệ tử ngày nay hàm ý rằng sự quan sát sát sao như thế sẽ không bao giờ còn thích đáng nữa. Mặc dù hiện nay nhìn chung không có sự quan sát cá nhân sát sao như thế, và trong tương lai cũng vậy, nhưng qua những điều Ngài đã nói, Chân sư DK cho thấy Ngài biết một số chi tiết trong cuộc đời các đệ tử của Ngài; tuy nhiên, sự quan tâm gần gũi mà Ngài dành cho họ là điều khác thường.

4. Disciples in a Master's group (and therefore within his "group aura") determine their own position within the Master's Ashram. The Master does not 'promote' them in the usual sense. They move into greater ashramic intimacy through the elevation of their own vibration.

4. Các đệ tử trong nhóm của một Chân sư (và do đó ở trong "hào quang nhóm" của Ngài) tự quyết định vị trí của mình trong ashram của Chân sư. Chân sư không 'thăng cấp' cho họ theo nghĩa thông thường. Họ tiến vào sự gần gũi sâu sắc hơn trong ashram bằng cách nâng cao rung động của chính mình.

5. Master DK describes the approach to and withdrawal from the Master which is typical of the probationary disciple. The Master stands steadfast. It is not *He* that approaches and withdraws. The fluctuations within the probationary disciple's form and consciousness account for the evident inconsistency.

5. Chân sư DK mô tả sự tiến gần đến và rút lui khỏi Chân sư, vốn là nét điển hình của đệ tử dự bị. Chân sư đứng vững kiên định. Không phải *Ngài* tiến gần rồi rút lui. Những dao động trong hình tướng và tâm thức của đệ tử dự bị giải thích sự thiếu nhất quán rõ rệt ấy.

6. A truly accepting and thus accepted disciple becomes, however, a "steadily approaching point of energy". Perhaps deliberately, DK did not say 'point of *force*'.

6. Tuy nhiên, một đệ tử thực sự chấp nhận và nhờ đó được chấp nhận sẽ trở thành một "điểm năng lượng đều đặn tiến gần". Có lẽ Chân sư DK đã chủ ý không nói 'điểm *mãnh*

We can see how astral polarization functioning under the Law of Attraction and Repulsion will generate inconsistency of approach. Increasing mental polarization steadies the approach, for the steadying *will* works through the mind.

lực'. Chúng ta có thể thấy sự phân cực cảm dục vận hành theo Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi sẽ tạo ra sự thiếu nhất quán trong việc tiến gần như thế nào. Sự phân cực trí tuệ ngày càng tăng làm cho việc tiến gần trở nên vững vàng, vì *ý chí* có tác dụng ổn định hoạt động thông qua thể trí.

7. DK describes an interesting Geminian experience (and indeed, He must have much of Gemini in His horoscope). Some disciples are stabilizing after fluctuation; some are retreating and a few are approaching (note, only a few). There is little the Master can do about this 'dance' but look on with support and encouragement.

7. Chân sư DK mô tả một trải nghiệm thú vị mang tính Song Tử (và quả thực, hẳn lá số chiêm tinh của Ngài có nhiều yếu tố Song Tử). Một số đệ tử đang trở nên ổn định sau những dao động; một số đang rút lui và một số ít đang tiến gần (hãy lưu ý, chỉ một số ít). Chân sư chẳng thể làm gì nhiều đối với 'điệu múa' này ngoài việc quan sát với sự hỗ trợ và khích lệ.

8. If you measure yourself, in which phase do you find yourself and why? Is your light waxing or waning? How do you know?

8. Nếu tự đánh giá, các bạn thấy mình đang ở giai đoạn nào và vì sao? Ánh sáng của các bạn đang tăng lên hay suy giảm? Làm sao các bạn biết?

The mobilisation of every disciple is demanded at this time and when I say "this time" I refer to the present time and the next fifty years. This mobilisation involves the focussing of the disciple's energies, his time and his resources on behalf of humanity; it requires a new dedication to service, a consecration of the thought-life (do you realise what that would mean, my brothers?) and a forgetfulness of self which would rule out all moods and feelings, all personality desires, resentments, grievances [99] and all pettiness in your relations with your fellowmen. On the physical plane, it would mean the conditioning of all active, outer living so that the whole of life becomes one focussed active service. I would ask you to study the above phrasing, using it as a light of revelation so that you may know wherein you are lacking and what you have

Vào lúc này, mọi đệ tử đều phải huy động toàn bộ sức mình, và khi Tôi nói "lúc này", Tôi muốn nói đến thời điểm hiện tại và năm mươi năm tới. Sự huy động này bao hàm việc tập trung các năng lượng, thời gian và nguồn lực của người đệ tử vì nhân loại; nó đòi hỏi một sự tận hiến mới cho việc phụng sự, sự thánh hiến đời sống tư tưởng (các huynh đệ của Tôi, các bạn có nhận ra điều đó hàm ý gì không?) và sự quên mình vốn sẽ loại trừ mọi tâm trạng và cảm xúc, mọi dục vọng phàm ngã, oán giận, bất bình [99] và mọi điều nhỏ nhen trong các mối quan hệ của các bạn với đồng loại. Trên cõi hồng trần, điều đó có nghĩa là định hình toàn bộ đời sống hoạt động bên ngoài sao cho cả cuộc đời trở thành một sự phụng sự tích cực, tập trung. Tôi muốn các bạn nghiên cứu cách diễn đạt trên, dùng nó như một ánh sáng mặc khải để các bạn biết mình còn thiếu sót ở đâu và phải

to do.

1. Some rather demanding requirements are now set forth. During the "next fifty years" (this would mean, until the 1980's) the mobilization of every disciple is required. I would say that because of the aftermath of the Second World War and the obvious danger to man of proliferating nuclear weapons in a badly divided world, the mobilization of every disciple is *still* demanded, and perhaps moreso.

2. What will mobilization mean?

a. the focussing of a disciple's energies, time and resources on behalf of humanity. This means, essentially, the right expenditure of energy.

b. a new dedication to service

c. a consecration of the thought-life. This requirement is drastic when one thinks about how one usually thinks! Vague, ill-directed, pointless thoughts would be no more. Vigilance and dedicated thoughtform building would take the place of the usual misuse of thought.

d. a forgetfulness of self ruling out

 all moods,

 feelings

 personality desires

 resentments

 grievances

e. the whole outer physical plane life

làm gì.

1. Giờ đây, một số yêu cầu khá khắt khe được nêu ra. Trong "năm mươi năm tới" (nghĩa là cho đến những năm 1980), mọi đệ tử đều phải huy động toàn bộ sức mình. Tôi cho rằng do hậu quả của Chiến tranh Thế giới thứ Hai và mối nguy hiểm hiển nhiên đối với con người từ việc phổ biến vũ khí hạt nhân trong một thế giới chia rẽ sâu sắc, mọi đệ tử *vẫn* phải huy động toàn bộ sức mình, và có lẽ còn cần hơn nữa.

2. Sự huy động sẽ có nghĩa là gì?

a. việc tập trung các năng lượng, thời gian và nguồn lực của một đệ tử vì nhân loại. Về cơ bản, điều này có nghĩa là sử dụng năng lượng đúng đắn.

b. một sự tận hiến mới cho việc phụng sự

c. sự thánh hiến đời sống tư tưởng. Yêu cầu này thật quyết liệt khi chúng ta nghĩ đến cách mình thường suy nghĩ! Những tư tưởng mơ hồ, sai hướng, vô mục đích sẽ không còn nữa. Sự tỉnh thức và việc tận tâm xây dựng hình tư tưởng sẽ thay thế cách sử dụng tư tưởng sai lầm thường thấy.

d. sự quên mình loại trừ

 mọi tâm trạng,

 cảm xúc

 dục vọng phàm ngã

 oán giận

 bất bình

e. toàn bộ đời sống bên ngoài trên cõi hồng

becomes “one focussed active service”

3. DK is asking us to review the requirements for mobilization so that we can see whether we are completely *mobilized.* It is obvious that for the mobilized disciple, very little if anything is left for the strictly ‘personal’ life. All energies are consecrated to soul-living.

4. The demands for mobilization are exacting, are they not?

I have given you in the past a very great deal of instruction, help and encouragement. That you still have and it would profit you much if you spent some time in recalling it. But today make a new beginning—not for your own sake, but for the helping of a needy world. Forget yourselves.

1. DK reflects on all that He has given.

2. Sometimes so much is given that one even forgets the extent of the gifts conferred. The attempt to recall these gifts is of value. This attempt gathers them all into the ‘space of consciousness’ where they can be *appreciated,* and from whence further extraction of value may occur.

3. The Master’s words turn direct: “But today make a new beginning—not for your own sake, but for the helping of a needy world. Forget yourselves. ”

4. These words are being addressed to relatively experienced disciples, for the most part, and so, they are being addressed to us.

trần trở thành “một sự phụng sự tích cực, tập trung”

3. Chân sư DK yêu cầu chúng ta xem xét lại các yêu cầu của sự huy động để có thể thấy mình đã hoàn toàn *huy động toàn bộ sức mình hay chưa.* Hiển nhiên, đối với người đệ tử đã huy động toàn bộ sức mình, còn lại rất ít, nếu có, cho đời sống thuần tuý ‘cá nhân’. Mọi năng lượng đều được thánh hiến cho việc sống theo linh hồn.

4. Những yêu cầu của sự huy động thật khắt khe, phải không?

Trước đây, Tôi đã dành cho các bạn rất nhiều sự chỉ dạy, trợ giúp và khích lệ. Các bạn vẫn còn giữ những điều ấy, và sẽ được lợi ích rất nhiều nếu dành thời gian nhớ lại. Nhưng hôm nay, hãy bắt đầu lại—không phải vì lợi ích của chính các bạn, mà để giúp đỡ một thế giới đang cần được trợ giúp. Hãy quên mình.

1. Chân sư DK nhìn lại tất cả những gì Ngài đã trao ban.

2. Đôi khi chúng ta được trao ban nhiều đến nỗi quên cả mức độ lớn lao của những món quà đã nhận. Nỗ lực nhớ lại những món quà này có giá trị. Nỗ lực ấy quy tụ tất cả vào ‘không gian tâm thức’, nơi chúng ta có thể *trân trọng chúng,* và từ đó tiếp tục rút ra giá trị của chúng.

3. Lời của Chân sư trở nên trực tiếp: “Nhưng hôm nay, hãy bắt đầu lại—không phải vì lợi ích của chính các bạn, mà để giúp đỡ một thế giới đang cần được trợ giúp. Hãy quên mình. ”

4. Phần lớn những lời này hướng đến các đệ tử tương đối giàu kinh nghiệm, và do đó cũng hướng đến chúng ta. Trong mọi hoàn

On every occasion we may take these words to heart, no matter how many beginnings have been made. Master Morya has said that, "for Us there are only beginnings".

cảnh, chúng ta đều có thể ghi lòng những lời này, bất kể đã có bao nhiêu lần khởi đầu. Chân sư Morya đã nói rằng, "đối với Chúng Tôi, chỉ có những khởi đầu".

5. Always one must become inspired anew; always new fervor must be rekindled. We must never allow ourselves to simmer down to the point where our fire is in danger of extinction. Fire is life.

5. Chúng ta phải luôn đón nhận cảm hứng mới; phải luôn khơi lại nhiệt tâm mới. Chúng ta không bao giờ được để mình nguội dần đến mức ngọn lửa bên trong có nguy cơ tắt lịm. Lửa là sự sống.

The pressure of the work upon me has been very heavy lately. Much work has rested upon my shoulders, incident to the world situation. This has involved much effort on the part of the Hierarchy to prevent a complete collapse of the structure of human civilisation, as it exists at this time. The sound foundations of part of the structure must be saved; all else may have to go.

Gần đây, áp lực công việc đè lên Tôi rất nặng nề. Tình hình thế giới đã đặt lên vai Tôi nhiều công việc. Điều này đòi hỏi Thánh đoàn phải nỗ lực rất nhiều để ngăn chặn sự sụp đổ hoàn toàn của cấu trúc nền văn minh nhân loại như hiện nay. Phải cứu lấy những nền móng vững chắc của một phần cấu trúc ấy; tất cả những gì khác có thể phải mất đi.

1. DK speaks of His own work. The Second World War has begun—certainly on the inner planes. We can only imagine a Master's vast responsibilities, and our imagining would be a very poor approximation to the reality.

1. Chân sư DK nói về công việc của chính Ngài. Chiến tranh Thế giới thứ Hai đã bắt đầu—chắc chắn là trên các cõi bên trong. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng những trách nhiệm bao la của một Chân sư, và điều chúng ta tưởng tượng sẽ chỉ gần với thực tế một cách rất hạn chế.

2. Such work, at that time, must have been onerous in the extreme. DK speaks of the possibility of the "complete collapse of the structure of human civilisation, as it exists at this time". He is saying this probably in the fateful year, 1939.

2. Vào thời điểm ấy, công việc như thế hẳn phải vô cùng nặng nề. Chân sư DK nói đến khả năng "sụp đổ hoàn toàn của cấu trúc nền văn minh nhân loại như hiện nay". Có lẽ Ngài đang nói điều này vào năm 1939, một năm mang tính định mệnh.

3. The Spiritual Hierarchy realized that conditions were far more desperate than humanity could suspect. The threat of destruction was everywhere, and Hierarchy sought to salvage at least a part of the foundation so that human civilization could be rebuilt.

3. Thánh đoàn nhận ra rằng tình thế tuyệt vọng hơn nhiều so với những gì nhân loại có thể hình dung. Mối đe doạ huỷ diệt hiện diện khắp nơi, và Thánh đoàn tìm cách cứu vãn ít nhất một phần nền móng để có thể tái thiết nền văn minh nhân loại.

4. We do not know what Their perspective revealed, but the revelation must have been dire.

Many things contribute to the inertia that today seems to afflict many of the disciples of the world who should be active in service and helpfulness. This applies also to you. The pressure of war conditions and concern over your own personal affairs, attitudes and reactions have crowded much that I might say and have said out of your minds. One of the first lessons which those in training for initiation have to master is that difficult dual attitude which permits right personality activity and real interest in personality affairs and yet at the same time permits nothing personal to interfere with the subjective spiritual life, with service and with the training, given in preparation for initiation. As time goes on, I shall try to bridge between the old techniques and the newer modes of training by using a part of the ancient techniques—now becoming somewhat obsolete—and the giving of those hints which will lead you to understand the nature, purpose and methods of educating accepted disciples in the processes of initiation.

1. We have noticed in the year immediately prior to the disbanding of the groups-of-nine a number of the disciples were afflicted with inertia and seemed to be losing ground.

2. It is clear that the fear factor was looming large in the minds of most disciples (as it was for humanity in general). The astral body has a way of 'preempting the stage', thus crowding out the testimony of the higher nature—including the Master as part

4. Chúng ta không biết góc nhìn của Các Ngài đã cho thấy điều gì, nhưng sự mặc khải ấy hẳn phải rất đáng sợ.

Nhiều điều góp phần tạo nên tính trì trệ dường như đang đè nặng lên nhiều đệ tử trên thế giới ngày nay, những người lẽ ra phải tích cực phụng sự và giúp đỡ. Điều này cũng áp dụng cho các bạn. Áp lực của hoàn cảnh chiến tranh cùng sự lo lắng về những công việc, thái độ và phản ứng cá nhân đã đẩy khỏi thể trí các bạn nhiều điều Tôi có thể nói và đã nói. Một trong những bài học đầu tiên mà những người đang được huấn luyện để điểm đạo phải nắm vững là thái độ kép khó đạt được ấy: vừa cho phép hoạt động phàm ngã đúng đắn và sự quan tâm thực sự đến các công việc phàm ngã, vừa không cho phép bất cứ điều gì thuộc cá nhân can thiệp vào đời sống tinh thần chủ quan, vào việc phụng sự và sự huấn luyện để chuẩn bị cho điểm đạo. Theo thời gian, Tôi sẽ cố gắng bắc cầu giữa các kỹ thuật cũ và những phương thức huấn luyện mới hơn, bằng cách sử dụng một phần các kỹ thuật cổ xưa—nay đang trở nên phần nào lỗi thời—và đưa ra những gợi ý sẽ dẫn các bạn đến chỗ thấu hiểu bản chất, mục đích và phương pháp giáo dục các đệ tử được chấp nhận trong những tiến trình điểm đạo.

1. Chúng ta đã nhận thấy rằng trong năm ngay trước khi các nhóm chín người giải thể, một số đệ tử chịu ảnh hưởng của tính trì trệ và dường như đang thụt lùi.

2. Rõ ràng, yếu tố sợ hãi đang chiếm vị trí lớn trong thể trí của hầu hết các đệ tử (cũng như đối với nhân loại nói chung). Thể cảm dục có cách 'chiếm lĩnh sân khấu', qua đó lấn át tiếng nói của bản chất cao hơn—kể cả Chân sư như một phần của bản chất cao hơn ấy.

of that higher nature.

3. The necessity for the dual life of the disciple is again asserted. Personality affairs must be rightly attended to and yet nothing of a personal nature must be allowed to "interfere with the subjective spiritual life, with service and with the training, given in preparation for initiation". This would require the attitude of dispassion, for without it, fear will unduly magnetize the attention.

3. Sự cần thiết của đời sống kép nơi người đệ tử lại được khẳng định. Phải chăm lo đúng đắn các công việc phàm ngã, nhưng không được để bất cứ điều gì mang tính cá nhân "can thiệp vào đời sống tinh thần chủ quan, vào việc phụng sự và sự huấn luyện để chuẩn bị cho điểm đạo". Điều này đòi hỏi thái độ không đam luyến, vì nếu thiếu nó, nỗi sợ hãi sẽ thu hút sự chú ý quá mức.

4. The Tibetan continues His emphasis upon training for initiation, promising an approach which will bridge the older and newer techniques.

4. Chân sư Tây Tạng tiếp tục nhấn mạnh việc huấn luyện để điểm đạo, hứa hẹn một cách tiếp cận sẽ bắc cầu giữa các kỹ thuật cũ hơn và mới hơn.

5. He is hinting at the future reorganization of the group into a group of (eventually) twenty-four accepted disciples who were to be educated for initiation. Not all of those in the groups-of-nine were invited into the new, reorganized Seed Group, nor did they (initially) even know of its existence. In this New Seed Group definite training for group initiation was undertaken, even though the training was relatively rudimentary. The material given to that group and pertaining to initiation and group initiation was of an advanced nature as the study of the Fourteen Rules for Disciples and Initiates and the many lessons gathered in DINA II will reveal.

5. Ngài đang gợi ý về việc tái tổ chức nhóm trong tương lai thành một nhóm gồm (cuối cùng là) hai mươi bốn đệ tử được chấp nhận, những người sẽ được giáo dục để điểm đạo. Không phải tất cả những người trong các nhóm chín người đều được mời vào Nhóm hạt giống mới đã tái tổ chức, và (ban đầu) họ thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của nhóm ấy. Trong Nhóm hạt giống Mới này, việc huấn luyện cụ thể để điểm đạo nhóm đã được tiến hành, dù sự huấn luyện còn tương đối sơ khởi. Tài liệu trao cho nhóm ấy, liên quan đến điểm đạo và điểm đạo nhóm, mang tính chất cao cấp, như việc nghiên cứu Mười Bốn Quy Luật dành cho các Đệ Tử và Điểm Đạo Đồ cùng nhiều bài học tập hợp trong DINA II sẽ cho thấy.

Above all, I would say: Seek to recover the fervour of your earlier, spiritual aspiration and self-discipline. If you have never lost it (though many disciples have) seek to force that energy of inspiration to work out in an effective display of [100] definite action upon the physical plane. How, you ask, my

Trên hết, Tôi muốn nói: Hãy tìm cách khôi phục nhiệt tâm của khát vọng tinh thần và sự tự kỷ luật trước đây của các bạn. Nếu các bạn chưa bao giờ đánh mất điều đó (dù nhiều đệ tử đã đánh mất), hãy tìm cách buộc năng lượng cảm hứng ấy biểu lộ hữu hiệu thành [100] hành động cụ thể trên cõi hồng trần.

brothers? By increasing the radiance of your light in the world through love and meditation, so that others may turn to you as to a beacon light in the dark night of life which seems in this century to have descended upon humanity; seek to love more than you have ever believed was possible, so that others—frozen and chilled by life circumstance and the present horror of human existence—may turn to you for warmth and comforting. What I and all who are affiliated with the Hierarchy seek to do at this time of desperate crisis is to find those who are dependable points of living energy and through them pour out the love, the strength and the light which the world needs and must have if this storm is to be weathered. I ask you to render this service to me and to humanity. I ask nothing spectacular; it will, however, require a strenuous effort of your souls if you are to respond adequately; I ask nothing impossible; I would remind you that the apathy of the physical body and brain, the inertia of the feeling nature and the sense of futility of the mind when confronted with large issues will seem to hinder you.

Các huynh đệ của Tôi, các bạn hỏi: Bằng cách nào? Bằng cách gia tăng sức toả rạng của ánh sáng nơi các bạn trong thế gian thông qua tình thương và tham thiền, để người khác có thể hướng về các bạn như hướng về một ngọn hải đăng trong đêm tối của cuộc đời, dường như đã buông xuống nhân loại trong thế kỷ này; hãy tìm cách yêu thương nhiều hơn mức các bạn từng tin là có thể, để những người khác—đang tê cóng và lạnh lẽo vì hoàn cảnh sống và nỗi kinh hoàng hiện tại của kiếp người—có thể tìm đến các bạn để được sưởi ấm và an ủi. Điều mà Tôi và tất cả những ai liên kết với Thánh đoàn đang tìm cách thực hiện trong thời kỳ khủng hoảng tuyệt vọng này là tìm ra những người có thể làm các điểm năng lượng sống động đáng tin cậy, và qua họ tuôn đổ tình thương, sức mạnh cùng ánh sáng mà thế giới cần và phải có để vượt qua cơn bão này. Tôi yêu cầu các bạn thực hiện việc phụng sự này cho Tôi và cho nhân loại. Tôi không yêu cầu điều gì ngoạn mục; tuy nhiên, để đáp ứng đầy đủ, linh hồn các bạn sẽ phải nỗ lực mạnh mẽ; Tôi không yêu cầu điều gì bất khả thi; Tôi muốn nhắc các bạn rằng sự thờ ơ của thể xác và bộ não, tính trì trệ của bản chất cảm xúc và cảm giác bất lực của thể trí khi đối diện với những vấn đề lớn sẽ có vẻ cản trở các bạn.

1. The paragraphs which follow are in the nature of an exhortation. DK wishes to see a return to former fervor and discipline, for many of His disciples have experienced a deintensification of the fires of aspiration. Aspiration is indispensable, whether for the disciple or the initiate.

1. Các đoạn tiếp theo mang tính chất khuyến giục. Chân sư DK mong thấy nhiệt tâm và kỷ luật trước đây được khôi phục, vì ngọn lửa khát vọng của nhiều đệ tử Ngài đã suy giảm cường độ. Khát vọng là điều không thể thiếu, dù đối với đệ tử hay điểm đạo đồ.

2. Some have not lost their fire, and if not, DK enjoins them to apply their continuing inspiration in definite acts upon the physical plane. Fire may be 'upward tending' but disciples must prove it to be 'downwardly

2. Một số người chưa đánh mất ngọn lửa của mình, và nếu vậy, Chân sư DK yêu cầu họ vận dụng nguồn cảm hứng vẫn tiếp tục ấy vào những hành động cụ thể trên cõi hồng trần. Lửa có thể 'có xu hướng vươn lên',

effective'.

3. Love and meditation are the means of increasing a disciple's light in the world so that he may become a beacon to a humanity upon which darkness has descended.

4. The Master turns almost 'passionate' is asking His disciples to show more love. He is calling for the assertion of the "will-to-love". In fact, He is simply demanding that they *love*—more than they ever believed possible.

5. Warmth and comforting are sorely needed by those in distress. They can only be produced by the radiation of solar fire—at a time when fire-by-friction had set the lower three worlds ablaze.

6. DK says something remarkable; He is asking His disciples to become "dependable points of living energy" through which the Masters may pour light, love and power to a needy world. He is asking them to become, in effect, *channels* for hierarchical energy and force. He is saying that humanity will not weather this great storm if such channels for hierarchical energy/force cannot be found. One sees here a tremendous call to responsible action—both objective and subjective.

7. It is clear that that Master, having spoken of what mobilization requires, is seeking to mobilize His disciples during an hour of great and dire need.

8. The Master calls not just for personality effort but for the strenuous exertion of the

nhưng các đệ tử phải chứng tỏ rằng nó 'có hiệu quả khi hướng xuống'.

3. Tình thương và tham thiền là phương tiện gia tăng ánh sáng của người đệ tử trong thế gian, để y có thể trở thành ngọn hải đăng cho nhân loại đang chìm trong bóng tối.

4. Chân sư trở nên gần như 'tha thiết mãnh liệt' khi yêu cầu các đệ tử của Ngài biểu lộ nhiều tình thương hơn. Ngài đang kêu gọi sự khẳng định "Ý Chí-Yêu Thương". Thực ra, Ngài chỉ đơn giản đòi hỏi họ *yêu thương*—nhiều hơn mức họ từng tin là có thể.

5. Những người đang đau khổ rất cần hơi ấm và sự an ủi. Chỉ sự toả chiếu của Lửa Thái dương mới có thể tạo ra những điều ấy—vào thời điểm Lửa ma sát đã khiến ba cõi thấp bùng cháy.

6. Chân sư DK nói một điều đáng chú ý; Ngài yêu cầu các đệ tử của Ngài trở thành "những điểm năng lượng sống động đáng tin cậy", qua đó các Chân sư có thể tuôn đổ ánh sáng, tình thương và quyền năng vào một thế giới đang cần được trợ giúp. Thực chất, Ngài yêu cầu họ trở thành những *kênh dẫn* năng lượng và mãnh lực của Thánh đoàn. Ngài đang nói rằng nhân loại sẽ không vượt qua được cơn bão lớn này nếu không thể tìm ra những kênh dẫn năng lượng/mãnh lực như thế của Thánh đoàn. Ở đây, chúng ta thấy một lời kêu gọi mạnh mẽ hướng đến hành động có trách nhiệm—cả khách quan lẫn chủ quan.

7. Rõ ràng, sau khi nói về những yêu cầu của sự huy động, Chân sư đang tìm cách huy động các đệ tử của Ngài trong một thời điểm nhu cầu hết sức lớn lao và cấp bách.

8. Chân sư không chỉ kêu gọi nỗ lực của phàm ngã mà còn kêu gọi sự gắng sức mạnh

soul. His disciples must act *as souls*. The three aspects of the personality, he warns, will seem to interfere. The apathy of the physical body and brain, the inertia of the feeling nature and the sense of futility generated by the lower mind will all stand opposed the attempt to mobilize all resources under the soul and on behalf of humanity. It is good to know one's enemy, even if that enemy is oneself!

mẽ của linh hồn. Các đệ tử của Ngài phải hành động *như những linh hồn*. Ngài cảnh báo rằng ba phương diện của phàm ngã sẽ có vẻ cản trở. Sự thờ ơ của thể xác và bộ não, tính trì trệ của bản chất cảm xúc và cảm giác bất lực do hạ trí tạo ra, tất cả đều sẽ chống lại nỗ lực huy động mọi nguồn lực dưới sự dẫn dắt của linh hồn và vì nhân loại. Biết kẻ thù của mình là điều tốt, ngay cả khi kẻ thù ấy là chính mình!

9. Although the Master asks for nothing "spectacular" or "impossible", what He does call for will be spiritually strenuous.

9. Mặc dù Chân sư không yêu cầu điều gì "ngoạn mục" hay "bất khả thi", điều Ngài thực sự kêu gọi sẽ đòi hỏi sự gắng sức mạnh mẽ về tinh thần.

10. It is my impression that we should respond to these words as if they applied to us in our present world situation. There are analogies between present times and the 1930's. We are building towards a subjective 'war' which is already being fought out within the subtle bodies. There is a kind of fanaticism sweeping through various populations in the world which must be contained, transmuted and transformed. This dangerous fanatical streak, affecting a number of nations and religions *will be contained, transmuted and transformed* if disciples will seize their opportunity and mobilize themselves just as Master DK has advised.

10. Tôi có cảm tưởng rằng chúng ta nên đáp ứng những lời này như thể chúng áp dụng cho chúng ta trong tình hình thế giới hiện nay. Có những điểm tương đồng giữa thời đại hiện nay và những năm 1930. Chúng ta đang tiến dần đến một 'cuộc chiến' chủ quan vốn đã diễn ra trong các thể vi tế. Một dạng cuồng tín đang lan tràn qua nhiều cộng đồng dân cư trên thế giới cần phải được kiềm chế, chuyển hoá và chuyển đổi. Khuynh hướng cuồng tín nguy hiểm này, đang ảnh hưởng đến một số quốc gia và tôn giáo, *sẽ được kiềm chế, chuyển hoá và chuyển đổi* nếu các đệ tử nắm bắt cơ hội và huy động toàn bộ sức mình đúng như Chân sư DK đã khuyên.

11. During the 1930's most people in Western nations did not realize the full scope of the dire calamity which loomed ahead. The same may be the case presently, and the calamity could be far, far worse. Thus, this call for mobilization is not a thing of the past and of merely historical interest; it is call which we, disciples in the early twenty-first century, cannot fail to heed.

11. Trong những năm 1930, phần lớn người dân ở các quốc gia phương Tây chưa nhận ra toàn bộ quy mô của tai hoạ khủng khiếp đang chực chờ phía trước. Hiện nay có thể cũng như vậy, và tai hoạ có thể tồi tệ hơn rất, rất nhiều. Vì vậy, lời kêu gọi huy động toàn bộ sức mình này không phải là chuyện của quá khứ và chỉ đáng quan tâm về mặt lịch sử; đó là lời kêu gọi mà chúng ta, những đệ tử vào đầu thế kỷ hai mươi mốt, không thể

không lưu tâm.

Again I point the Way to you and again I wait. Will you intensify your inner life and achieve the power which will enable you to live simultaneously as an efficient human being and a living, loving soul? It is the establishing of the continuity of this dual process which is your main need at this time; it will lead to fusion, personality coordination and a greatly increased efficiency. Many disciples are not young and the settled habit of thought and of the feeling life is not easy to disrupt. They must, however, be disrupted and you must feel no resentment. The rhythms of the personality are stabilised and constitute your line of least resistance. You must cut athwart these, thus forming the cross of life and existence will then take on added difficulty. The results will be new rhythms of beauty.

Một lần nữa, Tôi chỉ Đường Đạo cho các bạn và một lần nữa Tôi chờ đợi. Các bạn có tăng cường đời sống bên trong và đạt được quyền năng cho phép mình đồng thời sống như một con người làm việc hiệu quả và một linh hồn sống động, đầy yêu thương không? Nhu cầu chính của các bạn lúc này là thiết lập tính liên tục của tiến trình kép ấy; điều đó sẽ dẫn đến sự dung hợp, sự phối hợp phàm ngã và hiệu quả gia tăng rất nhiều. Nhiều đệ tử không còn trẻ, và những thói quen đã ăn sâu trong tư tưởng và đời sống cảm xúc không dễ phá vỡ. Tuy nhiên, phải phá vỡ chúng, và các bạn không được cảm thấy oán giận. Các nhịp điệu của phàm ngã đã ổn định và tạo thành con đường ít trở ngại nhất của các bạn. Các bạn phải cắt ngang những nhịp điệu ấy, qua đó tạo thành thập giá của sự sống, và khi ấy cuộc sống sẽ thêm khó khăn. Kết quả sẽ là những nhịp điệu mới đầy vẻ đẹp.

1. The Master cannot *do* for us. He can surround us with love and inspiration and provide us with illumination, but He cannot do for us what we must do for ourselves.

1. Chân sư không thể *làm* thay chúng ta. Ngài có thể bao bọc chúng ta bằng tình thương và cảm hứng, ban cho chúng ta sự soi sáng, nhưng Ngài không thể làm thay những điều chúng ta phải tự làm cho mình.

2. The Master has already done much for us (and for all His disciples). Now, He waits.

2. Chân sư đã làm rất nhiều cho chúng ta (và cho tất cả các đệ tử của Ngài). Giờ đây, Ngài chờ đợi.

3. The intensification of the inner life is the main requirement, and if rightly done will make the dual life of the soul possible. The "efficient human being" is the intelligent personality and it represents the third aspect of divinity. The "living loving soul" is the spirit-inspired soul, representing the second aspect as it is inspired by the first.

3. Tăng cường đời sống bên trong là yêu cầu chính, và nếu thực hiện đúng cách, điều này sẽ khiến đời sống kép của linh hồn trở nên khả thi. Một "con người hoạt động hiệu quả" là phàm ngã thông tuệ và đại diện cho phương diện thứ ba của thiên tính. Một "linh hồn sống động, đầy tình thương" là linh hồn được tinh thần truyền cảm hứng, đại diện cho phương diện thứ hai khi phương diện này nhận cảm hứng từ phương diện thứ

nhất.

4. Disciples may be able to live the dual life successfully from time to time, but not with "continuity". This they must do. If we are to be dependable, the continuity factor must be mastered.

4. Các đệ tử có thể thỉnh thoảng sống đời sống kép một cách thành công, nhưng chưa có tính "liên tục". Họ phải làm được điều này. Nếu muốn trở thành những người đáng tin cậy, chúng ta phải làm chủ yếu tố liên tục.

5. Rightly done, both the radiation of love and personality coordination will increase. We shall see a desirable fusion of the *two* and the *three*.

5. Nếu thực hiện đúng cách, cả sự tỏa chiếu tình thương lẫn sự phối hợp của phàm ngã đều sẽ gia tăng. Chúng ta sẽ thấy sự dung hợp đáng mong muốn giữa *hai* và *ba*.

6. It becomes clear that DK is not pampering His chela's sense of comfort. We know that the "love of comfort" is one of the physical heads of the ninefold Hydra.

6. Rõ ràng Chân sư DK không nuông chiều nhu cầu hưởng sự an nhàn của đệ tử của Ngài. Chúng ta biết rằng "sự yêu thích an nhàn" là một trong những cái đầu thuộc phương diện hồng trần của con quái vật Hydra cửu phân.

7. DK is really calling for the *beneficent disruption* of the personality life—and this without the customary resentment which can be expected from most people when their personality life is disturbed (let alone, disrupted!).

7. Chân sư DK thực sự đang kêu gọi *sự phá vỡ mang lại lợi ích* đối với đời sống phàm ngã—và điều này phải diễn ra mà không có sự oán giận thường thấy ở hầu hết mọi người khi đời sống phàm ngã của họ bị xáo trộn (huống chi là bị phá vỡ!).

8. The term "line of least resistance" is especially connected to the third aspect of divinity which (when associated with the personality) often seeks expediency rather than principle.

8. Thuật ngữ "con đường ít trở ngại nhất" đặc biệt liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính, vốn thường tìm kiếm sự tiện lợi hơn là nguyên tắc khi gắn với phàm ngã.

9. DK tells us how we may form the "cross of life"—by cutting athwart our personality rhythms with new rhythms of beauty. *Pain* will increase but the *gain* will be immense.

9. Chân sư DK cho chúng ta biết cách tạo nên "thập giá của sự sống"—bằng cách dùng những nhịp điệu mới của cái đẹp cắt ngang các nhịp điệu phàm ngã của chúng ta. *Đau khổ* sẽ gia tăng, nhưng *thành quả* sẽ vô cùng lớn lao.

10. How many will rise to such a challenge, and cut across the habits of a lifetime?

10. Có bao nhiêu người sẽ vươn lên đáp ứng một thử thách như thế và phá bỏ những thói

quen của cả một đời?

To those who are standing in the blaze of pain (and their numbers are Legion), of agony, anxiety and distress—seeing it on every hand and attempting to stand steady in the midst of it all—I say: That which appears is not always that which truly is; that which rends and disrupts the personality life is frequently the agent of release, if rightly apprehended; that which will emerge when the Forces of Light have penetrated the world darkness will demonstrate the nature of the undying human [101] spirit. To all of you I say: My love surrounds you and the aura of the Ashram of which I am the centre stands like a great defending wall around you and around all who are battling for the right. See that you battle. You can then, if you will, sense this loving protection. Each day, if you will, you can put yourself en rapport with your Master. We are not blind or uncaring. We know, however, that there are worse evils than death and pain. We know that this is the hour of humanity's greatest opportunity and that if men can pass triumphantly through this and (by the strength of their own souls) surmount this very present evil, then the evolution of humanity will be hastened beyond all that was believed possible. It will constitute a release, self-achieved and self-initiated. This means as much in the life of mankind as it means in the life of the individual disciple. That chance and that opportunity must not be taken from man; the gained spiritual and eternal values are of far greater importance than his temporary agony.

Với những ai đang đứng giữa ngọn lửa đau khổ (và họ đông vô kể), giữa nỗi thống khổ, lo âu và khốn khó—chứng kiến những điều ấy ở khắp mọi nơi và cố gắng đứng vững giữa tất cả những điều ấy—Tôi nói: Những gì hiện ra không phải lúc nào cũng là thực tại; những gì xé toạc và phá vỡ đời sống phàm ngã thường là tác nhân giải thoát, nếu được nhận thức đúng đắn; những gì sẽ xuất hiện khi các Mãnh Lực Ánh Sáng xuyên qua bóng tối của thế gian sẽ biểu lộ bản chất của tinh thần [101] bất diệt nơi con người. Với tất cả các bạn, Tôi nói: Tình thương của Tôi bao quanh các bạn, và hào quang của ashram mà Tôi là trung tâm đứng như một bức tường phòng vệ lớn bao quanh các bạn cùng tất cả những ai đang chiến đấu vì lẽ phải. Hãy chắc chắn rằng các bạn đang chiến đấu. Khi ấy, nếu muốn, các bạn có thể cảm nhận sự bảo vệ đầy tình thương này. Mỗi ngày, nếu muốn, các bạn có thể tự hòa điệu với Chân sư của mình. Chúng Tôi không mù quáng hay thờ ơ. Tuy nhiên, Chúng Tôi biết rằng có những điều xấu xa còn tệ hơn cái chết và đau khổ. Chúng Tôi biết đây là thời điểm cơ hội lớn nhất của nhân loại, và nếu con người có thể vượt qua thời điểm này một cách vẻ vang, đồng thời vượt lên trên cái ác đang hiện hữu này bằng sức mạnh của chính linh hồn mình, thì tiến hoá của nhân loại sẽ được đẩy nhanh vượt xa mọi điều từng được cho là khả thi. Điều đó sẽ tạo nên một sự giải thoát do chính con người đạt được và tự khởi xướng. Điều này có ý nghĩa trong đời sống nhân loại cũng lớn lao như trong đời sống của người đệ tử cá nhân. Không được tước đi vận hội và cơ hội ấy của con người; những giá trị tinh thần và vĩnh cửu đạt được có tầm quan trọng lớn hơn rất nhiều so với nỗi thống khổ tạm thời của họ.

1. The Master is now writing to many who may not be His disciples. He seems to be speaking to all of distressed humanity, and especially to those who can stand.

1. Giờ đây, Chân sư đang viết cho nhiều người có thể không phải là đệ tử của Ngài. Dường như Ngài đang nói với toàn thể nhân loại đang khốn khổ, và đặc biệt với những ai có thể đứng vững.

2. DK is exhorting us to understand the difference between the distress, anxiety and agony which appear on the surface of life, and the deeper issues which are at stake as well as the wondrous possibilities which are emerging.

2. Chân sư DK đang khuyên chúng ta thấu hiểu sự khác biệt giữa nỗi khốn khó, lo âu và thống khổ hiện ra trên bề mặt đời sống với những vấn đề sâu xa hơn đang bị đặt vào tình thế nguy nan, cũng như những khả năng kỳ diệu đang xuất hiện.

3. Death, He says, may be release from limitation and will reveal the "nature of the undying human spirit".

3. Ngài nói rằng cái chết có thể là sự giải thoát khỏi giới hạn và sẽ bộc lộ "bản chất của tinh thần bất diệt nơi con người".

4. The Master assures His disciples of the love of the Ashram; that love protects them "like a great defending wall".

4. Chân sư bảo đảm với các đệ tử của Ngài về tình thương của ashram; tình thương ấy bảo vệ họ "như một bức tường phòng vệ lớn".

5. The Master calls for His disciples to "battle".

5. Chân sư kêu gọi các đệ tử của Ngài "chiến đấu".

6. He also says they may put themselves in rapport with their Master. Here He means not only Himself, but Master M, KH, and R—Who are the actual Masters of a number of those He has under training.

6. Ngài cũng nói rằng họ có thể tự hòa điệu với Chân sư của mình. Ở đây, Ngài không chỉ muốn nói đến chính Ngài mà còn đến Chân sư M, Chân sư KH và Chân sư R—Các Ngài là những Chân sư thực sự của một số người đang được Ngài huấn luyện.

7. The Master shares the perspective of Hierarchy. He calls the dire conditions of the moment "humanity's greatest opportunity", and promises the hastening of human evolution to a degree beyond all believed possible, if humanity surmounts the evil. Indeed, humanity *did* surmount the evil and may be in the process of greatly accelerated evolution.

7. Chân sư chia sẻ quan điểm của Thánh đoàn. Ngài gọi những hoàn cảnh khốc liệt hiện thời là "cơ hội lớn nhất của nhân loại", và hứa rằng tiến hoá của con người sẽ được đẩy nhanh đến một mức độ vượt xa mọi điều từng được cho là khả thi, nếu nhân loại vượt qua được cái ác. Quả thực, nhân loại *đã* vượt qua cái ác và có thể đang ở trong một tiến trình tiến hoá được đẩy nhanh rất nhiều.

8. The Second World War thus presented opportunity for release from many

8. Như vậy, Chiến tranh Thế giới thứ Hai đã mang lại cơ hội giải thoát khỏi nhiều xiềng

imprisoning chains of the "old world". Humanity's victory in that war would be "self achieved and self-initiated". Every disciple, microcosmically, must achieve victory by himself/herself, and that victory must be self-initiated. We can see WWII as a tremendous moment of responsibility for the human race.

xích giam hãm của "thế giới cũ". Chiến thắng của nhân loại trong cuộc chiến ấy sẽ là chiến thắng "do chính mình đạt được và tự khởi xướng". Ở quy mô tiểu thiên địa, mỗi đệ tử phải tự mình giành chiến thắng, và chiến thắng ấy phải do chính mình khởi xướng. Chúng ta có thể xem Chiến tranh Thế giới thứ Hai là một thời điểm nhân loại gánh vác trách nhiệm vô cùng lớn lao.

9. Then, the perspective of Hierarchy (so different from the human perspective) emerges in the following words: "That chance and that opportunity must not be taken from man; the gained spiritual and eternal values are of far greater importance than his temporary agony".

9. Rồi quan điểm của Thánh đoàn (khác xa quan điểm của con người) hiện rõ trong những lời sau: "Không được tước đi vận hội và cơ hội ấy của con người; những giá trị tinh thần và vĩnh cửu đạt được có tầm quan trọng lớn hơn rất nhiều so với nỗi thống khổ tạm thời của họ".

10. The war lasted, let us say, five or six years. From a greater perspective, the war began in 1914 and lasted until 1945. To Hierarchy the suffering of humanity during that period was a "temporary agony" leading to "gained spiritual and eternal values"—the values of soul and spirit.

10. Cuộc chiến kéo dài năm hoặc sáu năm. Từ một góc nhìn rộng hơn, cuộc chiến bắt đầu vào năm 1914 và kéo dài đến năm 1945. Đối với Thánh đoàn, sự đau khổ của nhân loại trong thời kỳ ấy là một "nỗi thống khổ tạm thời" dẫn đến "những giá trị tinh thần và vĩnh cửu đạt được"—những giá trị của linh hồn và tinh thần.

11. Saturn, in one way 'Lord of Pain' is also the 'One Who presents opportunity'. Opportunity is not the pleasant thing which most people imagine. For a disciple, opportunity may be, indeed, a 'dire and drastic presentation' calling for the mobilization of all his/her latent personal, individual and spiritual resources. Thus the unmistakable opportunity for great growth.

11. Theo một phương diện, Sao Thổ là 'Chúa Tể của Đau Khổ', đồng thời cũng là 'Đấng mang đến cơ hội'. Cơ hội không phải là điều dễ chịu như phần đông mọi người tưởng tượng. Quả thực, đối với một đệ tử, cơ hội có thể là 'một tình thế khốc liệt và quyết liệt được đặt ra', đòi hỏi huy động mọi nguồn lực cá nhân, cá thể và tinh thần còn tiềm ẩn của mình. Do đó, đây rõ ràng là cơ hội để tăng trưởng lớn lao.

12. How do we look at opportunity? Is it, for us, purely a Jupiterian matter, or have we understood how Saturn and Pluto in Their first ray aspects can present immense opportunities?

12. Chúng ta nhìn nhận cơ hội như thế nào? Đối với chúng ta, đó có hoàn toàn là vấn đề thuộc Sao Mộc, hay chúng ta đã thấu hiểu cách Sao Thổ và Sao Diêm Vương, trong các phương diện cung một của Các Ngài, có thể

mang đến những cơ hội vô cùng lớn lao?

Little as you may realise it as you think of Us in Our so-called safe retreats, the capacity of identification with all that is involved in world pain today and the sensitivity of Those connected with the Hierarchy to the unhappy condition of humanity makes Their task of standing-by one of supreme spiritual agony. They understand the depths of the reaction of humanity; they comprehend and understand, for They are one with all men. This involves a far greater comprehension than you can grasp and one which can only be adequately expressed in the word "identification. " They need the staunch support of all Their disciples, the steadfast love, the loyal attitude, the unquestioning response to human need which will enable Them to carry more easily the heavy burden which human karma has laid upon Them and which They carry voluntarily.

Có lẽ các bạn ít nhận ra điều này khi nghĩ đến Chúng Tôi trong những nơi ẩn cư được gọi là an toàn của Chúng Tôi: khả năng đồng hoá với tất cả những gì liên quan đến nỗi đau khổ của thế giới ngày nay, cùng sự nhạy cảm của các Đấng liên hệ với Thánh đoàn trước tình cảnh bất hạnh của nhân loại, khiến nhiệm vụ túc trực bên cạnh của Các Ngài trở thành một nỗi thống khổ tinh thần tột cùng. Các Ngài thấu hiểu những tầng sâu trong phản ứng của nhân loại; Các Ngài lĩnh hội và thấu hiểu, vì Các Ngài hợp nhất với mọi người. Điều này bao hàm một sự lĩnh hội sâu xa hơn rất nhiều so với khả năng nắm bắt của các bạn, và chỉ có thể diễn đạt đầy đủ bằng từ "đồng hoá". Các Ngài cần sự hỗ trợ kiên định của tất cả các đệ tử, tình thương bền vững, thái độ trung thành và sự đáp ứng không chút do dự trước nhu cầu của con người; những điều ấy sẽ giúp Các Ngài gánh vác nhẹ nhàng hơn gánh nặng mà nghiệp quả nhân loại đã đặt lên Các Ngài và Các Ngài tự nguyện mang lấy.

1. DK speaks of the agony and suffering of the Masters—apparently "safe" in Their retreats, but identified with humanity to such an extent that Their "standing by" is an act of "supreme spiritual agony". Let us ponder on this.

1. Chân sư DK nói về nỗi thống khổ và đau đớn của các Chân sư—bề ngoài có vẻ "an toàn" trong những nơi ẩn cư của Các Ngài, nhưng lại đồng hoá với nhân loại sâu sắc đến mức việc "túc trực bên cạnh" của Các Ngài là một hành động mang "nỗi thống khổ tinh thần tột cùng". Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này.

2. The Masters are not removed and remote, but are deeply identified with humanity; in fact, They are "one with all men". Let us ponder on this.

2. Các Chân sư không tách biệt và xa cách, mà đồng hoá sâu sắc với nhân loại; thực ra, Các Ngài "hợp nhất với mọi người". Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này.

3. Again the Masters' perspective is brought forward. The Masters *need* the staunch support of all Their disciples, the steadfast

3. Một lần nữa, quan điểm của các Chân sư được nêu ra. Các Chân sư *cần* sự hỗ trợ kiên định của tất cả các đệ tử, tình thương bền

love, the loyal attitude, the unquestioning response to human need—so great is the burden which human karma has laid upon Them (though They carry this karma voluntarily). DK's occasional revelation of the Master's situation and His need of His disciples' help must surely have been evocative of that help. What does it evoke in us?

vững, thái độ trung thành và sự đáp ứng không chút do dự trước nhu cầu của con người—vì gánh nặng mà nghiệp quả nhân loại đặt lên Các Ngài quá lớn lao (dù Các Ngài tự nguyện gánh lấy nghiệp quả này). Việc Chân sư DK thỉnh thoảng mặc khải hoàn cảnh của Chân sư và nhu cầu của Ngài về sự trợ giúp từ các đệ tử hẳn đã khơi dậy sự trợ giúp ấy. Điều đó khơi dậy điều gì trong chúng ta?

4. So often we assume an attitude of 'spiritual dependency' upon the Master; we want to be carried, loved, supported, strengthened, inspired. We do not think of the burdens upon Them; DK has reminded us, has He not, of the tremendous burdens which the Christ will assume as He reappears. The word "horror" has been used in this connection, describing how the Christ must view the enormity of His impending task.

4. Chúng ta rất thường có thái độ 'nương tựa về mặt tinh thần' vào Chân sư; chúng ta muốn được nâng đỡ, yêu thương, hỗ trợ, củng cố sức mạnh và truyền cảm hứng. Chúng ta không nghĩ đến những gánh nặng trên vai Các Ngài; chẳng phải Chân sư DK đã nhắc chúng ta về những gánh nặng vô cùng lớn lao mà Đức Christ sẽ đảm nhận khi Ngài tái lâm hay sao. Từ "kinh hoàng" đã được dùng trong mối liên hệ này để mô tả cách Đức Christ hẳn phải nhìn nhận tầm vóc khủng khiếp của nhiệm vụ sắp tới của Ngài.

"Because of the smallness of our little planet, and because of the prevalence of the radio, of television and the rapidity of communication, His part will be watched by all and the prospect must surely, for Him, hold certain horror, must present its tests and major adjustments, plus painful and unavoidable experience. He does not come as the omnipotent God of man's ignorant creation, but as the Christ, the Founder of the Kingdom of God on Earth, to complete the work He started, and again to demonstrate divinity in far more difficult circumstances" (ROC 55).

"Vì hành tinh nhỏ bé của chúng ta có kích thước hạn chế, và vì sự phổ biến của phát thanh, truyền hình cùng tốc độ truyền thông nhanh chóng, mọi người sẽ theo dõi vai trò của Ngài; và viễn cảnh ấy hẳn phải chứa đựng một nỗi kinh hoàng nhất định đối với Ngài, hẳn phải đặt ra những thử thách và điều chỉnh lớn lao, cùng những trải nghiệm đau đớn không thể tránh khỏi. Ngài không đến với tư cách Thượng đế toàn năng do sự vô minh của con người tạo ra, mà với tư cách Đức Christ, Đấng Sáng Lập Thiên Giới trên Trái Đất, để hoàn tất công việc Ngài đã khởi đầu và một lần nữa biểu lộ thiên tính trong những hoàn cảnh khó khăn hơn rất nhiều" (ROC 55).

5. To what degree do we care? To what degree are we ready to lighten the burden of

5. Chúng ta quan tâm đến mức nào? Chúng ta sẵn sàng làm nhẹ gánh nặng của những vị

our superiors? Much will depend upon our answer.

cao hơn mình đến mức nào? Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào câu trả lời của chúng ta.

Will you give this? Will you aid Our work in every possible way, both as personalities, dedicated to service, and as souls who walk the lighted Way? The need of humanity for love and light, the need of the Hierarchy for channels and for those who will work under direction upon the earth can call forth all that you have to give and can evoke your soul (the only true reward that the disciple seeks) in power and love. This will happen to you, if you will forget the little self. [102]

Các bạn có sẵn lòng trao tặng điều này không? Các bạn có trợ giúp công việc của Chúng Tôi bằng mọi cách có thể, vừa với tư cách những phàm ngã hiến mình cho phụng sự, vừa với tư cách những linh hồn bước đi trên Con Đường được Soi Sáng không? Nhu cầu của nhân loại về tình thương và ánh sáng, nhu cầu của Thánh đoàn về những kênh dẫn và những người sẽ làm việc dưới sự chỉ dẫn trên Trái Đất có thể khơi dậy tất cả những gì các bạn có thể trao tặng, đồng thời gợi lên linh hồn các bạn trong quyền năng và tình thương (phần thưởng chân thật duy nhất mà người đệ tử tìm kiếm). Điều này sẽ xảy đến với các bạn nếu các bạn quên đi cái ngã nhỏ bé. [102]

1. This is an irresistible invocation for our aid. We are empowered by the Master's request. We are needed.

1. Đây là một lời khẩn cầu sự trợ giúp của chúng ta mà chúng ta không thể cưỡng lại. Lời thỉnh cầu của Chân sư tiếp thêm sức mạnh cho chúng ta. Chúng ta là những người cần thiết.

2. He is asking us to give all we have, both as souls and personalities.

2. Ngài đang yêu cầu chúng ta trao tặng tất cả những gì mình có, cả với tư cách linh hồn lẫn phàm ngã.

3. Humanity's need for light and love is immense. It is this need which must evoke from us all we have to give.

3. Nhu cầu của nhân loại về ánh sáng và tình thương vô cùng lớn lao. Chính nhu cầu này phải khơi dậy nơi chúng ta tất cả những gì chúng ta có thể trao tặng.

4. Hierarchy's need for support is immense, and we can become channels for Their great saving force. If we respond rightly to that need and can follow hierarchical direction, our soul will be invoked. This evocation of the soul in power and love is all the true disciple seeks. They seek no other 'reward'.

4. Nhu cầu của Thánh đoàn về sự hỗ trợ vô cùng lớn lao, và chúng ta có thể trở thành những kênh dẫn cho mãnh lực cứu rỗi vĩ đại của Các Ngài. Nếu chúng ta đáp ứng đúng đắn nhu cầu ấy và có thể tuân theo sự chỉ dẫn của Thánh đoàn, linh hồn chúng ta sẽ được khẩn cầu. Sự gợi lên linh hồn trong quyền năng và tình thương này là tất cả

những gì người đệ tử chân chính tìm kiếm. Họ không tìm kiếm bất kỳ 'phần thưởng' nào khác.

5. The soul will shine through us if we can respond *with all we are* to the presented need. We do this by forgetting the "little self". This forgetfulness is not a strained looking way from that which is our customary focus, but an absorption in service so intense that the "little self" with all its limitations is naturally forgotten.

5. Linh hồn sẽ tỏa sáng qua chúng ta nếu chúng ta có thể đáp ứng *bằng toàn bộ con người mình* trước nhu cầu đang đặt ra. Chúng ta làm điều này bằng cách quên đi "cái ngã nhỏ bé". Sự quên mình này không phải là cố gắng căng thẳng để quay mắt khỏi những gì chúng ta thường tập trung vào, mà là sự chuyên tâm phụng sự mãnh liệt đến mức "cái ngã nhỏ bé" cùng mọi giới hạn của nó tự nhiên được quên đi.

6. The Master could not be more sincere or more imploring. What hardness of heart could prevent us from responding to His call? That call is still resounding today.

6. Chân sư không thể chân thành hay tha thiết hơn nữa. Sự chai cứng nào của trái tim có thể ngăn chúng ta đáp ứng lời kêu gọi của Ngài? Lời kêu gọi ấy vẫn còn vang vọng đến hôm nay.

That your knowledge may be transmuted into wisdom and the eye of vision control your living processes and all your undertakings is the desire (deep within my heart) for each and all of you.

Mong tri thức của các bạn được chuyển hoá thành minh triết, và con mắt linh thị điều khiển các tiến trình sống cùng mọi công việc các bạn đảm nhận—đó là nguyện vọng sâu thẳm trong tâm Tôi dành cho từng người và tất cả các bạn.

Your Master, Friend and Teacher,

Chân sư, Người Bạn và Huấn sư của các bạn,

THE TIBETAN

CHÂN SƯ TÂY TẠNG

1. A beautiful benediction closes this instruction and this series of instructions.

1. Một lời ban phúc đẹp đẽ khép lại huấn thị này và cả loạt huấn thị này.

2. The major goals of the training DK is offering are contained in this little prayer. He seeks to see our knowledge transmuted into wisdom and the "eye of vision" (the single eye of the soul) controlling all our "living processes". We will then be completely under soul-direction.

2. Những mục tiêu chính của sự huấn luyện mà Chân sư DK đang mang đến đều nằm trong lời cầu nguyện ngắn này. Ngài mong thấy tri thức của chúng ta được chuyển hoá thành minh triết và "con mắt linh thị" (con mắt duy nhất của linh hồn) điều khiển mọi "tiến trình sống" của chúng ta. Khi ấy, chúng ta sẽ hoàn toàn ở dưới sự chỉ dẫn của linh

hồn.

3. The prayerful desire is deep within the Master's heart, and it applies to each and all of His disciples including those of us who study with Him and seek to do His bidding today.

3. Nguyện vọng tha thiết ấy nằm sâu trong tâm Chân sư và dành cho từng người cùng tất cả các đệ tử của Ngài, kể cả những người trong chúng ta ngày nay đang học với Ngài và tìm cách thực hiện ý Ngài.

4. Can there be a greater expression of the Master's love—a love which remains loyal to us as individuals and as groups even through all our fluctuations and moments of ignorant ingratitude? Let us ponder on this.

4. Có thể có biểu hiện nào lớn lao hơn của tình thương nơi Chân sư—một tình thương vẫn trung thành với chúng ta, cả với tư cách cá nhân lẫn nhóm, ngay cả qua mọi dao động và những lúc vô ơn do vô minh của chúng ta? Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này.

Dear Brothers and Sisters,

I am sure you can sense the profundity of what has been offered in this last of Master DK's instructions in this particular series of instructions. Let us read carefully and ponder deeply. There is much here presented which could transform us from well-meaning probationary disciples into truly accepting and accepted disciples working for the Ashram on behalf of humanity.

Love and Many Blessings,

Michael

Các huynh đệ và tỷ muội thân mến,

Tôi tin chắc các bạn có thể cảm nhận được chiều sâu của những điều được trao truyền trong huấn thị cuối cùng này của Chân sư DK, thuộc loạt huấn thị cụ thể này. Chúng ta hãy đọc kỹ và suy ngẫm sâu sắc. Nhiều điều được trình bày ở đây có thể chuyển đổi chúng ta từ những đệ tử dự bị đầy thiện chí thành những đệ tử thực sự biết chấp nhận và được chấp nhận, làm việc cho ashram vì nhân loại.

Thân ái và cầu chúc nhiều phúc lành,

Michael

Back to the DINA table of contents

Trở lại mục lục DINA

Back to the home page

Trở lại trang chủ

SECTION THREE [673]
THE SIX STAGES OF DISCIPLESHIP – PHẦN BA [673]
SÁU GIAI ĐOẠN CỦA ĐỊA VỊ ĐỆ TỬ

13. PART I – 13. PHẦN I

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

[673]

[673]

Introductory Notes

Ghi chú mở đầu

THE SIX STAGES OF DISCIPLESHIP

SÁU GIAI ĐOẠN CỦA ĐỊA VỊ ĐỆ TỬ

1. The stage wherein a disciple is contacted by the Master through another chela on the physical plane. This is the stage of "Little Chelaship."

1. Giai đoạn trong đó Chân sư tiếp xúc với một đệ tử thông qua một đệ tử khác trên cõi hồng trần. Đây là giai đoạn "Địa vị tiểu đệ tử".

1. It is interesting that there should be *six* stages of discipleship. Discipleship relates to the training of the form to be rightly responsive to the soul. The number of the form is *six.* Six is also a number of sentiency, associated with the sixth plane, which can be considered the primary plane of *touch.*

1. Điều thú vị là có *sáu* giai đoạn của địa vị đệ tử. Địa vị đệ tử liên quan đến việc huấn luyện hình tướng để đáp ứng đúng đắn với linh hồn. Con số của hình tướng là *sáu.* Sáu cũng là con số của khả năng cảm nhận, gắn với cõi thứ sáu, có thể được xem là cõi chủ yếu của *xúc giác.*

2. Further, the two signs which we can most reasonable associate with discipleship are Scorpio and Virgo. Starting with the Ascendant of the astrological chart in Aries (which is the archetypal position for Aries) we reach Scorpio by counting six signs in a clockwise direction and Virgo, by counting six signs in a counter-clockwise direction.

2. Hơn nữa, hai dấu hiệu mà chúng ta có thể liên hệ hợp lý nhất với địa vị đệ tử là Hổ Cáp và Xử Nữ. Bắt đầu từ Điểm mọc của lá số chiêm tinh ở Bạch Dương (vốn là vị trí nguyên mẫu của Bạch Dương), chúng ta đến Hổ Cáp khi đếm sáu dấu hiệu theo chiều kim đồng hồ và đến Xử Nữ khi đếm sáu dấu hiệu ngược chiều kim đồng hồ.

3. The Moon is related to the Lunar Lords, the *sixth* of the *manifested* Creative

3. Mặt Trăng liên hệ với các nguyệt tinh quân, Huyền Giai thứ *sáu* trong các Huyền

Hierarchies. We find the Moon to be interestingly related to the sixth plane, the astral plane, which for all of humanity is the foremost battle ground.

Giai Sáng Tạo *biểu hiện*. Chúng ta thấy Mặt Trăng có mối liên hệ thú vị với cõi thứ sáu, cõi cảm dục, vốn là chiến trường hàng đầu của toàn thể nhân loại.

4. Further, the Moon is closely related to the two signs here mentioned as related to Discipleship—Scorpio and Virgo, for the Moon "falls" in the sign Scorpio (where its ancient tendencies are overcome) and is the esoteric ruler of Virgo (where the Moon stands for the process of purifying the personality in preparation for the Birth of the Christ in the Hear)t. We also find that Scorpio and Virgo are closely related to the sixth ray—for Virgo transmits that ray and the exoteric and esoteric ruler of Scorpio, Mars, is a sixth ray planet.

4. Hơn nữa, Mặt Trăng liên hệ chặt chẽ với hai dấu hiệu vừa được đề cập là có liên quan đến địa vị đệ tử—Hổ Cáp và Xử Nữ, vì Mặt Trăng "thất thế" trong dấu hiệu Hổ Cáp (nơi những khuynh hướng cổ xưa của nó được khắc phục) và là chủ tinh nội môn của Xử Nữ (nơi Mặt Trăng tượng trưng cho tiến trình thanh luyện phàm ngã để chuẩn bị cho sự Giáng Sinh của Đức Christ trong Tâm). Chúng ta cũng thấy Hổ Cáp và Xử Nữ liên hệ chặt chẽ với cung sáu—vì Xử Nữ truyền dẫn cung ấy, còn chủ tinh ngoại môn và nội môn của Hổ Cáp, Sao Hỏa, là một hành tinh cung sáu.

5. "Chelaship" is the state of being a disciple who actually *in training*. It is beyond the stage of aspirant, for it means that the disciple has a Teacher, recognizes (in some manner) his Teacher, and is recognized by his Teacher—however 'mediately' this recognition may occur, for there are often a number of intermediaries between the disciple and his Teacher—the Master.

5. "Địa vị đệ tử" là trạng thái của một đệ tử thực sự *đang được huấn luyện*. Trạng thái này vượt trên giai đoạn người chí nguyện, vì nó hàm ý rằng người đệ tử có một Huấn sư, nhận biết Huấn sư của mình (theo một cách nào đó) và được Huấn sư nhận biết—dù sự nhận biết này có thể diễn ra 'qua trung gian' đến đâu, bởi thường có một số người trung gian giữa đệ tử và Huấn sư của mình—tức Chân sư.

6. During "Little Chelaship" the Master somehow seeks to contact the disciple—though not yet directly.

6. Trong giai đoạn "Địa vị tiểu đệ tử", bằng một cách nào đó, Chân sư tìm cách tiếp xúc với đệ tử—dù chưa trực tiếp.

7. "Little Chelaship" is a relatively physical stage of discipleship and the contact, therefore, between the Master and the chela will be physical, though mediated. In this case, another chela on the physical plane serves as the intermediary between the Master and the chela to be contacted.

7. "Địa vị tiểu đệ tử" là một giai đoạn tương đối thuộc hồng trần của địa vị đệ tử; do đó, sự tiếp xúc giữa Chân sư và đệ tử sẽ diễn ra trên cõi hồng trần, dù qua trung gian. Trong trường hợp này, một đệ tử khác trên cõi hồng trần làm trung gian giữa Chân sư và người đệ tử mà Ngài muốn tiếp xúc.

8. The term “little” is important, for it indicates that the chela is as yet very immature and limited. Such a chela has a small spiritual scope, but is definitely “on the way”

8. Từ “tiểu” rất quan trọng, vì nó cho thấy người đệ tử vẫn còn rất non nớt và hạn hẹp. Một đệ tử như thế có phạm vi tinh thần nhỏ bé, nhưng chắc chắn đã “lên đường”

2. The stage wherein a higher disciple directs the chela from the egoic level. This is the stage called a "Chela in the Light."

2. Giai đoạn trong đó một đệ tử cao cấp hơn chỉ dẫn người đệ tử từ cấp độ chân ngã. Đây là giai đoạn được gọi là “Đệ tử trong Ánh sáng”.

1. We are at first only dealing with naming these stages of discipleship.

1. Trước hết, chúng ta mới chỉ bàn đến việc đặt tên cho những giai đoạn này của địa vị đệ tử.

2. The second stage is definitely a step above the first, because the chela is directed “from the egoic level” by a higher order of disciple. This means that the higher disciple (of an unspecified rank—it could be a Master) has influence over the chela (considered as soul) and not just over the chela’s personality.

2. Giai đoạn thứ hai rõ ràng cao hơn giai đoạn thứ nhất một bậc, vì một đệ tử thuộc cấp cao hơn chỉ dẫn người đệ tử “từ cấp độ chân ngã”. Điều này có nghĩa là người đệ tử cao cấp hơn (có cấp bậc không xác định—có thể là một Chân sư) có ảnh hưởng đến người đệ tử xét như linh hồn, chứ không chỉ đến phàm ngã của người đệ tử ấy.

3. While this is occurring, the chela on the physical plane may also be guided by a more advanced chela in physical incarnation, who supervises his personality activity.

3. Trong khi điều này diễn ra, người đệ tử trên cõi hồng trần cũng có thể nhận sự hướng dẫn của một đệ tử tiến bộ hơn đang lâm phàm, người giám sát hoạt động phàm ngã của mình.

4. It is possible that the higher disciple directing the chela from egoic levels, may also be the incarnated higher chela who is supervising the lesser chela’s personality.

4. Có thể người đệ tử cao cấp hơn đang chỉ dẫn người đệ tử từ các cấp độ chân ngã cũng chính là người đệ tử cao cấp hơn đang lâm phàm và giám sát phàm ngã của người đệ tử cấp thấp hơn.

5. The name for this stage of discipleship, “Chela in the Light”, suggest that the light of the soul is having an increasingly powerful effect upon the chela’s outer behavior and that the higher disciples who have influence over the lesser chela are focusing the light

5. Tên gọi của giai đoạn địa vị đệ tử này, “Đệ tử trong Ánh sáng”, gợi ý rằng ánh sáng của linh hồn đang tác động ngày càng mạnh mẽ lên hành vi bên ngoài của người đệ tử, và các đệ tử cao cấp hơn có ảnh hưởng đến người đệ tử cấp thấp hơn đang chủ ý tập trung ánh

upon him with intention.

3. The stage wherein, according to necessity, the Master contacts the chela through:

a. A vivid dream experience.

b. A symbolic teaching.

c. A using of a thoughtform of the Master.

d. A contact in meditation.

e. A definite remembered interview in the Master's Ashram.

This is definitely the stage of Accepted Disciple.

1. This is a stage of great interest to the average disciple and one towards which he aspires.

2. The stage discussed is one of "accepted discipleship". In various places Master DK speaks much of the "accepting", the "pledged" and "accepted" disciple. He does not needlessly repeat Himself, so it does well for us to remember what He has said in this respect. He places much emphasis upon the importance of the attitude of "acceptance", requiring of spiritual aspirants that they become "*accepting* disciples". This is a stage on the way to actual "acceptance" by the Master after long years of inner recognition (on the part of the Master). The "accepted disciple" definitely shares in the energy of the Ashram (with varying degrees of effectiveness).

3. We are given five methods by which the Master can, and does, contact the chela

sáng vào người ấy.

3. Giai đoạn trong đó, tùy theo nhu cầu, Chân sư tiếp xúc với đệ tử thông qua:

a. Một trải nghiệm giấc mơ sống động.

b. Một lời dạy mang tính biểu tượng.

c. Việc sử dụng một hình tư tưởng của Chân sư.

d. Một sự tiếp xúc trong tham thiền.

e. Một cuộc hội kiến được nhớ lại rõ ràng trong ashram của Chân sư.

Đây chắc chắn là giai đoạn Đệ Tử Được Chấp Nhận.

1. Đây là một giai đoạn rất đáng quan tâm đối với người đệ tử thông thường và là giai đoạn mà người ấy khao khát hướng tới.

2. Giai đoạn đang được bàn đến là "địa vị đệ tử được chấp nhận". Ở nhiều nơi, Chân sư DK nói nhiều về người đệ tử "biết chấp nhận", "đã cam kết" và "được chấp nhận". Ngài không lặp lại một cách vô ích, vì vậy chúng ta nên ghi nhớ những gì Ngài đã nói về phương diện này. Ngài đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của thái độ "chấp nhận", yêu cầu những người chí nguyện tinh thần trở thành "các đệ tử *biết chấp nhận*". Đây là một giai đoạn trên đường tiến đến sự "chấp nhận" thực sự của Chân sư sau nhiều năm Ngài đã nhận biết người đệ tử ở bên trong. "Đệ tử được chấp nhận" chắc chắn dự phần vào năng lượng của ashram (với những mức độ hiệu quả khác nhau).

3. Chúng ta được cho biết năm phương thức mà Chân sư có thể dùng và thực sự dùng để

(according to necessity). We, therefore, note that the contact is not casual but purposeful, and closely subject to the Law of Economy.

tiếp xúc với đệ tử (tùy theo nhu cầu). Do đó, chúng ta lưu ý rằng sự tiếp xúc này có chủ đích, không tùy tiện, và tuân thủ chặt chẽ Định luật Tiết Kiệm.

4. We will analyze these five stages in depth in succeeding commentaries, For the moment it is sufficient for us to note that all of these modes of contact are "inner modes" and involve the subtle bodies rather than the physical body. The first involves the astral plane; the second may occur on the physical plane but is more an event in consciousness than a physical event; the third also is an event in consciousness; the fourth (though meditation is occurring in such a way as to involve the physical brain) is an event involving the mental body as it becomes sensitive to the higher mental and buddhic planes; the fifth type of occurrence, again, is experienced in relation to the astral plane, though, we must remember that, presently, the majority of the Masters' Ashrams are located on the *buddhic* plane. On the buddhic plane, form*as we know it* does not exist, so whatever kind of transmission between Master and chela is occurring, there is out-pictured as an *astral*experience, since the astral plane is easily resonant to the buddhic plane. As there is an inner understanding of the experience, and the experience is definitely remembered, the mental component must be included.

4. Chúng ta sẽ phân tích sâu năm giai đoạn này trong các phần bình giảng tiếp theo. Trước mắt, chỉ cần lưu ý rằng tất cả các phương thức tiếp xúc này đều là những "phương thức bên trong" và liên quan đến các thể vi tế hơn là thể xác. Phương thức thứ nhất liên quan đến cõi cảm dục; phương thức thứ hai có thể diễn ra trên cõi hồng trần nhưng thiên về một sự kiện trong tâm thức hơn là một sự kiện hồng trần; phương thức thứ ba cũng là một sự kiện trong tâm thức; phương thức thứ tư (dù việc tham thiền diễn ra theo cách có sự tham gia của bộ não hồng trần) là một sự kiện liên quan đến thể trí khi thể này trở nên nhạy cảm với các cõi thượng trí và Bồ đề; loại sự kiện thứ năm cũng được trải nghiệm trong mối liên hệ với cõi cảm dục, dù chúng ta phải nhớ rằng hiện nay, phần lớn các ashram của các Chân sư đều nằm trên cõi *Bồ đề*. Trên cõi Bồ đề, hình tướng *như chúng ta biết* không tồn tại, nên bất kể loại truyền đạt nào đang diễn ra giữa Chân sư và đệ tử, nó đều biểu hiện ra thành một trải nghiệm *cảm dục*, vì cõi cảm dục dễ dàng cộng hưởng với cõi Bồ đề. Vì có sự thấu hiểu bên trong về trải nghiệm ấy, và trải nghiệm ấy được ghi nhớ rõ ràng, nên phải có cả thành phần trí tuệ.

5. Therefore, in the fifth and highest experience, three planes—the astral, mental and (to a degree) the buddhic are all involved.

5. Do đó, trong trải nghiệm thứ năm và cao nhất, cả ba cõi—cảm dục, trí tuệ và, ở một mức độ nào đó, Bồ đề—đều tham gia.

6. The stage wherein, having shown his wisdom in work, and his appreciation of the Master's problem, the chela is taught how (in emergencies) to attract the Master's

6. Giai đoạn trong đó, sau khi đã thể hiện minh triết trong công việc và sự thấu hiểu vấn đề của Chân sư, đệ tử được dạy cách thu hút sự chú ý của Chân sư (trong những

attention and thus draw on His strength, knowledge and advice. This is an instantaneous happening, and practically takes none of the Master's time. This stage has the peculiar name of a "Chela on the Thread" or sutratma.

trường hợp khẩn cấp), qua đó vận dụng sức mạnh, tri thức và lời khuyên của Ngài. Điều này diễn ra tức thời và hầu như không chiếm chút thời gian nào của Chân sư. Giai đoạn này có tên gọi đặc biệt là "Đệ tử trên đường dây", hay sutratma.

1. We can say that at this fourth stage (that of "Chela on the Thread") the real esoteric work begins.

1. Chúng ta có thể nói rằng ở giai đoạn thứ tư này (giai đoạn "Đệ tử trên đường dây"), công việc nội môn thực sự bắt đầu.

2. We note that to reach this state the chela must have demonstrated "wisdom in work", thus for some time he has been put to the test. In order to demonstrate such wisdom, he has to be capable of an assured soul contact, and of understanding the use of soul energy in practical affairs. Such will have been his curriculum during the stage of "accepted discipleship".

2. Chúng ta lưu ý rằng để đạt đến trạng thái này, đệ tử phải chứng tỏ được "minh triết trong công việc"; do đó, y đã trải qua thử thách trong một thời gian. Để thể hiện minh triết như vậy, y phải có khả năng tiếp xúc chắc chắn với linh hồn và thấu hiểu cách sử dụng năng lượng linh hồn trong những công việc thực tế. Đó hẳn là chương trình học của y trong giai đoạn "địa vị đệ tử được chấp nhận".

3. It must be obvious that no one can attain to the stage of "Chela on the Thread" unless the 'antahkaranic thread' is built and functioning. The actual thread involved in this stage is different from the antahkarana, but the functioning antahkarana allows the disciple to 'reach into' the world where the Master may be found—the levels of the spiritual triad, and to be accessible to the Master's energy.

3. Hẳn phải rõ rằng không ai có thể đạt đến giai đoạn "Đệ tử trên đường dây" nếu "sợi dây antahkarana" chưa được xây dựng và hoạt động. Sợi dây thực sự liên quan đến giai đoạn này khác với antahkarana, nhưng antahkarana đang hoạt động cho phép đệ tử "vươn vào" thế giới nơi có thể tìm thấy Chân sư—các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần—và trở nên có khả năng tiếp nhận năng lượng của Chân sư.

4. We note that a significant degree of decentralization characterizes the "Chela on the Thread" for he no longer thinks only in terms of himself and his own problem, but in terms of the Ashram and the Master's problem. This type of chela is rapidly becoming a trusted spiritual worker in some Ashram or other.

4. Chúng ta lưu ý rằng "Đệ tử trên đường dây" có đặc trưng là một mức độ phi tập trung vào bản thân đáng kể, vì y không còn chỉ suy nghĩ về bản thân và vấn đề riêng của mình, mà nghĩ đến ashram và vấn đề của Chân sư. Loại đệ tử này đang nhanh chóng trở thành một người hoạt động tinh thần đáng tin cậy trong một ashram nào đó.

5. The "Chela on the Thread" has a

5. "Đệ tử trên đường dây" có khả năng tiếp

significant degree of access to the Master's strength, knowledge and advice. He is taught how to attract the Master's attention in emergencies. Such emergencies will not be personal emergencies but related to the Great Work (the Plan) and his responsibility within that Plan.

cận đáng kể với sức mạnh, tri thức và lời khuyên của Chân sư. Y được dạy cách thu hút sự chú ý của Chân sư trong những trường hợp khẩn cấp. Những trường hợp khẩn cấp ấy sẽ không phải là chuyện riêng tư, mà liên quan đến Công Cuộc Vĩ Đại (Thiên Cơ) và trách nhiệm của y trong Thiên Cơ ấy.

6. Again, the Law of Economy continues to be observed, as practically none of the Master's time is taken by the importunity of the 'demanding' chela. Full access to the Master is only permitted to those who stand very close to Him and, because of their deep understanding of the Ashram's work and the Master's objectives and problems, can be trusted to ask for individual attention only when the work absolutely requires it.

6. Một lần nữa, Định luật Tiết Kiệm tiếp tục được tuân thủ, vì sự nài nỉ của người đệ tử "đòi hỏi" hầu như không chiếm chút thời gian nào của Chân sư. Chỉ những người đứng rất gần Ngài mới được phép tiếp cận Ngài đầy đủ; nhờ thấu hiểu sâu sắc công việc của ashram cùng những mục tiêu và vấn đề của Chân sư, họ có thể được tin cậy rằng chỉ yêu cầu Ngài chú ý riêng khi công việc tuyệt đối đòi hỏi điều đó.

7. DK refers to the thread in relation to the "sutratma"—the "life thread". Along this thread the Master's spiritual vitality, energy and knowledge can reach the disciple instantly, according to need.

7. Chân sư DK đề cập đến sợi dây trong mối liên hệ với "sutratma"—"sinh mệnh tuyến". Dọc theo sợi dây này, sinh lực tinh thần, năng lượng và tri thức của Chân sư có thể đến với đệ tử ngay tức khắc, tùy theo nhu cầu.

8. It becomes increasingly clear that when a Master accepts a chela, He links that chela to him by a thread of energy which can be used in various ways. This linking is a very great act of responsibility on the part of the Master; the chela should appreciate this and do all he can to avoid disturbing either the Ashram or the Master.

8. Ngày càng rõ rằng khi một Chân sư chấp nhận một đệ tử, Ngài nối kết đệ tử ấy với mình bằng một sợi dây năng lượng có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau. Sự nối kết này là một hành động thể hiện trách nhiệm rất lớn của Chân sư; đệ tử nên thấu hiểu điều này và làm tất cả những gì có thể để tránh gây xáo trộn cho ashram hoặc Chân sư.

5. The stage wherein the chela is permitted to know the method whereby he may set up a vibration and call which will entitle him to an interview with the Master. This is only permitted to those trusted chelas who can be depended upon not to use the knowledge for

5. Giai đoạn trong đó đệ tử được phép biết phương pháp tạo ra một rung động và lời kêu gọi cho phép y có một cuộc diện kiến với Chân sư. Điều này chỉ dành cho những đệ tử đáng tin cậy, những người có thể được tin tưởng rằng sẽ không sử dụng tri thức ấy cho

anything except the need of the work; no personality reason or distress would prompt them to use it. At this stage the chela is called "one within the aura."

bất cứ điều gì ngoài nhu cầu của công việc; không lý do hay nỗi khổ tâm nào của phàm ngã có thể thôi thúc họ sử dụng nó. Ở giai đoạn này, đệ tử được gọi là "người ở trong hào quang".

1. The fifth stage of "one within the aura" entitles the chela (now certainly initiate) to an interview with the Master when necessity demands.

1. Giai đoạn thứ năm, "người ở trong hào quang", cho phép đệ tử (lúc này chắc chắn đã là điểm đạo đồ) có một cuộc diện kiến với Chân sư khi nhu cầu đòi hỏi.

2. The expenditure of energy on the part of the Master will be, therefore, much greater than for the 'Chela on the Thread".

2. Do đó, năng lượng Chân sư phải sử dụng sẽ lớn hơn nhiều so với trường hợp "Đệ tử trên đường dây".

3. We see that it is no easy matter to invoke an interview with the Master. There is a hidden method by which a vibration or call may be sent forth. This method is obviously one of the secrets of ashramic life and is closely guarded.

3. Chúng ta thấy rằng khẩn cầu một cuộc diện kiến với Chân sư không phải là chuyện dễ dàng. Có một phương pháp bí mật để phát ra một rung động hay lời kêu gọi. Hiển nhiên, phương pháp này là một trong những bí mật của đời sống ashram và được giữ kín nghiêm ngặt.

4. The moment of the Master's response will not be known by the chela who sends for the call; but the "interview" will come at the correct time (according to the Master's judgment, schedule and responsibilities).

4. Đệ tử phát đi lời kêu gọi sẽ không biết thời điểm Chân sư đáp ứng; nhưng cuộc "diện kiến" sẽ diễn ra vào đúng lúc (theo sự phán đoán, lịch trình và trách nhiệm của Chân sư).

5. The "aura" here referenced is clearly the "aura of the Master". Such a disciple/initiate will quite intimately know the Master's will and intention, and will be closely identified with the major energy qualities of the Master.

5. "Hào quang" được đề cập ở đây rõ ràng là "hào quang của Chân sư". Một đệ tử/điểm đạo đồ như vậy sẽ biết khá sâu sắc ý chí và ý định của Chân sư, đồng thời đồng hoá mật thiết với những phẩm tính năng lượng chủ yếu của Ngài.

6. "One within the aura" will be able to wield ashramic energies with accuracy, and will be able to *represent* to the world the Master's quality and vibration.

6. "Người ở trong hào quang" sẽ có khả năng vận dụng chính xác các năng lượng ashram và có khả năng *đại diện* cho phẩm tính và rung động của Chân sư trước thế gian.

6. The stage wherein the chela can get his Master's ear at any time. He is in close touch

6. Giai đoạn trong đó đệ tử có thể được Chân sư lắng nghe bất cứ lúc nào. Y luôn giữ sự

always. This is the stage wherein a chela is being definitely prepared for an immediate initiation or, having taken initiation, is being given specialised [674] work to do in collaboration with his Master. The chela at this stage is described as "one within his Master's heart."

tiếp xúc mật thiết. Đây là giai đoạn trong đó đệ tử đang được chuẩn bị một cách rõ rệt cho một cuộc điểm đạo sắp diễn ra, hoặc, sau khi đã được điểm đạo, đang được giao công việc chuyên biệt [674] để thực hiện trong sự cộng tác với Chân sư của mình. Đệ tử ở giai đoạn này được mô tả là "người ở trong trái tim của Chân sư mình".

1. The sixth stage is advanced. It is unlikely that students of our kind know such people very well. Such a disciple will certainly have passed the third initiation and very likely the fourth.

1. Giai đoạn thứ sáu là một giai đoạn tiến xa. Khó có khả năng những đạo sinh như chúng ta biết rõ những người như vậy. Một đệ tử như thế chắc chắn đã trải qua lần điểm đạo thứ ba và rất có thể cả lần điểm đạo thứ tư.

2. Those at this stage will be highly experienced workers. They have proven themselves in all the more usual ways and have elevated themselves to the point where they can be trusted to carry our important specialized work on behalf of the Master and the Ashram.

2. Những người ở giai đoạn này sẽ là những người hoạt động rất giàu kinh nghiệm. Họ đã chứng tỏ bản thân qua mọi cách thức thông thường hơn, và đã tự nâng mình đến mức có thể được tin cậy để thay mặt Chân sư và ashram thực hiện công việc chuyên biệt quan trọng.

3. Numbered among them are those who are being prepared for "immediate initiation". This does not mean, however, that all who are affiliated with an Ashram and who are being prepared for Initiation are necessarily at the stage of "one within the Master's heart". Depending upon the initiation, they might not even be "one within the aura".

3. Trong số họ có những người đang được chuẩn bị cho "cuộc điểm đạo sắp diễn ra". Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tất cả những ai có liên hệ với một ashram và đang được chuẩn bị cho điểm đạo đều nhất thiết ở giai đoạn "người ở trong trái tim của Chân sư". Tùy theo cuộc điểm đạo, họ thậm chí có thể chưa phải là "người ở trong hào quang".

4. To be within the Master's heart, one would be sensitive to the central motive and heart's desire of the Master, and probably to His monadic vibration. Such an initiate would also response, via the heart of the Master, to the Heart of the Hierarchy—the Christ.

4. Để ở trong trái tim của Chân sư, người ta phải nhạy cảm với động cơ trung tâm và ước nguyện trong tim Ngài, và có lẽ cả với rung động chân thần của Ngài. Một điểm đạo đồ như vậy cũng sẽ đáp ứng, qua trái tim của Chân sư, với Trái Tim của Thánh đoàn—Đức Christ.

5. Whatever the Master is *in essence,* this, such an initiate would know, and to this he would whole-heartedly respond.

5. Bất kể Chân sư là gì *trong bản chất cốt yếu,* một điểm đạo đồ như vậy đều sẽ biết điều ấy và sẽ toàn tâm đáp ứng với điều ấy.

There is a later stage of still closer identification, where there is a blending of the Lights, but there is no adequate paraphrase of the terms used to cover the name. The six stages above mentioned have been paraphrased for occidental understanding and must in no way be considered as translations of the ancient terms.

Có một giai đoạn muộn hơn với sự đồng hoá còn mật thiết hơn nữa, nơi có sự hòa quyện của các Ánh Sáng, nhưng không có cách diễn đạt tương đương thỏa đáng cho những thuật ngữ dùng để gọi tên giai đoạn ấy. Sáu giai đoạn nói trên đã được diễn giải để người phương Tây thấu hiểu và tuyệt đối không được xem là bản dịch của các thuật ngữ cổ.

1. Master DK is staid to have five Masters working within His Ashram. It would be such as these who could participate with Him in "a blending of the Lights".

1. Người ta nói rằng có năm Chân sư làm việc trong ashram của Chân sư DK. Chính những vị như thế mới có thể cùng Ngài tham dự vào "sự hòa quyện của các Ánh Sáng".

2. Master DK hints that we may search oriental spiritual literature for alternative names for the Six Stages of Discipleship. Probably the book or books which He is referencing have never seen any large circulation, and probably belong to 'inner libraries' which only few have seen. The Tibetan has translated arcane terms with which He is familiar for the benefit of occidental understanding.

2. Chân sư DK gợi ý rằng chúng ta có thể tìm trong văn liệu tinh thần phương Đông những tên gọi khác cho Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử. Có lẽ cuốn sách hay những cuốn sách mà Ngài đề cập chưa bao giờ được lưu hành rộng rãi, và có lẽ thuộc về những "thư viện bên trong" mà chỉ ít người từng thấy. Chân sư Tây Tạng đã dịch những thuật ngữ bí truyền quen thuộc với Ngài nhằm giúp người phương Tây thấu hiểu.

1. We now begin the consideration of certain phrases, words of power and stanzas which, in a profound way, throw light on the nature of discipleship.

1. Giờ đây, chúng ta bắt đầu xem xét một số cụm từ, quyền năng từ và bài kệ soi sáng sâu sắc bản chất của địa vị đệ tử.

2. We will simply offer our impressions, realizing that it is for the individual disciple to meditate on these words, phrases and stanzas and come up with his own interpretation.

2. Chúng ta sẽ chỉ trình bày những cảm nhận của mình, nhận biết rằng mỗi đệ tử phải tự tham thiền về những từ, cụm từ và bài kệ này để đi đến cách diễn giải của riêng mình.

3. Only the deepest pondering will reveal essential meaning.

3. Chỉ sự suy ngẫm sâu sắc nhất mới làm hiển lộ ý nghĩa cốt yếu.

SIX WORDS FOR DISCIPLES

SÁU TỪ DÀNH CHO ĐỆ TỬ

1. For the sake of mnemonics, Master DK

1. Để giúp ghi nhớ, Chân sư DK đưa ra sáu từ

offers six words which begin with the same letter.

bắt đầu bằng cùng một chữ cái.

2. All of the words (except one) begin with the syllable "re", indicating that the action being performed is, in a way, a kind of repetition, or *doing again*—performed, it would seem, in such a manner as to be the opposite of some involutionary process.

2. Tất cả các từ ấy (trừ một từ) đều bắt đầu bằng âm tiết mang nghĩa "tái", cho thấy hành động đang được thực hiện, theo một cách nào đó, là một dạng lặp lại, hay *làm lại*—dường như được thực hiện theo cách đối nghịch với một tiến trình giáng hạ tiến hoá nào đó.

3. Given the fact that we have been talking about the Six Stages of Discipleship, it would seem worthwhile to attempt to link these six words to the Six Stages

3. Vì chúng ta đã bàn về Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử, nên có lẽ đáng để thử liên kết sáu từ này với Sáu Giai Đoạn ấy

4. Each of the words stands for an initial action which, when occurring, leads to, or results in, a specific result. It will be our task to see the relation between the initial state and the state to which it leads.

4. Mỗi từ biểu thị một hành động khởi đầu mà khi diễn ra sẽ dẫn đến, hay tạo ra, một kết quả cụ thể. Nhiệm vụ của chúng ta sẽ là nhận ra mối liên hệ giữa trạng thái ban đầu và trạng thái mà nó dẫn đến.

1. Recollection, resulting in concentration.

1. Hồi tưởng, dẫn đến tập trung.

1. Recollection is a regathering, in this case, a regathering of the attention which can be scattered over many points of perception or preoccupation.

1. Hồi tưởng là một sự quy tụ trở lại, trong trường hợp này là quy tụ lại sự chú ý vốn có thể phân tán trên nhiều điểm tri giác hoặc nhiều mối bận tâm.

2. We are dealing here with a movement from the periphery to the center.

2. Ở đây, chúng ta đang đề cập đến một sự chuyển động từ ngoại vi vào trung tâm.

3. If any kind of penetration is to be possible, the forces at the disposal of the disciple must be centralized for strengthening.

3. Muốn có bất kỳ sự thâm nhập nào, các mãnh lực mà đệ tử có thể sử dụng phải được tập trung để gia tăng sức mạnh.

4. When the attention is scattered and discontinuous, a registration of uncorrelated impressions is the result; illumination is not achieved. Recollection intensifies light.

4. Khi sự chú ý phân tán và đứt quãng, kết quả là ghi nhận những ấn tượng không liên kết với nhau; sự soi sáng không đạt được. Hồi tưởng làm ánh sáng mạnh thêm.

5. The first word can be correlated with the first stage of discipleship, "Little Chelaship".

5. Có thể liên hệ từ thứ nhất với giai đoạn đầu tiên của địa vị đệ tử, "Địa vị tiểu đệ tử".

The aspirant begins to 'recollect' something he has long forgotten—his internal spiritual identity.

Người chí nguyện bắt đầu "nhớ lại" điều mà y đã quên từ lâu—bản sắc tinh thần bên trong của mình.

6. This self-gathering sends forth a light demonstration or a note which makes it possible for a more advanced disciple on the physical plane to contact him. All this occurs under the consciously or unconsciously registered impression and guidance of the Master, Who has recognized the aspirant's increasing light and the note that has gone forth..

6. Sự tự quy tụ này phát ra một biểu hiện ánh sáng hay một âm điệu, nhờ đó một đệ tử tiến xa hơn trên cõi hồng trần có thể tiếp xúc với y. Tất cả những điều này diễn ra dưới ấn tượng và sự hướng dẫn của Chân sư mà y ghi nhận một cách hữu thức hoặc vô thức; Ngài đã nhận ra ánh sáng đang gia tăng của người chí nguyện và âm điệu đã phát ra.

2. Response, resulting in an interaction between higher and lower.

2. Đáp ứng, dẫn đến sự tương tác giữa cái cao và cái thấp.

1. The meaning of the term, "response" (particularly in this context) is *a change of state following upon the reception of a stimulus*.

1. Ý nghĩa của thuật ngữ "đáp ứng" (đặc biệt trong ngữ cảnh này) là *một sự thay đổi trạng thái sau khi tiếp nhận một kích thích*.

2. In this case, the stimulus is the energy of the soul 'descending into' or emerging within the personality, *or* the lighted energy of an inner worker directed towards the personality of an outer worker.

2. Trong trường hợp này, kích thích là năng lượng của linh hồn "giáng xuống" hay xuất hiện bên trong phàm ngã, *hoặc* năng lượng tràn đầy ánh sáng của một người hoạt động bên trong hướng đến phàm ngã của một người hoạt động bên ngoài.

3. An inner light is now shining upon the disciple, and if he recognizes it and responds properly, he becomes a "Chela in the Light". As well, due to his training during the stage of "Little Chelaship", a light is slowly growing within his aura. The light shining *upon* him increases the potency of the light growing *within* him.

3. Giờ đây, một ánh sáng bên trong đang chiếu lên đệ tử, và nếu y nhận ra ánh sáng ấy cùng đáp ứng đúng cách, y trở thành một "Đệ tử trong Ánh sáng". Đồng thời, nhờ sự huấn luyện trong giai đoạn "Địa vị tiểu đệ tử", một ánh sáng đang chậm rãi lớn mạnh trong hào quang của y. Ánh sáng chiếu *lên* y làm gia tăng sức mạnh của ánh sáng đang lớn lên *bên trong* y.

4. It is not, however, for the 'impressible' disciple to remain passive to the light which is directed to, and shines upon him. An interplay must be set up in which the light

4. Tuy nhiên, người đệ tử "dễ tiếp nhận ấn tượng" không nên mãi thụ động trước ánh sáng đang hướng đến và chiếu lên mình. Phải thiết lập một sự tương tác, trong đó ánh

growing within the disciple consistently invokes the greater light of the guiding advanced chela and that of the supervising Master—as well, of course, as the light of the soul.

5. A point of waxing light is being established within the disciple's consciousness, and through the presence of that light he can be guided.

6. There is something Mercurian or Geminian about this word, "response", and the stage that represents.

7. Also the idea of an older brother inwardly guiding a younger brother has a definitely Geminian cast.

8. From a still loftier perspective, the Solar Angel is an elder brother to the human monad in incarnation; similarly, the more advanced inner disciple involved in the work of inner supervision of the 'younger' chela, is, as well, an elder brother (though not nearly so advanced as the Solar Angel).

9. Although it cannot be said that the stage of "Chela in the Light" relates to the second initiation (as this second stage of discipleship occurs before that initiation, as does even "Accepted Discipleship"), the ideas of response and interplay *can* be reasonably related to the second initiation. Further the sign Gemini is often found present in those taking the second imitation.

3. Radiation, resulting in a sounding forth.

1. In this phrase light and sound are related. We have often heard the interesting idea

sáng đang lớn mạnh bên trong đệ tử liên tục khẩn cầu ánh sáng lớn hơn của người đệ tử tiến xa đang hướng dẫn y và ánh sáng của Chân sư đang giám sát—cũng như, dĩ nhiên, ánh sáng của linh hồn.

5. Một điểm ánh sáng ngày càng mạnh đang hình thành trong tâm thức của đệ tử, và nhờ sự hiện diện của ánh sáng ấy, y có thể được hướng dẫn.

6. Từ "đáp ứng" và giai đoạn mà nó biểu thị có một nét gì đó thuộc Sao Thủy hay Song Tử.

7. Ý tưởng về một người huynh trưởng hướng dẫn người em từ bên trong cũng mang sắc thái Song Tử rõ rệt.

8. Từ một góc nhìn còn cao hơn nữa, Thái dương Thiên Thần là một huynh trưởng đối với chân thần nhân loại đang lâm phàm; tương tự, người đệ tử bên trong tiến xa hơn, tham gia công việc giám sát bên trong đối với đệ tử "trẻ hơn", cũng là một huynh trưởng (dù chưa tiến xa gần bằng Thái dương Thiên Thần).

9. Dù không thể nói rằng giai đoạn "Đệ tử trong Ánh sáng" liên quan đến lần điểm đạo thứ hai (vì giai đoạn thứ hai này của địa vị đệ tử diễn ra trước cuộc điểm đạo ấy, ngay cả "Địa vị đệ tử được chấp nhận" cũng vậy), các ý tưởng về đáp ứng và tương tác *có thể* được liên hệ một cách hợp lý với lần điểm đạo thứ hai. Hơn nữa, dấu hiệu Song Tử thường hiện diện ở những người trải qua lần điểm đạo thứ hai.

3. Bức xạ, dẫn đến sự vang lên.

1. Trong cụm từ này, ánh sáng và âm thanh có liên hệ với nhau. Chúng ta thường nghe ý

that joy *sounds* or *resounds*.

2. When there is a condition of 'energic constraint'—when forces present to each other hamper or constrain each other—then light is obscured, and radiation (in the sense here meant) does not occur. Under such conditions the sound issuing forth from the disciple will also be constrained and will not project.

3. When, however, there is a clarification and harmonization of forces, and when *forces* (technically understood) enter into harmony with *energies* (technically understood), then light is released and the note of the disciple *sounds forth*.

4. We might reasonably relate the word "radiation" to the stage of "Accepted Discipleship", at which stage the relationship of the disciple to the work of the Ashram has found acceptance because it has become 'occultly acceptable'.

5. The "Accepted Disciple" is one whose note has truly gone forth because his life has become occultly radiatory. He is reaching his fellow men, lightening their path. He stands as a beacon to those who are still searching for what he has found.

6. During this stage of discipleship the Master may be quite assured of the disciple's motive and orientation. He has passed many tests, and with respect to those tests, has been found true and reliable.

7. It should be said that the stage of "radiation resulting in a sounding forth" finds its higher correspondence in the third

tưởng thú vị rằng sự hoan hỉ *vang lên* hay *ngân vang*.

2. Khi có tình trạng "năng lượng bị kìm hãm"—khi các mãnh lực cùng hiện diện cản trở hay kìm hãm lẫn nhau—thì ánh sáng bị che khuất, và bức xạ (theo nghĩa muốn nói ở đây) không diễn ra. Trong những điều kiện ấy, âm thanh phát ra từ đệ tử cũng sẽ bị kìm hãm và không thể phóng ra xa.

3. Tuy nhiên, khi các mãnh lực trở nên trong sáng và hài hòa, và khi *các mãnh lực* (hiểu theo nghĩa chuyên môn) đi vào sự hài hòa với *các năng lượng* (hiểu theo nghĩa chuyên môn), thì ánh sáng được giải phóng và âm điệu của đệ tử *vang lên*.

4. Chúng ta có thể liên hệ hợp lý từ "bức xạ" với giai đoạn "Địa vị đệ tử được chấp nhận"; ở giai đoạn này, mối quan hệ của đệ tử với công việc của ashram đã được chấp nhận vì nó đã trở nên "có thể chấp nhận được về mặt huyền bí".

5. "Đệ tử được chấp nhận" là người có âm điệu đã thực sự vang ra, vì đời sống của y đã trở nên có khả năng bức xạ về mặt huyền bí. Y đang đến với đồng loại, soi sáng con đường của họ. Y đứng như một ngọn hải đăng cho những ai vẫn đang tìm kiếm điều y đã tìm thấy.

6. Trong giai đoạn này của địa vị đệ tử, Chân sư có thể khá chắc chắn về động cơ và định hướng của đệ tử. Y đã vượt qua nhiều thử thách và, qua những thử thách ấy, đã chứng tỏ mình chân thực và đáng tin cậy.

7. Cần nói rằng giai đoạn "bức xạ dẫn đến sự vang lên" có sự tương ứng cao hơn trong lần điểm đạo thứ ba; vào lúc ấy, bức xạ gia tăng

initiation, at which time a significant augmentation in radiation occurs, and the initiated disciple's note is heard sounding forth in a way that truly represents the Spiritual Hierarchy, and in a manner relatively uncompromised by personal conditions.

đáng kể, và âm điệu của đệ tử đã được điểm đạo vang lên theo cách thực sự đại diện cho Thánh đoàn, đồng thời tương đối ít chịu sự hạn chế của những điều kiện cá nhân.

4. Respiration, resulting in creative work.

4. Hô hấp, dẫn đến công việc sáng tạo.

1. This occult phrase refers to the process of accessing the sources of inspiration.

1. Cụm từ huyền bí này đề cập đến tiến trình tiếp cận các nguồn cảm hứng.

2. Because there is now mutual response and interplay between soul and personality, the disciple may *breathe* occultly. The higher ethers begin to be exchanged for the lower.

2. Vì giờ đây có sự đáp ứng và tương tác qua lại giữa linh hồn và phàm ngã, đệ tử có thể *thở* theo nghĩa huyền bí. Các dĩ thái cao bắt đầu được trao đổi với các dĩ thái thấp.

3. The 'life line' along which this breath occurs is the antahkarana, with its relationship to those astrological factors which relate to (or "rule") the breath—Gemini and Mercury.

3. "Đường sống" mà hơi thở này diễn ra dọc theo chính là antahkarana, với mối liên hệ của nó với những yếu tố chiêm tinh có liên quan đến (hay "cai quản") hơi thở—Song Tử và Sao Thủy.

4. The first part of the antahkarana relates the egoic lotus (functioning under the influence of the Solar Angel) to the personality. The second phase in the building of the antahkarana (the building of the 'antahkarana proper') relates the personality to the spiritual triad.

4. Phần thứ nhất của antahkarana nối kết Hoa Sen Chân Ngã (hoạt động dưới ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần) với phàm ngã. Giai đoạn thứ hai trong việc xây dựng antahkarana (việc xây dựng "antahkarana đích thực") nối kết phàm ngã với Tam Nguyên Tinh Thần.

5. Some creative work of an individual/supra-individual kind emanates from the causal body. It might be called '*transpersonal* creativity'.

5. Một số công việc sáng tạo mang tính cá nhân/siêu cá nhân phát xuất từ thể nguyên nhân. Có thể gọi đó là "sự sáng tạo *vượt ngoài phàm ngã*".

6. However, the kind of creative work here referenced brings the Divine Plan into manifestation. It is the work of intuiting the Plan through accessing the spiritual triad (an impersonal matter) and finding ways to bring that which is accessed into expression.

6. Tuy nhiên, loại công việc sáng tạo được đề cập ở đây đưa Thiên Cơ vào biểu hiện. Đó là công việc trực nhận Thiên Cơ bằng cách tiếp cận Tam Nguyên Tinh Thần (một việc mang tính phi cá nhân) và tìm cách đưa những gì tiếp cận được vào biểu lộ.

7. The word, “respiration” suggests that this phase of work necessitates the establishment of a correct rhythm between the processes of invocation and evocation.

7. Từ “hô hấp” gợi ý rằng giai đoạn công việc này đòi hỏi phải thiết lập một nhịp điệu đúng đắn giữa các tiến trình khẩn cầu và gợi lên.

8. If, following the sequential pattern we have established, we relate this word and its result to the disciplic stage of “Chela on the Thread”, we can easily understand that the process of invocation and evocation occur, as it were, ‘along the antahkarana’.

8. Nếu theo mô hình tuần tự đã thiết lập, chúng ta liên hệ từ này và kết quả của nó với giai đoạn đệ tử “Đệ tử trên đường dây”, chúng ta có thể dễ dàng thấu hiểu rằng tiến trình khẩn cầu và gợi lên diễn ra, có thể nói, “dọc theo antahkarana”.

9. The disciple achieves the state called “on the thread” because he is registered as a creator working on behalf of the Divine Plan. This stage of discipleship has nothing to do with achieving greater ‘personal intimacy’ with the Master for no especially useful purpose.

9. Đệ tử đạt đến trạng thái gọi là “trên đường dây” vì y được ghi nhận là một người sáng tạo làm việc cho Thiên Cơ. Giai đoạn này của địa vị đệ tử không liên quan gì đến việc đạt được sự “thân mật cá nhân” lớn hơn với Chân sư mà chẳng nhằm mục đích hữu ích đặc biệt nào.

10. A higher correspondence of this word, “respiration”, can be considered the fourth initiation, at which point the initiated disciple begins truly to ‘breathe’ the “air” of the buddhic plane—the first plane through which the “life aspect of divinity” can be contacted. Just as “fire” is the element associated with the mental plane, so “air” is associated with the buddhic.

10. Có thể xem lần điểm đạo thứ tư là một sự tương ứng cao hơn của từ “hô hấp”; vào thời điểm ấy, đệ tử đã được điểm đạo bắt đầu thực sự “thở” “không khí” của cõi Bồ đề—cõi đầu tiên qua đó có thể tiếp xúc với “phương diện sự sống của thiên tính”. Cũng như “lửa” là nguyên tố gắn với cõi trí, “khí” gắn với cõi Bồ đề.

5. Reunion, resulting in the at-one-ment.

5. Tái hợp, dẫn đến sự hợp nhất.

1. The word “reunion” (resulting in the at-onement) definitely suggests access to the buddhic plane—the plane of at-onement.

1. Từ “tái hợp” (dẫn đến sự hợp nhất) rõ ràng gợi đến việc tiếp cận cõi Bồ đề—cõi của sự hợp nhất.

2. What is re-united? There are many unions along the Occult Path, but what seems to be suggested here is the reunion of the disciple with that which represents his spirit aspect—namely, the spiritual triad. The spiritual triad represents the monad just as the personality is meant to represent the

2. Điều gì được tái hợp? Có nhiều sự hợp nhất trên Con Đường Huyền Bí, nhưng điều dường như được gợi ý ở đây là sự tái hợp của đệ tử với cái đại diện cho phương diện tinh thần của y—tức là Tam Nguyên Tinh Thần. Tam Nguyên Tinh Thần đại diện cho chân thần, cũng như phàm ngã có nhiệm vụ đại

soul.

3. We note that what is written is "*the* at-onement" and not simply "at-onement". Because the word "the" is used, a specific stage upon the Path is suggested.

4. A higher correspondence of this stage can also be considered the fourth initiation, ruled as it is by the fourth ray, the 'Ray of At-one-ment'. One of the words of power related to the fourth initiation is "at-one-ment".

5. From another perspective, Mastership itself (the fifth initiation) can be considered a great "Reunion" in which all five aspects of the "superman" are united. Mastership climaxes the process of strictly *human* development. From an important perspective, the number *five* is the number of humanity (a being individualized by the *fifth* Creative Hierarchy.

6. The Stage of Discipleship to which we will relate this the word "reunion" (and is result) is "Chela within the aura". The 'occult distance' between the chela and the Master has been greatly reduced. The initiated disciple is 'taken in'; his will is rapidly merging with the Will of the Ashram, which reflects the Will of the Master (which, itself, reflects the higher Wills of the Christ and Sanat Kumara).

6. Reorientation, resulting in a clear vision of the Plan.

1. The term "reorientation" is used to describe a number of phases on the Path of Evolution. Every time there is a significant change of objective, we can justify the use of

diện cho linh hồn.

3. Chúng ta lưu ý rằng điều được viết là "sự hợp nhất *ấy*", chứ không đơn thuần là "sự hợp nhất". Việc sử dụng mạo từ xác định gợi đến một giai đoạn cụ thể trên Đường Đạo.

4. Cũng có thể xem lần điểm đạo thứ tư là một sự tương ứng cao hơn của giai đoạn này, vì cuộc điểm đạo ấy do cung bốn, "Cung Hợp Nhất", cai quản. Một trong những quyền năng từ liên quan đến lần điểm đạo thứ tư là "hợp nhất".

5. Từ một góc nhìn khác, chính quả vị Chân sư (lần điểm đạo thứ năm) có thể được xem là một cuộc "Tái Hợp" vĩ đại, trong đó cả năm phương diện của "siêu nhân" đều hợp nhất. Quả vị Chân sư đưa tiến trình phát triển thuần túy *nhân loại* đến tột đỉnh. Từ một góc nhìn quan trọng, số *năm* là con số của nhân loại (một sinh linh được biệt ngã hóa nhờ Huyền Giai Sáng Tạo *thứ năm*.

6. Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử mà chúng ta sẽ liên hệ với từ "tái hợp" này (và kết quả của nó) là "Đệ tử trong hào quang". "Khoảng cách huyền bí" giữa đệ tử và Chân sư đã giảm đi rất nhiều. Đệ tử đã được điểm đạo được "thu nhận vào"; ý chí của y đang nhanh chóng hòa nhập với Ý Chí của ashram, vốn phản ánh Ý Chí của Chân sư (bản thân Ý Chí ấy lại phản ánh những Ý Chí cao hơn của Đức Christ và Sanat Kumara).

6. Tái định hướng, dẫn đến một tầm nhìn rõ ràng về Thiên Cơ.

1. Thuật ngữ "tái định hướng" được dùng để mô tả một số giai đoạn trên Con Đường Tiến Hoá. Mỗi khi có một thay đổi đáng kể về mục tiêu, chúng ta đều có cơ sở để sử dụng thuật

this term.

2. Long before reaching the stage correlated with the word and phrase here given, the disciple has worked according to his understanding of the Divine Plan. The question is, "has his vision of the Divine Plan been really *clear*?"

3. Those who are still limited by consciousness as focussed within the causal body do not yet see the Plan as it really is.

4. We might say that the subplane of the cosmic physical plane related especially to the Divine Plane is the atmic plane. We know that atmic consciousness is no easy attainment, and is certainly beyond the reach of one who is classified as a "disciple" in the ordinary use of the term.

5. The atmic plane is ruled by the planet Saturn, which students of astrology will recognize as having a close relation to the Plan, and to the duty or dharma of bringing that Plan into manifestation.

6. If we look at the last three words in this series of Words for Disciples, we find "respiration", "reunion" and "reorientation". These three can reasonably be related to the three aspects of the spiritual triad—manas, buddhi and atma respectively. We will relate the word "radiation" to the egoic lotus and the causal sphere as a whole.

7. Atma is the triadal expression 'nearest' the monadic life. We can think of the word, "reorientation", as signifying a new orientation towards the "Will Aspect of Divinity"—a movement away from an orientation towards the second aspect to and

ngữ này.

2. Từ lâu trước khi đạt đến giai đoạn tương ứng với từ và cụm từ được nêu ở đây, đệ tử đã làm việc theo sự thấu hiểu của mình về Thiên Cơ. Câu hỏi là: "Tầm nhìn của y về Thiên Cơ đã thực sự *rõ ràng* chưa?"

3. Những ai vẫn còn chịu giới hạn của tâm thức tập trung trong thể nguyên nhân thì chưa thấy Thiên Cơ đúng như thực tại của nó.

4. Chúng ta có thể nói rằng cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ có liên hệ đặc biệt với Thiên Cơ là cõi atma. Chúng ta biết rằng tâm thức atma không dễ đạt được, và chắc chắn vượt ngoài tầm với của một người được xếp là "đệ tử" theo cách dùng thông thường của thuật ngữ ấy.

5. Cõi atma do hành tinh Sao Thổ cai quản; các đạo sinh chiêm tinh sẽ nhận ra hành tinh này có mối liên hệ mật thiết với Thiên Cơ và với bổn phận hay thiên chức đưa Thiên Cơ ấy vào biểu hiện.

6. Nếu xem ba từ cuối trong chuỗi Những Từ Dành Cho Đệ Tử này, chúng ta thấy "hô hấp", "tái hợp" và "tái định hướng". Có thể liên hệ hợp lý ba từ này với ba phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần—lần lượt là manas, Bồ đề và atma. Chúng ta sẽ liên hệ từ "bức xạ" với Hoa Sen Chân Ngã và toàn bộ khối cầu nguyên nhân.

7. Atma là sự biểu lộ của Tam nguyên tinh thần "gần" sự sống chân thần nhất. Chúng ta có thể nghĩ rằng từ "tái định hướng" biểu thị một định hướng mới về "Phương Diện Ý Chí của Thiên Tính"—một sự chuyển dịch từ định hướng về phương diện thứ hai sang

orientation towards the first aspect. The monadic principle embodies for man the first aspect of divinity, and atma is its closest 'outward' expression.

định hướng về phương diện thứ nhất. Đối với con người, nguyên khí chân thần hiện thân cho phương diện thứ nhất của thiên tính, và atma là sự biểu lộ "ra ngoài" gần nhất của nguyên khí ấy.

8. We should realize that we are discussing stages of development which pertain to the initiate consciousness. The six Words for Disciples are, therefore, being extended into areas of development which lie beyond the work of the normal disciple. The term "disciple" is, thus, being extended to include those who are initiated disciples—though *disciples nonetheless*, as are even the Christ and higher beings still.

8. Chúng ta nên nhận ra rằng mình đang bàn về những giai đoạn phát triển thuộc tâm thức điểm đạo đồ. Do đó, sáu Từ Dành Cho Đệ Tử đang được mở rộng sang những lĩnh vực phát triển vượt ngoài công việc của đệ tử thông thường. Như vậy, thuật ngữ "đệ tử" đang được mở rộng để bao gồm những người là đệ tử đã được điểm đạo—dù *vẫn là đệ tử*, cũng như ngay cả Đức Christ và những Đấng còn cao hơn nữa vẫn là đệ tử.

9. If we continue our correlation, we will find the phrase, "Reorientation resulting in a clear vision of the Plan" relating to the stage of "Chela within the Master's Heart". The atmic or 'nirvanic' plane will be involved, and the meaning of the term "heart" begins to suggest the *monad.*

9. Nếu tiếp tục sự đối chiếu của mình, chúng ta sẽ thấy cụm từ "Tái định hướng dẫn đến một tầm nhìn rõ ràng về Thiên Cơ" liên quan đến giai đoạn "Đệ tử trong Trái Tim của Chân sư". Cõi atma hay "Niết Bàn" sẽ tham gia, và ý nghĩa của thuật ngữ "trái tim" bắt đầu gợi đến *chân thần.*

10. A higher correspondence of the term "Reorientation" is the sixth initiation—the Decision. At that time, a choice is made by the Master; this choice, in most cases, reorients Him towards solar-systemic and cosmic destinations far beyond our Earth (the welfare of which served as his orientation for so many millennia).

10. Một sự tương ứng cao hơn của thuật ngữ "Tái định hướng" là lần điểm đạo thứ sáu—Quyết Định. Vào lúc ấy, Chân sư đưa ra một lựa chọn; trong phần lớn trường hợp, lựa chọn này tái định hướng Ngài về những đích đến thuộc hệ mặt trời và vũ trụ, vượt xa Trái Đất của chúng ta (mà phúc lợi của nó đã là hướng nhắm của Ngài suốt biết bao thiên niên kỷ).

11. A sixth degree initiate becomes a Planetary Life, and is placed in relation to the Divine Plan in an entirely new way. He begins to understand the Plan from the perspective of an assured "monadic awareness" and is brought into greater intimacy with Sanat Kumara's Divine Vision.

11. Một điểm đạo đồ bậc sáu trở thành một Sự Sống Hành Tinh và được đặt vào mối liên hệ với Thiên Cơ theo một cách hoàn toàn mới. Ngài bắt đầu thấu hiểu Thiên Cơ từ góc nhìn của một sự "nhận biết chân thần" vững chắc và được đưa vào mối liên hệ mật thiết hơn với Tầm Nhìn Thiêng Liêng của Sanat Kumara.

12. We can see, therefore, that "reorientation" interpreted in this manner would bring a far clearer vision of the Divine Plan as Sanat Kumara conceives it.

12. Do đó, chúng ta có thể thấy rằng "tái định hướng", khi được diễn giải theo cách này, sẽ đem lại một tầm nhìn rõ ràng hơn nhiều về Thiên Cơ như Sanat Kumara quan niệm.

THE SUBLIMATION OF THE FIVE HUMAN STAGES

SỰ THĂNG HOA CỦA NĂM GIAI ĐOẠN NHÂN LOẠI

Stage I.

Giai đoạn I.

The life has climbed the stairway long through daily use of form. Through the lesser three, with progress slow, the long path has been travelled. Another door stands open now. The words sound forth: "Enter upon the way of real desire."

Sự sống đã leo lên bậc thang dài qua việc sử dụng hình tướng hằng ngày. Qua ba giới thấp, với bước tiến chậm chạp, con đường dài đã được đi qua. Giờ đây, một cánh cửa khác mở ra. Những lời vang lên: "Hãy bước vào con đường của dục vọng đích thực."

The life, that only knows itself as form, enshrouds itself in vivid red, the red of known desire, and through the red all longed-for forms approach, are grasped and held, used and discarded, until the red changes to rose and rose to palest pink, and pink to white. Forth flowers then the pure white rose of life.

Sự sống, vốn chỉ biết mình là hình tướng, tự bao phủ trong màu đỏ rực, màu đỏ của dục vọng đã biết; và qua màu đỏ ấy, mọi hình tướng hằng khao khát đều tiến đến, được nắm bắt và giữ lấy, sử dụng rồi vứt bỏ, cho đến khi màu đỏ chuyển thành màu hồng hoa hồng, rồi thành màu hồng nhạt nhất, và màu hồng thành màu trắng. Bấy giờ, đóa hồng trắng tinh khiết của sự sống nở rộ.

The tiny rose of living life is seen in bud; not yet the full blown flower.

Đóa hồng bé nhỏ của sự sống đang sống được thấy còn là nụ; chưa phải đóa hoa nở trọn.

1. The "stairway" is one of the common symbols for the evolutionary process. Through this symbol, we understand the graded nature of the evolutionary ascent of humanity.

1. "Bậc thang" là một trong những biểu tượng thông dụng cho tiến trình tiến hoá. Qua biểu tượng này, chúng ta thấu hiểu tính chất từng cấp của sự đi lên trong tiến hoá nhân loại.

2. It is a familiar thought that progress in the earlier phases of evolution requires more time than in later phases. The time expended fulfilling the program of the third aspect of divinity takes longer than the

2. Một ý tưởng quen thuộc là sự tiến bộ trong những giai đoạn đầu của tiến hoá đòi hỏi nhiều thời gian hơn so với các giai đoạn sau. Thời gian dành để hoàn thành chương trình của phương diện thứ ba của thiên tính dài hơn thời gian dành cho chương trình của

program for the second and first aspects.

3. The “stairway long” can be seen as progress through the lower three kingdoms of nature. The door that “stands open” now can be understood as entry into the human kingdom, which, if true, would be the way of “real desire”.

4. The early human being knows itself only as form. The enshrouding red is the red of Mars (of rude desire) found in the desire body of unevolved people.

5. The approach at first is crude, grasping and holding, using and discarding. Crude desire determines, almost exclusively, all life processes.

6. A transformation then occurs as red changes to rose. When rose changes to pink or “palest pink”, Venus and Neptune have begun to positively condition the desire nature. The person is focussed on the higher levels of the higher astral plane.

7. When pink moves to white, the desire nature is entirely subdued, and the man is able to live the impersonal life. Not alone the soul influences the desire nature, but the spirit as well.

8. Eventually, the “pure white rose of life” flowers forth. Perhaps the rose of the soul might be considered to be pink in color or a deep and beautiful red. The rose of spirit is white—white representing the all-inclusiveness of the spirit.

9. We know of the egoic lotus, but it would seem that in the monadic sphere there is

phương diện thứ hai và thứ nhất.

3. Có thể xem “bậc thang dài” là sự tiến bộ qua ba giới thấp của thiên nhiên. Cánh cửa giờ đây “mở ra” có thể được hiểu là lối vào giới nhân loại; nếu đúng như vậy, đây sẽ là con đường của “dục vọng đích thực”.

4. Con người sơ khai chỉ biết mình là hình tướng. Màu đỏ bao phủ là màu đỏ của Sao Hỏa (của dục vọng thô sơ), hiện diện trong thể cảm dục của những người chưa tiến hoá.

5. Lối tiếp cận ban đầu còn thô sơ: nắm bắt và giữ lấy, sử dụng rồi vứt bỏ. Dục vọng thô sơ gần như quyết định toàn bộ các tiến trình sống.

6. Sau đó, một sự chuyển đổi diễn ra khi màu đỏ chuyển thành màu hồng hoa hồng. Khi màu hồng hoa hồng chuyển thành màu hồng nhạt hay “màu hồng nhạt nhất”, Sao Kim và Sao Hải Vương đã bắt đầu tác động tích cực lên bản chất dục vọng. Người ấy tập trung trên những cấp độ cao hơn của cõi thượng cảm dục.

7. Khi màu hồng chuyển sang màu trắng, bản chất dục vọng hoàn toàn được chế ngự, và con người có thể sống đời sống phi cá nhân. Không chỉ linh hồn mà cả tinh thần cũng ảnh hưởng đến bản chất dục vọng.

8. Cuối cùng, “đóa hồng trắng tinh khiết của sự sống” nở rộ. Có lẽ có thể xem đóa hồng của linh hồn mang màu hồng hoặc màu đỏ thẫm tuyệt đẹp. Đóa hồng của tinh thần có màu trắng—màu trắng biểu thị tính bao gồm tất cả của tinh thần.

9. Chúng ta biết về Hoa Sen Chân Ngã, nhưng dường như trong khối cầu chân thần

another flower, which could be called the "flower of life".

10. At the conclusion of the description of State I, we are brought back to the early stages. The rose is in bud and will have to wait for many incarnations to be full-blown.

Stage II.

The picture changes form. Another voice, coming from close at hand utters another phrase. The life continues on its way. "Enter the field where children play and join their game." Awakened to the game of life, the soul passes the gate.

[675]

The field is green and on its broad expanse the many forms of the one moving Life disport themselves; they weave the dance of life, the many patterned forms God takes. The soul enters "the playground of the Lord" and plays thereon until he sees the star with five bright points, and says: "My Star."

1. As consciousness changes, the "picture changes". Every change in consciousness can be described as a changing picture, a changing scene.

2. The voice, which signals the onset of a new phase, comes from "close at hand". It does not yet seem to be the voice of the soul.

3. The rising life is to become as a child and play the games of children upon the field of green.

4. The soul is passing through the broad gate

có một đóa hoa khác, có thể được gọi là "đóa hoa của sự sống".

10. Ở cuối phần mô tả Giai đoạn I, chúng ta được đưa trở lại những giai đoạn đầu. Đóa hồng còn là nụ và sẽ phải chờ qua nhiều kiếp lâm phàm mới nở trọn.

Giai đoạn II.

Bức tranh đổi dạng. Một giọng nói khác, đến từ rất gần, cất lên một câu khác. Sự sống tiếp tục con đường của mình. "Hãy bước vào cánh đồng nơi trẻ nhỏ vui chơi và tham gia trò chơi của chúng." Thức tỉnh trước trò chơi của sự sống, linh hồn bước qua cổng.

[675]

Cánh đồng xanh tươi, và trên khoảng rộng mênh mông ấy, muôn hình tướng của Sự Sống duy nhất đang vận động vui đùa; chúng dệt nên vũ điệu của sự sống, muôn hình tướng đa dạng mà Thượng đế khoác lấy. Linh hồn bước vào "sân chơi của Chúa Tể" và vui chơi nơi đó cho đến khi thấy ngôi sao với năm đỉnh sáng, rồi nói: "Ngôi Sao của tôi."

1. Khi tâm thức thay đổi, "bức tranh đổi thay". Mọi thay đổi trong tâm thức đều có thể được mô tả như một bức tranh biến đổi, một cảnh tượng biến đổi.

2. Giọng nói báo hiệu sự khởi đầu của một giai đoạn mới đến từ "rất gần". Dường như đó chưa phải là tiếng nói của linh hồn.

3. Sự sống đang vươn lên phải trở nên như một đứa trẻ và chơi những trò chơi của trẻ nhỏ trên cánh đồng xanh.

4. Linh hồn đang đi qua cánh cổng rộng để

into incarnation. It is the Gate of Cancer ruled in part by the third ray, the *green* ray.

lâm phàm. Đó là Cổng Cự Giải, do cung ba, cung *xanh lá*, cai quản một phần.

5. The soul in incarnation is now subject to the third ray, the ray of 'games' (for a true seriousness ['Sirius-ness'] has not entered the consciousness of the immature human being).

5. Linh hồn đang lâm phàm giờ đây chịu ảnh hưởng của cung ba, cung của những 'trò chơi' (vì sự nghiêm túc đích thực ['tính chất Thiên Lang'] vẫn chưa đi vào tâm thức của con người chưa trưởng thành).

6. The man desires to 'play the game' without really knowing its nature or cause.

6. Con người mong muốn 'tham gia trò chơi' mà không thực sự biết bản chất hay nguyên nhân của nó.

7. The third ray is strongly involved, as we can understand by focussing on the phrase "the many forms of the one moving Life". These forms search for pleasure, the satisfaction of personality desire, hence they "disport themselves".

7. Cung ba có liên hệ mật thiết, như chúng ta có thể thấu hiểu khi tập trung vào cụm từ "nhiều hình tướng của Sự Sống duy nhất đang vận động". Những hình tướng này tìm kiếm khoái lạc, sự thỏa mãn dục vọng của phàm ngã, vì thế chúng "vui đùa thỏa thích".

8. The term "weave" is also connected with the third ray, the Ray of the "Weaver". It is the "Ray of Activity", and the "dance of life" reflects this activity. The "many patterned forms God takes" reflect the multiplicity and fecundity of the third ray.

8. Từ "dệt" cũng liên quan đến cung ba, Cung của "Người Thợ Dệt". Đó là "Cung Hoạt Động", và "vũ điệu của sự sống" phản ánh hoạt động này. "Nhiều hình tướng với muôn kiểu mẫu mà Thượng đế khoác lấy" phản ánh tính đa dạng và sức sinh sôi phong phú của cung ba.

9. So many today are disporting themselves upon the "playground of the Lord" (the Lord, understood as the Planetary Logos). Playing is as a rehearsal. The meaning of it all is unknown to the *playing* life.

9. Ngày nay, rất nhiều người đang vui đùa thỏa thích trên "sân chơi của Chúa Tể" (Chúa Tể ở đây được hiểu là Hành Tinh Thượng đế). Vui chơi giống như một cuộc diễn tập. Sự sống đang *vui chơi* chưa biết ý nghĩa của tất cả những điều ấy.

10. A star with five bright points is seen. The fifth principle of mind is now becoming more powerful. Man begins to understand his separateness and uniqueness (Leo, the fifth sign) and wants to cultivate himself—ambitiously.

10. Một ngôi sao với năm đỉnh sáng hiện ra. Nguyên khí thứ năm của trí tuệ giờ đây đang trở nên mạnh mẽ hơn. Con người bắt đầu thấu hiểu tính riêng biệt và độc đáo của mình (Sư Tử, dấu hiệu thứ năm) và muốn trau dồi bản thân—với đầy tham vọng.

11. He can now begin to become serious—

11. Giờ đây, y có thể bắt đầu trở nên nghiêm

serious about *himself*.

Stage III.

The way of red desire fails. It loses its allure. The playground of the sons of God no longer holds appeal. The voice which has twice sounded from out the world of form sounds now within the heart. The challenge comes: "Prove thine own worth. Take to thyself the orange ball of thy one-pointed purpose." Responsive to the sounded word, the living soul, immersed in form, emerges from the many forms and hews its onward way. The way of the destroyer comes, the builder and again the tearer down of forms. The broken forms hold not the power to satisfy. The soul's own form is now the great desire, and thus there comes the entering of the playground of the mind.

But in these dreams and fantasies, at times a vision comes—a vision of a folded lotus flower, close petalled, tightly sealed, lacking aroma yet, but bathed in cold blue light.

Orange and blue in some more distant time will blended be, but far off yet the date. Their blending bathes the bud in light and causes future opening. Let the light shine.

1. The rising life tires of that which is not of the essence. Red desire is the first to fail—a desire for inconsequential things. The "playground of the sons of God" is also seen to be insubstantial.

túc—nghiêm túc về *chính mình*.

Giai đoạn III.

Con đường của dục vọng đỏ không còn hiệu quả. Nó mất đi sức quyến rũ. Sân chơi của những người con của Thượng đế không còn hấp dẫn. Tiếng nói đã hai lần vang lên từ thế giới hình tướng giờ đây vang lên trong tim. Lời thách thức cất lên: "Hãy chứng tỏ giá trị của chính ngươi. Hãy nắm lấy quả cầu màu cam của mục đích nhất tâm của ngươi." Đáp ứng linh từ đã vang lên, linh hồn sống động, đang đắm chìm trong hình tướng, thoát ra khỏi muôn hình tướng và mở lối tiến lên. Con đường của kẻ hủy diệt xuất hiện, của đấng kiến tạo rồi lại phá đổ hình tướng. Những hình tướng tan vỡ không còn khả năng làm thỏa mãn. Giờ đây, hình tướng của chính linh hồn trở thành dục vọng lớn lao, và như thế, linh hồn bước vào sân chơi của thể trí.

Nhưng giữa những giấc mơ và mộng tưởng ấy, đôi lúc một linh ảnh xuất hiện—linh ảnh về một đóa hoa sen còn khép, các cánh hoa khép sát, kín chặt, chưa tỏa hương, nhưng tắm trong ánh sáng xanh lam lạnh.

Màu cam và xanh lam sẽ hòa quyện vào một thời điểm xa hơn, nhưng ngày ấy vẫn còn xa. Sự hòa quyện của chúng tắm nụ hoa trong ánh sáng và khiến hoa nở trong tương lai. Hãy để ánh sáng tỏa chiếu.

1. Sự sống đang vươn lên trở nên chán ngán những gì không thuộc về bản chất cốt yếu. Dục vọng đỏ là điều đầu tiên không còn hiệu quả—dục vọng đối với những điều không đáng kể. "Sân chơi của những người con của Thượng đế" cũng được nhận thấy là thiếu thực chất.

2. The voice has twice sounded, once in relation to red and once in relation to green. Red and green (in this context) have represented the inclinations of the lunar lords, per se, and they have sounded exclusively in the world of form.

2. Tiếng nói đã vang lên hai lần, một lần liên quan đến màu đỏ và một lần liên quan đến màu xanh lá. Trong ngữ cảnh này, đỏ và xanh lá đã biểu trưng cho những khuynh hướng của chính các nguyệt tinh quân, và chúng chỉ vang lên trong thế giới hình tướng.

3. A new 'locus of sounding' emerges; it is the *heart*. Thus, it is closer to the essence, to the "heart of the matter".

3. Một 'vị trí phát tiếng' mới xuất hiện; đó là *trái tim*. Vì thế, nó gần với bản chất cốt yếu hơn, với "cốt lõi của vấn đề".

4. The man is now more fully an *individuality,* and is relating to the orange of Leo by seizing the "orange ball of one-pointed purpose".

4. Giờ đây, con người trở thành một *cá thể* trọn vẹn hơn, và đang liên hệ với màu cam của Sư Tử bằng cách nắm lấy "quả cầu màu cam của mục đích nhất tâm".

5. The will is now stimulated and personal purpose emerges.

5. Giờ đây, ý chí được kích thích và mục đích cá nhân xuất hiện.

6. The ambitious unit of life emerges from the mass consciousness of Cancer and, with emphasis upon his personal will, "hews" his way—meaning that he knocks others out of his way as he concentrates upon the fulfillment of his own desires. Caring little about the impact of his actions on others, he naturally generates a great deal of negative karma.

6. Đơn vị sự sống đầy tham vọng thoát ra khỏi tâm thức quần chúng của Cự Giải và, chú trọng vào ý chí cá nhân, "mở" đường cho mình—nghĩa là y gạt người khác ra khỏi đường đi khi tập trung vào việc thỏa mãn những dục vọng của chính mình. Ít quan tâm đến tác động của hành động mình đối với người khác, y tất nhiên tạo ra rất nhiều nghiệp quả tiêu cực.

7. The *personality* becomes most important to the indwelling consciousness, and that personality, in order to assert itself, often turns destructive to the surrounding environment. Leo transmits the separative fifth ray and the powerful, egocentric first ray.

7. Đối với tâm thức ngự bên trong, *phàm ngã* trở nên quan trọng nhất, và để khẳng định mình, phàm ngã ấy thường quay sang phá hoại môi trường xung quanh. Sư Tử truyền dẫn cung năm mang tính chia rẽ và cung một mạnh mẽ, lấy bản ngã làm trung tâm.

8. But no desired form, willfully approached and grasped, can satisfy, because, really, the power of spirit (though distorted) is at work.

8. Nhưng không một hình tướng được ham muốn nào, dù được quyết chí tiếp cận và nắm lấy, có thể đem lại sự thỏa mãn, bởi thực ra quyền năng của tinh thần (dù đã bị

bóp méo) đang hoạt động.

9. This way of life, however, fails to satisfy. At time, emerging in dreams and fantasies, the soul's form comes into view and a subtle inner longing arises. The outer playground gives way to the inner playground, the mind, much closer to the soul.

9. Tuy nhiên, lối sống này không đem lại sự thỏa mãn. Đôi lúc, hình tướng của linh hồn hiện ra trong những giấc mơ và mộng tưởng, và một niềm khao khát tinh tế bên trong nảy sinh. Sân chơi bên ngoài nhường chỗ cho sân chơi bên trong, tức thể trí, vốn gần linh hồn hơn nhiều.

10. The vision of the soul is presented as a closed lotus, lacking aroma, and surrounded by the deep blue of spirit. (In an astrological chart, the triangles representing spirit are to be dawn in blue!)

10. Linh ảnh về linh hồn được trình bày như một đóa sen còn khép, chưa tỏa hương, được màu xanh lam thẫm của tinh thần bao quanh. (Trong lá số chiêm tinh, những tam giác biểu trưng cho tinh thần phải được vẽ bằng màu xanh lam!)

11. The "cold blue light" which bathes the flower also suggests the clear cold light of the buddhic plane. Buddhi is sometimes considered blue, just as the monad is.

11. "Ánh sáng xanh lam lạnh" tắm đóa hoa cũng gợi đến ánh sáng trong trẻo, lạnh của cõi Bồ đề. Đôi khi Bồ đề được xem là có màu xanh lam, cũng như chân thần.

12. The words about the tightly sealed flower must be symbolic, because by the time a man begins to be interested in the soul, certain of the petals have necessarily unfolded, thus could not be "tightly sealed". As for lack of aroma, this is possible, as a person in incarnation becomes (causally) a "Lotus with Perfume" only in stages of evolution quite beyond the stage here described..

12. Những lời nói về đóa hoa khép kín chặt hẳn mang tính biểu tượng, bởi đến khi một người bắt đầu quan tâm đến linh hồn, một số cánh hoa nhất thiết đã khai mở, nên không thể còn "khép kín chặt". Còn việc chưa tỏa hương thì có thể xảy ra, vì một người đang lâm phàm chỉ trở thành một "Hoa Sen Tỏa Hương" (xét về thể nguyên nhân) ở những giai đoạn tiến hoá vượt khá xa giai đoạn được mô tả ở đây.

13. The orange relates to Leo and the personality. A personality is distinct (under the cleaving power of the fifth ray) from others. But blue is of the soul and spirit, and must be blended with the orange. This blending would signal the blending of the fifth and second rays. In general, orange and blue are complementary colours.

13. Màu cam liên quan đến Sư Tử và phàm ngã. Một phàm ngã tách biệt với những phàm ngã khác (dưới quyền năng phân tách của cung năm). Nhưng xanh lam là màu của linh hồn và tinh thần, và phải hòa quyện với màu cam. Sự hòa quyện này sẽ báo hiệu sự hòa quyện của cung năm và cung hai. Nhìn chung, cam và xanh lam là những màu bổ túc cho nhau.

14. This blending cannot occur until soul culture is well on its way.

14. Sự hòa quyện này chỉ có thể xảy ra khi việc vun bồi linh hồn đã tiến triển vững vàng.

15. The blending of blue and orange, as symbol of soul culture, contributes to the opening of the lotus bud, and the causal body unfolds fully.

15. Sự hòa quyện của xanh lam và cam, như một biểu tượng của việc vun bồi linh hồn, góp phần làm nụ sen nở ra, và thể nguyên nhân khai mở trọn vẹn.

16. What is suggested is that many lives must be spent in the orange period before the chastened personality begins to follow its subjective visions leading to the merging of soul and personality.

16. Điều được gợi ý là phải trải qua nhiều kiếp sống trong thời kỳ màu cam trước khi phàm ngã đã được tôi luyện bắt đầu đi theo những linh ảnh chủ quan của mình, dẫn đến sự hòa nhập giữa linh hồn và phàm ngã.

Stage IV.

Giai đoạn IV.

Into the dark the life proceeds. A different voice seems to sound forth. "Enter the cave and find your own; walk in the dark and on your head carry a lighted lamp." The cave is dark and lonely; cold is it and a place of many sounds and voices. The voices of the many sons of God, left playing on the playground of the Lord, make their appeal for light. The cave is long and narrow. The air is full of fog. The sound of running water meets the rushing sound of wind, and frequent roll of thunder.

Sự sống tiến vào bóng tối. Dường như một tiếng nói khác vang lên. “Hãy vào hang và tìm điều thuộc về ngươi; hãy bước trong bóng tối và mang trên đầu một ngọn đèn đã thắp sáng.” Hang tối tăm và cô quạnh; lạnh lẽo và đầy những âm thanh, tiếng nói. Tiếng nói của nhiều người con của Thượng đế, còn ở lại vui chơi trên sân chơi của Chúa Tể, cất lời khẩn cầu ánh sáng. Hang dài và hẹp. Không khí đầy sương mù. Tiếng nước chảy hòa cùng tiếng gió ào ào và những hồi sấm thường xuyên vang dội.

Far off, dim and most vaguely seen, appears an oval opening, its colour blue. Stretched athwart this space of blue, a rosy cross is seen, and at the centre of the cross, where four [676] arms meet, a rose. Upon the upper limb, a vibrant diamond shines, within a star five-pointed.

Ở đằng xa xuất hiện một cửa mở hình bầu dục màu xanh lam, mờ nhạt và rất khó thấy. Một thập giá hồng trải ngang khoảng xanh lam ấy, và ở tâm thập giá, nơi bốn [676] nhánh giao nhau, có một đóa hồng. Trên nhánh phía trên, một viên kim cương rung động tỏa sáng bên trong một ngôi sao năm cánh.

The living soul drives forward towards the cross which bars his way to life, revealed and known.

Linh hồn sống động dấn bước tiến về phía thập giá đang chắn đường mình đến sự sống đã hiển lộ và được nhận biết.

Not yet the cross is mounted and, therefore, left behind. But onward goes the living soul, eyes fixed upon the cross, ears open to the wailing cries of all his brother souls.

Chưa đến lúc leo lên thập giá và do đó để nó lại phía sau. Nhưng linh hồn sống động vẫn tiến bước, mắt chăm chú nhìn thập giá, tai lắng nghe những tiếng than khóc của tất cả các linh hồn huynh đệ.

1. We note that the human unit, having achieved much through mental cultivation and soul culture, now purposefully enters the dark—the dark of ignorance and mass consciousness which he has long transcended. A voice only "seems" to speak. It is a different kind of voice than spoke to him at first, and is, initially, heard more faintly. It is the still, small voice of the soul.

1. Chúng ta lưu ý rằng đơn vị nhân loại, sau khi đạt được nhiều điều qua việc trau dồi trí tuệ và vun bồi linh hồn, giờ đây chủ động đi vào bóng tối—bóng tối của vô minh và tâm thức quần chúng mà y đã vượt qua từ lâu. Một tiếng nói chỉ "dường như" đang cất lên. Đó là một loại tiếng nói khác với tiếng nói đã ngỏ lời với y lúc đầu, và ban đầu y nghe thấy nó yếu ớt hơn. Đó là tiếng nói nhỏ nhẹ, tĩnh lặng của linh hồn.

2. The dark is the dark of normal life—for the playground of life is really a darkened place. The way of red desire is even darker.

2. Bóng tối ấy là bóng tối của đời sống thông thường—vì sân chơi của sự sống thực sự là một nơi tối tăm. Con đường của dục vọng đỏ còn tối tăm hơn nữa.

3. The rising life, the advancing human being, now sensitive to the soul, is meant to carry a lighted lamp on his head. He is to be a light-bearer to others who are trapped on the playground which is really pervaded by glamor. (He is equipped with both intelligence and a measure of love. We note that in the Law of Repulse formula for the third ray; the Weaver supports a candle on his head. There has been progress, however, now that the unit of life is willing to enter the darkness. The candle of concrete intelligence has become "a lighted lamp" radiating the illumination of the soul through the mind.)

3. Sự sống đang vươn lên, con người đang tiến bước, giờ đây nhạy cảm với linh hồn, phải mang trên đầu một ngọn đèn đã thắp sáng. Y phải trở thành người mang ánh sáng đến cho những người khác đang mắc kẹt trên sân chơi vốn thực sự tràn ngập ảo cảm. (Y có cả trí thông minh lẫn một mức độ tình thương. Chúng ta lưu ý rằng trong công thức cung ba của Định luật Đẩy Lùi, Người Thợ Dệt đội một ngọn nến trên đầu. Tuy nhiên, giờ đây đã có sự tiến bộ khi đơn vị sự sống sẵn lòng đi vào bóng tối. Ngọn nến của trí thông minh cụ thể đã trở thành "một ngọn đèn đã thắp sáng", tỏa ánh sáng soi rọi của linh hồn qua thể trí.)

4. The advancing man walks through the long cave. There is really no escape; he has very little latitude for movement. There is little to be seen, for the air is full of fog. The running water in the cave is the effect of the

4. Con người đang tiến bước đi xuyên qua hang dài. Thực sự không có lối thoát; y có rất ít khoảng trống để di chuyển. Chẳng nhìn thấy được bao nhiêu, vì không khí đầy sương mù. Nước chảy trong hang là hiệu quả của

turbulent astral plane and the rushing wind, of the uncontrolled mind. The thunder can be understood as a threatening storm caused by incompatible energies, but it can also be the voice of the soul (speaking generally and in relation to the second ray). The second ray is symbolically related to thunder.

cõi cảm dục hỗn loạn, còn gió ào ào là hiệu quả của thể trí chưa được kiểm soát. Có thể hiểu sấm là một cơn bão đe dọa do những năng lượng không tương hợp gây ra, nhưng nó cũng có thể là tiếng nói của linh hồn (nói chung và trong mối liên hệ với cung hai). Về mặt biểu tượng, cung hai liên quan đến sấm.

5. The far off oval can be associated with the oval nature of the aura. This image also suggests that opening called the "cave" within the head. The blue suggests the wide spiritual life beyond the human condition, but before that life can be accessed, the rosy cross must be encountered and traversed.

5. Hình bầu dục ở đằng xa có thể liên hệ với hình dạng bầu dục của hào quang. Hình ảnh này cũng gợi đến cửa mở gọi là "hang" bên trong đầu. Màu xanh lam gợi đến đời sống tinh thần rộng lớn vượt ngoài thân phận con người, nhưng trước khi có thể tiếp cận đời sống ấy, phải gặp và vượt qua thập giá hồng.

6. The rosy cross suggests the need for loving sacrifice. It cannot be left behind until the necessary sacrifice is made.

6. Thập giá hồng gợi đến nhu cầu hi sinh trong tình thương. Chỉ khi thực hiện sự hi sinh cần thiết mới có thể để nó lại phía sau.

7. Now the rising life is named a "living soul" (so great has been the advancement through the process of illumining the way for others).

7. Giờ đây, sự sống đang vươn lên được gọi là một "linh hồn sống động" (sự tiến bộ qua tiến trình soi sáng đường cho người khác đã lớn lao đến thế).

8. Despite the difficulty and danger, the living soul goes forward, with eyes fixed upon the cross, thus intent on sacrifice.

8. Bất chấp khó khăn và hiểm nguy, linh hồn sống động vẫn tiến bước, mắt chăm chú nhìn thập giá, vì thế nhất tâm hướng đến sự hi sinh.

9. The "ears" of the living soul are focussed on the wailing cries of his brother souls". He has forgotten himself in the fulfilling of his brother's needs.

9. "Tai" của linh hồn sống động tập trung vào "những tiếng than khóc của các linh hồn huynh đệ". Y đã quên mình trong việc đáp ứng nhu cầu của huynh đệ mình.

Stage V.

Giai đoạn V.

Out into radiant life and light! The cave is left behind; the cross is overturned; the way stands clear. The word sounds clear within the head and not within the heart. "Enter again the playground of the Lord and this time lead the games." The way upon the

Bước ra sự sống rạng ngời và ánh sáng! Hang động đã ở lại phía sau; thập giá đã lật đổ; con đường rộng mở. Linh từ vang rõ trong đầu chứ không còn trong tim. "Hãy trở lại sân chơi của Chúa Tể và lần này hãy dẫn dắt các trò chơi." Con đường trên vế thang thứ hai bị

second tier of stairs stands barred, this by the soul's own act. No longer red desire governs all the life, but now the clear blue flame burns strong. Upon the bottom step of the barred way he turns back and passes down the stairs on to the playground, meeting dead shells built in an earlier stage, stepping upon forms discarded and destroyed, and holding forth the hands of helpfulness. Upon his shoulder sits the bird of peace; upon his feet the sandals of the messenger.

chặn lại, do hành động của chính linh hồn. Dục vọng đỏ không còn chi phối toàn bộ sự sống, mà giờ đây ngọn lửa xanh lam trong trẻo cháy mạnh. Trên bậc thấp nhất của con đường bị chặn, y quay lại và đi xuống cầu thang đến sân chơi, gặp những vỏ bọc đã chết được xây dựng ở một giai đoạn trước, bước lên những hình tướng đã bị loại bỏ và hủy diệt, và đưa đôi tay trợ giúp. Trên vai y đậu con chim hòa bình; trên chân y là đôi dép của sứ giả.

Not yet the utter glory of the radiant life! Not yet the entering into everlasting peace! But still the work, and still the lifting of the little ones.

Chưa phải vinh quang trọn vẹn của sự sống rạng ngời! Chưa phải lúc bước vào sự bình an vĩnh cửu! Mà vẫn còn công việc, vẫn còn việc nâng đỡ những kẻ bé nhỏ.

1. The limiting cave is left behind. No longer is there dark and fog, but wide vision.

1. Hang động gò bó đã ở lại phía sau. Không còn bóng tối và sương mù, mà là tầm nhìn rộng mở.

2. He can now truly see and knows exactly the way he must go.

2. Giờ đây, y có thể thực sự thấy và biết chính xác con đường mình phải đi.

3. The word, once sounding in his heart, now sounds within his head—for the spiritual will has awakened within him and he can function through the heart within the head—the organ which intuitively reveals the future..

3. Linh từ từng vang lên trong tim y giờ đây vang lên trong đầu—vì ý chí tinh thần đã thức tỉnh bên trong y, và y có thể hoạt động qua trái tim trong đầu—cơ quan mặc khải tương lai bằng trực giác.

4. He is to follow the voice of the higher will, entering the playground of the Lord as a leader and director. Thus, the significance of the head, through which leadership and directive power are focussed.

4. Y phải đi theo tiếng nói của ý chí cao siêu, bước vào sân chơi của Chúa Tể với tư cách người lãnh đạo và chỉ đạo. Đó là thâm nghĩa của đầu, nơi tập trung khả năng lãnh đạo và quyền năng chỉ đạo.

5. There is a second tier of stairs, which relates to the Way of Higher evolution, but the sacrificial soul resolves not to tread those stairs until its quota of redemptive work is fulfilled.

5. Có một vế thang thứ hai, liên quan đến Con đường Tiến Hóa Cao Siêu, nhưng linh hồn hi sinh quyết không bước lên những bậc thang ấy cho đến khi hoàn thành phần công việc cứu chuộc của mình.

6. His merit has brought him to the bottom step of the Higher Way

, but voluntarily he turns his back and passes down the stairs he has successfully ascended, meeting his past in the form of the many shells (from which he is completely detached).

7. His task is now entirely benevolent. He offers "the hands of helpfulness", helping others to ascend the stairs he ascended long ago.

8. The "bird of peace" which sits upon his shoulders has alighted there because he serves the Christ and can focus the buddhic energy (the energy of peace and harmony).

9. He wears the "sandals of the messenger"—the messenger of Hierarchy. He is toiling in the 'area' of the Common Cross, and thus the significance of the signs Pisces (the feet), and Gemini and Sagittarius (both associated, at a certain stage of evolution, with the bearing of messages from above). He is filled with love and can bring that love to those struggling upon the Mutable Cross—the Cross whereon the third aspect of divinity is developed and expressed.

10. The "utter glory of radiant life" comes to the liberated monad. He stands nearly at that level of liberation, but chooses to remain 'below' rather than release himself from the area of urgent need focussed in the lower worlds. Thus, the utter peace of the monad is not yet his. Instead he remains as a great toiler on behalf of humanity and the "little ones". His, the task to uplift, and this he pursues until his term of service is ended.

6. Công đức đã đưa y đến bậc thấp nhất của Con Đường Cao Siêu

, nhưng y tự nguyện quay lưng và đi xuống những bậc thang mình đã vượt lên thành công, gặp lại quá khứ dưới hình thức nhiều vỏ bọc (mà y đã hoàn toàn tách rời).

7. Giờ đây, nhiệm vụ của y hoàn toàn mang tính thiện lành. Y đưa "đôi tay trợ giúp", giúp người khác bước lên những bậc thang mà y đã vượt lên từ lâu.

8. "Con chim hòa bình" đậu trên vai y đã đáp xuống đó vì y phụng sự Đức Christ và có thể tập trung năng lượng Bồ đề (năng lượng của hòa bình và hòa hợp).

9. Y mang "đôi dép của sứ giả"—sứ giả của Thánh đoàn. Y đang lao động trong 'phạm vi' của Thập Giá Thông Thường, và đó là thâm nghĩa của các dấu hiệu Song Ngư (bàn chân), cùng Song Tử và Nhân Mã (cả hai, ở một giai đoạn tiến hoá nhất định, đều liên quan đến việc mang thông điệp từ trên cao). Y tràn đầy tình thương và có thể mang tình thương ấy đến với những người đang phấn đấu trên Thập Giá Biến đổi—Thập Giá nơi phương diện thứ ba của thiên tính được phát triển và biểu hiện.

10. "Vinh quang trọn vẹn của sự sống rạng ngời" đến với chân thần đã giải thoát. Y đứng gần đến mức độ giải thoát ấy, nhưng chọn ở lại 'bên dưới' thay vì tự giải phóng khỏi phạm vi nhu cầu cấp thiết tập trung trong các cõi thấp. Vì thế, sự bình an trọn vẹn của chân thần vẫn chưa thuộc về y. Thay vào đó, y ở lại như một người lao động vĩ đại vì nhân loại và "những kẻ bé nhỏ". Nhiệm vụ của y là nâng đỡ, và y theo đuổi nhiệm vụ ấy cho đến

khi thời hạn phụng sự của mình kết thúc.

DISCIPLESHIP AND PAIN

"The sons of God, who know and see and hear (and knowing, know they know) suffer the pain of conscious limitation. Deep in the inmost depths of conscious being, their lost estate of liberty eats like a canker. Pain, sickness, poverty and loss are seen as such, and from them every son of God revolts. He knows that in himself, as once he was before he entered prisoner into form, he knew not pain. Sickness and death, corruption and disease, they touched him not. The riches of the universe were his, and naught he knew of loss.

1. The individualized, self-conscious human being can stand back from himself and *know* that he knows. His is a particular pain—the pain of*conscious* limitation, arising because deep within his nature, he 'knows' himself to be spirit.

2. Spirit rebels at its confinement in matter. The states to which it is subjected through its voluntary sacrifice (pain, sickness, poverty and loss) are not natural to spirit.

3. The factor of comparison, in this and many cases, is a great cause of pain.

4. Pain and duality are inseparable. It has been said in the Vedantic Teaching, "Wherever there are two, there is fear." We might also say, "Wherever there are two, there is pain", however subtle that pain may

ĐỊA VỊ ĐỆ TỬ VÀ ĐAU KHỔ

"Những người con của Thượng đế, những người biết, thấy và nghe (và trong khi biết, biết rằng mình biết), chịu nỗi đau của sự giới hạn hữu thức. Sâu trong tận cùng hiện hữu có ý thức, trạng thái tự do đã mất gặm nhấm họ như một vết loét. Đau khổ, ốm đau, nghèo khó và mất mát được nhìn nhận đúng như chúng là, và mọi người con của Thượng đế đều phản kháng chúng. Y biết rằng trong chính mình, như thuở trước khi bước vào hình tướng làm tù nhân, y từng không biết đến đau khổ. Ốm đau và cái chết, sự mục nát và bệnh tật, chúng không chạm đến y. Sự giàu có của vũ trụ từng thuộc về y, và y chẳng biết gì về mất mát.

1. Con người đã biệt ngã hóa, có ngã thức, có thể lùi lại để quan sát chính mình và *biết* rằng mình biết. Y có một nỗi đau đặc biệt—nỗi đau của sự giới hạn *hữu thức*, nảy sinh vì sâu trong bản chất mình, y 'biết' mình là tinh thần.

2. Tinh thần phản kháng sự giam hãm trong vật chất. Những trạng thái mà tinh thần phải chịu qua sự hi sinh tự nguyện của mình (đau khổ, ốm đau, nghèo khó và mất mát) không phải là những trạng thái tự nhiên đối với tinh thần.

3. Trong trường hợp này và nhiều trường hợp khác, yếu tố so sánh là một nguyên nhân lớn gây đau khổ.

4. Đau khổ và nhị nguyên không thể tách rời. Giáo lý Vedanta từng nói: "Ở đâu có hai, ở đó có sợ hãi." Chúng ta cũng có thể nói: "Ở đâu có hai, ở đó có đau khổ", dù nỗi đau ấy tinh tế đến đâu.

be.

5. We are told that the psychology of the "Divine Rebel" is most prominent on our planet because of the limitation of expression sensed by our Planetary Logos. This rebellion transfers to all Sons of God under His sway.

5. Chúng ta được cho biết rằng tâm lý của "Đấng Phản Kháng Thiêng Liêng" nổi bật nhất trên hành tinh chúng ta, vì Hành Tinh Thượng đế của chúng ta cảm nhận sự giới hạn trong biểu hiện. Sự phản kháng này truyền sang tất cả những người Con của Thượng đế dưới quyền Ngài.

"The lives that enter into form along with lives self-conscious, the deva lives which build the forms indwelt by all the sons of God, they know not pain or loss or poverty. [677] The form decays, the other forms retire, and that which is required to nourish and keep strong the outer, lacks. But lacking also will and planned intent, they feel no aggravation and know not clear revolt."

"Những sự sống đi vào hình tướng cùng với những sự sống có ngã thức, những sự sống thiên thần xây dựng các hình tướng mà tất cả những người con của Thượng đế ngự trong đó, không biết đến đau khổ, mất mát hay nghèo khó. [677] Hình tướng suy tàn, những hình tướng khác rút lui, và những gì cần thiết để nuôi dưỡng, giữ cho phần bên ngoài mạnh mẽ trở nên thiếu hụt. Nhưng vì cũng thiếu ý chí và chủ định có kế hoạch, chúng không cảm thấy nỗi khổ gia tăng và không biết đến sự phản kháng rõ rệt."

1. The stanza above brings the nature of the "deva lives" into focus. They enter into form with the self-conscious lives, but do not suffer pain and loss as do these self-conscious lives.

1. Bài kệ trên làm nổi bật bản chất của "những sự sống thiên thần". Chúng đi vào hình tướng cùng với những sự sống có ngã thức, nhưng không chịu đau khổ và mất mát như những sự sống có ngã thức ấy.

2. The devas are participants in the process of decay and disintegration, just as man is, but the kind of devas here under discussion lack "will and planned intent", so they do not experience pain and conscious revolt. If their plans and intentions opposed the disintegration of form, a painful duality in consciousness would be created, but since the factors of will and planned intent are lacking, the sense of duality is also missing.

2. Các thiên thần tham gia vào tiến trình suy tàn và tan rã, cũng như con người, nhưng loại thiên thần đang được bàn đến ở đây thiếu "ý chí và chủ định có kế hoạch", nên chúng không trải nghiệm đau khổ và sự phản kháng hữu thức. Nếu những kế hoạch và ý định của chúng chống lại sự tan rã của hình tướng, một trạng thái nhị nguyên đau đớn trong tâm thức sẽ hình thành; nhưng vì thiếu những yếu tố ý chí và chủ định có kế hoạch, nên cũng không có cảm nhận về nhị nguyên.

A word about pain might be in place here,

Có lẽ ở đây nên nói đôi lời về đau khổ, dù Tôi

though I have naught of an abstruse nature to communicate anent the evolution of the human hierarchy through the medium of pain. The devas do not suffer pain as does mankind. Their rate of rhythm is steadier although in line with the Law. They learn through application to the work of building and through incorporation into the form of that which is built. They grow through appreciation of and joy in the forms built and the work accomplished. The devas build and humanity breaks and through the shattering of the forms man learns through discontent. Thus is acquiescence in the work of the greater Builders achieved. Pain is that upward struggle through matter which lands a man at the Feet of the Logos; pain is the following of the line of the greatest resistance and thereby reaching the summit of the mountain; pain is the smashing of the form and the reaching of the inner fire; pain is the cold of isolation which leads to the warmth of the central Sun; pain is the burning in the furnace in order finally to know the coolness of the water of life; pain is the journeying into the far country, resulting in the welcome to the Father's Home; pain is the illusion of the Father's disowning, which drives the prodigal straight to the Father's heart; pain is the cross of utter loss, that renders back the riches of the eternal bounty; pain is the whip that drives the struggling builder to carry to utter perfection the building of the Temple.

không có điều gì mang tính thâm áo để truyền đạt về sự tiến hoá của Huyền Giai nhân loại thông qua đau khổ. Các thiên thần không chịu đau khổ như nhân loại. Nhịp điệu của họ có tốc độ ổn định hơn, tuy vẫn phù hợp với Định luật. Họ học hỏi qua việc chuyên tâm vào công việc xây dựng và qua việc hòa nhập vào hình tướng của những gì được xây dựng. Họ phát triển qua sự trân trọng và hoan hỉ trong những hình tướng đã xây dựng và công việc đã hoàn thành. Các thiên thần xây dựng còn nhân loại phá vỡ, và qua việc đập tan các hình tướng, con người học hỏi thông qua sự bất mãn. Nhờ đó, con người đạt đến sự thuận theo công việc của các đấng đại kiến tạo. Đau khổ là cuộc phấn đấu vươn lên xuyên qua vật chất, đưa con người đến dưới Chân Thượng đế; đau khổ là đi theo con đường nhiều trở ngại nhất và nhờ đó lên đến đỉnh núi; đau khổ là đập tan hình tướng và chạm đến lửa bên trong; đau khổ là cái lạnh của sự cô lập dẫn đến hơi ấm của Mặt Trời trung tâm; đau khổ là sự thiêu đốt trong lò nung để cuối cùng biết được sự mát lành của nước sự sống; đau khổ là hành trình đến miền đất xa xôi, dẫn đến sự đón chào tại Nhà Cha; đau khổ là ảo tưởng rằng Cha đã từ bỏ mình, thôi thúc đứa con hoang đàng đi thẳng đến trái tim Cha; đau khổ là thập giá của sự mất mát hoàn toàn, đem trả lại sự giàu có của nguồn ân huệ vĩnh cửu; đau khổ là ngọn roi thúc giục đấng kiến tạo đang phấn đấu đưa việc xây dựng Đền Thờ đến sự hoàn hảo trọn vẹn.

1. It is clear that because of pain the human hierarchy evolves more rapidly. Pain is a great corrective, signaling deviation from the archetype.

1. Rõ ràng nhờ đau khổ mà Huyền Giai nhân loại tiến hoá nhanh hơn. Đau khổ là một tác nhân điều chỉnh mạnh mẽ, báo hiệu sự lệch khỏi nguyên mẫu.

2. DK tells us that the devas do not suffer pain “as does mankind”. Reading carefully, we might infer that there *may be* some

2. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các thiên thần không chịu đau khổ “như nhân loại”. Đọc kỹ, chúng ta có thể suy ra rằng *có*

manner in which they *do* suffer pain, but "not as does mankind".

3. The *steadiness* of the devas' rate of rhythm is important to note, That rhythm is in line with the Law. Without the participating of the devas, universal laws on all levels would not be the invariable factors they are.

4. We are told how the devas learn and grow. For the devas, learning and growing are directly related to experiencing the forms into which they build themselves. They take joy in the forms built and the work accomplished. We see that the devas are essentially the builders, and we see their close connection to the magical seventh ray—though naturally there are devas on all seven rays.

5. The contrast between the ways in which devas and men learn is most significant. We can see why the devas are considered a feminine kingdom and man a masculine one. From the perspective we achieve by contrasting devic acquiescence with human revolt, we can see the devas as generically correlated with the second ray and rebellious man with the first.

6. There follow many beautiful descriptions of the nature of pain and its many uses. These descriptions apply to man especially.

7. Studying carefully the descriptions of pain, we find the presence of what might be called 'sacrificial duality'. The pairs of opposites are fundamentally involved in

thể có một cách nào đó mà họ *thực sự* chịu đau khổ, nhưng "không như nhân loại".

3. Cần lưu ý *sự ổn định* trong tốc độ nhịp điệu của các thiên thần. Nhịp điệu ấy phù hợp với Định luật. Nếu không có sự tham gia của các thiên thần, các định luật vũ trụ ở mọi cấp độ sẽ không phải là những yếu tố bất biến như hiện nay.

4. Chúng ta được cho biết cách các thiên thần học hỏi và phát triển. Đối với các thiên thần, việc học hỏi và phát triển liên quan trực tiếp đến việc trải nghiệm những hình tướng mà họ xây dựng chính mình vào trong đó. Họ hoan hỉ trong những hình tướng đã xây dựng và công việc đã hoàn thành. Chúng ta thấy rằng các thiên thần về bản chất là những đấng kiến tạo, và thấy mối liên hệ mật thiết của họ với cung bảy huyền thuật—dù tất nhiên có các thiên thần trên cả bảy cung.

5. Sự tương phản giữa cách học hỏi của thiên thần và con người có thâm nghĩa sâu sắc. Chúng ta có thể thấy vì sao các thiên thần được xem là một giới mang tính nữ, còn con người là một giới mang tính nam. Từ góc nhìn có được khi đối chiếu sự thuận theo của thiên thần với sự phản kháng của con người, chúng ta có thể thấy các thiên thần nói chung tương ứng với cung hai, còn con người phản kháng tương ứng với cung một.

6. Tiếp theo là nhiều mô tả đẹp đẽ về bản chất của đau khổ và nhiều công dụng của nó. Những mô tả này đặc biệt áp dụng cho con người.

7. Khi nghiên cứu kỹ những mô tả về đau khổ, chúng ta nhận thấy sự hiện diện của điều có thể gọi là 'nhị nguyên hi sinh'. Những cặp đối cực có liên hệ căn bản trong

each description. Through pain, the opposites are contained and unified. Pain produces a salutary effect which is opposite to its apparent nature.

mỗi mô tả. Qua đau khổ, các đối cực được dung chứa và hợp nhất. Đau khổ tạo ra một hiệu quả lành mạnh trái ngược với bản chất bề ngoài của nó.

8. Pain seems to epitomize everything that is objectionable to man, but if endured and understood, brings him to his heart's desire .

8. Đau khổ dường như là hiện thân của mọi điều con người không mong muốn, nhưng nếu chịu đựng và thấu hiểu nó, con người sẽ đạt được điều lòng mình khao khát.

9. Of one is to struggle against the limitations of matter, there will necessarily be pain. All pain is not necessarily upward tending, but there is a beneficent kind of pain which is caused by the aspiration of the imbedded spirit. This is particularly the kind of pain experienced by the disciple.

9. Nếu con người phải đấu tranh chống lại những giới hạn của vật chất, tất yếu sẽ có đau khổ. Không phải mọi đau khổ đều nhất thiết có xu hướng đưa lên cao, nhưng có một loại đau khổ mang lại lợi ích, do khát vọng của tinh thần đang bị vùi lấp gây ra. Đây đặc biệt là loại đau khổ mà người đệ tử trải nghiệm.

10. Few of us, perhaps, wish to follow the "line of greatest resistance" which will bring us to the mountain top and to the "Feet of the Logos", but at length the *pain of trying to avoid pain* becomes greater than the*pain to be endured in ascent.* Then the change comes and we do what we must do.

10. Có lẽ ít người trong chúng ta muốn đi theo "con đường nhiều trở ngại nhất", con đường sẽ đưa chúng ta lên đỉnh núi và đến dưới "Chân Thượng đế", nhưng cuối cùng nỗi *đau do cố tránh đau khổ* trở nên lớn hơn *nỗi đau phải chịu đựng khi vươn lên.* Khi ấy, sự thay đổi đến và chúng ta làm điều mình phải làm.

11. Pain is the path to the "inner fire" reached through the "smashing" of the form. This is a potent image suggestive of the first ray deeply imbedded in the nature of man. I have often wondered whether the monadic nature of the human kingdom is not the first (associated as humanity is with Scorpio and Hercules, that great first ray disciple). Perhaps there are few of us who wish to *smash* the form, but this unpleasant result will necessarily occur if we strive to attain our essence.

11. Đau khổ là con đường dẫn đến "lửa bên trong", đạt được qua việc "đập tan" hình tướng. Đây là một hình ảnh mạnh mẽ gợi đến cung một ẩn sâu trong bản chất con người. Tôi thường tự hỏi liệu bản chất chân thần của giới nhân loại có phải là cung một hay không (vì nhân loại liên hệ với Hổ Cáp và Hercules, người đệ tử cung một vĩ đại ấy). Có lẽ ít người trong chúng ta muốn *đập tan* hình tướng, nhưng kết quả khó chịu này tất yếu sẽ xảy ra nếu chúng ta nỗ lực đạt đến bản chất cốt yếu của mình.

12. How will the pain of isolation lead to the "warmth of the central Sun"? That cold will

12. Nỗi đau của sự cô lập sẽ dẫn đến "hơi ấm của Mặt Trời trung tâm" như thế nào? Cái

release us from the heat of fire by friction and open us to the warming influence of solar love. When we think of the "central Sun" we usually think of electric fire. The central Sun, however, can be considered our monad, which is ultimately a solar factor (having its home within the Sun). Moreover, the Solar Logos is a powerfully ray two being. Thus, indeed, there will be warmth associated with the "central Sun", simply because of the nature of the Solar Logos.

lạnh ấy sẽ giải phóng chúng ta khỏi sức nóng của Lửa ma sát và mở chúng ta ra với ảnh hưởng sưởi ấm của tình thương thái dương. Khi nghĩ đến "Mặt Trời trung tâm", chúng ta thường nghĩ đến Lửa Điện. Tuy nhiên, có thể xem Mặt Trời trung tâm là chân thần của chúng ta, vốn xét đến cùng là một yếu tố thái dương (có nơi cư ngụ trong Mặt Trời). Hơn nữa, Thái dương Thượng đế là một Đấng mang cung hai mạnh mẽ. Vì thế, quả thực sẽ có hơi ấm gắn với "Mặt Trời trung tâm", đơn giản là do bản chất của Thái dương Thượng đế.

13. How will burning in the fiery furnace lead to knowledge of the coolness of the "water of life"? And why is the "water of life" *cool*? Fiery burning releases us from heated experience under fire by friction. We are released towards the buddhic plane, where the clear cold light is found. The "water of life" (which can be understood as the energies of the buddhic plane as fed by still higher planes) cools all desire for life in the world of form. The coolness of buddhi is a relief to the consciousness aflame with lower desire.

13. Sự thiêu đốt trong lò lửa sẽ dẫn đến việc biết được sự mát lành của "nước sự sống" như thế nào? Và vì sao "nước sự sống" lại *mát*? Sự thiêu đốt bằng lửa giải phóng chúng ta khỏi những trải nghiệm nóng bỏng dưới tác động của Lửa ma sát. Chúng ta được giải phóng để hướng đến cõi Bồ đề, nơi có ánh sáng trong trẻo, lạnh. "Nước sự sống" (có thể hiểu là những năng lượng của cõi Bồ đề do các cõi còn cao hơn tiếp dưỡng) làm nguội mọi dục vọng muốn sống trong thế giới hình tướng. Sự mát lành của Bồ đề đem lại nhẹ nhõm cho tâm thức đang bốc cháy vì dục vọng thấp.

14. How is pain the "the journeying into the far country, resulting in the welcome to the Father's Home"? In this case the "journeying into the far country" is not the departure of the "Prodigal Son" into a wasteland. Rather, in this case, it can be interpreted as a painful departure from ordinary, though cherished, life (through the processes of abstraction), leading eventually to the attainment of that point of inner abstraction which is the Father's Home, the home of the monad. (Of course, it must also be said that to "leave the Father's home" is perhaps the most painful of all experiences; only the intensity of

14. Đau khổ là "hành trình đến miền đất xa xôi, dẫn đến sự đón chào tại Nhà Cha" như thế nào? Trong trường hợp này, "hành trình đến miền đất xa xôi" không phải là việc "Đứa Con Hoang Đàng" ra đi đến một vùng đất hoang. Ở đây, có thể hiểu đó là sự rời bỏ đầy đau đớn đời sống thông thường, dù rất được yêu quý (qua các tiến trình triệt xuất), cuối cùng dẫn đến việc đạt được điểm triệt xuất nội tâm vốn là Nhà Cha, nơi cư ngụ của chân thần. (Tất nhiên, cũng phải nói rằng "rời Nhà Cha" có lẽ là trải nghiệm đau đớn nhất trong mọi trải nghiệm; chỉ cường độ tình thương chân thần mới có thể hóa giải nỗi đau chia lìa

monadic love can offset this pain of separation. Since the human monads gladly separate themselves for the sake of lesser lives, we can assume that the intensity of monadic love is sufficiently strong to negate the existential pain of separation.)

này. Vì các chân thần nhân loại hoan hỉ tự tách mình ra vì những sự sống nhỏ hơn, chúng ta có thể cho rằng cường độ tình thương chân thần đủ mạnh để vô hiệu hóa nỗi đau hiện sinh của sự chia lìa.)

15. How is pain "the illusion of the Father's disowning, which drives the prodigal straight to the Father's heart"? There is *That* within every Son of God which is connected to the Father. When the consciousness is in a benighted condition in the outer world, it may seem that all connection with the Father has been lost. But because the Father is already *deeply within* the one who feels disowned and disconnected, a deep pain arises (again the pain of perceived duality). Under the pressure of this pain, the inherent connection with the Father is intensely activated and the Prodigal Son resolves to return to the Father (i.e., return to that which he really is).

15. Đau khổ là "ảo tưởng rằng Cha đã từ bỏ mình, thôi thúc đứa con hoang đàng đi thẳng đến trái tim Cha" như thế nào? Có *Cái Đó* trong mỗi người Con của Thượng đế vốn liên kết với Cha. Khi tâm thức ở trong trạng thái tối tăm nơi thế giới bên ngoài, dường như mọi liên kết với Cha đã mất. Nhưng vì Cha đã ở *sâu bên trong* người đang cảm thấy mình bị từ bỏ và mất liên kết, nên một nỗi đau sâu sắc nảy sinh (một lần nữa là nỗi đau của nhị nguyên được cảm nhận). Dưới áp lực của nỗi đau này, mối liên kết vốn có với Cha được khơi dậy mãnh liệt, và Đứa Con Hoang Đàng quyết trở về với Cha (nghĩa là trở về với điều mà y thực sự là).

16. How is pain "the cross of utter loss that renders back the riches of the eternal bounty"? It is clear that the riches of eternal bounty cannot fill the hands of the one who is grasping for lesser things. Pain is the process which forces the dropping of those lesser things, freeing the hands to receive the bounty.

16. Đau khổ là "thập giá của sự mất mát hoàn toàn, đem trả lại sự giàu có của nguồn ân huệ vĩnh cửu" như thế nào? Rõ ràng sự giàu có của nguồn ân huệ vĩnh cửu không thể lấp đầy đôi tay của người đang nắm níu những điều nhỏ bé hơn. Đau khổ là tiến trình buộc phải buông bỏ những điều nhỏ bé ấy, giải phóng đôi tay để đón nhận ân huệ.

17. How is pain "the whip that drives the struggling builder to carry to utter perfection the building of the Temple"? We have all been slaves. It is a compulsory *servitude* which leads to an understanding of true *service*. We are all building the Temple, whether the temple of the causal body or the Temple of Humanity. Our inner will is that our outer

17. Đau khổ là "ngọn roi thúc giục đấng kiến tạo đang phấn đấu đưa việc xây dựng Đền Thờ đến sự hoàn hảo trọn vẹn" như thế nào? Tất cả chúng ta đều từng là nô lệ. Chính sự *phục dịch* bắt buộc dẫn đến sự thấu hiểu về *phụng sự* đích thực. Tất cả chúng ta đều đang xây dựng Đền Thờ, dù là đền thờ của thể nguyên nhân hay Đền Thờ Nhân Loại. Ý chí bên trong của chúng ta là để bộ máy bên

mechanism comply with the Divine Will (which, essentially, is *our* will). Inwardly, we will the completion of the divine task, regardless of the cost to our own outer mechanism. As souls, we adopt the attitude that the outer man must conform to inner intention. This is painful to the outer man, but it would be far more painful to the inner man were he unable to express his divinely inspired intention in the lower worlds.

ngoài tuân theo Ý Chí thiêng liêng (về bản chất, đó chính là ý chí của *chúng ta*). Ở bên trong, chúng ta quyết chí hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng, bất kể bộ máy bên ngoài của chính mình phải trả giá thế nào. Với tư cách linh hồn, chúng ta giữ thái độ rằng con người bên ngoài phải tuân theo ý định bên trong. Điều này gây đau đớn cho con người bên ngoài, nhưng con người bên trong sẽ còn đau đớn hơn nhiều nếu không thể biểu hiện ý định được cảm hứng thiêng liêng khơi dậy của mình trong các cõi thấp.

The uses of pain are many, and they lead the human soul out of darkness into light, out of bondage into liberation, out of agony into peace. That peace, that light and that liberation, within the ordered harmony of the cosmos are for all the sons of men.

Đau khổ có nhiều công dụng, và chúng dẫn linh hồn con người ra khỏi bóng tối vào ánh sáng, ra khỏi trói buộc đến giải thoát, ra khỏi thống khổ đến bình an. Sự bình an ấy, ánh sáng ấy và sự giải thoát ấy, trong sự hài hòa có trật tự của vũ trụ, dành cho tất cả những người con của nhân loại.

1. From all this we may learn that pain is the indicator of *true direction.*

1. Từ tất cả những điều này, chúng ta có thể học được rằng đau khổ là dấu chỉ của *phương hướng đúng đắn.*

2. Like chastening karma, pain seems to be one thing but, in disguise, is really another.

2. Giống như nghiệp quả tôi luyện, đau khổ có vẻ là một điều, nhưng dưới lớp ngụy trang ấy, thực ra lại là một điều khác.

3. Pain—a perceived negativity—has the goal of ultimate positivity. It is a prime tool of the Lords of Karma. It is in the study of pain and its uses that we discover the truth of the old Heraclitian maxim: "everything turns into its opposite".

3. Đau khổ—một điều được cảm nhận là tiêu cực—có mục tiêu là tính tích cực tối hậu. Nó là một công cụ chủ yếu của các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả. Chính khi nghiên cứu đau khổ và các công dụng của nó, chúng ta khám phá chân lý của châm ngôn cổ của Heraclitus: "mọi thứ đều chuyển thành đối cực của mình".

4. Pain arises from duality, and humanity, more than any other kingdom, is beset by duality. Scorpio, humanity's astrological sign produces the "Conflict with duality. The Fighter."

4. Đau khổ nảy sinh từ nhị nguyên, và nhân loại, hơn bất kỳ giới nào khác, bị nhị nguyên bủa vây. Hổ Cáp, dấu hiệu chiêm tinh của nhân loại, tạo ra "Xung đột với nhị nguyên. Người Chiến Đấu."

5. Because the opposites are so clearly presented to us, we can more rapidly and decisively choose the *higher* of the pairs of opposites. The whole process of human progress is a redemptive one, facilitated by *pain.*

5. Vì các đối cực hiện ra quá rõ ràng trước chúng ta, chúng ta có thể nhanh chóng và dứt khoát hơn trong việc chọn cực *cao hơn* trong các cặp đối cực. Toàn bộ tiến trình tiến bộ của nhân loại là một tiến trình cứu chuộc, được thúc đẩy nhờ *đau khổ.*

FROM THE OLD COMMENTARY

TRÍCH CỔ LUẬN

"The assuaging waters cool. They slowly bring relief, abstracting form from all that can be touched. The quivering [678] fever heat of long repressed desire yields to the cooling draught. Water and pain negate each other. Long is the process of the cooling draught.

“Những dòng nước xoa dịu làm mát lành. Chúng từ từ đem lại sự nhẹ nhõm, triệt xuất hình tướng khỏi tất cả những gì có thể chạm đến. Sức nóng [678] hừng hực run rẩy của dục vọng bị dồn nén từ lâu nhường chỗ cho ngụm nước mát. Nước và đau khổ triệt tiêu lẫn nhau. Tiến trình của ngụm nước mát thật dài lâu.

1. This selection from the Old Commentary deals in symbolic terms with certain stages of the ‘Path of Release’.

1. Đoạn trích Cổ Luận này dùng ngôn ngữ biểu tượng để bàn đến những giai đoạn nhất định của ‘Con Đường Giải Thoát’.

2. “All that can be touched” constitutes all within the three lower worlds from which one must release oneself—all that *normal* sentiency reveals.

2. “Tất cả những gì có thể chạm đến” bao gồm mọi thứ trong ba cõi thấp mà con người phải tự giải thoát khỏi—tất cả những gì khả năng cảm nhận *thông thường* cho thấy.

3. The abstracting from form seems to be the abstractive elevation of consciousness so that it can express through ever subtler forms.

3. Việc triệt xuất khỏi hình tướng dường như là sự nâng cao tâm thức qua triệt xuất, để tâm thức có thể biểu hiện qua những hình tướng ngày càng tinh tế hơn.

4. What are the “assuaging waters”? These waters have to do with the realizations achievable in the higher worlds; they bring a melting, a fusing and an identification with all souls. To the one who has long struggled to tread the Path, disciplining himself, suppressing desire (acting *as if* lower desire does not exist), higher realizations of the fusing and blending powers greatly lessens the pain of unfulfilled or repudiated desire. These ‘waters’ negates the fiery pain of

4. “Những dòng nước xoa dịu” là gì? Những dòng nước này liên quan đến các chứng nghiệm có thể đạt được trong các cõi cao; chúng đem lại sự tan chảy, dung hợp và đồng hoá với mọi linh hồn. Đối với người từ lâu đã nỗ lực bước trên Đường Đạo, tự rèn luyện kỷ luật, chế ngự dục vọng (hành động *như thể* dục vọng thấp không tồn tại), những chứng nghiệm cao siêu hơn về các quyền năng dung hợp và hoà quyện làm giảm đáng kể nỗi đau của dục vọng không được thoả

desire.

5. The “heat” here referenced is “fire by friction”; the “water” can be meaningfully related to the energy of solar fire.

6. The fusing and blending love of the soul has much to do to cool, tranquilize and, eventually, offset and negate the fiery urgency of personal desire. The process can take many lives.

"The burning fire releases all that blocks the way of life. Bliss comes and follows after fire, as fire upon the waters. Water and fire together blend and cause the great Illusion. Fog is the product of mist and steam and noise, veiling the Light, hiding the Truth and shutting out the Sun.

1. There are many fires. What are the burning fires here referenced? If the “burning fire” releases all that blocks the way of “life”, then we are speaking of the fires that open the door for the entrance of the *life aspect* of divinity. One reasonable interpretation is that these fires are the fires which consume the causal body.

2. The “waters’ mentioned in this section refer to personality sentiency, especially the sentiency of the astral body. On a higher turn of the spiral, the waters may also refer to the soul’s sense of ‘touch’ which, though relatively advanced in nature, gives way to a higher octave of sentiency after the releasing fire has done its work.

3. The fact that bliss comes and follows after

mãn hoặc đã bị khước từ. Những ‘dòng nước’ này xoá bỏ nỗi đau thiêu đốt của dục vọng.

5. “Sức nóng” được nhắc đến ở đây là “lửa ma sát”; có thể liên hệ “nước” một cách có ý nghĩa với năng lượng của Lửa Thái dương.

6. Tình thương dung hợp và hoà quyện của linh hồn góp phần rất lớn vào việc làm nguội, làm dịu và cuối cùng hoá giải, xoá bỏ sự thôi thúc thiêu đốt của dục vọng cá nhân. Tiến trình này có thể kéo dài nhiều kiếp.

"Ngọn lửa thiêu đốt giải trừ tất cả những gì ngăn trở con đường của sự sống. Chí phúc đến và theo sau lửa, như lửa trên những dòng nước. Nước và lửa cùng hoà quyện và tạo nên Ảo Tưởng vĩ đại. Sương mù là sản phẩm của sương và hơi nước cùng tiếng ồn, che phủ Ánh Sáng, che giấu Chân Lý và ngăn khuất Mặt Trời.

1. Có nhiều loại lửa. Những ngọn lửa thiêu đốt được nhắc đến ở đây là gì? Nếu “ngọn lửa thiêu đốt” giải trừ tất cả những gì ngăn trở con đường của “sự sống”, thì chúng ta đang nói đến những ngọn lửa mở cửa cho *phương diện sự sống* của thiên tính đi vào. Một cách diễn giải hợp lý là đây chính là những ngọn lửa thiêu huỷ thể nguyên nhân.

2. “Những dòng nước” được nhắc đến trong phần này chỉ khả năng cảm nhận của phàm ngã, đặc biệt là khả năng cảm nhận của thể cảm dục. Ở một vòng xoắn cao hơn, những dòng nước cũng có thể chỉ cảm giác ‘xúc chạm’ của linh hồn; tuy có bản chất tương đối tiến bộ, cảm giác này vẫn nhường chỗ cho một quãng tám cao hơn của khả năng cảm nhận sau khi ngọn lửa giải thoát đã hoàn thành công việc.

3. Việc chí phúc đến và theo sau lửa là một

the fire is another hint that we are here discussing a very high stage of evolution. Bliss is directly related to the *life* aspect of divinity and supervenes in a more continuous way *after* passing through the fires which accompany the fourth initiation.

gợi ý nữa cho thấy ở đây chúng ta đang bàn đến một giai đoạn tiến hoá rất cao. Chí phúc liên quan trực tiếp đến phương diện *sự sống* của thiên tính và xuất hiện liên tục hơn *sau khi* vượt qua những ngọn lửa đi kèm với lần điểm đạo thứ tư.

4. There are processes necessitating the application of fire and water which belong to the 'curricula' of both the second initiation and the fourth.

4. Có những tiến trình đòi hỏi vận dụng lửa và nước, thuộc 'chương trình học' của cả lần điểm đạo thứ hai lẫn lần điểm đạo thứ tư.

5. We must study these stanzas carefully. In one paragraph a lengthy period of time, perhaps spanning many lives, may be indicated.

5. Chúng ta phải nghiên cứu kỹ những bài kệ này. Một đoạn văn có thể hàm chứa một khoảng thời gian dài, có lẽ trải qua nhiều kiếp.

6. One product of the union of water and fire is kama-manas. The kama-manasic mind is deluded by the Great Illusion. Neither feeling nor thought are pure when combined as kama-manas; glamor and illusion are the result of this combining.

6. Một sản phẩm của sự kết hợp giữa nước và lửa là dục-trí. Thể trí mang tính trí-cảm chịu sự mê hoặc của Ảo Tưởng Vĩ Đại. Khi kết hợp thành dục-trí, cả cảm xúc lẫn tư tưởng đều không thuần khiết; ảo cảm và ảo tưởng là kết quả của sự kết hợp này.

7. When mind (fire) is combined with water (i.e., with kama

7. Khi thể trí (lửa) kết hợp với nước (tức là với dục vọng

, feeling, desire), bias is the result, leading to distorted perception. Only the mind detached and illumined by the soul can begin to perceive reality.

, cảm xúc, ham muốn), kết quả là thiên kiến, dẫn đến tri giác méo mó. Chỉ thể trí đã tách rời và được linh hồn soi sáng mới có thể bắt đầu nhận thức thực tại.

8. A very interesting definition of the nature of "fog" is given: "Fog is the product of mist and steam and noise." We may judge "fog" to be denser than mist. Steam is super-heated water, but only when it combines with mist (which consists of visible, airborne water droplets) does a vision-obscuring "fog" result.

8. Có một định nghĩa rất thú vị về bản chất của "sương mù": "Sương mù là sản phẩm của sương và hơi nước cùng tiếng ồn." Chúng ta có thể cho rằng "sương mù" đậm đặc hơn sương. Hơi nước là nước được nung nóng đến mức rất cao, nhưng chỉ khi kết hợp với sương (gồm những giọt nước nhỏ có thể nhìn thấy, lơ lửng trong không khí), nó mới tạo thành "sương mù" che khuất tầm nhìn.

[Picture 2]

9. Noise is incoherent sound; it lacks regular vibration (musical tone) and order. Noise is always sound which is either inharmonious with the present sonic 'atmosphere' or disruptive of it.

9. Tiếng ồn là âm thanh thiếu mạch lạc; nó thiếu rung động đều đặn (âm có cao độ trong âm nhạc) và trật tự. Tiếng ồn luôn là âm thanh không hoà hợp với 'bầu không khí' âm thanh hiện có hoặc phá vỡ bầu không khí ấy.

10. This stanza tells us that "fog" (obscurative glamor and illusion) has a discordant, disruptive sonic content.

10. Bài kệ này cho chúng ta biết rằng "sương mù" (ảo cảm và ảo tưởng gây che khuất) chứa những âm thanh bất hoà, gây rối loạn.

11. "Fog" from the perspective of consciousness, veils Light, hides Truth and shuts out the Sun. The first light to be veiled is the light of the soul. Truth, also, is focussed, initially, in the soul realm, though later in progressively higher realms. And the "Sun", here given, is the soul.

11. Xét từ góc độ tâm thức, "sương mù" che phủ Ánh Sáng, che giấu Chân Lý và ngăn khuất Mặt Trời. Ánh sáng đầu tiên bị che phủ là ánh sáng của linh hồn. Ban đầu, Chân Lý cũng tập trung trong cõi linh hồn, dù về sau ở những cõi ngày càng cao hơn. Và "Mặt Trời" được nhắc đến ở đây là linh hồn.

12. Water and fire are necessary in the purificatory and redemptive process, but there are times in the evolutionary process when their mutual interaction produces temporary, undesirable results.

12. Nước và lửa cần thiết trong tiến trình thanh luyện và cứu chuộc, nhưng có những lúc trong tiến trình tiến hoá, sự tương tác giữa chúng tạo ra những kết quả tạm thời, không mong muốn.

13. Kama, or feeling, must be purified and rendered responsive to the heart and soul. Fire, or mind, must be infused by the higher light so that it serves the truth-seeing soul consciousness.

13. Dục vọng, hay cảm xúc, phải được thanh luyện và trở nên đáp ứng với trái tim và linh hồn. Lửa, hay thể trí, phải được ánh sáng cao hơn thấm nhuần để phụng sự tâm thức linh hồn vốn thấy được chân lý.

"The fire burns fiercely. Pain and the waters disappear. Cold, heat, the light of day, the radiance of the rising sun and perfect knowledge of the Truth appear.

"Lửa cháy dữ dội. Đau đớn và những dòng nước biến mất. Cái lạnh, sức nóng, ánh sáng ban ngày, ánh huy hoàng của mặt trời đang mọc và tri thức hoàn hảo về Chân Lý xuất hiện.

1. Of the many possible burning grounds, these two sentences seem to reference one of the final ones—final where humanity, per se, is concerned.

1. Trong số nhiều vùng đất cháy có thể có, hai câu này dường như đề cập đến một trong những vùng cuối cùng—cuối cùng xét đối với chính nhân loại.

2. Pain disappears with the disappearance of the normal personality (which is not the

2. Đau đớn biến mất cùng với sự biến mất của phàm ngã thông thường (khác với 'phàm

'mayavirupic personality' which still may be used by a Master). Pain is most associated with the number *four*—the number symbolizing the personality (though that number symbolizes the buddhic plane as well, and other higher energy fields).

3. The "waters" which disappear are all types of magnetisms and contacts which relate not only to personality but to the soul within the causal body—for it is the destruction of the causal body which is the subject of this short section of the stanza.

4. The "cold" is the influence of buddhi—the clear, cold light of the buddhic plane. The "heat" is *spiritual* energy, not (in this section) personality heat or force. The "light of day" can only be seen from the perspective of the spiritual triad. Interestingly, the type of light associated with the triumphant sign Scorpio is the "light of day".

5. The "rising sun" is not alone the soul-as-sun, but the suns of triad and monad. The "perfect knowledge of Truth" is buddhic in nature, or higher. It is not given to the consciousness within the causal body (relatively advanced though such consciousness may be) to grasp Truth as it can be known within the spiritual triad—a field of spiritual experience unencumbered by all that which has been generated from 'below'. The spiritual triad is more a transcendental than a transpersonal field.

"This is the path for all who seek the Light. First form, and all its longing. Then pain. Then the assuaging waters and the appearance of a little fire. The fire grows, and heat is then active within the tiny

ngã trong huyễn thân' mà một Chân sư vẫn có thể sử dụng). Đau đớn gắn liền nhiều nhất với số *bốn*—con số tượng trưng cho phàm ngã (dù con số ấy cũng tượng trưng cho cõi Bồ đề và những trường năng lượng cao hơn khác).

3. "Những dòng nước" biến mất là mọi loại từ điện và tiếp xúc không chỉ liên quan đến phàm ngã mà còn đến linh hồn trong thể nguyên nhân—vì sự huỷ diệt thể nguyên nhân chính là chủ đề của phần ngắn này trong bài kệ.

4. "Cái lạnh" là ảnh hưởng của Bồ đề—ánh sáng trong trẻo, lạnh lẽo của cõi Bồ đề. "Sức nóng" là năng lượng *tinh thần*, chứ không phải sức nóng hay mãnh lực của phàm ngã (trong phần này). Chỉ từ góc độ của Tam Nguyên Tinh Thần mới có thể thấy "ánh sáng ban ngày". Điều thú vị là loại ánh sáng gắn với dấu hiệu Hổ Cáp chiến thắng chính là "ánh sáng ban ngày".

5. "Mặt trời đang mọc" không chỉ là linh hồn được ví như mặt trời, mà còn là những mặt trời của Tam nguyên tinh thần và chân thần. "Tri thức hoàn hảo về Chân Lý" có bản chất Bồ đề hoặc cao hơn. Tâm thức trong thể nguyên nhân (dù có thể tương đối tiến bộ) không thể nắm bắt Chân Lý như khi nhận biết Chân Lý trong Tam Nguyên Tinh Thần—một trường trải nghiệm tinh thần không vướng bận bất cứ điều gì phát sinh từ 'bên dưới'. Tam Nguyên Tinh Thần là một trường siêu việt hơn là một trường siêu cá nhân.

"Đây là con đường dành cho tất cả những ai tìm kiếm Ánh Sáng. Trước tiên là hình tướng cùng mọi niềm khát khao của nó. Rồi đến đau đớn. Rồi đến những dòng nước xoa dịu và sự xuất hiện của một ngọn lửa nhỏ. Lửa

sphere and does its fiery work. Moisture likewise is seen; dense fog, and to the pain is added sad bewilderment, for they who use the fire of mind during the early stage are lost within a light illusory.

lớn dần, và bấy giờ sức nóng hoạt động trong khối cầu nhỏ bé, thực hiện công việc thiêu đốt của nó. Hơi ẩm cũng xuất hiện; sương mù dày đặc, và nỗi hoang mang buồn bã chồng thêm lên đau đớn, vì những ai sử dụng lửa của trí tuệ trong giai đoạn đầu đều lạc lối trong một thứ ánh sáng hư ảo.

1. In this case the "Light" may be looked at generically and as occurring at all stages. The "Light" eventually sought is the "Highest Light".

1. Trong trường hợp này, có thể xét "Ánh Sáng" theo nghĩa chung và như hiện diện ở mọi giai đoạn. "Ánh Sáng" cuối cùng được tìm kiếm là "Ánh Sáng Cao Nhất".

2. The developmental sequence is given. The curriculum of *form* comes first. Form is subject to desire, and intensified desire is understood as "longing".

2. Trình tự phát triển đã được nêu ra. Chương trình học của *hình tướng* đến trước tiên. Hình tướng chịu sự chi phối của dục vọng, và dục vọng tăng cường được hiểu là "khát khao".

3. The following of desire and longing can only lead to "pain", because such a pursuit keeps a human being divided from his/her higher nature; that division creates dissonance; dissonance (prolonged and unresolved) is pain.

3. Việc chạy theo dục vọng và khát khao chỉ có thể dẫn đến "đau đớn", vì sự theo đuổi ấy khiến con người vẫn chia lìa với bản chất cao siêu của mình; sự chia lìa ấy tạo nên bất hoà; bất hoà (kéo dài và không được giải quyết) chính là đau đớn.

4. "Assuaging waters" in their first mode, represent the harmonizing of the emotional/desire nature, through the incipient power of love. The aspiring soul-in-incarnation touches the realm of beauty, the realm of soul.

4. Ở hình thức đầu tiên, "những dòng nước xoa dịu" tượng trưng cho sự hài hoà hoá bản chất cảm xúc/dục vọng nhờ quyền năng mới chớm nở của tình thương. Linh hồn đang nhập thể, mang khát vọng vươn lên, tiếp xúc với cõi của cái đẹp, cõi linh hồn.

5. The "little fire" is the preliminary use of the mind to clarify the path of life.

5. "Ngọn lửa nhỏ" là bước đầu sử dụng thể trí để làm sáng tỏ con đường của sự sống.

6. It is clear that we are here describing an alchemical formula.

6. Rõ ràng, ở đây chúng ta đang mô tả một công thức luyện kim.

7. The "tiny sphere" may be thought of as the 'sphere of mind'. The entire aura is, relatively, also a "tiny sphere".

7. Có thể xem "khối cầu nhỏ bé" là 'khối cầu của thể trí'. Xét một cách tương đối, toàn bộ hào quang cũng là một "khối cầu nhỏ bé".

8. The “tiny fire” grows in intensity and the unsuspected “moisture” within the sphere condenses. The moisture is “seen” because of condensation. Conditions grow more opaque as visible moisture turns into “dense fog”. This happens because desire and feeling become inflamed by the growing fire. Intensified desire blots out the light.

8. “Ngọn lửa nhỏ bé” tăng dần cường độ, và “hơi ẩm” không ai ngờ tới trong khối cầu ngưng tụ lại. Hơi ẩm trở nên “thấy được” do ngưng tụ. Tình trạng ngày càng mờ đục khi hơi ẩm thấy được biến thành “sương mù dày đặc”. Điều này xảy ra vì ngọn lửa đang lớn dần làm dục vọng và cảm xúc bùng cháy. Dục vọng tăng cường che lấp ánh sáng.

9. The ascending unit is temporarily lost. Harmony with soul remains unachieved, prevented by intensified desire; hence, the sad bewilderment.

9. Đơn vị đang tiến lên tạm thời lạc lối. Sự hài hoà với linh hồn vẫn chưa đạt được, do dục vọng tăng cường ngăn trở; vì thế mới có nỗi hoang mang buồn bã.

10. A light is shining, but it is an illusory light, though seeming to such individuals, real enough.

10. Một ánh sáng đang chiếu rọi, nhưng đó là ánh sáng hư ảo, dù đối với những người ấy, nó có vẻ hoàn toàn chân thực.

"Fierce grows the heat; next comes the loss of power to suffer. When this stage has been outgrown, there comes the shining of the unobstructed Sun and the clear bright light of Truth. This is the path back to the hidden centre.

"Sức nóng trở nên dữ dội; tiếp đến là sự mất đi khả năng chịu đau khổ. Khi đã vượt qua giai đoạn này, Mặt Trời không còn bị che khuất toả sáng, cùng ánh sáng trong trẻo, rạng ngời của Chân Lý. Đây là con đường trở về trung tâm ẩn giấu.

1. The burning intensifies until all personality sentiency is burned away. Fire has eliminated all ‘watery’ attachments. Only when there is some form of attachment can there be pain because attachment makes the rending process possible. Attachment is a dualistic act.

1. Sự thiêu đốt tăng cường cho đến khi toàn bộ khả năng cảm nhận của phàm ngã bị thiêu huỷ. Lửa đã loại bỏ mọi sự quyến luyến mang tính ‘nước’. Chỉ khi có một hình thức quyến luyến nào đó mới có thể có đau đớn, vì sự quyến luyến khiến tiến trình xé lìa trở nên khả hữu. Quyến luyến là một hành vi nhị nguyên.

2. The power to suffer is can be understood as *preoccupation with evident inharmonies*. Suffering can cease in two ways; inharmonies can be harmonized, bringing release; or, inharmonies may for a time remain, but the consciousness has learned to abstract itself from them. When desire for life in the lower worlds ceases, suffering ceases. This, the Buddha has taught us

2. Có thể hiểu khả năng chịu đau khổ là *sự bận tâm với những bất hoà hiển nhiên*. Đau khổ có thể chấm dứt theo hai cách: những bất hoà có thể được điều hoà, đem lại sự giải thoát; hoặc những bất hoà có thể còn tồn tại một thời gian, nhưng tâm thức đã học cách rút khỏi chúng. Khi dục vọng sống trong các cõi thấp chấm dứt, đau khổ chấm dứt. Đức Phật đã dạy chúng ta điều này qua Tứ Diệu

through His Four Noble Truths.

3. The power of soul love will also contribute to the negation of suffering.

4. The “Sun” is referenced throughout the various sections of the stanza. The clue to the meaning of the “unobstructed Sun” comes when we realize that not only the personality, but the causal body, too, is an obstruction. The spiritual triad is the “unobstructed Sun”, and on a still higher turn of the spiral, the monad is that Sun.

5. The symbol of the “Sun” is closely related to buddhic energy and to the plane of buddhi. When we hear of the clear bright light of Truth”, buddhi is again suggested.

6. The light shed by the rising of the “unobstructed Sun” throws light upon the Path leading back to the monad, the “hidden center”. The deepest center of any system is always hidden.

"Use pain. Call for the fire, O Pilgrim, in a strange and foreign land. The waters wash away the mud and slime of nature's growth. The fires burn the hindering forms which seek to hold the pilgrim back and so bring release. The living waters, as a river, sweep the pilgrim to the Father's Heart. The fires destroy the veil, hiding the Father's Face."

1. We end this beautiful alchemical stanza with directives and injunctions for the earnest Pilgrim. In fact, the human being is being addressed as if he/she were

Đế của Ngài.

3. Quyền năng tình thương của linh hồn cũng góp phần xoá bỏ đau khổ.

4. “Mặt Trời” được nhắc đến xuyên suốt các phần khác nhau của bài kệ. Manh mối để hiểu ý nghĩa của “Mặt Trời không còn bị che khuất” xuất hiện khi chúng ta nhận ra rằng không chỉ phàm ngã mà cả thể nguyên nhân cũng là một chướng ngại. Tam Nguyên Tinh Thần là “Mặt Trời không còn bị che khuất”, và ở một vòng xoắn cao hơn nữa, chân thần chính là Mặt Trời ấy.

5. Biểu tượng “Mặt Trời” liên hệ mật thiết với năng lượng Bồ đề và cõi Bồ đề. Khi nghe nói đến “ánh sáng trong trẻo, rạng ngời của Chân Lý”, chúng ta lại được gợi nhắc đến Bồ đề.

6. Ánh sáng toả ra khi “Mặt Trời không còn bị che khuất” mọc lên soi sáng Đường Đạo dẫn trở về chân thần, “trung tâm ẩn giấu”. Trung tâm sâu thẳm nhất của bất cứ hệ thống nào cũng luôn ẩn giấu.

"Hãy sử dụng đau đớn. Hãy cầu gọi lửa, hỡi Người Hành Hương nơi miền đất xa lạ. Những dòng nước cuốn trôi bùn và nhớt nhầy từ sự sinh trưởng của thiên nhiên. Những ngọn lửa thiêu huỷ các hình tướng chướng ngại tìm cách níu giữ người hành hương, và nhờ đó đem lại sự giải thoát. Những dòng nước hằng sống, như một dòng sông, cuốn người hành hương đến Trái Tim của Cha. Những ngọn lửa huỷ diệt bức màn che giấu Dung Nhan của Cha."

1. Chúng ta kết thúc bài kệ luyện kim đẹp đẽ này bằng những chỉ dẫn và huấn lệnh dành cho Người Hành Hương tha thiết. Thật ra, lời ở đây nói với con người như thể người ấy là

the *monad,* the Pilgrim in the "strange and foreign land"—the deserts, seas and fires of the three lower worlds. Eventually, even the world of the spiritual triad comes to be regarded as a "foreign land".

chân thần, Người Hành Hương nơi "miền đất xa lạ"—những sa mạc, biển cả và ngọn lửa của ba cõi thấp. Cuối cùng, ngay cả thế giới của Tam Nguyên Tinh Thần cũng được xem là một "miền đất xa lạ".

2. The right response to pain is not *suffering* but *use.* All is to be used. This, of course, will require the detachment which only a focus within the soul and spiritual triad can provide.

2. Đáp ứng đúng đắn với đau đớn không phải là *chịu đau khổ* mà là *sử dụng nó.* Mọi sự đều phải được sử dụng. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi sự không quyến luyến mà chỉ việc tập trung trong linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần mới có thể đem lại.

3. In this summary section, two kinds of fires and two kinds of waters are referenced.

3. Phần tổng kết này đề cập đến hai loại lửa và hai loại nước.

4. The first waters are the 'waters of grief', the 'tears of purification', which eventually harmonize the astral body of the aspiring human being, washing away the unholy mixture of earth and water we call "mud" and "slime". We have only to recall from the *Secret Doctrine*the loathsome 'creations' wrought by "Nature unaided" to realize the nature of "mud" and "slime".

4. Những dòng nước đầu tiên là 'những dòng nước sầu muộn', 'những giọt lệ thanh luyện', cuối cùng làm hài hoà thể cảm dục của con người mang khát vọng, cuốn trôi hỗn hợp bất tịnh giữa đất và nước mà chúng ta gọi là "bùn" và "nhớt nhầy". Chúng ta chỉ cần nhớ lại trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* những 'tạo vật' ghê tởm do "Thiên Nhiên không được trợ giúp" tạo ra là có thể nhận ra bản chất của "bùn" và "nhớt nhầy".

5. The first fires are the quasi-liberating fires of mind which burn through lesser and inhibiting forms created by the benighted indwelling consciousness. Such forms are 'seen through' and, thus, repudiated.

5. Những ngọn lửa đầu tiên là những ngọn lửa của thể trí có phần mang tính giải thoát, thiêu huỷ những hình tướng thấp kém và gây cản trở do tâm thức vô minh ngự bên trong tạo ra. Người ta 'nhìn thấu' những hình tướng ấy và do đó khước từ chúng.

6. The "living waters" are entirely higher than the waters of the first kind. These are the "waters" of the buddhic plane. Buddhi is connected with the "Heart of God", which can be found in an even more intensive form on the monadic plane, where the "Father's Heart" and the "Father's Home" are united.

6. "Những dòng nước hằng sống" hoàn toàn cao hơn những dòng nước thuộc loại thứ nhất. Đây là "những dòng nước" của cõi Bồ đề. Bồ đề liên kết với "Trái Tim của Thượng đế", vốn có thể được tìm thấy dưới một hình thức mãnh liệt hơn nữa trên cõi chân thần, nơi "Trái Tim của Cha" và "Nhà của Cha" hợp nhất.

7. Those who have experienced buddhi know the flow of love which belongs to the experience. This "flow" is a river of liquid love uniting and harmonizing all aspects of creation.

8. The final fire may, itself, be considered to occur in two forms. The first of these higher fires (really a union of fire by friction, solar fire and, especially, electric fire) destroys the causal body. But it can be asked, when this destruction occurs, is the "Father's Face" really revealed?

9. The "Father's Face" is, we are told, only revealed at the fifth initiation, when the candidate, now a Master, can "see the Father face to face". Thus there is another burning ground, following that of the fourth initiation, which makes this possible.

10. A still higher fire, not only reveals the "Father in Heaven" (our monadic aspect), but brings about complete identification with the monad. This is the fire which *burns through* the spiritual triad, considering that triad as the personality of the monad and, therefore, at length, an obstruction. It requires, however, a very high stage of evolution, if the permanent atoms of the spiritual triad are no longer to be necessary. Anything that would be said about such a stage and the process of the monad's divestiture of the triadal permanent atoms would necessarily be entirely speculative.

DISCIPLESHIP AND ITS END

There is a curious and ancient Atlantean chant which is no longer used but in those

7. Những ai đã trải nghiệm Bồ đề đều biết dòng chảy tình thương thuộc về trải nghiệm ấy. "Dòng chảy" này là một dòng sông tình thương lỏng, hợp nhất và làm hài hoà mọi phương diện của sự sáng tạo.

8. Có thể xem chính ngọn lửa cuối cùng xuất hiện dưới hai hình thức. Ngọn lửa đầu tiên trong số những ngọn lửa cao siêu này (thực ra là sự hợp nhất của Lửa ma sát, Lửa Thái dương và đặc biệt là Lửa Điện) huỷ diệt thể nguyên nhân. Nhưng có thể đặt câu hỏi: khi sự huỷ diệt này xảy ra, "Dung Nhan của Cha" có thực sự hiển lộ không?

9. Chúng ta được cho biết rằng "Dung Nhan của Cha" chỉ hiển lộ ở lần điểm đạo thứ năm, khi ứng viên, lúc này đã là một Chân sư, có thể "thấy Cha mặt đối mặt". Vì vậy, có một vùng đất cháy khác, tiếp sau vùng đất cháy của lần điểm đạo thứ tư, khiến điều này trở nên khả hữu.

10. Một ngọn lửa cao hơn nữa không chỉ làm hiển lộ "Cha trên Trời" (phương diện chân thần của chúng ta), mà còn đem lại sự đồng hoá hoàn toàn với chân thần. Đây là ngọn lửa *thiêu xuyên qua* Tam Nguyên Tinh Thần, xem Tam nguyên ấy là phàm ngã của chân thần và do đó, cuối cùng, là một chướng ngại. Tuy nhiên, phải đạt đến một giai đoạn tiến hoá rất cao thì các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần mới không còn cần thiết nữa. Bất cứ điều gì nói về một giai đoạn như thế và tiến trình chân thần rũ bỏ các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần tất nhiên đều hoàn toàn mang tính suy đoán.

ĐỊA VỊ ĐỆ TỬ VÀ SỰ KẾT THÚC CỦA NÓ

Có một bài tụng Atlantis cổ xưa và kỳ lạ, nay không còn được sử dụng, nhưng vào những

far off times was chanted by the initiate who took the third initiation—the consummating initiation of that period. It goes as follows. The translation of the symbols in which it was written necessitates the loss of rhythm and potency.

thời xa xưa ấy, điểm đạo đồ đã tụng bài này khi trải qua lần điểm đạo thứ ba—lần điểm đạo viên mãn của thời kỳ đó. Bài tụng như sau. Việc dịch những biểu tượng dùng để viết bài tụng tất yếu làm mất đi nhịp điệu và uy lực.

1. There is much beauty in the following "chant" (as the Tibetan calls it). We no longer know the melody, if there was one, or the 'pitch' on which it was chanted or intoned. Nor do we know the rhythm. All these would be of great interest. The meaning, however, we can grasp.

1. "Bài tụng" sau đây (theo cách gọi của Chân sư Tây Tạng) chứa đựng nhiều vẻ đẹp. Chúng ta không còn biết giai điệu, nếu từng có, hay 'cao độ' dùng để tụng hoặc ngâm bài này. Chúng ta cũng không biết nhịp điệu. Tất cả những điều ấy hẳn rất đáng quan tâm. Tuy nhiên, chúng ta có thể nắm bắt ý nghĩa.

2. One wonders how Master DK knows about such ancient forms of words. Does He find them in the inner libraries to which He has access? Or does He, perhaps, remember using them?

2. Người ta tự hỏi làm sao Chân sư DK biết được những hình thức ngôn từ cổ xưa đến vậy. Ngài tìm thấy chúng trong những thư viện bên trong mà Ngài có thể tiếp cận chăng? Hay có lẽ Ngài nhớ đã từng sử dụng chúng?

3. The times were, indeed, far off, because the end of the last part of the Atlantean Civilization occurred more than 800,000 years ago according to *The Secret Doctrine.*

3. Quả thật, đó là những thời rất xa xưa, vì theo *Giáo Lý Bí Nhiệm,*

4. We learn that the third initiation was the consummating initiation of the Atlantean period. This stands to reason when we learn that both the Christ and the Buddha (the most advanced of our present dual humanity) took the third initiation during the Atlantean period.

4. Chúng ta được biết rằng lần điểm đạo thứ ba là lần điểm đạo viên mãn của thời kỳ Atlantis. Điều này hợp lý khi chúng ta biết rằng cả Đức Christ lẫn Đức Phật (hai vị tiến hoá cao nhất trong hai bộ phận nhân loại hiện nay của chúng ta) đều trải qua lần điểm đạo thứ ba trong thời kỳ Atlantis.

5. After studying the chant, we must wonder *why* it is no longer in use. It is probably the result of our present inability to read the symbols in which it is written.

5. Sau khi nghiên cứu bài tụng, chúng ta hẳn phải tự hỏi *vì sao* bài này không còn được sử dụng. Có lẽ đó là do hiện nay chúng ta không thể đọc được những biểu tượng dùng để viết bài tụng.

6. The right use of mantric chant with full rhythm and potency will probably emerge

6. Việc sử dụng đúng đắn cách tụng mantram với đầy đủ nhịp điệu và uy lực có lẽ

during the New Age. Many ancient practices will be restored and will probably appear entirely new to us.

sẽ xuất hiện trong Kỷ Nguyên Mới. Nhiều thực hành cổ xưa sẽ được khôi phục và có lẽ sẽ có vẻ hoàn toàn mới mẻ đối với chúng ta.

"I stand between the Heavens and Earth! I vision God; I see the forms God took. I hate them both. Naught do [679] they mean to me, for one I cannot reach, and for the lower of the two I have no longer any love.

"Tôi đứng giữa Trời và Đất! Tôi linh thị Thượng đế; tôi thấy những hình tướng Thượng đế đã khoác lấy. Tôi căm ghét cả hai. Đối với tôi, [679] cả hai đều chẳng có ý nghĩa gì, vì một bên tôi không thể vươn tới, còn bên thấp hơn trong hai bên thì tôi không còn chút tình thương nào nữa.

1. The state of wretchedness of the disciple poised between heaven and 'hell' is suggested.

1. Ở đây gợi lên trạng thái khốn khổ của người đệ tử lơ lửng giữa thiên đường và 'địa ngục'.

2. Heaven is the world of the soul on its own plane. Earth is the three lower worlds.

2. Trời là thế giới của linh hồn trên chính cõi của linh hồn. Đất là ba cõi thấp.

3. We are presented with a vivid description of the disciple's dual consciousness.

3. Chúng ta có một mô tả sống động về tâm thức kép của người đệ tử.

4. There is some sense of the divine, "God", and also a realization of the forms taken during the long and repetitive processes of incarnation.

4. Có một phần cảm nhận về điều thiêng liêng, về "Thượng đế", đồng thời cũng có sự nhận biết về những hình tướng đã khoác lấy trong các tiến trình lâm phàm kéo dài và lặp đi lặp lại.

5. The wretchedness of the experience is dramatized in the sentence, "I hate them both." The disciple hates not only that which imprisons him but the good that he cannot yet achieve.

5. Nỗi khốn khổ của trải nghiệm này được khắc hoạ mạnh mẽ trong câu: "Tôi căm ghét cả hai." Người đệ tử căm ghét không chỉ những gì giam cầm mình mà cả điều tốt đẹp mình chưa thể đạt tới.

6. The disciple approaching the third degree is repelled by life in the lower worlds, and at the same time incapable of achieving his fondest dreams. Despair temporarily accompanies this inability, and the strange psychological rejection of that which is so much coveted.

6. Người đệ tử đang tiến gần cấp độ thứ ba cảm thấy ghê sợ đời sống trong các cõi thấp, đồng thời không thể thực hiện những ước mơ tha thiết nhất của mình. Sự bất lực này tạm thời đi kèm với tuyệt vọng và sự khước từ kỳ lạ về mặt tâm lý đối với chính điều mình khao khát đến thế.

7. The disciple here described stands in a no-

7. Người đệ tử được mô tả ở đây đứng trong

man's-land of existential dissatisfaction. This condition, however, is temporary.

một miền trung gian vô định của sự bất mãn về hiện tồn. Tuy nhiên, tình trạng này chỉ là tạm thời.

"Torn I am. Space and its Life I cannot know, and so I want it not. Time and its myriad forms, I know too well. Pendant I hang betwixt the two, desiring neither.

"Tôi bị giằng xé. Không Gian và Sự Sống của nó, tôi không thể biết, nên tôi không muốn. Thời Gian cùng muôn vàn hình tướng của nó, tôi biết quá rõ. Tôi treo lơ lửng giữa hai bên, chẳng mong muốn bên nào.

1. The chant continues to describe the painful rending process.

1. Bài tụng tiếp tục mô tả tiến trình xé lìa đau đớn.

2. The disciple is torn, interestingly, between Time and Space. In the chant Space is given a superior position. It represents freedom and expansion. It is associated with "Ouranos" (Uranus), Lord of "Heaven".

2. Điều thú vị là người đệ tử bị giằng xé giữa Thời Gian và Không Gian. Trong bài tụng, Không Gian giữ vị trí cao hơn. Nó tượng trưng cho tự do và sự mở rộng. Nó gắn với "Ouranos" (Sao Thiên Vương), Chúa Tể của "Trời".

3. Time, however, is associated with Saturn and all the limitation for which it is renowned.

3. Tuy nhiên, Thời Gian gắn với Sao Thổ và mọi giới hạn vốn làm nên danh tiếng của hành tinh này.

4. Saturn represents the familiar in relation to which the disciple experiences disgust, even hatred. He is functioning under the "Law of Repulse".

4. Sao Thổ tượng trưng cho những gì quen thuộc mà người đệ tử cảm thấy chán ghét, thậm chí căm hận. Y đang hoạt động dưới "Định luật Đẩy Lùi".

5. Uranus/Space, represents the new and all that is, paradoxically, hated because it is unachievable.

5. Sao Thiên Vương/Không Gian tượng trưng cho cái mới và tất cả những gì, nghịch lý thay, bị căm ghét vì không thể đạt được.

6. The aspiring disciple is swinging between the pairs of opposites. He is pendant, the "Hanged Man", Caught between an attraction to things which cannot be consummated, and a repulsion from that which has been long experienced, his is the depression of desirelessness.

6. Người đệ tử mang khát vọng dao động giữa các cặp đối cực. Y treo lơ lửng, là "Người Treo Ngược". Mắc kẹt giữa sức hút của những điều không thể đạt đến viên mãn và sự ghê sợ đối với những gì đã trải nghiệm từ lâu, y rơi vào nỗi chán nản của trạng thái không còn ham muốn.

"God from high Heaven speaks. There is a change. I hear with ear attentive, and,

"Thượng đế từ Trời cao cất tiếng. Có một sự đổi thay. Tôi chăm chú lắng tai nghe và,

listening, turn my head. That which I visioned, yet visioning could not reach, is nearer to my heart. Old longings come again, yet die. Old chains of glamour snap. Forward I rush.

trong khi lắng nghe, quay đầu lại. Điều tôi đã linh thị, nhưng dẫu linh thị vẫn không thể vươn tới, nay gần trái tim tôi hơn. Những khát khao cũ trở lại, rồi tàn lụi. Những xiềng xích ảo cảm cũ đứt tung. Tôi lao về phía trước.

1. Fortunately, the disciple need not do *all* to remedy this pendant state.

1. May thay, người đệ tử không phải làm *tất cả* để khắc phục trạng thái lơ lửng này.

2. The "Voice of God" is heard. The energy changes. The disciple hearkens to the heavenly Word.

2. "Tiếng Nói của Thượng đế" vang đến. Năng lượng thay đổi. Người đệ tử lắng nghe Linh từ từ trời cao.

3. The effect of this Word makes it possible for him to turn his head. The vision of Heaven comes closer and seems more attainable. He is encouraged.

3. Tác động của Linh từ này khiến y có thể quay đầu lại. Linh ảnh về Trời đến gần hơn và dường như dễ đạt tới hơn. Y được khích lệ.

4. Although the forces of the ancient past rise again, they easily fade away and die.

4. Dù những mãnh lực của quá khứ xa xưa lại trỗi dậy, chúng dễ dàng phai nhạt rồi tàn lụi.

5. An advance is made against glamor. This powerful phrase describes the advance: "The chains of glamour snap."

5. Có một bước tiến trong việc chống lại ảo cảm. Câu đầy uy lực này mô tả bước tiến ấy: "Những xiềng xích ảo cảm đứt tung."

6. Released, temporarily, from the slavery of past magnetisms, the disciple who would be initiate rushes forward towards Heaven and the Voice.

6. Tạm thời thoát khỏi sự nô dịch của những từ điện quá khứ, người đệ tử hướng tới địa vị điểm đạo đồ lao về phía trước, hướng đến Trời và Tiếng Nói.

"Myriads of voices speak and halt me in my tracks. The thunder of the sounds of earth shuts out the voice of God. I turn me on my forward path, and vision once again the long held joys of earth, and flesh and kin. I lose the vision of eternal things. The voice of God dies out.

"Muôn vàn tiếng nói cất lên, chặn đứng bước chân tôi. Tiếng gầm của những âm thanh trần thế át đi tiếng nói của Thượng đế. Trên con đường tiến tới, tôi quay lại và một lần nữa thấy những niềm vui bấy lâu của trần gian, xác thịt và thân quyến. Tôi mất đi linh thị về những điều vĩnh cửu. Tiếng nói của Thượng đế lịm tắt.

1. But the experience of duality is not over. The lower forces and energies have not been overcome and they pull with strength upon

1. Nhưng trải nghiệm nhị nguyên vẫn chưa chấm dứt. Những mãnh lực và năng lượng thấp chưa bị chế ngự, và chúng lôi kéo mạnh

the disciple who thought he was advancing.

mẽ người đệ tử vốn tưởng mình đang tiến lên.

2. He is halted in his tracks. The many sounds of earth overpower the “voice of God”.

2. Bước chân y bị chặn đứng. Muôn vàn âm thanh trần thế lấn át “tiếng nói của Thượng đế”.

3. The disciple revolves and faces towards the conditions which have for so long imprisoned him.

3. Người đệ tử xoay lại, hướng về những hoàn cảnh đã giam cầm y bấy lâu.

4. But now, again under the sway of glamor and illusion, they seem*attractive* to him.

4. Nhưng giờ đây, một lần nữa dưới sự chi phối của ảo cảm và ảo tưởng, chúng có vẻ *hấp dẫn* đối với y.

5. He capitulates to the appeal of the familiar: the joys of earth, flesh and kin hold him once again, and his vision of things eternal dies. He no longer hears the voice of God.

5. Y đầu hàng sức quyến rũ của những gì quen thuộc: những niềm vui của trần gian, xác thịt và thân quyến lại níu giữ y, và linh thị của y về những điều vĩnh cửu lịm tắt. Y không còn nghe tiếng nói của Thượng đế.

6. If we turn our concentration towards that which long has held us, the vision we are seeking to cultivate is weakened. “Heaven” is not so strongly established in the lives of most of us that it cannot be overcome by the force of the familiar. If we turn our eyes to earth, we shall strengthen its hold over us. One cannot contemplate with equal love the energies which oppose each other.

6. Nếu chúng ta hướng sự tập trung vào những gì từ lâu đã níu giữ mình, linh thị mà chúng ta đang tìm cách vun bồi sẽ suy yếu. “Trời” chưa được xác lập vững chắc trong đời sống của đa số chúng ta đến mức sức mạnh của những gì quen thuộc không thể lấn át. Nếu hướng mắt về trần gian, chúng ta sẽ củng cố sự kìm giữ của nó đối với mình. Không thể chiêm ngưỡng với tình thương ngang nhau những năng lượng đối nghịch nhau.

"Torn again am I, but only for a little time. Backward and forward shifts my little self, e'en as a bird soars into heaven and settles back again upon the tree. Yet God, in His high place, outlasts the little bird. Thus do I know that God will victor be and later hold my mind and me in thrall.

"Tôi lại bị giằng xé, nhưng chỉ trong chốc lát. Cái ngã nhỏ bé của tôi dịch chuyển tới lui, như một con chim bay vút lên trời rồi lại đậu xuống cây. Tuy nhiên, Thượng đế ở chốn cao của Ngài tồn tại lâu bền hơn con chim nhỏ bé. Vì vậy, tôi biết Thượng đế sẽ chiến thắng và rồi sẽ nắm giữ thể trí cùng chính tôi trong sự ràng buộc của Ngài.

1. The rending and tearing process

1. Tiến trình xé lìa và giằng xé tiếp diễn. Thời

continues. The duration of the changes shortens.

gian của những biến đổi rút ngắn lại.

2. The little self is the area of fluctuation, not the Higher Self.

2. Cái ngã nhỏ bé là nơi dao động, chứ không phải chân ngã.

3. The image of a bird periodically attempting to fly to heaven only to seek the security of the branch is most descriptive of the disciple's state.

3. Hình ảnh một con chim hết lần này đến lần khác cố bay lên trời rồi lại tìm sự an toàn nơi cành cây mô tả hết sức xác đáng trạng thái của người đệ tử.

4. God and the little bird (the personality that would soar) are contrasted. God (the spirit/soul) is mighty, and, of course, will outlast the little bird.

4. Thượng đế và con chim nhỏ bé (phàm ngã muốn bay vút lên) được đặt trong thế đối chiếu. Thượng đế (tinh thần/linh hồn) hùng mạnh và dĩ nhiên sẽ tồn tại lâu bền hơn con chim nhỏ bé.

5. The one in thrall to the lower worlds shall be in thrall to God. When God captures us and enslaves us in a higher way, not only is God the victor but so are we.

5. Người đang chịu sự ràng buộc của các cõi thấp sẽ chịu sự ràng buộc của Thượng đế. Khi Thượng đế thu phục và ràng buộc chúng ta theo một cách cao hơn, không chỉ Thượng đế chiến thắng mà cả chúng ta cũng vậy.

6. Despite his fluctuating experience, a firm faith arises within struggling disciple. He senses that God's victory is imminent.

6. Bất chấp trải nghiệm dao động của mình, một đức tin vững chắc nảy sinh trong người đệ tử đang phấn đấu. Y cảm thấy chiến thắng của Thượng đế đã gần kề.

"Hark to the joyous paean that I chant; the work is done. My ear is deaf to all the calls of earth, except to that small voice of all the hidden souls within the outer forms, for they are as myself; with them I am at-one.

"Hãy lắng nghe khúc khải hoàn hoan hỉ tôi đang tụng; công việc đã hoàn tất. Tai tôi không còn nghe mọi tiếng gọi của trần gian, ngoại trừ tiếng nói nhỏ nhẹ của tất cả những linh hồn ẩn giấu trong các hình tướng bên ngoài, vì họ cũng như tôi; với họ, tôi là một.

1. The disciple breaks through. He consciousness is filled with joyous song—the paean of victory.

1. Người đệ tử đột phá. Tâm thức y tràn ngập khúc ca hoan hỉ—khúc khải hoàn chiến thắng.

2. The lower voices and sounds have no more hold over him. He need no longer struggle with them because, in fact, his ear has become deaf to those sounds.

2. Những tiếng nói và âm thanh thấp không còn níu giữ y. Y không cần tiếp tục đấu tranh với chúng, vì thật ra tai y đã không còn nghe những âm thanh ấy.

3. He is now deaf to all allurement, but still sensitive to the still small voice of soul imbedded within every form.

3. Giờ đây, y không còn nghe mọi lời quyến rũ, nhưng vẫn nhạy cảm với tiếng nói nhỏ nhẹ, tĩnh lặng của linh hồn ẩn trong mọi hình tướng.

4. Though free now himself, he realizes his oneness with the souls still imprisoned in form.

4. Dù bản thân nay đã tự do, y nhận ra mình là một với những linh hồn vẫn còn bị giam cầm trong hình tướng.

5. A great sense of unity descends upon him. He identifies with all humanity. He is swept by buddhic energy; the first great at-one-ment has occurred.

5. Một cảm nhận lớn lao về sự hợp nhất tràn ngập y. Y đồng hoá với toàn thể nhân loại. Năng lượng Bồ đề cuốn lấy y; sự hợp nhất lớn lao đầu tiên đã xảy ra.

"God's voice rings clear, and in its tones and overtones the little voices of the little forms dim and fade out. I dwell within a world of unity. I know all souls are one.

"Tiếng nói của Thượng đế vang lên trong trẻo, và trong những âm điệu cùng bồi âm của tiếng nói ấy, những tiếng nói nhỏ bé của các hình tướng nhỏ bé mờ dần rồi lịm tắt. Tôi sống trong một thế giới hợp nhất. Tôi biết mọi linh hồn là một.

1. The chant uses a musical analogy. The triumphant disciple hears all the rich variety of God's voice.

1. Bài tụng dùng một phép tương đồng âm nhạc. Người đệ tử chiến thắng nghe được toàn bộ sự đa dạng phong phú trong tiếng nói của Thượng đế.

2. These heavenly tones are far more real than the "voices of the little forms" which dim and fade. The greater Sound has overcome the myriad lesser sounds.

2. Những âm điệu từ trời cao này chân thực hơn rất nhiều so với "những tiếng nói của các hình tướng nhỏ bé" đang mờ dần rồi lịm tắt. Âm Thanh lớn hơn đã chế ngự muôn vàn âm thanh nhỏ hơn.

3. The disciple, now initiate, lives in 'unison'—the sonic equivalent of unity.

3. Người đệ tử, nay là điểm đạo đồ, sống trong sự 'đồng thanh'—tương ứng của sự hợp nhất trong âm thanh.

4. Oneness is no longer a theory. It is *known.*

4. Sự nhất thể không còn là một lý thuyết. Đó là điều *đã biết.*

5. The second principle of the *Secret Doctrine* is established in consciousness: "All souls are one with the Oversoul."

5. Nguyên khí thứ hai của *Giáo Lý Bí Nhiệm* được xác lập trong tâm thức: "Mọi linh hồn là một với đại hồn."

"Swept am I by the universal Life and as I sweep upon my onward way—the way of God—I see all lesser energies die out. I am the One; I, God. I am the form in which all forms are merged. I am the soul in which all souls are fused. I am the Life, and in that Life, all little lives remain."

"Sự Sống vũ trụ cuốn lấy tôi, và khi tôi tiến ào trên con đường phía trước—con đường của Thượng đế—tôi thấy mọi năng lượng nhỏ hơn lịm tắt. Tôi là Đấng Duy Nhất; Tôi, Thượng đế. Tôi là hình tướng trong đó mọi hình tướng hoà nhập. Tôi là linh hồn trong đó mọi linh hồn dung hợp. Tôi là Sự Sống, và trong Sự Sống ấy, mọi sự sống nhỏ bé tồn tại."

1. The Presence of Divinity intensifies. The initiate experiences a taste of "universal Life"—the life which lies even beyond the life of our Planetary Logos.

1. Sự Hiện Diện của Thiên Tính trở nên mãnh liệt hơn. Điểm đạo đồ nếm trải phần nào "Sự Sống vũ trụ"—sự sống vượt xa cả sự sống của Hành Tinh Thượng đế của chúng ta.

2. A vast vision of unity, reminiscent of the Great Vision in the Bhagavad Gita, presents itself.

2. Một linh thị bao la về sự hợp nhất xuất hiện, gợi nhớ Linh Thị Vĩ Đại trong Chí Tôn Ca.

3. The Way of God appears. But it is a Way which reveals the divinity not only of spirit/soul but of form.

3. Con Đường của Thượng đế xuất hiện. Nhưng đó là một Con Đường làm hiển lộ thiên tính không chỉ của tinh thần/linh hồn mà cả của hình tướng.

4. God and Form are one. The initiate knows that he is God, Form, and all-inclusive Life. He embraces all forms of Life. The sense of separation is forever ended.

4. Thượng đế và Hình Tướng là một. Điểm đạo đồ biết rằng mình là Thượng đế, Hình Tướng và Sự Sống bao gồm tất cả. Y bao hàm mọi hình thức của Sự Sống. Cảm thức chia rẽ chấm dứt vĩnh viễn.

5. The Many and the One are revealed to be identical. Synthesis supervenes. The great Pairs of Opposites are resolved. "Two Merge with One."

5. Cái Nhiều và Đấng Duy Nhất hiển lộ là đồng nhất. Sự tổng hợp xuất hiện. Những Cặp Đối Cực lớn lao được hoá giải. "Hai Hoà Nhập Với Một."

These words, chanted in the ancient formulas on peculiar and selected notes, were most potent and brought definite results in certain ancient ceremonies that have long since died out.

Những lời này, được xướng tụng trong các công thức cổ xưa theo những âm điệu đặc biệt và được tuyển chọn, có quyền năng rất lớn và đem lại những kết quả rõ rệt trong một số nghi lễ cổ xưa vốn đã mai một từ lâu.

1. The Tibetan's description of the ancient

1. Mô tả của Chân sư Tây Tạng về các thực

practices is extremely interesting.

2. One senses that, although these practices have long since died out, they would still be of great value in the coming Age. Otherwise, why would He tell us about such chants, practices and ceremonies?

3. One senses that the chant not only described a process leading to the third initiation, but *induced* processes leading thereto.

4. It is clear that humanity has forgotten much of value which must be restored with the Restoration of the Mysteries.

5. A greatness of culture and civilization presently inconceivable to us is on its way. Our task is to do all we can to ensure that the Hierarchy can externalize as expediently and beautifully as possible. More is not within our power. When Hierarchy is again visibly present with us, the longed for revelations will come and the world will be transformed—made anew. Surely this is worth our intensive labor.

[680]

hành cổ xưa vô cùng thú vị.

2. Người ta cảm thấy rằng, mặc dù các thực hành này đã mai một từ lâu, chúng vẫn sẽ có giá trị lớn trong Kỷ Nguyên sắp tới. Nếu không, tại sao Ngài lại nói với chúng ta về những bài tụng, thực hành và nghi lễ như thế?

3. Người ta cảm thấy rằng bài tụng không chỉ mô tả một tiến trình dẫn đến lần điểm đạo thứ ba, mà còn *khơi động* những tiến trình dẫn đến đó.

4. Rõ ràng nhân loại đã quên nhiều điều giá trị cần được khôi phục cùng với sự Phục Hồi Các Bí Pháp.

5. Một nền văn hóa và văn minh vĩ đại mà hiện nay chúng ta chưa thể hình dung đang đến gần. Nhiệm vụ của chúng ta là làm tất cả những gì có thể để bảo đảm Thánh đoàn có thể ngoại hiện một cách thuận lợi và tốt đẹp nhất. Những gì vượt quá điều đó đều nằm ngoài khả năng của chúng ta. Khi Thánh đoàn lại hiện diện hữu hình giữa chúng ta, những sự mặc khải hằng mong đợi sẽ đến và thế giới sẽ chuyển đổi—được đổi mới. Chắc chắn điều này xứng đáng với nỗ lực hết mình của chúng ta.

[680]

14. PART II – 14. PHẦN II

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

Two questions always arise the moment the stage of discipleship is discussed: the problem of occult obedience and the nature

Hai câu hỏi luôn nảy sinh ngay khi bàn đến giai đoạn địa vị đệ tử: vấn đề vâng phục huyền bí và bản chất của tầm nhìn. Tôi

of the vision. I would like to deal with these right at the beginning of any help which I may be able to give you. What is this occult obedience which a Master is supposed to exact? Today, the Masters are dealing with the highly mental type of disciple who believes in the freedom of the human will and consciousness and who resents the imposition of any so-called authority. The intellectual man will not accept any infringement of his freedom, and in this he is basically right. He objects to having to obey. This is today axiomatic. Out of this fundamental question, lesser ones arise which I would like to cite. Has the disciple to obey the slightest hint which the Master may give? Must every request and suggestion be accepted? Must all that a Master says be accepted as true and infallibly correct? Is the disciple wrong when he refuses (if he does) to recognise the Master's point of view and the statements He may make? Will the fact of Accepted Discipleship limit his freedom of opinion or choice, coerce his judgment and make him simply a replica in thought of the Master's thought? These are questions of importance.

muốn bàn đến hai điều này ngay từ đầu trong bất kỳ sự trợ giúp nào mà Tôi có thể dành cho các bạn. Sự vâng phục huyền bí mà người ta cho rằng một Chân sư đòi hỏi là gì? Ngày nay, các Chân sư đang làm việc với kiểu đệ tử có trí tuệ phát triển cao, tin vào sự tự do của ý chí và tâm thức con người, đồng thời phản đối việc áp đặt bất kỳ cái gọi là quyền uy nào. Người trí thức sẽ không chấp nhận bất kỳ sự xâm phạm nào đến tự do của mình, và về cơ bản, y đúng trong điều này. Y phản đối việc phải vâng phục. Ngày nay, đây là điều hiển nhiên. Từ câu hỏi căn bản này nảy sinh những câu hỏi nhỏ hơn mà Tôi muốn nêu ra. Đệ tử có phải tuân theo cả gợi ý nhỏ nhất mà Chân sư có thể đưa ra không? Mọi yêu cầu và đề nghị đều phải được chấp nhận sao? Có phải mọi điều một Chân sư nói đều phải được chấp nhận là chân thật và hoàn toàn đúng đắn không? Đệ tử có sai không khi y từ chối—nếu y có từ chối—thừa nhận quan điểm của Chân sư và những phát biểu mà Ngài có thể đưa ra? Việc trở thành Đệ Tử Được Chấp Nhận có hạn chế quyền tự do quan điểm hay lựa chọn của y, cưỡng ép sự phán đoán của y và khiến tư tưởng của y chỉ đơn thuần là bản sao tư tưởng của Chân sư không? Đây là những câu hỏi quan trọng.

1. The Tibetan begins to deal with two problems fundamental to all disciplic training: the problems of occult obedience and of vision.

1. Chân sư Tây Tạng bắt đầu bàn đến hai vấn đề căn bản đối với mọi sự huấn luyện đệ tử: vấn đề vâng phục huyền bí và tầm nhìn.

2. There is much misunderstanding about the nature of occult obedience and Master DK seeks to set the matter straight at the outset.

2. Có nhiều hiểu lầm về bản chất của sự vâng phục huyền bí, và Chân sư DK tìm cách làm sáng tỏ vấn đề ngay từ đầu.

3. The modern disciple is different from his more devotional and less intelligent counterpart of former times. Today's disciple is often a "highly mental type" and,

3. Đệ tử thời nay khác với người đệ tử thời trước vốn sùng tín hơn và kém thông minh hơn. Ngày nay, đệ tử thường thuộc "kiểu người có trí tuệ phát triển cao" và cùng với

with that increase in mentality, has come an increasing demand for freedom, even though the principle of freedom is incompletely understood. The modern, intelligent and, thus, more willful disciple believe he has a personal authority which must not be infringed (even by a Master). DK speaks directly here; such disciples *object "to having to obey"*.

sự gia tăng năng lực trí tuệ ấy là đòi hỏi ngày càng cao về tự do, dù nguyên khí tự do vẫn chưa được thấu hiểu đầy đủ. Đệ tử thời nay, thông minh và do đó cũng quyết ý hơn, tin rằng mình có một quyền uy cá nhân không được phép xâm phạm (ngay cả một Chân sư cũng vậy). Ở đây, Chân sư DK nói thẳng; những đệ tử như thế *phản đối "việc phải vâng phục"*.

4. Overall, DK considers this a good development, but one can imagine that it will necessitate an adaptation in the approach long-used by Masters in the training of Their chelas.

4. Nhìn chung, Chân sư DK xem đây là một sự phát triển tốt đẹp, nhưng có thể hình dung rằng điều này sẽ đòi hỏi sự điều chỉnh trong cách tiếp cận mà các Chân sư từ lâu đã dùng để huấn luyện các đệ tử của Các Ngài.

5. DK lists many associated questions which relate to the nature of occult obedience. They all amount to a single question: "just how closely must a disciple obey his Master"? If a disciple becomes an accepted disciple will this fact "limit his freedom of opinion or choice, coerce his judgment and make him simply a replica in thought of the Master's thought"? The very thought that this last prospect may eventuate is a true horror to many disciples, especially those who do not *yet* understand the nature of occult obedience, and who have not *yet* really entered the Ashram. Had they done so they would know that such fear-based thoughts are unfounded and have no basis in reality.

5. Chân sư DK liệt kê nhiều câu hỏi liên quan đến bản chất của sự vâng phục huyền bí. Tất cả đều quy về một câu hỏi duy nhất: "đệ tử phải vâng phục Chân sư của mình sát đến mức nào"? Nếu một đệ tử trở thành đệ tử được chấp nhận, liệu điều này có "hạn chế quyền tự do quan điểm hay lựa chọn của y, cưỡng ép sự phán đoán của y và khiến tư tưởng của y chỉ đơn thuần là bản sao tư tưởng của Chân sư"? Chỉ riêng ý nghĩ rằng viễn cảnh cuối cùng này có thể xảy ra cũng đã là một nỗi kinh hoàng thực sự đối với nhiều đệ tử, nhất là những người *chưa* thấu hiểu bản chất của sự vâng phục huyền bí và *chưa* thực sự gia nhập ashram. Nếu đã gia nhập, họ sẽ biết rằng những ý nghĩ bắt nguồn từ sợ hãi như thế là vô căn cứ và không có cơ sở trong thực tại.

The obedience required is obedience to the Plan. It is not obedience to the Master, no matter what many old-style occult schools may say. The obedience which is asked of you is based on your growing recognition of the Plan for humanity, as it emerges in your consciousness through the processes of meditation and through definite service,

Sự vâng phục được đòi hỏi là vâng phục Thiên Cơ. Đó không phải là vâng phục Chân sư, bất kể nhiều trường phái huyền bí kiểu cũ có thể nói gì. Sự vâng phục mà các bạn được yêu cầu dựa trên việc ngày càng nhận biết Thiên Cơ dành cho nhân loại, khi Thiên Cơ ấy dần hiện rõ trong tâm thức các bạn qua những tiến trình tham thiền và sự phụng sự

based upon a growing love of your fellowmen.

cụ thể, dựa trên tình thương ngày càng sâu đậm đối với đồng loại.

6. DK states with utter simplicity the principle underlying occult obedience: "the obedience required is obedience to the Plan."

6. Chân sư DK trình bày hết sức đơn giản nguyên khí nền tảng của sự vâng phục huyền bí: "sự vâng phục được đòi hỏi là vâng phục Thiên Cơ."

7. The older types of occult schools emphasize much the necessity of obedience to the Master (personally), but DK says that this is not necessary, per se.

7. Các trường phái huyền bí kiểu cũ nhấn mạnh rất nhiều sự cần thiết phải vâng phục Chân sư (về mặt cá nhân), nhưng Chân sư DK nói rằng chính sự vâng phục ấy không phải là điều cần thiết.

8. However, it should be said that since the Master, Himself, is invariably obedient to the Plan, and has a much deeper knowledge of the Plan than will be possible for any of His chelas, then, obedience to the Master is, effectively, obedience to the Plan.

8. Tuy nhiên, cần nói rằng vì chính Chân sư luôn vâng phục Thiên Cơ và có sự hiểu biết về Thiên Cơ sâu xa hơn rất nhiều so với bất kỳ đệ tử nào của Ngài có thể đạt được, nên trên thực tế, vâng phục Chân sư là vâng phục Thiên Cơ.

9. DK spells out with great exactitude the nature of the obedience asked of His disciples and, really, of all modern disciples. We are expected to develop an obedience which is based on our "growing recognition for the Plan for humanity." When we really recognize the Plan and its *goodness,* our obedience to it will automatically follow. In any case, Socrates thought so; for him, to really *know* the good was to *do* the good.

9. Chân sư DK giải thích hết sức chính xác bản chất của sự vâng phục mà Ngài yêu cầu nơi các đệ tử của mình và thực ra là nơi mọi đệ tử thời nay. Chúng ta được kỳ vọng phát triển một sự vâng phục dựa trên việc "ngày càng nhận biết Thiên Cơ dành cho nhân loại." Khi chúng ta thực sự nhận biết Thiên Cơ và *tính thiện lành* của Thiên Cơ, sự vâng phục của chúng ta đối với Thiên Cơ sẽ tự nhiên theo sau. Dù sao đi nữa, Socrates đã nghĩ như vậy; đối với ông, thực sự *biết* điều thiện là *làm* điều thiện.

10. It is important to note that a true recognition of the Plan will emerge in the consciousness through three processes: meditation, true service and a growing love of humanity. It can be stated, then, that unless we meditate and serve, and not only serve, but serve with love, we will not recognize the Plan, and because of that non-recognition, will not be occultly obedient.

10. Cần lưu ý rằng sự nhận biết chân thật về Thiên Cơ sẽ nảy sinh trong tâm thức qua ba tiến trình: tham thiền, phụng sự chân chính và tình thương ngày càng sâu đậm đối với nhân loại. Vậy có thể nói rằng nếu chúng ta không tham thiền và phụng sự, mà không chỉ phụng sự thôi, phải phụng sự với tình thương, thì chúng ta sẽ không nhận biết Thiên Cơ; và vì không nhận biết, chúng ta sẽ

không vâng phục theo nghĩa huyền bí.

The obedience demanded is that of the personality to the soul as soul knowledge, soul light and soul control become [687] increasingly potent in the mind and brain reactions of the disciple. This whole problem of occult obedience would not arise at all if the rapport between soul and personality or between the disciple and the Master was complete and soundly established. The entire question is based upon the blindness and lack of knowledge of the disciple. As the rapport becomes more firmly established, no fundamental divergences of opinion can appear; the aims of the soul and the personality blend and fuse; the objectives before the disciple and the Master become identical, and the group life conditions the service rendered by both of them. It is, therefore, the limitations of the disciple which prompt the question and his fear that too much may be asked of him by the Master and his soul. Is this not true, my brother? It is the holding on to your personality interpretations, wishes and ideas which leads you to draw back from the word obedience. It is your liking for yourself and for your own point of view which—literally and factually—makes you afraid of a too prompt acquiescence in the known suggestions of the Masters. I would have you remember that suggestion is all that a Master ever makes to a disciple, even though He may make positive statements about human affairs. These statements may be entirely correct; the neophyte, however, is usually too blind or prejudiced by his own individual point of view to accept them. Obedience can only be rendered when there is a developed understanding and an inclusive vision; if that is lacking, the passing of time will adjust the matter.

Sự vâng phục được đòi hỏi là sự vâng phục của phàm ngã đối với linh hồn, khi tri thức linh hồn, ánh sáng linh hồn và sự kiểm soát của linh hồn ngày càng [687] có sức mạnh trong những phản ứng của thể trí và bộ não của đệ tử. Toàn bộ vấn đề vâng phục huyền bí này sẽ hoàn toàn không nảy sinh nếu mối giao cảm giữa linh hồn và phàm ngã, hay giữa đệ tử và Chân sư, đã trọn vẹn và được thiết lập vững chắc. Toàn bộ câu hỏi này bắt nguồn từ sự mù quáng và thiếu hiểu biết của đệ tử. Khi mối giao cảm được thiết lập vững chắc hơn, không thể xuất hiện những bất đồng căn bản về quan điểm; các mục đích của linh hồn và phàm ngã hòa quyện và dung hợp; các mục tiêu trước mắt đệ tử và Chân sư trở nên đồng nhất, và sự sống nhóm định hình sự phụng sự của cả hai. Do đó, chính những giới hạn của đệ tử làm nảy sinh câu hỏi này cùng nỗi sợ rằng Chân sư và linh hồn của y có thể đòi hỏi ở y quá nhiều. Điều này chẳng đúng sao, huynh đệ của Tôi? Chính việc các bạn bám giữ những cách diễn giải, mong muốn và ý tưởng của phàm ngã khiến các bạn chùn bước trước từ vâng phục. Chính sự yêu thích bản thân và quan điểm riêng của mình khiến các bạn—cả theo nghĩa đen lẫn trên thực tế—e sợ việc thuận theo quá mau lẹ những đề nghị đã biết của các Chân sư. Tôi muốn các bạn nhớ rằng một Chân sư bao giờ cũng chỉ đưa ra đề nghị với đệ tử, dù Ngài có thể đưa ra những phát biểu dứt khoát về các vấn đề của nhân loại. Những phát biểu này có thể hoàn toàn đúng; tuy nhiên, người sơ cơ thường quá mù quáng hoặc quá thiên lệch do quan điểm cá nhân của mình nên không thể chấp nhận chúng. Chỉ khi có sự thấu hiểu đã phát triển và một tầm nhìn bao gồm mới có thể vâng phục; nếu thiếu điều đó, thời gian trôi qua sẽ điều chỉnh vấn đề.

11. At the root of occult obedience is a fundamental type of obedience about which some of us have been studying for many years, perhaps many lives: the obedience of personality to soul. None of us objects to the necessity of such an obedience, although we may appreciate that it is not always easy to achieve. The one who, as a personality, is obedient to soul will have no difficulty in understanding and practicing occult obedience. Obedience to soul naturally develops as soul makes an increasingly powerful impress upon mind and brain. If soul is merely a concept and not an experience, obedience to it cannot be understood and will not follow.

11. Cội rễ của sự vâng phục huyền bí là một kiểu vâng phục căn bản mà một số người trong chúng ta đã nghiên cứu suốt nhiều năm, có lẽ nhiều kiếp: sự vâng phục của phàm ngã đối với linh hồn. Không ai trong chúng ta phản đối sự cần thiết của sự vâng phục ấy, mặc dù chúng ta có thể nhận thức rằng không phải lúc nào cũng dễ đạt được điều đó. Người nào, với tư cách một phàm ngã, vâng phục linh hồn sẽ không gặp khó khăn trong việc thấu hiểu và thực hành sự vâng phục huyền bí. Sự vâng phục linh hồn phát triển tự nhiên khi linh hồn ngày càng ghi dấu ấn mạnh mẽ lên thể trí và bộ não. Nếu linh hồn chỉ là một khái niệm chứ chưa phải một trải nghiệm, thì không thể thấu hiểu sự vâng phục linh hồn và sự vâng phục ấy sẽ không theo sau.

12. Now Master DK really gets to the point: the whole question of occult obedience arises in the minds of many disciples simply because, in their case, the rapport between personality and soul, and disciple and Master, is incompletely established. They are *blind* to the real experience of such a firmly established rapport and hence they (as personalities) *question* the value of occult obedience.

12. Giờ đây, Chân sư DK thực sự đi vào trọng tâm: toàn bộ câu hỏi về sự vâng phục huyền bí nảy sinh trong thể trí của nhiều đệ tử chỉ vì, trong trường hợp của họ, mối giao cảm giữa phàm ngã và linh hồn, giữa đệ tử và Chân sư, chưa được thiết lập trọn vẹn. Họ *mù quáng* trước trải nghiệm thực sự về một mối giao cảm được thiết lập vững chắc như thế, và do đó, họ (với tư cách những phàm ngã) *chất vấn* giá trị của sự vâng phục huyền bí.

13. Our task is to ensure that rapport between personality and soul, and between disciple and Master, becomes established as firmly as possible. Then a fusion between these apparent opposites will occur, and with this infusion of the greater into the lesser, divergences of opinion (between chela and Master) will disappear. The lesser will 'see' as the greater 'sees' (at least to a far greater extent), and discrepancies in point of view will be negated. With the growth of such developments, it will be seen that both soul and Master *serve the greater group;* the

13. Nhiệm vụ của chúng ta là bảo đảm mối giao cảm giữa phàm ngã và linh hồn, giữa đệ tử và Chân sư, được thiết lập vững chắc hết mức có thể. Khi ấy, sự dung hợp giữa những đối cực bề ngoài này sẽ xảy ra, và khi cái lớn hơn thấm nhuần cái nhỏ hơn như thế, những bất đồng về quan điểm (giữa đệ tử và Chân sư) sẽ biến mất. Cái nhỏ hơn sẽ 'thấy' như cái lớn hơn 'thấy' (ít nhất cũng ở mức độ lớn hơn nhiều), và những khác biệt về quan điểm sẽ được xóa bỏ. Khi những sự phát triển ấy tiến xa hơn, người ta sẽ thấy rằng cả linh hồn lẫn Chân sư đều *phụng sự nhóm lớn hơn;*

disciple (considered as a personality) must learn to do so.

14. Really, the Tibetan is looking for "prompt acquiescence" from His disciples. He is wanting them to see more as *He* sees, and to render obedience to the vision which animates *Him* and which *could* animate *them*.

15. The Tibetan points the finger at disciples' excessive *attachment* to their own personality interpretations, wishes and ideas, and to the fear that they might have to relinquish same if they were to accede to the Master's wishes (and to the indications of the Plan). They like themselves and their established ways too much.

16. We remember in this regard that the Path of Discipleship is the Path of Sacrifice, and many lesser things simply have to be relinquished in favor of greater. Fortunately, the usual growth of light upon this Path is such that the *reason* for so doing is made ever clearer, and thus, to a degree, the task of relinquishment becomes easier than for the unillumined man of the world.

17. We are being told that we (if we are like so many disciples) have an excessive liking for our own point of view and do not wish to give it up. Maybe we should examine our lives to determine the extent to which this may be true. To what extent are we learning to see and understanding as members of an Ashram would see and understand? To what extent can we, as it were, look through the Master's eyes?

18. Master DK reminds us that a Master will not *coerce* His chelas; suggestions are all He will make. Will the chela recognize the

đệ tử (xét như một phàm ngã) phải học làm như vậy.

14. Thực ra, Chân sư Tây Tạng đang mong đợi "sự mau lẹ thuận theo" nơi các đệ tử của Ngài. Ngài muốn họ thấy gần hơn với cách *Ngài* thấy, và vâng phục tầm nhìn đang khơi động *Ngài* và *có thể* khơi động *họ*.

15. Chân sư Tây Tạng chỉ rõ sự quá mức *gắn bó* của các đệ tử với những cách diễn giải, mong muốn và ý tưởng của phàm ngã mình, cùng nỗi sợ rằng họ có thể phải từ bỏ những điều ấy nếu thuận theo mong muốn của Chân sư (và những chỉ dẫn của Thiên Cơ). Họ quá yêu thích bản thân và những lề lối đã thành nếp của mình.

16. Về điều này, chúng ta nhớ rằng Con Đường Đệ Tử là Con Đường Hi Sinh, và nhiều điều nhỏ bé hơn đơn giản là phải được từ bỏ để nhường chỗ cho những điều lớn lao hơn. May thay, ánh sáng thường gia tăng trên Đường Đạo này khiến *lý do* để làm như vậy ngày càng rõ ràng hơn; do đó, ở một mức độ nào đó, nhiệm vụ từ bỏ trở nên dễ dàng hơn so với người thế gian chưa được soi sáng.

17. Chúng ta đang được cho biết rằng chúng ta (nếu giống như rất nhiều đệ tử) quá yêu thích quan điểm riêng của mình và không muốn từ bỏ nó. Có lẽ chúng ta nên xem xét cuộc sống của mình để xác định điều này có thể đúng đến mức nào. Chúng ta đang học cách thấy và thấu hiểu như các thành viên của một ashram thấy và thấu hiểu đến mức nào? Có thể nói, chúng ta có thể nhìn qua đôi mắt của Chân sư đến mức nào?

18. Chân sư DK nhắc chúng ta rằng một Chân sư sẽ không *cưỡng ép* các đệ tử của Ngài; Ngài chỉ đưa ra những đề nghị. Liệu đệ

validity of such suggestions? Often he will not, because he is "too blind or prejudiced by his own point of view to accept them". We see that our limitations in consciousness prevent us from availing ourselves fully of all that a Master may have to offer us. It would be the course of wisdom, then, to get rid of those limitations as rapidly as possible.

tử có nhận biết tính xác đáng của những đề nghị ấy không? Thường là không, vì người đệ tử ấy "quá mù quáng hoặc quá thiên lệch do quan điểm riêng của mình nên không thể chấp nhận chúng". Chúng ta thấy rằng những giới hạn trong tâm thức ngăn chúng ta tận dụng đầy đủ tất cả những gì một Chân sư có thể dành cho chúng ta. Vậy, cách hành động minh triết là loại bỏ những giới hạn ấy càng nhanh càng tốt.

19. A close study of the DINA books reveals that quite a number of DK's chelas reacted adversely to the "positive statements" which He made about world affairs and different groups of human beings. The Master's statements proved, of course, to be correct and the disciples were left with the task of adjusting their point of view.

19. Việc nghiên cứu kỹ các sách DINA cho thấy khá nhiều đệ tử của Chân sư DK đã phản ứng tiêu cực với những "phát biểu dứt khoát" mà Ngài đưa ra về các vấn đề thế giới và những nhóm người khác nhau. Những phát biểu của Chân sư dĩ nhiên đã chứng tỏ là đúng, và các đệ tử phải điều chỉnh quan điểm của mình.

20. DK is a realist in this matter of a disciple's adjustment to the Master's perspective; if adjustment is not forthcoming in the moment, time (a great agent of detachment) will supply the wisdom with which the disciple can become more understanding and inclusive.

20. Chân sư DK có cái nhìn thực tế về việc đệ tử điều chỉnh để phù hợp với góc nhìn của Chân sư; nếu sự điều chỉnh chưa diễn ra ngay lúc đó, thời gian (một tác nhân mạnh mẽ giúp buông bỏ sự gắn bó) sẽ đem lại minh triết để đệ tử có thể thấu hiểu hơn và có tính bao gồm hơn.

21. We may have noticed (after years of study) our point of view coming ever-closer to that of the Master. This is not a matter of indoctrination; rather, it is a *growing into* the consciousness of the Master.

21. Có lẽ chúng ta đã nhận thấy (sau nhiều năm nghiên cứu) quan điểm của mình ngày càng gần với quan điểm của Chân sư. Đây không phải là vấn đề nhồi nhét tư tưởng; đúng hơn, đó là sự *trưởng thành để hòa nhập vào* tâm thức của Chân sư.

This brings up the question of the vision, its nature and extension. Is this vision, which must exist before the disciple seeks admittance into a Master's group, a gradually unfolding process or an unconscious remembering of something once sensed and seen? Here lies the crux of the problem. Let me explain. The vision is a

Điều này đưa đến câu hỏi về tầm nhìn, bản chất và phạm vi của nó. Tầm nhìn này, vốn phải có trước khi đệ tử tìm cách gia nhập nhóm của một Chân sư, là một tiến trình dần dần khai mở hay là sự hồi tưởng vô thức về một điều từng cảm nhận và nhìn thấy? Chính ở đây có điểm cốt yếu của vấn đề. Để Tôi giải thích. Tầm nhìn là một cách trải

symbolic way of experiencing revelation. The gradual unfoldment of each of the five senses brought a steady emerging revelation of God's world and a constantly extending vision. The development of sight brought a synthetic aptitude to focus the results of all lesser visions brought to the point of revelation by the other four senses. Then comes a vision, revealed by the "common sense" of the mind. This [688] demonstrates in its most developed stage as world perception where human affairs are concerned, and frequently works out in the vast personality plans of the world leaders in the various fields of human living. But the vision with which you should be concerned is to become aware of what the soul knows and what the soul sees, through the use of the key to soul vision—the intuition. That key can only be used intelligently and consciously when personality affairs are dropping below the threshold of consciousness.

nghiệm sự mặc khải qua biểu tượng. Sự khai mở dần dần của từng giác quan trong năm giác quan đã đem lại sự mặc khải ngày càng rõ về thế giới của Thượng đế và một tầm nhìn không ngừng mở rộng. Sự phát triển của thị giác đem lại một khả năng tổng hợp để tập trung những kết quả của mọi tầm nhìn thấp hơn mà bốn giác quan kia đưa đến điểm mặc khải. Rồi xuất hiện một tầm nhìn do "giác quan chung" của thể trí mặc khải. Ở giai đoạn phát triển cao nhất, tầm nhìn này [688] biểu hiện thành sự nhận thức thế giới liên quan đến các vấn đề của nhân loại, và thường thể hiện trong những kế hoạch phàm ngã rộng lớn của các nhà lãnh đạo thế giới trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống con người. Nhưng tầm nhìn mà các bạn nên quan tâm là nhận biết những gì linh hồn biết và những gì linh hồn thấy, bằng cách sử dụng chìa khóa dẫn đến tầm nhìn của linh hồn—trực giác. Chỉ có thể sử dụng chìa khóa ấy một cách thông minh và có ý thức khi những vấn đề của phàm ngã đang lùi xuống dưới ngưỡng tâm thức.

22. Having clarified the nature of true occult obedience, DK expands upon the nature of vision. We note that a "vision" must exist *before* a disciple seeks admittance to a Master's group. Were there no such vision, there would be no incentive to seek admittance to something so apparently intangible and impractical as a group of that nature.

22. Sau khi làm rõ bản chất của sự vâng phục huyền bí chân chính, Chân sư DK trình bày sâu hơn về bản chất của tầm nhìn. Chúng ta lưu ý rằng một "tầm nhìn" phải có *trước khi* đệ tử tìm cách gia nhập nhóm của một Chân sư. Nếu không có tầm nhìn ấy, sẽ không có động lực để tìm cách gia nhập một điều có vẻ vô hình và thiếu thực tế như một nhóm mang bản chất ấy.

23. The main question Master DK poses is whether the vision which is to be acquired before entry is "a gradually unfolding process" or "an unconscious remembering of something once sense and seen". Perhaps the truth will be seen as a combination of *both* alternatives.

23. Câu hỏi chính mà Chân sư DK đặt ra là liệu tầm nhìn cần đạt được trước khi gia nhập là "một tiến trình dần dần khai mở" hay "sự hồi tưởng vô thức về một điều từng cảm nhận và nhìn thấy". Có lẽ chân lý sẽ được nhận thấy là sự kết hợp của *cả hai* khả năng.

24. A simple sentence starts our enquiry: "the vision is a symbolic way of experiencing revelation". The vision is *not* the revelation as many visionaries seem to think. The same revelation may manifest itself through different visions. The vision is doorway to revelation. The tendency to mistake the vision for the revelation has led to many abuses based and much intolerance.

24. Một câu đơn giản mở đầu cuộc tìm hiểu của chúng ta: "tầm nhìn là một cách trải nghiệm sự mặc khải qua biểu tượng". Tầm nhìn *không phải* là sự mặc khải như nhiều người có tầm nhìn dường như vẫn nghĩ. Cùng một sự mặc khải có thể biểu hiện qua những tầm nhìn khác nhau. Tầm nhìn là cánh cửa dẫn đến sự mặc khải. Khuynh hướng nhầm tầm nhìn với sự mặc khải đã dẫn đến nhiều sự lạm dụng và nhiều thái độ bất khoan dung.

25. DK speaks of the gradually unfolding senses and their culmination in the synthetic sense of slight. Just as the Aryan Race (a 'race-in-consciousness') is the culmination of the previous four root races, so the sense of sight is a culmination of smell, taste, hearing, and touch (though taste and smell also have higher correspondence representing faculties more advanced that the sense of sight). Interestingly, the sense which correlates with the Aryan consciousness is, indeed, *sight.*

25. Chân sư DK nói về các giác quan dần dần khai mở và đạt đến đỉnh cao nơi thị giác có tính tổng hợp. Cũng như nhân loại Arya (một 'nhân loại xét theo tâm thức') là đỉnh cao của bốn giống dân gốc trước đó, thị giác cũng là đỉnh cao của khứu giác, vị giác, thính giác và xúc giác (mặc dù vị giác và khứu giác cũng có những tương ứng cao hơn, biểu thị các năng lực tiến xa hơn thị giác). Điều thú vị là giác quan tương ứng với tâm thức Arya quả thực là *thị giác.*

26. One type of vision of which DK speaks is revealed by the "common sense" of the mind. This sense is the "sixth sense", occultly considered. Such a vision is not *sensory,* as that term is usually considered. Rather, it is possessed of intelligence.

26. Một loại tầm nhìn mà Chân sư DK nói đến được mặc khải qua "giác quan chung" của thể trí. Xét theo huyền bí học, giác quan này là "giác quan thứ sáu". Tầm nhìn như thế không thuộc về *giác quan,* theo cách người ta thường hiểu từ này. Đúng hơn, nó có trí thông minh.

27. DK tells us that such visions, in highly developed persons, work out as "in the vast personality plans of the world leaders in the various fields of human living."

27. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng ở những người phát triển cao, các tầm nhìn như thế thể hiện "trong những kế hoạch phàm ngã rộng lớn của các nhà lãnh đạo thế giới trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống con người."

28. There is yet another type of vision which is revealed by what might be called the

28. Còn có một loại tầm nhìn khác được mặc khải qua điều có thể gọi là "giác quan nội

"esoteric sense", which, occultly, is a "seventh sense". It is *the vision of what the soul knows* and sees and requires the exercise of the *intuition*. This is the kind of vision which actuates a Master in all He does. The right use of the "common sense" and its wide vision leads to the possibility of eventually developing an intuitive recognition of soul vision. The first (the "common sense") is strictly human; the second (the "esoteric sense") is fed by the fifth kingdom of nature.

môn", mà theo huyền bí học là "giác quan thứ bảy". Đó là *tầm nhìn về những gì linh hồn biết* và thấy, và đòi hỏi việc vận dụng *trực giác*. Đây là loại tầm nhìn thúc đẩy một Chân sư trong mọi việc Ngài làm. Việc sử dụng đúng đắn "giác quan chung" cùng tầm nhìn rộng lớn của nó dẫn đến khả năng cuối cùng phát triển sự nhận biết bằng trực giác về tầm nhìn của linh hồn. Giác quan thứ nhất (tức "giác quan chung") hoàn toàn thuộc về con người; giác quan thứ hai (tức "giác quan nội môn") được giới thứ năm trong thiên nhiên nuôi dưỡng.

29. When can such a vision come to the aspiring disciple? Only when personality affairs are dropping below the threshold of consciousness. Many aspirants and disciples are still preoccupied with their personality and its reactions to life in the three worlds. This preoccupation leaves insufficient 'room in consciousness' for the descent of the higher vision. When, however, detachment from personality affairs becomes somewhat established, and a sense of spiritual values takes the place of older, personality-centered values, the *light* can enter.

29. Khi nào một tầm nhìn như thế có thể đến với người đệ tử đang khát vọng? Chỉ khi những vấn đề của phàm ngã đang lùi xuống dưới ngưỡng tâm thức. Nhiều người chí nguyện và đệ tử vẫn mải bận tâm đến phàm ngã cùng những phản ứng của nó trước cuộc sống trong ba cõi giới. Sự bận tâm này khiến không còn đủ 'chỗ trong tâm thức' cho tầm nhìn cao hơn giáng xuống. Tuy nhiên, khi sự buông bỏ những vấn đề của phàm ngã đã phần nào vững chắc và ý thức về các giá trị tinh thần thay thế những giá trị cũ lấy phàm ngã làm trung tâm, *ánh sáng* có thể đi vào.

I would ask you: How much of your present so-called vision is dependent upon what others have seen and how much you discovered for yourself by climbing arduously and earnestly the Mount of Vision and (from that eminence which you have arrived at alone) looking out over the horizon towards the next peak of attainment for humanity? A disciple becomes an Accepted Disciple when he starts climbing towards the vision, towards the mountain top; he can also register consciously what he has seen and then begins to do something constructive towards materialising it. This, many throughout the world are beginning

Tôi muốn hỏi các bạn: Bao nhiêu phần trong cái gọi là tầm nhìn hiện nay của các bạn phụ thuộc vào những gì người khác đã thấy, và bao nhiêu phần do chính các bạn khám phá bằng cách gian nan và tha thiết leo lên Núi Tầm Nhìn, rồi (từ điểm cao mà các bạn đã một mình đạt tới) nhìn ra đường chân trời, hướng đến đỉnh thành tựu kế tiếp dành cho nhân loại? Một đệ tử trở thành Đệ Tử Được Chấp Nhận khi y bắt đầu leo lên hướng tới tầm nhìn, hướng tới đỉnh núi; y cũng có thể ghi nhận một cách có ý thức những gì mình đã thấy và rồi bắt đầu làm điều gì đó có tính xây dựng để hiện hình tầm nhìn ấy. Nhiều người trên khắp thế giới đang bắt đầu làm

to do. A man becomes a World Disciple in the technical sense when the vision is to him an important and determining fact in his consciousness and one to which all his daily efforts are subordinated. He needs no one to reveal the Plan to him. He knows. His sense of proportion is adjusted to the revelation and his life is dedicated to bringing the vision into factual existence—in collaboration with his group.

điều này. Một người trở thành Đệ Tử Thế Gian theo nghĩa chuyên môn khi tầm nhìn đối với y là một sự kiện quan trọng và có tính quyết định trong tâm thức, và mọi nỗ lực hằng ngày của y đều quy phục tầm nhìn ấy. Y không cần ai mặc khải Thiên Cơ cho mình. Y biết. Ý thức về tỉ lệ của y được điều chỉnh theo sự mặc khải, và y hiến dâng cuộc đời để đưa tầm nhìn vào hiện thực—trong sự hợp tác với nhóm của mình.

30. The Tibetan seems to be suggesting that not many of us really have a vision—at least a *vision of our own*. With respect to the vision characteristic of most of us, He uses the term, "so-called", meaning that such a vision is not especially real.

30. Chân sư Tây Tạng dường như muốn nói rằng không nhiều người trong chúng ta thực sự có một tầm nhìn—ít nhất là một *tầm nhìn của riêng mình*. Đối với tầm nhìn đặc trưng của phần đông chúng ta, Ngài dùng từ "cái gọi là", hàm ý rằng tầm nhìn như thế chưa thật sự xác thực.

31. In truth, we have to admit that, in matters of occultism, our vision is dependent on the fact that in order to 'see', we are, as it were, "standing on the shoulders of giants" (such as that giant of occult understanding, Master DK, and His gigantic mind).

31. Thật ra, chúng ta phải thừa nhận rằng trong các vấn đề huyền bí học, tầm nhìn của chúng ta phụ thuộc vào thực tế là để 'thấy', có thể nói chúng ta đang "đứng trên vai những người khổng lồ" (như Chân sư DK, một người khổng lồ về sự thấu hiểu huyền bí, cùng thể trí khổng lồ của Ngài).

32. The proper way to attain the vision is to discover it for ourselves by "climbing arduously and earnestly the Mount of Vision and (from that eminence which you have arrived at alone) looking out over the horizon towards the next peak of attainment for humanity". The picture He paints is inspiring and throws us back upon ourselves and upon our ability to climb.

32. Cách đúng đắn để đạt được tầm nhìn là tự mình khám phá nó bằng cách "gian nan và tha thiết leo lên Núi Tầm Nhìn, rồi (từ điểm cao mà các bạn đã một mình đạt tới) nhìn ra đường chân trời, hướng đến đỉnh thành tựu kế tiếp dành cho nhân loại". Bức tranh Ngài phác họa khơi dậy cảm hứng và đưa chúng ta trở về nương tựa vào chính mình cùng khả năng leo lên của mình.

33. The strong suggestion is that a true vision cannot be handed from one to another. Many may adopt the vision of others, but the adopted vision is not real unless one has seen its contents for oneself.

33. Hàm ý rõ rệt là một tầm nhìn chân thật không thể được trao từ người này sang người khác. Nhiều người có thể tiếp nhận tầm nhìn của người khác, nhưng tầm nhìn được tiếp nhận ấy không chân thật trừ khi chính mình đã thấy nội dung của nó.

34. Of course, in all fairness, it must be stated that a great Teacher like Master DK is *also*, to a very intelligent degree, seeing through the eyes of others. He often writes of the cosmic astral and mental planes, but admits that He has not been there (cf. R&I 200) But He certainly knows the difference between what He has seen for Himself, and that part of His universal estimation which is conferred by the vision of others—souls still higher in Their attainment than His own.

34. Dĩ nhiên, để công bằng, cần nói rằng một huấn sư vĩ đại như Chân sư DK *cũng* nhìn qua đôi mắt của người khác, với mức độ vận dụng trí thông minh rất cao. Ngài thường viết về các cõi cảm dục và trí tuệ vũ trụ, nhưng thừa nhận rằng Ngài chưa từng đến đó (xem R&I 200) Nhưng chắc chắn Ngài biết sự khác biệt giữa những gì chính Ngài đã thấy và phần trong nhận định bao quát của Ngài do tầm nhìn của những vị khác đem lại—những linh hồn có thành tựu còn cao hơn thành tựu của Ngài.

35. At least if we could discriminate between what we see for ourselves and what is theoretically based and drawn from the vision of the Master, that would be an important and sobering assessment.

35. Ít nhất, nếu chúng ta có thể phân biện giữa những gì chính mình thấy và những gì dựa trên lý thuyết, rút ra từ tầm nhìn của Chân sư, thì đó sẽ là một sự đánh giá quan trọng giúp chúng ta tỉnh táo hơn.

36. There is nothing wrong in accepting the vision from a great Teacher, as long as one works to make that accepted vision a personal/individual reality by laboring continuously to *see for oneself*. .

36. Không có gì sai khi chấp nhận tầm nhìn từ một huấn sư vĩ đại, miễn là chúng ta nỗ lực biến tầm nhìn đã chấp nhận ấy thành một thực tại cá nhân bằng cách không ngừng cố gắng *tự mình thấy*. .

37. An important moment comes when the disciple pauses and asks himself the following questions:

37. Một thời điểm quan trọng đến khi đệ tử dừng lại và tự hỏi những câu sau:

1. What do I actually know for myself? This much be a most searching and self-critical inquiry. One must not let oneself escape scrutiny.

1. Tôi thực sự tự mình biết điều gì? Đây phải là một cuộc tự vấn hết sức thấu đáo và tự phê bình nghiêm khắc. Không được để bản thân thoát khỏi sự xem xét kỹ lưỡng.

2. What do I merely think I know?

2. Tôi chỉ nghĩ rằng mình biết điều gì?

3. What do I assume I know because I have become habituated to the presence in my mental field of the knowledge of others?

3. Tôi cho rằng mình biết điều gì vì đã quen với sự hiện diện của tri thức người khác trong trường trí tuệ của mình?

4. What do I infer because I have been told by those who are apparently more

4. Tôi suy ra điều gì vì những người có vẻ hiểu biết hơn tôi đã nói cho tôi biết?

knowledgeable than I am?

5. Upon which kinds of the above 'knowledge' do I base my life, and to what extent in each case?

5. Tôi đặt nền tảng cuộc sống của mình trên những loại 'tri thức' nào kể trên, và trong mỗi trường hợp, đến mức độ nào?

38. Another important clarification concerning the nature of Accepted Discipleship is given. When one begins to climb the Mountain of Vision for oneself, *and when one begins to really* ***do*** *something about what one sees,* one can become an accepted disciple. Both requirements are necessary: one must climb oneself and one must apply in service what one learns during the climb.

38. Một điểm quan trọng khác về bản chất của Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận được làm sáng tỏ. Khi một người bắt đầu tự mình leo lên Ngọn Núi Tầm Nhìn, *và khi người ấy bắt đầu thực sự* ***làm*** *điều gì đó với những gì mình thấy,* người ấy có thể trở thành một đệ tử được chấp nhận. Cả hai yêu cầu đều cần thiết: người ấy phải tự mình leo lên và phải vận dụng vào việc phụng sự những gì mình học được trong khi leo.

39. Because many in the world are today beginning to do this, it can be inferred that more and more disciples are stepping upon the path of Accepted Discipleship, technically understood.

39. Vì ngày nay nhiều người trên thế giới đang bắt đầu làm điều này, có thể suy ra rằng ngày càng có nhiều đệ tử bước vào con đường Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận, hiểu theo nghĩa chuyên môn.

40. A "World Disciple", technically understood, is in advance of an accepted disciple. A world disciple is one for whom the vision has become a determining fact of consciousness to which he subordinates all his time and energy. The Divine Plan, for a world disciple, is more important by far than the personal living of his personal life. Really, a world disciple, is on the verge of the third initiation or has taken it, and so is thinking *and acting* in planetary terms.

40. Một "Đệ Tử Thế Gian", hiểu theo nghĩa chuyên môn, tiến xa hơn một đệ tử được chấp nhận. Đệ tử thế gian là người mà đối với y, tầm nhìn đã trở thành một sự thật mang tính quyết định trong tâm thức, mà y đặt toàn bộ thời gian và năng lượng của mình dưới sự chi phối của nó. Đối với một đệ tử thế gian, Thiên Cơ quan trọng hơn rất nhiều so với việc sống cuộc đời riêng của mình. Thực ra, một đệ tử thế gian đang ở ngưỡng lần điểm đạo thứ ba hoặc đã trải qua lần điểm đạo ấy, và do đó đang suy nghĩ *và hành động* trên quy mô hành tinh.

41. Lesser disciples need to have the Plan revealed to them; a world disciple is beginning *to know for himself* the nature of the Divine Plan.

41. Các đệ tử ở cấp thấp hơn cần có người mặc khải Thiên Cơ cho mình; một đệ tử thế gian đang bắt đầu *tự mình biết được* bản chất của Thiên Cơ.

42. His sense of proportion is adjusted and,

42. Ý thức về tỉ lệ của y đã được điều chỉnh,

thus, he has passed through some important Libran experiences. Not only is his sense of proportion adjusted but it is "adjusted to the *revelation*"—not just to the *vision.* In other words, the world disciple has experienced *revelation* (the third degree) and has thus *transcended the* ***form*** *of the vision.* A world disciple (relatively of course) knows what is *most important* to the Hierarchy, and, thus (again to a degree) to Sanat Kumara and Shamballa. He has intuitive understanding of the deeper purposes moving the planet towards its destiny, and he is intent on cooperating fully with those purposes.

và như vậy, y đã trải qua một số kinh nghiệm quan trọng của Thiên Bình. Ý thức về tỉ lệ của y không chỉ được điều chỉnh mà còn được "điều chỉnh theo *sự mặc khải*"—chứ không chỉ theo *tầm nhìn.* Nói cách khác, đệ tử thế gian đã trải nghiệm *sự mặc khải* (bậc thứ ba) và nhờ đó đã *vượt lên trên* ***hình tướng*** *của tầm nhìn.* Một đệ tử thế gian (dĩ nhiên là một cách tương đối) biết điều gì *quan trọng nhất* đối với Thánh đoàn, và do đó (cũng trong một mức độ nhất định) đối với Sanat Kumara và Shamballa. Y có sự thấu hiểu bằng trực giác về những mục đích sâu xa hơn đang đưa hành tinh tới vận mệnh của nó, và y quyết tâm hợp tác trọn vẹn với những mục đích ấy.

43. His vision (now enriched by true revelation) is no longer, strictly speaking, *his* ***own*** *vision,* per se. It is the vision of his Ashram and Master (whether or not he knows this consciously), and he is determined to bring this vision into factual existence.

43. Nói một cách chặt chẽ, tầm nhìn của y (giờ đây đã phong phú hơn nhờ sự mặc khải chân thực) không còn là *tầm nhìn của* ***riêng*** *y,* xét chính tầm nhìn ấy. Đó là tầm nhìn của ashram và Chân sư của y (dù y có ý thức biết điều này hay không), và y quyết tâm đưa tầm nhìn ấy vào hiện thực.

44. DK adds the words, "in collaboration with his group", because the world disciple is not an isolated figure but, having advanced far into soul consciousness, is working (consciously in most cases) with a hierarchically related group.

44. Chân sư DK thêm những từ, "trong sự cộng tác với nhóm của y", bởi vì đệ tử thế gian không phải là một cá nhân biệt lập, mà vì đã tiến sâu vào tâm thức linh hồn, y đang làm việc (một cách có ý thức trong phần lớn trường hợp) với một nhóm có liên hệ với Thánh đoàn.

45. The world disciple *knows* "he travels not alone", just as every member of the Spiritual Hierarchy knows this fact. His thoughts and actions are respectful of the larger group external with which he collaborates, and of the subjective group or groups to which he is responsible and in relation to which he is considered, occultly, a co-worker.

45. Đệ tử thế gian *biết* "y không đi một mình", cũng như mọi thành viên của Thánh đoàn đều biết sự thật này. Tư tưởng và hành động của y thể hiện sự tôn trọng đối với nhóm bên ngoài lớn hơn mà y cộng tác, cũng như đối với nhóm hay các nhóm chủ quan mà y có trách nhiệm và trong mối quan hệ với những nhóm ấy, xét về mặt huyền bí, y được xem là một người cộng tác.

46. It is hoped that those who study Master DK's words in this regard are at least "pledged disciples" or intent on firmly making their pledge. Then they can move understandingly towards the stage of Accepted Discipleship, technically considered. When they have succeeded in functioning in this stage, certainly for more than one life, and probably for several, they will in a position (because of greatly enhanced, selfless service) to be considered world disciples; their *work* will declare them as such. They will not and cannot declare themselves!

46. Hy vọng rằng những người nghiên cứu lời của Chân sư DK về vấn đề này ít nhất cũng là "những đệ tử đã lập nguyện" hoặc có ý định kiên quyết lập lời nguyện của mình. Khi ấy, họ có thể tiến tới giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận với sự thấu hiểu, xét theo nghĩa chuyên môn. Khi đã thành công trong việc hoạt động ở giai đoạn này, chắc chắn trong hơn một kiếp sống và có lẽ trong vài kiếp, họ sẽ ở vào vị thế (nhờ việc phụng sự vô ngã đã gia tăng rất nhiều) để được xem là những đệ tử thế gian; chính *công việc* của họ sẽ xác chứng họ là như vậy. Họ sẽ không và không thể tự tuyên bố mình như thế!

It is, therefore, a gradually unfolding process up to a certain stage. After that stage has been reached, it is no longer the vision which is the dominant factor but the field of experience, of service and of achievement. Ponder on this. Some day you will understand. There is both an unconscious deflection towards the vision and a conscious orientation towards it. There is one aspect of the vision which is oft forgotten by many disciples. That is the necessity—inherent in the right appreciation of the vision itself—for each who records it to become "bestowers of the vision. " The moment that that takes place, the whole situation changes. Through the thoughts of all beginners runs the note of striving after the vision, of searching for it, of ability or inability to contact it and, frequently, [689] the distortion of the vision by defining it in terms of already imparted truths. The attitude of the neophyte is, therefore, based upon the need for vision, upon individual, personal need. But (upon the path of Accepted Discipleship) the disciple must get away from this because it is the path of spontaneous unconscious self-forgetfulness. The vision, once seen,

Do đó, đây là một tiến trình khai mở dần dần cho đến một giai đoạn nhất định. Sau khi đạt đến giai đoạn ấy, yếu tố chi phối không còn là tầm nhìn nữa, mà là lĩnh vực kinh nghiệm, phụng sự và thành tựu. Hãy suy ngẫm về điều này. Một ngày nào đó các bạn sẽ thấu hiểu. Vừa có sự chuyển hướng vô thức về phía tầm nhìn, vừa có sự định hướng hữu thức về phía ấy. Có một phương diện của tầm nhìn mà nhiều đệ tử thường quên. Đó là sự cần thiết—vốn nằm ngay trong việc đánh giá đúng chính tầm nhìn—rằng mỗi người ghi nhận tầm nhìn phải trở thành "người ban tặng tầm nhìn". Ngay khi điều ấy xảy ra, toàn bộ tình thế thay đổi. Xuyên suốt tư tưởng của mọi người mới bắt đầu là âm điệu nỗ lực vươn tới tầm nhìn, tìm kiếm nó, có khả năng hay không có khả năng tiếp xúc với nó và, thường xuyên, [689] làm sai lệch tầm nhìn bằng cách định nghĩa nó theo những chân lý đã được truyền đạt. Do đó, thái độ của người sơ cơ dựa trên nhu cầu có được tầm nhìn, trên nhu cầu cá nhân, riêng tư. Nhưng (trên con đường Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận), đệ tử phải thoát khỏi điều này, bởi đó là con đường quên mình một cách tự nhiên, vô thức. Một khi đã thấy được tầm nhìn, nó trở nên quan trọng đến mức

becomes so important, that how you feel about it and your adherence to it seemingly fades out. You become absorbed in the vision and this absorption takes place upon the physical plane. Both mind and brain are preoccupied with what the soul knows and that is ever vision for the personality.

47. DK notes the gradual unfoldment in the process of developing and serving the vision.

48. An occult hint is given, presumably about the stage of either accepted discipleship, and even more related to world discipleship. As these stages are achieved, the *vision*, per se, is no longer the dominant factor; instead it is "the field of experience, of service and achievement" which becomes of dominating importance.

49. Vision, we remember, is symbolic of revelation. It leads and guides towards revelation. But comes the day when things are *seen as they are,* and then something must be *done*. One *sees*; one no longer simply *longs to see*. This seeing of the facts demands intelligent serviceable action. Experience has replaced the visionary anticipation of experience. The *symbol* has given way to the *fact*—as revelation reveals that fact.

50. DK speaks interestingly of "an unconscious deflection towards the vision and a conscious orientation towards it". The part of us that, deeply recessed in the psyche, 'remembers' the vision as seen from the higher planes, deflects the disciple towards the vision even though the disciple may not consciously notice this deflection. A force within us impels us towards our destiny. At the same time the Master's words

cảm nhận của các bạn về nó và sự gắn bó của các bạn với nó dường như phai mờ. Các bạn hoàn toàn chuyên chú vào tầm nhìn, và sự chuyên chú này diễn ra trên cõi hồng trần. Cả thể trí lẫn bộ não đều chuyên tâm vào những gì linh hồn biết, và đối với phàm ngã, điều đó luôn là tầm nhìn.

47. Chân sư DK lưu ý đến sự khai mở dần dần trong tiến trình phát triển và phụng sự tầm nhìn.

48. Một gợi ý huyền bí được đưa ra, có lẽ về giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận, và thậm chí còn liên quan nhiều hơn đến địa vị đệ tử thế gian. Khi đạt đến những giai đoạn này, *tầm nhìn*, xét chính nó, không còn là yếu tố chi phối; thay vào đó, chính "lĩnh vực kinh nghiệm, phụng sự và thành tựu" trở nên quan trọng đến mức chi phối.

49. Chúng ta nhớ rằng tầm nhìn là biểu tượng của sự mặc khải. Nó dẫn dắt và hướng tới sự mặc khải. Nhưng rồi sẽ đến ngày mọi sự được *nhìn thấy đúng như chúng vốn là,* và khi ấy phải *làm* điều gì đó. Người ta *thấy*; người ta không còn chỉ *khao khát được thấy*. Việc thấy được các sự thật này đòi hỏi hành động phụng sự sáng suốt. Kinh nghiệm đã thay thế sự mong đợi kinh nghiệm qua tầm nhìn. *Biểu tượng* đã nhường chỗ cho *sự thật*—khi sự mặc khải vén mở sự thật ấy.

50. Chân sư DK nói một cách thú vị về "sự chuyển hướng vô thức về phía tầm nhìn và sự định hướng hữu thức về phía ấy". Phần trong chúng ta ẩn sâu trong tâm thức, vốn 'nhớ' tầm nhìn như đã thấy từ các cõi cao, chuyển hướng đệ tử về phía tầm nhìn dù đệ tử có thể không ý thức nhận thấy sự chuyển hướng này. Một mãnh lực bên trong thúc đẩy chúng ta hướng tới vận mệnh của mình. Đồng thời, lời của Chân sư và ánh sáng linh

and descending soul light (present factors) *correlate* with our inner, unconscious 'memory' of that which (*now*, from higher planes or long ago) we 'unconsciously see' or have seen. There is a definite *conscious* aspect to the vision and towards it the disciple *consciously* orients himself. Thus, both consciously and unconsciously we move towards the vision.

hồn giáng xuống (những yếu tố hiện có) *tương liên* với 'ký ức' vô thức bên trong chúng ta về những gì (*giờ đây*, từ các cõi cao hoặc từ lâu trước kia) chúng ta 'thấy một cách vô thức' hoặc đã thấy. Tầm nhìn có một phương diện rõ rệt thuộc về *ý thức* và đệ tử *có ý thức* hướng mình về phương diện ấy. Như vậy, cả một cách hữu thức lẫn vô thức, chúng ta đều tiến về phía tầm nhìn.

51. The Tibetan now speaks from the perspective of service, revealing as aspect of the vision which He says is oft forgotten: if one *rightly* apprehends the vision, one is inwardly compelled to be become a "bestower of the vision". One may "see for oneself" (by climbing the Mount of Vision) but one does not 'see for the sake of oneself alone' (if the meaning of these words can be understood). Just as joy shared is joy doubled, so a vision shared is a vision, the power of which is much enhanced.

51. Giờ đây, Chân sư Tây Tạng nói từ góc độ phụng sự, vén mở một phương diện của tầm nhìn mà Ngài nói là thường bị lãng quên: nếu một người nắm bắt *đúng* tầm nhìn, thì từ bên trong, người ấy chịu sự thôi thúc phải trở thành một "người ban tặng tầm nhìn". Một người có thể "tự mình thấy" (bằng cách leo lên Ngọn Núi Tầm Nhìn), nhưng người ấy không 'thấy chỉ vì lợi ích của riêng mình' (nếu có thể thấu hiểu ý nghĩa của những lời này). Cũng như niềm hoan hỉ được chia sẻ là niềm hoan hỉ nhân đôi, một tầm nhìn được chia sẻ là một tầm nhìn có quyền năng gia tăng rất nhiều.

52. To share a vision is of course not the same as compelling others to accept one's limited perspective—and all human perspectives are limited The registered vision is offered to others within the energy of reason, and they are left to do with it what they will.

52. Dĩ nhiên, chia sẻ một tầm nhìn không giống với việc buộc người khác chấp nhận góc nhìn giới hạn của mình —và mọi góc nhìn của con người đều có giới hạn. Tầm nhìn đã được ghi nhận được trao cho người khác trong năng lượng của lý trí, và họ được tự do làm với nó bất cứ điều gì họ muốn.

53. The surest way of expanding the vision or improving its quality and scope is to bestow it. We are dealing with the phenomenon of the "overflowing cup". That which is offered is replenished in ever greater quality (and quantity). Such is the Law.

53. Cách chắc chắn nhất để mở rộng tầm nhìn hoặc nâng cao phẩm tính và phạm vi của nó là ban tặng nó. Chúng ta đang bàn đến hiện tượng "chiếc chén tràn đầy". Những gì được trao đi sẽ được bù đắp với phẩm tính (và số lượng) ngày càng lớn hơn. Định luật là như vậy.

54. Beginners are almost obsessed with the thought of achieving the vision, and suffer

54. Những người mới bắt đầu gần như bị ám ảnh bởi ý nghĩ đạt được tầm nhìn, và chịu

much over their perceived inability to contact it. DK brings forward an important point: that the vision is frequently distorted because it is interpreted in terms of already imparted truths. If a vision is real it is, in a way, *new*. We see what happened when Saul took the "new" truths bestowed by the Christ and attempted to adapt them to established Jewish and Greek thought. Distortions naturally appeared and for these distortions humanity in the Western world has been paying for many centuries. Even advanced initiates learn the hard way and create karma they must in later incarnations address.

nhiều đau khổ vì cho rằng mình không có khả năng tiếp xúc với nó. Chân sư DK nêu lên một điểm quan trọng: tầm nhìn thường bị bóp méo vì người ta diễn giải nó theo những chân lý đã được truyền đạt. Nếu một tầm nhìn là chân thực thì, theo một nghĩa nào đó, nó là *mới*. Chúng ta thấy điều đã xảy ra khi Saul tiếp nhận những chân lý "mới" mà Đức Christ ban tặng và cố gắng điều chỉnh chúng cho phù hợp với tư tưởng Do Thái và Hy Lạp đã được xác lập. Những sự bóp méo đương nhiên xuất hiện, và nhân loại ở thế giới phương Tây đã phải trả giá cho những sự bóp méo ấy suốt nhiều thế kỷ. Ngay cả các điểm đạo đồ tiến xa cũng phải học qua những trải nghiệm gian khó và tạo ra nghiệp quả mà họ phải giải quyết trong những kiếp lâm phàm về sau.

55. The intuition conveys the *new*. New wine poured in old bottles suffers degradation.

55. Trực giác truyền đạt điều *mới*. Rượu mới đổ vào bầu cũ sẽ bị giảm phẩm chất.

56. The neophyte, in short, experiences a personal need for the vision and becomes almost desperate about achieving it. This is a much different attitude to that of the accepted disciple who is really beginning to *see for himself* and who treats the vision as a perspective of great use in the manifesting of the Divine Plan.

56. Nói ngắn gọn, người sơ cơ trải nghiệm một nhu cầu cá nhân đối với tầm nhìn và trở nên gần như tuyệt vọng trong việc đạt được nó. Thái độ này rất khác với thái độ của đệ tử được chấp nhận, người đang thực sự bắt đầu *tự mình thấy* và xem tầm nhìn là một góc nhìn rất hữu ích cho việc biểu hiện Thiên Cơ.

57. The strictly personal (and, therefore, selfish) approach to the vision must not be perpetuated. On the Path of Accepted Discipleship it must be dropped.

57. Không được tiếp tục duy trì cách tiếp cận tầm nhìn hoàn toàn mang tính cá nhân (và do đó ích kỷ). Trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận, phải từ bỏ cách tiếp cận ấy.

58. Then DK offers another of His excellent (and terse) definitions: The Path of Accepted Discipleship is the "path of spontaneous unconscious self-forgetfulness". We may question ourselves according to this criterion when we wonder whether we may or may not be treading this Path.

58. Rồi Chân sư DK đưa ra thêm một định nghĩa xuất sắc (và cô đọng) của Ngài: Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận là "con đường quên mình một cách tự nhiên, vô thức". Chúng ta có thể tự xét mình theo tiêu chí này khi tự hỏi liệu mình có đang bước trên Con Đường ấy hay không.

59. DK changes "person". He begins to address us as "you", and so the advice turns very direct. Once the vision is truly seen, how we feel about it, or about our adherence to it, fades out. The *vision itself* becomes the main thing and the little "we" is no longer the important factor of consideration it long had been. In short, we take our eyes off the little self; the vision, and the Plan it is intended to reveal, take the place-in-consciousness once occupied by concern over the little self.

59. Chân sư DK đổi "ngôi xưng hô". Ngài bắt đầu gọi chúng ta là "các bạn", và vì thế lời khuyên trở nên rất trực tiếp. Một khi thực sự thấy được tầm nhìn, cảm nhận của chúng ta về nó, hoặc về sự gắn bó của mình với nó, sẽ phai mờ. *Chính tầm nhìn* trở thành điều chủ yếu, và cái "chúng ta" nhỏ bé không còn là yếu tố quan trọng cần cân nhắc như nó đã từng là từ lâu. Nói ngắn gọn, chúng ta thôi chăm chú vào cái ngã nhỏ bé; tầm nhìn, cùng Thiên Cơ mà nó có nhiệm vụ vén mở, chiếm lấy vị trí trong tâm thức trước kia vốn dành cho mối bận tâm về cái ngã nhỏ bé.

60. We are to be *absorbed* in the vision—*on the physical plane*. Not only is the mind involved but the brain as well. When the Tibetan speaks of involving the brain in any process, it means that the process has been brought down to the physical plane.

60. Chúng ta phải *hoàn toàn chuyên chú* vào tầm nhìn—*trên cõi hồng trần*. Không chỉ thể trí tham gia mà cả bộ não cũng vậy. Khi Chân sư Tây Tạng nói đến việc đưa bộ não tham gia vào bất kỳ tiến trình nào, điều đó có nghĩa là tiến trình ấy đã được đưa xuống cõi hồng trần.

61. Another important definition emerges out of the last sentence in this paragraph: "Both mind and brain are preoccupied with what the soul knows and that is ever vision for the personality. " So then, "what the soul knows" *is* the vision, as far as the personality is concerned. And what the *soul* knows and what the *Master* knows are, for all intents and purposes, the same.

61. Một định nghĩa quan trọng khác xuất hiện từ câu cuối của đoạn này: "Cả thể trí lẫn bộ não đều chuyên tâm vào những gì linh hồn biết, và đối với phàm ngã, điều đó luôn là tầm nhìn. " Như vậy, "những gì linh hồn biết" *chính là* tầm nhìn, xét từ phía phàm ngã. Và những gì *linh hồn* biết cùng những gì *Chân sư* biết, xét về mọi phương diện thực tiễn, đều giống nhau.

62. This kind of knowing (not only in the mind but in the brain) is not easy of achievement. To achieve this knowing is the purpose of occult meditation, and of the service process stimulated by occult meditation.

62. Loại hiểu biết này (không chỉ trong thể trí mà cả trong bộ não) không dễ đạt được. Đạt được sự hiểu biết này là mục đích của tham thiền huyền môn, cũng như của tiến trình phụng sự do tham thiền huyền môn kích thích.

63. We are (here and now) to know what the soul knows. If we do, then a *real vision* has entered our consciousness, and will build surely to revelation, which will transcend

63. Chúng ta phải biết (ngay tại đây và lúc này) những gì linh hồn biết. Nếu làm được điều ấy, thì một *tầm nhìn chân thực* đã đi vào tâm thức chúng ta, và chắc chắn sẽ phát

symbolic presentation.

I referred above to the existence of disciples and of world disciples. A world disciple is a man or woman who has made real progress in the adjustment between the particular and the universal, between the specific and the general and between his own sphere of environal conditions and the outer world of needy souls. The problem with which such disciples are occupied is not the adjustment of relations between the inner spiritual man, the soul and its instrument, the personal lower self. Their major interest is how to fulfil the immediate personality obligation and, at the same time, produce an effect upon the environing world of men because of a strong inner compulsion and the need they feel to shoulder the service and the responsibility of their Master and His group. These men and women are always accepted disciples in the academic sense of the term and are able to render themselves receptive to spiritual impression; they do this, if they choose, at will. They are integrated people from the personality angle and susceptible at all times to soul contact. They are not yet perfect, for they are not yet Masters; the fourth initiation still lies ahead for them but their own imperfections are not their major point of soul attack or their major preoccupation; world need and world demand for spiritual and psychic aid rank paramount in their consciousness. They are clear-visioned as to people but they are basically non-critical; the recognition of imperfection is automatic with them but in no way negates loving understanding and readiness to assist on any level where the need appears to be of importance.

triển thành sự mặc khải, vượt lên trên sự trình bày bằng biểu tượng.

Ở trên, Tôi đã đề cập đến sự hiện hữu của các đệ tử và các đệ tử thế gian. Một đệ tử thế gian là một người nam hoặc nữ đã thực sự tiến bộ trong việc điều chỉnh giữa cái riêng biệt và cái phổ quát, giữa cái cụ thể và cái tổng quát, cũng như giữa phạm vi hoàn cảnh riêng của mình và thế giới bên ngoài gồm những linh hồn đang cần giúp đỡ. Vấn đề mà những đệ tử ấy quan tâm không phải là việc điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người tinh thần bên trong, tức linh hồn, và công cụ của linh hồn, tức phàm ngã cá nhân. Mối quan tâm chính của họ là làm thế nào để chu toàn bổn phận trước mắt của phàm ngã, đồng thời tạo ảnh hưởng lên thế giới con người xung quanh, do một sự thôi thúc mạnh mẽ từ bên trong và nhu cầu mà họ cảm thấy phải gánh vác việc phụng sự cùng trách nhiệm của Chân sư và nhóm của Ngài. Những người nam và nữ này luôn là những đệ tử được chấp nhận theo nghĩa chuyên môn của thuật ngữ ấy, và có khả năng khiến mình trở nên tiếp nhận được ấn tượng tinh thần; nếu muốn, họ có thể làm điều này theo ý muốn. Xét từ góc độ phàm ngã, họ là những người đã tích hợp và luôn có khả năng tiếp xúc với linh hồn. Họ chưa hoàn hảo, vì họ chưa phải là các Chân sư; lần điểm đạo thứ tư vẫn còn ở phía trước, nhưng những bất toàn của chính họ không phải là trọng điểm mà họ, với tư cách linh hồn, tập trung giải quyết, cũng không phải mối bận tâm chính của họ; nhu cầu của thế giới và đòi hỏi của thế giới về sự trợ giúp tinh thần và thông linh giữ vị trí tối cao trong tâm thức họ. Họ nhìn nhận con người một cách sáng suốt, nhưng về cơ bản không có tính chỉ trích; việc nhận ra sự bất toàn diễn ra một cách tự động nơi họ, nhưng điều đó hoàn toàn không phủ nhận sự thấu hiểu đầy tình thương và sự sẵn sàng trợ giúp

ở bất kỳ cấp độ nào mà nhu cầu có vẻ quan trọng.

64. Master DK continues to clarify the nature world disciples and the differences between such disciples and disciples of lesser rank.

64. Chân sư DK tiếp tục làm sáng tỏ bản chất của các đệ tử thế gian và những khác biệt giữa các đệ tử ấy với những đệ tử ở cấp thấp hơn.

65. A world disciple has (consciously or unconsciously) built the first stages of the antahkarana and has thus penetrated into the realm of the spiritual triad. Therefore, the world disciple understands the "universal" view conveyed by the triad and the particular view of the personality. Because such a disciple works with cognizance of *both triads*—personal and impersonal, he can see in both general and specific terms. There is an ability to contain, simultaneously, both macrocosm (within limits) and microcosm; his own particular sphere of relations is always considered in relation to the larger environing sphere of humanity and to humanity's need.

65. Một đệ tử thế gian đã xây dựng (một cách hữu thức hoặc vô thức) những giai đoạn đầu của antahkarana và nhờ đó đã thâm nhập vào lĩnh vực của Tam Nguyên Tinh Thần. Do đó, đệ tử thế gian thấu hiểu góc nhìn "phổ quát" mà Tam nguyên tinh thần truyền đạt và góc nhìn riêng biệt của phàm ngã. Vì một đệ tử như vậy làm việc với sự nhận biết về *cả hai bộ ba*—cá nhân và phi cá nhân, y có thể nhìn nhận cả theo phương diện tổng quát lẫn cụ thể. Y có khả năng đồng thời bao quát cả đại thiên địa (trong những giới hạn nhất định) lẫn tiểu thiên địa; phạm vi quan hệ riêng của y luôn được xem xét trong mối liên hệ với phạm vi nhân loại lớn hơn bao quanh và với nhu cầu của nhân loại ấy.

66. These definitions of a world disciple are *very* important. If we want to strive towards a higher level of achievement, we must know the meaning of that towards which we strive.

66. Những định nghĩa này về một đệ tử thế gian *rất* quan trọng. Nếu muốn nỗ lực vươn tới một cấp độ thành tựu cao hơn, chúng ta phải biết ý nghĩa của điều mình đang nỗ lực vươn tới.

67. World disciples are Plan-cognizant and Plan-driven. Their microcosmic adjustments are well under way. Spiritually, they can take care of themselves and are not preoccupied with the adjustment between soul and personality.

67. Các đệ tử thế gian nhận biết Thiên Cơ và hành động theo sự thúc đẩy của Thiên Cơ. Những sự điều chỉnh trong tiểu thiên địa của họ đang tiến triển tốt. Về mặt tinh thần, họ có thể tự lo cho mình và không bận tâm với việc điều chỉnh giữa linh hồn và phàm ngã.

68. They have entered a larger sphere of understanding and responsibility. If they are trained occultly (and the Hierarchy intends to train many more world disciples so that they can become more occultly conscious),

68. Họ đã bước vào một phạm vi thấu hiểu và trách nhiệm rộng lớn hơn. Nếu được huấn luyện về huyền bí học (và Thánh đoàn có ý định huấn luyện thêm nhiều đệ tử thế gian để họ có thể trở nên có ý thức hơn về mặt

they know they are responsible to an Ashram and to its Master. They feel an overpowering need to fulfill that responsibility.

69. One must be at least an accepted disciple, in the academic sense, to become a world disciple. DK tells us that they are integrated personalities; a truly integrated personality (understood occultly) is an initiate of the third degree. They are always susceptible to soul impression *at will;* this is important. They are not struggling to make contact with the soul and to live the life of the soul. Rather, they are already doing so, and are seeking to understand how their expression of soul energy in the world may be ever-more useful to the manifestation of the Divine Plan.

70. DK points out that world disciples are not yet perfect. This is an important statement, if we are to maintain the right sense of proportion. Ahead of them still lie the fifth and even the fourth initiation. The implication, again, is that the third initiation has probably been achieved, for He did not say that that particular initiation lay before them.

71. Despite their imperfections, those imperfections are "not their major point of soul attack". This little phrase suggests that they are *functioning as souls,* and choose not to become preoccupied with problems within their microcosmic lower nature. Such problems are noted and given necessary but not excessive attention.

72. Rather, as conscious souls, they attack world problems. They become preoccupied

huyền bí), họ biết mình có trách nhiệm với một ashram và với Chân sư của ashram ấy. Họ cảm thấy một nhu cầu mãnh liệt phải chu toàn trách nhiệm ấy.

69. Một người ít nhất phải là một đệ tử được chấp nhận, theo nghĩa chuyên môn, mới có thể trở thành một đệ tử thế gian. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng họ là những phàm ngã tích hợp; một phàm ngã thực sự tích hợp (hiểu theo nghĩa huyền bí) là một điểm đạo đồ bậc ba. Họ luôn có khả năng tiếp nhận ấn tượng linh hồn *theo ý muốn;* điều này rất quan trọng. Họ không phải đang vất vả tìm cách tiếp xúc với linh hồn và sống đời sống của linh hồn. Đúng hơn, họ đã làm được như vậy và đang tìm cách thấu hiểu làm thế nào để sự biểu lộ năng lượng linh hồn của họ trên thế gian có thể ngày càng hữu ích hơn cho sự biểu hiện của Thiên Cơ.

70. Chân sư DK chỉ ra rằng các đệ tử thế gian chưa hoàn hảo. Đây là một phát biểu quan trọng nếu chúng ta muốn duy trì ý thức đúng đắn về tỉ lệ. Phía trước họ vẫn còn lần điểm đạo thứ năm và ngay cả lần điểm đạo thứ tư. Một lần nữa, điều này hàm ý rằng có lẽ họ đã đạt được lần điểm đạo thứ ba, vì Ngài không nói rằng lần điểm đạo cụ thể ấy còn ở phía trước họ.

71. Dù họ có những bất toàn, những bất toàn ấy "không phải là trọng điểm mà họ, với tư cách linh hồn, tập trung giải quyết". Cụm từ ngắn này gợi ý rằng họ đang *hoạt động như những linh hồn,* và chọn không để mình bận tâm với những vấn đề trong bản chất thấp của tiểu thiên địa mình. Họ ghi nhận những vấn đề ấy và dành cho chúng sự chú ý cần thiết nhưng không quá mức.

72. Đúng hơn, với tư cách những linh hồn có ý thức, họ tập trung giải quyết các vấn đề thế

with world demand "for spiritual and psychic aid". These two kinds of aid can be distinguished, though the kind of psychic aid offered by world disciples is always infused with spiritual understanding.

giới. Họ chuyên tâm vào đòi hỏi của thế giới "về sự trợ giúp tinh thần và thông linh". Có thể phân biệt hai loại trợ giúp này, dù loại trợ giúp thông linh mà các đệ tử thế gian cung cấp luôn được thấm nhuần sự thấu hiểu tinh thần.

73. When DK tells us that world disciples are "clear visioned people", He is again suggesting the attainment of the third degree, for at that initiation, the "eye" is clarified. Venus (ruling, in one sense, *vision*) becomes a planet of great importance, and comes into prominence on the mountain top of initiation. Venus is the hierarchical ruler of Capricorn, the sign most associated with the third initiation.

73. Khi Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các đệ tử thế gian là "những người có tầm nhìn sáng suốt", một lần nữa Ngài gợi ý rằng họ đã đạt đến bậc thứ ba, vì ở lần điểm đạo ấy, "con mắt" trở nên trong sáng. Sao Kim (theo một nghĩa nào đó, cai quản *tầm nhìn*) trở thành một hành tinh hết sức quan trọng và nổi bật trên đỉnh núi điểm đạo. Sao Kim là chủ tinh huyền giai của Ma Kết, dấu hiệu gắn liền nhiều nhất với lần điểm đạo thứ ba.

74. We see that the world disciple is mastering the techniques of *harmlessness*, because, though endowed with the ability to readily see imperfections in his fellow human beings, he is not *critical* of those imperfections, but treats those possessing them with loving understanding. He is always ready to help, and, having passed through much pain on his long ascent, knows that criticism is far from the same as real assistance.

74. Chúng ta thấy rằng đệ tử thế gian đang làm chủ các kỹ thuật của *tính vô tổn hại*, bởi vì dù có khả năng dễ dàng thấy những bất toàn nơi đồng loại, y không *chỉ trích* những bất toàn ấy, mà đối xử với những người có chúng bằng sự thấu hiểu đầy tình thương. Y luôn sẵn sàng giúp đỡ, và vì đã trải qua nhiều đau khổ trên chặng đường dài đi lên của mình, y biết rằng sự chỉ trích khác xa với sự trợ giúp thực sự.

75. The world disciple is a junior member of Hierarchy and, in many cases, a conscious member of the Ashram.

75. Đệ tử thế gian là một thành viên sơ cấp của Thánh đoàn và, trong nhiều trường hợp, là một thành viên có ý thức của ashram.

76. It is clear that Master DK hoped that more of His accepted disciples could become "world disciples", technically understood, and was seeking to enlarge their understanding of the disciplic stage potentially ahead.

76. Rõ ràng Chân sư DK đã hy vọng có thêm nhiều đệ tử được chấp nhận của Ngài có thể trở thành "đệ tử thế gian", hiểu theo nghĩa chuyên môn, và Ngài đang tìm cách mở rộng sự thấu hiểu của họ về giai đoạn địa vị đệ tử có thể đang ở phía trước.

[690] World disciples think in terms of groups with a steadily developing measure

[690] Các đệ tử thế gian suy nghĩ theo nhóm với mức độ bao gồm ngày càng phát triển

of inclusiveness. Their own group, their own circle of co-workers and their own field of service are seen by them in right proportion because they are not divorced from the environing All. They are active focal points for the Forces of Light in the three worlds of human endeavour and are to be found in every field and school of thought.

đều đặn. Họ nhìn nhận nhóm riêng, vòng cộng tác viên riêng và lĩnh vực phụng sự riêng của mình theo đúng tỉ lệ, bởi họ không tách rời khỏi Toàn Thể bao quanh. Họ là những tiêu điểm hoạt động cho các Mãnh Lực Ánh Sáng trong ba cõi giới nỗ lực của con người và hiện diện trong mọi lĩnh vực cùng mọi trường phái tư tưởng.

77. Because world disciples are significantly soul conscious, they think in terms of groups—for the soul, itself, is group conscious. All higher perspectives in consciousness are really examples of group conscious. At one point, group consciousness gives way to "universal consciousness", in all its expanding varieties. Universal consciousness is still, however, *group* consciousness. The groups considered simply become ever larger until the 'universal group' is reached.

77. Vì các đệ tử thế gian có tâm thức linh hồn ở mức độ đáng kể, họ suy nghĩ theo nhóm—bởi chính linh hồn có tâm thức nhóm. Mọi góc nhìn cao hơn trong tâm thức thực sự đều là những biểu hiện của tâm thức nhóm. Đến một thời điểm, tâm thức nhóm nhường chỗ cho "tâm thức phổ quát", với mọi dạng thức ngày càng mở rộng của nó. Tuy nhiên, tâm thức phổ quát vẫn là tâm thức *nhóm*. Các nhóm được xem xét chỉ đơn giản là ngày càng lớn hơn, cho đến khi đạt tới 'nhóm phổ quát' ấy.

78. There is such a thing as 'group egoism'. One may, indeed, learn to think in terms of a group, and so may all group members within such a group, but the group members may fail to relate correctly to other groups and to the "environing All", as DK terms the larger context.

78. Có một điều gọi là 'tính ích kỷ nhóm'. Quả thực, một người có thể học cách suy nghĩ theo quan điểm của một nhóm, và mọi thành viên trong nhóm ấy cũng có thể làm như vậy, nhưng các thành viên có thể không thiết lập được mối quan hệ đúng đắn với các nhóm khác và với "Toàn Thể bao quanh", như cách Chân sư DK gọi bối cảnh rộng lớn hơn.

79. World disciples have transcended this limitation; they know how to relate their various groups to *That* which includes these groups.

79. Các đệ tử thế giới đã vượt qua giới hạn này; họ biết cách liên kết các nhóm khác nhau của mình với *Cái Đó* vốn bao gồm các nhóm này.

80. The Forces of Light comprise both the Spiritual Hierarchy of our planet and also Shamballa. These Forces can (to a greater or lesser extent) work though world disciples who are active in ever phase of human endeavor (certainly not just the "religious"

80. Các Mãnh Lực Ánh Sáng bao gồm cả Thánh đoàn của hành tinh chúng ta lẫn Shamballa. Các Mãnh Lực này có thể hoạt động, ở mức độ nhiều hay ít, thông qua những đệ tử thế giới đang tích cực hoạt động trong mọi lĩnh vực nỗ lực của con người

sphere) and in every school of thought.

(chắc chắn không chỉ trong lĩnh vực "tôn giáo") và trong mọi trường phái tư tưởng.

81. It is obvious that DK wants us to be able to look across the great collection of those who serve humanity and to find world disciples in all of them—not alone in fields of service which may be familiar to us.

81. Rõ ràng, Chân sư DK muốn chúng ta có thể nhìn bao quát đông đảo những người phụng sự nhân loại và tìm thấy các đệ tử thế giới trong tất cả những lĩnh vực ấy—không chỉ trong những lĩnh vực phụng sự có thể quen thuộc với chúng ta.

82. We can see that there is much that is Aquarian about the world disciple The sign Aquarius is active at both the third and fourth initiations and, so, this is not surprising. Aquarius confers both the group perspective and, later, the more universal perspective. This inclusive consciousness is characteristic of the world disciple.

82. Chúng ta có thể thấy đệ tử thế giới mang nhiều đặc tính Bảo Bình. Dấu hiệu Bảo Bình hoạt động ở cả lần điểm đạo thứ ba lẫn lần điểm đạo thứ tư, vì vậy điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Bảo Bình ban cho cả quan điểm nhóm và, về sau, quan điểm phổ quát hơn. Tâm thức bao gồm này là đặc trưng của đệ tử thế giới.

I am not going to define for you active discipleship as ordinarily understood. Every esoteric student knows its significance, its implications and its responsibilities. I seek to develop in you that sense of world need and that capable usefulness which will make each of you who read and understand my words a disciple in truth and in deed. The primary task of the Masters is to develop in Their disciples a world sense which will enable them to see the immediate situation against the background of the past, illumined by the light of knowledge of the Plan which always concerns the future—except for those rare spirits who think ever in terms of the whole. The blueprints for the immediate plan are in the hands of the world disciples; the working out of these plans under the inspiration and help of the world disciples is in the hands of all accepted disciples everywhere. Neither world disciples or accepted disciples are mystical visionaries or vague idealists but men and women who are intelligently and practically

Tôi sẽ không định nghĩa cho các bạn về địa vị đệ tử tích cực theo cách hiểu thông thường. Mọi đạo sinh huyền bí học đều biết thâm nghĩa, những hàm ý và trách nhiệm của địa vị ấy. Tôi tìm cách phát triển nơi các bạn ý thức về nhu cầu của thế giới và khả năng phụng sự hữu ích, có năng lực, để mỗi người trong các bạn đọc và thấu hiểu lời Tôi đều trở thành đệ tử thực sự cả trong sự thật lẫn hành động. Nhiệm vụ chính của các Chân sư là phát triển nơi các đệ tử của Các Ngài một ý thức về thế giới, giúp họ nhìn hoàn cảnh trước mắt trên nền quá khứ, dưới ánh sáng của tri thức về Thiên Cơ vốn luôn liên quan đến tương lai—ngoại trừ những tinh thần hiếm hoi luôn suy nghĩ theo quan điểm của toàn thể. Những bản thiết kế cho kế hoạch trước mắt nằm trong tay các đệ tử thế giới; việc thực hiện những kế hoạch này, dưới sự truyền cảm hứng và trợ giúp của các đệ tử thế giới, nằm trong tay mọi đệ tử được chấp nhận ở khắp nơi. Cả các đệ tử thế giới lẫn các đệ tử được chấp nhận đều không phải là những người mơ tưởng thần bí hay những

seeking to make the ideal plan a factual experiment and success on earth. Such is the task in which all of you have the opportunity to help. Your ability to become world disciples eventually is dependent upon your capacity to decentralise yourselves and to forget your personalities. This forgetting involves not only your own personalities but also the personalities of your fellow disciples and co-workers and of all you meet. It means, also, that in the future you go forward into a greater measure of service, impelled thereto by the fire of love in your hearts for your fellowmen.

người lý tưởng mơ hồ, mà là những người nam và nữ đang tìm cách, một cách sáng suốt và thực tế, biến kế hoạch lý tưởng thành một cuộc thử nghiệm thực tế và thành công trên Trái Đất. Đó là nhiệm vụ mà tất cả các bạn đều có cơ hội góp sức. Khả năng cuối cùng trở thành đệ tử thế giới của các bạn tùy thuộc vào khả năng phi tập trung vào bản thân và quên đi phàm ngã của mình. Sự quên mình này không chỉ bao gồm phàm ngã của chính các bạn mà còn cả phàm ngã của các đệ tử đồng môn, các cộng sự và tất cả những người các bạn gặp. Điều đó cũng có nghĩa là trong tương lai, các bạn tiến tới phụng sự nhiều hơn, nhờ ngọn lửa tình thương đối với đồng loại trong tim mình thúc đẩy.

83. DK has, in His various books (starting from *Initiation: Human and Solar*), given much on "active discipleship, as ordinarily understood". He seeks now to expand the consideration and to present His disciples with a vivid picture of world need, so that those disciples may develop in themselves "that capable usefulness" which will make of them "disciples in truth and in deed". He is obviously attempting to "lift the standard".

83. Trong các tác phẩm khác nhau của Ngài (bắt đầu từ *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương*), Chân sư DK đã trình bày nhiều về "địa vị đệ tử tích cực theo cách hiểu thông thường". Giờ đây, Ngài tìm cách mở rộng sự xem xét và trình bày trước các đệ tử của Ngài một bức tranh sống động về nhu cầu của thế giới, để những đệ tử ấy có thể phát triển nơi mình "khả năng phụng sự hữu ích, có năng lực" ấy, nhờ đó trở thành "đệ tử thực sự cả trong sự thật lẫn hành động". Rõ ràng, Ngài đang cố gắng "nâng cao tiêu chuẩn".

84. Many of the disciples He was addressing in these group instructions had been with him for ten or fifteen years (consciously, in *this* incarnation). He now was expecting of them greater world consciousness, greater selflessness and a more inclusive vision.

84. Nhiều đệ tử mà Ngài nói với trong những huấn thị nhóm này đã ở cùng Ngài được mười hoặc mười lăm năm (một cách có ý thức, trong kiếp sống *này*). Giờ đây, Ngài mong đợi ở họ tâm thức thế giới rộng lớn hơn, tinh thần vị tha sâu sắc hơn và một tầm nhìn bao gồm hơn.

85. DK tells us of the primary task of Masters vis-à-vis Their chelas: it is the development in them of a "world sense" which reveals their past in relation to the future (which

85. Chân sư DK cho chúng ta biết nhiệm vụ chính của các Chân sư đối với các đệ tử của Các Ngài: đó là phát triển nơi họ một "ý thức về thế giới" làm hiển lộ quá khứ của họ trong

means, in relation to the Plan, for the Plan ever *of the future*). He does not expect that His chelas will yet be capable of thinking in terms of the whole.

mối liên hệ với tương lai (nghĩa là trong mối liên hệ với Thiên Cơ, vì Thiên Cơ luôn *thuộc về tương lai*). Ngài chưa mong đợi các đệ tử của Ngài có khả năng suy nghĩ theo quan điểm của toàn thể.

86. The Master specifies the spheres of responsibility of world disciples and accepted disciples. World disciples hold in their hands the blue prints of a certain phase of the Plan for which they are responsible; accepted disciples (working under the inspiration of world disciples) are to help them implement a phase of that Plan.

86. Chân sư xác định rõ phạm vi trách nhiệm của các đệ tử thế giới và các đệ tử được chấp nhận. Các đệ tử thế giới nắm trong tay những bản thiết kế của một giai đoạn nhất định trong Thiên Cơ mà họ chịu trách nhiệm; các đệ tử được chấp nhận (hoạt động dưới sự truyền cảm hứng của các đệ tử thế giới) có nhiệm vụ giúp họ thực hiện một giai đoạn của Thiên Cơ ấy.

87. Alice Bailey was surely a world disciple, and there were a number of accepted disciples gathered around her to help her implement the educative phase of the Plan for which she was responsible.

87. Alice Bailey chắc chắn là một đệ tử thế giới, và một số đệ tử được chấp nhận đã quy tụ quanh Bà để giúp Bà thực hiện giai đoạn giáo dục của Thiên Cơ mà Bà chịu trách nhiệm.

88. The same might be said of FCD (Dr. Roberto Assagioli), who was given the task of gathering the co-workers (not easy at first) who would help him implement his ideas for human salvage of a psychological kind. Apparently, this gathering eventually came to some fruition, and his plans for the psychological regeneration of humanity were concretely manifested through the growth of the world-movement in psychology known as Psychosynthesis.

88. Có lẽ cũng có thể nói như vậy về FCD (Bác sĩ Roberto Assagioli), người được giao nhiệm vụ quy tụ các cộng sự (lúc đầu không dễ dàng) để giúp ông thực hiện những ý tưởng cứu giúp con người về mặt tâm lý. Dường như sự quy tụ này cuối cùng đã đạt được một số thành quả, và các kế hoạch tái sinh nhân loại về mặt tâm lý của ông đã biểu hiện cụ thể qua sự phát triển của phong trào tâm lý học trên thế giới mang tên Tâm lý Tổng hợp.

89. DK distinguishes world disciples and even accepted disciples from “mystical visionaries”, known so oft for their impracticality. World disciples and accepted disciples are part of the Externalization of the Hierarchy and are much engaged with the Laws of Manifestation.

89. Chân sư DK phân biệt các đệ tử thế giới và cả các đệ tử được chấp nhận với “những người mơ tưởng thần bí”, vốn thường được biết đến vì tính thiếu thực tế. Các đệ tử thế giới và các đệ tử được chấp nhận là một phần của Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn và tham gia sâu vào việc vận dụng các Định luật Biểu Hiện.

90. The envisioned ideals of world and accepted disciples are to become "factual experiments" successfully manifested in the lower three worlds. The Divine Plan must *happen.*

90. Những lý tưởng mà các đệ tử thế giới và các đệ tử được chấp nhận hình dung phải trở thành "những cuộc thử nghiệm thực tế", biểu hiện thành công trong ba cõi thấp. Thiên Cơ phải *thành hiện thực.*

91. DK holds before His chelas the opportunity to become world disciples—the more rapidly so, the sooner they decentralize themselves and forget their personalities. He then expands the theme somewhat by insisting that not only must we forget our own personalities in the process of manifesting the Plan, but we must not become preoccupied with the personalities of others—our co-workers, for instance.

91. Chân sư DK đặt trước các đệ tử của Ngài cơ hội trở thành đệ tử thế giới—họ càng sớm phi tập trung vào bản thân và quên đi phàm ngã của mình thì càng nhanh chóng trở thành đệ tử thế giới. Sau đó, Ngài mở rộng chủ đề này phần nào bằng cách nhấn mạnh rằng trong tiến trình biểu hiện Thiên Cơ, chúng ta không chỉ phải quên đi phàm ngã của chính mình mà còn không được quá bận tâm đến phàm ngã của người khác—chẳng hạn như các cộng sự của chúng ta.

92. We can and will do this when our orientation is towards greater service, impelled thereto by the fire of love in our hearts for our fellowmen.

92. Chúng ta có thể và sẽ làm được điều này khi hướng tới việc phụng sự nhiều hơn, nhờ ngọn lửa tình thương đối với đồng loại trong tim mình thúc đẩy.

93. Simplistically, He is saying: 'to become world disciples, *love* more, *serve* more'. It is obvious that the sense of criticism will prevent us from achieving this degree of discipleship. Really any marked deviations from the code of harmlessness will prevent the achievement.

93. Nói một cách đơn giản, Ngài đang nói: 'để trở thành đệ tử thế giới, hãy *yêu thương* nhiều hơn, *phụng sự* nhiều hơn'. Rõ ràng, khuynh hướng chỉ trích sẽ ngăn chúng ta đạt đến cấp độ đệ tử này. Thực ra, bất cứ sự lệch lạc rõ rệt nào khỏi chuẩn mực vô tổn hại cũng sẽ ngăn cản thành tựu ấy.

One factor that should be touched upon here is that frequently disciples handicap themselves because, not having learnt to forget their personalities, they have an attitude of deep concern over demonstrated past failures and a consciousness of very real inadequacy. They become over preoccupied [691] with the personnel of the group and not with the group soul. You, as disciples, are too preoccupied with the inter-personality relationship and are not sufficiently focussed upon the group-soul

Một yếu tố cần đề cập ở đây là các đệ tử thường tự gây trở ngại cho mình vì chưa học được cách quên đi phàm ngã, nên họ hết sức lo lắng về những thất bại đã bộc lộ trong quá khứ và mang tâm thức về sự bất cập rất thực của mình. Họ trở nên quá bận tâm [691] đến nhân sự của nhóm thay vì hồn nhóm. Là đệ tử, các bạn quá bận tâm đến mối quan hệ giữa các phàm ngã và chưa tập trung đầy đủ vào hồn nhóm cũng như vào Chân sư, trung tâm và tiêu điểm năng lượng của nhóm. Nếu các bạn từ bỏ mọi sự chỉ trích, nếu các bạn

and upon the Master, the centre and the focal point of energy of the group. If you would reject all criticism, if you cultivate the joy of relationship and seek ever to participate together in whatever spiritual blessing may be outpoured for the helping of the world, if you seek to contact the Master as a group, if you are in a position to know your group, and if you tune out all anxiety as to success or non-success in the apportioned service, you would greatly aid in the task with which the Master of any group is confronted. The needed fusion can always take place among disciples when they meet on the level of the soul and when the service to be rendered is the dominant factor and not so much the how of rendering it; for this each disciple is independently responsible.

vun bồi sự hoan hỉ trong mối quan hệ và luôn tìm cách cùng nhau đón nhận bất cứ ân phúc tinh thần nào có thể tuôn đổ để trợ giúp thế giới, nếu các bạn tìm cách tiếp xúc với Chân sư với tư cách một nhóm, nếu các bạn có thể hiểu biết nhóm của mình, và nếu các bạn gạt bỏ mọi lo âu về thành công hay không thành công trong công việc phụng sự được phân công, thì các bạn sẽ trợ giúp rất nhiều cho nhiệm vụ mà Chân sư của bất cứ nhóm nào cũng phải đối diện. Sự dung hợp cần thiết luôn có thể diễn ra giữa các đệ tử khi họ gặp nhau ở cấp độ linh hồn và khi công việc phụng sự cần thực hiện là yếu tố chủ đạo, thay vì quá chú trọng đến cách thực hiện; về cách thực hiện này, mỗi đệ tử chịu trách nhiệm riêng.

94. DK speaks of a prevalent handicap amongst disciples: they simply have not learned to forget their personalities, and are preoccupied with their perceived failures (real or unreal). They, thus, feel themselves to be inadequate, and their sense of inadequacy depresses their consciousness.

94. Chân sư DK nói về một trở ngại phổ biến nơi các đệ tử: đơn giản là họ chưa học được cách quên đi phàm ngã và luôn bận tâm đến những điều họ cho là thất bại của mình (có thực hay không có thực). Do đó, họ cảm thấy mình bất cập, và cảm giác bất cập ấy làm tâm thức họ sa sút.

95. As well, many disciples are preoccupied with the failures of their co-disciples. They focus on their co-workers form the personality angle and not from the perspective of the group soul.

95. Ngoài ra, nhiều đệ tử còn bận tâm đến những thất bại của các đệ tử đồng môn. Họ chú ý đến các cộng sự từ góc độ phàm ngã thay vì từ quan điểm của hồn nhóm.

96. In short, too many disciples are preoccupied with *persons* and not with *souls*.

96. Tóm lại, quá nhiều đệ tử bận tâm đến *con người* thay vì *linh hồn*.

97. DK really insists on the value of preoccupation with the group-soul, and also with the Master (considered as the focal point of energy of the group). He is asking us to "lift our sites".

97. Chân sư DK thực sự nhấn mạnh giá trị của việc chú tâm đến hồn nhóm, đồng thời đến Chân sư (được xem là tiêu điểm năng lượng của nhóm). Ngài đang yêu cầu chúng ta "nâng cao tầm nhìn".

98. Then follows a list of most practical

98. Tiếp theo là một danh sách những yêu

requirements for those who on their way to world discipleship. Such factors as non-criticism, joy in relationship, grateful recognition of blessings out-poured, *group*-contact with the Master, group recognition and the tuning out of all anxiety about success or non-success—all these would greatly help the Master help the disciples and, as well, the discipleship group.

cầu hết sức thiết thực dành cho những người đang trên đường trở thành đệ tử thế giới. Những yếu tố như không chỉ trích, hoan hỉ trong mối quan hệ, biết ơn và nhận biết những ân phúc tuôn đổ, tiếp xúc với Chân sư với tư cách *nhóm*, nhận biết nhóm và gạt bỏ mọi lo âu về thành công hay không thành công—tất cả những điều này sẽ giúp Chân sư rất nhiều trong việc trợ giúp các đệ tử cũng như nhóm đệ tử.

99. We can review these requirements for ourselves and try to fulfill them. They are very reasonable, and we can understand why their non-fulfillment complicates the way of the group and reduces contact with the Master and His Ashram.

99. Chúng ta có thể tự xem xét những yêu cầu này và cố gắng thực hiện. Những yêu cầu ấy rất hợp lý, và chúng ta có thể thấu hiểu vì sao việc không thực hiện chúng lại làm phức tạp con đường của nhóm và làm giảm sự tiếp xúc với Chân sư cùng ashram của Ngài.

100. The final advice: meet on the level of soul and keep the service to be rendered in the forefront of consciousness. *How* the service is rendered is said to be an individual matter for which "each disciple is independently responsible".

100. Lời khuyên cuối cùng: hãy gặp nhau ở cấp độ linh hồn và luôn đặt công việc phụng sự cần thực hiện lên hàng đầu trong tâm thức. *Cách thức* thực hiện công việc phụng sự được nói là vấn đề cá nhân mà "mỗi đệ tử chịu trách nhiệm riêng".

101. All this advice is so good, and, yet, so often forgotten. Something within us recognizes its validity immediately, and then, strangely, *forgets* after a longer or shorter time. The fire is lit and the fire goes out. At length however, the fire, once lit, continues to burn, and then steady progress in the application of Ashramic attitudes supervenes.

101. Tất cả những lời khuyên này đều rất hay, thế nhưng lại thường xuyên bị lãng quên. Một điều gì đó trong chúng ta lập tức nhận ra tính đúng đắn của chúng, rồi lạ thay lại *quên đi* sau một thời gian dài hay ngắn. Ngọn lửa được thắp lên rồi lại tắt. Tuy nhiên, cuối cùng, ngọn lửa một khi được thắp lên sẽ tiếp tục cháy, và khi ấy sự tiến bộ vững vàng trong việc thực hành những thái độ của ashram sẽ tiếp nối.

The Master does not train a group of men and women to be good and obedient disciples, carrying out His wishes and working out His purposes. He is training them eventually to take initiation and become Masters themselves and He never loses sight of this objective. You, as disciples,

Chân sư không huấn luyện một nhóm những người nam và nữ để họ trở thành những đệ tử tốt và biết vâng lời, làm theo ý muốn và thực hiện những mục đích của Ngài. Ngài huấn luyện họ để cuối cùng họ được điểm đạo và chính họ trở thành các Chân sư, và Ngài không bao giờ quên mục

have, therefore, to learn to handle force and to draw energies into the destined area of service and this is a fact you must constantly have in mind. Disciples are chosen by the Master because, in spite of any or all personality limitations, they respond in their individual measure to the immediate vision of the united Hierarchy and to the methods which They propose to employ in materialising this vision. The hierarchical vision (as far as you can understand it) is the response of the Masters to the higher impression to which They are subjected and to which They accord Their assent according to ray and not according to point of development. The Master recognises those who recognise the Plan and are trying (with full or with qualified dedication) to help bring it about. He then stimulates them as a group, because they have identity of vision and dedication; this enables them, under that stimulation and inspiration, to become more effective in the chosen (self-chosen) line of service.

tiêu này. Vì vậy, là đệ tử, các bạn phải học cách vận dụng mãnh lực và thu hút các năng lượng vào lĩnh vực phụng sự đã định; đây là một sự thật các bạn phải luôn ghi nhớ. Chân sư chọn các đệ tử vì, bất chấp một hay mọi giới hạn của phàm ngã, mỗi người đều đáp ứng theo mức độ riêng của mình với tầm nhìn trước mắt của Thánh đoàn hợp nhất và với những phương pháp mà Các Ngài dự định sử dụng để hiện thực hóa tầm nhìn này. Tầm nhìn của Thánh đoàn (trong chừng mực các bạn có thể thấu hiểu) là sự đáp ứng của các Chân sư với ấn tượng cao hơn mà Các Ngài tiếp nhận và đồng thuận theo cung, chứ không theo điểm phát triển. Chân sư công nhận những ai nhận biết Thiên Cơ và đang cố gắng (với sự tận hiến trọn vẹn hoặc còn hạn chế) góp phần đưa Thiên Cơ thành hiện thực. Khi ấy, Ngài kích thích họ với tư cách một nhóm, vì họ có chung tầm nhìn và sự tận hiến; dưới sự kích thích và truyền cảm hứng ấy, điều này giúp họ hoạt động hữu hiệu hơn trong đường hướng phụng sự đã chọn (do chính họ chọn).

102. We return to the matter of occult obedience. DK seeks to dispel an almost childish attitude—namely that the Master is training men and women "to be good and obedient disciples"—like "good little boys and girls". Of course, He want them to help Him carry out His Plan-inspired purposes, but they must do so *for the right reasons*—i. e. , because they share His vision, and not simply because they acquiesce thinking, "He is the Master and, therefore, I must obey. "

102. Chúng ta trở lại vấn đề tuân phục huyền bí. Chân sư DK tìm cách xua tan một thái độ gần như trẻ con—cụ thể là cho rằng Chân sư đang huấn luyện những người nam và nữ "trở thành những đệ tử tốt và biết vâng lời"—giống như "những bé trai và bé gái ngoan ngoãn". Dĩ nhiên, Ngài muốn họ giúp Ngài thực hiện những mục đích được Thiên Cơ truyền cảm hứng, nhưng họ phải làm như vậy *vì những lý do đúng đắn*—nghĩa là vì họ chia sẻ tầm nhìn của Ngài, chứ không đơn giản vì họ thuận theo với suy nghĩ: "Ngài là Chân sư, vì vậy tôi phải tuân phục. "

103. The Master is not thinking primarily of

103. Chân sư không chủ yếu nghĩ đến sự

a chela's obedience to Him, but of the chela's destiny—to take initiation and, eventually, to become a Master himself. DK tells us that a Master never loses sight of this objective when training His chelas.

tuân phục của đệ tử đối với Ngài, mà đến vận mệnh của đệ tử—được điểm đạo và cuối cùng chính mình trở thành một Chân sư. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng một Chân sư không bao giờ quên mục tiêu này khi huấn luyện các đệ tử của Ngài.

104. It is no small matter to take initiation and the training is arduous. To become a Master is far more demanding still. Only disciples who are truly and powerfully motivated can achieve these goals. "Good little boys and girls" will not do!

104. Được điểm đạo không phải là việc nhỏ, và quá trình huấn luyện rất gian khổ. Trở thành một Chân sư còn đòi hỏi nhiều hơn nữa. Chỉ những đệ tử có động lực thực sự mạnh mẽ mới có thể đạt được các mục tiêu này. "Những bé trai và bé gái ngoan ngoãn" sẽ không đủ sức làm được!

105. One of the disciple's main tasks is to learn how to handle force and to apply that force in the correct arena of service. The Science of Occultism is the science of energy-recognition and of energy-manipulation. This science cannot be expressed in moral terms alone (but, of course, morality has its own occult energetics).

105. Một trong những nhiệm vụ chính của đệ tử là học cách vận dụng mãnh lực và sử dụng mãnh lực ấy trong lĩnh vực phụng sự đúng đắn. Khoa học Huyền Bí Học là khoa học nhận biết và vận dụng năng lượng. Không thể diễn đạt khoa học này chỉ bằng những khái niệm đạo đức (nhưng dĩ nhiên, đạo đức cũng có các nguyên lý năng lượng huyền bí riêng).

106. We can see that Master DK wants His chelas to "grow up" and consider the Path of Occultism more *factually*, and in terms of the impersonal *world of energy and force.*

106. Chúng ta có thể thấy Chân sư DK muốn các đệ tử của Ngài "trưởng thành" và xem xét Con Đường Huyền Bí Học một cách *thực tế* hơn, theo quan điểm của *thế giới năng lượng và mãnh lực phi cá nhân.*

107. Many of Master DK's disciples had considerable personal limitations. DK was certainly cognizant of these limitations when He chose these disciples to participate in His experiments. Their limitations, however, were not final deterrents, because they had the capacity to respond to the "immediate vision of the united Hierarchy" (however relatively limited that capacity might be). It was something about the unfoldment of their soul nature which made them fit to be chosen. They were seen as

107. Nhiều đệ tử của Chân sư DK có những giới hạn cá nhân đáng kể. Chân sư DK chắc chắn biết rõ những giới hạn này khi Ngài chọn những đệ tử ấy tham gia các cuộc thử nghiệm của Ngài. Tuy nhiên, những giới hạn của họ không phải là trở ngại mang tính quyết định, vì họ có khả năng đáp ứng với "tầm nhìn trước mắt của Thánh đoàn hợp nhất" (dù khả năng ấy có thể còn tương đối hạn chế). Chính một điều gì đó trong sự khai mở bản chất linh hồn đã khiến họ đủ điều kiện để được chọn. Ngài xem họ là những

potential cooperators in the materializing of hierarchical objectives. Their limitations were liabilities which the Master would point out and which, they, under His advice, were to deal with in a responsible manner as rapidly as possible.

cộng sự tiềm năng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu của Thánh đoàn. Những giới hạn của họ là các điểm yếu mà Chân sư sẽ chỉ ra và họ phải xử lý một cách có trách nhiệm, nhanh nhất có thể, theo lời khuyên của Ngài.

108. We should search our souls to see why we might think ourselves qualified to participate in this hierarchical work both now and later. Personality limitations aside, do we have the necessary vision of hierarchical intent and are we suited to cooperate with Their methods of materializing Their Vision of the Plan?

108. Chúng ta nên tự vấn linh hồn mình để xem vì sao chúng ta có thể cho rằng mình đủ điều kiện tham gia công việc này của Thánh đoàn, cả hiện nay lẫn về sau. Gác những giới hạn phàm ngã sang một bên, chúng ta có tầm nhìn cần thiết về ý định của Thánh đoàn hay không, và chúng ta có thích hợp để hợp tác với những phương pháp của Các Ngài nhằm hiện thực hóa Tầm Nhìn của Các Ngài về Thiên Cơ hay không?

109. If the "hierarchical vision" is somewhat alive in us, we can be used. That vision, we are told, is the Master's response to a still higher Vision conferred, we may assume, from Shamballa. All Masters respond, in degree, to this still greater Vision, not so much according to Their level of unfoldment, but *according to Their ray.*

109. Nếu "tầm nhìn của Thánh đoàn" sống động phần nào trong chúng ta, thì chúng ta có thể được sử dụng. Chúng ta được cho biết rằng tầm nhìn ấy là sự đáp ứng của Chân sư với một Tầm Nhìn còn cao hơn nữa, mà chúng ta có thể giả định là do Shamballa truyền đến. Tất cả các Chân sư đều đáp ứng ở những mức độ khác nhau với Tầm Nhìn còn vĩ đại hơn này, không hẳn theo cấp độ khai mở của Các Ngài, mà *theo cung của Các Ngài.*

110. We have to know our ray and, thus, find our inner group—the inner group or Ashram with whom we may fittingly and efficiently cooperate.

110. Chúng ta phải biết cung của mình và nhờ đó tìm ra nhóm bên trong của mình—nhóm bên trong hay ashram mà chúng ta có thể hợp tác một cách thích hợp và hiệu quả.

111. Then comes another of the great sentences which can be used as a 'mantram of remembrance':

111. Tiếp theo lại là một trong những câu tuyệt vời có thể dùng làm một 'mantram nhắc nhớ':

"The Master recognises those who recognise the Plan and are trying (with full or with qualified dedication) to help bring it about."

"Chân sư công nhận những ai nhận biết Thiên Cơ và đang cố gắng (với sự tận hiến trọn vẹn hoặc còn hạn chế) góp phần đưa Thiên Cơ thành hiện thực."

The idea of being recognized by a Master (most often for one's personal qualities and one's aspiration) is still far too prevalent. In the matter of recognizing a disciple, the Master looks for a disciple's *real usefulness,* upon which He can depend when a disciple both recognizes the Plan and is earnestly trying to do something about that recognition.

Ý tưởng được một Chân sư công nhận (thường là vì những phẩm tính cá nhân và khát vọng của mình) vẫn còn quá phổ biến. Khi công nhận một đệ tử, Chân sư tìm kiếm ở người đệ tử ấy *tính hữu ích thực sự,* điều mà Ngài có thể trông cậy khi đệ tử vừa nhận biết Thiên Cơ, vừa tha thiết cố gắng hành động theo sự nhận biết ấy.

112. Therefore, our approach to ashramic cooperation will be greatly facilitated when we come to understand the Divine Plan with greater depth, and when we begin to play our part in *actually manifesting the portion of the Plan for which we take responsibility.*

112. Vì vậy, việc tiến tới hợp tác trong ashram của chúng ta sẽ thuận lợi hơn rất nhiều khi chúng ta thấu hiểu Thiên Cơ sâu sắc hơn và bắt đầu đảm nhận phần việc của mình trong việc *thực sự biểu hiện phần Thiên Cơ mà chúng ta nhận trách nhiệm.*

113. We remember, however, that the Master is not so much looking for individuals, per se, but for those individuals who can be welded into groups responsive to His impression and consequent guidance.

113. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng Chân sư không chủ yếu tìm kiếm chính các cá nhân, mà tìm những cá nhân có thể gắn kết thành các nhóm đáp ứng với ấn tượng của Ngài và sự hướng dẫn tiếp theo.

114. Those with "identity of vision and dedication" can be stimulated and inspired to work together along the lines of their "self-chosen" service. We remember that Master DK was not going to tell his groups of disciples exactly what to do in every particular. He was expecting that, together, they would take responsibility for certain phases of His work and, together, devise modes of effective work upon the physical plane.

114. Những người "có chung tầm nhìn và sự tận hiến" có thể được kích thích và truyền cảm hứng để cùng làm việc theo những đường hướng phụng sự "do chính họ chọn" ấy. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK sẽ không chỉ bảo các nhóm đệ tử của Ngài chính xác phải làm gì trong từng chi tiết. Ngài mong đợi họ cùng nhau nhận trách nhiệm đối với những giai đoạn nhất định trong công việc của Ngài và cùng nhau đề ra những phương thức hoạt động hữu hiệu trên cõi hồng trần.

115. When we think of 'recognition by the Master', we must always think in terms of *group recognition.* We are entering a *group* Age, and only those who are sensitive to the group idea and willing to work in group formation will receive (together) the kind of stimulation of which Master DK speaks.

115. Khi nghĩ đến 'sự công nhận của Chân sư', chúng ta phải luôn nghĩ theo nghĩa *sự công nhận nhóm.* Chúng ta đang bước vào một Kỷ nguyên *nhóm*, và chỉ những người nhạy cảm với ý tưởng nhóm và sẵn lòng hoạt động trong đội hình nhóm mới cùng nhau tiếp nhận loại kích thích mà Chân sư DK nói

đến.

116. Many of our old ideas are now up for adjustment. Many of the methods we have customarily used to judge ourselves (and others) are now to be modified according to our understanding of the newer methods of training now in use by the members of the Spiritual Hierarchy.

116. Giờ đây, nhiều ý tưởng cũ của chúng ta cần được điều chỉnh. Nhiều phương pháp chúng ta vẫn thường dùng để đánh giá bản thân (và người khác) giờ đây cần được sửa đổi theo sự thấu hiểu của chúng ta về những phương pháp huấn luyện mới hơn mà các thành viên của Thánh đoàn hiện đang sử dụng.

I would have you, therefore, ponder carefully upon the following recognitions:

Vì vậy, Tôi muốn các bạn suy ngẫm kỹ về những sự nhận biết và công nhận sau đây:

[692]

[692]

1. The recognition of the vision.

1. Sự nhận biết tầm nhìn.

2. The recognition of the Plan, for vision and Plan are not the same.

2. Sự nhận biết Thiên Cơ, vì tầm nhìn và Thiên Cơ không giống nhau.

3. The recognition which the Master accords to a group of dedicated aspirants when He accepts them as His disciples.

3. Sự công nhận mà Chân sư dành cho một nhóm người chí nguyện tận hiến khi Ngài chấp nhận họ làm đệ tử của Ngài.

4. Your recognition of the Master's ideas as goals to future endeavour.

4. Việc các bạn nhận biết những ý tưởng của Chân sư là các mục tiêu cho nỗ lực tương lai.

5. Your recognition of each other as souls and servers.

5. Việc các bạn nhận biết nhau là những linh hồn và những người phụng sự.

117. Master DK is trying to train us in recognition. Such recognition will facilitate the illumination of our consciousness and, hence, our usefulness.

117. Chân sư DK đang cố gắng huấn luyện chúng ta về khả năng nhận biết. Sự nhận biết ấy sẽ tạo thuận lợi cho việc soi sáng tâm thức chúng ta và do đó gia tăng tính hữu ích của chúng ta.

118. Of the vision, much has been said. It is important that we recognize that the vision and the Plan are *not* the same. The Plan is the 'Plan of Love' and those who love enough

118. Người ta đã nói nhiều về tầm nhìn. Điều quan trọng là chúng ta nhận ra rằng tầm nhìn và Thiên Cơ *không* giống nhau. Thiên Cơ là 'Thiên Cơ của Tình thương', và những

will recognize the Plan. Meanwhile, their vision they have acquired is a *temporary expedient* to lead them closer to an intuitive and loving recognition of the Plan.

ai yêu thương đủ nhiều sẽ nhận biết Thiên Cơ. Trong khi đó, tầm nhìn mà họ đã có được là một *phương tiện tạm thời* để dẫn họ đến gần hơn với sự nhận biết Thiên Cơ bằng trực giác và tình thương.

119. The third recognition is related to the stage of Accepted Discipleship. We are here dealing not just with the recognition of the single disciple, but with a form of *group* recognition, which *includes* the individual recognitions.

119. Sự công nhận thứ ba liên quan đến giai đoạn Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận. Ở đây, chúng ta không chỉ đề cập đến việc công nhận một đệ tử riêng lẻ, mà đến một hình thức công nhận *nhóm*, vốn *bao gồm* những sự công nhận cá nhân.

120. Master DK *recognized* the entire personnel of the New Seed Group in 1940 and, in so doing, conferred upon all of them, individually, the status of "accepted disciple". He did not go picking and choosing among them saying, "You are accepted and you are not."

120. Chân sư DK đã *công nhận* toàn bộ nhân sự của Nhóm Hạt Giống Mới vào năm 1940, và qua đó ban cho từng người trong số họ địa vị "đệ tử được chấp nhận". Ngài không chọn lựa giữa họ rồi nói: "Người này được chấp nhận, người kia thì không."

121. The fourth recognition proves that we can appreciate the Master's intentions and problems. As potential members of an Ashram, our purpose is to understand what the Master seeks to see accomplished. According to the clarity of that recognition, so will be our usefulness to the Ashram.

121. Sự nhận biết thứ tư chứng tỏ rằng chúng ta có thể hiểu được những ý định và vấn đề của Chân sư. Là những thành viên tiềm năng của một ashram, mục đích của chúng ta là thấu hiểu điều Chân sư mong muốn thấy được hoàn thành. Sự nhận biết ấy càng rõ ràng thì chúng ta càng hữu ích cho ashram.

122. Point five involves our recognition of each other—not as personalities but as "souls and servers". This, very simply, requires that we see each other in the right way. Already we have learned that the members of Master DK's groups were too preoccupied with themselves, personally, and with each other, also personally. This type of preoccupation would prevent the achievement of recognition five.

122. Điểm thứ năm liên quan đến việc chúng ta nhận biết nhau—không phải là những phàm ngã mà là "những linh hồn và những người phụng sự". Rất đơn giản, điều này đòi hỏi chúng ta nhìn nhau đúng cách. Chúng ta đã biết rằng các thành viên trong những nhóm của Chân sư DK quá bận tâm đến bản thân về mặt cá nhân, và cũng bận tâm đến nhau về mặt cá nhân. Kiểu bận tâm này sẽ ngăn cản việc đạt được sự nhận biết thứ năm.

When these recognitions are properly

Khi các bạn thấu hiểu đúng những sự nhận

understood, there will then be eventual recognition, by the Hierarchy, of a group of disciples who can be used as a channel through which spiritual energy, light and love can be poured into a needy and agonising world. The group will then be endowed with power to serve but it will not be power given to it by the Master. It will be a potency which it has engendered itself. This power which disciples wield comes as a response to a life rightly lived and love fully given. There is a great law which can be embodied in the words "to those who give all, all is given." This is true of the individual disciple and of a Master's group. Most aspirants to discipleship today do not know or realise this law; they do not give freely and fully either to the work of the Hierarchy or to those who need. Until they do, they limit their effectiveness and shut the door on supply, not only for themselves but for the group with which they are affiliated in service. Herein lies responsibility. The clue to supply is personality harmlessness and the dedication of all individual resources to the service of the Great Ones, without restraint and spontaneously. When you, as a disciple, try to live harmlessly—in thought and word and deed—and when nothing is held back materially, emotionally or from the angle of time, when physical strength is so given and the gift of all resources is accompanied with happiness, then the disciple will have all that is needed to carry on his work and the same is true of all working groups of servers. Such is the law. Perfection is not yet possible, it is needless for me to say, but greater effort on your part to give and serve is possible.

biết và công nhận này, cuối cùng Thánh đoàn sẽ công nhận một nhóm đệ tử có thể được sử dụng làm kênh dẫn để năng lượng tinh thần, ánh sáng và tình thương tuôn đổ vào một thế giới đang thiếu thốn và quằn quại. Khi ấy, nhóm sẽ có quyền năng phụng sự, nhưng đó không phải là quyền năng do Chân sư ban cho. Đó sẽ là một sức mạnh do chính nhóm tạo ra. Quyền năng mà các đệ tử vận dụng này đến như một sự đáp ứng với một cuộc đời sống đúng đắn và tình thương được trao đi trọn vẹn. Có một định luật vĩ đại có thể diễn đạt bằng những lời: "những ai trao đi tất cả sẽ được ban cho tất cả." Điều này đúng với người đệ tử riêng lẻ cũng như với một nhóm của Chân sư. Ngày nay, phần lớn những người chí nguyện hướng tới địa vị đệ tử không biết hoặc không nhận ra định luật này; họ không trao đi một cách tự nguyện và trọn vẹn, dù cho công việc của Thánh đoàn hay cho những người thiếu thốn. Chừng nào chưa làm được như vậy, họ còn tự giới hạn hiệu quả hoạt động của mình và đóng cánh cửa tiếp nhận nguồn cung ứng, không chỉ cho bản thân mà còn cho nhóm mà họ gắn bó trong công việc phụng sự. Chính trong đó có trách nhiệm. Chìa khóa dẫn đến nguồn cung ứng là tính vô tổn hại của phàm ngã và sự tận hiến mọi nguồn lực cá nhân cho việc phụng sự Các Đấng Cao Cả, một cách tự nguyện và không dè giữ. Khi các bạn, với tư cách đệ tử, cố gắng sống vô tổn hại—trong tư tưởng, lời nói và hành động—và khi không giữ lại điều gì về vật chất, cảm xúc hay thời gian, khi sức mạnh thể chất được trao đi như vậy và việc hiến tặng mọi nguồn lực đi cùng niềm hạnh phúc, thì người đệ tử sẽ có tất cả những gì cần thiết để tiếp tục công việc của mình; điều này cũng đúng với mọi nhóm người phụng sự đang hoạt động. Định luật là như vậy. Tôi không cần phải nói rằng hiện nay chưa thể đạt đến sự hoàn hảo, nhưng các bạn có thể nỗ lực

nhiều hơn để trao đi và phụng sự.

123. The five recognitions open the door to recognition by the Hierarchy of a group of disciples who can be used as a channel for that which Hierarchy can bestow, and *wants* to bestow—spiritual energy, love and light. Master DK is building groups—for the future, and over them He will preside, again in the future, and perhaps the not-too-distant future. Such groups will be fit to work in a practical manner with the Fourteen Rules for Disciples and Initiates found in *The Rays and the Initiations.*

123. Năm sự nhận biết mở cửa để Thánh đoàn công nhận một nhóm đệ tử có thể làm kênh dẫn cho những gì Thánh đoàn có thể ban tặng, và *muốn* ban tặng—năng lượng tinh thần, tình thương và ánh sáng. Chân sư DK đang xây dựng các nhóm cho tương lai, và trong tương lai, Ngài sẽ chủ trì các nhóm ấy, có lẽ trong một tương lai không xa lắm. Những nhóm như thế sẽ đủ khả năng vận dụng thiết thực Mười Bốn Quy Luật dành cho Đệ Tử và Điểm Đạo Đồ trong *Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo.*

124. It is not that the Master confers upon such groups the power to serve. This the group itself engenders from within itself. That power arises when the group can live rightly and when it offers love fully. The task of the Master is *to stimulate and empower that which has been rightly engendered.* There is much the Master can add to a group which (because of its own decisions and determinations) is proceeding along right lines.

124. Không phải Chân sư ban cho những nhóm như thế quyền năng phụng sự. Chính nhóm khơi sinh quyền năng này từ bên trong mình. Quyền năng ấy nảy sinh khi nhóm có thể sống đúng đắn và trao trọn tình thương. Nhiệm vụ của Chân sư là *kích thích và tăng cường quyền năng cho những gì đã được khơi sinh đúng đắn.* Chân sư có thể bổ sung rất nhiều cho một nhóm đang tiến đúng hướng nhờ những quyết định và quyết tâm của chính nhóm ấy.

125. This section of DINA I is filled with memorable statements. Among these is the following, expressing as it does a great Law: "To those who give all, all is given." All of us are enjoined to ponder this most simple statement of occult fact. When we are just about to become initiates of the fourth degree, we must make this law *factual* in our lives, by, in fact, *giving* ***all.***

125. Phần này của DINA I chứa đầy những lời đáng ghi nhớ. Trong số đó có lời sau đây, thể hiện một Định luật vĩ đại: "Những ai cho đi tất cả sẽ được ban cho tất cả." Tất cả chúng ta đều được khuyên hãy suy ngẫm về lời phát biểu hết sức giản dị này về một sự thật huyền bí. Khi sắp trở thành điểm đạo đồ bậc bốn, chúng ta phải làm cho định luật này thành *hiện thực* trong đời sống mình, bằng cách thực sự *cho đi* ***tất cả.***

126. The law applies to individuals and to groups. We learn the Master's assessment: it is not much observed. Because aspirants and disciples do not give, freely and fully, both to the Ashram and for the helping of

126. Định luật này áp dụng cho cả cá nhân lẫn nhóm. Chúng ta biết được nhận định của Chân sư: định luật này ít được tuân theo. Vì những người chí nguyện và đệ tử không cho đi một cách rộng rãi và trọn vẹn, cả cho

humanity, they limit their effectiveness. The riches of the universe are ready to pour into the wise hands of individuals and groups who give all. If, however, the giving is stingy or only partial, the door is shut on the sources of supply. It takes a long time before disciples come to realize this. Great trust is required to prove to oneself the validity of this law. A length there is no other choice. Having lost much (of time and opportunity) by *not* giving fully, the disciple finally decides to give ever more fully until all he has is given in the cause. As he proceeds (in confirmation of the law), all he may need to carry forward the work, will pour in.

ashram lẫn cho việc giúp đỡ nhân loại, nên họ tự hạn chế hiệu quả của mình. Sự phong phú của vũ trụ sẵn sàng tuôn vào những bàn tay minh triết của các cá nhân và nhóm cho đi tất cả. Tuy nhiên, nếu sự cho đi là keo kiệt hoặc chỉ một phần, cánh cửa dẫn đến các nguồn cung ứng sẽ đóng lại. Phải mất một thời gian dài các đệ tử mới nhận ra điều này. Cần có lòng tin rất lớn để tự kiểm chứng tính xác thực của định luật này. Cuối cùng, không còn lựa chọn nào khác. Sau khi đã mất nhiều thời gian và cơ hội vì *không* cho đi trọn vẹn, cuối cùng người đệ tử quyết định cho đi ngày càng trọn vẹn hơn, cho đến khi tất cả những gì mình có đều được hiến dâng cho chính nghĩa. Khi người đệ tử tiến bước, mọi điều cần thiết để tiếp tục công việc sẽ tuôn đến, qua đó xác chứng định luật này.

127. DK has told us of a *law*. Now we know about it. Because we know about it, we are responsible for acting according to it. Thus He says, "Herein lies responsibility. "

127. Chân sư DK đã cho chúng ta biết về một *định luật*. Giờ đây chúng ta đã biết về định luật ấy. Vì đã biết, chúng ta có trách nhiệm hành động theo định luật ấy. Do đó, Ngài nói: "Chính trong đó có trách nhiệm."

128. Our education proceeds: "The clue to supply is personality harmlessness and the dedication of all individual resources to the service of the Great Ones, without restraint and spontaneously. " All spiritual workers naturally want to work effectively and to have enough resources (money, assistance, etc.) to do so. Now the *clue* to supply is being clearly delineated.

128. Việc giáo dục chúng ta tiếp tục: "Chìa khóa của nguồn cung ứng là tính vô tổn hại của phàm ngã và sự hiến dâng mọi nguồn lực cá nhân để phụng sự Các Đấng Cao Cả, không giữ lại và một cách tự phát." Tất cả những người hoạt động tinh thần đương nhiên đều muốn làm việc hiệu quả và có đủ nguồn lực như tiền bạc, sự trợ giúp, v.v. để làm được điều đó. Giờ đây, *chìa khóa* của nguồn cung ứng đang được nêu rõ.

129. The requirements are easy to understand, so it seems, but difficult to carry out. A really thorough pondering on the nature of harmlessness is required of us at the outset; harmlessness is not what it often seems. Such pondering must be followed by an ability to assess our resources

129. Những yêu cầu này có vẻ dễ hiểu, nhưng khó thực hiện. Ngay từ đầu, chúng ta cần suy ngẫm thật thấu đáo về bản chất của tính vô tổn hại; tính vô tổn hại không phải là điều người ta thường nghĩ. Sau sự suy ngẫm ấy, chúng ta phải có khả năng đánh giá các nguồn lực của mình và *cho đi tất cả,* dĩ nhiên

and to *give them all,* in the right way, of course—not holding anything back and giving *spontaneously* (without the long delay caused by personal conflicts over whether to give or not to give).

theo cách đúng đắn—không giữ lại điều gì và cho đi *một cách tự phát*, không trì hoãn lâu do những giằng co cá nhân về việc nên cho hay không nên cho.

130. Again the Master addresses us directly as "you". We are to *try* to live harmlessly in thought, word and deed, holding back nothing from the angle of thought, emotion, physical energy or time (and we are to release all this *happily*). It is not expected that the achievement of true harmlessness will be an immediate accomplishment, but the effort must be there. As well, we are to assess all the many things that can rightfully be given (from all dimensions of our being), and then, rightly, to give. One cannot *give* in such a way as to *take* that which may not be rightfully taken; therefore, karmic obligations must be understood and respected. Another way to say this is that "one cannot rob Peter to pay Paul".

130. Một lần nữa, Chân sư trực tiếp gọi chúng ta là "các bạn". Chúng ta phải *cố gắng* sống vô tổn hại trong tư tưởng, lời nói và hành động, không giữ lại điều gì về tư tưởng, cảm xúc, năng lượng hồng trần hay thời gian, và chúng ta phải trao tất cả những điều này *một cách vui vẻ*. Không ai kỳ vọng rằng tính vô tổn hại đích thực sẽ đạt được ngay tức khắc, nhưng phải có sự nỗ lực. Đồng thời, chúng ta phải đánh giá tất cả những gì có thể cho đi một cách chính đáng, từ mọi chiều kích của con người mình, rồi cho đi một cách đúng đắn. Không thể *cho đi* theo cách phải *lấy đi* những gì mình không có quyền lấy; vì vậy, phải thấu hiểu và tôn trọng các bổn phận nghiệp quả. Một cách diễn đạt khác là "không thể cướp của người này để trả cho người kia".

131. The ideal is here enunciated, and it is a beautiful idea. We should return to this section over and again, since conformity to its requirements will guide us to spiritual success.

131. Lý tưởng được nêu ra ở đây, và đó là một ý tưởng đẹp. Chúng ta nên trở lại phần này nhiều lần, vì việc tuân theo các yêu cầu của nó sẽ dẫn chúng ta đến thành công về tinh thần.

The time will, therefore, surely come when you will, as individuals and as part of a Master's group, subordinate your [693] personal lives to the need of humanity and to the intention of the Master. You will be and not struggle so hard to be; you will give and not fight constantly the tendency not to give; you will forget your physical bodies and not give so much attention to them (and the result will be better health); you will think and not live so deeply in the world of feeling; you will sanely and wisely and as a

Vì vậy, chắc chắn sẽ đến lúc các bạn, với tư cách cá nhân và thành viên trong nhóm của một Chân sư, đặt [693] đời sống cá nhân của mình dưới nhu cầu của nhân loại và chủ đích của Chân sư. Các bạn sẽ hiện hữu mà không phải quá vất vả để hiện hữu; các bạn sẽ cho đi mà không phải liên tục đấu tranh với khuynh hướng không muốn cho đi; các bạn sẽ quên các thể xác của mình và không chú tâm quá nhiều đến chúng, và kết quả sẽ là sức khỏe tốt hơn; các bạn sẽ suy nghĩ và không sống quá sâu trong thế giới cảm xúc;

normal procedure put the work of the Master and of service first.

các bạn sẽ sáng suốt, minh triết và xem việc đặt công việc của Chân sư cùng công việc phụng sự lên hàng đầu là cách làm bình thường.

132. DK envisions a future of greater freedom for His chelas. That freedom is based upon the subordination of their "personal lives to the need of humanity and to the intention of the Master."

132. Chân sư DK hình dung một tương lai tự do hơn cho các đệ tử của Ngài. Sự tự do ấy dựa trên việc họ đặt "đời sống cá nhân dưới nhu cầu của nhân loại và chủ đích của Chân sư."

133. We are studying the universe as a great Hierarchy, and our personal/individual lives must be organized in a hierarchical manner. The personality and all its concerns *must* be *subordinated* to the soul and its wider life, love and wisdom.

133. Chúng ta đang nghiên cứu vũ trụ như một hệ thống thứ bậc vĩ đại, và đời sống cá nhân của chúng ta phải được tổ chức theo thứ bậc. Phàm ngã cùng mọi mối quan tâm của nó *phải* được *đặt dưới* linh hồn cùng sự sống, tình thương và minh triết rộng lớn hơn của linh hồn.

134. In the future, we as disciples will learn to *be;* we will give freely; we will drop our preoccupation with our physical natures and our health will improve; we will think rather than being immersed so much in feeling; we will, finally, put the work of the Master and of service *first,* and we will do so not as an enforced discipline, but as the wise and normal procedure of our daily living.

134. Trong tương lai, với tư cách đệ tử, chúng ta sẽ học cách *hiện hữu;* chúng ta sẽ cho đi rộng rãi; chúng ta sẽ thôi bận tâm về bản chất hồng trần của mình và sức khỏe sẽ cải thiện; chúng ta sẽ suy nghĩ thay vì đắm chìm quá nhiều trong cảm xúc; cuối cùng, chúng ta sẽ đặt công việc của Chân sư cùng công việc phụng sự *lên hàng đầu,* và chúng ta sẽ làm thế như một cách sống minh triết và bình thường hằng ngày, chứ không phải như một kỷ luật cưỡng ép.

135. It is useful to know that which will eventuate—however long it may take. Such knowledge inspires us to get on with the task and achieve sooner rather than later.

135. Biết được điều sẽ xảy đến là hữu ích, dù phải mất bao lâu đi nữa. Sự hiểu biết ấy truyền cảm hứng để chúng ta tiếp tục nhiệm vụ và sớm đạt thành tựu.

136. The principles are all so clear, but the resistance is strong; it has been so long in the making. We can see why Master DK regards us as under the sway of inertia.

136. Các nguyên tắc đều rất rõ ràng, nhưng sức kháng cự lại mạnh mẽ; sức kháng cự ấy đã hình thành từ rất lâu. Chúng ta có thể thấy vì sao Chân sư DK xem chúng ta là đang chịu sự chi phối của tính trì trệ.

What is that work? To provide a working

Công việc ấy là gì? Là tạo dựng một nhóm

intelligent and consecrated group of servers through whom hierarchical plans can be carried forward and to demonstrate, upon the physical plane, a focal point of spiritual energy. This can then be employed by the Hierarchy to help humanity everywhere, particularly in this time of crisis. The plans of the Hierarchy, as they embody the will of Shamballa, can be and are carried out; the process, however, is either a conscious one or an unconscious mass response to impression. Among the disciples of the world, the response and subsequent activity is a conscious one and leads to intelligent undertakings.

người phụng sự đang hoạt động, thông minh và thánh hiến, qua đó các kế hoạch của Thánh đoàn có thể được triển khai, đồng thời thể hiện trên cõi hồng trần một tiêu điểm năng lượng tinh thần. Khi ấy, Thánh đoàn có thể sử dụng tiêu điểm này để giúp đỡ nhân loại ở khắp nơi, đặc biệt trong thời kỳ khủng hoảng hiện nay. Các kế hoạch của Thánh đoàn, vì thể hiện ý chí của Shamballa, có thể và thực sự đang được thực hiện; tuy nhiên, tiến trình ấy hoặc có ý thức, hoặc là sự đáp ứng vô thức của quần chúng đối với ấn tượng. Trong hàng ngũ các đệ tử trên thế giới, sự đáp ứng và hoạt động tiếp theo đều có ý thức và dẫn đến những công cuộc thông minh.

137. We are in a section in which the Master is summarizing certain essential points.

137. Chúng ta đang ở phần Chân sư tổng kết một số điểm cốt yếu.

138. What really is the Master's work? He is looking for groups through whom hierarchical energy and plans can be expressed. He is looking for focal points of spiritual energy.

138. Công việc thực sự của Chân sư là gì? Ngài đang tìm kiếm những nhóm có thể biểu lộ năng lượng và các kế hoạch của Thánh đoàn. Ngài đang tìm kiếm những tiêu điểm năng lượng tinh thần.

139. The Hierarchy is seeking 'group vehicles' through whom They can work, pouring Their energy forth for a needy world.

139. Thánh đoàn đang tìm kiếm 'những vận cụ nhóm' để Các Ngài có thể hoạt động qua đó, tuôn đổ năng lượng của Các Ngài cho một thế giới đang cần trợ giúp.

140. Master DK is looking for *conscious* cooperators who can work in *group* formation. The Plans of Shamballa through Hierarchy *will*, indeed, materialize, but will this materialization be sooner or later; will it be with the aid of the conscious cooperation of those who should be willing to cooperate, or will it be through the slower method of mass impression? One way or the other, the Will of God *will* be done. Hierarchy naturally seeks for it to be done as rapidly, harmoniously and beautifully as possible,

140. Chân sư DK đang tìm kiếm những người cộng tác *có ý thức*, có thể làm việc trong đội hình *nhóm*. Các Thiên Cơ của Shamballa thông qua Thánh đoàn *sẽ* thực sự hiện hình, nhưng sự hiện hình này sẽ đến sớm hay muộn; sẽ nhờ sự hợp tác có ý thức của những người lẽ ra phải sẵn lòng hợp tác, hay sẽ qua phương pháp chậm hơn là tạo ấn tượng lên quần chúng? Bằng cách này hay cách khác, Ý Chí của Thượng Đế *sẽ* được thực hiện. Đương nhiên, Thánh đoàn mong điều ấy được thực hiện nhanh chóng, hài hòa và tốt đẹp nhất có

with the minimum of unnecessary pain.

141. Disciples in the world are obliged to respond consciously to Shamballic Will (to the extent they can) and to hierarchical plans as they reflect that greater Will.

142. A great experiment is underway, and disciples are being welded into the ranks of Hierarchy somewhat ahead of schedule. The Masters are trying to work *directly* with disciples—not only through Their initiates. The opportunity is intense. Can we rise to the occasion?

The task of the Master is to evoke from His disciples such a depth of consecrated love and such a realisation of today's opportunity that the personality aspects of their lives will fade out in their consciousness and their main preoccupation will be: What must be my service at this time? What are the non-essential things in my life to which I should pay no attention? What is the task to be done? Who are the people I can help? Which aspects of the Master's work should I endeavour to give the most help at this time? These questions must all meet with a balanced, intelligent and non-fanatical response and answer.

143. It is impossible to misunderstand the import of this final paragraph. Required of us are a deep and consecrated love and a realization of today's unparalleled opportunities.

144. If we love enough and if we vividly realize the uniqueness of the presented opportunity, we *will* submerge our personality lives in the need of the hour—

thể, với ít đau khổ không cần thiết nhất.

141. Các đệ tử trên thế giới có bổn phận đáp ứng có ý thức với Ý Chí của Shamballa trong khả năng của mình, và với các kế hoạch của Thánh đoàn khi những kế hoạch ấy phản ánh Ý Chí lớn lao hơn đó.

142. Một cuộc thử nghiệm lớn đang diễn ra, và các đệ tử đang được gắn kết vào hàng ngũ Thánh đoàn sớm hơn dự kiến đôi chút. Các Chân sư đang cố gắng làm việc *trực tiếp* với các đệ tử, chứ không chỉ thông qua những điểm đạo đồ của Các Ngài. Cơ hội này đòi hỏi rất cao. Chúng ta có thể vươn lên đáp ứng thời cơ này chăng?

Nhiệm vụ của Chân sư là khơi dậy nơi các đệ tử của Ngài một tình thương thánh hiến sâu sắc và sự nhận biết về cơ hội hôm nay đến mức những phương diện phàm ngã trong đời sống họ sẽ mờ dần khỏi tâm thức, và mối quan tâm chính của họ sẽ là: Công việc phụng sự của tôi vào lúc này phải là gì? Đâu là những điều không thiết yếu trong đời sống mà tôi không nên chú ý đến? Nhiệm vụ cần làm là gì? Tôi có thể giúp đỡ những ai? Vào lúc này, tôi nên cố gắng trợ giúp nhiều nhất cho những phương diện nào trong công việc của Chân sư? Tất cả những câu hỏi này đều phải được đáp ứng và trả lời một cách quân bình, thông minh và không cuồng tín.

143. Không thể hiểu lầm ý nghĩa của đoạn cuối này. Chúng ta cần có một tình thương sâu sắc và thánh hiến, cùng sự nhận biết về những cơ hội vô song của ngày hôm nay.

144. Nếu chúng ta yêu thương đủ và nhận ra thật sống động tính độc nhất của cơ hội đang mở ra, chúng ta *sẽ* hòa tan đời sống phàm ngã của mình vào nhu cầu của thời điểm

humanity's need and the need of our planet.

này—nhu cầu của nhân loại và nhu cầu của hành tinh chúng ta.

145. The five questions given are clear enough, and we should not evade the opportunity of answer them. I would recommend that each of us *stops now*, and addresses each of the questions. The matter can be handled in five minutes, at least for the first superficial pass. Much pondering of each question will be needed to achieve greater depth.

145. Năm câu hỏi được nêu ra đã đủ rõ, và chúng ta không nên né tránh cơ hội trả lời chúng. Tôi đề nghị mỗi người chúng ta *dừng lại ngay lúc này* và lần lượt xem xét từng câu hỏi. Có thể dành năm phút cho việc này, ít nhất là cho lượt xem xét sơ bộ đầu tiên. Để đi sâu hơn, chúng ta sẽ cần suy ngẫm nhiều về từng câu hỏi.

146. DK cautions us: our response is to be "balanced, intelligent and non-fanatical". We are to demonstrate the intelligent, loving realism of a true disciple.

146. Chân sư DK nhắc nhở chúng ta: sự đáp ứng của chúng ta phải "quân bình, thông minh và không cuồng tín". Chúng ta phải thể hiện tinh thần thực tế thông minh và đầy tình thương của một đệ tử chân chính.

147. These same five questions can be discussed in a group context. To do so will promote the kind of group consciousness Master DK is seeking to see us develop.

147. Cũng có thể thảo luận năm câu hỏi này trong bối cảnh nhóm. Làm như vậy sẽ thúc đẩy loại tâm thức nhóm mà Chân sư DK mong thấy chúng ta phát triển.

148. Let us do all we can to fulfill the evident requirements. "Herein lies responsibility. "

148. Chúng ta hãy làm hết khả năng để đáp ứng những yêu cầu đã rõ. "Chính trong đó có trách nhiệm."

With Love and Many Blessings to All,

Với Tình thương và Nhiều Phúc lành gửi đến Tất cả,

Michael with the cooperation of all Co-workers

Michael cùng sự hợp tác của toàn thể các Cộng sự

15. PART III – 15. PHẦN III

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

In considering this whole subject of discipleship there are certain things of which I would like to remind you. If you will reflect upon them you will find they may

Khi xem xét toàn bộ chủ đề địa vị đệ tử này, có một số điều Tôi muốn nhắc các bạn. Nếu suy ngẫm về chúng, các bạn sẽ thấy chúng có thể phần nào thay đổi ý tưởng của mình

change somewhat your idea of what constitutes discipleship but they will also enrich your general concept anent this subject.

về những yếu tố cấu thành địa vị đệ tử, đồng thời cũng làm phong phú quan niệm tổng quát của các bạn về chủ đề này.

1. Master DK is attempting the present an understanding of the *new* discipleship.

1. Chân sư DK đang cố gắng trình bày sự thấu hiểu về địa vị đệ tử *mới*.

2. He has told us that, of the seven several "newer truths" for which He was responsible as a transmitting agent (seven in all), the "Teaching on the New Discipleship" was the second in importance (R&I 251)

2. Ngài đã cho chúng ta biết rằng, trong bảy "chân lý mới hơn" mà Ngài chịu trách nhiệm truyền đạt với tư cách một tác nhân trung chuyển, tổng cộng là bảy, thì "Giáo huấn về Địa Vị Đệ Tử Mới" đứng thứ hai về tầm quan trọng (Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo, 251)

The first point which I would like to bring out is that accepted disciples are in training for initiation. If, when they [694] approach the Path of Discipleship they fail to grasp this fact and to give the fullest cooperation, they postpone the time of that initiation. Their grasp of the fact will be demonstrated in the intensity of their proffered service. Planned service is one of the modes of the training. Disciples in the early stages of their work are apt to be primarily interested in themselves and in their own reactions and attitudes to the Master. The fact that they are working in a Master's group seems to them the fact of paramount importance.

Điểm đầu tiên Tôi muốn nêu rõ là các đệ tử được chấp nhận đang được huấn luyện để điểm đạo. Nếu khi [694] bước vào Con Đường Đệ Tử, họ không nắm bắt sự thật này và không hợp tác trọn vẹn nhất, họ sẽ trì hoãn thời điểm của cuộc điểm đạo ấy. Việc họ nắm bắt sự thật này sẽ thể hiện qua cường độ phụng sự mà họ hiến dâng. Phụng sự có kế hoạch là một trong những phương thức huấn luyện. Trong các giai đoạn đầu của công việc, các đệ tử thường chủ yếu quan tâm đến bản thân cùng những phản ứng và thái độ của mình đối với Chân sư. Với họ, việc mình đang làm việc trong nhóm của một Chân sư dường như là điều quan trọng nhất.

3. Many important points about accepted discipleship and world discipleship have been emerging. These two stages have to be clearly understood and DK is clearing up a number of misconceptions.

3. Nhiều điểm quan trọng về địa vị đệ tử được chấp nhận và địa vị đệ tử thế giới đã dần hiện rõ. Cần thấu hiểu rõ hai giai đoạn này, và Chân sư DK đang làm sáng tỏ một số quan niệm sai lầm.

4. DK puts pressure upon accepted disciples by reminding them that they "are in training for initiation". This means that much forward progress is expected of them.

4. Chân sư DK tạo áp lực lên các đệ tử được chấp nhận bằng cách nhắc họ rằng họ "đang được huấn luyện để điểm đạo". Điều này có nghĩa là Ngài kỳ vọng họ tiến bộ nhiều.

5. "The fullest cooperation" is expected of an accepted disciple; presumably this means cooperation with the Master Who has the disciple under direction and supervision. An accepted disciple who realizes his/her initiatory opportunity will demonstrate this realization in an intensity of proffered service.

5. "Sự hợp tác trọn vẹn nhất" là điều được kỳ vọng ở một đệ tử được chấp nhận; có lẽ điều này hàm ý sự hợp tác với Chân sư đang chỉ dẫn và giám sát người đệ tử ấy. Một đệ tử được chấp nhận nhận ra cơ hội điểm đạo của mình sẽ thể hiện sự nhận biết ấy qua cường độ phụng sự mà mình hiến dâng.

6. Another important principle is stated: "planned service is one of the modes of training"—training the accepted disciple for initiation. We note that the service must be *planned* service, which engages the both the disciple's understanding of humanity's needs and his/her self-knowledge (so needed for one who is to *know* where and how best to serve).

6. Một nguyên tắc quan trọng khác được nêu ra: "phụng sự có kế hoạch là một trong những phương thức huấn luyện"—huấn luyện đệ tử được chấp nhận để điểm đạo. Chúng ta lưu ý rằng sự phụng sự ấy phải *có kế hoạch*, vận dụng cả sự thấu hiểu của người đệ tử về nhu cầu của nhân loại lẫn sự tự hiểu biết của người ấy, điều rất cần thiết cho người phải *biết* nên phụng sự ở đâu và như thế nào để đạt hiệu quả tốt nhất.

7. DK seeks to distinguish the attitude of the accepted disciple from the attitudes of "disciples in the early stages" who are usually rather self-centered. They are overly concerned about their relationship to the Master and about His relationship to them. They forget that the Master's group is primarily a *serving group*; it is an *instrument* of service. They think too much about the group and themselves in relation to the group rather than of the service to be rendered. The passage of time, however, will bring their attitudes into line with those of the more experienced members of the Ashram.

7. Chân sư DK tìm cách phân biệt thái độ của đệ tử được chấp nhận với thái độ của "các đệ tử trong những giai đoạn đầu", vốn thường khá tập trung vào bản thân. Họ quá bận tâm về mối quan hệ của mình với Chân sư và mối quan hệ của Ngài với họ. Họ quên rằng nhóm của Chân sư trước hết là một *nhóm phụng sự*; đó là một *công cụ* phụng sự. Họ nghĩ quá nhiều về nhóm và về bản thân trong mối quan hệ với nhóm, thay vì về công việc phụng sự cần thực hiện. Tuy nhiên, thời gian sẽ đưa thái độ của họ đến chỗ phù hợp với thái độ của các thành viên giàu kinh nghiệm hơn trong ashram.

The second thing which I would like to point out is that there is a great difference between a Master's group and His Ashram. This is seldom realised. Many people can be found in a Master's group but the personnel of His Ashram are picked out of that of the group. In a group, the Master is in touch with

Điều thứ hai Tôi muốn chỉ ra là có sự khác biệt lớn giữa nhóm của một Chân sư và ashram của Ngài. Ít người nhận ra điều này. Nhóm của một Chân sư có thể gồm nhiều người, nhưng các thành viên trong ashram của Ngài được tuyển chọn từ nhóm ấy. Trong một nhóm, Chân sư có liên hệ với

and aware of the aspiring disciple and he has had a definite contact with Him, but this has involved a personality as well as a soul relation. But in an Ashram only that is to be found within the sphere of influence of an Ashram which is of the soul. Nothing of the personality is allowed to enter in—personality reactions, disabilities, limitations, personality thoughts and all that is material and connected with the lower nature, never reaches the Ashram at all. In the early stages, therefore, of a disciple's work, it is possible that there is little or nothing that the disciple will be able to contribute of any kind for a long time. Only those positively sensed intuitions and those definite soul impressions and impulses which the disciple may succeed in evoking (through meditation and growing purity of intention) can contribute anything to the life of the Ashram. There is consequently a law which protects the Ashram from your limitations. I have been using the word "Ashram" quite definitely in my effort to lead you to discriminate between a group and an Ashram. An Ashram is basically formed of those who through their knowledge, devotion and service have worked their way out of a group into an inner centre where the Master's energy, wisdom and effort is more easily available. In order to work their way from the group into the Ashram, disciples will need most carefully to discriminate between their high grade personality inclinations, their [695] responses to truth and ideals and their true soul reactions, spiritual wisdom and intuitive perception.

người đệ tử chí nguyện và biết rõ người ấy, còn người đệ tử đã có sự tiếp xúc rõ rệt với Ngài; nhưng điều này bao hàm cả mối quan hệ phàm ngã lẫn linh hồn. Tuy nhiên, trong một ashram, chỉ những gì thuộc về linh hồn mới hiện diện trong phạm vi ảnh hưởng của ashram. Không điều gì thuộc phàm ngã được phép đi vào—những phản ứng, những khiếm khuyết, những giới hạn, những tư tưởng của phàm ngã cùng tất cả những gì thuộc vật chất và liên quan đến bản chất thấp đều không bao giờ đến được ashram. Vì vậy, trong những giai đoạn đầu của công việc, có thể trong một thời gian dài người đệ tử chỉ có rất ít hoặc không có gì để đóng góp dưới bất kỳ hình thức nào. Chỉ những trực giác được cảm nhận một cách xác thực cùng những ấn tượng và xung lực rõ rệt của linh hồn mà người đệ tử có thể khơi dậy thành công qua tham thiền và sự thanh khiết ngày càng tăng của chủ đích mới có thể đóng góp điều gì đó cho sự sống của ashram. Do đó, có một định luật bảo vệ ashram khỏi những giới hạn của các bạn. Tôi đã dùng từ "ashram" một cách có chủ ý trong nỗ lực giúp các bạn phân biện giữa một nhóm và một ashram. Về cơ bản, một ashram gồm những người, nhờ tri thức, lòng sùng tín và sự phụng sự, đã nỗ lực tiến từ một nhóm vào một trung tâm bên trong, nơi năng lượng, minh triết và nỗ lực của Chân sư dễ tiếp cận hơn. Để tiến từ nhóm vào ashram, các đệ tử cần phân biện hết sức cẩn thận giữa những khuynh hướng phàm ngã cao cấp, những [695] đáp ứng của mình với chân lý và lý tưởng, với những phản ứng linh hồn đích thực, minh triết tinh thần và tri giác trực giác của mình.

8. Another very important discrimination which Master DK seeks to bring to our attention is the difference between a Master's Ashram and a Master's group. A

8. Một sự phân biện rất quan trọng khác mà Chân sư DK muốn chúng ta chú ý là sự khác biệt giữa ashram của một Chân sư và nhóm của một Chân sư. Nhóm của một Chân sư lớn

Master's group is the much larger of the two; the members of a Master's Ashram are chosen from His group. Members of an Ashram have, therefore, been subjected to a discriminating process of *selection.* Thus, an Ashram can be considered a *select group,* with all of responsibility that that may imply.

hơn nhiều so với ashram; các thành viên trong ashram của một Chân sư được chọn từ nhóm của Ngài. Vì vậy, các thành viên của một ashram đã trải qua một tiến trình *tuyển chọn có phân biện.* Do đó, có thể xem một ashram là một *nhóm tinh tuyển,* với tất cả trách nhiệm mà điều ấy có thể hàm ý.

9. There *is* definite contact between the Master and the members of His group or groups, but this contact *includes the* ***personality*** *of the disciple.* We can see that all of the DINA disciples were in the Master's *group* because DK was contacting them as personalities. *Some* of them were *also* in His Ashram. Later, when the Group of Twenty-Four was formed, and all were given to know they were now accepted disciples, it could be said that *all* members of that outer group were in His Ashram (at least on its periphery, for most could venture no closer to the center). Though all were *in* His Ashram, that group was certainly not DK's Ashram in its entirety.

9. Quả thật *có* sự tiếp xúc rõ rệt giữa Chân sư và các thành viên trong nhóm hoặc các nhóm của Ngài, nhưng sự tiếp xúc này *bao gồm cả* ***phàm ngã*** *của người đệ tử.* Chúng ta có thể thấy tất cả các đệ tử trong DINA đều ở trong *nhóm* của Chân sư, vì Chân sư DK tiếp xúc với họ với tư cách các phàm ngã. *Một số* người trong họ *cũng* ở trong ashram của Ngài. Về sau, khi Nhóm Hai Mươi Bốn được thành lập và tất cả đều được cho biết rằng giờ đây họ là các đệ tử được chấp nhận, có thể nói rằng *tất cả* thành viên của nhóm bên ngoài ấy đều ở trong ashram của Ngài, ít nhất là ở ngoại vi, vì phần lớn chưa thể tiến gần trung tâm hơn. Dù tất cả đều *ở trong* ashram của Ngài, nhóm ấy chắc chắn không phải là toàn bộ ashram của Chân sư DK.

10. It is fascinating and important to realize that in an Ashram, only that which is "of the soul" is allowed to penetrate. No personality states, even *high* personality states, enter the sacred vibratory precincts of the Ashram. Personality reactions, limitations, thoughts and all that is material and pertains to the lower nature (i. e. , all that with which we, as disciples, are all-too-familiar) are kept outside the 'door' (a vibratory barrier) of the Ashram.

10. Thật thú vị và quan trọng khi nhận ra rằng trong một ashram, chỉ những gì "thuộc về linh hồn" mới được phép đi vào. Không trạng thái phàm ngã nào, dù là những trạng thái phàm ngã *cao*, có thể đi vào phạm vi rung động thiêng liêng của ashram. Những phản ứng, giới hạn, tư tưởng của phàm ngã cùng tất cả những gì thuộc vật chất và liên quan đến bản chất thấp—nghĩa là tất cả những gì mà chúng ta, với tư cách đệ tử, đã quá quen thuộc—đều bị giữ bên ngoài 'cánh cửa' của ashram, một rào chắn rung động.

11. This causes us to pause and consider: if we think we *may* be members of a Master's Ashram, just 'how much of us' actually

11. Điều này khiến chúng ta dừng lại suy xét: nếu nghĩ rằng mình *có thể* là thành viên trong ashram của một Chân sư, thì thực sự

enters the ashramic 'space'.

'bao nhiêu phần trong con người chúng ta' đi vào 'không gian' của ashram?

12. DK often speaks of the necessity for a disciple to *contribute* to the qualitative content of an Ashram. Here we learn a humbling fact; in the beginning stages of ashramic membership, there is very little a disciple *can* contribute.

12. Chân sư DK thường nói về việc một đệ tử cần *đóng góp* vào nội dung phẩm tính của một ashram. Ở đây, chúng ta biết được một sự thật khiến mình khiêm nhường: trong những giai đoạn đầu làm thành viên ashram, người đệ tử *có thể* đóng góp rất ít.

13. If we have wondered just what we *can* contribute to the Ashram, the following sentence clarifies the matter:

13. Nếu từng tự hỏi mình thực sự *có thể* đóng góp gì cho ashram, thì câu sau đây làm sáng tỏ vấn đề:

"Only those positively sensed intuitions and those definite soul impressions and impulses which the disciple may succeed in evoking (through meditation and growing purity of intention) can contribute anything to the life of the Ashram."

"Chỉ những trực giác được cảm nhận một cách xác thực cùng những ấn tượng và xung lực rõ rệt của linh hồn mà người đệ tử có thể khơi dậy thành công qua tham thiền và sự thanh khiết ngày càng tăng của chủ đích mới có thể đóng góp điều gì đó cho sự sống của ashram."

This is really interesting, because it means that when we succeed in touching high vibratory levels in our meditation work (or during the normal course of daily consciousness—as when an inspiration seems suddenly to arise), that success (in consciousness) is a tiny success for the Ashram. The extent, to which a disciple can improve the quality of the relationship between his soul and personality, or his personality and the spiritual triad, is a measure of his contribution to the Ashram. Every soul-illumination or triadal-illumination reaching the physical brain consciousness adds quality to the Ashram. This may be true as well of illuminations reaching the disciple when focussed on the astral or mental planes (for instance, in the hours of sleep).

Điều này thật sự thú vị, vì nó có nghĩa là khi chúng ta thành công trong việc tiếp xúc với các cấp độ rung động cao trong công việc tham thiền (hoặc trong diễn tiến bình thường của tâm thức hằng ngày—như khi một cảm hứng dường như đột nhiên nảy sinh), thì thành công ấy (trong tâm thức) là một thành công nhỏ bé của ashram. Mức độ một đệ tử có thể cải thiện phẩm tính của mối quan hệ giữa linh hồn và phàm ngã, hoặc giữa phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần, là thước đo sự đóng góp của người ấy cho ashram. Mỗi sự soi sáng từ linh hồn hoặc từ Tam Nguyên Tinh Thần đến được tâm thức bộ não hồng trần đều bổ sung phẩm tính cho ashram. Điều này cũng có thể đúng với những sự soi sáng đến với đệ tử khi người ấy tập trung trên cõi cảm dục hoặc cõi trí (chẳng hạn, trong những giờ ngủ).

14. We are told that there is a law "which

14. Chúng ta được cho biết rằng có một định

protects the Ashram from your limitations". Many new members of an Ashram (i. e. , accepted disciples) still have much within their consciousness which is unfit for inclusion in the ashramic pool of thought. The Ashram must be, in some way, 'vibratorily *sealed*' against thoughts and feelings below a certain standard.

luật "bảo vệ ashram khỏi những giới hạn của các bạn". Nhiều thành viên mới của một ashram (tức là các đệ tử được chấp nhận) vẫn còn nhiều điều trong tâm thức chưa thích hợp để đưa vào nguồn tư tưởng chung của ashram. Theo một cách nào đó, ashram phải 'về mặt rung động được *niêm kín*' trước những tư tưởng và cảm xúc thấp hơn một chuẩn mực nhất định.

15. We could ask why the Ashram *needs* protection. An Ashram is a center of light, love and purpose upon the triadal planes of the cosmic physical plane. Most Ashrams are to be found on the buddhic plane (with some upon both the atmic and higher mental planes). An Ashram is a center for hierarchical work; it holds a responsible position in the administration and manifestation of the Divine Plan for this planet. 'Vibratory interference' with its plans and purpose cannot be allowed as the greater good would be compromised.

15. Chúng ta có thể hỏi tại sao ashram *cần* được bảo vệ. Một ashram là một trung tâm ánh sáng, bác ái và mục đích trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần thuộc cõi hồng trần vũ trụ. Phần lớn các ashram nằm trên cõi Bồ đề (một số nằm trên cả cõi atma và cõi thượng trí). Một ashram là một trung tâm thực hiện công việc của Thánh đoàn; ashram giữ một vị trí đầy trách nhiệm trong việc điều hành và biểu hiện Thiên Cơ cho hành tinh này. 'Sự nhiễu loạn rung động' đối với các kế hoạch và mục đích của ashram là điều không thể cho phép, vì lợi ích lớn lao hơn sẽ bị tổn hại.

16. Just as at a stately and solemn gathering of cultured individuals the entry of an unwashed person with soiled garments would cause a disturbance, so all within our auras which is not cleansed cannot be allowed into the Ashram. Even more may be said—even personality energies which *are* (*by personality standards*) cleansed cannot be allowed. The vibration of such energies is *still* too low when compared to the quality of the energies assembled in the Ashram.

16. Cũng như tại một cuộc hội họp trang trọng và nghiêm túc của những người có văn hóa, sự xuất hiện của một người chưa tắm rửa, mặc quần áo cáu bẩn sẽ gây xáo trộn, mọi điều chưa được thanh lọc trong hào quang của chúng ta đều không thể được phép đi vào ashram. Còn có thể nói xa hơn nữa—ngay cả những năng lượng phàm ngã *đã được* (*theo các chuẩn mực của phàm ngã*) thanh lọc cũng không thể được phép đi vào. Rung động của những năng lượng như thế *vẫn* quá thấp khi so với phẩm tính của các năng lượng quy tụ trong ashram.

17. Of whom is the Ashram formed?

17. Ashram gồm những ai?

"An Ashram is basically formed of those who through their knowledge, devotion and

"Về cơ bản, một ashram gồm những người, nhờ tri thức, lòng sùng tín và sự phụng sự,

service have worked their way out of a group into an inner centre where the Master's energy, wisdom and effort are more easily available."

đã nỗ lực tiến từ một nhóm vào một trung tâm bên trong, nơi năng lượng, minh triết và nỗ lực của Chân sư dễ tiếp cận hơn."

We are learning that three factors—knowledge, devotion and service—enable a member of a Master's group to work his way into the Master's Ashram. Does it surprise us that "devotion" is one of the methods? In this case we should interpret "devotion" as 'devotion to the Plan' rather than to the person of the Master.

Chúng ta đang học rằng ba yếu tố—tri thức, lòng sùng tín và sự phụng sự—giúp một thành viên trong nhóm của một Chân sư nỗ lực tiến vào ashram của Chân sư ấy. Chúng ta có ngạc nhiên khi "lòng sùng tín" là một trong những phương pháp ấy không? Trong trường hợp này, chúng ta nên hiểu "lòng sùng tín" là 'lòng tận hiến đối với Thiên Cơ' hơn là đối với cá nhân Chân sư.

18. We are given another discriminator between an Ashram and a Master's group. In a Master's Ashram, "the Master's energy, wisdom and effort are more easily available". This means that the Master is vibratorily *closer* to the members of the Ashram than to the members of His group or groups. His presence is more intensely felt and His energies more readily accessible.

18. Chúng ta được cung cấp thêm một tiêu chí để phân biệt một ashram với nhóm của một Chân sư. Trong ashram của một Chân sư, "năng lượng, minh triết và nỗ lực của Chân sư dễ tiếp cận hơn". Điều này có nghĩa là về mặt rung động, Chân sư *gần gũi* với các thành viên của ashram hơn với các thành viên trong nhóm hoặc các nhóm của Ngài. Họ cảm nhận sự hiện diện của Ngài mãnh liệt hơn và dễ tiếp cận các năng lượng của Ngài hơn.

19. Thus far, DK is speaking of two major groupings of human beings related to a Master's work—a Master's group and a Master's Ashram. It should be said, however, that not all who are merely *interested* in DK's Teaching (or in any Master's Teaching) are *necessarily* in a Master's group. More that a little interest is required to be included in such a group. I would say a *strong interest* in His work and a *pledged* determination to participate in that work to the extent possible are requirements for inclusion.

19. Cho đến đây, Chân sư DK đang nói về hai tập hợp người chủ yếu có liên hệ với công việc của một Chân sư—nhóm của một Chân sư và ashram của một Chân sư. Tuy nhiên, cần nói rằng không phải tất cả những ai chỉ *quan tâm* đến Giáo Huấn của Chân sư DK (hoặc Giáo Huấn của bất kỳ Chân sư nào) đều *nhất thiết* thuộc nhóm của một Chân sư. Để được đưa vào một nhóm như thế, cần có nhiều hơn một chút quan tâm. Tôi cho rằng *sự quan tâm sâu sắc* đến công việc của Ngài và quyết tâm *đã được xác lập bằng lời cam kết* tham gia công việc ấy trong khả năng của mình là những điều kiện để được đưa vào nhóm.

20. Master DK established several "Groups-of-Nine" (as reflected in *DINA I*). These groups were all part of the *group* of the Master; not all members of these groups, however, were yet in His Ashram. Our groups (for instance, the 28 Rules Group, and the LAWS Group) are still further removed from the presence and supervision of Master DK than those groups, and those groups (at least those formed during the DINA I period) were not yet confirmed ashramic groups (although they were *related* to His Ashram). We can see that some caution and humility are needed if this subject is to be properly understood.

20. Chân sư DK đã thành lập một số "Nhóm Chín Người" (như được phản ánh trong *DINA I*). Tất cả những nhóm này đều thuộc *nhóm* của Chân sư; tuy nhiên, chưa phải mọi thành viên của các nhóm ấy đều đã ở trong ashram của Ngài. Các nhóm của chúng ta (chẳng hạn, Nhóm 28 Quy Luật và Nhóm LAWS) còn xa sự hiện diện và giám sát của Chân sư DK hơn những nhóm ấy, mà những nhóm ấy (ít nhất là những nhóm hình thành trong thời kỳ DINA I) vẫn chưa được xác nhận là các nhóm thuộc ashram (mặc dù họ có *liên hệ* với ashram của Ngài). Chúng ta có thể thấy rằng cần có sự thận trọng và khiêm nhường nhất định để thấu hiểu đúng đắn chủ đề này.

21. DK is offering this information so that a number of us can work our way out of a group of people rather interested in His work into His *group*, and more specifically, out of His *group* into His *Ashram*. At the present time, Master DK no longer has the kinds of outer groups He once had in the 1930's and 1940's, but the time when He again will is, I think, fast approaching.

21. Chân sư DK cung cấp thông tin này để một số người trong chúng ta có thể nỗ lực tiến từ một nhóm người khá quan tâm đến công việc của Ngài vào *nhóm* của Ngài, và cụ thể hơn, từ *nhóm* của Ngài vào *ashram* của Ngài. Hiện nay, Chân sư DK không còn có những loại nhóm bên ngoài mà Ngài từng có trong thập niên 1930 và 1940, nhưng tôi nghĩ thời điểm Ngài lại có những nhóm như thế đang nhanh chóng đến gần.

22. To enter His Ashram some principle discriminations are needed; He is now elaborating on the distinction between personality energies (unfit for ashramic inclusion) and soul energies (which are fit for such inclusion).

22. Để bước vào ashram của Ngài, cần có một số sự phân biện chủ yếu; giờ đây Ngài đang giải thích rõ hơn sự khác biệt giữa các năng lượng phàm ngã (không thích hợp để đưa vào ashram) và các năng lượng linh hồn (thích hợp để đưa vào đó).

23. On the one hand we have "high grade personality inclinations and responses to truth and ideals". These, of course, are of great value and are to be encouraged in all aspirants and disciples, but such inclinations and responses are not the same as "soul reactions, spiritual wisdom and intuitive perception." Let us pause to realize

23. Một mặt, chúng ta có "những khuynh hướng cao cấp của phàm ngã và những đáp ứng của phàm ngã đối với chân lý và các lý tưởng". Dĩ nhiên, những điều này có giá trị lớn lao và cần được khuyến khích ở mọi người chí nguyện và đệ tử, nhưng những khuynh hướng và đáp ứng như thế không giống với "những phản ứng của linh hồn,

the distinction. These different types of energy demonstrations come from *different 'places'*.

minh triết tinh thần và tri giác trực giác. " Chúng ta hãy dừng lại để nhận ra sự khác biệt này. Những kiểu biểu lộ năng lượng khác nhau này bắt nguồn từ *những 'nơi chốn khác nhau'*.

24. Obviously, then, the more we learn to function consciously as souls-in-incarnation, the more rapidly we will be 'transferred' from the Master's group (or from a group related to His work) to His Ashram.

24. Vậy rõ ràng, càng học cách hoạt động hữu thức như những linh hồn đang nhập thể, chúng ta càng nhanh chóng được 'chuyển dịch' từ nhóm của Chân sư (hoặc từ một nhóm có liên hệ với công việc của Ngài) vào ashram của Ngài.

25. Those who are gathered around the Teaching of Master DK (or of any other Master) cannot say with justification that they are a member of His Ashram unless, for other reasons, they *know* they are, and even then, they would be reluctant to say so unless in the company of those who could be trusted to understand. To say that one may be in the Ashram of a Master is not the same as claiming to be an initiate.

25. Những người quy tụ quanh Giáo Huấn của Chân sư DK (hoặc của bất kỳ Chân sư nào khác) không có cơ sở để nói rằng mình là thành viên trong ashram của Ngài, trừ phi vì những lý do khác, họ *biết* mình là thành viên; và ngay cả khi ấy, họ cũng sẽ ngần ngại nói ra, trừ khi ở cùng những người mà họ tin có thể thấu hiểu. Nói rằng mình có thể ở trong ashram của một Chân sư không đồng nghĩa với việc tự nhận là một điểm đạo đồ.

26. What is being suggested here is that accepted disciples are learning to live in such a way that they may really contribute to the content of the Ashram. This means they are learning to live beyond their personality—even beyond the higher demonstrations of that personality.

26. Điều được gợi ý ở đây là các đệ tử được chấp nhận đang học cách sống sao cho họ có thể thật sự đóng góp vào nội dung của ashram. Điều này có nghĩa là họ đang học cách sống vượt lên trên phàm ngã của mình—thậm chí vượt lên trên cả những biểu lộ cao hơn của phàm ngã ấy.

The third point which I would like to bring out is that disciples when they form part of an Ashram are subjecting themselves to a greatly increased pressure and are in a position to participate in much wider distribution of energy than heretofore. Today, as the Coming One nears the earth and draws closer to humanity, and as the inflow of spiritual energy from Shamballa into the hierarchical Centre becomes greater, there is a great keying up of human

Điểm thứ ba mà Tôi muốn nêu rõ là khi trở thành một phần của ashram, các đệ tử tự đặt mình dưới áp lực gia tăng rất nhiều và có khả năng tham gia phân phối năng lượng rộng rãi hơn trước rất nhiều. Ngày nay, khi Đấng Đang Đến tiến gần Trái Đất và đến gần nhân loại hơn, và khi dòng năng lượng tinh thần từ Shamballa tuôn vào Trung tâm Thánh đoàn ngày càng mạnh mẽ, khả năng tiếp nhận của con người được nâng cao rất nhiều, và một sự kích thích gia tăng mạnh mẽ đang

receptivity and a greatly augmented stimulation is taking place with varying effects. This involves an intensified aspiration and spiritual determination. It also signifies an opportunity of an unprecedented nature.

diễn ra với những tác động khác nhau. Điều này bao hàm khát vọng và quyết tâm tinh thần được tăng cường. Nó cũng biểu thị một cơ hội có tính chất chưa từng có.

27. Let us review the major points made thus far: a) accepted disciples are in training for initiation; b) there is a great difference between a Master's group and a Master's Ashram.

27. Chúng ta hãy ôn lại những điểm chính đã nêu cho đến đây: a) các đệ tử được chấp nhận đang được huấn luyện để điểm đạo; b) có sự khác biệt lớn giữa nhóm của một Chân sư và ashram của một Chân sư.

28. The third point relates to *pressure*—a fact of life from which many people try to flee. Those who, as accepted disciples, are entering an Ashram will be subject to 'ashramic pressure', and this will intensify all aspects of their personality life (the good and the bad) and their soul life (the good—though perhaps not the *best*).

28. Điểm thứ ba liên quan đến *áp lực*—một thực tế của đời sống mà nhiều người cố trốn tránh. Những người đang bước vào một ashram với tư cách đệ tử được chấp nhận sẽ chịu 'áp lực của ashram', và điều này sẽ tăng cường mọi phương diện trong đời sống phàm ngã của họ (cả tốt lẫn xấu) và trong đời sống linh hồn của họ (điều tốt—dù có lẽ chưa phải điều *tốt nhất*).

29. The higher energies are forcing their way into the energy system of the chela, and because of the greatly augmented reception of such energy, its distribution is also greatly enhanced. Those who can stand the pressure are in a position to give more in service. Thus the sacrifice of withstanding ashramic pressure is worth the pain which comes with that pressure.

29. Các năng lượng cao hơn đang tìm đường xâm nhập vào hệ thống năng lượng của đệ tử, và vì khả năng tiếp nhận năng lượng ấy gia tăng rất nhiều, sự phân phối năng lượng ấy cũng được tăng cường đáng kể. Những ai có thể chịu đựng áp lực ấy đều có khả năng cống hiến nhiều hơn trong phụng sự. Vì vậy, sự hi sinh khi chịu đựng áp lực của ashram là xứng đáng với nỗi đau mà áp lực ấy mang lại.

30. The "Coming One" (at least *this* particular "Coming One") is the Lord Maitreya, the Christ.

30. "Đấng Đang Đến" (ít nhất là *vị* "Đấng Đang Đến" cụ thể này) là Đức Di Lặc, Đức Christ.

31. The Coming One is said to be nearing the earth. What may DK mean by this? Can "earth" mean the physical plane or the three lower worlds? It surely cannot mean the planet, for the Christ is already 'here'.

31. Người ta nói rằng Đấng Đang Đến đang tiến gần Trái Đất. Chân sư DK có thể muốn nói gì qua điều này? Liệu "Trái Đất" có thể hàm ý cõi hồng trần hoặc ba cõi thấp không? Chắc chắn không thể hàm ý hành tinh này, vì Đức Christ đã ở 'đây'.

32. There are, however, other Avatars who are 'Coming Ones', and They, at the time this group instruction was written, may have been nearing the "earth" (considered as a planet). The Avatar of Synthesis was, perhaps, the major one. It is said that He linked with the Planetary Logos at approximately the time that the Great Invocation (Stanza III) was released to humanity through Master DK and Alice Bailey.

32. Tuy nhiên, còn có những Đấng Hoá Thân khác là 'Các Đấng Đang Đến', và vào thời điểm bản huấn thị nhóm này được viết, Các Ngài có thể đang tiến gần "Trái Đất" (xét như một hành tinh). Có lẽ Đấng Hoá Thân Tổng Hợp là vị chủ yếu. Người ta nói rằng Ngài đã liên kết với Hành Tinh Thượng đế vào khoảng thời gian Đại Khấn Nguyện (Bài kệ III) được truyền đến nhân loại qua Chân sư DK và Alice Bailey.

33. We learn that Shamballa is behind the general intensification of vibration experienced by humanity, by discipleship groups, and by the individual disciple. Human receptivity is increasing along with intensified aspiration and spiritual determination. Three levels of human beings are, thus, feeling the Shamballically-driven intensification—normal human beings, aspirants and disciples. Of course, initiates and the members of Hierarchy are 'feeling' it even *more* intensely, but that subject is not under discussion at the moment.

33. Chúng ta được biết rằng Shamballa đứng sau sự tăng cường rung động nói chung mà nhân loại, các nhóm đệ tử và từng đệ tử riêng lẻ đang trải nghiệm. Khả năng tiếp nhận của con người đang gia tăng cùng với khát vọng và quyết tâm tinh thần được tăng cường. Như vậy, ba cấp độ con người đang cảm nhận sự tăng cường do Shamballa thúc đẩy—những người bình thường, những người chí nguyện và các đệ tử. Dĩ nhiên, các điểm đạo đồ và các thành viên của Thánh đoàn đang 'cảm nhận' điều ấy còn mãnh liệt *hơn* nữa, nhưng lúc này chúng ta chưa bàn đến chủ đề ấy.

34. If we wish to understand the source of the "unprecedented opportunity" with which we and all human beings are now presented, we learn that it is the esoteric approach of Shamballa. We are living in Shamballic-times. Never has the energy of Shamballa been constructively closer to humanity than during the last two centuries or so, beginning with the year 1825. Since the Shamballic Impact in that year, there have been at least two other Shamballic Impacts and, very likely, more which are imminent—perhaps in 2025 (though this possibility is not discussed in the Teaching). Even if there is no Shamballa Impact, per se, in that year, the Great Conclave of 2025 will

34. Nếu muốn thấu hiểu nguồn gốc của "cơ hội chưa từng có" hiện đang mở ra cho chúng ta và toàn thể nhân loại, chúng ta được biết rằng đó là sự tiến gần của Shamballa về mặt huyền bí. Chúng ta đang sống trong thời đại của Shamballa. Chưa bao giờ năng lượng của Shamballa gần gũi với nhân loại theo chiều hướng xây dựng như trong khoảng hai thế kỷ vừa qua, bắt đầu từ năm 1825. Kể từ Tác Động Shamballa vào năm ấy, đã có ít nhất hai Tác Động Shamballa khác, và rất có thể còn có những tác động nữa sắp xảy ra—có lẽ vào năm 2025 (dù khả năng này không được bàn đến trong Giáo Huấn). Ngay cả nếu chính một Tác Động Shamballa không xảy ra trong năm ấy,

be held. Such Conclaves are very strongly under Shamballic impression.

Đại Mật Nghị năm 2025 vẫn sẽ được tổ chức. Những Mật Nghị như thế chịu ấn tượng rất mạnh từ Shamballa.

You have been told that when the Buddha came and worked on earth, many aspirants entered the ranks of accepted disciples and many disciples took one or other of the major initiations. There was, therefore, a definite shift of the personnel of the Hierarchy and a great expansion towards Shamballa and, at the same time, towards humanity. When the Christ made His appearance on earth, there was a similar and still greater climaxing effort which culminated in the inclusion of disciples in the Masters' inner Ashrams. Hitherto, these Ashrams had been kept for those who had taken the first initiation. Before the time of Christ only those who had taken the first initiation and were initiate formed the Ashram. Owing, however, to the growing sensitivity of humanity, it was then decided that disciples could be admitted into the Ashrams and so be mentally and astrally en rapport with the inner group and begin to form part of the Master's sphere of directed influence.

Các bạn đã được cho biết rằng khi Đức Phật đến và hoạt động trên Trái Đất, nhiều người chí nguyện đã gia nhập hàng ngũ đệ tử được chấp nhận, và nhiều đệ tử đã trải qua một trong những cuộc điểm đạo chủ yếu. Vì vậy, đã có một sự chuyển dịch rõ rệt về nhân sự của Thánh đoàn và một sự mở rộng lớn lao hướng đến Shamballa, đồng thời hướng đến nhân loại. Khi Đức Christ xuất hiện trên Trái Đất, cũng có một nỗ lực tương tự đạt đến cao điểm còn lớn lao hơn, mà đỉnh cao là việc đưa các đệ tử vào những ashram bên trong của các Chân sư. Trước đó, những ashram này chỉ dành cho những ai đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Trước thời Đức Christ, chỉ những ai đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất và là điểm đạo đồ mới hợp thành ashram. Tuy nhiên, do tính nhạy cảm ngày càng tăng của nhân loại, khi ấy đã có quyết định cho phép các đệ tử gia nhập các ashram, nhờ đó hòa hợp với nhóm bên trong về mặt trí tuệ và cảm dục, và bắt đầu trở thành một phần trong phạm vi ảnh hưởng có định hướng của Chân sư.

35. Master DK speaks of the great ingatherings of aspirants, disciples and initiates which occurred in the times of the Buddha and the Christ.

35. Chân sư DK nói về những đợt quy tụ lớn lao của những người chí nguyện, các đệ tử và các điểm đạo đồ đã diễn ra vào thời Đức Phật và Đức Christ.

36. The ingathering at the time of the Buddha was preliminary. Aspirants became accepted disciples and disciples (accepted disciples) took one or other of the major initiations. (If we study closely what is said here, it becomes clear that those who are not yet accepted disciples are, in a way, considered "aspirants" (sometimes called probationary disciples).

36. Đợt quy tụ vào thời Đức Phật mang tính sơ bộ. Những người chí nguyện trở thành đệ tử được chấp nhận, và các đệ tử (đệ tử được chấp nhận) trải qua một trong những cuộc điểm đạo chủ yếu. (Nếu nghiên cứu kỹ điều được nói ở đây, chúng ta sẽ thấy rõ rằng theo một cách nào đó, những người chưa phải là đệ tử được chấp nhận được xem là "người chí nguyện" (đôi khi được gọi là đệ tử dự bị).

37. The present dual process which sees Hierarchy moving both towards Shamballa and towards humanity seems to have begun at the time of the Buddha last physical incarnation, some 2500 years ago.

37. Tiến trình kép hiện nay, trong đó Thánh đoàn vừa tiến về phía Shamballa vừa tiến về phía nhân loại, dường như đã bắt đầu vào lần lâm phàm hồng trần cuối cùng của Đức Phật, cách đây khoảng 2500 năm.

38. The Buddha is now a Shamballic Being, and at that time seemed to make His first well-defined contact with Shamballa (just as the Christ made His own contact some five hundred years later in the Garden of Gethsemene). The Buddha's Great Enlightenment was certainly a Shamballic Impression, for He contacted a measure of the "Greatest Light" which relates directly to the "Unfettered Enlightenment" of Shamballa. The Christ however anchored the first strand of Shamballic Will for the sake of humanity. What we might call the 'Shamballic event' in the Buddha's life reached the mental plane; the Christ brought Shamballa all the way 'down' to the physical plane.

38. Đức Phật hiện là một Đấng thuộc Shamballa, và vào thời ấy dường như Ngài đã thực hiện sự tiếp xúc rõ rệt đầu tiên với Shamballa (cũng như Đức Christ đã thực hiện sự tiếp xúc của riêng Ngài khoảng năm trăm năm sau đó trong vườn Gethsemene). Sự Đại Giác Ngộ của Đức Phật chắc chắn là một Ấn Tượng từ Shamballa, vì Ngài đã tiếp xúc phần nào với "Ánh Sáng Vĩ Đại Nhất" vốn liên hệ trực tiếp với "Sự Giác Ngộ Không Còn Ràng Buộc" của Shamballa. Tuy nhiên, Đức Christ đã neo giữ sợi đầu tiên của Ý Chí Shamballa vì lợi ích của nhân loại. Điều mà chúng ta có thể gọi là 'sự kiện Shamballa' trong cuộc đời Đức Phật đã vươn đến cõi trí; Đức Christ đã đưa Shamballa 'xuống' tận cõi hồng trần.

39. The Christ's initial externalizing work some two thousand years ago made an even greater impact that the Buddha's work (in terms of ingathering) It represented, DK tells us, "a still greater climaxing effort", and as a result disciples were included in the Masters' inner Ashrams.

39. Công việc ngoại hiện ban đầu của Đức Christ cách đây khoảng hai nghìn năm đã tạo ra một tác động còn lớn lao hơn công việc của Đức Phật (xét về sự quy tụ). Chân sư DK cho chúng ta biết rằng công việc ấy thể hiện "một nỗ lực đạt đến cao điểm còn lớn lao hơn", và kết quả là các đệ tử đã được đưa vào những ashram bên trong của các Chân sư.

40. Now we must read very carefully. We are told that before the time of the Christ "only those who had taken the first initiation and were initiate formed the Ashram. " A little thought will reveal that the "first initiation" here discussed is probably the *third* initiation and that the "disciples" here referenced consist of *all those* who have taken the first planetary initiation (and *can* thus be accepted disciples, as can those who

40. Giờ đây chúng ta phải đọc thật kỹ. Chúng ta được cho biết rằng trước thời Đức Christ, "chỉ những ai đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất và là điểm đạo đồ mới hợp thành ashram. " Suy ngẫm đôi chút sẽ thấy rằng "lần điểm đạo thứ nhất" được bàn đến ở đây có lẽ là lần điểm đạo *thứ ba*, và rằng "các đệ tử" được nhắc đến ở đây bao gồm *tất cả những ai* đã trải qua lần điểm đạo hành tinh thứ nhất (và do đó *có thể* là đệ tử được chấp

have taken the planetary second degree) but not the third initiation. (We remember that to take the first planetary degree is no assurance that one is or will immediately be an accepted disciple.) The clue that DK means the *third* initiation when He writes of the *first* is found in the words, "and were initiate"—a phrase which usually relates to those having taken the third degree. Probationary initiates (although they are initiates of the first two degrees) are not referred to as "initiate".

nhận, cũng như những người đã đạt cấp điểm đạo hành tinh thứ hai), nhưng chưa trải qua lần điểm đạo thứ ba. (Chúng ta nhớ rằng việc đạt cấp điểm đạo hành tinh thứ nhất không bảo đảm một người đã là, hoặc sẽ ngay lập tức trở thành, đệ tử được chấp nhận.) Manh mối cho thấy Chân sư DK muốn nói đến lần điểm đạo *thứ ba* khi Ngài viết về lần *thứ nhất* nằm trong những từ "và là điểm đạo đồ"—một cụm từ thường liên quan đến những người đã đạt cấp điểm đạo thứ ba. Các điểm đạo đồ dự bị (mặc dù họ là điểm đạo đồ của hai cấp đầu tiên) không được gọi là "điểm đạo đồ".

41. From the time that Christ last appeared in physical manifestation, it was decided that the sensitivity of humanity was such that "*disciples* could be admitted in the Ashrams", thus being in closer touch with the Master. We are speaking, as DK tells us, of admittance to the "*inner* Ashrams". The meaning of the term "disciples", (as here used) is, I think, "accepted disciples" or, at least, those whom the Master has been supervising for some time and who are no longer probationary, but at least pledged. An initiate of the first planetary degree, however, is not necessarily an accepted disciple, and so, according to the terminology we have been reviewing in this paragraph, could simply be considered an "aspirant". While an initiate of the first planetary degree, the "Birth" is not necessarily an accepted disciple, most initiates of the second degree can be considered to be so.

41. Kể từ lần cuối Đức Christ xuất hiện trong sự biểu hiện hồng trần, đã có quyết định rằng tính nhạy cảm của nhân loại đã đạt đến mức "*các đệ tử* có thể được thu nhận vào các ashram", nhờ đó tiếp xúc gần gũi hơn với Chân sư. Như Chân sư DK cho chúng ta biết, chúng ta đang nói đến việc được thu nhận vào "*những ashram bên trong*". Tôi nghĩ ý nghĩa của thuật ngữ "các đệ tử" (như được dùng ở đây) là "các đệ tử được chấp nhận", hoặc ít nhất là những người mà Chân sư đã giám sát một thời gian, không còn ở giai đoạn dự bị mà ít nhất đã cam kết. Tuy nhiên, một điểm đạo đồ của cấp điểm đạo hành tinh thứ nhất không nhất thiết là đệ tử được chấp nhận, và do đó, theo hệ thuật ngữ mà chúng ta đang xem xét trong đoạn này, người ấy có thể chỉ được xem là một "người chí nguyện". Trong khi một điểm đạo đồ của cấp điểm đạo hành tinh thứ nhất, "Giáng Sinh", không nhất thiết là đệ tử được chấp nhận, thì phần lớn điểm đạo đồ cấp hai có thể được xem là như thế.

42. It is often confusing to understand how Master DK uses the terms "aspirant", "disciple" and "initiate". From the foregoing we may conclude that, from a perspective

42. Việc thấu hiểu cách Chân sư DK sử dụng các thuật ngữ "người chí nguyện", "đệ tử" và "điểm đạo đồ" thường gây bối rối. Từ những điều trên, chúng ta có thể kết luận rằng, theo

often used,

a. all who are not yet accepted disciples (even though they be initiates of the first planetary degree) are still to be considered aspirants or probationary disciples;

b. when a disciple becomes an "accepted disciple", he or she is no longer an aspirant, but is, well and truly, a disciple;

c. a probationary initiate of the first or second degree may be considered an aspirant or a disciple, depending upon the perspective employed, but is not really considered "initiate";

d. the term "disciple" *can* be used to indicate one who is not *yet* an accepted disciple, but is *often* used to indicate only one who *is* an accepted disciple;

e. a true initiate (i. e. , one who is "initiate") is an initiate of the third degree (i. e. , of the first *solar* degree). Sometimes DK differentiates between the first planetary initiation and the first solar initiation, but often, He simply says "first initiation", and then it will be up to the reader to discern His meaning.

43. Important information concerning those who are members of an Ashram is here given:

a. members of an Ashram are mentally and astrally en rapport with the "inner group". We note that *astral* rapport is included. Physical-brain and etheric rapport is not necessarily included. We would assume that mental-rapport would, naturally, be included.

một góc nhìn thường được sử dụng,

a. tất cả những ai chưa phải là đệ tử được chấp nhận (dù họ là điểm đạo đồ của cấp điểm đạo hành tinh thứ nhất) vẫn phải được xem là người chí nguyện hoặc đệ tử dự bị;

b. khi một đệ tử trở thành "đệ tử được chấp nhận", người ấy không còn là người chí nguyện nữa mà đã thật sự là một đệ tử;

c. một điểm đạo đồ dự bị cấp một hoặc cấp hai có thể được xem là người chí nguyện hoặc đệ tử, tùy theo góc nhìn được sử dụng, nhưng chưa thật sự được xem là "điểm đạo đồ";

d. thuật ngữ "đệ tử" *có thể* được dùng để chỉ một người *chưa* phải là đệ tử được chấp nhận, nhưng *thường* chỉ được dùng để chỉ người *đã là* đệ tử được chấp nhận;

e. một điểm đạo đồ đích thực (tức là người "là điểm đạo đồ") là một điểm đạo đồ cấp ba (tức là thuộc cấp điểm đạo *thái dương* thứ nhất). Đôi khi Chân sư DK phân biệt lần điểm đạo hành tinh thứ nhất với lần điểm đạo thái dương thứ nhất, nhưng thường thì Ngài chỉ nói "lần điểm đạo thứ nhất", và khi ấy người đọc phải tự phân biện tinh thần để nhận ra ý Ngài.

43. Ở đây có thông tin quan trọng về những người là thành viên của một ashram:

a. các thành viên của một ashram có sự tương thông về trí tuệ và cảm dục với "nhóm bên trong". Chúng ta lưu ý rằng sự tương thông *cảm dục* cũng được bao gồm. Sự tương thông qua bộ não hồng trần và dĩ thái không nhất thiết được bao gồm. Chúng ta có thể cho rằng sự tương thông trí tuệ đương nhiên

được bao gồm.

b. an Ashram is the "sphere of the Master's directed influence". This means that a Master's group is *not* part of this sphere, at least not to the same extent as the "inner Ashram".

b. một ashram là "khối cầu chịu ảnh hưởng có định hướng của Chân sư". Điều này có nghĩa là nhóm của một Chân sư *không* thuộc khối cầu này, ít nhất là không ở cùng mức độ như "ashram bên trong".

This is the opportunity which is held out today before the aspirants and probationary disciples. This effort might be termed an externalisation of the Ashram. You have been told that it is the intention of the Hierarchy to restore the Mysteries on earth. This is the first step towards that objective. If this embryonic externalisation succeeds in functioning and if those participating in this new effort manage to work with unity, love and understanding, and if this proves so strong as to withstand all disintegrating forces, then it may be possible later to increase the membership, power and size of any Ashram. [696] This lies entirely in the hands of the group. Every new person who is put in touch with the Ashram becomes a definite responsibility. The work of integration and of absorption lies with the Ashram and not with the individual. This is not easily apparent until disciples are accepted and integral parts of the Ashram. Such disciples constitute a definite problem.

Đây là cơ hội ngày nay mở ra trước những người chí nguyện và các đệ tử dự bị. Nỗ lực này có thể được gọi là sự ngoại hiện của ashram. Các bạn đã được cho biết rằng Thánh đoàn có ý định khôi phục các Huyền Nhiệm trên Trái Đất. Đây là bước đầu tiên hướng tới mục tiêu ấy. Nếu sự ngoại hiện ở giai đoạn phôi thai này hoạt động thành công, và nếu những người tham gia nỗ lực mới này có thể làm việc trong sự hợp nhất, tình thương và thấu hiểu, và nếu sự hợp nhất ấy chứng tỏ đủ mạnh để chống chọi mọi mãnh lực gây tan rã, thì về sau có thể gia tăng số thành viên, quyền năng và quy mô của bất kỳ ashram nào. [696] Điều này hoàn toàn nằm trong tay của nhóm. Mỗi người mới được kết nối với ashram đều trở thành một trách nhiệm rõ rệt. Công việc tích hợp và thu nhận thuộc về ashram, chứ không thuộc về cá nhân. Điều này không dễ thấy rõ cho đến khi các đệ tử được chấp nhận và trở thành những thành phần không thể tách rời của ashram. Những đệ tử như thế tạo thành một vấn đề rõ rệt.

44. DK has been speaking of the processes by means of which those upon the spiritual path ascend to the next level of spiritual attainment. The widespread opportunity to do so is even more intensely present today than it was in the days of the Buddha or the Christ.

44. Chân sư DK đã nói về những tiến trình nhờ đó những người trên con đường tinh thần vươn lên cấp độ thành tựu tinh thần kế tiếp. Ngày nay, cơ hội rộng mở để làm điều ấy còn hiện diện mạnh mẽ hơn cả vào thời Đức Phật hay Đức Christ.

45. Is there a distinction between the "aspirant" and the "probationary disciple"?

45. Có sự phân biệt nào giữa "người chí nguyện" và "đệ tử dự bị" không? Nếu có,

If so, we might say that the stage of "aspirant" begins definitely *before* the first degree may be taken (and, as we have seen, may be considered as extending to the stage of Accepted Discipleship). The term "probationary disciple" may indicate a slightly greater degree of advancement than that of "aspirant", per se, because the word "disciple" is included in the term (indicating, as it does, a greater degree of mental focus and, hence, of stability). From one perspective we might think of the term "probationary disciple" as beginning at the first planetary degree, the "Birth" and lasting until Accepted Discipleship. From another perspective, however, the term is used almost interchangeably with the term "aspirant", and so can be regarded as beginning *before* the planetary first degree. It may be regarded as correct to consider the "Path of Aspiration" and the "Path of Probationary Discipleship" to be equivalent, though it is reasonable to think of the first path beginning earlier than the second.

chúng ta có thể nói rằng giai đoạn "người chí nguyện" chắc chắn bắt đầu *trước khi* có thể đạt bậc điểm đạo thứ nhất (và, như chúng ta đã thấy, có thể được xem là kéo dài đến giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận). Thuật ngữ "đệ tử dự bị" có thể chỉ một mức độ tiến bộ cao hơn đôi chút so với chính danh xưng "người chí nguyện", vì từ "đệ tử" nằm trong thuật ngữ ấy (qua đó cho thấy một mức độ tập trung trí tuệ cao hơn và, do đó, ổn định hơn). Từ một góc nhìn, chúng ta có thể nghĩ rằng thuật ngữ "đệ tử dự bị" bắt đầu từ bậc điểm đạo hành tinh thứ nhất, tức "Giáng Sinh", và kéo dài đến Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, thuật ngữ này được dùng gần như thay thế cho thuật ngữ "người chí nguyện", nên có thể được xem là bắt đầu *trước* bậc điểm đạo hành tinh thứ nhất. Có thể xem là đúng khi coi "Con Đường Chí Nguyện" và "Con Đường Đệ Tử Dự Bị" là tương đương, dù cũng hợp lý khi nghĩ rằng con đường thứ nhất bắt đầu sớm hơn con đường thứ hai.

46. The opportunity before aspirants and disciples today is to participate in the "externalization of the Ashram". In these studies we are talking specifically about the externalization of Master DK's Ashram, though some other Ashrams are, in general, part of this experimental process.

46. Cơ hội trước mắt những người chí nguyện và các đệ tử ngày nay là tham gia vào "sự ngoại hiện của ashram". Trong những nghiên cứu này, chúng ta đang nói cụ thể về sự ngoại hiện của ashram của Chân sư DK, dù nhìn chung một số ashram khác cũng tham gia tiến trình thử nghiệm này.

47. Hierarchy is intent upon restoring the Mysteries on earth. The ingathering, the 'promotions', and the general process of externalization is all part of this Restoration. The Restoration of the Mysteries should be considered in relation to Aries and to the "Forces of Restoration" which are powerful at the Aries Full Moon (nominally, Easter).

47. Thánh đoàn quyết tâm khôi phục các Huyền Nhiệm trên Trái Đất. Sự quy tụ, những 'lần thăng cấp' và tiến trình ngoại hiện nói chung đều thuộc về sự Khôi Phục này. Cần xem xét Sự Khôi Phục các Huyền Nhiệm trong mối liên hệ với Bạch Dương và với "Các Mãnh Lực Khôi Phục" vốn mạnh mẽ vào kỳ Trăng Tròn Bạch Dương (trên danh nghĩa là Lễ Phục Sinh).

48. We can see that Master DK's experiment with His own Ashram is a kind of test. It is an "embryonic externalisation", an externalisation in its very earliest phases. Some sixty to seventy years ago He was writing in the present tense; now we know that the externalisation He intended did not succeed as He had hoped. His disciples did not succeed in working with sufficient unity, love and understanding and the effort, overall, did not withstand "all disintegrating forces".

48. Chúng ta có thể thấy rằng cuộc thử nghiệm của Chân sư DK với chính ashram của Ngài là một dạng kiểm nghiệm. Đó là một "sự ngoại hiện ở giai đoạn phôi thai", một sự ngoại hiện trong những giai đoạn sơ khởi nhất. Khoảng sáu mươi đến bảy mươi năm trước, Ngài đã viết ở thì hiện tại; giờ đây chúng ta biết rằng sự ngoại hiện mà Ngài dự định đã không thành công như Ngài hy vọng. Các đệ tử của Ngài đã không thành công trong việc làm việc với đủ sự hợp nhất, tình thương và thấu hiểu, và xét tổng thể, nỗ lực ấy đã không chống chọi được "mọi mãnh lực gây tan rã".

49. Had there been success, we are told, it would have been possible to increase the size and power of *any Ashram.* So Master DK's work was a kind of *probe,* and the 'probation' failed. We see that Hierarchy (under Uranus, which is the exoteric ruler of Aquarius) is an *experimenting group*. When a hierarchical experiment is successful, it may be deemed wise (under the Law of Economy) to conduct more experiments of the kind. We should realize that (such is the nature of Hierarchy) many experiments with externalization lie ahead. The Hierarchy *will* externalize, but Their methods are often unanticipated.

49. Chúng ta được cho biết rằng nếu đã thành công, thì có thể đã gia tăng quy mô và quyền năng của *bất kỳ ashram nào.* Vì vậy, công việc của Chân sư DK là một dạng *thăm dò,* và 'cuộc thử thách' ấy đã thất bại. Chúng ta thấy rằng Thánh đoàn (dưới ảnh hưởng của Sao Thiên Vương, chủ tinh ngoại môn của Bảo Bình) là một *nhóm tiến hành thử nghiệm*. Khi một cuộc thử nghiệm của Thánh đoàn thành công, việc tiến hành thêm các cuộc thử nghiệm cùng loại có thể được xem là khôn ngoan (theo Định luật Tiết Kiệm). Chúng ta nên nhận ra rằng (bản chất của Thánh đoàn là như vậy) còn nhiều cuộc thử nghiệm về sự ngoại hiện đang ở phía trước. Thánh đoàn *sẽ* ngoại hiện, nhưng phương pháp của Các Ngài thường nằm ngoài dự liệu.

50. DK speaks again of His group, composed of the several groups He had organized. Success or failure lay "entirely" in their hands. One feels the weight of responsibility which must have impressed itself upon early readers of these group instructions—readers who were, in fact, members of such groups within the Master's group.

50. Chân sư DK lại nói về nhóm của Ngài, gồm một số nhóm mà Ngài đã tổ chức. Thành công hay thất bại nằm "hoàn toàn" trong tay họ. Người ta cảm nhận được sức nặng của trách nhiệm hẳn đã in sâu vào những người đầu tiên đọc các huấn thị dành cho nhóm này—những độc giả thực ra là thành viên của các nhóm như thế trong

nhóm của Chân sư.

51. Then DK generalizes about the relationship of the accepted disciple to the Ashram. The newly accepted disciple is a "definite responsibility" and a "definite problem"—not only to himself, but to the Ashram.

51. Sau đó, Chân sư DK khái quát về mối quan hệ giữa đệ tử được chấp nhận và ashram. Người đệ tử mới được chấp nhận là một "trách nhiệm rõ rệt" và một "vấn đề rõ rệt"—không chỉ đối với chính mình, mà cả với ashram.

52. Yet the adjustments required (integration and absorption into the Ashram) must come very much from the Ashram itself. Should we become accepted disciples, or should we recognize that we already are, we probably do not realize anything like the full extent of the *problem to the Ashram* we are or have been. Ours is not yet the ashramic perspective.

52. Tuy nhiên, những điều chỉnh cần thiết (sự tích hợp và thu nhận vào ashram) phải phần lớn đến từ chính ashram. Nếu chúng ta trở thành đệ tử được chấp nhận, hoặc nếu chúng ta nhận ra rằng mình đã là như thế, thì có lẽ chúng ta còn lâu mới nhận ra đầy đủ mức độ của *vấn đề đối với ashram* mà chúng ta đang hoặc đã tạo ra. Chúng ta chưa có góc nhìn của ashram.

53. We can see why a Master must measure with great care the possibility of accepting a disciple. It is far from a casual choice, and the welfare of the Ashram is always at stake, as well, of course, as the welfare of the new accepted disciple who is inevitably placed under extreme pressure due to his acceptance.

53. Chúng ta có thể thấy vì sao một Chân sư phải cân nhắc hết sức cẩn trọng khả năng chấp nhận một đệ tử. Đó hoàn toàn không phải một lựa chọn tùy tiện, và sự an lạc của ashram luôn được đặt lên bàn cân, cũng như, tất nhiên, sự an lạc của người đệ tử mới được chấp nhận, người tất yếu phải chịu áp lực cực lớn do việc được chấp nhận ấy.

The question now arises: How does a Master form and organise His Ashram or inner group of which the personnel is provided from the outer group of aspirants? It must surely be apparent to you that a Master, in forming His Ashram, proceeds as automatically as does the Creator. He meditates; He visualises; He speaks and that which He seeks to create and to materialise (in line with the hierarchical Plan) begins to take form. By the power of His focussed and directed thought, He attracts to Him those whose type of mind synchronises with His, because of ray, karmic relationships, point in evolution and love for humanity. In the

Giờ đây nảy sinh câu hỏi: Một Chân sư hình thành và tổ chức ashram hay nhóm bên trong của Ngài như thế nào, khi nhân sự của nhóm này đến từ nhóm người chí nguyện bên ngoài? Hẳn các bạn phải thấy rõ rằng khi hình thành ashram của Ngài, một Chân sư tiến hành một cách tự động như Đấng Sáng Tạo. Ngài tham thiền; Ngài hình dung; Ngài cất lời, và điều Ngài tìm cách sáng tạo và hiện hình (phù hợp với Thiên Cơ của Thánh đoàn) bắt đầu thành hình. Bằng quyền năng tư tưởng tập trung và có định hướng của Ngài, Ngài thu hút về phía mình những người có loại thể trí đồng nhịp với thể trí của Ngài, do cung, các mối quan hệ nghiệp quả,

words focus and direction lay the key to any technique or method of contributing to what I might here call the reservoir of thought which is an Ashram. It is a sustained focus, plus a dynamic direction which makes this reservoir of thought contributory to world service and creatively effective. The important thing for an accepted disciple to grasp is what the Master is seeking to accomplish through the medium of His group. This entails, finally, the enquiry, in the mind of the disciple, as to whether he thinks, focusses and works along lines similar to that of the Master. How close is the disciple to the Master's thoughts? The Master is prevented by occult law from using any pressure or power in the effort to swing the minds of those whom He is influencing into unison with His. He may not impose His will upon the disciple; His desires, aspirations and wishes must not be the enforced directing agency in the lives of those with whom He is in touch. He may impress their minds with what He feels is needed in periods of world crisis. He can express to them what He feels should be done. But it remains for the disciple to decide and prove. Disciples are in a Master's group because of similarity of ideas, even though they sense and express those ideas far less clearly than He does and see the vision as through a glass darkly. But their innate convictions are [697] basically the same and their task is to discover the points of contact, the analogous idealism for the group effort and then to submerge their entire individual lives and activities in the recognised effort. Behind this effort stands the Master—an initiating and distributing centre of power.

điểm tiến hoá và tình thương dành cho nhân loại. Trong hai từ tập trung và định hướng có chìa khóa cho bất kỳ kỹ thuật hay phương pháp đóng góp nào vào điều mà ở đây Tôi có thể gọi là kho dự trữ tư tưởng, tức một ashram. Chính sự tập trung bền bỉ, cộng với sự định hướng năng động, khiến kho dự trữ tư tưởng này đóng góp vào việc phụng sự thế gian và có hiệu quả sáng tạo. Điều quan trọng mà một đệ tử được chấp nhận cần nắm bắt là Chân sư đang tìm cách hoàn thành điều gì thông qua nhóm của Ngài. Cuối cùng, điều này đòi hỏi người đệ tử tự hỏi trong thể trí mình liệu mình có suy nghĩ, tập trung và làm việc theo những đường hướng tương tự Chân sư hay không. Người đệ tử gần gũi với tư tưởng của Chân sư đến mức nào? Định luật huyền bí ngăn Chân sư sử dụng bất kỳ áp lực hay quyền năng nào để cố đưa thể trí của những người chịu ảnh hưởng của Ngài vào sự đồng điệu với thể trí của Ngài. Ngài không được áp đặt ý chí của mình lên người đệ tử; những mong muốn, khát vọng và nguyện ước của Ngài không được trở thành tác nhân chỉ đạo mang tính cưỡng ép trong đời sống của những người Ngài tiếp xúc. Ngài có thể ghi ấn lên thể trí họ điều Ngài cảm thấy là cần thiết trong những thời kỳ khủng hoảng thế giới. Ngài có thể bày tỏ với họ điều Ngài cảm thấy nên làm. Nhưng người đệ tử vẫn phải tự quyết định và chứng minh. Các đệ tử ở trong nhóm của một Chân sư vì sự tương đồng về ý tưởng, dù họ cảm nhận và biểu đạt những ý tưởng ấy kém rõ ràng hơn Ngài rất nhiều và nhìn thấy tầm nhìn như qua một tấm kính mờ. Nhưng về cơ bản, những xác tín vốn có của họ [697] là như nhau, và nhiệm vụ của họ là khám phá những điểm tiếp xúc, tinh thần lý tưởng tương đồng cho nỗ lực nhóm, rồi hòa toàn bộ đời sống và hoạt động cá nhân của mình vào nỗ lực đã nhận biết ấy. Đứng sau nỗ lực này là Chân sư—một trung tâm khởi xướng và

phân phối quyền năng.

54. DK now discusses the procedure of forming and organizing an Ashram, which is an "inner group" when compared to the "outer group" of aspirants (as He names them here).

54. Giờ đây, Chân sư DK bàn về phương thức hình thành và tổ chức một ashram, vốn là một "nhóm bên trong" khi so với "nhóm bên ngoài" gồm những người chí nguyện (như Ngài gọi họ ở đây).

55. To do this, the Master meditates, visualizes and speaks (each of these acts representing one of the first three aspects of divinity). He forms His Ashram through a white-magical process. We can follow similar procedures (dim reflections of the Master's process) as we attempt to form our groups upon the physical plane.

55. Để làm điều này, Chân sư tham thiền, hình dung và cất lời (mỗi hành động này đại diện cho một trong ba phương diện đầu tiên của thiên tính). Ngài hình thành ashram của mình qua một tiến trình chánh thuật. Chúng ta có thể làm theo những phương thức tương tự (những phản chiếu mờ nhạt của tiến trình của Chân sư) khi cố gắng hình thành các nhóm của mình trên cõi hồng trần.

56. The Master uses the attractive power of "focussed and directed thought". If aspirants or disciples are drawn to Him, via His thought, it will be because their type of mind synchronizes with His; because of similarity of ray; because of karmic relationships, a sufficient point in evolution and, very importantly, because of their love for humanity. We can see that the formation of an Ashram is a scientific process based on *sound.* We can also see that this process is *very selective.* Disciples do not 'join' and Ashram simply because they wish to. They must be *fit* to do so and appropriate for a particular Master's Ashram; the criteria are specific and exacting.

56. Chân sư sử dụng quyền năng thu hút của "tư tưởng tập trung và có định hướng". Nếu những người chí nguyện hay các đệ tử được thu hút đến với Ngài qua tư tưởng của Ngài, thì đó là vì loại thể trí của họ đồng nhịp với thể trí của Ngài; vì sự tương đồng về cung; vì các mối quan hệ nghiệp quả, một điểm tiến hoá đủ cao và, rất quan trọng, vì tình thương của họ dành cho nhân loại. Chúng ta có thể thấy rằng sự hình thành một ashram là một tiến trình khoa học dựa trên *âm thanh.* Chúng ta cũng có thể thấy rằng tiến trình này *có tính chọn lọc rất cao.* Các đệ tử không 'gia nhập' một ashram chỉ vì họ muốn thế. Họ phải *đủ tư cách* để làm điều ấy và phù hợp với ashram của một Chân sư cụ thể; các tiêu chí đều cụ thể và khắt khe.

57. Serious students of the Tibetan's books should ponder on their relation to the Ageless Wisdom and more specifically, on their possible relationship to Master DK. Some of the criteria have been given and we have the opportunity to measure ourselves against them. We know of many potential

57. Những đạo sinh nghiêm túc nghiên cứu các sách của Chân sư Tây Tạng nên suy ngẫm về mối quan hệ của mình với Minh Triết Ngàn Đời và, cụ thể hơn, về mối quan hệ mà mình có thể có với Chân sư DK. Một số tiêu chí đã được đưa ra và chúng ta có cơ hội đối chiếu bản thân với chúng. Chúng ta biết

students of the Bailey Books who begin reading in earnest only to discover that their mind does *not* synchronize with the Master's mind; among other reasons, there may be a fundamental dissimilarity of ray. This is an important initial test. The "Blue Books" sound their own distinctive note and only those who can resonate to them to a significant degree will find themselves, eventually, within Master DK's "inner group". (Some, however, may be in His Ashram Who resonate closely to Him and who are *not* readers of His books, but reading His great Teaching is filled with advantages for knowing the nature of His thought.)

nhiều người có tiềm năng trở thành đạo sinh nghiên cứu sách Bailey đã bắt đầu đọc một cách nghiêm túc, rồi lại khám phá ra rằng thể trí của họ *không* đồng nhịp với thể trí của Chân sư; trong số các nguyên nhân, có thể có sự khác biệt căn bản về cung. Đây là một phép thử ban đầu quan trọng. Những "Quyển Sách Xanh" ngân lên âm điệu đặc trưng riêng, và chỉ những ai có thể cộng hưởng với chúng ở mức độ đáng kể mới cuối cùng thấy mình ở trong "nhóm bên trong" của Chân sư DK. (Tuy nhiên, một số người có thể ở trong ashram của Ngài, cộng hưởng mật thiết với Ngài mà *không* đọc sách của Ngài; dù vậy, việc đọc Giáo Huấn vĩ đại của Ngài mang lại rất nhiều thuận lợi để biết bản chất tư tưởng của Ngài.)

58. Of course, we must remember that Master DK is busy training the disciples from several Ashrams and upon various different rays (first, third, sixth and seventh ray souls were to be found in His Groups-of-Nine), but regardless of some ray differences and various fundamental ashramic affiliations, most if not all of the disciples on the outer plane who *could* be trained by Him, had at least a significant attraction to what He said in book form. If they were not second ray souls, it is likely they were second ray monads.

58. Dĩ nhiên, chúng ta phải nhớ rằng Chân sư DK bận huấn luyện các đệ tử từ nhiều ashram và thuộc nhiều cung khác nhau (trong các Nhóm Chín Người của Ngài có những linh hồn cung một, cung ba, cung sáu và cung bảy), nhưng bất kể một số khác biệt về cung và những mối liên hệ căn bản với các ashram khác nhau, phần lớn, nếu không phải tất cả, các đệ tử trên cõi bên ngoài *có thể* được Ngài huấn luyện ít nhất cũng cảm thấy sức thu hút đáng kể từ những điều Ngài trình bày trong sách. Nếu họ không phải là những linh hồn cung hai, thì có lẽ họ là những chân thần cung hai.

59. DK highlights the word "focus" with regard to making a contribution to the Ashram. We receive another definition of the term, "Ashram": it is a "reservoir of thought", and focus is required of those who would contribute to that reservoir.

59. Chân sư DK nhấn mạnh từ "tập trung" liên quan đến việc đóng góp cho ashram. Chúng ta nhận được một định nghĩa khác về thuật ngữ "ashram": đó là một "kho dự trữ tư tưởng", và những ai muốn đóng góp vào kho dự trữ ấy đều cần có sự tập trung.

60. There are at least two perspectives from which the idea of "contribution" is to be considered. We have just considered the

60. Có ít nhất hai góc nhìn để xem xét ý tưởng "đóng góp". Chúng ta vừa xem xét khả năng một *đệ tử* có thể (và thực ra *phải*) đóng

possibility that a *disciple* may (and, really, *must*) contribute to the Ashram. Now, we consider the *Ashram's* contribution to humanity and the planet. It is "sustained focus" and "dynamic direction" that make an Ashram "contributory to world service and creatively effective". It seems it would also be incumbent upon any accepted disciple to serve the world (and the Ashramic intent) through a 'sustained focus of thought, dynamically directed'. The implication is that accepted disciples must learn to *serve through thought.*

góp cho ashram. Giờ đây, chúng ta xem xét sự đóng góp của *ashram ấy* cho nhân loại và hành tinh. Chính "sự tập trung bền bỉ" và "sự định hướng năng động" khiến một ashram "đóng góp vào việc phụng sự thế gian và có hiệu quả sáng tạo". Dường như bất kỳ đệ tử được chấp nhận nào cũng có bổn phận phụng sự thế gian (và ý định của ashram) thông qua một 'sự tập trung tư tưởng bền bỉ, được định hướng một cách năng động'. Điều này hàm ý rằng các đệ tử được chấp nhận phải học cách *phụng sự bằng tư tưởng.*

61. We come to the important idea that a disciple who is a prospective member of a Master's group (or Ashram) must really come to understand the nature of a Master's objectives when working through any particular group. What does the *Master* seek to see accomplished? It is a decentralizing question.

61. Chúng ta đi đến ý tưởng quan trọng rằng một đệ tử có triển vọng trở thành thành viên trong nhóm của một Chân sư (hay ashram) phải thực sự đi đến chỗ thấu hiểu bản chất các mục tiêu của Chân sư khi Ngài làm việc qua bất kỳ nhóm cụ thể nào. Điều mà *Chân sư* muốn thấy hoàn thành là gì? Đó là một câu hỏi giúp phi tập trung vào bản thân.

62. Do we, as prospective members of Master DK's Ashram, think, focus and work along lines which are similar to the Master? How close, really, are we to the Master's thoughts? This will not be a question easily answered, but there are many clues which can help us towards a reasonably accurate conclusion. The many books written by Master DK should reveal something about His thinking process, to which we may compare our own. (With much study of His books, of course, our thinking process may come to resemble His increasingly.)

62. Là những thành viên tương lai của ashram của Chân sư DK, chúng ta có suy nghĩ, tập trung và làm việc theo những đường hướng tương tự Chân sư không? Thực sự, chúng ta gần gũi đến mức nào với tư tưởng của Chân sư? Đây sẽ không phải là câu hỏi dễ trả lời, nhưng có nhiều manh mối có thể giúp chúng ta đi đến một kết luận tương đối chính xác. Nhiều cuốn sách do Chân sư DK viết hẳn phải cho thấy phần nào tiến trình tư duy của Ngài, để chúng ta có thể đối chiếu với tiến trình của mình. (Dĩ nhiên, khi nghiên cứu nhiều sách của Ngài, tiến trình tư duy của chúng ta có thể ngày càng giống với tiến trình của Ngài.)

63. As well, by reading the pamphlet, "My Work" and by reviewing the various activities Master DK sought to establish through the Arcane School and the Lucis

63. Ngoài ra, qua việc đọc tập sách nhỏ "Công Việc của Tôi" và xem lại các hoạt động khác nhau mà Chân sư DK đã tìm cách thiết lập thông qua Trường Arcane và Quỹ Lucis,

Trust, the outlines of His external work should be no mystery and, again, we may measure our tendency to work in certain ways and directions against the work which He seeks to see accomplished.

những nét chính trong công việc bên ngoài của Ngài hẳn không còn là điều bí ẩn; một lần nữa, chúng ta có thể đối chiếu khuynh hướng làm việc theo những cách thức và đường hướng nhất định của mình với công việc mà Ngài muốn thấy hoàn thành.

64. DK focusses on an occult law which prevents the Master from swaying a disciple's mind. The Master may not use His will to enforce a disciple's compliance with His thoughts, wishes, hopes and aspirations. The Master may not become an enforcing, directing agency in the lives of His disciples. The members of the Black Lodge are limited by no such constraints; they do not respect anyone's free will. Should the Master impose His will upon His disciples, He could surely overcome them, but in the last analysis, the disciples would not evolve and, at length, would revolt from the imposition. Nothing of lasting value would be accomplished and they would be weakened instead of strengthened towards an eventual Mastership.

64. Chân sư DK tập trung vào một định luật huyền bí ngăn Chân sư thao túng thể trí của một đệ tử. Chân sư không được sử dụng ý chí của mình để buộc một đệ tử tuân theo những tư tưởng, nguyện ước, hy vọng và khát vọng của Ngài. Chân sư không được trở thành một tác nhân cưỡng ép, chỉ đạo trong đời sống các đệ tử của Ngài. Các thành viên của Hắc đoàn không chịu những ràng buộc như vậy; họ không tôn trọng ý chí tự do của bất kỳ ai. Nếu Chân sư áp đặt ý chí của Ngài lên các đệ tử, chắc chắn Ngài có thể khuất phục họ, nhưng xét đến cùng, các đệ tử sẽ không tiến hoá và về lâu dài sẽ nổi loạn chống lại sự áp đặt ấy. Sẽ không hoàn thành được điều gì có giá trị lâu bền, và họ sẽ suy yếu thay vì được củng cố để cuối cùng đạt quả vị Chân sư.

65. What the Master *can* do is to impress their minds (without imposing His will); He may express strongly that which He *feels* should be done. But according to the Sirian Law of Freedom, the disciple must be left free to decide the final issue.

65. Điều Chân sư *có thể* làm là ghi ấn lên thể trí họ (mà không áp đặt ý chí của Ngài); Ngài có thể bày tỏ mạnh mẽ điều Ngài *cảm thấy* nên làm. Nhưng theo Định luật Tự Do của Sao Thiên Lang, người đệ tử phải được tự do quyết định vấn đề cuối cùng.

66. Master DK compares the Master with His disciples; they *both* share a certain "similarity of ideas", however fallible may be the disciples' vision and however flawed may be their expression of those ideas. The passage of time will help them see the Master's vision with increasing clarity and will develop their skill-in-action so that they may contribute usefully to the manifestation of the Master's ideas. At first,

66. Chân sư DK so sánh Chân sư với các đệ tử của Ngài; *cả hai* đều có một mức độ "tương đồng về ý tưởng", dù tầm nhìn của các đệ tử có thể sai lệch đến đâu và cách họ biểu đạt những ý tưởng ấy có thể khiếm khuyết đến mức nào. Thời gian trôi qua sẽ giúp họ nhìn thấy tầm nhìn của Chân sư ngày càng rõ ràng hơn và phát triển sự khéo léo trong hành động, để họ có thể đóng góp hữu ích vào sự biểu hiện các ý tưởng của Chân sư.

as the Master scans the world for potential members of His Ashram, it is simply similarity in quality of thought which is sought.

Ban đầu, khi Chân sư dò xét thế gian để tìm những thành viên tiềm năng cho ashram của Ngài, điều Ngài tìm kiếm đơn giản là sự tương đồng về phẩm tính tư tưởng.

67. A disciple who has the potential truly to be a member of a Master's Ashram, shares with that particular Master certain "innate convictions". Starting with the foundation of those shared convictions, the disciple's task is to discover "points of contact" and "analogous idealisms"; then follows the submergence of the disciple's life in the work of the Ashram, to the extent that the disciple may recognize that work.

67. Một đệ tử có tiềm năng thực sự trở thành thành viên trong ashram của một Chân sư chia sẻ với chính Chân sư ấy những "xác tín vốn có". Khởi đầu từ nền tảng những xác tín chung ấy, nhiệm vụ của người đệ tử là khám phá "những điểm tiếp xúc" và "những tinh thần lý tưởng tương đồng"; tiếp đó là sự hòa nhập đời sống của người đệ tử vào công việc của ashram, trong chừng mực người đệ tử có thể nhận biết công việc ấy.

68. Thus, *similarity of quality* is the basis of future cooperation. Once that similarity is recognized, the disciple is responsible for many adjustments and modifications in individual thought and behavior. The prognosis, however, will generally be good (over time) because the energetic basis for affiliation and cooperation is harmonious and sound.

68. Như vậy, *sự tương đồng về phẩm tính* là nền tảng của sự hợp tác trong tương lai. Một khi nhận ra sự tương đồng ấy, người đệ tử có trách nhiệm thực hiện nhiều điều chỉnh và thay đổi trong tư tưởng và hành vi cá nhân. Tuy nhiên, triển vọng nhìn chung sẽ tốt đẹp (theo thời gian), vì nền tảng năng lượng cho sự liên kết và hợp tác là hài hòa và vững chắc.

69. Another important definition or description of the Master emerges: He is "an initiating and distributing centre of power". The Master represents the monadic aspect to His Ashram. He is responsible to Shamballa for various *initiatives* on behalf of the Divine Plan. As well, He is the distributor of hierarchical, and to a degree, Shamballic energies and forces.

69. Một định nghĩa hay mô tả quan trọng khác về Chân sư xuất hiện: Ngài là "một trung tâm khởi xướng và phân phối quyền năng". Đối với ashram của mình, Chân sư đại diện cho phương diện chân thần. Ngài chịu trách nhiệm trước Shamballa về những *sáng kiến* khác nhau nhằm phụng sự Thiên Cơ. Đồng thời, Ngài là đấng phân phối các năng lượng và mãnh lực của Thánh đoàn và, ở một mức độ nào đó, của Shamballa.

70. We can see why the symbol of the circle with a central dot is so apt for the Master in relation to His sphere of directed influence—the Ashram.

70. Chúng ta có thể thấy vì sao biểu tượng vòng tròn có một chấm ở trung tâm lại thích hợp đến thế với Chân sư trong mối quan hệ với khối cầu chịu ảnh hưởng có định hướng của Ngài—ashram.

Every Ashram or inner group is essentially a reservoir of thought and that reservoir has for its spring or source, the ideas, dreams, vision and aspiration of the Master. This is impulsed by His monadic potency, influenced by the One Who is His Master and developed and fed by His experience, unfolded as His wisdom grew and His capacity to further the hierarchical Plan had been dedicated, used and increased. Then it becomes a clear pool of thought, augmented and fed from the spring of many lives, from the pure vision and consecrated dreams of many disciples.

Về bản chất, mỗi ashram hay nhóm bên trong là một kho dự trữ tư tưởng, và kho dự trữ ấy có mạch nguồn là những ý tưởng, ước mơ, tầm nhìn và khát vọng của Chân sư. Kho dự trữ này nhận xung lực từ uy lực chân thần của Ngài, chịu ảnh hưởng của Đấng là Chân sư của Ngài, được kinh nghiệm của Ngài phát triển và nuôi dưỡng, được khai mở khi minh triết của Ngài tăng trưởng và khi năng lực thúc đẩy Thiên Cơ của Thánh đoàn nơi Ngài đã được hiến dâng, sử dụng và gia tăng. Rồi nó trở thành một hồ tư tưởng trong trẻo, được bồi đắp và nuôi dưỡng từ mạch nguồn của nhiều kiếp sống, từ tầm nhìn thuần khiết và những ước mơ thánh hiến của nhiều đệ tử.

71. DK emphasizes the Ashram as a "reservoir of thought". He uses the analogy a "spring" which feeds the reservoir. The Master's ideas, dreams, vision and aspiration are the spring.

71. Chân sư DK nhấn mạnh rằng ashram là một "kho dự trữ tư tưởng". Ngài dùng hình ảnh tương đồng về một "mạch nguồn" nuôi dưỡng kho dự trữ ấy. Những ý tưởng, ước mơ, tầm nhìn và khát vọng của Chân sư chính là mạch nguồn đó.

72. We note that a Master, too, has dreams, visions and aspirations; therefore, these three factors do not pertain only to the astral plane and its energies, for the Master works from a vibratory level far 'above' the astral level.

72. Chúng ta lưu ý rằng một Chân sư cũng có những ước mơ, tầm nhìn và khát vọng; do đó, ba yếu tố này không chỉ thuộc về cõi cảm dục và các năng lượng của cõi ấy, vì Chân sư làm việc từ một cấp độ rung động 'cao hơn' rất nhiều so với cấp độ cảm dục.

73. The Ashram is, more specifically, impulsed by the "monadic potency" of its Master. The Ashram is 'will-driven' and its processes are part of the enactment of Divine Purpose as it is empowered by Divine Will—the Purpose and Will of the Planetary Logos.

73. Cụ thể hơn, ashram nhận xung lực từ "uy lực chân thần" của Chân sư mình. Ashram 'do ý chí thúc đẩy', và các tiến trình của nó là một phần của việc thực thi Thiên Ý, được Ý Chí thiêng liêng tiếp sức—Thiên Ý và Ý Chí của Hành Tinh Thượng đế.

74. Master KH is and has been the Master of Master DK. Thus the work of Master DK's Ashram is "influenced" by Master KH and, really, is somehow 'included' within Master

74. Chân sư KH hiện là và từ lâu đã là Chân sư của Chân sư DK. Vì vậy, công việc của ashram của Chân sư DK chịu "ảnh hưởng" của Chân sư KH và, thực ra, theo một cách

KH's still greater Ashram.

nào đó, được 'bao hàm' trong ashram còn rộng lớn hơn của Chân sư KH.

75. From a more general point of view, the Ashram of *any* Master will be influenced by the One Who is to Him a Master.

75. Theo một góc nhìn tổng quát hơn, ashram của *bất kỳ* Chân sư nào cũng sẽ chịu ảnh hưởng của Đấng là Chân sư của Ngài.

76. Depending upon how we read the possibly ambiguous sentence containing the reference to the Master's Master, we may find 1) that it refers to the unfolding wisdom and increasing capacities of the greater Master, or that 2) it simply refers to the lesser Master. My impression is that the sentence in question refers to the growth of the Master Whose Ashram is under discussion and that the reference to the Master's Master is merely a part of the picture.

76. Tùy theo cách chúng ta đọc câu có thể mang nghĩa mơ hồ, trong đó nhắc đến Chân sư của một Chân sư, chúng ta có thể thấy rằng 1) câu ấy nói đến minh triết đang khai mở và những năng lực ngày càng gia tăng của vị Chân sư cao hơn, hoặc 2) câu ấy chỉ nói đến vị Chân sư thấp hơn. Theo cảm nhận của tôi, câu đang xét nói đến sự tăng trưởng của vị Chân sư có ashram đang được bàn đến, còn việc nhắc đến Chân sư của Ngài chỉ là một phần của bức tranh.

77. The monadic ray of a disciple may be different from the monadic of the Master of his Ashram, at least as concerns the disciple's *initial* ashramic experience. After the second degree, however, the disciple may transfer into the Ashram of a Master whose ray is the same of his monadic ray (LOM 267). It is not stated, however, whether, in this instance, the *monadic* ray of the Master will be the same as the disciple's monadic ray. The idea conveyed is that (in the new Ashram entered after the second degree) the ray of the Master inspiring the Ashram to which the disciple has transferred (whether the Master's soul or monadic ray) will be the *same* as the disciple's monadic ray. In cases where the disciple's soul and monadic ray are the same as the soul and monadic ray of his Master, it could be said that he truly 'belongs' to that Master.

77. Cung chân thần của một đệ tử có thể khác với cung chân thần của Chân sư đứng đầu ashram mà người đệ tử ấy thuộc về, ít nhất là xét đến trải nghiệm ashram của người đệ tử ấy trong giai đoạn *ban đầu* này. Tuy nhiên, sau cấp điểm đạo thứ hai, người đệ tử có thể chuyển sang ashram của một Chân sư có cung trùng với cung chân thần của mình (LOM 267). Tuy nhiên, không có lời xác định rằng, trong trường hợp này, cung *chân thần* của Chân sư có trùng với cung chân thần của người đệ tử hay không. Ý tưởng được truyền đạt là (trong ashram mới mà người đệ tử gia nhập sau cấp điểm đạo thứ hai) cung của Chân sư truyền cảm hứng cho ashram mà người đệ tử đã chuyển đến (dù đó là cung linh hồn hay cung chân thần của Chân sư) sẽ *trùng* với cung chân thần của người đệ tử. Trong những trường hợp mà cung linh hồn và cung chân thần của người đệ tử trùng với cung linh hồn và cung chân thần của Chân sư mình, có thể nói rằng người đệ tử ấy thực sự 'thuộc về' vị Chân sư

ấy.

78. The ashramic "reservoir of thought" must be a "clear pool of thought" fed from the spring of many of the Master's lives, and fed also from the "pure vision and consecrated dreams of many disciples". Since only *soul experiences* can truly contribute to an Ashram, we must conclude that "pure vision" and "consecrated dreams" are of the soul.

78. Trong ashram, "bể chứa tư tưởng" phải là một "hồ tư tưởng trong vắt" nhận nguồn nuôi dưỡng từ nhiều kiếp sống của Chân sư, đồng thời cũng nhận nguồn nuôi dưỡng từ "tầm nhìn thuần khiết và những giấc mơ thánh hiến của nhiều đệ tử". Vì chỉ những *trải nghiệm linh hồn* mới có thể thực sự đóng góp cho một ashram, chúng ta phải kết luận rằng "tầm nhìn thuần khiết" và "những giấc mơ thánh hiến" đều thuộc về linh hồn.

79. It may be pondered with profit: "what is the thought content of a Master's Ashram"? Do we have the experience of tapping into that reservoir of pure thought? If so, how is it different from reading the books written by the Tibetan? The question can, of course, be applied to gauging the thought content of other Ashrams.

79. Suy ngẫm câu hỏi sau có thể mang lại lợi ích: "nội dung tư tưởng trong ashram của một Chân sư là gì"? Chúng ta có trải nghiệm tiếp cận bể chứa tư tưởng thuần khiết ấy không? Nếu có, trải nghiệm ấy khác với việc đọc những cuốn sách do Chân sư Tây Tạng viết như thế nào? Dĩ nhiên, cũng có thể dùng câu hỏi này để đánh giá nội dung tư tưởng của các ashram khác.

To this reservoir of pure thought, every pledged disciple is asked to make his contribution and, if he can do so, it will enable the Ashram to meet the need and help every aspirant to pass off the Probationary Path on to the Path of Accepted Discipleship. Every centre or focus of power has a definite sphere of influence and a true, active Ashram is a positive force within the centre which we call humanity.

Mỗi đệ tử đã cam kết đều được yêu cầu đóng góp vào bể chứa tư tưởng thuần khiết này; và nếu người đệ tử có thể làm được điều ấy, ashram sẽ có khả năng đáp ứng nhu cầu và giúp mọi người chí nguyện rời Con Đường Dự Bị để bước sang Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận. Mỗi trung tâm hay tiêu điểm quyền năng đều có một phạm vi ảnh hưởng xác định, và một ashram chân chính, hoạt động tích cực là một mãnh lực tích cực bên trong trung tâm mà chúng ta gọi là nhân loại.

80. If we are "pledged disciples" we are asked to make our contribution to the ashramic reservoir of pure thought. It is obvious that, if we are to do so, our thoughts, at the very least, must be *pure.*

80. Nếu chúng ta là "những đệ tử đã cam kết", chúng ta được yêu cầu đóng góp vào bể chứa tư tưởng thuần khiết của ashram. Rõ ràng, muốn làm được điều ấy, ít nhất tư tưởng của chúng ta phải *thuần khiết.*

81. The purpose of our contribution is to

81. Mục đích đóng góp của chúng ta là hỗ trợ

assist the Ashram help aspirants off the Probationary Path and onto the Path of Accepted Discipleship. When we examine the content of this sentence we find the Probationary Path (trodden by aspirants and probationary disciples) preceding the Path of Accepted Discipleship.

ashram giúp những người chí nguyện rời Con Đường Dự Bị để bước sang Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận. Khi xem xét nội dung câu này, chúng ta thấy Con Đường Dự Bị (mà những người chí nguyện và đệ tử dự bị bước đi) có trước Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận.

82. In the book *Initiation: Human and Solar,* the chapter on "The Probationary Path" precedes the chapter on "The Path of Discipleship". We may conclude that the discussion on the Path of Discipleship refers primarily to those who are *pledged disciples* and *accepted disciples.* The information on "The Probationary Path" would then refer to those who are aspirants and probationary disciples.

82. Trong cuốn sách *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương,* chương về "Con Đường Dự Bị" đứng trước chương về "Con Đường Đệ Tử". Chúng ta có thể kết luận rằng phần bàn luận về Con Đường Đệ Tử chủ yếu nói đến những người là *đệ tử đã cam kết* và *đệ tử được chấp nhận.* Như vậy, thông tin về "Con Đường Dự Bị" sẽ nói đến những người chí nguyện và đệ tử dự bị.

83. DK speaks of the "sphere of influence" of an Ashram. An important statement is made: "a true, active Ashram is a positive force within the centre which we call humanity". It would repay our consideration to ponder on the various Ashrams with which we may be somewhat familiar, and determine the ways in which these Ashrams may be considered *positive forces* within humanity.

83. Chân sư DK nói đến "phạm vi ảnh hưởng" của một ashram. Ngài đưa ra một phát biểu quan trọng: "một ashram chân chính, hoạt động tích cực là một mãnh lực tích cực bên trong trung tâm mà chúng ta gọi là nhân loại". Sẽ rất đáng để chúng ta suy ngẫm về các ashram mà mình ít nhiều biết đến, và xác định những phương diện mà theo đó có thể xem các ashram này là *những mãnh lực tích cực* trong nhân loại.

The disciple now naturally and rightly questions how thought power and spiritual instinct are related, how they can work constructively and how their interdependence demonstrates. I wonder how I can make the idea clear to you? Let me first call your attention to the fact that it is instinct which leads a disciple to respond to a Master's call or note, to His vibration and to His group. Instinct, in its early stages, is the name given to the response of the material mechanism to its environing material world—the three worlds of human

Lúc này, một cách tự nhiên và đúng đắn, người đệ tử đặt câu hỏi: quyền năng tư tưởng và bản năng tinh thần liên hệ với nhau như thế nào, chúng có thể hoạt động mang tính xây dựng ra sao, và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng biểu lộ như thế nào. Tôi tự hỏi làm sao có thể làm sáng tỏ ý tưởng này cho các bạn? Trước hết, Tôi xin lưu ý các bạn rằng chính bản năng dẫn dắt một đệ tử đáp ứng tiếng gọi hay âm điệu của một Chân sư, đáp ứng rung động và nhóm của Ngài. Trong những giai đoạn đầu, bản năng là tên gọi dành cho sự đáp ứng của bộ máy vật chất đối

evolution. Later, upon the evolutionary ladder, the mind appears as an interpreting agency and the nature of the mechanism and of the environment is slowly understood. The relationships become clarified. Spiritual instinct is the capacity of the soul to register contact with the Hierarchy of which the soul is inherently a part, just as in the body a man's mechanical, instinctual responses, reactions and reflexes are an integral part of the material mechanism. In the case of the spiritual instincts, [698] it is the intuition which interprets and illumines the mind. The power of thought as employed in the work of the Ashram is dependent upon the power of the disciple to focus and raise the conscious mind, to contact the soul and evoke the intuition. When that has been successfully done, then comes the unison of the three factors: mental illumination, soul impulse and intuitive perception. This triple combination will produce that type of thought which will be effective in activity, productive of the Plan, conducive to selflessness and motivated by love.

với thế giới vật chất bao quanh nó—ba cõi giới của tiến hoá nhân loại. Về sau, trên thang tiến hoá, thể trí xuất hiện như một tác nhân diễn giải, và bản chất của bộ máy cùng môi trường dần dần được thấu hiểu. Các mối quan hệ trở nên sáng tỏ. Bản năng tinh thần là năng lực của linh hồn ghi nhận sự tiếp xúc với Thánh đoàn, mà linh hồn vốn là một phần trong đó, cũng như trong thân thể, những đáp ứng, phản ứng và phản xạ máy móc, mang tính bản năng của con người là một phần không thể tách rời của bộ máy vật chất. Đối với các bản năng tinh thần, [698] chính trực giác diễn giải và soi sáng thể trí. Quyền năng tư tưởng được sử dụng trong công việc của ashram phụ thuộc vào năng lực của người đệ tử tập trung và nâng thể trí hữu thức lên, tiếp xúc với linh hồn và khơi dậy trực giác. Khi đã thực hiện thành công điều ấy, sự đồng thanh của ba yếu tố sẽ xuất hiện: sự soi sáng trí tuệ, xung lực linh hồn và tri giác trực giác. Sự kết hợp tam phân này sẽ tạo ra loại tư tưởng có hiệu quả trong hoạt động, giúp thực hiện Thiên Cơ, dẫn đến tính vô ngã và lấy tình thương làm động lực.

84. The Tibetan discusses the relationship between thought power and spiritual instinct.

84. Chân sư Tây Tạng bàn về mối quan hệ giữa quyền năng tư tưởng và bản năng tinh thần.

85. We remember that an initiate of the first planetary degree must demonstrate spiritual instinct:

85. Chúng ta nhớ rằng một điểm đạo đồ ở cấp điểm đạo hành tinh thứ nhất phải biểu lộ bản năng tinh thần:

"Spiritual instinct, the lowest aspect of the intuition, indicates readiness for the first initiation; an illumined mind and spiritual intelligence are the definite sign that a man can take the second initiation, whilst spiritual perception or intuitive instinct signifies preparedness for the Transfiguration, the third initiation." (*DINA*

"Bản năng tinh thần, phương diện thấp nhất của trực giác, cho thấy sự sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ nhất; một thể trí được soi sáng và trí thông minh tinh thần là dấu hiệu rõ rệt cho thấy một người có thể trải qua lần điểm đạo thứ hai, trong khi tri giác tinh thần hay bản năng trực giác biểu thị sự chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc Biến hình, lần điểm đạo

II 267)

We read here that "spiritual instinct is the lowest aspect of the intuition". Thought power and the intuition are to be related.

86. Perhaps we had not realized that it is "instinct" by means of which we respond to the Master's call, to His note, to His vibration or group. There is something *inherent* within us which answers to the vibration which goes forth from the Master. This is similar to, but not the same as, the unconscious instinct which directs the form nature towards gratification[17]. Rather, *it is the spiritual instinct of the incarnated soul.*

87. We find that instinct (at whatever level it may operate) is a *directing and relating agency*.

88. Spiritual instinct is further defined: "Spiritual instinct is the capacity of the soul to register contact with the Hierarchy of which the soul is inherently a part... In the case of the spiritual instincts, it is the intuition which interprets and illumines the mind." Instinct is the response of like to like; the incarnated soul answers to its source on higher planes. Just as the mind has interpreted and clarified the nature of the lower instincts, so, when spiritual instinct is operative, the intuition interprets the mind. Thus, is illusion dispelled!

89. Thought which is to be used in relation to the Ashram is of a special kind. This type of thought depends upon the power of the

thứ ba." (*DINA II* 267)

Ở đây, chúng ta đọc thấy rằng "bản năng tinh thần là phương diện thấp nhất của trực giác". Cần thiết lập mối liên hệ giữa quyền năng tư tưởng và trực giác.

86. Có lẽ chúng ta chưa nhận ra rằng chính nhờ "bản năng" mà chúng ta đáp ứng tiếng gọi của Chân sư, đáp ứng âm điệu, rung động hay nhóm của Ngài. Có điều gì đó *vốn sẵn có* trong chúng ta đáp lại rung động phát ra từ Chân sư. Điều này tương tự, nhưng không đồng nhất với bản năng vô thức hướng bản chất hình tướng đến sự thoả mãn[18]. Đúng hơn, *đó là bản năng tinh thần của linh hồn đã nhập thể.*

87. Chúng ta thấy rằng bản năng (dù hoạt động ở cấp độ nào) cũng là một *tác nhân định hướng và liên kết*.

88. Bản năng tinh thần được định nghĩa thêm: "Bản năng tinh thần là năng lực của linh hồn ghi nhận sự tiếp xúc với Thánh đoàn, mà linh hồn vốn là một phần trong đó... Đối với các bản năng tinh thần, chính trực giác diễn giải và soi sáng thể trí." Bản năng là sự đáp ứng giữa những gì đồng loại; linh hồn đã nhập thể đáp lại cội nguồn của mình trên các cõi cao. Cũng như thể trí đã diễn giải và làm sáng tỏ bản chất của các bản năng thấp, khi bản năng tinh thần hoạt động, trực giác diễn giải thể trí. Nhờ vậy, ảo tưởng bị xua tan!

89. Tư tưởng dùng trong mối liên hệ với ashram thuộc một loại đặc biệt. Loại tư tưởng này phụ thuộc vào năng lực của người

17 (sự) hài lòng; (sự) vừa long; sự ban thưởng

18 (sự) hài lòng; (sự) vừa long; sự ban thưởng

disciple to raise the conscious mind to contact with the soul, which act evokes the intuition. In short, the thought demonstrated in an Ashram is not only logical, reasonable thought; it is *illumined* thought—thought illumined by the *intuition*.

đệ tử nâng thể trí hữu thức lên tiếp xúc với linh hồn; hành động ấy khơi dậy trực giác. Tóm lại, tư tưởng biểu lộ trong một ashram không chỉ là tư tưởng hợp lôgic, hợp lý; đó là tư tưởng *được soi sáng*—tư tưởng được *trực giác* soi sáng.

90. A union of three factors is required of those who would think in a way that is useful to the Ashram and contributes to the Ashram: mental illumination, soul impulse and intuitive perception. Thus "Three Minds Unite".

90. Những ai muốn tư duy theo cách hữu ích cho ashram và đóng góp cho ashram cần có sự hợp nhất của ba yếu tố: sự soi sáng trí tuệ, xung lực linh hồn và tri giác trực giác. Như vậy, "ba trí hợp nhất".

91. We note the use of an unusual word, "unison" rather than merely "unity". There is to be a "unison" (a sounding as of *one note*) between mental illumination, soul impulse and intuitive perception. This requires, of course, the relative completion of the antahkarana, 'reaching' at least 'as far as' the buddhic plane (the plane from which the intuition can be accessed).

91. Chúng ta lưu ý việc sử dụng một từ khác thường, "đồng thanh" thay vì chỉ là "hợp nhất". Cần có sự "đồng thanh" (cùng xướng như *một âm điệu duy nhất*) giữa sự soi sáng trí tuệ, xung lực linh hồn và tri giác trực giác. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi antahkarana phải tương đối hoàn thiện, 'vươn tới' ít nhất 'tận' cõi Bồ đề (cõi từ đó có thể tiếp cận trực giác).

92. Ashramic thought, then, is characterised by this 'triple unison'; ashramic thought is "thought which will be effective in activity, productive of the Plan, conducive to selflessness and motivated by love. " A number of divine aspects are united in ashramic thought—activity, love and the selflessness of will, all these leading to the manifestation of that portion of the Divine Plan intended by the Master, as He is inspired by still higher Chohans and Shamballic Lives.

92. Vậy, tư tưởng ashram có đặc trưng là sự 'đồng thanh tam phân' này; tư tưởng ashram là "tư tưởng có hiệu quả trong hoạt động, giúp thực hiện Thiên Cơ, dẫn đến tính vô ngã và lấy tình thương làm động lực. " Một số phương diện thiêng liêng hợp nhất trong tư tưởng ashram—hoạt động, tình thương và tính vô ngã của ý chí; tất cả đều dẫn đến sự biểu hiện của phần Thiên Cơ mà Chân sư dự định thực hiện, khi Ngài nhận cảm hứng từ các Đấng Chohan và các Sự Sống Shamballa còn cao hơn nữa.

93. If we are to contribute to the Ashram's reservoir of pure thought, it is in this manner that we must learn to think. The thoughts of a high-grade personality (unillumined by the soul) will be insufficient

93. Nếu muốn đóng góp vào bể chứa tư tưởng thuần khiết của ashram, chúng ta phải học tư duy theo cách này. Tư tưởng của một phàm ngã ở trình độ cao (chưa được linh hồn soi sáng) sẽ không đủ đáp ứng tiêu

to meet the ashramic standard.

According to the ability of the group, as a whole, to function under the impetus of the spiritual instinct will be the success of the Master to carry out His plans through the medium of the group. Under divine law, He may not work alone; He cannot work alone. He can inspire, teach, ask for cooperation and give guidance as to the needed work. Beyond that, no Master may go. In this world cycle, the work of the Hierarchy is conditioned by the disciples, and they can well understand, therefore, why the last fetter cast off by a Master is irritation! No initiate can form a true Ashram until all capacity to misunderstand, to express irritation and to criticise has vanished. The power of thought of a Master, if misused, could be a potent destructive force. He must be able to trust Himself before His Ashram can run on right lines and with safety.

94. The ability of the group to function under the impetus of *spiritual instinct* is one of the major requirements related to the success of the group. A Master will not succeed in carrying out His plans "through the medium of the group" unless the group is actuated by spiritual instinct. This means that the soul contact of the members of the group is real and assured.

95. It is of very real interest to read that a Master may not, and cannot, work alone because it would be against divine law to do so. We are in a solar system conditioned by the great Law of Attraction and the principle of Right Relationship must be fulfilled. Our

chuẩn của ashram.

Mức độ thành công của Chân sư trong việc thực hiện các kế hoạch của Ngài thông qua nhóm sẽ tuỳ thuộc vào khả năng của toàn nhóm hoạt động dưới sự thúc đẩy của bản năng tinh thần. Theo định luật thiêng liêng, Ngài không được phép làm việc một mình; Ngài không thể làm việc một mình. Ngài có thể truyền cảm hứng, giảng dạy, yêu cầu hợp tác và hướng dẫn về công việc cần làm. Không Chân sư nào được phép vượt quá giới hạn ấy. Trong chu kỳ thế giới này, công việc của Thánh đoàn chịu ảnh hưởng của các đệ tử; vì vậy, họ có thể hiểu rõ tại sao xiềng xích cuối cùng mà một Chân sư dứt bỏ lại là sự bực bội! Không điểm đạo đồ nào có thể thành lập một ashram chân chính cho đến khi mọi khả năng hiểu lầm, biểu lộ sự bực bội và chỉ trích đều tan biến. Quyền năng tư tưởng của một Chân sư, nếu sử dụng sai, có thể trở thành một mãnh lực huỷ diệt mạnh mẽ. Ngài phải có khả năng tin cậy chính mình thì ashram của Ngài mới có thể vận hành đúng hướng và an toàn.

94. Khả năng của nhóm hoạt động dưới sự thúc đẩy của *bản năng tinh thần* là một trong những yêu cầu chính liên quan đến sự thành công của nhóm. Một Chân sư sẽ không thành công trong việc thực hiện các kế hoạch của Ngài "thông qua nhóm", trừ khi bản năng tinh thần thúc đẩy nhóm hoạt động. Điều này có nghĩa là sự tiếp xúc với linh hồn của các thành viên trong nhóm phải có thực và vững chắc.

95. Thật đáng quan tâm khi đọc rằng một Chân sư không được phép và không thể làm việc một mình, vì làm như vậy sẽ trái với định luật thiêng liêng. Chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời chịu ảnh hưởng của Định luật Hấp Dẫn vĩ đại, và nguyên khí

second ray planet is also strongly conditioned by this cosmic law.

Quan Hệ Đúng Đắn phải được thực hiện trọn vẹn. Hành tinh cung hai của chúng ta cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của định luật vũ trụ này.

96. Thus far, we see that a Master is not allowed to work alone and that He may not coerce[19] those with whom He works. The Master inspires, teaches, guides and *requests* cooperation, but may not apply His will to enforce it.

96. Đến đây, chúng ta thấy rằng một Chân sư không được phép làm việc một mình và Ngài không được phép cưỡng ép[20] những người cùng làm việc với Ngài. Chân sư truyền cảm hứng, giảng dạy, hướng dẫn và *đề nghị* hợp tác, nhưng không được phép dùng ý chí của Ngài để cưỡng bách sự hợp tác ấy.

97. We, as disciples, must come to realize just how much we can assist or retard the plans of the Hierarchy. It is arresting to read that "in this world cycle the work of the Hierarchy is conditioned by the disciples..." Finally, so it seems, humanity has reached its 'Age of Responsibility'; it is no longer an *infant* humanity, and must, consequently, make those choices and self-determinations which will lead to progress or failure.

97. Là đệ tử, chúng ta phải nhận ra mình có thể hỗ trợ hay làm chậm các kế hoạch của Thánh đoàn đến mức nào. Thật đáng chú ý khi đọc rằng "trong chu kỳ thế giới này, công việc của Thánh đoàn chịu ảnh hưởng của các đệ tử..." Dường như cuối cùng nhân loại đã bước vào 'Thời Đại Trách Nhiệm' của mình; nhân loại không còn ở thời kỳ *ấu thơ* nữa, và do đó phải đưa ra những lựa chọn cùng quyết định tự chủ sẽ dẫn đến tiến bộ hoặc thất bại.

98. The Master speaks, almost humorously, of the need to be rid of "irritation". He is not talking about disciples. Disciples have often been told they must cast off irritation. He is speaking of *Himself*, and of the other Masters Who inspire and guide Ashrams.

98. Với giọng gần như hài hước, Chân sư nói về sự cần thiết phải loại bỏ "sự bực bội". Ngài không nói về các đệ tử. Các đệ tử thường được nhắc rằng họ phải dứt bỏ sự bực bội. Ngài đang nói về *chính Ngài* và các Chân sư khác, những Đấng truyền cảm hứng và hướng dẫn các ashram.

99. Masters are forced to work with and through Their disciples, who are, relatively, inert to say the least. Disciples do so many things which are simply at variance with the Master's intentions and with the welfare of the Ashram, that one would think

99. Các Chân sư buộc phải làm việc cùng và thông qua các đệ tử của Các Ngài, những người mà nói một cách nhẹ nhàng nhất thì cũng tương đối trì trệ. Các đệ tử làm quá nhiều điều hoàn toàn trái với những ý định của Chân sư và với lợi ích của ashram, đến

19 buộc; ép; ép buộc

20 buộc; ép; ép buộc

frustration a justifiable response from the Master.

100. However frustrated a Master may 'feel', He is not allowed to express that frustration through irritation and criticism. No initiate can organize a "true Ashram" if He is still conditioned by the power to misunderstand (for to understand all is to forgive all—we have been told). Similarly, the Master must have transcended all tendency toward irritation or criticism. Should He not have done so, and could He have organized an Ashram, its members would be "short lived", for a Master's thought is extremely potent, and if misused would become, as DK tells us, "a potent destructive force".

101. What, really, is "irritation"? It is, I think we will recognize, a Martian and not a Venusian state. It is an identification with thwarted desire and a constrained wish to be rid of that which has thwarted the desire. Let us suppose that the source of irritation is another human being, and not circumstantial. During the moment that irritation prevails, the soul of the irritating person, is not seen—only the action or behavior which has caused the irritation is experienced. Thus, consciousness is denied an understanding of the source of the offending behavior and of the critical path by following which the offending behavior can be negated or eliminated. Thus irritation is both blinding and destructive, and works badly also on the individual who entertains it.

102. Irritation is born of the urgency for accomplishment. It arises when the urge to accomplish is much greater than the

mức người ta có thể cho rằng sự thất vọng là một phản ứng chính đáng của Chân sư.

100. Dù một Chân sư có 'cảm thấy' thất vọng đến đâu, Ngài cũng không được phép biểu lộ sự thất vọng ấy qua sự bực bội và chỉ trích. Không điểm đạo đồ nào có thể tổ chức một "ashram chân chính" nếu Ngài vẫn còn chịu ảnh hưởng của khả năng hiểu lầm (vì chúng ta đã được dạy rằng thấu hiểu tất cả là tha thứ tất cả). Tương tự, Chân sư phải vượt qua mọi khuynh hướng bực bội hay chỉ trích. Nếu Ngài chưa làm được điều ấy mà vẫn có thể tổ chức một ashram, thì các thành viên trong đó sẽ "đoản thọ", vì tư tưởng của một Chân sư có sức mạnh vô cùng lớn, và nếu sử dụng sai, như Chân sư DK cho chúng ta biết, nó sẽ trở thành "một mãnh lực huỷ diệt mạnh mẽ".

101. Thực ra, "sự bực bội" là gì? Tôi nghĩ chúng ta sẽ nhận ra rằng đó là một trạng thái thuộc Sao Hỏa, chứ không thuộc Sao Kim. Đó là sự đồng hoá với dục vọng bị cản trở và một mong muốn bị dồn nén nhằm loại bỏ điều đã cản trở dục vọng ấy. Chúng ta hãy giả sử rằng nguồn gây bực bội là một người khác, chứ không phải hoàn cảnh. Trong khoảnh khắc sự bực bội chiếm ưu thế, người ta không nhìn thấy linh hồn của người gây bực bội—chỉ trải nghiệm hành động hay cách cư xử đã gây ra sự bực bội ấy. Do đó, tâm thức không thể thấu hiểu nguồn gốc của cách cư xử gây khó chịu, cũng như con đường then chốt mà nếu đi theo, người ta có thể hoá giải hoặc loại bỏ cách cư xử ấy. Vì vậy, sự bực bội vừa làm mù quáng vừa mang tính huỷ diệt, đồng thời cũng tác động xấu đến người nuôi dưỡng nó.

102. Sự bực bội nảy sinh từ sự thôi thúc cấp bách muốn hoàn thành công việc. Nó xuất hiện khi sự thôi thúc muốn hoàn thành công

understanding of why accomplishment is not immediately occurring. When this thwarted urgency can be transformed into understanding (and correct action taken in the light of this understanding), irritation will vanish. In the Agni Yoga Teaching we are told that irritation or "imperil" is to be worn away through "cosmic perception".

việc lớn hơn rất nhiều so với sự thấu hiểu lý do tại sao công việc chưa hoàn thành ngay. Khi sự thôi thúc cấp bách bị cản trở này có thể chuyển đổi thành sự thấu hiểu (và hành động đúng đắn được thực hiện dưới ánh sáng của sự thấu hiểu ấy), sự bực bội sẽ tan biến. Trong Giáo Huấn Agni Yoga, chúng ta được dạy rằng sự bực bội hay "độc tố do bực bội" cần được bào mòn dần qua "tri giác vũ trụ".

103. On our own much lower level of perception than that experienced by the Masters, we have all probably had experiences with the misuse of thought and speech *by others*, and, more importantly, *by ourselves.* When we ponder the damage we may have done, we can only imagine what would be the result if a Master could not control Himself!.

103. Ở cấp độ tri giác của chúng ta, thấp hơn rất nhiều so với cấp độ mà các Chân sư trải nghiệm, có lẽ tất cả chúng ta đều từng trải nghiệm việc sử dụng sai tư tưởng và lời nói *của người khác*, và quan trọng hơn, *của chính mình.* Khi suy ngẫm về những tổn hại mình có thể đã gây ra, chúng ta chỉ có thể tưởng tượng hậu quả sẽ ra sao nếu một Chân sư không thể tự chủ!.

104. Of course, He could hardly become a Master unless compassion and self-control had established themselves immovably in His consciousness.

104. Dĩ nhiên, Ngài khó có thể trở thành một Chân sư nếu lòng từ bi và khả năng tự chủ chưa an trụ một cách bất lay chuyển trong tâm thức Ngài.

105. DK says a Master "must be able to trust Himself before His Ashram can run on right lines and with safety. " His long-training, through many lives of suffering, realization and service, builds this self-trust. I think we can see how far we all have to go before we are capable, spontaneously, of similar feats of understanding and self-control.

105. Chân sư DK nói rằng một Chân sư "phải có khả năng tin cậy chính mình thì ashram của Ngài mới có thể vận hành đúng hướng và an toàn. "Quá trình rèn luyện lâu dài của Ngài, qua nhiều kiếp sống đau khổ, chứng nghiệm và phụng sự, xây dựng nên lòng tin cậy bản thân ấy. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy tất cả chúng ta còn phải tiến xa đến đâu mới có thể tự nhiên đạt được những thành tựu tương tự về sự thấu hiểu và khả năng tự chủ.

106. Still, it is always useful to emulate the Masters. As They are now, so we shall be—sooner or later. Every effort we make to love, understand and, overall, live harmlessly, takes us towards the condition which They

106. Tuy vậy, noi gương các Chân sư luôn là điều hữu ích. Sớm hay muộn, chúng ta cũng sẽ trở nên như Các Ngài hiện nay. Mỗi nỗ lực yêu thương, thấu hiểu và, trên hết, sống vô tổn hại đều đưa chúng ta đến gần trạng thái

have already achieved.

In this work of assembling the necessary thought power for constructive work, the etheric web is definitely involved. It leads then to a reorganisation of the web. Academic explanations do not help the student to understand this. When the mind (the instrument of thought) is the vehicle of **soul life, soul light and soul love**, and the etheric web is responsive to the inflow of energy from the mind, then **the reorganisation of the individual etheric web takes place.** The individual etheric body is only a part, an aspect, of the etheric web of humanity; the steady reorganisation of the many parts leads to a transformation of the whole, when enough time has elapsed.

107. We are familiar with the idea that the mind and etheric body are related. The mental/etheric signs are Gemini and Aquarius, and people born in or under those signs will understand much about this relation.

108. The power of thought rightly used will lead to a reorganization of the etheric web. It is interesting to read that "academic explanations" will not help us to understand this process. Apparently, it has to be *lived.*

109. ***The mind must be in a certain effective condition before it can be useful*** in bringing about the reorganization of the individual (and, later, planetary) etheric web. The mind must be soul-illumined and inspired, and the etheric body responsive to the inflowing energies of the mind. Then the reorganization of the etheric body will proceed.

mà Các Ngài đã đạt được.

Trong công việc tập hợp quyền năng tư tưởng cần thiết cho hoạt động xây dựng này, mạng lưới dĩ thái chắc chắn có liên quan. Khi ấy, công việc này dẫn đến sự tái tổ chức mạng lưới. Những lời giải thích mang tính học thuật không giúp đạo sinh thấu hiểu điều này. Khi thể trí (công cụ của tư tưởng) là hiện thể của **sự sống linh hồn, ánh sáng linh hồn và tình thương linh hồn**, và mạng lưới dĩ thái đáp ứng dòng năng lượng tuôn vào từ thể trí, thì **sự tái tổ chức mạng lưới dĩ thái cá nhân diễn ra.** Thể dĩ thái cá nhân chỉ là một phần, một phương diện, của mạng lưới dĩ thái nhân loại; khi đủ thời gian đã trôi qua, sự tái tổ chức đều đặn của nhiều phần sẽ dẫn đến sự chuyển đổi toàn thể.

107. Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng thể trí và thể dĩ thái có liên hệ với nhau. Các dấu hiệu trí tuệ/dĩ thái là Song Tử và Bảo Bình, và những người sinh ra trong hay dưới ảnh hưởng của các dấu hiệu ấy sẽ thấu hiểu nhiều điều về mối liên hệ này.

108. Quyền năng tư tưởng được sử dụng đúng đắn sẽ dẫn đến sự tái tổ chức mạng lưới dĩ thái. Thật thú vị khi đọc rằng "những lời giải thích mang tính học thuật" sẽ không giúp chúng ta thấu hiểu tiến trình này. Dường như phải *sống trải tiến trình ấy.*

109. ***Thể trí phải ở trong một trạng thái hoạt động hữu hiệu nhất định thì mới có thể hữu ích*** trong việc mang lại sự tái tổ chức mạng lưới dĩ thái cá nhân (và về sau là mạng lưới dĩ thái hành tinh). Thể trí phải được linh hồn soi sáng và truyền cảm hứng, còn thể dĩ thái phải đáp ứng những năng lượng tuôn vào từ thể trí. Khi ấy, sự tái tổ chức thể dĩ thái sẽ diễn ra.

110. Thus**, if we wish to reorganize our etheric patterns, we must see to the condition of our mind and its relation to the soul.**

111. DK envisions the transformation of the etheric body of humanity. This will only occur gradually when many people have managed to bring about the reorganization of their individual etheric body.

112. We can understand that the Age of Aquarius will be a time when such reorganization (under Uranus and Aquarius) may proceed apace. The energies which will be potent during that Age are the very energies need for this transformation. The continued strength and presence of the seventh ray during the Aquarian Age is also a great factor in bringing about this desirable reorganization.

The medium through which this takes place is the Mind. The mind creates or formulates those thoughtforms (or embodied energies) which express, upon the mental plane, the measure of the disciple's understanding of the Plan, and his [699] ability to convey the embodied mental energy to the etheric body—unimpeded by the emotional nature or by any lower upsurging desire.

113. We are to understand the importance of the mind in reorganizing the etheric body.

114. The thoughtforms created are to reflect an understanding of the Plan (to whatever degree possible). **These thoughtforms are then to be conveyed to the etheric body and will have a reorganizing effect**. The etheric patterns thus created will help to bring the physical plane into increasing

110. Vì vậy**, nếu muốn tái tổ chức các mô hình dĩ thái của mình, chúng ta phải chú tâm đến trạng thái của thể trí và mối quan hệ của nó với linh hồn.**

111. Chân sư DK hình dung sự chuyển đổi thể dĩ thái của nhân loại. Điều này sẽ chỉ diễn ra dần dần khi nhiều người đã tái tổ chức được thể dĩ thái cá nhân của mình.

112. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng Thời Đại Bảo Bình sẽ là thời kỳ mà sự tái tổ chức như vậy (dưới ảnh hưởng của Sao Thiên Vương và Bảo Bình) có thể tiến triển nhanh chóng. Những năng lượng sẽ có sức mạnh lớn trong Thời Đại ấy chính là những năng lượng cần thiết cho sự chuyển đổi này. Sức mạnh và sự hiện diện liên tục của cung bảy trong Thời Đại Bảo Bình cũng là một yếu tố quan trọng giúp mang lại sự tái tổ chức đáng mong muốn này.

Trung gian để điều này diễn ra là Thể Trí. Thể trí tạo ra hoặc kiến lập những hình tư tưởng (hay những năng lượng được hiện thân) biểu đạt trên cõi trí mức độ thấu hiểu Thiên Cơ của người đệ tử, cùng [699] khả năng của y trong việc chuyển năng lượng trí tuệ đã được hiện thân đến thể dĩ thái—không để bản chất cảm xúc hay bất kỳ dục vọng thấp kém nào trỗi dậy cản trở.

113. Chúng ta cần thấu hiểu tầm quan trọng của thể trí trong việc tái tổ chức thể dĩ thái.

114. Những hình tư tưởng được tạo ra phải phản ánh sự thấu hiểu Thiên Cơ (trong mức độ có thể). **Sau đó, những hình tư tưởng này phải được chuyển đến thể dĩ thái và sẽ có tác dụng tái tổ chức thể ấy**. Những mô hình dĩ thái được tạo ra như vậy sẽ giúp cõi hồng trần ngày càng phù hợp với mô hình của

conformity with the pattern of the Plan.

115. We note that the emotional nature is often considered an obstacle in this transmission from mental body to vital body. The Tibetan is here emphasizing the importance of a particular alignment—soul, mind, brain.

The etheric body is a web of light energy, impulsed or motivated by the type or the quality of the energies to which it responds, from the angle of evolutionary development.

116. The etheric body is capable of 'carrying' many kinds of energy—personal, transpersonal and transcendental.

117. How it does so is, however, a great mystery. We may lightly use the word 'carry', but can the etheric body really 'carry' and transmit energies which are not of the etheric plane?

118. Perhaps it would be best to think that etheric energies can undergo various kinds of repatterning according to the type of energy or force which is *impulsing* those etheric energies. On the etheric plane, there will be found etheric energies and forces; on other planes, other types of energy and forces will be found. Does astral force, for instance, *really* descend to the etheric plane, or does it impulse etheric energy, patterning it in a certain way? If this were the true modus operandi, then the way that mental energy impulsively patterns etheric energies would be different from the astral impulsive patterning, and soul impulsions would be different still, as would triadal impulsions—each leading to distinctive modes of

Thiên Cơ.

115. Chúng ta lưu ý rằng bản chất cảm xúc thường được xem là một chướng ngại trong sự truyền dẫn này từ thể trí đến thể sinh lực. Ở đây, Chân sư Tây Tạng đang nhấn mạnh tầm quan trọng của một sự chỉnh hợp đặc biệt—linh hồn, thể trí, bộ não.

Thể dĩ thái là một mạng lưới năng lượng ánh sáng, được thúc đẩy hoặc tạo động lực theo loại hay phẩm tính của những năng lượng mà nó đáp ứng, xét từ góc độ phát triển tiến hoá.

116. Thể dĩ thái có khả năng 'mang' nhiều loại năng lượng—cá nhân, siêu cá nhân và siêu việt.

117. Tuy nhiên, cách thức thể dĩ thái làm điều đó là một bí nhiệm lớn. Chúng ta có thể dễ dàng dùng từ 'mang', nhưng liệu thể dĩ thái có thực sự 'mang' và truyền dẫn những năng lượng không thuộc cõi dĩ thái hay không?

118. Có lẽ tốt nhất nên nghĩ rằng các năng lượng dĩ thái có thể trải qua nhiều kiểu tái định hình khác nhau tuỳ theo loại năng lượng hay mãnh lực đang *thúc đẩy* những năng lượng dĩ thái ấy. Trên cõi dĩ thái có các năng lượng và mãnh lực dĩ thái; trên những cõi khác có những loại năng lượng và mãnh lực khác. Chẳng hạn, mãnh lực cảm dục có *thực sự* giáng xuống cõi dĩ thái, hay nó thúc đẩy năng lượng dĩ thái, định hình năng lượng ấy theo một cách nhất định? Nếu đây là phương thức vận hành thực sự, thì cách năng lượng trí tuệ thúc đẩy và định hình các năng lượng dĩ thái sẽ khác với cách mãnh lực cảm dục thúc đẩy và định hình chúng; các xung lực của linh hồn lại khác nữa, cũng như các xung lực của Tam Nguyên Tinh Thần—

repatterning.

119. We do not know enough about the physics of the inner planes to understand how these 'patterning impulsions' would operate, but perhaps the principle is clear: energies and forces remain on the plane appropriate to them, but **their impulsive effects can be 'felt' on lower planes**, such as the etheric plane, causing (according to the distinctive nature of the impelling energies) 'differential repatterning' on such lower planes.

It might be stated that:

1. Unevolved or savage man responds simply to prana or physical energy, vitalising the appetites of the lower nature, developing the instincts and thus laying the foundation of a physical vehicle as the outer garment of the soul. At this stage, intellect is embryonic; the physical appetites and the five senses are dominating factors. All this is due to the activity of prana as it pours through the etheric or vital body.

120. In point one, the Tibetan discusses the Lemurian stage of development—one that is strictly physical, sensory, and endowed with the presence of only an embryonic intellect. In the Lemurian state, even the life of desire is undeveloped, except for the crudest physical desires.

121. There are relatively few among today's humanity who find themselves in this state. The spleen, sacral center, and the base of the spine center (functioning in a preliminary mode) are the centers activated.

mỗi loại dẫn đến những phương thức tái định hình riêng biệt.

119. Chúng ta chưa biết đủ về vật lý học của các cõi bên trong để thấu hiểu cách những 'xung lực định hình' này vận hành, nhưng có lẽ nguyên khí ấy đã rõ: các năng lượng và mãnh lực vẫn ở trên cõi thích hợp với chúng, nhưng **những tác động thúc đẩy của chúng có thể được 'cảm nhận' trên các cõi thấp hơn**, chẳng hạn như cõi dĩ thái, gây ra (tuỳ theo bản chất riêng biệt của những năng lượng thúc đẩy) 'sự tái định hình khác biệt' trên các cõi thấp hơn ấy.

Có thể phát biểu rằng:

1. Người chưa tiến hoá hay còn man dã chỉ đáp ứng với prana hay năng lượng hồng trần, vốn tiếp sinh lực cho những ham muốn của bản chất thấp, phát triển các bản năng và nhờ đó đặt nền tảng cho một hiện thể hồng trần làm lớp áo bên ngoài của linh hồn. Ở giai đoạn này, trí năng còn ở dạng phôi thai; những ham muốn thể xác và năm giác quan là các yếu tố chi phối. Tất cả điều này là do hoạt động của prana khi nó tuôn qua thể dĩ thái hay thể sinh lực.

120. Trong điểm thứ nhất, Chân sư Tây Tạng bàn đến giai đoạn phát triển Lemuria—một giai đoạn thuần tuý thuộc thể xác, giác quan, và chỉ có trí năng ở dạng phôi thai. Trong trạng thái Lemuria, ngay cả đời sống dục vọng cũng chưa phát triển, ngoại trừ những dục vọng thể xác thô sơ nhất.

121. Trong nhân loại ngày nay, tương đối ít người còn ở trong trạng thái này. Luân xa lá lách, trung tâm xương cùng và trung tâm đáy cột sống (hoạt động theo phương thức sơ khởi) là những trung tâm được kích hoạt.

2. Average man is impulsed by desire which is an energy, emanating from world desire and which—developing or organising the astral body—generates desire-energy. It pours into the vital body and galvanises physical man into those activities which will lead to the satisfaction of desire. This is a parallel process to the work of prana, impelling the animal instinctive nature into activity. These necessarily parallel and produce conflict—the first clash (within the man) of the pair of opposites. Gradually, the pranic energy becomes automatic in its activity; the shift of the consciousness is into the astral or desire body and the functioning of the instinctual nature drops below the threshold of the consciousness. Man then focusses his life in the astral vehicle and his etheric body becomes animated by the potent inflow of desire-energy.

2. Người trung bình chịu sự thúc đẩy của dục vọng, một năng lượng phát xạ từ dục vọng của thế gian và—qua việc phát triển hay tổ chức thể cảm dục—tạo ra năng lượng dục vọng. Năng lượng này tuôn vào thể sinh lực và thúc đẩy con người hồng trần bước vào những hoạt động sẽ dẫn đến sự thoả mãn dục vọng. Đây là một tiến trình song song với công việc của prana, vốn thúc đẩy bản chất bản năng động vật đi vào hoạt động. Hai tiến trình này tất yếu diễn ra song song và tạo ra xung đột—sự va chạm đầu tiên (bên trong con người) của cặp đối cực. Dần dần, năng lượng prana trở nên tự động trong hoạt động của nó; tâm thức chuyển vào thể cảm dục hay thể dục vọng, và hoạt động của bản chất bản năng chìm xuống dưới ngưỡng tâm thức. Khi ấy, con người tập trung đời sống của mình trong hiện thể cảm dục, còn dòng năng lượng dục vọng mạnh mẽ tuôn vào làm sinh động thể dĩ thái của y.

122. The great majority of today's humanity is emotionally polarised and impulsed by the energy of desire.

122. Đại đa số nhân loại ngày nay phân cực cảm xúc và chịu sự thúc đẩy của năng lượng dục vọng.

123. We note, interestingly, that desire both develops and organizes the astral vehicle. We remember that a *principle* creates a *vehicle,* and not the other way around.

123. Điều thú vị là chúng ta nhận thấy dục vọng vừa phát triển vừa tổ chức hiện thể cảm dục. Chúng ta nhớ rằng một *nguyên khí* tạo ra một *hiện thể,* chứ không phải ngược lại.

124. We read that desire "pours into the vital body"; again, this is, I think, a symbolic way of describing the process. I hypothesize that astral currents remain on the astral plane, but *cause those changes* in the etheric body which impel that body towards the satisfaction of desire.

124. Chúng ta đọc thấy rằng dục vọng "tuôn vào thể sinh lực"; một lần nữa, tôi nghĩ đây là cách mô tả tiến trình theo nghĩa biểu tượng. Tôi đưa ra giả thuyết rằng các dòng cảm dục vẫn ở trên cõi cảm dục, nhưng *gây ra những biến đổi* trong thể dĩ thái, thúc đẩy thể này hướng đến sự thoả mãn dục vọng.

125. If prana activates the animal instincts and desire force impels towards the satisfaction of desire, the simultaneous

125. Nếu prana kích hoạt các bản năng động vật và mãnh lực dục vọng thúc đẩy hướng đến sự thoả mãn dục vọng, thì sự hiện diện

presence of these two forces creates possibility of a conflict between forces, for the satisfaction of animal instinct may lead in a direction contrary to the satisfaction of certain desires. The Tibetan calls this the "first clash (within the man) of the pair of opposites".

đồng thời của hai mãnh lực này tạo ra khả năng xung đột giữa các mãnh lực, vì sự thoả mãn bản năng động vật có thể dẫn theo một hướng trái ngược với sự thoả mãn một số dục vọng nhất định. Chân sư Tây Tạng gọi đây là "sự va chạm đầu tiên (bên trong con người) của cặp đối cực".

126. Astral energy is inherently 'higher' than the pranic forces driving the physical-instinctual nature; these lesser forces gradually subside into automaticism. Whatever becomes automatic soon drops below the threshold of consciousness. Consciousness, per se, then focuses in the desire body. The man is conscious of what he *wants* without having to attend consciously to his vital condition, which can be relied upon to support the acquisitions of desire.

126. Năng lượng cảm dục vốn 'cao hơn' các mãnh lực prana thúc đẩy bản chất thể xác và bản năng; những mãnh lực thấp hơn này dần lắng xuống thành hoạt động tự động. Bất cứ điều gì trở nên tự động đều sớm chìm xuống dưới ngưỡng tâm thức. Khi ấy, chính tâm thức tập trung trong thể dục vọng. Con người biết rõ điều mình *muốn* mà không cần chú tâm một cách hữu thức đến tình trạng sinh lực của mình, vốn có thể tin cậy là sẽ hỗ trợ việc đạt được những gì dục vọng mong muốn.

127. Once this change has occurred, the main patterning within the etheric body is primarily impulsed by desire currents. Perhaps, it would be more accurate to say that the desire-impelled repatterning of the etheric vehicle is *superimposed* upon the patterning which is more instinctually based and pranically induced. Obviously, some of the original pranically-induced patterning remains as a foundation for the etheric pattern impelled by the energy of desire. The first pattern serves as a foundation for the second.

127. Một khi sự thay đổi này diễn ra, sự định hình chính bên trong thể dĩ thái chủ yếu chịu sự thúc đẩy của các dòng dục vọng. Có lẽ sẽ chính xác hơn nếu nói rằng sự tái định hình hiện thể dĩ thái do dục vọng thúc đẩy được *chồng lên* sự định hình vốn dựa nhiều hơn vào bản năng và do prana tạo ra. Hiển nhiên, một phần sự định hình ban đầu do prana tạo ra vẫn còn lại làm nền tảng cho mô hình dĩ thái do năng lượng dục vọng thúc đẩy. Mô hình thứ nhất làm nền tảng cho mô hình thứ hai.

3. The developed man, with an integrated personality, gradually brings the etheric body under the control of mental energy and his physical plane activity is not then so much implemented by instinct or desire as by thought energy, dedicated to and expressing the nature of the man's plan. This plan indicates increasingly his

3. Người đã phát triển, với một phàm ngã tích hợp, dần đưa thể dĩ thái vào dưới sự kiểm soát của năng lượng trí tuệ; khi ấy, hoạt động của y trên cõi hồng trần được thực hiện nhờ năng lượng tư tưởng nhiều hơn là nhờ bản năng hay dục vọng, và năng lượng ấy hướng đến cũng như biểu đạt bản chất kế hoạch của y. Kế hoạch này ngày càng biểu

intelligent desire—selfish in the early stages, complex and dualistic in the intermediate stages but slowly responding to the world plan and to the divine intent for humanity.

thị dục vọng có trí tuệ của y—ích kỷ trong những giai đoạn đầu, phức tạp và mang tính nhị nguyên trong những giai đoạn trung gian, nhưng dần dần đáp ứng với Thiên Cơ thế giới và chủ đích thiêng liêng dành cho nhân loại.

128. The next stage is that of the "developed man", who has integrated the personality, selfishly at first, and soul-responsively, eventually.

128. Giai đoạn tiếp theo là giai đoạn của "người đã phát triển", người đã tích hợp phàm ngã, lúc đầu một cách ích kỷ, và cuối cùng theo cách đáp ứng với linh hồn.

129. Etheric patterning dependent upon the impulsion of prana or desire, gives may to a patterning impelled by mental currents, which, again, according to this theory, is superimposed upon the earlier two patterns. The etheric body comes under the control of mental energy.

129. Sự định hình dĩ thái phụ thuộc vào xung lực của prana hay dục vọng nhường chỗ cho sự định hình do các dòng trí tuệ thúc đẩy; một lần nữa, theo lý thuyết này, sự định hình ấy được chồng lên hai mô hình trước đó. Thể dĩ thái đi vào dưới sự kiểm soát của năng lượng trí tuệ.

130. The etheric body will be patterned according to the nature of a man's plan. That plan initially does not conform to the Divine Plan, and it will take a long time before it does.

130. Thể dĩ thái sẽ được định hình theo bản chất kế hoạch của một người. Ban đầu, kế hoạch ấy chưa phù hợp với Thiên Cơ, và phải mất một thời gian dài mới đạt được sự phù hợp ấy.

131. Three basic stages are as follows:

131. Ba giai đoạn cơ bản như sau:

a. etheric patterning based on selfish personality plans.

a. sự định hình dĩ thái dựa trên những kế hoạch ích kỷ của phàm ngã.

b. etheric patterning based on mixed motives, on plans which have elements of both selfishness and unselfishness.

b. sự định hình dĩ thái dựa trên những động cơ pha trộn, trên những kế hoạch có cả yếu tố ích kỷ lẫn vô kỷ.

c. etheric patterning based on the plans of the soul which reflect, in some measure, the Divine Plan for this planet and are, hence, unselfish.

c. sự định hình dĩ thái dựa trên những kế hoạch của linh hồn, phản ánh phần nào Thiên Cơ dành cho hành tinh này và do đó mang tính vô kỷ.

132. *Plan is Pattern*, as we know. According to the nature and origin of the plan which mentally imposed upon the etheric body, so

132. *Thiên Cơ là Mô Hình*, như chúng ta biết. Bản chất của sự định hình dĩ thái sẽ tuỳ thuộc vào bản chất và nguồn gốc của kế

will be the nature of the etheric patterning.

[700]

4. Finally, when the power of the Triangles (the spiritual name given in The Secret Doctrine to the soul) is being imposed upon the personality, then their energy supersedes the other energies and the personality—focussed now in the mind and responsive to soul impression—expresses upon the physical plane, through the medium of the physical brain and the body, the intent, potency and nature of the all-inclusive soul.

133. Finally the pattern imposed on the etheric field is impulsed by the "Triangles". The term "Triangles" is another name for *soul.*

134. What is suggested is that the patterning in the etheric body becomes increasingly *triangular.*

135. This section immediately makes us think of Master DK's project, "Triangles" (dear to His heart) and what may be its esoteric basis. Eventually, the Triangles work is to repattern the etheric body of the planet into a "network of triangles" which will be not only soul-responsive, but responsive to the spiritual triad, and even, in emergencies, to the Three Buddhas of Activity (the esoteric origin of the Triangles work).

136. One of the great geometrical themes occurring on our planet is the transformation of the *quaternary* into the *triad* or *triangle.* The esoteric *bisection of the square* is involved in this process. This was taught to Master DK probably by Master KH

hoạch mà thể trí áp đặt lên thể dĩ thái.

[700]

4. Cuối cùng, khi quyền năng của các Tam Giác (danh xưng tinh thần dành cho linh hồn trong Giáo Lý Bí Nhiệm) đang được áp đặt lên phàm ngã, thì năng lượng của chúng thay thế các năng lượng khác; phàm ngã—giờ đây tập trung trong thể trí và đáp ứng với ấn tượng từ linh hồn—biểu đạt trên cõi hồng trần, qua trung gian bộ não thể xác và thân thể, chủ đích, uy lực và bản chất của linh hồn bao gồm tất cả.

133. Cuối cùng, mô hình áp đặt lên trường dĩ thái chịu sự thúc đẩy của các "Tam Giác". Thuật ngữ "Tam Giác" là một tên gọi khác của *linh hồn.*

134. Điều được gợi ra là sự định hình trong thể dĩ thái ngày càng mang *dạng tam giác.*

135. Đoạn này lập tức khiến chúng ta nghĩ đến dự án của Chân sư DK mang tên "Tam Giác" (rất thân thiết với tâm Ngài) và điều có thể là nền tảng nội môn của dự án ấy. Cuối cùng, công việc Tam Giác sẽ tái định hình thể dĩ thái của hành tinh thành một "mạng lưới các tam giác" không chỉ đáp ứng với linh hồn, mà còn đáp ứng với Tam Nguyên Tinh Thần, và thậm chí, trong những trường hợp khẩn cấp, với Ba Vị Phật Hoạt Động (nguồn gốc nội môn của công việc Tam Giác).

136. Một trong những chủ đề hình học lớn diễn ra trên hành tinh chúng ta là sự chuyển đổi *bộ tứ* thành *tam nguyên tinh thần* hay *tam giác.* Việc *chia đôi hình vuông* theo nghĩa nội môn có liên quan đến tiến trình này. Có lẽ Chân sư KH đã dạy điều này cho Chân sư DK

when He was Pythagoras.

137. Point number four tells us of the climactic, integrated stage in the repatterning of the etheric body. When it is accomplished, the Divine Plan may manifest on Earth.

138. This manifestation must be worked out microcosmically through the energy system of each individual, and when sufficient numbers of individuals have accomplished the task, it will become possible to think in terms of the triangularization of the enteric body of humanity, and eventually of the planet.

The individual etheric web galvanises the automatic physical body into activity. The energies, controlling the physical body through the medium of the etheric web, are the four mentioned above. The conflict in the brain consciousness of the evolving human unit begins to assume importance when the man starts to recognise these controlling energies, their source and their effects.

139. The physical body is an automaton to the etheric body (its higher counterpart).

140. Master DK has enumerated four types of energy which control the physical body through the medium of the etheric body: prana, desire, thought and soul energy.

141. When various of these energies come together, the potential for "internecine warfare" is strong and can hardly be avoided.

"Man is therefore (from the angle of force expression) a mass of conflicting energies

khi Ngài là Pythagoras.

137. Điểm thứ tư cho chúng ta biết về giai đoạn tích hợp đạt đến đỉnh cao trong việc tái định hình thể dĩ thái. Khi việc ấy hoàn thành, Thiên Cơ có thể biểu hiện trên Trái Đất.

138. Sự biểu hiện này phải được thực hiện ở cấp độ tiểu thiên địa qua hệ thống năng lượng của mỗi cá nhân; khi có đủ số cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, chúng ta mới có thể nghĩ đến việc tam giác hoá thể dĩ thái của nhân loại, và cuối cùng là của hành tinh.

Mạng lưới dĩ thái cá nhân thúc đẩy thể xác vốn hoạt động tự động đi vào hoạt động. Những năng lượng kiểm soát thể xác qua trung gian mạng lưới dĩ thái là bốn loại đã đề cập ở trên. Sự xung đột trong tâm thức não bộ của đơn vị nhân loại đang tiến hoá bắt đầu trở nên quan trọng khi con người bắt đầu nhận ra những năng lượng kiểm soát này, nguồn gốc và tác động của chúng.

139. Thể xác là một bộ máy tự động đối với thể dĩ thái (đối phần cao hơn của nó).

140. Chân sư DK đã liệt kê bốn loại năng lượng kiểm soát thể xác qua trung gian thể dĩ thái: prana, dục vọng, tư tưởng và năng lượng linh hồn.

141. Khi một số năng lượng khác nhau trong những năng lượng này hội tụ, khả năng xảy ra "nội chiến tương tàn" rất lớn và khó có thể tránh khỏi.

"Do đó, con người (xét từ góc độ biểu đạt mãnh lực) là một khối năng lượng xung đột

and an active centre of moving forces with a shift of emphasis constantly going on, and with the aggregation of the numerous streams of energy presenting a confusing kaleidoscope of active inter-relations, interpenetration, **internecine**[21] **warfare**, and interdependence until such time as the personality forces (symbolic of divine multiplicity) are subdued or 'brought into line' by the dominant soul. That is what we really mean by the use of the word 'alignment'." (EP II 340)

và một trung tâm hoạt động của những mãnh lực đang chuyển động, với trọng tâm liên tục dịch chuyển, và với sự tập hợp của vô số dòng năng lượng tạo thành một kính vạn hoa rối rắm gồm những mối tương quan năng động, sự xuyên thấm lẫn nhau, **tương tàn**[22] **trong nội chiến**, và sự tương thuộc, cho đến khi linh hồn chi phối chế ngự các mãnh lực phàm ngã (tượng trưng cho tính đa tạp thiêng liêng) hoặc 'đưa chúng vào hàng ngũ' của mình. Đó là điều chúng ta thực sự muốn nói khi dùng từ 'chỉnh hợp'." (EP II 340)

142. At first man hardly knows what is happening to him. There is conflict in the brain consciousness but, as yet, man is too unconscious of the causes of this conflict to do anything about it. Gradually the various *contending* energies are recognized, and their sources and effects are increasingly understood. Then the conflict becomes an important educative factor in consciousness; the man has entered the process of personality integration (however many lives it may take).

142. Lúc đầu, con người hầu như không biết điều gì đang xảy ra với mình. Có xung đột trong tâm thức não bộ, nhưng con người vẫn còn quá thiếu nhận biết về nguyên nhân của sự xung đột này để có thể làm gì nhằm xử lý nó. Dần dần, con người nhận ra các năng lượng đang *tranh chấp* và ngày càng thấu hiểu nguồn gốc cũng như tác động của chúng. Khi ấy, sự xung đột trở thành một yếu tố giáo dục quan trọng trong tâm thức; con người đã bước vào tiến trình tích hợp phàm ngã (dù tiến trình này có thể kéo dài bao nhiêu kiếp sống).

It is immediately obvious that the work of the disciple is, therefore, almost entirely within the realm of energy and forces. The study of occultism is the study of forces and of their origin and effects. An Ashram is a place wherein this study enters the laboratory or experimental stage. The disciple is supposed to be in process of becoming aware of the forces and energies which condition him as an individual; these originate within himself and produce

Do đó, có thể thấy ngay rằng công việc của người đệ tử gần như hoàn toàn nằm trong lĩnh vực năng lượng và mãnh lực. Nghiên cứu huyền bí học là nghiên cứu các mãnh lực cùng nguồn gốc và tác động của chúng. Một ashram là nơi việc nghiên cứu này bước vào giai đoạn phòng thí nghiệm hay thực nghiệm. Người đệ tử phải đang trong tiến trình nhận biết những mãnh lực và năng lượng tác động lên mình với tư cách một cá nhân; chúng phát sinh bên trong chính y và

21 gây ra sự tàn phá cho cả hai bên

[22] gây ra sự tàn phá cho cả hai bên

changes and specific effects in his life-expression upon the physical plane. When he knows himself to be the "Life and the lives" (as The Secret Doctrine puts it), a sum total of forces and a controlling energy, then he can be a world disciple and work significantly in an Ashram.

tạo ra những biến đổi cùng các tác động cụ thể trong sự biểu đạt đời sống của y trên cõi hồng trần. Khi y biết mình là "Sự sống và các sự sống" (như cách diễn đạt trong Giáo Lý Bí Nhiệm), một tổng thể các mãnh lực và một năng lượng kiểm soát, thì y có thể trở thành một đệ tử thế giới và làm việc một cách đầy thâm nghĩa trong một ashram.

143. A disciple works understandingly with energies and forces. Such work is characteristic of the Path of Occultism but not of the Path of Mysticism.

143. Một đệ tử làm việc với các năng lượng và mãnh lực bằng sự thấu hiểu. Công việc như vậy là đặc trưng của Con Đường Huyền Bí Học, nhưng không phải của Con Đường Thần Bí Học.

144. An important definition of occultism is given: "the study of occultism is the study of forces and of their origin and effects". To be an occultist, significant time must be spent upon the fifth ray which is especially adept at deciphering the 'Language of Energy'.

144. Một định nghĩa quan trọng về huyền bí học được đưa ra: "nghiên cứu huyền bí học là nghiên cứu các mãnh lực cùng nguồn gốc và tác động của chúng". Để trở thành một nhà huyền bí học, cần dành một lượng đáng kể thời gian trên cung năm, cung đặc biệt thành thạo trong việc giải mã 'Ngôn Ngữ Năng Lượng'.

145. The practical occultist, however, is not simply a *student.* The Ashram is the 'place' where study turns into experimentation. An Ashram is something of an 'occult laboratory'.

145. Tuy nhiên, nhà huyền bí học thực hành không đơn thuần là một *đạo sinh.* Ashram là 'nơi' việc nghiên cứu chuyển thành thực nghiệm. Một ashram phần nào là một 'phòng thí nghiệm huyền bí'.

146. An occultist's first area of observation and experimentation is his own energy system; he must become the master of his microcosmic self. We can see that a study of the seven rays and of esoteric astrology play an important role in producing the occultist. Through such sciences a man comes to understand himself far more objectively than heretofore possible, and in terms of *energy*.

146. Lĩnh vực quan sát và thực nghiệm đầu tiên của một nhà huyền bí học là chính hệ thống năng lượng của y; y phải làm chủ bản ngã tiểu thiên địa của mình. Chúng ta có thể thấy rằng việc nghiên cứu bảy cung và Chiêm Tinh Học Nội Môn đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nhà huyền bí học. Qua những khoa học như vậy, con người đi đến chỗ thấu hiểu bản thân một cách khách quan hơn nhiều so với trước đây, và xét theo phương diện *năng lượng.*

147. The disciple aims to arrive at the point

147. Người đệ tử hướng đến việc đạt tới điểm

in consciousness when he knows himself to be the "Life and the lives". DK again borrows from *The Secret Doctrine*—which is entirely justified as He was responsible, we are told, for imparting to HPB much of the information found within it.

trong tâm thức khi y biết mình là "Sự sống và các sự sống". Một lần nữa, Chân sư DK mượn cách diễn đạt từ *Giáo Lý Bí Nhiệm*—điều này hoàn toàn chính đáng vì, như chúng ta được cho biết, chính Ngài đã chịu trách nhiệm truyền đạt cho Bà HPB phần lớn thông tin có trong tác phẩm ấy.

148. In an earlier group instruction, Master DK spent much time describing the "world disciple" and the "accepted disciple" and differentiating them from each other. We now come to another definition of a world disciple, expressed in terms of energy.

148. Trong một huấn thị nhóm trước đây, Chân sư DK đã dành nhiều thời gian mô tả "đệ tử thế giới" và "đệ tử được chấp nhận", đồng thời phân biệt hai loại đệ tử này với nhau. Giờ đây, chúng ta đến với một định nghĩa khác về đệ tử thế giới, được diễn đạt theo phương diện năng lượng.

149. When a man truly knows that he is the "Life and the lives" he is in position to work as a world disciple.

149. Khi một người thực sự biết rằng mình là "Sự sống và các sự sống", y có đủ điều kiện để làm việc như một đệ tử thế giới.

150. He can then work *significantly* in an Ashram. The word "significantly" is, itself, significant, because many may work in relation to an Ashram before the stage of world disciple is reached, but they will not be working *significantly.* To work "significantly", one works in relation to the World of Significance which lies 'beyond' the World of Meaning. To enter the World of Significance and to work there, one must be an initiate of the third degree—which is another way of defining a world disciple.

150. Khi ấy, y có thể làm việc *một cách đầy thâm nghĩa* trong một ashram. Bản thân cụm từ "một cách đầy thâm nghĩa" cũng mang thâm nghĩa, vì nhiều người có thể làm việc trong mối liên hệ với một ashram trước khi đạt đến giai đoạn đệ tử thế giới, nhưng họ sẽ chưa làm việc *một cách đầy thâm nghĩa.* Để làm việc "một cách đầy thâm nghĩa", người ta làm việc trong mối liên hệ với Thế giới của thâm nghĩa, vốn nằm 'vượt ngoài' Thế giới của ý nghĩa. Để đi vào Thế giới của thâm nghĩa và làm việc ở đó, người ta phải là một điểm đạo đồ bậc ba—đây là một cách khác để định nghĩa đệ tử thế giới.

151. The one who recognizes himself as the "Life and the lives" is, in fact, an initiate of the third degree—a world disciple, working "significantly" in an Ashram.

151. Người nhận biết mình là "Sự sống và các sự sống" thực ra là một điểm đạo đồ bậc ba—một đệ tử thế giới, làm việc "một cách đầy thâm nghĩa" trong một ashram.

It will be apparent to you, therefore, that when a disciple enters into an Ashram and works in closer relation with his Master than

Do đó, các bạn sẽ thấy rõ rằng khi một đệ tử gia nhập một ashram và làm việc trong mối liên hệ gần gũi với Chân sư của mình hơn

heretofore, he begins to collaborate as far as is in him with his fellow disciples; then you have (in terms of occultism) a repetition of the relation between the "Life" of the group (in this case, the Master) and "the lives" (in this case, the disciples), of the central energy and the responding forces. From the Master's angle of the group problem, duality enters into the group expression. He, the central energy, must work through the forces. From the angle of the disciple, a force (which is himself) is brought into relation with other forces; [701] it must, at the same time, become responsive to an energy, that of the Master. This response comes through the recognition of identity of purpose, of origin and of nature, but not identity in the field of expression. You can see, therefore, that an Ashram is, indeed, a very vortex of forces, set in motion by the many types of energy within the ring-pass-not of the Ashram itself. The basic principles of dualism make themselves felt as the energy of spirit makes its impact upon soul force and personality force. Forget not that a Master expresses monadic energy, whilst disciples in His group are seeking to express soul energy and are doing so, in some measure, through their love and service. To this soul energy, they add personality force which arises from their being, as yet, focussed in the personality life, even whilst aspiring to soul consciousness. Herein lies their usefulness from the Master's point of view and herein lies their difficulty and—at times—their failure.

trước, y bắt đầu cộng tác hết khả năng với các đệ tử đồng môn; khi ấy, xét theo huyền bí học, chúng ta có sự lặp lại mối quan hệ giữa "Sự sống" của nhóm (trong trường hợp này là Chân sư) và "các sự sống" (trong trường hợp này là các đệ tử), giữa năng lượng trung tâm và những mãnh lực đáp ứng. Từ góc nhìn của Chân sư về vấn đề của nhóm, nhị nguyên đi vào sự biểu đạt của nhóm. Ngài, năng lượng trung tâm, phải làm việc qua các mãnh lực. Từ góc nhìn của người đệ tử, một mãnh lực (chính là y) được đưa vào mối liên hệ với những mãnh lực khác; [701] đồng thời, mãnh lực ấy phải trở nên đáp ứng với một năng lượng, là năng lượng của Chân sư. Sự đáp ứng này đến qua việc nhận biết sự đồng nhất về mục đích, nguồn gốc và bản chất, nhưng không phải sự đồng nhất trong lĩnh vực biểu đạt. Do đó, các bạn có thể thấy rằng một ashram quả thực là một xoáy mãnh lực, do nhiều loại năng lượng bên trong vòng-giới-hạn của chính ashram khởi động. Các nguyên khí cơ bản của thuyết nhị nguyên bộc lộ tác động khi năng lượng tinh thần tác động lên mãnh lực linh hồn và mãnh lực phàm ngã. Đừng quên rằng một Chân sư biểu đạt năng lượng chân thần, trong khi các đệ tử trong nhóm của Ngài đang tìm cách biểu đạt năng lượng linh hồn và phần nào thực hiện điều đó qua tình thương và sự phụng sự của họ. Họ thêm vào năng lượng linh hồn này mãnh lực phàm ngã, vốn phát sinh từ việc họ vẫn còn tập trung trong đời sống phàm ngã, ngay cả khi đang khát vọng hướng đến tâm thức linh hồn. Chính trong điều này có sự hữu ích của họ theo quan điểm của Chân sư, và cũng chính trong điều này có khó khăn của họ cùng—đôi khi—sự thất bại của họ.

152. The Tibetan develops the theme of the "Life and the lives" analogically. In the earlier paragraph we saw how the individual

152. Chân sư Tây Tạng phát triển chủ đề "Sự sống và các sự sống" theo phép tương đồng. Trong đoạn trước, chúng ta đã thấy cách

disciple comes to understand himself in these terms. Now the analogy is extended to the group: the Master is the "Life" and the many disciples, are the "lives".

người đệ tử cá nhân đi đến chỗ thấu hiểu bản thân theo những thuật ngữ này. Giờ đây, phép tương đồng được mở rộng sang nhóm: Chân sư là "Sự sống", còn nhiều đệ tử là "các sự sống".

153. The analogical extension becomes applicable when the disciple enters the Ashram and begins to collaborate with his fellow disciples.

153. Sự mở rộng phép tương đồng trở nên thích hợp khi người đệ tử gia nhập ashram và bắt đầu cộng tác với các đệ tử đồng môn.

154. In both the microcosm and the group, there will be an initial division between the "Life" and the "lives". The Master faces a problem of duality and so does the individual disciple.

154. Trong cả tiểu thiên địa lẫn nhóm, ban đầu sẽ có sự phân chia giữa "Sự sống" và "các sự sống". Chân sư đối diện với một vấn đề nhị nguyên, và người đệ tử cá nhân cũng vậy.

155. DK is entering into a discussion of energies and forces; energies are always to work upon forces, which are to respond to energies.

155. Chân sư DK đang đi vào một cuộc bàn luận về các năng lượng và mãnh lực; các năng lượng luôn phải tác động lên các mãnh lực, còn các mãnh lực phải đáp ứng với các năng lượng.

156. DK is speaking in the 'Language of Energy'. The disciple entering an Ashram as an accepted disciple is considered "a force" or a "unit of force". He is brought into relation with other forces (i. e. , with other disciples), and has to learn to respond to an *energy*; the Master is the "energy".

156. Chân sư DK đang nói bằng 'Ngôn Ngữ Năng Lượng'. Người đệ tử gia nhập một ashram với tư cách đệ tử được chấp nhận được xem là "một mãnh lực" hay một "đơn vị mãnh lực". Y được đưa vào mối liên hệ với những mãnh lực khác (t. l. , với những đệ tử khác), và phải học cách đáp ứng với một *năng lượng*; Chân sư là "năng lượng".

157. DK differentiates between the fields of expression characteristic of the Master and His disciples. The disciples' "response comes through the recognition of identity of purpose, of origin and of nature"; the disciple recognizes the Master and responds to Him. Disciple and Master are, shall we say, *qualitatively aligned*, but their fields of expression are very different (the Master's being much greater in scope and much higher in vibration).

157. Chân sư DK phân biệt các lĩnh vực biểu hiện đặc trưng của Chân sư và các đệ tử của Ngài. Các đệ tử có "sự đáp ứng nảy sinh qua việc nhận ra sự đồng nhất về mục đích, nguồn gốc và bản chất"; đệ tử nhận ra Chân sư và đáp ứng với Ngài. Đệ tử và Chân sư, có thể nói là, *chỉnh hợp về phẩm tính*, nhưng các lĩnh vực biểu hiện của hai bên rất khác nhau (lĩnh vực biểu hiện của Chân sư có phạm vi rộng lớn hơn nhiều và rung động cao hơn nhiều).

158. The Tibetan wants us to understand the Ashram in *energic* terms as a "very vortex of forces". Many types of energies and forces are brought together to create this vortex.

158. Chân sư Tây Tạng muốn chúng ta thấu hiểu ashram theo phương diện *năng lượng*, như "chính một xoáy mãnh lực". Nhiều loại năng lượng và mãnh lực kết hợp với nhau để tạo nên xoáy này.

159. In an Ashram three types of energies/forces are brought together. Dualism still prevails, as monadic energy (provided by the Master) seeks to make its impact upon the union of soul energy and personality force. A process of "harmony through conflict" is at work in all Ashrams. Eventually the lower energies/forces are subdued and harmonized with the greater, imposing energy (i. e. , that of the Master)

159. Trong một ashram, ba loại năng lượng/mãnh lực kết hợp với nhau. Tính nhị nguyên vẫn chiếm ưu thế, khi năng lượng chân thần (do Chân sư cung cấp) tìm cách tác động lên sự hợp nhất giữa năng lượng linh hồn và mãnh lực phàm ngã. Một tiến trình "hài hòa thông qua xung đột" đang diễn ra trong mọi ashram. Cuối cùng, các năng lượng/mãnh lực thấp được chế ngự và trở nên hài hòa với năng lượng lớn hơn đang áp đặt ảnh hưởng (tức là năng lượng của Chân sư)

160. The Master expresses monadic energy within His Ashram. The members of the Ashram seek to love and serve and, thus, seek to express soul energy.

160. Chân sư biểu hiện năng lượng chân thần trong ashram của Ngài. Các thành viên của ashram tìm cách yêu thương và phụng sự, và do đó, tìm cách biểu hiện năng lượng linh hồn.

161. Although personality energy is not allowed to enter the Ashram, it is still an important factor in the Master's consciousness, because so many of the members of His Ashram are still focussed in their personality life.

161. Mặc dù năng lượng phàm ngã không được phép đi vào ashram, nó vẫn là một yếu tố quan trọng trong tâm thức của Chân sư vì rất nhiều thành viên trong ashram của Ngài vẫn tập trung vào đời sống phàm ngã của họ.

162. Personality is at once a great complication and a great opportunity. It can cause the failures of various disciples or the group; but its presence can also assist with the *externalization* process, helping the Master reach larger numbers of people *through* the personalities of His chelas—only, however, if those personalities are soul-infused.

162. Phàm ngã đồng thời vừa là một yếu tố gây phức tạp lớn vừa là một cơ hội lớn. Nó có thể gây ra những thất bại của các đệ tử hoặc của nhóm; nhưng sự hiện diện của nó cũng có thể hỗ trợ tiến trình *ngoại hiện*, giúp Chân sư tiếp cận nhiều người hơn *thông qua* các phàm ngã của các đệ tử của Ngài—tuy nhiên, chỉ khi những phàm ngã ấy được linh hồn thấm nhuần.

Disciples within the Master's group or the

Các đệ tử trong nhóm của Chân sư hoặc

Master's Ashram have a potent effect upon each other, for everything in their nature is accentuated. The Master has to watch carefully to see that He does not unduly stimulate the disciples' vehicles through the very fact of His relation to them.

trong ashram của Chân sư tác động mạnh mẽ lên nhau, vì mọi điều trong bản chất của họ đều được tăng cường. Chân sư phải quan sát cẩn thận để bảo đảm rằng Ngài không kích thích quá mức các hiện thể của các đệ tử chỉ vì mối quan hệ của Ngài với họ.

163. Master DK is entering into the energy dynamics characteristic of the Ashram—especially characteristic among newly accepted disciples.

163. Chân sư DK đang đi sâu vào những tương tác năng lượng đặc trưng của ashram—đặc biệt là giữa những đệ tử mới được chấp nhận.

164. In this section He does not differentiate the Master's group and the Master's Ashram; similar problems arise in *both* centers of focus.

164. Trong phần này, Ngài không phân biệt nhóm của Chân sư với ashram của Chân sư; những vấn đề tương tự nảy sinh ở *cả hai* trung tâm tập trung này.

165. Not only does the Master have a potent effect upon the assembled chelas, but they have a potent effect upon each other.

165. Không chỉ Chân sư tác động mạnh mẽ lên các đệ tử đã tập hợp lại, mà họ cũng tác động mạnh mẽ lên nhau.

166. In the initial stages of ashramic life, "everything in their nature is accentuated"—the good and the bad. This fact can lead to some peculiar behavior.

166. Trong những giai đoạn đầu của đời sống ashram, "mọi điều trong bản chất của họ đều được tăng cường"—cả điều tốt lẫn điều xấu. Điều này có thể dẫn đến một số hành vi khác thường.

167. A Master need not *try* to stimulate His disciples; His very *presence* will do it. More often, He will have to attempt to offset the stimulation caused by His closer proximity, for He is more proximate to those within His Ashram than to those within His group, and more proximate to the members of His group than to many other human beings.

167. Một Chân sư không cần *cố gắng* kích thích các đệ tử của Ngài; chỉ riêng sự *hiện diện* của Ngài cũng sẽ làm điều đó. Thường thì Ngài phải cố gắng hóa giải sự kích thích do sự gần gũi hơn của Ngài gây ra, vì Ngài gần gũi với những người trong ashram của Ngài hơn với những người trong nhóm của Ngài, và gần gũi với các thành viên trong nhóm của Ngài hơn với nhiều người khác.

168. Disciples cannot forget the ever-present possibility of overstimulation. If a disciple succumbs to it, he may be damaged or, at the least, delayed. The Path of Initiation is one of necessitating increasing *control*, and overstimulation is a *loss of control.*

168. Các đệ tử không thể quên rằng khả năng bị kích thích quá mức luôn hiện hữu. Nếu một đệ tử không chống đỡ nổi sự kích thích ấy, y có thể bị tổn hại hoặc ít nhất cũng bị chậm trễ. Con Đường Điểm Đạo đòi hỏi khả năng *kiểm soát* ngày càng tăng, còn sự kích

thích quá mức là một sự *mất kiểm soát.*

The individual disciple has, therefore, to watch the effect of three groups of energies which all make an impact upon him:

Do đó, mỗi đệ tử phải theo dõi tác động của ba nhóm năng lượng đều tác động lên y:

1. Those within his own nature (physical, emotional and mental) and those which come to him from his own soul.

1. Những năng lượng trong bản chất của chính y (hồng trần, cảm xúc và trí tuệ) cùng những năng lượng đến với y từ chính linh hồn của y.

169. Point one deals with microcosmic effects.

169. Điểm thứ nhất đề cập đến các tác động tiểu thiên địa.

170. Both personality forces and soul energies can be stimulating. Although the reception and expression of soul energy is highly desirable, overstimulation *can* arise through soul contact. If soul energy leads to excessive personality stimulation, soul will soon be obscured. Of course, as one can understand, the obscuring of soul can arise through an excess of normal personality stimulation.

170. Cả các mãnh lực phàm ngã lẫn các năng lượng linh hồn đều có thể gây kích thích. Mặc dù việc tiếp nhận và biểu hiện năng lượng linh hồn là điều rất đáng mong muốn, sự kích thích quá mức *có thể* nảy sinh qua sự tiếp xúc với linh hồn. Nếu năng lượng linh hồn dẫn đến sự kích thích phàm ngã quá mức, linh hồn sẽ sớm bị che khuất. Dĩ nhiên, như có thể hiểu được, sự che khuất linh hồn có thể nảy sinh khi mức kích thích thông thường của phàm ngã trở nên quá cao.

171. The idea that one must "watch oneself" suggests that the virtue of *vigilance* is needed by the accepted disciple entering the Ashram. Master Morya has much to say about this virtue.

171. Ý tưởng rằng mỗi người phải "theo dõi bản thân" cho thấy đệ tử được chấp nhận đang bước vào ashram cần có đức tính *tỉnh giác* này. Chân sư Morya nói rất nhiều về đức tính này.

2. Those which make an impact upon him as they come to him from other members of the Ashram or group. This effect will be dependent upon his being detached where he himself is concerned and thus responsive to what comes from them. The occult law is that the more you love the more you can respond to and include the point of view, the nature and the force of your fellowmen. This is vitally true also of a group of disciples. What protects most disciples from too great

2. Những năng lượng tác động lên y khi đến với y từ các thành viên khác của ashram hoặc nhóm. Tác động này sẽ tùy thuộc vào việc y có tách rời khỏi những gì liên quan đến bản thân mình hay không, nhờ đó có thể đáp ứng với những gì đến từ họ. Định luật huyền bí là các bạn càng yêu thương thì càng có thể đáp ứng và bao gồm quan điểm, bản chất và mãnh lực của đồng loại. Điều này cũng đúng một cách thiết yếu đối với một nhóm đệ tử. Điều bảo vệ phần lớn các đệ tử

a sensitivity is their preoccupation with themselves and with their own development.

172. The second series of effects come from the other members of the Ashram, i.e., from his fellow disciples.

173. The disciple who is detached from his own energy system will, perhaps, be more responsive to the energies and forces coming from his brothers.

174. DK talks here about the revelatory, sensitizing power of *love.* The loving disciple may be extremely sensitive to impacts from his close associates.

175. The cultivation of this wide and inclusive love is a great necessity for members of an Ashram, but it can produce unexpected difficulties due to love-induced oversensitivity.

176. DK remarks, with His typical dry humor, that most disciples are protected from this difficulty because they are so preoccupied with themselves and their own development that they do not love enough to get hurt!

[702]

3. Those transmuted forces which come to the disciple from the Master or are definitely transmitted to him by the Master.

177. The third category of forces comes from the Master, or is transmitted to the disciple by the Master. Although the disciple may consider these types of forces very welcome, they can very definitely contribute to

khỏi sự nhạy cảm quá mức là sự mải bận tâm đến bản thân và sự phát triển của chính họ.

172. Loạt tác động thứ hai đến từ các thành viên khác của ashram, tức là từ các đệ tử đồng môn của y.

173. Đệ tử tách rời khỏi hệ thống năng lượng của chính mình có lẽ sẽ đáp ứng nhiều hơn với các năng lượng và mãnh lực đến từ các huynh đệ của y.

174. Ở đây, Chân sư DK nói về quyền năng mặc khải và làm tăng sự nhạy cảm của *tình thương.* Đệ tử giàu tình thương có thể cực kỳ nhạy cảm với những tác động từ những người cộng tác gần gũi.

175. Việc vun bồi tình thương rộng lớn và bao gồm này là điều hết sức cần thiết đối với các thành viên của một ashram, nhưng nó có thể gây ra những khó khăn bất ngờ do tình thương làm nảy sinh sự nhạy cảm quá mức.

176. Với lối hài hước kín đáo đặc trưng, Chân sư DK nhận xét rằng phần lớn các đệ tử được bảo vệ khỏi khó khăn này vì họ quá mải bận tâm đến bản thân và sự phát triển của chính mình đến nỗi họ không yêu thương đủ để bị tổn thương!

[702]

3. Những mãnh lực đã chuyển hoá đến với đệ tử từ Chân sư hoặc do Chân sư chủ đích truyền đến y.

177. Loại mãnh lực thứ ba đến từ Chân sư, hoặc do Chân sư truyền đến đệ tử. Mặc dù đệ tử có thể xem những loại mãnh lực này là rất đáng hoan nghênh, chúng chắc chắn có thể góp phần gây ra sự kích thích quá mức và

overstimulation and imbalance if not managed carefully.

mất cân bằng nếu không được điều tiết cẩn thận.

178. We see that, in studying the types of forces for which the disciple must "watch", we have focussed on the three aspects of divinity. The microcosmic forces of the disciple's own energy system correspond to the third aspect; energies and forces from his fellow disciples, to the second aspect; and the energies of the Master to the first aspect.

178. Chúng ta thấy rằng khi nghiên cứu các loại mãnh lực mà đệ tử phải "theo dõi", chúng ta đã tập trung vào ba phương diện của thiên tính. Các mãnh lực tiểu thiên địa trong hệ thống năng lượng của chính đệ tử tương ứng với phương diện thứ ba; các năng lượng và mãnh lực từ các đệ tử đồng môn của y tương ứng với phương diện thứ hai; và các năng lượng của Chân sư tương ứng với phương diện thứ nhất.

The goal for all work done by disciples, either in group formation or in the Ashram, is the expression, within the group, of the causal creative process. This is summed up in the words which I have already quoted to you "the Life and the lives." You have the analogous idea and its sequence of effects in the realisation that the Master (spirit or Monad) reflects Himself in or inspires the disciple (soul) and the latter is thus enabled to demonstrate soul activity upon the physical plane.

Mục tiêu của mọi công việc do các đệ tử thực hiện, dù trong đội hình nhóm hay trong ashram, là biểu hiện tiến trình sáng tạo nguyên nhân bên trong nhóm. Điều này được tóm lược trong những từ mà Tôi đã trích dẫn với các bạn: "Sự sống và các sự sống." Các bạn có thể nắm bắt ý tưởng tương đồng và chuỗi tác động của nó khi nhận ra rằng Chân sư (tinh thần hay chân thần) phản chiếu chính Ngài trong đệ tử (linh hồn) hoặc truyền cảm hứng cho đệ tử, và nhờ đó đệ tử có thể thể hiện hoạt động của linh hồn trên cõi hồng trần.

179. The phrase, "the causal creative process" is brought forward as the goal of all work done by disciples in the Master's group or in the Ashram. It is an interesting phrase. From one perspective, it demands the recognition of the content in the individual causal body and in the group causal body and the creative use of such content in line with the Plan.

179. Cụm từ "tiến trình sáng tạo nguyên nhân" được đưa ra như mục tiêu của mọi công việc do các đệ tử thực hiện trong nhóm của Chân sư hoặc trong ashram. Đây là một cụm từ thú vị. Từ một góc nhìn, nó đòi hỏi phải nhận ra những nội dung trong thể nguyên nhân cá nhân và trong thể nguyên nhân nhóm, đồng thời sử dụng những nội dung ấy một cách sáng tạo, phù hợp với Thiên Cơ.

180. All of us are endowed with a certain 'causal content'; there is much such content

180. Tất cả chúng ta đều được phú cho một lượng 'nội dung của thể nguyên nhân' nhất

of which we may be unaware. One of our tasks is to understand that which has been stored in the "treasury" of the individual and group causal body, and the application of the content, creatively, to the process of manifesting the Plan.

định; có nhiều nội dung như thế mà chúng ta có thể chưa nhận biết. Một trong những nhiệm vụ của chúng ta là thấu hiểu những gì đã được tích trữ trong "kho tàng" của thể nguyên nhân cá nhân và thể nguyên nhân nhóm, cùng việc vận dụng những nội dung ấy một cách sáng tạo vào tiến trình biểu hiện Thiên Cơ.

181. The phrase, "causal creative process", may also be interpreted as the ability to live in the "World of Causes" and to work from that elevation creatively and in line with the Plan. From this perspective, the World of Causes is 'above' that of the causal body. It can be conceived as the world of the spiritual triad. The World of Causes and the World of Significance can be considered equivalent.

181. Cụm từ "tiến trình sáng tạo nguyên nhân" cũng có thể được diễn giải là khả năng sống trong "Thế Giới Nguyên Nhân" và từ tầm cao ấy làm việc một cách sáng tạo, phù hợp với Thiên Cơ. Từ góc nhìn này, Thế Giới Nguyên Nhân nằm 'cao hơn' thế giới của thể nguyên nhân. Có thể quan niệm đó là thế giới của Tam Nguyên Tinh Thần. Có thể xem Thế Giới Nguyên Nhân và Thế giới của thâm nghĩa là tương đương.

182. A threefold process of inspiration is discussed. When we think of the functioning of the Ashram, we must always remember the triplicity of spirit, soul and body, of Master, disciple/soul and the field of expression (whether that field is the general environment or the personality nature of humanity). The *disciple* is *not* the *personality*.

182. Một tiến trình truyền cảm hứng tam phân đang được bàn đến. Khi nghĩ về hoạt động của ashram, chúng ta phải luôn nhớ đến bộ ba tinh thần, linh hồn và thân thể, hay Chân sư, đệ tử/linh hồn và lĩnh vực biểu hiện (dù lĩnh vực ấy là môi trường chung hay bản chất phàm ngã của nhân loại). Người *đệ tử không* phải là *phàm ngã.*

I would like to consider in greater detail the nature of a Master's group, sometimes called an Ashram. It might be valuable if I endeavoured to define an Ashram to you and so leave you with a clear idea of the difference between a Master's particular group, and the many outer groups which, though working under His inspiration and upon the Plan, are not definitely and technically His Ashram.

Tôi muốn xem xét chi tiết hơn bản chất của nhóm của một Chân sư, đôi khi được gọi là một ashram. Có lẽ sẽ hữu ích nếu Tôi cố gắng định nghĩa một ashram cho các bạn, để các bạn có một ý niệm rõ ràng về sự khác biệt giữa nhóm riêng của một Chân sư và nhiều nhóm bên ngoài, vốn tuy hoạt động dưới cảm hứng của Ngài và theo Thiên Cơ, nhưng xét một cách xác định và theo nghĩa chuyên môn, không phải là ashram của Ngài.

183. Master DK undertakes to clarify still further the nature of the Ashram. If we study what He says with care, we shall see

183. Chân sư DK bắt đầu làm sáng tỏ hơn nữa bản chất của ashram. Nếu nghiên cứu kỹ những điều Ngài nói, chúng ta sẽ thấy rằng

that in this section He considers a "Master's group" as equivalent to a "Master's Ashram". In earlier paragraphs, He differentiated between the two.

trong phần này, Ngài xem một "nhóm của Chân sư" là tương đương với một "ashram của Chân sư". Trong những đoạn trước, Ngài đã phân biệt hai điều này.

184. A "Master's particular group" is here considered the Ashram. He differentiates that particular group from the "many outer groups which, though working under His inspiration and upon the Plan, are not definitely and technically His Ashram".

184. Một "nhóm riêng của Chân sư" ở đây được xem là ashram. Ngài phân biệt nhóm riêng ấy với "nhiều nhóm bên ngoài, vốn tuy hoạt động dưới cảm hứng của Ngài và theo Thiên Cơ, nhưng xét một cách xác định và theo nghĩa chuyên môn, không phải là ashram của Ngài".

185. What was the status of the Groups-of-Nine which He organized in the 1930's, or of the New Seed Group organized in 1940. Were these to be considered the "Master's Ashram" or the "Master's group or groups"?

185. Các Nhóm Chín Người mà Ngài tổ chức trong thập niên 1930 hoặc Nhóm Hạt Giống Mới được tổ chức vào năm 1940 có vị thế như thế nào. Liệu những nhóm này nên được xem là "ashram của Chân sư" hay "nhóm hoặc các nhóm của Chân sư"?

186. It would seem that these groups were *not* the Ashram, but were extensions of it. Many of the members of these groups were, in fact, in Master DK's Ashram (if only on the periphery). By the time the New Seed Group was organized, *all* the members of this group, acknowledged by DK as "accepted disciples", were *in* the Master's Ashram. But, the Master's particular group, His inner group, was much larger and deeper than that outer group. So although the Group of Twenty-Four (The New Seed Group) was, in a way, incorporated within the Ashram, it was not the Ashram itself, but only an outer extension.

186. Dường như những nhóm này *không* phải là ashram, mà là những phần mở rộng của ashram. Thực ra, nhiều thành viên của những nhóm này đã ở trong ashram của Chân sư DK (dù chỉ ở ngoại vi). Vào thời điểm Nhóm Hạt Giống Mới được tổ chức, *tất cả* các thành viên của nhóm này, được Chân sư DK công nhận là "các đệ tử được chấp nhận", đều ở *trong* ashram của Chân sư. Nhưng nhóm riêng của Chân sư, nhóm bên trong của Ngài, lớn hơn và sâu rộng hơn nhiều so với nhóm bên ngoài ấy. Vì vậy, mặc dù theo một cách nào đó, Nhóm Hai Mươi Bốn Người (Nhóm Hạt Giống Mới) đã được đưa vào trong ashram, nhóm ấy không phải là chính ashram, mà chỉ là một phần mở rộng bên ngoài.

187. Those groups were only a few, not the *many* outer groups discussed above. There were and certainly are *now* many outer groups, working, for instance, in relation to Master DK's plans and more or less under His

187. Những nhóm ấy chỉ là một vài nhóm, chứ không phải *nhiều* nhóm bên ngoài được bàn đến ở trên. Đã từng có và chắc chắn *hiện nay* vẫn có nhiều nhóm bên ngoài, chẳng hạn những nhóm hoạt động liên quan đến

inspiration. Such groups probably have far fewer members who are technically members of His Ashrams than had the few groups organized in the 1930's and early 1940's.

các kế hoạch của Chân sư DK và ít nhiều dưới cảm hứng của Ngài. Những nhóm như thế có lẽ có số thành viên thực sự thuộc các ashram của Ngài theo nghĩa chuyên môn ít hơn nhiều so với một vài nhóm được tổ chức trong thập niên 1930 và đầu thập niên 1940.

188. We have, then, three types of groups.

188. Như vậy, chúng ta có ba loại nhóm.

a. many outer groups related to the Master

a. nhiều nhóm bên ngoài có liên hệ với Chân sư

b. a few intermediate groups directly related to His Ashram, affiliated with it and meant to be incorporated within it. (Such were the Groups of Nine and New Seed Group.)

b. một vài nhóm trung gian có liên hệ trực tiếp với ashram của Ngài, gắn kết với ashram và dự kiến sẽ được đưa vào trong ashram. (Các Nhóm Chín Người và Nhóm Hạt Giống Mới là những nhóm như thế.)

c. the Master's own group, an inner group, His particular group, which is the Ashram, per se.

c. nhóm của chính Chân sư, một nhóm bên trong, nhóm riêng của Ngài, chính là ashram.

An Ashram is **a subjective fusion of individuals and not of personalities, gathered together for service purposes**. It is a blending of individual activity into one whole—a whole which is united on objective and vision but which may (and frequently does) have differing methods and techniques. The work of the Ashram is essentially the presentation to the world of those service purposes which are carried forward as seems best to the individual disciple, under the "impression of the Master" and with the cooperation of His group. A group of disciples is not pledged to do the same type of work in the same way and at the same time. They are pledged to work under the inspiration of their soul, as their souls may direct and dictate, strengthened by contact with the Master and with each other. They are related to each other through identity of vision and of

Một ashram là **sự dung hợp chủ quan của các cá nhân chứ không phải của các phàm ngã, tập hợp lại vì các mục đích phụng sự**. Đó là sự hòa quyện hoạt động cá nhân thành một toàn thể—một toàn thể thống nhất về mục tiêu và tầm nhìn nhưng có thể (và thường là như vậy) có những phương pháp và kỹ thuật khác nhau. Về bản chất, công việc của ashram là trình bày với thế giới những mục đích phụng sự ấy, được mỗi đệ tử thực hiện theo cách mà y cho là tốt nhất, dưới "ấn tượng của Chân sư" và với sự hợp tác của nhóm của Ngài. Một nhóm đệ tử không cam kết thực hiện cùng một loại công việc, theo cùng một cách và vào cùng một thời điểm. Họ cam kết làm việc dưới cảm hứng của linh hồn mình, theo sự chỉ dẫn và định hướng của linh hồn họ, được củng cố nhờ sự tiếp xúc với Chân sư và với nhau. Họ liên hệ với nhau qua sự đồng nhất về tầm nhìn và rung động, cùng với sự tôn trọng lẫn

vibration, plus mutual respect and complete freedom—particularly the latter.

189. Master DK continues to define the Ashram. It is a "subjective fusion of individuals and not of personalities gathered together for service purposes". It is interesting and important to realize that "individuals" are not "personalities". So often these terms are used interchangeably and, thus, inaccurately. *The soul is the true individual.* Therefore, an Ashram is a subjective fusion of *souls.*

190. We see that the nature of the Ashram is inseparable from the concept of *service.*

191. From the perspective of activity, many types of individual activity are blended into a whole. The unity preserved by this blending refers to unity of objective and vision. The variety factor is preserved in relation to method and technique.

192. Through an Ashram, "service purposes" are presented to the world. The service rendered is under "the impression of the Master"; the Master's group cooperates in this presentation. But the service *purposes* may have very individual service *expressions* according to the individual nature of the various disciples within the Ashram. Disciples are given great latitude with respect to their mode of *expressing service purposes.* We have constantly to keep in mind the distinction between "service purposes" and methods of service.

193. DK deals with the concept of a *pledged group of disciples.* They are not pledged to identicalness of outer method. There pledge

nhau và tự do hoàn toàn—đặc biệt là điều sau cùng.

189. Chân sư DK tiếp tục định nghĩa ashram. Đó là một "sự dung hợp chủ quan của các cá nhân chứ không phải của các phàm ngã tập hợp lại vì các mục đích phụng sự". Thật thú vị và quan trọng khi nhận ra rằng "các cá nhân" không phải là "các phàm ngã". Những thuật ngữ này rất thường được dùng thay thế cho nhau, và vì thế, thiếu chính xác. *Linh hồn mới là cá nhân đích thực.* Do đó, một ashram là sự dung hợp chủ quan của *các linh hồn.*

190. Chúng ta thấy rằng bản chất của ashram không thể tách rời khái niệm *phụng sự.*

191. Từ góc độ hoạt động, nhiều loại hoạt động cá nhân hòa quyện thành một toàn thể. Sự thống nhất được gìn giữ qua sự hòa quyện này là sự thống nhất về mục tiêu và tầm nhìn. Yếu tố đa dạng được gìn giữ trong phương pháp và kỹ thuật.

192. Thông qua một ashram, "các mục đích phụng sự" được trình bày với thế giới. Việc phụng sự được thực hiện dưới "ấn tượng của Chân sư"; nhóm của Chân sư hợp tác trong việc trình bày này. Nhưng các *mục đích* phụng sự có thể có những cách *biểu hiện* phụng sự rất riêng biệt, tùy theo bản chất riêng của các đệ tử khác nhau trong ashram. Các đệ tử có quyền tự do rất lớn trong cách *biểu hiện các mục đích phụng sự.* Chúng ta phải luôn ghi nhớ sự khác biệt giữa "các mục đích phụng sự" và các phương pháp phụng sự.

193. Chân sư DK đề cập đến khái niệm về một *nhóm đệ tử đã lập lời cam kết.* Họ không cam kết phải giống hệt nhau về phương

commits them to no outer rigidity. An enforced outer uniformity would be a prison.

pháp bên ngoài. Lời cam kết của họ không ràng buộc họ vào bất kỳ sự cứng nhắc bên ngoài nào. Một sự đồng nhất bên ngoài bị cưỡng ép sẽ là một nhà tù.

194. The pledge is directed to the soul. Their soul (and not any outer expectation) is the source their inspiration, and to that source of inspiration they are pledged. The soul dictates the specific direction of their service expression. The Master and the Ashram determine the general "service purposes". The strength of the Master is their strength and the fellowship of the Ashram supports their strength. But the specific direction and the ways and means are their own, according to their best spiritual judgment.

194. Lời cam kết hướng đến linh hồn. Linh hồn của họ (chứ không phải bất kỳ kỳ vọng bên ngoài nào) là nguồn cảm hứng của họ, và họ cam kết với chính nguồn cảm hứng ấy. Linh hồn định hướng cụ thể cho cách biểu hiện phụng sự của họ. Chân sư và ashram xác định các "mục đích phụng sự" chung. Sức mạnh của Chân sư là sức mạnh của họ, và tình huynh đệ trong ashram nâng đỡ sức mạnh ấy. Nhưng phương hướng cụ thể cùng cách thức và phương tiện là do chính họ quyết định, theo sự phán đoán tinh thần tốt nhất của họ.

195. The proper method of disciplic relation is made completely clear: "They are related to each other through identity of vision and of vibration, plus mutual respect and complete freedom—particularly the latter." Thus, the ideal is enunciated. Disciples are to relinquish their 'supervision' of each other, their attitudes of approval or disapproval; they are to *trust the soul* of their brother and, therefore, to feel confident about leaving him in *complete freedom* as regards his methods of cooperation with the Ashram.

195. Cách thức đúng đắn trong quan hệ giữa các đệ tử được làm sáng tỏ hoàn toàn: "Họ liên hệ với nhau qua sự đồng nhất về tầm nhìn và rung động, cùng với sự tôn trọng lẫn nhau và tự do hoàn toàn—đặc biệt là điều sau cùng." Như vậy, lý tưởng đã được nêu rõ. Các đệ tử phải từ bỏ việc 'giám sát' lẫn nhau, từ bỏ thái độ tán thành hay không tán thành; họ phải *tin cậy linh hồn* của huynh đệ mình và do đó an tâm để người huynh đệ ấy được *tự do hoàn toàn* trong các phương pháp hợp tác với ashram.

As you ponder on this, I would ask you to realise that an Ashram is not a group of people, working under the tutelage of some Master. This is an important point to remember. It is—as said earlier—a magnetic point of tension, a fusion of [703] energies, directed towards a common centre and involving two magnetic factors:

Khi các bạn suy ngẫm về điều này, Tôi muốn các bạn nhận ra rằng một ashram không phải là một nhóm người làm việc dưới sự dìu dắt của một Chân sư nào đó. Đây là một điểm quan trọng cần ghi nhớ. Như đã nói trước đây, đó là một điểm tập trung nhất tâm mang từ tính, một sự dung hợp của [703] các năng lượng, hướng về một trung tâm chung và bao hàm hai yếu tố từ tính:

196. **We remember that individuals are not**

196. **Chúng ta nhớ rằng các cá nhân không**

people. Master DK offers this most prosaic[23] definition of an Ashram somewhat ironically. The picture painted is a parody of the deeper truth.

phải là *những con người*. Chân sư DK đưa ra định nghĩa hết sức tầm thường[24] này về một ashram với đôi chút mỉa mai. Bức tranh được phác họa là một sự biếm họa của chân lý sâu xa hơn.

197. DK prefers to define the Ashram in energic terms: "a magnetic point of tension, a fusion of energies directed towards a common center…" The 'personal factor' is entirely missing from this definition. Thinking 'personally' is a great glamor caused by *unrecognized habits of perception*. Souls *appear* as "people", but they are *not*. When we learn to see "people" as *souls,* our understanding of the true nature of an Ashram will immediately be transformed.

197. Chân sư DK thích định nghĩa ashram theo phương diện năng lượng: "một điểm tập trung nhất tâm có từ tính, một sự dung hợp các năng lượng hướng về một trung tâm chung…" Yếu tố 'cá nhân' hoàn toàn vắng mặt trong định nghĩa này. Suy nghĩ theo lối 'cá nhân' là một ảo cảm lớn do *những thói quen nhận thức chưa được nhận ra* gây nên. Các linh hồn *có vẻ* là "những con người", nhưng họ *không phải* như vậy. Khi chúng ta học cách nhìn "những con người" như *các linh hồn,* sự thấu hiểu của chúng ta về bản chất đích thực của một ashram sẽ lập tức chuyển đổi.

198. The magnetism of the Ashram draws those who are affiliated by ray, karma, and an orientation to *think* as the Master thinks. The "common center", of course, is the Master.

198. Từ điện của ashram thu hút những người có mối liên hệ về cung, nghiệp quả và có khuynh hướng *suy nghĩ* như Chân sư suy nghĩ. Dĩ nhiên, "trung tâm chung" chính là Chân sư.

1. A united urge towards group formation upon the mental plane. This is the higher correspondence to the herd instinct of the animal world and of the world of men, but is of a spiritual nature and quite differently motivated. The lower herd instinct is motivated largely by the instinct of self-preservation; the higher by the recognition of the immortal nature of the soul, and by the instinct to serve even with the sacrifice of oneself. The law of "death unto life" controls. When the magnetic pull of the

1. Một thôi thúc hợp nhất hướng tới việc hình thành nhóm trên cõi trí. Đây là sự tương ứng cao hơn của bản năng bầy đàn trong thế giới động vật và thế giới loài người, nhưng mang bản chất tinh thần và có động cơ hoàn toàn khác. Bản năng bầy đàn thấp chủ yếu do bản năng tự bảo tồn thúc đẩy; bản năng cao hơn do sự nhận biết bản chất bất tử của linh hồn và bản năng phụng sự, ngay cả khi phải hi sinh bản thân mình, thúc đẩy. Định luật "chết để bước vào sự sống" chi phối. Khi sức hút từ tính của nhóm đủ

23 không sáng tạo, nôm na, tầm thường,

[24] không sáng tạo, nôm na, tầm thường,

group is adequately strong, then comes the death of the personality life. Until, therefore, the group of disciples in all its parts expresses this outgoing sacrificial urge, it is not an Ashram.

mạnh, đời sống phàm ngã sẽ đi đến chỗ chết. Vì vậy, chừng nào nhóm đệ tử chưa biểu lộ thôi thúc hi sinh hướng ra bên ngoài này trong mọi thành phần của mình, thì nhóm ấy chưa phải là một ashram.

199. Although **the majority of Ashrams are now upon the buddhic plane,** such Ashrams have their *mental layer;* members of the same Ashram are, as we have understood, gathered together in *thought*.

199. Mặc dù **hiện nay phần lớn các ashram đều ở trên cõi Bồ đề,** những ashram ấy vẫn có *tầng trí tuệ;* như chúng ta đã thấu hiểu, các thành viên của cùng một ashram quy tụ với nhau trong *tư tưởng*.

200. It is interesting to see DK relating the "united urge" which helps to gather disciples upon the mental plane to the "herd instinct". So, one of the "magnetic factors" which characterizes an Ashram is a kind of 'mental magnetism' which is of a spiritual nature and spiritually motivated.

200. Thật thú vị khi thấy Chân sư DK liên hệ "thôi thúc hợp nhất" giúp quy tụ các đệ tử trên cõi trí với "bản năng bầy đàn". Vì vậy, một trong những "yếu tố từ tính" đặc trưng cho một ashram là một loại 'từ điện trí tuệ' mang bản chất tinh thần và có động cơ tinh thần.

201. The normal herd instinct serves the instinct of self-preservation. The higher (and spiritual) instinct to gather is based upon soul recognition and upon "the instinct to serve even with the sacrifice of oneself."

201. Bản năng bầy đàn thông thường phục vụ bản năng tự bảo tồn. Bản năng quy tụ cao hơn (và mang tính tinh thần) đặt nền tảng trên sự nhận biết linh hồn và trên "bản năng phụng sự, ngay cả khi phải hi sinh bản thân mình."

202. Members of an Ashram are gathered together for the sake of service and sacrifice—both of which are deeply imbedded '*soul* instincts'.

202. Các thành viên của một ashram quy tụ với nhau vì phụng sự và hi sinh—cả hai đều là những bản năng ăn sâu trong '*linh hồn*'.

203. DK states a law which prevails in relation to the Ashram—the law of "death unto life". We can sense the Scorpionic/Piscean quality of this law. The planet Pluto is involved and with it, the idea of death and resurrection. Self-immolation is suggested and a rising from one's ashes into new life.

203. Chân sư DK nêu một định luật chi phối ashram—định luật "chết để bước vào sự sống". Chúng ta có thể cảm nhận phẩm tính Hổ Cáp/Song Ngư của định luật này. Hành tinh Sao Diêm Vương có liên quan, và cùng với nó là ý tưởng về cái chết và sự phục sinh. Điều này gợi lên sự tự thiêu và việc từ tro tàn của chính mình trỗi dậy bước vào cuộc sống mới.

204. We are learning that membership in an

204. Chúng ta đang học rằng việc trở thành

Ashram means the "death" of certain factors and tendencies in the human energy system. Such membership leads to the "death of the personality life" which occurs effectively at the fourth initiation.

thành viên của một ashram hàm nghĩa "cái chết" của một số yếu tố và khuynh hướng trong hệ thống năng lượng con người. Tư cách thành viên ấy dẫn đến "cái chết của đời sống phàm ngã", điều thực sự diễn ra ở lần điểm đạo thứ tư.

205. If a group wonders whether it is really a part of an Ashram, it is given a standard which must be fulfilled. A group of disciples, "in all its parts" must express this "outgoing sacrificial urge" in order to qualify as an Ashram.

205. Nếu một nhóm tự hỏi liệu mình có thực sự là một phần của ashram hay không, thì có một tiêu chuẩn mà nhóm ấy phải đáp ứng. Một nhóm đệ tử, "trong mọi thành phần của mình", phải biểu lộ "thôi thúc hi sinh hướng ra bên ngoài" này để hội đủ điều kiện là một ashram.

206. We note that the urge is "outgoing", meaning that it reaches humanity in service. Sacrifice is motivated by the urge to serve and save and, eventually, by the Will-to-Serve and the Will-to-Save.

206. Chúng ta lưu ý rằng thôi thúc ấy "hướng ra bên ngoài", nghĩa là vươn tới nhân loại trong sự phụng sự. Sự hi sinh do thôi thúc phụng sự và cứu rỗi thúc đẩy, và cuối cùng là do Ý Chí-Phụng sự và Ý Chí-Cứu Rỗi.

207. We can understand that the Great Ashram which is gathered by Sanat Kumara (and which comprises the entirety of the Spiritual Hierarchy) is greatly animated by the sacrificial urge, in reflection of Their great Exemplar—the "Great Sacrifice" Himself.

207. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng ashram vĩ đại do Sanat Kumara quy tụ (bao gồm toàn thể Thánh đoàn) được thôi thúc hi sinh tiếp sinh lực mạnh mẽ, phản ánh Tấm Gương vĩ đại của Các Ngài—chính "Đấng Hi Sinh Vĩ Đại".

2. The magnetic pull of the positive centre at the very heart of the group; that means the magnetic pull of the Master. As you well know, theoretically at least, at the centre of the Ashram stands ever the Master, or else an initiate or a world disciple. His task is to blend and fuse the energies, tendered and proffered by the group (under the urge to serve) and to indicate the field of service. The mode of this instinctual activity is called occult obedience and this is voluntarily rendered and unitedly followed. When any group—working in this way under a Master—is moved by one spiritual impulse

2. Sức hút từ tính của trung tâm dương tính ngay tại tâm điểm của nhóm; điều đó có nghĩa là sức hút từ tính của Chân sư. Như các bạn biết rõ, ít nhất về mặt lý thuyết, ở trung tâm ashram luôn có Chân sư, hoặc một điểm đạo đồ hay một đệ tử thế giới. Nhiệm vụ của Ngài là hòa trộn và dung hợp các năng lượng mà nhóm hiến dâng và trao tặng (dưới thôi thúc phụng sự), đồng thời chỉ ra lĩnh vực phụng sự. Phương thức của hoạt động bản năng này được gọi là sự tuân phục huyền bí; sự tuân phục ấy được thực hiện một cách tự nguyện và mọi người đồng lòng noi theo. Khi bất kỳ nhóm nào—hoạt động theo cách này

and functions through one firm organisation (like electrons around the positive nucleus in an atom), the potency of the group will become immediately effective and not before.

dưới sự dẫn dắt của một Chân sư—được thúc đẩy bởi một xung lực tinh thần duy nhất và vận hành thông qua một tổ chức vững chắc duy nhất (như các điện tử quanh hạt nhân dương tính trong một nguyên tử), thì sức mạnh của nhóm sẽ lập tức phát huy hiệu quả, và chỉ khi ấy mới có thể như vậy.

208. Here the Master is viewed as the "heart" of the Ashram rather than its "will" or "spirit".

208. Ở đây, Chân sư được xem là "trái tim" của ashram hơn là "ý chí" hay "tinh thần" của ashram.

209. The disciples entering an Ashram are, therefore, following a type of magnetism which draws them together on the mental plane (as discussed in point one), but they are also drawn to the Master as a great magnetic center.

209. Vì vậy, các đệ tử gia nhập một ashram đang đi theo một loại từ điện thu hút họ quy tụ trên cõi trí (như đã bàn ở điểm thứ nhất), nhưng họ cũng được thu hút đến với Chân sư như một trung tâm từ tính lớn.

210. We learn something interesting about the magnetic centers of Ashrams. Usually, at the center of any Ashram is to be found a Master, but lesser Ashrams can also be found gathered around "an initiate or a world disciple". In such cases, it would seem necessary that the initiate be an initiate of the fourth degree and that the world disciple be of that rank as well. It does not seem possible that an initiate of the third degree can stand at the center of a true Ashram.

210. Chúng ta học được một điều thú vị về các trung tâm từ tính của những ashram. Thông thường, ở trung tâm của bất kỳ ashram nào cũng có một Chân sư, nhưng cũng có những ashram nhỏ hơn quy tụ quanh "một điểm đạo đồ hay một đệ tử thế giới". Trong những trường hợp ấy, dường như điểm đạo đồ cần phải là một điểm đạo đồ bậc bốn, và đệ tử thế giới cũng phải ở cấp bậc ấy. Dường như một điểm đạo đồ bậc ba không thể đứng ở trung tâm của một ashram đích thực.

211. The magnetic center of the Ashram *blends* and *fuses* the proffered[25] energies of the ones who are gathered; He (the Master) also indicates the field of service. We understand these actions of the center point as occurring along both the first and second ray lines. *Blending and fusing* correlate with

211. Trung tâm từ tính của ashram *hòa trộn* và *dung hợp* những năng lượng được hiến dâng[26] của những người quy tụ; Ngài (Chân sư) cũng chỉ ra lĩnh vực phụng sự. Chúng ta thấu hiểu rằng những hoạt động này của điểm trung tâm diễn ra theo cả đường hướng cung một lẫn cung hai. *Hòa trộn và dung hợp*

25 dâng, hiến, biếu, tặng;

[26] dâng, hiến, biếu, tặng;

the second ray line and *indicating the field of service* is a *directorial* function along the first ray line.

212. DK gives us another insight on the nature of "occult obedience". Disciples tender and proffer their energies to the center of the Ashram under the "urge to serve". When they do so, they begin to function with "occult obedience" which is "voluntarily rendered"; the directing will of the Master or center is "voluntarily… and unitedly followed".

213. We understand that "occult obedience" is never compulsory, but is willingly given, and is stimulated by the Ashram as a "magnetic point of tension". Occult obedience is, first of all, given to the Divine Plan (as understood by the disciple), but since the Master of the Ashram and His Ashram faithfully represent the Divine Plan, **occult obedience is also offered to the Master and to the prevailing rules and practices of the Ashram**.

I would at this point indicate to you that the so-called inner Ashram is to the outer group what the soul and its vision is to the individual disciple, working in his personality vehicles. It is the place of interior resort. Disciples can, therefore, grasp their growth towards fusion as an Ashram (in process of physical exteriorisation) by the development of their spiritual recognition of the inner group potency and their facility to contact the Master—both as individuals or in group formation.

tương ứng với đường hướng cung hai, còn *chỉ ra lĩnh vực phụng sự* là một chức năng *chỉ đạo* theo đường hướng cung một.

212. Chân sư DK cho chúng ta thêm một sự thấu suốt về bản chất của "sự tuân phục huyền bí". Các đệ tử hiến dâng và trao tặng năng lượng của mình cho trung tâm ashram dưới "thôi thúc phụng sự". Khi làm như vậy, họ bắt đầu hoạt động với "sự tuân phục huyền bí", một sự tuân phục "được thực hiện một cách tự nguyện"; họ "tự nguyện… và đồng lòng tuân theo" ý chí chỉ đạo của Chân sư hay trung tâm.

213. Chúng ta thấu hiểu rằng "sự tuân phục huyền bí" không bao giờ mang tính cưỡng ép, mà được trao đi một cách tự nguyện, và được ashram khơi dậy với tư cách là một "điểm tập trung nhất tâm có từ tính". Trước hết, sự tuân phục huyền bí hướng tới Thiên Cơ (theo sự thấu hiểu của đệ tử), nhưng vì Chân sư của ashram và ashram của Ngài đại diện trung thành cho Thiên Cơ, nên **sự tuân phục huyền bí cũng được dành cho Chân sư và cho các quy luật cùng những phương thức thực hành hiện hành của ashram**.

Ở điểm này, Tôi muốn chỉ ra cho các bạn rằng mối quan hệ giữa cái gọi là ashram bên trong với nhóm bên ngoài cũng giống như mối quan hệ giữa linh hồn cùng tầm nhìn của linh hồn với từng đệ tử đang hoạt động trong các hiện thể phàm ngã của mình. Đó là nơi nương tựa nội tâm. Vì vậy, các đệ tử có thể nhận biết sự phát triển của mình hướng tới sự dung hợp thành một ashram (đang trong tiến trình hiển lộ ở cõi hồng trần) qua sự phát triển khả năng nhận biết tinh thần về sức mạnh của nhóm bên trong và khả năng tiếp xúc với Chân sư—dù với tư cách cá nhân hay trong đội hình nhóm.

214. An important analogy is given so that we can keep in mind certain parallels between microcosmic process and group process.

214. Một phép tương đồng quan trọng được đưa ra để chúng ta có thể ghi nhớ một số điểm song song giữa tiến trình tiểu thiên địa và tiến trình nhóm.

215. The "inner Ashram" is likened to the soul and its vision. The outer group is likened to the individual disciple.

215. "Ashram bên trong" được ví với linh hồn và tầm nhìn của linh hồn. Nhóm bên ngoài được ví với từng đệ tử.

216. Why is the "inner Ashram" named the "*so-called* inner Ashram"? We have already seen this inner grouping which is the particular group of the Master described in various ways. A Master works closely with both His inner group and the outer groups which are closely affiliated with the inner group. There is a distinction, however. Members of the inner Ashram experience "Ashramic intimacy" to a higher degree than will those who are members only of the outer groups.

216. Tại sao "ashram bên trong" lại được gọi là "*cái gọi là* ashram bên trong"? Chúng ta đã thấy tập hợp bên trong này, vốn là nhóm riêng của Chân sư, được mô tả theo nhiều cách khác nhau. Một Chân sư làm việc chặt chẽ với cả nhóm bên trong của Ngài lẫn các nhóm bên ngoài có liên hệ mật thiết với nhóm bên trong. Tuy nhiên, có một sự khác biệt. Các thành viên của ashram bên trong trải nghiệm "sự thân mật trong ashram" ở mức độ cao hơn những người chỉ là thành viên của các nhóm bên ngoài.

217. The inner Ashram is defined as "the place of interior resort". Its protective function is thus emphasized. It is a 'place' of spiritual refuge and spiritual re-affirmation. It is a 'place' to which the ashramic members 'retreat' for purposes of 'recharging' and for inspiration and strengthening. The manner of seeking 'interior resort' is through meditative alignment.

217. Ashram bên trong được định nghĩa là "nơi nương tựa nội tâm". Như vậy, chức năng bảo vệ của nó được nhấn mạnh. Đó là một 'nơi' nương náu về tinh thần và tái khẳng định tinh thần. Đó là một 'nơi' mà các thành viên ashram 'lui về' nhằm 'nạp lại năng lượng', đón nhận cảm hứng và củng cố sức mạnh. Cách tìm kiếm 'nơi nương tựa nội tâm' là thông qua sự chỉnh hợp trong tham thiền.

218. DK's small external groups were to grow towards "fusion as an Ashram" during the process of physical exteriorization which He had instituted. If the membership of these groups found in themselves an increasing spiritual recognition of the "inner group potency" (i.e. the potency of the inner Ashram) and if their facility to contact the Master, both as individuals and in group formation, was growing, they would know

218. Các nhóm nhỏ bên ngoài của Chân sư DK sẽ phát triển hướng tới "sự dung hợp thành một ashram" trong tiến trình hiển lộ ở cõi hồng trần mà Ngài đã khởi xướng. Nếu các thành viên của những nhóm này nhận thấy trong mình khả năng nhận biết tinh thần ngày càng tăng về "sức mạnh của nhóm bên trong" (tức là sức mạnh của ashram bên trong), và nếu khả năng tiếp xúc với Chân sư của họ, cả với tư cách cá nhân lẫn trong đội

that their process of "fusion as an Ashram" was proceeding correctly.

hình nhóm, đang phát triển, thì họ sẽ biết rằng tiến trình "dung hợp thành một ashram" của mình đang diễn ra đúng hướng.

219. All this suggests that the outer groups *must* come into increasingly close rapport with the inner group (the inner Ashram) and with the Master at its heart.

219. Tất cả điều này gợi ý rằng các nhóm bên ngoài *phải* ngày càng thiết lập mối giao cảm chặt chẽ với nhóm bên trong (ashram bên trong) và với Chân sư ở tâm điểm của nhóm ấy.

One of the things which a Master has to do is to teach His disciples to study and register truthfully their usual point of [704] daily focus. This constitutes the true introspective training, and when followed sanely and wisely leads to the realisation of the true, persistent, inner level of consciousness; it fosters also a recognition of the need to overcome limitation (frequently not the limitations usually registered) and the necessity for breaking the barriers imposed by the personality. This whole process might be summed up in the following words: The purpose of the Ashram and the training which it gives is to enable the disciple to live truly on every plane which he has succeeded in opening up to his consciousness. It is important to remember that no one is integrated into an Ashram until he has pierced beyond the confines of the purely personal levels of awareness; until he is sensitive to the ray and quality of the Master of the Ashram, and until he is normally soul conscious. The achievement of this involves great responsibility, and it is the shouldering of this responsibility which brings about the first indications of what I might call "ashramic consciousness"—a consciousness devoid of self-interest and always preoccupied with the essentials of spiritual living.

Một trong những việc Chân sư phải làm là dạy các đệ tử của Ngài khảo sát và ghi nhận trung thực điểm tập trung [704] thường lệ hằng ngày của mình. Điều này tạo thành sự huấn luyện nội quan đích thực, và khi được thực hiện một cách lành mạnh, minh triết, sẽ dẫn đến sự nhận biết cấp độ tâm thức bên trong đích thực và bền vững; nó cũng nuôi dưỡng sự nhận biết nhu cầu vượt qua giới hạn (thường không phải những giới hạn vẫn thường được ghi nhận) và sự cần thiết phải phá vỡ những rào cản do phàm ngã dựng lên. Toàn bộ tiến trình này có thể được tóm lược bằng những lời sau: Mục đích của ashram và sự huấn luyện mà ashram cung cấp là giúp đệ tử sống thực sự trên mọi cõi mà y đã thành công trong việc khai mở cho tâm thức của mình. Cần nhớ rằng không ai được tích hợp vào một ashram cho đến khi đã xuyên vượt những giới hạn của các cấp độ nhận biết thuần túy cá nhân; cho đến khi nhạy cảm với cung và phẩm tính của Chân sư chủ trì ashram, và cho đến khi thường xuyên có tâm thức linh hồn. Đạt được điều này bao hàm trách nhiệm lớn lao, và chính việc gánh vác trách nhiệm ấy đem lại những dấu hiệu đầu tiên của điều Tôi có thể gọi là "tâm thức ashram"—một tâm thức không có tư lợi và luôn chú tâm đến những điều cốt yếu của đời sống tinh thần.

220. Perhaps few of us are so introspectively

220. Có lẽ ít người trong chúng ta có sự nhạy

astute[27] that we infallibly understand the nature and level of our "usual point of daily focus". One must pause to assess this.

221. The introspective task of attempting to determine the level of this focus (if followed wisely and sanely—i.e. by avoiding all tendency towards morbid introspection) brings the inner levels of conscious into increasing realization. The obstacles which hold consciousness to a certain level will also be more readily perceived and the need to overcome such limiting obstacles will also intensify.

222. DK hints that the limitations discovered in this introspective process will not necessarily be the ones which are usually registered by the disciple. This is a general truth. In the training offered by DK, He confronted His chelas with an awareness of certain of their limitations which were entirely unknown to them. They had thought their major limitations were other than the ones DK considered still more hampering.

223. The Master offers a most practical description of ashramic purpose and process: through the measures taken during ashramic training, a disciple is taught to "live truly on every plane" which may be in process of opening to his awareness. We all know that we have various kinds of awareness of various planes, but we are far from "living truly" on those planes. Ashramic training makes this possible. Eventually we will become *master* of and on

bén nội quan đến mức[28] có thể thấu hiểu không sai lầm bản chất và cấp độ của "điểm tập trung thường lệ hằng ngày" của mình. Mỗi người cần dừng lại để đánh giá điều này.

221. Công việc nội quan nhằm xác định cấp độ của điểm tập trung này (nếu được thực hiện một cách minh triết và lành mạnh—tức là tránh mọi khuynh hướng nội quan bệnh hoạn) giúp chúng ta ngày càng nhận biết rõ các cấp độ tâm thức bên trong. Những chướng ngại giữ tâm thức ở một cấp độ nhất định cũng sẽ dễ được nhận thấy hơn, và nhu cầu vượt qua những chướng ngại gây giới hạn ấy cũng sẽ trở nên mạnh mẽ hơn.

222. Chân sư DK gợi ý rằng những giới hạn được khám phá trong tiến trình nội quan này không nhất thiết là những giới hạn mà đệ tử thường ghi nhận. Đây là một chân lý chung. Trong sự huấn luyện do Chân sư DK cung cấp, Ngài khiến các đệ tử của mình phải đối diện với việc nhận biết một số giới hạn mà trước đó họ hoàn toàn không hay biết. Họ từng nghĩ những giới hạn chính của mình khác với những giới hạn mà Chân sư DK xem là còn gây trở ngại nhiều hơn.

223. Chân sư đưa ra một mô tả hết sức thực tiễn về mục đích và tiến trình của ashram: thông qua những biện pháp áp dụng trong quá trình huấn luyện tại ashram, đệ tử được dạy cách "sống thực sự trên mọi cõi" có thể đang dần khai mở cho sự nhận biết của y. Tất cả chúng ta đều biết mình có nhiều hình thức nhận biết khác nhau về các cõi khác nhau, nhưng chúng ta còn lâu mới "sống thực sự" trên những cõi ấy. Sự huấn luyện tại ashram khiến điều này trở nên khả thi.

---

27 sắc sảo, tinh khôn

[28] sắc sảo, tinh khôn

all those planes and will manifest as a Master of the Wisdom.

Cuối cùng, chúng ta sẽ *làm chủ* tất cả những cõi ấy và hoạt động thành thạo trên đó, rồi biểu hiện như một Chân sư Minh Triết.

224. The members of an Ashram naturally function in relation to more planes than will the average individual. DK reminds us that no one is admitted into an Ashram until he has pierced beyond the normal, *personal* ring-pass-nots, and is sensitive to the ray and quality of the Master and His Ashram. Ashramic membership is reserved for those who are at least beginning to live as souls. For such individuals, their "normal" consciousness is "soul consciousness".

224. Dĩ nhiên, các thành viên của một ashram hoạt động trong mối liên hệ với nhiều cõi hơn một cá nhân bình thường. Chân sư DK nhắc chúng ta rằng không ai được thu nhận vào một ashram cho đến khi đã xuyên vượt những vòng-giới-hạn thông thường mang tính *cá nhân*, và nhạy cảm với cung cùng phẩm tính của Chân sư và ashram của Ngài. Tư cách thành viên ashram dành cho những người ít nhất đã bắt đầu sống như những linh hồn. Đối với những cá nhân như vậy, tâm thức "bình thường" của họ là "tâm thức linh hồn".

225. When "soul consciousness" is beginning to be one's "normal" state of consciousness, there dawns a tremendous sense of responsibility. If this responsibility is properly "shouldered" it will be an indication that the responsible and responding disciple is moving towards "ashramic consciousness". We begin to realize how 'joyfully burdensome' it is to be a member of an Ashram!

225. Khi "tâm thức linh hồn" bắt đầu trở thành trạng thái tâm thức "bình thường" của một người, một ý thức trách nhiệm hết sức lớn lao bắt đầu xuất hiện. Nếu trách nhiệm này được "gánh vác" đúng cách, điều đó sẽ cho thấy người đệ tử có trách nhiệm và biết đáp ứng đang tiến tới "tâm thức ashram". Chúng ta bắt đầu nhận ra việc trở thành thành viên của một ashram thật 'nặng gánh mà hoan hỉ' biết bao!

226. True "ashramic consciousness", as here defined, is "devoid of self-interest and always preoccupied with the essentials of spiritual living". Ashramic membership is for those who have 'shed the self'—at least the *lower self*. The defeat of the normal ego is an inevitable result of ashramic affiliation in its early stages. That little ego is considered a blockage to the enterprises which engage the members of the Ashram. It must go, and along with it all traces of self interest.

226. "Tâm thức ashram" đích thực, như được định nghĩa ở đây, là "không có tư lợi và luôn chú tâm đến những điều cốt yếu của đời sống tinh thần". Tư cách thành viên ashram dành cho những người đã 'rũ bỏ cái tôi'—ít nhất là *phàm ngã*. Sự thất bại của cái tôi thông thường là kết quả tất yếu của mối liên hệ với ashram trong những giai đoạn đầu. Cái tôi nhỏ bé ấy được xem là một chướng ngại đối với những công việc mà các thành viên ashram đang đảm nhiệm. Nó phải biến mất, và cùng với nó là mọi dấu vết của tư lợi.

227. Let every disciple take into

227. Mỗi đệ tử hãy xem xét điều mình cho là

consideration what he thinks to be "the essentials of spiritual living", and test to see whether his consciousness is preoccupied with those essentials!

"những điều cốt yếu của đời sống tinh thần", và kiểm nghiệm xem tâm thức mình có luôn chú tâm đến những điều cốt yếu ấy hay không!

The primary preoccupation of chelas at the beginning of their technical training is of a very varied nature and the Ashram life is usually merely an interesting background for daily experience and not the factor of importance which it should be, and not the main interest in the foreground of the consciousness. The necessities of daily living, the many and diverse family contacts, the resentments against life and its impacts, a dislike of criticism and of being misunderstood, the many problems of character, the pressures of psychic unfoldment and the pettinesses of circumstance frequently loom so large that awareness of the Ashram and its life is only an occasional inspiration instead of a fixed habit of life. The ability to make comparisons to the detriment of others (particularly of one's own fellow disciples or of one's own circumstances), the fear to let go and throw all one is and has into the life of the Ashram, foreboding as to the future and a host of mental thoughtforms, plus undue attention to the cyclic life of the physical body, present the Master with an appalling picture of the liabilities with which He is confronted. The factor of the attitude of the Master is one which disciples are very [705] apt to forget because they are so basically interested in themselves and in their reactions and problems.

Mối quan tâm chủ yếu của các đệ tử khi bắt đầu sự huấn luyện chuyên môn rất đa dạng, và đời sống ashram thường chỉ là một bối cảnh thú vị cho trải nghiệm hằng ngày, chưa phải là yếu tố quan trọng đúng như nó cần phải là, cũng chưa phải là mối quan tâm chính ở vị trí hàng đầu trong tâm thức. Những nhu cầu của đời sống hằng ngày, nhiều mối tiếp xúc gia đình đa dạng, sự oán giận đối với cuộc sống và những tác động của nó, sự không thích bị phê bình và hiểu lầm, nhiều vấn đề về tính cách, áp lực của sự khai mở thông linh và những chuyện vụn vặt của hoàn cảnh thường trở nên lớn đến mức sự nhận biết về ashram và đời sống của nó chỉ là một nguồn cảm hứng thỉnh thoảng xuất hiện, thay vì một thói quen sống bền vững. Khả năng đưa ra những so sánh bất lợi cho người khác (đặc biệt cho các đệ tử đồng môn hoặc cho hoàn cảnh của chính mình), nỗi sợ buông bỏ và dốc toàn bộ con người cùng mọi thứ mình có vào đời sống ashram, những dự cảm bất an về tương lai và vô số hình tư tưởng trí tuệ, cộng với sự chú ý quá mức đến đời sống theo chu kỳ của thể xác, bày ra trước Chân sư một bức tranh đáng kinh hoàng về những trở lực mà Ngài phải đối diện. Thái độ của Chân sư là một yếu tố mà các đệ tử rất [705] dễ quên, vì về cơ bản họ quá quan tâm đến bản thân cùng những phản ứng và vấn đề của mình.

228. DK discusses the usual preoccupations of chelas as they begin their technical training with an Ashram. The Ashram is seen as an "interesting background" for their usual daily experience, rather than

228. Chân sư DK bàn về những mối quan tâm thường lệ của các đệ tử khi họ bắt đầu sự huấn luyện chuyên môn trong một ashram. Họ xem ashram như một "bối cảnh thú vị" cho trải nghiệm thường nhật, thay vì dành

occupying a place in the forefront of their consciousness. It might be said that their sense of values is not yet properly adjusted.

cho nó một vị trí hàng đầu trong tâm thức. Có thể nói rằng ý thức về các giá trị của họ chưa được điều chỉnh đúng mức.

229. DK offers us a catalogue of the usual preoccupations (and troubles) which prevent ordinary disciples from placing the Ashram first. For them, awareness of the Ashram serves only as "an occasional inspiration instead of a fixed habit of life".

229. Chân sư DK đưa ra cho chúng ta một danh mục những mối quan tâm thường lệ (và những phiền toái) ngăn cản các đệ tử thông thường đặt ashram lên hàng đầu. Đối với họ, sự nhận biết về ashram chỉ đóng vai trò như "một nguồn cảm hứng thỉnh thoảng xuất hiện, thay vì một thói quen sống bền vững".

230. Obviously, it takes considerable esoteric skill to live with a constant awareness of the Ashram and still tend efficiently to all that must be done. This is a great test for the disciple; can he infuse his daily affairs with ashramic quality? It will be found, I think, that if one lives with consistent ashramic awareness, that which must be done in the course of life in the three worlds will be *better* done. This remains for each disciple to prove.

230. Rõ ràng, cần có kỹ năng nội môn đáng kể để sống với sự nhận biết liên tục về ashram mà vẫn giải quyết hiệu quả mọi việc cần làm. Đây là một thử thách lớn đối với đệ tử; liệu y có thể thấm nhuần phẩm tính ashram vào những công việc hằng ngày của mình không? Tôi nghĩ chúng ta sẽ thấy rằng nếu một người sống với sự nhận biết nhất quán về ashram, thì những việc cần làm trong đời sống ở ba cõi giới sẽ được thực hiện *tốt hơn*. Điều này vẫn cần mỗi đệ tử tự chứng minh.

231. We are presented with an "appalling picture of... liabilities" which confronts the Master as He surveys the psychological state of aspirants and disciples. Each of us will find ourselves involved with one or more of the various detrimental factors. These, of course, must be released and overcome if we are to enter into greater intimacy with ashramic process and with the Master.

231. Chúng ta được thấy một "bức tranh đáng kinh hoàng về... những trở lực" mà Chân sư phải đối diện khi Ngài khảo sát trạng thái tâm lý của những người chí nguyện và các đệ tử. Mỗi người trong chúng ta sẽ thấy mình vướng vào một hay nhiều yếu tố bất lợi khác nhau ấy. Dĩ nhiên, chúng ta phải buông bỏ và vượt qua chúng nếu muốn bước vào mối quan hệ mật thiết hơn với tiến trình ashram và với Chân sư.

232. One must wonder at the extraordinary patience of the Master as He persists with His program of spiritual training in the face of all these obstacles. What will it take for us to put that *point of tension* which the Ashram represents *in first place*, and all the

232. Chúng ta không khỏi kinh ngạc trước lòng kiên nhẫn phi thường của Chân sư khi Ngài kiên trì với chương trình huấn luyện tinh thần của mình giữa tất cả những chướng ngại này. Cần có điều gì để chúng ta đặt *điểm tập trung nhất tâm* mà ashram đại

points of extension (represented by our preoccupations) second?

233. In an effort to decentralize us, Master DK presents us with the Master's problem. The Master certainly does not need our commiseration, but He certainly needs our understanding. Perhaps if we see our lives from His point of view, we will sooner disengage from those preoccupations which often render His attempts on our behalf futile.

It might here be noted that disciples in an Ashram are primarily occupied with world affairs. As a group they are pledged to world work; as individuals, they are learning so to work. Would-be disciples need to distinguish between the effect (magnetic and dynamic) of the group and the conscious effort which the group may make, under united desire and the direction of the Master, to reach the minds of those directing world affairs and world happenings. The outer happenings are, to a certain point, predictable; they are the precipitated effects of hidden causes which lie deep in the subconsciousness of humanity. These can be noted and (up to a certain point) offset or stimulated by the group potency. This is one of the major tasks of the Hierarchy. The Masters work in the light and in the realm of causes. Disciples are as yet necessarily involved in the world of effects and, therefore, of illusion.

234. Members of an Ashram have a 'planetarized' consciousness. They have transcended concern with strictly personal

diện *lên hàng đầu*, và đặt mọi *điểm mở rộng* (do những mối bận tâm của chúng ta đại diện) xuống hàng thứ hai?

233. Trong nỗ lực giúp chúng ta phi tập trung vào bản thân, Chân sư DK trình bày với chúng ta vấn đề mà Chân sưphải đối diện. Chắc chắn Chân sư không cần chúng ta thương cảm, nhưng Ngài chắc chắn cần sự thấu hiểu của chúng ta. Có lẽ nếu nhìn cuộc sống của mình từ quan điểm của Ngài, chúng ta sẽ sớm thoát khỏi những mối bận tâm thường khiến những nỗ lực Ngài dành cho chúng ta trở nên vô ích.

Ở đây có thể lưu ý rằng các đệ tử trong một ashram chủ yếu quan tâm đến các vấn đề thế giới. Với tư cách một nhóm, họ cam kết thực hiện công việc thế giới; với tư cách cá nhân, họ đang học cách làm việc như vậy. Những người mong trở thành đệ tử cần phân biệt giữa tác động (từ tính và năng động) của nhóm với nỗ lực có ý thức mà nhóm có thể thực hiện, dưới sự thúc đẩy của dục vọng hợp nhất và sự chỉ đạo của Chân sư, nhằm tiếp cận thể trí của những người đang điều hành các vấn đề và biến cố thế giới. Đến một mức độ nhất định, có thể dự đoán các biến cố bên ngoài; chúng là những hệ quả đã ngưng tụ từ các nguyên nhân ẩn kín nằm sâu trong tiềm thức của nhân loại. Nhóm có thể nhận biết những hệ quả này và (đến một mức độ nhất định) dùng sức mạnh của mình để hóa giải hoặc kích thích chúng. Đây là một trong những nhiệm vụ chính của Thánh đoàn. Các Chân sư làm việc trong ánh sáng và trong lĩnh vực nguyên nhân. Các đệ tử hiện vẫn tất yếu vướng mắc trong thế giới hệ quả và do đó, trong ảo tưởng.

234. Các thành viên của một ashram có tâm thức đã được 'hành tinh hóa'. Họ đã vượt qua mối quan tâm đến những vấn đề thuần túy

issues and are "occupied with world affairs". They, thus, think in larger terms than will the average disciple.

cá nhân và đang "quan tâm đến các vấn đề thế giới". Do đó, họ suy nghĩ trong một phạm vi rộng lớn hơn người đệ tử thông thường.

235. The ashramic group is, as a whole, ahead of some of its individual members. There is a group-pledge to aid in "world work". The various members are responding to this pledge and learning to work in this way.

235. Xét như một toàn thể, nhóm ashram đi trước một số thành viên riêng lẻ của mình. Nhóm có một lời cam kết chung nhằm hỗ trợ "công việc thế giới". Các thành viên đang đáp ứng lời cam kết này và học cách làm việc theo hướng ấy.

236. DK is trying to give us an understanding of the scope of ashramic work. The Hierarchy is concerned with the salvage of humanity *as a whole,* and members of an Ashram are pledged to the same project.

236. Chân sư DK đang cố gắng giúp chúng ta thấu hiểu phạm vi công việc của ashram. Thánh đoàn quan tâm đến việc cứu vớt nhân loại *như một toàn thể,* và các thành viên của một ashram cũng cam kết thực hiện cùng công trình ấy.

237. DK asks us to make an important distinction between group *effect* and group *effort.*

237. Chân sư DK yêu cầu chúng ta phân biệt một điều quan trọng giữa *tác động* của nhóm và *nỗ lực của nhóm.*

238. The causes of "outer happenings" in the world are described in an interesting way. There is a certain predictability to the trend of such happenings (arising as they do from causes lying deep within the subconscious nature of humanity). One of the important tasks of the Hierarchy and its Ashrams is to be aware of these tendencies toward the precipitation of the subconscious life and to offset them or stimulate them as needed.

238. Nguyên nhân của những "biến cố bên ngoài" trên thế giới được mô tả theo một cách thú vị. Xu hướng của những biến cố như vậy có thể dự đoán được ở một mức độ nhất định (vì chúng phát sinh từ những nguyên nhân nằm sâu trong bản chất tiềm thức của nhân loại). Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Thánh đoàn và các ashram của Thánh đoàn là nhận biết những khuynh hướng ngưng tụ này của đời sống tiềm thức và hóa giải hoặc kích thích chúng tùy theo nhu cầu.

239. In this respect, Hierarchy serves as a great *balancing factor.* The life and fate of humanity would have been far worse than can be imagined without the intelligence and compassionate balancing of forces initiated and supervised by Hierarchy.

239. Về phương diện này, Thánh đoàn đóng vai trò một *nhân tố cân bằng vĩ đại.* Nếu không có trí tuệ và sự cân bằng các mãnh lực đầy lòng từ bi do Thánh đoàn khởi xướng và giám sát, cuộc sống và vận mệnh của nhân loại hẳn đã tồi tệ hơn nhiều so với những gì có thể hình dung.

240. The sense of all this is that ashramic work is *world* work. Humanity is a great mass of seething, conflicted energies, and within this 'energic strife' Hierarchy must work. The Masters, as full members of Hierarchy, work in the light and, thus, with causes. Disciples cannot yet work this way and are still bound to the world of effects and under illusion. When they enter an Ashram, however, they are precipitated into a field of vast responsibility (and difficulty), and within this field (and though hampered by ignorance and illusion) they must somehow learn to work with increasingly effectiveness.

240. Tất cả những điều này hàm ý rằng công việc của ashram là công việc *thế giới*. Nhân loại là một khối năng lượng khổng lồ đang sục sôi và xung đột, và chính trong 'cuộc xung đột năng lượng' này, Thánh đoàn phải làm việc. Các Chân sư, với tư cách những thành viên đầy đủ của Thánh đoàn, làm việc trong ánh sáng và do đó, làm việc với các nguyên nhân. Các đệ tử chưa thể làm việc theo cách này và vẫn còn bị ràng buộc với thế giới hệ quả, chịu sự chi phối của ảo tưởng. Tuy nhiên, khi gia nhập một ashram, họ lập tức bước vào một lĩnh vực trách nhiệm bao la (và đầy khó khăn); trong lĩnh vực ấy (dù bị vô minh và ảo tưởng cản trở), bằng cách nào đó họ phải học cách làm việc ngày càng hiệu quả hơn.

To work dominantly with the focal points of spiritual energy upon the outer plane immediately involves certain factors:

Làm việc chủ yếu với các tiêu điểm năng lượng tinh thần trên cõi bên ngoài lập tức đòi hỏi một số yếu tố:

1. A deep unerring love which "sees" in the light. Love is truly the revealer.

1. Một tình thương sâu sắc, không sai lệch, có khả năng "thấy" trong ánh sáng. Tình thương thực sự là tác nhân mặc khải.

241. We remember that Ashrams are "focal points of spiritual energy" within humanity.

241. Chúng ta nhớ rằng các ashram là những "tiêu điểm năng lượng tinh thần" trong nhân loại.

242. The Hierarchy is the Hierarchy of Love. Only those who truly *love* are admitted into its ranks.

242. Thánh đoàn là Thánh đoàn của Tình thương. Chỉ những ai thực sự *yêu thương* mới được thu nhận vào hàng ngũ của Thánh đoàn.

243. We understand, from what is here said, that love brings accurate perception. If one loves, one will see.

243. Từ những điều nói ở đây, chúng ta thấu hiểu rằng tình thương mang lại sự nhận thức chính xác. Ai yêu thương thì sẽ thấy.

244. The sight motivated by love is *lighted* sight. Love sees the light in others and in the world. Love penetrates through and beyond the usual obscurations. Love sees behind

244. Cái nhìn do tình thương thúc đẩy là cái nhìn *được soi sáng*. Tình thương thấy ánh sáng nơi người khác và trong thế giới. Tình thương xuyên qua và vượt lên trên những

barriers to the soul in all things.

che khuất thông thường. Tình thương nhìn xuyên qua những rào cản để thấy linh hồn trong vạn vật.

245. Ashramic workers love deeply and see the light and, thus, the *light content* of all that is perceived is revealed.

245. Những người hoạt động trong ashram yêu thương sâu sắc và thấy ánh sáng; do đó, *phần ánh sáng hàm chứa* trong tất cả những gì họ nhận thức đều hiển lộ.

2. The power to withdraw completely, as individuals and as a group, from the world of physical reactions, emotional biases, and to work purely on mental levels. There the disciple is focussed in his lower mind, but consciously oriented towards the soul and is becoming increasingly sensitive to the intuition and towards the vision and the Plan, as well as towards the group soul and to the Master—all in this order of response.

2. Khả năng rút lui hoàn toàn, với tư cách cá nhân cũng như với tư cách một nhóm, khỏi thế giới của những phản ứng hồng trần và thiên kiến cảm xúc, để làm việc thuần túy trên các cấp độ trí tuệ. Ở đó, người đệ tử tập trung trong hạ trí, nhưng có ý thức hướng về linh hồn và ngày càng nhạy cảm với trực giác, với tầm nhìn và Thiên Cơ, cũng như với hồn nhóm và Chân sư—tất cả theo đúng trình tự đáp ứng này.

246. Ashramic workers have mastered a certain power of detachment which allows them to withdraw from the physical and emotional worlds. The world of mind is closer to the light of the soul, and they focus their consciousness in the illumined mind.

246. Những người hoạt động trong ashram đã làm chủ một năng lực tách rời nhất định, cho phép họ rút khỏi các thế giới hồng trần và cảm xúc. Thế giới trí tuệ gần với ánh sáng của linh hồn hơn, và họ tập trung tâm thức trong thể trí được soi sáng.

247. Most disciples are not yet possessed of uninterrupted causal consciousness. Their task is to focus in the lower mind, remaining aware of the soul, and open to the intuition with reveals "the vision and the Plan". Disciples are also to be increasingly sensitive to the "group soul and to the Master".

247. Phần lớn các đệ tử chưa có tâm thức nguyên nhân liên tục. Nhiệm vụ của họ là tập trung trong hạ trí, duy trì sự nhận biết linh hồn và rộng mở với trực giác vốn mặc khải "tầm nhìn và Thiên Cơ". Các đệ tử cũng cần ngày càng nhạy cảm với "hồn nhóm và Chân sư".

248. Master DK has given us an order of procedure. It begins with the ability to abstract from physical/emotional turmoil and to focus as a soul-illumined mind. This focussing will open to the world of intuition which will reveal the worlds in which the Hierarchy normally lives and moves and has its being.

248. Chân sư DK đã chỉ cho chúng ta một trình tự tiến hành. Trình tự ấy bắt đầu với khả năng rút khỏi những xáo động hồng trần/cảm xúc và tập trung như một thể trí được linh hồn soi sáng. Sự tập trung này sẽ mở ra thế giới trực giác, vốn sẽ mặc khải những thế giới mà Thánh đoàn thường sống, hoạt động và hiện tồn.

3. Next follows the power, as a group, to formulate the desired thought-effect in such a manner that it will reach the mind or the soul of those you seek to contact, to project the thoughtform, built in such a way that it will be of the type and quality needed to evoke response, and so meet the need of those the disciple is seeking to help and strengthen. The projected thoughtform will embody the light and love, as well as the idea of the group in conformity with group vision.

3. Tiếp theo là khả năng, với tư cách một nhóm, định hình tác động tư tưởng mong muốn sao cho tác động ấy đến được thể trí hoặc linh hồn của những người mà các bạn tìm cách tiếp xúc; phóng chiếu hình tư tưởng được xây dựng sao cho có loại hình và phẩm tính cần thiết để gợi lên sự đáp ứng, qua đó đáp ứng nhu cầu của những người mà đệ tử đang tìm cách giúp đỡ và củng cố sức mạnh. Hình tư tưởng được phóng chiếu sẽ thể hiện ánh sáng và tình thương, cũng như ý tưởng của nhóm phù hợp với tầm nhìn của nhóm.

249. DK continues describing how members of an Ashram work.

249. Chân sư DK tiếp tục mô tả cách các thành viên của một ashram làm việc.

250. The next task is to build and project the desired thoughtforms so that they may be effective in the service of the Plan. This is a technical matter and requires that an ashramic member be, to some degree, a white magician. A Master *is* a white magician.

250. Nhiệm vụ tiếp theo là xây dựng và phóng chiếu những hình tư tưởng mong muốn để chúng có thể phụng sự Thiên Cơ một cách hiệu quả. Đây là một vấn đề kỹ thuật và đòi hỏi thành viên ashram phải là một nhà huyền thuật chánh đạo ở mức độ nào đó. Một Chân sư *là* một nhà huyền thuật chánh đạo.

"9. Before a thought-form is by thee constructed, vision its purpose, ascertain its goal, and verify the motive." (TWM 473)

"9. Trước khi xây dựng một hình tư tưởng, ngươi hãy hình dung mục đích của nó, xác định mục tiêu của nó và kiểm chứng động cơ." (TWM 473)

251. Before undertaking the process of building in thought and projecting the thought, one must know *why* one is doing so. What is the *need* to be met? If the need is understood, the thoughtform will be built properly and the energies qualifying it will be suitable for meeting the need. A useful thought must be presented in the right 'clothing'.

251. Trước khi tiến hành quá trình xây dựng trong tư tưởng và phóng chiếu tư tưởng, cần biết *vì sao* mình làm như vậy. Đâu là *nhu cầu* cần đáp ứng? Nếu thấu hiểu nhu cầu, hình tư tưởng sẽ được xây dựng đúng cách, và những năng lượng quy định phẩm tính của nó sẽ thích hợp để đáp ứng nhu cầu ấy. Một tư tưởng hữu ích phải được trình bày trong 'lớp áo' thích hợp.

252. We note that the projected thoughtform "will embody the light and love, as well as the idea of the group in

252. Chúng ta lưu ý rằng hình tư tưởng được phóng chiếu "sẽ thể hiện ánh sáng và tình thương, cũng như ý tưởng của nhóm phù

conformity with group vision". The disciple is not building strictly *individual* thoughtforms. They are to carry the *group note* and to be representative of the Ashram of which the disciple is a member.

253. Let us summarize the ways in which to work with those focal points of spiritual energy which are Ashrams:

a. work with love and in the light

b. work from mental levels, in contact with the soul and increasingly, intuitively sensitive to the group soul and the Master

c. build and project thoughtforms which serve humanity by meeting its need, and which embody the quality of the Ashram

[706]

For how many is this kind of work possible? Not many, as yet. Disciples are usually more preoccupied with their desire to help than with the scientific techniques of helping. They need to take the desire for granted and then forget about it. I would ask all disciples at this time to make it their major effort to see the vision clear; to recognise, and know for what they are, those who are in high position, guiding humanity and whose responsibility it is to lead humanity out of slavery into freedom. Aid them with love because they are where they are through their individual destiny and the guidance of their souls. Life must be seen truly and faced as it is—not realistically from the world standpoint but realistically from the standpoint of the soul, whose vision is long and inclusive and who sees life as it is.

hợp với tầm nhìn của nhóm". Người đệ tử không xây dựng những hình tư tưởng thuần túy *cá nhân*. Chúng phải mang *âm điệu của nhóm* và đại diện cho ashram mà người đệ tử là thành viên.

253. Chúng ta hãy tóm lược những cách làm việc với các tiêu điểm năng lượng tinh thần, tức các ashram:

a. làm việc bằng tình thương và trong ánh sáng

b. làm việc từ các cấp độ trí tuệ, trong sự tiếp xúc với linh hồn và ngày càng nhạy cảm bằng trực giác với hồn nhóm và Chân sư

c. xây dựng và phóng chiếu những hình tư tưởng phụng sự nhân loại bằng cách đáp ứng nhu cầu của nhân loại, đồng thời thể hiện phẩm tính của ashram

[706]

Có bao nhiêu người có thể làm công việc này? Hiện nay chưa có nhiều. Các đệ tử thường bận tâm đến mong muốn giúp đỡ của mình hơn là những kỹ thuật giúp đỡ có tính khoa học. Họ cần xem mong muốn ấy là điều đương nhiên rồi quên nó đi. Vào lúc này, Tôi muốn yêu cầu tất cả các đệ tử tập trung nỗ lực chủ yếu vào việc thấy rõ tầm nhìn; nhận ra và biết đúng thực chất những người đang ở vị trí cao, hướng dẫn nhân loại và có trách nhiệm dẫn dắt nhân loại thoát khỏi cảnh nô lệ để đến với tự do. Hãy giúp đỡ họ bằng tình thương, vì họ ở những vị trí ấy nhờ vận mệnh cá nhân và sự hướng dẫn của linh hồn họ. Cần nhìn đúng cuộc sống và đối diện với cuộc sống như nó vốn có—không phải một cách thực tế theo quan điểm thế gian, mà một cách thực tế theo quan điểm của linh hồn, vốn có tầm nhìn xa, bao gồm

và thấy cuộc sống như nó vốn có.

254. Master DK pauses to assess. Not many at this time can work in the ways proposed. Disciples are not yet very effective. They *desire* to help more than they actually *help*. They have much to master concerning the "scientific techniques of helping".

254. Chân sư DK dừng lại để đánh giá. Hiện nay chưa có nhiều người có thể làm việc theo những cách đã đề xuất. Các đệ tử vẫn chưa thật sự hiệu quả. Họ *mong muốn* giúp đỡ nhiều hơn mức họ thực sự *giúp đỡ*. Họ còn phải nắm vững nhiều điều về "những kỹ thuật giúp đỡ có tính khoa học".

255. There is a certain "glamor of aspiration" which negates right action. The one involved in this glamor is satisfied with aspiration which he (gladly and lazily) substitutes for effective action in service. DK asks us to move on.

255. Có một dạng "ảo cảm về khát vọng" làm vô hiệu hành động đúng đắn. Người vướng vào ảo cảm này hài lòng với khát vọng, mà y (một cách vui vẻ và lười biếng) dùng để thay thế hành động phụng sự hiệu quả. Chân sư DK yêu cầu chúng ta tiến bước.

256. DK asks for increasingly clarity of vision. He asks also that disciples recognize the true world leaders (this was written during the Second World War) and to "aid them with love".

256. Chân sư DK yêu cầu tầm nhìn ngày càng sáng rõ hơn. Ngài cũng yêu cầu các đệ tử nhận ra những nhà lãnh đạo thế giới đích thực (điều này được viết trong Thế chiến thứ hai) và "giúp đỡ họ bằng tình thương".

257. We see the Master calling for 'spiritual realism', not the cynical realism of the worldly minded.

257. Chúng ta thấy Chân sư đang kêu gọi 'tinh thần thực tế về mặt tinh thần', chứ không phải tinh thần thực tế đầy hoài nghi của những người có tư tưởng thế tục.

258. The soul "sees life as it is". The soul-conscious disciple will begin to see as the soul sees—with a long-range vision and inclusively.

258. Linh hồn "thấy cuộc sống như nó vốn có". Người đệ tử có tâm thức linh hồn sẽ bắt đầu thấy như linh hồn thấy—với tầm nhìn xa và theo cách bao gồm.

259. If disciples do not *see clearly*, they cannot *act effectively*, and so the Master calls for this clarification of vision. One can sense that He wishes disciples to be far more effective than they presently are. This call, written more than sixty years ago, still applies to our situation as disciples in an unstable world.

259. Nếu các đệ tử không *thấy rõ*, họ không thể *hành động hiệu quả*; vì vậy, Chân sư kêu gọi làm sáng rõ tầm nhìn. Có thể cảm nhận rằng Ngài mong các đệ tử làm việc hiệu quả hơn nhiều so với hiện tại. Lời kêu gọi này, được viết cách đây hơn sáu mươi năm, vẫn áp dụng cho hoàn cảnh của chúng ta với tư cách các đệ tử trong một thế giới bất ổn.

The acceptance of facts is one of the first

Chấp nhận các sự thật là một trong những

duties of a disciple. In the task of aiding humanity, as a part of the Master's group or Ashram, the fact that there are men and women placed in positions of power to carry out the divine plan is one of the first to be faced. This must be done uncritically, avoiding constant recognition of their limitations, with an understanding of their problem, with realisation of the call of their souls to yours and the pouring upon them of a constant stream of "loving understanding. " They are more advanced disciples than you are—little as this may be realised. They are—consciously or unconsciously—under the "impression" of the Masters; there is little that the average disciple can do for them in moulding their thought or in shaping their decisions. I refer of course to the leaders of the Forces of Light upon the outer physical plane. But disciples and aspirants can surround them with a guarding wall of light and love; they can refrain from handicapping them with thoughts of criticism which can swell the tide of criticism which the worldly minded pour out upon them. As to attempting to reach and influence the leaders of the forces of materialism, I would ask you to refrain. It can more easily be done because the personality of the disciple will provide an open door of approach. But they are far stronger than the average disciple and the task would, therefore, be one of extreme danger.

bổn phận đầu tiên của người đệ tử. Trong nhiệm vụ trợ giúp nhân loại với tư cách một phần của nhóm hay ashram của Chân sư, một trong những sự thật đầu tiên cần đối diện là có những người nam và nữ được đặt vào các vị trí quyền lực để thực hiện Thiên Cơ. Cần nhìn nhận điều này mà không chỉ trích, tránh liên tục chú ý đến những giới hạn của họ, đồng thời thấu hiểu vấn đề của họ, nhận biết lời kêu gọi từ linh hồn họ đến linh hồn các bạn và tuôn đổ lên họ một dòng "thấu hiểu đầy tình thương" liên tục. Họ là những đệ tử tiến xa hơn các bạn—dù ít ai nhận ra điều này. Một cách có ý thức hoặc vô thức, họ đang chịu "ấn tượng" từ các Chân sư; người đệ tử thông thường chẳng thể làm được bao nhiêu để giúp họ định hình tư tưởng hay quyết định. Dĩ nhiên, Tôi đang nói đến những người lãnh đạo các Mãnh Lực Ánh Sáng trên cõi hồng trần bên ngoài. Nhưng các đệ tử và người chí nguyện có thể bao quanh họ bằng một bức tường bảo vệ bằng ánh sáng và tình thương; họ có thể tránh gây trở ngại cho những nhà lãnh đạo ấy bằng các tư tưởng chỉ trích, vốn có thể làm dâng cao làn sóng chỉ trích mà những người có tư tưởng thế tục trút lên họ. Còn đối với việc tìm cách tiếp cận và gây ảnh hưởng đến những người lãnh đạo các mãnh lực duy vật, Tôi yêu cầu các bạn đừng làm vậy. Việc ấy có thể dễ thực hiện hơn vì phàm ngã của người đệ tử sẽ mở ra một cánh cửa tiếp cận. Nhưng họ mạnh hơn người đệ tử thông thường rất nhiều, nên nhiệm vụ ấy sẽ cực kỳ nguy hiểm.

260. DK is now speaking in first ray terms. The first ray "asserts the fact", and under the first ray, disciples accept facts as they are. The Master calls such acceptance a "duty".

260. Giờ đây, Chân sư DK đang nói theo cách của cung một. Cung một "khẳng định sự thật", và dưới ảnh hưởng của cung một, các đệ tử chấp nhận những sự thật như chúng vốn có. Chân sư gọi sự chấp nhận ấy là một "bổn phận".

261. The Tibetan is seeking to mobilize His disciples on behalf of the outer leaders of the Forces of Light.

261. Chân sư Tây Tạng đang tìm cách huy động các đệ tử của Ngài để hỗ trợ những người lãnh đạo bên ngoài của các Mãnh Lực Ánh Sáng.

262. These leaders need the soul support of those spiritually inclined men and women (presumably disciples such as those in DK's groups) who understand their very difficult task. Criticism of these leaders is to be suspended, as is a constant reference to their limitations.

262. Những nhà lãnh đạo này cần sự hỗ trợ từ linh hồn của những người nam và nữ có khuynh hướng tinh thần (có lẽ là những đệ tử như các thành viên trong các nhóm của Chân sư DK), những người thấu hiểu nhiệm vụ hết sức khó khăn của họ. Cần ngừng chỉ trích những nhà lãnh đạo này, cũng như ngừng liên tục nhắc đến những giới hạn của họ.

263. The souls of the leaders are calling to the souls of such disciples as those in DK's group, for support. DK asks that a "constant stream of 'loving understanding'" be poured forth upon these leaders.

263. Linh hồn của những nhà lãnh đạo đang kêu gọi linh hồn của các đệ tử như những người trong nhóm của Chân sư DK để được hỗ trợ. Chân sư DK yêu cầu tuôn đổ lên những nhà lãnh đạo này một "dòng liên tục của 'sự thấu hiểu đầy tình thương'".

264. The Master offers a sobering assessment: those leaders are "more advanced disciples than you are". Workers in the field of esotericism are likely to be proud of their esoteric knowledge and fail to realize that the 'verbal possession' of this great Teaching does not necessarily elevate them in spiritual status.

264. Chân sư đưa ra một nhận định khiến chúng ta phải tỉnh ngộ: những nhà lãnh đạo ấy là "những đệ tử tiến xa hơn các bạn". Những người hoạt động trong lĩnh vực huyền bí học dễ tự hào về kiến thức huyền bí của mình mà không nhận ra rằng việc 'sở hữu trên ngôn từ' Giáo Huấn vĩ đại này không nhất thiết nâng cao địa vị tinh thần của họ.

265. Some of the world leaders in those days (and probably some today—Nelson Mandela, for instance) are "under impression" from the Hierarchy. They are often unconscious hierarchical workers who have (before birth it would seem) relinquished their consciousness their knowledge of Hierarchy in order to work more effectively on behalf of humanity.

265. Một số nhà lãnh đạo thế giới thời ấy (và có lẽ cả một số người ngày nay—chẳng hạn Nelson Mandela) đang "chịu ấn tượng" từ Thánh đoàn. Họ thường là những người hoạt động cho Thánh đoàn mà không ý thức điều đó, những người dường như đã từ bỏ tâm thức và kiến thức của mình về Thánh đoàn (trước khi sinh ra) để làm việc hiệu quả hơn vì nhân loại.

266. DK asks that His disciples surround

266. Chân sư DK yêu cầu các đệ tử của Ngài

these more advanced world disciples with a "wall of light" and refrain from all criticism, which can have the adverse effect of "swelling the tide of criticism" directed against them by the "worldly minded".

bao quanh những đệ tử thế giới tiến xa hơn này bằng một "bức tường ánh sáng" và tránh mọi sự chỉ trích, vốn có thể gây tác động bất lợi là "làm dâng cao làn sóng chỉ trích" mà "những người có tư tưởng thế tục" hướng vào họ.

267. The same applies today. As potential or actual members of an Ashram, or at least as individuals gathered around the Teaching of Master DK, we can affect the world process positively or adversely through our thoughts. There are leaders in the world who need our assistance and support. As in those days, we cannot mould their thought or shape their decisions, but we can help to provide the positive atmosphere in which the best thoughts and decisions can be formulated.

267. Ngày nay, điều này cũng đúng. Với tư cách những thành viên tiềm năng hoặc thực sự của một ashram, hay ít nhất là những cá nhân quy tụ quanh Giáo Huấn của Chân sư DK, chúng ta có thể tác động tích cực hoặc bất lợi đến tiến trình thế giới qua tư tưởng của mình. Có những nhà lãnh đạo trên thế giới cần sự trợ giúp và hỗ trợ của chúng ta. Cũng như thời ấy, chúng ta không thể định hình tư tưởng hay quyết định của họ, nhưng có thể giúp tạo ra bầu không khí tích cực để những tư tưởng và quyết định tốt nhất có thể hình thành.

268. DK has often said that it is useless and dangerous for us to speculate about the black lodge:

268. Chân sư DK đã nhiều lần nói rằng việc chúng ta suy đoán về Hắc đoàn là vô ích và nguy hiểm:

"3. Humanity and cosmic evil, focussed for many millenia of years in what has been called the Black Lodge. Speculation anent this Lodge and its activities is both fruitless and dangerous." (EA 445)

"3. Nhân loại và cái ác vũ trụ, tập trung suốt nhiều thiên niên kỷ trong cái gọi là Hắc đoàn. Suy đoán về Hắc đoàn này và các hoạt động của nó vừa vô ích vừa nguy hiểm." (EA 445)

In this group instruction, He advises His disciples to avoid trying to contact or influence the representatives of that Lodge who are outer plane "leaders of the forces of materialism". Another sober assessment is given; these evil leaders are far more powerful than the average disciple, and the well-meaning disciple attempting such contact would be in "extreme danger". As Master DK does not exaggerate, we have to take Him at His word. This danger would probably not arise from outer causes; the

Trong huấn thị nhóm này, Ngài khuyên các đệ tử của Ngài tránh tìm cách tiếp xúc hoặc gây ảnh hưởng đến những đại diện của Hắc đoàn ấy, tức những "người lãnh đạo các mãnh lực duy vật" trên cõi bên ngoài. Ngài đưa ra thêm một nhận định nghiêm túc: những nhà lãnh đạo tà ác này mạnh hơn người đệ tử thông thường rất nhiều, và người đệ tử có thiện ý tìm cách tiếp xúc như vậy sẽ lâm vào "tình thế cực kỳ nguy hiểm". Vì Chân sư DK không phóng đại, chúng ta phải tin đúng như lời Ngài nói. Mối nguy

inner causes would be sufficient.

hiểm này có lẽ không phát sinh từ những nguyên nhân bên ngoài; chỉ những nguyên nhân bên trong cũng đã đủ.

269. Were such contact attempted, the personality of the disciple would provide "an open door of approach". We can be assured that the disciple's personality would be adversely and negatively stimulated and his usefulness to the White Lodge threatened or damaged.

269. Nếu tìm cách tiếp xúc như vậy, phàm ngã của người đệ tử sẽ tạo ra "một cánh cửa tiếp cận rộng mở". Chúng ta có thể chắc chắn rằng phàm ngã của người đệ tử sẽ bị kích thích theo hướng bất lợi và tiêu cực, và khả năng phụng sự Thánh đoàn của y sẽ bị đe dọa hoặc tổn hại.

270. Disciples must learn to co-measure their capabilities. This is all part of the "acceptance of facts" which DK is emphasizing.

270. Các đệ tử phải học cách đánh giá đúng mức năng lực của mình. Tất cả những điều này đều thuộc về việc "chấp nhận các sự thật" mà Chân sư DK đang nhấn mạnh.

[707]

[707]

In the Aquarian Age (which is now so near, relatively speaking), there will be an externalisation of the inner Ashram upon the outer plane. Disciples, initiates and world disciples will meet for the first time in human history as disciples, recognising each other and recognising the Master of their group. The inner Ashram is a focus of souls, free and unlimited; the outer Ashram—under the future Aquarian experiment—will be composed of a focus of personalities and souls. Limitation will, therefore, exist; responsibility will require conscious recognition and there will be a necessary slowing down of both action and perception in the outer space-time world.

Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình (nói một cách tương đối, hiện đã rất gần), ashram bên trong sẽ ngoại hiện trên cõi bên ngoài. Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, các đệ tử, điểm đạo đồ và đệ tử thế giới sẽ gặp nhau với tư cách đệ tử, nhận ra nhau và nhận ra Chân sư của nhóm mình. Ashram bên trong là một tụ điểm của các linh hồn, tự do và không giới hạn; ashram bên ngoài—trong cuộc thử nghiệm Bảo Bình tương lai—sẽ gồm một tụ điểm của các phàm ngã và linh hồn. Do đó, giới hạn sẽ tồn tại; trách nhiệm sẽ đòi hỏi sự nhận biết có ý thức, và cả hành động lẫn nhận thức tất yếu sẽ chậm lại trong thế giới không gian–thời gian bên ngoài.

271. DK speaks of the impending externalization of the inner Ashram. The Aquarian Age will witness this externalization.

271. Chân sư DK nói về sự ngoại hiện sắp tới của ashram bên trong. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ chứng kiến sự ngoại hiện này.

272. We note that the externalization will occur "for the first time in human history".

272. Chúng ta lưu ý rằng sự ngoại hiện sẽ diễn ra "lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại".

Whereas in the very early days of evolution the Masters walked among men, the men of the period were not members of an Ashram. They could not be. Human evolution had not yet done its work.

Dù trong những ngày đầu tiên của tiến hóa, các Chân sư từng đi lại giữa loài người, nhưng con người thời ấy không phải là thành viên của một ashram. Họ chưa thể là thành viên. Tiến hóa nhân loại chưa hoàn thành công việc của mình.

273. In the immediate future, disciples will recognize each other on the physical plane and will simultaneously recognize the Master of their group, Who, Himself, in many cases, will be in physical presence.

273. Trong tương lai gần, các đệ tử sẽ nhận ra nhau trên cõi hồng trần và đồng thời nhận ra Chân sư của nhóm mình; trong nhiều trường hợp, chính Ngài sẽ hiện diện trong thể xác.

274. Towards this externalization we are all working, with greater or lesser degrees of consciousness. As far as our present planetary process is concerned, it is the "main event".

274. Tất cả chúng ta đều đang làm việc hướng đến sự ngoại hiện này, với mức độ ý thức nhiều hay ít. Xét tiến trình hành tinh hiện tại của chúng ta, đó là "sự kiện chính".

275. DK again distinguishes between the inner and outer Ashrams. The inner Ashram "is a focus of souls, free and unlimited"; "the outer Ashram…will be composed of a focus of personalities and souls". This, of course, is the problem and the potential.

275. Chân sư DK lại phân biệt giữa các ashram bên trong và bên ngoài. Ashram bên trong "là một tụ điểm của các linh hồn, tự do và không giới hạn"; "ashram bên ngoài… sẽ gồm một tụ điểm của các phàm ngã và linh hồn". Dĩ nhiên, đây vừa là vấn đề vừa là tiềm năng.

276. We note the use of the word "focus". An Ashram is a "focus of souls"; this requires pondering. It is a definition given in terms of the language of consciousness and energy. An Ashram is a *focalization of consciousnesses and of energies.*

276. Chúng ta lưu ý cách dùng từ "tụ điểm". Một ashram là một "tụ điểm của các linh hồn"; điều này đòi hỏi sự suy ngẫm. Đây là một định nghĩa diễn đạt bằng ngôn ngữ của tâm thức và năng lượng. Một ashram là *sự quy tụ các tâm thức và các năng lượng.*

277. We cannot expect that the externalizations of the inner Ashram will function with the same freedom as the inner Ashram itself. The outer time-space world presents its obstructions. This fact will have to be recognized and due allowance made. Patience and understanding will be required.

277. Chúng ta không thể kỳ vọng rằng những biểu hiện ngoại hiện của ashram bên trong sẽ hoạt động với cùng sự tự do như chính ashram bên trong. Thế giới thời gian–không gian bên ngoài đặt ra những trở ngại của nó. Cần nhận biết sự thật này và tính đến nó một cách thỏa đáng. Sẽ cần có sự kiên nhẫn và thấu hiểu.

The true Ashram (of which the coming outer Ashrams will be but reflections) is not for lower concrete mind discussion. It is a focal point of receptivity; it embraces the effort to establish mutual contact through an united recognition of the vision, of the esoteric basis of life and the laws governing action. It is not a place, however, for long and silent meditation processes, for it is a point of tension where, together, the Ageless Wisdom in its more esoteric aspects is discussed, where the nature of soul relationship is recognised and where the fusion of auras and the inter-blending of the "Triangles" goes forward consciously. An Ashram is the state of mind of a spiritual group. It is a point of united thought; it is a centre for the clarification of the vision and not of physical plane methods of work. As disciples learn to integrate themselves into a Master's Ashram, they discover that the first thing they have to do is to establish a basic harmony between themselves and their fellow disciples and to reinforce the contact between their own souls, the ashramic group and the Master. Then they learn to comprehend—through discussion and experiment—the nature of the energies which are seeking world expression, and the nature of the forces which must be reduced to powerlessness, if these new incoming energies are to prove effective in bringing about the desired changes under the Plan.

Ashram đích thực (mà các ashram bên ngoài sắp tới chỉ là những phản ánh) không dành cho việc bàn luận bằng hạ trí cụ thể. Đó là một tiêu điểm tiếp nhận; nó bao hàm nỗ lực thiết lập sự tiếp xúc lẫn nhau thông qua sự nhận biết thống nhất về tầm nhìn, về nền tảng huyền bí của sự sống và các định luật chi phối hành động. Tuy nhiên, đó không phải là nơi dành cho những quá trình tham thiền lâu dài và im lặng, vì đó là một điểm tập trung nhất tâm, nơi mọi người cùng thảo luận về Minh Triết Ngàn Đời trong những phương diện huyền bí hơn của nó, nơi bản chất của mối quan hệ linh hồn được nhận biết và nơi sự dung hợp các hào quang cùng sự hòa quyện lẫn nhau của các "Tam Giác" diễn ra một cách có ý thức. Một ashram là trạng thái trí tuệ của một nhóm tinh thần. Đó là một điểm tư tưởng hợp nhất; đó là một trung tâm làm sáng rõ tầm nhìn chứ không phải các phương pháp làm việc trên cõi hồng trần. Khi các đệ tử học cách tích hợp mình vào ashram của một Chân sư, họ khám phá rằng điều đầu tiên phải làm là thiết lập sự hòa hợp căn bản giữa mình với các đệ tử đồng môn, đồng thời củng cố sự tiếp xúc giữa linh hồn mình, nhóm ashram và Chân sư. Sau đó, qua thảo luận và thử nghiệm, họ học cách thấu hiểu bản chất của những năng lượng đang tìm cách biểu hiện trong thế giới, và bản chất của những mãnh lực phải bị làm cho mất hết sức mạnh nếu những năng lượng mới đang đi vào này muốn tạo ra một cách hiệu quả những thay đổi mong muốn theo Thiên Cơ.

278. It would seem that DK has been discussing the nature of the true Ashram to a great extent; He tells us, however, that the "true Ashram" "is not for lower concrete mind discussion". Does this mean that the true Ashram cannot be understood through such discussion (which is probable) or that it

278. Dường như Chân sư DK đã bàn luận khá nhiều về bản chất của ashram chân chính; tuy nhiên, Ngài cho chúng ta biết rằng "ashram chân chính" "không phải là đề tài để hạ trí cụ thể bàn luận". Điều này có nghĩa là không thể thấu hiểu ashram chân chính qua sự bàn luận như thế (điều này có lẽ đúng),

is forbidden to discuss it in this way (which is advisable)? We have learned that only the intuition, love and pure reason will really penetrate the Ashram. The concrete mind is left standing outside the door.

hay là không được phép bàn luận về ashram theo cách này (điều cấm ấy là thích đáng)? Chúng ta đã học rằng chỉ trực giác, tình thương và lý trí thuần khiết mới thực sự thâm nhập được ashram. Trí cụ thể phải đứng lại bên ngoài cửa.

279. The following explains why the concrete mind cannot grasp the nature of the Ashram. It is a most *esoteric* definition and emphasizes the esoteric dynamics of ashramic process: "It is a focal point of receptivity; it embraces the effort to establish mutual contact through an united recognition of the vision, of the esoteric basis of life and the laws governing action."

279. Những điều sau đây giải thích vì sao trí cụ thể không thể nắm bắt bản chất của ashram. Đây là một định nghĩa hết sức *huyền bí*, nhấn mạnh những động lực huyền bí của tiến trình ashram: "Đó là một tiêu điểm tiếp nhận; nó bao hàm nỗ lực thiết lập sự tiếp xúc lẫn nhau thông qua sự nhận biết thống nhất về tầm nhìn, về nền tảng huyền bí của sự sống và các định luật chi phối hành động."

280. The definitions of an Ashram as offered in this section are exceedingly esoteric and, therefore, useful to the discerning student. Some think of the Ashram as a center for meditative retreat. A number of outer ashrams in India, for instance, are that. However, a true Ashram "is a point of tension where, together, the Ageless Wisdom in its more esoteric aspects is discussed, where the nature of soul relationship is recognised and where the fusion of auras and the inter-blending of the 'Triangles' goes forward consciously."

280. Những định nghĩa về ashram được trình bày trong phần này hết sức huyền bí và do đó hữu ích cho đạo sinh có khả năng phân biện. Một số người nghĩ rằng ashram là một trung tâm tĩnh tu để tham thiền. Chẳng hạn, một số ashram bên ngoài tại Ấn Độ là như thế. Tuy nhiên, một ashram chân chính "là một điểm tập trung nhất tâm, nơi mọi người cùng bàn luận về những phương diện huyền bí hơn của Minh Triết Ngàn Đời, nơi bản chất của mối quan hệ linh hồn được nhận biết và nơi sự dung hợp các hào quang cùng sự hòa quyện lẫn nhau của các 'Tam Giác' diễn ra một cách có ý thức."

281. We have to get used to the Ashram described in terms of the "Language of Energy". The resulting descriptions are more accurate than those expressed in more conventional language.

281. Chúng ta phải làm quen với việc mô tả ashram bằng "Ngôn Ngữ Năng Lượng". Những mô tả như thế chính xác hơn những mô tả bằng ngôn ngữ thông thường.

282. The important factor of the "fusion of auras" and the "inter-blending of the 'Triangles'..." is presented in the definition immediately above. We are to think of the Ashram as a center in which *soul-fusion* is

282. Yếu tố quan trọng của "sự dung hợp các hào quang" và "sự hòa quyện lẫn nhau của các 'Tam Giác'..." được trình bày trong định nghĩa ngay trên đây. Chúng ta cần xem ashram là một trung tâm nơi đạt tới *sự dung*

achieved.

283. We note, however, that within an Ashram there is discussion of a certain kind. Master DK now and then tells us of the kinds of discussions which have occurred in Ashrams (often between Himself and Master KH, or between a Master and His chela during the hours of sleep). Such discussions invariably concern the deeper aspects of the Wisdom.

284. Once excellent definition after another is presented: "an Ashram is the state of mind of a spiritual group". According to our state of mind, then, we will participate or not. Our state of mind must be held at a certain requisite point of tension if we are to enter that state of mind which is ashramic.

285. The Ashram is a "point of united thought". The word "point" should be pondered. Through the necessary "point of tension", the "point of thought" can be accessed. It is incumbent upon disciples who would be ashramic members to bring their thought processes to the requisite *point*—a point which reflects the Master's purpose.

286. Further an Ashram is "a centre for the clarification of vision and not of physical plane methods of work". The physical plane methods are left to the individual disciples. If the vision has been clarified, the methods will reflect the vision and will manifest that which the Master of the Ashram intends.

287. What is required of a disciple as he enters the Ashram? First a basic harmony has to be established with all fellow

hợp linh hồn.

283. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng trong ashram vẫn có một loại bàn luận nhất định. Thỉnh thoảng, Chân sư DK kể cho chúng ta về những loại bàn luận từng diễn ra trong các ashram (thường là giữa chính Ngài và Chân sư KH, hoặc giữa một Chân sư và đệ tử của Ngài trong những giờ ngủ). Những cuộc bàn luận như thế luôn liên quan đến các phương diện sâu xa hơn của Minh Triết.

284. Hết định nghĩa xuất sắc này đến định nghĩa xuất sắc khác được trình bày: "ashram là trạng thái trí tuệ của một nhóm tinh thần". Như vậy, tùy theo trạng thái trí tuệ của mình, chúng ta sẽ tham dự hoặc không. Chúng ta phải duy trì trạng thái trí tuệ của mình tại một điểm tập trung nhất tâm nhất định theo yêu cầu nếu muốn bước vào trạng thái trí tuệ của ashram.

285. Ashram là một "điểm tư tưởng hợp nhất". Cần suy ngẫm về từ "điểm". Thông qua "điểm tập trung nhất tâm" cần thiết, chúng ta có thể tiếp cận "điểm tư tưởng". Các đệ tử muốn trở thành thành viên ashram có bổn phận đưa những tiến trình tư tưởng của mình đến *điểm*—một điểm phản ánh mục đích của Chân sư—đúng theo yêu cầu.

286. Hơn nữa, ashram là "một trung tâm để làm sáng tỏ tầm nhìn chứ không phải các phương pháp làm việc trên cõi hồng trần". Các phương pháp trên cõi hồng trần được giao cho từng đệ tử tự quyết định. Nếu tầm nhìn đã sáng tỏ, các phương pháp sẽ phản ánh tầm nhìn ấy và biểu hiện điều mà Chân sư của ashram dự định.

287. Một đệ tử cần đáp ứng những gì khi bước vào ashram? Trước hết, y phải thiết lập sự hài hòa căn bản với tất cả các thành viên

members of the Ashram. As well, the disciple's soul contact is reinforced, as is contact with the ashramic group and with the Master. Entry requires a great spiritual deepening and strengthening, all occurring within a general atmosphere of love and harmony regardless of the ray of the Ashram. The Hierarchy is the Hierarchy of Love.

288. In the laboratory that the Ashram represents, important discussions concerning the nature of energy are pursued. The forces with which ashramic members must work are to be deeply understood. Right methods of applying these forces are to be learned. The nature of the opposing forces must also be comprehended if they are to be "reduced to powerlessness".

289. All such discussions concerning occult energies are to render the ashramic member more effective in promoting the manifestation of the Divine Plan.

They learn also that there is no weakness and no strength in themselves, as individuals, which may not be submitted to the group "gaze"; thus they arrive at the stripping away of all the "veils" which prevent the clear light of the soul from shining [708] forth. The goal of all work done in the Ashram of any of the Masters is Truth—on all levels and at all times. As disciples learn thus to work from the point or centre of light, understanding and truth into which they are being steadily integrated, their exoteric usefulness and effective service will be greatly increased; they will—as a group—know what has to be done and find eventually that it is done.

khác trong ashram. Đồng thời, sự tiếp xúc với linh hồn của người đệ tử được củng cố, cũng như sự tiếp xúc với nhóm ashram và với Chân sư. Việc gia nhập đòi hỏi đời sống tinh thần phải trở nên sâu sắc và mạnh mẽ hơn nhiều; tất cả đều diễn ra trong bầu không khí chung của tình thương và sự hài hòa, bất kể ashram thuộc cung nào. Thánh đoàn là Thánh đoàn của Tình Thương.

288. Trong phòng thí nghiệm mà ashram là hiện thân, những cuộc bàn luận quan trọng về bản chất của năng lượng được tiến hành. Các thành viên ashram phải thấu hiểu sâu sắc những mãnh lực mà họ phải làm việc với. Họ phải học những phương pháp đúng đắn để vận dụng các mãnh lực này. Họ cũng phải thấu hiểu bản chất của những mãnh lực đối kháng nếu muốn "khiến chúng trở nên bất lực".

289. Mọi cuộc bàn luận như thế về các năng lượng huyền bí đều nhằm giúp thành viên ashram thúc đẩy sự biểu hiện của Thiên Cơ một cách hiệu quả hơn.

Họ cũng học được rằng nơi bản thân họ, với tư cách cá nhân, không có điểm yếu hay điểm mạnh nào mà không thể đưa ra trước "ánh nhìn" của nhóm; nhờ đó, họ tiến đến việc gỡ bỏ mọi "bức màn" ngăn ánh sáng trong trẻo của linh hồn chiếu [708] tỏa. Mục tiêu của mọi công việc thực hiện trong ashram của bất kỳ Chân sư nào là Chân Lý—trên mọi cấp độ và vào mọi lúc. Khi các đệ tử học cách làm việc như thế từ điểm hay trung tâm ánh sáng, sự thấu hiểu và chân lý mà họ đang dần dần tích hợp vào, tính hữu dụng ngoại môn và khả năng phụng sự hiệu quả của họ sẽ gia tăng rất nhiều; với tư cách một nhóm, họ sẽ biết điều gì phải làm và cuối cùng nhận thấy rằng điều ấy đã hoàn thành.

290. To enter the Ashram is to enter the *culture of impersonality*. All that relates to the personality (as horrible or embarrassing as it may seem to the sensitive disciples) is subject to scrutiny by the "group gaze". With growing impersonality, the disciple must learn to tolerate this revealing gaze, which strips away "the 'veils' which prevent the clear light of the soul from shining forth". After all, the disciple is *not* his personality; the disciple, essentially, is the "observer" which is, essentially, the *spirit.*

290. Bước vào ashram là bước vào *nền văn hóa phi cá nhân*. Mọi điều liên quan đến phàm ngã (dù có vẻ kinh khủng hay gây ngượng ngùng đến đâu đối với các đệ tử nhạy cảm) đều chịu sự xem xét của "ánh nhìn của nhóm". Khi ngày càng trở nên phi cá nhân, người đệ tử phải học cách chịu đựng ánh nhìn phơi bày ấy, vốn gỡ bỏ "những 'bức màn' ngăn ánh sáng trong trẻo của linh hồn chiếu tỏa". Xét cho cùng, người đệ tử *không phải* là phàm ngã của mình; về bản chất, người đệ tử là "người quan sát", mà về bản chất chính là *tinh thần.*

291. Another great principle is enunciated: "The goal of all work done in the Ashram of any of the Masters is Truth—on all levels and at all times. " This potent sentence is to be pondered. The requirement is high.

291. Một nguyên khí vĩ đại khác được phát biểu: "Mục tiêu của mọi công việc thực hiện trong ashram của bất kỳ Chân sư nào là Chân Lý—trên mọi cấp độ và vào mọi lúc. " Cần suy ngẫm câu nói đầy uy lực này. Đòi hỏi này rất cao.

292. This dedication to Truth, rightly pursued, reveals the Divine Plan and eventually the Divine Purpose.

292. Khi được thực hành đúng đắn, sự tận hiến cho Chân Lý này sẽ làm hiển lộ Thiên Cơ và cuối cùng là Thiên Ý.

293. The Ashram is a "point or centre of light, understanding and truth". Disciples are being slowly integrated into this point or center, and as this occurs, their usefulness in the exoteric world is steadily increased.

293. Ashram là một "điểm hay trung tâm ánh sáng, sự thấu hiểu và chân lý". Các đệ tử đang từ từ tích hợp vào điểm hay trung tâm này, và khi điều ấy diễn ra, tính hữu dụng của họ trong thế giới ngoại môn không ngừng gia tăng.

294. Many disciples do not yet, with certainty, "know what has to be done". The cultivation of "Truth—on all levels and at all times" will *reveal* what must be done, and, says the Tibetan, the group will "find eventually that it is done". The wielding of Truth brings fulfillment.

294. Nhiều đệ tử vẫn chưa biết chắc "điều gì phải làm". Việc vun bồi "Chân Lý—trên mọi cấp độ và vào mọi lúc" sẽ *làm hiển lộ* điều phải làm, và Chân sư Tây Tạng nói rằng cuối cùng nhóm sẽ "nhận thấy rằng điều ấy đã hoàn thành". Việc vận dụng Chân Lý đưa đến sự thành tựu.

295. Truth will dispel ignorance and reveal both Plan and Purpose. The Ashram exists to serve Plan and Purpose; the pursuit of Truth

295. Chân Lý sẽ xua tan vô minh và làm hiển lộ cả Thiên Cơ lẫn Thiên Ý. Ashram tồn tại để phụng sự Thiên Cơ và Thiên Ý; việc theo đuổi

is the Ashram's tool in this regard.

Chân Lý là công cụ của ashram trong phương diện này.

The major task of the Master in the early stages of training His disciple is to bring to an end the period of the disciple's intense preoccupation with himself, with his service, with his reaction to the Master or the promise of future contact with the Master, with his own ideas anent discipleship and his personal interpretations of truth. The Master takes a group of people with fixed ideas (which they are entirely sure are correct, being the best and highest they have been able to grasp to date) and with the conviction that they have reached a point where they have registered certain spiritual values and concepts, where they have evolved their own formulations of truth and where they are eagerly demanding the next step. The first thing, therefore, which He has to do is (using a strong and perhaps a strange phrase) to blast them wide open, give them a deep sense of insecurity as to the formulas and symbols of the lower concrete mind and so prepare them for the reception of newer and higher approaches to truth. This is frequently brought about by forcing them to question all the conclusions of the past.

Nhiệm vụ chính của Chân sư trong những giai đoạn đầu huấn luyện đệ tử của Ngài là chấm dứt thời kỳ người đệ tử quá bận tâm đến bản thân, đến việc phụng sự của mình, đến phản ứng của mình đối với Chân sư hay triển vọng tiếp xúc với Chân sư trong tương lai, đến những ý tưởng riêng về địa vị đệ tử và những diễn giải cá nhân về chân lý. Chân sư tiếp nhận một nhóm người có những ý tưởng cố định (mà họ hoàn toàn chắc chắn là đúng, vì đó là những điều tốt nhất và cao nhất họ có thể nắm bắt cho đến lúc ấy), đồng thời tin chắc rằng họ đã đạt đến một điểm mà họ ghi nhận được những giá trị và khái niệm tinh thần nhất định, đã phát triển những cách trình bày chân lý riêng và đang háo hức đòi hỏi bước kế tiếp. Do đó, điều đầu tiên Ngài phải làm là (dùng một cách nói mạnh mẽ và có lẽ lạ lùng) phá tung mọi khuôn khổ của họ, khiến họ cảm thấy hết sức bất an về các công thức và biểu tượng của hạ trí cụ thể, qua đó chuẩn bị cho họ tiếp nhận những cách tiếp cận chân lý mới hơn và cao hơn. Ngài thường thực hiện điều này bằng cách buộc họ chất vấn mọi kết luận của quá khứ.

296. When the disciple enters the Ashram, a process of 'deconditioning' must take place.

296. Khi người đệ tử bước vào ashram, một tiến trình 'tháo gỡ những khuôn mẫu đã định hình' phải diễn ra.

297. The newly accepted disciple is still quite selfish and self-absorbed. He still thinks of 'his' service, and of 'his' Ashram and Master in self-centered terms. All this must be brought to an end, and his strictly personal interpretations of truth adjusted to the spiritual facts.

297. Người đệ tử mới được chấp nhận vẫn còn khá ích kỷ và mải mê với bản thân. Y vẫn nghĩ về việc phụng sự 'của mình', về ashram và Chân sư 'của mình' theo lối tập trung vào bản thân. Tất cả những điều này phải chấm dứt, và những diễn giải hoàn toàn mang tính cá nhân của y về chân lý phải được điều chỉnh cho phù hợp với các sự thật tinh thần.

298. The group that the Master "takes" into His Ashram has many liabilities. Self-assurance and fixity of thought are among them. Such people have, to their own satisfaction, evolved their own formulations of truth and are now "eagerly demanding the next step".

298. Nhóm mà Chân sư "tiếp nhận" vào ashram của Ngài có nhiều nhược điểm. Sự tự tin chắc chắn và tư tưởng cố định nằm trong số đó. Những người như thế đã phát triển những cách trình bày chân lý riêng khiến họ hài lòng, và giờ đây đang "háo hức đòi hỏi bước kế tiếp".

299. DK surprises us in describing how a Master proceeds under these circumstances. He does not reinforce the hard-won convictions which His chelas have evolved through the use of their concrete mind. Instead He undertakes to "blast them wide open". It is obviously a first ray process and gives the disciples a "deep sense of insecurity as to the formulas and symbols of the lower concrete mind". In this way they are prepared for newer and higher approaches to truth.

299. Chân sư DK khiến chúng ta ngạc nhiên khi mô tả cách một Chân sư hành động trong những hoàn cảnh này. Ngài không củng cố những niềm xác tín mà các đệ tử của Ngài đã vất vả phát triển nhờ sử dụng trí cụ thể. Thay vào đó, Ngài tiến hành "phá tung mọi khuôn khổ của họ". Đây rõ ràng là một tiến trình cung một, khiến các đệ tử "cảm thấy hết sức bất an về các công thức và biểu tượng của hạ trí cụ thể". Theo cách này, họ được chuẩn bị cho những cách tiếp cận chân lý mới hơn và cao hơn.

300. Some of us are familiar with the Law of Repulse as it is presented along the seven ray lines. In each of these seven variations of a basic Law of the Soul, the effect of this 'blasting' will be apparent. Under this law the disciple receives a *shock* which turns him from his old way of doing things and *opens him* to new and better ways of approach.

300. Một số người trong chúng ta quen thuộc với Định luật Đẩy Lùi như được trình bày theo bảy đường cung. Trong mỗi biến thể thuộc bảy biến thể này của một Định luật căn bản của Linh Hồn, tác động của việc 'phá tung' này sẽ thể hiện rõ. Dưới tác động của định luật này, người đệ tử nhận một *cú sốc* khiến y từ bỏ cách làm cũ và *mở lòng đón nhận* những cách tiếp cận mới và tốt hơn.

301. One can imagine that this will not be a pleasant process for the disciple (unless the disciple is possessed of much first ray, and enjoys the destruction of the old and cherished).

301. Có thể hình dung rằng đây sẽ không phải là một tiến trình dễ chịu đối với người đệ tử (trừ khi y có nhiều năng lượng cung một và thích thú trước sự hủy diệt những điều cũ kỹ, từng được trân quý).

302. The Master, we are told, will force us to question all the conclusions of the past. We will be forced to examine our life and hard-won conclusions truthfully and objectively, in the light of the Ashram. Much of error will be revealed in this needed process of

302. Chúng ta được cho biết rằng Chân sư sẽ buộc chúng ta chất vấn mọi kết luận của quá khứ. Chúng ta sẽ buộc phải xem xét cuộc sống và những kết luận khó nhọc mới có được của mình một cách trung thực, khách quan, trong ánh sáng của ashram. Nhiều sai

deglamorization, disillusionment and destruction.

lầm sẽ lộ rõ trong tiến trình cần thiết này nhằm loại bỏ ảo cảm, phá bỏ ảo tưởng và hủy diệt.

We have all—disciples and initiates of all degrees—to enter the secret place of initiation with a sense of blindness (or loss of direction) and with a feeling of complete destitution. The disciple needs to bear in mind that he has to become "a moving point and hence a line"; he ascends towards the Hierarchy and assumes the correct spiritual attitude but, at the same time, he descends into what he erroneously regards as the depth of human difficulty and iniquity (if necessary), preserving always his spiritual integrity but learning three important lessons:

Tất cả chúng ta—các đệ tử và các điểm đạo đồ thuộc mọi cấp độ—đều phải bước vào nơi bí mật của điểm đạo với cảm giác mù lòa (hay mất phương hướng) và cảm giác hoàn toàn trắng tay. Người đệ tử cần ghi nhớ rằng y phải trở thành "một điểm chuyển động và do đó thành một đường"; y vươn lên về phía Thánh đoàn và giữ thái độ tinh thần đúng đắn, nhưng đồng thời, y đi xuống nơi mà y lầm tưởng là vực sâu của những khó khăn và tội lỗi của con người (nếu cần), luôn giữ vững sự toàn vẹn tinh thần của mình nhưng học ba bài học quan trọng:

303. The "place of initiation" is ever a *secret place.* It is a 'place' where the hitherto unknown is revealed. What will happen during the ceremony of initiation (and, more widely, during the ongoing process of initiation) is *unknown.* The "secrets of initiation" bring us "from darkness to light" (at least with respect to the permitted illumination of any particular degree).

303. "Nơi điểm đạo" luôn là một *nơi bí mật.* Đó là một 'nơi' mà những điều trước đó chưa biết được mặc khải. Những gì sẽ xảy ra trong nghi lễ điểm đạo (và rộng hơn là trong tiến trình điểm đạo đang tiếp diễn) đều là điều *chưa biết.* Những "bí mật của điểm đạo" đưa chúng ta "từ bóng tối đến ánh sáng" (ít nhất là trong phạm vi soi sáng mà một cấp độ cụ thể cho phép).

304. DK speaks in Masonic terms. All candidates enter blindly, with a feeling of disorientation and destitution. They do not know where they are going, but they have trust.

304. Chân sư DK nói bằng thuật ngữ của Hội Tam Điểm. Mọi ứng viên đều bước vào trong sự mù lòa, với cảm giác mất phương hướng và trắng tay. Họ không biết mình đang đi đâu, nhưng họ có lòng tin.

305. No matter what the degree to which we may be making application, the experiences of that degree are actually unknown to us, howevermuch theory we may have accumulated regarding them. The supervising Powers mean us well, but we have to drop old ways to take advantage of that which They have to offer. This, of

305. Dù chúng ta đang xin bước vào cấp độ nào, những trải nghiệm của cấp độ ấy thực sự vẫn là điều chúng ta chưa biết, bất kể đã tích lũy bao nhiêu lý thuyết về chúng. Các Đấng Quyền Năng giám sát đều có thiện ý với chúng ta, nhưng chúng ta phải từ bỏ những lối cũ để tận dụng những gì Các Ngài ban tặng. Dĩ nhiên, đây là một trải nghiệm

course, is a humbling (and necessary) experience.

306. In geometrical terms, the disciple has to become "a moving point and hence a line". When the first ray type of motion, the motion of "progress onward" is applied, the point becomes a line. The antahkarana is built and alignment with the higher worlds becomes a reality.

307. The line is an ascending line and it leads into the Hierarchy.

308. Interestingly and importantly, the *ascent* is paralleled by a simultaneous *descent.* into the "depth of human difficulty and iniquity" (should this be necessary). Hierarchy is approaching Shamballa and humanity simultaneously. Newly accepted disciples are approaching Hierarchy and humanity simultaneously.

309. Eventually, the "Highest and the Lowest Meet". As our scope of understanding expands, the height and depth of our experience 'elongates'; we reaching into higher worlds and plunging into those which appear to be 'lower'—and we are to be 'at home' in both.

1. The recognition that he shares all human tendencies, good and bad, and hence is able to serve.

310. In the process of simultaneously ascending and descending, three important lessons are learned.

311. One of the first and humbling experiences is that the candidate "shares all human tendencies"—*all* without exception.

dạy chúng ta khiêm nhường (và là điều cần thiết).

306. Theo ngôn ngữ hình học, người đệ tử phải trở thành "một điểm chuyển động và do đó thành một đường". Khi áp dụng kiểu chuyển động của cung một, chuyển động "tiến về phía trước", điểm trở thành một đường. Antahkarana được xây dựng và sự chỉnh hợp với các cõi cao trở thành hiện thực.

307. Đường này là một đường đi lên và dẫn vào Thánh đoàn.

308. Điều thú vị và quan trọng là sự *đi lên* diễn ra song song với sự *đi xuống đồng thời* vào "vực sâu của những khó khăn và tội lỗi của con người" (nếu điều này là cần thiết). Thánh đoàn đang đồng thời tiến gần đến Shamballa và nhân loại. Các đệ tử mới được chấp nhận đang đồng thời tiến gần đến Thánh đoàn và nhân loại.

309. Cuối cùng, "Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất Gặp Nhau". Khi phạm vi thấu hiểu của chúng ta mở rộng, chiều cao và chiều sâu trải nghiệm của chúng ta 'kéo dài'; chúng ta vươn vào các cõi cao hơn và lao xuống những cõi có vẻ 'thấp hơn'—và chúng ta phải 'cảm thấy như ở nhà' trong cả hai.

1. Nhận biết rằng y có chung mọi khuynh hướng của con người, cả tốt lẫn xấu, và do đó có khả năng phụng sự.

310. Trong tiến trình đồng thời đi lên và đi xuống, chúng ta học được ba bài học quan trọng.

311. Một trong những trải nghiệm đầu tiên dạy sự khiêm nhường là ứng viên "có chung mọi khuynh hướng của con người"—*tất cả*,

The good is in us; the bad is there as well (even if unexpressed or, at length, transmuted and transformed).

312. There is but One Identity in cosmos, and all things are included in it. We, essentially, *are* that One Identity.

2. The discovery that the thing which he most despises and fears is the thing which exists most strongly in him, but [709] which is as yet unrecognised. He discovers also that he has to explore and know these despised and feared areas of consciousness so that they become eventually an asset, instead of something to be avoided. He learns to fear nothing; he is all things; he is a human being but he is also a mystic, an occultist, a psychic and a disciple. And—because of all these acquired states of consciousness—he becomes eventually a Master. He has "mastered" all stages and states of awareness.

313. This statement is extremely chastening. Let us think of those things which we may have most feared and despised. Certainly, at first, these things have seemed "out there" and "in others". Those who remain psychologically naïve will never see it in any other way.

314. Yet, we are advised that the thing we hate and fear most is not only *in* us but *strongly* in us. This should bring a reflective pause.

315. One can imagine that the Law of Karma is at work in this process, for that which we hate and fear is that which we seek to see changed. The changes we work to bring

không ngoại lệ. Cái tốt ở trong chúng ta; cái xấu cũng ở đó (dù chưa biểu lộ, hoặc sau cùng đã được chuyển hoá và chuyển đổi).

312. Trong vũ trụ chỉ có một Bản Sắc Duy Nhất, và mọi sự vật đều nằm trong đó. Về bản chất, chúng ta *là* Bản Sắc Duy Nhất ấy.

2. Khám phá rằng điều y khinh ghét và sợ hãi nhất chính là điều tồn tại mạnh mẽ nhất trong y, nhưng [709] vẫn chưa được nhận biết. Y cũng khám phá rằng mình phải thăm dò và biết những vùng tâm thức bị khinh ghét và sợ hãi này để cuối cùng chúng trở thành một lợi thế, thay vì là điều phải tránh né. Y học cách không sợ điều gì; y là mọi sự; y là một con người nhưng cũng là một nhà thần bí, một nhà huyền bí học, một người thông linh và một đệ tử. Và—nhờ tất cả những trạng thái tâm thức đã đạt được này—cuối cùng y trở thành một Chân sư. Y đã "làm chủ" mọi giai đoạn và trạng thái nhận biết.

313. Lời khẳng định này có sức răn tỉnh rất lớn. Chúng ta hãy nghĩ đến những điều mình có thể đã sợ hãi và khinh ghét nhất. Chắc chắn, thoạt đầu, những điều này dường như ở "ngoài kia" và "trong người khác". Những người còn ngây thơ về mặt tâm lý sẽ không bao giờ nhìn nhận điều ấy theo cách nào khác.

314. Tuy nhiên, chúng ta được nhắc rằng điều mình căm ghét và sợ hãi nhất không chỉ ở *trong* chúng ta, mà còn tồn tại *mạnh mẽ* trong chúng ta. Điều này hẳn phải khiến chúng ta dừng lại suy ngẫm.

315. Có thể hình dung rằng Định luật Nghiệp Quả đang tác động trong tiến trình này, vì điều chúng ta căm ghét và sợ hãi chính là điều chúng ta tìm cách thay đổi.

about in “them” (i. e. , in the not-Self) are, when successful, really changing and transforming conditions which exist within ourselves. When an individual seeks to clear the world of certain abuses, he is simultaneously clearing himself of those same abuses. At first he will not realize this.

Những thay đổi mà chúng ta nỗ lực tạo ra nơi “họ” (tức là, nơi phi ngã), khi thành công, thực sự đang thay đổi và chuyển đổi những tình trạng tồn tại trong chính chúng ta. Khi một cá nhân tìm cách loại bỏ những tệ nạn nào đó khỏi thế giới, y đồng thời cũng đang loại bỏ chính những tệ nạn ấy khỏi bản thân. Thoạt đầu, y sẽ không nhận ra điều này.

316. Conversely, if I have the psychological insight to remove my own projections from others and the world, the changes I succeed in bringing about in myself will induce similar beneficial changes in “them” and in the world.

316. Ngược lại, nếu tôi có sự thấu suốt tâm lý để gỡ bỏ những phóng chiếu của chính mình lên người khác và thế giới, những thay đổi tôi tạo ra thành công trong bản thân sẽ khơi dậy những thay đổi có lợi tương tự nơi “họ” và trong thế giới.

317. The “despised and feared areas of consciousness” are, therefore, to be explored. This is the work of depth psychology—especially *spiritual* depth psychology. How can such areas “become eventually an asset”? Well, one can learn the pitfalls. One can learn how to overcome these hidden factors. One can serve others by helping them to release themselves from these factors. One can achieve ‘redemptive humility’.

317. Do đó, cần thăm dò những “vùng tâm thức bị khinh ghét và sợ hãi”. Đây là công việc của tâm lý học chiều sâu—đặc biệt là tâm lý học chiều sâu *tinh thần*. Làm thế nào những vùng ấy có thể “cuối cùng trở thành một lợi thế”? Người ta có thể học cách nhận biết những cạm bẫy. Người ta có thể học cách khắc phục những yếu tố ẩn giấu này. Người ta có thể phụng sự người khác bằng cách giúp họ giải thoát khỏi những yếu tố ấy. Người ta có thể đạt tới ‘sự khiêm nhường có sức cứu chuộc’.

318. Fear is a great opponent to the student of occultism. The true occultist has no fear.

318. Sợ hãi là một đối thủ lớn của đạo sinh huyền bí học. Nhà huyền bí học chân chính không sợ hãi.

319. DK says it: the disciple “is all things”. This passing statement should be taken literally. It is a metaphysical truth and has immense practical utility.

319. Chân sư DK nói rõ điều đó: người đệ tử “là mọi sự”. Cần hiểu lời khẳng định thoáng qua này theo nghĩa đen. Đó là một chân lý siêu hình có giá trị thực tiễn vô cùng lớn.

320. The initiate realizes himself as a human being, a mystic, an occultist, a psychic and a disciple. He is *all* of these. He does not seek to protect himself by erecting artificial barriers. There is *nothing* he is not.

320. Điểm đạo đồ nhận biết mình là một con người, một nhà thần bí, một nhà huyền bí học, một người thông linh và một đệ tử. Y là *tất cả* những điều ấy. Y không tìm cách bảo vệ mình bằng việc dựng lên những rào cản

giả tạo. Không có *điều gì* mà y không là.

321. The initiate has been through all manner of experiences and eventually becomes the *master* of these experiences. The Masters of the Wisdom have experienced the heights and depths of life and have won through. On the way to Mastership, one must be prepared to face all things—within oneself and within the world (only to find that they are the same).

321. Điểm đạo đồ đã trải qua mọi loại trải nghiệm và cuối cùng trở thành *người làm chủ* những trải nghiệm này. Các Chân sư Minh Triết đã trải nghiệm những đỉnh cao và vực sâu của cuộc sống và đã vượt qua tất cả. Trên con đường đạt đến quả vị Chân sư, mỗi người phải sẵn sàng đối diện với mọi điều—bên trong bản thân mình và trong thế giới (để rồi nhận ra rằng chúng là một).

3. The uselessness of past attitudes and dogmatic ways of looking at life and people (based usually on tradition and circumstance) when they separate him from his fellowmen.

3. Sự vô ích của những thái độ trong quá khứ và những cách nhìn giáo điều về cuộc sống và con người (thường dựa trên truyền thống và hoàn cảnh) khi chúng chia cách y với đồng loại.

322. The initiate discards much as he ascends. Old, outdated formulations have to go. They do not serve. They separate him from his fellowmen.

322. Điểm đạo đồ từ bỏ nhiều điều khi tiến lên. Những cách diễn đạt cũ kỹ, lỗi thời phải được loại bỏ. Chúng không giúp ích. Chúng chia cách y với đồng loại.

323. The initiate is rapidly overcoming the Great Heresy of Separateness. There is nothing good or evil in the world from which he feels himself separate, but of course, he has learned to overcome innate evil.

323. Điểm đạo đồ đang nhanh chóng vượt qua Đại Tà thuyết về tính chia rẽ. Không có điều thiện hay điều ác nào trong thế giới mà y cảm thấy mình tách biệt khỏi, nhưng dĩ nhiên, y đã học cách vượt qua điều ác cố hữu.

When he has really learnt these three things, he is initiate.

Khi đã thực sự học được ba điều này, y là điểm đạo đồ.

324. We will want to study these three factors with renewed care, for when they have been learnt, the one who learns "is initiate".

324. Chúng ta hẳn sẽ muốn nghiên cứu lại ba yếu tố này một cách cẩn trọng hơn, vì khi đã học được chúng, người học "là điểm đạo đồ".

a. the initiate shares all human tendencies

a. điểm đạo đồ có chung mọi khuynh hướng của con người

b. what is most feared and despised is strongly within the one who fears and

b. điều mà người ta sợ hãi và khinh miệt nhất hiện diện mạnh mẽ trong chính người

despises; a man *is all things* and cannot separate himself from anything

sợ hãi và khinh miệt; con người *là tất cả mọi sự* và không thể tách mình khỏi bất cứ điều gì

c. old, separative attitudes and perspectives have to go

c. những thái độ và quan điểm cũ mang tính chia rẽ phải được loại bỏ

325. I think a careful reading of this group instruction will reveal the richness of its content. There is much to be pondered and absorbed.

325. Tôi nghĩ rằng việc đọc kỹ huấn thị nhóm này sẽ cho thấy sự phong phú trong nội dung của nó. Có nhiều điều cần suy ngẫm và tiếp thu.

326. The Tibetan wants to see us in closer relation to the Ashram, and sooner than later, functioning as full members of the Ashram (whichever Ashram may be 'ours'). The methods for achieving this closer affiliation are clearly given. We have to acknowledge them and practice them so that achievement may soon eventuate.

326. Chân sư Tây Tạng muốn thấy chúng ta có mối liên hệ mật thiết hơn với ashram, và sớm hoạt động như những thành viên đầy đủ của ashram (bất kể ashram nào là 'của chúng ta'). Các phương pháp để đạt được mối liên kết mật thiết hơn này đã được trình bày rõ ràng. Chúng ta phải nhận biết và thực hành chúng để sớm đạt được thành tựu.

With Love and Many Blessings,

Với tình thương và nhiều phúc lành,

Michael, with gratitude for the assistance of all co-workers.

Michael, với lòng biết ơn sự hỗ trợ của tất cả các cộng sự.

16. PART IV – 16. PHẦN IV

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

As we study the various stages in discipleship through which all must pass, we shall discover that one of the things which happens is the irradiation of the daily life. This irradiation emanates from the world of meaning in which the disciple is learning to live consciously and always. One of the problems with which the Master is engaged in relation to His group of disciples is to teach them the deep significance of the

Khi nghiên cứu các giai đoạn khác nhau của địa vị đệ tử mà tất cả đều phải trải qua, chúng ta sẽ khám phá rằng một trong những điều xảy ra là sự tỏa sáng của đời sống hằng ngày. Sự tỏa sáng này phát ra từ Thế giới của ý nghĩa, nơi người đệ tử đang học cách sống một cách có ý thức và thường xuyên. Một trong những vấn đề mà Chân sư đang giải quyết trong mối liên hệ với nhóm đệ tử của Ngài là dạy họ thâm nghĩa của những điều

familiar and also the importance of the truths which underlie all platitudes. This is perhaps the most difficult task of all because of the habitual reaction to the familiar and the need to do two things: Prove that the familiar veils an important reality and that by penetrating to the "world of meaning," the disciple discovers that he can enter into the first stage of the period of preparation for accepted discipleship.

quen thuộc, cũng như tầm quan trọng của những chân lý nằm sau mọi lời sáo ngữ. Đây có lẽ là nhiệm vụ khó khăn nhất, vì phản ứng theo thói quen trước những điều quen thuộc và vì cần làm hai việc: Chứng minh rằng những điều quen thuộc che phủ một thực tại quan trọng và rằng khi thâm nhập vào "Thế giới của ý nghĩa,"người đệ tử khám phá rằng mình có thể bước vào giai đoạn đầu tiên của thời kỳ chuẩn bị cho địa vị đệ tử được chấp nhận.

1. We can understand irradiation as the permeating presence of soul energy--permeating through the personality and its three vehicles. It is a subtle matter; an intangible, extraordinary quality is present which is wanting in the average individual.

1. Chúng ta có thể thấu hiểu sự tỏa sáng là sự hiện diện thấm khắp của năng lượng linh hồn—thấm qua phàm ngã và ba hiện thể của nó. Đây là một vấn đề tinh tế; có sự hiện diện của một phẩm tính phi thường, vô hình, vốn thiếu vắng nơi người bình thường.

2. What does it mean to live in the "world of meaning"? It is surely a specific state of consciousness. Could we call this kind consciousness, "contextual consciousness" in which no perception is taken strictly at face value? Far more than the concrete mind is at work. In contextual consciousness all phenomena are related to noumena. All patterns presented to consciousness are related to *archetypal* patterns. The specific is seen within the context of the general, the part in relation to the whole.

2. Sống trong "Thế giới của ý nghĩa"hàm ý điều gì? Chắc chắn đó là một trạng thái tâm thức cụ thể. Liệu chúng ta có thể gọi loại tâm thức này là "tâm thức theo bối cảnh", trong đó không một tri giác nào chỉ được hiểu theo vẻ ngoài? Ở đây, hoạt động vượt xa phạm vi của trí cụ thể. Trong tâm thức theo bối cảnh, mọi hiện tượng đều có liên hệ với những thực tại nằm sau chúng. Mọi mô hình xuất hiện trước tâm thức đều có liên hệ với những mô hình *nguyên mẫu*. Cái riêng được nhìn trong bối cảnh của cái chung, bộ phận được nhìn trong mối liên hệ với toàn thể.

3. The meaning of the familiar is customarily overlooked. The divine is "staring us in the face", but we often fail to see it. We have become habituated to the familiar and have lost its meaning. Our awareness in relation to the familiar has become *desensitized.*

3. Ý nghĩa của những điều quen thuộc thường bị bỏ qua. Điều thiêng liêng đang "hiện rõ ngay trước mắt chúng ta", nhưng chúng ta thường không nhìn thấy. Chúng ta đã quá quen với những điều quen thuộc và đánh mất ý nghĩa của chúng. Sự nhận biết của chúng ta đối với những điều quen thuộc đã trở nên *chai lì.*

4. As disciples we must learn to see

4. Là đệ tử, chúng ta phải học cách nhìn mọi

everything with a 'fresh eye', with 'spiritual innocence'.

5. Platitudes are undervalued truths. Their 'truth value' has been *worn away through habituation.* What can remove the veils or obscurative scales of many years of inattentive perception? What can reveal the divine in the obvious? We can begin by adopting the attitude that (in relation to all perceptions) one is standing before a profound mystery; nothing is to be disrespected. All has its revelatory value.

6. In this paragraph, we learn that two things are required of the one who would be an "accepted disciple". First we have the power to prove that *the familiar* veils an important reality. This can be done, at first, by treating the familiar as if it were unfamiliar. We might "look again", "listen again", to see and hear what the familiar veils. Pausing over the familiar until it reveals its secret can be a startling experience. We see how often we gloss over the *meaning* behind and enveloping the familiar. We think we know what things are, but when we pause in the consideration of an object, for instance, many more associations enter the mind, and we learn to 're-vision' the thing observed within its larger context. The one who will not *pause to consider* will not enter the world of meaning. Con-*sideration,* according to its etymology, references the *stars*—the sidereal world.

7. The Tibetan offers a most *qualified* statement: "by penetrating to the 'world of meaning,' the disciple discovers that he can

điều bằng một 'cái nhìn mới mẻ', với 'sự hồn nhiên tinh thần'.

5. Những lời sáo ngữ là những chân lý bị đánh giá thấp. 'Giá trị chân lý'của chúng đã *bị bào mòn do quá quen thuộc.* Điều gì có thể gỡ bỏ những bức màn hay những lớp vảy che mờ do nhiều năm tri giác thiếu chú tâm tạo nên? Điều gì có thể làm hiển lộ điều thiêng liêng trong những gì hiển nhiên? Chúng ta có thể bắt đầu bằng việc giữ thái độ rằng (đối với mọi tri giác) mình đang đứng trước một điều huyền nhiệm sâu xa; không có gì đáng bị xem thường. Mọi sự đều có giá trị mặc khải.

6. Trong đoạn này, chúng ta biết rằng có hai điều cần thiết đối với người muốn trở thành một "đệ tử được chấp nhận". Trước hết, chúng ta có khả năng chứng minh rằng *những điều quen thuộc*che phủ một thực tại quan trọng. Ban đầu, có thể làm điều này bằng cách đối xử với những điều quen thuộc như thể chúng xa lạ. Chúng ta có thể "nhìn lại", "lắng nghe lại", để thấy và nghe những gì mà những điều quen thuộc che phủ. Dừng lại trước những điều quen thuộc cho đến khi chúng hé lộ bí mật có thể là một trải nghiệm gây sửng sốt. Chúng ta thấy mình thường lướt qua *ý nghĩa*ẩn sau và bao trùm những điều quen thuộc đến mức nào. Chúng ta nghĩ mình biết sự vật là gì, nhưng chẳng hạn, khi dừng lại để suy xét một đối tượng, nhiều mối liên tưởng hơn đi vào thể trí, và chúng ta học cách 'nhìn lại'sự vật đang quan sát trong bối cảnh rộng lớn hơn của nó. Người không chịu *dừng lại để suy xét*sẽ không bước vào Thế giới của ý nghĩa. Sự *suy xét,*xét theo từ nguyên, có liên hệ với *các vì sao*—thế giới tinh tú.

7. Chân sư Tây Tạng đưa ra một phát biểu được *giới hạn rất chặt chẽ*: "khi thâm nhập vào 'Thế giới của ý nghĩa,'người đệ tử khám

enter into the first stage of the period of preparation for accepted discipleship. " Not accepted discipleship; not the stage of preparation for accepted discipleship; but only the "*first* stage" of preparation for accepted discipleship. It would seem that disciples would want to learn much about the nature of *meaning,* as he would become an accepted disciple must have a relatively long experience functioning within the world of meaning before "acceptance", technically understood, is possible.

phá rằng mình có thể bước vào giai đoạn đầu tiên của thời kỳ chuẩn bị cho địa vị đệ tử được chấp nhận. "Không phải địa vị đệ tử được chấp nhận; không phải giai đoạn chuẩn bị cho địa vị đệ tử được chấp nhận; mà chỉ là "*giai đoạn đầu tiên*"của việc chuẩn bị cho địa vị đệ tử được chấp nhận. Dường như các đệ tử hẳn sẽ muốn học hỏi nhiều về bản chất của *ý nghĩa,*vì người muốn trở thành đệ tử được chấp nhận phải có kinh nghiệm hoạt động tương đối lâu dài trong Thế giới của ý nghĩa trước khi "sự chấp nhận", hiểu theo nghĩa chuyên môn, có thể xảy ra.

8. Why is the world of meaning so important to the accepted disciple? Perhaps because the Master and His Ashram are forever related to an all-embracing *planetary context.* They ever work in relation to the "larger planetary picture" and to even more expansive contexts. The accepted disciple is a member of the Ashram (though on its periphery), and as such, must learn to think in larger terms than heretofore. Parts much be seen in relation to wholes, or there will be improper structure to thought and its execution. The Master and the Ashram implement the Divine Plan. That which They externalize must be that which is divinely intended. All things must be seen in relation to an encompassing Plan and Purpose. The beginning of the understanding necessary for this kind of work occurs in the world of meaning, which is the antechamber to the world of significance (where Plan, and eventually, Purpose are revealed).

8. Tại sao Thế giới của ý nghĩa lại quan trọng đến thế đối với đệ tử được chấp nhận? Có lẽ vì Chân sư và ashram của Ngài luôn gắn liền với một *bối cảnh hành tinh bao trùm tất cả.* Các Ngài luôn làm việc trong mối liên hệ với "bức tranh hành tinh rộng lớn hơn"và với những bối cảnh còn rộng lớn hơn nữa. Đệ tử được chấp nhận là một thành viên của ashram (dù ở ngoại vi), và với tư cách ấy, phải học cách tư duy trong phạm vi rộng lớn hơn trước. Phải nhìn các bộ phận trong mối liên hệ với những toàn thể, nếu không tư tưởng và việc thực hiện tư tưởng ấy sẽ có cấu trúc không thích hợp. Chân sư và ashram thực hiện Thiên Cơ. Điều mà Các Ngài ngoại hiện phải là điều phù hợp với ý định thiêng liêng. Phải nhìn mọi sự trong mối liên hệ với một Thiên Cơ và Thiên Ý bao trùm. Sự thấu hiểu cần thiết cho loại công việc này bắt đầu trong Thế giới của ý nghĩa, vốn là tiền sảnh dẫn vào Thế giới của thâm nghĩa (nơi Thiên Cơ, và cuối cùng là Thiên Ý, được mặc khải).

9. Let us ask ourselves: "What is the greater context in which I understand all 'presentations to consciousness'? Do I think in terms of humanity? In terms of our planet? In terms of the solar system and beyond (however theoretically)? What is the

9. Chúng ta hãy tự hỏi: "Đâu là bối cảnh rộng lớn hơn mà trong đó tôi thấu hiểu mọi 'điều xuất hiện trước tâm thức'? Tôi có tư duy trong phạm vi nhân loại không? Trong phạm vi hành tinh chúng ta không? Trong phạm vi hệ mặt trời và xa hơn nữa không (dù chỉ trên

particular *whole* in relation to which I reference my thought?

lý thuyết)? Đâu là *toàn thể*cụ thể mà tôi lấy làm hệ quy chiếu cho tư tưởng của mình?

The first stage which we must study is that of "Little Chelaship. " In dealing with this stage, as with them all, I would remind you that I am approaching the subject from the angle of what the Master has to do, and not from the angle of the disciple's work. There has been so much written on that subject from the angle of the disciple and so many books put out on the subject that familiarity with the theme militates against true apprehension. The effort to understand has been focussed upon the disciple and his problems of character and personality.

Giai đoạn đầu tiên mà chúng ta phải nghiên cứu là "Địa vị tiểu đệ tử. " Khi bàn về giai đoạn này, cũng như tất cả các giai đoạn khác, Tôi muốn nhắc các bạn rằng Tôi đang tiếp cận đề tài từ góc độ những gì Chân sư phải làm, chứ không từ góc độ công việc của người đệ tử. Đã có quá nhiều điều được viết về đề tài ấy từ góc độ người đệ tử và quá nhiều sách được xuất bản về đề tài này, đến nỗi sự quen thuộc với chủ đề cản trở sự lĩnh hội chân thực. Nỗ lực thấu hiểu đã tập trung vào người đệ tử cùng những vấn đề về tính cách và phàm ngã của y.

10. Many readers may imagine that Master DK is repetitious in His Teaching. In fact, if it appears that there is repetition, the reader must pay greater attention to 'the angle of presentation'. Is the apparently repeated topic being presented from the same angle as before? What is the context of the presentation—an individual, group, pan-human, or planetary context? There are subtleties to be observed if one is to gather the most from apparent repetitions.

10. Nhiều độc giả có thể cho rằng Chân sư DK lặp đi lặp lại trong Giáo Huấn của Ngài. Thực ra, nếu có vẻ như xuất hiện sự lặp lại, người đọc phải chú ý hơn đến 'góc độ trình bày'. Chủ đề có vẻ lặp lại ấy có được trình bày từ cùng một góc độ như trước không? Bối cảnh của phần trình bày là gì—bối cảnh cá nhân, nhóm, toàn nhân loại hay hành tinh? Có những điều tinh tế cần nhận ra nếu muốn thu nhận được nhiều nhất từ những sự lặp lại bề ngoài ấy.

11. In this case, the discussion of "Little Chelaship" is presented from the Master's point of view. One of the values of this kind of presentation is that it is *decentralizing*. Many disciples think ever in terms of themselves. This presentation forces them to attempt to understand from the Master's perspective.

11. Trong trường hợp này, phần thảo luận về "Địa vị tiểu đệ tử"được trình bày từ quan điểm của Chân sư. Một trong những giá trị của cách trình bày này là nó giúp *phi tập trung vào bản thân*. Nhiều đệ tử luôn suy nghĩ xoay quanh chính mình. Cách trình bày này buộc họ cố gắng thấu hiểu từ góc nhìn của Chân sư.

12. Again, an important theme is emphasized: *familiarity militates against true apprehension*. Familiarity and mindlessness go hand in hand. One is reminded of one of the points in the Buddha's Noble Eightfold

12. Một lần nữa, một chủ đề quan trọng được nhấn mạnh: *sự quen thuộc cản trở sự lĩnh hội chân thực*. Sự quen thuộc và sự thiếu chú tâm đi đôi với nhau. Điều này gợi nhớ đến một chi phần trong Bát Chánh Đạo của Đức

Path—"Right Mindfulness". Sanat Kumara is quoted in "*The Crest Jewel of Discrimination*" by Sankaracarya. He is reputed to have said, "Inadvertence is equivalent to death".

Phật—"Chánh Niệm". Lời của Sanat Kumara được trích trong "*Bảo Ngọc Tối Thượng của Sự Phân Biện*"của Sankaracarya. Người ta cho rằng Ngài đã nói: "Sự lơ đễnh tương đương với cái chết".

13. So we are entering this important matter of disciplic development from quite a different perspective. Our *context* is thus enlarged, and the study should become, therefore, more *meaningful.*

13. Vì vậy, chúng ta đang đi vào vấn đề quan trọng về sự phát triển của đệ tử từ một góc nhìn hoàn toàn khác. Nhờ đó, *bối cảnh*của chúng ta được mở rộng, và do vậy, việc nghiên cứu hẳn sẽ trở nên *có ý nghĩahơn.*

[710]

[710]

It will not be possible for me to indicate the work in detail. I intend only to show you as far as is possible how a Master prepares the probationer to step from off the Probationary Path on to the Path of Discipleship. At this point, I would like to point out that I shall be dealing with a period covering the stages of discipleship from the first stage to that of adept. At the fourth stage, the disciple emerges out of his Master's group and becomes what is esoterically called "a fixed aspect of the Hierarchy. " This is a phrase which is necessarily quite meaningless to you.

Tôi sẽ không thể trình bày công việc này một cách chi tiết. Tôi chỉ có ý định chỉ cho các bạn thấy, trong chừng mực có thể, cách một Chân sư chuẩn bị cho người dự bị bước từ Con Đường Dự Bị sang Con Đường Đệ Tử. Ở đây, Tôi muốn chỉ ra rằng Tôi sẽ bàn về một thời kỳ bao gồm các giai đoạn của địa vị đệ tử, từ giai đoạn đầu tiên đến quả vị chân sư. Ở giai đoạn thứ tư, người đệ tử ra khỏi nhóm của Chân sư mình và trở thành điều mà huyền bí học gọi là "một phương diện cố định của Thánh đoàn. " Đây là một cụm từ tất nhiên hoàn toàn vô nghĩa đối với các bạn.

14. Little Chelaship may be considered a stage of probationary discipleship. During this stage, the probationary disciple is really an aspirant, and not necessarily a "true aspirant" as DK later defines that term. Little Chelaship (though associated correspondentially with the first initiation) probably does not necessitate the taking of that initiation. We will proceed carefully, however, and attempt to draw the most reasonable conclusions. Master DK, probably intentionally, refrains from being too concrete when speaking of these matters. He seeks to avoid the 'hardening' of the concrete

14. Có thể xem Địa vị tiểu đệ tử là một giai đoạn của địa vị đệ tử dự bị. Trong giai đoạn này, đệ tử dự bị thực sự là một người chí nguyện, và chưa chắc là một "người chí nguyện chân chính"theo định nghĩa mà Chân sư DK đưa ra sau này cho thuật ngữ ấy. Địa vị tiểu đệ tử (dù có mối liên hệ tương ứng với lần điểm đạo thứ nhất) có lẽ không đòi hỏi phải trải qua lần điểm đạo ấy. Tuy nhiên, chúng ta sẽ tiến hành thận trọng và cố gắng rút ra những kết luận hợp lý nhất. Có lẽ Chân sư DK cố ý tránh quá cụ thể khi nói về những vấn đề này. Ngài tìm cách tránh sự 'xơ cứng'của trí cụ thể với vô vàn khả năng phân

mind with its endless possibilities for rigid classification.

loại cứng nhắc của nó.

15. In the paragraph above Master DK is referencing a long period of disciplic development—a period perhaps of twenty or even thirty incarnations. On the other hand, for the soul that is truly *intent*, it may be a period of perhaps only ten incarnations.

15. Trong đoạn trên, Chân sư DK đang đề cập đến một thời kỳ phát triển lâu dài của đệ tử—một thời kỳ có lẽ kéo dài hai mươi hoặc thậm chí ba mươi kiếp lâm phàm. Mặt khác, đối với linh hồn thực sự *quyết tâm*, đó có thể là một thời kỳ có lẽ chỉ gồm mười kiếp lâm phàm.

16. The fourth stage of discipleship here referenced is that of Chela on the Thread. Such a chela is definitely a peripheral member of Hierarchy. The chela has mounted the Fixed Cross and upon that Cross has proven himself. Thus He can become "a fixed aspect of the Hierarchy". He can be trusted not to deviate (as so many may and do) before the "Temptation in the Desert" is passed.

16. Giai đoạn thứ tư của địa vị đệ tử được nhắc đến ở đây là giai đoạn Đệ tử trên đường dây. Một đệ tử như vậy chắc chắn là thành viên ở ngoại vi của Thánh đoàn. Người đệ tử đã bước lên Thập Giá Cố Định và chứng tỏ bản thân trên Thập Giá ấy. Nhờ đó, y có thể trở thành "một phương diện cố định của Thánh đoàn". Có thể tin rằng y sẽ không chệch hướng (như rất nhiều người có thể và thực sự đã làm) trước khi vượt qua "Sự Cám Dỗ trong Hoang Mạc".

He comes then under the influence of Shamballa and the mode of preparing people for association with that first major centre is very different to that of preparing them for participation in the work of the centre which we call the Hierarchy. The one involves the development of love and of group consciousness; the other involves the unfoldment of the will and the attainment of the stage to which Patanjali gives the name of "isolated unity. " This is a phrase which is quite meaningless to any one below the degree of the third initiation. In this discussion, I shall not be dealing with preparation for the various initiations and their specific differences. I shall be dealing with the growth of what is called "ashramic intimacy," with the approach of the disciple to the world of souls and to the unfoldment of his consciousness in relation to the

Bấy giờ, y chịu ảnh hưởng của Shamballa, và phương thức chuẩn bị cho con người liên kết với trung tâm lớn thứ nhất ấy rất khác với phương thức chuẩn bị cho họ tham gia công việc của trung tâm mà chúng ta gọi là Thánh đoàn. Một phương thức bao hàm sự phát triển tình thương và tâm thức nhóm; phương thức kia bao hàm sự khai mở ý chí và việc đạt đến giai đoạn mà Patanjali gọi là "Hợp Nhất Cô Lập. "Đây là một cụm từ hoàn toàn vô nghĩa đối với bất cứ ai chưa đạt cấp độ của lần điểm đạo thứ ba. Trong cuộc thảo luận này, Tôi sẽ không bàn về việc chuẩn bị cho các cuộc điểm đạo khác nhau và những khác biệt cụ thể giữa chúng. Tôi sẽ bàn về sự tăng trưởng của điều được gọi là "sự thân mật với ashram," về sự tiếp cận của người đệ tử với thế giới linh hồn và sự khai mở tâm thức của y trong mối liên hệ với Thánh đoàn. Tôi sẽ quan tâm đến sự tăng trưởng tính

Hierarchy. I shall be concerned with his growth in sensitivity and his subsequent and consequent growth in creativity—not the creativity of form as much as the creativity of vibration, its impact upon the world of men and the consequent later appearance of responsive organisms, in contra-distinction to created forms. I would ask you to reflect upon this thought.

nhạy cảm của y, cùng sự tăng trưởng tiếp theo và do đó mà có trong tính sáng tạo—không thiên về tính sáng tạo hình tướng bằng tính sáng tạo rung động,tác động của nó lên thế giới loài người và sự xuất hiện sau đó, như một hệ quả, của những cơ cấu hữu cơ có khả năng đáp ứng, khác với những hình tướng được tạo ra. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về tư tưởng này.

17. When does the chela come under the influence of Shamballa? Perhaps, to some small extent, in preparation for the third initiation, at which point the monadic aspect is activated and consciously registered.

17. Khi nào người đệ tử chịu ảnh hưởng của Shamballa? Có lẽ, ở một mức độ nhỏ, trong khi chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ ba, thời điểm phương diện chân thần được kích hoạt và ghi nhận một cách có ý thức.

18. Two modes of preparation are here discussed. *Theoretically* we can discuss the second; *practically*, we are interested in the first—that of preparation for participation in Hierarchy. Love and group consciousness can be equated; much work still remains to be accomplished along these lines by the average disciple today. It is unsafe to approach Shamballa before love and group consciousness have been instituted.

18. Ở đây có hai phương thức chuẩn bị được bàn đến. *Về mặt lý thuyết,*chúng ta có thể thảo luận phương thức thứ hai; *về mặt thực hành*, chúng ta quan tâm đến phương thức thứ nhất—chuẩn bị để tham gia Thánh đoàn. Có thể xem tình thương và tâm thức nhóm là tương đương; người đệ tử trung bình ngày nay vẫn còn nhiều việc phải hoàn thành theo những hướng này. Tiếp cận Shamballa trước khi tình thương và tâm thức nhóm được thiết lập là điều không an toàn.

19. The unfoldment of the will and the attainment of "isolated unity" are closely related. The one who *knows* that "the macrocosmic Whole is all there is" has attained isolated unity. This advanced state can only be approach when the heart is open. I would recommend the meditation in DINA II, 660-661, on the qualities of the heart center. When the 'curriculum of the heart' is fulfilled, the initiate is prepared to begin to grasp the nature of isolated unity. One must be a Master to grasp this realization in real fullness.

19. Sự khai mở ý chí và việc đạt đến "Hợp Nhất Cô Lập"có mối liên hệ chặt chẽ. Người *biết*rằng "Toàn Thể đại thiên địa là tất cả những gì hiện hữu."đã đạt đến Hợp Nhất Cô Lập. Chỉ có thể tiếp cận trạng thái tiến bộ này khi trái tim rộng mở. Tôi muốn giới thiệu bài thiền trong DINA II, 660-661, về những phẩm tính của trung tâm tim. Khi 'chương trình học của trái tim'được hoàn tất, điểm đạo đồ sẵn sàng bắt đầu nắm bắt bản chất của Hợp Nhất Cô Lập. Phải là một Chân sư mới có thể nắm bắt sự chứng nghiệm này một cách thực sự trọn vẹn.

20. DK narrows His consideration, telling us what He will and will not do. His theme is "ashramic intimacy" and the disciple's approach to the "world of souls". The ensuing discussion is related to the unfoldment of ashramic and hierarchical consciousness.

20. Chân sư DK thu hẹp phạm vi xem xét của Ngài, cho chúng ta biết Ngài sẽ làm gì và không làm gì. Chủ đề của Ngài là "sự thân mật với ashram"và sự tiếp cận của người đệ tử với "thế giới linh hồn". Phần thảo luận tiếp theo liên quan đến sự khai mở tâm thức ashram và tâm thức Thánh đoàn.

21. The term "ashramic intimacy" is arresting. It suggests that many barriers which prevent communion with the Ashram are out of the way. As with all states of intimacy, daring and risk are involved; fear must be suspended. It is clear that before such intimacy becomes factual, there must exist considerable *trust* in both directions—from the disciple towards the Ashram, and from the Ashram towards the disciple. Can one imagine real intimacy if trust does not exist?

21. Thuật ngữ "sự thân mật với ashram"gây chú ý. Nó gợi ý rằng nhiều rào cản ngăn trở sự hiệp thông với ashram đã được loại bỏ. Cũng như mọi trạng thái thân mật, ở đây cần sự táo bạo và chấp nhận rủi ro; phải gác lại nỗi sợ. Rõ ràng, trước khi sự thân mật như vậy trở thành hiện thực, phải có *lòng tin*đáng kể theo cả hai chiều—từ người đệ tử hướng tới ashram, và từ ashram hướng tới người đệ tử. Liệu có thể hình dung sự thân mật thực sự nếu không có lòng tin?

22. DK discusses the growth of sensitivity. It is, we remember, *insensitivity* which robs the familiar of its revelatory value.

22. Chân sư DK bàn về sự tăng trưởng tính nhạy cảm. Chúng ta nhớ rằng chính *sự thiếu nhạy cảm*tước đi giá trị mặc khải của những điều quen thuộc.

23. Two types of creativity are discussed: "creativity of form" and "creativity of vibration". With the first kind of creativity we are rather familiar. The creator brings forth new forms and presents them to the world. But what is "creativity of vibration", leading to the appearance of "responsive organisms" rather than "created forms"?

23. Hai loại tính sáng tạo được bàn đến là: "tính sáng tạo hình tướng"và "tính sáng tạo rung động". Chúng ta khá quen thuộc với loại tính sáng tạo thứ nhất. Người sáng tạo tạo ra những hình tướng mới và đưa chúng đến với thế giới. Nhưng "tính sáng tạo rung động"là gì, mà lại dẫn đến sự xuất hiện của "những cơ cấu hữu cơ có khả năng đáp ứng"thay vì "những hình tướng được tạo ra"?

24. Perhaps it is the capacity to *skillfully alter vibration* so that it conforms to the vibratory pattern which *must be* according to the Plan and Purpose. A truly responsive organism is characterized by much sensitivity between its parts and by a great sensitivity of its

24. Có lẽ đó là khả năng *thay đổi rung động một cách khéo léo*để nó phù hợp với mô hình rung động *phải hiện hữu*theo Thiên Cơ và Thiên Ý. Một cơ cấu hữu cơ thực sự có khả năng đáp ứng mang đặc trưng là tính nhạy cảm cao giữa các bộ phận và tính nhạy cảm

organic wholeness to other wholes. Unless intra-systemic vibrations are handled skillfully, there will be dissonance and lack of cohesion, and no real intra-organismic sensitivity. The kind of sensitivity of which we speak relies upon harmony; it is creativity of vibration which can create this harmony and produce those internal relations which allow "responsive organisms" to exist.

rất lớn của toàn thể hữu cơ ấy đối với những toàn thể khác. Nếu không xử lý khéo léo những rung động bên trong hệ thống, sẽ có sự bất hòa và thiếu cố kết, và không có tính nhạy cảm thực sự bên trong cơ cấu hữu cơ. Loại tính nhạy cảm mà chúng ta đang nói đến dựa vào sự hài hòa; chính tính sáng tạo rung động có thể tạo nên sự hài hòa này và tạo ra những mối liên hệ nội tại cho phép "những cơ cấu hữu cơ có khả năng đáp ứng"hiện hữu.

25. So, we are asked to become creative in the wielding of vibration—to selectively create the vibrations which we will radiate and choose the vibrations to which we will respond. When this type of creativity is operating correctly, the group organisms in which we participate will be externally and subtly healthy, and both internal and external responsiveness will reach a high stage of development.

25. Vì vậy, chúng ta được yêu cầu trở nên sáng tạo trong việc vận dụng rung động—tạo ra một cách có chọn lọc những rung động mà chúng ta sẽ phát ra và lựa chọn những rung động mà chúng ta sẽ đáp ứng. Khi loại tính sáng tạo này hoạt động đúng đắn, những cơ cấu nhóm mà chúng ta tham gia sẽ lành mạnh cả về mặt bên ngoài lẫn mặt vi tế, và khả năng đáp ứng cả bên trong lẫn bên ngoài sẽ đạt đến một giai đoạn phát triển cao.

26. Let us wield vibration creatively and in line with the greater Good. Let us pattern vibration creatively within any larger context in which we find ourselves a participant.

26. Chúng ta hãy vận dụng rung động một cách sáng tạo và phù hợp với điều Thiện lớn lao hơn. Chúng ta hãy định hình rung động một cách sáng tạo trong bất kỳ bối cảnh rộng lớn hơn nào mà mình tham gia.

27. Creativity of vibration is subtler affair than creativity of form. It is far less tangible, but utterly necessary if responsive organisms are to be created.

27. Tính sáng tạo rung động là một vấn đề tinh tế hơn tính sáng tạo hình tướng. Nó ít hữu hình hơn nhiều, nhưng hoàn toàn thiết yếu để tạo ra những cơ cấu hữu cơ có khả năng đáp ứng.

This growth in sensitivity is difficult to understand. The members of a Master's group and of His Ashram have to become increasingly sensitive—sensitive to the Master and to His pledged workers. You cannot be made sensitive or be rendered sensitive by some type of process or ordered

Sự tăng trưởng về tính nhạy cảm này thật khó thấu hiểu. Các thành viên trong nhóm của một Chân sư và trong ashram của Ngài phải ngày càng trở nên nhạy cảm hơn—nhạy cảm với Chân sư và với những người hoạt động đã cam kết của Ngài. Không một loại tiến trình hay sự huấn luyện có hệ thống nào

training. Men and women are sensitive, only they do not know it, being so preoccupied with outer matters, with form life and objective things.

có thể làm cho các bạn trở nên nhạy cảm. Những người nam và nữ vốn nhạy cảm, chỉ có điều họ không biết điều đó, vì quá bận tâm đến những vấn đề bên ngoài, đời sống hình tướng và những sự vật khách quan.

28. This sensitivity is required if there is to be group cohesion. An Ashram is a *cohesive spiritual organism.*

28. Sự nhạy cảm này là điều cần thiết để có sự cố kết nhóm. Một ashram là một *cơ thể tinh thần có tính cố kết.*

29. Have we questioned our own sensitivity to the Master and to His pledged workers? This can be done in 'quiet reflection.

29. Chúng ta đã tự hỏi về sự nhạy cảm của mình đối với Chân sư và những người hoạt động đã cam kết của Ngài chưa? Có thể làm điều này trong sự 'suy ngẫm tĩnh lặng.

30. An important point is brought forward. Training, per se, does not produce sensitivity. Perhaps, however, it may help us remove that which stands in the way of our *innate* sensitivity.

30. Một điểm quan trọng được nêu ra. Chính sự huấn luyện không tạo ra tính nhạy cảm. Tuy nhiên, có lẽ nó có thể giúp chúng ta loại bỏ những gì cản trở tính nhạy cảm *bẩm sinh* của chúng ta.

31. It is reassuring, is it not, to realize that we are *inherently* sensitive. It is our outer preoccupations which prevent us from utilizing the sensitivity of which we are already possessed.

31. Thật yên tâm khi nhận ra rằng chúng ta *vốn đã* nhạy cảm, phải không? Chính những mối bận tâm bên ngoài ngăn cản chúng ta sử dụng tính nhạy cảm mà chúng ta đã có.

32. The obvious question for us is, "with *what* are we outwardly preoccupied". Preoccupation is of the nature of *maya;* naturally, when we are caught in the swirl of habitual activity we do not notice that it is habitual and a deterrent to sensitivity.

32. Câu hỏi hiển nhiên đối với chúng ta là, "chúng ta đang bận tâm đến *điều gì* ở bên ngoài". Sự bận tâm mang bản chất của *ảo lực;* dĩ nhiên, khi bị cuốn vào vòng xoáy của hoạt động theo thói quen, chúng ta không nhận thấy rằng đó là thói quen và là một trở ngại đối với tính nhạy cảm.

33. If we do find ourselves *doing* something in a rather obsessive manner which, propelled by its own momentum, refuses to stop, we may have detected a pattern which militates against sensitivity.

33. Nếu quả thật chúng ta nhận thấy mình đang *làm* một việc gì đó theo cách khá ám ảnh, mà do động lượng của chính nó thúc đẩy nên cứ tiếp diễn không chịu dừng lại, thì có thể chúng ta đã phát hiện một mô hình chống lại tính nhạy cảm.

34. Preoccupation is a matter of 'action at

34. Sự bận tâm là vấn đề 'hoạt động ở ngoại

the periphery'; it is, in a way, a *loss of center.*

Let me put it this way: What you say to yourself and to others—through your spoken words or your life—is so noisy that it is not easy to be what you are and to be recognised as a [711] spiritual being. The Master is guided by what He knows of you in your quiet moments of aspiration, by what you have demonstrated for years to be your fixed life tendency and by the manner in which you react at moments of crisis or tension. The task of the Master is to stimulate the disciple to be at all times what He knows him to be at his highest times. That is a simple and almost childish way of putting it but it serves to express the general idea.

35. The Master speaks directly of our noisiness. Words are often noisy, but a life-as-lived, may be noisy as well. Apparently we are putting forth many discordant vibrations of considerable amplitude; these vibrations act as a kind of barrier between what we really *are* and what we *seem* to be. The issue discussed here is one of *transparency*—a state which arises through the right kind of quietude.

36. How are we known? Certainly not by what we *seem* to be! Our fellow human beings may 'know' us in this rather indirect manner, but the Master (through deep love) has achieved the power of intimate comprehension and knows us as we are.

37. He sees us at our internal 'best' and is not dismayed by our outer and fallible

vi'; theo một nghĩa nào đó, đó là sự *đánh mất trung tâm.*

Để Tôi diễn đạt thế này: Những gì các bạn nói với chính mình và với người khác—qua lời nói hay cuộc sống của các bạn—ồn ào đến mức các bạn khó sống đúng với con người thật của mình và khó được nhận biết là một [711] sinh linh tinh thần. Chân sư dựa vào những gì Ngài biết về các bạn trong những khoảnh khắc khát vọng tĩnh lặng, vào những gì các bạn đã thể hiện qua nhiều năm như khuynh hướng sống ổn định của mình, và vào cách các bạn phản ứng trong những lúc khủng hoảng hay căng thẳng. Nhiệm vụ của Chân sư là kích thích đệ tử để vào mọi lúc, y đều sống đúng với con người mà Ngài biết y vốn là trong những thời điểm cao nhất của y. Đó là cách diễn đạt đơn giản và gần như trẻ con, nhưng cũng giúp diễn tả ý tưởng chung.

35. Chân sư nói thẳng về sự ồn ào của chúng ta. Lời nói thường ồn ào, nhưng cách chúng ta sống cũng có thể ồn ào như vậy. Dường như chúng ta đang phát ra nhiều rung động bất hòa với biên độ đáng kể; những rung động này tạo thành một loại rào cản giữa con người thật mà chúng ta *là* và con người mà chúng ta *có vẻ* là. Vấn đề được bàn ở đây là *tính trong suốt*—một trạng thái nảy sinh từ sự tĩnh lặng đúng cách.

36. Người khác biết chúng ta như thế nào? Chắc chắn không phải qua con người mà chúng ta *có vẻ* là! Những người đồng loại có thể 'biết' chúng ta theo cách khá gián tiếp này, nhưng Chân sư, nhờ tình thương sâu sắc, đã đạt được năng lực thấu hiểu sâu tận và biết chúng ta đúng như con người thật của chúng ta.

37. Ngài nhìn thấy chúng ta ở trạng thái nội tâm 'tốt đẹp nhất' và không nản lòng trước

demonstrations which will, one day, subside.

38. He knows us according to our "fixed life tendency". We see here the need to become the "one-pointed disciple". A constantly deviating disciple is still far from the goal.

39. As well, when crises and tensions emerge, what will we do? How will we respond? Such moments are *testing moments,* and that which is deeply recessed in us will emerge—for better or worse. The Master will see these emergences.

40. When, at *all* times, we can be what we are at our "*highest* times", the Master's work with us will have been largely accomplished. Obviously, this is everyone's task. We know what we are when "at our best"; we know as well the constant deviations from this "best", and perhaps, what brings on these deviations. The Master works with us wisely, but the lion's share of the work is our own, under the guidance of our Solar Angel.

A Master does this because the need of the world for decentralised, forward-looking, loving and intelligent workers is so great, particularly at this time. Many have reached the point where they may become sensitive if the loud assertions of personality are dimmed and the light of the soul is permitted to pour through. Then the Master can be known and contacted.

41. Why should the Master bother with our

những biểu hiện sai sót bên ngoài của chúng ta, vốn một ngày nào đó sẽ lắng xuống.

38. Ngài biết chúng ta qua "khuynh hướng sống ổn định". Ở đây, chúng ta thấy sự cần thiết phải trở thành "người đệ tử nhất tâm". Một đệ tử liên tục chệch hướng vẫn còn cách xa mục tiêu.

39. Ngoài ra, khi những khủng hoảng và căng thẳng xuất hiện, chúng ta sẽ làm gì? Chúng ta sẽ đáp ứng như thế nào? Những lúc như vậy là *những thời điểm thử thách,* và những gì ẩn sâu trong chúng ta sẽ bộc lộ—dù tốt hay xấu. Chân sư sẽ nhìn thấy những điều bộc lộ ấy.

40. Khi vào *mọi* lúc, chúng ta có thể sống đúng với con người của mình trong "*những thời điểm cao nhất* của mình", thì công việc của Chân sư với chúng ta đã phần lớn hoàn thành. Hiển nhiên, đây là nhiệm vụ của mọi người. Chúng ta biết mình là người như thế nào khi "ở trạng thái tốt đẹp nhất"; chúng ta cũng biết những lần liên tục chệch khỏi trạng thái "tốt đẹp nhất" này, và có lẽ biết cả điều gì gây ra những lệch lạc ấy. Chân sư làm việc với chúng ta một cách minh triết, nhưng phần lớn của công việc là do chính chúng ta thực hiện, dưới sự hướng dẫn của Thái dương Thiên Thần của chúng ta.

Một Chân sư làm điều này vì thế giới rất cần những người hoạt động phi tập trung vào bản thân, hướng tới tương lai, đầy tình thương và thông minh, đặc biệt vào lúc này. Nhiều người đã đạt đến điểm mà họ có thể trở nên nhạy cảm nếu những lời khẳng định ồn ào của phàm ngã dịu xuống và ánh sáng của linh hồn có thể tuôn chảy qua. Khi ấy, họ có thể biết và tiếp xúc với Chân sư.

41. Tại sao Chân sư phải bận tâm đến việc

training?—a rather small matter it would seem.

42. World need is so great that He must. He is evoking our *best.* Our best is stored within our causal body. We can see why causal consciousness is so necessary. In such consciousness we are aligned with our best and highest, and can express them.

43. A close study of the requirements above will show that personality assertions are related to the realm of *sound,* and soul presence to the realm of *light.* Indeed, the personality is, generically, an example of the third aspect of divinity (associated with sound), and the lighted soul of the second.

44. What is required of us is a kind of 'fade out/fade in'—what is called in the film industry, a "cross-fade". The second ray is the ray of quietude; the third, the ray of sound, and often, when unregulated, of 'loud' speech and thought. Outer sounds must fade out so the inner light may fade in.

45. The prescription for contacting the Master is simple and clear: *less noise*.

When you can get away from yourselves and your personal reactions, your own interpretations, and your personal demands, you will discover for yourselves how and in what manner the Master is seeking to impress you and the group with which you may be affiliated. You will become sensitive to that impression. You can then facilitate (as it is called) the activity of the Master by a

huấn luyện chúng ta?—một việc có vẻ khá nhỏ nhặt.

42. Nhu cầu của thế giới lớn đến mức Ngài phải làm như vậy. Ngài đang khơi dậy những gì *tốt đẹp nhất trong chúng ta.* Những gì tốt đẹp nhất của chúng ta được lưu giữ trong thể nguyên nhân. Chúng ta có thể thấy tại sao tâm thức nguyên nhân lại cần thiết đến vậy. Trong tâm thức ấy, chúng ta chỉnh hợp với những gì tốt đẹp nhất và cao nhất của mình, và có thể biểu lộ chúng.

43. Nghiên cứu kỹ những yêu cầu trên sẽ cho thấy rằng những lời khẳng định của phàm ngã liên quan đến lĩnh vực *âm thanh,* còn sự hiện diện của linh hồn liên quan đến lĩnh vực *ánh sáng.* Thật vậy, xét về loại hình, phàm ngã là một ví dụ về phương diện thứ ba của thiên tính, gắn với âm thanh, còn linh hồn tỏa sáng là ví dụ về phương diện thứ hai.

44. Điều chúng ta cần thực hiện là một kiểu 'mờ dần/hiện dần'—điều mà ngành điện ảnh gọi là "chuyển cảnh hòa tan". Cung hai là cung của sự tĩnh lặng; cung ba là cung của âm thanh, và thường là cung của lời nói cùng tư tưởng 'ồn ào' khi không được điều tiết. Âm thanh bên ngoài phải lắng dần để ánh sáng bên trong có thể hiện dần.

45. Phương cách để tiếp xúc với Chân sư thật đơn giản và rõ ràng: *bớt ồn ào*.

Khi các bạn có thể thoát khỏi sự vướng bận vào bản thân cùng những phản ứng cá nhân, những cách diễn giải của riêng mình và những đòi hỏi cá nhân, các bạn sẽ tự khám phá cách thức Chân sư đang tìm cách truyền ấn tượng đến các bạn và nhóm mà các bạn có thể có liên hệ. Các bạn sẽ trở nên nhạy cảm với ấn tượng ấy. Khi ấy, các bạn có thể tạo thuận lợi, như người ta thường gọi, cho hoạt

profound and deep interest in the esoteric life to the exclusion of your own and also of the Master's individuality. There are many ways which can then be revealed which will aid the interplay between you, the disciple, and the Master.

động của Chân sư bằng sự quan tâm sâu xa và sâu sắc đến đời sống nội môn, đến mức không còn chú tâm đến cá tính riêng của mình và cả cá tính riêng của Chân sưnữa. Khi ấy, nhiều cách thức có thể được tiết lộ để hỗ trợ sự tương tác giữa các bạn, người đệ tử, và Chân sư.

46. We are to step back from the personality; we are to 'get away from ourselves'. Apparently our preoccupations are shutting the Master out—not to mention the soul.

46. Chúng ta cần lùi lại khỏi phàm ngã; chúng ta cần 'thoát khỏi sự vướng bận vào bản thân'. Dường như những mối bận tâm của chúng ta đang ngăn Chân sư đến với chúng ta—chưa kể đến linh hồn.

47. Master DK is asking for 'depersonalization', decentralization—a lessening of our preoccupation with the outer man. If we can succeed, the sensitivity *we already have* will make itself apparent.

47. Chân sư DK đang yêu cầu 'thoát khỏi sự chi phối của phàm ngã', phi tập trung vào bản thân—giảm bớt sự bận tâm đến con người bên ngoài. Nếu chúng ta có thể thành công, tính nhạy cảm *mà chúng ta đã có* sẽ tự bộc lộ.

48. Once that self-veiled sensitivity emerges we can assist the Master through our profound and deep interest in the esoteric life. This interest is to go forward in such a way that our own individuality and even that of the Master is of dwindling interest. Let us pause to ask, "Is this the case for us?"

48. Một khi tính nhạy cảm do chính mình che lấp ấy xuất hiện, chúng ta có thể trợ giúp Chân sư qua sự quan tâm sâu xa và sâu sắc đến đời sống nội môn. Sự quan tâm này phải phát triển đến mức chúng ta ngày càng ít chú tâm đến cá tính riêng của mình và thậm chí cả cá tính riêng của Chân sư. Chúng ta hãy dừng lại để tự hỏi, "Điều này có đúng với chúng ta không?"

49. Of course "the esoteric life" here referenced is not merely esoteric study. It is an attitude of deep and subtle responsiveness towards all occurrences, inner and outer. Such a life can only be pursued within an 'internal quietude' which persists in the midst of surface noise.

49. Dĩ nhiên, "đời sống nội môn" được nói đến ở đây không chỉ là việc nghiên cứu nội môn. Đó là một thái độ đáp ứng sâu sắc và tinh tế đối với mọi sự việc xảy ra, cả bên trong lẫn bên ngoài. Chỉ có thể theo đuổi một đời sống như vậy trong sự 'tĩnh lặng nội tâm' vẫn duy trì giữa tiếng ồn trên bề mặt.

50. DK seems to be hinting at certain mysterious revelations which emerge in the midst of internal quietude, while deeply and profoundly living the esoteric life. These

50. Dường như Chân sư DK đang gợi ý về những sự mặc khải huyền nhiệm nhất định xuất hiện trong sự tĩnh lặng nội tâm, khi sống đời sống nội môn một cách sâu xa và

revelations are usually shut out by our self-generated surface noise.

sâu sắc. Những sự mặc khải này thường bị tiếng ồn trên bề mặt do chính chúng ta tạo ra ngăn chặn.

51. The Master will not tell us how the interplay between us and Him is to be facilitated. We are to learn of these things in the quiet, away from the noise of our lower self.

51. Chân sư sẽ không nói cho chúng ta biết cách tạo thuận lợi cho sự tương tác giữa chúng ta và Ngài. Chúng ta cần học biết những điều này trong sự tĩnh lặng, tránh xa tiếng ồn của phàm ngã.

52. I am reminded of one of DK's important counsels from TWM: "Keep silence and the light will enter in."

52. Tôi nhớ đến một trong những lời khuyên quan trọng của Chân sư DK trong Luận về Chánh Thuật: "Hãy giữ im lặng và ánh sáng sẽ đi vào."

As all the rays are the subrays of the second ray, we shall be primarily concerned with the second ray modes of working with disciples; they form the basis of all the other techniques. The differences which may appear lie in the application of processes according to ray type and the utilisation of emphasis upon certain centres. Again, I would ask you to ponder on this phrase because it contains much information for those who can bring the light of the intuition to bear upon it. I shall be dealing with the relation of a Master and His group to the individual disciple and not so much with the attitudes and procedures of the disciple. This, you will note is a somewhat new slant.

Vì mọi cung đều là những cung phụ của cung hai, chúng ta sẽ chủ yếu quan tâm đến các phương thức làm việc với đệ tử theo cung hai; chúng tạo thành nền tảng của mọi kỹ thuật khác. Những khác biệt có thể xuất hiện nằm ở việc áp dụng các tiến trình theo loại cung và việc chú trọng đến một số trung tâm nhất định. Một lần nữa, Tôi muốn các bạn suy ngẫm về cụm từ này, vì nó chứa đựng nhiều thông tin cho những ai có thể soi ánh sáng trực giác vào đó. Tôi sẽ bàn đến mối quan hệ của một Chân sư và nhóm của Ngài với từng đệ tử, và ít đề cập hơn đến những thái độ cùng cách thức tiến hành của người đệ tử. Các bạn sẽ nhận thấy đây là một góc nhìn phần nào mới mẻ.

53. The importance of the second ray is constantly stated in the Tibetan's writings.

53. Tầm quan trọng của cung hai liên tục được khẳng định trong các trước tác của Chân sư Tây Tạng.

54. It is the modes of working on the second ray that those on all rays must learn. Love-Wisdom is the primary energy for both our planet and solar system. It is easy to forget this, as there tends to be an emphasis on distinction in the minds of many disciples.

54. Chính các phương thức làm việc theo cung hai là điều mà những người thuộc mọi cung đều phải học. Bác Ái – Minh Triết là năng lượng chủ yếu của cả hành tinh lẫn hệ mặt trời của chúng ta. Chúng ta dễ quên điều này, vì trong thể trí của nhiều đệ tử thường

có khuynh hướng nhấn mạnh những khác biệt.

55. Of course a Master working with His chelas needs to know the various differences and distinctions here mentioned, but the principal approach is that of the second ray.

55. Dĩ nhiên, một Chân sư làm việc với các đệ tử của Ngài cần biết những khác biệt và nét phân biệt được đề cập ở đây, nhưng cách tiếp cận chủ yếu vẫn là cách của cung hai.

56. Every ray can be correlated with one or more chakras. The heart within the head, correlated to the second ray, would seem to be a constant in all ray techniques.

56. Mỗi cung đều có thể tương ứng với một hay nhiều luân xa. Trung tâm tim trong đầu, tương ứng với cung hai, dường như là một yếu tố bất biến trong mọi kỹ thuật của các cung.

57. Our approach, then, will be to understand the *principal* technique and other ray adaptations as necessary.

57. Vậy, cách tiếp cận của chúng ta sẽ là thấu hiểu kỹ thuật *chủ yếu* và những điều chỉnh theo các cung khác khi cần thiết.

58. We are going to receive the ashramic perspective in this matter. We can act "as if" we were members of the Ashram, and attempt to understand the stages of discipleship from that rather different "slant".

58. Chúng ta sắp tiếp nhận góc nhìn của ashram về vấn đề này. Chúng ta có thể hành động "như thể" mình là thành viên của ashram, và cố gắng thấu hiểu các giai đoạn của địa vị đệ tử từ "góc nhìn" khá khác biệt ấy.

Basically and essentially, the disciple's attitude is not really of much importance in comparison with the effect of the Hierarchy and its techniques upon him. The results are [712] inevitable, because they are dependent upon two important factors:

Về cơ bản và thực chất, thái độ của người đệ tử thật sự không quan trọng lắm khi so với tác động của Thánh đoàn và các kỹ thuật của Thánh đoàn lên y. Các kết quả [712] là tất yếu, vì chúng phụ thuộc vào hai yếu tố quan trọng:

59. DK relegates the disciple's attitude to a relatively unimportant position. It is the power of the Hierarchy and its techniques is emphasized.

59. Chân sư DK đặt thái độ của người đệ tử vào một vị trí tương đối ít quan trọng. Điều được nhấn mạnh là quyền năng của Thánh đoàn và các kỹ thuật của Thánh đoàn.

60. It is important to realize that much that is of great importance to the progress of the individual disciple does not originate from within his individual nature.

60. Cần nhận ra rằng nhiều điều vô cùng quan trọng đối với sự tiến bộ của từng đệ tử không bắt nguồn từ bên trong bản chất cá nhân của y.

61. It seems that if Hierarchy applies its

61. Dường như nếu Thánh đoàn áp dụng các

techniques, the individual disciple will *inevitably* respond. However, the disciple to whom the techniques are applied must be *fit* to receive them.

kỹ thuật của mình, người đệ tử *tất yếu* sẽ đáp ứng. Tuy nhiên, người đệ tử mà các kỹ thuật ấy được áp dụng cho phải *đủ điều kiện* để tiếp nhận chúng.

1. The first factor is that directed, hierarchical impression is not imposed until the man has fitted himself through self-discipline to respond to it and is, therefore, nearing the end of the Path.

1. Yếu tố thứ nhất là Thánh đoàn chỉ truyền ấn tượng có định hướng khi con người đã tự rèn luyện qua kỷ luật bản thân để có khả năng đáp ứng với ấn tượng ấy, và do đó đang tiến gần đến cuối Đường Đạo.

62. Hierarchy utilizes intelligence and correct timing in the matter of imposing "hierarchical impression".

62. Thánh đoàn vận dụng trí thông minh và chọn đúng thời điểm trong việc truyền "ấn tượng của Thánh đoàn".

63. Under the Law of Economy, Hierarchy will not apply techniques to those who are unable to respond.

63. Theo Định luật Tiết Kiệm, Thánh đoàn sẽ không áp dụng các kỹ thuật cho những người không có khả năng đáp ứng.

64. We note the role of self-discipline in preparing for proper response to hierarchical impression.

64. Chúng ta lưu ý vai trò của kỷ luật bản thân trong việc chuẩn bị để đáp ứng đúng đắn với ấn tượng của Thánh đoàn.

2. The second is the factor of group response. This means response in two directions:

2. Yếu tố thứ hai là yếu tố đáp ứng nhóm. Điều này có nghĩa là đáp ứng theo hai hướng:

a. To sensed human need, leading consequently to a pledged life of service.

a. Với nhu cầu nhân loại mà mình cảm nhận được, từ đó dẫn đến một cuộc đời cam kết phụng sự.

b. To soul impression, leading to spiritual sensitivity.

b. Với ấn tượng của linh hồn, dẫn đến tính nhạy cảm tinh thần.

65. The soul is *group* conscious, and the Hierarchy will not impose its techniques until that group consciousness has been somewhat developed.

65. Linh hồn có tâm thức *nhóm*, và Thánh đoàn sẽ không áp dụng các kỹ thuật của mình cho đến khi tâm thức nhóm ấy đã phát triển đến một mức độ nào đó.

66. If a disciple responds to human need, he will pledge his life to service.

66. Nếu một đệ tử đáp ứng với nhu cầu nhân loại, y sẽ cam kết dành cuộc đời mình cho việc phụng sự.

67. Response to human need and to soul are

67. Sự đáp ứng với nhu cầu nhân loại và với

both group responses—for, in fact, there is no "my soul and thine", and the so-called 'individual soul' is something of an illusion.

đều là những đáp ứng nhóm—vì thật ra không có "linh hồn của tôi và linh hồn của bạn", và cái gọi là 'linh hồn cá nhân' phần nào là một ảo tưởng.

When these two factors are established—even if unknown to the disciple in his waking consciousness—the grip of the soul upon the personality becomes irrevocable. Then, and only then, the Master can begin to work and the response will be effective, real and lasting.

Khi hai yếu tố này đã được xác lập—ngay cả khi người đệ tử không biết điều đó trong tâm thức tỉnh thức của mình—sự nắm giữ của linh hồn đối với phàm ngã trở nên không thể đảo ngược. Khi ấy, và chỉ khi ấy, Chân sư mới có thể bắt đầu làm việc, và sự đáp ứng sẽ hữu hiệu, chân thực và bền vững.

68. When a man has risen through self-discipline and is capable of group response, it indicates a powerful and irrevocable grip by the soul upon the personality. It is interesting that the two factors of 1) sufficient discipline and 2) group response may not be apprehended to the disciple in his waking consciousness.

68. Khi một người đã vươn lên nhờ kỷ luật bản thân và có khả năng đáp ứng nhóm, điều đó cho thấy linh hồn đã nắm giữ phàm ngã một cách mạnh mẽ và không thể đảo ngược. Điều thú vị là người đệ tử có thể không nhận biết hai yếu tố: 1) kỷ luật đủ mức và 2) đáp ứng nhóm, trong tâm thức tỉnh thức của mình.

69. We are looking at the preliminary requirements which signal the onset of the Master's work. The Master cannot work unless the "grip of the soul upon the personality" has become "irrevocable".

69. Chúng ta đang xem xét những yêu cầu sơ bộ báo hiệu sự khởi đầu công việc của Chân sư. Chân sư không thể làm việc trừ khi "sự nắm giữ của linh hồn đối với phàm ngã" đã trở nên "không thể đảo ngược".

Now let me enumerate for you again the stages with which we shall be dealing:

Bây giờ, để Tôi liệt kê lại cho các bạn những giai đoạn mà chúng ta sẽ bàn đến:

1. The stage wherein the disciple is contacted by the Master through some chela upon the physical plane. This is the stage of Little Chelaship.

1. Giai đoạn Chân sư tiếp xúc với người đệ tử qua một đệ tử nào đó trên cõi hồng trần. Đây là giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử.

70. This is clearly an external stage. The young disciple is insufficiently sensitive to anything but an outward recognition of the Master's quality mediated through the Master's chela upon the physical plane.

70. Đây rõ ràng là một giai đoạn bên ngoài. Người đệ tử còn non trẻ chưa đủ nhạy cảm để nhận biết điều gì ngoài sự nhận ra bên ngoài về phẩm tính của Chân sư, qua trung gian là đệ tử của Ngài trên cõi hồng trần.

71. Of the first three stages, this stage can be

71. Trong ba giai đoạn đầu, giai đoạn này có

correlated with the third ray.

2. The stage wherein a higher disciple directs the chela from egoic or soul levels. This is the stage called a Chela in the Light.

72. In the phase of Chela in the Light, the directing disciple may be discarnate or incarnate. The directing, however, occurs from soul levels.

73. In this second stage, the chela's subjective sensitivity has grown beyond the sensitivity of the 'Little Chela'.

74. Of the first three stages, this stage can be correlated with the second ray.

3. The stage wherein, according to necessity, the Master contacts the chela through:

a. A vivid dream experience.

b. A symbolic teaching.

c. The using of a thoughtform of some Master.

d. A contact with the Master in meditation.

e. A definite, remembered interview with the Master in His Ashram.

75. Of the first three stages, this stage can be correlated with the first ray. This stage, in general, represents a rather *direct* and relatively unmediated contact with the Master. In the last of the five modes of contact here enumerated, it is entirely *direct.*

thể tương ứng với cung ba.

2. Giai đoạn một đệ tử cao cấp hơn hướng dẫn người đệ tử từ các cấp độ chân ngã hay linh hồn. Đây là giai đoạn gọi là Đệ tử trong Ánh sáng.

72. Trong giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng, người đệ tử hướng dẫn có thể không nhập thể hoặc đang nhập thể. Tuy nhiên, sự hướng dẫn diễn ra từ các cấp độ linh hồn.

73. Trong giai đoạn thứ hai này, tính nhạy cảm chủ quan của người đệ tử đã phát triển vượt quá tính nhạy cảm của 'Tiểu đệ tử'.

74. Trong ba giai đoạn đầu, giai đoạn này có thể tương ứng với cung hai.

3. Giai đoạn mà, tùy theo nhu cầu, Chân sư tiếp xúc với người đệ tử thông qua:

a. Một trải nghiệm giấc mơ sống động.

b. Một lời dạy mang tính biểu tượng.

c. Việc sử dụng một hình tư tưởng của một Chân sư nào đó.

d. Một sự tiếp xúc với Chân sư trong khi tham thiền.

e. Một cuộc gặp gỡ rõ ràng với Chân sư trong ashram của Ngài mà người đệ tử còn nhớ được.

75. Trong ba giai đoạn đầu, giai đoạn này có thể tương ứng với cung một. Nhìn chung, giai đoạn này thể hiện một sự tiếp xúc khá *trực tiếp* và tương đối ít qua trung gian với Chân sư. Trong phương thức cuối cùng của năm phương thức tiếp xúc được liệt kê ở đây, sự tiếp xúc hoàn toàn *trực tiếp.*

76. When we come to the discussion of stage three of the Six Stages of Discipleship we will explore the implications of each of these five modes of contact.

77. We should continued to remember that each of the *seven* stages of discipleship (although we are studying then as the *Six* Stages of Discipleship) is being presented from the point of view of the Master and the Ashram

78. In each of the five modes of contact characteristic of Accepted Discipleship, we are to understand the Master as the prime initiator of contact with the disciple.

This is definitely the stage of Accepted Discipleship.

4. The stage wherein, having shown his wisdom in work and his appreciation of the Master's problem, the disciple is taught how (in an emergency) to attract the Master's attention and thus draw upon His strength and knowledge and advice. This is an instantaneous happening [713] and practically takes none of the Master's time. This has the peculiar name of the Chela on the Thread, or Sutratma.

79. Beyond the stage of Accepted Discipleship lies for the disciple the possibility of contacting the Master according to need as a Chela on the Thread.

80. We note that this type of contact is *not* initiated by the Master as was stage three, but by the disciple.

81. We note the two prerequisites: the disciple permitted to contact the Master

76. Khi bàn đến giai đoạn thứ ba trong Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử, chúng ta sẽ tìm hiểu những hàm ý của từng phương thức trong năm phương thức tiếp xúc này.

77. Chúng ta nên tiếp tục nhớ rằng mỗi giai đoạn trong *bảy* giai đoạn của địa vị đệ tử, mặc dù chúng ta đang nghiên cứu chúng dưới tên gọi *Sáu* Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử, đều được trình bày từ quan điểm của Chân sư và ashram

78. Trong mỗi phương thức thuộc năm phương thức tiếp xúc đặc trưng cho Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận, chúng ta cần hiểu rằng Chân sư là Đấng chủ động khởi xướng sự tiếp xúc với người đệ tử.

Đây rõ ràng là giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận.

4. Giai đoạn mà, sau khi đã thể hiện minh triết trong công việc và sự thấu hiểu vấn đề của Chân sư, người đệ tử được dạy cách thu hút sự chú ý của Chân sư trong trường hợp khẩn cấp, và nhờ đó vận dụng sức mạnh, tri thức cùng lời khuyên của Ngài. Điều này xảy ra tức thời [713] và hầu như không chiếm chút thời gian nào của Chân sư. Giai đoạn này có tên gọi đặc biệt là Đệ tử trên đường dây, hay sinh mệnh tuyến.

79. Sau giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận, người đệ tử có khả năng tiếp xúc với Chân sư tùy theo nhu cầu, với tư cách là Đệ tử trên đường dây.

80. Chúng ta lưu ý rằng loại tiếp xúc này *không* do Chân sư khởi xướng như trong giai đoạn thứ ba, mà do người đệ tử.

81. Chúng ta lưu ý hai điều kiện tiên quyết: người đệ tử được phép tiếp xúc với Chân sư

must 1) appreciate the Master's problem and 2) must only seek to attract the Master's attention in cases of emergency. Such an emergency will never be a *personal* emergency; it will be an emergency in relation to the work which the disciple is performing on behalf of the Master and the Ashram. If we believe ourselves affiliated with a particular Master's group or Ashram, how deeply do we appreciate the Master's problem? The attempt to answer the question will be an exercise in decentralization—*and* humility.

phải 1) thấu hiểu vấn đề của Chân sư và 2) chỉ tìm cách thu hút sự chú ý của Chân sư trong những trường hợp khẩn cấp. Một trường hợp khẩn cấp như thế sẽ không bao giờ là chuyện khẩn cấp *cá nhân*; đó sẽ là chuyện khẩn cấp liên quan đến công việc mà người đệ tử đang thực hiện thay mặt Chân sư và ashram. Nếu tin rằng mình có liên hệ với nhóm hoặc ashram của một Chân sư cụ thể, chúng ta thấu hiểu vấn đề của Chân sư sâu sắc đến đâu? Nỗ lực trả lời câu hỏi ấy sẽ là một bài tập về sự phi tập trung vào bản thân—*và* lòng khiêm nhường.

82. We note that the contact accorded to a Chela on the Thread is not a lengthy one. Rather it is instantaneous and does not represent a significant interruption to the Master. Nevertheless, even this kind of very brief contact for appropriating the Master's strength, knowledge or advice, can only be initiated in true emergencies.

82. Chúng ta lưu ý rằng sự tiếp xúc dành cho một Đệ tử trên đường dây không kéo dài. Sự tiếp xúc ấy diễn ra tức thời và không gây gián đoạn đáng kể cho Chân sư. Tuy nhiên, ngay cả kiểu tiếp xúc rất ngắn ngủi này để tiếp nhận sức mạnh, tri thức hoặc lời khuyên của Chân sư cũng chỉ có thể được khởi xướng trong những trường hợp thực sự khẩn cấp.

83. Some sense of proportion should enter our minds. There are quite a few disciples who feel that the Master is rather constantly interested in them (as persons) and always available for consultation. I think we can see the error of this assumption through its lack of co-measurement.

83. Chúng ta cần có một ý thức nhất định về tỉ lệ trong thể trí. Có khá nhiều đệ tử cảm thấy rằng Chân sư gần như liên tục quan tâm đến họ (với tư cách cá nhân) và luôn sẵn sàng để họ tham vấn. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy giả định này sai lầm vì nó thiếu sự cân nhắc tương xứng.

84. We may question: "What is the nature of the "thread" utilized to set up a call to the Master. " We learn that it is related to the Sutratma or Life Thread.

84. Chúng ta có thể hỏi: "Bản chất của "sợi dây" dùng để thiết lập một lời kêu gọi đến Chân sư là gì? " Chúng ta được biết rằng nó liên quan đến sinh mệnh tuyến hay Sợi dây Sự Sống.

5. The stage wherein the disciple is permitted to know the method whereby he may set up a vibration or a call which will entitle him to an interview with the Master. This is only permitted to those trusted chelas who can be depended upon not to use

5. Giai đoạn trong đó người đệ tử được phép biết phương pháp tạo ra một rung động hoặc một lời kêu gọi cho phép y được diện kiến Chân sư. Điều này chỉ dành cho những đệ tử đáng tin cậy, những người có thể được tin tưởng rằng sẽ chỉ sử dụng tri thức của mình

their knowledge for anything except the need of the work. No personality reason or distress would prompt them to use it. At this stage, the disciple is called a Chela within the aura.

vì nhu cầu công việc. Không một lý do hay nỗi khổ nào của phàm ngã có thể thúc đẩy họ sử dụng tri thức ấy. Ở giai đoạn này, người đệ tử được gọi là Đệ tử trong hào quang.

85. The fifth stage is still more advanced. In this stage, the call to which the Master will respond will, in fact, require of Him a significant expenditure of time and energy.

85. Giai đoạn thứ năm còn tiến xa hơn nữa. Thật vậy, ở giai đoạn này, lời kêu gọi mà Chân sư sẽ đáp ứng đòi hỏi Ngài dành ra một lượng thời gian và năng lượng đáng kể.

86. The degree of trust required before the privileges related to this stage can be accorded is significant. Even dire *personality* distress will not prompt the "Chela within the Aura" to 'send up' a call for a direct interview with the Master. Only the *needs of the work* will entitle the chela to such an interview.

86. Cần có một mức độ tin cậy đáng kể trước khi có thể ban những đặc ân liên quan đến giai đoạn này. Ngay cả nỗi khổ cùng cực của *phàm ngã* cũng sẽ không thúc đẩy "Đệ tử trong hào quang" 'gửi lên' một lời kêu gọi xin diện kiến trực tiếp Chân sư. Chỉ *nhu cầu công việc* mới cho phép người đệ tử có được một cuộc diện kiến như thế.

87. We must realize the extremely busy schedule of a Master. Probably we would be staggered at the number of important processes in which the Masters are engaged, and at Their efficiency in organizing such processes.

87. Chúng ta phải nhận biết lịch trình vô cùng bận rộn của một Chân sư. Có lẽ chúng ta sẽ choáng ngợp trước số lượng những tiến trình quan trọng mà các Chân sư đang tham gia, cũng như hiệu quả của Các Ngài trong việc tổ chức những tiến trình ấy.

88. To be "within the aura" signifies great sensitivity to the Master's vibration and quality. Such a chela can be easily overshadowed and can radiate the quality emanating from the Master and His Ashram.

88. Ở "trong hào quang" hàm ý sự nhạy cảm cao độ với rung động và phẩm tính của Chân sư. Một đệ tử như thế có thể dễ dàng được phủ bóng và có thể tỏa ra phẩm tính phát xạ từ Chân sư và ashram của Ngài.

6. The stage wherein the disciple can get his Master's ear at any time. He is in close touch always. This is the stage wherein a chela is being definitely and consciously prepared for immediate initiation, or—having taken initiation—is being given specialised work to do in collaboration with his. . . . At this stage, he is described as the Chela within the Master's heart.

6. Giai đoạn trong đó người đệ tử có thể được Chân sư của mình lắng nghe bất cứ lúc nào. Y luôn giữ mối liên hệ mật thiết. Đây là giai đoạn trong đó người đệ tử đang được chuẩn bị một cách rõ rệt và hữu thức cho cuộc điểm đạo sắp tới, hoặc—sau khi đã được điểm đạo—được giao công việc chuyên biệt để phối hợp với . . . của y. Ở giai đoạn này, y được mô tả là Đệ tử trong tim của Chân sư.

89. The final stage of the *six* stages, goes by the name, "Chela within the Master's Heart".

89. Giai đoạn cuối cùng trong *sáu* giai đoạn mang tên "Đệ tử trong tim của Chân sư".

90. Such a chela will certainly be a trusted initiate, with long experience in the service of a particular Master.

90. Một đệ tử như thế chắc chắn sẽ là một điểm đạo đồ đáng tin cậy, có kinh nghiệm lâu năm trong việc phụng sự một Chân sư cụ thể.

91. We can understand that such a chela will have to be very familiar with the Master's work and problems. It is a tremendous responsibility to have access to "his Master's ear at any time". We can view the "Chela within the Heart" more as a collaborator of his Master.

91. Chúng ta có thể thấu hiểu rằng một đệ tử như thế phải rất quen thuộc với công việc và những vấn đề của Chân sư. Đó là một trách nhiệm vô cùng lớn lao khi có thể được "Chân sư của mình lắng nghe bất cứ lúc nào". Chúng ta có thể xem "Đệ tử trong tim" thiên về vai trò một cộng sự của Chân sư mình.

92. The initiation or initiations referenced in this paragraph surely cannot be among the earlier initiations. There is reason to believe that the fourth initiation is the one probably under discussion. Interestingly, the heart center is the one emphasized at the fourth degree.

92. Cuộc điểm đạo hoặc những cuộc điểm đạo được đề cập trong đoạn này chắc chắn không thể nằm trong số những cuộc điểm đạo ban đầu. Có lý do để tin rằng lần điểm đạo thứ tư có lẽ là cuộc điểm đạo đang được bàn đến. Điều thú vị là trung tâm tim chính là trung tâm được nhấn mạnh ở cấp độ thứ tư.

93. There is an ellipsis: "in collaboration with his..." We may speculate upon the omission if we wish. With whom or with what would a true initiate or advanced initiate collaborate?

93. Có một chỗ lược bỏ: "phối hợp với... của y" Chúng ta có thể suy đoán về phần bị lược bỏ nếu muốn. Một điểm đạo đồ chân chính hoặc một điểm đạo đồ tiến hóa cao sẽ phối hợp với ai hay với điều gì?

94. The rhythm of the heart in relation to the rhythmic impulses by which a Master guides His Ashram may be considered in relation to this sixth stage.

94. Có thể xem xét nhịp điệu của tim trong mối liên hệ với những xung động nhịp nhàng mà qua đó một Chân sư hướng dẫn ashram của Ngài, khi bàn về giai đoạn thứ sáu này.

7. There is a later stage of still closer identification, where there is a complete blending of the Lights, but there is no adequate paraphrase of the terms used to convey this name.

7. Có một giai đoạn về sau với sự đồng hoá còn mật thiết hơn nữa, trong đó có sự hòa quyện hoàn toàn của các Ánh sáng, nhưng không có cách diễn giải nào thích đáng cho những thuật ngữ dùng để truyền đạt tên gọi

này.

95. What does “a complete blending of the Lights” suggest to us? Surely, the light of the chela and the light of the Master.

95. Cụm từ “sự hòa quyện hoàn toàn của các Ánh sáng” gợi cho chúng ta điều gì? Chắc chắn là ánh sáng của người đệ tử và ánh sáng của Chân sư.

96. We understand from this that it is a stage in which the term “identification” is significant. It is as if the chela finds no distinction between his own will and the will of the Master.

96. Từ điều này, chúng ta thấu hiểu rằng đây là một giai đoạn trong đó thuật ngữ “đồng hoá” có ý nghĩa quan trọng. Dường như người đệ tử không thấy sự khác biệt nào giữa ý chí của chính mình và ý chí của Chân sư.

97. One thinks, perhaps, of the mysterious relationship between the Christ and the Master Jesus, for the first ‘became’, in a sense, the second.

97. Có lẽ người ta nghĩ đến mối quan hệ huyền nhiệm giữa Đức Christ và Chân sư Jesus, vì theo một nghĩa nào đó, Đấng thứ nhất đã ‘trở thành’ Đấng thứ hai.

98. It would seem that a very high degree of initiation is indicated, yet the term “chela” still applies.

98. Dường như ở đây muốn nói đến một cấp độ điểm đạo rất cao, tuy nhiên thuật ngữ “đệ tử” vẫn được áp dụng.

I would have you note that the six stages above mentioned have been translated and paraphrased for occidental understanding and must in no way be considered as translations of the ancient terms.

Tôi muốn các bạn lưu ý rằng sáu giai đoạn vừa nêu đã được dịch và diễn giải để người phương Tây có thể thấu hiểu, và tuyệt đối không được xem chúng là những bản dịch của các thuật ngữ cổ.

99. It is clear that the Master is referencing certain ancient manuals on discipleship.

99. Rõ ràng Chân sư đang dẫn chiếu một số cẩm nang cổ về địa vị đệ tử.

100. His great gift to us is His ability to translate what we could never understand into terms which we can.

100. Món quà lớn lao Ngài dành cho chúng ta là khả năng chuyển những điều chúng ta không bao giờ có thể thấu hiểu thành những thuật ngữ mà chúng ta có thể thấu hiểu.

Stage I. Little Chelaship.

Giai đoạn I. Địa vị tiểu đệ tử.

This stage is so definitely exoteric that many people have left it far behind. The first indication that a man has reached that stage (from the angle of the Master) comes when the “light flashes out” in some one life;

Giai đoạn này rõ ràng mang tính ngoại môn đến mức nhiều người đã vượt xa nó. Dấu hiệu đầu tiên cho thấy một người đã đạt đến giai đoạn ấy (theo góc nhìn của Chân sư) xuất hiện khi “ánh sáng lóe lên” trong một

thereby the attention of the Master is attracted to the person. It might be said that the preface to the Master's interest falls into four parts and it is only when all four are found present together and simultaneously that this happens:

kiếp sống nào đó; nhờ vậy, người ấy thu hút sự chú ý của Chân sư. Có thể nói rằng những điều mở đầu cho sự quan tâm của Chân sư ấy gồm bốn phần và chỉ khi cả bốn cùng hiện diện đồng thời thì điều này mới xảy ra:

101. The fact that this is a definitely exoteric phase relates it to the third ray which, in one respect, is the ray of things obvious and external.

101. Việc đây rõ ràng là một giai đoạn ngoại môn liên hệ nó với cung ba, vốn, xét về một phương diện, là cung của những gì hiển nhiên và bên ngoài.

102. We are emphasizing the Master's perspective, let us remember, so we are told how the Master recognizes a disciple suited to enter this stage. The man (not yet a disciple) flashes forth—i. e. , his "light flashes out".

102. Chúng ta hãy nhớ rằng mình đang nhấn mạnh góc nhìn của Chân sư, nên chúng ta được cho biết cách Chân sư nhận ra một đệ tử thích hợp để bước vào giai đoạn này. Người ấy (chưa phải là đệ tử) tỏa sáng—nghĩa là , "ánh sáng của y lóe lên".

103. From this perspective, we may gather that Little Chelaship occurs *before* the first initiation, because it seems to indicate a Master's first noticement of the man. Little Chelaship (at least the beginning of that stage) probably cannot coincide with the first initiation because a Master must recommend a disciple to the Initiator for even that preliminary initiation, and this recommendation would surely follow upon long observation of the disciple.

103. Từ góc nhìn này, chúng ta có thể suy ra rằng Địa vị tiểu đệ tử xuất hiện *trước* lần điểm đạo thứ nhất, vì dường như nó đánh dấu sự chú ý đầu tiên của một Chân sư đến người ấy. Địa vị tiểu đệ tử (ít nhất là lúc bắt đầu giai đoạn ấy) có lẽ không thể trùng với lần điểm đạo thứ nhất, bởi ngay cả đối với cuộc điểm đạo sơ bộ ấy, một Chân sư cũng phải tiến cử người đệ tử với Đấng Điểm đạo, và chắc chắn sự tiến cử này phải diễn ra sau một thời gian dài quan sát người đệ tử.

104. DK speaks of four stages which lead to the flashing forth of the light and the attraction of the Master's interest. We note that all four stages must be operative *simultaneously* if the Master's attention is to be attracted.

104. Chân sư DK nói đến bốn giai đoạn dẫn đến việc ánh sáng lóe lên và thu hút sự quan tâm của Chân sư. Chúng ta lưu ý rằng cả bốn giai đoạn phải hoạt động *đồng thời* thì mới có thể thu hút sự chú ý của Chân sư.

1. The aspirational intent of the man upon the physical plane suddenly succeeds in enabling him to make a soul [714] contact. The moment that that takes place the light in the head is momentarily intensified.

1. Ý hướng đầy khát vọng của con người trên cõi hồng trần đột nhiên thành công trong việc giúp y thiết lập sự tiếp xúc [714] với linh hồn. Ngay khi điều đó xảy ra, ánh sáng trong đầu nhất thời tăng cường độ.

105. In order to enter the stage of Little Chelaship, it is clear that that man must be an *aspirant.* He aspires to something higher (though he may not know its name). When the intensity of that aspiration is sufficient, he succeeds in making soul contact.

105. Rõ ràng, để bước vào giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử, người ấy phải là một *người chí nguyện.* Y khát vọng hướng đến điều gì đó cao hơn (dù có thể y chưa biết tên gọi của nó). Khi khát vọng ấy đạt cường độ đủ mạnh, y thành công trong việc thiết lập sự tiếp xúc với linh hồn.

106. It is clear that soul-contact occurs long before the first initiation. As a man begins to reorient his life towards higher values, higher desires, he is reorienting to the soul/Solar Angel.

106. Rõ ràng sự tiếp xúc với linh hồn xảy ra từ lâu trước lần điểm đạo thứ nhất. Khi một người bắt đầu định hướng lại cuộc sống của mình về những giá trị cao hơn, những dục vọng cao hơn, y đang tái định hướng về linh hồn/Thái dương Thiên Thần.

107. We see that it is the "light in the head" which the Master notices, by what means who may say? The 'flashing out', therefore, may be considered a phenomenon related to the light in the head.

107. Chúng ta thấy rằng chính "ánh sáng trong đầu" là điều Chân sư chú ý đến, nhưng bằng phương tiện nào thì ai có thể nói được? Vì vậy, sự 'lóe lên' có thể được xem là một hiện tượng liên quan đến ánh sáng trong đầu.

2. The karmic agitation of the man's life becomes greatly increased and—apart from his own individual karma—he, for the first time, consciously takes part in and shoulders a part of the karma of his group. This dual karmic undertaking sets up a veritable vortex of force in the group aura. This attracts hierarchical attention.

2. Sự xáo động do nghiệp quả trong cuộc sống của người ấy gia tăng mạnh mẽ và—ngoài nghiệp quả cá nhân của chính mình—lần đầu tiên y tham gia một cách hữu thức và gánh vác một phần nghiệp quả của nhóm mình. Việc đảm nhận nghiệp quả kép này tạo ra một xoáy mãnh lực thực sự trong hào quang nhóm. Điều này thu hút sự chú ý của Thánh đoàn.

108. We remember that all four of these requirements (prefacing a Master's interest in a potential chela) must be in evidence simultaneously.

108. Chúng ta nhớ rằng cả bốn yêu cầu này (mở đầu cho sự quan tâm của một Chân sư đến một đệ tử tiềm năng) phải biểu hiện đồng thời.

109. From what is said, we gather that some degree of group consciousness is under development. The man is no longer strictly selfish.

109. Từ những điều đã nói, chúng ta suy ra rằng tâm thức nhóm đang phát triển đến một mức độ nào đó. Người ấy không còn hoàn toàn ích kỷ nữa.

110. It might be that the sixth petal of the

110. Có thể cánh hoa thứ sáu thuộc tầng

love-tier of petals is active in this regard, for it is a petal of sacrifice within the love tier. The sixth petal is also involved in the paying of karma prior to full concentration upon the third or sacrifice tier of petals. We recall reading how stressful is the period preceding the first initiation, when both Vulcan and Pluto are active. The sixth petal of the egoic lotus is associated with Virgo, and hence Vulcan is easily implicated. Pluto would be implicated as a force which begins to release a man from the Common Cross onto the Fixed Cross. Pisces is active in such a release, and Pisces is ruled by Pluto.

cánh hoa bác ái đang hoạt động trong phương diện này, vì đó là một cánh hoa hi sinh trong tầng bác ái. Cánh hoa thứ sáu cũng tham gia vào việc trả nghiệp quả trước khi hoàn toàn tập trung vào tầng cánh hoa thứ ba, tức tầng hi sinh. Chúng ta nhớ đã đọc rằng thời kỳ trước lần điểm đạo thứ nhất căng thẳng biết bao, khi cả Vulcan lẫn Sao Diêm Vương đều hoạt động. Cánh hoa thứ sáu của Hoa Sen Chân Ngã gắn với Xử Nữ, do đó dễ thấy Vulcan có liên quan. Sao Diêm Vương có thể liên quan với tư cách một mãnh lực bắt đầu giải phóng con người khỏi Thập Giá Thông Thường để bước lên Thập Giá Cố Định. Song Ngư hoạt động trong sự giải phóng ấy, và Sao Diêm Vương cai quản Song Ngư.

Of the sixth petal, the following is stated:

Về cánh hoa thứ sáu, có lời như sau:

The Petal of Sacrifice for the astral plane; unfoldment is brought about by the attitude of man as he consciously endeavours to give up his own desires for the sake of his group. His motive is still somewhat a blind one, and still coloured by the desire for a return of that which he gives and for love from those he seeks to serve, but it is of a much higher order than the blind sacrifice to which a man is driven by circumstances as is the case in the earlier unfoldment. (TCF 540-541)

Cánh hoa Hi sinh dành cho cõi cảm dục; sự khai mở diễn ra nhờ thái độ của con người khi y nỗ lực một cách hữu thức để từ bỏ những dục vọng của riêng mình vì lợi ích của nhóm. Động cơ của y vẫn còn phần nào mù quáng, vẫn nhuốm màu dục vọng muốn nhận lại những gì mình cho đi và muốn có tình thương từ những người mà y tìm cách phụng sự, nhưng động cơ ấy thuộc một cấp độ cao hơn nhiều so với sự hi sinh mù quáng mà hoàn cảnh buộc con người phải thực hiện trong thời kỳ khai mở trước đó. (TCF 540-541)

111. The group aura here referenced must be the soul group focussed on the soul ray which is the same as the Master's ray.

111. Hào quang nhóm được đề cập ở đây hẳn phải là hào quang của nhóm linh hồn tập trung trên cung linh hồn, cùng cung với cung của Chân sư.

112. So there is a dual karmic agitation—individual and in relation to a larger group. This distress, and the possible intensifying selflessness which may result from it,

112. Vì vậy, có một sự xáo động kép do nghiệp quả—ở cấp độ cá nhân và trong mối liên hệ với một nhóm lớn hơn. Nỗi khổ này, cùng với lòng vị tha có thể gia tăng từ đó, thu

attracts the Master's attention.

hút sự chú ý của Chân sư.

3. The next point is not so easy to explain or grasp. You have been told that the soul is in deep meditation for the greater part of the cycle of lives of any one individual, and that it is only when a fair measure of personality integration is set up that the soul's attention is drawn away from its own interior considerations and egoic affairs to those of its shadow. When this happens, the egoic group is definitely affected and the Master (upon the same ray as that of the soul concerned) becomes aware of what is esoterically called "a downward gazing soul. " On the Path of Discipleship, the ego is all the time consciously aware of the striving personality and there comes a stage when (towards the end of the Path of Evolution) the soul recapitulates the evolutionary processes of involution and evolution. Soul energy descends and personality force ascends and this takes place through a process of conscious descents and ascents. I refer here to the process which is undertaken by the soul under hierarchical impulse, and not to that in which the personality invokes the soul under the desperate need brought about in the lower consciousness by the gradual cessation of desire.

3. Điểm tiếp theo không dễ giải thích hay nắm bắt. Các bạn đã được cho biết rằng linh hồn ở trong trạng thái thiền định sâu trong phần lớn chu kỳ các kiếp sống của mỗi cá nhân, và chỉ khi phàm ngã đạt được một mức độ tích hợp khá cao thì sự chú ý của linh hồn mới chuyển từ những suy xét nội tại và những công việc chân ngã của chính nó sang những điều ấy nơi cái bóng của nó. Khi điều này xảy ra, nhóm chân ngã chịu ảnh hưởng rõ rệt và Chân sư (trên cùng cung với linh hồn liên quan) nhận biết điều mà huyền bí học gọi là "một linh hồn nhìn xuống. " Trên Con Đường Đệ Tử, chân ngã luôn nhận biết một cách hữu thức về phàm ngã đang nỗ lực, và đến một giai đoạn (gần cuối Con Đường Tiến Hoá), linh hồn tái diễn những tiến trình giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá. Năng lượng linh hồn đi xuống và mãnh lực phàm ngã đi lên, và điều này diễn ra qua một tiến trình đi xuống và đi lên có ý thức. Ở đây, Tôi đề cập đến tiến trình do linh hồn thực hiện dưới xung động của Thánh đoàn, chứ không phải tiến trình trong đó phàm ngã khẩn cầu linh hồn do nhu cầu bức thiết nảy sinh trong tâm thức thấp khi dục vọng dần chấm dứt.

113. We are discussing (in relation to these four states) inner occurrences which attract the Master's attention to the one who can become a Little Chela.

113. Chúng ta đang bàn đến (trong mối liên hệ với bốn trạng thái này) những diễn biến bên trong thu hút sự chú ý của Chân sư đến người có thể trở thành một Tiểu đệ tử.

114. As presented in this paragraph, the "soul" is equivalent to the Solar Angel—the angelic supervisor of the aspirant.

114. Theo cách trình bày trong đoạn này, "linh hồn" tương đương với Thái dương Thiên Thần—vị thiên thần giám sát người chí nguyện.

115. It is important to realize that the

115. Cần nhận biết rằng ứng viên cho Địa vị

candidate for Little Chelaship has achieved "a fair measure of personality integration", though he is by no means a completely integrated personality (i. e. , an initiate of the third degree). We recall that "integration" is one of the three terms which characterize the process occurring at the third degree.

tiểu đệ tử đã đạt được "một mức độ tích hợp phàm ngã khá cao", dù y hoàn toàn chưa phải là một phàm ngã tích hợp trọn vẹn (nghĩa là , một điểm đạo đồ cấp ba). Chúng ta nhớ rằng "sự tích hợp" là một trong ba thuật ngữ đặc trưng cho tiến trình diễn ra ở cấp độ thứ ba.

116. The Master is aware of the egoic group which shares the same ray as His own. Apparently, He is also aware of the Solar Angels which are allied to the causal bodies of such ray groupings.

116. Chân sư nhận biết nhóm chân ngã có cùng cung với cung của chính Ngài. Dường như Ngài cũng nhận biết các Thái dương Thiên Thần liên kết với những thể nguyên nhân thuộc các nhóm cung như thế.

117. Thus far (in relation to the four processes being enumerated): the man is aspiring; there is karmic agitation, and, also, there is a "downward gazing soul" or "ego".

117. Cho đến lúc này (trong mối liên hệ với bốn tiến trình đang được liệt kê): con người đang khát vọng; có sự xáo động do nghiệp quả; và cũng có một "linh hồn nhìn xuống" hay "chân ngã".

118. We are reaching the end of the Path of Evolution, ready, perhaps, to begin the Path of Initiation (assuming that this Path begins at the first degree).

118. Chúng ta đang tiến gần đến cuối Con Đường Tiến Hoá, có lẽ đã sẵn sàng bắt đầu Con Đường Điểm Đạo (giả định rằng Con Đường này bắt đầu ở cấp độ thứ nhất).

119. The "downward gazing soul" begins its downward gaze well before the commencement of the true Path of Discipleship.

119. "Linh hồn nhìn xuống" bắt đầu nhìn xuống từ rất lâu trước khi Con Đường Đệ Tử chân chính khởi đầu.

120. In the paragraph above, we are speaking of some rather spiritually 'aggressive' actions on the part of the soul/Solar Angel/Ego. The soul descends, invoking the personality, which, in evocative response, ascends.

120. Trong đoạn trên, chúng ta đang nói đến một số hành động khá 'quyết liệt' về mặt tinh thần từ phía linh hồn/Thái dương Thiên Thần/Chân ngã. Linh hồn đi xuống, khẩn cầu phàm ngã, và phàm ngã đi lên trong sự đáp ứng được gợi lên.

121. Again, we note that the personality (i. e. , the man in the three worlds) has no control over these initiatives undertaken by the Solar Angel.

121. Một lần nữa, chúng ta lưu ý rằng phàm ngã (nghĩa là , con người trong ba cõi giới) không có quyền kiểm soát những sáng kiến này của Thái dương Thiên Thần.

122. It would seem that the stage of Little

122. Dường như giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử

Chelaship represents only the beginning of the Solar Angel's more assertive approach towards its personality, for the light (representing soul contact) has only *just* flashed forth.

123. In the paragraph under discussion, however, DK may be discussing not only the *beginning* of the phase of little Chelaship, but the *entire process*, for the description seems to cover a span lasting more than one life, and Little Chelaship, itself, lasts for several lives.

124. DK is speaking very much from the perspective of how higher energy sources relate to lower. The desperate personality *can* invoke the soul, and the soul will respond. But what is *here* discussed is an organized program of soul-descent engineered by the soul/Solar Angel when recognizing that the appropriate time to do so has come. The soul response to personality desperation is *not* discussed.

125. A very interesting hint is offered: in effect, the gradual cessation of desire produces *desperation*. The failure of the lower world to attract (a natural development once a period of relative satiation is reached) sends the consciousness looking (upward) for that to which it can relate. The lower life becomes empty and in desperation the man looks upward to fill it.

4. Gradually the antahkarana is built and in this way the "greater Light and the lesser light" are consciously related. A path of light and energy is established or created between these two divine aspects. As time goes on,

chỉ đánh dấu bước đầu trong cách tiếp cận chủ động hơn của Thái dương Thiên Thần đối với phàm ngã của mình, vì ánh sáng (biểu thị sự tiếp xúc với linh hồn) chỉ *vừa mới* lóe lên.

123. Tuy nhiên, trong đoạn đang bàn, Chân sư DK có thể đang đề cập không chỉ đến *bước khởi đầu* của giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử, mà cả *toàn bộ tiến trình*, vì phần mô tả dường như bao quát một khoảng thời gian dài hơn một kiếp sống, và bản thân Địa vị tiểu đệ tử kéo dài trong nhiều kiếp.

124. Chân sư DK đang nói chủ yếu từ góc nhìn về cách các nguồn năng lượng cao liên hệ với các nguồn năng lượng thấp. Phàm ngã trong cơn tuyệt vọng *có thể* khẩn cầu linh hồn, và linh hồn sẽ đáp ứng. Nhưng điều được bàn đến *ở đây* là một chương trình có tổ chức về sự đi xuống của linh hồn, do linh hồn/Thái dương Thiên Thần hoạch định khi nhận biết rằng thời điểm thích hợp để làm như thế đã đến. Sự đáp ứng của linh hồn trước nỗi tuyệt vọng của phàm ngã *không* được bàn đến.

125. Một gợi ý rất thú vị được đưa ra: thực chất, việc dục vọng dần chấm dứt tạo ra *nỗi tuyệt vọng*. Việc thế giới thấp không còn sức thu hút (một diễn biến tự nhiên khi đã đạt đến một thời kỳ tương đối thỏa mãn) khiến tâm thức tìm kiếm (hướng lên trên) điều mà nó có thể liên hệ. Đời sống thấp trở nên trống rỗng, và trong nỗi tuyệt vọng, con người ngước lên để lấp đầy nó.

4. Dần dần antahkarana được xây dựng, và bằng cách này, "Ánh sáng lớn hơn và ánh sáng nhỏ hơn" được liên kết một cách hữu thức. Một con đường ánh sáng và năng lượng được thiết lập hoặc tạo ra giữa hai phương

there appears in the egoic group what is technically known as the "linking light" or the "bridging radiance. " This is the Path referred to in The Old Testament as "the path of the just is as a shining light which shineth more and more until the day be with us. " In the esoteric [715] books it is referred to in the following terms: "Before a man can tread the path, he must become that path himself. "

diện thiêng liêng này. Theo thời gian, trong nhóm chân ngã xuất hiện điều mà thuật ngữ chuyên môn gọi là "ánh sáng liên kết" hay "ánh rạng ngời bắc cầu. " Đây là Đường Đạo được nhắc đến trong Cựu Ước: "con đường của người công chính như ánh sáng rạng ngời, càng lúc càng sáng cho đến khi ban ngày đến với chúng ta. " Trong các sách huyền bí [715], điều này được diễn đạt như sau: "Trước khi một người có thể bước trên đường đạo, chính y phải trở thành đường đạo ấy. "

126. Although the Tibetan began this section as a discussion of the four part "preface to the Master's interest" in a potential little chela, He seems to be expanding the consideration into some of the later stages of discipleship.

126. Mặc dù Chân sư Tây Tạng bắt đầu phần này bằng việc bàn về bốn phần của "những điều mở đầu cho sự quan tâm của Chân sư" đến một tiểu đệ tử tiềm năng, dường như Ngài đang mở rộng sự xem xét sang một số giai đoạn về sau của địa vị đệ tử.

127. The antahkarana here referenced may be the *first* part of the antahkarana—that connecting the mental unit more fully to the causal body. The Ego/causal body, then, would be the "greater light" and the man upon the mental plane would be the "lesser light".

127. Antahkarana được đề cập ở đây có thể là phần *đầu tiên* của antahkarana—phần nối đơn vị hạ trí với thể nguyên nhân một cách trọn vẹn hơn. Khi ấy, Chân ngã/thể nguyên nhân sẽ là "ánh sáng lớn hơn", còn con người trên cõi trí sẽ là "ánh sáng nhỏ hơn".

128. It is quite clear that the Master is a keen observer of the egoic group with which He is affiliated.

128. Rõ ràng Chân sư là người quan sát tinh tường nhóm chân ngã mà Ngài có liên hệ.

129. When a man demonstrates a "linking light" or "bridging radiance" he is on the way to soul infusion. When the man is preoccupied with "the path of the just" he is more definitely building the higher part of the antahkarana—that part which we technically call the antahkarana.

129. Khi một người biểu lộ một "ánh sáng liên kết" hay "hào quang bắc cầu", y đang tiến tới sự thấm nhuần của linh hồn. Khi người ấy chuyên chú vào "con đường của người công chính", y đang xây dựng một cách rõ rệt hơn phần cao của antahkarana—phần mà về mặt chuyên môn chúng ta gọi là antahkarana.

130. For participation in this first stage of discipleship, then, the four requirements

130. Vậy, để tham gia giai đoạn đầu tiên này của địa vị đệ tử, bốn yêu cầu (bốn điều kiện

(the four prefaces to the Master's interest) are:

130. Aspiration

131. Karmic expiation of a dual sort

132. A downward gazing soul, increasingly more assertive

133. The creation of a "linking light" or "bridging radiance" and eventually of the antahkarana proper.

131. It can, however, be questioned whether the chela passing through the humble stage of Little Chelaship has, in fact, built a very solid relationship with the Solar Angel, let alone the spiritual triad (to which the higher aspect of the antahkarana is the link).

These four stages have been described in The Old Commentary in the following terms:

132. The fourfold enumeration is now expressed in its original, archaic and more poetic form.

"The point of light shines forth. It waxes and it wanes. The point becomes a line through the starting of a vortex and from the centre of the whirling force, there comes a voice—invocative and clear.

133. This section refers to the first of the four stages.

134. The "point of light" is the light in the head.

135. The "flashing out" of the light is equivalent to the line arising from the

tiên quyết để thu hút sự quan tâm của Chân sư) là:

130. Khát vọng

131. Sự thanh toán nghiệp quả thuộc hai loại

132. Một linh hồn nhìn xuống, ngày càng khẳng định uy lực mạnh mẽ hơn

133. Việc tạo ra một "ánh sáng liên kết" hay "hào quang bắc cầu", và cuối cùng là antahkarana thực thụ.

131. Tuy nhiên, có thể đặt câu hỏi liệu đệ tử đang trải qua giai đoạn khiêm tốn của Địa vị tiểu đệ tử có thực sự xây dựng được một mối quan hệ thật vững chắc với Thái dương Thiên Thần hay chưa, chứ chưa nói đến Tam Nguyên Tinh Thần (mà phương diện cao của antahkarana là mối liên kết dẫn tới đó).

Cổ Luận đã mô tả bốn giai đoạn này bằng những lời sau:

132. Giờ đây, bốn mục vừa liệt kê được diễn đạt bằng hình thức nguyên thủy, cổ xưa và giàu chất thơ hơn.

"Điểm ánh sáng tỏa chiếu. Nó tăng rồi giảm. Điểm trở thành một đường khi một xoáy lực khởi động, và từ trung tâm của mãnh lực xoáy tròn, một tiếng nói vang lên—khẩn cầu và trong trẻo.

133. Phần này đề cập đến giai đoạn đầu tiên trong bốn giai đoạn.

134. "Điểm ánh sáng" là ánh sáng trong đầu.

135. Sự "lóe sáng" của ánh sáng tương đương với đường vươn lên từ xoáy lực. Xoáy lực ấy

vortex. The vortex is a vortex of aspiration.

là một xoáy lực khát vọng.

136. The voice is an invocative cry; it has arisen from the vortex of aspiration.

136. Tiếng nói là một tiếng kêu khẩn cầu; nó phát sinh từ xoáy lực khát vọng.

137. The whirling of the vortex is what makes the ascent of aspiration possible. The whirling generates ascending force which reaches towards the One Who sits in silent work.

137. Chuyển động xoáy tròn của xoáy lực khiến khát vọng có thể vươn lên. Chuyển động xoáy tròn tạo ra mãnh lực hướng thượng, vươn tới Đấng đang ngồi làm việc trong im lặng.

The One Who sits in silent work, alone and unafraid (because the part is not alone and the group is unafraid) looks down, catches the light, reflects the whirling force and hears the voice.

Đấng đang ngồi làm việc trong im lặng, đơn độc và không sợ hãi (vì bộ phận không đơn độc và nhóm không sợ hãi), nhìn xuống, đón lấy ánh sáng, phản chiếu mãnh lực xoáy tròn và nghe tiếng nói.

138. This "One" is the soul/Solar Angel on its own plane. It is the "downward gazing soul".

138. "Đấng" này là linh hồn/Thái dương Thiên Thần trên cõi riêng của Ngài. Đó là "linh hồn nhìn xuống".

139. The "silent work" is the work of the Solar Angel, per se, when its attention is largely detached from that of the personality. What that work may be is only vaguely hinted in a few references. A higher form of telepathy is part of such work.

139. "Công việc trong im lặng" là công việc của chính Thái dương Thiên Thần, khi sự chú tâm của Ngài phần lớn tách rời khỏi sự chú tâm của phàm ngã. Công việc ấy có thể là gì thì chỉ được gợi ra mơ hồ trong một vài đoạn đề cập đến nó. Một hình thức viễn cảm cao hơn là một phần của công việc ấy.

140. This "One" is entirely group conscious and thus unafraid. The group is unafraid because the vulnerability which often causes fear is overcome through the mutual supplementation characteristic of group relation.

140. "Đấng" này hoàn toàn có tâm thức nhóm và vì thế không sợ hãi. Nhóm không sợ hãi vì sự bổ sung lẫn nhau, vốn là đặc trưng của quan hệ nhóm, khắc phục được tình trạng dễ bị tổn thương thường gây ra sợ hãi.

141. The part is not alone because it is engaged ('below') with other parts to which it is attached. The "part" has not achieved the "isolated unity" in which the One dwells.

141. Bộ phận không đơn độc vì nó gắn kết ('ở dưới') với những bộ phận khác mà nó liên thuộc. "Bộ phận" chưa đạt được "Hợp Nhất Cô Lập" mà Đấng Duy Nhất an trú trong đó.

142. The ascending line of light is caught by the One; thus there is engagement between

142. Đấng Duy Nhất đón lấy đường ánh sáng vươn lên; nhờ đó hai bên có sự gắn kết. Tiếng

the two. The ascending voice is heard, and later answered by the "Voice of the Soul". The whirling force of the lower is somehow reflected by the higher. It would seem that a corresponding motion is the response of the higher.

nói vươn lên được nghe thấy, rồi sau đó được đáp lại bằng "Tiếng Nói của Linh Hồn". Bằng cách nào đó, phần cao phản chiếu mãnh lực xoáy tròn của phần thấp. Dường như một chuyển động tương ứng là sự đáp ứng của phần cao.

Then from the silent point of power, a Word goes forth: Be still. Be silent. Know that I am God. The needed work will now begin.

Rồi từ điểm quyền năng im lặng, một Linh từ phát ra: Hãy tĩnh lặng. Hãy im lặng. Hãy biết rằng Ta là Thượng đế. Giờ đây, công việc cần thiết sẽ bắt đầu.

143. The downward gazing soul asserts itself through the power of a Word.

143. Linh hồn nhìn xuống khẳng định uy lực qua quyền năng của một Linh từ.

144. This Word is that which mystics have down the ages heard: "Be still and know that I am God".

144. Linh từ này là điều mà các nhà thần bí qua bao thời đại đã nghe thấy: "Hãy tĩnh lặng và biết rằng Ta là Thượng đế".

145. DK began this letter of instruction speaking of the unnecessary personality noise which obscured the soul, and our natural, inherent soul sensitivity. In this portion of the Old Commentary, the outer activity and noise of the outer form is subdued by the masterful soul/Solar Angel.

145. Chân sư DK mở đầu bức thư huấn thị này bằng cách nói về tiếng ồn không cần thiết của phàm ngã, vốn che khuất linh hồn và sự nhạy cảm tự nhiên, vốn có của chúng ta đối với linh hồn. Trong phần này của Cổ Luận, linh hồn/Thái dương Thiên Thần đầy uy lực làm lắng dịu hoạt động và tiếng ồn bên ngoài của hình tướng bên ngoài.

146. This Old Commentary selection seems to be preparing the personality for the onset of the white magical process.

146. Đoạn trích Cổ Luận này dường như đang chuẩn bị phàm ngã cho sự khởi đầu của tiến trình chánh thuật.

Between the Great One and the little striving one, communion is established; the interplay begins; the mind assumes its rightful place. The Path is surely laid. "

Giữa Đấng Cao Cả và kẻ bé nhỏ đang nỗ lực, sự hiệp thông được thiết lập; sự tương tác bắt đầu; thể trí đảm nhận vị trí đúng đắn của mình. Đường Đạo được đặt nền vững chắc. "

147. We are discussing something a Geminian process.

147. Chúng ta đang bàn về một tiến trình có phần mang tính Song Tử.

148. The "Great One" is the "Elder Brother" or the Solar Angel.

148. "Đấng Cao Cả" là "Huynh Trưởng" hay Thái dương Thiên Thần.

149. The "little striving one" is the personality.

149. "Kẻ bé nhỏ đang nỗ lực" là phàm ngã.

150. Communion and interplay are Geminian patterns.

150. Hiệp thông và tương tác là những mô hình Song Tử.

151. The alignment of soul/mind/brain is established.

151. Sự chỉnh hợp linh hồn/thể trí/bộ não được thiết lập.

152. The first part of the Path—the initial antahkarana, so necessary before the "Bridge of Light" proper can be built—is "surely laid".

152. Phần đầu tiên của Đường Đạo—antahkarana sơ khởi, vốn rất cần thiết trước khi "Cầu Ánh Sáng" thực thụ có thể được xây dựng—được "đặt nền vững chắc".

153. And all this (at least a good measure of it) takes place before the Master's attention is attracted to the one who is ready to become a Little Chela.

153. Và tất cả những điều này (ít nhất là một phần đáng kể) diễn ra trước khi sự chú ý của Chân sư hướng đến người đã sẵn sàng trở thành một Tiểu đệ tử.

When the four aspects of inter-related activity are present, then what might be called "spiritual habits" begin to form and are steadily established. Their united effect serves eventually to attract the attention of the Master. The contact is still too feeble and the grip of the soul upon the personality is still too weak to warrant the Master Himself doing anything directly with the aspirant. The stage is one of pure mysticism and of selfish spiritual purpose. The recognition of group relationship is missing; the knowledge of group inclination is not present; there is no true, unselfish desire to serve. There is only a vague desire for personal liberation, for personal integrity and for personal lasting happiness. This has to be changed into group emancipation, group cohesion and group joy.

Khi bốn phương diện hoạt động liên hệ với nhau đều hiện diện, những gì có thể gọi là "thói quen tinh thần" bắt đầu hình thành và dần dần được thiết lập vững chắc. Cuối cùng, tác dụng kết hợp của chúng thu hút sự chú ý của Chân sư. Sự tiếp xúc vẫn còn quá yếu ớt và sự nắm giữ của linh hồn đối với phàm ngã vẫn còn quá yếu, chưa đủ để chính Chân sư trực tiếp làm điều gì với người chí nguyện. Đây là giai đoạn thuần túy thần bí và mang mục đích tinh thần ích kỷ. Chưa có sự nhận biết về quan hệ nhóm; chưa có sự hiểu biết về khuynh hướng của nhóm; không có mong muốn phụng sự chân thật, vô tư. Chỉ có một mong muốn mơ hồ về sự giải thoát cá nhân, sự toàn vẹn cá nhân và hạnh phúc cá nhân lâu bền. Điều này phải chuyển đổi thành sự giải phóng nhóm, sự cố kết nhóm và sự hoan hỉ của nhóm.

154. The four prefacing stages are called "four aspects of inter-related activity".

154. Bốn giai đoạn mở đầu được gọi là "bốn phương diện hoạt động liên hệ với nhau".

155. These four aspects contribute to the

155. Bốn phương diện này góp phần phát

development of “spiritual habits”—new and soul-suited patterns of living.

156. The Tibetan, as stated, seems to extend some of the four stages into areas of activity appropriate to stages beyond Little Chelaship, but the statement is made that the “united effect” of the four eventually attracts the Master’s attention.

157. The Master may attend, however briefly, to the aspiring personality, but any soul contact thus far created, being relatively “feeble”, does not warrant the Master’s sustained attention. The truly Vulcanic grip of the soul has not yet been established. Once it is, the Master will increase His attentiveness.

158. DK emphasizes the selfishness of this stage even though earlier He said that the potential Little Chela has begun to work off some aspects of group karma as well as his own. Probably the “shouldering” of an aspect of the karma of his group is not performed from really selfless motives. It is more ‘spiritually instinctive’. Refer to the earlier citation from TCF 540-541 on the experiences associated with the sixth petal of the egoic lotus.

159. These thoughts may provide another indication that the aspirant is still working with the love tier of petals rather than the sacrifice tier.

160. The little chela (especially at the outset) is still essential personal and selfish.

triển “thói quen tinh thần”—những mô hình sống mới, phù hợp với linh hồn.

156. Như đã nói, Chân sư Tây Tạng dường như mở rộng một số trong bốn giai đoạn sang những lĩnh vực hoạt động phù hợp với các giai đoạn vượt trên Địa vị tiểu đệ tử, nhưng Ngài khẳng định rằng “tác dụng kết hợp” của cả bốn cuối cùng thu hút sự chú ý của Chân sư.

157. Chân sư có thể chú ý đến phàm ngã đang khát vọng, dù chỉ trong chốc lát, nhưng bất kỳ sự tiếp xúc nào với linh hồn đã tạo lập được cho đến lúc này, do còn tương đối “yếu ớt”, đều chưa đủ để Chân sư duy trì sự chú ý. Sự nắm giữ thực sự mang tính Vulcan của linh hồn vẫn chưa được thiết lập. Một khi điều đó được thiết lập, Chân sư sẽ gia tăng sự chú tâm của Ngài.

158. Chân sư DK nhấn mạnh tính ích kỷ của giai đoạn này, mặc dù trước đó Ngài nói rằng người có khả năng trở thành Tiểu đệ tử đã bắt đầu thanh toán một số phương diện của nghiệp quả nhóm cũng như nghiệp quả riêng của mình. Có lẽ việc “gánh vác” một phương diện nghiệp quả của nhóm mình không xuất phát từ những động cơ thực sự vô ngã. Điều đó mang tính ‘bản năng tinh thần’ nhiều hơn. Hãy tham khảo đoạn trích trước đó từ TCF 540-541 về những trải nghiệm gắn với cánh hoa thứ sáu của Hoa Sen Chân Ngã.

159. Những suy nghĩ này có thể đưa ra một dấu hiệu nữa cho thấy người chí nguyện vẫn đang làm việc với tầng cánh hoa bác ái hơn là tầng cánh hoa hi sinh.

160. Tiểu đệ tử (đặc biệt vào lúc khởi đầu) về căn bản vẫn mang tính cá nhân và ích kỷ.

161. The threefold equation offered by DK is most interesting.

a. The vague desire for personality liberation must be transformed into group emancipation.

b. The desire for personal integrity must be transformed into the will towards group cohesion.

c. The desire for personal lasting happiness must be transformed into the will towards group joy.

161. Phép đối chiếu tam phân mà Chân sư DK đưa ra rất thú vị.

a. Mong muốn mơ hồ về sự giải thoát phàm ngã phải chuyển đổi thành sự giải phóng nhóm.

b. Mong muốn về sự toàn vẹn cá nhân phải chuyển đổi thành ý chí hướng tới sự cố kết nhóm.

c. Mong muốn về hạnh phúc cá nhân lâu bền phải chuyển đổi thành ý chí hướng tới sự hoan hỉ của nhóm.

162. The third aspect of divinity is associated with the individual and with rotary motion. There must be a transformation into the second aspect of divinity represented by the *group states* enumerated immediately above. Group process is associated with "spiral-cyclic motion".

162. Phương diện thứ ba của thiên tính gắn với cá nhân và chuyển động quay. Phải có sự chuyển đổi sang phương diện thứ hai của thiên tính, biểu hiện qua *các trạng thái nhóm* vừa liệt kê ở trên. Tiến trình nhóm gắn với "chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ".

163. It would seem that in this stage (at least the beginning of it) there is insufficient love of one's fellowman to produce an initiate of even the first degree.

Members of the New Group of World Servers should watch with care for all those who show signs of having passed through the "birth" experience and should help them toward a greater maturity. They should assume that **all those who truly love their fellowmen**, who are interested in the esoteric teaching, and who seek to discipline themselves in order to attain greater beauty of life, are initiate and have undergone the first initiation. (R&I 667)

163. Dường như trong giai đoạn này (ít nhất là lúc khởi đầu), tình thương đối với đồng loại chưa đủ để tạo nên một điểm đạo đồ, dù chỉ ở cấp thứ nhất.

Các thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian nên cẩn thận quan sát tất cả những ai có dấu hiệu đã trải qua kinh nghiệm "giáng sinh" và nên giúp họ đạt tới sự trưởng thành hơn nữa. Họ nên xem rằng **tất cả những ai thực sự yêu thương đồng loại**, quan tâm đến giáo huấn nội môn và tìm cách tự rèn luyện để đạt tới một đời sống đẹp đẽ hơn, đều là điểm đạo đồ và đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. (R&I 667)

Probably little chelas love *themselves* more than their fellowmen.

Có lẽ các tiểu đệ tử yêu *chính mình* hơn đồng loại.

164. We may think of little chelas as numbered among disciples, but really, they are *probationary disciples* who are more aspirants than disciples. We must remember that the term "aspirant" may, in certain contexts, signify those who have already taken the first initiation.

164. Chúng ta có thể nghĩ rằng các tiểu đệ tử thuộc hàng đệ tử, nhưng thực ra họ là *đệ tử dự bị*, mang tính người chí nguyện nhiều hơn là đệ tử. Chúng ta phải nhớ rằng thuật ngữ "người chí nguyện", trong một số ngữ cảnh, có thể chỉ những người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất.

The first stage, therefore, in the training of such an aspirant is to relate him to a more advanced disciple who will lead him gradually onward and give him the help he needs. The reason for this is that the disciple is closer to the aspirant, far from perfection himself and is also learning to serve. This stage of development covers the period of occult enquiry and esoteric [716] investigation and **usually is spread over several lives.** The aspirant at this stage runs from one teacher to another, according to inclination, opportunity and necessity. He is an example of instability but is carefully watched by the disciple who has transcended this particular stage of volatility; his task is to see that the aspirant escapes from this "network of futility," as it is sometimes called, and that he gradually settles down to the later stage of interior investigation.

Do đó, giai đoạn đầu tiên trong việc huấn luyện một người chí nguyện như vậy là kết nối y với một đệ tử tiến bộ hơn, người sẽ dần dần dẫn dắt y tiến bước và giúp đỡ y theo nhu cầu. Lý do là người đệ tử gần gũi với người chí nguyện hơn, bản thân còn xa mới hoàn thiện và cũng đang học cách phụng sự. Giai đoạn phát triển này bao gồm thời kỳ tìm hiểu huyền bí và khảo cứu nội môn [716] và **thường kéo dài qua nhiều kiếp sống.** Ở giai đoạn này, người chí nguyện chạy từ huấn sư này sang huấn sư khác, tùy theo khuynh hướng, cơ hội và nhu cầu. Y là một điển hình của sự thiếu ổn định, nhưng người đệ tử đã vượt qua giai đoạn dao động đặc thù này vẫn cẩn thận theo dõi y; nhiệm vụ của người đệ tử là bảo đảm người chí nguyện thoát khỏi "mạng lưới vô ích," như đôi khi người ta gọi, và dần dần ổn định để bước vào giai đoạn khảo cứu nội tâm về sau.

165. In this paragraph, the little chela is called an "aspirant". That is what he actually is.

165. Trong đoạn này, tiểu đệ tử được gọi là một "người chí nguyện". Đó chính là địa vị thực sự của người ấy.

166. The more advanced disciple or chela on the physical plane to whom the little chela becomes related, will direct and lead the chela upon the spiritual path.

166. Người đệ tử tiến bộ hơn trên cõi hồng trần, mà tiểu đệ tử được kết nối với, sẽ chỉ dẫn và dẫn dắt tiểu đệ tử trên con đường tinh thần.

167. The one who leads and guides the little

167. Người dẫn dắt và hướng dẫn tiểu đệ tử

chela is far from perfect. He is only a disciple, though a more advanced disciple than the little chela. Because the guiding disciple is closer in development to the little chela, he can more easily supply the little chela with what he needs for progress.

còn xa mới hoàn thiện. Người ấy chỉ là một đệ tử, dù tiến bộ hơn tiểu đệ tử. Vì mức phát triển của người đệ tử hướng dẫn gần với tiểu đệ tử hơn, người ấy có thể dễ dàng cung cấp cho tiểu đệ tử những gì cần thiết để tiến bộ.

168. How many lives are "several lives"? Three, four, five, perhaps six. The stage of Little Chelaship begins, it would seem, *before* the first initiation, but *may* conclude afterwards. We will try to dray accurate conclusions. The Teaching does not say with definition that those in the stages of Little Chelaship or Chela in the Light must necessarily have taken the *first* initiation. Accepted disciples, however, must have taken the Initiation of the Birth.

168. "Nhiều kiếp sống" là bao nhiêu kiếp? Ba, bốn, năm, có lẽ sáu. Dường như giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử bắt đầu *trước* lần điểm đạo thứ nhất, nhưng *có thể* kết thúc sau đó. Chúng ta sẽ cố gắng rút ra những kết luận chính xác. Giáo Huấn không khẳng định rõ rằng những người ở các giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử hay Đệ tử trong Ánh sáng nhất thiết phải trải qua lần điểm đạo *thứ nhất*. Tuy nhiên, các đệ tử được chấp nhận phải trải qua Cuộc Điểm Đạo Giáng Sinh.

169. What characterizes this stage of Little Chelaship?—positively, "occult enquiry and esoteric investigation". Many questions are asked, but the method of receiving answers is initially superficial.

169. Điều gì đặc trưng cho giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử này?—Về mặt tích cực, đó là "tìm hiểu huyền bí và khảo cứu nội môn". Nhiều câu hỏi được đặt ra, nhưng lúc đầu, phương pháp tiếp nhận câu trả lời còn hời hợt.

170. Again, associating this stage with the *third* ray, the aspirant runs here and there in search of answers, teaching and guidance. He often lands in a "network of futility:" (again suggesting the third ray). He is characterized by instability which suggests the importance of Gemini, the third sign (in its earlier application). He is more Mercurial than Venusian, for Mercury in this instance represents the concrete mind and Venus, the soul. The personality ray of Mercury may well be the third.

170. Một lần nữa, khi liên hệ giai đoạn này với cung *ba*, người chí nguyện chạy khắp nơi tìm kiếm câu trả lời, giáo huấn và sự hướng dẫn. Y thường rơi vào một "mạng lưới vô ích:" (một lần nữa gợi đến cung ba). Y có đặc điểm là thiếu ổn định, điều này gợi ra tầm quan trọng của Song Tử, dấu hiệu thứ ba (trong tác động ở giai đoạn đầu của nó). Y mang tính Sao Thủy nhiều hơn Sao Kim, vì trong trường hợp này, Sao Thủy đại diện cho trí cụ thể, còn Sao Kim đại diện cho linh hồn. Cung phàm ngã của Sao Thủy rất có thể là cung ba.

171. We can see that the aspirant who is the little chela is very extroverted and only later settles down to the "interior investigation" which is the sounder and deeper approach of

171. Chúng ta có thể thấy rằng người chí nguyện ở địa vị tiểu đệ tử rất hướng ngoại, và chỉ về sau mới ổn định để "khảo cứu nội tâm", vốn là cách tiếp cận vững chắc hơn và

one who can call himself a true disciple.

172. Perhaps some of are presently little chelas, but in all probability, serious students of DK's Teaching have outgrown this stage. Perhaps a number of us have as a responsibility the supervision of little chelas. If this is the case, we have to help them escape from the "network of futility" in which they have become ensnared through unregulated, chaotic aspiration and lack of discipline.

173. A guiding physical plane disciple is a *point of stability* in the life of a little chela.

During all this period, the Master pays no attention whatsoever to the aspirant. It will be a long time before the aspirant will be admitted into His presence and make a personal contact. The chela who is supervising this interim stage reports to the Master at rare and widely separated intervals; it is only when the aspirant has reached the point where he "can enter into the light of the Angel," that the Master begins to take over his training. The disciple is now, irrevocably and finally, ready. This takes place at the third stage, that of Accepted Discipleship.

174. The Master may have *noticed* the one who is ready to enter the stage of Little Chelaship, but no further attention needs to be paid to such an aspirant. The supervising attention of the guiding disciple upon the physical plane will be sufficient.

175. How long will it be before the aspirant turned disciple will be admitted into the Master's presence? If the stage of Little

sâu sắc hơn của người có thể tự gọi mình là một đệ tử chân chính.

172. Có lẽ một số người trong chúng ta hiện là tiểu đệ tử, nhưng rất có thể những đạo sinh nghiêm túc nghiên cứu Giáo Huấn của Chân sư DK đã vượt qua giai đoạn này. Có lẽ một số người trong chúng ta có trách nhiệm giám sát các tiểu đệ tử. Nếu đúng như vậy, chúng ta phải giúp họ thoát khỏi "mạng lưới vô ích" mà họ đã mắc vào do khát vọng hỗn loạn, không được điều hòa và do thiếu kỷ luật.

173. Một đệ tử hướng dẫn trên cõi hồng trần là một *điểm ổn định* trong đời sống của tiểu đệ tử.

Trong suốt thời kỳ này, Chân sư hoàn toàn không chú ý đến người chí nguyện. Phải còn lâu người chí nguyện mới được phép đến trước sự hiện diện của Ngài và thiết lập sự tiếp xúc cá nhân. Người đệ tử giám sát giai đoạn chuyển tiếp này báo cáo với Chân sư vào những dịp hiếm hoi và cách xa nhau; chỉ khi người chí nguyện đạt tới điểm mà y "có thể bước vào ánh sáng của Thiên Thần," Chân sư mới bắt đầu đảm nhận việc huấn luyện y. Giờ đây, người đệ tử đã hoàn toàn sẵn sàng, dứt khoát và không thể đảo ngược. Điều này diễn ra ở giai đoạn thứ ba, giai đoạn Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận.

174. Chân sư có thể đã *nhận thấy* người đã sẵn sàng bước vào giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử, nhưng không cần chú ý thêm đến người chí nguyện ấy. Sự chú tâm giám sát của người đệ tử hướng dẫn trên cõi hồng trần là đủ.

175. Phải mất bao lâu người chí nguyện đã trở thành đệ tử mới được phép đến trước sự hiện diện của Chân sư? Nếu giai đoạn Địa vị

Chelaship lasts “several lives” and the stage of Chela in the Light a few more, perhaps it could be eight, nine or ten lives before the advancing chela is admitted into the presence of the Master as a true “accepted disciple”. Subjective (and largely unconscious) contact with the Master is always possible long before fully personal contact becomes possible.

tiểu đệ tử kéo dài “nhiều kiếp sống” và giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng kéo dài thêm vài kiếp nữa, thì có lẽ phải tám, chín hay mười kiếp sống trước khi người đệ tử đang tiến bước được phép đến trước sự hiện diện của Chân sư với tư cách một “đệ tử được chấp nhận” đích thực. Sự tiếp xúc chủ quan (và phần lớn là vô thức) với Chân sư luôn có thể xảy ra từ rất lâu trước khi sự tiếp xúc hoàn toàn mang tính cá nhân trở nên khả hữu.

176. It is established, then, that the Master, although aware of the little chela, does not direct and guide his development. That is left to supervising chelas upon the physical plane.

176. Như vậy, đã xác định rằng Chân sư, tuy biết đến tiểu đệ tử, vẫn không chỉ dẫn và hướng dẫn sự phát triển của người ấy. Việc đó được giao cho các đệ tử giám sát trên cõi hồng trần.

177. The guiding physical plane chela must be capable of reporting to the Master regarding the little chela’s progress. This seems to be a requirement, and the fulfillment of this requirement must be possible (at least on inner planes) even if the guiding chela is not aware of his capacity to make such a report.

177. Người đệ tử hướng dẫn trên cõi hồng trần phải có khả năng báo cáo với Chân sư về sự tiến bộ của tiểu đệ tử. Đây dường như là một yêu cầu, và việc đáp ứng yêu cầu này phải khả thi (ít nhất trên các cõi bên trong), ngay cả khi người đệ tử hướng dẫn không biết mình có khả năng thực hiện một báo cáo như vậy.

178. The intervals for reporting are, however, rare and infrequent, which makes one wonder whether a little chela might not have the same guiding physical plane chela for more than one incarnation.

178. Tuy nhiên, những dịp báo cáo rất hiếm hoi và thưa thớt, khiến người ta tự hỏi liệu một tiểu đệ tử có thể được cùng một đệ tử trên cõi hồng trần hướng dẫn qua hơn một kiếp lâm phàm hay không.

179. When is it that the aspirant can “enter into the light of the Angel”? It is certainly not before the first initiation. In fact, it would seem that the stage of “Chela in the Light” must have been passed, for a Master only takes over the training of a chela when that chela has moved from an “accepting disciple”, through the phrase of “pledged disciple” and into the condition where he may be technically “accepted” by the Master. This moving into the light therefore, will

179. Khi nào người chí nguyện có thể “bước vào ánh sáng của Thiên Thần”? Chắc chắn không phải trước lần điểm đạo thứ nhất. Thực ra, dường như người ấy phải trải qua giai đoạn “Đệ tử trong Ánh sáng”, vì một Chân sư chỉ đảm nhận việc huấn luyện một đệ tử khi người ấy đã chuyển từ một “đệ tử chấp nhận”, qua giai đoạn “đệ tử đã lập nguyện”, rồi bước vào trạng thái mà, về mặt chuyên môn, người ấy có thể “được chấp nhận” làm đệ tử của Chân sư. Do đó, rất có

most probably occur not before the midway point between the first and second initiations, for at that time the stage of "accepted disciple" technically understood, may begin.

180. Actually, DK states directly that the disciple ready for direct training by the Master is an "accepted disciple".

181. We may say that when a disciple can "enter into the light of the Angel" he can become an "accepted disciple", directly supervised by the Master.

These stages are all of them related to one or other of the initiations. This one, called Little Chelaship, is related to the first initiation. This initiation is connected with the physical plane and, for a very large number of people (as I have several times pointed out) lies far behind. All true aspirants have taken the first initiation. This fact is indicated by their intensive struggle to grow into the spiritual life, to follow the way of determined orientation to the things of the spirit and to live by the light of that spirit. I believe that many who read my words will recognise these determinations as the basic motivation of their lives.

182. If all the Six Stages of Discipleship relate to one or other of the initiations, then we are being instructed about disciplic stages which correlate to perhaps six or seven initiations. But I do not think that the alignment between the *stages* and the *initiations* is quite so straightforward. The third stage (that of accepted discipleship) is possible of attainment well before the

thể việc bước vào ánh sáng này sẽ không xảy ra trước điểm giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai, vì vào lúc ấy, giai đoạn "đệ tử được chấp nhận", hiểu theo nghĩa chuyên môn, mới có thể bắt đầu.

180. Thực ra, Chân sư DK trực tiếp khẳng định rằng người đệ tử sẵn sàng để Chân sư trực tiếp huấn luyện là một "đệ tử được chấp nhận".

181. Chúng ta có thể nói rằng khi một đệ tử có thể "bước vào ánh sáng của Thiên Thần", y có thể trở thành một "đệ tử được chấp nhận", dưới sự giám sát trực tiếp của Chân sư.

Tất cả những giai đoạn này đều liên hệ với một trong các cuộc điểm đạo. Giai đoạn này, được gọi là Địa vị tiểu đệ tử, liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất. Cuộc điểm đạo này gắn với cõi hồng trần và, đối với rất nhiều người, đã lùi xa phía sau (như Tôi đã nhiều lần chỉ ra). Tất cả những người chí nguyện chân chính đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Sự kiện này thể hiện qua nỗ lực đấu tranh mãnh liệt của họ để trưởng thành trong đời sống tinh thần, đi theo con đường kiên quyết hướng về những điều thuộc tinh thần và sống theo ánh sáng của tinh thần ấy. Tôi tin rằng nhiều người đọc những lời của Tôi sẽ nhận ra những quyết tâm này là động lực căn bản của đời mình.

182. Nếu cả Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử đều liên hệ với một trong các cuộc điểm đạo, thì chúng ta đang được chỉ dạy về những giai đoạn đệ tử tương ứng với có lẽ sáu hoặc bảy cuộc điểm đạo. Nhưng tôi không nghĩ rằng sự tương ứng giữa các *giai đoạn* và các *cuộc điểm đạo* lại đơn giản đến thế. Người ta có thể đạt đến giai đoạn thứ ba (địa vị đệ tử được chấp nhận) từ khá lâu trước lần điểm đạo

second initiation, so we see that a strictly linear, one-to-one matching of disciplic stages and initiations will not be entirely satisfactory.

thứ hai, nên chúng ta thấy rằng việc ghép các giai đoạn đệ tử với các cuộc điểm đạo theo một trình tự tuyến tính nghiêm ngặt, tương ứng từng giai đoạn một, sẽ không hoàn toàn thỏa đáng.

183. When the stage of Little Chelaship is here connected with the first initiation, I do not think that the earliest lives as a little chela are necessarily lived as first degree initiate. The Master must sponsor or recommend the disciple for initiation, and, as we have been told, the Master has very little to do with the little chela (paying no attention to him) especially at the beginning of his novitiate.

183. Khi giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử được liên kết ở đây với lần điểm đạo thứ nhất, tôi không nghĩ rằng trong những kiếp đầu tiên làm tiểu đệ tử, người ta nhất thiết đã là điểm đạo đồ bậc một. Chân sư phải bảo trợ hoặc tiến cử đệ tử để được điểm đạo, và như chúng ta đã được cho biết, Chân sư rất ít liên hệ với tiểu đệ tử (không chú ý đến y), nhất là vào đầu thời kỳ tập sự của y.

184. Perhaps during the later stages of Little Chelaship (since this stage is said to take several lives) the first initiation may become a possibility.

184. Có lẽ trong những giai đoạn về sau của Địa vị tiểu đệ tử (vì giai đoạn này được cho là kéo dài vài kiếp), lần điểm đạo thứ nhất mới có thể trở thành một khả năng.

185. If all "true aspirants" have taken the first initiation, we must surely discriminate between the aspirant and the *true* aspirant, for the stage of aspiration must surely begin before the first initiation. (at which time the Christ is met face to face for the first time). From this perspective, it can be questioned whether a little chela is, initially, really a "true aspirant", or only becomes so in the later stages of his little chelaship.

185. Nếu tất cả "những người chí nguyện chân chính" đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất, thì chắc chắn chúng ta phải phân biện giữa người chí nguyện và người chí nguyện *chân chính*, vì hẳn giai đoạn khát vọng phải bắt đầu trước lần điểm đạo thứ nhất. (đó là lúc người ta lần đầu tiên gặp Đức Christ mặt đối mặt). Từ góc nhìn này, có thể đặt câu hỏi liệu lúc đầu một tiểu đệ tử có thực sự là một "người chí nguyện chân chính", hay chỉ trở thành như thế trong những giai đoạn về sau của địa vị tiểu đệ tử.

186. Further characteristics of the first degree initiate are offered: "All true aspirants have taken the first initiation. This fact is indicated by their intensive struggle to grow into the spiritual life, to follow the way of determined orientation to the things of the spirit and to live by the light of that spirit. I believe that many who read my

186. Những đặc điểm khác của điểm đạo đồ bậc một được nêu ra: "Tất cả những người chí nguyện chân chính đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Sự kiện này thể hiện qua nỗ lực đấu tranh mãnh liệt của họ để trưởng thành trong đời sống tinh thần, đi theo con đường kiên quyết hướng về những điều thuộc tinh thần và sống theo ánh sáng của

words will recognise these determinations as the basic motivation of their lives."

tinh thần ấy. Tôi tin rằng nhiều người đọc những lời của Tôi sẽ nhận ra những quyết tâm này là động lực căn bản của đời mình."

187. The word "spirit" frequently means "monad", but in this case its meaning refers more to the soul as the source of spiritual life.

187. Từ "tinh thần" thường có nghĩa là "chân thần", nhưng trong trường hợp này, ý nghĩa của nó nghiêng về linh hồn như nguồn cội của đời sống tinh thần.

188. DK seems to be suggesting that many who will read these words are first degree initiates and, as such, have passed or are rapidly passing out of the stage of Little Chelaship.

188. Dường như Chân sư DK đang gợi ý rằng nhiều người sẽ đọc những lời này là các điểm đạo đồ bậc một và, với tư cách ấy, đã vượt qua hoặc đang nhanh chóng vượt khỏi giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử.

This stage is a correspondence to the process of individualisation in Lemurian times and the stage of Little Chelaship is sometimes referred to as the "period of the Lemurian consciousness" leading, through the Atlantean stage of a Chela in the Light, to the Aryan stage of Accepted Discipleship. At this stage, the third and real preparation for initiation is consciously undertaken, because by then integration has been stabilised and the man is full grown and mature in his consciousness and is ready to subject himself to hierarchical impression without reservation.

Giai đoạn này tương ứng với tiến trình biệt ngã hóa trong thời Lemuria, và giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử đôi khi được gọi là "thời kỳ tâm thức Lemuria", dẫn qua giai đoạn Atlantis của Đệ tử trong Ánh sáng đến giai đoạn Arya của Địa vị Đệ tử được Chấp nhận. Ở giai đoạn này, sự chuẩn bị thứ ba và thực sự cho điểm đạo được tiến hành một cách có ý thức, vì đến lúc ấy sự tích hợp đã ổn định và con người đã phát triển đầy đủ, trưởng thành trong tâm thức và sẵn sàng đón nhận ấn tượng từ Thánh đoàn mà không dè dặt.

189. Wider correspondences to these Stages of Discipleship are now offered. Little Chelaship is "Lemurian"; Chela in the Light is Atlantean; and Accepted Discipleship is Aryan.

189. Giờ đây, những sự tương ứng rộng hơn với các Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử này được trình bày. Địa vị tiểu đệ tử thuộc "Lemuria"; Đệ tử trong Ánh sáng thuộc Atlantis; và Địa vị Đệ tử được Chấp nhận thuộc Arya.

190. As broad categories, these divisions are useful, but the analogy should not be forced.

190. Xét như những phạm trù rộng, các cách phân chia này hữu ích, nhưng không nên gượng ép phép tương đồng.

191. It is inferred that preparation for the first two initiations is not "real preparation for initiation" which can only be undertaken

191. Có thể suy ra rằng sự chuẩn bị cho hai lần điểm đạo đầu tiên không phải là "sự chuẩn bị thực sự cho điểm đạo", vốn chỉ có

in the stage of accepted discipleship. The *third* preparation is the *real* preparation. In fact, it seems to be the third initiation which is here referenced as "initiation", even though one may become an accepted disciple *before* having taken the second degree.

thể được tiến hành trong giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận. Sự chuẩn bị *thứ ba* mới là sự chuẩn bị *thực sự*. Thực ra, dường như chính lần điểm đạo thứ ba được nhắc đến ở đây bằng từ "điểm đạo", mặc dù người ta có thể trở thành đệ tử được chấp nhận *trước khi* đạt bậc điểm đạo thứ hai.

192. The accepted disciple ready to prepare for the third degree is "full grown and mature in his consciousness"—preparing to become the "full grown man in Christ".

192. Người đệ tử được chấp nhận, đã sẵn sàng chuẩn bị cho bậc điểm đạo thứ ba, là người "đã phát triển đầy đủ và trưởng thành trong tâm thức"—đang chuẩn bị trở thành "con người trưởng thành trọn vẹn trong Đức Christ".

193. We find an inference that preparatory initiates of the first two degrees are not really ready to subject themselves "to hierarchical impression without reservation. " The one preparing for the third degree, however, *is* ready.

193. Chúng ta thấy có hàm ý rằng các điểm đạo đồ dự bị thuộc hai bậc đầu chưa thực sự sẵn sàng đón nhận "ấn tượng từ Thánh đoàn mà không dè dặt. " Tuy nhiên, người đang chuẩn bị cho bậc thứ ba *đã* sẵn sàng.

194. In His correspondential classifications, DK is definitely equating accepted discipleship with the third degree—the initiation of "integration", of maturity and of unreserved willingness to receive hierarchical impression.

194. Trong cách phân loại theo sự tương ứng của Ngài, Chân sư DK rõ ràng đang đồng nhất địa vị đệ tử được chấp nhận với bậc điểm đạo thứ ba—cuộc điểm đạo của "sự tích hợp", của sự trưởng thành và của thái độ sẵn lòng đón nhận ấn tượng từ Thánh đoàn mà không chút dè dặt.

195. When we study these stages of discipleship, we should remain aware of the initiations to which they correspond, bearing in mind that when specific people and their lives are studied, there may be exceptions. Taking a real-life example, all of the members of Master DK's New Seed Group were, technically, "accepted disciples" yet very few of them were preparing for the third degree. However, even if they were preparing for the second, it should be borne in mind that the second and third degrees will often be taken in the same life—so as

195. Khi nghiên cứu các giai đoạn của địa vị đệ tử này, chúng ta nên luôn nhận biết những cuộc điểm đạo mà chúng tương ứng, đồng thời ghi nhớ rằng có thể có những ngoại lệ khi nghiên cứu những con người cụ thể và cuộc đời của họ. Lấy một ví dụ thực tế, tất cả các thành viên trong Nhóm Hạt Giống Mới của Chân sư DK, xét về mặt chuyên môn, đều là "đệ tử được chấp nhận", nhưng rất ít người trong số họ đang chuẩn bị cho bậc điểm đạo thứ ba. Tuy nhiên, ngay cả khi họ đang chuẩn bị cho bậc thứ hai, cần nhớ rằng người ta thường đạt bậc thứ hai và thứ ba

accepted disciples, they were still very close to the third degree.

trong cùng một kiếp—vì thế, với tư cách đệ tử được chấp nhận, họ vẫn rất gần bậc thứ ba.

There is no need further to enlarge upon this preliminary phase, upon the weary, though inspiring path of discipleship. [717] Much has been given out to the world anent this matter with almost undue emphasis upon purification, service and devotion. The reason that I say this is that they should be assumed to constitute part of the exoteric life expression of all true aspirants. They are not esoteric causes but exoteric effects of inner attitudes.

Không cần bàn rộng thêm về giai đoạn sơ bộ này trên Con Đường Đệ Tử đầy nhọc nhằn nhưng cũng đầy cảm hứng. [717] Thế gian đã nhận được nhiều giáo huấn về vấn đề này, với sự nhấn mạnh gần như quá mức vào thanh lọc, phụng sự và sùng tín. Sở dĩ Tôi nói như vậy là vì cần xem những điều ấy là một phần đương nhiên trong biểu hiện đời sống ngoại môn của mọi người chí nguyện chân chính. Chúng không phải là những nguyên nhân nội môn mà là những hiệu quả ngoại môn của các thái độ bên trong.

196. The Path of Discipleship, we are told, is both "weary" and "inspiring". To this assertion we can relate, can we not?

196. Chúng ta được cho biết rằng Con Đường Đệ Tử vừa "nhọc nhằn" vừa "đầy cảm hứng". Chúng ta có thể đồng cảm với lời khẳng định này, phải không?

197. The phase of Little Chelaship is "preliminary", yet, it would seem, demanding in its own way. There are perhaps fewer initiates of the first degree than many disciples imagine, but their numbers will soon increase.

197. Giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử mang tính "sơ bộ", nhưng dường như vẫn có những đòi hỏi riêng. Có lẽ số điểm đạo đồ bậc một ít hơn điều nhiều đệ tử hình dung, nhưng số lượng của họ sẽ sớm gia tăng.

198. In the literature focussed on the stage of Little Chelaship there is perhaps too much emphasis placed upon purification, service and devotion. A more interior approach is required, and the realization that these three factors are the resultant effects of inner attitudes.

198. Trong các tài liệu tập trung vào giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử, có lẽ người ta nhấn mạnh quá nhiều vào thanh lọc, phụng sự và sùng tín. Cần một cách tiếp cận hướng vào bên trong hơn, cùng sự nhận biết rằng ba yếu tố này là những hiệu quả phát sinh từ các thái độ bên trong.

199. The modern disciple (of the kind the Arcane School sought and seeks to train) is assumed to be at least a little chela and probably beyond.

199. Người đệ tử hiện đại (thuộc mẫu người mà Trường Arcane đã và đang tìm cách đào tạo) được xem là ít nhất đã ở địa vị tiểu đệ tử và có lẽ đã vượt qua giai đoạn ấy.

As we continue our studies on the Stages of

Khi chúng ta tiếp tục nghiên cứu các Giai

Discipleship, I would point out anew that for the majority of the aspirants in the world and for highly advanced people with a humanitarian consciousness, the first stage lies far behind. Many people today are "accepted disciples" and that is, as you well know, the third stage, and behind them, therefore, lie three experiences:

Đoạn của Địa Vị Đệ Tử, Tôi muốn một lần nữa chỉ ra rằng đối với phần lớn những người chí nguyện trên thế giới và những người tiến hóa cao có tâm thức nhân đạo, giai đoạn thứ nhất đã lùi xa phía sau. Ngày nay, nhiều người là "đệ tử được chấp nhận" và, như các bạn biết rõ, đó là giai đoạn thứ ba; do vậy, phía sau họ là ba kinh nghiệm:

200. DK views humanity en large and offers us some perspective. In this instance, He seems to equate aspirants with "advanced people" and therefore, reasonably, with "advanced humanity".

200. Chân sư DK nhìn nhân loại trên bình diện rộng và cho chúng ta một góc nhìn. Trong trường hợp này, dường như Ngài đồng nhất những người chí nguyện với "những người tiến hóa" và do đó, một cách hợp lý, với "bộ phận nhân loại tiến hóa".

201. Sometimes, in the Teaching, it seems that members of "advanced humanity" are not even to be considered aspirants and certainly not disciples. But here the equation is made.

201. Đôi khi, trong Giáo Huấn, dường như những người thuộc "bộ phận nhân loại tiến hóa" thậm chí chưa được xem là người chí nguyện, và chắc chắn chưa phải đệ tử. Nhưng ở đây, hai nhóm này được đồng nhất.

202. We must note that the highly advanced people here mentioned have a "humanitarian consciousness", so it is not merely that they are intelligent, but that they have heart. Advanced, intelligent people can also be selfish; this type would not be numbered among real aspirants.

202. Chúng ta phải lưu ý rằng những người tiến hóa cao được nhắc đến ở đây có "tâm thức nhân đạo", nên họ không chỉ thông minh mà còn có tấm lòng. Những người tiến hóa và thông minh cũng có thể ích kỷ; mẫu người này sẽ không được kể vào hàng những người chí nguyện chân chính.

203. There are some aspirants, apparently, for whom the stage of Little Chelaship does not lie *far* behind. Perhaps they are now passing through that stage, or perhaps, while lying "behind", the stage does not lie *far* behind.

203. Dường như có một số người chí nguyện mà đối với họ, giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử chưa lùi *xa* phía sau. Có lẽ hiện giờ họ đang trải qua giai đoạn ấy, hoặc có lẽ tuy đã ở "phía sau", giai đoạn ấy vẫn chưa lùi *xa* phía sau.

204. The implication in all this is that the stage of Little Chelaship lies behind most who will carefully read these words. This is another way of saying that Master DK is doing much of His writing for those who are initiates of the first degree.

204. Tất cả những điều này hàm ý rằng phần lớn những người sẽ đọc kỹ những lời này đã vượt qua giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử. Đây là một cách khác để nói rằng Chân sư DK dành phần lớn những điều Ngài viết cho các điểm đạo đồ bậc một.

205. Are there many accepted disciples today? Master DK says so. Do these people *know* that they are accepted disciples? Not necessarily, but they may begin to infer or intuit the fact.

205. Ngày nay có nhiều đệ tử được chấp nhận không? Chân sư DK nói là có. Những người này có *biết* rằng mình là đệ tử được chấp nhận không? Không nhất thiết, nhưng họ có thể bắt đầu suy ra hoặc trực nhận sự kiện ấy.

206. Behind the accepted disciple lie the stages of Little Chelaship and Chela in the Light, *and* the first initiation! The implication here is that the little chela or the chela in the light *may not be initiates of the first degree,* but an accepted disciple *must be.* This is an important idea and may have to be compared with other references which seem to indicate otherwise with respect to the stage of Chela in the Light.

206. Phía sau người đệ tử được chấp nhận là các giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử và Đệ tử trong Ánh sáng, *cùng với* lần điểm đạo thứ nhất! Hàm ý ở đây là tiểu đệ tử hoặc đệ tử trong ánh sáng *có thể chưa phải là điểm đạo đồ bậc một,* nhưng một đệ tử được chấp nhận *nhất thiết phải là như vậy.* Đây là một ý tưởng quan trọng và có lẽ cần đối chiếu với những đoạn tham chiếu khác dường như chỉ ra điều ngược lại về giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng.

1. The stage of "Little Chelaship"—elementary, testing and disturbing. It is sometimes spoken of as the "stage wherein the roots of the man-plant are shaken; the stage in which they (up till now embedded) are loosened and air and light disturb the peace of ages. This is the peace of death, the age of stone, the tomb of life."

1. Giai đoạn "Địa vị tiểu đệ tử"—sơ đẳng, đầy thử thách và xáo trộn. Đôi khi giai đoạn này được nói đến như "giai đoạn mà rễ của cây người bị lay động; giai đoạn mà những rễ ấy (cho đến lúc này vẫn cắm sâu) được nới lỏng, và không khí cùng ánh sáng khuấy động sự yên bình của bao thời đại. Đây là sự yên bình của cái chết, thời đại của đá, nấm mồ của sự sống."

207. The stage of Little Chelaship is described in terms of the Old Commentary.

207. Giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử được mô tả bằng ngôn từ của Cổ Luận.

208. We can sense in this stage the awakening which must occur before the first initiation becomes possible.

208. Trong giai đoạn này, chúng ta có thể cảm nhận sự thức tỉnh phải diễn ra trước khi lần điểm đạo thứ nhất trở nên khả thi.

209. The "roots of the man-plant" are shaken free from the soil of the ages. A great process of detachment is enforced. Vulcan and Pluto do their work. Saturn and Uranus are also involved.

209. Những "rễ của cây người" bị lay bật khỏi lớp đất của bao thời đại. Một tiến trình tách rời lớn lao buộc phải diễn ra. Vulcan và Sao Diêm Vương thực hiện công việc của mình. Sao Thổ và Sao Thiên Vương cũng tham gia.

210. "Air and light" suggest the buddhic energy (air) and the light of the soul. The

210. "Không khí và ánh sáng"gợi đến năng lượng Bồ đề (không khí) và ánh sáng của linh

"peace of ages" is based upon ignorance.

hồn. Sự "yên bình của bao thời đại" dựa trên vô minh.

211. The soul is figuratively dead when under the spell of such a peace. It is the peace of the tomb. The lowest kingdom (the mineral kingdom, the kingdom of stone) rules, for materialism is long and well established. The spirit is entombed.

211. Theo nghĩa bóng, linh hồn đã chết khi chịu sự mê hoặc của một sự yên bình như thế. Đó là sự yên bình của nấm mồ. Giới thấp nhất (giới kim thạch, giới của đá) cai quản, vì chủ nghĩa duy vật đã bám rễ sâu vững từ lâu. Tinh thần bị chôn kín.

212. We gather that the stage of Little Chelaship is disturbing. Can this stage be partially associated with the activity of the fifth petal of the egoic lotus? The dynamics for the fifth petal are described as follows:

212. Chúng ta hiểu rằng giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử gây xáo trộn. Có thể phần nào liên kết giai đoạn này với hoạt động của cánh hoa thứ năm trong Hoa Sen Chân Ngã chăng? Động lực hoạt động của cánh hoa thứ năm được mô tả như sau:

The Petal of Love for the astral plane; unfoldment is brought about through the process of gradually transmuting the love of the subjective nature or of the Self within. This has a dual effect and **works through on to the physical plane in many lives of turmoil, of endeavour and of failure as a man strives to turn his attention to the love of the Real.** (TCF 540 Italics MDR)

Cánh Hoa Bác Ái đối với cõi cảm dục; sự khai mở diễn ra qua tiến trình dần dần chuyển hoá tình thương đối với bản chất chủ quan hay đối với Bản Ngã bên trong. Điều này có tác dụng kép và **tác động xuống cõi hồng trần qua nhiều kiếp xáo trộn, nỗ lực và thất bại, khi con người cố gắng hướng sự chú ý của mình đến tình thương đối với Cái Thực.** (TCF 540, chữ nghiêng do MDR)

The many lives of turmoil seem related to the disturbing nature of little chelaship. But it is probable that fifth petal activity begins well before the stage of Little Chelaship is possible.

Nhiều kiếp xáo trộn dường như liên hệ với bản chất gây xáo trộn của địa vị tiểu đệ tử. Nhưng có lẽ hoạt động của cánh hoa thứ năm bắt đầu từ khá lâu trước khi giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử trở nên khả thi.

From a certain perspective, however, fifth petal activity corresponds to Leo, individualization and a relatively Lemurian stage of soul unfoldment. The sixth petal, then, would be Atlantean and the seventh petal the beginning of the Aryan phase.

Tuy nhiên, từ một góc nhìn nhất định, hoạt động của cánh hoa thứ năm tương ứng với Sư Tử, sự biệt ngã hóa và một giai đoạn khai mở linh hồn tương đối thuộc Lemuria. Khi ấy, cánh hoa thứ sáu sẽ thuộc Atlantis, còn cánh hoa thứ bảy là khởi đầu của giai đoạn Arya.

213. Yet, it must be remembered that Little Chelaship has at least a correspondence with

213. Tuy vậy, cần nhớ rằng Địa vị tiểu đệ tử ít nhất có sự tương ứng với lần điểm đạo thứ

the first initiation, and thus with the first of the sacrifice petals.

2. The stage of "Chela in the Light. " About this stage I am now going to speak.

214. The stage of Chela in the Light (symbolically the Atlantean phase of discipleship) necessarily lies behind the true accepted disciple.

3. The first initiation. This initiation ever precedes the stage of accepted discipleship. No Master accepts a disciple and takes him into His ashram in whom the birth of the Christ has not taken place. Saul must become Paul, as the Christian phraseology puts it. The babe within the womb of time emerges into the world of men and, from the standpoint of complete identification with matter (the mother), he becomes himself and seeks consciously to tread the ways of life and to become what he is. This is an esoteric repetition of the physical process of becoming a separate individual. Between the stages of "isolated individuality" and "isolated unity" lies one to which the name of "isolated identity" is given. It is with this stage we are concerned and its esoteric implications. Isolated unity describes the stage which the Master has reached; isolated individuality is that of the disciple; isolated identity (with the soul) is that of the disciple up to and including the third initiation.

215. Only in one instance, was there an accepted disciple in the Tibetan's group who had not taken the first initiation—a very unusual circumstance.

"Such a group must itself be composed of people who have taken initiation. As **one of your group members will only take the**

nhất, và do đó với cánh đầu tiên trong các cánh hoa hi sinh.

2. Giai đoạn "Đệ tử trong Ánh sáng. " Giờ đây Tôi sẽ nói về giai đoạn này.

214. Người đệ tử được chấp nhận chân chính nhất thiết đã vượt qua giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng (về mặt biểu tượng là giai đoạn Atlantis của địa vị đệ tử).

3. Lần điểm đạo thứ nhất. Cuộc điểm đạo này luôn đi trước giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận. Không Chân sư nào chấp nhận một đệ tử và đưa y vào ashram của Ngài nếu Đức Christ chưa giáng sinh trong y. Saul phải trở thành Paul, như cách diễn đạt của Kitô giáo. Hài nhi trong lòng thời gian bước vào thế giới loài người và, từ chỗ hoàn toàn đồng hoá với vật chất (người mẹ), y trở thành chính mình, có ý thức tìm cách bước trên những nẻo đường sự sống và trở thành điều mà y vốn là. Đây là sự lặp lại trên bình diện nội môn của tiến trình hồng trần để trở thành một cá nhân riêng biệt. Giữa các giai đoạn "Cá Thể Cô Lập" và "Hợp Nhất Cô Lập" có một giai đoạn mang tên "Bản Sắc Cô Lập". Chúng ta đang quan tâm đến giai đoạn này và những hàm ý nội môn của nó. Hợp Nhất Cô Lập mô tả giai đoạn mà Chân sư đã đạt tới; Cá Thể Cô Lập là giai đoạn của đệ tử; Bản Sắc Cô Lập (với linh hồn) là giai đoạn của đệ tử cho đến và bao gồm cả lần điểm đạo thứ ba.

215. Chỉ có một trường hợp trong nhóm của Chân sư Tây Tạng là một đệ tử được chấp nhận chưa trải qua lần điểm đạo thứ nhất—một hoàn cảnh hết sức khác thường.

"Bản thân một nhóm như thế phải gồm những người đã được điểm đạo. Vì **một thành viên trong nhóm các bạn chỉ đến**

first initiation next life, it is obvious that the group initiation to which I refer will not be taken in this immediate cycle. The rest of the group have to wait for him. " (DINA II 24)

The implications are arresting. If the members of the Tibetan's outer groups under his direct supervision could not take group initiation in the present cycle, what can be said of contemporary groups?

216. That Saul should become Paul is the symbol of the transition from the non-initiate state to that of the first initiation. The historical Saul was, however, already an initiate of the second degree rapidly working His way to the third.

217. There is a close correspondence between the first initiation and individualization. The sign Leo is prominent in relation to both. Individualization is birth into the human kingdom. The first initiation is birth into the kingdom of souls.

218. Three important terms are proposed:

1. Isolated individuality, pertaining to the disciple

2. Isolated identity, pertaining to the disciple up to the third initiation. This phase signifies "isolated identity with the soul". It is an identification with soul but not with the monad or the life aspect.

3. Isolated Unity, pertaining to the Master

a. Isolated unity is the consummation of the Aryan [718] consciousness. Isolated identity is related to the Atlantean consciousness,

kiếp sau mới trải qua lần điểm đạo thứ nhất, nên hiển nhiên cuộc điểm đạo nhóm mà Tôi đề cập sẽ không diễn ra ngay trong chu kỳ này. Những thành viên còn lại của nhóm phải chờ người ấy. " (DINA II 24)

Những hàm ý này khiến người ta phải chú ý. Nếu các thành viên trong những nhóm bên ngoài của Chân sư Tây Tạng, dưới sự giám sát trực tiếp của Ngài, không thể trải qua cuộc điểm đạo nhóm trong chu kỳ hiện tại, thì có thể nói gì về các nhóm đương thời?

216. Việc Saul phải trở thành Paul là biểu tượng của sự chuyển tiếp từ trạng thái chưa được điểm đạo sang trạng thái của lần điểm đạo thứ nhất. Tuy nhiên, Saul trong lịch sử đã là một điểm đạo đồ bậc hai, đang nhanh chóng tiến đến bậc thứ ba.

217. Có một sự tương ứng chặt chẽ giữa lần điểm đạo thứ nhất và sự biệt ngã hóa. Dấu hiệu Sư Tử giữ vai trò nổi bật trong mối liên hệ với cả hai. Biệt ngã hóa là sự ra đời trong giới nhân loại. Lần điểm đạo thứ nhất là sự ra đời trong giới linh hồn.

218. Ba thuật ngữ quan trọng được đưa ra:

1. Cá Thể Cô Lập, thuộc về đệ tử

2. Bản Sắc Cô Lập, thuộc về đệ tử cho đến lần điểm đạo thứ ba. Giai đoạn này biểu thị "Bản Sắc Cô Lập với linh hồn". Đó là sự đồng hoá với linh hồn, nhưng không phải với chân thần hay phương diện sự sống.

3. Hợp Nhất Cô Lập, thuộc về Chân sư

a. Hợp Nhất Cô Lập là sự viên mãn của tâm thức Arya [718]. Bản Sắc Cô Lập liên hệ với tâm thức Atlantis, xét từ góc độ của sự tương

from the angle of the higher correspondence.

ứng cao hơn.

219. The correspondences are offered. We can link "Isolated Unity" with the Aryan consciousness.

219. Những sự tương ứng được trình bày. Chúng ta có thể liên kết "Hợp Nhất Cô Lập" với tâm thức Arya.

220. "Isolated identity" is certainly beyond the normal Atlantean consciousness (which is emotional), but in the series of three *isolations,* it holds the second or Atlantean place.

220. "Bản Sắc Cô Lập" chắc chắn vượt trên tâm thức Atlantis thông thường (vốn mang tính cảm xúc), nhưng trong chuỗi ba dạng *cô lập,* nó giữ vị trí thứ hai, tức vị trí Atlantis.

b. Isolated unity is connected with the mental plane, is governed by the fifth Ray of Concrete Knowledge or Science, and is a reflection of the will-to-know. Isolated identity is connected with the astral plane, is governed by the sixth Ray of Devotion or Idealistic Sensitivity and is a reflection—distorted and unstable—of the will-to-love. Isolated individuality is connected with expression upon the physical plane, is governed by the third Ray of Active Intelligence, and is a reflection—again distorted and unsure—of the will-to-be.

b. Hợp Nhất Cô Lập gắn với cõi trí, chịu sự cai quản của cung năm về Tri Thức Cụ Thể hay Khoa Học, và là một phản ánh của ý chí-hướng đến hiểu biết. Bản Sắc Cô Lập gắn với cõi cảm dục, chịu sự cai quản của cung sáu về Sùng Tín hay Tính Nhạy Cảm Lý Tưởng, và là một phản ánh—méo mó và bất ổn—của Ý Chí-Yêu Thương. Cá Thể Cô Lập gắn với sự biểu hiện trên cõi hồng trần, chịu sự cai quản của cung ba về Trí Tuệ Hoạt Động, và là một phản ánh—cũng méo mó và thiếu vững chắc—của ý chí-hiện tồn.

221. The correspondences given here are fascinating, but again must be treated as mental constructs.

221. Những sự tương ứng được nêu ở đây rất hấp dẫn, nhưng một lần nữa, phải xem chúng là những cấu trúc do trí tuệ xây dựng.

222. The fifth, sixth and third rays are correlated to the three 'isolations'. One could also easily imagine the *seventh ray* correlated to "isolated individuality", for the Lemurian consciousness is closely related to the physicality of the seventh ray.

222. Các cung năm, sáu và ba được liên kết tương ứng với ba dạng 'cô lập'. Người ta cũng có thể dễ dàng hình dung *cung bảy* tương ứng với "Cá Thể Cô Lập", vì tâm thức Lemuria liên hệ chặt chẽ với tính chất hồng trần của cung bảy.

223. There is much of the first ray in "isolated unity", for it pertains to the first ray Technique of Fusion. But the fifth ray (with which it is here identified) is closely related to the first ray, and resolves upon it.

223. Có nhiều tính chất của cung một trong "Hợp Nhất Cô Lập", vì nó thuộc về Kỹ Thuật Dung Hợp của cung một. Nhưng cung năm (mà ở đây nó được đồng nhất với) liên hệ chặt chẽ với cung một và quy về cung ấy.

The will-to-know, however, might be considered the third aspect of the will (with the will-to-love as the second and the will-to-be, the first). So the highest of the three *isolations* is related to the lowest aspect of the three *wills* here discussed.

Tuy nhiên, ý chí-hướng đến hiểu biết có thể được xem là phương diện thứ ba của ý chí (với Ý Chí-Yêu Thương là phương diện thứ hai và ý chí-hiện tồn là phương diện thứ nhất). Vì vậy, dạng cao nhất trong ba dạng *cô lập* liên hệ với phương diện thấp nhất của ba dạng *ý chí* được bàn đến ở đây.

224. Isolated Identity relates to soul identification, and thus to the Atlantean stage of consciousness, for the astral nature corresponds to the soul nature. The second of the three wills (the will-to-love) corresponds naturally to the second of the three 'isolations'.

224. Bản Sắc Cô Lập liên hệ với sự đồng hoá với linh hồn, và do đó với giai đoạn tâm thức Atlantis, vì bản chất cảm dục tương ứng với bản chất linh hồn. Dạng thứ hai trong ba dạng ý chí (Ý Chí-Yêu Thương) tự nhiên tương ứng với dạng thứ hai trong ba dạng 'cô lập'.

225. The third type of 'isolation' is seen as a correspondence to the *first* of the three wills here listed—the will-to-be.

225. Loại 'cô lập' thứ ba được xem là tương ứng với loại *thứ nhất* trong ba loại ý chí được liệt kê ở đây—ý chí hiện tồn.

226. Thus the three types of will are *reflected* in the three types of 'isolation'. There is not a direct superimposition of one set upon the other, for then the will-to-be would correlate with Isolated Unity, and the will-to-know, with Isolated Individuality. Some justification, however, *can* be found for such correlations.

226. Như vậy, ba loại ý chí *phản chiếu* trong ba loại 'cô lập'. Không có sự chồng khít trực tiếp giữa hai bộ ba này, vì nếu có thì ý chí hiện tồn sẽ tương quan với Hợp Nhất Cô Lập, còn ý chí hiểu biết sẽ tương quan với Cá Thể Cô Lập. Tuy nhiên, *có thể* tìm thấy một cơ sở biện minh nào đó cho những mối tương quan như thế.

227. All of us have passed through the stage of Isolated individuality aeons ago, and are not working upon the Isolated Identity which will culminate when we become Self-realized souls.

227. Tất cả chúng ta đều đã trải qua giai đoạn Cá Thể Cô Lập từ nhiều đại kiếp trước, và hiện không làm việc với Bản Sắc Cô Lập, vốn sẽ đạt đến đỉnh điểm khi chúng ta trở thành những linh hồn đã chứng nghiệm Chân ngã.

On the buddhic plane, the plane of the divine intuition, these lower three expressions and their higher prototypes are harmonised and the expansive work of the three initiations (second, third and fourth) produces an absorption, a fusion and a blending process between the disciple and the soul (and

Trên cõi Bồ đề, cõi của trực giác thiêng liêng, ba biểu hiện thấp này cùng các nguyên mẫu cao hơn của chúng được điều hòa, và công việc mở rộng của ba cuộc điểm đạo (thứ hai, thứ ba và thứ tư) tạo ra một tiến trình hấp thu, dung hợp và hòa quyện giữa đệ tử với linh hồn (và cuối cùng giữa nhân loại với

eventually between humanity and the Hierarchy) which prepares for a major contact between man and the Monad. When this takes place, the soul, creator of reflection and shadow, is discarded because that point of consciousness has served its purpose. The shattering of the causal body takes place and nought is then left but fully conscious form and spirit. Until, however, man has taken the higher initiations, he cannot comprehend the significance of the above comments.

Thánh đoàn), chuẩn bị cho một cuộc tiếp xúc trọng đại giữa con người với Chân thần. Khi điều này xảy ra, linh hồn, chủ thể tạo ra sự phản chiếu và bóng hình, được gạt bỏ vì điểm tâm thức ấy đã hoàn thành mục đích của nó. Thể nguyên nhân tan vỡ, và khi ấy không còn gì ngoài hình tướng hoàn toàn hữu thức và tinh thần. Tuy nhiên, chừng nào con người chưa trải qua các cuộc điểm đạo cao hơn, y chưa thể thấu hiểu thâm nghĩa của những lời bình trên.

228. Thus far, in the consideration of correspondences, we have had three types of 'isolations', three rays, and three aspects of the will. The Tibetan has correlated all these for us in an interesting manner.

228. Cho đến đây, khi xem xét các sự tương ứng, chúng ta đã có ba loại 'cô lập', ba cung và ba phương diện của ý chí. Chân sư Tây Tạng đã chỉ ra cho chúng ta mối tương quan giữa tất cả những điều này theo một cách thú vị.

229. The buddhic plane is now discussed as the "plane of divine intuition" where these triplicities are harmonized.

229. Giờ đây, cõi Bồ đề được bàn đến như "cõi của trực giác thiêng liêng", nơi các bộ ba này được điều hòa.

230. Whereas the first initiation was discussed in relation to "Isolated Individuality" and Little Chelaship, when the buddhic plane is considered, the first initiation is no longer focal. Three initiations (the second, third and fourth) all of them related to buddhi in different ways, are discussed instead.

230. Trong khi lần điểm đạo thứ nhất đã được bàn đến trong mối liên hệ với "Cá Thể Cô Lập" và Địa vị tiểu đệ tử, thì khi xem xét cõi Bồ đề, lần điểm đạo thứ nhất không còn là trọng tâm. Thay vào đó, ba cuộc điểm đạo (thứ hai, thứ ba và thứ tư), tất cả đều liên hệ với Bồ đề theo những cách khác nhau, được bàn đến.

231. The watchwords are "absorption", "fusion" and "blending". To such processes the dynamics of the first initiation are not related. Perhaps in relation to these three terms we may consider the planets Jupiter, Venus and Neptune—in this order, or in others.

231. Những từ then chốt là "hấp thu", "dung hợp" và "hòa quyện". Động lực của lần điểm đạo thứ nhất không liên hệ với những tiến trình như thế. Có lẽ, trong mối liên hệ với ba thuật ngữ này, chúng ta có thể xem xét các hành tinh Sao Mộc, Sao Kim và Sao Hải Vương—theo thứ tự này hoặc theo những thứ tự khác.

232. The period from the first initiation to

232. Giai đoạn từ lần điểm đạo thứ nhất đến

the second represents one unit of work. The sequence of the second, third and fourth initiations represent another unit of work distinct from the work of the first degree and the lengthy period which follows it. This is so because the second, third and fourth degrees may be taken in rapid succession, or even in the same life (as we are told—IHS 84-85)

lần thứ hai tạo thành một đơn vị công việc. Chuỗi các cuộc điểm đạo thứ hai, thứ ba và thứ tư tạo thành một đơn vị công việc khác, phân biệt với công việc của cấp độ thứ nhất và giai đoạn dài theo sau đó. Sở dĩ như vậy là vì các cấp độ thứ hai, thứ ba và thứ tư có thể đạt được liên tiếp trong thời gian ngắn, hoặc thậm chí trong cùng một kiếp sống (như chúng ta được cho biết—IHS 84-85)

233. If Isolated Unity corresponds to the mental plane, what type of 'isolation' corresponds to the buddhic? On this we may ponder. It should be suggested however that without a fair measure of buddhic and even atmic realization, Isolated Unity cannot be achieve, for it is the state of awareness of a Master who is atmic-buddhic in His consciousness.

233. Nếu Hợp Nhất Cô Lập tương ứng với cõi trí, thì loại 'cô lập' nào tương ứng với cõi Bồ đề? Chúng ta có thể suy ngẫm về điều này. Tuy nhiên, cần gợi ý rằng nếu không có một mức độ chứng nghiệm đáng kể trên cõi Bồ đề và cả cõi atma, thì không thể đạt được Hợp Nhất Cô Lập, vì đó là trạng thái nhận biết của một Chân sư mà tâm thức của Ngài thuộc cõi atma–Bồ đề.

234. If one wants to know what remains after the shattering of the causal body, the formula is simply given: "fully conscious form and spirit". The form has absorbed soul and triad completely; or soul and triad have fully infused the form. Spirit, however, remains forever distinct and yet is all other things as well.

234. Nếu muốn biết điều gì còn lại sau khi thể nguyên nhân tan vỡ, công thức được nêu thật đơn giản: "hình tướng hoàn toàn hữu thức và tinh thần". Hình tướng đã hấp thu hoàn toàn linh hồn và Tam nguyên tinh thần; hoặc linh hồn và Tam nguyên tinh thần đã thấm nhuần hoàn toàn hình tướng. Tuy nhiên, tinh thần mãi mãi vẫn riêng biệt, mà đồng thời cũng là tất cả những gì khác.

In connection with this, I would remind you that though I am seeking to train many at this time for further expansions of consciousness, I am writing primarily for the future and for those disciples who, in years to come, will read my words and find their way into the Ashrams of the Masters. The Hierarchy builds for the future; it is not occupied with the present. All that it does is done with the intent to open the way into a wider and more expansive world. Humanity is preoccupied with the things of the present; the Hierarchy is working and laying

Liên quan đến điều này, Tôi muốn nhắc các bạn rằng mặc dù lúc này Tôi đang tìm cách huấn luyện nhiều người để họ mở rộng tâm thức hơn nữa, Tôi viết chủ yếu cho tương lai và cho những đệ tử, trong những năm sắp tới, sẽ đọc lời Tôi và tìm được đường vào các ashram của các Chân sư. Thánh đoàn kiến tạo cho tương lai; Thánh đoàn không bận tâm với hiện tại. Mọi việc Thánh đoàn thực hiện đều nhằm mở đường vào một thế giới rộng lớn hơn và ngày càng mở rộng. Nhân loại bận tâm với những việc của hiện tại; Thánh đoàn đang làm việc và lập kế hoạch

plans for the future; Shamballa is engrossed with the Eternal Now and with the dynamic life which has created the past, which controls the present (the centre of illusion) and [719] with the future. You may perhaps gain some idea or picture of the conditioning life of Shamballa if you will study the present era of human living. In it, people with the Lemurian consciousness, focussed on the past and concerned with the physical plane, are present; people with the Atlantean consciousness, emotional in content and focussed on the present, are everywhere to be found; and people who are definitely Aryan in their state of awareness, mentally focussed and occupied with the future, are likewise found. The three constitute one race of men and embody the whole of mankind.

cho tương lai; Shamballa chuyên chú vào Hiện Tại Vĩnh Cửu và vào sự sống năng động đã tạo ra quá khứ, đang kiểm soát hiện tại (trung tâm của ảo tưởng) và [719] vào tương lai. Có lẽ các bạn có thể có được một ý niệm hay hình dung nào đó về sự sống tạo ảnh hưởng của Shamballa nếu nghiên cứu thời đại hiện nay trong đời sống nhân loại. Trong thời đại này, những người có tâm thức Lemuria, tập trung vào quá khứ và quan tâm đến cõi hồng trần, đang hiện diện; những người có tâm thức Atlantis, với nội dung mang tính cảm xúc và tập trung vào hiện tại, có mặt khắp nơi; và cũng có những người rõ ràng thuộc Arya trong trạng thái nhận biết, tập trung vào trí tuệ và quan tâm đến tương lai. Cả ba hợp thành một nhân loại duy nhất và bao hàm toàn thể nhân loại.

235. It becomes clear that DK is writing in order to assist students to find their way into the Masters' Ashrams. This is one of His prime objectives. There the proper training may be received.

235. Có thể thấy rõ rằng Chân sư DK đang viết để giúp các đạo sinh tìm được đường vào các ashram của các Chân sư. Đây là một trong những mục tiêu chính của Ngài. Tại đó, họ có thể nhận được sự huấn luyện thích hợp.

236. DK as a member of Hierarchy is concerned with the future.

236. Là một thành viên của Thánh đoàn, Chân sư DK quan tâm đến tương lai.

237. The formula is useful: Humanity's attention is on the present; Hierarchy's on the future; and Shamballa's on the "Eternal Now"—embracing past present and future.

237. Công thức này hữu ích: Sự chú ý của nhân loại hướng vào hiện tại; của Thánh đoàn hướng vào tương lai; và của Shamballa hướng vào "Hiện Tại Vĩnh Cửu"—bao trùm quá khứ, hiện tại và tương lai.

238. Yet another correspondence is given: Lemurian consciousness focusses on the past (as does 'Lemurian psychology'); Atlantean consciousness focusses on the present (as does 'Atlantean psychology'); Aryan consciousness focusses on the future (as does 'Aryan psychology').

238. Một sự tương ứng khác nữa được nêu ra: tâm thức Lemuria tập trung vào quá khứ (cũng như 'tâm lý học Lemuria'); tâm thức Atlantis tập trung vào hiện tại (cũng như 'tâm lý học Atlantis'); tâm thức Arya tập trung vào tương lai (cũng như 'tâm lý học Arya').

239. The past is related to the physical plane and Lemurian consciousness; the present to the emotional plane and Atlantean consciousness; and the future to the mental plane and the Aryan consciousness. The correspondences are useful, are they not?

239. Quá khứ liên hệ với cõi hồng trần và tâm thức Lemuria; hiện tại với cõi cảm xúc và tâm thức Atlantis; còn tương lai với cõi trí và tâm thức Arya. Những sự tương ứng này thật hữu ích, phải không?

240. We are perhaps aware of the many groups of correspondences which have been offered in this chapter of the work. Perhaps a clearer picture of man's development and the relation of that development to great historical ages are emerging.

240. Có lẽ chúng ta đã nhận biết nhiều nhóm tương ứng được đưa ra trong chương này của tác phẩm. Có lẽ một bức tranh rõ ràng hơn về sự phát triển của con người và mối liên hệ giữa sự phát triển ấy với các thời đại lịch sử lớn đang dần hiện ra.

241. The study of the three great categories of human beings and their three types of consciousness is, says DK, revelatory of the conditioning life of Shamballa. It is clear that Shamballic awareness spans vast stretches of time and contains all found therein in the present moment—the Eternal Now.

241. Theo Chân sư DK, việc nghiên cứu ba loại người lớn và ba loại tâm thức của họ giúp mặc khải sự sống tạo ảnh hưởng của Shamballa. Rõ ràng, sự nhận biết của Shamballa trải rộng qua những khoảng thời gian bao la và chứa đựng tất cả những gì hiện hữu trong đó ngay trong khoảnh khắc hiện tại—Hiện Tại Vĩnh Cửu.

Dear Brothers and Sisters,

Các huynh đệ và tỉ muội thân mến,

The material we have studied in this chapter is at once practical and theoretical. We have certain definite stages of discipleship under scrutiny. These stages relate directly to individuals such as ourselves and to those we know. At the same time, these definite stages of human development are related, correspondentially, to certain of the rays, to certain great phases of consciousness, and to certain of the root races.

Nội dung chúng ta đã nghiên cứu trong chương này vừa có tính thực tiễn vừa có tính lý thuyết. Chúng ta đang xem xét kỹ một số giai đoạn xác định của địa vị đệ tử. Những giai đoạn này liên hệ trực tiếp với những cá nhân như chúng ta và những người chúng ta quen biết. Đồng thời, những giai đoạn xác định này trong sự phát triển của con người liên hệ, theo sự tương ứng, với một số cung, với một số giai đoạn tâm thức lớn và với một số Giống dân gốc.

DK began this letter with a discussion of the world of meaning, which we related to an understanding of context. May we say that in this study, we have been led deeply into the world of meaning? The context of human development has been clearly set

Chân sư DK bắt đầu bức thư này bằng việc bàn về Thế giới của ý nghĩa, mà chúng ta đã liên hệ với sự thấu hiểu bối cảnh. Liệu chúng ta có thể nói rằng qua việc nghiên cứu này, chúng ta đã được dẫn sâu vào Thế giới của ý nghĩa không? Bối cảnh phát triển của con

forth and, I would say, we have a clearer grasp of our place, as disciples, within the whole.

Light, Love and Power to All,

Michael

người đã được trình bày rõ ràng và, tôi cho rằng, chúng ta đã nắm rõ hơn vị trí của mình, với tư cách đệ tử, trong toàn thể.

Cầu chúc Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng đến với tất cả,

Michael

17. PART V
Stage II. The Chela in the Light. – 17. PHẦN V
Giai đoạn II. Đệ tử trong Ánh sáng.

This stage is definitely one in which the consciousness of the probationer is occupied with the overcoming of glamour and the curing of the distorted, myopic vision of the man who has been immersed in the life of matter or form. He is now attempting to see the new vision, to control the world of emotional reactions and to work in a new medium, that of Light.

Đây rõ ràng là một giai đoạn mà tâm thức của người dự bị chuyên chú vào việc khắc phục ảo cảm và chữa lành tầm nhìn méo mó, thiển cận của người đã chìm đắm trong đời sống vật chất hay hình tướng. Giờ đây, y đang cố gắng thấy được tầm nhìn mới, kiểm soát thế giới của những phản ứng cảm xúc và làm việc trong một môi trường trung gian mới, tức Ánh sáng.

1. The Chela in the Light is still a "probationer"—a probationary disciple.

1. Đệ tử trong Ánh sáng vẫn là một "người dự bị"—một đệ tử dự bị.

2. The same can be said of a little chela, though the emphasis within this earlier stage is upon aspiration.

2. Cũng có thể nói như vậy về một Tiểu đệ tử, mặc dù trọng tâm trong giai đoạn sớm hơn này là khát vọng.

3. Still and all, the "true aspirant" has passed the first initiation, which is not necessarily the case for either the chela in the light or the little chela.

"All true aspirants have taken the first initiation." (DINA I 716)

3. Dù vậy, "người chí nguyện chân chính" đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất, điều không nhất thiết đúng với đệ tử trong Ánh sáng hay Tiểu đệ tử.

"Tất cả những người chí nguyện chân chính đều đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất." (DINA I 716)

If, however, the stage of Accepted Discipleship does not usually occur until at least midway between the first and second initiations, it is necessary that some (or even most) chelas in the Light, will have passed the first degree, for accepted disciples are chelas in the Light before they become accepted disciples.

Tuy nhiên, nếu giai đoạn Địa vị đệ tử được Chấp nhận thường chỉ bắt đầu ít nhất vào khoảng giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai, thì tất yếu một số (hoặc thậm chí phần lớn) đệ tử trong Ánh sáng đã trải qua cấp độ thứ nhất, vì các đệ tử được chấp nhận đều là đệ tử trong Ánh sáng trước khi trở thành đệ tử được chấp nhận.

4. This second stage of discipleship is related to *vision* as is the number *two.* Glamor is symbolically and particularly an Atlantean phenomenon, and the Atlantean root race is the *second* of the major (i. e. , self-conscious) root races.

4. Giai đoạn thứ hai này của địa vị đệ tử liên hệ với *tầm nhìn*, cũng như con số *hai.* Về mặt biểu tượng và đặc biệt xét theo bản chất, ảo cảm là một hiện tượng Atlantis, và Giống dân gốc Atlantis là giống dân *thứ hai* trong số các Giống dân gốc chủ yếu (tức là có ngã thức).

5. The *light* shed upon the chela in the Light is the cure for the glamor in which he has habitually walked.

5. Chính *ánh sáng* chiếu lên đệ tử trong Ánh sáng là phương thuốc chữa lành ảo cảm mà y vẫn quen bước đi trong đó.

6. We can see how the signs Taurus and Sagittarius would be particularly relevant to this stage of discipleship, as would Libra (Venus-ruled) bringing a correct sense of proportion and thus curing distortion.

6. Chúng ta có thể thấy các dấu hiệu Kim Ngưu và Nhân Mã đặc biệt liên quan đến giai đoạn này của địa vị đệ tử, cũng như Thiên Bình (do Sao Kim cai quản), vốn mang lại Ý thức về tỉ lệ đúng đắn và nhờ đó chữa lành sự méo mó.

7. The task of the little chela is to work with maya, and the third ray and seventh—for re-ordering—are very important to that earliest of the Six Stages.

7. Nhiệm vụ của Tiểu đệ tử là làm việc với ảo lực, và cung ba cùng cung bảy—để tái lập trật tự—rất quan trọng đối với giai đoạn sớm nhất trong Sáu Giai đoạn ấy.

8. The chela in the Light must work with the sixth ray and the second (and to a degree, the fifth ray for the clarification of glamor).

8. Đệ tử trong Ánh sáng phải làm việc với cung sáu và cung hai (và ở một mức độ nào đó, với cung năm để làm sáng tỏ ảo cảm).

9. If the chela in the Light works in a new medium (that of the "Light") then the light in the head is an important consideration during this stage.

9. Nếu đệ tử trong Ánh sáng làm việc trong một môi trường trung gian mới (môi trường của "Ánh sáng"), thì ánh sáng trong đầu là một yếu tố quan trọng cần xem xét trong giai đoạn này.

10. As well, the "Light of the Soul" will be making an increasing impact on his consciousness, but he has not yet (as has the accepted disciple) entered "into the light of the Angel".

10. Đồng thời, "Ánh sáng của Linh hồn" sẽ ngày càng tác động mạnh đến tâm thức của y, nhưng y vẫn chưa bước "vào ánh sáng của Thiên Thần" như đệ tử được chấp nhận.

"it is only when the aspirant has reached the point where he 'can enter into the light of the Angel,' that the Master begins to take over his training." (DINA I 716)

"chỉ khi người chí nguyện đã đạt đến điểm mà y 'có thể bước vào ánh sáng của Thiên Thần,' thì Chân sư mới bắt đầu đảm nhận việc huấn luyện y." (DINA I 716)

11. If maya, then, is the main focus of attention for the little chela, glamor is the corresponding difficulty for the chela in the Light. This, of course, does not mean that the little chela is glamor-free. It is imply that he must deal with maya before focussing intently on the ending of glamor (as will the chela in the Light).

11. Vậy, nếu ảo lực là trọng tâm chú ý chính của Tiểu đệ tử, thì ảo cảm là khó khăn tương ứng đối với đệ tử trong Ánh sáng. Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa Tiểu đệ tử đã thoát khỏi ảo cảm. Điều này chỉ hàm ý rằng y phải xử lý ảo lực trước khi tập trung cao độ vào việc chấm dứt ảo cảm (như đệ tử trong Ánh sáng sẽ làm).

The Masters do not work upon the astral plane. Certain schools of occultism teach that They do, but such is not the case. For Them (having overcome glamour and illusion) the astral plane is non-existent; it is but an illusory concept of the kama-manasic type of mind—the mind of the average aspirant. The chela is, therefore, at this stage guarded and guided by someone who is still subject to glamour, but is, at the same time, aware of the ephemeral nature of the astral plane.

Các Chân sư không làm việc trên cõi cảm dục. Một số trường phái huyền bí học dạy rằng Các Ngài làm như vậy, nhưng thực tế không phải thế. Đối với Các Ngài (đã vượt qua ảo cảm và ảo tưởng), cõi cảm dục không tồn tại; nó chỉ là một khái niệm hư ảo của loại thể trí trí-cảm—thể trí của người chí nguyện trung bình. Vì vậy, ở giai đoạn này, một người vẫn còn chịu sự chi phối của ảo cảm, nhưng đồng thời nhận biết bản chất phù du của cõi cảm dục, bảo vệ và hướng dẫn đệ tử.

12. That "the Masters do not work upon the astral plane" is an important statement.

12. Lời khẳng định rằng "các Chân sư không làm việc trên cõi cảm dục" là một phát biểu quan trọng.

13. Yet many contacts with so-called Masters occur precisely upon the astral plane. Really, such contacts are with the reflection of the Masters, and prove so delusive that many well-meaning sensitive people are ensnared in that delusion. Their

13. Thế nhưng, nhiều cuộc tiếp xúc với những người được gọi là Chân sư lại diễn ra chính trên cõi cảm dục. Thật ra, đó là những cuộc tiếp xúc với hình ảnh phản chiếu của các Chân sư, và chúng gây mê lầm đến mức nhiều người nhạy cảm có thiện ý bị mắc vào

faculty of discrimination is insufficiently developed.

sự mê lầm ấy. Năng lực phân biện của họ chưa phát triển đầy đủ.

14. It is the kama-manasic mind which, through faulty perception, seems to create the illusion of the astral plane.

14. Chính thể trí trí-cảm, qua nhận thức sai lạc, dường như tạo ra ảo tưởng về cõi cảm dục.

15. For the Masters the astral plane is non-existent. They can of course witness what the average individual calls astral phenomena, but They do not see these phenomena as he does; They remain detached from such glamors and unswayed. They are not beguiles whereas the average individual is convinced of the reality of such phenomena.

15. Đối với các Chân sư, cõi cảm dục không tồn tại. Dĩ nhiên, Các Ngài có thể chứng kiến những gì người bình thường gọi là hiện tượng cảm dục, nhưng Các Ngài không nhìn những hiện tượng này như y; Các Ngài vẫn tách rời khỏi những ảo cảm như thế và không dao động. Các Ngài không bị mê hoặc, trong khi người bình thường lại tin chắc rằng những hiện tượng ấy là có thật.

16. Perhaps eighty to eighty five percent of humanity has the kama-manasic mind—the mind which cannot think we true objectivity, because feeling and emotion are still attached to thought.

16. Có lẽ tám mươi đến tám mươi lăm phần trăm nhân loại có thể trí trí-cảm—thể trí không thể suy nghĩ với tính khách quan thực sự, vì cảm giác và cảm xúc vẫn còn gắn liền với tư tưởng.

17. The average aspirant (presumably one who is not yet an accepted disciple, but who is more the probationer) should not think that he is entirely free of the kama-manasic mind. This would not be the case until he has overcome glamor. He is, however, on his way.

17. Người chí nguyện trung bình (có lẽ là người chưa trở thành đệ tử được chấp nhận, mà đúng hơn là người dự bị) không nên cho rằng mình đã hoàn toàn thoát khỏi thể trí trí-cảm. Chỉ khi đã vượt qua ảo cảm, y mới đạt được điều đó. Tuy nhiên, y đang tiến về hướng ấy.

18. We gather from what is said that the kama-manasic mind still exists after the first initiation is taken, because real mental objectivity occurs closer to the second initiation (even before true mental polarization is developed midway between the second and third).

18. Từ những điều đã nói, chúng ta hiểu rằng thể trí trí-cảm vẫn tồn tại sau lần điểm đạo thứ nhất, vì tính khách quan thực sự của trí tuệ xuất hiện gần lần điểm đạo thứ hai hơn (thậm chí trước khi sự phân cực trí tuệ thực sự phát triển ở khoảng giữa lần thứ hai và thứ ba).

19. The chela in the Light is supervised by a more advanced disciple. We remember that this supervision is largely from egoic levels, whereas the supervision for the little chela is

19. Một đệ tử tiến xa hơn giám sát đệ tử trong Ánh sáng. Chúng ta nhớ rằng sự giám sát này phần lớn diễn ra từ các cấp độ chân ngã, trong khi sự giám sát dành cho Tiểu đệ

upon the physical plane.

20. Even though the more advanced disciple is capable of supervising the chela in the Light from egoic levels, it does not mean that this disciple is entirely free from glamor. This tells us something about the stage of the more advanced disciple.

"The chela is, therefore, at this stage **guarded and guided by someone who is still subject to glamour**, but is, at the same time, aware of the ephemeral nature of the astral plane."

21. When, after all, is one *entirely* free from glamor? Even between the second and third initiation there may be glamor (although illusion is the main problem of the disciple during that more advanced developmental interval).

22. Since the supervising disciple is aware of the ephemeral nature of the astral plane, it can be assumed that he is focussed at the second degree or beyond, for at the second initiation a large degree of astral mastery is achieved. Later references to the guarding, guiding disciple make it seem that he would be, more likely, an initiate of the third degree or beyond (thought not yet "adept"). There is some ambiguity on this point.

23. The system of *safeguarding* is to be noted. There is a benevolence throughout cosmos which ensures that greater ones are assigned to protect lesser ones. Unfortunately, there are also greater ones who, disregarding their obligation, prey upon lesser ones. This occurs when the love aspect is insufficiently developed.

tử diễn ra trên cõi hồng trần.

20. Mặc dù người đệ tử tiến xa hơn có khả năng giám sát đệ tử trong Ánh sáng từ các cấp độ chân ngã, điều đó không có nghĩa người đệ tử này đã hoàn toàn thoát khỏi ảo cảm. Điều này cho chúng ta biết đôi chút về giai đoạn của người đệ tử tiến xa hơn ấy.

"Vì vậy, ở giai đoạn này, đệ tử **nhận được sự bảo vệ và hướng dẫn từ một người vẫn còn chịu sự chi phối của ảo cảm**, nhưng đồng thời nhận biết bản chất phù du của cõi cảm dục."

21. Rốt cuộc, khi nào người ta mới *hoàn toàn* thoát khỏi ảo cảm? Ngay cả giữa lần điểm đạo thứ hai và thứ ba vẫn có thể còn ảo cảm (mặc dù ảo tưởng là vấn đề chính của đệ tử trong khoảng phát triển tiến xa hơn ấy).

22. Vì người đệ tử giám sát nhận biết bản chất phù du của cõi cảm dục, có thể giả định rằng trọng tâm của người ấy ở cấp độ thứ hai hoặc cao hơn, vì tại lần điểm đạo thứ hai, người ta đạt được một mức độ làm chủ đáng kể đối với cõi cảm dục. Những đề cập sau này đến người đệ tử bảo vệ và hướng dẫn khiến có vẻ nhiều khả năng hơn rằng người ấy là một điểm đạo đồ cấp độ thứ ba hoặc cao hơn (mặc dù chưa phải là "chân sư"). Điểm này còn có phần mơ hồ.

23. Cần lưu ý đến hệ thống *bảo hộ* này. Có một lòng nhân từ xuyên suốt vũ trụ, bảo đảm rằng những vị cao hơn được giao nhiệm vụ bảo vệ những người thấp hơn. Đáng tiếc, cũng có những vị cao hơn phớt lờ nghĩa vụ của mình và lợi dụng những người thấp hơn. Điều này xảy ra khi phương diện bác ái chưa phát triển đầy đủ.

This stage involves so many aspirants in the world today that (before I proceed with other matters) I would like to touch upon the nature of the work which the Masters are seeking to do with Their groups of disciples in this hour of world crisis. This is a matter of paramount importance to the world from the angle of the Masters Themselves. Never forget that in all our discussions and in all your effort to understand, I am endeavouring to decentralise you by giving you, as far as I can, the point of view of the Hierarchy, stepping it down until it can come within the range of comprehension of the average aspirant.

Giai đoạn này liên quan đến rất nhiều người chí nguyện trên thế giới ngày nay, nên (trước khi chuyển sang những vấn đề khác) Tôi muốn đề cập đôi chút đến bản chất công việc mà các Chân sư đang tìm cách thực hiện với các nhóm đệ tử của Các Ngài trong giờ phút khủng hoảng thế giới này. Theo quan điểm của chính các Chân sư, đây là một vấn đề có tầm quan trọng tối cao đối với thế giới. Đừng bao giờ quên rằng trong mọi cuộc thảo luận của chúng ta và trong mọi nỗ lực thấu hiểu của các bạn, Tôi đang cố gắng giúp các bạn phi tập trung vào bản thân bằng cách cung cấp cho các bạn, trong khả năng của Tôi, quan điểm của Thánh đoàn, hạ thấp cách trình bày quan điểm ấy cho đến khi nó nằm trong phạm vi lĩnh hội của người chí nguyện trung bình.

24. We note the use of the term "aspirants" in relation to the stage of Chela in the Light. Really, such aspirants are aspirants who are *probationers*, rather than aspirants who are strictly *aspirants*—if this distinction can be understood. Perhaps they are more conscious of passing through tests and are face their testing more cautiously and systematically. Chelas in the Light are disciples at an early stage of development.

24. Chúng ta lưu ý việc sử dụng thuật ngữ "những người chí nguyện" trong mối liên hệ với giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng. Thật ra, những người chí nguyện như thế là những người chí nguyện đang ở địa vị *dự bị*, hơn là những người chí nguyện chỉ thuần túy là *người chí nguyện*—nếu có thể thấu hiểu sự phân biệt này. Có lẽ họ ý thức rõ hơn rằng mình đang trải qua các thử thách và đối diện với những thử thách ấy một cách thận trọng, có hệ thống hơn. Các đệ tử trong Ánh sáng là những đệ tử ở giai đoạn phát triển ban đầu.

25. The bulk of disciples (considering the term generically) are, thus, to be found in the Atlantean stage of discipleship—*not* the Atlantean stage of *consciousness* of average, mass man (the group which is the great majority in relation to the entirety of humanity).

25. Như vậy, phần lớn các đệ tử (xét thuật ngữ này theo nghĩa chung) đang ở giai đoạn Atlantis của địa vị đệ tử—*không phải* giai đoạn Atlantis về *tâm thức* của con người bình thường trong quần chúng (nhóm chiếm đại đa số trong toàn thể nhân loại).

26. The thought to have in mind is that, amongst the ranks of disciples, there are

26. Điều cần ghi nhớ là trong hàng ngũ đệ tử có rất nhiều đệ tử trong Ánh sáng.

great numbers of chelas in the Light.

27. The Tibetan reminds us that He is working to decentralize our consciousness by giving us the point of view of the Hierarchy on these matters.

28. If He is speaking to *us* and also attempting to step the teaching "down until it can come within the range of comprehension of the average aspirant", then *we* are considered by Him as average aspirants! And no doubt, the great majority of those who will read His words are chelas in the Light—not yet sure of their acceptance by a Master and into an Ashram.

[720]

As far as these aspirants are concerned, the one thing which the Masters are endeavouring to bring about is the stimulation of the flame of the spirit in them so that they may set the world on fire. The fires of judgment and of substance, of karma and its vehicle, matter, are raging in the world at this time. Fire must be countered by fire, as well you know, and to stop the raging inferno of fire which is today devastating the world, the fire of spirit must be opposed, distributed and effectively used by the disciples of the Masters. The task of Shamballa, in relation to the Hierarchy, is similar in nature but expresses itself upon a higher level. They dispense the ultimate fire of the Will. The fire which must, in the final analysis, be used by the disciples in the world is the fire of the will-to-love.

29. The Master is speaking of aspirants and the "flame of the spirit" in the same breath.

27. Chân sư Tây Tạng nhắc chúng ta rằng Ngài đang giúp tâm thức chúng ta phi tập trung vào bản thân bằng cách cung cấp cho chúng ta quan điểm của Thánh đoàn về những vấn đề này.

28. Nếu Ngài đang nói với *chúng ta* và cũng đang cố gắng hạ thấp cách trình bày giáo huấn "cho đến khi nó nằm trong phạm vi lĩnh hội của người chí nguyện trung bình", thì *chúng ta* được Ngài xem là những người chí nguyện trung bình! Và chắc chắn, đại đa số những người sẽ đọc lời Ngài là các đệ tử trong Ánh sáng—chưa chắc chắn rằng mình đã được một Chân sư chấp nhận và thu nhận vào một ashram.

[720]

Đối với những người chí nguyện này, điều duy nhất mà các Chân sư đang cố gắng thực hiện là khơi mạnh ngọn lửa tinh thần trong họ để họ có thể làm bừng cháy thế gian. Lúc này, những ngọn lửa của sự phán xét và của chất liệu, của nghiệp quả và vận cụ của nó là vật chất, đang hoành hành trên thế giới. Phải lấy lửa đối chọi với lửa, như các bạn biết rõ, và để ngăn chặn biển lửa cuồng nộ đang tàn phá thế giới ngày nay, các đệ tử của các Chân sư phải đưa lửa tinh thần ra đối chọi, phân phối và sử dụng một cách hữu hiệu. Nhiệm vụ của Shamballa đối với Thánh đoàn có bản chất tương tự, nhưng biểu hiện trên một cấp độ cao hơn. Các Ngài phân phát ngọn lửa tối hậu của Ý Chí. Xét đến cùng, ngọn lửa mà các đệ tử trên thế giới phải sử dụng là ngọn lửa của Ý Chí-Yêu Thương.

29. Chân sư đang nói đến những người chí nguyện và "ngọn lửa tinh thần" trong cùng

This is unusual, for the flame of the spirit relates to the first aspect of divinity which is beyond the reach of most aspirants.

30. But we will notice that, as this paragraph proceeds, the Tibetan makes a subtle transition from speaking about aspirants to speaking about disciples, thus referencing the higher type of aspirant. There is a constant mixing of these terms and the reader must be alert to when it is happening.

31. When can the "flame of spirit" become active in the life of the aspirant/disciple? We might consider the second initiation and the period immediately preceding as that time, for the spirit (monad) is found upon the second subplane (or sixth) of the cosmic physical plane, and the second initiation is, of course, the *second,* and necessitates the application of the *sixth* ray—thus the numbers correlated. As well, the context between will and desire begins in earnest during the period preceding and leading up to the second initiation. Vulcan is in context with Mars.

32. As the Tibetan writes this instruction, fire by friction was blazing in the world unchecked. The three worlds were consumed by the fires of judgment and of karma—the fires of retribution.

33. The Master is calling for the descent and expression of a higher fire—ultimately the Solar Fire of the Solar Logos, related to the will-to-love.

34. The ancient adage holds—"fight fire with fire". The raging inferno of lower fires must be countered by the "fire of spirit". This of

một lời. Điều này khác thường, vì ngọn lửa tinh thần liên hệ với phương diện thứ nhất của thiên tính, vốn nằm ngoài tầm với của phần lớn những người chí nguyện.

30. Nhưng chúng ta sẽ nhận thấy rằng, khi đoạn văn này tiếp diễn, Chân sư Tây Tạng chuyển một cách tinh tế từ việc nói về những người chí nguyện sang nói về các đệ tử, qua đó đề cập đến mẫu người chí nguyện cao hơn. Các thuật ngữ này liên tục được dùng xen kẽ, và người đọc phải tỉnh táo nhận ra khi điều ấy xảy ra.

31. Khi nào "ngọn lửa tinh thần" có thể trở nên hoạt động trong đời sống của người chí nguyện/đệ tử? Chúng ta có thể xem lần điểm đạo thứ hai và thời kỳ ngay trước đó là thời điểm ấy, vì tinh thần (chân thần) hiện hữu trên cõi phụ thứ hai (hay thứ sáu) của cõi hồng trần vũ trụ, và dĩ nhiên, lần điểm đạo thứ hai là lần *thứ hai,* đồng thời đòi hỏi phải vận dụng cung *sáu*—do đó, các con số có sự tương quan. Ngoài ra, mối liên hệ giữa ý chí và dục vọng bắt đầu trở nên thực sự rõ nét trong thời kỳ trước và dẫn đến lần điểm đạo thứ hai. Vulcan nằm trong mối liên hệ với Sao Hỏa.

32. Khi Chân sư Tây Tạng viết huấn thị này, Lửa ma sát đang bùng cháy trên thế giới mà không gì kiềm chế được. Ba cõi giới chìm trong những ngọn lửa phán xét và nghiệp quả—những ngọn lửa báo ứng.

33. Chân sư đang kêu gọi một ngọn lửa cao hơn giáng xuống và biểu lộ—rốt cuộc là Lửa Thái dương của Thái dương Thượng đế, liên quan đến Ý Chí-Yêu Thương.

34. Câu ngạn ngữ cổ vẫn đúng—"dùng lửa chống lửa". Phải dùng "lửa tinh thần" để chống lại biển lửa cuồng nộ của những ngọn

course is the *highest* fire. Solar fire in its lesser expression, has so far *not* been mentioned. What must be remembered is that the three fires with which we are familiar (fire by friction, solar fire and electric fire) are *all* part of the greater Solar Fire of the Solar Logos.

lửa thấp. Dĩ nhiên, đây là ngọn lửa *cao nhất* ấy. Cho đến lúc này, Lửa Thái dương trong biểu hiện thấp hơn của nó vẫn *chưa* được đề cập đến. Cần nhớ rằng ba loại lửa quen thuộc với chúng ta (Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện) *đều* là những phần của Lửa Thái dương lớn hơn của Thái dương Thượng đế.

35. Of course, the average aspirant will not be able to directly wield of the fire of spirit. It will take an advanced disciple to do so, and, indeed, in speaking of the need for the wielding and expression of the fire of spirit, DK speaks of *disciples* and not of *aspirants.*

35. Dĩ nhiên, người chí nguyện trung bình sẽ không thể trực tiếp vận dụng lửa tinh thần. Phải là một đệ tử tiến bộ mới làm được điều đó, và quả thực, khi nói về nhu cầu vận dụng và biểu lộ lửa tinh thần, Chân sư DK nói đến các *đệ tử* chứ không phải những *người chí nguyện.*

36. A number of fires are discussed in this paragraph.

36. Đoạn văn này bàn đến một số loại lửa.

36. The fires of judgment

36. Những ngọn lửa phán xét

37. The fires of karma

37. Những ngọn lửa nghiệp quả

38. The fires of matter

38. Những ngọn lửa vật chất

39. The fire of spirit

39. Lửa tinh thần

40. The fire of Will

40. Lửa Ý Chí

41. Thus far, solar fire (per se) is not mentioned specifically

41. Cho đến lúc này, chính Lửa Thái dương vẫn chưa được đề cập cụ thể

42. The fire of the will-to-love.

42. Lửa của Ý Chí-Yêu Thương.

37. It is Shamballa which dispenses "the ultimate fire of the Will". Presumably this fire is even higher than the fire of spirit, which to a degree, pertains to the *particular* monad. "The ultimate fire of Will" is operative on at least a planetary level.

37. Chính Shamballa ban phát "ngọn lửa tối hậu của Ý Chí". Có lẽ ngọn lửa này còn cao hơn lửa tinh thần, vốn ở một mức độ nào đó thuộc về chân thần *riêng biệt* ấy. "Ngọn lửa tối hậu của Ý Chí" hoạt động ít nhất ở cấp độ hành tinh.

38. When thinking of the essential nature of fire, it is that which brings change by

38. Khi suy nghĩ về bản chất cốt yếu của lửa, ta thấy lửa mang lại sự thay đổi bằng cách

reducing to essence that which it touches. It brings about rapidly changes of state on various levels—depending upon the fire.

"Fire is the sumtotal of that which destroys form, produces complete purity in that which is not itself, generates the warmth which lies behind all growth, and is vitality itself." (R&I 82)

39. Finally, a fire which may be seen as related to solar fire is mentioned: the fire of the will-to-love. It is this fire which must be used by disciples, and which the Master seeks to promote in the disciple's life. The disciple (because he has some facility in the use of the will) will be more successful in the use of this fire than will the aspirant (who may use, instead, goodwill). One of the key distinctions between an aspirant and a true disciple is the degree and type of will which each may access.

40. The fire of the will-to-love would seem to be a mixture of the first and second aspects. If so, it can be considered representative of the fire of spirit (to a degree) and of solar fire which is, essentially, the fire of love.

41. If aspirants and most disciples could simply, and at will, *love,* there would be less need for the *will*-to-love, but they are not yet to that point of development. The will-to-love, of course, is a step along the way to the spontaneous expression of pure love.

This fire is not what you think it is. The will-to-love means the love of the greater Whole and the ability to do that which is needed for

quy những gì nó chạm đến về tinh túy. Lửa nhanh chóng tạo ra những thay đổi trạng thái trên nhiều cấp độ—tùy theo loại lửa.

"Lửa là tổng thể của những gì hủy diệt hình tướng, tạo ra sự tinh khiết hoàn toàn trong những gì không phải là chính nó, sinh ra hơi ấm nằm sau mọi sự tăng trưởng, và chính là sinh lực." (R&I 82)

39. Cuối cùng, một ngọn lửa có thể xem là liên quan đến Lửa Thái dương được đề cập đến: lửa của Ý Chí-Yêu Thương. Chính ngọn lửa này là ngọn lửa các đệ tử phải sử dụng, và Chân sư tìm cách thúc đẩy trong đời sống của người đệ tử. Người đệ tử (vì đã có phần thành thạo trong việc sử dụng ý chí) sẽ sử dụng ngọn lửa này thành công hơn người chí nguyện (người có thể sử dụng thiện chí thay vào đó). Một trong những điểm phân biệt then chốt giữa người chí nguyện và người đệ tử chân chính là mức độ và loại ý chí mà mỗi người có thể tiếp cận.

40. Lửa của Ý Chí-Yêu Thương dường như là sự pha trộn giữa phương diện thứ nhất và thứ hai. Nếu vậy, có thể xem nó là đại diện cho lửa tinh thần (ở một mức độ nào đó) và Lửa Thái dương, vốn về bản chất là lửa tình thương.

41. Nếu những người chí nguyện và phần lớn đệ tử có thể đơn giản *yêu thương,* bất cứ khi nào họ muốn, thì sẽ ít cần đến *Ý Chí*-Yêu Thương hơn, nhưng họ vẫn chưa đạt đến trình độ phát triển ấy. Dĩ nhiên, Ý Chí-Yêu Thương là một bước trên con đường tiến đến sự biểu lộ tự phát của tình thương thuần khiết.

Ngọn lửa này không phải như các bạn nghĩ. Ý Chí-Yêu Thương có nghĩa là tình thương dành cho Toàn Thể lớn hơn và khả năng làm

the good of the group in the right way and with the needed skill in action. It involves capacity for firm action where need arises, because the disciple has a long range vision and is not misled by the immediate perspective. He works and prepares for the future. It is, in other words, the loving intention to fire the entire world with the new idea of the "spirit of relationship," beginning with the disciple's own self, his family and immediate group. This is the will-to-fire. It would be well to reflect deeply on these ideas.

những gì cần thiết vì lợi ích của nhóm, theo cách đúng đắn và với sự khéo léo cần thiết trong hành động. Nó bao hàm khả năng hành động kiên quyết khi cần, vì người đệ tử có tầm nhìn xa và không để góc nhìn trước mắt dẫn mình đi sai đường. Y làm việc và chuẩn bị cho tương lai. Nói cách khác, đó là ý định đầy tình thương nhằm khơi lửa trong toàn thế giới bằng ý tưởng mới về "tinh thần của mối quan hệ," bắt đầu từ chính bản thân của người đệ tử, gia đình và nhóm gần gũi của y. Đây là ý chí khơi lửa. Nên suy ngẫm sâu sắc về những ý tưởng này.

42. DK speaks in various ways in various references of the will-to-love. Usually, He considers it a step along the way to pure love. In this case, He is viewing it as a *very* high state.

42. Chân sư DK nói về Ý Chí-Yêu Thương theo nhiều cách trong nhiều đoạn văn khác nhau. Thông thường, Ngài xem đó là một bước trên con đường tiến đến tình thương thuần khiết. Trong trường hợp này, Ngài đang xem đó là một trạng thái *rất* cao.

43. The will-to-love does not concern small or petty loves. It necessitates "the love of the greater Whole" and a realization of what is *good* for that whole. Law and principle (related to the will aspect) are involved in the expression of the will-to-love. Rectitude and skill in action are required.

43. Ý Chí-Yêu Thương không liên quan đến những tình cảm nhỏ bé hay vụn vặt. Nó đòi hỏi "tình thương dành cho Toàn Thể lớn hơn" và sự nhận biết điều gì *có lợi* cho toàn thể ấy. Định luật và nguyên khí (liên quan đến phương diện ý chí) đều tham gia vào sự biểu lộ của Ý Chí-Yêu Thương. Điều này đòi hỏi sự chính trực và khéo léo trong hành động.

44. DK is emphasizing that the will-to-love does not lead to an unseemly 'softness', but rather to "firm action" because the long range perspective is seen. It is easy to be misled if one does not see the larger picture; values to not fall into their proper place unless the big picture is seen. Importantly, the development of the will is related to the capacity to see the big picture. Those who are intent on the development of the will must attempt to see and understand the Whole (at least a whole reasonably larger

44. Chân sư DK đang nhấn mạnh rằng Ý Chí-Yêu Thương không dẫn đến sự 'mềm yếu' không thích hợp, mà dẫn đến "hành động kiên quyết" vì đã thấy được viễn cảnh lâu dài. Người ta dễ bị dẫn sai đường nếu không thấy được bức tranh rộng lớn hơn; các giá trị không thể nằm đúng vị trí của chúng nếu không thấy được toàn cảnh. Điều quan trọng là sự phát triển ý chí có liên quan đến khả năng nhìn thấy toàn cảnh. Những ai quyết tâm phát triển ý chí phải cố gắng nhìn thấy và thấu hiểu Toàn Thể (ít nhất là một toàn

than their normal context).

45. DK gives a magnificent definition of the will-to-love: "the loving intention to fire the entire world with the new idea of the 'spirit of relationship'. " We see how the first and second aspects of divinity combine in this definition. It is not merely *intention,* but *loving* intention. That which is to be *fired* is not just certain individuals or certain groups but, inclusively, "the entire world". And, something new is involved—"the spirit of relationship"—which, according to the Tibetan, is a "new idea". We note that it is the "*spirit*" of relationship, which means that Brotherhood (a state existing on *monadic* levels and, in essence, monadically derived) is involved.

46. DK is immensely practical about what the disciple must do under the impulse of the will-to-love, for the 'firing' for which he is responsible must begin with himself and then extend to his family and group. He cannot leap into an abstract concern for humanity without taking care of that which is closest to him.

47. From the perspective here presented, the will-to-love is, thus, the will-to-*fire*: the fire of love-wisdom enlivened by the fire of spirit.

48. This section gives, perhaps, the most potent and evocative idea of the meaning of the will-to-love.

49. For those who are attempting to understand and penetrate the spirit aspect, DK's definition of the will-to-love should be

thể lớn hơn đáng kể so với phạm vi thông thường của họ).

45. Chân sư DK đưa ra một định nghĩa tuyệt vời về Ý Chí-Yêu Thương: "ý định đầy tình thương nhằm khơi lửa trong toàn thế giới bằng ý tưởng mới về 'tinh thần của mối quan hệ'. " Chúng ta thấy phương diện thứ nhất và thứ hai của thiên tính kết hợp như thế nào trong định nghĩa này. Đó không chỉ là *ý định,* mà là *ý định* đầy tình thương. Đối tượng cần được *khơi lửa* không chỉ là một số cá nhân hay một số nhóm, mà bao gồm "toàn thế giới". Và có một điều mới mẻ ở đây—"tinh thần của mối quan hệ"—mà theo Chân sư Tây Tạng, là một "ý tưởng mới". Chúng ta lưu ý rằng đó là "*tinh thần*" của mối quan hệ, hàm ý rằng Tình Huynh Đệ (một trạng thái hiện hữu trên các cấp độ *chân thần* và về bản chất bắt nguồn từ chân thần) có liên quan ở đây.

46. Chân sư DK vô cùng thực tế về những gì người đệ tử phải làm dưới xung lực của Ý Chí-Yêu Thương, vì việc 'khơi lửa' mà y chịu trách nhiệm phải bắt đầu từ chính mình, rồi mở rộng đến gia đình và nhóm của y. Y không thể nhảy ngay sang mối quan tâm trừu tượng đối với nhân loại mà không chăm lo những gì gần gũi nhất với mình.

47. Vì vậy, từ góc nhìn trình bày ở đây, Ý Chí-Yêu Thương là ý chí *khơi lửa*: lửa Bác Ái – Minh Triết được lửa tinh thần làm cho sống động.

48. Có lẽ phần này đưa ra ý tưởng mạnh mẽ và có sức gợi mở nhất về ý nghĩa của Ý Chí-Yêu Thương.

49. Đối với những ai đang cố gắng thấu hiểu và thâm nhập phương diện tinh thần, định nghĩa của Chân sư DK về Ý Chí-Yêu Thương

most useful. Love is needed when approaching the spirit, and the "loving intention" characteristic of the will-to-love unites the second and first rays.

hẳn sẽ rất hữu ích. Cần có tình thương khi tiếp cận tinh thần, và "ý định đầy tình thương" đặc trưng cho Ý Chí-Yêu Thương hợp nhất cung hai và cung một.

To bring about and render effective this fiery stimulation, the disciple must apply the fire to himself and in the ensuing blaze see himself as he truly is. The fire of the material aspect (the fire of the personality) is still too prevalent and too powerful in the lives of aspirants. It renders them harmful. I would remind you that the fire of the mental plane (that is, of the mind) is the reflection (and the distorted reflection) of the fire of spirit. Some disciples use only the fire of the mind; in their highest and best moments, they attempt to use the fire of love to offset the fires of the critical mind but at the best it is no spontaneous flow but a laborious effort to be nice, to refrain (through drastic disciplining of themselves) from uttering the things which their critical minds say or to act upon the opinions they may have formed through the use of the fire of mind. This fire is always directed at a brother and the effort to refrain from [721] the use of this fire inevitably creates a gap or barrier.

Để tạo ra và làm cho sự kích thích bằng lửa này có hiệu quả, người đệ tử phải áp dụng ngọn lửa ấy cho chính mình và, trong ngọn lửa bùng lên sau đó, thấy mình đúng như thực chất. Lửa của phương diện vật chất (lửa của phàm ngã) vẫn còn quá phổ biến và quá mạnh trong đời sống của những người chí nguyện. Nó khiến họ gây tổn hại. Tôi muốn nhắc các bạn rằng lửa của cõi trí (tức là của thể trí) là sự phản chiếu (và là sự phản chiếu méo mó) của lửa tinh thần. Một số đệ tử chỉ sử dụng lửa của trí tuệ; trong những thời khắc cao cả và tốt đẹp nhất của mình, họ cố gắng sử dụng lửa tình thương để hóa giải những ngọn lửa của thể trí hay chỉ trích, nhưng ngay cả khi tốt nhất, đó cũng không phải là một dòng tuôn chảy tự phát mà là nỗ lực nhọc nhằn để cư xử tử tế, để tự kiềm chế (qua việc tự rèn kỷ luật nghiêm khắc) không thốt ra những điều mà thể trí hay chỉ trích của họ nói, hoặc không hành động theo những ý kiến họ có thể đã hình thành qua việc sử dụng lửa của trí tuệ. Ngọn lửa này luôn hướng vào một huynh đệ, và nỗ lực kiềm chế [721] việc sử dụng ngọn lửa này tất yếu tạo ra một khoảng cách hoặc rào cản.

50. DK emphasizes the practicality of His theme. The fiery stimulation is to be applied by each disciple to himself. Note, He is here talking of disciples and not, per se, of aspirants, though, I am sure, He would encourage aspirants as well to think in terms of the will-to-love.

50. Chân sư DK nhấn mạnh tính thực tế trong chủ đề của Ngài. Mỗi đệ tử phải áp dụng sự kích thích bằng lửa này cho chính mình. Hãy lưu ý, ở đây Ngài đang nói về các đệ tử chứ không phải chính những người chí nguyện, mặc dù tôi tin chắc rằng Ngài cũng sẽ khuyến khích những người chí nguyện suy nghĩ theo hướng Ý Chí-Yêu Thương.

51. We note that in the first sentence of the section above DK spoke of *disciples.* In the

51. Chúng ta lưu ý rằng trong câu đầu tiên của phần trên, Chân sư DK nói về các *đệ tử.*

second sentence (probably not accidentally), He speaks of aspirants. True disciples are able to apply the fiery stimulation of the will-to-love to themselves and, in doing so, see themselves as they really are (for love both purifies and reveals, and reduces all to essence). *Aspirants*, however, are characterized by an excessive burning of the "fire of personality". We come to understand that in the true disciple the personality is fading in importance; this is not the case in the life of an aspirant.

Trong câu thứ hai (có lẽ không phải ngẫu nhiên), Ngài nói về những người chí nguyện. Các đệ tử chân chính có thể áp dụng sự kích thích bằng lửa của Ý Chí-Yêu Thương cho chính mình và, khi làm như vậy, thấy mình đúng như thực chất (vì tình thương vừa thanh lọc vừa mặc khải, đồng thời quy mọi sự về tinh túy). *Những người chí nguyện*, tuy nhiên, lại có đặc điểm là "lửa của phàm ngã" bùng cháy quá mức. Chúng ta dần thấu hiểu rằng nơi người đệ tử chân chính, tầm quan trọng của phàm ngã đang giảm dần; điều này chưa xảy ra trong đời sống của người chí nguyện.

52. Another distinction appears by implication: aspirants are harmful because the fire of personality is burning too fiercely in them; the true disciple is not harmful, and presumably the fire of personality is much abated.

52. Một điểm phân biệt khác hiện ra qua hàm ý: những người chí nguyện gây tổn hại vì lửa của phàm ngã đang cháy quá dữ dội trong họ; người đệ tử chân chính không gây tổn hại, và có lẽ lửa của phàm ngã đã dịu đi nhiều.

53. DK seems to suggest that the distorted fire of spirit is behind the critical minds of many aspirants. There is a link between spirit and mind; love, however, may be missing.

53. Chân sư DK dường như gợi ý rằng lửa tinh thần méo mó nằm sau những thể trí hay chỉ trích của nhiều người chí nguyện. Có một mối liên kết giữa tinh thần và thể trí; tuy nhiên, tình thương có thể vắng mặt.

54. We have noticed it to be true, have we not (and especially in the field of academic esotericism) that a number of disciples "use only the fire of mind". Something tells them they can and should do better and so, "in their highest and best moments" they attempt to use the fire of love. Here DK comments on the laborious effort required; such disciples are far from spontaneously loving. They simply suppress their critical minds in the effort to "be nice". Not a very flattering picture, but a true one.

54. Chúng ta đã nhận thấy điều này là đúng, phải không (đặc biệt trong lĩnh vực huyền bí học mang tính học thuật), rằng một số đệ tử "chỉ sử dụng lửa của trí tuệ". Một điều gì đó mách bảo họ rằng họ có thể và nên làm tốt hơn, nên "trong những thời khắc cao cả và tốt đẹp nhất của mình" họ cố gắng sử dụng lửa tình thương. Ở đây, Chân sư DK bình luận về nỗ lực nhọc nhằn cần có; những đệ tử như vậy còn lâu mới yêu thương một cách tự phát. Họ chỉ đè nén thể trí hay chỉ trích của mình trong nỗ lực "cư xử tử tế". Một bức tranh chẳng mấy đẹp đẽ, nhưng đúng với sự thật.

55. We see that the fire of mind, untempered by love, can be quite dangerous. Under the influence of this fire, it seems to require "drastic disciplining" even to "be nice". This tells us something about the potent virulence of the critical mind. Obviously, we are dealing with the mental hydra—the three hydra "head" hardest to redeem (pride separativeness and cruelty). The problem here discussed is principally between the third and second rays—the third ray representing the mind and the second, love.

55. Chúng ta thấy rằng lửa của trí tuệ, khi không có tình thương điều hòa, có thể khá nguy hiểm. Dưới ảnh hưởng của ngọn lửa này, dường như cần phải "rèn kỷ luật nghiêm khắc" ngay cả để "cư xử tử tế". Điều này cho chúng ta biết phần nào về sức độc hại mãnh liệt của thể trí hay chỉ trích. Rõ ràng, chúng ta đang đề cập đến con rắn nhiều đầu của trí tuệ—ba "cái đầu" khó cứu chuộc nhất của nó (kiêu hãnh, chia rẽ và tàn ác). Vấn đề bàn đến ở đây chủ yếu nằm giữa cung ba và cung hai—cung ba đại diện cho thể trí, còn cung hai đại diện cho tình thương.

56. The fire of mind is most often directed at a brother. Thus, it is a weapon. The disciple, increasingly aware of his undesirable tendencies, may seek to tame and restrain the mind, but the very effort to do so creates a gap between him and the brother he otherwise would have criticized. This gap would not be present were he able to love spontaneously.

56. Lửa của trí tuệ thường hướng vào một huynh đệ nhất. Vì vậy, nó là một vũ khí. Người đệ tử, ngày càng nhận biết những khuynh hướng không đáng có của mình, có thể tìm cách thuần hóa và kiềm chế thể trí, nhưng chính nỗ lực ấy lại tạo ra một khoảng cách giữa y và người huynh đệ mà nếu không kiềm chế thì y đã chỉ trích. Khoảng cách này sẽ không tồn tại nếu y có thể yêu thương một cách tự phát.

57. DK seems to be suggesting that if the fiery stimulation of the will-to-love were applied by the disciple to himself, the problem of the transformation of the critical mind would be solved.

57. Chân sư DK dường như gợi ý rằng nếu người đệ tử áp dụng sự kích thích bằng lửa của Ý Chí-Yêu Thương cho chính mình, thì vấn đề chuyển đổi thể trí hay chỉ trích sẽ được giải quyết.

Among the majority of aspirants, there is no true love in action but only much personality effort to be non-critical. Their concentration is upon the recognised and basic need to be non-critical because it is right so to be, and there is a reward for those who achieve it, but the concentration is not based upon the effects upon others when the fire of the mind is let loose with its destroying, burning and damaging effects.

Trong đa số những người chí nguyện, không có tình thương chân thật trong hành động, mà chỉ có nhiều nỗ lực của phàm ngã để không chỉ trích. Họ tập trung vào nhu cầu cơ bản đã được thừa nhận là không chỉ trích, vì làm như vậy là đúng, và có phần thưởng dành cho những ai đạt được điều đó, nhưng sự tập trung ấy không dựa trên những tác động đối với người khác khi lửa của thể trí được thả lỏng với những tác động hủy diệt,

thiêu đốt và gây tổn hại của nó.

58. DK is back to the word "aspirants". We should note how often He switches from the word "aspirant" to "disciple" and back again. He does this also (in the astrological context) with the terms "sign" and "constellation" requiring that the reader read very carefully to catch the hidden implication (if there is one)—and not simply an effort to blind the subject.

58. Chân sư DK trở lại với từ "những người chí nguyện". Chúng ta nên lưu ý Ngài thường xuyên chuyển từ từ "người chí nguyện" sang "đệ tử" rồi lại chuyển ngược lại như thế nào. Ngài cũng làm như vậy (trong ngữ cảnh chiêm tinh học) với các thuật ngữ "dấu hiệu" và "chòm sao", đòi hỏi người đọc phải đọc thật cẩn thận để nắm bắt hàm ý ẩn giấu (nếu có)—chứ không đơn thuần là một nỗ lực che giấu vấn đề.

59. He is nothing if not realistic about the state of the usual aspirant—relatively *unloving*. DK finds "no true love in action" in the case of the majority of aspirants; only the pale shadow of love identified as "much personality effort to be non-critical". These two are clearly not the same. The second is a lifeless shadow of the first.

59. Ngài hết sức thực tế về trạng thái của người chí nguyện thông thường—tương đối *thiếu tình thương*. Chân sư DK nhận thấy "không có tình thương chân thật trong hành động" nơi đa số những người chí nguyện; chỉ có cái bóng nhợt nhạt của tình thương mà Ngài gọi là "nhiều nỗ lực của phàm ngã để không chỉ trích". Rõ ràng hai điều này không giống nhau. Điều thứ hai là cái bóng vô hồn của điều thứ nhất.

60. DK points to the essentially selfish motive which animates the disciple who tries to be non-critical because "it is right so to be" and because "there is a reward for those who achieve it". The thought of such an aspirant is clearly on the little self and not upon harm caused should the fire of mind be let loose upon others. The mind involved is *not* compassionate mind. Selfishness has *not* been defeated.

60. Chân sư DK chỉ ra động cơ về bản chất là ích kỷ đang thúc đẩy người đệ tử cố gắng không chỉ trích vì "làm như vậy là đúng" và vì "có phần thưởng dành cho những ai đạt được điều đó". Rõ ràng, người chí nguyện như vậy đang nghĩ đến cái tôi nhỏ bé chứ không phải sự tổn hại sẽ gây ra nếu thả lỏng lửa của trí tuệ vào người khác. Thể trí ở đây *không* phải là thể trí từ bi. Lòng ích kỷ vẫn *chưa* bị đánh bại.

61. The eyes have not been taken off the little personal self; there is still too much self-concern and self-preoccupation. The welfare of others is, unfortunately, incidental to the welfare of oneself.

61. Ánh mắt vẫn chưa rời khỏi cái tôi cá nhân nhỏ bé; vẫn còn quá nhiều sự quan tâm và bận tâm đến bản thân. Đáng tiếc, phúc lợi của người khác chỉ là thứ yếu so với phúc lợi của chính mình.

62. Why do the fires of mind have destroying, burning and damaging effects?

62. Vì sao những ngọn lửa của trí tuệ có tác động hủy diệt, thiêu đốt và gây tổn hại? Đơn

Simply because they are not conditioned or wielded by the energy of love. These fires are separative and separate rather than unite. The energy of the "Divine Separator" (the Third Ray Lord) is useful at a certain stage of evolution, but must be transcended or its expression elevated so that it serves the great Ray of Love-Wisdom.

giản vì năng lượng tình thương không định hình hay vận dụng chúng. Những ngọn lửa này mang tính chia rẽ và gây chia cách thay vì hợp nhất. Năng lượng của "Đấng Phân Chia Thiêng Liêng" (Đấng Chúa Tể Cung ba) hữu ích ở một giai đoạn tiến hoá nhất định, nhưng phải vượt lên trên năng lượng ấy hoặc nâng cao sự biểu lộ của nó để nó phụng sự Cung Bác Ái – Minh Triết vĩ đại.

The Masters are, therefore, anxious to "burn up the disciple in the fire of the will-to-love so that he is set free and the barriers to the inflow of the avataric force may be dissolved." Why is this? Because it is the disciples in the world and not the mass of men who today hinder the Coming of the Avatar and render useless His intention. He dare not come until the disciples and aspirants in the world bring about the needed changes in themselves, for the reason that there would not be "enough of the will-to-love with the fiery essence."

Vì vậy, các Chân sư tha thiết muốn "thiêu đốt người đệ tử trong lửa của Ý Chí-Yêu Thương để y được giải thoát và những rào cản đối với dòng mãnh lực của Đấng Hoá Thân tuôn vào có thể tan biến." Vì sao lại như vậy? Vì ngày nay, chính các đệ tử trên thế giới chứ không phải quảng đại quần chúng đang cản trở Sự Giáng Lâm của Đấng Hoá Thân và khiến ý định của Ngài trở nên vô hiệu. Ngài không dám đến cho tới khi các đệ tử và những người chí nguyện trên thế giới tạo ra những thay đổi cần thiết trong chính mình, vì sẽ không có "đủ Ý Chí-Yêu Thương cùng với tinh túy lửa."

63. The Masters have a rather dramatic goal with respect to the selfish aspirant or disciple. The seek to "burn up the disciple in the fire of the will-to-love so that he is set free and the barriers to the inflow of the avataric forces may be dissolved".

63. Các Chân sư có một mục tiêu khá quyết liệt đối với người chí nguyện hay đệ tử ích kỷ. Các Ngài tìm cách "thiêu đốt người đệ tử trong lửa của Ý Chí-Yêu Thương để y được giải thoát và những rào cản đối với các mãnh lực của Đấng Hoá Thân tuôn vào có thể tan biến".

64. If the disciple is consumed in this fire, barriers to right relationship will be dissolved. He will be effectively animated by the "spirit of relationship".

64. Nếu người đệ tử cháy hết trong ngọn lửa này, những rào cản đối với mối quan hệ đúng đắn sẽ tan biến. Y sẽ thực sự nhận được sức sống từ "tinh thần của mối quan hệ".

65. We can see how important it is to understand the will-to-love and to apply it to ourselves. If we fail to do so, we shall remain an obstacle to the coming of the Christ.

65. Chúng ta có thể thấy việc thấu hiểu Ý Chí-Yêu Thương và áp dụng nó cho chính mình quan trọng đến mức nào. Nếu không làm được điều đó, chúng ta sẽ vẫn là chướng ngại đối với sự giáng lâm của Đức Christ.

66. What is the "avataric force" here discussed? Probably the best and most practical answer is the "Christ-force". Christ is the coming Avatar for the Aquarian Age (whether or not He will be recognized by those who so loudly proclaim his name).

66. Đâu là "mãnh lực của Đấng Hoá Thân" đang được bàn đến ở đây? Có lẽ câu trả lời tốt nhất và thực tế nhất là "mãnh lực của Đức Christ". Đức Christ là Đấng Hoá Thân đang đến cho Kỷ Nguyên Bảo Bình (dù những người lớn tiếng tuyên xưng danh Ngài có nhận ra Ngài hay không).

67. We come to understand that it is the "disciples of the world" who are hindering the coming the Avatar, the Christ. In fact, they are powerful enough to render His intention to reappear useless! This is a stern judgment and should cause all of us who call ourselves disciples to pause and reflect.

67. Chúng ta dần thấu hiểu rằng chính "các đệ tử trên thế giới" đang cản trở sự giáng lâm của Đấng Hoá Thân, Đức Christ. Thực tế, họ đủ mạnh để khiến ý định tái lâm của Ngài trở nên vô hiệu! Đây là một lời phán xét nghiêm khắc và hẳn phải khiến tất cả chúng ta, những người tự gọi mình là đệ tử, dừng lại suy ngẫm.

68. Apparently it is our relationships with each other and with other groups, which are not animated by that "new idea", the "spirit of relationship".

68. Dường như chính những mối quan hệ của chúng ta với nhau và với các nhóm khác chưa nhận được sức sống từ "ý tưởng mới" ấy, tức "tinh thần của mối quan hệ".

69. Something extremely potent is said of the Christ: that He "dare not come" until the disciples and aspirants (note that *both* are included) bring about the needed changes in themselves. So, it would appear that *we* (the aspirants and disciples of the world) are the prime cause of the delay in the Christ's Reappearance. The responsibility then falls immediately to us: let us improve our relationships with each other, with other groups (i. e. , groups other than our own) and with humanity. Then there is a chance that we may be useful to the Christ and not well-meaning but ignorant obstacles as now we are.

69. Có một điều có sức nặng phi thường được nói về Đức Christ: rằng Ngài "không dám đến" cho đến khi các đệ tử và người chí nguyện (lưu ý rằng *cả hai* đều được bao gồm) tạo ra những thay đổi cần thiết trong chính mình. Vì vậy, dường như *chúng ta* (những người chí nguyện và đệ tử trên thế giới) là nguyên nhân chính gây nên sự trì hoãn cuộc Tái Lâm của Đức Christ. Vậy trách nhiệm lập tức thuộc về chúng ta: hãy cải thiện các mối quan hệ giữa chúng ta với nhau, với các nhóm khác (nghĩa là những nhóm ngoài nhóm của chúng ta) và với nhân loại. Khi ấy, chúng ta mới có cơ hội trở nên hữu ích cho Đức Christ, thay vì là những chướng ngại có thiện ý nhưng vô minh như hiện nay.

70. The reason He dares not come is because "there would not be 'enough of the will-to-love with the fiery essence'. "

70. Lý do Ngài không dám đến là vì "sẽ không có 'đủ Ý Chí-Yêu Thương mang tinh chất lửa'. "

71. This may seem a rather abstruse point, but the meaning is clear. Unless disciples and aspirants in the world are animated by the will-to-love (that "loving intention to fire the entire world with the new idea of the 'spirit of relationship'", the Christ cannot return. The ensuing separativeness stimulated by His presence would be most destructive, for the energy of a great Member of Hierarchy can cause *cleavages* among the unprepared (and even among those who *think* they are prepared, but are not). Not enough love would be present within His representatives to lovingly modulate His tremendous energy so that its impact would bring union rather than division. We are reminded of His statement:

71. Điểm này có vẻ khá khó hiểu, nhưng ý nghĩa thì rõ ràng. Trừ khi các đệ tử và người chí nguyện trên thế giới được Ý Chí-Yêu Thương thôi thúc (tức "ý định đầy tình thương nhằm thắp lửa toàn thế giới bằng ý tưởng mới về 'tinh thần của mối quan hệ'", Đức Christ không thể trở lại. Sự hiện diện của Ngài sẽ kích thích tính chia rẽ, và tính chia rẽ phát sinh ấy sẽ có sức tàn phá ghê gớm, vì năng lượng của một Thành Viên vĩ đại trong Thánh đoàn có thể gây ra *những rạn nứt* giữa những người chưa sẵn sàng (và ngay cả giữa những người *nghĩ* mình đã sẵn sàng, nhưng thực ra chưa sẵn sàng). Những người đại diện cho Ngài sẽ không có đủ tình thương để điều hòa năng lượng phi thường của Ngài bằng tình thương, sao cho tác động của năng lượng ấy đem lại sự hợp nhất thay vì chia rẽ. Chúng ta nhớ lại lời Ngài nói:

I come to bring not peace but the sword". The coming of the "sword" of discrimination is inevitable; the great and inevitable divisions caused by His presence must be offset by the spread of love amongst human beings. When even disciples cannot manage to love each other, what hope is there for average humanity!

Ta đến để mang lại gươm đao chứ không phải hòa bình". Sự xuất hiện của "thanh gươm" phân biện là điều tất yếu; những sự chia rẽ lớn lao và tất yếu do sự hiện diện của Ngài gây ra phải được hóa giải bằng sự lan tỏa tình thương giữa con người. Khi ngay cả các đệ tử cũng chưa thể yêu thương nhau, thì còn hy vọng gì cho nhân loại bình thường!

72. We may all ponder on what our lives would be like if we were animated by a sufficiency of the "will to love with the fiery essence". The "fiery essence" would seem to be the essential quality of our planet and solar system—the fire of Love-Wisdom. That second ray fire is supreme over its three subdivisions—fire by friction, solar fire and electric fire. The "fiery essence" reveals that the God of our solar system is Love.

72. Tất cả chúng ta đều có thể suy ngẫm xem đời sống mình sẽ ra sao nếu chúng ta được thôi thúc bởi một mức độ đầy đủ của "Ý Chí-Yêu Thương mang tinh chất lửa". "Tinh chất lửa" dường như là phẩm tính cốt yếu của hành tinh và hệ mặt trời chúng ta—lửa Bác Ái – Minh Triết. Lửa cung hai ấy tối thượng hơn ba phân nhánh của nó—Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện. "Tinh chất lửa" mặc khải rằng Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta là Tình thương.

73. Christ's presence will be potent in the extreme. The fires of matter, karma and

73. Sự hiện diện của Đức Christ sẽ có uy lực tột độ. Những ngọn lửa của vật chất, nghiệp

judgment will be stimulated *in reaction* to the fire of love He carries, or rather, *is.* The disciples must be in a position to help fight fire with fire. Thus, the will-to-love must be awakened in them so they can assist in countering this expected reaction.

quả và phán xét sẽ bùng lên *như một phản ứng* trước lửa tình thương mà Ngài mang theo, hay đúng hơn, mà Ngài *chính là.* Các đệ tử phải ở vị thế có thể giúp lấy lửa chống lửa. Vì vậy, Ý Chí-Yêu Thương phải được đánh thức trong họ để họ có thể góp phần hóa giải phản ứng được dự liệu này.

74. All during this discussion we are to be reminded that we are discussing that stage of the Six Stages of Discipleship called "Chela in the Light".

74. Trong suốt cuộc thảo luận này, chúng ta cần nhớ rằng mình đang bàn về giai đoạn trong Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử được gọi là "Đệ tử trong Ánh sáng".

Where that will is present two things can take place:

Ở đâu có ý chí ấy, ở đó có thể xảy ra hai điều:

1. There can be the needed stepping-down of the inflowing energy which the Avatar would bring with Him so that it can be rendered effective in humanity.

1. Có thể thực hiện việc hạ giảm cần thiết đối với dòng năng lượng tuôn vào mà Đấng Hoá Thân sẽ mang theo, để năng lượng ấy có thể phát huy hiệu quả trong nhân loại.

75. We see why we must be animated by the will-to-love. This animation has very practical purposes.

75. Chúng ta thấy vì sao mình phải được Ý Chí-Yêu Thương thôi thúc. Sự thôi thúc này có những mục đích rất thiết thực.

76. Christ, the Avatar (in this case) is bringing with Him the energies of the Avatar of Synthesis, of the Spirit of Peace and of the Buddha. These are, for our purposes, supremely high energies and must be stepped-down for the use of humanity.

76. Đức Christ, Đấng Hoá Thân (trong trường hợp này), đang mang theo những năng lượng của Đấng Hoá Thân Tổng Hợp, của Đấng Tinh thần Hòa Bình và của Đức Phật. Xét theo mục đích của chúng ta, đây là những năng lượng cao siêu tột bậc và phải được hạ giảm để nhân loại có thể sử dụng.

77. In addition to these three supreme energies flowing through the Christ, there will be His *own* energies which are, to say the least, potent and remarkable.

77. Ngoài ba năng lượng tối thượng này tuôn chảy qua Đức Christ, còn có những năng lượng của *chính* Ngài, mà nói một cách dè dặt nhất, cũng đầy uy lực và phi thường.

78. Thus the will-to-love is in the nature of an energy-transformer, and without its potent representation in the members of Christ's Household, the Reappearance of the Christ and the Externalization of the

78. Vì vậy, Ý Chí-Yêu Thương có bản chất của một bộ chuyển đổi năng lượng, và nếu ý chí ấy không biểu hiện mạnh mẽ trong các thành viên thuộc Gia Quyến của Đức Christ, thì cuộc Tái Lâm của Đức Christ và Sự Hiển

Hierarchy cannot be as effective as otherwise they would. In fact, a premature Reappearance would be amazingly destructive.

Lộ của Thánh Đoàn không thể đạt hiệu quả như lẽ ra có thể. Thực ra, một cuộc Tái Lâm quá sớm sẽ có sức tàn phá khủng khiếp.

2. The Avatar and Those Who are working with Him and under His influence can be provided with a group which can:

2. Đấng Hoá Thân và Các Đấng đang làm việc cùng Ngài và dưới ảnh hưởng của Ngài có thể có được một nhóm có khả năng:

79. The Avatar is, of course, the Christ and those Who are working with Him are not only the three great surrounding and protective Entities mentioned immediately above, but the entire Spiritual Hierarchy and especially those Who are planning to externalize with Him.

79. Dĩ nhiên, Đấng Hoá Thân chính là Đức Christ, và Các Đấng đang làm việc cùng Ngài không chỉ là ba Thực Thể vĩ đại bao quanh và che chở vừa được đề cập ở trên, mà còn là toàn thể Thánh đoàn, đặc biệt là Các Đấng đang dự định ngoại hiện cùng Ngài.

a. Respond intelligently to that influence, recognising it and absorbing it.

a. Đáp ứng một cách thông minh với ảnh hưởng ấy, nhận biết và hấp thu ảnh hưởng ấy.

b. Distribute the inflowing energy.

b. Phân phối năng lượng đang tuôn vào.

80. There must be groups in the world which can recognize the Avataric energy, respond intelligently to it and absorb it so that they can distribute it radiantly (albeit in a somewhat reduced manner).

80. Trên thế giới phải có những nhóm có thể nhận biết năng lượng của Đấng Hoá Thân, đáp ứng một cách thông minh và hấp thu năng lượng ấy để có thể phân phối nó bằng sự tỏa chiếu (dù ở mức độ phần nào đã hạ giảm).

81. We might think that recognition of the avataric energy would be easy. However, anyone who has become imbued with the Christ energy understands how essentially unusual and elusive it is.

81. Chúng ta có thể nghĩ rằng việc nhận biết năng lượng của Đấng Hoá Thân sẽ dễ dàng. Tuy nhiên, bất cứ ai đã thấm nhuần năng lượng của Đức Christ đều thấu hiểu rằng về bản chất, năng lượng ấy khác thường và khó nắm bắt đến mức nào.

82. If we realize that Shamballic energies (and energies even higher—such as those the Avatar of Synthesis) will be augmenting the energy of the Christ, we can see that recognition and absorption do not take place as a matter of course.

82. Nếu nhận ra rằng các năng lượng Shamballa (và cả những năng lượng cao hơn nữa—chẳng hạn như năng lượng của Đấng Hoá Thân Tổng Hợp) sẽ tăng cường năng lượng của Đức Christ, chúng ta có thể thấy rằng sự nhận biết và hấp thu không tự nhiên

mà xảy ra.

c. Interpret to humanity the new impelling forces which are occupied with the precipitation of the new vision, the new world order and the New Age ideals.

c. Giải thích cho nhân loại những mãnh lực thúc đẩy mới đang thực hiện sự ngưng tụ của tầm nhìn mới, trật tự thế giới mới và các lý tưởng của Kỷ Nguyên Mới.

83. Something remarkable is on its way to humanity. Even those religious people who speak much of Jesus-Christ will find it startling and far different from what they may have expected.

83. Một điều phi thường đang đến với nhân loại. Ngay cả những người theo tôn giáo thường nói nhiều về Đức Jesus-Christ cũng sẽ thấy điều ấy gây sửng sốt và khác xa những gì họ có thể đã mong đợi.

84. Intelligent, empathic interpreters will be needed so that great numbers of human beings can grasp what is happening and still maintain their balance.

84. Sẽ cần những người diễn giải thông minh, biết đồng cảm, để đông đảo con người có thể nắm bắt những gì đang diễn ra mà vẫn giữ được sự quân bình.

85. This "Coming" has been called the advent of the 'Wave of Fiery Love'.

85. "Sự Giáng Lâm" này đã được gọi là sự xuất hiện của 'Làn Sóng Tình Thương Rực Lửa'.

There will then be very many chelas in the Light and on the other graded steps of discipleship.

Khi ấy sẽ có rất nhiều đệ tử trong Ánh sáng và trên các cấp bậc khác của địa vị đệ tử.

86. DK seems to know when the Avatar will make His appearance.

86. Chân sư DK dường như biết khi nào Đấng Hoá Thân sẽ xuất hiện.

87. Or, perhaps He is saying that *whenever* that appearance occurs, there will be *many* "chelas in the Light".

87. Hoặc có lẽ Ngài đang nói rằng *bất cứ khi nào* sự xuất hiện ấy diễn ra, cũng sẽ có *nhiều* "đệ tử trong Ánh sáng".

88. It appears, from this statement, that there will also be *many* other kinds of disciples available for work on all the "other graded steps of discipleship".

88. Từ phát biểu này, dường như cũng sẽ có *nhiều* loại đệ tử khác sẵn sàng làm việc trên tất cả "các cấp bậc khác của địa vị đệ tử".

89. Chelas in the Light will be especially necessary are they are quite close to average humanity and will be able to throw the light of understanding upon the unusual developments which the Advent will bring.

89. Các Đệ tử trong Ánh sáng sẽ đặc biệt cần thiết vì họ khá gần gũi với nhân loại bình thường và sẽ có thể soi ánh sáng của sự thấu hiểu lên những diễn biến khác thường mà cuộc Giáng Lâm sẽ mang lại.

The vision which many have of the influence and work of the Avatar is that of a Great Appearance which will end all strife, inaugurate the new era of peace and goodwill, soothe the hearts of the people and lead mankind into realms of beauty and of happiness. He will be the consummation of the [722] wishful thinking of countless minds down the ages. He will be the solace of distressed humanity. He will sweetly love and quietly deal with His Own people and will sweep the evil doer out of the Earth and prevent him from again molesting the peace of the world.

Tầm nhìn của nhiều người về ảnh hưởng và công việc của Đấng Hoá Thân là một cuộc Hiện Diện Vĩ Đại sẽ chấm dứt mọi xung đột, mở ra kỷ nguyên mới của hòa bình và thiện chí, xoa dịu lòng người và dẫn dắt nhân loại vào những cảnh giới của cái đẹp và hạnh phúc. Ngài sẽ là sự thành tựu trọn vẹn của [722] những mong tưởng nơi vô số thể trí qua các thời đại. Ngài sẽ là niềm an ủi cho nhân loại khổ đau. Ngài sẽ yêu thương dịu dàng và xử lý êm thấm mọi việc với dân của chính Ngài, sẽ quét sạch kẻ làm điều ác khỏi Trái Đất và ngăn không cho kẻ ấy quấy nhiễu nền hòa bình thế giới một lần nữa.

90. DK expresses for us in this paragraph the wishful thinking of millions. In some ways, it is an appealing picture, but we sense that it has very little to do with reality. It is an illusion which will have to be broken. Probably, many people, expecting the kinds of developments noted above, will fail to recognize the Avatar when He comes. Their false expectations will blind them.

90. Trong đoạn này, Chân sư DK diễn tả cho chúng ta những mong tưởng của hàng triệu người. Ở một vài phương diện, đó là một bức tranh hấp dẫn, nhưng chúng ta cảm nhận rằng nó rất ít liên quan đến thực tại. Đó là một ảo tưởng sẽ phải bị phá vỡ. Có lẽ nhiều người, vì mong đợi những diễn biến như đã nêu trên, sẽ không nhận ra Đấng Hoá Thân khi Ngài đến. Những mong đợi sai lầm sẽ làm họ mù quáng.

I tell you that such a picture does not enter into the vision of reality at all. It is based on theological interpretations and human selfishness; it is founded on the misery of mankind and on the failure of disciples and aspirants everywhere to grasp the true nature of love and the real vision of the hierarchical Plan.

Tôi nói với các bạn rằng một bức tranh như thế hoàn toàn không thuộc về tầm nhìn về thực tại. Nó dựa trên những diễn giải thần học và tính ích kỷ của con người; nó đặt nền trên nỗi khốn cùng của nhân loại và trên việc các đệ tử và người chí nguyện khắp nơi không nắm bắt được bản chất chân thật của tình thương và tầm nhìn đích thực về Thiên Cơ của Thánh đoàn.

91. DK states bluntly, that such a vision is no vision of reality.

91. Chân sư DK nói thẳng rằng một tầm nhìn như thế không phải là tầm nhìn về thực tại.

92. That vision has been created by theology and by "human selfishness". Indeed, it is very self-centered and self-gratifying. It fails to embrace the larger picture and the place

92. Thần học và "tính ích kỷ của con người" đã tạo ra tầm nhìn ấy. Quả thực, nó rất tập trung vào bản thân và nhằm thỏa mãn bản thân. Nó không bao quát được bức tranh

of humanity within that picture. It is simply a vision of that which brings *relief*—and *revenge*!

rộng lớn hơn và vị trí của nhân loại trong bức tranh ấy. Nó chỉ là một tầm nhìn về những gì đem lại *sự giải thoát khỏi khổ đau*—và *sự trả thù*!

93. The falsity of vision is not the fault of theology and selfishness alone, but of the blindness of aspirants and disciples. They do not know the real nature of love, and not seeing the "real vision of the hierarchical Plan" they have been unable to convey it to humanity, thus altering naïve expectation.

93. Sự sai lạc của tầm nhìn không chỉ do thần học và tính ích kỷ, mà còn do sự mù quáng của những người chí nguyện và đệ tử. Họ không biết bản chất thực sự của tình thương, và vì không thấy "tầm nhìn đích thực về Thiên Cơ của Thánh đoàn", họ đã không thể truyền đạt tầm nhìn ấy cho nhân loại để qua đó thay đổi những mong đợi ngây thơ.

It is the Fire of Love which He will bring; it is the message of the purificatory fire which He will sound; He will not teach anent the waters of purification, as has hitherto been the symbolic imparted truth; He will impart the fire which burns and destroys all barriers in man's nature, all separating walls between individuals, between groups and between nations. Are you prepared as individuals, as disciples and aspirants to submit yourselves to this fire?

Chính Lửa Tình Thương là điều Ngài sẽ mang đến; chính thông điệp về lửa thanh luyện là điều Ngài sẽ xướng lên; Ngài sẽ không giảng dạy về nước thanh tẩy như chân lý biểu tượng vẫn được truyền dạy cho đến nay; Ngài sẽ truyền lửa thiêu đốt và phá hủy mọi rào cản trong bản chất con người, mọi bức tường ngăn cách giữa các cá nhân, giữa các nhóm và giữa các quốc gia. Với tư cách cá nhân, đệ tử và người chí nguyện, các bạn đã sẵn sàng đặt mình dưới tác động của ngọn lửa này chưa?

94. As DK discussed the true Christ and the energy which He will actually bring (the Fire of Love) His words turn dramatic.

94. Khi Chân sư DK bàn về Đức Christ đích thực và năng lượng mà Ngài thực sự sẽ mang đến (Lửa Tình Thương), lời Ngài trở nên đầy kịch tính.

95. The process will not be sweet and benign, but fiery and challenging. He, the Christ, will bring *fire* rather than *water*, and the first thing to be destroyed will be all the separative barriers which exist within man and between individuals, groups and nations.

95. Tiến trình ấy sẽ không dịu ngọt và hiền hòa, mà rực lửa và đầy thử thách. Ngài, Đức Christ, sẽ mang đến *lửa* thay vì *nước*, và điều đầu tiên bị phá hủy sẽ là mọi rào cản chia rẽ tồn tại bên trong con người và giữa các cá nhân, các nhóm cùng các quốc gia.

96. People are much sheltered and comforted by their separatisms. It will be a

96. Con người tìm thấy nhiều sự che chở và an ủi trong những hình thức chia rẽ của

very great challenge for millions when these separatisms are destroyed. Once barriers are destroyed, an entirely heightened power to *respond* will be required, and many may feel overwhelmed when bereft of dearly held (though false) certainties.

mình. Khi những hình thức chia rẽ ấy bị phá hủy, đó sẽ là một thử thách vô cùng lớn đối với hàng triệu người. Một khi các rào cản bị phá hủy, con người sẽ cần một năng lực *đáp ứng* được nâng cao toàn diện, và nhiều người có thể cảm thấy choáng ngợp khi mất đi những điều chắc chắn mà họ hằng trân trọng (dù là sai lầm).

97. Not only the rank and file of human beings will be challenged, but all aspirants and disciples as well. The energy of the Christ is surely the most *challenging* energy to which we can, at this time, be exposed.

97. Không chỉ những người bình thường sẽ chịu thử thách, mà tất cả những người chí nguyện và đệ tử cũng vậy. Chắc chắn năng lượng của Đức Christ là năng lượng mang tính *thử thách* cao nhất mà chúng ta có thể tiếp xúc vào lúc này.

98. That is why Master DK, with deliberation asks us if we are prepared to submit ourselves to this fire. It would seem that the usual personality would cringe before it—so thorough and all-exacting will it be.

98. Đó là lý do Chân sư DK chủ ý hỏi liệu chúng ta đã sẵn sàng đặt mình dưới tác động của ngọn lửa này chưa. Dường như phàm ngã thông thường sẽ co rúm trước ngọn lửa ấy—vì nó sẽ triệt để và đòi hỏi toàn bộ con người đến như vậy.

99. We can see why the ordinary religious person has arranged for himself a much more comfortable vision of Christ's Second Coming. Such individuals would be psychologically terrified by the true prospects.

99. Chúng ta có thể thấy vì sao người theo tôn giáo bình thường lại tạo cho mình một tầm nhìn dễ chịu hơn nhiều về cuộc Tái Lâm của Đức Christ. Những người như thế sẽ kinh hãi về mặt tâm lý trước những triển vọng thực sự.

When a man becomes a chela in the Light, certain developments take place which enable him to see the vision more clearly and to know what he must do, for the Light ever reveals. These are:

Khi một người trở thành đệ tử trong Ánh sáng, một số sự phát triển diễn ra, giúp y thấy tầm nhìn rõ hơn và biết mình phải làm gì, vì Ánh sáng luôn mặc khải. Đó là:

100. To enter the stage of Chela in the Light signals a new engagement with the Light. Again, we find the energies of Taurus (the Mother of Illumination) and Sagittarius (the "Seeker") inferred.

100. Bước vào giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng báo hiệu một mối gắn kết mới với Ánh sáng. Một lần nữa, chúng ta thấy hàm ý về các năng lượng của Kim Ngưu (Mẹ của Sự Soi Sáng) và Nhân Mã ("Người Tìm Kiếm").

101. There will be a clearer vision both of

101. Sẽ có một tầm nhìn rõ ràng hơn về cả

microcosmic and macrocosmic actualities. The disciple will come to see himself as he really is, and the world as well. This revelation will be initially discomfiting.

102. Master DK catalogues the developments which will occur for the chela in the light.

1. The aspirant makes a transition in consciousness from the astral plane to the mental and, in effecting this, the senior helping chela gives definite aid and guidance.

103. We can gather that the stage of Little Chelaship has a close relation to the emotional plane, and certainly to the physical. The new chela in the Light is being helped to move from the emotional plane to the mental, but the transition will not be immediate.

104. We remember that the "senior helping chela" (though still subject to glamor and illusion) is helping from egoic levels (whereon he has, presumably, developed the ability to assist). The senior helper *may* be known personally to the chela in the Light whom he is helping, but the help, in most instances, probably comes anonymously.

105. In point one, the term "aspirant" is again used, suggesting that when thinking of those involved in the stage of Little Chelaship (the stage preceding Chela in the Light—when mental focus is enhanced) the term "aspirant" is an appropriate description of their nature. The term "aspirant" is also appropriate to chelas in the Light, but, increasingly as they progress, they are becoming disciples.

những thực tại tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa. Người đệ tử sẽ dần thấy chính mình đúng như mình thực sự là, và cũng thấy thế giới như vậy. Ban đầu, sự mặc khải này sẽ gây khó chịu.

102. Chân sư DK liệt kê những sự phát triển sẽ diễn ra đối với đệ tử trong Ánh sáng.

1. Người chí nguyện thực hiện một sự chuyển tiếp trong tâm thức từ cõi cảm dục sang cõi trí, và trong quá trình này, người đệ tử trợ giúp cao niên cung cấp sự hỗ trợ và hướng dẫn rõ ràng.

103. Chúng ta có thể suy ra rằng giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử có mối quan hệ mật thiết với cõi cảm xúc, và chắc chắn cả với cõi hồng trần. Người mới trở thành đệ tử trong Ánh sáng đang được giúp đỡ để chuyển từ cõi cảm xúc sang cõi trí, nhưng sự chuyển tiếp ấy sẽ không diễn ra tức thì.

104. Chúng ta nhớ rằng "người đệ tử trợ giúp cao niên" (dù vẫn còn chịu ảnh hưởng của ảo cảm và ảo tưởng) đang trợ giúp từ các cấp độ chân ngã (nơi có lẽ người ấy đã phát triển khả năng trợ giúp). Người trợ giúp cao niên ấy *có thể* là người mà đệ tử trong Ánh sáng đang được trợ giúp quen biết trực tiếp, nhưng trong phần lớn trường hợp, sự trợ giúp có lẽ đến một cách ẩn danh.

105. Ở điểm một, thuật ngữ "người chí nguyện" lại được sử dụng, gợi ý rằng khi nghĩ đến những người đang ở giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử (giai đoạn trước Đệ tử trong Ánh sáng—khi sự tập trung trí tuệ được tăng cường), thuật ngữ "người chí nguyện" là một cách mô tả thích hợp về bản chất của họ. Thuật ngữ "người chí nguyện" cũng thích hợp với các đệ tử trong Ánh sáng, nhưng càng tiến bộ, họ càng trở thành những đệ tử

thực sự.

106. When I think of the best way to categorize those found in the earlier phases of the Six Stages of Discipleship (and though aware of the many exceptions to the rule), I would say that the term *aspirant* can reasonably and meaningfully be applied to the little chela, *probationer* or *probationary disciple* to the chela in the Light and *disciple* to the accepted disciple. There are all kinds of overlaps in this set up, and no hard or fast categorization is possible. DK purposefully ensures that we do not form rigid categorizations of mind, as they would lead to separatism and judgmentalism.

106. Khi nghĩ về cách tốt nhất để phân loại những người ở các giai đoạn đầu trong Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử (và dù biết rằng có nhiều ngoại lệ đối với quy luật này), tôi cho rằng thuật ngữ *người chí nguyện* có thể được áp dụng một cách hợp lý và có ý nghĩa cho tiểu đệ tử, *người dự bị* hoặc *đệ tử dự bị* cho đệ tử trong Ánh sáng, và *đệ tử* cho đệ tử được chấp nhận. Có đủ loại chồng lấn trong cách sắp xếp này, và không thể phân loại một cách cứng nhắc hay cố định. Chân sư DK chủ ý bảo đảm rằng chúng ta không hình thành những cách phân loại cứng nhắc trong thể trí, vì chúng sẽ dẫn đến chủ nghĩa chia rẽ và thái độ phán xét.

107. In any case, during the phase of Chela in the Light, there is a definite movement from preoccupation with the astral plane to a greater understanding of the astral plane through increased mental activity. This fits well with the idea that the Chela in the Light is moving through the Atlantean phase of discipleship and must learn to tackle and subdue glamor.

107. Dù sao đi nữa, trong giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng, có một sự chuyển dịch rõ rệt từ việc mải mê với cõi cảm dục sang sự thấu hiểu sâu hơn về cõi cảm dục nhờ hoạt động trí tuệ gia tăng. Điều này rất phù hợp với ý tưởng rằng Đệ tử trong Ánh sáng đang đi qua giai đoạn Atlantis của địa vị đệ tử và phải học cách đối phó và chế ngự ảo cảm.

2. The aspirant learns to distinguish, eventually infallibly, between the pairs of opposites.

2. Người chí nguyện học cách phân biệt giữa các cặp đối cực, để cuối cùng không còn sai lầm.

108. This task is part of the curriculum which prepares for the second initiation. We can understand how the energies of Libra and Gemini would be useful.

108. Nhiệm vụ này là một phần trong chương trình huấn luyện chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai. Chúng ta có thể thấu hiểu các năng lượng của Thiên Bình và Song Tử sẽ hữu ích như thế nào.

109. The suggestion is that the first attempts to distinguish between these pairs of opposites are *not* infallible. Only later is there certainty.

109. Điều được gợi ý là những nỗ lực đầu tiên nhằm phân biệt giữa các cặp đối cực này *không* tránh khỏi sai lầm. Chỉ về sau mới có sự chắc chắn.

110. The main pair of opposites which comes to the chela's attention consists of soul and personality, of the solar and lunar lives. It takes a long time before the student of spirituality can readily distinguish between that which is of the soul and that which pertains to the more customary, personal self. It is amazing how many mistakes can be made.

110. Cặp đối cực chính thu hút sự chú ý của người đệ tử gồm linh hồn và phàm ngã, các sự sống thái dương và thái âm. Phải mất một thời gian dài, đạo sinh theo đuổi đời sống tinh thần mới có thể dễ dàng phân biệt giữa những gì thuộc về linh hồn và những gì thuộc về cái tôi cá nhân vốn quen thuộc hơn. Thật đáng kinh ngạc trước vô số sai lầm có thể mắc phải.

3. The aspirant becomes aware of glamour as something from which he must eventually free himself and aid in freeing the world.

3. Người chí nguyện nhận biết ảo cảm là điều mà cuối cùng y phải tự giải thoát khỏi đó và góp phần giải thoát thế giới khỏi đó.

111. The power of glamor persists because glamor remains undetected. Those subject to glamor think of it as reality, as the 'way things really are'.

111. Quyền lực của ảo cảm vẫn tồn tại vì ảo cảm chưa bị phát hiện. Những người chịu ảnh hưởng của ảo cảm xem nó là thực tại, là 'cách mọi sự thực sự đang là'.

112. It is only as the aspirant begins to suspect that there may be something amiss in relation to his habitual emotional (and thought-feeling) reactions, that some objectivity on the world of glamor can enter the consciousness.

112. Chỉ khi người chí nguyện bắt đầu nghi ngờ rằng có lẽ có điều gì đó không ổn trong những phản ứng cảm xúc (và tư tưởng–cảm xúc) quen thuộc của mình, thì một mức độ khách quan nào đó đối với thế giới ảo cảm mới có thể đi vào tâm thức.

113. It takes such a long time to realize that glamor even exists! Once it is detected and seen for what it is, something can be done about it.

113. Phải mất một thời gian rất dài mới nhận ra rằng ảo cảm quả có tồn tại! Một khi đã phát hiện và thấy đúng bản chất của nó, chúng ta có thể làm điều gì đó để xử lý nó.

114. The implication is also clear that unless the aspirant can free himself from glamor, he simply remains part of the problem and will be ineffective in helping with the deglamorization of the wider sphere (the greater consciousness of humanity).

114. Hàm ý cũng rõ ràng rằng trừ khi người chí nguyện có thể tự giải thoát khỏi ảo cảm, y vẫn chỉ là một phần của vấn đề và sẽ không thể trợ giúp hiệu quả trong việc loại trừ ảo cảm khỏi phạm vi rộng lớn hơn (tâm thức rộng lớn hơn của nhân loại).

These three stages have been dealt with in a Book of Rules for disciples on the probationary path. The rule can be roughly translated into modern English as follows:

Ba giai đoạn này đã được bàn đến trong một Sách Quy Luật dành cho các đệ tử trên con đường dự bị. Có thể dịch đại ý quy luật ấy sang tiếng Anh hiện đại như sau:

115. DK has at His access an amazing 'library'. One day we shall know the origin of these books and manuals which He so often quotes.

115. Chân sư DK có thể tiếp cận một 'thư viện' đáng kinh ngạc. Một ngày kia, chúng ta sẽ biết nguồn gốc của những cuốn sách và cẩm nang mà Ngài thường xuyên trích dẫn.

116. We do see this—that the "way through" always exists, and that great souls have shared their experiences of the Path in written form for the guidance of those who would follow them. Bewildered man is never left entirely to his own devices; help is always near.

116. Chúng ta quả thực thấy điều này—rằng "con đường vượt qua" luôn tồn tại, và các linh hồn vĩ đại đã chia sẻ bằng văn bản những trải nghiệm của mình trên Đường Đạo để hướng dẫn những người sẽ theo sau. Con người hoang mang không bao giờ bị bỏ mặc hoàn toàn để tự xoay xở; sự trợ giúp luôn ở gần.

"The one upon the Way leaps forward, leaving the world of fluid life. He makes the great transition and leaves the watery way behind. He walks upon the water and is [723] not submerged therein. A chela with a light leads him by the hand from light into a greater Light.

"Người trên Đường Đạo nhảy vọt về phía trước, rời bỏ thế giới của sự sống lưu chất. Y thực hiện cuộc chuyển tiếp lớn lao và bỏ lại con đường nước phía sau. Y bước đi trên mặt nước và [723] không chìm trong đó. Một đệ tử mang ánh sáng nắm tay dẫn y từ ánh sáng vào một Ánh Sáng lớn lao hơn.

117. From what has been said above, we can see that this stanza from the *Old Commentary* is discussing the life of the Chela in the Light.

117. Từ những điều đã nói ở trên, chúng ta có thể thấy rằng bài kệ này trong *Cổ Luận* đang bàn về đời sống của Đệ tử trong Ánh sáng.

118. The "leap" made from the "world of fluid life" (the astral plane) is performed on the wings of aspiration. There is not yet enough mentality for a clear, cold decision.

118. "Bước nhảy" ra khỏi "thế giới của sự sống lưu chất" (cõi cảm dục) được thực hiện trên đôi cánh của khát vọng. Trí tuệ vẫn chưa đủ phát triển để đưa ra một quyết định sáng rõ, lạnh lùng.

119. That "leap" is here called the "great transition". Perhaps we should pause to consider why a movement of consciousness from the astral to the mental plane should be called "*the* great transition". It *does* represent movement from irrationality to rationality.

119. "Bước nhảy" ấy ở đây được gọi là "cuộc chuyển tiếp lớn lao". Có lẽ chúng ta nên dừng lại để xem xét vì sao một sự chuyển dịch tâm thức từ cõi cảm dục sang cõi trí lại được gọi là "*chính* cuộc chuyển tiếp lớn lao". Điều ấy *quả thực* biểu thị sự chuyển dịch từ phi lý trí sang lý trí.

120. Christ walked upon the water not just to demonstrate a miracle, but to empower

120. Đức Christ bước đi trên mặt nước không chỉ để biểu diễn một phép lạ, mà còn để trao

His students to do likewise. He who can walk upon the water has placed the astral plane "under foot". This is a symbol of mastery.

năng lực cho các môn sinh của Ngài làm điều tương tự. Người có thể bước đi trên mặt nước đã đặt cõi cảm dục "dưới chân". Đây là biểu tượng của sự làm chủ.

121. The "chela with a light" mentioned above is the senior guiding disciple. That "light" is the light of a greater understanding than will be possible for the one who has just entered the phase of Chela in the Light. The "greater Light" is, at this stage, the *light of the soul*, with which the guiding chela is very familiar, and the guided chela in the Light far less so.

121. Người "đệ tử mang ánh sáng" được nhắc đến ở trên là đệ tử cao niên đảm nhiệm việc hướng dẫn. Nguồn "ánh sáng" ấy là ánh sáng của một sự thấu hiểu lớn lao hơn mức mà người vừa bước vào giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng có thể đạt tới. Nguồn "Ánh sáng lớn lao hơn" ấy, ở giai đoạn này, là *ánh sáng của linh hồn*, vốn rất quen thuộc với đệ tử hướng dẫn, còn đệ tử trong Ánh sáng đang được hướng dẫn thì ít quen thuộc hơn nhiều.

122. The new chela in the Light does not yet *see,* and thus must be led by the hand. The guiding chela must utilize the sense of touch to guide the aspirant in his charge, for the sense of touch precedes the sense of sight. Simply to indicate the way *visually* is not enough.

122. Người đệ tử mới trong Ánh sáng chưa *thấy,* nên cần có người cầm tay dẫn dắt. Đệ tử hướng dẫn phải vận dụng xúc giác để hướng dẫn người chí nguyện mà mình phụ trách, vì xúc giác có trước thị giác. Chỉ chỉ đường *bằng thị giác* thì chưa đủ.

"This is a Transition upon the lesser way, preparing for a higher.

"Đây là một sự Chuyển tiếp trên con đường thấp hơn, chuẩn bị cho một con đường cao hơn.

123. The implication here is that one must leave the "watery way" behind if there is to be any hope of treading a higher way leading to the soul and its life upon the higher mental plane.

123. Hàm ý ở đây là người ta phải bỏ lại "con đường nước" phía sau nếu muốn có chút hy vọng bước trên một con đường cao hơn, dẫn đến linh hồn và đời sống của linh hồn trên Cõi thượng trí.

"The one upon the Way becomes aware of this and that. The poles appear. The two attract his daily life, first one and then the other; betwixt the two he moves. A transformation must be wrought; the two become as one. A step towards unity takes place. Between the two he forward steps. A chela in the Light throws light on either side and thus the little one can walk.

"Người trên Đường Đạo trở nên nhận biết điều này và điều kia. Các cực xuất hiện. Cả hai thu hút đời sống hằng ngày của y, trước là cực này rồi đến cực kia; y di chuyển giữa hai cực. Một sự chuyển đổi phải diễn ra; hai trở thành một. Một bước tiến tới hợp nhất được thực hiện. Y bước tới giữa hai cực. Một đệ tử trong Ánh sáng chiếu sáng cả hai bên, nhờ đó người nhỏ bé có thể bước đi.

124. Here we are discussing the second achievement of the chela in the Light—learning to distinguish between the pairs of opposites ("this and that").

124. Ở đây chúng ta đang bàn về thành tựu thứ hai của đệ tử trong Ánh sáng—học cách phân biệt các cặp đối cực ("điều này và điều kia").

125. The appearance of the "poles" means that the distinction between high and low, between good and evil, between light and dark, etc. , becomes meaningful.

125. Sự xuất hiện của các "cực" hàm ý rằng sự phân biệt giữa cao và thấp, giữa thiện và ác, giữa sáng và tối, v.v. , trở nên có ý nghĩa.

126. We can see that the aspirant or probationer is torn between the pairs of opposites—attracted now to one and, then, to the other. The life is unsettled. He is the "wretched aspirant" until a greater degree of mental balance supervenes.

126. Chúng ta có thể thấy rằng người chí nguyện hay người dự bị bị giằng xé giữa các cặp đối cực—lúc bị thu hút về cực này, rồi lại về cực kia. Đời sống bất ổn. Y là "người chí nguyện khốn khổ" cho đến khi đạt được mức độ quân bình trí tuệ cao hơn.

127. He must learn to walk between the pairs; he must recognize a middle way; he must recognize *that* which is neither of the pairs of opposites but includes them both.

127. Y phải học cách bước đi giữa các cặp đối cực; y phải nhận ra một con đường trung đạo; y phải nhận ra *điều* không thuộc về bên nào trong cặp đối cực nhưng bao gồm cả hai.

128. He no longer runs to extremes, and begins to understand that in the state of unity, the opposites meet.

128. Y không còn chạy theo những cực đoan, và bắt đầu thấu hiểu rằng trong trạng thái hợp nhất, các đối cực gặp nhau.

129. The guiding chela in the Light (one who has achieved what this second stage of discipleship is to reveal, and probably quite a bit more) illuminates the nature of the opposites, and the danger of choosing only one or the other. Thus, the guiding chela facilitates for the *new* chela in the Light the ability to step between the two.

129. Đệ tử hướng dẫn trong Ánh sáng (người đã đạt được điều mà giai đoạn thứ hai này của địa vị đệ tử sẽ mặc khải, và có lẽ còn nhiều hơn thế) soi sáng bản chất của các đối cực và mối nguy của việc chỉ chọn một bên này hay bên kia. Nhờ vậy, đệ tử hướng dẫn giúp người đệ tử *mới* trong Ánh sáng có khả năng bước đi giữa hai cực.

130. The new chela in the Light is a "little one". Sometimes initiates of the first degree are called "Babes in Christ". Those in the next degree are called "Little Children". The term "little one", as used here, seems to suggest a relationship to "Little Chelaship". The one being guided is just emerging from that stage and is *new* to the stage of Chela in

130. Người đệ tử mới trong Ánh sáng là một "người nhỏ bé". Đôi khi các điểm đạo đồ bậc một được gọi là "Những Trẻ Sơ Sinh trong Đức Christ". Những người ở bậc kế tiếp được gọi là "Những Trẻ Nhỏ". Thuật ngữ "người nhỏ bé", như được dùng ở đây, dường như gợi ra một mối liên hệ với "Địa vị tiểu đệ tử". Người đang được hướng dẫn chỉ vừa ra khỏi

the Light.

giai đoạn ấy và còn *mới mẻ* với giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng.

"This is a Transformation upon the dual way, leading into the Way.

"Đây là một sự Chuyển đổi trên con đường kép, dẫn vào Đường Đạo.

131. In the previous *Old Commentary* stanza, we had the term "Transition", a term applying to the movement from the "watery way" to the higher life of the mind. "Transition" can be related to the term "Transmutation", which usually precedes the stage "Transformation".

131. Trong bài kệ *Cổ Luận* trước đó, chúng ta đã gặp thuật ngữ "Chuyển tiếp", một thuật ngữ áp dụng cho sự chuyển dịch từ "con đường nước" đến đời sống cao hơn của thể trí. "Chuyển tiếp" có thể liên hệ với thuật ngữ "Chuyển hoá", thường đi trước giai đoạn "Chuyển đổi".

132. In the second stanza, we find the term "Transformation", a term applying closely to the emotional sphere.

132. Trong bài kệ thứ hai, chúng ta thấy thuật ngữ "Chuyển đổi", một thuật ngữ gắn chặt với lĩnh vực cảm xúc.

133. The struggle with the pairs of opposites is fought mostly upon the emotional plane (though of course the mind becomes strongly involved eventually). We remember that the stage of Chela in the Light is the *Atlantean* stage of discipleship. The Atlantean Civilization was, we are told, largely *emotional.*

133. Cuộc đấu tranh với các cặp đối cực diễn ra chủ yếu trên cõi cảm xúc (dù dĩ nhiên cuối cùng thể trí cũng tham gia mạnh mẽ). Chúng ta nhớ rằng giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng là giai đoạn *Atlantis* của địa vị đệ tử. Theo những gì chúng ta được biết, nền Văn Minh Atlantis phần lớn mang tính *cảm xúc.*

134. The struggle with the opposites cannot be resolved upon the plane of emotion. Some mental perspective must be added. One must rise above the battle ground.

134. Không thể giải quyết cuộc đấu tranh với các đối cực trên cõi cảm xúc. Cần bổ sung một góc nhìn trí tuệ nào đó. Người ta phải vươn lên trên chiến trường.

135. The two (the opposites) are resolved into one with the help of increasing mental poise. The "dual way" becomes the "Way" (on which the necessity for the opposites is understood, and on which these opposites are reconciled into a unity).

135. Hai cực (các đối cực) được dung giải thành một nhờ sự quân bình trí tuệ ngày càng tăng. Con "đường kép" trở thành "Đường Đạo" (trên đó người ta thấu hiểu sự cần thiết của các đối cực, và trên đó các đối cực này được dung hoà thành một sự hợp nhất).

136. In the stage of Chela in the Light, the probationary disciple learns the meaning of *balance* (Libra) and can tread the Way with

136. Trong giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng, đệ tử dự bị học ý nghĩa của sự *quân bình* (Thiên Bình) và có thể bước trên Đường Đạo

less disturbance and distress. Steadiness and stability begin to characterize his tread.

với ít xáo trộn và khổ não hơn. Bước chân của y bắt đầu mang tính vững vàng và ổn định.

"The one upon the Way gazes around and sees life as through a haze. The fogs and mists of glamour rest upon the valleys and the hills of life and these he must dispel. He must transmute them through the burning rays of radiant light. A chela in the light directs the burning, fiery light which dissipates the enervating fog.

"Người trên Đường Đạo nhìn quanh và thấy đời sống như qua một màn sương mờ. Những màn sương mù và sương khói của ảo cảm phủ lên các thung lũng và đồi cao của đời sống, và y phải xua tan chúng. Y phải chuyển hoá chúng bằng những tia sáng nóng bỏng của ánh sáng rạng ngời. Một đệ tử trong ánh sáng định hướng nguồn ánh sáng rực lửa, nóng bỏng, làm tiêu tan màn sương mù gây suy kiệt.

137. This is the third stanza of this selection from the *Old Commentary*. Now that the terrible fluctuations have subsided, the "one upon the Way" can begin to *see*. He *sees* that fogs and mists prevent his clear perception. Heretofore, he has *not noticed* the fogs and mists. Now he does.

137. Đây là bài kệ thứ ba trong phần tuyển trích này từ *Cổ Luận*. Giờ đây, khi những dao động khủng khiếp đã lắng xuống, "người trên Đường Đạo" có thể bắt đầu *thấy*. Y *thấy* rằng những màn sương mù và sương khói ngăn cản sự nhận thức sáng rõ của mình. Trước đây, y *chưa nhận thấy* những màn sương mù và sương khói ấy. Giờ đây y nhận thấy chúng.

138. The more experienced chela in the Light (the guiding disciple) directs the process by which the fogs and mists of glamor are burned away (i. e. , transmuted), just as earlier he (the supervising one) led the new (and quite blind) chela in the Light by the hand.

138. Đệ tử trong Ánh sáng có nhiều kinh nghiệm hơn (đệ tử hướng dẫn) chỉ đạo tiến trình thiêu tan những màn sương mù và sương khói của ảo cảm (nghĩa là chuyển hoá chúng), cũng như trước đó y (người giám sát) đã cầm tay dẫn dắt người đệ tử mới (và khá mù quáng) trong Ánh sáng.

139. We note in this stanza the use of the word "transmute". Much psychological energy is tied up in these fogs and mists. It must be released for better use through the process of transmutation, which is, essentially, a process by means of which the quality of energy is *unbound* from previous patterns and *elevated.*

139. Chúng ta lưu ý việc sử dụng từ "chuyển hoá" trong bài kệ này. Nhiều năng lượng tâm lý bị giam giữ trong những màn sương mù và sương khói ấy. Năng lượng ấy phải được giải phóng để sử dụng tốt hơn thông qua tiến trình chuyển hoá, mà về bản chất là một tiến trình qua đó phẩm tính của năng lượng được *giải thoát* khỏi những mô hình trước đó và được *nâng cao.*

140. Perhaps, we are talking about a phase of psychological growth and, even, psychological therapy, undertaken for purposes of achieving greater psychological freedom and health. We are discussing a process of "clearing" leading to clearer and truer perception. Many of us are familiar with such processes, so popular during the past half century in psychological circles.

140. Có lẽ chúng ta đang nói về một giai đoạn phát triển tâm lý, và thậm chí cả trị liệu tâm lý, được thực hiện nhằm đạt tới sự tự do và sức khoẻ tâm lý lớn hơn. Chúng ta đang bàn về một tiến trình "dọn sạch" dẫn đến sự nhận thức sáng rõ và chân thực hơn. Nhiều người trong chúng ta quen thuộc với những tiến trình như thế, vốn rất phổ biến trong giới tâm lý học suốt nửa thế kỷ qua.

141. We are learning that that a chela in the Light must learn to *see the Light.* The process of dissipating glamor is necessary if this is to occur.

141. Chúng ta đang biết được rằng một đệ tử trong Ánh sáng phải học cách *thấy Ánh sáng.* Để điều này xảy ra, tiến trình làm tiêu tan ảo cảm là cần thiết.

142. We note, as well, that the "fog" of glamor is an "enervating fog". This is an important concept. What is said is that glamor robs us of energy. Glamor is vampiristic, draining off energy which should be used for good purposes. Glamor is devitalizing. With this fact we probably have some experience.

142. Chúng ta cũng lưu ý rằng "sương mù" của ảo cảm là một "màn sương mù gây suy kiệt". Đây là một khái niệm quan trọng. Điều được nói ở đây là ảo cảm cướp đi năng lượng của chúng ta. Ảo cảm mang tính hút sinh lực, rút cạn năng lượng lẽ ra phải được dùng vào những mục đích tốt đẹp. Ảo cảm làm suy giảm sinh lực. Có lẽ chúng ta đã ít nhiều trải nghiệm thực tế này.

"This is the Transmutation. These fires release the hidden light and blend it with the greater. "

"Đây là sự Chuyển hoá. Những ngọn lửa này giải phóng ánh sáng ẩn giấu và hoà nó với ánh sáng lớn lao hơn. "

143. The term "Transmutation" sums up this third phase described in the *Old Commentary.* Usually the sequence is Transmutation-Transformation-Transfiguration. Here, Transformation *precedes* Transmutation.

143. Thuật ngữ "Chuyển hoá" tóm lược giai đoạn thứ ba này được mô tả trong *Cổ Luận.* Thông thường, trình tự là Chuyển hoá-Chuyển đổi-Biến hình. Ở đây, Chuyển đổi *đi trước* Chuyển hoá.

144. We learn that glamor has captured the light. It is hidden and rendered ineffective.

144. Chúng ta biết được rằng ảo cảm đã giam giữ ánh sáng. Ánh sáng ấy bị che giấu và trở nên vô hiệu.

145. The transmuting fires "release the hidden light", and this release empowers the probationary disciple. That light, once

145. Những ngọn lửa chuyển hoá "giải phóng ánh sáng ẩn giấu", và sự giải phóng này tăng thêm sức mạnh cho đệ tử dự bị. Một

released, finds its source—the "Light of the Soul".

146. The chela in the Light finds the greater Light of the Soul and his life is increasingly illumined by that Light.

147. He is revealed to himself, and, as well, an increasing measure of the Divine Plan is revealed.

It is, therefore, under the guidance of a chela who is far more advanced than the chela in the Light (though not yet adept) that the first lessons in these three processes are learned. Whilst this is going on, the aspirant remains unaware of the Master's interest in him. The Master is receiving regular reports (based on certain charts) from the senior disciple who has the neophyte in charge. It is in this way that many hierarchical relationships are established. When they are once established—through work in the Ashram of a Master and not focussed upon the physical plane—they are persistent and constitute one of the factors which produce:

148. We are speaking of three processes prominent in the life of a chela in the Light:

1. Moving from the astral plane to the mental

2. Recognizing and understanding the pairs of opposites

3. Recognizing and dealing with glamor

149. Only the "first lessons" in relation to these three processes are learned under the

khi được giải phóng, ánh sáng ấy tìm thấy cội nguồn của mình—"Ánh sáng của Linh hồn".

146. Đệ tử trong Ánh sáng tìm thấy Ánh sáng lớn lao hơn của Linh hồn, và Ánh sáng ấy ngày càng soi sáng đời sống của y.

147. Y được mặc khải cho chính mình, đồng thời Thiên Cơ cũng được mặc khải ngày càng nhiều hơn.

Do đó, chính dưới sự hướng dẫn của một đệ tử tiến xa hơn nhiều so với đệ tử trong Ánh sáng (dù chưa phải là chân sư) mà người ta học được những bài học đầu tiên về ba tiến trình này. Trong khi điều này diễn ra, người chí nguyện vẫn không biết rằng Chân sư quan tâm đến mình. Chân sư đều đặn nhận được các báo cáo (dựa trên một số biểu đồ) từ đệ tử cao niên đang phụ trách người sơ cơ. Chính bằng cách này mà nhiều mối quan hệ trong Thánh đoàn được thiết lập. Một khi được thiết lập—thông qua công việc trong Ashram của một Chân sư và không tập trung trên cõi hồng trần—những mối quan hệ ấy sẽ bền vững và tạo thành một trong những yếu tố làm nên:

148. Chúng ta đang nói về ba tiến trình nổi bật trong đời sống của một đệ tử trong Ánh sáng:

1. Chuyển từ cõi cảm dục lên cõi trí

2. Nhận biết và thấu hiểu các cặp đối cực

3. Nhận biết và xử lý ảo cảm

149. Chỉ có "những bài học đầu tiên" liên quan đến ba tiến trình này là được học dưới

guidance of the guiding chela. There are apparently many other and higher lessons which must be mastered later.

150. We notice an apparent discrepancy. How *advanced* is the lighted chela who guides the chela in the Light? Earlier, the text said that such a guiding chela was still subject to glamor, but more advanced than the chela to be guided. Here, however, the text tells us that the guiding chela is "far more advanced that the chela in the Light".

Compare what is said in the Tibetan's paragraph immediately above with:

"The chela is, therefore, at this stage guarded and guided by someone who is still subject to glamour, but is, at the same time, aware of the ephemeral nature of the astral plane. " (DINA I 719)

This does not sound like a chela who is "far more advanced than the chela in the Light".

151. Probably, for every chela in the Light, there are a *number* of guiding chelas with different spheres of responsibility. The chela guiding from egoic levels is probably the most advanced, and in fact, would be, it seems, "far more advanced". Regardless of how many other guides there may be, the chela guiding from egoic levels is the *principal guide.*

152. An "Adept" is an initiate of the fifth degree; sometimes the term may apply to initiates of the fourth degree. The suggestion here is that the chela in the Light may be guided by an initiate who is not yet "adept"—i. e. , who is not yet a fourth degree

sự chỉ dẫn của đệ tử hướng dẫn. Hiển nhiên còn nhiều bài học khác cao hơn mà người ta phải nắm vững về sau.

150. Chúng ta nhận thấy một điểm dường như không nhất quán. Người đệ tử được soi sáng đảm nhiệm việc hướng dẫn đệ tử trong Ánh sáng đã *tiến xa* đến mức nào? Trước đó, văn bản nói rằng một đệ tử hướng dẫn như thế vẫn còn chịu tác động của ảo cảm, nhưng đã tiến xa hơn đệ tử cần được hướng dẫn. Tuy nhiên, ở đây văn bản cho chúng ta biết rằng đệ tử hướng dẫn "tiến xa hơn nhiều so với đệ tử trong Ánh sáng".

Hãy so sánh những điều được nói trong đoạn văn ngay trên của Chân sư Tây Tạng với:

"Do đó, ở giai đoạn này, đệ tử được một người vẫn còn chịu tác động của ảo cảm bảo vệ và hướng dẫn, nhưng đồng thời người ấy nhận biết bản chất phù du của cõi cảm dục. " (DINA I 719)

Điều này nghe không giống một đệ tử "tiến xa hơn nhiều so với đệ tử trong Ánh sáng".

151. Có lẽ, với mỗi đệ tử trong Ánh sáng, có *một số* đệ tử hướng dẫn với những phạm vi trách nhiệm khác nhau. Có lẽ đệ tử hướng dẫn từ các cấp độ chân ngã là người tiến xa nhất, và trên thực tế, dường như sẽ là người "tiến xa hơn nhiều". Bất kể có bao nhiêu người hướng dẫn khác, đệ tử hướng dẫn từ các cấp độ chân ngã vẫn là *người hướng dẫn chính.*

152. Một "chân sư" là một điểm đạo đồ bậc năm; đôi khi thuật ngữ này có thể áp dụng cho các điểm đạo đồ bậc bốn. Hàm ý ở đây là đệ tử trong Ánh sáng có thể được một điểm đạo đồ chưa phải là "chân sư" hướng dẫn—nghĩa là người ấy chưa phải là điểm đạo đồ

initiate and certainly not a Master. The guiding chela, therefore, could be an initiate of the third degree, who would certainly be familiar with the Light, and would be capable of work from egoic levels, and capable, as well, of reporting to the Master on the process of the chela under supervision.

bậc bốn và chắc chắn chưa phải là một Chân sư. Do đó, đệ tử hướng dẫn có thể là một điểm đạo đồ bậc ba, người chắc chắn quen thuộc với Ánh sáng, có khả năng làm việc từ các cấp độ chân ngã, đồng thời có khả năng báo cáo với Chân sư về tiến trình của đệ tử đang được giám sát.

153. The Master is interested in the one who has reached the stage of Chela in the Light, but the chela in the Light does not realize this. A senior disciple reports to the Master concerning the process of the chela who has entered this stage. This suggests that the reporting chela must be reasonably advanced and have access to the Master in order to make such reports. This would suggest that the true inner guiding chela of a chela in the Light is at least a "Chela within the Aura" (one who has the right to set up an interview with the Master).

153. Chân sư quan tâm đến người đã đạt tới giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng, nhưng đệ tử trong Ánh sáng không nhận ra điều này. Một đệ tử cao niên báo cáo với Chân sư về tiến trình của đệ tử đã bước vào giai đoạn này. Điều này gợi ý rằng đệ tử báo cáo phải tiến xa ở mức đáng kể và có khả năng tiếp cận Chân sư để thực hiện những báo cáo như thế. Điều này gợi ý rằng người đệ tử hướng dẫn thực sự ở bên trong của một đệ tử trong Ánh sáng ít nhất phải là một "Đệ tử trong hào quang" (người có quyền thu xếp một cuộc diện kiến với Chân sư).

154. We note that the chela in the Light in relation to whom reports are being made is considered a "neophyte". Could a little chela be considered a neophyte? Probably there is not enough serious work and application to warrant the application of this term.

154. Chúng ta lưu ý rằng đệ tử trong Ánh sáng mà các báo cáo đang đề cập được xem là một "người sơ cơ". Một tiểu đệ tử có thể được xem là người sơ cơ không? Có lẽ chưa có đủ sự nỗ lực và vận dụng nghiêm túc để có cơ sở áp dụng thuật ngữ này.

155. DK is speaking of the establishment of inner relationship—established within the Ashram and not upon the physical plane. A chela in the Light *may* be associated with a guiding disciple or disciples upon the outer plane, but the inner guiding disciple, it seems, may not be known or recognized by the chela in the Light under his guidance. That guiding disciple may not even be in incarnation—so it would seem.

155. Chân sư DK đang nói về việc thiết lập mối quan hệ bên trong—được thiết lập trong Ashram chứ không phải trên cõi hồng trần. Một đệ tử trong Ánh sáng *có thể* có liên hệ với một hay nhiều đệ tử hướng dẫn trên cõi bên ngoài, nhưng dường như đệ tử trong Ánh sáng có thể không biết hoặc không nhận ra người đệ tử hướng dẫn bên trong đang dẫn dắt mình. Người đệ tử hướng dẫn ấy thậm chí có thể không đang lâm phàm—dường như là như vậy.

156. Important hierarchical relationships

156. Những mối quan hệ quan trọng trong

are formed by means of this process of supervision. Probably many of us have been under supervision. Do we know our supervisors? Whether or not we do at this time, we will later.

Thánh đoàn hình thành thông qua tiến trình giám sát này. Có lẽ nhiều người trong chúng ta đã được giám sát. Chúng ta có biết những người giám sát mình không? Dù hiện nay có biết hay không, về sau chúng ta sẽ biết.

1. Hierarchical integrity.

1. Tính toàn vẹn của Thánh đoàn.

2. Eventual close relationship between humanity and the Hierarchy.

2. Mối quan hệ mật thiết sau cùng giữa nhân loại và Thánh đoàn.

157. Integrous relationships between members of the Ashram and those who are closer to humanity are formed through these supervisory relationships. Thus, the integrity of the whole is strengthened. Firm bonds unite the outer chela to the inner chela and thus to the Ashram.

157. Những mối quan hệ gắn kết giữa các thành viên của Ashram và những người gần gũi với nhân loại hơn hình thành thông qua các mối quan hệ giám sát này. Nhờ vậy, tính toàn vẹn của toàn thể được củng cố. Những mối dây vững chắc nối kết đệ tử bên ngoài với đệ tử bên trong, và qua đó với Ashram.

158. What occurs in relation to an Ashram will one day occur on a much larger scale, and thus there will come to exist a firmly integrated stated between Hierarchy and humanity (under the supervision of Hierarchy).

158. Điều diễn ra trong mối liên hệ với một Ashram một ngày kia sẽ diễn ra trên quy mô lớn hơn nhiều, và nhờ đó sẽ xuất hiện một trạng thái tích hợp vững chắc giữa Thánh đoàn và nhân loại (dưới sự giám sát của Thánh đoàn).

At this time, there is a great increase in the number of people who are being thus related and the senior disciples of all the Masters Who take chelas are exceedingly busy with the training [724] of aspirants, as well as with the work entailed by the gravity of the world crisis. The aspirants thus trained are in reality the nucleus of the future world servers, and are consequently of real importance. The task of those thus engaged falls into three categories; as the senior disciples and initiates are thus occupied, they are themselves learning much. These three categories of work are:

Hiện nay, số người được liên kết theo cách này đang tăng mạnh, và các đệ tử cao niên của tất cả các Chân sư có nhận đệ tử đều vô cùng bận rộn với việc huấn luyện [724] những người chí nguyện, cũng như với công việc mà tính nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng thế giới đòi hỏi. Những người chí nguyện được huấn luyện như thế thực sự là hạt nhân của những Người Phụng Sự Thế Gian trong tương lai, và do đó thực sự có tầm quan trọng. Nhiệm vụ của những người đảm nhận công việc như thế chia thành ba loại; trong khi bận rộn với những công việc ấy, chính các đệ tử cao niên và điểm đạo đồ cũng đang học hỏi nhiều điều. Ba loại công việc này là:

159. So, junior disciples are being related to senior disciples in large numbers; the relating is partially subtle but also is occurring upon the physical plane noticeably.

159. Như vậy, một số lượng lớn đệ tử sơ cấp đang được kết nối với các đệ tử cao niên; sự kết nối này một phần diễn ra ở cấp độ vi tế, nhưng cũng đang diễn ra rõ rệt trên cõi hồng trần.

160. We should note that not all Masters take chelas; however, the senior disciples of those who *do* take chelas are extremely busy training aspirants, thus lightening the load of their Masters.

160. Chúng ta nên lưu ý rằng không phải tất cả các Chân sư đều nhận đệ tử; tuy nhiên, các đệ tử cao niên của những Chân sư *có* nhận đệ tử đang vô cùng bận rộn huấn luyện những người chí nguyện, qua đó làm nhẹ gánh nặng cho các Chân sư của mình.

161. The world crisis of which the Tibetan speaks is far from over; the world situation at this time (2004) is grave indeed, and the senior disciples of the Masters are burdened in meeting human need—though their burden is small compared to that of the Masters.

161. Cuộc khủng hoảng thế giới mà Chân sư Tây Tạng nói tới còn lâu mới kết thúc; tình hình thế giới vào thời điểm này (2004) quả thực nghiêm trọng, và các đệ tử cao niên của các Chân sư đang mang gánh nặng đáp ứng nhu cầu của nhân loại—dù gánh nặng của họ nhỏ bé so với gánh nặng của các Chân sư.

162. Let us pause to realize that the training of aspirants is an important matter; the ranks of the world servers must be dramatically increased, and by means of trained aspirants, the ranks swell.

162. Chúng ta hãy dừng lại để nhận ra rằng việc huấn luyện những người chí nguyện là một việc quan trọng; hàng ngũ những Người Phụng Sự Thế Gian phải gia tăng mạnh mẽ, và nhờ những người chí nguyện đã qua huấn luyện, hàng ngũ ấy sẽ lớn mạnh.

163. The training falls to the hands of senior disciples and initiates. A disciple who has passed the second degree but has not yet achieved the third is considered a “senior disciple”. The term “initiate” applies most often to those who have passed the third degree.

163. Việc huấn luyện thuộc trách nhiệm của các đệ tử cao niên và điểm đạo đồ. Một đệ tử đã vượt qua bậc hai nhưng chưa đạt tới bậc ba được xem là một “đệ tử cao niên”. Thuật ngữ “điểm đạo đồ” thường được áp dụng nhất cho những người đã vượt qua bậc ba.

164. Three categories of work are now described. These are types of work which the guiding disciple (who facilitates the world of the chela in the Light) must undertake.

164. Giờ đây ba loại công việc được mô tả. Đây là những loại công việc mà đệ tử hướng dẫn (người tạo thuận lợi cho thế giới của đệ tử trong Ánh sáng) phải đảm nhận.

1. The establishing of magnetic influence.

1. Thiết lập ảnh hưởng từ tính.

2. The setting-up of telepathic rapport.

3. The making of basic karmic readjustments.

165. With these three categories of work, three rays are suggested. The establishing of magnetic influence is related to the second ray. The setting-up of telepathic rapport, to the first. The making of basic karmic readjustments to the third.

166. We should remember that the guiding disciple works in large measure from egoic levels and thus the qualities of the three subplanes of the higher mental plane and the three siddhis associated with those subplanes will be of importance.

167. Interestingly, those disciples who found their way into the Tibetans Group of Telepathic Servers (Group IX. 1) generally had much of the first ray in their equipment. The siddhi found upon the first subplane of the higher mental plane is called "spiritual telepathy".

168. Magnetism is the quality demonstrated on the second subplane of the higher mental plane, and the siddhi there found is "response to group vibration", which, of course, can only occur within the magnetism of the soul.

169. Following this design, we would correlate "spiritual discernment", the third siddhi demonstrated on the higher mental plane (and related to the third ray and the third subplane) with karma and karmic readjustments—remembering that the web of karma has everything to do with the third ray, and especially with the sign Libra,

2. Thiết lập sự giao cảm viễn cảm.

3. Thực hiện những tái điều chỉnh nghiệp quả căn bản.

165. Ba loại công việc này gợi đến ba cung. Việc thiết lập ảnh hưởng từ tính liên quan đến cung hai. Việc thiết lập sự giao cảm viễn cảm liên quan đến cung một. Việc thực hiện những tái điều chỉnh nghiệp quả căn bản liên quan đến cung ba.

166. Chúng ta nên nhớ rằng đệ tử hướng dẫn làm việc phần lớn từ các cấp độ chân ngã, vì vậy phẩm tính của ba cõi phụ thuộc Cõi thượng trí và ba quyền năng gắn với các cõi phụ ấy sẽ có tầm quan trọng.

167. Điều thú vị là những đệ tử đã tìm được đường gia nhập Nhóm Những Người Phụng Sự Viễn Cảm của Chân sư Tây Tạng (Nhóm IX. 1) thường có nhiều yếu tố cung một trong hệ thống các thể của mình. Quyền năng trên cõi phụ thứ nhất của cõi thượng trí được gọi là "viễn cảm tinh thần".

168. Từ điện là phẩm tính biểu lộ trên cõi phụ thứ hai của cõi thượng trí, và quyền năng hiện diện ở đó là "đáp ứng với rung động nhóm", điều này dĩ nhiên chỉ có thể diễn ra trong từ điện của linh hồn.

169. Theo mô hình này, chúng ta sẽ liên hệ "phân biện tinh thần", quyền năng thứ ba biểu lộ trên cõi thượng trí (và liên quan đến cung ba cùng cõi phụ thứ ba), với nghiệp quả và những sự tái điều chỉnh nghiệp quả—đồng thời nhớ rằng mạng lưới nghiệp quả có liên hệ mật thiết với cung ba, đặc biệt là với dấu hiệu Thiên Bình, vốn truyền dẫn cung

transmitting the third ray.

The first task which confronts disciples is to arrive at an understanding of the nature of the aspirants for whom they have made themselves responsible and also to establish a zone or path of influence, so that they can be definitely useful and able to communicate with the aspirant. It might be pointed out that, in the past, such relationships were between soul and soul, and consequently required a long period of "bringing through" to adequate recognition in the mind and brain of the aspirant. Today, this method still persists in the majority of cases but many of these helping disciples are experimenting (under direction of their Master) in working directly with the aspirant upon the physical plane, thus involving personality as well as soul relation. This constitutes a far more difficult relationship but is a part of the new process of externalising the hierarchical effort of which all outer Ashrams (which are now slowly forming) are a part. By means of this, the chela in the Light is trained to recognise members of the Hierarchy by first becoming aware of disciples more advanced than himself and by learning to give due weight to their words and suggestions. You can see, therefore, how a great effort is being made to bring the two centres—Humanity and the Hierarchy—into a much closer rapport and relationship, both objectively and subjectively.

170. Whether we are discussing the task set before an advanced disciple on the inner planes (as he supervises a lesser aspirant/disciple from egoic levels) or, perhaps, the task before a more advanced disciple on the outer plane as he seeks to help his junior brother (also on the outer

ba.

Nhiệm vụ đầu tiên mà các đệ tử phải đối diện là đạt đến sự thấu hiểu bản chất của những người chí nguyện mà họ đã nhận trách nhiệm dìu dắt, đồng thời thiết lập một vùng hoặc con đường ảnh hưởng, để họ có thể thực sự giúp ích và giao tiếp với người chí nguyện. Có thể chỉ ra rằng, trong quá khứ, những mối quan hệ như vậy là giữa linh hồn với linh hồn, và do đó cần một thời gian dài để "truyền xuống" cho đến khi thể trí và bộ não của người chí nguyện nhận biết đầy đủ. Ngày nay, phương pháp này vẫn tồn tại trong đa số trường hợp, nhưng nhiều đệ tử đang trợ giúp như vậy đang thử nghiệm (dưới sự chỉ đạo của Chân sư mình) làm việc trực tiếp với người chí nguyện trên cõi hồng trần, qua đó bao gồm cả mối quan hệ phàm ngã lẫn linh hồn. Điều này tạo nên một mối quan hệ khó khăn hơn nhiều, nhưng là một phần của tiến trình mới nhằm ngoại hiện nỗ lực của Thánh đoàn; mọi ashram bên ngoài (hiện đang dần hình thành) đều là một phần của tiến trình ấy. Nhờ đó, đệ tử trong Ánh sáng được huấn luyện để nhận biết các thành viên của Thánh đoàn, trước hết bằng cách nhận biết những đệ tử tiến xa hơn mình và học cách coi trọng đúng mức những lời nói cùng gợi ý của họ. Do đó, các bạn có thể thấy một nỗ lực lớn lao đang được thực hiện để đưa hai trung tâm—Nhân loại và Thánh đoàn—vào sự giao cảm và mối quan hệ gần gũi hơn nhiều, cả về mặt khách quan lẫn chủ quan.

170. Dù chúng ta đang bàn về nhiệm vụ đặt ra trước một đệ tử tiến hóa cao trên các cõi bên trong (khi y giám sát một người chí nguyện/đệ tử ít tiến hóa hơn từ các cấp độ chân ngã), hay có lẽ là nhiệm vụ đặt ra trước một đệ tử tiến xa hơn trên cõi bên ngoài khi y tìm cách giúp đỡ người huynh đệ đi sau

plane). No outer disciple can be the kind of guide necessitated by the chela in the Light unless that outer disciple *also* has inner facility upon egoic levels and can report, at will, to the Master.

mình (cũng ở trên cõi bên ngoài). Không đệ tử nào ở bên ngoài có thể trở thành người hướng dẫn mà đệ tử trong Ánh sáng cần đến, trừ khi người đệ tử bên ngoài ấy *cũng* có khả năng hoạt động bên trong trên các cấp độ chân ngã và có thể trình báo với Chân sư theo ý muốn.

171. The advice offered in this section is sound.

171. Lời khuyên đưa ra trong phần này là xác đáng.

172. The very first requirement is to understand the nature of the aspirants one seeks to assist. The tools of astrology and rayology are very useful for this purpose, but nothing can replace a keen intuition which reveals the inner nature of another individual—whether as soul or personality.

172. Yêu cầu đầu tiên chính là thấu hiểu bản chất của những người chí nguyện mà mình tìm cách trợ giúp. Các công cụ của chiêm tinh học và cung học rất hữu ích cho mục đích này, nhưng không gì có thể thay thế một trực giác nhạy bén, vốn mặc khải bản chất bên trong của một cá nhân khác—dù với tư cách linh hồn hay phàm ngã.

173. It is interesting to consider the "zone or path of influence" by which the higher disciple can reach the chela in the Light who is under his supervision. This can be done occultly through the power of thought and imagination, or it may be a more external matter, if also occurring on the physical plane. The kind of zone or path here discussed seems to be an interior matter.

173. Thật thú vị khi xem xét "vùng hoặc con đường ảnh hưởng" mà qua đó đệ tử cao cấp hơn có thể tiếp cận đệ tử trong Ánh sáng đang được mình giám sát. Điều này có thể được thực hiện một cách huyền bí nhờ quyền năng của tư tưởng và sự tưởng tượng, hoặc có thể mang tính bên ngoài hơn nếu cũng diễn ra trên cõi hồng trần. Loại vùng hoặc con đường đang được bàn đến ở đây dường như là một vấn đề thuộc nội giới.

174. It is important to understand the procedure used in the past as a guiding interior disciple attempted to influence a chela in the Light; the method was a strictly subjective one—a communication *from soul to soul*. One can understand that the chela in the Light receiving 'soul guidance' would often be unaware of this method and its results—far more unaware, generally, than a little chela would be of his guiding disciple on the physical plane.

174. Cần thấu hiểu cách thức đã được sử dụng trong quá khứ khi một đệ tử hướng dẫn ở nội giới cố gắng tạo ảnh hưởng lên một đệ tử trong Ánh sáng; phương pháp ấy hoàn toàn mang tính chủ quan—một sự giao tiếp *từ linh hồn đến linh hồn*. Có thể hiểu rằng đệ tử trong Ánh sáng đang tiếp nhận 'sự hướng dẫn của linh hồn' thường không nhận biết phương pháp này cùng các kết quả của nó—nhìn chung, kém nhận biết hơn nhiều so với một tiểu đệ tử đối với người đệ tử hướng dẫn mình trên cõi hồng trần.

175. DK stresses that this former method of communication was not rapid, requiring much time to "bring through" impression because of the condition of the mind and brain of the guided aspirant. (Again, note that the chela in the Light is called an "aspirant").

175. Chân sư DK nhấn mạnh rằng phương pháp giao tiếp trước kia này không nhanh chóng, mà đòi hỏi nhiều thời gian để "truyền xuống" ấn tượng, do tình trạng thể trí và bộ não của người chí nguyện được hướng dẫn. (Một lần nữa, hãy lưu ý rằng đệ tử trong Ánh sáng được gọi là một "người chí nguyện").

176. The Master, it appears, is the supervisor of this process between guiding chela and the guided chela in the Light. The soul-to-soul method is still used, but new methods are under way as part of the process of externalizing the Hierarchy. These methods involve working directly with the personality of the aspirant, from inner levels. The methods are part of externalizing the inner Ashrams through the formation of outer groups which represent the Ashrams. We can understand that Master DK worked in this way, influencing the personalities of quite a number of chelas, some of whom were initially chelas in the Light, but later became accepted disciples.

176. Dường như Chân sư là Đấng giám sát tiến trình này giữa đệ tử hướng dẫn và đệ tử trong Ánh sáng được hướng dẫn. Phương pháp linh hồn với linh hồn vẫn được sử dụng, nhưng những phương pháp mới đang được triển khai như một phần của tiến trình ngoại hiện Thánh đoàn. Những phương pháp này bao gồm việc làm việc trực tiếp với phàm ngã của người chí nguyện từ các cấp độ bên trong. Các phương pháp ấy là một phần của việc ngoại hiện các ashram bên trong thông qua sự hình thành những nhóm bên ngoài đại diện cho các ashram. Chúng ta có thể hiểu rằng Chân sư DK đã làm việc theo cách này, tạo ảnh hưởng lên phàm ngã của khá nhiều đệ tử; một số ban đầu là đệ tử trong Ánh sáng, nhưng về sau trở thành đệ tử được chấp nhận.

177. Master DK tells us that it is a far more difficult task to work in this way (from inner to outer, rather than from inner to inner); the personality has its inertia, its resistances, its opacity.

177. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng làm việc theo cách này (từ bên trong ra bên ngoài, thay vì từ bên trong đến bên trong) là một nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều; phàm ngã có tính trì trệ, những sự kháng cự và tính thiếu trong suốt của nó.

178. When an advanced disciple is able to "get through" to an aspirant in the stage of chela in the Light, it makes it possible for that chela to begin to recognize members of the Hierarchy, by first recognizing the guiding disciple (inwardly or outwardly where applicable). One recognition leads to another.

178. Khi một đệ tử tiến hóa cao có thể "truyền đạt tới" một người chí nguyện ở giai đoạn đệ tử trong Ánh sáng, điều đó giúp người đệ tử ấy bắt đầu nhận biết các thành viên của Thánh đoàn, trước hết bằng cách nhận biết người đệ tử hướng dẫn (ở bên trong hoặc bên ngoài, tùy trường hợp). Sự nhận biết này dẫn đến sự nhận biết khác.

179. In all of this discussion, Master DK is not telling us whether such guiding disciples work *only* from interior levels or whether they may work upon *both* levels simultaneously.

179. Trong toàn bộ phần bàn luận này, Chân sư DK không cho chúng ta biết liệu những đệ tử hướng dẫn như vậy *chỉ* làm việc từ các cấp độ bên trong, hay họ có thể làm việc đồng thời trên *cả hai* cấp độ.

180. We have been informed of one of the principal methods by which the Hierarchy is seeking to move closer to humanity. Their first efforts are with responsive aspirants and disciples.

180. Chúng ta đã được biết về một trong những phương pháp chủ yếu mà Thánh đoàn đang sử dụng để tiến đến gần nhân loại hơn. Những nỗ lực đầu tiên của Các Ngài hướng đến những người chí nguyện và đệ tử có khả năng đáp ứng.

181. The point to be grasped is that this attempted union is proceeding *both* subjectively and objectively, and in the case of some aspirants and disciples through *both* methods simultaneously. The methods used are to be understood as part of the process of the *Externalization of the Hierarchy*.

181. Điểm cần nắm bắt là nỗ lực hợp nhất này đang diễn ra trên *cả hai* phương diện chủ quan và khách quan, và trong trường hợp một số người chí nguyện cùng đệ tử, thông qua *cả hai* phương pháp đồng thời. Cần hiểu rằng những phương pháp được sử dụng là một phần của tiến trình *Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn.*

All who have, in this life, transitted from the stage of chela in the Light to that of accepted disciple have established two recognitions:

Tất cả những ai, trong kiếp sống này, đã chuyển từ giai đoạn đệ tử trong Ánh sáng sang giai đoạn đệ tử được chấp nhận đều đã xác lập hai sự nhận biết:

182. DK discusses now the transit or transition from the stage of chela in the Light to accepted disciple.

182. Giờ đây, Chân sư DK bàn về sự chuyển dịch hay chuyển tiếp từ giai đoạn đệ tử trong Ánh sáng sang đệ tử được chấp nhận.

183. He points out two established recognitions which can be considered identifying characteristics of those who have made the transition.

183. Ngài chỉ ra hai sự nhận biết đã được xác lập, có thể xem là những đặc điểm nhận diện của những người đã thực hiện sự chuyển tiếp ấy.

1. A recognition of the senior disciple whom they have discovered "in the Light."

1. Sự nhận biết người đệ tử cao niên mà họ đã khám phá "trong Ánh sáng."

184. This means that, as one becomes an accepted disciple, there will be a recognition of the senior guiding disciple who has been

184. Điều này có nghĩa là khi trở thành một đệ tử được chấp nhận, người ta sẽ nhận biết người đệ tử hướng dẫn cao niên đã được

discovered “in the Light”.

185. For those who may wonder whether they have become accepted disciples, this might be considered one of the criteria, though there are other criteria even more important.

[725]

2. A recognition of the Master. This whole question of recognising the Master will be dealt with by me later.

186. Recognition of the senior guiding disciple (whether subjective or both subjective and objective), should lead to recognition of the Master Whom that guiding disciple represents.

187. There are many people who, while studying various kinds of hierarchical teachings, may not really know who is their Master.

188. How will this recognition come? Probably it is a matter of ‘vibrational certitude’. Such recognition would, therefore, not be easy to discuss in objective terms.

189. We may question ourselves in this regard: are either one of these recognitions ours? And if we think so, *why* do we think so?

190. These two recognitions may come under the heading of “magnetic influence” and relate to ashramic affiliation.

The consequent developing process of telepathic interplay is one which should be most carefully studied. All groups of

khám phá “trong Ánh sáng”.

185. Đối với những ai có thể đang tự hỏi liệu mình đã trở thành đệ tử được chấp nhận hay chưa, có thể xem đây là một trong những tiêu chí, dù còn có những tiêu chí khác quan trọng hơn.

[725]

2. Sự nhận biết Chân sư. Tôi sẽ bàn đến toàn bộ vấn đề nhận biết Chân sư này về sau.

186. Việc nhận biết người đệ tử hướng dẫn cao niên (dù mang tính chủ quan hay cả chủ quan lẫn khách quan) sẽ dẫn đến sự nhận biết Chân sư mà người đệ tử hướng dẫn ấy đại diện.

187. Có nhiều người, trong khi nghiên cứu nhiều loại giáo huấn khác nhau của Thánh đoàn, có thể vẫn chưa thực sự biết ai là Chân sư của mình.

188. Sự nhận biết này sẽ đến như thế nào? Có lẽ đó là vấn đề ‘xác tín về rung động’. Do đó, sự nhận biết như vậy sẽ không dễ bàn luận bằng những cách diễn đạt khách quan.

189. Về điều này, chúng ta có thể tự hỏi: chúng ta đã có một trong hai sự nhận biết ấy chưa? Và nếu nghĩ là có, *tại sao* chúng ta nghĩ như vậy?

190. Hai sự nhận biết này có thể được xếp vào phạm trù “ảnh hưởng từ tính” và liên quan đến sự liên kết với ashram.

Tiến trình phát triển sự tương tác viễn cảm nảy sinh từ đó cần được nghiên cứu hết sức cẩn thận. Mọi nhóm đệ tử, dù làm việc trong

disciples, working in or out of an Ashram, should be in close telepathic rapport and thus provide a training ground for the development of this type of sensitivity. The first thing that has to be established in a group of disciples is love and trust, for without that there can be no true transference of thought. Where love and trust do not exist, they must be definitely and consciously developed.

hay ngoài một ashram, đều cần có sự giao cảm viễn cảm mật thiết, qua đó tạo nên một môi trường huấn luyện để phát triển loại nhạy cảm này. Điều đầu tiên cần thiết lập trong một nhóm đệ tử là tình thương và lòng tin cậy, vì thiếu điều đó thì không thể có sự truyền đạt tư tưởng chân thực. Ở đâu chưa có tình thương và lòng tin cậy, ở đó phải phát triển chúng một cách dứt khoát và có ý thức.

191. The next category of work (of the three) concerns telepathic interplay.

191. Loại công việc tiếp theo (trong ba loại) liên quan đến sự tương tác viễn cảm.

192. This paragraph is most important. Not only does it emphasize the necessity of telepathic rapport between groups of disciples both in and out of an Ashram, but it reveals the method which will ensure the development of telepathic sensitivity.

192. Đoạn này hết sức quan trọng. Đoạn này không chỉ nhấn mạnh sự cần thiết của giao cảm viễn cảm giữa các nhóm đệ tử cả trong lẫn ngoài một ashram, mà còn mặc khải phương pháp bảo đảm sự phát triển tính nhạy cảm viễn cảm.

193. That method is very simple: *the establishment of love and trust between group members.* To do so, we are to think outward in love towards our fellow disciples, and make this a daily exercise.

193. Phương pháp ấy rất đơn giản: *thiết lập tình thương và lòng tin cậy giữa các thành viên trong nhóm.* Để làm được điều đó, chúng ta cần hướng tư tưởng ra ngoài trong tình thương đến các đệ tử đồng môn, và biến điều này thành một bài thực hành hằng ngày.

194. We do not have an option when it comes to the development of love and trust. We simply *must* develop these qualities.

194. Đối với việc phát triển tình thương và lòng tin cậy, chúng ta không có lựa chọn khác. Chúng ta đơn giản *phải* phát triển những phẩm tính này.

195. I would suggest that love may be developed through the process of appreciation—noting the good qualities, the soul qualities in our fellow disciples, appreciating those qualities, and blessing our brother or sister.

195. Tôi muốn gợi ý rằng tình thương có thể phát triển thông qua tiến trình trân trọng—ghi nhận những phẩm tính tốt đẹp, những phẩm tính linh hồn nơi các đệ tử đồng môn, trân trọng những phẩm tính ấy, và ban phúc lành cho người huynh đệ hoặc tỉ muội của mình.

196. Trust is facilitated by realizing that all individuals *as souls* mean well towards each

196. Lòng tin cậy được củng cố khi nhận ra rằng mọi cá nhân, *với tư cách là linh hồn,* đều

other. If one can see his brother or sister *as a soul,* the well-meaning intention will be emphasized, and there will be no separative closing off in fear or distrust.

có thiện ý với nhau. Nếu có thể nhìn người huynh đệ hoặc tỉ muội của mình *như một linh hồn,* thì thiện ý sẽ được đặt vào trọng tâm, và sẽ không có sự khép kín mang tính chia rẽ do sợ hãi hay thiếu tin cậy.

197. All these are exercises of the heart which, obviously, must be activated if there is to be any hope of establishing the qualities of love and trust in group interplay. We must face our brother or sister with our heart open. This must be practiced.

197. Tất cả những điều này đều là các bài thực hành của trái tim; hiển nhiên, trái tim phải được khơi hoạt nếu muốn có hy vọng thiết lập các phẩm tính tình thương và lòng tin cậy trong sự tương tác nhóm. Chúng ta phải đối diện với người huynh đệ hoặc tỉ muội của mình bằng trái tim rộng mở. Điều này phải được thực hành.

A second rule governs this telepathic relationship and this is that all "crises of criticism" must be most carefully avoided by all disciples if they want to bring about the needed rhythm. In any group of disciples, there are those who do not put "first things first"; they put many things and people before their duty and spiritual responsibilities; this necessarily gives their fellow disciples just grounds (apparently just) for criticism. There are times when criticism is unquestionably a recognition of fact. This means that a criticising disciple has reached the point where his judgment is so based on love that it produces no personality effect in his own life or that of his fellow disciple. It is simply a loving recognition of limitation and only becomes wrong when these undoubted facts are used to arouse criticism in the unqualified and provide points for discussion. The disciple or aspirant who has glaring faults and who fails to make the required changes himself creates a barrier which he must in time destroy by removing all causes for criticism. These barriers prevent free telepathic communication.

Một quy luật thứ hai chi phối mối quan hệ viễn cảm này, đó là mọi đệ tử đều phải hết sức cẩn thận tránh mọi "cơn khủng hoảng chỉ trích" nếu muốn tạo nên nhịp điệu cần thiết. Trong bất kỳ nhóm đệ tử nào cũng có những người không "đặt những điều quan trọng nhất lên trước"; họ đặt nhiều việc và nhiều người lên trên bổn phận cùng trách nhiệm tinh thần của mình; điều này tất yếu tạo cho các đệ tử đồng môn những căn cứ chính đáng (có vẻ chính đáng) để chỉ trích. Có những lúc sự chỉ trích rõ ràng là sự nhận biết một sự thật. Điều này có nghĩa là người đệ tử chỉ trích đã đạt đến mức phán đoán của y đặt nền tảng sâu sắc trên tình thương đến nỗi không gây ra tác động phàm ngã nào trong đời sống của chính y hay của đệ tử đồng môn. Đó đơn giản là sự nhận biết đầy tình thương về giới hạn và chỉ trở thành sai trái khi người ta dùng những sự thật không thể nghi ngờ này để khơi dậy sự chỉ trích ở những người chưa đủ tư cách và cung cấp đề tài bàn tán. Người đệ tử hoặc người chí nguyện có những khuyết điểm rõ rệt mà không tự thực hiện những thay đổi cần thiết sẽ tạo ra một rào cản; đến lúc nào đó, y phải phá bỏ rào cản ấy bằng cách loại trừ mọi nguyên nhân gây chỉ trích. Những rào cản

này ngăn trở sự giao tiếp viễn cảm thông suốt.

198. We are speaking of the methods of developing telepathic rapport between groups and group members. Love and trust are two necessities.

198. Chúng ta đang nói về những phương pháp phát triển sự giao cảm viễn cảm giữa các nhóm và các thành viên trong nhóm. Tình thương và lòng tin cậy là hai điều thiết yếu.

199. The second necessity relates to what are called "crises of criticism". Such crises must be carefully avoided if the rhythm necessary for the establishment of telepathic rapport is not to be disrupted. It is obvious that criticism (especially of the heartless kind) destroys both love and trust.

199. Điều thiết yếu thứ hai liên quan đến những gì được gọi là "cơn khủng hoảng chỉ trích". Phải cẩn thận tránh những cơn khủng hoảng như vậy để nhịp điệu cần thiết cho việc thiết lập sự giao cảm viễn cảm không bị gián đoạn. Rõ ràng, sự chỉ trích (đặc biệt là loại nhẫn tâm) phá hủy cả tình thương lẫn lòng tin cậy.

200. DK is not naïve in His understanding. He knows that there will always be those in any group who give their fellow disciples apparently just cause for criticism. He does not say that the facts should be ignored, or that the causes apparently warranting criticism should be left unaddressed.

200. Chân sư DK không ngây thơ trong sự thấu hiểu của Ngài. Ngài biết rằng trong bất kỳ nhóm nào cũng luôn có những người tạo cho các đệ tử đồng môn lý do có vẻ chính đáng để chỉ trích. Ngài không nói rằng nên phớt lờ các sự thật, hoặc để mặc những nguyên nhân có vẻ đáng bị chỉ trích mà không xử lý.

201. So much depends upon how the criticism is approached. If we should find that it were absolutely necessary for us to become what DK calls a "criticising disciple", could we be assured that we had reached the point where our judgment was so based on love that no personality effect would be produced, either in us or in the one criticised, when we shared the criticism? It is a very serious question and requires close scrutiny of our heart.

201. Rất nhiều điều tùy thuộc vào cách tiếp cận sự chỉ trích. Nếu nhận thấy mình tuyệt đối cần phải trở thành người mà Chân sư DK gọi là một "đệ tử chỉ trích", liệu chúng ta có thể chắc chắn rằng mình đã đạt đến mức phán đoán đặt nền tảng sâu sắc trên tình thương đến nỗi không gây ra tác động phàm ngã nào, dù nơi chúng ta hay nơi người bị chỉ trích, khi chúng ta chia sẻ lời chỉ trích ấy không? Đây là một câu hỏi rất nghiêm túc và đòi hỏi phải xem xét kỹ lưỡng trái tim mình.

202. How do we administer criticism? With a heart full of love rather than through solar plexus mobilization or agitation? It would seem that before offering any form of

202. Chúng ta đưa ra lời chỉ trích như thế nào? Bằng một trái tim đầy tình thương, thay vì qua sự huy động hay kích động của tùng thái dương chăng? Dường như trước

criticism, some interior work should be done in relation to the one to be criticized, so that the presence of love may be ensured. If the love is strong enough, it negates personality reaction—this is the point. The personality is related to the solar plexus and not to the heart.

khi đưa ra bất kỳ hình thức chỉ trích nào, chúng ta cần thực hiện một số công việc nội tâm liên quan đến người sắp được chỉ trích, để bảo đảm có sự hiện diện của tình thương. Nếu tình thương đủ mạnh, nó sẽ hóa giải phản ứng phàm ngã—đó chính là điểm cốt yếu. Phàm ngã liên quan đến tùng thái dương, chứ không phải trái tim.

203. If, according to DK's advice, we can consider criticism as a "loving recognition of limitation" our entire attitude to this "dire creator of misery" (i. e. , criticism) will be revolutionized.

203. Nếu, theo lời khuyên của Chân sư DK, chúng ta có thể xem sự chỉ trích là một "sự nhận biết đầy tình thương về giới hạn", thì toàn bộ thái độ của chúng ta đối với "kẻ tạo ra đau khổ đáng sợ" (tức là sự chỉ trích) sẽ thay đổi tận gốc.

204. When we truly love people, we want everything we may think or say to advance their process and improve the quality of their life. We may then ask ourselves: "In our usual approach to criticism, are these benevolent motives our motives?" What really *are* our motives?

204. Khi thực sự yêu thương mọi người, chúng ta muốn mọi điều mình có thể nghĩ hoặc nói đều thúc đẩy tiến trình của họ và nâng cao phẩm tính đời sống của họ. Khi ấy, chúng ta có thể tự hỏi: "Trong cách tiếp cận sự chỉ trích thường ngày, những động cơ thiện lành này có phải là động cơ của chúng ta không?" Động cơ của chúng ta thực sự *là* gì?

205. To lovingly share a perception of limitation (when it is necessary to do so) may be a great act of kindness, as long as the sharing in not passed along carelessly and indiscriminately to others who have no real concern in the matter, thus inciting group gossip among those unqualified to understand the realities and sensitivities of the situation. This is where error creeps in; and of course, it is a very common error.

205. Chia sẻ đầy tình thương một nhận thức về giới hạn (khi cần thiết) có thể là một hành động nhân ái lớn lao, miễn là điều chia sẻ ấy không bị truyền đi một cách bất cẩn và bừa bãi đến những người không thực sự liên quan đến vấn đề, từ đó khơi lên chuyện bàn tán trong nhóm giữa những người chưa đủ tư cách thấu hiểu thực tế và những điều tế nhị của tình huống. Đây là nơi sai lầm len vào; và dĩ nhiên, đó là một sai lầm rất phổ biến.

206. DK is telling us that criticism must not become a group dynamic; if it does it will act as poison to the group. The poisoning will be both of the one (or ones) criticized and of the one (or ones) who criticize(s).

206. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự chỉ trích không được trở thành một động lực trong nhóm; nếu điều đó xảy ra, nó sẽ tác động như chất độc đối với nhóm. Sự đầu độc sẽ tác động đến cả người (hoặc những người)

bị chỉ trích lẫn người (hoặc những người) chỉ trích.

207. DK is not soft on the aspirant or disciple who refuses to correct "glaring faults". The careless perpetuation of such faults will create a barrier for which the one possessing these faults is responsible. That barrier will have to be broken.

207. Chân sư DK không dễ dãi với người chí nguyện hoặc đệ tử từ chối sửa chữa "những khuyết điểm rõ rệt". Việc bất cẩn để những khuyết điểm ấy tiếp diễn sẽ tạo ra một rào cản mà người mang những khuyết điểm này phải chịu trách nhiệm. Rào cản ấy sẽ phải được phá bỏ.

208. We can see that the whole matter is delicate. It can only be solved by an attitude of love, wisely and tactfully expressed. If the motive behind the impartation of necessary correction is love, little will go astray. But so often the motive is *not* love. It is for us to examine our hearts.

208. Chúng ta có thể thấy toàn bộ vấn đề này rất tế nhị. Chỉ có thể giải quyết nó bằng một thái độ yêu thương, biểu lộ một cách khôn ngoan và khéo léo. Nếu động cơ đằng sau việc đưa ra sự sửa sai cần thiết là tình thương, thì sẽ ít có điều gì sai lệch. Nhưng rất thường xuyên, động cơ ấy *không phải* là tình thương. Chúng ta cần tự xem xét trái tim mình.

An interesting question can he asked at this point and one which should unquestionably arise: Is the group of working disciples to be keyed to the note of the more advanced disciples in the group or is it to be stepped down to a generally lower average to suit the least advanced? Let us put it in another form: Are the least evolved in a group of disciples and aspirants to pull down to their level of work and understanding the more developed? Will they make a supreme effort to measure up to the higher vision and attain to the attitudes and points of view of the more advanced? These questions prove a fundamental [726] problem in all Ashrams and only the chelas themselves can provide the answer.

Đến đây có thể đặt ra một câu hỏi thú vị, và chắc chắn câu hỏi ấy cần nảy sinh: Nhóm đệ tử đang làm việc cần được chỉnh theo âm điệu của những đệ tử tiến xa hơn trong nhóm, hay cần hạ xuống một mức trung bình nhìn chung thấp hơn để phù hợp với những người ít tiến bộ nhất? Hãy diễn đạt theo một cách khác: Liệu những người ít tiến hóa nhất trong một nhóm đệ tử và người chí nguyện có kéo những người phát triển hơn xuống cấp độ làm việc và thấu hiểu của mình không? Liệu họ có nỗ lực hết sức để vươn tới tầm nhìn cao hơn và đạt được những thái độ cùng quan điểm của những người tiến xa hơn không? Những câu hỏi này cho thấy một vấn đề căn bản [726] trong mọi ashram, và chỉ chính các đệ tử mới có thể đưa ra câu trả lời.

209. Thinking of causes of criticism, DK poses some important questions touching on the behavior of disciples within a

209. Khi nghĩ đến những nguyên nhân gây chỉ trích, Chân sư DK đặt ra một số câu hỏi quan trọng liên quan đến hành vi của các đệ

Master's group.

210. What shall be the group note—a note resonating to the quality of the highest disciples in the group, or one that is stepped down to the lower average? This is a question of *group standards,* and in relation to this question, much criticism can arise.

211. There are group members who worry that some group members may "pull down" the note of the entire group because those group members are not living up to certain standards and, perhaps, cannot.

212. Who shall make the greatest effort? The least advanced (to measure up to the standard set by the most advanced)? Or the most advanced (checking their forward motion out of consideration for the disciples in the group who cannot seem to keep up)?

213. DK does not give the answer because there are so many different variables in each situation. It may be said, however, that if the "Law of Love" is violated in attempting to solve these inevitable problems, there will be no true solution.

214. The questions are not idle or inconsequential. The Master tells us that they "prove a fundamental problem in all Ashrams".

215. This brings us to the question of the meaning of progress. Progress is not simply a racing ahead into ever higher vibratory states. Progress has much to do with the preservation of group cohesion and the quality of the group's energy.

tử trong nhóm của một Chân sư.

210. Âm điệu của nhóm sẽ là gì—một âm điệu cộng hưởng với phẩm tính của những đệ tử cao cấp nhất trong nhóm, hay một âm điệu được hạ xuống mức trung bình thấp hơn? Đây là vấn đề về *các tiêu chuẩn của nhóm,* và liên quan đến vấn đề này, nhiều sự chỉ trích có thể nảy sinh.

211. Có những thành viên trong nhóm lo ngại rằng một số thành viên có thể "kéo thấp" âm điệu của toàn nhóm, vì những thành viên ấy không sống theo những tiêu chuẩn nhất định và có lẽ không thể làm được điều đó.

212. Ai sẽ phải nỗ lực nhiều nhất? Những người ít tiến bộ nhất (để đạt đến tiêu chuẩn do những người tiến bộ nhất đặt ra)? Hay những người tiến bộ nhất (kìm hãm bước tiến của mình vì quan tâm đến những đệ tử trong nhóm dường như không thể theo kịp)?

213. Chân sư DK không đưa ra câu trả lời vì trong mỗi tình huống có rất nhiều yếu tố biến đổi khác nhau. Tuy nhiên, có thể nói rằng nếu "Định luật Tình thương" bị vi phạm trong nỗ lực giải quyết những vấn đề không thể tránh khỏi này, thì sẽ không có giải pháp thực sự.

214. Những câu hỏi này không phải là vu vơ hay không đáng kể. Chân sư cho chúng ta biết rằng chúng "cho thấy một vấn đề căn bản trong mọi ashram".

215. Điều này đưa chúng ta đến câu hỏi về ý nghĩa của sự tiến bộ. Tiến bộ không đơn giản là lao nhanh về phía trước vào những trạng thái rung động ngày càng cao. Sự tiến bộ liên quan mật thiết đến việc duy trì sự cố kết của nhóm và phẩm tính năng lượng của nhóm.

216. The soul is the "quality of life" and that *quality* has to be preserved when difficult decisions of this kind are faced within the group.

In the mastering of the task of karmic adjustment, the guiding disciple is governed by certain requirements. He must ascertain just what karma must be worked out by the aspirant in his charge, during this incarnation. He must then induce him to add to this established karma, what I might call "freeing karma." This is a part of the forcing process to which those who choose the more difficult way of initiation must subject themselves, voluntarily and by free choice. The disciple seeks to do certain things in this connection, referring here to the chela in the Light:

217. The third of the three modes of work which are the responsibility of the guiding disciple, relates to the "mastering of the task of karmic adjustment". This, we remember, was suggested as associated with the third ray.

218. We are reminded that we are viewing the whole matter "from the inside out". We are addressing the problem which any supervising disciple (whether on inner or outer planes) has in relation to understanding the karma of the aspirant in his charge and during a particular incarnation.

219. The ascertainment of the aspirant's karma must be a very interior matter. Perhaps the supervising disciple is aided in the necessary discernment by the Master to whom he reports. The word "ascertain" is important. It means that the supervising

216. Linh hồn là "phẩm tính của sự sống" và *phẩm tính* ấy phải được gìn giữ khi nhóm đối diện với những quyết định khó khăn thuộc loại này.

Trong việc làm chủ nhiệm vụ điều chỉnh nghiệp quả, người đệ tử hướng dẫn phải tuân theo một số yêu cầu nhất định. Y phải xác định chính xác người chí nguyện mà mình phụ trách cần giải quyết nghiệp quả nào trong kiếp lâm phàm này. Sau đó, y phải khuyến khích người ấy bổ sung vào nghiệp quả đã xác lập này điều mà Tôi có thể gọi là "nghiệp quả giải thoát." Đây là một phần của tiến trình thúc đẩy mạnh mẽ mà những ai chọn con đường điểm đạo khó khăn hơn phải tự nguyện và tự do lựa chọn trải qua. Về việc này, người đệ tử tìm cách thực hiện một số điều nhất định, ở đây là đối với đệ tử trong Ánh sáng:

217. Phương thức thứ ba trong ba phương thức làm việc thuộc trách nhiệm của người đệ tử hướng dẫn liên quan đến việc "làm chủ nhiệm vụ điều chỉnh nghiệp quả". Chúng ta nhớ rằng điều này đã được gợi ý là có liên hệ với cung ba.

218. Chúng ta được nhắc rằng mình đang nhìn toàn bộ vấn đề "từ trong ra ngoài". Chúng ta đang bàn đến vấn đề mà bất kỳ đệ tử giám sát nào (dù trên các cõi bên trong hay bên ngoài) cũng gặp phải khi thấu hiểu nghiệp quả của người chí nguyện mình phụ trách trong một kiếp lâm phàm cụ thể.

219. Việc xác định nghiệp quả của người chí nguyệnhẳn phải là một vấn đề rất sâu kín trong nội tâm. Có lẽ Chân sư mà người đệ tử giám sát báo cáo lên sẽ trợ giúp người ấy có được sự phân biện tinh thần cần thiết. Từ "xác định" rất quan trọng. Điều đó có nghĩa

disciple is not simply following a hunch or a hint about the karma which the aspirant under his supervision must work out; he is *certain*!

là người đệ tử giám sát không chỉ đơn thuần làm theo một linh cảm hay một gợi ý về nghiệp quả mà người chí nguyện dưới sự giám sát của mình phải giải quyết; người ấy *biết chắc*!

220. Initiation is a forcing process and the guiding disciple must apply the pressure. Not only must the aspirant under his supervision work out karma that is due, but additional karma, "freeing karma", must be undertaken. Such freeing karma must be voluntarily chosen. We can see that the supervising disciple must attempt to clarify and widen his aspirant's vision, so the aspirant will bravely and intelligently undertake an added karmic burden.

220. Điểm đạo là một tiến trình thúc đẩy mạnh mẽ, và người đệ tử hướng dẫn phải tạo áp lực. Người chí nguyện dưới sự giám sát của người ấy không những phải giải quyết nghiệp quả đã đến hạn, mà còn phải đảm nhận thêm nghiệp quả, "nghiệp quả mang lại sự giải thoát". Người chí nguyện phải tự nguyện lựa chọn nghiệp quả mang lại sự giải thoát ấy. Chúng ta có thể thấy rằng người đệ tử giám sát phải cố gắng làm sáng tỏ và mở rộng tầm nhìn của người chí nguyện mình phụ trách, để người chí nguyện can đảm và sáng suốt đảm nhận thêm một gánh nặng nghiệp quả.

221. What must the chela in the Light do when urged forward (subtly or more objectively) by the interior, supervising disciple?

221. Người đệ tử trong Ánh sáng phải làm gì khi người đệ tử giám sát ở nội tâm thúc đẩy y tiến lên, một cách tinh tế hoặc rõ rệt hơn ở bên ngoài?

1. He works off unavoidable karma as intelligently and consciously as possible.

1. Y giải trừ nghiệp quả không thể tránh khỏi một cách sáng suốt và có ý thức hết mức có thể.

2. He takes on some karma which ordinarily would be precipitated in some later life.

2. Y đảm nhận một phần nghiệp quả mà thông thường sẽ ngưng tụ trong một kiếp sống về sau.

222. The supervising disciple helps the chela in the Light to see and understand the karma which is due in this particular incarnation. Every psychotherapist (operating, it would seem, on a lower level than the supervising disciple) can understand how this may be done. The greater the life-understanding of the chela in the Light, the more likely it is that this chela will recognize his

222. Người đệ tử giám sát giúp đệ tử trong Ánh sáng nhìn thấy và thấu hiểu nghiệp quả đã đến hạn trong kiếp lâm phàm cụ thể này. Mọi nhà trị liệu tâm lý—dường như hoạt động ở một cấp độ thấp hơn người đệ tử giám sát—đều có thể thấu hiểu cách thực hiện điều này. Đệ tử trong Ánh sáng càng thấu hiểu cuộc sống, y càng có khả năng nhận ra và chủ động đảm nhận những trách

responsibilities and seize them.

223. We note that the third ray principal of *intelligence* is mentioned here. It is not only that the chela in the Light recognizes his duties and responsibilities, but that he must *approach them intelligently*. With this approach, perhaps the supervising disciple (through the power of thought) can be of some assistance.

224. What else must the chela in the Light seek to do? He must take on additional karma which might not normally be precipitated until a later life. This, of course, will increase the burden of the present life. When (with the help of the guiding disciple) the vision of the future is clarified and widened, the chela in the Light may have sufficient inducement to undertake this.

3. He begins to shoulder some of the general karma of humanity, thus increasing his own load of karma.

225. The third task is to "shoulder some of the karma of humanity".

226. The chela in the Light would not normally have to do this. To so do is an act of selfless service. He sees where help is needed and simply offers his help according to his abilities. He must (according to the Law of Economy) choose wisely where he will offer assistance, otherwise he may be of less assistance than he hopes to be.

227. We are obviously being given the opportunity to ask ourselves some questions:

4. What is the karma due in my present life?

nhiệm của mình.

223. Chúng ta lưu ý rằng nguyên khí cung ba là *trí thông minh* được đề cập ở đây. Đệ tử trong Ánh sáng không chỉ nhận ra các bổn phận và trách nhiệm của mình, mà còn phải *tiếp cận chúng một cách sáng suốt.* Có lẽ người đệ tử giám sát có thể trợ giúp phần nào cho cách tiếp cận này thông qua quyền năng tư tưởng.

224. Đệ tử trong Ánh sáng còn phải tìm cách làm gì nữa? Y phải đảm nhận thêm nghiệp quả mà thông thường có thể phải đến một kiếp sống về sau mới ngưng tụ. Dĩ nhiên, điều này sẽ làm tăng gánh nặng của kiếp sống hiện tại. Khi tầm nhìn về tương lai trở nên sáng tỏ và rộng mở hơn nhờ sự trợ giúp của người đệ tử hướng dẫn, đệ tử trong Ánh sáng có thể có đủ động lực để đảm nhận việc này.

3. Y bắt đầu gánh vác một phần nghiệp quả chung của nhân loại, qua đó làm tăng gánh nặng nghiệp quả của chính mình.

225. Nhiệm vụ thứ ba là "gánh vác một phần nghiệp quả của nhân loại".

226. Thông thường, đệ tử trong Ánh sáng không phải làm điều này. Làm như vậy là một hành động phụng sự vô ngã. Y thấy nơi nào cần sự trợ giúp và chỉ đơn giản đưa tay giúp đỡ theo khả năng của mình. Theo Định luật Tiết Kiệm, y phải sáng suốt lựa chọn nơi mình sẽ trợ giúp, nếu không, sự trợ giúp của y có thể ít hiệu quả hơn y mong đợi.

227. Rõ ràng, chúng ta đang có cơ hội tự đặt ra một số câu hỏi:

4. Nghiệp quả nào đã đến hạn trong kiếp

sống hiện tại của tôi?

5. What additional karma, destined to precipitate in future lives, can I rightly take upon myself now?

5. Giờ đây, tôi có thể đảm nhận thêm một cách đúng đắn nghiệp quả nào vốn sẽ ngưng tụ trong những kiếp sống tương lai?

6. What aspect of humanity's karma can I rightly take upon myself, even though I need not do so?

6. Tôi có thể gánh vác một cách đúng đắn phương diện nào trong nghiệp quả của nhân loại, dù tôi không buộc phải làm như vậy?

228. When asking such questions, one can align with the inner Light and with the Master to Whom one thinks (or knows) that one is related.

228. Khi đặt ra những câu hỏi như vậy, chúng ta có thể chỉnh hợp với Ánh sáng bên trong và với Chân sư mà mình nghĩ hoặc biết là mình có liên hệ.

4. He begins to work with and to comprehend something of planetary karma, though as yet he undertakes no responsibility in this connection. Only after the third initiation does he consciously and as an individual cooperate with the karmic responsibility of the planetary Logos.

4. Y bắt đầu làm việc với nghiệp quả hành tinh và thấu hiểu phần nào về nghiệp quả ấy, dù hiện giờ y chưa đảm nhận trách nhiệm nào trong lĩnh vực này. Chỉ sau lần điểm đạo thứ ba, y mới hợp tác một cách có ý thức và với tư cách một cá nhân trong trách nhiệm nghiệp quả của Hành Tinh Thượng đế.

229. The fourth karmic task under the guidance of the supervising disciple is a task of comprehension. Something of "planetary karma" begins to dawn upon the chela in the Light as he seeks to understand the planetary situation.

229. Nhiệm vụ nghiệp quả thứ tư dưới sự hướng dẫn của người đệ tử giám sát là một nhiệm vụ về sự thấu hiểu. Một phần "nghiệp quả hành tinh" bắt đầu sáng tỏ với đệ tử trong Ánh sáng khi y tìm cách thấu hiểu tình hình hành tinh.

230. We learn that the chela in the Light can take no responsibility in this regard—this will not be his prerogative until after the third initiation, at which time he can relate more meaningfully and successfully to the planetary whole. But the fact that he is beginning to understand something of planetary karma, means that he can help more successfully in the alleviation of the karma of humanity.

230. Chúng ta được biết rằng đệ tử trong Ánh sáng chưa thể đảm nhận trách nhiệm nào trong lĩnh vực này—chỉ sau lần điểm đạo thứ ba, y mới có đặc quyền ấy, khi y có thể liên hệ với toàn thể hành tinh một cách có ý nghĩa và hiệu quả hơn. Nhưng việc y bắt đầu thấu hiểu phần nào về nghiệp quả hành tinh có nghĩa là y có thể trợ giúp hiệu quả hơn trong việc giảm nhẹ nghiệp quả của nhân loại.

231. We can see that the chela in the Light is induced to become increasingly selfless, and

231. Chúng ta có thể thấy rằng đệ tử trong Ánh sáng được khích lệ để ngày càng trở nên

that it is up to the supervising inner disciple to find ways of rendering these opportunities for increasing selflessness increasingly attractive. It is obvious that the supervising chela cannot and does not *force* the chela in the Light to take steps to master his karma. To do so would be against occult law.

vô ngã, và người đệ tử giám sát ở nội tâm có trách nhiệm tìm cách làm cho những cơ hội phát triển tính vô ngã ấy ngày càng hấp dẫn hơn. Rõ ràng, người đệ tử giám sát không thể và cũng không *ép buộc* đệ tử trong Ánh sáng thực hiện các bước để làm chủ nghiệp quả của mình. Làm như vậy sẽ trái với định luật huyền bí.

232. The degree of selflessness required to "cooperate with the karmic responsibility of the planetary Logos" cannot possibly be in the possession of the chela in the Light, but he is on his way.

232. Mức độ vô ngã cần có để "hợp tác trong trách nhiệm nghiệp quả của Hành Tinh Thượng đế" chắc chắn chưa thể là điều mà đệ tử trong Ánh sáng sở hữu, nhưng y đang trên đường đạt tới đó.

233. Thus, in this third mode of work through which the supervising disciple helps the chela in the Light make various karmic adjustments, *four* types of adjustments are required.

233. Như vậy, trong phương thức làm việc thứ ba này, qua đó người đệ tử giám sát giúp đệ tử trong Ánh sáng thực hiện những điều chỉnh nghiệp quả khác nhau, cần có *bốn* loại điều chỉnh.

I would here like to point out that I am referring to good karma as well as bad. It is the task of the helping disciple to guide the chela in the Light so that he does adjust his karma. This the senior disciple does by thought impression. All karma, when consciously faced, is precipitated by the power of thought; this is perhaps the major lesson which the senior disciple has to teach the neophyte. In this way the latter is aided to see "in the light" which falls upon his way, and the disciple who is preparing him for the stage of accepted discipleship is in constant touch with the Master. Thus a triangular relationship is set up which is of occult value.

Ở đây, Tôi muốn chỉ ra rằng Tôi đang đề cập đến cả nghiệp quả tốt lẫn nghiệp quả xấu. Nhiệm vụ của người đệ tử trợ giúp là hướng dẫn đệ tử trong Ánh sáng để y thực sự điều chỉnh nghiệp quả của mình. Người đệ tử cao niên thực hiện điều này bằng cách truyền ấn tượng qua tư tưởng. Khi chúng ta đối diện một cách có ý thức với mọi nghiệp quả, quyền năng tư tưởng sẽ làm cho nghiệp quả ấy ngưng tụ; có lẽ đây là bài học chủ yếu mà người đệ tử cao niên phải dạy cho người sơ cơ. Bằng cách này, người sơ cơ được trợ giúp để thấy "trong ánh sáng" đang chiếu trên con đường của mình, còn người đệ tử đang chuẩn bị cho y bước vào giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận thì luôn giữ liên lạc với Chân sư. Như vậy, một mối quan hệ tam giác có giá trị huyền bí được thiết lập.

234. It is interesting that we are discussing good karma as well as bad. It is easy to translate the word "karma" as *bad* karma.

234. Thật thú vị khi chúng ta đang bàn đến cả nghiệp quả tốt lẫn nghiệp quả xấu. Người ta dễ diễn giải từ "nghiệp quả" thành nghiệp

Both types, however, require attention.

quả *xấu*. Tuy nhiên, cả hai loại đều cần được chú ý.

235. We have been reviewing three modes of work involving both the supervising disciple and the chela he supervises. An adjustment of karma is due, along with the establishment of magnetic interplay and telepathic rapport. If the chela in the Light is to be induced to adjust his karma, it will be through the *thought impression of the senior guiding disciple.*

235. Chúng ta vừa xem xét ba phương thức làm việc liên quan đến cả người đệ tử giám sát lẫn người đệ tử dưới sự giám sát của người ấy. Cần điều chỉnh nghiệp quả, đồng thời thiết lập sự tương tác từ tính và sự giao cảm viễn cảm. Nếu đệ tử trong Ánh sáng được khích lệ để điều chỉnh nghiệp quả của mình, thì điều đó sẽ diễn ra thông qua *sự truyền ấn tượng bằng tư tưởng của người đệ tử hướng dẫn cao niên.*

236. We must get this fact into our minds: the senior guiding disciple works upon the aspirant in his charge through the power of thought, thought impression.

236. Chúng ta phải ghi nhớ sự thật này: người đệ tử hướng dẫn cao niên tác động lên người chí nguyện mình phụ trách thông qua quyền năng tư tưởng, thông qua sự truyền ấn tượng bằng tư tưởng.

237. A most occult statement is made: "all karma, when consciously faced, is precipitated by the power of thought". This is the major lesson. *Recognition* of karma goes a long way toward the *precipitation* of the karma recognized.

237. Một phát biểu hết sức huyền bí được đưa ra: "khi chúng ta đối diện một cách có ý thức với mọi nghiệp quả, quyền năng tư tưởng sẽ làm cho nghiệp quả ấy ngưng tụ". Đây là bài học chủ yếu. *Sự nhận biết* nghiệp quả góp phần rất lớn vào *sự ngưng tụ* của nghiệp quả đã được nhận biết ấy.

238. Much karmic adjustment, then, is handled in the mind. The senior guiding disciple helps the chela in the Light to *see* necessary and possible karmic adjustments *in the Light.* The guiding disciple is a Light bringer, shedding the Light upon the path of the chela in the Light.

238. Như vậy, phần lớn việc điều chỉnh nghiệp quả diễn ra trong thể trí. Người đệ tử hướng dẫn cao niên giúp đệ tử trong Ánh sáng *thấy* những điều chỉnh nghiệp quả cần thiết và khả thi *trong Ánh sáng.* Người đệ tử hướng dẫn là người mang Ánh sáng, chiếu Ánh sáng lên con đường của đệ tử trong Ánh sáng.

239. What is facilitated is the *power to recognize necessary and potential karmic adjustments.* Once there is recognition, that very recognition will precipitate the karma—especially if the chela in the Light meditates upon the karmic situation.

239. Điều được trợ giúp phát triển là *khả năng nhận ra những điều chỉnh nghiệp quả cần thiết và có thể thực hiện.* Một khi có sự nhận biết, chính sự nhận biết ấy sẽ làm ngưng tụ nghiệp quả—đặc biệt nếu đệ tử trong Ánh sáng tham thiền về tình trạng nghiệp quả

đó.

240. We see, then, that we are dealing with a rather subjective matter.

240. Như vậy, chúng ta thấy rằng mình đang bàn đến một vấn đề khá chủ quan.

241. Earlier we may have wondered whether the guiding disciple worked from the inner planes (on egoic levels) or on both inner and outer planes. In this section of the instruction, the work on inner planes is the work emphasized.

241. Trước đó, chúng ta có thể đã tự hỏi liệu người đệ tử hướng dẫn làm việc từ các cõi bên trong, ở các cấp độ chân ngã, hay trên cả các cõi bên trong lẫn bên ngoài. Trong phần huấn thị này, công việc trên các cõi bên trong là điều được nhấn mạnh.

242. Whereas the guiding disciple could be an outward guide as well, we know that the stage of Chela in the Light requires an guiding disciple who can and does work from inner levels, and reports to the Master about the progress of his chela *from inner levels.*

242. Dù người đệ tử hướng dẫn cũng có thể là một người hướng dẫn ở bên ngoài, chúng ta biết rằng giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng đòi hỏi một người đệ tử hướng dẫn có khả năng và thực sự làm việc từ các cấp độ bên trong, đồng thời báo cáo với Chân sư về sự tiến bộ của đệ tử mình *từ các cấp độ bên trong.*

243. Another fact of importance emerges here. The inner guiding disciple is definitely preparing the chela in the Light for the stage of accepted discipleship.

243. Ở đây xuất hiện một sự thật quan trọng khác. Người đệ tử hướng dẫn ở nội tâm chắc chắn đang chuẩn bị cho đệ tử trong Ánh sáng bước vào giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận.

244. The powerful triangle created is between the Master, the guiding disciple and the chela in the Light. Do we sense such a triangle in our own lives?

244. Tam giác đầy quyền năng được tạo thành giữa Chân sư, người đệ tử hướng dẫn và đệ tử trong Ánh sáng. Chúng ta có cảm nhận được một tam giác như vậy trong cuộc sống của chính mình không?

If the chela in the Light is truly in earnest and is consciously developing the higher sensitivity, this stage can be relatively short. Two lives sometimes are sufficient to cover [727] this period. The chela in the Light is one who treads the way of what is called "the lesser revelation"—lesser because it is concerned with the revelation of that which must be done in the personality life; it is not the way of the higher revelation of divinity

Nếu đệ tử trong Ánh sáng thực sự nghiêm túc và đang phát triển một cách có ý thức tính nhạy cảm cao hơn, giai đoạn này có thể tương đối ngắn. Đôi khi, hai kiếp sống là đủ để hoàn tất [727] giai đoạn này. Đệ tử trong Ánh sáng là người bước trên con đường của điều được gọi là "sự mặc khải nhỏ"—nhỏ vì nó liên quan đến sự mặc khải về những gì phải làm trong đời sống phàm ngã; đó không phải là con đường của sự mặc khải cao hơn

and its nature. It is the revelation of that which is already manifested and not of what must be manifested. Ponder on this. The searchlight of the soul reveals faults in character, limitations in expression and inadequacies in conduct. These must be intelligently corrected.

về thiên tính và bản chất của thiên tính. Đó là sự mặc khải về những gì đã biểu hiện, chứ không phải về những gì phải biểu hiện. Hãy suy ngẫm về điều này. Ánh đèn pha của linh hồn phơi bày những khuyết điểm trong tính cách, những giới hạn trong sự biểu đạt và những thiếu sót trong hành vi. Cần sửa chữa những điều này một cách sáng suốt.

245. We remember that the stage of Chela in the Light is concerned with developing higher sensitivity.

245. Chúng ta nhớ rằng giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng liên quan đến việc phát triển tính nhạy cảm cao hơn.

246. We learned that "several lives" is the usual duration of the stage called Little Chelaship. This is a rather inexact measure, and may mean anywhere from four to seven or eight, perhaps.

246. Chúng ta đã được biết rằng "vài kiếp sống" là thời lượng thông thường của giai đoạn được gọi là Địa vị tiểu đệ tử. Đây là một cách tính khá thiếu chính xác, và có lẽ có thể hàm ý từ bốn đến bảy hoặc tám kiếp sống.

247. Here we learn that "two lives" may be sufficient to cover the stage of Chela in the Light. But two lives are only "sometimes sufficient". Perhaps it takes a bit more than two lives—perhaps three, four or five. We do not know exactly.

247. Ở đây, chúng ta được biết rằng "hai kiếp sống" có thể đủ để hoàn tất giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng. Nhưng hai kiếp sống chỉ "đôi khi là đủ". Có lẽ cần hơn hai kiếp sống một chút—có lẽ ba, bốn hoặc năm. Chúng ta không biết chính xác.

248. The two phases (Little Chelaship and Chela in the Light) taken together might cover a duration which is as short as, perhaps, six lives, or as long as, perhaps, twelve thirteen or fourteen lives.

248. Hai giai đoạn—Địa vị tiểu đệ tử và Đệ tử trong Ánh sáng—gộp lại có thể kéo dài ngắn nhất có lẽ là sáu kiếp sống, hoặc lâu nhất có lẽ là mười hai, mười ba hay mười bốn kiếp sống.

249. We remember here our inference that the stage of Little Chelaship begins most probably somewhat *before* the first initiation (how much, we do not know), and that it is possible (though I think, quite unlikely) that the stage of Chela in the Light *could* also begin *before* the first degree. What we *are* told is that an accepted disciple *must* have taken the first initiation. Probably a number of lives can be spent in the stage of accepted disciple *before* the second initiation is

249. Ở đây, chúng ta nhớ lại suy luận của mình rằng giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử rất có thể bắt đầu một khoảng thời gian *trước* lần điểm đạo thứ nhất—bao lâu thì chúng ta không biết—và rằng giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng *có thể* cũng bắt đầu *trước* bậc điểm đạo thứ nhất, dù tôi nghĩ điều đó khá khó xảy ra. Điều chúng ta *thực sự* được cho biết là một đệ tử được chấp nhận *phải* trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Có lẽ một số kiếp sống có thể trôi qua trong giai đoạn đệ tử được chấp

reached. We begin to see why the interval between the first and second initiations may be relatively lengthy.

nhận *trước khi* đạt tới lần điểm đạo thứ hai. Chúng ta bắt đầu thấy vì sao khoảng thời gian giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai có thể tương đối dài.

250. The chela in the Light treads the "Way of the Lesser Revelation". The world of personality (its nature, aptitudes, attitudes and faults) is revealed to the chela in the Light, but not very much of the Divine Plan, per se. To the accepted disciple, the Plan is at least somewhat revealed.

250. Đệ tử trong Ánh sáng bước trên "Con đường của Sự Mặc Khải Nhỏ". Thế giới phàm ngã—bản chất, năng khiếu, thái độ và khuyết điểm của nó—hiển lộ trước đệ tử trong Ánh sáng, nhưng chính Thiên Cơ thì chưa hiển lộ được bao nhiêu. Với đệ tử được chấp nhận, Thiên Cơ ít nhất cũng hiển lộ phần nào.

251. The "revelation of divinity and its nature" must also be a revelation more pertinent to the state of Accepted Discipleship than to the stage of Chela in the Light.

251. Sự "mặc khải về thiên tính và bản chất của thiên tính" hẳn cũng phải là một sự mặc khải phù hợp với trạng thái Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận hơn là với giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng.

252. If we think of an important formula in the science of esoteric psychology we can see a correlation: The formula runs:

252. Nếu nghĩ đến một công thức quan trọng trong khoa học Tâm Lý Học Nội Môn, chúng ta có thể thấy một mối tương quan. Công thức ấy như sau:

7. Alignment

8. Crisis

9. Light

10. Revelation

11. Integration

7. Chỉnh hợp

8. Khủng hoảng

9. Ánh sáng

10. Sự mặc khải

11. Sự tích hợp

253. The disciplic stage of Chela in the Light correlates with the phase called "Light" in this fivefold formula. Once there is alignment with the soul, a crisis ensues, and during the process of that crisis, *light breaks forth* revealing the aspirant to himself. This is definitely a phase of *microcosmic* revelation. It must precede the clear

253. Giai đoạn đệ tử mang tên Đệ tử trong Ánh sáng tương ứng với giai đoạn gọi là "Ánh sáng" trong công thức ngũ phân này. Một khi có sự chỉnh hợp với linh hồn, một cuộc khủng hoảng sẽ tiếp nối, và trong tiến trình của cuộc khủng hoảng ấy, *ánh sáng bừng lên*, giúp người chí nguyện thấy rõ chính mình. Đây chắc chắn là một giai đoạn

revelation of that portion of the Plan with which the aspirant/disciple can definitely assist.

mặc khải *tiểu thiên địa*. Nó phải đi trước sự mặc khải rõ ràng về phần Thiên Cơ mà người chí nguyện hay đệ tử có thể thực sự góp sức thực hiện.

254. The revelation which comes to the chela in the Light is *not* the same as the "Revelation" which is part of the fivefold formula—a greater revelation of the soul and of the Plan.

254. Sự mặc khải đến với đệ tử trong Ánh sáng *không* giống với "Sự Mặc Khải" vốn là một phần của công thức ngũ phân—một sự mặc khải lớn lao hơn về linh hồn và Thiên Cơ.

255. We can see how in different occult processes the same words may be used to describe different dynamics, so we must proceed cautiously.

255. Chúng ta có thể thấy rằng trong những tiến trình huyền bí khác nhau, cùng những từ ngữ ấy có thể mô tả những động thái khác nhau, vì vậy chúng ta phải thận trọng khi tiếp tục tìm hiểu.

256. Perhaps we might say that there are three kinds of revelations: microcosmic, soul, and macrocosmic—correlated to personality, soul and spiritual triad/monad.

256. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng có ba loại mặc khải: tiểu thiên địa, linh hồn và đại thiên địa—tương ứng với phàm ngã, linh hồn và Tam Nguyên Tinh Thần/chân thần.

257. The "higher revelation of divinity and its nature" is related not to that which is *already* manifested, but to that which *must be* manifested—both now and in the future.

257. Sự "mặc khải cao hơn về thiên tính và bản chất của thiên tính" liên quan không phải đến những gì *đã* biểu hiện, mà đến những gì *phải* biểu hiện—cả hiện nay lẫn trong tương lai.

258. The chela in the Light must grow into this higher type of revelation, which he can do, if he follows wisely the guidance of the guiding disciple and his own soul.

258. Đệ tử trong Ánh sáng phải phát triển để đạt tới loại mặc khải cao hơn này; y có thể làm được điều đó nếu sáng suốt tuân theo sự hướng dẫn của người đệ tử hướng dẫn và linh hồn của chính mình.

259. The light of the soul and the light emanating from the thought power of the guiding disciple, throw much light upon the aspirant/disciple's personal life. Faults are revealed and the picture may not be 'pretty'. Deficiencies revealed must be corrected before it becomes possible to move on to the state of accepted disciple.

259. Ánh sáng của linh hồn và ánh sáng phát ra từ quyền năng tư tưởng của người đệ tử hướng dẫn soi rọi rất nhiều vào đời sống cá nhân của người chí nguyện hay đệ tử. Những khuyết điểm lộ ra, và bức tranh ấy có thể không 'đẹp đẽ'. Phải sửa chữa những thiếu sót đã lộ ra trước khi có thể tiến tới trạng thái đệ tử được chấp nhận.

260. When faced with "faults in character, limitations in expression and inadequacies in conduct" the chela in the Light must take action. This is obviously part of his "probation". How will he handle this revelation? We can see that a chela in the Light is being strenuously tested with regard to his personality nature. We can also see why it is reasonable to consider such a chela a *probationary* disciple. A *probation* is a *test.*

260. Khi đối diện với "những khuyết điểm trong tính cách, những giới hạn trong sự biểu đạt và những thiếu sót trong hành vi", đệ tử trong Ánh sáng phải hành động. Rõ ràng, đây là một phần trong giai đoạn "dự bị". Y sẽ ứng phó với sự mặc khải này như thế nào? Chúng ta có thể thấy rằng đệ tử trong Ánh sáng đang chịu sự thử thách gay go về bản chất phàm ngã của mình. Chúng ta cũng có thể thấy vì sao việc xem một đệ tử như vậy là đệ tử *dự bị* là hợp lý. Một giai đoạn *dự bị* là một cuộc *thử thách.*

261. If this stage of correction is to last only two lives, the chela in the Light has his work cut out for him. A rather disciplined and assertive approach to personality management will be required.

261. Nếu giai đoạn sửa chữa này chỉ kéo dài hai kiếp sống, đệ tử trong Ánh sáng sẽ có rất nhiều việc phải làm. Y sẽ cần một cách tiếp cận khá kỷ luật và quyết liệt trong việc quản lý phàm ngã.

In the symbolic charts which the guiding disciple presents to the Master twice a year, the effort made along these lines is indicated, not the results; it is effort which counts. The results will be inevitable and commensurate with the effort. When these charts (three in number) are geometrically related and superimposed one upon the other, they indicate a definite ray pattern. Then the Master can gauge the rate and type of development and can determine the time for authorising the senior disciple to recommend the stage of accepted discipleship. When the demand of the aspirant, the guiding disciple's recommendation, the karmic condition and the note which the Master registers coincide in time, then the third stage is reached.

Trong các biểu đồ biểu tượng mà người đệ tử hướng dẫn trình lên Chân sư mỗi năm hai lần, điều được thể hiện là nỗ lực theo những hướng này, chứ không phải kết quả; chính nỗ lực mới là điều đáng kể. Kết quả tất yếu sẽ đến và tương xứng với nỗ lực. Khi ba biểu đồ này được liên kết về mặt hình học và chồng lên nhau, chúng cho thấy một mô hình cung rõ rệt. Khi ấy, Chân sư có thể đánh giá tốc độ và loại hình phát triển, đồng thời xác định thời điểm cho phép người đệ tử cao niên đề nghị chuyển sang giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận. Khi lời thỉnh cầu của người chí nguyện, lời đề nghị của người đệ tử hướng dẫn, tình trạng nghiệp quả và âm điệu mà Chân sư ghi nhận cùng hội tụ vào một thời điểm, thì giai đoạn thứ ba được đạt tới.

262. It is clear that the guiding disciple has access to the Master at least twice a year. This means that the guiding disciple (when considered from this perspective) would reasonably be a Chela within the Aura, who

262. Rõ ràng, người đệ tử hướng dẫn được tiếp xúc với Chân sư ít nhất mỗi năm hai lần. Điều này có nghĩa là, khi xét từ góc độ này, có thể hợp lý cho rằng người đệ tử hướng dẫn là một Đệ tử trong hào quang, có quyền thu

has the right to set up an interview with the Master for purposes related to the Work.

263. Something of real importance is suggested: it is *effort* which counts with the Masters and not necessary the results. Results will come according to the nature, intensity and quality of the effort.

264. One wonders whether the reporting occurs before the onset of the two yearly interludes, higher and lower. Or, if perhaps, every Ashram has its own kind of rhythm for reporting.

265. The charts used to indicate progress are symbolic. There are three charts and, when superimposed, a definite ray pattern is indicated. These are amazing thoughts and correlate closely with the idea that, in esoteric astrology, patterns of squares, stars and triangles can be superimposed in order to reveal a disciple's position and process.

266. We are being treated to important insights concerning modes of interior progress in relation to the Ashram. The guiding disciple does not initially have the authority to recommend that the aspirant/disciple under his supervision move to the stage of accepted discipleship. The Master watches with care the charts brought to him, and when the charts indicate the possibility, He then *authorizes the guiding disciple* to recommend the aspirant/disciple for the stage of Accepted Discipleship (presumably leaving the exact moment of recommendation to the discretion of the guiding disciple), otherwise one cannot understand why the Master, himself, would not simply conclude that the time had come for the elevation to accepted

xếp một cuộc diện kiến Chân sư vì những mục đích liên quan đến Công việc.

263. Một điều thực sự quan trọng được gợi ra: đối với các Chân sư, chính *nỗ lực* mới là điều đáng kể, chứ không nhất thiết là kết quả. Kết quả sẽ đến tùy theo bản chất, cường độ và phẩm tính của nỗ lực.

264. Chúng ta tự hỏi liệu việc báo cáo có diễn ra trước khi bắt đầu hai thời kỳ gián đoạn hằng năm, thượng và hạ, hay không. Hoặc có lẽ mỗi ashram có nhịp điệu báo cáo riêng.

265. Những biểu đồ dùng để thể hiện sự tiến bộ mang tính biểu tượng. Có ba biểu đồ, và khi chồng lên nhau, chúng cho thấy một mô hình cung rõ rệt. Đây là những ý tưởng đáng kinh ngạc và có mối tương quan chặt chẽ với ý tưởng rằng trong chiêm tinh học nội môn, có thể chồng các mô hình hình vuông, ngôi sao và tam giác lên nhau để làm rõ vị trí và tiến trình của một đệ tử.

266. Chúng ta đang được tiếp cận những hiểu biết sâu sắc và quan trọng về các phương thức tiến bộ nội tâm trong mối liên hệ với ashram. Ban đầu, người đệ tử hướng dẫn chưa có thẩm quyền đề nghị cho người chí nguyện hay đệ tử dưới sự giám sát của mình chuyển sang giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận. Chân sư cẩn thận xem xét những biểu đồ trình lên Ngài, và khi các biểu đồ cho thấy khả năng ấy, Ngài mới *cho phép người đệ tử hướng dẫn* đề nghị cho người chí nguyện hay đệ tử bước vào giai đoạn Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận, có lẽ để người đệ tử hướng dẫn tự quyết định thời điểm chính xác đưa ra lời đề nghị; nếu không, chúng ta không thể hiểu vì sao chính Chân sư lại không đơn giản kết luận rằng đã đến lúc nâng người ấy lên địa vị đệ tử được chấp

discipleship, leaving the guiding disciple out of the decision-making process.

267. It would seem that the Master, by authorizing the guiding disciple to recommend, is acknowledging that a *period* has come during which there is a likelihood that the aspirant/disciple will achieve to the extent that he could be rightly recommended for the stage of Accepted Discipleship. Part of the training of the guiding disciple would be to recognize when the proper moment had come, and then, and only then, to make the recommendation to the Master.

268. The Master, before empowering the guiding disciple to make the recommendation, has been able to gauge the type and rate of development related to the chela in the Light. We can only imagine how much experience would be necessary to judge accurately in this matter.

I would here again remind you that all these stages are related to work in the Ashram and to the life and vitality of the inner group. This group is composed, as you know, of old and experienced disciples and initiates and also of neophytes in various stages of development and also of disciples, passing through the many different stages of the Path. It is these widely different types of active disciples which bring about the inter-relation between the outer and the inner Ashrams, between the objective group upon the outer plane and the very much larger inner group.

269. When dealing with the Six Stages of Discipleship, the Tibetan reminds us of their relation to the ashramic whole. He is asking for us to see them in terms of the world of

nhận, mà không để người đệ tử hướng dẫn tham gia vào tiến trình quyết định.

267. Dường như khi cho phép người đệ tử hướng dẫn đưa ra lời đề nghị, Chân sư đang công nhận rằng đã đến một *thời kỳ* mà trong đó người chí nguyện hay đệ tử có khả năng đạt tới mức độ đủ để có thể được đề nghị một cách chính đáng vào giai đoạn Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận. Một phần trong việc huấn luyện người đệ tử hướng dẫn hẳn là nhận ra khi nào thời điểm thích hợp đã đến, và khi ấy, chỉ khi ấy, mới đưa ra lời đề nghị với Chân sư.

268. Trước khi trao quyền cho người đệ tử hướng dẫn đưa ra lời đề nghị, Chân sư đã có thể đánh giá loại hình và tốc độ phát triển của đệ tử trong Ánh sáng. Chúng ta chỉ có thể hình dung cần phải có biết bao kinh nghiệm mới có thể phán đoán chính xác về vấn đề này.

Ở đây, Tôi muốn nhắc lại với các bạn rằng tất cả các giai đoạn này đều liên quan đến công việc trong ashram và đến sự sống cùng sinh lực của nhóm bên trong. Như các bạn biết, nhóm này gồm các đệ tử lâu năm, giàu kinh nghiệm và các điểm đạo đồ, cũng như những người sơ cơ ở nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, và cả các đệ tử đang trải qua nhiều giai đoạn khác nhau của Đường Đạo. Chính những loại đệ tử tích cực rất khác nhau này tạo nên mối liên hệ qua lại giữa các ashram bên ngoài và bên trong, giữa nhóm khách quan trên cõi bên ngoài và nhóm bên trong lớn hơn rất nhiều.

269. Khi bàn đến Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử, Chân sư Tây Tạng nhắc chúng ta nhớ đến mối liên hệ của chúng với toàn thể ashram. Ngài yêu cầu chúng ta nhìn nhận

meaning and in relation to the larger ashramic context.

chúng trong Thế giới của ý nghĩa và trong mối liên hệ với bối cảnh ashram rộng lớn hơn.

270. Of whom is an Ashram composed?

270. Một ashram gồm những ai?

12. Initiates

12. Các điểm đạo đồ

13. Old and experienced disciples

13. Các đệ tử lâu năm và giàu kinh nghiệm

14. Disciples passing through the many different stages of the Path

14. Các đệ tử đang trải qua nhiều giai đoạn khác nhau của Đường Đạo

15. Neophytes passing through various stages of development

15. Những người sơ cơ đang trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau

271. All these types are certainly needed, and because they exist within the context of the Ashram, the Ashram can be effective. All of these types are required in order to relate the large inner group to the objective group upon the outer plane.

271. Chắc chắn tất cả những loại người này đều cần thiết, và nhờ họ hiện diện trong bối cảnh của ashram mà ashram có thể hoạt động hiệu quả. Cần có tất cả những loại người này để liên kết nhóm lớn bên trong với nhóm khách quan trên cõi bên ngoài.

This brings me to a question which may quite normally arise in the minds of those working in the outer group and loosely related to the inner group: Is the level of the consciousness of the outer Ashram determined by the personnel of that group or by its relation to the whole Ashram of which it forms a relatively small part? When this question is posited by a member of an Ashram, it indicates a definite preoccupation with the personnel of the group and not with the group as an aspect of some Master's Ashram. Disciples need [728] to remember that an Ashram is not confined to a few who may know each other and who may even meet together as Ashram members. An Ashram is an international group; it is composed of souls in incarnation and out of incarnation; it is a synthesis of initiates of various degrees and of accepted

Điều này đưa Tôi đến một câu hỏi có thể nảy sinh hết sức tự nhiên trong thể trí của những người đang làm việc trong nhóm bên ngoài và có liên hệ lỏng lẻo với nhóm bên trong: Cấp độ tâm thức của ashram bên ngoài do các thành viên của nhóm ấy quyết định, hay do mối liên hệ của nhóm với toàn thể ashram mà nó chỉ là một phần tương đối nhỏ? Khi một thành viên của ashram đặt câu hỏi này, điều đó cho thấy người ấy rõ ràng đang bận tâm đến các thành viên của nhóm, chứ không xem nhóm như một phương diện trong ashram của một Chân sư nào đó. Các đệ tử cần [728] nhớ rằng một ashram không chỉ giới hạn trong một vài người có thể biết nhau và thậm chí có thể gặp gỡ nhau với tư cách là thành viên ashram. Một ashram là một nhóm quốc tế; nó gồm các linh hồn đang lâm phàm và không lâm phàm; đó là một tổng hợp của các điểm đạo đồ thuộc

disciples. The Masters do not regard those who have taken the first initiation as initiates. This is a point which needs re-emphasis.

nhiều cấp bậc khác nhau và các đệ tử được chấp nhận. Các Chân sư không xem những người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất là điểm đạo đồ. Đây là một điểm cần nhấn mạnh lại.

272. DK comes to another question which He must have sensed percolating in the minds of some of His chelas. What is the level of consciousness of the outer Ashram (i. e. , of such groups as DK had organized on the physical plane)? What determines the consciousness level of such a group? Do the personnel of the group determine it? Or does the relation of the outer group to the whole Ashram determine the level of consciousness of the group?

272. Chân sư DK chuyển sang một câu hỏi khác mà hẳn Ngài đã cảm nhận đang âm ỉ hình thành trong thể trí của một số đệ tử của Ngài. Cấp độ tâm thức của ashram bên ngoài là gì (nghĩa là, của những nhóm như các nhóm mà Chân sư DK đã tổ chức trên cõi hồng trần)? Điều gì quyết định cấp độ tâm thức của một nhóm như thế? Các thành viên của nhóm có quyết định điều đó không? Hay mối liên hệ của nhóm bên ngoài với toàn thể ashram quyết định cấp độ tâm thức của nhóm?

273. We can sense potential criticism in this question. Perhaps the questioner judges that some members of the outer ashramic group do not have a particularly high consciousness, and wonders whether the whole outer group will be held back by those members. The question seems really a rephrase of a similar question earlier asked and on which DK has already commented.

273. Chúng ta có thể cảm nhận sự chỉ trích tiềm ẩn trong câu hỏi này. Có lẽ người hỏi cho rằng một số thành viên của nhóm ashram bên ngoài không có tâm thức đặc biệt cao, và tự hỏi liệu những thành viên ấy có kìm hãm toàn bộ nhóm bên ngoài hay không. Dường như câu hỏi này thực ra chỉ diễn đạt lại một câu hỏi tương tự đã được đặt ra trước đó và Chân sư DK đã bình luận.

274. But DK sets such questioners straight by advising them that the tendency to ask questions of this nature means that the questioners are preoccupied with the *personnel* of a Master's outer group and not with the group considered as an aspect of the Master's Ashram.

274. Nhưng Chân sư DK chỉnh lại cách nhìn của những người hỏi như thế bằng cách cho họ biết rằng khuynh hướng đặt những câu hỏi thuộc loại này có nghĩa là họ đang bận tâm đến *các thành viên* trong nhóm bên ngoài của một Chân sư, chứ không xem nhóm như một phương diện trong ashram của Chân sư.

275. It would seem that a degree of impersonality would be recommended to such questioners. We can perceive each other as personalities or as souls. Such questioners obviously have not moved

275. Dường như những người hỏi như thế cần được khuyên nên có một mức độ vô ngã nhất định. Chúng ta có thể nhìn nhận nhau như những phàm ngã hoặc như những linh hồn. Rõ ràng những người hỏi như thế vẫn

completely beyond the perception of their group brothers and sisters as personalities.

276. It is well for us to grasp the scope of an Ashram. It is very large group—really an *international* group. *And*, it is composed of souls both in and out of incarnation. We should not underestimate its scope—something often done by those with limited exposure to the wider group.

277. What is said here is important: the Ashram is a "synthesis of initiates of various degrees and of accepted disciples. " (DINA I 728) However, the initiates of various degrees here referenced do include first degree initiates. The inference here is that when a disciple takes the second initiation, he can be regarded as an initiate (at least in the context here discussed). However, first degree initiates can be members of the Ashram (on its periphery), because those who are still first degree initiates *can* become accepted disciples, and accepted disciples are members of the Ashram.

278. The point is clarified below.

Disciples who have taken the second initiation are regarded as "probationary initiates," and only when they have taken the third initiation are they truly initiate from the standpoint of the Hierarchy. The first initiation is sometimes spoken of as the "Lemurian Initiation" and the second as the "Atlantean Initiation," but the third initiation—that of our Aryan race—is technically regarded by Them as the first initiation. This is a new angle upon which I would ask you to think. The term, therefore,

chưa hoàn toàn vượt qua cách nhìn các huynh đệ và tỷ muội trong nhóm mình như những phàm ngã.

276. Chúng ta nên nắm bắt phạm vi của một ashram. Đó là một nhóm rất lớn—thực sự là một nhóm *quốc tế*. *Và* nhóm ấy gồm các linh hồn cả đang lâm phàm lẫn không lâm phàm. Chúng ta không nên đánh giá thấp phạm vi của nó—điều mà những người ít tiếp xúc với nhóm rộng lớn hơn thường làm.

277. Điều được nói ở đây rất quan trọng: ashram là một "tổng hợp của các điểm đạo đồ thuộc nhiều cấp bậc khác nhau và các đệ tử được chấp nhận." (DINA I 728) Tuy nhiên, các điểm đạo đồ thuộc nhiều cấp bậc khác nhau được nhắc đến ở đây quả có bao gồm các điểm đạo đồ bậc một. Điều có thể suy ra ở đây là khi một đệ tử trải qua lần điểm đạo thứ hai, y có thể được xem là một điểm đạo đồ (ít nhất là trong bối cảnh đang bàn ở đây). Tuy nhiên, các điểm đạo đồ bậc một có thể là thành viên của ashram (ở ngoại vi của nó), vì những người vẫn còn là điểm đạo đồ bậc một *có thể* trở thành đệ tử được chấp nhận, và các đệ tử được chấp nhận là thành viên của ashram.

278. Điểm này được làm rõ dưới đây.

Những đệ tử đã trải qua lần điểm đạo thứ hai được xem là "điểm đạo đồ dự bị," và chỉ khi đã trải qua lần điểm đạo thứ ba, họ mới thực sự là điểm đạo đồ theo quan điểm của Thánh đoàn. Lần điểm đạo thứ nhất đôi khi được gọi là "Cuộc Điểm Đạo Lemuria" và lần thứ hai là "Cuộc Điểm Đạo Atlantis," nhưng lần điểm đạo thứ ba—cuộc điểm đạo của nhân loại Arya chúng ta—về mặt chuyên môn được Các Ngài xem là lần điểm đạo thứ nhất. Đây là một góc nhìn mới mà Tôi muốn các bạn suy ngẫm. Vì vậy, thuật ngữ Đệ Tử Được

of Accepted Disciple covers the stages of the first and second initiations; when a disciple has taken the third initiation, he is no longer technically an accepted disciple, even though he still remains in a Master's group until he has taken the fourth initiation. I am pointing out these technicalities so that there may be clarity and proportion in your thinking.

Chấp Nhận bao hàm các giai đoạn của lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai; khi một đệ tử đã trải qua lần điểm đạo thứ ba, về mặt chuyên môn, y không còn là một đệ tử được chấp nhận, mặc dù y vẫn ở trong nhóm của một Chân sư cho đến khi trải qua lần điểm đạo thứ tư. Tôi chỉ ra những chi tiết chuyên môn này để tư duy của các bạn có được sự rõ ràng và ý thức về tỉ lệ.

279. The second degree initiate is in something of a grey area. First degree initiates are not regarded as initiates by the Hierarchy. And, the Hierarchy regards only third degree initiates as *true* initiates. The status of the second degree initiate is, thus, not a true initiate, but still an initiate of some kind. The term chosen to define this classification is "probationary initiate". We can see why the second degree is considered so important, and how it is quite distinct from the first in the eyes of the Hierarchy.

279. Điểm đạo đồ bậc hai ở trong một vùng có phần chưa rõ ràng. Thánh đoàn không xem các điểm đạo đồ bậc một là điểm đạo đồ. Và Thánh đoàn chỉ xem các điểm đạo đồ bậc ba là những điểm đạo đồ *thực sự*. Do đó, địa vị của điểm đạo đồ bậc hai chưa phải là một điểm đạo đồ thực sự, nhưng vẫn là một dạng điểm đạo đồ nào đó. Thuật ngữ được chọn để xác định loại này là "điểm đạo đồ dự bị". Chúng ta có thể thấy vì sao bậc hai được xem là quan trọng đến thế, và trong mắt Thánh đoàn, nó khác biệt rõ rệt với bậc một như thế nào.

280. I am remembering Master DK telling a candidate for the second initiation that "my rating of you is high".

280. Tôi nhớ Chân sư DK đã nói với một ứng viên cho lần điểm đạo thứ hai rằng "Tôi đánh giá em rất cao".

"I would remind you that the emotion to which I refer in connection with you is not that of the ordinary person. *You are confronted with the emotion which the second initiation stirs up.* This is a very different matter. You should realise, therefore, that my rating of you is high." (DINA II 526)

"Tôi muốn nhắc em rằng cảm xúc mà Tôi đề cập khi nói về em không phải là cảm xúc của người bình thường. *Em đang đối diện với cảm xúc mà lần điểm đạo thứ hai khơi dậy.* Đây là một vấn đề rất khác. Vì vậy, em nên nhận ra rằng Tôi đánh giá em rất cao." (DINA II 526)

A long series of lives has led to the second degree, and a new unit of work is commencing. This unit of work can be completed in just a couple of lives or even in one. So we see that the series of initiations—two/three/four—is entirely different from the span of lives comprising the first

Một chuỗi dài các kiếp sống đã dẫn đến bậc hai, và một đơn vị công việc mới đang bắt đầu. Đơn vị công việc này có thể hoàn tất chỉ trong một vài kiếp sống hoặc thậm chí trong một kiếp. Vì vậy, chúng ta thấy rằng chuỗi các cuộc điểm đạo—hai/ba/bốn—hoàn toàn khác với quãng các kiếp sống bao hàm lần

initiation and the series of lives which follow it.

281. The classification of Lemurian, Atlantean and Aryan, when relating to the first three initiations, is familiar to most. Only the Aryan initiate (the initiate of the third degree) is considered, by Hierarchy, to have taken the "first initiation"! This is, for one thing, because the third initiation is the *first solar initiation,* and initiation is a method by which the power and presence of the Solar Logos via the Solar Angel is established in the human consciousness.

282. Very important information meant to induce a proper sense of proportion is here given. Accepted discipleship is a stage which can occur after the first initiation and before the third.

283. Once a disciple has become an initiate of the third degree, he is no longer, technically an accepted disciple.

284. After the third degree the initiate will remain in the Master's group. This seems to suggest that after the fourth degree the initiate may *not* so remain.

An Ashram is, therefore, representative of all stages of unfoldment, from the most advanced to beginners, such as those who read these instructions. The point of importance to each disciple in an Ashram is whether he can step up his consciousness and his conscious response to the ashramic vibration so that he does not hinder the planned activities of the Ashram. Must the senior and the more advanced initiate-disciples halt, or wait and step down their activities so as to give the less advanced the time and opportunity to measure up to

điểm đạo thứ nhất và chuỗi các kiếp sống tiếp theo sau đó.

281. Cách phân loại Lemuria, Atlantis và Arya khi liên hệ với ba lần điểm đạo đầu tiên vốn quen thuộc với phần lớn mọi người. Thánh đoàn chỉ xem điểm đạo đồ Arya (điểm đạo đồ bậc ba) là đã trải qua "lần điểm đạo thứ nhất"! Một lý do là vì lần điểm đạo thứ ba là *lần điểm đạo thái dương đầu tiên,* và điểm đạo là một phương pháp qua đó quyền năng cùng sự hiện diện của Thái dương Thượng đế, thông qua Thái dương Thiên Thần, được thiết lập trong tâm thức con người.

282. Ở đây có những thông tin rất quan trọng nhằm khơi dậy một ý thức đúng đắn về tỉ lệ. Địa vị đệ tử được chấp nhận là một giai đoạn có thể xuất hiện sau lần điểm đạo thứ nhất và trước lần thứ ba.

283. Một khi đệ tử đã trở thành điểm đạo đồ bậc ba, về mặt chuyên môn, y không còn là một đệ tử được chấp nhận.

284. Sau bậc ba, điểm đạo đồ vẫn ở trong nhóm của Chân sư. Điều này dường như gợi ý rằng sau bậc bốn, điểm đạo đồ có thể *không* còn ở lại như vậy.

Vì vậy, một ashram đại diện cho mọi giai đoạn khai mở, từ những người tiến bộ nhất đến những người mới bắt đầu, chẳng hạn như những người đọc các huấn thị này. Điểm quan trọng đối với mỗi đệ tử trong một ashram là liệu y có thể nâng cao tâm thức và sự đáp ứng có ý thức của mình đối với rung động của ashram, để không cản trở các hoạt động đã hoạch định của ashram hay không. Liệu các đệ tử-điểm đạo đồ cao niên và tiến bộ hơn có phải dừng lại, hay chờ đợi và giảm mức độ hoạt động để dành cho những người ít tiến bộ hơn thời gian và cơ hội vươn tới

them? The question therefore is: Do the senior disciples wait or do the junior disciples hinder?

285. Master DK is always correcting distorted and inflated points of view. In speaking of the personnel of an Ashram, He speaks of those who are advanced as of those who are beginners. Those who read *these* instructions are beginners! Those who do not even bother to read these instructions (ignoring them while knowing they exist) may not have even begun.

286. DK now addresses each disciple who may be "in an Ashram". The task incumbent upon such an one is to "step up his consciousness and his conscious response to the ashramic vibration so that he does not hinder the planned activities of the Ashram". This means, for the neophyte in the Ashram, greatly increased pressure. He must rise and make the grade, or he proves a hindrance to ashramic plans.

287. Again the same sort of question is posed. It boils down to this: "Do the senior disciples wait or do the junior disciples hinder?"

288. Perhaps through correct division of labor, the senior disciple need not wait, and the junior disciple, though not capable of measuring up to the vibration of the senior disciples, will not hinder.

I would assure you that the standard of measurement is not a dead level and I would assure beginners that they cannot hinder the advanced members of an Ashram, but that they can throw themselves out of the sphere of activity, though not out of the

trình độ của họ không? Vì vậy, câu hỏi là: Các đệ tử cao niên có chờ đợi hay các đệ tử ít thâm niên có gây cản trở?

285. Chân sư DK luôn chỉnh lại những quan điểm méo mó và phóng đại. Khi nói về các thành viên của một ashram, Ngài nói đến cả những người tiến bộ lẫn những người mới bắt đầu. Những người đọc các huấn thị *này* là những người mới bắt đầu! Những người thậm chí không buồn đọc các huấn thị này (phớt lờ chúng dù biết chúng hiện hữu) có lẽ còn chưa bắt đầu.

286. Giờ đây, Chân sư DK nói với từng đệ tử có thể đang "ở trong một ashram". Nhiệm vụ mà một người như thế phải đảm nhận là "nâng cao tâm thức và sự đáp ứng có ý thức của mình đối với rung động của ashram, để không cản trở các hoạt động đã hoạch định của ashram". Đối với người sơ cơ trong ashram, điều này có nghĩa là áp lực gia tăng rất nhiều. Y phải vươn lên và đạt yêu cầu, nếu không y sẽ trở thành một trở ngại đối với các kế hoạch của ashram.

287. Một lần nữa, cùng loại câu hỏi ấy lại được đặt ra. Cốt lõi của câu hỏi là: "Các đệ tử cao niên có chờ đợi hay các đệ tử ít thâm niên có gây cản trở?"

288. Có lẽ nhờ phân công lao động đúng đắn, đệ tử cao niên không cần chờ đợi, còn đệ tử ít thâm niên, dù chưa thể đạt tới rung động của các đệ tử cao niên, cũng sẽ không gây cản trở.

Tôi muốn bảo đảm với các bạn rằng chuẩn mực đánh giá không phải là một mức đồng loạt cứng nhắc, và Tôi muốn bảo đảm với những người mới bắt đầu rằng họ không thể cản trở các thành viên tiến bộ của một ashram, nhưng họ có thể tự đẩy mình ra

group. It is the unready and the untrained who do the waiting, not the ready and the truly dedicated.

289. Master DK does not answer explicitly. He seems to suggest that the "standard of measurement" is neither the highest nor the lowest.

290. Elsewhere He has spoken of the need for some to slacken their pace while others must hasten it. Perhaps there is a compromise.

291. In any case, beginners "cannot hinder the advanced members of an Ashram" but, through wrong thought and action, they can "throw themselves out of the sphere of activity, though not out of the group" This last proviso is interesting and important, and suggests the magnetic benevolence of the Ashram.

292. We see that great stress descends upon the disciple who enters an Ashram as a neophyte. A most concerted effort is required of him, and it is expected that he will make that effort, even if he does not immediately succeed in elevating his vibration to the degree he might hope.

293. Finally, we learn that it is the "unready and untrained who do the waiting, not the ready and truly dedicated".

294. What is the implication? Dedicate yourself to the Ashram, truly dedicate yourself, and do what it takes to make yourself ready. Otherwise you cannot

khỏi phạm vi hoạt động, dù không ra khỏi nhóm. Chính những người chưa sẵn sàng và chưa được huấn luyện phải chờ đợi, chứ không phải những người đã sẵn sàng và thực sự tận hiến.

289. Chân sư DK không trả lời một cách tường minh. Dường như Ngài gợi ý rằng "chuẩn mực đánh giá" không phải là mức cao nhất cũng không phải là mức thấp nhất.

290. Ở nơi khác, Ngài đã nói rằng một số người cần chậm bước lại trong khi những người khác phải đẩy nhanh bước tiến. Có lẽ có một sự dung hòa.

291. Dù sao đi nữa, những người mới bắt đầu "không thể cản trở các thành viên tiến bộ của một ashram" nhưng qua tư tưởng và hành động sai lầm, họ có thể "tự đẩy mình ra khỏi phạm vi hoạt động, dù không ra khỏi nhóm" Điều kiện giới hạn sau cùng này vừa thú vị vừa quan trọng, và gợi cho thấy lòng nhân từ mang từ tính của ashram.

292. Chúng ta thấy đệ tử gia nhập một ashram với tư cách người sơ cơ phải chịu áp lực lớn. Y cần nỗ lực hết sức tập trung, và người ta kỳ vọng y sẽ thực hiện nỗ lực ấy, dù y chưa lập tức thành công trong việc nâng rung động của mình lên mức mong muốn.

293. Cuối cùng, chúng ta biết rằng chính "những người chưa sẵn sàng và chưa được huấn luyện phải chờ đợi, chứ không phải những người đã sẵn sàng và thực sự tận hiến".

294. Điều này hàm ý gì? Hãy tận hiến cho ashram, thực sự tận hiến, và làm những gì cần thiết để chuẩn bị cho mình sẵn sàng. Nếu không, các bạn không thể tiến nhanh

proceed as rapidly as you could and should.

[729]

The task of the Master is to stimulate as many as possible in His group to work consistently on levels of spiritual activity, wherein the fire of the will-to-love may animate and dominate. Frequently, a part of the Ashram is still struggling with the first stages in the task of understanding the fires of the mind; these must be first comprehended and their fiery essence quenched before the fire of the will-to-love can flow through the disciple.

295. As the new member of the Ashram struggles to make the grade, what must the Master do? His task is *stimulation.* He attempts to stimulate His group and its personnel "to work consistently on levels of spiritual activity, wherein the fire of the will-to-love may animate and dominate".

296. We remember in these instructions the importance of the will-to-love which is the "love of the Whole and the ability to do that which is needed for the good of the group in the right way and with the needed skill in action. "

297. Animation is the first stage; domination is the second, and signifies even more complete control of the disciple by the will-to-love.

298. The division between heart and mind is discussed. From this perspective, heart is superior to mind. The mind must be subdued, its "fiery essence quenched before the fire of the will-to-love can flow through

như mình có thể và nên tiến.

[729]

Nhiệm vụ của Chân sư là kích thích càng nhiều người trong nhóm của Ngài càng tốt để họ hoạt động nhất quán trên các cấp độ hoạt động tinh thần, nơi ngọn lửa của Ý Chí-Yêu Thương có thể tiếp sinh khí và chi phối. Thường thì một bộ phận của ashram vẫn còn vật lộn với những giai đoạn đầu trong nhiệm vụ thấu hiểu các ngọn lửa của thể trí; trước hết, phải thấu hiểu những ngọn lửa này và dập tắt tinh chất rực lửa của chúng trước khi ngọn lửa của Ý Chí-Yêu Thương có thể tuôn chảy qua đệ tử.

295. Khi thành viên mới của ashram nỗ lực đạt yêu cầu, Chân sư phải làm gì? Nhiệm vụ của Ngài là *kích thích*. Ngài cố gắng kích thích nhóm của Ngài và các thành viên trong đó "hoạt động nhất quán trên các cấp độ hoạt động tinh thần, nơi ngọn lửa của Ý Chí-Yêu Thương có thể tiếp sinh khí và chi phối".

296. Chúng ta nhớ rằng trong các huấn thị này, Ý Chí-Yêu Thương có tầm quan trọng lớn; đó là "tình thương đối với Toàn Thể và khả năng làm điều cần thiết vì lợi ích của nhóm theo cách đúng đắn và với kỹ năng hành động cần có."

297. Tiếp sinh khí là giai đoạn thứ nhất; chi phối là giai đoạn thứ hai, và biểu thị sự kiểm soát còn trọn vẹn hơn của Ý Chí-Yêu Thương đối với đệ tử.

298. Sự phân chia giữa trái tim và thể trí được bàn đến. Từ góc nhìn này, trái tim cao hơn thể trí. Phải chế ngự thể trí, "dập tắt tinh chất rực lửa của nó trước khi ngọn lửa của Ý Chí-Yêu Thương có thể tuôn chảy qua đệ tử".

the disciple". This is a cautionary note.

299. Those who have just entered the Ashram are more likely to be involved with the third aspect of divinity and hence the mind, than those who are more experienced. The second aspect and the fire of love is their objective.

The point to be grasped is that the work of the Ashram goes on and disciples and initiates (whose hearts are aflame) continue to work unimpeded. This covers the individual reaction to the Ashram personnel. But where all the group are aflame with love and are living as souls, then the Ashram becomes a vital centre or vortex of force and dynamically effective. The effort of the Masters Who work through the method of forming Ashrams is to bring about as rapidly as possible this unity of love and intention (will). It is only the beginner who is preoccupied with his individual effect in an Ashram. The trained, released disciples are more concerned with the task to be carried on and with the work to be done. An individual disciple may suffer in his personality as a result of the failure of his group brothers to understand or to arrest the fire of their minds, but he goes on steadily with the work and his personal effectiveness, as a serving unit, remains unaffected. He knows that some day they will be liberated from themselves. In the meantime, he labours to offset their influence and to this extent his task is harder, but he knows that they are on the way to understanding; he knows too that at present they cannot help but see in him and even in their Master the very qualities which are dominating them. For, my brother, we see in others what is in us, even when it is not there at all or to the same extent.

Đây là một lời lưu ý cảnh tỉnh.

299. Những người vừa gia nhập ashram có nhiều khả năng gắn với phương diện thứ ba của thiên tính, và do đó với thể trí, hơn những người giàu kinh nghiệm hơn. Phương diện thứ hai và ngọn lửa của tình thương là mục tiêu của họ.

Điểm cần nắm bắt là công việc của ashram vẫn tiếp diễn, và các đệ tử cùng các điểm đạo đồ (có trái tim rực lửa) vẫn tiếp tục làm việc mà không bị cản trở. Điều này bao quát phản ứng của cá nhân đối với các thành viên ashram. Nhưng khi cả nhóm đều rực cháy tình thương và sống như những linh hồn, thì ashram trở thành một trung tâm đầy sinh lực hay một xoáy mãnh lực, và phát huy hiệu quả mạnh mẽ. Các Chân sư làm việc theo phương pháp thành lập các ashram luôn nỗ lực mang lại sự hợp nhất này của tình thương và ý định (ý chí) càng nhanh càng tốt. Chỉ người mới bắt đầu mới bận tâm đến ảnh hưởng cá nhân của mình trong một ashram. Các đệ tử đã được huấn luyện và giải thoát quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ phải tiếp tục thực hiện và công việc phải làm. Một đệ tử có thể chịu đau khổ trong phàm ngã vì các huynh đệ trong nhóm không thấu hiểu hoặc không kiềm chế được ngọn lửa của thể trí họ, nhưng y vẫn kiên trì tiếp tục công việc, và hiệu quả cá nhân của y với tư cách một đơn vị phụng sự vẫn không suy giảm. Y biết rằng một ngày nào đó họ sẽ được giải thoát khỏi chính mình. Trong lúc chờ đợi, y nỗ lực hóa giải ảnh hưởng của họ, và trong chừng mực ấy, nhiệm vụ của y khó khăn hơn, nhưng y biết rằng họ đang trên đường đi đến sự thấu hiểu; y cũng biết rằng hiện nay họ không thể không nhìn thấy nơi y, và ngay cả nơi Chân sư của họ, chính những phẩm tính đang chi phối họ. Vì, huynh đệ của Tôi, chúng ta nhìn thấy nơi

Disciples need to learn the distinction between true analytical insight and so-called criticism. A Master does not criticise the members of His Ashram. He seeks to analyse for them the points wherein they may hinder the usefulness of the service of the Ashram. There is a basic distinction between this constructive aid and the criticism which is based on a sense of personal superiority and a love of fault finding.

người khác những gì có trong mình, ngay cả khi những điều ấy hoàn toàn không có ở họ hoặc không có đến mức ấy. Các đệ tử cần học cách phân biệt giữa sự thấu suốt mang tính phân tích chân chính và điều được gọi là sự chỉ trích. Một Chân sư không chỉ trích các thành viên trong ashram của Ngài. Ngài tìm cách phân tích cho họ thấy những điểm mà họ có thể làm giảm tính hữu ích của công việc phụng sự của ashram. Có một sự khác biệt căn bản giữa sự trợ giúp mang tính xây dựng này và sự chỉ trích dựa trên cảm giác cá nhân mình vượt trội cùng sự ưa thích bới lỗi.

300. The successful worker in any Ashram has "heart aflame". This is an essential prerequisite, for the Hierarchy is the Hierarchy of *Love*.

300. Người hoạt động thành công trong bất kỳ ashram nào đều có "trái tim rực lửa". Đây là một điều kiện tiên quyết thiết yếu, vì Thánh đoàn là Thánh đoàn của *Bác ái*.

301. The Master must see to it that "all the group are aflame and living as souls". Then the Ashram can become a factor of moment in the life of the Hierarchy.

301. Chân sư phải bảo đảm rằng "cả nhóm đều rực lửa và sống như những linh hồn". Khi ấy, ashram có thể trở thành một nhân tố quan trọng trong đời sống của Thánh đoàn.

302. Ashrams are to be qualified particularly by the unity of love and will (or intention). Intelligence, the third aspect, is assumed.

302. Các ashram phải đặc biệt mang phẩm tính hợp nhất của tình thương và ý chí (hay ý định). Trí thông tuệ, phương diện thứ ba, được mặc nhiên xem là đã có.

303. The difference between the ashramic beginner and those more experienced is clear. The beginner is *self-preoccupied*. The experienced ashramic worker is getting on with the ashramic task and is not concerned with his position within the Ashram or in relation to the Master. The experienced worker is far more decentralized.

303. Sự khác biệt giữa người mới bắt đầu trong ashram và những người giàu kinh nghiệm hơn là rõ ràng. Người mới bắt đầu *bận tâm đến bản thân*. Người hoạt động giàu kinh nghiệm trong ashram tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của ashram và không bận tâm đến vị trí của mình trong ashram hay trong mối liên hệ với Chân sư. Người hoạt động giàu kinh nghiệm đã phi tập trung vào bản thân nhiều hơn hẳn.

304. We see that the experienced ashramic worker works despite any suffering which may arise because his fellow disciples fail to

304. Chúng ta thấy người hoạt động giàu kinh nghiệm trong ashram vẫn làm việc bất chấp mọi đau khổ có thể nảy sinh vì các đệ tử

arrest the fires of mind, unleashing it upon him (and even upon the Master!) Suffering there will be, because the spirit of criticism is hard to outgrow. But he (the experienced one) goes forward with determination, understanding and forbearance. He has "been there", and knows that, at length, the fires of love will supersede the fires of mind. He works and patiently waits for his younger brothers to outgrow themselves.

đồng môn không kiềm chế được những ngọn lửa của thể trí, để chúng trút lên y (và thậm chí lên cả Chân sư!) Đau khổ sẽ có, vì tinh thần chỉ trích là điều khó vượt qua. Nhưng y (người giàu kinh nghiệm) vẫn tiến bước với sự quyết tâm, thấu hiểu và khoan dung. Y đã "từng trải qua điều đó", và biết rằng cuối cùng những ngọn lửa của tình thương sẽ thay thế những ngọn lửa của thể trí. Y làm việc và kiên nhẫn chờ đợi các huynh đệ ít thâm niên hơn vượt lên chính mình.

305. One gathers the impression that we cannot help but suffer from each other. It is the attitude we assume during such suffering which is of importance. We cannot return criticism for criticism received. This only perpetuates the negative cycle. We have no choice but to "bear with" each other, trusting that growth into greater maturity is inevitable.

305. Người ta có cảm tưởng rằng chúng ta không thể tránh khỏi việc chịu đau khổ vì nhau. Điều quan trọng là thái độ của chúng ta trong lúc chịu đau khổ như thế. Chúng ta không thể đáp lại sự chỉ trích bằng sự chỉ trích. Điều này chỉ kéo dài chu kỳ tiêu cực. Chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài việc "nhẫn nại với" nhau, tin rằng sự phát triển hướng đến mức trưởng thành cao hơn là điều tất yếu.

306. The great psychological truth of *projection* is here discussed. Is it not astonishing to realize that we see in our fellow disciples, and even in our Master, that which is in ourselves? The discovery of our projections and their withdrawal always comes as a shock to the consciousness. Thus, humility arises.

306. Chân lý tâm lý học lớn lao về *sự phóng chiếu* được bàn đến ở đây. Chẳng phải thật đáng kinh ngạc khi nhận ra rằng chúng ta nhìn thấy nơi các đệ tử đồng môn, và ngay cả nơi Chân sư của mình, những gì có trong chính mình sao? Việc phát hiện những phóng chiếu của mình và thu hồi chúng luôn gây chấn động cho tâm thức. Nhờ đó, lòng khiêm nhường nảy sinh.

307. DK closes this paragraph making a distinction between analysis and criticism; the first is "constructive aid" and the second based on a sense of "personal superiority and a love of fault finding". We can see how closely the dynamics of criticism (as usually practiced) are related to the exaltation of the ego. We can see how far the criticizing one is from the realization of soul. The loving individual does not engage in destructive

307. Chân sư DK kết thúc đoạn này bằng cách phân biệt giữa phân tích và chỉ trích; điều thứ nhất là "sự trợ giúp mang tính xây dựng", còn điều thứ hai dựa trên cảm giác "cá nhân mình vượt trội cùng sự ưa thích bới lỗi". Chúng ta có thể thấy động lực của sự chỉ trích (như thường được thực hiện) gắn chặt với việc đề cao phàm ngã đến mức nào. Chúng ta có thể thấy người chỉ trích còn cách xa sự nhận biết linh hồn đến đâu. Người

criticism. He analyzes for the sake of helping his fellow human beings.

giàu tình thương không tham gia vào sự chỉ trích mang tính phá hoại. Y phân tích nhằm giúp đỡ đồng loại.

[730]

[730]

Each Master has reached the point where the vision is clear to Him; this is part of the reward accorded to the initiate. He identifies Himself with it, colouring it necessarily, richly and helpfully with His ray "apprehension," and interpreting it in terms of His contribution to the whole. Therein lies the secret of the inevitable and the unhinderable (is there such a word, brother of mine?) success of the vision as it is materialised through the combined efforts of the Hierarchy, conditioned in time and space by some Master or group of Masters, working on some one ray or rays. In the early days of the present cycle of hierarchical effort (between 1925 and 1936), the ray at work upon humanity was the first ray. The activity of this ray culminated in the declaration of war by Great Britain in 1939, when the destructive force of that ray—misapplied and misdirected—led Germany to invade Poland. In 1932, the influence of the second ray began to assert itself and will continue to do so until 1945 when the seventh ray will swing slowly into activity. You will then have three rays producing simultaneous effects upon mankind:

Mỗi Chân sư đều đã đạt đến điểm mà tầm nhìn trở nên rõ ràng đối với Ngài; đây là một phần phần thưởng dành cho điểm đạo đồ. Ngài đồng hoá với tầm nhìn ấy, tất nhiên làm cho nó mang sắc thái phong phú và hữu ích qua "sự lĩnh hội" theo cung của Ngài, và diễn giải nó theo sự đóng góp của Ngài vào toàn thể. Chính trong đó có bí quyết thành công tất yếu và không thể ngăn cản (huynh đệ của Tôi, có cách nói như thế chăng?) của tầm nhìn khi nó hiện hình qua những nỗ lực phối hợp của Thánh đoàn, do một Chân sư hay một nhóm Chân sư hoạt động trên một hay nhiều cung định hình trong thời gian và không gian. Trong những năm đầu của chu kỳ nỗ lực hiện nay của Thánh đoàn (từ năm 1925 đến năm 1936), cung tác động lên nhân loại là cung một. Hoạt động của cung này đạt đỉnh điểm khi Anh Quốc tuyên chiến vào năm 1939, lúc mãnh lực hủy diệt của cung ấy—bị áp dụng sai và hướng dẫn sai—đã dẫn nước Đức đến việc xâm lược Ba Lan. Năm 1932, ảnh hưởng của cung hai bắt đầu khẳng định và sẽ tiếp tục như thế cho đến năm 1945, khi cung bảy từ từ đi vào hoạt động. Khi ấy, các bạn sẽ có ba cung đồng thời tạo ảnh hưởng lên nhân loại:

308. A Master is an initiate, and a true initiate has clear vision—increasing in clarity with every subsequent initiation.

308. Một Chân sư là một điểm đạo đồ, và một điểm đạo đồ thực sự có tầm nhìn rõ ràng—ngày càng rõ hơn qua mỗi lần điểm đạo tiếp theo.

309. A Master's vision is colored (richly and helpfully) by his "ray 'apprehension'". The Master thinks ever in terms of His

309. Tầm nhìn của một Chân sư mang sắc thái phong phú và hữu ích từ "sự 'lĩnh hội'". theo cung của Ngài. Chân sư luôn suy nghĩ

contribution to the whole.

310. Such a vision is sure to materialize at length. It cannot be hindered. It is materialized through "the combined efforts of the Hierarchy" and is aided by certain Masters or groups of Masters working on one or other of the rays.

311. Thus, a Master is in a good position to lovingly analyze His chelas (though in His analysis He may choose to be direct).

312. The implication is that, if analysis is really to be helpful, it must come from one with clear vision and, hopefully, with an initiate consciousness. We, who may not be at that point of development, can at least analyze with correct motive—even if our vision is somewhat obscured.

313. Certain hints are here given which could be seized upon by a ray theorist to expand the knowledge of the Science of Cycles.

16. From 1925-1939, the first ray was active (fifteen years)

17. From 1932-1957, it was the second ray (twenty-five years)

18. After 1945, the seventh ray

314. These statements must be correlated with what is said on EP I, 26 about the duration of ray cycles. The numbers given above are given for a purpose and can be penetrated.

về sự đóng góp của Ngài cho toàn thể.

310. Một tầm nhìn như thế chắc chắn cuối cùng sẽ hiện hình. Không gì có thể cản trở nó. Nó hiện hình nhờ "những nỗ lực phối hợp của Thánh đoàn" và nhận được sự trợ giúp của một số Chân sư hoặc nhóm Chân sư hoạt động trên cung này hay cung khác.

311. Do đó, một Chân sư có đủ điều kiện thuận lợi để phân tích các đệ tử của Ngài với tình thương (dù trong sự phân tích ấy, Ngài có thể chọn cách nói thẳng).

312. Điều này hàm ý rằng, để sự phân tích thực sự hữu ích, nó phải xuất phát từ một người có tầm nhìn sáng rõ và, hy vọng là, có tâm thức của một điểm đạo đồ. Chúng ta, những người có thể chưa đạt đến trình độ phát triển ấy, ít nhất cũng có thể phân tích với động cơ đúng đắn—dù tầm nhìn của chúng ta còn phần nào bị che mờ.

313. Ở đây có một số gợi ý mà một nhà lý thuyết về các cung có thể nắm lấy để mở rộng tri thức về Khoa Học Chu Kỳ.

16. Từ 1925–1939, cung một hoạt động (mười lăm năm)

17. Từ 1932–1957, đó là cung hai (hai mươi lăm năm)

18. Sau năm 1945, cung bảy

314. Cần đối chiếu những phát biểu này với nội dung trong Tâm Lý Học Nội Môn I, trang 26, về thời lượng của các chu kỳ cung. Những con số nêu trên được đưa ra với một mục đích và chúng ta có thể thấu suốt ý nghĩa của chúng.

2. The first Ray of Will or Power, expending its force.

315. Interestingly, the years corresponding to the first ray cycle were approximately the years in which Master M. collaborated with Mme. Roerich in the writing of the Agni Yoga books.

2. The second Ray of Love-wisdom, reaching its meridian and holding the centre of the stage until 1957.

316. The second ray cycle (as given here) has a duration of twenty-five years, which seems to be half of a fifty year second ray cycle. A period of 500 years is the second ray racial cycle, and fifty years is one tenth of that. Twenty-five years therefore reasonably represents the waxing aspect of that fifty year cycle and another twenty five the waning aspect. For more details, enquire about the work of Stephen Pugh, who has given much time and brilliant thought to these considerations.

317. With this thought in mind, we would presume that the year 1982 would be the point at which the second ray (in this fifty year cycle) was retracted.

318. If the cycles are continuous, another period culminating in 2007 would begin in 1982, and that cycle would not subside completely until 2032.

319. The year 2075 has to be important in second ray cycles, as the incoming second ray began a 500 year cycle in 1575.

320. It is obviously not easy to make the

2. Cung một của Ý Chí hay Quyền Năng, đang phát huy mãnh lực của mình.

315. Điều thú vị là những năm tương ứng với chu kỳ cung một gần trùng với những năm Chân sư M. cộng tác với Bà Roerich để viết các sách Agni Yoga.

2. Cung hai của Bác Ái – Minh Triết, đang đạt đến đỉnh cao và giữ vị trí trung tâm cho đến năm 1957.

316. Chu kỳ cung hai (như được nêu ở đây) kéo dài hai mươi lăm năm, dường như bằng một nửa của một chu kỳ cung hai kéo dài năm mươi năm. Chu kỳ cung hai của nhân loại kéo dài 500 năm, và năm mươi năm bằng một phần mười chu kỳ ấy. Vì vậy, có cơ sở để xem hai mươi lăm năm là giai đoạn tăng trưởng của chu kỳ năm mươi năm ấy, và hai mươi lăm năm tiếp theo là giai đoạn suy giảm. Để biết thêm chi tiết, hãy tìm hiểu công trình của Stephen Pugh, người đã dành nhiều thời gian và những suy tư xuất sắc cho các vấn đề này.

317. Với ý tưởng này, chúng ta có thể suy đoán rằng năm 1982 là thời điểm cung hai (trong chu kỳ năm mươi năm này) được thu hồi.

318. Nếu các chu kỳ nối tiếp liên tục, một giai đoạn khác đạt đỉnh vào năm 2007 sẽ bắt đầu từ năm 1982, và chu kỳ ấy sẽ không hoàn toàn lắng xuống cho đến năm 2032.

319. Năm 2075 hẳn phải quan trọng trong các chu kỳ cung hai, vì cung hai đang đi vào đã bắt đầu một chu kỳ 500 năm vào năm 1575.

320. Rõ ràng, không dễ làm cho các chu kỳ

large cycles and various apparent sub-cycles fit neatly into any imagined scheme.

lớn và những chu kỳ phụ khác nhau có vẻ hiện hữu khớp một cách gọn ghẽ vào bất kỳ sơ đồ nào do chúng ta hình dung.

3. The seventh Ray of Ceremonial Order, coming into activity in combination with the other two—the will-to-love and the will-to-order—producing beauty out of the present chaos.

3. Cung bảy của Trật Tự Nghi Lễ, đang đi vào hoạt động kết hợp với hai cung kia—Ý Chí-Yêu Thương và ý chí hướng tới trật tự—tạo nên vẻ đẹp từ sự hỗn loạn hiện nay.

321. We do see the necessary union of the first, second and seventh rays.

321. Chúng ta quả thực thấy sự hợp nhất cần thiết của các cung một, hai và bảy.

322. The duration of this particular seventh ray cycles is not given. The number *seven* however is important in seventh ray cycles, and a seventy year period may be influential here. Such a cycle would conclude in 2015.

322. Thời lượng của chu kỳ cung bảy cụ thể này không được nêu ra. Tuy nhiên, con số *bảy* rất quan trọng trong các chu kỳ cung bảy, và một giai đoạn bảy mươi năm có thể có ảnh hưởng ở đây. Một chu kỳ như thế sẽ kết thúc vào năm 2015.

The disciples, therefore, of the Master Morya, of the Master Koot Hoomi and of the Master Rakoczi are reaching out towards a period of the intensest activity. The destiny of the world lies in the hands of Their three groups of initiated disciples; with Them, the accepted disciples of the three groups are asked to cooperate and this offers opportunity to many everywhere. As they seek to vision the Plan, to cooperate with the three Masters and Their initiate groups, their opportunity will emerge. This triangle of energy is held responsible by the great Leaders in Shamballa for the regularising of world affairs. More than this it is not necessary for humanity to know.

Vì vậy, các đệ tử của Chân sư Morya, Chân sư Koot Hoomi và Chân sư Rakoczi đang hướng tới một giai đoạn hoạt động mãnh liệt nhất. Vận mệnh thế giới nằm trong tay ba nhóm đệ tử đã được điểm đạo của Các Ngài; các đệ tử được chấp nhận thuộc ba nhóm được yêu cầu hợp tác với Các Ngài, và điều này mở ra cơ hội cho nhiều người ở khắp nơi. Khi họ tìm cách thấy được tầm nhìn về Thiên Cơ, hợp tác với ba Chân sư và các nhóm điểm đạo đồ của Các Ngài, cơ hội của họ sẽ xuất hiện. Tam giác năng lượng này được các Đấng Lãnh Đạo vĩ đại tại Shamballa giao trách nhiệm đưa các sự vụ thế giới vào trật tự. Nhân loại không cần biết nhiều hơn điều này.

323. This paragraph focuses on the great responsibility lying in the hands of Master M. , Master KH, and Master R.

323. Đoạn này tập trung vào trách nhiệm lớn lao nằm trong tay Chân sư M., Chân sư KH và Chân sư R.

324. The statement is an amazing one: "The destiny of the world lies in the hands of

324. Đây là một phát biểu đáng kinh ngạc: "Vận mệnh thế giới nằm trong tay ba nhóm

Their three groups of initiated disciples". Presumably, this is still the case.

325. Accepted disciples within the three groups are asked to cooperate with the "initiate disciples". All the accepted disciples within these Ashrams (which include most esotericists) have opportunity within this context.

326. If we find ourselves (or feel ourselves) affiliated with such a group, what should be our orientation. The first task is to "seek to vision the Plan". Based upon what we understand through such an envisioning, our next task is to cooperate with the three Masters and Their initiated groups.

327. These Masters and Their groups are held responsible by Shamballa "for the regularizing of world affairs". In the term "regularizing" we can see the importance of the seventh ray.

Forget not, an Ashram is a vortex of force and a centre of energy—a centre through which both force and energy flow in [731] order that the vision may be materialised. This force and energy is, in the last analysis, directed by a Master, by a group of three senior initiates and by another group of lesser initiates, thus representing (in each Ashram) a miniature of the planetary government. These step down the inflowing energy so that accepted disciples can handle it safely and act as distributing agents. The energy with which the Masters work comes from Shamballa; the forces with which They work are provided from within the Hierarchy itself, and just in so far as the accepted disciples react to the combined forces will it be possible for them to be used

đệ tử đã được điểm đạo của Các Ngài". Có lẽ hiện nay điều này vẫn đúng.

325. Các đệ tử được chấp nhận trong ba nhóm được yêu cầu hợp tác với các "đệ tử đã được điểm đạo". Tất cả các đệ tử được chấp nhận trong những ashram này (bao gồm phần lớn các nhà bí truyền học) đều có cơ hội trong bối cảnh ấy.

326. Nếu chúng ta thấy mình (hoặc cảm thấy mình) có liên hệ với một nhóm như thế, chúng ta nên định hướng ra sao. Nhiệm vụ đầu tiên là "tìm cách thấy được tầm nhìn về Thiên Cơ". Dựa trên những gì chúng ta thấu hiểu qua sự hình dung ấy, nhiệm vụ tiếp theo của chúng ta là hợp tác với ba Chân sư và các nhóm đã được điểm đạo của Các Ngài.

327. Shamballa giao cho các Chân sư này và các nhóm của Các Ngài trách nhiệm "đưa các sự vụ thế giới vào trật tự". Trong từ "đưa vào trật tự", chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của cung bảy.

Đừng quên rằng một ashram là một xoáy mãnh lực và một trung tâm năng lượng—một trung tâm mà cả mãnh lực lẫn năng lượng đều chảy qua [731] để tầm nhìn có thể hiện hình. Xét đến cùng, một Chân sư, một nhóm gồm ba điểm đạo đồ cao cấp và một nhóm điểm đạo đồ cấp thấp hơn chỉ đạo mãnh lực và năng lượng này, qua đó tạo nên (trong mỗi ashram) một hình ảnh thu nhỏ của chính quyền hành tinh. Các vị này hạ mức năng lượng tuôn vào để các đệ tử được chấp nhận có thể vận dụng nó một cách an toàn và làm những tác nhân phân phối. Năng lượng mà các Chân sư sử dụng đến từ Shamballa; các mãnh lực mà Các Ngài sử dụng do chính nội bộ Thánh đoàn cung cấp, và các đệ tử được chấp nhận đáp ứng với các mãnh lực phối hợp ấy đến đâu thì họ có thể

in service. In other words: the initiated disciples in a Master's group focus the inflowing energies; the accepted disciples, through the medium of their souls, focus the force which the Master directs outward into the world of men in conformity with the Plan of the Hierarchy, working in accordance with the revelation, coming from Shamballa.

được sử dụng trong công việc phụng sự đến đó. Nói cách khác: các đệ tử đã được điểm đạo trong nhóm của một Chân sư tập trung các năng lượng tuôn vào; các đệ tử được chấp nhận, thông qua linh hồn của họ, tập trung mãnh lực mà Chân sư hướng ra thế giới loài người, phù hợp với Thiên Cơ của Thánh đoàn, hoạt động theo sự mặc khải đến từ Shamballa.

328. We are given a vision of the Ashram as a dynamic center. Its purpose it to materialize the vision (of the Master and His superiors).

328. Chúng ta được trao cho một tầm nhìn về ashram như một trung tâm năng động. Mục đích của ashram là làm cho tầm nhìn (của Chân sư và các Đấng cao hơn Ngài) hiện hình.

329. When considering how force and energy are directed within an Ashram, we are presented with a ranking of directors:

329. Khi xem xét cách chỉ đạo mãnh lực và năng lượng trong một ashram, chúng ta thấy một thứ bậc các vị chỉ đạo:

19. The Master, Himself—the principle authority

19. Chính Chân sư—Đấng có thẩm quyền cao nhất

20. A group of three senior initiates (presumably of the fourth initiation)

20. Một nhóm gồm ba điểm đạo đồ cao cấp (có lẽ đã trải qua lần điểm đạo thứ tư)

21. Another group of lesser initiates (are there seven?—one for each of the seven rays?) Perhaps these "lesser initiates" are initiates of the third degree.

21. Một nhóm điểm đạo đồ cấp thấp hơn (có phải gồm bảy vị?—mỗi vị cho một trong bảy cung?) Có lẽ những "điểm đạo đồ cấp thấp hơn" này là các điểm đạo đồ bậc ba.

330. Unless the energy is stepped down by this "inner government" of the Ashram, accepted disciples (who are only "probationary initiates") cannot handle it safely.

330. Nếu năng lượng không được hạ mức qua "chính quyền bên trong" này của ashram, các đệ tử được chấp nhận (vốn chỉ là những "điểm đạo đồ dự bị") không thể vận dụng nó một cách an toàn.

331. Another triplicity is suggested

331. Một bộ ba khác được gợi ra

22. The energy which a Master wields comes from Shamballa.

22. Năng lượng mà một Chân sư vận dụng đến từ Shamballa.

23. The forces with which He works are

23. Thánh đoàn cung cấp các mãnh lực mà

provided by the Hierarchy.

Ngài sử dụng.

24. Accepted disciples are to respond to these combined forces. To the extent that they can do so, they can be used in service.

24. Các đệ tử được chấp nhận phải đáp ứng với những mãnh lực phối hợp này. Họ có thể làm được điều đó đến đâu thì có thể được sử dụng trong công việc phụng sự đến đó.

332. The Master, then, is the *originator* of force and energy. The initiated disciples (in two categories) *focus* that force or energy for the accepted disciples. The accepted disciples (in collaboration with their own souls) focus the force further for expression in the outer world, as much in conformity with the Plan as may be possible to them.

332. Như vậy, Chân sư là *Đấng khởi phát* mãnh lực và năng lượng. Các đệ tử đã được điểm đạo (thuộc hai loại) *tập trung* mãnh lực hay năng lượng ấy cho các đệ tử được chấp nhận. Các đệ tử được chấp nhận (hợp tác với chính linh hồn của họ) tiếp tục tập trung mãnh lực để biểu lộ trong thế giới bên ngoài, phù hợp với Thiên Cơ đến mức tối đa mà họ có thể.

333. We have in this triple alignment the symbol of the interrelation of Shamballa, Hierarchy and Humanity.

333. Trong sự chỉnh hợp tam phân này, chúng ta có biểu tượng về mối tương quan giữa Shamballa, Thánh đoàn và Nhân loại.

25. The Master represents Shamballa.

25. Chân sư đại diện cho Shamballa.

26. The two groups of initiates within the Ashram represent Hierarchy.

26. Hai nhóm điểm đạo đồ trong ashram đại diện cho Thánh đoàn.

27. The accepted disciples represent (and are most in contact with) Humanity.

27. Các đệ tử được chấp nhận đại diện cho Nhân loại (và tiếp xúc gần gũi nhất với Nhân loại).

Initiated disciples have no interest in anything but the vision, the Plan and its direction and materialising upon earth. Accepted disciples are learning this and in the meantime have to react to the vision in what I might call a second hand manner; they are occupied with the Plan and with the distribution of the forces which will materialise it. Thus the entire activity of the Ashram is coordinated. Newly accepted disciples (who are only learning to cooperate) are valuable as "agents for experiment. " According to their reaction to

Các đệ tử đã được điểm đạo không quan tâm đến điều gì ngoài tầm nhìn, Thiên Cơ cùng sự chỉ đạo và việc làm cho Thiên Cơ hiện hình trên Trái Đất. Các đệ tử được chấp nhận đang học điều này, và trong thời gian ấy, phải đáp ứng với tầm nhìn theo cách mà Tôi có thể gọi là gián tiếp; họ chuyên chú vào Thiên Cơ và việc phân phối các mãnh lực sẽ làm cho Thiên Cơ hiện hình. Như vậy, toàn bộ hoạt động của ashram được phối hợp. Các đệ tử mới được chấp nhận (chỉ đang học cách hợp tác) có giá trị với vai trò là những "tác nhân thử nghiệm." Thành công của nỗ lực

the imparted truths and Plan, according to their ability to sense the need and to bring the need and the medium of release into relation and according to their capacity to work with the world disciples (who are definitely responsible to the Master of the Ashram for some aspect of the Plan) will be the success of the effort in the outer world.

trong thế giới bên ngoài sẽ tùy thuộc vào cách họ đáp ứng với những chân lý và Thiên Cơ được truyền đạt, vào khả năng cảm nhận nhu cầu và thiết lập mối liên hệ giữa nhu cầu ấy với phương tiện giải phóng, cũng như vào năng lực làm việc với các đệ tử thế giới (những người chịu trách nhiệm rõ ràng trước Chân sư của ashram về một phương diện nào đó của Thiên Cơ).

334. There is a distinction between "initiated disciples" and "accepted disciples".

334. Có sự phân biệt giữa "các đệ tử đã được điểm đạo" và "các đệ tử được chấp nhận".

335. Initiated disciples have a true vision. They are absorbed in the Plan, its direction and its materialising on earth.

335. Các đệ tử đã được điểm đạo có tầm nhìn chân thực. Họ chuyên tâm vào Thiên Cơ, sự chỉ đạo và việc làm cho Thiên Cơ hiện hình trên Trái Đất.

336. Accepted disciples do not yet have a true vision, but react to the vision which is passed to them by initiated disciples.

336. Các đệ tử được chấp nhận chưa có tầm nhìn chân thực, nhưng đáp ứng với tầm nhìn mà các đệ tử đã được điểm đạo truyền lại cho họ.

337. Since those of the first and second degree can be accepted disciples but can be no more that "probationary initiates", it can be reasoned that initiated disciples are third degree initiates.

337. Vì những người ở bậc một và bậc hai có thể là các đệ tử được chấp nhận nhưng chỉ có thể là những "điểm đạo đồ dự bị", có thể suy luận rằng các đệ tử đã được điểm đạo là những điểm đạo đồ bậc ba.

338. Whereas initiated disciples are *directing* the Plan, accepted disciples are occupied with the "distribution of forces which will materialize it". For the accepted disciple, the "eye" is not entirely open. The initiated disciple can occultly *see.*

338. Trong khi các đệ tử đã được điểm đạo đang *chỉ đạo* Thiên Cơ, các đệ tử được chấp nhận chuyên chú vào việc "phân phối các mãnh lực sẽ làm cho Thiên Cơ hiện hình". Đối với người đệ tử được chấp nhận, "con mắt" chưa hoàn toàn mở ra. Người đệ tử đã được điểm đạo có thể *thấy theo nghĩa huyền bí.*

339. DK discriminates between accepted disciples who are working actively in relation to the Ashram, and "newly accepted disciples" who are just learning to work, and who are "agents for experiment".

339. Chân sư DK phân biệt giữa các đệ tử được chấp nhận đang tích cực làm việc trong mối liên hệ với ashram và "các đệ tử mới được chấp nhận", những người chỉ đang học cách làm việc và là những "tác nhân thử

nghiệm".

340. In this paragraph, there is also a mention of "world disciples". We may presume that the world disciple is equivalent to the "initiated disciple", and is, thus, an initiate of at least the third degree.

340. Trong đoạn này còn có nhắc đến "các đệ tử thế giới". Chúng ta có thể cho rằng đệ tử thế giới tương đương với "đệ tử đã được điểm đạo", và do đó là một điểm đạo đồ ít nhất ở bậc ba.

341. Accepted disciples have several tasks

341. Các đệ tử được chấp nhận có một số nhiệm vụ

28. They are to react properly to imparted truths.

28. Họ phải đáp ứng đúng đắn với những chân lý được truyền đạt.

29. They are to sense the need.

29. Họ phải cảm nhận nhu cầu.

30. They are to bring the need and the medium of release together.

30. Họ phải kết nối nhu cầu với phương tiện giải phóng.

31. They are to work cooperatively with world disciples.

31. Họ phải hợp tác làm việc với các đệ tử thế giới.

342. According to their capacity to do these four things, so will be the success of this work in the outer world.

342. Thành công của công việc này trong thế giới bên ngoài sẽ tùy thuộc vào năng lực thực hiện bốn điều ấy của họ.

343. We can see clearly that the Ashram is a coordinated whole, and no gaps or discontinuities are allowed to occur.

343. Chúng ta có thể thấy rõ rằng ashram là một toàn thể được phối hợp, và không được phép có bất kỳ khoảng trống hay sự gián đoạn nào.

Thus again the concept of the "Hierarchy of Relationship" is brought to your attention. In these days of world strife, it is this bringing about of right relations which presents the key to the immediate aspect of the vision which must be precipitated upon our planet. Therefore, an Ashram is a centre wherein relationship is tried out.

Như vậy, một lần nữa, khái niệm về "Hệ Thống Thứ Bậc Các Mối Quan Hệ" được đưa ra để các bạn chú ý. Trong những ngày thế giới xung đột này, chính việc thiết lập các mối quan hệ đúng đắn là chìa khóa cho phương diện trước mắt của tầm nhìn cần phải ngưng tụ trên hành tinh chúng ta. Vì vậy, một ashram là một trung tâm nơi các mối quan hệ được thử nghiệm.

344. An important concept is advanced. Within any Ashram (and within the

344. Một khái niệm quan trọng được đưa ra. Trong bất kỳ ashram nào (và trong chính

Spiritual Hierarchy itself) there is a "Hierarchy of Relationship".

Thánh đoàn) đều có một "Hệ Thống Thứ Bậc Các Mối Quan Hệ".

345. "Relationship is tried out" within an Ashram; the attempt is to set the model for a pattern of "right relations" which humanity may eventually adopt.

345. "Các mối quan hệ được thử nghiệm" trong một ashram; nỗ lực ở đây là xây dựng hình mẫu cho một mô hình "các mối quan hệ đúng đắn" mà cuối cùng nhân loại có thể tiếp nhận.

346. Of all spiritual objectives, the creation of "right relations" is most important.

346. Trong tất cả các mục tiêu tinh thần, việc tạo lập "các mối quan hệ đúng đắn" là quan trọng nhất.

347. Right relations hold the "key to the immediate aspect of the vision which must be precipitated upon our planet". This thought simplifies our striving considerably, does it not?

347. Các mối quan hệ đúng đắn nắm giữ "chìa khóa cho phương diện trước mắt của tầm nhìn cần phải ngưng tụ trên hành tinh chúng ta". Ý tưởng này đơn giản hóa đáng kể nỗ lực của chúng ta, phải vậy không?

One simple question arises here: How can right relations he established upon earth if the accepted disciples in a Master's [732] group are themselves unable to react to the idea and to preserve, among themselves, right relations, correctly, unanimously and unerringly? What hope is there for the outer world if the inner circle of workers (pledged disciples) are unable to establish and hold among themselves these right relations. At this time, the problem is threefold. These right relations must be fostered between:

Một câu hỏi đơn giản nảy sinh ở đây: Làm sao có thể thiết lập các mối quan hệ đúng đắn trên Trái Đất nếu chính các đệ tử được chấp nhận trong nhóm của một Chân sư [732] không thể đáp ứng với ý tưởng ấy và duy trì giữa họ các mối quan hệ đúng đắn một cách chính xác, nhất trí và không sai lệch? Thế giới bên ngoài còn hy vọng gì nếu vòng trong của những người hoạt động (các đệ tử đã cam kết) không thể thiết lập và duy trì giữa họ các mối quan hệ đúng đắn này. Vào lúc này, vấn đề có ba mặt. Những mối quan hệ đúng đắn này phải được vun đắp giữa:

348. DK asks a really hard question, but it has to be asked. It is not only ordinary human beings, advanced people, aspirants and disciples who do not preserve right relations amongst themselves, but even *accepted disciples* are unable "to preserve among themselves, right relations, correctly, unanimously and unerringly". This is a sobering thought, and makes one want to

348. Chân sư DK đặt ra một câu hỏi thực sự khó, nhưng cần phải hỏi. Không chỉ những người bình thường, những người tiến bộ, người chí nguyện và đệ tử không duy trì các mối quan hệ đúng đắn với nhau, mà ngay cả *các đệ tử được chấp nhận* cũng không thể "duy trì giữa họ các mối quan hệ đúng đắn một cách chính xác, nhất trí và không sai lệch". Đây là một ý tưởng khiến người ta tỉnh

establish such relations immediately. One wonders if, surveying "Christ's Household" the Masters do not become discouraged.

ngộ và muốn thiết lập ngay những mối quan hệ như thế. Người ta tự hỏi liệu khi nhìn vào "Gia Đình của Đức Christ", các Chân sư có nản lòng chăng.

349. Pledged disciples and accepted disciples simply *must* relate to each other in unanimity—'one-soul-ness'.

349. Các đệ tử đã cam kết và các đệ tử được chấp nhận nhất thiết *phải* liên hệ với nhau trong sự nhất trí—'hợp nhất trong một linh hồn'.

350. The substance of this paragraph is crucial and the implications cannot be evaded.

350. Nội dung cốt lõi của đoạn này hết sức quan trọng, và không thể né tránh những điều nó hàm ý.

1. Accepted disciples, initiate disciples and the Master.

1. Các đệ tử được chấp nhận, các đệ tử đã được điểm đạo và Chân sư.

2. Between the members of an Ashram and other Ashrams.

2. Giữa các thành viên của một ashram và các ashram khác.

3. Between these Ashrams and the outer world.

3. Giữa các ashram này và thế giới bên ngoài.

351. All these types of relationships are to be perfected.

351. Tất cả các loại quan hệ này đều phải được hoàn thiện.

32. The first grouping concerns intra-ashramic affairs and even here (because of the accepted disciples) right relations do not prevail.

32. Nhóm thứ nhất liên quan đến các sự vụ trong nội bộ ashram, và ngay cả ở đây (do các đệ tử được chấp nhận), các mối quan hệ đúng đắn vẫn chưa chiếm ưu thế.

33. The second grouping concerns inter-ashramic affairs, harmony and cooperation between the various ray Ashrams.

33. Nhóm thứ hai liên quan đến các sự vụ giữa các ashram, sự hòa hợp và hợp tác giữa những ashram thuộc các cung khác nhau.

34. The third grouping relates the outer representatives of Hierarchy to Humanity as a whole.

34. Nhóm thứ ba liên kết các đại diện bên ngoài của Thánh đoàn với toàn thể Nhân loại.

352. If there are ever to be Right Human Relations amongst humanity as a whole, these three types of relationships must be harmonized, and eventually perfected.

352. Để một ngày nào đó toàn thể nhân loại có được Các Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người, ba loại quan hệ này phải được điều hòa và cuối cùng được hoàn thiện.

The Master of an Ashram and the senior initiates in His group are responsible for the relation between Shamballa and the Hierarchy. Accepted disciples and the lesser initiates are responsible for the relation between the Hierarchy and Humanity. Thus the great chain of the Hierarchy of Being is preserved inviolate.

Chân sư của một ashram và các điểm đạo đồ cao cấp trong nhóm của Ngài chịu trách nhiệm về mối quan hệ giữa Shamballa và Thánh đoàn. Các đệ tử được chấp nhận và các điểm đạo đồ cấp thấp hơn chịu trách nhiệm về mối quan hệ giữa Thánh đoàn và Nhân loại. Như vậy, chuỗi liên kết vĩ đại của Huyền Giai các Sinh Mệnh được bảo toàn nguyên vẹn.

353. Spheres of responsibility are delineated.

353. Các phạm vi trách nhiệm được phân định rõ.

354. It is not the affair of even accepted disciples to concern themselves with the relationship between Hierarchy and Shamballa. They are incapable of doing so. Only the Master and His group can undertake this task.

354. Ngay cả các đệ tử được chấp nhận cũng không có phận sự lo liệu mối quan hệ giữa Thánh đoàn và Shamballa. Họ không đủ khả năng làm điều đó. Chỉ Chân sư và nhóm của Ngài mới có thể đảm nhận nhiệm vụ này.

355. But accepted disciples and lesser initiates (first degree initiates?) can do much to facilitate the relation between Hierarchy and Humanity. It is the responsibility of these individuals to see that humanity comes to understand something of the Hierarchy. If these disciples and initiates live a life which is imbued with hierarchical quality, Humanity will have a favorable impression of the Spiritual Hierarchy of our planet and will learn to look to Hierarchy for guidance. At the present moment, most people do not even know that the Spiritual Hierarchy exists.

355. Nhưng các đệ tử được chấp nhận và các điểm đạo đồ cấp thấp hơn (các điểm đạo đồ bậc một?) có thể làm nhiều điều để tạo thuận lợi cho mối quan hệ giữa Thánh đoàn và Nhân loại. Những người này có trách nhiệm giúp nhân loại đi đến chỗ thấu hiểu phần nào về Thánh đoàn. Nếu những đệ tử và điểm đạo đồ này sống một đời sống thấm nhuần phẩm tính của Thánh đoàn, Nhân loại sẽ có ấn tượng tốt đẹp về Thánh đoàn của hành tinh chúng ta và sẽ học cách tìm đến Thánh đoàn để được hướng dẫn. Hiện nay, phần lớn mọi người thậm chí còn không biết rằng Thánh đoàn tồn tại.

356. We see that Master DK has been laboring to give us an idea of the relationships existing within “the great chain of the Hierarchy of Being”.

356. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đã nỗ lực giúp chúng ta hình dung về các mối quan hệ hiện hữu trong “chuỗi liên kết vĩ đại của Huyền Giai các Sinh Mệnh”.

357. Perhaps we are now more informed, and are more willing to undertake the fulfillment of our share of responsibility

357. Có lẽ giờ đây chúng ta đã hiểu biết hơn và sẵn lòng thực hiện phần trách nhiệm của

more vigorously.

mình một cách mạnh mẽ hơn.

18. PART VI
Stage III. Accepted Discipleship. – 18. PHẦN VI
Giai đoạn III. Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận.

It is not my intention in this short series of Instructions to deal with the Stage of Accepted Discipleship. Much has been written about this stage. I have covered every practical angle in my many books and there is nothing to be gained by duplication. The books on discipleship put out by the Theosophical Society adequately cover the Probationary Path; I have dealt in detail with the Path of Discipleship.

Trong loạt Huấn Thị ngắn này, Tôi không có ý định bàn về Giai Đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận. Đã có nhiều điều được viết về giai đoạn này. Tôi đã trình bày mọi khía cạnh thực tiễn trong nhiều cuốn sách của Tôi, và việc lặp lại không đem đến lợi ích gì. Những cuốn sách về địa vị đệ tử do Hội Thông Thiên Học xuất bản đã trình bày đầy đủ về Con Đường Dự Bị; Tôi đã bàn chi tiết về Con Đường Đệ Tử.

The angle of the contacts which become possible upon the Path of Accepted Discipleship are well known but cannot be described in too much detail. They vary according to person, and ray. I would only ask you to have these modes of approach in mind, remembering that they do occur and occur in varying degrees of clarity and at various stages upon the Path. They are as you know:

Khía cạnh các cuộc tiếp xúc có thể có trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận đã được biết rõ, nhưng không thể mô tả quá chi tiết. Những cuộc tiếp xúc ấy khác nhau tùy người và tùy cung. Tôi chỉ yêu cầu các bạn ghi nhớ những phương thức tiếp cận này, và nhớ rằng chúng quả thực xảy ra, với những mức độ rõ nét khác nhau và ở những giai đoạn khác nhau trên Đường Đạo. Như các bạn biết, đó là:

1. One of the marvelous things about Master DK's work is the number of angles from which He can cover the same subject.

1. Một trong những điều kỳ diệu về công trình của Chân sư DK là Ngài có thể trình bày cùng một chủ đề từ rất nhiều góc độ.

2. Some imagine that there is much duplication in His books; a closer look, however, will reveal important differences and revelations in *apparently* repeated statements.

2. Một số người cho rằng có nhiều sự trùng lặp trong các sách của Ngài; tuy nhiên, xem xét kỹ hơn sẽ thấy những khác biệt và những sự mặc khải quan trọng trong các phát biểu *có vẻ* lặp lại.

3. One thing the Theosophical Society

3. Một điều Hội Thông Thiên Học không

disliked about the works of Alice Bailey was the insistence found in many places in the "Blue Books" that the Theosophical approach was for probationers. A careful examination of those early books and a comparison with that which is given by Master DK will reveal whether this is true or not.

4. The Path of Accepted Discipleship yields certain contacts, but Master DK is wisely cautious about saying too much. The differences varying according to the nature of the individual and his ray must not be overly specified. Otherwise, people (wondering about their own relation to the Stage of Accepted Discipleship) would begin to look for *precisely* those occurrences, and their effort to do so could lead them astray or, even, stand in the way of the real contact.

5. DK is, however, sharing with us certain generalities. The types of experiences He mentions are seen to occur amongst the general average of accepted disciples.

6. It is interesting and important that these types of experiences occur "in varying degrees of clarity". One may have to discern carefully to understand whether a particular psychological occurrence is actually an occurrence related to accepted discipleship.

7. As well, the five types of occurrences listed below are probably graded in terms of time. Some of them can be understood as occurring in the earlier stages of accepted discipleship and some in the later stages—even on the eve of initiation.

1. A dream experience.

thích trong các tác phẩm của Alice Bailey là lời khẳng định ở nhiều chỗ trong "Bộ Sách Xanh" rằng phương thức tiếp cận của Thông Thiên Học dành cho những người dự bị. Việc khảo sát kỹ những cuốn sách ban đầu ấy và so sánh với những gì Chân sư DK truyền dạy sẽ cho thấy điều này có đúng hay không.

4. Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận đem đến một số cuộc tiếp xúc, nhưng Chân sư DK thận trọng một cách minh triết, tránh nói quá nhiều. Không nên mô tả quá cụ thể những khác biệt tùy theo bản chất và cung của mỗi người. Nếu không, mọi người (khi tự hỏi về mối liên hệ của mình với Giai Đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận) sẽ bắt đầu tìm kiếm *chính xác* những sự kiện ấy, và nỗ lực làm như vậy có thể khiến họ lạc hướng, hoặc thậm chí cản trở cuộc tiếp xúc thực sự.

5. Tuy nhiên, Chân sư DK đang chia sẻ với chúng ta một số nét khái quát. Những loại trải nghiệm mà Ngài đề cập được thấy là có xảy ra nơi các đệ tử được chấp nhận nói chung.

6. Điều thú vị và quan trọng là những loại trải nghiệm này diễn ra "với những mức độ rõ ràng khác nhau". Có thể cần phân biện cẩn thận để thấu hiểu liệu một hiện tượng tâm lý cụ thể có thực sự liên quan đến địa vị đệ tử được chấp nhận hay không.

7. Ngoài ra, năm loại hiện tượng liệt kê dưới đây có lẽ cũng được phân thành các cấp độ theo thời gian. Có thể hiểu rằng một số hiện tượng diễn ra trong những giai đoạn đầu của địa vị đệ tử được chấp nhận, còn một số khác diễn ra trong những giai đoạn sau—thậm chí ngay trước cuộc điểm đạo.

1. Một trải nghiệm trong mơ.

2. A symbolic teaching.

3. The thoughtform of a Master.

4. A direct contact with the Master in meditation.

5. An interview in a Master's Ashram.

1. These five have been generally discussed in an earlier commentary and will be discussed in greater detail below.

2. The first three experiences are related to the astral or mental planes (though the second two may occur in 'waking consciousness'.

3. The fourth and fifth types of experience bring in the influence of other and higher planes, for the majority of Masters with whom the disciple may be in contact, focus upon the buddhic plane (or, perhaps, even the atmic).

4. The first three types of contact are mediated experiences; the second two relatively unmediated.

[733]

The first three are more usually the experience of the probationary disciple. The last two are undergone by the accepted disciple. They have their astral or lower psychic counterparts. They are, in this case, not all glamour and illusion and are not basically reprehensible, for they are—in reality—the seed or guarantee of future inevitable experiences upon the Way. People do see thoughtforms of the Masters, for

2. Một lời dạy mang tính biểu tượng.

3. Hình tư tưởng của một Chân sư.

4. Một sự tiếp xúc trực tiếp với Chân sư trong tham thiền.

5. Một cuộc hội kiến trong ashram của một Chân sư.

1. Năm loại trải nghiệm này đã được bàn đến một cách khái quát trong một bài bình giảng trước đây và sẽ được bàn chi tiết hơn dưới đây.

2. Ba trải nghiệm đầu liên quan đến cõi cảm dục hoặc cõi trí (mặc dù trải nghiệm thứ hai và thứ ba có thể diễn ra trong 'tâm thức tỉnh thức'.

3. Loại trải nghiệm thứ tư và thứ năm mang theo ảnh hưởng của những cõi khác cao hơn, vì phần lớn các Chân sư mà đệ tử có thể tiếp xúc đều tập trung trên cõi Bồ đề (hoặc có lẽ thậm chí trên cõi atma).

4. Ba loại tiếp xúc đầu là những trải nghiệm qua trung gian; hai loại sau tương đối không qua trung gian.

[733]

Ba loại đầu thường là trải nghiệm của đệ tử dự bị hơn. Hai loại cuối là những trải nghiệm mà đệ tử được chấp nhận trải qua. Chúng có những đối phần cảm dục hoặc thông linh bậc thấp. Trong trường hợp này, chúng không hoàn toàn là ảo cảm và ảo tưởng, và về cơ bản cũng không đáng chê trách, vì trên thực tế, chúng là hạt giống hoặc sự bảo đảm cho những trải nghiệm tất yếu trong tương lai trên Đường Đạo. Người ta quả thực nhìn

those thoughtforms exist; they do receive symbolic teachings upon the astral plane or in the dream states. Beginners and the inexperienced are then apt to do one of two things: over-estimate the experience and believe it to indicate a high spiritual development; they begin to lean upon the experience and to substitute this astral happening for the future reality or they dismiss it as undesirable lower psychism, forgetting that so-called lower psychism is only so when the interpretation and the use of the experience is at fault. It is the task of the accepted disciple to aid in the interpreting, to indicate direction and to point out the significance of the experience to the neophyte.

thấy các hình tư tưởng của các Chân sư, vì những hình tư tưởng ấy có tồn tại; họ quả thực tiếp nhận những lời dạy mang tính biểu tượng trên cõi cảm dục hoặc trong các trạng thái mơ. Khi đó, những người mới bắt đầu và thiếu kinh nghiệm thường có khuynh hướng làm một trong hai điều: đánh giá quá cao trải nghiệm và tin rằng nó biểu thị sự phát triển tinh thần cao; họ bắt đầu dựa vào trải nghiệm ấy và lấy hiện tượng cảm dục này thay cho thực tại tương lai, hoặc họ gạt bỏ nó như một biểu hiện thông linh bậc thấp không đáng mong muốn, mà quên rằng cái gọi là thông linh bậc thấp chỉ thực sự như vậy khi việc diễn giải và sử dụng trải nghiệm có sai sót. Nhiệm vụ của đệ tử được chấp nhận là hỗ trợ việc diễn giải, chỉ ra phương hướng và nêu rõ thâm nghĩa của trải nghiệm cho người sơ cơ.

1. Interestingly, although we are discussing the Stage of Accepted Discipleship, Master DK tells us that the first three experiences (a dream, a symbolic teaching, or contact with the thoughtform of a Master) are usually the experience of the "probationary disciple".

1. Điều thú vị là, mặc dù chúng ta đang bàn về Giai Đoạn Đệ Tử Được Chấp Nhận, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng ba trải nghiệm đầu (một giấc mơ, một lời dạy mang tính biểu tượng, hoặc sự tiếp xúc với hình tư tưởng của một Chân sư) thường là trải nghiệm của "đệ tử dự bị".

2. We know that an accepted disciple is *not* a probationary disciple. But perhaps, any stage of discipleship preceding the Stage of Accepted Discipleship is considered (from the Masters' perspective) a *probationary* period. This would mean that the term "probationary disciple" could reasonably be assigned to the Stages of Little Chelaship and Chela in the Light.

2. Chúng ta biết rằng một đệ tử được chấp nhận *không phải* là đệ tử dự bị. Nhưng có lẽ bất kỳ giai đoạn nào của địa vị đệ tử trước Giai Đoạn Đệ Tử Được Chấp Nhận cũng đều được xem (theo quan điểm của các Chân sư) là một thời kỳ *dự bị*. Điều này có nghĩa là thuật ngữ "đệ tử dự bị" có thể được dùng một cách hợp lý cho các Giai Đoạn Địa Vị Tiểu Đệ Tử và Đệ Tử Trong Ánh Sáng.

3. When, therefore, an experience similar to the first three examples emerges in the life of a disciple, it is a hint as to his stage of disciplic development. The same is true for the last two types of experience.

3. Do đó, khi một trải nghiệm tương tự ba ví dụ đầu xuất hiện trong đời sống của một đệ tử, nó gợi cho biết giai đoạn phát triển trên đường đệ tử của y. Hai loại trải nghiệm cuối cũng vậy.

4. The question to consider: "Which of the five experiences have their astral or lower psychic counterparts?" Probably not the "dream experience" for such an experience occurs on the astral plane. Thoughtforms of the Master often appear on the astral plane and confuse many. The question is, "Does the Master utilize an astral thoughtform", or, if He wishes to contact a chela—a *higher* kind, more related to the mental world?"

4. Câu hỏi cần xem xét là: "Trong năm trải nghiệm, những trải nghiệm nào có đối phần cảm dục hoặc thông linh bậc thấp?" Có lẽ không phải "trải nghiệm trong mơ", vì một trải nghiệm như vậy diễn ra trên cõi cảm dục. Các hình tư tưởng của Chân sư thường xuất hiện trên cõi cảm dục và khiến nhiều người nhầm lẫn. Câu hỏi là, "Chân sư có sử dụng một hình tư tưởng cảm dục không", hay nếu Ngài muốn tiếp xúc với một đệ tử—Ngài sử dụng một loại *cao hơn*, liên quan nhiều hơn đến cõi trí?"

5. A symbolic teaching can occur in a dream state or in meditation. It might have a strongly astral flavor, or it might be more mental in nature.

5. Một lời dạy mang tính biểu tượng có thể xuất hiện trong trạng thái mơ hoặc trong tham thiền. Nó có thể mang đậm sắc thái cảm dục, hoặc có bản chất thiên về trí tuệ hơn.

6. When it comes to the last two experiences (a contact with the Master in meditation or an interview in the Master's Ashram), astral or lower psychic counterparts are definitely possible. Either of these states may be astrally reflected. The so-called 'Master' contacted may, therefore, be an astral image.

6. Đối với hai trải nghiệm cuối (sự tiếp xúc với Chân sư trong tham thiền hoặc một cuộc hội kiến trong ashram của Chân sư), chắc chắn có thể có những đối phần cảm dục hoặc thông linh bậc thấp. Cả hai trạng thái này đều có thể có hình ảnh phản chiếu trên cõi cảm dục. Do đó, vị được gọi là 'Chân sư' mà người ta tiếp xúc có thể là một hình ảnh cảm dục.

7. I think we can see how much discrimination is needed in determining the true nature and source of any of these experiences.

7. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy cần đến sự phân biện biết bao để xác định bản chất và nguồn gốc thực sự của bất kỳ trải nghiệm nào trong số này.

8. Even when the content of the experience is largely astral, DK emphasizes its possible value, as an indicator of the real experience which will later occur.

8. Ngay cả khi nội dung của trải nghiệm phần lớn thuộc cảm dục, Chân sư DK vẫn nhấn mạnh giá trị mà nó có thể có, như một dấu hiệu báo trước trải nghiệm chân thực sẽ diễn ra về sau.

9. DK confirms here that "symbolic teachings" may occur in the dream state or on the astral plane. They may as well occur

9. Ở đây, Chân sư DK xác nhận rằng "những lời dạy mang tính biểu tượng" có thể xuất hiện trong trạng thái mơ hoặc trên cõi cảm

in meditation.

dục. Chúng cũng có thể xuất hiện trong tham thiền.

10. Two modes of response are usual—neither of them desirable. Usually, there is either overestimation or underestimation of the nature and value of the experience. If such an experience occurs (and it is astral in nature) we are not to rest satisfied with the mere fact its occurrence, for it but indicates future possibilities. Nor are we to dismiss it entirely (as merely astral!), for then we would close a door upon ourselves—or others.

10. Có hai cách đáp ứng thường gặp—cả hai đều không đáng mong muốn. Thông thường, người ta hoặc đánh giá quá cao, hoặc đánh giá quá thấp bản chất và giá trị của trải nghiệm. Nếu một trải nghiệm như vậy diễn ra (và có bản chất cảm dục), chúng ta không nên chỉ hài lòng với việc nó đã diễn ra, vì nó chỉ cho thấy những khả năng tương lai. Chúng ta cũng không nên hoàn toàn gạt bỏ nó (như một điều thuần túy cảm dục!), vì như vậy chúng ta sẽ tự đóng một cánh cửa đối với mình—hoặc đối với người khác.

11. Something of importance is said: lower psychism "is only so when the interpretation and the use of the experience is at fault". The level from which an experience is taken does not determine whether it is of great or small value; having the right perspective in relation to the experience is what is important. When the right perspective exists, the experience can be seen in proportion and can be used in the cause of advancement.

11. Một điều quan trọng đã được nói đến: thông linh bậc thấp "chỉ thực sự như vậy khi việc diễn giải và sử dụng trải nghiệm có sai sót". Cấp độ mà từ đó một trải nghiệm được tiếp nhận không quyết định giá trị lớn hay nhỏ của nó; điều quan trọng là có quan điểm đúng đắn về trải nghiệm ấy. Khi có quan điểm đúng đắn, người ta có thể nhìn nhận trải nghiệm một cách cân xứng và sử dụng nó để thúc đẩy sự tiến bộ.

12. Let us pause to ask ourselves: "when experiences of this nature occur, what is our first response?" "Do we fall into the patterns of over- or under-estimation?"

12. Chúng ta hãy dừng lại để tự hỏi: "khi những trải nghiệm có bản chất như vậy diễn ra, đáp ứng đầu tiên của chúng ta là gì?" "Chúng ta có rơi vào những khuôn mẫu đánh giá quá cao hoặc quá thấp không?"

13. Again the term "neophyte" is used. It seems to refer to the one who is the "probationary disciple" and who is likely to have one of the first three kinds of experiences—*or,* astral reflections of the last two. An accepted disciple, though a new member of the Ashram, is not called a "neophyte"—at least not in this selection.

13. Một lần nữa, thuật ngữ "người sơ cơ" được sử dụng. Dường như thuật ngữ này chỉ người là "đệ tử dự bị" và có khả năng trải qua một trong ba loại trải nghiệm đầu—*hoặc,* những hình ảnh phản chiếu trên cõi cảm dục của hai loại cuối. Một đệ tử được chấp nhận, dù là thành viên mới của ashram, cũng không được gọi là "người sơ cơ"—ít nhất là trong đoạn trích này.

14. If we know ourselves to be "accepted disciples", our task is indicated. When an individual comes to us with such an experience, it is our task to help put the experience in the proper context. The wisdom of an accepted disciple should be at least a little greater than that of the "chela in the light", and so the power of interpretation offered should be helpful. It is important for the one who assists those who have such experience to help them maintain their balance, and avoid running to extremes.

14. Nếu chúng ta biết mình là "những đệ tử được chấp nhận", thì nhiệm vụ của chúng ta đã được chỉ rõ. Khi một người đến với chúng ta cùng một trải nghiệm như vậy, nhiệm vụ của chúng ta là giúp đặt trải nghiệm ấy vào bối cảnh thích hợp. Minh triết của một đệ tử được chấp nhận ít nhất cũng nên lớn hơn đôi chút so với minh triết của "đệ tử trong ánh sáng", và vì thế khả năng diễn giải mà người ấy đem lại hẳn phải hữu ích. Điều quan trọng đối với người hỗ trợ những người có trải nghiệm như vậy là giúp họ giữ được sự quân bình và tránh đi đến cực đoan.

Workers in the spiritual field should bear this carefully in mind and remember that—as a result of the war, of tension and of aspiration towards the New Age—these dreams and visions, these episodes of symbolic teaching, these contacts with thoughtforms will steadily increase and are indicative of growth and of expansion. Undirected, unexplained and misinterpreted or laughed down and ridiculed, they can greatly hinder and can be forced to descend into the category of true lower psychism; rightly interpreted and explained, they can constitute a series of graded revelations upon the Way to light; they exist then as guarantees of future knowledge and as signposts of a relative achievement. But they are not the reality when astrally focussed.

Những người hoạt động trong lĩnh vực tinh thần nên ghi nhớ kỹ điều này và nhớ rằng—do chiến tranh, sự căng thẳng và khát vọng hướng tới Kỷ Nguyên Mới—những giấc mơ và linh ảnh này, những lần tiếp nhận lời dạy mang tính biểu tượng này, những sự tiếp xúc với các hình tư tưởng này sẽ không ngừng gia tăng và biểu thị sự tăng trưởng cùng sự mở rộng. Nếu không được định hướng, không được giải thích và bị diễn giải sai, hoặc bị cười nhạo và chế giễu, chúng có thể gây cản trở lớn và có thể bị đẩy xuống thành những hiện tượng thông linh bậc thấp thực sự; nếu được diễn giải và giải thích đúng đắn, chúng có thể tạo thành một chuỗi mặc khải theo từng cấp độ trên Đường Đạo hướng tới ánh sáng; khi ấy, chúng tồn tại như những sự bảo đảm cho tri thức tương lai và những biển chỉ đường cho một thành tựu tương đối. Nhưng khi tập trung trên cõi cảm dục, chúng không phải là thực tại.

1. The "war" referenced was the First World War. When this section of DINA I was written, the Second World War had not yet occurred objectively, though subjectively it was certainly occurring.

1. Cuộc "chiến tranh" được nhắc đến là Chiến tranh Thế giới thứ nhất. Khi phần này của DINA I được viết, Chiến tranh Thế giới thứ hai chưa diễn ra về mặt khách quan, mặc dù về mặt chủ quan thì nó chắc chắn đang diễn ra.

2. The release of energy during war breaks through many barriers, not only on the physical plane, but on the subtler planes where the war may be even more intense.

2. Sự giải phóng năng lượng trong chiến tranh phá vỡ nhiều rào cản, không chỉ trên cõi hồng trần mà còn trên những cõi vi tế hơn, nơi chiến tranh có thể còn khốc liệt hơn.

3. Amongst the spiritually inclined people of the world, we have definitely seen an increase of sensitivity and of psychism. People who have received psychic impression often hold fast to the impression, almost refusing to interpret it accurately or to put it in a probable context. It is as if we disciples are 'starved' for contact with the inner worlds and cling to any shred of contact with desperation. Clearly, a more objective point of view is required.

3. Trong số những người có khuynh hướng tinh thần trên thế giới, chúng ta chắc chắn đã thấy sự gia tăng tính nhạy cảm và năng lực thông linh. Những người đã tiếp nhận ấn tượng thông linh thường bám chặt vào ấn tượng ấy, gần như không chịu diễn giải nó cho chính xác hoặc đặt nó vào một bối cảnh có thể phù hợp. Dường như chúng ta, những đệ tử, đang 'đói khát' sự tiếp xúc với những thế giới bên trong và tuyệt vọng bám víu vào bất kỳ chút tiếp xúc nào. Rõ ràng, cần có một quan điểm khách quan hơn.

4. The responsibility of those responding to any shared experience of this nature is crucial for the development of the one who has dared to share. The experience must be wisely placed in context. If it is not—if it remains "undirected, unexplained and misinterpreted or laughed down and ridiculed"—then the experience "can be force to descend into the category of true lower psychism". It remains an un-integrated subtle experience and contributes nothing to the advancement of the consciousness of the experiencer.

4. Trách nhiệm của những người đáp ứng trước bất kỳ trải nghiệm nào thuộc loại này được chia sẻ có ý nghĩa then chốt đối với sự phát triển của người đã dám chia sẻ. Cần đặt trải nghiệm ấy vào bối cảnh một cách sáng suốt. Nếu không làm như vậy—nếu nó vẫn "không được định hướng, không được giải thích và bị diễn giải sai, hoặc bị cười nhạo và chế giễu"—thì trải nghiệm ấy "có thể bị đẩy xuống thành những hiện tượng thông linh bậc thấp thực sự". Nó vẫn là một trải nghiệm vi tế chưa được tích hợp và không đóng góp gì cho sự tiến bộ trong tâm thức của người trải nghiệm.

5. What is needed is 'benevolent contextualization'—a wise and kindly 'placing' of the experience amongst the possible types of experience of this nature. The experiencer will then understand the experience as 'pointing the way', but will not presume it to be of an unduly high or ultimate nature. He also will not consider it a lowly and useless happening to be

5. Điều cần thiết là 'đặt trải nghiệm vào bối cảnh với thiện ý'—một sự 'sắp đặt' sáng suốt và nhân từ trải nghiệm ấy vào giữa những loại trải nghiệm có thể có thuộc bản chất này. Khi ấy, người trải nghiệm sẽ thấu hiểu rằng trải nghiệm ấy đang 'chỉ đường', nhưng sẽ không cho rằng nó có bản chất cao siêu quá mức hoặc tối hậu. Người ấy cũng sẽ không xem nó là một hiện tượng thấp kém

dismissed; for then, he could cut himself off from an incipient line of development (indicated by the experience) and cause a cleavage in his psyche.

và vô dụng cần gạt bỏ; vì nếu vậy, người ấy có thể tự cắt đứt mình khỏi một hướng phát triển mới manh nha (mà trải nghiệm ấy chỉ ra) và gây ra sự chia rẽ trong đời sống tâm lý của mình.

6. DK explains the nature of such astral experiences in brilliant terms: "guarantees of future knowledge and as signposts of a relative achievement." When people dare to reveal certain episodes in their inner life, the revelation must, therefore, be treated with respect. Much is at stake.

6. Chân sư DK giải thích bản chất của những trải nghiệm cảm dục như vậy bằng những lời thật sáng rõ: "những sự bảo đảm cho tri thức tương lai và những biển chỉ đường cho một thành tựu tương đối." Do đó, khi người ta dám tiết lộ những sự việc nhất định trong đời sống nội tâm của họ, cần đón nhận sự tiết lộ ấy một cách tôn trọng. Có nhiều điều hệ trọng phụ thuộc vào việc này.

7. It is possible to address that which is not yet reality in such a way that it will help lead to reality.

7. Có thể tiếp cận điều chưa phải là thực tại theo cách giúp dẫn tới thực tại.

Disciples need to bear in mind always that they grow by the answering of their own questions; the task of the Master is not to answer questions which, given a little time or thought, the disciple could answer himself, but to suggest or throw into the disciple's mind the type of question which warrants his thought and then to stimulate his abstract mind so that he can successfully find the answer.

Các đệ tử cần luôn ghi nhớ rằng họ tăng trưởng nhờ tự trả lời những câu hỏi của mình; nhiệm vụ của Chân sư không phải là trả lời những câu hỏi mà chỉ cần dành một chút thời gian hoặc suy nghĩ, đệ tử đã có thể tự trả lời, mà là gợi ý hoặc đưa vào thể trí của đệ tử loại câu hỏi đáng để y suy ngẫm, rồi kích thích trí trừu tượng của y để y có thể tìm ra câu trả lời.

1. Why does Master DK begin to discuss the need for disciples to answer their own questions? Perhaps when subtle experiences occur, the experiencer should not run immediately to another to ask, "What does it mean?" Rather, perhaps, he should be patient, question himself, and eventually determine the meaning for himself.

1. Tại sao Chân sư DK bắt đầu bàn về việc các đệ tử cần tự trả lời những câu hỏi của mình? Có lẽ khi những trải nghiệm vi tế diễn ra, người trải nghiệm không nên lập tức chạy đến người khác để hỏi, "Điều đó có ý nghĩa gì?" Thay vào đó, có lẽ người ấy nên kiên nhẫn, tự chất vấn và cuối cùng tự xác định ý nghĩa cho mình.

2. When Master DK taught His groups of students, they would often ask questions related to their studies. Some of the

2. Khi Chân sư DK giảng dạy các nhóm đạo sinh của Ngài, họ thường đặt những câu hỏi liên quan đến việc học của mình. Một số câu

questions were very complex and unclear. When this was the case, Master DK pointed it out, often advising that a little thought on the part of the questioner could have yielded the answer. Others of these questions, however, were very penetrating, and in DK's responses, much useful light was shed.

hỏi rất phức tạp và không rõ ràng. Trong những trường hợp như vậy, Chân sư DK chỉ ra điều đó, thường khuyên rằng chỉ cần người hỏi suy nghĩ đôi chút thì đã có thể tìm được câu trả lời. Tuy nhiên, một số câu hỏi khác lại rất sâu sắc, và qua những lời đáp của Chân sư DK, nhiều ánh sáng hữu ích đã được soi rọi.

3. In the short section above, we are given the Master's perspective on questions and questioning. The Master is not there to simply answer His chela's questions, but, rather, to propose questions to the chela. The chela ruminating upon the question thrown into his mind by the Master, will evoke his own abstract mind and the answer will come.

3. Trong đoạn ngắn trên, chúng ta được biết quan điểm của Chân sư về các câu hỏi và việc đặt câu hỏi. Chân sư hiện diện không đơn thuần để trả lời những câu hỏi của đệ tử Ngài, mà là để đặt câu hỏi cho đệ tử. Khi suy ngẫm về câu hỏi mà Chân sư đưa vào thể trí mình, đệ tử sẽ khơi dậy trí trừu tượng của chính mình và câu trả lời sẽ đến.

4. It would seem that we progress through a series of ever more penetrating questions rather than through a series of answers given by a higher authority.

4. Dường như chúng ta tiến bộ qua một chuỗi câu hỏi ngày càng sâu sắc hơn là qua một chuỗi câu trả lời do một thẩm quyền cao hơn đưa ra.

5. What the Master seeks to do is *develop faculty* in His disciple. We become Masters by demonstrating mastery. Mere reception without the exercise of faculty does not build mastery.

5. Điều Chân sư tìm cách thực hiện là *phát triển năng lực* nơi đệ tử của Ngài. Chúng ta trở thành Chân sư bằng cách thể hiện sự làm chủ. Chỉ tiếp nhận mà không vận dụng năng lực thì không xây dựng được sự làm chủ.

6. The approach is easy. When we have deep and absorbing questions, our first approach must be to answer them for ourselves. Thus our faculty will grow. When we have done all we can on our own, and when our intuition has spoken to the degree it can, we may wait for the further light which a Master might shed upon the still held question.

6. Cách tiếp cận này rất dễ thực hiện. Khi có những câu hỏi sâu sắc và cuốn hút, cách tiếp cận đầu tiên của chúng ta phải là tự trả lời chúng. Nhờ vậy, năng lực của chúng ta sẽ tăng trưởng. Khi đã tự mình làm tất cả những gì có thể, và khi trực giác đã lên tiếng đến mức có thể, chúng ta có thể chờ đợi ánh sáng bổ sung mà một Chân sư có thể soi rọi vào câu hỏi vẫn còn được giữ trong tâm trí.

You can see, therefore, how important this entire problem of questions can be and how, in a Master's Ashram or group, [734] the

Do đó, các bạn có thể thấy toàn bộ vấn đề đặt câu hỏi này quan trọng đến mức nào, và trong ashram của một Chân sư hoặc trong

responsiveness of the membership to the questions, registered either by the individual disciple or by the group as a whole, and the answering of these questions has a conditioning effect upon the group. It is here the Master's particular work comes in—the arousing of the Ashram to the asking of those questions which will lead to revelation. A Master has always two things to bear in mind: the group condition which is dependent upon the aggregated vibration or note of all the members of the Ashram, insofar as they work together, and, secondly, the period in which the group is functioning. To this must be added the total responsiveness of the entire Ashram. One of the difficulties confronting all ashrams (viewing them as wholes) is to absorb new members and disciples, either singly or in groups. One question that necessarily arises is: How can a group within an Ashram (constituted of relatively new disciples and beginners on the Path of Accepted Discipleship) become increasingly sensitive to the vibration of the Ashram as a whole and to the Master of the Ashram?

nhóm của Ngài, [734] sự đáp ứng của các thành viên đối với những câu hỏi mà cá nhân đệ tử hoặc toàn thể nhóm ghi nhận, cùng việc trả lời những câu hỏi ấy, có tác động định hình nhóm như thế nào. Chính ở đây, công việc đặc thù của Chân sư phát huy vai trò—khơi dậy ashram để đặt ra những câu hỏi sẽ dẫn đến sự mặc khải. Một Chân sư luôn phải ghi nhớ hai điều: tình trạng của nhóm, vốn phụ thuộc vào rung động hay âm điệu tổng hợp của tất cả các thành viên ashram trong chừng mực họ cùng làm việc với nhau, và, thứ hai, thời kỳ mà nhóm đang hoạt động. Cần bổ sung vào đó khả năng đáp ứng tổng thể của toàn bộ ashram. Một trong những khó khăn mà mọi ashram đều đối diện (khi xem chúng như những chỉnh thể) là thu nhận các thành viên và đệ tử mới, dù riêng lẻ hay theo nhóm. Một câu hỏi tất yếu nảy sinh là: Làm thế nào một nhóm trong ashram (gồm những đệ tử tương đối mới và những người mới bắt đầu trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận) có thể ngày càng nhạy cảm hơn với rung động của toàn thể ashram và với Chân sư của ashram?

1. The Master deals with the importance of *questions.* He is addressing one of the most important directives given to disciples and discipleship groups: "Enquire the Way".

1. Chân sư bàn đến tầm quan trọng của *các câu hỏi.* Ngài đang đề cập đến một trong những huấn thị quan trọng nhất dành cho các đệ tử và các nhóm đệ tử: "Hãy tìm hỏi về Đường Đạo".

2. The matter of questions leads directly into the Science of Invocation and Evocation, related as it is to the planet Mercury and the sign Gemini.

2. Vấn đề đặt câu hỏi dẫn thẳng vào Khoa Học Khẩn Cầu và Gợi Lên, vốn liên quan đến Sao Thủy và dấu hiệu Song Tử.

3. The Master proposes questions, or, at least, His writings should prompt many questions. The responsiveness to such questions (or to those deliberately thrown into the mind of individual group members

3. Chân sư đưa ra những câu hỏi, hoặc ít nhất, các trước tác của Ngài hẳn phải gợi lên nhiều câu hỏi. Sự đáp ứng đối với những câu hỏi như vậy (hoặc với những câu hỏi được chủ ý đưa vào thể trí của từng thành viên

or into the mind of the group as a whole) will indicate the readiness of the group for further progress.

4. By answering our own questions, we move into greater Light.

5. We note that Master DK is discussing the issue of asking questions in relation to the Stage of Accepted Discipleship. It becomes clear that treating questions in the manner suggested is something that is expected of an accepted disciple.

6. DK tells us something important about a Master's work: it is "the arousing of the Ashram to the asking of those questions which will lead to revelation". This is, perhaps, an unusual thought to some, who fancied the Master as the great repository of *answers*. The attempt to answer *questions* is a *quest* which leads into ever greater Light.

7. The relevant relationship is between Mercury and the Sun. Mercury symbolizes the question and the antahkarana that leads to revelation. The Sun symbolizes revelation, illumination and the *end* of the question. The disciple is, symbolically, Mercury and the Master symbolizes the Sun. By asking and answering questions, the disciple is led straight to the Master and become a Master himself.

8. In this respect we must remember that a sustained revelation is an initiation. In this way, the asking and correct answering of questions (posed by the individual disciple, the discipleship group or the Master) *leads to initiation*.

9. The Master must survey His group as He

trong nhóm hay vào thể trí của toàn thể nhóm) sẽ cho thấy nhóm đã sẵn sàng tiến xa hơn đến mức nào.

4. Bằng cách tự trả lời những câu hỏi của mình, chúng ta tiến vào Ánh Sáng lớn hơn.

5. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đang bàn về việc đặt câu hỏi trong mối liên hệ với Giai Đoạn Đệ Tử Được Chấp Nhận. Rõ ràng, xử lý các câu hỏi theo cách được gợi ý là điều người ta kỳ vọng ở một đệ tử được chấp nhận.

6. Chân sư DK cho chúng ta biết một điều quan trọng về công việc của một Chân sư: đó là "khơi dậy ashram để đặt ra những câu hỏi sẽ dẫn đến sự mặc khải". Có lẽ đây là một ý tưởng khác thường đối với một số người vốn hình dung Chân sư như một kho tàng lớn chứa đựng những *câu trả lời*. Nỗ lực trả lời *các câu hỏi* là một *cuộc tìm kiếm* dẫn vào Ánh Sáng ngày càng lớn hơn.

7. Mối liên hệ thích đáng ở đây là giữa Sao Thủy và Mặt Trời. Sao Thủy tượng trưng cho câu hỏi và antahkarana dẫn đến sự mặc khải. Mặt Trời tượng trưng cho sự mặc khải, sự soi sáng và *sự kết thúc* của câu hỏi. Theo nghĩa biểu tượng, đệ tử là Sao Thủy và Chân sư tượng trưng cho Mặt Trời. Bằng cách đặt và trả lời những câu hỏi, đệ tử được dẫn thẳng đến Chân sư và chính y trở thành một Chân sư.

8. Về phương diện này, chúng ta phải nhớ rằng một sự mặc khải được duy trì liên tục là một cuộc điểm đạo. Theo cách này, việc đặt và trả lời đúng những câu hỏi (do cá nhân đệ tử, nhóm đệ tử hoặc Chân sư nêu ra) *dẫn đến điểm đạo*.

9. Chân sư phải xem xét nhóm của Ngài khi

decides what questions to throw into the minds of those assembled. He must consider the group note (indicating the group condition) and the time period in which the group is functioning, and, along with this, He must consider the total responsiveness of the Ashram.

quyết định đưa những câu hỏi nào vào thể trí của những người đang tụ họp. Ngài phải cân nhắc âm điệu của nhóm (biểu thị tình trạng của nhóm) và thời kỳ mà nhóm đang hoạt động; đồng thời, Ngài phải cân nhắc khả năng đáp ứng tổng thể của ashram.

10. The Master has much to assess. His Ashram and its outer groups are in a certain condition and according to the condition, so will be the manner of His attempted influence.

10. Chân sư có nhiều điều cần đánh giá. Ashram của Ngài và các nhóm bên ngoài của nó đang ở trong một tình trạng nhất định, và cách Ngài tìm cách tạo ảnh hưởng sẽ tùy thuộc vào tình trạng ấy.

11. A very important question is raised: "How should the Ashram absorb new members, whether they arrive singly or in groups?" The quality and the effectiveness of the Ashram are dependent, in large measure, upon the answer to this and similar questions". On a lower turn of the spiral, those of use who direct or manage groups face similar considerations with respect to newcomers.

11. Một câu hỏi rất quan trọng được nêu ra: "Ashram nên thu nhận các thành viên mới như thế nào, dù họ đến riêng lẻ hay theo nhóm?" Phẩm tính và hiệu quả của ashram phụ thuộc phần lớn vào câu trả lời cho câu hỏi này và những câu hỏi tương tự". Ở một vòng xoắn thấp hơn, những người trong chúng ta đang chỉ đạo hoặc quản lý các nhóm cũng đối diện với những điều cần cân nhắc tương tự về người mới đến.

12. The absorption of new members is a *difficulty*. Those of who are eager to be in a Master's group or Ashram should soberly contemplate the difficulty to the group or Ashram which our membership may (hopefully only *initially*) pose. And we should seek to divine *why* our presence may be a difficulty to the established quality and rhythm of the Ashram. We might learn a lot about our liabilities.

12. Việc thu nhận các thành viên mới là một *khó khăn.* Những người trong chúng ta đang mong mỏi được gia nhập nhóm hoặc ashram của một Chân sư nên nghiêm túc chiêm ngưỡng khó khăn mà việc chúng ta trở thành thành viên có thể gây ra cho nhóm hoặc ashram (hy vọng chỉ vào *lúc đầu*). Và chúng ta nên tìm cách nhận biết *tại sao* sự hiện diện của mình có thể gây khó khăn cho phẩm tính và nhịp điệu đã được thiết lập của ashram. Chúng ta có thể học được nhiều điều về những điểm yếu của mình.

13. DK is speaking to His assembled groups on the periphery of His Ashram. The outer groups are composed, relatively, of newcomers, and those who are new to the Stage of Accepted Discipleship. The task

13. Chân sư DK đang nói với các nhóm của Ngài đang tụ họp ở vùng ngoại vi ashram của Ngài. Các nhóm bên ngoài gồm những người tương đối mới và những người mới bước vào Giai Đoạn Đệ Tử Được Chấp Nhận.

before the members of such groups (and the group as a whole) is to become increasingly sensitive to the Ashram and to the Master Who directs the Ashram. All members of groups would want this sensitivity to occur, but what must they do to make it a reality? Certainly, decentralization is a major necessity.

Nhiệm vụ trước mắt của các thành viên trong những nhóm như vậy (và của toàn thể nhóm) là ngày càng trở nên nhạy cảm hơn với ashram và với Chân sư đang chỉ đạo ashram. Tất cả các thành viên trong các nhóm đều mong muốn có được tính nhạy cảm này, nhưng họ phải làm gì để biến nó thành hiện thực? Chắc chắn, việc phi tập trung vào bản thân là một yêu cầu thiết yếu.

This question in reality embodies the major problem existent between the personality and the soul, between the Master and the disciple and between humanity and the Hierarchy. It is basically a question of registering essential unity and the cessation of separativeness. Disciples in their consciousness have to learn to avoid differentiating between aspects of the Ashram, inner and outer, and between the few Ashram members whom they may know and recognise, and the vast number who remain unknown to them. An Ashram is one group or band of disciples, initiates of various degrees, world disciples and neophytes at the very beginning of the Way of discipleship. Disciples must not think in terms of different Ashrams but in terms of the Ashram as a whole.

Thực ra, câu hỏi này bao hàm vấn đề chủ yếu tồn tại giữa phàm ngã và linh hồn, giữa Chân sư và đệ tử, và giữa nhân loại và Thánh đoàn. Về cơ bản, đó là vấn đề ghi nhận sự hợp nhất cốt yếu và chấm dứt tính chia rẽ. Trong tâm thức mình, các đệ tử phải học cách tránh phân biệt giữa những phương diện bên trong và bên ngoài của ashram, cũng như giữa số ít thành viên ashram mà họ có thể biết và nhận ra với số đông vẫn còn xa lạ với họ. Một ashram là một nhóm hay một đoàn thể duy nhất gồm các đệ tử, các điểm đạo đồ thuộc nhiều cấp độ khác nhau, các đệ tử thế gian và những người sơ cơ vừa mới bắt đầu Con Đường Đệ Tử. Các đệ tử phải tư duy theo toàn thể ashram, thay vì theo những ashram khác nhau.

1. It would seem that in this section, Master DK is teaching disciples (i. e. , accepted disciples) how to think in relation to the Ashram.

1. Dường như trong phần này, Chân sư DK đang dạy các đệ tử (nghĩa là các đệ tử được chấp nhận) cách suy nghĩ trong mối liên hệ với ashram.

2. He places the question of sensitivity to the Ashram in a larger context—the context of the relation between the Pairs of Opposites. Personality and soul, disciple and Master, and humanity and Hierarchy are all related pairs of opposites. In each pair, one aspect represents form and the other soul; or one represents the Moon and the other the Sun.

2. Ngài đặt vấn đề nhạy cảm với ashram trong một bối cảnh rộng lớn hơn—bối cảnh của mối quan hệ giữa các Cặp Đối Cực. Phàm ngã và linh hồn, đệ tử và Chân sư, nhân loại và Thánh đoàn đều là những cặp đối cực có liên hệ với nhau. Trong mỗi cặp, một phương diện đại diện cho hình tướng, phương diện kia đại diện cho linh hồn; hoặc một phương

diện đại diện cho Mặt Trăng, phương diện kia đại diện cho Mặt Trời.

3. The suggestion is given that our sensitivity is hindered by the factor of separativeness—especially separative thinking.

3. Có một gợi ý rằng tính chia rẽ—đặc biệt là lối suy nghĩ chia rẽ—cản trở sự nhạy cảm của chúng ta.

4. These opposites can be reconciled and the necessary sensitivity created if "essential unity" prevails over separativeness in its many forms.

4. Có thể dung hòa các đối cực này và tạo ra sự nhạy cảm cần thiết nếu "sự hợp nhất cốt yếu" chiếm ưu thế trước tính chia rẽ dưới nhiều hình thức.

5. Differentiation is useful to a point, but when it comes to considering the Ashram, members of an Ashram, and other Ashrams and their members, the separative mind works against the necessary unity of thought. A little careful thought on this matter will reveal how much separative thinking goes on in relation to an Ashram and its personnel. The factor of ashramic unity often disappears to sight.

5. Sự biến phân hữu ích đến một mức nào đó, nhưng khi xem xét ashram, các thành viên của một ashram, cùng những ashram khác và các thành viên của chúng, thể trí chia rẽ đi ngược lại sự hợp nhất tư tưởng cần thiết. Chỉ cần suy nghĩ cẩn thận đôi chút về vấn đề này cũng sẽ thấy có biết bao lối suy nghĩ chia rẽ xoay quanh một ashram và các thành viên của nó. Chúng ta thường không còn nhìn thấy yếu tố hợp nhất của ashram.

6. It is also possible and even likely to think in a small and petty manner, underestimating the size and scope of an Ashram and forgetting the many ashramic members who may remain unknown to the thinker.

6. Chúng ta cũng có thể, và thậm chí rất dễ, suy nghĩ một cách hạn hẹp và nhỏ nhen, đánh giá thấp quy mô và phạm vi của một ashram, đồng thời quên đi nhiều thành viên ashram mà người suy nghĩ có thể chưa biết đến.

7. DK tells us something of the scope of an Ashram, in its various apparent divisions. But despite the various grades of workers which comprise any Ashram, all of them must be seen as a unified whole.

7. Chân sư DK cho chúng ta biết đôi điều về phạm vi của một ashram qua những bộ phận khác nhau có vẻ tách biệt của nó. Nhưng bất chấp các cấp bậc khác nhau của những người hoạt động hợp thành bất kỳ ashram nào, chúng ta phải nhìn nhận tất cả họ như một tổng thể hợp nhất.

8. Not only are we to avoid holding the thought of the manner in which a particular Ashram may be divided into different bands of workers, but we are to avoid dividing in

8. Chúng ta không chỉ cần tránh giữ ý nghĩ về cách một ashram cụ thể có thể phân chia thành những nhóm người hoạt động khác nhau, mà còn cần tránh phân chia ashram Vĩ

our minds the Great Ashram into the many subsidiary Ashrams.

9. Yes, the subsidiary Ashrams do exist just as the many types of workers in any Ashram also exist, but the great *fact* of *ashramic unity* is the mystery to be held in consciousness as the greatest reality.

10. Clearly, Master DK is leveling an attack at the separative mind and the undue influence it has over many, if not most, new accepted disciples.

The key to this realisation, little as you may think it, is Intensity. Intensity, or working from a point of tension, brings in the flood-tide of revelation, and it is then possible for a disciple to learn in one short day what might otherwise take months and even years to learn. Tension, when focussed rightly, is the great releasing Power. So many disciples focus tension wrongly and release energy in the wrong direction and (if I might so inadequately express it) from the wrong location. [735] Right tension is brought about first by correct orientation; this necessitates a true sense of values and freedom from those minor preoccupations which produce extension instead of tension. If you are (to give a very usual illustration) preoccupied with your physical condition, you will not experience the tension which will make you a magnetic centre of power and love; if you are preoccupied with the failures of other people or with their ideas about you, you will again fail to experience the tension which releases. You would find it of value to discover where your "extensions" are and then retreat inward to the point of tension from which you can consciously and effectively direct soul

Đại thành nhiều ashram phụ thuộc trong thể trí mình.

9. Quả thật, các ashram phụ thuộc có tồn tại, cũng như nhiều loại người hoạt động trong bất kỳ ashram nào cũng tồn tại, nhưng *sự thật* vĩ đại về *sự hợp nhất của ashram* là điều huyền nhiệm cần giữ trong tâm thức như thực tại lớn lao nhất.

10. Rõ ràng, Chân sư DK đang công kích thể trí chia rẽ và ảnh hưởng quá mức của nó đối với nhiều, nếu không nói là phần lớn, đệ tử mới được chấp nhận.

Chìa khóa dẫn đến sự chứng nghiệm này, dù các bạn có thể ít nghĩ đến điều đó, là Cường độ. Cường độ, hay việc hoạt động từ một điểm tập trung nhất tâm, đưa đến làn sóng mặc khải dâng tràn; khi ấy, một đệ tử có thể học trong một ngày ngắn ngủi điều mà nếu không có trạng thái ấy thì có thể phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm mới học được. Sức căng, khi được tập trung đúng cách, là Quyền năng giải phóng vĩ đại. Rất nhiều đệ tử tập trung sức căng sai cách và giải phóng năng lượng sai hướng, đồng thời (nếu Tôi có thể diễn đạt một cách chưa thỏa đáng như vậy) từ sai vị trí. [735] Trước hết, sức căng đúng đắn hình thành nhờ sự định hướng đúng; điều này đòi hỏi một ý thức chân thực về các giá trị và sự tự do khỏi những bận tâm nhỏ nhặt vốn tạo ra sự dàn trải thay vì sức căng. Nếu các bạn (để đưa ra một ví dụ rất thường gặp) bận tâm đến tình trạng thể xác của mình, các bạn sẽ không trải nghiệm sức căng có thể khiến các bạn trở thành một trung tâm có từ tính của quyền năng và tình thương; nếu các bạn bận tâm đến những thất bại của người khác hoặc những ý nghĩ của họ về mình, các bạn cũng sẽ không trải nghiệm được sức căng có tác dụng giải phóng. Các bạn sẽ thấy hữu ích khi

energy.

khám phá những "sự dàn trải" của mình nằm ở đâu, rồi lui vào bên trong đến điểm tập trung nhất tâm, từ đó các bạn có thể điều khiển năng lượng linh hồn một cách có ý thức và hiệu quả.

1. DK is speaking about the manner of reconciling and unifying certain of the pairs of opposes. He is speaking about how to experience oneness in the midst of apparent division and diversity. In sum, He is speaking about how to realize that the many members are but one Ashram and that the many Ashrams are the One Great Ashram.

1. Chân sư DK đang nói về cách dung hòa và hợp nhất một số cặp đối cực. Ngài đang nói về cách trải nghiệm tính nhất thể giữa sự phân chia và đa dạng bề ngoài. Tóm lại, Ngài đang nói về cách chứng nghiệm rằng nhiều thành viên chỉ là một ashram, và nhiều ashram chính là ashram Vĩ Đại Duy Nhất.

2. The key to this sort of realization is "Intensity". This is a key occult point and invites careful pondering.

2. Chìa khóa dẫn đến loại chứng nghiệm này là "Cường độ". Đây là một điểm huyền bí then chốt, đòi hỏi sự suy ngẫm cẩn thận.

3. According to DK, right intensity, or right tension leads to the mastery of time; at least it greatly speeds the learning process. If we find that we are slow at learning something that is necessary, we may question the degree of our intensity (i. e. , whether we are working for a proper point of tension).

3. Theo Chân sư DK, cường độ đúng đắn, hay sức căng đúng đắn, dẫn đến khả năng làm chủ thời gian; ít nhất, nó thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình học hỏi. Nếu thấy mình chậm học một điều cần thiết nào đó, chúng ta có thể xem xét mức độ cường độ của mình (nghĩa là liệu chúng ta có đang hoạt động để đạt được một điểm tập trung nhất tâm thích hợp hay không).

4. The promise is substantial—to learn in one short day what might otherwise take months or even years! A prospect of this nature cannot be ignored.

4. Lời hứa này thật lớn lao—học trong một ngày ngắn ngủi điều mà nếu không có trạng thái ấy thì có thể phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm! Không thể bỏ qua một triển vọng như vậy.

5. Tension and release—these two concepts have made their way into popular thinking, especially in relation to relaxation therapy. What DK is stressing, however, is that "tension is a great releasing Power". Usually the two concepts are considered opposites or contradictory. However, 'tenseness' is the true opposite of release—not occult tension.

5. Sức căng và sự giải phóng—hai khái niệm này đã đi vào tư duy phổ biến, đặc biệt trong mối liên hệ với liệu pháp thư giãn. Tuy nhiên, điều Chân sư DK nhấn mạnh là "sức căng là một Quyền năng giải phóng vĩ đại". Thông thường, người ta xem hai khái niệm ấy là đối lập hoặc mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên, 'trạng thái căng thẳng' mới thực sự

đối lập với sự giải phóng, chứ không phải sức căng huyền bí.

6. In the question of achieving right tension a key discriminator is the difference between the *essential* and the *non-essential*.

6. Trong vấn đề đạt được sức căng đúng đắn, một điểm phân biệt then chốt là sự khác nhau giữa điều *thiết yếu* và điều *không thiết yếu*.

7. When it comes to the "location" of tension, we must think of the structure of the human being. Tension is not to be focussed or localized anywhere in the personality. Such tensions are really *extensions*.

7. Khi nói đến "vị trí" của sức căng, chúng ta phải nghĩ đến cấu trúc của con người. Không nên tập trung hay định vị sức căng ở bất cứ nơi nào trong phàm ngã. Những sức căng như thế thực ra là *những sự dàn trải*.

8. If my attention is fixated on any aspect of my personality, then I am 'extense' rather than intense. Extensions are preoccupations, and preoccupations are veils upon sight.

8. Nếu sự chú ý của tôi bị cố định vào bất kỳ phương diện nào của phàm ngã mình, thì tôi đang 'dàn trải' thay vì tập trung mãnh liệt. Những sự dàn trải chính là những mối bận tâm, và những mối bận tâm là những tấm màn che phủ khả năng nhìn thấy.

9. If we wish to be relieved from our extensions, we have to have a "true sense of values" and freedom from minor preoccupations.

9. Nếu muốn thoát khỏi những sự dàn trải của mình, chúng ta phải có một "ý thức chân thực về các giá trị" và sự tự do khỏi những bận tâm nhỏ nhặt.

10. What have values to do with the states of extension or tension? Values determine where desire is focussed; or perhaps, the 'location; where desire is habitually focussed, is an indication of our values.

10. Các giá trị có liên quan gì đến những trạng thái dàn trải hay sức căng? Các giá trị quyết định nơi dục vọng tập trung; hoặc có lẽ, 'vị trí mà dục vọng thường xuyên tập trung là một dấu hiệu cho thấy các giá trị của chúng ta.

11. According to our values, so will be the degree of elevation of our consciousness, or the degree of interiority of our consciousness. Our personality is an externality, and an insufficiently elevated sense of values will promote personality focus. The higher the sense of values the more interior the focusing (even though there will be great effectiveness in the outer

11. Các giá trị của chúng ta như thế nào thì mức độ nâng cao tâm thức, hay mức độ hướng vào bên trong của tâm thức chúng ta, cũng sẽ như thế ấy. Phàm ngã của chúng ta là một thực tại bên ngoài, và một ý thức về các giá trị chưa đủ cao sẽ thúc đẩy sự tập trung vào phàm ngã. Ý thức về các giá trị càng cao thì sự tập trung càng hướng vào bên trong (dù vẫn có hiệu quả lớn trong các

spheres).

12. When we truly value the soul more than the personality, we will be *intense.* Before that time, to a greater or lesser degree, we are *extense.*

13. Minor preoccupations represent a 'pettiness in focusing', a focusing on the part and not the whole, on the external and not the internal, on the peripheral and not the central.

14. We can see why only the experienced disciple is in a position to become *intense.*

15. DK lists a number of small preoccupations

1. preoccupation with the physical nature

2. with other people's failures and, thus, with criticism of them

3. with what other people think of one and, thus, with their criticism of oneself

16. To these might be added, preoccupation with one's emotional nature or mind.

17. Right intensity is right centering and the relegation of all peripheral matters to their proper place. It obviously requires considerable detachment to be intense.

18. We are understanding that, for love and will to materialize within the disciple's consciousness, right tension must be achieved. Love and will are states of release which are stifled by minor preoccupations.

lĩnh vực bên ngoài).

12. Khi thực sự coi trọng linh hồn hơn phàm ngã, chúng ta sẽ *tập trung mãnh liệt.* Trước thời điểm ấy, ở mức độ nhiều hay ít, chúng ta vẫn *dàn trải.*

13. Những bận tâm nhỏ nhặt biểu thị một 'sự nhỏ nhen trong cách tập trung', một sự tập trung vào bộ phận thay vì tổng thể, vào bên ngoài thay vì bên trong, vào ngoại vi thay vì trung tâm.

14. Chúng ta có thể thấy vì sao chỉ người đệ tử giàu kinh nghiệm mới có đủ khả năng trở nên *tập trung mãnh liệt.*

15. Chân sư DK liệt kê một số mối bận tâm nhỏ nhặt

1. bận tâm đến bản chất hồng trần

2. đến những thất bại của người khác và do đó, đến việc phê phán họ

3. đến điều người khác nghĩ về mình và do đó, đến những lời họ phê phán bản thân mình

16. Có thể thêm vào những điều này sự bận tâm đến bản chất cảm xúc hoặc thể trí của chính mình.

17. Cường độ đúng đắn là sự quy tâm đúng đắn và việc đặt mọi vấn đề ngoại vi vào đúng vị trí của chúng. Rõ ràng, để tập trung mãnh liệt cần có sự tách rời đáng kể.

18. Chúng ta đang thấu hiểu rằng, để tình thương và ý chí hiện hình trong tâm thức của người đệ tử, cần phải đạt được sức căng đúng đắn. Tình thương và ý chí là những trạng thái giải phóng mà các mối bận tâm

nhỏ nhặt làm cho ngột ngạt.

This is the true esoteric work. The majority of disciples are not even 60 per cent effective because their points of tension are scattered all over the personality and are not focussed where the point of individual tension should be. Each has to discover that point of spiritual tension for himself. The reason that disciples are not sensitive to the Master, to the life of the Ashram and to each other is that they are extended and not tense; they are working and living on the periphery of consciousness and not at the centre. Their service, therefore, is partial; their consecration is weak and they are overwhelmed by inertia, by lack of interest in others and by many preoccupations with the form side of life.

Đây là công việc nội môn đích thực. Phần lớn đệ tử thậm chí chưa đạt hiệu quả 60 phần trăm, vì những điểm tập trung nhất tâm của họ phân tán khắp phàm ngã, thay vì tập trung tại nơi điểm tập trung nhất tâm của cá nhân cần hiện diện. Mỗi người phải tự khám phá điểm tập trung nhất tâm tinh thần ấy cho mình. Lý do các đệ tử không nhạy cảm với Chân sư, với sự sống của ashram và với nhau là vì họ dàn trải thay vì tập trung sức căng; họ hoạt động và sống ở ngoại vi tâm thức thay vì tại trung tâm. Do đó, sự phụng sự của họ chỉ có tính bộ phận; sự thánh hiến của họ yếu ớt, và họ bị tính trì trệ, sự thiếu quan tâm đến người khác cùng nhiều mối bận tâm về phương diện hình tướng của cuộc sống lấn át.

1. The true esoteric work is inseparable from the capacity to achieve right tension and, thus—in consciousness—turn division into unity and unity into the synthesis that IS.

1. Công việc nội môn đích thực không thể tách rời khả năng đạt được sức căng đúng đắn và nhờ đó—trong tâm thức—biến sự phân chia thành hợp nhất, rồi biến hợp nhất thành sự tổng hợp vốn HIỆN HỮU.

2. If we ever want to know what esoteric work really is, in a simple definition, it is Right Tension.

2. Nếu muốn biết công việc nội môn thực sự là gì qua một định nghĩa đơn giản, thì đó là Sức Căng Đúng Đắn.

3. Whenever DK speaks of certain percentages, we know He is speaking with exactitude. The critique applies to “the majority of disciples”. Their effectiveness is limited to 60 per cent of what it might be.

3. Bất cứ khi nào Chân sư DK nói đến những tỉ lệ phần trăm nhất định, chúng ta biết Ngài đang nói một cách chính xác. Lời phê bình này áp dụng cho “phần lớn đệ tử”. Hiệu quả của họ chỉ giới hạn ở mức 60 phần trăm so với mức họ có thể đạt được.

4. But where should the point of tension be? This cannot be specified exoterically. It is something that has to be discovered experientially. This process is something like building the antahkarana. Techniques can be suggested, but they cannot replace

4. Nhưng điểm tập trung nhất tâm phải ở đâu? Không thể xác định điều này bằng cách giải thích ngoại môn. Đây là điều phải khám phá qua trải nghiệm. Tiến trình này phần nào giống việc xây dựng antahkarana. Có thể đề xuất các kỹ thuật, nhưng chúng không

the disciple's own experimentation.

thể thay thế sự thử nghiệm của chính người đệ tử.

5. People often wonder about why they cannot contact the Master. In an earlier instruction we learned that their noisy personality prevents the registration of the sensitivity with which they are already endowed. Here, we discover that inadequate tension is to blame. "They are extended and not tense". A peripherally focussed consciousness will not find the Master (the symbol of whom is the circle with the dot at the center).

5. Người ta thường tự hỏi tại sao mình không thể tiếp xúc với Chân sư. Trong một huấn thị trước, chúng ta đã học rằng phàm ngã ồn ào của họ ngăn họ ghi nhận sự nhạy cảm mà họ vốn đã có. Ở đây, chúng ta khám phá rằng nguyên nhân là sức căng chưa đủ. "Họ dàn trải thay vì tập trung sức căng". Một tâm thức tập trung ở ngoại vi sẽ không tìm thấy Chân sư (biểu tượng của Ngài là vòng tròn có chấm ở trung tâm).

6. A number of important liabilities are laid to the door of insufficient tension:

6. Sức căng chưa đủ là nguyên nhân của một số bất lợi đáng kể:

1. partial service

1. sự phụng sự chỉ có tính bộ phận

2. weak consecration

2. sự thánh hiến yếu ớt

3. being overwhelmed by inertia

3. bị tính trì trệ lấn át

4. lack of interest in others

4. thiếu quan tâm đến người khác

5. many minor preoccupations

5. nhiều mối bận tâm nhỏ nhặt

7. The cure to these maladies is simply given: achieve sufficient intensity through the ability to live at a correct point of tension.

7. Phương thuốc chữa những căn bệnh này được nêu ra một cách đơn giản: đạt đủ cường độ thông qua khả năng sống tại một điểm tập trung nhất tâm đúng đắn.

8. There are many who seem not to care enough. The cure is right tension. Would such people understand if this cure were suggested to them? Perhaps it could be framed additionally with words like focus, attention, concentration, one-pointedness, centering, etc.

8. Có nhiều người dường như chưa quan tâm đủ mức. Phương thuốc là sức căng đúng đắn. Liệu những người như thế có thấu hiểu nếu người ta đề xuất phương thuốc này với họ không? Có lẽ có thể diễn đạt thêm bằng những từ như tập trung, chú ý, chuyên chú, nhất tâm, quy tâm, v.v.

One more question might here be considered, dealing with a phrase which I

Ở đây có thể xem xét thêm một câu hỏi, liên quan đến một cụm từ mà Tôi đã chủ ý sử

have deliberately used several times in these talks: What is the distinction between love and the will-to-love? It is one which constantly is asked in the early stages of the path of discipleship. It is a most revealing question and is based on a sense of individual need and also on group need. It indicates also a penetrating analysis which has carried the questioner to the point where he knows the difference between theory, plus effort, and a spontaneous demonstration of that which is.

dụng nhiều lần trong những bài nói chuyện này: Đâu là sự khác biệt giữa tình thương và Ý Chí-Yêu Thương? Đây là câu hỏi thường xuyên xuất hiện trong những giai đoạn đầu của Con Đường Đệ Tử. Đó là một câu hỏi có sức khai mở lớn lao, dựa trên ý thức về nhu cầu cá nhân cũng như nhu cầu nhóm. Nó cũng cho thấy một sự phân tích thấu đáo đã đưa người hỏi đến chỗ biết được sự khác biệt giữa lý thuyết cộng với nỗ lực, và sự biểu hiện tự phát của điều vốn hiện hữu.

1. Now DK asks a question which was implied in the last instruction pertaining to the Stage of Chela in the Light.

1. Giờ đây, Chân sư DK đặt ra một câu hỏi đã được hàm ý trong huấn thị vừa qua liên quan đến Giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng.

2. At that time the "will-to-love" was given a beautiful definition. There it was said that "the will-to-love means the love of the greater Whole and the ability to do that which is needed for the good of the group in the right way and with the needed skill in action." (DINA I 720)

2. Lúc ấy, "Ý Chí-Yêu Thương" đã có một định nghĩa đẹp đẽ. Ở đó có nói rằng "Ý Chí-Yêu Thương hàm ý tình thương dành cho Tổng Thể lớn lao hơn và khả năng thực hiện điều cần thiết vì lợi ích của nhóm, theo cách đúng đắn và với kỹ năng hành động cần có." (DINA I 720)

3. Here some reservations are placed upon the term "will-to-love" and something even higher is suggested.

3. Ở đây, một số giới hạn được nêu ra đối với thuật ngữ "Ý Chí-Yêu Thương", đồng thời có một gợi ý về điều còn cao hơn nữa.

4. Most disciples are struggling with the difference between the will-to-love and pure, spontaneous love.

4. Phần lớn đệ tử đang chật vật với sự khác biệt giữa Ý Chí-Yêu Thương và tình thương thuần khiết, tự phát.

5. DK finds the question, "What is the distinction between love and the will to-love?" a most revealing question. It points to the condition of many disciples—to their need and the need of their groups (the need, truly and simply, to *love*).

5. Chân sư DK nhận thấy câu hỏi "Đâu là sự khác biệt giữa tình thương và Ý Chí-Yêu Thương?" là một câu hỏi có sức khai mở lớn lao. Nó chỉ ra tình trạng của nhiều đệ tử—nhu cầu của họ và nhu cầu của các nhóm của họ (nhu cầu, thật sự và đơn giản, là *yêu thương*).

6. It is not possible to ask such a question until a sufficiently penetrating analysis has

6. Không thể đặt ra một câu hỏi như vậy cho đến khi một sự phân tích đủ thấu đáo dẫn

led to and understanding of "the difference between theory, plus effort, and a spontaneous demonstration of that which is."

đến sự thấu hiểu về "sự khác biệt giữa lý thuyết cộng với nỗ lực, và sự biểu hiện tự phát của điều vốn hiện hữu."

7. The will-to-love involves theory plus effort and love, per se, is the "demonstration of that which is". It *is*, either because it has been created or because it has been discovered as substantially existent.

7. Ý Chí-Yêu Thương bao hàm lý thuyết cộng với nỗ lực, còn chính tình thương là "sự biểu hiện của điều vốn hiện hữu". Nó *hiện hữu*, hoặc vì nó đã được tạo ra, hoặc vì người ta đã khám phá rằng nó hiện hữu một cách thực chất.

8. The conclusion is inescapable: as beautiful as is the definition of the will-to-love, *love*, per se, is a higher state.

8. Không thể tránh khỏi kết luận này: dù định nghĩa về Ý Chí-Yêu Thương đẹp đẽ đến đâu, chính *tình thương*, vẫn là một trạng thái cao hơn.

The will-to-love involves the recognition of limitation, of desire, of the forcing of an issue and of the intense aspiration really to love. It does not indicate the inflow of Shamballa energy through the medium of the soul whose intrinsic nature is spontaneous love. Where there is a determination to be [736] loving, certain attitudes—either natural and belonging to a developed personality or forced through attention to soul behest—emerge. The disciple knows that he lacks love, because he is constantly finding himself isolated from and not identified with others; he is irritated by others: he is critical of his brothers, either feeling superior to them or looking at them and saying: "Here they are wrong and I am right; here they do not understand and I do; I know them but they don't know me; I must be patient with them," etc. , etc. Throughout this phase, the attitude is definitely that of the will-to-love, coupled to a deep realisation of the handicaps to the expression of love presented by those others and presented also by one's own habits of thought. This is all a form of self-centredness. The true way to

Ý Chí-Yêu Thương bao hàm sự nhận biết về giới hạn, về dục vọng, về việc thúc ép một vấn đề và về khát vọng mãnh liệt muốn thực sự yêu thương. Nó không biểu thị dòng năng lượng Shamballa tuôn vào qua trung gian linh hồn, mà bản chất nội tại là tình thương tự phát. Ở đâu có quyết tâm sống [736] yêu thương, ở đó xuất hiện một số thái độ—hoặc tự nhiên và thuộc về một phàm ngã đã phát triển, hoặc do ép mình chú tâm vào mệnh lệnh của linh hồn. Người đệ tử biết mình thiếu tình thương, vì y liên tục thấy mình cô lập với người khác và không đồng hóa với họ; y bực bội vì người khác: y phê phán các huynh đệ của mình, hoặc cảm thấy mình cao hơn họ, hoặc nhìn họ và nói: "Ở điểm này họ sai còn tôi đúng; ở điểm này họ không thấu hiểu còn tôi thì có; tôi biết họ nhưng họ không biết tôi; tôi phải kiên nhẫn với họ," v.v. , v.v. Suốt giai đoạn này, thái độ ấy rõ ràng là thái độ của Ý Chí-Yêu Thương, đi kèm với sự nhận biết sâu sắc về những trở ngại đối với việc biểu lộ tình thương do những người khác gây ra, cũng như do những thói quen suy nghĩ của chính mình gây ra. Tất cả điều này đều là một hình thức tập trung vào

love is to reflect and meditate deeply and constantly upon the significance and the meaning of love, its origin, its expression through the soul, its qualities, goals and objectives. Most of the reflection carried on by the aspirant is based upon his innate realisation that he does not really love in the spontaneous, free way of the spirit. The disciple is, therefore, thrown back on a self-centred position in which he feels: "Now I am loving; now I am not loving; now I must try and love." Yet all the time none of these attitudes is really true love nor is their result a loving expression because the disciple is identified with himself and focussed in the personality. Love is never worked up, if I might put it so, in the lower nature; it is a free unimpeded inflow from the higher.

bản thân. Con đường chân thực để yêu thương là suy ngẫm và tham thiền sâu sắc, không ngừng về thâm nghĩa và ý nghĩa của tình thương, nguồn gốc của nó, sự biểu lộ của nó qua linh hồn, các phẩm tính, mục tiêu và mục đích của nó. Phần lớn sự suy ngẫm của người chí nguyện dựa trên nhận biết vốn có rằng y chưa thực sự yêu thương theo cách tự phát, tự do của tinh thần. Do đó, người đệ tử lại rơi vào một vị thế tập trung vào bản thân, trong đó y cảm thấy: "Lúc này tôi đang yêu thương; lúc này tôi không yêu thương; lúc này tôi phải cố gắng yêu thương." Tuy nhiên, trong suốt thời gian ấy, không thái độ nào trong số này thực sự là tình thương chân thực, và kết quả của chúng cũng không phải là một sự biểu lộ đầy tình thương, vì người đệ tử đồng hóa với chính mình và tập trung trong phàm ngã. Nếu Tôi có thể nói như vậy, tình thương không bao giờ được khơi tạo trong bản chất thấp; đó là một dòng chảy tự do, không bị cản trở, tuôn vào từ bản chất cao.

1. This paragraph is one of the most important in this entire teaching. It contrasts the usual aspirant's attitude to love and the real nature of love.

1. Đoạn văn này là một trong những đoạn quan trọng nhất trong toàn bộ giáo huấn này. Nó đối chiếu thái độ đối với tình thương của người chí nguyện thông thường với bản chất thực sự của tình thương.

2. What does the will-to-love involve, according to the Tibetan:

2. Theo Chân sư Tây Tạng, Ý Chí-Yêu Thương bao hàm những gì:

1. recognition of limitation

1. nhận biết về giới hạn

2. recognition of desire

2. nhận biết về dục vọng

3. the forcing of an issue

3. việc thúc ép một vấn đề

4. the intense desire really to love

4. mong muốn mãnh liệt được thực sự yêu thương

3. It is clear that in relation to all these four

3. Rõ ràng, trong mối liên hệ với cả bốn động

dynamics, the consciousness is identified with the personality.

4. Real love is something quite different and a very interesting definition is given: "… the inflow of Shamballa energy through the medium of the soul whose intrinsic nature is spontaneous love. " This is what the will-to-love is *not*.

5. When there is a "determination to be loving", certain attitudes emerge. The source of these attitudes is either natural through a high grade personality or is forced because the soul seems to demand it. The result is strained, divided, and essentially self-centered. The consciousness is still focussed in the personality which is *trying* to be loving.

6. There follows a description of the disciple who knows he lacks love. It sounds, perhaps, like ourselves or many we have known, does it not? There is a strong sense of cleavage and the effort to overcome that cleavage. DK obviously has been through this phase. He describes it with an accuracy which only experience can prompt.

7. Then comes the statement to which all who would love must give close attention: "**The true way to love is to reflect and meditate deeply and constantly upon the significance and the meaning of love, its origin, its expression through the soul, its qualities, goals and objectives.** "

8. This sentence may come as a surprise because it is so reflective, so meditative, so subjective. One may imagine that one learns to love by *trying* to love. But Master DK

lực này, tâm thức đều đồng hóa với phàm ngã.

4. Tình thương thực sự là điều rất khác, và ở đây có một định nghĩa rất thú vị: "… dòng năng lượng Shamballa tuôn vào qua trung gian linh hồn, mà bản chất nội tại là tình thương tự phát. " Đây là điều mà Ý Chí-Yêu Thương *không phải*.

5. Khi có một "quyết tâm sống yêu thương", một số thái độ xuất hiện. Những thái độ này hoặc nảy sinh tự nhiên qua một phàm ngã phát triển cao, hoặc do cưỡng ép vì linh hồn dường như đòi hỏi như vậy. Kết quả là sự gượng ép, chia rẽ và về căn bản vẫn tập trung vào bản thân. Tâm thức vẫn tập trung trong phàm ngã đang *cố gắng* sống yêu thương.

6. Tiếp theo là sự mô tả về người đệ tử biết mình thiếu tình thương. Có lẽ điều này nghe giống chính chúng ta hoặc nhiều người chúng ta từng biết, phải không? Có một cảm thức mạnh mẽ về sự chia cắt và nỗ lực vượt qua sự chia cắt ấy. Hiển nhiên, Chân sư DK đã trải qua giai đoạn này. Ngài mô tả nó chính xác đến mức chỉ kinh nghiệm mới có thể đem lại.

7. Rồi đến lời khẳng định mà tất cả những ai muốn yêu thương đều phải hết sức chú ý: "**Con đường chân thực để yêu thương là suy ngẫm và tham thiền sâu sắc, không ngừng về thâm nghĩa và ý nghĩa của tình thương, nguồn gốc của nó, sự biểu lộ của nó qua linh hồn, các phẩm tính, mục tiêu và mục đích của nó.** "

8. Câu này có thể gây ngạc nhiên vì nó thiên về suy ngẫm, tham thiền và đời sống chủ quan đến vậy. Người ta có thể hình dung rằng mình học yêu thương bằng cách *cố gắng*

suggests an altogether more interior approach. It as if the mind must be involved if the disciple is to arrive at an understanding of true love and the ability to express it.

yêu thương. Nhưng Chân sư DK gợi ý một cách tiếp cận hướng vào bên trong hơn hẳn. Dường như thể trí phải tham gia thì người đệ tử mới có thể đạt đến sự thấu hiểu về tình thương chân thực và khả năng biểu lộ nó.

9. Most aspirants think and reflect very differently about love. They realize they do not love in any truly spontaneous manner (in the "free way of the spirit"). We have noticed that Shamballa and the spirit are involved in the realization and expression of love.

9. Phần lớn người chí nguyện suy nghĩ và suy ngẫm về tình thương theo cách rất khác. Họ nhận ra rằng mình không yêu thương theo bất kỳ cách nào thực sự tự phát (theo "cách tự do của tinh thần"). Chúng ta đã nhận thấy rằng Shamballa và tinh thần có liên quan đến việc chứng nghiệm và biểu lộ tình thương.

10. If the disciple is identified with *himself*, he cannot really love. He can only *will*-to-love. The soul does not *will* to love, because it *is* love. Can we identify as soul? If we can, we *will* love and no longer only *will* to love.

10. Nếu người đệ tử đồng hoá với *chính mình*, y không thể thực sự yêu thương. Y chỉ có thể có *Ý Chí*-Yêu Thương. Linh hồn không có *ý chí* yêu thương, bởi vì linh hồn *là* tình thương. Chúng ta có thể đồng hoá mình là linh hồn không? Nếu có thể, chúng ta *sẽ* yêu thương và không còn chỉ có *ý chí* yêu thương.

11. Anyone who is the victim of a strictly personality focus cannot love in a pure and spontaneous manner. The personality resonates to the solar plexus and the soul to the heart. From the solar plexus will come the desire to love; from the heart will come love itself.

11. Bất cứ ai là nạn nhân của sự tập trung hoàn toàn vào phàm ngã đều không thể yêu thương một cách thuần khiết và tự nhiên. Phàm ngã cộng hưởng với tùng thái dương, còn linh hồn cộng hưởng với trái tim. Từ tùng thái dương nảy sinh dục vọng yêu thương; từ trái tim tuôn ra chính tình thương.

12. This important statement is made: "Love is never worked up, if I might put it so, in the lower nature; it is a free unimpeded inflow from the higher. " True love is a 'downflow' and requires a focussing in the higher nature.

12. Có lời khẳng định quan trọng này: "Nếu Tôi có thể diễn đạt như vậy, tình thương không bao giờ được khơi dậy trong bản chất thấp; đó là một dòng tuôn vào tự do, không bị cản trở, từ bản chất cao." Tình thương chân thật là một 'dòng tuôn xuống' và đòi hỏi sự tập trung trong bản chất cao.

13. It is interesting that in the contrast between will and desire, we learn that desire is worked up from below and that true will is

13. Điều thú vị là khi đối chiếu ý chí với dục vọng, chúng ta biết rằng dục vọng được khơi dậy từ bên dưới, còn ý chí chân thật cũng là

also a downflow, working from above.

14. In this respect, true love and true will have something in common. They are not 'resident' within a disciple's lower nature, but 'descend' into that nature from 'above'.

15. We can see how the point of identification, right tension and the release of true, pure love are all closely interrelated.

16. These are themes which are of immediate importance to the accepted disciple who, it can be presumed, has begun to decentralize himself sufficiently to understand the distinction between the will-to-love and real love.

Love is spontaneous and carries ever the free spirit of Christ. I would suggest that there has never been a better description of the nature of love than that given by the initiate Paul, even though the translation of his words is faulty at times. Study those passages in the New Testament in which he defines love. Give up emphasising the will-to-love and emphasise in your own consciousness the need of others for understanding, compassion, interest and help. The usual loneliness of all disciples is frequently incidental to the fact of the self-centredness of all those whom they contact and the intense preoccupation of the neophyte with his own growth. The cry of the neophyte is: "Tell me. Tell me. Then I will change. I will accept anything that is said but tell me." The cry of the disciple is: "Aid [737] the work. Forget yourself. The world needs you." So many disciples are still shut up within themselves, hidden behind the wall of the personal self and little true out-

một dòng tuôn xuống, hoạt động từ bên trên.

14. Về phương diện này, tình thương chân thật và ý chí chân thật có điểm chung. Chúng không 'cư ngụ' trong bản chất thấp của một đệ tử, mà 'giáng xuống' bản chất ấy từ 'bên trên'.

15. Chúng ta có thể thấy điểm đồng hoá, sự tập trung nhất tâm đúng đắn và sự giải phóng tình thương chân thật, thuần khiết có mối liên hệ mật thiết với nhau như thế nào.

16. Đây là những chủ đề có tầm quan trọng trực tiếp đối với người đệ tử được chấp nhận, người mà chúng ta có thể cho rằng đã bắt đầu phi tập trung vào bản thân đủ để thấu hiểu sự khác biệt giữa Ý Chí-Yêu Thương và tình thương đích thực.

Tình thương có tính tự nhiên và luôn mang tinh thần tự do của Đức Christ. Tôi muốn gợi ý rằng chưa từng có sự mô tả nào về bản chất của tình thương hay hơn lời mô tả của điểm đạo đồ Paul, dù đôi khi bản dịch những lời của Ngài có sai sót. Hãy nghiên cứu những đoạn trong Tân Ước mà Ngài định nghĩa tình thương. Hãy từ bỏ việc nhấn mạnh Ý Chí-Yêu Thương và nhấn mạnh trong chính tâm thức các bạn nhu cầu của người khác về sự thấu hiểu, lòng từ bi, sự quan tâm và giúp đỡ. Nỗi cô đơn thường thấy ở mọi đệ tử thường đi kèm với sự tập trung vào bản thân của tất cả những người họ tiếp xúc và sự bận tâm mãnh liệt của người sơ cơ về sự tăng trưởng của chính mình. Tiếng kêu của người sơ cơ là: "Xin hãy chỉ bảo cho tôi. Xin hãy chỉ bảo cho tôi. Rồi tôi sẽ thay đổi. Tôi sẽ chấp nhận bất cứ điều gì được nói ra, nhưng xin hãy chỉ bảo cho tôi." Tiếng kêu của người đệ tử là: "Hãy hỗ trợ [737] công việc. Hãy quên bản thân mình. Thế giới cần các bạn." Rất nhiều đệ tử vẫn khép kín trong chính mình, ẩn sau

going love is present. Until they break through and truly love, their usefulness is impaired.

bức tường của cái ngã cá nhân, và có rất ít tình thương chân thật hướng ra ngoài. Chừng nào họ chưa phá vỡ sự khép kín ấy và thực sự yêu thương, khả năng hữu ích của họ vẫn còn hạn chế.

1. Because love simply *is*, it is spontaneous in its appearance. It does not have to be created, fabricated or, somehow, generated. It simply has to be *revealed*. One of the distinct aspects of the Divine Plan is the "revelation of love".

1. Vì tình thương đơn giản là *hiện hữu*, nên nó biểu lộ một cách tự nhiên. Không cần tạo ra, chế tác hay bằng cách nào đó làm phát sinh tình thương. Tình thương chỉ cần *hiển lộ*. Một trong những phương diện rõ rệt của Thiên Cơ là "sự mặc khải tình thương".

2. Paul Who, in the early days, seemed conspicuously unloving, entered a full appreciation of the buddhic energy after He was beset by the Christ on the Road to Damascus. Under that continuing influence He wrote beautifully about love. It is interesting that Master DK knows what was really written compared to what has been translated. It must be a supreme torture to the Masters to see how their words have been disfigured (either intentionally or unintentionally) by those who understood too little or feared too much.

2. Paul, Đấng trong những ngày đầu dường như rõ ràng thiếu tình thương, đã đạt đến sự nhận biết trọn vẹn giá trị của năng lượng Bồ đề sau khi Đức Christ đến với Ngài trên đường tới Damascus. Dưới ảnh hưởng liên tục ấy, Ngài đã viết những lời tuyệt đẹp về tình thương. Điều thú vị là Chân sư DK biết những gì thực sự đã được viết ra so với những gì đã được dịch. Hẳn đó phải là một nỗi giày vò tột cùng đối với các Chân sư khi thấy những người thấu hiểu quá ít hoặc sợ hãi quá nhiều đã làm méo mó lời của Các Ngài như thế nào, dù cố ý hay vô tình.

3. The transition from the will-to-love to love, itself, is given. We are to give up emphasizing the will to love and, instead, emphasize the need which other have for

3. Sự chuyển tiếp từ Ý Chí-Yêu Thương sang chính tình thương đã được trình bày. Chúng ta cần từ bỏ việc nhấn mạnh ý chí yêu thương và thay vào đó nhấn mạnh nhu cầu của người khác về

1. understanding

1. sự thấu hiểu

2. compassion

2. lòng từ bi

3. interest

3. sự quan tâm

4. help

4. sự giúp đỡ

4. By doing this our attention is removed from our personality nature (where it has

4. Khi làm như vậy, sự chú ý của chúng ta rời khỏi bản chất phàm ngã, nơi nó đã bị giam

been long trapped) and, instead, liberated into concern for others, leading to identification with others.

hãm từ lâu, và được giải phóng để hướng vào sự quan tâm đến người khác, dẫn tới sự đồng hoá với người khác.

5. Loneliness is apparently a problem for many disciples. It is partially the fault of their own self-centeredness and, partially, because those they contact in order to serve are so self-centered and preoccupied with their own growth. They are shut up in themselves and cannot really touch or be intimately touched by the one who is attempting to help them. DK informs us, as well, that many disciples are not much better.

5. Dường như nỗi cô đơn là một vấn đề đối với nhiều đệ tử. Điều này một phần là do sự tập trung vào bản thân của chính họ, và một phần là vì những người họ tiếp xúc để phụng sự quá tập trung vào bản thân và quá bận tâm về sự tăng trưởng của chính mình. Những người ấy khép kín trong chính mình và không thể thực sự chạm đến người đang cố gắng giúp đỡ họ, cũng không thể để người ấy chạm sâu vào mình. Chân sư DK cũng cho chúng ta biết rằng nhiều đệ tử chẳng khá hơn bao nhiêu.

6. The respective cries of the neophyte and true disciple are immensely revealing: “The cry of the neophyte is: ‘Tell me. Tell me. Then I will change. I will accept anything that is said but tell me’. ” The cry of the disciple is: “Aid the work. Forget yourself. The world needs you. ”

6. Tiếng kêu của người sơ cơ và của người đệ tử chân chính lần lượt bộc lộ rất nhiều điều: “Tiếng kêu của người sơ cơ là: ‘Xin hãy chỉ bảo cho tôi. Xin hãy chỉ bảo cho tôi. Rồi tôi sẽ thay đổi. Tôi sẽ chấp nhận bất cứ điều gì được nói ra, nhưng xin hãy chỉ bảo cho tôi’.” Tiếng kêu của người đệ tử là: “Hãy hỗ trợ công việc. Hãy quên bản thân mình. Thế giới cần các bạn.”

Which is our cry? We can see how dependent is the first cry and the how selfless the second.

Tiếng kêu nào là của chúng ta? Chúng ta có thể thấy tiếng kêu thứ nhất lệ thuộc đến mức nào và tiếng kêu thứ hai vô vị kỷ đến mức nào.

7. As the term “disciple” is used in this context, we realize that it is the “accepted disciple” who is referenced. The “neophyte” refers to the probationary disciple and perhaps to the sincere aspirant.

7. Với cách dùng thuật ngữ “đệ tử” trong ngữ cảnh này, chúng ta nhận ra rằng đối tượng được nói đến là “đệ tử được chấp nhận” ấy. Từ “người sơ cơ” chỉ người đệ tử dự bị và có lẽ cả người chí nguyện chân thành.

8. DK closes this section by emphasizing the indispensability of real love if a disciple is to become truly useful. Most disciples simply do not love enough. They are shut up within themselves, and true outgoing love is not

8. Chân sư DK kết thúc phần này bằng cách nhấn mạnh rằng tình thương đích thực là điều không thể thiếu nếu một đệ tử muốn trở nên thực sự hữu ích. Phần lớn đệ tử đơn giản là chưa yêu thương đủ. Họ khép kín

very present. They must break through this condition. They must move from theory to practice. They must demonstrate solar-fire in action.

trong chính mình, và tình thương chân thật hướng ra ngoài hiện diện rất ít. Họ phải phá vỡ tình trạng này. Họ phải chuyển từ lý thuyết sang thực hành. Họ phải biểu lộ Lửa Thái dương trong hành động.

9. The request is simple: *love*. And do this by pondering and reflecting upon the nature of love. Do this by emphasizing the need of others for understanding, compassion, interest and help. Forget yourself and love! Nothing could be easier, correct? And yet…

9. Yêu cầu thật đơn giản: *hãy yêu thương*. Và hãy làm điều này bằng cách suy ngẫm và quán xét bản chất của tình thương. Hãy làm điều này bằng cách nhấn mạnh nhu cầu của người khác về sự thấu hiểu, lòng từ bi, sự quan tâm và giúp đỡ. Hãy quên bản thân mình và yêu thương! Không gì có thể dễ hơn, đúng không? Thế nhưng…

We have considered briefly the stage of Little Chelaship and that of Chela in the Light. These stages lie behind quite a large number of human beings today. It is necessary, however, to revive the effect of these two experiences and the need to do so lies behind much of the work being done by disciples and teachers at this time. Many other people are today passing through the stage of Accepted Discipleship. The keynote of that stage is, as you know, the establishing of contact with the Master; it is primarily and technically the task of the Master to evoke the direct response and the conscious reaction of the disciple. Along with these reactions, the Master looks for an effort on the part of the disciple to be impersonal in his dealings, both with Him and with his co-disciples; impersonality is the first step upon the road to spiritual love and understanding. The effort of most sincere disciples is usually concentrated upon loving each other and in this (to use an old simile) they put the "cart before the horse. " Their effort should be to achieve, first of all, impersonality in their dealings for, when that has been achieved, criticism dies out and love can pour in.

Chúng ta đã xem xét sơ lược giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử và giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng. Ngày nay, khá nhiều người đã vượt qua những giai đoạn này. Tuy nhiên, cần phải khơi lại tác động của hai trải nghiệm ấy, và nhu cầu làm như vậy là cơ sở của phần lớn công việc mà các đệ tử và huấn sư đang thực hiện vào lúc này. Ngày nay, nhiều người khác đang trải qua giai đoạn Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận. Như các bạn biết, chủ âm của giai đoạn ấy là thiết lập sự tiếp xúc với Chân sư; về cơ bản và xét theo nghĩa chuyên môn, nhiệm vụ của Chân sư là gợi lên sự đáp ứng trực tiếp và phản ứng hữu thức của người đệ tử. Cùng với những phản ứng này, Chân sư mong thấy người đệ tử nỗ lực giữ thái độ phi cá nhân trong cách ứng xử với cả Ngài lẫn các đệ tử đồng môn; tính phi cá nhân là bước đầu tiên trên con đường dẫn đến tình thương và sự thấu hiểu tinh thần. Nỗ lực của phần lớn các đệ tử chân thành thường tập trung vào việc yêu thương nhau, và trong việc này, dùng một lối ví von xưa, họ đã "đặt xe trước ngựa." Trước hết, họ nên nỗ lực đạt đến tính phi cá nhân trong cách ứng xử, vì khi đã đạt được điều ấy, sự chỉ trích sẽ chấm dứt và tình thương có thể tuôn vào.

1. In the previous two instructions the Stages of Little Chelaship and Chela in the Light have been considered.

1. Trong hai huấn thị trước, chúng ta đã xem xét các Giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử và Đệ tử trong Ánh sáng.

2. Although these stages are behind or even far behind many disciples today, the effect of these stages must be revived so that a continuity may be produced. The disciple must consciously know and understand the stages through which he has passed, most probably in other lives. Then, he can more fully appreciate the requirements of the stage in which he is now focussed.

2. Mặc dù nhiều đệ tử ngày nay đã vượt qua, thậm chí vượt xa những giai đoạn này, vẫn cần khơi lại tác động của chúng để tạo nên sự liên tục. Người đệ tử phải biết và thấu hiểu một cách có ý thức những giai đoạn mà y đã trải qua, rất có thể là trong những kiếp sống khác. Khi ấy, y có thể nhận biết đầy đủ hơn những yêu cầu của giai đoạn mà hiện nay y đang tập trung vào.

3. Again, DK tells us that there are *many* accepted disciples today.

3. Một lần nữa, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng ngày nay có *nhiều* đệ tử được chấp nhận.

4. Here the keynote of Accepted Discipleship is given: "establishing contact with the Master". This has nothing to do with the gratification of the disciple. The contrary is true, if anything, as the Master, we are told, applies certain energies to "blast" the chela "wide open"—a discomfiting experience to say the least.

4. Ở đây, chủ âm của Địa vị Đệ tử Được Chấp nhận được nêu rõ: "thiết lập sự tiếp xúc với Chân sư". Điều này không liên quan gì đến việc làm thoả mãn người đệ tử. Nếu có thì đúng hơn là ngược lại, vì chúng ta được cho biết rằng Chân sư vận dụng một số năng lượng để "phá tung" người đệ tử, khiến y "mở toang"—một trải nghiệm mà nói nhẹ nhất cũng là gây khó chịu.

5. In this matter of contacting the Master, the Master has a major role. It is the Master's task to "evoke direct response and conscious reaction of the disciple". We remember that we are examining these Six Stages from the perspective of the *Master* and His inner assistants. When the time is right, and the aspiring disciple has made sufficient preparation, the Master will initiate contact. It is not in the disciple's hands to do this.

5. Trong vấn đề tiếp xúc với Chân sư này, Chân sư giữ một vai trò chủ yếu. Nhiệm vụ của Chân sư là "gợi lên sự đáp ứng trực tiếp và phản ứng hữu thức của người đệ tử". Chúng ta nhớ rằng mình đang xem xét Sáu Giai đoạn này từ góc nhìn của *Chân sư* và các vị trợ giúp bên trong của Ngài. Khi thời điểm thích hợp và người đệ tử chí nguyện đã chuẩn bị đầy đủ, Chân sư sẽ chủ động tiếp xúc. Việc thực hiện điều này không nằm trong quyền của người đệ tử.

6. DK begins to emphasize impersonality in this paragraph. The Master looks for impersonality in the reactions of the His

6. Trong đoạn này, Chân sư DK bắt đầu nhấn mạnh tính phi cá nhân. Chân sư mong thấy tính phi cá nhân trong các phản ứng của đệ

chela—not only to other disciples but to Himself.

7. What is so important about impersonality? We are told that it makes real love possible. Does this seem a strange thought? Impersonality is said to be "the first step along the road to spiritual love and understanding".

8. The formula is an interesting one.

1. Criticism prevents love.

2. Impersonality causes criticism to die out.

3. When criticism dies out, love can pour in.

4. Therefore, before attempting to "love", presumably via the will-to-love, make the attempt to achieve impersonality.

9. One becomes impersonal through much meditation, identification as a soul, and seeing the "big picture". It requires a state of detachment, a standing back, a disidentification from the personal nature, as if it were *not* the Self—which of course it is not.

10. The implication is that the accepted disciple is rapidly and necessarily learning to be impersonal.

The Master also looks for an effort upon the part of His disciples to work on a larger and more generous scale in connection with His work in the world of men; He leaves them free to work as they may choose but He most certainly looks for the effort to take place

tử Ngài—không chỉ với những đệ tử khác mà còn với chính Ngài.

7. Tính phi cá nhân có gì quan trọng đến vậy? Chúng ta được cho biết rằng nó làm cho tình thương đích thực trở nên khả hữu. Điều này có vẻ là một ý nghĩ lạ lùng không? Tính phi cá nhân được xem là "bước đầu tiên trên con đường dẫn đến tình thương và sự thấu hiểu tinh thần".

8. Công thức này thật thú vị.

1. Sự chỉ trích ngăn cản tình thương.

2. Tính phi cá nhân khiến sự chỉ trích chấm dứt.

3. Khi sự chỉ trích chấm dứt, tình thương có thể tuôn vào.

4. Vì vậy, trước khi cố gắng "yêu thương", có lẽ thông qua Ý Chí-Yêu Thương, hãy cố gắng đạt đến tính phi cá nhân.

9. Con người trở nên phi cá nhân nhờ tham thiền nhiều, đồng hoá mình là một linh hồn và nhìn thấy "bức tranh toàn cảnh". Điều này đòi hỏi một trạng thái tách rời, lùi lại để quan sát, không còn đồng hoá với bản chất cá nhân, như thể bản chất ấy *không phải* là Chân Ngã—và dĩ nhiên nó không phải.

10. Điều này hàm ý rằng người đệ tử được chấp nhận đang nhanh chóng học cách trở nên phi cá nhân, và đó là điều tất yếu.

Chân sư cũng mong thấy các đệ tử của Ngài nỗ lực hoạt động trên một quy mô rộng lớn và rộng lượng hơn, gắn với công việc của Ngài trong thế giới loài người; Ngài để họ tự do làm việc theo sự lựa chọn của mình, nhưng chắc chắn Ngài mong nỗ lực ấy đi

along the lines of the specific activities which constitute His intention. To achieve this vital and strenuous effort, there must be the ability to focus upon the work and its needs and to develop the power to cooperate with those also engaged in similar work. This, again, involves impersonality and right focus. The Master is today looking for dedication to the needs of humanity in these days of human agony; this involves a sensitivity to world pain as it demonstrates from day to day in world affairs; it requires also a "divine indifference" to outer events in the life of the little self and a sense of proportion which enables the disciple to see his little personal [738] affairs—physical, emotional and mental—in terms of the whole. So again we arrive at impersonality—this time impersonality to a man's own reactions.

theo những hoạt động cụ thể tạo nên ý định của Ngài. Để thực hiện nỗ lực thiết yếu và gian nan này, cần có khả năng tập trung vào công việc cùng những nhu cầu của nó, và phát triển năng lực hợp tác với những người cũng đang tham gia công việc tương tự. Một lần nữa, điều này đòi hỏi tính phi cá nhân và sự tập trung đúng đắn. Trong những ngày nhân loại đau đớn này, Chân sư đang mong thấy sự tận tâm đối với các nhu cầu của nhân loại; điều này bao hàm sự nhạy cảm với nỗi đau của thế giới, như nó biểu lộ từng ngày trong các sự việc trên thế giới; điều này cũng đòi hỏi một thái độ "Điềm nhiên thiêng liêng" đối với những biến cố bên ngoài trong đời sống của cái ngã nhỏ bé, và một Ý thức về tỉ lệ giúp người đệ tử nhìn những việc cá nhân nhỏ nhặt [738] của mình—về hồng trần, cảm xúc và trí tuệ—trong tương quan với toàn thể. Vì vậy, một lần nữa chúng ta đi đến tính phi cá nhân—lần này là tính phi cá nhân đối với những phản ứng của chính mình.

1. We are being told what a Master looks for in His accepted disciples. The concept of generosity emerges. Large and generous—these are characteristic of the Jupiterian attitude. The largesse and generosity are to be directed towards the world of men. The accepted disciple must be large and generous in his service.

1. Chúng ta đang được cho biết một Chân sư mong thấy điều gì ở các đệ tử được chấp nhận của Ngài. Khái niệm rộng lượng xuất hiện. Rộng lớn và rộng lượng—đó là những đặc điểm của thái độ mang phẩm tính Sao Mộc. Sự hào phóng và rộng lượng ấy cần hướng đến thế giới loài người. Người đệ tử được chấp nhận phải rộng mở và rộng lượng trong việc phụng sự của mình.

2. Every accepted disciple is free to work as he may choose, but the Master expects that the work done will be aligned with His intention.

2. Mỗi đệ tử được chấp nhận đều tự do làm việc theo sự lựa chọn của mình, nhưng Chân sư kỳ vọng rằng công việc họ thực hiện sẽ chỉnh hợp với ý định của Ngài.

3. If the disciple focuses along the line of the Master's intention, it will require vital and strenuous effort to fulfill the needs connected with the Master's work and to

3. Nếu người đệ tử tập trung theo ý định của Chân sư, y sẽ phải nỗ lực đầy sinh lực và kiên trì để đáp ứng các nhu cầu liên quan đến công việc của Chân sư và hợp tác với những

cooperate with those similarly engaged. The need for impersonality enters again, otherwise, competition may arise even among accepted disciples.

4. Humanity certainly comes first in the consciousness of an accepted disciple. The heart must be sensitized and "world pain" must be registered.

5. We are being made aware of the strenuous requirements of this stage involving direct supervision by the Master. Thus, the pressure increases.

6. Added to the requirements thus far listed are "divine indifference" and a sense of proportion. The two are surely related. When the perspective of the soul is being established, divine indifference (and impersonality) are natural consequences.

7. Difficulties arising in the personality are seen in perspective. Such difficulties preoccupy the attention of the average individual. They cannot capture the attention of the accepted disciple unduly. The accepted disciple has the whole in mind, and the ordinary affairs of personality living shrink in importance.

8. We see Master DK hammering home the importance of impersonality: impersonality to the personalities of others, and with respect to the Master, and now, impersonality with respect to one's own reactions.

9. Impersonality guarantees that the disciple will remain focussed in the larger picture and, thus, energy flows from higher dimensions will not be short-circuited by

người đang tham gia công việc tương tự. Nhu cầu về tính phi cá nhân lại xuất hiện; nếu không, sự cạnh tranh có thể nảy sinh ngay cả giữa các đệ tử được chấp nhận.

4. Chắc chắn nhân loại giữ vị trí hàng đầu trong tâm thức của một đệ tử được chấp nhận. Trái tim phải trở nên nhạy cảm và "nỗi đau của thế giới" phải được ghi nhận.

5. Chúng ta đang được giúp nhận biết những yêu cầu gian nan của giai đoạn có sự giám sát trực tiếp của Chân sư này. Do đó, áp lực gia tăng.

6. Bổ sung vào những yêu cầu đã liệt kê cho đến đây là "Điềm nhiên thiêng liêng" và Ý thức về tỉ lệ. Chắc chắn hai điều này có liên hệ với nhau. Khi góc nhìn của linh hồn đang được thiết lập, Điềm nhiên thiêng liêng và tính phi cá nhân là những hệ quả tự nhiên.

7. Những khó khăn nảy sinh trong phàm ngã được nhìn nhận trong tương quan thích đáng. Những khó khăn ấy chiếm trọn sự chú ý của người bình thường. Chúng không thể chiếm giữ quá mức sự chú ý của người đệ tử được chấp nhận. Người đệ tử được chấp nhận luôn nghĩ đến toàn thể, và những việc thông thường trong đời sống phàm ngã giảm dần tầm quan trọng.

8. Chúng ta thấy Chân sư DK nhấn mạnh sâu sắc tầm quan trọng của tính phi cá nhân: tính phi cá nhân đối với phàm ngã của người khác, đối với Chân sư, và giờ đây là tính phi cá nhân đối với những phản ứng của chính mình.

9. Tính phi cá nhân bảo đảm rằng người đệ tử sẽ luôn tập trung vào bức tranh rộng lớn hơn; nhờ đó, những dòng năng lượng từ các chiều cao hơn sẽ không bị chặn dòng do

minor preoccupations, extensions and, in general, personality reactions.

những mối bận tâm nhỏ nhặt, những phần mở rộng của chúng và, nói chung, những phản ứng của phàm ngã.

The Master has, therefore, necessarily to ask Himself whether the expenditure of time and energy which He gives to the members of His group or Ashram is rightly warranted and whether, as a result, the group has "quickened" for increased service, and is more closely knit together in the bonds of the ashramic fellowship and is decentralised and less a group of dedicated personalities and more a group of living souls.

Vì vậy, Chân sư tất yếu phải tự hỏi liệu việc Ngài dành thời gian và năng lượng cho các thành viên trong nhóm hay ashram của Ngài có thực sự chính đáng hay không, và liệu nhờ đó nhóm có được "khơi dậy sức sống" để gia tăng phụng sự, gắn bó chặt chẽ hơn trong tình huynh đệ ashram, phi tập trung vào bản thân và ngày càng trở thành một nhóm những linh hồn sống động hơn là một nhóm những phàm ngã tận tâm hay không.

1. The Master functions, minimally, according to the Law of Economy. He also serves higher Laws, such as the Law of Attraction and the Law of Synthesis. But even in pursuit of these higher objectives, the Law of Economy must be observed.

1. Ít nhất, Chân sư hoạt động theo Định luật Tiết Kiệm. Ngài cũng phụng sự những Định luật cao hơn, như Định luật Hấp Dẫn và Định luật Tổng Hợp. Nhưng ngay cả khi theo đuổi những mục tiêu cao hơn này, vẫn phải tuân thủ Định luật Tiết Kiệm.

2. The Master strives to quicken His outer groups for increased service, but have they responded? If they have not, He is only justified in proceeding so far.

2. Chân sư nỗ lực khơi dậy sức sống cho các nhóm bên ngoài của Ngài để gia tăng phụng sự, nhưng họ đã đáp ứng chưa? Nếu chưa, Ngài chỉ có lý do chính đáng để tiếp tục đến một giới hạn nhất định.

3. If He expends considerable energy upon them, He expects several things:

3. Nếu Ngài dành năng lượng đáng kể cho họ, Ngài kỳ vọng một số điều:

1. that they will, indeed, be "quickened" for service

1. rằng họ sẽ thực sự được "khơi dậy sức sống" để phụng sự

2. that they will be more closely knit in the bonds of ashramic fellowship

2. rằng họ sẽ gắn bó chặt chẽ hơn trong tình huynh đệ ashram

3. that they will be more decentralized

3. rằng họ sẽ phi tập trung vào bản thân nhiều hơn

4. that they will be a group of living souls more than a group of dedicated

4. rằng họ sẽ là một nhóm những linh hồn sống động hơn là một nhóm những phàm

personalities. (Note the contrast between the solar plexus and heart emphasis.)

4. If these developments occur to a reasonable extent, the Master is warranted in continuing His efforts. If they do not, it would be against Wisdom to proceed further in the same way with the same group.

5. The Master, we realize, is not lavishing attention upon a group for the gratification of its personnel. Each such group could play a significant role in His emerging plans. He is training them to fulfill such possibilities.

Impersonality has also to be developed in connection with the Master Himself. He is not occupied with making His group of disciples satisfied with themselves, their status or their service. He frequently lays the emphasis (in His few and rare contacts with His disciples) upon their failures and limitations. He does not only give them a steady flow of teaching and increased opportunity to serve. His work is primarily to help them detach themselves from the form aspect of life and fit them to undergo certain great expansions of consciousness. He assumes the factual nature of their dedication and desire to serve. This he has shown by receiving them into His group of disciples. When He did that, He assumed also the responsibility of preparing them for initiation. It is no part of the Master's duties to pat disciples upon the back or to congratulate them upon work done and progress made. He has instead the task of watching closely their note or vibration and of indicating where changes must be made in attitude and expression, where

ngã tận tâm. (Hãy lưu ý sự tương phản giữa việc nhấn mạnh tùng thái dương và việc nhấn mạnh trái tim.)

4. Nếu những sự phát triển này diễn ra ở mức độ hợp lý, Chân sư có cơ sở chính đáng để tiếp tục nỗ lực của Ngài. Nếu không, việc tiếp tục theo cùng một cách với cùng một nhóm sẽ trái với minh triết.

5. Chúng ta nhận ra rằng Chân sư không dành quá nhiều sự chú ý cho một nhóm nhằm làm thoả mãn các thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm như vậy đều có thể giữ một vai trò đáng kể trong những kế hoạch đang hình thành của Ngài. Ngài đang huấn luyện họ để hiện thực hoá những khả năng ấy.

Cũng cần phát triển tính phi cá nhân trong mối quan hệ với chính Chân sư. Ngài không bận tâm đến việc làm cho nhóm đệ tử của Ngài thoả mãn với chính họ, với địa vị hay sự phụng sự của họ. Trong những lần tiếp xúc ít ỏi và hiếm hoi với các đệ tử, Ngài thường nhấn mạnh những thất bại và hạn chế của họ. Ngài không chỉ liên tục ban cho họ giáo huấn và gia tăng cơ hội phụng sự. Công việc chủ yếu của Ngài là giúp họ tách rời khỏi phương diện hình tướng của sự sống và chuẩn bị cho họ đủ sức trải qua một số cuộc mở rộng tâm thức lớn lao. Ngài xem sự tận tâm và mong muốn phụng sự của họ là những điều có thực. Ngài đã cho thấy điều này qua việc tiếp nhận họ vào nhóm đệ tử của Ngài. Khi làm như vậy, Ngài cũng nhận trách nhiệm chuẩn bị cho họ để được điểm đạo. Việc vỗ về các đệ tử hay chúc mừng họ về công việc đã hoàn thành và sự tiến bộ đã đạt được không thuộc nhiệm vụ của Chân sư. Thay vào đó, Ngài có nhiệm vụ theo dõi sát sao âm điệu hay rung động của họ và chỉ ra những chỗ cần thay đổi trong thái độ và cách biểu lộ, những chỗ cần tăng cường đời sống

intensification of the spiritual life is in order and where personality adjustments could lead to greater freedom and, therefore, to more effective service. If this process, when applied by Him evokes resentment and disappointment upon their part, then the indication is that they are still steeped in personal reactions.

tinh thần, và những chỗ mà việc điều chỉnh phàm ngã có thể dẫn đến tự do lớn hơn, nhờ đó phụng sự hiệu quả hơn. Nếu tiến trình này, khi Ngài áp dụng, gợi lên sự oán giận và thất vọng nơi họ, thì đó là dấu hiệu cho thấy họ vẫn còn chìm sâu trong những phản ứng cá nhân.

1. DK emphasizes the necessary attitude of impersonality with respect to the Master, Himself.

1. Chân sư DK nhấn mạnh thái độ phi cá nhân cần có đối với chính Chân sư.

2. Some hard sayings follow. A Master does not usually compliment His chelas. His available time is scarce; He is involved with world work upon which the welfare (and even the survival) of humanity depends. He must proceed swiftly and expediently. Thus it is that, when He can contact His chelas (which is a rare enough occurrence), He cannot *waste time* patting them on the back. He wants them to before effective instruments for service as rapidly as possible, and therefore, points out their liabilities directly.

2. Tiếp theo là một số lời khó nghe. Một Chân sư thường không khen ngợi các đệ tử của Ngài. Thời gian Ngài có thể dành ra rất ít; Ngài đang đảm nhiệm công việc thế giới mà phúc lợi, và ngay cả sự sống còn, của nhân loại tuỳ thuộc vào đó. Ngài phải hành động nhanh chóng và hữu hiệu. Vì vậy, khi có thể tiếp xúc với các đệ tử—một việc vốn đã khá hiếm hoi—Ngài không thể *lãng phí thời gian* để vỗ về họ. Ngài muốn họ trở thành những công cụ phụng sự hữu hiệu nhanh nhất có thể, nên Ngài thẳng thắn chỉ ra những nhược điểm của họ.

3. Master DK says that the Master does not give His chelas a “steady flow of teaching and increased opportunity to serve”, and yet, one could hardly deny the steady flow of teaching which came from the ‘pen’ of Master DK. As for the opportunity to service, abundant opportunities were offered and are offered still.

3. Chân sư DK nói rằng Chân sư không mang đến cho các đệ tử của Ngài một “dòng giáo huấn liên tục cùng cơ hội phụng sự ngày càng nhiều”, tuy nhiên, khó ai có thể phủ nhận dòng giáo huấn liên tục tuôn ra từ ‘ngòi bút’ của Chân sư DK. Về cơ hội phụng sự, rất nhiều cơ hội đã được mở ra và đến nay vẫn tiếp tục.

4. But deeper motives of a Master relative to His students are revealed. He is trying to make initiates of them. To that end, He is helping them detach from form life and to prepare for those great expansions of consciousness which initiation represents. He is attempting to evoke from them their

4. Nhưng những động cơ sâu xa hơn của một Chân sư đối với các môn sinh của Ngài đang được hé lộ. Ngài đang cố gắng giúp họ trở thành các điểm đạo đồ. Vì mục đích ấy, Ngài giúp họ tách rời khỏi đời sống hình tướng và chuẩn bị cho những sự mở rộng tâm thức lớn lao mà điểm đạo biểu thị. Ngài đang cố gắng

highest, strongest, noblest and best responses. He is not merely feeding them full so that they may be content and well-satisfied.

khơi dậy nơi họ những đáp ứng cao cả nhất, mạnh mẽ nhất, cao quý nhất và tốt đẹp nhất. Ngài không chỉ đơn thuần nuôi họ cho no đủ để họ có thể mãn nguyện và hoàn toàn hài lòng.

5. Many things are assumed. The chela's dedication and willingness to serve are assumed. Why should those necessities be constantly emphasized? It would be a waste of time. Chelas could never enter a Master's group unless they had proven their dedication and their willingness to serve to a significant degree. The main thrust of their training after acceptance is training for initiation. This is a responsibility which the Master has undertaken, and He presses ahead to bring the day of achievement closer.

5. Nhiều điều được xem là đã có sẵn. Sự tận tâm và tinh thần sẵn lòng phụng sự của đệ tử được xem là đã có sẵn. Tại sao cứ phải nhấn mạnh mãi những điều thiết yếu ấy? Làm vậy sẽ lãng phí thời gian. Các đệ tử không bao giờ có thể gia nhập nhóm của một Chân sư nếu họ chưa chứng tỏ được sự tận tâm và tinh thần sẵn lòng phụng sự ở một mức độ đáng kể. Trọng tâm huấn luyện họ sau khi được chấp nhận là chuẩn bị cho điểm đạo. Đây là trách nhiệm mà Chân sư đã đảm nhận, và Ngài kiên trì tiến tới để đưa ngày thành tựu đến gần hơn.

6. In the process of preparing them for initiation, the Master emphasizes the following, after watching their note or vibration carefully.

6. Trong tiến trình chuẩn bị họ cho điểm đạo, sau khi cẩn thận quan sát âm điệu hay rung động của họ, Chân sư nhấn mạnh những điều sau đây.

1. changes in attitude

1. những thay đổi trong thái độ

2. changes in expression

2. những thay đổi trong cách biểu lộ

3. where the spiritual life may be intensified

3. những mặt có thể tăng cường đời sống tinh thần

4. personality adjustments leading to greater freedom

4. những điều chỉnh phàm ngã dẫn đến tự do lớn hơn

5. personality adjustments leading to more effective service.

5. những điều chỉnh phàm ngã dẫn đến việc phụng sự hiệu quả hơn.

7. The Master "means business" despite the personal sensitivities of His chelas. He deals with them in a kind, firm and impersonal manner and He expects impersonality in return—with respect to Him, to their fellow

7. Chân sư "thực sự nghiêm túc với công việc" bất chấp những sự nhạy cảm cá nhân của các đệ tử của Ngài. Ngài đối xử với họ một cách tử tế, kiên định và phi cá nhân, và Ngài mong họ đáp lại bằng tính phi cá

disciples, and to their own personality conditions.

Another thing which disciples are apt to forget is that the Master has to protect the larger Ashram as a whole from the reaction of those who are learning to work in smaller supervised groups and in cooperation with their more experienced brothers. Sometimes disciples become discouraged—from a natural morbidness, self-centredness, lethargy and sometimes [739] good intentions—and endeavour to resign from the Ashram or group. This they can only do exoterically, for the esoteric link always persists, though it may be temporarily negated in the need of the larger group to protect itself from some unit in its midst. The members of an Ashram and accepted disciples are always engaged in world work and effectively so. Newcomers and beginners have to be trained to participate in that work and ample scope is always provided to this end.

1. The Master also has a protective function. Earlier it was said that it is always difficult and disrupting to bring new chelas (individually and in small groups) into an established Ashram. They may well over-react or inappropriately react to the new stimulation.

2. The established Ashram is already a working unit in the larger Ashram of the Christ. Plans in motion cannot be allowed to falter because of 'waves' caused by newly entering chelas.

3. Thus the Master is cautious, and finds ways to insulate the established chelas from 'assimilative turbulence'. Interestingly, it is

nhân—đối với Ngài, với các đệ tử đồng môn và với những tình trạng phàm ngã của chính họ.

Một điều khác mà các đệ tử thường quên là Chân sư phải bảo vệ toàn bộ ashram lớn hơn trước phản ứng của những người đang học cách làm việc trong các nhóm nhỏ hơn có sự giám sát và hợp tác với những huynh đệ giàu kinh nghiệm hơn. Đôi khi các đệ tử trở nên nản lòng—do khuynh hướng u uất sẵn có, sự tập trung vào bản thân, tính uể oải và đôi khi do [739] thiện ý—và tìm cách rút khỏi ashram hay nhóm. Họ chỉ có thể làm điều này về mặt ngoại môn, vì mối liên kết nội môn luôn tồn tại, dù mối liên kết ấy có thể tạm thời mất tác dụng khi nhóm lớn hơn cần tự bảo vệ trước một đơn vị nào đó trong hàng ngũ của mình. Các thành viên của một ashram và các đệ tử được chấp nhận luôn tham gia công việc thế gian một cách hiệu quả. Những người mới đến và những người mới bắt đầu phải được huấn luyện để tham gia công việc ấy, và luôn có nhiều cơ hội để họ thực hiện điều này.

1. Chân sư cũng có chức năng bảo vệ. Trước đây đã nói rằng việc đưa những đệ tử mới vào một ashram đã ổn định, dù từng người hay theo các nhóm nhỏ, luôn khó khăn và gây xáo trộn. Họ rất có thể phản ứng quá mức hoặc không thích hợp trước sự kích thích mới.

2. Ashram đã ổn định vốn là một đơn vị đang hoạt động trong ashram lớn hơn của Đức Christ. Không thể để những kế hoạch đang triển khai bị chững lại vì những 'làn sóng' do các đệ tử mới gia nhập gây ra.

3. Do đó, Chân sư thận trọng và tìm cách bảo vệ các đệ tử đã ổn định trước 'sự xáo trộn trong quá trình tiếp nhận thành viên mới'.

the function of some chelas to protect the Master from the new members.

Điều thú vị là một số đệ tử có chức năng bảo vệ Chân sư trước các thành viên mới.

4. DK deals with the question of whether a new accepted chela can "resign from the Ashram". The reasons given are interesting: "natural morbidness" is one, for there is much negativity and retrogressiveness in the average disciple. Self-centeredness and lethargy are other causes.

4. Chân sư DK bàn đến vấn đề liệu một đệ tử mới được chấp nhận có thể "rút khỏi ashram". Những lý do được nêu ra rất đáng chú ý: "khuynh hướng u uất sẵn có" là một lý do, vì người đệ tử trung bình còn nhiều tính tiêu cực và khuynh hướng thoái lui. Sự tập trung vào bản thân và tính uể oải là những nguyên nhân khác.

5. Once, however, a Master had admitted a chela into the Ashram, the bonds are not easily broken, for the relation, really, is from soul to soul, and, therefore, the temporary fluctuations of an over- or under-reacting personality is a superficial matter compared to the deeper soul affiliation involved.

5. Tuy nhiên, một khi Chân sư đã thu nhận một đệ tử vào ashram, những mối ràng buộc ấy không dễ gì đứt gãy, vì mối quan hệ ấy thực sự là giữa linh hồn với linh hồn; do đó, những dao động tạm thời của một phàm ngã phản ứng quá mức hoặc quá ít chỉ là chuyện bề ngoài so với mối gắn kết linh hồn sâu xa hơn đang hiện hữu.

6. There will arise circumstances in which the group must protect itself from a rebellious or unstable "unit" in its midst. But that unit is not so much *expelled* as *temporarily suspended.*

6. Sẽ có những hoàn cảnh mà nhóm phải tự bảo vệ trước một "đơn vị" chống đối hoặc bất ổn trong hàng ngũ của mình. Nhưng đơn vị ấy có thể nói là *không bị trục xuất* mà chỉ *tạm thời bị đình chỉ.*

7. The Master expects increasingly effective world work from accepted disciples. Newly accepted disciples are expected to learn how to work in that way.

7. Chân sư mong các đệ tử được chấp nhận thực hiện công việc thế gian ngày càng hiệu quả. Các đệ tử mới được chấp nhận cần học cách làm việc như thế.

8. We certainly see in this instruction, how the requirements are becoming more exacting. It is well for us to have this in mind if we are to clearly assess whether we are ready for the stage of accepted discipleship, or whether we have attained it.

8. Qua huấn thị này, chúng ta thấy rõ các yêu cầu đang trở nên khắt khe hơn như thế nào. Chúng ta nên ghi nhớ điều này nếu muốn đánh giá rõ ràng liệu mình đã sẵn sàng cho giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận hay đã đạt đến giai đoạn ấy hay chưa.

9. The details of ashramic functioning with respect to the accepted disciples are being quite clearly revealed

9. Những chi tiết về hoạt động của ashram đối với các đệ tử được chấp nhận đang được hé lộ khá rõ ràng

Certain periods come when disciples have to be faced with clear and definite questions, in the answering of which they discover themselves and the scope and fruitfulness of their demanded service. Some of these questions might be expressed as follows:

1. Master DK is attempting to have us face ourselves through the answering of clear and definite questions. We remember earlier He spoke of the questions He throws into the minds of His chelas.

2. As we review these questions, it would be a good idea to pause and formulate our answers.

How effective is my work in relation to my sphere of activity?

1. A disciple works without attachment to results, but eventually is expected to be both reliable and effective in terms of helping to change the world according to the Plan.

2. We can rest back on good intentions only so long.

How effective is my thinking and planning in relation to what may lie ahead in the immediate future? We have an instance of this today, in connection with the plans for a post-war world and the need for intelligent and spiritual reconstruction activity.

1. Accepted disciples are learning that it is not admissible simply "to muddle on through". Under Saturn and Mercury they must learn to think and plan. The life is to come under soul control, mediated through

Có những giai đoạn các đệ tử phải đối diện với những câu hỏi rõ ràng và xác định; khi trả lời, họ khám phá chính mình cùng phạm vi và thành quả của việc phụng sự mà họ được yêu cầu thực hiện. Một số câu hỏi ấy có thể được diễn đạt như sau:

1. Chân sư DK đang cố gắng giúp chúng ta đối diện với chính mình qua việc trả lời những câu hỏi rõ ràng và xác định. Chúng ta nhớ rằng trước đây Ngài đã nói về những câu hỏi Ngài gieo vào thể trí của các đệ tử của Ngài.

2. Khi xem xét những câu hỏi này, chúng ta nên dừng lại và hình thành câu trả lời của mình.

Trong phạm vi hoạt động của mình, công việc của tôi hiệu quả đến đâu?

1. Một đệ tử làm việc mà không chấp trước vào kết quả, nhưng cuối cùng vẫn cần trở nên đáng tin cậy và có hiệu quả trong việc góp phần thay đổi thế giới theo Thiên Cơ.

2. Chúng ta chỉ có thể mãi dựa vào thiện ý trong một thời gian nhất định.

Việc suy nghĩ và lập kế hoạch của tôi hiệu quả đến đâu đối với những gì có thể xảy ra trong tương lai trước mắt? Ngày nay, chúng ta có một ví dụ về điều này qua các kế hoạch cho một thế giới hậu chiến và nhu cầu tiến hành công cuộc tái thiết một cách sáng suốt và theo tinh thần.

1. Các đệ tử được chấp nhận đang học rằng không thể chỉ "lần mò xoay xở cho qua". Dưới ảnh hưởng của Sao Thổ và Sao Thủy, họ phải học cách suy nghĩ và lập kế hoạch. Đời sống phải chịu sự kiểm soát của linh hồn, thông qua thể trí và bộ não đã được chỉnh

an aligned mind and brain.

2. If members of the Hierarchy are great spiritual executives, accepted disciples must take a step in this direction.

3. We note that the term "immediate future" is used and not "distant" future. An accepted disciple is a *practical* individual. The distant hopes may be glorious indeed, but those hopes will never be fulfilled if immediate spiritual objectives are not understood and well-executed.

What results can I recognise as the fruit of my work?

1. Although the accepted disciple must know what it means to work without attachments to results, his efforts will inevitably lead to effects, to some form of manifestation. He must carefully analyze these "fruits" and test their quality. Only thus will he be able to make the readjustments which will improve his service. The accepted disciple tries to develop a sense of proportion with respect to his labors; he does not seek to delude himself.

Do I feel that my work has been satisfactory from the standpoint of my soul and, incidentally, of my Master?

1. The soul (meaning, in this instance, the Solar Angel) is the principal Guide, Mentor and Consultant. The Elder Brother sets the standard and the disciple is to know, intuitively, the degree to which that standard has been fulfilled.

2. There are *two* Masters for every truly

hợp.

2. Nếu các thành viên của Thánh đoàn là những nhà điều hành tinh thần vĩ đại, thì các đệ tử được chấp nhận phải tiến một bước theo hướng ấy.

3. Chúng ta lưu ý rằng ở đây dùng cụm từ "tương lai trước mắt" chứ không phải tương lai "xa xôi" ấy. Một đệ tử được chấp nhận là một người *thực tế* trong hành động. Những hy vọng xa xôi quả có thể huy hoàng, nhưng chúng sẽ không bao giờ thành hiện thực nếu những mục tiêu tinh thần trước mắt không được thấu hiểu và thực hiện tốt.

Tôi có thể nhận biết những kết quả nào là thành quả công việc của mình?

1. Dù đệ tử được chấp nhận phải biết làm việc mà không chấp trước vào kết quả nghĩa là gì, những nỗ lực của y tất yếu sẽ dẫn đến các tác động, đến một dạng biểu hiện nào đó. Y phải cẩn thận phân tích những "thành quả" này và kiểm nghiệm phẩm tính của chúng. Chỉ như vậy y mới có thể thực hiện những điều chỉnh giúp cải thiện việc phụng sự của mình. Đệ tử được chấp nhận cố gắng phát triển ý thức về tỉ lệ đối với những công sức của mình; y không tìm cách tự lừa dối.

Tôi có cảm thấy rằng công việc của mình đã thỏa đáng từ quan điểm của linh hồn tôi và, nhân đó, của Chân sư tôi hay không?

1. Linh hồn, trong trường hợp này hàm ý Thái dương Thiên Thần, là Đấng Hướng Dẫn, Cố Vấn và Tham Vấn chủ yếu. Huynh Trưởng đặt ra tiêu chuẩn, và đệ tử phải biết bằng trực giác mình đã đáp ứng tiêu chuẩn ấy đến mức nào.

2. Mỗi đệ tử chân chính đều có *hai* Chân sư.

chela. The first is the Solar Angel (an Initiate of all degrees) and the second is his own Master of the Wisdom (directing the Ashram with which he may be affiliating is or affiliated).

Vị thứ nhất là Thái dương Thiên Thần, một Điểm Đạo Đồ đã trải qua mọi cấp độ; vị thứ hai là Chân sư Minh Triết của chính y, Đấng chỉ đạo ashram mà y có thể đang liên kết hoặc đã liên kết.

3. We note that the Solar Angel is put first; otherwise the cart will be put before the horse. So many seek the Master and ignore their soul/Solar Angel. Such an approach will not lead to the objective. The order is clear: fulfill soul requirements; then, and only then, may the Master seek to undertake the guidance and teaching of a chela.

3. Chúng ta lưu ý rằng Thái dương Thiên Thần được đặt lên trước; nếu không sẽ là đặt xe trước ngựa. Rất nhiều người tìm kiếm Chân sư mà bỏ qua linh hồn/Thái dương Thiên Thần của mình. Cách tiếp cận như thế sẽ không dẫn đến mục tiêu. Trình tự rất rõ ràng: đáp ứng những yêu cầu của linh hồn; khi ấy, và chỉ khi ấy, Chân sư mới có thể tìm cách đảm nhận việc hướng dẫn và giảng dạy một đệ tử.

Have I worked with impersonality in relation to my fellow disciples and co-workers, no matter what their status?

Tôi đã làm việc với tính phi cá nhân đối với các đệ tử đồng môn và những người cùng hoạt động, bất kể địa vị của họ, hay chưa?

1. This is a crucial question and asks us if we can sustain impersonality regardless of the relative status of the disciples with whom we may be working. Some disciples may be able to maintain a degree of impersonality amongst those most closely related to them in terms of spiritual status, but lose their impersonality immediately when related to disciples who are treading the earlier or later stages of the Path. For other disciples, the problem is just the reverse.

1. Đây là một câu hỏi then chốt, đặt ra cho chúng ta vấn đề liệu mình có thể duy trì tính phi cá nhân bất kể địa vị tương đối của các đệ tử mà mình có thể đang cùng làm việc hay không. Một số đệ tử có thể duy trì được phần nào tính phi cá nhân giữa những người gần gũi nhất với họ về địa vị tinh thần, nhưng lập tức đánh mất tính phi cá nhân khi tiếp xúc với những đệ tử đang bước trên các giai đoạn sớm hơn hoặc muộn hơn của Đường Đạo. Với những đệ tử khác, vấn đề lại hoàn toàn ngược lại.

2. The problem is one of personality and lower ego. As long as the identification is with the personality as the lower identity, impersonality will lie beyond the possibility of achievement.

2. Đây là vấn đề của phàm nhân và phàm ngã. Chừng nào còn đồng hoá với phàm ngã như bản sắc thấp của mình, chừng ấy tính phi cá nhân vẫn nằm ngoài khả năng đạt được.

Have I preserved the needed spirit of loving cooperation?

Tôi đã giữ gìn tinh thần hợp tác đầy tình thương cần thiết hay chưa?

1. A simple question and one which not many modern, mental disciples can easily answer in the affirmative. We remember that impersonality precedes love.

Do I recognise truthfully my own and my co-disciples' limitations and do I then move forward with those who are serving alongside of me without criticism and with silence?

1. "Loving recognition of limitation"—this was the phrase used when the problem of criticism was being discussed.

2. The expression of love requires much silence where others would speak, and perhaps, speech where others would remain silent.

Do I realise exactly where I stand? Whom I can help? And to whom I must look for example, aid and understanding?

1. Well, this is a hard question for most. It requires great truthfulness about oneself and considerable impersonality with respect to one's present personality attainments and liabilities.

2. If we do not know where we stand (which, of course, involves the factor impersonal comparison) we will not know whom we can help, and thus our service will be curtailed or distorted.

3. "I look above, I help below". Humility is required. Each must reach a hand upwards, and a hand below.

4. Probably the outer and inner panorama

1. Một câu hỏi đơn giản, nhưng không nhiều đệ tử hiện đại thiên về trí tuệ có thể dễ dàng trả lời là có. Chúng ta nhớ rằng tính phi cá nhân đi trước tình thương.

Tôi có thành thật nhận biết những giới hạn của chính mình và của các đệ tử đồng môn, rồi cùng tiến bước với những người đang phụng sự bên cạnh mình mà không chỉ trích và giữ im lặng hay không?

1. "Nhận biết giới hạn bằng tình thương"—đó là cụm từ đã dùng khi bàn về vấn đề chỉ trích.

2. Sự biểu lộ tình thương đòi hỏi phải giữ im lặng nhiều khi người khác sẽ lên tiếng, và có lẽ phải lên tiếng khi người khác sẽ giữ im lặng.

Tôi có nhận biết chính xác mình đang ở đâu không? Tôi có thể giúp ai? Và tôi phải hướng đến ai để tìm gương mẫu, sự trợ giúp và sự thấu hiểu?

1. Đây là một câu hỏi khó đối với phần đông. Nó đòi hỏi sự thành thật sâu sắc với bản thân và tính phi cá nhân đáng kể đối với những thành tựu cùng hạn chế của phàm ngã hiện tại của mình.

2. Nếu không biết mình đang ở đâu, điều tất nhiên có liên quan đến yếu tố so sánh một cách phi cá nhân, chúng ta sẽ không biết mình có thể giúp ai; do đó, việc phụng sự của chúng ta sẽ bị hạn chế hoặc sai lệch.

3. "Tôi hướng lên trên, tôi giúp phía dưới". Cần có lòng khiêm nhường. Mỗi người phải vươn một tay lên trên và đưa một tay xuống dưới.

4. Có lẽ cần khảo sát toàn cảnh bên ngoài lẫn

must be surveyed in order to know the proper answer to this question. One can help those in both outer and inner worlds. One can be helped by those in both outer and inner worlds.

bên trong để biết câu trả lời thích hợp cho câu hỏi này. Mỗi người có thể giúp những người ở cả các thế giới bên ngoài lẫn bên trong. Mỗi người có thể nhận sự trợ giúp từ những người ở cả các thế giới bên ngoài lẫn bên trong.

One of the first lessons a disciple has to learn is to recognise what is occultly called "hierarchical progression." This enables the disciple to place himself consciously at the point to which evolution and spiritual unfoldment have brought him and, therefore, recognise those whom he can assist from the standpoint [740] of his greater experience and those to whom he must look for like aid.

Một trong những bài học đầu tiên mà một đệ tử phải học là nhận biết điều mà huyền bí học gọi là "sự tiến lên theo thứ bậc." Điều này giúp đệ tử có ý thức xác định vị trí của mình tại điểm mà tiến hoá và sự khai mở tinh thần đã đưa y đến, và do đó nhận biết những người mà y có thể trợ giúp nhờ [740] kinh nghiệm phong phú hơn của mình, cùng những người mà y phải hướng đến để tìm sự trợ giúp tương tự.

1. We are being confronted with the lesson of "hierarchical progression".

1. Chúng ta đang đối diện với bài học về "sự tiến lên theo thứ bậc".

2. Many disciples display wishful thinking in this regard. Thereby, they deceive both themselves and others.

2. Nhiều đệ tử suy nghĩ theo mong muốn chủ quan về vấn đề này. Qua đó, họ lừa dối cả chính mình lẫn người khác.

3. There comes a time when the truth of the matter is a paramount objective.

3. Sẽ đến lúc sự thật của vấn đề trở thành một mục tiêu tối quan trọng.

4. How shall we see ourselves clearly? Probably it takes much academic study and, even more importantly, study of life circumstances in the three worlds—both in the outer and inner worlds.

4. Làm sao chúng ta có thể thấy rõ chính mình? Có lẽ cần nghiên cứu lý thuyết thật nhiều và, quan trọng hơn nữa, nghiên cứu những hoàn cảnh sống trong ba cõi giới—ở cả các thế giới bên ngoài lẫn bên trong.

5. A clear and truthful reckoning or inventory of assets and liabilities is in order. One has to approach this tally in a balanced manner—neither conceitedly or morosely. Again, if impersonality is present in the consciousness, this will be possible.

5. Cần có một sự đánh giá hay kiểm kê rõ ràng và trung thực về những ưu điểm cùng hạn chế. Phải tiếp cận việc kiểm kê này một cách quân bình—không tự phụ cũng không ủ rũ. Một lần nữa, nếu trong tâm thức có tính phi cá nhân thì điều này sẽ khả thi.

This is a hard first lesson. The neophyte is always more consciously conceited than is

Đây là bài học đầu tiên khó khăn. Người sơ cơ luôn tự phụ một cách có ý thức hơn người đệ

the experienced disciple. It was the need for the understanding of this fact of hierarchical progression which prompted me to choose the six stages of discipleship as our study theme. To be a disciple does not mean that all within the Ashram are upon the same rung of the ladder of evolution. It is not so. An Ashram is composed of all degrees, ranging from that of a disciple who is taking his first steps upon the arduous path of training, up to that of a disciple who is a Master of the Wisdom. This hierarchical progression is something warranting careful consideration. I would remind you of the Law which states that "we grow through the medium of our recognitions." *A recognition, when it is seen as an aspect or fractional part of a greater whole, is the seed of a major expansion of consciousness. A stabilised expansion of consciousness connotes initiation.* This is an occult statement of major importance.

tử giàu kinh nghiệm. Chính nhu cầu thấu hiểu thực tế về sự tiến lên theo thứ bậc này đã thúc đẩy Tôi chọn sáu giai đoạn của địa vị đệ tử làm chủ đề nghiên cứu của chúng ta. Là một đệ tử không có nghĩa là tất cả những người trong ashram đều ở cùng một nấc trên chiếc thang tiến hoá. Không phải như vậy. Một ashram bao gồm mọi cấp độ, từ một đệ tử đang bước những bước đầu tiên trên con đường huấn luyện gian nan cho đến một đệ tử là Chân sư Minh Triết. Sự tiến lên theo thứ bậc này là điều đáng được cân nhắc cẩn thận. Tôi muốn nhắc các bạn về Định luật nói rằng "chúng ta phát triển thông qua những sự nhận biết của mình." *Một sự nhận biết, khi được xem là một phương diện hay một phần nhỏ của một tổng thể lớn hơn, là hạt giống của một sự mở rộng tâm thức lớn lao. Một sự mở rộng tâm thức đã ổn định hàm ý điểm đạo.* Đây là một phát biểu huyền bí có tầm quan trọng lớn lao.

1. A great and arresting statement! The neophyte (here, meaning the one who enters as an accepted disciple) is "always more consciously conceited than is the experienced disciple). How very true! The experienced disciple is the *chastened* disciple! He possesses the "chastened heart" (DINA I 584).

1. Một phát biểu lớn lao và đáng chú ý! Người sơ cơ, ở đây hàm ý người gia nhập với tư cách một đệ tử được chấp nhận, "luôn tự phụ một cách có ý thức hơn người đệ tử giàu kinh nghiệm). Thật đúng biết bao! Người đệ tử giàu kinh nghiệm là người đệ tử *đã được tôi luyện qua thử thách*! Y có "trái tim đã được tôi luyện qua thử thách" (DINA I 584).

2. Now we come to one of Master DK's prime motives in writing about the Six Stages of Discipleship. It was to emphasize the structure of "hierarchical progression" and, thus, to help the disciple place himself—in all humility and sense of proportion.

2. Giờ đây chúng ta đi đến một trong những động cơ chủ yếu của Chân sư DK khi viết về Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử. Đó là nhấn mạnh cấu trúc của "sự tiến lên theo thứ bậc" và qua đó giúp đệ tử xác định vị trí của mình—với tất cả lòng khiêm nhường và ý thức về tỉ lệ.

3. We have to accept that the various members of the Ashram are on different rungs of the ladder of evolution. When we

3. Chúng ta phải chấp nhận rằng các thành viên khác nhau của ashram ở những nấc khác nhau trên chiếc thang tiến hoá. Khi

see this, we have to view it with real impersonality, and not just with a suppression of those psychological reactions which we recognize as undesirable.

thấy điều này, chúng ta phải nhìn nhận nó với tính phi cá nhân thực sự, chứ không chỉ đè nén những phản ứng tâm lý mà mình nhận biết là không đáng có.

4. All within an Ashram are disciples. The very newest accepted disciple is a disciple, and so are the Master and even the Christ.

4. Tất cả những người trong một ashram đều là đệ tử. Người mới được chấp nhận nhất là một đệ tử, và Chân sư cùng ngay cả Đức Christ cũng vậy.

5. We are asked to meditate upon "hierarchical progression"—presumably without becoming proudly fixated upon our self-assessed status, or morbidly depressed about the same.

5. Chúng ta được yêu cầu tham thiền về "sự tiến lên theo thứ bậc"—có lẽ là không kiêu hãnh bám chặt vào địa vị do mình tự đánh giá, cũng không suy sụp u uất vì địa vị ấy.

6. Realizing that all disciples wish to advance, Master DK gives us the formula for advancement: "we grow through the medium of our recognitions". We do not force ourselves forward or subtly try to force others out of the way. We simply persist in expanding our consciousness, knowing that elevation of vibration (and status) occur in this way. It is all a matter of assessing vibration. To be truthful in this assessment, impersonality is required. We want to see things just as they are, without the slightest self-blinding, self-defeating distortion.

6. Nhận biết rằng tất cả các đệ tử đều mong muốn tiến bộ, Chân sư DK trao cho chúng ta công thức để tiến bộ: "chúng ta phát triển thông qua những sự nhận biết của mình". Chúng ta không ép mình tiến lên hay tìm cách tinh vi buộc người khác tránh đường. Chúng ta chỉ kiên trì mở rộng tâm thức, biết rằng rung động và địa vị được nâng cao theo cách ấy. Tất cả đều là vấn đề đánh giá rung động. Muốn trung thực trong sự đánh giá này, cần có tính phi cá nhân. Chúng ta muốn thấy mọi sự đúng như chúng vốn có, không có chút sai lệch nào khiến mình tự che mắt và tự cản trở.

7. An occult statement of the greatest importance is given re the recognitions through which we grow: *A recognition, when it is seen as an aspect or fractional part of a greater whole, is the seed of a major expansion of consciousness. A stabilised expansion of consciousness connotes initiation.*

7. Một phát biểu huyền bí có tầm quan trọng bậc nhất được đưa ra về những sự nhận biết mà qua đó chúng ta phát triển: *Một sự nhận biết, khi được xem là một phương diện hay một phần nhỏ của một tổng thể lớn hơn, là hạt giống của một sự mở rộng tâm thức lớn lao. Một sự mở rộng tâm thức đã ổn định hàm ý điểm đạo.*

8. A formula is given.

8. Một công thức được đưa ra.

1. A recognition, *if* and *when* related to the

1. Một sự nhận biết, *nếu* và *khi* được liên hệ

whole within which it occurs, is a seed—the seed of a major expansion of consciousness.

2. A stabilized expansion of consciousness connotes or suggests initiation.

3. We move, thus, from recognition, to expansion of consciousness, to initiation.

9. It is this progression which the Master is attempting to promote in our lives, giving little time to the lesser things which our personalities might still crave.

với tổng thể mà trong đó nó xuất hiện, là một hạt giống—hạt giống của một sự mở rộng tâm thức lớn lao.

2. Một sự mở rộng tâm thức đã ổn định hàm ý hay gợi đến điểm đạo.

3. Như vậy, chúng ta đi từ sự nhận biết đến sự mở rộng tâm thức, rồi đến điểm đạo.

9. Chính tiến trình này là điều Chân sư đang cố gắng thúc đẩy trong đời sống chúng ta, dành ít thời gian cho những điều thứ yếu mà các phàm ngã của chúng ta có thể vẫn khao khát.

It is essential that disciples cultivate the attitude of spiritual recognition and they will find their lives greatly enriched when they do so. Contact with disciples, initiates and Masters is ever evocative in the result. The power they normally and unconsciously wield has a dual effect. It draws out the best and evokes the worst whilst presenting situations with which the disciple must deal. Every disciple is a focal point of power to some degree. The more advanced the disciple, the greater the force or energy which will radiate from him; this necessarily presents situations which the lesser disciple has to handle. The true disciple never does this with intention. The theory (so prevalent among occult groups) that the leader or some senior working disciple must stage situations in order to develop the pupil is contrary to occult law. The moment, however, you step into the range of the radiation of a Master or of any disciple senior to you, then things are bound to happen in your life. The radiation is effective when rightly received, registered and consciously used to bring about the sensed and needed changes. Eventually when the disciple's

Điều thiết yếu là các đệ tử phải vun bồi thái độ nhận biết tinh thần, và khi làm như thế, họ sẽ thấy đời sống của mình phong phú hơn rất nhiều. Sự tiếp xúc với các đệ tử, điểm đạo đồ và Chân sư luôn có tác dụng khơi dậy. Quyền năng mà Các Ngài và họ thường vận dụng một cách vô thức có tác dụng kép. Nó khơi dậy điều tốt đẹp nhất và gợi lên điều tồi tệ nhất, đồng thời tạo ra những tình huống mà đệ tử phải xử lý. Mỗi đệ tử đều là một tiêu điểm quyền năng ở một mức độ nào đó. Đệ tử càng tiến xa thì mãnh lực hay năng lượng tỏa ra từ y càng lớn; điều này tất yếu tạo ra những tình huống mà đệ tử ít tiến bộ hơn phải xử lý. Đệ tử chân chính không bao giờ cố ý làm điều này. Quan niệm rất phổ biến trong các nhóm huyền bí rằng người lãnh đạo hay một đệ tử thâm niên đang hoạt động phải dàn dựng các tình huống để phát triển môn sinh là trái với định luật huyền bí. Tuy nhiên, ngay khi các bạn bước vào phạm vi bức xạ của một Chân sư hay bất kỳ đệ tử nào tiến xa hơn mình, những biến cố tất yếu sẽ xảy ra trong đời sống các bạn. Bức xạ ấy phát huy hiệu quả khi được tiếp nhận đúng đắn, ghi nhận và sử dụng một cách có ý thức để tạo ra những thay đổi mà đệ tử cảm nhận là

vibration is constant and responsive to the higher one, the two can then be synchronised. [741] It is this synchronisation which characterises all grades of initiates and which indicates to an initiate of a higher degree that an initiate or disciple of a lower grade can be admitted into the higher ranks. *Synchronisation is the key to initiation.*

1. Our task, in light of this discussion, is to "cultivate the attitude of spiritual recognition". In short, this means that we will be viewing all things in terms of their *meaning* and eventually of their *significance.*

2. An accepted disciple is in increasing contact with higher disciples, initiates and the Master. This will bring about significant changes in his life. With such impacts (evoking from him his best and worst) he has to learn to deal—again impersonally.

3. Masters and initiates wield this power unconsciously. It is the result of Their radiation. They do not seek (against occult law) the means to stage disruptive circumstances in the lives of their disciples. The disruption will occur as a matter of course. In fact, a Master may even seek to offset an inevitable disruption. The Masters do not walk amongst men, largely for the protection of men!

4. To "stage" disruptive situations with the motive of producing growth in a lesser disciple is manipulative and, DK tells us, "against occult law", which ever respects the freedom of will.

cần thiết. Cuối cùng, khi rung động của đệ tử trở nên ổn định và đáp ứng với rung động cao hơn, hai rung động ấy có thể đồng bộ hoá. [741] Chính sự đồng bộ hoá này đặc trưng cho mọi cấp bậc điểm đạo đồ và cho một điểm đạo đồ cấp cao hơn biết rằng có thể thu nhận một điểm đạo đồ hay đệ tử cấp thấp hơn vào những hàng ngũ cao hơn. *Đồng bộ hoá là chìa khóa của điểm đạo.*

1. Qua cuộc thảo luận này, nhiệm vụ của chúng ta là "vun bồi thái độ nhận biết tinh thần". Nói ngắn gọn, điều này có nghĩa là chúng ta sẽ nhìn mọi sự theo *ý nghĩa* và cuối cùng là *thâm nghĩa của chúng.*

2. Một đệ tử được chấp nhận ngày càng tiếp xúc nhiều hơn với các đệ tử bậc cao, các điểm đạo đồ và Chân sư. Điều này sẽ đem lại những thay đổi đáng kể trong cuộc sống của y. Y phải học cách xử lý những tác động ấy (khơi dậy nơi y cả những gì tốt đẹp nhất lẫn tệ hại nhất)—một lần nữa, theo cách phi cá nhân.

3. Các Chân sư và điểm đạo đồ vận dụng quyền năng này một cách vô thức. Đó là kết quả từ sự bức xạ của Các Ngài. Các Ngài không tìm cách (trái với định luật huyền bí) dàn dựng những hoàn cảnh gây xáo trộn trong cuộc sống của các đệ tử mình. Sự xáo trộn sẽ tự nhiên xảy ra. Thật vậy, một Chân sư thậm chí có thể tìm cách hóa giải một sự xáo trộn không thể tránh khỏi. Các Chân sư không đi lại giữa nhân loại, phần lớn là để bảo vệ con người!

4. Việc "dàn dựng" những tình huống gây xáo trộn với động cơ thúc đẩy sự phát triển nơi một đệ tử bậc thấp là hành vi thao túng và, như Chân sư DK cho chúng ta biết, "trái với định luật huyền bí", vốn luôn tôn trọng tự do ý chí.

5. So, when the less developed step into the range of radiation of the more developed, big (and often personally upsetting) changes will occur. This we must expect, and not blame the agency through which the personal upset comes. This kind of disruption is inevitable and, ultimately, disturbing in a helpful way.

5. Vì vậy, khi những người kém phát triển hơn bước vào phạm vi bức xạ của những người phát triển hơn, những thay đổi lớn (và thường gây xáo trộn cho cá nhân) sẽ xảy ra. Chúng ta phải dự liệu điều này, và không trách cứ tác nhân qua đó sự xáo trộn cá nhân xảy đến. Loại xáo trộn này là điều không thể tránh khỏi và, xét cho cùng, gây bất ổn theo một cách hữu ích.

6. We learnt that the disruption arising due to contact between the greater and lesser does not last forever. Eventually, largely because of the disruption and the questioning arising through it, the lower learns to synchronize with the higher and a major unification takes place. This unification lead to initiation—the successful approximation by the lower of the vibratory state of the higher.

6. Chúng ta đã học rằng sự xáo trộn phát sinh do tiếp xúc giữa cái cao hơn và cái thấp hơn không kéo dài mãi mãi. Cuối cùng, phần lớn nhờ sự xáo trộn và những câu hỏi nảy sinh từ đó, cái thấp hơn học cách đồng bộ với cái cao hơn, và một sự hợp nhất lớn lao diễn ra. Sự hợp nhất này dẫn đến điểm đạo—cái thấp hơn thành công trong việc tiến gần đến trạng thái rung động của cái cao hơn.

7. If “synchronization is initiation”, we understand that when an initiate of lower degree synchronizes his vibration with an initiation of higher degree, the moment of initiation is indicated and recommendation for advancement can be submitted.

7. Nếu “sự đồng bộ chính là điểm đạo”, chúng ta thấu hiểu rằng khi một điểm đạo đồ ở cấp độ thấp hơn đồng bộ rung động của mình với một cuộc điểm đạo ở cấp độ cao hơn, đó là dấu hiệu cho thấy thời điểm điểm đạo đã đến và có thể đệ trình đề nghị thăng tiến.

8. We can see that a disciple develops according to a scientific process and that an entire science is dedicated to the process of initiation. This is a science we have to learn if we are not to remain only mystics, but add the capacities of an occultist to our mystical foundation.

8. Chúng ta có thể thấy rằng một đệ tử phát triển theo một tiến trình khoa học, và có cả một ngành khoa học dành riêng cho tiến trình điểm đạo. Đây là một ngành khoa học mà chúng ta phải học nếu muốn vượt khỏi chỗ chỉ là những nhà thần bí, để bổ sung các năng lực của một nhà huyền bí học vào nền tảng thần bí của mình.

9. To sense the vibratory frequency and quality of a higher initiate or Master is an act of ‘directed sensitivity’. It can only be performed at the right point of tension. There is no initiation for the one who is not

9. Cảm nhận tần số rung động và phẩm tính của một điểm đạo đồ bậc cao hay một Chân sư là một hành vi ‘nhạy cảm có định hướng’. Chỉ tại điểm tập trung nhất tâm đúng đắn mới có thể thực hiện được điều này. Không

rightly tense.

có điểm đạo cho người không *tập trung nhất tâm đúng cách*.

10. Without the attentiveness produced by right tension, there is no synchronization. Without synchronization, there is no initiation.

10. Không có sự chú tâm do sự tập trung nhất tâm đúng đắn tạo ra thì không có sự đồng bộ. Không có sự đồng bộ thì không có điểm đạo.

11. All the necessary qualities for the accepted disciple relate to each other and reinforce each other. Right questioning, the will-to-love, love, generosity, service, tension, proportion, impersonality, divine indifference, hierarchical progression, recognition, expansion, synchronization, initiation—take a little time to see the connections. These are some of the main subjects covered by the Tibetan in this discussion of accepted discipleship.

11. Tất cả những phẩm tính cần thiết cho đệ tử được chấp nhận đều liên hệ và củng cố lẫn nhau. Đặt câu hỏi đúng đắn, Ý Chí-Yêu Thương, tình thương, lòng quảng đại, phụng sự, sự tập trung nhất tâm, tỉ lệ, tính phi cá nhân, Điềm nhiên thiêng liêng, sự tiến triển trong Thánh đoàn, sự nhận biết, sự mở rộng, sự đồng bộ, điểm đạo—hãy dành một chút thời gian để thấy những mối liên hệ ấy. Đó là một số chủ đề chính mà Chân sư Tây Tạng đã đề cập trong phần thảo luận này về địa vị đệ tử được chấp nhận.

12. Do we feel we could come closer to this stage of development? Do we feel we know what to do? What we may have done? What we should continue to do?

12. Chúng ta có cảm thấy mình có thể tiến gần hơn đến giai đoạn phát triển này không? Chúng ta có cảm thấy mình biết phải làm gì không? Mình có thể đã làm được gì? Mình nên tiếp tục làm gì?

13. The accepting disciple becomes the pledged disciple, who becomes, at length, the accepted disciple. Are we on our way? Have we arrived? How are we enriched by knowing the Tibetan's perspective on this most necessary stage of disciplic development?

13. Đệ tử biết chấp nhận trở thành đệ tử đã phát nguyện, rồi cuối cùng trở thành đệ tử được chấp nhận. Chúng ta đang trên đường tiến đến đó chăng? Chúng ta đã đến nơi chưa? Chúng ta được phong phú thêm như thế nào khi biết quan điểm của Chân sư Tây Tạng về giai đoạn hết sức cần thiết này trong sự phát triển của đệ tử?

14. The accepted disciple is truly a member of the Ashram, though on its periphery. The Masters wish to gather many into Their Ashrams. Hence, we are dealing with what, for many, is the *next disciplic achievement*.

14. Đệ tử được chấp nhận thực sự là một thành viên của ashram, dù còn ở ngoại vi. Các Chân sư mong muốn quy tụ nhiều người vào các ashram của Các Ngài. Do đó, chúng ta đang bàn đến điều mà đối với nhiều người là *thành tựu kế tiếp trên đường đệ tử.*

19. PART VII
Stage IV. The Chela on the Thread. – 19. PHẦN VII
Giai đoạn IV. Đệ tử trên đường dây.

With these preliminary remarks, let us pass on to another of the Stages on the Path of Discipleship. The fourth stage is described as follows:

Sau những nhận xét mở đầu này, chúng ta hãy chuyển sang một giai đoạn khác trên Con Đường Đệ Tử. Giai đoạn thứ tư được mô tả như sau:

"The stage wherein the disciple is taught how (in emergencies) to attract the Master's attention. This has the peculiar name of the Chela on the Thread."

"Giai đoạn trong đó đệ tử được dạy cách thu hút sự chú ý của Chân sư (trong những trường hợp khẩn cấp). Giai đoạn này mang tên gọi đặc biệt là Đệ tử trên đường dây."

1. It is interesting that this stage (involving a more conscious link between the accepted disciple and the Master) is the *fourth* stage—the number four relating to the planet Mercury, the antahkarana and to all links.

1. Điều thú vị là giai đoạn này (bao hàm một mối liên kết hữu thức hơn giữa đệ tử được chấp nhận và Chân sư) lại là giai đoạn *thứ tư*—số bốn liên hệ với hành tinh Sao Thủy, với antahkarana và với mọi mối liên kết.

2. We note again that there is a technique for contacting that Master; that the technique is "taught" to the disciple (inwardly); and that the technique can only be used in emergencies.

2. Một lần nữa, chúng ta lưu ý rằng có một kỹ thuật để tiếp xúc với Chân sư ấy; rằng kỹ thuật đó được "truyền dạy" cho đệ tử (ở bên trong); và rằng chỉ có thể sử dụng kỹ thuật này trong những trường hợp khẩn cấp.

3. The "emergencies", we remember, are not *personal* emergencies, but only those which relate to the execution of the work in relation to the Divine Plan.

3. Chúng ta hãy nhớ rằng những "trường hợp khẩn cấp" ấy không phải là những trường hợp khẩn cấp *cá nhân*, mà chỉ là những trường hợp liên quan đến việc thực hiện công việc gắn với Thiên Cơ.

The whole question of psychic sensitivity of the higher kind is involved at this stage. I have taught in my writings most clearly and definitely the undesirability of the lower psychic experiences. This has been done as the need to warn aspirants anent this matter is great. The difficulty is enhanced by the

Toàn bộ vấn đề về tính nhạy cảm thông linh bậc cao đều có liên quan đến giai đoạn này. Trong các tác phẩm của mình, Tôi đã giảng dạy hết sức rõ ràng và dứt khoát rằng những trải nghiệm thông linh bậc thấp là điều không đáng mong muốn. Tôi làm như vậy vì nhu cầu cảnh báo những người chí nguyện

fact that lower psychics are not easily reached and warned as they are ever determined that their clairvoyant and clairaudient powers are indicative of the advanced type of high spiritual unfoldment. Their minds are closed to all warnings and they function often behind a barrier of smug self-satisfaction. They forget that the aboriginal races and animals are all psychic and register that which the more mental types fail to record. The rank and file of the people are inherently astral in their activities, their interpretations of phenomena and their attitudes and focus. It is necessary, then, to enforce the warnings and awaken the average psychic to the undesirability of his astral life.

về vấn đề này là rất lớn. Sự khó khăn càng tăng thêm vì không dễ tiếp cận và cảnh báo những người có năng lực thông linh bậc thấp, bởi họ luôn khăng khăng rằng các quyền năng thông nhãn và thông nhĩ của mình là dấu hiệu của sự khai mở tinh thần cao độ ở trình độ tiến bộ. Thể trí của họ khép kín trước mọi lời cảnh báo, và họ thường hoạt động sau một hàng rào tự mãn. Họ quên rằng các giống người thổ dân và loài vật đều có năng lực thông linh, và ghi nhận những gì mà những người thiên về trí tuệ hơn không ghi nhận được. Đại đa số dân chúng vốn mang tính cảm dục trong các hoạt động, cách diễn giải hiện tượng, thái độ và điểm tập trung của mình. Vì vậy, cần nhấn mạnh những lời cảnh báo và thức tỉnh người có năng lực thông linh thông thường để họ nhận ra rằng đời sống cảm dục của mình là điều không đáng mong muốn.

1. In dealing with the State for Chela on the Thread, DK tells us we are entering a consideration of psychic sensitivity of a higher kind.

1. Khi bàn về trạng thái Đệ tử trên đường dây, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng chúng ta đang bắt đầu xem xét tính nhạy cảm thông linh bậc cao hơn.

2. When we hear this, we understand that the ajna center must necessarily be involved and not the solar plexus—the center used by the average psychic.

2. Khi nghe điều này, chúng ta thấu hiểu rằng nhất thiết phải có sự tham gia của trung tâm ajna, chứ không phải tùng thái dương—trung tâm mà người có năng lực thông linh thông thường sử dụng.

3. The Master re-emphasizes the undesirability of the "lower psychic experience". He considers the involvement in lower psychism to be a dangerous practice and issues, again, a warning.

3. Chân sư nhấn mạnh một lần nữa rằng "trải nghiệm thông linh bậc thấp" là điều không đáng mong muốn. Ngài xem việc dấn thân vào hoạt động thông linh bậc thấp là một thực hành nguy hiểm, và một lần nữa đưa ra lời cảnh báo.

4. In these days of increasing openness to subtle levels (caused by many factors including the recent world wars), the astral plane is increasingly open to human

4. Trong thời đại ngày càng cởi mở với các cấp độ vi tế (do nhiều yếu tố gây ra, trong đó có các cuộc thế chiến gần đây), con người ngày càng dễ thâm nhập cõi cảm dục hơn (và

penetration (and increasingly intrusive in human consciousness). Many people think that *any* kind of sensitivity to phenomena indicates spiritual development. They do not discriminate between lower and higher sensitivities.

cõi này cũng ngày càng xâm nhập nhiều hơn vào tâm thức con người). Nhiều người cho rằng *bất kỳ* loại nhạy cảm nào đối với các hiện tượng cũng biểu thị sự phát triển tinh thần. Họ không phân biện giữa các tính nhạy cảm bậc thấp và bậc cao.

5. DK places His finger squarely on the problem when He points to the "smug self-satisfaction" which characterizes the average psychic whose mind is closed to the undesirability of his pursuits. To take clairvoyance and clairaudience as indications of high spiritual unfoldment is the prevailing attitude amongst a majority of so-called spiritual people.

5. Chân sư DK chỉ đúng trọng tâm vấn đề khi Ngài nêu ra "sự tự mãn" đặc trưng của người có năng lực thông linh thông thường, người khép kín thể trí trước tính không đáng mong muốn của những gì mình theo đuổi. Xem năng lực thông nhãn và thông nhĩ là dấu hiệu của sự khai mở tinh thần cao độ là thái độ phổ biến nơi đa số những người được gọi là có đời sống tinh thần.

6. Master Morya tells us that when we want to encourage human beings to desist from certain forms of undesirable behavior, we should compare their behavior to that of animals. A justifiable pride in one's humanity may then rise to the surface and help the person turn away from undesirable (and lower) practices.

6. Chân sư Morya cho chúng ta biết rằng khi muốn khuyến khích con người từ bỏ một số kiểu hành vi không đáng mong muốn, chúng ta nên so sánh hành vi của họ với hành vi của loài vật. Niềm tự hào chính đáng về nhân tính của mình khi đó có thể trỗi dậy và giúp người ấy quay lưng với những thực hành không đáng mong muốn (và thấp kém hơn).

7. Master DK does the same thing when He reminds us that the aboriginal races and animals are psychic, and register psychic phenomena which modern mental man fails to record. This should give us pause to reflect. Not all sensitivities are *desirable,* and we are, in fact, gaining much by having the door to such sensitivities at least temporarily closed. Higher initiates and Masters are able to employ the full range of sensitivity without compromising the 'altitude' of Their consciousness.

7. Chân sư DK cũng làm điều tương tự khi Ngài nhắc chúng ta rằng các giống người thổ dân và loài vật đều có năng lực thông linh, và ghi nhận những hiện tượng thông linh mà con người trí tuệ hiện đại không ghi nhận được. Điều này hẳn phải khiến chúng ta dừng lại suy ngẫm. Không phải mọi tính nhạy cảm đều *đáng mong muốn,* và thật vậy, chúng ta được lợi rất nhiều khi cánh cửa dẫn đến những tính nhạy cảm ấy đóng lại, ít nhất là tạm thời. Các điểm đạo đồ bậc cao và các Chân sư có thể vận dụng toàn bộ phạm vi nhạy cảm mà không làm suy giảm 'độ cao' tâm thức của Các Ngài.

8. The astralism of average people opens

8. Tính cảm dục của những người bình

them to the psychic realm. Their attitudes, focus and interpretation of phenomena are very largely astral.

thường khiến họ mở ra với lĩnh vực thông linh. Thái độ, điểm tập trung và cách diễn giải hiện tượng của họ phần lớn đều mang tính cảm dục.

9. The Master seeks to elevate the consciousness of His chelas. He cannot sanction their reversion to ancient habits of astrality. The disciple BSW was dropped from the Tibetan's groups particularly because of such a reversion.

9. Chân sư tìm cách nâng cao tâm thức của các đệ tử Ngài. Ngài không thể tán thành việc họ quay lại những thói quen cảm dục từ xa xưa. Đệ tử BSW đã phải rời khỏi các nhóm của Chân sư Tây Tạng, đặc biệt vì một sự quay lại như thế.

10. Such is the glamor of the times, however, that that which is valueless is seen as valuable; the reverse is also true.

10. Tuy nhiên, ảo cảm của thời đại mạnh đến mức điều vô giá trị lại được xem là có giá trị; điều ngược lại cũng đúng.

Disciples, however, put no aspect of the divine manifestation outside their range of experience. They know that psychism in its lowest phases is a part of the divine expression and is of an essentially higher nature than the purely physical processes of living in the body. A disciple cannot say that now because he is a disciple, he will not be subject to this, that or the other experience. He has to be prepared for all experiences [742] and to face the fact that eventually all disciples have to become psychics, both higher and lower, as was the Christ. The only safeguard for which he works is to prevent the lower powers demonstrating until the higher psychic faculties are functioning; then the lower are controlled and operated (if I might so express it) from the level of the higher consciousness. There is, to the mind of the disciple, only life and form and he is learning to handle the life processes through the medium of the form so as to produce a divine manifestation.

Tuy nhiên, các đệ tử không đặt bất kỳ phương diện nào của sự biểu hiện thiêng liêng ra ngoài phạm vi trải nghiệm của mình. Họ biết rằng năng lực thông linh ở những giai đoạn thấp nhất vẫn là một phần của sự biểu lộ thiêng liêng, và về bản chất cao hơn những tiến trình thuần túy hồng trần của sự sống trong thân thể. Một đệ tử không thể nói rằng giờ đây, vì mình là đệ tử, mình sẽ không phải trải qua trải nghiệm này, trải nghiệm kia hay trải nghiệm khác. Y phải sẵn sàng đón nhận mọi trải nghiệm [742] và đối diện với sự thật rằng cuối cùng, mọi đệ tử đều phải trở thành người có năng lực thông linh, cả bậc cao lẫn bậc thấp, như Đức Christ đã từng như vậy. Biện pháp bảo vệ duy nhất mà y nỗ lực thực hiện là ngăn các quyền năng thấp biểu lộ cho đến khi các năng lực thông linh cao hoạt động; khi đó, các quyền năng thấp sẽ chịu sự kiểm soát và điều hành (nếu Tôi có thể diễn đạt như vậy) từ cấp độ tâm thức cao hơn. Đối với thể trí của đệ tử, chỉ có sự sống và hình tướng, và y đang học cách xử lý các tiến trình sự sống thông qua hình tướng để tạo ra một sự biểu hiện thiêng liêng.

1. Now DK offers counterbalancing remarks. He seeks to avoid the emergence of a separative, judgmental attitude in the consciousness of His chelas, for there are many who are immediately inclined to dismiss as useless anything that comes from the astral plane.

1. Giờ đây, Chân sư DK đưa ra những nhận xét để tạo thế quân bình. Ngài tìm cách ngăn một thái độ chia rẽ, phán xét nảy sinh trong tâm thức các đệ tử Ngài, vì có nhiều người lập tức có khuynh hướng gạt bỏ mọi thứ đến từ cõi cảm dục như những điều vô dụng.

2. So, the picture is put into proportion. Even lower psychism, we are told, is inherently higher than merely physical bodily processes.

2. Vì vậy, bức tranh được đặt vào một tương quan cân xứng. Chúng ta được cho biết rằng ngay cả năng lực thông linh bậc thấp cũng vốn cao hơn những tiến trình thuần túy hồng trần của thân thể.

3. If disciples are seeking to achieve a unified consciousness (without barriers) they cannot afford to put *any* aspect of the divine manifestation outsider the range of their experience. They must learn to contact any level at will, while not becoming beguiled by lower phenomena.

3. Nếu các đệ tử đang tìm cách đạt đến một tâm thức hợp nhất (không có rào cản), họ không thể đặt *bất kỳ* phương diện nào của sự biểu hiện thiêng liêng ra ngoài phạm vi trải nghiệm của mình. Họ phải học cách tiếp xúc với bất kỳ cấp độ nào theo ý muốn, đồng thời không để các hiện tượng thấp mê hoặc.

4. DK states that the greatest of all human psychics, the Christ, was both a higher and lower psychic. However, He knew how to interpret all phenomena, and to understand the real nature of all impressions coming from the astral (and other) planes.

4. Chân sư DK khẳng định rằng Đức Christ, Đấng vĩ đại nhất trong tất cả những người có năng lực thông linh của nhân loại, có năng lực thông linh cả bậc cao lẫn bậc thấp. Tuy nhiên, Ngài biết cách diễn giải mọi hiện tượng và thấu hiểu bản chất thực sự của mọi ấn tượng đến từ cõi cảm dục (và các cõi khác).

5. The day will come when all sensitive people can safely register *all* astral phenomena, however the higher psychic powers (soul and triadal powers) will have been established in them, and the lower powers will be controlled and interpreted from a higher point of view. Such higher psychics will not allow the focus of their consciousness to 'descend' entirely to the lower planes and there become ensnared. They can register the impacts of lower planes and deal with those impacts, but they

5. Sẽ đến ngày mọi người nhạy cảm đều có thể ghi nhận một cách an toàn *tất cả* các hiện tượng cảm dục; tuy nhiên, khi đó các quyền năng thông linh cao hơn (các quyền năng của linh hồn và Tam nguyên tinh thần) đã được thiết lập nơi họ, và các quyền năng thấp hơn sẽ chịu sự kiểm soát và diễn giải từ một quan điểm cao hơn. Những người có năng lực thông linh bậc cao như thế sẽ không để điểm tập trung tâm thức của mình 'hạ xuống' hoàn toàn vào các cõi thấp rồi mắc kẹt ở đó. Họ có thể ghi nhận và xử lý

preserve a 'high altitude' in consciousness while so doing.

những tác động của các cõi thấp, nhưng trong khi làm vậy, họ vẫn duy trì một 'độ cao lớn' trong tâm thức.

6. During the period of preparation for the third initiation and following that initiation (when the ajna center has become activated in a new way and higher psychic powers are being rapidly developed) some of the lower psychic powers can be reclaimed as needed for purposes of service. Such an initiate will certainly not mistake that which the lower psychic powers may reveal as reality.

6. Trong thời kỳ chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ ba và sau lần điểm đạo ấy (khi trung tâm ajna đã được kích hoạt theo một cách mới và các quyền năng thông linh cao hơn đang phát triển nhanh chóng), có thể khôi phục một số quyền năng thông linh thấp hơn khi cần cho mục đích phụng sự. Một điểm đạo đồ như vậy chắc chắn sẽ không nhầm những gì các quyền năng thông linh thấp hơn có thể tiết lộ với thực tại.

7. DK offers a final synthetic perspective. The advanced disciple/initiate sees the divine process as the interplay between life and form. The whole is seen as *one* even though the various phenomena within that whole may be wisely graded according to *truth value*.

7. Chân sư DK đưa ra một quan điểm tổng hợp sau cùng. Đệ tử tiến bộ/điểm đạo đồ nhìn tiến trình thiêng liêng như sự tương tác giữa sự sống và hình tướng. Toàn thể được nhìn nhận là *một*, dù các hiện tượng khác nhau trong toàn thể ấy có thể được phân cấp một cách minh triết theo *giá trị chân lý*.

8. The later stages of spiritual development are synthetic in nature, and much that was wisely left behind as obstructive may be reclaimed and used in a new way—without the danger of succumbing.

8. Các giai đoạn phát triển tinh thần về sau mang bản chất tổng hợp, và nhiều điều trước kia đã được gác lại một cách minh triết vì gây trở ngại nay có thể được khôi phục và sử dụng theo cách mới—không còn nguy cơ khuất phục trước chúng.

The world today is entering a phase of extreme sensitivity. Disciples must train themselves to help. The shift of the consciousness of ordinary and mediocre individuals will be on to levels of conscious astralism and the veil between the seen and the unseen will rapidly disappear. How can disciples be of service in that difficult period if they have no experience in the distinction and interpretation which must exist between aspects of phenomena? How can they rescue and safeguard others if they fear to enter into realms of life where the lower

Thế giới ngày nay đang bước vào một giai đoạn cực kỳ nhạy cảm. Các đệ tử phải tự rèn luyện để giúp đỡ. Tâm thức của những cá nhân bình thường và tầm thường sẽ chuyển sang các cấp độ hoạt động cảm dục hữu thức, và bức màn ngăn cách cái hữu hình với cái vô hình sẽ nhanh chóng biến mất. Làm sao các đệ tử có thể phụng sự trong thời kỳ khó khăn ấy nếu họ không có kinh nghiệm phân biệt và diễn giải những khác biệt cần nhận biết giữa các phương diện của hiện tượng? Làm sao họ có thể cứu giúp và bảo vệ người khác nếu họ sợ bước vào những lĩnh vực sự

psychism rules? I am not asking you to cultivate psychic powers, but I do ask you to hold yourselves in guarded readiness to see and hear on all levels of service, and to know what you see and hear, interpreting it correctly, unblinded by prejudice and fear. The Path of Discipleship is not an easy one but its compensations are adequate. Psychic sensitivity is involved in the understanding of this phase of discipleship.

sống nơi năng lực thông linh bậc thấp ngự trị? Tôi không yêu cầu các bạn vun bồi các quyền năng thông linh, nhưng Tôi yêu cầu các bạn giữ mình trong trạng thái sẵn sàng có phòng bị để thấy và nghe trên mọi cấp độ phụng sự, đồng thời biết rõ những gì mình thấy và nghe, diễn giải chúng một cách đúng đắn, không để thành kiến và sợ hãi làm mù quáng. Con Đường Đệ Tử không dễ dàng, nhưng những gì nó đền đáp là xứng đáng. Việc thấu hiểu giai đoạn này của địa vị đệ tử có liên quan đến tính nhạy cảm thông linh.

1. We must accept the implications regarding the extreme sensitivity to be found in today's world. It has only increased since the time of this writing some seventy years ago (2005).

1. Chúng ta phải chấp nhận những hệ quả liên quan đến tính nhạy cảm cực độ hiện diện trong thế giới ngày nay. Tính nhạy cảm ấy chỉ ngày càng gia tăng kể từ khi những dòng này được viết khoảng bảy mươi năm trước (2005).

2. A disciple is one who helps and serves, and service is needed in relation to astral phenomena and their intrusion into human consciousness.

2. Đệ tử là người giúp đỡ và phụng sự, và cần có sự phụng sự liên quan đến các hiện tượng cảm dục cùng sự xâm nhập của chúng vào tâm thức con người.

3. DK is promising us an astrally sensitive world, in which even "mediocre individuals" (average human beings who have not cultivated themselves spiritually) will enter the world of conscious astralism. This will present a great challenge, for the need for intelligent, understanding, compassionate interpreters will be great.

3. Chân sư DK báo trước cho chúng ta về một thế giới nhạy cảm về mặt cảm dục, trong đó ngay cả "những cá nhân tầm thường" (những người bình thường chưa tu dưỡng tinh thần) cũng sẽ bước vào thế giới hoạt động cảm dục hữu thức. Điều này sẽ đặt ra một thách thức lớn, vì nhu cầu về những người diễn giải thông minh, thấu hiểu và giàu lòng từ bi sẽ rất lớn.

4. Disciples will become those interpreters; therefore they cannot fear astralism, or remain inept (through lack of exposure) at distinguishing the nature and source of various kinds of astral phenomena.

4. Các đệ tử sẽ trở thành những người diễn giải ấy; vì vậy, họ không thể sợ hoạt động cảm dục, hay tiếp tục thiếu khả năng (do thiếu tiếp xúc) phân biệt bản chất và nguồn gốc của các loại hiện tượng cảm dục khác nhau.

5. We see that DK warns the disciple of

5. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK cảnh báo

extensive involvement with the astral plane, but, at the same time, warns against separating oneself from the astral plane. There is a middle path for the disciple to follow; he is to know the dangerous delusions of the astral plane, and yet be familiar enough with them, to offer wise interpretive guidance to those who are ensnared in such delusions.

đệ tử về việc dấn thân quá sâu vào cõi cảm dục, nhưng đồng thời cũng cảnh báo việc tự tách mình khỏi cõi cảm dục. Có một con đường trung dung để đệ tử đi theo; y phải biết những mê lầm nguy hiểm của cõi cảm dục, nhưng cũng phải đủ quen thuộc với chúng để đưa ra sự hướng dẫn diễn giải minh triết cho những ai đang mắc kẹt trong những mê lầm ấy.

6. The accepted disciple is naturally becoming increasingly sensitive on all the levels of his personality. This sensitivity only increases as years and lives of work in relation to the Master elapse.

6. Đệ tử được chấp nhận tự nhiên ngày càng trở nên nhạy cảm hơn trên mọi cấp độ của phàm ngã mình. Tính nhạy cảm này chỉ ngày càng gia tăng qua những năm tháng và những kiếp sống làm việc trong mối liên hệ với Chân sư.

7. The advice given to all of us who may be more mature disciples, is to hold ourselves in "guarded readiness to see and hear on all levels of service..." Note how the astral plane is referenced not as an area of *experience* but as an area of *service*. The true disciple is not interested in astral phenomena as *experiences*. He views that entire world as an area wherein to assist those who are captivated by their interest in such experiences. The attitude of the mature disciple is detached in this regard.

7. Lời khuyên dành cho tất cả chúng ta, những người có thể là các đệ tử trưởng thành hơn, là giữ mình trong "trạng thái sẵn sàng có phòng bị để thấy và nghe trên mọi cấp độ phụng sự..." Hãy lưu ý cách cõi cảm dục được nhắc đến như một lĩnh vực *trải nghiệm* đã nhường chỗ cho cách nhìn nó như một lĩnh vực *phụng sự*. Đệ tử chân chính không quan tâm đến các hiện tượng cảm dục như những *trải nghiệm*. Y xem toàn bộ thế giới ấy là một lĩnh vực để trợ giúp những người đang bị cuốn hút bởi sự quan tâm của họ đối với những trải nghiệm như vậy. Về phương diện này, thái độ của đệ tử trưởng thành là tách rời.

8. When a disciple is presented with astral phenomena, his response may be conditioned by prejudice and fear. Either attitude will inhibit or distort real vision and understanding. One must fearlessly observe without succumbing to premature and dismissive judgment, otherwise one will never know what is really happening. A delicate balance is required of the disciple who would serve in relation to this

8. Khi một đệ tử đối diện với các hiện tượng cảm dục, đáp ứng của y có thể chịu ảnh hưởng của thành kiến và sợ hãi. Cả hai thái độ ấy đều sẽ cản trở hoặc bóp méo linh thị và sự thấu hiểu chân thực. Cần quan sát không sợ hãi, không sa vào sự phán xét vội vàng và bác bỏ; nếu không, người ta sẽ không bao giờ biết điều gì thực sự đang diễn ra. Đệ tử muốn phụng sự trong lĩnh vực sự sống hành tinh có sức gây mê lầm mạnh mẽ này cần giữ một

powerfully delusive sphere of planetary life.

9. DK inserts one of those short memorable statements which should be part of every disciple's memory bank: "The Path of Discipleship is not an easy one, but its compensations are adequate". This is, I think, a somewhat dry understatement—deliberately dry. The dryness arrests our attention.

10. One of the areas of difficulty for the increasingly sensitive disciple is precisely his relationship to the astral plane and to the phenomena of that plane.

11. We might ask why DK launches into such a discussion at this point in His description of the Six Stages. It is precisely because "psychic sensitivity is involved in the understanding of this particular phase of discipleship".

In your thoughts as you endeavour very briefly to study this stage, there must exist a correlation between the chela, the Ashram in which he is working and the Master. This correlation and the growth of this triangular relationship is always brought about through a realisation of tension. There has been much given to students upon the theme of the thread, the sutratma and the antahkarana. This thread leads from the Hierarchy and a point of tension in that Hierarchy (such as the Master at the centre of any Ashram) to distant places, to many planes and into many hearts. This thread enables the disciple (if he has been permitted to learn how to use it) to return instantaneously to his centre of work and to reach at any desired moment the "Master of his life. " This triangular relation might be depicted thus:

thế quân bình tinh tế.

9. Chân sư DK đưa vào một trong những lời phát biểu ngắn gọn, đáng nhớ mà mỗi đệ tử nên lưu giữ trong trí nhớ của mình: "Con Đường Đệ Tử không dễ dàng, nhưng những gì nó đền đáp là xứng đáng". Tôi nghĩ đây là một cách nói giảm có phần khô khan—khô khan một cách có chủ ý. Chính sự khô khan ấy thu hút sự chú ý của chúng ta.

10. Một trong những lĩnh vực khó khăn đối với đệ tử ngày càng nhạy cảm chính là mối quan hệ của y với cõi cảm dục và các hiện tượng của cõi ấy.

11. Chúng ta có thể hỏi tại sao Chân sư DK lại bắt đầu một cuộc thảo luận như vậy ở điểm này trong phần Ngài mô tả Sáu Giai Đoạn. Chính là vì "việc thấu hiểu giai đoạn đặc biệt này của địa vị đệ tử có liên quan đến tính nhạy cảm thông linh".

Trong tư tưởng của các bạn, khi các bạn cố gắng nghiên cứu thật ngắn gọn giai đoạn này, phải có một mối tương quan giữa đệ tử, ashram nơi y đang làm việc và Chân sư. Mối tương quan này và sự phát triển của mối quan hệ tam giác ấy luôn hình thành thông qua sự chứng nghiệm trạng thái tập trung nhất tâm. Các đạo sinh đã được truyền dạy nhiều điều về chủ đề sợi dây, sinh mệnh tuyến và antahkarana. Sợi dây này dẫn từ Thánh đoàn và từ một điểm tập trung nhất tâm trong Thánh đoàn ấy (chẳng hạn như Chân sư ở trung tâm của bất kỳ ashram nào) đến những nơi xa xôi, đến nhiều cõi và vào nhiều trái tim. Sợi dây này cho phép đệ tử (nếu y đã được phép học cách sử dụng nó) tức khắc trở về trung tâm làm việc của mình và, vào bất kỳ lúc nào mong muốn, tiếp xúc với "Chân sư của đời mình. " Có thể mô tả mối quan hệ tam giác này như sau:

1. DK enters into an explanation which may contain important technical hints about the stage of "Chela on the Thread". A triangular relationship between chela, the Ashram and the Master is emphasized. Actually, in the diagram below, examination will reveal that there are four possible triangles.

1. Chân sư DK bắt đầu một phần giải thích có thể chứa đựng những gợi ý kỹ thuật quan trọng về giai đoạn "Đệ tử trên đường dây". Mối quan hệ tam giác giữa đệ tử, ashram và Chân sư được nhấn mạnh. Thật ra, khi xem xét sơ đồ bên dưới, chúng ta sẽ thấy có bốn tam giác khả dĩ.

2. The "thread", as here explained, seems to be a combination of the sutratma and the antahkarana. In another way, it has its own distinct life and being.

2. Như được giải thích ở đây, "sợi dây" dường như là sự kết hợp giữa sinh mệnh tuyến và antahkarana. Theo một cách nhìn khác, nó có sự sống và sự hiện hữu riêng biệt.

3. The thread has a hierarchical origin. A Master is a "point of tension" within the Hierarchy. From that point of tension the thread goes forth "to distant places, to many planes and into many hearts".

3. Sợi dây có nguồn gốc từ Thánh đoàn. Một Chân sư là một "điểm tập trung nhất tâm" trong Thánh đoàn. Từ điểm tập trung nhất tâm ấy, sợi dây vươn ra "đến những nơi xa xôi, đến nhiều cõi và vào nhiều trái tim".

4. The implications suggest that from the Master, many threads (which are, in a way, but *one* thread) go forth all over the world, and lead to any of the three planes in the lower worlds, and, as well, anchor in many *hearts*. This may well be an anatomical hint, for disciples have long speculated where the thread from the Master may be anchored. At the top of the head, in the ajna, in the heart, or in all three? Presumably, ashramic workers who do not presently have a physical body may also be "on the thread", since the thread may terminate on the astral plane or on the mental. Whether it extends to 'places' on the higher mental plane must be researched.

4. Những hàm ý ở đây gợi rằng từ Chân sư, nhiều sợi dây (theo một nghĩa nào đó, chỉ là *một* sợi dây) vươn ra khắp thế giới, dẫn đến bất kỳ cõi nào trong ba cõi thấp, đồng thời neo vào nhiều *trái tim*. Đây rất có thể là một gợi ý về mặt giải phẫu, vì từ lâu các đệ tử đã suy đoán sợi dây từ Chân sư có thể neo ở đâu. Ở đỉnh đầu, trong trung tâm ajna, trong tim, hay ở cả ba nơi? Có lẽ những người hoạt động trong ashram hiện không có thể xác cũng có thể "ở trên đường dây", vì sợi dây có thể kết thúc trên cõi cảm dục hoặc cõi trí. Cần nghiên cứu xem liệu nó có vươn đến những 'nơi' trên cõi thượng trí hay không.

5. There is a suggestion that the thread exists whether or not the disciple knows how to use it. Perhaps this thread is put forth as a channel of magnetic rapport at the moment when the pledged disciple (who is a chela in the Light) becomes an "accepted disciple", technically understood. It would

5. Có gợi ý rằng sợi dây vẫn tồn tại dù đệ tử có biết cách sử dụng nó hay không. Có lẽ sợi dây này được đưa ra làm một kênh giao cảm từ tính vào thời điểm đệ tử đã lập nguyện (vốn là một đệ tử trong Ánh sáng) trở thành một "đệ tử được chấp nhận", hiểu theo nghĩa

make sense that this would be the case.

6. At a certain stage in his development, the disciple is permitted to *learn* how to use the thread. This is interesting as it appears to be a phased process. The disciple at first is not simply permitted to use the thread at will; instead he permitted to begin learning how to use the thread, and it may take a while.

7. If, as hinted, the thread terminates (at least *partially*) in the disciple's heart, it is impossible to avoid the conclusion that the meditative practice of building the image of the "Master in the Heart" is an early preparation to the ability to recognize and use the thread.

8. The practice of such building begins, of course, long before the disciple has reached the stage of Chela on the Thread, and long before he could possibly be permitted to utilize the thread in emergencies, but, still, a foundation, it would seem, is prepared.

9. Along the thread, the disciple returns, instantaneously, "to his centre of work" and reaches, "at any desired moment the Master of his life".

10. From his own heart, it takes him to the heart of the Ashram (the Master).

11. It would seem that the "heart" must decide whether any situation in which the thread could potentially be used is a real spiritual "emergency". The decision is probably not reasoned and rational, in the normal sense, but arrived at intuitively.

chuyên môn. Điều đó có vẻ hợp lý.

6. Ở một giai đoạn nhất định trong sự phát triển của mình, đệ tử được phép *học* cách sử dụng sợi dây. Điều này đáng chú ý vì dường như đây là một tiến trình diễn ra theo từng giai đoạn. Thoạt đầu, đệ tử không đơn giản là được phép tùy ý sử dụng sợi dây; thay vào đó, y được phép bắt đầu học cách sử dụng nó, và việc này có thể cần một thời gian.

7. Nếu, như đã gợi ý, sợi dây kết thúc (ít nhất là *một phần*) trong tim của đệ tử, thì không thể tránh khỏi kết luận rằng việc thực hành tham thiền để xây dựng hình ảnh "Chân sư trong Tim" là một sự chuẩn bị ban đầu cho khả năng nhận biết và sử dụng sợi dây.

8. Dĩ nhiên, việc thực hành xây dựng hình ảnh như vậy bắt đầu từ lâu trước khi đệ tử đạt đến giai đoạn Đệ tử trên đường dây, và từ lâu trước khi y có thể được phép sử dụng sợi dây trong những trường hợp khẩn cấp; tuy nhiên, dường như một nền tảng vẫn được chuẩn bị.

9. Dọc theo sợi dây, đệ tử tức khắc trở về "trung tâm làm việc của mình" và đến với "Chân sư của đời mình vào bất cứ lúc nào mong muốn".

10. Từ chính trái tim của y, sợi dây đưa y đến trái tim của ashram (Chân sư).

11. Dường như "trái tim" phải quyết định liệu một tình huống có khả năng cần sử dụng sợi dây có thực sự là một "trường hợp khẩn cấp" về tinh thần hay không. Có lẽ quyết định này không dựa trên suy luận và lý trí theo nghĩa thông thường, mà đến qua trực giác.

12. Another possibility is suggested to the accepted disciple in process of becoming a chela on the thread: the Ashram is to be held within the heart and not only with the head.

13. There are technicalities regarding contact with the Master and His Ashram and these must be arrived at by each individual without instruction that is too explicit.

14. We are later told that the anchorage of the thread occurs in the *head,* but the heart, it would seem, is necessarily important in the process.

[743]

The Master

*

The Soul * * The Ashram

*

The Disciple

1. The diagram given here is very interesting and may tell us more than DK has, thus far, discussed. On a level with the Ashram is "the Soul", which is not so much the Solar Angel, as much as it is *man as a higher Ego*—uniting in his higher consciousness the partial presence of the Solar Angel. The Solar Angel "puts down" what might be called a 'thread of presence' into the causal body, and this presence unites itself to the consciousness of the disciple (which is really a highly attenuated thread of consciousness or awareness from the monad).

12. Một khả năng khác được gợi ra cho đệ tử được chấp nhận đang trong tiến trình trở thành đệ tử trên đường dây: cần gìn giữ ashram trong tim chứ không chỉ trong đầu.

13. Có những chi tiết chuyên môn liên quan đến việc tiếp xúc với Chân sư và ashram của Ngài, và mỗi cá nhân phải tự tìm ra những điều này mà không có sự chỉ dẫn quá tường minh.

14. Về sau, chúng ta được cho biết rằng sợi dây được neo trong *đầu,* nhưng dường như trái tim nhất thiết giữ vai trò quan trọng trong tiến trình này.

[743]

Chân sư

*

Linh hồn * * Ashram

*

Đệ tử

1. Sơ đồ trình bày ở đây rất đáng chú ý và có thể cho chúng ta biết nhiều hơn những gì Chân sư DK đã bàn đến cho tới lúc này. Ngang hàng với ashram là "Linh hồn", ở đây chủ yếu là *con người với tư cách một chân ngã cao siêu* hơn là Thái dương Thiên Thần—con người hợp nhất trong tâm thức cao siêu của mình sự hiện diện một phần của Thái dương Thiên Thần. Thái dương Thiên Thần "đưa xuống" thể nguyên nhân một thứ có thể gọi là 'sợi dây hiện diện', và sự hiện diện này hợp nhất với tâm thức của đệ tử (thực ra là một sợi dây tâm thức hay nhận biết từ chân thần, đã trở nên hết sức mảnh mai).

2. Man as a soul is, in a sense, already in the Ashram. Man the disciple is hovering on the periphery of the Ashram. Eventually, when the disciple merges completely with the soul aspect, only a triangle remains and not a diamond.

2. Theo một nghĩa nào đó, con người với tư cách linh hồn đã ở trong ashram. Con người với tư cách đệ tử đang chập chờn ở ngoại vi ashram. Cuối cùng, khi đệ tử hòa nhập hoàn toàn với phương diện linh hồn, chỉ còn lại một tam giác thay vì một hình thoi.

3. It is interesting to consider the direct link between the Master and the Disciple and to realize that the Soul and the Ashram are somewhat to the side of this vertical line, though the disciple's connection to these two centers is also direct in its own way, though more angular.

3. Thật đáng chú ý khi xem xét mối liên kết trực tiếp giữa Chân sư và Đệ tử, và nhận ra rằng Linh hồn và ashram nằm hơi lệch sang hai bên đường thẳng đứng này, mặc dù mối liên kết của đệ tử với hai trung tâm ấy cũng trực tiếp theo cách riêng, dù có nhiều góc cạnh hơn.

An extension of this idea lies behind much that I have taught anent the Wesak Festival and should be in your minds when you prepare to participate in it.

Sự mở rộng của ý tưởng này là cơ sở cho phần lớn những điều Tôi đã dạy về Lễ hội Wesak, và các bạn nên ghi nhớ điều đó khi chuẩn bị tham dự lễ hội này.

Shamballa

Shamballa

*

*

The Buddha* * The Christ

Đức Phật* * Đức Christ

*

*

The Hierarchy

Thánh đoàn

*

*

Humanity

Nhân loại

1. Interesting correspondences arise between these two diagrams.

1. Giữa hai sơ đồ này xuất hiện những sự tương ứng đáng chú ý.

1. Shamballa is the correspondence to the Master

1. Shamballa tương ứng với Chân sư

2. The Buddha finds His place where the Soul is placed in the lesser diagram. The Buddha is, in a sense, a facilitative Agent Who is not

2. Đức Phật ở vị trí của Linh hồn trong sơ đồ nhỏ hơn. Theo một nghĩa nào đó, Đức Phật là một Đấng hỗ trợ, không phải là một bộ phận

part and parcel of the Hierarchy as is the Christ. Likewise, the Solar Angel (represented, in part, by the Soul in the lesser diagram) is facilitative of the Ashram, but not part and parcel of it.

hợp thành của Thánh đoàn như Đức Christ. Tương tự, Thái dương Thiên Thần (mà Linh hồn trong sơ đồ nhỏ hơn phần nào đại diện) hỗ trợ ashram, nhưng không phải là một bộ phận hợp thành của ashram.

3. The Christ finds His place where the Ashram is positioned

3. Đức Christ ở vị trí của ashram

4. The Hierarchy takes the place of the Disciple

4. Thánh đoàn ở vị trí của Đệ tử

5. This diagram is more complex than the earlier one, and includes five terms instead of four.

5. Sơ đồ này phức tạp hơn sơ đồ trước và bao gồm năm thành phần thay vì bốn.

2. The greater diagram should be considered as an extension of the lesser.

2. Nên xem sơ đồ lớn hơn là sự mở rộng của sơ đồ nhỏ hơn.

3. Both of these diagrams reveal how various "threads" may connect one center of spirituality to another.

3. Cả hai sơ đồ này đều cho thấy các "sợi dây" khác nhau có thể nối kết một trung tâm tinh thần với một trung tâm khác như thế nào.

4. The Disciple, in the lesser diagram, can be related, really, to a combination of Hierarchy and Humanity. It would be technically correct to say that the disciple actually stands midway between the two.

4. Thực ra, Đệ tử trong sơ đồ nhỏ hơn có thể tương ứng với sự kết hợp giữa Thánh đoàn và Nhân loại. Về mặt chuyên môn, có thể nói chính xác rằng đệ tử thực sự đứng ở giữa hai bên.

5. The greater diagram pictures a somewhat second ray alignment, as neither the Manu or the Master R. (Mahachohan) is included.

5. Sơ đồ lớn hơn mô tả một sự chỉnh hợp phần nào thuộc cung hai, vì không có cả Đức Manu lẫn Chân sư R. (Đức Mahachohan) trong đó.

6. The diagram above is recommended to the minds of disciples as they prepare for the Wesak Festival. We see that, in the diagram, the Buddha and the Christ are considered equal, for they are "on the level" with each other.

6. Các đệ tử được khuyến nghị suy ngẫm về sơ đồ trên khi chuẩn bị cho Lễ hội Wesak. Chúng ta thấy rằng trong sơ đồ, Đức Phật và Đức Christ được xem là ngang hàng, vì Các Ngài "ở cùng cấp độ" với nhau.

The entire subject of the chela on the thread and the techniques involved in this state of

Toàn bộ chủ đề về đệ tử trên đường dây và các kỹ thuật liên quan đến trạng thái tâm

consciousness are all related to the capacity of the human being, under soul control, to be magnetic and to "emit the vibratory call which can penetrate to the ear of the One Who holds the thread." This is quoted from a very ancient manuscript in the Archives of the Hierarchy, dealing with this stage of discipleship. I am for the first time making this information available in a brief and necessarily veiled and inadequate form to the disciples, assembling this cycle at the call of the Hierarchy. Only those who are at this stage of discipleship will really comprehend what I say and profit by the hints.

thức này đều gắn với khả năng của con người, dưới sự kiểm soát của linh hồn, có từ tính và "phát ra tiếng gọi rung động có thể thấu đến tai của Đấng nắm giữ sợi dây." Câu này được trích từ một bản thảo rất cổ trong Văn khố của Thánh đoàn, bàn về giai đoạn này của địa vị đệ tử. Lần đầu tiên, Tôi cung cấp thông tin này dưới một hình thức ngắn gọn, tất nhiên còn che giấu và chưa đầy đủ, cho các đệ tử đang tập hợp trong chu kỳ này theo tiếng gọi của Thánh đoàn. Chỉ những ai đang ở giai đoạn này của địa vị đệ tử mới thực sự thấu hiểu điều Tôi nói và hưởng lợi từ những gợi ý ấy.

1. The stage of "Chela on the Thread" is related to the magnetism of the human being. The magnetic disciple passing through this stage of discipleship can "emit the vibratory call which can penetrate to the ear of the One Who holds the thread."

1. Giai đoạn "Đệ tử trên đường dây" có liên quan đến từ điện của con người. Đệ tử có từ tính đang trải qua giai đoạn này của địa vị đệ tử có thể "phát ra tiếng gọi rung động có thể thấu đến tai của Đấng nắm giữ sợi dây."

2. There are hints veiled in this ancient form of words.

2. Có những gợi ý ẩn giấu trong cách diễn đạt cổ xưa này.

3. The call is *vibratory* rather than vocal.

3. Tiếng gọi mang tính *rung động* hơn là phát ra thành tiếng.

4. If the call is to be sent forth, it can only be done by a human being in whom the soul is in control. Soul control and domination reach a preliminary consummation at the third degree.

4. Chỉ con người mà linh hồn đang nắm quyền kiểm soát mới có thể phát ra tiếng gọi ấy. Sự kiểm soát và chi phối của linh hồn đạt đến mức hoàn tất sơ bộ ở bậc điểm đạo thứ ba.

5. The thread is obviously not held in the 'hand' of the Master, but the thread is capable of being manipulated by the Master.

5. Hiển nhiên, sợi dây không nằm trong 'tay' của Chân sư, nhưng Ngài có thể điều khiển sợi dây ấy.

6. Where is the "ear" of the Master? Is it in the Master's head? Is it in the Master's heart? For the word "ear" is found in "heart", and the *heart* can surely *hear*. Or is there a connection to the Master's heart in the head?

6. "Tai" của Chân sư ở đâu? Có phải ở trong đầu của Chân sư không? Có phải ở trong tim của Chân sư không? Vì từ "tai" nằm trong "trái tim", và *trái tim* chắc chắn có thể *nghe*. Hay có một mối liên hệ với trung tâm tim

trong đầu của Chân sư?

7. Then, too, it is necessary to realize that the Master can hold many "on the thread" without the benefit of a physical body, and so the termination (origin) of the thread (on the Master's side) may be an 'abstract location'.

7. Cũng cần nhận ra rằng Chân sư có thể giữ nhiều người "trên đường dây" mà không cần đến thể xác, vì vậy điểm kết thúc (khởi nguồn) của sợi dây (về phía của Chân sư) có thể là một 'vị trí trừu tượng'.

8. The hint is given that the ability to assemble at the call of the Hierarchy is related to the thread. The thread (once activated with respect to the disciple) is not a "one way street", and the call of the Master and of the Hierarchy can 'descend' via that thread. Assembly is a state of vigilance, of alert responsiveness. An inner group *assembles* by assuming the necessary point of tension.

8. Có gợi ý rằng khả năng tập hợp theo tiếng gọi của Thánh đoàn có liên quan đến sợi dây. Sợi dây (một khi đã được kích hoạt đối với đệ tử) không phải là một "con đường một chiều", và tiếng gọi của Chân sư cùng Thánh đoàn có thể 'đi xuống' qua sợi dây ấy. Sự tập hợp là một trạng thái tỉnh thức, đáp ứng một cách nhạy bén. Một nhóm bên trong *tập hợp* bằng cách đạt đến điểm tập trung nhất tâm cần thiết.

This fourth stage is only possible to a disciple who has been an accepted disciple **for more than one life** and who has demonstrated his ability to work with selflessness and pertinacity. The requirements can be stated as follows:

Giai đoạn thứ tư này chỉ có thể đạt được đối với một đệ tử đã là đệ tử được chấp nhận **trong hơn một kiếp sống** và đã chứng tỏ khả năng làm việc vô vị kỷ và kiên trì bền bỉ. Các yêu cầu có thể được trình bày như sau:

1. When does the stage of Chela on the Thread become possible? The disciple must have been an accepted disciple for more than one life; two then, at a minimum? The present life of accepted discipleship may, perhaps, be one of the two.

1. Khi nào giai đoạn Đệ tử trên đường dây trở nên khả thi? Đệ tử phải là một đệ tử được chấp nhận trong hơn một kiếp sống; vậy tối thiểu là hai kiếp chăng? Có lẽ kiếp sống hiện tại trong địa vị đệ tử được chấp nhận có thể là một trong hai kiếp ấy.

2. We remember that—

2. Chúng ta nhớ rằng—

1. Several lives are necessary for the stage of Little Chelaship

1. Cần vài kiếp sống cho giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử

2. A minimum of two lives for the stage of Chela in the Light

2. Tối thiểu hai kiếp sống cho giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng

3. That accepted disciples can be so for a

3. Các đệ tử được chấp nhận có thể duy trì

number of lives.

"I seek today to emphasise to you the need to recognise and re-interpret your inner life pattern, or, in other words, the inner programme which your soul undertook to follow when you first set your foot upon the Path of Accepted Discipleship. This you did two or three lives ago" (DINA I 307, in instructions to DLR—Ray Formula: 15—567. DLR was a trusted disciple.)

"Some have been on this Path of Accepted Discipleship (technically understood) for many lives. Some are venturing for the first time—consciously and with deliberate effort—to tread the Way to God. All are mystics, learning to be occultists. " (DINA I Introduction, AAB)

4. The period somewhat after the first initiation and including the second initiation is the stage of Accepted Discipleship.

5. The inference is that the stage of Chela on the Thread occurs closer to the third initiation and beyond it.

3. We now enter a section in which the requirements for those who would be chelas on the thread are clearly set forth.

1. The disciple has succeeded in decentralising himself and is no longer the point of dramatic interest on his own little stage. He is no longer preoccupied with his feeling [744] nature and the excessive self-interest, evidenced by so many, no longer controls his thoughts and aspiration.

địa vị ấy trong một số kiếp sống.

"Hôm nay, Tôi muốn nhấn mạnh với em sự cần thiết phải nhận biết và diễn giải lại mô hình đời sống bên trong của em, hay nói cách khác, chương trình bên trong mà linh hồn em đã đảm nhận thực hiện khi em lần đầu đặt chân lên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận. Em đã làm điều này cách đây hai hoặc ba kiếp sống" (DINA I 307, trong huấn thị gửi DLR—Công thức Cung: 15—567. DLR là một đệ tử được tín nhiệm.)

"Một số người đã ở trên Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận này (hiểu theo nghĩa chuyên môn) trong nhiều kiếp sống. Một số người lần đầu tiên đang mạo hiểm—một cách có ý thức và với nỗ lực có chủ đích—bước đi trên Con Đường đến với Thượng đế. Tất cả đều là những nhà thần bí, đang học để trở thành những nhà huyền bí học. " (DINA I, Lời giới thiệu, AAB)

4. Thời kỳ bắt đầu một thời gian sau lần điểm đạo thứ nhất và bao gồm lần điểm đạo thứ hai là giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận.

5. Có thể suy ra rằng giai đoạn Đệ tử trên đường dây diễn ra gần lần điểm đạo thứ ba hơn và tiếp tục sau đó.

3. Giờ đây, chúng ta bước vào một phần trình bày rõ các yêu cầu đối với những ai muốn trở thành đệ tử trên đường dây.

1. Đệ tử đã thành công trong việc phi tập trung vào bản thân và không còn là tâm điểm của mọi kịch tính trên sân khấu nhỏ bé của riêng mình. Y không còn bận tâm đến bản chất cảm xúc [744] của mình, và sự quan tâm quá mức đến bản thân, điều mà rất nhiều người biểu lộ, không còn kiểm soát tư

tưởng và khát vọng của y.

1. Through the phase of accepted discipleship, the disciple has worked at the necessary task of decentralization. He reached the point of success. Revelation has come, in the stages of Alignment, Crisis, Light, Revelation, and Integration. The Divine Plan is somewhat revealed, and the lesser revelation of the liabilities of his personal nature has subsided into the background. He is no longer so interested in himself personally, but treats his personal nature as an instrument for soul service.

1. Suốt giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận, đệ tử đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ cần thiết là phi tập trung vào bản thân. Y đã đạt đến chỗ thành công. Sự mặc khải đã đến trong chuỗi giai đoạn Chỉnh hợp, Khủng hoảng, Ánh sáng, Mặc khải và Tích hợp. Thiên Cơ đã phần nào hiển lộ, còn sự mặc khải nhỏ hơn về những nhược điểm của bản chất cá nhân nơi y đã lùi xuống hàng thứ yếu. Y không còn quá quan tâm đến bản thân về mặt cá nhân, mà xem bản chất cá nhân của mình như một công cụ để linh hồn phụng sự.

2. The suggestion here is that he has become mentally polarized, which occurs midway between the second and third initiations. Thus, preoccupation with the feeling nature has subsided. This is another way of saying that the second initiation has been passed.

2. Ở đây có gợi ý rằng y đã trở nên phân cực trí tuệ, điều diễn ra ở khoảng giữa lần điểm đạo thứ hai và thứ ba. Do đó, sự bận tâm đến bản chất cảm xúc đã lắng xuống. Đây là một cách nói khác rằng y đã vượt qua lần điểm đạo thứ hai.

3. It is not reasonable to consider that a disciple could be chela on the thread before the second initiation. More than one life has to have been spent in the stage of accepted discipleship (which, we remember) occur most often somewhere between the first and second initiation. At the very least, the first initiation must be passed. There is only one extremely rare instance in which accepted discipleship was reached *before* the first initiation was taken (and the circumstances surrounding this acceptance were highly unusual).

3. Sẽ không hợp lý nếu cho rằng một đệ tử có thể là đệ tử trên đường dây trước lần điểm đạo thứ hai. Y phải trải qua hơn một kiếp sống trong giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận, giai đoạn mà chúng ta nhớ rằng thường diễn ra vào một thời điểm nào đó giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai. Ít nhất, y phải vượt qua lần điểm đạo thứ nhất. Chỉ có một trường hợp cực kỳ hiếm hoi đạt đến địa vị đệ tử được chấp nhận *trước* khi trải qua lần điểm đạo thứ nhất (và những hoàn cảnh liên quan đến sự chấp nhận này hết sức khác thường).

4. The second initiation is that initiation before which and during which bridge-building is occurring (i. e. , the building of the antahkarana). Mercury is active in the antahkarana process; before there is some success in this process, the thread by which the accepted disciple is connected to the

4. Lần điểm đạo thứ hai là cuộc điểm đạo mà trước và trong đó việc bắc cầu đang diễn ra (nghĩa là, việc xây dựng antahkarana). Sao Thủy hoạt động tích cực trong tiến trình antahkarana; trước khi tiến trình này đạt được một mức thành công nào đó, sợi dây nối kết đệ tử được chấp nhận với Chân sư sẽ

Master will not be activated in the new way required in the stage of Chela on the Thread.

5. The thoughts and aspirations of a chela on the thread are directed towards the execution of the Divine Plan, and not towards his own advancement. This is possible because of what has been called the "death of the emotional nature", meaning that desire is rapidly being transmuted into love.

6. Decentralization and an increasingly mental focus are thus some initial watchwords for this stage.

2. The disciple can now work with impersonality, no matter how his own personal nature may be reacting. This means that his own feelings, thoughts, likes, dislikes and desires are no longer the controlling factors; he is conditioned in his daily activities and relationships only by those intentions and activities which are for the good of the group. He will not sacrifice any individual to the group good until after due effort to help that individual understand and demonstrate right relationship; but he will not hesitate to take firm action as need and opportunity arise.

1. The quest for impersonality is now achieved to a significant extent.

2. Reactions within the personal nature, so preoccupying for some, no long preoccupy the attention.

3. There may be feelings, thoughts, likes, dislikes and desires (astrally based, for the most part) but the chela on the thread is so controlled by soul purpose and ashramic purpose that these earlier distractions are no

chưa được kích hoạt theo cách mới mà giai đoạn Đệ tử trên đường dây đòi hỏi.

5. Tư tưởng và khát vọng của một đệ tử trên đường dây hướng đến việc thực hiện Thiên Cơ, chứ không hướng đến sự thăng tiến của riêng mình. Điều này có thể xảy ra nhờ điều được gọi là "cái chết của bản chất cảm xúc", nghĩa là dục vọng đang nhanh chóng được chuyển hoá thành tình thương.

6. Như vậy, phi tập trung vào bản thân và ngày càng tập trung trí tuệ là một số phương châm ban đầu cho giai đoạn này.

2. Giờ đây, đệ tử có thể làm việc một cách vô ngã, bất kể bản chất cá nhân của mình có thể đang phản ứng ra sao. Điều này có nghĩa là những cảm xúc, tư tưởng, điều ưa thích, điều không ưa và dục vọng của riêng y không còn là các yếu tố kiểm soát; chỉ những ý định và hoạt động vì lợi ích của nhóm mới định hướng các hoạt động và mối quan hệ hằng ngày của y. Y sẽ không hy sinh bất kỳ cá nhân nào cho lợi ích của nhóm trước khi đã nỗ lực thích đáng để giúp người ấy thấu hiểu và thể hiện mối quan hệ đúng đắn; nhưng y sẽ không ngần ngại hành động kiên quyết khi nhu cầu và cơ hội xuất hiện.

1. Giờ đây, nỗ lực đạt đến tính vô ngã đã thành công ở một mức độ đáng kể.

2. Những phản ứng trong bản chất cá nhân, vốn khiến một số người quá bận tâm, không còn chiếm lấy sự chú ý.

3. Có thể vẫn có những cảm xúc, tư tưởng, điều ưa thích, điều không ưa và dục vọng (phần lớn bắt nguồn từ cảm dục), nhưng mục đích của linh hồn và mục đích của ashram chi phối đệ tử trên đường dây mạnh

longer allowed to distract.

4. Will (and action resulting from such will) will condition his daily activities; intention is directed towards the good of the group. Saturn has done its work as has Mercury; the life can be lived far more impersonally than heretofore.

5. We see DK describing the strengthening of will which occurs at this fourth stage. The chela on the thread is impersonal with respect to himself, and also with regard for others. When others deviate from the proper standard, he will do all he can to help them understand and to demonstrate right relationship, but if firm action is required (in line with purpose) then no strictly personal consideration will prevent him from taking that action.

6. Thus far, we see that decentralization and impersonality are established facts in the life of the chela on the thread. They were not established facts in the life of the little chela or the chela in the light, and were only being strenuously learned in the life of the disciple admitted to the stage of Accepted Discipleship.

mẽ đến mức y không còn để những điều từng gây xao lãng ấy làm mình phân tâm.

4. Ý chí (và hành động phát sinh từ ý chí ấy) sẽ định hướng các hoạt động hằng ngày của y; ý định hướng đến lợi ích của nhóm. Sao Thổ đã hoàn thành công việc của mình, cũng như Sao Thủy; y có thể sống một cuộc đời vô ngã hơn trước rất nhiều.

5. Chúng ta thấy Chân sư DK mô tả sự củng cố ý chí diễn ra ở giai đoạn thứ tư này. Đệ tử trên đường dây giữ thái độ vô ngã đối với bản thân cũng như đối với người khác. Khi người khác đi chệch khỏi chuẩn mực đúng đắn, y sẽ làm mọi điều có thể để giúp họ thấu hiểu và thể hiện mối quan hệ đúng đắn, nhưng nếu cần hành động kiên quyết (phù hợp với mục đích), thì không một cân nhắc thuần túy cá nhân nào có thể ngăn y thực hiện hành động ấy.

6. Đến đây, chúng ta thấy rằng sự phi tập trung vào bản thân và tính vô ngã đã trở thành những thực tế vững chắc trong đời sống của đệ tử trên đường dây. Chúng chưa phải là những thực tế vững chắc trong đời sống của tiểu đệ tử hay đệ tử trong ánh sáng, và đệ tử được nhận vào giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận mới chỉ đang ra sức học hỏi những điều ấy.

3. The disciple has developed a sense of proportion as to the work and the relative value of his contribution to the Master's work and the Ashram life. He is engrossed in the task and the opportunity and not with the Master and with his individual position in the Master's thoughts. Most disciples in the early stages of their novitiate never forget that they are disciples. This is what the Master Morya has called the "smug recollection of the self-engrossed mind." It

3. Đệ tử đã phát triển một ý thức về tỉ lệ đối với công việc và giá trị tương đối của sự đóng góp của mình vào công việc của Chân sư và đời sống ashram. Y chuyên tâm vào nhiệm vụ và cơ hội, chứ không bận tâm đến Chân sư và vị trí riêng của mình trong tư tưởng của Chân sư. Hầu hết các đệ tử trong những giai đoạn đầu của thời kỳ tập sự không bao giờ quên rằng họ là đệ tử. Đây là điều Chân sư Morya đã gọi là "sự tự nhắc nhở đầy tự mãn của thể trí mải mê với chính mình." Đó là

is a form of veiled pride which beginners find it difficult to avoid. Never for a minute do they forget the fact of their discipleship and the fact of the Master, no matter how active their service; yet—if they were truly working from a point of tension—they would forget His very existence in the work to be done for their fellowmen.

một dạng kiêu hãnh che giấu mà những người mới bắt đầu thấy khó tránh khỏi. Dù phụng sự tích cực đến đâu, họ không một phút nào quên địa vị đệ tử của mình và sự hiện hữu của Chân sư; tuy nhiên—nếu thực sự làm việc từ một điểm tập trung nhất tâm—họ sẽ quên cả sự hiện hữu của Ngài trong công việc cần làm cho đồng loại.

1. To decentralization and impersonality are added a "sense of proportion as to the work and the relative value of his contribution to the Master's work and the Ashram's life". The chela on the thread is not the victim of glamorous distortion. Saturn and Mercury have taught him to see with a realistic eye. He does not wish to flatter himself or others with vain imaginings.

1. Bổ sung vào sự phi tập trung vào bản thân và tính vô ngã là một "ý thức về tỉ lệ đối với công việc và giá trị tương đối của sự đóng góp của mình vào công việc của Chân sư và đời sống của ashram". Đệ tử trên đường dây không phải là nạn nhân của sự bóp méo do ảo cảm. Sao Thổ và Sao Thủy đã dạy y nhìn bằng con mắt thực tế. Y không muốn tâng bốc bản thân hay người khác bằng những tưởng tượng viển vông.

2. *The work comes first*, even before thought of the Master (as an individual), and certainly before his consideration of his own rank and status within the Ashram or in the Master's thoughts. What is required, is that the disciple learn to take his eyes off his personal self.

2. *Công việc được đặt lên hàng đầu*, thậm chí trước cả ý nghĩ về Chân sư (với tư cách một cá nhân), và chắc chắn trước cả việc y cân nhắc về cấp bậc và địa vị của mình trong ashram hay trong tư tưởng của Chân sư. Điều cần thiết là đệ tử học cách thôi chăm chú vào bản ngã cá nhân của mình.

3. What is the early stage of a novitiate? Can we say that the stages of Little Chelaship (a quite unconscious stage) and that of Chela in the Light are the early stages? An accepted disciple is learning to be decentralized and spontaneously self-forgetful. A true chela on the thread will drop from the forefront of his mind the constant recollection that he is a disciple.

3. Giai đoạn đầu của thời kỳ tập sự là gì? Chúng ta có thể nói rằng giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử (một giai đoạn khá vô thức) và giai đoạn Đệ tử trong Ánh sáng là những giai đoạn đầu ấy chăng? Một đệ tử được chấp nhận đang học cách phi tập trung vào bản thân và tự nhiên quên mình. Một đệ tử trên đường dây đích thực sẽ không còn đặt ở vị trí hàng đầu trong thể trí việc liên tục nhớ rằng mình là một đệ tử.

4. Master Morya's summation captures the attitude so frequently found: the "smug recollection of the self-engrossed mind"!

4. Lời đúc kết của Chân sư Morya nắm bắt đúng thái độ rất thường gặp: "sự tự nhắc nhở đầy tự mãn của thể trí mải mê với chính mình"!

5. Such disciples (beginners for the most part) cannot lose themselves in service. Their interest in themselves is still far too strong, and follows them throughout all acts of service. Thus, the service is still somewhat self-centered and incompletely given.

6. DK closes this section with a powerful statement suggesting that if such disciples were truly working from a sufficient point of tension they would forget the very existence of the Master in the work done for their fellowmen.

7. As we look out upon the world stage, we can see disciples of this kind (disciples who may not even know they are disciples and who do not care—so absorbed are they in the necessity of the work to be done for their fellow human beings).

8. To enter this stage of r*ightly tense* absorption in service is a great step towards real participation in the Ashram. Before that time, the disciple is still hampered by selfishness, however subtle. Perhaps selfishness is not fully overcome until the Great Renunciation of the fourth initiation, but by the time a disciple is a chela on the thread (assuring contact with the Master at will) egoistic preoccupation and the usual forms of spiritual selfishness have been largely defeated.

5. Những đệ tử như vậy (phần lớn là những người mới bắt đầu) không thể quên mình trong phụng sự. Sự quan tâm đến bản thân của họ vẫn còn quá mạnh và theo họ trong mọi hành động phụng sự. Do đó, việc phụng sự vẫn còn phần nào tập trung vào bản thân và chưa được hiến dâng trọn vẹn.

6. Chân sư DK khép lại phần này bằng một phát biểu mạnh mẽ, gợi ý rằng nếu những đệ tử ấy thực sự làm việc từ một điểm tập trung nhất tâm đủ mạnh, họ sẽ quên cả sự hiện hữu của Chân sư trong công việc làm cho đồng loại.

7. Khi nhìn ra vũ đài thế giới, chúng ta có thể thấy những đệ tử thuộc loại này (những đệ tử có thể thậm chí không biết mình là đệ tử và cũng không bận tâm—vì họ quá chuyên chú vào sự cần thiết phải thực hiện công việc vì đồng loại).

8. Đạt đến giai đoạn say sưa phụng sự với sự *tập trung nhất tâm đúng đắn* là một bước tiến lớn hướng tới việc thực sự tham gia vào ashram. Trước thời điểm ấy, đệ tử vẫn còn chịu sự cản trở của tính ích kỷ, dù tinh vi đến đâu. Có lẽ tính ích kỷ chưa được khắc phục hoàn toàn cho đến cuộc Từ Bỏ Vĩ Đại ở lần điểm đạo thứ tư, nhưng khi một đệ tử trở thành đệ tử trên đường dây (bảo đảm có thể tiếp xúc với Chân sư theo ý muốn), sự bận tâm về bản thân và những hình thức ích kỷ tinh thần thông thường phần lớn đã được khắc phục.

4. The chela on the thread has reached a point where the higher correspondence to the so-called "split personality" is to be found, or (to word it otherwise) where that state of consciousness, of which the split personality is the shadow and the distortion, makes its appearance. The disciple is

4. Đệ tử trên đường dây đã đạt đến một điểm nơi có thể tìm thấy sự tương ứng cao hơn của cái gọi là "phàm ngã phân tách", hay (diễn đạt theo cách khác) nơi trạng thái tâm thức mà phàm ngã phân tách là cái bóng và sự biến dạng của nó bắt đầu xuất hiện. Đệ tử đồng thời có ý thức về hai trạng thái nhận

conscious simultaneously of two states of awareness or two points of concentrated activity:

biết hay hai điểm hoạt động tập trung:

1. All lower states have their higher correspondences. The "split-personality" is one such.

1. Mọi trạng thái thấp đều có những tương ứng cao hơn. Hiện tượng "phàm ngã phân tách" là một trường hợp như vậy.

2. From what is here said, not only the Techniques of Fusion have their applicability to the chela on the thread, but that form of approach which we call the Technique of Duality.

2. Từ những điều nói ở đây, không chỉ các Kỹ Thuật Dung Hợp có thể áp dụng cho đệ tử trên đường dây, mà cả hình thức tiếp cận mà chúng ta gọi là Kỹ Thuật Nhị Nguyên cũng vậy.

a. The point of spiritual tension wherein he is focussed and which he endeavours to preserve inviolate and constant.

a. Điểm tập trung nhất tâm tinh thần nơi y tập trung và cố gắng giữ cho nguyên vẹn, bền vững.

1. The higher part of the "split" is the "point of spiritual tension". This necessarily occurs on the fourth subplane of the mental plane, but that point of tension which is focussed in and around the mental unit is in very close touch with both the soul and spiritual triad. The disciple is beginning to be 'causally conscious' and somewhat triadally aware. Increasingly, he is functioning *as a soul.*

1. Phần cao hơn của sự "phân tách" là "điểm tập trung nhất tâm tinh thần". Điều này tất yếu diễn ra trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, nhưng điểm tập trung nhất tâm ấy, vốn tập trung trong và quanh đơn vị hạ trí, có sự tiếp xúc rất mật thiết với cả linh hồn lẫn Tam Nguyên Tinh Thần. Đệ tử đang bắt đầu 'có tâm thức trên cấp độ nguyên nhân' và phần nào có nhận biết trên cấp độ Tam Nguyên Tinh Thần. Càng ngày, y càng hoạt động *như một linh hồn.*

2. The focus in the very highest part of the concrete mind must remain constant and inviolate; the higher contacts (which are also sustained to the degree possible) are made possible through the *intensity* of the point of tension.

2. Sự tập trung ở phần cao nhất của trí cụ thể phải luôn bền vững và nguyên vẹn; những tiếp xúc cao hơn (cũng được duy trì trong mức độ có thể) trở nên khả hữu nhờ *cường độ* của điểm tập trung nhất tâm.

[745]

[745]

b. The focussed sphere of activity in the three worlds, through the medium of which he carries out his work and service as a disciple.

b. Phạm vi hoạt động tập trung trong ba cõi giới, qua đó y thực hiện công việc và phụng sự với tư cách một đệ tử.

1. The lower part of the focus is the sphere of activity in the three worlds where the chela on the thread focusses his service.

1. Phần thấp hơn của sự tập trung là phạm vi hoạt động trong ba cõi giới, nơi đệ tử trên đường dây tập trung việc phụng sự của mình.

2. The sense of two centers—one higher (one soul infused and triadally inspired—i. e. , the soul-infused mind), one lower—is distinct.

2. Cảm nhận về hai trung tâm—một trung tâm cao hơn (được linh hồn thấm nhuần và Tam Nguyên Tinh Thần truyền cảm hứng—tức là thể trí được linh hồn thấm nhuần), một trung tâm thấp hơn—rất rõ rệt.

These two related points are not in reality two separated activities, except as they emerge in the consciousness of the disciple upon the physical plane and express his objective and his subjective life. They are incident to his having to work in time and space and through the medium of a physical brain. The second point of focus should be in reality an externalisation of the inner point of tension. In these words, you have the key to the true science of discipleship, to the developing relation of the human centre and the hierarchical. It concerns also the work of the Buddha and the Christ, as They represent the point of tension at Shamballa and in the Hierarchy.

Hai điểm có liên hệ này thực ra không phải là hai hoạt động riêng biệt, ngoại trừ khi chúng xuất hiện trong tâm thức của đệ tử trên cõi hồng trần và biểu hiện đời sống khách quan cùng đời sống chủ quan của y. Chúng phát sinh do y phải hoạt động trong thời gian và không gian, và qua trung gian của một bộ não hồng trần. Điểm tập trung thứ hai thực ra phải là sự ngoại hiện của điểm tập trung nhất tâm bên trong. Trong những lời này, các bạn có chìa khóa dẫn đến khoa học chân chính về địa vị đệ tử, đến mối quan hệ đang phát triển giữa trung tâm nhân loại và trung tâm Thánh đoàn. Điều này cũng liên quan đến công việc của Đức Phật và Đức Christ, vì Các Ngài đại diện cho điểm tập trung nhất tâm tại Shamballa và trong Thánh đoàn.

1. In the brain consciousness the two points *seem* divided. The subjective and objective life are represented by the two, and if the brain were differently constructed, the representation would be less dualistic.

1. Trong tâm thức bộ não, hai điểm *dường như* tách biệt. Hai điểm này đại diện cho đời sống chủ quan và khách quan, và nếu bộ não có cấu tạo khác, sự biểu đạt ấy sẽ ít mang tính nhị nguyên hơn.

2. So the sense of division is really something of an illusion.

2. Vì vậy, cảm giác phân chia thực ra phần nào là một ảo tưởng.

3. DK informs us, however, that “the second point of focus (in the three lower worlds) should be in reality an externalization of the inner point of tension”. Thus, there is intended to be a continuity between the

3. Tuy nhiên, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng “điểm tập trung thứ hai (trong ba cõi thấp) thực ra phải là sự ngoại hiện của điểm tập trung nhất tâm bên trong”. Do đó, cần có sự liên tục giữa điểm tập trung nhất tâm bên

sustained point of inner tension (assuring soul presence and growing triadal awareness) and its outworking in the lower three worlds.

4. These are apparently very important words because they give the key "to the true science of discipleship", and to the developing relationship between the human centre and the hierarchical. On a more exalted level, the Buddha and the Christ (working as a unit) are the focus for the point of tension represented by Shamballa.

5. We can see the necessity for proper alignment, and for the ability to transfer that which is gained at the point of tension directly and without distortion into the lower three worlds, so that the external focus becomes, in fact, an *externalisation* of the inner point of tension.

6. True discipleship is achieved through an integration between the inner and outer. When this integration is incomplete or distorted, one cannot hope to be a chela on the thread. Chelas on the thread bring through faithfully, that which is known and sensed at their inner point of tension.

Most disciples are not working from a point of spiritual tension, but from a point of personality focus—a step forward indeed from that of the average unthinking person but one to which they cling unduly long. As long as a man is focussed in his personality, the point of spiritual tension will evade him. He will be driven by personality aspiration and not by ashramic force and this focus in form will lead to trouble both to the individual aspirant and to his group. Spiritual tension, as a result of complete

trong được duy trì (bảo đảm sự hiện diện của linh hồn và nhận biết ngày càng tăng về Tam Nguyên Tinh Thần) với sự thể hiện của nó trong ba cõi thấp.

4. Đây có vẻ là những lời rất quan trọng vì chúng trao chìa khóa "dẫn đến khoa học chân chính về địa vị đệ tử", và đến mối quan hệ đang phát triển giữa trung tâm nhân loại và trung tâm Thánh đoàn. Ở một cấp độ cao hơn, Đức Phật và Đức Christ (hoạt động như một đơn vị hợp nhất) là tiêu điểm cho điểm tập trung nhất tâm mà Shamballa đại diện.

5. Chúng ta có thể thấy sự cần thiết của việc chỉnh hợp đúng đắn và của khả năng chuyển dịch những gì đạt được tại điểm tập trung nhất tâm vào thẳng ba cõi thấp mà không làm biến dạng, để tiêu điểm bên ngoài thực sự trở thành một sự *ngoại hiện* của điểm tập trung nhất tâm bên trong.

6. Địa vị đệ tử chân chính đạt được nhờ sự tích hợp giữa bên trong và bên ngoài. Khi sự tích hợp này chưa trọn vẹn hoặc bị biến dạng, người ta không thể hy vọng trở thành đệ tử trên đường dây. Các đệ tử trên đường dây truyền đạt một cách trung thực những gì họ biết và cảm nhận tại điểm tập trung nhất tâm bên trong của mình.

Phần lớn các đệ tử không hoạt động từ một điểm tập trung nhất tâm tinh thần mà từ một điểm tập trung phàm ngã—quả thực là một bước tiến so với người bình thường không suy nghĩ, nhưng họ lại bám giữ bước này quá lâu. Chừng nào một người còn tập trung trong phàm ngã, y vẫn chưa thể đạt đến điểm tập trung nhất tâm tinh thần. Khát vọng phàm ngã sẽ thúc đẩy y, thay vì mãnh lực ashram, và sự tập trung trong hình tướng này sẽ gây khó khăn cho cả cá nhân người chí nguyện lẫn nhóm của y. Sự tập

dedication of the personality to the service of humanity, stimulates and empowers but does not evoke the lower life of the personal self.

trung nhất tâm tinh thần, là kết quả của việc phàm ngã hoàn toàn hiến mình cho việc phụng sự nhân loại, kích thích và tăng cường sức mạnh nhưng không khơi dậy đời sống thấp của bản ngã cá nhân.

1. Earlier DK spoke of tension and extension. The term "extension" is equivalent to what is here called "personality focus". The 'extense' or extended disciple is focussed in the personality or in various parts of the personality.

1. Trước đây, Chân sư DK đã nói về sự tập trung nhất tâm và sự dàn trải. Thuật ngữ "sự dàn trải" tương đương với điều ở đây gọi là "sự tập trung phàm ngã". Người đệ tử 'dàn trải' hay trải rộng ra ngoài thì tập trung trong phàm ngã hoặc trong những phần khác nhau của phàm ngã.

2. We are told that the stage of personality focus represents progress over mass consciousness, but there is a tendency to remain in it entirely too long—especially given the grave needs of humanity at present. The word used is "cling", and it suggests the sign Cancer, the Moon and the presence, in general, fear as related to the mass consciousness.

2. Chúng ta được cho biết rằng giai đoạn tập trung phàm ngã biểu thị một bước tiến so với tâm thức quần chúng, nhưng có khuynh hướng lưu lại trong đó quá lâu—đặc biệt khi xét đến những nhu cầu cấp thiết của nhân loại hiện nay. Từ được dùng là "bám giữ", và nó gợi đến dấu hiệu Cự Giải, Mặt Trăng và sự hiện diện nói chung của nỗi sợ liên quan đến tâm thức quần chúng.

3. A strong incentive for the abandonment of personality focus is given. No disciple focussed in the personality can achieve a "point of spiritual tension"—no matter how great his *personality* efforts.

3. Ở đây có một động lực mạnh mẽ để từ bỏ sự tập trung phàm ngã. Không đệ tử nào tập trung trong phàm ngã có thể đạt được một "điểm tập trung nhất tâm tinh thần"—dù những nỗ lực của *phàm ngã* nơi y lớn lao đến đâu.

4. An important distinction is here given: the distinction between personality aspiration and ashramic force. What is the difference between the two?

4. Ở đây có một sự phân biệt quan trọng: sự phân biệt giữa khát vọng phàm ngã và mãnh lực ashram. Hai điều này khác nhau ở điểm nào?

5. Again the term "aspirant" is used when connected to the one centered in his personality. If this is the case, the term "aspirant" represents a continuation of personality focus (even in the presence of aspiration for something higher); the term disciple represents a position midway

5. Một lần nữa, thuật ngữ "người chí nguyện" được dùng khi nói đến người tập trung trong phàm ngã của mình. Nếu đúng như vậy, thuật ngữ "người chí nguyện" biểu thị sự tiếp tục tập trung phàm ngã (ngay cả khi có khát vọng hướng tới điều cao hơn); thuật ngữ đệ tử biểu thị vị thế ở giữa sự đồng hoá

between personality and soul identification; and the term "initiate" represents identification with and as the soul.

với phàm ngã và sự đồng hoá với linh hồn; còn thuật ngữ "điểm đạo đồ" biểu thị sự đồng hoá với linh hồn và là linh hồn.

6. Personality aspiration is worked up from below. Ashramic force descends from above and has nothing to do with the personalities of the members of the Ashram. Those personalities are simply *instrumental to the execution of ashramic Plan and Purpose.* In a way, ashramic force is *no respecter of persons.* Personality aspiration, however, seeks for the gratification of the personality—even when that gratification is considered "spiritual".

6. Khát vọng phàm ngã được khơi dậy từ bên dưới. Mãnh lực ashram giáng xuống từ bên trên và không liên quan gì đến phàm ngã của các thành viên ashram. Những phàm ngã ấy chỉ *đóng vai trò công cụ để thực hiện Thiên Cơ và Thiên Ý của ashram.* Theo một nghĩa nào đó, mãnh lực ashram *không thiên vị bất kỳ cá nhân nào.* Tuy nhiên, khát vọng phàm ngã tìm kiếm sự thỏa mãn cho phàm ngã—ngay cả khi sự thỏa mãn ấy được xem là "tinh thần".

7. Personality aspiration is essentially separative (no matter how well-meaning) and it is for this reason that it will lead to trouble for the "individual aspirant and to his group".

7. Khát vọng phàm ngã về bản chất mang tính chia rẽ (dù có thiện ý đến đâu), và chính vì thế nó sẽ gây khó khăn cho "cá nhân người chí nguyện lẫn nhóm của y".

8. Ashramic force is unitive in its intent and it driven by the unified energies of the Master and His Ashram. There is no way to advance *oneself* into the Ashram. The whole idea is contradictory. Only those can enter the Ashram who are deep into the process of advancing the Plan (especially according to the methods that a particular Ashram is using to cooperate with the Plan).

8. Mãnh lực ashram hướng đến sự hợp nhất, và các năng lượng hợp nhất của Chân sư cùng ashram của Ngài thúc đẩy mãnh lực ấy. Không có cách nào đưa *bản thân mình* tiến vào ashram. Toàn bộ ý tưởng ấy tự mâu thuẫn. Chỉ những ai đang dấn sâu vào tiến trình thúc đẩy Thiên Cơ mới có thể bước vào ashram (đặc biệt là theo những phương pháp mà một ashram cụ thể đang sử dụng để hợp tác với Thiên Cơ).

9. If we had wondered how to increase the point of tension to the necessary pitch, the answer is "complete dedication of the personality to the service of humanity". Many occult exercises could be conceived to promote the intensity of the point of tension, but this simple expedient (arising from a heart awake to humanity's suffering and deep needs) is by far the most effective.

9. Nếu chúng ta từng tự hỏi làm thế nào để nâng điểm tập trung nhất tâm lên mức cần thiết, thì câu trả lời là "phàm ngã hoàn toàn hiến mình cho việc phụng sự nhân loại". Có thể nghĩ ra nhiều bài tập huyền bí để tăng cường độ của điểm tập trung nhất tâm, nhưng phương cách đơn giản này (phát sinh từ một trái tim thức tỉnh trước nỗi đau khổ và những nhu cầu sâu xa của nhân loại) có hiệu quả hơn hẳn.

10. There is always a problem with overstimulation when dealing with approach to higher spiritual sources and to the Hierarchy itself. Here we are informed that "spiritual tension…stimulates and empowers but does not evoke the lower life of the personality". True spiritual tension, therefore, does not lead to the overstimulation of the personality vehicles. It empowers the vehicles with a higher energy without agitating the lunar energies which they ordinarily represent.

10. Luôn có vấn đề kích thích quá mức khi đề cập đến việc tiếp cận những nguồn tinh thần cao hơn và chính Thánh đoàn. Ở đây, chúng ta được cho biết rằng "sự tập trung nhất tâm tinh thần…kích thích và tăng cường sức mạnh nhưng không khơi dậy đời sống thấp của phàm ngã". Do đó, sự tập trung nhất tâm tinh thần chân chính không dẫn đến việc kích thích quá mức các hiện thể của phàm ngã. Nó tăng cường sức mạnh cho các hiện thể bằng một năng lượng cao hơn mà không khuấy động những năng lượng thái âm mà các hiện thể ấy thường đại diện.

These are the requirements which the disciple must meet before he is taught to reach the Master at will and when an emergency arises.

Đây là những yêu cầu mà đệ tử phải đáp ứng trước khi được dạy cách tiếp xúc với Chân sư theo ý muốn và khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

1. Reaching the Master (even in an emergency) is not an easy task and it is not permitted to the unprepared.

1. Tiếp xúc với Chân sư (ngay cả trong tình huống khẩn cấp) không phải là việc dễ dàng, và người chưa chuẩn bị đầy đủ không được phép làm điều đó.

2. There is a definite teaching involved, and the mode of communication is surely subtle.

2. Việc này đòi hỏi sự chỉ dạy cụ thể, và phương thức giao tiếp chắc chắn là tinh tế.

3. Let every disciple review his life, and determine for himself whether he is nearing the fulfillment of these requirements, or whether, perhaps, he has fulfilled them.

3. Mỗi đệ tử hãy xem xét lại đời sống của mình và tự xác định liệu mình đang tiến gần đến việc đáp ứng những yêu cầu này, hay có lẽ đã đáp ứng chúng rồi.

4. Decentralization, impersonality, proportion, dual focus and correct spiritual tension—these are the requirements summarized in brief, with many additional requirements included within the principal ones.

4. Phi tập trung vào bản thân, tính vô ngã, ý thức về tỉ lệ, sự tập trung kép và sự tập trung nhất tâm tinh thần đúng đắn—đó là những yêu cầu được tóm lược ngắn gọn, cùng nhiều yêu cầu bổ sung nằm trong những yêu cầu chính.

5. We note that the chela on the thread can reach the Master "at will". This means that the spiritual will must be have been developed to a degree through sacrifice.

5. Chúng ta lưu ý rằng đệ tử trên đường dây có thể tiếp xúc với Chân sư "theo ý muốn". Điều này có nghĩa là ý chí tinh thần phải phát triển đến một mức độ nào đó thông qua

Certainly, it is not *desire* that prompts the chela to call for a response from the Master. The call arises from the realization of the needs of the Plan according to Purpose (as much as the chela can grasp it). The one who is surrendering to the demands of the Plan is demonstrating that he is *willing* to do what needs be done; the Divine Will is, in small measure, being developed within him.

6. Thus the will which sounds the call is not the *personal will* at all, but a Plan-guided will which is impersonal.

I would like here to call your attention to the attitude of the Master at this stage of His chela's progress. As the name implies, the disciple at this point is permitted to call the attention of the Master; this is permissible only when the chela can be trusted to use the privilege solely for purposes of group service and never for himself or his own benefiting. This signifies that the disciple is capable of handling his life and problems himself and is not likely, therefore, to intrude his personal crises into the life of the Ashram. It implies also a chela of such devotion and essential basic selflessness that the Ashram needs no protection from his vibratory activity; he [746] never exacts from the Master any of the potency which rebuffs, as it is esoterically called. The Master knows that if a call comes from the chela on the thread, it will not be a waste of His time to respond, because the call will always be launched on behalf of group need and for the establishing of group purpose.

1. From the outset, the Tibetan instructed us that He would be examining these stages of discipleship from the perspective of the Master and the Ashram, and not so much from the perspective of the aspiring disciple.

sự hi sinh. Chắc chắn, không phải *dục vọng* thúc đẩy đệ tử kêu gọi sự đáp ứng từ Chân sư. Lời kêu gọi phát sinh từ sự nhận biết những nhu cầu của Thiên Cơ phù hợp với Thiên Ý (trong chừng mực đệ tử có thể nắm bắt). Người thuận theo những đòi hỏi của Thiên Cơ đang chứng tỏ rằng mình *sẵn lòng* làm những gì cần làm; Ý Chí thiêng liêng đang phát triển trong y ở một mức độ nhỏ.

6. Do đó, ý chí xướng lên lời kêu gọi hoàn toàn không phải là *ý chí cá nhân*, mà là một ý chí vô ngã do Thiên Cơ hướng dẫn.

Ở đây, Tôi muốn lưu ý các bạn đến thái độ của Chân sư ở giai đoạn tiến bộ này của đệ tử Ngài. Như tên gọi hàm ý, đến thời điểm này đệ tử được phép thu hút sự chú ý của Chân sư; điều này chỉ được phép khi có thể tin cậy rằng đệ tử sẽ sử dụng đặc quyền ấy chỉ vì mục đích phụng sự nhóm, tuyệt đối không vì bản thân hay lợi ích riêng. Điều này có nghĩa là đệ tử có khả năng tự xử lý đời sống và những vấn đề của mình, và do đó khó có khả năng đưa những khủng hoảng cá nhân của mình vào đời sống ashram. Điều này cũng hàm ý một đệ tử có lòng sùng tín và tính vị tha căn bản sâu sắc đến mức ashram không cần tự bảo vệ trước hoạt động rung động của y; y [746] không bao giờ khiến Chân sư phải vận dụng bất kỳ phần nào của quyền năng đẩy lùi, theo cách gọi trong huyền bí học. Chân sư biết rằng nếu có lời kêu gọi từ đệ tử trên đường dây, việc đáp ứng sẽ không làm phí thời gian của Ngài, vì lời kêu gọi luôn được phát đi vì nhu cầu của nhóm và để xác lập mục đích của nhóm.

1. Ngay từ đầu, Chân sư Tây Tạng đã chỉ dạy chúng ta rằng Ngài sẽ xem xét những giai đoạn này của địa vị đệ tử từ góc nhìn của Chân sư và ashram, hơn là từ góc nhìn của người đệ tử đang chí nguyện.

2. Note the word, "call". Does it suggest an appeal in words or a voiceless appeal from the heart (remembering that "heart" is "soul")? Experience will tell.

2. Hãy lưu ý từ "kêu gọi". Nó gợi đến một lời thỉnh cầu bằng ngôn từ hay một lời thỉnh cầu không lời từ trái tim (hãy nhớ rằng "trái tim" là "linh hồn")? Kinh nghiệm sẽ cho biết.

3. The entire stage is based upon a developed selflessness. No self-centered incentive will ever prompt a chela on the thread to send forth the call. It would be instantly rebuffed.

3. Toàn bộ giai đoạn này dựa trên tính vị tha đã phát triển. Không một động cơ tập trung vào bản thân nào có thể thúc đẩy đệ tử trên đường dây phát ra lời kêu gọi. Lời kêu gọi ấy sẽ lập tức bị đẩy lùi.

4. Other requirements for the chela on the thread emerge with these thoughts. A chela on the thread cannot be the victim of normal dependencies. He does not depend upon Master as one may depend upon a parent or a guardian. He is a mature disciple and can handle "his life and problems himself". It is highly unlikely that such a chela (by error) would "intrude his personal crises into the life of the Ashram". The factor of inhibition would be upon him should he even think of doing so.

4. Qua những suy nghĩ này, các yêu cầu khác đối với đệ tử trên đường dây hiện rõ. Một đệ tử trên đường dây không thể là nạn nhân của những sự lệ thuộc thông thường. Y không lệ thuộc vào Chân sư như người ta có thể lệ thuộc vào cha mẹ hay người giám hộ. Y là một đệ tử trưởng thành và có thể "tự xử lý đời sống và những vấn đề của mình". Rất khó có khả năng một đệ tử như thế lại (do lầm lỡ) "đưa những khủng hoảng cá nhân của mình vào đời sống ashram". Y sẽ cảm thấy có điều ngăn lại ngay cả khi mới nghĩ đến việc làm như vậy.

5. Other requirements: "devotion" and "essential basic selflessness". The sacrifice petals of the egoic lotus are surely open, if not entirely, then to a very great extent. This would depend upon whether one could be "on the thread" *before* the third initiation at which time the sacrifice petals are completely open.

5. Những yêu cầu khác: "lòng sùng tín" và "tính vị tha căn bản sâu sắc". Các cánh hoa hi sinh của Hoa Sen Chân Ngã chắc chắn đã khai mở, nếu chưa hoàn toàn thì cũng ở mức độ rất lớn. Điều này sẽ tùy thuộc vào việc liệu một người có thể ở "trên đường dây" *trước* lần điểm đạo thứ ba hay không, vì vào lúc ấy các cánh hoa hi sinh đã khai mở hoàn toàn.

6. Note that the quality of devotion is considered valuable and necessary. There cannot be a selfish chela on the thread. Selfishness must be worked out of the system during the stage of accepted discipleship. It is because of his essential selflessness that the mature accepted

6. Hãy lưu ý rằng phẩm tính sùng tín được xem là có giá trị và cần thiết. Không thể có một đệ tử ích kỷ trên đường dây. Phải loại bỏ tính ích kỷ khỏi toàn bộ con người trong giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận. Chính nhờ tính vị tha sâu sắc mà người đệ tử được chấp nhận đã trưởng thành được tin cậy để ở "trên

disciple is trusted to be "on the thread".

7. If there is sufficient devotion and selflessness, the Ashram will not have to guard itself from the disciple, and the Master will not have to protect the Ashram with what is here called the "potency which rebuffs". We can certainly see that *ambition,* whether latent or conscious, will never propel a disciple into this stage of intimacy with the Master and the Ashram.

8. The Master, Whom we learn, *must* respond to the call of the chela on the thread, has confidence that His response will not be a waste of time. The call will be sent for reasons of "group need and for the establishing of group purpose". The Ashram, too, works according to the Law of Economy, and waste of time is strictly forbidden.

9. We note the use of the word "launched" with respect to the call that goes forth along the thread. Perhaps it holds a hint as to the method by which the call is propelled.

10. If we look at the planets Mars, Venus and Mercury, we can understand them as progressive in relation to the stages of discipleship thus far covered. The Martian phase of aspiration characterizes the stage of Little Chelaship. The chela in the Light is still affected by Mars but is growing into the light of Venus, within which the accepted disciple begins to merge. Mercury (representing beginning of direction which comes from the Master during the stage of Accepted Discipleship) is also part of the mix during this third stage, and becomes even stronger when the fourth stage is reached, necessitating the use of both the antahkarana and the thread (in as much as they can be considered distinct).

đường dây".

7. Nếu có đủ lòng sùng tín và tính vị tha, ashram sẽ không phải tự phòng vệ trước đệ tử, và Chân sư sẽ không phải bảo vệ ashram bằng điều ở đây gọi là "quyền năng đẩy lùi". Chúng ta chắc chắn có thể thấy rằng *tham vọng,* dù tiềm ẩn hay hữu thức, sẽ không bao giờ đưa một đệ tử vào giai đoạn gần gũi này với Chân sư và ashram.

8. Chúng ta được biết rằng Chân sư *phải* đáp ứng lời kêu gọi của đệ tử trên đường dây, và Ngài tin chắc rằng sự đáp ứng của mình sẽ không làm phí thời gian. Lời kêu gọi sẽ được gửi đi vì "nhu cầu của nhóm và để xác lập mục đích của nhóm". Ashram cũng hoạt động theo Định luật Tiết Kiệm, và việc lãng phí thời gian bị nghiêm cấm.

9. Chúng ta lưu ý việc sử dụng từ "phát đi" khi nói đến lời kêu gọi truyền dọc theo đường dây. Có lẽ từ này hàm chứa một gợi ý về phương pháp thúc đẩy lời kêu gọi đi.

10. Nếu xem xét các hành tinh Sao Hỏa, Sao Kim và Sao Thủy, chúng ta có thể thấu hiểu chúng như một chuỗi tiến triển tương ứng với những giai đoạn của địa vị đệ tử đã bàn đến cho tới nay. Giai đoạn khát vọng mang ảnh hưởng Sao Hỏa là đặc trưng của giai đoạn Địa vị tiểu đệ tử. Đệ tử trong Ánh sáng vẫn chịu ảnh hưởng của Sao Hỏa nhưng đang dần tiến vào ánh sáng của Sao Kim, nơi người đệ tử được chấp nhận bắt đầu hòa nhập. Sao Thủy (đại diện cho sự khởi đầu của việc hướng dẫn từ Chân sư trong giai đoạn Địa vị đệ tử được chấp nhận) cũng góp phần trong giai đoạn thứ ba này, và trở nên mạnh hơn nữa khi đạt đến giai đoạn thứ tư, đòi hỏi phải sử dụng cả antahkarana lẫn đường dây (trong chừng mực có thể xem chúng là khác

biệt).

No matter what the Master is doing or what His preoccupation, He must respond to that call, for it is the endowed right of the trusted disciple to send it out when emergency demands it. You might ask how the chela knows that he can "get through" to the Master, using here a colloquialism. I can assure you that a complete inhibition rests upon him when the call may not be sounded—an inhibition, arising on his side of the relationship and not imposed by the Master—and he neither wants nor attempts to sound the call when there is a question in his mind. It is a matter of clear intuitive perception, the recognition of an unimpeded channel and an act of spiritual will. It is in reality a process of invocation and evocation. This whole concept of the chela on the thread lies behind the distorted teaching about the prerogatives and privileges of the priesthood and the relation of the Pope, for instance, to God or of the "elect" to the Deity. This latent and unfulfilled ideal is that of the chela on the thread and the Master and His Ashram, interpreted by the ecclesiastical consciousness as the Church. When the coming world religion is built around the work and the activity of the world disciples and knowers, then we shall see these symbols, called the "rights and prerogatives of the priesthood," correctly interpreted and truly expressed. The same symbolic inferences are also to be seen in the Brahmin caste in India.

Bất kể Chân sư đang làm gì hay đang chuyên chú vào việc gì, Ngài phải đáp ứng lời kêu gọi ấy, vì việc phát ra lời kêu gọi khi tình huống khẩn cấp đòi hỏi là quyền đã ban cho người đệ tử được tin cậy. Các bạn có thể hỏi làm thế nào đệ tử biết mình có thể "liên lạc được" với Chân sư, nếu dùng một cách nói thông thường. Tôi có thể bảo đảm với các bạn rằng y hoàn toàn cảm thấy bị ngăn lại khi không được phép xướng lời kêu gọi—một sự ngăn lại phát sinh từ phía y trong mối quan hệ, chứ không do Chân sư áp đặt—và y không muốn cũng không cố gắng xướng lời kêu gọi khi trong thể trí còn nghi vấn. Đây là vấn đề của sự tri giác trực giác rõ ràng, sự nhận biết một kênh thông suốt và một hành động của ý chí tinh thần. Thực ra, đây là một tiến trình Khẩn Cầu và Gợi Lên. Toàn bộ khái niệm về đệ tử trên đường dây này nằm sau giáo lý sai lệch về các đặc quyền và đặc ân của giới giáo sĩ, cũng như mối quan hệ, chẳng hạn, giữa Giáo hoàng với Thượng đế, hay giữa những người "được tuyển chọn" với Thượng đế. Lý tưởng tiềm ẩn và chưa thành hiện thực này là lý tưởng về đệ tử trên đường dây cùng Chân sư và ashram của Ngài, mà tâm thức giáo hội diễn giải thành Giáo hội. Khi tôn giáo thế giới sắp tới được xây dựng quanh công việc và hoạt động của các đệ tử cùng các thức giả trên thế giới, chúng ta sẽ thấy những biểu tượng này, được gọi là "các quyền và đặc quyền của giới giáo sĩ," được diễn giải đúng đắn và biểu đạt chân thực. Cũng có thể thấy những hàm ý biểu tượng tương tự trong đẳng cấp Bà la môn ở Ấn Độ.

1. One gathers the sense of the very real responsibility which rests upon the chela on the thread who sounds a call in an emergency, for the Master *must* respond, no matter what may be His preoccupation.

1. Có thể cảm nhận được trách nhiệm rất thực tế đặt lên đệ tử trên đường dây khi xướng lời kêu gọi trong tình huống khẩn cấp, vì Chân sư *phải* đáp ứng, bất kể Ngài đang chuyên chú vào việc gì.

2. It is the "endowed right" of such a chela to sound the call, and that right necessitates the Master's immediate response. All proceeds according to Law.

2. Đó là "quyền đã được ban" cho một đệ tử như thế để xướng lời kêu gọi, và quyền ấy đòi hỏi sự đáp ứng tức thời của Chân sư. Mọi sự đều diễn ra theo Định luật.

3. Technicalities are discussed. How does a chela know when he may sound such a call? Can he always "get through"? Should the time of the proposed sounding be impermissible, an intuitively impulsed inhibition will rest upon the chela. The inhibition has to do with the conditions of the established line of communication. The Master does not, from His part, inhibit the disciple's sounding.

3. Các chi tiết kỹ thuật đang được bàn đến. Làm thế nào một đệ tử biết khi nào mình có thể xướng một lời kêu gọi như thế? Liệu y có luôn "liên lạc được" không? Nếu thời điểm dự định xướng lời kêu gọi không được phép, đệ tử sẽ cảm thấy có sự ngăn lại do trực giác thúc đẩy. Sự ngăn lại này liên quan đến tình trạng của đường liên lạc đã thiết lập. Về phần mình, Chân sư không ngăn việc xướng lời kêu gọi của đệ tử.

4. Three factors are brought to our attention relative to the possibility of sounding:

4. Ba yếu tố được nêu ra để chúng ta chú ý, liên quan đến khả năng xướng lời kêu gọi:

1. Clear intuitive perception (again suggesting that the antahkarana is built to a significant degree and that the spiritual triad has thus been contacted. This would necessitate the achievement of at least the second degree and probably, beyond, for after the third degree real intuitive development begins in earnest).

1. Sự tri giác trực giác rõ ràng (một lần nữa gợi ý rằng antahkarana đã được xây dựng đến một mức độ đáng kể và do đó đã có sự tiếp xúc với Tam Nguyên Tinh Thần. Điều này đòi hỏi ít nhất phải đạt bậc điểm đạo thứ hai và có lẽ còn cao hơn, vì sau bậc điểm đạo thứ ba, sự phát triển trực giác thực sự mới bắt đầu một cách mạnh mẽ).

2. Recognition of an unimpeded channel.

2. Sự nhận biết một kênh thông suốt.

3. And an act of spiritual will.

3. Và một hành động của ý chí tinh thần.

5. If the intuitive perception seems to falter and an unimpeded channel is not recognized (i. e. , if there doubt due to prevailing conditions), the spiritual will, will not be asserted and the call will not be sounded.

5. Nếu sự nhận biết bằng trực giác dường như chao đảo và chưa nhận ra một kênh thông suốt (nghĩa là, nếu có sự nghi ngờ do những điều kiện hiện hành), ý chí tinh thần sẽ không được khẳng định và lời kêu gọi sẽ không được xướng lên.

6. It may be that in this sounding, certain visualizations are facilitative. Visualization also facilitates access to the intuition.

6. Có thể trong việc xướng lên này, một số cách hình dung giúp tạo thuận lợi. Sự hình dung cũng tạo thuận lợi cho việc tiếp cận

trực giác.

7. The Ashrams are found, for the most part, upon the buddhic plane, and so the disciple must have reached that stage of development where buddhic access is possible. This again, suggests the relative completion of the antahkarana and its functionality.

7. Phần lớn các ashram ở trên cõi Bồ đề, vì vậy đệ tử phải đạt đến giai đoạn phát triển có thể tiếp cận cõi Bồ đề. Một lần nữa, điều này gợi ý rằng antahkarana đã tương đối hoàn thiện và có khả năng hoạt động.

8. We see that the Ageless Wisdom has penetrated the thought of the Church (and of other religious traditions), though often in a distorted manner. The prerogatives and privileges of the priesthood (as the Catholic Church understands them), and the rights of the highest Indian Caste, the Brahmins, can be understood as related to the idea of the thread which connects such presumably 'elevated' individuals to a divine source (called often, "God").

8. Chúng ta thấy rằng Minh Triết Ngàn Đời đã thâm nhập vào tư tưởng của Giáo hội (và của các truyền thống tôn giáo khác), dù thường dưới hình thức méo mó. Có thể hiểu những đặc quyền và đặc ân của giới tư tế (theo cách hiểu của Giáo hội Công giáo), cùng những quyền của đẳng cấp cao nhất tại Ấn Độ, các tu sĩ Bà-la-môn, là có liên hệ với ý tưởng về sợi dây nối những cá nhân được cho là 'cao quý' ấy với một nguồn thiêng liêng (thường được gọi là "Thượng đế").

9. In the New World Religion, the real priests will emerge and they will be *real* be cause they will have achieved a true inner communion with the divine aspects within their nature, and also with the Spiritual Hierarchy of the planet.

9. Trong Tôn Giáo Thế Giới Mới, những tư tế chân chính sẽ xuất hiện, và họ sẽ *chân chính* vì đã đạt được sự hiệp thông nội tâm đích thực với những phương diện thiêng liêng trong bản chất của mình, đồng thời với Thánh đoàn của hành tinh.

10. The priesthood will be a meritocracy, and no human being will be able to award merit or spiritual status to another. Merit (and, thus, authentic spiritual status) will arise through achieved inner development which demands recognition because of its obvious value to humanity and the world.

10. Giới tư tế sẽ là một tập thể trọng thực tài, và không người nào có thể ban thực tài hay địa vị tinh thần cho người khác. Thực tài (và do đó, địa vị tinh thần đích thực) sẽ nảy sinh qua sự phát triển nội tâm đã thành tựu, vốn đòi hỏi sự công nhận vì giá trị hiển nhiên của nó đối với nhân loại và thế giới.

11. Hierarchy within the human family will be proven through the clear recognition of spiritual attainment and will not be falsely structured for reasons originating in the personality.

11. Thứ bậc trong gia đình nhân loại sẽ được xác chứng qua sự nhận biết rõ ràng những thành tựu tinh thần, và sẽ không được dựng lên một cách giả tạo vì những lý do xuất phát từ phàm ngã.

This responsive relationship and interplay is only attained after a long cycle of the outer relation of the accepted disciple upon the periphery and finally within the Ashram. It does not come about as the result of any effort to fit oneself for this position of power and of influence in service. It is simply the silent and almost unconsciously achieved result of that self-effacement and self-forgetfulness which distinguishes the accepted disciple; he is decentralised and engrossed in the fulfilment of the divine Plan to the best of his ability. It is the reward, if I might so express it, of the worker who knows what [747] he has come into incarnation to do and who is endeavouring with dedication to do it. The driving urge of his life is the need of humanity and his expanding awareness of the immediate next step that man must take.

Mối quan hệ đáp ứng và sự tương tác này chỉ đạt được sau một chu kỳ dài của mối liên hệ bên ngoài nơi người đệ tử được chấp nhận, ở ngoại vi và cuối cùng là bên trong ashram. Mối quan hệ ấy không phát sinh từ bất kỳ nỗ lực nào nhằm làm cho bản thân xứng hợp với vị trí có quyền năng và ảnh hưởng trong phụng sự này. Đó đơn giản là kết quả âm thầm, đạt được gần như không hay biết, của sự xóa mình và quên mình vốn là nét đặc trưng của đệ tử được chấp nhận; y không còn tập trung vào bản thân và chuyên tâm hoàn thành Thiên Cơ hết khả năng của mình. Nếu Tôi có thể diễn đạt như vậy, đó là phần thưởng dành cho người hoạt động biết [747] mình đã nhập thể để làm gì và đang tận tâm nỗ lực thực hiện điều đó. Động lực thúc đẩy đời y là nhu cầu của nhân loại và nhận thức ngày càng mở rộng của y về bước kế tiếp mà con người phải thực hiện ngay.

1. DK speaks of a "long cycle of the outer relation of the accepted disciple upon the periphery and finally within the Ashram". This cycle may be presumed to last a number of lives, for the newly accepted disciple must work his way from the periphery of the Ashram into the Ashram proper.

1. Chân sư DK nói đến một "chu kỳ dài của mối liên hệ bên ngoài nơi người đệ tử được chấp nhận, ở ngoại vi và cuối cùng là bên trong ashram". Có thể cho rằng chu kỳ này kéo dài một số kiếp sống, vì người đệ tử mới được chấp nhận phải nỗ lực tiến từ ngoại vi ashram vào chính bên trong ashram.

2. We have already seen specifically that a few lives may be spent in the stage of Accepted Discipleship, and AAB herself uses the word, "many".

2. Chúng ta đã thấy cụ thể rằng giai đoạn Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận có thể kéo dài vài kiếp sống, và chính Bà AAB dùng từ "nhiều".

3. DK is alerting His readers that ambition will not serve to make of an accepted disciple a chela on the thread. The accepted disciple cannot seek to position himself as a chela on the thread. To attempt to do so would simply mean that the emphasis of the disciple's consciousness was still upon himself as a personality rather than the work.

3. Chân sư DK lưu ý độc giả của Ngài rằng tham vọng sẽ không giúp một đệ tử được chấp nhận trở thành đệ tử trên đường dây. Người đệ tử được chấp nhận không thể tìm cách đặt mình vào vị trí đệ tử trên đường dây. Cố gắng làm như vậy chỉ có nghĩa là trọng tâm tâm thức của người đệ tử vẫn đặt vào chính mình như một phàm ngã hơn là

vào công việc.

4. The real requirements are long, hard work, “self-effacement”, “self-forgetfulness” and decentralization. When he is thoroughly “engrossed in the fulfillment of the divine Plan to the best of his ability” he may silently enter this stage of even greater usefulness.

4. Những yêu cầu thực sự là làm việc lâu dài, bền bỉ, “xóa mình”, “quên mình” và phi tập trung vào bản thân. Khi y hoàn toàn “chuyên tâm hoàn thành Thiên Cơ hết khả năng của mình”, y có thể âm thầm bước vào giai đoạn hữu ích hơn nữa này.

5. The Tibetan deglamorizes the whole process. The reward comes to the worker who knows what he has to do and does it, motivated by his awareness of the needs of humanity and his understanding of humanity’s next step forward. A disciple who has his eyes upon the little self, its place power and position, is simply unfit for this stage of responsiveness.

5. Chân sư Tây Tạng loại bỏ ảo cảm khỏi toàn bộ tiến trình. Phần thưởng đến với người hoạt động biết mình phải làm gì và thực hiện điều đó, với động lực là nhận thức về những nhu cầu của nhân loại cùng sự thấu hiểu bước tiến kế tiếp của nhân loại. Một đệ tử chỉ chăm chú vào cái ngã nhỏ bé, vào chỗ đứng, quyền lực và địa vị của nó, đơn giản là chưa đủ tư cách cho giai đoạn đáp ứng này.

The major tasks of the Master when a disciple first enters His Ashram is to make him think along the lines of decentralisation. This involves the shift of the disciple’s consciousness from himself to the work to be done and, incidentally, the answering of the questions:

Nhiệm vụ chủ yếu của Chân sư khi một đệ tử mới bước vào ashram của Ngài là khiến y suy nghĩ theo chiều hướng phi tập trung vào bản thân. Điều này bao hàm việc chuyển tâm thức của người đệ tử từ chính mình sang công việc cần làm và, đồng thời, trả lời những câu hỏi sau:

1. DK focusses now on the importance of decentralization—something that individual human beings and humanity as a whole resist so strenuously. The conceptual fight to remove the Earth from the center of the universe (the “Copernican Revolution”) is a glaring example.

1. Giờ đây, Chân sư DK tập trung vào tầm quan trọng của việc phi tập trung vào bản thân—điều mà từng cá nhân cũng như toàn thể nhân loại đều chống lại hết sức mạnh mẽ. Cuộc đấu tranh về quan niệm nhằm đưa Trái Đất ra khỏi vị trí trung tâm vũ trụ (cuộc “Cách mạng Copernicus”) là một ví dụ rõ rệt.

2. A number of questions are posed to earnest disciples. They all bear on the achievement of decentralization, and we should answer them before the bar of our soul.

2. Một số câu hỏi được đặt ra cho những đệ tử thành tâm. Tất cả đều liên quan đến việc đạt được sự phi tập trung vào bản thân, và chúng ta nên trả lời chúng trước sự phán xét của linh hồn mình.

1. Do you, in reality, know what your life

1. Các bạn có thực sự biết nhiệm vụ đời mình

task is?

1. It takes a degree of psychological and spiritual maturity to know what one's life task (one's incarnational purpose) really is.

2. The personality, alone, does not know the task. Only communion with the soul will reveal to the disciple the nature of this task. The average individual may determine upon a task without the benefit soul contact; even so, the soul will be influential.

2. Have you tried to carry this out in your current life processes?

1. The average disciple will say, "yes", knowing that he could always do better.

2. The question of priorities faces everyone. We can engage in "a little discipleship as convenient" (in the words of Foster Bailey), or, at the other extreme, we can give everything we have to the service of humanity in cooperation with Hierarchy.

3. No one can determine for us the extent to which we are trying to carry out our life task. It can be said, however, that we will not be sorry (especially later) if we "give it our all".

3. Is your main objective the building of character and the development of purity? If this is so, do you not think that you should be on the Path of Probation and not deluding yourself with the idea that you are on the Path of Discipleship?

là gì không?

1. Cần có một mức độ trưởng thành về tâm lý và tinh thần để biết nhiệm vụ đời mình (mục đích nhập thể của mình) thực sự là gì.

2. Chỉ riêng phàm ngã thì không biết nhiệm vụ ấy. Chỉ sự hiệp thông với linh hồn mới mặc khải cho đệ tử bản chất của nhiệm vụ này. Người bình thường có thể quyết định một nhiệm vụ mà chưa có lợi ích của sự tiếp xúc linh hồn; dù vậy, linh hồn vẫn tạo ảnh hưởng.

2. Các bạn đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ này trong những tiến trình sống hiện tại của mình chưa?

1. Người đệ tử bình thường sẽ trả lời "có", đồng thời biết rằng mình luôn có thể làm tốt hơn.

2. Ai cũng phải đối diện với vấn đề thứ tự ưu tiên. Chúng ta có thể thực hành "một chút địa vị đệ tử khi thuận tiện" (theo lời Foster Bailey), hoặc, ở thái cực kia, chúng ta có thể hiến dâng tất cả những gì mình có để phụng sự nhân loại trong sự hợp tác với Thánh đoàn.

3. Không ai có thể xác định thay chúng ta mức độ chúng ta đang cố gắng thực hiện nhiệm vụ đời mình. Tuy nhiên, có thể nói rằng chúng ta sẽ không hối tiếc (đặc biệt là về sau) nếu chúng ta "dốc hết sức mình".

3. Mục tiêu chính của các bạn có phải là lập hạnh và phát triển sự thanh khiết không? Nếu vậy, các bạn có nghĩ rằng mình nên ở trên Con Đường Dự Bị, thay vì tự đánh lừa mình bằng ý tưởng rằng mình đang ở trên Con Đường Đệ Tử không?

1. Even disciples, for the most part, have much to do in this regard, and they must constantly attend to improving their character and increasing their purity—for purity is one of the three main energies emanating from Shamballa.

1. Ngay cả các đệ tử, phần lớn cũng còn nhiều việc phải làm về phương diện này, và họ phải không ngừng chú tâm cải thiện tính cách và gia tăng sự thanh khiết của mình—vì sự thanh khiết là một trong ba năng lượng chính phát xạ từ Shamballa.

2. However improving character and purity are not the *main objective* for accepted disciples. The Divine Plan is foremost in their minds. As they give all they can to manifest their share of the Plan, the tasks of character building and a finer purity of life will make headway. These lesser but essential requirements will be met as part of meeting the greater requirements of service to the Plan and humanity.

2. Tuy nhiên, việc cải thiện tính cách và sự thanh khiết không phải là *mục tiêu chính* của những đệ tử được chấp nhận. Thiên Cơ giữ vị trí hàng đầu trong thể trí của họ. Khi họ dốc hết khả năng để biểu hiện phần việc của mình trong Thiên Cơ, công việc lập hạnh và vun bồi đời sống thanh khiết hơn sẽ tiến triển. Những yêu cầu nhỏ hơn nhưng thiết yếu này sẽ được đáp ứng như một phần của việc đáp ứng những yêu cầu lớn hơn trong phụng sự Thiên Cơ và nhân loại.

3. The distinction in this question relates to the Path of Probation and the Path of Discipleship. The Path of Probation may be understood as referring to the first two stages of discipleship (Little Chelaship and Chela in the Light—especially the latter). *The Path of Discipleship, per se, is really the Path of Accepted Discipleship.* As we have been studying, the requirements for the accepted disciple and for the chela on the thread are far more strenuous than for those upon the Probationary Path.

3. Sự phân biệt trong câu hỏi này liên quan đến Con Đường Dự Bị và Con Đường Đệ Tử. Có thể hiểu Con Đường Dự Bị là chỉ hai giai đoạn đầu của địa vị đệ tử (Địa vị tiểu đệ tử và Đệ tử trong Ánh sáng—đặc biệt là giai đoạn sau). *Chính Con Đường Đệ Tử thực sự là Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận.* Như chúng ta đang nghiên cứu, những yêu cầu đối với đệ tử được chấp nhận và đệ tử trên đường dây khắt khe hơn nhiều so với những yêu cầu đối với người trên Con Đường Dự Bị.

4. Are you preoccupied with human need or are you engrossed with your own position as a disciple, with your own spiritual problems, and with the delusion of the terrific difficulties in your personal life?

4. Các bạn có chuyên tâm vào nhu cầu của con người, hay mải mê với địa vị đệ tử của mình, với những vấn đề tinh thần của riêng mình và với ảo tưởng về những khó khăn ghê gớm trong đời sống cá nhân?

1. This question is an attempt to put things in proportion. Human need is foremost in the minds of the Masters, and disciples must learn the same attitude. The response

1. Câu hỏi này nhằm đặt mọi việc vào đúng tỉ lệ. Nhu cầu của con người giữ vị trí hàng đầu trong thể trí các Chân sư, và các đệ tử phải học thái độ ấy. Sự đáp ứng tùy thuộc vào ý

depends upon one's sense of values.

2. However, many disciples are engrossed with:

1. Their own position as disciples

2. Their own spiritual problems

3. The delusion of the terrific difficulties of their personal life.

3. If we study these three engrossments, we shall see that they are all based on self-centeredness, a sense of values which is still largely personal, and an unrealistic perspective without adequate sense of proportion.

4. When the consciousness is focussed on humanity's need, these lesser considerations are seen for what they are and drop away. In fact, they are often *solved* when the attention is rightly focussed on the problems of humanity.

As long as you believe that your life is one of all engrossing interest and also one of exceeding hard places, you are only in the very early stages of accepted discipleship and have not yet cast off ancient habits of thought. These questions have eventually to be answered before the student has what I might call "the full freedom of the Ashram. "

1. Master DK was writing to a number of those who either knew they were accepted disciples or who were very shortly to be informed—as a group. His purpose was to challenge an excessive interest in self so prevalent among myopic disciples—even

thức về các giá trị của mỗi người.

2. Tuy nhiên, nhiều đệ tử mải mê với:

1. Địa vị đệ tử của chính họ

2. Những vấn đề tinh thần của riêng họ

3. Ảo tưởng về những khó khăn ghê gớm trong đời sống cá nhân của họ.

3. Nếu nghiên cứu ba mối bận tâm này, chúng ta sẽ thấy tất cả đều dựa trên sự tập trung vào bản thân, một ý thức về các giá trị vẫn mang tính cá nhân rất nhiều, và một góc nhìn thiếu thực tế, không có đủ ý thức về tỉ lệ.

4. Khi tâm thức tập trung vào nhu cầu của nhân loại, người ta sẽ thấy đúng bản chất của những mối quan tâm nhỏ hơn này và chúng sẽ rơi rụng. Thực tế, chúng thường được *giải quyết* khi sự chú ý tập trung đúng đắn vào những vấn đề của nhân loại.

Chừng nào các bạn còn tin rằng đời mình đáng được quan tâm đến mức choán hết tâm trí, đồng thời đầy những hoàn cảnh hết sức khó khăn, thì các bạn vẫn chỉ ở những giai đoạn rất sơ khởi của địa vị đệ tử được chấp nhận và chưa rũ bỏ những thói quen tư tưởng lâu đời. Cuối cùng, những câu hỏi này phải được trả lời trước khi đạo sinh có được điều mà Tôi có thể gọi là "toàn quyền tự do trong ashram."

1. Chân sư DK đang viết cho một số người hoặc đã biết mình là đệ tử được chấp nhận, hoặc sắp được thông báo điều đó—với tư cách một nhóm. Mục đích của Ngài là chất vấn sự quan tâm quá mức đến bản thân vốn rất phổ biến nơi các đệ tử có tầm nhìn hạn

accepted disciples.

2. Self-centeredness is the ancient way of the personality and its vehicles. We have long been habituated to this way of thought. It must be transcended before we can become true ashramic workers.

3. We learn that the newly accepted disciple (still wrestling with difficulties incident to self-centeredness) does not have "the full freedom of the Ashram". Only if these questions can be answered correctly and in a selfless, self-forgetful and self-effacing manner can this full freedom be granted. A still separative individual cannot enter a state of consciousness based upon unity in the service of the Divine Plan.

The Ashram, you must remember, is externalised only in so far as it provides a point of spiritual tension. From that Ashram, disciples go out to work in the world. The outer group, working in the world, or the exoteric Ashram, is externalised by reflecting the radiance of the inner Ashram and by establishing a magnetic field of spiritual power. This is done just in so far as the members of the Ashram who are found on its outer periphery relate themselves to the inner Ashram and therefore react to the note and quality of the inner group, gathered around the Master.

1. DK asks us to think of the externalization of an Ashram in a new way. The Ashram must become (with respect to the three lower worlds) a *present* and *effective* point of spiritual tension.

hẹp—ngay cả những đệ tử *được chấp nhận*.

2. Tập trung vào bản thân là đường lối lâu đời của phàm ngã và các hiện thể của nó. Chúng ta đã quen với lối suy nghĩ này từ lâu. Chúng ta phải vượt qua lối suy nghĩ ấy trước khi có thể trở thành những người hoạt động chân chính trong ashram.

3. Chúng ta biết rằng người đệ tử mới được chấp nhận (vẫn đang vật lộn với những khó khăn đi kèm sự tập trung vào bản thân) chưa có "toàn quyền tự do trong ashram". Chỉ khi có thể trả lời đúng đắn những câu hỏi này với tinh thần vô ngã, quên mình và xóa mình, người đệ tử mới có thể được trao toàn quyền tự do ấy. Một cá nhân còn mang tính chia rẽ không thể bước vào trạng thái tâm thức dựa trên sự hợp nhất trong phụng sự Thiên Cơ.

Các bạn phải nhớ rằng ashram chỉ ngoại hiện trong chừng mực nó tạo ra một điểm tập trung nhất tâm tinh thần. Từ ashram ấy, các đệ tử đi ra hoạt động trong thế gian. Nhóm bên ngoài đang hoạt động trong thế gian, hay ashram ngoại môn, ngoại hiện bằng cách phản chiếu ánh huy hoàng của ashram bên trong và thiết lập một trường từ tính mang quyền năng tinh thần. Điều này chỉ thực hiện được trong chừng mực các thành viên ở ngoại vi ashram kết nối với ashram bên trong và do đó đáp ứng với âm điệu cùng phẩm tính của nhóm bên trong đang quy tụ quanh Chân sư.

1. Chân sư DK yêu cầu chúng ta suy nghĩ về sự ngoại hiện của một ashram theo một cách mới. Đối với ba cõi thấp, ashram phải trở thành một điểm tập trung nhất tâm tinh thần *hiện hữu* và *hữu hiệu*.

2. Disciples who are members of the Ashram participate in that point of tension, hold it and emerge into the three worlds (those of them that are in incarnation) as representatives of that point of tension.

2. Các đệ tử là thành viên của ashram cùng tham dự vào điểm tập trung nhất tâm ấy, duy trì nó và đi ra ba cõi giới (những người đang lâm phàm trong số họ) với tư cách đại diện của điểm tập trung nhất tâm ấy.

3. The outer group or exoteric Ashram must:

3. Nhóm bên ngoài hay ashram ngoại môn phải:

1. Reflect the radiance of the inner Ashram

1. Phản chiếu ánh huy hoàng của ashram bên trong

2. Establish a magnetic field of spiritual power

2. Thiết lập một trường từ tính mang quyền năng tinh thần

4. Outer workers, such as many disciples may hope to be, must see to their alignment with the inner Ashram, and be faithful in their expression of the "note and quality of the inner group, gathered around the Master".

4. Những người hoạt động bên ngoài, như nhiều đệ tử có thể hy vọng trở thành, phải bảo đảm sự chỉnh hợp của mình với ashram bên trong và trung thành biểu lộ "âm điệu cùng phẩm tính của nhóm bên trong đang quy tụ quanh Chân sư".

5. When the members of the outer group and the outer group as a whole are able to hold themselves at a point of spiritual tension which approximates, vibratorily, the point of tension which the Ashram *is,* then the externalization process through that group is well under way.

5. Khi các thành viên của nhóm bên ngoài và toàn thể nhóm ấy có thể duy trì mình ở một điểm tập trung nhất tâm tinh thần mà về rung động gần với điểm tập trung nhất tâm vốn *chính là* ashram, thì tiến trình ngoại hiện qua nhóm ấy đang tiến triển tốt.

An Ashram is not a group of people seeking spiritual realisation. It is a centre of group activity, swept by energies which [748] (when given full and proper sway) enable the group to carry out the Master's plan and meet human need. You may wonder perhaps why I so constantly emphasise this need. I do it because that need is the main and urgent principle of invocation; it can and will evoke hierarchical response and thus put two centres—that of Humanity and the Hierarchy—en rapport. This is a group correspondence to the invocation of the soul

Một ashram không phải là một nhóm người tìm kiếm sự chứng nghiệm tinh thần. Đó là một trung tâm hoạt động nhóm, tràn ngập những năng lượng mà [748] khi được phát huy đầy đủ và đúng đắn, sẽ giúp nhóm thực hiện kế hoạch của Chân sư và đáp ứng nhu cầu của con người. Có lẽ các bạn tự hỏi tại sao Tôi cứ liên tục nhấn mạnh nhu cầu này. Tôi làm vậy vì nhu cầu ấy là nguyên khí chủ yếu và cấp thiết của sự khẩn cầu; nó có thể và sẽ gợi lên sự đáp ứng của Thánh đoàn, nhờ đó đưa hai trung tâm—Nhân loại và Thánh đoàn—vào mối giao cảm. Đây là sự tương

by the personality and its subsequent evocation upon the plane of every day living, thus leading to a consequent fusion. An Ashram or Master's group is, therefore, a centre of invocation and when the individual disciple becomes a chela on the thread, it is as the reward of selfless service—carried forward at any personal cost. Then the Ashram can be a centre of unique world potency.

ứng ở cấp nhóm với việc phàm ngã khẩn cầu linh hồn rồi gợi lên linh hồn trên bình diện đời sống hằng ngày, từ đó dẫn đến sự dung hợp. Vì vậy, một ashram hay nhóm của Chân sư là một trung tâm khẩn cầu, và khi một đệ tử trở thành đệ tử trên đường dây, đó là phần thưởng của sự phụng sự vô ngã—được thực hiện bất chấp mọi giá phải trả về mặt cá nhân. Bấy giờ, ashram có thể là một trung tâm có sức mạnh độc đáo trên thế giới.

1. The Ashram is not a group of "people" (especially, people who are simply seekers). No one enters the Ashram unless his quest, his seeking has been relatively successful and is no longer his principal motive.

1. Ashram không phải là một nhóm "người" (đặc biệt là những người đơn thuần tìm kiếm). Không ai bước vào ashram trừ khi cuộc truy cầu, sự tìm kiếm của mình đã tương đối thành công và không còn là động cơ chính nữa.

2. Rather an Ashram is an assembly of souls merged into a group and swept by the kind of energy which will enable the group to "carry out the Master's plan and meet human need".

2. Một ashram là một tập hợp các linh hồn hòa nhập thành một nhóm và tràn ngập loại năng lượng giúp nhóm "thực hiện kế hoạch của Chân sư và đáp ứng nhu cầu của con người".

3. The Ashram is a *selfless organism* mobilized for world service under the will of the Master at the center.

3. Ashram là một *cơ thể sống vô ngã* được huy động để phụng sự thế gian theo ý chí của Chân sư ở trung tâm.

4. Only those who are soul-identified (having transcended merely personal identification) can find themselves numbered among the members of an Ashram.

4. Chỉ những người đồng hoá với linh hồn (đã vượt qua sự đồng hoá đơn thuần với cá nhân) mới có thể có tên trong hàng ngũ các thành viên của một ashram.

5. DK emphasizes response to human need extensively. He tells us that human need is the "main and urgent principal of invocation". This means that when a disciple is responding fully to human need he will necessarily be evoking all the higher energies which his energy system can handle. He will be working to full capacity. Hierarchy will, according to law, respond.

5. Chân sư DK nhấn mạnh rất nhiều đến việc đáp ứng nhu cầu của con người. Ngài cho chúng ta biết nhu cầu của con người là "nguyên khí chủ yếu và cấp thiết của sự khẩn cầu". Điều này có nghĩa là khi một đệ tử đáp ứng đầy đủ nhu cầu của con người, tất yếu y sẽ gợi lên mọi năng lượng cao hơn mà hệ thống năng lượng của mình có thể tiếp nhận và vận dụng. Y sẽ hoạt động hết khả

năng. Theo định luật, Thánh đoàn sẽ đáp ứng.

6. Eventually, when a great number of human beings are focussed on the meeting of human need, Hierarchy will be significantly evoked and these two major planetary centers, Hierarchy and humanity will be drawn more closely together.

6. Cuối cùng, khi rất nhiều người tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu của con người, sự đáp ứng của Thánh đoàn sẽ được gợi lên mạnh mẽ, và hai trung tâm hành tinh chủ yếu này, Thánh đoàn và nhân loại, sẽ xích lại gần nhau hơn.

7. Invocation by of the lower of the higher, leads to a response by the higher which, in turn, further evokes the invoking agent. Hierarchical response evokes a higher quality of human response.

7. Việc cái thấp khẩn cầu cái cao dẫn đến sự đáp ứng của cái cao, rồi sự đáp ứng ấy lại gợi lên thêm sự đáp ứng nơi tác nhân khẩn cầu. Sự đáp ứng của Thánh đoàn gợi lên một phẩm tính đáp ứng cao hơn nơi con người.

8. A new way of understanding an Ashram or a Master's group is as a "center of invocation". The Master's group invokes the Ashram of which it is a representative. The Ashram invokes the Greater Ashram of Sanat Kumara (the Spiritual Hierarchy of our planet of which the Christ is the Head), and that Ashram invokes Shamballa.

8. Một cách mới để thấu hiểu một ashram hay nhóm của Chân sư là xem đó như một "trung tâm khẩn cầu". Nhóm của Chân sư khẩn cầu ashram mà nhóm là đại diện. Ashram khẩn cầu Ashram Lớn Hơn của Sanat Kumara (Thánh đoàn của hành tinh chúng ta, do Đức Christ đứng đầu), và ashram ấy khẩn cầu Shamballa.

9. *Every point of tension is a center of invocation.*

9. *Mỗi điểm tập trung nhất tâm là một trung tâm khẩn cầu.*

10. How did a chela on the thread earn the right for this particular kind of communication? "It is the reward of selfless service—carried forward at any personal cost."

10. Một đệ tử trên đường dây đã làm thế nào để giành được quyền sử dụng loại giao tiếp đặc biệt này? "Đó là phần thưởng của sự phụng sự vô ngã—được thực hiện bất chấp mọi giá phải trả về mặt cá nhân."

Chelas on the thread employ a peculiar technique, according to their ray; they work always through the head centre. By means of this centre, they sound out the call (an inaudible call, from the physical plane angle) which (vibrating along the thread) reaches the Master. These techniques are, however, taught directly to the disciple by the Master when He recognises His chela's right to the

Các đệ tử trên đường dây sử dụng một kỹ thuật đặc thù, tùy theo cung của mình; họ luôn hoạt động qua trung tâm đầu. Qua trung tâm này, họ xướng lên lời kêu gọi (một lời kêu gọi không nghe được từ góc độ cõi hồng trần), lời ấy rung động dọc theo sợi dây và đến với Chân sư. Tuy nhiên, Chân sư trực tiếp dạy những kỹ thuật này cho đệ tử khi Ngài công nhận quyền hưởng đặc ân ấy của

privilege. I cannot give these techniques direct to you. When you are "on the thread," you will inevitably have the information given to you.

người đệ tử. Tôi không thể trực tiếp truyền những kỹ thuật này cho các bạn. Khi các bạn ở "trên đường dây," chắc chắn các bạn sẽ được truyền đạt thông tin ấy.

1. Earlier we learned that a line of contact going out from the Master reached the *hearts* of many. The Master is, indeed, present in the heart of the advanced disciple.

1. Trước đây, chúng ta đã biết rằng một đường tiếp xúc phát ra từ Chân sư đã đến với *trái tim* của nhiều người. Quả thực, Chân sư hiện diện trong trái tim của người đệ tử tiến bộ.

2. Here more technicalities are given. There is a technique by which the chela may contact the Master and it varies according to ray. This suggests that different notes, colors, mantrams or visualizations are used depending on the ray type.

2. Ở đây có thêm những chi tiết kỹ thuật. Có một kỹ thuật giúp đệ tử tiếp xúc với Chân sư, và kỹ thuật ấy thay đổi tùy theo cung. Điều này gợi ý rằng những âm điệu, màu sắc, mantram hay cách hình dung khác nhau được sử dụng tùy theo loại cung.

3. The main sounding of the call occurs through the head center. This probably means the highest head center, but the possible involvement of the ajna center and other esoteric head centers should not be discounted.

3. Việc xướng lời kêu gọi chủ yếu diễn ra qua trung tâm đầu. Điều này có lẽ chỉ trung tâm cao nhất ở đầu, nhưng không nên loại trừ khả năng trung tâm ajna và những trung tâm huyền bí khác ở đầu cùng tham gia.

4. The call is inaudible from the perspective of the physical plane, and it vibrates along the thread which is connected to the head center.

4. Từ góc độ cõi hồng trần, lời kêu gọi không thể nghe được, và nó rung động dọc theo sợi dây nối với trung tâm đầu.

5. The techniques involved are not for exoteric discussion and are taught directly to the disciple by the Master when the time is right. A chela will not be taught the technique appropriate to his ray until he has a right to the privilege of being taught.

5. Những kỹ thuật liên quan không dành cho sự thảo luận ngoại môn, và Chân sư trực tiếp dạy chúng cho đệ tử khi thời điểm thích hợp. Một đệ tử sẽ chưa được dạy kỹ thuật thích hợp với cung của mình cho đến khi có quyền hưởng đặc ân được truyền dạy.

6. The teaching of how to use the thread descends along the thread to the chela who is on the thread. The initiate is initiate before he is initiated, and the chela on the thread is on the thread before he is taught how to *use* the thread.

6. Giáo huấn về cách sử dụng sợi dây truyền xuống dọc theo sợi dây đến người đệ tử đang ở trên đường dây. Điểm đạo đồ đã là điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo, và đệ tử trên đường dây đã ở trên đường dây trước khi được dạy cách *sử dụng* sợi dây.

This thread is not the antahkarana but a linking thread of living light. This the Master projects as the disciple's service evokes a response from Him. This evocation, however, increases its potency as the disciple builds the antahkarana between the personality and the Spiritual Triad. The chela on the thread eventually has the life thread (one aspect of the antahkarana) connected with this ashramic thread and hence the establishment of monadic control of the individual which (in its group form) signifies the control of the Hierarchy by Shamballa. The lesser and the greater relationship must ever be borne in mind.

Sợi dây này không phải là antahkarana mà là một sợi dây liên kết bằng ánh sáng sống động. Chân sư phóng chiếu sợi dây này khi sự phụng sự của đệ tử gợi lên sự đáp ứng từ Ngài. Tuy nhiên, sức mạnh của sự gợi lên này gia tăng khi đệ tử xây dựng antahkarana giữa phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần. Cuối cùng, đệ tử trên đường dây có sinh mệnh tuyến (một phương diện của antahkarana) nối với sợi dây ashram này, nhờ đó thiết lập sự kiểm soát của chân thần đối với cá nhân; dưới hình thức nhóm, điều này biểu thị sự kiểm soát của Shamballa đối với Thánh đoàn. Phải luôn ghi nhớ mối quan hệ nhỏ hơn và mối quan hệ lớn hơn.

1. An important distinction is given: the thread emanating from the Master and anchoring itself in the qualified chela is *not* the antahkarana, nor is it the sutratma, per se, but it is certainly related to both these other threads.

1. Ở đây có một sự phân biệt quan trọng: sợi dây phát xạ từ Chân sư và neo vào người đệ tử đủ tư cách *không phải* là antahkarana, cũng không phải chính sinh mệnh tuyến, nhưng chắc chắn nó có liên hệ với cả hai sợi dây kia.

2. DK calls the thread a "linking thread of living light".

2. Chân sư DK gọi sợi dây ấy là một "sợi dây liên kết bằng ánh sáng sống động".

3. We see that while the thread emanates from the Master, the antahkarana is built largely from 'below' (though under the stimulation of that which lies above).

3. Chúng ta thấy rằng trong khi sợi dây phát xạ từ Chân sư, antahkarana phần lớn được xây dựng từ 'bên dưới' (dù chịu sự kích thích từ những gì ở bên trên).

4. When the disciple's service is of a sufficient quality and intensity, the Master will project the thread towards the disciples. This projection (from above) can be related to the disciple's projection of the antahkarana from below.

4. Khi việc phụng sự của người đệ tử đạt đủ phẩm tính và cường độ, Chân sư sẽ phóng chiếu sợi dây về phía các đệ tử. Sự phóng chiếu này (từ trên xuống) có thể được liên hệ với sự phóng chiếu antahkarana của người đệ tử từ dưới lên.

5. It becomes clear that the Master's projection of the thread occurs *before* the chela is aware of it or is taught how to use it.

5. Có thể thấy rõ rằng sự phóng chiếu sợi dây của Chân sư diễn ra *trước khi* người đệ tử nhận biết sợi dây ấy hoặc học cách sử dụng nó.

6. The vitalization of the thread by the Master increases in potency as the disciple builds the antahkarana. The increasingly soul-infused disciple is reaching upwards and the Master is reaching out towards him.

6. Khi người đệ tử xây dựng antahkarana, việc Chân sư tiếp sinh lực cho sợi dây ngày càng gia tăng hiệu lực. Người đệ tử ngày càng được linh hồn thấm nhuần đang vươn lên, còn Chân sư đang vươn tới y.

7. Another important technicality is shared. The thread which reaches the chela on the thread is called an "ashramic thread". At a certain stage the ashramic thread becomes interwoven with the life thread (sutratma), and this interweaving facilitates monadic control.

7. Một chi tiết kỹ thuật quan trọng khác cũng được chia sẻ. Sợi dây vươn tới đệ tử trên đường dây được gọi là "sợi dây ashram". Ở một giai đoạn nhất định, sợi dây ashram đan kết với sợi dây sự sống (sinh mệnh tuyến), và sự đan kết này tạo thuận lợi cho sự kiểm soát của chân thần.

8. We have stated here the interesting point that the "life thread" (often called the sutratma) is one aspect of the antahkarana. The antahkarana, too, is a line of *living* light, and hence, the appropriateness of the "life thread" as one of its constituents.

8. Ở đây, chúng ta đã nêu một điểm thú vị rằng "sợi dây sự sống" (thường được gọi là sinh mệnh tuyến) là một phương diện của antahkarana. Antahkarana cũng là một tuyến ánh sáng *sống động*, và vì thế, "sợi dây sự sống" là một thành phần thích hợp của nó.

9. The stage of monadic control is significant at the time that the accepted disciple can become a chela on the thread, for the third initiation is very closer or passed, and the monad is making its presence felt in a conscious way.

9. Giai đoạn kiểm soát của chân thần có ý nghĩa quan trọng vào lúc đệ tử được chấp nhận có thể trở thành đệ tử trên đường dây, vì lần điểm đạo thứ ba đã rất gần hoặc đã vượt qua, và chân thần đang khiến người đệ tử cảm nhận sự hiện diện của mình một cách có ý thức.

10. When the group aspects of monadic control are understood, the groups involved are Hierarchy and Shamballa. Monadic control signifies the control by Shamballa of Hierarchy.

10. Khi thấu hiểu các phương diện nhóm của sự kiểm soát của chân thần, chúng ta thấy các nhóm liên quan là Thánh đoàn và Shamballa. Sự kiểm soát của chân thần hàm ý sự kiểm soát của Shamballa đối với Thánh đoàn.

To the average aspirant, the implications of this stage of discipleship are valuable from the angle of emphasising what has not been achieved. The implications are, therefore, negative. This is frequently desirable where accepted disciples are concerned whose

Đối với người chí nguyện bình thường, những hàm ý của giai đoạn địa vị đệ tử này có giá trị ở chỗ nhấn mạnh những gì chưa đạt được. Do đó, những hàm ý ấy mang tính âm. Điều này thường là cần thiết đối với các đệ tử được chấp nhận, những người cần có

attitude should be positive and intelligent. [749] The Law of Positive and Negative Relationships underlies all these stages. That which is higher is, at first, always negative to that which is lower; then interim changes take place which make the higher positive to the lower and lead, therefore, to the steady ascending of the Way of Life and the Ladder of Spiritual Ascent.

thái độ tích cực và sáng suốt. [749] Định luật về các Mối Quan Hệ Dương và Âm làm nền tảng cho tất cả những giai đoạn này. Thoạt đầu, cái cao hơn luôn mang tính âm đối với cái thấp hơn; rồi những biến đổi trung gian diễn ra, khiến cái cao hơn mang tính dương đối với cái thấp hơn, và do đó dẫn đến sự đi lên đều đặn trên Con Đường Sự Sống và Thang Thăng Tiến Tinh Thần.

1. As we read about the stage of Chela on the Thread, most of us will realize what we have yet to achieve. The best way to achieve it is through complete investment in selfless service.

1. Khi đọc về giai đoạn Đệ tử trên đường dây, phần lớn chúng ta sẽ nhận ra những gì mình còn phải đạt được. Cách tốt nhất để đạt được điều đó là dốc trọn tâm sức vào việc phụng sự vô ngã.

2. Disciples must always have something towards which to strive, and thus it helps for us to learn as much as we can about this stage of mutual responsiveness between disciple and Master.

2. Các đệ tử luôn phải có một điều gì đó để phấn đấu hướng tới; vì vậy, việc tìm hiểu nhiều nhất có thể về giai đoạn đáp ứng lẫn nhau giữa đệ tử và Chân sư này sẽ giúp ích cho chúng ta.

3. Those who know that they are in the stage of accepted discipleship are thus given the incentive to intensify their efforts to selflessly serve.

3. Nhờ đó, những ai biết mình đang ở giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận có thêm động lực để tăng cường nỗ lực phụng sự vô ngã.

4. DK says, interestingly, that "the Law of Positive and Negative Relationships underlies all these stages". All stages deal with the approach of the disciple to the heart of the Ashram—the positive pole.

4. Điều thú vị là Chân sư DK nói rằng "Định luật về các Mối Quan Hệ Dương và Âm làm nền tảng cho tất cả những giai đoạn này". Tất cả các giai đoạn đều liên quan đến việc người đệ tử tiến gần tới tâm của ashram—cực dương.

5. Our task through all these stages is to render the Master (originally the negative pole because of our unresponsiveness to Him) the positive pole. Then will reliable communication be established between the disciple and both the Ashram and the Master. The reciprocal will also be true. Then will a vital and living link exist between the solar and lunar poles, facilitating the

5. Nhiệm vụ của chúng ta trong suốt các giai đoạn này là làm cho Chân sư trở thành cực dương (ban đầu Ngài là cực âm vì chúng ta chưa đáp ứng với Ngài). Bấy giờ, sự giao tiếp đáng tin cậy sẽ được thiết lập giữa người đệ tử với cả ashram lẫn Chân sư. Điều đó cũng đúng theo chiều ngược lại. Bấy giờ sẽ có một mối liên kết đầy sinh lực và sống động giữa hai cực thái dương và thái âm, tạo thuận lợi

expression of the Divine Plan.

6. Every disciple who, through fulfilling the many requirements, becomes a chela on the thread, brings the day of the Externalization of the Hierarchy that much closer.

cho sự biểu lộ của Thiên Cơ.

6. Mỗi đệ tử, qua việc đáp ứng nhiều yêu cầu để trở thành đệ tử trên đường dây, đều đưa ngày Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn đến gần hơn một chút.

20. PART VIII
Stage V. The Chela within the Aura. – 20. PHẦN VIII
Giai đoạn V. Đệ tử trong hào quang.

Stage V. The Chela within the Aura.

The definition, as given earlier by me, runs as follows:

"The stage wherein he is permitted to know the method whereby he may set up ... a call which will entitle him to an interview with the Master. At this stage, the disciple is called a chela within the aura."

1. We now continue analyzing the various Stages of Disciple. This paper will deal with the fifth stage: 'Chela within the Aura'.

It is a stage of discipleship which is far in advance of that attained by most disciples, because it connotes almost complete at-one-ment between the disciple and the Master's group.

1. This is a stage which definitely follows the third degree.

He has already been accorded the privilege of invoking the attention of the Master in times of emergency and is sure of His

Giai đoạn V. Đệ tử trong hào quang.

Định nghĩa mà Tôi đã đưa ra trước đây như sau:

"Giai đoạn trong đó y được phép biết phương pháp để có thể thiết lập ... một lời kêu gọi cho phép y có một cuộc diện kiến với Chân sư. Ở giai đoạn này, người đệ tử được gọi là đệ tử trong hào quang."

1. Giờ đây, chúng ta tiếp tục phân tích các Giai đoạn Đệ tử khác nhau. Bài này sẽ bàn về giai đoạn thứ năm: 'Đệ tử trong hào quang'.

Đây là một giai đoạn địa vị đệ tử tiến xa hơn nhiều so với giai đoạn mà phần lớn các đệ tử đã đạt tới, bởi vì nó hàm ý sự nhất thể gần như hoàn toàn giữa người đệ tử và nhóm của Chân sư.

1. Đây là một giai đoạn chắc chắn đến sau cấp điểm đạo thứ ba.

Y đã được ban đặc ân khẩn cầu sự chú ý của Chân sư trong những lúc khẩn cấp và biết chắc Ngài sẽ đáp ứng.

response.

1. He is a trusted disciple/initiate and has been a chela on the thread.

He has advanced from the point when he was being trained to become an integrated and useful unit in the Ashram to where he is a trusted agent. His orientation is now fixed and though he is subjected to many tests and difficulties, these are increasingly concerned with the group life and condition and not with himself.

1. Training upon the 'Fixed Cross'has done its work. As his consciousness is centered in the soul rather than the personality he does not think of himself as an isolated individual.

I refer not here to the difficulties of any ashramic group or to those connected with any group affiliation the disciple may rightly hold upon the physical plane, but to his responsiveness to the group need of humanity.

1. Responsibilities to individuals will be upheld, but it is the group need of humanity which preoccupies his mind.

Where this responsiveness exists, it means that the whole is of greater importance to him than the part. This in no way negates his ability to work with individuals or to give understanding love and compassion to those in his path of life who need it. But he has arrived at a sense of right proportion and of correct organisation of his life processes, trends and activities in time and space. He can then be depended upon always to substitute the good of the whole for

1. Y là một đệ tử/điểm đạo đồ đáng tin cậy và đã từng là đệ tử trên đường dây.

Y đã tiến từ chỗ được huấn luyện để trở thành một đơn vị tích hợp và hữu ích trong ashram đến chỗ trở thành một người đại diện đáng tin cậy. Giờ đây, định hướng của y đã vững chắc, và mặc dù phải chịu nhiều thử thách và khó khăn, những điều này ngày càng liên quan đến đời sống và tình trạng của nhóm hơn là đến chính y.

1. Việc huấn luyện trên 'Thập Giá Cố Định' đã phát huy tác dụng. Vì tâm thức của y tập trung trong linh hồn thay vì phàm ngã, y không xem mình là một cá nhân cô lập.

Ở đây, Tôi không nói đến những khó khăn của bất kỳ nhóm ashram nào, cũng không nói đến những khó khăn gắn với bất kỳ mối liên hệ nhóm chính đáng nào mà người đệ tử có thể có trên cõi hồng trần, mà nói đến sự đáp ứng của y đối với nhu cầu tập thể của nhân loại.

1. Y vẫn chu toàn trách nhiệm đối với các cá nhân, nhưng chính nhu cầu tập thể của nhân loại mới chiếm trọn tâm trí y.

Khi có sự đáp ứng này, điều đó có nghĩa là đối với y, toàn thể quan trọng hơn bộ phận. Điều này hoàn toàn không phủ nhận khả năng làm việc với các cá nhân, hay trao tình thương đầy thấu hiểu và lòng từ bi cho những ai cần đến trên đường đời của y. Nhưng y đã đạt đến một ý thức đúng đắn về tỉ lệ và biết tổ chức đúng đắn các tiến trình, khuynh hướng và hoạt động trong đời sống của mình trong thời gian và không gian. Bấy giờ, có thể tin cậy rằng y sẽ luôn đặt lợi ích

individual good, as the personality might see it.

1. This stage is not reached without much experience which reveals the limitations of the more individual and separative point of view.

2. The personal point of view is no longer his; he does not see as the personality sees.

[750]

The Master knows that in the chela who has reached this stage He has a dependable instrument and one who can be regarded as no longer a drag on the life of the group.

1. On our own level we all know what it is like to experience the ignorance and inexperience of others as a 'drag'. Let us ponder the implications of the fact that it is only when we reach the stage of 'Chela within the Aura'that we are no longer considered a drag upon the Ashram and the Master! There should be sobering thoughts.

I have pointed out to you before this how difficult is the process of absorbing a new disciple into an Ashram; he has to be taught to advance gradually from the periphery of the group consciousness towards the centre.

1. Let us note that there is no rushing into the Ashram, but only a gradual advance. This gradualness is enacted in some ancient ritual processes threatening a symbolic death should a candidate attempt to rush to the center of the ritual chamber.

của toàn thể lên trên lợi ích cá nhân theo cách phàm ngã có thể nhìn nhận.

1. Không thể đạt tới giai đoạn này nếu thiếu nhiều trải nghiệm làm bộc lộ những giới hạn của quan điểm thiên về cá nhân và chia rẽ hơn.

2. Quan điểm cá nhân không còn là quan điểm của y; y không nhìn như phàm ngã nhìn.

[750]

Chân sư biết rằng nơi người đệ tử đã đạt tới giai đoạn này, Ngài có một công cụ đáng tin cậy và một người có thể xem là không còn gây trì trệ cho đời sống của nhóm.

1. Ở cấp độ của mình, tất cả chúng ta đều biết cảm giác khi sự thiếu hiểu biết và thiếu kinh nghiệm của người khác trở thành một 'trở lực'. Chúng ta hãy suy ngẫm những hàm ý của sự thật rằng chỉ khi đạt tới giai đoạn 'Đệ tử trong hào quang', chúng ta mới không còn bị xem là trở lực đối với ashram và Chân sư! Những ý nghĩ này hẳn sẽ khiến chúng ta tỉnh táo hơn.

Trước đây, Tôi đã chỉ rõ cho các bạn thấy tiến trình tiếp nhận một đệ tử mới vào một ashram khó khăn đến mức nào; y phải được dạy cách tiến dần từ ngoại vi của tâm thức nhóm vào trung tâm.

1. Chúng ta hãy lưu ý rằng không thể vội vã xông vào ashram, mà chỉ có thể tiến dần từng bước. Tính tuần tự này được thể hiện trong một số tiến trình nghi lễ cổ xưa bằng lời đe dọa về một cái chết mang tính biểu tượng nếu ứng viên cố lao nhanh tới trung tâm của gian phòng nghi lễ.

Each step forward necessitates care on the part of the Master in order to see that the Ashram is preserved from all disruptive activity.

Mỗi bước tiến đều đòi hỏi Chân sư phải cẩn trọng để bảo đảm ashram tránh khỏi mọi hoạt động gây xáo trộn.

1. Disruption compromises all group work. The group and its responsibility to the Plan are of more importance than the condition of the neophyte. This he must learn.

1. Sự xáo trộn gây tổn hại cho mọi công việc nhóm. Nhóm và trách nhiệm của nhóm đối với Thiên Cơ quan trọng hơn tình trạng của người sơ cơ. Y phải học điều này.

It is only when the chela has achieved "occult serenity" that he can bepermitted to focus himself permanently within the group aura. This happens when he becomes conscious of the peculiar and specific vibration of the Master's aura. Hence, as you can well see, the need for serenity.

Chỉ khi người đệ tử đã đạt được "sự tĩnh lặng huyền bí", y mới có thể đượcphép tập trung thường trực trong hào quang nhóm. Điều này xảy ra khi y nhận biết rung động đặc thù và riêng biệt của hào quang Chân sư. Vì thế, như các bạn có thể thấy rõ, sự tĩnh lặng là điều cần thiết.

1. Serenity is enjoined upon us early in the process.

1. Ngay từ đầu tiến trình, chúng ta đã được yêu cầu giữ sự tĩnh lặng.

2. What is serenity? It is an attitude based upon dispassion and identification as a *soul* rather than as a personality. The man is no longer embroiled in the emotional dimension of life.

2. Sự tĩnh lặng là gì? Đó là một thái độ dựa trên sự không vướng mắc và sự đồng hoá mình với *linh hồn* thay vì phàm ngã. Con người không còn bị cuốn vào chiều kích cảm xúc của đời sống.

3. His life is no longer subject to outer disturbances, and even when disturbances do arise (as they will inevitably) such impacts do not disrupt his focus with the group aura.

3. Đời sống của y không còn chịu sự chi phối của những xáo động bên ngoài, và ngay cả khi những xáo động xuất hiện (như tất yếu sẽ xảy ra), những tác động ấy cũng không làm gián đoạn sự tập trung của y trong hào quang nhóm.

4. Perhaps the life of such a disciple/initiate would appear to many far more stressful than that of the average man or even the average disciple, but he is so identified with the 'peculiar and specific vibration of the Master's aura'that he is unfazed by impacts which others would find very troubling.

4. Có lẽ đối với nhiều người, đời sống của một đệ tử/điểm đạo đồ như thế có vẻ căng thẳng hơn nhiều so với đời sống của người bình thường, hay ngay cả của đệ tử bình thường, nhưng y đồng hoá sâu sắc với 'rung động đặc thù và riêng biệt của hào quang Chân sư' đến mức không nao núng trước những tác động mà người khác sẽ thấy rất đáng lo ngại.

5. Of course it is interesting that he must be '*permitted* to focus himself permanently within the group aura'. [Italics MDR] One would think that focus is in the hands of the disciple/initiate. But it is possible that such an intended focus could be deflected by those who protect the Ashram, and even by the energy-condition of the Ashram's aura itself.

5. Dĩ nhiên, điều thú vị là y phải 'được *phép* tập trung thường trực trong hào quang nhóm'. [MDR nhấn mạnh bằng chữ nghiêng] Người ta có thể nghĩ rằng sự tập trung nằm trong quyền chủ động của đệ tử/điểm đạo đồ. Nhưng có thể những vị bảo vệ ashram, và ngay cả chính trạng thái năng lượng của hào quang ashram, sẽ làm chệch hướng sự tập trung dự định ấy.

6. A disturbed individual is not a fit ashramic member. All are subject to disturbance to one degree or another. As a disciple/initiate approaches this stage of discipleship, any such disturbance must be drastically reduced.

6. Một cá nhân xáo động không phải là thành viên thích hợp của ashram. Tất cả đều chịu xáo động ở mức độ này hay mức độ khác. Khi một đệ tử/điểm đạo đồ tiến gần đến giai đoạn địa vị đệ tử này, mọi xáo động như thế phải giảm đi mạnh mẽ.

I would point out that serenity and peace are not identical. Peace must ever be temporary and refers to the world of feeling and to conditions susceptible of disturbance.

Tôi muốn chỉ rõ rằng sự tĩnh lặng và sự bình an không đồng nhất. Sự bình an luôn mang tính tạm thời và liên quan đến thế giới cảm xúc cùng những trạng thái dễ bị xáo động.

1. 'Peace'as here used, is an astral condition. Shamballic Peace is something far other, and is based on a deep awareness of Synthesis.

1. 'Sự bình an', theo cách dùng ở đây, là một trạng thái cảm dục. Sự Bình An của Shamballa là một điều khác xa, dựa trên nhận biết sâu sắc về sự Tổng Hợp.

It is essential to progress and an inevitable happening that every step forward is marked by disturbances, by points of crisis and chaos, replaced later (when successfully handled) by periods of peace.

Mỗi bước tiến đều có những xáo động, những điểm khủng hoảng và hỗn loạn, rồi sau đó (khi được xử lý thành công) nhường chỗ cho những giai đoạn bình an; điều này vừa thiết yếu cho sự tiến bộ, vừa tất yếu xảy ra.

1. We should attend to this thought—real progress will bring disturbance, crisis and even chaos, eventually superseded the that astrally harmonious condition we call 'peace'.

1. Chúng ta nên chú ý đến ý nghĩ này—sự tiến bộ thực sự sẽ mang đến xáo động, khủng hoảng và thậm chí hỗn loạn, cuối cùng nhường chỗ cho trạng thái hài hòa về cảm dục mà chúng ta gọi là 'sự bình an'.

But this peace is not serenity and a chela is only permitted to dwell within the Master's aura when serenity has been substituted for

Nhưng sự bình an này không phải là sự tĩnh lặng, và một đệ tử chỉ được phép an trú trong hào quang của Chân sư khi sự tĩnh lặng đã

peace.

1. This is one the key sentences in the study of the Six Stages of Discipleship. Peace is subject to disturbance; serenity is not.

Serenity signifies that deep calm, devoid of emotional disturbance which distinguishes the disciple who is focussed in a "mind held steady in the light." The surface of his life may be (from the worldly angle) in a state of violent flux. All that he cherishes and holds dear in the three worlds may be crashing around him. But in spite of all, he stands firm, poised in soul consciousness and the depths of his life remain undisturbed.

1. We can see that an unalterable point of tension is required for a sustained serenity.

2. The calm of the disciple/initiate is not superficial; it is deep and suggests a definite mental polarization. The light of the soul is his familiar focus. His thought process no longer occurs outside the 'arena-of-light'.

3. A true and stable sense of spiritual values has been so firmly established that it cannot be shaken.

4. Is this true of ourselves? And if it is not true, what prevents it from being true?

This is not insensitivity or a forced auto-suggestion, neither is it a capacity to exteriorise the consciousness in such a manner that individual events and happenings are ignored.

thay thế sự bình an.

1. Đây là một trong những câu then chốt khi nghiên cứu Sáu Giai đoạn Địa vị Đệ tử. Sự bình an có thể bị xáo động; sự tĩnh lặng thì không.

Sự tĩnh lặng hàm ý trạng thái điềm tĩnh sâu xa, không có xáo động cảm xúc, vốn là nét đặc trưng của người đệ tử tập trung trong một "thể trí được giữ vững trong ánh sáng". Bề mặt đời sống của y có thể (theo góc nhìn thế gian) đang biến động dữ dội. Mọi điều y trân quý và yêu mến trong ba cõi giới có thể đang sụp đổ quanh y. Nhưng bất chấp tất cả, y vẫn đứng vững, quân bình trong tâm thức linh hồn, và chiều sâu đời sống của y vẫn không xáo động.

1. Chúng ta có thể thấy rằng để duy trì sự tĩnh lặng, cần có một điểm tập trung nhất tâm không thay đổi.

2. Sự điềm tĩnh của đệ tử/điểm đạo đồ không hời hợt; nó sâu xa và cho thấy một sự phân cực trí tuệ rõ rệt. Ánh sáng của linh hồn là tiêu điểm quen thuộc của y. Tiến trình tư tưởng của y không còn diễn ra bên ngoài 'phạm vi ánh sáng'.

3. Một ý thức chân thực và ổn định về các giá trị tinh thần đã được thiết lập vững chắc đến mức không gì có thể lay chuyển.

4. Điều này có đúng với chính chúng ta không? Và nếu chưa đúng, điều gì ngăn cản nó trở thành sự thật?

Đây không phải là sự vô cảm hay một sự tự ám thị cưỡng ép, cũng không phải khả năng đưa tâm thức ra bên ngoài theo cách khiến người ta phớt lờ những sự kiện và diễn biến riêng lẻ.

1. The Tibetan, through long experience, knows the easier substitutes for serenity—substitutes which might mistakenly convince the individual that he has achieved serenity when, in fact, he has not.

1. Qua kinh nghiệm lâu dài, Chân sư Tây Tạng biết những cách thay thế dễ dàng hơn cho sự tĩnh lặng—những cách có thể khiến cá nhân lầm tưởng mình đã đạt được sự tĩnh lặng, trong khi thực tế chưa đạt được.

1. Insensitivity, wrongly shutting out environmental impacts

1. Sự vô cảm, ngăn chặn một cách sai lầm những tác động từ môi trường

2. Forced auto-suggestion, by means of which one convinces oneself that one is serene through the hypnotic effect of repetition

2. Sự tự ám thị cưỡng ép, qua đó người ta tự thuyết phục mình rằng mình tĩnh lặng nhờ tác dụng thôi miên của sự lặp lại

3. A capacity to exteriorize the consciousness (i.e., to become so preoccupied with abstraction that one does not even register 'disturbing' events.)

3. Khả năng đưa tâm thức ra bên ngoài (nghĩa là mải mê với sự trừu xuất đến mức thậm chí không ghi nhận những sự kiện 'gây xáo động'.)

2. The point here is that to know what a thing is, one must know what it is not.

2. Điểm cần nói ở đây là để biết một điều là gì, người ta phải biết điều ấy không phải là gì.

It is intensity of feeling transmuted into focussed understanding.

Đó là cường độ cảm xúc được chuyển hoá thành sự thấu hiểu tập trung.

1. This is another of those memorable powerful statements.

1. Đây là một phát biểu mạnh mẽ và đáng ghi nhớ nữa.

2. Is it not interesting that there is no way *to* serenity except *through* intensity of feeling? Thus, it is only those who can *feel* intensely and deeply, who can *truly* be serene. They have plumbed the depths of feeling, and found that there is a deeper reality substanding it.

2. Chẳng phải thú vị sao khi không có con đường nào *đến* sự tĩnh lặng ngoài việc *đi qua* cường độ cảm xúc? Vì thế, chỉ những ai có thể *cảm nhận* mãnh liệt và sâu sắc mới có thể *thực sự* tĩnh lặng. Họ đã thăm dò tận chiều sâu của cảm xúc và nhận thấy có một thực tại sâu xa hơn làm nền tảng cho nó.

3. If feeling is sufficiently intense, and yet the consciousness of the soul-illumined mind is also present, then the higher correspondence to feeling (the intuition of the buddhic plane) may be accessed, and one will be forever focussed 'beyond' and 'within'

3. Nếu cảm xúc đủ mãnh liệt, đồng thời tâm thức của thể trí được linh hồn soi sáng cũng hiện diện, thì có thể tiếp cận sự tương ứng cao hơn của cảm xúc (trực giác của cõi Bồ đề), và người ta sẽ mãi tập trung ở 'bên kia' và 'bên trong' những biến động thường gây

the usually disturbing fluctuations of the World of Becoming.

xáo động của Thế Giới Đang Trở Thành.

4. In the achievement of serenity, then, one does not run away from the causes of disturbance, but feels into them deeply and finds the abiding resolvent of soul consciousness, and a deep, intuitive heart understanding.

4. Vì vậy, khi đạt được sự tĩnh lặng, người ta không chạy trốn những nguyên nhân gây xáo động, mà cảm nhận chúng thật sâu sắc và tìm thấy sức hóa giải bền vững của tâm thức linh hồn, cùng sự thấu hiểu sâu xa và trực giác của trái tim.

5. In the achievement of serenity, the heart is definitely active. All astral desires have subsided and the 'desires' of the soul/triad have replaced them.

5. Khi đạt được sự tĩnh lặng, trái tim rõ ràng đang hoạt động. Mọi dục vọng cảm dục đã lắng xuống, và những 'ước muốn' của linh hồn/tam nguyên tinh thần đã thay thế chúng.

When this has been attained, the chela has the right to live within the aura of the Master.

Khi đã đạt được điều này, người đệ tử có quyền sống trong hào quang của Chân sư.

1. The word is 'right'. Progression through these Six Stages of Discipleship proceeds according to law and order. Rights are granted on the basis of quality achieved.

1. Từ được dùng là 'quyền'. Sự tiến bộ qua Sáu Giai đoạn Địa vị Đệ tử này diễn ra theo định luật và trật tự. Các quyền được ban trên cơ sở phẩm tính đã đạt được.

2. To 'live within the aura of the Master'is, in a sense, to be 'built into the Temple'. For this condition, one must be truly fit.

2. Theo một ý nghĩa nào đó, 'sống trong hào quang của Chân sư' là được 'xây vào Đền Thờ'. Muốn đạt tới trạng thái này, người ta phải thực sự xứng hợp.

There is nothing now in him which will require the Master to sidetrack His attention from vital efforts to the unimportant task of helping a disciple.

Giờ đây, trong y không còn điều gì buộc Chân sư phải chuyển sự chú ý của Ngài khỏi những nỗ lực thiết yếu sang công việc không quan trọng là giúp đỡ một đệ tử.

1. We are helped to see things in proportion. We do not know the true nature of the Master's duties and responsibilities. We only know that they are 'vital efforts'. By comparison, no matter how important we may think our activities to be, *relatively*, they are 'unimportant'. This is a decentralizing thought, it is not?

1. Chúng ta được giúp để nhìn mọi việc đúng tỉ lệ. Chúng ta không biết bản chất thực sự của các bổn phận và trách nhiệm của Chân sư. Chúng ta chỉ biết đó là những 'nỗ lực thiết yếu'. So với những điều ấy, dù chúng ta nghĩ các hoạt động của mình quan trọng đến đâu, *xét một cách tương đối*, chúng vẫn 'không quan trọng'. Đây là một ý nghĩ giúp chúng ta

phi tập trung vào bản thân, phải không?

[751]

An accepted disciple, therefore, advances—if I may so express it—through the medium of three vibratory realisations:

1. Another important concept is presented: advancement through vibratory realizations.

2. We are now speaking of the advancement of an 'accepted disciple'. These are the modes of progress which open before one who has achieved that stage which allows him to contact the periphery of a Master's Ashram.

3. He reacts to the vibration, the note or the quality of an Ashram, according to his ray type. The periphery of a Master's sphere of group control is contacted by him and he becomes an accepted disciple in full waking consciousness.

4. The question of a disciple's ray is of utmost importance when it comes to 'finding' the correct Ashram and working properly within it. A number of disciples, uncertain of their soul ray (yes, it is more than possible) are, as it were, 'barking up the wrong tree'.

5. Not all accepted disciples *know* they are accepted disciples. They may suspect it is the case, but true *knowledge* and, reliable *confirmation* lacks. Of the five experiences which reveal the possibility of having reached the stage of accepted discipleship, the two higher are most confirmatory (an interview in the Master's Ashram, being the *most* confirming)

[751]

Do đó, một đệ tử được chấp nhận tiến lên—nếu Tôi có thể diễn đạt như vậy—thông qua ba sự chứng nghiệm về rung động:

1. Một khái niệm quan trọng khác được trình bày: sự tiến bộ thông qua những chứng nghiệm về rung động.

2. Giờ đây, chúng ta đang nói về sự tiến bộ của một 'đệ tử được chấp nhận'. Đây là những phương thức tiến bộ mở ra trước người đã đạt tới giai đoạn cho phép y tiếp xúc với ngoại vi ashram của một Chân sư.

3. Y phản ứng với rung động, âm điệu hoặc phẩm tính của một ashram tùy theo loại cung của mình. Y tiếp xúc với ngoại vi phạm vi kiểm soát nhóm của một Chân sư và trở thành đệ tử được chấp nhận trong tâm thức tỉnh thức đầy đủ.

4. Vấn đề cung của một đệ tử có tầm quan trọng tối cao khi cần 'tìm thấy' đúng ashram và làm việc đúng đắn trong đó. Một số đệ tử chưa chắc chắn về cung linh hồn của mình (đúng vậy, điều này hoàn toàn có thể xảy ra) đang, có thể nói, 'tìm sai chỗ'.

5. Không phải tất cả các đệ tử được chấp nhận đều *biết* mình là đệ tử được chấp nhận. Họ có thể ngờ rằng đúng là như vậy, nhưng *sự hiểu biết* thực sự và, sự *xác nhận* đáng tin cậy vẫn còn thiếu. Trong năm trải nghiệm cho thấy khả năng đã đạt tới giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận, hai trải nghiệm cao hơn có sức xác nhận rõ nhất (một cuộc diện kiến trong ashram của Chân sư là sự xác nhận *mạnh nhất*)

The Master is aware of his presence upon the outer fringe of His consciousness; his fellow disciples are also aware of another point of light within the Ashram, largely because of the effort they have to make to offset the new chela's personality reactions to the new mode of life, to the effects wrought into his consciousness by his penetration into the world of meaning and to the out-surging of his devotion to the Master.

Chân sư nhận biết sự hiện diện của y ở rìa ngoài tâm thức của Ngài; các đệ tử đồng môn của y cũng nhận biết có thêm một điểm ánh sáng trong ashram, phần lớn là vì họ phải nỗ lực hóa giải những phản ứng phàm ngã của người đệ tử mới đối với lối sống mới, đối với những tác động xuất hiện trong tâm thức y khi y thâm nhập vào Thế giới của ý nghĩa, và đối với sự tuôn trào lòng sùng kính của y dành cho Chân sư.

1. These instructions, we were told, tell us more of the Master's perspective and the perspective of the Ashram than they do of the perspective of the entering disciple.

1. Chúng ta đã được cho biết rằng những huấn thị này nói với chúng ta về góc nhìn của Chân sư và góc nhìn của ashram nhiều hơn là về góc nhìn của người đệ tử mới gia nhập.

2. The type of awareness here discussed belongs to the Master and to the other members of the Ashram. The newly accepted disciple is a disturbance—to the Ashram.

2. Loại nhận biết được bàn đến ở đây thuộc về Chân sư và các thành viên khác của ashram. Người đệ tử mới được chấp nhận là một nguồn xáo trộn—đối với ashram.

3. As he enters the Ashram, even if only on its periphery, the following results are likely to emerge, and efforts are made to offset the personality reactions of the newly entering chela as he

3. Khi y gia nhập ashram, dù chỉ ở ngoại vi, những kết quả sau đây có thể xuất hiện, và các nỗ lực được thực hiện để hóa giải những phản ứng phàm ngã của người đệ tử mới gia nhập khi y

1. reacts to new modes of life.

1. phản ứng với những lối sống mới.

2. reacts to the effects that are wrought out in his consciousness by his penetration into the world of meaning.

2. phản ứng với những tác động xuất hiện trong tâm thức y khi y thâm nhập vào Thế giới của ý nghĩa.

3. reacts to this new life through the out-surging of his devotion to the Master.

3. phản ứng với đời sống mới này qua sự tuôn trào lòng sùng kính của y dành cho Chân sư.

4. All of these require balancing to prevent an unacceptable disturbance to the Ashram.

4. Tất cả những điều này đều cần được cân bằng để ngăn ngừa sự xáo trộn không thể chấp nhận đối với ashram.

4. Once again we see the principle at work: advancement in inseparable from initial destabilization.

4. Một lần nữa, chúng ta thấy nguyên khí này đang tác động: sự tiến bộ không thể tách rời tình trạng mất ổn định ban đầu.

It becomes the task of more advanced chelas to protect the Master from the violent reactions of the new chela and to stand between Him and the neophyte.

Nhiệm vụ của các đệ tử tiến bộ hơn là bảo vệ Chân sư khỏi những phản ứng dữ dội của người đệ tử mới và đứng giữa Ngài với người sơ cơ.

1. We might say that the Master does not really *need* protection, but the work He is doing is vital and therefore must remain undisturbed. The Master surely knows how to protect himself, but must not sidetrack His attention in order to deal with matters which other ashramic members can handle.

1. Chúng ta có thể nói rằng Chân sư không thực sự *cần* được bảo vệ, nhưng công việc Ngài đang làm có tầm quan trọng thiết yếu và vì thế phải luôn tránh bị xáo trộn. Chắc chắn Chân sư biết cách tự bảo vệ mình, nhưng Ngài không được chuyển hướng sự chú ý để xử lý những việc mà các thành viên khác của ashram có thể giải quyết.

2. We are being taught of the necessity of learning how to handle new energies. At first, our response is rather crude, unrefined, even 'violent'.

2. Chúng ta đang được dạy về sự cần thiết phải học cách xử lý những năng lượng mới. Lúc đầu, sự đáp ứng của chúng ta khá thô sơ, chưa tinh luyện, thậm chí 'dữ dội'.

Some initiate-chela takes him in hand and acts as intermediary. The chela (as I have earlier pointed out) is in touch with the Master when, and only when, the Master so desires and it would be good and helpful to the entire group.

Một đệ tử đã được điểm đạo đảm nhận việc hướng dẫn y và đóng vai trò trung gian. Người đệ tử (như Tôi đã chỉ rõ trước đây) tiếp xúc với Chân sư khi, và chỉ khi, Chân sư muốn như vậy và điều đó tốt đẹp, hữu ích cho toàn thể nhóm.

1. Earlier, in the stage of 'Chela in the Light'a higher disciple in the inner worlds undertook the guidance of the chela. Now it is an 'initiate-chela'who undertakes the guidance of an accepted disciple. We note that for each grade of disciple, there is an appropriate and more experienced guide or intermediary.

1. Trước đây, ở giai đoạn 'Đệ tử trong Ánh sáng', một đệ tử cấp cao hơn trong các cõi bên trong đã đảm nhận việc hướng dẫn người đệ tử. Giờ đây, một 'đệ tử đã được điểm đạo' đảm nhận việc hướng dẫn một đệ tử được chấp nhận. Chúng ta lưu ý rằng với mỗi cấp đệ tử đều có một người hướng dẫn hoặc trung gian thích hợp và giàu kinh nghiệm hơn.

2. Probably, such guidance is well realized by the guided disciple on the*inner* planes but often poorly remembered in the brain

2. Có lẽ người đệ tử được hướng dẫn nhận biết rõ sự hướng dẫn ấy trên các cõi*bên trong*, nhưng trong tâm thức bộ não, y thường chỉ

consciousness.

3. The newly entered chela surely does not have constant access to the Master. This would be against the Law of Economy, and nothing of true value would be served.

4. Contact occurs only when group-good is involved, and it is the Master who determines the moment.

5. Knowledge of 'ashramic-realities' will become increasingly important for disciples in the New Age. These matters may seem remote and arcane to some, but before long they will be rules of daily (and nightly) life.

6. He realises increasingly the nature and note of his Ashram and advances from the periphery into the sphere of influence of the Master and His group;

7. We learn that to be on the periphery of an Ashram is to be only marginally within the 'sphere of influence of the Master and His group'.

he then begins to participate more and more in the group life and is less and less interested in himself.

1. This is one of the great tests: just how interested *is* one in oneself?

2. As this type of work proceeds, there comes a time when the little self is no more seen.

He becomes, consequently, a more valuable asset in the Ashram and is entrusted with specific duties and tasks for which he is

nhớ được rất ít.

3. Chắc chắn người đệ tử mới gia nhập không thể tiếp cận Chân sư liên tục. Điều này sẽ đi ngược lại Định luật Tiết Kiệm và không đem lại điều gì có giá trị thực sự.

4. Sự tiếp xúc chỉ diễn ra khi liên quan đến lợi ích của nhóm, và chính Chân sư quyết định thời điểm.

5. Sự hiểu biết về 'những thực tại của ashram' sẽ ngày càng quan trọng đối với các đệ tử trong Kỷ Nguyên Mới. Với một số người, những điều này có vẻ xa vời và bí ẩn, nhưng chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ trở thành các quy luật của đời sống hằng ngày (và hằng đêm).

6. Y ngày càng nhận biết bản chất và âm điệu của ashram mình và tiến từ ngoại vi vào phạm vi ảnh hưởng của Chân sư cùng nhóm của Ngài;

7. Chúng ta hiểu rằng ở ngoại vi một ashram là chỉ vừa ở bên trong rìa của 'phạm vi ảnh hưởng của Chân sư cùng nhóm của Ngài'.

bấy giờ, y bắt đầu tham gia ngày càng nhiều vào đời sống nhóm và ngày càng ít quan tâm đến bản thân.

1. Đây là một trong những thử thách lớn: người ta *thực sự* quan tâm đến bản thân đến mức nào?

2. Khi công việc này tiếp diễn, sẽ đến lúc không còn thấy cái ngã nhỏ bé nữa.

Do đó, y trở thành một thành viên có giá trị hơn trong ashram và được giao những bổn phận, nhiệm vụ cụ thể mà y phải chịu trách

individually responsible to the initiate-chela in charge of him.

1. The less self-interest, the greater the possibility of being entrusted with specific ashramically-related duties.

2. We note that he is responsible (in the carrying out of these duties) to the initiate-disciple who has him under supervision. He does not report directly to the Master. The nature of the assignment he receives would not warrant it.

1. The Master begins to contact him with greater frequency and—because he is becoming decentralised and his own growth and development are of less and less importance to him than service for others—he is permitted to attract the Master's attention when help is needed for the group, and thus becomes a chela on the thread.

1. We see that in the last several sections of text, Master DK has been conducting a review of the stages of Accepted Discipleship, and now, Chela on the Thread.

2. The question is repeatedly asked: 'Am I important to myself—my personal self?"Or is the work of the Ashram for humanity of greater importance.'There is no way for the disciple to avoid answering this question before the 'bar of the soul'.

The antahkarana is being rapidly built and the inflow of life from the Spiritual Triad increases slowly and regularly.

1. In the stage of Chela on the Thread, the antahkarana is being rapidly built.

nhiệm cá nhân trước người đệ tử đã được điểm đạo phụ trách mình.

1. Càng ít quan tâm đến bản thân, khả năng được giao những bổn phận cụ thể liên quan đến ashram càng lớn.

2. Chúng ta lưu ý rằng khi thực hiện những bổn phận này, y chịu trách nhiệm trước người đệ tử đã được điểm đạo giám sát mình. Y không báo cáo trực tiếp với Chân sư. Bản chất nhiệm vụ được giao không đòi hỏi điều đó.

1. Chân sư bắt đầu tiếp xúc với y thường xuyên hơn và—vì y đang phi tập trung vào bản thân, sự tăng trưởng và phát triển của chính y ngày càng ít quan trọng đối với y hơn việc phụng sự người khác—y được phép thu hút sự chú ý của Chân sư khi nhóm cần giúp đỡ, và nhờ đó trở thành đệ tử trên đường dây.

1. Chúng ta thấy rằng trong một số phần văn bản vừa qua, Chân sư DK đã ôn lại các giai đoạn Địa vị Đệ tử Được Chấp Nhận, và giờ đây là Đệ tử trên đường dây.

2. Câu hỏi được đặt ra nhiều lần: 'Tôi có quan trọng đối với chính mình—cái ngã cá nhân của tôi—không?' 'Hay công việc của ashram dành cho nhân loại quan trọng hơn?' Người đệ tử không có cách nào tránh trả lời câu hỏi này trước 'tòa phán xét của linh hồn'.

Antahkarana đang được xây dựng nhanh chóng, và dòng sự sống từ Tam Nguyên Tinh Thần chảy vào gia tăng chậm rãi, đều đặn.

1. Ở giai đoạn Đệ tử trên đường dây, antahkarana đang được xây dựng nhanh chóng.

2. DK speaks of the 'inflow of life from the Spiritual Triad'. Do we recognize that inflow when it occurs? What are its distinguishing features?

2. Chân sư DK nói về 'dòng sự sống từ Tam Nguyên Tinh Thần chảy vào'. Chúng ta có nhận ra dòng chảy vào ấy khi nó diễn ra không? Những đặc điểm phân biệt của nó là gì?

3. The word 'realization'particularly relates to such inflow.

3. Từ 'chứng nghiệm' đặc biệt liên quan đến dòng chảy vào như thế.

He has reached a point where, upon the outer plane, he is gathering around him a sphere of influence as a result of his soul radiation, via the personality.

Y đã đạt tới điểm mà trên cõi bên ngoài, y đang quy tụ quanh mình một phạm vi ảnh hưởng nhờ sự tỏa chiếu của linh hồn qua phàm ngã.

1. The chela on the thread is gathering his group (perhaps members of his future Ashram).

1. Đệ tử trên đường dây đang quy tụ nhóm của mình (có lẽ là những thành viên trong ashram tương lai của y).

2. We note that this gathering occurs not only as a result of soul radiation, but as a result of soul radiation *through* the personality. The condition of the personality is, therefore, important even to a chela on the thread.

2. Chúng ta lưu ý rằng sự quy tụ này diễn ra không chỉ do bức xạ của linh hồn, mà còn do bức xạ của linh hồn *thông qua* phàm ngã. Do đó, tình trạng của phàm ngã có tầm quan trọng ngay cả đối với một đệ tử trên đường dây.

3. It must be reemphasized that it is unlikely for an individual to become a member of an Ashram unless he or she is connecting outwardly or inwardly to a number of people he/she is serving.

3. Cần nhấn mạnh lại rằng một cá nhân khó có thể trở thành thành viên của một ashram nếu không kết nối, bên ngoài hoặc bên trong, với một số người mà mình đang phụng sự.

It might be stated that no disciple becomes a chela on the thread until he has many people in the outer world who (on a lower turn of the spiral) are to him what he is to the Master—chelas [752] on the thread.

Có thể nói rằng không đệ tử nào trở thành đệ tử trên đường dây cho đến khi y có nhiều người ở thế giới bên ngoài mà quan hệ của họ với y (trên một vòng xoắn ốc thấp hơn) cũng giống như quan hệ của y với Chân sư—những đệ tử [752] trên đường dây.

1. Well, here Master DK says it directly. Why should a Master offer immediate response in an emergency if the disciple is living unto himself alone? Spiritual emergencies involve the life of others in need—not the needs of

1. Ở đây, Chân sư DK nói thẳng điều ấy. Tại sao một Chân sư lại phải đáp ứng tức thì trong một tình huống khẩn cấp nếu người đệ tử chỉ sống cho riêng mình? Những tình huống khẩn cấp về tinh thần liên quan đến

the disciple, personally considered.

cuộc sống của những người khác đang cần giúp đỡ—chứ không phải những nhu cầu riêng của người đệ tử.

2. What is the meaning of the word 'many'. Probably, it is deliberately left vague. We might summarize the idea that a chela on the thread is become increasingly *influential for good* in the outer world.

2. Từ "nhiều" có nghĩa là gì? Có lẽ từ này được cố ý để không xác định rõ. Chúng ta có thể tóm lược ý tưởng rằng một đệ tử trên đường dây đang ngày càng <i>tạo ảnh hưởng vì điều thiện trong thế giới bên ngoài.

3. How will a chela on the thread hold the lower correspondence to the higher thread—for others? Probably every disciple wonders how he should relate to those he is helping—the right way to stay in contact with them and influence them for the good.

3. Một đệ tử trên đường dây sẽ duy trì, cho những người khác, sự tương ứng thấp hơn với đường dây cao hơn như thế nào? Có lẽ mọi đệ tử đều tự hỏi mình nên liên hệ ra sao với những người mình đang giúp đỡ—cách đúng đắn để giữ liên lạc với họ và tạo ảnh hưởng tốt đẹp lên họ.

In a distorted and frequently unsatisfactory fashion, he is engaged in forming his own group and today this is very often the case. The world is full of struggling disciples, intensely preoccupied with forming organisations, with gathering around them those whom they can help, thus striking a particular note and learning the rudiments (the rudiments, I repeat, my brother) of group work as the Hierarchy seeks to see it carried out.

Theo một cách méo mó và thường không thỏa đáng, y đang hình thành nhóm riêng của mình, và ngày nay điều này rất thường xảy ra. Thế giới đầy những đệ tử đang nỗ lực vật lộn, hết sức bận tâm đến việc hình thành các tổ chức, quy tụ quanh mình những người mà họ có thể giúp đỡ, qua đó xướng lên một âm điệu riêng biệt và học những điều căn bản (Tôi nhắc lại, huynh đệ của Tôi, những điều căn bản) của công việc nhóm theo cách mà Thánh đoàn mong muốn công việc ấy được thực hiện.

1. DK 'tells it like it is'. If we are observant, we shall see the condition exactly as he is describing it.

1. Chân sư DK "nói đúng như sự thật". Nếu chú tâm quan sát, chúng ta sẽ thấy tình trạng ấy đúng như Ngài đang mô tả.

2. We cannot expect that these fledgling attempts at gathering a group will be entirely skillful.

2. Chúng ta không thể kỳ vọng những nỗ lực non nớt nhằm quy tụ một nhóm này sẽ hoàn toàn khéo léo.

3. The 'gathering disciple' is responding to a certain note and trying to be faithful to that note. He is certainly not an advanced ashramic worker. DK tells that such efforts

3. "Người đệ tử quy tụ" đang đáp ứng với một âm điệu nào đó và cố gắng trung thành với âm điệu ấy. Chắc chắn y chưa phải là một người hoạt động tiến bộ trong ashram. Chân

help with the learning of the 'rudiments of group work'; then He stops to repeat the word 'rudiments'. It is important that we keep a sense of proportion about ourselves, our efforts and those we try to assist.

sư DK cho biết những nỗ lực như vậy giúp học hỏi "những điều căn bản của công việc nhóm"; rồi Ngài dừng lại để nhắc lại từ "căn bản". Điều quan trọng là chúng ta giữ được ý thức về tỉ lệ khi nhìn nhận bản thân, những nỗ lực của mình và những người mình cố gắng trợ giúp.

4. We might ask ourselves, as we attempt in our own small ways to fulfill the process DK is describing, how much we manage to reflect, in our efforts, the note of the Ashram.

4. Khi cố gắng, bằng những cách nhỏ bé của riêng mình, thực hiện tiến trình mà Chân sư DK đang mô tả, chúng ta có thể tự hỏi những nỗ lực của mình phản ánh được âm điệu của ashram đến mức nào.

3. He responds powerfully and (from his point of view) quite unexpectedly to the realised vibration of the Master as He functions at the very centre of His group. He has known the Master's vibratory call; he has become aware of the quality of the Ashram which is evoked by the Master. Now he is admitted to the secret place to be found at the very heart of the Ashram and becomes a chela within the aura;

3. Y đáp ứng mạnh mẽ và (theo quan điểm của y) khá bất ngờ với rung động của Chân sư mà y đã nhận biết, khi Ngài hoạt động ngay tại trung tâm nhóm của Ngài. Y đã biết tiếng gọi rung động của Chân sư; y đã nhận biết phẩm tính của ashram mà Chân sư gợi lên. Giờ đây, y được nhận vào chốn bí mật nằm ngay tại tâm của ashram và trở thành một đệ tử trong hào quang;

.

.

1. We are dealing with the disciple-initiate's heightening response to the Master at the heart of the Ashram.

1. Chúng ta đang bàn đến sự đáp ứng ngày càng cao của người đệ tử-điểm đạo đồ đối với Chân sư tại tâm của ashram.

2. This third paragraph, marks the approach to the stage of 'Chela within the Aura'.

2. Đoạn thứ ba này đánh dấu sự tiến đến giai đoạn "Đệ tử trong hào quang".

3. The term 'unexpectedly'is interesting. The Master is the Archetype of the Ashram and Uranus (the planet of the unexpected) is, among other things, the planet of Archetypes. For the chela who deepening his connection with the heart of the Ashram, the Master is like Uranus.

3. Từ "bất ngờ" thật thú vị. Chân sư là Nguyên Mẫu của ashram, và Sao Thiên Vương (hành tinh của những điều bất ngờ), ngoài những vai trò khác, còn là hành tinh của các Nguyên Mẫu. Đối với người đệ tử đang làm sâu sắc thêm mối liên kết của mình với tâm của ashram, Chân sư giống như Sao Thiên Vương.

4. The approach has been gradual and he has 'earned his way in'.

4. Sự tiếp cận đã diễn ra dần dần, và y đã "giành được quyền bước vào bằng nỗ lực của mình".

5. Even though he has recognized the Master's vibratory call, the fuller energy of the Master still comes as a shock to him.

5. Dù đã nhận ra tiếng gọi rung động của Chân sư, năng lượng đầy đủ hơn của Ngài vẫn gây chấn động cho y.

6. When we want to understand the nature of the stage called 'Chela within the Aura'the final section in this paragraph is of paramount importance. 'Now he is admitted to the secret place to be found at the very heart of the Ashram and becomes a chela within the aura'.

6. Khi muốn thấu hiểu bản chất của giai đoạn gọi là "Đệ tử trong hào quang", phần cuối của đoạn này có tầm quan trọng hàng đầu. "Giờ đây, y được nhận vào chốn bí mật nằm ngay tại tâm của ashram và trở thành một đệ tử trong hào quang".

7. Well might we ponder on the term 'secret place'and its relation to the*heart*—within us and within the Ashram.

7. Chúng ta rất nên suy ngẫm về thuật ngữ "chốn bí mật" và mối liên hệ của nó với *tâm*—bên trong chúng ta và bên trong ashram.

The aura of any form of life can be defined as the quality of a sphere of radiatory activity.

Có thể định nghĩa hào quang của bất kỳ hình thái sự sống nào là phẩm tính của một khối cầu hoạt động bức xạ.

1. Let us pause to note an important definition—the quality of a sphere of radiatory activity. The aura, then, is a quality, and radiation, or radiatory activity carries that quality.

1. Chúng ta hãy dừng lại để ghi nhận một định nghĩa quan trọng—phẩm tính của một khối cầu hoạt động bức xạ. Vậy hào quang là một phẩm tính, và bức xạ, hay hoạt động bức xạ, chuyên chở phẩm tính ấy.

Very little is as yet known about auras, and a great deal of nonsense has been written anent the matter.

Cho đến nay, người ta còn biết rất ít về hào quang, và đã viết rất nhiều điều vô nghĩa về vấn đề này.

1. Again we pause. With the plethora of books about the aura on the market, how many will reflect upon this sobering sentence?

1. Một lần nữa, chúng ta dừng lại. Giữa vô số sách về hào quang trên thị trường, có bao nhiêu người sẽ suy ngẫm về câu nói khiến ta tỉnh táo này?

The aura is usually spoken of in terms of colour and of light, due to the nature of the vision of the one who sees and the apparatus

Người ta thường nói về hào quang theo màu sắc và ánh sáng, do bản chất thị giác của người nhìn thấy và bộ máy đáp ứng đang

of response which is in use.

1. We learn that the color and light of an aura is related to the perceptive apparatus of the one who is perceiving.

Two words only describe an aura from the point of view of occult knowledge and they are "quality" and "sphere of influence."

1. DK is telling us that the usual terms used to describe an aura have to do with phenomena.

What the clairvoyant really contacts is an impression which the mind rapidly translates into the symbology of colour, whereas there is no colour present.

1. 'Let the group know, there is no colour, only light, and then let darkness take the place of light, hiding all difference, blotting out all form.'[Rule IX for Applicants]

2. Something important about the translating power of the mind is here given. We are dealing with a thought which Kant strongly recommended to philosophers—the 'thing in itself'is not perceived. What is perceived is the phenomena presented to the consciousness by the organ of perception—the mind.

Seeing an aura, as it is called, is in reality a state of awareness.

1. Thus a phenomenon. The aura, per se, is not seen.

That the seer may in all sincerity believe that he has registered a colour, a series of colours,

được sử dụng.

1. Chúng ta biết rằng màu sắc và ánh sáng của một hào quang có liên hệ với bộ máy tri giác của người đang tri giác.

Theo quan điểm của tri thức huyền bí, chỉ có hai từ mô tả một hào quang, đó là "phẩm tính" và "phạm vi ảnh hưởng".

1. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng những thuật ngữ thông thường dùng để mô tả hào quang liên quan đến các hiện tượng.

Điều mà người thông nhãn thực sự tiếp xúc là một ấn tượng mà thể trí nhanh chóng chuyển dịch thành biểu tượng màu sắc, trong khi thực ra không có màu sắc nào hiện diện.

1. "Hãy để nhóm biết rằng không có màu sắc, chỉ có ánh sáng, rồi hãy để bóng tối thay thế ánh sáng, che giấu mọi khác biệt, xóa nhòa mọi hình tướng."[Quy luật IX dành cho Người Dự Tuyển]

2. Ở đây có một điều quan trọng về khả năng chuyển dịch của thể trí. Chúng ta đang bàn đến một tư tưởng mà Kant hết sức khuyến nghị các triết gia suy xét—người ta không tri giác "vật tự nó". Điều người ta tri giác là những hiện tượng mà cơ quan tri giác—thể trí—trình hiện cho tâm thức.

Điều được gọi là nhìn thấy hào quang thực ra là một trạng thái nhận biết.

1. Do đó, đó là một hiện tượng. Người ta không nhìn thấy chính hào quang.

Trong nhiều trường hợp, hoàn toàn đúng là nhà thông nhãn có thể hết sức thành thật tin

or light, is entirely true in many cases, but what he has really recorded is the quality of a sphere of radiatory activity;

rằng mình đã ghi nhận một màu sắc, một loạt màu sắc hoặc ánh sáng, nhưng điều y thực sự ghi nhận là phẩm tính của một khối cầu hoạt động bức xạ;

1. The quality of the sphere as that quality is translated by his mind into the phenomena of color and light, and perhaps sound.

1. Phẩm tính của khối cầu, khi thể trí của y chuyển dịch phẩm tính ấy thành các hiện tượng màu sắc và ánh sáng, và có lẽ cả âm thanh.

this he does when his own individual sphere of radiatory activity is of the same nature and quality as that contacted.

y làm được điều này khi khối cầu hoạt động bức xạ riêng của y có cùng bản chất và phẩm tính với khối cầu mà y tiếp xúc.

1. Master DK is telling us that what we perceive depends upon the quality of our mechanism of perception.

1. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng điều chúng ta tri giác phụ thuộc vào phẩm tính của bộ máy tri giác của chúng ta.

Most seers register the astral range of vibrations of a person or a group and this through the medium of their own astral body.

Phần lớn các nhà thông nhãn ghi nhận dải rung động cảm dục của một người hoặc một nhóm, thông qua chính thể cảm dục của mình.

1. If the seer is predominantly astral in his consciousness, he will register the astral range of vibrations from a person or group, or translate other types of impressions in astral phenomena.

1. Nếu tâm thức của nhà thông nhãn chủ yếu thuộc cảm dục, y sẽ ghi nhận dải rung động cảm dục từ một người hoặc một nhóm, hoặc chuyển dịch những loại ấn tượng khác thành các hiện tượng cảm dục.

The impact of a truth or of a mental concept and its recognition is an expression of a similar contact, carried forward this time into the realm of the mind.

Tác động của một chân lý hoặc một khái niệm trí tuệ, cùng với sự nhận biết tác động ấy, là biểu hiện của một sự tiếp xúc tương tự, lần này được đưa vào lĩnh vực trí tuệ.

1. It is very interesting how Master DK equates astral-psychic reception with mental reception. Both are *forms of reception of quality from a sphere of radiatory activity*, but the prevailing bias equates the first with true *seeing*, while the second is thought by many to be merely the functioning of the mind.

1. Thật thú vị khi Chân sư DK xem sự tiếp nhận thông linh-cảm dục tương đương với sự tiếp nhận trí tuệ. Cả hai đều là *những hình thức tiếp nhận phẩm tính từ một khối cầu hoạt động bức xạ*, nhưng định kiến phổ biến lại xem hình thức thứ nhất là sự *thấy* đích thực, trong khi nhiều người cho rằng hình thức thứ hai chỉ là hoạt động của thể trí.

This explains the truth lying behind all so-called "expansions of consciousness" to which the mind of man can respond; [753] he registers a constant succession of vibratory impacts, emanating from spheres of activity; these range all the way from the early stage of increasing awareness through the development of the five senses and the three vehicles of contact in the three worlds of human experience to those recognitions which lead a man into the sphere of influence of a Master and later enable him to take what is termed one of the major initiations.

Điều này giải thích chân lý nằm sau mọi điều được gọi là "những sự mở rộng tâm thức" mà thể trí con người có thể đáp ứng; [753] y ghi nhận một chuỗi liên tục những tác động rung động, phát ra từ các khối cầu hoạt động; những tác động này trải dài từ giai đoạn đầu của sự nhận biết ngày càng tăng thông qua sự phát triển của năm giác quan và ba hiện thể tiếp xúc trong ba cõi giới trải nghiệm của con người, cho đến những sự nhận biết đưa một người vào phạm vi ảnh hưởng của một Chân sư và về sau cho phép y trải qua điều được gọi là một trong những cuộc điểm đạo lớn.

1. DK is here explaining the modus operandi of 'expansions of consciousness'. It has to do the successive registration of a series of vibratory impacts which are characterized by gradually heightening vibratory frequency.

1. Ở đây, Chân sư DK đang giải thích cách thức vận hành của "những sự mở rộng tâm thức". Điều này liên quan đến việc lần lượt ghi nhận một chuỗi tác động rung động có đặc trưng là tần số rung động dần dần cao hơn.

2. It takes millions of years to move from the mind-translated interpretation of vibrations relating to the five senses to the interpretation of vibrations relating to the sphere of radiatory influence of a Master.

2. Phải mất hàng triệu năm để đi từ việc diễn giải những rung động liên quan đến năm giác quan qua sự chuyển dịch của thể trí, đến việc diễn giải những rung động liên quan đến phạm vi ảnh hưởng bức xạ của một Chân sư.

3. In this long process we are constantly registering quality and translating that quality to ourselves as a certain kind of perception or impression.

3. Trong tiến trình lâu dài này, chúng ta liên tục ghi nhận phẩm tính và chuyển dịch phẩm tính ấy cho chính mình thành một loại tri giác hoặc ấn tượng nào đó.

4. More attention should be given to the condition of the perceiving mechanism. We have a much better chance of understanding that which is perceived if we can understand the nature and limitations of the mechanism by which it is perceived.

4. Cần chú ý nhiều hơn đến tình trạng của bộ máy tri giác. Chúng ta có khả năng thấu hiểu điều mình tri giác tốt hơn nhiều nếu thấu hiểu được bản chất và những giới hạn của bộ máy dùng để tri giác điều ấy.

These spheres of radiatory activity are ever present even when unregistered and

Những khối cầu hoạt động bức xạ này luôn hiện diện, ngay cả khi chưa được ghi nhận và

unrecognised.

1. We are constantly surrounded and pervaded by vibrations which we cannot register and to which we, therefore, cannot respond.

The evolutionary process is one of developing a response apparatus with which to register them; having done so, the next step is to react intelligently to such contacts, thus producing an ever increasing range of awareness which finally constitutes the sum total of consciousness.

1. Two steps are given in relation to radiatory activity and the spheres ('atoms') from which they emanate:

1. developing a response apparatus adequate to register such radiations

2. responding intelligently to the radiations/vibrations once registered

2. As this is done, consciousness will expand until the stage of 'all knowledge'is reached with respect to the particular ring-pass-not in which the perceiving unit is participating.

I cannot here enlarge upon this theme as it proceeds under the impelling force of evolution.

1. Evolution, itself, will propel the consciousness towards expansion without that artificial forcing process we call 'initiation'.

I am only here concerned with the fact of a Master's sphere of radiatory activity and its peculiar quality and ray colouring (occultly understood).

nhận biết.

1. Chúng ta luôn được bao quanh và thấm xuyên bởi những rung động mà mình không thể ghi nhận, và do đó cũng không thể đáp ứng.

Tiến trình tiến hoá là tiến trình phát triển một bộ máy đáp ứng để ghi nhận chúng; khi đã làm được như vậy, bước tiếp theo là phản ứng một cách thông minh với những tiếp xúc ấy, qua đó tạo ra một phạm vi nhận biết ngày càng mở rộng, cuối cùng hợp thành toàn bộ tâm thức.

1. Có hai bước liên quan đến hoạt động bức xạ và những khối cầu (“nguyên tử”) phát ra các bức xạ ấy:

1. phát triển một bộ máy đáp ứng đủ khả năng ghi nhận những bức xạ ấy

2. đáp ứng một cách thông minh với những bức xạ/rung động sau khi đã ghi nhận

2. Khi điều này được thực hiện, tâm thức sẽ mở rộng cho đến khi đạt giai đoạn “biết tất cả” đối với vòng-giới-hạn cụ thể mà đơn vị tri giác đang tham dự.

Ở đây, Tôi không thể trình bày rộng hơn về chủ đề này khi nó diễn tiến dưới mãnh lực thúc đẩy của tiến hoá.

1. Chính tiến hoá sẽ thúc đẩy tâm thức hướng đến sự mở rộng mà không cần đến tiến trình thúc đẩy nhân tạo mà chúng ta gọi là “điểm đạo”.

Ở đây, Tôi chỉ quan tâm đến sự hiện hữu của khối cầu hoạt động bức xạ của một Chân sư, cùng phẩm tính riêng biệt và sắc thái cung của nó (hiểu theo nghĩa huyền bí).

1. The discussion of auras has been entered in order to help us focus on*one particular aura*—'a Master's sphere of radiatory activity and its peculiar quality and ray coloring (occultly understood)'. DK is not speaking of the phenomenon of colour.

1. Việc bàn về hào quang được đưa vào nhằm giúp chúng ta tập trung vào *một hào quang cụ thể*—"khối cầu hoạt động bức xạ của một Chân sư, cùng phẩm tính riêng biệt và sắc thái cung của nó (hiểu theo nghĩa huyền bí)". Chân sư DK không nói về hiện tượng màu sắc.

The factor lying behind and thus making possible each of the six stages of discipleship is the existence in the disciple of qualities, radiatory activities and emanatory impulses which correspond to those emanating from some particular Ashram.

Yếu tố nằm sau, và nhờ đó làm cho mỗi giai đoạn trong sáu giai đoạn của địa vị đệ tử trở nên khả hữu, là sự hiện hữu trong người đệ tử của những phẩm tính, hoạt động bức xạ và xung lực phát xạ tương ứng với những gì phát ra từ một ashram cụ thể nào đó.

1. What does a disciple possess that attunes him to a particular Ashram and allows for ever-greater intimacy with that Ashram?

1. Một đệ tử sở hữu điều gì khiến y hòa điệu với một ashram cụ thể và cho phép y ngày càng gắn bó mật thiết hơn với ashram ấy?

1. qualities

1. những phẩm tính

2. radiatory activities

2. những hoạt động bức xạ

3. emanatory impulses

3. những xung lực phát xạ

2. All these are correlated with the qualities, radiatory activities and emanatory impulses of a particular Ashram.

2. Tất cả những điều này đều tương quan với những phẩm tính, hoạt động bức xạ và xung lực phát xạ của một ashram cụ thể.

These, when they have evoked a response and drawn the disciple to the periphery of the sphere of activity of such an Ashram, gradually intensify their magnetic, attractive quality; they awaken to still greater potency the same qualities in the disciple, occultly pulling him closer to the central point, which is the focus of all the trained ability and the high-powered spiritual life of the Master at the very heart of the Ashram.

Sau khi đã gợi lên một sự đáp ứng và thu hút người đệ tử đến chu vi khối cầu hoạt động của một ashram như vậy, những yếu tố này dần tăng cường phẩm tính từ tính, thu hút của chúng; chúng đánh thức để những phẩm tính tương tự trong người đệ tử trở nên mạnh mẽ hơn nữa, kéo y lại gần điểm trung tâm theo cách huyền bí, điểm ấy là tiêu điểm của toàn bộ năng lực đã được rèn luyện và đời sống tinh thần đầy uy lực của Chân sư ngay tại tâm của ashram.

1. The mechanism of ashramic attraction and the ashramic intensification of disciple's

1. Ở đây đang bàn về cơ chế thu hút của ashram và sự tăng cường của ashram đối với

inherent qualities are here discussed.

2. Magnetically, we are drawn to the sphere of activity of a particular Ashram.

3. When the periphery has been 'achieved', the Ashram's magnetism has an increasing effect upon the disciple, potentizing those qualities within him which correspond to the qualities which characterize the Ashram.

4. He is drawn closer and closer to the Master. The central life is the focus of 'all the trained ability and the high-powered spiritual life of the Master at the very heart of the Ashram.'This is an amazingly potent idea.

5. We move increasingly towards the center of the Ashram as our service demands it. Nothing else will bring us there. Premature prolonged contact with that 'high powered spiritual life'could do us no good and probably much harm. It would certainly do humanity and the Ashram no good. All proceeds according to necessity.

It is at this point that the disciple awakens to the realisation that his three bodies or vehicles—etheric, astral and mental—are only the reflections of the three aspects of the Spiritual Triad and that they can give him the key to his own being and also the capacity to respond to the threefold vibration of the Master, as expressed through His aura.

1. A specific development at a particular stage of discipleship is indicated. The higher personality is to be substituted for the lower. This is related also to the process of etheric substitution.

những phẩm tính vốn có của người đệ tử.

2. Nhờ từ tính, chúng ta được thu hút đến khối cầu hoạt động của một ashram cụ thể.

3. Khi đã "đến được" chu vi, từ điện của ashram ngày càng tác động mạnh hơn lên người đệ tử, tăng cường những phẩm tính trong y tương ứng với các phẩm tính đặc trưng của ashram.

4. Y được thu hút ngày càng gần Chân sư hơn. Sự sống trung tâm là tiêu điểm của "toàn bộ năng lực đã được rèn luyện và đời sống tinh thần đầy uy lực của Chân sư ngay tại tâm của ashram". Đây là một ý tưởng có sức mạnh đáng kinh ngạc.

5. Chúng ta ngày càng tiến về trung tâm của ashram khi công việc phụng sự đòi hỏi điều đó. Không điều gì khác sẽ đưa chúng ta đến đó. Sự tiếp xúc kéo dài quá sớm với "đời sống tinh thần đầy uy lực" ấy không thể mang lại lợi ích cho chúng ta và có lẽ sẽ gây nhiều tổn hại. Chắc chắn điều đó cũng không mang lại lợi ích cho nhân loại và ashram. Mọi việc đều diễn tiến theo sự cần thiết.

Chính vào lúc này, người đệ tử thức tỉnh và nhận ra rằng ba thể hay hiện thể của y—dĩ thái, cảm dục và trí tuệ—chỉ là những phản ánh của ba phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần và chúng có thể trao cho y chìa khóa để hiểu chính bản thể mình, cũng như khả năng đáp ứng với rung động tam phân của Chân sư, biểu lộ qua hào quang của Ngài.

1. Ở đây chỉ ra một sự phát triển cụ thể tại một giai đoạn nhất định của địa vị đệ tử. Phàm ngã cao hơn phải thay thế phàm ngã thấp hơn. Điều này cũng liên quan đến tiến trình thay thế dĩ thái.

2. The necessary response to the Master's power and trained capacity can only be achieved *through the spiritual triad* and not through its lower reflection, the personality.

2. Chỉ có thể đạt được sự đáp ứng cần thiết đối với quyền năng và năng lực đã được rèn luyện của Chân sư *thông qua Tam Nguyên Tinh Thần* chứ không phải qua sự phản ánh thấp hơn của nó là phàm ngã.

3. The chela within the aura is an initiate of the third degree and is beginning to respond consciously to the monad. The spiritual triad is the personality of the monad, and as man becomes the monad, the spiritual triad will become, for him, as a personality.

3. Đệ tử trong hào quang là một điểm đạo đồ bậc ba và đang bắt đầu đáp ứng hữu thức với chân thần. Tam Nguyên Tinh Thần là phàm ngã của chân thần, và khi con người trở thành chân thần, đối với y, Tam Nguyên Tinh Thần sẽ trở thành như một phàm ngã.

4. In the beginning what has to happen (via the antahkarana) is that the purified, soul-infused personality must become triadally responsive.

4. Lúc đầu, điều phải xảy ra (qua antahkarana) là phàm ngã đã được thanh luyện và được linh hồn thấm nhuần phải trở nên có khả năng đáp ứng với Tam Nguyên Tinh Thần.

5. As it stands today for the majority of Ashrams, they are 'in the triad', and as the disciple enters the spiritual triad more fully, allowing that triad to direct his personality expression, he finds himself, increasingly, 'in the Ashram', and, increasingly within the aura of his Master.

5. Theo tình hình hiện nay, phần lớn các ashram đều "ở trong Tam Nguyên Tinh Thần", và khi người đệ tử đi vào Tam Nguyên Tinh Thần trọn vẹn hơn, để Tam Nguyên ấy chỉ đạo sự biểu lộ phàm ngã của mình, y nhận thấy mình ngày càng "ở trong ashram", và ngày càng ở trong hào quang của Chân sư mình.

The teaching that the personality must be destroyed is a distortion of the truth; his focus of consciousness has to be shifted from the threefold lower nature into that of the Triad and this with the aid of the threefold soul nature.

Lời dạy cho rằng phải hủy diệt phàm ngã là một sự xuyên tạc chân lý; tiêu điểm tâm thức của y phải chuyển từ bản chất thấp tam phân sang bản chất của Tam Nguyên Tinh Thần, với sự trợ giúp của bản chất linh hồn tam phân.

1. This little sentence encapsulates all our spiritual work. We do not destroy the instrument (the personality), but rise into its higher correspondence by means of the threefold soul nature. The sequence is clearly given.

1. Câu ngắn này gói trọn toàn bộ công việc tinh thần của chúng ta. Chúng ta không hủy diệt công cụ (phàm ngã), mà vươn lên sự tương ứng cao hơn của nó nhờ bản chất linh hồn tam phân. Trình tự đã được nêu rõ.

The mode of this progressive shifting is

Phương thức của sự chuyển dịch dần dần

response to an ever higher rate of[754] vibratory activity.

1. How do we shift? By responding to vibrations of ever higher frequency—*intelligently* responding. The response itself is a shift.

Just as soon as there exists, in the consciousness of the disciple, the ability to respond to the quality and the radiation, emanating from an Ashram, he moves forward into that sphere of influence. That in his own aura which is akin to the quality of the Master's aura is trained, intensified and purified.His own radiatory activity is enhanced as the ashramic life plays upon his vehicles until in time he becomes the chela within the aura. In a faint way, his vibration and that of the Master tend to synchronise.

1. It is that which is within us that determines whether or not we move more deeply into the Ashram.

2. There are many ways to respond to vibratory impression, but if the disciple/initiate is to move more deeply into the Ashram, there must be the right response to that which the Ashram radiates and emanates.

3. Then will come the sympathetic strengthening of ashramically related qualities in his own energy system.

4. The energies of the Ashram and of the Master play upon his vehicles.

5. When a disciple/initiate is a true chela within the aura, 'his vibration and that of the Master tend to synchronise'.

này là đáp ứng với một tần số ngày càng cao hơn của[754] hoạt động rung động.

1. Chúng ta chuyển dịch như thế nào? Bằng cách đáp ứng với những rung động có tần số ngày càng cao hơn—đáp ứng *một cách thông minh*. Chính sự đáp ứng là một sự chuyển dịch.

Ngay khi trong tâm thức người đệ tử có khả năng đáp ứng với phẩm tính và bức xạ phát ra từ một ashram, y tiến vào phạm vi ảnh hưởng ấy. Những gì trong hào quang của y tương đồng với phẩm tính hào quang của Chân sư được rèn luyện, tăng cường và thanh luyện.Hoạt động bức xạ của y được nâng cao khi sự sống ashram tác động lên các hiện thể của y, cho đến lúc y trở thành đệ tử trong hào quang. Ở một mức độ còn mờ nhạt, rung động của y và rung động của Chân sư có khuynh hướng đồng bộ.

1. Chính những gì bên trong chúng ta quyết định liệu chúng ta có tiến sâu hơn vào ashram hay không.

2. Có nhiều cách đáp ứng với ấn tượng rung động, nhưng nếu người đệ tử/điểm đạo đồ muốn tiến sâu hơn vào ashram, phải có sự đáp ứng đúng đắn với những gì ashram bức xạ và phát xạ.

3. Khi ấy, những phẩm tính có liên hệ với ashram trong hệ thống năng lượng của y sẽ được tăng cường nhờ sự cộng hưởng.

4. Các năng lượng của ashram và của Chân sư tác động lên những hiện thể của y.

5. Khi một đệ tử/điểm đạo đồ thực sự là đệ tử trong hào quang, "rung động của y và rung động của Chân sư có khuynh hướng đồng

bộ".

6. How would we know whether this was taking place? It certainly depends upon getting to know our Master and His work, not superficially but deeply. And then, even more, it depends upon carrying out that work as the major task of our lives.

6. Làm sao chúng ta biết điều này có đang diễn ra hay không? Chắc chắn điều đó phụ thuộc vào việc hiểu biết Chân sư của mình và công việc của Ngài một cách sâu sắc, vượt khỏi bề mặt. Hơn thế nữa, điều đó còn phụ thuộc vào việc thực hiện công việc ấy như nhiệm vụ chính của đời mình.

I would point out that in this way, the disciple begins to make a significant contribution to the life of the Ashram. Each disciple who penetrates into the aura of the Master through similarity of quality and vibratory activity enriches and intensifies the group with which he is thus affiliated. As time elapses, the Ashram of a Master becomes increasingly potent, magnetic and radiant. Within that aura the initiate-disciple carries forward his work, standing at the radiant centre of the group life and working from thence outwards in service.

Tôi muốn chỉ ra rằng bằng cách này, người đệ tử bắt đầu đóng góp đáng kể vào sự sống của ashram. Mỗi đệ tử thâm nhập hào quang của Chân sư nhờ sự tương đồng về phẩm tính và hoạt động rung động đều làm phong phú và tăng cường nhóm mà nhờ đó y gắn kết. Theo thời gian, ashram của một Chân sư ngày càng trở nên mạnh mẽ, có từ tính và rạng ngời. Trong hào quang ấy, người điểm đạo đồ-đệ tử tiếp tục công việc của mình, đứng tại trung tâm rạng ngời của sự sống nhóm và từ đó hướng ra ngoài để phụng sự.

1. The disciple is brought into the Ashram, not as a dependent, but as one who can truly contribute to the strengthening of the Ashram.

1. Người đệ tử được đưa vào ashram với tư cách một người thực sự có thể góp phần củng cố ashram, chứ không phải một người lệ thuộc.

2. So we can ask, 'Is there that within me which can make a real contribution to the life and quality of the Ashram with which I think or know I am affiliated?'

2. Vì vậy, chúng ta có thể tự hỏi: "Trong tôi có điều gì có thể đóng góp thực sự vào sự sống và phẩm tính của ashram mà tôi nghĩ hoặc biết mình có liên kết hay không?"

3. DK is telling us how we learn to work from within the Ashram, 'standing at the radiant centre of the group life and working from thence outwards in service'.

3. Chân sư DK đang cho chúng ta biết cách học làm việc từ bên trong ashram, "đứng tại trung tâm rạng ngời của sự sống nhóm và từ đó hướng ra ngoài để phụng sự".

4. The benefit is mutual and a virtuous circle is created—the disciple-initiate ever strengthening the Ashram which, in turn, strengthens him.

4. Lợi ích là song phương và tạo thành một vòng tương tác tốt đẹp—người đệ tử-điểm đạo đồ luôn củng cố ashram, rồi đến lượt ashram củng cố y.

5. Always we must remember that importance of 'similarity of quality and vibratory activity'if there is to be deep participation in the life of any particular Ashram.

5. Chúng ta phải luôn nhớ tầm quan trọng của "sự tương đồng về phẩm tính và hoạt động rung động" nếu muốn tham dự sâu sắc vào sự sống của bất kỳ ashram cụ thể nào.

He is ever careful to protect that centre from any quality of his own aura which is not in harmony with the quality of the Master and to keep (as far as may be) outside his own consciousness any thoughts or desires which might disturb the group aura.

Y luôn cẩn trọng bảo vệ trung tâm ấy khỏi bất kỳ phẩm tính nào trong hào quang của mình không hòa hợp với phẩm tính của Chân sư, và giữ bên ngoài tâm thức mình (trong chừng mực có thể) mọi tư tưởng hoặc dục vọng có thể làm xáo trộn hào quang nhóm.

1. A deep responsibility is enjoined upon the one who would be a chela within the aura. There will inevitably be aspects of his aura which do*not* harmonize with the quality of the Master. These must not be allowed to affect the center of the Ashram (i.e., the Master). We have the responsibility of *harmonizing* with the will and quality of the Master. A considerable self-knowledge is needed on the part of the disciple if this is to be possible.

1. Một trách nhiệm sâu sắc đặt lên người muốn trở thành đệ tử trong hào quang. Chắc chắn sẽ có những phương diện trong hào quang của y *không* hòa hợp với phẩm tính của Chân sư. Không được để những phương diện ấy tác động đến trung tâm của ashram (tức là Chân sư). Chúng ta có trách nhiệm *hòa hợp* với ý chí và phẩm tính của Chân sư. Để điều này trở nên khả hữu, người đệ tử cần có sự hiểu biết đáng kể về chính mình.

2. If inharmonious thoughts or desires threaten to enter the consciousness of the disciple, what is he to do? He is *not* to entertain them, but to keep them 'outside'. This will necessitate the capacity to rebuff and deflect.

2. Nếu những tư tưởng hoặc dục vọng bất hòa có nguy cơ xâm nhập tâm thức người đệ tử, y phải làm gì? Y *không* được dung dưỡng chúng, mà phải giữ chúng "ở bên ngoài". Điều này đòi hỏi khả năng khước từ và chuyển hướng chúng.

3. Thus, a chela within the aura must be extremely vigilant concerning what he admits into his consciousness, for that consciousness is increasingly a part of the Ashram.

3. Vì vậy, một đệ tử trong hào quang phải hết sức cảnh giác về những gì mình cho phép đi vào tâm thức, vì tâm thức ấy ngày càng là một phần của ashram.

4. Just as we would not go into someone's beautiful new home with muddy shoes, we have to watch with great care the quality of our thoughts and desires for the disruptive

4. Cũng như chúng ta sẽ không bước vào ngôi nhà mới xinh đẹp của ai đó với đôi giày lấm bùn, chúng ta phải hết sức cẩn trọng theo dõi phẩm tính của những tư tưởng và

dissonance they might contain.

dục vọng của mình để nhận ra sự bất hòa gây xáo trộn mà chúng có thể chứa đựng.

When he is admitted to this stage of discipleship that is his responsibility, and such a privilege is never accorded to him unless he is able so to guard himself and the sphere of influence of which he is now a part.

Khi được nhận vào giai đoạn này của địa vị đệ tử, đó là trách nhiệm của y, và y sẽ không bao giờ được trao đặc ân ấy nếu không có khả năng bảo vệ bản thân và phạm vi ảnh hưởng mà giờ đây y là một phần trong đó.

1. So we are constantly tested. These will be no admittance to the Ashram (in this more intimate way) unless the Ashram is *assured* that the disciple-initiate knows how to guard himself from such inharmonious influences.

1. Vì vậy, chúng ta luôn được thử thách. Sẽ không có sự thu nhận vào ashram (theo cách mật thiết hơn này) trừ khi ashram *chắc chắn* rằng người đệ tử-điểm đạo đồ biết cách bảo vệ mình khỏi những ảnh hưởng bất hòa như vậy.

2. The guarding is twofold—he guards his own consciousness, and thus guards the sphere of influence which is the Ashram.

2. Sự bảo vệ có tính nhị phân—y bảo vệ tâm thức của mình, và qua đó bảo vệ phạm vi ảnh hưởng là ashram.

You can see, therefore, that the Hierarchy itself is only a great Ashram with a triangle at the centre, composed of the Christ, the Mahachohan and the Manu. Symbolically speaking, this triangle constitutes one radiant centre, for the radiatory activity of each of these Great Lords is such that They are swept into each other's auras in such a way that there is a complete blending and fusing.

Do đó, các bạn có thể thấy rằng chính Thánh đoàn chỉ là một ashram vĩ đại với một tam giác ở trung tâm, gồm Đức Christ, Đức Mahachohan và Đức Manu. Nói theo nghĩa biểu tượng, tam giác này tạo thành một trung tâm rạng ngời duy nhất, vì hoạt động bức xạ của mỗi Đấng Chúa Tể Vĩ Đại này khiến Các Ngài cuốn vào hào quang của nhau theo cách có sự hòa trộn và dung hợp hoàn toàn.

1. This is a potent image—the Hierarchy as an Ashram with a Triangle at the centre—a Triangle which is really 'one radiant center'.

1. Đây là một hình ảnh đầy uy lực—Thánh đoàn như một ashram với một Tam Giác ở trung tâm—một Tam Giác thực sự là "một trung tâm rạng ngời duy nhất".

2. One thinks immediately of the atomic triangle (the physical and astral permanent atoms and mental unit) which eventually *demonstrates as one sphere of fire* on the eve of the destruction of the causal body.

2. Người ta lập tức nghĩ đến tam giác nguyên tử (nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí), cuối cùng *biểu lộ thành một khối cầu lửa duy nhất* ngay trước khi thể nguyên nhân bị hủy diệt.

3. Whenever we are involved in triangular activity, we must hold before our eye the possibility of the complete blending and fusing here described.

3. Bất cứ khi nào tham gia hoạt động tam giác, chúng ta phải luôn giữ trước mắt khả năng hòa trộn và dung hợp hoàn toàn được mô tả ở đây.

4. When He promotes the service activity called Triangles, the Tibetan has just such eventualities in mind—a great fusing and blending, responsive to the Triangle within Hierarchy and to the even greater Triangle consisting of the Buddhas of Activity.

4. Khi thúc đẩy hoạt động phụng sự mang tên Tam Giác, Chân sư Tây Tạng nghĩ đến chính những kết quả sau cùng như vậy—một sự dung hợp và hòa trộn vĩ đại, đáp ứng với Tam Giác trong Thánh đoàn và với Tam Giác còn vĩ đại hơn gồm các Đức Phật Hoạt Động.

Every Ashram radiates some one major quality according to the ray of the Master at the centre; in the same way the Hierarchy radiates the quality of the second divine aspect, just as the all-inclusive Ashram (to which we give the name Shamballa) has the outstanding characteristic of the first aspect, life itself. This is not a quality, but that of which quality is an emanation.

Mỗi ashram bức xạ một phẩm tính chủ yếu nào đó tùy theo cung của Chân sư ở trung tâm; tương tự, Thánh đoàn bức xạ phẩm tính của phương diện thiêng liêng thứ hai, cũng như ashram bao gồm tất cả (mà chúng ta gọi là Shamballa) có đặc trưng nổi bật của phương diện thứ nhất, chính sự sống. Đây không phải là một phẩm tính, mà là cái phát xạ thành phẩm tính.

1. An inescapable fact is given. Every Ashram radiates some major quality—according to the ray of the Master (and according to the*quality* of the Master, which stands in addition to the ray). The quality of any higher being emerges as the result of experience on many rays.

1. Ở đây nêu ra một sự thật không thể tránh khỏi. Mỗi ashram bức xạ một phẩm tính chủ yếu nào đó—tùy theo cung của Chân sư (và tùy theo *phẩm tính* của Ngài, vốn hiện hữu bên cạnh cung ấy). Phẩm tính của bất kỳ sinh mệnh cao hơn nào cũng hình thành từ trải nghiệm trên nhiều cung.

2. The ray quality of the entire Hierarchy is the second ray. The outstanding characteristic of Shamballa is the first aspect. Shamballa, emanates (it would seem, because of its relation to the Solar Logos) a blend of the first and second rays.

2. Phẩm tính cung của toàn bộ Thánh đoàn là cung hai. Đặc trưng nổi bật của Shamballa là phương diện thứ nhất. Dường như Shamballa phát xạ một sự pha trộn của cung một và cung hai, do mối liên hệ của trung tâm này với Thái dương Thượng đế.

3. Something interesting is here said about the first aspect ('life itself)—that it is not a quality.

3. Ở đây có một điều thú vị được nói về phương diện thứ nhất ("chính sự sống")—rằng đó không phải là một phẩm tính.

4. Quality is an emanation of 'Life'and the

4. Phẩm tính là một phát xạ của "Sự Sống",

first aspect of divinity is that aspect that most embodies that Life—although Life is really something which lies at the heart of the Trinity of Three Aspects.

5. The analogy may be conceived as follows: *Life* is as white light;*quality* is as the spectrum of color.

[755]

The Master's aura (which determines the aura of the entire Ashram) has three outstanding radiations as far as the responsiveness of the disciple is concerned:

1. Another important point—the aura of the Ashram is dependent upon the Master's aura.

2. There are three outstanding radiations of the Master's aura and they respond to the three energies of the spiritual triad.

3. Now we are dealing with the qualities of the Master's aura and its radiations from the perspective of the disciple's responsiveness.

4. The radiation which comes from the higher levels of the mental plane, or from the lowest aspect of the Spiritual Triad. The potency of this radiation and the extent of the sphere of influence will be determined by the extent to which the Master is spiritually in touch with the Mind of God.

5. A link is made between that aspect of the Master's radiation coming from the lowest levels of the triad, the manasic levels, with the extent to which the Master is in touch with the Mind of God.

và phương diện thứ nhất của thiên tính là phương diện thể hiện Sự Sống ấy đầy đủ nhất—mặc dù Sự Sống thực ra là điều nằm tại tâm của Ba Ngôi gồm Ba Phương Diện.

5. Có thể hình dung sự tương đồng như sau: *Sự Sống* giống như ánh sáng trắng; *phẩm tính* giống như quang phổ màu sắc.

[755]

Hào quang của Chân sư (vốn quyết định hào quang của toàn bộ ashram) có ba bức xạ nổi bật xét về khả năng đáp ứng của người đệ tử:

1. Một điểm quan trọng khác—hào quang của ashram phụ thuộc vào hào quang của Chân sư.

2. Có ba bức xạ nổi bật của hào quang Chân sư, và chúng đáp ứng với ba năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần.

3. Giờ đây, chúng ta đang bàn đến các phẩm tính của hào quang Chân sư và những bức xạ của hào quang ấy từ góc độ khả năng đáp ứng của người đệ tử.

4. Bức xạ đến từ những cấp độ cao hơn của cõi trí, hay từ phương diện thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần. Uy lực của bức xạ này và độ rộng của phạm vi ảnh hưởng sẽ tùy thuộc vào mức độ Chân sư tiếp xúc về mặt tinh thần với Trí của Thượng đế.

5. Ở đây xác lập mối liên hệ giữa phương diện bức xạ của Chân sư đến từ những cấp độ thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần, tức các cấp độ manas, với mức độ Ngài tiếp xúc với Trí của Thượng đế.

6. We note that the word 'spiritually'is used to describe the Master's contact with the Mind of God.

6. Chúng ta lưu ý rằng cụm từ "về mặt tinh thần" được dùng để mô tả sự tiếp xúc của Chân sư với Trí của Thượng đế.

I do not use the word "consciously" in this connection and when dealing with conditions above egoic levels.

Tôi không dùng từ "hữu thức" trong mối liên hệ này và khi bàn đến những trạng thái bên trên các cấp độ chân ngã.

1. DK tells us why He uses the word 'spiritually'instead of 'consciously'. It is because we are focusing within the *spiritual* triad and are dealing with conditions 'above' the egoic levels.

1. Chân sư DK cho chúng ta biết vì sao Ngài dùng từ 'về mặt tinh thần' thay vì 'một cách có ý thức'. Đó là vì chúng ta đang tập trung trong Tam Nguyên *Tinh Thần* và đang bàn đến những điều kiện 'cao hơn' các cấp độ chân ngã.

It is this particular radiation which evokes a response from the embryonic abstract mind of the disciple when the antahkarana is being built and is the first kind of contact to which the neophyte responds in the later stages of the Probationary Path.

Chính bức xạ đặc thù này khơi dậy sự đáp ứng từ trí trừu tượng còn phôi thai của đệ tử khi antahkarana đang được xây dựng, và là loại tiếp xúc đầu tiên mà người sơ cơ đáp ứng trong những giai đoạn sau của Con Đường Dự Bị.

1. We are given the timing of this first response to the Master's radiation; it occur during the later stages of the Probationary Path and 'when the antahkarana is being built',

1. Chúng ta được cho biết thời điểm xuất hiện sự đáp ứng đầu tiên này đối với bức xạ của Chân sư; nó xảy ra trong những giai đoạn sau của Con Đường Dự Bị và 'khi antahkarana đang được xây dựng',

2. If we think carefully about what is being said, we can judge that the antahkarana is 'being built'during the later stages of the Probationary Path. This definitely means that this stage of the Probationary Path is occurring *after* the first initiation and perhaps even rather closer to the second. But one who treads the Probationary Path is not yet an 'accepted disciple', so, apparently, the antahkarana can be built before one becomes an accepted disciple and, thus, one can begin to respond to the abstract mind of the Master before the stage of 'Accepted Discipleship'is reached.

2. Nếu suy nghĩ cẩn thận về điều đang được nói đến, chúng ta có thể nhận định rằng antahkarana 'đang được xây dựng' trong những giai đoạn sau của Con Đường Dự Bị. Điều này chắc chắn có nghĩa là giai đoạn ấy của Con Đường Dự Bị diễn ra *sau* lần điểm đạo thứ nhất, và có lẽ thậm chí khá gần lần điểm đạo thứ hai. Nhưng người bước trên Con Đường Dự Bị vẫn chưa phải là một 'đệ tử được chấp nhận'; vì vậy, dường như antahkarana có thể được xây dựng trước khi một người trở thành đệ tử được chấp nhận, và do đó, người ấy có thể bắt đầu đáp ứng với trí trừu tượng của Chân sư trước khi đạt đến

giai đoạn 'Địa Vị Đệ Tử Được Chấp Nhận'.

A direct line of influential approach is made between the Master and the awakening disciple as follows:

Một đường tiếp cận trực tiếp mang ảnh hưởng được thiết lập giữa Chân sư và đệ tử đang thức tỉnh như sau:

a. The manasic permanent atom of the disciple.

a. Nguyên tử trường tồn manas của đệ tử.

b. The knowledge petals of the egoic lotus.

b. Các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã.

c. The lower concrete mind "held steady in the light."

c. Trí cụ thể thấp "được giữ vững trong ánh sáng."

d. The throat centre.

d. Trung tâm cổ họng.

e. The brain of the disciple upon the physical plane.

e. Bộ não của đệ tử trên cõi hồng trần.

1. It is via this line of descent that the lowest of the Master's triadal radiations may reach and influence the disciple.

1. Chính qua đường giáng hạ này, bức xạ thấp nhất trong các bức xạ từ Tam nguyên tinh thần của Chân sư có thể đến với và ảnh hưởng đến đệ tử.

2. We note that although the concrete mind is part of this descent, it has to be 'held steady in the light'. This means that a considerable amount of soul infusion has occurred.

2. Chúng ta lưu ý rằng dù trí cụ thể là một phần của đường giáng hạ này, nó phải 'được giữ vững trong ánh sáng'. Điều này có nghĩa là linh hồn đã thấm nhuần phàm ngã đến một mức độ đáng kể.

This is all of it necessarily relative but the moment that the disciple has established this line of approach to the Spiritual Triad (even in a small measure) he makes his first response to the aura of the Master.

Tất cả điều này tất nhiên đều mang tính tương đối, nhưng ngay khi đệ tử đã thiết lập đường tiếp cận này với Tam Nguyên Tinh Thần (dù chỉ ở một mức độ nhỏ), y có sự đáp ứng đầu tiên với hào quang của Chân sư.

1. Here is a really important piece of information. The aura of the Master is not to be contacted on the second and third subplanes of the mental plane. But on the *first* subplane (where the manasic permanent atom can be found)—there—a

1. Đây là một thông tin thực sự quan trọng. Không thể tiếp xúc với hào quang của Chân sư trên cõi phụ thứ hai và thứ ba của cõi trí. Nhưng trên cõi phụ *thứ nhất* (nơi có nguyên tử trường tồn manas)—chính ở đó—có thể thiết lập sự tiếp xúc với hào quang của Chân

contact can be made with the Master's aura—which is different from contacting the Master, Himself.

sư; điều này khác với việc tiếp xúc với chính Chân sư.

2. This tells us that when we are treading the Probationary Path in its later sections, we are, indeed, responding to the aura of the Master, for at that time we have our first contact with the abstract mind via an antahkarana which is being built, but often not consciously built.

2. Điều này cho chúng ta biết rằng khi bước trên những chặng sau của Con Đường Dự Bị, quả thực chúng ta đang đáp ứng với hào quang của Chân sư, vì vào lúc ấy chúng ta có sự tiếp xúc đầu tiên với trí trừu tượng qua một antahkarana đang được xây dựng, nhưng thường không được xây dựng một cách có ý thức.

The distinction between the aura of the Master and the aura of the Ashram is that the Master's aura is dynamic and the group aura is influential, yet the two together constitute the group aura. When this initial response is made it results eventually in the disciple becoming the chela within the aura.

Điểm khác biệt giữa hào quang của Chân sư và hào quang của Ashram là hào quang của Chân sư có tính năng động, còn hào quang của nhóm mang sức ảnh hưởng; tuy vậy, cả hai hợp lại tạo thành hào quang của nhóm. Khi sự đáp ứng ban đầu này xuất hiện, cuối cùng nó dẫn đến việc đệ tử trở thành đệ tử trong hào quang.

1. We are given an important distinction between the aura of the Master and the aura of the Ashram:

1. Chúng ta được cho biết một điểm khác biệt quan trọng giữa hào quang của Chân sư và hào quang của Ashram:

1. The Master's aura is 'dynamic', creating potent results.

1. Hào quang của Chân sư có tính 'năng động', tạo ra những kết quả mạnh mẽ.

2. The Ashram's aura is influential ('flowing in', as it were, offering a more gradual conditioning.)

2. Hào quang của Ashram mang sức ảnh hưởng (có thể nói là 'tuôn vào', tạo nên sự định hình từ từ hơn).

2. We might consider the first as coming under the influence of Uranus and the second under Neptune.

2. Chúng ta có thể xem loại thứ nhất chịu ảnh hưởng của Sao Thiên Vương, còn loại thứ hai chịu ảnh hưởng của Sao Hải Vương.

3. The initial response will, it seems, occur upon the Probationary Path, but eventually, after a number of lives, the disciple becomes a chela within the aura.

3. Dường như sự đáp ứng ban đầu sẽ xuất hiện trên Con Đường Dự Bị, nhưng cuối cùng, sau một số kiếp sống, đệ tử trở thành đệ tử trong hào quang.

4. The radiation which comes from the plane

4. Bức xạ đến từ cõi Bồ đề hay cõi trực giác

of buddhi or of the spiritual intuition. This is an expression of the love nature of the Master and is that which enables Him to be in touch with the Heart of God.

tinh thần. Đây là một biểu hiện của bản chất bác ái của Chân sư và là điều giúp Ngài tiếp xúc với Tâm của Thượng đế.

5. We now deal with the second and still deeper radiation emanating from the Master's aura, for the love nature of the Master is necessarily deeper (closer to the central mystery of our solar system) than His mind nature (though all are equally essential).

5. Giờ đây, chúng ta bàn đến bức xạ thứ hai, còn sâu xa hơn, phát ra từ hào quang của Chân sư, vì bản chất bác ái của Chân sư tất nhiên sâu xa hơn (gần với huyền nhiệm trung tâm của hệ mặt trời chúng ta hơn) bản chất trí tuệ của Ngài (dù tất cả đều thiết yếu như nhau).

It might be noted here that these three radiations emanating from a Master and enhanced by the similar, though much less powerful, radiations of the inner members of the Ashram are the [756] factors which put the Master and the Ashram in contact with that which is occultly spoken of as the physical Sun, the heart of the Sun and the Central Spiritual Sun.

Ở đây có thể lưu ý rằng ba bức xạ này, phát ra từ một Chân sư và được tăng cường nhờ những bức xạ tương tự, dù kém mạnh mẽ hơn nhiều, của các thành viên bên trong Ashram, là những [756] nhân tố đưa Chân sư và Ashram tiếp xúc với những gì mà huyền bí học gọi là Mặt Trời hồng trần, tâm của Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

1. There is given a comparison between the radiations of the Master and those of the inner members of the Ashram; the latter radiations are similar to the Master's radiations, but 'much less powerful'. We are beginning to grasp an idea of the extraordinary potency of a Master of the Wisdom.

1. Ở đây có sự so sánh giữa các bức xạ của Chân sư và các bức xạ của những thành viên bên trong Ashram; các bức xạ sau tương tự các bức xạ của Chân sư, nhưng 'kém mạnh mẽ hơn nhiều'. Chúng ta đang bắt đầu nắm được phần nào quyền năng phi thường của một Chân sư Minh Triết.

2. The Ashram and its Master are in touch with the three aspects of the Sun—the physical Sun, the heart of the Sun and the Central Spiritual Sun. This rapport is created via the abstract mind, the buddhic vehicle and the atmic vehicle respectively.

2. Ashram và Chân sư của Ashram tiếp xúc với ba phương diện của Mặt Trời—Mặt Trời hồng trần, tâm của Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương. Mối giao cảm này được tạo lập lần lượt qua trí trừu tượng, hiện thể Bồ đề và hiện thể atma.

The line along which this vibratory activity of the Master reaches the disciple and draws him finally within the aura is:

Đường truyền mà qua đó hoạt động rung động này của Chân sư đến với đệ tử và cuối cùng thu hút y vào trong hào quang là:

a. The buddhic permanent atom, or the intuitional vehicle of the advanced disciple.

b. The love petals of the egoic lotus.

c. The astral body in its highest aspect.

d. The heart centre.

1. Importantly, we note that an advanced disciple will have an actively functioning intuitional vehicle. What is an advanced disciple? Presumably, an advanced disciple is one who has taken the second initiation.

2. In this line of descent from buddhi, it is the 'highest aspect'of the astral body that is involved, and this may suggest, in terms of the chakras, that it is the higher of the two solar plexus centers that is involved.

3. That aspect of the solar plexus center ruled by Neptune is fit to be in the line of descent, but not that part of the solar plexus ruled by Mars. In a more general sense, the entire solar plexus center of the advanced disciple is ruled by Neptune; Martian influences are greatly reduced.

4. The cultivation of the abstract mind may bring the disciple to the*periphery* of a Master's ashram, but only the cultivation of the buddhi will allow him to be drawn in (especially, but not exclusively, in relation to a second ray Ashram).

3. The radiation which comes from the atmic level or the will aspect of the Spiritual Triad. This is the emanatory expression of the capacity of the Master to enter into the

a. Nguyên tử trường tồn Bồ đề, hay hiện thể trực giác của đệ tử tiến bộ.

b. Các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã.

c. Thể cảm dục ở phương diện cao nhất của nó.

d. Trung tâm tim.

1. Điều quan trọng cần lưu ý là một đệ tử tiến bộ sẽ có một hiện thể trực giác đang hoạt động tích cực. Đệ tử tiến bộ là gì? Có lẽ một đệ tử tiến bộ là người đã trải qua lần điểm đạo thứ hai.

2. Trong đường giáng hạ từ Bồ đề này, 'phương diện cao nhất' của thể cảm dục tham gia vào, và xét theo các luân xa, điều này có thể gợi ý rằng trung tâm cao hơn trong hai trung tâm tùng thái dương là trung tâm tham gia.

3. Phương diện của trung tâm tùng thái dương do Sao Hải Vương cai quản thích hợp để tham gia vào đường giáng hạ này, còn phần tùng thái dương do Sao Hỏa cai quản thì không. Theo nghĩa tổng quát hơn, toàn bộ trung tâm tùng thái dương của đệ tử tiến bộ do Sao Hải Vương cai quản; những ảnh hưởng của Sao Hỏa giảm đi rất nhiều.

4. Việc trau dồi trí trừu tượng có thể đưa đệ tử đến *vùng ngoại vi* của ashram của một Chân sư, nhưng chỉ việc trau dồi Bồ đề mới cho phép y được thu hút vào bên trong (đặc biệt, nhưng không chỉ riêng, đối với một Ashram cung hai).

3. Bức xạ đến từ cấp độ atma hay phương diện ý chí của Tam Nguyên Tinh Thần. Đây là biểu hiện phát xạ của năng lực Chân sư tiến vào Hội Đồng tại Shamballa, ghi nhận

Council at Shamballa, to register the purpose of God and to work with the Plan, which is the expression, in any given cycle, of the working out of the divine Will. This aspect of the Master's radiatory activity is of so high a nature that only the advanced initiate-chela can register it.

Thiên Ý của Thượng đế và làm việc với Thiên Cơ, vốn là biểu hiện, trong bất kỳ chu kỳ nào, của sự thực thi Ý Chí thiêng liêng. Phương diện này trong hoạt động bức xạ của Chân sư có bản chất cao siêu đến mức chỉ đệ tử-điểm đạo đồ tiến bộ mới có thể ghi nhận được.

1. We see that the atmic expression of the Master is high, indeed, and allows him to (in some sense at least) enter the Council at Shamballa, and there register the purpose of God.

1. Chúng ta thấy rằng biểu hiện atma của Chân sư quả thực cao siêu, và cho phép Ngài (ít nhất theo một nghĩa nào đó) tiến vào Hội Đồng tại Shamballa, và ở đó ghi nhận Thiên Ý của Thượng đế.

2. It becomes apparent that not all chelas will register this aspect of the Master's radiatory activity. One must be an 'advanced initiate-chela', which may translate as an initiate of the fourth degree (or almost so), for at that degree the will aspect assumes a new potency.

2. Rõ ràng không phải mọi đệ tử đều ghi nhận được phương diện này trong hoạt động bức xạ của Chân sư. Người ấy phải là một 'đệ tử-điểm đạo đồ tiến bộ', điều có thể được hiểu là một điểm đạo đồ bậc bốn (hoặc gần đến bậc ấy), vì ở bậc đó phương diện ý chí có một quyền năng mới.

3. The 'divine Will'may be a term having something to do with the Will of the Solar Logos (for Shamballa reflects that Will).

3. 'Ý Chí thiêng liêng' có thể là một thuật ngữ liên quan phần nào đến Ý Chí của Thái dương Thượng đế (vì Shamballa phản ánh Ý Chí ấy).

It is transmitted into the physical consciousness of the disciple along the following lines:

Bức xạ ấy truyền vào tâm thức hồng trần của đệ tử theo những đường sau:

a. The atmic permanent atom or the focus of the spiritual will, the first aspect of the Spiritual Triad.

a. Nguyên tử trường tồn atma hay tiêu điểm của ý chí tinh thần, phương diện thứ nhất của Tam Nguyên Tinh Thần.

b. The sacrifice petals of the egoic lotus.

b. Các cánh hoa hi sinh của Hoa Sen Chân Ngã.

c. The etheric vehicle in its highest aspects.

c. Hiện thể dĩ thái ở những phương diện cao nhất của nó.

d. The head centre.

d. Trung tâm đầu.

e. The centre at the base of the spine, which is aroused into activity in response to the vibratory radiation of the other four points of transmission.

e. Trung tâm ở đáy cột sống, được khơi dậy để hoạt động khi đáp ứng với bức xạ rung động của bốn điểm truyền dẫn còn lại.

1. It is important to realize one of the major functions of the atmic permanent atom. We may at times question the source of spiritual will. Here we are told that the atmic permanent atom is the 'focus of the spiritual will'.

1. Điều quan trọng là nhận ra một trong những chức năng chủ yếu của nguyên tử trường tồn atma. Đôi khi chúng ta có thể tự hỏi về nguồn gốc của ý chí tinh thần. Ở đây, chúng ta được cho biết rằng nguyên tử trường tồn atma là 'tiêu điểm của ý chí tinh thần'.

2. The particulars we might notice in these lines of energy descent can be most revealing.

2. Những chi tiết mà chúng ta có thể nhận thấy trong các đường giáng hạ năng lượng này có thể hé lộ rất nhiều điều.

3. Just as the line of descent from the buddhic plane passed through the 'astral body in its highest aspects'(perhaps the first two or astral subplanes, or perhaps the first three—reflecting the triad), so it is not all aspects of the etheric body which are involved in the energy transmission from atma finally to the base of the spine. Only the 'etheric vehicle in its highest aspects are involved'. The highest aspects, because the term 'aspects'is plural, has to involve more than one subplane, but it cannot involve four (as then, *all* of the etheric body would be involved—not just its 'highest aspects'). So either two or three subplanes will be involved—either the atomic and sub-atomic subplanes, or the atomic, subatomic and super-etheric subplanes (again, to reflect the triad). The super-etheric subplane would justifiably be included as, in a way, it corresponds to the atmic plane.

3. Cũng như đường giáng hạ từ cõi Bồ đề đi qua 'thể cảm dục ở những phương diện cao nhất của nó' (có lẽ là hai cõi phụ cảm dục đầu tiên, hoặc có lẽ là ba cõi đầu tiên—phản ánh Tam nguyên tinh thần), không phải mọi phương diện của thể dĩ thái đều tham gia vào sự truyền dẫn năng lượng từ atma cuối cùng xuống đáy cột sống. Chỉ 'hiện thể dĩ thái ở những phương diện cao nhất của nó mới tham gia'. Vì từ 'các phương diện' ở dạng số nhiều, những phương diện cao nhất phải bao hàm nhiều hơn một cõi phụ, nhưng không thể bao hàm bốn cõi (vì khi ấy, *toàn bộ* thể dĩ thái sẽ tham gia—chứ không chỉ những 'phương diện cao nhất' của nó). Vì vậy, sẽ có hai hoặc ba cõi phụ tham gia—hoặc cõi phụ nguyên tử và hạ nguyên tử, hoặc cõi phụ nguyên tử, hạ nguyên tử và siêu dĩ thái (một lần nữa, để phản ánh Tam nguyên tinh thần). Có cơ sở để tính cả cõi phụ siêu dĩ thái, vì theo một cách nào đó, nó tương ứng với cõi atma.

4. A very strong hint is given concerning the arousal of the center at the base of the spine; it is aroused into activity 'in response to the

4. Ở đây có một gợi ý rất rõ về sự khơi dậy trung tâm ở đáy cột sống; trung tâm này được khơi dậy để hoạt động 'khi đáp ứng với

vibratory radiation of the other four points of transmission—meaning that if the atmic permanent atom, the sacrifice petals, the higher aspects of the etheric vehicle and the head center are not involved, the based of the spine will not be aroused.

bức xạ rung động của bốn điểm truyền dẫn còn lại'—nghĩa là nếu nguyên tử trường tồn atma, các cánh hoa hi sinh, những phương diện cao hơn của hiện thể dĩ thái và trung tâm đầu không tham gia, thì trung tâm ở đáy cột sống sẽ không được khơi dậy.

5. Therefore, the hint is strong. If a person knows that he should be working on the arousal of the center at the base of the spine, then imagining the energy transmission as involving the four higher points would be an effective means of pursuing this arousal. But such arousal would be dangerous, and further, the whole truth of the matter cannot be contained in the suggestion above, as the ultimate arousal of that center occurs at the fifth initiation at which time one of the stations in the alignment would be missing—the sacrifice petals, for the egoic lotus would have been destroyed.

5. Do đó, gợi ý này rất rõ. Nếu một người biết rằng mình nên làm việc để khơi dậy trung tâm ở đáy cột sống, thì việc hình dung sự truyền dẫn năng lượng có sự tham gia của bốn điểm cao hơn sẽ là một phương cách hiệu quả để theo đuổi sự khơi dậy này. Nhưng sự khơi dậy như thế sẽ nguy hiểm; hơn nữa, gợi ý trên không thể chứa đựng toàn bộ chân lý về vấn đề này, vì sự khơi dậy tối hậu của trung tâm ấy diễn ra ở lần điểm đạo thứ năm, khi một trong những trạm của sự chỉnh hợp không còn nữa—các cánh hoa hi sinh, vì Hoa Sen Chân Ngã khi ấy đã bị hủy diệt.

You will note from a study of the above how abstruse and difficult it is to put into words the nature of the vibratory activity of the Master. All I can do—in default of your intuitive understanding—is to put into technical and academic terms (thereby crystallising the truth and somewhat distorting it) that which cannot be expressed.

Qua việc nghiên cứu những điều trên, các bạn sẽ nhận thấy bản chất hoạt động rung động của Chân sư sâu xa khó hiểu và khó diễn đạt bằng lời đến mức nào. Khi các bạn chưa có sự thấu hiểu trực giác, tất cả những gì Tôi có thể làm là diễn đạt bằng những thuật ngữ chuyên môn và học thuật (qua đó kết tinh chân lý và phần nào làm sai lệch nó) điều vốn không thể diễn đạt.

1. DK has been trying to convey something which is not easily conveyed in words—'the vibratory activity of the Master'.

1. Chân sư DK đã cố gắng truyền đạt một điều không dễ diễn đạt bằng lời—'hoạt động rung động của Chân sư'.

2. Yet it is this vibratory activity which the advancing disciple must increasingly register, understand and transmit.

2. Tuy nhiên, chính hoạt động rung động này là điều mà đệ tử đang tiến bước phải ngày càng ghi nhận, thấu hiểu và truyền dẫn.

3. The Master seems to suggest that (at least in relation to this matter) we, as disciples,

3. Dường như Chân sư muốn nói rằng (ít nhất đối với vấn đề này), chúng ta, với tư

lack sufficient intuitive understanding for Him to really convey His meaning.

cách các đệ tử, chưa có đủ sự thấu hiểu trực giác để Ngài thực sự truyền đạt ý nghĩa của Ngài.

4. What He *is* able to give is, therefore, academic, and consequently crystallized and somewhat distorted.

4. Do đó, điều Ngài *có thể* trao truyền mang tính học thuật, và vì vậy đã kết tinh và phần nào sai lệch.

5. We are attempting to gather a full understanding of what Master DK has expressed, but we must remain cognizant of the thought that what He has been able to express is a limitation upon the truth.

5. Chúng ta đang cố gắng đạt được sự thấu hiểu trọn vẹn về những gì Chân sư DK đã diễn đạt, nhưng phải luôn ý thức rằng những gì Ngài có thể diễn đạt chỉ trình bày chân lý trong một giới hạn.

This threefold radiation of the Master, as it expresses His planned activity and sphere of "influential emanation" is that which draws the disciple into His aura—not in this instance [757] the aura of the Ashram but of that which makes the ashramic aura possible—the Life of the Master.

Bức xạ tam phân này của Chân sư, khi biểu hiện hoạt động đã được Ngài hoạch định và phạm vi "phát xạ mang ảnh hưởng" của Ngài, chính là điều thu hút đệ tử vào hào quang của Ngài—trong trường hợp này, [757] không phải hào quang của Ashram, mà là hào quang của điều làm cho hào quang ashram trở nên khả hữu—Sự Sống của Chân sư.

1. What draws the disciple into the aura of the Master? We are told that it is the 'threefold emanation'from the triadal aspects of the Master.

1. Điều gì thu hút đệ tử vào hào quang của Chân sư? Chúng ta được cho biết đó là 'sự phát xạ tam phân' từ các phương diện Tam nguyên tinh thần của Chân sư.

2. We are not here speaking of the process by which the disciple is drawn into the aura of the Ashram, but of the process which draws him towards the central Life of the Ashram and into the aura of the Master.

2. Ở đây, chúng ta không nói đến tiến trình thu hút đệ tử vào hào quang của Ashram, mà nói đến tiến trình thu hút y hướng về Sự Sống trung tâm của Ashram và vào hào quang của Chân sư.

3. The practical aspect of all this is that one must develop one's responsiveness to the spiritual triad in order to be drawn into the aura of the Master. The building and right utilization of the antahkarana is the way into the Ashram and into increasingly intimate contact with the Master, Himself.

3. Phương diện thực tiễn của tất cả điều này là mỗi người phải phát triển khả năng đáp ứng của mình với Tam Nguyên Tinh Thần để được thu hút vào hào quang của Chân sư. Việc xây dựng và sử dụng đúng antahkarana là con đường đi vào Ashram và đi vào sự tiếp xúc ngày càng mật thiết với chính Chân sư.

One interesting fact might here be given. The moment when an initiate-chela has intensified his vibration so that it is identical with that of the Master andcan hold that rate of vibration as his normal radiatory quality, then he himself becomes a Master.

Ở đây có thể nêu một sự kiện thú vị. Ngay khi một đệ tử-điểm đạo đồ đã tăng cường rung động của mình đến mức đồng nhất với rung động của Chân sư và có thể duy trì nhịp độ rung động ấy như phẩm tính bức xạ bình thường của mình, thì chính y trở thành một Chân sư.

1. There are many ways to think about becoming a Master, about how it is done. Here we are given the method from the perspective of*vibration.*

1. Có nhiều cách để suy nghĩ về việc trở thành một Chân sư, về cách thực hiện điều ấy. Ở đây, chúng ta được cho biết phương pháp từ góc độ *rung động.*

2. We have to achieve a vibration identical to that of the Master and 'hold that rate of vibration'as our 'normal radiatory quality'. One who can do this has become a Master.

2. Chúng ta phải đạt được một rung động đồng nhất với rung động của Chân sư và 'duy trì nhịp độ rung động ấy' như 'phẩm tính bức xạ bình thường' của mình. Người có thể làm điều này đã trở thành một Chân sư.

3. From the practical perspective we have to learn to register increasingly high vibrations and sustain the vibrations registered. As we all know, this is not easy and is the cause of so many disappointments as disciples assess their lives.

3. Từ góc độ thực tiễn, chúng ta phải học cách ghi nhận những rung động ngày càng cao và duy trì những rung động đã ghi nhận. Như tất cả chúng ta đều biết, điều này không dễ và là nguyên nhân của biết bao thất vọng khi các đệ tử đánh giá cuộc đời mình.

In every Ashram, there is always at a given moment some one disciple who is being trained to take the Master's place eventually, thereby releasing Him for higher and more important work. As you know, I was the senior disciple of the Master K.H. and when I became a Master, I released Him for higher work and my place in His group was taken by another disciple on the second ray;

Trong mọi Ashram, vào bất kỳ thời điểm nào, luôn có một đệ tử đang được huấn luyện để cuối cùng đảm nhận vị trí của Chân sư, qua đó giải phóng Ngài để làm công việc cao hơn và quan trọng hơn. Như các bạn biết, Tôi từng là đệ tử cao cấp đứng đầu của Chân sư KH, và khi trở thành một Chân sư, Tôi đã giải phóng Ngài để làm công việc cao hơn; vị trí của Tôi trong nhóm của Ngài do một đệ tử khác thuộc cung hai đảm nhận;

1. Is there reason to believe that this other disciple was AAB? One could ponder upon it as a possibility, but it may be that AAB was not sufficiently developed to do this. She is now, however, *a* senior disciple in the

1. Có lý do nào để tin rằng người đệ tử khác này là AAB không? Có thể suy ngẫm về điều đó như một khả năng, nhưng cũng có thể Bà AAB chưa phát triển đủ để làm điều này. Tuy nhiên, hiện nay Bà là *một* đệ tử cao cấp trong

Ashram of Master KH.

2. The term 'senior disciple'is important and interesting. DK tells us that He was *the* senior disciple in Master KH's Ashram before He, Himself, became a Master.

3. We should remain alert to the distinction between *a* senior disciple and*the* senior disciple.

4. The principle calling for the training of those who aspire to facilitate the release of the one who trains is important. Each of us will have to deal with a reflection of this principle. This is not only true of Masters and those in Ashrams, but of people in business and politics, for instance. One seeks to train one's successor (s).

two disciples are needed to bring about the complete liberation of a Master from all ashramic work and I was the first of the two chosen to do this. The other has not yet made the grade.

1. Again, could this be AAB (especially at the time this was written)?

2. We must also ask ourselves, when a Master becomes a Chohan, is He released from *all* ashramic work? In a way, one would think not, because a Chohan is in charge of an entire Ray Ashram—not just a smaller Ashram within the larger grouping. However, much depends on what is meant by 'ashramic work'.

Ashram của Chân sư KH.

2. Thuật ngữ ‘đệ tử cao cấp’ quan trọng và thú vị. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Ngài từng là *vị* đệ tử cao cấp đứng đầu trong Ashram của Chân sư KH trước khi chính Ngài trở thành một Chân sư.

3. Chúng ta nên lưu tâm đến sự khác biệt giữa *một* đệ tử cao cấp và *vị* đệ tử cao cấp đứng đầu.

4. Nguyên tắc đòi hỏi huấn luyện những người mong muốn góp phần giải phóng người huấn luyện mình là một nguyên tắc quan trọng. Mỗi người chúng ta sẽ phải xử lý một biểu hiện phản ánh nguyên tắc này. Điều này không chỉ đúng với các Chân sư và những người trong các Ashram, mà còn đúng, chẳng hạn, với những người trong kinh doanh và chính trị. Người ta tìm cách huấn luyện người hoặc những người kế nhiệm mình.

cần có hai đệ tử để một Chân sư được giải phóng hoàn toàn khỏi mọi công việc ashram, và Tôi là người đầu tiên trong hai người được chọn để làm điều này. Người kia vẫn chưa đạt yêu cầu.

1. Một lần nữa, liệu người này có thể là Bà AAB không (đặc biệt vào thời điểm đoạn này được viết)?

2. Chúng ta cũng phải tự hỏi, khi một Chân sư trở thành một Đấng Chohan, liệu Ngài có được giải phóng khỏi *mọi* công việc ashram không? Theo một cách nào đó, có lẽ người ta sẽ nghĩ là không, vì một Đấng Chohan phụ trách toàn bộ một Ashram của một cung—chứ không chỉ một Ashram nhỏ hơn trong tập hợp lớn hơn. Tuy nhiên, điều này tùy thuộc rất nhiều vào ý nghĩa của ‘công việc

ashram'.

3. The term 'making the grade'means to measure up to a necessary vibratory level, and thus involves the idea of measuring frequencies. This phrase, thus, has its occult interpretations as well as interpretations which are reflections in the normal world of daily affairs.

3. Cụm từ 'đạt yêu cầu' có nghĩa là đạt đến một cấp độ rung động cần thiết, và do đó bao hàm ý tưởng đo lường các tần số. Vì vậy, cụm từ này có những cách diễn giải huyền bí, cũng như những cách diễn giải phản ánh chúng trong thế giới thông thường của các công việc hằng ngày.

When this process of identification takes place, a moving forward of every member in the entire Ashram becomes possible, e'en though it seldom happens.

Khi tiến trình đồng hoá này diễn ra, mọi thành viên trong toàn bộ Ashram đều có thể tiến lên, dù điều này hiếm khi xảy ra.

1. We are reminded that we are speaking of a process of identification by means of which an initiate becomes a Master.

1. Chúng ta được nhắc rằng mình đang nói đến một tiến trình đồng hoá, nhờ đó một điểm đạo đồ trở thành một Chân sư.

2. DK is telling us that becoming a Master is not so common. Perhaps it will be more common (and more necessary) in the not too distant future.

2. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng việc trở thành một Chân sư không phổ biến đến thế. Có lẽ điều ấy sẽ phổ biến hơn (và cần thiết hơn) trong tương lai không quá xa.

Symbolically speaking, it might be described as a potent expanding impulse which widens the circle of the Ashram so that higher levels can be touched and lower spheres of influence can be included.

Theo nghĩa biểu tượng, có thể mô tả điều này như một xung động mở rộng mạnh mẽ, nới rộng vòng tròn của Ashram để có thể chạm đến những cấp độ cao hơn và bao gồm những phạm vi ảnh hưởng thấp hơn.

1. Every achievement of a member of an Ashram strengthens that Ashram. The supreme achievement of becoming a Master affects the Ashram powerfully; its higher and lower reaches are extended.

1. Mỗi thành tựu của một thành viên trong Ashram đều củng cố Ashram ấy. Thành tựu tối cao là trở thành một Chân sư tác động mạnh mẽ đến Ashram; tầm vươn tới cả phía cao hơn lẫn phía thấp hơn của Ashram đều mở rộng.

2. It is well to notice that when an initiate achieves greater vibratory elevation, He is also equipped to serve more powerfully in lower vibratory levels. This is another perspective on the Word of Power: 'The Highest and the Lowest Meet'.

2. Cần lưu ý rằng khi một điểm đạo đồ đạt được sự nâng cao rung động lớn hơn, Ngài cũng có đủ năng lực để phụng sự mạnh mẽ hơn ở những cấp độ rung động thấp hơn. Đây là một góc nhìn khác về Quyền năng từ: 'Cái Cao Nhất và Cái Thấp Nhất Gặp Nhau'.

Some day, it will be all "realised Hierarchy" for the Hierarchy is but a state of consciousness with the life aspect, Shamballa, at the centre, and the circle of humanity constituting the emanating factor, the radiatory influence or the aura, whereby the other kingdoms in nature are evoked into responsive activity.

Một ngày nào đó, tất cả sẽ là "Thánh đoàn được chứng nghiệm", vì Thánh đoàn chỉ là một trạng thái tâm thức với phương diện sự sống, Shamballa, ở trung tâm, và vòng tròn nhân loại tạo thành nhân tố phát xạ, ảnh hưởng bức xạ hay hào quang, qua đó các giới khác trong thiên nhiên được khơi dậy để hoạt động đáp ứng.

1. A great synthetic statement is here offered.

1. Ở đây, một phát biểu tổng hợp lớn lao được đưa ra.

2. When Hierarchy is contrasted with Shamballa and humanity, it occupies the second place. But Hierarchy can be conceived in broader terms, and all three can be seen as one divine *hierarchical* process.

2. Khi đặt Thánh đoàn trong sự đối chiếu với Shamballa và nhân loại, Thánh đoàn giữ vị trí thứ hai. Nhưng có thể quan niệm Thánh đoàn theo nghĩa rộng hơn, và có thể xem cả ba là một tiến trình thiêng liêng duy nhất *theo thứ bậc*.

3. The perspective on humanity is interesting: it will become the emanating factor and radiatory influence, *or the aura* whereby the lower kingdoms of nature are evoked.

3. Góc nhìn về nhân loại thật thú vị: nhân loại sẽ trở thành nhân tố phát xạ và ảnh hưởng bức xạ, *hay hào quang* qua đó các giới thấp trong thiên nhiên được khơi dậy.

4. This tells us that the aura (like humanity) is related to the third or*expressive* aspect.

4. Điều này cho chúng ta biết rằng hào quang (cũng như nhân loại) liên quan đến phương diện thứ ba, hay phương diện *biểu hiện*.

This is a broad and general picture of this stage of discipleship as I have attempted to convey its individual implications and its more esoteric group results. More I may not say, nor can I enlarge upon the process whereby a chela within the aura can at will and for the meeting of some urgent need confer with the Master in the Ashram.

Đây là bức tranh khái quát và tổng quát về giai đoạn này của địa vị đệ tử, khi Tôi đã cố gắng truyền đạt những hàm ý của nó đối với cá nhân và những kết quả nhóm mang tính nội môn hơn. Tôi không được phép nói thêm, cũng không thể trình bày rộng hơn về tiến trình mà qua đó một đệ tử trong hào quang có thể tùy ý và để đáp ứng một nhu cầu cấp bách nào đó, trao đổi với Chân sư trong Ashram.

1. There are techniques for a chela on the thread to contact his Master, and higher techniques whereby a chela within the aura

1. Có những kỹ thuật để một đệ tử trên đường dây tiếp xúc với Chân sư của mình, và những kỹ thuật cao hơn để một đệ tử trong

may set up a conference with the Master of the Ashram. Master DK has told us that when we are chelas on the thread we will be given the appropriate technique; when we have measured up to the grade of chela within the aura, we may presume that the appropriate technique will also be conferred.

hào quang có thể thu xếp một cuộc trao đổi với Chân sư của Ashram. Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng khi là các đệ tử trên đường dây, chúng ta sẽ được truyền dạy kỹ thuật thích hợp; khi đã đạt đến cấp bậc đệ tử trong hào quang, chúng ta có thể cho rằng kỹ thuật thích hợp cũng sẽ được truyền dạy.

One thing only can I tell you. The Master always has three disciples who are His closest cooperators and intermediaries. They have emerged "into His consciousness," as it is called, in response to the radiatory activity of His threefold spiritual nature. They work very closely with Him and watch over the other disciples in the group [758] according to their need, their ray and their point of development.

Tôi chỉ có thể nói với các bạn một điều. Chân sư luôn có ba đệ tử là những người cộng tác và trung gian gần gũi nhất của Ngài. Họ đã tiến "vào trong tâm thức của Ngài", như cách gọi, do đáp ứng với hoạt động bức xạ của bản chất tinh thần tam phân của Ngài. Họ làm việc rất gần gũi với Ngài và trông nom những đệ tử khác trong nhóm [758] tùy theo nhu cầu, cung và mức độ phát triển của những người ấy.

1. While it takes two disciples to release a Master from ashramic duties, there are three disciples who are especially close to the Master.

1. Trong khi cần có hai đệ tử để giải phóng một Chân sư khỏi những nhiệm vụ ashram, có ba đệ tử đặc biệt gần gũi với Chân sư.

2. How do they assume the position of the Master's closest cooperators and intermediaries? They have responded so completely to 'the radiatory activity of His threefold spiritual nature (i.e., triadal nature), that they have 'emerged into His consciousness'. Obviously this cannot be forced. It is a question of the deepest attunement with the Master and His purposes.

2. Làm thế nào họ đảm nhận vị trí những người cộng tác và trung gian gần gũi nhất của Chân sư? Họ đã đáp ứng trọn vẹn đến mức với 'hoạt động bức xạ của bản chất tinh thần tam phân của Ngài' (tức bản chất Tam nguyên tinh thần), nên họ đã 'tiến vào trong tâm thức của Ngài'. Hiển nhiên không thể cưỡng ép điều này. Đó là vấn đề hòa điệu sâu xa nhất với Chân sư và những mục đích của Ngài.

You will remember in this connection how even the Christ had three disciples who were closer to Him than the other nine. This is ever true.

Về điều này, các bạn sẽ nhớ rằng ngay cả Đức Christ cũng có ba đệ tử gần gũi với Ngài hơn chín người còn lại. Điều này luôn đúng.

1. We are dealing with a twelvefold division, and perhaps the numbers three and nine are particularly important in the functioning of

1. Chúng ta đang bàn đến một sự phân chia thành mười hai phần, và có lẽ các con số ba và chín đặc biệt quan trọng trong hoạt động

an Ashram. There is a special figure which may suggest the configuration of an Ashram; it consists of a central triangle surrounded by three triangles each of which shares a vertex of the central triangle. It consists, therefore, of four triangles and nine points, but three of the points are 'repeated', thus making the twelve.

của một Ashram. Có một hình đặc biệt có thể gợi ra cấu hình của một Ashram; hình ấy gồm một tam giác trung tâm được bao quanh bởi ba tam giác, mỗi tam giác cùng chung một đỉnh với tam giác trung tâm. Vì vậy, hình ấy gồm bốn tam giác và chín điểm, nhưng ba trong số các điểm được 'lặp lại', nhờ đó tạo thành mười hai.

2. DK tells us that this numerical division is 'ever true', and thus, an important hint is given.

2. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng sự phân chia theo con số này 'luôn đúng', và như vậy, một gợi ý quan trọng được đưa ra.

In the Biblical story anent the Christ, you have—among other things—conveyed a picture of an Ashram as technically constituted and of the Hierarchy as it essentially exists. There were the three disciples, beloved and close; then the nine, who completed the inner Ashram. Next came the seventy who were symbolic of the Ashram as a whole and, finally, the five hundred who typified those upon the Probationary Path who were under supervision by the Master, but not by the three, the nine and the seventy until the time comes to admit them to the Path of Accepted Discipleship.

Trong câu chuyện Kinh Thánh về Đức Christ, bên cạnh những điều khác, các bạn được thấy một bức tranh về một Ashram với cấu trúc chuyên biệt của nó, và về Thánh đoàn như thực chất của Thánh đoàn. Có ba đệ tử được yêu quý và gần gũi; rồi đến chín người, hợp thành Ashram bên trong. Tiếp đến là bảy mươi người tượng trưng cho toàn bộ Ashram, và cuối cùng là năm trăm người tiêu biểu cho những người trên Con Đường Dự Bị chịu sự giám sát của Chân sư, nhưng chưa chịu sự giám sát của ba người, chín người và bảy mươi người cho đến lúc được thu nhận vào Con Đường Đệ Tử Được Chấp Nhận.

1. This is a remarkable section concerning the functioning of an Ashram. Christ and His twelve disciples out-pictured for us the workings of a hierarchical Ashram.

1. Đây là một đoạn đáng chú ý về hoạt động của một Ashram. Đức Christ và mười hai đệ tử của Ngài đã thể hiện cho chúng ta thấy cách vận hành của một Ashram thuộc Thánh đoàn.

2. The numbers given are, it seems, partially literal and partially symbolical.

2. Dường như các con số được đưa ra một phần mang nghĩa đen, một phần mang nghĩa biểu tượng.

3. When we look at the structure of the egoic lotus, we see the jewel in the lotus as the Christ; the three beloved disciples are symbolized by the synthesizing petals; and

3. Khi nhìn vào cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã, chúng ta thấy Bảo Ngọc Trong Hoa Sen như Đức Christ; ba đệ tử được yêu quý có biểu tượng là các cánh hoa tổng hợp; còn

the remaining nine who were also close to the Master, by the three tiers of three petals each—the nine.

4. The number seventy symbolically completes the Ashram as a whole. This number has a cross reference to the middle number in the symbolical 777 incarnations experienced by the human Jiva—700 + 70 + 7.

5. The number seven suggests training for initiation.

6. The number five, which is related to the five hundred, suggests mental training, and is also the number most associated with the cycles of the second ray (under which all probationary disciples come).

7. It is interesting that the Master supervises the five hundred but that the members of the Ashram do not—*until* these five hundred become accepted disciples.

In the greatest Ashram of all, Sanat Kumara has the same sequence of relationships among the great Beings Who form His group of active workers. Bear in mind, however, that these figures are symbolic and not factual.

1. DK points to the symbolical nature of the numbers given. We are told, however, that the *three* surrounding the Master are actually and factually *three*. Every point has its triangle and every triangle its central point.

2. The number three has a factual meaning in relation to Sanat Kumara and the three Buddhas of Activity.

chín người còn lại, cũng gần gũi với Chân sư, có biểu tượng là ba tầng, mỗi tầng gồm ba cánh hoa—tổng cộng chín cánh.

4. Con số bảy mươi hoàn tất toàn bộ Ashram theo nghĩa biểu tượng. Con số này có mối liên hệ đối chiếu với con số ở giữa trong 777 kiếp lâm phàm mang tính biểu tượng mà linh hồn cá nhân của con người trải qua—700 + 70 + 7.

5. Con số bảy gợi đến việc huấn luyện để điểm đạo.

6. Con số năm, liên quan đến năm trăm người, gợi đến việc huấn luyện trí tuệ, và cũng là con số gắn liền nhất với các chu kỳ của cung hai (cung mà tất cả các đệ tử dự bị đều chịu ảnh hưởng).

7. Điều thú vị là Chân sư giám sát năm trăm người, còn các thành viên của Ashram thì không—*cho đến khi* năm trăm người này trở thành những đệ tử được chấp nhận.

Trong Ashram vĩ đại nhất, Sanat Kumara cũng có cùng một trình tự các mối quan hệ giữa những Sinh Mệnh vĩ đại hợp thành nhóm những người hoạt động tích cực của Ngài. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ rằng các con số này mang tính biểu tượng và không phải là những con số thực tế.

1. Chân sư DK chỉ ra tính biểu tượng của những con số được đưa ra. Tuy nhiên, chúng ta được cho biết rằng *ba người* quanh Chân sư thực sự và trên thực tế đúng là *ba người*. Mỗi điểm đều có tam giác của nó và mỗi tam giác đều có điểm trung tâm của nó.

2. Con số ba mang ý nghĩa thực tế trong mối liên hệ với Sanat Kumara và ba vị Phật Hoạt Động.

3. DK says that the same 'sequence of relationships'is also found in Shamballa.

3. Chân sư DK nói rằng cùng một 'trình tự các mối quan hệ' ấy cũng hiện hữu ở Shamballa.

4. By that He may mean a sequence which is divided into—

4. Qua đó, có thể Ngài muốn nói đến một trình tự được phân chia thành—

1. Those who are *very* close—the three intimate ones.

1. Những vị *rất* gần gũi—ba vị thân cận.

2. Those who are close

2. Những vị gần gũi

3. Those who are 'accepted'(in this instance, as members of Shamballa)

3. Những vị 'được chấp nhận' (trong trường hợp này, với tư cách thành viên của Shamballa)

4. Those who are in training (i.e., on probation) for acceptance.

4. Những vị đang được huấn luyện (tức đang trong giai đoạn dự bị) để được chấp nhận.

5. Whatever the actual numbers may be, they are not given.

5. Dù các con số thực tế là bao nhiêu, chúng cũng không được cho biết.

The number of disciples in an Ashram varies constantly, but always there are the three who are responsible to the Master for all ashramic activity, who are in His closest councils and who carry out His plans. The chain of Hierarchy is great and immutable and the sequences unalterable.

Số lượng đệ tử trong một Ashram biến đổi không ngừng, nhưng luôn có ba người chịu trách nhiệm trước Chân sư về mọi hoạt động ashram, tham dự những cuộc bàn nghị thân cận nhất của Ngài và thực hiện những kế hoạch của Ngài. Chuỗi liên kết của Thánh đoàn vĩ đại và bất biến, còn các trình tự thì không thể thay đổi.

1. DK gives us a realistic picture of the numbers of disciples in an Ashram: the number varies constantly, but the *three* remain constant.

1. Chân sư DK cho chúng ta một bức tranh thực tế về số lượng đệ tử trong một Ashram: số lượng ấy biến đổi không ngừng, nhưng *ba người* vẫn luôn cố định.

2. The three are in a Master's 'closest councils'and carry out His plans.

2. Ba người ấy tham dự những 'cuộc bàn nghị thân cận nhất' của một Chân sư và thực hiện những kế hoạch của Ngài.

3. We can see this when thinking of the 'Council Chamber in Shamballa'. The three Buddhas of Activity are in Sanat Kumara's

3. Chúng ta có thể thấy điều này khi nghĩ đến 'Phòng Hội Đồng tại Shamballa'. Ba vị Phật Hoạt Động tham dự những 'cuộc bàn

'closest councils'.

In considering the theme of the chela within the Master's aura, we have seen that the true pledged disciple who has reached the stage of being an accepted disciple passes from point to point within the circumference of a Master's sphere of influence until he reaches a period wherein he consciously "knows" his Master's aura. Now that, my brothers, is a perfectly meaningless phrase, but it is technically and esoterically correct. I will paraphrase its significance for you in an endeavour to give you some of the vital implications.

1. Here is offered a brief recapitulation of the entire process—the manner in which a pledged disciple becomes an accepted disciple and eventually comes to the point when he 'knows'his Master's aura.

2. In this, DK has given us a piece of technical occultism. We must ponder on the term 'know'.

3. Below is Master DK's discussion of the meaning of *knowing* the Master's aura.

1. He is aware not only of the Master, but of what is in the Master's mind. That means that he is telepathically en rapport with his Master.

2. He is consciously past all inward discussion of what the Master wants him to do. He knows the part which he has to play.

3. He responds sensitively to the Master's aura not only upon the inner planes of life and in the Ashram proper, [759] but also with his physical brain. He moves within the

nghị thân cận nhất' của Sanat Kumara.

Khi xem xét chủ đề đệ tử trong hào quang của Chân sư, chúng ta đã thấy rằng người đệ tử cam kết chân chính, đã đạt đến giai đoạn đệ tử được chấp nhận, đi từ điểm này đến điểm khác trong phạm vi ảnh hưởng của một Chân sư cho đến khi đạt tới một thời kỳ mà y "biết" một cách hữu thức hào quang của Chân sư mình. Hỡi các huynh đệ của Tôi, đó là một cụm từ hoàn toàn vô nghĩa, nhưng lại chính xác về mặt chuyên môn và huyền bí. Tôi sẽ diễn giải thâm nghĩa của nó cho các bạn, nhằm cố gắng truyền đạt phần nào những hàm ý thiết yếu.

1. Ở đây có một bản tóm lược ngắn gọn toàn bộ tiến trình—cách một đệ tử cam kết trở thành đệ tử được chấp nhận và cuối cùng đạt tới chỗ "biết" hào quang của Chân sư mình.

2. Qua điều này, Chân sư DK đã cung cấp cho chúng ta một nội dung chuyên môn của huyền bí học. Chúng ta phải suy ngẫm về từ "biết".

3. Dưới đây là phần Chân sư DK bàn về ý nghĩa của việc *biết* hào quang của Chân sư.

1. Y nhận biết không chỉ Chân sư, mà còn cả những gì có trong thể trí của Ngài. Điều đó có nghĩa là y giao cảm viễn cảm với Chân sư mình.

2. Trong tâm thức, y đã vượt qua mọi sự bàn luận nội tâm về điều Chân sư muốn y làm. Y biết vai trò mình phải đảm nhận.

3. Y đáp ứng nhạy bén với hào quang của Chân sư không chỉ trên các cõi bên trong của sự sống và trong chính ashram, [759] mà còn bằng bộ não hồng trần của mình. Y hoạt

aura in his daily physical plane life. This process necessarily falls into five stages:

1. We can see that the disciple who 'knows'His Master's aura is undeflectable. He knows the Master's thought and wishes. He know what the Master would have him do, and remains sensitive to the aura not only on the inner planes but in his brain consciousness on the physical plane. He does not stray from this auric contact.

2. DK elaborates the stages of this development.

a. He is telepathically en rapport. His mind and his brain respond to the Master's mind.

1. In the type of telepathy achieved, we note there is no mention of the Master's brain because the physical 'appearance' of the Master is not that which is of greatest consequence (and may be an intermittent appearance in any case, according to when a Mayavirupa is used).

b. He is, therefore, mentally aware of the content of the Master's mind. This affects his life and service and his mind constantly formulates the telepathic impressions into organised formulas which are then available for directive processes.

1. The thinking process of such a chela is under the direct impression of the Master. He is thinking, to the best of his ability, as the Master would think (in his own particular circumstances)

c. Being, at this stage, relatively free from

động trong hào quang ấy trong đời sống hằng ngày trên cõi hồng trần. Tiến trình này tất yếu gồm năm giai đoạn:

1. Chúng ta có thể thấy rằng người đệ tử "biết" hào quang của Chân sư mình thì không thể bị làm chệch hướng. Y biết tư tưởng và mong muốn của Chân sư. Y biết điều Chân sư muốn y làm, và vẫn nhạy bén với hào quang ấy không chỉ trên các cõi bên trong mà còn trong tâm thức não bộ trên cõi hồng trần. Y không rời khỏi sự tiếp xúc với hào quang này.

2. Chân sư DK trình bày chi tiết các giai đoạn của sự phát triển này.

a. Y giao cảm viễn cảm. Thể trí và bộ não của y đáp ứng với thể trí của Chân sư.

1. Trong loại viễn cảm đã đạt được này, chúng ta lưu ý rằng không có sự đề cập nào đến bộ não của Chân sư, vì "vẻ ngoài" hồng trần của Ngài không phải là điều quan trọng nhất (và trong mọi trường hợp, sự xuất hiện ấy có thể chỉ diễn ra từng lúc, tùy theo thời điểm huyễn thân được sử dụng).

b. Do đó, về mặt trí tuệ, y nhận biết nội dung trong thể trí của Chân sư. Điều này ảnh hưởng đến đời sống và sự phụng sự của y, và thể trí của y không ngừng định hình những ấn tượng viễn cảm thành các công thức có tổ chức, để rồi có thể sử dụng chúng trong các tiến trình chỉ đạo.

1. Tiến trình tư duy của một đệ tử như thế chịu ấn tượng trực tiếp từ Chân sư. Trong khả năng tốt nhất của mình, y suy nghĩ như Chân sư sẽ suy nghĩ (trong hoàn cảnh riêng của chính y)

c. Ở giai đoạn này, vì tương đối thoát khỏi ảo

glamour, he is able to respond from the angle of sensitivity and feeling and consequently able to bring through the Master's plans (his share of them) on to the astral plane.

cảm, y có thể đáp ứng từ góc độ nhạy cảm và cảm nhận, và do đó có thể đưa các kế hoạch của Chân sư (phần việc của y trong các kế hoạch ấy) xuống cõi cảm dục.

1. The chela still has an astral body, but is relatively free from glamor. A chela within the aura must be an initiate of the third degree. This means that a third degree initiate may still have *some* glamorous responses.

1. Người đệ tử vẫn có một thể cảm dục, nhưng tương đối thoát khỏi ảo cảm. Một đệ tử trong hào quang phải là điểm đạo đồ bậc ba. Điều này có nghĩa là một điểm đạo đồ bậc ba vẫn có thể có *một số* đáp ứng mang tính ảo cảm.

2. We see that an astral body is an important medium of contact even for an initiate. The majority of people have to be contacted via the astral body, and so it cannot be ineffective in the life of the initiate. The Master does also have plans to the astral plane, not only the physical.

2. Chúng ta thấy rằng thể cảm dục là một phương tiện tiếp xúc quan trọng ngay cả đối với một điểm đạo đồ. Phải tiếp xúc với đa số mọi người qua thể cảm dục, nên thể này không thể thiếu hiệu quả trong đời sống của điểm đạo đồ. Chân sư cũng có những kế hoạch dành cho cõi cảm dục, chứ không chỉ cho cõi hồng trần.

d. Etherically, he can begin to work with and use the ashramic force which his Master and his soul can make available to him to use upon the physical plane. He becomes what is called a "projector of force" and can then produce results upon the physical plane.

d. Về mặt dĩ thái, y có thể bắt đầu làm việc với và sử dụng mãnh lực ashram mà Chân sư và linh hồn của y có thể cung cấp để y sử dụng trên cõi hồng trần. Y trở thành người được gọi là “người phóng chiếu mãnh lực”, và khi ấy có thể tạo ra kết quả trên cõi hồng trần.

1. The emphasis is laid on the etheric body. There is a direct connection between the Ashram (found within the cosmic ethers) and the microcosmic ethers of the chela.

1. Trọng tâm được đặt vào thể dĩ thái. Có một mối liên hệ trực tiếp giữa ashram (nằm trong các tầng dĩ thái vũ trụ) và các tầng dĩ thái tiểu thiên địa của người đệ tử.

2. The results to be produced are in line with ashramic intent. These results may have a certain magical content as they will have the force of the Ashram behind them.

2. Những kết quả cần tạo ra phù hợp với chủ đích của ashram. Những kết quả này có thể hàm chứa một yếu tố huyền thuật nhất định, vì có mãnh lực của ashram hỗ trợ phía sau.

3. We note here, that the term 'soul'is used. The 'soul'as well as the Ashram makes

3. Ở đây, chúng ta lưu ý rằng từ “linh hồn” được sử dụng. “Linh hồn”, cũng như ashram,

'ashramic force'available to him. Is this the force of the Solar Angel, or the triadal force of the disciple himself?

cung cấp "mãnh lực ashram" cho y. Đây là mãnh lực của Thái dương Thiên Thần, hay mãnh lực Tam Nguyên Tinh Thần của chính người đệ tử?

e. His brain becomes consciously aware of the simultaneity of the above four processes so that he passes into a new phase of conscious discipleship. Through his own soul and the Master's sphere of influence the Plan lies open before him. I would point out that this is not only a higher stage of discipleship but presupposes initiate understanding.

e. Bộ não của y nhận biết một cách hữu thức tính đồng thời của bốn tiến trình nói trên, nhờ đó y bước vào một giai đoạn mới của địa vị đệ tử hữu thức. Qua linh hồn của chính y và phạm vi ảnh hưởng của Chân sư, Thiên Cơ mở ra trước mắt y. Tôi muốn chỉ ra rằng đây không chỉ là một giai đoạn cao hơn của địa vị đệ tử, mà còn đòi hỏi phải có sẵn sự thấu hiểu của một điểm đạo đồ.

1. We are told directly that a chela in the aura must be an initiate (i.e., one with 'initiate understanding').

1. Chúng ta được cho biết trực tiếp rằng một đệ tử trong hào quang phải là một điểm đạo đồ (tức là người có "sự thấu hiểu của một điểm đạo đồ").

2. It is clear from the use of the word 'simultaneity'(and from the number*four*) that such a chela is intuitively responsive. The four processes mentioned above will function together and because of their simultaneous functioning a 'new phase of conscious discipleship'opens up before him.

2. Qua việc sử dụng từ "tính đồng thời" (và con số *bốn*), rõ ràng một đệ tử như thế đáp ứng bằng trực giác. Bốn tiến trình nói trên sẽ cùng hoạt động, và nhờ hoạt động đồng thời ấy, một "giai đoạn mới của địa vị đệ tử hữu thức" mở ra trước mắt y.

3. The chela within the aura has the nature of the Plan open to him to a far greater degree than will be possible during the earlier stages of discipleship.

3. Đối với đệ tử trong hào quang, bản chất của Thiên Cơ mở ra ở một mức độ lớn hơn nhiều so với những gì có thể đạt được trong các giai đoạn trước của địa vị đệ tử.

The neophyte knows that the goal of the occultist is to work with forces. He fails, however, to recognise that this may not be consciously done until—

Người sơ cơ biết rằng mục tiêu của nhà huyền bí học là làm việc với các mãnh lực. Tuy nhiên, y không nhận ra rằng chỉ có thể thực hiện điều này một cách hữu thức khi—

1. That we, as disciples, may *intend* to work with forces is no guarantee that we will succeed immediately. It would seem that a long apprenticeship is required.

1. Việc chúng ta, với tư cách là đệ tử, có thể *có ý định* làm việc với các mãnh lực không bảo đảm rằng chúng ta sẽ thành công ngay lập tức. Dường như cần có một thời kỳ học việc lâu dài.

1. He has for a long time been simply a channel. I would have you reflect on that thought. The attainment of the capacity to be a pure channel and an unimpeded distributor is the first goal and it takes a long time. The force usually dispensed by a disciple, until the channel stage is automatic and established, is normally coloured by personality distinctiveness (even if a high grade personality). [760] The time has to come when the disciple can, at will, distribute the ashramic and group-soul energy in their pure state.

1. Trong một thời gian dài, y đã chỉ đơn thuần là một kênh dẫn. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về tư tưởng ấy. Đạt được khả năng trở thành một kênh dẫn thanh khiết và một người phân phối không bị cản trở là mục tiêu đầu tiên, và điều này đòi hỏi một thời gian dài. Thông thường, mãnh lực mà một đệ tử phân phối, cho đến khi giai đoạn kênh dẫn trở nên tự động và vững chắc, vẫn nhuốm sắc thái riêng biệt của phàm ngã (dù đó là một phàm ngã có phẩm chất cao). [760] Phải đến lúc người đệ tử có thể, theo ý muốn, phân phối năng lượng ashram và năng lượng hồn nhóm trong trạng thái tinh khiết của chúng.

1. The term 'pure channel'is here used, expressing one of important requirements set before a disciple if he is to be able to 'work with forces'.

1. Ở đây, thuật ngữ "kênh dẫn thanh khiết" được sử dụng, diễn đạt một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra cho một đệ tử nếu y muốn có khả năng "làm việc với các mãnh lực".

2. There is, therefore, such a thing as a 'channel stage'of discipleship, but it has little to do with the kind of impure and distorted 'channeling' that is presently in vogue.

2. Do đó, quả thực có một "giai đoạn kênh dẫn" của địa vị đệ tử, nhưng giai đoạn này ít liên quan đến kiểu "truyền dẫn" thiếu thanh khiết và méo mó hiện đang thịnh hành.

3. DK is realistic about the mode of force distribution possible to most disciples. Usually, 'personality distinctiveness'colors the distribution of energy originating in the Ashram.

3. Chân sư DK nhìn nhận thực tế về phương thức phân phối mãnh lực mà phần lớn đệ tử có thể thực hiện. Thông thường, "sắc thái riêng biệt của phàm ngã" nhuộm màu sự phân phối năng lượng bắt nguồn từ ashram.

4. We can understand how much selflessness and decentralization is required of one who would channel ashramic and 'group-soul energy in their pure state'. He, as a personality, must 'get out of the way' of the energy to be distributed.

4. Chúng ta có thể thấu hiểu mức độ vị tha và phi tập trung vào bản thân cần có nơi người muốn truyền dẫn năng lượng ashram và "năng lượng hồn nhóm trong trạng thái tinh khiết của chúng". Với tư cách là một phàm ngã, y phải "tránh sang một bên" để năng lượng cần phân phối có thể đi qua.

5. The Ashram must become the focus of life, and all thought of the personality

5. Ashram phải trở thành trọng tâm của đời sống, và mọi suy nghĩ về phàm ngã (ngoại

(except as an instrument of distribution) be put aside.

2. He has, therefore, to distribute energy and not force. There is much confusion in the minds of many disciples upon this matter. Until a man is an initiate of high degree, he seldom dispenses energy. He works with forces and they concern the three worlds. It has been said (esoterically) that "when the disciple can distribute the four forces and make their seven notes heard, each note of the seven having a fourfold expression, he is not able to work with energy. When he works with energy, he works with seven and not with twenty-eight." Reflect upon this. I would add that the twenty-eight belong to the seven and when the disciple works with seven, he normally and automatically releases the twenty-eight, working under the impression of the seven ray qualities.

1. The paragraph immediately above is very occult in its implications.

2. Probably we all have some experience pondering the distinction between energy and force.

3. In the paragraph immediately preceding the one above, DK tells us that the disciple must learn to work with forces. Here we are told that that which he must distribute is 'energy and not force'.

4. It is interesting to read that only 'an initiate of high degree'(usually) dispenses energy. Such an initiate must be an arhat or, even more likely, a Master.

trừ vai trò công cụ phân phối) phải được gạt sang một bên.

2. Do đó, y phải phân phối năng lượng chứ không phải mãnh lực. Trong thể trí của nhiều đệ tử có nhiều sự nhầm lẫn về vấn đề này. Chừng nào chưa là một điểm đạo đồ cấp cao, con người hiếm khi phân phối năng lượng. Y làm việc với các mãnh lực, và chúng liên quan đến ba cõi giới. Người ta đã nói (một cách huyền bí) rằng "khi người đệ tử có thể phân phối bốn mãnh lực và khiến bảy âm điệu của chúng vang lên, mỗi âm trong số bảy âm có một biểu hiện tứ phân, y không có khả năng làm việc với năng lượng. Khi làm việc với năng lượng, y làm việc với bảy chứ không phải với hai mươi tám." Hãy suy ngẫm về điều này. Tôi muốn nói thêm rằng hai mươi tám thuộc về bảy, và khi người đệ tử làm việc với bảy, y thường tự động giải phóng hai mươi tám, hoạt động dưới ấn tượng của bảy phẩm tính cung.

1. Đoạn ngay phía trên hàm chứa những ý nghĩa rất huyền bí.

2. Có lẽ tất cả chúng ta đều đã có phần nào kinh nghiệm suy ngẫm về sự khác biệt giữa năng lượng và mãnh lực.

3. Trong đoạn ngay trước đoạn trên, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng người đệ tử phải học cách làm việc với các mãnh lực. Ở đây, chúng ta được cho biết rằng điều y phải phân phối là "năng lượng chứ không phải mãnh lực".

4. Thật thú vị khi đọc rằng (thông thường) chỉ "một điểm đạo đồ cấp cao" mới phân phối năng lượng. Một điểm đạo đồ như thế phải là một vị A La Hán, hoặc nhiều khả năng hơn nữa, là một Chân sư.

5. May we say that an 'initiate of high degree'is equivalent to an 'advanced initiate chela'?

5. Liệu chúng ta có thể nói rằng một "điểm đạo đồ cấp cao" tương đương với một "đệ tử điểm đạo cao cấp" không?

6. The usual disciple usually works with forces related to the three worlds. He does not yet work consciously within the world of souls.

6. Người đệ tử thông thường thường làm việc với những mãnh lực liên quan đến ba cõi giới. Y chưa làm việc một cách hữu thức trong thế giới linh hồn.

7. The following occult sentence given must be pondered seriously and is not easy of penetration.

7. Câu huyền bí sau đây cần được suy ngẫm nghiêm túc và không dễ thấu suốt.

'...when the disciple can distribute the four forces and make their seven notes heard, each note of the seven having a fourfold expression, he is not able to work with energy. When he works with energy, he works with seven and not with twenty-eight.'

"...khi người đệ tử có thể phân phối bốn mãnh lực và khiến bảy âm điệu của chúng vang lên, mỗi âm trong số bảy âm có một biểu hiện tứ phân, y không có khả năng làm việc với năng lượng. Khi làm việc với năng lượng, y làm việc với bảy chứ không phải với hai mươi tám."

8. We might ask, what are the 'four forces'? It would seem that they relate to the personality nature of the disciple. One of the numbers associated with personality is twenty-eight, and personality cycles occur in fours and sevens.

8. Chúng ta có thể hỏi: "bốn mãnh lực" là gì? Dường như chúng liên quan đến bản chất phàm ngã của người đệ tử. Một trong những con số gắn với phàm ngã là hai mươi tám, và các chu kỳ phàm ngã diễn ra theo nhóm bốn và bảy.

9. We can conceive of the 'seven'as related to the seven rays that may be expressed by the personality.

9. Chúng ta có thể hình dung "bảy" liên quan đến bảy cung mà phàm ngã có thể biểu hiện.

10. It may be that some consideration of the subplanes must enter if we are to arrive at the meaning of this ancient statement.

10. Có thể cần phải xem xét phần nào các cõi phụ nếu chúng ta muốn đi đến ý nghĩa của lời phát biểu cổ xưa này.

11. We have four forces, seven notes and a fourfold expression of each of the seven notes.

11. Chúng ta có bốn mãnh lực, bảy âm điệu và một biểu hiện tứ phân của mỗi âm trong số bảy âm ấy.

12. The number 'four'(in this context) would seem to be related to the square rather than to the four higher ethers. As well, the 'lower

12. Con số "bốn" (trong ngữ cảnh này) dường như liên quan đến hình vuông hơn là bốn tầng dĩ thái cao. Đồng thời, nó cũng gợi đến

quaternary'of the human being is suggested.

13. There is, we see, greater complexity in the process of the one who cannot yet work with energy.

14. The 'seven'with which the high initiate works (the one capable of dispensing energy) may be the seven related to the Seven Ashrams, and not to the personality equipment of the initiate—even the individual soul ray.

15. We have been speaking of the individual coloring placed upon ashramic energy, and the ancient statement given above seems to suggest how one may transcend 'personality distinctiveness'in the expression of energy.

3. He has to learn the uses of distinction and of synthesis. Herein lies a potent occult hint of special use to workers.

1. DK gives a potent occult hint to those who would succeed in the task of dispensing energy.

2. *Both* the factors of 'distinction'and 'synthesis'are necessary to the one who would dispense energies and work with forces.

3. The worker in synthesis is consistently aware of wholeness; the capacity to recognize and utilize distinction is, however, present.

4. The worker who would dispense energy to the three worlds must, however, know the *distinctions* between energies and how they may be applied.

"bộ tứ thấp" của con người.

13. Chúng ta thấy rằng tiến trình của người chưa thể làm việc với năng lượng có mức độ phức tạp lớn hơn.

14. "Bảy" mà điểm đạo đồ cấp cao làm việc cùng (người có khả năng phân phối năng lượng) có thể là bảy liên quan đến Bảy Ashram, chứ không liên quan đến các vận cụ phàm ngã của điểm đạo đồ—kể cả cung linh hồn cá nhân.

15. Chúng ta đã nói về sắc thái cá nhân phủ lên năng lượng ashram, và lời phát biểu cổ xưa nêu trên dường như gợi ý cách người ta có thể vượt qua "sắc thái riêng biệt của phàm ngã" trong sự biểu hiện năng lượng.

3. Y phải học cách sử dụng sự phân biệt và sự tổng hợp. Chính trong điều này có một gợi ý huyền bí mạnh mẽ, đặc biệt hữu ích cho những người hoạt động.

1. Chân sư DK đưa ra một gợi ý huyền bí mạnh mẽ cho những ai muốn thành công trong nhiệm vụ phân phối năng lượng.

2. *Cả hai* yếu tố "phân biệt" và "tổng hợp" đều cần thiết đối với người muốn phân phối các năng lượng và làm việc với các mãnh lực.

3. Người hoạt động trong sự tổng hợp luôn nhận biết tính toàn thể; tuy nhiên, khả năng nhận ra và vận dụng sự phân biệt vẫn hiện diện.

4. Tuy nhiên, người hoạt động muốn phân phối năng lượng đến ba cõi giới phải biết những *khác biệt* giữa các năng lượng và cách áp dụng chúng.

5. For the initiate, synthesis is not an 'unarticulated synthesis'. Further, when the distinctions between things are known and utilized, it does not mean that the sense of synthesis is violated.

5. Đối với điểm đạo đồ, sự tổng hợp không phải là một "sự tổng hợp không phân định rõ các thành phần". Hơn nữa, khi những khác biệt giữa các sự vật được nhận biết và vận dụng, điều đó không có nghĩa là ý thức về sự tổng hợp bị phá vỡ.

6. All this is another way of saying that the initiate can 'contain'the One and the Many.

6. Tất cả điều này là một cách diễn đạt khác rằng điểm đạo đồ có thể "bao hàm" cái Một và cái Nhiều.

4. He is aware of the dangers incident to the untrained neophyte endeavouring to distribute forces, to direct so-called energies in a specific and particular direction. He realises his goal is to be a channel for a long time through purity of life, correct orientation, and non-criticism. This correct orientation involves a paradox with which all disciples must wrestle, i.e., to be oriented to the soul, and, consequently, to the Ashram and to be oriented at the same time to humanity. Only disciples close to the Master's heart (technically understood) and, therefore, consciously aware of His aura have the right—I had almost said privilege—to direct force in specific directions. When their status is not that, their task is to act as channels for the distribution of energy in a general and universal but not in a specific manner.

4. Y nhận biết những nguy hiểm xảy đến khi người sơ cơ chưa được huấn luyện cố gắng phân phối các mãnh lực, hướng cái gọi là năng lượng theo một hướng cụ thể và riêng biệt. Y nhận ra rằng mục tiêu của mình là làm một kênh dẫn trong một thời gian dài, thông qua đời sống thanh khiết, sự định hướng đúng đắn và thái độ không chỉ trích. Sự định hướng đúng đắn này bao hàm một nghịch lý mà mọi đệ tử đều phải vật lộn để giải quyết, tức là hướng về linh hồn, và do đó hướng về ashram, đồng thời hướng về nhân loại. Chỉ những đệ tử gần gũi với trái tim Chân sư (hiểu theo nghĩa chuyên môn), và do đó nhận biết một cách hữu thức hào quang của Ngài, mới có quyền—Tôi suýt nói là đặc quyền—điều khiển mãnh lực theo những hướng cụ thể. Khi chưa đạt địa vị ấy, nhiệm vụ của họ là làm kênh dẫn để phân phối năng lượng theo cách chung và phổ quát, chứ không theo cách cụ thể.

1. The method of becoming a proper channel is given. The requirements are

1. Phương pháp trở thành một kênh dẫn thích hợp đã được nêu ra. Những yêu cầu là

1. purity of life

1. đời sống thanh khiết

2. correct orientation

2. sự định hướng đúng đắn

3. non-criticism

3. thái độ không chỉ trích

2. Obviously, the channel cannot be clogged

2. Hiển nhiên, kênh dẫn không thể bị tắc

with impurities, i.e., with forces that are antithetical to the group-soul and to the ashramic energies which are to be transmitted to the world.

nghẽn vì những điều bất tịnh, tức là những mãnh lực đối nghịch với hồn nhóm và với các năng lượng ashram cần truyền đến thế gian.

3. Also, without correct orientation, that which would be received would be of a lower quality. If the orientation is *only* towards the world and the personality, that which will be received will be *of* the world and personality.

3. Ngoài ra, nếu thiếu sự định hướng đúng đắn, những gì tiếp nhận được sẽ có phẩm tính thấp hơn. Nếu sự định hướng *chỉ* hướng về thế gian và phàm ngã, thì những gì tiếp nhận được sẽ *thuộc về* thế gian và phàm ngã.

4. It is also clear that an attitude of criticism would destroy the coherent energies emanating from the higher worlds. Criticism divides this from that and militates against harmonious coherency.

4. Cũng rõ ràng rằng thái độ chỉ trích sẽ phá hủy những năng lượng cố kết phát xạ từ các cõi cao. Sự chỉ trích chia rẽ cái này với cái kia và chống lại tính cố kết hài hòa.

5. DK discusses the necessary *dual orientation* to be achieved by the disciple who would learn to dispense *energy* and not merely force. The orientation must be to *both* the Ashram and to humanity. DK calls this dual orientation a 'paradox'. Perhaps it will only remain paradoxical to those who do not realize (in the heart) that the Ashram is thoroughly invested in achieving the welfare of humanity.

5. Chân sư DK bàn về *sự định hướng kép* cần thiết mà người đệ tử phải đạt được nếu muốn học cách phân phối *năng lượng* chứ không chỉ mãnh lực. Sự định hướng phải hướng về *cả* ashram lẫn nhân loại. Chân sư DK gọi sự định hướng kép này là một "nghịch lý". Có lẽ nó chỉ còn là nghịch lý đối với những ai chưa nhận ra (trong trái tim) rằng ashram hoàn toàn dốc sức thực hiện phúc lợi của nhân loại.

6. The paradox may also be resolved by those who become expressions of the energy of Love.

6. Những ai trở thành biểu hiện của năng lượng Bác ái cũng có thể giải quyết nghịch lý này.

7. We learn the important fact that *soul*-orientation is equivalent to *ashramic*-orientation.

7. Chúng ta biết được sự thật quan trọng rằng *hướng về linh hồn* tương đương với *hướng về ashram*.

8. DK speaks of the next Stage of Discipleship—the chela who is 'close to the Master's heart'(technically understood). Such a disciple will be consciously aware of the Master's aura.

8. Chân sư DK nói về Giai đoạn Đệ tử kế tiếp—người đệ tử "gần gũi với trái tim Chân sư" (hiểu theo nghĩa chuyên môn). Một đệ tử như thế sẽ nhận biết một cách hữu thức hào quang của Chân sư.

9. The wielding and directing of forces is not to be lightly undertaken. It is a 'right', almost a 'privilege'.

9. Không được xem nhẹ việc vận dụng và điều khiển các mãnh lực. Đó là một "quyền", gần như một "đặc quyền".

10. It is obvious that unless a disciple is a *pure* channel, that which he directs will not be pure.

10. Hiển nhiên, trừ khi người đệ tử là một kênh dẫn *thanh khiết*, những gì y điều khiển sẽ không tinh khiết.

11. The chela within the aura is actually a director of force. Most disciples do not know how to do this, but they *can* consecrate the mind to the creation of useful thought. 'The energy of thought is for the good of all and the furtherance of the Plan of God...'

11. Đệ tử trong hào quang thực sự là một người điều khiển mãnh lực. Phần lớn đệ tử không biết cách thực hiện điều này, nhưng họ *có thể* thánh hiến thể trí cho việc tạo ra tư tưởng hữu ích. "Năng lượng tư tưởng nhằm mang lại điều tốt lành cho tất cả và thúc đẩy Thiên Cơ của Thượng đế..."

12. We are told that the distribution of energy in a general and universal way is that which is to be cultivated.

12. Chúng ta được cho biết rằng điều cần trau dồi là sự phân phối năng lượng theo cách chung và phổ quát.

13. All this amounts to saying that the lower ego is no true distributor of spiritual energy. With the lower ego in control, such 'distribution' could not help but end in distortion.

13. Tất cả điều này có nghĩa là phàm ngã không phải là người phân phối chân chính năng lượng tinh thần. Khi phàm ngã nắm quyền kiểm soát, sự "phân phối" ấy không thể tránh khỏi kết cục méo mó.

A Master and, to a far higher extent, the Christ, suffers far more from those in His Own household than from those in the outer world; His work is more impeded by the advanced aspirants than by the intelligent thinkers. Bear this in mind at this time. It was not the cruelty of the outer world of men which [761] caused the depths of sorrow to the Christ when on earth; it was His Own disciples, plus the massed sorrow—spread over the entire cycle of life, past, present and future—of humanity.

Một Chân sư và, ở mức độ cao hơn rất nhiều, Đức Christ, chịu đau khổ do những người trong chính gia đình của Ngài nhiều hơn hẳn do những người ở thế giới bên ngoài; các người chí nguyện tiến bộ cản trở công việc của Ngài nhiều hơn những nhà tư tưởng thông minh. Lúc này, hãy ghi nhớ điều ấy. Không phải sự tàn nhẫn của thế giới nhân loại bên ngoài [761] đã khiến Đức Christ đau buồn sâu sắc khi ở trần gian; chính các đệ tử của Ngài, cộng với nỗi đau buồn tích tụ của nhân loại—trải khắp toàn bộ chu kỳ sống, quá khứ, hiện tại và tương lai—đã gây nên điều đó.

1. Why does Master DK mention, at this point, the sufferings of the Master and the

1. Tại sao ở điểm này, Chân sư DK lại đề cập đến những đau khổ của Chân sư và Đức

Christ over the actions of the 'advanced aspirants'?

2. Can it be that we are being reminded of the great responsibility we bear when we attempt to work with energy and force? Can it be that when we work incorrectly with energy and force, the results of our mistakes and ignorance is felt acutely by the Master and is a cause to Him of suffering?

3. The Master is intimately related to His disciples; hence, the great responsibility which falls to disciples. They *can* cause damage to the outworking of the Plan.

4. When we read the paragraph above, we are reminded of the 'fellowship of Christ's sufferings'. It is these 'sufferings'in which we must learn to*participate*; *of* these sufferings we, as disciples, are not to be the cause.

5. We are also reminded that the Christ is acutely aware of the 'massed sorrow'of humanity—not only in the present time, but of sorrow past, present and to come.

6. The realization of such sorrow could not be borne by the average disciple; however, he is spared by the fact that he would be incapable of registering it.

Disciples gravitate into world groups and many of them are doing far more efficient work than those gathered together into esoteric groups. The advanced accepted disciple has always his own group which he gathers around him for active and creative work. I would remind you of this. The gauge of a disciple's capacity lies in his influence—

Christ trước hành động của các "người chí nguyện tiến bộ"?

2. Phải chăng chúng ta đang được nhắc nhở về trách nhiệm lớn lao mà mình gánh vác khi cố gắng làm việc với năng lượng và mãnh lực? Phải chăng khi chúng ta làm việc không đúng cách với năng lượng và mãnh lực, Chân sư cảm nhận sâu sắc hậu quả của những sai lầm và sự thiếu hiểu biết của chúng ta, và điều đó khiến Ngài đau khổ?

3. Chân sư gắn bó mật thiết với các đệ tử của Ngài; vì vậy, các đệ tử phải gánh vác trách nhiệm lớn lao. Họ *có thể* gây tổn hại cho việc thực thi Thiên Cơ.

4. Khi đọc đoạn trên, chúng ta được nhắc đến việc "chung phần trong những đau khổ của Đức Christ". Chính những "đau khổ" ấy là điều chúng ta phải học cách *chia sẻ*; *đối với* những đau khổ ấy, chúng ta, với tư cách là đệ tử, không được là nguyên nhân gây ra.

5. Chúng ta cũng được nhắc rằng Đức Christ nhận biết sâu sắc "nỗi đau buồn tích tụ" của nhân loại—không chỉ trong hiện tại, mà cả những đau buồn của quá khứ, hiện tại và tương lai.

6. Người đệ tử trung bình không thể chịu đựng nổi việc nhận biết nỗi đau buồn như thế; tuy nhiên, y được miễn khỏi điều đó vì không có khả năng ghi nhận nó.

Các đệ tử hướng đến những nhóm hoạt động ngoài thế gian, và nhiều người trong số họ đang làm việc hiệu quả hơn nhiều so với những người tập hợp trong các nhóm huyền bí. Người đệ tử được chấp nhận đã tiến bộ luôn có nhóm riêng, do y tập hợp quanh mình để làm công việc tích cực và sáng tạo. Tôi muốn nhắc các bạn điều này. Thước đo

through pen, word of mouth, and personal influence—upon other people.

năng lực của một đệ tử nằm ở ảnh hưởng của y đối với người khác—qua ngòi bút, lời nói và ảnh hưởng cá nhân.

1. DK makes a distinction between 'world groups'(which provide a home to many disciples) and 'esoteric groups'(which, it seems, can be home to those who are not even disciples). A little thought will reveal that among those gathered into esoteric groups, many may simply be ambitious aspirants.

1. Chân sư DK phân biệt giữa "các nhóm hoạt động ngoài thế gian" (nơi nhiều đệ tử tìm được chỗ đứng) và "các nhóm huyền bí" (dường như có thể là nơi dành cho những người thậm chí chưa phải là đệ tử). Chỉ cần suy nghĩ đôi chút sẽ thấy rằng trong số những người tập hợp vào các nhóm huyền bí, nhiều người có thể chỉ là những người chí nguyện đầy tham vọng.

2. The Tibetan reminds us that a true disciple (i.e., the 'advanced accepted disciple') is effective in the world. Disciples 'always'gather a group or groups around them, and the kind of work which is to be done is both 'active'and 'creative'. This means that such groups must utilize the third aspect of divinity for expression; activity and creativity pertain to the third aspect.

2. Chân sư Tây Tạng nhắc chúng ta rằng một đệ tử chân chính (tức là "đệ tử được chấp nhận đã tiến bộ") hoạt động hữu hiệu ngoài thế gian. Các đệ tử "luôn" tập hợp một hoặc nhiều nhóm quanh mình, và loại công việc cần thực hiện vừa "tích cực" vừa "sáng tạo". Điều này có nghĩa là những nhóm ấy phải vận dụng phương diện thứ ba của thiên tính để biểu hiện; hoạt động và tính sáng tạo thuộc về phương diện thứ ba.

3. We note the many ways in which a disciple may be of influence—the pen, word of mouth and personal influence. All these methods are important and, as well, *influence itself* is important. We cannot imagine that the Masters are incognizant of disciple's influence. Such influence is the 'gauge of a disciple's capacity'and thus, in general, of his usefulness to the Ashram.

3. Chúng ta lưu ý nhiều cách mà một đệ tử có thể tạo ảnh hưởng—ngòi bút, lời nói và ảnh hưởng cá nhân. Tất cả những phương pháp này đều quan trọng, và *chính ảnh hưởng* cũng quan trọng. Chúng ta không thể hình dung rằng các Chân sư lại không nhận biết ảnh hưởng của đệ tử. Ảnh hưởng ấy là "thước đo năng lực của một đệ tử", và do đó, nhìn chung, là thước đo mức độ hữu ích của y đối với ashram.

Under the Law of Correspondence, there is ever a numerical relation with established numerical entities. The six stages of discipleship are naturally related to the six schools of Indian philosophy which were in reality the six "seed schools" for all philosophical surmise and work. There are

Theo định luật tương ứng, luôn có một mối quan hệ số học với những thực thể số học đã được xác lập. Sáu giai đoạn của địa vị đệ tử đương nhiên liên quan đến sáu trường phái triết học Ấn Độ, vốn thực sự là sáu "trường phái hạt giống" cho mọi suy đoán và công trình triết học. Không có sáu loại ashram

not six types of Ashrams corresponding to the six stages of discipleship because there are seven Ashrams (one for each ray type) and all the six stages of discipleship are related to all the Ashrams and all the seven ray types express (at some stage of their unfoldment upon the Path of Discipleship) these six steps towards the centre.

tương ứng với sáu giai đoạn của địa vị đệ tử, vì có bảy ashram (mỗi loại cung có một ashram), và cả sáu giai đoạn của địa vị đệ tử đều liên quan đến tất cả các ashram; cả bảy loại cung đều biểu hiện sáu bước hướng về trung tâm này (ở một giai đoạn khai mở nào đó trên Con Đường Đệ Tử).

1. DK makes some clear distinctions setting forth the place of the six stages of discipleship in relation to the six schools of Indian philosophy, and also in relation to the Ashrams. He is proposing a legitimate correspondence between the six stages and the six schools, and warning us against attempting to correlate the six stages with types of Ashrams.

1. Chân sư DK đưa ra một số phân biệt rõ ràng, trình bày vị trí của sáu giai đoạn của địa vị đệ tử trong mối quan hệ với sáu trường phái triết học Ấn Độ, đồng thời trong mối quan hệ với các ashram. Ngài đề xuất một sự tương ứng hợp lý giữa sáu giai đoạn và sáu trường phái, đồng thời cảnh báo chúng ta về việc cố gắng đối chiếu sáu giai đoạn với các loại ashram.

2. To think of the Six Stages of Discipleship as representative of the 'six steps towards the centre'is a most clear conception.

2. Xem Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử là biểu thị "sáu bước hướng về trung tâm" là một quan niệm hết sức rõ ràng.

3. The Six Schools of Indian Philosophy are as follows (TCF 285):

3. Sáu Trường phái Triết học Ấn Độ như sau (TCF 285):

1. The school of Logic—Proof of right perception.

1. Trường phái Luận Lý—Chứng minh tri giác đúng đắn.

2. The atomic school—System of particular. Elements. Alchemy and chemistry.

2. Trường phái Nguyên Tử—Hệ thống về cái riêng biệt. Các nguyên tố. Thuật luyện kim và hóa học.

3. The Sankhya school. System of numbers. The materialistic school. The theory of the seven states of matter or prakriti.

3. Trường phái Số Luận. Hệ thống các con số. Trường phái duy vật. Lý thuyết về bảy trạng thái của vật chất hay chất liệu nguyên sơ.

4. The school of Yoga…Union. The rule of daily life. Mysticism.

4. Trường phái Du Già…Hợp nhất. Quy luật của đời sống hằng ngày. Thần bí học.

5. The school of Ceremonial Religion…Ritual. Worship of the devas or Gods.

5. Trường phái Tôn Giáo Nghi Lễ…Nghi thức. Thờ phụng các thiên thần hay các Thượng đế.

6. The Vedanta school…Has to do with non-duality. Deals with the relation of Atma in man to the Logos.

7. The Gnosis or hidden knowledge is the same as Atma Vidya, or Theosophy, and includes the other six.

4. Connections between these six schools and the rays or combinations of rays is, perhaps, more easily seen. Without dogmatizing, it can be seen that—

1. The School of Logic is related particularly to the third ray, with some admixture of the fifth.

2. The Atomic School is closely related to the fifth ray and somewhat to the seventh.

3. The Sankhya School is related to the third ray and the seventh.

4. The School of Yoga to the sixth ray (though Yogas on all the rays can be identified). Perhaps the fourth ray can be considered the ray most related to the necessity for *joining* the Pairs of Opposites.

5. The School of Ceremonial Religion is closely related to the seventh ray, with an admixture of the sixth and second rays.

6. The Vedanta School has a direct connection with the non-dualistic first ray.

7. The seventh School in which the Atma Vidya is approached, may be seen as related to the synthetic second ray.

6. Trường phái Phệ Đàn Đa…Liên quan đến tính bất nhị. Bàn đến mối quan hệ giữa atma trong con người với Thượng đế.

7. Tri thức huyền nhiệm, hay tri thức ẩn giấu, cũng chính là tri thức về atma, hay Thông Thiên Học, và bao gồm sáu trường phái kia.

4. Có lẽ dễ nhận thấy hơn những mối liên hệ giữa sáu trường phái này với các cung hoặc những tổ hợp cung. Không khẳng định một cách giáo điều, có thể thấy rằng—

1. Trường phái Luận Lý đặc biệt liên quan đến cung ba, pha trộn phần nào cung năm.

2. Trường phái Nguyên Tử liên quan mật thiết đến cung năm và phần nào đến cung bảy.

3. Trường phái Số Luận liên quan đến cung ba và cung bảy.

4. Trường phái Du Già liên quan đến cung sáu (dù có thể nhận diện những pháp môn Du Già trên tất cả các cung). Có lẽ cung bốn có thể được xem là cung liên quan nhiều nhất đến sự cần thiết phải *kết hợp* các Cặp Đối Cực.

5. Trường phái Tôn Giáo Nghi Lễ liên quan mật thiết đến cung bảy, pha trộn cung sáu và cung hai.

6. Trường phái Phệ Đàn Đa có mối liên hệ trực tiếp với cung một bất nhị.

7. Trường phái thứ bảy, nơi người ta tiếp cận tri thức về atma, có thể được xem là liên quan đến cung hai tổng hợp.

5. When it comes to aligning the Six Stages of Discipleship with the Six Schools, again, there is no easy one-to-one relationship, as each of these schools is capable of offering an advanced approach to the Central Mystery.

1. Perhaps the first three schools (Logic, Atomic, and Sankhya) with the possible addition of aspects of the fifth school (Ceremonial Religion) could be related to the earlier stages of the six.

2. This would leave the School of Yoga, the Vedanta School and definitely the School of Gnosis to the later degrees

6. When considering the last few Stages of Discipleship we could proceed as follows:

1. The invocative School of Ceremonial Religion could be aligned with the stage of Chela on the Thread

2. The Vedanta School could be aligned with stage of Chela within the Aura (as oneness with the Master's aura is achieved).

3. We might assign the stage of 'Chela in the Heart'to the School of Yoga, though, really, all the Six Stages of Discipleship represent different phases of *union* or Yoga.

4. Master DK mentions a final stage called the 'Blending of the Lights', about which He says practically nothing. There is also a*seventh* School of Indian Philosophy which is a union of all the preceding six—the 'Gnosis', or Atma Vidya. It is easy to see the stage of the 'Blending of the Lights'as related

5. Khi đối chiếu Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử với Sáu Trường phái, một lần nữa, không có mối quan hệ tương ứng một đối một đơn giản, vì mỗi trường phái đều có khả năng cung cấp một cách tiếp cận cao cấp đến Huyền Nhiệm Trung Tâm.

1. Có lẽ ba trường phái đầu tiên (Luận Lý, Nguyên Tử và Số Luận), có thể thêm vào một số phương diện của trường phái thứ năm (Tôn Giáo Nghi Lễ), có thể liên quan đến những giai đoạn đầu trong sáu giai đoạn.

2. Như vậy, Trường phái Du Già, Trường phái Phệ Đàn Đa và chắc chắn là Trường phái Tri Thức Huyền Nhiệm sẽ thuộc về những cấp độ sau

6. Khi xem xét vài Giai đoạn Đệ tử cuối cùng, chúng ta có thể tiến hành như sau:

1. Trường phái Tôn Giáo Nghi Lễ mang tính khẩn cầu có thể được đối chiếu với giai đoạn Đệ tử trên đường dây

2. Trường phái Phệ Đàn Đa có thể được đối chiếu với giai đoạn Đệ tử trong hào quang (vì đạt được sự hợp nhất với hào quang của Chân sư).

3. Chúng ta có thể gắn giai đoạn "Đệ tử trong Trái tim" với Trường phái Du Già, mặc dù thực ra cả Sáu Giai đoạn của Địa vị Đệ tử đều biểu thị những giai đoạn khác nhau của *sự hợp nhất* hay Du Già.

4. Chân sư DK đề cập đến một giai đoạn cuối cùng gọi là "Sự Hòa Quyện các Ánh Sáng", mà Ngài hầu như không nói gì về nó. Cũng có một Trường phái Triết học Ấn Độ *thứ bảy*, là sự hợp nhất của cả sáu trường phái trước—"Tri Thức Huyền Nhiệm", hay tri thức về atma. Dễ thấy rằng giai đoạn "Sự Hòa

to this seventh stage.

Quyện các Ánh Sáng" liên quan đến giai đoạn thứ bảy này.

The centres, as used by the disciple in his unfolding progress, are dependent upon the ray type to a great extent but it is not my intention to take up this subject of the centres in this series of instructions. I shall be dealing with the subject at some length in the final part of A Treatise on the Seven Rays.

Các trung tâm mà người đệ tử sử dụng trong tiến trình khai mở của mình phụ thuộc rất nhiều vào loại cung, nhưng Tôi không có ý định bàn đến chủ đề các trung tâm trong loạt huấn thị này. Tôi sẽ bàn khá chi tiết về chủ đề ấy trong phần cuối của Luận về Bảy Cung.

1. We note that Master DK wisely chooses *when* to explore a subject. If we consider the voluminous information offered throughout His books, a great deal of information can be gleaned about the use of various centres in the process of spiritual unfoldment.

1. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK sáng suốt lựa chọn *thời điểm* để khảo sát một chủ đề. Nếu xem xét lượng thông tin đồ sộ trong toàn bộ các sách của Ngài, chúng ta có thể thu thập rất nhiều thông tin về việc sử dụng các trung tâm khác nhau trong tiến trình khai mở tinh thần.

I would like, however, to make clear at this point that the Master never uses a disciple's centres as distributing agencies for force.

Tuy nhiên, tại điểm này, Tôi muốn làm rõ rằng Chân sư không bao giờ sử dụng các trung tâm của một đệ tử làm những cơ quan phân phối mãnh lực.

1. In saying this, Master DK counters a prevailing misconception based upon the average disciple's self-centeredness.

1. Khi nói điều này, Chân sư DK bác bỏ một quan niệm sai lầm phổ biến, bắt nguồn từ sự tập trung vào bản thân của người đệ tử trung bình.

In the last analysis, the centres are (when functioning correctly) reservoirs of force and distributors of energy, coloured by specific quality and of a certain note, vibration, and strength.

Xét cho cùng, khi hoạt động đúng đắn, các trung tâm là những kho chứa mãnh lực và những bộ phận phân phối năng lượng, mang sắc thái của một phẩm tính đặc thù và có một âm điệu, rung động cùng cường độ nhất định.

1. This is an excellent definition of the chakras—'reservoirs of force'and 'distributors of energy'. The 'holding power' of the centres is, perhaps, not sufficiently emphasized, while their receiving and distributing functions are much

1. Đây là một định nghĩa tuyệt vời về các luân xa—"những kho chứa mãnh lực" và "những bộ phận phân phối năng lượng". Có lẽ "khả năng lưu giữ" của các trung tâm chưa được nhấn mạnh đầy đủ, trong khi các chức năng tiếp nhận và phân phối của chúng lại

emphasized.

On the final stages of the Path of Discipleship, they are entirely controlled by the soul, via the head centre, but it should be borne in mind that after the fourth initiation and the disappearance of the causal body, there is no form aspect or vehicle which can hold the disciple a prisoner or any way limited.

1. Before the final stages of the Path of Discipleship, the centres may be controlled by the personality, and the control by the head center is very incomplete. The spiritual will of the disciple is as yet undeveloped.

2. There is an implication here that the 'final stages of the Path of Discipleship'may take the disciple beyond the fourth initiation, though, technically, such a chelas is more often called an initiate than a disciple.

3. If after the fourth initiation the chela no longer is using a physical body, other centres of distribution will necessary be used.

After the third initiation, the lower centres have no control whatsoever over the outer mechanism of response;

1. Here is another hint by which disciples may gauge whether or not they have achieved the third initiation or are approaching this degree. At this degree, the ancient domination of the personality is broken.

2. By the lower centers are meant those below the diaphragm. We note the total lack of control by such centers; they have 'no control*whatsoever*'. [Italics, MDR]

được nhấn mạnh rất nhiều.

Ở những giai đoạn cuối của Con Đường Đệ Tử, linh hồn hoàn toàn kiểm soát các trung tâm qua trung tâm đầu, nhưng cần nhớ rằng sau lần điểm đạo thứ tư và sự biến mất của thể nguyên nhân, không còn phương diện hình tướng hay hiện thể nào có thể giam hãm hoặc hạn chế người đệ tử theo bất cứ cách nào.

1. Trước những giai đoạn cuối của Con Đường Đệ Tử, phàm ngã có thể kiểm soát các trung tâm, còn sự kiểm soát của trung tâm đầu vẫn rất thiếu hoàn chỉnh. Ý chí tinh thần của người đệ tử vẫn chưa phát triển.

2. Ở đây có hàm ý rằng "những giai đoạn cuối của Con Đường Đệ Tử" có thể đưa người đệ tử vượt qua lần điểm đạo thứ tư, dù xét về mặt chuyên môn, một đệ tử như thế thường được gọi là điểm đạo đồ hơn là đệ tử.

3. Nếu sau lần điểm đạo thứ tư, đệ tử không còn sử dụng thể xác, thì tất yếu phải sử dụng những trung tâm phân phối khác.

Sau lần điểm đạo thứ ba, các trung tâm thấp hoàn toàn không còn quyền kiểm soát bộ máy đáp ứng bên ngoài;

1. Đây là một gợi ý khác giúp các đệ tử đánh giá xem mình đã đạt lần điểm đạo thứ ba hay đang tiến gần đến cấp độ này hay chưa. Ở cấp độ này, sự thống trị lâu đời của phàm ngã bị phá vỡ.

2. Các trung tâm thấp ở đây là những trung tâm bên dưới cơ hoành. Chúng ta lưu ý rằng những trung tâm ấy hoàn toàn không còn quyền kiểm soát; chúng "không có quyền kiểm soát *nào cả*". [Chữ nghiêng, MDR]

from [762] the standpoint of the highest occult training and when the disciple is in the Ashram itself, the centres are viewed as simply channels for energy. Until the time of the third initiation, they assume temporary importance in the training process because it is through them that the disciple learns the nature of energy, its distinction from force and the methods of distribution—the latter being one of the last stages in the training process.

từ [762] quan điểm của sự huấn luyện huyền bí cao nhất và khi đệ tử ở trong chính ashram, các trung tâm chỉ được xem là những kênh dẫn năng lượng. Cho đến thời điểm của lần điểm đạo thứ ba, chúng tạm thời giữ vai trò quan trọng trong tiến trình huấn luyện, vì chính qua chúng mà đệ tử học được bản chất của năng lượng, sự khác biệt giữa năng lượng với mãnh lực và các phương pháp phân phối—điều sau cùng này là một trong những giai đoạn cuối của tiến trình huấn luyện.

1. The value of the chakras in relation to the training process is here given. Through them the disciple—

1. Ở đây, giá trị của các luân xa đối với tiến trình huấn luyện đã được nêu rõ. Qua chúng, đệ tử—

1. learns the nature of energy,

1. học được bản chất của năng lượng,

2. learns the nature of energy and to distinguish energy from force

2. học được bản chất của năng lượng và cách phân biệt năng lượng với mãnh lực

3. learns the methods of distributing force.

3. học được các phương pháp phân phối mãnh lực.

2. Again we learn that the distribution of force is not the disciple's immediate concern, as first he must have proven himself a reliable and selfless channel for ashramic energy.

2. Một lần nữa, chúng ta biết rằng việc phân phối mãnh lực chưa phải là mối quan tâm trước mắt của đệ tử, vì trước tiên y phải chứng tỏ mình là một kênh dẫn đáng tin cậy và vô ngã cho năng lượng ashram.

The constitution of the ego, or Soul, is the factor of paramount importance to the Master in the task of training the disciple for hierarchical work. This necessarily involves the three higher centres (head, heart and throat). It is with the so-called egoic lotus that He is concerned and this is a point which the disciple is very apt to forget.

Cấu tạo của chân ngã, hay Linh hồn, là yếu tố quan trọng bậc nhất đối với Chân sư trong nhiệm vụ huấn luyện đệ tử cho công việc của Thánh đoàn. Điều này tất yếu liên quan đến ba trung tâm cao (đầu, tim và cổ họng). Điều Ngài quan tâm là cái gọi là hoa sen chân ngã, và đây là một điểm mà đệ tử rất dễ quên.

1. An important reminder is here given. That part of the chela's mechanism with which the Master is most concerned is the egoic

1. Ở đây có một lời nhắc nhở quan trọng. Phần trong bộ máy của đệ tử mà Chân sư quan tâm nhất là hoa sen chân ngã, và do đó,

lotus, and thus, necessarily, with the higher centers—the head, heart and throat, which can be seen, respectively, as related to the sacrifice, love and knowledge petals.

tất yếu là các trung tâm cao—đầu, tim và cổ họng; có thể thấy chúng lần lượt liên hệ với các cánh hoa hi sinh, bác ái và tri thức.

2. We note that in this section DK does not capitalize the word 'ego', though He certainly does not mean the *lower* ego. As for the term, 'Soul', He is not referring to the Solar Angel, for of the constitution of such a being we are told very little, whereas of the constitution of the egoic lotus we are told much.

2. Chúng ta lưu ý rằng trong phần này, Chân sư DK không viết hoa từ "chân ngã", dù chắc chắn Ngài không muốn nói đến cái ngã *thấp*. Còn với thuật ngữ "Linh hồn", Ngài không nói đến Thái dương Thiên Thần, vì chúng ta được cho biết rất ít về cấu tạo của một sinh linh như thế, trong khi lại được cho biết nhiều về cấu tạo của hoa sen chân ngã.

3. We note that the egoic lotus is 'so called', meaning, perhaps, that this appellation is not completely appropriate.

3. Chúng ta lưu ý rằng hoa sen chân ngã là "cái gọi là", có lẽ hàm ý rằng danh xưng này chưa hoàn toàn thích hợp.

4. What we can gather from the foregoing is that the Master views us in terms of the development and dynamics of our egoic lotus and not, primarily, in relation to our chakra system (which is reflexively related to the egoic lotus).

4. Từ những điều trên, chúng ta có thể nhận ra rằng Chân sư nhìn chúng ta xét theo sự phát triển và động thái của hoa sen chân ngã, chứ chủ yếu không xét theo hệ thống luân xa của chúng ta (vốn có mối liên hệ phản chiếu với hoa sen chân ngã).

The soul is preoccupied with its own life; the details of the personality life (its inadequate expression or shadow in the three worlds) simply make no impact whatsoever upon the soul consciousness.

Linh hồn chuyên chú vào sự sống riêng của mình; những chi tiết của đời sống phàm ngã (sự biểu hiện bất toàn hay cái bóng của linh hồn trong ba cõi giới) hoàn toàn không tạo ra bất cứ tác động nào lên tâm thức linh hồn.

1. Here the term 'soul'is not capitalized, and yet it is quite clear that the Solar Angel is meant.

1. Ở đây, thuật ngữ "linh hồn" không được viết hoa, nhưng rõ ràng là đang nói đến Thái dương Thiên Thần.

2. The term 'soul'can be variously defined. There is also a part of the 'monad-in-extension' which, when, focussed within the causal body (and thus cooperating with the Solar-Angel-in-extension') can be called the 'soul', and when focussed upon the fourth subplane of the mental plane can be called personality.

2. Thuật ngữ "linh hồn" có thể được định nghĩa theo nhiều cách. Cũng có một phần của "Chân Thần-trong-sự-mở-rộng" mà khi tập trung trong thể nguyên nhân (và do đó hợp tác với "Thái dương Thiên Thần-trong-sự-mở-rộng") thì có thể được gọi là "linh hồn", còn khi tập trung trên cõi phụ thứ tư của cõi trí thì có thể được gọi là phàm ngã.

As the violence of the personality life grows, the soul which has been increasingly the recipient of the best the aspiring personality has to offer and which has been slowly turning its attention towards the mind of the personality, becomes also aware of an opposing factor to true soul expression upon the outer periphery of life.

Khi tính bạo liệt của đời sống phàm ngã gia tăng, linh hồn—vốn ngày càng tiếp nhận những gì tốt đẹp nhất mà phàm ngã đầy khát vọng có thể dâng hiến và đang chậm rãi hướng sự chú ý về thể trí của phàm ngã—cũng bắt đầu nhận biết một yếu tố chống đối sự biểu hiện chân thực của linh hồn ở phần ngoại vi bên ngoài của sự sống.

1. The factor of 'violence'is ruled by Mars, and it is the effect of this planet which causes that disturbance of which the soul (as Solar Angel) becomes gradually aware.

1. Sao Hỏa cai quản yếu tố "bạo liệt", và chính ảnh hưởng của hành tinh này gây ra sự xáo động mà linh hồn (với tư cách Thái dương Thiên Thần) dần dần nhận biết.

2. The violence grows as the personality grows in power, but not necessarily in correct orientation. The personality, after all, becomes a powerful center intent on its own purposes.

2. Tính bạo liệt gia tăng khi phàm ngã ngày càng mạnh mẽ, nhưng không nhất thiết định hướng đúng đắn hơn. Xét cho cùng, phàm ngã trở thành một trung tâm mạnh mẽ, chăm chú theo đuổi các mục đích riêng của mình.

3. We note that when the soul/Solar Angel turns its attention towards the personality it is towards the *mind* of that personality, which is, vibrationally closest to the vibration of the causal body (the dimension in which the soul/Solar Angel has invested itself). We note that the 'turning'is *slow*—a gradual process.

3. Chúng ta lưu ý rằng khi linh hồn/Thái dương Thiên Thần hướng sự chú ý về phàm ngã, thì sự chú ý ấy hướng về *thể trí* của phàm ngã ấy, vốn có rung động gần nhất với rung động của thể nguyên nhân (chiều đo mà linh hồn/Thái dương Thiên Thần đã đưa chính mình vào). Chúng ta lưu ý rằng sự "hướng về" ấy diễn ra *chậm rãi*—một tiến trình từ từ.

4. The violence reveals an opposition to the soul/Solar Angel's intended expression.

4. Tính bạo liệt bộc lộ sự chống đối đối với sự biểu hiện mà linh hồn/Thái dương Thiên Thần dự định thực hiện.

Then the battle of the higher pairs of opposites begins—the battle between soul and personality, consciously waged on both sides. That is the point to have in mind.

Bấy giờ, cuộc chiến giữa các cặp đối cực cao bắt đầu—cuộc chiến giữa linh hồn và phàm ngã, do cả hai phía tiến hành một cách có ý thức. Đó là điểm cần ghi nhớ.

1. We note that soul and personality do not *always* conflict, but that there come certain developmental stages in which such

1. Chúng ta lưu ý rằng linh hồn và phàm ngã không *phải lúc nào cũng* xung đột, nhưng sẽ có những giai đoạn phát triển nhất định mà

contention can be expected.

2. It is most interesting to consider that this battle is '*consciously* waged on both sides'. [Italics, MDR] The personality 'knows' that is fighting against a superior force, and the soul/Solar Angel is focussed on overcoming the resistance put up by the battling personality.

This conflict culminates, prior to each of the first three initiations, in the confronting of the two opponents; the Dweller on the Threshold (of initiation, my brother) and the Angel of the Presence stand face to face.

1. We note that different phases of the battle occur before each of the first three initiations.

2. Even though it is elsewhere said that the disciple catches the 'first glimpse'of the Dweller on the Threshold at the third initiation [GWP, 103], this section suggests that the Dweller is encountered prior to this point—though certainly not *in its entirety.*

3. DK emphasizes the importance of the Dweller in relation to initiation. The Dweller has a function in revealing that which must be overcome as progressive initiations become possible.

But with that battle, we are not here concerned. We are occupied with the theme of the response to hierarchical energy as embodied in the Master's aura and from thence transmitted to the disciple. The channel or channels of direction (there are three of them) might be expressed thus:

1. The subject which Master DK does not

ta có thể dự liệu sự tranh chấp như thế.

2. Thật hết sức thú vị khi suy xét rằng cuộc chiến này "do cả hai phía tiến hành *một cách có ý thức*". [Chữ nghiêng, MDR] Phàm ngã "biết" mình đang chiến đấu chống lại một mãnh lực cao hơn, còn linh hồn/Thái dương Thiên Thần tập trung vào việc vượt qua sự kháng cự của phàm ngã đang giao tranh.

Trước mỗi lần trong ba lần điểm đạo đầu tiên, cuộc xung đột này lên đến đỉnh điểm khi hai đối thủ đối diện nhau; Kẻ Chận Ngõ (ngưỡng cửa điểm đạo, hỡi huynh đệ của Tôi) và Thiên Thần của Hiện Diện đứng mặt đối mặt.

1. Chúng ta lưu ý rằng những giai đoạn khác nhau của cuộc chiến diễn ra trước mỗi lần trong ba lần điểm đạo đầu tiên.

2. Mặc dù ở nơi khác có nói rằng đệ tử "thoáng thấy lần đầu" Kẻ Chận Ngõ vào lần điểm đạo thứ ba [GWP, 103], phần này gợi ý rằng đệ tử gặp Kẻ Chận Ngõ trước thời điểm ấy—dù chắc chắn chưa gặp *toàn bộ nó.*

3. Chân sư DK nhấn mạnh tầm quan trọng của Kẻ Chận Ngõ đối với điểm đạo. Kẻ Chận Ngõ có chức năng phơi bày những gì phải vượt qua khi các lần điểm đạo kế tiếp trở nên khả thi.

Nhưng ở đây, chúng ta không bàn đến cuộc chiến ấy. Chúng ta đang xem xét chủ đề đáp ứng với năng lượng của Thánh đoàn, vốn hiện diện trong hào quang của Chân sư và từ đó truyền đến đệ tử. Kênh hay các kênh truyền dẫn (có ba kênh) có thể được trình bày như sau:

1. Chủ đề mà Chân sư DK không đi sâu vào

enter is much discussed in the book *Glamor a World Problem* and in *Esoteric Psychology II*.

đã được bàn luận nhiều trong sách *Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới* và trong *Tâm Lý Học Nội Môn II*.

2. Instead He focuses on lines of energy descent upon which we will analyze.

2. Thay vào đó, Ngài tập trung vào các tuyến giáng hạ năng lượng mà chúng ta sẽ phân tích.

I. The Hierarchy.

I. Thánh đoàn.

1. The Master.

1. Chân sư.

2. The Ashram.

2. Ashram.

3. The soul of the disciple.

3. Linh hồn của đệ tử.

II. Humanity.

II. Nhân loại.

1. The disciple.

1. Đệ tử.

[763]

[763]

2. The antahkarana.

2. Antahkarana.

3. The three higher centres.

3. Ba trung tâm cao.

1. These are two energy descents *considered in general*. Importantly, we note that the energy descent from Hierarchy does not immediately involve the chakras of the disciple, but ends in the soul.

1. Đây là hai sự giáng hạ năng lượng *được xem xét trên bình diện tổng quát*. Điều quan trọng là chúng ta lưu ý rằng sự giáng hạ năng lượng từ Thánh đoàn không trực tiếp liên quan đến các luân xa của đệ tử, mà kết thúc ở linh hồn.

2. Interestingly, when considering the energy descent which relates to Humanity, the three higher centres (probably meaning the head, heart and throat of a human being) *are* involved.

2. Điều thú vị là khi xem xét sự giáng hạ năng lượng liên quan đến Nhân loại, ba trung tâm cao (có lẽ muốn nói đến đầu, tim và cổ họng của một con người) *quả có* tham gia.

3. The term 'disciple'here means the individual, microcosmic man who is capable of using the antahkarana. The term, in this case, does not apply to those who

3. Ở đây, thuật ngữ "đệ tử" chỉ con người cá thể, tiểu thiên địa, có khả năng sử dụng antahkarana. Trong trường hợp này, thuật ngữ ấy không áp dụng cho những người *chưa*

have *not* built the rainbow bridge.

xây dựng cây cầu vồng.

This is the broad and general process, reaching from the universal (as far as the individual disciple is concerned), to the particular, i.e., the disciple in a physical body.

Đây là tiến trình bao quát và tổng quát, trải từ cái phổ quát (xét đối với người đệ tử cá nhân) đến cái cá biệt, tức là đệ tử trong một thể xác.

1. In this context, that which is 'universal'is the Hierarchy and even Humanity (which serves as a much greater context of which the individual is a corporate part).

1. Trong ngữ cảnh này, cái "phổ quát" là Thánh đoàn và cả Nhân loại (vốn là một bối cảnh rộng lớn hơn nhiều mà cá nhân là một thành phần hợp thành).

The detail of the descent of energy or of the process of spiritual inspiration(both these phrases pictorially present the concept of response to the Master's aura) might be put as follows:

Chi tiết về sự giáng hạ năng lượng hay về tiến trình cảm hứng tinh thần (cả hai cụm từ này đều trình bày bằng hình ảnh khái niệm đáp ứng với hào quang của Chân sư) có thể được trình bày như sau:

1. We are given an equivalence between the 'descent of energy'and 'spiritual inspiration'. This descent and inspiration results as a response to the 'Master's aura'.

1. Chúng ta được cho thấy sự tương đương giữa "sự giáng hạ năng lượng" và "cảm hứng tinh thần". Sự giáng hạ và cảm hứng này phát sinh từ sự đáp ứng với "hào quang của Chân sư".

2. In the study of these progressions, we must not lose sight of the fact that we are studying the stage of 'Chela within the Aura', and the energy dynamics of such a stage.

2. Khi nghiên cứu những trình tự này, chúng ta phải luôn nhớ rằng mình đang nghiên cứu giai đoạn "Đệ tử trong hào quang" và động thái năng lượng của giai đoạn ấy.

3. The value of such tabulations will emerge when we follow specific meditation processes.

3. Giá trị của những bảng liệt kê như thế sẽ hiện rõ khi chúng ta thực hành các tiến trình tham thiền cụ thể.

1. The Master's aura.

1. Hào quang của Chân sư.

1. This is the origin of descent. The Master's aura is a corporate aspect of the aura of the Spiritual Hierarchy.

1. Đây là điểm khởi đầu của sự giáng hạ. Hào quang của Chân sư là một phương diện hợp thành của hào quang Thánh đoàn.

2. The egoic lotus or soul body.

2. Hoa sen chân ngã hay thể linh hồn.

1. The 'soul body'is, we remind

1. Chúng ta tự nhắc mình rằng "thể linh

ourselves, *not* the soul (which is consciousness, per se).

2. We do note that ashramic energy flows *through* the soul body, however. That which comes via the soul body is *not only* that which has been accumulated by the man himself.

3. Of course another line of descent for ashramic energy is the antahkarana itself.

4. There is on the mental plane an effective triangle between the manasic permanent atom, the jewel in the lotus of the soul body and the mental unit. It seems important to note that ashramic energy can reach the disciple functioning in the personality (which the mental unit comes to represent) from either the manasic permanent atom (representing the spiritual triad) or from the jewel in the lotus being the foremost representation of the energy of the causal body.

3. The inflow of ashramic energy, via

a. The sacrifice petals or the will aspect.

b. The love petals or the love-wisdom aspect.

c. The knowledge petals or the mind aspect.

This process will be affected by the ray type of the disciple.

1. In what manner will this effect occur? Probably, according to the triadal emphasis (which arises *principally* from the monadic type and which conditions the egoic lotus)

hồn" *không phải* là linh hồn (vốn chính là tâm thức).

2. Tuy nhiên, chúng ta quả có lưu ý rằng năng lượng ashram chảy *qua* thể linh hồn. Những gì đến qua thể linh hồn *không chỉ* là những gì chính con người ấy đã tích lũy.

3. Dĩ nhiên, một tuyến giáng hạ khác của năng lượng ashram là chính antahkarana.

4. Trên cõi trí có một tam giác hoạt động hữu hiệu giữa nguyên tử trường tồn manas, bảo ngọc trong hoa sen của thể linh hồn và đơn vị hạ trí. Dường như điều quan trọng cần lưu ý là năng lượng ashram có thể đến với đệ tử đang hoạt động trong phàm ngã (mà đơn vị hạ trí trở thành đại diện), hoặc từ nguyên tử trường tồn manas (đại diện cho tam nguyên tinh thần), hoặc từ bảo ngọc trong hoa sen, vốn là biểu hiện hàng đầu của năng lượng thể nguyên nhân.

3. Dòng năng lượng ashram tuôn vào, qua

a. Các cánh hoa hi sinh hay phương diện ý chí.

b. Các cánh hoa bác ái hay phương diện bác ái–minh triết.

c. Các cánh hoa tri thức hay phương diện trí tuệ.

Loại cung của đệ tử sẽ ảnh hưởng đến tiến trình này.

1. Ảnh hưởng này sẽ diễn ra theo cách nào? Có lẽ phương thức giáng hạ năng lượng liên quan đến hoa sen chân ngã sẽ diễn ra tùy theo trọng tâm của tam nguyên tinh thần

so the mode of energy descent involving the egoic lotus will occur.

2. It may be presumed that different petals (and even different tiers) within the egoic lotus will be more or less responsive according the triadal emphasis.

4. The response from the disciple upon the physical plane and the receptivity of his centres to the activity engendered by the soul, under impression by the Master would be as follows:

1. The following particulars are of great value in visualizing the descent of spiritual energy.

a. The sacrifice petals would transmit energy to the head centre, via the sacrifice petals (three of them) to be found in the ring of petals immediately around the "Jewel in the Lotus"; from thence to the sacrifice petal in the three love petals and in the three knowledge petals. You, therefore, have five transmitting points of will-energy.

1. We note that the 'Jewel in the Lotus'seems to include the three synthesizing petals, for the sacrifice petals are here said to be immediately around the 'Jewel'and, *usually*, it is the synthesis petals which are pictured as immediately surrounding the 'Jewel'.

2. The *fivefold* transmission is of vital importance—the number *five*correlating directly with the fifth plane on which the egoic lotus is found, as well as with the Fifth Creative Hierarchy inspired by Venus and remotely by Sirius (in relation to both of which the number *five* is also paramount).

(vốn *chủ yếu* phát sinh từ loại chân thần và tác động định hình hoa sen chân ngã).

2. Có thể giả định rằng những cánh hoa khác nhau (và cả những tầng cánh hoa khác nhau) trong hoa sen chân ngã sẽ đáp ứng nhiều hay ít tùy theo trọng tâm của tam nguyên tinh thần.

4. Sự đáp ứng của đệ tử trên cõi hồng trần và khả năng tiếp nhận của các trung tâm của y đối với hoạt động do linh hồn khơi sinh, dưới ấn tượng từ Chân sư, sẽ như sau:

1. Những chi tiết sau đây có giá trị lớn trong việc hình dung sự giáng hạ của năng lượng tinh thần.

a. Các cánh hoa hi sinh sẽ truyền năng lượng đến trung tâm đầu, qua các cánh hoa hi sinh (có ba cánh) nằm trong vòng cánh hoa ngay quanh "Bảo Ngọc Trong Hoa Sen"; từ đó đến cánh hoa hi sinh trong ba cánh hoa bác ái và trong ba cánh hoa tri thức. Do đó, các bạn có năm điểm truyền dẫn năng lượng ý chí.

1. Chúng ta lưu ý rằng "Bảo Ngọc Trong Hoa Sen" dường như bao gồm ba cánh hoa tổng hợp, vì ở đây các cánh hoa hi sinh được nói là nằm ngay quanh "Bảo Ngọc", trong khi *thông thường*, các cánh hoa tổng hợp mới được mô tả là bao quanh "Bảo Ngọc" ngay sát bên.

2. Sự truyền dẫn *ngũ phân* có tầm quan trọng thiết yếu—con số *năm* tương quan trực tiếp với cõi thứ năm, nơi có hoa sen chân ngã, cũng như với Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm, vốn nhận cảm hứng từ Sao Kim và từ xa là Sao Thiên Lang (đối với cả hai thiên thể này, con số *năm* cũng có tầm quan trọng bậc nhất).

b. The love petals similarly transmit love-energy to the heart centre, via the love petals, again five in all.

b. Tương tự, các cánh hoa bác ái truyền năng lượng bác ái đến trung tâm tim, qua các cánh hoa bác ái, cũng có tổng cộng năm cánh.

c. The knowledge petals transmit energy, the energy of intelligent activity, to the throat centre, again in the same manner, via the five knowledge petals.

c. Các cánh hoa tri thức truyền năng lượng, năng lượng của hoạt động thông tuệ, đến trung tâm cổ họng, cũng theo cách ấy, qua năm cánh hoa tri thức.

1. The trinity involved is head, heart and throat. We note that even though chelas within the aura have initiate understanding (and are thus, for practical purposes, *initiate*), the knowledge petals are still of importance. This is said because there is in the Teaching reference to the disintegration of the knowledge petals beginning at the third initiation.

1. Bộ ba liên quan ở đây là đầu, tim và cổ họng. Chúng ta lưu ý rằng mặc dù các đệ tử trong hào quang có sự thấu hiểu của điểm đạo đồ (và do đó, xét trên thực tế, là *điểm đạo đồ*), các cánh hoa tri thức vẫn còn quan trọng. Sở dĩ nói điều này là vì trong Giáo Huấn có đề cập đến sự tan rã của các cánh hoa tri thức bắt đầu từ lần điểm đạo thứ ba.

This process going on in the egoic vehicle and registered by the disciple upon the physical plane, produces eventually what could be called a "potent centre of invocation." This [764] invoking centre evokes response from the Spiritual Triad so that eventually you have:

Tiến trình này diễn ra trong hiện thể chân ngã và đệ tử ghi nhận nó trên cõi hồng trần; cuối cùng, nó tạo ra điều có thể gọi là một "trung tâm khẩn cầu đầy uy lực". Trung tâm [764] khẩn cầu này gợi lên sự đáp ứng từ Tam Nguyên Tinh Thần, để cuối cùng các bạn có:

1. The energy descent given by the Tibetan creates in the disciple the power of invocation. He becomes a 'potent centre of invocation'capable of communing with the spiritual triad.

1. Sự giáng hạ năng lượng mà Chân sư Tây Tạng trình bày tạo nên quyền năng khẩn cầu nơi đệ tử. Y trở thành một "trung tâm khẩn cầu đầy uy lực", có khả năng hiệp thông với tam nguyên tinh thần.

I. The Spiritual Triad, the custodian of monadic energy.

I. Tam Nguyên Tinh Thần, nơi gìn giữ năng lượng chân thần.

1. While the spiritual triad is the 'custodian of monadic energy'its relation to the soul is definite (for the permanent atoms of the spiritual triad are colored by the same ray as that which qualifies the egoic lotus).

1. Dù tam nguyên tinh thần là "nơi gìn giữ năng lượng chân thần", mối quan hệ của tam nguyên tinh thần với linh hồn vẫn rõ ràng (vì các nguyên tử trường tồn của tam nguyên tinh thần mang sắc thái của cùng một cung vốn quy định phẩm tính của hoa

sen chân ngã).

The atmic permanent atom.

Nguyên tử trường tồn atma.

The sacrifice petals.

Các cánh hoa hi sinh.

The antahkarana.

Antahkarana.

The physical permanent atom within the egoic lotus.

Nguyên tử trường tồn hồng trần trong hoa sen chân ngã.

The head centre.

Trung tâm đầu.

1. We note a dual line of descent which is most interesting and important. The descent described immediately above is different than the one described above in which ashramic energy reached the disciple through the egoic lotus alone.

1. Chúng ta lưu ý một tuyến giáng hạ kép hết sức thú vị và quan trọng. Sự giáng hạ vừa mô tả ở trên khác với sự giáng hạ đã mô tả trước đó, trong đó năng lượng ashram đến với đệ tử chỉ qua hoa sen chân ngã.

2. In studying the differences between these two lines of descent much can be learned, and the disciple's degree of receptivity can be empowered.

2. Khi nghiên cứu những khác biệt giữa hai tuyến giáng hạ này, chúng ta có thể học được nhiều điều, và khả năng tiếp nhận của đệ tử có thể được tăng cường.

II. The Spiritual Triad.

II. Tam Nguyên Tinh Thần.

The buddhic permanent atom.

Nguyên tử trường tồn Bồ đề.

The love petals.

Các cánh hoa bác ái.

The antahkarana.

Antahkarana.

The astral permanent atom within the egoic lotus.

Nguyên tử trường tồn cảm dục trong hoa sen chân ngã.

The heart centre.

Trung tâm tim.

1. We note that there is a direct connection between the buddhic permanent atom and the love petals, just as the connection is direct between the atmic permanent atom and the sacrifice petals.

1. Chúng ta lưu ý rằng có một mối liên hệ trực tiếp giữa nguyên tử trường tồn Bồ đề và các cánh hoa bác ái, cũng như có mối liên hệ trực tiếp giữa nguyên tử trường tồn atma và các cánh hoa hi sinh.

III. The Spiritual Triad.

The manasic permanent atom.

The knowledge petals.

The antahkarana.

The mental unit.

The throat centre.

1. The monad and the manasic permanent atom are the two sources which connect directly with the jewel in the lotus. This can be gathered if charts VII and IX from TCF (given below) are consulted. (Another coloured version is available upon request to Vicktorya.)

2. Note that in Chart VII [VIII] from TCF [p. 817] there is seen a direct line of influence from the monad to the jewel in the lotus. From Chart IX a direct line of influence is shown from the manasic permanent atom to the jewel.

3. See charts below: [note chart VII may be referred to as Chart VIII in various editions. It is the one on page 817.]

1. These charts should be studied closely in relation to the tabulations detailing the lines of energy descent.

These details, brother of mine, are of technical interest, are purely academic and constitute simply word symbols of an inevitable evolutionary process.

III. Tam Nguyên Tinh Thần.

Nguyên tử trường tồn manas.

Các cánh hoa tri thức.

Antahkarana.

Đơn vị hạ trí.

Trung tâm cổ họng.

1. Chân thần và nguyên tử trường tồn manas là hai nguồn kết nối trực tiếp với bảo ngọc trong hoa sen. Có thể nhận ra điều này khi tham khảo các sơ đồ VII và IX trong TCF (được đưa ra bên dưới). (Có một phiên bản màu khác khi yêu cầu Vicktorya cung cấp.)

2. Hãy lưu ý rằng trong Sơ đồ VII [VIII] của TCF [tr. 817], có thể thấy một tuyến ảnh hưởng trực tiếp từ chân thần đến bảo ngọc trong hoa sen. Sơ đồ IX cho thấy một tuyến ảnh hưởng trực tiếp từ nguyên tử trường tồn manas đến bảo ngọc.

3. Xem các sơ đồ bên dưới: [lưu ý rằng sơ đồ VII có thể được gọi là Sơ đồ VIII trong các ấn bản khác nhau. Đó là sơ đồ ở trang 817.]

1. Cần nghiên cứu kỹ các sơ đồ này trong mối liên hệ với những bảng liệt kê chi tiết các tuyến giáng hạ năng lượng.

Huynh đệ của Tôi, những chi tiết này có ý nghĩa về mặt chuyên môn, thuần túy mang tính học thuật và chỉ là những biểu tượng bằng ngôn từ của một tiến trình tiến hoá tất

yếu.

1. DK is telling us that these lines of descent will come into full expression as the result of a *natural* process. Our conscious meditative work will, however, hasten the process.

1. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng các tuyến giáng hạ này sẽ biểu hiện đầy đủ như kết quả của một tiến trình *tự nhiên*. Tuy nhiên, công việc tham thiền có ý thức của chúng ta sẽ thúc đẩy tiến trình ấy.

They describe the divine inspiration to which all human beings are subjected as an integral part of the life of God Himself and one which is consciously registered when a man reaches the stages of discipleship and initiation.

Chúng mô tả cảm hứng thiêng liêng mà mọi người đều tiếp nhận như một phần không thể tách rời của sự sống của chính Thượng đế, và con người ghi nhận cảm hứng ấy một cách có ý thức khi đạt đến các giai đoạn địa vị đệ tử và điểm đạo.

1. It is not that all the lines of descent occur at once. They are built up in completeness over time.

1. Không phải tất cả các tuyến giáng hạ đều xuất hiện cùng một lúc. Chúng dần được xây dựng hoàn chỉnh theo thời gian.

They demonstrate, when rightly understood, the nature of the Science of the Breath.

Khi được thấu hiểu đúng đắn, chúng thể hiện bản chất của Khoa Học về Hơi Thở.

1. This is a potent statement. The lines described demonstrate the lines of descent promoted by the *occult breathing* process. Correct occult breathing is, ultimately, to produce in completeness the results depicted.

1. Đây là một phát biểu đầy uy lực. Các tuyến được mô tả cho thấy những tuyến giáng hạ do tiến trình *hô hấp huyền bí* thúc đẩy. Cuối cùng, hô hấp huyền bí đúng đắn phải tạo ra trọn vẹn những kết quả đã mô tả.

That Breath is all and in the method of invocation and evocation which underlies the entire process, you have a hint as to the structure and activity of the Heart of the Sun, the organ of this second ray solar system, and the diastole and systole system of evolution which is found in the universal life process.

Hơi Thở ấy là tất cả, và trong phương pháp khẩn cầu và gợi lên làm nền tảng cho toàn bộ tiến trình, các bạn có một gợi ý về cấu trúc và hoạt động của Tâm Mặt Trời, cơ quan của hệ mặt trời cung hai này, cùng hệ thống tiến hoá theo sự giãn và co có trong tiến trình sự sống phổ quát.

1. Occultly, the macrocosmic breath and heart beat are related in this section.

1. Về mặt huyền bí, trong phần này, hơi thở và nhịp tim của đại thiên địa có mối liên hệ với nhau.

2. Indeed the 'BREATH'*is* All, for the manifestation of the entire universe depends (we are told in *The Secret Doctrine*) upon the GREAT BREATH.

2. Quả thực, "HƠI THỞ" *là* Tất Cả, vì sự biểu hiện của toàn thể vũ trụ phụ thuộc (như chúng ta được cho biết trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*) vào HƠI THỞ VĨ ĐẠI.

3. This entire stage of discipleship has focussed on the energy exchange between the Master, His aura, the aura of His Ashram and the chela who has reached the stage of development where he may be called a 'Chela within the Aura'.

3. Toàn bộ giai đoạn địa vị đệ tử này tập trung vào sự trao đổi năng lượng giữa Chân sư, hào quang của Ngài, hào quang của ashram của Ngài và người đệ tử đã đạt đến giai đoạn phát triển mà y có thể được gọi là "Đệ tử trong hào quang".

4. As disciples who are attempting to develop the will-to-love (and, more importantly, simply, *love*), a right understanding of solar fire and the Heart of the Sun is paramount.

4. Là những đệ tử đang cố gắng phát triển Ý Chí-Yêu Thương (và quan trọng hơn, đơn giản là *tình thương*), việc thấu hiểu đúng đắn lửa thái dương và Tâm Mặt Trời có tầm quan trọng bậc nhất.

5. The entire antahkarana process (at our stage of development) leads to the Heart of the Sun, considered not only as the 'sponsor' of the life of the soul, but of the very life of the monad, which, being found on the*second* systemic plane, is directly related to the second ray and to the solar fire of which the Heart of the Sun is the foremost expression within our solar system.

5. Toàn bộ tiến trình antahkarana (ở giai đoạn phát triển của chúng ta) dẫn đến Tâm Mặt Trời, được xem không chỉ là "nguồn bảo trợ" cho sự sống của linh hồn, mà còn cho chính sự sống của chân thần; vì nằm trên cõi *thứ hai* của hệ mặt trời, chân thần liên hệ trực tiếp với cung hai và với lửa thái dương, mà Tâm Mặt Trời là biểu hiện hàng đầu trong hệ mặt trời của chúng ta.

Dear Brothers and Sisters,

Các Huynh Đệ và Tỷ Muội thân mến,

The material contained in this instruction is profound and represents a stage of discipleship rather far ahead of most if not all of us. An important goal of our efforts is nevertheless given. It is ashramic intimacy which we seek, and we are given important methods of approach. Let us take them to heart and practice them to the degree we can.

Nội dung trong bài huấn thị này rất sâu sắc và thể hiện một giai đoạn địa vị đệ tử khá xa phía trước phần lớn, nếu không muốn nói là tất cả chúng ta. Dẫu vậy, một mục tiêu quan trọng cho những nỗ lực của chúng ta đã được nêu ra. Điều chúng ta tìm kiếm là sự gần gũi thân thiết trong ashram, và chúng ta được trao những phương pháp tiếp cận quan trọng. Hãy ghi lòng và thực hành chúng trong khả năng của mình.

With Love and Many Blessings to All,

Với Tình Thương và Nhiều Phúc Lành gửi đến Tất Cả,

21. PART IX – 21. PHẦN IX

Each time we consider the various stages of discipleship, it becomes more difficult to give the neophyte a true picture of the state of consciousness and the inner situation and relationships. [765]

Mỗi lần xem xét các giai đoạn khác nhau của địa vị đệ tử, việc mang đến cho người sơ cơ một bức tranh chân thực về trạng thái tâm thức, tình trạng và các mối quan hệ bên trong lại trở nên khó khăn hơn. [765]

1. The advanced aspirant has already taken the first initiation. Master DK's task is to deal with "aspirants for initiation" (R&I 586). In a way, all those who have not taken the third degree are "aspirants for initiation".

1. Người chí nguyện tiến xa đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Nhiệm vụ của Chân sư DK là bàn đến "những người chí nguyện cầu điểm đạo" (R&I 586). Theo một nghĩa nào đó, tất cả những người chưa đạt cấp độ thứ ba đều là "những người chí nguyện cầu điểm đạo".

This is also due to the fact that I am attempting to deal (in these more advanced stages) with awarenesses which have no parallel or correspondence in the experience of even the advanced aspirant.

Điều này cũng là do Tôi đang cố gắng bàn đến (trong những giai đoạn tiến xa hơn này) những trạng thái nhận biết không có điều gì tương tự hay tương ứng trong kinh nghiệm của ngay cả người chí nguyện tiến xa.

2. It is hard to accept that there are *no* parallels or correspondences, since the entire universe may be interpreted according to the Law of Correspondences. Yet, thus it is stated. Perhaps, now and then the slightest intuitive hints appear.

2. Thật khó chấp nhận rằng *không có* điều gì tương tự hay tương ứng, vì toàn thể vũ trụ có thể được diễn giải theo Định luật Tương Ứng. Tuy nhiên, lời dạy đã khẳng định như vậy. Có lẽ đôi khi vẫn xuất hiện những gợi ý trực giác hết sức mong manh.

When we are considering the last three stages, we are definitely dealing with that which might be called the initiate-consciousness at a high stage of expansion and with knowledge for which we have no terminology.

Khi xem xét ba giai đoạn cuối, chúng ta chắc chắn đang bàn đến điều có thể gọi là tâm thức điểm đạo đồ ở một giai đoạn mở rộng cao, cùng với tri thức mà chúng ta chưa có thuật ngữ để diễn đạt.

3. Here, Master DK is identifying with the aspirant when He uses the term "we".

3. Ở đây, Chân sư DK đang đồng hoá với người chí nguyện khi Ngài dùng từ "chúng

ta".

4. When speaking of the "last three stages" we are probably speaking of "Chela on the Thread", "Chela within the Aura", and "Chela in the Master's Heart". There is also a final stage concerning the "Blending of the Lights", but it is given no name.

4. Khi nói về "ba giai đoạn cuối", có lẽ chúng ta đang nói đến "Đệ tử trên đường dây", "Đệ tử trong hào quang" và "Đệ tử trong Tim Chân sư". Cũng có một giai đoạn cuối cùng liên quan đến sự "Hòa Trộn các Ánh Sáng", nhưng giai đoạn này không được đặt tên.

5. In we disregard this last and unnamed stage, then the "initiate consciousness" begins with the stage of "Chela on the Thread". If we include the last stage, then it begins with "Chela within the Aura"

5. Nếu bỏ qua giai đoạn cuối cùng không có tên này, thì "tâm thức điểm đạo đồ" bắt đầu từ giai đoạn "Đệ tử trên đường dây". Nếu tính cả giai đoạn cuối cùng, thì tâm thức ấy bắt đầu từ "Đệ tử trong hào quang"

Is it not apparent to you that the initiate of high degree lives in a world of reactions and of subtle phenomena which are **totally unimaginable** to the average disciple?

Chẳng phải các bạn thấy rõ rằng điểm đạo đồ cấp cao sống trong một thế giới của những phản ứng và hiện tượng tinh tế mà người đệ tử trung bình **hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi** hay sao?

6. Here the terms "average disciple" and "advanced aspirant" are equated.

6. Ở đây, các thuật ngữ "đệ tử trung bình" và "người chí nguyện tiến bộ" được xem là tương đương.

7. The fact is that we cannot *imagine* that which is unimaginable.

7. Sự thật là chúng ta không thể *tưởng tượng* điều vốn không thể tưởng tượng nổi.

8. The third degree presents a line of demarcation. The buddhic phenomena available to the fourth degree initiate are even more unfathomable to the consciousness of the average disciple.

8. Bậc thứ ba tạo nên một ranh giới phân định. Những hiện tượng Bồ đề mà điểm đạo đồ bậc thứ tư có thể tiếp cận còn khó dò thấu hơn nữa đối với tâm thức của người đệ tử trung bình.

He is, therefore, when functioning on the physical plane or in the three worlds, only bringing the lowest aspect of his consciousness into play and action.

Do đó, khi hoạt động trên cõi hồng trần hoặc trong ba cõi giới, y chỉ vận dụng và đưa vào hoạt động phương diện thấp nhất của tâm thức mình.

9. An initiate is not what he *seems* to be. Therefore, as he really is, he is unapproachable to the average man.

9. Một điểm đạo đồ không phải như y *có vẻ* là. Vì vậy, con người thực sự của y nằm ngoài tầm tiếp cận của người bình thường.

I have for years taught you, and your interest has been profound.

10. This is what is required if one is to be a true student of a Master.

Many of the technicalities of the occult sciences are yours and you know much theoretically.

11. Such knowledge (as difficult as it may be to acquire) is only a starting point.

This is evidenced by the interest shown and in the questions submitted. These dealt with the permanent atoms, their functioning and vitalisation.

12. We note that the Tibetan allowed His chelas to address questions to Him. The responses to many of these questions have made their way into some of the books—notably *Esoteric Psychology I* and *Esoteric Healing,* with some included in *Glamour: A World Problem.*

13. DK's chelas had been concentrating upon the permanent atoms and have addressed to Him inquiries concerning these atoms.

From the standpoint of the initiate such questions are of no moment; to be interested in the permanent atoms is on a par with being interested in the nature of the gastric juices which make the process of living on the physical plane a continuous rebuilding.

14. The Master puts things in proportion. Simply because the knowledge concerning the permanent atoms is abstruse, does not mean it is *essential knowledge*—especially at our present stage of human and planetary

Tôi đã giảng dạy các bạn trong nhiều năm, và các bạn đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc.

10. Đây là điều cần có nếu muốn trở thành một môn sinh chân chính của một Chân sư.

Các bạn đã nắm được nhiều chi tiết chuyên môn của các khoa học huyền bí và biết nhiều về mặt lý thuyết.

11. Kiến thức như thế (dù khó đạt được đến đâu) cũng chỉ là một điểm khởi đầu.

Điều này thể hiện qua sự quan tâm và những câu hỏi các bạn đã gửi đến. Những câu hỏi ấy đề cập đến các nguyên tử trường tồn, hoạt động và sự tiếp sinh lực cho chúng.

12. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng đã cho phép các đệ tử của Ngài đặt câu hỏi với Ngài. Những lời đáp cho nhiều câu hỏi ấy đã xuất hiện trong một số sách—đáng chú ý là *Tâm Lý Học Nội Môn I* và *Trị Liệu Huyền Môn,* cùng một số lời đáp trong *Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới.*

13. Các đệ tử của Chân sư DK đã tập trung vào các nguyên tử trường tồn và gửi đến Ngài những câu hỏi về các nguyên tử này.

Theo quan điểm của điểm đạo đồ, những câu hỏi như thế không có tầm quan trọng; quan tâm đến các nguyên tử trường tồn cũng chẳng khác gì quan tâm đến bản chất của các dịch vị khiến tiến trình sống trên cõi hồng trần trở thành một sự tái tạo liên tục.

14. Chân sư đặt mọi việc vào đúng tỉ lệ của chúng. Chỉ vì kiến thức về các nguyên tử trường tồn khó hiểu không có nghĩa đó là *kiến thức thiết yếu*—nhất là ở giai đoạn phát triển hiện nay của nhân loại và hành tinh

development.

15. Knowledge of the gastric juices may be of some technical interest (especially to the physiologist), but for those involved an intensive approach to soul culture, such knowledge can hardly be considered of great moment.

The analogy is closer than you think.

16. What is this analogy? We might suppose that the permanent atoms are involved in tearing down experience for the sake of assimilation. The gastric juices prepare that which is ingested for assimilation. The permanent atoms prepare ingested experience for assimilation into the causal body. The permanent atoms cannot assimilate *raw* experience. First it has to be processed so that it can be stored in that greatest of all memory chips (the permanent atoms)—greatest, as far as *humanity* is concerned.

Occultly speaking, a constant consideration of the digestive system or of any other of the bodily functions leads to difficulty. Chronic invalids are frequently so (though not in every case) because of their physical preoccupation with the form nature on the outer plane over a long period of years.

17. It is clear that the attention of the modern disciple is not to be focussed upon the outer physical frame. Energy follows thought, and such thought (wielded by those who are to a great extent occultly uninformed) causes an imbalance in energy flows.

18. Disciples in the New Age are to learn to

chúng ta.

15. Kiến thức về dịch vị có thể có phần thú vị về mặt chuyên môn (đặc biệt đối với nhà sinh lý học), nhưng đối với những người chuyên tâm trau dồi linh hồn, khó có thể xem kiến thức ấy là điều hết sức quan trọng.

Sự tương đồng này gần gũi hơn các bạn nghĩ.

16. Sự tương đồng này là gì? Chúng ta có thể giả định rằng các nguyên tử trường tồn tham gia phân giải kinh nghiệm để đồng hóa. Dịch vị chuẩn bị những gì được đưa vào cơ thể để đồng hóa. Các nguyên tử trường tồn chuẩn bị kinh nghiệm đã tiếp nhận để đồng hóa vào thể nguyên nhân. Các nguyên tử trường tồn không thể đồng hóa kinh nghiệm *thô*. Trước tiên, kinh nghiệm phải qua xử lý để có thể lưu trữ trong những con chip nhớ vĩ đại nhất ấy (các nguyên tử trường tồn)—vĩ đại nhất, xét trong phạm vi *nhân loại*.

Nói theo huyền bí học, việc liên tục chú tâm đến hệ tiêu hóa hoặc bất kỳ chức năng nào khác của cơ thể sẽ dẫn đến khó khăn. Những người đau yếu kinh niên thường rơi vào tình trạng ấy (dù không phải trong mọi trường hợp) vì họ đã quá bận tâm về mặt thể chất với bản chất hình tướng trên cõi bên ngoài suốt nhiều năm dài.

17. Rõ ràng người đệ tử hiện đại không nên tập trung sự chú ý vào thân xác bên ngoài. Năng lượng đi theo tư tưởng, và tư tưởng như thế (do những người phần lớn chưa am hiểu huyền bí học vận dụng) gây mất cân bằng trong các dòng năng lượng.

18. Các đệ tử trong Kỷ Nguyên Mới phải học

abstract their consciousness to such an extent that they can perform their work regardless of the debilities of the physical body.

cách rút tâm thức mình lên đến mức có thể thực hiện công việc bất kể những suy yếu của thể xác.

19. The corollary is that if we wish to have resilient health, we must become *preoccupied with the soul* (and, presumably, its effect upon the etheric body, rather than the dense physical).

19. Hệ luận là nếu muốn có sức khỏe dẻo dai, chúng ta phải *chuyên tâm vào linh hồn* (và có lẽ cả tác động của linh hồn lên thể dĩ thái, thay vì thể xác đậm đặc).

It is possible (and I say this with deliberation) to have serious physical disability and yet to be so full of vitality and so uninterested in the physical mechanism that chronic invalidism (as usually understood) is not possible.

Có thể có khuyết tật thể chất nghiêm trọng (và Tôi nói điều này sau khi đã cân nhắc kỹ), nhưng vẫn tràn đầy sinh lực và ít quan tâm đến bộ máy thể xác đến mức tình trạng đau yếu kinh niên (theo cách hiểu thông thường) không thể xảy ra.

20. Alice Bailey was in this condition when she refused invalidism during the latter years of her life.

20. Alice Bailey đã ở trong tình trạng này khi Bà không chịu sống như một người đau yếu trong những năm cuối đời.

21. We note that serious physical debility does not necessarily mean that one must be devitalized. DK tells us that quite the contrary may be the case.

21. Chúng ta lưu ý rằng thể chất suy yếu nghiêm trọng không nhất thiết có nghĩa là con người phải mất sinh lực. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng điều hoàn toàn ngược lại có thể xảy ra.

22. He is making the case that "chronic invalidism" (like hypochondria) arises from preoccupation with physical processes.

22. Ngài đang lập luận rằng "tình trạng đau yếu kinh niên" (cũng như chứng lo bệnh) phát sinh từ việc quá bận tâm đến các tiến trình thể chất.

This is not the same thing as the triumph of mind over matter or the theory of perfect health;

Điều này không đồng nghĩa với sự chiến thắng của trí tuệ đối với vật chất hay lý thuyết về sức khỏe hoàn hảo;

23. This is the approach of Christian and Mental Science.

23. Đây là cách tiếp cận của Khoa Học Cơ Đốc và Khoa Học Trí Tuệ.

it is a question of a surmounting energy-emphasis which negates the imposition of force effects upon the

đây là vấn đề đặt trọng tâm vào năng lượng có sức vượt thắng, hóa giải sự áp đặt của các tác động mãnh lực lên tâm thức. Hãy

consciousness. Ponder on this last sentence because it holds the key to the right handling of the health problem in the future.

suy ngẫm câu cuối này, vì nó chứa chìa khóa để xử lý đúng đắn vấn đề sức khỏe trong tương lai.

24. We note the contrast between "energy" and "force". Quite simplistically, energy is of the soul, and force of the personality.

24. Chúng ta lưu ý sự tương phản giữa "năng lượng" và "mãnh lực". Nói hết sức đơn giản, năng lượng thuộc về linh hồn, còn mãnh lực thuộc về phàm ngã.

25. The "imposition of force effects upon the consciousness" leads to debilitation. The energies of the soul, if powerfully registered, will negate these force effects.

25. "Sự áp đặt của các tác động mãnh lực lên tâm thức" dẫn đến suy nhược. Nếu tâm thức ghi nhận mạnh mẽ các năng lượng của linh hồn, chúng sẽ hóa giải những tác động mãnh lực này.

26. We have to remember this important statement when we are seemingly overcome by "force effects".

26. Chúng ta phải nhớ lời khẳng định quan trọng này khi dường như bị những "tác động mãnh lực" lấn át.

In the same way, a constant consideration of the permanent atoms and of the spirillae would lead to an intensification of [766] the form life and to the tyranny of force as it flows through them.

Tương tự, việc liên tục chú tâm đến các nguyên tử trường tồn và các loa tuyến sẽ dẫn đến sự tăng cường [766] đời sống hình tướng và sự thống trị của mãnh lực khi nó tuôn chảy qua chúng.

27. Again, "energy follows thought". We are not meant to revert to preoccupations which characterized man when he was at a much earlier phase of development.

27. Một lần nữa, "năng lượng đi theo tư tưởng". Chúng ta không nên quay lại những mối bận tâm từng là đặc trưng của con người ở một giai đoạn phát triển sớm hơn nhiều.

28. The mental/technical type of individual has to remember the close connection between the mind and body.

28. Người thiên về trí tuệ/chuyên môn kỹ thuật phải nhớ mối liên hệ chặt chẽ giữa thể trí và thân thể.

29. DK's response to such questions about the permanent atoms must have been quite a shock to the ones (no doubt of an analytical turn of mind) who posed these questions.

29. Lời đáp của Chân sư DK cho những câu hỏi như thế về các nguyên tử trường tồn hẳn đã gây sửng sốt đáng kể cho những người đặt câu hỏi (chắc chắn là những người có khuynh hướng tư duy phân tích).

There are undoubtedly analogies and correspondences that could be worked out in connection with the spirillae in the

Chắc chắn có những sự tương đồng và tương ứng có thể xác lập giữa các loa tuyến trong sự sống tiểu thiên địa với các cõi và cõi phụ

microcosmic life and the planes and subplanes of the macrocosm with a possible subsequent relation of both to the seven centres, microcosmically understood, and the seven planetary schemes, macrocosmically understood.

của đại thiên địa, rồi có thể từ đó liên hệ cả hai với bảy trung tâm, hiểu theo tiểu thiên địa, và bảy hệ hành tinh, hiểu theo đại thiên địa.

30. Such correspondences are themes frequently encountered in *A Treatise on Cosmic Fire,* but they are of largely theoretical interest and are not (at the present time) "of the essence".

30. Những sự tương ứng như thế là các chủ đề thường gặp trong *Luận về Lửa Vũ Trụ,* nhưng phần lớn chúng chỉ đáng quan tâm về mặt lý thuyết và (vào lúc này) không phải là điều "cốt yếu".

But **the goal for the majority of aspirants is not to limit their consciousness by a concentration upon the minutiae**, such as the permanent atoms and the details connected with the individual form nature.

Nhưng **mục tiêu của đa số người chí nguyện không phải là giới hạn tâm thức mình bằng cách tập trung vào những chi tiết vụn vặt**, như các nguyên tử trường tồn và những chi tiết liên quan đến bản chất hình tướng cá nhân.

31. There are certain aspirants on the scientific line who might be the exception to this general rule.

31. Một số người chí nguyện đi theo đường hướng khoa học có thể là ngoại lệ đối với quy luật chung này.

32. DK's purpose in all His teaching is to offer us the broad outlines of the Ageless Wisdom Teaching. No matter how complex we may find the Teaching, at times, we are really receiving only the ABC's. It is far more important to see the "big picture" in this regard, than to become preoccupied with minutiae dealing largely with physical processes.

32. Mục đích của Chân sư DK trong toàn bộ giáo huấn của Ngài là trình bày cho chúng ta những nét khái quát của Giáo Huấn Minh Triết Ngàn Đời. Dù đôi lúc chúng ta thấy Giáo Huấn phức tạp đến đâu, thực ra chúng ta cũng chỉ đang tiếp nhận những điều sơ đẳng. Về phương diện này, nhìn thấy "bức tranh toàn cảnh" quan trọng hơn nhiều so với việc quá bận tâm đến những chi tiết vụn vặt phần lớn liên quan đến các tiến trình thể chất.

The objective of each aspirant is to expand his consciousness to include that which lies beyond himself, to attain to the more elevated states of consciousness in the life of the group and of humanity, and to integrate himself consciously into the Hierarchy, eventually into Shamballa, **and occultly to**

Mục tiêu của mỗi người chí nguyện là mở rộng tâm thức để bao gồm những gì nằm ngoài bản thân mình, đạt đến những trạng thái tâm thức cao hơn trong đời sống của nhóm và của nhân loại, và tích hợp mình một cách có ý thức vào Thánh đoàn, cuối cùng vào Shamballa, **và "biết" Thượng đế**

"know" God in His many phases of all-inclusive extension and perfection.

33. The true objective of the aspirant is here given:

1. Expand consciousness to include that which lies beyond the aspirant's ring-pass-not

2. To attain more elevated states of consciousness in the life of the group and of humanity

3. To integrate himself into the Hierarchy

4. To eventually integrate himself consciously into Shamballa

5. To "know" God in His many phases of all-inclusive extension and perfection

34. We are dealing, therefore, with the discovery of "God" *en large*. The Tibetan is looking for a degree of synthetic understanding rather than concrete-minded concentration upon minutiae.

35. DK has made the contrast between these different lines of enquiry startlingly clear.

A close concentration upon and study of the spirillae and atoms would be scientifically and technically interesting and possible, but would not lead to increased spiritual development but to personality emphasis and, therefore, to increased difficulty in the treading of the Path.

theo nghĩa huyền bí trong nhiều giai đoạn mở rộng bao gồm tất cả và hoàn thiện của Ngài.

33. Ở đây, mục tiêu chân chính của người chí nguyện được trình bày:

1. Mở rộng tâm thức để bao gồm những gì nằm ngoài vòng-giới-hạn của người chí nguyện

2. Đạt đến những trạng thái tâm thức cao hơn trong đời sống của nhóm và của nhân loại

3. Tích hợp mình vào Thánh đoàn

4. Cuối cùng tích hợp mình một cách có ý thức vào Shamballa

5. "Biết" Thượng đế trong nhiều giai đoạn mở rộng bao gồm tất cả và hoàn thiện của Ngài

34. Do đó, chúng ta đang bàn đến việc khám phá "Thượng đế" *trên quy mô rộng lớn*. Chân sư Tây Tạng mong muốn một mức độ thấu hiểu tổng hợp thay vì sự tập trung của trí cụ thể vào những chi tiết vụn vặt.

35. Chân sư DK đã làm rõ một cách đáng kinh ngạc sự tương phản giữa những đường hướng tìm hiểu khác nhau này.

Việc tập trung chú ý và nghiên cứu kỹ các loa tuyến cùng các nguyên tử có thể thực hiện và có sức hấp dẫn về mặt khoa học cũng như chuyên môn kỹ thuật, nhưng sẽ không dẫn đến sự phát triển tinh thần cao hơn, mà lại dẫn đến việc đặt trọng tâm vào phàm ngã, do đó làm tăng khó khăn khi bước trên Đường Đạo.

36. This is perhaps a surprising comment, for there are may who study the atoms and their spirillae out of scientific and technical interest.

36. Đây có lẽ là một nhận xét đáng ngạc nhiên, vì có nhiều người nghiên cứu các nguyên tử và loa tuyến của chúng do quan tâm đến khoa học và chuyên môn kỹ thuật.

37. If it is overdone, it would not have a spiritual effect at all, but a material one.

37. Nếu quá mức, việc ấy sẽ hoàn toàn không tạo ra tác động tinh thần, mà là tác động vật chất.

38. Is it not surprising that certain lines of study (even of subjects in the Ageless Wisdom) could lead "to increased difficulty in the treading of the Path"?

38. Chẳng phải đáng ngạc nhiên sao khi một số đường hướng nghiên cứu (ngay cả về các chủ đề trong Minh Triết Ngàn Đời) lại có thể dẫn đến "việc gia tăng khó khăn khi bước trên Đường Đạo"?

39. The correct way to tread the Path is not entirely obvious, and warnings are occasionally needed from those who are further advanced and thus know the pitfalls—in this case, ***engrossing*** *interests* which lead to the strengthening of the personality over the soul.

39. Cách bước đúng đắn trên Đường Đạo không hoàn toàn hiển nhiên, và đôi khi cần có những lời cảnh báo từ những người tiến xa hơn, do đó biết rõ các cạm bẫy—trong trường hợp này là những ***cuốn hút mãnh liệt*** *của các mối quan tâm* khiến phàm ngã mạnh lên và lấn át linh hồn.

The more advanced a disciple, the more dangerous such emphasis and preoccupation would be, whereas the scientist or the aspirant upon the Probationary Path could study such matters with relative impunity because **he would not bring in the energy which could galvanise these "points of force" into dangerous activity.**

Người đệ tử càng tiến bộ thì việc đặt trọng tâm và quá bận tâm như thế càng nguy hiểm, trong khi nhà khoa học hoặc người chí nguyện trên Con Đường Dự Bị có thể nghiên cứu những vấn đề ấy mà tương đối không chịu hậu quả tai hại, bởi vì **y sẽ không đưa vào thứ năng lượng có thể kích phát các "điểm mãnh lực" này thành hoạt động nguy hiểm.**

40. We are given an important distinction between the advanced disciple and the aspirant on the Probationary Path (and the equivalent of the aspirant—most scientists).

40. Ở đây, chúng ta được chỉ ra một sự phân biệt quan trọng giữa người đệ tử tiến bộ và người chí nguyện trên Con Đường Dự Bị (cùng những người tương đương với người chí nguyện—đa số các nhà khoa học).

41. The aspirant/scientist is *theoretical* in his approach. The disciple is powerful in his thought and can stimulate such subtle

41. Người chí nguyện/nhà khoa học tiếp cận theo lối *lý thuyết*. Người đệ tử có tư tưởng mạnh mẽ và có thể kích thích những cấu

structures as permanent atoms.

42. Many of the liabilities on the Path have to do with ill-directed stimulation, unwise stimulation or over-stimulation.

For this reason I am not dealing with the permanent atoms as there is no need for you to give time and consideration to them.

43. Master DK helps us set our priorities.

If you are living as desired and if you are seeking to profit by my instructions, the training of the lower nature and the development of the forces which function as form "divinely consecrated," will proceed normally and safely. I mentioned the permanent atoms to show the lines of energy distribution but not in order to indicate any need for a mental interest in these aspects of form life.

44. A clear teaching has been imparted. Where shall we put our attention? If we are rightly oriented, the development of the personality will proceed as it should. Right orientation presumes that that personality nature is "divinely consecrated".

45. Disciples are warned away from unwise manipulation and concentration upon the physical nature. Unwise *interference* has its price.

Stage VI. The Chela within the Master's Heart.

We arrive now at a consideration of **the last**

trúc tinh tế như các nguyên tử trường tồn.

42. Nhiều nguy cơ trên Đường Đạo liên quan đến sự kích thích sai hướng, thiếu minh triết hoặc quá mức.

Vì lý do này, Tôi không bàn đến các nguyên tử trường tồn, bởi các bạn không cần dành thời gian và sự chú tâm cho chúng.

43. Chân sư DK giúp chúng ta xác định những điều cần ưu tiên.

Nếu các bạn đang sống như mong đợi và đang tìm cách hưởng lợi từ những huấn thị của Tôi, thì việc rèn luyện bản chất thấp và phát triển các mãnh lực hoạt động dưới dạng hình tướng "được thánh hiến một cách thiêng liêng" sẽ diễn ra bình thường và an toàn. Tôi đã đề cập đến các nguyên tử trường tồn để chỉ ra những đường phân phối năng lượng, chứ không nhằm chỉ ra rằng cần có bất kỳ sự quan tâm nào về mặt trí tuệ đến những phương diện này của đời sống hình tướng.

44. Một giáo huấn rõ ràng đã được truyền đạt. Chúng ta nên đặt sự chú ý vào đâu? Nếu chúng ta định hướng đúng đắn, sự phát triển của phàm ngã sẽ diễn ra như cần phải thế. Định hướng đúng đắn đòi hỏi bản chất phàm ngã ấy phải "được thánh hiến một cách thiêng liêng".

45. Các đệ tử được cảnh báo tránh việc thao tác và tập trung vào bản chất thể xác một cách thiếu minh triết. Sự *can thiệp* thiếu minh triết có cái giá của nó.

Giai đoạn VI. Đệ tử trong Tâm Chân sư.

Giờ đây, chúng ta đi đến việc xem xét **giai**

of the six stages of discipleship. This was described by me in the following terms:

đoạn cuối cùng trong sáu giai đoạn của địa vị đệ tử. Tôi đã mô tả giai đoạn này bằng những lời sau:

46. Thus it becomes clear that the final three stages are to begin with "Chela on the Thread"

46. Như vậy, rõ ràng ba giai đoạn cuối bắt đầu với "Đệ tử trên đường dây"

[767] "The stage where the disciple is in close touch always; he is being definitely prepared for **immediate** initiation or having taken initiation—is given specialised work. At this stage he is described as a Chela within his Master's Heart."

[767] "Giai đoạn mà người đệ tử luôn giữ mối tiếp xúc mật thiết; y đang được chuẩn bị một cách rõ rệt cho cuộc điểm đạo **cận kề** hoặc, sau khi đã được điểm đạo—y được giao công việc chuyên biệt. Ở giai đoạn này, y được mô tả là một Đệ tử trong Tâm Chân sư của mình."

47. It would seem that the initiation in question is the fourth initiation, as the last three stages of discipleship deal with the initiate consciousness.

47. Dường như cuộc điểm đạo đang được nói đến là lần điểm đạo thứ tư, vì ba giai đoạn cuối của địa vị đệ tử đề cập đến tâm thức điểm đạo đồ.

48. In this regard, it should be realized that the chakra especially stimulated at the fourth degree is the *heart* chakra.

48. Về phương diện này, cần nhận ra rằng luân xa được kích thích đặc biệt ở bậc thứ tư là luân xa *tim*.

49. It would appear that one can be a "Chela within the Master's Heart" and be an initiate of the fourth degree—one who 'having taken initiation—is given specialised" work. But this thought is ambiguous, and possibly contradicted later in the instruction.

49. Dường như một người có thể là "Đệ tử trong Tâm Chân sư" và là một điểm đạo đồ bậc thứ tư—người 'sau khi đã được điểm đạo—được giao công việc chuyên biệt". Nhưng ý này còn mơ hồ, và có thể bị phủ nhận ở phần sau của huấn thị.

50. We note the use of the word "immediate" in relation to initiation. This does not mean that all those who are to take one or other of the earlier initiations in the *immediate* future are chelas within the Master's heart.

50. Chúng ta lưu ý cách dùng từ "cận kề" liên quan đến điểm đạo. Điều này không có nghĩa rằng tất cả những ai sắp trải qua một trong những lần điểm đạo ban đầu trong tương lai *cận kề* đều là các đệ tử trong Tâm Chân sư.

One thing I would here emphasise as I seek to give some light upon this subject. Being within the Master's Heart **in no way indicates a love-relationship between**

Ở đây, Tôi muốn nhấn mạnh một điều khi cố gắng làm sáng tỏ phần nào chủ đề này. Việc ở trong Tâm Chân sư **hoàn toàn không hàm ý một mối quan hệ tình thương giữa Chân**

Master and disciple.

51. DK warns us away from normal interpretations. Occult terminology, so often, is not to be interpreted in a conventional manner.

52. Really, Master DK, is guarding us from *sentimentalizing* the relationship between chela and Master.

The normal reaction is that at last the disciple has merited the right to be truly loved and, therefore, to be truly close to the Master. His life or lives of service have brought him at last the reward; he has now free access to the Master in the closest possible and mutual relationship of loving understanding. This stage of discipleship has absolutely no reference to this at all.

53. We can feel the irony behind DK's statements. The chela is *always* loved, even before he is accepted by the Master. The Master *is* love.

54. We can see how much personalism surrounds the kind of interpretation (to which DK almost ironically refers).

55. This false interpretation presents a picture of some kind of 'ashramic heaven'—at last, the closest possible relationship with the Master! It reeks of personality, does it not?

For another thing, brother of mine, when the disciple reaches this stage he is no longer what you understand by an accepted disciple. **He is an initiate of high**

sư và đệ tử.

51. Chân sư DK cảnh báo chúng ta tránh những cách diễn giải thông thường. Rất thường khi, thuật ngữ huyền bí không thể diễn giải theo lối thông thường.

52. Thực ra, Chân sư DK đang giúp chúng ta tránh *tình cảm hóa* mối quan hệ giữa đệ tử và Chân sư.

Phản ứng thông thường là cho rằng cuối cùng người đệ tử đã xứng đáng được thực sự yêu thương và do đó thực sự gần gũi với Chân sư. Một đời hay nhiều đời phụng sự cuối cùng đã mang lại phần thưởng cho y; giờ đây, y có thể tự do đến với Chân sư trong mối quan hệ gần gũi nhất có thể, với sự thấu hiểu đầy tình thương từ cả hai phía. Giai đoạn này của địa vị đệ tử tuyệt đối không liên quan gì đến điều ấy.

53. Chúng ta có thể cảm nhận sự mỉa mai đằng sau những lời của Chân sư DK. Người đệ tử *luôn luôn* được yêu thương, ngay cả trước khi Chân sư chấp nhận y. Chân sư *chính là* tình thương.

54. Chúng ta có thể thấy cách diễn giải ấy thấm đẫm tính cá nhân đến mức nào (cách diễn giải mà Chân sư DK nhắc đến gần như với giọng mỉa mai).

55. Cách diễn giải sai lầm này vẽ nên một kiểu 'thiên đường ashram'—cuối cùng cũng có được mối quan hệ gần gũi nhất có thể với Chân sư! Nó sặc mùi phàm ngã, phải không?

Còn một điều nữa, huynh đệ của Tôi, khi người đệ tử đạt đến giai đoạn này, y không còn là một đệ tử được chấp nhận theo cách các bạn hiểu nữa. **Y là một điểm đạo đồ có**

standing and of elevated degree and has passed out of the supervision and the safeguarding of a Master into a direct relation with the Master of all the Masters, the Christ, who is the central point in the Hierarchy, just as the Master is the central point in an ashram.

địa vị cao và cấp bậc cao, đã vượt ra ngoài sự giám sát và bảo hộ của một Chân sư để bước vào mối quan hệ trực tiếp với Chân sư của tất cả các Chân sư, Đức Christ, Đấng là điểm trung tâm trong Thánh đoàn, cũng như Chân sư là điểm trung tâm trong một ashram.

56. Something of the status of the chela within the heart is given.

56. Ở đây, chúng ta biết được phần nào địa vị của người đệ tử trong Tâm.

57. One who is a third degree initiates (and therefore, being prepared for the fourth degree) is no longer an "accepted disciple".

57. Một điểm đạo đồ bậc thứ ba (do đó đang được chuẩn bị cho bậc thứ tư) không còn là một "đệ tử được chấp nhận".

58. Not only is he an initiate, but an "initiate of high standing". This can mean, that he is close to the fourth degree. We might consider that "probationary initiates' are those who are not of "high standing".

58. Y không chỉ là một điểm đạo đồ, mà là một "điểm đạo đồ có địa vị cao". Điều này có thể hàm ý rằng y đã gần đến bậc thứ tư. Chúng ta có thể xem các "điểm đạo đồ dự bị" là những người chưa có "địa vị cao".

59. Let us remember however that the third and fourth degree can often be taken in the same life.

59. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ rằng người ta thường có thể đạt bậc thứ ba và thứ tư trong cùng một kiếp sống.

60. The stage, however, is an exalted one, because even the initiate of the third degree continues to be supervised by the Master of the Ashram.

60. Tuy nhiên, đây là một giai đoạn cao cả, vì ngay cả điểm đạo đồ bậc thứ ba vẫn tiếp tục chịu sự giám sát của Chân sư đứng đầu ashram.

61. To come into direct relation with the Christ means that one must be preparing for the Crucifixion (involving the heart center) for the Christ is not only the *head* but the great *heart of Hierarchy*.

61. Bước vào mối quan hệ trực tiếp với Đức Christ có nghĩa là người ấy phải đang chuẩn bị cho cuộc Đóng Đinh Thập Giá (liên quan đến trung tâm tim), vì Đức Christ không chỉ là *đầu* mà còn là *trái tim vĩ đại của Thánh đoàn.*

62. In a sense the, the chela within the heart, is becoming more the *brother* of the Master in whose Ashram He finds himself.

62. Theo một ý nghĩa nào đó, người đệ tử trong Tâm đang ngày càng trở thành *huynh đệ* của Chân sư mà y đang ở trong ashram của Ngài.

The Master is the heart of His group and

Chân sư là trái tim của nhóm Ngài, và Đức

the Christ is the heart of the Hierarchy.The closer one gets to realisation, the clearer becomes the concept that the point at the centre and the periphery are one.

Christ là trái tim của Thánh đoàn. Càng tiến gần đến sự chứng nghiệm, người ta càng thấy rõ quan niệm rằng điểm ở trung tâm và chu vi là một.

63. This degree of discipleship most intimately involves the heart (understood occultly).

63. Cấp độ này của địa vị đệ tử liên quan mật thiết nhất đến trái tim (hiểu theo nghĩa huyền bí).

64. To see that the point in the center and the periphery are one, involves the art and science of *identification*—a faculty developed very late in the evolutionary process.

64. Thấy được rằng điểm ở trung tâm và chu vi là một đòi hỏi nghệ thuật và khoa học *đồng hóa*—một năng lực chỉ phát triển rất muộn trong tiến trình tiến hoá.

65. There is a hint here that at this stage of discipleship, the usually responses to Time and Space are overcome, for center and periphery are one.

65. Ở đây có một gợi ý rằng tại giai đoạn này của địa vị đệ tử, những đáp ứng thông thường đối với Thời Gian và Không Gian được vượt qua, vì trung tâm và chu vi là một.

The significance of the word "heart" is the significance of life itself, as it beats eternally at the very heart of the universe.

Thâm nghĩa của từ "trái tim" là thâm nghĩa của chính sự sống, khi sự sống đập nhịp vĩnh cửu ngay tại tâm của vũ trụ.

66. In this stage of discipleship, "heart" and "life" are considered synonymous terms. The "heart" is really a macrocosmic rather than a microcosmic organ.

66. Ở giai đoạn này của địa vị đệ tử, "trái tim" và "sự sống" được xem là những thuật ngữ đồng nghĩa. "Trái tim" thực ra là một cơ quan thuộc đại thiên địa hơn là tiểu thiên địa.

67. At another stage of discipleship (a lower one), "heart" and "soul" are synonymous.

67. Ở một giai đoạn khác của địa vị đệ tử (một giai đoạn thấp hơn), "trái tim" và "linh hồn" đồng nghĩa.

68. The beating of the cosmic heart may be equated to the source of all cosmic cycles (vast and minute).

68. Nhịp đập của trái tim vũ trụ có thể được xem là tương đương với nguồn gốc của mọi chu kỳ vũ trụ (bao la và cực nhỏ).

Within that life, the initiate now consciously stands, **realising himself not so much as being a recipient of life, but as a distributor of life.** This is a very different thing and holds the key to this stage of discipleship.

Giờ đây, điểm đạo đồ đứng một cách có ý thức trong sự sống ấy, **nhận ra mình là người phân phối sự sống hơn là người tiếp nhận sự sống.** Đây là một điều rất khác và chứa chìa khóa của giai đoạn này trong địa vị

đệ tử.

69. Let us ponder the distinction between "giving" and "receiving". Of course, the distributor will always receive so that he may give again, but the emphasis is upon distribution.

69. Chúng ta hãy suy ngẫm sự khác biệt giữa "cho" và "nhận". Dĩ nhiên, người phân phối sẽ luôn tiếp nhận để có thể lại cho đi, nhưng trọng tâm đặt vào việc phân phối.

70. DK is suggesting that distributorship is the key to this stage of discipleship.

70. Chân sư DK đang gợi ý rằng vai trò phân phối là chìa khóa của giai đoạn này trong địa vị đệ tử.

71. This advanced chela is as a heart, offering through rhythmic pulsations, that which animates those around him. His service is to give *life*.

71. Người đệ tử tiến bộ này như một trái tim, qua những nhịp đập đều đặn mà ban phát điều đem sức sống đến cho những người xung quanh. Sự phụng sự của y là trao ban *sự sống*.

The "Master's Heart" is a technical term, indicating the sources of life and many analogous interpretations.

"Tâm Chân sư" là một thuật ngữ chuyên môn, chỉ các nguồn sự sống và nhiều cách diễn giải tương đồng.

72. The concept of "spirit" as the source of life is involved with a technical understanding of the "Master's Heart".

72. Khái niệm "tinh thần" như nguồn sự sống gắn liền với sự thấu hiểu theo nghĩa chuyên môn về "Tâm Chân sư".

73. The term "Master's Heart" does, however, not sound technical. We have to keep this in mind as a safeguard against sentimentalization.

73. Tuy nhiên, thuật ngữ "Tâm Chân sư" lại không có vẻ là một thuật ngữ chuyên môn. Chúng ta phải ghi nhớ điều này để tránh tình cảm hóa.

74. In one respect, the *monad* is the *heart*.

74. Theo một phương diện, *chân thần* là *trái tim*.

There is at this stage and **after a certain major initiation**, a direct line of energy or of life—sensed, recognised, active and utilised—between the conscious disciple and

Ở giai đoạn này và **sau một cuộc điểm đạo trọng đại nào đó**, có một đường năng lượng hay sự sống trực tiếp—được cảm nhận, nhận biết, hoạt động và vận dụng—giữa người đệ tử hữu thức và

75. The initiation here cited must be the *third* initiation, for initiations before that point are not "major" initiations.

75. Cuộc điểm đạo được nhắc đến ở đây phải là lần điểm đạo *thứ ba*, vì những lần điểm đạo trước đó không phải là những cuộc điểm

đạo "trọng đại".

76. Further, the initiation, it would seem, cannot be the *fourth* (although earlier in the text, it seemed it could be) because in the alignment-list that immediately follows the "egoic lotus" is mentioned, and this form (as we generally conceive it) disappears at the fourth initiation.

76. Hơn nữa, dường như cuộc điểm đạo ấy không thể là lần *thứ tư* (mặc dù ở phần trước của văn bản, điều đó có vẻ khả dĩ), vì trong danh sách chỉnh hợp ngay sau đây có nhắc đến "Hoa Sen Chân Ngã", và hình tướng này (theo cách chúng ta thường quan niệm) biến mất ở lần điểm đạo thứ tư.

77. The information given here, while seemingly explicit, is actually somewhat veiled. In summary, it would seem that the stage of "Chela within the Master's Heart" must definitely follow the third initiation; is likely to be experienced when the fourth initiation lies immediately ahead; and *may* still apply immediately after the fourth initiation (before the chela is a Master.

77. Thông tin được đưa ra ở đây, tuy có vẻ rõ ràng, thực ra vẫn có phần che giấu. Tóm lại, dường như giai đoạn "Đệ tử trong Tâm Chân sư" nhất định phải đến sau lần điểm đạo thứ ba; có khả năng được trải nghiệm khi lần điểm đạo thứ tư đã cận kề; và *có thể* vẫn còn áp dụng ngay sau lần điểm đạo thứ tư (trước khi người đệ tử trở thành một Chân sư.

78. It would seem that an initiate of the third degree can think in terms of the following alignment.

78. Dường như một điểm đạo đồ bậc thứ ba có thể tư duy theo sự chỉnh hợp sau đây.

1. The disciple's heart centre.

1. Trung tâm tim của người đệ tử.

2. The heart centre in the head. [768]

2. Trung tâm tim trong đầu. [768]

3. The egoic lotus, which (until the fourth initiation) is the heart centre of the monadic life.

3. Hoa Sen Chân Ngã, vốn là trung tâm tim của sự sống chân thần (cho đến lần điểm đạo thứ tư).

4. The Master at the centre of His group.

4. Chân sư ở trung tâm nhóm của Ngài.

5. The Christ, the heart centre of the Hierarchy.

5. Đức Christ, trung tâm tim của Thánh đoàn.

6. The life of the Monad which begins to make itself felt at the third initiation.

6. Sự sống của chân thần bắt đầu khiến người ta cảm nhận được sự hiện diện của nó ở lần điểm đạo thứ ba.

7. The Lord of Life Himself, the heart centre of Shamballa.

79. This is truly a stupendous alignment of *hearts.* It reveals to us how important is the *heart* following the third initiation. The third degree initiate is, in some respects, a member of Hierarchy and Hierarchy is the "heart center" of the planet.

80. This is an alignment which can be practiced with profit by those who are approaching the third degree, and can be somewhat understood by initiates of the second degree.

81. Each stage in this alignment marks an *ascent.*

The line of relationship then extends from these onward and outward, and upward (**spherically considered**) to the Life at the very centre of our Earth's "alter ego," the planet Venus, to Jupiter and thence to the solar Lord Himself and on to a point in the Sun, Sirius.

82. A tremendous occult hint is here given. All the Beings cited are really great *hearts*—Venus, Jupiter Sol and Sirius.

83. What is the "point in the Sun, Sirius". It cannot be for nothing that the word "point" is used in this context. Probably, it relates to the heart center of Sirius.

84. For clarity, let us add these four spheres to the tabulation.

1. The disciple's heart centre.

7. Chính Đức Chúa Tể Sự Sống, trung tâm tim của Shamballa.

79. Đây thực sự là một sự chỉnh hợp phi thường của những *trái tim.* Nó cho chúng ta thấy *trái tim* quan trọng đến mức nào sau lần điểm đạo thứ ba. Theo một vài phương diện, điểm đạo đồ bậc thứ ba là một thành viên của Thánh đoàn, và Thánh đoàn là "trung tâm tim" của hành tinh.

80. Đây là một sự chỉnh hợp mà những ai đang tiến gần đến bậc ba có thể thực hành một cách hữu ích, và các điểm đạo đồ bậc hai có thể phần nào thấu hiểu.

81. Mỗi giai đoạn trong sự chỉnh hợp này đánh dấu một *bước đi lên.*

Từ những trung tâm này, tuyến liên hệ tiếp tục vươn ra ngoài và hướng lên trên (**xét theo hình cầu**), đến Sự Sống ở ngay trung tâm của "bản ngã thứ hai" của Trái Đất chúng ta, tức hành tinh Sao Kim, đến Sao Mộc, rồi từ đó đến chính nhật tinh quân và tiếp đến một điểm trong Mặt Trời Sirius.

82. Ở đây có một gợi ý huyền bí vô cùng sâu sắc. Tất cả các Sinh Mệnh được nêu thực sự là những *trái tim vĩ đại*—Sao Kim, Sao Mộc, Mặt Trời và Sirius.

83. "Một điểm trong Mặt Trời Sirius" là gì? Hẳn không phải vô cớ mà từ "điểm" được dùng trong ngữ cảnh này. Có lẽ nó liên quan đến trung tâm tim của Sirius.

84. Để làm rõ, chúng ta hãy thêm bốn khối cầu này vào bảng liệt kê.

1. Trung tâm tim của người đệ tử.

2. The heart centre in the head.

3. The egoic lotus, which (until the fourth initiation) is the heart centre of the monadic life.

4. The Master at the centre of His group.

5. The Christ, the heart centre of the Hierarchy.

6. The life of the Monad which begins to make itself felt at the third initiation.

7. The Lord of Life Himself, the heart centre of Shamballa.

8. Venus

9. Jupiter

10. Our Solar Logos

11: A point in the Sun, Sirius.

85. Venus is our Earth's "alter ego". An "alter ego" is "another self". In this context it means a Planetary Ego with which the Logos of our Earth is in the closest connection, and who *now is* as the Earth will one day *be*.

86. We note the process of *spherical expansion.* All radiation occurs in spheres and not in directionally limited straight lines.

87. DK is telling us of a process which proceeds by what we might call 'spherical inclusion'. This idea should be applied to the first seven levels of the tabulation as well. Each of the first seven is a sphere and is

2. Trung tâm tim trong đầu.

3. Hoa Sen Chân Ngã, vốn là trung tâm tim của sự sống chân thần cho đến lần điểm đạo thứ tư.

4. Chân sư ở trung tâm nhóm của Ngài.

5. Đức Christ, trung tâm tim của Thánh đoàn.

6. Sự sống của chân thần, bắt đầu biểu lộ ảnh hưởng ở lần điểm đạo thứ ba.

7. Chính Đức Chúa Tể Sự Sống, trung tâm tim của Shamballa.

8. Sao Kim

9. Sao Mộc

10. Thái dương Thượng đế của chúng ta

11: Một điểm trong Mặt Trời Sirius.

85. Sao Kim là "bản ngã thứ hai" của Trái Đất chúng ta. "Bản ngã thứ hai" là "một bản ngã khác". Trong ngữ cảnh này, đó là một Chân Ngã Hành Tinh có mối liên hệ mật thiết nhất với Thượng đế của Trái Đất chúng ta, và Đấng ấy *hiện đang ở* trạng thái mà một ngày kia Trái Đất sẽ *đạt đến*.

86. Chúng ta lưu ý tiến trình *mở rộng theo hình cầu.* Mọi sự bức xạ đều diễn ra theo hình cầu, chứ không theo những đường thẳng bị giới hạn về phương hướng.

87. Chân sư DK đang nói với chúng ta về một tiến trình diễn ra theo điều mà chúng ta có thể gọi là "sự bao gồm theo hình cầu". Ý tưởng này cũng nên được áp dụng cho bảy cấp độ đầu tiên trong bảng liệt kê. Mỗi cấp

approached through spherical expansion and inclusion.

trong bảy cấp đầu tiên là một khối cầu, và chúng ta tiếp cận nó thông qua sự mở rộng và bao gồm theo hình cầu.

You can see, therefore, how different this stage is from what might be imagined. It is one which **marks a new departure or beginning and a great transition**.

Do đó, các bạn có thể thấy giai đoạn này khác với điều người ta có thể hình dung đến mức nào. Đây là một giai đoạn **đánh dấu một cuộc khởi hành hay khởi đầu mới và một sự chuyển tiếp lớn lao**.

88. The beginning phases of the "great transition" can be considered the fourth initiation. The "new departure" is *ultimately* the sixth initiation which in most cases leads to a departure from the sphere if Earth.

88. Có thể xem những giai đoạn mở đầu của "sự chuyển tiếp lớn lao" là lần điểm đạo thứ tư. *Xét đến cùng,* "cuộc khởi hành mới" là lần điểm đạo thứ sáu, trong hầu hết các trường hợp dẫn đến việc rời khỏi khối cầu Trái Đất.

It is a stage which one enters through the open door of Nirvana, the beginning of the Path of the Higher Evolution.

Đó là một giai đoạn mà người ta bước vào qua cánh cửa Niết Bàn rộng mở, khởi đầu của Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu.

89. However, this stage of discipleship is but the *beginning* of that new departure and great transition.

89. Tuy nhiên, giai đoạn này của địa vị đệ tử chỉ là *khởi đầu* của cuộc khởi hành mới và sự chuyển tiếp lớn lao ấy.

90. The "open door of Nirvana" is the fifth initiation, for the atmic plane is the "nirvanic plane".

90. "Cánh cửa Niết Bàn rộng mở" là lần điểm đạo thứ năm, vì cõi atma là "cõi Niết Bàn".

91. The "Path of Higher Evolution" begins, really, at the sixth degree.

91. Thực sự, "Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu" bắt đầu ở bậc sáu.

It is a stage which marks a specific location (if such an inappropriate word can be used) of the disciple upon that upward Way which is revealed by the lighted Way;

Đó là một giai đoạn đánh dấu một vị trí cụ thể (nếu có thể dùng một từ không thích hợp như vậy) của người đệ tử trên Con Đường hướng thượng ấy, vốn được Con Đường được Soi Sáng làm hiển lộ;

92. The "lighted Way" is the Way which the disciple *has* been traveling.

92. "Con Đường được Soi Sáng" là Con Đường mà người đệ tử *đã* và đang bước đi.

93. "That upward Way" is the Path of Higher evolution. The disciple is*located* upon this

93. "Con Đường hướng thượng ấy" là Con Đường Tiến Hóa Cao Siêu. Người đệ tử *có vị*

higher Path when he becomes a "Chela within the Master's Heart".

trí trên Con Đường cao siêu này khi trở thành một "Đệ tử trong Trái Tim Chân sư".

it is the attainment of the innermost point of realisation, called esoterically "within the heart."

đó là việc đạt đến điểm chứng nghiệm sâu thẳm nhất, được gọi theo huyền bí học là "trong trái tim".

94. We are told that there is an "innermost point of realization" which esoterically known as "in the heart". We are reminded that the siddhi of "Realization" is attained on the atmic plane, on its fifth sublevel.

94. Chúng ta được cho biết rằng có một "điểm chứng nghiệm sâu thẳm nhất", mà huyền bí học gọi là "trong trái tim". Chúng ta được nhắc rằng quyền năng "Chứng nghiệm" đạt được trên cõi atma, ở cõi phụ thứ năm của cõi này.

95. This stage of discipleship is directly related to *realization* and*identification*—both of these terms indicating very high states of spiritual attainment.

95. Giai đoạn này của địa vị đệ tử liên quan trực tiếp đến *sự chứng nghiệm* và *sự đồng hoá*—cả hai thuật ngữ này đều chỉ những trạng thái thành tựu tinh thần rất cao.

I spoke to you elsewhere about world disciples being "**close to the Master's heart.**" This is not the same thing as being "**within the Master's heart.**"

Ở một nơi khác, Tôi đã nói với các bạn về những đệ tử thế giới "**gần gũi với trái tim Chân sư.**" Điều này không giống với việc ở "**trong trái tim Chân sư.**"

96. DK offers an important discrimination, and it is a technical point.

96. Chân sư DK đưa ra một sự phân biện quan trọng, và đây là một điểm mang tính chuyên môn.

One refers to the Master upon the disciple's ray; the other refers to the Christ, **the Synthesis within the Hierarchy of all the rays.**

Một trường hợp nói đến Chân sư thuộc cung của người đệ tử; trường hợp kia nói đến Đức Christ, **Đấng Tổng Hợp mọi cung trong Thánh đoàn.**

97. To be "*close* to the Master's heart" is to be, through growing ashramic intimacy, vibrationally close to the Master upon the disciple's ray.

97. Ở "*gần* trái tim Chân sư" là gần gũi về rung động với Chân sư thuộc cung của người đệ tử, thông qua sự thân thiết ngày càng tăng trong ashram.

98. To be a "Chela within the Master's Heart" refers more to the Christ than to the Master of one's ray Ashram.

98. Là một "Đệ tử trong Trái Tim Chân sư" liên quan đến Đức Christ nhiều hơn là đến Chân sư của ashram thuộc cung mình.

99. The role of the Christ in this stage of

99. Cần ghi nhớ vai trò của Đức Christ trong

discipleship is to be remembered.

100. It is an astonishing statement that the Christ is "the Synthesis within the Hierarchy of all the rays". The great second ray of Love-Wisdom synthesizes all the other rays and indigo blue (the color of the second ray) is considered the synthetic color.

101. As the "Synthesis", the Christ is suffused through *all* Ashrams.

The world today offers opportunity to all disciples to become world disciples, close to the Master's heart, and to pass rapidly through the earlier stages of discipleship.

102. We learn that a "world disciple" (presumably an initiate of the third degree") is "*close* to the Master's heart". This does not mean "within".

It offers opportunity to world disciples to begin their approach to the Heart of the Hierarchy, to Christ.

103. It now becomes very clear that this stage of discipleship marks an approach to the fourth degree. This approach brings about a new relationship to the Christ.

104. He was the Initiator at the first and second degrees. Even though Sanat Kumara is the Initiator at the third degree, after that degree, the Christ assumes a role of increasing importance in the life of the initiate, for the Christ is the Teacher of *all* initiates within the Hierarchy.

It is with this first possibility that you should be concerned, for—as you come closer to your group—**you can begin to get that training which will develop in you**

giai đoạn này của địa vị đệ tử.

100. Lời khẳng định rằng Đức Christ là "Đấng Tổng Hợp mọi cung trong Thánh đoàn" thật đáng kinh ngạc. Cung hai Bác Ái – Minh Triết vĩ đại tổng hợp tất cả các cung khác, và màu xanh chàm (màu của cung hai) được xem là màu tổng hợp.

101. Với tư cách là "Đấng Tổng Hợp", Đức Christ thấm nhuần *tất cả* các ashram.

Thế giới ngày nay mang đến cho mọi đệ tử cơ hội trở thành đệ tử thế giới, gần gũi với trái tim Chân sư, và nhanh chóng vượt qua những giai đoạn đầu của địa vị đệ tử.

102. Chúng ta biết rằng một "đệ tử thế giới" (có lẽ là một điểm đạo đồ bậc ba) ở "*gần* trái tim Chân sư". Điều này không có nghĩa là "ở trong".

Thế giới mang đến cho các đệ tử thế giới cơ hội bắt đầu tiến gần đến Trái Tim của Thánh đoàn, đến Đức Christ.

103. Giờ đây, điều trở nên rất rõ ràng là giai đoạn này của địa vị đệ tử đánh dấu việc tiến gần đến bậc bốn. Việc tiến gần này mang lại một mối liên hệ mới với Đức Christ.

104. Ngài là Đấng Điểm đạo ở bậc một và bậc hai. Mặc dù Sanat Kumara là Đấng Điểm đạo ở bậc ba, sau bậc ấy, Đức Christ đảm nhận một vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống của điểm đạo đồ, vì Đức Christ là huấn sư của *tất cả* các điểm đạo đồ trong Thánh đoàn.

Các bạn nên quan tâm đến khả năng thứ nhất này, vì—khi các bạn đến gần nhóm của mình hơn—**các bạn có thể bắt đầu tiếp nhận sự huấn luyện sẽ phát triển nơi các bạn khả**

world usefulness.

105. A world disciple is characterized by "world usefulness". This must be remembered, lest we over-reach ourselves. The Ashram is interested in a disciple's *usefulness*. It is this usefulness that marks his ashramic status.

Are the majority of you too old to achieve this? That is for you to say. The soul knows no age and can use its instrument if it makes itself into a suitable and available instrument.

106. A most important question is posed. Many of DK's disciples were in the 50's and 60's at the time He was instructing them.

107. The implication is that some would have said they were too old. DK, citing the perspective of the soul, would not have thought so.

108. As human beings gets older physically, they certainly realize the agelessness of the soul. Interiorly many feel ageless, and this is the truth.

Are you too set and too preoccupied with yourselves to achieve the detachment needed for world service? That is for you to find out and to prove to yourselves.

109. DK throws the responsibility upon the shoulders of His chelas. He will not make the pronouncement that they cannot achieve. He knows they can, but there will be a price.

This group has had much

năng giúp ích cho thế giới.

105. Một đệ tử thế giới có đặc trưng là "khả năng giúp ích cho thế giới". Cần ghi nhớ điều này để chúng ta không vượt quá khả năng của mình. Ashram quan tâm đến *khả năng giúp ích* của người đệ tử. Chính khả năng giúp ích này đánh dấu địa vị của y trong ashram.

Có phải phần lớn các bạn đã quá già để đạt được điều này? Các bạn phải tự trả lời điều đó. Linh hồn không có tuổi và có thể sử dụng công cụ của mình nếu công cụ ấy tự trở nên thích hợp và sẵn sàng cho linh hồn sử dụng.

106. Một câu hỏi hết sức quan trọng được đặt ra. Nhiều đệ tử của Chân sư DK ở độ tuổi năm mươi và sáu mươi vào thời điểm Ngài huấn thị cho họ.

107. Điều hàm ý ở đây là một số người hẳn đã nói rằng họ quá già. Khi viện dẫn góc nhìn của linh hồn, Chân sư DK hẳn không nghĩ như vậy.

108. Khi con người già đi về mặt thể chất, chắc chắn họ nhận ra linh hồn không có tuổi. Trong nội tâm, nhiều người cảm thấy mình không có tuổi, và đây là sự thật.

Có phải các bạn đã quá cố chấp và quá bận tâm đến bản thân để đạt được sự tách rời cần thiết cho việc phụng sự thế giới? Các bạn phải tự tìm hiểu và tự chứng minh điều đó với mình.

109. Chân sư DK đặt trách nhiệm lên vai các đệ tử của Ngài. Ngài sẽ không tuyên bố rằng họ không thể đạt được. Ngài biết họ có thể, nhưng sẽ có một cái giá phải trả.

Nhóm này đã có nhiều cơ hội [769] và nhận

opportunity [769] offered to it and much teaching. The output in devotion and service, demonstrated by this group, should be quite unusual and it should be a group demonstration. I would ask if this is so?

được nhiều giáo huấn. Những gì nhóm này thể hiện qua lòng sùng tín và sự phụng sự phải thật khác thường, và đó phải là một sự thể hiện của cả nhóm. Tôi muốn hỏi: có đúng như vậy không?

110. DK is calling His disciples "to order". It is a moment of chastening.

110. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài "chấn chỉnh lại". Đây là một lúc nghiêm khắc răn dạy.

111. He offers a summary of the bestowal and asks if the results are commensurate with that which has been bestowed. He seems to suggest that they are not.

111. Ngài tổng kết những gì đã ban cho và hỏi liệu các kết quả có tương xứng với những gì họ đã nhận hay không. Dường như Ngài gợi ý rằng chúng chưa tương xứng.

Are you too depressed (which is a synonym for selfishness) and too sensitive to render service to humanity in a larger way than hitherto? That can be overcome if you care enough.

Có phải các bạn quá chán nản (một từ đồng nghĩa với sự ích kỷ) và quá nhạy cảm nên không thể phụng sự nhân loại một cách rộng lớn hơn trước đây? Có thể vượt qua điều đó nếu các bạn đủ quan tâm.

112. It is memorable to see depression linked with selfishness. Apparently, excessive self-concern, and self-preoccupation lead to depression. This is analogous to that which is stated earlier in this instruction: excessive preoccupation with the physical body leads to ill-health.

112. Việc thấy sự chán nản gắn liền với sự ích kỷ là điều đáng ghi nhớ. Dường như việc quá lo lắng và quá bận tâm về bản thân dẫn đến sự chán nản. Điều này tương tự với điều đã nêu trước đó trong bài huấn thị này: quá bận tâm đến thể xác dẫn đến sức khỏe kém.

113. The sensitivity here mentioned is not of the desirable kind; it is related to being too "thin-skinned", and basically, coddling oneself.

113. Sự nhạy cảm được đề cập ở đây không thuộc loại đáng mong muốn; nó liên quan đến việc quá "dễ tự ái" và, về cơ bản, nuông chiều bản thân.

114. DK is asking His disciples to expand and to serve in a "larger way than hitherto". Can one not feel that He is asking the same of us?

114. Chân sư DK đang yêu cầu các đệ tử của Ngài mở rộng và phụng sự "một cách rộng lớn hơn trước đây". Chẳng phải chúng ta cũng có thể cảm thấy Ngài đang yêu cầu chúng ta điều tương tự sao?

115. The solution to overcoming depression, selfishness and wrong sensitivity, is to care enough—about humanity and about serving

115. Giải pháp để vượt qua sự chán nản, sự ích kỷ và sự nhạy cảm sai lệch là quan tâm đủ sâu sắc—đến nhân loại và đến việc phụng

humanity.

Is your awareness a constant group-awareness? Or is it a constant self-awareness which comes consistently between you and your fellowmen? That is for you to discover.

116. One after another, the usual faults of disciples are put forward. With each naming of a limitation, the chelas are asked to examine themselves, and so are we.

117. We come to understand that constant self-awareness is limiting and separative; it causes cleavages whereas group consciousness is a bridging consciousness.

Have you the deep humility—based on a realisation of the Plan and the glory of the goal—and not a sense of self-depreciation over which you gloat and regard as an indication of spiritual humility? You need to re-interpret this theme of humility, as well as all your terms, in the light of the esoteric and spiritual values. Can you do this?

118. The razor of discrimination is being applied. DK has trodden the way of discipleship long ago, and He knows the faults to which we are all prone.

119. One can almost feel that He is addressing RSU, a high and prominent disciple who was the victim of a constant self-depreciation. Was pride hidden behind the depreciation?

120. All this is a bit like saying, "I have achieved great humility and I am*proud* of it!)

sự nhân loại.

Sự nhận biết của các bạn có luôn là sự nhận biết về nhóm không? Hay đó luôn là sự nhận biết về bản thân, thường xuyên xen vào giữa các bạn và đồng loại? Các bạn phải tự khám phá điều đó.

116. Lần lượt từng khuyết điểm thường gặp của các đệ tử được nêu ra. Mỗi khi một hạn chế được gọi tên, các đệ tử được yêu cầu tự xét mình, và chúng ta cũng vậy.

117. Chúng ta dần thấu hiểu rằng việc luôn nhận biết về bản thân gây giới hạn và chia rẽ; nó tạo ra những sự phân cách, trong khi tâm thức nhóm là một tâm thức bắc cầu.

Các bạn có lòng khiêm nhường sâu sắc—dựa trên sự nhận biết Thiên Cơ và vẻ huy hoàng của mục tiêu—hay chỉ có cảm giác tự hạ thấp mình mà các bạn lấy làm đắc ý và xem là dấu hiệu của sự khiêm nhường tinh thần? Các bạn cần diễn giải lại chủ đề khiêm nhường này, cũng như tất cả các thuật ngữ của mình, dưới ánh sáng của các giá trị nội môn và tinh thần. Các bạn có thể làm điều này không?

118. Lưỡi dao sắc của sự phân biện đang được vận dụng. Chân sư DK đã đi qua con đường đệ tử từ lâu, và Ngài biết những khuyết điểm mà tất cả chúng ta đều dễ mắc phải.

119. Gần như có thể cảm thấy Ngài đang nói với RSU, một đệ tử cao cấp và nổi bật, vốn là nạn nhân của thói thường xuyên tự hạ thấp mình. Liệu lòng kiêu hãnh có ẩn sau sự tự hạ thấp ấy không?

120. Tất cả điều này hơi giống như nói: "Tôi đã đạt được lòng khiêm nhường lớn lao và

tôi *tự hào* về điều đó!)

Earlier, I used a phrase in which I referred to "disciples assembling, in this cycle, at the call of the Hierarchy." This has a definite relation at this time to our theme of discipleship and its various stages.

Trước đó, Tôi đã dùng một cụm từ để nói đến "các đệ tử đang tập hợp trong chu kỳ này theo tiếng gọi của Thánh đoàn". Vào lúc này, điều đó có một mối liên hệ rõ rệt với chủ đề của chúng ta về địa vị đệ tử và những giai đoạn khác nhau của nó.

121. We recall that at the closer of the twentieth century and the beginning of the twenty-first we are in a stage of "ingathering", larger even that the great ingatherings that occurred in the time of the Buddha and that of the Christ.

121. Chúng ta nhớ rằng vào cuối thế kỷ hai mươi và đầu thế kỷ hai mươi mốt, chúng ta đang ở trong một giai đoạn "quy tụ", còn lớn hơn cả những cuộc quy tụ lớn lao diễn ra vào thời Đức Phật và thời Đức Christ.

"The call of the Hierarchy" goes out to humanity as a whole; it is sent out through the medium of the groups and Ashrams which are presided over by many of the Masters.

"Tiếng gọi của Thánh đoàn" vang đến toàn thể nhân loại; tiếng gọi ấy truyền đi qua các nhóm và ashram do nhiều Chân sư chủ trì.

122. The origin and progress of the "call of the Hierarchy" is important:

122. Nguồn gốc và tiến trình lan truyền của "tiếng gọi của Thánh đoàn" là điều quan trọng:

1. From the Hierarchy

1. Từ Thánh đoàn

2. Through the Ashrams

2. Qua các ashram

3. Through the groups associated with the Ashrams

3. Qua các nhóm liên kết với các ashram

123. The "call" is meant to reach all humanity.

123. "Tiếng gọi" nhằm đến với toàn thể nhân loại.

It is caught and heard by many different types of people and in their response much distortion of that call creeps in; only the advanced disciple either brings it through correctly or responds adequately.

Nhiều loại người khác nhau đón nhận và nghe được tiếng gọi ấy, nhưng trong sự đáp ứng của họ, nhiều sai lệch đã len vào; chỉ người đệ tử tiến bộ mới truyền đạt tiếng gọi một cách đúng đắn hoặc đáp ứng thỏa đáng.

124. Many and, often, strange are

124. Những đáp ứng của nhân loại đối với

humanity's responses to this "call".

125. Advanced disciples are those of at least the second degree, and it only such disciples that can be trusted to bring through the call with reasonable accuracy; nevertheless, errors are often found.

The others respond to partial aspects of the call and their consequent activity is spasmodic, based upon erroneous interpretations, coloured by personality faults, delayed by inertia and often selfishly based.

126.We see that the "call" in its entirety is not heard by those who are *not*advanced disciples. The problems of hearing and response are as follows:

1. Spasmodic activity

2. Activity based upon erroneous interpretation

3. Activity colored by personality faults

4. Activity which is delayed by inertia

5. Activity which is selfishly based.

127. This is not a "pretty picture" but a true one. What is needed is:

1. Consistent activity

2. Correct interpretation

3. Impersonality

4. Readiness to respond

"tiếng gọi" này rất đa dạng và thường kỳ lạ.

125. Các đệ tử tiến bộ là những người ít nhất đã đạt bậc hai, và chỉ những đệ tử như vậy mới có thể được tin cậy để truyền đạt tiếng gọi với độ chính xác tương đối; tuy nhiên, vẫn thường có sai sót.

Những người khác đáp ứng với từng phương diện riêng lẻ của tiếng gọi, và vì thế hoạt động của họ diễn ra thất thường, dựa trên những cách diễn giải sai lầm, mang màu sắc của các khuyết điểm phàm ngã, chậm trễ vì tính trì trệ và thường xuất phát từ sự ích kỷ.

126. Chúng ta thấy rằng những người *chưa phải* là đệ tử tiến bộ không nghe được toàn bộ "tiếng gọi". Những vấn đề trong việc lắng nghe và đáp ứng như sau:

1. Hoạt động thất thường

2. Hoạt động dựa trên cách diễn giải sai lầm

3. Hoạt động mang màu sắc của các khuyết điểm phàm ngã

4. Hoạt động chậm trễ vì tính trì trệ

5. Hoạt động xuất phát từ sự ích kỷ.

127. Đây không phải là một "bức tranh đẹp", nhưng là một bức tranh chân thực. Những điều cần có là:

1. Hoạt động nhất quán

2. Diễn giải đúng đắn

3. Tính vô ngã

4. Sẵn sàng đáp ứng

5. Selflessness

By the response of the disciples in His group or Ashram, the Master gauges the place and status of the disciple, though there are, of course, many other indicatory evidences.

128. The Master evaluates us on the basis of our response to the "call" of the Hierarchy and also of His Ashram.

129. We are constantly responding to this "call", consciously or unconsciously, adequately or inadequately.

130. The Master, it seems, must gauge the place and status of the disciple.

131. Other indicatory evidences will be seen in the condition of the egoic lotus and its partial reflection, the chakra system.

Let us look at some of the types of people who respond to the call. Most of them do so unconsciously but react sympathetically, because something in them synchronises with the call, or because they are sensitive to certain vibratory influences.

132. Our first types of response to the "call" are likely to be unconscious but cannot be discounted as they result from some form of real synchronization.

133. Well might we ask ourselves how we came to be associated with this work. The hidden magnetic lines, revealing synchronization, may thus be brought to light.

1. There are the true lovers of humanity,

5. Lòng vị tha

Qua sự đáp ứng của các đệ tử trong nhóm hay ashram của Ngài, Chân sư đánh giá vị trí và địa vị của người đệ tử, dù tất nhiên còn có nhiều bằng chứng chỉ dấu khác.

128. Chân sư đánh giá chúng ta dựa trên sự đáp ứng của chúng ta đối với "tiếng gọi" của Thánh đoàn và cả của ashram Ngài.

129. Chúng ta không ngừng đáp ứng "tiếng gọi" này, một cách hữu thức hay vô thức, thỏa đáng hay không thỏa đáng.

130. Dường như Chân sư phải đánh giá vị trí và địa vị của người đệ tử.

131. Những bằng chứng chỉ dấu khác sẽ thể hiện trong tình trạng của Hoa Sen Chân Ngã và sự phản chiếu một phần của nó là hệ thống luân xa.

Chúng ta hãy xem xét một số loại người đáp ứng tiếng gọi. Phần lớn họ làm vậy một cách vô thức nhưng phản ứng đồng cảm, vì một điều gì đó trong họ đồng bộ với tiếng gọi, hoặc vì họ nhạy cảm với một số ảnh hưởng rung động.

132. Những loại đáp ứng đầu tiên của chúng ta đối với "tiếng gọi" có lẽ diễn ra vô thức, nhưng không thể xem nhẹ chúng, vì chúng bắt nguồn từ một hình thức đồng bộ thực sự nào đó.

133. Chúng ta rất nên tự hỏi mình đã đến với công việc này như thế nào. Nhờ đó, những tuyến từ tính ẩn kín, biểu lộ sự đồng bộ, có thể được đưa ra ánh sáng.

1. Có những người thực sự yêu thương nhân

who, though they may have absolutely no knowledge of esotericism, yet care enough to do what they can to help.

134. These people have a "good heart" and are at least men and women of goodwill.

135. We note the Tibetan's rather uncompromising statement: "absolutely no knowledge of esotericism".

136. Such people must be educated correctly.

Unconsciously, they can be used by the Hierarchy to do good and efficiently [770] selfless work. They are frequently more constructive than pledged or accepted disciples, because they are unconscious of status, of any responsibility in an Ashram and of their individual importance.

137. Awareness of the possibility of "status" can be a complication and may retard useful work.

138. Disciples must understand spiritual status, but that understanding must not create a separative attitude, which it so often does.

139. Awareness of status and of "individual importance" must take their rightful place. This usually takes a while to learn.

2. Psychics everywhere throughout the world and of all kinds. They respond to those upon the astral plane who are catching the higher impression or who telepathically get some aspect of the projected idea. In such

loại; dù có thể hoàn toàn không biết gì về huyền bí học, họ vẫn đủ quan tâm để làm những gì có thể nhằm giúp đỡ.

134. Những người này có một "tấm lòng tốt" và ít nhất cũng là những người nam và nữ có thiện chí.

135. Chúng ta lưu ý lời khẳng định khá dứt khoát của Chân sư Tây Tạng: "hoàn toàn không biết gì về huyền bí học".

136. Những người như vậy cần được giáo dục đúng đắn.

Thánh đoàn có thể sử dụng họ, dù họ không ý thức được, để thực hiện công việc tốt đẹp và vị tha một cách hiệu quả [770]. Họ thường có tính xây dựng hơn các đệ tử đã cam kết hoặc được chấp nhận, vì họ không ý thức về địa vị, về bất kỳ trách nhiệm nào trong một ashram, cũng như về tầm quan trọng của cá nhân mình.

137. Nhận biết về khả năng có được "địa vị" có thể là một điều gây phức tạp và làm chậm công việc hữu ích.

138. Các đệ tử phải thấu hiểu địa vị tinh thần, nhưng sự thấu hiểu ấy không được tạo ra một thái độ chia rẽ, như nó rất thường gây ra.

139. Sự nhận biết về địa vị và về "tầm quan trọng của cá nhân" phải có vị trí đúng đắn của chúng. Thường phải mất một thời gian mới học được điều này.

2. Những người thông linh ở khắp nơi trên thế giới và thuộc mọi loại. Họ đáp ứng với những người trên cõi cảm dục đang đón nhận ấn tượng cao hơn hoặc nhận được một phương diện nào đó của ý tưởng được phóng

cases there is always glamour, distortion and misrepresentation.

chiếu qua viễn cảm. Trong những trường hợp như vậy luôn có ảo cảm, sự bóp méo và sự trình bày sai lệch.

140. Rather than a rarity, psychism is common.

140. Hiện tượng thông linh rất phổ biến chứ không hiếm gặp.

141. It seems that higher impressions can be "caught" from the astral plane.

141. Dường như có thể "đón nhận" những ấn tượng cao hơn từ cõi cảm dục.

142. The word "always" is used; in such cases there is *always* glamour, distortion and misrepresentation.

142. Từ "luôn" được dùng ở đây; trong những trường hợp như vậy *luôn* có ảo cảm, sự bóp méo và sự trình bày sai lệch.

143. We are dealing here with partial reception of the "call" at best, and a distortion of that which is received.

143. Ở đây, ngay cả trong trường hợp tốt nhất, chúng ta cũng chỉ đang xét đến việc tiếp nhận một phần "tiếng gọi" và sự bóp méo những gì đã tiếp nhận.

144. By our errors we learn. The needed correction of approach, however, may not appear in the same incarnation.

144. Chúng ta học hỏi qua những sai lầm của mình. Tuy nhiên, việc điều chỉnh cần thiết trong cách tiếp cận có thể không diễn ra ngay trong cùng kiếp lâm phàm.

This causes much trouble but is a force with which the leaders and teachers of humanity must reckon.

Điều này gây nhiều rắc rối, nhưng là một mãnh lực mà các nhà lãnh đạo và huấn sư của nhân loại phải tính đến.

145. Psychism, for all its illusion, is effective in determining the direction of humanity. If leaders must reckon with the effects of atmospheric pressure (according to Master M.) they certainly must reckon with glamor and distortion.

145. Dù chứa đầy ảo tưởng, hiện tượng thông linh vẫn có tác dụng định hướng nhân loại. Nếu các nhà lãnh đạo phải tính đến những tác động của áp suất khí quyển (theo Chân sư M.), thì chắc chắn họ phải tính đến ảo cảm và sự bóp méo.

146. That which is taught is not always rightly received, regardless of the good intent of the teacher.

146. Những điều được giảng dạy không phải lúc nào cũng được tiếp nhận đúng đắn, bất kể thiện ý của người dạy.

It affects the least intelligent of the masses of men and does give them some general, even if distorted, idea of the Plan, but is apt to revolt the intellectual, and complicate the

Điều ấy tác động đến những người kém thông minh nhất trong quần chúng và quả có đem lại cho họ một ý tưởng khái quát nào đó về Thiên Cơ, dù méo mó, nhưng lại dễ

work of the trained disciple.

khiến người trí thức phản cảm và làm phức tạp công việc của người đệ tử đã qua huấn luyện.

147. We see much of this distortion in the "New Age" understanding of the Ageless Wisdom. The distortions are revolting to the true thinker, but must be understood as temporarily inevitable, and over all, and for the most part, rightly motivated and the result of honest effort.

147. Chúng ta thấy nhiều sự bóp méo như vậy trong cách hiểu Minh Triết Ngàn Đời của phong trào "Kỷ Nguyên Mới". Những sự bóp méo ấy khiến người thực sự biết tư duy phản cảm, nhưng cần hiểu rằng chúng tạm thời không thể tránh khỏi và, nhìn chung cũng như trong phần lớn trường hợp, xuất phát từ động cơ đúng đắn và là kết quả của nỗ lực chân thành.

148. Much of our material within the Ageless Wisdom is rejected by the intellectuals simply because they notice all the nonsense that goes on around our teaching; further, they do not look deep enough for the substance that lies beneath the distortion.

148. Giới trí thức bác bỏ phần lớn tài liệu của chúng ta trong Minh Triết Ngàn Đời chỉ vì họ nhận thấy đủ mọi điều vô lý diễn ra quanh giáo huấn của chúng ta; hơn nữa, họ không tìm hiểu đủ sâu để thấy nội dung thực chất nằm bên dưới sự bóp méo.

149. We are attempting to become "trained disciples", and we will always have to deal with distortions of our best intentions. The greatest example of this distortion is what 'Churchianity' has done to Christ's simple message.

149. Chúng ta đang cố gắng trở thành những "đệ tử đã qua huấn luyện", và chúng ta sẽ luôn phải đối phó với những sự bóp méo các ý định tốt đẹp nhất của mình. Ví dụ lớn nhất về sự bóp méo này là những gì "chủ nghĩa giáo hội" đã làm đối với thông điệp giản dị của Đức Christ.

3. Probationary disciples who receive and **respond to the impression more promptly and clearly than the above group**. They usually receive it through the vision and teaching of a senior disciple. Their service to the Plan is frequently spoiled by their ignorance, their self-centredness and their misrepresentation of the imparted teaching. Their approach both to the truth and to the teacher is too personal.

3. Những đệ tử dự bị tiếp nhận và **đáp ứng với ấn tượng nhanh chóng và rõ ràng hơn nhóm trên**. Họ thường tiếp nhận ấn tượng ấy qua tầm nhìn và giáo huấn của một đệ tử cao cấp. Việc họ phụng sự Thiên Cơ thường bị tổn hại do sự thiếu hiểu biết, sự tập trung vào bản thân và việc trình bày sai lệch giáo huấn được truyền đạt. Cách họ tiếp cận cả chân lý lẫn huấn sư đều quá mang tính cá nhân.

150. Probationary disciples (generally

150. Các đệ tử dự bị (thường được xem là

considered as those who have taken the first initiation but who are not "accepted" technically) are clearer of mind than the vast majority of psychics.

151. A "senior disciple" is not a probationary disciple. A senior disciple is certainly an "accepted disciple" or, if not technically "accepted", at least has an equivalent status.

152. Some probationary disciples are "little chelas", and others "chelas in the light".

153. We learn that the probationary disciple is still too "personal".

154.Their service to the Plan is spoiled by:

1. Ignorance

2. Self-centeredness

3. Misrepresentation of the imparted teaching

155. Their devotion is strong, and this is reflected by their too "personal" approach to the teacher.

156. But the mind has done good work, which is not yet the case for the average psychic.

157. To whose vision do we respond? To whose teaching do we respond? Are there mediators between us and the Master? There may well be, but we are not always aware of them. Rarely is a chela in the light aware of the senior disciple on the inner planes who has him in charge and reports to the Master

những người đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất nhưng chưa "được chấp nhận" theo nghĩa chuyên môn) có thể trí sáng suốt hơn đại đa số những người thông linh.

151. Một "đệ tử cao cấp" không phải là đệ tử dự bị. Một đệ tử cao cấp chắc chắn là một "đệ tử được chấp nhận", hoặc nếu chưa "được chấp nhận" theo nghĩa chuyên môn thì ít nhất cũng có địa vị tương đương.

152. Một số đệ tử dự bị là những "tiểu đệ tử", còn những người khác là "đệ tử trong ánh sáng".

153. Chúng ta biết rằng người đệ tử dự bị vẫn còn quá "mang tính cá nhân".

154. Việc họ phụng sự Thiên Cơ bị tổn hại do:

1. Sự thiếu hiểu biết

2. Sự tập trung vào bản thân

3. Việc trình bày sai lệch giáo huấn được truyền đạt

155. Lòng sùng tín của họ mạnh mẽ, và điều này phản ánh trong cách họ tiếp cận huấn sư quá "mang tính cá nhân".

156. Nhưng thể trí đã làm việc tốt, điều chưa đúng với người thông linh thông thường.

157. Chúng ta đáp ứng với tầm nhìn của ai? Chúng ta đáp ứng với giáo huấn của ai? Có những người trung gian giữa chúng ta và Chân sư không? Rất có thể có, nhưng chúng ta không phải lúc nào cũng nhận biết họ. Hiếm khi một đệ tử trong ánh sáng nhận biết được người đệ tử cao cấp trên các cõi bên

regarding his progress.

trong đang phụ trách mình và báo cáo với Chân sư về sự tiến bộ của mình.

158. The solutions for the probationary disciples are simple though hard to achieve:

158. Các giải pháp dành cho những đệ tử dự bị rất đơn giản, dù khó thực hiện:

1. Become more illumined

1. Trở nên sáng suốt hơn

2. Become decentralized

2. Phi tập trung vào bản thân

3. Represent the imparted teaching truthfully

3. Trình bày trung thực giáo huấn đã được truyền đạt

159. Where are *we* with these requirements?

159. Vậy *chúng ta* đang ở đâu so với những yêu cầu này?

4. Accepted disciples who get the Master's idea and plans in far greater completeness, but fail often to work them out as they should be in the world of daily living and of service because they are so preoccupied with their own problems as disciples, with their own character training, and with their status in a Master's Ashram and His interest in them.

4. Những đệ tử được chấp nhận nắm bắt ý tưởng và các kế hoạch của Chân sư đầy đủ hơn nhiều, nhưng thường không thực hiện được chúng đúng như cần phải thế trong đời sống và công việc phụng sự hằng ngày, vì họ quá bận tâm đến những vấn đề riêng của mình với tư cách đệ tử, đến việc rèn luyện tính cách của chính mình, đến địa vị của mình trong ashram của một Chân sư và sự quan tâm của Ngài dành cho họ.

160. Accepted disciples have much clearer and fuller reception of the “call” and of the Master’s plans.

160. Những đệ tử được chấp nhận tiếp nhận “tiếng gọi” và các kế hoạch của Chân sư rõ ràng và đầy đủ hơn nhiều.

161. They too, though more advanced than probationary disciples, are prone to failure for the following reasons:

161. Dù tiến xa hơn những đệ tử dự bị, họ cũng dễ thất bại vì những lý do sau:

1. Too great a preoccupation with their own problems as disciples

1. Quá bận tâm đến những vấn đề riêng của mình với tư cách đệ tử

2. Too great a preoccupation with their own character training (yes, the accepted disciple is *still* training his character)

2. Quá bận tâm đến việc rèn luyện tính cách của chính mình (đúng vậy, người đệ tử được chấp nhận *vẫn* đang rèn luyện tính cách của mình)

3. Too great a preoccupation with their status in the Master's Ashram

3. Quá bận tâm đến địa vị của mình trong ashram của Chân sư

4. Too great a preoccupation with the question of the Master's interest in them.

4. Quá bận tâm đến việc Chân sư có quan tâm đến mình hay không.

162. They share the need for decentralization with the probationary disciple, but they are clearer and more truthful channels for the impartation of the Teaching. Their point of view is far broader and their distortions fewer. They often, however, suffer from pride or spiritual ambition.

162. Cũng như đệ tử dự bị, họ cần phi tập trung vào bản thân, nhưng họ là những kênh rõ ràng và trung thực hơn để truyền đạt Giáo Huấn. Quan điểm của họ rộng hơn nhiều và những sự xuyên tạc của họ ít hơn. Tuy nhiên, họ thường mắc tính kiêu hãnh hoặc tham vọng tinh thần.

163. Every stage of discipleship has its liabilities and limitations.

163. Mỗi giai đoạn của địa vị đệ tử đều có những nhược điểm và giới hạn riêng.

If they would forget themselves, their difficulties and their individual interpretations of truth, and just love their fellowmen and each other, **and if they would simply obey to the point of crucifixion the "order of Service," they would pass more rapidly through the various stages of discipleship.**

Nếu họ quên bản thân, những khó khăn và những cách diễn giải chân lý của riêng mình, mà chỉ yêu thương đồng loại và yêu thương nhau, **và nếu họ chỉ đơn giản tuân theo "mệnh lệnh Phụng sự" đến mức chịu đóng đinh trên thập giá, thì họ sẽ vượt qua các giai đoạn khác nhau của địa vị đệ tử nhanh chóng hơn.**

164. The solution for accepted disciples is to "just love their fellowmen and each other". Nothing could be simpler or, apparently, more difficult.

164. Giải pháp dành cho những đệ tử được chấp nhận là "chỉ yêu thương đồng loại và yêu thương nhau". Không gì có thể đơn giản hơn, hoặc dường như khó hơn.

165. Accepted disciples are still preoccupied with non-essentials. Anything that prevents them from simply loving their fellowmen and each other is a non-essential.

165. Những đệ tử được chấp nhận vẫn bận tâm đến những điều không thiết yếu. Bất cứ điều gì ngăn họ chỉ đơn giản yêu thương đồng loại và yêu thương nhau đều là điều không thiết yếu.

166. How is the fourth degree to be achieved? By obeying "to the point of crucifixion the 'order of Service'". This is a straight teaching and one that is full of

166. Làm thế nào để đạt đến cấp độ thứ tư? Bằng cách tuân theo "'mệnh lệnh Phụng sự' đến mức chịu đóng đinh trên thập giá". Đây là một giáo huấn thẳng thắn và đầy ánh sáng soi rọi. Chúng ta hãy suy ngẫm về công thức

illumination. Let us ponder on this formula.

này.

167. What are to be forgotten?

167. Cần quên đi những gì?

1. Difficulties

1. Những khó khăn

2. Individual interpretations of truth (over which accepted disciples [mentally polarized to a great degree] fight)

2. Những cách diễn giải chân lý của riêng mình (những điều mà các đệ tử được chấp nhận [đã phân cực trí tuệ ở mức độ cao] tranh đấu với nhau)

168. Yes, the "Open Sesame" to liberation is given in this paragraph—love and service.

168. Đúng vậy, câu thần chú "Vừng ơi, mở ra" dẫn đến giải thoát đã được nêu trong đoạn này—tình thương và phụng sự.

5. Disciples close to the Master's heart, world disciples and those who are consciously in His aura, know His plan, which is the Plan of the Hierarchy as a whole, though emphasising some appropriate aspect. They usually play[771] their part successfully, and their success is largely due to their constant group awareness and to a deep humility and, naturally, to a well-developed intellect and controlled astral body.

5. Những đệ tử gần gũi với trái tim Chân sư, những đệ tử thế giới và những người có ý thức rằng mình đang ở trong hào quang của Ngài đều biết kế hoạch của Ngài, vốn là Thiên Cơ của toàn thể Thánh đoàn, dù nhấn mạnh một phương diện thích hợp nào đó. Họ thường thực hiện[771] thành công phần việc của mình, và thành công của họ phần lớn nhờ sự nhận biết thường xuyên về nhóm, lòng khiêm nhường sâu sắc và, đương nhiên, nhờ trí năng phát triển tốt cùng thể cảm dục được kiểm soát.

169. Several categories of disciples are here listed together:

169. Ở đây, một số loại đệ tử được liệt kê cùng nhau:

1.Those close to the Master's heart

1.Những người gần gũi với trái tim Chân sư

2.World disciples

2.Những đệ tử thế giới

3.Those consciously within his aura

3.Những người có ý thức rằng mình đang ở trong hào quang của Ngài

170. All of these disciples are at least initiates of the third degree.

170. Tất cả những đệ tử này ít nhất đều là điểm đạo đồ bậc ba.

171. It could be questioned whether a chela on the thread is necessarily a third degree

171. Có thể đặt câu hỏi liệu một đệ tử trên đường dây có nhất thiết là điểm đạo đồ bậc

initiate. If not, he is close.

ba hay không. Nếu chưa, thì người ấy cũng đã gần đạt đến.

172. We have been told that accepted disciples are often not successful in their expression. We are not told of the success or non-success of chelas on the thread, but we can assume it to be greater than the success of accepted disciples.

172. Chúng ta đã được cho biết rằng những đệ tử được chấp nhận thường không thành công trong việc biểu đạt của mình. Chúng ta không được cho biết về thành công hay thất bại của những đệ tử trên đường dây, nhưng có thể giả định rằng mức độ thành công của họ cao hơn những đệ tử được chấp nhận.

173. Disciples in the Master's heart and within His aura are usually successful, we are told, for the following reasons:

173. Chúng ta được cho biết rằng những đệ tử trong trái tim Chân sư và trong hào quang của Ngài thường thành công vì những lý do sau:

1. Constant group awareness (leading to wise action)

1. Sự nhận biết thường xuyên về nhóm (dẫn đến hành động minh triết)

2. Deep humility, leading to non-separative action and wisdom in the undertaking of that which *can* be done.

2. Lòng khiêm nhường sâu sắc, dẫn đến hành động không chia rẽ và sự minh triết khi đảm nhận những gì *có thể* thực hiện.

3. A well-developed intellect, giving immunity from astral glamors

3. Trí năng phát triển tốt, giúp miễn nhiễm với những ảo cảm trên cõi cảm dục

4. Control of the astral body (bringing sufficient tranquility in which to do good work).

4. Sự kiểm soát thể cảm dục (đem lại đủ tĩnh lặng để làm tốt công việc).

There is little more that I can say to you all at this time anent the group work and relationships. There is an **esoteric loyalty which is different to the ordinary world loyalty** which I seek to see developed in the group.

Lúc này, Tôi không còn nhiều điều để nói thêm với tất cả các bạn về công việc và các mối quan hệ nhóm. Có một **lòng trung thành nội môn khác với lòng trung thành thông thường của thế gian** mà Tôi mong thấy phát triển trong nhóm.

174. Let us ponder on this "esoteric loyalty". It is not a loyalty to persons but to principles, and to the energy which motivates and animates a Master's Ashram.

174. Chúng ta hãy suy ngẫm về "lòng trung thành nội môn" này. Đó là lòng trung thành với các nguyên khí, chứ không phải với cá nhân, và với năng lượng thúc đẩy, tiếp sức sống cho ashram của một Chân sư.

175. Through esoteric loyalty, the highest values in any situation are identified and supported. It is possible to be esoterically loyal to the soul of an individual in such a manner that one must temporarily repudiate their personality.

175. Nhờ lòng trung thành nội môn, những giá trị cao nhất trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng được nhận diện và ủng hộ. Có thể trung thành về mặt nội môn với linh hồn của một cá nhân theo cách khiến ta phải tạm thời bác bỏ phàm ngã của họ.

Some of you, particularly those who take quick refuge in self-defense, need to learn this silent loyalty which serves to integrate the group, as one.

Một số các bạn, đặc biệt những người vội tìm chỗ nương náu trong sự tự vệ, cần học lòng trung thành thầm lặng này, vốn giúp tích hợp nhóm thành một thể thống nhất.

176. It is obvious that this "silent loyalty" is non-critical, and always *adheres* to the best in a group brother. Do we do this? If we do not, the higher stages of discipleship still lie far ahead.

176. Rõ ràng, "lòng trung thành thầm lặng" này không chỉ trích và luôn *gắn bó* với những gì tốt đẹp nhất nơi một huynh đệ trong nhóm. Chúng ta có làm điều này không? Nếu không, những giai đoạn cao hơn của địa vị đệ tử vẫn còn ở rất xa phía trước.

177. If separation is overcome (and disloyalty surely causes separation and cleavage) then the group will rapidly integrate.

177. Nếu sự chia rẽ được khắc phục (và sự bất trung chắc chắn gây ra chia rẽ và rạn nứt), thì nhóm sẽ nhanh chóng tích hợp.

178. So many extraordinarily useful statements and hints are given in these instructions. The treasury is rich for all who would live the ashramic life.

178. Những huấn thị này chứa đựng rất nhiều phát biểu và gợi ý vô cùng hữu ích. Đây là một kho tàng phong phú cho tất cả những ai muốn sống đời sống ashram.

It is easy in self-defense to sacrifice one's brothers and one's fellow workers. It is not easy to heal the subjective rift thus made.

Khi tự vệ, người ta dễ hy sinh các huynh đệ và những người cùng làm việc với mình. Hàn gắn sự rạn nứt chủ quan do đó gây ra thì không dễ.

179. No one may notice if we do this—sacrifice a brother to defend ourselves. But the rift is real (though subjective—perhaps *more* real because it is subjective). Experience in group work will prove the veracity of DK's instructions along these lines.

179. Có thể không ai nhận thấy nếu chúng ta làm điều này—hy sinh một huynh đệ để tự bảo vệ mình. Nhưng sự rạn nứt ấy là có thật (dù mang tính chủ quan—có lẽ còn thật *hơn* vì mang tính chủ quan). Kinh nghiệm trong công việc nhóm sẽ chứng minh tính chân xác của những huấn thị này của Chân sư DK.

Clear thinking is needed along many lines as this group begins to cohere and work together. An **acute discrimination** is also required. These are days when the lines of demarcation between the Forces of Materialism and the Forces of Light must be clearly defined.

Tư duy rõ ràng là điều cần thiết trên nhiều phương diện khi nhóm này bắt đầu gắn kết và làm việc cùng nhau. Cũng cần có **sự phân biện sắc bén**. Đây là những ngày mà ranh giới giữa các Mãnh Lực Duy Vật và các Mãnh Lực Ánh Sáng phải được xác định rõ ràng.

180. The Master calls for "clear thinking" and "acute discrimination" in relation to the type of loyalty exhibited by group members.

180. Chân sư kêu gọi "tư duy rõ ràng" và "sự phân biện sắc bén" đối với loại lòng trung thành mà các thành viên trong nhóm thể hiện.

181. The line between good and evil is often sinuous and obscure. A clear discrimination is needed. Many amongst the sons of men do not know good from evil (so disguised is evil, masquerading as good).

181. Ranh giới giữa thiện và ác thường quanh co và mờ mịt. Cần có sự phân biện rõ ràng. Nhiều người trong số những người con của nhân loại không phân biệt được thiện với ác (vì cái ác ngụy trang quá khéo, đội lốt cái thiện).

When the contrast between the way of love and goodwill and the way of cruelty and hate is being clearly defined on earth, **disciples must exercise an unprejudiced attitude**.

Khi sự tương phản giữa con đường tình thương và thiện chí với con đường tàn ác và thù hận đang trở nên rõ ràng trên Trái Đất, **các đệ tử phải giữ thái độ không thiên kiến**.

182. It is easy enough for a disciple to discriminate between good and evil, but can he do so in an unprejudiced manner and without reverting to the very methods which are closer to the side of evil than of good?

182. Một đệ tử có thể khá dễ dàng phân biện thiện và ác, nhưng liệu người ấy có thể làm điều đó mà không thiên kiến và không quay lại dùng chính những phương pháp gần với phía cái ác hơn là cái thiện không?

To this group comes the difficult task of standing firmly on the physical plane against that which is destructive and hateful (in the true sense of the word), doing all that can be done to bring the destructive agencies to an end and to final powerlessness and, **at the same time, preserving an inner attitude of complete harmlessness and loving understanding.**

Nhóm này có nhiệm vụ khó khăn là kiên định trên cõi hồng trần chống lại những gì mang tính hủy diệt và thù hận (theo nghĩa đích thực của từ này), làm tất cả những gì có thể để chấm dứt hoạt động của các tác nhân hủy diệt và cuối cùng khiến chúng hoàn toàn bất lực, **đồng thời duy trì một thái độ nội tâm hoàn toàn vô tổn hại và thấu hiểu đầy yêu thương.**

183. DK voices a great demand for His groups, and for all of us.

183. Chân sư DK nêu lên một yêu cầu lớn lao đối với các nhóm của Ngài và đối với tất cả chúng ta.

1. We are to stand firmly against evil.

1. Chúng ta phải kiên định chống lại cái ác.

2. We are to do all to bring evil and wrongful destruction to an end, and to a state of powerlessness.

2. Chúng ta phải làm mọi điều để chấm dứt cái ác và sự hủy diệt sai trái, khiến chúng trở nên bất lực.

3. We are, at the same time, to preserve complete harmlessness and loving understanding.

3. Đồng thời, chúng ta phải duy trì tính vô tổn hại hoàn toàn và sự thấu hiểu đầy yêu thương.

184. It is clear that if we are to accomplish this, our astral bodies must be controlled and our minds illumined by the soul.

184. Rõ ràng, để thực hiện điều này, chúng ta phải kiểm soát các thể cảm dục của mình và để linh hồn soi sáng thể trí.

185. What rays would be useful in achieving these goals? The first, second, fourth? Surely those among others, for they would promote firm principles, compassion and the ability to 'contain the opposites'.

185. Những cung nào sẽ hữu ích để đạt được các mục tiêu này? Cung một, cung hai, cung bốn chăng? Chắc chắn có những cung ấy cùng với các cung khác, vì chúng sẽ thúc đẩy các nguyên khí vững chắc, lòng từ bi và khả năng 'dung chứa các mặt đối lập'.

For, my brothers, there are principles and ideals in the world at this time worth struggling for, **but whilst the struggle is on it is necessary consciously to preserve and create that field of living, loving energy which will eventually bridge the gap between the two opposing factions and groups and so enable later contact to be made.**

Bởi vì, các huynh đệ của Tôi, hiện nay trên thế giới có những nguyên khí và lý tưởng đáng để đấu tranh, **nhưng trong khi cuộc đấu tranh diễn ra, cần có ý thức duy trì và tạo ra trường năng lượng sống động, đầy yêu thương ấy, để cuối cùng bắc cầu qua khoảng cách giữa hai phe và các nhóm đối lập, nhờ đó tạo điều kiện cho sự tiếp xúc về sau.**

186. DK is calling for the fourth ray attitude characteristic of the New Group of World Servers when functioning at its best. (The NGWS functions through the application of the energy of Taurus and the fourth ray.)There are workers in the United Nations who use the fourth ray similarly.

186. Chân sư DK đang kêu gọi thái độ cung bốn đặc trưng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian khi hoạt động ở mức tốt nhất. (Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian hoạt động thông qua việc vận dụng năng lượng Kim Ngưu và cung bốn.) Có những người hoạt động trong Liên Hiệp Quốc sử dụng

cung bốn theo cách tương tự.

187. We are to create a "field of living, loving energy" whilst immersed in the struggle against evil.

187. Chúng ta phải tạo ra một "trường năng lượng sống động, đầy yêu thương" trong khi dấn thân vào cuộc đấu tranh chống cái ác.

Some of you are not thinking with sufficient clarity about the issues involved, being unduly engrossed with the outer signs of the struggle and so losing the long range picture.

Một số các bạn chưa suy nghĩ đủ rõ ràng về những vấn đề liên quan, vì quá mải mê với các dấu hiệu bên ngoài của cuộc đấu tranh nên đánh mất cái nhìn dài hạn.

188. It is easy to be swept by appearances. The inner reality behind the struggle is harder to discern. We can apply this principle to the struggles taking place in our present world.

188. Thật dễ bị cuốn theo vẻ ngoài. Thực tại bên trong đằng sau cuộc đấu tranh khó nhận ra hơn. Chúng ta có thể áp dụng nguyên khí này vào những cuộc đấu tranh đang diễn ra trong thế giới hiện nay.

The dual life of **active world participation in opposing that which is seeking to hold back and to destroy humanity and its highest ideals and—at the same time—to preserve a steady attitude of love,** is not an easy one, particularly for some of you.

Đời sống kép, vừa **tích cực tham gia công việc thế giới để chống lại những gì đang tìm cách kìm hãm và hủy diệt nhân loại cùng những lý tưởng cao nhất của nhân loại, vừa đồng thời duy trì một thái độ yêu thương vững vàng,** không phải là đời sống dễ dàng, đặc biệt đối với một số các bạn.

189. How easy is this dual attitude to achieve? Can we see as souls those who struggle on the opposing sides? Can we look behind the temporarily motivating glamor to the type of divine expression which will eventuate when the misguided ones are released from glamour?

189. Đạt được thái độ kép này dễ đến mức nào? Chúng ta có thể nhìn những người đang đấu tranh ở các phía đối lập như những linh hồn không? Chúng ta có thể nhìn xuyên qua ảo cảm đang tạm thời thúc đẩy họ, để thấy loại biểu đạt thiêng liêng sẽ xuất hiện khi những người lầm lạc ấy thoát khỏi ảo cảm không?

Such is human integration today that it is not possible for any person or groups of people to isolate themselves away from [772] human activities and human welfare. Nor is a negative attitude adequate to the solution of the present world crisis.

Ngày nay, nhân loại đã tích hợp đến mức không một cá nhân hay nhóm người nào có thể tự cô lập khỏi [772] các hoạt động và phúc lợi của nhân loại. Một thái độ tiêu cực cũng không đủ để giải quyết cuộc khủng hoảng thế giới hiện nay.

190. We are all connected to the dire events of our day. We are all willing or unwilling

190. Tất cả chúng ta đều có liên hệ với những biến cố nghiêm trọng của thời đại

participants in the struggles of humanity.

mình. Dù muốn hay không, tất cả chúng ta đều tham gia vào những cuộc đấu tranh của nhân loại.

191. DK is calling for *positivity*—the virtue of the second ray soul. Negativity (essentially selfishness) is not acceptable.

191. Chân sư DK đang kêu gọi *tính tích cực*—đức tính của linh hồn cung hai. Tính tiêu cực (về bản chất là sự ích kỷ) là điều không thể chấp nhận.

Those who refuse to share in the world karma and pain will find their entire progress inevitably slowed down, for they will have put themselves outside the great tide of spiritual force now sweeping in regenerating streams throughout the world of men.

Những ai từ chối chia sẻ nghiệp quả và nỗi đau của thế giới sẽ thấy toàn bộ sự tiến bộ của mình tất yếu chậm lại, vì họ đã tự đặt mình ra ngoài làn sóng mãnh lực tinh thần lớn lao hiện đang tràn khắp thế giới loài người thành những dòng tái sinh.

192. The Master is asking us to take on the pain of participation. Without this pain, stress and distress, we put ourselves out of the developmental stream. We can pause to consider the implications.

192. Chân sư đang yêu cầu chúng ta đón nhận nỗi đau của sự tham gia. Không trải qua nỗi đau, sự căng thẳng và khổ não này, chúng ta tự đặt mình ra ngoài dòng phát triển. Chúng ta có thể dừng lại để suy xét những hàm ý của điều đó.

193. To experience pain inspires compassion which open the door to the Kingdom of the Soul.

193. Trải nghiệm nỗi đau khơi dậy lòng từ bi, vốn mở cánh cửa vào Giới Linh Hồn.

The present world conflict is analogous to the stern conflict which is going on within the hearts and lives of all the world aspirants and disciples and is inevitably a sign that they are setting their feet upon the Path of Conscious Discipleship.

Cuộc xung đột thế giới hiện nay tương tự cuộc xung đột khốc liệt đang diễn ra trong trái tim và đời sống của tất cả những người chí nguyện và đệ tử trên thế giới, và tất yếu là dấu hiệu cho thấy họ đang đặt chân lên Con Đường Đệ Tử Hữu Thức.

194. The following phrase is interesting and arresting: "the stern conflict". This phrase applies mostly to true disciples and indicates that they are possessed of a growing *resolution of will*.

194. Cụm từ sau đây thật thú vị và đáng chú ý: "cuộc xung đột khốc liệt". Cụm từ này chủ yếu áp dụng cho những đệ tử chân chính và cho thấy họ có *ý chí kiên quyết* ngày càng mạnh mẽ.

195. The world at large is going through what individual disciples go through. The

195. Toàn thể thế giới đang trải qua những gì từng đệ tử riêng lẻ trải qua. Sự tương đồng

parallel is close and instructive.

196. The higher Self and the personality meet face to face for the determination of that decision for which the soul (the Self) upon its own plane is waiting.

197. We must discriminate the players in the drama. The personality is the lower man; the higher self (in this context) is man influenced by the Solar Angel and his own incarnationally-accumulated virtues; the soul (the Self) is the Solar Angel.

198. This facing of the spiritual opponents has much to do with the planet Saturn which is exalted and rules hierarchically in the sign Libra which rules "open enemies", and, thus, the relation between the "Angel and the Dweller"

This is what is also happening with the world aspirant, Humanity, at this time. Ponder with care upon this idea.

199. The struggles of humanity may be dire, but they are *purposeful*. We may deplore much that is transpiring on the world stage, but if we seek to understand it in terms of discipleship, greater understanding and compassion will come—without weakening the firmness of our stand.

It is not possible for members of the New Group of World Servers to divorce themselves from the acute situation now to be seen and felt. **They cannot and must not escape into a cul-de-sac of personal training and individual interests.**

này rất sát và mang nhiều tính giáo huấn.

196. Chân ngã và phàm ngã đối mặt nhau để đi đến quyết định mà linh hồn (Bản Ngã) trên cõi riêng của mình đang chờ đợi.

197. Chúng ta phải phân biện các nhân vật trong vở kịch. Phàm ngã là phàm nhân; chân ngã (trong ngữ cảnh này) là con người chịu ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần và những đức hạnh của chính mình tích lũy qua các kiếp nhập thể; linh hồn (Bản Ngã) là Thái dương Thiên Thần.

198. Sự đối mặt giữa các đối thủ tinh thần này liên quan nhiều đến Sao Thổ, hành tinh được tôn vượng và cai quản về mặt huyền giai trong dấu hiệu Thiên Bình, vốn cai quản "những kẻ thù công khai", và do đó cũng cai quản mối quan hệ giữa "Thiên Thần và Kẻ Chận Ngõ"

Đây cũng là điều đang xảy ra với Nhân Loại, người chí nguyện thế giới, vào lúc này. Hãy suy ngẫm kỹ về ý tưởng này.

199. Những cuộc đấu tranh của nhân loại có thể khốc liệt, nhưng chúng *có mục đích*. Chúng ta có thể đau lòng trước nhiều điều đang diễn ra trên vũ đài thế giới, nhưng nếu tìm cách thấu hiểu chúng từ góc độ địa vị đệ tử, chúng ta sẽ có sự thấu hiểu và lòng từ bi lớn hơn—mà không làm suy yếu lập trường kiên định của mình.

Các thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian không thể tách mình khỏi tình thế gay gắt hiện đang hiện rõ trước mắt và trong cảm nhận. **Họ không thể và không được trốn vào ngõ cụt của việc rèn luyện cá nhân và những mối quan tâm riêng.**

200. A world war was on, but in our era, there is also a war (mostly on the inner planes, but now erupting onto the outer as well). The war now raging has (potentially) even more dire consequences for humanity than the dreadful carnage of WWII.

200. Khi ấy, một cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra, nhưng trong thời đại chúng ta cũng có một cuộc chiến (chủ yếu trên các cõi bên trong, nhưng nay cũng đang bùng phát ra bên ngoài). Cuộc chiến đang hoành hành hiện nay có thể gây ra những hậu quả cho nhân loại còn nghiêm trọng hơn cuộc tàn sát khủng khiếp của Thế chiến II.

201. Our engagement is with the world and with humanity. Personal training and the pursuit of our individual interests have their place, but are not to become preoccupations at a time of *excruciating* (the word is exact) world need.

201. Chúng ta gắn bó và dấn thân với thế giới và nhân loại. Việc rèn luyện cá nhân và theo đuổi những mối quan tâm riêng có vị trí của chúng, nhưng không được trở thành điều khiến chúng ta quá bận tâm vào lúc thế giới đang có nhu cầu *đau đớn tột cùng* (từ này hoàn toàn chính xác).

202. The word "excruciating" is exact because our Planetary Logos is passing through the fourth in a series of sub-cosmic seven initiations.

202. Cụm từ "đau đớn tột cùng" là chính xác, vì Hành Tinh Thượng đế của chúng ta đang trải qua lần điểm đạo thứ tư trong một chuỗi bảy lần điểm đạo dưới cấp vũ trụ.

If that is your attitude, then there is little that I can do for you, for this would indicate to me an inability to differentiate in values, a desire to retreat in thought from the unhappy and the unpleasant and to shift responsibility on to the shoulders of others, plus a failure to identify yourselves with humanity.

Nếu đó là thái độ của các bạn, thì Tôi chẳng thể làm được bao nhiêu cho các bạn, vì điều này cho Tôi thấy sự bất lực trong việc phân biệt các giá trị, mong muốn rút lui trong tư tưởng khỏi những gì bất hạnh và khó chịu, đẩy trách nhiệm lên vai người khác, cùng với việc không đồng hoá mình với nhân loại.

203. The one who seeks undue involvement in personal training and individual interests demonstrates four severe faults, which make him, in the eyes of the Master, presently unteachable:

203. Người tìm cách quá chú tâm vào việc rèn luyện cá nhân và những mối quan tâm riêng bộc lộ bốn khuyết điểm nghiêm trọng, khiến người ấy, trong mắt Chân sư, hiện chưa thể tiếp nhận giáo huấn:

1. An inability to differentiate in values

1. Không có khả năng phân biệt các giá trị

2. A desire to retreat in thought from the unhappy and unpleasant

2. Mong muốn rút lui trong tư tưởng khỏi những gì bất hạnh và khó chịu

3. A tendency to shift responsibility onto the

3. Một khuynh hướng đẩy trách nhiệm lên

shoulders of others

vai người khác

4. A failure to identify with humanity

4. Không đồng hoá mình với nhân loại

204. It is clear that Master DK does not want to stimulate an individual possessed of such attitudes.

204. Rõ ràng, Chân sư DK không muốn kích thích một cá nhân mang những thái độ như thế.

The call to world salvage has gone out and today disciples are assembling all over the world. It is not an assembling upon the physical plane but a profound subjective happening.

Tiếng gọi cứu vớt thế giới đã vang lên, và ngày nay các đệ tử đang tập hợp khắp thế giới. Đây không phải là sự tập hợp trên cõi hồng trần mà là một sự kiện chủ quan sâu sắc.

205. We note a great subjective in-gathering, an "assembling". Have we noticed that it is in process? Do we sense that we are part of this coming together? How do we know?

205. Chúng ta ghi nhận một sự quy tụ chủ quan lớn lao, một cuộc "tập hợp". Chúng ta có nhận thấy sự quy tụ ấy đang diễn ra không? Chúng ta có cảm nhận mình là một phần của sự hội tụ này không? Làm sao chúng ta biết?

Each of the Masters is sending out the call and many probationary disciples, even though placed upon the furthest point in the periphery of the Master's influence, are responding with eagerness; their motives are normally mixed and their response is frequently galvanised by a desire for personality progress and aggrandisement.

Mỗi Chân sư đều đang phát ra tiếng gọi, và nhiều đệ tử dự bị, dù ở điểm xa nhất nơi ngoại vi ảnh hưởng của Chân sư, vẫn đang nhiệt thành đáp ứng; động cơ của họ thường pha tạp, và sự đáp ứng của họ thường được kích động mạnh mẽ bởi ham muốn tiến bộ và đề cao phàm ngã.

206. A "call" comes from the Hierarchy as a whole and also from the Master within His Ashram.

206. Một "tiếng gọi" đến từ toàn thể Thánh đoàn và cũng đến từ Chân sư trong ashram của Ngài.

207. Probationary disciples stand "upon the furthest point in the periphery of the Master's influence". This is a clear description of their place.

207. Những đệ tử dự bị đứng "ở điểm xa nhất nơi ngoại vi ảnh hưởng của Chân sư". Đây là sự mô tả rõ ràng về vị trí của họ.

208. We note that probationers respond with "eagerness", as they have in them much of the sixth ray of enthusiasm.

208. Chúng ta ghi nhận rằng những người dự bị đáp ứng với "lòng nhiệt thành", vì trong họ có nhiều ảnh hưởng của cung sáu đầy nhiệt huyết.

209. They are still personality-centered, and thus, inevitably the victims of mixed-motives.

209. Họ vẫn lấy phàm ngã làm trung tâm, và vì thế tất yếu trở thành nạn nhân của những động cơ pha tạp.

210. The little ego wishes to grow ever grander. The soul, naturally humble from its vast sense of proportion, does not seek aggrandizement.

210. Cái ngã nhỏ bé muốn ngày càng trở nên lớn lao hơn. Linh hồn, vốn tự nhiên khiêm nhường nhờ ý thức sâu rộng về tỉ lệ, không tìm cách tự đề cao.

They are, at this particular time, greatly complicating the call to service but their distortions are bringing about the fulfilment of the New Testament prophecy that (at the time of the end) there will be much distortion of the truth concerning the spread of the Christ consciousness and the return of the Christ, or the "Second Coming."

Vào thời điểm đặc biệt này, họ đang khiến tiếng gọi phụng sự trở nên hết sức phức tạp, nhưng những sự xuyên tạc của họ đang làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Tân Ước rằng (vào thời kỳ cuối cùng) sẽ có nhiều sự xuyên tạc chân lý liên quan đến sự lan rộng của tâm thức Christ và sự trở lại của Đức Christ, hay "Sự Tái Lâm".

211. Complications arise through personal distortions and unclarity of mind. These complications were foreseen long ago in the prophetic literature of the Judeo-Christian Tradition. Many are the "false prophets" who do not know they are false. In fact, they are *sure* they are *true* prophets? How sure are we?

211. Những điều phức tạp nảy sinh do sự xuyên tạc cá nhân và thể trí thiếu sáng suốt. Những điều phức tạp này đã được tiên liệu từ lâu trong văn học tiên tri của truyền thống Do Thái–Cơ Đốc. Có nhiều "nhà tiên tri giả" không biết mình là giả. Thực tế, họ *chắc chắn* rằng họ là những nhà tiên tri *chân chính*? Chúng ta chắc chắn đến mức nào?

And so, from stage to stage the disciple passes, going from light to light, from perception to perception, from force to [773] energy, from personality focus to soul integration and, then, from soul to spirit, from form to life.

Và như thế, người đệ tử đi qua từng giai đoạn, từ ánh sáng này đến ánh sáng khác, từ nhận thức này đến nhận thức khác, từ mãnh lực đến [773] năng lượng, từ sự tập trung vào phàm ngã đến sự tích hợp linh hồn, rồi từ linh hồn đến tinh thần, từ hình tướng đến sự sống.

212. These passages of the disciple are worth tabulating. The Tibetan is offering another of His synthetic summary statements:

212. Những bước chuyển này của người đệ tử đáng được liệt kê. Chân sư Tây Tạng đang đưa ra thêm một phát biểu tổng kết mang tính tổng hợp của Ngài:

1. From stage to stage

1. Từ giai đoạn này đến giai đoạn khác

2. From light to light

3. From perception to perception

4. From force to energy

5. From personality focus to soul integration

6. From soul to spirit

7. From form to life.

213. DK is summarizing the general movement through the Six Stages of Discipleship.

He has explored all the avenues of knowledge; he has descended into the depths, into hell and into the valleys; he has climbed the mountain top of initiation and from there has swung out beyond space and time; he has lost all self-interest and is a focussed point of thought in the mind of God.

214. Let us tabulate as well this series of achievements:

1. He, the disciple, has explored all avenues of knowledge

2. He has descended into the depths, into hell and into the valleys

3. He has climbed the mountain top of initiation

4. From that mountain top he has "swung out beyond space and time"

5. He has lost all self-interest

2. Từ ánh sáng này đến ánh sáng khác

3. Từ nhận thức này đến nhận thức khác

4. Từ mãnh lực đến năng lượng

5. Từ sự tập trung vào phàm ngã đến sự tích hợp linh hồn

6. Từ linh hồn đến tinh thần

7. Từ hình tướng đến sự sống.

213. Chân sư DK đang tổng kết sự tiến bước chung qua Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử.

Y đã khám phá mọi con đường tri thức; y đã đi xuống những vực sâu, xuống địa ngục và vào các thung lũng; y đã leo lên đỉnh núi điểm đạo và từ đó vươn ra ngoài không gian và thời gian; y đã từ bỏ mọi tư lợi và là một điểm tư tưởng tập trung trong Trí của Thượng đế.

214. Chúng ta cũng hãy liệt kê chuỗi thành tựu này:

1. Y, người đệ tử, đã khám phá mọi con đường tri thức

2. Y đã đi xuống những vực sâu, xuống địa ngục và vào các thung lũng

3. Y đã leo lên đỉnh núi điểm đạo

4. Từ đỉnh núi ấy, y đã "vươn ra ngoài không gian và thời gian"

5. Y đã từ bỏ mọi tư lợi

6. He has become a "focussed point of thought in the mind of God"

215. The progress and process of each and every one of us is here succinctly given.

216. When standing on the mountain top of initiation, it is possible to transcend time and space. The term "swung out" is interesting. Is the antahkarana the 'cable' by means of which the swinging occurs.

217. The only way to become a "focussed point of thought in the mind of God" *is* to lose all self-interest, otherwise, there will inevitably be distortion. In such a condition, the mind thinks only those thoughts which express the Mind of God.

218. The lower ego is shed and vision comes, and revelation, realization, and finally identification.

219. The Six Stages of Discipleship lead to this consummation.

220. We can find ourselves at one or other of these stages and now know (with fair accuracy) what we must do to move further.

Can I say more than this? I think not, my brothers. And so I bring to an end this series of instructions and **my responsibility in this connection is ended. Yours now begins.**

221. Masterfully delivered! A great offering has been made, but with it comes inevitable responsibility. That responsibility has just been laid squarely on our shoulders. Do we feel its weight?

6. Y đã trở thành một "điểm tư tưởng tập trung trong Trí của Thượng đế"

215. Ở đây, sự tiến bộ và tiến trình của mỗi người chúng ta đều được trình bày súc tích.

216. Khi đứng trên đỉnh núi điểm đạo, có thể vượt lên trên thời gian và không gian. Cụm từ "vươn ra" thật thú vị. Phải chăng antahkarana là 'sợi cáp' nhờ đó sự vươn ra này diễn ra.

217. Cách duy nhất để trở thành một "điểm tư tưởng tập trung trong Trí của Thượng đế" *là* từ bỏ mọi tư lợi; nếu không, tất yếu sẽ có sự xuyên tạc. Trong trạng thái như thế, thể trí chỉ suy nghĩ những tư tưởng biểu đạt Trí của Thượng đế.

218. Phàm ngã được rũ bỏ, rồi linh thị xuất hiện, cùng sự mặc khải, sự chứng nghiệm và cuối cùng là sự đồng hoá.

219. Sáu Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử dẫn đến sự viên mãn này.

220. Chúng ta có thể nhận ra mình đang ở một trong những giai đoạn này và giờ đây biết (khá chính xác) mình phải làm gì để tiến xa hơn.

Tôi có thể nói gì hơn thế nữa không? Tôi nghĩ là không, các huynh đệ của Tôi. Và như thế, Tôi kết thúc loạt huấn thị này, và **trách nhiệm của Tôi trong việc này đã chấm dứt. Trách nhiệm của các bạn giờ đây bắt đầu.**

221. Thật là lời truyền dạy bậc thầy! Một món quà lớn lao đã được trao tặng, nhưng đi cùng nó là trách nhiệm tất yếu. Trách nhiệm ấy vừa được đặt thẳng lên vai chúng ta. Chúng ta có cảm nhận sức nặng của nó

không?

222. Knowledge is responsibility and we have been informed.

222. Tri thức là trách nhiệm, và chúng ta đã được truyền đạt tri thức.

223. A testimony to the active presence of the soul is the growing sense of responsibility. What is our relation to responsibility? By our response, the Master has yet another gauge of our place and status in His work.

223. Ý thức trách nhiệm ngày càng tăng là bằng chứng cho sự hiện diện tích cực của linh hồn. Mối quan hệ của chúng ta với trách nhiệm là gì? Qua sự đáp ứng của chúng ta, Chân sư có thêm một thước đo về vị trí và địa vị của chúng ta trong công việc của Ngài.

With the conclusion of this commentary we have reviewed the Tibetan's group instructions found in DINA I. There remain some uncompleted astrological analyses, and an important review of the Tibetan's work to be accomplished next month, but for the most part (after a month of review in Gemini) we will be ready to proceed into DINA II.

Khi kết thúc bài bình giảng này, chúng ta đã ôn lại những huấn thị nhóm của Chân sư Tây Tạng trong DINA I. Vẫn còn một số phân tích chiêm tinh chưa hoàn tất, cùng một phần ôn tập quan trọng về công trình của Chân sư Tây Tạng cần hoàn thành vào tháng tới, nhưng nhìn chung (sau một tháng ôn tập trong Song Tử), chúng ta sẽ sẵn sàng chuyển sang DINA II.

Light, Love and Power, Michael

Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng, Michael

SECTION FOUR – PHẦN BỐN

22. SUMMARY OF THE TIBETAN'S WORK (1919-1943) – 22. TÓM LƯỢC CÔNG VIỆC CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG (1919-1943)

commentary by Michael D. Robbins

bình giảng của Michael D. Robbins

[777]

[777]

1. It is useful for us to refresh our minds on the matter of the sequence and meaning of the Tibetan's books. Much may be learned thereby.

1. Việc ôn lại trình tự và ý nghĩa các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng là điều hữu ích đối với chúng ta. Qua đó, chúng ta có thể học được nhiều điều.

In 1919, during the month of November, I made a contact with Alice A. Bailey and asked her to do some writing for me and also to undertake the publishing of certain books which— under the sequential giving out of truth—were due to appear.

Vào tháng Mười Một năm 1919, Tôi đã liên lạc với Alice A. Bailey và đề nghị bà viết giúp Tôi một số điều, đồng thời đảm nhận việc xuất bản một số tác phẩm đã đến lúc phải xuất hiện theo tiến trình tuần tự công bố chân lý.

2. Some astrologers have done much to pin-point the time of this first contact with very interesting results.

2. Một số nhà chiêm tinh đã nỗ lực rất nhiều để xác định chính xác thời điểm của lần tiếp xúc đầu tiên này, với những kết quả rất thú vị.

She refused immediately,

Bà lập tức từ chối,

3. She had two first rays (personality and mind) in her ray chart.

3. Trong biểu đồ cung của bà có hai cung một (phàm ngã và thể trí).

having no sympathy with the flood of so-called occult literature being passed out to the public by the various occult groups, having no experience in writing for the public, and having also a profound dislike of every form of psychic writing and of psychic work.

vì không tán đồng với làn sóng sách báo được gọi là huyền bí mà các nhóm huyền bí khác nhau đang phổ biến cho công chúng, không có kinh nghiệm viết cho công chúng, đồng thời hết sức ác cảm với mọi hình thức viết thông linh và công việc thông linh.

4. We might say that this attitude towards psychism colors much of the AAB presentation. Is she justified in this attitude?

4. Chúng ta có thể nói rằng thái độ này đối với năng lực thông linh ảnh hưởng đến phần lớn cách trình bày của AAB. Thái độ ấy của bà có chính đáng không?

5. Much experience in this field teaches that while psychism may one day be developed to a high level, the great majority of that which is communicated by psychics is full of error and, therefore, an unreliable guide to reality.

5. Nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này cho thấy rằng, tuy một ngày nào đó năng lực thông linh có thể phát triển đến trình độ cao, nhưng đại đa số những điều các nhà thông linh truyền đạt đều đầy sai lầm, và do đó không thể đáng tin cậy để dẫn dắt chúng ta đến thực tại.

6. It seems that humanity must pass through much error before real clarity of vision is attained. DK has told us that the average psychic is practically unreachable, being so firmly entrenched in the belief of

6. Dường như nhân loại phải trải qua nhiều sai lầm trước khi đạt được tầm nhìn thực sự sáng tỏ. Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng hầu như không thể tác động được đến nhà thông linh thông thường, vì họ bám

the validity of his/her psychic impressions. Extrication from these glamors and illusions is a long, slow process.

chặt vào niềm tin rằng những ấn tượng thông linh của mình là xác thực. Thoát khỏi những ảo cảm và ảo tưởng này là một tiến trình dài và chậm.

Later, she changed her mind when I explained to her that telepathic rapport was a proven thing and a matter of scientific interest, that she was neither clairaudient or clairvoyant and never would be and that (above all) the test of truth was the truth itself.

Về sau, bà đổi ý khi Tôi giải thích rằng sự giao cảm viễn cảm là một điều đã được chứng minh và là vấn đề khoa học quan tâm; rằng bà không có khả năng thông nhĩ hay thông nhãn và sẽ không bao giờ có; và rằng, trên hết, tiêu chuẩn kiểm chứng chân lý chính là chân lý.

7. AAB adopted a wise and considered attitude when the Tibetan counseled her concerning the real nature of "telepathic rapport".

7. AAB đã có thái độ khôn ngoan và thận trọng khi Chân sư Tây Tạng chỉ dẫn bà về bản chất thực sự của "sự giao cảm viễn cảm".

8. We note that clairaudience and clairvoyance are not here presented as desirable states. The fact that she would never be either clairvoyant or clairaudient was almost a reassurance and relief to AAB.

8. Chúng ta lưu ý rằng ở đây, thông nhĩ và thông nhãn không được trình bày như những trạng thái đáng mong muốn. Việc bà sẽ không bao giờ có khả năng thông nhãn hay thông nhĩ gần như là một lời trấn an và khiến AAB nhẹ nhõm.

9. As a result of the Tibetan's counsel she developed a "wait and see" attitude.

9. Nhờ lời chỉ dẫn của Chân sư Tây Tạng, bà đã hình thành thái độ "chờ xem" ấy.

I told her that if she would write for a period of a month, the material transcribed would prove to her whether it contained truth, whether it evoked intuitive understanding and recognition and whether it had in it that which might be of value in the new spiritual era which was impending.

Tôi nói với bà rằng nếu bà chịu viết trong một tháng, thì những tài liệu ghi lại sẽ chứng minh cho bà thấy liệu chúng có chứa đựng chân lý hay không, có khơi dậy sự thấu hiểu và nhận biết bằng trực giác hay không, và có chứa đựng điều gì có thể mang lại giá trị trong kỷ nguyên tinh thần mới đang đến gần hay không.

10. AAB chose to enter into an experiment and overcame her instinctive prejudice, no matter how justified it may have been.

10. AAB đã chọn tham gia một cuộc thử nghiệm và vượt qua định kiến theo bản năng của mình, dù định kiến ấy có thể chính đáng đến đâu.

11. It would appear that truth has its own

11. Dường như chân lý có *âm vang* riêng và

ring and will declare itself to the perceptive individual.

She, therefore, overcame her disgust of this type of work and of the many occult presentations of truth which were prevalent; she only stipulated that the writing should go out with no claims whatsoever and that the teachings should stand or fall on their own merits.

12. The word "disgust" is strong. We must ask why that word, with its solar plexus associations, was used. At one point DK discussed AAB's horror of glamour—which He shared:

"It may be a long time since I, personally, was overcome by glamour, and it may be a short time since A. A. B. succumbed, but neither of us has forgotten the difficulties encountered **or lost our horror of glamour**; we are therefore not critical, and upon that fact rest back." (DINA II 674)

13. We see that AAB was already possessed of an innate sense of humility. She wished to make no claims in an arena in which claim-making abounded.

The first book published was Initiation, Human and Solar. This was the result of her first effort to do this kind of work; it laid the foundation of all the succeeding books. Since then she has written for me for nearly twenty-five years.

14. This summary was apparently written in 1943 or so.

15. Readers of *Initiation: Human and Solar* will realize its foundational nature. It is a

sẽ tự bộc lộ với người có khả năng nhận biết tinh tế.

Vì vậy, bà đã vượt qua sự ghê sợ đối với loại công việc này và đối với nhiều cách trình bày chân lý huyền bí đang thịnh hành; bà chỉ đặt điều kiện rằng các bản viết phải được phổ biến mà không đưa ra bất kỳ lời tự nhận nào, và các giáo huấn phải đứng vững hay sụp đổ dựa trên chính giá trị của chúng.

12. Từ "ghê sợ" là một từ mạnh. Chúng ta phải tự hỏi vì sao lại dùng từ ấy, với những liên hệ của nó đến tùng thái dương. Có lần, Chân sư DK đã bàn về nỗi kinh sợ ảo cảm của AAB—điều mà Ngài cũng chia sẻ:

"Có thể đã lâu rồi kể từ khi chính Tôi bị ảo cảm lấn át, và có thể mới chỉ một thời gian ngắn kể từ khi A. A. B. khuất phục trước nó, nhưng cả hai chúng tôi đều chưa quên những khó khăn đã gặp phải **hay mất đi nỗi kinh sợ ảo cảm**; vì vậy, chúng tôi không phê phán, và các bạn hãy an tâm dựa vào sự thật ấy." (DINA II 674)

13. Chúng ta thấy rằng AAB vốn đã có đức khiêm nhường bẩm sinh. Bà không muốn đưa ra bất kỳ lời tự nhận nào trong một lĩnh vực đầy rẫy những lời tự nhận.

Tác phẩm đầu tiên được xuất bản là Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương. Đây là kết quả từ nỗ lực đầu tiên của bà trong loại công việc này; nó đặt nền móng cho tất cả các tác phẩm tiếp theo. Kể từ đó, bà đã viết giúp Tôi trong gần hai mươi lăm năm.

14. Dường như bản tóm lược này được viết vào khoảng năm 1943.

15. Độc giả của *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương* sẽ nhận ra tính chất nền tảng của tác

book to which we may return again and again for hints and clarifications that can be found nowhere else. Although the Tibetan may seem to repeat Himself, in fact, He rarely does so. With every seeming repetition, a new slant on the subject in question is offered.

phẩm này. Đây là một tác phẩm mà chúng ta có thể trở lại hết lần này đến lần khác để tìm những gợi ý và lời làm sáng tỏ không thể tìm thấy ở nơi nào khác. Dù Chân sư Tây Tạng có vẻ lặp lại những điều Ngài đã nói, nhưng thực ra Ngài hiếm khi làm vậy. Với mỗi lần tưởng như lặp lại, Ngài lại đưa ra một góc nhìn mới về chủ đề đang bàn.

The books have gone out in line with a deep, underlying purpose which it may interest you to know about and they have received a worldwide recognition.

Các tác phẩm đã được phổ biến theo một mục đích sâu xa, làm nền tảng mà có lẽ các bạn sẽ muốn tìm hiểu, và chúng đã được công nhận trên toàn thế giới.

16. Long-time students of the Tibetan's writings have sensed their great depth of purpose.

16. Những đạo sinh lâu năm nghiên cứu các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng đã cảm nhận được chiều sâu lớn lao trong mục đích của chúng.

Initiation, Human and Solar was intended to bring the fact of the Hierarchy to public attention.

Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương nhằm khiến công chúng chú ý đến sự hiện hữu của Thánh đoàn.

17. This original intention is still vitally important. Even though "New Age" literature is extremely popular, a reasonable image of the Masters of the Wisdom is rarely to be found.

17. Ý định ban đầu này vẫn vô cùng quan trọng. Mặc dù sách báo "Kỷ Nguyên Mới" hết sức phổ biến, hiếm khi tìm thấy một hình ảnh hợp lý về các Chân sư Minh Triết.

18. The subject of the Masters is a demanding one and many apparently progressive thinkers seek to avoid it altogether as it is so controversial.

18. Chủ đề về các Chân sư đòi hỏi sự tìm hiểu nghiêm túc, và nhiều nhà tư tưởng có vẻ tiến bộ lại tìm cách hoàn toàn tránh né chủ đề này vì nó quá gây tranh cãi.

This had been done by H. P. B. by inference and statement but not in any sequential form.

H. P. B. đã thực hiện điều này qua những gợi ý và lời khẳng định, nhưng chưa trình bày theo một trình tự nào.

19. It was, therefore, desired that a more coherent presentation be offered to the public.

19. Vì vậy, mong muốn là cung cấp cho công chúng một cách trình bày mạch lạc hơn.

The Theosophical Society had taught the

Hội Thông Thiên Học đã giảng dạy về sự

fact of the [778] Masters, though H. P. Blavatsky (in a communication to the Esoteric Section) stated that she bitterly regretted so doing.

20. This is because the distortion imposed upon her presentation proved considerable, largely because of the selfish self-referencing of the average aspirant who appropriated HPB's thoughts.

21. Again, strong words are used. "Bitterly regretted" are potent words. We can only imagine how HPB analyzed the distortion.

This teaching was misinterpreted by later theosophical leaders and they made certain basic mistakes. The Masters Whom they portrayed were characterised by an impossible infallibility, because the Masters are Themselves evolving;

22. The evolution of all in nature would seem a fundamental premise clearly presented in the *Secret Doctrine.*

23. Some of the early theosophical leaders were strongly equipped with the sixth ray (on the personality level) and so their mistakes in estimating the degree if evolution of the Masters are understandable.

the teaching given endorsed an engrossing interest in self-development and an intense focussing upon personal unfoldment and liberation;

24. Group consciousness, therefore, was not cultivated, and the development of group consciousness leading to group initiation is necessarily the way of the future.

hiện hữu của [778] các Chân sư, mặc dù H. P. Blavatsky (trong một thông điệp gửi Ban Nội Môn) đã nói rằng bà vô cùng hối tiếc vì đã làm như vậy.

20. Đó là vì cách trình bày của bà đã bị xuyên tạc đáng kể, phần lớn do thói ích kỷ quy mọi việc về bản thân của người chí nguyện thông thường khi tiếp nhận những tư tưởng của HPB.

21. Một lần nữa, những từ ngữ mạnh lại được sử dụng. "Vô cùng hối tiếc" là những từ rất mạnh. Chúng ta chỉ có thể hình dung HPB đã phân tích sự xuyên tạc ấy như thế nào.

Các nhà lãnh đạo Thông Thiên Học về sau đã diễn giải sai giáo huấn này và phạm một số sai lầm căn bản. Họ mô tả các Chân sư như những Đấng tuyệt đối không thể sai lầm—một điều không thể có, bởi chính các Chân sư cũng đang tiến hoá;

22. Sự tiến hoá của mọi sự vật trong tự nhiên dường như là một tiền đề căn bản được trình bày rõ ràng trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

23. Một số nhà lãnh đạo Thông Thiên Học thời kỳ đầu chịu ảnh hưởng mạnh của cung sáu (ở cấp độ phàm ngã), nên những sai lầm của họ khi đánh giá trình độ tiến hoá của các Chân sư là điều có thể thấu hiểu.

giáo huấn được truyền dạy đã cổ vũ sự say mê phát triển bản thân và sự tập trung mãnh liệt vào việc khai mở và giải thoát cá nhân;

24. Vì vậy, tâm thức nhóm đã không được vun bồi, trong khi sự phát triển tâm thức nhóm dẫn đến điểm đạo nhóm tất yếu là con đường của tương lai.

the people who were indicated as initiates and senior disciples were entirely mediocre with no influence outside the Theosophical Society itself;

những người được chỉ ra là điểm đạo đồ và đệ tử cao cấp đều hoàn toàn tầm thường, không có ảnh hưởng nào bên ngoài chính Hội Thông Thiên Học;

25. As students of the Ageless Wisdom, we must be warned against 'spiritual myopia'—nearsightedness.

25. Là những đạo sinh của Minh Triết Ngàn Đời, chúng ta phải cảnh giác với 'chứng cận thị tinh thần'—tầm nhìn thiển cận.

26. Shall we say that early theosophical leaders lost their sense of "co-measurement"? Humility is said to be an "adjusted sense of right proportion" (DINA I 95).

26. Phải chăng chúng ta có thể nói rằng các nhà lãnh đạo Thông Thiên Học thời kỳ đầu đã đánh mất ý thức về "sự cân xứng"? Người ta nói khiêm nhường là một "ý thức đã được điều chỉnh về tỉ lệ đúng đắn" (DINA I 95).

complete devotion to the Masters was also emphasised—devotion to Their personalities.

lòng sùng tín tuyệt đối đối với các Chân sư cũng được nhấn mạnh—sùng tín đối với phàm ngã của Các Ngài.

27. Again the sixth ray emphasis upon externals.

27. Một lần nữa, cung sáu lại nhấn mạnh những gì bên ngoài.

These Masters were also shown as interfering with the organisation life of the various occult groups which claimed to be working under Their direction.

Các Chân sư này còn được mô tả là can thiệp vào sinh hoạt tổ chức của các nhóm huyền bí khác nhau tự nhận đang hoạt động dưới sự chỉ đạo của Các Ngài.

28. Selfishness and an unchecked imagination were responsible for this misapprehension.

28. Sự ích kỷ và trí tưởng tượng không được kiểm soát đã gây ra ngộ nhận này.

They were made responsible for the mistakes of the leaders of the groups who took refuge under such statements as: The Master has instructed me to say, etc. , the Master wants the following work to be done, or the Master wants the membership to do thus and so.

Người ta quy trách nhiệm cho Các Ngài về những sai lầm của các nhà lãnh đạo nhóm, những người núp sau các lời tuyên bố như: Chân sư đã chỉ thị tôi nói, v.v., Chân sư muốn thực hiện công việc sau đây, hoặc Chân sư muốn các thành viên làm thế này thế nọ.

29. The liabilities of this approach are so obvious, and yet the same mistakes are repeated today, a hundred years later.

29. Những tai hại của cách tiếp cận này quá rõ ràng, vậy mà ngày nay, một trăm năm sau, người ta vẫn lặp lại những sai lầm ấy.

30. We see in these abuses a basic dishonesty and an inflation of the lower ego.

30. Trong những sự lạm dụng này, chúng ta thấy sự thiếu trung thực căn bản và sự phình to của phàm ngã.

Those who obeyed were regarded as good members; those who refused to be interested and obedient were looked upon as renegades. The freedom of the individual was constantly infringed and the weaknesses and ambitions of the leaders were provided with an alibi.

Những người vâng lời được xem là thành viên tốt; những người không chịu quan tâm và tuân phục bị xem là kẻ phản bội. Tự do cá nhân liên tục bị xâm phạm, còn những nhược điểm và tham vọng của các nhà lãnh đạo thì có cớ để biện minh.

31. DK presents a rather unpleasant picture. Personality was obviously in a dominant position and soul, secondary.

31. Chân sư DK trình bày một bức tranh khá khó chịu. Rõ ràng phàm ngã chiếm vị trí thống trị, còn linh hồn chỉ giữ vai trò thứ yếu.

32. This 'hiding behind the Master' seems a petty and dishonorable practice, yet human—"all too human".

32. Việc 'núp sau Chân sư' này dường như là một cách hành xử nhỏ nhen và thiếu danh dự, nhưng lại mang tính con người—"quá đỗi con người".

Knowing all this well, A. A. B. refused to be a party to any such constantly recurring activity, for such is the history of practically all the known occult groups which attract the attention of the public.

Biết rõ tất cả những điều này, A. A. B. từ chối tham gia bất kỳ hoạt động nào như vậy cứ liên tục tái diễn, bởi lịch sử của hầu như mọi nhóm huyền bí được biết đến và thu hút sự chú ý của công chúng đều như thế.

33. Not a very sanguine assessment. This statement by the Tibetan must cause us to examine ourselves.

33. Một nhận định chẳng mấy lạc quan. Lời khẳng định này của Chân sư Tây Tạng hẳn phải khiến chúng ta tự xét lại mình.

Even had I wanted to work in such a way (which no one affiliated with the Hierarchy ever does), I would have found no collaboration from her.

Ngay cả nếu Tôi muốn làm việc theo cách ấy (điều mà không một ai gắn bó với Thánh đoàn từng làm), Tôi cũng sẽ không nhận được sự cộng tác của bà.

34. This is a ringing affirmation of AAB's integrity, and a protection from those who would associate their work with hers while still working in the old manner here repudiated by Master DK.

34. Đây là một lời khẳng định mạnh mẽ về tính chính trực của AAB, đồng thời bảo vệ bà trước những người muốn gắn công việc của họ với công việc của bà trong khi vẫn làm theo lối cũ mà Chân sư DK đã bác bỏ ở đây.

35. Are we so naïve that we cannot recognize personality ambition when it confronts us?

35. Chúng ta có ngây thơ đến mức không thể nhận ra tham vọng phàm ngã khi nó hiện ra trước mắt mình không?

Letters on Occult Meditation followed next. These indicated a somewhat new approach to meditation, based not on devotion to the Masters but on a recognition of the soul in each person.

Tiếp theo là *Thư Về Tham thiền Huyền môn*. Những lá thư này chỉ ra một cách tiếp cận khá mới đối với tham thiền, dựa trên sự nhận biết linh hồn trong mỗi người, thay vì lòng sùng tín đối với các Chân sư.

36. Now, after many years of possessing the Tibetan's books, we may take the newer meditative emphasis for granted, but much time has been required to wean us from devotion to the Masters' personalities.

36. Giờ đây, sau nhiều năm có trong tay các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng, chúng ta có thể xem trọng tâm mới hơn này trong tham thiền là điều hiển nhiên, nhưng đã cần rất nhiều thời gian để chúng ta dần rời bỏ lòng sùng tín đối với phàm ngã của các Chân sư.

37. *Letters on Occult Meditation*, though a relatively early book, is profoundly occult in many of its sections. It is written in a condensed manner and requires much pondering. Many parts are still largely impenetrable to even trained esoteric thinkers. It abounds with occult hints to be developed in the future.

37. *Thư Về Tham thiền Huyền môn*, dù là một tác phẩm tương đối sớm, vẫn mang tính huyền bí sâu sắc trong nhiều phần. Tác phẩm được viết cô đọng và đòi hỏi nhiều suy ngẫm. Nhiều phần vẫn còn rất khó thâm nhập, ngay cả đối với những nhà tư tưởng nội môn đã được rèn luyện. Tác phẩm chứa đựng rất nhiều gợi ý huyền bí cần được khai triển trong tương lai.

This was succeeded by *A Treatise on Cosmic Fire*. This book was an expansion of the teaching given in The Secret Doctrine on the three fires—electric fire, solar fire and fire by friction—and it was an awaited sequence;

Kế tiếp là *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Tác phẩm này mở rộng giáo huấn trong Giáo Lý Bí Nhiệm về ba loại lửa—Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát—và là phần tiếp nối được mong đợi;

38. DK is suggesting that the appearance of *A Treatise on Cosmic Fire* was expected or awaited.

38. Chân sư DK đang gợi ý rằng sự xuất hiện của *Luận về Lửa Vũ Trụ* là điều đã được dự kiến hoặc mong đợi.

it also presented the psychological key to The Secret Doctrine and is intended to offer study to disciples and initiates at the close of this century and the beginning of the next century, up until 2025 A. D.

tác phẩm cũng trình bày chìa khoá tâm lý học để tìm hiểu Giáo Lý Bí Nhiệm, và nhằm cung cấp tài liệu nghiên cứu cho các đệ tử và điểm đạo đồ vào cuối thế kỷ này và đầu thế kỷ tới, cho đến năm 2025 sau Công nguyên.

39. We see the ongoing utility of *A Treatise on Cosmic Fire*—a *century* of utility. We are living through the period in which TCF is to be assimilated.

39. Chúng ta thấy tính hữu dụng lâu dài của *Luận về Lửa Vũ Trụ*—suốt một *thế kỷ* hữu dụng. Chúng ta đang sống trong thời kỳ cần tiếp thu TCF.

40. From my estimation this great book will offer much of value to students for centuries to come, and so will the *Secret Doctrine*.

40. Theo tôi đánh giá, tác phẩm vĩ đại này sẽ mang lại nhiều giá trị cho các đạo sinh trong nhiều thế kỷ tới, và *Giáo Lý Bí Nhiệm* cũng vậy.

41. Nevertheless, 2025 is an important date for the inauguration of the third dispensation of the Teaching. Who knows the exact nature of the anticipated Teaching? We may say, however, that it will have much of the first ray in it, even as HPB's teaching (though she was a first ray initiate) had much of the third, and AAB's much of the second.

41. Tuy nhiên, năm 2025 là một mốc quan trọng để khai mở đợt ban truyền Giáo Huấn thứ ba. Ai biết chính xác bản chất của Giáo Huấn đang được mong đợi ấy? Tuy nhiên, chúng ta có thể nói rằng giáo huấn ấy sẽ mang nhiều tính chất cung một, cũng như giáo huấn của HPB (dù bà là một điểm đạo đồ cung một) mang nhiều tính chất cung ba, còn giáo huấn của AAB mang nhiều tính chất cung hai.

42. The Tibetan Master seems to be at home on all three Rays of Aspect.

42. Chân sư Tây Tạng dường như thông thạo cả ba Cung Trạng Thái.

[779] Later A. A. B. felt that it would be of value to me and to the work if she demonstrated that she could write books (useful to students) apart from transcribing my writings and taking down my notes, rendering them into the thought-provoking English which together we have developed as a medium for transmission of the ideas which it is my dharma to make public.

[779] Về sau, A. A. B. cảm thấy rằng sẽ có ích cho Tôi và cho công việc nếu bà chứng tỏ mình có thể viết những tác phẩm hữu ích cho đạo sinh, ngoài việc ghi lại các bản viết và những ghi chú của Tôi, diễn đạt chúng bằng thứ tiếng Anh gợi suy ngẫm mà chúng tôi đã cùng phát triển làm phương tiện truyền đạt những ý tưởng Tôi có bổn phận phải công bố.

43. AAB's motive is very interesting. In this paragraph it is suggested that she did not write her books to prove she could think (as she humorously suggested at one point) but, rather, for the sake of the Tibetan's Work.

43. Động cơ của AAB rất thú vị. Đoạn này gợi ý rằng bà viết các tác phẩm của mình vì Công Việc của Chân sư Tây Tạng, chứ không phải để chứng tỏ mình có thể suy nghĩ (như có lần bà đã hài hước nói).

44. We do remember that AAB has (according to the most accepted astrological rectifications) the sign Leo on the Ascendant

44. Chúng ta nhớ rằng, theo những hiệu chỉnh giờ sinh được chấp nhận rộng rãi nhất, AAB có dấu hiệu Sư Tử tại Điểm mọc trong lá

of her astrological chart. In one way she is proving her spiritual individuality.

số chiêm tinh của bà. Theo một cách nào đó, bà đang chứng tỏ cá thể tính tinh thần của mình.

45. Note that a special "thought-provoking English" was developed by the AAB and the Tibetan working *together*. It is true that the English usage of the later books is quite different from that found in the earlier and shows, so it seem, the combined influence of two minds (Gemini).

45. Hãy lưu ý rằng một lối diễn đạt đặc biệt bằng "tiếng Anh gợi suy ngẫm" đã hình thành qua việc AAB và Chân sư Tây Tạng *cùng nhau* làm việc. Quả thật, cách dùng tiếng Anh trong các tác phẩm về sau khác hẳn các tác phẩm trước đó, và dường như cho thấy ảnh hưởng kết hợp của hai thể trí (Song Tử).

46. We note that although a Master may have worked through the karma relating to the human kingdom, He certainly is still under the demand of *dharma.* This duty came upon the Tibetan because of His unique qualifications for the task.

46. Chúng ta lưu ý rằng dù một Chân sư có thể đã giải quyết xong nghiệp quả liên quan đến giới nhân loại, chắc chắn Ngài vẫn chịu sự đòi hỏi của *bổn phận.* Bổn phận này thuộc về Chân sư Tây Tạng vì Ngài có những năng lực đặc biệt phù hợp với nhiệm vụ ấy.

The average psychic and medium is not usually of a high-grade intelligence and A. A. B. desired to prove (for the aiding of the work of the future) that one could do definitely psychic work and be of a real intelligence.

Nhà thông linh và đồng tử thông thường thường không có trí thông minh cao, và A. A. B. mong muốn chứng tỏ—nhằm hỗ trợ công việc tương lai—rằng người ta có thể thực hiện công việc rõ ràng mang tính thông linh mà vẫn thực sự thông minh.

47. Although AAB repudiated psychism and the Tibetan assured her that she was not clairvoyant or clairaudient and would not be in this life, we find Him saying that she was doing "psychic work". Her psychism is obviously of the higher kind and not of the kind with which she feared to be involved.

47. Mặc dù AAB bác bỏ năng lực thông linh, và Chân sư Tây Tạng bảo đảm với bà rằng bà không có khả năng thông nhãn hay thông nhĩ và sẽ không có trong kiếp này, chúng ta vẫn thấy Ngài nói rằng bà đang làm "công việc thông linh". Rõ ràng năng lực thông linh của bà thuộc loại cao cấp, khác với loại mà bà sợ phải dính líu đến.

48. If we read carefully of the higher psychic powers, we shall see them as very distinct from that which is usually considered to be psychism. (TCF 188).

48. Nếu đọc kỹ về các quyền năng thông linh cao cấp, chúng ta sẽ thấy chúng rất khác với những gì người ta thường xem là năng lực thông linh. (TCF 188).

49. AAB was always an exponent of spiritual intelligence. She united intelligence with

49. AAB luôn là người thể hiện trí thông minh tinh thần. Bà kết hợp trí thông minh

psychism and a high form of mediumship. Spiritual work has often fallen into ill-repute because its exponents have demonstrated themselves as *less* intelligent than the normal, intelligent people of the world. The reputation surrounding the higher psychic work needed to be elevated.

với năng lực thông linh và một hình thức cao cấp của khả năng làm đồng tử. Công việc tinh thần thường bị mang tiếng xấu vì những người đại diện cho nó đã cho thấy họ *kém* thông minh hơn những người thông minh bình thường trên thế giới. Uy tín của công việc thông linh cao cấp cần được nâng lên.

She has, therefore, written four books which are entirely her own production:

Vì vậy, bà đã viết bốn tác phẩm hoàn toàn do chính bà sáng tác:

The Consciousness of the Atom. The Soul and Its Mechanism. From Intellect to Intuition. From Bethlehem to Calvary.

Tâm Thức của Nguyên Tử. Linh Hồn và Bộ Máy của Nó. Từ Trí Năng đến Trực Giác. Từ Bethlehem đến Calvary.

50. The four books which are "entirely her own production" must be distinguished from the book on which AAB and the Tibetan collaborated.

50. Cần phân biệt bốn tác phẩm "hoàn toàn do chính bà sáng tác" với tác phẩm mà AAB và Chân sư Tây Tạng đã cùng biên soạn.

She has also written one book in collaboration with me, entitled The Light of the Soul; in it I give the translation of the Sanskrit Sutras of Patanjali and she contributes the commentary, referring to me occasionally for reassurance as to meaning.

Bà cũng đã cộng tác với Tôi để viết một tác phẩm mang tên Ánh Sáng của Linh Hồn; trong đó, Tôi cung cấp bản dịch các Kinh tiếng Phạn của Patanjali, còn bà đóng góp phần bình giảng, thỉnh thoảng hỏi lại Tôi để chắc chắn về ý nghĩa.

51. Just as it is said that Master KH proofread the translations of the Stanzas of Dzyan before HPB commented upon them, so we see Master DK providing accurate translations of the Yoga Sutras so that AAB could comment upon these stanzas with assurance.

51. Cũng như người ta nói rằng Chân sư KH đã duyệt lại bản dịch các Bài Kệ Dzyan trước khi HPB bình giảng, ở đây chúng ta thấy Chân sư DK cung cấp những bản dịch chính xác của Kinh Yoga để AAB có thể tự tin bình giảng những bài kệ này.

52. We see AAB checking in with DK regarding meanings where necessary.

52. Chúng ta thấy AAB hỏi lại Chân sư DK về ý nghĩa khi cần thiết.

Then followed *A Treatise on White Magic*. This was written years ago.

Sau đó là *Luận về Chánh Thuật*. Tác phẩm này đã được viết từ nhiều năm trước.

53. It was written in the later 1920's.

53. Tác phẩm được viết vào cuối thập niên 1920.

As it was written it went out, chapter by chapter, to the senior students of the ArcaneSchool as reading matter only.

Trong quá trình viết, từng chương được gửi đến các đạo sinh cao cấp của Trường Arcane, chỉ để làm tài liệu đọc.

54. There was not yet a Study Set designed around this material. Later the Arcane School section known as "The Magical Work of the Soul" utilized material from *A Treatise on White Magic.*

54. Khi ấy chưa có Bộ Tài Liệu Học Tập nào được soạn dựa trên tài liệu này. Về sau, phần học của Trường Arcane mang tên "Công Việc Huyền Thuật của Linh Hồn" đã sử dụng tài liệu từ *Luận về Chánh Thuật.*

It is the first book ever given out upon the training and control of the astral or emotional body.

Đây là tác phẩm đầu tiên từng được công bố về việc rèn luyện và kiểm soát thể cảm dục, hay thể cảm xúc.

55. This may come as a surprise given the wealth of all kinds of information to be found within TWM, however, here we see one of Master DK's major motives in writing the book.

55. Điều này có thể gây ngạc nhiên khi xét đến lượng thông tin phong phú thuộc đủ mọi loại trong TWM, tuy nhiên, ở đây chúng ta thấy một trong những động cơ chính của Chân sư DK khi viết tác phẩm này.

56. It is true that there can be no white magic without a controlled astral body.

56. Quả thật, không thể có Chánh Thuật nếu thể cảm dục chưa được kiểm soát.

Many occult books have been written upon the subject of the physical body and its purification and upon the etheric or vital body; most of them have been compilations of other books, both ancient or modern.

Nhiều tác phẩm huyền bí đã bàn về thể xác và việc thanh lọc nó, cũng như về thể dĩ thái hay thể sinh lực; phần lớn các tác phẩm ấy đều là những bản biên soạn từ các sách khác, cả cổ đại lẫn hiện đại.

57. In writing TWM, DK was raising the standard, and taking the preoccupations of the aspirant another step inward.

57. Khi viết TWM, Chân sư DK đã nâng cao tiêu chuẩn và đưa những mối quan tâm của người chí nguyện tiến thêm một bước vào bên trong.

This book of mine, however, is intended to train the modern aspirant in the control of his astral body, by the aid of the mind as that mind is, in its turn, illumined by the soul.

Tuy nhiên, tác phẩm này của Tôi nhằm huấn luyện người chí nguyện hiện đại kiểm soát thể cảm dục của mình nhờ sự trợ giúp của thể trí, khi đến lượt nó được linh hồn soi sáng.

58. The illumined mind is required if the astral vehicle is to be controlled. In this respect, we find Scorpio to be a sign conducive both to this illumination and to astral control via the mind.

"In Scorpio the mind is released into full governing activity. This release takes place in two stages: Stage 1—Wherein the intellect becomes dominant and powerful and controls eventually the emotional nature.

Stage 2— Wherein the intellect is illumined by the light of the soul." (EA 179-180)

58. Muốn kiểm soát hiện thể cảm dục thì cần có thể trí được soi sáng. Về phương diện này, chúng ta thấy Hổ Cáp là một dấu hiệu thuận lợi cho cả sự soi sáng ấy lẫn việc kiểm soát cảm dục thông qua thể trí.

"Trong Hổ Cáp, thể trí được giải phóng để phát huy trọn vẹn hoạt động cai quản. Sự giải phóng này diễn ra qua hai giai đoạn: Giai đoạn 1—Trong đó trí năng trở nên mạnh mẽ, giữ vai trò chủ đạo và cuối cùng kiểm soát bản chất cảm xúc.

Giai đoạn 2— Trong đó ánh sáng của linh hồn soi sáng trí năng." (EA 179-180)

The next book undertaken was *A Treatise on the Seven Rays*. It is a long book, not yet completed.

Tác phẩm tiếp theo được bắt tay thực hiện là *Luận về Bảy Cung*. Đây là một tác phẩm dài, hiện vẫn chưa hoàn tất.

59. Master DK considers the five volumes as one long book. It is taking shape in four volumes, two of which are already published (*Esoteric Psychology, Vols. I and II*), one is ready for publication (*Esoteric Astrology*) and the final volume is in process of writing. (*Esoteric Healing*) Volumes one and two deal with the seven rays and their seven psychological types and thus lay the foundation for the new psychology for which modern psychology, materialistic as it may be, has laid a sound basis.

59. Chân sư DK xem năm tập là một cuốn sách dài duy nhất. Bộ sách đang thành hình với bốn tập, trong đó hai tập đã xuất bản (*Tâm Lý Học Nội Môn, Tập I và II*), một tập đã sẵn sàng xuất bản (*Chiêm Tinh Học Nội Môn*) và tập cuối đang được viết. (*Trị Liệu Huyền Môn*) Tập một và tập hai bàn đến bảy cung và bảy loại hình tâm lý tương ứng, qua đó đặt nền móng cho nền tâm lý học mới, mà tâm lý học hiện đại, dù có mang tính duy vật, đã tạo dựng một cơ sở vững chắc.

60. The Tibetan is always appreciative and inclusive of humanity's thinking when He can be.

60. Chân sư Tây Tạng luôn trân trọng và bao gồm tư tưởng của nhân loại bất cứ khi nào Ngài có thể.

61. So often, a sound material basis provides the foundation for more rarefied considerations. DK often praises the work of modern medical science, recognizing its importance as a foundation for esoteric

61. Rất thường xuyên, một cơ sở vật chất vững chắc tạo nền tảng cho những suy xét tinh tế hơn. Chân sư DK thường ca ngợi công trình của khoa học y học hiện đại, thừa nhận tầm quan trọng của nó như một nền tảng

healing.

cho trị liệu huyền môn.

Volume three is entirely given over to the subject of esoteric astrology and forms a unit [780] in itself.

Tập ba hoàn toàn dành cho chủ đề chiêm tinh học nội môn và tự nó tạo thành một phần [780] hoàn chỉnh.

62. Since astrology is the "greatest and oldest of all the sciences" (EA 5), it would naturally form an entire unit of study—really a *vast* unit of study requiring more than one life to learn well.

62. Vì chiêm tinh học là "khoa học vĩ đại nhất và cổ xưa nhất trong mọi khoa học" (EA 5), nên đương nhiên nó tạo thành một lĩnh vực nghiên cứu trọn vẹn—thực sự là một lĩnh vực nghiên cứu *bao la*, đòi hỏi hơn một kiếp sống mới có thể học cho thấu đáo.

63. This book (*Esoteric Astrology*) is considered by the Tibetan to be the most occult He wrote because it deals entirely with energies and forces.

63. Cuốn sách này (*Chiêm Tinh Học Nội Môn*) được Chân sư Tây Tạng xem là cuốn mang tính huyền bí nhất mà Ngài đã viết, vì nó hoàn toàn bàn đến các năng lượng và mãnh lực.

It is intended to launch the new astrology which is founded on the soul and not on the personality.

Cuốn sách nhằm khai mở nền chiêm tinh học mới, đặt nền tảng trên linh hồn chứ không phải phàm ngã.

64. The true and complete astrology of the soul cannot yet be expressed through horoscopes presently in use. The Masters use other kinds of charts about which a few hints have been given. Still, with what the Tibetan *has* given, we are on our way to the unfoldment of a new and more spiritual astrology.

64. Chiêm tinh học chân chính và toàn vẹn về linh hồn chưa thể được biểu đạt qua những lá số chiêm tinh hiện đang sử dụng. Các Chân sư sử dụng những loại lá số khác mà về chúng mới chỉ có một vài gợi ý được đưa ra. Tuy vậy, với những gì Chân sư Tây Tạng *đã* ban ra, chúng ta đang tiến tới sự khai mở của một nền chiêm tinh học mới và mang tính tinh thần hơn.

Orthodox astrology sets up a chart which gives the fate and destiny of the personality, and when that personality is little evolved or is only of an average development, it can be and often is amazingly correct.

Chiêm tinh học chính thống lập một lá số cho biết số phận và vận mệnh của phàm ngã; khi phàm ngã ấy còn ít tiến hoá hoặc chỉ phát triển ở mức trung bình, lá số có thể chính xác đến kinh ngạc, và thường là như vậy.

65. This is because the power of conscious choice is not cultivated.

65. Đó là vì năng lực lựa chọn có ý thức chưa được trau dồi.

It is not so correct, however, in the case of highly developed people, aspirants, disciples and initiates who are beginning to control their stars and consequently their actions; the events and the happenings in their lives then become unpredictable.

Tuy nhiên, lá số không còn chính xác như thế đối với những người phát triển cao, những người chí nguyện, các đệ tử và điểm đạo đồ đang bắt đầu làm chủ các tinh tú của mình và do đó làm chủ hành động của mình; bấy giờ những biến cố và sự việc trong đời họ trở nên không thể tiên đoán.

66. In such cases the ambient energies can be determined, but what the disciple or initiate does with them becomes indeterminate.

66. Trong những trường hợp như vậy, có thể xác định các năng lượng bao quanh, nhưng không thể xác định đệ tử hay điểm đạo đồ sẽ sử dụng chúng ra sao.

67. The new and future astrology is to be applied to advanced people and those who are definitely upon the spiritual Path.

67. Nền chiêm tinh học mới và tương lai sẽ áp dụng cho những người tiến hoá cao và những ai đã thực sự bước trên Đường Đạo tinh thần.

The new and future astrology endeavours to give the key to the horoscope of the soul, as it is conditioned by the soul ray and not by the personality ray;

Nền chiêm tinh học mới và tương lai nỗ lực trao chìa khóa để thấu hiểu lá số chiêm tinh của linh hồn, vì lá số này chịu ảnh hưởng của cung linh hồn chứ không phải cung phàm ngã;

68. It is necessary to know the soul ray (*and* personality ray) before it is possible to give a truly esoteric reading (given the horoscopes presently in use). (cf. EA 222)

68. Cần biết cung linh hồn (*và* cung phàm ngã) mới có thể luận giải thực sự theo nội môn (với những lá số chiêm tinh hiện đang sử dụng). (đối chiếu EA 222)

69. In such cases, the soul-ray planet becomes of particular importance, whereas that same planet in the horoscope of someone with a different soul ray may have nowhere near the same weight.

69. Trong những trường hợp như vậy, hành tinh tương ứng với cung linh hồn trở nên đặc biệt quan trọng, trong khi chính hành tinh ấy trong lá số chiêm tinh của một người có cung linh hồn khác có thể có trọng lượng kém xa.

70. Notice the term "horoscope of the soul". Such are in the possession of the Masters of the Wisdom but not yet capable of being erected even by relatively advanced spiritual astrologers. This will shortly change.

70. Hãy lưu ý thuật ngữ "lá số chiêm tinh của linh hồn". Các Chân sư Minh Triết có những lá số như vậy, nhưng ngay cả những nhà chiêm tinh tinh thần tương đối tiến bộ cũng chưa có khả năng lập chúng. Điều này sẽ sớm thay đổi.

enough has been given by me to enable astrologers, who are interested and of the new inclination, to work out the future from the angle of this new approach.

Tôi đã cung cấp đủ để những nhà chiêm tinh có sự quan tâm và khuynh hướng mới có thể triển khai tương lai từ góc độ của cách tiếp cận mới này.

71. This means, "to work out the future astrology". It also may be telling us something about new approaches to the progressed horoscope.

71. Điều này có nghĩa là "triển khai nền chiêm tinh học tương lai". Nó cũng có thể đang cho chúng ta biết đôi điều về những cách tiếp cận mới đối với lá số chiêm tinh tiến trình.

72. The true progressed horoscope should tell us something about the unfoldment of soul potentials in and through the personality life.

72. Lá số chiêm tinh tiến trình đích thực hẳn phải cho chúng ta biết đôi điều về sự khai mở các tiềm năng của linh hồn trong và qua đời sống phàm ngã.

Astrology is a fundamental and most necessary science.

Chiêm tinh học là một khoa học nền tảng và hết sức cần thiết.

73. This statement must be remembered by many esotericists who tend to dismiss it as both personal and strictly technical.

73. Nhiều nhà bí truyền học có khuynh hướng gạt bỏ chiêm tinh học vì cho rằng nó vừa mang tính cá nhân vừa thuần túy kỹ thuật cần ghi nhớ lời khẳng định này.

A. A. B. is not well versed in astrology; she cannot set up a chart nor could she tell you the names of the planets with the houses which they rule.

A. A. B. không am tường chiêm tinh học; bà không thể lập lá số, cũng không thể nói cho các bạn biết tên các hành tinh cùng những nhà mà chúng cai quản.

74. The limits of AAB's knowledge of astrology are nowhere more explicitly expressed.

74. Giới hạn kiến thức chiêm tinh học của AAB không đâu được trình bày rõ ràng hơn ở đây.

75. In fact, she may even have had a bias against astrology—at least the study of astrology as applied to the person or individual (as her rays did not, I would think, incline her in this direction).

75. Thực tế, bà thậm chí có thể đã có thành kiến với chiêm tinh học—ít nhất là việc nghiên cứu chiêm tinh học khi áp dụng cho một người hay cá nhân (vì tôi nghĩ các cung của bà không hướng bà theo chiều này).

76. For many years in the Arcane School, astrology was not a subject on which any particular emphasis was placed. In fact, my experience has shown me, that it was

76. Trong nhiều năm tại Trường Arcane, chiêm tinh học không phải là môn học được đặc biệt chú trọng. Thực tế, kinh nghiệm của tôi cho thấy người ta đã tránh môn này. Đây

avoided. This may have been an unintentional part of the AAB legacy.

có thể là một phần di sản ngoài chủ ý của AAB.

I am, therefore, **entirely responsible for all that appears in this and all my books**, except, as before explained, the one book, *The Light of the Soul.*

Vì vậy, Tôi **hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi điều xuất hiện trong cuốn sách này và tất cả các sách của Tôi**, ngoại trừ, như đã giải thích trước đây, một cuốn duy nhất là *Ánh Sáng của Linh Hồn.*

77. DK seems to be taking special responsibility for that which appears in the astrology book as AAB was not in a position to contribute any knowledge to it.

77. Chân sư DK dường như đặc biệt nhận trách nhiệm về những gì xuất hiện trong cuốn sách chiêm tinh học, vì AAB không có khả năng đóng góp bất kỳ kiến thức nào vào đó.

The fourth volume deals with the subject of healing, and with the bridging, by the antahkarana, of the gap which exists between the Monad and the personality; it also gives the Fourteen Rules which those in training for initiation have to master.

Tập bốn bàn đến chủ đề trị liệu và việc dùng antahkarana bắc cầu qua khoảng cách giữa chân thần và phàm ngã; tập này cũng trình bày Mười Bốn Quy Luật mà những người đang được huấn luyện để điểm đạo phải nắm vững.

78. This is really interesting, as it appears that what eventually became Vol. IV and Vol. V were considered at the time of this writing as only one book—Vol. IV.

78. Điều này thực sự thú vị, vì dường như những gì cuối cùng trở thành Tập IV và Tập V, vào thời điểm viết những dòng này, chỉ được xem là một cuốn sách—Tập IV.

79. We note that in the discussion of "bridging", it is the gap between the Monad and the personality that is mentioned, and not the gap between the spiritual triad and the personality. Effectively, these gaps are the same, for, in a way, the spiritual triad *is* the Monad (i. e. , the immediate expression of the monad through three divine aspects on the three planes immediately beneath the monadic plane).

79. Chúng ta lưu ý rằng khi bàn về việc "bắc cầu", khoảng cách được nhắc đến là giữa chân thần và phàm ngã, chứ không phải giữa Tam Nguyên Tinh Thần và phàm ngã. Trên thực tế, hai khoảng cách này là một, vì theo một nghĩa nào đó, Tam Nguyên Tinh Thần *chính là* chân thần (nghĩa là sự biểu hiện trực tiếp của chân thần qua ba phương diện thiêng liêng trên ba cõi ngay bên dưới cõi chân thần).

80. The Fourteen Rules are definitely related to initiation. The initiation or initiations suggested in this connection are probably higher than the initiations targeted by the Fourteen Rules of Applicants to Initiation in

80. Mười Bốn Quy Luật chắc chắn có liên quan đến điểm đạo. Cuộc điểm đạo hay những cuộc điểm đạo được gợi ra trong mối liên hệ này có lẽ cao hơn những cuộc điểm đạo mà Mười Bốn Quy Luật dành cho Người

Initiation: Human and Solar. The Rules for Applicants can be applied to those who are applying to the first three initiations. The Fourteen Rules for Disciples and Initiates seem to begin with the third initiation and move far beyond. One would have to be a Master to fulfill some of these more advanced Rules.

Xin Điểm Đạo trong *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương hướng tới.* Các Quy Luật dành cho Người Xin Điểm Đạo có thể áp dụng cho những người đang xin nhận ba lần điểm đạo đầu tiên. Mười Bốn Quy Luật dành cho Đệ Tử và Điểm Đạo Đồ dường như bắt đầu từ lần điểm đạo thứ ba và tiến xa hơn nhiều. Phải là một Chân sư mới có thể thực hiện trọn vẹn một số Quy Luật cao hơn này.

Again, I would call your attention to this last theme, reminding you that the true initiate has never made the slightest claim, either privately or publicly, to be an initiate. It is against the occult law and too many people of no particular spiritual focus or intellectual capacity make these claims and consequent harm has ensued, thus lowering the idea of the Hierarchy and the nature of adeptship in the eyes of the watching public.

Một lần nữa, Tôi muốn lưu ý các bạn đến chủ đề cuối cùng này, nhắc các bạn rằng điểm đạo đồ chân chính chưa bao giờ đưa ra dù chỉ một lời tự nhận nhỏ nhất, dù riêng tư hay công khai, rằng mình là điểm đạo đồ. Điều đó trái với định luật huyền bí, và quá nhiều người không có sự tập trung tinh thần hay năng lực trí tuệ đặc biệt nào lại đưa ra những lời tự nhận ấy; tổn hại đã phát sinh từ đó, làm hạ thấp quan niệm về Thánh đoàn và bản chất của quả vị chân sư trong mắt công chúng đang quan sát.

81. Here is a statement of the greatest importance and should be reviewed by all those interested in the science of initiation and group initiation.

81. Đây là một lời khẳng định có tầm quan trọng lớn nhất mà tất cả những ai quan tâm đến khoa học điểm đạo và điểm đạo nhóm đều nên xem xét lại.

82. It is clear that the reputation and true elevation of the Hierarchy must be sustained. When there is claim-making (always indulged in by those who are not true initiates), the elevation of the Hierarchy is lowered in the consciousness of those who hear the claims.

82. Rõ ràng cần giữ gìn thanh danh và vị thế cao cả đích thực của Thánh đoàn. Khi có những lời tự nhận (luôn do những người không phải điểm đạo đồ chân chính buông mình theo), vị thế cao cả của Thánh đoàn bị hạ thấp trong tâm thức những người nghe các lời ấy.

I am, therefore, entirely responsible for the Fourteen Rules and their elucidation and application.

Vì vậy, Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về Mười Bốn Quy Luật cùng việc giảng giải và áp dụng chúng.

83. We note DK claiming responsibility for various aspects of the Work. He does this, most often, for the sake of *protecting* the

83. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nhận trách nhiệm về nhiều phương diện của Công Việc. Ngài thường làm vậy nhất là nhằm *bảo*

Work.

A. A. B. has never claimed to be more than a working disciple, occupied with world work (which no one can deny) and has re-iterated again and again that the word "disciple" is the legitimate and non-controversial word (as well as the truthful word) to be used for all grades of workers in the Hierarchy from the probationary disciple, [781] loosely affiliated with certain disciples in that Hierarchy, up to and including the Christ Himself, the Master of all the Masters and the Teacher alike of Angels and of men.

84. The essential humility of AAB is noted, and the use of the term "disciple" encouraged.

85. We can see that the term "disciple" is comprehensive, indeed, as it includes the Christ, Himself.

86. It is important that the Ageless Wisdom Teaching not seem strange and quaint (therefore, relatively useless) to the thinking public. Therefore, caution must be exercised in the use of the terms by means of which we describe the abilities of those who are closely associated with this Wisdom Teaching.

She has steadily set herself, with my full approval, against the unwholesome curiosity as to status and title which is a blight on so many occult groups, leading to the full tide of competition, jealousy, criticism and claim-making which distinguishes the majority of the occult groups, which renders futile so many of their publications and which hinders the general public from receiving the teaching in its purity and simplicity.

vệ Công Việc.

A. A. B. chưa bao giờ tự nhận mình là gì hơn một đệ tử đang làm việc, bận rộn với công việc thế gian (điều không ai có thể phủ nhận), và đã nhắc đi nhắc lại rằng từ "đệ tử" là từ chính đáng, không gây tranh cãi (đồng thời cũng là từ đúng với sự thật) để dùng cho mọi cấp bậc người hoạt động trong Thánh đoàn, từ đệ tử dự bị, [781] có liên hệ không chặt chẽ với một số đệ tử trong Thánh đoàn ấy, cho đến và kể cả chính Đức Christ, Chân sư của tất cả các Chân sư và Huấn sư của cả Thiên thần lẫn con người.

84. Ở đây ghi nhận đức khiêm nhường cốt yếu của AAB và khuyến khích sử dụng thuật ngữ "đệ tử" này.

85. Chúng ta có thể thấy thuật ngữ "đệ tử" quả thực có phạm vi bao quát, vì nó bao gồm cả chính Đức Christ.

86. Điều quan trọng là Giáo Huấn Minh Triết Ngàn Đời không được có vẻ xa lạ và cổ lạ (do đó tương đối vô dụng) đối với công chúng biết suy tư. Vì vậy, phải thận trọng khi sử dụng những thuật ngữ để mô tả năng lực của những người gắn bó mật thiết với Giáo Huấn Minh Triết này.

Với sự tán thành hoàn toàn của Tôi, bà đã kiên định phản đối sự tò mò thiếu lành mạnh về địa vị và danh xưng, vốn là một tai họa đối với rất nhiều nhóm huyền bí, dẫn đến làn sóng cạnh tranh, đố kỵ, chỉ trích và tự nhận địa vị tràn lan, đặc trưng cho phần lớn các nhóm huyền bí, khiến nhiều ấn phẩm của họ trở nên vô ích và cản trở công chúng tiếp nhận giáo huấn trong sự thuần khiết và giản dị của nó.

87. The dangers of claim-making are here set forth. So many negative thoughts and emotions arise when spiritual ambition prods one to make claims as to spiritual status.

87. Ở đây trình bày những nguy hại của việc tự nhận địa vị. Biết bao tư tưởng và cảm xúc tiêu cực nảy sinh khi tham vọng tinh thần thúc đẩy người ta đưa ra những lời tự nhận về địa vị tinh thần.

88. To do so is a disservice to the general public which needs the Ageless Wisdom teaching in its purity and simplicity.

88. Làm như vậy là gây bất lợi cho công chúng, những người cần giáo huấn Minh Triết Ngàn Đời trong sự thuần khiết và giản dị của nó.

Status and title, place and position count for nothing. It is the teaching that counts—its truth and its intuitive appeal. This you must constantly bear in mind.

Địa vị và danh xưng, vị trí và chức vụ đều không có giá trị gì. Chính giáo huấn mới có giá trị—chân lý của nó và sức thu hút đối với trực giác. Các bạn phải luôn ghi nhớ điều này.

89. These are strong statements and should set the disciple on watch against any thought, word or behaviour which seems to set him or her apart from fellow disciples.

89. Đây là những lời khẳng định mạnh mẽ, cần khiến đệ tử cảnh giác với bất kỳ tư tưởng, lời nói hay hành vi nào dường như đặt mình tách biệt khỏi các đệ tử đồng môn.

90. "It is the teaching that counts"—this must oft be repeated. The personality wants *itself* to count and overtakes the consciousness of many well-meaning people. The Plan and the Teaching come first—followed by those whom the Plan and Teaching serve and then, and only then, those who serve the Plan and the Teaching.

90. "Chính giáo huấn mới có giá trị"—điều này phải được thường xuyên nhắc lại. Phàm ngã muốn *chính nó* có giá trị và lấn chiếm tâm thức của nhiều người có thiện ý. Thiên Cơ và Giáo Huấn đứng trước hết—tiếp theo là những người mà Thiên Cơ và Giáo Huấn phụng sự, rồi sau đó, và chỉ sau đó, mới đến những người phụng sự Thiên Cơ và Giáo Huấn.

The accepted disciples of a Master who arrive at recognition of Him from within themselves—a recognition which can then be corroborated by their fellow disciples and used by the Master Himself as a factual condition—know their Master, accept teaching from Him and among themselves speak of Him as He is to them **but not to the outside world.**

Những đệ tử được chấp nhận của một Chân sư, đạt đến sự nhận biết Ngài từ bên trong chính mình—một sự nhận biết mà sau đó các đệ tử đồng môn có thể xác nhận và chính Chân sư có thể sử dụng như một điều kiện thực tế—biết Chân sư của mình, tiếp nhận giáo huấn từ Ngài và nói với nhau về Ngài đúng như mối quan hệ của Ngài với họ, **nhưng không nói với thế giới bên ngoài.**

91. When a true recognition of the Master

91. Khi sự nhận biết đích thực về Chân sư

emerges as a fact in consciousness, one will know with whom one can speak freely.

92. In order for this recognition to emerge, one must be at least an "accepted disciple". Only an accepted disciple will truly know the Master.

93. Note that recognition of the Master must come from *within.* The factuality of this recognition can then be *used* by the Master to increase the effectiveness of the disciple.

94. One of the major tests is here given—the test of *silence* as to one's knowledge of the Ashram. Much discretion is needed in this regard, and many violations occur through indiscreet speech.

The papers lately printed in The Beacon and inadequately censored were given by me, as a Master, to the members of a group within my Ashram. This group has preserved my anonymity for more than a decade, which was their correct and obvious duty.

95. We see how it came to be revealed to the general public that the Tibetan was indeed Master DK.

The books, therefore, have been going out steadily for years. When A Treatise on the Seven Rays is completed, a short book on glamour ready for the press and this book on *DISCIPLESHIP IN THE NEW AGE* is in the hands of the public, then the work of A. A. B. for me will be over, she can resume her work in the Ashram of her own Master—the work of His disciple.

96. There was a schedule of writings to

xuất hiện như một sự thật trong tâm thức, người ta sẽ biết mình có thể nói chuyện cởi mở với ai.

92. Để sự nhận biết này xuất hiện, ít nhất người ta phải là một "đệ tử được chấp nhận". Chỉ một đệ tử được chấp nhận mới thực sự biết Chân sư.

93. Hãy lưu ý rằng sự nhận biết Chân sư phải đến từ *bên trong.* Sau đó, tính xác thực của sự nhận biết này có thể được Chân sư *sử dụng* để gia tăng hiệu quả hoạt động của đệ tử.

94. Ở đây nêu ra một trong những thử thách chính—thử thách về sự *im lặng* đối với những gì mình biết về ashram. Cần hết sức kín đáo về mặt này, và nhiều sự vi phạm xảy ra do lời nói thiếu thận trọng.

Những bài viết gần đây in trên tạp chí Ngọn Hải Đăng mà chưa được duyệt kỹ là những bài Tôi, với tư cách một Chân sư, đã trao cho các thành viên của một nhóm trong ashram của Tôi. Nhóm này đã giữ kín danh tính của Tôi hơn một thập niên, đó là bổn phận đúng đắn và hiển nhiên của họ.

95. Chúng ta thấy vì sao công chúng đã biết được rằng Chân sư Tây Tạng quả thực là Chân sư DK.

Vì vậy, các sách đã liên tục được xuất bản trong nhiều năm. Khi Luận về Bảy Cung hoàn tất, một cuốn sách ngắn về ảo cảm sẵn sàng đưa in và cuốn *ĐƯỜNG ĐẠO TRONG KỶ NGUYÊN MỚI* này đến tay công chúng, thì công việc A. A. B. làm cho Tôi sẽ kết thúc; bà có thể tiếp tục công việc trong ashram của Chân sư riêng của bà—công việc của người đệ tử của Ngài.

96. Có một lịch trình trước tác cần hoàn tất,

complete, and AAB could not be released fully into her own Ashram until the completion.

và AAB chưa thể hoàn toàn trở về ashram riêng của bà cho đến khi hoàn tất công việc ấy.

The next phase of the work which I sought to see accomplished is now in working order. **It was my wish (as it is the wish of many associated with the Hierarchy) to see an esoteric school started which would leave the membership free,** which would bind them by no pledges or oaths and which would—whilst assigning meditation, study and giving esoteric teaching—leave people to make their own adjustments, to interpret the truth as best they could, to present to them the many points of view and at the same time communicate to them the deepest esoteric truths which they could recognise if there was that in [782] them which was awakened to the mysteries and which, even when read or heard, could do them no harm if they lacked the perception to recognise the truth for what it was.

Giai đoạn tiếp theo của công việc mà Tôi mong thấy được hoàn thành nay đã đi vào hoạt động. **Tôi mong muốn (cũng như nhiều người có liên hệ với Thánh đoàn mong muốn) thấy một trường nội môn được thành lập, để các thành viên được tự do,** không ràng buộc họ bằng bất kỳ lời cam kết hay lời thề nào; trong khi giao việc tham thiền, học tập và truyền dạy giáo huấn nội môn, trường vẫn để mọi người tự điều chỉnh, diễn giải chân lý theo khả năng tốt nhất của mình, trình bày cho họ nhiều quan điểm, đồng thời truyền đạt những chân lý nội môn sâu xa nhất mà họ có thể nhận biết nếu trong [782] họ có điều gì đó đã thức tỉnh trước các huyền nhiệm; những chân lý ấy, ngay cả khi được đọc hay nghe, cũng không thể gây hại cho họ nếu họ thiếu khả năng tri giác để nhận biết chân lý đúng như bản chất của nó.

97. We see that one of the principle motives in the starting of the Arcane School was to leave students of occultism in perfect freedom to make their own adjustments and interpretations.

97. Chúng ta thấy một trong những động cơ chính khi thành lập Trường Arcane là để các đạo sinh huyền bí học hoàn toàn tự do trong việc tự điều chỉnh và diễn giải.

98. The Arcane School was to be truly a school for the training of disciples. It was to go deeper than most, if not all, of the occult schools then available.

98. Trường Arcane phải thực sự là một trường huấn luyện đệ tử. Trường phải đi sâu hơn phần lớn, nếu không nói là tất cả, các trường huyền bí hiện có vào thời ấy.

Such a school was started in 1923 by Alice A. Bailey with the aid of Foster Bailey and certain students of vision and spiritual understanding.

Một ngôi trường như thế đã được Alice A. Bailey thành lập vào năm 1923, với sự trợ giúp của Foster Bailey và một số đạo sinh có tầm nhìn và sự thấu hiểu tinh thần.

99. The original group worked more on theosophical writings than on the material

99. Nhóm ban đầu nghiên cứu các tác phẩm Thông Thiên Học nhiều hơn tài liệu do AAB

being brought through by AAB. 100. As of this writing (2005) the Arcane School has been active for some 82 years.

truyền đạt. 100. Tính đến thời điểm viết những dòng này (2005), Trường Arcane đã hoạt động được khoảng 82 năm.

She made it a condition that I should have nothing to do with the Arcane School , and that I should have no control over its policies and curriculum.

Bà đặt điều kiện rằng Tôi không được can dự vào Trường Arcane, và Tôi không được kiểm soát chính sách cũng như chương trình học của trường.

101. This is very interesting. It might have been thought that DK, Himself, wanted nothing to do with the school in the attempt to render AAB completely spiritually self-reliant.

101. Điều này rất thú vị. Người ta có thể đã nghĩ rằng chính Chân sư DK không muốn can dự vào trường nhằm giúp AAB hoàn toàn tự lực về mặt tinh thần.

102. In fact, it appears that AAB realized that founding such a school was a test for her, and sought to prove herself, independently of a Master's assistance.

102. Thực tế, dường như AAB nhận ra rằng việc thành lập một ngôi trường như vậy là một thử thách đối với bà, và bà tìm cách chứng tỏ bản thân mà không dựa vào sự trợ giúp của một Chân sư.

Even my books were not used as textbooks and only during the past three years has one of them, *A Treatise on White Magic,* been adopted as a course of study and that at the very earnest request of many students.

Ngay cả các sách của Tôi cũng không được dùng làm giáo trình, và chỉ trong ba năm vừa qua, một cuốn trong số đó, *Luận về Chánh Thuật,* mới được chọn làm một chương trình học, theo lời thỉnh cầu hết sức tha thiết của nhiều đạo sinh.

103. It was principally Theosophy that was studied. What might AAB's motives have been? Did she not completely trust that which she was bringing through? Or was it simply not assembled into a form that could be used in a curriculum.

103. Môn được nghiên cứu chủ yếu là Thông Thiên Học. Động cơ của AAB có thể là gì? Phải chăng bà chưa hoàn toàn tin tưởng những gì mình đang truyền đạt? Hay đơn giản là tài liệu ấy chưa được tập hợp thành một hình thức có thể sử dụng trong chương trình học.

104. It is interesting that when one of the Tibetan's books finally came to be used, it was through the "very earnest request of many students" and not, originally, at the initiative of AAB.

104. Điều thú vị là khi một cuốn sách của Chân sư Tây Tạng cuối cùng được đưa vào sử dụng, đó là do "lời thỉnh cầu hết sức tha thiết của nhiều đạo sinh", chứ ban đầu không phải do sáng kiến của AAB.

Also, some of the teaching upon the

Ngoài ra, một phần giáo huấn về

antahkarana (which will appear in the fifth volume of the Treatise on the Seven Rays) has been used for two years in one section of the fourth degree, entitled Weavers in the Light.

antahkarana (sẽ xuất hiện trong tập năm của Luận về Bảy Cung) đã được sử dụng suốt hai năm trong một phân môn thuộc cấp học thứ tư, mang tên Những Người Dệt Trong Ánh Sáng.

105. The antahkarana work is one of the main features of the Weavers in the Light set of studies. "Weavers" is one of the advanced sections of AS study.

105. Công việc antahkarana là một trong những nội dung chính của chương trình Những Người Dệt Trong Ánh Sáng. "Những Người Dệt" là một trong những phân môn nâng cao trong chương trình học của Trường Arcane.

The teaching on glamour has been given as some of the reading matter for another section.

Giáo huấn về ảo cảm đã được đưa vào làm một phần tài liệu đọc cho một phân môn khác.

106. This teaching on glamor was written in connection with Group IX. 2—the "Trained Observers".

106. Giáo huấn về ảo cảm này được viết liên quan đến Nhóm IX. 2—"Các Nhà Quan Sát Lão Luyện".

No obedience is expected in the Arcane School, no emphasis is laid on "obeying the Master," for no Master is running the school.

Trường Arcane không đòi hỏi sự vâng phục, không nhấn mạnh việc "vâng lời Chân sư", vì không có Chân sư nào điều hành trường.

107. This is an important point. So many occult schools claim to have a supervising Master behind them. AAB must have realized that modern esoteric schools must be headed by disciples who are to take full responsibility for their development.

107. Đây là một điểm quan trọng. Rất nhiều trường huyền bí tuyên bố có một Chân sư giám sát đứng sau họ. Hẳn AAB đã nhận ra rằng các trường nội môn hiện đại phải do những đệ tử lãnh đạo, và những đệ tử ấy phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự phát triển của trường.

108. When a school is directed by a founding disciple (and not by the supposed presence of a Master) the spectre of authoritarianism is banished.

108. Khi một đệ tử sáng lập điều hành ngôi trường (chứ không phải sự hiện diện được cho là có của một Chân sư), bóng ma của chủ nghĩa độc đoán bị xua đi.

Emphasis is laid upon the one Master in the heart, the soul, the true spiritual man within each human being;

Điều được nhấn mạnh là vị Chân sư duy nhất trong tim, linh hồn, con người tinh thần đích thực bên trong mỗi con người;

109. The soul on its own plane is a *Master*.

109. Linh hồn trên cõi riêng của mình là một

This is the first Master to be contacted, and no human Master can be contacted in fullness before the disciple comes into full relationship with the "Master in the heart, the soul, the true spiritual man. "

Chân sư. Đây là vị Chân sư đầu tiên cần tiếp xúc, và không thể tiếp xúc trọn vẹn với bất kỳ Chân sư nhân loại nào trước khi đệ tử thiết lập mối quan hệ đầy đủ với "Chân sư trong tim, linh hồn, con người tinh thần đích thực. "

no theology is taught; the student is under no compulsion to accept any interpretation or presentation of truth; he can accept or reject the fact of the Masters, of the Hierarchy, of reincarnation, or of the soul and still remain a member of the school in good standing.

không có thần học nào được giảng dạy; đạo sinh không bị ép buộc phải chấp nhận bất kỳ cách diễn giải hay trình bày chân lý nào; y có thể chấp nhận hoặc bác bỏ sự hiện hữu của các Chân sư, của Thánh đoàn, sự luân hồi hay linh hồn mà vẫn là một thành viên có tư cách đầy đủ của trường.

110. This is another important point. It is unlikely that there would be students continuing their study with the AS if they did not accept as factual the Masters and the Hierarchy, and reincarnation, but it is important to realize that they would not be *forced* by the Arcane School to accept such doctrines.

110. Đây là một điểm quan trọng khác. Khó có chuyện các đạo sinh tiếp tục học tại Trường Arcane nếu họ không chấp nhận sự hiện hữu của các Chân sư, Thánh đoàn và sự luân hồi là sự thật, nhưng điều quan trọng là nhận ra rằng Trường Arcane sẽ không *ép buộc* họ chấp nhận những giáo lý ấy.

111. We can see the importance of the freedom of the human mind and human will emphasized by true esoteric schools such as the Arcane School .

111. Chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của sự tự do của trí tuệ và ý chí con người mà những trường nội môn chân chính như Trường Arcane nhấn mạnh .

No loyalty is expected or asked, either to the school or to A. A. B. Students can work in any of the occult, esoteric, metaphysical or orthodox groups and churches and still be members of the school.

Không ai được trông đợi hay yêu cầu phải trung thành với trường hoặc với A. A. B. Các đạo sinh có thể làm việc trong bất kỳ nhóm và giáo hội huyền bí, nội môn, siêu hình hay chính thống nào mà vẫn là thành viên của trường.

112. We see the inclusive attitude so different from the various occult schools of the period. The more exclusive esoteric schools are largely conditioned by the sixth ray.

112. Chúng ta thấy thái độ bao gồm rất khác với các trường huyền bí khác nhau vào thời ấy. Những trường nội môn có tính loại trừ cao hơn phần lớn chịu ảnh hưởng của cung sáu.

They are asked to look upon such activities

Họ được đề nghị xem những hoạt động ấy

as fields of service wherein they can express any spiritual help they may have gained through their work in the school. Leaders and senior workers in many occult groups are working in the Arcane School, but they feel perfectly free to give their time, loyalty and service to their own groups.

như các lĩnh vực phụng sự, nơi họ có thể biểu lộ bất kỳ sự trợ giúp tinh thần nào đã nhận được qua công việc trong trường. Các lãnh đạo và những người hoạt động lâu năm trong nhiều nhóm huyền bí đang làm việc tại Trường Arcane, nhưng họ cảm thấy hoàn toàn tự do dành thời gian, lòng trung thành và sự phụng sự cho các nhóm riêng của mình.

113. Because of this attitude of free association, the strengths gained in the Arcane School could be spread to many different schools and organizations.

113. Nhờ thái độ liên kết tự do này, những sức mạnh có được tại Trường Arcane có thể lan tỏa đến nhiều trường và tổ chức khác nhau.

This school has been in existence for twenty years and is now entering into a new cycle of growth and usefulness—along with the whole of humanity—and for this due preparation is being made. **The keynote of the school is service**, based on love of humanity. The meditation work is balanced and paralleled by study and by the effort to teach the students to serve.

Ngôi trường này đã tồn tại được hai mươi năm và nay đang bước vào một chu kỳ tăng trưởng và hữu ích mới—cùng với toàn thể nhân loại—và đang có sự chuẩn bị thích đáng cho điều đó. **Chủ âm của trường là phụng sự**, dựa trên tình thương nhân loại. Công việc tham thiền được cân bằng và song hành với việc học tập cùng nỗ lực dạy các đạo sinh phụng sự.

114. In case we should imagine that the Arcane School caters only to study, approached through a strictly mental attitude, we learn otherwise. “Service” is its keynote.

114. Nếu chúng ta tưởng rằng Trường Arcane chỉ chú trọng việc học tập với một thái độ thuần túy trí tuệ, thì ở đây chúng ta biết được điều khác. “Phụng sự” là chủ âm của trường.

[783] Another phase of my work came into existence about ten years ago when I started to write certain pamphlets for the general public, calling attention to the world situation and to the New Group of World Servers.

[783] Một giai đoạn khác trong công việc của Tôi bắt đầu cách đây khoảng mười năm, khi Tôi bắt đầu viết một số tập sách nhỏ cho công chúng, lưu ý họ đến tình hình thế giới và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

115. This was in 1932. We can trace the idea of the NGWS to that time. In fact, it would seem that the impulse for its formation came from the 1925 Centennial Conclave.

115. Đó là vào năm 1932. Chúng ta có thể truy nguyên ý tưởng về Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian về thời điểm ấy. Thực tế, dường như xung lực hình thành đoàn đã đến từ Mật Nghị Bách Niên năm 1925.

I thus endeavoured to anchor on earth (if I may use such a phrase) an externalisation or a symbol of the work of the Hierarchy.

Như vậy, Tôi đã nỗ lực neo vững trên Trái Đất (nếu Tôi có thể dùng cách nói ấy) một sự ngoại hiện hay một biểu tượng cho công việc của Thánh đoàn.

116. The NGWS is to be considered an "externalisation or a symbol of the work of the Hierarchy". This is an important light in which to hold this group.

116. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian cần được xem là một "sự ngoại hiện hay một biểu tượng cho công việc của Thánh đoàn". Đây là một góc nhìn quan trọng để xem xét nhóm này.

It was an effort to band together subjectively **and (where possible) objectively** all those people of spiritual purpose and deep love of humanity who were actively working in many countries, either in organisations or alone.

Đó là một nỗ lực nhằm quy tụ về mặt chủ quan **và (khi có thể) về mặt khách quan** tất cả những người có mục đích tinh thần và tình thương sâu sắc đối với nhân loại, đang tích cực hoạt động tại nhiều quốc gia, trong các tổ chức hoặc một mình.

117. We note that an *objective* banding was considered desirable. This has sometimes been forgotten when considering the NGWS strictly a subjective group.

117. Chúng ta lưu ý rằng việc quy tụ về mặt *khách quan* được xem là điều đáng mong muốn. Đôi khi người ta quên điều này khi xem NGWS thuần túy là một nhóm chủ quan.

118. The requirements for membership in this group are, minimally, "spiritual purpose" and "deep love of humanity". We can see the importance of the heart center.

118. Những yêu cầu tối thiểu để trở thành thành viên của nhóm này là "mục đích tinh thần" và "tình thương sâu sắc đối với nhân loại". Chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của trung tâm tim.

Their name is legion. Some few are known to the workers in the school. Thousands are known to me but not to them;

Họ đông vô số kể. Những người hoạt động trong trường biết một số ít trong họ. Tôi biết hàng nghìn người, nhưng những người hoạt động trong trường không biết họ;

119. We realize that by 1943, there were thousands of members in the NGWS. It is interesting and important that these workers would be known to the Members of the Hierarchy.

119. Chúng ta nhận ra rằng đến năm 1943, NGWS đã có hàng nghìn thành viên. Điều thú vị và quan trọng là các Thành Viên của Thánh đoàn biết đến những người hoạt động này.

120. We gather, through the use of the word "legion", that there were many thousands at

120. Qua việc sử dụng từ "đông vô số kể", chúng ta hiểu rằng vào thời ấy đã có nhiều

that time and, no doubt, many more today.

nghìn người, và chắc chắn ngày nay còn đông hơn nhiều.

all are working under the inspiration of the Hierarchy and are, either consciously or unconsciously, fulfilling the duties of agents of the Masters.

tất cả đều hoạt động dưới cảm hứng của Thánh đoàn và, một cách hữu thức hoặc vô thức, đang làm tròn bổn phận của những tác nhân của các Chân sư.

121. We learn that it is possible to be a conscious or unconscious member of the NGWS. It is the Hierarchy which inspires them.

121. Chúng ta biết rằng một người có thể là thành viên hữu thức hoặc vô thức của NGWS. Chính Thánh đoàn truyền cảm hứng cho họ.

Together they form a band, closely knit on the inner side by spiritual intention and love.

Cùng nhau, họ tạo thành một đoàn thể, gắn bó mật thiết ở phía bên trong nhờ ý hướng tinh thần và tình thương.

122. No matter how geographically scattered, their bonds are close. Spiritual intention and love overcome geographical distance.

122. Dù phân tán về địa lý đến đâu, những mối gắn kết của họ vẫn mật thiết. Ý hướng tinh thần và tình thương vượt qua khoảng cách địa lý.

Some are occultists, working in the various occult groups; some are mystics, working with vision and love; others belong to the orthodox religions and some recognise no spiritual affiliations, so-called, at all.

Một số là các nhà huyền bí học, hoạt động trong những nhóm huyền bí khác nhau; một số là các nhà thần bí, hoạt động với tầm nhìn và tình thương; những người khác thuộc các tôn giáo chính thống, và một số hoàn toàn không thừa nhận bất kỳ mối liên hệ tinh thần nào, theo cách gọi thông thường.

123. There is a great diversity of types within the NGWS. Association with occultism, mysticism or religion is not a necessary requirement for membership.

123. Trong NGWS có rất nhiều kiểu người khác nhau. Việc gắn bó với huyền bí học, thần bí học hay tôn giáo không phải là yêu cầu bắt buộc để trở thành thành viên.

All are, however, animated by a sense of responsibility for human welfare and have interiorly pledged themselves to help their fellowmen.

Tuy nhiên, tất cả đều được thôi thúc bởi ý thức trách nhiệm đối với phúc lợi nhân loại và đã tự cam kết trong nội tâm sẽ giúp đỡ đồng loại.

124. Shall we say, from a certain perspective, that true members of the NGWS are "*pledged* disciples"? They have made an inner

124. Từ một góc nhìn nào đó, liệu chúng ta có thể nói rằng những thành viên đích thực của NGWS là "*những đệ tử* đã tuyên thệ"? Họ

promise to themselves, even if they do not know the technical language of occultism with its discussion of the soul.

đã tự hứa nguyện trong nội tâm, ngay cả khi không biết ngôn ngữ chuyên môn của huyền bí học với những luận bàn về linh hồn.

125. A true sense of responsibility is one of the first indications that the soul is active in the life of the personality.

125. Ý thức trách nhiệm đích thực là một trong những dấu hiệu đầu tiên cho thấy linh hồn đang hoạt động trong đời sống phàm ngã.

This great group constitutes the World Saviour at this time and will salvage the world and inaugurate the new era after the war.

Nhóm vĩ đại này hợp thành Đấng Cứu Thế vào lúc này, và sẽ cứu vãn thế giới, mở ra kỷ nguyên mới sau chiến tranh.

126. The Christ is the World Saviour, but the NWGS is a saving and salvaging group.

126. Đức Christ là Đấng Cứu Thế, còn NWGS là một nhóm cứu rỗi và cứu vãn.

127. The Tibetan had great hopes for this group following the Second World War.

127. Chân sư Tây Tạng đã đặt nhiều hy vọng vào nhóm này sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai.

128. Has the world been salvaged? Has the NGWS inaugurated a "new era"? The answer will depend upon one's perspective.

128. Thế giới đã được cứu vãn chưa? NGWS đã mở ra một "kỷ nguyên mới" chưa? Câu trả lời sẽ tùy thuộc vào góc nhìn của mỗi người.

The pamphlets which I wrote (the first of which was called The Next Three Years) indicated their plans and purposes, and made suggestions as to modes and methods of cooperation with this group of World Servers, already in existence and active in many fields. Those whom the New Group of World Servers influence and with whom they seek to work and who can act as their agents, we call the men and women of goodwill.

Những tập sách nhỏ mà Tôi đã viết (tập đầu tiên có tên là Ba Năm Kế Tiếp) đã nêu rõ những kế hoạch và mục đích của họ, đồng thời đưa ra các gợi ý về cách thức và phương pháp hợp tác với nhóm những Người Phụng Sự Thế Gian này, vốn đã hiện hữu và đang hoạt động trong nhiều lĩnh vực. Những người chịu ảnh hưởng của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, những người mà họ tìm cách cộng tác và có thể làm tác nhân cho họ, chúng ta gọi là những người nam và nữ có thiện chí.

129. Just as the members of the NGWS are agents of the Spiritual Hierarchy, so the men and women of goodwill are the agents of the NGWS.

129. Cũng như các thành viên của NGWS là những tác nhân của Thánh đoàn, những người nam và nữ có thiện chí là những tác nhân của NGWS.

I made an effort to reach these people in 1936 when there was a faint possibility that the war even at that late hour might be averted.

Tôi đã nỗ lực tiếp cận những người này vào năm 1936, khi vẫn còn một khả năng mong manh rằng chiến tranh có thể được ngăn chặn, ngay cả vào thời điểm muộn màng ấy.

130. It was a terrific initiative. The Hierarchy pushed forward powerfully. There was an important second ray impulse at the time.

130. Đó là một sáng kiến phi thường. Thánh đoàn đã thúc đẩy mạnh mẽ. Vào thời ấy có một xung lực cung hai quan trọng.

131. We note that despite the encouraging words sounded in the Tibetan's writings at that period, the possibility of averting the war was only "faint".

131. Chúng ta lưu ý rằng, bất chấp những lời khích lệ trong các tác phẩm của Chân sư Tây Tạng vào thời kỳ ấy, khả năng ngăn chặn chiến tranh chỉ là "mong manh".

132. Hitler had come to full power in 1933, the year before the pamphlet "The Next Three Years" was written.

132. Hitler đã nắm trọn quyền lực vào năm 1933, một năm trước khi tập sách nhỏ "Ba Năm Kế Tiếp" được viết.

Many will remember that campaign and its relative success. Millions were reached by means of the spoken and written word and by the radio but there were not enough people, spiritually interested, to take the needed steps to stem the tide of hate, evil and aggression which threatened to engulf the world.

Nhiều người sẽ nhớ chiến dịch ấy và thành công tương đối của nó. Qua lời nói, văn bản và đài phát thanh, chiến dịch đã tiếp cận hàng triệu người, nhưng không có đủ những người quan tâm đến tinh thần để thực hiện các bước cần thiết nhằm ngăn chặn làn sóng thù hận, cái ác và xâm lược đang đe dọa nhấn chìm thế giới.

133. The fate of humanity always depends upon the number and quality of those who can be enlisted to oppose the forces of hate, evil and aggression.

133. Vận mệnh nhân loại luôn tùy thuộc vào số lượng và phẩm tính của những người có thể được huy động để chống lại các mãnh lực thù hận, cái ác và xâm lược.

134. The battle is fought largely inwardly. If it is not successful, then the inner conflict is precipitated upon the outer plane.

134. Cuộc chiến phần lớn diễn ra ở bên trong. Nếu cuộc chiến ấy không thành công, thì cuộc xung đột bên trong sẽ ngưng tụ trên cõi bên ngoài.

135. Even today, we must ask, "are there enough people" to prevent the precipitation onto the physical plane of the dire inner conflict between progression and regression which is presently wracking the psyche of

135. Ngay cả ngày nay, chúng ta vẫn phải tự hỏi, "liệu có đủ người" để ngăn cuộc xung đột nội tâm khốc liệt giữa tiến bộ và thoái bộ, hiện đang giày vò tâm hồn nhân loại, ngưng

humanity.

The war broke out in 1939 in spite of all the efforts of the Hierarchy [784] and Their workers, and the goodwill work fell naturally into abeyance.

136. By that time, the war had simply to be fought.

137. We see that Hierarchy strained to avoid the war. This is fascinating when we realize how much cleansing occurred because of that war. It seems that Hierarchy exerts itself to spare humanity pain; however, that very pain (if not carried beyond a certain point), promotes their rapid advancement.

That part of the work in which members of the Arcane School had sought to serve and which had resulted in the forming of nineteen centres for service in as many countries had temporarily to be dropped—but only temporarily, my brothers, **for goodwill is the "saving force" and an expression of the will-to-good which animates the New Group of World Servers.**

138. We are here given an important definition of the "saving force": it is "goodwill".

139. It is, however, the "will-to-good" which animates the NGWS. The distinction should be noted.

I would emphasise that this work of anchoring the New Group of World Servers and organising the goodwill work has nothing whatsoever to do with the school except in so far that members in the school

tụ xuống cõi hồng trần.

Chiến tranh bùng nổ vào năm 1939 bất chấp mọi nỗ lực của Thánh đoàn [784] và những người hoạt động của Các Ngài, và công việc thiện chí đương nhiên phải tạm ngưng.

136. Đến lúc ấy, chiến tranh đã là điều không thể tránh khỏi.

137. Chúng ta thấy rằng Thánh đoàn đã dốc sức để tránh chiến tranh. Điều này thật đáng chú ý khi chúng ta nhận ra chiến tranh ấy đã đem lại sự thanh lọc lớn lao đến mức nào. Dường như Thánh đoàn nỗ lực hết mình để giúp nhân loại tránh đau khổ; tuy nhiên, chính nỗi đau ấy (nếu không vượt quá một giới hạn nào đó) lại thúc đẩy sự tiến bộ nhanh chóng của họ.

Phần công việc mà các thành viên của Trường Arcane đã tìm cách phụng sự, và đã dẫn đến việc thành lập mười chín trung tâm phụng sự tại mười chín quốc gia, đã phải tạm gác lại—nhưng chỉ là tạm thời thôi, các huynh đệ của Tôi, **vì thiện chí là "Mãnh Lực Cứu Rỗi" và là một biểu hiện của Ý Chí-hướng Thiện đang tiếp sinh lực cho Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.**

138. Ở đây, chúng ta có một định nghĩa quan trọng về "Mãnh Lực Cứu Rỗi": đó là "thiện chí".

139. Tuy nhiên, chính "Ý Chí-hướng Thiện" mới tiếp sinh lực cho NGWS. Cần lưu ý sự phân biệt này.

Tôi muốn nhấn mạnh rằng công việc neo giữ Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian và tổ chức công việc thiện chí này hoàn toàn không liên quan gì đến trường, ngoại trừ việc các thành viên trong trường có cơ hội giúp

were given the opportunity to help in the movement.

đỡ phong trào ấy.

140. Interestingly, it has been largely first ray workers who have worked with the organization called World Goodwill.

140. Điều thú vị là phần lớn những người làm việc với tổ chức mang tên Thiện Chí Thế Giới là những người hoạt động thuộc cung một.

141. DK distinguishes between the work of the Arcane School and the work of World Goodwill.

141. Chân sư DK phân biệt giữa công việc của Trường Arcane và công việc của Thiện Chí Thế Giới.

142. The New Group of World Servers is inclusive of *all* ray types.

142. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian bao gồm *tất cả* các kiểu người thuộc mọi cung.

They were left entirely free to do so or not as they chose; a very large percentage ignored the effort altogether, thus demonstrating the freedom which they felt and had been taught.

Họ hoàn toàn tự do lựa chọn tham gia hay không; một tỷ lệ rất lớn đã hoàn toàn phớt lờ nỗ lực ấy, qua đó thể hiện sự tự do mà họ cảm nhận và đã được dạy.

143. The attitude of freedom pervaded the Arcane School.

143. Tinh thần tự do thấm nhuần khắp Trường Arcane.

144. DK seems to suggest that this goodwill work contributive to the anchoring of the NGWS should *not* have been ignored.

144. Chân sư DK dường như gợi ý rằng công việc thiện chí góp phần neo giữ NGWS này lẽ ra *không* nên bị phớt lờ.

When the war broke and the entire world was hurled into the consequent chaos, horror, disaster, death and agony, many spiritually minded people were anxious to stay aloof from the struggle.

Khi chiến tranh bùng nổ và toàn thế giới bị cuốn vào cảnh hỗn loạn, kinh hoàng, thảm họa, chết chóc và đau đớn do chiến tranh gây ra, nhiều người có khuynh hướng tinh thần đã nóng lòng muốn đứng ngoài cuộc đấu tranh.

145. Elsewhere DK has dealt with this tendency towards aloofness rather strictly, especially when it occurred amongst His own disciples.

145. Ở những nơi khác, Chân sư DK đã xử lý khuynh hướng đứng ngoài này khá nghiêm khắc, đặc biệt khi nó xuất hiện trong hàng ngũ đệ tử của chính Ngài.

They were not the majority but a powerful and noisy minority. They regarded any attitude of partisanship as an infringement

Họ không phải là đa số, mà là một thiểu số có thế lực và ồn ào. Họ xem bất kỳ thái độ đứng về một phía nào cũng là sự vi phạm định luật

of the law of brotherhood and were willing to sacrifice the good of the whole of humanity to a sentimental urge to love all men in a manner which necessitated their taking no action or decision of any kind.

146. We see here how sentimentalism and a partial vision of planetary actualities could have led to the destruction of humanity.

Instead of "my country right or wrong," it was "humanity, right or wrong."

147. Such people demonstrated an unwillingness to uphold true spiritual values.

When I wrote the pamphlet called The Present World Crisis and the succeeding papers on the world situation, I stated that the Hierarchy endorsed the attitude and aims of the United Nations, fighting for the freedom of the whole of humanity and for the release of the suffering people. This necessarily placed the Hierarchy in the position of not endorsing the Axis position in any way.

148. In short, the Hierarchy chose sides. Some may not understand why this should have been so.

Many in the goodwill work and some few in the school interpreted this as political in import, presumably believing that a position of complete neutrality, where both good and evil are concerned, was demanded of spiritually inclined people.

149. A significant glamor is here revealed.

Such people fail to think clearly and confuse

về tình huynh đệ, và sẵn sàng hy sinh lợi ích của toàn thể nhân loại cho một thôi thúc đa cảm muốn yêu thương tất cả mọi người theo cách buộc họ không được có bất kỳ hành động hay quyết định nào.

146. Ở đây, chúng ta thấy chủ nghĩa đa cảm và một tầm nhìn phiến diện về những thực tế trên hành tinh có thể đã dẫn đến sự hủy diệt nhân loại như thế nào.

Thay vì "đất nước tôi, dù đúng hay sai", đó lại là "nhân loại, dù đúng hay sai".

147. Những người như thế cho thấy họ không sẵn lòng bảo vệ các giá trị tinh thần đích thực.

Khi viết tập sách nhỏ mang tên Cuộc Khủng Hoảng Thế Giới Hiện Nay và những bài viết tiếp theo về tình hình thế giới, Tôi đã tuyên bố rằng Thánh đoàn tán thành thái độ và mục tiêu của Liên Hiệp Quốc, đang chiến đấu vì tự do của toàn thể nhân loại và để giải thoát những người đang chịu đau khổ. Điều này tất yếu đặt Thánh đoàn vào vị thế hoàn toàn không tán thành lập trường của phe Trục.

148. Nói ngắn gọn, Thánh đoàn đã chọn đứng về một phía. Một số người có thể không hiểu vì sao lại phải như vậy.

Nhiều người trong công việc thiện chí và một số ít trong trường đã diễn giải điều này là mang ý nghĩa chính trị, có lẽ vì họ tin rằng những người có khuynh hướng tinh thần phải giữ một lập trường hoàn toàn trung lập đối với cả thiện lẫn ác.

149. Ở đây, một ảo cảm đáng kể đã bộc lộ.

Những người như thế không suy nghĩ rõ

an unwillingness to take sides with brotherly love, forgetting the words of the Christ that "he who is not with me is against me." [785]

ràng và nhầm lẫn sự không sẵn lòng đứng về một phía với tình huynh đệ, quên lời Đức Christ rằng "ai không cùng Ta là chống lại Ta". [785]

150. Those treading the Path must learn the meaning of "battle". There are many internal and external conflicts to be experienced upon this Path.

150. Những người bước trên Đường Đạo phải học ý nghĩa của "chiến đấu". Có nhiều cuộc xung đột bên trong và bên ngoài cần trải nghiệm trên Đường Đạo này.

151. The Path of Occultism is a hard Path, not a path of sentimentalism. Purpose and Will must govern the mind, not the search for astral comfort.

151. Con Đường Huyền Bí Học là một Đường Đạo gian khó, không phải con đường của chủ nghĩa đa cảm. Mục đích và Ý chí phải chi phối thể trí, chứ không phải sự tìm kiếm cảm giác dễ chịu về mặt cảm dục.

Let me repeat what I have oft said before. The Hierarchy and all its members, including myself, love humanity but they will not endorse evil, aggression, cruelty and the imprisoning of the human soul. They stand for liberty, for opportunity for all to move forward along the way of light, for human welfare without discrimination, for kindness and the right of every man to think for himself, to speak and to work. Necessarily they cannot, therefore, endorse the nations or the people in any nation who are against human freedom and happiness.

Tôi xin nhắc lại điều Tôi đã nhiều lần nói trước đây. Thánh đoàn và tất cả các thành viên, kể cả Tôi, đều yêu thương nhân loại, nhưng Các Ngài sẽ không tán thành cái ác, sự xâm lược, tàn bạo và việc giam hãm linh hồn con người. Các Ngài đứng về phía tự do, cơ hội cho tất cả mọi người tiến bước trên con đường ánh sáng, phúc lợi nhân loại không phân biệt, lòng nhân ái và quyền của mỗi người được suy nghĩ độc lập, được nói và làm việc. Vì vậy, tất nhiên Các Ngài không thể tán thành những quốc gia hay những người trong bất kỳ quốc gia nào chống lại tự do và hạnh phúc của con người.

152. The Axis powers were enemies of humanity. Christ condemned not the sinner but the sin. The members of Hierarchy (consisting of those who are close co-workers of the Christ) are compelled to do the same.

152. Các cường quốc phe Trục là kẻ thù của nhân loại. Đức Christ lên án tội lỗi chứ không lên án người phạm tội. Các thành viên của Thánh đoàn (gồm những vị cộng sự mật thiết của Đức Christ) buộc phải làm như vậy.

In Their love and Their grasp of circumstance, They know that in a later life or lives the majority of those who are now the enemies of human freedom will themselves be free and tread the Lighted

Trong tình thương và sự thấu hiểu hoàn cảnh của mình, Các Ngài biết rằng trong một hay nhiều kiếp sống về sau, đa số những người hiện đang là kẻ thù của tự do con người cũng sẽ được tự do và bước trên Con

Way.

153. Hierarchy sees the potential in each and all.

In the meantime, the entire force of the Hierarchy is thrown on the side of the nations struggling to free humanity, and on the side of those in any nation who thus work. **If being on the side of goodness and freedom is deemed detrimental to the spiritual issues, then the Hierarchy will work to change the attitude of people as to what is spiritual.**

154. Hierarchy has to fight the misconceptions of well-meaning people. DK is hinting that our conception of true spirituality is often erroneous. Spirituality is not sentimentalism. It is the *soul* that must infuse the mind to reveal the nature of spirituality; the mind must not be swayed by the astral body.

I have, therefore, been interested in three phases of the work: the books, the Arcane School, and the New Group of World Servers.

155. Three important phases of the Work are thus revealed, and perhaps they can be related to the three Rays of Aspect.

The impact made upon the world by these three aspects of the work has been definitely effective and useful. The sum total of the useful work accomplished is what counts and not the criticisms and the misunderstanding of those who, basically, belong to the old order, and to the Piscean Age. They are, therefore, unable to see the emergence of the new ways of life and the

Đường được Soi Sáng.

153. Thánh đoàn nhìn thấy tiềm năng trong từng người và tất cả mọi người.

Trong khi đó, toàn bộ mãnh lực của Thánh đoàn được dồn về phía những quốc gia đang đấu tranh để giải phóng nhân loại, và về phía những người đang làm như thế trong bất kỳ quốc gia nào. **Nếu việc đứng về phía điều thiện và tự do bị xem là gây phương hại đến các vấn đề tinh thần, thì Thánh đoàn sẽ nỗ lực thay đổi thái độ của mọi người về điều gì là tinh thần.**

154. Thánh đoàn phải đấu tranh chống lại những quan niệm sai lầm của những người có ý tốt. Chân sư DK đang gợi ý rằng quan niệm của chúng ta về tinh thần đích thực thường sai lầm. Tinh thần không phải là chủ nghĩa đa cảm. Chính *linh hồn* phải thấm nhuần thể trí để mặc khải bản chất của tinh thần; thể trí không được để thể cảm dục chi phối.

Vì vậy, Tôi đã quan tâm đến ba phần công việc: các sách, Trường Arcane và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

155. Như vậy, ba phần quan trọng của Công Việc đã được nêu rõ, và có lẽ có thể liên hệ chúng với ba Cung Trạng Thái.

Tác động mà ba phương diện công việc này tạo ra đối với thế giới rõ ràng đã có hiệu quả và hữu ích. Tổng thể công việc hữu ích đã hoàn thành mới là điều quan trọng, chứ không phải những lời chỉ trích và sự hiểu lầm của những người về cơ bản thuộc về trật tự cũ và Kỷ Nguyên Song Ngư. Vì vậy, họ không thể nhìn thấy sự xuất hiện của những cách sống mới và những cách tiếp cận chân

new approaches to truth.

156. These three aspects of the work are definitely progressive and have been successful.

157. The *new* will always be criticized by the *old*, i. e. , by those wedded to old values and who basically do not understand.

I have stood all this time behind the scenes. The books and pamphlets have been my responsibility and carry the authority of truth—if truth is there—and not the authority of my name or of any status which I might claim, or which might be claimed for me by the curious, the inquisitive and the devotee.

158. DK emphasizes that truth is greater than the authority of any author.

159. His phrasing is interesting, for He seems to say that the books and pamphlets do, indeed, "carry the authority of truth", but then He forces the reader to think about whether truth is really to be found in those writings.

160. It is clear that DK wants to disabuse humanity of its easily accessed devotional attitude.

I have dictated none of the policies of the school or interfered in its curriculum; for them A. A. B. is responsible. My books and pamphlets have been made available to school students along with the rest of the general public.

161. A clear delineation of responsibility is presented. AAB is responsible for the Arcane

lý mới.

156. Ba phương diện công việc này rõ ràng mang tính tiến bộ và đã thành công.

157. Cái *mới* sẽ luôn chịu sự chỉ trích của cái *cũ*, nghĩa là từ những người gắn chặt với các giá trị cũ và về cơ bản không thấu hiểu.

Suốt thời gian qua, Tôi vẫn đứng sau hậu trường. Các sách và tập sách nhỏ thuộc trách nhiệm của Tôi và mang thẩm quyền của chân lý—nếu có chân lý trong đó—chứ không phải thẩm quyền từ tên tuổi Tôi hay bất kỳ địa vị nào mà Tôi có thể tự nhận, hoặc mà những người tò mò, hay dò hỏi và sùng tín có thể gán cho Tôi.

158. Chân sư DK nhấn mạnh rằng chân lý cao hơn thẩm quyền của bất kỳ tác giả nào.

159. Cách diễn đạt của Ngài thật thú vị, vì dường như Ngài nói rằng các sách và tập sách nhỏ quả thực "mang thẩm quyền của chân lý", nhưng rồi Ngài buộc người đọc suy nghĩ xem liệu có thực sự tìm thấy chân lý trong những tác phẩm ấy hay không.

160. Rõ ràng Chân sư DK muốn giúp nhân loại thoát khỏi thái độ sùng tín mà họ rất dễ rơi vào.

Tôi không hề áp đặt bất kỳ chính sách nào của trường hay can thiệp vào chương trình giảng dạy của trường; A. A. B. chịu trách nhiệm về những điều ấy. Các sách và tập sách nhỏ của Tôi được cung cấp cho các đạo sinh của trường cũng như cho công chúng nói chung.

161. Ở đây có sự phân định trách nhiệm rõ ràng. AAB chịu trách nhiệm về Trường

School and DK for His books and pamphlets.

Arcane, còn Chân sư DK chịu trách nhiệm về các sách và tập sách nhỏ của Ngài.

162. The overlap is in the utilization of the books and pamphlets by the school.

162. Điểm giao nhau nằm ở việc trường sử dụng các sách và tập sách nhỏ ấy.

I have sought to aid the goodwill work (for which Foster Bailey is responsible) by suggestion and by indicating what is the work that the New Group of World Servers are seeking to [786] do, but no authoritative requests have been made in my name, nor will they ever be made.

Tôi đã tìm cách hỗ trợ công việc thiện chí (do Foster Bailey chịu trách nhiệm) bằng những gợi ý và bằng cách chỉ rõ công việc mà Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian đang tìm cách [786] thực hiện, nhưng không có yêu cầu mang tính quyền uy nào được đưa ra nhân danh Tôi, và cũng sẽ không bao giờ có.

163. FB was also, temporarily, a disciple of Master DK. We see DK leaving him free to direct WGW as he saw fit. Disciples grow through the freedom to decide and not through the strict following of orders.

163. FB cũng từng là đệ tử của Chân sư DK trong một thời gian. Chúng ta thấy Chân sư DK để ông tự do điều hành WGW theo cách ông thấy phù hợp. Các đệ tử trưởng thành qua quyền tự do quyết định chứ không phải qua việc tuân lệnh nghiêm ngặt.

The sum total of all these activities has been good; the misunderstandings have been few and have been inherent in the personal equipment and attitude of the critical. **Criticism is wholesome so long as it is not permitted to become destructive.**

Tổng thể tất cả những hoạt động này đều tốt đẹp; những hiểu lầm chỉ có ít và vốn bắt nguồn từ bộ máy phàm ngã cùng thái độ của những người hay chỉ trích. **Sự phê bình là lành mạnh chừng nào người ta không để nó trở nên phá hoại.**

164. DK distinguishes between criticism as "that dire creator of misery" (i. e. , destructive criticism) and constructive criticism which may lead to improvement.

164. Chân sư DK phân biệt giữa sự chỉ trích như "tác nhân đáng sợ tạo ra đau khổ ấy" (nghĩa là sự chỉ trích mang tính phá hoại) và sự phê bình mang tính xây dựng có thể dẫn đến cải thiện.

165. DK seems to be saying that when criticism arises, it often has little to do with that which is criticized, and far more with an inherent tendency to criticize found in the equipment of those who are critical.

165. Dường như Chân sư DK đang nói rằng khi sự chỉ trích nảy sinh, nó thường ít liên quan đến đối tượng bị chỉ trích, mà liên quan nhiều hơn đến khuynh hướng chỉ trích vốn có trong bộ máy phàm ngã của những người hay chỉ trích.

166. When DK says that "criticism is wholesome" He means that it may

166. Khi Chân sư DK nói rằng "sự phê bình là lành mạnh", Ngài muốn nói rằng nó có thể

contribute to unity and wholeness.

góp phần vào sự hợp nhất và tính toàn vẹn.

Paralleling these major activities, I have, since the year 1931, been training a group of men and women, scattered all over the world, in the techniques of accepted discipleship, academically understood.

Song song với những hoạt động chính này, từ năm 1931, Tôi đã huấn luyện một nhóm những người nam và nữ, sống rải rác khắp thế giới, về các kỹ thuật của địa vị đệ tử được chấp nhận, hiểu theo nghĩa học thuật.

167. Most of those who were trained in this manner were eventually regarded by DK as "accepted disciples". The New Seed Group (consisting of twenty four members) and organized in 1940 or late 1939, consisted entirely of accepted disciples.

167. Phần lớn những người được huấn luyện theo cách này cuối cùng đều được Chân sư DK xem là "những đệ tử được chấp nhận". Nhóm Hạt Giống Mới (gồm hai mươi bốn thành viên), được tổ chức vào năm 1940 hoặc cuối năm 1939, hoàn toàn gồm những đệ tử được chấp nhận.

Out of the many possible neophytes, I indicated a group of approximately 45 people—some known personally to A. A. B. and some quite unknown—who had demonstrated a willingness to be trained and who could be tried out for fitness for the group work of the new discipleship.

Trong số nhiều người sơ cơ có thể được lựa chọn, Tôi đã chỉ ra một nhóm khoảng 45 người—một số A. A. B. quen biết trực tiếp và một số Bà hoàn toàn không biết—những người đã thể hiện sự sẵn lòng tiếp nhận huấn luyện và có thể được thử thách để xem có thích hợp với công việc nhóm của địa vị đệ tử mới hay không.

168. Master DK was aware of these people and informed AAB of their existence. She then contacted them.

168. Chân sư DK biết những người này và đã báo cho AAB biết về sự hiện diện của họ. Sau đó Bà đã liên lạc với họ.

These people received direct personal instructions from me and certain general instructions which embodied the newer approach to the Hierarchy and to the spiritual life, though based, of course, on the ancient rules. Some of these instructions are made available to the general public in this book, but no indication is given of the persons thus trained and no information will be made available; names, dates and locations are changed, though the instructions remain as given.

Những người này đã trực tiếp nhận các huấn thị cá nhân từ Tôi cùng một số huấn thị chung thể hiện cách tiếp cận mới hơn đối với Thánh đoàn và đời sống tinh thần, dù tất nhiên vẫn dựa trên các quy luật cổ xưa. Một số huấn thị này được công bố cho công chúng trong cuốn sách này, nhưng không có dấu hiệu nào cho biết những người được huấn luyện là ai, và cũng sẽ không cung cấp thông tin nào; tên, ngày tháng và địa điểm được thay đổi, còn các huấn thị vẫn giữ nguyên như khi ban ra.

169. Instead of explicit names, the three or

169. Thay cho tên gọi cụ thể, ba hoặc bốn

four keynotes given to the disciple by the Tibetan were chosen as identifiers. These keynotes were then abbreviated by using the first letter of each keynote. A disciple with the keynotes of Joy, Wisdom and Knowledge of the Plan, would, for instance, be identified as J. W. K-P.

chủ âm mà Chân sư Tây Tạng trao cho người đệ tử đã được chọn làm dấu hiệu nhận diện. Sau đó, những chủ âm này được viết tắt bằng chữ cái đầu của mỗi chủ âm. Chẳng hạn, một đệ tử có các chủ âm là Sự Hoan Hỉ, Minh Triết và Tri Thức về Thiên Cơ sẽ được nhận diện là J. W. K-P.

170. In the DINA books some locations are deleted so that participants could not be recognized by those who knew where they lived or the geographical areas in which they were active.

170. Trong các sách DINA, một số địa điểm được lược bỏ để những người biết nơi ở hoặc khu vực địa lý nơi những người tham gia hoạt động không thể nhận diện họ.

171. I have not seen that dates have been changed. When a check was made, the dates appearing in the DINA books are the same dates appearing in original papers.

171. Tôi chưa thấy ngày tháng nào bị thay đổi. Khi kiểm tra, người ta thấy ngày tháng trong các sách DINA trùng với ngày tháng trong các tài liệu gốc.

Necessarily these people have, from their contact with me, ascertained my identity. They have known for years who I am. But they have preserved my anonymity with great care and under real difficulty, owing to the fact that hundreds of people in nearly every country in the world have speculated upon my identity and many of them have guessed it accurately.

Tất nhiên, qua việc tiếp xúc với Tôi, những người này đã xác định được danh tính của Tôi. Họ đã biết Tôi là ai từ nhiều năm nay. Nhưng họ đã hết sức cẩn trọng giữ kín danh tính của Tôi trong những hoàn cảnh thực sự khó khăn, bởi hàng trăm người tại gần như mọi quốc gia trên thế giới đã suy đoán về danh tính của Tôi, và nhiều người trong số họ đã đoán đúng.

172. To preserve the identity of the Tibetan was a great test—of “occult silence”.

172. Giữ kín danh tính của Chân sư Tây Tạng là một thử thách lớn về “sự im lặng huyền bí”.

173. This test was necessary if the work was to be protected from objective and subjective interference.

173. Thử thách này là cần thiết để bảo vệ công việc khỏi sự can thiệp cả khách quan lẫn chủ quan.

Therefore, today, in spite of all that A. A. B. and my disciples have been able to do, it is generally conceded that I am a Master and a name has been given to me.

Vì vậy, ngày nay, bất chấp mọi điều mà A. A. B. và các đệ tử của Tôi đã có thể làm, người ta nhìn chung đều thừa nhận rằng Tôi là một Chân sư và đã gán cho Tôi một tên gọi.

174. It seems that general speculation had

174. Dường như sự suy đoán rộng rãi đã làm

revealed DK's status. Later a clerical error confirmed it.

lộ địa vị của Chân sư DK ra ngoài. Về sau, một sơ suất biên tập đã xác nhận điều đó.

To my own group of specially picked aspirants I have acknowledged my name when they themselves had interiorly arrived at it.

Với nhóm những người chí nguyện được đích thân Tôi đặc biệt tuyển chọn, Tôi đã xác nhận tên mình khi chính họ đã tự tìm ra trong nội tâm.

175. This is always the occult way. The Teacher can *confirm* that which the student has determined interiorly, but may not give the answer before there is confirmation. Thus, the student's powers of enquiry and ascertainment are strengthened.

175. Đây luôn là cách thức huyền bí. Huấn sư có thể *xác nhận* điều mà đạo sinh đã xác định trong nội tâm, nhưng không được đưa ra câu trả lời trước khi có sự xác nhận. Nhờ đó, năng lực tìm hiểu và xác định của đạo sinh được củng cố.

It was both foolish and false to do otherwise; in communicating with them or in writing instructions on the new discipleship, I necessarily took my rightful position and name.

Làm khác đi vừa là dại dột vừa là không chân thật; khi giao tiếp với họ hoặc viết các huấn thị về địa vị đệ tử mới, tất nhiên Tôi phải sử dụng địa vị và tên gọi chính đáng của mình.

176. There could also emerge a kind of *glamor of mystery* promoted if the Tibetan evaded confirmation once a student had made a correct interior determination of His identity.

176. Một dạng *ảo cảm về sự bí ẩn* cũng có thể nảy sinh và được nuôi dưỡng nếu Chân sư Tây Tạng né tránh việc xác nhận sau khi một đạo sinh đã xác định đúng danh tính của Ngài trong nội tâm.

Some of these instructions have been deemed by me as useful and appropriate for more general use and were embodied in the series of papers upon the Stages of Discipleship issued under my name in The Beacon. They [787] were carefully edited, prior to publication, except in one paper when, some months ago **under the pressure of very heavy work, A. A. B. omitted to delete one paragraph in which I do speak as a Master.** This paragraph, much to her distress, appeared in the July 1943 Beacon. **After many years of protecting my identity, she made this slip and it has, therefore, been publicly stated that I am a Master.**

Tôi đã xem một số huấn thị này là hữu ích và thích hợp để sử dụng rộng rãi hơn, và đã đưa chúng vào loạt bài về Các Giai Đoạn của Địa Vị Đệ Tử, công bố dưới tên Tôi trên Ngọn Hải Đăng. Các bài ấy [787] đều được biên tập cẩn thận trước khi xuất bản, ngoại trừ một bài cách đây vài tháng, khi **dưới áp lực công việc hết sức nặng nề, A. A. B. đã quên xóa một đoạn trong đó Tôi quả thực nói với tư cách một Chân sư.** Đoạn văn này đã xuất hiện trong số Ngọn Hải Đăng tháng Bảy năm 1943, khiến Bà hết sức phiền muộn. **Sau nhiều năm giữ kín danh tính của Tôi, Bà đã mắc sơ suất này, và vì vậy việc Tôi là một Chân sư đã được công khai xác nhận.**

177. The way in which the identity of Master DK was released is here completely reveled. It happened in 1943—the year in which this paper was written.

177. Cách thức danh tính của Chân sư DK được công bố đã được tiết lộ đầy đủ ở đây. Điều đó xảy ra vào năm 1943—năm bài viết này ra đời.

178. Not all that the Tibetan has written has been released to the public, but the great majority has been. That which could not be given for more general use has not been released, being edited out in the preparation of the DINA books.

178. Không phải tất cả những gì Chân sư Tây Tạng đã viết đều được công bố cho công chúng, nhưng phần lớn đã được công bố. Những gì chưa thể cung cấp để sử dụng rộng rãi hơn thì chưa được công bố, vì đã được lược bỏ khi biên tập các sách DINA.

In this connection, there are three points to which I would like to call your attention. Earlier—many years earlier—I stated in A Treatise on White Magic that I was an initiate of a certain standing but that my anonymity would be preserved.

Về vấn đề này, có ba điểm Tôi muốn các bạn lưu ý. Trước đó—nhiều năm trước đó—Tôi đã nói trong Luận về Chánh Thuật rằng Tôi là một điểm đạo đồ có cấp bậc nhất định, nhưng danh tính của Tôi sẽ được giữ kín.

179. A Master is an initiate. The following tells us something of His status: "**I am an initiate into the mysteries of being**. That statement in itself conveys information to those who know. You know also that I am in a human body, and am a resident of northern India. Let that suffice and let not curiosity blind you to the teaching. " DINA I 8)

179. Một Chân sư là một điểm đạo đồ. Những lời sau đây cho chúng ta biết đôi điều về địa vị của Ngài: "**Tôi là một điểm đạo đồ đã thâm nhập những huyền nhiệm của Bản Thể**. Chính lời khẳng định ấy truyền đạt thông tin cho những ai hiểu biết. Các bạn cũng biết rằng Tôi đang sống trong một thân thể con người và cư trú tại miền bắc Ấn Độ. Hãy xem như thế là đủ và đừng để sự tò mò khiến các bạn không thấy được giáo huấn. " DINA I 8)

180. To be an initiate into the mysteries of being reveals the Tibetan as a Master, for those who understand the terminology.

180. Đối với những ai thấu hiểu thuật ngữ, việc là một điểm đạo đồ đã thâm nhập những huyền nhiệm của Bản Thể cho thấy Chân sư Tây Tạng là một Chân sư.

Years later, owing to this mistake, I am apparently in the position of contradicting or reversing myself, and so changing my policy. Actually I am not doing so. The spread of the teaching alters circumstances and the need of humanity demands at times a changed approach. There is nothing static

Nhiều năm sau, do sai sót này, dường như Tôi ở vào tình thế tự mâu thuẫn hoặc đảo ngược lời mình đã nói, và như vậy là thay đổi chủ trương của mình. Thực ra, Tôi không làm như thế. Sự phổ biến của giáo huấn làm hoàn cảnh thay đổi, và đôi khi nhu cầu của nhân loại đòi hỏi một cách tiếp cận khác.

in the evolution of truth. I**t has long been my intention to do all that was necessary to bring the fact of the Hierarchy and its membership more definitely before the public and in a more arresting way.**

Không có gì bất biến trong sự tiến hoá của chân lý. T**ừ lâu, Tôi đã có ý định làm mọi điều cần thiết để trình bày rõ ràng hơn trước công chúng sự thật về sự hiện hữu của Thánh đoàn và các thành viên của Thánh đoàn, theo một cách thu hút sự chú ý hơn.**

181. Is the Tibetan making the best of a bad situation, or is the "mistake" of AAB, not really a mistake in the greater scheme of things?

181. Chân sư Tây Tạng đang tận dụng tốt nhất một tình thế bất lợi, hay "sai sót" của Bà AAB thực ra không phải là sai sót khi xét trong toàn cục rộng lớn hơn?

182. It would seem that the mistake made it possible for Master DK to "bring the fact of the Hierarchy and its membership more definitely before the public and in a more arresting way". Surely the emergence of DK's true name and status would be "arresting"!

182. Dường như sai sót ấy đã tạo điều kiện để Chân sư DK "trình bày rõ ràng hơn trước công chúng sự thật về sự hiện hữu của Thánh đoàn và các thành viên của Thánh đoàn, theo một cách thu hút sự chú ý hơn". Chắc chắn việc công khai tên thật và địa vị của Chân sư DK hẳn sẽ "thu hút sự chú ý"!

183. The Masters are nothing if not adaptable.

183. Các Chân sư có khả năng thích ứng hơn hết.

Years ago, I definitely told A. A. B. (as did her own Master) that **her major duty as a disciple was to familiarise the public with the true nature of the Masters of the Wisdom, and thus offset the erroneous impression which the public had received.**

Nhiều năm trước, Tôi đã nói rõ với Bà A. A. B. (Chân sư của chính bà cũng nói như vậy) rằng **bổn phận chính của bà với tư cách một đệ tử là giúp công chúng biết rõ bản chất chân thực của các Chân sư Minh Triết, qua đó hóa giải ấn tượng sai lầm mà công chúng đã tiếp nhận.**

184. We see that informing the public of the true nature of the Masters is high on the list of the Masters' priorities.

184. Chúng ta thấy rằng việc giúp công chúng biết bản chất chân thực của các Chân sư nằm ở vị trí cao trong danh sách những ưu tiên của Các Ngài.

185. HPB had done some of this work but "bitterly regretted" having done so when she saw the great distortion that resulted.

185. Bà HPB đã thực hiện một phần công việc này, nhưng đã "vô cùng hối tiếc" vì đã làm như vậy khi thấy sự xuyên tạc nghiêm trọng nảy sinh từ đó.

This she has done to a certain degree but not

Bà đã làm điều này đến một mức độ nhất

to the full extent that was intended. She has shrunk from the task, owing to the disrepute into which the whole subject has fallen because of the false presentations given out by the various teachers and occult groups, plus the ridiculous claims put out by the ignorant about us.

186. This is straight talk from the Master. It is understandable why AAB shrunk from the task.

187. Has there been much progress since her time? Is there greater understanding today of the Masters, Their nature and their mission than there was some sixty years ago?

188. We note DK's words, "false", and "ridiculous", and should, perhaps, pause to evaluate how we present the subject. H. P. B., her predecessor, stated in certain instructions sent out to the Esoteric Section of the Theosophical Society that she bitterly regretted ever mentioning the Masters, Their names and functions. A. A. B. has been of the same opinion.

189. Realizations of the inevitable distortions have been so painful.

The Masters, as portrayed in the Theosophical Society faintly resemble the reality;

190. This is especially so in some of the presentations of them as "Ascended Masters"; the word "Ascended" is badly misunderstood. Actually it relates to the sixth initiation. These Masters are, however, portrayed through some sixth ray filter which makes them seem unnaturally elevated and so far above humanity as to

định, nhưng chưa đạt đầy đủ mức độ dự định. Bà đã chùn bước trước nhiệm vụ ấy, vì toàn bộ chủ đề đã mất uy tín do những trình bày sai lệch từ nhiều huấn sư và nhóm huyền bí khác nhau, cộng thêm những lời tự nhận lố bịch mà những người thiếu hiểu biết đưa ra về chúng Tôi.

186. Đây là lời nói thẳng thắn của Chân sư. Có thể hiểu vì sao Bà AAB đã chùn bước trước nhiệm vụ ấy.

187. Kể từ thời của bà, đã có nhiều tiến bộ chưa? Ngày nay, sự thấu hiểu về các Chân sư, bản chất và sứ mệnh của Các Ngài có sâu sắc hơn so với khoảng sáu mươi năm trước không?

188. Chúng ta lưu ý những từ Chân sư DK đã dùng, "sai lệch", và "lố bịch", và có lẽ nên dừng lại để đánh giá cách chúng ta trình bày chủ đề này. Bà H. P. B., người đi trước bà, đã nói trong một số huấn thị gửi đến Ban Nội Môn của Hội Thông Thiên Học rằng bà vô cùng hối tiếc vì đã từng đề cập đến các Chân sư, danh tính và chức năng của Các Ngài. Bà A. A. B. cũng có cùng quan điểm.

189. Việc nhận ra những xuyên tạc không thể tránh khỏi ấy đã gây biết bao đau đớn.

Hình ảnh các Chân sư mà Hội Thông Thiên Học mô tả chỉ phảng phất giống với thực tế;

190. Điều này đặc biệt đúng trong một số cách trình bày Các Ngài như những "Chân sư Thăng Thiên"; từ "Thăng Thiên" đã bị hiểu sai nghiêm trọng. Thực ra, từ ấy liên quan đến lần điểm đạo thứ sáu. Tuy nhiên, các Chân sư này lại được mô tả qua một bộ lọc cung sáu nào đó, khiến Các Ngài có vẻ cao vời một cách thiếu tự nhiên và ở quá xa bên trên

have little to do with it in any practical way. This is far from the truth.

nhân loại, đến mức hầu như không liên quan gì đến nhân loại về mặt thực tiễn. Điều này khác xa sự thật.

191. Further, the 'portraits' or renderings of their appearance is unnaturally childish.

191. Hơn nữa, những 'chân dung' hay hình vẽ mô tả diện mạo của Các Ngài lại non nớt một cách thiếu tự nhiên.

much good has been done by this testimony to Their existence, and much harm by the foolish detail at times imparted.

lời chứng về sự hiện hữu của Các Ngài đã đem lại nhiều điều tốt đẹp, còn những chi tiết ngớ ngẩn đôi khi được truyền ra đã gây nhiều tai hại.

192. That impartation of detail may, perhaps, be found in the works of C. W. Leadbeater.

192. Có lẽ có thể tìm thấy việc truyền đạt những chi tiết ấy trong các tác phẩm của Ông C. W. Leadbeater.

193. The presentation, therefore, has had mixed results.

193. Vì vậy, cách trình bày ấy đã đem lại những kết quả vừa tốt vừa xấu.

They are not as pictured; They do not issue orders to Their followers (or rather devotees) to do thus and so, to form this or that organization, nor do They indicate [788] certain individuals as being of supreme importance and hierarchical status; **They know full well that disciples, initiates and Masters are known by their works, their deeds and their words; they have to prove their status by the work they accomplish.**

Các Ngài không như những hình ảnh người ta vẽ ra; Các Ngài không ra lệnh cho những người theo mình (hay đúng hơn là những người sùng tín) phải làm thế này thế nọ, phải lập tổ chức này hay tổ chức kia, cũng không chỉ định [788] một số cá nhân là những người có tầm quan trọng tối cao và địa vị trong Thánh đoàn; **Các Ngài biết rất rõ rằng người ta nhận biết các đệ tử, điểm đạo đồ và Chân sư qua công việc, hành động và lời nói của họ; họ phải chứng tỏ địa vị của mình bằng công việc họ hoàn thành.**

194. A major misconception is here destroyed.

194. Ở đây, một quan niệm sai lầm lớn được phá bỏ.

195. The Masters encourage their disciples to work out their own destiny.

195. Các Chân sư khuyến khích đệ tử của mình tự định đoạt vận mệnh của họ.

196. The manner in which a true disciple or initiate is recognized is here specified—"by their works, their deeds and their words". They prove themselves through their

196. Ở đây đã nêu rõ cách nhận biết một đệ tử hay điểm đạo đồ chân chính—"qua công việc, hành động và lời nói của họ". Họ chứng tỏ mình qua những thành quả của mình. Họ

accomplishments. They are not anointed!

The Masters work through Their disciples in many organisations; They do not exact, through these disciples, the implicit obedience of the organisation members, **nor do They exclude from the teaching those who disagree with the organisational policies or the interpretations of the leaders.**

197. Occult obedience is a very different thing from the kind of obedience exacted by dictatorial leaders (claiming that the Masters demand such obedience).

198. We can see that the whole subject of the Masters has been presented through a separative sixth ray filter.

They are not separative and antagonistic to the groups working under various disciples or other Masters, and **any organisation in which the Masters are interested would be inclusive and not exclusive.**

199. This is an important touchstone—inclusivity vs. exclusivity.

200. So often the liabilities of aspirants and disciples are projected onto the Masters whose state of mind is entirely otherwise. Thus the lesser ever limits the greater.

They do not fight over personalities, endorsing this one or rejecting that one simply because the policies of an organisational leader are, or are not, upheld. They are not the spectacular and ill-bred people portrayed by the mediocre leaders of many groups, nor do They choose (for Their

không được xức dầu tấn phong!

Các Chân sư hoạt động thông qua đệ tử của Các Ngài trong nhiều tổ chức; thông qua những đệ tử này, Các Ngài không đòi hỏi các thành viên trong tổ chức phải phục tùng tuyệt đối, **cũng không loại khỏi giáo huấn những ai bất đồng với chủ trương của tổ chức hoặc cách diễn giải của những người lãnh đạo.**

197. Sự tuân phục huyền bí rất khác với kiểu phục tùng mà những người lãnh đạo độc tài đòi hỏi (họ tuyên bố rằng các Chân sư yêu cầu sự phục tùng như vậy).

198. Chúng ta có thể thấy rằng toàn bộ chủ đề về các Chân sư đã được trình bày qua một bộ lọc cung sáu mang tính chia rẽ.

Các Ngài không chia rẽ và đối kháng với những nhóm hoạt động dưới sự hướng dẫn của các đệ tử khác nhau hoặc các Chân sư khác, và **bất kỳ tổ chức nào mà các Chân sư quan tâm cũng sẽ mang tính bao gồm chứ không mang tính loại trừ.**

199. Đây là một tiêu chuẩn thử nghiệm quan trọng—tính bao gồm đối lập với tính loại trừ.

200. Rất thường xuyên, những nhược điểm của người chí nguyện và đệ tử được phóng chiếu lên các Chân sư, trong khi trạng thái trí tuệ của Các Ngài hoàn toàn khác. Như vậy, cái nhỏ hơn luôn giới hạn cái lớn hơn.

Các Ngài không tranh chấp vì những cá nhân, tán thành người này hay bác bỏ người kia chỉ vì người ấy ủng hộ hay không ủng hộ chủ trương của một người lãnh đạo tổ chức. Các Ngài không phải là những người thích phô trương và thiếu giáo dưỡng như cách những người lãnh đạo tầm thường của nhiều

pledged disciples and prominent workers) men and women who, even from a worldly point of view, are of a pronounced inferiority or who deal in claim-making and in the art of attracting attention to themselves.

nhóm mô tả, cũng không chọn (làm đệ tử đã cam kết và người hoạt động nổi bật của Các Ngài) những người nam và nữ mà ngay cả theo quan điểm thế tục cũng rõ ràng là kém cỏi, hoặc những người chuyên đưa ra các lời tự nhận và dùng thủ thuật thu hút sự chú ý về mình.

201. The matter is set straight. DK is helping to clear away misconceptions.

201. Vấn đề đã được làm sáng tỏ. Chân sư DK đang giúp xóa bỏ những quan niệm sai lầm.

202. The phrase "spectacular and ill-bred people" is almost humorous. It is obviously the longing for the spectacular, and the poor breeding of those who thus long, which has created the false images.

202. Cụm từ "những người thích phô trương và thiếu giáo dưỡng" gần như mang tính hài hước. Rõ ràng chính lòng khao khát những điều ngoạn mục cùng sự thiếu giáo dưỡng của những người khao khát như vậy đã tạo nên các hình ảnh sai lệch ấy.

203. DK is not describing an imaginary situation. This is precisely how so many group leaders have conducted themselves. It is shocking, but true.

203. Chân sư DK không mô tả một tình huống tưởng tượng. Đó chính là cách rất nhiều người lãnh đạo nhóm đã hành xử. Điều đó gây sửng sốt, nhưng là sự thật.

To be a probationary disciple, one can be a devotee; the emphasis can then be laid on purification and the acquiring of an intelligent understanding of brotherhood and human need; **to be an accepted disciple, working directly under the Masters and active in world work (with a growing influence) requires a mental polarisation, a heart development and a sense of real values.**

Để là một đệ tử dự bị, một người có thể là người sùng tín; khi ấy có thể đặt trọng tâm vào việc thanh luyện và đạt được sự thấu hiểu sáng suốt về tình huynh đệ và nhu cầu của con người; **để là một đệ tử được chấp nhận, làm việc trực tiếp dưới sự hướng dẫn của các Chân sư và tích cực tham gia công việc thế gian (với ảnh hưởng ngày càng tăng), cần có sự phân cực trí tuệ, sự phát triển của trái tim và ý thức về những giá trị chân thực.**

204. DK makes a clear distinction between the orientation and development of probationary and accepted disciples.

204. Chân sư DK phân biệt rõ định hướng và sự phát triển của đệ tử dự bị với đệ tử được chấp nhận.

205. We see that whereas a probationary disciple may be largely stimulated by the solar plexus, this will not do for the true accepted disciple.

205. Chúng ta thấy rằng trong khi một đệ tử dự bị có thể chủ yếu chịu sự kích thích từ tùng thái dương, điều này không đáp ứng yêu cầu đối với một đệ tử được chấp nhận

chân chính.

206. The section immediately above offers a very good definition of the true nature of an accepted disciple:

206. Phần ngay trên đưa ra một định nghĩa rất hay về bản chất chân thực của một đệ tử được chấp nhận:

a. mental polarization,

a. sự phân cực trí tuệ,

b. heart development,

b. sự phát triển của trái tim,

c. a sense of real values,

c. ý thức về những giá trị chân thực,

d. active in world work

d. tích cực tham gia công việc thế gian

e. and working directly under the Masters.

e. và làm việc trực tiếp dưới sự hướng dẫn của các Chân sư.

Knowing all the above, and having watched the ill effects of the usual teaching given anent the Masters, A. A. B. has gone to extremes in order to present the true nature of the Hierarchy, its goals and personnel; she has sought to lay the emphasis—as does the Hierarchy itself—on humanity and on world service, and not on a group of Teachers who, even if They have transcended the usual personality problems and experience in the three worlds, are still in process of training and are preparing Themselves (under the tuition of the Christ) to tread "the Way of the Higher Evolution," as it is called.

Biết tất cả những điều trên và đã chứng kiến tác hại của những giáo huấn thông thường về các Chân sư, Bà A. A. B. đã đi đến cực đoan nhằm trình bày bản chất chân thực của Thánh đoàn, các mục tiêu và thành viên của Thánh đoàn; bà đã tìm cách đặt trọng tâm—như chính Thánh đoàn vẫn làm—vào nhân loại và việc phụng sự thế gian, thay vì vào một nhóm Huấn sư mà dù đã vượt qua những vấn đề thông thường của phàm ngã và kinh nghiệm trong ba cõi giới, Các Ngài vẫn đang trong tiến trình huấn luyện và đang chuẩn bị (dưới sự chỉ dạy của Đức Christ) để bước trên "Con đường Tiến Hóa Cao Siêu", như tên gọi của con đường ấy.

207. AAB has introduced the whole subject of the Masters with a true sense of proportion.

207. Bà AAB đã giới thiệu toàn bộ chủ đề về các Chân sư với ý thức đúng đắn về tỉ lệ.

208. So many seem to imagine that the Masters have "arrived" at a stage of final development, and fail to consider them as evolving beings.

208. Dường như rất nhiều người tưởng rằng các Chân sư đã "đạt đến" giai đoạn phát triển cuối cùng, và không xem Các Ngài là những sinh mệnh đang tiến hoá.

209. The emphasis is to be laid on

209. Cần đặt trọng tâm vào "nhân loại và

"humanity and world service". Emphasis upon the "Teachers" is secondary.

việc phụng sự thế gian". Việc chú trọng đến các "Huấn sư" là thứ yếu.

The name given to us by some disciples in Tibet gives the clue to our point of attainment. They call the Hierarchy the "society of organised [789] and illumined Minds"—illumined by love and understanding, by deep compassion and inclusiveness, illumined by a knowledge of the plan and aiming to comprehend the purpose, sacrificing Their own immediate progress in order to help humanity. That is a Master.

Tên gọi mà một số đệ tử ở Tây Tạng dành cho chúng Tôi cho thấy manh mối về mức độ thành tựu của chúng Tôi. Họ gọi Thánh đoàn là "đoàn thể những Thể Trí có tổ chức [789] và được soi sáng"—được soi sáng bằng tình thương và sự thấu hiểu, bằng lòng từ bi sâu sắc và tính bao gồm, được soi sáng bằng tri thức về Thiên Cơ và hướng đến việc lĩnh hội Thiên Ý, hy sinh sự tiến bộ trước mắt của chính Các Ngài để giúp đỡ nhân loại. Đó là một Chân sư.

210. Illumination, it seems, is not simply a matter of mentality. Let us look at the agents of illumination:

210. Dường như sự soi sáng không đơn thuần là vấn đề trí tuệ. Chúng ta hãy xem xét các tác nhân của sự soi sáng:

a. Love

a. Tình thương

b. Understanding|

b. Sự thấu hiểu|

c. Deep compassion

c. Lòng từ bi sâu sắc

d. Inclusiveness

d. Tính bao gồm

e. Knowledge of the Plan

e. Tri thức về Thiên Cơ

f. Comprehension of the purpose

f. Sự lĩnh hội Thiên Ý

211. We note that to be a Master is to sacrifice. What is sacrificed by the Master? His own immediate progress for the sake of helping humanity.

211. Chúng ta lưu ý rằng làm một Chân sư là hy sinh. Chân sư hy sinh điều gì? Sự tiến bộ trước mắt của chính Ngài để giúp đỡ nhân loại.

The second point I would make is in the form of a question. What harm does it do if some one points the finger towards a Master and recognises Him as such, provided His record substantiates the statement and His influence is worldwide? If by this inadvertent slip, A. A. B. has thus indicated

Điểm thứ hai Tôi muốn nêu được trình bày dưới dạng một câu hỏi. Có hại gì nếu ai đó chỉ vào một Chân sư và nhận biết Ngài đúng là một Chân sư, miễn là những thành tựu của Ngài chứng thực lời khẳng định ấy và ảnh hưởng của Ngài lan rộng khắp thế giới? Nếu qua sơ suất vô ý này, Bà A. A. B. đã chỉ rõ Tôi

me as a Master, has any harm been done?

212. DK seems to suggest that no harm has been done.

My books, the carriers of my influence, have gone to the far corners of the earth and convey aid and help; the goodwill work which I suggested, and which F. B. is carrying out voluntarily, has reached literally millions of people by pamphlet and radio, by the use of the great Invocations, by the work of the Triangles and by the words and example of the men and women of goodwill.

213. DK tells something of His world-wide influence. This influence will substantiate the fact that He is a Master.

214. A disciple, initiate or Master is measured by the quality and extent of His influence.

The third point I would bring to your attention is that in the new cycle which will come at the close of the war, the fact of the Hierarchy and the work of the Masters—through Their disciples—must and will be brought to public attention.

215. We have lived through and are living through that period.

Disciples everywhere will present increasingly the hierarchical plan of brotherhood, spiritual living and inclusiveness to the world; this will be done not in terms (so prevalent among the foolish) of "The Master has chosen me," or

là một Chân sư, thì có gây ra tổn hại nào không?

212. Dường như Chân sư DK muốn nói rằng không có tổn hại nào xảy ra.

Những cuốn sách của Tôi, phương tiện chuyên chở ảnh hưởng của Tôi, đã đến những miền xa xôi nhất trên Trái Đất và đem lại sự trợ giúp; công việc thiện chí mà Tôi đề xuất và Ông F. B. đang tự nguyện thực hiện đã thực sự đến với hàng triệu người qua các tập sách nhỏ và phát thanh, qua việc sử dụng những bài Khấn Nguyện lớn, qua công việc của các Tam Giác và qua lời nói cùng tấm gương của những người nam và nữ có thiện chí.

213. Chân sư DK cho biết đôi điều về ảnh hưởng trên toàn thế giới của Ngài. Ảnh hưởng này sẽ chứng thực rằng Ngài là một Chân sư.

214. Một đệ tử, điểm đạo đồ hay Chân sư được đánh giá qua phẩm tính và phạm vi ảnh hưởng của mình.

Điểm thứ ba Tôi muốn các bạn lưu ý là trong chu kỳ mới sẽ đến khi chiến tranh kết thúc, sự thật về sự hiện hữu của Thánh đoàn và công việc của các Chân sư—thông qua đệ tử của Các Ngài—phải và sẽ được công chúng biết đến.

215. Chúng ta đã và đang sống qua thời kỳ ấy.

Các đệ tử ở khắp nơi sẽ ngày càng trình bày với thế giới kế hoạch của Thánh đoàn về tình huynh đệ, đời sống tinh thần và tính bao gồm; điều này sẽ được thực hiện bằng một cuộc đời phụng sự, bằng việc chỉ ra rằng các Chân sư hiện hữu và nhiều người ở khắp nơi

"the Master stands behind my effort" or "I am the representative of the Hierarchy" but by a life of service, by indicating that the Masters exist and are known to many men everywhere;

biết đến Các Ngài, chứ không bằng những lời (rất phổ biến trong số những người thiếu sáng suốt) như "Chân sư đã chọn tôi", hay "Chân sư đứng sau nỗ lực của tôi", hay "Tôi là đại diện của Thánh đoàn";

216. The real work is accomplished not through self-reference, but by a life of service, and a general indication as to the existence the Masters and the fact that they are known to many men.

216. Công việc thực sự được hoàn thành bằng một cuộc đời phụng sự và bằng việc chỉ ra một cách khái quát rằng các Chân sư hiện hữu và nhiều người biết đến Các Ngài, chứ không qua việc đề cao bản thân.

that the plan is one of evolutionary development and educational progress towards an intelligent spiritual goal; that humanity is not alone but that the Hierarchy stands, that Christ is with His people, that the world is full of disciples unrecognised because silently working; that the New Group of World Servers exists; that the men and women of goodwill are everywhere; that the **Masters are not the least interested in personalities** but will use men and women of all attitudes, faiths, and nationalities, provided that love motivates them, that they are intelligent and have trained minds and that they have also magnetic and radiant influences which will attract people to truth and goodness but not to the individual—[790] be he a Master or a disciple.

rằng Thiên Cơ là sự phát triển tiến hoá và tiến bộ giáo dục hướng đến một mục tiêu tinh thần sáng suốt; rằng nhân loại không đơn độc, mà Thánh đoàn vẫn hiện hữu, rằng Đức Christ ở cùng dân của Ngài, rằng thế giới có rất nhiều đệ tử chưa được nhận biết vì họ đang âm thầm làm việc; rằng Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian hiện hữu; rằng những người nam và nữ có thiện chí có mặt ở khắp nơi; rằng **các Chân sư hoàn toàn không quan tâm đến những cá nhân** mà sẽ sử dụng những người nam và nữ thuộc mọi quan điểm, tín ngưỡng và quốc tịch, miễn là tình thương thúc đẩy họ, họ có trí thông minh và thể trí đã được rèn luyện, đồng thời có ảnh hưởng mang từ tính và tỏa sáng để thu hút mọi người đến với chân lý và điều thiện chứ không đến với cá nhân—[790] dù người ấy là một Chân sư hay một đệ tử.

217. The educational agenda is here given. In the section above, we learn what we are to tell humanity

217. Chương trình giáo dục được nêu ra ở đây. Trong phần trên, chúng ta biết được những điều cần nói với nhân loại

a. The developmental and educational nature of the Plan

a. Bản chất phát triển và giáo dục của Thiên Cơ

b. The fact that Hierarchy stands and is with humanity

b. Sự thật rằng Thánh đoàn vẫn hiện hữu và ở cùng nhân loại

c. That Christ is with His people

c. Rằng Đức Christ ở cùng dân của Ngài

d. That the world is full of disciples, unrecognized because working silently

d. Rằng thế giới có rất nhiều đệ tử chưa được nhận biết vì họ đang âm thầm làm việc

e. That the NGWS exists

e. Rằng Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian hiện hữu

f. That men and women of goodwill are everywhere

f. Rằng những người nam và nữ có thiện chí có mặt ở khắp nơi

g. That the Masters are not interested in personalities

g. Rằng các Chân sư không quan tâm đến những cá nhân

h. That all men and women of any kind can be used if love motivates them

h. Rằng mọi người nam và nữ thuộc bất kỳ thành phần nào đều có thể được sử dụng nếu tình thương thúc đẩy họ

218. We note that the power of magnetism must not be used to attract to the individual, but, rather, to truth and goodness. This is an important distinction and one to be pondered.

218. Chúng ta lưu ý rằng không được dùng quyền năng của từ điện để thu hút người khác đến với cá nhân, mà phải đến với chân lý và điều thiện. Đây là một sự phân biệt quan trọng và đáng suy ngẫm.

They care nothing for personal loyalties but are dedicated solely to the relief of distress and the promotion of the evolution of humanity and the indication of spiritual goals. They look not for recognition of Their work or the praise of Their contemporaries but only for the growth of the light within the world and the unfoldment of the human consciousness.

Các Ngài không màng đến lòng trung thành với cá nhân mà chỉ tận tâm xoa dịu khổ đau, thúc đẩy sự tiến hoá của nhân loại và chỉ ra những mục tiêu tinh thần. Các Ngài không tìm kiếm sự công nhận đối với công việc của mình hay lời ca ngợi của những người đương thời, mà chỉ mong ánh sáng trong thế giới tăng trưởng và tâm thức nhân loại khai mở.

219. The Masters are not looking for personal loyalty; rather they seek those who are loyal to the soul of humanity and to the emergence of the higher spiritual values.

219. Các Chân sư không tìm kiếm lòng trung thành với cá nhân; thay vào đó, Các Ngài tìm những người trung thành với linh hồn nhân loại và với sự xuất hiện của những giá trị tinh thần cao cả hơn.

220. The Masters are also immune from the love of recognition and praise

220. Các Chân sư cũng không bị lòng ham muốn được công nhận và ca ngợi chi phối

221. In detailing the attitude of the Masters, Master DK sets the standard for our own

221. Khi trình bày chi tiết thái độ của các Chân sư, Chân sư DK đặt ra chuẩn mực cho

thought and behavior

tư tưởng và hành vi của chính chúng ta

The Mantram of Unification:

Mantram Hợp Nhất:

The sons of men are one, and I am one with them. I seek to love, not hate; I seek to serve and not exact due service; I seek to heal, not hurt.

Những người con của nhân loại là một, và tôi là một với họ. Tôi tìm cách yêu thương mà không thù ghét; Tôi tìm cách phụng sự và không đòi hỏi sự phục vụ đáp lại; Tôi tìm cách chữa lành, không gây tổn thương.

222. The tendencies of undeveloped man are given and these are to be overcome by their opposites.

222. Ở đây nêu ra những khuynh hướng của con người chưa phát triển, và cần khắc phục chúng bằng những phẩm tính đối lập.

223. To love, serve and heal are soul values. To hate, hurt and exact due service indicate the tendencies common to those under the sway of personality.

223. Yêu thương, phụng sự và chữa lành là những giá trị của linh hồn. Thù ghét, gây tổn thương và đòi hỏi được phục vụ đáp lại cho thấy những khuynh hướng thường gặp ở những người chịu sự chi phối của phàm ngã.

Let pain bring due reward of light and love.

Cầu xin sự khổ đau đem lại phần thưởng thích đáng của ánh sáng và tình thương.

224. This, strangely, is the result of pain. Can anyone rise to greatness without the influence of pain?

224. Lạ thay, đây lại là kết quả của khổ đau. Liệu ai có thể vươn đến sự vĩ đại mà không chịu ảnh hưởng của khổ đau?

Let the soul control the outer form, And life, and all events, And bring to light the Love That underlies the happenings of the time.

Cầu xin linh hồn chế ngự ngoại thể, và cuộc sống và mọi biến cố, Và làm hiển lộ tình thương đang ẩn trong các diễn biến hiện thời.

225. All human beings are eventually to achieve soul control. This is an immediate demand for disciples.

225. Cuối cùng, mọi người đều phải đạt đến sự chế ngự của linh hồn. Đây là một yêu cầu trước mắt đối với các đệ tử.

226. Soul control begins in relation to the microcosm, but eventually extends to “life and all events”.

226. Sự chế ngự của linh hồn bắt đầu trong phạm vi tiểu thiên địa, nhưng cuối cùng mở rộng đến “cuộc sống và mọi biến cố”.

227. Can we detect the “Love that underlies the happenings the time”. DK asserts its reality. No matter how terrible events may

227. Chúng ta có thể nhận ra “tình thương đang ẩn trong các diễn biến hiện thời”. Chân sư DK khẳng định tính hiện thực của tình

be, that Love substands those events.

thương ấy. Dù các biến cố có khủng khiếp đến đâu, Tình thương ấy vẫn là nền tảng bên dưới chúng.

228. That "Love" must be brought to light. It is to be revealed, but first we must discover it in ourselves.

228. Cần làm hiển lộ "Tình thương" ấy. Tình thương ấy phải được bộc lộ, nhưng trước hết chúng ta phải khám phá nó trong chính mình.

Let vision come and insight. Let the future stand revealed.

Cầu xin tầm nhìn tinh thần đến cùng sự thông hiểu. Cầu xin tương lai tỏ rõ.

229. Humanity must learn to *see*, becoming the one-pointed, visionary Sagittarian disciples.

229. Nhân loại phải học cách *thấy*, trở thành những đệ tử Nhân Mã nhất tâm và có tầm nhìn.

Let inner union demonstrate and outer cleavages be gone.

Cầu xin sự kết hợp nội tâm biểu dương và các chia rẽ bên ngoài tan biến.

230. The soul promotes inner union. Inner union already exists and it must manifest. When it does, outer cleavages will be gone.

230. Linh hồn thúc đẩy sự kết hợp nội tâm. Sự kết hợp nội tâm đã hiện hữu và phải biểu hiện. Khi điều đó xảy ra, các chia rẽ bên ngoài sẽ tan biến.

Let love prevail.

Cầu xin tình thương chế ngự.

231. Love is the conquering force, and the Christ is the greatest of all Conquerors.

231. Tình thương là mãnh lực chinh phục, và Đức Christ là Đấng vĩ đại nhất trong tất cả các Đấng Chinh Phục.

Let all men love.

Cầu xin mọi người yêu thương.

232. This is the final desirable result. Love must prevail in the hearts and minds of humanity.

232. Đây là kết quả cuối cùng đáng mong muốn. Tình thương phải ngự trị trong trái tim và thể trí của nhân loại.

233. The transference of preoccupation from the third aspect of divinity to the second will be complete.

233. Sự chuyển dịch mối quan tâm chủ yếu từ phương diện thứ ba của thiên tính sang phương diện thứ hai sẽ hoàn tất.